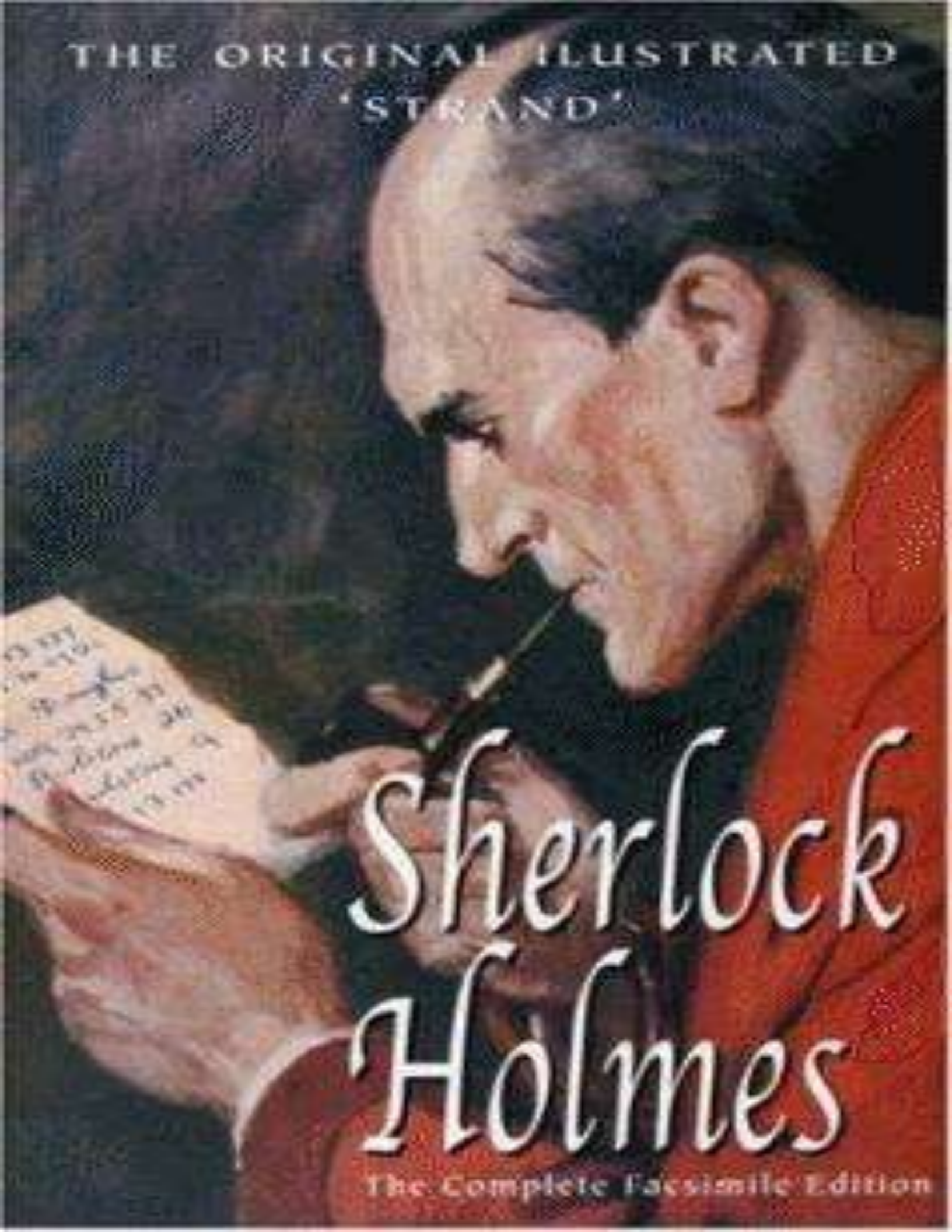


THE ORIGINAL ILLUSTRATED
'STRAND'

A detailed illustration of Sherlock Holmes, shown in profile, looking down at a small, open book or document he is holding. He is wearing a red jacket and has a pipe in his mouth. The background is dark and textured.

Sherlock Holmes

The Complete Facsimile Edition

Table of Contents

[Đôi Điều Về Sherlock Holmes](#)

[Tiểu sử](#)

[Tính cách và thói quen](#)

[Hiểu biết và kỹ năng](#)

[Suy luận kiểu Holmes](#)

[Tác phẩm](#)

[Tác phẩm của Conan Doyle](#)

[Tác phẩm khác](#)

[Ảnh hưởng](#)

[Đôi Điều Về Ngài Arthur Conan Doyle](#)

[Cuộc đời](#)

[Chết](#)

[Các tác phẩm chọn lọc](#)

[Các truyện về Sherlock Holmes](#)

[Các truyện về Giáo sư Challenger](#)

[Các tiểu thuyết lịch sử](#)

[Các tác phẩm khác](#)

[A - Tiểu Thuyết](#)

[A.1 : A Study in Scarlet 1887 \(Chiếc nhẫn tình cờ\)](#)

[Chương 1: Làm quen với Sherlock Holmes](#)

[Chương 2: Suy đoán , một môn khoa học](#)

[Chương 3. Bí ẩn ở Lauriston Garden.](#)

[Chương 4 : Lời khai của cảnh sát John Rance](#)

[Chương 5. Cuộc viếng thăm của người khách lạ.](#)

[Chương 6. Greson tìm thấy gì.](#)

[Chương 7 : Một tia sáng trong đêm tối](#)

[Chương 8. Bình nguyên chết.](#)

[Chương 9. Bông hoa Utah.](#)

[Chương 10. Chạy trốn](#)

[Chương 11. Báo oán](#)

[Chương 12. Phần tiếp trong nhật ký của bác sĩ Watson](#)

[Chương 13. Phần kết](#)

[A.2 - The Sign of the Four 1890 \(Dấu bộ tứ\)](#)

[Chương 1: Phép diễn dịch là một khoa học](#)

[Chương 2: Trình bày nội vụ](#)

[Chương 3: Đi tìm một giải đáp](#)

[Chương 4: Câu chuyện của người hỏi đầu](#)

[Chương 5: Tầm thăm kích ở biệt trang Pondicherry](#)

[Chương 6: Sherlock Holmes bắt đầu diễn giảng](#)

[Chương 7: Câu chuyện chiếc thùng tôn-nô](#)

[Chương 8: Nghĩa binh ở phố Baker](#)

[Chương 9: Sợi dây xích đứt](#)

[Chương 10: Hết đời tên dân đảo](#)

[Chương 11: Kho báu ARGH](#)

[Chương 12: Cuộc đời kỳ lạ của Jonathan Small](#)

[A.3 - The Hound of the Baskervilles 1902 \(Con chó dòng họ Baskervilles\)](#)

[Chương 1: Ông Sherlock Homes](#)

[Chương 2: Nỗi bất hạnh của dòng họ Baskerville](#)

[Chương 3: Điểm mấu chốt](#)

[Chương 4: Ngài Henry Baskerville](#)

[Chương 5: Ba sợi chỉ bị đứt](#)

[Chương 6: Lâu đài Baskerville](#)

[Chương 7: Nhà tự nhiên học](#)

[Chương 8: Bản phúc trình đầu tiên của bác sĩ Watson](#)

[Chương 9: Bản phúc trình thứ hai của bác sĩ Watson](#)

[Chương 10: Những đoạn trích từ nhật ký của bác sĩ Watson](#)

[Chương 11: Người đứng trên cột đá hoa cương](#)

[Chương 12: Cái chết trên khu đầm lầy](#)

[Chương 13: Giăng lưới](#)

[Chương 14: Con chó của dòng họ Baskerville](#)

[Chương 15: Hồi tưởng](#)

[A.4 - The Valley of Fear 1904 \(Thung lũng khủng khiếp \)](#)

[Phần 1 Tấn thảm kịch ở lâu đài Birlstone](#)

[Chương 1 Tin báo](#)

[Chương 2 Ông Sherlock Holmes diễn thuyết](#)

[Chương 3 Tấn bị kịch ở Birlstone](#)

[Chương 4 Tội mò](#)

[Chương 5 Những nhân vật của tấn thảm kịch](#)

[Chương 6 Một tia sáng chợt lóe](#)

[Chương 7 Giải đáp](#)

[Phần 2 Những người tiên phong](#)

[Chương 8 Con người ấy](#)

[Chương 9 Người trưởng toán](#)

[Chương 10 Chi nhánh 341 ở Vermissa](#)

[Chương 11 Thung lũng khủng khiếp](#)

[Chương 12 Giờ đen tối nhất](#)

[Chương 13 Nguy hiểm](#)

[Chương 14 Birdy sập bẫy](#)

[B.2 - The Red Headed League 1891 \(Hội tóc hung \)](#)

[4B.3 - A Case of Identity 1891 \(Vụ mất tích kì lạ\)](#)

[B.4 - The Boscombe Valley Mystery 1891 \(Bí mật tại thung lũng Boscombe\)](#)

[B.5 - The Five Orange Pips 1891 \(Năm hạt cam\)](#)

[B.6 - The Man with the Twisted Lip 1891 \(Người đàn ông môi trề\)](#)

[B.7 - The Adventure of the Blue Carbuncle 1892 \(Viên ngọc bích màu xanh da trời\)](#)

[B.8 - The Adventure of the Speckled Band 1892 \(Dải băng lốm đốm\)](#)

[B.9 - The Adventure of the Engineer's Thumb 1892 \(Ngón tay cái của viên Kỹ sư \)](#)

[B.10 - The Adventure of the Noble Bachelor 1892 \(Chàng quý tộc độc thân\)](#)

[B.11 - The Adventure of the Beryl Coronet 1892 \(Chiếc vương miện gắn ngọc Berin\)](#)

[B.12 - The Adventure of the Copper Beeches 1892 \(Vùng đất những dây dễ dỗ\)](#)

[Phần C: Memoirs of Sherlock Holmes 1894 \(Hồi ức về Sherlock Holmes \)](#)

[C.1 - Silver Blaze 1892 \(Ngọn lửa bạc \)](#)

[C.2 - The Yellow Face 1893 \(Gương mặt vàng vọt\)](#)

[C.3 - The Stock Broker's Clerk 1893 \(Người làm thuê cho nhà môi giới chứng khoán\)](#)

[C.4 - The Gloria Scott 1893 \(Con tàu "Gloria Scott"\)](#)

[C.5 - The Musgrave Ritual 1893 \(Tục lệ nhà Musgrave\)](#)

[C.6 - The Reigate Puzzle 1893\(Vụ án ở Reigate\)](#)

[C.7 - The Crooked Man 1893 \(Kẻ dị dạng\)](#)

[C.8 - The Resident Patient 1893 \(Bệnh nhân thường trú\)](#)

[C.9 The Greek Interpreter 1893 \(Người thông ngôn Hylap\)](#)

[C.10 - The Naval Treaty 1893 \(Bản hiệp ước hải quân\)](#)

[C.11- The Final Problem 1893 \(Công việc cuối cùng của Sherlock Holmes\)](#)

[Phần D: The Return of Sherlock Holmes 1904 \(Sherlock Holmes trở về \)](#)

[D.1 - The Adventure of the Empty House 1903 \(Ngôi nhà trống không\)](#)

[D.2 - The Adventure of the Norwood Builder 1903 \(Nhà thầu khoán ở Norwood\)](#)

[D.3 - The Adventure of the Dancing Men 1903 \(Những hình nhân nhảy múa \)](#)

[D.4 - The Adventure of the Solitary Cyclist 1903 \(Cô gái đi xe đạp\)](#)

[D.5 - The Adventure of the Priory School 1904 \(Câu chuyện tại Ký túc xá \)](#)

[D.6 - The Adventure of Black Peter 1904 \(Peter Hắc Ám \)](#)

[D.7 - The Adventure of Charles Augustus Milverton 1904 \(Tên Tổng tiền ngoại hạng \)](#)

[D.8 - The Adventure of the Six Napoleons 1904 \(Sáu bức tượng Napoleon\)](#)

[D.9 - The Adventure of the Three Students 1904 \(Ba sinh viên\)](#)

[D.10 - The Adventure of the Golden Pince-Nez 1904 \(Cái kính kẹp mũi bằng vàng\)](#)

[D.11 - The Adventure of the Missing Three-Quarter 1904 \(Một trung vệ bị mất tích \)](#)

[D.12 - The Adventure of the Abbey Grange 1904 \(Vụ án tại Abbey Grange\)](#)

[D.13 - The Adventure of the Second Stain 1904 \(Vết máu thứ hai \)](#)

[Phần E: His Last Bow 1917 \(Cung đàn sau cuối \)](#)

[E.1 The Adventure of Wisteria Lodge 1908 \(Đêm kinh hoàng ở điền trang Wisteria\)](#)

[E.2 - The Adventure of the Red Circle 1911 \(Vòng tròn đỏ \)](#)

[E.3 - The Adventure of the Cardboard Box 1893 \(Hai lỗ tai trong hộp cactong \)](#)

[E.4 - The Adventure of the Bruce-Partington Plans 1908 \(Các bản vẽ tàu ngầm Bruce Partington\)](#)

[E.5 - The Adventure of the Dying Detective 1913 \(Sherlock Holmes hấp hối \)](#)

[E.6 - The Disappearance of Lady Frances Carfax 1911 \(Quý bà mất tích \)](#)

[E.7 - The Adventure of the Devil's Foot 1910 \(Bàn chân của quỷ \)](#)

[E.8 - His Last Bow 1917 \(Cung đàn sau cuối \)](#)

[Phần F: The Case Book of Sherlock Holmes 1927 \(Tàng thư sherlock Holmes\)](#)

[F.1 - The Adventure of the Illustrious Client 1924 \(Người khách hàng nổi tiếng\)](#)

[F.2 - The Adventure of the Blanched Soldier 1926 \(Người lính bị vấy nết \)](#)

F.3 - The Adventure of the Mazarin Stone 1921 (Viên đá của Mazarin)
F.4 - The Adventure of the Three Gables 1926 (Ba đầu hồi)
F.5 The Adventure of the Sussex Vampire 1924 (Ma cà rồng vùng Sussex)
F.6 - The Adventure of the Three Garridebs 1924 (Ba người họ Garridebs)
F.7 - The Problem of Thor Bridge 1922 (Bài toán cầu Thor)
F.8 - The Adventure of the Creeping Man 1923 (Người đi 4 chân)
F.9 - The Adventure of the Lions Mane 1926 (Cái bờm sư tử)
F.10 - The Adventure of the Veiled Lodger 1927 (Bà thuê nhà mang mang che)
F.11 - The Adventure of Shoscombe Old Place 1927 (Bí ẩn lâu đài Shoscombe)
F.12 - The Adventure of the Retired Colourman 1926 (Người bán sơn vẽ hươu)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Đôi Điều Về Sherlock Holmes



Sherlock Holmes (Sidney Paget, 1904)

Xuất hiện lần đầu 1887

Sáng tạo bởi [Ngài Arthur Conan Doyle](#)

Tổng số : Bốn [tiểu thuyết](#) , Năm mươi sáu [truyện ngắn](#)

Sherlock Holmes là một nhân vật [thám tử](#) hư cấu vào cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20, xuất hiện lần đầu trong tác phẩm của nhà văn [Arthur Conan Doyle](#) xuất bản năm [1887](#). Ông là một thám tử tư ở [Luân Đôn](#) nổi tiếng nhờ trí thông minh, khả năng [suy diễn logic](#) và quan sát tinh tường trong khi phá những vụ án mà cảnh sát phải bó tay. Nhiều người cho rằng Sherlock Holmes là nhân vật thám tử hư cấu nổi tiếng nhất trong lịch sử [văn học](#) và là một trong những nhân vật văn học được biết đến nhiều nhất trên toàn thế giới.

Sherlock Holmes đã xuất hiện trong 4 [tiểu thuyết](#) và 56 [truyện ngắn](#) của nhà văn Conan Doyle. Hầu như tất cả các tác phẩm đều được viết dưới dạng ghi chép của bác sĩ [John H. Watson](#), người bạn thân thiết và người ghi chép tiểu sử của Holmes, chỉ có 2 tác phẩm được viết dưới dạng ghi chép của chính Holmes và 2 tác phẩm khác dưới dạng ghi chép của người thứ ba. Hai tác phẩm đầu tiên trong số này, 2 tiểu thuyết ngắn, xuất hiện lần đầu tiên trên tờ *Beeton's Christmas Annual* năm [1887](#) và tờ *Lippincott's Monthly Magazine* năm [1890](#). Thám tử Holmes trở nên cực kì nổi tiếng khi loạt truyện ngắn của Doyle được xuất bản trên tạp chí *The Strand Magazine* năm [1891](#). Các tác phẩm được viết xoay quanh thời gian từ năm [1878](#) đến năm [1903](#) với vụ án cuối cùng vào năm [1914](#).

Nhân vật Sherlock Holmes còn được xuất hiện trong loạt tác phẩm trinh thám về [Arsène Lupin](#) của [Maurice Leblanc](#)

Tiểu sử

Theo như các tác phẩm của Conan Doyle, Holmes sinh năm 1854. Ông bắt đầu sống ở [221B phố Baker](#), Luân Đôn cùng bác sĩ Watson, bạn thân và người viết tiểu sử cho Holmes.

Holmes có một người anh trai, Mycroft Holmes, một viên chức chính phủ đã từng xuất hiện trong ba truyện [The Adventure of the Greek Interpreter](#) (Người thông ngôn Hy Lạp), [The Adventure of the Final Problem](#) (Vụ án cuối cùng) và [The Adventure of the](#)

[Bruce-Partington Plans](#) (Kế hoạch của Bruce-Partington). Trong tập *Người thông ngôn Hy Lạp*, Sherlock Holmes cũng tiết lộ cho bác sĩ Watson biết bà nội của Holmes là em gái của họa sĩ người Pháp nổi tiếng [Claude Joseph Vernet](#).

Phụ giúp Holmes điều tra, ngoài bác sĩ Watson, còn có đám trẻ con ở phố Baker. Những nhân viên cảnh sát thường làm việc với Holmes trong các vụ án là thanh tra Lestrade, thanh tra Gregson, thanh tra Stanley Hopkins và thanh tra Jones thuộc [Scotland Yard](#). Ngoài ra còn có thanh tra Francois Le Villard của cảnh sát Pháp.

Kẻ thù không đội trời chung của Sherlock Holmes là giáo sư [James Moriarty](#) (người được mệnh danh "Napoléon của tội ác"), hai người đã đụng độ và cùng rơi xuống thác nước Reichenbach. Conan Doyle đã dự định dùng cái kết này cho tập *Diệp vụ cuối cùng* để kết thúc chuỗi tác phẩm về Sherlock Holmes của ông, nhưng độc giả đã gửi vô số thư tới Doyle buộc ông phải trở lại sáng tác tiếp tiểu thuyết [The Hound of the Baskervilles](#) (Con chó săn của dòng họ Baskervilles), tuy nhiên vụ án trong tác phẩm này xảy ra trước khi Holmes gặp Moriarty. Holmes thực sự trở lại trong truyện [The Adventure of the Empty House](#) (Bí mật ngôi nhà trống), trong đó Conan Doyle giải thích rằng chỉ có Moriarty rơi khỏi vách đá còn Holmes thì chỉ giả chết để tiếp tục điều tra về tổ chức của Moriarty. Nhân vật Moriarty được cho là lấy từ hình ảnh của tên tội phạm người [Mỹ gốc Đức Adam Worth](#).

Tính cách và thói quen



Sherlock Holmes (phải, cầm tẩu thuốc) và bác sĩ Watson, tranh của Sidney Paget

Là một thám tử có phương pháp điều tra rất khoa học nhưng trong cuộc sống riêng Holmes lại rất bừa bộn, theo như ghi chép của bác sĩ Watson, Holmes vứt bừa bãi mọi thứ ra phòng từ ghi chép vụ án đến sản phẩm của những phản ứng hóa học mà ông đã thực hiện. Holmes cũng có một thói quen xấu đó là sử dụng [cocaine](#) và [morphine](#). Ngoài ra ông cũng là người nghiện [thuốc lá](#) nặng và nổi tiếng với hình ảnh vừa suy luận về vụ án vừa ngậm [tẩu thuốc](#).

Trong các tác phẩm, Holmes luôn tỏ ra là một người lạnh lùng và thờ ơ với mọi thứ không liên quan đến vụ án. Trong khi điều tra, ông luôn giữ chuỗi suy luận của mình mà chỉ nói ra những kết luận hoặc những nhận xét khó hiểu, chỉ sau khi vụ án đã được phá Holmes mới tiết lộ tất cả những lập luận dẫn tới việc phá án. Holmes cũng là người rất can đảm, ông luôn bình thản xem xét hiện trường các vụ án tàn bạo và kinh khủng, ông không cho phép những điều mê tín dị đoan (như trong tiểu thuyết *Con chó săn của dòng họ Baskervilles*) hay những tình huống kỳ dị làm mình khiếp sợ.

Tuy có vẻ là người cô độc, lạnh lùng và vô cảm, Holmes thực ra lại rất giỏi trong việc nhận xét về cảm xúc của người đối diện, ông có thể xoa dịu và làm an lòng những

khách hàng đang gặp khủng hoảng về tâm lý. Holmes cũng chơi rất thân với bác sĩ Watson và có lẽ cũng từng có tình cảm với một người phụ nữ, đó là bà [Irene Adler](#) trong truyện ngắn [A Scandal in Bohemia](#) (Vụ tai tiếng xứ Bohemia).

Hiểu biết và kỹ năng



Kính lúp, tàu thuốc và chiếc mũ của Holmes ở Bảo tàng Sherlock Holmes, Luân Đôn. Ngay trong tác phẩm đầu tiên, [A Study in Scarlet](#) (Chiếc nhẫn tình cờ), bác sĩ Watson đã liệt kê theo suy đoán của ông những hiểu biết và kỹ năng mà Holmes có:

- Hiểu biết về [văn học](#): Không.
- Hiểu biết về [thiên văn](#): Không.
- Hiểu biết về [chính trị](#): Yếu.
- Hiểu biết về [thực vật](#): Lộn xộn. Am hiểu [thuốc phiện](#) và các loại [chất độc](#) nói chung. Hoàn toàn không biết gì về nghề làm vườn.
- Hiểu biết về [địa chất](#): Có những hiểu biết thực tế, nhưng hạn chế. Thoạt nhìn có thể phân biệt được ngay các loại đất khác nhau.
- Hiểu biết về [hóa học](#): Sâu sắc.
- Hiểu biết về [giải phẫu](#): Chính xác nhưng không có hệ thống.
- Hiểu biết về các tin tức giật gân: Rất tốt. Ông tỏ ra biết mọi chi tiết của mọi sự kiện khủng khiếp đã từng xảy ra trong vòng một thế kỷ.
- Chơi [violin](#) hay.
- Chuyên gia [đấu kiếm](#), [quyền Anh](#) và [đánh gậy](#).
- Vận dụng thành thạo [luật pháp Anh](#).

Trong các tác phẩm tiếp theo, có thể thấy danh sách trên là không chính xác, ví dụ bác sĩ Watson cho rằng Holmes ít hiểu biết về chính trị đương thời, nhưng trong truyện ngắn *Vụ tai tiếng xứ Bohemia* thám tử đã ngay lập tức nhận ra địa vị thật của người giả làm Công tước von Kramm.

Ngoài ra Holmes nghiên cứu rất sâu những môn cần thiết cho việc phá án. Ông rất giỏi trong việc giải các loại [mật mã](#). Ông cũng là bậc thầy về cải trang, Holmes có thể biến thành một thủy thủ như trong [The Sign of Four](#) (Dấu hiệu bộ tứ), người nghiện thuốc phiện trong [The Man with the Twisted Lip](#) (Người đàn ông môi trề), hay một [linh mục](#) già trong *Vụ án cuối cùng*. Với một chiếc [kính lúp](#), Holmes có thể suy đoán nhân dạng của thủ phạm từ những dấu vết để lại như vết chân, vết giày dép, vết bánh xe và tàn thuốc (Holmes có thể phân biệt hầu hết các loại thuốc được hút chỉ từ tàn thuốc để lại).

Hơn nữa, độc giả còn được biết, Sherlock Holmes là người gan dạ, và đặc biệt là rất mạnh khỏe. Ông luôn dám đối mặt với những hiểm nguy, tự mình khám phá các bí ẩn chết người mà không mấy may nao núng. Trong một tập "Dải băng lốm đốm", Sherlock Holmes đã tỏ ra không e dè gì trước một gã đồ con đến dọa nạt và bẻ cong thanh còi than vốn rất cứng trong văn phòng của Holmes. Nhưng ông vẫn tươi cười, và sau khi vị khách đi khỏi, ông dễ dàng "vuốt" thẳng lại thanh còi than.

Suy luận kiểu Holmes

Trong tập *Chiếc nhẫn tình cờ*, Holmes có viết một tiểu luận theo đó "Từ một giọt nước, một người suy luận logic có thể nêu được khả năng đó là một giọt nước **Đại Tây Dương** hay một giọt nước từ **thác Niagara**". Những vụ án do Holmes điều tra thường bắt đầu với việc ông thể hiện khả năng suy luận tuyệt vời của mình như đoán ra thân thế và nghề nghiệp của khách hàng mà không cần hỏi thông tin từ họ.

Phương pháp suy luận của Holmes thường là đi từ những chứng cứ quan sát được đến ý nghĩa của những chứng cứ đó, tức là "Nếu có A thì có B". Ví dụ trong truyện ngắn *Vụ tai tiếng xứ Bohemia*, sau khi nhìn thấy Watson, Holmes suy luận được rằng ông này mới bị ướt sũng và có một cô hầu gái vụng về và bất cẩn nhất trên đời, ông giải thích cho lập luận của mình như sau:

- Phía bên trong lớp da chiếc giày bên trái của bác sĩ Watson có sáu vết xước gần như song song. Rõ ràng là những vết xước đó gây ra do một người bất cẩn khi chà xát xung quanh mép gót giày để lau bùn.
- Người lau giày cho bác sĩ chỉ có thể là người hầu gái của ông.
- Người lau bùn mà để lại những vết xước như vậy hẳn phải là người bất cẩn và vụng về.
- Đôi giày có nhiều bùn đến mức phải lau như vậy chỉ có thể là người mang nó vừa phải đi trong thời tiết giá lạnh và ẩm ướt.

Ở đây "A" là những vết xước nhìn thấy trên đôi giày của bác sĩ Watson, còn "B" là việc ông này bị ướt và người hầu gái bất cẩn.

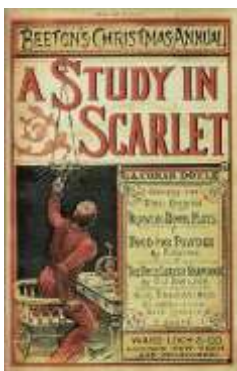
Sự thành công trong suy luận của Holmes cũng còn do ông có phương pháp nghiên cứu hiện trường vụ án rất khoa học và cẩn thận, và do ông rất am hiểu những lĩnh vực liên quan như pháp y hay chất độc. Theo Holmes, những kết luận logic của ông thực ra là "đơn giản" và "hiển nhiên". Điều quan trọng trong những suy luận của Holmes là phải triệt tiêu được càng nhiều khả năng xảy ra càng tốt. Bác sĩ Watson đôi khi cũng thử áp dụng phương pháp này nhưng ông thường sai trong hầu hết các trường hợp.

when you have eliminated the impossible whatever remains, however improbable, must be the truth (Sau khi đã gạt bỏ ra ngoài tất cả những trường hợp không thể nào xảy ra được, thì giả thiết còn lại, dầu là bấp bênh, thiếu cơ sở đến đâu chăng nữa, cũng phải là sự thật).

Cho đến năm 2007, các tổ chức an ninh **MI5** và tình báo **MI6** của Anh vẫn dạy phương pháp suy luận này cho nhân viên của họ

Tác phẩm

Tác phẩm của Conan Doyle



Chiếc nhẫn tình cờ, ấn bản 1887

Tiểu thuyết

- [Chiếc nhẫn tình cờ](#) (*A Study in Scarlet*, 1887)
- [Dấu hiệu bộ tứ](#) (*The Sign of the Four*, 1890) (bản dịch khác: *Dấu bộ tứ*)
- [Con chó săn của dòng họ Baskervilles](#) (*The Hound of the Baskervilles*, 1901)
- [Thung lũng khủng khiếp](#) (*The Valley of Fear*, 1915)

Truyện ngắn

Các truyện ngắn xuất hiện thường kỳ trên các báo và tạp chí, sau đó đã được tổng hợp trong 5 tập truyện ngắn:

- *Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes*, bao gồm các truyện xuất bản năm 1891–1892 trên tờ *The Strand*
- *Những hồi ức về Sherlock Holmes*, bao gồm các truyện xuất bản năm 1892–1893 trên tờ *The Strand*
- *Sherlock Holmes trở lại*, bao gồm các truyện xuất bản năm 1903–1904 trên tờ *The Strand*
- *Cung đàn sau cuối* (*His Last Bow*), bao gồm các truyện xuất bản năm 1908–1913 và 1917
- *Hồ sơ của Sherlock Holmes*, bao gồm các truyện xuất bản năm 1921–1927

Tác phẩm khác

Do Sherlock Holmes đã trở nên rất nổi tiếng với độc giả thế giới, đã có rất nhiều vở kịch và bộ phim được sáng tác dựa trên những tác phẩm của Conan Doyle về Holmes, về mặt này có thể so sánh Holmes với những nhân vật hư cấu nổi tiếng khác như [Hamlet](#) hay [Dracula](#).

[Sách Kỷ lục Guinness](#) đã thống kê Holmes là nhân vật điện ảnh xuất hiện nhiều nhất, với sự diễn xuất của 70 nam diễn viên khác nhau trong trên 200 bộ phim.

Ảnh hưởng

Sherlock Holmes được độc giả hâm mộ tới mức đã có rất nhiều hội những người hâm mộ ông được thành lập, hội đầu tiên được thành lập năm 1934 ở Mỹ, sau đó là ở Anh và Đan Mạch. Năm 1990 người ta đã mở Bảo tàng Sherlock Holmes ở phố Baker, đây là bảo tàng cho một nhân vật hư cấu đầu tiên được mở trên thế giới.

Sự nổi tiếng của Sherlock Holmes đã làm nhiều người lầm tưởng rằng những tác phẩm của Conan Doyle là mở đầu cho dòng văn học **trình thám**. Thực ra thì tính cách của Holmes và phương pháp điều tra của ông đã được Doyle lấy cảm hứng từ hai nhân vật thám tử **C. Auguste Dupin** và **Monsieur Lecoq** trong các tác phẩm của **Edgar Allan Poe** và **Émile Gaboriau**. Sau Holmes, rất nhiều nhân vật thám tử trong văn học cũng có phương pháp nghiên cứu tương tự ông hoặc là trích dẫn những câu nói của Holmes trong quá trình điều tra của mình. Nhân vật truyện tranh **Shinichi Kudo** trong bộ truyện **Thám tử lừng danh Conan** thường xuyên trích dẫn những câu nói của Holmes và thậm chí còn lấy tên giả theo tên của Conan Doyle (Edogawa Conan).



Bác sĩ Watson



Biển số nhà 211b



Mycroft Holmes



Thanh tra Lestrade



Thanh tra Stanley Hopkins (người cầm chìa khóa) với Holmes và Watson



James Moriarty



Holmes và Moriarty rơi xuống thác Reichenbach



Adam Worth-Napoleon của tội ác



Thác Reichenbach

Đôi Điều Về Ngài Arthur Conan Doyle



Sir Arthur Conan Doyle

Công việc Nhà văn viết tiểu thuyết, truyện ngắn, nhà thơ

Thể loại [Truyện trinh thám](#), [tiểu thuyết lịch sử](#), [chuyên thật](#)

Chịu ảnh hưởng từ

[Edgar Allan Poe](#)

Ảnh hưởng tới

[Agatha Christie](#) và các tác giả truyện trinh thám khác

Sir Arthur Conan Doyle ([22 tháng 5](#) năm [1859](#) – [7 tháng 7](#) năm [1930](#)) là một nhà văn người [Scotland](#) nổi tiếng với tiểu thuyết trinh thám [Sherlock Holmes](#), tác phẩm được cho là một sáng kiến lớn trong lĩnh vực [tiểu thuyết trinh thám](#). Các tác phẩm của ông bao gồm nhiều truyện khoa học giả tưởng, tiểu thuyết lịch sử, kịch lịch sử, tiểu thuyết, thơ và bút ký.

Conan xuất phát là tên đệm nhưng ông sử dụng như một phần của họ trong các năm sau này của mình.

Cuộc đời

Arthur Conan Doyle sinh ngày 22 tháng 5 năm 1859 tại [Edinburgh](#), trong một gia đình [Ireland](#), bố là Charles Altamont Doyle và mẹ là Mary Doyle. Ông đã được gửi tới trường dự bị [Dòng Tên Cơ đốc giáo](#) St Marys Hall, [Stonyhurst](#) khi lên chín. Sau đó ông vào [Trường Stonyhurst](#), nhưng khi ông rời trường năm 1875, ông đã chối bỏ [Thiên chúa giáo](#) để trở thành một người theo [thuyết bất khả tri](#).

Từ 1876 tới 1881 ông học ngành [y](#) tại [Đại học Edinburgh](#), gồm cả một giai đoạn làm việc tại thị trấn [Aston](#) (nay là một quận của [Birmingham](#)). Sau khi học tại trường, ông trở thành bác sĩ trên một con tàu tới bờ biển [Tây Phi](#), và sau đó vào năm 1882 ông lập một phòng khám tại [Plymouth](#). Ông hoàn thành luận án [tiến sĩ](#) về [Tabes Dorsalis](#) năm 1885^[1].

Phòng khám của ông không thành công lắm: trong khi chờ bệnh nhân, ông bắt đầu viết truyện. Tiểu thuyết đầu tiên của ông được đăng trên tờ [Chambers's Edinburgh Journal](#) khi ông chưa tới 20 tuổi.

Chỉ sau khi rời phòng khám về [Portsmouth](#) Doyle mới bắt đầu theo đuổi văn học một cách đúng nghĩa hơn. Tác phẩm đáng chú ý đầu tiên của ông là [A Study in Scarlet](#) (Một cuộc nghiên cứu về Màu đỏ hay "[Chiếc nhẫn tình cờ](#)"), xuất hiện trong cuốn *Beeton's Christmas Annual* năm 1887 và là lần xuất hiện đầu tiên của nhân vật Sherlock Holmes, người được lấy hình mẫu một phần theo cựu giáo sư đại học của Conan Doyle là [Joseph Bell](#). Ngạc nhiên, [Rudyard Kipling](#) đã chúc mừng thành công của Conan Doyle, và hỏi "Ông có thể trở thành bạn tôi không, Bác sĩ Joe?". Tuy nhiên, Sherlock Holmes được phỏng theo nhân vật [C. Auguste Dupin](#) của [Edgar Allan Poe](#) nhiều hơn. Khi sống tại [Southsea](#) ông đã giúp thành lập Portsmouth AFC, câu lạc bộ [bóng đá](#) đầu tiên của thành phố. Một chuyện hoang đường thường thấy cho rằng Conan Doyle đã chơi tại [Portsmouth F.C.](#) với tư cách [thủ môn](#) số 1; tuy nhiên, Conan Doyle đã chơi cho một câu lạc bộ nghiệp dư giải tán năm 1894 và không có liên hệ với Portsmouth F.C. ngày nay vốn chỉ được thành lập vào năm 1898 (thủ môn đầu tiên của đội bóng chuyên nghiệp là [Matt Reilly](#)).

Năm 1885 ông cưới Louisa (hay Louise) Hawkins, được gọi là "Touie", người bị [bệnh lao](#) và cuối cùng mất năm 1906^[2]. Ông cưới Jean Leckie năm 1907, người ông

gặp lần đầu và yêu trong cùng năm 1897 nhưng vẫn duy trì [quan hệ thuần khiết](#) với bà vì chung thủy với người vợ đầu tiên. Conan Doyle có năm con, hai người với vợ đầu (Mary và Kingsley), và ba người với vợ sau ([Jean](#), Denis và [Adrian](#)).



Tượng Arthur Conan Doyle Crowborough

Năm 1890 Conan Doyle học về [mắt](#) tại [Wien](#); ông tới [London](#) năm 1891 để lập một phòng khám [nhãn khoa](#). Ông đã viết trong [tiểu sử](#) của mình rằng không một bệnh nhân nào tới phòng khám của ông. Điều này giúp ông có nhiều thời gian hơn trong viết lách và vào tháng 11 năm 1891 ông đã viết cho mẹ: "Con nghĩ tới việc giết Holmes... và giải quyết hẳn ta vĩnh viễn. Hẳn khiến đầu óc con không thể suy nghĩ được." Mẹ ông đã trả lời "Con có thể làm điều con cho là đúng, nhưng độc giả sẽ không dễ dàng đồng ý đâu." Tháng 12 năm 1893, ông đã làm việc đó để có thể dành nhiều thời gian cho những công việc "quan trọng" hơn (tức là những tiểu thuyết lịch sử).

Holmes và [Moriarty](#) dường như đã cùng nhau rơi xuống một thác nước và chết trong chuyện "[Vấn đề Cuối cùng](#)" (The Final Problem). Những lời kêu gọi của công chúng khiến ông phải đưa nhân vật trở lại; Conan Doyle quay lại với chuyện *The Adventure of the Empty House* (Cuộc Phiêu lưu của Căn nhà Hoang), với lời giải thích rằng chỉ Moriarty rơi xuống thác, nhưng, bởi vì Holmes còn có nhiều kẻ thù nguy hiểm khác, anh ta phải thu xếp một cái "chết" giả. Holmes cuối cùng xuất hiện trong tổng cộng 56 [truyện ngắn](#) và bốn tiểu thuyết của Conan Doyle (từ đó anh ta cũng xuất hiện trong nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn của các tác giả khác).

Sau [Chiến tranh Boer](#) tại [Nam Phi](#) đầu thế kỷ 20 và sự lên án của thế giới với cách hành xử của Vương quốc Anh, Conan Doyle đã viết một cuốn sách mỏng với tựa đề *Cuộc chiến tại Nam Phi: Nguyên nhân và Diễn biến* bào chữa cho vai trò của [Anh Quốc](#) trong chiến tranh Boer, và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Conan Doyle tin rằng chính cuốn sách này giúp ông được phong tước hiệp sĩ và được chỉ định làm Thiếu úy [Surrey](#) năm 1902. Ông cũng viết một cuốn sách dài hơn *The Great Boer War* (Cuộc chiến tranh Boer vĩ đại) năm 1900. Trong những năm đầu thế kỷ 20 Sir Arthur đã hai lần ra tranh cử nghị viện với tư cách thành viên [Đảng Công đoàn Tự do](#), một lần tại Edinburgh và một lần tại [Hawick Burghs](#), nhưng dù nhận được số phiếu bầu khá lớn ông vẫn không trúng cử.



Bìa cuốn Thế giới đã mất, ấn bản đầu tiên 1912

Conan Doyle đã tham gia vào hai chiến dịch kêu gọi cải cách [Bang Tự do Congo](#), do nhà báo [E. D. Morel](#) và nhà ngoại giao [Roger Casement](#) lãnh đạo. Ông viết *The Crime of the Congo* (Tội ác của Congo) năm 1909, một cuốn sách khá dài trong đó ông tố cáo những sự khủng khiếp tại Congo. Ông đã trở nên thân thuộc với Morel và Casement, lấy cảm hứng từ họ để tạo ra hai nhân vật chính cho tiểu thuyết *The Lost World* (Thế giới đã mất, 1912).

Ông cắt đứt quan hệ với cả hai người khi Morel (người thiên tả) trở thành một trong những lãnh đạo của phong trào [hoà bình](#) trong [Thế chiến thứ nhất](#), và khi Casement thừa nhận [phản quốc](#) chống nước Anh trong cuộc [Nổi dậy Phục sinh](#). Conan Doyle đã thử sức, không thành công để cứu Casement khỏi tội [tử hình](#), cho rằng ông ta đã trở nên điên và không thể chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Conan Doyle cũng là người nhiệt tình ủng hộ công lý, và đã đích thân điều tra hai vụ việc đã được phán quyết, dẫn tới việc phóng thích hai người đã bị bỏ tù. Vụ đầu tiên, năm 1906, liên quan tới một luật sư nhút nhát lai Anh-Ấn tên là [George Edalji](#), người được cho là đã viết những bức thư đe dọa và xẻo các bộ phận động vật. Cảnh sát tin chắc vào tội lỗi của Edalji, thậm chí khi nhiều vụ cắt xẻo khác vẫn tiếp tục xảy ra khi người bị tình nghi đã ngồi khám.

Một phần nhờ kết quả vụ này mà [Tòa phúc thẩm Hình sự](#) được thành lập năm 1907, vì thế Conan Doyle không chỉ giúp George Edalji, công việc của ông đã giúp thành lập một cách thức sửa chữa những [sai lầm khác của công lý](#). Câu chuyện của Conan Doyle và Edalji đã được kể lại dưới hình thức văn học trong *tiểu thuyết* của [Arthur & George](#) năm 2005.

Vụ thứ hai, liên quan tới [Oscar Slater](#), một [người Đức](#) gốc [Do Thái](#) và là người điều hành sòng bạc bị cho là đã dùng dùi cui đánh một phụ nữ 82 tuổi tại [Glasgow](#) năm 1908, vụ này đã lôi cuốn sự tò mò của Conan Doyle vì những mâu thuẫn trong quá trình khởi tố và cảm giác chung của mọi người cho rằng Slater đã bị cài bẫy.

Sau cái chết của vợ là Louisa năm 1906, và cái chết của con trai Kingsley, anh/em trai, hai người anh/em họ, và hai người cháu gái trong [Thế chiến thứ nhất](#), Conan Doyle rơi vào tình trạng suy nhược. Ông tìm sự an ủi trong [thuyết duy linh](#) và cái gọi là bằng chứng khoa học về sự tồn tại của thế giới bên kia.

Conan Doyle trở nên quan tâm tới Thuyết duy linh tới mức ông đã viết một tiểu thuyết với nhân vật [Giáo sư Challenger](#) về chủ đề này, tiểu thuyết *Vùng đất bí ẩn*. Một trong những điều kỳ quặc ở giai đoạn này trong cuộc đời ông là cuốn sách *The Coming*

of the Fairies (1921). Rõ ràng ông đã hoàn toàn tin vào sự có thật của những bức ảnh [tiên Cottingley](#), và ông đã in lại chúng trong cuốn sách của mình, cùng với các giả thuyết và tự nhiên và sự tồn tại của những nàng tiên cũng như những linh hồn. Trong cuốn sách *Lịch sử Thuyết duy linh* (1926) Conan Doyle đã đề cao những hiện tượng [tâm linh](#) và sự hiện thực hóa linh hồn do [Eusapia Palladino](#) và [Mina "Margery" Crandon](#) tạo ra, dựa trên những cuộc nghiên cứu các nhà khoa học lừa bịp và những thầy phù thủy mong muốn gặp những hiện tượng tâm linh và từ chối lắng nghe những nhà khoa học và thầy phù thủy có quan điểm thận trọng hơn.^[3]

Sự chú tâm của ông trên chủ đề này là một trong những nguyên nhân khiến một truyện ngắn trong tập truyện, [Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes](#) của ông đã bị cấm tại [Liên bang Xô viết](#) năm 1929 vì bị cho rằng tuyên truyền [thuyết thần bí](#). Lệnh cấm này sau đó đã được dỡ bỏ. Diễn viên Nga [Vasily Livanov](#) sau này đã nhận được một [Đề nghị từ Đế chế Anh](#) để đóng vai [Sherlock Holmes](#).

Conan Doyle từng là bạn trong một thời gian với ảo thuật gia Mỹ [Harry Houdini](#), một gương mặt quan trọng của phong trào duy linh. Dù Houdini nhấn mạnh rằng những người theo thuyết duy linh sử dụng trò bịp (và liên tục tìm cách lật mặt họ), Conan Doyle trở nên tin tưởng rằng chính Houdini sở hữu những năng lực siêu nhiên, một quan điểm đã được thể hiện trong cuốn *The Edge of the Unknown* của ông. Houdini rõ ràng không thể thuyết phục Conan Doyle rằng những trò biểu diễn của ông chỉ đơn giản là những mưu mẹo ảo thuật, dẫn thời một sự hiểu lầm cay đắng giữa hai người. Doyle hoàn toàn choáng váng khi Houdini lôi ngón cái của mình ra và thay thế nó^[3].

[Richard Milner](#), một nhà lịch sử khoa học [Mỹ](#), đã trình bày một trường hợp mà Conan Doyle có thể đã là thủ phạm gây ra trò bịp [Piltdown man](#) năm 1912, tạo ra [hóa thạch người](#) giả mạo khiến giới khoa học thế giới sôi sục trong hơn 40 năm. Milner nói rằng Conan Doyle có động cơ hành động, được cho là để trả thù việc những nhà khoa học vạch trần những điều tâm linh mà ông tin tưởng, và rằng cuốn *Thế giới đã mất* chứa nhiều bằng chứng kiểu mật mã về sự liên quan của ông tới trò bịp đó.^[4]

Cuốn sách [Naked is the Best Disguise](#) năm 1974 của [Samuel Rosenberg](#) có mục đích giải thích tại sao, xuyên suốt các tác phẩm của mình, Conan Doyle để lại các dấu vết mờ liên quan tới những khía cạnh ẩn giấu và bị kìm nén của tình trạng tinh thần của ông.

Chết

Conan Doyle được tìm thấy đang ôm chặt ngực trong vườn nhà ngày 7 tháng 7 năm 1930. Ông mất một thời gian ngắn sau đó vì [nhồi máu cơ tim](#) ở tuổi 71, và được chôn trong Vườn Nhà thờ tại [Minstead](#) ở [New Forest](#), [Hampshire](#), [Anh](#). Những lời cuối cùng ông dành cho vợ: "Em thật tuyệt vời."

[Undershaw](#), ngôi nhà Conan Doyle đã xây gần [Hindhead](#), phía tây London, và sống tại đó ít nhất một thập kỷ đã trở thành một khách sạn và nhà hàng từ năm 1924 tới tận năm 2004. Sau đó nó được một nhà nhiếp ảnh mua lại, và để trống từ đó bởi những người hâm mộ Conan Doyle muốn bảo tồn nó.^[2]

Một bức tượng đã được dựng lên để vinh danh Sir Arthur Conan Doyle tại Crowborough Cross ở [Crowborough](#), [East Sussex](#), Anh, nơi Sir Arthur đã sống 23 năm. Cũng có một bức tượng Sherlock Holmes tại Picardy Place, Edinburgh, Scotland-gần ngôi nhà nơi Conan Doyle ra đời.

Các tác phẩm chọn lọc

Các truyện về Sherlock Holmes

- [*Chiếc nhẫn tình cờ*](#) (1887)
- [*Dấu bộ tứ*](#) (1890)
- [*Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes*](#) (1892)
- [*Những hồi ức về Sherlock Holmes*](#) (1894)
- [*Con chó săn của dòng họ Baskervilles*](#) (1902)
- [*Sherlock Holmes trở về*](#) (1904)
- [*Thung lũng khủng khiếp*](#) (1914)
- [*Cung đàn sau cuối*](#) (1917)
- [*Tàng thư của Sherlock Holmes*](#) (1927)

Các truyện về Giáo sư Challenger

- [*The Lost World*](#) (1912)
- [*The Poison Belt*](#) (1913)
- [*The Land of Mists*](#) (1926)
- [*The Disintegration Machine*](#) (1927)
- [*When the World Screamed*](#) (1928)

Các tiểu thuyết lịch sử

- [*The White Company*](#) (1891)
- [*Micah Clarke*](#) (1888)
- [*The Great Shadow*](#) (1892)
- [*The Refugees*](#) (publ. 1893, written 1892)
- [*Rodney Stone*](#) (1896)
- [*Uncle Bernac*](#) (1897)
- [*Sir Nigel*](#) (1906)

Các tác phẩm khác

- "[*J. Habakuk Jephson's Statement*](#)" (1883), một câu chuyện về số phận con tàu [*Mary Celeste*](#)
- [*Mystery of Cloomber*](#) (1889)
- [*The Captain of the Polestar, and other tales*](#) (1890)
- [*The Doings Of Raffles Haw*](#) (1891)
- *Beyond the City* (1892)
- [*Round The Red Lamp*](#) (1894)

- [The Parasite](#) (1894)
- [The Stark Munro Letters](#) (1895)
- [Songs of Action](#) (1898)
- [The Tragedy of The Korosko](#) (1898)
- [A Duet](#) (1899)
- [The Great Boer War](#) (1900)
- [The Exploits of Brigadier Gerard](#) (1903)
- [Through the Magic Door](#) (1907)
- [The Crime of the Congo](#) (1909)
- [The New Revelation](#) (1918)
- [The Vital Message](#) (1919)
- [Tales of Terror & Mystery](#) (1923)
- [The History of Spiritualism](#) (1926)
- [The Maracot Deep](#) (1929)

A - Tiểu Thuyết

A.1 : A Study in Scarlet 1887 (Chiếc nhẫn tình cờ)

Chương 1: Làm quen với Sherlock Holmes

Năm 1878, tôi tốt nghiệp tại trường Đại học Y London, sau đó đến Netley dự khóa tu nghiệp dành cho các bác sĩ quân y. Học xong, tôi được bổ nhiệm về trung đoàn bộ binh Northumberland số 5, khi ấy đang đóng tại Ấn Độ. Tôi chưa kịp tới đơn vị của mình thì cuộc chiến tranh Afghanistan lần thứ hai bùng nổ. Đặt chân lên Bombay, tôi được biết đơn vị và tới được Kandahar an toàn. Tại đây, tôi gặp trung đoàn của mình.

Tôi bị chuyển sang trung đoàn Berkshires và tham dự trận đánh Maiwand. Trong trận này, tôi bị thương ở vai, nếu không có người lính hầu xách tôi lên ngựa và đưa về phía sau chiến tuyến, thì tôi đã rơi vào tay quân địch rồi. Kiệt sức, tôi được đưa về bệnh viện hậu phương Peshawar. Tại đây, tôi bình phục dần, và lúc đó có thể ra sưởi nắng ngoài hiên, thì lại bị thương hàn. Trong hàng tháng trời, người ta ra sức cứu sống tôi; đến ngày khỏi bệnh, tôi gầy yếu đến nỗi Cục quân y phải đưa tôi về Anh lập tức. Một tháng sau, tôi đặt chân lên bến cảng Portsmouth, chính phủ cho tôi nghỉ chín tháng để lấy lại sức.

Vì không có bà con ở Anh nên tôi được tự do như gió trời, với 11 shillings 6 pence mỗi ngày. Trong tình cảnh đó, tôi bị thu hút về London với một sức mạnh không cưỡng lại nổi. Ở đây, tôi sống ít lâu tại một khách sạn, nhưng chẳng bao lâu tôi thấy mình nên đi tìm một nhà trọ xuyềnh xoàng và đỡ tốn kém hơn.

Đúng vào hôm tôi đi đến quyết định này, khi đang ở một quán rượu thì bỗng có người vỗ vai tôi. Ngoảnh lại, tôi nhận ra Stamford, một thanh niên trước đây làm y tá dưới quyền tôi. Trước đây, tôi chưa bao giờ thật thân với Stamford nhưng bây giờ tôi vồ vập chào đón anh ta và gặp tôi, Stamford xem chừng cũng hoan hỉ lắm, tôi mời anh ta đi ăn trưa tại khách sạn. Chúng tôi gọi xe ngựa, và trong lúc chiếc xe chạy, Stamford hỏi tôi:

- Dạo này ra sao? Trông anh gầy quá.

Tôi phác qua vài nét về những bước thăng trầm của mình. Chuyện vừa xong thì xe cũng tới quán ăn.

- Khốn khổ! Thế anh tính sao bây giờ?

- Tôi định tìm một nơi ở tiện nghi với một cái giá phải chăng.

- Lạ thật! Anh là người thứ hai trong ngày hôm nay ngỏ với tôi cái ý ấy.

- Ai là người thứ nhất?

- Một anh chàng làm việc tại phòng thí nghiệm hóa học ở bệnh viện. Sáng nay, anh ta phàn nàn là không tìm được ai để ở chung hầu giảm được một nửa tiền thuê nhà.

- Tôi cũng vậy. Tôi nghĩ ở chung hay hơn ở một mình.

Stamford cầm ly rượu, nhìn tôi với một vẻ khó hiểu:

- Anh chưa biết Sherlock Holmes. Có thể anh sẽ không thích anh ta.

- Anh ta có gì đáng chê trách?

- Ô! Anh ta có những ý kiến hơi kỳ quặc. Anh ta nghiên cứu say mê cuồng nhiệt một vài ngành khoa học. Còn ngoài ra, anh ta là một người lịch sự, đúng mực.

- Sinh viên Y khoa?

- Không, tôi không hiểu anh ta định học cái gì; rất giỏi về giải phẫu, về hóa học, nhưng chưa hề theo học một lớp học chính quy nào. Anh ta học theo lối cóc nhảy, song trong nhiều lĩnh vực, anh ta đã thu nhập được một số vốn hiểu biết rộng lớn đến nỗi các giáo sư phải kinh ngạc.

- Anh không hỏi anh ta định theo ngành nghề nào sao?

- Đó là một con người không dễ khơi chuyện, tuy rằng những khi cao hứng, anh ta cũng thích chuyện trò.

- Nếu phải ở chung với ai, tôi muốn đó là một người ham học và yên tĩnh. Hiện nay tôi chưa khỏe nên rất sợ tiếng ồn. Tôi gặp bạn anh bằng cách nào?

- Anh ta hiện đang ở phòng thí nghiệm. Ăn xong, chúng ta sẽ đi đến đấy.

Trên đường đi, Stamford cho tôi biết thêm một vài chi tiết nữa về Sherlock Holmes.

- Về Holmes, tôi không biết gì hơn ngoài những điều tôi hiểu qua các buổi gặp gỡ tại phòng thí nghiệm. Chính anh đã đề xuất ý kiến ở chung, may nhờ rủi chịu đấy nhé!

- Nếu không hợp, chúng tôi sẽ chia tay nhau. Nhưng, hình như có một lý do nào đó khiến anh muốn phải tay khỏi việc này. Tính tình người ấy khó chịu đến vậy ư?

- Không dễ diễn đạt được cái không thể diễn đạt nổi. Sherlock Holmes có tính tình gần như lạnh lùng, sắt đá. Anh ta rất có thể cho một người bạn uống thử một nhóm alkaloid thực vật loại mới nhất, không phải vì độc ác mà chỉ vì muốn biết hiệu lực của chất độc ấy như thế nào. Công bằng mà nói, tôi tin rằng bản thân anh ta cũng có thể sẽ dùng thử một thử một cách sốt sắng không kém.

- Thế thì rất tốt chứ sao?

- Đúng, nhưng việc lấy gậy đánh vào xác chết, thì phải nói là quái gở.

- Anh ta đánh xác chết?

- Phải, để xem người ta có thể gây ra những thương tích như thế nào trên cơ thể một người đã chết. Chính mắt tôi đã nhìn thấy anh ta làm như thế.

- Vậy mà hồi nãy anh nói Holmes không học ngành Y?

- Không mà! Mà thôi, ta đến nơi rồi, anh tự đánh giá nhân vật ấy.

Chúng tôi đi theo một lối hẹp, qua chiếc cửa phụ nhỏ, bước vào mé nhà của khu bệnh viện lớn. Gần cuối hành lang có một lối rẽ nhỏ, dẫn đến phòng thí nghiệm hóa học. Đây là một gian phòng cao, các giá trên tường để đầy chai lọ. Đây đó có mấy cái bàn rộng và thấp, mặt bàn bề bộn những bình cổ cong, ống nghiệm, đèn hơi với ngọn lửa xanh lè. Trong phòng chỉ có mỗi một người đang cúi mũi xuống một chiếc bàn. Nghe tiếng chân chúng tôi, anh ta đảo mắt nhìn quanh rồi reo lên một tiếng và vội vã đứng lên.

- Tôi tìm ra rồi! Tôi tìm ra rồi! - Anh ta reo lên với Stamford và hấp tấp đi về phía chúng tôi, tay cầm một ống nghiệm - Tôi đã tìm ra một thuốc thử có đặc tính làm kết tủa huyết cầu tố mà không làm kết tủa bất kỳ chất nào khác.

Giá như anh ta có thấy một mỏ vàng thì sự vui mừng cũng chỉ đến thế là cùng. Stamford giới thiệu:

- Đây là bác sỹ Watson, đây là ông Sherlock Holmes.

Holmes thân mật bắt tay tôi với một sức mạnh mà tôi không nghĩ có thể có ở anh ta.

- Chào ông, ông ở Afghanistan về, phải không?

- Làm sao ông biết? - Tôi kinh ngạc hỏi lại.

- Có gì đâu. Cái điều quan trọng bây giờ là huyết cầu tố. Chắc ông hiểu được phát minh của tôi có tầm quan trọng như thế nào chứ?

- Một phát minh lý thú về mặt hóa học, nhưng về mặt thực tế...

- Ông nói lạ! Đây là phát minh có giá trị thực tiễn nhất từ bao nhiêu năm nay trong ngành pháp y. Ông không thấy là nó giúp ta xác định một cách không thể nhầm lẫn những vết máu à? Mời ông lại gần đây! - Trong lúc hào hứng, anh ta nắm lấy tay áo tôi, kéo lại chiếc bàn anh ta đang làm việc. - Ta lấy một ít máu tươi nhé. - Vừa nói anh ta vừa lấy kim đâm vào đầu ngón tay, nặn ra một giọt máu và lấy ống hút hút - Bây giờ, tôi hòa chút xíu máu này vào một lít nước. Ông thấy hỗn hợp ấy trông y như nước, tỷ lệ của máu trong đó không thể quá một phần triệu. Dẫu vậy, tôi hoàn toàn tin chắc ta sẽ có được phản ứng đặc trưng.

Nói xong, Holmes thả vào trong bình một vài tinh thể trắng rồi rót thêm vài giọt chất lỏng trong suốt. Một phút sau, hỗn hợp trong bình chuyển thành màu gụ và một thứ bụi màu nâu nhạt kết tủa dưới đáy bình.

- Ha! Ha! Ông nói sao? - Holmes vỗ tay reo lên.

- Theo tôi, đây là một cách thử rất tinh tế.

- Tuyệt vời! Cách thử cũ với chất guaiacone vừa thô kệch vừa không chắc. Cách tìm các tiểu thể máu trên kính hiển vi cũng vậy, với lại chỉ cần vết máu để lâu một vài giờ là phương thức đó không áp dụng được. Còn phương pháp này, thì lúc nào cũng hiệu nghiệm, dù với máu cũ hay máu tươi.

- Quả vậy!- Tôi lẩm bẩm.

- Những vụ án hình sự nhiều khi chỉ còn mắc ở khâu này mà thôi. Một kẻ bị nghi đã nhúng tay vào một vụ án mạng xảy ra trước đó có khi hàng tháng. Xem xét quần áo hần, người ta phát hiện ra những vết màu nâu nhòe nhòe. Đây có phải là những vết máu không, hay là vết bùn, vết gỉ sắt, vết nhựa trái cây. Còn bây giờ đã có phản ứng hóa học này, việc xác định kia không còn khó khăn gì nữa.

Đôi mắt Holmes ngời lên trong khi nói, và tay phải đặt lên ngực trái, anh ta cúi gập người như để chào đáp lại những người ngưỡng mộ tưởng tượng của mình.

- Ông thật đáng được biểu dương. - Tôi phụ họa.

- Tôi có thể kể với ông đến hai chục vụ án đã qua mà phản ứng của tôi có thể đóng vai trò quyết định.

- Ông khác nào một quyền niên giám hình sự sống. Ông có thể ra một tờ báo được đấy, lấy tên là "Những vụ án hình sự trong quá khứ". - Stamford cười nói.

- Và đó sẽ là một tờ báo rất bổ ích. - Holmes tiếp lời trong khi dán một miếng băng dính lên vết kim châm vừa rồi ở đầu ngón tay. Anh ta quay sang tôi giải thích - Phải cẩn thận như vậy vì tôi thao tác khá nhiều loại chất độc.

Stamford ngồi xuống một chiếc ghế đầu ba chân, đẩy một chiếc khác về phía tôi, bàn vào việc:

- Ông bạn tôi đây đang tìm chỗ ở. Thấy ông phàn nàn là không kiếm được ai ở chung nên tôi thấy không có gì tốt hơn là để hai người tiếp xúc với nhau.

Holmes có vẻ bằng lòng nói:

- Tôi tìm được mấy căn phòng ở phố Baker, rất thích hợp cho chúng ta. Tôi mong rằng ông không sợ mùi thuốc lá nặng.
- Tôi cũng hút một thứ thuốc rất nặng.
- Thế thì được rồi. Tôi quan tâm nhiều đến hóa học và đôi khi phải làm những thí nghiệm tại nhà. Điều đó có phiền ông không?
- Hoàn toàn không.
- Xem nào! Tôi còn tật xấu nào nữa không? Đôi khi tôi làm lì, mấy ngày liền không hé răng nói một lời nào. Những khi như vậy, cứ để mặc tôi, chẳng bao lâu tôi sẽ lại vui vẻ. Còn ông, ông có điều gì cần nói không?
- Tôi cũng có một vài cổ tật nhỏ. Tôi không thích ồn ào. Tôi dậy vào những giờ rất khác thường, ngoài ra tôi rất lười nhác. Khi khỏe mạnh, tôi lại có một loạt những tính xấu nhỏ khác. Hiện thời, đó là những nét chính.
- Trong chữ ồn ào có gộp cả tiếng đàn vĩ cầm không?
- Tiếng đàn của người chơi giỏi chỉ làm cho người nghe khoan khoái, chơi tồi thì...
- Ồ, thế thì được rồi! - Holmes cười vui vẻ - Như vậy là đã ổn thỏa, nghĩa là nếu như ông ưng chỗ ở.
- Khi nào thì ta đi xem?
- Mười hai giờ trưa mai, mời ông đến đây, chúng ta cùng đi xem.
- Xin đúng hẹn, mười hai giờ trưa mai. - Tôi nói và bắt tay anh.

Chúng tôi để anh làm việc tiếp và trở về khách sạn. Tôi bỗng dừng lại, quay sang hỏi Stamford:

- Này, làm thế nào mà anh ta biết là tôi ở Afghanistan về nhỉ?
- Anh ta khác người là ở chỗ đó.

Tôi xoa hai tay vào nhau:

- Ồ, một điều bí mật à? Thú vị thật! Tôi rất cảm ơn anh cho tôi có dịp tiếp xúc với anh ta. Như anh biết đấy, đối tượng trong công cuộc nghiên cứu của loài người chính là con người.
- Thế thì anh phải nghiên cứu anh ta đi thôi. Thôi xin tạm biệt nhé.
- Xin tạm biệt.

Chương 2: Suy đoán , một môn khoa học

Như đã hẹn, ngày hôm sau chúng tôi cùng đến thăm căn hộ số nhà 221B phố Baker. Căn hộ gồm hai phòng ngủ tiện nghi và một phòng làm việc rộng lớn, thoáng mát, đồ đạc bày biện vui mắt, ánh sáng bên ngoài rọi vào qua hai khung cửa sổ lớn. Căn hộ vừa ý chúng tôi lắm và giá cả cũng vừa túi tiền. Chúng tôi nhận ngay. Tối hôm ấy, tôi mang đồ đạc đến và sáng hôm sau, Holmes cũng chuyển đến với nhiều hòm xiềng và va-li. Sau hai ngày đầu bận sắp xếp nơi ăn chốn ở cho thuận tiện, chúng tôi nhanh chóng quen dần với chỗ ở mới.

Holmes sống yên tĩnh với những nếp sinh hoạt đều đặn. Không mấy khi anh còn thức sau mười giờ tối và sáng nào khi tôi dậy, anh cũng đã ăn sáng và đi đâu rồi. Đôi

khi anh ở lì cả ngày trong phòng thí nghiệm, khi khác thì ở trong các phòng phẫu tích, và thỉnh thoảng có những ngày anh đến những khu phố nhộn nhúa nhất trong thành phố. Nhưng thỉnh thoảng anh nằm dài trên chiếc đi-văng trong phòng làm việc mấy ngày liền, suốt từ sáng đến tối không hé răng nói một lời nào và hầu như không có một cử động nào. Sự quan tâm và tò mò ban đầu của tôi muốn biết mục đích các công việc của anh mỗi ngày mỗi thôi thúc tôi hơn.

Vóc người anh nhỉnh hơn một mét tám mươi nhưng mảnh khảnh cho nên trông có vẻ cao hơn thế nhiều. Đôi mắt sắc sảo lanh lợi, cùng với sống mũi thanh mảnh, hơi khoằm khiến cho nét mặt mang một vẻ nhanh nhẹn và quyết đoán. Cái cằm vuông chìa ra phía trước tỏ ra đây là một con người kiên quyết. Anh không theo học một lớp nào khả dĩ đem lại cho anh một bằng cấp trong bất kỳ một lĩnh vực khoa học nào đó. Tuy vậy, sự say mê nghiên cứu của anh trong một số lĩnh vực thật là đặc biệt; đến nỗi những ý kiến của anh làm tôi rất đỗi kinh ngạc. Những người tự học theo lối cóc nhảy không mấy khi có những tri thức đặc biệt chính xác.

Mặt dốt nát của anh cũng đặc sắc không kém gì mặt thông thái của anh. Về nền văn hóa đương thời, triết học và chính trị, xem chừng Sherlock Holmes biết rất ít. Sự kinh ngạc của tôi lên đến tột đỉnh khi tôi phát hiện ra Holmes không biết nhiều về học thuyết Copernic và cấu tạo của hệ Mặt trời.

- Anh ngạc nhiên à? Khi đã biết lý thuyết ấy rồi, tôi sẽ ra sức quên nó đi.

- Quên nó đi?

- Bộ óc con người ban đầu như một gian phòng trống rỗng, ta sẽ phải xếp vào đấy những đồ đạc ta thích. Kẻ ngu ngốc chồng chất vào trong đó đủ mọi thứ linh tinh đến nỗi các tri thức có thể giúp ích cho hần bị đè bẹp dưới một đồng tri thức khác, đến nỗi khi cần, hần khó mà lôi ra sử dụng được. Trái lại, người thợ lành nghề chọn lọc hết sức cẩn thận những thứ xếp vào trong gian buồng ấy. Anh ta chỉ muốn chứa trong đó những dụng cụ có ích cho mình trong công việc; cái nào cái nấy sắp đặt một cách thật ngăn nắp. Thật là sai lầm nếu cho rằng cái gian buồng nhỏ bé ấy có những bức tường co giãn và nó có thể phình ra vô cùng tận. Anh hãy tin rằng rồi sẽ đến lúc mà mỗi khi ta thu nhận được một hiểu biết mới ta sẽ quên mất cái kiến thức gì đó đã có trong óc. Vì vậy, chớ có thu nạp những khái niệm vô ích. Chúng ta sẽ đẩy đi mất những điều có ích.

- Thế nhưng Hệ Mặt trời? - Tôi phản đối.

- Nó can gì đến tôi? - Holmes cao giọng - Nếu chúng ta xoay quanh mặt trăng thì công việc của tôi có gì khác đâu?

Tôi đã toan hỏi anh công việc đó là cái gì vậy, nhưng đáng diệu anh bảo cho tôi biết câu hỏi ấy không được tiếp nhận. Tuy vậy, tôi suy nghĩ về buổi nói chuyện ngắn ngủi này và cố rút ra mấy điều suy đoán. Holmes nói với tôi rằng anh không muốn thu thập những hiểu biết không liên quan gì đến công việc của mình. Vậy thì, tất cả những tri thức mà anh có đều có thể giúp ích cho anh. Tôi thậm liệt kê những lĩnh vực mà anh đã đề lộ cho thấy anh thành thạo. Thậm chí, tôi lấy bút chì ghi lại những điều đó ra giấy. Liệt kê đã xong, tôi không khỏi mỉm cười. Bản nhận xét đó như sau:

Sherlock Holmes; năng lực:

Hiểu biết về văn học: số không

Hiểu biết về triết học: số không

Hiểu biết về thiên văn học: số không

Hiểu biết về chính trị: yếu.

Hiểu biết về thực vật: Tồi. Am hiểu chất thuốc phiện và các loại chất độc nói chung. Hoàn toàn không biết gì về nghề làm vườn.

Hiểu biết về địa chất: Có những hiểu biết thực tế, nhưng hạn chế. Thoạt nhìn nói được ngay các loại đất khác nhau

Hiểu biết về hóa học: Rất sâu sắc.

Hiểu biết về giải phẫu: Chính xác nhưng không có hệ thống.

Hiểu biết về sách báo hình sự: Hết sức rộng lớn.

Chơi đàn vĩ cầm: Tốt.

Bậc thầy về tài nghệ Đánh gậy, quyền Anh, và đấu kiếm.

Vận dụng thành thạo luật pháp nước Anh.

Ghi đến đây, thấy rối như tơ vò, tôi quẳng mảnh giấy vào lửa, nghĩ bụng: “Chẳng hiểu con người này nhằm vào mục đích gì mà ra sức phát triển một số năng lực trên. Mình cũng không sao tìm thấy một nghề nào đòi hỏi tất cả những năng lực ấy. Thôi thì đành bỏ cuộc ngay thôi, cho khỏi mệt người”.

Trong tuần đầu, tôi đã tưởng Holmes không có mấy bạn bè. Nhưng chẳng bao lâu, tôi nhận ra anh quen biết rất rộng. Đầu tiên, một anh chàng người nhỏ bé, da tái, mặt choắt, mắt đen, đến ba bốn lần liền trong một tuần. Một hôm, có cô gái ăn mặc theo thời trang đến vào buổi sáng và ở chơi chừng một giờ. Ngay chiều hôm đó có thêm ông khách quần áo xuềnh xoàng, tóc hoa râm, dáng dấp như một người bán hàng rong. Và tiếp theo đó là một phụ nữ cao tuổi, xống áo rất cầu thả. Một dịp khác có một ông chừng chạc, tóc bạc trắng hết cả. Rồi một người phu khuân vác ở nhà ga trong bộ đồng phục bẩn vải nhung. Mỗi khi có khách đến, Holmes yêu cầu tôi để cho anh được sử dụng phòng khách. Lần nào anh cũng không quên xin lỗi tôi.

- Tôi phải dùng gian phòng này để làm việc. Họ là khách hàng của tôi.

Đó là một cơ hội để hỏi thẳng xem công việc của anh ta là gì, nhưng tính tôi vốn dè dặt, nên lại thôi.

Hôm ấy, tôi dậy sớm hơn thường lệ và nhận thấy anh chưa ăn xong bữa sáng. Người phục vụ đã quen với thói dậy muộn của tôi nên bà ắt chưa chuẩn bị cho tôi. Tôi rung chuông với một thái độ nóng nảy và bảo bà ta với giọng khá cộc cằn. Sau đó, tôi cầm lấy một tờ báo để giết thời giờ. Trên tờ báo có một bài được đánh dấu bằng bút chì. Dưới dòng tít khá huênh hoang “Cuốn sách cuộc đời”, tác giả bài báo khoe là có thể đi sâu vào những ý nghĩ thầm kín nhất của con người, căn cứ vào một vẻ mặt thoáng qua, một cử động của cơ bắp, một ánh mắt vụng trộm.

Bài báo viết:

“Chỉ từ một giọt nước, người giỏi suy luận có thể suy ra khả năng của một đại dương hoặc một thác nước, tuy chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy chúng. Như vậy, toàn bộ cuộc sống là một chuỗi mắt xích rộng lớn mà ta có thể biết bản chất của nó, nếu ta biết được một mắt xích. Như tất cả mọi khoa học khác, suy đoán và phân tích là một khoa học mà ta chỉ có thể làm chủ sau một quán trình nghiên cứu lâu dài, bền bỉ. Người mới đi vào lĩnh vực này nên bắt đầu bằng những vấn đề sơ đẳng: gặp bất kỳ ai, chỉ bằng vào sự quan sát, ta hãy cố tìm hiểu tiểu sử, nghề nghiệp của người ấy. Tuy có vẻ ấu trĩ, nhưng thực ra sự tập luyện này rèn giữa các khả năng quan sát của ta và nó dạy cho ta biết ta cần phải nhìn vào đâu và phải tìm kiếm cái gì. Móng tay, những vết chai ở ngón trỏ và ngón cái, ống tay áo, đầu gối quần, dáng đi, cách đứng đều là những thứ nói lên nghề nghiệp của một con người.”

Tôi quăng tờ báo xuống bàn, thốt lên:

- Nhảm nhí! Tôi chưa thấy ai viết những nhảm đến vậy.

- Anh nói về cái gì thế?" Holmes hỏi tôi.

- À, bài báo mà anh đã đánh dấu bên cạnh. Tôi không phủ nhận là bài báo có một lối viết khá, nhưng nó làm tôi khó chịu. Rõ ràng đây là một lý thuyết do một kẻ vô công rồi nghề nặn ra. Mong sao gặp hắn trên một toa xe điện ngầm hạng hai để bắt hắn nói ra nghề nghiệp của tất cả các hành khách trên xe. Tôi dám đánh cuộc với hắn một nghìn ăn một.

- Anh sẽ thua thôi. Bởi vì tôi là tác giả bài báo đó.

- Anh?

- Đúng, tôi. Quan sát và suy đoán là hai thứ mà tôi vốn ham thích. Những lý thuyết tôi nêu lên trong bài báo là hết sức thực tế, thực tế đến nỗi tôi lấy nó làm kế sinh nhai.

- Đó là nghề gì? Tôi buột miệng hỏi

- Tôi kể anh nghe nhé. Tôi có một nghề riêng mà có lẽ trên thế giới có mỗi mình tôi làm. Nghề của tôi là thám tử cổ vấn. Ở London này có vô số thám tử công, thám tử tư. Khi gặp phải điều gì bí, họ đến gặp tôi và tôi tìm cách gợi cho họ đi đúng hướng. Các vụ phạm pháp thường có nhiều nét giống nhau, nếu ta thuộc lòng các chi tiết của một số vụ thì rất dễ lần ra đầu mối của vụ thứ một nghìn lẻ một. Lestrade là một thám tử khá. Mới đây ông ta đi nhằm hướng trong việc khám phá một vụ làm bạc giả, vì vậy ông ta phải đến đây.

- Còn những người khách khác thì sao?

- Họ hầu hết là người của các hãng trinh thám tư. Họ mắc mớ ở điểm này hoặc điểm khác. Tôi nghe họ kể về công việc của họ, còn họ thì nghe các lời khuyên bảo của tôi và trả tiền công cho tôi.

- Phải chăng anh ngồi yên trong phòng mà vẫn có thể giải quyết được những rắc mứu mà người khác không tài nào giải quyết nổi.

- Đúng thế. Tôi có rất nhiều kiến thức đặc biệt để áp dụng vào lĩnh vực này: những quy tắc suy đoán trình bày trong bài báo mà anh đã khinh thường, đối với tôi lại có một giá trị không sao lường hết trong thực hành. Ngay lần đầu gặp anh, tôi đã biết là anh vừa ở Afghanistan về.

- Chắc có ai bảo anh.

- Không đâu. Lúc ấy cả một loạt những suy nghĩ, xét đoán đã lướt nhanh qua óc tôi khiến tôi đi thẳng đến kết luận ấy. Tuy vậy, có tồn tại những chặng đường. Cách lập luận phối hợp của tôi như sau: vị này thuộc giới bác sỹ, nhưng lại có dáng dấp một quân nhân, vậy thì chắc chắn là một bác sỹ quân y. Anh ta vừa mới ở vùng nhiệt đới về vì nước da rất sẫm nhưng không phải là da tự nhiên bởi da ở hai cổ tay rất trắng. Anh ta đã phải trải qua nhiều ngày kham khổ, đau ốm, điều đó có thể thấy rõ trên nét mặt. Anh ta đã bị thương ở cánh tay vì cánh tay này cử động hơi gượng gạo. Một bác sỹ quân y người Anh, sống ở vùng nhiệt đới nào mà lại bị thương ở cánh tay và phải sống kham khổ thiếu thốn? Tất nhiên là ở Afghanistan. Tất cả chuỗi suy nghĩ này diễn ra trong không đầy một giây đồng hồ.

Tôi mỉm cười:

- Giải thích ra thì thấy rất đơn giản. Anh làm tôi nhớ đến nhân vật Dupin của Edgar Allan Poe. Tôi tưởng loại người đó chỉ tồn tại trong các tiểu thuyết chứ làm gì có ngoài cuộc đời.

Holmes đứng dậy, châm tẩu thuốc.

- Có lẽ anh tưởng so sánh tôi với Dupin là khen tôi chăng? Theo tôi, Dupin là một kẻ rất tầm thường. Ông ta khoe là có thể dò đoán được ý nghĩ của bạn bè sau một khắc đồng hồ im lặng, nói như thế, là khoa trương lại là kém cỏi. Ông ta có lẽ có đôi chút năng khiếu phân tích. Thế thôi!

- Anh đã đọc sách của Gaboriau chưa? Lecoq có phải là thám tử không?

Holmes có một cử chỉ mỉa mai và một giọng bức bối:

- Lecoq à? Ông ta giỏi về tay chân hơn đầu óc. Ông ta chỉ có mỗi một điều đáng khen là nghị lực. Cuốn sách ấy thực sự làm tôi phát ngán. Vấn đề đặt ra cho ông ta là xác định thủ phạm trong một đám tù nhân. Việc ấy, tôi sẽ giải quyết trong hai mươi bốn giờ, còn ông ta đã phải mất một tháng.

Tôi hơi khó chịu khi thấy hai nhân vật mà tôi khâm phục bị coi thường. Tôi lại bên cửa sổ nhìn xuống đường phố nhộn nhịp bên dưới, nghĩ bụng: "Ông bạn nay có thể rất giỏi, nhưng đồng thời cũng rất tự mãn." Holmes nói tiếp với giọng luyến tiếc:

- Đầu của tôi bây giờ còn biết dùng làm gì nữa! Chưa bao giờ có một vụ án nào dữ dội để tôi khám phá cả! Cùng lắm là vài ba vụ gian lận vụng về với những động cơ lộ liễu đến nỗi ngay một nhân viên sở cảnh sát cũng nhận ra ngay.

Sự huênh hoang của Holmes tiếp tục làm tôi khó chịu, tôi thấy tốt hơn hết là thay đổi câu chuyện. Trên hè đường bên kia có một gã cao lớn, ăn mặc xuyềnh xoàng, tay cầm một phong bì lớn đang chăm chú xem sổ nhà cần tìm. Tôi chỉ tay về phía người ấy, lên tiếng hỏi:

- Không biết người kia tìm nhà nào?

- Anh muốn nói viên đội lính thủy đánh bộ kia phải không?" Holmes hỏi tôi.

"Lại huênh hoang khoác lác rồi!" Tôi nghĩ bụng. Ý nghĩ ấy vừa mới lướt qua óc tôi thì nhân vật đó đã nhận ra sổ nhà chúng tôi, rảo bước qua đường. Chúng tôi nghe tiếng gõ cửa ầm ầm, rồi tiếng bước chân nặng nề lên thang gác. Người ấy bước vào phòng chúng tôi, đưa phong bì cho anh:

- Có thư cho ông Sherlock Holmes.

Đây là một dịp để hạ bớt thói hợm hĩnh của Holmes. Lúc vừa rồi, khi đưa ra những lời phỏng đoán liều kia, chắc anh ta không nghĩ là tôi sẽ có cơ hội giáp mặt người này. Tôi hỏi, giọng nhẹ nhàng:

- Này anh, anh có thể cho biết anh làm nghề gì không?

- Thừa phái, thưa ông. - Anh ta trả lời cộc cằn - Bộ đồ đồng phục của tôi đang được đưa đi sửa.

- Trước đây anh làm nghề gì?" Tôi đưa mắt nhìn sang Holmes với vẻ chế giễu.

- Tôi ở binh chủng lính thủy đánh bộ, đóng lon đội. Ông có điều gì cần hỏi nữa không, thưa ông? Xin chào.

Anh ta dập hai gót giày vào với nhau, giơ tay chào chúng tôi rồi đi.

Chương 3. Bí ẩn ở Lauriston Garden.

Thú thật tôi hết sức kinh ngạc trước bằng chứng về giá trị thực hành của những lý thuyết mà Holmes đã nêu. Sự kính nể của tôi đối với tài phân tích của anh tăng vọt lên.

Tuy vậy, trong óc tôi vẫn còn vương vấn một chút hoài nghi là tất cả câu chuyện này đã được xếp đặt từ trước để lờn tôi. Nhưng lờn để làm gì? Quay lại nhìn Holmes, tôi thấy anh đã đọc xong thư. Nét mặt đăm chiêu và đôi mắt xa vắng.

- Làm thế quái nào mà anh đoán được?

- Đoán cái gì? Holmes hỏi giật giọng.

- Đoán là một viên đội lính thủy đánh bộ.

- Xin lỗi anh về những lời câu kính đó. Hóa ra, anh vẫn không thấy người đưa thư vốn là một viên lính thủy đánh bộ?

- Quả là không.

- Ngay ở bên này đường, tôi đã nhìn thấy một hình mờ neo to xăm trên mu bàn tay người ấy và bộ râu theo đúng quy định của lính thủy đánh bộ. Anh chàng có vẻ tự tin và thậm chí có dáng điệu chỉ huy? Một anh chàng nghiêm nghị, đạo mạo, hơi đứng tuổi, những chi tiết đó khiến tôi tin rằng anh đã đóng đến lon đội.

- Thật là tuyệt diệu! Tôi reo lên.

- Có gì đâu. - Tuy nói vậy, song cứ theo vẻ mặt anh, tôi tin rằng nỗi kinh ngạc và sự khâm phục của tôi rõ ràng làm anh vui thích - Vừa nãy, tôi có nói là thời nay không còn những trọng án, nhưng có lẽ tôi lầm. Anh hãy xem đây.

Holmes đưa cho tôi bức thư vừa mới nhận.

- Gì thế này? Thật khủng khiếp! - Tôi thốt lên.

- Tôi thấy vụ này hơi khác thường đấy. Anh vui lòng đọc to lên, chúng ta cùng nghe nào.

"Ông Sherlock Holmes thân mến!

Đêm qua có một vụ án ghê gớm tại nhà số 3 khu Lauriston Garden đoạn sát gần đường Briston. Một nhân viên cảnh sát thấy có ánh đèn ở ngôi nhà vào khoảng hai giờ sáng. Đây là một ngôi nhà bỏ hoang nên anh ta đoán là có chuyện gì không bình thường. Anh ta thấy cửa ra vào để ngỏ. Ở gian phòng trông ra mặt đường, anh ta thấy xác một người đàn ông ăn mặc lịch sự, trong túi có xấp danh thiếp đề tên " Enoch J. Drebber, Cleveland, Ohio, U. S. A. ".

Không có cách nào xác định rõ nguyên nhân của cái chết. Trong gian phòng có nhiều vết máu, nhưng trên thi thể thì không có một thương tích nào. Chúng tôi không biết người này đã vào ngôi nhà ấy bằng cách nào và nói chung toàn bộ vụ án hãy còn là một điều bí ẩn. Nếu ông có thể đến được hiện trường trước mười hai giờ trưa, ông sẽ gặp tôi ở đó. Toàn bộ hiện trường sẽ được giữ y nguyên cho đến khi ông đến. Sẽ rất hân hạnh cho tôi nếu được biết ý kiến của ông. Xin gửi ông lời chào thân thiết.

Tobias Gregson"

- Gregson là tay sừng sỏ nhất ở Scotland Yard. - Holmes nhận xét - Hắc và Lestrade được coi là những phần tử ưu tú của một đám không ra gì. Cả hai đều năng nổ, hăng hái, nhưng rất khuôn sáo. Và ghen tị nhau như một cặp gái lâu xanh.

Tôi ngạc nhiên thấy Holmes giữ vẻ bình thản, lại có vẻ gần như giấu cợt. Tôi hỏi hả:

- Ta không được để lỡ phút nào, phải không anh? Tôi đi gọi xe nhé.

- Chưa chắc tôi đã đi.

- Nhưng đây chính là cơ hội mà anh đã mong mỏi từ lâu cơ mà?

- Giả thử tôi gỡ được vụ này, thì bao nhiêu công lao đều vào tay Gregson, Lestrade hết cả. Không phải là người của nhà nước là phải chịu thiệt thòi như vậy đấy.

- Nhưng Gregson yêu cầu anh giúp đỡ cơ mà.

- Phải, hẳn biết tôi giỏi hơn hẳn và thừa nhận điều đó với tôi. Nhưng trước mặt người thứ ba, hẳn thà cắt lưỡi đi còn hơn phải công nhận mình là thua kém. Dẫu vậy, chúng ta cũng nên đến đó xem sao. Nào, ta đi đi!

Holmes xỏ tay vào chiếc áo khoác ngoài, nhanh nhẹn chuẩn bị.

- Anh cầm lấy mũ đi.

- Anh muốn tôi cùng đi à?

- Phải.

Một lúc sau hai chúng tôi đã ngồi trong một chiếc xe ngựa chạy nước đại về phía đường Briston. Buổi sáng hôm ấy trời đầy mây và sương mù dày đặc. Một tấm màn tối sầm bao phủ lên các mái nhà và đường như phản chiếu các dãy phố xám xịt một màu bùn. Holmes rất vui vẻ, chuyện trò luôn miệng về những chiếc đàn vĩ cầm. Còn tôi cứ nín thinh vì thời tiết ảm đạm và vì sự việc bí hiểm vừa xảy ra. Sau cùng tôi phải cắt ngang bài thuyết trình về âm nhạc của anh:

- Xem chừng anh không để tâm lắm đến cuộc điều tra sắp tới.

- Đã có dữ kiện gì đâu. Một sai lầm cơ bản là cứ đặt trước các giả thiết trong khi chưa có trong tay các sự việc thực tế. Làm như vậy khiến cho nhận định của ta dễ bị chệch lệch.

- Anh sẽ có ngay các dữ kiện, vì đường Brixton đây rồi và ngôi nhà kia kìa!

- Đúng rồi! Dừng lại, bác xà ích.

Còn một trăm mét nữa mới đến hiện trường nhưng Holmes cứ đòi xuống xe để đi bộ. Ngôi nhà số 3 khu Lauriston Garden có một vẻ sầm uất ghê rợn. Đó là ngôi nhà thứ ba trong một dãy bốn nhà nằm thụt vào trong một tí. Hai ngôi nhà có người ở, hai ngôi kia bỏ hoang. Hai nhà bỏ hoang này bày ra hay dẫu cửa sổ buồn bã và trần trụi, chỉ trừ thỉnh thoảng đây đó có hai chữ "Cho thuê" để chảy vài vệt sơn trên các ô cửa kính lem luốc. Từ hè đường vào đến nhà phải qua một mảnh vườn nhỏ mọc lưa thưa những cây con khẳng khiu, ốm yếu. Cắt ngang mảnh vườn là một lối đi hẹp, rải sỏi đá trộn lẫn đất sét màu vàng ệch. Tất cả khu vực này đều sũng nước vì trời mưa suốt đêm. Bao quanh mảnh vườn là bức tường gạch cao khoảng một mét, bên trên lại có hàng rào gỗ. Đứng tựa lưng vào bức tường này là một viên cảnh sát cao lớn, xung quanh có đám người rảnh việc đang cố nghe nhìn vào trong nhà.

Tôi tưởng Holmes sẽ xông thẳng vào nhà và lao ngay vào việc. Nhưng không! Với một vẻ uể oải giả tạo, anh đi đi lại lại trên hè đường, lơ đãng nhìn đất, nhìn trời, nhìn các ngôi nhà bên kia đường và hàng rào gỗ. Xem xét xong, anh bước trên lớp cỏ mọc ven lối đi, luôn luôn dán mắt xuống đất. Hai lần anh dừng lại và có một lần tôi thấy anh thoáng nở một nụ cười và khẽ reo lên một tiếng vui mừng. Có nhiều vết chân trên nền đất sét ướt, nhưng vì cảnh sát đã dẫm nát lối đi này rồi, tôi không hiểu bạn tôi có thể hy vọng rút ra ở đây được điều gì.

Ở cửa nhà, chúng tôi được một gã cao lớn đón tiếp. Mặt tái mét, tóc rối bù, tay cầm một quyển sổ, anh ta vội vã tiến về phía chúng tôi, nồng nhiệt siết chặt tay Holmes:

- Ông đến, thật tốt quá. Tôi chưa đụng chạm đến gì hết.

- Trừ chỗ này. - Holmes đáp, tay chỉ lối đi - Một đàn bò giá xéo qua đây cũng không thể phá hoại nhiều hơn. Nhưng có lẽ ông đã rút ra xong những kết luận của mình rồi mới cho phép xảy ra tình trạng này, có phải không, ông Gregson?

Nhà thám tử nói lảng:

- Tôi quá bận ở bên trong. Ông Lestrade cũng có mặt tại đây. Tôi tưởng ông ta phải để mắt đến chuyện này.

Holmes nhìn tôi tròn tròn mắt, giọng châm chọc:

- Đã có mặt ông và Lestrade rồi, chẳng còn gì cho người thứ ba khám phá nữa.

Gregson xoa hai tay với nhau, về hài lòng:

- Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm. Dẫu sao, đây là một vụ kỳ quặc và tôi biết ông vốn thích những vụ như thế.

- Ông đến đây bằng xe ngựa?

- Không.

- Cả ông Lestrade cũng không chứ?

- Phải.

- Thế thì chúng ta vào trong xem gian phòng đi.

Sau ý kiến không ăn nhập gì với câu nói vừa rồi, Holmes vào trong nhà. Gregson bước theo, về mặt ngờ ngác.

Một hành lang nhỏ, bụi bặm dẫn đến nhà bếp và phòng ăn. Có hai ô cửa, một ở về phía bên trái và một ở về phía bên phải hành lang. Rõ ràng một trong hai cửa này đã bị đóng kín từ nhiều tuần nay. Cửa kia là cửa mở vào phòng ăn, nơi đã diễn ra tấn thảm kịch đầy bí ẩn. Holmes bước vào. Tôi theo ngay.

Đây là một gian phòng rộng, hình vuông, không có thứ đồ đạc nào nên càng có vẻ rộng. Tường phủ bằng một loại giấy rẻ tiền, có nhiều chỗ ẩm ướt loang lổ và vài ba chỗ giấy bị bong ra, thòng xuống, để lộ lớp vữa vàng khè bên trong. Đối diện với cửa ra vào là một lò sưởi, mặt lò làm bằng tấm đá giả cẩm thạch trắng. Ở một mé mặt lò sưởi có cắm mẫu nền bằng sáp đỏ. Chiếc cửa sổ duy nhất của gian phòng lem luốt đến nỗi ánh sáng mờ đục bên ngoài rọi qua nhuộm lên khắp gian phòng một màu xám nhòe nhòe thê lương.

Người chết nằm sổng soài trên sàn, hai con mắt tròn trừng nhìn lên trần nhà. Nạn nhân khoảng 43, 44 tuổi, người tầm thước, vai rộng, tóc quăn và đen, râu rậm xén ngắn. Mặc một chiếc áo đuôi tôm dày nặng, bên trong là chiếc áo gi-lê bằng da tốt, quần dài màu sáng, cổ áo và cửa tay áo trắng tinh. Một chiếc mũ đứng, sang trọng và rất sạch nằm ngay trên sàn nhà, cạnh nạn nhân. Hai bàn tay nắm chặt, cánh tay dang rộng, chân quắp vào nhau cho thấy cuộc vật lộn với tử thần đã diễn ra hết sức khốc liệt. Trên nét mặt cứng đờ còn in một nỗi kinh hoàng. Nét mặt nhăn nhúm thành một vẻ độc ác ghê sợ đó, cộng với cái trán ngắn, cái mũi tẹt dí, hàm răng nhô ra, cùng với tư thế kỳ quặc, càng làm cho người chết có một vẻ rất giống loài khỉ. Tôi đã từng thấy cái chết dưới nhiều hình dạng, nhưng chưa bao giờ thấy nó dưới dạng thảm khốc đến như vậy. Lestrade vóc người gầy gò, mặt choắt, đứng ở cửa chào chúng tôi:

- Vụ này sẽ ồn ào đây. Nó vượt tất cả những vụ tôi đã được chứng kiến.

- Không có một vết tích nào. - Gregson nói.

- Không có mảy may. - Lestrade xác nhận.

Holmes đến cạnh xác nạn nhân, quỳ gối xuống và xem xét rất cẩn thận.

- Hai ông đã kiểm tra kỹ là không có thương tích gì chứ? - Holmes chỉ những giọt máu và những vết máu có rất nhiều xung quanh xác chết.

Cả hai thám tử của Scotland Yard cùng kêu lên:

- Hoàn toàn chắc chắn.

- Thế thì tất nhiên máu này là của một kẻ thứ hai, chắc là của hung thủ, nếu như đây là một vụ ám sát.

Trong khi nói, những ngón tay nhanh nhẹn của anh lảng quăng chỗ này chỗ kia, sờ nắn, lần mò, xem xét khắp nơi, còn đôi mắt vẫn đờm cái về xa vắng. Sau cùng Holmes ngửa mặt rồi xem đế giày người chết.

- Không ai xê dịch xác này chứ?

- Không.

- Bây giờ các ông có thể cho chuyển về nhà xác được rồi.

Gregson đã có sẵn một cái cang và bốn người giúp việc. Khi cái xác được xốc lên thì có một chiếc nhẫn rơi xuống sàn, Lestrade chớp lấy chiếc nhẫn, ngắm nghía với con mắt kinh ngạc, reo lên:

- Đã có mặt một người đàn bà ở đây! Một chiếc nhẫn cưới đây mà!

Vừa nói, ông ta vừa chìa chiếc nhẫn đặt trong lòng bàn tay của mình ra cho chúng tôi xem. Không có gì nghi ngờ: Chiếc vòng tròn nhỏ xíu mộc mạc bằng vàng này đã từng trang điểm cho ngón tay của một cô dâu.

- Thế là càng thêm rắc rối. - Gregson đánh giá.

- Ông có dám chắc là chiếc nhẫn lại không giúp ta chút nào không? Ngoài ra, ông thấy có những gì trong các túi áo, túi quần nạn nhân? - Holmes nhận xét.

Gregson chỉ những đồ vật được bày ra trên những bậc thang dưới cùng ngoài cửa buồng:

- Tất cả ở đây. Một chiếc đồng hồ bằng vàng khắc số 97.163 ở cửa hàng Barkerraud, London. Một dây xà tích vàng, dày dặn và rất nặng, một chiếc nhẫn vàng có khắc biểu tượng của một hội kín. Một chiếc kẹp ca vát bằng vàng, chạm thành hình đầu chó, một cái ví đựng những danh thiếp ghi tên Enoch J.Drebber ở trong thành phố Cleveland phù hợp với những chữ viết tắt E.J.D trên quần áo. Không có ví tiền nhưng có mấy đồng tiền, cộng lại là bảy bảng. Hai bức thư, một bức đề gửi cho E.J.Drebber và bức kia gửi cho kẻ nào đó tên là Joseph Stangerson.

- Gửi về địa chỉ nào?

- Gửi đến Sở giao dịch chứng khoán Mỹ. Cả hai bức thư đều là của công ty vận chuyển tàu biển Guion và cùng nơi đến, ngày giờ khởi hành các chuyến tàu của họ, xuất phát từ Liverpool. Rõ ràng nạn nhân sắp sửa lên tàu đi New York.

- Các ông đã điều tra về một người mang tên là Stangerson này chưa?

- Điều tra ngay chứ! - Gregson đáp - Tôi đã cho đăng lời nhắn tin trên tất cả các báo hàng ngày và cử người đến sở giao dịch chứng khoán Mỹ, nhưng chưa về.

- Các ông đã liên lạc với Cleveland chưa?

- Chúng tôi đã đánh điện sáng nay.

- Các ông đã đặt những câu hỏi như thế nào trong điện?

- Chúng tôi chỉ tường thuật tỉ mỉ vụ án mạng và nói sẽ rất biết ơn nếu nhận được mọi tin tức có thể giúp chúng tôi làm sáng tỏ vụ này.

- Ông có hỏi tỉ mỉ về một điểm nào đó mà các ông coi là thiết yếu không?

- Tôi có nói đến Stangerson.

- Ngoài ra không nói gì khác? Liệu có thể có một chi tiết nào đấy làm đầu mối cho toàn bộ vụ này không? Các ông có nên đánh điện lại không?

- Tôi đã điện đi tất cả những gì cần hỏi rồi. Gregson nói với vẻ bị xúc phạm.

Holmes cười thầm và hình như định có một lời nhận xét thì Lestrade từ gian phòng đằng trước quay lại, xoa hai tay với vẻ hài lòng, giọng khoa trương:

- Ông Gregson ạ, tôi vừa mới phát hiện một chi tiết hết sức hệ trọng. - Mắt Lestrade sáng lên. Ông ta mừng rỡ ra mặt vì đã thắng đồng nghiệp của mình một điểm: - Mời các ông lại đây! Lestrade hồi hải trở lại gian phòng khi nãy. - Đây, các ông đến đứng ở chỗ này này.

Ông ta bật một que diêm và giơ lên cao sát mặt tường, giọng đắc thắng: - Các ông nhìn đây!

Ở mé tường này, một mảnh giấy dán lớn đã bị bong, rơi đi đâu mất, để lộ một khoảng tường trát vữa thô nhám, vàng ệch, hình vuông. Trên khoảng tường trần trụi, có ai đã nguệch ngoạc viết những chữ mang màu đỏ sẫm bằng máu khô: "Rache". Nhà thám tử hồ hởi, nói tiếp:

- Chi tiết này bị bỏ sót vì đây là chỗ tối nhất trong phòng. Thủ phạm đã viết chữ này bằng chính máu mình. Ta hãy nhìn vết này, chỗ máu đã chảy dọc trên tường. Chi tiết này đã loại trừ khả năng đây là một vụ tự sát. Tại sao hắn viết tại nơi này. Tôi xin nói lý do. Các ông có thấy ngọn nến trên mặt lò sưởi không? Lúc bấy giờ, ngọn nến này được thấp sáng và chỗ này trở thành chỗ sáng nhất trên bức tường.

- Giờ đây, đã phát hiện hết rồi, ông thấy ý nghĩa nó ra sao? Gregson vặn hỏi với vẻ khâm phục.

- Kẻ này đang định viết tên Rachel, nhưng không kịp viết cho trọn tên. Các ông hãy nhớ lấy lời tôi: khi vụ này được làm sáng tỏ, các ông sẽ thấy một người đàn bà tên là Rachel dính líu vào đây. Ông cứ tin đi, ông Holmes!

- Tôi xin lỗi - Holmes nói với Lestrade khi thấy tiếng cười của mình đã làm cho anh chàng bức tức. - Ông là người đầu tiên cho chúng tôi thấy chi tiết này, và xem chừng kẻ viết chữ này là nhân vật thứ hai trong vụ án. Tôi chưa có dịp xem kỹ gian phòng, nhưng bây giờ, mạn phép các ông, tôi sẽ xem xét một lát.

Nói xong, anh rút trong túi ra một cuộn thước dây và kính lúp, dò soát khắp căn phòng, lúc thì dừng lại hồi lâu, lúc thì quỳ hẳn gối xuống mặt đất; thậm chí có lúc nằm xoài, úp bụng xuống sàn. Anh bị thu hút vào công việc đến nỗi hình như quên hẳn chúng tôi, vì anh làm bầm nhò nhỏ một mình, thỉnh thoảng lại khẽ reo lên, xuýt xoa, lau bầu hay huýt sáo miệng. Những hành động ấy có thể diễn đạt những hy vọng của anh, song cũng có thể coi là những lời anh tự khích lệ trong công việc của mình. Trong hai mươi phút, anh mãi mê tìm tòi, dùng thước đo một cách tỉ mỉ khoảng cách giữa những dấu vết hoàn toàn vô hình đối với tôi. Đôi khi, anh lại úp cái thước dây vào tường. Ở chỗ trên sàn nhà, anh hết sức thận trọng thu nhặt một nhúm nhỏ thứ bụi xám xám và cất vào phong bì. Sau cùng anh dùng kính lúp soi từng nét chữ của cái từ bí ẩn viết trên tường. Sau đó, anh có vẻ hài lòng, cất thước dây và kính lúp vào túi, đưa ra một nhận xét:

- Có người bảo rằng thiên tài là sự lao động hết sức kiên trì. Định nghĩa ấy không hoàn toàn chính xác, nhưng áp dụng vào công việc của người thám tử thì rất đúng.

Gregson và Lestrade đã theo dõi mỗi động tác của nhà thám tử từ với một vẻ tò mò. Họ cùng lên tiếng hỏi:

- Ông có ý kiến gì không, ông Holmes?

Bạn tôi đáp, giọng đầy châm chọc:

- Cho tôi được phép góp vào một tay có khác gì làm hoen mờ vinh quang của các ông trong vụ này. Các ông sẽ tự giải quyết nó một cách chóng vánh và trọn vẹn, để một kẻ thứ ba xen vào thì thật là đáng tiếc. Dẫu vậy, tôi sẽ lấy làm hân hạnh được giúp các ông. Trong khi chờ đợi, tôi muốn gặp viên cảnh sát đã phát hiện ra xác nạn nhân. Các ông có thể cho tôi biết địa chỉ người ấy được không?

Lestrade nhìn vào quyển sổ tay:

- John Rance. Hiện giờ, anh ta đã hết ca làm việc. Ông có thể lại nhà anh ta ở số 46 đường Audley, khu Kennington.

Holmes ghi địa chỉ và bảo tôi:

- Bác sỹ Watson, ta đến gặp anh chàng ấy đi. - Rồi quay sang các nhà thám tử của nước Anh - Đây là một vụ ám sát, và thủ phạm là một người đàn ông. Một người đàn ông lực lưỡng, cao hơn 6 feet, tuổi trung niên. So với tầm vóc thì chân hơi nhỏ. Hấn đi giày mũi vuông, hút xì gà Trichinopoly. Hấn đến đây cùng với nạn nhân trên một chiếc xe ngựa bốn bánh. Con ngựa kéo xe có ba móng sắt cũ và một móng sắt mới ở chân trái trước. Thủ phạm có bộ mặt đỏ gay, móng bàn tay phải của hắn đặc biệt dài.

Hai thám tử nhà nước nhìn nhau với nụ cười hoài nghi. Gregson lên tiếng:

- Nếu vậy, nạn nhân bị giết bằng cách nào?

- Bằng thuốc độc - Holmes trả lời vẫn tắt rồi ra về, nhưng trước khi bước qua ngưỡng cửa, anh còn quay lại nói thêm: - Còn một chi tiết này nữa; ông Lestrade ạ. Rache trong tiếng Đức có nghĩa là trả thù, vậy ông đừng mất thời giờ tìm kiếm cô Rachel làm gì.

Sau ngón đòn nhẹ này, Holmes bỏ về, để lại đằng sau hai địch thủ há hốc mồm nhìn nhau.

Chương 4 : Lời khai của cảnh sát John Rance

Lúc chúng tôi rời ngôi nhà số 3 đường Lauriston thì đã một giờ trưa. Holmes kéo tôi đến trạm bưu điện gần nhất, gửi đi một bức điện dài. Sau đó, anh gọi xe ngựa bảo đánh đến địa chỉ mà Lestrade đã ghi cho.

- Không gì giá trị bằng những nhân chứng trực tiếp. Thực ra, vụ này đã được xác định rồi, nhưng hỏi để biết thêm vài chi tiết cũng không thừa.

- Có thực các chi tiết mà anh vừa nói là đúng không?

- Điều đầu tiên tôi nhận ra ngay khi đến hiện trường là một chiếc xe ngựa đã in bánh thành hai cái rãnh sâu cạnh bờ hè. Trước đêm hôm qua, trời không mưa một tuần. Vậy thì chiếc xe đã để lại vết bánh chỉ có thể đổ ở đây sau cơn mưa đêm qua. Tôi thấy cả các dấu chân một con ngựa. Một trong những vết chân này sắc nét hơn cả ba vết chân khác, điều đó chứng tỏ con ngựa có một chiếc móng mới đóng. Có một chiếc xe ngựa đã đến đây sau khi trời mưa và theo lời Gregson cho biết sáng nay không thấy nó đâu, ta suy ra chiếc xe của hắn đã đến rồi rời đi trong đêm và do đó, nó chính là chiếc xe chở hai người kia đến ngôi nhà.

- Nghe ra khá đơn giản. Nhưng còn về tầm vóc của người hung thủ?

- Có gì đâu! Ta có thể căn cứ vào chiều dài của bước chân mà suy ra chiều cao của người. Tôi đã thấy vết chân của người thứ hai trên lớp đất sét ở ngoài nhà và trên lớp bụi trong gian phòng. Ngoài ra, tôi còn có một cách khác để kiểm tra cách tính của tôi. Khi viết trên tường, người ta thường viết ngang tầm mắt mình. Chữ viết kia, như tôi đo được, ở cách mặt đất đúng 6 feet. Dễ như bỡn, phải không bác sỹ?

- Thế còn tuổi hắc?

- Một người có thể dễ dàng phóng bước 4 feet rưỡi thì không thể là người luống tuổi. Đây cũng là chiều dài của một vũng nước trên lối đi qua vườn mà hắc đã bước qua. Kể đi giày sang trọng cỡ nhỏ đã đi vòng qua vũng nước còn kể đi giày thô mũi vuông thì phóng bước ngang qua. Không có chút gì bí ẩn ở điểm này. Tôi chỉ áp dụng vào trong nếp sống hàng ngày một vài nguyên lý quan sát và suy đoán mà tôi đã nêu lên trong bài báo của tôi thôi. Có điều gì khác anh thấy khó hiểu nữa không?

- Móng tay và xỉ gà?

- Mấy chữ trên tường được viết bằng một ngón tay trở nhúng trong máu. Chiếc kính lúp đã giúp tôi nhận ra là khi viết, ngón tay người này đã cào mạnh lên lớp vữa trát tường, điều này chỉ có thể xảy ra nếu người này có móng tay dài. Tôi tìm thấy rải rác trên sàn một ít tro đen và xốp, chỉ có loại xỉ gà Trichinopoly mới cho một thứ tàn như vậy. Chính những điều vụn vặt vậy làm cho nhà thám tử có tài khác với loài thám tử như Gregson và Lestrade.

- Còn bộ mặt đỏ?

- Bộ mặt đỏ là một kết luận hơi táo bạo. Thôi không nên hỏi nhiều.

Tôi đưa tay xoa trán:

- Đầu tôi xoay như chong chóng. Càng nghĩ càng không biết đâu mà lần. Tại sao hai người ấy lại đến một ngôi nhà bỏ không? Người đánh xe chở họ đến hiện nay ra sao? Làm thế nào người này lại ép buộc được người kia uống thuốc độc? Máu ở đâu ra? Hung thủ giết người để làm gì? Tại sao lại có một chiếc nhẫn phụ nữ? Tại sao hung thủ viết chữ "RACHE" trước khi bỏ chạy?

Bạn tôi nở một nụ cười đồng tình:

- Anh đã tóm tắt ngắn gọn và chính xác những điều nan giải của vụ này. Hãy còn khá nhiều khía cạnh khó hiểu khác nữa. Còn về phát hiện của anh chàng Lestrade kia? Chữ này không phải do một người Đức viết. Nếu anh chú ý, anh sẽ thấy chữ A được viết hơi theo kiểu chữ của người Đức. Thế nhưng, người Đức chính cống bao giờ cũng viết theo dạng chữ Latin, vì vậy ta có thể khẳng định rằng những chữ này không phải do một người Đức viết mà là một kẻ muốn giả làm người Đức, nhưng vụng về. Đây chỉ là một cái mưu nhằm đánh lạc hướng cuộc điều tra. Nhưng thôi, bác sỹ Watson, cắt nghĩa hết các phép thuật của mình thì nhà phù thủy chẳng còn gì là cao tay nữa. Cũng vậy, nếu tôi bày tỏ với anh quá nhiều phương pháp làm việc của tôi, anh sẽ đi đến kết luận là tôi rút cuộc cũng chẳng có gì đặc biệt cả.

- Không khi nào! Anh đã đưa phép suy đoán của anh đến chỗ gần thành một môn khoa học chính xác như chưa từng có trên thế giới này.

Những lời tôi nói và vẻ khâm phục trên nét mặt tôi khiến Holmes đỏ mặt vì sung sướng.

- Tôi xin kể thêm với anh. Kể đi giày cỡ nhỏ và kể đi giày mũi vuông cùng đến trên một chiếc xe, cùng đi trên lối đi qua vườn. Vào nhà, kể đi giày nhỏ đi đi lại lại ngang dọc gian phòng. Tôi có thể đọc thấy điều đó trên lớp bụi, tôi còn có thể đọc được là càng đi,

hắn càng nổi xung lên, có thể thấy rõ ở bước chân ngày một dài của hắn. Khởi đầu ta đã có một điểm xuất phát đúng, vậy phải xúc tiến gấp lên thôi, vì chiều nay tôi muốn đi nghe hòa nhạc.

Câu chuyện giữa hai chúng tôi diễn ra trên chiếc xe ngựa đang lăn bánh. Đến những ngõ ngách bẩn thỉu và gớm ghiếc nhất, chiếc xe bỗng dừng lại.

- Đến chung cư Audley rồi, ở trong kia kìa - Người xà ích chỉ một khoảng hẹp giữa dãy nhà bằng gạch đen sì. - Tôi chờ các ông ở ngoài này.

Lối đi nhỏ hẹp dẫn chúng tôi đến một cái sân gạch hình vuông, xung quanh là những căn nhà nhộp nhúa. Đi qua một nhóm trẻ Con rách rưới và một loạt dây phơi quần áo, chúng tôi tìm đến căn hộ số 46. Bên cửa có một tấm biển nhỏ bằng đồng khắc tên Rance. Hỏi ra, chúng tôi được biết viên cảnh sát đã đi ngủ. Người nhà đưa chúng tôi vào chờ ở gian nhà ngoài. Một lát sau, viên cảnh sát ra tiếp, vẻ hơi cáu kỉnh:

- Tôi đã báo cáo hết ở đồn cảnh sát rồi.

Holmes rút ra một đồng tiền vàng, mân mê với vẻ tư lự:

- Chúng tôi muốn nghe chính anh kể lại.

Viên cảnh sát thay đổi hẳn thái độ:

- Tôi sẵn sàng.

Rance ngồi xuống chiếc ghế đệm, cau mày lại với vẻ mặt của người không muốn để sót một chi tiết nào.

- Ca đi tuần của tôi là từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng. Vào lúc 11 giờ đêm, xảy ra một vụ đánh nhau ở gần quán rượu "Con hươu trắng", ngoài ra khá yên tĩnh. Đến 1 giờ, trời bắt đầu mưa và tôi gặp Harry Murcher, viên cảnh sát đi tuần phía đường Holland Grove. Chúng tôi nói với nhau dăm ba câu chuyện ở góc phố Henryetta. Một lát sau vào khoảng 2 giờ, tôi tự nhủ mình phải đi một vòng về phía đường Briston. Phố xá yên tĩnh. Tôi không gặp ai cả, tuy có thấy một hai chiếc xe. Tôi đi thong thả, vừa đi vừa nghĩ tới một ly rượu. Bỗng nhiên một vạch ánh sáng lọt ra từ cửa sổ một ngôi nhà làm tôi chú ý. Tôi vốn biết hai ngôi nhà ở đường Lauriston vẫn bỏ không. Vì vậy tôi ngờ rằng có một chuyện gì không bình thường, khi tôi vào đến cửa nhà...

- ...Thì anh đứng lại và quay ra chỗ cửa vườn. Tại sao?

- Vâng, đúng thế. Nhưng quái lạ, sao mà ông biết? Khi tôi đến cửa nhà, cảnh vật im lìm và vắng vẻ đến nỗi tôi phải quay trở lại cửa vườn, xem có thấy ngọn đèn tuần tra của Harry không. Nhưng không thấy bóng một ai cả.

- Anh không thấy ai ngoài phố à?

- Không một ai, ngay một con chó cũng không. Lúc bấy giờ, tôi trở lại, đẩy cánh cửa. Cánh cửa mở ra dễ dàng, bên trong hoàn toàn yên tĩnh. Tôi bước vào gian phòng có ánh sáng. Dưới ánh sáng chập chờn của một ngọn nến trên mặt lò sưởi, tôi thấy...

- Được rồi, tôi biết anh thấy những gì rồi. Anh đã đi vòng quanh gian phòng vài ba lần, anh đã quỳ gối xuống bên cạnh xác chết, rồi anh đi ngang qua gian phòng, thử mở cánh cửa gian bếp và...

Rance bật đứng dậy, nét mặt hoảng hốt, con mắt ngờ vực:

- Ông nấp ở chỗ nào mà nhìn thấy hết các hoạt động của tôi?

Holmes cười vui vẻ và đặt tấm danh thiếp của mình lên bàn:

- Chớ bắt giữ tôi về vụ án mạng này. Tôi là một trong những người săn đuổi con mồi chứ không phải là con mồi đâu. Anh kể tiếp đi. Sau đó anh làm gì?

Rance ngồi xuống, chưa bớt bàng hoàng:

- Tôi trở ra cửa, huýt còi. Nghe tiếng còi, Harry và hai viên cảnh sát khác kéo đến.
- Lúc đó ngoài phố vẫn không có ai à?
- Vâng, ít ra là không có ai có thể giúp tôi.
- Anh nói thế là thế nào?

Viên cảnh sát cười nhăn cả mặt:

- Trong đời tôi đã gặp khá nhiều đứa say, nhưng chưa bao giờ thấy ai say như gã này. Gã đứng ngoài cửa khi tôi ở trong nhà bước ra. Tựa người vào hàng rào gỗ, gã hát toáng lên một bài hát quen thuộc ở các quán rượu. Gã đứng cũng không vững, chứ đừng nói đến giúp tôi một tay.

- Gã đó thuộc dạng người như thế nào?

Rance có vẻ khó chịu trước câu hỏi lạc đề:

- Tôi đã bảo gã là gã say mềm mà, sau khướt, không biết trời đất là gì nữa. Nếu chúng tôi không vướng tay vào vụ này thì đã đưa gã về đồn rồi.

- Mặt gã thế nào? Gã mặc quần áo gì? Anh có thấy điều gì đặc biệt không? - Holmes nôn nóng ngắt lời anh ta.

- Chắc là không có gì đặc biệt, vì tôi và Harry phải đỡ gã. Người gã cao lớn, mặt đỏ.

- Thôi đủ rồi, sau đó ra sao?

- Lúc bấy giờ chúng tôi đâu có rỗi rãi để mà bận tâm đến gã. - Viên cảnh sát trả lời với vẻ méch lòng. - Tôi cam đoan là gã đi ngay về nhà.

- Gã mặc quần áo gì?

- Áo khoác ngoài màu nâu.

- Tay có cầm cái roi phải không?

- Roi à? Không.

- Hẳn ta đã bỏ quên. - Bạn tôi lẩm bẩm. - Sau đấy anh không nghe thấy hoặc nhìn thấy một chiếc xe ngựa nào à?

- Không.

- Xin đãi ông bạn đồng tiền vàng này - Holmes đứng dậy, tay cầm lấy mũ. - Anh Rance này, đêm qua lẽ ra anh đã giết được lon đội trưởng rồi đấy. Gã say rượu là người nắm giữ cái chìa khóa tìm ra vụ bí mật này. Chúng tôi đang tìm hấn. Thôi, ta đi đi bác sỹ!

Chúng tôi trở ra xe, để mặc viên cảnh sát ngồi ngẩn người và lo lắng. Trong chiếc xe chạy về phố Baker, Holmes nói, giọng ngao ngán:

- Dịp may có một không hai đã đến với hấn mà hấn để tuột mất.

- Tôi vẫn thấy tối như bưng. Đúng là hình dáng gã say rượu kia rất khớp với sự miêu tả của anh về nhân vật thứ hai trong tấn bi kịch. Nhưng tại sao hấn quay trở lại ngôi nhà sau khi đã bỏ đi rồi. Đó không phải là thói thường hành động của bọn tội phạm.

- Chiếc nhẫn, bác sỹ ạ, vì chiếc nhẫn. Đó là lý do vì sao nó quay lại. Nếu ta không tìm được cách nào khác để tóm cổ nó, ta có thể bắt nó bằng chiếc nhẫn. Rồi tôi sẽ tóm cổ được nó tôi đánh cược với anh đấy. Thôi, bây giờ, ta đi ăn cơm trưa rồi còn đi nghe hòa nhạc.

Chương 5. Cuộc viếng thăm của người khách lạ.

Các hoạt động trong buổi sáng hôm đó là quá nhiều, cho nên đến chiều, tôi thấy mệt. Holmes, đi nghe hòa nhạc một mình còn tôi nằm dài trên chiếc đi-văng, cố chợp mắt lấy một vài tiếng, nhưng không sao ngủ được. Trí óc tôi bị kích thích quá mạnh vì những sự Việc đã diễn ra và chứa đầy những giả thiết, những điều tưởng tượng kỳ quái nhất.

Càng nghĩ, tôi càng thấy giả thiết của Holmes cho rằng nạn nhân đã bị đầu độc là kỳ quái. Nhưng nếu nạn nhân không phải chết vì thuốc độc thì vì cái gì, bởi lẽ trên cơ thể không có một thương tích nào cả. Và máu trên sàn là máu của ai? Chừng nào những câu hỏi ấy chưa được giải đáp, tôi cảm thấy giấc ngủ khó mà đến được. Holmes vắng nhà khá lâu. Anh không thể nào ở nơi hòa nhạc tất cả gần ấy thời gian. Bữa ăn tối dọn ra xong, anh mới về.

- Thật là kỳ thú - Holmes vừa nói vừa ngồi vào bàn ăn - Darwin cho rằng khả năng tạo ra âm nhạc và thưởng thức âm nhạc đã tồn tại ở con người từ lâu, trước khi con người biết nói. Có thể vì lẽ ấy mà ngày nay chúng ta chịu ảnh hưởng êm ái của âm nhạc. Trong tâm hồn chúng ta còn lưu lại những ký ức mơ hồ về những thời kỳ mông muội ấy.

- Đó là một tư tưởng rất vĩ đại - Tôi nhận xét.

- Tư tưởng của chúng ta phải vĩ đại ngang tầm với tự nhiên khi ta muốn tìm hiểu tự nhiên. Nhưng sao thế? Vụ án mạng làm anh bồn chồn à?

- Đúng thế.

- Tôi hiểu tâm trạng anh. Trong vụ này có một khía cạnh bí ẩn nó kích thích trí tưởng tượng. Khi mà trí tưởng tượng không bị kích thích thì ta không thấy khủng khiếp. Anh đã đọc báo buổi chiều chưa?

- Chưa.

- Bài tường thuật không kể lại chi tiết khi người ta nhát xác nạn nhân lên thì có một chiếc nhẫn rơi ra. Không nói đến chiếc nhẫn càng hay.

- Vì sao?

- Anh hãy đọc lời nhắn tin này. Sáng nay tôi đã gửi đăng trên các báo, ở mục "Của rơi": "Đã nhặt được một chiếc nhẫn cưới trên đường Briston, đoạn từ quán rượu "CON HƯƠU TRẮNG" đến góc phố Holland Grove. Ai đánh rơi, mời đến gặp bác sỹ Watson ở số nhà 221B, phố Baker nhận về, từ tám giờ đến chín giờ tối nay.

- Tôi xin lỗi đã mượn tên anh. Nếu dùng tên tôi thì thế nào một trong hai tên ngốc kia cũng nhận ra và lại dính vào đây.

- Không sao cả. Nhưng nhờ có ai đến, tôi lại không có chiếc nhẫn nào.

- Ô, có chứ, nhẫn đây! Holmes đưa cho tôi một chiếc nhẫn. Chiếc nhẫn này được đây chứ, giống chiếc kia như in.

- Ai sẽ đến xin lại của rơi này?

- Còn ai vào đây! Kẻ mặc chiếc áo khoác ngoài màu nâu, có bộ mặt đỏ đi giày mũi vuông. Nếu hắn không đích thân đến thì hắn sẽ phái một tên đồng lõa.

- Liệu hắn có cho là quá nguy hiểm không?

- Không đâu! Con người ấy dám liều mọi chuyện hơn là để mất chiếc nhẫn. Theo tôi, hắn đã đánh rơi chiếc nhẫn khi cúi xuống trên xác nạn nhân. Lúc ra khỏi nhà, hắn thấy mất chiếc nhẫn nên vội vã quay lại, nhưng lúc ấy cảnh sát đã tới vì hắn vô ý để ngọn nến vẫn cháy. Lúc bấy giờ hắn đã phải giả vờ say để đánh tan mọi nghi ngờ do

sự Có mặt của hắn. Hắn cho rằng mình đã đánh rơi chiếc nhẫn sau khi ra khỏi nhà. Trong trường hợp đó, hắn sẽ làm gì? Hắn sẽ hỏi hỏi tìm đọc các mục đăng "CỬA RƠI". Hắn sẽ mừng lắm. Việc gì hắn phải sợ bị bắt. Hắn sẽ đến cho mà xem. Trong vòng một giờ nữa.

- Rồi sao nữa?

- Ô, khi ấy, anh có thể để mặc tôi với hắn. Anh có súng đấy không?

- Tôi còn giữ khẩu súng ngắn với mấy viên đạn.

- Anh nên lau chùi và nạp đạn vào. Ta sẽ gặp một con người rất liều mạng.

Tôi về phòng riêng và làm theo lời khuyên của Holmes. Khi trở lại với khẩu súng, tôi thấy bàn ăn đã được dọn sạch và Holmes đang bận với môn giải trí ưa thích của mình: gảy dây đàn vĩ cầm. Thấy tôi vào, anh nói:

- Câu chuyện thêm nhiều chi tiết đậm đà. Tôi vừa mới nhận được điện trả lời từ Mỹ. Cách nhìn nhận vấn đề của tôi đã được xác nhận là đúng.

- Cụ thể là...? Tôi sốt sắng hỏi.

- Cất súng đi. Khi nhân vật của chúng ta xuất hiện, anh hãy nói chuyện với hắn một cách bình thường và để mặc tôi xử sự. Đừng làm hắn hoảng lên bằng những lời quá gay gắt.

- Bây giờ đã 8 giờ rồi.

- Được, hắn sẽ tới trong vài phút nữa. Anh hé mở cánh cửa một chút. Thế được rồi. Bây giờ anh tra chìa khóa vào ổ khóa trong đi. Cảm ơn! A! Nhân vật của chúng ta đến kia rồi.

Trong lúc anh nói, tôi nghe tiếng chuông giật mạnh. Holmes nhẹ nhàng đứng dậy, kê lại ghế của mình gần cửa. Có tiếng chân người hầu vang lên trong phòng tiền sảnh, tiếng chìa khóa vặn trong ổ khóa và tiếng cửa mở. Một giọng thanh thanh nhưng khá rần rỏi:

- Đây có phải là nhà bác sỹ Watson không?

Chúng tôi không nghe thấy câu trả lời của người hầu, nhưng cánh cửa khép lại và có người bước lên cầu thang. Bước chân ngập ngừng, dè dặt. Holmes lắng tai nghe, có vẻ hơi ngạc nhiên. Có ai đó bước chậm chạp ngoài hành lang rồi gõ cửa khe khẽ.

- Mời vào! Tôi hét to.

Sau lời mời của tôi, một bà cụ rất già, da nhăn nheo, bước vào. Bà cụ hình như bị chói mắt vì ánh sáng trong phòng. Bà cúi đầu xuống chào rồi cứ đứng nhìn chúng tôi với con mắt hấp háy đầy ghen, bàn tay run rẩy lục tìm cái gì trong túi. Tôi liếc nhanh nhìn Holmes. Nét mặt anh biểu lộ một vẻ thất vọng. Bà lão rút trong túi ra một tờ báo:

- Thưa các ông quý hóa, tôi đọc được mẩu tin này trên báo nên mới đến - Bà lão lại cúi chào một lần nữa - Đó là chiếc nhẫn của con gái tôi, tên nó là Sally, nó lấy chồng cách đây một năm và chồng nó hiện đang làm việc trên tàu thủy. Chồng nó sẽ nói sao khi về thấy vợ không còn chiếc nhẫn cưới nữa. Thằng đó vốn là một đứa không thuần tính, nhất là khi rượu vào. Thưa hai ông, con gái tôi tới qua nó đi xem xiếc với...

- Đây có phải là chiếc nhẫn của cô ấy không? - Tôi hỏi và đưa chiếc nhẫn ra.

- Xin tạ ơn chúa! Tối nay, con Sally sẽ mừng lắm đấy. Đúng là chiếc nhẫn của nó.

- Nhà cụ ở đâu? Tôi hỏi và cầm lấy bút chì.

- Số 13 phố Duncan khu Houndsditch. Xa đây lắm và đi mệt lắm.

Giọng Holmes đánh lại:

- Không có rạp xiếc nào từ Briston đến khu Houndsditch cả.

Bà cụ quay sang Holmes, nhìn chăm chăm:

- Ông này hỏi nhà tôi. Còn nhà Sally thì ở số 3 khu Mayfield đường Peckham.

- Tên cụ là gì?

- Tên tôi là Sawyer, chồng nó là Dennis, Tom Dennis, một đứa nhanh nhẹn và khá ngoan khi ở biển, ai nấy đều quý hóa. Nhưng khi nó lên bờ thì ôi dào, rượu chè, trai gái

- Cụ Sawyer - Tôi ngắt lời bà cụ khi thấy Holmes ra hiệu. - Chiếc nhẫn này đúng là của con gái cụ, tôi rất vui lòng trả lại cho chủ của nó.

Lầm bầm mãi những lời cảm ơn và chúc tụng, bà cụ cất chiếc nhẫn vào trong túi rồi lại lê chân bước xuống thang gác. Holmes lao vội về buồng anh khi bà cụ vừa ra khỏi phòng. Vài giây sau, anh trở lại, người trùm trong chiếc áo măng-tô lớn và một cái khăn quàng kín cổ kín mũi.

- Tôi đi theo bà lão đấy. Anh chờ tôi ở nhà nhé.

Cổng nhà vừa khép lại sau lưng người khách già thì Holmes đã xuống hết cầu thang. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy bà già đang bước chậm chậm qua đường và bạn tôi ở cách đó không xa. Lúc Holmes đi, kim đồng hồ chỉ 9 giờ tối. Tôi ngồi hút thuốc và đọc sách. Chuông đồng hồ điểm 10 giờ, tôi nghe tiếng chân những người hầu gái đi ngủ. Mười một giờ, đến lượt tiếng chân rần rở hơn của bà chủ nhà lên giường. Gần nửa đêm thì có tiếng mở khóa cửa. Holmes vừa mới thò đầu vào buồng, tôi đã thấy ngay là hỏng việc. Nét mặt Holmes có vẻ vừa buồn cười vừa bức bối, hai tâm trạng đó hình như vật lộn với nhau cho đến khi vẻ buồn cười thắng thế thì anh bật cười thành tiếng, buông mình xuống chiếc ghế bành, tự giễu mình:

- Giá mà Scotland Yard biết chuyện này, họ sẽ được một trận cười chế nhạo.

- Có chuyện gì vậy?

- Khi đi được một đoạn đường thì mụ già bắt đầu đi khập khiễng, lộ rõ là đau chân. Được một quãng nữa, mụ đứng lại, gọi một chiếc xe ngựa ngang qua. Tôi vội mon men đến gần, nhưng lo như vậy là thừa, vì mụ nói to đến nỗi đứng ở bên kia đường cũng nghe rõ. Mụ hét lên: "Cho tôi đến nhà số 14 phố Duncan, khu Houndsditch". Tôi nghĩ bụng mụ này xem ra có vẻ ngay thật đấy. Khi đã thấy rõ ràng mụ ngồi vào trong chiếc xe rồi, tôi mới thu mình nhảy lên ngồi nấp trong nhíp xe: đây là một trò mà nhà thám tử nào cũng sở trường. Thế rồi xe chạy, chạy mãi, không dừng lại một giây nào cho đến khi tới phố Duncan. Sắp đến nhà, tôi từ chỗ ngồi nhảy xuống, đi vắn vơ ngoài phố, người đánh xe nhảy xuống. Sấn lại gần, tôi thấy hắn đang tức tối xem xét khoang xe trống không và tuôn ra một tràng câu chửi. Đến hồi nhà số 13 tôi được biết chủ nhà là một người làm bánh ngọt tên là Keswick và ông chưa nghe đến tên Sawyer lẫn Dennis bao giờ.

Tôi kinh ngạc :

- Mụ già đã chuồn khỏi xe trong khi xe đang chạy mà anh và người đánh xe đều không biết?

- Để cho bị lừa như vậy chính chúng ta mới là bà già. Đó chắc là một gã trai trẻ, nhanh nhẹn, đóng kịch giỏi, cải trang khéo. Có lẽ hắn biết hắn bị theo dõi nên đã dùng cái mẹo ấy để lừa tôi. Điều đó chứng tỏ rằng nhân vật mà chúng ta tìm kiếm có những người bạn tài ba. Thôi bây giờ, anh có vẻ mệt đấy, bác sỹ ạ. Anh nên đi ngủ đi.

Tôi để Holmes ngồi một mình bên lò sưởi, và rất khuya tôi còn nghe thấy những âm thanh nỉ non khe khẽ trên cây đàn của anh. Tôi biết anh đang suy ngẫm về bài toán kỳ quặc mà anh muốn giải đáp.

Chương 6. Greson tìm thấy gì.

Các báo hôm sau đăng đầy những bài viết về "vụ án bí ẩn ở Briston". Dưới đây là nội dung tóm tắt của một số bài.

Tờ "Tin điện hằng ngày" nhận xét:

"Trong lịch sử khoa hình sự, chưa mấy khi xảy ra một tấn bi kịch với những tình tiết kỳ quặc hơn thế. Nạn nhân mang tên Đức, những chữ bằng máu trên tường, động cơ ám sát không có. Tất cả những chi tiết ấy cho thấy án mạng này là do những kẻ tị nạn chính trị và những kẻ hoạt động xã hội gây ra. Các đảng phái cấp tiến có nhiều chi nhánh hoạt động tại Mỹ, và nạn nhân có lẽ đã vi phạm các luật lệ không thành văn của các đảng phái ấy nên đã bị trừng trị".

Bài báo kết thúc bằng lời khiển trách chính phủ và yêu cầu chính phủ giám sát chặt chẽ hơn các ngoại kiều trú ngụ trên đất Anh.

Tờ "Lá Cờ" bình luận:

"Những vụ trọng án như vụ này đã diễn ra dưới một chính thể tự do. Chúng sinh ra từ sự hỗn tạp trong dân chúng và sự suy yếu của chính quyền. Nạn nhân là một người Mỹ đã sinh sống ít lâu tại London. Ông ta đã ở trọ một thời gian tại nhà bà Charpentier khu Camberwell. Thư ký riêng của ông ta là Stangerson đã cùng đi với ông ta trong các chuyến đi. Hai người đã từ biệt bà chủ trọ hôm thứ ba, ngày mùng 4 tháng này và đã đi ra ga Euston để đón chuyến tàu tốc hành đi Liverpool. Sau đó ít lâu, người ta thấy hai người đứng với nhau trên sân ga. Sau nữa thì không biết gì về họ cho đến khi người ta tìm thấy xác ông Drebber trong một ngôi nhà bỏ trống trên đường Brixton cách nhà ga Euston hàng mấy dặm đường. Nạn nhân đã đến đây bằng cách nào và đã chết như thế nào? Những câu hỏi này hãy còn nằm trong màn bí mật. Chúng tôi vui mừng được biết các thanh tra Gregson và Lestrade đã cùng bắt tay vào vụ án và tin rằng hai quan chức mẫn cán và tài năng ấy sẽ sớm rọi sáng vào vụ khó hiểu này".

Tờ "Tin Hàng Ngày" kết luận:

"Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một vụ án chính trị. Sự chuyên chế của chính quyền các nước ở lục địa châu Âu đã xua đuổi về bờ biển nước ta nhiều người có thể trở thành những công dân tốt nếu họ không bị ám ảnh kích động bởi những ký ức về những nỗi đau khổ và gian truân của họ. Trong đám người ấy có một luật lệ hết sức nghiêm ngặt, nó kết án tử cho bất cứ ai vi phạm nó. Cần phải tìm cho ra viên thư ký Staggerson để hỏi một số chi tiết liên quan đến nạn nhân. Cuộc điều tra đã tiến được một bước khi tìm ra được địa chỉ nhà trọ của nạn nhân. Sự khám phá ấy hoàn toàn nhờ tài năng của ông Gregson".

Holmes và tôi rất buồn cười khi đọc những dòng này.

- Tôi đã bảo với anh mà, anh dù có thế nào, Lestrade và Gregson vẫn được tán dương. Một anh ngốc bao giờ cũng tìm được một anh ngốc hơn để khâm phục mình.

- Nhưng gì thế này - Tôi kêu lên thì vừa vặn lúc ấy có nhiều tiếng bước chân ở dưới nhà cùng với những lời gất gỏng của bà chủ nhà.

- Đó là đội cảnh sát nghiệp dư ở phố Baker. - Holmes nghiêm trang trả lời. Cùng lúc đó khoảng hơn một chục đứa trẻ lem luốc, ủa vào phòng chúng tôi.

- Nghiêm - Holmes hô lên và bọn trẻ con xếp thành hàng như một dãy những bức tượng nhỏ- Lần sau các cháu đợi cả ở ngoài phố nhé, chỉ để cho một mình Wiggins lên báo cáo thôi. Wiggins có tìm thấy không?

- Không ạ, chúng cháu chưa tìm ra! - Một đứa trong bọn trẻ thưa.

- Kém thế! Tiếp tục đi cho đến khi tìm ra. Tiền thù lao đây - Holmes chia cho mỗi đứa 1 shilling - bây giờ, các cháu hãy tỏa nhanh đi khắp nơi rồi trở về đây với một báo cáo có kết quả hơn.

Bọn trẻ chạy ào xuống cầu thang, một lát sau đã nghe thấy tiếng chúng léo nhéo ngoài phố.

- Mấy đứa trẻ này còn hữu ích hơn một tá cảnh sát. Nhìn thấy ai có vẻ là người nhà nước, người ta đã lo giữ miệng rồi. Trái lại, bọn trẻ này len lỏi được khắp mọi nơi và nghe được đủ mọi chuyện. Chúng không bị ai để ý và luồn lách nhanh như chạch.

- Anh sử dụng chúng cho vụ Briston đấy à?

- Đúng. Có một điểm tôi muốn tìm hiểu. Đây chỉ là vấn đề thời gian, rồi thế nào cũng ra. Thế nào? Ai kia như Gregson ngoài phố. Anh ta mang hai chữ "hơn hờ" ghi từng nét trên mặt. Anh ta đến chỗ ta đây.

Có tiếng chuông giật mạnh và vài ba giây sau, nhà thám tử có mái tóc vàng lên cầu thang, bước ba bậc một, và lao vào phòng chúng tôi như một tia chớp. Gregson vỗ lấy tay Holmes, siết chặt và reo lên:

- Ông Sherlock Holmes thân mến, ông hãy khen ngợi tôi đi. Tôi đã làm sáng tỏ hết, rõ như ban ngày.

Hình như có một thoáng lo lắng lướt qua gương mặt diễn cảm của bạn tôi. Holmes hỏi:

- Ông muốn nói là ông đã tìm được hướng đúng rồi à?

- Hướng đúng!Ồ, chúng tôi đã tóm được hung thủ rồi.

- Tên hắn là gì?

- Arthur Charpentier, thiếu úy hải quân - Gregson dài giọng, ưỡn ngực, xoa hai tay vào nhau.

Holmes thở phào, hé nở một nụ cười và nói:

- Mời ông ngồi và thử một miếng xì gà đi. Chúng tôi rất muốn biết ông đã tiến hành công việc như thế nào. Ông dùng một cốc whisky pha nước nhé.

- Xin vâng. Những nỗ lực ghê gớm mà tôi đã phải bỏ ra trong hai ngày qua làm tôi bài hoại cả người.

- Chúng tôi rất hân hạnh được ông quá bộ đến chơi - Holmes nói, giọng nghiêm trang - Xin ông cho biết ông đã làm thế nào để đi đến kết quả hết sức đáng khen ấy.

Gregson ngồi sâu trong chiếc ghế bành, khoan khoái rít xì gà, rồi bỗng nhiên vỗ đùi đánh tét một cái:

- Trong vụ này, anh chàng Lestrade ngốc nghếch cứ tưởng mình khôn ngoan, đã hoàn toàn đi nhầm đường. Anh ta đi tìm viên thư ký Stangerson mà Stangerson thì dính líu đến vụ này không hơn gì một đứa trẻ chưa ra đời. Hắn bây giờ Lestrade đã tóm cổ hắn rồi.

Ý nghĩ ấy khiến cho Gregson cười sằng sặc mãi.

- Ông đã tìm ra hướng của ông như thế nào? - Holmes hỏi.

- Khó khăn đầu tiên đặt ra với tôi là tìm cho ra tung tích nạn nhân. Có người cứ ngồi ở nhà chờ người ta đọc các lời nhắn tin của mình trên báo mà đến cung cấp tin tức cho

mình. Gregson thì không làm việc như thế. Ông bác sỹ, ông còn nhớ chiếc mũ bên cạnh nạn nhân không?

- Có, chiếc mũ của cửa hàng Underwood và con số 129, đường Camberwell - Holmes trả lời.

- Tôi tưởng ông không để ý. Ông đã đến cửa hàng chưa? - Gregson chột dạ, hỏi.

- Tôi không đến - Holmes đáp.

- À - Gregson thở phào yên tâm - Chớ bao giờ coi thường một cơ hội, dù là nhỏ.

- Đối với bộ óc lớn không có gì là nhỏ - Giọng Holmes triết lý.

- Đúng thế! Tôi đến cửa hàng Underwood hỏi chủ hiệu, xem ông ta đã bán cho ai một chiếc mũ kiểu như vậy. Chủ hiệu xem sổ sách cho thấy người mua tên là Drebber, trọ tại nhà bà Charpentier.

- Giỏi lắm, rất giỏi! - Holmes khẽ nói.

- Tôi đến gặp bà Charpentier. Tôi thấy bà ta mặt tái mét và buồn rầu. Cô con gái hai mắt đỏ hoe và miệng run rẩy khi nghe tôi hỏi chuyện. Chi tiết ấy không thoát khỏi con mắt quan sát của tôi. Ông Sherlock Holmes, ông biết đấy khi ta dò đến gần hướng đúng...các dây thần kinh của ta như run lên. Tôi mới hỏi hai mẹ con: "Bà và cô biết gì về cái chết của ông Drebber không?". Người mẹ gật đầu. Cô con gái òa khóc. Tôi hỏi:

- Ông Drebber rời nhà bà ra tàu vào lúc mấy giờ?

Bà ta cho biết là vào lúc tám giờ. Người thư ký của ông ấy là Stangerson nói có hai chuyến tàu, một chuyến chạy vào lúc 9 giờ 15 và chuyến kia vào lúc 11 giờ. Họ phải kịp chuyến thứ nhất.

- Đó là lúc bà gặp ông ta lần cuối cùng phải không? - Tôi lại hỏi.

Người mẹ có vẻ hốt hoảng. Mấy giây sau bà ta mới nói lên được một tiếng "vâng". Mấy phút im lặng trôi qua, cô con gái nói:

- Mẹ ạ, ta nên nói thẳng với quý ông đây. Chúng tôi đã lại gặp ông Drebber.

Bà Charpentier giơ hai tay lên trời, gieo mình xuống ghế, kêu lên:

- Cầu chúa tha tội cho con! Con giết anh con đó!

- Anh Arthur muốn ta nói thẳng ra sự thật - Cô con gái đáp với giọng rần rở.

Tôi bảo họ:

- Bà và cô nên kể hết với tôi. Những lời khai nửa vời còn tệ hại hơn là không khai gì cả.

Bà mẹ mắng con:

- Mong sao tai họa rơi xuống đầu mày - Rồi quay sang tôi: - Tôi xin kể hết. Ông đừng nghĩ rằng tôi đang lo cho thằng con trai tôi. Nó hoàn toàn vô tội. Tôi lo là lo rằng dưới con mắt ông và con mắt người khác, nó có thể bị coi có liên can. Dù sao, chắc chắn là không thể nào có chuyện đó. Tính tình nó, nghề nghiệp nó, những hành vi đã qua của nó sẽ chứng minh cho nó.

- Tốt nhất là bà đừng có giấu giếm gì hết. Hãy tin rằng nếu con bà vô tội thì không vì thế mà nó có tội đâu.

Bà mẹ bao con gái:

- Có lẽ con để mặc mẹ với ông khách thì hơn - Cô con gái đi ra và bà nói tiếp: -

Thưa ông, tôi không có ý định kể với ông, nhưng vì con gái tôi đã nói hờ, tôi không còn cách nào khác.

- Đó là điều tốt nhất. - Tôi nói.

- Ông Drebber đã ở trọ nhà tôi trong ba tuần cùng với người thư ký là ông Stangerson. Ông này là một người điềm tĩnh, kín đáo, nhưng ông chủ của ông ta, thì thô lỗ, hung tợn. Ngay tối hôm đầu đến trọ, ông ấy đã tỏ ra rất xấu tính. Ông ấy có những cử chỉ và lời ăn tiếng nói sàm sỡ với các chị hầu. Và với cả con gái tôi. Có lần, bất thần ông ấy ôm chặt lấy nó và hôn nó.

- Việc gì bà phải chịu đựng những chuyện ấy. Tôi nghĩ bà có thể tổng khứ họ đi chứ?

- Lạy Chúa! Giá mà tôi không nhận cho ông ấy trọ ngay sau tối đầu tiên! Nhưng ông ấy trả tiền trọ cao, mà hiện nay đang là mùa vắng khách! Tôi ở góa, thằng con trai tôi trong hải quân tốn kém cho tôi lắm. Vì vậy tôi cố chịu đựng. Nhưng sự lãng mạn cuối cùng này thì quá lắm. Vì thế, tôi đã bảo ông ấy đi tìm chỗ trọ khác. Và hai thầy trò ông ấy đã bỏ đi.

- Rồi sao nữa?

- Nhìn họ ra đi, tôi thấy nhẹ người. Thằng con trai tôi lúc này đang nghỉ phép. Tôi không hé răng với nó về chuyện này vì tính nó nóng nảy và rất quý em gái. Nhưng! Không đến một giờ sau, có người giật chuông ngoài cửa và tôi thấy ông Drebber quay lại. Ông ấy cứ xông vào buồng nơi tôi đang ngồi với con gái tôi, làu bàu những câu không đầu không đuôi, đầu như nói về chuyến tàu mà ông ấy nhớ thì phải. Sau đó ông ấy quay qua con gái tôi, rủ nó đi trốn. Con gái tôi hoảng sợ, toan bỏ đi, nhưng ông ấy nắm lấy cổ tay nó, cố kéo nó về phía cửa. Tôi kêu lên và đúng lúc ấy thằng Arthur chạy đến. Chuyện gì đã diễn ra lúc bấy giờ, tôi không biết nữa. Tôi nghe thấy những lời chửi rủa và tiếng xô xát. Tôi sợ quá, không dám ngẩng đầu lên. Đến khi dám nhìn thì tôi thấy con trai tôi đang đứng ở giữa cửa, tay cầm một cái gậy, cười to. Nó nói: "Thằng này chừa rồi, không dám quấy rầy nhà mình nữa đâu. Để con đi theo xem nó ra sao". Sau đó, nó cầm lấy mũ và ra đi. Sáng hôm sau, chúng tôi nghe tin ông Drebber đã chết một cách bí ẩn.

Lời khai ấy do chính mồm bà Charpentier nói ra kèm theo những tiếng thở dài và những chỗ ngắt quãng. Tôi đã ghi bằng tốc ký lời khai của bà ấy để khỏi có sự nhầm lẫn sai sót.

- Rất lý thú - Holmes nói và cố ghì một cái ngáp - Rồi sau ra sao?

- Khi bà Charpentier khai xong, tôi thấy vụ này quy lại còn có mỗi một điểm. Tôi chiếu luồng mắt của mình vào bà ta theo cách mà tôi thường thấy có hiệu quả đối với phụ nữ, tôi hỏi con trai bà ta về nhà lúc nào.

- Thưa, tôi không biết.

- Bà không biết à?

- Vâng, nó có chìa khóa cửa riêng.

- Nó về sau khi bà đã đi ngủ?

- Vâng.

- Bà đi ngủ vào lúc mấy giờ?

- Khoảng mười một giờ.

- Như vậy con trai bà đã vắng nhà ít nhất hai giờ?

- Vâng.

- Cũng có thể là vắng bốn hoặc năm giờ?

- Vâng.

- Nó đã làm gì trong thời gian ấy?

- Tôi không biết - Bà ta trả lời, mặt lại tái đi.

Cổ nhiên, sau đó tôi đã tìm ra thiếu úy Arthur. Tôi đem theo hai viên cảnh sát và đã bắt giữ hắn. Khi tôi đụng vào vai hắn, hắn hỏi tôi, hãy còn hăng như một con gà chọi:

- Chắc ông bắt tôi vì tội đồng lõa trong cái chết của tên vô lại Drebber chứ gì?

Chúng tôi đã nói gì với hắn đâu mà hắn đã đoán ra. Câu hỏi ấy, rõ là rất đáng ngờ.

- Rất đáng ngờ - Holmes đồng tình,

- Hắn còn giữ cái gậy to mà theo lời khai của mẹ hắn, hắn đã cầm khi đuổi theo Drebber. Một cái gậy to bằng gỗ sồi.

- Vậy giả thiết của ông là thế nào?

- Hắn đã theo Drebber đến tận đường Briston. Đến đấy, giữa hai người lại cãi nhau nữa, và trong lúc xô xát, Drebber bị một gậy vào bụng, và chết ngay tức khắc, không để lại dấu vết gì. Đêm hôm ấy trời mưa, đường vắng nên Arthur đã lòi xác nạn nhân đến tận ngôi nhà trống. Còn về ngọn nến, những vết máu và chữ viết trên tường, chẳng qua chỉ là những cái mẹo nhằm đánh lạc hướng nhà chức trách thôi.

- Rất hay! - Holmes khích lệ - Ông Gregson, quả thực ông tiến bộ đấy. Ông sẽ còn đi xa hơn nhiều.

Nhà thám tử trả lời với vẻ kiêu hãnh:

- Tôi tự hào là đã giải quyết vụ án này khá suôn sẻ. Gã thanh niên khai ngay rằng hắn đi theo Drebber được một lúc thì Drebber phát hiện ra hắn và nhảy lên một chiếc xe để bỏ xa hắn. Điều làm tôi thích thú là Lestrade đang lao theo một hướng tắc tị. Ông ta sẽ chẳng thu lượm được gì nhiều. Nhưng, ờ kìa, thiêng chưa, vừa nói đến thì ông ấy đã xuất hiện.

Quả vậy, Lestrade đi lên cầu thang trong khi chúng tôi mãi chuyện trò, và bây giờ ông đã ở trong phòng. Về tự tin và ung dung thường có của ông, nay đã biến đi đâu mất. Nét mặt lo lắng, quần áo xộc xệch, rõ ràng Lestrade đến với ý định nhờ Holmes giúp đỡ, và khi nhận ra đồng nghiệp của mình cũng có mặt ở đây, Lestrade tỏ ra ngại ngùng, lúng túng. Lestrade đứng như trời trồng giữa phòng, tay mân mê chiếc mũ không biết để đâu, cuối cùng nói:

- Đây quả là vụ án cực kỳ khác thường, không tài nào hiểu được.

- A! Ông tưởng thế à, ông Lestrade? - Giọng Gregson đắc thắng - Tôi cũng đã đoán rằng ông sẽ đi đến kết luận ấy. Ông có tìm được viên thư ký Stangerson không?

- Viên thư ký Stangerson - Giọng Lestrade nghiêm trọng - Đã bị ám sát vào lúc 6 giờ sáng nay tại khách sạn Holiday.

Chương 7 : Một tia sáng trong đêm tối

Cả ba chúng tôi đều sống ngơ ngác. greson bật dậy khỏi ghế đánh đổ chỗ rượu uity-ki còn sót trong ly. Tôi lặng lẽ nhìn holmes, thấy anh mím môi, cau mày lăm lăm:

- Câu chuyện thêm rắc rối.

- Mà nó đã khá rắc rối rồi – lestrade lau bầu, ngồi xuống ghế - Tôi đến đúng lúc mọi người đang bàn luận thì phải.

- Nay, ông lestrade, tin ấy có ...chính xác không? – greson đáp ứng hỏi.

- Tôi vừa mới có mặt ở phòng của Stanggerson. Tôi là người đầu tiên thấy xác ông ấy.

- Chúng tôi vừa mới được nghe cách hình dung vấn đề của ông greson – holmes nói – Ông lestrade, ông có thể cho chúng tôi biết ông đã thấy và đã làm những gì không?

- Tôi thú nhận là tôi nghi Stanggerson có dính líu vào cái chết của Drebber. Vì vậy nên tôi cố tìm ra tông tích viên thư ký. Ngày mùng 3, người ta thấy hai thầy trò họ đứng cùng với nhau tại nhà ga Euston vào lúc tám giờ rưỡi. Đến hai giờ sáng thì thấy xác Drebber tại đường Brixton. Vấn đề đặt ra với tôi là đi xác định xem Stanggerson đã làm gì và sau đó anh ta làm gì. Tôi đã đánh điện đi Liverpool, miêu tả hình dáng Stanggerson và yêu cầu cảnh sát sở tại kiểm tra các tàu biển nhỏ neo đi Mỹ. Sau đó, tôi sục sạo tất cả các khách sạn, các quán trọ xung quanh nhà ga Euston. Tôi tự bảo rằng nếu hai người chia tay nhau thì Stanggerson sẽ đi kiếm một khách sạn khu vực lân cận để qua đêm và sáng hôm sau trở lại nhà ga.

- Rất có thể hai người đã hẹn trước với nhau ở một nơi nào đó – holmes đưa ra ý kiến của mình.

- Đúng thế. Tôi đã mất cả tối hôm qua đi điều tra mà không kết quả. Sáng nay, tôi lại bắt tay vào việc từ sớm và khoảng tám giờ, tôi đến khách sạn Holiday. Khi tôi hỏi trong khách sạn có người khách nào tên là Stanggerson không thì người ta trả lời là có.

- Ông là người mà ông ta đang chờ phải không? – Người ta hỏi tôi – Ông ấy chờ một người từ hai hôm nay.

- Hiện thời ông ấy ở đâu?

- Đang ở trong phòng ông ấy, trên gác. Ông ấy yêu cầu chúng tôi lên gọi ông ấy vào chín giờ sáng.

Chú bé đánh giày trong khách sạn dẫn tôi đến phòng Stanggerson, chỉ cho tôi cửa phòng và toan đi xuống thì tôi bỗng nhìn thấy một dòng máu đỏ rỉ qua khe cửa, chảy ngang qua hành lang và đọng lại thành một vũng nhỏ dọc tấm gỗ lát chân tường, mé bên kia hành lang. Tôi kêu lên một tiếng và chú bé đánh giày quay lại. Cửa buồng khóa phía trong. Chúng tôi lấy vai xô tung ra. Cửa sổ gian buồng để mở và bên cạnh cửa sổ là xác một người đàn ông mặc đồ ngủ ở tư thế nằm phủ phục. Nạn nhân chết khá lâu vì tay chân cứng và lạnh. Lật xác lên, nhân viên khách sạn nhận ra ngay đó là người đến thuê phòng dưới cái tên Stanggerson. Nạn nhân bị một nhát dao găm đâm vào mé sườn. mũi dao sâu đến tận tim. Bây giờ, đây là điều quái gở nhất trong vụ này. Các ông tưởng tượng xem có gì bên dưới cái xác?

Holmes cất lời:

- Chữ “Rache” viết bằng máu.

- Đúng thế - Nỗi khiếp sợ lộ rõ trong giọng nói của lestrade và tất cả chúng tôi đều lặng đi một lúc.

Trong các hành động của tên hung thủ lạ mặt kia có một cái gì tuần tự và bí hiểm làm cho các tội ác của hắn càng thêm khủng khiếp.

Lestrade nói tiếp:

- Có người đã trông thấy hung thủ. Một người bán sữa đến cửa hàng của mình bằng lối đi men theo các chuồng ngựa ở mé sau khách sạn. Anh ta thấy một cái thang, thường vẫn để nằm dưới đất, nay được dựng lên, áp vào một cửa sổ mở rộng ở tầng hai. Anh ta đã đi qua chỗ cái thang rồi bỗng ngoái lại thì thấy một người đang tụt xuống. Người đó bình thản, ngang nhiên, khiến anh bán sữa tưởng là một bác thợ mộc đến làm việc cho khách sạn. Anh ta có cảm tưởng người kia có vóc dáng cao lớn, mặt đỏ sạm và mặc bộ đồ nâu. Hung thủ có lẽ đã ở lại trong phòng một ít lâu sau khi hạ sát

nạn nhân vì chúng tôi tìm thấy chậu nước mà hắn đã rửa tay nhuộm màu máu, và thấy có những vết máu trên khăn trải giường hắn đã bình tĩnh chùi dao.

Tôi nhìn sang Holmes khi nghe lời miêu tả hình dáng hung thủ rất khớp với sự miêu tả của bạn tôi. Anh hỏi:

- Ông có tìm thấy gì trong phòng khả dĩ cho biết thêm về hung thủ không?

- Không có gì. Stangerson còn có trong túi cái ví tiền của Drebber nhưng hình như đó là điều thông thường giữa hai người vì Stangerson là người chi tiêu mọi thứ. Ở hai vụ án này, động cơ chắc chắn không phải là tiền bạc. Không có giấy tờ, sổ sách gì trong túi nạn nhân, ngoài một bức điện gửi từ Cleveland cách đây một tháng ghi vắn vắn: "H đang ở Châu Âu". Bức điện không ký tên.

- Còn gì khác nữa không? – Holmes hỏi tiếp.

- Một cuốn tiểu thuyết đặt trên giường, cái tủ thuốc để trên một chiếc ghế cạnh giường. Trên bàn có một cốc nước, và trên bậc cửa có một cái hộp nhỏ đựng hai viên thuốc.

Holmes ngồi bật dậy, reo lên vui vẻ:

- Khâu cuối cùng! Cuộc điều tra của tôi thế là trọn vẹn!

Hai nhà thám tử kia nhìn anh khó hiểu.

Bạn tôi nói với về tin tưởng:

- Tôi đã có trong tay tất cả những sợi dây đã đan bện với nhau một cách rắc rối. Tất nhiên, còn có những chi tiết cần phải bổ sung. Tôi sẽ dẫn ra đây một bằng chứng về những điều tôi biết. Ông có đem theo mấy viên thuốc ấy không?

- Tôi có đây – lestrade liền giơ ra một cái hộp trắng nhỏ - Tôi giữ lấy nó cùng với cái ví và bức điện, định đem về nộp cho Sở cảnh sát. Tôi đem theo những viên thuốc này cũng là tình cờ thôi vì tôi coi chúng không có gì quan trọng.

- Xin ông đưa cho tôi – Holmes bảo – Đây, bác sĩ, đây có phải là những viên thuốc thông thường không?

Hai viên thuốc trông rất giống những viên thuốc thông thường. Đó là những viên thuốc tròn, nhỏ, màu ngọc xám và gần như trong suốt. Tôi nhận xét:

- Viên thuốc trong và nhẹ, tôi nghĩ nó dễ hoà tan trong nước.

- Đúng thế - Holmes nói – Bây giờ, xin các anh làm ơn xuống nhà đem hộ tôi lên đây con chó già ốm yếu mà hôm qua bà chủ nhà nhờ anh giúp nó sớm về châu thổ tiên.

Tôi xuống nhà, ôm con chó lên. Mắt nó lơ lơ, hơi thở hổn hển. Thực vậy, mõm nó trắng như tuyết cho thấy nó đã sống quá cái thời hạn sống thông thường của một con chó. Tôi đặt nó xuống tấm nệm rơm.

- Bây giờ tôi sẽ bẻ một trong hai viên thuốc này ra làm đôi – Holmes vừa nói vừa làm – Tôi cắt đi một nửa vào trong hộp để dùng về sau. Một nửa kia, tôi bỏ vào chiếc cốc này cùng với một thìa nước. Ta sẽ thấy ông bạn bác sĩ của chúng ta đã đoán đúng là nó dễ tan trong nước.

- Nó có dính dáng gì đến cái chết của Stangerson đâu? – lestrade nói, giọng bức tức.

- Kiên nhẫn một chút! Có dính dáng nhiều lắm. Bây giờ tôi pha thêm vào một chút sữa cho dễ uống. Đem cho chó, ta thấy nó vội vã tớp ngay.

Con vật uống hết chỗ nước pha sữa ấy, rồi liếm đĩa. Về nghiêm trang của Holmes đã khiến chúng tôi im lặng quan sát con vật. Nó nằm xuống trên chiếc ghế đệm, hơi thở nặng nề, sức khỏe của nó không tăng lên hoặc giảm đi sau khi uống.

Holmes rút đồng hồ ra xem và mỗi phút trôi qua, sự bức bối và thất vọng càng hiện rõ

trên nét mặt anh. Anh bấm môi, gõ tay lên bàn, thể hiện sự nôn nóng cao độ. Tôi thấy thương anh trong khi các nhà thám tử kia nở một nụ cười giấu cợt.

- Không thể có chuyện ngẫu nhiên – Cuối cùng holmes kêu lên, từ chiếc ghế bành bật đứng dậy, lỏng lẻo như một con dĩa thú trong phòng – Đây không thể là một việc ngẫu nhiên được. Chính những viên thuốc mà tôi đã ngờ tham dự vào cái chết của Drebber, ta đã gặp lại chúng ở cái chết của Stangerson. Vậy mà hiện giờ chúng lại không có tác dụng gì cả, thế là làm sao? Tôi đoán ra rồi!

Reo lên một tiếng mừng rỡ, holmes nhảy bổ về phía hộp thuốc, bẻ viên thuốc thứ hai làm đôi, lại thả một nửa vào cốc nước, cho thêm sữa rồi cho con chó uống. Lưỡi con chó chỉ vừa mới chạm vào chỗ nước ấy là toàn thân nó đã co giật dữ dội rồi nó nằm vật ra ngay đơ.

Holmes hít một hơi thở dài, quệt mồ hôi đọng trên trán:

- Trong hai viên thuốc vừa rồi, một viên chứa thuốc độc cực mạnh còn viên kia thì vô hại. Lẽ ra tôi phải hiểu điều đó ngay trước khi mở hộp.

Lời khẳng định này quá đỗi kỳ dị khiến tôi khó mà tin rằng bạn tôi còn đầy đủ lý trí. Tuy nhiên con chó chết nằm kia, nó chứng tỏ giả thiết của holmes là đúng. Tôi thấy hình như đám sương mù trong đầu tôi dần dần tan đi.

- Những điều này đối với các ông có vẻ lạ lùng – holmes nói tiếp - Ấy là vì ngay từ đầu cuộc điều tra, các ông đã không nắm được các dấu vết quan trọng ở trước mắt các ông. Tôi có cái may mắn là đã không để lọt cái dấu vết ấy, và tất cả những sự việc diễn ra sau đấy đều xác nhận giả thiết đầu của tôi. Việc khám phá vụ án này sẽ vô cùng khó khăn nếu như ta tìm thấy xác nạn nhân trên hè đường không kèm theo chi tiết nào trong số những chi tiết phụ lạ lùng và khác thường. Những chi tiết kỳ quái ấy, không làm cho vụ án khó khăn thêm mà...

Greson nghe bài diễn văn nhỏ của holmes với vẻ hết sức nôn nóng, cuối cùng không kìm được thêm nữa:

- Chúng tôi thừa nhận là ông có những phương pháp làm việc riêng rất độc đáo. Nhưng, giờ đây vấn đề là phải bắt được hung thủ. Bây giờ chúng tôi xin hỏi thẳng là ông đã biết hung thủ là ai chưa?

Lestrade phụ họa thêm:

- greson nói có lý, ông holmes ạ. Chúng tôi đã cố công gắng sức nhưng đều đã thất bại.

Tôi cũng thêm ý kiến:

- Mọi sự chậm trễ trong việc bắt giữ hung thủ có thể làm cho nó có thời gian gây thêm án mạng mới.

Bị mọi người dồn ép như vậy, holmes có vẻ lưỡng lự. Anh tiếp tục đi đi lại lại trong phòng, đầu gục xuống ngực, hai hàng lông mày nheo lại như thói thường ở anh trong những lúc mãi mê suy nghĩ. Cuối cùng, holmes đột ngột dừng lại, nhìn thẳng vào mặt chúng tôi:

- Sẽ không xảy ra án mạng nào nữa. Các ông hỏi tôi có biết tên hung thủ không. Có, tôi biết. Tôi đã dự định bắt hắn từ lâu rồi, nhưng đây là một việc cần phải thận trọng, vì hắn là một kẻ lực lưỡng, khôn ngoan, liều lĩnh và được một kẻ không khéo giúp sức. Chừng nào hung thủ chưa biết chúng ta đã nắm trong tay mọi bằng chứng tố cáo hắn thì ta còn có cơ hội bắt hắn, nhưng nếu hắn có một chút nghi ngờ nào thì hắn sẽ thay tên đổi họ và tan biến vào bốn triệu dân của thành phố này. Tuy không muốn làm tổn

thương đến tự ái của hai ông, nhưng thật sự tôi coi những người ấy mạnh hơn cảnh sát của Scotland Yard, bởi vậy tôi không yêu cầu các ông giúp đỡ. Nếu thất bại, một mình tôi chịu. Trong lúc này, khi nào tôi có thể thông báo với các ông mà không phương hại đến các sự bố trí của tôi thì tôi sẽ làm ngay.

Greson và lestrade, một người đổ mặt đến tận chân tóc, một người mắt long lên vì tò mò ác cảm. Tuy nhiên, cả hai người chưa kịp nói lời nào thì đã có tiếng gõ cửa. thằng bé Uy-ghin ló đầu vào, giơ tay chào:

- Thưa ông, cháu đã gọi được một chiếc xe ạ.

- Giỏi lắm! – holmes nhẹ nhàng khen, rồi lúi trong ngăn kéo ra một vòng khoá tay bằng thép, nói tiếp: - Các ông ở Scotland Yard sao không dùng loại khoá tay này nhỉ. Các ông xem lò xo bật có lẹ không: vòng khoá bập vào trong nháy mắt.

Lestrade mĩa mai:

- Cái khoá kiểu cũ cũng khá tốt nếu như ta tìm được người để khoá.

- Được rồi, được rồi – holmes cười mỉm – Bác đánh xe sẽ giúp tôi một tay để buộc những chiếc va-li này. Uy-ghin bảo bác đánh xe lên đây.

Tôi ngạc nhiên thấy bạn tôi nói năng như thể sắp đi đâu xa mà chẳng nói trước gì với tôi cả. Trong phòng có một chiếc va-li nhỏ. Holmes cầm lấy chiếc va-li tìm cách xiết chặt cái dây đai. Anh đang mãi làm thì người đánh xe vào:

- Bác đánh xe, giúp tôi một tay thắt mấy cái đai này lại – holmes nói, không quay đầu lại.

Anh đang quỳ gối xuống sàn, cúi người trên chiếc va-li. Người đánh xe bước lại, vể lằm lỉ và ngờ vực, ấn tay lên chiếc va-li. Ngay lúc ấy, có tiếng lò xo bật đánh tách một cái và holmes đứng thẳng người lên, con mắt sáng ngời:

- Thưa các vị, tôi xin giới thiệu đây là Hope, kẻ đã giết Drebber và Stanggerson.

Toàn bộ sự việc diễn ra trong nháy mắt, nhanh đến nỗi tôi không kịp nhận ra. Tôi còn nhớ như in giây phút đó, vẻ mặt đắc thắng và giọng nói vang vang của holmes, gương mặt bàng hoàng và dữ dội của người đánh xe khi anh ta nhìn cái khoá tay sáng loáng như có phép thần thông đang xiết chặt lấy hai cổ tay anh ta. Tất cả chúng tôi đứng ngây ra như phỗng để đến một hai phút. Gầm lên một tiếng, người đánh xe vùng ra khỏi tay holmes, lao mình qua cửa sổ. Các ô cửa mảnh khảnh gãy tan cùng với các ô kính nhưng hắn chưa nhô hân được người ra ngoài thì cả greson, lestrade lẫn holmes đã chồm lên người hắn, lúi ngược hắn vào trong phòng. Gã đánh xe khỏe và hung dữ đến nỗi hắn đã nhiều lần vùng ra được khỏi tám bàn tay chúng tôi. Mặt và bàn tay hắn bị rách toạc nhiều chỗ khi hắn lao qua cửa kính, nhưng sự chống cự của hắn không hề giảm đi chút nào. Mãi đến khi lestrade thọc tay được vào sau cổ áo hắn, làm hắn suýt nghẹt thở, hắn mới im. Dù sao chúng tôi phải trói cả chân tay hắn lại mới cảm thấy yên tâm. Sau đó, chúng tôi đứng dậy, mệt nhoài.

- Ta có chiếc xe của hắn bên dưới kia. Ta dùng xe ấy giải hắn. Bây giờ, nào các ông – holmes tươi cười – Tám màn bí ẩn đến đây đã được vén lên rồi. Các ông muốn hỏi tôi câu gì thì hỏi.

Chương 8. Bình nguyên chết.

Nằm ở phần giữa Bắc Mỹ là một dải đất hoang vu và cằn cỗi. Trong nhiều năm dài, nó như một cái hàng rào ngăn chặn bước tiến của nền văn minh. Suốt từ dãy núi Sierra Nevada đến bang Nébraska, từ con sông Yellowstone ở phía Bắc đến bang Colorado ở

phía Nam là cả một vùng hoang vắng im lìm. Cảnh vật trên thay đổi tùy theo từng vùng. Nơi là những rặng núi hùng vĩ với những đỉnh cao đầy tuyết, nơi là những thung lũng tối đen, sâu thẳm. Nơi lại là những con sông chảy xiết với dòng nước ào ào băng qua những hẻm núi và những cánh đồng bao la, mùa đông tuyết trắng, mùa hè xám xịt. Tuy nhiên, tất cả những cảnh vật rất khác nhau ấy đều có chung những đặc điểm là cằn cỗi, là hiểm ác, là đói khát.

Không ai sinh sống tại xứ sở vô vọng này. Họ hoàn mới có một toán người da đỏ vượt qua nó, đi tìm những vùng đất săn bắn mới, song họ cũng phải lánh xa những cánh đồng ấy và trở lại những đồng cỏ cũ của họ. Con sói nấu mình trong bụi cây xơ xác, con chim ó đập cánh nặng nề trên không và con gấu xám vụng về kê chân trong những khe núi u tối. Đó là những dân cư hiếm hoi ở dải đất hoang vu này.

Trên khắp thế giới, không thể có cảnh tượng nào sâu thẳm hơn cảnh tượng trải ra dưới mắt khi ta đứng ở triền phía bắc rặng núi Sierra Blanco nhìn xuống. Trải dài ra xa đến tận cùng của tầm mắt là một vùng đồng bằng mênh mông phẳng lì, nham nhở những khoanh đất và những bụi cây lùn tí. Ở tận cùng chân trời nổi lên một dãy núi dài với sườn núi dựng đứng và đỉnh núi loang lổ tuyết. Trên cả vùng đất bao la, không có một dấu hiệu về sự sống, không có lấy một cánh chim trên bầu trời xanh biếc, không có lấy một vật di động trên mặt đất thê lương. Bao trùm lên tất cả sa mạc mênh mông này chỉ có sự im lặng, ghê rợn. Ở trên vừa mới nói là không có một thứ gì liên quan đến sự sống trên dải đất này. Điều đó không hoàn toàn đúng. Khi đứng trên rặng núi Sierra Blanco nhìn xuống dưới, ta nhận thấy có một con đường mòn nhỏ xíu, như một sợi chỉ ngoằn ngoèo uốn khúc qua sa mạc và chìm đi ở cuối tầm mắt. Những bánh xe đã in lằn xuống thành rãnh trên con đường này, bàn chân của nhiều kẻ phiêu lưu đã dẫm lên đó. Rải rác dọc con đường có rất nhiều vật gì trắng trắng, bóng lên dưới ánh nắng mặt trời và nổi lên trên lớp đất buồn thẳm. Hãy lại gần, nhìn xem. Đó là những chiếc xương. Chiếc thì to và thô kệch, chiếc thì nhỏ hơn, xương to là xương bò, xương nhỏ là xương người. suốt con đường dài trên hai nghìn kilômet, rải rác hài cốt của những kẻ đã ngã xuống.

Ngày 4 tháng 5 năm 1847, có một người bộ hành cô đơn đứng ở đúng vị trí nói trên nhìn xuống cảnh ấy. Khó nói được tuổi ông ta khoảng bốn mươi hay sáu mươi. Khuôn mặt gầy và dữ tợn, xương trồi lên nhon hoắt dưới lớp da đen sạm và nứt nẻ, tóc dài và đen, râu có nhiều sợi bạc, hai con mắt lõm sâu trong hai hốc mắt rực lên một ánh khác thường, và bàn tay xương xẩu nắm lấy khẩu súng trường. Ông ta đứng đó, dựa người vào khẩu súng, bộ mặt chỉ còn da bọc xương cũng như bộ quần áo rộng thùng thình trên đôi chân và đôi tay khẳng khiu chỉ rõ nguyên nhân của vẻ tàn tạ và già nua: người này sắp chết vì đói và khát.

Ông ta lần bước xuống khe núi rồi lại leo lên tận mỏm đồi thấp này để nhìn xem chỗ nào có dấu hiệu của nước. Ông ta lo lắng nhìn về phương Bắc, phương Đông rồi phương Tây và hiểu rằng những cuộc hành trình tứ xứ của mình sẽ kết thúc ở đây, trên tảng đá cằn cỗi này.

- Tại sao lại không phải là ở đây, sau hai mươi năm nữa? – Ông ta thì thào rồi ngồi xuống dưới bóng một tảng đá.

Trước khi ngồi, ông ta đặt khẩu súng và một túi đồ buộc trong chiếc khăn quàng. Tức thì cái túi ấy vọng ra một tiếng rên nho nhỏ và một gương mặt hiện ra.

- Bác làm cháu đau rồi đấy – Một giọng trẻ thơ khê trách.

- Thật ư, cháu? – Người đàn ông trả lời, ân hận – Bác lỡ tay mà.

Vừa nói ông ta vừa cởi tấm khăn xám, để lộ ra một bé gái khoảng năm tuổi. Đôi giày nhỏ nhắn với chiếc váy hồng đốm đáng dưới chiếc tạp dề nhỏ nói lên sự chăm sóc của một người mẹ. Đứa trẻ xanh xao và mệt mỏi, nhưng không bị suy sụp bằng người đồng hành của nó.

- Còn đau không, cháu? – Người đàn ông lo lắng hỏi, vì đứa bé vẫn xoa những búp tóc quăn vàng óng rồi bù đắp sau gáy.

- Bác hôn vào đây chữa đèn cháu đi – Đứa bé nói với vẻ nghiêm trang thật sự, tay chỉ vào chỗ đau – Mẹ cháu vẫn làm thế. Mẹ cháu đâu rồi?

- Mẹ cháu đi rồi. Tí nữa cháu sẽ gặp mẹ cháu.

- Đi rồi ă? Lạ nhỉ, mẹ cháu đi mà không chào cháu. Bác ơi, khát quá! Không có nước sao? Bác không có gì để ăn sao?

- Không có, cháu ạ. Cháu cố chờ một chút rồi sẽ ổn. Cháu dựa đầu vào bác đây, như thế cháu sẽ cảm thấy dễ chịu hơn. Cháu có cái gì đấy?

- Cháu có cái này đẹp lắm – Đứa bé reo lên, giơ ra hai mẫu mi-ca óng ánh – Khi về đến nhà, cháu sẽ cho anh cháu.

- Rồi cháu sẽ thấy những thứ còn đẹp hơn thế. Chỉ cần cố nán chờ một lát. Cháu còn nhớ lúc chúng ta rời khỏi dòng sông không?

- Dạ có.

- Thế đấy! lúc ấy chúng ta tính sẽ gặp được một con sông khác. Nhưng chúng ta không gặp sông. Nước mỗi lúc một ít. Chỉ còn một hai giọt cho các cháu nhỏ, và...và...

- Và bác không rửa mặt được – Đứa bé xen ngang, giọng nghiêm trang, mắt nhìn chăm chăm vào bộ mặt nhem nhuốc của ông già.

- Đến nước uống còn không có, cháu ạ. Ông Ben-dơ là người đầu tiên ra đi, rồi đến anh da đỏ Pi-tơ, rồi bà Grê-go, rồi Giôn-ni, và sau cùng là mẹ cháu.

- Thế là mẹ cháu... Mẹ cháu cũng chết rồi! – Đứa bé kêu lên, lấy tạp dề che mặt và khóc nức nở.

- Phải, tất cả đã chết hết, chỉ còn lại có bác cháu ta. Lúc đó ta tưởng may ra có thể tìm thấy nước ở mạn này.

- Bác bảo là cháu và bác sẽ chết hết à? – Đứa bé thôi khóc, ngẩng bộ mặt đăm đăm nhìn nước mắt lên.

- Ta nghĩ chắc sẽ gần như vậy.

- Sao bác không nói ngay? – Đứa bé reo lên với một tiếng cười vui vẻ - Bác đã làm cháu sợ quá! Nếu bác và cháu chết thì sẽ được gặp mẹ cháu.

- Phải, cháu sẽ đến với mẹ cháu.

- Cả bác nữa. Cháu sẽ kể là bác tốt với cháu biết bao. Mẹ cháu sẽ ra đón bác ngay cổng Thiên đường, với một cái xô đầy nước và những chiếc bánh ngọt bằng lúa mạch thật nóng. Còn lâu nữa không bác?

- Không lâu lắm đâu.

Trên bầu trời xuất hiện ba cái chấm nhỏ đang tiến về phía họ, mỗi lúc một to hơn. Chẳng mấy chốc, ba cái chấm ấy trở thành ba con chim nâu to lớn, chúng bắt đầu lượn thành vòng tròn trên đầu hai kẻ lang thang, rồi đậu trên những tảng đá mọc chìa ra. Đó là những con ó của miền Tây, những con chim báo hiệu cái chết.

- Ô, gà, bác kia! – Đứa bé kêu lên vui vẻ, chỉ về phía những con chim mang điềm gở, vỗ hai tay vào với nhau để xua chúng bay đi – Bác ơi, có phải là Chúa tạo ra vùng này

không?

- Ừ.

- Chúa đã tạo ra vùng đất đồng bằng kia, ở bang Illinois. Chúa đã tạo ra bang Missouri – Đứa trẻ nói tiếp.

- Chắc là một Chúa khác đã tạo ra đất này. Đất ở đây còn xa mới bằng được các nơi kia. Chúa đã quên làm cho ở đây có nước và cỏ cây.

- Này, bác cháu ta cầu kinh nhé? – Người đàn ông dè dặt hỏi.

- Đã đến tối đâu.

- Không cần đến tối.

- Thế bác, sao bác không cầu kinh? – Đứa bé hỏi, đôi mắt ngạc nhiên.

- Ta không thuộc. Ta đã không đọc kinh từ khi ta mới cao bằng nửa khẩu súng này.

Cháu cầu kinh, bác đọc theo.

- Thế thì bác phải quỳ xuống – Đứa bé rải tấm khăn xuống đất để quỳ - Bác phải đặt bàn tay như thế này. Như thế là ngoan hơn.

Hai người quỳ gối bên cạnh nhau trên tấm khăn nhỏ. Gương mặt bầu bĩnh của đứa trẻ và bộ mặt gân guốc dữ tợn của người đàn ông cùng ngửa lên bầu trời. Cầu kinh xong, họ lại trở về ngồi bên bóng của tảng đá cho đến khi đứa trẻ ngủ thiếp đi. Đã ba ngày đêm liền, ông ta không cho phép mình dừng bước hoặc nghỉ ngơi. Từ từ mí mắt ông ta sụp xuống, đầu gục xuống mỗi lúc một thấp hơn cho đến khi bộ râu hoà vào những búp tóc vàng và cả hai đi vào một giấc ngủ sâu lắng, không mộng mị.

Nếu thức đêm nửa giờ nữa, ông ta sẽ được thấy một cảnh tượng kỳ lạ. Từ xa, từ rất xa, bốc lên một đám bụi nhỏ mờ mờ, rất nhỏ và rất nhẹ đến nỗi khó phân biệt nó với lớp sương mù. Những đám bụi ấy tiếp tục bốc lên, lớn lên cho đến khi tạo thành một đám mây bụi rõ rệt. rồi đám mây ấy cũng không ngừng lớn lên. Ở những mảnh đất phì nhiêu hơn, ai thấy cảnh ấy cũng sẽ cho rằng đây là đàn bò rừng đang tiến về phía mình. Nhưng ở vùng đất hoang vắng này, điều đó không thể có. Khi đám mây bụi đến hiện ra những mũi vòm phũ bạt của những chiếc xe ngựa vượt sa mạc, và hình bóng thấp thoáng của những người cưỡi ngựa có vũ khí, cho thấy đây là một đoàn xe rất dài đang tiến về phía Tây. Đầu đoàn xe đã tới chân núi mà đuôi đoàn xe vẫn còn chìm khuất ở cuối đường chân trời. Phụ nữ bước đi khó nhọc dưới gánh nặng trên vai. Trẻ em chạy lon ton bên cạnh các cỗ xe hoặc tò mò nhìn vào những thứ dưới mũi vải bạt. Từ khối người to lớn này vang lên một tiếng ì ầm hỗn độn, xen lẫn tiếng ngựa hí và tiếng bánh xe rầm rập. Tiếng ì ầm ấy lớn đến vậy song vẫn không đánh thức nổi hai ông cháu.

Đi đầu đoàn người di cư là một nhóm khoảng hai mươi người cưỡi ngựa. Đến chân tảng đá, họ dừng ngựa, quay lại với nhau, dường như để hội ý.

Một người không râu, tóc hoa râm, nét mặt độc ác nói:

- Giếng nước ở về phía bên phải, giáo hữu ạ.

Một người khác nói tiếp:

- Ở về phía bên phải rặng núi Sierra Blanco. Theo đường đó, chúng ta sẽ tới con sông Rio-Grande.

Người thứ ba nói lớn:

- Ta chớ sợ hãi trước sự xuất hiện của dòng nước.

- Đáng tối cao đã làm cho dòng nước tuôn ra từ đá, sẽ không từ bỏ đám dân mà Người đã tuyển chọn.

- A men! A men! – Cả nhóm người đáp lại.

Họ sắp sửa lại lên đường thì một người reo lên một tiếng kinh ngạc và chỉ tay về tầng đá ở phía trên đầu họ. Ở chỗ ấy có một mẫu vải màu hồng phấp phới bay. Nhìn thấy thế, họ ghìim ngựa lại, cầm súng lăm lăm trong khi những người khác phi ngựa đến tầng cường. Những tiếng “bạn da đỏ” được lan truyền trên cửa miệng mọi người.

- Ở đây không có bạn da đỏ - Một người đứng tuổi xem chừng là thủ lĩnh nói – Ta đã vượt núi.

- Giáo hữu Stanggerson, tôi xin đi trinh sát – Một người trong toán nói.

- Tôi nữa. Tôi nữa – Khoảng một chục giọng nói khác cùng vang lên.

Người tên là Stanggerson trả lời:

- Các bạn trẻ hãy để ngựa lại đây, chúng ta sẽ chờ.

Thoáng một cái, mấy người trai trẻ đã xuống ngựa, chạy bay lên sườn dốc đứng. Sau một thoáng, bóng của họ nổi bật trên nền trời. Người thanh niên đã báo động cho cả đoàn dẫn đầu, cả toán theo sau. Bỗng họ thấy gã giơ cả hai tay lên trời với động tác của một người quá đỗi ngạc nhiên. Khi họ đến chỗ gã, họ cũng không kém kinh ngạc.

Nằm dựa trên tầng đá là một người đàn ông và một bé gái. Đầu đứa bé đặt trên mảnh áo nhung trên ngực người đàn ông. Đôi môi hồng hé mở của đứa bé để lộ hàm răng trắng đều đặn. Đôi chân bụ bẫm mang tất dài xỏ trong một đôi giày xinh xắn tương phản với đôi chân khẳng khiu, khô nứt của người đàn ông. Đạp trên đỉnh tầng đá, nhìn xuống cặp lữ khách kỳ quặc này là ba con ó lớn. Thấy đám người mới đến, chúng kêu lên những tiếng thất vọng, rồi không chờ đợi nữa, nặng nề vỗ cánh bay đi.

Tiếng kêu của những con chim đã đánh thức hai người họ. Họ nhìn xung quanh với một vẻ cực kỳ sửng sốt. Người đàn ông lão đảo đứng dậy, nhìn xuống bình nguyên, thấy một đám người chen chúc, ông ta đưa bàn tay xương xẩu lên dụi mắt, lăm bắm:

- Ta mê sảng chăng?

Đứa bé gái nắm lấy gấu tạp dề, im lặng nhìn khắp xung quanh.

Một người trong đám ấy đặt đứa bé lên vai mình, trong khi những người khác dìu người đàn ông về chỗ các xe ngựa. Người đàn ông nói:

- Tôi tên là John. Cả một đoàn người hai mươi một người chỉ còn lại có tôi và đứa trẻ này. Những người kia đã chết ở đằng kia, phía phương Nam.

- Có phải con gái ông đấy không?

- Bây giờ nó mới là con tôi. Kể từ hôm nay, nó mang tên là Lucy. Thế còn các ông là ai? – Ông ta tò mò nhìn những người đã cứu mình.

Một trong số những người trai trẻ kia đáp:

- Chúng tôi gần mười nghìn người. Chúng tôi là những đứa con bị ngược đãi của Chúa, những người dân được thiên thần Mérona tuyển chọn.

Người đàn ông đáp:

- Tôi chưa bao giờ được nghe nói. Vị thiên thần ấy đã tuyển chọn quá nhiều đấy.

- Không được giấu cợt những điều thiêng liêng – Giọng người kia nghiêm khắc – Chúng tôi là những tín đồ ở các Thánh kinh của thiên thần Mérona. Chúng tôi xuất phát từ Nauvoo bang Illinois, nơi chúng tôi đã dựng lên ngôi đền của đạo chúng tôi. Chúng tôi đi tìm một nơi ẩn náu xa bọn người bạo tàn vô Chúa, một nơi mà chúng tôi sẽ phải tìm ra ở trung tâm sa mạc.

Cái tên Nauvoo gợi lại một vài ký ức cho John. Ông nói:

- Tôi biết rồi. Các ông là người Mormons.

- Phải – Đám người kia đồng thanh trả lời.
- Các ông định đi đâu?
- Chúng tôi không biết. Bàn tay của Chúa dẫn dắt chúng tôi thông qua vị giáo chủ. Ông phải ra trình diện trước giáo chủ.

Lúc đó, họ đã xuống đến chân đồi. Nhiều tiếng kêu kinh ngạc và thương xót vang lên khi họ thấy hai người lạ mặt kiệt quệ. Đám người kia không dừng lại mà dẫn họ đi tiếp cho đến khi tới một chiếc xe khác biệt hẳn với các xe khác. Chiếc xe này có sáu ngựa kéo trong khi các xe khác chỉ hai hoặc bốn ngựa. Ngồi bên cạnh người đánh xe là một người đàn ông tuổi không quá ba mươi, nhưng cái đầu bề thế và nét mặt kiên nghị cho thấy là một kẻ biết điều khiển người khác. Khi đám người kéo tới, người ấy bỏ quyển sách xuống, chăm chú nghe kể lại. Sau đó, người ấy quay sang hai kẻ phiêu bạt:

- Nếu các người muốn được thu thập vào đoàn chúng tôi, ta chỉ có thể nhận các người như những tín đồ thuộc đạo giáo chúng ta. Thà để cho xương các người phơi trắng trên sa mạc hơn là để cho các người trở thành một vết hủ trong chúng ta. Các người có muốn gia nhập đoàn chúng tôi với điều kiện ấy không?

- Tôi xin gia nhập với bất kỳ điều kiện nào.

- Giáo hữu Stanggerson, hãy mang đồ ăn và thức uống đến cho hân, và cả đứa trẻ nữa. Giáo hữu còn có nhiệm vụ dạy cho hân tín ngưỡng của chúng ta. Thôi. Ta đi thôi. Tiến lên! Tiến về Sion!

- Tiến lên! Tiến về Sion!

Đám người Mormons đồng thanh nhắc lại, và những tiếng đó truyền đi từ miệng người này sang miệng người khác dọc theo cả đoàn người dài dằng dặc cho đến khi chìm đi thành một âm thanh mơ hồ ở tít xa xa. Tiếng roi ngựa quất, tiếng xe kéo kẹt chuyển mình, cỗ xe lớn lăn bánh trước, rồi cả đoàn xe một lần nữa lại ra đi theo con đường mòn lượn khúc trên bình nguyên. Stanggerson đưa họ đến cỗ xe của mình, ở đó đã dọn sẵn một bữa cơm.

- Các người chớ quên rằng bây giờ và mãi mãi sau này các người là thành viên của đạo giáo chúng tôi.

Chương 9. Bông hoa Utah.

Từ bờ sông Mississippi đến triền phía tây của rặng núi đá, những người dân cư Mormons không ngừng đấu tranh với thú dữ, đói khát, bệnh tật, và những đoàn người thù địch... Tất cả đều đã vượt qua nhờ ở tính kiên trì và quả cảm của giống người Anglo-Saxon. Tuy vậy, cuộc hành trình dài cùng với những nổi thống khổ đã làm lung lay cả những trái tim vững vàng nhất. Không ai không quỳ xuống, làm rầm đọc một bản kinh cầu tạ ơn khi họ nhìn thấy thung lũng Utah rộng lớn và ngập nắng mà giáo chủ của họ bảo rằng sẽ vĩnh viễn thuộc về họ.

Young là một nhà cai trị khôn khéo và kiên quyết. Ông ta cho vẽ bản đồ, lập quy hoạch cho thành phố tương lai, phân chia đất đai tùy theo địa vị của từng người. Ai giỏi nghề nào tiếp tục làm nghề ấy. Họ ngả cây, đốn gỗ, san đất, cắm rào, đào mương, xẻ rãnh và mùa hè năm sau đất đai đã được phủ một màu vàng óng của lúa chín. Mọi sự trồng trọt và làm ăn đều phồn thịnh. Ngôi đền lớn dựng lên ở chính giữa thành phố mỗi ngày một cao hơn, rộng hơn. Từ bình minh cho đến hoàng hôn, tiếng búa, tiếng cưa không ngừng vang lên trong nhà thờ.

Cô bé Lucy được ngồi trên chiếc xe của tông đồ Stanggerson cùng với ba người vợ và

đưa con trai mười hai tuổi của ông ta. Với sức bật của tuổi thơ, cô bé vượt qua được nỗi đau buồn mất mẹ và chẳng bao lâu, cô bé thích nghi với cuộc sống trong ngôi nhà đi động của mình và được các phụ nữ Mormons yêu quý. Sức khỏe của John cũng đã được phục hồi, ông tỏ ra là một người dẫn đường hữu ích và một người đi săn không mệt mỏi.

Ông nhanh chóng được những người đồng hành quý trọng. Khi đến vùng đất hứa, họ nhất trí cấp cho ông một khoảnh đất to bằng phần đất của những kẻ được hưởng nhiều đặc quyền, chỉ kém có giáo chủ và bốn tông đồ: Stanggerson, Kim-bôn, Giôn-xtơn và Drebber.

Trên phần đất của mình, John dựng lên một ngôi nhà gỗ vững chãi, rồi xây thêm dần và chẳng bao lâu ngôi nhà ấy trở thành một biệt thự rộng lớn. Ông là một người khéo léo và nhanh nhẹn trong mọi công việc, làm việc suốt từ sáng đến tối. Sau ba năm, ông vượt hẳn những người láng giềng. Sau sáu năm, ông rất sung túc và sau chín năm, ông trở nên giàu có. Và sau mười hai năm kể từ ngày những người Mormons đến sinh cơ lập nghiệp tại đây, không có tới mười người có thể sánh kịp ông.

Ở ông, chỉ có một điều duy nhất khiến các người đồng giáo nghi ngờ: ông chưa để phụ nữ đến sống với ông theo phong tục đa thê. Ông không đưa ra một lý do gì, mà chỉ kiên quyết giữ vững ý định của mình. Người thì trách ông là không thiết tha với đạo giáo, người thì cho rằng ông muốn làm giàu nên mới sống độc thân. Có người lại nói đến một chuyện tình xưa, một cô gái tóc vàng đã chết bên bờ Đại Tây dương. Mặc ai muốn nói gì thì nói, ông dứt khoát sống với đứa con gái nuôi. Ngoài chuyện này ra, về tất cả mọi mặt khác, ông nổi tiếng là một tín đồ chính thống, công bằng chính trực.

Cô gái lớn lên trong ngôi nhà gỗ, giúp đỡ người bố nuôi trong mọi công việc. Nhờ không khí trong lành vùng núi và hương thơm của cây cỏ, Lucy ngày càng cao lớn, khỏe mạnh, đôi má hồng hào, bước chân dẻo dai, uyển chuyển. như vậy đó, cái nụ hoa đã trở thành một bông hoa.

Một buổi sáng tháng sáu, trên con đường cái bụi mù có hàng đoàn la dài chờ đầy hàng đi về hướng Tây vì cơn sốt vàng vừa mới bùng lên ở California. Con đường đến đó chạy qua thành phố Salt-lake. Trên đường còn có những đàn cừu và bê ăn cỏ ở những cánh đồng xa về và nhiều đoàn người di cư. Lucy cưỡi ngựa ra phố, hai má đỏ bừng bừng, mái tóc dài vàng óng bay phấp phới. Cô lách đường đi qua giữa đám người và vật đông đúc kia với tài nghệ của một người thành thạo. Như mọi lần, nàng cho ngựa phi như bay, chỉ nghĩ đến chuyện hoàn thành công việc cho bố. Người ta nhìn nàng với con mắt khâm phục và kinh ngạc, ngay cả những người da đỏ cũng xi xào về vẻ đẹp của nàng.

Khi ra tới thành phố thì đường bị nghẽn vì có đàn bò lớn đi từ đồng cỏ về, nàng thúc ngựa theo một lối hờ trong đàn bò. Nhưng vừa mới lọt vào trong đó thì đàn bò đã khép ngay lại và nàng bị vây vào giữa một biển di động những con bò sừng cong dài. Đã quen với việc chăn nuôi bò, ngựa, Lucy không hốt hoảng mà vẫn thúc ngựa tiến lên. Rủi thay, cặp sừng của một con bò húc mạnh vào sườn con ngựa. Nó hí vang, lồng lên, đứng thẳng trên hai vó sau, nếu nàng không giữ tất đã bị hất ngã xuống rồi. Mà ngã xuống thì sẽ bị cả đàn bò giẫm nát ngay. Tình thế rất nguy hiểm. Con ngựa càng lồng, càng va đụng vào những chiếc sừng nhọn hoắt của bò, và nó càng điên lên. Cô gái cố giữ mình trên lưng ngựa, nhưng chẳng mấy chốc, ngọt ngọt vì bụi cuốn lên mù mịt và hơi nước nồng nặc phả ra từ đàn bò, nàng choáng váng, đầu óc quay cuồng, tay

cương lỏng đi. May thay, vừa vặn lúc ấy có một bàn tay rắn chắc nắm lấy hàm thiếc con vật hoảng loạn, vạch lối qua đàn bò, đưa nàng đến rìa thành phố.

- Cô có bị thương không?

Lucy ngược mắt lên nhìn gương mặt r ám nắng, cương nghị rồi cười giòn giã:

- Ồ, không, may quá! Tôi bị một phen hú vía.

- Cũng may là cô còn ngồi vững trên yên – Người thanh niên kia có dáng dấp của người quen sống ở nơi hoang dã, vóc người cao lớn, cường tráng. Anh mặc bộ đồ đi săn dày, cưỡi con ngựa nâu cao khỏe, vai đeo khẩu súng dài – Chắc cô là con gái ông John? Tôi đã thấy cô đi ngựa từ nhà ra. Nhờ cô về hỏi cụ nhà còn nhớ ông Hope ở Saint Louis không. Nếu đúng là ông John ấy thì cha tôi và cụ nhà là bạn thân với nhau.

- Sao anh không đến chơi, rồi hỏi thẳng cha tôi?

Anh thanh niên mừng rỡ trước lời mời gián tiếp:

- Tôi rất muốn đến, nhưng anh em chúng tôi vừa mới ở trên núi về, quần áo chưa được chỉnh tề, gia đình phải miễn thứ cho chúng tôi.

- Cha tôi phải cảm ơn anh nhiều, cả tôi nữa. Cha tôi rất quý tôi. Nếu tôi bị làm sao, chắc cha tôi sẽ buồn lắm.

- Cả tôi nữa.

- Cả anh nữa? Ồ hay, anh đã quen biết gì tôi đâu? – Giọng cô gái vẫn mang vẻ nghịch ngợm, trêu chọc.

Nghe thấy vậy, gương mặt r ám nắng của anh thanh niên tối sầm lại khiến Lucy bật cười:

- Ấy không, tôi không cố ý nói thế đâu. Anh đã là bạn của cả gia đình rồi. Anh phải đến chơi đấy nhé, còn bây giờ tôi phải đi đây. Tạm biệt!

- Tạm biệt!

Chàng trai tiếp tục đi theo mấy người bạn. họ mới thăm dò được một mỏ bạc trên vùng núi Nevada và giờ đây họ về Salt-lake tìm chỗ vay mượn tiền để khai thác. Hope say mê kinh doanh, nhưng đến hôm nay, cuộc gặp gỡ này làm đảo lộn nếp sống của anh. Hình ảnh cô gái tươi mát và lành mạnh như ngọn gió đã lay động trái tim rắn rỏi của anh. Khi nàng đi khuất, anh bỗng nhận ra một biến cố mới đã xảy ra trong đời anh, bây giờ tất cả mọi công việc đều không quan trọng bằng vấn đề mới mẻ vừa được đặt ra.

Chàng đến thăm ông John ngay tối hôm đó và nhiều buổi khác nữa. Bị giam chân ở thung lũng vì công việc, ông John háo hức muốn biết những tin tức bên ngoài trong mười hai năm qua. Những câu chuyện mà chàng kể làm say mê cô gái lẫn người cha. Anh đã từng làm đủ các nghề: hướng đạo, săn thú, tìm vàng, chăn bò. Ở đâu có những chuyện phiêu lưu mạo hiểm đòi hỏi sự gan dạ và lòng quả cảm là ở đó có mặt chàng.

Một buổi chiều hè, chàng ghìm con ngựa trước cổng trang trại của ông John. Lucy ra đón, chàng vắt dây cương lên hàng rào, rào bước vào nhà. Nắm lấy hai bàn tay cô gái:

- Lucy, anh có việc buộc phải đi xa, em ạ. Anh chưa thể xin cha cho em đi cùng.

Nhưng, hứa với anh đi, em sẽ đợi anh về nhé.

- Anh đi đâu, và bao giờ thì về? – Cô gái hỏi, lo lắng và thẹn thùng.

- Bọn anh bắt đầu đi khai thác những vùng mỏ mới ở Nevada, việc này chỉ mất độ hai tháng là xong.

Buổi chia tay diễn ra vội vàng, song nhiều bịn rịn. Chàng lên đường đã được ba tuần. Ông John thấy lòng se lại khi nghĩ đến ngày trở về của chàng rể và việc mình sẽ xa rời đứa con gái. Tuy vậy, gương mặt ngời sáng của nàng đã làm ông vui lòng với hôn ước

này. Trong thâm tâm, ông vẫn không chịu để nàng lấy một người Mormons. Theo ông, một hôn nhân kiểu ấy là một điều ô nhục. Riêng về điểm này, không gì có thể lay chuyển được. Tuy nhiên, ông giữ kín quyết tâm ấy, nếu không, ông sẽ gặp nguy hiểm. Đúng, một điều nguy hiểm. nguy hiểm đến nỗi ngay cả những người ngoan đạo nhất cũng chỉ dám thì thầm những ý kiến của mình về tín ngưỡng, tôn giáo. Cả tòa án dị giáo thời trung cổ ở Tây Ban Nha, lẫn những hội kín ở Ý đều chưa biết lập một bộ máy nào ghê gớm bằng cái bộ máy đang phủ bóng đen lên toàn bộ vùng đất Utah. Nó như cái tai thắt ở khắp mọi nơi và có quyền lực vạn năng. Kẻ nào có ý tưởng thù nghịch với giáo phái sẽ bị mất tích một cách bí hiểm. Vợ con họ chờ họ ở nhà nhưng họ không bao giờ trở về để kể lại cho vợ con biết họ đã bị xét xử như thế nào.

Trước hết, cái thế lực mơ hồ và ghê gớm này giáng xuống những kẻ dao động, những kẻ đã quy theo đạo Mormons mà sau đó lại muốn sửa đổi hoặc từ bỏ đạo này. Nhưng chẳng bao lâu, cái thế lực ấy mở rộng phạm vi hoạt động của nó. Số phụ nữ trưởng thành trong cộng đồng giảm dần, nhưng nếu thiếu đàn bà con gái thì chế độ đa thê trở thành một giáo ghĩa vô giá trị. Đến khi ấy bắt đầu có những tin đồn lạ lùng có những người di cư bị giết hại, những khu trại bị cướp phá ở những nơi không bao giờ thấy bóng người da đỏ. Tại nhà các tông đồ thấy xuất hiện những người phụ nữ mới, nét mặt ủ ê, còn đượm rõ nỗi kinh hoàng...

Một buổi sáng, John sắp sửa đi thăm đồng bồng nghe thấy chót cổng ngoài hàng rào mở mạnh. Một người đàn ông mở cổng bước vào. Ông giật thót người, vì đấy chính là vị thủ lĩnh tối cao của người Mormons. Ông lo ngại, vội chạy ra cổng chào đón giáo chủ. Young lạnh lùng nhận lời chào của ông và theo ông vào phòng ăn, vẻ mặt nghiêm khắc.

Young ngồi xuống một chiếc ghế, nhìn chằm chằm vào John:

- Giáo hữu John, các tín đồ đã cư xử như những người bạn tốt với ông. Chúng ta đã cứu vớt ông lúc ông sắp chết, chúng ta đã chia sẻ cơm ăn áo mặc cho ông, chúng ta đã cấp cho ông một phần đất rộng lớn. Có đúng không?

- Thưa đúng.

- Để đổi lấy tất cả những ân huệ đó, chúng ta chỉ đặt ra có mỗi một điều kiện là ông hãy tuân theo mọi quy định của đạo giáo. Ông đã hứa tuân theo, nhưng cứ như những điều ta nghe được thì ông đã không tuân theo.

- Có điều gì mà tôi không tuân theo? Tôi đã chẳng đóng góp vào quỹ chung hay sao? Tôi đã chẳng siêng năng đi lễ hay sao?

- Vợ ông đâu? – Young hỏi, đưa mắt nhìn xung quanh – Ông hãy bảo những người vợ của ông ra đây để ta chào.

- Đúng là tôi chưa lấy vợ. Nhưng phụ nữ ở đây rất hiếm và có nhiều người khác được quyền ưu tiên hơn tôi. Vả lại đã có con gái tôi trông nom tôi rồi.

- Ta muốn nói với ông về đứa con gái này. Nó đã lớn, nó đã trở thành một bông hoa của Utah và nhiều người quyền cao chức trọng đã nhìn nó với con mắt ưa thích.

John thầm rên rỉ trong lòng.

- Người ta bảo rằng con gái ông đã được hứa hôn với một kẻ ngoại đạo. Có lẽ đó chỉ là những lời đồn đại nhằm nhí. Điều răn thứ mười ba của Joseph Smith dạy gì? “Con gái ngoan đạo phải lấy một trong những người con được Chúa tuyển chọn làm chồng, vì lấy kẻ ngoại đạo là một trọng tội”. Ông là tín đồ của Chúa, sao lại có thể để cho con gái vi phạm lời răn đó được?

John không trả lời, tay chỉ mân mê cái roi ngựa. Giáo chủ nói tiếp:

- Cô gái còn ít tuổi, chúng ta không muốn nó lấy một mái đầu bạc. Chúng ta cũng không muốn ngăn cản nó chọn lựa. Stanggerson có một con trai và Drebber cũng có một con trai. Nó hãy chọn một trong hai người ấy làm chồng. Họ đều giàu có, đều là những tín đồ chân chính. Ông có gì cần thừa lại với ta nữa không?

John im lặng một lát, vàng trán nhăn lại, cuối cùng ông nói:

- Xin giáo chủ hãy tha cho chuyện đó. Con gái tôi tuổi còn non.

Young đứng dậy:

- Nó được một tháng để chọn lựa. sau thời hạn ấy, nó phải quyết định.

Bước qua ngưỡng cửa, Young còn quay lại, nét mặt hầm hầm, giọng vang vang:

- John! Ông và con gái ông, các người thà cứ nằm phơi sương trên dải Sierra Blanco còn hơn là chống lại những mệnh lệnh của "Các vị Thánh ngày cuối".

Sau một cử chỉ hăm dọa, Young quay đi và John nghe thấy tiếng chân nặng trĩu trên lớp sỏi.

Ông vẫn còn ngồi đó, tỳ khuỷu tay lên đầu gối suy tính, thì một bàn tay dịu dàng khẽ đặt lên bàn tay ông. Ngược mắt lên, thấy gương mặt hoảng hốt của Lucy, ông hiểu là cô đã biết sự tình. Ông an ủi:

- Con đừng lo, cha sẽ thu xếp. Con không chịu khuất phục trước ý muốn của con người vừa rồi chứ?

Lucy chỉ đáp lại bằng tiếng sục sịt và nắm tay siết mạnh.

- Tất nhiên rồi. Cha cũng không muốn con chịu khuất phục. Hope rất xứng đáng với con, nó hơn tất cả bọn con trai ở đây gộp lại. Ngày mai có một toán người đi Nevada, cha sẽ tìm cách nhả tin. Nếu nó đúng là con người như ta đã biết, nó sẽ trở về nhanh hơn điện tín.

Lucy cười qua những giọt nước mắt trước sự so sánh của người cha già.

- Khi anh ấy về, anh ấy sẽ giúp được cha con mình. Nhưng con chỉ lo cho cha. Người ta kể những chuyện ghê sợ về những ai dám cưỡng lại mệnh lệnh của giáo chủ.

- Nhưng ta đã cưỡng lại đâu. Ta còn một tháng. Đến thời hạn ấy, chúng ta đã đi khỏi nơi đây rồi.

- Rồi bỏ nơi đây?

- Chỉ còn cách đó.

- Còn trang trại thì sao?

- Cha sẽ chuyển thành tiền được càng nhiều càng tốt, còn thì bỏ lại hết con ạ. Cha không chịu cúi mình như những người ở đây.

- Họ không để cho mình đi đâu, cha ạ.

- Chờ Hope về, ta sẽ cùng thu xếp. Từ nay đến lúc đó, con không có gì lo sợ và cũng đừng khóc. Nếu không, khi gặp cha, nó sẽ trách cha đấy.

John nói với con bằng một giọng tin tưởng, tuy vậy, Lucy vẫn nhận thấy rằng tối hôm đó, ông cài cửa cẩn thận hơn mọi hôm, nạp đạn vào khẩu súng và treo trong phòng ngủ.

Chương 10. Chạy trốn

Sáng hôm sau, John ra thành phố nhả tin cho Hope. Về đến nhà, ông ngạc nhiên thấy có hai con ngựa buộc ở hai cái cọc bên cổng. Ông càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy trong phòng ăn có hai người trẻ tuổi. Một người mặt tái mét, dài ngoẵng, ngồi lút

trong chiếc ghế đu, chân gác lên bếp lò. Người kia cổ to như bò mộng, nét mặt phì nộn, đứng trước cửa sổ, tay dứt túi, huýt sáo một bài hát. Cả hai nghiêng đầu chào khi John bước vào, và kẻ đang nằm dài trên chiếc ghế đu khơi chuyện:

- Có lẽ ông không biết chúng tôi. Đây là I-nốc Drebber, con trai Drebber, còn tôi là Giô-dép Stanggerson, con trai Stanggerson. Tôi đã đi cùng với ông khi Chúa chìa bàn tay ra và đưa ông trở lại bầy đàn chân chính.

- Nơi người sẽ dắt dẫn mọi dân tộc, vào giờ phút thích đáng – Gã con trai kia nói tiếp bằng giọng mũi.

John lạnh lùng gạt đầu.

Stanggerson nói tiếp:

- Chúng tôi đến đây để xin con gái ông về làm vợ cho một trong hai người chúng tôi. Tôi mới có bốn vợ, và giáo hữu I-nốc Drebber bảy vợ. Như vậy tôi có lẽ được quyền ưu tiên hơn.

- Không! Không! – Gã kia vội kêu lên – Vấn đề không phải ở chỗ đã có bao nhiêu vợ, mà là có thể nuôi được bao nhiêu vợ. Cha tôi vừa mới cho tôi mấy nhà xay thóc, nên tôi là người giàu hơn.

- Nhưng triển vọng gia sản của tôi lại lớn hơn – Gã kia hung hăng đáp lại – Khi Chúa gọi cha tôi về hầu, tôi sẽ được thừa hưởng sản nghiệp thuộc da của cha tôi. Lúc đó tôi sẽ là tông đồ cấp cao hơn anh trong giáo hội.

- Cứ để cô gái quyết định – I-nốc Drebber nói, cười mỉm với hình ảnh của mình trong gương.

Trong lúc hai gã đối đáp nhau, John cố ghìm nén cơn giận để khỏi quất chiếc roi ngựa lên lưng họ.

- Này, các anh, khi nào con gái tôi gọi các anh đến thì các anh mới được đến. Nó chưa gọi thì đừng có vác mặt tới đây.

Hai gã trẻ tuổi nhìn nhau, ngơ ngác. Theo họ, đây là một vinh dự lớn cho người cha lẫn cô gái. John quát lên:

- Có hai lối ra khỏi phòng này, ra bằng cửa lớn và ra bằng cửa sổ. Các anh muốn ra bằng cửa nào?

Gương mặt và bàn tay John mang một vẻ hung tợn đến nỗi hai gã đứng bật dậy, vội vã bỏ về. John theo chân chúng đến tận cổng ngoài.

Stanggerson tức sùi bọt mép:

- Ông sẽ hối hận cho đến khi nhắm mắt.

- Bàn tay Chúa sẽ giáng xuống đầu ông. Chúa sẽ trừng trị ông – Drebber cũng hét lên trước khi hai gã phóng ngựa bỏ đi.

Ông già quay vào nhà, lấy tay chùi mồ hôi trên trán, nói với con:

- Bọn chó má! Cha thà thấy con nằm trong nấm mồ còn hơn làm vợ một trong hai đứa.

- Con cũng quyết thế - Cô gái trả lời với giọng rắn rỏi – Nhưng anh Hope chắc sắp về rồi.

- Ừ, chắc cũng không lâu, nhưng sớm ngày nào tốt ngày ấy.

Quả vậy, người trại chủ mạnh khỏe cần có người giúp đỡ. Trong suốt lịch sử của cộng đồng này, chưa từng có trường hợp nào chống lại uy quyền của giáo chủ một cách ngang nhiên đến vậy. Những lỗi lầm nhỏ mọn mà còn bị trừng trị ghê gớm thì số phận của kẻ bất phục tùng này sẽ ra sao? John biết rằng tài sản và danh tiếng của ông chẳng giúp ông được gì. Đã có những người khác, giàu có và tiếng tăm như ông bị thủ

tiêu và gia tài thì bị sung vào quỹ của giáo hội.

Sáng hôm sau, ông thấy một mẫu giấy gài trên tấm chăn ông đắp, đúng ngang ngực. Trên mẫu giấy có dòng chữ in đậm nét:

“Người còn hai mươi chín ngày để sửa mình”.

Mẫu giấy ấy làm John lo sợ hơn bất kỳ lời đe dọa nào. Hai mươi chín ngày rõ ràng là thời hạn mà Young dành cho ông. Bàn tay đã gài mẫu giấy này rất có thể cầm mũi dao vào giữa tim ông.

Sáng hôm sau nữa, John còn hoảng hốt hơn. Hai cha con vừa ngồi vào bàn ăn buổi sáng thì Lucy kêu lên một tiếng kinh ngạc, giơ tay chỉ lên trần nhà. Ngay giữa trần có ai đã viết, có lẽ bằng một cái que cời lửa, con số “28”. Lucy chắc không thể hiểu ý nghĩa của con số đó, và John cũng không nói cho con hay. Duy có điều, đêm hôm ấy, ông cảm súng canh rất khuya. Ông không thấy bóng dáng một ai, không nghe thấy một tiếng động nào, thế mà sáng hôm sau trên mặt ngoài cánh cửa đã có một con số “27”.

Cứ như vậy, ngày tiếp ngày, ông nhận thấy các kẻ thù vô hình của ông đã tính sổ đều đặn và ghi sổ ngày trong thời hạn dành cho ông. Những con số đó được viết khi thì trên tường, khi thì trên sàn, thỉnh thoảng lại ghi trên những tấm bìa nhỏ dính ở cửa vườn hoặc ngoài hàng rào. Một cảm giác hãi hùng xâm chiếm lấy ông mỗi khi nhìn thấy những con số đó.

Con số 20 trở thành 15, rồi 10, vẫn không có tin tức gì về Hope. Mỗi lần có tiếng vó ngựa qua đường, người trại chủ già lại vội vã chạy ra hàng rào xem.

Nhưng đến khi ông thấy con số 5 bị thay thế bằng 4 rồi 4 bị thay thế bằng 3 thì ông hết hy vọng. Một thân một mình không thông thuộc đường đi trên các dãy núi bao quanh vùng, ông biết mình bất lực.

Một buổi tối, ông ngồi một mình suy nghĩ miên man, vô vọng. Sáng hôm ấy, con số 2 đã hiện trên tường và hôm sau sẽ là ngày của thời hạn đáng nguyên rủa. Trong bầu không khí im lặng buổi tối, ông bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa rất nhẹ. John nhảy vọt đến cửa, rút chốt, mở toang cánh cửa.

Bên ngoài, cảnh vật rất yên tĩnh. Trong vườn, ngoài nhà, không thấy bóng một ai. Bỗng nhìn xuống chỗ gần chân mình, ông thấy một người nằm áp bụng xuống đất, vịn vẹo bò vào trong nhà, nhanh và lặng lẽ như một con rắn. Vào đến trong nhà, người ấy đứng bật dậy, đóng cửa lại và John nhận ra là Hope. Giọng anh khản đặc:

- Bác có gì ăn không? – Anh sà vào bàn, ăn hết chỗ thức ăn của bữa chiều còn lại, vừa ăn vừa hỏi chuyện – Lucy có khoẻ không bác?

- Nó khoẻ. Nhưng sao cháu lại đến đây bằng cách ấy?

- Nhà bác đã bị vây kín. Cháu phải bò từ xa đến đây. Chúng ghê lắm, nhưng vẫn không bắt nổi một thợ săn của vùng rừng núi.

John phẩn chấn xiết chặt bàn tay của người thanh niên:

- Chúng ta tính sao đây?

- Ngày mai là ngày cuối cùng, nếu ta không đi ngay đêm nay thì hỏng mất. Cháu có một con la và hai con ngựa buộc ở chỗ hẻm Đại Bàng. Bác hiện có bao nhiêu tiền?

- Bảy nghìn đô la.

- Thế là đủ. Cháu cũng có chừng ngần ấy. Ta phải đi về phía thành phố Crason qua đường núi. Bác đánh thức Lucy dậy đi.

Một lát sau, lợi dụng lúc một đám mây bay qua làm đêm tối thêm, ba người thận trọng mở cửa sổ, vượt qua vườn, rồi nín thở, khi thì gặp người lại làm hai, khi thì dán bụng

xuống đất, tiến dần đến hàng rào, nơi có một khe hở mở ra cánh đồng.

Bống chàng vội kéo hai người nấp vào một chỗ khuất. Kinh nghiệm của người thợ săn đã giúp cho chàng có đôi tai của mèo rừng. Ba người vừa nấp xong vào một chỗ tối đen, đã nghe thấy cách chỗ họ vài mét một tiếng hú buồn thảm của cú mèo. Một tiếng hú khác cũng ngay gần đấy đáp lại. Cùng lúc đó, một bóng người lơ mờ từ khe rào mà họ định tiến tới hiện ra, và tiếng hú ảo não kia lại nổi lên. Lúc ấy có một bóng người khác nhô ra từ trong tối. Chiếc bóng đầu tiên, có vẻ là một kẻ chỉ huy, nói:

- Ngày mai, vào lúc nửa đêm, khi chim kêu ba tiếng.
- Rồi. Có cần nói lại với giáo hữu Drebber không? – Bóng kia đáp lại.
- Báo cho Drebber biết mật hiệu và chuyển lại cho các giáo hữu khác. Chín còn bảy?
- Bảy còn năm – Bóng kia đáp lại rồi hai bóng người đi về hai hướng khác nhau.

Tiếng bước chân của chúng vừa mới chìm đi xa, cả ba người liền đứng dậy, vượt qua khe rào, chạy thật nhanh qua cánh đồng tới đường cái.

Ra tới đường cái, họ đi nhanh hơn. Trên đường, họ chỉ gặp có mỗi một người và kịp nấp tránh xuống bờ ruộng ven đường. Gần đến chỗ vào thành phố, người thợ săn rẽ sang một con đường đất gồ ghề nhỏ hẹp đi lên núi. Hiện ra lơ mờ trong bóng tối phía trên đầu họ là hai mỏm núi, giữa hai mỏm núi đó là hẻm Đại Bàng. Qua một lòng suối cạn nước, họ tới chỗ ẩn khuất đằng sau mấy tảng đá lớn, thấy ngựa và la vẫn còn. Cô gái ngồi trên lưng la, ông già với bọc tiền ngồi lên một con ngựa, còn người thợ săn dắt con ngựa kia.

Đường đi rất nguy hiểm, nhiều chỗ hẹp đến nỗi họ phải đi theo hàng một. Tới một chỗ hoang vắng và hiểm trở nhất của hẻm núi, bống Lucy khẽ kêu lên một tiếng, giơ tay chỉ lên mỏm núi. Một hình người đứng trên tảng đá mọc chìa ra bên trên con đường, nổi bật thành một bóng đen trên nền trời. Cùng lúc đó, người gác kia cũng nhìn thấy họ. Một tiếng “Ai?” lạnh sống lưng vang lên trong hẻm im lìm.

- Lữ khách đi Nevada – Hope đáp, tay đặt lên khẩu súng treo ở yên ngựa.
- Họ thấy người gác lăm lăm khẩu súng, nhìn họ như chưa hài lòng với câu trả lời.
- Được phép ai chưa?
 - Được phép của “Các vị Thánh ngày cuối” – John đáp. Những năm tháng sống với người Mormons đã dạy cho ông biết đây là quyền lực cao nhất mà ông có thể viện ra.
 - Chín còn bảy – Tên gác hỏi mật hiệu.
 - Bảy còn năm – Hope đáp lại ngay, nhớ lại mật hiệu nghe được ở hàng rào bên vườn.
 - Đi đi, và cầu Chúa phù hộ cho các người!

Sau khúc đó, con đường rộng dần ra, bằng phẳng hơn và họ có thể cho ngựa đi nước kiệu. Ngoái lại đằng sau, họ thấy bóng người gác chống súng xuống đất, họ biết là họ đã được tự do.

Chương 11. Báo oán

Những người chạy trốn đi suốt đêm, qua những đường đèo hiểm trở, dốc ngược và lởm chởm đá. Nhiều lần lạc đường, nhưng nhờ chàng trai thông thuộc vùng núi này nên họ lại tìm được phương hướng. Đến lúc trời rạng sáng, họ dừng lại bên một thác nước cho ngựa uống và để ăn vội bữa sáng. Lucy và ông John rất muốn nghỉ lâu hơn, nhưng người thợ săn nhắc nhở:

- Hiện giờ chúng đã bắt đầu đuổi theo. Thoát được hay không là tùy ở tốc độ của chúng ta. Tới được thành phố Carson là thoát.

Suốt ngày hôm ấy họ đi theo những con đường cheo leo, những hẻm núi nhỏ hẹp và đến chiều, họ tính đã ở cách xa kẻ thù khoảng ba mươi dặm. Đêm đến, chọn chỗ nghỉ ở chân một tảng đá mọc nhô ra để che bớt gió và nép người vào với nhau để có chút hơi ấm. Trước khi trời sáng, họ đã lên đường. Không thấy một dấu hiệu nào có người đuổi theo, Hope cho rằng họ đã thoát ra ngoài tầm tay của cái tổ chức khủng khiếp.

Đến khoảng trưa ngày thứ hai, chỗ lương thực ít ỏi mang theo bắt đầu cạn. Chàng trai không lo lắng. Chọn chỗ khuất, anh chất đống một ít cành cây khô, nhóm đống lửa lớn để ông John và Lucy sưởi, gió thổi mạnh và giá lạnh. Buộc ngựa xong, chàng khoác súng lên vai, đi kiếm thức ăn cho cả nhóm.

Chàng đi vài kilômet vào một hẻm núi, rồi đi tiếp sau một hẻm núi khác mà không gặp được một loại chim thú nào. Cuối cùng, sau hai giờ tìm kiếm, chàng nản chí, đã toan quay trở lại, bỗng nhìn thấy một con sơn dương, nó quay đầu về hướng khác, không thấy chàng. Chàng ngửa người, tỉ súng lên mép một tảng đá ngấm cẩn thận rồi mới bóp cò. Con vậy lão đảo bên bờ vực rồi lăn xuống đáy thung lũng. Chàng xỏ lấy một phần thịt, rồi vội vã quay trở lại chỗ cũ. Nhưng đường về bây giờ tìm mới khó vì lúc mai mê, chàng đã đi quá những hẻm núi quen thuộc. Trên núi, đêm ập xuống nhanh và lúc trời tối mịt, chàng mới nhận ra đường về.

Về đến đầu đường đèo – nơi chàng đã để ông John và Lucy ngồi chờ bên đống lửa – chàng bắt tay lên miệng hô vang một tiếng “hôôô”. Nhưng không có một tiếng hô nào đáp lại. hô tiếp một tiếng nữa. Vẫn không thấy có tiếng đáp, chàng cảm thấy một nỗi lo sợ mơ hồ khó tả, vội vứt bỏ tảng thịt, lao chạy về phía trước. Sau một chỗ ngoặt, chàng nhận ra rõ đây là nơi mình đã nhóm lửa. Dưới đất hãy còn một đống than cháy dở, nhưng xung quanh người và ngựa đã biến đi đâu mất!

Chàng khơi lại ngọn lửa và xem xét khu vực chung quanh. Nền đất có nhiều vết chân ngựa cho thấy một toán đông cưỡi ngựa đã đuổi kịp rồi sau đó đã lại rút đi. Cách đống lửa không xa có một mô đất mà lúc trưa không thấy có. Rõ ràng là một ngôi mộ vừa mới đắp. Bước lại gần, chàng thấy có một cái gậy cắm vào giữa ngôi mộ, trên đầu gậy gài một tờ giấy ghi vắn vện:

John Ferrier

Trước ở thành phố Salt-lake

Chết ngày 4 tháng 8 năm 1860

Đau đớn, chàng hồi hải tìm khắp xung quanh xem có ngôi mộ nào nữa không, nhưng không thấy, Lucy đã bị bắt đi rồi. Nàng sẽ là vợ của con trai một tông đồ Mormons nào đó. Khi hiểu ra số phận của vị hôn thê, chàng trai muốn lấy cái hẻm núi này làm nơi an nghỉ cuối cùng của mình. Nhưng bản tính kiên cường lại trỗi dậy. Nếu như đời chàng từ nay không còn ý nghĩa gì nữa, thì ít ra chàng vẫn có thể dùng nó để trả thù cho vợ. Cùng với bản tính kiên cường và nhẫn nại, chàng còn có một chí căm thù bền bỉ mà chàng đã học được ở những người da đỏ. Gương mặt tái nhợt và dữ tợn, chàng quay trở lại chỗ đã bỏ tảng thịt, nhóm lửa, chuẩn bị cho mình đủ thịt ăn trong vài ngày rồi đứng lên, lần đường tìm về thành phố Salt-lake.

Đến ngày thứ sáu, chàng về tới hẻm Đại Bàng. Tại đó, chàng có thể nhìn thấy nơi ở của Các vị Thánh ngày Tận thế. Chàng thấy có cờ bay phấp phới ở một vài đường phố chính và một vài dấu hiệu khác là có cuộc vui hay buổi lễ gì đó trong thành phố. Bỗng chàng nghe tiếng vó ngựa và thấy một người đi về phía mình. Chàng nhận ra đó là Cu-pơ, người mà mình đã có lần giúp một vài việc. Khi người đó tới gần, chàng bước lại:

- Anh còn nhớ tôi không? Tôi là Hope đây.

Người Mormons này không giấu nổi vẻ ngạc nhiên. Quả thực, khó mà nhận ra một kẻ lang thang, rách rưới, râu rậm tóc bù, mặt nhợt nhạt và dễ sợ này... Rồi vẻ ngạc nhiên mau lẹ chuyển thành vẻ lo ngại:

- Anh điên hay sao mà đến đây? Có lệnh bắt anh vì đã giúp hai cha con ông John chạy trốn.

- Tôi không sợ. Chỉ xin anh, vì tình bằng hữu cho tôi biết Lucy hiện nay ra sao?

- Hôm qua, người ta đã làm lễ cưới cho cô ấy. Kia, can đảm lên chứ. Trông anh như người mất hồn.

- Anh khỏi phải bận tâm về tôi – Giọng Hope yếu ớt, đôi môi tái nhợt, ngồi bệt xuống một tảng đá – Anh bảo sao, lễ cưới ư?

- Lễ cưới được tổ chức hôm qua, vì vậy mới treo cờ. Con trai Drebber và con trai Stanggerson tranh nhau khá căng. Cả hai gã đều nằm trong nhóm người đã đuổi theo họ và Stanggerson là kẻ đã giết người, cha của cô gái. Vì vậy, Stanggerson có vẻ được ưu tiên, nhưng khi việc này được đưa ra Hội đồng thì phía nhà Drebber thắng và giáo chủ đã giao cô gái cho Drebber. Dầu vậy, chẳng ai giữ cô ấy được lâu đâu vì hôm qua tôi đã thấy màu chết trên sắc mặt cô ấy rồi. Thế nào, anh đi đấy à?

- Vâng, tôi đi đây – Hope đứng dậy, gương mặt đanh lại và đôi mắt ánh lên một vẻ kiên đại.

- Anh đi đâu?

- Đi đâu cũng vậy thôi – Hope đáp, rồi vác súng lên vai, rảo bước về phía đường đèo, tiến sâu vào trong lòng núi.

Lời tiên đoán của Cu-pơ quả không sai: trong không đến một tháng, Lucy héo hon rồi chết. Drebber không tỏ ra đau buồn khi Lucy chết, vì hắn lấy Lucy chủ yếu vì của cải của ông bố. Nhưng những người vợ khác của y thương khóc cô, và theo phong tục của người Mormons, họ thức trông xác cô suốt đêm trước hôm mai táng. Đang ngồi xung quanh quan tài vào lúc trời chưa sáng, họ bỗng kinh ngạc và khiếp sợ khi thấy cửa bật mở và hiện ra một người đàn ông ăn mặc rách rưới, mặt sạm đen, con mắt điên dại, bước thẳng đến chỗ đặt thi hài, cúi đầu kính cẩn đặt đôi môi lên vầng trán giá lạnh rồi đỡ lấy bàn tay người chết, rút chiếc nhẫn cưới ra khỏi ngón tay và nói bằng một giọng giống tiếng gầm rít của loài thú nhiều hơn tiếng người:

- Không thể để cho người ta chôn cất nàng cùng với chiếc nhẫn này.

Trong lúc đám phụ nữ chưa biết nên làm gì thì người đó đã biến mất.

Trong nhiều tháng, người ta kể có một kẻ kỳ quặc thường hay lẩn quất ở những cánh đồng bên ngoài thành phố hoặc trong những hẻm núi hoang vắng. Một hôm, một viên đạn bắn qua cửa sổ nhà Stanggerson đập vào tường cách đầu y có một bộ. Lại một dịp khác, Drebber đang đi dưới chân một dốc núi thì một tảng đá lăn về phía y, y phải bỏ nhào úp sấp mặt xuống đất mới thoát chết. Hai gã thanh niên ấy sớm phát hiện ra người tiến hành những vụ mưu sát này, và chúng dẫn người đi tìm Hope nhiều lần nhưng không bắt được chàng. Chúng phải cất người canh gác nhà chúng, chúng không bao giờ ra khỏi nhà một mình hoặc khi trời tối. sau một thời gian, những biện pháp này được nói lỏng: người ta không còn thấy bóng dáng Hope đâu và chúng nghĩ rằng thời gian đã làm nguôi mối thù ở trong lòng người thợ săn trẻ tuổi ấy.

Nhưng chí báo thù đã chiếm lĩnh toàn bộ tâm hồn chàng trai, không còn chỗ cho một tình cảm nào khác len vào nữa. Nhưng cuộc sống phôi sương dãi nắng, chẳng mấy

chốc làm hao mòn sức khỏe của chàng. Nếu chàng chết trên núi như một con chó hoang thì ai sẽ báo thù cho? Mà nếu chàng cứ ở mãi trên núi thì không thể tránh khỏi kết cục đó. Vì vậy, chàng trở lại vùng mỏ Nevada để phục hồi sức khỏe và thu nhặt một ít tiền để rồi có thể theo đuổi chuyện báo oán.

Chàng định vắng độ một năm là cùng, nhưng nhiều tình huống không lường trước không cho phép chàng rời khỏi khu mỏ trong năm năm. Tuy nhiên, sau thời gian ấy, ký ức về nỗi đau buồn và lòng khao khát báo thù vẫn mãnh liệt. Cải trang, chàng trở lại thành phố Salt-lake dưới một cái tên giả và được biết những tin trái ý. Trước đó vài tháng đã xảy ra một sự phân biệt trong đám người được Chúa tuyển chọn. Một vài thanh niên trẻ của giáo phái Mormons đã nổi dậy, chống lại quyền lực của các tông đồ và kết quả là một số đã ly khai bỏ Utah ra đi, trở thành những kẻ ngoại đạo. Trong số đó có Drebber và Stangerson. Không ai biết chúng đi đâu. Người ta kể rằng Drebber đã khéo léo thu xếp, chuyển hầu hết tài sản của hắn ra thành tiền đem đi, còn Stangerson thì không được sung túc bằng.

Nhiều người cho rằng dù lòng báo thù có cháy bỏng đến đâu, có lẽ cũng phải từ bỏ ý định của mình trước ngàn ấy khó khăn, nhưng Hope thì không. Với số tiền ít ỏi đã có, chàng đi hết thành phố này đến thành phố khác trong khắp nước Mỹ tìm kiếm tung tích của kẻ thù, vừa đi vừa nhận làm những công việc lặt vặt để kiếm thêm tiền sinh sống. Thời gian trôi đi, mái tóc đen đã lốm đốm bạc nhưng ông vẫn cứ đi, không biết mệt mỏi, không hề nản chí, dò tìm dấu vết của kẻ thù như một con chó săn say mồi. Một hôm, ông thoáng nhìn thấy một nét mặt qua một khung cửa sổ, và biết đó là người mà ông lùng đuổi hiện đang ở tại thành phố Cleveland, bang Ohio. Ông trở về căn buồng, sắp đặt kế hoạch báo thù. Thế nhưng Drebber khi nhìn qua cửa sổ nhà hắn, cũng đã nhận ra kẻ lang thang ngoài phố kia và thấy ý định giết người trong ánh mắt người ấy. Hắn vội vã cùng với Stangerson – khi ấy đã trở thành thư ký riêng của hắn – đến nhà một vị thẩm phán khai rằng hắn đang bị một kẻ tình địch cũ dọa giết.

Tối hôm ấy, Hope bị tổng giam vì ông sống lang thang, không nhà cửa, không nghề nghiệp nhất định, ông bị giam mấy tuần. Đến khi được thả, ông thấy nhà Drebber bỏ trống và được biết hắn đã sang châu Âu cùng với tên thư ký riêng.

Một lần nữa, người báo oán thất vọng, nhưng cũng một lần nữa, mối thù dồn tụ qua năm tháng lại đẩy ông tiếp tục. Không đủ tiền đi xa, ông phải kiếm việc làm, dành dụm từng đô la một cho cuộc hành trình sang châu Âu. Sau cùng, khi có tạm một ít tiền để đủ sống, ông lên đường, đuổi theo các kẻ thù của mình từ thành phố này đến thành phố khác ở châu Âu, nhận làm bất cứ việc gì để sống. Thành phố Pétersbourg của Nga. Thủ đô Copenhagen của Đan Mạch. Cuối cùng ông theo chúng tới thủ đô nước Anh, và hạ sát được chúng.

Chương 12. Phần tiếp trong nhật ký của bác sĩ Watson

Tuy chống cự kịch liệt nhưng người đánh xe tỏ ra không hẳn thù gì chúng tôi. Ông ta nở một nụ cười thân thiện và tỏ ý mong rằng ông ta không gây thương tích gì cho chúng tôi trong lúc xô xát. Ông ta nói với Sherlock Holmes:

- Tôi chắc các ông sẽ dẫn tôi về Sở cảnh sát. Xe của tôi để dưới lòng đường. Nếu các ông vui lòng cởi trói chân cho tôi, tôi sẽ tự mình xuống.

Greson và Lestrade nhìn nhau suy nghĩ. Nhưng Sherlock Holmes cởi ngay dây trói.

Holmes bảo hai nhà thám tử:

- Các ông nên đi cùng với tôi.
- Tôi đánh xe cho – lestrade nói.
- Tốt lắm. Ông greson ngồi trong xe cùng với tôi. Bác sĩ watson! Cả anh nữa.

Tất cả chúng tôi ra xe. Hope ngoan ngoãn bước lên xe. Tới Sở cảnh sát, viên thanh tra làm nhiệm vụ của mình một cách bình thản, buồn tẻ:

- Can phạm sẽ bị đưa ra xét xử ngay trong tuần. Trong khi chờ đợi, Hope, anh có muốn khai gì không?

Hope từ tốn nói:

- Lời khai của tôi khá dài. Tôi muốn được kể hết với các ông.
- Ông có thể để đến khi ra toà khai cũng được.
- Có lẽ tôi sẽ không phải ra toà đâu. Các ông chớ hoảng hốt. Tôi không có ý định tự tử. Ông có phải bác sĩ không? – Ông ta quay đôi mắt u tối và cháy bỏng sang phía tôi.
- Phải.

- Thế thì xin ông đặt tay vào đây – Với một nụ cười hé nở trên môi, ông ta đưa hai cổ tay bị khoá lên ngực. Làm theo yêu cầu của ông ta, tôi cảm thấy ngay những tiếng tim đập dữ dội. Lồng ngực ông ta rung lên bần bật như một toà nhà mảnh mai bên trong đang chạy một động cơ quá mạnh. Trong bầu không khí im lặng của gian phòng, tôi có thể nghe thấy tiếng thổi và tiếng rung cũng xuất phát từ đó.

- Ủa, ông bị bệnh phình động mạch chủ hả? – Tôi thốt lên.

- Đúng vậy – Hope bình thản đáp – Tuần trước tôi đã đi khám bệnh, bác sĩ bảo không bao lâu nữa nó sẽ vỡ tung. Bệnh đã nặng lên từ lâu trong những năm tôi phải sống ở ngoài trời, ăn không đủ no, ngủ không yên giấc. Tôi đã làm xong cái việc cần làm, dù có phải ra đi sớm cũng không có gì hệ trọng. Tuy nhiên, tôi muốn kể lại câu chuyện của tôi để người ta đừng nghĩ tôi là một tên sát nhân bỉ ổi.

Viên thanh tra và hai nhà thám tử hội ý chớp nhoáng với nhau, xem có nên cho can phạm được phép kể như ông ta yêu cầu không. Viên thanh tra hỏi tôi:

- Bác sĩ có cho rằng tính mạng can phạm có thể bị nguy không?
- Rất có thể.

- Trong trường hợp ấy, nhiệm vụ của chúng tôi là phải lấy lời khai của can phạm. Ông Hope, chúng tôi cho phép ông bắt đầu khai.

- Tôi xin phép được ngồi – Hope nói – Bệnh phình động mạch này làm tôi dễ mệt lắm, nhất là sau cuộc vật lộn hồi nãy. Tôi đang ở bên bờ cõi chết. Vì vậy, tất cả những lời tôi sẽ nói ra đây đều là hoàn toàn sự thật.

Tiếp đó, Hope bắt đầu kể câu chuyện của mình. Ông ta nói với một giọng bình thản, từ tốn:

- Hai kẻ ấy đã gây ra cái chết của hai cha con – một cô gái và người cha – và vì thế, chúng rất đáng tội chết. Tuy nhiên, từ ngày đó đến nay, tôi không có đủ bằng chứng để đưa ra trước bất kỳ một toà án nào. Vì vậy, tôi đã quyết định đảm nhiệm cả vai trò quan toà lẫn đao phủ.

Cô gái bị thiệt mạng mà tôi nói ở trên lẽ ra làm vợ tôi cách đây hai mươi năm. Nàng đã bị ép buộc phải lấy tên Drebber này. Khi rút chiếc nhẫn khỏi ngón tay vợ tôi, tôi thề rằng trước lúc chết, con mắt của Drebber sẽ phải nhìn chính chiếc nhẫn này. Tôi săn đuổi bọn chúng qua hai lục địa.

Khi tôi đến Luân Đôn, túi tôi hầu như không còn một xu nào, tôi cần tìm một nghề.

Cưỡi ngựa, đánh xe đối với tôi tự nhiên như đi bộ. Tôi đến gặp một chủ xe, xin thuê một chiếc xe. Tiền kiếm được cũng đủ sống. Cái khó nhất là thuộc đường vì các phố ở thành phố này là cái mê cung rắc rối. Nhưng tôi kiếm được một cái bản đồ, và dần dần quen thuộc đường sá.

Tôi phải mất một thời gian mới tìm được địa chỉ của chúng. Chúng trọ tại một gia đình ở Camberwell. Phát hiện ra chỗ ở của chúng, tôi biết là đã nắm được chúng trong tay. Tôi đề râu dài, và kiên trì theo dõi mà chúng không nhận ra tôi.

Bất kể chúng đi đâu, tôi đều theo sát gót, khi thì bằng xe ngựa, khi thì bằng chân. Theo bằng xe tốt hơn vì chúng không thể bỏ xa tôi được. Chúng rất gian ngoan. Có lẽ chúng nghi bị theo dõi nên không bao giờ ra khỏi nhà một mình và cũng không bao giờ ra khỏi nhà lúc đêm khuya. Trong hai tuần liền, ngày nào tôi cũng dùng xe theo chúng, nhưng không bao giờ tôi thấy có tên nọ mà không có tên kia. Drebber gần như lúc nào cũng say, nhưng Stanggerson thì luôn luôn tỉnh táo và cảnh giác. Theo dõi mãi, tôi vẫn chưa tìm thấy cơ hội nào.

Một hôm, vào lúc xế chiều, khi đang đi lại trên phố Torquay, nơi chúng trọ, tôi bỗng thấy một chiếc xe ngựa đến đỗ trước cửa nhà chúng. Một lúc sau, có người khiêng hành lý ở trong nhà ra xe, rồi Drebber và Stanggerson lên xe và chiếc xe lăn bánh. Tôi cho xe đuổi theo. Đến ga Euston, chúng xuống xe. Tôi nhờ một đứa trẻ trông ngựa cho tôi và theo chúng ra sân ga. Tôi nghe thấy chúng hỏi giờ tàu đi Liverpool. Nhân viên nhà ga báo cho chúng biết là tàu vừa mới chạy, và phải mất một tiếng đồng hồ nữa mới có chuyến sau. Stanggerson tỏ ra bức mình, Drebber trái lại có vẻ mừng rỡ. Tôi xán đến gần chỗ chúng. Drebber nói là y có một công việc nhỏ cần phải giải quyết và y bảo tên kia chờ, y sẽ quay trở lại ngay. Stanggerson trách móc, nhắc nhở là hai đứa đi đâu cũng phải có đôi. Drebber trả lời rằng đây là một việc tế nhị nên y phải đi một mình. Tôi không nghe Stanggerson đáp lại như thế nào mà chỉ thấy Drebber chửi rủa rồi nhắc nhở cho Stanggerson biết rằng y chỉ là một kẻ tồi tệ. Thấy vậy, Stanggerson không kẻo nèo thêm nữa và hai đứa thoả thuận là nếu Drebber không kịp trở lại tàu thì y sẽ đến gặp Stanggerson tại khách sạn Holiday. Sau đó Drebber đi một mình ra khỏi nhà ga.

Khi đi cùng với nhau, chúng có thể bảo vệ lẫn nhau, nhưng nếu chúng tách riêng từng đứa thì đời chúng sắp tàn. Tuy thế, tôi không hành động hấp tấp. Trong sự báo thù, sẽ không có niềm sung sướng nếu kẻ thù của mình không biết vì sao nó phải đền tội và ai là người bắt nó đền tội. Trước đó mấy ngày, một người chịu trách nhiệm trông nom mấy ngôi nhà ở đường Brixton đã đánh rơi chìa khóa của một ngôi nhà trên xe của tôi. Tôi đã trả lại cho ông ta chiếc chìa khoá, nhưng trước đó, tôi đã nhờ làm thêm một chiếc. Với chiếc chìa ấy, tôi đã có một nơi ra vào, một nơi có thể tự do hoạt động. Nhưng việc đưa Drebber đến ngôi nhà ấy, là điều rất khó khăn.

Ra khỏi ga, Drebber sà vào một hai quán rượu. Ở quán thứ hai, y lưu lại đến gần nửa giờ. Ở quán này ra, chân y bước không vững. Có một chiếc xe ngựa đỗ ngay trước xe tôi. Y vẫy vẫy gọi và lên xe đi. Tôi đi theo chiếc xe này sát đến nỗi suốt quãng đường, mũi con ngựa xe tôi gần như chạm vào đuôi xe trước. Hai xe cứ đi vòng vào một lúc lâu rồi cuối cùng trở lại đúng cái phố mà Drebber đã ở trọ. Tại đó, chiếc xe ngựa kia dừng lại, cho xuống rồi xe ra đi. Tôi cho xe mình đỗ cách nhà chừng một trăm mét, và ngồi chờ. Các ông cho xin một cốc nước. Tôi khờ cả họ.

Tôi đưa cho ông ta một cốc nước.

- Xin cảm ơn! Drebber vào nhà, tôi bình tĩnh ngồi khoảng một khắc đồng hồ, bỗng

nghe thấy tiếng còi cộ trong nhà. Mấy phút sau, cửa mở tung và hiện ra hai người đàn ông. Một là Drebber, và người thứ hai là một thanh niên tôi chưa gặp bao giờ. Anh thanh niên này nắm lấy cổ áo Drebber, kéo y ra tại bậc thềm, xô mạnh và co chân đạp bồi thêm một cái nữa làm y ngã lăn sang tận bờ hè bên kia. Anh ta giơ gậy lên dọa: “Đồ chó má! Tao sẽ dạy cho mày chừa thói lẳng nhục một người con gái lương thiện”. Drebber chạy đến góc phố, trông thấy xe tôi, nhảy lên xe, bảo tôi: “Đến khách sạn Holiday”. Lúc ấy, tim tôi đập rộn lên vì mừng rỡ. Tôi cho xe chạy từ từ, cân nhắc trong đầu nên làm gì. Tôi có thể đưa y ra thẳng ngoại ô và trên một quãng đường vắng sẽ cho y giáp mặt lần cuối với tôi. Bỗng y bảo tôi đỗ xe trước một quán rượu. Y ở lại trong quán cho đến giờ đóng cửa quán, và khi y bước ra, chân nam đá chân xiêu, tôi biết tôi đã có mọi thuận lợi trong tay.

Các ông đừng nghĩ rằng tôi sẽ giết y một cách chóng vánh. Đã từ lâu, tôi tự bảo tôi sẽ dành cho y một cơ hội sống sót, nếu y muốn. Trong quãng đời lang thang ở Mỹ, tôi đã làm nghề gác cổng kiêm việc quét dọn cho một phòng thí nghiệm của trường đại học New York. Một hôm, trong buổi giảng dạy về các chất độc, một vị giáo sư đã giới thiệu với sinh viên một loại alcalôit mà ông ta đã chiết xuất từ một thứ cây, có độc tính mạnh đến nỗi chỉ cần một chút bằng hạt đậu nhỏ cũng đủ làm chết người ngay tức khắc. Tôi đánh dấu bằng mắt cái lọ đựng thuốc độc ấy và khi mọi người ra về, tôi lấy trộm một chút. Tôi cũng ít nhiều biết cách chế biến các hoá chất và với một chút bột alcaloit ấy, tôi đập thành hai viên thuốc nhỏ để hoà tan trong nước. Đồng thời tôi cũng làm ra hai viên thuốc khác, y hệt như hai viên này nhưng không có chứa chất độc. Tôi bỏ một viên độc và một viên vô hại vào trong một cái hộp. Lúc bấy giờ, tôi đã quyết định là, trong buổi giáp mặt cuối cùng, mỗi kẻ thù của tôi sẽ phải uống một viên trong hộp và tôi sẽ uống viên thứ hai còn lại. Từ sau hôm đó, lúc nào tôi cũng mang theo người hai hộp ấy và chờ có lúc sử dụng.

Lúc bấy giờ đã gần một giờ sáng. Đêm tối đen như mực. Mưa như trút nước và gió thổi dữ dội. Ngoài trời thì ảm đạm nhưng trong lòng tôi vui sướng, hân hoan. Nếu ai đã từng mong mỏi thiết tha một cái gì đó, trong suốt hai mươi năm trời, rồi bỗng có cái đó ngay trong tầm tay thì người ấy sẽ hiểu được những cảm xúc của tôi lúc bấy giờ. Tôi châm một điếu xì gà để bình tâm lại. Vừa đi, tôi vừa như thấy ông John và nàng Lucy nhìn tôi và mỉm cười với tôi. Tôi dừng xe lại trước ngôi nhà ở đường Brixton. Suốt phố không một bóng người, không một tiếng động, chỉ trừ tiếng mưa rơi. Nhìn vào trong xe, tôi thấy Drebber đang ngủ như chết vì say. Tôi lay vai y:

- Đến nơi rồi.

- Tốt! – Y đáp lại.

Tôi cho rằng y ngỡ là đã đến khách sạn, vì y xuống xe và đi theo tôi vào vườn không nói một lời nào. Tôi phải đi cạnh y, đỡ y. Tới cửa nhà, tôi mở cửa, đưa y vào gian nhà ngoài.

- Tối quá! – Drebber dậm chân gắt gỏng.

- Sáng ngay bây giờ đây – Tôi nói, đánh diêm châm một ngọn nến tôi mang theo.

- Này Drebber! – Tôi nói tiếp, quay mặt về phía y và giơ ngọn nến sát mặt tôi – Ta là ai đây?

Y nhìn tôi một lúc bằng con mắt lơ đãng của kẻ say và tôi thấy hiện lên trong mắt y một nỗi kinh hoàng làm nhả nhúm cả mặt y. Y lùi lại, lảo đảo, mặt tái nhợt, mồ hôi nhỏ giọt trên trán, hai hàm răng đập lập cập vào nhau.

Tôi dựa lưng vào cánh cửa. Tôi cười rất to và khá lâu, rồi bảo Drebber.

- Đồ chó đẻ! Tao đã săn đuổi mày suốt từ Salt-lake đến Pétersbourg. Nhưng lần này, mày không còn chạy đi đâu được nữa, vì một trong hai ta, tao hoặc mày sẽ không nhìn thấy mặt trời sáng mai.

Y lùi lại khi nghe tôi nói, vì tôi có thể đọc được trên nét mặt y là y tưởng tôi điên. Đúng là lúc ấy tôi điên thật. Thái dương tôi đập thành thành, tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ bị một cơn thần kinh nếu như tôi không bị chảy máu mũi làm cho người tôi nhẹ đi nhiều. Tôi đóng cửa lại, vung chiếc chìa khóa trước mặt y.

- Mày nghĩ gì về cô gái Lucy bây giờ nào? Sự trừng phạt đến tuy có muộn, nhưng cuối cùng cũng phải đến chứ.

Tôi thấy môi y mấp máy, y có lẽ đã xin tôi tha tội:

- Ông định ám sát tôi ư? – Drebber áp ứng.

- Ai lại ám sát một con chó dại? Mày có thương xót gì cái cô gái khi mày giăng nạng ra khỏi xác cha nàng.

- Không phải tôi giết cha nàng – Y kêu lên.

- Nhưng chính mày đã làm tan nát cõi lòng con người trong trắng ấy – Tôi gần như hét lên và giơ chiếc hộp thuốc trước mặt Drebber – Mày hãy chọn lấy một viên và nuốt đi. Ở một viên là cái chết, còn ở viên kia là sự sống. Để xem có công lý trên quả đất này không, hay chỉ là chuyện may rủi.

Drebber lùi vào một góc phòng kêu lên những tiếng man rợ, xin tôi rủ lòng thương, nhưng tôi rút dao kềm sát cổ y, làm y cuối cùng phải uống thuốc. Tôi nuốt viên thuốc còn lại, chúng tôi đối diện nhau trong một phút, chờ xem ai sống và ai sẽ chết. Có lẽ tôi không bao giờ quên được nét mặt y, khi những cơn đau đầu đầu tiên báo cho y biết thuốc độc đang lan khắp người. Nhìn thấy thế, tôi cười khanh khách và giơ chiếc nhẫn của nàng ra trước mặt y. Phút đó quá ngắn ngủi vì tác động của chất alcalôit rất mau lẹ. Y quằn quại vì đau đớn, toàn thân và các cơ mặt co giật, rồi ngã vật ra sàn. Tôi lấy mũi giày hất người y lại, đặt tay lên ngực y. Y đã chết hẳn rồi. Máu ở mũi tôi ọc ra nhiều nhưng tôi không để ý. Không biết lúc đó tôi nghĩ gì mà lấy máu tôi viết lên tường. Có lẽ định đùa trêu cảnh sát, đánh lạc hướng của cảnh sát, vì lúc đó lòng khoan khoái, tôi nhớ lại vụ một người Đức bị ám sát tại New York, bên trên xác nạn nhân có chữ “Rache” làm báo chí kết luận là một án mạng do những hội kín gây ra. Tôi nghĩ chuyện bí ẩn đối với người New York chắc cũng sẽ là bí ẩn đối với người Luân Đôn. Tôi bèn nhúng ngón tay vào chính máu tôi viết lên tường vào chỗ thuận tiện. Sau đó tôi trở ra xe. Đường vẫn không có một bóng người và trời vẫn mưa gió ào ào. Tôi đã đi được một quãng, bỗng dứt tay vào túi, không thấy chiếc nhẫn đâu. Tôi hoảng hốt, cho rằng có lẽ đã đánh rơi khi cúi xuống trên xác Drebber. Tôi quay trở lại, để xe ở một ngách phố nhỏ và đánh liều trở lại ngôi nhà. Tới nơi, tôi chạm trán ngay phải một viên cảnh sát ở trong nhà đi ra, tôi phải giả vờ say mới khỏi bị nghi ngờ.

Lúc bấy giờ tôi chỉ còn có một việc là thanh toán nốt Stanggerson. Tôi biết Stanggerson đang ở khách sạn Holiday. Tôi đã lảng vảng quanh đó suốt ngày, nhưng không thấy y lộ mặt ra. Tôi sớm phát hiện được cửa sổ buồng y, và sáng hôm sau, nhân có mấy cái thang ở lối đi đằng sau khách sạn, tôi dựng lên, gác vào cửa sổ buồng y và trèo vào. Tôi đánh thức y dậy, bảo y là phải trả lời về tội ác mà y đã gây ra cách đây hai mươi năm. Tôi mô tả lại với y cái chết của Drebber, rồi tôi cũng cho y được chọn một trong hai viên thuốc. Y nhảy bổ vào tôi, định bóp cổ tôi. Ở vào thế tự vệ, tôi đã

đâm y.

Sau đó, tôi trở lại nghề đánh xe như trước, với ý định tiếp tục cho đến khi nào dành đủ tiền để trở về nước Mỹ. Tôi đang đậu xe ở một nơi thì một đứa trẻ đến hỏi có người đánh xe nào tên là Hope không, và bảo có người ở số 221B phố Baker muốn thuê xe. Coi là chuyện bình thường, tôi đi theo nó đến địa chỉ kia. Đến nơi, chưa hiểu đầu đuôi ra sao thì ông này thừa lúc tôi sơ ý, khoá ngay cổ tay tôi lại. Thừa các ông, đó là toàn bộ câu chuyện của tôi.

Nghe xong câu chuyện, chúng tôi ngồi im lặng mất một lúc, chỉ có tiếng bút chì sột soạt ghi nốt phần cuối bản tốc ký. Sau cùng, holmes nói:

- Có một điểm tôi muốn biết thêm. Người đến nhận chiếc nhẫn cho anh là ai vậy?
- Tôi không thể làm liên lụy đến những người giúp tôi. Tôi đọc được tin nhắn của ông. Tôi nghĩ đây có thể là một cái bẫy, nhưng cũng có thể đúng là chiếc nhẫn mà tôi muốn tìm lại. Hình như bạn tôi đã khéo léo làm xong nhiệm vụ của mình?

- Đúng thế - holmes tươi cười đáp.

Viên thanh tra trịnh trọng tuyên bố:

- Thôi, thứ năm tuần tới can phạm sẽ được đem ra xét xử. Tất cả các ông sẽ phải có mặt tại phiên toà. Từ nay đến khi ấy, tôi sẽ chịu trách nhiệm giam giữ can phạm.

Nói xong, ông gọi hai viên cảnh sát đến dẫn Hope đi, còn holmes và tôi lên xe về nhà.

Chương 13. Phần kết

Người ta dặn chúng tôi phải có mặt tại toà vào hôm thứ năm, nhưng ngay đến hôm bị bắt, động mạch của Hope bị vỡ và sáng hôm sau, người ta thấy ông nằm dài trên sàn phòng giam, với một nụ cười thanh thản trên môi. Tối hôm ấy, trò chuyện với nhau ở nhà, holmes bảo tôi:

- greson và lestrade sẽ tức tối trước cái chết này. Nó làm cho họ mất một dịp khoe khoang thành tích của họ.

- Họ có thành tích gì trong vụ này đâu?

- Nhưng mà thôi. Không có anh thì suýt nữa tôi đã bỏ lỡ mất vụ án lý thú này. Tuy đơn giản nhưng nó có nhiều điểm rất bổ ích.

- Anh nói đơn giản ư?

- Thực ra, cũng khó đánh giá nó khác được – holmes mỉm cười trước vẻ ngạc nhiên của tôi – Bằng chứng về sự đơn giản của nó là, không cần một sự trợ giúp nào, chỉ chờ đến một vài sự suy đoán rất bình thường, trong ba ngày tôi đã tóm cổ được thủ phạm.

- Ủ, mà đúng.

- Để giải quyết một vấn đề như vậy, cái quan trọng là lập luận ngược chiều. Đây là một phép tư duy rất bổ ích và rất dễ, nhưng ngày nay người ta không thực hành mấy nữa. Trong công việc hàng ngày, lập luận theo chiều thuận thường là dễ hơn, vì vậy người ta quên mất cách lập luận theo chiều ngược.

- Thú thực tôi chưa hiểu.

- Con người ta, khi được nghe trình bày một chuỗi sự việc hầu hết sẽ tiên đoán kết cục của những sự việc đó. Họ có thể tập hợp những sự kiện đó trong óc rồi suy ra điều sẽ phải xảy ra. Nhưng không có mấy người, sau khi nghe nó đến cuối cùng, có khả năng suy ra những sự việc nào đã dẫn đến kết cục ấy.

- Tôi đã hiểu.

- Đây là trường hợp người ta nói cho anh biết cái kết cục và tự anh phải tìm ra tất cả

những sự việc đã dẫn đến cái kết cục ấy. Tôi xin kể lại với anh các giai đoạn khác nhau trong cách lập luận của tôi. Như anh đã biết, tôi đã đi bộ khi gần đến hiện trường, đầu óc hoàn toàn không có một dự kiến hay thiên kiến gì. Tôi bắt đầu xem xét đoạn đường dẫn đến ngôi nhà, và ở đó, tôi thấy rõ những vết bánh xe, loại xe nhỏ hai chỗ chở thuê, và qua một vài câu hỏi, tôi biết chắc là xe này đã đậu ở đây đêm trước. Tôi biết đây không phải là một chiếc xe nhà mà là xe chở thuê, căn cứ ở khoảng cách hẹp giữa hai bánh xe. Chiếc xe chở thuê thông thường ở Luân Đôn nhỏ hẹp hơn nhiều so với xe nhà.

Sau đó tôi đã chậm chậm đi theo lối qua vườn mà nền đất là một loại đất sét, rất dễ nhận vết chân, đối với con mắt nhà nghề của tôi thì mỗi dấu vết mang một ý nghĩa. Lầy vết chân là một ngành trong khoa học hình sự rất quan trọng nhưng cũng bị coi nhẹ. Tôi đã thấy những vết chân nặng nề của các viên cảnh sát, nhưng tôi cũng thấy những vết chân của hai người đã đi qua khu vườn này trước đám cảnh sát kia: ở một đôi chỗ vết chân của hai người bị những vết chân cảnh sát đè lên, xóa đi. Qua đó, nó cho tôi biết đã có hai người lạ mặt đến đây hồi đêm, một người rất cao lớn – căn cứ theo chiều dài của bước chân và người kia ăn mặc sang trọng, căn cứ theo vết giày nhỏ nhắn, thanh mảnh.

Vào trong nhà, người đi giày sang trọng nằm đó. Vậy thì, người cao lớn là kẻ đã gây ra án mạng. Không có thương tích trên người nạn nhân, nhưng qua những nét kinh hoàng lưu lại trên mặt, tôi đoán hẳn nạn nhân đã được báo về số phận mình trước khi chết. Những người chết vì bệnh tim hoặc vì một nguyên nhân tự nhiên nào khác không bao giờ nét mặt lại nhăn nhúm đến như vậy. Người môi nạn nhân, tôi thấy có mùi chua chua, tôi kết luận, nạn nhân đã bị cưỡng bức uống thuốc độc. Chính vẻ căm thù và khiếp sợ biểu lộ trên mặt đã dẫn tôi đến suy đoán ấy. Tôi đi đến kết luận này bằng phương pháp loại trừ, vì không có một giả thiết nào khác có thể giải thích được tất cả những chi tiết kia. Cưỡng bức nạn nhân uống thuốc độc hoàn toàn không phải là điều mới trong lịch sử hình sự.

Tiếp theo đó là câu hỏi lớn: tại sao có vụ ám sát này? Tiền bạc không phải là động cơ. Vụ này dính đến chính trị hay đến phụ nữ? Trước hết tôi ngả về giả thiết thứ hai. Những kẻ ám sát chính trị một khi làm xong nhiệm vụ thì vội bỏ đi ngay. Ở đây ngược lại, thủ phạm đã để dấu vết trong khắp gian phòng, chúng tỏ ý đã lưu lại đây khá lâu. Vậy đây là một vụ thanh toán do hận thù cá nhân chứ không phải là một vụ án chính trị. Khi phát hiện ra những chữ viết trên tường, tôi càng tin chắc sự suy đoán của tôi là đúng; đây quá rõ là một mưu mẹo nhằm đánh lạc hướng. Đến khi tìm thấy chiếc nhẫn thì tôi coi việc xác định giả thiết là đã xong. Rõ ràng thủ phạm đã dùng chiếc nhẫn này để gọi lại với nạn nhân một người phụ nữ đã chết hoặc vắng mặt. Chính là khi đó tôi hỏi gerson xem trong bức điện gửi đi Cleveland, ông ta có hỏi một chi tiết gì đặc biệt về quá khứ của Drebber không. Chắc anh còn nhớ gerson đã trả lời tôi là không.

Sau đó, tôi xem xét tỉ mỉ gian phòng. Việc này giúp tôi thấy rõ tầm vóc, loại thuốc xì gà và móng tay dài của thủ phạm. Vì không có dấu vết vật lộn nào nên tôi kết luận chỗ máu giẫy ra trên sàn nhà hẳn là máu mũi của thủ phạm lúc bị quá khích. Tôi thấy những vết máu này trùng hợp với những vết chân của thủ phạm. Không mấy ai, trừ phi là người thuộc tạng rất thừa máu, lại chỉ vì xúc cảm mà chảy máu mũi. Vì vậy, tôi dám nghĩ rằng thủ phạm chắc là một người lực lưỡng, mặt đỏ vì xung huyết. Thực tế đã chứng minh là tôi đoán đúng.

Ở ngôi nhà đó ra về, tôi đã vội vàng làm cái việc mà greson bỏ qua. Tôi điện cho Sở cảnh sát thành phố Cleveland, hỏi về những tình huống xung quanh cuộc hôn nhân của Drebber. Bức điện trả lời cho biết Drebber đã nhờ cảnh sát thành phố che chở cho mình khỏi bị một kẻ tên là Hope ám hại. Kẻ này là tình địch của Drebber trong một chuyện yêu đương cũ và hiện nay kẻ này đang có mặt tại châu Âu. Đến lúc ấy, tôi biết là đã nắm trong tay tất cả các đầu mối, chỉ còn có việc tóm cổ thủ phạm nữa thôi.

Tôi đã tin chắc rằng người ấy đi cùng với Drebber vào ngôi nhà và người đánh xe chỉ là một. Vết chân ngựa day đi day lại trên đường cho thấy không có người giữ cương nó. Vậy thì người đánh xe lúc ấy ở đâu nếu không phải là ở trong nhà? Bởi không có ai dám gây ra một án mạng ngay trước mắt một người thứ ba để về sau người đó sẽ tố cáo mình. Cuối cùng, giả sử thủ phạm muốn theo dõi nạn nhân của mình qua các phố ở Luân Đôn thì liệu y còn tìm được cách nào tốt hơn là đóng vai người đánh xe ngựa không. Tất cả những khía cạnh ấy buộc tôi phải tìm Hope trong số những người đánh xe ngựa ở Luân Đôn.

Nếu y làm nghề đánh xe thì không có lý do gì y lại không tiếp tục nghề ấy. Trái lại, theo cách nhìn của y, mọi sự thay đổi đột ngột có thể làm cho người ta chú ý đến y. Chắc y cũng tiếp tục nghề cũ, ít nhất trong một thời gian. Cũng không có lý do gì để giả thiết rằng y sống dưới một cái tên giả. Y cần gì phải đổi tên ở một nước không có ai quen biết? Tôi đã nhờ đến mấy chú bé lang thang, phái chúng đến hỏi tất cả các chủ xe Luân Đôn cho đến khi tìm được người mà tôi tìm. Chúng đã tìm được. Vụ giết Stanggerson là một việc hoàn toàn bất ngờ, nhưng dù sao cũng không thể ngăn ngừa được. Anh thấy không, tất cả những điều đó là một chuỗi sự việc lô-gích móc nối nhau liên tục, không một kẽ hở, không một chỗ nào gián đoạn.

- Thật là tuyệt vời! – Tôi kêu lên – Công lao của anh đáng được mọi người biết đến. Phải đăng một bài báo về vụ này. Nếu anh không viết thì tôi sẽ viết thay anh.

- Anh làm gì thì tùy. Nhưng anh hãy xem đây.

Holmes đưa cho tôi một tờ báo. Đó là tờ “Tiếng vang” số ra trong ngày, và bài báo anh chỉ cho tôi chính là một bài báo nói về một vụ án. Bài báo viết:

“Với cái chết đột ngột của Hope, kẻ bị tình nghi là thủ phạm gây ra hai án mạng: giết Drebber và Stanggerson, công chúng đã mất một dịp được biết những tình tiết giạt gân của một vụ án bí ẩn. Có lẽ người ta sẽ không bao giờ được biết những tình tiết ấy, tuy rằng theo nguồn đáng tin cậy, chúng ta được biết rằng hai án mạng này là kết cục của một mối thù oán lâu năm có dính dáng đến tình yêu và giáo phái Mormons. Hình như thời trẻ hai nạn nhân đã thuộc về giáo phái “Các vị Thánh ngày cuối” và thủ phạm Hope cũng là người gốc gác ở thành phố Salt-lake. Tuy vụ này không đi đến kết cục công khai tại tòa, song ít nhất cũng nêu bật lên cách làm việc có hiệu quả của ngành cảnh sát nước ta. Không ai không biết rằng công lao này hoàn toàn thuộc về hai thanh tra nổi tiếng của Scotland Yard là các ông greson và lestrade. Thủ phạm hình như đã bị bắt giữ tại nhà một người tên là sherlock holmes. Bản thân người này – với tư cách thám tử nghiệp dư – cũng đã tỏ ra có đôi chút tài năng. Hy vọng rằng, được những người như hai thanh tra kể trên dìu dắt, với thời gian, sherlock holmes sẽ học hỏi được nhiều và sẽ tấn tới hơn nữa.

Chúng tôi tin chắc rằng hai thanh tra greson và lestrade đã được ngợi khen xứng đáng với những thành tích xuất sắc của họ”.

Sherlock holmes cười lớn:

- Thì tôi đã bảo ngay từ đầu mà.

HẾT.

A.2 - The Sign of the Four 1890 (Dấu bộ tứ)

Chương 1: Phép diễn dịch là một khoa học

Shelock Holmes lấy cái chai ở góc lò sưởi rồi rút ống tiêm ra khỏi bao da. Những ngón tay dài, xanh, gân guốc chuẩn bị kim tiêm trước khi xắn tay áo trái lên. Trong một thoáng, ánh nhìn tư lự của anh dừng trên mạng tĩnh mạch ở cẳng tay lộ chỗ vô số vết tiêm. Anh nhấn kim một cách chính xác, đẩy chất nước, rồi ngồi gọn gàng vào chiếc ghế bành bọc nhung, thở một hơi dài sáng khoái.

Từ nhiều tháng nay, tôi đã chứng kiến cảnh này tái diễn mỗi ngày ba lần, nhưng tôi vẫn không làm quen được với nó. Ngược lại càng ngày tôi càng thấy khó chịu thêm, và cả trong giấc ngủ, đêm đêm, lương tâm trách tôi sao không có can đảm để phản đối chuyện này. Đã bao nhiêu bận rồi tôi tự nguyện phải làm sao cho tâm hồn mình được thanh thản và nói ra những gì cần nói. Nhưng thái độ uể oải và dè dặt của bạn tôi không cho phép tôi tọc mạch như thế được. Những thiên tư đặc biệt và những phẩm chất khác thường của anh mà tôi đã biết rõ khiến tôi phải kiêng nể. Làm trái ý anh, tôi cảm thấy thật rứt rứt và vụng về biết bao.

Ấy thế mà, chiều hôm đó, tôi không thể dần được nữa. Phải chăng đó là do chất men của món rượu chúng tôi đã uống vào bữa ăn trưa? Hay là vì cái cung cách khiêu khích của anh làm tôi cũng giận anh hơn? Dẫu sao, tôi cũng phải lên tiếng.

- Hôm nay là morphine hay cocaine đấy, anh bạn? Tôi hỏi.

Cặp mắt đờ đẫn của anh rời khỏi cuốn sách in bằng chữ kiểu gotise anh đang cầm trong tay.

- Cocaine - Anh đáp - dung dịch 7%. Anh muốn dùng thử chút chẳng?

- Không, chắc chắn là không rồi! - Tôi đáp, giọng hơi cộc cằn - Sau chiến tranh ở Afghanistan, tôi vẫn chưa bình phục hẳn. Tôi không thể tự cho phép mình hoang phí sức lực được.

Giọng điệu sôi nổi của tôi khiến anh mỉm cười.

- Có lẽ anh nói có lý đấy, Watson ạ. - Anh đáp. - Có thể loại độc dược này gây ảnh hưởng tác hại trên thân thể tôi. Nhưng tôi lại thấy nó có tác dụng kích thích làm cho đầu óc tôi sáng suốt, nên tôi nghĩ là những tác dụng phụ của nó chỉ có một mức độ quan trọng không đáng kể.

- Nhưng anh hãy xét vấn đề trong toàn bộ của nó chứ? - Tôi nói lớn bằng một giọng hăng hái - Đúng thế, đầu óc anh có thể minh mẫn khác thường, song anh hãy nghĩ đến cái giá mà anh phải trả chứ? Đó là một quá trình bệnh hoạn khiến các tổ chức tế bào não bộ hồi sinh nhanh chóng, và do đó có thể đưa đến một sự suy nhược thường xuyên. Anh cũng từng biết đến tình trạng suy nhược tinh thần thảm hại theo sau đó: thế thì cuộc chơi này đâu có bổ? Sao lại đành chịu để tiêu tan những tài năng to lớn trong

anh để chỉ kiểm lấy một khoái cảm thoáng qua thôi? Xin anh nhớ cho rằng lúc này kẻ nói với anh chẳng những là người bạn chí tình mà còn là một bác sỹ chịu trách nhiệm một phần nào đó về sức khỏe của anh.

Anh chẳng tỏ vẻ gì là bị xúc phạm. Trái lại anh đan mười đầu ngón tay lại với nhau và đặt khuỷu tay lên tay ghế bành trong tư thế của một người sắp sửa được thưởng thức một buổi nói chuyện lý thú.

- Trí óc tôi không chịu nổi tình trạng đình đốn. - Anh đáp - hãy đặt cho tôi những bài toán, hãy cho tôi việc làm! Anh cứ giao cho tôi bản mật tự bí hiểm nhất hoặc một công trình phân tích phức tạp nhất đi, ấy thế là tôi được sống trong bầu không khí thích hợp với tôi rồi đó. Lúc bấy giờ tôi chẳng màng đến thứ kích thích tố nhân tạo này nữa đâu. Nhưng tôi quá chán ghét cái lẽ lối đơn điệu và cuộc sống lảm nhảm. Tôi cần có một liều kích thích về tinh thần. Và chẳng, đó cũng là lý do tại sao tôi lại chọn cái nghề kỳ cục này, hay nói đúng hơn, lý do tại sao tôi đã tạo ra nó, bởi lẽ trong loài người như tôi, tôi là kẻ độc nhất trên cõi đời này.

- Tay thám tử tư độc nhất à? Tôi ngược mắt nói.

- Nhà thám tử duy nhất mà người ta đến hỏi ý kiến – Anh nói rõ thêm - Về việc điều tra, sưu tầm, thì chính tôi là tòa án phúc thẩm khi mà những anh chàng thám tử như Gregson, Lestrade hay Athelney Jones bỏ cuộc thôi không mò ra được nữa. - Một điều đã trở thành lẽ thói ở họ, xin nhắc qua thế thôi – thì những người ấy đến tìm tôi. Tôi xem xét các dữ kiện với tư cách một giám định viên và phát biểu ý kiến với tư cách là một chuyên gia. Trong những trường hợp như vậy, tôi chẳng đòi hỏi rằng vai trò của tôi phải được thừa nhận chính thức. Tên tuổi của tôi không xuất hiện trên báo chí. Công việc tôi làm, tự bản thân nó, và niềm sảng khoái tìm được môi trường hoạt động cho những tài năng thiên phú của tôi cũng đã là phần thưởng cao quý nhất cho tôi rồi. Và lại, anh cũng đã có dịp trông thấy tôi làm việc trong vụ Jefferson Hope[1] rồi mà.

- Quả có vậy thật. Và chưa bao giờ tôi lại kinh ngạc đến như thế. Kinh ngạc đến độ từ đó tôi lấy ra tư liệu để viết thành một tập sách nhỏ dưới một cái tên kẻ ra cũng khá kỳ quặc "Chiếc nhẫn tình cờ"[2].

Anh buồn bã gật đầu.

- Vâng, tôi có xem qua. Anh nói - Thẳng thắn mà nói thì tôi không thể khen ngợi anh được. Việc điều tra là, hoặc phải là, một khoa học chính xác; như vậy lúc nào nó cũng phải được tiến hành một cách lạnh lùng và không xúc động. Vậy mà anh lại tìm cách sơn phết cho nó một màu sắc lãng mạn, thì cũng chẳng khác nào anh đưa một chuyện tình hoặc một vụ bắt cóc vào mệnh đề thứ năm của Euclid[3] vậy.

- Nhưng yếu tố lãng mạn tự nó đã có sẵn một cách khách quan rồi kia mà - Tôi nói lớn - Tôi đâu có quyền nhào nặn, sửa đổi các sự kiện một cách tùy tiện được.

- Trong những trường hợp như thế ta phải gạt ra ngoài một số sự kiện, hoặc nếu có thuật lại, thì phải thuật lại theo một ý nghĩa đúng đắn, hợp với tâm vóc của nội dung chuyện kể. Điều đáng lẽ phải được ghi nhận trong vụ này là lối lập luận lả lùng có tính phân tích đi ngược từ quả lên nhân, nhờ đó mà tôi mới có thể phăng nó ra được.

Lời phê bình này khiến tôi đâm bực mình, giận anh ta. Tôi đã chẳng động não chủ yếu là để làm anh ta được vừa lòng đó sao. Lòng kiêu hãnh của anh đã khiến anh ân hận rằng mỗi dòng tôi viết ra trong tập sách nhỏ của tôi đã không nhằm độc nhất vào những công việc anh tiến hành. Đã nhiều lần, trong những năm tháng sống chung với anh ở phố Baker, tôi nhận ra một thoáng kiêu căng qua cái thái độ điềm tĩnh và có tính chất lý

thuyết của anh, nên tôi chẳng buồn cãi lại, chỉ chăm chú săn sóc vết thương ở chân mình. Cách đây khá lâu, một viên đạn đã

xuyên thủng qua đó, và tuy vậy tôi vẫn còn đi được, nhưng hễ cứ thời tiết thay đổi thì viết thương lại đau nhức.

- Vừa rồi mạng lưới thân chủ của tôi đã lan đến các nước lục địa - Holmes vừa nhồi thuốc vào ống điều bằng gỗ cây thạch thảo vừa nói tiếp - Mới tuần trước đây thôi, Francois le Villard có đến nhờ tôi giúp ý kiến. Đó là một người cũng cố đôi chút tiếng tăm trong ngành cảnh sát tư pháp của Pháp. Anh ta có sẵn cái

trực giác tinh tế của dân Celtic[4], nhưng lại thiếu hẳn những kiến thức rộng rãi có thể giúp anh ta vươn lên những đỉnh cao nghệ thuật của mình. Nội vụ liên quan đến một bản chúc thư và nêu lên một số điểm lý thú tôi đã gợi ý với anh ta là nên xem lại hai vụ tương tự, một ở Riga năm 1857, một ở St. Louis năm 1871; nhờ đó anh ta đã tìm ra lời giải đáp chính xác. Và đây là bức thư cảm ơn tôi vừa nhận được sáng nay.

Vừa nói, anh đưa cho tôi một tờ giấy vò nhàu, trông đến kỳ quặc. Tôi đọc lướt qua: bức thư rất những từ to tát, như là "rực rỡ", "một sự thành công tuyệt vời", "một chuyện phi thường ít ai làm nổi" toàn là những từ tỏ lòng ngưỡng mộ nồng nhiệt của anh chàng người Pháp này.

- Thư anh ấy viết như đệ tử viết cho thầy - Tôi nói.

- Ồ! việc tôi giúp đỡ anh ấy không xứng với lời khen tặng như thế đâu. - Sherlock Holmes nói bằng giọng bông đùa - Bản thân anh ta cũng rất có tài; anh ta đã có được hai trong ba phẩm chất thiết yếu đối với một người thám tử toàn diện, đó là khả năng quan sát và khả năng suy diễn. Anh ta chỉ còn thiếu sự hiểu biết, nhưng điều này có thể đến với thời gian. Anh ta đang dịch những tập tiểu luận nhỏ của tôi sang tiếng Pháp.

- Những tiểu luận của anh à?

- Ồ, anh không biết gì sao? - Anh vừa cười vừa nói lớn - Vâng, đúng vậy, tôi có tội là đã viết ra nhiều tập tiểu luận, nhưng tất cả đều thuộc về các vấn đề kỹ thuật. Chẳng hạn như tập tiểu luận này đây: "Về sự phân biệt các loại thuốc lá khác nhau". Một trăm bốn mươi loại xì gà, thuốc điếu và thuốc rời được kê ra trong đó, lại còn có những bản ảnh chụp màu để minh họa các dạng tro tàn thuốc lá khác nhau nữa cơ đấy. Đây là một vấn đề ta thường gặp phải trong những vụ án hình sự. Tàn thuốc có thể là dẫn chứng vô cùng quan trọng. Chẳng hạn khi anh có thể quả quyết rằng một án mạng nào đó là do một người đàn ông hút xì gà Ấn Độ, thì điều này tất nhiên đã giới hạn tầm truy cứu của anh rồi. Đối với con mắt nhà nghề, thì sự khác nhau giữa tro đen của điếu thuốc hiệu "Trichinopoly" và tro màu trắng mịn của loại thuốc lá "Bird s Eye" cũng rõ nét như giữa quả su su và củ khoai tây vậy.

- Anh quả thật là có tài siêu đẳng trong những chi tiết nhỏ nhặt nhất!

- Tôi biết đánh giá tầm quan trọng của chúng. Đây, anh xem đi, tập tiểu luận của tôi về việc dò tìm dấu chân, có bổ sung thêm một số nhận xét về cách dùng thạch cao Paris để giữ lại dấu chân... cũng là một cuốn sách kỳ lạ đấy. Nó bàn về ảnh hưởng nghề nghiệp trên hình dạng bàn tay, có ấn bản minh họa, cho thấy dạng bàn tay của thợ nề, của thủy thủ, tiểu phu, thợ sắp chữ, thợ dệt, và thợ mài hột xoàn. Tập sách này có một tầm lợi ích thiết thực đối với nhà thám tử khoa học, nhất là để tìm ra tiền sử của một tên tội phạm nào đó hoặc trong trường hợp gặp những xác chết vô thừa nhận. À, mà không khéo tôi lại làm cho anh đến phát bực mình vì những câu chuyện nhảm của tôi.

- Không đâu! Tôi rất thích là đằng khác, nhất là từ khi tôi có dịp ứng dụng những câu chuyện nhằm ấy vào thực tế. À, mà có phải vừa lúc này anh có đề cập đến vấn đề quan sát, và diễn dịch phải không? Theo tôi thì hình như cái nọ phải bao hàm cái kia, ít ra trong một phần nào đó, phải thế không?

- Chắc, chỉ ít thôi! - Anh vừa nói vừa ngả lưng dựa thoải mái vào ghế bành, trong khi từng cuộn khói xanh đặc tỏa lên từ chiếc ông điếu của anh - Này nhé, do quan sát, tôi biết rằng sáng nay anh có đi đến bưu điện phố Wigmore; nhưng chính nhờ diễn dịch mà tôi biết rằng anh đã gửi một bức điện tín.

- Đúng thế! Tôi nói lớn - Đúng ở cả hai mặt! Nhưng thú thật tôi không rõ bằng cách nào mà đạt đến kết luận như vậy. Bởi vì việc ấy, tôi quyết định một cách đột ngột và chẳng nói với một ai cả.

- Thật là đơn giản thôi, anh ạ - Anh vừa lưu ý tôi, vừa cười nhẹ về nỗi ngạc nhiên của tôi - Đơn giản một cách thật vô lý đến nỗi một lời giải thích nào cũng có vẻ là thừa. Thế nhưng, ví dụ này có thể dùng để xác định ranh giới giữa quan sát và diễn dịch. Này nhé, tôi để ý thấy những vết bùn đỏ trên giày của anh. Mà ngay trước mắt nhà bưu điện phố Wigmore, lòng đường vừa mới sụp xuống, và đất bùn vung vãi tứ phía thành thử khó lòng vào được nhà bưu điện mà không phải đi qua đấy. Sau cùng, thứ đất ấy có màu đỏ đỏ đặc biệt mà theo chỗ tôi biết, thì không nơi nào có ngoài nơi ấy. Tất cả những điều này là do quan sát. Và phần còn lại là diễn dịch.

- Thế thì làm sao anh có thể diễn dịch ra bức điện tín kia?

- Kìa, tôi biết chắc chắn rằng anh đã không viết một lá thư nào cả, bởi lẽ suốt cả buổi sáng nay tôi vẫn ngồi đối diện với anh mà. Tôi lại còn trông thấy trên bàn của anh một lô tem và một chồng bưu thiếp dày cộp. Thế thì tại sao anh lại ra bưu điện, nếu không phải là để đánh điện tín? Anh cứ bỏ đi tất cả những động cơ khác, thì cái động cơ còn lại là động cơ đúng.

- Lần này thì đúng thôi - Tôi đáp sau một hồi suy nghĩ - Sự việc như anh vừa nói, thật là vô cùng đơn giản... Tuy nhiên cũng mong anh chớ cho tôi là một kẻ khiếm nhã nếu tôi đem những lý thuyết của anh ra kiểm tra lại một cách nghiêm khắc nữa.

- Ô, không sao đâu - Anh đáp - Có thể tôi khỏi phải dùng thêm một liều cocaine thứ hai đấy. Tôi rất hân hoan mà chú tâm vào bài toán anh đặt ra cho tôi.

- Tôi thường nghe anh bảo rằng thật khó lòng mà sử dụng một đồ vật nào đó hàng ngày mà ta lại không lưu lại dấu vết trên đó cá tính của ta, những dấu vết mà một người quan sát lành nghề thế nào cũng tìm thấy. Thì đây nhé, vừa mới đây thôi, tôi có được một cái đồng hồ bỏ túi. Xin anh vui lòng cho biết ý kiến về những thói quen hoặc cá tính của người chủ cũ của nó.

Tôi đưa anh chiếc đồng hồ với đôi chút ác ý, vì tôi vốn biết trước rằng việc khảo sát chắc chắn sẽ không tài nào tiến hành được, và anh sẽ tịt ngòi ngay, hết lăm lời khoa trương nữa. Anh nhấc đồng hồ lên xem nặng nhẹ thế nào, quan sát kỹ mặt đồng hồ, mở vỏ ra và xem xét một cách cẩn thận cách vận hành của nó, trước bằng mắt, sau dùng kính lúp. Tôi không thể nào dần được nụ cười mỉm trước vẻ mặt chưng hửng của anh khi anh đẩy chiếc đồng hồ trả lại tôi.

- Có rất ít dấu vết - Anh ghi nhận - Nó vừa được chùi dầu, nên tôi thiếu những dấu vết có ý nghĩa nhất.

- Đúng thế đấy - Tôi đáp - Nó đã được lau chùi trước khi giao cho tôi.

Tự thâm tâm, tôi trách anh bạn tôi đã đưa ra một lời bào chữa khá là khập khiễng để

khuất lấp thất bại của mình. Tôi tự hỏi ở một chiếc đồng hồ không lau chùi thì anh có thể rút ra những dấu vết gì?

- Tuy không được mỹ mẫn lắm nhưng việc điều tra của tôi không phải là hoàn toàn vô bổ - Anh vừa nói vừa nhìn lên trần nhà bằng cái nhìn mờ nhạt và xa xôi - nếu tôi không làm thì chiếc đồng hồ này trước kia thuộc về người anh cả của anh mà anh ấy đã thừa hưởng lại của cha anh.

- Có lẽ những mẫu tự đầu H.W khắc vào mặt sau vỏ đồng hồ đã gợi cho anh lối giải thích như thế phải không?

- Hoàn toàn đúng như vậy. Mẫu tự W. chỉ họ gia đình anh. Đồng hồ này có từ gần 50 năm nay. Những mẫu tự cũng xưa như chính nó, như thế nó đã được chế tạo ra cho thế hệ trước nữa kia. Vật trang sức thường được giao cho con trai trưởng, người này thường mang tên người cha. Mà ông cụ, nếu tôi còn nhớ rõ, đã qua đời từ nhiều năm nay. Do đó tôi suy ra đây có lúc nó thuộc quyền sở hữu của anh cả anh.

- Cho đến đây, thì đúng đấy - Tôi nói - Nhưng anh còn tìm ra điều gì khác nữa không?

- Đó là một người bất cẩn và thiếu ngăn nắp. Thoạt đầu, anh ta gặp nhiều vận hội tốt đẹp, nhưng anh ta lại để phung phí mất đi. Anh ta sống trong cảnh nghèo nàn túng bấn xen kẽ những thời thịnh vượng ngắn ngủi và anh ấy chết đi sau khi đắm ra nghiện ngập. Đấy, tất cả những gì tôi đã có thể tìm ra được.

Lòng tôi ngập tràn cay đắng. Tôi nhảy ra khỏi ghế bành và sải từng bước giận dữ trong gian phòng mặc dầu chân đang bị đau.

- Thật là không xứng đáng với anh chút nào cả, anh Holmes ạ! - Tôi hét lớn - Tôi thật không bao giờ nghĩ rằng anh lại có thể cam tâm làm một điều thấp hèn như vậy. Anh đã dò hỏi về cuộc đời người anh khốn khổ của tôi, rồi anh lại kiếm cách làm cho tôi tin rằng do một phương pháp ngông cuồng nào đó anh đã diễn dịch ra những chuyện như vậy. Đừng mong rằng tôi tin là anh đã tìm ra tất cả những điều này trong một chiếc đồng hồ cũ kỹ. Quả thật là một cung cách thiếu nhân ái, và để nói cho hết ý, nó chẳng khác nào cái trò quảng cáo bịp bợm đâu.

- Ông bác sỹ thân mến của tôi ơi, tôi xin anh vui lòng thứ lỗi vậy - Anh nói từ tốn - Lúc xét sự việc như một vấn đề trừu tượng, tôi đã quên khuấy đi mất là nó đụng chạm trực tiếp đến anh và có thể làm cho anh đau khổ như thế. Tôi xin cam đoan

với anh, Watson ạ, rằng trước khi xem xét cái đồng hồ kia, tôi thật tình chẳng biết một tí gì về người anh của anh. Tôi cũng không biết là anh có một người anh nữa kia mà.

- Trời ơi, thế thì làm sao anh có thể phát hiện được những điều đó? Tất cả đều đúng sự thật, cho đến cả chi tiết nhỏ nhất.

- Thì cũng là nhờ chút ít may mắn thôi! Tôi chỉ có thể nói ra những gì theo tôi có khả năng là đúng nhất mà thôi. Thật tôi cũng không ngờ là nó lại đúng đến như vậy.

- Đấy không phải là trò đoán mò chứ?

- Không, không đâu; tôi không bao giờ đoán mò cả. Đó là một thói quen đáng ghét, nó giết chết khả năng lý luận. Điều anh cho là lạ lùng chỉ lạ lùng vì anh không theo dõi lối lập luận của tôi và anh không chú ý đến những sự kiện nhỏ nhất, từ đó suy diễn ra những kết luận to lớn. Chẳng hạn, lúc bắt đầu câu chuyện, tôi có nói là người anh của anh có tính cầu thả. Thì anh hãy quan sát thật kỹ phần dưới vỏ đồng hồ rồi anh sẽ thấy nó chẳng những nổi u ở hai chỗ mà lại còn đầy những vết trầy xước, do va chạm với những vật khác. Đó là xương chìa khóa hoặc những đồng tiền lẻ mà anh ấy cho vào trong cùng một túi. Thế

thì chắc chắn không phải là một trò quỷ thuật nếu ta suy ra tính cầu thả của một người từng xem thường một chiếc đồng hồ trị giá 50 guinea[5] như vậy. Mà cũng chẳng phải nhờ một lối lập luận thiên tài nào đó mà tôi nói được là một di sản gồm một đồ vật giá trị đến như vậy chắc phải là quan trọng lắm.

Tôi gạt đầu, tỏ vẻ đã hiểu ý anh.

- Mặt khác, những người làm nghề cầm đồ ở Anh thường có thói quen dùng đầu mũi kim khắc vào mặt sau đồng hồ số biên nhận cấp khi đồ vật được đem cầm thế. Như thế thì tiện lợi hơn nhãn dán có thể thất lạc hoặc dán nhầm trên một vật khác. Thế mà, có không dưới bốn con số như vậy được khắc vào mặt trong vỏ đồng hồ. Từ đó, điều suy diễn thứ nhất: Anh của anh thường lâm vào cảnh túng thiếu. Suy diễn thứ hai: Anh ấy cũng đã từng sống qua những thời sung túc, nếu không phải thế thì đâu anh ấy có thể chuộc lại chiếc đồng hồ kia được? Sau cùng, đề nghị anh nhìn kỹ vào nắm bên trong có lỗ nhỏ nơi khóa nùm vặn xuyên qua. Một người điều độ đã không thể làm trầy xước nó như vậy. Ngược lại, đồng hồ của những người nghiện rượu thường mang dấu vết bàn tay run rẩy khi lên dây cót đồng hồ. Như vậy thì còn gì là bí ẩn trong lối giải thích của tôi đâu?

- Tất cả đều rõ như ban ngày - Tôi đáp - Tôi rất ân hận đã bắt công đối với anh. Lẽ ra, tôi phải biểu lộ lòng tin to lớn hơn nữa vào những năng lực của anh mới phải. Cho tôi xin phép được hỏi là hiện nay anh có phải giải quyết vụ nào không?

- Không. Bởi thế nên tôi mới phải dùng đến cocaine. Tôi không tài nào sống mà không bắt óc tôi phải làm việc. Ở đời còn có hoạt động nào khác đáng giá hơn đâu? Này, anh hãy đến gần cửa sổ đây này. Có bao giờ mà thế giới lại ảm đạm, tầm thường và buồn chán như thế này đâu? Anh cứ nhìn vào đám sương mù vàng bệch đang giải rộng dọc theo con phố rồi vỡ vụn một cách thật là vô ích vào những cái nhà buồn tẻ kia đi! Còn có gì chán ngán và tầm thường hơn không? Này, ông bác sỹ của tôi ơi, anh hãy nói cho tôi biết đi, những năng lực của ta liệu có ích gì nếu ta không mang ra sử dụng? Tội phạm thì tầm thường, cuộc sống

cũng tầm thường, chỉ có những phẩm chất tầm thường mới có cơ thao luyện ở cõi đời này thôi.

Tôi định trả lời cho những câu nói tràng giang này thì có tiếng gõ cửa. Bà chủ nhà bước vào mang theo một tấm thiệp đặt trên chiếc mâm đồng.

- Có một cô mong được gặp ông - Bà nói với bạn tôi.

- Cô Mary Morstan - Anh đọc. - Hừm! Tôi chẳng còn nhớ gì về cái tên này cả. Phiên bà mời người ấy vào hộ tôi, bà Hudson nhé. Ấy, bác sỹ đừng đi! Tôi thích bác sỹ ngồi lại dự cuộc hội kiến này.

Chương 2: Trình bày nội vụ

Cô Morstan bước vào phòng với dáng đi quả quyết. Đó là một thiếu nữ tóc hoe vàng, nhỏ nhắn và mảnh mai, y phục đơn giản và tầm thường, tuy rất thanh nhã khiến ta liên tưởng đến những điều kiện sinh hoạt hạn chế của cô. Chiếc áo, không đồ trang sức cũng chẳng nữ trang, màu gạch non ngả sang màu xám. Cổ quấn một dải khăn choàng đầu nhỏ, cũng một màu xám xịt ấy, may là có điểm thêm một chiếc lông vũ màu trắng ở một bên. Vẻ đẹp của cô không ở trong đường nét thanh tú, không ở trong nước da trong sáng, mà phẳng phất trong nét tinh anh linh động, cởi mở và dịu dàng, trong

đôi mắt xanh lớn, đa cảm và thăm thẳm. Kinh nghiệm của tôi về phụ nữ, vốn bao trùm nhiều nước ở ba lục địa, chưa bao giờ cho tôi được chiêm ngưỡng một khuôn mặt nào biểu lộ một tâm hồn tế nhị một cách tuyệt vời như thế.

Shelock Holmes đẩy ghế tới mời cô ngồi. Tôi nhận thấy ngay miệng cô run run và đôi tay cô co quắp lại, toàn là những dấu hiệu của một sự xúc động nội tâm mãnh liệt.

- Tôi đến gặp ông, thưa ông Holmes! - Nàng nói - bởi vì ông đã giúp bà Cecil Forrester vốn là người mà tôi phục vụ, gỡ được một vụ rắc rối trong gia đình bà ấy. Tài năng và nhiệt tình của ông đã làm bà ấy cảm kích vô cùng.

- Bà Cecil Forrester à? - Anh nhắc lại, ra chiều nghĩ ngợi - À vâng, tôi nhớ đã giúp bà ấy một việc nho nhỏ. Tuy nhiên, nếu tôi còn nhớ rõ, thì đó chỉ là một vụ rất đơn giản thôi.

- Vâng, nhưng đó không phải là ý kiến của bà ta. Dầu sao chẳng nữa, chắc là ông sẽ không nghĩ như vậy về câu chuyện của tôi đâu. Tôi thật khó lòng mà tưởng tượng ra một câu chuyện lạ lùng hơn, và hoàn toàn không thể giải thích gì được.

Holmes xoa tay vào nhau. Đôi mắt sáng ngời lên. Trong chiếc ghế bành, anh chồm tới trước với cái dáng nhìn nghiêng của loài chim săn mồi, và nét mặt đột nhiên biểu lộ một sự tập trung tư tưởng đến là lạ lùng.

- Mời cô trình bày trường hợp của cô đi - Anh nói.

Anh lấy giọng của một nhà doanh nghiệp. Địa vị của tôi lúc bấy giờ đâm ra khó xử, nên tôi đứng dậy cáo từ:

- Mong quý vị miễn thứ cho tôi.

Tôi rất đổi ngạc nhiên khi người phụ nữ khoát bàn tay đeo găng giữ tôi lại.

- Nếu bạn ông vui lòng ngồi lại - Nàng nói - thì ông ấy có thể giúp đỡ tôi rất nhiều.

Tôi đành phải ngồi xuống.

- Sau đây là vắn tắt các sự kiện đã xảy ra - Nàng nói tiếp - Cha tôi là sĩ quan phục vụ tại Ấn Độ. Ông gởi tôi qua Anh thuở tôi hãy còn bé. Mẹ tôi mất sớm và ở đây tôi chẳng có người bà con nào. Vì vậy tôi được gởi vào một ký túc xá, nói đúng ra rất là đáng hoàng, ở Edinburgh, và tôi lưu lại tại đó mãi đến năm 17 tuổi. Đến năm 1878, cha tôi, với quân hàm đại úy cấp trung đoàn được nghỉ phép 12 tháng và trở về đây.

Ông gởi cho tôi một điện tín từ London báo cho tôi biết là ông đã trở về bình an, và đợi gặp tôi ngay tại khách sạn Langham. Bức điện viết một cách đầy lòng yêu thương. Vừa đến London, tôi đi ngay tới khách sạn Langham. Tôi được người ta cho biết rằng đúng là đại úy Morstan có đăng ký phòng trọ tại đây, nhưng tối hôm qua ông ấy đã đi đâu đó mà chưa thấy trở về. Tôi chờ đợi trọn ngày hôm đó, nhưng bật vô âm tín. Đến tối, theo lời khuyên của giám đốc khách sạn, tôi đi báo với cảnh sát sáng ngày hôm sau, mục rao vặt về việc này được đăng trên tất cả các báo. Công việc tìm kiếm của chúng tôi không kết quả, và cũng kể từ ngày đó tôi chẳng nhận được tin tức gì về người cha bất hạnh của tôi. Ông trở về quê hương lòng chứa chan hy vọng tìm được chút bình yên và an ủi, ấy thế mà...

Nàng đưa tay lên cổ, câu nói nghẹn ngào qua tiếng khóc.

- Xin cô cho biết rõ ngày, tháng xảy ra sự việc - Holmes vừa nói vừa mở sổ tay ghi chép ra.

- Cha tôi mất tích ngày 3 tháng Chạp năm 1878, tính đến nay là đã gần 10 năm.

- Còn hành lý thì sao?

- Vẫn còn ở khách sạn đây. Nhưng cũng chẳng có dấu tích gì. Toàn là quần áo, sách

vở, và rất nhiều vật hiếm, lạ mang từ đảo Andaman[1] về. Tường cũng cần nói rõ thêm rằng cha tôi là sĩ quan đồn trú, chịu trách nhiệm về những tên tội phạm bị đày biệt xứ đến đó.

- Ở thành phố ông ấy có bạn bè nào không?

- Theo chỗ tôi biết, cha tôi chỉ có một người bạn duy nhất: đó là thiếu tá Sholto, cùng đơn vị, trung đoàn bộ binh thứ 35 Bombay. Viên thiếu tá nay đã nghỉ hưu, trước đó một thời gian về sống ở Thượng Norwood. Chúng tôi có tìm cách liên lạc với ông ấy; nhưng ông ấy lại không ngờ rằng bạn ông ấy lại có mặt tại Anh.

- Một vụ khá lạ lùng đây - Holmes nhận xét.

- À xin lỗi, tôi quên không thuật lại với quý ông giai đoạn rối rắm nhất của câu chuyện. Cách đây 6 năm, ngày 4 tháng 5 năm 1882, nếu muốn chính xác hơn, trên nhật báo "Times", có đăng mục rao vặt hỏi thăm địa chỉ của cô Morstan, và còn nói rõ là cô nên cho biết tin tức về cô vì có lợi cho chính bản thân cô. Trong mục rao vặt đó, chẳng có tên, mà cũng không có địa chỉ. Lúc bấy giờ, tôi vừa mới được thuê nhận làm quản gia trong gia đình bà Cecil Forrester. Theo lời khuyên của bà này, tôi cũng nhờ đăng báo địa chỉ của tôi. Cùng ngày, tôi nhận được qua bưu điện một hộp nữ trang bằng giấy bồi, trong đựng duy nhất một viên ngọc trai cực lớn nước sáng rất đẹp. Kể từ ngày hôm ấy, năm nào cũng vậy, vào cùng ngày, tôi lại nhận được một bưu phẩm đựng một viên ngọc trai như thế, mà chẳng có tên tuổi, địa chỉ gì của người gửi. Tôi đã hỏi ý kiến một chuyên gia: những viên ngọc trai này thuộc một chủng loại hiếm có và có một giá trị to lớn. Mời ông cứ tự xem lấy mới thấy là đẹp biết nhường nào.

- Nàng mở một chiếc hộp đẹp, đưa chúng tôi xem 6 viên ngọc: những viên ngọc tinh thuần nhất mà tôi chưa từng thấy.

- Câu chuyện của cô rất là kỳ thú - Sherlock Holmes nói - Có còn gì nữa không?

- Vâng, còn ạ. Mới hôm nay thôi ấy chính vì vậy mà tôi đến gặp ông đây. Sáng nay tôi có nhận được một bức thư. Thưa ông, đây.

- Cảm ơn, Holmes nói - Xin cho tôi xem cả phong bì. Dấu nhật ấn bưu điện London, khu vực Tây Nam. Ngày 7 tháng 7. Hừm! Ở phía góc, có dấu tay trái, có lẽ là của bưu tá. Loại phong bì 6 pence một tập. Giấy viết thư thuộc loại sang.

Không địa chỉ.

Bức thư như sau:

"Bây giờ tối nay xin có mặt tại Nhà hát Lyceum, cạnh cột thứ ba lối đi ra tỉnh từ bên trái. Nếu cô không tin tưởng, cô có thể mời hai người bạn đi theo. Cô là nạn nhân của một sự bất công và sự bất công này sẽ được đền bù. Xin đừng đem cảnh sát theo. Nếu không, tất cả sẽ thất bại. Người bạn vô danh của cô."

- Thế đấy, quả là một bí ẩn nho nhỏ, ngộ ngộ. Cô có dự tính gì không, cô Morstan?

- Đó lại chính là câu hỏi tôi muốn đặt ra với ông đây.

- Nếu thế thì, chắc chắn chúng ta sẽ đến điểm hẹn, cô, tôi và... dĩ nhiên, cả bác sỹ Watson nữa. Người viết thư cho cô chấp thuận cho cô mang theo hai người bạn: bác sỹ đây đúng là người mà ta cần. Chúng tôi đã từng làm việc chung với nhau.

- Nhưng liệu ông ấy có muốn đến không? - Nàng hỏi bằng giọng thúc bách.

- Tôi sẽ rất hãnh diện và sung sướng - Tôi sốt sắng nói - Nếu tôi có thể giúp cô phần nào đó.

- Cả hai ông đều thật là tử tế quá - Nàng đáp - Tôi vốn sống một cuộc sống thầm lặng, và tôi chẳng có ai là bạn bè để nhờ cậy cả. Tôi nghĩ là ta sẽ có đủ thời giờ nếu tôi trở lại

đây lúc 6 giờ.

- Nhớ đừng đến trễ nhé - Holmes nói - Cho tôi hỏi thêm một câu. Tuồng chữ trên phong bì này có giống với tuồng chữ cô đã trông thấy trên mấy chiếc hộp đựng ngọc trai không?

- Đây, tôi có sẵn đây - Nàng đáp và đưa ra 6 mẫu giấy.

- Cô quả thật là một thân chủ gương mẫu, trực giác đã cho cô biết điều gì quan trọng trong nội vụ này. Nào, giờ ta hãy xem nào.

Trải rộng mấy mẫu giấy lên bàn, anh so sánh bằng cái nhìn linh hoạt và sâu sắc.

- Nét chữ thì giả mạo, trừ bức thư, song tác giả chắc chắn chỉ là một - Anh nói - Các bạn cứ xem kỹ chữ “e” kiểu Hy Lạp cứ xuất hiện mỗi lúc tác giả thiếu chú ý và nét cong đặc biệt ở chữ “s” cuối từ[2]! Tôi chẳng muốn gây cho cô niềm hy vọng giả tạo, cô Miorxtan ạ, nhưng cô thấy có gì giống nhau giữa nét chữ này và nét chữ của cha cô không?

- Hoàn toàn không ạ. Hai tuồng chữ khác hẳn nhau.

- Tôi cũng đoán trước câu trả lời ấy rồi. Thế thì xin hẹn đến sáu giờ chiều nay. Cho phép tôi giữ mấy tờ giấy này. Bây giờ chỉ mới ba giờ rưỡi và có thể tôi sẽ cần đến khoảng thời gian còn lại trước khi cô trở lại đây. Xin tạm biệt[3]!

- Vâng, xin tạm biệt[4] - Thiếu nữ đáp lại.

Cầm lại hộp ngọc trai, nàng mỉm cười duyên dáng và nhanh nhẹn ra về.

Qua cửa sổ, tôi nhìn theo dáng đi thoăn thoắt của nàng trên đường phố, mãi đến khi chiếc khăn choàng đầu màu xám và chiếc lông vũ trắng tan biến đi giữa đám đông.

- Chà! Cô gái mới quyến rũ làm sao! - Tôi vừa nói lớn vừa quay lại với bạn tôi.

Anh đã đốt lại ống điếu và ngồi gọn sâu vào chiếc ghế bành, mắt nhắm lại.

- Thật à? - Anh nói bằng giọng uể oải - Thế mà tôi không để ý đấy.

- Anh đích thực là một người máy? - Tôi nói - Một cái máy biết lý luận. Đôi khi tôi thấy anh hoàn toàn mất hẳn nhân tính.

Anh mỉm cười, đáp lại:

- Có một điều tối quan trọng là tôi không được để bị ảnh hưởng bởi những tính chất riêng của từng người. Một thân chủ đối với tôi chỉ là một yếu tố trong một bài toán mà thôi. Tính cảm xúc cảm trở sức lập luận trong sáng và óc phán đoán lạnh mạnh. Người đàn bà quyến rũ nhất mà tôi đã từng biết đã bị treo cổ chỉ vì bà đã đầu độc 3 đứa con mình để lãnh món tiền bảo hiểm nhân mạng ký kết trên đầu chúng nó. Mặt khác, gã đàn ông đáng ghét nhất trong chỗ quen biết của tôi lại là một người đầy lòng nhân ái, dám bỏ ra gần nửa triệu bảng cho kẻ nghèo khó.

- Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt này...

- Tôi không bao giờ đặt ngoại lệ. Với tôi ngoại lệ phủ nhận quy tắc. Anh có bao giờ gặp dịp tìm hiểu tính tình của một người qua nét chữ của họ không? Và anh nghĩ gì về tuồng chữ như thế này?

- Nó trông dễ đọc và đều đặn - Tôi đáp - Tuồng chữ của một người từng quen với công việc làm ăn, và có một cá tính khá mạnh mẽ.

Holmes lắc đầu, không đồng ý.

- Anh hãy nhìn những chữ có vòng gút: chúng chẳng khác gì nhau lắm. Chữ “d” cũng có thể là chữ “a”, và chữ “l” có thể là chữ “e”. Những người có cá tính luôn luôn viết rõ ràng những chữ có vòng gút, dầu cho họ có viết xấu đến đâu chẳng nữa. Chữ “k” hơi run, và những chữ hoa chứng tỏ chút ít tự phụ... Thôi được. Giờ

tôi phải đi. Tôi cần thêm vài tin tức. Để tôi giới thiệu với anh cuốn sách này trong khi chờ tôi; Watson ạ. Hay tuyệt đấy. Đó là cuốn "Kiếp đọa đầy của con người"[5], của Winwood Reade. Trong vòng 1 tiếng nữa tôi sẽ trở về thôi.

Tôi cầm lấy cuốn sách ngồi lại gần cửa sổ, song chẳng mấy chốc dòng suy nghĩ của tôi tách rời khỏi những thuyết lý táo bạo của nhà văn. Tôi hình dung lại cô thiếu nữ với nụ cười của nàng; tôi lại nghe thấy giọng nói uyển chuyển và êm ái khi nàng thuật lại điều bí ẩn lạ lùng đang bao trùm lên cuộc đời nàng.

Nếu nàng vừa 17 tuổi lúc cha nàng mất tích, thì nay chắc nàng phải ở vào độ 27. Ôi, cái tuổi đẹp biết nhường nào? Cái tuổi thanh xuân, đang còn ở độ rực rỡ, tâm hồn không vướng bụi vị kỷ và lại được kinh nghiệm đời lắng dịu xuống... Tôi ngồi trong ghế bành, mãi mơ màng như vậy cho đến khi những ý nghĩ độc hại ủa đến trí óc tôi. Thế là tôi đâm nhào đến bàn giấy và đọc ngấu ngiến đến quên mình tập thảo luận sau cùng về bệnh lý học. Nhưng, tôi là cái gì kia chứ? Một bác sĩ phẫu thuật trong quân đội, khổ sở vì cái chân yếu đuối và một trương mục ngân hàng lại càng yếu kém hơn nữa. Thế thì sao tôi lại có thể thả hồn theo dòng suy nghĩ ngông cuồng đến thế? Người thiếu nữ kia chẳng qua cũng chỉ là một thành phần, một yếu tố trong bài toán mà thôi. Nếu tương lai tôi có đen tối đi nữa, tốt hơn là cứ nhìn thẳng vào nó, mặt đối mặt, như một con người còn hơn là che đậy nó sau những hình ảnh ngông cuồng huyền hoặc do óc tưởng tượng thêu dệt nên.

Chương 3: Đi tìm một giải đáp

Mãi đến 5 giờ rưỡi Holmes mới trở về, hoạt bát và tươi cười, trông anh thật vui vẻ (tâm trạng này, ở anh, thường xen kẽ với tình trạng suy sụp sâu sắc).

- Trong vụ này chẳng có gì là bí ẩn lắm đâu! - Anh vừa nói vừa đón lấy tách trà tôi mới rót cho anh - Các sự kiện xảy ra dường như chỉ chấp nhận có một lối giải thích mà thôi.

- Sao? Anh đã tìm ra lời giải đáp rồi à?

- Thật ra, nói như thế thì cũng đi quá xa đấy! Tôi mới chỉ tìm ra một sự kiện có ý nghĩa, thế thôi; nhưng nó rất có ý nghĩa. Còn thiếu một số chi tiết. Thật vậy, lúc tra cứu kho lưu trữ báo "Times", tôi vừa phát hiện ra rằng thiếu tá Sholto, ở Thượng Norwood, nguyên là sĩ quan thuộc trung đoàn 35 bộ binh, chết ngày 28 tháng Tư năm 1882.

- Có lẽ tôi hơi tối dạ thật anh Holmes ạ, nhưng thật tình tôi chẳng thấy ý nghĩa gì trong đó cả.

- Không à? Anh làm tôi ngạc nhiên đấy! Mời anh xét lại các sự kiện sau đây: Đại úy Morstan mất tích. Người duy nhất mà ông ta quen biết ở London là thiếu tá Sholto. Nhưng ông này quả quyết là không biết đại úy có mặt ở Anh. Bốn năm sau, Sholto chết. Trong tuần lễ tiếp theo sau cái chết, con gái đại úy Morstan nhận được một món quà có giá trị rất lớn, và năm nào cũng nhận được như vậy. Bức thư ngày hôm nay mô tả cô này như là nạn nhân của một sự bất công nào đó. Thế thì, với cô gái này, ngoài sự mất tích của người cha ra, đã phải chịu đựng những thiệt hại nào nữa chẳng? Và tại sao những món quà lại khởi đầu ngay sau khi Sholto chết, nếu không phải là vì người thừa kế của ông này, phát hiện ra được một bí ẩn nào đó nên mới nảy ra ý muốn đền bù lại sự thiệt hại cho cô ta? Hay là anh có giả thuyết nào khác ăn khớp với tất cả các

sự kiện kia chẳng?

- Dấu sao thì đây cũng là một cách khá kỳ quặc để đền bù lại cho sự mất tích của người cha! Mà cách tiến hành cũng lạ lùng nữa chứ? Mặt khác, tại sao lại phải đợi đến hôm nay mới viết lá thư kia, mà không viết ra trước đây 6 năm? Sau cùng, còn vấn đề đền bù một sự thiệt thòi nữa chứ? Đền bù bằng cách nào? Bằng cách trả lại người cha cho con gái chẳng? Ta không thể tin rằng người cha vẫn còn sống. Và người thiếu nữ kia không là nạn nhân của bất cứ một sự thiệt thòi nào khác.

- Vâng, có khó khăn đấy! Nhưng chuyến đi của chúng ta chiều nay sẽ san bằng tất. A! Cỗ xe ngựa hòm đây rồi! Cô Morstan ngồi bên trong ấy, anh sẵn sàng chưa? Nào, ta đi xuống đi, đã quá 6 giờ rồi đấy.

Tôi vội lấy cái mũ và cây gậy chống to nhất. Tôi nhận thấy Holmes lấy khẩu súng ngắn trong ngăn kéo cho vào túi. Vậy là anh nghĩ rằng câu chuyện tối nay sẽ có hướng phức tạp rắc rối hơn.

Cô Morstan thu mình trong chiếc áo choàng màu tối; khuôn mặt thanh tú phớt xanh nhưng vẫn điềm tĩnh. Có lẽ nàng cần phải có nhiều nghị lực hơn một người đàn bà bình thường, mới không cảm thấy xốn xang, hồi hộp trước một chuyến đi kỳ lạ mà chúng tôi sắp sửa dấn thân vào. Nếu căn cứ vào lối trả lời rành mạch của nàng đối với những câu hỏi của Holmes thì nàng rất tự chủ.

- Qua thư từ - Nàng nói - Cha tôi kể rất nhiều về thiếu tá Sholto. Hai người chắc phải là thân nhau lắm. Chắc hẳn họ rất thường gặp nhau vì cả hai đều chỉ huy binh sĩ trên đảo Andaman. À, tôi vừa chợt nhớ ra người ta có tìm thấy trên bàn giấy của cha tôi một tài liệu thật là lạ. Chẳng ai hiểu gì cả. Tôi không nghĩ là nó có một tầm quan trọng nào đó. Nhưng có lẽ ông cũng muốn xem qua. Thưa ông, đây.

Holmes cẩn thận mở tờ giấy ra, đặt lên đầu gối vuốt lại cho phẳng phiu. Rồi anh dùng kính lúp xem kỹ mảnh giấy đó.

- Loại giấy này được chế tạo tại Ấn Độ - Anh nhận xét - Đã có lúc nó được ghim vào một tấm bảng con. Sơ đồ vẽ ra trong đó xem như là họa đồ một phần của một tòa nhà to lớn có rất nhiều lối ra vào và hành lang. Một dấu chữ thập nhỏ được đánh dấu bằng mực đỏ. Bên trên dấu chữ thập, có chú thích: "3,37

tính từ bên trái qua" viết bằng bút chì. Ở góc trái, một kiểu linh tự trông giống bốn chữ thập xếp hàng cạnh nhau. Cạnh đó, có ghi bằng nét chữ vụng về và thô kệch:

"Dấu Bộ Tứ. Jonathan Small, Mahomet Singh, Abdullah Khan, Dost Akbar".

- Không, anh ạ. Thú thật là tôi chẳng thấy tài liệu này có liên quan gì đến nội vụ của chúng ta. Song có điều chắc là nó quan trọng; chẳng thế mà nó được gấp xếp cẩn thận vào ví, vì mặt trái cũng sạch sẽ như mặt phải.

- Đúng vậy, tôi đã tìm thấy nó trong ví của cha tôi, cô Morstan nói.

- Thế thì cô nên cất giữ nó cho kỹ lưỡng, cô Morstan ạ. Nó có thể giúp được việc cho ta đấy. Tôi chợt có ý nghĩ là phải chăng vụ này còn sâu sắc và tinh vi hơn là tôi tưởng lúc ban đầu. Chắc là tôi phải duyệt xét lại quan điểm của tôi.

Holmes thu mình vào một góc trên ghế xe ngựa. Nhìn thoáng qua vầng trán hằn sâu những nếp nhăn và cái nhìn xa vắng của anh, tôi đoán ra là anh đang suy nghĩ lung lăm. Cô Morstan và tôi đang nhỏ to về chuyến đi này của chúng tôi và về kết quả có thể có được của nó, nhưng Holmes vẫn giữ lấy một thái độ dè dặt khó hiểu mãi cho đến cuối cuộc hành trình.

Đạo ấy là vào tháng Chín, buổi chiều tối cũng ảm đạm như ban ngày. Một màn sương

dày đặc và ẩm ướt thấm sâu vào thành phố lớn. Từng cụm mây màu đất bùn lê thê một cách thiếu nỗ trên đầu thành phố lầy lội. Dọc theo phố Strand, những trụ đèn chỉ còn là những điểm sáng phân tán loãng và như tấm dầu hắt ra một khoang ánh sáng yếu ớt xuống lòng đường nhầy nhụa. Đèn vàng trong tủ kính chiếu sáng đó đây bầu không khí ẩm hơi nước. Tường chừng như có một điều gì quái dị khác thường trong cảnh diễu hành vô tận của những khuôn mặt buồn thảm hay hân hoan, âu lo hay mẫn nguyện. Lướt nhẹ từ vùng tối ảm đạm ra vùng ánh sáng để rồi lại rơi vào cảnh tối tăm mờ mịt, những khuôn mặt ấy biểu tượng cho cả đám nhân loại. Bình thường thì tôi đâu có dễ gì bị xúc cảm, ấy thế mà cái ngoại cảnh ấy kết hợp với tính chất lạ lùng trong công việc chúng tôi làm đã khiến cho tôi phải xuống tinh thần. Thái độ của cô Morstan cũng giống như tôi vậy thôi. Còn Holmes thì lại có thể vượt lên trên những ảnh hưởng tương tự. Anh lật sổ tay, đặt lên đầu gối, đọc dưới ánh sáng của cây đèn bỏ túi.

Tại Nhà hát Lyceum, thiên hạ chen lấn nhau trước cửa ra vào hai bên. Dọc theo mặt tiền nhà hát, xe ngựa hòm và xe tư nổi đuôi nhau thành một hàng dài bất tận, các ông các bà xuống xe, súng sính trong bộ dạ phục. Chúng tôi vừa đến cột thứ ba là nơi hẹn gặp, thì một người đàn ông nhỏ thó tóc vàng sẫm, song linh hoạt, mặc cái trang làm người đánh xe ngựa tiến lại gần chúng tôi.

- Các ông là người đi theo cô Morstan? - Gã hỏi.

- Tôi là Morstan, còn hai ông này là bạn tôi - Nàng đáp.

Gã ngược mắt nhìn chúng tôi, ánh nhìn xoi mói lạ thường.

- Cô cũng miễn lỗi cho, cô Morstan ạ. Hắn nói giọng có phần hơi xấc xược, nhưng cô phải lấy danh dự mà bảo đảm rằng trong hai ông đây không ai là cảnh sát mới được.

- Tôi xin bảo đảm đúng như vậy. - Nàng trả lời. Gã huýt lên một tiếng lanh lảnh; một đứa bé dắt cỗ xe lại và mở cửa. Gã đàn ông leo lên ghế người đánh xe trong khi chúng tôi ngồi vào bên trong. Chúng tôi vừa an vị thì gã quắt ngựa và đưa chúng tôi vào những đường phố sương mù với một tốc độ điên cuồng. Hoàn cảnh chúng tôi kể cũng oái oăm thật, chúng tôi đang đi đến một nơi nào không biết với những lý do cũng không rõ. Nghĩ lại thì lời mời này, hoặc là một trò bịp bợm từ đầu đến cuối - giả thiết này khó lòng đứng vững được - hoặc đây là bằng chứng cho thấy rằng có những sự cố quan trọng đang được chuẩn bị. Morstan thì có vẻ quả quyết dứt khoát hơn bao giờ hết. Tôi tìm cách làm cho nàng khuây khỏa bằng một vài mẩu chuyện phiêu lưu của tôi hồi còn ở Afghanistan. Nhưng nói đúng ra thì bản thân tôi cũng hồi hộp muốn biết nơi chúng tôi sẽ đến, nên câu chuyện tôi kể cũng đâm ra lộn xộn phần nào. Cho đến bây giờ nàng vẫn còn quả quyết là hồi đó tôi đã kể cho nàng nghe một giai thoại cảm động: có một đầu mũi súng xuất hiện bên trong lều tôi nghỉ vào lúc nửa đêm và tôi đã chụp ngay lấy khẩu súng sẵn của mình bắn về hướng đó.

Dầu sao thì tôi cũng quan tâm đến lộ trình chúng tôi đang theo hơn là những câu chuyện cũ rích ấy. Lúc đầu, tôi đã theo dõi hướng đi của chúng tôi nhưng về sau, chẳng mấy chốc mà sương mù, tốc độ xe chạy và sự hiểu biết khá hạn chế của tôi về London khiến tôi không tài nào theo dõi được nữa. Tôi chẳng còn biết gì nữa, chỉ rõ một điều là chúng tôi đang đi một đoạn đường khá dài. Còn Sherlock Holmes vẫn bám sát lộ trình. Anh gọi thầm tên các khu phố và những con đường quanh co mà xe chúng tôi ào ào băng qua.

- Phố Rochester Row - Anh bảo - Giờ là Quảng trường Vincent. Ta đang đến đường

Vauxhall Bridge. Đường như ta đang chạy về phố Surrey. Vâng, quả đúng như tôi đã nghĩ. Bây giờ, ta đang chạy trên cầu. Anh có thể thấy lấp lánh ánh nước sông.

Thật vậy chúng tôi có thể nhận rõ một đoạn sông Thames hắt bóng một cách yếu ớt mấy ngọn đèn đường. Nhưng rồi xe đã qua bên kia cầu, đi vào những con đường quanh co khúc khuỷu.

- Đường Wordsworth - Bạn tôi đọc tên - đường Priory, hẻm Lark Hall, Quảng trường Stockwell, phố Robert, hẻm Cold Harbour. Chà, cuộc điều tra của chúng ta không có vẻ gì là sẽ đưa ta đến một khu phố sang trọng nào đó đâu...

Thực tình thì các đường phố chẳng có phút gì là hấp dẫn cả. Nét đơn điệu của những ngôi nhà gạch thẳng hoặc mới được điểm bằng vài quán cà phê ở ngã tư đường. Tiếp đến, những tòa biệt thự hai tầng hiện ra giữa mảnh vườn bé tí hon. Rồi lại đến hàng dài bất tận những ngôi nhà mới tinh màu sắc lòe loẹt, trông chẳng khác nào những ống vòi quái dị mà thành phố khổng lồ tung và o vùng nông thôn lân cận. Sau cùng chúng tôi dừng lại trước căn nhà thứ ba trên một con đường xe mới ngoặt vào. Những căn nhà khác có vẻ như chưa có người ở. Căn nhà chúng tôi dừng lại cũng tối tăm như mấy căn nhà ấy, nhưng ở cửa sổ nhà bếp có ánh đèn leo lét. Chúng tôi vừa gõ cửa thì một gia nhân người Ấn Độ, đầu chít khăn vàng, lưng thụng trong bộ y phục có thắt lưng cũng màu vàng, ra mở cửa. Có một vẻ gì đó, không hòa hợp trong cảnh xuất hiện đầy màu sắc phương đông đóng khung trong ô cửa của một căn nhà ngoại ô tầm thường.

- Chủ nhân tôi đang chờ đợi quý ngài! Gã gia nhân nói.

Cùng lúc, một giọng lạnh lạnh và chói chang cất lên từ bên trong:

- Mời họ vào, khitmutgar[1] - Giọng ấy thét lớn. Đưa họ vào đây ngay.

Chương 4: Câu chuyện của người hói đầu

Chúng tôi đi theo người gia nhân Ấn Độ dọc theo một hành lang bẩn thỉu, thiếu ánh sáng và thiếu cả bàn ghế. Cuối hành lang, hắn mở cánh cửa bên tay phải. Ánh đèn vàng rực đón tiếp chúng tôi. Giữa vùng sáng chói chang đột ngột đó hiện ra một người đàn ông thô thó với cái đầu hói khổng lồ bóng loáng. Một vành tóc hung chạy quanh đầu tự nhiên gọi cho ta hình ảnh đỉnh một quả núi nổi lên từ giữa đám rừng thông. Người đàn ông đứng thẳng, vịn đôi tay với nhau, vẻ bứt rứt. Nét mặt thay đổi không ngừng, hết mỉm cười rồi lại cau có mà ta chẳng biết tại sao. Ngoài ra, môi dưới của ông ta bị tật trĩ xuống, để lộ hàng răng vàng bệch và mọc lộn xộn. Ông tìm cách che đậy bằng cách chốc chốc lại đưa tay che phần dưới mặt. Ông có vẻ còn trẻ, tuy bị hói đầu: thực ra, ông vừa mới ba mươi tuổi.

- Kính hầu cô, cô Morstan! Ông nhắc đi nhắc lại bằng một giọng lạnh lạnh - Kính hầu quý ngài: Xin mời quý ngài hạ cố bước vào bên trong ẩn phòng nhỏ bé của tôi. Nó không lớn lắm đâu; thưa cô, song tôi đã thiết trí nó theo sở thích của tôi: một thánh đảo huy hoàng giữa bãi sa mạc nóng bỏng của Nam London.

Cả ba chúng tôi đều bàng hoàng ngơ ngẩn trước quang cảnh gian phòng ông mời chúng tôi vào. Trong ngôi nhà buồn tẻ này, gian phòng trông đến lạc lõng, chẳng khác

nào viên kim cương tinh khiết nhất lại gắn vào một chiếc nhẫn đồng. Bốn bức tường được trang hoàng bằng thảm và màn với màu sắc và nghệ thuật rất tuyệt vời, đôi chỗ người ta vén lên một chút để làm nổi bật hơn một lọ cổ phương Đông hoặc một bức tranh lồng khung sặc sỡ. Tắm thảm trải lên sàn nhà màu hổ phách có vân đen, dày đến độ chân ta lún vào đấy thật khoan khoái như bước lên

một lớp rêu. Hai tấm da cạp rộng lớn tăng thêm vẻ huy hoàng Đông Phương. Một cổ điều cây to tướng đặt trên một cái mâm chẳng làm giảm vẻ đẹp đẽ của toàn cảnh chút nào. Từ chiếc đỉnh trầm treo bằng một sợi dây vàng nhỏ gần như mắt không trông thấy được, ngay giữa gian phòng, tỏa ra một mùi hương nồng thắm.

Người đàn ông vừa lảng xăng vừa tự giới thiệu:

- Tôi là Thaddeus Sholto. Cô chắc hẳn là cô Morstan? Còn các ông đây là...?

- Xin giới thiệu: đây là ông Sherlock Holmes và bác sỹ Watson.

- Ô, một bác sỹ à? Ông la lớn, về kích động rõ ràng - Thế ông có mang ống chẩn bệnh theo không? Tôi có thể hỏi thăm ông là...? Xin ông vui lòng...? Tôi đang rất lo ngại không biết cái mao biện mạc của tôi có hoạt động tốt không, và nếu không phải là quá lợi dụng lòng tốt của ông thì...? Tôi nghĩ là cái động mạch chủ của tôi thì không sao, nhưng tôi rất mong được biết ý kiến của ông về cái mao biện mạc.

Tôi khám tim cho ông theo lời ông yêu cầu, nhưng thấy chẳng có gì là bất thường, chỉ có điều là hình như ông đang đau khổ về một nỗi lo sợ thẳm kín nào đó: Toàn thân ông ta run lẩy bẩy từ đầu xuống chân thế kia.

- Mọi sự đều có vẻ bình thường - Tôi bảo - Ngài chẳng có lý do gì để phải lo lắng cả.

- Xin cô cũng vui lòng bỏ qua cho tôi nỗi lo âu hồi hộp này, cô Morstan ạ - Ông nói bằng giọng nhẹ nhàng hơn - Sức khỏe của tôi rất yếu kém, và từ lâu nay cái biện mạc ấy vẫn làm tôi băn khoăn mãi. Nay tôi rất đổi vui mừng được biết rằng không có gì đáng ngại. Nay cô, nếu thân phụ cô không làm nhọc tim mình quá độ, thì hôm nay ông ấy có thể vẫn còn sống đấy.

Thật tôi muốn tát tai ông ấy quá. Lối nói năng thô bạo và thờ ơ về một chuyện đau buồn như thế làm tôi tức đến lộn ruột.

Cô Morstan ngồi xuống, mặt mày tái nhợt, đôi môi trắng bệch ra.

- Trong thâm tâm, tôi cũng biết là cha tôi đã chết rồi.

- Tôi có thể thuật lại cho cô mọi chi tiết. Hơn nữa, tôi có thể đem lại công bằng cho cô. Và tôi sẽ làm đúng như thế, dù anh Bartholomew của tôi có nói gì đi nữa. Tôi rất mừng là các bạn cô có mặt ở đây. Không phải chỉ vì họ làm cho cô an tâm mà còn vì họ sẽ là nhân chứng cho những điều tôi sắp nói và làm. Bốn chúng ta đây cũng đủ đương đầu với anh Bartholomew của tôi rồi. Nhưng ta chớ để kẻ lạ xen vào? Cảnh sát hay các viên chức khác cũng thế! Nếu không có sự can thiệp không phải lúc thì ta sẽ có cách thu xếp mọi chuyện rất thỏa đáng. Nếu làm rùm beng chuyện này lên thì anh Bartholomew sẽ bức mình lắm đấy.

Ông ngồi trên chiếc ghế tròn thấp, cặp mắt xanh yếu ớt và kèm nhèm nhìn chúng tôi như lục vắn.

- Riêng về phần tôi, những điều ông sắp sửa nói ra chắc là không đi xa hơn những suy nghĩ của tôi lắm đâu - Holmes bảo.

Tôi gật đầu đồng tình.

- Điều đó tốt thôi! - Ông ta nói: - Rất tốt thôi! Tôi có thể mời cô dùng ly rượu Chianti được chẳng, cô Morstan? Hoặc một ly Tokay nhé? Tôi chẳng có thứ rượu vang nào

khác. Tôi khui một chai nhé? Không à? Thế thì tôi mong rằng khói thuốc không làm cô khó chịu: Thuốc lá phương Đông có một mùi thơm đậm đà. Tôi hơi nóng tính, như cô thấy đấy, và thứ thuốc điếu cày này đối với tôi là một liều an thần tuyệt diệu.

Ông đưa ngọn nến xích lại gần và trong khoảnh khắc từng tấm khói thuốc lọc qua nước màu hồng. Ngồi thành hình bán nguyệt, đầu hơi chồm về phía trước, cầm tỳ lên bàn tay, cả ba chúng tôi chăm chú nhìn con người nhỏ bé với cái đầu to tướng lảng bóng ấy, đối diện với chúng tôi, rít từng hơi thuốc trên ống điếu bằng dáng điệu thiếu tự tin.

- Sau khi quyết định bắt liên lạc trực tiếp với quý vị - Ông nói - tôi cũng ngần ngại lắm mới cho biết địa chỉ của mình. Tôi e rằng quý vị không theo lời yêu cầu của tôi, đem theo những kẻ có thể gây ra phiền hà. Thế nên tôi đã mạo phép định với quý vị một điểm hẹn sao cho Williams có thể trông thấy quý vị trước. Tôi hoàn toàn tin tưởng anh ta. Vả lại tôi cũng đã căn dặn anh ấy đừng đưa quý vị đến đây, nếu thấy có dấu hiệu khả nghi. Quý vị chắc cũng miễn chấp cho tôi về những biện pháp phòng đó, nhưng thật tình là tôi đang sống một cuộc đời có phần ẩn dật. Hơn nữa, không có gì làm cho tính miễn cảm của tôi, mà tôi có thể coi là rất tinh tế, một phát ghê tởm bằng một tên cảnh sát.

Tôi có xu hướng bẩm sinh là tránh mọi hình thức thô bạo; và rất hiếm khi tôi tiếp xúc với cái đám bằng dân hạ đẳng kia. Như quý vị đã thấy, tôi sống trong một khung cảnh thanh lịch. Tôi có thể tự cho tôi là người bảo vệ nghệ thuật. Ấy, nhược điểm của tôi là ở chỗ đó. Cảnh này là một bức tranh của họa sỹ Corot chính hiệu đấy. Còn đây, về bức tranh này của họa sỹ Salvator Rosa, thì một chuyên gia có thể dè dặt nêu lên một vài điểm yếu; nhưng ngược lại, bức tranh này của Bouguereau, thì không có gì phải bàn cãi thêm nữa. Tôi có xu hướng rõ rệt với trường phái hội họa của Pháp mới đây, thú thật như vậy.

- Xin lỗi ông Sholto, cô Morstan cất tiếng - Tôi đến đây theo lời yêu cầu của ông để nghe những điều ông muốn nói với tôi. Bây giờ cũng đã muộn lắm rồi, và tôi mong sao cuộc hội kiến này càng chóng càng tốt.

- Dẫn cho rằng một sự sẽ êm xuôi, thì cũng phải còn lâu lắm ạ. - Ông đáp - Chắc chắn là ta sẽ phải đi đến Norwood để gặp anh Bartholomew của tôi. Chúng ta sẽ cố gắng thuyết phục anh ấy làm cho anh ấy phải nghe ra lẽ phải mới được. Anh ấy rất giận tôi vì tôi đã làm điều mà tôi cho là đúng. Tối qua chúng tôi đã gần đi đến chỗ cãi lộn nhau rồi đấy. Quý vị không thể tưởng tượng được mỗi khi anh ấy nổi giận thì anh ấy khủng khiếp như thế nào.

- Nếu cần đi đến Norwood tốt hơn có lẽ ta nên đi bây giờ chẳng? - Tôi đánh bạo nói. Ông vụt cười đến đỏ bừng cả tai.

- Không được đâu! Ông kêu lên - Tôi không biết anh ấy sẽ phản ứng ra sao nếu tôi đưa quý vị đến đây một cách đột ngột như vậy. Không ạ, chưa tiện, tôi cần giải thích cho anh ấy rõ vị trí của mỗi người trong chúng ta. Và trước hết, cần phải nói thêm là trong câu chuyện này, còn một số điểm mà chính tôi cũng còn chưa được tỏ tường. Tôi chỉ có thể trình bày cho quý vị thấy những gì mà tôi được biết.

Thiếu tá John Sholto, thuộc đạo quân ở Ấn Độ, là thân sinh ra tôi, chắc quý vị cũng đã đoán biết. Ông nghỉ hưu cách đây gần 11 năm và đến định cư tại biệt trang Pondicherry, khu Thượng Norwood. Tại Ấn Độ ông rất giàu; lúc trở về, ông mang theo một số tiền kèch sù, một bộ sưu tập phong phú những báu vật hiếm có, và sau cùng là

một số gia nhân người bản xứ. Thế rồi ông tậu một ngôi nhà và sống rất đế vương. Chúng tôi, anh Bartholomew và tôi là con song sinh, độc nhất.

Tôi nhớ rất rõ nỗi sửng sốt khi hay tin đại úy Morstan mất tích. Chúng tôi đọc chi tiết nội vụ đăng trong các nhật báo, và được biết ông ấy là bạn thân của cha tôi, nên chúng tôi công nhiên thảo luận vụ ấy trước mặt ông. Vả lại; chính ông cụ cũng tham gia ý kiến với chúng tôi để giải thích điều bí ẩn này. Nhưng tuyệt nhiên, không bao giờ, một trong hai chúng tôi lại có ý ngờ rằng ông cụ lại giữ kín điều bí mật tận đáy lòng. Tuy nhiên, ông cụ biết rõ, và trên đời này chỉ có mình ông cụ mà thôi, về số phận của Arthur Morstan.

Có điều chúng tôi cảm thấy một điều bí ẩn nào đó, một hiểm nguy thật sự đang đe dọa cha chúng tôi. Ông cụ rất sợ phải ra phỏ một mình và mượn cả hai cựa võ sĩ quyền anh chuyên nghiệp làm người gác cổng. Williams, người đã đưa quý vị đến đây tối nay là một trong hai tay đó. Đã có dạo anh chàng này là vô địch hạng nhẹ của nước Anh đấy. Cha chúng tôi không muốn thổ lộ nguyên nhân nỗi sợ hãi của ông, nhưng ông cụ vô cùng kính trọng những người đi chân gỗ, đến độ, một ngày nọ, ông cụ không do dự bắn một phát súng ngắn vào một người như thế, mà thực ra đó chỉ là một nhân viên chào hàng vô hại đang đi kiếm mồi. Chúng tôi đã phải trả một khoản tiền rất lớn mới giữ kín được việc này. Anh tôi và tôi sau cùng rồi cũng cho đây chỉ là tính ngông của tuổi già thôi. Nhưng các sự cố tiếp theo buộc chúng tôi phải thay đổi ý kiến.

Đầu năm 1882 trong lúc đang đọc báo trước bữa điểm tâm, cha tôi nhận một bức thư từ Ấn Độ gửi sang. Ông suýt ngất xỉu và cũng từ ngày đó ông cụ héo hon dần. Lúc ấy chúng tôi không đọc được nội dung lá thư kia, nhưng đến khi ông cụ tỉnh lại tôi thấy nó chỉ gồm vài câu viết hí hoáy. Suốt nhiều năm sau, ông cụ mắc chứng sưng gan; tình trạng suy sụp rất nhanh. Khoảng cuối tháng Tư, chúng tôi được thông báo là ông cụ không còn hy vọng gì nữa và muốn nói chuyện với chúng tôi một lần cuối.

Khi chúng tôi bước vào phòng, ông cụ đang ngồi, người được đỡ bằng nhiều gối, và thở rất khó nhọc. Ông bảo chúng tôi khóa cửa lại và ngồi xuống bên cạnh giường. Nắm chặt lấy tay chúng tôi, ông cụ thuật lại chúng tôi nghe một câu chuyện thật là ly kỳ. Con xúc động và đau đớn đôi lúc đã khiến ông phải ngắt lời. Tôi cố gắng kể lại nguyên văn lời ông:

"Vào giây phút cuối cùng này - Ông cụ nói - chỉ còn một điều duy nhất làm cha khổ tâm: đó là cung cách cha đã đối xử với cô gái mồ côi của anh bạn Morstan đáng thương của cha. Do cái tính keo kiệt đáng nguyên rửa vốn là nguyên nhân tội lỗi của cha, cô bé đã bị truất mất một kho báu mà ít ra nó cũng có quyền được hưởng một nửa. Tuy nhiên, chính cha cũng không sử dụng đến của ấy, bởi vì tính keo kiệt đã khiến cha đâm ra mù quáng và ngu xuẩn. Của cái đã khiến cha quên hết tất cả nên cha không muốn chia sót cho ai, dầu ít đến đâu chăng nữa.

Các con có trông thấy chuỗi ngọc bên cạnh lọ thuốc quinine của cha không? Đấy, mãi cho đến nay, cha vẫn chưa quyết định dứt khoát là nên xa nó đấy, các con à. Vì thế mà cha đã lấy nó ra với quyết định gởi nó cho cô gái kia đấy. Vậy, nay đến lượt các con, các con hãy gởi cho cô ấy một phần công bằng trong kho báu vật Arg[1] nhưng chớ gởi gì cả, dầu chỉ là một hạt ngọc trước khi cha chết. Dầu sao thì cũng có rất nhiều người còn đau yếu hơn cha mà vẫn bình phục được!"

Giờ cha sẽ cho các con biết Morstan đã chết như thế nào - Ông cụ nói tiếp - Từ lâu, ông ấy mắc chứng đau tim, nhưng chẳng nói cho ai biết cả. Chỉ có mình cha là rõ

chuyện ấy. Đạo còn ở bên Ấn Độ, nhờ thời cơ đặc biệt lạ lùng, ông ấy và cha nắm trong tay một kho báu to lớn. Cha chuyển nó về Anh và ngay tối hôm về nước, Morstan đến đòi phần mình. Ông ta đã đi bộ từ nhà ga và chính Lal Chowdar, tên gia nhân trung thành của cha chết từ sau đạo ấy, đã đưa ông ta vào nhà. Một cuộc cãi vã bùng ra sau khi ông ấy và cha bàn tính chuyện chia chác kho báu. Lúc tức giận cực điểm, Morstan vụt đứng dậy, rồi đột ngột đưa tay sang bên. Mặt mắt hết thần sắc, ông ngã ngửa người ra. Đầu ông chạm mạnh vào góc chiếc hộp đựng báu vật. Cha cúi xuống nhìn xem và kinh hoàng khi thấy ông ta đã chết.

Cha ngồi bất động hồi lâu trong ghế bành, đầu óc trống rỗng, chẳng biết phải làm gì nữa, ý nghĩ đầu tiên của cha lúc bấy giờ dĩ nhiên là chạy đi cầu cứu. Nhưng nếu thế thì chẳng hội đủ điều kiện để cha bị buộc vào tội sát nhân đó sao? Cái chết của ông ta xảy đến trong một cuộc cãi vã; lại còn vết da đầu nứt lúc ông ấy té; bao nhiêu suy đoán chống lại cha. Hơn nữa, một cuộc điều tra chính thức sẽ phát hiện về kho báu vật kia, điều mà cha chẳng muốn phổ biến tí nào. Morstan đã báo với cha rằng: chẳng ai hay biết gì về việc ông ấy đến nhà cha; vậy thì cũng chẳng cần để cho ai biết thêm làm gì nữa. Cha đang mãi suy nghĩ như thế thì, lúc ngược mắt lên, bỗng dưng cha thấy Lal Chowdar hiện ra trong khung cửa. Hắn bước vào không một tiếng động rồi khóa trái cửa lại.

"Thưa chủ nhân, ngài đừng e sợ gì cả! Hắn bảo - Chẳng cần để cho ai biết ngài đã giết ông ta. Ta đem đi giấu cho xa đi thì còn ai mà biết nữa?"

- Ta không giết ông ấy!

Lal Chowdar lắc đầu mỉm cười.

"Tôi đã nghe thấy, thưa chủ nhân - Hắn bảo - Tôi đã nghe cuộc đấu khẩu và tôi cũng đã nghe tiếng nổ. Nhưng miệng tôi đã khóa lại rồi. Mọi người trong nhà đang ngủ. Nào, ta hãy đưa ông ấy đi cho xa".

Những câu nói ấy giúp cha quyết định. Nếu tên gia nhân trung thành nhất của mình mà còn không tin được là mình vô tội, thì làm sao cha có thể thuyết phục mười hai bị thýt trong bồi thẩm đoàn? Lal Chowdar và cha phi tang thi thể ngay trong đêm ấy. Ít hôm sau báo chí London thắc mắc về vụ mất tích đầy bí ẩn của đại úy Morstan. Cứ theo lời cha thuật lại, các con cũng thấy là không thể đổ riệt cái chết ấy cho cha được. Sai lầm của cha là ở chỗ chẳng những cha đã cất giấu thi thể của Morstan, mà còn giấu luôn cả kho báu vật, trong đó một phần đương nhiên thuộc về Morstan hoặc con cháu ông ta. Vậy nên cha muốn các con hoàn trả lại số của đó. Lại gần đây mà xem này. Kho báu vật được cất giấu trong...

Ngay lúc đó, nét mặt của ông cụ bỗng thất sắc vì khiếp đảm: cặp mắt điên dại và mồm há hốc ra. "Đuổi nó đi ngay! Trời ơi, đuổi nó đi ngay". Ông hét lớn bằng cái giọng mà tôi không bao giờ quên được. Chúng tôi trông về phía cửa sổ nơi ông cụ đang nhìn chăm chăm. Một khuôn mặt từ trong bóng tối hiện ra nhìn chúng tôi chăm chú. Một cái đầu rậm tóc râu với tia nhìn hung bạo, man rợ, chất chứa một nỗi căm hờn cháy bỏng. Chúng tôi đổ xô về phía cửa sổ, nhưng người kia đã biến mất. Khi chúng tôi trở về chỗ ông cụ, thì cảm ông đã gục xuống và mạch ông đã ngừng đập.

Đêm ấy chúng tôi sục sạo khắp khu vườn, nhưng chẳng tìm thấy gì ngoài dấu chân thọt giữa luống hoa. Nếu không có dấu chân này, chắc chúng tôi sẽ nghĩ rằng khuôn mặt hung dữ kia chỉ là do trí tưởng tượng của chúng tôi tạo ra. Tuy vậy, chúng tôi có thêm một bằng chứng khác nữa, còn rõ ràng hiển nhiên hơn, là kẻ thù đang vây bủa

chúng tôi. Thật vậy, qua sáng hôm sau người ta thấy cửa sổ phòng cha chúng tôi có ai đã mở trước rồi; tủ, ngăn kéo bị lục soát kỹ, và trên ngực người chết, có gắn một mảnh giấy với hàng chữ nguệch ngoạc: "Dấu bộ tứ". Đến nay chúng tôi vẫn chưa hiểu được những từ ấy có ý nghĩa gì, mà cũng chẳng rõ ai là tác giả. Mới nhìn qua thì chẳng có gì mất mát cả tuy đồ đạc đã bị lục tung lên. Từ câu chuyện đầy chất quái đản này, anh tôi và tôi đã đặt mối liên hệ bình

thường với nỗi khiếp sợ mà cha chúng tôi đã phải chịu đựng cả cuộc đời. Nhưng với chúng tôi điều bí ẩn kia vẫn còn nguyên vẹn.

Người đàn ông nhỏ bé ấy ngừng lại để đốt ống điếu cày rồi im lặng hút vài hơi trong một lúc. Ba chúng tôi ngồi yên, bàng hoàng trong câu chuyện lạ lùng này. Trong những khoảnh khắc ngắn ngủi mà cái chết của thân phụ được mô tả lại, cô Morstan biến sắc, tái nhợt và tôi sợ rằng nàng bất tỉnh. Tuy nhiên, nàng cũng đã trấn tĩnh được sau khi uống cốc nước tôi đã kín đáo rót cho nàng ở chiếc bình pha lê kiểu Venetian ở bên cạnh. Sherlock Holmes ngồi lọt vào ghế trong một tư thế lơ đãng, đôi mắt lim dim. Trông anh tôi không thể không nhớ lại mới hồi sáng nay thôi, anh than phiền về cái tầm thường của cuộc sống! Thì ít ra bây giờ anh chuẩn bị mang tài xét đoán sáng suốt của mình ra thử thách đây... Cái nhìn của ông Thaddeus Sholto lần lượt chuyển từ người này qua người khác. Hiển nhiên là tự hào về tác dụng do câu chuyện kể gây nên, thỉnh thoảng ông ngừng lại để kéo một khói thuốc.

Như quý vị có thể đoán được, anh tôi và tôi rất quan tâm đến kho báu mà cha chúng tôi đã đề cập tới. Tuần này qua tháng nọ, chúng tôi lùng sục, đào xới từng mảnh đất trong vườn song chẳng tìm ra chỗ cất giấu. Cứ nghĩ đến điều bí mật kia đã đọng lại trên môi khi ông cụ qua đời là cũng đủ khiến chúng tôi điên tiết vì chán ngán. Cứ nhìn vào chuỗi ngọc kia chúng tôi cũng đoán ra được kho báu kia phải rực rỡ, lộng lẫy đến đâu rồi. Vả chăng, anh tôi và tôi, chúng tôi cũng đã tranh luận nhau về chuyện này. Những hạt ngọc tất nhiên là có một giá trị to lớn và anh Bartholomew không muốn phải xa rời chúng. Nói riêng để quý vị biết là anh tôi thừa hưởng được của cha tôi cái xu hướng biến lộn. Anh ấy cũng nghĩ rằng chuỗi ngọc kia có thể gọi trí tò mò và đem đến cho chúng tôi những chuyện phiền phức sau này. Anh chỉ đồng ý với tôi một điểm là tôi sẽ tìm ra địa chỉ cô Morstan và cứ đều đặn gửi đến cô một viên ngọc, để cô khỏi phải sống trong cảnh thiếu thốn.

- Ông thật là nhân từ bác ái quá - Người thiếu nữ hồn nhiên nói - Tôi biết ơn ông vô cùng!

Người đàn ông khoát tay.

- Ấy không phải thế đâu? Ông nói - Chúng tôi là những kẻ thụ thác của cô. Hay ít ra đó cũng là điều suy nghĩ của tôi, chứ thú thật với quý vị là anh Bartholomew không hiểu như tôi. Bản thân chúng tôi sống trong cảnh an nhàn sung túc. Tôi không còn ham muốn gì nữa. Vả chăng, thật là quá tệ nếu tỏ ra bủn xỉn với một phụ nữ. Người Pháp đã chẳng nói một cách chẳng kém lịch sự là "Sự thiếu ý tứ dẫn đến tội ác"[2] đó sao? Tóm lại, mối bất hòa giữa chúng tôi ngày càng sâu sắc hơn nên tôi thấy tốt hơn là tôi nên đi ở riêng. Thế là tôi rời khỏi biệt trang Pondicherry, mang theo Williams và tên gia nhân người Ấn già[3].

Nhưng hôm qua tôi được hay một tin rất quan trọng: kho báu đã bị khám phá. Lập tức tôi viết thư cho cô Morstan, và giờ đây tôi chỉ còn mỗi một việc là đi đến Norwood để đòi phần của chúng ta. Đêm qua, tôi đã trình bày quan điểm của tôi với anh tôi. Cuộc

viếng thăm của chúng ta chắc hẳn là không ai mong muốn đâu, nhưng chắc là có người đợi.

Ông Thaddeus Sholto ngừng nói, nhưng vẫn không ngớt cựa quậy trên chiếc ghế nệm tròn sang trọng. Tất cả chúng tôi đều ngồi lặng yên suy nghĩ kỹ hơn về những biến chuyển mới trong vụ đầy bí ẩn này, và Holmes là người đầu tiên đứng dậy.

- Từ đầu chí cuối, ngài đã hành động rất đúng, thưa ngài - Anh nói - Có lẽ chúng tôi còn phải khiêm tốn tỏ lòng biết ơn đối với ngài vì ngài đã làm sáng tỏ những điểm còn tối tăm khó hiểu đối với chúng tôi. Nhưng bây giờ cũng đã muộn rồi, như cô Morstan đã nhận thấy, và ta không nên phí mất thì giờ.

Gia chủ cẩn thận cuộn ống hút bình thuốc trả lại rồi lấy từ sau tấm màn cái áo măng-tô dài và nặng, cổ bằng da lông cừu non. Ông cài nút cẩn thận mặc dầu khí hậu nặng nề không lạnh này và sửa lại trên đầu chiếc cát-két bằng da nhỏ với đôi vành che phủ tai.

- Sức khỏe của tôi có phần yếu kém, ông vừa bảo vừa hướng dẫn chúng tôi trong dãy hành lang. Vì thế nên tôi buộc phải đề phòng.

Cỗ xe đợi chúng tôi. Cuộc hành trình có vẻ như đã được dự kiến trước, vì người đánh xe cho xe chạy nhanh ngay sau đó. Thaddeus vẫn không ngừng nói bằng giọng ồm ồm át cả tiếng đánh xe lăn trên đường.

- Bartholomew là một con người giàu sáng kiến - Ông bắt đầu nói - Theo quý vị nghĩ thì anh ấy phát hiện ra kho báu bằng cách nào? Anh đi đến kết luận là nó phải nằm vào một nơi nào đó trong nhà. Thế là anh bắt đầu tính toán kích thước chính xác của ngôi nhà, ghi chép vào sổ rồi kiểm tra lại. Cứ thế nên trong nhà không có một inch nào lọt khỏi vòng điều tra tìm kiếm của anh. Chẳng hạn, anh để ý thấy rằng chiều cao toàn bộ ngôi nhà là 74 feet, nhưng khi cộng chiều cao các tầng với nhau, thì chỉ mới có 70 feet, dầu có tính khoảng cách giữa trần và sàn nhà một cách rộng rãi chẳng nữa. Vậy còn thiếu 4 feet. Phần thiếu này chắc chắn là phải ở trên mái nhà. Anh ấy liền khoét thủng một lỗ trên trần trong căn phòng cao nhất và phát hiện ra một cái gác nhỏ căn gác xép này bốn bề tường xây kín, nên không ai biết đến nó cả. Ở ngay giữa gác, là kho báu đặt trên hai cây đà. Anh đưa nó xuống qua lỗ hổng, và mở hộp ra... số châu báu trong hộp trị giá ít nhất cũng lên đến nửa triệu sterling[4].

Khi nghe nói đến số tiền khổng lồ này, chúng tôi trở mắt nhìn nhau. Nếu chúng tôi có cách bảo đảm quyền lợi của cô Morstan, người quản gia đang nghèo túng, thì cô sẽ là người nữ thừa kế giàu nhất nước Anh! Một người bạn trung thực dĩ nhiên chỉ có thể vui mừng trước một cái tin như vậy. Nhưng tôi phải hồ thẹn mà thú nhận rằng lòng vị kỷ của tôi mạnh hơn hết mọi sự và tim tôi đã hóa thành chì. Tôi lắp bắp dăm ba câu chúc mừng rồi ngồi thụp vào ghế, đầu gục xuống, đắm chìm trong nỗi thất vọng, không buồn nghe Thaddeus nói năng những gì nữa. Đây đích thực là một kẻ mắc chứng ưu uất lo sợ. Tôi mang máng nghe ông ta tuôn ra một tràng bắt tận những triệu chứng bệnh và nài nỉ hỏi thăm tôi về thành phần cấu tạo cùng tác dụng điều trị của vô số thứ thuốc lang băm. Trong túi ông có mang theo vài mẫu xếp ngăn nắp trong một cái túi da. Tôi mong sao ông chẳng nhớ được gì về những câu trả lời của tôi đêm hôm ấy. Holmes cả quyết là anh có nghe tôi bảo ông ta hãy coi chừng chớ dùng quá hai giọt dầu đu đủ kéo nguy hiểm. Và tôi cũng đề nghị ngược lại và nên dùng mã tiền với liều lượng cao để làm thuốc xổ. Dầu sao tôi cũng thấy nhẹ nhõm khi cỗ xe dừng lại sau cái lác cuối cùng. Người đánh xe nhảy xuống khỏi ghế, mở cửa cho chúng tôi.

- Đây là biệt trang Pondicherry, thưa cô Morstan –Thaddeus Sholto vừa nói vừa đưa tay đỡ cô xuống.

Chương 5: Tắm tắm kịch ở biệt trang Pondicherry

Lúc ấy gần 11 giờ khuya. Chúng tôi bỏ lại đằng sau sương mù ẩm thấp của thành phố lớn, và đêm khá đẹp. Một cơn gió ẩm áp chở những tầng mây nặng nề chậm chạp trôi từ phía tây qua vòm trời. Vành trăng non chợt hiện, chợt biến từng hồi.

Ánh sáng tự nhiên cũng đủ soi sáng khá xa, nhưng Thaddeus vẫn lấy chiếc đèn lồng trong xe ra. Biệt trang Pondicherry có một khu vườn rộng mênh mông. Một bức tường đá cao lờm chờm mảnh chai vụn cô lập nó hoàn toàn. Một cái cửa hẹp được tăng cường những thanh sắt là lối vào độc nhất. Người hướng dẫn gõ cửa theo mật hiệu riêng.

- Ai đó? - Một giọng kèn hòa nhã hỏi lớn.

- Ta đây? McMurdo. Kia, từ bao lâu nay chắc anh đã nhận ra cách gõ cửa của ta rồi chứ?

Trả lời ông là một tiếng động không rõ ràng, rồi tiếng xâu chìa khóa khua lách cách. Cánh cửa xoay nặng nề trên bản lề. Trong ánh đèn lồng, một người đàn ông dáng thấp, vóc khỏe, hiện ra ở khung cửa nhìn chúng tôi bằng cái chớp mắt ngờ vực.

- Ông đấy à, - Thaddeus? Còn những người này là ai? Tôi không nhận được lệnh gì về họ cả.

- Không à? Anh làm tôi ngạc nhiên đấy. McMurdo à! Tối qua ta đã bảo trước với anh ta là ta sẽ đến cùng vài người bạn kia mà.

- Hôm nay ông ấy không ra khỏi phòng, thưa ông Thaddeus, mà tôi chẳng nhận được chỉ thị đặc biệt nào cả, ông cũng biết rằng mệnh lệnh rất nghiêm ngặt. Tôi có thể để ông vào, nhưng các bạn ông phải ở lại bên ngoài.

Đứng trước trở ngại đó, Thaddeus phân vân nhìn chúng tôi.

- Anh có vẻ hơi bướng bỉnh đấy! - Sau cùng ông bảo người gác cổng - Tôi chịu trách nhiệm về hai người này là cũng đủ cho anh rồi chứ? Trong chúng tôi, có một phụ nữ; chắc chắn không thể để cô chờ đợi ngoài đường vào một giờ khuya khoắt như thế này!

- Tôi rất tiếc, ông Thaddeus ạ. - Người đàn ông đáp lại bằng giọng không gì lay chuyển được - Những người này có thể là bạn của ông nhưng không phải vì thế mà cũng là bạn của chủ tôi. Tôi được trả lương, mà trả hậu là đằng khác, để chấp hành một số mệnh lệnh nào đó; đây là vấn đề nguyên tắc, không thể khác được. Tôi chẳng biết bạn ông là ai cả!

-Ồ, có chứ. Anh có biết một người, anh bạn McMurdo ời. - Sherlock Holmes nói lớn bằng giọng nhã nhặn - Tôi không tin rằng anh đã có thể quên tôi. Anh không còn nhớ anh chàng võ sĩ nghiệp dư đã đấu với anh trong ba hiệp sao? Chuyện ấy cách đây đã 4 năm rồi, tại nhà ông Alison đó, nhân đêm võ đài tổ chức lạc quyền giúp anh.

- Ông không muốn nhắc đến ông Sherlock Holmes đấy chứ. Tay cự vố sĩ kêu lớn -Ồ, thế thì có chứ. Trời đất, sao tôi lại không nhận ra ông ngay được thế này? Thay vì cứ đứng đìem nhiên ra đấy, ông đã có thể tặng cho tôi một cú móc cảm thần sầu quỷ khóc rồi. Và thế thì tôi đã nhận ra ông ngay rồi. Chà, ông đã để phí phạm tài năng của ông

nhiều lắm rồi đó, ông ơi. Ông còn có thể đi xa hơn nữa nếu ông chịu hiến trọn vẹn đời mình cho môn nghệ thuật cao quý đó.

- Đấy, anh xem, Watson à, nếu một mai tôi phải thiếu thốn tất cả, thì ít ra tôi vẫn còn cái nghề khoa học sau cùng này - Holmes vừa nói vừa cười - Bây giờ tôi chắc chắn rằng anh bạn của chúng ta đây sẽ không để ta phải chịu cảnh giá lạnh đêm khuya đâu.

- Vâng, mời ông vào - Gã đáp - Mời ông và các bạn ông vào đi... Tôi rất ân hận, thưa ông Thaddeus, nhưng ông cũng hiểu là mệnh lệnh rất nghiêm. Tôi phải chắc chắn về bạn của ông trước khi để họ vào

Bên trong tường thành, con đường lát sỏi lượn quanh co giữa đám đất hoang, dẫn đến một ngôi nhà đồ sộ, kiến trúc tầm thường, chìm hẳn vào bóng tối, chỉ trừ ở một góc nơi ánh trăng lấp lánh trên khung cửa sổ mái nhà. Tòa nhà to lớn tối tăm vắng lặng tỏa ra vẻ ngọt ngào khó chịu. Ngay Thaddeus dường như cũng cảm thấy bất an, và chiếc đèn lồng cầm ở đầu tay run lên một cách lạ kỳ.

- Thật tôi chẳng hiểu có chuyện gì xảy ra thế này. Ông nói

- Chắc là có sự hiểu lầm gì đây. Tôi có nói rõ ràng với Bartholomew là tối nay chúng ta sẽ đến kia mà. Tại sao lại không có đèn ở cửa sổ anh ấy? Như thế nghĩa là thế nào?

- Ông ấy vẫn thường cho canh giữ cổng ra vào cẩn mật như thế ư? Holmes cất tiếng hỏi.

- Vâng, anh ấy vẫn giữ thói quen của cha tôi. Anh ấy là con cứng, ông biết đấy, và lắm khi tôi tự hỏi có thể là cha tôi còn nói cho anh ấy biết nhiều hơn tôi nữa đấy. Cửa sổ của Bartholomew giờ đây có ánh trăng chiếu vào; tôi nghĩ là bên trong không có đèn.

- Không đâu - Holmes nói - Nhưng tôi có thấy ánh sáng lơ mờ ở cửa tò vò phía bên cửa lớn.

- À, đó là phòng bà giúp việc. Chắc bà lão Bernstone có thể giải thích cho chúng ta. Tuy nhiên, quý vị không có gì phản đối nếu chờ tôi tại đây vài phút chứ? Nếu không được báo trước mà lại thấy chúng ta đến cùng một lúc, bà lão có thể phát hoảng lên. Ấy mà này? Gì thế?

Ông nhắc cao chiếc đèn lồng, tay ông run đến nổi khoanh tròn ánh sáng nhảy múa quanh chúng tôi. Cô Morstan nắm lấy cổ tay tôi. Chúng tôi đứng lặng yên, trống ngực đánh liên hồi, tai nghe ngóng: Từ ngôi nhà to lớn tối đen bay ra một giọng thật buồn bã, thảm thiết, ngân vang trong cảnh đêm tĩnh mịch, đó là tiếng khóc thảng thốt của một người đàn bà bị khiếp đảm.

- Giọng bà lão Bernstone đấy. Trong nhà chỉ có bà là đàn bà thôi - Sholto giải thích - Quý vị chờ đây. Tôi trở lại ngay.

Ông bước nhanh đến cửa và gõ theo ám hiệu. Chúng tôi cũng nhìn ra được một bà lão to béo ra mở cửa và bà vươn mình nhẹ nhõm khi nhìn thấy ông ta.

- Ô! Ông Thaddeus. Gặp ông tôi mừng quá. Vâng đúng thế. Tôi thật là vui mừng vì ông đến đây, ông ạ.

Cánh cửa khép lại đằng sau, hai người. Nhưng biểu hiện mừng rỡ nhường chỗ cho một cuộc độc thoại rì rầm. Người hướng dẫn đã để lại cho chúng tôi chiếc đèn lồng. Holmes nắm lấy, lắc nhẹ, mắt chăm chú dò xét ngôi nhà và mấy đồng vôi gạch vụn rải rác trên đám đất. Cô Morstan và tôi đứng yên cạnh bên nhau, tay trong tay. Quả thật, tình yêu là một thứ gì tinh tế mà tuyệt vời quá chừng. Thì đây nhé, hai chúng tôi, cho đến ngày hôm ấy, chưa lần nào gặp nhau, chưa bao giờ trao đổi một cái nhìn hoặc nói

với nhau vài câu tình cảm, ấy thế mà chúng tôi lại cùng tuân theo một cử động: tay chúng tôi tìm lấy nhau. Về sau này, tôi vẫn lấy làm lạ vô cùng, nhưng đêm hôm ấy, tôi thấy việc tôi đến với nàng rất là tự nhiên và về phía nàng, sau này nàng cũng thổ lộ với tôi rằng, nàng đến với tôi để tìm thấy sự che chở và an ủi thì cũng là chuyện bình thường thôi. Chúng tôi tựa như hai đứa bé, tay trong tay, đứng giữa cõi âm u mịt mù vây kín chung quanh mà vẫn thấy bình yên.

- Chỗ ở gì mà kỳ lạ thế này. - Nàng buột miệng thở dài.

- Tường chừng như tất cả những chú chuột chũi cả nước Anh đều tập hợp về đây - Tôi nói - Tôi đã từng chứng kiến cảnh tượng tương tự như thế này trên sườn một ngọn đồi, gần thành phố Ballarat[1], sau thời kỳ sôi nổi đổ xô đi tìm mỏ.

- Và cùng với những lý do tương tự - Holmes nói xen vào - Đây là dấu vết đào xới để tìm kho báu. Ta đừng quên rằng họ đã tìm kiếm suốt 6 năm nay. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu chỗ này giống như ô vuông hầm mỏ.

Vừa lúc đó, cửa ra vào bật tung ra, và Thaddeus Sholto chạy về phía chúng tôi, hai tay giơ thẳng lên, mắt đầy nét kinh hoàng.

- Chắc có chuyện gì xảy ra cho anh Bartholomew rồi. Ông hét lớn - Tôi sợ quá! Thần kinh tôi chịu đựng hết nổi rồi.

Quả thật ông nắc lên vì sợ hãi. Đóng khung trong chiếc cổ áo da cừu non to tướng, khuôn mặt với những đường nét chảy dài của ông có một vẻ khẩn cầu và tuyệt vọng của đứa bé trong cơn khủng khiếp.

- Nào, chúng ta hãy vào nhà - Holmes nói điềm tĩnh và quả quyết.

- Vâng, xin mời quý vị - Thaddeus Sholto nói - Tôi chẳng còn biết phải làm gì nữa.

Chúng tôi theo ông ta vào phòng bà giúp việc, nằm bên trái dãy hành lang. Bà lão rào bước trong căn phòng, vừa đi vừa cắn móng tay. Khi chợt thấy cô Morstan, bà lão có vẻ khuây nguôi phần nào.

- Xin Chúa ban phước lành cho khuôn mặt dịu hiền của cô. Bà thốt lên giọng như ngây dại. Gặp được cô thật là điều quý hóa. Hôm nay tôi phải chịu bao nhiêu là chuyện khổ não!

Cô gái nắm lấy bàn tay khẳng khiu tiều tụy vì lam lũ của bà lão, miệng thì thào dăm ba câu an ủi. Lòng nhân hậu đầy trù mến của cô đã trả lại đôi chút thần sắc lên đôi má tái nhợt của bà lão giúp việc.

- Ngài chủ tôi ở riết trong phòng, khóa kín cửa lại, và không buồn trả lời tôi - Bà lão giải thích - Tôi đã chờ đợi suốt cả ngày để ông có gọi chẳng. Tôi biết tính ông ấy thích sống một mình, nhưng sau cùng tôi cũng đâm ra thắc mắc không hiểu có

chuyện gì đã xảy ra. Thế là tôi lên lầu, cách đây khoảng tiếng đồng hồ và nhìn qua lỗ khóa. Ông cũng nên lên đó đi, ông Thaddeus ạ. Lên đó đi ông ạ, rồi tự khắc ông sẽ thấy. Từ 10 năm nay, tôi từng biết ông Bartholomew Sholto qua những lúc phiên nào cũng như những hồi vui sướng, song chưa bao giờ tôi thấy ông ta có một gương mặt như thế cả.

Shelock Holmes cầm lấy cây đèn lần mò bước lên trước tiên, vì Thaddeus Sholto như đứng chết sững, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Tôi phải đỡ ông ta bước lên cầu thang: đôi chân không mang nổi thân ông. Hai lần trong lúc lên cầu thang, Holmes lấy kính lúp ra chăm chú quan sát mấy dấu vết nơi là mắt tôi chỉ thấy đơn thuần là những vết bùn để lại trên tấm thảm xơ dừa ở bậc cầu thang. Anh chậm chậm leo lên từng bậc một, đặt cây đèn dựa vào đôi chỗ, đưa mắt dò tìm quanh mình. Cô Morstan theo sau

chúng tôi, đi cạnh bà lão giúp việc.

Tầng lầu thứ ba đưa đến một hành lang khá dài; trên tường bên phải là một tấm thảm Ấn Độ rộng lớn; bên trái, ba cánh cửa nằm thẳng hàng. Chúng tôi nối gót ngay sau Holmes, anh bước tới từng bước chậm rãi, khoan thai. Bóng chúng tôi ngả dài phía sau. Cánh cửa thứ ba đúng là cánh cửa chúng tôi quan tâm đến. Holmes gõ nhưng không ai trả lời; anh quay tay nắm toan dùng sức mạnh mở nó. Nhích chiếc đèn lại gần, chúng tôi nhận thấy cánh cửa được cài then chắc chắn từ bên trong. Tuy nhiên, lúc tra chìa vào ổ khóa và quay trong chốt khóa, ta vẫn có được một kẽ hở nhỏ. Sherlock Holmes ngồi thụp xuống, dán mắt vào đấy, nhưng rồi đứng phắt ngay dậy, hơi thở như nghẹn lại.

- Trong ấy có cái gì ghê khiếp quá chừng - Anh bảo bằng một giọng chưa bao giờ nghe xúc động đến như thế - Anh nhìn đi, thế nghĩa là làm sao, anh Watson?

Đến lượt tôi ngồi xổm xuống trước ổ khóa, nhưng tôi giật lùi lại vì khiếp đảm. Vầng trăng chiếu vào căn phòng tia sáng mờ nhạt và lạnh lẽo. Tôi thấy rõ, nổi bật hẳn lên khỏi vùng tăm tối, một khuôn mặt tường như bồng bềnh trong không khí mà lại cứ nhìn chằm chặp vào mắt tôi. Quả thật ấy là bản sao nhận dạng của Thaddeus: cũng cái sọ cao và bóng loáng ấy, cũng cái vành tóc màu hung ấy, cũng nước da tái nhợt ấy... Nhưng đường nét trên khuôn mặt ấy nhấn nhúm lại với một nụ cười mỉm đến là khủng khiếp. Dưới ánh trăng, cái nhếch mép lạnh cứng ấy còn ghê sợ hơn bất cứ cái nhăn mặt nào. "Nó" trông giống hệt chân dung của người bạn chúng tôi đến nỗi tôi phải quay lại xem ông ta còn đứng đó không. Bấy giờ tôi mới sực nhớ ông ta có bảo hai người là anh em sinh đôi.

- Khiếp thật - Tôi nói khẽ - Làm gì bây giờ, anh Holmes?

- Phải phá cửa vào!

Nói xong, anh chạy bổ tới, lấy trọng lượng toàn thân đè lên ổ khóa. Cánh cửa nghiêng rít lên, kêu cọt két, nhưng vẫn không lay chuyển. Lần này chúng tôi cùng tấn công một lượt. Cánh cửa bật tung sau một tiếng rầm rắc ngắn ngủi, và chúng tôi bị ném tung vào phòng Bartholomew Sholto.

Người ta có thể nói đây là một phòng thí nghiệm. Hai hàng dài những lọ thủy tinh có vòng quấn xếp ngay ngắn sát tường đối diện cửa ra vào; một chiếc bàn ngổ ngang những đèn Bunsen, ống nghiệm và nồi cổ cong. Trong góc phòng còn có mấy chai phình bụng đựng acid; một chai chắc đã bị nứt dẫu sao thì nó cũng rỉ nước bởi ta thấy một chất nước màu đen thẩm loang ra, làm cho không khí trong phòng nặng một mùi nhựa đường đặc biệt. Trong một góc phòng, giữa đồng với gạch vụn, một chiếc thang ngắn được bắc lên lỗ hổng khoét trên trần, đủ rộng để một người có thể chui qua lọt. Ở chân thang xếp, ngổ ngang một đồng sợi thừng.

Cạnh bàn, Bartholomew ngồi lù lù trong chiếc ghế bành, đầu ngả trên vai trái và vẫn cái nụ cười bí hiểm ấy, tử thi đã lạnh cứng rồi. Cái chết chắc đã xảy ra cách đây mấy tiếng đồng hồ. Hình như những nét nhăn nheo lạ lùng trên gương mặt vẫn gập lại trên tứ chi và tạo cho cái xác kia một vẻ thật là quái đản. Trên bàn, trong tầm tay người chết, tôi trông thấy một dụng cụ kỳ quặc: một kiểu cán bằng gỗ nâu, ở đầu có buộc một viên đá, một cách sơ sài. Bên cạnh có một mẫu giấy rách viết nguệch ngoạc mấy chữ. Holmes liếc qua rồi đưa tôi xem.

- Đấy, anh thấy chưa - Anh thốt lên, nhướn mày trong một dáng điệu đầy ý nghĩa. Tôi đưa đèn lại gần và giật mình kinh hãi khi đọc thấy mấy chữ "Dấu Bộ Tứ".

- Trời đất! Tất cả những chuyện này nghĩa là thế nào? Tôi hỏi.

- Một vụ ám sát - Anh đáp, vừa nghiêng mình trên xác chết... - À, tôi biết ngay mà! Đây, anh xem đây...

Anh chỉ vào một cái gai đen dài ghim vào ngay bên trên vành tai nạn nhân.

- Trông giống cái gai quá - Tôi bảo.

- Thì đó là một cái gai mà. Anh có thể lấy nó ra. Nhưng coi chừng: nó có tẩm thuốc độc đấy.

Tôi kẹp nó giữa ngón cái và ngón trỏ, lấy ra rất dễ dàng, hầu như chẳng để lại dấu vết gì cả. Độc nhất chỉ một giọt máu nhỏ nơi bị đâm thoi.

- Tôi thấy bí ẩn này không giải nổi - Tôi nói - Thay vì sáng tỏ, mỗi lúc nó lại càng rối rắm thêm.

- Trái lại ấy chứ! - Holmes đáp - Nội vụ càng đơn giản hơn lên. Chỉ còn thiếu một vài chi tiết bổ sung thôi...

Từ lúc chúng tôi phá cửa vào, chúng tôi hầu như quên hẳn Thaddeus. Ông vẫn đứng ở ngưỡng cửa, đôi tay vịn lấy nhau, rên rỉ: đúng là hình ảnh sống động của nỗi kinh hoàng. Nhưng bỗng nhiên, một tiếng thét phần nộ buột khỏi mồm ông ta:

- Kho báu không còn ở đó nữa! - Ông thốt lên - Chúng nó đã đánh cắp kho báu rồi! Trên kia là lỗ hổng mà qua đó chúng tôi đã đem nó xuống. Tôi biết rõ mà. Chính tôi đã giúp anh ấy. Tôi là người cuối cùng được trông thấy kho báu ấy. Anh ấy ở trong phòng và tôi nghe rõ anh ấy cài chốt cửa sau lưng tôi mà.

- Lúc ấy là mấy giờ?

- Mười giờ. Thế mà bây giờ anh ấy đã chết. Rồi cảnh sát sẽ đến. Rồi tôi sẽ bị tình nghi, bị kết tội... Ôi, đúng thế mà, tôi biết chắc là như thế mà. Nhưng quý ngài không nghĩ rằng tôi lại có thể... chứ? Quý ngài không nghĩ rằng chính tôi đã.. phải không? Nếu có thể thì tôi đâu đưa các ngài đến đây làm gì, phải thế không ạ? Ôi trời đất ơi! Ôi trời đất ơi! Tôi phát điên lên mất! Tôi biết quá mà!

Ông ta khua tay, dậm chân. Một nỗi kinh hoàng cuồng sáng bao trùm ông ta.

- Ông không có gì phải hoảng sợ, ông Sholto ạ! - Holmes vừa từ tốn nói vừa đặt tay lên vai ông - Cứ nghe theo lời tôi khuyên đây. Ông hãy cho người đưa ông đến đồn cảnh sát. Hãy thuật lại vụ án mạng và đề nghị họ nhận sự giúp đỡ hợp tác của ông. Chúng tôi sẽ lưu lại đây chờ ông trở về.

Người đàn ông nhỏ bé ấy đồng ý, vẻ gần như thờ ơ, và chúng tôi nghe ông lần xuống cầu thang với bước chân lảo đảo.

Chương 6: Sherlock Holmes bắt đầu diễn giảng

- Anh Watson ạ, giờ đây chúng ta còn được nửa tiếng đồng hồ. Vấn đề là phải biết lợi dụng. Như tôi đã nói anh rõ, hồ sơ của tôi hầu như hoàn tất. Nhưng chúng ta chớ nên tin tưởng quá mà mắc phải sai lầm. Cho dù hiện nay nội vụ có vẻ đơn giản đến đâu chăng nữa, vẫn có thể còn nhiều uẩn khúc.

- Đơn giản à? - Tôi lớn tiếng hỏi.

- Hẳn là thế! - Anh đáp bằng giọng của một giáo sư y khoa giảng giải với đám sinh viên nội trú - Nhưng anh bạn hãy ngồi yên trong góc kia, kéo vệt chân anh lại làm cho công

chuyện thêm rắc rối. Nào, giờ ta hãy bắt tay vào việc đi chứ! Trước tiên, những người kia họ đến bằng cách nào? Cửa ra vào vẫn đóng từ tối hôm trước. Thế còn cửa sổ?

Anh dùng chiếc đèn lồng soi sáng cửa sổ, miệng thốt lên những nhận xét tuy bằng giọng nghe rõ ràng nhưng thật ra là tự nói với chính mình.

- Cửa sổ đóng từ bên trong. Khung cửa chắc. Không có bản lề ở một bên. Nào, ta mở thử xem. Quanh quất đây chẳng có ống máng nào. Từ đây, không thể nào leo lên mái được... Ấy thế mà một người đã leo lên bằng cửa sổ; đêm qua có mưa chút đỉnh, và đây, trên thành cửa sổ, ta thấy có dấu chân dính bùn. Còn kia lại có dấu đất bùn hình tròn. A, ta lại thấy dấu ấy trên sàn nhà, rồi cạnh chiếc bàn. Nhìn đây này, anh Watson ơi! Thật là một cuộc biểu diễn tuyệt đẹp.

Tôi cúi xuống nhìn dấu vết rõ nét hình dáng giống một cái đĩa.

- Đây không phải là dấu bàn chân - Tôi nói.

- Cái này còn chính xác và quý giá hơn thế nữa kia. Đây là dấu của một đầu chày bằng gỗ. Anh cứ nhìn lên thành cửa mà xem; đây là dấu chiếc giày ống nặng trĩu đế rộng có đóng đĩa; cạnh đó là dấu của chân kia, nhưng dấu này lại tròn.

- Đúng là người đàn ông chân gỗ.

- Đúng vậy. Nhưng còn một tên khác nữa, một kẻ đồng minh rất có khả năng và rất được việc. Này, anh xem thử nhé, anh có thể trèo qua hàng hiên kia không, bác sỹ?

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh trăng vẫn còn chiếu sáng đến phía này của ngôi nhà. Mặt đất ở bên dưới cách hơn 60 feet. Cho dầu có căng mắt ra nhìn, tôi cũng không thấy được một điểm tựa con con nào, hoặc một kẽ nứt nhỏ nào trong bức tường bằng gạch. Tôi lắc đầu bảo:

- Không tài nào được!

- Không tài nào được nếu chỉ có mình anh, đúng thế. Nhưng nếu anh có một người bạn ở cửa sổ này, và nếu bạn anh thông xuống cho anh sợi dây thừng to khỏe mà tôi trông thấy ở góc tường, sau khi đã buộc nó vào cái móc lớn kia, thì anh bảo sao? Tôi lại nghĩ rằng, trong trường hợp ấy, nếu anh có chút ít thể lực, anh có thể đu mình lên đến đây kể cả cái chân gỗ nữa. Và dĩ nhiên, anh rời khỏi chỗ này cũng bằng cách đó thôi. Sau đó, bạn anh sẽ rút dây lên, tháo ra khỏi móc, đóng và chốt cái cửa sổ lại từ bên trong và sau cùng ra đi bằng lối mà hán đã đến. Tôi xin bổ sung thêm một chi tiết phụ - Anh vừa tiếp tục diễn giảng vừa mân mê sợi dây thừng - Người bạn chân gỗ của ta, mặc dù là một tay leo trèo có hạng, nhưng không phải là một thủy thủ. Anh ta không có đôi tay chai sạn. Chiếc kính lúp của tôi có cho tôi thấy nhiều vết máu, nhất là ở đoạn cuối. Từ đó tôi suy ra là anh ta đã buông mình tuột xuống ở một tốc độ khiến đôi tay phải sưng da.

- Tất cả những điều ấy nghe ra thật là hay - Tôi nói - Nhưng câu chuyện lại càng khó hiểu hơn bao giờ hết. Kẻ đồng minh bí mật kia là ai? Hán đột nhập vào phòng này bằng cách nào?

- À phải rồi, kẻ đồng minh hử - Holmes nhắc lại, vẻ nghĩ ngợi - Chính gã đồng minh ấy sẽ đem đến cho chúng ta nhiều yếu tố lý thú đấy. Nhờ hán mà nội vụ đã vượt ra ngoài giới hạn bình thường. Tôi cho chính gã đồng minh này đã đưa một cái mồi mả vào biên niên hình sự của đất nước này. Tôi nhớ lại có những "ca" tương tự như thế đã xảy ra rồi, nhất là ở Ấn Độ, và nếu trí nhớ tôi còn tốt, thì ở cả Senegambia.

- Nhưng hán ta đến bằng cách nào? Tôi nài nỉ hỏi - Cửa ra vào thì bị cài then, cửa sổ lại không lên đến được. Bằng lối ống khói chẳng?

- Tấm lưới song sắt ở trên ấy quá hẹp - Anh đáp - Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng...

- Vâng, thế thì sao? Bằng lối nào?

- Thực tình anh không muốn áp dụng mấy nguyên tắc của tôi sao? Bao nhiêu lần tôi đã bảo với anh là sau khi đã gạt bỏ ra ngoài tất cả những trường hợp không thể nào xảy ra được, thì giả thiết còn lại, dầu là bấp bênh, thiếu cơ sở đến đâu chẳng nữa, cũng phải là giả thiết đúng đắn! Chúng ta biết rằng hắn ta không đến bằng cửa ra vào, không bằng cửa sổ, cũng không bằng ống khói. Ta cũng thừa biết rằng hắn không ẩn trốn trong phòng này, bởi vì phòng này không có chỗ nào có thể ẩn trốn cả. Thế thì hắn đã đến bằng lối nào?

- Bằng một lỗ hổng khoét trên mái nhà? - Tôi hỏi lớn.

- Tất nhiên rồi? Chỉ bằng lối đó thôi. Nếu anh vui lòng cầm hộ tôi chiếc đèn này, ta sẽ đẩy cuộc tìm kiếm lên mãi tận cái rầm thượng bí mật, nơi phát hiện ra kho báu.

Anh trèo lên thang xếp, tì bàn tay vào hai cây đà và đu mình lên rầm thượng. Lên đến nơi, anh nằm sấp sát xuống, với tay nắm lấy cây đèn để tôi có thể lên theo anh. Căn rầm thượng dài khoảng 10 feet, rộng 6 feet. Sàn rầm là mấy cây đà, và phải nhảy từ đà này qua đà khác nếu muốn di chuyển, vì ở giữa hai hàng đà chỉ là những tấm lách mỏng manh mà thôi. Mái rầm vươn lên thành góc nhọn – dĩ nhiên là chỉ mặt bên trong của cái mái nhà thật. Căn rầm hoàn toàn trống trơn. Bụi đóng thành lớp dày trên sàn.

- Đây rồi - Holmes nói, tay đặt lên bức tường dốc nghiêng - Đây là cái cửa chống mở ra trên mái nhà. Tôi có thể đẩy nó lên. Mái nhà hiện ra để dốc thoải xuống. Đây là con đường mà theo đó tên số một đã đi vào. Ta hãy thử xem còn có thể tìm thấy dấu vết gì khác giúp ta nhận diện hắn nữa không.

Anh đưa đèn lại gần sàn, và đây là lần thứ hai trong cùng đêm ấy, tôi thấy gương mặt anh thoáng vẻ ngạc nhiên trái ý. Đưa mắt theo hướng anh ta nhìn, tôi thấy nổi gai ốc dưới làn vải áo quần. Vì sàn rầm đầy dấu chân trần trông rõ cả hình thù, nhưng không lớn quá nửa dấu chân bình thường.

- Anh Holmes à - Tôi bảo thầm - Một đứa bé có thể làm được một chuyện khủng khiếp như thế chẳng?

Anh lấy lại được tự chủ ngay.

- Lúc đầu tôi có ngạc nhiên thật. Tuy nhiên, chuyện này không có gì là lạ lùng đâu. Trong phút chốc trí nhớ tôi bỗng sút kém hẳn đi, bởi vì lẽ ra tôi đã phải dự kiến sự việc này rồi. Ta chẳng còn có gì để phát hiện ra trên đây nữa. Ta xuống đi.

- Vậy thì về mấy dấu chân ấy, thuyết của anh như thế nào? - Tôi cất tiếng hỏi khi chúng tôi đã trở xuống căn phòng bên dưới.

- Anh bạn Watson thân mến của tôi ơi, anh thử tự phân tích một chút xem nào - anh nói với một thoáng nóng nảy – Anh thừa biết phương pháp của tôi rồi kia mà. Hãy áp dụng xem sao. Đối chiếu những kết quả của chúng ta kể ra cũng lý thú đấy chứ.

- Tôi chẳng nghĩ ra được bất cứ lối giải thích nào cho phù hợp với các sự kiện đã xảy ra - Tôi đáp.

- Anh sẽ thấy mọi việc hiện ra rất rõ ràng - Anh ung dung đáp lại - Tôi nghĩ rằng ở đây chẳng còn gì quan trọng nữa, song tôi cũng xem lại cho chắc hơn.

Anh cúi kính lúp, lấy cây thước đo ra và bò khắp phòng, đo đạc, so sánh, xem xét, đưa cái mũi thính sát sàn nhà, đôi mắt chìm sâu trong hốc long lanh ánh xà cừ. Cử chỉ

của anh nhanh nhẹn, lẹ lẹ thoăn thoắt như của một con chó đánh hơi vết chân con mồi. Và tôi không thể không nảy ra cái ý nghĩ bậy bạ rằng anh ta rất có thể là một tên tội phạm vô cùng nguy hiểm nếu anh quay cái trí óc minh mẫn và cái nghị lực của anh chống lại luật pháp, thay vì sử dụng chúng để bảo vệ luật pháp. Vừa tiến hành công việc, anh vừa lẩm bẩm những câu gì khó hiểu. Sau cùng anh buông ra một tiếng reo khoan khoái nhẹ nhõm.

- Vận may ở với chúng ta rồi! Anh thốt lên - Bây giờ, có lẽ chúng ta chẳng còn gặp khó khăn nào nữa. "Tên số một" của chúng ta không may đã dẫm lên chất mộc du[1]. Ta có thể trông rõ vành bàn chân nhỏ bé của nó đây này, bên cạnh cái vũng nhầy nhụa hôi hám này. Cái bình chai phình bụng bị vỡ, anh hiểu ra rồi chứ? Và chất nước chứa bên trong chảy lênh láng ra ngoài.

- Thế thì sao? Tôi hỏi.

- Thế thì chúng ta đã bám nó được rồi, có thể thôi. Tôi được biết có một con chó nó có thể bám theo một mùi nào đó đến mãi tận cùng thế giới một cách rất là dai dẳng. Ta nắm được hần rồi: đây là điều có tính toán học chính xác chẳng kém gì quy tắc tam suất... À, mà tôi nghe xôn xao gì thế? À, chắc hẳn là các vị đại diện có tín nhiệm của luật pháp.

Từ bên dưới đưa lên những giọng nói ồn ào, những bước chân nặng nề vang dội; có tiếng cửa ra vào đóng rầm lại.

- Trước khi họ đến, anh hãy đặt bàn tay anh lên cánh tay kẻ khốn khổ này - Holmes nói

- Rồi bây giờ hãy đặt lên chân hắn đây. Anh cảm thấy gì nào?

- Các cơ bắp rắn chắc chẳng khác gì gỗ. Tôi đáp.

- Đúng thế. Chúng ở trong trạng thái co rút cực vượt hẳn tình trạng co rút bình thường do sự chết. Anh cứ thêm vào đấy cái nét mặt nhăn nhúm kia, cái nụ cười Hippocrates, cái nụ cười đanh ác, như cổ nhân thường gọi đi. Rồi anh rút ra được kết luận gì, bác sỹ?

- Chết vì một chất alkaloid thảo mộc cực mạnh - Tôi đáp không chút do dự - Một chất tương tự như mã tiền, nó gây nên chứng phong đòn gánh.

- Đó cũng là ý nghĩ đến với tôi ngay sau khi tôi thấy tình trạng co rút tột độ ở các cơ bắp mặt. Lúc bước vào phòng, tôi đã tìm ngay xem độc dược đã xâm nhập cơ thể bằng cách nào. Tôi đã phát hiện ra một cái gai, hoặc đã được đâm vào, hoặc đã được phóng tới da đầu, nhưng dầu sao, thì cũng không mạnh lắm! Anh cũng có thể nhận thấy rằng, nếu nạn nhân ngồi thẳng trong ghế bành thì phần bị trúng thương là phần đối diện với lỗ hồng khoét trên trần nhà. Bây giờ, đề nghị anh hãy xem kỹ cái gai này.

Tôi cẩn thận đón lấy cái gai và quan sát nó dưới ánh chiếc đèn lồng. Cái gai dài, đen, nhọn; mũi gai như có phết sơn, như có chất nhựa khô quánh ở đó. Mũi gai cùn đã được gọt chuốt lại bằng dao.

- Đây có phải là một thứ gai ta có thể tìm thấy ở nước Anh không - Anh hỏi.

- Không, chắc chắn là không!

- Thế thì, với những dữ kiện đó, anh có thể rút ra một vài suy diễn đúng đắn rồi. Nhưng các viên chức đã đến đây rồi. Lực lượng phụ trợ có thể trở kèn rút lui rồi đây.

Holmes vừa nói đến đây, thì trong hành lang có tiếng bước chân khua vang, và một người đàn ông lùn mập, nước da đỏ tươi, vạm vỡ, mặc bộ com-lê màu xám, nặng nề bước vào phòng. Ông ta có khuôn mặt béo phì, đôi mi mắt húp lại, cặp mắt rất nhỏ nhấp nháy ném ra một tia nhìn sắc sảo. Nổi gót ông ta là viên thanh tra mặc đồng phục

và Thaddeus Sholto, về mặt vẫn còn tỏ ra xúc động.

- Trời đất! Vụ gì mà rắc rối đến thế này nhỉ? Người đàn ông to béo thốt lên, giọng ồ ồ, khản đục. À vâng, một câu chuyện hay đấy! À, mà mấy người này là ai thế này? Nói thật đấy, nhà gì mà ngổn ngang bừa bãi tựa như cái hang thế này.

- Tôi nghĩ là ngài có thể nhận ra tôi, thưa ngài Athelney Jones - Holmes điềm nhiên nói.

- À vâng, hẳn thế rồi - ông đáp, giọng hỗn hển – Ngài Sherlock Holmes, nhà lý thuyết đại tài. Nhận ra ngài à? Tôi không bao giờ quên buổi thuyết trình nhỏ của ngài về những nguyên nhân, suy diễn kết quả trong vụ viên ngọc Bishopgate. Nói đúng ra thì ngài đã đặt chúng ta lên con đường đúng đắn. Nhưng bây giờ thì ngài cũng chấp nhận rằng đó chẳng qua là do ngẫu nhiên hơn là kết quả của một sự phát hiện đích thực.

- Chỉ cần một lối lập luận rất đơn giản thôi.

-Ồ thôi đi, tôi xin ngài. Chẳng có gì xấu hổ phải chấp nhận sự thật cả. Nhưng còn vụ này? Một vụ hóc búa đây. Một vụ rắc rối, phải thế không ạ? Đề nghị chỉ đưa ra những sự kiện chính xác thôi, và chớ lý thuyết dài dòng, ngài đồng ý thế chứ? Cũng may là tôi có mặt ở Norwood trong một vụ án khác. Tôi đang ở Sở cảnh sát thì nhận được tin về vụ án này. Theo ngài, nạn nhân chết vì nguyên nhân gì?

-Ồ! Trong vụ án này chẳng có chỗ nào dành cho lý thuyết suông đâu - Holmes nói sáng giọng.

- Không, không đâu. Nhưng dù sao, người ta không thể phủ nhận rằng đôi khi ngài cũng đánh đúng chỗ. Trời! Cửa ra vào có cài then, người ta bảo với tôi như thế. Một số báu vật trị giá nửa triệu biến mất. Thế còn cửa sổ thì sao?

- Đóng từ bên trong; nhưng có dấu chân trên thành cửa.

- À vâng. Nhưng nếu cửa sổ đóng, dấu chân không dính dáng gì đến câu chuyện cả. Đây chỉ là một vấn đề thường tình thôi. Nạn nhân có thể chết vì chứng động tim; thế mà báu vật lại mất. À, tôi nghĩ ra rồi, đôi khi tôi lại nảy ra những ý nghĩ tài tình như vậy đó. Bây giờ xin ông thanh tra cho tôi nói chuyện riêng, ông Sholto cũng thế. Ông bạn của ngài có thể ở lại đây, ngài Holmes ạ. Xin ngài cho tôi biết ngài nghĩ gì về sự việc như sau: Sholto tự mình đã thú nhận đêm qua có ở cùng với người anh. Người này chết vì chứng động tim, và Sholto ra đi với kho báu vật. Sao, ý kiến ngài thế nào?

- Sau đó, người chết vì sợ cảm lạnh, nên đã dùng cài chốt cửa lại chứ gì?

- Hừm! Có một kẻ hờ đấy. Nào, ta hãy thử dùng chút ít lý trí thông thường xem sao. Cái ông Thaddeus kia có ở với người anh; và có xảy ra cuộc cãi vã. Chuyện đó, ta đều biết. Người anh chết, báu vật biến mất. Điều đó, ta cũng đã biết. Không ai gặp người anh từ khi Thaddeus ra đi. Chấn nệm trên giường vẫn y nguyên: như thế là nạn nhân đã không đi nằm. Mặt khác, Thaddeus rõ ràng ở trong một tâm trạng giao động. Ông ấy, nào, ta cứ nói thẳng ra là ít thiện cảm. Quý vị chắc thấy tôi đang dệt mạng lưới của tôi. Lưới siết chặt quanh ông ta.

- Ngài chưa nắm vững hoàn toàn các sự kiện - Holmes nói - Cái dầm gỗ kia, mà tôi có đủ lý do để tin rằng nó bị tẩm độc, đã ghim vào đa đầu nạn nhân; dấu vết vẫn còn đấy. Tấm thiếp kia, với dòng chữ mà ngài có thể trông thấy, được đặt trên bàn bên cạnh cái dụng cụ kỳ lạ gồm một cái cán và một viên đá. Làm sao những điều này có thể ứng hợp với lý luận của ngài được.

- Trái lại đấy chứ? Mỗi một chi tiết trong lý luận của tôi đã được xác nhận là đúng khác. Nhà thám tử cãi lại giọng huênh hoang - Ngôi nhà thì đầy rẫy những vật lạ từ Ấn Độ.

Thaddeus có thể mang lại cái dụng cụ kia. Và ông ta cũng có thể như bất cứ như một người nào khác, sử dụng dầm gỗ ấy vào mục đích sát nhân, nếu nó có dấu vết bị tẩm độc. Còn tấm thiếp nọ chỉ là một mảnh khốe, có lẽ để đánh lạc hướng. Còn lại một câu hỏi duy nhất: ông ấy ra đi bằng cách nào? À, dĩ nhiên! Trên trần nhà có một lỗ hổng.

Ông nhảy tốt lên chiếc thang, với một tốc độ khiến phải kinh ngạc đối với một người to béo như ông, và tìm đường lên qua lỗ hổng. Đoạn, chúng tôi nghe ông loan báo giọng đắc thắng: ông đã tìm thấy cái cửa trống trở lên mái nhà.

- Ông ta có thể phát hiện ra điều gì đó rồi. Holmes vừa nhận xét vừa nhún vai. Đôi khi ông ta nảy sinh ra những tia thông minh. Thật chẳng có kẻ ngu xuẩn nào lại rầy rà hơn những kẻ tưởng mình là có đầu óc thông minh.

- Đấy ngài xem! Athelney Jones vừa bước xuống mấy nấc thang xếp vừa nói - Dầu sao thì sự kiện vẫn giá trị hơn lý luận suông. Ý kiến của tôi về vụ án này được củng cố vững chắc rồi đấy. Có một ô cửa chống trên mái mà ai đó đã mở nó ra rồi.

Chính tôi đã mở nó ra đấy.

- À, thế ra ngài cũng để ý đến nó à? Ông nói, giọng hạ thấp - dầu sao chẳng nữa điều này cho ta thấy ông bạn của chúng ta đã đi ra bằng cách nào. Ông Thanh tra!

- Thưa ông, có tôi - Một giọng đáp trong hành lang.

- Mời ông Sholto vào đây.

- Này ông Sholto, tôi có bốn phạm báo ông biết rằng những điều ông sắp nói ra đây có thể chống lại ông đấy. Nhân danh nữ hoàng nước Anh, tôi bắt ông, vì có liên can trong vụ án mạng người anh của ông.

- Đấy quý vị thấy không! Tôi đã chẳng nói trước chuyện này với quý vị rồi đó sao? Người đàn ông khốn khổ đưa tay thốt lên với chúng tôi như vậy.

- Xin ông đừng lo, ông Sholto ạ! - Holmes nói - Tôi xin hứa với ông là tôi sẽ mang lại bằng chứng về sự vô tội của ông.

- Chớ hứa hẹn nhiều quá đấy, hỡi ngài lý thuyết gia của tôi - Viên thám tử nhà nước cắt ngang, giọng đanh thép - Đừng hứa hẹn nhiều quá, kéo lại gặp nhiều khó khăn hơn ngài tưởng khi phải giữ đúng những cam kết của mình đấy.

- Chẳng những tôi sẽ xóa tan mọi ngờ vực cho ông ta, thưa ngài Jones, mà ngay bây giờ, tôi biếu ngài một món quà: tên họ và nhân dạng của một trong hai người đã đột nhập vào đây đêm qua. Tôi có đủ lý do tin rằng hắn tên là Jonathan Small. Đó là một gã ít học, thấp người, lanh lẹ, cụt mất chân phải; gã mang chân gỗ mà mặt trong đã bị mòn. Chiếc giày ống bên trái có đế dày, vuông và đóng con đinh sắt. Hắn là một tên cự u tù, tuổi trung bình, nước da nâu rất sẫm. Mấy chi tiết này chắc sẽ giúp ngài rất nhiều. Tôi cũng nói thêm là lòng bàn tay hắn rướm máu. Còn tên kia thì...

- À, tên kia? - Jones vừa cất tiếng hỏi vừa cười mỉa.

Dầu sao rõ ràng là cung cách ăn nói chính xác của Holmes cũng khiến ông ta có phần nao núng.

- Hắn ta là một nhân vật khá kỳ quặc. Bạn tôi vừa nói vừa quay gót đi - Tôi mong có thể trình diện với quý vị cả hai tên trong chẳng bao lâu nữa đâu Anh Watson à, tôi có chuyện muốn nói với anh.

Anh ta dắt tôi ra cầu thang và thì thầm:

- Cái biến cố đột xuất này đã làm chúng ta quên băng đi mất cái lý do đầu tiên của chuyến đi.

- Tôi cũng đang nghĩ thế đấy - Tôi đáp - Không nên để cô Morstan ở mãi trong ngôi

nhà khốn khổ này.

- Không. Anh sẽ đưa cô ấy về. Cô ta ngụ tại nhà bà Cecil Forrester, Hạ Camberwell, không xa lắm đâu. Tôi sẽ chờ anh ở đây nếu anh muốn trở lại. Nhưng có lẽ anh mệt quá chăng?

- Hoàn toàn không. Tôi không tài nào nghỉ ngơi gì được trước khi được biết thêm về vụ án quái gở này. Tôi đã biết cuộc đời qua một số tình huống mà không phải là những tình huống đẹp đẽ đâu nhé! Nhưng xin thề với anh là những sự cố đột biến liên tiếp nhau như thế này đã làm cho cân não tôi quy gục. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn cùng anh đi đến cùng, vì nghĩ ra thì tôi cũng đã đi khá xa rồi.

- Sự hiện diện của anh giúp đỡ tôi rất nhiều - Anh đáp – Ta cứ để anh chàng Jones kia thỏa mãn với những quả bong bóng mà anh chàng tưởng là đèn lồng, và ta sẽ làm việc riêng. Tôi nhờ anh đi đến nhà số 3, hẻm Pinchin, khu Lambeth, ngay trên bờ sông, sau khi anh đã đưa cô Morstan về nhà. Căn nhà thứ ba về bên phải là nhà của một người nhồi rơm chim giả. Tên anh ta là Sherman. Đến đấy anh sẽ thấy ở cửa sổ một con chồn cái ngoạm chú thỏ. Cho tôi nhắn gởi lời chào thân ái nhất đến anh bạn già Sherman ấy và bảo anh ấy tôi cần chú Toby ngay. Khi về, anh mang nó theo trong xe.

- Một con chó, chắc thế?

- Đúng thế. Một con chó lai hiếm có được thiên nhiên phú cho một thánh giác lạ lùng. Có sự giúp đỡ của Toby còn hơn cả sự tiếp tay của cả lực lượng Cảnh sát ở London.

- Được thôi, tôi sẽ mang Toby về cho anh... Bây giờ là 1 giờ sáng! Tôi sẽ trở về trước 3 giờ nếu tôi có thể thay ngựa.

- Còn tôi - Holmes bảo - Tôi sẽ xem có thể rút ra được gì phía bà lão Bernstone và anh gia nhân người Ấn. Anh này ngủ trong gác nhỏ bên cạnh, ông Thaddeus có bảo tôi thế. Rồi tôi sẽ nghiên cứu phương pháp của Jones, nhà thám tử vĩ đại, bằng cách lắng nghe những câu chua chát thiếu tế nhị của ông ấy.

"Người ta thường chế diễu những điều mà người ta không hiểu."[2]

Quả thật, thi hào Goethe luôn luôn vẫn tràn trề nhựa sống.

Chương 7: Câu chuyện chiếc thùng tô-nô

Cảnh sát có đưa đến một chiếc xe; tôi dùng xe đó đưa cô Morstan về nhà.

Theo cung cách thật là dễ thương của giới phụ nữ, mãi đến lúc này, nàng đã chịu đựng tất cả trong khoảng thời gian dài cần thiết để an ủi người yếu đuối hơn nàng. Tôi đã thấy nàng vẫn điềm tĩnh và tươi cười bên cạnh bà lão giúp việc chưa hoàn hồn sau nỗi kinh hãi. Nhưng lúc ngồi vào xe, nàng kiệt sức và òa lên khóc, bởi những sự cố xảy ra trong đêm đã kích động đến nàng quá độ. Nàng bảo tôi từ lúc nàng thấy tôi lạnh lùng và xa cách trong chuyến đi này thì... ấy thế mà nàng đâu có hay trong tim tôi cuộc chiến đấu đã xảy ra như thế nào đâu! Và tôi đã cố gắng ra sao mới dần lòng được. Tình cảm yêu thương của tôi dồn về nàng, y như hồi nào, trong vườn, tay tôi tìm kiếm tay nàng. Biết bao năm quen sống theo quy ước che dấu bản chất dịu dàng và dịu cảm của nàng cho bằng mấy tiếng đồng hồ kỳ diệu đó. Tuy nhiên những ngôn từ âu yếm không thoát khỏi miệng tôi: hai suy nghĩ buộc tôi phải cầm nín. Trước hết là nàng yếu đuối, không người che chở, tâm trí lại hoang mang lạc lõng. Vào một lúc như thế này mà áp

đặt cho nàng mối tình của tôi liệu có đứng đắn không? Mặt khác, nàng lại giàu! Nếu công cuộc truy tìm của Holmes đem lại kết quả nàng sẽ là người thừa kế được mọi người ganh tị. Trong hoàn cảnh đó, một bác sỹ phẫu thuật hưởng nửa lương nhân một sự ngẫu nhiên lại đi lợi dụng một mối quan hệ thân mật như thế này thì có công bằng, vinh dự gì cho tôi không? Biết đâu nàng lại không xem tôi chỉ là một tay phiêu lưu hạ cấp? Chỉ một ý trong đó mà thoáng qua đầu óc nàng cũng đủ khiến tôi không chịu nổi. Giữa nàng và tôi, sừng sững một chướng ngại không tài nào vượt qua nổi: kho báu Argá.

Chúng tôi đến nhà bà Cecil Forrester khoảng 2 giờ sáng. Gia nhân đã đi nghỉ từ lâu, nhưng bức thư cô Morstan nhận được đã gọi trí tò mò của bà nên bà vẫn còn thức. Bà tự ra mở cửa cho chúng tôi. Đó là một phụ nữ duyên dáng đứng tuổi; bà tiếp đón cô gái bằng giọng đầm thắm như giữa mẹ và con, bà âu yếm đưa tay choàng lấy thân nàng. Tôi thích thú nhận ra rằng nàng không đơn thuần chỉ là cô quản gia hưởng lương, mà còn là một người bạn được bà chủ trọng nể. Tôi được giới thiệu, và ngay sau đó, bà Forrester mời tôi vào và yêu cầu thuật lại những chuyện phiêu lưu của chúng tôi. Tôi giải thích rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ của tôi và hứa sẽ thông báo với bà những tiến triển chúng tôi đạt được. Cỗ xe lăn bánh xa dần, tôi ngoảnh lại nhìn theo hai người. Dường như tôi vẫn còn trông rõ dưới cửa hiên dáng hai người quán quýt lấy nhau, cửa ra vào hé mở, ánh đèn ló vào chiếu qua khung kính màu, chiếc phong vũ biểu và lan can cầu thang bóng loáng. Hình ảnh ấy, dẫu chỉ thoáng qua, của mọi nội thất yên tĩnh của một gia đình người Anh cũng đem đến cho tôi những phút ấm áp, dễ chịu trong lúc đang

vướng vào vụ án âm u này.

Vả chăng, càng suy nghĩ tôi lại thấy nó càng phức tạp. Tôi điểm lại các sự cố theo thứ tự thời gian của chúng. Về những gì có liên hệ đến bài toán lúc ban đầu, bây giờ khá rõ ràng rồi. Cái chết của đại úy Morstan, việc gửi những viên ngọc, mục rao vặt trên báo, lá thư, đó là một số chi tiết đã phảng ra được rồi. Tuy nhiên chúng tôi lại bị đưa đến một bí hiểm: sâu sắc hơn và bi thiết hơn. Cái kho báu Ấn Độ, tám bản đồ kỳ quặc tìm thấy trong hành lý của đại úy, việc thiếu tá Sholto xuất hiện vào lúc đại úy Morstan chết, việc tìm thấy lại kho báu tiếp liền theo sau

là án mạng của người tìm ra nó, những hoàn cảnh thật lạ lùng bao quanh tội phạm này, dấu chân, vũ khí chưa từng thấy, mấy chữ trên mảnh giấy phù hợp với tám bản đồ của viên đại úy, toàn là những sự kiện mà một người kém thiên tư hơn Sherlock Holmes không thể giải đoán ra nổi.

Hẻm Pinchin vốn là một dãy những ngôi nhà gạch hai tầng xập xệ, nằm gần cuối khu Lambeth. Tôi phải đập cửa khá lâu ở căn số ba mới có kết quả. Ánh ngọn nến rồi cũng lọt qua ô cửa kéo và một khuôn mặt nhìn qua cửa sổ bên trên.

- Thôi, thôi đi, tên bọm bãi, chẳng có gì đâu! - Một giọng thét âm lên. Nếu cậu không ngừng đập phá ta sẽ thả 43 con chó của ta cắn cậu đấy.

- Đó chính là điều tôi tìm kiếm đấy ạ. Nếu bác chịu thả một chú ra thì...

- Thôi xéo đi nơi khác, cha ơi! Giọng ấy đáp lại - Ta có sẵn đây một mảnh gang ngon lành lắm, quý tha ma bắt ta nếu ta không ném nó lên đầu anh.

- Nhưng tôi cần một con chó - Tôi la lớn.

- Thôi, không nói dông dài - Ông Sherman thét lên - Cút đi không nào? Ta đếm đến ba và ta quăng mảnh gang xuống đó...

- Dạ, ông Sherlock Holmes... - Tôi lên tiếng.

Cái tên đó có tác dụng đến là thần kỳ. Cửa sổ đóng lại ngay, có tiếng rút then cài và cửa mở ra ngay trong chốc lát...

Ông Sherman là một ông lão cao lêu nghêu, đôi vai buông tuồng, cổ gân guốc, mắt đeo kính màu xanh lơ.

- Bạn bè của ông Sherlock Holmes luôn luôn được hoan nghênh? Ông nói - Mời ông vào đi. Đừng đến gần con chồn xù ấy, nó cắn đấy. Ái chà, dữ quá ha! Mà muốn bắt ông đây, hả?

Câu nói sau này dành cho chú chồn trắng đang thò cái đầu thềm thường với cặp mắt đỏ ngầu qua chấn song chuồng.

- Đừng bận tâm đến con kia! - Ông lão nói tiếp - Đó chỉ là con thần lẩn thôi, nó không có nhanh đâu, lão cho nó tự do để bắt bọ rầy. Xin đừng để tâm giận nếu lúc nãy lão tiếp không được đằng hoàng lắm. Với đám trẻ con xóm này lão như là cái gai và chúng nó thường đến quấy rầy lão. Ông Sherlock Holmes cần gì nào?

- Một trong những con chó của bác.

- Toby chứ gì, phải không nào?

- Vâng, đúng là con Toby đấy ạ.

- Nó ở số 7, đây này, bên trái đấy.

Nâng cao ngọn đèn cày lên, ông lão từ từ bước lên giữa đám thú mà ông đã tập trung quanh mình. Dưới ánh lửa mập mờ nháy múa của ngọn đèn, xuyên qua khe hở hoặc từ một xó xỉnh nào đó, những cặp mắt tinh anh chăm chăm nhìn chúng

tôi. Ngay cả những cây xà ngang trên đầu chúng tôi cũng được trang hoàng bằng những chú chim bị quấy rầy trong giấc ngủ, chúng đổi thế đứng từ chân này qua chân kia với dáng oai vệ uể oải.

Chú Toby quả thật là xấu tướng: Đôi tai buông thòng, lông thì dài, dáng đi núng nính trông chẳng được mắt tí nào! Nửa là giống chó xù, nửa là giống béc-giê, với bộ lông trắng pha hung. Sau một hồi do dự, Toby cũng chấp nhận mẩu đường mà nhà tự nhiên học già nua đã trao cho tôi. Và sau khi đã kết thúc thỏa ước, nó theo tôi ra xe và chẳng gây khó dễ gì. Đồng hồ Hoàng cung đổ ba tiếng khi tôi về lại biệt trang Pondicherry. Tôi được biết là McMurdo đã bị bắt vì tội đồng lõa, cả ông Sholto lẫn y đã được đưa đến Sở cảnh sát. Hai cảnh sát viên đang giữ lối ra vào chật hẹp, nhưng họ để tôi qua cùng với con chó khi tôi nêu tên nhà thám tử.

Holmes đứng dưới vòm cửa miệng phì phèo ống điều tay hút túi quần.

- A! Anh đã đưa nó đến đấy à? - Anh nói - Một chú chó khôn đấy! Anh chàng Athelney Jones đã đi rồi. Lúc anh vừa ra khỏi đây, đã diễn ra một cảnh náo nhiệt sôi nổi ghê khiếp thật. Anh ta ra lệnh bắt chẳng những ông bạn Thaddeus của chúng ta, mà cả người gác cửa, bà quản gia và anh gia nhân người Ấn. Giờ đây chúng ta tha hồ hành động, chỉ còn một nhân viên cảnh sát trên kia thôi. Ta để con chó dưới này và lên đó.

Tôi buộc con chó vào chiếc bàn ở lối ra vào và bước theo anh. Căn phòng vẫn y nguyên như lúc chúng tôi rời khỏi, ngoài một tấm khăn trải giường đã được phủ lên mình nạn nhân. Một viên đội cảnh sát vẻ mệt mỏi đứng tựa vào góc tường.

Trung sĩ làm ơn cho tôi mượn chiếc đèn lồng của anh một tí - Bạn tôi nói - Bây giờ, nhờ anh buộc nó vào cổ tôi bằng đoạn dây này để nó đóng đưa trước ngực tôi. Cám ơn. Tôi chỉ còn phải tháo giày và gỡ bít tất ra. Nhờ anh bạn Watson đem hộ xuống dưới. Tôi sắp sửa phải leo trèo đây. Nhúng giùm chiếc khăn tay tôi vào chất mộc du.

Tốt lắm. Bây giờ mời anh lên với tôi trên rầm thượng trong chốc lát.

Chúng tôi đi mình lên qua lỗ hồng. Holmes xích ngọn đèn lại gần dấu chân trong lớp bụi một lần nữa.

- Phiên anh hãy xem kỹ những dấu vết này - anh nói – anh có nhận thấy có gì đáng chú ý không?

- Những dấu vết này là của một đứa bé hoặc của một người đàn bà nhỏ con - Tôi bảo.

- Nhưng ngoài tầm vóc ra? Chẳng còn gì khác nữa sao?

- Thì chúng vẫn giống bất cứ dấu chân nào khác thôi.

- Tuyệt nhiên không phải thế đâu! Anh cứ xem kỹ vào đây này! Đây là dấu bàn chân phải. Bây giờ tôi in bàn chân tôi vào lớp bụi, bên cạnh đấy nhé. Anh thấy có gì khác biệt sâu sắc không nào?

- Những ngón chân của anh thì dính chặt vào nhau. Còn ở dấu chân kia thì những ngón chân lại tách rời nhau một cách rõ rệt.

- Đúng thế đấy. Đó là điều chủ yếu? Anh hãy nhớ lấy nhé. Bây giờ, anh vui lòng đến gần bên cửa sổ kia và ngửi ở bậc cửa xem. Tôi phải đứng đây vì chiếc khăn tôi đang nắm có thể làm mất mùi.

Tôi làm theo lời anh yêu cầu, và tôi nhận ra ngay mùi dầu hắc rất nặng.

- Vậy chính tại nơi đó hắc ta đã đặt chân khi đi ra. Nếu anh có thể đánh hơi được dấu vết của hắc, thì chú Toby sẽ chẳng gặp phải khó khăn gì. Bây giờ, anh xuống đi; thả chó ra và đến mà xem vận động viên nhào lộn biểu diễn.

Tôi vừa bước ra đến vườn thì Sherlock Holmes đã lên được mái nhà, và tôi có thể nhìn theo anh đang bò chầm chậm dọc theo nóc nhà - hết một con sâu khổng lồ bóng loáng. Có lúc anh mất hút sau hàng cột ống khói, nhưng sau đó lại hiện ra để rồi biến mất ở phía bên kia. Tôi đi vòng quanh khu nhà và thấy anh ngồi ở mép góc mái nhà.

- Anh đấy hả, Watson? Anh hỏi lớn.

- Vâng, tôi đây.

- Tôi đã tìm ra chỗ kia rồi. Thế còn cái khối đen ngòm ngay bên dưới là gì thế?

- Cái thùng tô-nô đựng nước.

- Có cái nắp đậy bên trên chứ?

- Vâng.

- Không thấy dấu vết cái thang sao?

- Không.

- Con người cừ khôi thật? Cả một đoạn đường khiến ta phải gầy cổ đến cả vài chục lần chứ chẳng chơi. Nhưng tôi phải tìm cách leo xuống theo đúng lối mà hắc đã leo lên. Dầu sao, cứ thử xem!

Tôi nghe có tiếng bàn chân xát vào nhau, và chiếc đèn lồng bắt đầu hạ thấp từ từ theo bức tường. Rồi bằng một cái nhảy nhẹ nhàng, anh đáp xuống mặt thùng, rồi nhảy xuống đất luôn.

- Tìm ra dấu vết cũng dễ thôi - Anh vừa nói vừa mang lại giày. - Những viên ngói bị xô dịch dọc theo đường hắc di chuyển. Trong lúc vội vàng, hắc đã đánh rơi vật này, nó xác nhận cách chẩn đoán của tôi, nói theo giọng nhà nghề bác sỹ của anh.

Vật anh đưa tôi xem trông giống một cái ví nhỏ hoặc một cái bao đạn đan bằng lác được sơn phết và trang điểm bằng mấy viên đá màu. Cứ trông hình dáng và kích thước, thì nó giống hộp đựng thuốc điều. Bên trong, có khoảng sáu bảy cây kim bằng gỗ sẫm, một đầu nhọn, đầu kia tròn. Cây kim đã giết Bartholomew trông cũng giống hết

như thế.

- Quả thật là những vũ khí hiểm độc? - Anh nói - Cần thận kéo chích vào tay đây. Tôi rất mừng được nắm giữ chúng trong tay, vì có lẽ đây là tất cả số dự trữ còn lại. Như vậy ta khỏi phải e ngại có kẻ nào trong chúng ta nhận lãnh một mũi vào da. Về phần tôi, tôi thích một viên đạn hơn. Anh có còn đủ phong độ để làm một chuyến đi mười cây số không, Watson?

- Hẳn nhiên - Tôi đáp.

- Chân anh có thể đi đến cùng chăng?

- Ô vâng.

- À, chào anh bạn, con chó của tôi. Khá lắm đấy, chú Toby? Đánh hơi đi nào. Hít mạnh lên nào, Toby!

Anh dí chiếc khăn tay tẩm đầy chất mộc du dưới mũi con Toby. Toby đứng yên, căng dang rộng, đầu nghiêng về một bên một cách thật buồn cười, như một tay sành đời đánh hơi mùi rượu quý. Sau đó, Holmes ném khăn tay ra xa, buộc một sợi dây thật chắc vào cổ chó, và dắt nó về phía thùng tô-nô. Lập tức, con chó rít lên một hồi ăng ẳng the the rồi chúi mũi xuống đất, đuôi vênh cao, lần theo đường hơi với một tốc độ chúng tôi khó lòng theo kịp, đầu đã bị buộc vào một đầu dây.

Phía đông, bầu trời dần dần bừng sáng và qua một khoảng ánh sáng xám lạnh, chúng tôi có thể trông rõ được khá xa. Ngôi nhà đồ sộ vuông vắn hiện ra sừng sững đằng sau chúng tôi, với những khung cửa sổ cao và trống rỗng cùng những hàng hiên trơ trụi. Con đường đưa chúng tôi thẳng qua một đám đất dọc ngang đầy hầm hố mà chúng tôi phải vượt qua. Với những mô đất, rải rác đây đó và những bụi cây khô cằn, biệt trang này đem một vẻ sâu thẳm bí ẩn rất phù hợp với tấm thảm kịch đang đồ ập lên nó.

Vừa đến chân tường rào, chú Toby vừa rào dọc theo, vừa lên tiếng rên ư ử nôn nóng trong bóng tối. Rồi sau cùng nó dừng lại ở một góc vườn, khuất dưới bóng cây dẻ. Ở góc hai bức tường, có nhiều viên gạch bị gỡ ra, tạo thành những bậc thang, chắc đã được dùng đến nhiều lần vì đã mòn nhẵn. Holmes leo lên đầu tường, bắt lấy con chó tôi chuyển cho anh, rồi buông nó xuống phía bên kia tường.

- Đây là dấu bàn tay của gã đàn ông có chân gỗ - Anh nhận xét, trong khi tôi leo theo anh lên đầu tường - anh có trông thấy những vết máu lờ mờ trên lớp vôi trắng kia không? Thật may là từ hôm qua đến nay không có trận mưa lớn nào! Mùi mộc du vẫn còn phảng phất trên đường dầu bọn chúng đã đi trước chúng ta những 28 tám tiếng đồng hồ rồi. Riêng tôi, tôi phải thú nhận rằng tôi vẫn còn ngờ vực.

Trên con đường trong thành phố London này biết bao xe cộ đã chạy qua trong khoảng thời gian đó. Song, mỗi hoài nghi của tôi cũng nhanh chóng tan biến đi. Không chút do dự, cũng không hề lệch hướng, chú Toby vẫn thông thả rào bước theo cung cách ưỡn ẹo nhún nhảy của nó; mùi mộc du vất vương quanh đây chắc lấn át tất cả những mùi khác đi.

- Anh chớ tưởng rằng - Holmes nói - Sự thành công của tôi là do ngẫu nhiên thuần túy; theo chúng ta đã thấy, một trong những tên kia đã bước chân vào chất mộc du. Bây giờ thì tôi biết khá nhiều cách để có thể tìm ra dấu vết của chúng. Cách này là cách dễ nhất, và tôi sẽ phạm sai lầm lớn nếu bỏ qua nó, vì dịp may đã đặt nó vào tay ta. Tuy nhiên, cũng vận may ấy làm cho nội vụ mất hẳn một vấn đề tri thức nho nhỏ khá lý thú mà lúc này nó suýt đặt ra cho tôi. Phải thú nhận rằng nếu không có vết chỉ dẫn quá hiển nhiên thế này thì chọc thủng được bí ẩn kia mới là công lao lớn!

- Nhưng chỗ công lao, mà rất nhiều công lao là đằng khác, là ở phương pháp anh lý giải nội vụ chứ! - Tôi nói - Nói thật với anh là trong vụ này tôi lại còn kinh ngạc hơn trong vụ Jefferson Hope nữa kia. Tôi thấy vụ này còn sâu sắc và khó giải hơn nữa kia. Chẳng hạn như làm sao anh lại có thể mô tả nhân dạng chỉ của gã đàn ông chân gỗ một cách tin tưởng chắc chắn như vậy?

- Thì có có gì đâu, đơn giản thôi, anh bạn tôi ơi! Nào tôi có kiếm cách làm trò ảo thuật gì đâu! Tất cả đều hiển nhiên rõ ràng, tất cả đều nằm trong các sự việc đã xảy ra thôi. Có hai sĩ quan trông coi một trại tù biết được một bí mật quan trọng liên quan đến một kho báu cất giấu đâu đó. Một người Anh tên Johnathan Small họa giúp cho hai người này tấm bản đồ. Xin anh nhớ lại là chúng ta đã đọc được tên này trên họa đồ tìm thấy trong mớ đồ đạc của đại úy Morstan. Johnathan Small đã nhân danh bản thân và nhân danh những người cộng sự ký tên vào tấm bản đồ: "Dấu Bộ Tứ", đó là chỉ danh hiệu có vẻ hơi khoa trương mà y đã chọn. Nhờ tấm họa đồ đó, hai sĩ quan kia, mà không chừng là một trong hai người thôi, đã đoạt lấy kho báu đưa về nước Anh, nhưng không làm đầy đủ ta hẳn cho là như thế đi, một số nghĩa vụ để đánh đổi lấy bức họa đồ đã được giao cho họ. Thế bây giờ còn câu hỏi này là tại sao đích thân Johnathan Small không đoạt lấy kho báu? Câu trả lời thật hiển nhiên. Bức họa đồ có từ thời Morstan có liên hệ với đám tù khổ sai. Johnathan Small không chiếm được kho báu vì cả y lẫn những cộng sự của y, tất cả đều là tù khổ sai, đã không thể đến nơi cất giấu để lấy.

- Nhưng đó đơn thuần chỉ là một giả thiết thôi.

- Ấy thế mà đó là giả thiết hiện nay ăn khớp với các sự kiện. Vậy đây là hơn cả giả thiết nữa đấy. Ta hãy thử xem giả thiết ấy có phù hợp với phần kế tiếp không. Này nhé, trong vài năm, thiếu tá Sholto sống trong bình yên hạnh phúc nhờ nắm giữ kho báu. Nhưng sau đó ông ta nhận được thư từ Ấn Độ gửi sang và lá thư này đã khiến ông kinh hoàng. Thế nội dung lá thư ấy như thế nào? Nó báo cho ông ta biết là những người mà ông ta phản bội đã được trả tự do, phải thế chẳng?

- Hay là chúng đã vượt ngục được? Tình huống này có thể đúng hơn, bởi vì ông biết rõ thời hạn lưu đầy của chúng, và, nếu chúng mãn hạn tù thì ông không lấy gì làm ngạc nhiên đâu. Giả thiết ngược lại ông ta sẽ làm gì? Tất nhiên là sẽ tìm cách để tự vệ. Có điều là ông ta sợ nhất là gã đàn ông chân gỗ: một người da trắng, xin anh nhớ kỹ cho điều này, bởi vì ông ta đã bắn lầm vào một nhân viên chào hàng người Anh!... Xong rồi nhé. Trên mặt này, chỉ còn lại một cái tên, mấy tên khác đều là Ấn Độ hoặc dân Hồi giáo. Bởi lẽ đó nên ta có thể quả quyết dứt

khoát là gã đàn ông chân gỗ và Johnathan Small chỉ là một mà thôi. Lối lập luận của tôi anh thấy có gì sai sót chăng?

- Không Nó rất sáng suốt và chính xác.

- Tốt. Thế bây giờ ta hãy thử đặt mình vào hoàn cảnh của Johnathan Small. Ta hãy nhìn sự việc diễn biến theo quan điểm của hắn ta. Hắn đến Anh quốc với hai mục đích: thu hồi lại những thứ mà hắn xem như là thuộc quyền sở hữu của hắn, và trả thù kẻ đã phản bội hắn. Hắn đã tìm ra nơi ẩn trốn ở của Sholto và rất có thể hắn đã làm quen với một ai đó trong nhà. Chẳng hạn như Lal Rao anh chàng đầu bếp nọ. Bà Bernstone đã mô tả anh chàng này với tôi bằng những lời lẽ không mấy tốt đẹp cho lắm. Tuy nhiên, Johnathan Small không tìm ra được nơi cất kho báu, vì chẳng ai biết được nơi ấy cả: chẳng ai cả, ngoại trừ viên thiếu tá và một gia nhân trung thành đã chết từ thuở ấy. Bỗng nhiên Small hay tin thiếu tá Sholto đang nằm trên giường chờ chết. Phát

hoảng bởi ý nghĩ là bí mật của kho báu có thể bị chôn vùi xuống mồ cùng với viên thiếu tá, Small lọt được qua vòng kiểm soát canh giữ của đám gia nhân và tìm cách đến cạnh cửa sổ mà bên trong viên thiếu tá đang hấp hối; chỉ vì sự hiện diện của hai người con nên hắn không đột nhập vào nhà được. Lòng căm thù đối với người chết khiến hắn nổi điên. Hắn đột nhập vào phòng trong đêm, lục lọi mớ giấy tờ bí mật với hy vọng phát hiện ra một tài liệu nào đó có liên quan đến kho báu. Sau cùng, hắn ghi lại vài chữ trên tấm thiệp để nhắc nhở cuộc viếng thăm của hắn. Chắc hẳn là hắn dự kiến rằng, nếu có phải hạ sát viên thiếu tá thì hắn để lại vết tích kiểu này chỉ cho thấy đây không phải là một vụ án mạng tầm thường, mà là một hành vi tái lập công lý, ít ra cũng là đứng trên quan điểm của bốn người cộng sự. Những ý nghĩ lạ lùng kỳ quặc như thế cũng khá thông thường trong các lịch sử "tội phạm" thường thì nó cho ta nhiều chỉ dẫn rất hữu ích về cá tính tên tội phạm. À, mà anh có theo tôi kịp không đấy?

- Rất tốt.

- Bây giờ thì Johnathan Small có thể làm gì nào? Y chỉ có thể tiếp tục một cách kín đáo những cố gắng để tìm ra kho báu. Có thể hẳn ta đã rời khỏi nước Anh để thỉnh thoảng trở về lại. Nhưng lại xảy ra việc phát hiện ra rằm thượng. Hắn được thông báo về việc này ngay lập tức. Một lần nữa, ta lại thấy có sự hiện diện của một kẻ đồng lõa ở hiện trường. Với cái chân gỗ, Johnathan không tài nào leo lên đến căn phòng quá cao của Bartholomew. Thế là hắn đem theo một tên đồng phạm khá bí mật, tên này có thể leo trèo dễ dàng nhưng lại dẫm chân trần vào chất mộc du. Do đó, mới nhờ đến chú Toby, và nhờ đến một bác sỹ hưởng nửa lương với gót chân bị hỏng phải khập khiễng đi dạo 6 dặm đường.

- Thế thì chính tên tông phạm, chứ không phải Johnathan đã phát khùng lên, nếu tôi cứ xét theo phong cách mà hẳn ta đã đi đi lại lại trong căn phòng khi đã vào được. Hẳn chẳng có thù oán gì với Bartholomew Sholto, có lẽ hẳn ta chỉ muốn nhét giẻ vào miệng và trói ông này lại. Thật tình thì anh chàng này chẳng muốn tự mắc dây thòng lọng vào cổ tí nào! Nhưng hẳn đã không thể ngăn ngừa những bản năng man rợ của tên tông phạm bùng ra; và sau đó thuốc độc đã có tác dụng. Thế là Johnathan để lại chữ ký của mình, đem kho báu xuống và thoát ra cũng bằng lối như trước. Đó là diễn biến các sự cố đã xảy ra mà tôi có thể giải đáp được. Còn nói về dáng đi của hẳn ta, thì chắc là hẳn cũng đã có tuổi và nước da khá sẫm vì phải thọ án trong một lò lửa như vùng Andaman. Còn tầm thước của hẳn thì tôi có thể tính ra dễ dàng theo chiều dài bước sải của hẳn, và ta cũng được biết là hẳn có để râu cằm. Bộ râu này là điều duy nhất khiến Thaddeus Sholto phải hoảng sợ khi trông thấy hẳn ở cửa sổ. Ngoài ra...

- Thế còn tên tông phạm?

-Ồ, chẳng có gì là bí ẩn cả? Nhưng rồi thì anh cũng sẽ biết thôi... Chà, không khí ban mai mới dịu mát làm sao? Kìa anh hãy nhìn lên xem đám mây nhỏ bé kia: nó bông bông trông tựa chiếc lông hồng nhô ra từ một con chim hồng hạc khổng lồ nào đó. Giờ đây, viền đỏ của đĩa mặt trời đang nhô ra khỏi lớp mây trùm lên thành phố London. Mảnh mặt trời nay chiếu sáng cho khá nhiều người đấy, nhưng chẳng có ai, tôi dám đánh cuộc như thế, lại nhận lãnh một sứ mạng lạ lùng như chúng ta! Chúng ta mới nhỏ bé làm sao, với những tham vọng thấp hèn cũng như những sức mạnh to lớn sơ khai của thiên nhiên. Sao, thế nào, anh đã tiến bộ gì trong việc nghiên cứu Jean Paul[1]?

- À cũng tạm. Tôi đã trở lại gặp ông ấy qua Carlyle[2].

- À, thế là lần theo con suối lên đến nguồn. Ông này đã nêu ra một nhận xét khá lạ

lòng song rất sâu sắc: bằng chứng đầu tiên về tầm vóc vĩ đại của con người là sự nhận thức về mức độ hèn kém của mình. Đây, anh thấy không, điều này hàm ngụ một khả năng so sánh và đánh giá mà chính tự bản thân nó cũng đã là một bằng chứng về tính cao quý của con người. Richter[3] khiến ta phải suy nghĩ nhiều đấy! Chắc là anh không có súng ngắn?

- Tôi có chiếc gậy.

- Có khả năng là ta sẽ cần dùng đến một dụng cụ đại loại như thế, nếu ta vào được tận hang ổ của chúng. Tôi giao Johnathan cho anh, còn tên kia, nếu có tỏ ra hung dữ, tôi sẽ hạ hắn ngay tại chỗ!

Vừa nói anh vừa lấy khẩu súng ngắn của mình ra, cho hai viên đạn vào rồi nhét lại trong túi áo vét bên phải.

Trong lúc đó, chú Toby hướng dẫn chúng tôi dọc theo những con lộ, hai bên là làng mạc đưa về London. Và giờ đây, chúng tôi đi vào những đường phố thật sự với đám phu bến tàu và công nhân đi đến nơi làm việc. Mấy bà nội trợ ăn mặc xuềnh xoàng mở những ô cửa kéo và quét bậc thang lối ra vào. Từ những quán rượu, người ta đã thấy bước ra những đám đàn ông dáng đi thô bạo, vừa đi vừa lấy tay áo quạt hàm râu sau chầu nhậu buổi sáng. Mấy con chó thả hơi lang thang ngạc nhiên nhìn chúng tôi nhưng Toby cứ bước lên tới trước chẳng ngó ngang ngó dọc, mũi chúi xuống đất, thỉnh thoảng lại rít lên báo hiệu một mùi mới đâu đây.

Chúng tôi đã băng qua khu Streatham, Brixton, Camberwell, và bây giờ chúng tôi đang ở khu hẻm Kennington; thế là chúng tôi đã đi qua những con đường ngang, về phía đông khu Oval. Những kẻ chúng tôi săn đuổi dường như đã dùng một lộ

trình ngoằn ngoèo quanh co, có lẽ là để tránh bị tìm ra. Không một lần nào chúng dùng con đường chính nếu có đường nhỏ song song. Đầu khu hẻm Kennington, chúng rẽ trái băng phố Bond và phố Miles. Chú Toby dừng lại nơi phố Miles, rẽ vào Quảng trường Hiệp sĩ. Rồi nó chạy lui chạy tới, một tai dựng lên, tai kia sụp xuống, đúng là hình ảnh của sự bất định ở loài chó? Sau cùng, nó lại rảo bước vòng quanh, thỉnh thoảng lại ngẩng đầu nhìn chúng tôi, như thể mong chúng tôi hiểu giùm cho nỗi bối rối của nó.

- Con chó mắc dịch này sao thế - Holmes cầu nhàu - Chắc chắn là chúng không dùng xe mà ít ra chúng cũng không cỡi khinh khí cầu rồi!

- Có lẽ chúng đã dừng lại đây trong chốc lát? - Tôi gợi ý.

- À được lắm: kìa nó lại bước đi tiếp! - Bạn tôi nói giọng nhẹ nhõm.

Thật thế, Toby lại tiếp tục lần theo dấu vết đánh hơi. Nó còn đi quanh thêm một vòng nữa, khịt khịt mũi, rồi bỗng tỏ ra quả quyết. Giờ đây nó phóng tới trước bằng một sức mạnh và quyết tâm mà trước đó nó chưa hề có. Mùi mộc du có vẻ rõ rệt hơn trước, bởi nó chẳng cần đánh hơi mặt đất. Nó giật mạnh dây xích lên và tìm cách chạy đi. Cứ nhìn ánh mắt sáng rỡ của Holmes là cũng có thể biết được rằng anh đang nghĩ là cuộc hành trình của chúng tôi sắp sửa chấm dứt.

Giờ đây lộ trình của chúng tôi dắt chúng tôi qua phố Nine Elms. Chúng tôi đến xưởng gỗ "Broderick và Nelson", nằm ngay sau quán rượu "White Eagle". Đến đó, chú chó dưới cơn kích động dữ dội, chạy bổ vào xưởng mộc bằng lối bên hông, nơi đây thợ cửa đã bắt tay vào việc rồi. Không ngừng kéo sợi dây xích lên, Toby chạy băng qua đồng mặt cửa và dầm bào, đâm bổ vào một lối đi, len lỏi giữa hai đồng gỗ. Sau cùng rít lên một tiếng đặc thủng, nó nhảy phốc lên cái thùng lớn đang còn nằm trên chiếc xe vừa mới đưa đến. Lưỡi thổng xuống, mắt long lanh, Toby ngồi chễm chệ trên nắp

thùng, nhìn chúng tôi hết người này qua người khác, rõ ràng muốn tìm một sự tán đồng ở chúng tôi. Ván thùng tô-nô và bánh xe của chiếc goòng được phết lên bằng một thứ nước đen ngòm, và bầu không khí quanh đó nồng nặc mùi mộc du.

Shelock Holmes và tôi nhìn nhau chững hững, rồi đột nhiên bật cười không sao nhịn được.

Chương 8: Nghĩa binh ở phố Baker

- Thế thì - Tôi hỏi - Toby đã nhầm lẫn?

- Nó đã làm đúng điều ta đòi hỏi nó - Holmes vừa nói vừa đưa con chó xuống khỏi thùng và kéo nó ra khỏi xường gỗ - Nếu anh chịu nghĩ đến lượng mộc du chuyên chở tại London trong một ngày, thì không có gì phải ngạc nhiên, nếu đường theo dấu vết của chúng ta bị tắc nghẽn. Hôm nay con đường này được sử dụng nhiều lắm. Chú Toby khốn khổ chẳng có gì đáng quở trách cả.

- Tôi nghĩ ta phải quay trở lại từ dấu vết thứ nhất thôi.

- Đúng thế. Cũng may là con đường không đến nỗi dài lắm. Điều đánh lạc hướng con chó ở góc Quảng trường Hiệp sĩ dĩ nhiên là do sự kiện hai con đường gặp nhau, đã gặp nhau rồi tách xa nhau về hướng đối nghịch. Chúng ta đã đi theo hướng sai. Giờ chỉ còn lần theo hướng kia thôi.

Việc này chẳng có gì khó khăn. Khi quay trở lại nơi nó đã lầm đường, Toby quanh một vòng tròn lớn rồi phóng theo hướng mới.

- Cần phải trông chừng sao cho nó không đưa ta đến địa điểm xuất phát của một cái thùng đựng mộc du khác - Tôi lưu ý.

- Vâng, tôi đã nghĩ đến điều đó. Nhưng anh cũng thấy rằng nó đứng yên trên lề đường trong khi có một chiếc xe chở mộc du mới chạy ngang qua. Không, anh Watson à, lần này thì ta đi đúng đường rồi.

Hướng này dẫn về phía sông, ngang qua Quảng trường Belmont và phố Hoàng tử. Khi đến cuối phố Broad, nó đâm thẳng xuống bờ sông, nơi có một khúc cầu nhỏ bằng gỗ. Toby dắt chúng ta đến đầu cầu, và cứ đứng đây rên ư ử trước dòng sông đen ngòm.

- Ta thật không may - Holmes nói - Bọn chúng đã tẩu thoát bằng tàu rồi.

Nhiều tàu và thuyền nhẹ bồng bềnh trên nước bên chiếc tàu gỗ. Chúng tôi dắt Toby đến từng chiếc một, nó ra sức đánh hơi nhưng chẳng có kết quả gì. Cách chiếc cầu tàu thô sơ không xa, có một ngôi nhà gạch nhỏ. Ở cửa sổ thứ hai trên một tấm biển gỗ trên có ghi hàng chữ lớn "Mordecai Smith" và bên dưới "Cho mượn tàu theo giờ hoặc ngày". Một tấm biển thứ hai treo bên cửa ra vào cho biết

căn nhà còn có thêm một chiếc thuyền máy chạy bằng hơi nước. Thật vậy, tôi thấy có một đồng than lớn cạnh cầu tàu. Holmes xem xét khu vực bằng cái nhìn chán ngán.

- Bậy thật, bậy thật! - Anh nói - Máy tên này khôn lanh hơn tôi nghĩ. Có vẻ như chúng đã khóa lấp được dấu vết của chúng rồi. Tôi e rằng chúng đã tuân theo một phương án được bàn bạc kỹ lưỡng trước đó.

Anh tiến lại gần nhà vừa lúc cửa mở. Một cậu bé tóc quăn khoảng 6 tuổi chạy ủa ra,

theo sau là một người đàn bà khỏe mạnh, gương mặt hồng hào, tay cầm chiếc khăn xấp.

- Jack, trở lại đây mẹ rửa ráy cho! Bà gọi lớn. Có lại đây không nào, đồ quỷ sứ! Nếu bố mày về mà trông thấy mày như thế thì chắc chắn ông ấy sẽ la toáng lên cho mà xem...

- Chà cậu bé xinh quá! - Holmes nói lớn như thế xác lập vị trí chiến lược của đôi bên - Có thể nào tưởng tượng được đôi má hồng đến thế không? Này cậu Jack, cậu thích cái gì nào?

- Vâng, nếu được thì cháu thích có 2 shilling. Cậu bé tuyệt vời đáp sau một hồi suy nghĩ.

- Thế thì đây! Bắt lấy này. Quả thật bà có cả một kho tàng tinh khôi đấy, bà Smith ạ.

- Xin Chúc phù hộ ông, thưa ông! Nó còn hơn thế nữa kia! Nhưng lắm lúc nó cũng làm cho tôi đến phát điên lên, nhất là khi nhà tôi phải đi vắng nhiều ngày.

- Thế ông nhà đi vắng? - Holmes hỏi, giọng thất vọng - Tiếc quá, tôi lại có ý muốn tiếp chuyện với ông.

- Ông ấy ra đi từ sáng hôm qua, thưa ông. Và cũng phải nói thật là tôi đang bắt đầu lo ngại. A, mà nếu là về chuyện thuê tàu, thưa ông, thì chắc là tôi có thể giúp ông được.

- Tôi muốn thuê chiếc thuyền máy chạy hơi nước của ông nhà.

- Thế thì thưa ông, tiếc quá, ông ấy đã ra đi bằng chính chiếc thuyền ấy. Thật ra tôi cũng ngạc nhiên, vì nó chỉ có vừa đủ than để đi đến Woolwich và trở về thôi. Nếu ông nhà tôi đi bằng chiếc xà lan chở hàng, tôi cũng chẳng lo lắng gì: công việc làm ăn đôi khi kéo ông đến mãi tận Gravesend và khi nào ở đấy bận nhiều công chuyện, ông cũng thường lưu lại tại đó. Nhưng với chiếc thuyền máy không đủ than thì phỏng làm được việc gì?

- Ông nhà có thể kiếm mua than ở một bến tàu nào đó khi xuôi sông.

- Có thể như thế thật, thưa ông, nhưng đó không phải là thói quen của ông ấy. Đã nhiều lần tôi nghe ông la lối chửi rủa vì những món tiền người ta đòi để lấy vài bao than. Vả lại, tôi không ưa được cái lão chân gỗ với cái lối ăn nói lạ hoắc. Lão ta có cái đầu trông không vào được tí nào! Sao mà lúc nào lão cũng rảo quanh đây thế?

- Người đàn ông chân gỗ - Holmes hỏi bằng giọng ngạc nhiên một cách ngây thơ.

- Vâng, thưa ông, một gã đàn ông khuôn mặt xạm đen trông đến là giống khỉ! Hắn đến gặp nhà tôi nhiều lần. Chính hắn đã đánh thức ông ấy dậy, đêm hôm kia. Có điều lạ hơn nữa là nhà tôi biết hắn ta sẽ đến, vì ông đã đổ đầy nước vào nồi supde trên chiếc lò máy. Tôi chẳng quan co gì, thưa ông, thật tôi lo quá chừng!

- Nhưng, thưa bà Smith thân mến, dầu sao bà chẳng việc gì phải lo ngại cả - Holmes nhún vai nói - Nhưng trước hết, làm sao bà có thể bảo người đến đêm ấy chính là gã đàn ông chân gỗ? Tôi không hiểu sao bà lại có thể quả quyết như vậy.

- Chính giọng nói của hắn, thưa ông. Tôi biết giọng nói của hắn, nó nghe như khăn đực. Hắn gõ vào cửa sổ, lúc ấy vào khoảng ba giờ sáng: "Ê, trong kia, thức dậy đi" - hắn bảo "đã đến giờ đổi phiên gác rồi đấy". Ông nhà tôi đánh thức Jim, con trai cả chúng tôi, và thế là họ ra đi, không buồn nói với tôi một lời. Tôi nghe rõ cả tiếng chân gỗ ầm vang trên đá lát đường.

- Còn tên chân gỗ kia, hắn đến một mình sao? - Thưa ông, tôi không thể nói chắc chắn được. Tôi chẳng nghe thấy có giọng nói ai khác.

- Tôi tiếc lắm, bà Smith à. Tôi cần một chiếc lò máy, và tôi đã nghe người ta nói tốt về chiếc... à, mà chiếc lò máy ấy tên là gì nhỉ?

- "The Aurora", thưa ông.
- A! Có phải đó là chiếc đèn máy cũ kỹ sơn màu xanh lục, có viền một đường vàng và đáy rất rộng?
- Không phải thế đâu! Nó là một trong những chiếc tàu thon dài nhất đang chạy trên sông. Và nó được sơn mới lại tuyền đen với hai viền đỏ.
- Cảm ơn. Tôi mong bà sẽ sớm nhận được tin tức của ông nhà. Tôi sắp sửa xuôi sông đây, và nếu tôi thấy chiếc "The Aurora", tôi sẽ cho vị chủ tàu biết là bà đang lo lắng. Bà vừa nói ống khói tàu màu đen?
- Không, thưa ông. Đen với một đường viền màu trắng.
- À, hẳn nhiên rồi! Hai bên mới màu đen. Xin chào bà, bà Smith! Người lái đèn và chiếc đèn của anh ta kia rồi, Watson. Ta hãy nhờ đưa qua sông.
- Với những người thuộc loại này - Holmes nói tiếp khi chúng tôi ngồi vào thuyền gần chỗ lái tàu - điều quan trọng là đừng bao giờ cho họ có cơ hội nghĩ rằng những điều họ thuật lại cho ta có một tầm mức trọng yếu nào đó. Nếu không, họ sẽ ngậm miệng hén ngay. Nhưng, ngược lại, bạn cứ giả vờ nghe họ một cách miễn cưỡng, bạn mới may mắn được biết những điều bạn muốn biết.
- Dầu sao ta đã biết được ta sẽ phải làm những gì rồi – Tôi nói. - Vậy kế hoạch anh như thế nào?
- Mượn một chiếc đèn máy rồi xuôi dòng sông để tìm ra chiếc "The Aurora".
- Nhưng, thưa ông bạn thân mến của tôi ời, đó mới thật là công tác khổng lồ. Chiếc đèn máy kia có thể cập vào bất cứ cầu tàu nào bên bờ sông từ giữa đây và Greenwich. Qua khỏi cầu, những điểm cập tàu tạo thành một mê lộ dài hàng dặm. Anh sẽ phải mất toi không biết bao nhiêu ngày mới có thể thám hiểm tất cả được.
- Nếu thế thì ta nhờ đến cảnh sát vậy.
- Không đâu. Chắc hẳn là tôi sẽ liên hệ với Athelney Jones, nhưng chỉ vào lúc sau cùng thôi. Anh ta không phải là người tệ, và tôi chẳng muốn làm bất cứ điều gì có thể gây nguy hại cho anh ấy về mặt nghề nghiệp. Nhưng tôi thích hành động một mình hơn, nhất là hiện nay công việc của ta đã tiến triển rất nhiều.
- Hay là ta có thể đăng vào mục rao vặt trên báo, hỏi thăm những chỉ dẫn ở những người bảo vệ các bến tàu.
- Mỗi lúc một tệ hơn. "Các bạn" của chúng ta lúc bấy giờ biết ngay là chúng ta đang truy nã họ gắt gao và họ sẽ rời khỏi nước này ngay. Tất nhiên, dầu sao họ cũng sẽ ra đi thôi, nhưng chừng nào họ còn cảm thấy tuyệt đối an toàn, họ sẽ chẳng vội vã gì đâu. Quyết tâm của chàng thám tử Jones sẽ giúp ta trong việc này. Các nhật báo chắc chắn sẽ trình bày quan điểm của anh ấy, và mấy tên đào thoát của chúng ta sẽ tin là cảnh sát đang làm đường.
- Vậy ta làm gì đây? - Tôi hỏi khi chúng tôi lên bờ, gần Trại giam Millbank.
- Ta sẽ lên chiếc xe ngựa kia, về nhà, gọi bữa ăn, rồi đi nằm một tiếng. Rất có khả năng là đêm tới đây ta sẽ phải thức suốt. Bác xà ịch ời, hãy cho chúng tôi xuống trạm bưu điện đầu tiên trên đường. Chú Toby vẫn còn đặc dụng cho chúng ta, ta hãy giữ nó lại.
- Xe ngựa dừng trước bưu điện phố Great Peter và Holmes xuống gửi một bức điện tín.
- Theo anh thì tôi đã gửi điện cho ai? Anh hỏi tôi lúc trở ra.
- Tôi thật chẳng nghĩ ra đâu.
- Anh có còn nhớ phòng cảnh sát đặc biệt phố Baker không? Tôi đã có nhờ đến họ

trong vụ Jefferson Hope.

- Vâng, có. Thế rồi sao?

- Thì đây, đúng là một bài toán điển hình mà sự giúp đỡ của họ có thể rất quý báu cho ta. Nếu họ thất bại, tôi có cách khác. Nhưng trước hết tôi thử nghiệm cách này xem sao. Bức điện tín của tôi gửi đến chàng trung úy nhỏ bé của ta, tên gọi Wiggins. Tôi nghĩ anh ta và các bạn sẽ đến thăm ta trước khi ta dùng xong bữa điểm tâm.

Bấy giờ vào khoảng 8 giờ rưỡi và các sự cố trong đêm bắt đầu có tác dụng nặng nề. Tôi mệt mỏi ê ẩm, đầu óc rối bời. Để chịu đựng được, tôi không có được cái nhiệt tình nghề nghiệp của anh bạn tôi; và chẳng tôi không tài nào xem xét vấn đề một cách trừu tượng như là một bài toán có tính tri thức đơn thuần. Về phần Bartholomew, tôi được nghe thiên hạ nói nhiều điều không tốt về ông ta, còn những kẻ hạ sát ông ta cũng không gây nơi tôi mối ác cảm quá lắm. Nhưng nói đến kho báu thì lại là chuyện khác. Kho báu ấy, trên nguyên tắc, là sở hữu của cô Mortan toàn bộ hay một phần. Chẳng nào còn cơ may tìm lại nó được thì tôi sẵn sàng cống hiến cả mạng sống của tôi. Nhưng nếu thế thì thành công của chúng tôi có lẽ sẽ đưa cô ta mãi mãi ra khỏi tầm tay của tôi. Song mối tình của tôi, nếu để cho một suy nghĩ như thế ảnh hưởng đến thì hóa ra chẳng quá vị kỷ và nhỏ nhen sao! Holmes có thể hành động vào việc bắt giữ tội phạm. Còn tôi, tôi lại có một lý do 10 lần mạnh hơn để lấy lại kho báu

Về đến phố Baker, sau khi tắm và thay áo quần, tôi cảm thấy khoan khoái vô cùng. Khi bước xuống phòng, tôi thấy bữa điểm tâm đã dọn xong, và Holmes đang pha cà phê.

- Người ta đang bàn tán về vụ án - Anh vừa nói vừa chỉ vào tờ báo đã lật ra - Một nhà báo có tài ở khắp mọi nơi và chàng Jones có thừa quyết tâm và đầy nghị lực đã thu xếp nội vụ giữa hai người. Nhưng chắc anh đã phải ngấy chán với câu chuyện này rồi! Hãy dùng món trứng thịt muối đi đã.

Tôi chụp lấy tờ báo và đọc bài ngắn dưới nhan đề "Một vụ án bí ẩn tại Thượng Norwood" (báo Standard).

"Hôm qua, vào khoảng nửa đêm ông Bartholomew, cư ngụ tại biệt trang Pondicherry, Thượng Norwood, đã được người ta tìm thấy chết trong phòng riêng. Tình huống xảy ra cho thấy đây là một hành động tội ác. Theo chỗ chúng tôi được biết, trên thi thể nạn nhân người ta không tìm thấy một dấu vết hung bạo nào. Nhưng một bộ sưu tập quý giá gồm những châu báu Ấn Độ do người quá cố kính thừa hưởng của thân phụ đã biến mất. Tội ác do ông Sherlock Holmes và bác sỹ Watson là hai người đã đến căn nhà cùng với Thaddeus Sholto, em của người quá cố, phát hiện. Một dịp may đặc biệt đã khiến ông Athelney Jones, nhà thám tử nổi danh của Sở cảnh sát trung ương có mặt tại Ty cảnh sát Norwood. Nhờ thế ông đã có mặt tại hiện trường sau khi có lệnh báo động chưa đầy nửa tiếng đồng hồ. Kinh nghiệm và tài ba của ông ta hướng ngay vào việc truy tầm tội phạm. Kết quả tốt đẹp là người em của nạn nhân, Thaddeus Sholto, bà quản gia Bernston, người đầu bếp Ấn Độ tên Lal Rao, và người gác cổng McMurdo đều bị bắt.

Thật vậy, rõ ràng là một hay nhiều tên trộm đó phải biết rõ ngôi nhà. Những hiểu biết kỹ thuật lừng danh của ông Jones kết hợp với những biệt tài cũng nổi tiếng không kém của ông, đã giúp ông chứng minh một cách không thể bác bỏ được là bọn cướp không thể nào xâm nhập được bằng cửa ra vào, hoặc bằng cửa sổ. Chúng đã leo lên mái nhà, đột nhập bằng cửa sổ trên mái chui xuống căn phòng ăn thông với gian phòng nơi tìm thấy tử thi. Thế là người ta dứt khoát gạt bỏ giả thiết một vụ đánh cắp đơn thuần do

những kẻ lạ mặt. Hành động chóng vánh và quả quyết của đại diện pháp luật tỏ rõ rằng trong những trường hợp như thế, ta có lợi lớn nếu giao cuộc điều tra cho một bộ óc duy nhất, mạnh mẽ và làm chủ phương tiện của mình. Ta không thể không nghĩ rằng một kết quả như vậy cống hiến một luận cứ có trọng lượng thám tử của ta. Lúc bấy giờ những người này sẽ

được tiếp xúc chặt chẽ hơn và có hiệu quả hơn với những vụ mà họ phải điều tra".

- Tuyệt diệu, phải không? - Holmes vừa nói vừa mỉm cười nâng tách cà phê - Anh nghĩ thế nào?

- Tôi nghĩ suýt nữa chúng ta cũng bị bắt.

- Ý kiến tôi cũng thế. Chắc tôi không dám chịu trách nhiệm về sự tự do của chúng ta nếu đột nhiên anh ta lại nổi cơn quyết liệt khác.

Đúng ngay lúc ấy cả ngôi nhà vang lên tiếng chuông kéo dài. Chúng tôi nghe thấy bà Hudson, chủ nhà trọ, thốt lên những lời ta thán và những câu mắng mỏ gay gắt.

- Trời đất! - Tôi vừa kêu lên vừa đứng dậy khỏi ghế - Anh Holmes à, tôi nghĩ chắc họ đến bắt ta đây.

- Không, không đến nỗi khủng khiếp như thế đâu! Tôi nhận ra ngay đội cảnh sát trợ lý của tôi mà, đám nghĩa binh Baker đấy.

Thật thế, tiếng la hét đình tai và tiếng chân không chạy vội vàng đội trong cầu thang, và 12, 13 đứa bé lang thang, nhóp nhúa, rách rưới chạy ủa vào phòng. Tôi nhận thấy mặc dầu sự xâm nhập có ồn ào thật, nhưng chứng tỏ có kỷ luật. Chúng lập tức đứng xếp thành hàng, và đứng trước chúng tôi là những khuôn mặt trẻ con linh hoạt vui vẻ. Sau đó, một đứa trong bọn chúng bước lên với một vẻ uể oải bề trên trông thật buồn cười, so với lứa tuổi của cậu. Đúng là một chú ngáo ộp.

- Đã nhận rõ tín hiệu của ông, thưa ông - Nó báo cáo - Cháu đưa tui nó lại gặp ông đây đủ. Phí tổn chuyên chở tính tất cả là 3 shilling[1] 6 pence.

- Đây, Holmes vừa nói vừa lấy tiền ra - Bận sau cháu chỉ việc nghe các bản báo cáo, rồi báo lại cho chú là được rồi. Chú không muốn các cháu đến đông như thế này nữa. Tuy thế, tiện đây, chú cũng muốn tất cả đều nghe rõ lệnh công tác của chú. Chú muốn tìm ra nơi đậu của một chiếc đồ máy tên "The Aurora".

Tên người chủ là Mordecai Smith. Đồ chắc là đã xuôi sông và ngừng lại đâu đó. Nó màu đen, hai bên có viền màu đỏ. Ông khói cũng màu đen và có một vạch trắng. Một trong các cháu phải trụ lại bên của Mordecai Smith, đối diện với Millbank để xem ông ấy có trở về không. Số còn lại chia nhau hai bờ sông, và

mỗi cháu phải làm tròn trách nhiệm của mình một cách chu đáo. Hể có tin gì, là cho chú biết ngay. Chú nói rõ tất cả rồi chứ?

- Vâng, thưa Chef[2]! Wiggins đáp.

- Giá cả như thường lệ, lại thêm một guinea cho ai tìm thấy chiếc đồ máy kia. Đây, tiền công một ngày chú đưa trước. Và bây giờ, bắt tay vào việc đi!

Anh trao cho mỗi đứa một shilling, thế là đám trẻ tuôn xuống cầu thang. Chỉ một lát sau, tôi đã thấy chúng chạy dài theo con đường.

- Nếu chiếc đồ máy còn trên mặt nước, lũ trẻ sẽ tìm thấy thôi! - Holmes nói và đứng dậy khỏi bàn.

Anh đốt ống điếu.

- Chúng có thể đi khắp mọi nơi, thấy tất cả và nghe tất cả. Tôi tin rằng chúng sẽ tìm thấy chiếc đồ trước tối nay. Trong khi chờ đợi, ta chẳng làm được gì đâu. Muốn lần lại

dấu vết, ta phải tìm thấy chiếc "The Aurora" hoặc Mordecai Smith.

- Tôi chắc là Toby sẽ được một bữa no nê với bữa ăn còn lại của chúng ta. Anh có đi nghỉ không, anh Holmes?

- Không, tôi không thấy mệt. Tạng người tôi kể cũng lạ. Tôi nhớ chưa có lần nào bị mệt mỗi vì công việc. Ngược lại, nhàn rỗi khiến tôi kiệt sức hoàn toàn. Tôi đi hút chút đỉnh và suy nghĩ về cái vụ án lạ lùng đã đưa đến cho chúng ta một thân chủ thật là duyên dáng. Nếu có nhiệm vụ nào dễ dàng, thì đó chính là nhiệm vụ của chúng ta. Những người có chân gổ đầu phải là nhiều lắm. Còn về tên kia, tôi nghĩ hẳn ta tuyệt đối là duy nhất trong chủng loại.

- Lại còn tên kia nữa?

- Tôi không có ý chơi trò ú tim với anh đâu, Watson à. Tuy nhiên anh chắc cũng có một chút ý kiến chứ, phải không nào? Ta hãy xem lại các dữ kiện: đôi chân không nhỏ thó, mấy ngón chân không bao giờ bị ép trong giày, cái chuỳ bằng đá, tính nhanh nhẹn kỳ lạ, những mũi tên tẩm độc.

- Một người man di! - Tôi buột miệng kêu lớn - Có lẽ đó là một trong số những người Ấn mà Jonathan Small đã cộng tác?

- Đáng ngờ lắm - Anh nói - Tôi đã nghĩ đến cách giải thích này lúc trông thấy thứ vũ khí lạ lùng kia. Song những dấu chân kỳ quặc đã khiến tôi phải xét lại vấn đề một số dân cư Ấn Độ quả thật đáng người nhỏ, nhưng không người nào lại có thể để lại dấu chân như thế. Người Ấn có bàn chân dài và thon; người Hồi giáo có khác là ngón chân cái tách hẳn mấy ngón khác, vì họ mang dép có quai kẹp giữa ngón cái và ngón thứ hai. Hơn nữa những mũi tên kia chỉ có thể duy nhất được bắn ra bằng ống đồng. Thế thì anh chàng man di của chúng ta có thể từ đâu đến?

- Từ Nam Mỹ chăng? Tôi thử nói liều.

Holmes với tay lên kệ sách, và lấy xuống một cuốn sách dày cộm.

- "Đây là cuốn thứ nhất của bộ bách khoa đang được xuất bản. Ta có thể xem nó là hiện đại nhất. Ta đọc thấy gì nào?"

Quần đảo Andaman nằm cách đảo Sumatra 340 dặm về phía Bắc, trong vịnh Bengal "Hừm! Hừm!". Còn gì đây? Xem nào: khí hậu ẩm thấp, đá ngầm san

hồ, cảng Blair, trại tù khổ sai quân đội, đảo Rutland, đồn điền bông. A, đây rồi!

Dân bản xứ quần đảo Andaman có thể tự hào là dân tộc nhỏ nhất trên quả đất mặc dầu một số nhà nhân chủng học dành danh vị này cho bộ tộc Bushmen ở châu Phi, bộ tộc da đỏ Digger ở Châu Mỹ và bộ tộc Terra del Fuegians. Chiều cao trung bình của họ không quá 4 feet, nhưng nhiều người trưởng thành có thể tạng bình thường lại còn thấp hơn nữa. Bộ tộc này có tính bạo tàn và khó tính. Nhưng khi ta đã chiếm được cảm tình của họ thì họ có thể rất hết lòng hết dạ với ta".

Xin anh nhớ cho điều đó, Watson ạ. Bây giờ hãy nghe nốt đoạn tiếp

"Ngoại diện của họ rất ghê khiếp. Đầu thì to tướng chằng ra hình thù gì, mắt nhỏ, đường nét trên mặt thì biến hình, tay chân nhỏ thó. Họ tàn bạo và khó tính đến nỗi Chính quyền Anh đã thất bại trong mọi cố gắng để lấy được lòng tin của họ. Từ thuở nào họ vẫn là nỗi hãi hùng cho những người bị đắm tàu mà họ tàn sát bằng chùy đá hoặc tên tẩm độc. Những cuộc tàn sát này luôn kết thúc bằng một bữa tiệc thịt người".

Thế đó, một dân tộc hữu nghị và hiếu hòa Watson ạ! Nếu anh man di của chúng ta được tha hồ hành động thì vụ án này sẽ có một diễn biến còn khủng khiếp hơn nhiều. Tuy thế, tôi nghĩ rằng ngay đến bây giờ Johnathan sẽ tiếc hùi hụi nếu không

dùng tên man di này.

- Nhưng bằng cách nào mà hấn kiếm ra được một tên tông phạm cỡ đó?
- À, tôi cũng không thể nói anh rõ thêm hơn nữa! Tuy nhiên, ta đã xác định được là Small đã cư ngụ tại đảo Andaman; thế có gì là lạ nếu hấn có một người bạn là dân bản xứ. Ta sẽ hiểu biết tất cả điều đó vào đúng thời điểm, tôi chắc chắn như vậy. Thôi đi, Watson. Trông anh rã rời quá rồi, ngã lưng trên tràng kỷ chốc lát đi, thử xem tôi có thể đưa anh vào giấc ngủ được không.

Anh lấy cây violon và bắt đầu dạo trong khi tôi nằm nghỉ. Đó là một điệu nhạc mơ mộng êm ái chắc hẳn do anh sáng tác vì anh biết sáng tác tùy hứng với rất nhiều tài năng. Tôi mơ hồ hình dung đôi tay gầy guộc, nét mặt chăm chú của anh. Sau đó, tưởng chừng như tôi xa dần trong yên ổn, bỗng bèn trên mặt biển âm thanh, để rồi bước vào vùng mộng ảo có khuôn mặt xinh xinh của Mary Morstan nghiêng trên tôi.

Chương 9: Sợi dây xích đứt

Mãi đến xế chiều tôi mới thức giấc, khoái hoạt và tươi tỉnh hẳn lên. Sherlock vẫn còn ngồi đó, như lúc tôi bắt đầu ngủ; nhưng anh đã đặt cây vĩ cầm qua một bên để chúi mũi vào một cuốn sách. Anh ngước mắt lên khi nghe thấy tôi động dậy, và tôi nhận thấy trên khuôn mặt anh vẻ ủ rũ lo lắng.

- Anh ngủ say lắm? - Anh nói - Tôi chỉ ngại tiếng nói chuyện làm anh thức giấc...

- Tôi chẳng nghe gì cả. Mà anh có nhận tin tức gì chứ?

- Không. Thế mới thật đáng tiếc. Tôi thú thật là tôi ngạc nhiên và thất vọng. Thế mà tôi đã hy vọng đến giờ này tôi sẽ được biết chút gì đó... Wiggins có đến báo cáo: chẳng có gì. Chẳng có dấu vết gì về chiếc đồ máy. Trắc trở này làm tôi điên tiết lên mất, bởi mỗi giờ trôi qua là một giờ quan trọng.

- Tôi có thể giúp anh được gì không? Giờ thì tôi cảm thấy khỏe khoắn lắm rồi, và sẵn sàng làm một chuyến trinh sát ban đêm khác nữa.

- Không. Ta không thể làm gì khác hơn là chờ đợi. Nếu chúng ta đi, một tín hiệu có thể đến trong lúc chúng ta vắng mặt, do đó phí thời gian. Anh muốn làm gì thì cứ làm.

Riêng tôi, tôi ở nhà để canh chừng.

- Thế thì tôi qua Camberwell thăm bà Cecil Forrester. Bà ta nói trước với tôi vào hôm qua.

- Bà Cecil Forrester thật không? Holmes hỏi với nụ cười trong ánh mắt.

- À cả cô Morstan nữa, dĩ nhiên! Cả hai đều nóng lòng muốn biết những chuyện đã xảy ra.

- Nếu ở vào địa vị anh, tôi sẽ không cho họ biết quá nhiều - Holmes nói - Ta không thể hoàn toàn tin cậy phụ nữ, dầu là những phụ nữ tốt nhất.

Thật tình tôi muốn phản đối cái ý kiến đáng ghét ấy, song tôi cưỡng lại được sự căm dỗ đó.

- Tôi sẽ trở về sau một, hai tiếng đồng hồ thôi, anh biết mà.

- Tốt. Chúc anh may mắn nhé. À mà này, tiện thể anh qua bên kia sông, phiền anh mang trả chú Toby nhé? Rất có thể là nó không còn giúp ích ta được gì nữa đâu.

Thế là tôi bắt con chó đem trả lại cho nhà tự nhiên học ở hẻm Pinchin, kèm theo nửa

đồng sovereign. Đến Camberwell, tôi gặp cô Morstan hơi mệt mỏi vì những phiêu lưu ngày hôm trước, nhưng vẫn nôn nóng trông tin. Và bà Forrester cũng tò mò như cô ta. Tôi thuật lại với họ tất cả những việc chúng tôi đã làm, chỉ bỏ qua các chi tiết không nên kể trong tấn thảm kịch. Chẳng hạn như thuật lại cái chết của ông Sholto, song không nói gì đến những tình huống của cái chết ấy. Câu chuyện của tôi, dầu đã gạn lọc, cũng còn làm cho họ sửng sò và run sợ.

- Thật là cả một pho tiểu thuyết - Bà Forrester thốt lên - Một phụ nữ bị thiệt hại quyền lợi một kho báu trị giá nửa triệu, một tên ăn thịt người da đen, một tên phản phúc chân gỗ. Đầy đủ nhân vật, tình tiết còn ly kỳ hơn cả con rồng hung dữ hoặc tên phản bội theo truyền thống.

- Và còn hai chàng hiệp sĩ bảo vệ chính nghĩa nữa chứ. - Cô Morstan nói thêm và nhìn tôi dè dặt.

- Cô Mary, khi nghĩ cả gia sản của cô tùy thuộc kết quả của công cuộc truy tầm này, tôi chắc cô cũng không hân hoan gì mấy? Hãy thử nghĩ xem, làm chủ một tài sản như thế, mọi người phủ phục dưới chân mà phải qua bao nhiêu chuyện.

Tôi hơi đập mạnh vui mừng khi nhận thấy rằng tình huống này có vẻ như không gây nên một ảnh hưởng đặc biệt nào ở người thiếu nữ. Trái lại, nàng ngả đầu ra phía sau một cách tự hào, tưởng như sự việc chẳng có gì lý thú đối với nàng.

- Tôi lo là lo cho ông Thaddeus Sholto! - Nàng bảo - Ngoài ra chẳng có gì thực sự quan trọng. Tôi thấy ông ấy đã xử sự rất ngay thẳng và tốt bụng trong mọi trường hợp. Bỏ phần chúng ta là minh oan cho ông ấy khỏi lời buộc tội khủng khiếp mà thiếu cơ sở kia.

Bóng chiều đã ngả dài lúc tôi rời Camberwell và mãi đến tối mịt tôi mới về đến phố Baker. Cạnh chiếc ghế bành của bạn tôi chỉ còn lại cuốn sách và ống điều của anh. Tôi đảo mắt nhìn quanh, hy vọng anh để lại cho tôi đôi chữ nhưng tôi chẳng thấy gì.

- Chắc ông Sherlock Holmes đi vắng? Tôi hỏi bà Hudson khi bà ấy lên đóng cửa.

- Không, thưa ông. Ông ấy đã lên phòng riêng. Ông biết không - Bà hạ thấp giọng thì thầm tiếp - Tôi lo cho sức khỏe của ông ấy quá.

- Nhưng tại sao thế. Bà Hudson?

- Này nhé, thưa ông, ông ấy lạ lùng thế nào ấy! Sau khi ông đi, ông ấy bắt đầu sải bước không ngừng trong gian phòng, dọc ngang, ngang dọc, tôi phải nhúc nhai đi được. Thế rồi tôi lại nghe ông ấy nói một mình. Mỗi lần có ai gõ cửa, ông đến bậc thềm cửa hỏi: "Ai thế, bà Hudson?" Bây giờ thì ông tự giam mình trong phòng, nhưng tôi vẫn còn nghe ông rảo bước như trước. Mong rằng ông ấy không ngã bệnh, thưa ông. Tôi đã đánh bạo gợi ý cho ông một liều thuốc an thần, nhưng ông ấy quay ngoắt lại với một ánh nhìn thế nào ấy. Tôi không biết là tôi đã ra khỏi phòng bằng cách nào nữa.

- Tôi nghĩ là bà không có gì phải lo lắng cả, bà Hudson ạ. Cũng đã có lần tôi thấy anh ấy như vậy. Anh ấy đang có chút chuyện bức mình đấy thôi.

Trong lúc tìm cách trấn an bà chủ nhà tốt bụng, bản thân tôi cũng không khỏi lo ngại khi thỉnh thoảng nghe tiếng chân nhẹ nhàng của Sherlock Holmes âm vang trong suốt đêm dài ấy. Tôi hiểu cái tình trạng bất động ngoài ý muốn ấy hành hạ anh ấy như thế nào. Đến bữa điểm tâm, trông anh hốc hác sút kém hẳn. Hai điểm sốt đỏ hiện lên trên gò má.

- Anh đang tự làm kiệt sức đấy, anh bạn ơi. Tôi nghe anh sải bước trong phòng suốt cả đêm - Tôi nhận xét.

- Tôi không tài nào ngủ được - Anh đáp - Bài toán quỷ quái này làm tôi hao mòn mất.

Quả thật là ngu xuẩn phải dừng lại bởi một trở ngại thật không ra gì trong khi cả phần còn lại đều đã vượt qua. Tôi biết rõ các nhân vật, chiếc đồ máy, tất cả mọi điều cần thiết. Ấy vậy mà chẳng thu được một tin tức nào cả. Tôi đã tung các cơ quan khác vào dấu vết truy tìm; tôi đã vận dụng mọi phương tiện trong quyền hạn của tôi. Hai bên bờ sông được lục soát kỹ; chẳng một kết quả nào. Và bà Smith chẳng có tin tức nào về đức ông chồng. Chắc tôi sẽ phải kết luận chúng đã đánh đắm chiếc tàu. Nhưng giả thiết nêu lên có khá nhiều biện bác.

- Nếu bà Smith đưa ta vào làm đường thì sao?
- Không, tôi nghĩ có thể gạt ra ngoài giả thiết này. Những cuộc điều tra tôi đã tiến hành xác nhận quả thật có một chiếc đồ máy theo như đã mô tả.
- Có thể là nó đã ngược dòng sông?
- Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó. Một toán người đi tìm sẽ đi ngược bờ sông lên đến tận Richmond! Nếu hôm nay ta không được gì, thì chính tôi ngày mai sẽ ra trận để tìm kiếm bọn kia chứ không phải chiếc tàu nữa. Nhưng chắc chắn ta sẽ nhận được tin. Chắc chắn!

Ấy thế mà chúng tôi chẳng nhận được gì ráo. Không một chữ của Wiggins hoặc của các cơ quan báo chí. Phần lớn báo chí đều có bài viết về tấn thảm kịch ở Norwood? Tất cả đều có vẻ không mấy thiện cảm với ông Thaddeus Sholto đáng thương. Tuy nhiên chẳng có chi tiết nào mới lạ, ngoại trừ việc điều tra tư pháp trước bồi thẩm sẽ tiến hành ngày hôm sau. Cũng trong tối đó, tôi đi bộ đến Camberwell thuật lại cho hai người đàn bà những cố gắng vô bổ của chúng tôi. Lúc trở về, tôi thấy Holmes thất vọng và có phần cau có. Anh chẳng buồn trả lời những câu hỏi của tôi và suốt buổi tối miệt mài với việc phân chất hóa học khó lòng hiểu nổi. Có cả những nồi cổ cong phải đun nóng và chưng cất hơi tỏa ra một mùi khiến tôi phải bỏ trốn ra khỏi phòng. Tờ mờ sáng vẫn nghe thấy tiếng lách cách các ống nghiệm va chạm nhau; vậy là anh vẫn còn bận bịu với những cuộc thử nghiệm nặng mùi.

Thình lình tôi vụt choàng tỉnh dậy. Qua ánh bình minh, tôi ngạc nhiên thấy anh đứng cạnh giường. Anh mặc một bộ đồ thủy thủ thô sơ và thắt quanh cổ chiếc khăn quàng đỏ đã sờn.

- Tôi đi về phía sông, Watson à! - Anh bảo - Tôi suy đi nghĩ lại mãi về vấn đề. Tôi chỉ thấy có một lối thoát. Dầu sao cũng nên mang nó ra thử xem.
- Vậy tôi có thể đi với anh chứ? - Tôi nói.
- Không. Ở lại đây thay mặt tôi, anh được việc hơn. Tôi tiếc là phải đi, bởi vì trận đấu bước vào giai đoạn mà một tín hiệu nào đó có thể gọi đến cho ta trong ngày, mặc dầu chiều hôm qua Wiggins có phần bi quan. Tôi nhờ anh mở tất cả thư từ, điện tín và mọi thứ khác gọi tên tôi và nhờ anh xử lý hộ trong trường hợp ta nhận được tin tức. Tôi có thể trông cậy ở anh chứ?
- Chắc chắn rồi!
- Tôi e rằng anh sẽ không gọi điện tín được cho tôi đâu vì tôi không thể cho anh biết tôi sẽ ở đâu. Tuy nhiên, nếu may mắn, tôi sẽ không đi vắng lâu lắm đâu. Dầu sao, chắc tôi cũng sẽ biết được chút gì đó trước khi trở về.

Vào buổi chiều tầm, tôi vẫn chưa có tin tức gì của Holmes cả. Nhưng đến lúc mở tờ báo Standard, tôi mới thấy rằng vụ án đã có những diễn biến mới. Nhật báo này viết: "Về tấn thảm kịch Thượng Norwood, chúng tôi có lý do tin rằng nội vụ còn phức tạp và bí ẩn hơn ta nghĩ lúc ban đầu. Một cuộc điều tra sâu sát chứng minh ông Thaddeus

Sholto hoàn toàn không thể nào can dự vào vụ việc. Ông đã được thả cùng với bà quản gia Bernstone tối qua. Tuy nhiên, dường như cảnh sát đã tìm ra vết tích những thủ phạm thực sự. Chính ông Athelney Jones, thuộc Scotland Yard, bằng óc sáng suốt và quyết đoán mà ai cũng biết, là người tiến hành điều tra. Người ta chờ đợi những vụ bắt giữ khác trong tương lai gần đây".

- Hay đấy! Tôi nghĩ - Anh bạn Sholto được tự do. Nhưng còn "đầu mối dấu vết mới" như thế nào. Nghe giống như một công thức quy ước được mang ra sử dụng mỗi khi cảnh sát lằm lẩn.

Tôi đặt tờ báo lên bàn vừa lúc tôi nhận thấy một mẫu tin đáng chú ý trong mục quảng cáo rao vặt.

"Người thất lạc:

Tìm ông Mordecai Smith, chủ tàu, và con trai Jim, đã rời khỏi bến của Smith vào khoảng 3 giờ sáng, thứ Ba vừa rồi, trong một chiếc thuyền máy "The Aurora" chạy bằng hơi nước, sơn màu đen với băng đỏ, ống khói đen với một băng trắng. Sẽ tặng 5 đồng cho người nào có thể cung cấp tin tức liên quan đến Mordecai Smith và chiếc đồ máy "The Aurora". Xin liên hệ với bà Smith, tại bến đò Smith, hoặc tại nhà số 221B, phố Baker".

Rõ ràng đây là việc làm của Holmes, địa chỉ ở phố Baker đủ để biện giải điều này. Tôi thấy mục rao vặt được thảo ra rất khôn khéo. Vì những kẻ chạy trốn có thể đọc đến mà không thấy gì khác hơn là nỗi lo lắng rất dễ hiểu của một người vợ về sự vắng mặt quá lâu của chồng.

Ngày chờ đợi dài thật. Cứ mỗi lúc có ai gõ cửa, hoặc có tiếng chân ai vang lên ngoài phố, tôi cứ nghĩ Holmes trở về, hoặc có người đem lại tin tức. Tôi thử đọc sách, nhưng ý nghĩ lại cứ bay về cuộc tìm kiếm lạ lùng của chúng tôi, về hai tên cướp chẳng giống nhau chút nào. Có khi nào, tôi thắc mắc tự hỏi, lập luận của bạn tôi chứa đựng một sai lầm to lớn nào không? Anh không thể là nạn nhân một ảo tưởng dai dẳng sao? Đầu óc linh hoạt và tính toán của anh ấy không thể xây dựng nên một giả thiết kỳ quặc trên những tiền đề sai lạc sao? Tôi chưa bao giờ thấy anh lằm lẩn. Tuy nhiên, bộ óc tinh tế nhất đôi khi cũng có thể lằm như thường. Holmes rất có thể là nạn nhân của lối lý luận sắc sảo của chính anh. Phải chăng anh có chiều hướng thích lối giải thích lạ lùng trong khi một cách giải thích dễ dàng lại ở trong tầm nhìn. Mặt khác bản thân tôi đã chứng kiến các sự việc và theo dõi lối diễn dịch của anh. Nhìn lại hàng loạt sự cố liên kết với nhau (một số lớn tự chúng thì tầm thường, song tất cả đều nhắm về một hướng) tôi không thể không nghĩ rằng cứ cho là cách giải thích của Holmes có sai lệch chẳng nữa, thì chân lý cũng vẫn khiến ta phải ngạc nhiên.

Đến ba giờ chiều, chuông cửa reo vang. Tôi nghe một giọng nói hách dịch ở phòng ngoài. Thật ngạc nhiên làm sao khi tôi thấy đích thân ông Athelney Jones bước vào! Chà ông ta rất khác với vị giáo sư của lương tri, áp chế và cộc cằn, người đã nắm lấy vụ án với bao nhiêu là tự tin tại Thượng Norwood! Ông đã biểu lộ với tôi một sự ôn hòa thật là bất ngờ. Thiếu điều ông hạ mình xin lỗi tôi.

- Chào ông? Chào ông! Ông ta bắt đầu - Ông Sherlock Holmes chắc là đi vắng!

- Vâng, và tôi cũng không biết anh ấy về vào giờ nào. Chắc ông muốn chờ anh ấy? Nếu thế, mời ông ngồi nghỉ vào ghế bành này và dùng một điều xì gà.

- Cảm ơn, tôi không đòi hỏi gì hơn - Ông nói và lau trán với chiếc mùi soa rộng màu đỏ.

- Ông dùng một ly whisky với soda hé?
- Vâng, xin cho tôi nửa ly thôi. Mùa này mới thế mà đã rất nóng rồi đấy. Lại còn những lo nghĩ nó dồn dập đến với tôi... Chắc ông cũng biết qua cách giải thích của tôi về vụ Norwood!

- Tôi nhớ là ông đã phát biểu rồi.

- Vâng. Thế mà, bác sỹ ạ, tôi phải duyệt lại. Ông có tin rằng tôi đã bủa kín ông Sholto trong lưới của tôi thì đừng một cái, ông ấy thoát ra được bằng cái lỗ hổng ở giữa. Ông ấy đã dựng được một bằng chứng không chê trách vào đâu được. Từ lúc rời khỏi phòng người anh, ông ấy không lúc nào ở một mình. Vậy không thể nào ông ấy là người trèo lên mái nhà và chui qua cửa sổ trên mái. Thật là một vụ án tối mù mù, tăm tiếng nghề nghiệp của tôi ảnh hưởng vào đấy rất nhiều. Tôi rất mong có người giúp đỡ tôi đôi chút.

- Ai trong chúng ta đôi khi cũng phải cần đến điều đó – Tôi lạnh lùng đáp lại.

- Bạn ông, ông Sherlock Holmes, là một con người tuyệt vời ông ạ! Ông ta nói tiếp bằng giọng thân tình khản đặc - Đó là một người không biết đến thất bại. Ngày còn trẻ, tôi từng thấy ông ấy đảm trách một số lớn vụ án, và tôi chưa thấy có vụ nào mà ông ấy không làm sáng tỏ được. Ông ta dùng những phương pháp thật đặc biệt. Có lẽ hơi vội để phát biểu thành lý thuyết... Nhưng nói chung, ông ấy có thể là một thanh tra cảnh sát đầy hứa hẹn. Tôi chẳng ngại gì mà nói thẳng ra điều đó. Sáng nay ông ấy có gửi cho tôi một bức điện. Theo tôi hiểu, ông ấy nắm được một số bằng chứng về vụ Sholto. Bức điện ấy đây.

Ông lấy bức điện tín trong túi ra đưa cho tôi. Nó được đánh đi từ Poplar, lúc 12 giờ trưa. Bức điện viết: "Đến ngay phố Baker. Đợi tôi nếu tôi không về kịp. Tôi đang theo sát băng Sholto. Ông có thể đến với chúng tôi tối nay nếu muốn tham dự màn chót".

- Tốt quá. Anh ấy phăng ra được đầu dây rồi - Tôi nói.

- A, thế ông ấy cũng làm lẫn sao? - Jones nói lớn, giọng thỏa mãn thấy rõ - Ngay những bậc tài ba nhất trong chúng ta đôi khi cũng làm lạc. Cuộc đuổi bắt của ông ta tất nhiên có thể chứng tỏ là vô bổ; nhưng với tư cách một viên chức pháp luật nhiệm vụ của tôi là không để lọt qua một cơ hội nào cả... Tôi nghe có ai ở cửa. Có lẽ là ông ta chẳng?

Tiếng chân bước nặng nề, loạng choạng trên cầu thang cùng với tiếng thở phì phò: người khách bước lên một cách khó nhọc. Một đôi lần, bước chân nghe ngập ngừng, sau cùng một người đàn ông xuất hiện ở thềm cửa rồi bước vào. Hình dạng bề ngoài thật phù hợp với tiếng động ông ấy tạo ra: đó là một người đàn ông đứng tuổi, mặc bộ đồ thủy thủ và một chiếc áo vét cũ kỹ cài nút lên tận cổ. Ông đi gù lưng, đầu gối run rẩy, thở khó nhọc rõ ràng vì bệnh hen suyễn. Ông ta tựa vào chiếc gậy bằng gỗ sồi đôi vai rướn lên để cố hít không khí vào phổi. Chiếc khăn quàng che lấy cổ và trên khuôn mặt, tôi chỉ nhận thấy rõ cặp mắt sẫm linh hoạt với đôi chân mày trắng và hàng ria mép dài màu xám. Toàn bộ cho ta cảm giác đó là một sĩ quan hàng hải luống tuổi sống trong cảnh nghèo nàn.

- Nào, ông bạn muốn gì? - Tôi nói.

Ông ta nhìn quanh chằm chằm với sự thận trọng của người già, rồi quyết định cất tiếng:

- Ông Sherlock Holmes có nhà không ạ?

- Không, nhưng tôi thay mặt anh ấy. Nếu ông có gì nhắn gởi cho anh ấy. Có phải là về

chiếc đồ máy của Mordecai Smith chẳng?

- Đúng. Tôi biết nó ở đâu. Tôi cũng biết những người ông ta tìm kiếm ở đâu. Và tôi cũng biết luôn kho báu ở đâu. Tôi biết tất cả mọi chuyện.

- Thế thì xin ông cho tôi rõ đi, tôi sẽ nói lại với anh ấy.

- Tôi chỉ muốn nói với đích thân ông ấy thôi - Ông già nhắc lại giọng buồn bã.

- Thế thì ông phải đợi anh ấy vậy!

- Không, không! Không ai có thể làm tôi phải phí mất cả một ngày. Nếu ông Holmes không có đây thế thì ông Holmes sẽ phải lo liệu lấy một mình! Cả hai người đều trông khó tin cậy. Tôi không có gì để nói hết.

Ông già liền đi về phía cửa, kéo lê đôi chân, nhưng Athelney Jones cản đường lão lại.

- Chờ chút, ông bạn già! - Ông nói - Ông nắm giữ tin tức quan trọng, ông không có quyền bỏ đi. Dầu ông muốn hay không, chúng tôi cũng giữ ông lại đây cho đến lúc bạn chúng tôi trở về.

Lão già chập choạng nhảy bổ tới, nhưng Athelney Jones dùng đôi vai lực lưỡng tì vào cửa, lão già thấy mọi kháng cự đều vô ích.

- Đối xử với thiên hạ kiểu gì mà lạ lùng vậy? - Lão vừa kêu lên, vừa lấy gậy nện xuống nền nhà - Tôi đến đây để gặp một người, cả hai ông tôi chưa từng gặp bao giờ mà lại đối xử với tôi như thế hả?

- Thì cũng chẳng có thiệt thòi gì cho ông đâu! Chúng tôi sẽ đền bù ông về chỗ thời giờ ông mất. Ông ngồi đây đi, trên ghế tràng kỷ này. Ông không phải đợi lâu đâu.

Lão già miễn cưỡng nghe theo, ngồi xuống. Jones và tôi đốt lại điếu xì gà và câu chuyện giữa chúng tôi lại tiếp tục không mấy may bận tâm đến ông già nữa.

- Tôi nghĩ các ông cũng nên mời tôi một điếu xì gà chứ - Giọng Holmes vang lên đột ngột.

Chúng tôi giật nảy mình. Đích thị là Holmes đang ngồi cạnh chúng tôi, mặt lộ vẻ thích thú nhẹ nhàng.

- "Holmes" - Tôi kêu lên - Anh đấy à? Thế còn ông kia đâu rồi?

- Thì lão ấy đây này! - Anh nói và chỉ vào đồng tóc bạc. - Toàn bộ lão ấy ở đây này: mớ tóc giả, ria mép, lông mày, tất cả đều còn đây. Tôi cứ nghĩ sự cải trang của tôi cũng tạm được, nhưng không ngờ nó lại đạt một cách chói lọi như vậy.

- A, đồ xỏ lá - Jones thốt lên giọng hờn hờ - Ông có thể trở thành diễn viên kịch đấy, mà là diễn viên kịch ngoại hạng nữa là khác. Tiếng ho đúng là tiếng ho nghe trong những căn nhà ổ chuột, và đôi chân lão đảo ông phô trương đáng giá 10 bảng một tuần đấy. Ít ra, tôi cũng nhận ra được ánh nhìn quen thuộc trong cặp mắt đó. Ông thấy không, ông Holmes, chúng tôi đâu có để ông thoát khỏi tay chúng tôi dễ như thế đâu!

- Tôi đã làm việc suốt cả ngày dưới bộ cải trang này - Holmes vừa nói vừa châm điếu xì gà - Chẳng là ông biết đấy, nhiều người chung quanh bắt đầu nhận ra tôi, nhất là từ khi anh bạn chúng ta buồn tình cho đăng một vài câu chuyện trong đó tên tôi được nêu lên quá rõ ràng. Ông đã nhận được điện của tôi chứ?

- Vâng, chính nó đưa tôi đến đây.

- Công việc của ông tiến hành tốt chứ?

- Tất cả đều sụp đổ. Tôi đã phải thả hai người tù ra, và chẳng có bằng cứ gì chống hai người còn lại.

- Ông chớ lo. Chúng tôi sẽ giao cho ông tên khác để thay vào. Nhưng với điều kiện ông nhận những chỉ thị của tôi. Tôi xin nhường lại cho ông tất cả công lao về mặt chính

quyền, đổi lại ông phải hành động theo lời tôi yêu cầu. Đồng ý chứ?

- Hoàn toàn thôi, miễn ông giúp tôi tìm ra những kẻ phạm tội.
- Được. Tuy nhiên, trước hết tôi muốn một chiếc tàu cảnh sát, tàu máy hơi nước, sẵn sàng dưới bến Westminster vào lúc 7 giờ tối nay.
- Dễ thôi. Lúc nào cũng có sẵn một chiếc quanh đó. Tôi có thể qua phố gọi điện thoại cho chắc.
- Tiếp đó, tôi cần hai người lực lưỡng, dự phòng có gặp kháng cự.
- Trên tàu sẽ có hai, ba người như thế. Còn gì nữa không?
- Khi bắt được bọn gian, ông để lại kho báu cho chúng tôi. Tôi nghĩ bạn tôi hiện có mặt tại đây sẽ vô cùng vui sướng khi trao kho báu lại cho cô gái là người theo pháp luật được hưởng phân nửa. Ta hãy để cô ta là người đầu tiên được mở kho báu ra. Phải thế không Watson?
- Tôi rất vinh dự.
- Thật là một thủ tục không hợp lệ tí nào - Jones vừa nói vừa lắc đầu - Tuy nhiên, bởi mọi cái trong vụ này đều không hợp lệ... Tôi nghĩ ta chỉ cần nhắm mắt làm ngơ là được. Nhưng sau đó kho báu phải được trao lại cho chính quyền cho đến lúc kết thúc cuộc điều tra chính thức.
- Tất nhiên. Còn gì bình thường hơn nữa? Còn một điểm: tôi muốn chính Johnathan Small cho tôi một số chi tiết. Ông biết tôi muốn tiến hành cuộc điều tra đến tận cùng và làm sáng tỏ những góc cạnh nhỏ nhất nhất của một vụ án. Ông có gì phản đối nếu gặp người ấy bán chính thức không? Cuộc hội kiến này có thể là tại đây hoặc ở nơi khác, bởi lẽ người này sẽ được canh giữ cẩn thận.
- Vâng, nói thật thì ông làm chủ tình hình. Tôi không có một bằng chứng nào về sự hiện hữu của tên Johnathan Small đó cả. Tuy nhiên tôi vẫn chưa thấy rằng bằng cách nào tôi có thể từ chối ông cuộc diện kiến ấy nếu ông bắt được y.
- Thế là chúng ta đều nhất trí về mấy vấn đề ấy chứ?
- Hoàn toàn. Còn gì nữa không?
- Vâng, còn, nhưng chỉ là để mời ông dùng bữa tối với chúng tôi. Trong nửa tiếng đồng hồ nữa, bữa ăn sẽ sẵn sàng. Tôi có sò, một cặp gà lôi và một ít rượu chát trắng hảo hạng. Watson à, anh chưa bao giờ biết tài nội trợ của tôi đâu!

Chương 10: Hết đời tên dân đảo

Bữa ăn thật vui vẻ. Khi nào anh muốn, Holmes là một tay nói chuyện tài tình; tối hôm ấy, anh muốn như thế. Dường như anh ở trong tình trạng phấn chấn hứng khởi và tỏ ra rất hoạt bát. Chuyển nhanh từ chủ đề này sang chủ đề khác, những vở kịch thời Trung cổ, những cây đàn violone của Stradivarius, Phật giáo tại Srilanka[1], tàu chiến trong tương lai, anh thảo luận mỗi đề tài này tưởng như đã từng nghiên cứu kỹ lưỡng. Tính tình vui vẻ lúc ấy hoàn toàn khác hẳn vẻ thiếu ngủ hai ngày trước. Athelney Jones thì tỏ ra lịch thiệp trong những giờ giải lao ấy và tham dự buổi ăn tối rất vui vẻ. Phần tôi, tôi thấy nhẹ nhõm khi nghĩ rằng chúng tôi đã đến gần chỗ kết thúc vụ án và cũng để mình xuôi theo niềm vui dễ lây của Holmes.

Trong suốt bữa ăn, không một ai trong chúng tôi đề cập đến thảm kịch đã kết hợp

chúng tôi lại lúc ấy. Khi bàn ăn được dọn dẹp, Holmes liếc nhìn đồng hồ và rót 3 ly rượu.

- Một tuần rượu để chúc chuyển đi nhỏ nhỏ của chúng ta thành công! - Anh ra lệnh - Và bây giờ đã đến lúc lên đường. Watson, anh có súng ngắn không?

- Tôi có khẩu súng cũ trong bàn giấy.

- Anh nên mang nó theo. Phải dự kiến mọi tình huống. Tôi thoáng thấy xe đò ở cửa. Tôi đã gọi hẹn lúc 6 giờ rưỡi.

Khoảng sau 7 giờ, chúng tôi đến bến Westminster. Bằng con mắt lạnh lùng, Holmes xem xét chiếc đò máy đang đợi chúng tôi.

- Có dấu hiệu gì cho biết nó thuộc cảnh sát?

- Vâng, có. Có ngọn đèn xanh bên hông.

- Thế thì phải gỡ nó ra.

Sau khi đã cải tiến chút đỉnh như thế, chúng tôi ngồi vào tàu và người ta nhả neo.

Jones, Holmes và tôi ngồi phía sau. Một người đứng ở đầu lái, một người đứng máy và hai viên thanh tra cảnh sát vạm vỡ ở phía trước.

- Ta đi đâu đây - Jones hỏi.

- Đến Tower[2]. Nói họ ngừng trước Ụ tàu Jacobson.

Rõ ràng chiếc tàu của chúng tôi chạy rất nhanh. Chúng tôi qua mặt từng đoàn xà lan chất đầy hàng, nhanh tương tự như những đoàn đang thả neo. Holmes nở một nụ cười thỏa mãn khi thấy tàu chúng tôi đuổi kịp một chiếc tàu máy khác và để nó lại phía sau.

- Ta phải có khả năng đuổi kịp bất cứ ai trên đoạn sông này - Anh nói.

- Có thể là hơi nói ngoa nhưng không có nhiều đò máy có khả năng bỏ rơi chúng ta đâu.

- Ta phải đuổi chân chiếc "The Aurora" vốn nổi tiếng phóng nhanh như giống hải âu.

Tôi sẽ giải thích bằng cách nào tôi đã tìm thấy chiếc "The Aurora", Watson. Anh còn nhớ tôi bực mình hết sức vì bị cản trở bởi một việc khó khăn còn con chứ?

- Có.

- Thế này nhé. Lúc vui đầu vào việc phân tích hóa chất, trí óc tôi được hoàn toàn thanh thản. Một trong những chính khách lớn nhất của ta có nói cách nghỉ ngơi tốt nhất là thay đổi công việc làm. Ấy thế mà đúng đấy! Khi tôi thành công việc hòa tan hydrocarbon, một công trình tôi nghiên cứu từ trước, tôi quay về vấn đề Sholto và một lần nữa duyệt xét lại toàn bộ vấn đề. Đám trẻ con của tôi lục soát không kết quả con sông - ngược cũng như xuôi dòng. Chiếc đò máy không nằm tại một bến đò nào mà cũng không trở về bến của nó. Bị đánh đắm để xóa mọi dấu vết là điều khó có thể xảy ra. Tuy nhiên tôi vẫn giữ lại giả thuyết này trong đầu trường hợp cần đến nó. Tôi biết cái anh chàng Small kia là một người khá mưu mô xảo quyệt nhưng tôi không tin hắn có đủ tinh vi. Sau đó, tôi nghĩ đến việc là hắn chắc đã ở tại London một thời gian, bằng chứng là hắn kiểm soát chặt chẽ khu biệt trang Pondicherry. Như vậy hắn rất khó lòng mà bỏ đi tức khắc được. Hắn cần một khoảng thời gian nào đó, đầu chỉ là một ngày để thanh toán công việc. Ít ra những điều này cũng có thể xảy ra.

- Tôi lại thấy có vẻ khá độc đoán - Tôi nói - Điều có thể xảy ra hơn là hắn đã thu xếp mọi sự trước khi ra tay chứ.

- Không, tôi không nghĩ như vậy. Hang ổ của hắn là một nơi trú ẩn quý báu quá nên hắn không thể nghĩ đến việc rời bỏ nơi đó trước khi chắc chắn có thể tìm ra một nơi khác. Rồi lại còn mặt này nữa của vấn đề: Jonathan chắc phải nghĩ đến hình dáng khác

thường khó lòng che mắt của tên tòng phạm, dù có cho y ăn mặc cách nào chẳng nữa cũng có thể gọi trí tò mò và còn có thể khiến một số người liên hệ đến tấn thảm kịch ở Norwood nữa. Hẳn đủ thông minh để nghĩ đến điều đó. Bọn chúng rời khỏi nhà vào ban đêm và Small phải trở về trước rạng sáng. Thế mà khi chúng đến nơi chiếc đồ đậu thì đã quá 3 giờ sáng; còn một tiếng đồng hồ nữa là ngày sẽ tỏ, thiên hạ bắt đầu đi lại... Tôi kết luận bằng lối suy diễn là chúng không đi xa lắm đâu. Chúng trả tiền hậu hĩ cho Small để ông này kín miệng và giữ chiếc đồ máy sẵn sàng cho cuộc đào tẩu sau cùng; và chúng hấp tấp trở về nhà cùng với kho báu. Hai, ba ngày sau, sau khi xem xét kỹ báo chí trình bày sự việc như thế nào, và đã kiểm tra xem chúng có bị nghi ngờ gì không, chúng sẽ ra đi bằng đồ máy, nhờ bóng đêm che chở, về chiếc tàu nào đó thả neo tại Gravesend hoặc Down. Chắc chắn bọn chúng đã lấy vé đi Mỹ hoặc các xứ thuộc địa.

- Thế còn chiếc đồ máy? Chúng đâu có thể mang theo!

- Đồng ý! Thế là tôi nhất quyết chiếc đồ máy không ở đâu xa dầu tìm không thấy. Tôi tự đặt vào địa vị Small và nhìn vấn đề theo góc cạnh của chính hắn. Có lẽ hắn cũng ý thức mối hiểm nguy nếu đưa đồ về bến chính hoặc giữ nó lại tại một bến nào đó, nếu cảnh sát phăng ra dấu vết của hắn. Thế thì làm sao vừa che giấu chiếc tàu đồng thời giữ nó trong tầm tay sẵn sàng để sử dụng. Tôi sẽ xử trí ra sao ở vào địa vị của hắn và trong những hoàn cảnh tương tự? Tôi tìm kiếm và chỉ thấy có một cách duy nhất là giao chiếc tàu cho một xưởng đóng tàu hoặc sửa chữa, với lời dặn thay đổi đôi chút. Như thế là chiếc tàu nằm trong một hảng nào đó, và được che giấu kỹ. Tuy nhiên, trong vài tiếng đồng hồ nữa nó lại thuộc quyền sử dụng của tôi.

- Nghe ra khá đơn giản đấy.

- Ấy chính những điều rất đơn giản mới có nhiều cơ hội nhất để qua mắt thế gian. Tôi quyết định mang suy nghĩ này ra ứng dụng thử xem. Mặc vào người bộ áo quần thủy thủ vô hại này, tôi liền đi điều tra trong tất cả các xưởng xuôi sông, không kết quả trong 15 xưởng. Nhưng đến xưởng thứ 16, xưởng của Jacobson, tôi được biết chiếc "The Aurora" được giao cho họ 2 ngày trước đó do một người đi chân gỗ than phiền về bánh lái tàu. "Cái bánh lái ấy chẳng có sao cả". Viên đốc công bảo tôi thế - "Kìa, chiếc đồ máy ấy kia kìa, chiếc có những vạch đỏ".

Vừa lúc ấy, ai xuất hiện? Thì chính Mordecai Smith, người chủ mất tích. Ông ta say bí tỷ. Dĩ nhiên tôi không thể nhận ra nếu ông ta đừng đem tên mình và tên chiếc tàu ra mà gào lên đến vỡ họng: "Tôi cần nó đúng 8 giờ, anh nghe rõ chứ? Tôi có hai vị không chờ đợi được đâu đấy".

- Bọn chúng chắc đã chu cấp rộng rãi cho Smith. Y thừa thãi tiền và phân phát những đồng shilling thoải mái cho thợ thuyền. Tôi theo y bèn gót trong một thời gian, nhưng y lại biến mất trong một quán rượu. Thế là tôi trở về xưởng và trên đường gặp một chú trình sát của tôi, tôi đặt nó cạnh chừng cạnh chiếc đồ máy. Tôi bảo nó đứng ngay cạnh bờ sông và vẫy khăn tay khi thấy chúng chạy. Bố trí như vậy quả là điều lạ lùng nếu chúng tôi không tóm gọn được cả bọn và kho báu.

- Dầu có phải đúng là bọn ấy hay không chẳng nữa, thì ông cũng đã chuẩn bị mọi thứ rất kỹ càng - Jones nói - Nhưng nếu tôi đảm trách vụ này, tôi sẽ lập một vành đai cảnh sát quanh ụ tàu của Jacobson và bắt chúng ngay lúc chúng trở về.

- Nghĩa là chẳng bao giờ. Vì Small là một tay khá quỷ quyệt. Hắn sẽ cho người thám thính, và nếu có động tĩnh gì là hắn sẽ lẩn trốn trong một tuần lễ.

- Nhưng anh có thể bám gót Mordecai Smith và từ đó phát hiện ra nơi ẩn nấp của chúng - Tôi biện bác lại.

- Nếu thế, tôi sẽ mất cả một ngày. Tôi tin rằng chẳng có lấy một phần trăm may mắn để Smith biết được nơi ẩn nấp của chúng. Tại sao y lại đi thắc mắc này nọ trong khi y được trả công rất hậu và nhận thả cửa? Chúng sẽ truyền đến y những chỉ thị. Không anh ạ, tôi đã nghĩ kỹ đủ các phương cách hành động và cách này là tốt nhất.

Trong lúc trao đổi, chúng tôi đã vượt qua một loạt những cây cầu bắc qua sông Thames. Lúc chúng tôi vào đến trung tâm thành phố, những tia nắng cuối cùng nhuộm vàng cây thập tự trên nóc nhà thờ St. Paul. Hoàng hôn trải rộng trước khi chúng tôi đến Tháp London.

- Đây là ụ tàu của Jacobson - Holmes vừa nói vừa chỉ vào đám lố nhố chằng chịt những cột buồm dây thừng bên phía Surrey - Ta hãy chạy lên xuống dọc sông với tốc độ giảm. Ta chạy tuần tra nấp theo sau đoàn xà lan kia.

Anh lấy cặp ống nhòm trong túi ra và quan sát bờ bên kia một hồi.

- Tôi trông thấy chú trinh sát ở vị trí rồi - Anh tiếp - Nhưng nó không vẫy mù-soa.

- Hay chúng ta đi xuống dọc sông một chút rồi đợi chúng tại đó - Jones vồn vã đề nghị. Giờ thì chúng tôi đều nôn nóng; ngay cả mấy cảnh sát viên và thợ máy là những người chỉ có một ý niệm rất mơ hồ về những gì đang chờ đợi chúng tôi.

- Ta không được quyền phạm một sai sót nào, dầu nhỏ nhất - Holmes đáp - Rất có thể là chúng xuôi sông, dĩ nhiên, nhưng chẳng có gì là chắc cả. Từ vị trí chúng ta có thể kiểm soát lối ra vào các xưởng, ngược lại chúng khó lòng nhận ra chúng ta. Đêm nay trời trong sáng và ta sẽ có đủ ánh sáng cần thiết. Anh có thấy đám người chen chúc vội vã ở chân cột đèn đăng kia không?

- Họ rời xưởng. Đã hết giờ làm việc.

- Trông họ thật góm ghiếc nếu cứ nghĩ người nào cũng ẩn giấu một tia nhỏ vô luận nào đó trong đầu. Nhưng, ta lại không được quyền nghĩ thế: ta không thể phát biểu cái "có lẽ" một cách vô đoán được. Con người là một bí hiểm đến lạ lùng.

- Có ai đó nói rằng con người là một con thú mang xác người - Tôi bảo anh ấy.

- Về điểm này, Winwood Reade thật tuyệt. Ông ấy nhận xét rằng con người nếu tách riêng ra là một bài toán nát óc không giải nổi, nhưng đứng giữa đám đông, nó lại biến thành một chính xác có tính toán học. Chẳng hạn, anh không thể tiên đoán kẻ này kẻ nọ sẽ làm gì, chúng anh có thể dự kiến một nhóm người sẽ cư xử ra sao. Cá nhân thì thay đổi, song trung bình các cá nhân lại bất biến. Nhà thống kê học nói thế đấy. Ờ mà kia, chẳng phải tôi vừa trông thấy chiếc khăn tay đó sao? Kia kia: có cái gì trắng trắng đang động đậy.

- Đúng, chú trinh sát của anh đó - Tôi kêu lớn - tôi thấy nó rất rõ.

- Và kia, chiếc "The Aurora". Nó phóng nhanh như quỷ sứ. Ê thợ máy, mở hết tốc lực nhanh đi nào. Hướng về chiếc đèn máy có ánh đèn màu vàng kia. Trời đất? Thật hết chịu nổi nếu nó nhanh hơn ta.

Nó len lỏi giữa lối ra vào xưởng, lách mình qua giữa hai, ba chiếc tàu nhỏ hơn. Nó đã đạt lên tốc độ tối đa, hay gần như thế, trước khi có thể trông thấy nó. Xả hết hơi, giờ nó xuôi sông nép theo khá gần bờ, Jones nhìn theo nó, lắc đầu.

- Nó chạy nhanh quá - Ông nói - Tôi e rằng ta không bắt kịp nó đâu.

- Phải đuổi kịp nó chứ? - Holmes kêu lớn - Cho đầy nước vào nồi súp de đi, thợ máy!

Hãy bám theo chúng, phải đạt năng suất tối đa vào! Phải đuổi bắt kịp chúng nó, dầu có phải đốt cháy tàu ta!

Đến lượt chúng tôi bắt đầu gia tăng tốc độ. Nồi súp-de gầm rít, máy máy cực mạnh thờ phì phì và rung lên như con tim kim khí khổng lồ. Mũi tàu sắc nhọn rẽ nước ném ra hai bên hai lớp sóng gào thét. Cứ mỗi nhịp máy nổ, con tàu lái nhảy chồm lên rung chuyển như con vật sống động. Phía trước, ngọn đèn lồng màu vàng quét một tia sáng dài lung linh. Một vết tối trên sóng nước chỉ rõ vị trí của chiếc “The Aurora”. Bọt trắng sôi sục phía sau nó cho biết tốc độ điên cuồng của nó. Chúng tôi đâm bổ tới trước nhanh hơn. Chúng tôi qua mặt đoàn xà lan, tàu kéo, tàu buôn, lướt nhẹ qua chiếc này, bọc vòng chiếc kia. Từ trong bóng tối vọt lên những tiếng la hét gọi réo theo chúng tôi.

- Đốt lửa lò thêm nữa các bạn, đốt thêm lên đi – Holmes hét lớn, nhìn vào buồng máy bên dưới. Nồi súp-de đỏ rực chiếu sáng lên khuôn mặt nóng nẩy của anh - Nạp hết hơi nước vào!

- Tôi nghĩ ta đã bắt kịp nó tí đỉnh rồi đó - Jones nói, mắt không rời chiếc “The Aurora”.

- Chắc thế rồi - Tôi nói - Trong ít phút nữa ta bắt kịp nó thôi.

Đúng vào lúc đó, một chiếc tàu kéo ba chiếc xà lan xen vào giữa chúng tôi, như có một vị thần tai ác nào cố tình đặt nó vào đây. Chúng tôi chỉ có thể tránh khỏi sự va chạm bằng cách kéo mạnh hết cỡ chiếc bánh lái. Thời gian vòng qua đoàn tàu và bẻ lái hướng về những kẻ chạy trốn đủ cho chiếc “The Aurora” lẩn tới thêm 200 yard. Tuy nhiên nó vẫn còn trong tầm nhìn.

Ánh hoàng hôn mờ đục nhường chỗ cho ánh sao soi sáng trên bầu trời đêm, sức mạnh khổng lồ ném chúng tôi về phía trước khiến vỏ tàu mỏng nhẹ của chúng tôi rung lên và nghiêng rít. Chúng tôi chạy băng qua vực, vượt qua khu bến tàu Tây Ấn, chạy xuống dọc theo khúc sông Deptford rồi quay mũi lên sau khi vòng qua Isle of Dogs. Jones chụp được chiếc “The Aurora” trong chum tia sáng của chiếc đèn pha; chúng tôi trông thấy rõ bóng người trên boong. Một người ngồi phía đuôi tàu, ôm giữ hai chân một vết đen và cúi mình lên đó. Nằm cạnh hắn là một khối đen mờ trông giống như con chó giống miền Đất Mới. Cậu bé Smith giữ cần lái trong lúc cha nó lưng trần, bóng, nổi rõ trước lò lửa đỏ rực, tiếp than từng xẻng lớn theo một nhịp độ khùng khiếp. Có lẽ thoát đầu bọn chúng chưa rõ ý định của chúng tôi, nhưng đến lúc thấy chúng tôi bắt chước chúng theo từng khúc quanh, từng lối ngoằn ngoèo thì chúng không còn ngờ vực gì nữa. Đến Greenwich chúng tôi cách sau tàu chúng độ 300 bộ[3]. Đến Blackwall, chỉ còn cách 250 bộ. Trong cuộc đời sôi nổi của tôi, tôi đã săn bắn nhiều thú tại nhiều nước, nhưng môn thể thao đó chưa bao giờ tạo cho tôi cái kích động man rợ trong cuộc săn đuổi người giữa dòng sông Thames này. Cứ đều đặn, từng yard, từng yard, chúng tôi có thể nghe rõ tiếng máy tàu thờ hỏn hển và đập ầm ầm. Người trên boong vẫn ngồi xồm, đôi tay cử động tưởng như đang bận vào việc gì đó. Thỉnh thoảng hắn lại lấy mắt đo khoảng cách giữa chúng tôi đang giảm xuống một cách khắc nghiệt. Jones gọi chúng. Chúng tôi chỉ còn cách nhau bốn thân tàu. Hai chiếc vẫn chạy với một tốc độ kinh khủng.

Trước mặt chúng tôi, dòng sông trải rộng mênh mông, bên này bờ là vùng Barking và bên kia là những đầm lầy Plumstead hoang vắng. Nghe chúng tôi gọi, người trên boong nhảy nhồm dậy, đưa hai nắm tay lên và chửi thề với giọng khàn đặc. Hắn có tầm vóc rất vạm vỡ. Lúc đứng thẳng đối diện với chúng tôi, hai chân soạn ra để đỡ thẳng bằng, tôi có thể thấy từ vế trở xuống chỉ là cái chân gỗ. Nghe tiếng la hét giận dữ của hắn, cái

khối đen ngòm bên cạnh hàn bắt đầu cử động. Khối đen ấy biến thành một con người nhỏ da đen, một con người bé nhỏ mà tôi chưa từng thấy. Nó có cái đầu dị dạng và một mớ tóc rối bời. Holmes đã rút khẩu súng ngắn của anh ra khi trông thấy sinh vật quái dị ấy, và tôi bắt chước theo. Gã man di quần quanh mình một thứ áo choàng màu sẫm hay cái mền gì đó, chỉ để hở cái mặt, nhưng cái mặt ấy đủ khiến ta không ngủ được. Đường nét trên mặt hắn sâu tính hung bạo súc vật. Cặp mắt ti hí long lanh rực lên một thứ ánh sáng tối tăm. Đôi môi méo xệch thành cái nhếch mép ghê tởm. Răng hắn nghiền vào nhau, đánh vào nhau lập cập khi thấy chúng tôi với vẻ giận dữ thú vật.

- Cứ nổ súng nếu nó đưa tay lên - Holmes bảo khẽ.

Lúc này chúng tôi cách nhau chưa được một thân tàu và gần bắt được con mồi. Bây giờ tôi vẫn còn thấy rõ như in hai người đứng trong ánh sáng ngọn đèn chúng tôi: tên da trắng chân dang rộng, gào thét những câu chửi rủa và tên lùn dị tướng với bộ mặt gớm ghiếc, hàm răng vàng khè rắn chắc như vuốt ngoạm lấy chúng tôi.

Thật may là chúng tôi trông thấy nó rõ ràng đến thế. Vì ngay dưới mắt chúng tôi, nó rút từ dưới mền ra một khúc gỗ ngắn tròn, trông giống cây thước kẻ học trò và đưa lên miệng. Hai khẩu súng ngắn của chúng tôi cùng nổ một lúc. Nó quay người, dang hai tay lên trời rồi ngã xuống về một bên, rơi xuống dòng nước, kèm theo tiếng nấc nghẹn. Tôi thoáng thấy cặp mắt đầy đe dọa giữa lớp sóng bạc. Nhưng cùng lúc đó, tên chân gỗ nhào người về bánh lái và bẻ hết cỡ. Chiếc đồ máy xoay mình chạy thẳng về phía bờ nam, vừa lúc chúng tôi qua mặt nó, chỉ nhích qua vài feet là va vào nó. Một lúc sau, chúng tôi đổi hướng chạy, nhưng chúng đã gần đến bên kia bờ. Đó là một vùng đất hoang vu, tiêu điều. Mảnh trăng chiếu ngời trên vùng đất rộng, đầm lầy, đầy ao hồ nước đọng và loài cây cỏ úng thối. Sau một tiếng va mạnh, chiếc đồ máy mắc cạn lên bờ sinh lầy, mũi tàu dốc ngược lên, đuôi chìm xuống nước. Tên tôi phàm chạy trốn nhảy ra khỏi tàu, nhưng cái chân gỗ lún sâu trong đất nhão. Hắn vùng vẫy, vịn mình đủ cách: vô ích! Hắn chẳng nhích lên hoặc lùi xuống được lấy một bước. Gào thét trong cơn giận dữ bất lực, hắn dùng cái chân kia điên cuồng đập vào bùn. Nhưng những cố gắng chỉ làm cho chiếc chân gỗ lún sâu thêm. Khi đó máy chúng tôi đổ ngay sát hắn ta, hắn bị neo chặt trong bùn đến nỗi chúng tôi phải buộc một vòng dây quanh ngực mới kéo được hắn lên về phía chúng tôi y như một con cá. Hai cha con Smith ngồi trên đồ, nét mặt cau có, nhưng vẫn ngoan ngoãn bước lên tàu chúng tôi khi Jones ra lệnh. Rồi lại phải kéo chiếc "The Aurora" theo chúng tôi.

Trên boong tàu là một chiếc hộp sắt chế tạo tại Ấn Độ. Đó dĩ nhiên là cái hộp đựng cái kho báu đã gây tang tóc cho Sholto. Nó rất nặng và chúng tôi phải chở nó rất cẩn thận trong khoang tàu chúng tôi. Ổ khóa không có chìa. Chạy chậm chậm ngược dòng sông, chúng tôi quét đèn chiếu chung quanh nhưng chẳng thấy dấu vết con quái vật bé tí. Đâu đó dưới đáy sông Thames, trong sinh lầy, yên nghỉ nắm xương của gã du khách lạ lùng đó.

- Hãy nhìn vào đây mà xem này! Holmes vừa nói vừa chỉ vào cửa buồng hầm tàu - Thật vừa đúng lúc ta nhanh tay với hai khẩu súng ngắn.

Thật vậy, ngay phía sau chỗ chúng tôi đứng lúc nãy có ghim một mũi tên giết người mà ta đã biết quá rõ. Chắc nó đã bay đến giữa chúng tôi vừa lúc chúng tôi nổ súng. Holmes, theo cung cách điềm tĩnh của anh, chỉ mỉm cười nhún vai. Riêng phần tôi thật là tôi vẫn còn xúc động nghĩ đến cái chết khủng khiếp mà chúng tôi đã thoát khỏi trong chân tơ kẽ tóc đêm ấy.

Chương 11: Kho báu ARGA

Người tù của chúng tôi ngồi trong khoang tàu trước chiếc hộp sắt, mà để chiếm hữu nó, y đã phải chờ đợi bao lâu nay và chiến đấu hung hãn. Y có cái nhìn táo bạo, nước da rám nắng. Khuôn mặt ngang dọc những đường nhăn. Nét mặt hằn sâu màu đồng hun thể hiện cuộc sống dạn dày sương gió. Cái cằm râu rậm sừng sỏ chứng tỏ y không phải là người có thể dễ dàng gạt khỏi mục tiêu đã nhắm. Y trạc tuổi 50. Mái tóc đen quăn lổm đổm rất nhiều sợi bạc. Bình thường, khuôn mặt cũng không đến nỗi nào. Nhưng hàng mày rậm và cái cằm nhô hẳn ra tạo cho bản vẻ khủng khiếp trong cơn giận dữ. Hẳn ngồi, đôi tay bị còng, đầu cúi gằm, cặp mắt lạnh lợi chớp chớp nhìn về cái hộp - Nguyên nhân mọi tội ác của hắn. Trong tư thế cứng nhắc có tự chế, tôi nghĩ và phân biệt được nhiều nét buồn rầu hơn là giận dữ. Một lần y ngược mắt nhìn tôi và trong ánh mắt tưởng

như có tia châm biếm....

- Này, ông Johnathan Small, tôi tiếc là công việc lại kết thúc như thế này - Holmes vừa nói vừa châm một điếu xì gà.

- Thế còn tôi đây, thưa ông - Đáp lại - Tôi không nghĩ tôi sẽ tìm ra cách tự mình oan cho mình khỏi vụ án này. Thế nhưng tôi có thể thề với ông trên kinh thánh là tôi không hề đụng vào ông Sholto. Chính Tonga, con chó địa ngục ấy đã phóng ra một trong những mũi tên độc địa của nó đấy. Tôi tuyệt đối không nhúng tay vào, thưa ông! Tôi rất ân hận y như ông ta là người trong gia đình tôi vậy. Tôi đã dùng một mẩu dây tann cho con quỷ nhỏ ấy một trận rồi; nhưng trước sự đã rồi, tôi không còn cách gì cứu vãn được nữa.

- Này, hãy hút một điếu xì gà đi! - Holmes bảo - Và ông cũng nên uống một ngụm whisky, ông ướt đầm cả người rồi. Nhưng mà này, ông nói tôi biết làm sao ông hy vọng một người nhỏ yếu như tên da đen ấy lại có thể bắt giữ được ông Sholto trong khi ông trèo lên bằng dây?

- Dường như ông cũng biết rõ như ông đã có mặt tại đó, thưa ông. Mặc dù thật ra ông đã đến khi không còn ai. Tôi biết khá rõ những thói quen trong nhà, và ông Sholto thường xuống lầu dùng cơm tối vào giờ đó. Tôi không muốn giấu diếm gì trong vụ này. Cách biện hộ tốt nhất của tôi vẫn là nói lên sự thật đơn thuần. Phải chi là viên thiếu tá già kia, tôi đã đưa hắn ta qua bên kia thế giới mà lòng nhẹ nhõm, tôi sẽ ung dung cắt cổ y, cũng ung dung như tôi hút điếu xì gà này vậy! Xui thật. Cứ nghĩ tôi sẽ bị kết án vì ông Sholto em! Thật tình tôi chẳng có lý do gì để gây gổ với ông ấy!

- Ông Athelney Jones, thuộc Scotland Yard, sẽ chịu trách nhiệm về ông. Ông ấy đưa ông về nhà tôi. Tôi xin ông thuật lại chân thật câu chuyện. Nếu ông tuyệt đối thành thật, nếu ông chẳng giấu diếm gì, tôi hy vọng có thể giúp ông được. Tôi nghĩ tôi có thể dẫn chứng rằng chất độc tác dụng nhanh đến độ nạn nhân chết ngay trước khi ông bước vào phòng.

- Về việc này thì đúng như vậy, thưa ông.

Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ bị chấn động như thế khi tôi thấy ông ta, đầu queo trên vai, nhìn tôi với nụ cười dịu góm ghiếc khi tôi vào bằng cửa sổ. Điều này làm tôi rất xúc động, thưa ông! Chắc là tôi đã giết Tonga nếu nó không bỏ trốn đi trước. Ấy chính vì thế mà nó để lại cái chùy đá và một số tên, theo như lời nó nói. Tôi chắc là việc này đã giúp ông tìm ra dấu vết chúng tôi, phải thế không ạ? Mặc dầu tôi không thấy ra được bằng cách nào ông đã theo dõi chúng tôi được đến tận cùng. Tôi không đem lòng oán giận ông đâu, ông biết cho. Nhưng có điều lạ là tôi thì ngồi đây, trong khi tôi có quyền lợi chính đáng chiếm hữu nửa triệu đồng... Tôi đã dùng nửa cuộc đời thứ nhất của tôi để xây một cái đập trong vùng Andaman; phần đời còn lại tôi có cơ hội tốt để đào hầm ở Dartmoor! Cái ngày tôi gặp tên lái buôn Achmet và kho báu Argas quả thật là một ngày tai họa! Thưa ông, cái kho báu ấy tự thuở nào vẫn là niềm bất hạnh cho những ai nắm giữ nó. Tên lái buôn thì bị ám sát. Còn thiếu tá Sholto thì sống trong nỗi sợ hãi và ô nhục. Riêng tôi, kho báu ấy chỉ mang lại cho tôi cả một cuộc sống nô lệ.

Lúc đó, Athelney Jones thò cái đầu tròn của ông ta vào:

- Ồ, đúng là một cuộc hội họp gia đình! - Ông thốt lên - ông Holmes ạ, tôi nghĩ tôi sẽ ném thử chút whisky của ông. Thế là ta có quyền khen tặng lẫn nhau. Tiếc là ta không bắt sống được tên kia Nhưng lúc ấy nào ta đâu có quyền chọn lựa! Dầu sao, ông Holmes ạ, ông cũng thừa nhận là ta tóm họ vừa đúng lúc. Ta đã phải xả hết tốc lực.

- Khởi đầu tốt thì chung cuộc cũng tốt thôi, - Holmes nói - Nhưng tôi không ngờ chiếc "The Aurora" lại nhanh thế!

- Smith nói chiếc đò máy của y là một trong những chiếc nhanh nhất trên sông, và nếu có thêm người phụ ở buồng máy thì không bao giờ ta đuổi kịp. Y thế chẳng hay biết gì về vụ án mạng ở Norwood cả.

- Đúng đấy! - Người tù của chúng tôi buột miệng nói lớn - Tôi chẳng tiết lộ điều gì với y. Tôi chọn chiếc đò máy của y vì nghe nói nó chạy như gió. Nhưng chỉ có thế thôi. Tôi trả tiền y rất hậu, và có hứa cho y một phần thưởng xứng đáng nếu y đưa chúng tôi ra tàu Esmeralda đang đậu tại Gravesend, để khởi hành đi Brasil.

- Thế nếu y không làm gì đáng chê trách, thì chẳng có gì tai hại xảy ra cho y cả. Bắt tội phạm thì ta khá nhanh tay, nhưng kết án thì ta chậm hơn.

Thật là tức cười khi thấy Jones cứ làm ra vẻ quan trọng khi mọi việc bắt bớ đã xong. Tôi thoáng thấy một nụ cười phớt qua khuôn mặt Sherlock Holmes, sự thay đổi thái độ này không qua được mắt anh.

- Ta sắp đến cầu Vauxhall - Jones nói - Bác sỹ Watson, tôi đưa ông lên bờ cùng với cái hộp đựng kho báu. Khởi cần nói với ông rằng như vậy là tôi nhận lãnh một trách nhiệm rất nặng nề, bởi vì hoàn toàn không nằm trong nguyên tắc. Nhưng ta đã thỏa thuận về điểm này rồi; tôi không tự mâu thuẫn đâu. Tuy nhiên bổn phận tôi buộc tôi phải cho một viên thanh tra hộ tống bác sỹ, vì giá trị to lớn của cái hộp. Chắc hẳn ông sẽ đi bằng xe?

- Vâng, tôi đi nhờ.

- Thật tiếc là không có chìa khóa để ta có thể tiến hành việc liệt kê sơ khởi. Các ông sẽ phải phá ổ khóa. Này, Small, chìa khóa đâu rồi?

- Dưới đáy sông.

- Hừm? Thật là vô ích khi ông gây thêm cho chúng tôi cái trở ngại đó nữa. Ông đã tạo cho chúng tôi khá nhiều rắc rối rồi. Dầu sao, bác sỹ à, tôi không cần dằn dò ông là phải

rất cẩn thận. Bác sỹ hãy đem cái hộp về phố Baker. Chúng tôi đợi bác sỹ tại đó trước khi đi đến kho tang vật.

Họ bỏ tôi xuống Vauxhall, tôi và cái hộp sắt nặng trĩu, cộng thêm một viên thanh tra khỏe mạnh và dễ mến. Một chiếc xe đưa chúng tôi đến nhà bà Cecil Forrester trong không đầy 15 phút. Bà bồi phòng tỏ vẻ ngạc nhiên về cuộc viếng thăm muộn màng như thế; bà giải thích là bà Forrester tối ấy đi vắng và có lẽ sẽ về rất muộn. Nhưng cô Morstan có ở phòng khách. Tôi nhờ người đưa vào phòng khách với cái hộp. Viên thanh tra đồng ý ngồi lại trong xe.

Cô Morstan ngồi cạnh cửa sổ để mở, mặc một chiếc áo trắng mờ đục nổi bật nhờ đường viền màu đỏ thắm ở cổ và ở thắt lưng. Dưới cái chao đèn, ánh sáng dịu tỏa chiếu đều đặn đến khuôn mặt thanh tú và những lọn tóc quăn mượt mà óng ánh của cô. Tựa lưng vào chiếc ghế mây, một tay buông về một phía, dáng cô trông sầu não, trầm tư. Nhưng khi nghe tôi vào, cô đứng hẳn dậy và đôi má xanh xao phớt hồng vì ngạc nhiên và vui mừng.

- Tôi có nghe rõ tiếng xe ngừng trước cửa - Cô nói - Tôi nghĩ bà Forrester trở về quá sớm, không ngờ lại là ông. Ông mang lại cho tôi tin gì vậy?

- Còn hơn là "tin" nữa kia! - Tôi nói.

Rồi tôi đặt cái hộp lên bàn.

Tim tôi nặng trĩu, nhưng tôi cố làm ra vui vẻ:

- Tôi mang đến cho cô cái còn quý hơn tất cả tin tức trên thế giới này. Tôi mang đến cho cô một gia tài.

Cô liếc nhìn chiếc hộp.

- Vậy đây là kho báu đấy? - Cô hỏi.

Giọng cô thoáng vẻ thờ ơ khó tả.

- Vâng, kho báu to lớn xứ Argat đấy! Một nửa về ông Thaddeus Sholto, nửa kia thuộc về cô. Mỗi người có khoảng chừng 200.000 đồng. Cô có hình dung ra điều đó là như thế nào không? Ở nước Anh hiếm có phụ nữ nào giàu hơn cô đấy. Không tuyệt vời sao?

Có lẽ tôi hơi quá lời trong những biểu lộ niềm hân hoan, và giọng những lời tán tụng của tôi không hoàn toàn có sức thuyết phục, tôi thấy cô khẽ nhướn mày và nhìn tôi với vẻ lạ lùng.

- Nếu tôi có được - Cô nói - Chính là nhờ ông chứ gì?

- Không đâu! - Tôi đáp - Không phải nhờ tôi, mà là nhờ anh bạn Sherlock Holmes của tôi. Với tất cả thiện chí tốt nhất trên đời, tôi cũng không tài nào gỡ rối cái mớ bòng bong ấy được. Và chẳng suýt nữa là chúng tôi làm mất kho báu ấy vào phút chót...

- Mời ông ngồi, bác sỹ Watson. Xin bác sỹ cho tôi nghe trọn câu chuyện đi.

Tôi thuật lại cho cô vắn tắt những sự việc y như chúng diễn tiến từ lúc tôi gặp cô ta. Cái phương pháp truy tầm mới mẻ Holmes đã dùng, việc phát hiện ra chiếc "The Aurora", sự xuất hiện của Jones, những công việc chuẩn bị, cuộc đuổi bắt điên cuồng trên sông Thames. Mắt sáng ngời, môi rung rung, cô lắng nghe những câu chuyện mạo hiểm của chúng tôi. Lúc tôi nói đến cái mũi tên nhắm trật chúng tôi trong đường tơ kẽ tóc mặt cô biến sắc nhợt nhạt, tưởng như cô sắp sửa ngất xỉu.

- Không sao đâu? - Cô thì thào, khi tôi đưa cho cô ly nước - Chỉ hơi khó chịu tí thôi; thật là một chấn động khi tôi hiểu ra rằng tôi đã đặt các bạn bè tôi vào một sự nguy hiểm kinh khiếp đến thế.

- Bây giờ mọi chuyện đã qua rồi - Tôi đáp - Ta hãy gạt sang một bên những chi tiết buồn thảm ấy đi. Ta hãy nói đến một cái gì vui vẻ hơn: kho báu đây rồi. Còn có gì vui hơn? Tôi được phép mang nó theo nghĩ rằng cô sẽ hài lòng là người đầu tiên được trông thấy nó.

- Tôi thích lắm chứ! - Cô nói.

Giọng cô thiếu sự vồn vã. Nhưng có lẽ cô nghĩ có phần thiếu lịch sự nếu tỏ ra hững hờ trước một chiến tích khó mà giành giựt đến thế.

- Chiếc hộp đẹp quá - Cô vừa nói vừa xem xét nó - Tôi đoán nó được chế tạo tại Ấn Độ?

- Vâng, tại Benares.

- Lại nặng đến thế! Cô thốt lên và nâng thử nó - Chỉ riêng cái hộp thôi cũng đủ có giá trị rồi. Thế chìa khóa đâu rồi?

- Small đã ném nó xuống sông Thames rồi - Tôi đáp - Có lẽ phải mượn que củi của bà Forrester thôi.

Ở mặt trước chiếc hộp có một cái móc chắc chắn hình ông Phật ngồi. Tôi tìm cách nhét lần que củi vào bên dưới, và tạo một lực đòn bẩy. Ô khóa bung ra với một tiếng "cắc" nghe rõ. Tay run rẩy, tôi mở nắp ra. Cả hai chúng tôi rất đổi kinh ngạc:

Chiếc hộp trống trơn.

Nó nặng đến thế thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Một lớp sắt luyện dày gần 2 inch, bao bọc nó hoàn toàn. Nó được chế tạo kỹ lưỡng, đồ sộ vững chắc. Chiếc hộp chắc chắn được chế ra với mục đích đựng những vật quý giá. Nhưng bên trong, chẳng có lấy một mẫu nhỏ nào, không có lấy mảnh kim loại hoặc đá quý. Chiếc hộp tuyệt đối và hoàn toàn trống rỗng.

- Kho báu mất rồi - Cô Morstan nói với giọng điềm tĩnh lạ thường.

Nghe câu nói ấy và hiểu trọn vẹn ý nghĩa của nó, tưởng như cái bóng u ám đè nặng xa khuất khỏi hồn tôi. Trước kia tôi chưa thấy hết cái kho báu Arga đè nặng trên tôi đến mức nào.

Tôi chỉ ý thức ra được điều này vào lúc kết cục kho báu bị gạt ra ngoài. Thật là vị kỷ, hẳn nhiên rồi. Tôi thật bất chính và độc ác. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ nghĩ đến một điều duy nhất: giữa hai chúng tôi bức tường vàng đã không còn nữa.

- Cám ơn, chúa tôi! - Tôi thốt lên tự đáy lòng mình.

Cô nở một nụ cười thoáng qua rồi nhìn tôi vẻ tra vấn:

- Tại sao bác sỹ lại nói thế?

- Bởi vì giờ đây em lại ở trong tầm tay anh - Tôi nói, tay tôi đặt lên tay nàng - Bởi vì, Mary ơi, anh yêu em: yêu em chân thành như chưa có người đàn ông nào yêu một phụ nữ như thế. Bởi vì cái kho báu ấy với tất cả của cải của em khiến anh không thốt nên lời được. Bây giờ nó mất đi rồi anh mới nói được với em là anh yêu em biết chừng nào. Đây, tại sao anh lại nói: "Cám ơn, chúa tôi".

- Thế thì em cũng nói: "Cám ơn, chúa tôi" - nàng thì thầm.

Có một kẻ nào đó chắc chắn đã đánh mất một kho báu vào đêm đó; nhưng riêng tôi, tôi vừa mới được một kho báu khác.

Chương 12: Cuộc đời kỳ lạ của Jonathan Small

Ông thanh tra vẫn kiên nhẫn ngồi chờ tôi trong xe. Khi tôi đem cái hộp ra cho ông, thì nét mặt ông tối sầm lại.

- Thế thì mất công toi phần thưởng! – Ông làu nhàu.

- Ông Thaddeus Sholto giàu lắm! dù không tìm lại được hộp châu báu, ông ấy cũng sẽ đền bù công khó nhọc của các ông- Tôi nói.

- Công việc chẳng ra gì! – Ông lắc đầu chán nản – Ông Athelney cũng sẽ thấy thế.

Quả thật thám tử Athelney Jones khi tôi cho ông ta xem chiếc hộp trống rỗng. Cả ba người: Holmes, tên tù và Athelney vừa mới tới. Họ thay đổi chương trình và quyết định trình diện tại đồn cảnh sát trên đường đi. Holmes nằm ườn trên ghế bành với vẻ uể oải thường lệ trong khi Jonathan ngồi thẳng người. Lúc tôi mở chiếc hộp hân cười phá lên.

- Đây là một trong những tội lỗi của anh đấy, Small! - Athelney Jones giận dữ nói.

- Số châu báu đó là của tội. Khi tôi và ba thằng tù lại không được hưởng nó, thì tôi không cho ai chiếm nó cả. Dấu hiệu bộ tứ luôn tồn tại giữa chúng tôi. Đầu phải chúng tôi giết Achmet, rồi để cho bọn Sholto hay Morstan làm giàu! Các ông sẽ tìm thấy kho báu ở chỗ chiếc chìa khoá và thằng Tonga.

- Anh đừng hòng đánh lừa chúng tôi! – Athelney nghiêm nghị nói - Nếu anh ném kho tàng xuống sông, hẳn anh sẽ ném nguyên cả hộp.

- Ném như vậy thì dễ dàng thật, nhưng cũng dễ cho các ông tìm nó - Anh ta bác lại với vẻ ranh ma - Người có đủ khôn khéo bắt được tôi thì cũng có đủ khôn khéo để mò một cái hộp sắt, Nhưng khi tôi rải châu báu trên một khúc sông dài 5 dặm thì khó đấy.

- Anh đã sai lầm nghiêm trọng. Nếu anh giúp đỡ công lý thì anh sẽ được khoan hồng – Viên thám tử nói.

- Công lý! Một nền công lý đẹp đẽ! Số của cải đó thuộc về ai, nếu không thuộc về chúng tôi? Tôi đây. Hai mươi năm dài đằng đẳng trên các đầm lầy, làm việc suốt ngày, bị bọn coi tù hành hạ, suốt đêm bị cùm chân, bị muỗi đốt, run bần bật vì sốt rét....

Jonathan đã thoát ra khỏi cái vế làm lì của gã. Để mặc cho tình cảm lỗi cuốn, gã tuôn ra hàng tràng, mắt toé lửa, tay vung vẩy khiến hai chiếc vòng khua loảng xoảng.

- Anh quên rằng chúng tôi không biết gì về chuyện đó – Holmes điềm đạm nói – Khi chưa nghe câu chuyện của đời anh thì chúng tôi không thể nói rằng lẽ phải có ở về phía anh hay không.

- Thưa ông, ông đã đối xử với tôi rất tốt. Cho nên, tuy chính ông đã bắt tôi, nhưng tôi không giận ông! Đây là luật chơi... Tôi thấy ông không có gì phải giấu giếm, câu chuyện đời mình. Vâng, cảm ơn, xin đẩy ly về phía tôi, tôi khát cháy cổ rồi.

“Tôi ra đời gần Preshore, trong hạt Worcestershire. Dân cư ở đây là những trại chủ khá giả, quen biết nhau và yêu thương nhau. Trái lại, tôi là một kẻ vong mạng. Vào năm 18 tuổi, tôi bị dính vào một cuộc ẩu đả ầm ĩ vì một cô gái, cuối cùng tôi phải đăng vào lính, đi Ấn Độ mới thoát được. Một hôm, tôi đi tắm ở sông Hằng. Điều may mắn là John Holder, viên trung sĩ trong đại đội tôi, cũng xuống tắm. Tôi đang bơi ở giữa sông thì một con cá sấu cắn tiện đứt chân tôi. Tôi ngất lịm và sắp chìm ngihm thì Holder dìu tôi vào bờ. Sau năm tháng điều trị, tôi xuất viện với cái chân gỗ.

Lúc đó, tôi chỉ còn là một kẻ tàn tật vô dụng, chưa đầy hai mươi tuổi. Ngày kia, có một người nào đó tên là Abel White đi tìm một đóc công để giám sát nhân công bản xứ và

đồn đốc họ làm việc trong đồn điền. Ông ta là bạn của đại tá chỉ huy đơn vị tôi. Ông đại tá nồng nhiệt giúp tôi chỗ làm đó. Phần lớn thời gian làm việc là ngồi trên mình ngựa nên cái chân cụt không cản trở gì lắm. Tôi dong ruổi khắp đồn điền, giám sát công nhân và bắt tại trận những tên trốn việc. Lương bổng hậu, có chỗ ăn ở tiện nghi. Nói chung, tôi không có gì phàn nàn nếu cứ sống nốt quãng đời còn lại ở cái đồn điền đó. Ông Abel là một người nhân hậu. Ông thường tới thăm tôi và chúng tôi vừa hàn huyên vừa ngồi hút cùng một cối thuốc.

Nhưng rồi, cuộc nổi loạn bùng bùng lên. Khắp xứ sôi sục như địa ngục với hai trăm ngàn con quỷ đen ngòm. Đồn điền của chúng tôi nằm ở Muttra giáp giới với các tỉnh Tây Bắc. Đêm đêm, bầu trời rực sáng ánh lửa từ các đám cháy. Ngày ngày, hàng ngàn gia đình người Âu trẩy qua cửa chúng tôi, tiến về phía Arga, nơi có đồn binh gần nhất. Abel là một người bướng bỉnh, ông tin chắc rằng người ta đã phóng đại tầm vóc cuộc nổi loạn, và tin tưởng cuộc nổi loạn sẽ chóng tàn. Ngồi dưới mái hiên, ông bình thản nhấm nháp ly whisky, rít từng hơi thuốc, trong khi cả xứ tràn ngập khói lửa! Dĩ nhiên, Dawson và tôi vẫn ở cạnh ông. Vợ chồng ông Dawson lo việc trong nom nhà cửa và giữ sổ sách. Ngày hôm ấy, tôi phải đi kiểm tra một đồn điền khá xa. Buổi chiều khi tôi thông thả trở về thì thấy dưới hồ có một đồng gì đó. Tôi tới gần và lạnh toát cả người khi nhận ra đó là vợ của Dawson. Đi một đoạn nữa, tôi thấy Dawson nằm úp mặt xuống đất, trong tay là khẩu súng lục đã hết đạn. Phía trước anh ta là xác chết của bốn người Cipayes chồng chất lên nhau. Tôi giục ngựa chạy thực mạng. Tôi thấy một đám khói dày bốc lên từ nhà ông Abel. Lúc đó tôi hiểu tôi không còn giúp đỡ gì cho chủ của tôi được nữa. Hàng trăm người đen đúa, lưng khoác áo choàng đỏ, nhảy nhót, gào rú quanh ngôi nhà bốc lửa. Một vài tên đưa tay chỉ tôi, và hai viên đạn rít bên tai tôi. Tôi băng qua cánh đồng và tới được Arga vào lúc nửa đêm.

Ở Arga có tiểu đoàn 3 khinh binh người Bengale, vài người Sikhs, hai phân đội kỵ binh và một pháo đội. Một đội quân tình nguyện gồm các thương gia và tư chức được thành lập, tôi với chiếc chân gỗ cũng gia nhập vào đó. Đầu tháng 7, chúng tôi đã ra khỏi thành, chạm trán và đẩy lui quân nổi loạn được một lúc, nhưng vì thiếu đạn nên lại phải rút lui, co lại trong thành.

Arga là một thành phố lớn tràn ngập những kẻ cuồng tín. Giữa những ngõ hẻm chật hẹp, ngoằn ngoèo, nhúm người ít ỏi chúng tôi không đủ sức chống giữ. Vì vậy ông tư lệnh quyết định cho chúng tôi vượt sông, vào cố thủ trong cổ thành Arga. Cổ thành rộng nhiều mẫu tây. Từ trước đến nay, người ta bỏ mặc nó cho bọn cướp và rắn rết. Ở đó có những căn phòng rộng lớn vắng ngắt, những lối đi ngoằn ngoèo và một hệ thống hành lang phức tạp len lỏi khắp mọi ngõ ngách.

Phía trước cổ thành có một con sông dùng để bảo vệ nó. Nhưng phía sau và hai bên hông thì có rất nhiều cửa, nên cần có người canh giữ. Mà quân số chúng tôi lại ít, chỉ đủ người để kiểm soát các góc thành và điều khiển các khẩu pháo. Vì vậy không thể tổ chức một toán lính canh ở mỗi vọng gác trong vô số cửa ngàm. Một phân đội trú bị được tổ chức ở trung tâm cổ thành và mỗi cổng thành được một người da trắng và hai ba thổ dân canh gác. Tôi có nhiệm vụ canh gác tại một cửa ngàm hẻo lánh ở cánh Tây Nam. Tôi chỉ huy hai người lính Sikhs. Tôi phải bắn pháo hiệu trong trường hợp khẩn cấp để phân đội trung tâm đến tiếp ứng. Nhưng phân đội ở cách vị trí của tôi trên 200 bộ, con đường lại bị cắt bởi những hành lang và lối đi ngoằn ngoèo, nên tôi nghĩ họ khó có thể tiếp ứng kịp thời trong trường hợp chúng tôi bị tấn công.

Trong hai đêm đầu tiên, tôi canh gác cùng với hai tên lính vạm vỡ có ánh mắt dữ tợn là Mahomet Singh và Abdullah Khan. Họ nói tiếng Anh khá sõi. Về phần tôi, đứng trên vọng gác, tôi nhìn con sông uốn lượn ở phía dưới và ánh đèn nhấp nháy trong thành phố. Tiếng trống, tiếng la hét, gào rú của đám loạn quân nhắc cho tôi nhớ rằng mối đe dọa đang rình rập từ bên kia sông. Cứ mỗi hai giờ, một sĩ quan đi kiểm tra một vòng, để biết chắc là mọi sự vẫn tốt đẹp.

Đêm thứ ba, thời tiết u ám. Mưa nhỏ và lạnh thấu xương. Nhiều lần tôi cố gạ chuyện với hai người Sikhs, nhưng không kết quả. Vào lúc 2 giờ sáng, tôi rút ống điều và dựng cây súng bên cạnh, sửa soạn hút thuốc. Thoáng một cái, hai tên ấy nhào lên người tôi. Một tên đoạt súng, chĩa vào người tôi, tên kia rút ra một lưỡi dao lớn kê vào cổ họng tôi, rít lên rằng nó sẽ giết tôi, nếu tôi nhúc nhích.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là chúng đã thông đồng với quân nổi loạn, và chúng sẽ tấn công vào thành. Nếu cửa ngầm do tôi canh giữ lọt vào tay quân Cipayes thì cả cố thành sẽ mất, phụ nữ và trẻ con sẽ không tránh được số phận thảm khốc. Một tên thì thầm:

“Không được làm ồn! Không có gì phải lo cho bọn trong thành! Không có bọn chó nổi loạn ở phía này đâu”. Giọng anh ta có vẻ thật thà. Tôi im lặng chờ xem họ muốn gì.

- Thưa ngài, ngài hãy nghe cho kỹ! – Abdullah Khan nói – Bây giờ ngài phải lựa chọn: hoặc đứng về phe chúng tôi hoặc bị giết. Ngài có 3 phút để quyết định, trước khi toán tuần tra đi qua.

- Tôi quyết định thế nào được khi các anh không cho biết các anh muốn gì! Nếu sự việc có đụng chạm đến sự an nguy của cái thành, thì tôi thà chết còn hơn.

- Hoàn toàn không liên quan gì đến cái thành! Chúng tôi yêu cầu ngài làm giàu! Ngài sẽ được một phần tư kho tàng.

- Kho tàng nào?

- Vậy ngài hãy thề trên vong linh của cha ngài, trên danh dự của mẹ ngài, trên thánh giá của tôn giáo ngài, là sẽ không tố cáo chúng tôi, không đánh giết chúng tôi, cả lúc này và cả về sau nữa.

- Tôi sẽ thề với điều kiện là thành này không bị nguy.

- Vậy, tôi và bạn tôi, xin thề rằng kho tàng sẽ được chia đều cho bốn chúng ta.

- Nhưng chúng ta chỉ có ba người!

- Còn phần của Dost Akbar nữa. Mahomet Singh, anh ra canh ở chỗ cửa ngầm đi! Tôi sẽ kể hết cho ngài nghe.

Ở phía bắc có một tiểu vương rất giàu có. Khi cuộc nổi loạn bùng nổ, ông ta thu xếp để được lòng phe người Cipayes và cả phe người Anh. Ông ta giữ vàng và bạc lại trong lâu đài, nhưng giấu ngọc ngà châu báu trong một hộp sắt và giao cho một người đầy tớ trung thành. Người này sẽ tới đây giả dạng một thương gia và lo việc cất giữ kho châu báu, chờ hoà bình trở lại. Như vậy, nếu phe nổi loạn thành công, ông ta sẽ giữ được số vàng. Nhưng nếu người Anh thắng, ông ta sẽ giữ được số châu báu. Sau khi sắp đặt như thế, ông ta công khai đứng về phía người Cipayes hiện đang thắng thế ở kề cận tiểu quốc của ông ta. Người thương gia giả mạo với cái tên Achmet kia hiện giờ đang ở trong thành phố Arga, và muốn vào thành này. Y đi chung với người anh em với tôi là Dost Akbar, Dost Akbar hứa đêm nay sẽ đưa y đến đây.

Tên thương gia kia có sống hay chết, đối với tôi nào có quan trọng gì. Lúc đó tôi tưởng tượng ra tất cả những việc tôi có thể làm khi trở về quê cũ, mọi người sẽ kinh ngạc khi thấy thằng bé vô tích sự ngày xưa, nay trở về với cái túi đầy vàng.

- Ngài hãy suy nghĩ kỹ mà xem. Nếu ông tư lệnh bắt được tên thương gia, y sẽ bị xử bắn và kho tàng sẽ bị chính phủ sung công. Nhưng nếu chúng ta tóm được y, chúng ta sẽ chiếm được kho tàng. Sẽ không ai biết chuyện này. Có nguy hiểm gì đâu chứ?

- Tôi đồng ý đứng về phía các anh!

- Như thế mới tốt chứ! – Anh ta vừa nói vừa trao khẩu súng lại cho tôi – Ngài thấy rằng chúng tôi tin cậy ngài ... Giờ đây, chúng ta chỉ còn chờ người thương gia kia tới.

- Người anh em của anh biết những việc anh sắp làm không?

- Chính anh ta nghĩ ra kế hoạch này. Giờ ngài hãy ra canh cùng với Mahomet Singh đi!

Trời vẫn mưa. Gió mùa đã bắt đầu. Những đám mây nặng và u ám bay tản mạn khắp bầu trời. Thật khó nhìn xa hơn một tầm đá ném. Ở dưới cửa ngầm, nơi chúng tôi canh giữ có một cái hào, nhưng ở vài chỗ hầu như đã cạn, nên người ta có thể vượt qua dễ dàng. Thành linh tôi thấy có ánh đèn ở phía bên kia hào. Ánh đèn biến mất sau các mô đất rồi lại hiện ra, và tiến về phía chúng tôi.

- Họ đây rồi! – Tôi kêu lên.

- Ngài sẽ hô khẩu lệnh dừng lại như lệ thường – Abdullah Khan thì thầm – Ngài sẽ ra lệnh cho chúng tôi tới gặp họ, chúng tôi sẽ “coi sóc” họ, còn ngài sẽ soi đèn để chúng tôi kiểm tra xem có đúng là người đó không.

Từ xa, ánh đèn tiến tới, chao đảo, đôi lúc dừng lại như ngập ngừng rồi tiếp tục đi tới. Sau cùng chúng tôi đã nhìn rõ được hai bóng người ở phía bên kia hào. Tôi để cho họ tuột xuống bờ dốc đứng, bì bõm lội qua chỗ hào có nước, leo lên nửa chừng dốc rồi mới hô lệnh dừng lại.

- Ai đó? – Tôi hô lên, cơ hồ muốn ghen thờ.

- Những người bạn! - Một người đáp lại.

Tôi đưa đèn ra, rọi lên người họ. Người thứ nhất là một người Sikhs khổng lồ, có hàm râu đen nhánh. Người kia thấp bé, mập tròn, đầu quấn khăn vàng, tay mang một cái tráp bọc trong khăn. Anh ta run rẩy, sợ sệt, không ngớt dáo dạt nhìn bốn phía như một con chuột vừa ra khỏi tổ. Lúc anh ta nhận ra tôi là người Âu, anh ta kêu lên nho nhỏ, mừng rỡ và chạy về phía tôi.

- Xin Ngài che chở cho tôi! – Anh ta hỏn hển nói- Tôi đã bị cướp, bị đánh đập, bị lừa phỉnh, vì tôi là bạn của người Anh.

- Trong bọc có cái gì vậy? – Tôi hỏi.

- Một cái hộp sắt. Nó chỉ chứa một hai món đồ gia đình. Tuy nhiên tôi sẽ hậu tạ ngài. Thưa ngài trẻ tuổi, ngài và quan Tổng trấn nữa, nếu quan Tổng trấn có lòng tốt cho tôi trú ẩn ở đây.

- Đưa anh ta tới trạm gác chính – Tôi ra lệnh.

Hai tên lính Sikhs kèm anh ta đi, còn tên khổng lồ thì theo sau. Họ đi vào con đường tối. Tôi ở lại trên tường thành với cây đèn. Tôi nghe tiếng bước chân của họ vang trên hành lang dài vắng lặng. Bất chợt, tiếng bước chân im bặt. Rồi có tiếng kêu, tiếng động mơ hồ của một cuộc vật lộn, tiếng đám đá. Một lúc sau, tôi kinh hoàng nghe tiếng bước chân gấp gáp đi về phía tôi, tiếng thở hỏn hển của một người đang cố chạy trốn. Tôi hướng ánh đèn xuống thấp, dọc theo con đường thẳng và thấy người mập tròn lúc nãy chạy nhanh như gió, mặt đầy máu. Gã khổng lồ người Sikhs bám theo bén gót, nhảy nhót như một con hổ, con dao trong tay. Gã thương gia bỏ xa tên người Sikhs. Tôi biết rằng nếu ra được chỗ trống, anh ta sẽ chạy thoát. Lòng tôi thương xót anh ta, nhưng

cái ý nghĩ về kho tàng làm cho tim tôi cứng lại. Tôi dùng cây súng ngáng chân anh ta, khiến anh ta ngã lăn tròn như một con thỏ trúng đạn. Trước khi anh ta đứng dậy được, tên người Sikhs nhào lên... Như các ông đã thấy, tôi đã kể lại sự việc một cách trung thực, dù có lợi cho tôi hay không.

Jonathan nín bật, và đưa cả hai tay bị còng đón ly uyết-ki. Tôi phải thú nhận rằng con người này gây cho tôi một cảm giác kinh tởm, không chỉ vì vụ sát nhân được thực hiện một cách lạnh lùng và còn vì thái độ rất tự nhiên lúc anh ta thuật chuyện. Holmes và Athelney thì ngồi chồm tới trước, có vẻ như bị câu chuyện cuốn hút, nhưng vẻ kinh tởm cũng hiện rõ trên khuôn mặt họ.

- Tiếp tục câu chuyện của anh đi! - Holmes ra lệnh.

- Abdullah, Akbar và tôi mang xác hẩn đi. Mahomet Singh ở lại canh. Những tên người Sikhs đã chuẩn bị chỗ chôn xác chết ở trong một gian phòng rộng đã sụp đổ vài chỗ, cách đó một quãng, qua những lối đi ngoằn ngoèo. Mặt đất nền đã sụp xuống, tạo thành một cái huyệt tự nhiên. Chúng tôi đặt xác Achmet xuống, lấy gạch vụn phủ lên. Rồi quay trở lại. "Cái tráp châu báu" vẫn nằm ở chỗ người thương gia bị sát hại. Một cái chìa khoá buộc vào cái tráp bằng một sợi dây lụa. Chúng tôi mở tráp ra và ánh đèn chiếu lên đồng báu vật trông giống y như tôi đã từng mơ thấy hoặc đọc được trong các truyện thần thoại. sau khi đã nhìn ngấm chán chê, chúng tôi trút cái tráp ra để đếm. Trong tráp có một trăm bốn mươi ba viên kim cương hạng đẹp nhất, và chín mươi bảy viên ngọc lục bảo, một trăm bảy mươi viên hồng ngọc, hai trăm mười viên kim ngọc, sáu mươi một viên mã não và một số lớn đá quý khác... Chúng tôi đặt tất cả vào tráp và mang về cửa ngầm để cho Mahomet Singh coi qua. Ở đó, lời thề giữa chúng tôi được long trọng lặp lại. Chúng tôi thỏa thuận sẽ giấu kín số châu báu ở một chỗ an toàn cho tới khi hoà bình trở lại trên đất nước, au đó mới chia đều nhau. Ngay lúc đó thì không nên chia, vì nếu chúng tôi giàu có thì sẽ bị nghi ngờ; ngoài ra chúng tôi cũng không có nhà cửa hay một chỗ nào có thể giấu chúng được. Thế là chúng tôi mang cái tráp tới gian phòng chôn xác Achmet, đào một cái hốc trong bức tường còn vững chãi nhất, đặt cái tráp vào, rồi phủ gạch lên. ngày hôm sau, tôi vẽ bốn bức hoạ đồ, đưa cho mỗi người một bức, đánh dấu bộ tứ ở dưới. Sau khi ngài Wilson chiếm thủ đô Delhi và huân tước Colin giải toả thành Lucknow, thì quân nổi loạn bị đánh bật ra khỏi Agra.

Hoà bình trở về trên đất nước, bốn chúng tôi hy vọng vào cái ngày chúng tôi có thể mang theo kho báu. Nhưng vị tiểu vương vốn là người đa nghi. Trong khi sai Achmet làm việc cho mình; ông ta cũng phái một người khác theo dõi Achmet. Đêm đó người này thấy Achmet qua cửa ngầm, vào lũy thành. Nghĩ rằng Achmet đã tìm được nơi trú ẩn, ngày hôm sau người này mới vào thành, nhưng không tìm ra bóng dáng Achmet. Anh ta lấy làm lạ, mới nói cho một viên đội biết. Viên đội đem câu chuyện thuật lại cho ông thiếu tá. Người ta tổ chức một cuộc truy tìm và khám phá ra xác chết. Vậy là cả bốn đứa chúng tôi bị bắt và bị kết án vì tội giết người. Vấn đề châu báu không được nêu ra trong phiên xử. Vị tiểu vương đã bị bắt và bị lưu đầy, và không ai quan tâm đến vấn đề này nữa. Ba người Sikhs bị tù chung thân, tôi bị kết án tử hình, sau đó bản án của tôi được sửa lại thành tù chung thân.

Cả bốn chúng tôi bị cùm chân, hàng ngày phải lãnh những viên đá, cái đầm của bất kỳ tên cai tù nào, phải uống nước lã và ăn cơm hẩm. Nhưng chúng tôi vẫn đứng vững, chờ đợi một ngày mai tốt đẹp hơn.

Cuối cùng thì những ngày mai tốt đẹp đã hiện ra. Tôi được chuyển tới Agra tới Madras

rời từ đó chuyển tời đảo Blair trong quần đảo Andamans. Trại tù này nhốt rất ít người da trắng nên chẳng bao lâu tôi được ưu đãi. Người ta để cho tôi được thông thả. Đó là một nơi buồn tẻ, bị bệnh sốt rét hoành hành, bao quanh là rừng già đầy thổ dân bán khai luôn sẵn sàng bắn một mũi tên tẩm độc vào người da trắng. Chúng tôi phải đào hào, đắp nền nhà, tu bổ đồn điền và làm hàng chục thứ công việc khác. Trong số các công việc đó tôi được giao nhiệm vụ phân phát thuốc men. Lúc nào tôi cũng mong muốn vượt ngục. Nhưng đảo cách xa đất liền hàng trăm kilômét, và vùng đó ít khi có gió. Việc vượt ngục là rất khó. Ông bác sĩ của trại tù là một người còn trẻ và hiền hậu. Buổi tối, các sĩ quan trẻ thường tụ họp tại nhà ông để đánh bài. Bệnh xá nằm cạnh phòng họ. Khi cảm thấy cô đơn, tôi thường tắt đèn bệnh xá và ngồi cạnh quầy thuốc để nghe họ nói chuyện và xem họ chơi bài. Trong bọn họ có thiếu tá Sholto, đại úy Morstan, trung úy Bromley Brown, cả ba chỉ huy các đơn vị bản xứ. Viên y sĩ cũng có mặt cùng với hai hay ba viên chức trại giam. Mấy viên chức này là những tay chơi giỏi, có những nước bài khéo.

Đêm đêm, khi rời khỏi sòng bạc, các sĩ quan lại nghèo đi một chút. Thiếu tá Sholto thua nặng nhất. Chẳng bao lâu ông phải ký giấy nợ. Ông đi lang thang suốt ngày, mặt tối sầm, và bắt đầu uống rượu. Một đêm kia, tôi đang ngồi trong lều thì đại úy Morstan và ông ta đi về nhà, ngang qua chỗ tôi.

- Thế là hết đại úy ạ! – Ông ta thở dài lúc đi qua lều tôi - Tôi phải từ chức thôi. Tôi sạt nghiệp!

- Đừng nói đại thế, ông bạn già! – Viên đại úy vừa nói vừa vỗ vai bạn – Tôi cũng gặp vận rủi nhưng....

Tôi chỉ nghe được có như vậy, và điều đó làm tôi suy nghĩ. Hai ngày sau, viên thiếu tá đang đi thơ thẩn trên bờ biển, tôi liền thử thời vận:

- Thưa thiếu tá, tôi muốn xin ý kiến thiếu tá.

- Chuyện gì thế?

- Thưa Ngài, tôi muốn hỏi Ngài là tôi phải trao một kho tàng bí mật lại cho ai. Tôi biết chỗ giấu hơn nửa triệu đồng bằng. Việc làm đó có đáng cho tôi được giảm hình phạt không?

- Nửa triệu hả? – Ông ta lăm băm vừa quan sát tôi chăm chú, xem tôi có nghiêm chỉnh không.

- Thưa Ngài, ít nhất thì cũng được vậy. Điều đáng lưu ý là chủ nhân thực sự của nó đã bị phát vãng, nên ai chiếm được thì hưởng.

- Trao cho chính phủ! – Ông ta lấp bắp.

Nhưng ông ta nói ra điều đó với cái vẻ quá ít tin tưởng, khiến tôi nghĩ rằng tôi đã thắng.

- Thưa Ngài, Ngài nghĩ rằng tôi phải báo cáo mọi chi tiết cho quan toàn quyền? – Tôi thản nhiên hỏi.

- À à, đừng hấp tấp! Hãy kể cho tôi nghe đã. Sự việc thế nào?

Tôi nói hết cho ông ta, tất nhiên có thay đổi một vài chi tiết để ông ta không xác định được địa điểm. Khi tôi kể xong, ông ta ngồi im lặng, đôi môi mím chặt.

- Việc này rất quan trọng - Cuối cùng ông ta nói - Chớ có nói với ai. Tôi sẽ gặp lại anh.

Bốn mươi tám giờ sau, đại úy Morstan và ông ta cầm đèn tới tìm tôi vào lúc rất khuya.

- Tôi muốn ông đại úy nghe chính miệng anh kể lại câu chuyện.- Ông thiếu tá nói.

Tôi thuật lại câu chuyện một lần nữa.

- Có vẻ đúng sự thật đấy, phải không? Có đáng cho ta mạo hiểm không? - Thiếu tá hỏi.

Đại úy Morstan gật đầu đồng ý. Thiếu tá nói:

- Ông bạn tôi và tôi đã bàn nhau và chúng tôi kết luận rằng câu chuyện bí mật này không liên quan gì đến chính phủ. Nó chỉ can hệ đến một mình anh và anh có quyền thu xếp theo ý riêng. Vấn đề đặt ra bây giờ là hoàn cảnh của anh thôi. Có lẽ chúng tôi sẽ cùng thảo luận xem chúng ta có thể thoả thuận như thế nào.

Ông ta cố tỏ ra dửng dưng, nhưng đôi mắt ông ta lộ rõ vẻ tham muốn và khích động.

- Thừa các Ngài, một người trong hoàn cảnh của tôi chỉ có thể yêu cầu một điều duy nhất! – Tôi trả lời, cũng cố tỏ ra bình thản, nhưng thật ra cũng bị kích động – Tôi yêu cầu các Ngài giúp tìm lại tự do cho tôi và ba người bạn. Chúng tôi sẽ chia cho hai Ngài một phần năm số châu báu.

- Hừ, một phần năm! Không hấp dẫn lắm!

- Năm chục ngàn bảng cho mỗi người, thưa Ngài!

- Nhưng chúng tôi trả tự do cho các anh bằng cách nào đây? Anh đòi hỏi điều không thể được!

- Không đâu thưa Ngài – Tôi trả lời - Trở ngại duy nhất trong cuộc vượt ngục của chúng tôi là không tìm đâu ra một chiếc thuyền đủ sức vượt biển. Ở Calcutta có nhiều du thuyền nhỏ, rất hợp cho công việc của chúng tôi. Các Ngài chỉ cần đưa về đây một chiếc. Ban đêm chúng tôi sẽ lên tàu, còn các Ngài không phải làm gì hơn là thả chúng tôi xuống tại một nơi nào đó dọc bờ biển Ấn Độ.

- Nếu chỉ một mình anh – Ông ta lẩm bẩm.

- Hoặc cả bốn chúng tôi, hoặc không ai cả! Chúng tôi đã thề rồi.

- Anh thấy đấy, Morstan - Viên thiếu tá nói - Jonathan biết giữ lời hứa. Anh ta trung thành với bạn bè. Tôi nghĩ rằng ta có thể tin tưởng anh ta.

- Đây là một công việc bản thủ! – Viên Đại úy nói – Nhưng, như anh nói, tiền kiếm được sẽ giúp chúng ta trả nợ.

- Vậy thì chúng tôi sẽ cố thoả mãn các điều kiện của anh, anh Jonathan. Nhưng, trước hết chúng tôi phải biết chắc là câu chuyện đó có thật. Cho tôi biết chỗ giấu cái tráp. Tôi sẽ xin nghỉ phép, sẽ theo tàu tiếp tế để đến tận nơi xem xét.

- Xin hãy thông thả! – Tôi phản đối, vì khi họ càng nôn nóng thì tôi càng trở nên bình thản hơn – Tôi phải hỏi ý kiến của ba người bạn. Tôi đã nói với các Ngài, hoặc cả bốn chúng tôi hoặc không ai cả?

- Lố bịch quá! – Ông ta kêu lên – Ba thằng mọi đen thì có liên quan gì đến giao kèo giữa chúng ta?

- Đen hay đỏ gì thì họ cũng là bạn của tôi, và chúng tôi hành động chung nhau.

Trong cuộc gặp gỡ thứ nhì có Mahomet Singh, Abdullah Khan và Dost Akbar. Chúng tôi đã bàn cãi và thoả thuận như sau: “Chúng tôi cho hai viên sĩ quan mỗi người một bức địa đồ. Thiếu tá Sholto sẽ đi Ấn Độ để kiểm tra sự việc. Nếu tìm được chiếc tráp, ông ta để yên nó ở đấy và tới chúng tôi một chiếc du thuyền nhỏ đầy đủ lương thực cho cuộc vượt ngục. Sau đó, thiếu tá Sơn- tô trở về nhiệm sở còn đại úy Morstan thì xin nghỉ phép để đi gặp chúng tôi ở Agra. Cuộc chia kho tàng sẽ diễn ra ở đó. Đại úy sẽ nhận phần mình và phần của Sholto”. Những lời thề long trọng nhất đánh dấu cho thoả hiệp của chúng tôi! suốt đêm đó tôi vẽ hai bức địa đồ cho họ, nhưng tên Sơn- tô bỏ ỉm đó đi Ấn Độ và không bao giờ quay trở lại. Tên khốn nạn đã cuồn đi số châu báu. Kể từ ngày đó, tôi chỉ sống để trả thù. Tôi chỉ còn một ý nghĩ trong đầu: vượt ngục, và tìm giết hắn. Một bữa nọ, bác sĩ Somerton ốm, phải nằm nghỉ. Đám tù nhân đi rừng về mang

một thổ dân tới cho tôi. Hắn mắc bệnh rất nặng, đã tới một nơi hẻo lánh nằm chờ chết. Tôi chữa cho anh ta khỏi bệnh. Hai tháng sau, anh ta đi lại được. Nhưng vì quyến luyến tôi, anh ta miễn cưỡng đi về rừng và không ngót quay lại quanh lều tôi.

Đó là Tonga. Tonga có một chiếc thuyền lớn và điều khiển thuyền rất giỏi. Lúc đó, tôi thoáng nghĩ tới một cuộc vượt ngục. Tôi liền đem chuyện đó nói với anh ta, dặn phải đem thuyền tới một bến tạm, không có người canh giữ, vào lúc đêm tối. Tonga cũng phải chờ theo nhiều túi nước dừa khô và khoai lang. Tonga rất thực thà và trung thành. Anh ta đưa thuyền đến chỗ ẩn định. Nhưng tình cờ lại có một lính canh ở đấy. Đó là thằng Pathan hèn hạ, luôn tìm cách nhục mạ và làm hại tôi, súng vất chéo ngang lưng. Tôi nhìn nhanh tìm một cục đá có thể đập vỡ đầu hắn, nhưng chẳng tìm đâu ra.

Tôi bỗng có một ý nghĩ lạ. Tôi lẳng lặng ngồi xuống và tháo cái chân gỗ ra. Nhảy ba bước thật dài, tôi nhào lên người hắn. Hắn đưa súng lên vai, nhưng tôi đã đập chiếc chân gỗ lên mặt và làm vỡ sọ hắn. Tôi ngồi dậy, lên thuyền. Một giờ sau chúng tôi đã ở giữa biển. Tonga đã chắt lên thuyền những gì anh ta có, kể cả thần thánh của anh ta nữa. Chúng tôi cho thuyền đi trong mười một ngày thì được một chiếc tàu vớt.

Cuối cùng, chúng tôi đặt chân tới Anh quốc. Tìm ra chỗ trú ẩn của Sholto cũng chẳng khó khăn gì. Tôi liên hệ với một người có thể giúp tôi. Chẳng bao lâu tôi biết Sholto vẫn còn giữ sổ châu báu. Tôi tìm mọi cách tiếp cận y. Nhưng y rất đa nghi và quỷ quyệt, luôn luôn có hai cựu võ sĩ và một người hầu bên cạnh, chưa kể các con trai y nữa.

Một ngày kia, hay tin y hấp hối, tôi đâm bổ vào vườn hoa của y. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy y nằm trên giường, hai đứa con y đứng hai bên. Tôi sắp sửa nhảy xổ vào, liều mạng với cả ba. Nhưng tôi nhìn thấy quai hàm hắn trể xuống, và tôi biết y vừa chết. Đêm đó, thừa lúc vắng người, tôi lên vào phòng y, lục lọi giấy tờ, hy vọng tìm thấy một chỉ dẫn nào đó liên quan đến sổ châu báu. Nhưng chẳng có gì cả. Tôi quay về, lòng cay đắng và sôi sục. Nhưng trước khi đi, tôi nghĩ rằng những người bạn Sikhs của tôi hẳn sẽ hài lòng nếu tôi để lại dấu hiệu chứng tỏ lòng thù hận của chúng tôi. Vì vậy tôi khắc dấu hiệu bộ tứ, và gắn vào ngực y.

Trong thời gian đó, để kiếm sống, chúng tôi phải bôn ba khắp các hội chợ và nhiều nơi khác, đem Tonga ra làm trò cho công chúng xem. Tonga nuốt thịt sống, nhảy những điệu múa chiến tranh. Bao giờ chúng tôi cũng kiếm được đầy mũ tiền trong các buổi trình diễn. Tôi cũng thường xuyên nhận được tin tức của biệt thự Pondicherry. Vài năm trôi qua mà chẳng xảy ra chuyện gì quan trọng, tôi vẫn dò tìm sổ châu báu. Cuối cùng tôi biết được cái tráp giấu ở phía trên phòng thí nghiệm của Sholto. Tôi lập tức chạy tới nơi và kiểm tra địa thế. Tôi thấy rõ là với chiếc chân gỗ, tôi không tài nào đu mình lên đó được. Cái cửa sổ trên mái gợi cho tôi một giải pháp: Tonga sẽ dễ dàng chui qua cửa sổ. Tính toán giờ giấc ăn tối của Sholto xong, tôi đưa người bạn nhỏ của tôi tới, cột vào lưng anh ta một sợi dây dài. Anh ta leo trèo như một con mèo và thoát một cái đã ở trên mái nhà. Nhưng rủi thay! Bartholomew Sholto vẫn còn ở trong phòng, chuyện rủi ro đó làm cho hắn ta mất mạng. Tonga tưởng rằng đã giết hắn ta có nghĩa là làm được một việc rất tài giỏi, nên khi tôi lọt được vào phòng, anh ta hãnh diện như một con công đang khoe mẽ. Anh ta kinh ngạc khi tôi quật ngã anh ta, lấy dây định trói anh ta và mắng anh ta là đồ quỷ khát máu. Tôi lấy cái tráp, thông dây thả xuống qua cửa sổ, cũng theo đường đó thoát xuống. Rồi Tonga kéo dây lên, đóng cửa sổ và theo đường cũ thoát ra.

Tôi nghe có một thủy thủ khoe tốc độ của chiếc tàu Rạng Đông của lão Smith. Tôi nghĩ

là chúng tôi cần chiếc tàu đó để chạy trốn. Thế nên tôi thu xếp với lão Smith: “để lão đưa chúng tôi ra tới tàu lớn”.

- Câu chuyện đáng chú ý thật! – Sherlock Holmes nói:- Tình tiết ăn khớp nhau hoàn toàn. Phần cuối câu chuyện của anh không cho tôi biết thêm điều gì mới mẻ, trừ chi tiết là anh mang sợi dây tới, trước đây tôi không biết điều đó. Tiện đây tôi muốn nói thêm, tôi cứ tưởng Tonga đã sử dụng hết số tên độc, không ngờ anh ta vẫn còn phóng một mũi về phía chúng tôi.

- Chỉ còn một mũi cuối cùng trong ống xì đồng.

- À, chắc vậy! Tôi không nghĩ đến chuyện đó.

- Các ông còn điều gì hỏi nữa không? – Tên tù nhân nhả nhận hỏi.

- Tôi cho là xong rồi, cảm ơn anh!

- Này Holmes! – Thám tử Athelney nói – Tôi chỉ an tâm khi tên tù này được nhốt sau song sắt! Xe dành cho anh ta nằm dưới đường. Xin cảm ơn hai bạn, chúc hai bạn ngon giấc!

Khi tất cả đã đi hết, tôi nói:

- Thế là tấn kịch nhỏ của chúng ta đã đến hồi kết thúc. Nhưng này Holmes, tôi e đây là vụ cuối cùng mà chúng ta cùng thực hiện chung: Tôi và Morstan sẽ làm lễ thành hôn.

Holmes buông ra một tiếng càu nhàu.

- Anh có lý do gì để phản đối sự lựa chọn này – Tôi đáp hơi khó chịu.

- Hoàn toàn không: cô ấy là một trong số những người phụ nữ duyên dáng nhất mà tôi đã biết. Có lẽ cô ấy sẽ rất có ích trong loại công việc của chúng ta. Nhưng tình yêu thì thuộc về cảm xúc, má tính cảm xúc luôn luôn đối lập với lý trí lạnh lùng và xác thực, là đức tính mà tôi cho là cao hơn hết. Về phần tôi, tôi không bao giờ lấy vợ vì sợ rằng phán đoán của tôi vì thế mà sai lệch.

- Tôi mong rằng trí khôn của tôi sẽ vượt qua được cuộc thử thách này. Nhưng anh có vẻ mệt mỏi rồi đấy, anh bạn!

A.3 - The Hound of the Baskervilles 1902 (Con chó dòng họ Baskervilles)

Chương 1: Ông Sherlock Homes

Sherlock Homes ngồi vào bàn và ăn sáng. Tôi đứng trên tấm thảm nhỏ cạnh lò sưởi tay vịn về chiếc gậy mà người khách bỏ quên hồi hôm qua. Chiếc gậy to và rất tốt, được coi là “bằng chứng đáng tin cậy”. Mảnh bạc bề rộng khoảng 1 inch được đóng vào ngay phía dưới chỗ phồng lên của chiếc gậy. Có một hàng chữ được kẻ trên miếng bạc: “tặng James Mortimer M.R.C.S., những người bạn ở C.C.H., 1884”.

- Anh Watson, ý kiến của anh ra sao?

Holmes hỏi, dù đang ngồi quay lưng về phía tôi.

- Do đâu anh biết tôi đang quan tâm tới cây gậy. Cứ như là mắt của anh ở phía sau gáy ấy? - Tôi nói.

- À, có một chiếc bình cà phê bằng bạc được đánh bóng loáng đang để ở trước mặt tôi. Nhưng thôi, chúng ta đã mất cơ hội để biết người chủ của chiếc gậy ta đến đây làm gì và vì sao lại bỏ quên một vật kỷ niệm quan trọng như vậy... Vậy thì anh hãy tìm hiểu cây gậy và qua đó thử hình dung lại người chủ của nó, còn tôi thì ngồi nghe.

- Theo tôi, bác sĩ Mortimer là một thầy thuốc trạc tuổi trung niên, được bạn bè kính trọng.

- Được đấy! - Holmes nói.

- Là bác sĩ nông thôn, ông thường phải đi bộ trên những quãng đường xa.

- Tại sao vậy?

- Trước đây cây gậy rất tốt nhưng giờ đây nó bị mòn đến mức tôi không thể hình dung nổi là nó đang ở trong tay một bác sĩ thành phố.

- Lập luận thật là sáng suốt.

- Còn về hàng chữ “những người bạn ở C.C.H”, tôi cho rằng chữ cái “H” có nghĩa là “săn bắn”[1], có lẽ là một hội những người đi săn nào đó. Ông ấy đã săn sóc sức khỏe cho các thành viên của Hội và được họ tặng món quà này.

- Anh đã đạt được những kết quả không thể ngờ - Holmes nói, ngả người ra ghế và bắt đầu hút thuốc – Tôi không thể không chú ý tới điều này: Trong khi ghi chép những cống hiến của tôi, anh thường đánh giá thấp những khả năng vốn có của mình. Nếu ánh hào quang không xuất phát từ nơi anh, thì trong mọi trường hợp, anh là chất dẫn truyền ánh sáng. Có nhiều người tài năng không trội hẳn lên, nhưng lại có khả năng kích thích tài năng ở người khác. Thú thật là tôi thường đánh giá sai về khả năng của anh đấy!

Những lời nói của Holmes làm tôi hài lòng. Tôi tự hào vì tôi chẳng những đã thành công trong việc nắm bắt phương pháp của Holmes mà còn biết vận dụng nó trong các công việc.

Holmes cầm lấy cây gậy chăm chú xem đến vài phút. Rồi sau đó anh đặt điếu thuốc lá qua một bên, đến cạnh cửa sổ và quan sát cây gậy bằng kính lúp.

- Chẳng có gì đặc biệt cả, nhưng rất là thú vị! – Anh nói khi trở lại cạnh đi-văng.

- Phải chăng có một cái gì đó lọt ra ngoài sự quan sát của tôi? - Tôi hỏi, không khỏi có cảm giác tự mãn - Hy vọng là tôi không bỏ qua một chi tiết quan trọng.

- Than ôi! Phần lớn các kết luận của anh đều sai lầm. Khi tôi nói rằng anh là một chất kích thích tốt cho tôi thì điều đó cần được hiểu thế này: Những sơ sót của anh sẽ dẫn tôi đến con đường đúng đắn. Nhưng, trong trường hợp cụ thể này, không phải là anh sai lầm hoàn toàn. Quả thật ông ta là một y sĩ ở nông thôn, ông ta buộc lòng phải đi bộ trên con đường xa.

- Vậy là tôi đã nói đúng?
- Chỉ đến đó thôi.
- Nhưng đó đã là tất cả rồi.
- Chưa, chưa đâu, Watson thân mến. Chẳng hạn thế này nhé: Cứ giả thiết rằng bác sĩ nhận tặng vật của một bệnh viện nào đó, chứ không phải là Hội các thợ săn và nều trước cửa một bệnh viện[2] có tấm bảng mang các chữ C.C.H. thì cái tên này tự nhiên nảy ra là Charing Cross Hospital[3].
- Rất có thể anh đúng - Tôi nói.
- Tất cả đều gợi ý nên giải thích như thế. Còn nếu anh cho giả thiết của tôi là có cơ sở thì chúng ta sẽ có thêm nhiều tư liệu bổ sung cho việc tái lập đặc điểm của người khách này.
- Được. Chúng ta cứ cho rằng chữ cái C.C.H. có nghĩa là “Bệnh viện Charing Cross”. Vậy những kết luận tiếp theo sẽ như thế nào?
- Không có ý nghĩ gì nảy ra trong đầu anh hay sao. Anh thử vận dụng nó đi.
- Kết luận hiển nhiên là: Trước khi về nông thôn, con người này đã từng hành nghề ở London.
- Rõ ràng là vào lúc bác sĩ rời khỏi bệnh viện để đi đến nông thôn, người ta biếu ông món quà này. Điều này liệu có đúng không?
- Có thể như vậy.
- Bây giờ anh hãy lưu ý là ông ta không phải là một trong những bác sĩ lãnh đạo của bệnh viện. Những bác sĩ lãnh đạo như vậy ắt hẳn có địa vị vững vàng với số thân chủ đông đảo và họ phòng khi nào rời bỏ thủ đô để đi lập nghiệp ở nông thôn. Vậy lúc đó ông ta làm gì? Phục vụ ở bệnh viện mà không được làm bác sĩ chỉ đạo chuyên môn thì có nghĩa là...
- ... vai trò của ông chỉ lớn hơn một chút so với vai trò của một thực tập sinh.
- Ông rời khỏi chỗ đó 5 năm trước đây. Hãy nhìn vào năm tháng ghi trên chiếc gậy. Như vậy, người bác sĩ này không già như anh tưởng. Ông ta chỉ khoảng 30 tuổi. Đó là một người dễ mến, không tham vọng, đáng trí và rất

yêu con chó của mình, một con chó to hơn giống terrier nhưng nhỏ hơn giống mastiff.

Tôi phá lên cười hoài nghi, còn Holmes thì ngả lưng vào đi-văng thả lên những vòng khói nhỏ biến nhẹ nhàng trong không khí.

- Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu về tuổi tác của con người ấy, và cả về con chó của ông ta nữa - Tôi nói.

Tôi rút từ giá sách ra một quyển hướng dẫn y học và lật tìm. Có vài tên Mortimers ở đó, nhưng tôi lập tức tìm thấy tên của vị khách của chúng tôi.

“Mortimers, James, thành viên của M.R.C.S.[4] từ năm 1882. Sinh ở Gripen, Dartmoor, học Devon. Từ 1882-1884: làm việc tại bệnh viện Charing Cross. Giải thưởng Jackson về môn Bệnh lý học so sánh với luận đề “Bệnh tật có phải là sự đột biến nghịch không?”. Hội viên thông tấn của Hội bệnh lý học Thụy Điển. Tác giả của bài báo “Vài hiện tượng bất thường của đột biến nghịch” (Báo Lancet, 1882), “Chúng ta đã có tiến bộ không?” (Báo Tâm lý học, tháng 3-1883). Bác sĩ của các giáo xứ Grimpen, Thorsley và High Barrow.

- Watson thân mến, không có một lời nào nói tới hội săn bắn cả - Holmes nói, nở một nụ cười tinh quái - Nhưng, ông ta đúng là bác sĩ nông thôn như anh đã nhấn mạnh.

- Vậy sự suy diễn của tôi là đúng.

- Vì sao tôi dùng những tính từ dễ mến, không tham vọng và đáng trí: Chỉ có những người dễ mến mới nhận những món quà lúc chia tay, chỉ những người không có tham vọng mới đổi phạm vi hành nghề từ London về nông thôn và chỉ những người đáng trí mới để lại chiếc gậy cùng tấm danh thiếp sau khi chờ đợi hơn một tiếng đồng hồ.

- Còn con chó?

- Con chó đi theo chủ và ngậm chiếc gậy. Chiếc gậy được làm bằng gỗ cứng. Con chó cắn vào đoạn giữa, dấu vết của hàm răng in hằn rất rõ. Phỏng đoán theo khoảng cách giữa các dấu răng thì đây là giống chó lông xoắn.

Khi nói đến đó, Holmes bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, rồi dừng lại cạnh cửa sổ. Trong các lời nói sau cùng của anh mang theo niềm tin quả quyết tới mức khiến tôi nhìn anh ngơ ngác.

- Tại sao anh không tin vào điều đó? Đơn giản là tôi đang trông thấy con chó ở cạnh cửa ra vào. Đây, tiếng chuông của chủ nó đây. Đừng đi khỏi đây, anh Waston, anh là bạn đồng nghiệp của ông ta. Điều gì đã khiến cho bác sĩ James Mortimer, một con người của khoa học, lại đến tìm Sherlock Holmes, một chuyên gia về tội phạm? Anh có nghe tiếng bước chân trên cầu thang không? Mời vào!

Vẻ ngoài của vị khách khiến tôi ngạc nhiên. Bác sĩ Mortimer là một người gầy gò, cao ngẩng, cái mũi dài trôi lên giữa cặp mắt xám, ánh lên rạng rỡ dưới gọng kính vàng. Ông ta ăn mặc giống như một bác sĩ, nhưng hơi luộm thuộm một chút: áo và quần tây sờn rách. Lưng ông hơi khòm mặc dầu chưa già. Ngay lúc vừa bước vào phòng, ông rướn cả người về phía Holmes.

- Thật là may mắn! Tôi không thể nhớ được là tôi đã để nó ở chỗ nào, ở đây hay là ở hãng tàu thủy. Mất cái gậy là một điều khủng khiếp.

- Vật kỷ niệm chẳng? - Holmes hỏi.

- Vâng, thưa ông.

- Cửa bệnh viện Charing Cross phải không?

- Vâng, những người bạn ở đó tặng, nhân ngày cưới của tôi.

- Chúa ơi, tệ quá! - Holmes lắc đầu nói.

Bác sĩ Mortimer bắt đầu chớp mắt một cách ngạc nhiên.

- Điều ấy có gì là xấu xa?

- Chỉ vì chúng đã làm đảo lộn suy luận của chúng tôi. Thế có nghĩa đây là món quà cưới?

- Đúng, thưa ông. Tôi lấy vợ, rời bệnh viện. Tôi phải tạo lập sự nghiệp cho riêng mình.

- Ôi thế đấy! Chúng tôi đã không quá lầm lẫn - Holmes nói - Còn bây giờ, bác sĩ Mortimer...

- Xin cứ gọi tôi là ông Mortimer thôi, tôi chỉ là thành viên của Hội phẫu thuật Hoàng gia và chỉ là một hạt cát nhỏ trong bể học rộng lớn. Nếu tôi không lầm, thì tôi đang có diễm phúc tiếp chuyện với ông Sherlock Holmes và với ông...

... Bác sĩ Watson. Ngay trước mặt ông.

- Rất sung sướng được làm quen, thưa ông. Tên của ông thường được nhắc đến cùng với tên của bạn ông. Ông Holmes, tôi cảm thấy bất ngờ vì sợ của ông kéo dài đến thế và cánh cung lông mày của ông lại được phát triển mạnh đến thế. Cho phép tôi sờ vào cái đường thóp của ông. Thưa ông, người nào mà có cái sợ như vậy thì có thể làm nổi bật bất kỳ viên bảo tàng nhân chủng học nào. Xin đừng cho tôi là nịnh bợ, quả thật tôi ganh tị về cái sợ của ông đấy.

Holmes mời khách ngồi, nói:

- Tôi với ông, cả hai đều là những người nhiệt tâm với công việc của mình thưa ông. Nếu suy luận theo ngón tay trỏ của ông thì ông ưa loại thuốc cuốn hơn. Xin đừng khách sáo, hãy cứ hút đi!

Bác sĩ Mortimer rút thuốc từ túi ra và ông vắn giấy với một sự khéo léo đến kinh ngạc. Những ngón tay dài và hơi run run chuyển động khá mau lẹ

Holmes ngồi yên lặng song những cái nhìn nhanh và thoáng qua lướt trên người vị khách đã chứng tỏ rằng anh rất quan tâm tới ông ta.

- Thưa ông, tôi cho rằng - Cuối cùng anh nói - Cuộc viếng thăm hôm qua và hôm nay của ông chắc không chỉ vì để khám nghiệm cái sợ của tôi?

- Tất nhiên là không. Sự thật là trước mắt tôi đột nhiên xuất hiện một nhiệm vụ cực kỳ nghiêm trọng và cực kỳ khủng khiếp. Tôi coi ông là một chuyên gia lỗi lạc thứ hai ở châu Âu...

- Vậy kia đây, thưa ông! Cho phép tôi tò mò hỏi ai ở vị trí thứ nhất vậy? - Holmes hỏi, giọng bức bối.

- Ngài Bertillon[5], người được mọi người kính trọng.

- Vậy tại sao ông không đến chỗ ông ta?

- Đó là một nhà tư duy khoa học. Còn về thực hành, thì ông không nhường bất cứ một ai. Thưa ông, hy vọng là tôi không nói quá mức...
- Chỉ là chuyện vật vãn. Tuy nhiên, bác sĩ Mortimer ạ, ông sẽ xử sự hoàn toàn đúng nếu ngay bây giờ, ông kể cho tôi nghe vấn đề của ông ra sao và ông cần tôi giúp đỡ những gì.

Chương 2: Nỗi bất hạnh của dòng họ Baskerville

- Trong túi tôi có một bản chép tay - Bác sĩ Mortimer nói.
 - Tôi nhận ra điều đó ngay từ lúc ông mới vào đây.
 - Bản chép tay xa xưa lắm rồi.
 - Đầu thế kỷ XVIII, nếu không phải là đồ giả mạo.
 - Do đâu ông biết?
 - Với tôi, ông luôn cho tôi thấy mép bản chép tay đó, nó rộng khoảng 1, 2 inch. Sẽ là một chuyên gia tôi nếu không thể xác định được niên đại của tài liệu với một sai số chừng một, hai thập kỷ. Tôi xác định bản chép tay của ông ở vào năm 1738.
 - Chính xác là năm 1742! - Bác sĩ Mortimer rút bản viết tay từ túi áo bên phải ra. - Vật quý báu này được ngài Charles Baskerville trao cho tôi. Cách đây 3 tháng, cái chết của ngài đã làm xúc động cả vùng Devonshire. Tôi coi mình không chỉ là bác sĩ riêng mà còn là người bạn tâm tình của ngài. Ngài là một người có quyền lực, thông minh, rất từng trải.
- Holmes đưa tay ra nhận xấp giấy rồi trải nó trên đầu gối.
- Watson này, anh có thấy những chữ “s” dài và chữ “s” ngắn viết xen nhau không? Chính chi tiết này giúp tôi xác định niên đại của văn tự.[1]
- Qua vai anh, tôi nhận ra những tờ giấy ủa vàng. Phía trên trang giấy có dòng chữ: lâu đài Baskerville, phía dưới có các con số to, nét chữ rộng: 1742.
- Đây có lẽ là bản ghi chép gì đó hay tờ cung khai.
 - Vâng. Bản ghi chép một truyền thuyết lưu truyền trong dòng họ Baskerville.

- Nhưng tôi chưa thấy được sự liên hệ giữa chúng với hiện tại?
- Thưa ông, vấn đề rất có liên quan và không trì hoãn được, cần phải giải quyết nó trong vòng một ngày đêm. Thủ bản có quan hệ trực tiếp tới vấn đề. Nếu được phép của ông, tôi sẽ đọc nó.

Sau khi ngả người vào lưng ghế bành. Holmes khép các đầu ngón tay lại với nhau, nhắm mắt lại với tư thế hoàn toàn thoải mái. Bác sĩ Mortimer quay lưng về phía ánh sáng, và bắt đầu đọc truyện thời xưa:

“Về nguồn gốc con chó của dòng họ Baskerville, có rất nhiều lời đồn đại khác nhau. Tuy nhiên, vì ta là hậu duệ trực tiếp của Hugo Baskerville, và vì ta được nghe chính cha ta kể lại, cũng như người đã được nghe chính thân phụ của người, nên ta phải viết lại câu chuyện này, bằng giấy trắng mực đen, tin tưởng chắc chắn rằng sự việc đã xảy ra đúng như lời kể. Ta mong muốn con cháu của ta nên hiểu rằng Công lý vốn luôn luôn trừng phạt mọi tội lỗi cũng có thể ban ân tha thứ, và mọi lỗi, dù nặng nề đến mấy, cũng có thể giải trừ được bằng sự cầu nguyện và hối cải. Ta mong ước câu chuyện này sẽ dạy cho con cháu ta biết rằng những dục vọng xấu xa đã gây cho gia đình ta biết bao đau khổ phải được kiềm chế để khỏi làm hại dòng họ ta nữa. Điều đó không phải để các người e sợ những hậu quả trong quá khứ mà chính là để cho các người thận trọng trong tương lai.

Các người nên biết rằng vào thời cuộc Đại cách mạng 1642-1649, chủ nhân của điền trang Baskerville là Hugo - chắc chắn ông ấy là người vô đạo, báng bỏ thần thánh, một người hơi hoang dã. Thật vậy, láng giềng của ông có lẽ bào chữa cho ông đến thế thôi, vì nên biết rằng cả xứ lúc ấy cũng chưa được khai hóa gì mấy. Nhưng tính tình hung bạo của ông ấy thì cả miền đều biết tiếng. Bỗng một hôm, ông ấy si mê cô con gái một tiểu điền chủ trong vùng. Cô thiếu nữ thận trọng lần tránh ông, vì tai tiếng của ông làm cô kinh hãi. Vào ngày lễ Thánh Michel, với sự giúp sức của năm hay sáu đồng bạn, Hugo đã bắt cóc cô gái trong lúc cha và các anh cô đi vắng. Ông đưa cô về điền trang, nhốt trên gác, rồi cùng đồng bạn mở tiệc ăn mừng. Hẳn nhiên cô gái sợ đến điên người khi nghe những tiếng ca hát lẫn với những lời chửi rủa gớm ghiếc từ dưới nhà vọng tới: khi đã say sưa thì Hugo chẳng lịch sự gì và ngôn ngữ của ông đáng để thiên lôi thưởng cho một lưỡi tầm sét! Nhưng trong cơn sợ hãi, cô gái đánh bạo làm một điều

mà những người đàn ông can đảm cũng phải ngần ngại: cô bám vào đám dây leo phủ mặt tường lần tới ống máng xối, leo xuống đất, chạy băng qua đầm lầy về hướng trang trại của cha, cách điền trang 9 dặm[2].

Một lúc sau, Hugo rời bàn tiệc với ý định mang cho nữ tù nhân của mình một ít thức ăn và rượu vang, và có lẽ mang tới cả nhiều điều tồi tệ hơn nữa. Ông thấy cái lồng trống rỗng và con chim xanh đã cất cánh bay cao. Thế là ông như bị ma quỷ nhập vào. Ông chạy như bay xuống cầu thang từng bốn bậc một, ào vào phòng tiệc, nhảy lên đàn, đá văng tất cả bình rượu và thức ăn, thề trước mặt bạn bè rằng ngay trong đêm đó ông sẽ dâng cả xác và hồn cho quỷ sứ nếu ông bắt lại được cô gái. Trong khi cả bọn còn ngây người trước cơn giận dữ điên cuồng đó thì có một gã độc ác nhất trong bọn, hoặc có lẽ do uống say hơn hết, đề nghị thả chó ra đuổi theo cô gái. Lập tức Hugo chạy ra khỏi phòng, ra lệnh thẳng ngựa và thả chó ra. Ông cho đàn chó ngửi chiếc khăn tay của cô gái, để cho chúng định hướng; rồi trong tiếng sủa hoang dại của đàn chó, cuộc săn đuổi diễn ra trên khu đầm lầy ngập ánh trăng.

Các thực khách khác đứng ngơ ngác một lúc. Nhưng một lúc sau, họ chợt hiểu sẽ có chuyện gì đó sắp xảy ra. Thế là trong cảnh nhốn nháo cực kỳ, người đòi súng, kẻ đòi ngựa, kẻ khác kêu thêm vài bình rượu. Có 13 tên tinh táo hơn một chút, nhảy phốc lên ngựa đuổi theo Hugo và đàn chó. Có ánh trăng sáng hướng dẫn, cả bọn thúc ngựa phi nước đại theo con đường mà cô gái nhất định phải chạy về nhà.

Đi được vài dặm, bọn họ gặp một người chặn cừ. Họ lớn tiếng quát hỏi anh ta có trông thấy đàn chó không. Người chặn cừ run sợ đến nỗi nói không ra tiếng. Sau cùng, anh ta mới ấp úng nói rằng có trông thấy cô gái đang bị đàn chó rượt theo.

- Nhưng tôi còn trông thấy chuyện khủng khiếp hơn kia. Hugo Baskerville cưỡi con ngựa cái đen vượt qua tôi, còn phía sau ông ta là một con chó chắc là từ địa ngục sống ra đang lẳng lẳng chạy theo... Cầu Chúa đừng cho con phải gặp nó!

Bọn kỵ sĩ say sưa chải rửa người chặn cừ rồi tiếp tục đuổi theo. Nhưng chỉ một lúc sau, cả bọn thấy lạnh toát người: họ nghe tiếng ngựa phi nước đại, rồi họ thấy con ngựa đen, sùi bọt mép, lao qua trước mặt họ, đây

cương kéo lê trên đất và không có người cưỡi. Cả bọn hãi, xúm xít lại sát nhau. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục tiến bước, mặc dù mỗi người trong bọn họ, nếu có một mình, sẽ rất vui lòng quay ngựa trở về. Được một lúc thì họ bắt gặp đàn chó. Đàn chó săn giống, nổi tiếng gan dạ mà bây giờ chen chúc nhau bên bờ một cái dốc, một vài con len lén lảng ra xa, những con khác lông dựng ngược, nhìn chăm chăm về phía đáy thung lũng trước mắt.

Cả bọn kỵ mã dừng hẳn lại, tỉnh hẳn người! Phần đông không chịu đi tới nữa, nhưng có ba người bạn của Hugo, những người can đảm nhất, hoặc có thể còn say rượu, cứ đi xuống cái dốc. Họ đi tới một bãi rộng, có hai cột đá được dựng lên từ thời tiền sử, và bây giờ vẫn còn đó. Ánh trăng soi sáng vùng đất trống này: nằm giữa bãi cỏ là cô gái bất hạnh, đã chết vì sợ hãi và kiệt lực. Ba kỵ mã sợ xanh mặt, không phải vì tử thi của cô gái, cũng không phải vì cái xác của Hugo Baskerville. Một quái vật, một con thú to tướng, đen ngòm, giống như chó nhưng to hơn chó rất nhiều, đang đứng trên mình Hugo. Trong khi cả ba người đang đứng chết sững thì con quái vật cắn xé cổ họng của Hugo rồi quay đầu nhìn họ, quai hàm trễ xuống và cặp mắt sáng long lanh. Thế là họ mất hết hồn vía, kéo cương quay đầu ngựa chạy thực mạng, vừa kêu rú vang động cả đầm lầy. Người ta quả quyết rằng một người đã chết ngay đêm đó, còn hai người kia thì suốt đời cũng không hoàn hồn.

Đó là câu chuyện về nguồn gốc con chó mà người ta cho là kẻ giáng tai họa khủng khiếp xuống dòng họ chúng ta từ ấy đến nay. Sở dĩ ta chép lại chuyện này là vì điều gì được hiểu thấu rõ ràng sẽ gây ít sợ hãi hơn những điều được hiểu ngẫm hay được giải thích sai lạc. Không thể phủ nhận là nhiều người trong dòng họ chúng ta đã kết thúc đời mình một cách đột ngột, đầm máu và bí ẩn. Tuy nhiên, chúng ta có thể ẩn náu trong lòng nhân từ vô hạn của Chúa Quan phòng, là đáng sẵn lòng tha thứ những con cháu vô tội thuộc đời thứ ba hay thứ tư. Ta xin giao phó con cháu ta cho Chúa Quan phòng, và khuyên thêm các người chớ lang thang vào khu đầm lầy trong giờ tăm tối là thời khắc hoành hành của ma quỷ.

(Câu chuyện của Hugo Baskerville này truyền từ các con trai của ông ta, Rodger và John, nhưng không truyền lại cho Elizabeth, em gái của họ)."

Đọc xong, bác sĩ Mortimer dịch kính lên trán và dán mắt vào Holmes. Nhà thám tử ngáp dài, ném mẩu thuốc vào lò sưởi, nói:

- Thế nào?

- Theo ông, điều đó có thú vị không?

- Thú vị đối với những người ưa thích truyện cổ tích.

Bác sĩ Mortimer rút từ trong túi ra một tờ báo được gấp làm tư.

- Thôi được. Đây là số báo Tin vắn Devonshire ra ngày 14 tháng 5 năm nay. Trong đây có đăng bài tường thuật ngắn về các sự kiện liên quan tới cái chết của ngài Charles Baskerville được phát hiện vài ngày trước đó.

Holmes hơi rướn người về phía trước. Bác sĩ Mortimer sửa lại chiếc kính, và đọc:

“Cái chết mới được phát hiện cách đây không lâu của ngài Charles Baskerville, ứng cử viên có triển vọng của đảng Tự do trong kỳ bầu cử sắp tới, đã gây ra một ấn tượng nặng nề cho cả miền Trung Devonshire. Mặc dầu ngài Charles đến sống tại lâu đài Baskerville chưa lâu, nhưng ngài đã chiếm được lòng yêu mến và kính trọng của tất cả những ai từng tiếp xúc với ngài. Như mọi người đều biết, ngài Charles đã tiến hành việc kinh doanh rất có lãi ở Nam Phi. Với đầu óc sáng suốt, ngài đã thành công lớn và trở về Anh quốc với một gia tài đáng kể. Ngài đến ở tại lâu đài Baskerville chỉ mới 2 năm trước, đưa ra một kế hoạch xây dựng lại thái ấp rất tuyệt vời. Lúc còn sống, nhiều lần ngài bày tỏ ý định cải thiện sinh hoạt cho những người đồng hương của mình, và nhiều người trong số những cư dân ở đây đã có lý do riêng để thương tiếc ngài. Sự đóng góp hào phóng của ngài cho địa phương cũng như cho toàn địa phận đã được nhắc lại nhiều lần trên những trang báo của chúng tôi.

Mặc dầu cuộc điều tra đã kết thúc nhưng cái chết của ngài Charles vẫn chưa sáng tỏ. Ngài goá vợ và là một con người có nhiều đức tính lạ lùng. Mặc dầu rất giàu có, ngài vẫn sống giản dị, tổng số người phục vụ trong nhà ở lâu đài chỉ gồm cặp vợ chồng ông Barrymore: người chồng làm quản lý điền trang còn bà vợ thì làm quản gia. Theo những lời khai của họ - những lời khai này trùng hợp với những lời khai của bạn hữu gần gũi với người đã khuất - thì vào thời gian gần đây, sức khỏe của ngài Charles có

suy giảm. Ngài có bệnh đau tim. Bác sĩ James Mortimer, người bạn thân thiết, đồng thời là bác sĩ của gia đình ngài, cũng nhấn mạnh điều này trong bản cung khai của mình.

Sự việc diễn ra rất đơn giản. Ngài Charles Baskerville có thói quen trước khi ngủ thường đi dạo một vòng quanh lâu đài Baskerville chỗ lối đi dưới những hàng cây. Ngày 4 tháng 5, ngài Charles có ý định đi London vào sáng hôm sau và ra lệnh cho ông Barrymore chuẩn bị hành trang. Buổi tối, ngài đi dạo, trong thời gian đó, luôn luôn hút thuốc. Ông đã không bao giờ trở lại. Lúc nửa đêm, khi nhận thấy cánh cửa dẫn tới lâu đài vẫn còn mở, Barrymore cảm thấy lo sợ, bèn đốt đèn lên và đi tìm ông chủ. Ngày hôm đó mưa dầm, những vết chân của ngài Charles in rõ trên con đường. Khoảng giữa con đường này có một cửa hàng rào nho nhỏ dẫn tới khu đầm lầy than bùn. Nếu phán đoán theo một vài tài liệu thì ngài Charles có đứng cạnh cánh cửa nhỏ này vài phút và sau đó tiếp tục đi... Thi thể của ngài được tìm thấy ngày hôm sau ở cuối con đường.

Ở đây có một điểm chưa rõ: Barrymore nói là ngay sau khi ngài Charles rời khỏi cửa hàng rào thì đặc điểm của vết chân ngài có thay đổi (có lẽ ngài bắt đầu nhón trên mũi giày). Vào thời gian này, có một người gipsy[3] buôn ngựa, tên là Murphy, đi qua khu đầm lầy, cách không xa con đường. Ông ta nghe thấy những tiếng kêu, nhưng không thể xác định là những tiếng kêu vọng tới từ hướng nào. Không tìm thấy dấu tích bạo lực nào trên cơ thể của ngài Charles. Nhưng gương mặt người chết bị biến dạng đến khó nhận ra. Tuy nhiên, hiện tượng tương tự vẫn thường đi kèm với cái chết do ngạt thở và do sự suy kiệt trong hoạt động của tim. Trên cơ sở pháp y, người ta đã đi tới kết luận về cái chết như sau: Người bị nạn chết vì bệnh. Điều này phù hợp với tình trạng bệnh lý từ lâu của ngài Charles. Bởi vậy dư luận mong sao người thừa kế ngài Charles sẽ mau chóng đến ở lâu đài và tiếp tục những sáng kiến cao cả mà người đi trước đã phải dừng lại. Như người ta nói thì người gần gũi nhất của ngài là ông Henry Baskerville, cháu ruột của ngài Charles. Theo nguồn tin cuối cùng có được của chúng tôi thì người thanh niên này hiện đang sống ở Mỹ. Giờ đây người ta đang tìm kiếm và thông báo cho anh ta biết về các tài sản khổng lồ mà anh ta được thừa kế.”

Bác sĩ Mortimer gấp tờ báo lại, bỏ vào túi:

- Thưa ông Holmes, đó là tất cả những gì được thông báo về cái chết của ngài Charles Baskerville.

- Vào thời gian trước đây tôi có dịp đọc vụ án này trên báo, nhưng khi ấy tôi đang phải giải quyết vụ án những viên ngọc ở Vatican và công việc với Giáo hoàng, bận tới mức đã bỏ qua một vụ án đáng lưu ý ở Anh quốc. Có nghĩa đây là toàn bộ những tin tức được công bố?

- Vâng.

- Vậy thì ông hãy cho tôi biết những sự thật chưa được công bố đi! -

Holmes ngả người vào lưng ghế bành, đan những ngón tay vào nhau, tỏ vẻ của vị quan toà công minh và nghiêm khắc.

- Tôi chưa hề nói với bất cứ người nào, bởi vì tôi không đồng ý với những dư luận nảy sinh từ cái đầu óc mê tín. Tôi còn một động cơ nữa là nếu tôi nói ra thì những truyền thuyết kinh hoàng lại càng thổi bùng lên sự sợ hãi. Với hai lý do trên, tôi tự cho phép mình không nói ra hết sự thật. Nhưng với ông, tôi có thể nói thẳng. Vì với một người có khả năng thực nghiệm như ông, vấn đề sẽ được giải thích gần với sự thật nhất.

Khu đầm lầy có than bùn là nơi hoàn toàn vắng vẻ. Cho nên những láng giềng thường xuyên cố gắng gặp gỡ nhau. Vì thế, tôi thường xuyên gặp gỡ ngài Charles Baskerville, ngoài ra còn có ông Frankland ở biệt thự Lafter, ông Stapleton, một nhà tự nhiên học, là những người trí thức trong vùng.

Ngài Charles ưa sống cô độc, thế nhưng bệnh tình của ngài đã khiến chúng tôi gần gũi nhau. Ngài đã chuyển từ Nam Phi về những tư liệu khoa học rất quý và chúng tôi đã dùng nhiều buổi tối để trao đổi về giải phẫu học.

Thời gian gần đây, cứ mỗi tháng, tôi lại cảm thấy thần kinh của ngài căng thẳng hơn lên. Ngài tin vào truyền thuyết tôi vừa đọc, nên những lúc dạo chơi trên lãnh địa của mình, ngài không hề đi vào khu đầm lầy vào ban đêm. Ngài tin chắc là tai họa khủng khiếp luôn luôn đè nặng lên dòng họ ngài. Ý tưởng về một bóng ma nào đó ám ảnh dai dẳng không cho ngài được yên tĩnh. Ngài thường hỏi tôi là khi đi thăm bệnh nhân, tôi có nhìn thấy cái gì lạ không, có nghe tiếng chó sủa không? Câu này ngài hỏi rất thường xuyên và mỗi lần hỏi, giọng ngài run run vì lo ngại.

Ba tuần trước khi xảy ra tai nạn, tôi đã đến lâu đài vào buổi chiều. Ngài đứng ở cửa ra vào. Tôi bước xuống xe ngựa. Lúc đến gần ngài, tôi đột nhiên nhận thấy ngài đang nhìn qua vai tôi tới một chỗ nào đó. Mắt ngài biểu lộ sự khiếp đảm cùng cực. Tôi ngoảnh đầu lại và kịp nhìn thấy ở ngay cuối con đường có một con vật gì đó trông tựa tựa như nai, đen và lớn. Ngài hoảng sợ tới mức buộc phải đi tới nơi con vật thoáng xuất hiện và nhìn xem nó lẩn vào đâu. Nhưng ở đây không còn gì cả.

Sự việc này đã gây một ấn tượng rất nặng nề đối với ngài. Suốt buổi tối, tôi ở chỗ ngài và thế là đến một lúc nào đấy sau khi giải thích cho tôi biết nguyên do nỗi lo ngại của mình, ngài yêu cầu tôi giữ gìn tài liệu này. Tôi buộc đề cập đến sự việc này vì nó có liên quan đến những gì xảy ra tiếp theo và ảnh của nó đối với tinh thần của ngài Charles.

Cũng chính vì lý do đó mà tôi đã khuyên ngài Charles đi London. Trái tim của ngài dù đã khá hơn, nhưng nỗi lo ngại vẫn vơ như thế đã ảnh hưởng không tốt đến nó. Tôi cho rằng, sau một chuyến đi xa khỏi nguồn gốc của sự lo sợ sẽ giúp ngài lấy lại tinh thần. Ông Stapleton, một người bạn khác của ngài, cũng đồng quan điểm với tôi. Tuy nhiên, ngay ở thời khắc cuối cùng đã xảy ra sự việc khủng khiếp.

Sau khi tìm thấy thi thể của ngài, người quản gia đã phái người chẵn ngựa đi đến chỗ tôi. Tôi làm việc muộn, nên tôi đã đến lâu đài sau một giờ đồng hồ. Tôi đã kiểm tra tất cả những sự kiện có ghi trong biên bản điều tra. Tôi đi theo vết chân của ngài trên suốt con đường rậm rì cây cối, xem xét kỹ chỗ cạnh cửa hàng rào, nơi chắc có lẽ ngài đã dừng lại, để ý tới đặc điểm thay đổi của vết chân ngài và dám chắc rằng ngoài những vết đó ra, còn có những dấu vết khác trên con đường đất rải sỏi. Ngài nằm sấp, dang hai tay ra, những ngón tay bám chặt vào đất, bộ mặt của ngài méo mó đến mức tôi không nhận ra ngài ngay. Không có sự xây xát nào ở ngài. Thế nhưng Barrymore đã khai không đúng trong bản điều tra. Theo lời của ông ta thì trên mặt đất cạnh thi thể không có một dấu vết nào cả. Thật ra anh ta đã không xem kỹ. Cạnh thi thể ngài không xa, có những dấu vết rất mới và rất rõ.

- Những dấu chân?

- Vâng, những dấu chân.

- Đàn ông hay đàn bà?

Bác sĩ Mortimer nhìn chúng tôi đăm đăm và thăm thì:

- Ông Holmes, đó là những vết chân của một con chó khổng lồ!

Chương 3: Điểm mấu chốt

Phải thú nhận là những lời này đã khiến tôi lạnh cả xương sống. Cả người Holmes ngả ra phía trước. Trong mắt anh loé lên những tia sáng lạnh lùng và hằn học. Mỗi quan tâm đã thức dậy trong anh.

- Chính mắt ông nhìn thấy?

- Như tôi đang nhìn thấy ông.

- Vậy mà ông không nói gì về chuyện đó.

- Để làm gì chứ?

- Sao không có ai ngoài ông nhìn thấy?

- Những dấu vết đó ở cách thi thể khoảng 20 yard và không ai chú ý tới chúng. Chính tôi cũng sẽ không nhận thấy, nếu không nhớ tới truyền thuyết kia.

- Chắc trên đầm lầy có nhiều chó chăn cừu?

- Tất nhiên. Nhưng đó không phải là dấu chân chó chăn cừu.

- Những vết chân rất lớn phải không?

- To tướng!

- Nhưng nó không lại gần tử thi?

- Không.

- Thời tiết lúc đó ra sao?

- Ấm và lạnh.

- Không có mưa chứ?

- Không.

- Con đường ấy có gì?

- Hai bên đường có hàng rào xanh và cao 12 feet, giữa là lòng đường rộng 8 feet.
- Trên con đường có cửa rào nhỏ?
- Vâng, cửa hàng giậu này dẫn tới khu lầy.
- Tới đó không còn lối đi vào khác?
- Không.
- Phải chăng để đi tới con đường, chỉ có thể đi từ cửa hoặc đi qua cửa hàng rào.
- Có một lối khác: qua nhà hóng mát ở cuối con đường.
- Ngài Charles đã đến đó?
- Không. Ngài nằm cách đó khoảng 50 yard.
- Bác sĩ Mortimer! Đây là một câu hỏi rất quan trọng: Những dấu vết mà ông thấy, không ở trên cỏ mà ở trên con đường?
- Không thấy dấu vết trên cỏ.
- Chúng ở phía có cửa hàng giậu phải không?
- Vâng, ngay ở rìa đường, gần cửa rào.
- Rất tuyệt! Còn một câu hỏi nữa: Cửa hàng rào được đóng kín?
- Chẳng những nó được đóng kín mà còn được khóa bằng ổ khóa treo.
- Cửa cao bao nhiêu?
- 4 feet.
- Nghĩa là có thể trèo qua được?
- Vâng.
- Không tìm thấy một cái gì ở ngay cạnh cửa hàng rào chứ?
- Không. Không thấy cái gì đặc biệt cả.
- Phải chăng ông đã không để mắt đến đó?
- Không. Chính tôi nhìn mà.
- Nhưng vẫn không tìm thấy gì?

- Khó lòng nhận biết một cái gì ở đó cả. Rất có thể ngài đã đứng cạnh cửa hàng rào chừng 5, 10 phút.
- Tại sao ông lại nghĩ như thế?
- Bởi vì tàn thuốc ngài hút đã hai lần rơi xuống.
- Tuyệt vời! Điều đó thật bổ ích! Mà sao lại không có dấu vết?
- Chỉ có dấu chân của ngài trên nền đất sỏi. Tôi không nhận ra dấu vết khác.

Holmes vỗ đánh đét vào đùi mình:

- Ôi! Nếu tôi ở đó chắc chắn đây là một vụ án đáng chú ý. Sỏi đá. Đây là trang sách, mà ở đó tôi có thể đọc được tất cả? Còn bây giờ mưa đã tẩy sạch nó, những gót giày của các điền chủ hiếu kỳ đã xéo lên nó... Ôi bác sĩ Mortimer! Tại sao ông không gọi tôi ngay? Thật tiếc biết chừng nào.
- Tôi không thể đến chỗ ông được, bởi vì khi đó tôi phải công bố những sự việc. Ngoài ra và ngoài ra...
- Vì sao ông lại ngần ngại?
- Có một lĩnh vực nào đó mà những thám tử giàu kinh nghiệm nhất cũng phải bất lực.
- Ông muốn nói rằng công việc đó có sức mạnh siêu nhiên?
- Tôi không nói như vậy.
- Không nói nhưng nghi, đúng không?
- Ông Holmes ạ, từ khi nổi bất hạnh xảy ra, người ta đã cho tôi biết nhiều sự kiện khó lòng giải thích được.
- Chẳng hạn...?
- Trước khi xảy ra cái chết, một vài người dân địa phương đã trông thấy trong khu đầm lầy một sinh vật kỳ lạ phù hợp với sự mô tả về con quỷ của dòng họ Baskerville. Nó không giống với bất cứ loài động vật nào được khoa học nói đến. Tất cả những người đã trông thấy đều khẳng định rằng: Đây là bóng ma có kích thước khổng lồ, người toả sáng và trông rất quái đản. Tôi tìm hỏi những người này. Họ gồm ba người: một người láng

giếng của chúng tôi, ông này có một cái nhìn rất tinh táo; người thợ rèn địa phương và một điền chủ. Cả ba hầu như đều mô tả lại con chó được nói tới trong truyền thuyết.

- Một nhà khoa học như ông mà lại tin vào hiện tượng siêu nhiên này sao?

- Chính tôi cũng không rõ mình tin cái gì.

- Cho đến bây giờ, hoạt động của tôi chỉ trong phạm vi của thế giới này. Tôi đấu tranh với cái ác theo khả năng của mình; có điều, chống lại với ông tổ của cái ác thì quá sức đấy. Tuy nhiên, ông không phủ nhận rằng vết tích trên sỏi là một cái gì rất hiện thực chứ?

- Cũng không thể cho rằng con chó là không hiện thực, nếu nó đã cắn chết người. Ở con chó có cái gì đấy rất ma quái.

- Tôi nhận thấy ông đã đứng vào hàng ngũ của những nhà thần bí rồi đấy, bác sĩ ạ. Và nếu ông đứng trên quan điểm ấy thì ông cần đến tôi làm gì? Một mặt, ông nói việc tìm hiểu thực trạng cái chết của ngài Charles là vô ích; mặt khác ông lại yêu cầu tôi nắm bắt lấy thực trạng của nó.

- Tôi chưa hề yêu cầu ông làm việc đó.

- Nếu thế, tôi có thể giúp ông được gì?

- Bằng lời khuyên. Hãy cho tôi biết tôi cần xử sự với ngài Henry Baskerville như thế nào? - Bác sĩ Mortimer nhìn đồng hồ - 1 tiếng 15 phút nữa, ngài sẽ đến nhà ga Waterloo.

- Đó là người thừa kế.

- Vâng, chúng tôi dò hỏi tin tức về ngài và biết ngài đang điều hành trang trại của mình ở Canada. Đó là một người trẻ tuổi, rất đáng kính trọng. Bây giờ tôi nói chuyện với ông ấy không phải với tư cách thầy thuốc, mà với tư cách một người thực hiện di chúc.

- Không có người nào khác muốn chiếm đoạt gia tài chứ?

- Không. Người họ hàng duy nhất khác là ông Rodger Baskerville, em trai của ngài Charles. Họ có ba anh em tất cả: Người em giữa chết lúc trai trẻ, là cha của Henry, em út là Rodger, giống Hugo như hai giọt nước. Ở Anh quốc, Rodger sống không quen và đã sang Trung Mỹ và chết vào năm

1876 vì bệnh sốt rét. Tóm lại, Henry là người nói dối cuối cùng của dòng họ Baskerville. Một giờ 5 phút nữa ngài sẽ có mặt ở sân ga Waterloo. Tôi đã liên lạc với ngài lúc ngài đang ở Southampton hồi sáng này. Vậy đây, thưa ông Holmes, ông hãy nói xem, ông khuyên tôi phải làm gì?

- Vì sao ông ta không đến ngay thái ấp của dòng họ mình?

- Vâng, tôi cũng tự hỏi như vậy. Nhưng, xin nhớ rằng tất cả những người trong dòng họ Baskerville sống ở đó đều chết một cách bí thảm. Trước khi chết, ngài Charles đã căn dặn rằng tôi không được đưa người nói dối cuối cùng của dòng họ này đến chỗ đó. Đồng thời cũng không thể quên điều này: nếu lâu đài không có người ở thì tất cả những sáng kiến của ngài sẽ bị lãng quên, và địa phương đó sẽ không được phát triển. Cho nên tôi đến đây nhờ ông khuyên bảo.

Holmes trầm ngâm suy nghĩ, cuối cùng anh nói:

- Tôi hiểu thế này: ông cho rằng sức mạnh tội lỗi nào đó đã làm cho vùng đất đó trở nên khá nguy hiểm đối với dòng họ Baskerville.

- Dầu sao cũng còn một vài cơ sở để tin như thế.

- Thôi được. Nhưng nếu lý thuyết về những sức mạnh siêu nhiên của ông là đúng, thì chúng vẫn có thể hủy diệt được người nói dối ấy, không chỉ ở tòa lâu đài mà còn ở cả London. Thật khó hình dung rằng một con quỷ dữ chỉ có uy lực trong phạm vi nhỏ hẹp như thế.

- Nếu ông chưa gặp những hiện tượng ấy, xin ông chớ vội cười cợt. Theo ông, người trẻ tuổi này vẫn cứ yên ổn, dù ông ta đang ở Devonshire hay ở London? Năm mươi phút nữa ngài sẽ đến. Hãy khuyên tôi nên làm gì!

- Ông hãy đi gọi xe mui, rồi cùng với con chó của ông đến nhà ga Waterloo để đón ngài Henry Baskerville.

- Rồi sau đó?

- Sau đó ông sẽ chờ cho đến khi tôi nghĩ ra kế hoạch hành động. Cho tới lúc đó, xin ông đừng nói với ông ta điều gì.

- Ông làm việc đó trong bao lâu?

- Một ngày đêm. Tôi sẽ rất biết ơn ông, nếu ông có mặt ở đây vào 10 giờ sáng mai cùng với ngài Henry. Tôi muốn làm quen với ông ta.

- Được.

Mortimer ghi lại ngày và giờ của cuộc gặp gỡ trên cổ tay áo, rồi lơ đãng nhìn quanh và bước nhanh ra khỏi phòng.

Holmes gọi giật ông ta từ đầu cầu thang.

- Còn một vấn đề nữa, bác sĩ Mortimer, ông có nói là bóng ma xuất hiện ở đầm lầy vào buổi sớm phải không?

- Vâng, cả ba người đều kể như vậy.

- Sau khi ngài Charles chết thì không có gì nữa chứ?

- Tôi không biết, tôi không nghe thấy gì nữa.

- Cảm ơn ông. Chúc ông mọi sự tốt đẹp.

Holmes ngồi xuống chỗ mình ở góc đi-văng, mỉm cười điềm tĩnh và hài lòng, nụ cười đó thường hiện trên gương mặt anh khi có một nhiệm vụ xứng đáng nào đó.

- Anh đi chứ, Watson?

- Nếu tôi giúp anh được điều gì đó.

- Bây giờ thì chưa. Tôi sẽ nhờ anh giúp sức khi cần. Vụ án thật tuyệt vời! Có quan hệ với hàng loạt sự kiện. Khi qua chỗ Bradley anh nhớ rẽ vào đó và yêu cầu ông ta chuyển cho tôi một cân thuốc loại tốt nhất. Gắng đừng trở về trước buổi tối đấy. Nếu việc này không làm xáo trộn gia đình anh lắm thì xin anh vui lòng trở lại đây thay vì về nhà, vì tôi muốn trao đổi ý kiến với anh...

Sự cô độc và yên tĩnh cần thiết cho Holmes khi anh cân nhắc mọi chi tiết nhỏ nhất của vụ án, thiết lập giả thiết này đến giả thiết khác, đối chiếu chúng với nhau, và xem xét những thông tin nào là căn bản và có thể xem nhẹ thông tin nào. Bởi vậy, tôi ở câu lạc bộ suốt cả ngày và trở về phố Baker lúc 9 giờ tối.

Tôi đẩy cửa phòng khách và hoảng hốt - có hoả hoạn chăng? Bởi vì trong phòng đầy khói, ngọn lửa đèn dầu lập loè. Mùi thuốc xộc vào mũi khiến tôi

thấy ngọt ngạt. Xuyên qua bức màn khói, tôi nhận ra Holmes đang ngồi thoải mái trong ghế bành. Anh mặt áo dài, môi ngậm chặt chiếc tẩu thuốc. Xung quanh bày la liệt những cuộn giấy.

- Bị cảm lạnh sao Watson?
- Không. Quả thật cái thứ hương trầm này thật khó thở.
- Vâng, anh nói đúng. Có hơi nhiều khói thuốc ở đây.
- Hơi nhiều sao! Chẳng thể thở nổi.
- Vậy thì hãy mở cửa sổ ra. Tôi thấy anh suốt ngày ở câu lạc bộ.
- Anh bạn thân mến ơi, anh đoán mò rồi!
- Nhưng có đúng như vậy không?
- Tất nhiên là đúng, nhưng làm sao anh...

Anh nhìn vào bộ mặt bối rối của tôi và phá lên cười

- Anh Watson, sự hồn nhiên của anh quả là đáng mến! Nếu anh biết được tôi sáng khoái như thế nào, khi qua anh, tôi kiểm tra lại trí lực khiêm tốn của mình! Anh từ nhà ra đi vào lúc có mưa. Buổi chiều anh trở về sạch sẽ không có lấy một vết bẩn. Cái mũ lễ và đôi giày cao cổ ở anh cũng sáng loáng như trước. Quả thật là anh ngồi lì suốt ngày ở đâu đó. Ở đâu nữa? Phải chăng điều này đã quá rõ ràng.

- Đúng, rất rõ ràng - Tôi đáp.
- Trên đời này đầy rẫy những điều hiển nhiên như thế, vậy mà không mấy ai nhận ra chúng. Anh nghĩ thế nào, tôi đã đi đâu? - Holmes hỏi.
- Anh cũng ngồi lì suốt ngày phải không.
- Ồ không. Tôi đến Devonshire.
- Bằng cách tưởng tượng hả?
- Phải. Anh vừa ra khỏi nhà, tôi liền cho người đi lấy tám bản đồ khu đầm lầy. Trí óc tôi đi lục lọi khắp khu này suốt cả ngày. Và bây giờ tôi đã nắm được những chỗ ấy.
- Bản đồ tỉ lệ lớn phải không?

- Vâng, rất lớn. Anh giở một phần tám bản đồ này ra và lưu ý ở giữa là lâu đài Baskerville.

- Bao quanh lâu đài là rừng?

- Rất đúng. Ở đây con đường nhiều bóng cây không được nổi rõ, nhưng nó ở bên phải của khu đầm lầy. Đây là khu nhà nhỏ chính là làng Grimpen, địa bàn hoạt động của bác sĩ Mortimer. Còn đây là biệt thự Laften mà bác sĩ có nhắc đến; đây là dinh thự của nhà tự nhiên học Stapleton, nếu tôi nhớ không sai tên; còn đây là hai trang trại, các cột đá và đầm lầy; cách trang trại này 14 dặm có nhà tù khổ sai Princetown. Cảnh hoang vắng trải ra giữa các điểm riêng rẽ này là nơi tấn bi kịch đã được trình diễn và rất có thể sẽ được trình diễn một lần nữa.

- Đúng vậy, chỗ đó rất hoang dã.

- Nếu như con quý thật sự muốn xen vào công việc của con người, thì không nơi nào thuận tiện cho nó bằng nơi này.

- Nghĩa là anh cũng có khuynh hướng giải thích câu chuyện này bằng tính siêu nhiên?

- Chúng ta cần phải giải đáp hai câu hỏi: Thứ nhất, ở đây có tội ác không? Thứ hai, tội ác liên quan tới cái gì và nó được tiến hành như thế nào? Nếu điều mà bác sĩ Mortimer dự đoán là đúng thì lúc ấy chúng ta buộc lòng phải hạ vũ khí. Nhưng trước hết, chúng ta cần phải kiểm tra tất cả các giả thiết khác. Mà anh đã kịp nghĩ về vụ án này chưa?

- Suốt ngày nó không rời khỏi đầu tôi.

- Anh đã có kết luận như thế nào?

- Câu chuyện rất rắc rối.

- Đúng, câu chuyện rất độc đáo, đặc biệt là trong một vài chi tiết. Ví như đặc điểm thay đổi của các vết chân.

- Bác sĩ Mortimer nói là hình như ngài Charles đi nhón chân trên một phần của con đường.

- Ông ấy chỉ nhắc lại lời nói của một kẻ ngu dốt nào đó thốt ra vào thời điểm điều tra. Vì sao người này lại cần đi nhón chân?

- Vậy sự thật ra sao?
- Ông ta chạy, Watson ạ. Ông ấy chạy thực mạng để mong thoát nạn. Ông ta chạy và đồng thời tim của ông ta không chịu đựng được. Ông ta ngã và chết.
- Thoát nạn? Ai đe dọa?
- Điểm nút vấn đề là ở đó. Cứ xét theo một vài dấu vết thì trước khi chạy, ông ta đã mất trí và sợ hãi.
- Tại sao anh nghĩ như thế?
- Nếu cái làm cho ông ta sợ hãi đến từ khu đầm lầy thì chỉ có con người mất trí mới không chạy về nhà mình mà chạy ngược lại. Còn một bí ẩn nữa: Vào buổi chiều hôm đó ông ta chờ ai và tại sao lại gặp nhau trên con đường nhiều bóng cây mà không phải ở trong nhà?
- Anh cho rằng ông ta chờ một ai đó?
- Anh thử nghĩ mà xem: Một người đứng tuổi, bệnh tật đi dạo chơi vào buổi tối - Không có gì đáng ngạc nhiên về chuyện đó cả - Thế nhưng ngày hôm ấy ẩm ướt và lạnh lẽo. Khi đề ý tới tàn thuốc lá, bác sĩ Mortimer đã khẳng định là ông ta đã đứng ở cạnh cửa hàng giậu khoảng năm mươi phút. Ông ta đứng ở đó để làm gì? Nhân thể nói thêm, bác sĩ Mortimer có mắt quan sát đấy.
- Hàng ngày vào các buổi tối, ông ta đều đi dạo như thế, trước khi đi ngủ.
- Và mỗi buổi tối ông ta lại dừng lại ở cạnh cửa hàng giậu phải không? Chưa chắc. Đêm hôm đó ông ta chờ một người ở đây. Đó là đêm trước chuyến đi London mà ông đã định sẵn. Hãy nhìn xem, Watson, như tất cả đã đâu vào đấy: Mắt xích này tới mắt xích khác. Còn bây giờ hãy làm ơn chuyển cho tôi cây đàn vi-ô-lông.

Chương 4: Ngài Henry Baskerville

Khi đồng hồ điểm 10 tiếng, bác sĩ Mortimer và nam tước trẻ tuổi bước vào phòng. Người đi sau chừng 30 tuổi, vóc dáng không lớn, nhưng nhanh nhẹn và chắc nịch. Gương mặt biểu lộ một cái gì ương ngạnh; cặp mắt nâu sẫm dưới hàng lông mày đen rậm nhìn thẳng vào chúng tôi. Bộ com-lê

màu da lươn cắt theo kiểu thể thao và nước da rám nắng cho biết đó là một con người ưa hoạt động đồng thời, một phong thái điềm tĩnh, tự tin.

- Ngài Henry Baskerville - Bác sĩ Mortimer giới thiệu ông ta với chúng tôi.

- Đây chính là ông Holmes? - Vị Nam tước hỏi - Thật là thú vị, ông Holmes, nếu bạn tôi không đề nghị đến thăm ông, thì tôi cũng sẽ đến chỗ ông. Người ta nói rằng ông biết cách giải những bí ẩn nhỏ.

- Mời ngài ngồi xuống đây, ngài Henry. Nếu tôi không lầm thì chuyến đến London này có một cái gì đó đáng lưu ý đã xảy ra với ngài?

- Không có gì đặc biệt quan trọng, ông Holmes ạ. Nhưng sáng nay tôi nhận được lá thư này, nếu nó đáng được gọi bằng cái tên như vậy. Ông ta đặt phong bì lên bàn và chúng tôi bắt đầu xem xét. Phong bì rất bình thường làm bằng giấy. Địa chỉ “Khách sạn Northumberland, ngài Henry Baskerville được viết bằng chữ cái in lớn. Trên dấu bưu điện có hàng chữ Charing Cross và thời gian chuyển: chiều ngày hôm trước.

- Có ai biết là ngài ngụ tại khách sạn Northumberland không? - Holmes, sau khi tò mò nhìn người khách.

- Không ai biết cả. Chỉ sau khi gặp bác sĩ Mortimer tôi mới quyết định nơi nghỉ chân.

- Nhưng bác sĩ cũng nghỉ chân tại đó?

- Không tôi ở nhà người quen. Không một ai có thể biết là chúng tôi sẽ đến khách sạn này - Bác sĩ nói.

- Chà! Nghĩa là có ai đấy rất quan tâm đến việc đi lại của các ông.

Holmes rút từ phong bì ra một tờ giấy gấp tư, giở ra và đặt nó lên bàn. Ở giữa hai trang giấy chỉ có một câu duy nhất, người ta đã cắt từng chữ ở trong báo rồi dán ghép thành câu.

“Nếu Ngài sáng suốt và còn quý trọng cuộc sống thì ngài hãy tránh xa khu đầm lầy than bùn”[1]. Các chữ “Khu đầm lầy than bùn”[2] được viết tay và bằng mực.

- Thế đấy, ông Holmes - Nam tước nói - điều đó có nghĩa là thế nào và ai đã quan tâm đến công việc của tôi như vậy?

- Ông nghĩ sao, bác sĩ Mortimer? Lần này thì không có cái gì siêu phàm chứ?

- Vâng thưa ông, nhưng rất có thể người gởi thư này tin rằng câu chuyện đó hoàn toàn là siêu nhiên.

- Câu chuyện nào? - Ngài Henry đánh giọng hỏi - Dường như các ông hiểu rõ công việc của tôi hơn chính tôi đây.

- Chúng tôi sẽ nói tất cả, thưa ngài, trước khi ngài rời khỏi đây, hãy tin tôi - Holmes nói - Còn bây giờ hãy trở lại với tài liệu này, nó được thảo ra và bỏ vào thùng bưu điện chiều qua. Anh Watson, chúng ta có báo Times ngày hôm qua không?

- Ở trong góc ấy.

- Hãy cho tôi cái trang có bài xã luận ấy. - Anh lướt mắt nhanh trên trang mục Mâu dịch tự do... - Bài xã luận tuyệt vời! Cho phép tôi đọc thành tiếng một đoạn: “Nếu có ai nói với Ngài rằng ngành công nghiệp của Ngài được đặt dưới sự bảo hộ thuế quan thì Ngài hãy tránh xa những người đó, bởi sự sáng suốt sẽ chứng tỏ với Ngài rằng một hệ thống tương tự rồi cuối cùng sẽ giảm lượng hàng xuất khẩu của chúng ta; và cũng sẽ phá vỡ cuộc sống yên lành của gia đình chúng ta; mà các nhu cầu của cuộc sống gia đình thì hãy còn quý trọng đối với tất cả chúng ta”. Watson, anh nghĩ như thế nào? - Holmes thốt lên, xoa tay một cách vui sướng.

Bác sĩ Mortimer nhìn Holmes như những lương y nhìn những bệnh nhân mắc bệnh nặng. Còn ngài Henry nhìn tôi, vẻ phân vân.

- Tôi cảm thấy chúng ta đã hơi đi ra ngoài vấn đề chúng ta đang quan tâm?

- Ngài Henry nói.

- Ngược lại! Chúng ta đang đi ngay liền sau đó, thưa ngài. Phương pháp của tôi quen thuộc với Watson hơn ngài; thế mà tôi vẫn e rằng ý nghĩa của đoạn vừa đọc vẫn có thể lọt ra ngoài nhận thức của anh ấy.

- Vâng, xin thú thực là tôi chưa thấy có mối liên hệ nào giữa nó với bức thư.

- Mọi liên hệ chặt chẽ biết bao. “Nếu”, “Ngài”, “tránh xa”, “sáng suốt”, “cuộc sống”, “quý trọng”. Lẽ nào anh không đoán ra những chữ đó được lấy từ đâu?

- Ôi, lời giải đoán thật xuất sắc? - Ngài Henry thốt lên.

- Nếu ngài còn một chút nghi ngờ thì hãy chú ý tới những cụm từ như “thì ngài hãy tránh xa”. Chúng được cắt liền mạch.

- Ôi đúng vậy!

- Ông Holmes, - Bác sĩ Mortimer ngạc nhiên nhìn bạn tôi và nói - ông có biết không, chúng tôi cũng không tưởng tượng được là có thể có những chuyện như vậy? Có thể là ông biết được những chữ này được cắt ra từ báo, nhưng làm sao ông đoán ra từ báo nào, hơn nữa lại còn biết đúng bài báo nào nữa chứ?

- Tôi cho rằng bác sĩ Mortimer có thể tìm được những đặc điểm khác biệt giữa người da đen với người Esquimaux chứ?

- Chắc chắn!

- Làm thế nào?

-Ồ, đó là sở trường của tôi. Sự khác biệt rất rõ ràng, từ đỉnh chóp sọ, góc mặt, độ cong của hàm...

-... Và đây là sở trường của tôi, sự khác nhau giữa các kiểu chữ in giữa tờ Times và một tờ báo rẻ tiền giá nửa penny cũng giống như sự khác biệt giữa người da đen với người Esquimaux vậy. Sự hiểu biết về kiểu chữ in typô là một trong những yêu cầu sơ đẳng đối với các chuyên gia về tội phạm. Có thể thời trẻ tôi thỉnh thoảng vẫn bị nhầm lẫn giữa tờ Leeds Mercury và tờ Western Morning News, nhưng tôi không thể nhầm lẫn giữa bài xã luận của báo Times với bất cứ tờ nào khác; những kiểu chữ này chỉ có thể được cắt ra từ đó. Bức thư được chuyển vào hôm qua. Vậy trước tiên, chúng ta cần xem số báo ngày hôm qua.

- Ông Holmes - Ngài Henry nói - Thế nghĩa là một ai đó đã thảo bức thư này sau khi đã cắt tờ báo bằng...

-... Bằng kéo sửa móng tay - Holmes ngắt lời ông ta - Ngài hãy chú ý xem đoạn cắt ở chúng ngắn đến mức nào? Ở một số cụm chữ, người ấy phải tiến hành hai nhát cắt.

- Hoàn toàn đúng. Một người nào đây đã cắt các chữ này bằng kéo, với đoạn cắt ngắn và dán chúng...

- ... Bằng keo - Holmes nhắc.

-... Bằng keo trên giấy. Nhưng vì sao những chữ “khu đầm lầy than bùn” lại viết bằng tay.

- Bởi vì tác giả bức thư không tìm được chúng trên báo.

- Lời giải thích rất giống với sự thật. Ông còn có thể đọc được điều gì ở đây nữa, ông Holmes?

- Chúng ta vẫn còn có thể thu được một cái gì đó nữa, mặc dù tác giả của lá thư đã gắng hủy những tang chứng nhỏ nhất. Đây này, địa chỉ được viết bằng chữ cái in lớn, báo Times là tờ báo hiếm khi rơi vào tay những người bình thường. Vậy ta có thể rút ra kết luận: Tác giả lá thư là một người có học, nhưng người ấy cố gắng tỏ ra mình là người thiếu học bằng cách cố ý thay đổi nét chữ, chắc họ sợ rằng ngài sẽ nhận ra người viết, hoặc bây giờ hoặc sau này. Ngoài ra, cần chú ý điều này: các chữ dán không được khéo. Chẳng hạn “cuộc sống” nằm không ngay ngắn. Điều này chỉ ra tính không cẩn thận của tác giả bức thư, có thể là do lo lắng và vội vã. Bởi vì bức thư được gửi vào hôm qua, cần bằng mọi cách để đến tay ngài ở khách sạn. Có thể tác giả sợ có sự cản trở nào đó chăng? Nhưng ai có thể cản trở vậy?

- Hình như chúng ta đang bước vào lĩnh vực của những giả thiết - Bác sĩ Mortimer nhận xét.

- Đúng hơn là lĩnh vực mà tất cả những khả năng đều được cân nhắc để chọn lựa một khả năng gần với sự thật nhất. Tất nhiên ông sẽ coi điều tôi nói là giả thiết thuần túy, nhưng hầu như tôi tin rằng địa chỉ được viết tại khách sạn nào đấy.

- Do đâu ông nghĩ như thế?

- Hãy xem xét kỹ phong bì, ông sẽ nhận ra rằng người viết đã không gặp may: Ngòi bút phải hai lần chấm vào lọ mực mới viết xong địa chỉ ngắn

đến thế. Nghĩa là lọ mực đã cạn kiệt tận đáy, ít khi bút và mực rơi vào tình trạng ấy. Đây là một trường hợp đặc biệt hiếm có. Thế nhưng, ai cũng biết, ở các khách sạn hầu như không có bút khác và mực khác. Vâng, tôi không lường lự mà cho rằng nếu chịu lục soát tất cả các thùng rác trong tất cả các khách sạn gần Charing Cross thì sẽ tìm thấy mẫu xã luận Times bị cắt rời, và chúng ta lập tức tìm ra tác giả của bức thư kỳ lạ này... Ôi, ôi! Cái gì thế này?

Anh chăm chú nhìn vào tờ giấy có dán chữ. Anh đặt nó cách mắt khoảng một, hai inch.

- Cái gì vậy?

- Không, không có gì cả - Holmes nói và đặt lá thư lên bàn - Tờ giấy rất phẳng phiu, thậm chí không có những vết xước nữa. Chúng ta sẽ khai thác bức thư. Còn bây giờ, ngài Henry, hãy kể một điều gì đã xảy ra với ngài từ khi ngài đến London đi.

- Không, ông Holmes, hình như không có gì xảy ra.

- Không có ai theo dõi ngài sao?

- Hình như tôi sa vào cuốn tiểu thuyết trinh thám nào đó rồi - Vị khách của chúng tôi nói. - Ai có thể theo dõi tôi vậy?

- Thư thả, rồi chúng ta sẽ bàn chuyện đó. Còn bây giờ lẽ nào ngài không thấy cần thiết kể cho chúng tôi nghe về một điều gì chăng?

- Ông cần chú ý tới điều gì?

- Tất cả những điều diễn biến ra ngoài phạm vi nếp sống bình thường, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Ngài Henry mỉm cười:

- Hầu như tất cả tuổi thơ và tuổi thanh niên của tôi trôi qua ở Mỹ và Canada, bởi vậy nếp sống ở Anh còn mới mẻ đối với tôi. Nhưng chưa chắc ông coi là một sự bình thường khi tự nhiên người ta mất một chiếc giày.

- Ông mất một chiếc giày?

- Giày của ngài chỉ thất lạc đâu đó thôi. Rồi sẽ tìm ra mà. Có nên làm cho ông Holmes day dứt vì những điều nhỏ mọn như vậy không? - Bác sĩ Mortimer nói.

- Ông ấy muốn biết cái gì khác thường xảy ra với tôi hay không kia mà.

- Mỗi điều vặt vãnh cũng khiến tôi quan tâm. Nghĩa là ngài mất giày? - Holmes nói.

- Vâng, nhưng có thể thật sự có người chủ ý lấy nó. Buổi tối qua, tôi đặt đôi giày của phòng để người hầu phòng đánh xi, sáng dậy chỉ còn một chiếc. Đáng tiếc là tôi mới mua đôi này vào ngày hôm trước, chưa kịp mang nó.

- Ngài muốn đánh xi đôi giày mới? Sao vậy?

- Đôi giày màu nâu sáng. Tôi có ý định đánh xi đen.

- Vậy là đến London, ngài đi mua giày?

- Nói chung tôi đi khắp cửa hàng. Bác sĩ Mortimer đi chung với tôi. Kể ra chủ nhân của một thái ấp lớn cũng cần ăn mặc cho phù hợp. Đôi giày này giá 6 dollar.

- Nếu đó là chuyện mất cắp thì hoàn toàn chẳng có gì đáng suy nghĩ - Holmes nói - Phải thừa nhận là tôi đồng ý với bác sĩ Mortimer: chiếc giày của ngài sẽ mau chóng được tìm thấy.

- Và bây giờ, thưa quý bạn - Nam tước nói một cánh quả quyết - Quý bạn cần cho tôi biết những chuyện mà các bạn đã biết.

- Đòi hỏi thật chính đáng - Holmes đồng ý - Bác sĩ Mortimer ~ theo tôi, ông cần tự mình kể cho ngài nghe những gì ông đã kể cho chúng tôi.

Người bạn của chúng tôi rút từ túi ra bản chép tay tờ báo, rồi nhắc lại câu chuyện hôm qua của mình. Nam tước lắng nghe với sự chú ý sâu sắc, thỉnh thoảng ông ta ngắt lời bác sĩ bằng những tiếng kêu kinh ngạc.

Khi câu chuyện chấm dứt, ông ta nói:

- Ôi! Thì ra không phải cứ ung dung thừa hưởng một gia tài! Về con chó, vào thời thơ ấu, tôi có nghe nói. Thật vậy, đó là một huyền thoại của gia

đình chúng tôi. Còn điều liên quan đến cái chết của bác tôi thì tôi hết sức rối trí. Tôi cũng chưa biết cần nhờ ai giúp đỡ: linh mục hay cảnh sát!

- Rất đúng!

- Giờ đây lại là lá thư kỳ lạ. Có lẽ nó có liên quan tới các sự kiện.

- Vâng, nếu phán đoán theo lá thư thì một người nào đó biết rõ hơn ngài về cái điều đang diễn ra ở khu đầm lầy than bùn - Bác sĩ Mortimer nói.

- Một người nào đó rất có thể cảm tình với ngài - Holmes nói - Vì ông ta muốn báo cho ngài biết trước mỗi nguy hiểm.

- Cũng có thể một người nào đó cảm thấy có lợi nếu đuổi được tôi ra khỏi lâu đài Baskerville.

- Cũng có thể như thế... Tôi rất biết ơn ông, bác sĩ Mortimer ạ, vì ông đã trao cho tôi nhiệm vụ phức tạp và lý thú này. Nhưng bây giờ, ngài Henry, cần đi vào thực chất của vấn đề: Ngài có đi đến lâu đài Baskerville hay là không?

- Tại sao tôi không đến đó?

- Rất có thể điều này khá nguy hiểm.

- Mỗi nguy hiểm này phát sinh từ đâu. Từ con ngáo ộp của gia đình chúng tôi hay từ những người khác?

- Đó là điều chúng ta phải tìm cho ra.

- Dù ở đây có xảy ra chuyện gì, thì không một thế lực nào, không một mưu kế nào có thể kìm chân tôi được. Tôi dứt khoát sẽ đến ngôi nhà của tổ tiên mình... - Đôi lông mày sẫm của ông ta nhú thành một đường dài, da mặt đỏ ửng lên. Tính bất trị của dòng họ Baskerville biểu hiện rõ rệt trong người kẻ tọc cuối cùng này - Tôi còn chưa kịp cân nhắc kỹ càng về cái điều ông vừa nói. Không dễ dàng hiểu ngay và quyết định được ngay. Tôi sẽ suy nghĩ kỹ về chuyện đó vào lúc rảnh rỗi. Ông Holmes, bây giờ là 11 giờ rưỡi. Tôi sẽ đi thẳng về khách sạn; ông và bạn ông, bác sĩ Watson, tới chỗ chúng tôi dùng bữa vào lúc 2 giờ có được không?

- Ý anh thế nào, anh Watson?

- Rất sẵn lòng.

- Như vậy thì chúng tôi sẽ đến. Gọi xe cho các ông. chứ?

- Không, tốt hơn cả là đi bộ.

- Tôi rất vui lòng đi cùng với ông - Người bạn đường của Nam tước nói - Nghĩa là vào lúc 2 giờ, chúng ta sẽ gặp nhau. Xin chúc các ông mọi sự tốt đẹp.

Sau khi hai người khác ra về, Holmes thay đổi hẳn. Tính uể oải ở anh không còn nữa. Anh trở thành con người hành động.

- Anh Watson, mặc áo quần vào, mau lên! Không nên phí một giây nào cả.

Vừa cởi áo dài ra anh vừa nhanh chóng đi về phòng mình, và hai, ba phút sau, anh trở lại với chiếc áo khoác ngoài. Chúng tôi theo cầu thang chạy xuống phía dưới ra ngoài phố. Bác sĩ Mortimer và ngài Henry đang ở phía trước cách chúng tôi chừng 200 bước. Họ tới đường Oxford.

- Đuổi kịp họ chăng?

- Không cần đâu, cứ thư thả. Những người bạn của chúng ta nói đúng. Đạo chơi vào một buổi sáng như thế này thật là sáng khoái.

Anh rảo bước và khoảng cách giữa chúng tôi với những vị khách giảm dần, giảm dần chỉ còn bằng nửa so với trước. Tiếp tục giữ đúng cự ly này, chúng tôi theo họ đến đường Oxford và sau đó là đường Regent. Cạnh một cửa hàng ngài Henry và bác sĩ Mortimer dừng lại xem tủ trưng bày, Holmes cũng dừng lại. Một thoáng sau, anh đột nhiên kêu lên sung sướng. Dõi theo hướng nhìn của anh, tôi nhận thấy một chiếc xe mui đậu ở góc kia của phố. Trong cửa sổ của nó hiện ra một hành khách. Chiếc xe chậm chậm tiến về phía trước.

- Đây con người chúng ta cần tìm đây, Watson! Nào! Chúng ta sẽ gắng nhận ra mặt y.

Đúng vào lúc đó, trong ô cửa sổ bên hông của mui xe xuất hiện một chòm râu đen, đôi mắt của ai đó soi vào chúng tôi bằng cái nhìn sắc như dao. Ngay lập tức chiếc cửa sổ ấy đóng sập lại, người hành khách kêu lên một tiếng gì đó với người đánh xe ngựa và chiếc xe lao nhanh về hướng đường Regent. Holmes nhìn quanh, tìm xe ngựa chưa có khách, nhưng vô ích. Xe

nào cũng có người. Thế là anh cuống cuống chạy vào đám người đang đi sau chiếc xe mui trên phố. Chiếc xe nhanh chóng mất hút.

- Quỷ quái! - Bực tức, anh khó nhọc thốt lên sau khi rời khỏi đám người trên phố - Thế là không gặp may rồi! Đúng, trong chuyện này, tôi là người có lỗi, anh hãy ghi kỹ vào cuốn sổ biên niên điều sơ suất này.

- Đó là người thế nào?

- Tôi không có ý niệm gì cả.

- Một tên do thám?

- Đúng, rõ ràng là có ai đó theo dõi Henry ngay từ khi ông ta đến London. Từ đó hẳn biết được ông ta lưu lại ở khách sạn Northumberland. Nếu đã theo dõi ông ta vào ngày đầu tiên thì hẳn sẽ tiếp tục theo dõi ông ta vào ngày sau đó. Chắc anh có chú ý: tôi đã hai lần đến gần cửa sổ vào lúc bác sĩ Mortimer đọc câu truyện truyền thuyết chứ?

- Vâng, có nhớ.

- Tôi muốn đề ý xem có ai lảng vảng ở cạnh nhà không, nhưng tôi không nhận ra ai khả nghi cả. Chúng ta đang đối đầu với một kẻ thông minh, Watson ạ. Khi những người bạn mới của chúng ta đi khỏi, ngay tức khắc tôi cuống cuống đuổi theo họ với hy vọng sẽ phát hiện ra cái kẻ theo dõi họ trong bóng tối. Kẻ ranh mãnh nào quyết định không đi bộ mà dùng xe mui thì có thể lùi lại phía sau hoặc đuổi theo con mồi mà vẫn không bị phát hiện. Phương pháp của hẳn thuận lợi ở chỗ con mồi có dùng xe thì hẳn vẫn theo dõi được họ. Thế nhưng phương pháp này cũng có một điểm yếu.

- Người đánh xe có thể nghi ngờ?

- Đúng vậy.

- Đáng tiếc là chúng ta không đề ý đến số xe.

- Watson thân mến! Quả thật lần này tôi chẳng có gì đáng khen cả. Thế nhưng có lẽ nào tôi lại không đề ý đến số xe? Đây này, 2704. Vả chẳng bây giờ chúng ta cần làm gì với nó đây?

- Anh vẫn còn có thể làm được nhiều điều.

- Sau khi nhận thấy hấn, đáng lẽ tôi phải rẽ sang phía đối diện với xe mui và giữ một khoảng cách đáng kể để theo dõi. Tốt hơn cả là đi thẳng tới khách sạn và chờ những sự kiện tiếp theo ở đây. Con người này sẽ đưa tiền Henry đến tận cửa và chúng ta có thể theo dõi sau đó hấn sẽ đi đâu. Đối thủ của chúng ta khéo léo lợi dụng sự vội vã không đúng lúc của tôi, vì sự vội vã này đã để lộ chúng ta và làm lạc hướng theo dõi của tôi.

Trong khi nói chuyện, chúng tôi chậm rãi đi theo đường Regent và không còn nhìn thấy hai người ở phía trước nữa.

- Kẻ theo dõi họ đã biến mất và sẽ không xuất hiện nữa. Anh có nhìn rõ bộ mặt của người trong xe mui không?

- Tôi không nhìn thấy mặt mà chỉ nhìn thấy râu.

- Tôi cũng thế. Tôi đoán rằng y mang râu giả. Vào đây đi, anh Watson?

Holmes rẽ vào một trong những văn phòng phát thư của vùng này. Người phụ trách đón anh rất niềm nở:

- Ôi Wilson, tôi thấy ông đã không quên tôi là người đã giúp ông trong vài việc nhỏ bé ấy!

- Lẽ nào tôi quên được điều đó?

- Ông Wilson, tôi còn nhớ ông có một cậu bé tên là Cartwright rất khéo léo và thông minh?

- Vâng, thưa ông, bây giờ cậu ấy đang làm việc ở chỗ tôi.

- Bảo cậu ấy đến được chẳng? Cảm ơn. Ông làm ơn đổi cho tôi 5 bảng này.

Sau tiếng gọi của người phụ trách, một thiếu niên khoảng 14 tuổi xuất hiện. Cậu bé đứng nhìn người thám tử danh tiếng với vẻ tôn kính.

- Hãy đưa cho tôi cuốn sách hướng dẫn các khách sạn - Holmes nói - Cảm ơn cháu Cartwright. Đây, đây là tên của 23 khách sạn vùng Charing Cross. Thấy chưa?

- Vâng, thưa ông.

- Cháu hãy đi giáp vòng theo thứ tự nhé?

- Vâng, thưa ông.

- Để bắt đầu, cháu cho người gác cổng một shilling. Đây 23 shilling.
- Cháu nghe thấy rồi, thưa ông.
- Cháu hãy nói rằng cháu cần xem xét rác rưởi trong các thùng đựng rác. Hãy giải thích điều đó thế này: Cần tìm lại một bức điện tín rất quan trọng do lầm địa chỉ, cháu được sai đi tìm kiếm nó. Hiểu chưa?
- Vâng, thưa ông.
- Nhưng thực tế là cháu sẽ tìm một trang báo Times bị cắt một vài chỗ, đây là số báo Times và đây là trang cần thiết. Cháu có phân biệt nó với những tờ báo khác không?
- Vâng, thưa ông.
- Những người gác cổng chắc chắn đưa cháu tới các hành lang. Cháu cho họ tiền. Có lẽ, trong 20 khách sạn, rác rưởi bị đổ hoặc bị đốt đi. Nhưng trong 3 khách sạn còn lại người ta sẽ chỉ cho cháu coi hàng đồng giấy má trong số đó cháu sẽ tìm kiếm trang báo này. Rất ít có cơ hội thành công. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, ta cũng cho cháu 10 shilling. Buổi tối cháu hãy chuyển điện tín bằng đường bưu điện đến cho ta ở đường Baker xem công việc ra sao. Còn bây giờ, anh Watson, tôi với anh đành phải tìm kiếm chiếc xe mui mang số 2704, sau đây chúng ta sẽ thăm phòng trưng bày hội họa ở đường Bond để chờ đến giờ hẹn.

Chương 5: Ba sợi chỉ bị đứt

Sherlock Holmes có tài làm cho đầu óc thư giãn lúc nào anh muốn. Anh say mê chiêm ngưỡng tranh của các họa sĩ Bỉ hiện đại và suốt hai giờ, anh dường như không nhớ tới câu chuyện lạ lùng đã cuốn hút chúng tôi. Suốt đoạn đường từ nhà triển lãm đến khách sạn, anh toàn nói về hội họa mặc dầu trong lĩnh vực này trình độ của anh chưa cao.

- Ngài Henry đang đợi các ông ở trên gác - Người trực phòng ngoài nói với chúng tôi - Ngài yêu cầu mời khách đến chỗ ngài ngay lập tức.
- Ông cho phép tôi coi danh sách khách trọ được chứ? - Holmes hỏi.
- Xin mời ông.

Sau họ Baskerville trong cuốn sổ còn có hai dòng nữa: Theophilus Johnson cùng gia đình đến từ Newcastle và bà Oldmore với người hầu gái đến từ vùng High Lodge, Alton.

- Đây là ông Johnson quen biết của chúng ta phải không? - Holmes nói với người trực phòng - ông ta là trạng sư, tóc bạc và chân đi hơi khập khiễng?

- Không, thưa ông, ông Johnson này là chủ mỏ than, chưa già, chỉ trạc tuổi ông thôi.

- Ông biết chắc ông ta không phải là luật sư?

- Tôi tin như vậy, ông ta là khách trọ thường xuyên của chúng tôi...

- Vậy à? Bà Oldmore... tôi có nghe tới cái họ này ở đâu đó rồi. Xin thứ lỗi cho tôi vì quá tò mò nhưng đã có lần xảy ra thế này: muốn tìm một người quen mà lại tìm thấy một người khác.

- Bà Oldmore không được khỏe mạnh, có một thời gian chồng bà là thị trưởng của Gloucester, mỗi khi đến thành phố, bà chỉ ngụ tại khách sạn của chúng tôi.

- Xin cảm ơn ông. Có lẽ tôi làm bà ta với người phụ nữ khác... Nhưng vấn đề này đã giúp chúng ta xác định một sự thật rất quan trọng, Watson ạ.-

Holmes tiếp tục thăm thì khi chúng tôi theo cầu thang lên gác - Bây giờ chúng ta mới rõ là những người chúng ta đang quan tâm không có ở đây.

- Thí dụ?

- Chẳng hạn... Ô hay! Có chuyện quỷ quái gì vậy anh Watson?

Chúng tôi bước vào sân thượng và gặp ngài Henry ở đây. Ông ta chạy vào cầu thang, trong tay cầm một chiếc giày cũ đầy bụi, cả người đỏ bừng vì giận dữ. Lỡi ông ta lú lút vì bức tức, và khi ông bật lên thành lời thì ngay lập tức bị lẫn sang âm Bắc Mỹ một cách rõ rệt. Điều này, lúc sáng chúng tôi không nhận thấy ở ông.

- Ở khách sạn này người ta coi tôi là một thằng ngốc chắc? - Ngài Henry la lên - Tôi không cho phép đùa giỡn như vậy. Nếu thằng ngu ngốc ấy không tìm thấy chiếc giày của tôi thì sẽ to chuyện cho mà xem! Tôi cũng thích cười cợt, nhưng lần này thì những kẻ ưa bỡn cợt ở đây đã hơi quá đáng.

- Ngài vẫn tìm chiếc giày mất phải không?
- Vâng, đang tìm và tôi sẽ tìm thấy.
- Nhưng ngài đã nói đó là một chiếc giày màu nâu mới cơ mà?
- Vâng, thưa ông, còn bây giờ là chiếc giày đen.
- Thế đây! Lẽ nào ngài sức nhớ ra và...
- Chính vậy! Tôi có tất cả ba đôi giày: một đôi màu nâu, một đôi đen cũ kỹ và một đôi giày đánh xi mà tôi đang mang đây. Chiều qua một chiếc giày nâu bị mất. Còn hôm nay thì bị cuồn chiếc giày đen... A, anh tìm thấy rồi hả? Sao anh nhìn chăm chăm vào tôi như thế?

Nhân viên hầu phòng người Đức xuất hiện với vẻ mặt lo ngại:

- Không, thưa ông. Tôi đã hỏi tất cả mọi người rồi, không ai mảy may biết gì cả.
- Vậy đây, hãy nghe đây, hoặc là trong chiều nay anh tìm được chiếc giày của ta, hoặc là ta sẽ đến chỗ viên quản lý nói rõ với ông ấy là ta sẽ mau chóng rời khỏi nơi đây.
- Chúng tôi sẽ tìm được thôi... Xin kiên nhẫn một chút, thưa ngài!
- Nên nhớ đây là lần cuối cùng đây. Ta sẽ không cho phép ai lấy cắp của ta trong cái ổ gian phi này nữa đâu?... Ông Holmes, hãy thứ lỗi cho tôi vì tôi đã làm ông bận tâm bởi những chuyện vặt vãnh.
- Vậy mà những chuyện vặt vãnh ấy lại đáng để chúng ta bận tâm đấy.
- Ông cho chúng có nhiều ý nghĩa đến thế kia ư?
- Bản thân ngài giải thích chuyện này như thế nào?
- Tôi không có ý định giải thích. Trong đời tôi, chưa bao giờ xảy ra một chuyện phi lý và quái lạ hơn thế.
- Không có cái gì quái lạ hơn sao... Đúng, đúng vậy! - Holmes trầm ngâm nói.
- Bản thân ông nghĩ sao về chuyện đó?
- Xin thú thật là tôi vẫn chưa có kết luận dứt khoát, câu chuyện còn rất rắc rối, ngài Henry ạ. Nếu gắn nó với cái chết của bác ngài thì trong số 500 vụ

án tôi đã có dịp phanh phui, đây sẽ là vụ án phức tạp nhất. Thế nhưng, trong tay tôi đã có những manh mối, mà rồi một manh mối trong số đó sẽ đưa chúng ta đến lời giải đáp.

Sau bữa ăn câu chuyện giữa chúng tôi diễn ra rất thoải mái, chỉ dǎ động chút ít vấn đề đưa bốn chúng tôi đến cuộc gặp mặt này. Khi chúng tôi sang phòng khách, Holmes mới hỏi ngài Henry Baskerville định làm gì.

- Tôi sẽ đến lâu đài Baskerville – ngài Henry nói.

- Khi nào?

- Cuối tuần này.

- Tôi nghĩ quyết định của ngài là đúng đắn. Giờ đây tôi có đủ lý do để tin rằng ở London ngài đang bị giám sát chặt chẽ. Ở một thành phố lớn như thế này thật khó lòng mà xác định họ là ai và họ muốn gì. Nếu họ hành động với những ý đồ xấu xa thì ngài có thể bị nguy. Bác sĩ Mortimer, ông có biết là sáng nay lúc các ông rời khỏi nhà tôi, ai đã theo dõi các ông không?

Bác sĩ Mortimer nhô mắ t lên:

- Theo dõi? Ai vậy?

- Đáng tiếc, tôi không thể nói là ai. Trong số những người láng giềng hoặc quen thuộc của ông ở Dartmoor có ai râu đen và rậm không?

- Không... nhưng, gượm đã... mà tất nhiên... Viên quản lý của ngài Charles, ông Barrymore có râu đen và rậm.

- Hừ! Vậy hiện giờ ông ta ở đâu?

- Ở lâu đài Baskerville. Tòa nhà đang được ông ta trông nom.

- Cần kiểm tra xem quả thật ông ta có ở đấy không hay là ở London?

- Làm sao làm được?

- Đưa cho tôi mẫu điện tín. “Đã chuẩn bị để ngài Henry trở về chưa?”

Chúng ta ghi địa chỉ thế này. “Lâu đài Baskerville gửi ông Barrymore”.

Bưu điện gần nhất ở chỗ ông là ở đâu? Grimpen phải không? Được lắm?

Chúng ta sẽ gửi bức điện thứ hai - cho người phụ trách bưu điện: “Yêu cầu chuyển tận tay ông Barrymore theo địa chỉ được ghi trên bức điện. Nếu

ông ta tình cờ vắng mặt, hãy chuyển lại cho ngài Henry Baskerville, khách sạn Northumberland”. Thế là được rồi. Đến tối là chúng ta sẽ biết Barrymore có mặt tại Devonshire hay không?

- Thật tuyệt? - Ngài Henry nói - Bác sĩ Mortimer này, nhân tiện hỏi thêm, Barrymore là ai vậy?

- Ông ta là con của viên quản lý thái ấp đã chết. Đó là thế hệ thứ tư của dòng họ ông ta sống ở lâu đài Baskerville. Ông và vợ ông ta là những người đáng kính trọng.

- Tuy vậy - Ngài Henry hỏi - Tôi cũng rất rõ là chừng nào lâu đài Baskerville còn chưa có chủ thì những người này còn được sống no đủ, nhàn nhã và vô tư lự.

- Vâng, đúng thế.

- Barrymore có được nhận một cái gì đó theo di chúc của ông Charles chứ?

- Theo chúc thư, ông ta và bà vợ mỗi người được nhận 500 bảng.

- Hừ! Họ đã biết điều đó à?

- Vâng, ngài Charles ưa nói về những quyết định của mình trong trường hợp ngài qua đời.

- Một sự kiện đáng quan tâm đấy.

Bác sĩ Mortimer nói:

- Tôi hy vọng là ông sẽ không bắt đầu ngờ vực tất cả những ai nhận tiền theo di chúc của ngài Charles chứ? Ngài cũng để lại cho tôi 1.000 bảng.

- Còn ai nữa không?

- Trong di chúc còn quy định nhiều khoản tiền nhỏ cho những người khác và một món tiền lạc quyền lớn dành cho các mục đích từ thiện. Tất cả tài sản còn lại thuộc về ngài Henry.

- Tổng số là bao nhiêu?

- 740.000 bảng.

Holmes nhú mào kinh ngạc:

- Tôi không thể không ngạc nhiên về số tiền khổng lồ như thế - Holmes nói.

- Ngài Charles nổi tiếng là một người giàu có nhưng số tiền thực của gia tài ngài chỉ được biết sau khi chúng tôi xem xét các giấy tờ có giá trị. Tổng số tài sản của ngài lên tới bạc triệu.

- Quả thật, vì một khoản tiền kêch xù như vậy, người ta có thể sẵn sàng nhúng tay vào những trò mạo hiểm. Còn một vấn đề nữa, bác sĩ Mortimer, chúng ta giả thiết là một chuyện gì đó xảy ra với người bạn trẻ của chúng ta... giả thiết không lấy gì làm dễ chịu lắm, mong ngài thứ lỗi cho tôi... vậy khi đó ai sẽ kế thừa thái ấp?

- Bởi vì em út của ngài Charles, ngài Rodger Baskerville đã chết mà không có vợ, lâu đài Baskerville sẽ chuyển về tay những người họ hàng xa. Cho James Desmond, một linh mục già đang sống ở Westmorland.

- Xin cảm ơn ông. Tất cả những chi tiết này đều đáng lưu ý. Ông đã có dịp gặp gỡ James Desmond chứ?

- Vâng ông ta có đến chỗ ngài Charles. Đó là người có bề ngoài rất đáng kính trọng, và có nếp sống thật hoàn hảo. Tôi nhớ là ngài Charles muốn chu cấp cho ông, nhưng ông khăng khăng chối từ.

- Con người khiêm tốn đó có thể kế thừa tài sản của ngài Charles chứ?

- Thái ấp chỉ thuộc về ông ta, trong trường hợp nếu người cai quản hiện giờ không sử dụng chúng. Hoàn toàn có khả năng như vậy, vì ngài Henry rất có thể tự do dùng gia tài theo quan điểm riêng của mình.

- Ngài đã lập di chúc phải không, ngài Henry?

- Không, ông Holmes. Tôi chưa có thì giờ, chỉ vì tới hôm qua, tôi mới rõ sự thể là thế nào. Tuy vậy, cũng như bác tôi, tôi nghĩ rằng tiền bạc phải đi đôi với tước vị và thái ấp, vì nếu không có tiền thì làm thế nào trùng tu được thái ấp Baskerville?

- Hoàn toàn đúng. Vậy đó, ngài ạ, tôi cũng cho rằng ngài cần đi Devonshire ngay tức khắc, nhưng với một điều kiện: trong tình huống nào ngài cũng không thể được đi đâu một mình cả. - Holmes nói.

- Bác sĩ Mortimer sẽ trở về cùng với tôi.

- Nhưng công việc nghề nghiệp làm mất nhiều thời giờ của bác sĩ Mortimer, vả lại ông ấy sống cách lâu đài Baskerville tới vài dặm. Không, dù mong muốn đến mức nào bác sĩ cũng không thể giúp ngài được. Ngài cần có một người đáng tin cậy bên mình và người này lúc nào cũng phải ở cạnh ngài.

- Ông có thể đi theo tôi không?

- Nếu công việc đến mức nguy kịch thì dù sao tôi cũng đến chỗ ngài. Nhưng, phạm vi hoạt động rộng rãi cũng như các mối quan tâm thường xuyên của tôi không cho phép tôi rời khỏi London với thời gian vô định được.

- Ông sẽ khuyên ai thay thế ông?

Holmes đặt tay lên vai tôi:

- Nếu bạn tôi chấp thuận thì trong những giây phút khó khăn, ngài có thể trông cậy vào sự giúp đỡ của anh ấy.

Lời đề nghị trút xuống người tôi như một gáo nước lạnh đổ vào đầu, thế nhưng không chờ đợi câu trả lời của tôi, Henry Baskerville đã nồng nhiệt lắc lắc tay tôi.

- Bác sĩ Watson, xin ông vui lòng chấp thuận. Nếu ông đến lâu đài Baskerville và sống ở đó với tôi thì tôi sẽ không bao giờ quên điều đó!

Những lời của Holmes cùng sự nồng nhiệt của Nam tước trong việc đáp lại lời đề nghị của anh đã thực sự lôi cuốn tôi.

- Tôi vui lòng tới lâu đài Baskerville với ngài.

- Anh sẽ chuyển đến cho tôi bản phúc trình chi tiết. Tôi sẽ chỉ đạo các hoạt động của anh. Tôi cho rằng có thể ấn định chuyến đi vào thứ bảy.

- Bác sĩ Watson, ông có đồng ý không?

- Hoàn toàn nhất trí.

- Nghĩa là nếu không có gì thay đổi, chúng ta sẽ đi chuyến tàu 9 giờ 30 ngày thứ bảy từ ga Paddington.

Chúng tôi đứng lên sửa soạn giã từ, đột nhiên Henry kêu lên và với vẻ mặt vui mừng ông rút từ dưới chiếc tủ đứng ở góc phòng ra một chiếc giày màu nâu sáng.

- Đây rồi vật thất lạc của tôi đây rồi!

- Phải chỉ những chuyện khó khăn khác đều được giải quyết suôn sẻ thì hay biết mấy! - Holmes nói.

- Nhưng dấu sao điều đó cũng rất lạ lùng - Bác sĩ Mortimer lưu ý - Trước khi ăn cơm, tôi đã lùng sục khắp căn phòng mà.

- Và tôi cũng chú ý đến tất cả các góc. Không ở đâu có chiếc giày cả. - Henry nói.

- Nghĩa là người hầu phòng nó vào đây lúc chúng ta ăn cơm.

Người hầu phòng Đức cũng khôn gcho biết được thêm điều gì. Anh ta thề rằng đã tìm khắp nơi nhưng đã không tìm thấy. Như vậy, lại thêm một điều bí ẩn vào hàng loạt những điều bí mật khác. Chưa kể cái chết thê thảm của ngài Charles, trước mắt chúng tôi trải ra một chuỗi sự kiện chưa được sáng tỏ xảy ra trong vòng chỉ hai ngày. Lá thư được xếp bằng những chữ cắt từ báo. Người lạ mặt râu rậm trong xe mui. Sự thất lạc ban đầu của chiếc giày nâu mới và sau đó là chiếc giày đen cũ, còn bây giờ là sự xuất hiện chiếc giày nâu đó.

Trên đường trở về đường Baker, Holmes ngồi im lặng trong xe mui và cứ xét theo đôi lông mày nhíu lại và cái nhìn căng thẳng của anh, có thể nhận thấy anh cũng như tôi đang mong muốn xâu chuỗi tất cả các sự kiện lạ lùng tưởng như không liên quan gì với nhau này thành một hệ thống duy nhất. Cả chiều và tối hôm đó, anh ở trong phòng làm việc của mình, chìm đắm trong suy nghĩ triền miên. Ngay trước bữa ăn trưa có hai bức điện chuyển cho chúng tôi. Bức điện đầu tiên viết:

“Vừa được biết là Barrymore vẫn ở lại điền trang.

BASKERVILLE.”

Và bức điện thứ hai viết:

“Đã đi khắp 23 khách sạn, tiếc là không tìm thấy những trang báo Times bị cắt.

CARTWRIGHT.”

- Thế là hai sợi chỉ đã bị đứt ngay tức khắc, Watson. Thôi được, chúng ta sẽ lần theo dấu vết khác vậy.

- Anh còn có cơ sở ở người đánh xe chở kẻ lạ mặt kia mà!

- Rất đúng. Tôi đã hỏi họ tên và địa chỉ của hã ở văn phòng cho thuê xe và tôi đã không ngạc nhiên nếu tiếng chuông gọi cửa ta đang nghe sẽ cho ta câu trả lời.

Câu trả lời thậm chí còn hơn cả sự mong đợi của Holmes, bởi vì sau cánh cửa phòng làm việc thấy xuất hiện một chàng trai cao lớn.

- Ở văn phòng họ nói với tôi là có một vì ở địa chỉ này muốn hỏi về số xe 2704 - Anh ta nói. - Đã 7 năm điều khiển xe, tôi không bao giờ phải nghe một lời khiếu nại nào cả. Tôi nghĩ chính mình phải rẽ lại đây để trực tiếp nhận ra sự sai sót của mình là ở đâu.

- Ông không có sai sót nào cả. Ngược lại tôi sẽ trả tiền công hậu hĩ; chỉ xin ông trả lời thẳng vào các câu hỏi của tôi.

- Ông cần gì? Thưa ông?

- Trước hết tôi cần biết họ, tên và địa chỉ của ông, để khi cần, tôi có thể tìm ông.

- Tôi tên John Clayton, ở tại nhà số 3, phố Turpey, Borough. Xe mui đậu ở bến Shipley Yard, cạnh ga Waterloo.

Holmes ghi lại tất cả điều đó.

- Còn bây giờ, ông hãy kể cho tôi nghe về người hành khách của ông, cái người đã quan sát ngôi nhà, rồi sau đó theo dõi hai người ở đường Regent vào lúc 10 giờ sáng nay ấy.

Người lái xe mui nhìn vào Holmes, vẻ kinh ngạc và hình như hơi lo ngại.

- Biết kể với ông ra sao, khi chính ông biết những chuyện đó hơn cả tôi. - Anh ta trả lời - Người hành khách nói với tôi rằng ông ta là thám tử và không được tiết lộ về chuyện đó...

- Ông bạn ạ, ở đây có một vụ án nghiêm trọng. Nếu ông có ý định che giấu tôi một điều gì thì có thể ông sẽ rơi vào một tình trạng không hay. Thế nghĩa là ông ta nhận mình là một thám tử?

- Vâng, thưa ông!

- Ông ta nói câu đó vào lúc nào?

- Lúc lên xe.

- Ông ta còn nói chuyện gì nữa không?

- Còn nói họ tên của mình.

Holmes nhìn tôi vẻ đắc thắng.

- Họ tên của ông ấy? Vậy là rất thiếu thận trọng. Tên ông ta là gì?

- Tên ông ấy - Viên lái xe mui nói - là Sherlock Holmes.

Câu trả lời của người lái xe mui quả đã làm bạn tôi sửng sò. Trong cuộc đời mình, tôi chưa từng nhìn thấy vẻ bàng hoàng biểu lộ trên nét mặt của anh đến mức như thế tới hai phút liền, anh không thể mở miệng nói được một lời, sau đấy anh cười khanh khách và nói lớn:

- Một quả đấm, Watson ạ! Một quả đấm đích đáng. Thanh kiếm trong tay đối thủ không chịu nhường tôi cả về tốc độ lẫn sự chính xác. Lần này hẳn đã thắng tôi một cách ngoạn mục. Vậy tên ông ta là Sherlock Holmes phải không?

- Vâng, thưa ông, ông ta nói như thế.

- Thật xuất sắc! Bây giờ hãy kể cho tôi biết ông nhận người hành khách đó ở chỗ nào và cái gì đã xảy ra tiếp sau đó.

- Ông ta gọi tôi vào lúc 9 giờ rưỡi sáng tại quảng trường Trafalgar. Ông ấy nói: Tôi là thám tử và hứa trả cho tôi 2 guinea nếu tôi thực hiện chính xác những mệnh lệnh của ông và nếu tôi không gạn hỏi một điều gì cả. Tôi chờ ông ra tới khách sạn Northumberland và dừng lại tại đây. Sau đó từ trong khách sạn, có hai người đi ra gọi xe mui và đi đến phố của ông.

- Tới chính ngôi nhà tôi đây. - Holmes nói.

- Ông ấy bảo tôi dừng ở giữa ngã tư và chúng tôi đợi ở đó chừng nửa giờ. Sau đấy có hai người đi qua, và thế là chúng tôi đi theo sau họ, dọc đường Baker rồi ra ngoặt vào...

- Điều ấy thì tôi biết rồi - Holmes nói.

- Khi tới đường Regent, ông ta đóng cửa sổ xe và nói lớn: hãy phóng đến ga Waterloo. Tôi quát đen đét vào con ngựa và 10 phút sau chúng tôi đã tới chỗ cần đến. Tại đó, ông ta đưa tiền cho tôi theo đúng lời hứa rồi đi ra ga. Vào phút cuối, ông ta quay lại nói: Có lẽ ông muốn biết ông vừa chở ai chứ? Tôi là Sherlock Holmes đây?

- Được, tôi hiểu. Ông không nhìn thấy ông ta nữa chứ?

- Không, vì ông ta đã đi vào nhà ga.

- Thế bây giờ ông hãy tả cho tôi biết dáng vẻ của ông Sherlock Holmes đi. Người đánh xe gãi gãi vào gáy.

- Khó tả lắm. Ông ta khoảng dưới 40 tuổi, vóc người tầm thước, thấp hơn ông chừng 2, 3 inch thừa ông. Ăn mặc tươm tất, râu đen, mặt thì tai tái. Tôi không thể kể điều gì hơn được nữa, thừa ông.

- Màu mắt ra sao?

- Tôi không để ý...

- Ông không nhớ được điều gì khác nữa?

- Không, thưa ông.

- Thôi được rồi. Tiền thưởng của ông đây. Ông sẽ còn nhận được thêm, nếu ông dò hỏi một điều gì về con người ấy. Chúc ông mọi sự tốt đẹp.

- Chúc ông luôn khoẻ mạnh, thưa ông. Xin cảm ơn ông.

John Clayton vừa cười vừa lui ra, còn Holmes thì nhún vai và với một nụ cười ngao ngán, anh quay lại chỗ tôi.

- Thế là sọi chỉ thứ ba cũng dứt rồi. Giờ đây hãy làm ơn bắt tay vào công việc từ đầu vậy. Thật là một gã ranh mãnh? Hẳn biết số nhà của chúng ta, biết ngài Henry Baskerville đến đây để nhờ khuyên bảo, nhìn thấy tôi ở đường Regent, đoán ra số xe có thể bị chú ý rồi người ta sẽ tìm ra người

đánh xe, và hấn nhạo báng tôi. Anh Watson, chúng ta có một đối thủ xứng đáng. Tôi bị thất bại ở London. Chúng ta hy vọng là sẽ gỡ gạc lại ở Devonshire. Nhưng dấu sao điều đó cũng khiến tôi lo ngại.

- Về cái gì?

- Về chuyến đi của anh. Vụ án không hay và nguy hiểm. Càng nghĩ về nó, tôi càng thấy lo ngại hơn. Anh có thể cười nhạo tôi, nhưng tôi sẽ rất vui nếu như anh trở về đường Baker bình an vô sự.

Chương 6: Lâu đài Baskerville

Chúng tôi lên đường đi như giao ước. Lúc tiễn tôi ra sân ga, trong suốt đoạn đường, Holmes đã chỉ dẫn và khuyên bảo tôi những điều cần thiết.

- Tôi không nói với anh là tôi nghi ngờ ai và cũng không thiết lập những giả thiết như thế nào để anh khỏi có định kiến nào cả. Tôi cần các sự kiện được trình bày một cách tỉ mỉ, rồi tự bản thân tôi sẽ đối chiếu chúng với nhau.

- Vậy cái gì khiến anh quan tâm?

- Tất cả những gì có liên quan tới vụ án, đặc biệt là mối quan hệ giữa ngài Henry và những láng giềng của ông ta. Còn nếu anh ta biết được điều gì mới mẻ về cái chết của ngài Charles thì hãy lưu ý đến nó. Những ngày gần đây, tôi có dò hỏi, nhưng đáng tiếc chỉ mới rõ được một điều: người thừa kế gần nhất, ông James Desmond, quả là một con người hiền hậu. Ông ta không thể có một mưu đồ thâm hiểm nào cả. Tôi nghĩ, chúng ta có thể mạnh dạn loại trừ việc tìm hiểu ông vào những ngày sắp tới. Nghĩa là chỉ còn lại những người trực tiếp sống quanh ngài Henry Baskerville.

- Chẳng phải tốt hơn cả là sa thải ngay vợ chồng Barrymore hay sao?

- Sao lại thế được? Nếu họ không có tội thì đó sẽ là một bất công ghê gớm. Còn nếu họ có tội thì chính ta bị mất đầu mối dẫn tới hung thủ. Không! Nếu tôi không lầm, trong danh sách tình nghi có người đánh xe ngựa, hai điền chủ; bác sĩ Mortimer, có lẽ là một người hoàn toàn ngay thẳng, và vợ của ông thì chúng ta chưa biết gì cả. Chớ quên nhà tự nhiên học Stapleton với cô em gái. Nghe người ta nói đó là cô gái trẻ trung và vô cùng quyến

rũ. Thêm vào đó còn có ông Frankland ở lầu đài Lafter. Rồi hai, ba người lảng giềng khác nữa. Đây là những người cần được anh theo dõi.

- Tôi sẽ cố gắng hết sức.
- Anh có mang theo vũ khí không.
- Có. Tôi cho vậy là khôn ngoan hơn.
- Dĩ nhiên. Hãy mang theo súng lục cả ban ngày lẫn ban đêm.

Những người bạn của chúng tôi đã kịp mua vé hạng nhất và đang chờ chúng tôi trên sân ga.

- Không, không có gì mới xảy ra cả - Bác sĩ Mortimer nói để đáp lại câu hỏi của bạn tôi - Tôi có thể xin thề rằng trong hai ngày vừa qua, không có ai bám gót chúng tôi cả.
- Tôi hy vọng là những ngày vừa rồi các vị luôn ở cạnh nhau chứ?
- Vâng trừ ngày hôm qua. Tôi dành trọn một ngày để tiễn khiển nhân chuyến đi tới thành phố này. Hôm qua tôi ở Viện bảo tàng của Trường đại học Y khoa.
- Còn tôi thì đi công viên để ngắm người qua lại. Mọi chuyện đều tốt đẹp. - Henry nói.

Holmes chau mày và lắc đầu, nói:

- Như vậy không được thận trọng lắm. Tôi yêu cầu ngài đừng có đi đâu khi không có ai đi cùng, nếu không, ngài sẽ không thoát khỏi tai họa đâu. Ngài đã tìm thấy chiếc giày cũ rồi à?
- Chưa, nó vẫn biệt tăm.
- Thật vậy ư? Kỳ thật! Xin chúc ngài mọi sự tốt đẹp - Holmes nói thêm khi tàu bắt đầu chuyển bánh - Ngài Henry, mong ngài hãy nhớ lời khuyên bảo của truyền thuyết kỳ lạ, xin đừng vào khu đầm lầy than bùn lúc ban đêm, lúc mà những thế lực ác độc còn thống trị ở đó.

Tôi ngoái nhìn ra ngoài cửa sổ và nhận thấy bóng hình gầy gò cao cao của Holmes ở phía xa. Anh đứng bất động trên sân ga và nhìn theo con tàu đang đi xa dần. Con tàu lướt nhanh, tôi thấy thích thú khi ngắm bác sĩ Mortimer ngủ gà ngủ gật. Qua chừng hai ba giờ, đất đai dọc con đường đã

thay sắc nâu bằng sắc đỏ, gạch đã nhường chỗ cho đá hoa cương, còn những cánh đồng cỏ mượt được ngăn ra, có những con bò cái đang nhón nhờ gặm cỏ.

Nhà quý tộc trẻ tuổi không rời mắt khỏi cửa sổ, mồm luôn trầm trồ trước phong cảnh của quê hương.

ông nói:

- Chỉ có tôi là chưa có dịp đến thăm từ khi rời khỏi đây, bác sĩ Watson ạ! Dẫu sao vẫn không thể so sánh nơi đây với một nơi nào khác.

- Có người nào lại không ca ngợi quê hương mình! – Tôi nhận xét.

- Ngài Henry, hình như từ buổi ấu thơ đến giờ ngài vẫn chưa nhìn thấy lâu đài Baskerville? – Bác sĩ Mortimer hỏi.

- Tôi chưa bao giờ trông thấy, bởi chúng tôi sống tại một biệt thự nhỏ trên bờ biển phía Nam. Lúc cha tôi qua đời tôi mới 13 tuổi. Tôi lập tức đi đến Mỹ. Ở đây đối với tôi hầu như hoàn toàn mới lạ, và quả thật tôi đang chờ xem khi nào đầm lầy than bùn sẽ xuất hiện.

- Thế ư! Vậy thì ước mong của ngài sẽ được thực hiện. Ngài có thể ngắm nhìn nó kìa! - Bác sĩ Mortimer vừa nói vừa chỉ ra ngoài cửa sổ.

Xa xa, phía sau những ô hình vuông xanh non của các bãi chăn gia súc, phía sau bìa rừng lượn sóng là quả núi với đỉnh hình răng cưa màu xám nổi lên hiu quạnh.

Nam tước không rời mắt nhìn cảnh tượng đó. Cái nhìn nồng cháy. Con người trẻ tuổi mặc bộ quần áo thể thao với giọng nói lơ lớ Bắc Mỹ ấy ngồi cạnh tôi trong toa tàu đường sắt xoàng xĩnh. Cặp lông mày rậm, lỗ mũi nhỏ và đôi mắt to màu nâu sẫm chứng tỏ lòng tự hào, tính can trường và sức mạnh của ông. Nếu những cánh đầm lầy than bùn đặt chúng tôi đối diện với một nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm, thì chúng tôi cũng có thể vì con người này mà không quản ngại điều gì, bởi lẽ ông cũng sẽ dũng cảm chia sẻ với chúng tôi bất kỳ hiểm nguy nào.

Con tàu dừng cạnh nhà ga bé nhỏ, hiu quạnh. Chúng tôi bước xuống toa tàu. Phía sau hàng rào thấp, có một cỗ xe bốn bánh được thắt bằng một cặp ngựa vạm vỡ. Sự có mặt của chúng tôi rõ ràng là một sự kiện lớn ở

đây, bởi vì ngay cả người trưởng ga cùng các phu khuân vác đều tranh nhau xách hành lý của chúng tôi. Đó là một thị trấn thôn quê đáng yêu, tuy vậy tôi rất ngạc nhiên khi thấy cạnh cửa ra vào của sân ga có hai người lính trong bộ quân phục màu sẫm đứng tựa vào súng carbin và chăm chú nhìn chúng tôi. Người xà ích nhỏ bé, ngả mũ chào ngài. Vài phút sau, chúng tôi đã lao nhanh theo con đường rộng rãi. Dọc hai bên đường hiện lên những triền cỏ xanh tươi, những ngôi nhà nhỏ mái nhọn nhô ra từ chòm là cây rậm rạp, nhưng ở phía trước, nổi lên những đường viền mờ mờ của khu đầm lầy than bùn đang sẫm lại nơi chân trời buổi chiều, bị đứt đoạn bởi đỉnh nhọn hoắt của những quả đồi ẩn chứa muôn vàn điềm dữ.

Xe chúng tôi rẽ vào con đường dốc và bắt đầu chạy giữa kẽ đất cao phủ những cây mọc tặc mập mập và làn rêu ẩm ướt. Những cây dương xỉ lấp loáng trong ánh chiều tà. Khi tiếp tục lên cao, chúng tôi đi qua chiếc cầu hẹp bằng đá vắt qua con suối chảy xiết, nước đập mạnh vào những tảng đá xám tung bọt trắng xoá. Cả con đường lẫn con suối uốn lượn theo thung lũng rậm rạp cây sồi và cây thông.

Ở chỗ rẽ vào, nhà quý tộc sáng khoái kêu lên, và khi tò mò ngoảnh nhìn khắp mọi phía, ông luôn dồn dập hỏi chúng tôi, những câu hỏi hầu như vô cùng vô tận. Theo quan điểm của ông, mọi thứ ở đây đều tuyệt vời, thế nhưng tôi lại không thoát khỏi nỗi buồn rầu mà những cánh đồng có cùng những quả đồi thoải thoải phẳng phất dấu vết của mùa thu. Những chiếc lá vàng bay bay trên mặt đất phủ lên những con đường mòn như những tấm thảm. Tiếng bánh xe không ngừng kêu bồng bồng như bị chìm vào trong lớp cỏ mục dày đặc. Thiên nhiên đã ném xuống dưới chân ông chủ mới của lâu đài Baskervill đến món quà thiếu nào là sao - Tôi chợt nghĩ.

- Hãy nhìn kia - Bác sĩ Mortimer đột nhiên kêu lên - Cái gì thế?

Trước mắt chúng tôi hiện ra quả núi dựng đứng: Sắp tới khu đầm lầy than bùn rồi. Trên đỉnh núi nổi rõ hình người cưỡi ngựa vươn về phía trước với khẩu súng trường trong tay.

- Kỳ lạ thật? Thế là thế nào? - Bác sĩ Mortimer hỏi.

Người đánh xe ngựa ngoái cổ lại:

- Thưa ngài, một người tù đã trốn khỏi trại giam Princetown. Người ta lùng hẩn ba ngày nay. Người ta đặt trạm canh trên tất cả các con đường và ở tất cả các nhà ga mà vẫn vô ích.

- Tôi nghe rằng người ta thưởng 5 bảng cho ai cung cấp tin tức về tên đào tẩu.

- Quả vậy thưa ngài. Nhưng chỉ 5 bảng Anh mà có thể bị hẩn ta cửa cổ thì ít quá. Đó không phải là tên ăn cắp vặt đâu.

- Vậy hẩn là ai?

- Selden, kẻ giết người ở Notting Hill.

Tôi nhớ rõ vụ án Selden, vì có thời gian Holmes đã tìm hiểu nó khi quan tâm tới tính chất hung bạo và dã man không cần thiết của hung thủ.

Chiếc xe bốn bánh bò lên quả đồi. Trái dài trước mắt chúng tôi là khoảng không gian rộng rãi của khu đầm lầy. Gió lạnh quét qua đồi, và chúng tôi run rẩy. Đâu đó trong vùng hoang vắng này, tên tội phạm đang ẩn náu, oán hận loài người đã đẩy y ra ngoài lề xã hội.

Những vùng màu mỡ lùi lại ở đằng sau và phía dưới chúng tôi. Ngoảnh lại nhìn, chúng tôi thấy những tia nắng ban chiều giống như những dải băng vàng rực rỡ trên đất cày vỡ và trên những bụi cây rậm rạp. Con đường vượt qua những đỉnh đèo màu ô liu pha đỏ càng trở nên tiêu điều và hoang vắng hơn. Thỉnh thoảng, trước mắt chúng tôi hiện ra những biệt thự nhỏ có tường đá bao quanh. Và sau đó, chúng tôi nhận thấy một thung lũng giống như cái chén sâu với những cây sồi và những cây thông khẳng khiu, quần quai xơ xác. Nổi lên trên cây sồi là hai cái tháp hẹp và cao. Người xà ích lấy roi chỉ về phía chúng và nói:

- Lâu đài Baskerville đấy!

Người chủ thái ấp đứng lên để nhìn cho rõ, má ửng đỏ, mắt sáng hẩn lên. Vài phút sau, chúng tôi đến gần cánh cổng lớn bằng gang có hoa văn với hai chiếc cột phủ đầy rêu có hình đầu gấu. Đó là biểu tượng của dòng họ Baskerville. Ngôi nhà bằng đá với những chiếc vì kèo lồi hẩn ra, trong tình trạng hoang phế. Tuy nhiên, phía trước ngôi nhà tòi tàn này lại là một ngôi

nhà mới, chưa hoàn thành, đó là công trình đầu tiên mà ngài Charles tạo nên nhờ số vàng mang từ Nam Phi về.

Hai hàng cây cao già cỗi chạy phía sau cánh cổng. Cành lá chập lại làm thành vòm cây mờ mờ tối ở trên đầu chúng tôi. Tiếng bánh xe chìm đi trong âm thanh lạo xạo của lá cây. Ngài Henry rung mình khi nhìn con đường hun hút rợp bóng cây, ở cuối con đường hiện lên hình dáng ngôi nhà hư ảo.

- Chuyện xảy ra ở đây phải không? - ông thăm thì hỏi.

- Không, không phải. Con đường thông đỏ ở phía kia cơ!

Người thừa kế trẻ tuổi ném một cái nhìn u ám vào cảnh vật quanh mình, nói:

- Tôi chẳng ngạc nhiên vì sao bác tôi ở một nơi như thế này, lại thường xuyên chờ đợi một nỗi bất hạnh nào đấy Nỗi kinh hoàng sẽ đổ xuống đầu bất kỳ ai. Trong vòng 6 tháng, tôi sẽ kéo điện đến đây và rồi các ông sẽ không nhận ra những chỗ này nữa đâu! Ở cạnh cửa ra vào này, những ngọn đèn một nghìn nến sẽ cháy sáng.

Cuối con đường là một thảm cỏ rộng, chúng tôi vòng qua đó, đi đến tòa nhà. Trong lúc nhá nhem tối, tôi chỉ có thể trông thấy mặt tiền và bậc thềm nhà; nổi lên trên một bên của tòa nhà là hai chiếc tháp hình răng cưa với những lỗ châu mai cũ kỹ. Tiếp giáp với chúng, cả phía bên phải và bên trái là hai chái nhà ngang làm bằng đá hoa cương đen. Ánh đèn tù mù hắt qua những ô cửa sổ trong ra bãi cỏ, làn khói đen lơ lửng bên trên mái nhà nhọn dựng đứng với những ống khói cao nhất.

- Nồng nhiệt chúc mừng ngài Henry! Chúc mừng ngài đã đến lâu đài.

Từ bóng tối đổ xuống nơi bậc thềm, một người cao cao xuất hiện. Ông ta mở cửa xe. Trong lối cửa ra vào được chiếu sáng của tòa lâu đài, một bóng đàn bà xuất hiện. Bà ta cũng đi lại chỗ chúng tôi, giúp người đàn ông xách va li.

- Ngài Henry, ngài sẽ không phản đối nếu tôi đi thẳng về nhà chứ? Nhà tôi đang chờ tôi - Bác sĩ nói.

- Hãy nán lại ăn tối với chúng tôi đã.

- Thôi, quả là không thể được. Tôi sẽ rất vui lòng chỉ dẫn cho ngài ngôi nhà của mình, thế nhưng Barrymore sẽ làm việc đó tốt hơn tôi. Xin chúc mọi sự tốt đẹp. Nhớ là bất cứ lúc nào ngài cần đến tôi, thì hãy gọi tôi đến, đừng ngại ngần gì cả đây!

Tiếng bánh xe chìm dần vào trong con đường rợp bóng cây, cánh cửa nặng nề đóng sầm lại phía sau chúng tôi.

Lâu đài là một tòa nhà rất đẹp, thoáng rộng với những chiếc xà to chắc bằng gỗ sồi sẫm lại vì thời gian. Trong lò sưởi cũ kỹ có thanh ngang để những thanh củi nổ lép bép, cháy xèo xèo. Bị buốt lạnh sau một chuyến đi kéo dài, tôi và ngài Henry cùng hơ tay trên ngọn lửa. Sau đấy, chúng tôi bắt đầu quan sát sự trang trí trong lâu đài: cửa kính màu cao và hẹp, những đầu hươu và gia huy trên tường lò mờ nổi lên trong ánh sáng mờ ảo của đèn chùm.

- Chính chúng tôi cũng hình dung tất cả mọi thứ như thế này - Ngài Henry nói - Đây là tổ ấm thực sự của dòng họ, tổ tiên tôi đã sống ở ngay ngôi nhà này trong những năm thế kỷ. Tôi gần như cứng người lại khi tưởng tượng lại cảnh huy hoàng.

Khuôn mặt rắn rỏi của ông ánh lên một nỗi sáng khoái hồn nhiên. Ông đứng trong quầng ánh sáng đổ xuống từ đèn chùm còn những chiếc bóng dài đổ xuống các bức tường và đặc quánh lại như một bức màn đen trên đầu ông.

Barrymore mang va li của chúng tôi về phòng từng người, rồi ông ta trở lại, kính cẩn sẵn sàng tuân thủ đòi hỏi của chúng tôi. Ông ta có cái dáng oai vệ, với bộ râu đen rậm làm nổi rõ gương mặt tai tái.

- Ngài muốn dùng cơm tối ngay không?

- Đã chuẩn bị rồi chứ?

- Vài phút nữa, thưa ngài. Nước nóng đã có trong phòng của ngài. Tôi và vợ tôi sẽ rất sung sướng ở lại đây phục vụ ngài, nhưng với những nề nếp mới, ngài sẽ cần số lượng biên chế lớn hơn chẳng.

- Những nề nếp mới nào vậy?

- Ngài Charles có nếp sống biệt lập và cả hai chúng tôi hoàn toàn có thể phục vụ ngài ấy. Còn ngài chắc sẽ sống khoáng đạt hơn và sẽ sắp xếp lại tất cả theo trật tự mới.

- Nghĩa là ông cùng vợ ông muốn đi khỏi nơi này?

- Nếu như điều đó không gây sự phiền lòng nào cho ngài.

- Tuy nhiên tổ tiên của ông trong vài thế hệ đã từng sống ở lâu đài Baskerville. Ta không muốn phá bỏ những mối liên hệ gia đình lâu đời ấy.

Tôi nhận thấy những dấu hiệu lo ngại trên bộ mặt tái nhợt của viên quản lý.

- Chúng tôi rất gắn bó với ngài Charles và cho đến giờ chúng tôi vẫn chưa trấn tĩnh lại được sau cái chết của ngài. Chúng tôi cảm thấy nặng nề nếu ở lại đây. Từ nay, tại lâu đài này, chúng tôi sẽ không thể thấy thoải mái như trước đây.

- Thế ông đã có ý định làm gì rồi?

- Thưa ngài, tôi hy vọng là chúng tôi sẽ thành công trong việc thu xếp một công việc nào đó. Còn bây giờ, hãy cho phép tôi đưa các ngài về phòng.

Cầu thang hai nhịp dẫn lên gác của lâu đài cổ kính được bao quanh bởi hành lang có tay vịn. Từ đó chạy dọc theo tòa nhà là hai hành lang dài dẫn vào các phòng ngủ.

Phòng của tôi nằm cùng phía với phòng của Henry. Hầu như cửa hai phòng ăn thông với nhau. Thì ra những căn phòng này lại hiện đại hơn so với phần trung tâm của ngôi nhà. Những tấm giấy dán tường sáng sủa, rất nhiều ngọn nến cháy sáng ngay lập tức đã làm dịu đi những ấn tượng nặng nề ở trong tôi.

Tuy vậy, phòng ăn ở tầng dưới lại làm chúng tôi kinh ngạc bởi cái vẻ ảm đạm của nó. Đây là một căn phòng chạy dài có bệ làm bàn cho chủ nhà, được tách ra với phần kia của phòng ăn dành cho những người ở địa vị thấp hơn. Phần cuối của căn phòng là nơi dành cho ban hát rong. Phía trên cao là những chiếc xà nhà đen trĩu, trần nhà ám đầy khói. Ngày xưa những bó đuốc rực cháy trong những bữa tiệc lớn có lẽ đã làm cho bầu không khí vui tươi hơn. Nhưng giờ đây, trong vùng ánh sáng của ngọn đèn dầu duy

nhất, giữa hai người đàn ông ăn mặc toàn màu đen, như có cái gì chùng xuống và họ không buồn trò chuyện. Câu chuyện trong bàn ăn tẻ nhạt thế nào ấy, tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi bữa ăn kết thúc và chúng tôi chuyển sang hút thuốc trong phòng chơi bi da.

- Biết nói thế nào được, tình cảnh không có gì là vui vẻ cả - Ngài Nam tước nói - Cố nhiên, có thể rồi cũng chịu được tất cả những cảnh tượng ấy, thế nhưng giờ đây tôi cảm thấy áy náy khôn nguôi. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu bác tôi đã phát cuồng lên khi sống một mình trong ngôi nhà này. Có lẽ sáng mai không khí sẽ đỡ buồn tẻ hơn.

Trước khi đi ngủ, tôi vén rèm, nhìn qua cửa sổ thăm cỏ trước cửa ra vào. Những cây cao phía sau thăm cỏ rên siết, vẫy mình trong gió. Mặt trăng lấp ló giữa những đám mây trôi quanh và trong quảng ánh sáng lạnh lùng của ánh trăng phía sau lùm cây nổi lên những dãy núi dài và đường viền dài của khu đầm lầy. Tôi kéo kín rèm lại: ấn tượng sau cùng của tôi về lâu đài Baskerville không có gì là vui vẻ và tôi chỉ muốn đi ngủ.

Nhưng tôi trăn trở hoài mà giấc ngủ vẫn không đến. Xa xa ở một nơi nào đó, đồng hồ cứ 15 phút lại điểm một lần. Đột nhiên trong đêm khuya vắng vẻ một âm thanh rõ rệt vang đến tai tôi. Đúng vậy, đó là tiếng thỏ thức mãnh liệt, cổ nện của một người đàn bà. Tôi nhồm dậy trên giường và chăm chú lắng nghe thấy âm thanh gì khác ngoài tiếng đồng hồ và tiếng xào xạc của cây trường xuân.

Chương 7: Nhà tự nhiên học

Khi tôi cùng ngài Henry ngồi ăn sáng, ánh mặt trời rục rịch hắt vào nhưng ô cửa sổ hẹp đổ xuống nền nhà những mảng sáng loang lổ nhiều màu sắc. Các trang trí bằng gỗ sồi đen sẫm trong những tia nắng vàng tươi lóng lánh như đồng thau. Và bây giờ chúng tôi khó lòng hình dung nổi là chỉ mới tối hôm qua thôi, căn phòng này đã đè nặng lên chúng tôi những cảm giác ảm đạm như thế nào.

Nam tước nói:

- Tôi nghĩ chính chúng ta mới đáng trách chứ không phải ngôi nhà. Sau khi nghỉ ngơi, chúng ta cảm thấy trong người thoải mái và mọi vật chung quanh cũng tươi tắn theo.

- Nhưng cũng không thể đổ tất cả cho tâm trạng của chúng ta được, phải chăng ngài đã không nghe thấy tiếng khóc nức nở của một ai đấy vào lúc giữa đêm?

- Trong lúc mơ màng, tôi cũng cảm thấy một cái gì tương tự như thế. Tôi lắng nghe hồi lâu và sau đó cả quyết rằng đó chỉ là giấc mơ.

- Không. Tôi nghe rất rõ và tin rằng có một người đàn bà đang khóc.

- Ngay bây giờ cần hỏi ông Barrymore xem sao.

Nam tước dùng chuông gọi viên quản lý tới và yêu cầu ông ta giải thích. Tôi cảm thấy bộ mặt xanh xao của Barrymore trở nên nhợt nhạt hơn khi ông ta nghe xong câu hỏi của ông chủ:

- Trong nhà có cả thảy hai người đàn bà, thưa ngài. Một là người rửa bát, ngủ ở chái nhà bên kia và người thứ hai là vợ tôi, nhưng tôi xin cam đoan với ngài rằng nhà tôi không khóc.

Ông ta nói không đúng sự thật, bởi vì sau bữa ăn sáng, tôi có dịp đối mặt với bà Barrymore trong hành lang. Tôi thấy một người đàn bà cao cao với những vết nhăn lớn trên mặt, môi mím lại một cách nghiêm nghị. Bà đi đứng rất điềm tĩnh, thế nhưng đôi mắt đỏ hoe và mí mắt lại sưng tấy. Nghĩa là đêm qua bà đã khóc. Lẽ nào người chồng không thể không biết chuyện đó. Ông ta nói dối để làm gì? Tại sao bà ta khóc?

Phảng phất từ con người có bộ râu đen ấy, là một cái gì đầy bí ẩn và mờ ám. Ông ta là người đầu tiên tìm thấy thi thể của ngài Charles. Phải chăng chúng tôi đã nhìn thấy Barrymore trong xe mui trên phố Regent? Người lái xe nói về một người tầm thước, nhưng ấn tượng này có thể bị sai lạc. Làm sao xác định sự thật? Trước tiên, cần phải gặp viên phụ trách văn phòng bưu điện ở Grimpen để biết xem ông ấy có chuyển bức điện đến tận tay Barrymore hay không.

Sau bữa sáng, Nam tước soát xét lại những giấy tờ kinh doanh và tôi có thể tùy ý sử dụng thời gian của mình. Theo con đường bằng phẳng chạy dọc khu đầm lầy tôi vượt qua bốn dặm và tới một ngôi làng nhỏ bé, xấu xí. Tại đó, khách sạn và ngôi nhà của bác sĩ Mortimer là hai công trình xây dựng sang trọng hơn cả. Người phụ trách văn phòng bưu điện có nhớ tới bức điện của chúng tôi.

- Tất nhiên, thưa ngài - ông ta nói - Tôi đã chuyển nó cho ông Barrymore đúng như yêu cầu của ngài.

- Ai mang tới cho ông ta?

- Đứa con trai nhỏ của tôi. Này James, con đã chuyển bức điện cho ông Barrymore chứ?

- Dạ.

- Cháu trao tận tay ông ấy chứ?

- Không, ông Barrymore ở đâu đó trên gác thượng và cháu đưa bức điện cho vợ của ông. Bà ấy hứa là sẽ lập tức chuyển cho ông.

- Chính mắt cháu thấy ông Barrymore chứ?

- Không, cháu nói là ông ấy ở trên gác thượng.

- Sao cháu biết ông ấy ở đâu, nếu chính cháu không nhìn thấy?

- Vợ ông ấy phải biết ông ấy ở đâu chứ - Người phụ trách văn phòng bưu điện nói - Vấn đề là ở chỗ bức điện được chuyển đến hay chưa? Còn nếu có gì sai sót thì chính ông Barrymore sẽ phải hỏi tiết.

Thế là mưu chước tinh khôn của Holmes không có kết quả và chúng tôi vẫn không rõ Barrymore có đi London hay không. Barrymore hành động theo sự xúi bẩy của ai hay là ông ta có mưu kế gian trá riêng? Tôi nhớ đến sự phòng xa lạ lùng được sắp đặt từ những mẫu giấy cắt rời trên báo. Có phải đó là công việc của chính đôi tay Barrymore hay một kẻ khác có ý ngăn cản ông ta? Ngài Henry đã nói rằng nếu ông không thích sống ở thái ấp của tổ tiên mình thì cặp vợ chồng Barrymore sẽ được đảm bảo một cuộc sống yên lành cho đến cuối đời. Nhưng giải thích như vậy thì không đủ làm sáng tỏ cái mạng lưới tình vi đang vây bọc Nam tước. Chính Holmes chẳng đã thú nhận là trong số tất cả những vụ điều tra đã gây ấn tượng mạnh cho mình, vụ án này là rắc rối và phức tạp nhất là gì?

Khi trở lại con đường ẩm đạm vắng vẻ, tôi có cầu trời cho bạn tôi được rảnh rỗi để có thể mau chóng đi đến thay tôi lĩnh trách nhiệm nặng nề này.

Tiếng bước chân đi gáp ở phía sau và tiếng gọi tên tôi đột nhiên cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi. Tôi ngoảnh lại, thấy một người đàn ông tóc vàng,

trạc 35 - 40 tuổi. Ông ta không cao, gầy gò, mặt mũi cao nhẵn nhụi, chiếc cằm dài và hẹp. Ông ta mặc bộ đồ màu xám, đội mũ rơm, tay cầm chiếc vợt bắt bướm màu xanh lục, vai đeo một hộp gỗ.

- Hãy thứ lỗi cho tôi, bác sĩ Watson. Ở đây chúng tôi không câu nệ nghi thức, không cần chờ đợi sự giới thiệu. Chắc có lẽ ông đã nghe bác sĩ Mortimer nói về tôi. Tôi là Stapleton.

- Nhìn chiếc hộp và chiếc vợt thì nhận ra ông ngay. - Tôi nói thế vì ông biết ông Stapleton là nhà tự nhiên học. - Nhưng làm sao ông nhận ra tôi?

- Tôi ở chỗ Mortimer, và lúc ông đi qua đây, ông ta nói cho tôi biết. Tôi với ông đi cùng đường và thế là tôi có ý định tự giới thiệu mình. Hy vọng là ngài Henry không quá mệt mỏi sau chuyến đi dài ngày chứ?

- Không, xin cảm ơn ông, ông ấy bình thường.

- Tất cả chúng tôi đều lo ngại là Nam tước không thích sống ở đây. Thật khó yêu cầu một người sống dư dật lại phải chôn vùi cuộc đời ở chốn thâm sơn cùng cốc. Tuy nhiên, sự có mặt của nam tước lại có nhiều ý nghĩa đối với cuộc sống của mọi người tại đây. Câu chuyện đau buồn ấy không gọi lên ở ngài Henry nỗi khiếp đảm mê tín chứ?

- Không, tôi không nghĩ như vậy.

- Tất nhiên, ông biết truyền thuyết về con chó quái đản hình như luôn luôn ám ảnh dòng họ Baskerville...

- Vâng, tôi biết.

- Truyền thuyết đã hoàn toàn làm chủ trí tưởng tượng của ngài Charles và chính nó đã đưa ngài tới sự kết thúc bi thảm.

- Bằng cách nào thế?

- Khi thần kinh của con người căng thẳng đến như vậy thì sự xuất hiện của bất kỳ con chó nào cũng có thể có ảnh hưởng tai hại tới trái tim bệnh hoạn. Tôi nghĩ rằng vào tối hôm đó ngài Charles quả đã trông thấy một cái gì tương tự trên con đường.

- Do đâu ông biết ngài Charles bị đau tim?

- Bác sĩ Mortimer cho tôi biết.

- Quả thật ông nghĩ là có một con chó nào nhảy bổ vào ngài Charles và ngài đã chết vì khiếp sợ phải không?

- Dĩ thường ông có những bằng chứng đáng tin cậy hơn chẳng?

- Không.

- Thế còn ông Sherlock Holmes?

Trong khoảnh khắc tôi nghệt thờ vì những lời này, tuy nhiên nét mặt trầm tĩnh và cái nhìn bình thản của người tiếp chuyện khiến tôi tin rằng ông ta không có ẩn ý gì.

- Bác sĩ Watson, vì sao chúng ta giấu giếm nhau thế nhỉ. Những tin đồn về người thám tử danh tiếng đã vang đến vùng chúng tôi. Và nếu như ông có mặt ở đây thì có nghĩa là ông Sherlock Holmes rất quan tâm đến vụ này. Cố nhiên, tôi tò mò muốn biết quan điểm của ông ấy ra sao?

- Than ôi! Tôi không thể trả lời được câu hỏi của ông.

- Vậy thì hãy cho phép tôi hỏi ông: ông ấy sẽ đến thăm chúng tôi chứ?

- Bây giờ anh ấy đang có những vụ án khác.

- Đáng tiếc! Ông ấy có thể rọi ánh sáng vào cái còn đang được giấu kín trong bóng tối. Nhưng ông cũng đang tiến hành điều tra, bác sĩ Watson, tôi đủ sức giúp đỡ ông. Hãy sai bảo tôi khi cần thiết.

- Xin cam đoan với ông là tôi chỉ tới thăm ngài Henry.

- Thật tuyệt vời! - Stapleton thốt lên - Ông xử sự hoàn toàn đúng: trước hết phải thận trọng. Tôi rất đáng bị từ chối như vậy. Tôi xin hứa là sẽ không đụng tới vấn đề này nữa.

Chúng tôi đi tới một địa điểm ở phía bên phải con đường nơi bắt đầu lối mòn dẫn qua khu đầm lầy. Chếch về phía trái là quả đồi dựng đứng. Trên đó, trước kia có công trường khai thác đá, sườn đồi hướng về phía chúng tôi là một triền dốc thẳng đứng phủ đầy cây dương xỉ. Xa xa, ở phía chân trời, những làn khói xám cuộn lên.

- Từ đây tới Merripit không còn bao xa. - Stapleton nói - Nếu ông vui lòng nhìn chút thì giờ, tôi sẽ giới thiệu ông với em gái tôi.

Ban đầu tôi nghĩ rằng: Mình cần ở cạnh ngài Henry, nhưng rồi lại nhớ đến sự tính toán tiền của và những giấy tờ chất đống trên bàn làm việc của ông. Mặt khác, Holmes lại yêu cầu tôi làm quen với những người sống kế cận lâu đài Baskerville. Tôi chấp nhận lời mời của Stapleton.

- Vùng này thật tuyệt vời! - ông ta nói và ngược nhìn dải đồi màu xanh lượn sóng - Không bao giờ ông hiểu rõ vùng này đâu. Nó có chứa một vài bí mật. Thật bao la, hoang vắng và bí ẩn!

- Ông biết rõ vùng này chứ?

- Tôi ở đây tới hai năm. Những người sống lâu ở địa phương gọi tôi là lính mới. Nhưng tôi đã kịp tìm hiểu từng ngõ ngách ở đây; hiện giờ, tại đây ít ai hiểu khu này bằng tôi.

- Chẳng lẽ việc này lại khó khăn đến thế?

- Rất khó! Này nhé, ông hãy nhìn cái bình nguyên với những quả đồi kỳ lạ trôi lên ở đằng kia. Theo ông vì sao nó đáng chú ý?

- Có thể phi nước đại trên đó.

- Bất kỳ ai ở cương vị của ông cũng sẽ nói như thế, vậy ấy mà đã có không ít những sai lầm. Hãy nhìn xem có bao nhiêu bãi cỏ xanh trên đó?

- Có lẽ ở đó đất tốt hơn phải không?

Stapleton phì cười:

- Trước mắt ông là vùng đầm lầy Grimpen rộng lớn. Tại đó, chỉ cần một bước không thận trọng là đi đời nhà ma. Mới hôm qua, tôi trông thấy con ngựa của ai đó đi lạc vào đấy và tất nhiên là không bao giờ về nữa. Cái đầu của nó nổi lên trên mặt đầm lầy. Nó cố gắng ngoi lên nhưng rồi cuối cùng vẫn không thoát khỏi. Ở đấy thậm chí vào mùa khô cũng nguy hiểm. Tuy vậy, tôi đã nhiều lần lọt vào ngay giữa trung tâm của nó và lần nào cũng trở về an toàn. Hãy nhìn xem, lại một con ngựa bất hạnh nữa kìa!

Trong khu cỏ lác có một vật gì đó giãy giụa. Rồi phía trên đám cỏ thấp thoáng chiếc cổ đang ngoái lại một cách đau đớn, khu đầm lầy vang lên một tiếng kêu thê thảm. Tôi ớn lạnh, nhưng người bạn đường của tôi vẫn vững vàng.

- Con thứ hai trong vòng hai ngày. Còn bao nhiêu con nữa sẽ bị chết, thì không biết! Chúng quen thói bén mảng đến đây vào mùa khô và tưởng rằng sẽ không có nguy hiểm. Vâng, vùng đầm lầy Grimpen là một nơi thật kinh hoàng.

- Tuy nhiên, chính ông thì lọt vào đây được?

- Vâng, ở đây có hai, ba đường mòn mà người khôn ngoan có thể đi theo đó. Tôi phát hiện ra chúng.

- Nhưng ông cần đi vào cái chốn nguy hiểm ấy để làm gì?

- Ông có trông thấy những quả đồi phía xa kia không? Đó thật sự là những cù lao ở giữa vùng lầy. Nhưng ở đó có bao nhiêu là bướm và thực vật quý hiếm?

- Vâng à, tôi sẽ thử vào đó.

Stapleton ngạc nhiên nhìn tôi.

- Hãy xua đuôi ý nghĩ ấy ra khỏi đầu ông đi! Tôi sẽ bị dẫn vật bởi cái chết của ông. Ông sẽ không trở ra an toàn đâu. Tôi dám cả gan đi vào đây chỉ vì tôi có một hệ thống dấu hiệu phức tạp.

- Ôi, cái gì thế? - Tôi kêu lên.

Tiếng rống nhỏ nghe thảm thiết đến mức khó diễn tả vang lên trên khu đầm lầy, lan tràn khắp không trung; nhưng nó từ đâu vọng tới thì không thể xác định được. Bắt đầu từ tiếng rên rỉ không rõ, âm thanh dần dần chuyển sang trầm trầm và lại rên rỉ đến não ruột. Stapleton lạ lùng nhìn tôi:

- Khu đầm lầy này thật là đầy bí ẩn - Stapleton nói.

- Nhưng cái gì vậy?

- Các điền chủ nói rằng con chó của dòng họ Baskerville đang kêu la đòi lễ vật. Trước đây tôi cũng có dịp nghe tiếng nó, nhưng hôm nay là những tiếng kêu rất lớn.

Lạnh toát người vì kinh sợ, tôi lướt nhìn bình nguyên rộng lớn lăm lăm điểm những bụi lau sậy xanh mướt trải dài đến tận chân trời. Không có tiếng xào xạc của lá, không có cái gì động đậy. Chỉ có một con quạ đậu trên cột đá phía sau chúng tôi đang kêu âm ỉ.

- Là người có học thức, chắc ông không tin vào thừng điều quỷ quái như thế. Vậy ông giải thích tiếng kêu đó ra sao? - Tôi hỏi.
- Đôi khi tiếng hươu kêu cũng biến thành những âm thanh lạ lùng. Lúc thì trầm lắng, lúc thì vút lên, khi thế này khi thế khác, ai mà biết được!
- Không, không phải! Đây chỉ là tiếng kêu của một vật sống.
- Cũng có thể. Có khi nào ông nghe giống chim đầm lầy kêu ban đêm chưa?
- Chưa.
- Hiện giờ, ở Anh quốc loại này rất hiếm. Thế mà tại khu đầm lầy này tất cả lại có thể xảy ra. Tôi không lấy làm ngạc nhiên nếu quả thật chúng ta vừa nghe tiếng của một trong số những đại biểu cuối cùng của loại chim này.
- Trong đời tôi chưa từng nghe thấy những âm thanh nào ghê rợn và nặng nề hơn.
- Đã nói đây là một vùng đầy bí ẩn mà. Hãy nhìn ngọn đồi kia! Theo ông, cái gì thế?
- Sườn đồi dựng đứng được phủ bằng những vòng đá xám. Tôi đếm phải gần 20 vòng.
- Chuồng cừu phải không?
- Không, đó là nhà ở của các ông tổ tiên đáng kính của chúng ta. Người tiền sử ở khu đầm lầy này rất đông đúc. Về sau họ không ai ở đây nữa nên tất cả tiện nghi nhà ở hãy còn nguyên vẹn, chỉ có mái là bị dỡ đi. Nếu muốn, ta có thể đi tới đó và sẽ nhìn thấy bếp lò và giường nằm.
- Đúng là một khu phố thực sự! Người tiền sử ở đây vào thời nào?
- Đó là giống người ở thời đại đồ đá mới. Niên đại chính xác không thể xác định được.
- Giống người ấy làm gì?
- Họ nuôi cừu và tìm quặng sắt. Hãy nhìn cái hố ở trên quả đồi đối diện kia. Đó là những dấu tích công việc của họ. Nếu thích, bác sĩ Watson, ông

sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị trên khu đầm lầy của chúng tôi. Xin thứ lỗi cho, có lẽ là con bướm Cyclope.

Một con bướm nhỏ bay qua chỗ chúng tôi, với tốc độ đáng kinh ngạc. Stapleton đuổi theo nó. Tôi kinh hãi nhìn thấy con bướm lao thẳng xuống đầm lầy, nhưng người bạn của tôi nhảy từ mô đất này đến mô đất khác. Vùng vầy chiếc vọt xanh lá cây, trông ông ta giống như một con bướm khổng lồ. Tôi đứng lại nhìn theo ông với một cảm giác pha trộn giữa khâm phục và kinh ngạc. Tôi cũng hình dung ra là ông sẽ lao xuống và sẽ không ra khỏi vùng đầm lầy. Đột nhiên tôi nghe thấy sau mình tiếng bước chân của một ai đó. Tôi ngoảnh lại và nhận thấy một người phụ nữ đang ở cạnh mình. Cô ta xuất hiện từ hương khói cuộn lên.

Chắc chắn đây là cô Stapleton. Thật khó lòng hình dung ra sự khác biệt giữa em gái và anh trai. Ông ta là người tóc vàng, mắt xám, thiếu bản sắc, còn cô lại tóc đen duyên dáng, cân đối và cao dong. Những đường nét thon thả kiêu hãnh hài hoà đến mức gương mặt dễ thương sẽ trở nên cứng đờ nếu cái miệng không tình tứ và đẹp. Thân hình lý tưởng bộ cánh đẹp đẽ. Lúc tôi ngoảnh nhìn lại thì cái nhìn của người phụ nữ đang hướng về phía Stapleton nhưng rồi cô ta rảo bước đi đến gần tôi. Tôi ngả mũ định giải tích sự có mặt của mình ở đây thì đột nhiên cô ta nói:

- Hãy đi khỏi đây! Hãy trở về London đi! Nhanh đi!

Để trả lời, tôi chỉ có thể nhìn cô với vẻ kinh ngạc. Mắt cô sáng long lanh, một chân cô dậm dậm tỏ vẻ sốt ruột.

- Tại sao tôi phải rời khỏi đây? - Tôi hỏi.

- Chớ có hỏi. - Cô ta nói nhỏ, nhanh và ngọt ngào - Xin hãy nghe lời khuyên của tôi! Hãy đi khỏi đây và đừng trở lại khu đầm lầy này nữa.

- Nhưng tôi mới đến đây mà!

- Lẽ nào ông không hiểu là tôi chỉ mong điều tốt lành cho ông? Hãy đi ngay, bằng mọi cách! Khẽ chứ! Anh tôi đang đến đấy! Ông đừng có nói với anh ấy lời nào... Làm ơn nhắc cây phong lan này cho tôi, nơi đây có rất nhiều phong lan, nhưng ông đến đã hơi muộn mất rồi: Tới mùa thu chúng bắt đầu tàn, và thiên nhiên ở đây phần nào mất đi vẻ đẹp của mình.

Stapleton đã ngừng đuổi bướm, đang đi đến chỗ chúng tôi, toàn thân đỏ bừng, hân hân.

- Em đây à? - Ông ta nói và cảm thấy rõ nổi bức tức trong lời chào hỏi.

- Người anh nóng nực rồi đấy, Jack ạ!

- Đúng, anh vừa đuổi bắt một mẫu vật Cyclope tuyệt trần. ở đây, vào cuối thu, ít khi trông thấy chúng, tiếc làm sao.

Ông ta nói với giọng dừng dừng, nhưng không ngớt đảo mắt nhìn em gái sang tôi.

- Hình như hai người đã kịp làm quen với nhau?

- Vâng. Em nói với ngài Henry rằng bây giờ khu đầm lầy đã bớt đẹp rồi. Hoa phong lan đang tàn.

- Cái gì? Em nghĩ ai đang ở trước mặt em vậy?

- Ngài Henry Baskerville.

- Không, không phải đâu. Tôi là Watson, bạn của ngài Henry.

Vẻ hoang mang hiện rõ trên khuôn mặt nhiều diễn cảm.

- Nghĩa là chúng ta nói mà không hiểu nhau.

- Đúng, ông ấy không có nhiều thời gian để chuyện trò đâu - Stapleton nói, tiếp tục tò mò nhìn em gái.

- Em làm bác sĩ Watson với người láng giềng của chúng ta. Rất có thể ông ta không để ý bây giờ phong lan có nở hay không. Nhưng dù sao, ông cũng rẽ vào chỗ chúng tôi ở Merripit chứ? - Cô gái nói.

Vài phút sau chúng tôi đã đến gần một trang trại vẻ tiêu điều. Bao quanh trang trại là một khu vườn nhỏ. Cây cối ở đây cũng giống như khắp nơi trong khu đầm lầy: thấp bé và còi cọc. Phảng phất trong vùng là vẻ nghèo nàn và buồn bã. Người hầu mở cửa cho chúng tôi trong bộ áo ngoài màu vàng nhẵn nheo, già cả y hệt như ngôi nhà. Nhưng chính các căn phòng lại khiến tôi ngạc nhiên bởi sự rộng rãi và vẻ lịch sự trong cách bài trí. Tôi không thể không thắc mắc: Điều gì đã đẩy con người học thức cùng cô em gái xinh đẹp đến chốn hoang vu này?

- Chúng tôi đã chọn một nơi kỳ cục để nương thân phải không? - Stapleton nói, hình như để trả lời những ý nghĩ của tôi - Dầu sao chẳng nữa, ở đây chúng tôi vẫn sống tốt, có đúng không, em Beryl?

- Vâng, rất tốt. - Cô gái trả lời, nhưng dường như những lời nói của cô không được tự tin cho lắm.

- Tôi có một trường học tại một trong những địa phận miền Bắc - Stapleton nói - Đó là một công việc khô khan và kém hứng thú, thế nhưng tôi bị cuốn hút vào. Lý do là sự gần gũi với tuổi trẻ. Thật hạnh phúc biết bao khi chính mình truyền đến cho họ những kiến thức. Nhưng các trận dịch ở trong trường làm chết ba đứa trẻ. Phần lớn vốn của tôi đã không sao hoàn lại được. Giá như không có sự ly biệt với những chú bé thân yêu thì tôi đã không buồn phiền, bởi lẽ đối với một người say mê động vật và thực vật như tôi thì ở đây vẫn còn nhiều việc phải làm, và cả em gái tôi nữa. Đây là một người rất yêu thích thiên nhiên.

- Vâng, sống ở đây không hẳn đã khiến ông buồn, nhưng chắc chắn đã làm em gái ông buồn.

- Không, tôi không buồn - Cô gái trả lời.

- Chúng tôi bận bịu với công việc khoa học, chúng tôi có một thư viện lớn và những láng giềng thật thú vị. Bác sĩ Mortimer là một người rất uyên thâm trong lĩnh vực của mình. Ngài Charles cũng là người láng giềng tuyệt vời. Ông sẽ nói sao nếu hôm nay tôi sẽ đến thăm ngài Henry? Việc đó sẽ không cản trở ngài chứ?

- Tôi tin là ngài rất vui khi được quen biết ông.

- Vậy thì hãy làm ơn báo trước cho ngài biết. Còn bây giờ, bác sĩ Watson, hãy cùng lên trên lầu, tôi sẽ cho ông coi bộ sưu tập của tôi. Vào lúc chúng ta kết thúc thì bữa sáng sẽ được dọn xong.

Nhưng tôi đã kịp nghĩ tới ngài Henry. Về hiu quạnh của khu đầm lầy, cái chết của con ngựa, tiếng rống bí ẩn, những lời nói mập mờ của cô Stapleton. Tất cả khiến tôi buồn não lòng. Tôi từ chối lời mời ăn sáng và trở về nhà bằng chính con đường mòn hồi nãy.

Thế nhưng, ngoài lối mòn ấy ra, ở đây còn một đường khác ngắn hơn bởi vì lúc tôi còn chưa kịp ra con đường lớn thì đã trông thấy cô Stapleton ở ngay trước mặt mình. Nước da ửng hồng sáng lên trên đôi má càng khiến cô đẹp lộng lẫy hơn. Cô ngồi trên tảng đá bên đường, thở mạnh, một tay đặt lên ngực.

- Tôi đã chạy suốt chặng đường để bắt kịp ông. - Cô ta nói - Thậm chí mũ tôi cũng không kịp mang nữa. Tôi phải gấp lên kéo anh trai tôi phát hiện sự vắng mặt của tôi. Tôi đã nhầm ông với ngài Henry. Xin ông hãy quên tất cả những gì tôi đã nói đi. Điều đó không có quan hệ gì tới ông đâu.

- Tôi làm sao có thể quên được điều đó, thưa cô. Số phận của bạn tôi, ngài Henry, khiến tôi rất quan tâm. Hãy nói cho tôi biết vì sao cô lại yêu cầu ông ấy trở về London?

- Tính bất thường của phụ nữ mà.

- Không phải, giọng nói và đôi mắt của cô. Chỉ mới đặt chân đến đây mà tôi đã cảm thấy có những bóng ma nào đó quanh tôi. Xin hãy nói rõ rằng ngài Henry cần phòng ngừa như thế nào.

Một thoáng do dự lướt trên khuôn mặt, nhưng chỉ một khoảnh khắc sau cô lại trở nên bình thường.

- Bác sĩ Watson ạ. Cái chết của ngài Charles đã gây chấn động mạnh trong anh em tôi. Chúng tôi thường xuyên gặp người đã khuất, vì ngài dạo chơi theo đường mòn này đến nhà chúng tôi. Giờ đây, việc trở về của người thừa kế ngài Charles làm tôi rất day dứt và tôi coi việc báo trước cho ngài biết về mối nguy hiểm này là cần thiết. Đây là tất cả, tôi không muốn nói một điều gì khác nữa đâu.

- Nhưng mối nguy hiểm nào?

- Ông biết truyền thuyết về con chó chứ?

- Tôi không tin vào điều nhảm nhí ấy.

- Còn tôi thì tin. Nếu ông có ảnh hưởng đối với ngài Henry, thì ông hãy đưa ngài ra khỏi đây... Đây là một nơi rất nguy hiểm đối với dòng họ Baskerville. Vì sao ngài Henry cần phải sống ở nơi có mối nguy hiểm lớn đe dọa mình?

- Ông ấy có lý do riêng. Nếu cô chưa bày tỏ rõ ràng thì chưa chắc tôi thuyết phục ông ấy được.
- Tôi không biết điều gì nữa đâu.
- Xin được phép đặt câu hỏi: Nếu đúng đây là tất cả những gì cô cần nói với tôi thì tại sao cô lại sợ anh cô nghe thấy?
- Anh ấy không muốn lâu đài Baskerville không có chủ nhân. Điều đó sẽ ảnh hưởng xấu tới dân nghèo sinh sống trên khu đầm lầy. Anh ấy sẽ nổi giận nếu biết rằng tôi đã gắng sức ngăn cản ngài Henry. Nhưng tôi đã làm xong nghĩa vụ của mình và tôi sẽ không nói thêm một điều gì cả. Bây giờ tôi phải đi đây, kéo anh tôi biết. Xin tạm biệt.

Cô ta quay trở về, và chẳng bao lâu đã khuất sau mấy tảng đá, còn tôi thì lòng tràn ngập những nỗi khiếp đảm mơ hồ, hướng tới lâu đài Baskerville rảo bước.

Chương 8: Bản phúc trình đầu tiên của bác sĩ Watson

Lâu đài Baskerville, 13 tháng 10

Holmes thân mến.

Qua những lá thư và những bức điện của tôi, anh đã biết được tất cả những gì xảy ra trong thời gian gần đây tại xó xỉnh buồn bã nhất thế giới này. Càng ngày nỗi buồn của khu đầm lầy càng thấm sâu vào tâm hồn tôi. Tôi cảm thấy nước Anh hiện đại đã lưu lạc ở một nơi nào đó, xung quanh tôi toàn là những dấu tích sinh hoạt và lao động của con người thời tiền sử. Đây là hang động của họ, kia là các nắm mồ, và kia nữa là các tảng đá khổng lồ có lẽ chứng minh cho tinh thần của họ. Khi nhìn những triền núi bị đào bới bởi những công cụ thô sơ làm thành những hang động này, ta như quên mất là mình đang sống ở thế kỷ nào. Và nếu như dưới vòm mái thấp của một trong những hang động đó đột nhiên xuất hiện một người choàng lông thú, râu ria xồm xoàm, đặt mũi tên có đầu bịt đá vào cung thì anh sẽ thấy rằng sự tồn tại của con người ấy thích hợp hơn so với sự tồn tại của anh. Điều lạ lùng hơn hết là tại sao những người này đều ở rất đông tại một nơi chẳng màu mỡ chút nào. Tôi không phải là nhà khảo cổ, nhưng theo tôi, đây là một bộ lạc bị đê đầu cuội cổ nên thỏa mãn với nơi mà bộ lạc khác từ chối.

Tuy nhiên, tất cả những điều vừa nói không hề có liên quan chút nào tới sự có mặt của tôi ở đây, và chắc có lẽ cũng không hề làm anh quan tâm. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không đủ sức quên đi thái độ thờ ơ của anh tới vấn đề: Mặt trời quay quanh trái đất hay trái đất quay quanh mặt trời. Vậy thì hãy chuyển sang những sự kiện có quan hệ trực tiếp với ngài Henry vậy. Một vài ngày gần đây anh đã không nhận được một tin tức nào, là vì tôi không biết kể về cái gì cả. Thế nhưng từ khi một sự kiện kỳ lạ vừa xảy ra, thì giờ đây chúng ta đã nắm được những tình tiết khá quan trọng đối với vụ án.

Một trong những tình tiết ấy, là có một người tù khổ sai ẩn náu trong khu đầm lầy. Có cơ sở vững chắc để nói rằng hắn đã rời khỏi vùng này và sống yên ổn tại những trang trại đơn độc nào đó. Từ khi hắn vượt ngục đến giờ, đã hai tuần trôi qua. Thật khó tưởng tượng nổi một người có thể sống qua thời gian như thế trên khu đầm lầy. Thật ra ở đây cũng có nơi trú chân. Bất kỳ hang đá nào cũng có thể thành nơi nương náu của hắn. Nhưng thiếu ăn thì không thể sống nổi, nếu hắn không bắt cừu để ăn, rõ ràng là hắn đã rời khỏi vùng này và người sống ở các trang trại yên tâm hơn.

Chúng tôi, bốn người đàn ông khỏe mạnh, lực lưỡng sống ở lâu đài Baskerville trong tình trạng lúc nào cũng tự bảo vệ được mình, nhưng xin thú thật với anh: Khi nghĩ tới Stapleton, tôi lo ngại không yên. Họ không có những láng giềng gần gũi nên khó nhờ cậy vào sự giúp đỡ của ai cả. Người nữ hầu phòng, một đầy tớ già, em gái và anh trai - Đây là tất cả những người sinh sống ở Merripit. Họ sẽ ở trong tay tên giết người này nếu hắn đột nhập vào nhà của họ. Tôi và ngài Henry rất lo ngại cho họ, và thậm chí muốn để người chăn ngựa ngủ lại ở Merripit, nhưng Stapleton không chịu nghe. Có điều là Nam tước bắt đầu quan tâm đặc biệt đến cô láng giềng xinh đẹp. Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên cả, bởi vì ông ta là một người ưa hoạt động, còn cô gái, là người phụ nữ đẹp mê hồn. Trong cô có cái gì sôi nổi của người dân vùng nhiệt đới, ngược lại hẳn với ông anh. Vào thời gian này, trong ông anh rõ ràng là có một bí ẩn nào đấy nung nấu ông ta. Cứ xét theo mọi phương diện thì ông ta có ảnh hưởng lớn tới em gái mình. Nhiều lần trong khi nói chuyện, tôi có dịp bắt gặp những cái nhìn của cô hướng về ông anh mình hình như đón chờ sự đồng tình của ông.

Ông đến thăm ngài Henry vào ngày hôm đó và sáng ngày hôm sau, ông đã đưa chúng tôi đến nơi diễn ra sự cố có quan hệ tới truyền thuyết về Hugo. Chúng tôi đi sâu vào khu đầm lầy tới vài dặm, lọt vào một bình nguyên không lớn, trông huyền ảo. Một lối hẹp nằm giữa những cột đá đưa chúng tôi tới bãi cỏ thoáng đãng. Ở giữa bãi cỏ có hai tảng đá lớn co lại ở phía trên khiến người ta liên tưởng tới những chiếc nanh khổng lồ của con quái vật nào đấy. Mọi thứ ở đây hoàn toàn phù hợp với sự mô tả khung cảnh bùng nổ tấn bi kịch xưa kia. Ngài Henry chăm chú quan sát mọi hướng, nhiều lần hỏi Stapleton rằng lẽ nào Stapleton lại tin vào sức mạnh siêu nhiên ảnh hưởng tới công việc của con người. Giọng ngài có vẻ khinh mạn nhưng ngài lại rất nghiêm chỉnh chú ý tới chuyện này. Stapleton trả lời một cách dè dặt. Ông ta không nói nhiều và tỏ ra thông cảm với nỗi lòng của Nam tước. Ông ta kể cho chúng tôi nghe một vài trường hợp tương tự trong các gia đình khác và làm cho chúng tôi có cảm giác là ông cũng tin vào truyền thuyết về con chó của dòng họ Baskerville.

Khi quay trở lại, chúng tôi tạt vào ăn sáng ở nhà Stapleton. Ngài Henry làm quen với cô Stapleton từ lúc nào chẳng rõ. Cô ta đã cuốn hút ngài ngay từ lúc mới gặp nhau. Lúc chúng tôi trở về thì thỉnh thoảng ngài lại nói về cô ta từ đó trở đi, không ngày nào là chúng tôi không gặp gia đình Stapleton. Hôm nay họ ăn cơm trưa ở chỗ chúng tôi và ngài Henry đã nói đến chuyến viếng thăm họ vào tuần tới.

Hình như ông Stapleton không mong mỗi một người chồng tốt cho em gái của mình, vì tôi nhiều lần nhận thấy ông ta tỏ vẻ khó chịu trước sự săn đón của ngài Henry với cô ta. Có lẽ Stapleton gắn bó với em gái và sợ sống đơn độc một mình. Trong thực tế, rõ ràng Stapleton không muốn tình bạn này chuyển thành tình yêu, và theo sự quan sát của tôi thì ông ta đã bằng mọi cách, cố gắng không để họ ở lại một mình với nhau. Nhân thể nói thêm, nếu vụ án này bị mối tình làm rối rắm thêm thì lời dặn theo sát ngài Henry của anh hầu như sẽ không được hoàn thành.

Gần đây, bác sĩ Mortimer có ăn sáng ở chỗ chúng tôi. Ông khai quật một ngôi mộ cổ ở vùng Long Down và tìm thấy chiếc sọ người tiền sử. Điều này khiến ông thích thú khôn xiết. Anh em Stapleton có mặt sau bữa ăn. Theo yêu cầu của ngài Henry, bác sĩ dẫn chúng tôi tới con đường rậm bóng

cây đề chỉ cho mọi người biết vào cái đêm thảm khốc ấy mọi chuyện đã diễn ra như thế nào. Con đường chạy dài, mờ ảo, cả hai phía đều có những rãnh đất trông cò hẹp và những cây thủy tùng được xén tỉa làm thành bức tường khá dày.

Nhà hóng mát đồ nát nằm ở phía cuối con đường. Chính giữa có hàng giậu dẫn ra khu đầm lầy mà cạnh đó ông Charles đã gậy tàn tàn thuốc lá. Cửa bằng gỗ, có khoá. Vùng đầm lầy bao la trải ra phía sau nó. Tôi nhớ tới lý thuyết của anh về sự cố đã xảy ra ở đây và gắng hình dung tất cả điều đó. Khi đứng cạnh cửa hàng rào, Charles nhìn thấy một cái gì đó từ khu đầm lầy tiến đến gần ngài. Bóng ma này đã khiến ngài sợ hãi đến kinh hoàng. Ngài bỏ chạy, chạy cho đến lúc ngã vật xuống, tắt thở vì kiệt sức. Thế nhưng, con vật nào đã khiến ngài chạy? Con chó chăn cừu nào đẩy từ khu đầm lầy chẳng? Hay là con chó ma quái, to lớn, đen thui và lặng thinh nọ? Cũng có thể đó là việc làm của bàn tay con người? Có lẽ Barrymore biết nhiều hơn những gì ông ta nói ra?

Kể từ lá thư cuối cùng tôi viết cho anh đến giờ, tôi còn làm quen được với một trong số những láng giềng của chúng tôi. Ông Frankland ở lâu đài Lafter, cách chúng tôi 4 dặm về phía nam. Đây là một ông già tóc bạc phơ, mặt đỏ và rất cáu kỉnh. Ông Frankland là một người sùng bái pháp luật, đã tiêu cả một tài sản vào các vụ kiện tụng đủ loại. Ông ta thừa kiện chỉ vì thích cãi cọ và ông sẵn sàng hầu tòa với tư cách bị cáo. Đột nhiên ông ngăn cấm việc đi lại cạnh lãnh địa của ông và thách thức hội đồng xứ đạo buộc ông mở lại con đường đó. Sau đó tự tay ông phá hàng giậu của ai đó và tuyên bố rằng ở đây từ xưa đã có một con đường đi qua; mặc cho chủ nhân kiện ông vi phạm ranh giới đất đai của người khác. Ông biết rành rọt những đạo luật phong kiến và ông đã sử dụng những hiểu biết của mình: lần này thì ủng hộ làng bên cạnh, lần khác thì lại chống lại họ, vì thế dân làng ở đây khi thì kênh ông lên, khi thì đốt hình nộm ông. Người ta nói rằng hình như bây giờ trong tay ông Frankland có tới bảy vụ kiện, chắc chúng sẽ ngốn hết số tài sản còn lại của ông. Như vậy ông ta sẽ bị tịt ngòi và sẽ trở thành một người vô hại.

Hiện giờ ông Frankland đã tìm cho mình một công việc rất kỳ quặc. Là một người thích thiên văn học, lại có trong tay chiếc kính viễn vọng nên

suốt ngày ông ngồi trên mái nhà mình quan sát khu đầm lầy với hy vọng phát hiện ra tên tù vượt ngục.

Sau khi thông báo cho anh tất cả những gì có thể thông báo được về người tù khổ sai chạy trốn, về anh em Stapleton, về bác sĩ Mortimer, về ông Frankland, bây giờ tôi sẽ kể về vợ chồng Barrymore, và về những sự kiện lạ lùng xảy ra vào đêm hôm nay.

Tôi sẽ bắt đầu từ bức điện được anh chuyển từ London với mục đích xác nhận xem vào ngày hôm ấy Barrymore có ở nhà hay không. Tôi có kể cho ngài Henry về sự thất bại này, ngài đã gọi ngay Barrymore đến.

- Chú bé đã chuyển bức điện tận tay ông phải không, ông Barrymore? - Ngài Henry hỏi.

Barrymore ngạc nhiên nhìn ngài và suy nghĩ chừng một phút.

- Không. Lúc đó tôi ở trên gác thượng, và vợ tôi mang bức điện đến cho tôi.

- Chính ông viết điện trả lời?

- Không, tôi nói với vợ tôi nên trả lời ra sao. Cô quay xuống dưới và viết.

Buổi chiều Barrymore lại đề cập chủ đề này theo sáng kiến riêng của mình.

- Ngài Henry, tôi không thật hiểu tại sao ngài lại hỏi tôi về bức điện ấy. Phải, chúng tôi đã có lỗi gì đó, và đã làm mất sự tin cậy của ngài.

Ngài Henry cố gắng thuyết phục Barrymore rằng điều đó không phai như vậy và để an ủi ông ta, ngài đã tặng cho ông ta khá nhiều đồ dùng cũ của mình.

Bà Barrymore rất đáng quan tâm. Đây là người đàn bà rất đứng đắn, đáng kính. Nhưng, vào đêm đầu tiên khi đến đây, tôi đã nghe thấy những tiếng khóc thôn thức của bà. Và từ ngày đó nhiều lần tôi đã có dịp thấy dấu vết của những giọt nước mắt trên khuôn mặt bà. Có nỗi đau khổ nặng nề nào đó hành hạ người đàn bà này. Rất có thể đó là những nỗi giày vò của lương tâm không trong sạch chẳng? Có khi tôi nghi ngờ rằng Barrymore là một tên bạo chúa trong gia đình. Tôi thường xuyên cảm thấy đây là một người kì cục, khả nghi. Và những sự kiện của đêm qua càng làm tăng thêm mối ngờ vực của tôi. Chắc anh biết tôi ngủ không say lắm và tại lâu đài

Baskerville, khi lúc nào cũng phải cảnh giác đề phòng thì tôi càng sẽ thức. Đêm qua lúc gần hai giờ, tôi nghe thấy những bước chân len lén cạnh phòng mình. Tôi trở dậy, mở cửa và nhìn ra ngoài hành lang, thấy loáng thoáng bóng của một ai đó. Chiếc bóng của một người trên tay cầm ngọn nến bước rón rén theo hành lang. Ông ta mặc áo lót, quần dài, đi chân đất. Tôi chỉ nhận ra được hình dáng lờ mờ của con người ấy, nhưng theo vóc người, tôi đoán đây là Barrymore. Ông ta bước chậm chạp, lặng lẽ và trong từng cử động của ông có cái gì vụng trộm, lo ngại.

Qua những lá thư của tôi, anh đã biết rằng cả hai hành lang được giao nhau bởi một hành lang khác bao quanh lâu đài. Chờ cho tới khi Barrymore đi khuất, tôi bắt đầu lần theo vết của ông ta. Lúc tôi bước tới hành lang giao nhau thì ông đã ở hành lang phía bên kia và sau đó ánh sáng lóe lên trong cửa ra vào để ngỏ của một căn phòng. Thế có nghĩa là ông ta đã vào đây. Các phòng này không có người ở, cũng không có đồ gỗ. Bởi thế hành vi của Barrymore là hoàn toàn bí ẩn. Ông ta đứng ở đó, bất động vì ngọn lửa của cây nến không hề lung lay. Tôi gắng bước nhẹ nhàng hơn, vượt qua suốt hành lang rồi từ ngoài liếc nhìn qua cánh cửa hé mở.

Barrymore đứng nép mình cạnh cửa sổ, đưa cây nến đến gần tấm kính. Tôi trông nghiêng thấy khuôn mặt ông đờ đẫn trong sự chờ đợi căng thẳng; mặt ông hướng ra bóng đêm mờ mịt của khu đầm lầy. Ông ta chăm chăm nhìn qua cửa sổ vài phút, sau đó ông khẽ rên rỉ và bằng một cử chỉ nôn nóng, ông tắt ngọn nến đi. Lúc bảy giờ tôi quay trở về phòng mình và chẳng bao lâu tôi nghe thấy những bước chân lén lút phía ngoài cửa ra vào. Sau một thời gian khá lâu, xuyên qua giấc ngủ mơ màng, tôi nghe thấy ở một nơi nào đó có ai đang vặn chìa khóa trong ổ, nhưng thật khó xác định âm thanh này vọng tới từ đâu.

Tôi không hiểu cả những cái đó nghĩa là thế nào, nhưng trong ngôi nhà ảm đạm này, rõ ràng có những việc làm bí ẩn nào đó đang được tiến hành. Sáng nay tôi nói chuyện với ngài Henry. Dựa trên những điều quan sát ban đêm của tôi, chúng tôi đã thảo ra kế hoạch hành động.

Chương 9: Bản phúc trình thứ hai của bác sĩ Watson

Lâu đài Baskerville, 15 tháng 10

Holmes thân mến,

Tôi đã kết thúc bản phúc trình gần đây bằng việc mô tả tấn kịch của Barrymore cạnh cửa sổ của căn phòng trống không. Từ đó đến nay tôi đã góp được hàng đồng tin tức.

Vào buổi sáng sau cuộc trinh sát ban đêm của tôi, tôi có xem xét căn phòng mà Barrymore đã vào. Cửa sổ mà ông ta chăm chú nhìn qua đó rất tiện lợi cho việc nhìn ra khu đầm lầy, hơn tất cả các cửa sổ khác. Qua khe hở giữa hai hàng cây, khu đầm lầy hiện rõ mồn một; trong khi đó, từ những ô cửa sổ khác hầu như không nhìn thấy nó. Bởi vậy, Barrymore chọn cửa sổ này để nhìn ai đó hoặc cái gì đó trên khoảng rộng bao la của khu đầm lầy. Tuy nhiên đêm tối mịt mù, tôi không biết ông ta có thể phân biệt được cái gì. Rất có thể đó là chuyện dan díu yêu đương nào không? Điều đó có thể giải thích tính thận trọng trong hành động của ông và nỗi khổ đau của vợ ông. Một người với vẻ bề ngoài như ông có đủ điều kiện để quyến rũ trái tim của cô gái thôn quê nào đấy, và vì vậy, giả thiết này không phải không có cơ sở. Sau lúc trở về phòng mình, tôi nghe thấy tiếng mở cửa ở đâu đó. Có lẽ ông Barrymore đã đi đến cuộc hẹn hò bí mật nào chăng? Sau bữa sáng, tôi cùng nam tước đi vào phòng làm việc của ngài. Tại đây tôi đã kể cho ngài nghe tất cả. Ngài nghe với một thái độ rất điềm tĩnh.

- Tôi biết Barrymore đêm đêm hay đi dạo và tôi định hỏi ông ấy từ lâu rồi. Một vài lần tôi có nghe thấy bước chân của ông ta vào khoảng thời gian như ông vừa nói.

- Rất có thể, nếu thế thì cần theo dõi xem ông ta làm gì ở đấy. Chẳng biết trong trường hợp này Holmes sẽ làm như thế nào.

- Tôi tin rằng anh ấy cũng sẽ theo sau Barrymore.

- Vậy thì chúng ta sẽ cùng giám sát ông ta.

- Nhưng ông ấy sẽ nghe thấy chúng ta mất.

- Không, ông ta ngẩn ngơ. Và dẫu sao ta cũng cần bạo dạn mà làm thôi. Nào, đêm nay chúng ta sẽ đợi ông ấy ở phòng tôi vậy.

Nam tước thích thú xoa xoa hai tay vào nhau khi nghĩ tới cơ hội nhỏ nhất làm cho dòng đời có thêm một vẻ đa dạng nào đó.

Nam tước đã liên lạc với kiến trúc sư, và đồng thời cho mời người thầu khoán từ London tới. Cho nên ở đây không bao lâu nữa sẽ có những biến đổi lớn lao. Những họa sĩ trang trí và những thợ đóng đồ gỗ cũng từ Plymouth đến. Rõ ràng người bạn của chúng ta đã không tiếc cả công sức lẫn tiền của để tái lập lại sự huy hoàng xưa kia của dòng họ mình. Khi ngôi nhà trong tương lai được sửa sang và xếp đặt lại. Nam tước chỉ còn thiếu một người vợ. Ngài rất say đắm người láng giềng. Tuy vậy mỗi tình không thật phẳng lặng, hôm nay trên bề mặt của mỗi tình đó xuất hiện những gợn sóng lẫn lộn làm người bạn của chúng ta hoang mang và lo ngại.

Sau câu chuyện về Barrymore, ngài Henry đội mũ và định đi đâu đó. Có nhiên tôi cũng làm y như thế.

- Ông đi với tôi chứ, Watson? - Ngài hỏi sau khi nhìn tôi là lạ thế nào ấy.

- Nếu đi tới khu đầm lầy thì tôi đi - Tôi trả lời.

- Tới khu đầm lầy.

- Tôi không muốn cản trở ngài, nhưng Holmes đã không bảo tôi để ngài ở một mình, nhất là trên khu đầm lầy. Chính ngài cũng được nghe điều đó.

Với nụ cười hiền dịu, ngài Henry vỗ vào vai tôi nói:

- Bạn thân mến ạ, Holmes không thể thấy rõ mọi chi tiết trong sự biến chuyển của cuộc sống của tôi ở đây được, ông hiểu tôi chứ? Vậy chắc không có ai muốn ngăn cản tôi. Không, ông cho phép tôi đi một mình.

Tự anh cũng thấy được tình cảnh của tôi ra sao rồi. Tôi bối rối, trong lúc ngài đã cầm lấy gậy của mình và đi ra.

Nhưng sau ít phút suy nghĩ, lương tâm bắt đầu hành hạ tôi. Tại sao tôi cho phép ông ấy đi ra ngoài sự giám sát của mình rồi sau khi trở lại London tôi sẽ phải thú nhận với anh là sự dễ dãi của tôi đã đẩy chúng ta tới thảm họa như thế nào? Tôi như bị ném vào lửa trong ý nghĩ này. Vẫn còn chưa muộn, có thể đuổi kịp ông ấy. Và tôi lập tức đi tới Mernpit.

Tôi rảo bước theo con đường lớn. Vẫn chưa thấy ngài Henry. Vài phút sau, tôi đến gần chỗ bắt đầu con đường mòn đi sâu vào khu đầm lầy. Tôi phân vân không biết nên chọn đường nào. Thế là tôi trèo lên quả đồi và từ đó nhìn xuống khu đầm lầy.

Tôi đã thấy Nam tước. Ông bước theo con đường mòn cách tôi chừng một phần tư dặm, đi cạnh ông là một người phụ nữ: cô Stapleton, họ bước đi rất chậm. Nhìn theo điệu bộ của cô gái thì cô đang cố gắng thuyết phục ngài Henry tin vào điều gì đấy. Ngài Henry chăm chú nghe, thỉnh thoảng lắc đầu. Khi không biết ẩn mình vào đâu, tôi đành đứng vào giữa các tảng đá. Đuổi theo họ, phá vỡ câu chuyện thân tình này là không thể được. Nhưng nhiệm vụ của tôi ở đâu? Là ở chỗ không được một giây phút nào rời mắt khỏi ngài Henry. Thế mà tôi không có cách giải quyết nào khác và cứ tiếp tục đứng trên đỉnh đồi để quan sát họ. Nhưng như vậy, nếu ngài đột nhiên bị nguy hiểm thì tôi không thể giúp gì được.

Đi được vài bước, ngài Nam tước và cô gái dừng lại và lúc đó tôi bất ngờ nhận ra rằng tôi không phải là người duy nhất chứng kiến cuộc gặp gỡ của họ. Thấp thoáng giữa hai tảng đá có cái gì đó màu xanh lục. Tôi nhìn kỹ và nhận ra đó là một mảnh màu xanh trên chiếc gậy đi đường. Người mang gậy này đang hướng tới con đường mòn. Hóa ra đó là nhà tự nhiên học Stapleton với chiếc vợt bắt bướm. Ông ta ở gần đồi uyên ương hơn tôi và đang đi thẳng tới chỗ họ. Vào giây phút ấy, ngài Henry đang ôm chầm lấy cô Stapleton, nhưng cô ta xoay lưng lại, cố gắng thoát khỏi tay ngài. Thế rồi ngài cúi xuống gần cô, còn cô thì lách xa ngài. Sau đấy, họ nhanh chóng lùi xa nhau ra, ngoảnh lại nhìn phía sau. Thì ra Stapleton đang đi tới. Ông ta đang ba chân bốn cẳng chạy về phía họ, khoa chân múa tay trước mặt cặp tình nhân.

Tôi không nghe được ông ta nói gì, nhưng hình như ông ta đang lên án ngài Henry, còn người này thì cố phân trần. Cô gái đứng bên cạnh, hoàn toàn im lặng. Sau cùng Stapleton đột nhiên quay trở lại, vẫy tay ra lệnh cho em gái; cô ta đưa nhanh đôi mắt nhìn ngài Henry rồi đi theo sau anh mình. Nhưng cử chỉ bông bột của nhà tự nhiên học chứng tỏ rằng ông ta đang trút nỗi giận dữ của mình lên đầu cô gái. Vị Nam tước nhìn theo họ, rồi ngài chán nản, lưng thưng đi ngược trở lại.

Tôi không hiểu tí nào về cuộc cãi vã ấy. Tôi lao nhanh xuống đồi và gặp Nam tước ở dưới đó. Mặt ngài đỏ bừng vì giận dữ, đôi lông mày nhíu lại.

- Chào bác sĩ! Ông ở đâu ra vậy? Có lẽ ông đã theo dõi tôi chăng?

Tôi buộc phải giải thích cho ngài hiểu rằng tôi cảm thấy không thể để ngài đi một mình nên đã đi theo ngài và trở thành người chứng kiến cuộc gặp gỡ. Ngài quắc mắt nhìn tôi nhưng rồi ngài phá lên cười.

- Cứ như là các ông cố rình xem tôi tán tỉnh cô gái và thất bại như thế nào ấy! Ông thuê dài hạn cho mình chỗ ngồi nào đấy?

- Trên quả đồi kia kìa.

- Nghĩa là trên gác thượng. Còn anh của cô ta thì được thu xếp ở những dãy ghế đầu tiên. Ông có nhận thấy ông ta đã mắng chúng tôi ra sao không?

- Vâng.

- Có bao giờ ông thoáng nghĩ rằng ông ta mất trí không?

- Chưa, chưa bao giờ.

- Tôi cũng vậy. Trước ngày hôm nay, tôi coi Stapleton là một người phát triển bình thường. Còn bây giờ tôi cảm thấy là cần tìm một bác sĩ thần kinh cho ông ta hoặc cho tôi. Phải chăng tôi đã tụt tụt đến thế? Xin ông hãy nói thẳng! Cái gì sẽ ngăn cản tôi trở thành chồng của cô gái ấy.

- Theo tôi, không có gì ngăn cản cả.

- Ông ta không thể bắt bẻ về cương vị xã hội của tôi được. Vậy ông ta có cái gì để không đồng ý tôi? Trong đời, tôi không gây điều ác cho ai cả. Thế mà con người ấy không muốn để tôi đến gần cô ta.

- Ông ta nói thế à?

- Vâng. Ông biết không, Watson, tôi mới quen cô ta cách đây vài tuần. Thế mà ngay từ buổi gặp gỡ ban đầu, tôi đã thấy rõ ràng người này sinh ra là để dành cho tôi. Và cô ta... cô ta cũng sẽ sung sướng ở cạnh tôi. Tôi sẵn sàng thế như vậy. Đôi mắt của người đàn bà nói nhiều hơn so với lời của họ.

Thế nhưng, ông ta phản đối sự gần gũi của chúng tôi. Chỉ đến hôm nay tôi mới chọn được cơ hội nói chuyện riêng với cô ấy. Cô sung sướng chấp thuận cuộc gặp gỡ này. Nhưng, cô chỉ nói một lời: ở đây nguy hiểm và cô sẽ không yên lòng chừng nào tôi chưa đi khỏi lâu dài. Tôi nói rằng từ sau cuộc gặp gỡ với cô, tôi sẽ không bao giờ rời khỏi đây, còn nếu việc ra đi là cần thiết, thì cô hãy cùng đi với tôi. Tóm lại, tôi đã ngỏ lời cầu hôn với cô

ta, nhưng cô còn chưa kịp đáp lại thì vào giây phút ấy, ông anh đã ào tới mắng chúng tôi. Tôi còn làm gì được? Giá ông ta không phải là anh của cô ấy, thì tôi sẽ biết cách trả lời, nhưng tôi không nỡ làm thế và chỉ nói rằng không có gì là xấu xa trong tình cảm của tôi cả, rằng tôi hy vọng vào một lúc nào đó sẽ gọi cô Stapleton là vợ của mình. Nhưng, cuối cùng tôi đã không giữ bình tĩnh được nữa và nổi xung lên. Đáng lý không nên nổi nóng khi thấy cô đang đứng ở đó thì hơn. Sau đấy, ông ta ra đi cùng với em gái. Còn tôi ở lại một mình trong một tâm trạng rất phân vân.

Anh Holmes, câu chuyện này đã khiến tôi không ít băn khoăn. Tước vị của Nam tước, sự giàu có, tuổi trẻ, tính cách và vẻ ngoài đều có lợi cho ngài. Có lẽ, ngoài số mệnh đen tối đè nặng lên gia đình ngài, tôi không thấy ngài có gì bất lợi.

Thật là lạ lùng nếu lời cầu hôn của ngài Henry đã bị cự tuyệt gay gắt. Tuy nhiên, vào ngày hôm ấy, chính Stapleton đã xin lỗi Nam tước, rồi nói chuyện hồi lâu với ngài trong phòng làm việc. Chúng tôi nhận lời mời ăn trưa ở Merripit vào thứ sáu tới.

- Tôi vẫn chưa hết hoài nghi về sự phát triển bình thường của con người này - Ngài Henry nói - Nhưng, cần thừa nhận những lời xin lỗi của ông ta chân thực, cũng đừng nên gây sự với ông ta làm gì.

- Ông ấy giải thích cơn bột phát của mình như thế nào?

- Em gái tôi với ông ta là tất cả. Điều đó thì chấp nhận được. Họ đã cùng sống với nhau trong suốt cuộc đời, bởi thế ông ấy sợ phải xa cách em gái mình. Ông ta rất lấy làm tiếc về những gì đã xảy ra, và nói sẽ không ngăn cản chúng tôi nữa, nếu như tôi hứa sẽ không nói gì về tình yêu với cô gái trong vòng ba tháng sắp tới, chỉ nên coi như tình bạn mà thôi. Tôi đã hứa, và đến đây thì câu chuyện chấm dứt.

Holmes, anh thấy đấy, một trong số những bí mật nhỏ nhoi của chúng ta được sáng tỏ.

Bây giờ, chúng ta sẽ chuyển sang nói về tiếng khóc bí ẩn ban đêm về bộ mặt bi thảm của bà Barrymore và về thái độ khó hiểu của viên quản lý với cánh cửa sổ hướng ra khu đầm lầy. Phải cần một đêm mới giải thích được điều bí mật này bạn ạ.

Tôi nói là “một đêm” nhưng đúng hơn là phải “hai đêm”. Tôi và ngài Henry đã ngồi trong phòng làm việc của ngài tới ba giờ sáng, thế mà không nghe thấy gì cả. Sau đó chúng tôi ngủ thiếp đi cho tới sáng. Tuy vậy, sự thất bại này không làm cho chúng tôi chán nản mà cương quyết thử lại một lần nữa.

Đêm hôm sau, chúng tôi vặn bót bắc đèn, ngồi im lặng hoàn toàn. Thời giờ trôi đi vô cùng chậm chạp.

Chuông đồng hồ điểm một giờ, rồi hai giờ. Chúng tôi đã sắp thất vọng thì đột nhiên sự mệt mỏi của chúng tôi bay biến đâu mất. Tôi và ngài Nam tước đều ưỡn thẳng người lại. Ngoài hành lang có tiếng cọt két của ván sàn nhà. Tiếng những bước chân lén lút đi ngang qua phòng chúng tôi rồi dần dần lặng đi ở phía xa. Nam tước khẽ mở cửa. Chúng tôi bắt đầu lần theo vết con thú săn. Con thú đã đi qua hành lang nôi liền lâu đài, còn trong hành lang này thì tối om. Hết sức thận trọng, chúng tôi đi đến chái nhà phía bên kia. Ở đó thấp thoáng hình của một người có bộ râu đen. Hẳn rón rén bước dọc theo hành lang. Sau đấy hẳn chạy lúp xúp tới cánh cửa, và một tia sáng vàng mỏng manh trải ra khu hành lang. Chúng tôi đi tới luồng ánh sáng này, dò từng mảnh đất, vậy mà những tấm ván cũ kỹ vẫn khẽ rên và kêu cọt két, nhưng thật là may, Barrymore ngھĩnh ngẫng, và lại khi đó công việc thu hút hết tâm trí của ông ta.

Cuối cùng, chúng tôi cũng bước tới được cửa phòng, nhìn vào cửa phòng. Viên quản tý tay cầm cây nến, đứng ở cạnh cửa sổ, hầu như mắt ông ta ghé sát vào mặt kính, nghĩa là trong dáng điệu y hệt như tôi đã trông thấy lần trước.

Nam tước mạnh dạn đi vào phòng. Barrymore lùi nhanh ra khỏi cửa sổ, thờ hỏn hỏn, toàn thân run rẩy. Nỗi kinh hoàng lò mò hiện ra trong đôi mắt sẫm sáng trên bộ mặt trắng nhợt.

- Barrymore, ông làm gì ở đây thế?

- Không làm gì cả, thưa ngài - Vì xúc động ông ta nói rất khó nhọc, cây nến run run trên tay ông hắt những bóng loang lổ trên tường và lên trần nhà - Cửa sổ, thưa ngài... đêm đêm tôi kiểm tra xem xét tất cả có được khóa kỹ không.

- Ngay cả trên lầu hai?

- Vâng, cả khu nhà.

- Hãy nghe đây, Barrymore - Ngài Henry nghiêm khắc nói - Chúng tôi cương quyết tìm cho ra sự thật. Cho nên ông càng mau thú nhận lỗi lầm thì càng tốt. Này, ông làm gì ở đây?

Người quản gia ném một cái nhìn tuyệt vọng về phía chúng tôi.

- Tôi không làm gì xấu xa cả, thưa ngài! Tôi chỉ soi cây nến vào cửa sổ.

- Để làm gì?

- Xin đừng hỏi tôi, ngài Henry... Xin thề với ngài đây là bí mật không phải của tôi. Nếu bí mật này chỉ liên quan đến tôi, tôi sẽ không giấu giếm điều gì cả.

Đột nhiên trong óc tôi thoáng nảy ra một ý nghĩ bất ngờ, tôi cầm lấy cây nến ở trên bệ cửa sổ.

- Có lẽ đây là mật hiệu. Bây giờ chúng ta chờ câu trả lời.

Tôi đưa ngọn nến đến gần tấm kính như Barrymore đã làm, tôi nhìn vào bóng đêm. Mặt trăng ẩn mình sau đám mây. Vào phút đầu tiên, tôi chỉ trông thấy hàng cây của khu đầm lầy. Đột nhiên tôi reo lên khi trông thấy trong khung màu đen của cửa sổ một điểm màu vàng tản ra chọc thủng đêm tối.

- Hãy nhìn này!

- Không, không phải, thưa ngài...

- Chuyển cây nến sang bên phải, Watson. - Nam tước kêu lên - Nhìn thấy gì không? Ở đây ngọn lửa cũng di động... Này, đồ vô lại, đó chính là tín hiệu? Hãy tự thú đi, ông mưu toan làm gì đó?

Viên quản lý bất ngờ ném một cái nhìn thách thức về phía ngài.

- Đây là việc của tôi, nó không liên quan gì tới ngài. Tôi sẽ không nói gì cả.

- Vậy ông đã bị sa thải.

- Rồi rồi, thưa ngài.

- Tôi tổng cổ ông đi một cách đê nhục! Tổ tiên của tôi và của ông hơn một trăm năm nay sống cùng một căn nhà với nhau, vậy mà ông định lập mưu kế chống lại tôi.

- Không, thưa ngài! Chúng tôi không chống lại ngài đâu!

Những lời này vang lên the thé. Sau khi ngoảnh lại nhìn, chúng tôi nhận ra bà Barrymore hồn xiêu phách lạc ở cửa ra vào, vẻ tái nhợt trên khuôn mặt bà có thể đua tranh với chồng mình.

- Người ta đã sa thải chúng ta, em ạ, tất cả được kết thúc như thế đấy. Hãy thu xếp đồ đạc đi - Barrymore nói.

- Mình ạ, em đã đẩy mình tới nông nổi này đấy!... Mọi chuyện đều là lỗi làm của tôi thôi, ngài Henry. Chỉ vì tôi mà ông ấy làm việc đó, chỉ vì một mình tôi thôi.

- Bà nói gì vậy.

- Em trai tôi đang chết đói trên khu đầm lầy. Chồng tôi dùng tín hiệu báo cho chú ấy biết là đồ ăn đã được chuẩn bị, còn chú ấy báo cho biết cần mang đồ ăn đến đâu.

- Thế nghĩa là... em bà là...

- Người tù vượt ngục, kẻ giết người, Selden.

- Đây là tất cả sự thật, thưa ngài - Barrymore khẳng định - Tôi đã nói với ngài là tôi không thể phanh phui bí mật của người khác. Và nếu có một âm mưu nào đó thì nó hoàn toàn không nhằm làm hại ngài.

Cuộc du ngoạn ban đêm với cây nến được sáng tỏ như vậy đấy! Tôi và ngài Henry sững sờ nhìn bà Barrymore.

- Đúng vậy. Thưa ngài. Chú ấy là em út của tôi. Chúng tôi cưng chiều chú ấy ngay từ nhỏ. Thế rồi chú ấy lớn lên, nhập bọn với đám du thủ du thực và sa vào tội lỗi. Nhưng đối với tôi, thưa ngài, chú ấy vẫn chỉ là một cậu bé tóc xoăn đáng yêu mà tôi từng chơi đùa và chăm sóc. Chú đã vượt ngục, biết tôi hiện ở đây. Lúc lê bước tới đây vào ban đêm, chú ấy mệt mỏi, bụng đói mà lại đang bị truy lùng. Chúng tôi đã để cho chú vào, giúp đỡ chú ấy bằng tất cả khả năng của mình. Thế rồi ngài về đây, thưa ngài. Chú quyết định đi vào khu đầm lầy. Sau một đêm, chúng tôi lại kiểm tra xem chú ấy

đi hay chưa. Chúng tôi soi đèn qua cửa sổ và nếu nhận được tín hiệu trả lời thì chúng tôi mang bánh mì và thịt tới nơi hẹn ước. Chúng tôi mong mỗi từng ngày là chú đã bỏ đi, nhưng chừng nào chú ấy còn ở đây thì chúng tôi không thể bỏ rơi. Thưa ngài. Nếu ở đây có điều gì xấu xa thì chồng tôi không hề có lỗi: ông ấy làm việc đó là vì tôi thôi?

Bà ta nói với một tình cảm khiến người khác không thể không tin vào bà.

- Có đúng như vậy không, Barrymore?

- Vâng, thưa ngài, từ đầu đến cuối đều là sự thật.

- Tôi không trách ông đã giúp vợ mình. Hãy quên những điều tôi nói với ông đi. Giờ thì hai người hãy về phòng mình, sáng mai chúng ta sẽ bàn bạc.

Khi họ đi khỏi, ngài Henry mở toang cửa sổ ra, gió lạnh lùa vào mặt chúng tôi. Xa xa bóng đêm mịt mùng, ngọn lửa nhỏ vẫn còn nhấp nháy.

- Sao hắn không biết sợ - Ngài Henry hỏi.

- Có lẽ chỉ đứng tại đây mới nhận thấy ngọn lửa.

- Cũng có thể. Theo ông thì hắn ở đâu?

- Ở chỗ nào đó cạnh những cột đá hoa cương.

- Hai dặm?

- Sẽ không hơn thế.

- Đúng, nếu Barrymore mang đồ ăn đến đây có nghĩa là sẽ không xa lắm. Và bây giờ, Watson, tôi sẽ đi, và sẽ tóm được tên ác ôn này.

Chính ý nghĩ này cũng thoáng qua trong óc tôi. Vợ chồng Barrymore không biến chúng tôi thành những kẻ tòng phạm được. Con người này thật nguy hiểm cho xã hội.

- Tôi đi với ngài.

- Vậy hãy cầm súng ngắn theo: Cần khẩn trương lên, nếu không, hắn sẽ dập tắt ngọn lửa và tẩu thoát mất.

Chưa đầy năm phút sau, chúng tôi đã bước nhanh theo con đường tối om rậm rạp bóng cây, lắng nghe tiếng rít đơn điệu của ngọn gió mùa thu và

tiếng xào xạc của lá cây. Trong không khí có mùi hăng hăng của vật thổi rữa và sự ẩm ướt. Mặt trăng lúc ẩn lúc hiện sau những đám mây đen. Mưa lâm thâm. Ngọn lửa nhỏ màu vàng vẫn nhấp nháy.

- Ngài có cầm cái gì đó theo người không?

- Có, roi gân bò.

- Hãy hành động thật nhanh, người ta nói hắn rất táo tợn.

- Watson - Đột nhiên Nam tước lên tiếng - Holmes sẽ nghĩ sao đây? Ông có nhớ không? Vào lúc ban đêm, khi mà uy lực của cái ác hoàn toàn thống trị...

Và hình như để đáp lại những lời nói của ngài, ở một nơi nào đó rất xa trên khu đầm lầy vang lên âm thanh lạ lùng. Gió đẩy đến tai chúng tôi, ban đầu là tiếng gầm gừ không rõ, sau là tiếng rống rồi lại dần dần chuyển sang tiếng rên bi thảm. Những âm thanh hoang dã, dọa dẫm này được lặp đi lặp lại liên tục, tràn ngập cả không trung. Nam tước túm lấy vạt áo tôi.

- Trời ơi, Watson, cái gì thế?

- Tôi không rõ. Người ta nói rằng âm thanh như vậy thường vang lên trên khu đầm lầy. Tôi cũng đã từng nghe thấy.

Tiếng kêu lặng dần, rồi hoàn toàn yên lặng. Chúng tôi đứng căng thẳng lắng nghe, nhưng không có gì vang lên nữa.

- Con chó rống đấy! - Nam tước thì thầm.

Máu trong người tôi như đông lại, giọng của ngài Nam tước run lên vì kinh hãi.

- Người ta giải thích âm thanh này ra sao?

- Ai?

- Những người sống ở đây ấy.

- Đây chỉ là những người dốt nát? Không phải tất cả mọi người đều giải thích tiếng kêu như thế.

- Watson, họ nói về cái gì vậy?

Vào giây phút ấy tôi do dự, nhưng đã đặt vấn đề ra thì không thể nào im lặng được.

- Họ nói rằng đây là tiếng con chó của dòng họ Baskerville rống.

Ngài Henry bắt đầu rên rỉ:

- Đúng, chỉ có chó mới tru lên như vậy - Sau khi im lặng hồi lâu, ngài nói - Nhưng con chó ở rất xa, đâu ở hướng kia kìa!

- Khó có thể xác định tiếng rống từ đâu vọng lại.

- Nó được gió thổi tới. Vùng đầm lầy Grimpen ở đâu? Ở đây phải không?

- Đúng.

- Vậy là tiếng kêu từ đó vọng đến, Watson. Chính ông cho rằng đây là tiếng rống của con chó, đừng e ngại. Hãy nói thật đi...

- Một lần Stapleton nói rằng có một giống chim nào đó kêu như thế.

- Không, đây là con chó. Than ôi! Chẳng lẽ câu chuyện huyền bí này là sự thật? Chẳng lẽ có một mối nguy hiểm bí ẩn nào đây đang đe dọa tôi? Ông không tin vào điều đó sao, Watson?

- Không tin!

- Vậy còn bác của tôi? Cạnh thi thể của Người có những vết chân chó. Tất cả chỉ là một mắt xích mà thôi. Tôi hoàn toàn không phải kẻ nhát gan, Watson ạ, thế nhưng tôi hết hồn khi nghe thấy những âm thanh như thế. Hãy rờ vào tay tôi này.

Bàn tay ông giá lạnh.

- Không sao cả, ngày mai tất cả sẽ qua khỏi thôi!

- Không, tôi không bao giờ quên tiếng kêu ấy đâu. Chúng ta cần làm gì bây giờ?

- Ta quay về nhà chẳng?

- Sao lại thế! Phải tóm cổ tên dê tiện ấy. Tôi với ông săn đuổi tên tù khổ sai, còn con chó lại săn lùng chúng ta. Mặc! Hãy đi thôi, Watson!

Chúng tôi tiếp tục lê từng bước chậm chạp. Bên phải và bên trái chúng tôi chồng chất hình thù những quả núi lởm chởm mờ ảo trong đêm tối. Ngọn

lửa màu vàng bé nhỏ vẫn nổi lên mờ mờ xa xa ở phía trước. Cuối cùng chúng tôi đã nhìn thấy nguồn ánh sáng và hiểu rằng giờ chúng tôi ở cách đây không xa. Đó là ngọn nến được đặt lơ lửng ở kẽ nứt giữa những tảng đá. Những tảng đá này bảo vệ cây nến, tránh gió và tránh cả ánh mắt của con người, chỉ để hờ một hướng quay về phía lâu đài: Chúng tôi ẩn mình sau tảng đá, rồi thận trọng nhìn ra ngoài. Kỳ lạ thay, chúng tôi chỉ nhìn thấy một ngọn nến cô độc giữa đầm lầy. Chung quanh không hề có dấu hiệu của sự sống.

- Cần làm gì bây giờ?

- Chờ một lát. Hắn ở gần đây thôi.

Tôi chưa kịp nói xong thì đã thấy hắn. Bên trong kẽ đá, nơi đặt cây nến, lộ ra một khuôn mặt xấu xa, trên đây không hề thấy dấu vết khuôn mặt người. Bộ mặt bết đầy bùn, râu lởm chồm, móng tóc rời tung, trông như một trong số những người tiền sử từng sống ở đây. Ngọn lửa cây nến phản chiếu trong cặp mắt bé nhỏ ranh mãnh, thâm độc nhìn vào mọi hướng. Đây đúng là cặp mắt của con thú khi nhận ra tiếng bước chân của người thợ săn trong đêm tối. Có lẽ một điều gì đấy đánh thức mối hoài nghi ở hắn. Chỉ một loáng sau hắn đã thổi tắt ngọn nến và lặn vào trong bóng tối. Tôi chạy về phía trước, ngài Nam tước chạy sau tôi. Tên tù khổ sai la lên một tiếng, viên đá bay vèo về phía chúng tôi, văng ra làm nhiều mảnh sau khi đập vào tảng đá bên cạnh. Tôi kịp nhìn thấy hắn mập lùn, vai rộng. Đúng vào lúc ấy, mặt trăng hiện ra. Chúng tôi leo lên quả đồi, còn tên tù khổ sai thì lao nhanh theo sườn bên kia, nhảy qua những tảng đá với sự khéo léo của một con dê núi. Một phát đạn có thể làm hắn bị thương, nhưng tôi mang súng ngắn theo chỉ để phòng thân chứ không phải để bắn vào lưng một người không có vũ khí.

Chúng tôi cố sức đuổi theo. Hắn hiện lên hồi lâu ở phía trước và cuối cùng chuyển thành một điểm nhỏ chuyển động trên sườn đồi. Khoảng cách giữa chúng tôi và hắn càng tăng thêm, chúng tôi hoàn toàn kiệt sức, ngồi trên những tảng đá, đưa mắt nhìn bóng hắn đang mất hút dần.

Chúng tôi quyết định không đuổi theo nữa. Mặt trăng ở bên phải chúng tôi, đỉnh cột đá hoa cương nổi rõ mồn một. Ngay trên cột đá này tôi nhìn thấy một hình người bất động tựa như bức tượng bằng gỗ mun. Tôi nhìn thấy rõ

đó là một người cao gầy. Hắn đứng, chân hơi dang ra một chút, hai tay đặt lên ngực, đầu cúi xuống, hình như đang chiêm ngắm nhìn vương quốc của than bùn ở phía trước mặt. Đó không phải là tên tù khổ sai. Hắn ở cách xa nơi tên tù ẩn nấp, đồng thời hắn cao hơn. Tôi rú lên kinh ngạc, chỉ cho Nam tước xem, nhưng một thoáng sau, người ấy mất hút. Đỉnh cột đá hoa cương nhọn hoắt vẫn như trước đây, nhưng hình người bất động trên đó thì không còn nữa.

Tôi quyết định đi tới đó, xem xét cột đá này, nhưng Nam tước không muốn phiêu lưu. Ngài chưa yên lòng sau tiếng rú kinh hoàng nhắc ngài nhớ tới truyền thuyết huyền ảo nọ. Hơn nữa, chính ngài lại không nhận thấy điều gì, và không thể chia sẻ xúc động của tôi.

- Chắc có lẽ là lính canh. Từ khi có vụ vượt ngục, khu đầm lầy nhan nhản lính canh - Ngài nói.

Có lẽ ngài nói đúng, Holmes thân mến. Hôm nay chúng tôi đã biết được nơi ẩn nấp của tên tù vượt ngục. Nhưng tiếc là không tóm được hắn.

Các sự cố trong đêm gần đây là như thế. Holmes thân mến, anh cần phải thừa nhận đây là bản phúc trình hoàn toàn đầy đủ về sự cố này. Phần lớn các câu chuyện của tôi không có quan hệ nào tới vụ án, nhưng tôi coi việc thông báo tất cả những sự kiện trong các bức thư của mình là việc làm cần thiết. Hãy chọn lựa ở trong đó những gì có lợi cho anh. Chúng ta đã có những thành công nào đấy. Tuy nhiên, bí mật của khu đầm lầy than bùn vẫn còn nguyên. Có thể trong lá thư tiếp theo, tôi sẽ ít nhiều phanh phui được tấm màn che trên đó. Tốt hơn cả là anh hãy thân hành đến đấy!

Chương 10: Những đoạn trích từ nhật ký của bác sĩ Watson

Lâu đài Baskerville, 16 tháng 10.

Ngày âm đạm, mưa lất phất. Những đám mây đen trôi rất thấp trên lâu đài Baskervilles, đôi khi chúng tản ra, lúc ấy xuyên qua luồng ánh sáng phía xa nổi lên khoảng rộng của vùng đầm lầy than bùn, trên đó những sườn núi và những tảng đá ẩm ướt lấp lánh ánh bạc.

Những ngôi nhà dưới bầu trời hé mở chỉ phủ lên một vẻ sầu thảm ở khắp mọi nơi. Sau cơn thử thách đêm qua, thần kinh của Nam tước như chùn lại. Linh cảm về một tai họa không tránh khỏi day dứt tôi.

Phải chăng không có cơ sở để lo ngại? Chỉ cần nhớ tới chuỗi sự kiện chứng tỏ sự tồn tại của những lực lượng hắc ám đang vây bọc chúng tôi. Cái chết của ngài Charles hoàn toàn phù hợp với truyền thống về gia đình ông, những lời đồn đại giữa các điền chủ về một con quái vật xuất hiện trên khu đầm lầy. Chính tai tôi đã hai lần đã nghe những âm thanh giống tiếng chó sủa. Chẳng lẽ tất cả điều đó lại nằm ngoài qui luật của tự nhiên hay sao? Con chó hư ảo để lại dấu vết trên mặt đất chính là con chó rống to lên đó chẳng? Không, điều đó thật quá quái! Stapleton và Mortimer có thể ngã theo tâm trạng chung, thế nhưng một trí óc lạnh mạnh thì không khi nào tin vào những điều mê tín.

Tuy vậy, sự thực vẫn là sự thực: Tôi đã hai lần có dịp nghe tiếng rống này. Nếu thực sự có một con chó khổng lồ nào đó chạy khắp khu đầm lầy thì sao? Khi ấy tất cả sẽ trở nên dễ hiểu. Nhưng nó ẩn náu ở đâu, nó ăn gì, nó từ đâu sinh ra, tại sao không một ai nhìn thấy nó ban ngày? Tuy nhiên, nếu gác chuyện con chó qua một bên, thì phải giải thích ra sao về những sự kiện đã xảy ra ở London? Con người bí ẩn trên xe mui, bức thư mà tác giả của nó van nài ngài Henry đừng đi vào khu đầm lầy. Người này còn ở lại London hay đã theo chúng tôi về đây? Phải chăng... Phải chăng tôi đã trông thấy hắn trên đỉnh cột đá hoa cương?

Thật ra hắn mới loáng thoáng hiện ra trước mắt tôi, nhưng tôi đã nhớ lấy một nét gì đấy. Hắn không phải là dân địa phương. Giờ đây, tôi đã biết tất cả dáng giềng của ngài Henry. Hắn cao hơn Stapleton và gầy hơn Frankland. Có thể lẫn hắn với Barrymore, song Barrymore đang ở lại nhà. Barrymore không thể lẫn đằng sau chúng tôi đến mức không thể nhận thấy được. Bởi vì, ở đây cũng như ở London có một kẻ lạ mặt nào đó theo dõi chúng tôi. Nếu như tôi thành công trong việc săn lùng con người này thì mọi nỗi băn khoăn của chúng tôi sẽ được giải quyết. Đây là mục tiêu của tôi, và tôi sẽ huy động tất cả sức lực của mình để đạt được mục tiêu này.

Ý định trước tiên của chúng tôi là cần trao đổi các kế hoạch của mình với ngài Henry. Nhưng, sau khi suy nghĩ kỹ, tôi quyết định tiến hành độc lập trò chơi này và càng nói ít hơn về nó. Nam tước im lặng và mãi mê với ý nghĩ của mình. Tiếng rống chúng tôi nghe thấy trên khu đầm lầy tác động tới ngài rất mạnh. Tôi quyết định không làm tăng thêm nỗi lo ngại của

ngài, nhưng tôi sẽ không rời vũ khí, sẽ hứng chịu mọi trách nhiệm khi hành động.

Hôm nay, sau bữa sáng, Barrymore yêu cầu ngài Henry cho phép được nói chuyện với ông ta và họ lui đến phòng làm việc.

Tôi ngồi ở phòng chơi bi-da, nghe giọng nói cao hơn lúc bình thường của họ. Lát sau cửa phòng làm việc mở ra, Nam tước gọi tôi đến, nói:

- Barrymore trách chúng ta đã truy nã em vợ của ông sau khi chính ông ta cho chúng ta biết điều bí mật.

Barrymore đứng tái mặt, nhưng vẫn giữ được bình tĩnh.

- Có lẽ tôi quá nóng nảy, thưa ngài, xin hãy thứ lỗi cho tôi. Nhưng tôi vô cùng kinh ngạc khi nghe tiếng những bước chân của các ngài vào lúc rạng sáng, tôi hiểu rằng các ngài muốn lung bắt Selden. Cậu ấy đã có quá đủ kẻ thù rồi!

- Nếu ông tự nguyện phát giác Selden thì đây là chuyện khác - Nam tước nói - Nhưng đằng này, chính vợ ông thú nhận do sức ép của chúng tôi. Ông chẳng phải áy náy một chút gì ở trong lòng cả.

- Tôi đã không nghĩ là ngài sẽ lợi dụng cơ hội. Thật tình, tôi đã chẳng nghĩ như vậy.

- Selden nguy hiểm cho xã hội. Hắn không chịu dừng chân trước bất kỳ việc gì cả. Ông nên nhớ là nhà cửa ở đây thừa thớt. Hãy nghĩ tới gia đình Stapleton chẳng hạn. Trong trường hợp bị tiến công, ông ấy làm sao mà tự vệ được. Không, chừng nào con người này còn chưa bị khoá chân khoá tay thì chúng ta chưa thể cảm thấy an toàn.

- Selden không đụng tới một ai đâu, thưa ngài, xin thề với ngài đây! Cậu ấy giờ đây không đáng sợ đối với dân địa phương nữa. Chỉ vài ngày nữa là mọi chuyện sẽ được giải quyết ổn thỏa, cậu ấy sẽ đến Nam Mỹ. Tôi van ngài, xin đừng báo cho cảnh sát. Họ sẽ ngừng việc tìm kiếm và cậu ấy có thể yên lòng chờ tàu thủy. Nếu ngài tố giác, tôi và vợ tôi không tránh khỏi tai họa đâu.

- Watson, ông nghĩ sao?

Tôi nhún vai:

- Nếu con người này đi khỏi nước Anh thì những người dân thường sẽ sống thoải mái hơn.
 - Đột nhiên hắn gây ra một tai họa nào đó trước khi đi thì sao?
 - Không thể thế được, thưa ngài! Cậu ấy quả không phải là thằng điên? Tội ác mới sẽ làm lộ tẩy cậu ấy.
 - Đúng vậy - Ngài Henry nói - Được rồi, Barrymore.
 - Xin Chúa phù hộ ngài! Nếu cậu ấy bị bắt lại thì vợ tôi sẽ chết mất!
 - Watson này chúng ta đang che chở một tội phạm. Nhưng nghe Barrymore van nài, tôi không thể làm khác được. Ông có thể đi được rồi, Barrymore!
- Với giọng run run, viên quản lý lúng búng nói một vài lời cảm ơn và đi ra, nhưng khi đến ngưỡng cửa, ông ta đột nhiên dừng lại:
- Ngài đã đối xử với tôi tốt đến mức tôi muốn trả ơn ngài bằng cách nào đây - ông ta bắt đầu không được quả quyết lắm - Tôi có biết một điều nào đó, ngài Henry. Đáng lẽ tôi phải nói sớm hơn, nhưng tôi chỉ khám phá ra sau cuộc điều tra... Tôi chưa hề nói chuyện với ai về chuyện đó về cái chết của ngài Charles.
- Tôi và Nam tước cùng nhòm phắt dậy:
- Ông có biết lý do ngài Charles chết?
 - Không, thưa ngài.
 - Vậy thì sao?
 - Tôi biết tại sao ngài Charles đứng cạnh cửa hàng rào vào thời gian muộn màng như thế. Ngài có hẹn gặp một người đàn bà.
 - Hẹn gặp một người đàn bà? Ngài Charles có hẹn gặp một người đàn bà?
 - Vâng, thưa ngài!
 - Người đàn bà ấy là ai vậy?
 - Tôi chỉ biết tên bà ta bắt đầu bằng hai chữ "L.L.".
 - Do đâu ông biết được điều này, Barrymore?
 - Vào sáng hôm đó, bác ngài có nhận thư. Thường có rất nhiều thư chuyển đến. Nhưng sáng hôm ấy chỉ có một lá thư chuyển đến nên tôi nhớ rõ. Nét

chữ trên phong bì là nét chữ đàn bà, trên dấu bưu điện có hàng chữ Coombe Tracey.

- Rồi sao nữa?

- Tôi sẽ quên hẳn lá thư này nếu không có vợ tôi. Vài tuần sau đó, cô ấy có lên dọn dẹp phòng làm việc của ngài Charles. Đó là lần đầu tiên chúng tôi lên đấy sau khi ngài qua đời. Vợ tôi tìm thấy trong góc sâu của lò sưởi một mảnh giấy nhỏ. Phần lớn mảnh giấy đã thành tro, nhưng còn một mẩu nhỏ - phần cuối cùng thì nguyên vẹn. Có lẽ đấy là đoạn tái bút, chúng tôi đọc thấy thế này: “cầu mong ngài xử sự như một bậc quân tử, hãy đốt lá thư này ở cạnh cửa hàng rào vào lúc 10 giờ tối”. Phía dưới có hai chữ cái “L.L.”.

- Ông còn giữ mảnh giấy đó không?

- Không, nó nát vụn trong tay tôi.

- Trước đây, ngài Charles có nhận được lá thư nào được viết bằng nét chữ ấy không?

- Tôi không biết.

- Ông không biết người đàn bà “L.L.” hay sao?

- Không, thưa ngài. Nhưng tôi cho rằng giá chúng ta tìm được người đàn bà này, chúng ta sẽ biết các chi tiết liên quan tới cái chết của ngài Charles.

- Tôi quả thật không hiểu nổi ông, ông Barrymore ạ? Vì sao ông giấu những tin tức quan trọng như thế cho đến bây giờ?

- Ngài có biết không, thưa ngài, sau đó một nỗi bất hạnh đã giáng xuống chính chúng tôi. Ngoài ra tôi và vợ tôi không quên những ân huệ của ngài Charles. Chúng tôi nghĩ tới bối lại chuyện cũ mà làm gì? Nó sẽ không giúp ích gì cho ông chủ bất hạnh của chúng tôi.

- Được Barrymore, ông có thể đi được rồi.

Lúc viên quản lý đi khỏi, ngài Henry quay lại chỗ tôi.

- Này, Watson, ông nghĩ sao về tia sáng mới mẻ này?

- Theo tôi, nó làm cho bóng tối càng tối hơn.

- Vâng, đúng vậy, nhưng nếu lần ra được cái người đàn bà “L.L.” ấy thì mọi chuyện sẽ được sáng tỏ đấy. Chỉ cần tìm được người đàn bà ấy, nhưng bằng cách nào đây.

- Cho Holmes biết. Có lẽ đây là một chỉ dẫn mà anh ấy còn thiếu. Tôi tin rằng anh ấy sẽ đến đây.

Tôi lui về phòng làm việc, viết gửi Holmes bản phúc trình chi tiết về các sự kiện sáng nay.

17 tháng 8

Hôm nay mưa suốt ngày. Những giọt mưa nặng nề xào xạc trong đám trường xuân. Tôi nhớ đến tên tù khổ sai đang lẩn lút trong vùng sâu của khu đầm lầy buồn bã và trống trải. Một kẻ đáng thương! Dù hắn đã gây ra những tội ác gì thì hắn cũng đang chịu thống khổ để chuộc tội. Và sau đây, tôi nhớ tới một người, một người khác... Bộ mặt thấp thoáng trong ô cửa sổ xe mui, thân hình mờ ám. Chẳng lẽ, kẻ bí mật theo dõi khó nhận ra ấy, kẻ tiếp tay cho bóng đêm ấy lúc này cũng đang đi lang thang dưới trời mưa tầm tã.

Buổi chiều, tôi khoác áo mưa, đi vào vùng sâu của khu đầm lầy, trong óc luôn hiện lên bức tranh đen tối. Mưa tạt vào mặt, gió rít bên tai. Vào thời tiết như thế này, đến ngay những quả đồi nhỏ ở đây cũng biến thành bãi lầy đặc sệt. Tôi tìm cột đá được xếp thành những bậc không đều nhau, trên đó có người đứng đưa mắt nhìn xuống khu đầm lầy. Những dòng nước mưa chảy xiết đổ xuống các chỗ thấp màu nâu, và xuyên qua những đám mây nặng xám đen bay là là mặt đất, và xuyên qua những đám mây là hình ảnh những ngôi nhà kỳ quái hiện ra. Xa xa, từ phía tay phải tôi, những chiếc tháp hẹp mờ mờ của lâu đài Baskerville nổi lên phía trên cây cối. Không ở đâu còn dấu vết nhỏ nhất của người lạ mà tôi đã trông thấy hai đêm trước đây trên chính cột đá nọ.

Trên đường tôi quay trở lại, bác sĩ Mortimer đi trên chiếc xe tải nhỏ từ hướng trang trại Foulmire đã đuổi kịp tôi. Vào thời gian này, bác sĩ rất quan tâm đến chúng tôi. Hầu như không ngày nào là ông không tạt qua lâu đài Baskerville thăm hỏi xem chúng tôi sống ra sao. Bác sĩ mời tôi lên xe và đưa tôi về nhà. Ông rất buồn vì con chó săn đã bị thất lạc. Nó chạy vào

khu đầm lầy và không trở về nữa. Tôi an ủi bác sĩ, còn chính mình thì nhớ lại con ngựa sa lầy ở vùng đầm lầy và cho rằng chưa chắc ông còn có dịp gặp lại con chó.

- Nhân tiện xin hỏi thêm - Tôi nói - Có lẽ ông biết hết những người ở trong khu vực này chứ?

- Tôi nghĩ mình biết tất cả.

- Vậy chắc ông biết tên, à họ của người đàn bà có các chữ cái đầu là “L.L.”?

- Không. Có một số người gypsy và những người làm việc ở các trang trại mà tôi không biết rõ, nhưng trong số những điền chủ và những nhà quý tộc nhỏ thì hình như không có ai có tên và họ khởi đầu bằng chữ đó. Hượm đã!

- Sau khi ngừng lời, ông thêm - Cô Laura Lyons nào đó, đấy là “L.L” của ông chăng. Thế nhưng cô ta sống ở tận Coombe Tracey kia.

- Là ai vậy? - Tôi hỏi.

- Con gái của ông Frankland.

- Ôi! Con gái của lão gàn dở ấy à?

- Phải. Cô ta lấy một họa sĩ, có họ là Lyons. Hắn là một tên vô lại và đã bỏ rơi cô ta. Người cha cũng không thừa nhận cô, bởi vì cô ta đi lấy chồng không được sự chấp thuận của cha và có thể không chỉ bởi lý do đó đâu. Tóm lại, đấy là hai kẻ vô công rồi nghề - một già một trẻ - ra sức đày đọa người đàn bà bất hạnh bằng tất cả những gì có thể làm được.

- Vậy cô ta sống bằng cách nào?

- Ông già Frankland cũng cho cô ta một cái gì đó, lẽ tất nhiên không nhiều. Những cái gọi là tội lỗi của cô chỉ là vậy thôi, chớ nên làm cho cô ấy bị đẩy xuống thấp hơn mà làm gì. Chuyện này mọi người ở đây đều biết. Những láng giềng, ngay cả Stapleton và ngài Charles cũng đã giúp cô, tạo điều kiện cho cô sống một cách lương thiện. Tôi cũng đã quyên góp một cái gì đó. Chúng tôi muốn cô ta tập đánh máy.

Anh Holmes thân mến.

Sáng mai tôi sẽ đi Coombe Tracey, và nếu tôi gặp được người đàn bà có cái tên ấy, thì chúng tôi sẽ tiến được một bước đáng kể.

Nhân thể nói thêm, kẻ phục vụ ngoan ngoãn của anh, dần dà đã biến thành con yêu quái mất rồi. Lúc Mortimer mới gạn hỏi vì sao tôi quan tâm tới bà “L.L.” thì tôi đã chuyển sang hỏi ông ta xem xương sọ của Frankland thuộc kiểu nào và thế là tôi đã cứu vãn được tình thế. Sau đó trên đoạn đường còn lại, tôi chỉ còn nghe giảng về môn khoa học nghiên cứu sọ người và động vật.

Để kết thúc lá thư này, tôi xin nhắc lại cuộc trò chuyện với Barrymore.

Mortimer ở lại chỗ chúng tôi, và sau bữa trưa, họ cùng với Nam tước tổ chức chơi bài. Viên quản lý đem cà phê vào phòng làm việc cho tôi, và tôi đã yêu cầu ông ta trả lời một vài câu hỏi.

- Này Barrymore, em vợ ông đã đi khỏi khu đầm lầy chưa?

- Tôi không biết, thưa ngài. Mong sao cậu ấy mau chóng rời khỏi đây! Từ lúc tôi mang thức ăn cho chú ấy lần cuối cùng cách đây ba ngày, tôi không biết điều gì về chú ấy nữa. - Vậy là ông gặp anh ta?

- Không, thưa ngài. Nhưng hôm sau tôi không thấy thức ăn ở đó nữa.

- Một khi thức ăn không còn, nghĩa là anh ta vẫn còn ở đây.

- Hình như thế, thưa ngài, nếu không có một người nào khác đã lấy thức ăn.

Tôi đang bung cà phê định uống thì ngừng lại giữa chừng. Tôi nhìn thẳng vào Barrymore.

- Ông biết là ở đây có một người à?

- Vâng, thưa ngài, trên đầm lầy còn có một người khác đang lẩn trốn.

- Ông thấy người ấy ra sao?

- Không, thưa ngài.

- Vậy làm sao ông biết?

- Selden nói cho tôi biết mười ngày trước đây. Hắn cũng trốn tránh, nhưng theo tôi, con người này không phải là tù khổ sai. Tôi không ưa chuyện đó, bác sĩ Watson ạ, tôi không ưa chuyện đó chút nào?

- Ông bạn của tôi, ở đây tôi hành động chỉ theo những yêu cầu của chủ ông. Tôi đến đây là để giúp ngài. Vậy, Barrymore, ông hãy nói thẳng ra cho tôi biết: Cái gì khiến ông không ưa thích vậy?

- Tất cả những gì đang diễn ra ở đây.

Cuối cùng ông ta thốt lên sau khi chỉ vào ô cửa sổ quay ra khu đầm lầy. Người ta đang toan tính một việc làm mờ ám.

- Giờ đây tôi chỉ muốn nói một điều: Ngài Henry hãy mau chóng đi ngay, đi tới London.

- Cái gì khiến ông lo lắng quá?

- Ông hãy nhớ tới cái chết của ngài Charles! Ban đêm hãy lắng nghe những gì đang xảy ra ở khu đầm lầy. Con người này lẩn lút ở đấy và theo dõi một người nào đó, ai vậy? Không, điều đó sẽ không tốt đẹp cho tất cả những ai có cái họ Baskerville. Tôi sẽ rất sung sướng vào cái ngày những người phục vụ mới của Henry đến thay chỗ tôi.

- Hãy kể cho tôi biết về con người ấy đi! Ông biết gì về hắn ta? Selden nói gì vậy? Anh ta biết hắn ẩn nấp ở đâu và để làm gì chứ?

- Selden gặp hắn hai lần, nhưng hắn thận trọng và tinh quái. Ban đêm, Selden làm hắn với cảnh sát, rồi sau đấy chú ấy dám chắc rằng hắn không phải như vậy. Nhìn bề ngoài, hắn có vẻ một người thành thị, nhưng cậu ta không đoán ra hắn làm gì.

- Hắn ẩn nấp ở đâu?

- Trong những hang động cổ xưa trên các triền núi.

- Nhưng hắn sống bằng cách nào?

- Có một chú bé nào thường đi đến chỗ hắn. Cậu ta mang theo đồ ăn và những thứ khác từ Coombe Tracey tới.

- Thôi được, Barrymore, vào lúc khác chúng ta sẽ nói chuyện thêm về điều đó.

Lúc viên quản lý ra khỏi phòng, tôi dừng lại cạnh cửa sổ xuyên qua tấm kính mờ, tôi đưa mắt nhìn những đám mây đang trôi nhanh trên bầu trời và những lùm cây đang bị gió quật mạnh. Vào thời tiết này ngay ở trong nhà còn thiếu tiện nghi, nói gì đến trong hang đá ở khu đầm lầy. Lòng oán thù sôi sục nào đã khiến hấn mai phục ở một nơi như thế vào thời điểm như vậy? Cái gì đã thúc đẩy con người ấy vào cơn thử thách cực kỳ gian khổ này!

Chương 11: Người đứng trên cột đá hoa cương

Vào tối hôm đó, tôi không kể được cho Nam tước nghe về cô Laura, vì bác sĩ Mortimer ngồi chơi bài với ngài đến tận khuya. Nhưng vào ngày hôm sau, trong lúc ăn sáng, tôi đã thông báo với ngài về sự khám phá của mình và mời ngài đi Coombe Tracey cùng với tôi. Ban đầu ngài đồng ý nhưng sau đó ngài cho rằng tôi nên đi một mình. Cuộc viếng thăm này càng chính thức bao nhiêu thì tin tức thu được càng ít đi bấy nhiêu.

Khi đến gần Coombe Tracey, tôi bảo dừng ngựa, đi dò hỏi về người đàn bà. Việc tìm kiếm không khó khăn lắm. Ngôi nhà nằm ở ngay giữa làng. Không cần lễ nghi thủ tục gì cả, người gia nhân dẫn tôi vào phòng khách, nơi có một người đàn bà đang ngồi sau máy chữ. Với nụ cười, cô ta đứng dậy đón tôi, nhưng khi nhận ra tôi là người lạ, cô lại ngồi xuống ghế, hỏi về mục đích cuộc viếng thăm.

Ngay từ phút đầu tiên, sắc đẹp của cô đã làm tôi kinh ngạc. Cặp mắt nâu sáng, tóc màu hạt dẻ, nước da mịn màng ửng đỏ trên đôi má điểm nhiều tàn hương. Đó là nước da tuyệt đẹp của đoá hồng bạch ẩn giấu trong trái tim. Tôi xin nhắc lại, ấn tượng ban đầu là rất mạnh mẽ. Tuy nhiên, sau khi nhìn kỹ, tôi cảm thấy dung nhan của cô có sự thiếu hài hòa. Trên khuôn mặt ấy có cái gì đó thô thiển, cứng rắn.

- Tôi đã có hân hạnh được quen biết cụ thân sinh - Tôi nói.
- Tôi không còn gì liên quan đến cha tôi nữa. Tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với ông ấy và tôi không thể coi bạn của ông ấy là bạn của mình được. Nếu không có ngài Charles và một vài người từ tâm khác thì tôi đã chết đói rồi.
- Tôi muốn nói chuyện về ngài Charles.

Những nốt tàn nhang hiện rõ trên khuôn mặt tái nhợt của cô.

- Có chuyện gì khiến ngài quan tâm vậy? - Cô ta hỏi, những ngón tay xúc động chạm vào các phím máy chữ.

- Cô quen biết ngài chứ?

- Nếu tôi còn có thể xoay xở mà sống được, đó là nhờ có ngài ấy.

- Cô đã trao đổi thư từ với ngài phải không?

Người đàn bà nhìn tôi rất nhanh và trong đôi mắt bùng lên một tia lửa độc ác.

- Hãy cho tôi biết mục đích của những câu hỏi này.

- Để tránh một vụ tai tiếng không hay. Nào, chúng ta cùng bàn chuyện ở đây, nếu không thì sẽ đến lúc điều đó nằm ngoài khả năng kiểm soát của chúng ta.

Người đàn bà càng tái nhợt hơn. Cô im lặng hồi lâu. Sau đấy cô nhìn tôi và nói, giọng thách thức:

- Được, ông muốn biết gì nào?

- Cô đã trao đổi thư từ với ngài Charles?

- Vâng, tôi đã hai lần viết thư cảm ơn ngài.

- Cô còn nhớ ngày tháng của lá thư ấy không?

- Không.

- Cô ít khi trao đổi thư từ với ngài, ít khi gặp gỡ ngài. Tuy nhiên ngài lại rất quan tâm tới công việc của cô. Điều ấy giải thích thế nào?

Không cần phải suy nghĩ, bà ta trả lời ngay câu hỏi hóc búa của tôi:

- Có nhiều người biết quá khứ đau buồn của tôi, và giúp đỡ tôi. Một người trong số họ là ông Stapleton: ngài Charles đã quen tôi là nhờ có ông Stapleton giới thiệu.

- Trong các lá thư gửi cho ngài Charles, bà có hẹn gặp riêng ngài không?

Cô tức giận đỏ mặt:

- Tôi coi câu hỏi như thế là không thích hợp, thưa ông?

- Hãy thứ lỗi cho tôi, thưa cô, nhưng tôi phải buộc lòng nhắc lại câu hỏi đó.
- Được, tôi sẽ trả lời: Tất nhiên, không!
- Ngay cả vào cái ngày mà ngài Charles qua đời cũng thế?

Trong khoảnh khắc, nước da đỏ dần trên má cô dịu hẳn đi. Nét mặt quay về phía tôi phủ một vẻ nhợt nhạt. Cặp môi khô lại run run và tôi đã thấy trước là một tiếng “không” nữa sẽ được thốt ra.

- Trí nhớ đã bội bạc với cô thì phải. Tôi có thể trích một câu từ bức thư của bà. Ở đây viết thế này: “cần mong ngài xử sự như một bậc quân tử, hãy đốt lá thư này, và hãy ở cạnh cửa hàng rào lúc 10 giờ tối!”.

Tôi ngỡ rằng chỉ một giây sau là cô Laura sẽ ngất xỉu đi, thế nhưng cô đã tự kiềm chế được mình.

- Nghĩa là trên đời này không hề có người đàn ông chân chính?
- Cô thật không công minh với ngài Charles. Ngài đã thực hiện đúng yêu cầu của cô. Nhưng có người đã đọc lá thư bị cháy. Bây giờ cô hãy thú nhận đi. Cô đã viết thư cho ngài ngày hôm ấy phải không?
- Vâng, tôi viết. Tôi làm gì phải chối? - Cô thốt lên - Tôi không hề hồ thẹn vì lá thư này. Tôi yêu cầu được nói chuyện với ngài và tin rằng ngài sẽ không từ chối việc giúp đỡ tôi.
- Nhưng tại sao lại vào một giờ khuya khoắt như vậy?
- Tôi vừa biết là hôm sau ngài sẽ đi London, có lẽ phải tới vài tháng. Tôi không thể đi tới đây sớm hơn.
- Tại sao là hẹn gặp ngài ở ngoài trời mà không ở trong nhà?
- Theo ông, người đàn bà có thể xuất hiện một mình ở nhà một người chưa có gia đình vào lúc muộn muộn như thế hay sao?
- Thôi được. Chuyện gì đã xảy ra lúc cô đi đến chỗ hẹn?
- Tôi đã không đi tới đó.
- Cô Laura?
- Xin thề với ông, tất cả chuyện ấy là thiêng liêng đối với tôi tôi đã không đi đâu cả. Tôi đã bị ngăn cản.

- Cái gì cản trở cô?
- Đây là việc riêng của tôi, tôi không thể nói được.
- Như vậy, đúng vào lúc ngài chết, cô không có mặt tại diêm hện?
- Sự thật là thế!

Tất cả những mưu chước của tôi không dẫn tới đâu cả, cô ta vẫn đứng nguyên ở vị trí của mình.

- Cô Laura, cô không muốn nói thật và bởi thế cô sẽ chịu trách nhiệm về điều đó. Nếu tôi nhờ cảnh sát thì thanh danh của cô sẽ bị tổn hại. Giả sử là cô không có lỗi làm gì cả, vậy thì tại sao ngay từ đầu cô không chịu nhận đã gửi thư cho ngài Charles vào ngày ngài qua đời?
- Tôi e rằng người ta sẽ hiểu lầm và tôi sẽ gặp những chuyện chẳng dễ chịu gì.
- Vì sao cô khấn khoản yêu cầu ngài Charles hủy bức thư?
- Nếu đọc lá thư thì ông đã rõ vì sao rồi.
- Tôi không nói là tôi đọc lá thư.
- Ông đã nhớ trọn vẹn một câu kia mà.
- Chỉ là phần tái bút thôi. Tôi đã nói với cô là lá thư đã bị đốt, không ai đọc được toàn bộ lá thư. Xin nhắc lại câu hỏi của tôi một lần nữa: Vì lẽ gì mà cô đã khấn khoản yêu cầu ngài Charles hủy lá thư?
- Điều đó chỉ có liên quan đến tôi thôi.
- Vậy thì cô cần phòng ngừa cuộc điều tra công khai đấy.
- Được tôi sẽ kể cho ông nghe tất cả. Ông đã biết rằng tôi lấy chồng một cách hấp tấp và tôi đã phải luyến tiếc về điều đó.
- Vâng, tôi đã biết điều đó.
- Tôi muốn chia tay với người đàn ông độc ác đó. Nhưng hẳn cứ ép buộc tôi phải sống chung. Trước khi viết thư cho ngài Charles, tôi biết rằng tôi có thể được tự do, nhưng phải có tiền... Biết rõ tấm lòng hào hiệp của ngài Charles, tôi nghĩ: “Nếu nói cho ngài biết về nỗi cay đắng của mình, chắc ngài sẽ không từ chối”.

- Vậy tại sao cô không đến nơi hẹn?
- Bởi vì tôi đã nhận được sự giúp đỡ của người khác.
- Vậy cần phải viết thư nói rõ vì sao bà không đến được?
- Tôi đã làm như thế nếu tôi không đọc bài báo viết về cái chết của ngài vào sáng hôm sau.

Câu chuyện hoàn toàn chặt chẽ; những câu hỏi của tôi không thể làm lay chuyển về hợp lý của nó. Chỉ có thể kiểm tra tất cả điều này bằng một cách: làm sao biết được cô Laura có thật sự định ly dị với chồng vào thời gian xảy ra vụ án mạng hay không.

Tôi từ biệt cô, rối trí và chán chường. Tuy nhiên khi nhớ lại khuôn mặt của người phụ nữ, cách cư xử của cô vào thời gian nói chuyện, tôi càng ngày càng tin rằng cô ta còn giấu nhiều điều. Tại sao cô ta đột nhiên tái xanh như thế? Tại sao cô ta buộc phải thú nhận từng điều chỉ sau khi bị bắt bẻ? Tại sao cô ta không đến nơi hẹn vào lúc tấn bi kịch xảy ra? Chắc mọi chuyện đó không đơn giản. Quả không thể làm gì thêm ở đây nữa. Buộc phải lần theo những dấu vết khác đưa tới các hang đá trên khu đầm lầy vậy.

Barrymore nói rằng người lạ ẩn náu tại một trong những hang động bỏ hoang, nhưng ở đây có vô số hang động. May mắn là tôi đã nhìn thấy con người ấy trên đỉnh cột đá hoa cương. Như vậy, cần bắt đầu tìm kiếm ở đây. Tôi sẽ khám xét từng hang động ở chỗ đó, tôi sẽ buộc hẳn phải tự xưng danh, phải thú nhận là tại sao hẳn lại đeo đẳng việc theo dõi chúng tôi. Nếu cần, tôi sẽ phải dùng súng. Hẳn đã thoát khỏi tay Holmes trên đường phố đông người Regent; còn ở đây, trên khu đầm lầy trống không này, hẳn sẽ không làm nổi điều đó. Tôi sẽ rất hân hoan nếu truy lùng được hẳn và làm vẻ vang cho ông thầy của tôi. Biết bao lần sự may mắn đã chống lại chúng tôi, nhưng giờ đây nó đã quay lại giúp tôi dưới bộ cánh của ông Frankland.

- Chào bác sĩ Watson! - ông Frankland chào hỏi hết sức vui vẻ - Hãy cho ngựa nghỉ ngơi chút đã? Rẽ vào đây uống cạn chén, mừng tôi.

Sau khi biết mối quan hệ của ông Frankland với cô con gái, tôi không thể có tình thân ái với ông. Tuy nhiên, vì tôi cần cho người đánh xe ngựa trở về nhà, để đi một mình nên tôi trườn ra khỏi xe ngựa, dặn người đánh xe

ngựa báo cho ngài Henry biết là tôi sẽ trở về vào lúc ăn trưa, rồi theo Frankland đến thẳng phòng ăn.

- Hôm nay là một ngày trọng đại - ông ta nói trong tiếng cười thích thú - Tôi thắng hai vụ kiện liền. Bây giờ, bọn người ở đây sẽ hiểu rằng luật pháp là luật pháp, rằng tôi sẵn sàng giáng đòn trừng phạt xuống đầu những kẻ không biết điều. Tôi đã đạt được quyền tự do đi qua vườn của ông già Middleton. Họ thật đáng nguyên rủa! Họ hãy biết rằng không một ai được phép chà đạp lên những luật lệ hương thôn mà không bị trừng trị. Ngoài ra, tôi cũng đã rào con đường đi vào rừng, nơi bọn người của lão Fernworthy thường đến cắm trại. Họ tưởng rằng họ có thể để lại những chai không và những mẩu giấy vụn ở đâu cũng được! Hai vụ án đã kết thúc và cả hai đều có lợi cho tôi, thưa bác sĩ Watson. Từ lâu tôi chưa có một ngày sung sướng như thế kể từ khi tôi bắt ngài John Morland phải chịu trách nhiệm về việc săn bắn trái phép ngay trong rừng săn của ông ta.

- Ông đạt được điều đó bằng cách nào vậy?

- Ngài hỏi cái phòng lưu trữ của tòa án ấy, thưa ngài. Đáng công đọc lắm, thưa ngài. - Frankland chống Morland - Vụ án sẽ lan tới London. Nó làm tôi tốn phí đến 200 bảng, nhưng tôi đã thắng ông ta.

- Vụ này đem lại cho ông cái gì?

- Không có gì cả, hoàn toàn không có gì cả. Tôi chỉ thực hiện cái nghĩa vụ công dân của mình. Nhưng đêm nay dân làng sẽ lại đốt hình nộm của tôi, nhà chức trách ở địa phận chúng ta xử sự hoàn toàn đáng hổ thẹn, thưa ngài? Tôi có quyền nhờ cậy vào sự bảo trợ của họ, thế mà họ đã không bảo vệ tôi? Ngài hãy nhớ đây, rồi đây vụ án “Frankland chống Nữ hoàng” sẽ thu hút sự chú ý của xã hội cho mà coi.

- Bằng cách nào vậy?

Ông già ném cho tôi một cái nhìn nhiều ý nghĩa:

- Vì tôi có thể cho họ biết một chuyện mà họ thèm khát muốn biết. Nhưng tôi sẽ không giúp những tên vô lại ấy.

Tôi nóng lòng tìm cách nào để mau chóng thoát khỏi ông già ba hoa này, thế nhưng những lời nói sau cùng của ông ta đã khiến tôi lưu tâm. Vì vậy, khi ông vừa ngừng lời, tôi đã hỏi với giọng dừng đọng:

- Có lẽ lại vụ săn bắn trái phép chứ gì?

- Ha ha? Không, ông bạn của tôi ơi, đây là một công việc cực kỳ nghiêm trọng. Nó liên quan tới tên tù khổ sai vượt ngục kia!

Tôi giật thót mình:

- Ông biết chỗ hắc ản nấu?

- Chỗ chính xác thì tôi không biết, nhưng tôi có thể đưa cảnh sát lần theo dấu vết của hắc ản. Chẳng lẽ để lòng bắt hắc ản, chúng ta không cần biết ai mang đồ ăn cho hắc ản hay sao?

Ông già càng đến gần sự thật, tôi càng tỏ ra e dè:

- Vâng, đúng vậy. Nhưng làm sao ông biết được tên tù khổ sai vẫn còn lẫn lút ở trong đầm lầy?

- Thì chính mắt tôi đã trông thấy người mang đồ ăn kia mà.

Tim tôi thất lại khi nghĩ tới Barrymore. Nếu ông ta rơi vào tay lão già này thì tình thế của ông sẽ rất nguy nan.

- Ngài hãy tưởng tượng xem, một thằng nhóc mang đồ ăn - Frankland tiếp tục - Hàng ngày tôi nhìn thấy hắc ản qua ống viễn kính ở trên mái nhà tôi. Nó luôn luôn theo một con đường và vào thời gian nhất định. Nó đi gặp ai, nếu không phải là tên tù khổ sai?

Tôi thở phào nhẹ nhõm, mừng cho Barrymore. Thế là cuối cùng cái may mắn đã đến.

Nghĩa là Frankland đã lần ra dấu vết của một người trốn trong khu đầm lầy, nhưng đó không phải là người tù khổ sai. Nếu tôi có thể moi ở ông già tất cả những gì ông ta biết thì điều đó sẽ giúp tôi đỡ nhọc ông và đỡ tốn thời giờ.

- Thế mà tôi cứ tưởng đây là con trai của một người chăn cừu nào ở đây. Có lẽ chú ta mang đồ ăn cho cha mình.

Ông già hách dịch trợn mắt nhìn tôi:

- Ngài tưởng thế à? - ông chỉ tay về phía khu đầm lầy, nói tiếp - Ngài có nhìn thấy cột đá hoa cương kia không? Rồi quả đồi phía sau đó nữa? Đó là một nơi nhiều đá nhất trên cả khu đầm lầy, ở đây thì làm gì có cừu? Giả thiết của ngài quả là không có cơ sở, thưa ngài.

Tôi nhìn nhận là tôi không để ý tới điểm này. Frankland thích chí, tiếp tục nói huyền thuyên:

- Thưa ngài, ngài có thể tin rằng không bao giờ tôi lại đưa ra những kết luận vội vàng cả. Đâu có phải là lần đầu tôi trông thấy chú bé. Mỗi ngày, cứ hai lần nó... Gỡm đã, ngài Watson?... Đây là ảo giác hay có một cái gì đang chuyển động trên sườn đồi thế kia?

Thật vậy, ở cách tới vài dặm có một điểm đen nhỏ trên sườn đồi.

- Hãy lên đây, thưa ngài, hãy lên đây! - ông già vừa kêu vừa theo cầu thang leo lên trên - Ngài sẽ tận mắt mình nhìn thấy nó.

Trên mái nhà bằng phẳng có một kính viễn vọng cỡ lớn. Frankland lao nhanh tới ống kính, la hét âm ỉ:

- Mau lên, bác sĩ Watson, mau lên! Nó lẩn vào sau núi mất.

Quả vậy, một chú bé với tay nải sau vai đang chậm chạp theo sườn núi leo lên trên. Rồi chú lên đến đỉnh núi. Hình dáng của chú in lên trên khoảng trời xanh biếc. Chú bé lén lút đưa mắt nhìn khắp mọi hướng, rồi lẩn vào sau núi.

- Thế nào, tôi có đúng không?

- Đúng là một cậu bé đang làm một việc bí mật.

- Tôi thề sẽ không hé răng nói nửa lời cho cảnh sát biết, bác sĩ Watson ạ, ngài cũng phải im lặng. Ngài có hiểu không? Tuyệt đối im lặng!

- Tùy ý ông thôi.

- Họ coi thường tôi. Khi mọi tình tiết của vụ án “Frankland chống Nữ hoàng” được phơi bày thì làn sóng công phần sẽ nổi lên trên khắp đất nước. Thế nào, đã đến lúc ngài cần đi rồi phải không? Lẽ nào ngài không nốc hết bình rượu để chào mừng sự kiện đáng vui này hay sao?

Tôi từ chối lời mời uống thêm rượu và cũng thuyết phục ông khỏi phải đưa tôi về. Khi ông ta còn có thể nhìn thấy tôi thì tôi đi theo đường lớn, nhưng sau đây tôi rẽ thẳng tới quả núi nhiều đá, nơi chú bé lẩn vào đó.

Lúc tôi lên đến đỉnh núi thì mặt trời đã khuất. Những triền đồi thoai thoải bên kia đã chìm trong bóng tối xa xa, ở phía chân trời, một đám sương mù bay là là và từ đó hiện ra hình dáng huyền ảo của thị trấn Belliver và Vixentor. Chung quanh vắng vẻ và yên tĩnh. Chỉ có con chim lớn màu xanh tựa như chim hải âu đang lượn lờ trên bầu trời xanh thẳm. Con chim và tôi, đây là hai sinh vật duy nhất giữa vòm trời rộng lớn và vùng đất hoang vắng. Khoảng rộng bao la trần trụi của khu đầm lầy, sự thiếu vắng con người, bí mật chưa được khám phá, tầm quan trọng của nhiệm vụ đặt ra cho tôi, tất cả đã làm buốt giá trái tim tôi. Không trông thấy chú bé ở đâu cả. Nhưng ở giữa các quả núi ngay phía dưới tôi, có những hang đá cổ sơ mà giữa vòng cung của chúng có một cái hang, vòm mái vẫn còn nguyên vẹn có thể che chở con người vào lúc thời tiết xấu. Tim tôi đập mạnh khi nhận ra cái hang này.

Tôi len lén đến gần cái hang đá vắng vẻ đó. Tôi đi đến gần hơn và tin rằng nơi đây có người ở. Một lối mòn hiện lên lờ mờ giữa tảng đá dẫn tới khe hở dùng làm lối ra vào. Bên trong hoàn toàn im lặng. Con người bí ẩn này hoặc đã trốn tránh ở đây hoặc đang đi lang thang trên khu đầm lầy. Thần kinh tôi căng đến tột độ trong khi chờ cuộc đụng độ. Tôi quẳng điều thuốc đi, tay nắm chắc chuôi súng lục, tiến nhanh tới lối ra vào, rồi nhìn vào bên trong: hang đá trống không.

Trên chiếc giường đá của người thời đại đồ đá có cái mền được bọc trong áo mưa. Trong bếp lò là một đồng tro, cạnh đó có nồi niêu và một chiếc thùng còn đến một nửa nước. Đồng vỏ đồ hộp rỗng không, chứng tỏ có người sống ở đây không phải ngày đầu tiên. Và khi mắt đã quen với cảnh tranh tối tranh sáng, tôi nhìn thấy ở trong góc chiếc ca sắt và một chai rượu nặng. Ở giữa là phiến đá bằng phẳng dùng làm bàn, trên bàn có chiếc tay nải nhỏ. Trong tay nải có bánh mì và nước trái cây. Sau khi xem xét tất cả những thứ ấy, tôi có ý đặt tay nải trở lại chỗ cũ, đột nhiên trái tim tôi thất lại. Trên phiến đá có một mảnh giấy viết những hàng chữ gì đó. Tôi cầm

lấy tờ giấy, và sau khi phân biệt rất khó nhọc những nét chữ viết ngoáy bằng bút chì, tôi đã đọc được những từ này:

“Bác sĩ Watson đã đi đến Coombe Tracey”.

Đứng bất động với mẫu giấy trong tay, tôi suy ngẫm về ý nghĩa của lá thư ngắn này. Kẻ lạ mặt không phải đang săn đuổi tôi chăng? Không phải chỉ một mình hắn theo dõi tôi, mà hắn và một người khác, có lẽ là chú bé này. Và đây chính là bản báo cáo mới nhất của người ấy? Có lẽ từng bước đi của tôi đều bị theo dõi từ lúc tôi sống ở đây? Vậy mà trong suốt thời gian ấy, tôi không hề có cảm giác rằng ở đây có những lực lượng đang hoạt động, và những lực lượng đó đã giăng những tấm lưới tinh vi nhất mà mãi tới bây giờ mới cảm thấy sự rung động mỏng mảnh của tấm lưới ấy!

Tôi đưa mắt nhìn khắp mọi phía nhưng không tìm thấy cái gì thêm nữa. Tôi không tìm được những dấu vết qua đó có thể phán đoán về hắn, về những ý định của hắn. Chỉ có thể nói như sau về hắn: Hắn hình như là một kẻ khổ hạnh, hắn không coi các tiện nghi sinh hoạt có ý nghĩa gì đáng kể. Nhớ lại những trận mưa vào những ngày gần đây, nhìn khe đá toang hoác ở cửa ra vào của hang đá, tôi hiểu rằng hắn đã bị cuốn hút vào công việc của mình thật ghê gớm. Hắn là ai vậy? Tôi thề là sẽ không rời khỏi hang đá khi chưa tìm hiểu tất cả chuyện đó đến nơi đến chốn.

Mặt trời đã lặn, bầu trời ở phía tây đỏ rực, ánh hoàng hôn trải ra trên mặt nước phía xa của vùng đầm lầy những vệt đỏ sẫm. Xa xa nổi lên những chiếc tháp của lâu đài. Cách xa những chiếc tháp này là một làn khói nhẹ bay lơ lửng trên mái nhà Grimpen. Giữa mái nhà đó và lâu đài Baskerville, phía sau quả đồi, là ngôi nhà của anh em Stapleton. Buổi chiều đem lại cho tất cả cảnh vật vẻ êm ả thanh bình. Nhưng tôi lo ngại về sự bất ngờ khủng khiếp đang đến gần từng giây. Thần kinh tôi căng thẳng, nhưng tôi ngồi trong hang tối với vẻ hoàn toàn quả quyết, kiên trì chờ đợi kẻ trú ngụ trong hang.

Và cuối cùng, tôi nghe hắn tới. Gót giày hắn đạp phải đá. Một lần... Lại lần nữa... Tiếng những bước chân càng gần hơn, gần hơn nữa... Tôi lùi nhanh vào góc tối nhất, lên cò súng ngắn. Bên ngoài, tất cả đều im ắng, dường như hắn đã dừng lại. Rồi tiếng những bước chân lại nổi lên, và bóng

của ai đó che khuất cửa hang. Bỗng có một giọng nói rất quen thuộc vang lên:

- Một buổi chiều thật tuyệt vời, anh Watson! Tại sao lại ngồi tại một nơi ngột ngạt như thế, ở ngoài trời dễ chịu hơn nhiều.

Chương 12: Cái chết trên khu đầm lầy

Tôi đứng lặng đi trong một lúc, không tin vào tai mình, tôi không thể thở được. Sau đấy tôi ăn nói mới trở lại với tôi và tôi cảm thấy một sức nặng lớn đã trút khỏi vai tôi. Giọng nói xỏ xiên ấy trên khắp thế giới này, chỉ có thể thuộc về một người mà thôi!

- Holmes! - Tôi kêu lên - Sherlock Holmes!

- Hãy ra đây. Và hãy cẩn thận với khẩu súng đây!

Từ trong hang, tôi bò lần ra và nhận ra anh. Holmes ngồi trên phiến đá, nhìn gương mặt kính ngạc của tôi với vẻ tinh nghịch trong cặp mắt xám của mình. Vào thời gian này, anh gầy xẹp đi, thế nhưng trông anh vẫn điềm tĩnh, bàn tay đầy sinh lực, khuôn mặt ngả màu đồng thau vì rám nắng. Trong bộ quần áo thể thao và mũ cát, trông anh như một du khách nhàn nhã. Thậm chí anh vẫn còn giữ được sự ưa thích về sạch sẽ của loài mèo nữa: Râu được cạo nhẵn nhụi, áo sơ mi không có một vết dơ. Trông như mọi chuyện diễn ra trên phố Baker vậy.

- Không có sự xuất hiện nào làm cho tôi sung sướng bằng - Tôi vừa nói vừa siết chặt lấy anh.

- Đồng thời ngạc nhiên nữa chứ?

- Vâng, đúng vậy.

- Nhưng không phải chỉ một mình anh ngạc nhiên đâu Tôi không thể nào ngờ rằng anh sẽ tìm ra nơi ẩn của tôi, mà cũng không nghĩ được rằng lại gặp anh ở đây, trước lúc tôi ở cách hang đá hai mươi bước.

- Anh trông thấy dấu giày của tôi ư?

- Không! Nếu anh muốn đánh lừa tôi, thì trước tiên hãy thay đổi hiệu thuốc lá đi. Mẩu thuốc hút dở của anh nằm lẫn lóc cạnh đường mòn. Chắc anh ném nó đi từ lúc anh quyết định đột nhập vào đây.

- Phải.

- Tôi nghĩ như vậy đấy... Và đoán ra rằng anh đã mai phục ở trong hang, với cây súng ngắn. Có đúng là anh làm tôi với kẻ phạm tội không?

- Tôi quyết định tìm hiểu người khách lạ của đầm lầy.

- Thật tuyệt. Mà anh phát hiện ra nơi ẩn trú của tôi bằng cách nào vậy? Có lẽ anh đã nhìn thấy tôi vào lúc anh đuổi bắt người tù khổ sai?

- Vâng, tôi đã trông thấy anh lúc đó.

- Anh đã lùng sục lần lượt tất cả các hang trước khi chưa đụng phải cái hang này, phải không?

- Không, cậu bé đã đưa tôi tìm đến dấu vết của anh. Ở đây có một ai đó theo dõi cậu ta.

- A, ông già quý phái với ống kính viễn vọng! Tôi nhìn thấy mặt trời lấp lánh trên ống kính. Ban đầu tôi không thể đoán nổi đây là cái gì cả. A ha! Cậu bé Cartwright đã có mặt ở đây. Mảnh giấy gì đây? À, anh đi Coombe Tracey phải không?

- Vâng.

- Đến thăm cô Laura Lyons?

- Phải.

- Tuyệt lắm! Tôi và anh rõ ràng là tiến hành song song với nhau. Bây giờ ta cần trao đổi những tin tức đã thu lượm được.

- Tôi rất vui là anh đã ở đây! Thần kinh của tôi bắt đầu chùn lại dưới gánh nặng những bí ẩn và trọng trách đặt lên tôi. Nhưng anh lọt vào đây bằng cách nào? Và anh... làm gì ở đây vậy? Thế mà tôi cứ nghĩ rằng anh đang ngồi ở đường Baker kia đấy?

- Tôi muốn chính anh nghĩ như vậy!

- Thế nghĩa là anh nhờ cậy sự giúp đỡ của tôi mà lại không tin vào tôi. Tôi nghĩ là tôi xứng đáng được hơn thế chứ?

- Ông bạn, trong vụ án này cũng như trong nhiều vụ án khác, sự giúp đỡ của anh đối với tôi là vô giá. Nếu anh cảm thấy là tôi đã lừa gạt anh thì xin anh tha lỗi! Chân thành mà nói, tôi cảm thấy là anh đang lâm vào vòng nguy hiểm, nên tôi đã đến đây. Nếu tôi ở cùng một chỗ với anh và ngài Henry thì kẻ thù sẽ cảnh giác đề phòng. Còn ngược lại, tôi có thể hành động rất tự do khi đứng ở sau cánh gà và sẵn sàng bước vào sân khấu vào giờ phút nguy kịch nhất.

- Nhưng vì lẽ gì anh lại phải giấu tôi?

- Nếu anh biết tôi thì chẳng những không lợi gì mà rất có thể sẽ bị phát giác? Thật vậy, lúc đó anh có thể muốn kể cho tôi nghe một cái gì đấy, hoặc là anh sẽ nảy ra ý định thu xếp tiện nghi cho tôi ở đây. Tôi mang theo chú bé Cartwright. Chú phục vụ tôi một cách tuyệt vời. Anh biết những nhu cầu đơn giản của tôi rồi đấy: Mẩu bánh mì và chiếc cổ áo sạch sẽ. Người ta còn cần gì hơn nữa? Ngoài ra, Cartwright còn có cặp mắt rất tinh nhạy và đôi chân rất nhanh nhẹn.

- Thế nghĩa là tất cả những bản phúc trình của tôi được viết ra một cách vô ích - Tôi run run nói, sau khi nhớ lại biết bao công sức và niềm tự hào đã được đặt vào những bản tường trình ấy.

Holmes rút từ trong túi ra một đồng thư tín.

- Nó đây này, bạn ơi. Chúng đã được nghiên cứu tỉ mỉ nhất. Tôi sắp xếp khéo léo đến mức chúng đến với tôi chỉ sau một ngày. Xin nồng nhiệt chúc mừng anh. Lòng kiên trì và tài quan sát mà anh đã bộc lộ trong công việc cực kỳ khó khăn này cao hơn bất cứ lời ngợi khen nào.

Những lời nói nồng nhiệt của Holmes đã làm nguôi cơn tức giận của tôi. Tự trong thâm tâm, tôi thừa nhận rằng vì những đòi hỏi của vụ án, tôi không cần thiết phải biết sự có mặt của anh ở tại đây.

- Vậy đấy! - Holmes vừa nói vừa nhìn vào khuôn mặt đã tươi tỉnh của tôi - Còn bây giờ, hãy kể cho tôi nghe cuộc viếng thăm của cô Laura Lyons đi! Tôi đoán ra ngay là anh sẽ đến chỗ ấy, vì tôi đã rõ đấy là người duy nhất mà chúng ta có thể khai thác được một cái gì đó. Thú thật là nếu hôm nay

anh không ở đây thì chắc có lẽ ngày mai tôi sẽ phải thân chinh đến chỗ cô ta.

Mặt trời đã khuất sau núi, hoàng hôn bao phủ lên khu đầm lầy. Ngoài trời đột nhiên lạnh lẽo, chúng tôi đi vào trong hang. ở đó tôi ngồi cạnh Holmes, kể cho anh nghe câu chuyện của mình với cô Laura. Anh chú ý đến câu chuyện này tới mức nhiều điều phải nhắc lại đến hai lần. Lúc tôi ngừng lời, anh nói:

- Tất cả chuyện đó là rất quan trọng. Trong vụ án có một khoảng trống mà cho tới lúc này, chúng ta vẫn không sao lấp cho đầy được. Có lẽ anh biết Stapleton rất thân tình với cô Laura chứ?

- Không, tôi không hề nghe nói gì về chuyện đó.

- Đó là sự thực. Họ gặp nhau, trao đổi thư từ với nhau. Nói chung, giữa họ có sự đồng cảm hoàn toàn, và điều đó trao vào tay chúng ta con chủ bài quan trọng. Nếu đưa con bài này tới vợ của ông ta...

- Vợ của ông ta?

- Phải, cô Stapleton ấy, thực chất là vợ của ông ta.

- Chúa ơi, Holmes! Vậy mà ông ấy lại cho phép ngài Henry yêu cô ta?

- Những tình cảm lãng mạn của ngài Henry chỉ đem lại tai họa cho chính ngài thôi! Anh không nhận thấy là Stapleton bảo vệ cô ta một cách chặt chẽ hay sao. Tôi nhắc lại, người đàn bà ấy là vợ của Stapleton.

- Nhưng họ làm cái chuyện rắc rối ấy để làm gì cơ chứ?

- Nguyên do thế này: Stapleton nhìn thấy trước là trong vai trò người đàn bà tự do, cô sẽ có lợi nhiều hơn cho ông ấy.

Tất cả những mối ngờ vực chưa được sáng tỏ, mọi điều mách bảo của linh cảm tự nhiên lộ hết ra ngoài và tập trung vào nhà tự nhiên học. Từ con người trầm tĩnh với chiếc mũ ghê gớm, mưu mô và kiên nhẫn, đi liền với nụ cười trên môi và sự độc ác thâm hiểm trong lòng.

- Nghĩa là đây chính là đối thủ của chúng ta? Nghĩa là hắn đã theo dõi chúng ta ở London?

- Đúng, tôi đã phanh phui điều bí ẩn này.

- Còn bức thư cảnh giác...? Có phải do cô ta gởi không?

- Đúng.

- Anh có chắc không, Holmes? Do đâu mà anh biết cô ấy là vợ của hắn?

- Vào cuộc gặp gỡ đầu tiên với anh, Stapleton đã nói cho anh biết một phần tiểu sử của mình. Hình như cho đến giờ, hắn vẫn còn hồi hận về chuyện đó. Hắn quả thật có một trường học ở miền Bắc nước Anh. Tìm kiếm tin tức một người thầy giáo là một công việc chẳng khó khăn gì. Để làm việc đó có những cơ sở thông tin ngành sư phạm. Tôi đã dò hỏi và chẳng bao lâu đã biết đúng là có những việc không may xảy ra trong một trường học. Hiệu trưởng của nó (họ của ông ta không giống như vậy) đã cùng vợ trốn đi. Mọi dấu hiệu trùng hợp hoàn toàn với nhau và khi tôi biết hắn còn ham mê côn trùng học thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

Bóng tối che phủ lấy tôi bắt đầu dần dần tản ra, nhưng nhiều điều vẫn còn nằm trong bóng râm.

- Nếu người đàn bà ấy là vợ của hắn. Thì cô Laura Lyons giữ vai trò gì? - Tôi hỏi.

- Sau chuyến đi của anh tới Coombe Tracey, nhiều điều đã bắt đầu sáng tỏ. Ví như, cô Laura muốn ly dị chồng để kết hôn với Stapleton. Bởi vì cô không ngờ rằng hắn đã có vợ.

- Khi nào cô ta sẽ được biết sự thật?

- Khi người đàn bà trẻ ấy trở nên thật có lợi đối với chúng ta. Ngày mai, cả hai chúng ta cần đến thăm cô ta. Còn bây giờ, chỗ của anh là ở lâu đài Baskerville.

Những tia đỏ cuối cùng của hoàng hôn đang phai dần ở phía tây, và đêm tối đã buông xuống khu đầm lầy. Những ngôi sao nhấp nháy yếu ớt trên bầu trời tím nhạt.

- Còn một câu hỏi cuối cùng - Tôi vừa đứng lên vừa nói - Tất cả chuyện đó nghĩa là thế nào? Hắn đang đeo đuổi mục đích gì?

- Một vụ giết người. Một vụ giết người được bình tĩnh cân nhắc một cách kỹ lưỡng. Stapleton lừa ngài Henry vào lưới của mình, còn tôi thì lừa hắn vào lưới của tôi. Với sự giúp đỡ của anh, hắn hầu như đang nằm trong tay

tôi. Chỉ có một mối nguy hiểm đang đe dọa chúng ta: Hắn có thể hành động trước. Còn một ngày, quá lắm là hai ngày nữa thôi, tôi đã chuẩn bị mọi thứ để đến lúc đó sẽ che chở ngài Henry như người mẹ yêu thương bảo vệ đứa con. Sự vắng mặt của anh hôm nay hoàn toàn thừa thãi được, nhưng tôi thích anh đừng để ông ấy ở lại một mình. Anh nghe thấy gì không?

Một tiếng gào thét kinh hãi kéo dài, ghê sợ và đau đớn, phá tan bầu không khí trên khu đầm lầy tĩnh mịch. Máu tôi như đông lại.

- Chúa ơi! Cái gì vậy? Đó là cái gì vậy?

Holmes nhồm phất dậy, bóng dáng cao của anh che khuất lối vào hang. Anh cúi người đứng đó. Và sau khi ngoái cổ ra, anh vừa chăm chú nhìn vào bóng đêm vừa chỉ kịp thăm thì với tôi.

- Im lặng! Hãy im lặng!

Tiếng kêu khiến chúng tôi kinh ngạc bởi nó vọng tới từ trong lòng sâu của khu đầm lầy. Nhưng nó vang lên mỗi lúc một gần hơn và rõ hơn...

- Ở đâu vậy? - Holmes thì thào và giọng của anh run run. Đó là giọng của một người có một thần kinh vững vàng hay sao? Tôi hiểu tiếng thét xuyên vào tận đáy tâm hồn anh - Tiếng kêu ở đâu vậy, Watson?

- Phía này - Tôi đưa tay chỉ vào bóng đêm.

- Không phải, ở phía kia cơ!

Tiếng kêu hấp hối lại vang lên trong đêm yên tĩnh, nhưng giờ nó ở gần và rõ hơn nữa. Hoà trộn vào đó là những âm thanh khác, gầm gừ, trầm trầm.

- Con chó đấy! - Holmes kêu lên - Chạy đi Watson, chạy đi! Chúa ơi, chỉ mong sao đừng có muộn quá.

Anh chồm vào bóng tối, tôi bám theo sau anh. Rồi đột nhiên ở một nơi nào đó vang lên một tiếng la tuyệt vọng và sau đó là tiếng động nặng nề, trầm đục. Chúng tôi dừng lại, lắng nghe. Nhưng không còn tiếng động nào phá tan bầu không khí im ắng trong đêm lặng gió nữa.

Tôi thấy Holmes ôm đầu, dậm chân xuống đất như người mất trí.

- Watson! Chúng ta đã muộn mất rồi!..

- Không, không thể có chuyện đó được!

- Tôi trì hoãn để làm gì, đồ ngốc! Còn anh, anh có thấy hậu quả việc để Nam tước ở lại một mình chưa? Nhưng nếu không thể cứu chữa được nữa thì tôi sẽ giết tên chó má ấy!

Không phân biệt đường sá gì cả, chúng tôi lao tới nơi tiếng kêu khủng khiếp vọng đến. Chúng tôi trèo lên đỉnh dốc, rồi chạy xuống. Trong bóng tối, chúng tôi đụng phải những tảng đá nằm lọt vào giữa lùm cây. Mỗi khi lên được một chỗ cao, bạn tôi đều đưa mắt nhìn khắp bốn phía, nhưng lớp sương mù dày đặc, chúng tôi không thấy có sự di động nhỏ nhất nào.

- Anh có trông thấy gì không?

- Không thấy gì cả.

- Suyt! Lắng nghe xem!

Tiếng rên rỉ vọng đến, đâu đó từ phía bên trái. Dây đá đột nhiên bị đứt đoạn, ở giữa tảng đá có một vật gì đó đen thẫm. Chúng tôi càng chạy đến gần thì cái vật đen thẫm đó càng rõ nét. Đó là một người nằm úp mặt xuống đất, đầu cụp xuống, hai vai hơi nâng lên, lưng cong xuống, như chuẩn bị nhảy. Chúng tôi cúi mình trên người đó: không có tiếng thở, cũng không có qua một cử động nào. Holmes đụng vào tấm thân bất động. Anh kêu lên và rút tay lại. Anh quệt một que diêm và chúng tôi thấy những ngón tay đầm đìa máu và cái sọ bị đập nát. Trong ánh sáng của que diêm, chúng tôi nhận ra ngài Henry đang nằm trước mặt chúng tôi.

Chúng tôi không thể quên bộ quần áo màu cỏ úa hơi đặc biệt mà Nam tước đã mặc trong lần đầu tiên xuất hiện trên đường Baker. Chỉ trong tích tắc cũng đủ để chúng tôi nhận ra ông. Sau đây que diêm lại được bật sáng, rồi tắt lịm, như tia hy vọng cuối cùng trong lòng chúng tôi. Holmes bắt đầu rên rỉ, thậm chí ngay trong bóng tối tôi vẫn nhìn thấy khuôn mặt của anh nhợt nhạt ra sao.

- Đó dã man! Đồ dã man! - Tay tôi siết lại thành nắm đấm - Holmes, tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho mình vì đã bỏ rơi ông ta.

- Tội lỗi của tôi còn lớn hơn, Watson ạ! Tôi đã hy sinh tính mệnh của người khác chỉ để tính toán xem làm thế nào giải quyết vụ án này nhanh

gọn hơn. Tôi đã phòng ngừa từ trước, thế mà ông ta vẫn cả gan một mình đi vào khu đầm lầy.

- Chúng ta nghe thấy tiếng kêu thảm thiết của ông ta mà không thể đến giúp ông được! Con chó quái quỷ ấy lần đi đâu rồi? Còn Stapleton thì ở đâu? Hắn sẽ phải chịu trách nhiệm về việc này!

- Đúng. Tôi sẽ bắt hắn phải trả lời? Bác và cháu, cả hai người đều bị giết. Một người chết vì kinh hãi khi nhìn thấy con quái vật mà ông coi đấy là một sinh vật siêu phàm; còn người kia chết khi không thoát khỏi con quái vật. Nhưng bây giờ chúng ta cần phải xác minh mối liên quan giữa con người và con chó. Chúng ta nghe thấy tiếng rống của nó, nhưng đó chưa phải là bằng chứng, bởi vì rõ ràng ngài đã chết vì té ngã.

Sau đó, lúc ánh trăng từ đám mây ló ra, chúng tôi leo lên dãy đá mà từ đó người bạn của chúng tôi rơi xuống rồi đưa mắt nhìn khu đầm lầy. Xa xa nổi lên ngọn lửa màu vàng cạnh Grimpén. Ngọn lửa chỉ có thể phát ra từ ngôi nhà biệt lập của gia đình Stapleton. Tôi giờ nắm đầm về phía đó, nguyên rủa.

- Sao không tới bắt ngay hắn?

- Một bước đi hấp tấp là tên vô lại sẽ lọt khỏi tay chúng ta.. - Vậy khi nào mới dám hành động. Ngày mai cũng không sao. Còn hôm nay chúng ta phải làm bốn phận cuồn cùng với người đã mất.

Chúng tôi đi xuống sườn dốc dựng đứng, đến bên tử thi, trái tim thất lại và mất nhòa đi.

- Sẽ phải gọi người đến giúp đỡ thôi, Holmes ạ. Chúng ta không đưa ông ấy về đến nhà được. Chúa ơi, anh làm sao vậy. Anh mất trí rồi!...

Holmes rú lên, cúi mình trên thi thể Henry. Rồi anh nhảy nhót, cười khanh khách và lắc lắc tay tôi. Phải chăng đây là bạn tôi, một người luôn luôn tự kiểm chế được mình?

- Có râu! Ông ta có râu!

- Có râu à?

- Đây không phải là ngài Henry!... Chúa ơi, đây là người tù khổ sai.

Chúng tôi cuống cuống lật thi thể trở lại. Không còn hoài nghi nữa. Trán thấp, mắt hoắm như loài khỉ.

Trong khoảnh khắc, tôi hiểu ra tất cả. Tôi có nhớ Nam tước đã tặng cho Barrymore hầu như toàn bộ những trang phục cũ của mình. Nghĩa là Barrymore đã cho Selden để hắn mặc trong lúc ra đi. Đôi giày, áo sơ mi và mũ cát-két. Nhưng dẫu sao người tù này đáng nhận cái chết do các tội lỗi của anh ta. Đứng ngồi không yên vì vui sướng, tôi giải thích cho Holmes nghe mọi chuyện đã xảy ra như thế nào.

- Nghĩa là kẻ bất hạnh đã chết vì bộ quần áo - Anh nói - Chắc chắn người ta đã cho con chó đánh hơi vật gì đó của ngày Henry. Có lẽ chính chiếc giày bị thất lạc ở khách sạn. Và con chó đã lần theo vết của người tù khổ sai. Chỉ còn một điều chưa được rõ: Làm sao Selden trông thấy con chó rượt đuổi theo hắn trong bóng tối.

- Có lẽ hắn nghe thấy.

- Nghe thấy con chó chạy khắp khu đầm lầy và đã kêu cứu hay sao? Ông ta đang còn bị săn lùng kia mà. Không, đúng ra là thế này: Selden trông thấy con chó theo mình.

- Theo tôi, có những việc còn quái lạ hơn thế nữa. Tại sao con chó này được thả ra? Cứ cho rằng những giả thiết của chúng ta là đúng...

- Tôi không hề giả thiết như thế.

- Được. Vậy tại sao người ta thả con chó này vào khu đầm lầy vào đêm nay?

- Thôi được, chúng ta sẽ tìm hiểu sau. Bây giờ chúng ta không thể để tên này ở đây làm mối cho cáo và điều hâu được.

- Khi chúng ta chưa báo cho cảnh sát thì cứ đặt hắn nằm trong bất kỳ hang đá nào.

- Đúng. Nhìn kia, Watson! Cái gì vậy? Phải chăng chính hắn? Không, lẽ nào hắn lại liều mạng như thế.

Một người đang đi đến gần chỗ chúng tôi. Hắn hút thuốc, đóm lửa của điều thuốc lập lòe từ xa. Mặt trăng chiếu vào hắn rất rõ. Ngay lập tức, tôi nhận

ra thân hình gầy guộc và dáng đi nhanh, nhún nhảy của nhà tự nhiên học. Nhận ra chúng tôi, hắn dừng lại, rồi bắt đầu đi về phía trước.

- Bác sĩ Watson! Phải ông đấy không? Tôi chẳng thể nghĩ rằng lại gặp ông tại đây vào ban đêm đây? Ủa, cái gì thế này? Chuyện gì đã xảy ra thế này? Có ai bị thương phải không? Lẽ nào đây là bạn của chúng ta, ngài Henry?

Stapleton chạy qua tôi, cúi người trên thi thể...

Tôi nghe tiếng thở mạnh, điều thuốc từ tay hắn rơi xuống đất.

- Ai... Ai đấy? - Hắn áp úng, nói lắp bắp.

- Đây là tên tù khổ sai đã vượt ngục.

Stapleton xoay bộ mặt tái nhợt về phía chúng tôi, nhưng cố che giấu vẻ ngạc nhiên và tuyệt vọng. Cái nhìn chăm chú của hắn dừng lại trước tiên ở Holmes và sau đó ở tôi.

- Chúa ơi, thật là kinh khủng! Làm sao mà y chết vậy?

- Có lẽ hắn ngã từ triền núi kia xuống và bị gãy cổ. Tôi và bạn tôi đang đi dạo trên khu đầm lầy thì nghe thấy tiếng kêu.

- Còn tôi cũng nghe thấy tiếng kêu và chạy tới đây. Tưởng là tiếng kêu của ngài Henry nên tôi rất lo.

- Tại sao là ngài Henry? - Tôi không tìm lòng được, phải hỏi.

- Hôm nay ngài có hứa là sẽ rẽ vào chỗ chúng tôi, nhưng ngài lại không đến. Điều đó làm tôi rất ngạc nhiên. Lúc nghe thấy tiếng kêu thì tự nhiên tôi rất lo cho ngài. Tiện thể xin hỏi - Stapleton lại chuyển cái nhìn từ tôi sang Holmes - Ngoài những tiếng kêu này ra, các ông có nghe thấy tiếng nào khác nữa không?

- Không. Thế còn ông?

- Cũng không.

- Vậy tại sao ông hỏi như vậy?

- Ôi, ông không biết đấy thôi, ở chỗ chúng tôi người ta có kể về con chó ma quái! Các điền chủ địa phương nói rằng hình như đêm nào con chó

cũng lang thang khắp khu đầm lầy. Tôi muốn biết xem có thể các ông nghe thấy tiếng của nó chăng?

- Không, chúng tôi không nghe thấy gì như thế cả.
- Vậy kẻ bất hạnh này chết như thế nào?
- Đầu óc hắn quay cuồng vì sợ bị săn lùng. Và có lẽ trong cơn mất trí, hắn chạy khắp khu đầm lầy rồi cuối cùng ngã xuống sườn núi gãy cổ.
- Vâng, hoàn toàn có thể như thế - Hắn nói và thở phào nhẹ nhõm - Còn ông, ông nghĩ thế nào về điều đó, ông Holmes?
- Thật tinh ý làm sao! - Bạn tôi cúi người chào hắn và nói.
- Chúng tôi chờ ông từ lâu rồi. Ông đến đúng lúc tấn thảm kịch xảy ra?
- Vâng! Tôi tin rằng bạn tôi giải thích đúng tấn thảm kịch này. Còn tôi, ngày mai tôi sẽ trở về London với kỷ niệm đáng buồn.
- Thế nào, mai ông sẽ đi à?
- Tôi có ý định như thế.
- Nhưng sự có mặt của ông sẽ rọi ánh sáng vào những sự cố đã đẩy chúng tôi vào ngõ cụt.

Holmes nhún vai:

- Sự thành công không phải luôn luôn nằm trong tầm tay ta. Tôi vẫn chưa rút ra một điều gì từ vụ án này.

Bạn tôi nói bằng giọng điệu tự nhiên nhất và vẻ thật thà nhất. Stapleton chăm chú nhìn anh. Sau đấy, hắn hướng về phía tôi.

- Tôi vui lòng đề nghị chuyển thi thể về nhà chúng tôi, nhưng em gái tôi sẽ sợ hãi. Chúng ta sẽ lấy cái gì đó đặt lên mặt hắn và để hắn lại đây thôi! Cho tới sáng sẽ không có gì xảy ra với cái xác chết này đâu.

Công việc được tiến hành như thế. Tôi và Holmes từ chối lời mời rẽ vào nhà của Stapleton. Chúng tôi để cho hắn trở về nhà một mình và đi về phía lâu đài Baskerville.

- Thế là cuối cùng chúng ta đã đánh giáp lá cà - Holmes bước cạnh tôi và nói - Hắn thật là điềm tĩnh! Hắn tự kiểm chế mới giỏi làm sao! Cú đấm

thật đáng người. Chúng ta còn chưa có dịp nào độ sức với đối thủ xứng đáng hơn thế!

- Dẫu sao đáng tiếc là hắn đã nhận ra anh!

- Nhưng biết làm sao được!

- Cuộc gặp gỡ này có ảnh hưởng tới những dự định của hắn không?

- Chắc thế, hắn sẽ hành động thận trọng hơn nếu điều đó không thúc đẩy hắn tới những quyết định tuyệt vọng tức thì. Như phần lớn những tên tội phạm xuất sắc khác, Stapleton hình như rất trông cậy vào sự khôn khéo của mình, và tưởng tượng ra rằng hắn đã khéo đánh lừa chúng ta.

- Vì sao anh còn chưa muốn bắt hắn?

- Giả sử là đêm nay hắn bị bắt, thì thử hỏi điều ấy đem lại cho chúng ta cái gì nào? Chúng ta không chứng minh được gì cả. Đây, sự tinh ranh, quỷ quyệt của hắn là ở đây. Nếu kẻ tiếp tay cho Stapleton là con người, chúng ta phải tìm cho ra những bằng cớ nào đó, nhưng đằng này là con chó. Lờ khai của nó là gì?

- Nhưng một phần lớn của tội ác đã rõ rồi kia mà?

- Tất cả chỉ là những phỏng đoán, những giả thiết. Tại phiên tòa, chúng ta sẽ bị cười cợt nếu chúng ta đến đây bằng câu chuyện hoang đường, không có chứng cớ.

- Còn ngài Charles?

- Tìm được xác chết, nhưng không phát hiện ra dấu vết bạo hành. Tôi với anh biết ông ta chết vì kinh hãi, và ta cũng biết ông ta kinh sợ cái gì. Nhưng liệu 12 ông thẩm phán có tin vào chuyện đó hay không? Những vết cắn của con chó ở đâu? Tôi và anh đều biết là con chó chưa cắn chết người, và ngài Charles chết trước lúc nó nhảy xổ vào ông ta. Cần phải chứng minh điều đó, mà hiện giờ chúng ta chưa thể chứng minh được.

- Còn đêm nay thì sao?

- Cũng không có mối liên quan trực tiếp giữa con chó với cái chết của người tù. Không một ai trông thấy con chó này. Quả thật chúng ta có nghe

thấy tiếng của nó, nhưng chúng ta không có bằng chứng về việc con chó săn lùng người tù, mà cũng không có lý do gì để nó đuổi theo anh ta.

- Anh định bắt tay vào việc gì?

- Tôi đặt nhiều hy vọng vào cô Laura. Khi cô ta biết rõ tình trạng gia đình của Stapleton, có lẽ cô sẽ giúp chúng ta. Ngoài ra, tôi còn có kế hoạch khác. Dù thế nào, tôi cũng hy vọng là ngày mai, chiến thắng sẽ đến với chúng ta.

Tôi không moi thêm được ở Holmes điều gì nữa.

Trước khi đến chỗ rẽ vào lâu đài Baskerville, anh bước đi im lặng, đắm chìm trong cái ý tưởng của mình.

- Anh có rẽ vào không?

- Có. Giờ thì không cần tránh mặt nữa. Nhưng còn điều này, Watson, anh đừng nói với ngài Henry về con chó. Cứ gán cái chết của Selden cho các nguyên nhân mà Stapleton đã gợi ý cho chúng ta vậy? Như thế, ông ta sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn khi đi ăn trưa ở Merripit.

- Nhưng người ta cũng mời tôi đến đấy.

- Vậy anh phải từ chối. Hãy để ông ấy đi một mình và điều đó dễ sắp xếp...

Chương 13: Giăng lưới

Sự xuất hiện của Holmes khiến ngài Nam tước rất vui sướng, vì ông tin rằng Holmes không còn có thể ngồi lì ở London được nữa. Tuy nhiên ông ngạc nhiên khi được biết bạn tôi chẳng mang hành lý theo.

Sau bữa tối muộn màng, chúng tôi nói cho Nam tước biết một phần cuộc phiêu lưu của chúng tôi mà ông cần phải biết. Và đến lúc này tôi buộc phải báo cho vợ chồng Barrymore biết về cái chết của Selden. Viên quản lý tiếp nhận cái tin này với cảm giác nhẹ nhõm, nhưng bà vợ lấy tạp dề che mặt khóc một cách cay đắng. Bà vẫn coi hấn là một cậu bé ngỗ nghịch, một đứa trẻ vào tuổi thơ ấu từng níu lấy tay bà.

- Từ lúc ông đi khỏi, Watson ạ, tôi ngồi lì ở nhà và buồn đến nẫu ruột - Nam tước nói - Nếu ông không can đảm là đừng vào khu đầm lầy một mình thì tôi đã đến nhà Stapleton để hưởng một buổi tối vui vẻ.

- Vâng, tôi cũng tin là có lẽ ngài hưởng được một buổi tối thật vui vẻ - Holmes lạnh lùng nói - Nhưng ngài có biết chắc rằng lúc nhìn thấy thi thể ngài, chúng tôi đã khóc hay không?

Ngài Henry trợn trừng mắt:

- Chuyện như thế nào?

- Bởi lẽ người bất hạnh mặc quần áo của ngài. Cảnh sát có thể sẽ hỏi thăm người giúp việc cho ngài đấy!

- Tốt hơn là hãy soát lại công việc của chúng ta - Nam tước nói - ông đã thành công trong việc tháo gỡ mớ bòng bong này chưa?

- Vụ án cực kỳ khó khăn và rối rắm. Cho đến giờ còn một đôi điều cần được làm sáng tỏ, nhưng cuối cùng chúng ta sẽ thành công.

- Watson hình như có cho ông biết là tôi đã nghe thấy gì trên khu đầm lầy rồi chứ? - Nam tước nói - Ở Mỹ, tôi đã từng có công việc với loài chó, đừng hòng mà lừa nổi tôi. Tôi không thể không nhận ra tiếng chó tru được. Nếu ông đeo được rọ bịt mõm con chó này và xích được nó, tôi sẽ coi ông là người thám tử kiệt xuất nhất thế giới.

- Nó sẽ bị bịt mõm, và sẽ bị xích, nếu ngài chịu giúp tôi.

- Tôi sẽ làm tất cả những gì ông ra lệnh.

- Tốt lắm! Nhưng tôi yêu cầu phục tùng một cách tuyệt đối. Không được hỏi vì sao, tại sao?

- Đồng ý.

- Nếu vậy, chúng ta sẽ thành công. Tôi không nghi ngờ rằng...

Đột nhiên, Holmes ngưng bật và chăm chăm nhìn ở đâu đó trên đầu tôi. Ngọn đèn chiếu thẳng vào mặt anh. Bộ mặt căng thẳng, biểu lộ sự tập trung tựa như bộ mặt của pho tượng cổ điển.

- Có chuyện gì vậy? - Tôi và ngài Henry cùng thốt lên.

Holmes quay nhìn chúng tôi, và tôi cảm thấy anh đang gắng kiềm chế xúc động của mình. Khuôn mặt anh vẫn còn căng thẳng, nhưng cặp mắt thì long lanh vì vui sướng.

- Thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi không thể kiềm nổi thích thú của mình được - Anh vừa nói vừa chỉ lên những bức chân dung treo trên bức tường đối diện - Watson đã cả quyết rằng tôi không am hiểu hội họa, nhưng điều đó chỉ vì chúng tôi không hợp nhau trong việc đánh giá các tác phẩm nghệ thuật. Nhưng các bức chân dung quả thật là tuyệt vời.

- Tôi vui lòng khi nghe ông nói thế - Ngài Henry ngạc nhiên nhìn bạn tôi và nói - Tôi không được thông thạo về tranh lắm. Thế nhưng, ai có thể nghĩ được rằng ông còn có thời giờ để quan tâm đến nghệ thuật.

- Tôi biết đánh giá những tác phẩm có giá trị. Tôi đảm bảo người đàn bà trong chiếc áo lụa màu xanh da trời kia và người đàn ông trong bộ tóc giả có lẽ là những bức chân dung dòng họ.

- Vâng, tất cả đều là những người trong dòng họ.

- Ngài có biết tên của họ không?

- Từ lâu Barrymore kèm tôi môn học này và dường như tôi có thể trả lời lưu loát bài học của mình.

- Người đàn ông với chiếc kính viễn vọng kia là ai vậy?

- Đây là phó đô đốc Baskerville phục vụ ở Tây Ấn. Còn người trong bộ lễ phục màu xanh và cầm cuộn giấy là ngài William Baskerville, chủ tịch hạ viện trong chính phủ Pitt[1].

- Còn người kỵ mã mặc áo ngắn nhung đen thêu đăng ten đối diện với tôi là ai?

- Ôi, ông cần làm quen với ông ta. Đây chính là Hugo, kẻ gây ra mọi nỗi bất hạnh và đã đặt cơ sở đầu tiên cho truyền thuyết về con chó của dòng họ Baskerville.

Tôi nhìn bức chân dung với vẻ chăm chú và có phần phân vân, Holmes nói:

- Sao trông bề ngoài ông ta có vẻ hiền từ và bình thản thế kia. Chỉ cặp mắt quả là có gì quý quý. Thế mà tôi đã hình dung Hugo của ngài là một chàng trai vạm vỡ với dáng vẻ kẻ cướp cơ đấy?

- Chân dung chính xác, không mảy may có sự nghi ngờ nào đâu. Đằng sau bức họa có ghi tên ông ta và năm tháng - 1647.

Suốt buổi tối còn lại, Holmes ít nói, nhưng hình như bức chân dung của Hugo cuốn hút tâm trí của anh. Suốt bữa ăn, anh không thôi nhìn nó. Lúc ngài Henry đã về phòng, Holmes cầm cây nến đến gần bức chân dung và đã thẩn lại vì thời gian.

- Anh có nhận thấy cái gì không?

Tôi quan sát hồi lâu chiếc mũ rộng vành có ngù lông, chiếc cổ áo đính đăng-ten màu trắng, mái tóc xoăn dài, khuôn mặt nghiêm khắc.

- Ông ta không nhắc anh nhớ tới ai hay sao?

- Phần dưới của khuôn mặt có hao hao giống ngài Henry.

- Đúng, chút xíu thôi. Nhưng hãy chờ một lát.

Anh đứng lên ghé tay trái cầm cây nến, tay phải khum lại che chiếc mũ rộng vành và mớ tóc xoăn dài.

- Chúa ơi! - Tôi thốt lên kinh ngạc.

Bộ mặt của Stapleton từ bức tranh nhìn tôi.

- A ha! Giờ thì anh thấy rồi đấy. Mắt tôi đã quen khảo sát bộ mặt thật chứ không phải những trang điểm của bộ mặt.

- Đáng ngạc nhiên thật. Cứ như là bức chân dung của chính hắn.

- Đúng vậy, một ví dụ hay về chứng phản biến di truyền cả về hình thể lẫn tinh thần. Hắn cũng là Baskerville. Điều đó hoàn toàn rõ rệt.

- Và ngấp nghé kế thừa gia tài.

- Cổ nhiên. Bức chân dung này là mất xích còn thiếu. Giờ đây chúng ta đã phát hiện ra nó. Phải, giờ đây chúng ta đã phát hiện ra nó rồi. Xin thề với anh rằng vào đêm mai hắn sẽ sa vào lưới của chúng ta như những con bướm sa vào vợt của hắn. Kim găm, nút chai, nhãn hiệu - Bộ sưu tập trên

đường Baker sẽ còn được bổ sung một mẫu vật nữa. - Holmes cười khanh khách và lùi ra khỏi bức chân dung. Mỗi khi tôi có dịp nghe tiếng cười của anh, tôi biết rằng đó là điềm báo trước một tai họa ghê gớm sẽ giáng xuống đầu một tên hung bạo nào đó.

Vào sáng hôm sau, lúc đang mặc quần áo, tôi nhìn ra cửa sổ thấy Holmes hình như dậy từ sớm tinh mơ.

- Chúng ta sẽ có một ngày thật bận rộn - Anh vừa nói vừa sung sướng xoa tay khoan khoái - Lưới đã được giăng ra. Tối chiều tối sẽ rõ là con cá măng vùng vẫy ở trong đó hay là bị sống mất.

- Anh đã kịp đến khu đầm lầy?

- Tôi đến Grimpen và chuyển bức điện tới Princetown thông báo về cái chết của Selden. Ngoài ra, tôi cũng đã liên lạc với Cartwright, kẻ chú ấy cũng sẽ chết ở cửa hàng như con chó nằm trên nấm mộ của chủ mình.

- Hôm nay, anh sẽ bắt đầu từ đâu?

- Trước hết phải nói cho ngài Henry biết. Đây, ông ta đến rồi kìa!

- Chúc buổi sáng tốt đẹp, ông Holmes! - Nam tước nói - Ông cứ như là vị tướng đang trao đổi với tham mưu trưởng về kế hoạch của trận đánh sắp tới.

- Có một trận đánh như thế. Watson theo lệnh, đã có mặt.

- Tôi cũng vậy.

- Thật tuyệt. Nếu tôi không lầm, hôm nay Stapleton mời ngài tới ăn tối thì phải?

- Mong rằng các ông cũng sẽ đi chứ? Họ là những người mến khách; họ sẽ rất vui khi gặp các ông.

- Đáng tiếc là tôi cùng Watson cần phải trở về London.

- Về London sao?

- Vâng.

Mặt Nam tước buồn thiu.

- Tôi tưởng các ông ở lại với tôi tới khi xong vụ này chứ. Sống một mình ở đây không được ấm cúng lắm.

- Ngài cần phải tin tôi, và làm đúng những gì tôi yêu cầu ngài. Hãy nói với những người bạn của chúng ta rằng nếu không có những công việc khẩn cấp ở London thì chúng tôi sẽ đến dự. Tuy vậy, không bao lâu nữa, chúng tôi sẽ quay trở lại đây. Ngài đừng quên thông báo với họ.

- Nếu ông đã muốn như thế.

- Xin cam đoan với Ngài là không có cách nào khác.

Cứ theo vẻ nhăn nhó của Nam tước, tôi hiểu là ông ta đã phật ý và coi chuyến đi của chúng tôi là hành vi đào ngũ.

- Các ông định đi lúc nào? - Ông ta lạnh nhạt hỏi.

- Ngay bữa sáng. Chúng tôi sẽ đến Coombe Tracy bằng ngựa. Tội nghiệp Watson! Nghèo đến thế này? Nhưng Watson sẽ gửi đồ đạc lại đây để đảm bảo là anh ấy sẽ trở lại. Watson, anh hãy viết cho Stapleton vài dòng, cáo lỗi là anh không thể dự tiệc.

- Tôi cũng muốn đi London. - Nam tước nói - Vì sao tôi phải ngồi ở đây một mình kia chứ?

- Bởi vì ngài đã hứa với tôi là sẽ luôn tuân theo ý muốn của tôi, và bây giờ tôi nói với ngài: Ngài hãy ở lại đây!

- Được, tôi sẽ ở lại.

- Còn một yêu cầu nữa. hãy đi đến Merripit bằng xe, rồi ra lệnh cho xe ngựa quay trở lại và nói với gia đình Stapleton là ngài sẽ đi bộ về nhà.

- Đi bộ qua khu đầm lầy?

- Vâng.

- Nhưng chính ông đã nhiều lần ngăn tôi làm việc đó?

- Bây giờ ngài có thể đi qua đây tuyệt đối an toàn. Tôi yêu cầu ngài như thế chỉ vì tôi tin vào lòng can đảm của ngài. Nhưng ngài cần làm như thế.

- Được tôi sẽ làm như thế.

- Nếu ngài còn quý trọng cuộc đời mình thì đừng có đứng ra khỏi đường mòn dẫn từ Merripit tới con đường Grimpen.

- Được tôi sẽ làm như thế.

- Thế thì tốt lắm. Còn chúng tôi sẽ gắng đi ngay sau khi ăn sáng xong, để tới London vào ban ngày.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi chia tay với Nam tước. Hai giờ sau, chúng tôi cho xe ngựa trở về nhà và bước vào sân ga ở Coombe Tracy. Một chú bé vóc người không lớn đã đợi chúng tôi ở đây.

- Ông có mệnh lệnh gì cho cháu không?

- Hãy ngồi vào tàu hoả đi London. Lúc tới nơi, ngay tức khắc, nhân danh ta mà chuyển điện tới ngài Henry. Nội dung điện tín hỏi ngài có tìm thấy cuốn sổ tay của ta hay không. Nếu ngài tìm thấy, hãy chuyển nó bằng bưu kiện bảo đảm tới đường Baker giùm.

- Rõ rồi, thưa ông.

- Còn bây giờ, hãy xem tại văn phòng nhà ga có cái gì mang tên ta không?

Chú bé nhanh chóng trở lại với bức điện trong tay. Holmes đọc xong và đưa cho tôi xem. Bức điện như sau:

“Đã nhận được điện. Sẽ ra lệnh bắt. Sẽ tới lúc 5 giờ 40. Lestrade”.

- Đây là câu trả lời bức điện lúc sáng của tôi, chúng ta sẽ cần tới sự giúp đỡ của Lestrade. Anh Watson, chúng ta vẫn còn thời gian để tới thăm cô Laura Lyons chứ?

Kế hoạch của chiến dịch được Holmes sắp đặt mỗi lúc một sáng tỏ. Với sự giúp đỡ của Nam tước, Stapleton sẽ tin rằng chúng tôi không có ở đây, nhưng thật ra chúng tôi sẽ trở về đúng lúc. Nếu ngài Henry cho hẳn biết bức điện của Holmes thì điều đó sẽ xóa sạch những mối hoài nghi cuối cùng của Stapleton. Và tôi mừng tượng ra tấm lưới của chúng tôi ngày càng được căng ra quanh con cá hung dữ.

Cô Laura Lyons ngồi trong phòng làm việc của mình. Holmes khởi đầu bằng câu chuyện thẳng thắn và cởi mở đến mức khiến cô tròn tròn mắt.

- Tôi đang điều tra về cái chết của ngài Charles - Holmes nói - Bạn tôi đã cho tôi rõ tất cả những gì bà đã nói và những gì bà chưa muốn nói.

- Tôi chưa nói về điều gì vậy? - Cô xác xược hỏi.

- Bà thú nhận là bà đã mời ngài Charles tới cửa hàng rào vào lúc 10 giờ tối. Ngài đã chết tại đó, vào giờ đó. Bà chưa nói tới mối liên hệ giữa hai sự kiện này.

- Giữa chúng, không có mối liên hệ nào cả.

- Nhưng tôi nghĩ rằng rồi cuối cùng chúng tôi cũng sẽ xác định được mối liên hệ này. Tôi sẽ hoàn toàn thành thật với bà, bà Laura. Chúng tôi đang nói về vụ giết người, mà các tang chứng nếu được xác minh, sẽ không chỉ liên lụy tới bạn bà, tới ông Stapleton, mà còn liên lụy tới vợ của ông ta nữa.

Cô Laura nhòm phát dậy.

- Vợ ông ta!

- Điều này không còn bí mật với bất kỳ ai nữa. Cái người mà ông ta nhận là em gái, thực ra là vợ ông ta.

Cô Laura buông mình xuống ghế bành, những ngón tay bám chặt vào tay vịn đến mức các móng tay trắng bệch.

- Vợ của ông ta? Vợ của ông ta? Nhưng ông ta độc thân kia mà!

Holmes nhún vai.

- Ông Holmes, ông hãy chứng minh điều đó đi! Nếu ông trưng ra được bằng chứng thì...

Những tia mắt giận dữ ở cô nói nhiều hơn bất cứ lời nào.

- Vâng, việc gì cũng phải có bằng cứ chứ - Holmes rút từ trong túi ra những tờ giấy gì đó - Đây là bức ảnh của cặp vợ chồng này chụp hồi 4 năm trước ở Yorkshire. Mặt sau có dòng chữ: ông bà Vandeleur. Nhưng chắc bà sẽ nhận ra cả ông ta lẫn người phụ nữ này, nếu bà có dịp gặp lại. Còn đây là ba tài liệu được những người đáng tin cậy khác nhau ký, hên quan đến ông và bà Vandeleur vào thời đó, lúc họ đang điều khiển trường học St. Oliver. Đọc xong những tài liệu này, bà sẽ thấy rõ mọi chuyện.

Cô Laura nhìn thoáng qua những tờ giấy đặt trước mặt rồi nhìn chúng tôi, nét mặt âm thầm, tuyệt vọng.

- Tên đề tiện ấy đã hứa sẽ lấy tôi, nếu tôi li dị xong. Vậy là hắn đã luôn lừa gạt tôi? Tôi nghĩ hắn chỉ quan tâm tới tôi thôi. Thì ra, tôi là công cụ trong tay hắn. Vì sao phải trung thành với một kẻ tráo trở như thế? Vì sao phải che chở hắn? Hắn phải đền mạng về hành vi tội lỗi của mình? Tôi sẽ không giấu giếm gì cả. Xin thề với ông là khi tôi viết bức thư ấy, tôi tuyệt nhiên không ngờ rằng điều đó sẽ khiến ngài Charles phải chết!

- Tôi tin vào từng lời của bà,, thưa bà - Holmes nói - Chắc có lẽ bà cảm thấy nặng nề nếu phải kể lại chuyện đó. Hay là thế này vậy: Tôi sẽ nói, và nếu tôi làm lẫn một điều chủ yếu nào đấy thì bà sẽ sửa lại giúp tôi. Bức thư chắc được viết theo sự gợi ý của Stapleton.

- Theo lời hắn đọc.

- Có lẽ hắn nói với bà rằng ngài Charles sẽ cho tất cả các khoản chi phí của vụ li dị chứ?

- Vâng.

- Còn sau khi lá thư được chuyển đi, hắn thuyết phục bà đừng đến chỗ hẹn.

- Hắn nói là hắn không đáng được kính trọng, nếu để cho một người khác chu cấp tiền cho việc tiến hành vụ li dị. Hắn thề rằng hắn sẽ hiến đồng xu cuối cùng để tiêu diệt chương ngại ngăn cách chúng tôi.

- Hắn rất nhất quán trong các hành vi của mình. Còn những sự kiện sau đó, bà đã nghe và biết điều gì đấy về cái chết của ngài Charles chỉ qua báo chí hay sao?

- Vâng.

- Và Stapleton bắt bà hứa không được thổ lộ về cuộc gặp mặt định trước với ai chứ?

- Vâng. Hắn nói cái chết của ngài Charles xảy ra trong những tình huống rất bí ẩn, và nếu người ta biết về lá thư thì tôi sẽ bị ngờ vực. Hắn đe dọa tôi, và buộc tôi phải im lặng.

- Thế đấy, tôi hiểu rồi. Nhưng dấu sao, bà cũng vẫn hoài nghi điều gì chứ?

Bà Laura đưa mắt nhìn xuống, hình như không dám trả lời.

- Tôi biết rõ con người này - Cuối cùng bà nói - Nhưng nếu hắn không lừa dối tôi thì tôi cũng không tố giác hắn làm gì.

- Nói chung, bà đã thoát nạn - Holmes nói - Bà nằm trong tay hắn và hắn biết rõ như vậy, mà bà vẫn còn sống được? Những tháng gần đây, bà đã đi quanh bờ vực thẳm. Còn bây giờ, bà Laura ạ, xin chúc bà mọi sự tốt đẹp. Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau.

- Thế đây, tất cả đang dần dà sáng tỏ, sương mù đang tản đi - Holmes nói khi chúng tôi lại bước vào sân ga tới cửa ra vào của tàu tốc hành London - Chẳng bao lâu nữa, tôi có thể cho diễn lại tội ác này từng điểm một. Đây chính là tội ác gây chấn động mạnh nhất vào thời đại chúng ta.

Chuyến tàu tốc hành London rầm rập tiến vào ga. Từ toa tàu hạng nhất nhảy xuống sân ga một con người nhỏ bé mà chắc nịch. Chúng tôi chào hỏi nhau.

- Thế nào, vụ án nghiêm trọng chứ? - Lestrade nhanh nhẩu hỏi.

- Đã lâu chưa có vụ nào như thế! Chúng ta còn có hai giờ để dự phòng. Nào, hãy dùng thời gian đó để ăn trưa. Chưa khi nào ông ở đây phải không? Vậy thì ông hãy làm quen với miền đất này.

Chương 14: Con chó của dòng họ Baskerville

Một trong những khiếm khuyết của Holmes là mãi cho đến tận lúc thực hiện anh vẫn không chia sẻ với ai về những kế hoạch của mình. Sự kín đáo này một phần là do bản tính cao ngạo của anh, mặt khác, cũng do tính thận trọng nghề nghiệp. Dầu sao điều này đã gây nhiều khó chịu cho những ai hành động chung với anh. Bản thân tôi cũng thường chịu khổ sở về điều đó. Chúng tôi đã trải qua biết bao thử thách, đợi chờ lúc giáng quả đấm quyết định xuống kẻ độc ác. Thế mà Holmes vẫn im lặng. Tôi chỉ có thể đoán mò về những ý định của anh. Đúng lúc thần kinh tôi căng thẳng đến tột độ thì đột nhiên những luồng gió lạnh phả vào mặt chúng tôi. Qua bóng đêm, tôi nhận ra khoảng không vắng vẻ trải ra hai phía con đường hẹp và hiểu rằng chúng tôi lại đang ở trên khu đầm lầy. Mỗi bước đi của ngựa, mỗi chỗ rẽ của xe lại đưa chúng tôi đến gần điểm kết thúc.

Không thể bàn tính công việc trước mặt người xà ích thuê ở Coombe Tracy được. Và mặc dầu rất hồi hộp, chúng tôi vẫn nói về những chuyện tầm phào nào đó. Tôi thở phào nhẹ nhõm lúc qua khỏi vi-la của Frankland. Từ đây tới biệt thự Baskerville còn chừng hai ba dặm. Không dừng lại ở cạnh cổng ra vào, chúng tôi đi đến cửa hàng dầu dẫn tới con đường rợp bóng cây. Sau khi thanh toán tiền cho người đánh xe, chúng tôi cho ông ta quay trở lại Coombe Tracey và bắt đầu đi về hướng Merripit.

- Ông có mang theo vũ khí không, Lestrade?

Người thám tử mỉm cười:

- Từ lúc tôi mặc quần dài, nghĩa là lúc có túi sau, thì trong túi sau của tôi chẳng bao giờ trống rỗng cả.

- Vậy thì tốt, tôi với Watson cũng đã chuẩn bị xong.

- Tôi nhận thấy ông kín đáo quá, ông Holmes, trò chơi này đòi hỏi chúng ta cái gì?

- Lòng kiên nhẫn. Chúng ta sẽ cố chờ.

- Vùng này quả thật không lấy gì làm vui lắm - Viên thám tử vừa nói vừa rùng mình - Mà có lửa sáng ở chỗ kia kia.

- Đây là nhà Stapleton, đích cuối cùng của chuyến đi này. Bây giờ các vị bước lạng lẽ hơn và hãy nói thật khẽ thôi.

Chúng tôi thận trọng bước theo lối mòn dẫn tới ngôi nhà, nhưng khi còn cách tòa nhà chung hai trăm yard thì Holmes dừng lại.

- Không cần tiếp tục đi nữa. Những tảng đá kia có thể làm chỗ che chở tốt cho chúng ta.

- Chúng ta sẽ chờ ở đây sao?

- Chúng ta mai phục. Hãy đứng vào đó, Lestrade! Watson, ô cửa sổ có khung lưới kia là phòng nào vậy?

- Nhà bếp.

- Còn cửa sổ kế liền sang sáng kia?

- Phòng ăn.

- Họ không buông rèm. Anh biết cách lên tới đó. Hãy nhìn qua cửa sổ, xem họ làm gì. Chỉ cần im lặng, đừng để họ nghe thấy anh đấy!

Tôi nhón chân lên lên tới gần hàng rào thấp bằng đá bao quanh khu vườn cần cỗi của gia đình Stapleton. Thế rồi tôi lần vào bóng tối tiến đến chỗ có thể nhìn vào ô cửa sổ không buông rèm. Trong phòng có hai người đàn ông: Ngài Henry và Stapleton. Họ ngồi đối diện với nhau quanh bàn tròn, quay nghiêng về phía tôi, hút thuốc. Trước mặt họ bày mấy tách cà phê và chai rượu vang. Stapleton đang sôi nổi nói về chuyện gì đó, nhưng Nam tước ngồi nghe hẩn nói, lơ đãng, mặt mày buồn thiu. Có lẽ ý nghĩ về việc phải quay trở về nhà qua khu đầm lầy đã khiến ông không yên tâm.

Trong lúc tôi đang rình rập, Stapleton bỗng đứng lên, ra khỏi phòng. Ngài Henry rót đầy ly và dựa ghế nút xì gà. Tôi nghe tiếng mở cửa và tiếng chân rào rào trên sỏi. Tiếng chân đi dọc theo bức tường tôi đang núp. Tôi rón rén nhóm lên và thấy nhà tự nhiên học dừng chân trước một gian chái ở góc vườn. Ông ta mở khóa và vào trong. Có tiếng xô đẩy trong đó vọng ra. Ông ta chỉ ở lại trong đó một hai phút. Rồi tôi lại nghe tiếng khóa cửa. Ông ta quay lại, đi dọc bức tường rồi vào nhà. Tôi bò trở lại chỗ Holmes.

- Anh nói bà Stapleton không có mặt? - Holmes hỏi.

- Bà ta không có trong nhà.

- Bà ta có thể ở đâu nhỉ, vì ngoài nhà bếp ra thì không còn chỗ nào có đèn sáng?

- Tôi cũng tự hỏi như thế.

Trên không Grimpen lúc này sương mù dày đặc. Màn sương bay tới chỗ chúng tôi như một bức tường chắn. Holmes lo lắng, lẩm bẩm.

- Màn sương đi thẳng tới phía mình.

- Như vậy có hại gì? - Tôi hỏi.

- Có hại lắm chứ! Sương mù là nhân tố duy nhất có khả năng làm xáo trộn kế hoạch của tôi. Không thể trì hoãn được nữa. Đã 10 giờ rồi. Sự thành công của chúng ta và cả sinh mạng của ông ấy đều tùy thuộc vào chỗ ông ấy có ra về trước khi sương mù che khuất hay không.

Trong nhà bếp lúc này đèn dòm đã tắt, gia nhân đã ra khỏi đó. Chỉ còn ánh đèn sáng ở phòng ăn. Chủ nhà sát nhân và người khách ngây thơ tiếp tục tâm sự và rít thuốc. Bức màn sáng trắng lan tỏa khắp nơi và bắt đầu bao phủ các góc nhà. Holmes đặt năm tay run rẩy lên tảng đá trước mặt chúng tôi và dậm chân.

- Nếu 15 phút nữa mà ông ta chưa về thì ta không thể nhìn thấy cả bàn tay của mình.

- Có lẽ ta phải lui lại một chút, tìm một chỗ cao hơn.

- Tôi cũng nghĩ như vậy thì tốt hơn.

Chúng tôi dừng lại ở chỗ cánh ngói nhà nửa dậm. Nhưng màn sương cũng tiếp tục đuổi theo.

- Ta đi quá xa rồi - Holmes nói - Coi chừng ông ta bị đuổi kịp trước khi đến chỗ chúng ta. Phải dừng lại ở đây thôi!

Anh quỳ xuống, đặt sát tai xuống đất:

- Cảm ơn Chúa. Tôi nghĩ là ông ấy đang tới gần.

Từ phía sau những tảng đá, chúng tôi cúi xuống dán mắt nhìn qua bức tường trắng trắng đã tiến sát chúng tôi. Tiếng bước chân gần hơn, rồi từ màn sương hiện ra con người chúng tôi đang đợi. Ông ta nhìn xung quanh. Sau đó, ông rảo bước trên con đường mòn, vượt qua chỗ chúng tôi và bắt đầu leo lên sườn dốc thoải ngay sau những tảng đá. Trong lúc đi, ông thường ngoảnh nhìn ra phía sau, có vẻ lo lắng.

- Trời! - Holmes thì thào lên cò súng đến rộp một cái - Hãy chú ý! Con chó đấy!

Tiếng dậm thành thịch đều đều vang lên ngay trong đám sương mù tiến gần đến chỗ chúng tôi. Bức tường sương ở cách chúng tôi chừng 50 yard, cả ba chúng tôi đều cùng dán mắt vào đó. Và đột nhiên Holmes nhìn chăm chú và nghiêm nghị, còn miệng anh thì hé mở vì kinh ngạc. Lestrade rú lên vì sợ hãi, rồi ngã vật xuống đất. Tôi rướn thẳng người lên, hầu như bị tê liệt khi nhìn thấy con vật đang chạy tới. Tôi đưa tay nắm lấy khẩu súng lục. Đúng rồi! Đây là con chó khổng lồ, đen tuyền. Nhưng chưa một ai trong chúng tôi trông thấy một con chó như thế. Ngọn lửa phun ra từ cái mõm

rộng toang hoác của nó, đôi mắt sáng rực như than hồng, mõm và bốn chân thì có ánh sáng nhấp nháy. Con vật dữ tợn đang từ màn sương mù chồm về phía chúng tôi.

Con quái vật vừa đánh hơi vừa nhảy vun vút theo vết của Nam tước. Chúng tôi chỉ kịp lấy lại bình tĩnh khi con vật qua khỏi chỗ chúng tôi, cả tôi và Holmes đồng loạt nổ súng. Tiếng rống đinh tai vang lên liền sau đó khiến chúng tôi tin rằng ít nhất cũng có viên đạn trúng đích. Nhưng con chó vẫn không dừng lại mà tiếp tục phóng về phía trước. Chúng tôi nhìn thấy ngài Henry ngoảnh đầu lại, mặt tái xanh, hai tay chới với giơ lên cao vì kinh hãi. Thế rồi ông đứng lặng đi, mắt không rời khỏi con quái vật đang chồm lên về phía mình.

Nhưng tiếng kêu đau đớn của con chó đã làm tiêu tan nỗi khiếp đảm của chúng tôi. Nếu nó đã bị thương thì nó không phải là ma quỷ gì, và nếu chúng tôi đã bắn trúng nó thì cũng có thể giết nó được. Tôi thường được xem là người chạy giỏi, vậy mà Holmes vượt cả tôi.

Chúng tôi chạy như điên, nghe thấy tiếng kêu của ngài Henry và tiếng rống khàn khàn của con chó. Chúng tôi đến đúng lúc con vật đang chồm lên miếng mồi của mình. Nhưng Holmes đã nã vào hông nó năm phát súng liền. Con chó tru lên lần cuối cùng, ngã vật ra, cả bốn chân co giật rồi nằm im bất động. Tôi thở hổn hển, cúi nhìn con vật dí nòng súng ngấn vào chiếc mõm lóng lánh găm ghiếc. Nhưng tôi không phải bóp cò nữa, con chó không hề đã tắt thở.

Ngài Henry nằm bất tỉnh nhân sự ở ngay chỗ con vật. Chúng tôi mở nút cổ áo cho ông. Thế rồi mí mắt của ngài động đậy, ngài khẽ cựa mình, Lestrade đút miệng bình rượu brandy vào giữa hai hàm răng của ông. Một lúc, ngài mở mắt, nhìn chúng tôi, vẫn còn kinh hãi.

- Cái gì thế này? Nó đâu rồi? - Nam tước thì thào.

- Nó đã chết rồi Cái bóng ma theo đuôi dòng họ của ngài đã bị kết liễu vĩnh viễn - Holmes nói.

Con quái vật nằm trước mặt chúng tôi thật ra vẫn còn có thể làm bất kỳ ai kinh hãi bởi kích thước và sức mạnh của nó. Dường như con vật này là sự pha trộn giữa giống chó ngao và chó chăn bò vạm vỡ, với sức mạnh của

con sư tử cái trẻ trung. Cái mõm to sụ của con vật dường như vẫn còn tỏa ra nhưng tia lửa màu lam nhạt, còn đôi mắt hung dữ sâu hoắm của nó được phủ những vòng lửa chung quanh. Tôi đụng vào cái đầu lấp lánh của nó, và sau khi rút tay lại, tôi nhận thấy những ngón tay tôi bỏng rát và cũng nhấp nháy sáng trong bóng tối.

- Lân tinh! - Tôi nói.

- Đúng vậy một loại chế phẩm đặc biệt nào đó - Holmes đưa mũi lại gần và khẳng định - Hãy thứ lỗi cho chúng tôi, ngài Henry, vì chúng tôi đã bắt ngài trải qua cơn thử thách khủng khiếp đến mức này. Tôi tin là sẽ trông thấy một con chó nhưng không ngờ rằng con quái vật này lại như thế. Sương mù cản trở nên chúng tôi không thể đón đầu con chó được.

- Các ông đã cứu sống tôi.

- Sau khi đã đặt ngài vào tình thế nguy hiểm, thế nào, bây giờ ngài có thể đứng dậy được chứ?

- Cho tôi một hóp brandy nữa... Bây giờ chúng ta làm gì?

- Tạm thời, chúng tôi để ngài ở đây cho đến khi ngài hồi tỉnh lại, rồi một người nào đó trong chúng tôi sẽ cùng trở về nhà với ngài.

Nam tước thử đứng lên nhưng không được. Mặt tái mét như gà bị cắt tiết, toàn thân run rẩy. Chúng tôi đỡ ngài đến gần tảng đá. Ngài ngồi xuống đó, cả người vẫn run rẩy, hai tay che mặt.

- Còn bây giờ chúng ta phải đi thôi - Holmes nói - Cần kết thúc công việc. Thì giờ cấp bách: tiếng súng đã báo động cho y.

- Hẳn không còn ở trong nhà nữa - Holmes cùng chúng tôi bước nhanh trên lối mòn, tiếp tục nói - Hẳn không thể không nghe thấy tiếng súng và hẳn hiểu là trò chơi đã bị thất bại.

- Tiếng súng ở cách xa ngôi nhà, hơn nữa sương mù làm nhỏ âm thanh đi.

- Anh có thể tin chắc là hẳn cũng lao theo sau con chó, bởi hẳn cần kéo con chó ra khỏi thi thể. Không, chúng ta sẽ không gặp hẳn. Nhưng dầu sao cũng cần phải lục lọi khắp mọi nơi.

Cửa ra vào mở toang. Chúng tôi chạy vào trong nhà, nhanh chóng xem xét từ phòng này tới phòng khác khiến người hầu già rất ngạc nhiên. Chỉ có ánh sáng ở trong phòng ăn, nhưng Holmes đã cầm đèn lồng sục mọi xó xỉnh trong nhà. Con người chúng tôi đang tìm kiếm đã không cánh mà bay. Tuy vậy, cửa vào trong những phòng ngủ ở lầu hai bị khóa chặt.

- Có người ở trong này! - Lestrade kêu lên.

Trong phòng có tiếng loạt soạt và tiếng rên rỉ yếu ớt. Holmes đập vào ổ khóa thì cánh cửa mở toang ra. Lăm lăm súng lục trong tay, chúng tôi ập vào.

Thế nhưng tên vô lại không có ở đây. Thay thế hắn, hiện ra trước mắt chúng tôi là một hình thù kỳ lạ.

Căn phòng này là một bảo tàng nhỏ. Chỗ bức tường chỉ chất đầy toàn những hộp kính bảo quản bộ sưu tập bướm và côn trùng. Giữa phòng có một cây cột chống đỡ đỡ trần nhà mục nát. Một người bị trói vào cây cột, tám vải trải giường quấn chặt lấy người đó từ đầu đến chân. Một mảnh vải quấn quanh cổ, mảnh vải khác che phần dưới của khuôn mặt, chỉ có cặp mắt mở to là nhìn chúng tôi dò hỏi và tràn ngập nỗi khiếp đảm và xấu hổ. Chúng tôi nhanh chóng tháo bỏ dây buộc, lấy giẻ bịt miệng ra. Đó chính là bà Stapleton. Bà ngã gục xuống chân chúng tôi. Tôi trông thấy nhưng vết roi lằn đỏ trên cổ bà.

- Quân dê tiện! - Holmes thốt lên - Lestrade, brandy đâu? Hãy đặt bà ấy lên ghế. Bất kỳ ai chịu sự tra tấn như thế cũng chết ngất cả thôi.

Bà Stapleton mở mắt ra.

- Ông ấy có được cứu thoát không? Ông ấy đã chạy đi rồi sao?

- Ông nhà sẽ không bao giờ thoát khỏi tay chúng tôi, thưa bà.

- Không, không, tôi không hỏi về hắn. Ngài Henry có được cứu sống không?

- Thoát rồi.

- Còn con chó?

- Đã bị giết.

Bà bật ra tiếng thở phào nhẹ nhõm.

- Cảm ơn Chúa! Ôi! Quân chó má! Các ông thấy hắn đã đối xử với tôi như thế đây? - Bà vén tay áo lên và chúng tôi trông thấy tay bà bầm tím - Nhưng điều đó cũng không sao... Hắn đã giày vò, đã đầy dọa tâm hồn tôi. Trong khi tôi vẫn hy vọng là hắn còn yêu tôi, tôi đã chịu đựng tất cả: sự đối đãi ngang ngược, cảnh cô độc, cuộc sống tràn ngập những điều giả tạo... Nhưng hắn đã lường gạt tôi, biến tôi thành công cụ trong tay hắn - Không kìm lòng được, bà ta khóc nức nở.

- Đúng vậy, thưa bà. Đừng giấu chúng tôi, cần tìm hắn ở đâu? Nếu bà đã từng là kẻ tiếp tay cho hắn thì hãy tận dụng thời cơ này để làm giảm nhẹ lỗi lầm của mình.

- Ngay giữa đầm lầy có một hòn đảo nhỏ. Hắn giữ con chó tại đó. Cũng tại đó, hắn chuẩn bị mọi thứ để phòng ngừa trường hợp buộc phải ẩn mình vào đây.

Holmes soi đèn vào cửa sổ. Sương mù buông trắng dính đầy vào kính.

- Hãy trông kia! Đêm như thế này không một ai có thể lọt vào đầm lầy Grimpen được đâu.

Bà Stapleton bật cười, cặp mắt nhấp nháy những tia lửa hằn học.

- Hắn sẽ tìm thấy đường vào nhưng sẽ không quay trở lại được nữa - Bà reo lên - Làm sao hắn có thể nhận ra cột mốc vào một đêm như thế này. Chúng tôi đã cùng đặt những cột mốc để đánh dấu lối mòn sang vùng đầm lầy. Ôi! Nếu hôm nay tôi có thể thu dọn chúng đi! Thì hắn đã nằm trong tay các ông rồi!

Không thể nghĩ đến chuyện đuổi bắt vào một đêm như thế. Chúng tôi để Lestrade ở lại canh chừng ngôi nhà còn chúng tôi đưa ngài Henry quay trở lại lâu đài Baskerville.

Tuy nhiên, cơn chấn động trải qua trong đêm ấy đối với ngài Henry vẫn chưa qua khỏi. Ông nằm mê man tới sáng dưới sự chăm sóc của bác sĩ Mortimer. Có lẽ cần một cuộc du lịch vòng quanh thế giới thì ngài Henry mới phục hồi được.

Giờ đây câu chuyện kỳ lạ của tôi sắp kết thúc. Ghép lại câu chuyện này, tôi cố gắng để bạn đọc chia sẻ cùng chúng tôi mọi nỗi khủng khiếp cùng những phán đoán mơ hồ đã phủ lên cuộc sống của chúng tôi lâu đến thế và đã được kết thúc bằng tấn kịch như vậy.

Đến sáng, sương mù tản đi. Bà Stapleton đưa chúng tôi tới nơi bắt đầu lối mòn đi qua đầm lầy. Chúng tôi theo bà trên dải than bùn hẹp lún sâu vào vùng đầm lầy thành một bán đảo nhỏ. Những cành cây nhỏ trụi lá cắm khắp nơi làm thành lối mòn uốn lượn theo hình chữ chi từ mô đất này tới mô đất khác, giữa những khoảng trống có phủ lá cây chắn ngang con đường ở mọi chỗ. Hơi độc bốc lên từ lau sậy mục ruỗng và từ những cây rong bị phủ bùn bay là đà trên mặt đầm lầy. Thỉnh thoảng chúng tôi trượt ngã, đầu gối lê trên khu đất lầy đen sẫm. Bùn lầy nhầy nhụa bám vào chân chúng tôi. Trên mô đất mọc lên một loại cỏ đầm lầy còn in hằn những vết thẫm. Holmes nhào người tới đó và ngay lập tức anh bị thụt đến ngang nách trong vũng lầy, và nếu không có chúng tôi thì chưa chắc anh đã thoát chết. Anh cầm trong tay chiếc giày đen cũ kỹ. Bên trong có đóng dấu: “Meyers, Toronto”.

- Thu hồi được cái này thì tắm bùn một trận cũng đáng - Anh nói - Chiếc giày thất lạc của người bạn chúng ta đây.

- Bị Stapleton vội vàng quẳng đi chăng?

- Rất đúng. Hắn đã cho con chó đánh hơi chiếc giày khi hướng dẫn nó lần theo vết ngài Henry. Rồi hắn cầm chiếc giày chạy trốn, sau đó hắn ném đi. Ít nhất chúng ta cũng biết được là hắn đã lọt đến chỗ này bình yên vô sự.

Nhưng chúng tôi không biết được gì thêm nữa, mặc dầu có thể phỏng đoán nhiều điều. Không thể nào nhận ra những dấu vết trên con đường mòn.

Bùn lầy ngay tức khắc phủ kín lấy chúng. Chúng tôi tìm kiếm dấu vết ở chỗ khô ráo hơn, nhưng mọi sự tìm kiếm đều vô ích. Nếu đất mà nói đúng sự thật thì Stapleton đã không tới được cù lao. Con người lãnh đạm nhẫn tâm này đã vĩnh viễn bị chôn vùi ngay giữa trung tâm vùng đầm lầy Grimpen.

Chúng tôi tìm thấy thật nhiều dấu vết sinh hoạt của hắn trên đảo. Cái tời khổng lồ, giếng lò lưng lửng đá dăm và chúng tỏ vào thời gian nào đó ở

đây đã có công trường khai thác mỏ. Cạnh đó là những túp lều đổ nát của thợ mỏ. Ở một trong những túp lều này, chúng tôi tìm thấy một cái vòng treo trên tường, dây xích và rất nhiều xương bị găm. Có lẽ Stapleton giữ con chó của mình tại đây. Lăn lóc giữa rác rưởi là bộ xương chó hung hung còn lại một nhúm lông trên mình.

- Một con chó. - Holmes thốt lên - Đúng là con chó lông xoắn. Bác sĩ Mortimer sẽ không bao giờ tìm thấy con chó đáng yêu của mình nữa. Còn thứ bột nhão trong hộp sắt tây này là hợp chất phát sáng mà hắn đã bôi vào con chó của mình. Chính truyền thuyết về con chó của dòng họ Baskerville đã nảy ra trong óc hắn ý nghĩ đó và hắn đã quyết định thanh toán ngài Charles bằng cách này. Đến giờ chẳng có gì đáng ngạc nhiên là vì sao tên tù khổ sai bất hạnh vừa tháo chạy vừa la hét khi con ngáo ộp từ trong bóng đêm nhảy bổ vào hắn. Stapleton quả ranh mãnh! Vì ngoài khả năng giết chết nạn nhân, con chó này làm người ta hoảng sợ. Khi đã trông thấy nó một lần - và may mắn thoát chết - thì còn ai dám mạo hiểm đi tìm nó nữa?

Chương 15: Hồi tưởng

Đã cuối tháng 11. Vào một tối sương mù u ám, tôi và Holmes ngồi cạnh lò sưởi cháy rùng rục trong phòng làm việc tại đường Baker. Từ sau chuyến đi của chúng tôi đến Doveonshire tới giờ, bạn tôi đã điều tra xong hai vụ án rất nghiêm trọng nữa. Tâm trạng Holmes vô cùng phấn chấn.

Đồng thời vào những ngày này, ngài Henry và bác sĩ Mortimer cũng đang ở London. Họ chuẩn bị đi du lịch ở nước ngoài theo lệnh của các bác sĩ nhằm hồi phục tinh thần sa sút của Nam tước. Sau khi họ đi rồi, tôi thấy đã đến lúc gợi chuyện về đề tài cần thiết. Holmes nói:

- Từ đó đến giờ, tôi đã hai lần nói chuyện với bà Stapleton và mọi chuyện đã sáng tỏ. Tôi nghĩ hiện giờ không còn điều bí ẩn nào cả. Anh có thể xem qua những ghi chép của tôi về vụ án này trong hồ sơ có chữ “B”.

- Anh có thể trình bày tóm tắt các sự kiện chỉ dựa vào trí nhớ được không?

- Rất vui lòng, mặc dầu không dám bảo đảm là tôi nhớ hết mọi chi tiết.
Nếu tôi có quên một điều gì thì anh hãy nhắc giùm tôi.

Những tài liệu thu thập được đã khiến tôi tin chắc rằng bức chân dung của dòng họ Baskerville cho biết một sự thật rằng Stapleton thuộc dòng họ Baskerville, con trai của ngài Rodger Baskerville, em út của ngài Charles. Ông Rodger phải chạy sang Nam Mỹ, lập gia đình và sau đó sinh được một người con mang họ cha. Chàng trai này kết hôn với Béry Garcia, một trong những mỹ nhân ở Costa Rica. Hắn tham ô một khoản tiền của nhà nước, nên sau khi đổi họ thành Vandeleur, hắn trốn về Anh quốc, nơi không lâu sau đó hắn mở một trường học ở phía đông Yorkshire. Hắn chọn loại hoạt động này vì hắn biết lợi dụng những tri thức và kinh nghiệm của một nhà giáo mà hắn quen trên đường về Anh quốc. Thế nhưng người bạn của hắn đã lâm vào giai đoạn cuối cùng của bệnh ho lao và chẳng bao lâu đã chết. Công việc của nhà trường càng ngày càng sa sút. Hai vợ chồng có ý định đổi họ và từ đây bắt đầu mang danh là Stapleton. Thời gian sau, với phần dư tài sản của mình, với những dự định mới trong tương lai, và với lòng ham thích môn côn trùng học, Stapleton dọn đến ở miền Nam nước Anh. Tôi đã dò hỏi Viện bảo tàng Anh và được biết hắn trở thành người có uy tín, được mọi người thừa nhận trong lĩnh vực này. Stapleton tìm hiểu rất cẩn kẽ và biết rằng giữa hắn với thái ấp rộng lớn chỉ có hai sinh mệnh tất cả. Lúc mới chuyển đến Devonshire, các kế hoạch của hắn có lẽ còn mơ hồ. Nhưng rồi ý định độc ác từ đầu, hắn nhận vợ mình là em gái. Ý định lợi dụng cô ta làm con mồi đã nảy ra ngay trong óc hắn. Mục đích cuối cùng của hắn là phải nhận được thái ấp. Để khởi đầu, cần chuyển đến ở gần lâu đài Baskerville hơn, và sau đây sẽ đặt mối quan hệ thân thiết với ngài Charles cùng các láng giềng khác.

Chính Charles đã kể cho hắn nghe truyền thuyết về con chó, nghĩa là Charles tự mình dọn đường đi đến cái chết. Stapleton biết rằng tim ông già bị đau, rằng chỉ một xao động mạnh cũng có thể làm ngài chết. Hắn biết được điều này là do bác sĩ Mortimer. Ngoài ra, hắn cũng biết là ngài Charles là một người mê tín. Đầu óc linh hoạt của Stapleton đã nhanh chóng mách bảo hắn phương kế giết ngài Charles mà chính hắn sẽ không hề bị nghi ngờ. Stapleton đã bắt tay thực hiện ý định đó với tất cả sự sành sỏi. Một tên giết người tâm thường trong trường hợp này có lẽ hài lòng với

một con chó độc, nhưng hắn tạo ra một con quỷ dữ! Hắn mua con chó theo con đường phía Bắc trở về Devonshire, đi vòng qua khu đầm lầy, mang con chó về nhà mà không bị ai để ý. Trong thời gian đi bắt bướm, hắn phát hiện ra con đường đi sâu vào đầm lầy Grimpen và tìm ra một nơi nhốt con chó dữ. Hắn đã để con chó ở đây, xích lại và chờ đợi thời cơ.

Nhưng chờ đợi lâu mà thời cơ vẫn chưa xuất hiện: Không thể lừa ngài Charles đi ra ngoài thái ấp vào ban đêm nổi. Nhiều lần, Stapleton mang chó theo ngồi rình ông già, nhưng đều uổng ông. Lúc đó, Stapleton đặt tất cả niềm hy vọng của mình vào người vợ. Nhưng lần ấy bà ta đã từ chối. Bà không chịu quyến rũ ông Charles khi biết rằng việc đó có thể huỷ hoại đời ông. Cả dọa dẫm lẫn đánh đập, vẫn không đem lại kết quả. Bà không muốn tham gia vào âm mưu thâm độc của chồng. Thế là Stapleton rơi vào tình trạng bế tắc.

Nhưng rồi lối thoát cho Stapleton đã được tìm thấy. Ngài Charles biểu lộ tình cảm thân ái đặc biệt đối với Stapleton, đã phải hắn đi gặp Laura Lyons với tư cách là người trung gian của mình. Nhận là mình chưa có gia đình, hắn hoàn toàn chinh phục được người đàn bà bất hạnh này và làm cho cô ta tin rằng hắn sẽ lấy cô làm vợ nếu cô ly dị chồng. Hắn phải hành động thật khẩn trương. Khi hắn hay tin ngài Charles sửa soạn đi London theo yêu cầu khẩn khoản của bác sĩ Mortimer thì hắn cũng làm ra vẻ tán thành. Hắn thấy mình không thể chậm trễ; nếu không thế, miếng mồi có thể bị mất. Hắn đã ép cô Laura viết thư cho ngài Charles, van nài ngài cho gặp trước khi ngài đi khỏi lâu đài Baskerville. Sau đấy làm bộ cao thượng, hắn khuyên cô không đi đến cuộc gặp mặt. Thế là thời cơ chờ đợi bấy lâu nay đã xuất hiện.

Chiều hôm đó, sau khi từ Coombe Tracy trở về, hắn kịp chạy tới chỗ con chó, bôi lên người nó chất lân tinh rồi dẫn nó tới nơi ngài Charles sẽ phải đến. Con chó bị chủ kích thích, nhảy qua cửa hàng giậu, lao theo ngài Charles. Ông quý tộc già vừa chạy vừa kêu cứu. Cảnh tượng hắn là khủng khiếp! Chung quanh là bóng đêm. Rượt theo sau ông trong bóng đêm ấy, là một con vật khổng lồ mõm phát sáng, còn mắt thì rực lửa. Tim của ngài Charles không chịu nổi, ông đã ngã xuống tắt thở. Sau khi ngài Charles ngã, hình như con chó có người rồi bỏ đi mà không đụng vào người ông.

Bác sĩ Mortimer có nhận ra những dấu vết này. Stapleton gọi con chó của mình, vội vàng dắt nó trở lại rồi đi sâu vào vùng đầm lầy.

Đây là tất cả những gì có liên quan tới cái chết của ngài Charles. Hai người đàn bà bị lôi kéo vào vụ này, bà Stapleton và cô Laura Lyons đều nghi ngờ kẻ giết ngài Charles là ai. Bà Stapleton biết là người chồng đang mưu toan chống lại ông già và còn biết về sự hiện diện của con chó. Tuy cô Laura Lyons không hề may mắn biết về điều này, nhưng cái chết của ngài đã gây ấn tượng mạnh. Mặc dầu vậy, cả hai người hoàn toàn nằm trong sự thao túng của hắn, hắn có thể không e ngại gì họ. Như thế, nửa đầu của nhiệm vụ đã được thực hiện thành công, còn nửa thứ hai của nhiệm vụ đó thì khó hơn nhiều.

Ban đầu, rất có thể Stapleton không nghĩ tới sự tồn tại của người thừa kế tài sản ở Canada. Nhưng hắn đã biết ngay về điều đó từ bác sĩ Mortimer, ông này đồng thời cũng là người báo cho hắn biết ngày trở về của ngài Henry. Ý nghĩ nảy ra trước tiên trong đầu hắn là liệu có thể thanh toán người đàn ông Canada trẻ tuổi này ở London trước khi ông ta đến Devonshire được hay không. Stapleton không thuyết phục vợ nữa vì hắn còn nhớ là bà ta đã cự tuyệt việc lôi cuốn ông già Charles vào bẫy của mình. Để bà ta ở lại một mình, hắn cũng không dám. Điều đó có thể hoàn toàn làm tổn hại uy quyền của hắn trước người vợ. Thế là vợ chồng hắn cùng đi London. Như sau này tôi được rõ thì cả hai người nghỉ chân tại khách sạn Mexborough trên phố Craven nơi cậu Cartwright có rẽ vào khi đi tìm trang báo Times bị cắt rời. Stapleton nhốt vợ trong phòng thuê ở khách sạn, còn bản thân hắn thì mang bộ râu giả theo dõi bác sĩ Mortimer tới đường Baker, đến sân ga, và đến tận khách sạn. Bà Stapleton hoài nghi về rithững ý định của chồng nhưng bà sợ hắn, sợ tới mức không dám viết thư cho ngài Henry mà bà biết đang bị đe dọa. Nếu lá thư rơi vào tay Stapleton thì hắn sẽ giết bà ta. Cuối cùng, như chúng ta đã biết, bà cắt những chữ cần thiết trong tờ báo và viết địa chỉ bằng nét chữ đã thay đổi. Bức thư đến tay Nam tước và lần đầu tiên nhà quý tộc phải đề phòng. Stapleton cần xoay xở để đoạt bằng được bất kỳ một thứ trang phục nào của ngài Henry để cho con chó ngửi trước khi lần theo dấu vết của ông. Vẫn như mọi khi, hắn hành động khôn khéo và mau lẹ, chắc chắn là tên hầu phòng hoặc người nhân viên đánh giày đã nhận một món tiền thưởng

hào phóng để giúp hắn. Chẳng may là chiếc giày đầu tiên lại là giày mới, bởi thế nó thành vô ích. Hắn đã trả lại và nhận cái khác thay thế. Từ sự kiện có ý nghĩa này, tôi suy luận chúng ta đang đối đầu với một con chó thực sự, vì chỉ điều đó mới giải thích được tại sao tên lưu manh lại cố gắng đoạt được chiếc giày cũ.

Sáng hôm sau, những người bạn tới thăm chúng ta. Stapleton đã ngồi trên xe vui theo dõi họ. Rõ là hắn đã biết mặt tôi, biết địa chỉ của tôi và căn cứ vào tính khí của hắn, tôi cho rằng sự nghiệp tội phạm của hắn không chỉ giới hạn ở vụ án Baskerville. Chẳng hạn 3 năm trở lại đây ở các tỉnh phía tây xảy ra bốn vụ cướp giết lớn mà không phát hiện ra tội phạm. Vụ cướp giết sau cùng trong số đó xảy ra ở Folkstone vào tháng 5. Kẻ cướp mang mặt nạ đã dùng súng quật ngã một chú bé bắt chọt bắt gặp hắn. Hiện giờ, tôi hầu như chắc chắn rằng Stapleton đã khôi phục sự nghiệp tài chính bằng cách như vậy, rằng đã từ lâu hắn là một tên tội phạm nguy hiểm.

Buổi sáng hôm đó, chính hắn đã khéo léo thoát khỏi tay chúng ta rồi sau đó đã táo bạo mạo danh tôi vì hắn biết rõ thế nào tôi cũng sẽ tìm được chiếc xe vui này. Từ lúc đó, hắn hiểu là ở London sẽ không thành công được. Hắn lui về Grimpen, chờ Nam tước đến đây.

- Khoan đã - Tôi ngắt lời Holmes - Còn một điểm tôi chưa được rõ. Con chó sẽ ra sao sau khi chủ của nó đi London?

- Vấn đề rất quan trọng. Chính tôi cũng nghĩ tới, chắc chắn hắn có người tâm phúc. Anh còn nhớ người phục vụ ở Merripit, ông già Anthony không? Ông ta sống trong gia đình Stapleton nhiều năm, ngay cả khi họ còn cai quản trường phổ thông kia. Tất nhiên ông ta biết họ là vợ chồng. Thế rồi, chính ông lão Anthony này đã biệt tăm, không còn thấy ông ta ở Anh nữa. Cũng rất thú vị khi biết rằng cái tên Anthony không phải là một cái tên phổ biến của người Anh như cái tên Antonio của người Tây Ban Nha hoặc người châu Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha. Ông ta, cũng như Stapleton, nói tiếng Anh rất sôi nhưng vẫn còn lơ lớ. Chính mắt tôi đã trông thấy ông ta đi vào vùng đầm lầy Grimpen theo lối mòn do Stapleton đánh dấu. Cho nên rất có thể khi người chủ vắng mặt, Anthony đã nuôi con chó, mặc dầu có thể ông ta không ngờ tới là người ta giữ con chó ở đây với mục đích gì.

Thế là vợ chồng Stapleton đã quay về Devonshire và không bao lâu sau, anh cùng ngài Henry đi tới đó. Có lẽ anh còn nhớ là khi bóc lá thư chuyển cho ngài Henry ra, tôi đã lưu ý xem có hình lông ở trong đó không. Tôi đem giấy đến gần mắt và phát hiện ra mùi nước hoa “white jessamine[1]” thoang thoảng. Có 75 loại nước hoa mà người thám tử dày dạn cần phải phân biệt. Nếu có mùi hoa nhài, chứng tỏ tác giả của lá thư là đàn bà, và lúc đó tôi đã nghi ngờ vợ chồng Stapleton. Vậy là tôi đã biết con chó trong vụ này và đoán ra ai là thủ phạm, trước khi đến Devonshire, kế hoạch của tôi là phải theo dõi Stapleton. Nhưng nếu tôi theo các anh về lâu dài thì hẳn sẽ đề phòng ngay lập tức. Tôi buộc phải lừa dối tất cả mọi người, trong đó có anh. Tôi nói là tôi ở tại London nhưng chính tôi lại xuất hiện sau anh. Thật ra tôi sống ở Coombe Tracy, còn hang đá ở khu đầm lầy chỉ được dùng đến khi cần phải ở gần nơi hành động hơn. Cậu bé Cartwright đến Devonshire cùng tôi. Khi đi lại khắp nơi với dáng dấp của một chú bé thôn quê, Cartwright đã giúp tôi rất nhiều. Ngoài ra, chú còn cung cấp đồ ăn và quần áo sạch cho tôi, theo dõi anh khi tôi bận đi tới Stapleton.

Anh đã biết là các bản phúc trình của anh được mau chóng chuyển từ đường Baker đến Coombe Tracy. Tôi thu nhận được rất nhiều điều từ chúng, đặc biệt là tiểu sử của Stapleton. Nhờ đó, tôi xác định được cá nhân của họ, và tôi đã hiểu mình đang đương đầu với ai. Tuy nhiên, cuộc điều tra đã trở nên phức tạp bởi một điểm phụ: đó là vụ vượt ngục của tên tù khổ sai và mối liên hệ giữa hắn với vợ chồng Barrymore. Nhưng anh đã gỡ nút này ra. Khi anh gặp tôi trong hang đá thì tôi đã hiểu rõ vụ án, nhưng hồ sơ buộc tội thì chưa đầy đủ. Thậm chí vụ mưu hại không thành công của Stapleton đối với ngài Henry được kết thúc bằng cái chết của tên tù, không thể xem là bằng chứng buộc tội Stapleton. Tôi chỉ còn một cánh duy nhất: Dùng ngài Henry làm con mồi để bắt quả tang hắn ngay tại nơi gây ra tội ác. Nam tước phải đi một mình và làm như không được ai bảo vệ cả. Chúng ta đã làm như thế, và chúng ta không chỉ kết thúc cuộc điều tra mà còn đẩy Stapleton đến cái chết.

Bây giờ tôi chỉ còn kể về vai trò của bà Stapleton. Tôi tin chắc là Stapleton hoàn toàn bắt bà tuân phục mình. Người phụ nữ đồng ý nhận mình là em gái của hắn, nhưng bà ta khẳng khái cự tuyệt việc trở thành kẻ tòng phạm tích cực với kẻ giết người. Bà đã nhiều lần toan báo động cho ngài Henry

về mối nguy hiểm đang đe dọa ông, mà không phải tố giác chồng mình. Về phần Stapleton, y có thể ghen tuông. Khi Nam tước bắt đầu biểu lộ tình cảm triu mến đối với người đàn bà đó thì Stapleton không kìm hãm nổi lòng mình được, mặc dù điều này nằm trong kế hoạch của hắn. Trong cơn giận dữ, hắn đã bộc lộ toàn bộ bản tính trước đó được che đậy một cách khéo léo. Tuy nhiên hắn vẫn khích lệ sự sẵn đón của ngài Henry để đưa ngài vào tròng và rồi sớm muộn ngài cũng sẽ rơi vào tay hắn. Nhưng vào giờ phút quyết định thì bà ta nổi loạn. Bà đã nghe biết về cái chết của tên tù khổ sai vượt ngục, biết rằng vào tối hôm đó ngài Henry đến ăn cơm thì người ta đã đưa con chó tới nhà chứa củi ở ngoài sân. Cuộc cãi vã dữ dội xảy ra liền sau đó. Bà Stapleton nói rằng bà biết chồng có tình nhân. Bà gọi chồng là kẻ giết người. Lòng thủy chung trước đây nhường cho lòng căm ghét. Stapleton hiểu ngay rằng vợ hắn sẽ tố giác hắn, và thế là hắn ta trối bà lại để không thể báo trước cho ngài Henry. Có lẽ hắn hy vọng rằng sau khi biết về cái chết của Nam tước, người ta sẽ tin đó là do lời nguyên của dòng họ Baskerville. Thế là hắn sẽ lại đoạt sự phục thù của người vợ và sẽ bắt bà im lặng. Stapleton đã tính lầm.

- Lẽ nào Stapleton không hy vọng gì ngài Henry cũng chết vì sợ hãi khi trông thấy con ngáo ộp đó? - Tôi hỏi.

- Con chó rất hung dữ, và còn bị bỏ đói. Nếu ngài Henry không chết ngay tại chỗ thì cái tình cảnh khủng khiếp như thế, cũng có thể làm tê liệt sức lực của ông, và rồi ông sẽ không sống nổi với con chó.

- Đúng vậy, bây giờ chỉ còn lại một câu hỏi: Nếu xưng là người kế thừa tài sản, Stapleton làm sao giải thích được việc này: với tư cách là người thừa kế, tại sao hắn lại sống ẩn lánh ở sát ngay thái ấp? Lẽ nào điều đó không gọi ra những mối ngờ vực?

- Theo lời của bà Stapleton thì người chồng bà đã nhiều lần nghĩ về chuyện đó. Hắn có thể tìm thấy 3 lối thoát. Một là, đi đến Nam Mỹ, thiết lập mối quan hệ với lãnh sự quán Anh ở đó, rồi từ đấy yêu cầu nhận tài sản mà không trở về Anh quốc. Hai là, thực hiện tất cả những điều đó ở London sau khi đã thay đổi mình đến mức không thể nhận ra được. Ba là, dựng lên một người giả mạo làm kẻ thừa kế sau khi cung cấp cho người này một tài liệu cần thiết với sự thỏa thuận một phần thu nhập nhất định nào đó. Nếu

nhận xét kỹ Stapleton, chúng ta có thể tin chắc rằng hắn có thể thực hiện được một trong ba lối thoát đó.

Nhưng thôi, bây giờ, bạn thân mến, chúng ta hãy nên nghĩ tới những gì thoải mái hơn. Làm ơn sửa soạn trong vòng nửa tiếng đồng hồ thôi, rồi ta đi nghe nhạc kịch.

A.4 - The Valley of Fear 1904 (Thung lũng khủng khiếp)

Phần 1 Tấn thăm kịch ở lâu đài Birlstone

Chương 1 Tin báo

Holmes không đụng một tý nào đến bữa điểm tâm, cứ ngồi chống tay xuống bàn, ngắm nghía mãi một tờ giấy vừa lôi ở một bì thư ra. Anh đưa bì thư ra ánh sáng, chăm chú xem xét cả trong lẫn ngoài :

- Tuồng chữ của thằng Porlock. Mặc dầu tôi chưa nhìn thấy tuồng chữ nó đến hai lần, nhưng chắc chắn đây là của nó. Nhưng thằng này mà phải gửi thư cho tôi thì nhất định là có chuyện quan trọng.

- Porlock là ai vậy? - Tôi tò mò hỏi.

- Porlock chỉ là một cái tên giả, một loại ký hiệu để nhận ra nhau thôi. Đằng sau cái tên ấy là một thằng tinh như ma. Đã có lần nó viết thư nói thẳng thừng rằng Porlock đâu có phải tên thật của nó, và nó thách tôi tìm xem nó là ai. Sở dĩ tôi chú ý nhiều đến nó, không phải vì bản thân nó mà chính vì nó có liên quan đến một “đại nhân” mà tôi đang theo dõi. Thằng này cũng giống như kiểu con chó rừng đi trước con sư tử, một thằng người tý hon hợp tác với một tên khổng lồ vậy. Mà cái tên khổng lồ đó, chẳng những rất ghê gớm, mà còn khủng khiếp nữa kìa. Watson, đã có lần nào tôi nói với anh về giáo sư Moriarty chưa?

- Tên tội phạm khoa học trứ danh ấy chứ gì?

- Chết, anh mà gọi hắn như vậy, thì anh sẽ phải ra tòa. Mà chính cái chỗ đó mới là tuyệt đấy. Hắn, một thằng chủ mưu của tất cả những gì bẩn thỉu nhất đã xảy ra từ trước đến nay. Một bộ óc chỉ huy tất cả các tầng lớp cận bã nhất của xã hội. Thế nhưng, không hề có một mối nghi ngờ, thậm chí không có cả một lời phê bình nhỏ nào có thể đụng đến lông chân hắn. Hắn đã che giấu những thủ đoạn của hắn khéo đến mức hắn có thể lôi anh ra tòa chỉ vì mấy câu nói vừa rồi, và tòa sẽ tịch thu hết số tiền lương hưu trí của anh để đền bù danh dự cho hắn. Nhưng rồi thế nào chúng ta cũng phải đấu

với hần thôi.

Tôi bóc lên :

- Mong rằng lúc ấy, tôi sẽ có mặt bên cạnh anh. Nhưng mà anh đang nói về tên Porlock kia mà.

- À, Porlock chính là một mắt xích trong sợi dây xích, gần móc trung tâm đó. Cho đến bây giờ, Porlock là mắt xích yếu nhất của sợi xích. Sức bền của một sợi dây xích tùy thuộc vào mắt yếu nhất của nó. Chính vì thế mà thằng Porlock là rất quan trọng đối với tôi, thằng này đôi lúc cũng có ý trở lại con đường lương thiện, lại thêm, lâu lâu, tôi có gửi cho anh ta mười bảng, thành ra đã có hai, ba lần, nó có báo cho tôi một vài tin tức có giá trị, các loại tin tức có thể giúp tôi biết trước và ngăn ngừa tội ác, nhưng không trừng phạt được kẻ định gây ra. Chắc chắn là nếu có chìa khóa giải được mật mã, thì lá thư này cũng là loại tin tức ấy đây.

Holmes trải tấm giấy lên bàn, tôi đứng dậy, đi lại đằng sau, nhìn qua trên vai anh và đọc được những giòng chữ này :

“534 C2 13 127 36 31 4 17 21 41

DOUGLAS 109 293 5 37 BIRLSTONE

26 BIRLSTONE 9 47 171”

- Anh nghĩ gì thế, Holmes?

- Tất nhiên đây là một cách để hẩn báo tin cho tôi đấy.

- Nhưng viết mật mã mà không cho chìa khóa giải thì có lợi ích gì?

- Trong trường hợp cụ thể này, thì bức mật mã này đúng là không làm gì được.

- Tại sao lại nói rằng “trong trường hợp cụ thể này”.

- Bởi vì có nhiều bức mật mã ta có thể đọc dễ dàng cũng như đọc tin rao vặt trong báo vậy. Nhưng lần này... tôi đứng trước một cái gì có khác đây. Rõ ràng nó có liên hệ đến các chữ trong một trang của một cuốn sách nào đó.

- Thế tại sao có hai chữ Douglas và Brilstone

- Tại vì trong trang sách đó không có hai chữ này.
- Thế thì tại sao nó lại không nói rõ tên cuốn sách?
- Có ai cho cả mật mã lẫn chìa khó giải vào trong cùng một bì thư? Vì nếu thư bị đưa nhầm người thì tiêu ngay. Cho nên chắc không lâu đâu, sẽ có một bức thư thứ hai nữa.

Những dự đoán của Holmes đều đúng cả. Chỉ vài phút sau, người giúp việc mang đến cho chúng tôi bức thư chờ đợi. Holmes vừa xé bì thư vừa nhận xét :

- “Cũng cùng một thứ chữ, nhưng lần này thì lại ký tên nữa” - Holmes vừa trải tờ giấy ra vừa nói một cách đắc thắng - “Này Watson ơi, chúng ta tiến lên được rồi”

Nhưng vừa đọc được vài dòng, trán Holmes bỗng nhăn lại.

- Thế là bao hy vọng tan vỡ như bột xà phòng, chỉ mong thằng Porlock không bị gãy cổ.

Holmes đọc to bức thư cho tôi nghe :

“Ông Holmes thân mến.

Trong vụ này tôi sẽ không mạo hiểm thêm nữa. Nó nguy hiểm quá. Thành linh lão đến, vào lúc tôi đã viết xong phong bì này với ý định báo cho ông biết cách giải mã, tôi đã giấu được cái bì thư đi. Nhưng tôi đọc trong mắt lão, thấy lão nghi ngờ tôi. tôi xin ông hãy đốt bức mật mã đi, vì bây giờ nó chẳng còn có ích gì cho ông nữa.

Fred Porlock”.

Holmes ngồi xuống, vò nát bức thư trong tay mắt nhìn sững vào ngọn lửa trong lò sưởi.

“Có lẽ hắn tự biết là hắn đã phản bội chủ hắn, nên hắn tưởng tượng ra lời buộc tội trong mắt của lão kia”.

- Lão kia là lão giáo sư Moriarty? - Tôi hỏi.
- Khi một tên trong cái băng này nói đến “lão ta” thì mọi người đều hiểu là ai rồi. Đối với bọn chúng, chỉ có một “lão ta” mà thôi.

- Nhưng lão có thể làm gì được?
- Khi người ta là một trong những bội ớc lớn nhất của Châu Âu và được những quyền lực đen tối nhất sùng bái, thì người ta đã nắm trong tay những khả năng vô hạn. Porlock đang hoảng sợ. Anh đem so sánh chữ trong bức thư với chữ trên phong bì mà xem. Chữ ở cái phong bì thì viết rần rỏi, còn trong bức thư thì run quá.
- Thế hẳn viết thư làm gì? Hẳn chỉ việc bỏ rơi tất cả là xong.
- Hẳn sợ rằng nếu đột nhiên hẳn lại cầm bật đi thì rồi mình sẽ đi điều tra xem tại sao, và điều đó có thể gây phiền phức cho hẳn.
- Anh nói có lý, lẽ dĩ nhiên là...

Tôi cảm bức mật mã lên quan sát thật cẩn thận :

- ... Bực thật, một điều bí mật rất quan trọng đã được viết trên mảnh giấy này, mà lại không làm sao đọc được.

Holmes đẩy mâm thức ăn ra, rồi đốt cái tẩu thuốc.

- Anh thử xem lại. Liệu có một vài cho tiết nào đó mà cái bộ óc quỷ quái của anh đã để lọt lưới chăng? - Tôi đề nghị.
- Nào, ta hãy xét bài toán này về phương diện lý trí thuần túy xem sao. Thằng Porlock nó chỉ cho ta là phải chiếu vào một cuốn sách nào đó. Đây. Điểm bắt đầu là từ đây.
- Cũng mơ hồ quá đi thôi.
- Thì chúng ta làm cho rõ hơn? Chúng ta có những chỉ dẫn gì về cuốn sách này?
- Chẳng có gì cả.
- Ồ, ồ, bản mật mã bắt đầu từ con số 534 phải không? Ta đặt giả thiết đây là con số của trang sách. Như thế thì cuốn sách này khá dày đấy. Thử xem có còn những chỉ dẫn nào nữa về cuốn sách này không? Mã hiệu thứ nhì là chữ C2. Anh nghĩ gì về chữ C2 này.
- Chương 2, chắc thế.
- Tôi ngờ là không phải, vì đã ghi số trang thì số chương không cần thiết

nữa. Và lại nếu trang 534 mà lại mới chỉ ở chương 2, thì bề dày của cuốn sách là không thể tưởng tượng được.

- Không phải chương 2, mà là cột - Tôi kêu lên.

- Hoan hô, sáng nay óc anh sáng chói như một ánh chớp vậy. Ta đã hình dung ra một cuốn sách dày, in hai cột, mỗi cột khá dài. Vì trong bản mật mã của ta có một chữ mang đến con số 203. Nếu đây không phải là một cuốn sách thường dùng, thì nó đã gửi cho mình cuốn đó. Theo trong thư thì trước khi bị “lão kia” bắt gặp, nó có ý định gửi cho ta cái khóa giải mã ở ngay trên bì thư này. Điều này có nghĩa đây là một cuốn sách mà mình có thể dễ dàng có được ngay. Một cuốn sách mà nó có, và nó nghĩ rằng mình cũng có, nghĩa là một cuốn sách rất phổ biến.

- Có lý lắm.

- Vậy cái diện điều tra sẽ được giới hạn vào một cuốn sách dày, in hai cột, và thông dụng.

Tôi kêu lên một cách đặc thẳng :

- Cuốn Kinh Thánh.

- Tốt, tốt. Nhưng mà không tốt lắm. Kinh Thánh thì có biết bao nhiêu là bản in khác nhau, làm sao mà Porlock biết được là bản của nó với bản của mình có cùng một số trang như nhau. Không. Đây phải là một cuốn sách in đồng loạt, và Porlock phải biết chắc chắn rằng số trang 534 là có trong cuốn sách của mình kia.

- Như thế là có thể thu nhỏ diện tích tìm kiếm lại nữa.

- Đúng thế. Cuộc tìm kiếm của chúng ta hướng về những cuốn sách in hàng loạt mà nhà nào cũng có.

- Cuốn “Chỉ dẫn giờ tàu hỏa”.

- Ngôn ngữ trong cuốn này quá khô khan, không dễ gì dùng những chữ ở trong đó để tạo nên một bức thơ. Chúng ta loại bỏ cuốn “Chỉ dẫn giờ tàu hỏa”. Cũng loại bỏ cuốn tự điển vì những lý do đó. Thế thì còn gì nữa nào?

- Một cuốn Lịch niên giám.

- Xuất sắc. Nào ta thử xét cuốn Lịch niên giám xem, nó rất thông dụng, nó

có đủ số trang đòi hỏi, nó in trên hai cột, ở quãng đầu thì ngôn ngữ của nó có hạn chế thật, nhưng phần cuối nó cũng hùng biện lắm đấy...

Holmes giật lấy cuốn sách để trên bàn.

- Đây, trang 534 cột 2, mình thấy một bài văn tràn giang đại hải nói về nền thương mại và những tài nguyên của xứ Ấn Độ thuộc Anh, Watson, anh ghi các chữ này lại đi. Số 13 là chữ “Mahratta”. Hừ, cái bắt đầu này có vẻ bất lợi rồi, chữ số 127 là “Chính phủ”, cũng còn có ý nghĩa một chút, nhưng chẳng có liên can gì đến chúng ta và giáo sư Moriarty cả. Bây giờ cứ thử nữa xem, Chính phủ làm gì? Than ôi, chữ sau là “lông heo” thôi thế là hết. Chúng ta đã thua cuộc...

Holmes nói với một giọng hài hước nhưng cay đắng. Nản lòng, tôi cũng ra ngồi cạnh lò sưởi. Sự im lặng kéo dài, bỗng nhiên bị phá vỡ bởi một tiếng kêu của Holmes. Anh chạy vội đến chiếc tủ đứng và moi ra một cuốn sách dày cộm khác, bìa màu vàng.

- Tại vì chúng ta muốn đi trước thời đại. Hôm nay là ngày mùng 7 tháng giêng, cho nên chúng ta mới đi tra cứu một cuốn lịch niên giám năm mới. Nhưng chắc chắn là Porlock đã dùng một cuốn lịch năm ngoái, và có lẽ nó đã nói rõ cho chúng ta biết điều này nếu như nó viết được lá thư chỉ dẫn. Nào, thử xem cái trang 534 có cái gì nào? Số 13 là chữ “một”. A, có vẻ hứa hẹn rồi. Số 127 là “nguy hiểm”.

Mắt Holmes long lanh lên. Những ngón tay thon nhọn của anh cứng đờ ra trong lúc anh lẩm bẩm đếm chữ.

- À! Một nguy hiểm... Ghi lại đi Watson, ghi “một nguy hiểm... cấp bách... đang đe dọa một người tên là... Ở đây chúng ta có chữ “Douglas” một người giàu có trong tỉnh Birlstone, lâu đài Birlstone. Xác thực khẩn cấp...” [1]. Đó Watson. Nếu anh bạn tạp hóa ở đầu phố mà có bán một vòng hoa thì tôi sẽ cho đi mua về để tự tặng thưởng cho mình.

Tôi đọc lại bức thư kỳ lạ mà tôi đã ghi nguệch ngoạc trên giấy khi Holmes đang giải mã, và thở dài :

- Vì sao lại tìm một cách phức tạp đến thế này để viết vài câu.

- Trái lại, thằng Porlock đã hành động xuất sắc đấy. Nếu định tìm chữ

trong một cột thời thì sẽ khó mà tìm cho đủ chữ để nói hết ý nghĩ. Ở đây trái lại, nội dung thư là hoàn toàn rõ ràng. Người ta đang âm mưu chống lại một người nào đó tên là Douglas, chắc chắn là một tay địa chủ giàu có ở tỉnh. Porlock biết đích xác là sự nguy hiểm rất cấp bách. (Nó không tìm thấy chữ “đích xác” [2] trong cột in chữ nên phải dùng chữ “xác thực”).

- Chúng ta vừa làm được một công trình kiệt tác về phân tích.

Holmes vui như một nghệ sĩ chân chính trước một tác phẩm thành công nhất của mình, và anh đang còn giữ một nụ cười trên môi, thì Billy mở cửa để cho viên thanh tra MacDonald của Scotland Yard bước vào.

Chuyện này xảy ra vào những năm 80 [3]. Vào thời ấy, Alec MacDonald là một trinh thám trẻ, năng nổ, cũng đã có đôi chút thành tích trong một vài vụ án... Cả cái vóc người to lớn, cũng chứng tỏ sức mạnh phi thường của anh ta. Trán rộng, đôi mắt sáng nằm sâu trong hai hốc mắt, lông mày rậm rì. Đó là một chàng trai ít nói, tính tình nghiêm nghị, đứng đắn. Holmes đã có dịp giúp anh ta thành công một đôi lần và không chịu nhận bất cứ một ơn huệ nào. Điều này giải thích được tại sao người thanh tra xứ Ecosse này kính trọng và yêu mến anh bạn đồng nghiệp tài tử của mình.

Holmes đơn đả chào hỏi :

- Ông là một loài chim dậy sớm, xin chúc ông nhiều may mắn trong khi đi săn sâu bọ sáng nay, nhưng tôi sợ rằng ông đến vào giờ này không khéo lại có một chuyện chẳng lành xảy ra.

Viên thanh tra trẻ trả lời với một nụ cười tâm lý :

- Ông Holmes, nếu ông thay chữ “tôi sợ rằng” bằng chữ “tôi mong rằng” thì có lẽ ông gần sự thật hơn. Không, tôi không hút thuốc đâu, cảm ơn. Tôi phải lên đường ngay bây giờ, vì những giờ đầu tiên của một vụ án là những giờ có ích lợi nhất, nhưng...

Viên thanh tra bỗng ngưng bật, ông ta vừa thấy tờ giấy trên đó tôi đã ghi lại lời giải mã, ông ta há hốc mồm nhìn tờ giấy.

- Douglas, Birlstone, thế này là thế nào, ông lấy những cái tên này ở đâu ra vậy?

- Đây là một bức mật mã mà bác sĩ Watson và tôi vừa giải ra. Nhưng sao

những cái tên này làm ông phải bối rối?

- Một ông tên là Douglas ở lâu đài Birlstone vừa bị ám sát sáng hôm nay. - MacDonald nói.

Chương 2 Ông Sherlock Holmes diễn thuyết

Nói rằng một cái tin kỳ lạ như vậy làm anh ta phải bối rối hay xúc động thì là nói ngoa. Mặc dù là người không có tính độc ác, nhưng vì sống mãi trong những cái “giật gân” thành ra cũng chai người đi rồi. Và nếu những xúc cảm của anh có bị cùn nhụt đi thì trái lại sự thông minh của anh lại tăng thêm.

Holmes nói lớn :

- Phi thường. Thật phi thường.

- Hình như ông không ngạc nhiên gì thì phải?

- Tại sao tôi lại phải ngạc nhiên? Tôi nhận được một bức thư nặc danh báo cho biết là có một sự nguy hiểm đang đe dọa một người nào đó. Rồi một giờ sau, tôi hay tin rằng sự nguy hiểm đó đã thành sự thật và người kia đã chết. Vậy thì tôi có chú ý, chớ không hề ngạc nhiên.

Holmes kể lại cho viên thanh tra nghe chuyện chúng tôi vừa giải mã bức thư. MacDonald ngồi xuống hai tay đỡ lấy cằm, và hai con mắt chỉ còn như hai cái khe màu vàng. Ông ta nói :

- Tôi định sáng nay sẽ đi xuống lâu đài. Tôi rẽ vào đây để hỏi xem ông có cùng đi không? Nhưng bây giờ làm việc ở London có lẽ có kết quả hơn.

- Tôi không nghĩ thế. - Holmes nói.

- Ông hãy xem, chỉ ngày mai hay ngày kia thôi, là báo chí sẽ làm rùm beng lên về câu chuyện bí mật ở lâu đài đó. Nhưng bí mật ở đâu kia chứ, vì ngay tại London, đã có người báo tin trước khi án mạng xảy ra. Vậy chúng ta hãy tóm cổ cái vị tiên tri ấy, thì mọi việc còn lại sẽ tuần tuột theo ra cả thôi.

- Chắc chắn là thế. Nhưng làm cách nào mà ông tóm cổ được cái tên

Porlock này?

Dona lật ngược lá thư mà Holmes vừa đưa cho anh ta.

- Thùng thư ở trạm bưu điện Camberwell. Điều này cũng không giúp được gì? Theo ông thì cái tên này là tên giả? Có phải ông nói rằng ông có gửi tiền cho hắn ta phải không?

- Hai lần.

- Bằng cách nào?

- Gửi qua bưu điện.

- Ông không bao giờ đi xem mặt người lĩnh số tiền đó.

- Không.

Viên thanh tra tỏ ra hơi ngạc nhiên và khó chịu.

- Tại sao lại không?

- Bởi vì bao giờ tôi cũng giữ đúng lời hứa, Khi hắn viết thư cho tôi lần đầu tiên, tôi đã hứa với hắn là sẽ không tìm cách theo dõi hắn.

- Ông có nghi rằng có một người nào khác đằng sau hắn không?

- Tôi không nghi, mà tôi biết chắc kia.

- Cái vị giáo sư mà ông đã nói với tôi?

- Đúng đấy.

Viên thanh tra mỉm cười và nháy mắt với tôi :

- Ông Holmes ạ. Chính tôi đã đích thân điều tra về ông ta: mọi cái đều cho thấy rằng đây là một con người rất đáng kính, một nhà bác học đầy tài năng.

- Tôi thật sung sướng thấy ông nêu lên những tài năng của ông ta.

- Thật vậy, người ta chỉ còn biết cúi đầu kính chào ông ta mà thôi. Tôi có lần ngồi nói chuyện với ông ta về nguyệt thực, nhật thực, mà thật quái quỷ: tôi cũng không hiểu bằng cách nào câu chuyện lại quay sang đến vấn đề đó. Nhưng thực tình chỉ với một cái đèn và một quả địa cầu, ông ta đã cắt nghĩa tất cả cho tôi hiểu trong có một phút đồng hồ. Ông ta có cho tôi mượn một cuốn sách, nhưng nó quá cao đối với tôi. Ông ta có một bộ mặt

nhấn nhui, mái tóc hoa râm, và cách ăn nói hơi trịnh trọng đủ để làm một ông bộ trưởng.

Holmes phát ra một tiếng cười, xoa hai bàn tay vào nhau :

- Thật là tuyệt, có phải cuộc đàm đạo mê ly và xúc động ấy là ở ngay trong buồng làm việc của giáo sư phải không?

- Đúng thế.

- Một căn phòng rất đẹp

- Rất đẹp, đúng thế.

- Ông ngồi trước bàn làm việc của ông ta.

- Vâng.

- Mặt trời chiếu vào mắt ông, còn mắt của giáo sư thì ở trong bóng tối.

- Lúc đó à vào buổi tối, cái đèn quay về phía tôi

- Tất nhiên là như thế. Ông có nhận thấy ở trên đầu chỗ giáo sư có treo một bức tranh không?

- Vâng, bức tranh. Một người phụ nữ trẻ tuổi, hai tay ôm đầu và liếc nhìn xuống người xem tranh.

- Tranh của Jean Baptiste Greuze đây

Viên thanh tra chăm chú nghe, Holmes ngả người vào lưng ghế, chụm đầu các ngón tay vào nhau, nói tiếp :

- Jean Baptiste Greuze là một họa sĩ người Pháp sống vào khoảng 1750 đến 1800. Các nhà phê bình hiện đại đánh giá cao họa sĩ này.

Hai mắt của viên thanh tra dần ra :

- Có lẽ tốt hơn hết là chúng ta hãy...

Holmes cắt ngang ngay :

- Tất cả những điều tôi nói với ông đều có một mối liên quan với cái bí mật của lâu đài Birlstone đây. Thực ra, chúng ta đang đứng ở trung tâm của lối bí này.

Dona miễn cưỡng mỉm cười và nhìn tôi :

- Ông suy nghĩ có hơi nhanh quá. Ông nhảy mất một hay hai bước. Thành ra tôi không theo kịp ông nữa. Làm sao lại có thể có một mối liên hệ giữa nhà họa sỹ của thế kỷ trước với vụ án này được.

- Sự kiện năm 1865 một bức tranh của Greuze được La Jeune Fille a l'Agneau đem ra bán đấu giá 1.200.000 franc, khoảng 40.000 bảng, không đủ làm chuyển bánh cả một đoàn tàu dài những suy nghĩ trong chất xám của ông sao?

Không biết có phải là chuyển bánh không? Nhưng thấy viên thanh tra gãi đầu ghê quá, Holmes lại tiếp tục :

- Lương giáo sư Moriarty là 700 bảng một năm. Vậy thì làm sao mà ông ta có thể mua được bức tranh?

Đoàn tàu của viên thanh tra bây giờ đang chạy hết tốc lực :

- Thật hấp dẫn. Tôi rất thích nghe ông nói chuyện.

Holmes mỉm cười. Anh ta rất khoái những sự tán thưởng ngây thơ như vậy.

- Thế ở lâu đài đã xảy ra chuyện gì? - Holmes hỏi.

- Chúng ta có thì giờ ông ạ. Có một xe ngựa đợi tôi ở dưới đường kia. Về chuyện bức tranh.... Ông Holmes ạ, có lần ông đã khẳng định với tôi là ông chưa hề gặp mặt giáo sư bao giờ.

- Đúng. Tôi chưa hề gặp mặt ông ta.

- Thế thì làm sao ông biết được căn buồng của ông ta.

- Tôi đã đến nhà ông ta ba lần: Hai lần tôi đã kiểm soát ngôi chờ ông ta, và tôi đã đi khỏi trước khi ông ta về; Còn một lần... chính lần đó tôi đã tự cho phép tôi đọc qua những giấy tờ của ông ta và kết luận thật là bất ngờ.

- Ông có tìm thấy một cái gì phạm pháp không?

- Tuyệt đối không có. Chính điều đó làm tôi bối rối. Nhưng mà ông đã thấy tầm quan trọng của chi tiết bức tranh rồi chứ, chi tiết ấy nói lên rằng ông giáo sư rất giàu. Nhưng ông ta làm gì mà lại giàu thế? Ông ta không lấy vợ. Em ông ta là một người xếp ga quèn ở miền Tây.

- Vậy thì sao?
- Suy luận ra cũng đơn giản thôi.
- Ông cho rằng ông giáo sư có những nguồn thu nhập lớn, và những nguồn này là bất hợp pháp phải không?
- Đúng là như thế. Cái ý nghĩ này, tất nhiên không phải là chỉ có dựa trên bức họa của Greuze thôi, Tôi có cả tá những sợi tơ mong manh dẫn tôi đến trung tâm của mành nhện, là nơi con vật đó đứng im rình mồi. Sở dĩ tôi nêu lên chuyện bức họa, cũng chỉ vì nó nằm trong giới hạn tầm mắt của ông mà thôi.
- Những điều ông vừa nói là hết sức đáng chú ý. Nhưng nếu có thể, chúng ta thử đào sâu thêm một tý xem sao. Có phải ông ta đã làm giàu bằng mảnh mung, lừa đảo làm bạc giả....
- Ông đã có bao giờ đọc một cái gì nói về Jonathan Wild chưa?
- Có phải là tên của một nhân vật tiểu thuyết không không? Trong đó các ngài thám tử đều làm được những việc rất kỳ diệu.
- Jonathan Wild không phải là thám tử cũng không là một nhân vật tiểu thuyết. Đó là một tên tội phạm bậc thầy đã sống vào khoảng năm 1750. Ông Mac, ông nên đọc lại tất cả những tài liệu ghi chép lại các vụ án. Tất cả mọi việc đều chỉ lặp lại mà thôi, kể cả lão giáo sư Moriarty nữa. Jonathan là sức mạnh của những tên tội phạm của London. Hắn đã bán bộ óc cho bọn này lấy 15% hoa hồng trong mỗi vụ. Tất cả những chuyện đã làm trước đây, sẽ còn được làm lại nữa. Tôi sẽ kể cho ông nghe một vài việc về Moriarty mà có lẽ sẽ làm ông vui thích.
- Tôi xin đồng cả hai tai lên.
- Tôi đã tìm hiểu được ai là khâu đầu tiên của sợi xích. Một sợi dây xích mà đầu này là một tên tội phạm thượng thặng, còn đầu kia là cả trăm tên ăn cắp, móc túi, những tên đi tống tiền, những tên bộm cờ bạc. Ở giữa hai đầu sợi xích đó, là tất cả các loại tội ác. Tham mưu trưởng của bọn chúng là tên Đại tá Sebastian Moran. Theo ông thì lão giáo sư trả lương cho hắn ta bao nhiêu tiền?
- Tôi muốn biết điều đó lắm.

- Sáu nghìn bảng một năm. Tôi cũng tình cờ mà biết được chi tiết này thôi. Ngài Đại tá Moran lương còn cao hơn cả Thủ tướng, những cái cái séc bình thường để trả tiền sinh hoạt trong nhà thôi. Nó được trả vào tài khoản của sáu ngân hàng khác nhau. Chi tiết này có làm cho ông phải suy nghĩ không?

- Tất nhiên cũng đáng chú ý thật. Nhưng từ đó ông suy luận ra những gì?

- Những gì à, là hẳn không muốn ai bép xép gì về của cải của hẳn, hẳn có khoảng 20 tài khoản ở ngân hàng, và phần lớn tài sản của hẳn thì ký gửi ở Pháp hoặc Đức.

MacDonald ngồi lặng đi, chìm đắm trong một suy nghĩ sâu lắng, nhưng rồi cái óc thực tế xứ Ecosse lại kéo anh ta đứng lên.

- Hiện giờ, thì lão ta có thể cứ tiếp tục. Ông đã kéo chúng tôi đi quá xa với những câu chuyện cổ tích của ông rồi. Tôi chỉ còn ghi nhận được cái điều cốt yếu là có một sự liên hệ nào đó giữa giáo sư với tội ác. Vậy xin hỏi ông, liệu chúng ta có thể đi xa hơn thế không?

- Ông đã nói với chúng tôi rằng vụ án mạng này hiện giờ chưa giải thích được. Nếu chúng ta giả thiết, rằng nguồn gốc của nó là như chúng ta đã nói, thì có thể phải xét đến hai động cơ khác nhau. Trước hết, Moriarty cai quản cái thế giới của lão bằng một cây roi sắt. Bộ luật hình của hẳn chỉ gồm có một hình phạt: Xử tử. Như vậy có thể Douglas đã phản bội sếp của hẳn. Hình phạt đã được thi hành, và cái chết này sẽ thổi một luồng gió sợ hãi vào những tên còn sống trong băng của lão.

- Đó là một gợi ý, thưa ông Holmes

- Giả thiết thứ hai, là vụ án mạng đã được Moriarty dựng lên như một vụ thông thường mà thôi. Ở đó có mất gì không, ông Mac?

- Tôi không nghe nói có mất gì cả.

- Nếu có mất đồ thì điều này chống lại giả thiết thứ nhất và sẽ phù hợp hơn với giả thiết thứ hai. Moriarty có thể đã bị đẩy đến chỗ phải gây ra vụ án mạng này để chia phần, hoặc là hẳn đã được bọn nào đó thuê tiền để tổ chức vụ án. Cả hai khả năng này đều có thể cả. Nhưng dù sao, thì cũng phải đến đó mới tìm được lời giải.

MacDonald bật đứng dậy, reo lên :

- Vậy thì phải đi tới lâu đài Birlstone thôi.

Holmes vừa thay áo vừa nói :

- Trong khi đi đường, xin ông MacDonald kể lại cho chúng tôi nghe tất cả.

Chữ “tất cả” này thật ra là quá ít ỏi. Nhưng cũng đủ để cho Holmes phải chăm chú nghe. Những chi tiết lặt vặt đã làm cho anh cứ xoa mãi hai tay vào nhau, mặt hồng hào hẳn lên. Chúng tôi vừa mới sống mấy tuần lễ quá tẻ nhạt, và hôm nay mới lại đứng trước một bí mật xúng đáng với những tài năng của Holmes. Viên thanh tra cũng nói rõ rằng đây chỉ là những chi tiết anh ta lấy từ một bản báo cáo vội vã mới gửi theo chuyến tàu sớm nhất. Viên thanh tra địa phương đó là bạn của ông ta. Vì vậy ông ta được tin rất sớm, khác hẳn với mọi lần. MacDonald đọc to cho chúng tôi nghe bức thư của Mason :

“Gửi thanh tra MacDonald

Những tài liệu chính thức cần cho các bộ phận công tác của ông đã được gửi trong một bao bì riêng. Thư này là gửi riêng cho một mình ông. Hãy điện ngay cho tôi biết ông đi chuyến tàu nào xuống đây để tôi ra đón. Đây là một bài toán sẽ làm cho ông phải đau đầu. Xin ông hãy xuống ngay. Nếu ông có thể mời được cả ông Holmes thì hay quá. Thực tình, tôi thấy phức tạp quá”.

Holmes nhận xét :

- Gớm, ông bạn của ông có vẻ sắc mắc nhỉ?

- Vâng đúng thế, thưa ông. Mason xưa nay vẫn là con người tích cực lắm.

- Được. Thế ông có tin gì khác nữa không, ông Mac.

- Không, khi nào đến nơi, Mason sẽ cho biết.

- Thế thì tại sao ông lại biết Douglas bị ám sát.

- Trong bản báo cáo chính thức có nêu tên Douglas và ghi rõ là đã bị giết bởi một viên đạn súng săn bắn vào giữa đầu. Cũng có ghi cả giờ báo động là trước lúc nửa đêm hôm qua một chút. Báo cáo nói thêm là đây chắc chắn là một vụ án mạng rồi, nhưng chưa bắt giữ ai, và vụ án này có một vài khía

cạnh kỳ lạ làm cho người ta phải bối rối.

- Vâng, ông Mac, nếu ông cho phép thì chúng ta tạm ngưng ở đây. Hiện giờ thì tôi mới chỉ thấy có hai điều là: có một bộ óc lớn ở London và một cái xác chết ở Sussex. Vấn đề là phải tìm được sợi dây xích nối hai cái này lại với nhau.

Chương 3 Tấn bi kịch ở Birlstone

Làng Birlstone là một nơi thừa thớt những căn nhà nhỏ bé nửa gỗ, nửa gạch ở bìa phía bắc Sussex. Trong hàng thế kỷ trước, ngôi làng vẫn giữ nguyên phong cách cổ xưa, nhưng vào khoảng vài năm gần đây, đã có nhiều địa chủ giàu có đến dựng những biệt thự ở chung quanh. Trong các cánh rừng bọc theo bờ của khu rừng lớn Weald chạy dài mãi đến tận chân những ngọn đồi đá vôi ở bờ biển.

Lâu đài nằm cách làng khoảng nửa dặm, trong một khu vườn cũ nổi tiếng về những cây giẻ gai cực lớn. Một phần của tòa lâu đài này đã được dựng lên từ thời Thập tự chinh lần thứ nhất. Năm 1534, một trận hỏa tai đã thiêu trụi tất cả. Một số gạch đá ám khói còn sót lại, đến triều vua James I, đã được dùng để xây nên một tòa lâu đài khác trên nền của tòa lâu đài cũ. Tòa lâu đài mới này với những đầu hồi chi chít và những khuôn cửa sổ có lắp những mảnh kính hình quả trám, gợi lại hình ảnh của nền kiến trúc vào thế kỷ thứ XVII. Về hai đường hào trước đây thì nay chỉ còn lại đường bên trong. Đường hào ngoài đã được tát khô, và bây giờ trở thành một mảnh vườn trồng rau. Đường hào còn lại bao quanh cả tòa lâu đài dài, rộng đến 40 feet nhưng sâu chỉ vài feet. Nước trong hào là từ một dòng sông nhỏ chảy vào, nên không hôi thối. Những cửa sổ của tầng dưới cũng chỉ cao hơn mặt nước khoảng 1 foot. Lối đi duy nhất để vào lâu đài là một cây cầu rút, đã hư hỏng từ lâu. Nhưng người chủ lâu đài hiện nay cho sửa chữa lại để buổi sáng thì hạ xuống, đến chiều tối lại rút lên: sự phục hồi lại truyền thống của thời phong kiến đã biến tòa nhà ban đêm thành một hòn đảo.

Khi gia đình Douglas đến làm chủ tòa lâu đài này thì nó đang sắp đổ nát. Gia đình chỉ gồm hai người: John Douglas và vợ ông ta.

John Douglas khoảng 50 tuổi, có một cái quai hàm thật khỏe, nét mặt rắn rỏi, một bộ râu hoa râm, một đôi mắt xám rất sắc, vóc người lực lưỡng, dáng điệu cứng cỏi. Những gia đình lân cận có học thức hơn, đã tiếp đãi ông với một sự tò mò và có phần dè dặt, nhưng ông thì lại rất được lòng người dân ở trong làng. Ông tham gia đóng góp rất rộng rãi vào tất cả mọi hoạt động ở địa phương, phụ trách các buổi hòa nhạc, và vốn có một giọng nam trầm, bao giờ ông cũng sẵn sàng giúp vui bằng một bài hát thật hay.

Hình như ông có khá nhiều tiền, và người ta đồn rằng ông đã làm giàu trong các mỏ vàng ở xứ California. Điều đó thì không biết có đúng không, nhưng chỉ cần nghe ông nói chuyện cũng biết ông đã sống cả một phần đời ở bên Mỹ, người ta lại càng kính trọng ông hơn vì ông hoàn toàn coi thường sự nguy hiểm. Mặc dù cưỡi ngựa rất tồi, nhưng mỗi khi có những cuộc thi ngựa là thế nào ông cũng tham dự, và cái tính bướng bỉnh đó đã đem lại cho ông mấy lần ngã ngựa đến kinh hồn. Khi bên nhà thờ bị cháy, lính cứu hỏa địa phương đã bó tay, ông một mình xông vào cứu những đồ đạc ra. Cứ như thế, trong vòng năm năm trời, Douglas trở thành một nhân vật nổi tiếng ở Birlstone.

Vợ ông ta cũng được bạn bè kính nể, ở đây, bà ít đi lại chơi bời. Nhưng số ít bạn bè này là đã quá đủ cho một bà chủ nhà vốn có tính dè dặt, và hình như chỉ để hết thời gian chú ý, săn sóc chồng. Người ta biết rằng bà phu nhân người Anh này thuộc tầng lớp xã hội thượng lưu, và đã làm bạn với ông ở London khi ông này góa vợ. Bà rất đẹp, vóc người cao lớn, thanh mảnh, tóc màu nâu, trẻ hơn chồng đến 20 tuổi, bà thường tỏ ra rất kín đáo về quá khứ của chồng mình. Hình như bà ta không hiểu biết gì nhiều lắm về ông ta. Một vài người còn thấy bà vợ có vẻ bồn chồn, lo lắng mỗi khi ông chồng về trễ. Trong một vùng nông thôn thanh bình như thế này, người ta rất thích thú bàn tán về những câu chuyện mách lẻo, và khi vụ án xảy ra thì dư luận càng xôn xao và cho rằng đúng là những điều nhận xét ấy có một ý nghĩa rất đặc biệt.

Trong lâu đài còn có một nhân vật nữa, tuy không sống ở đó một cách thường xuyên. Đó là ông Cecil James Barker, ở biệt thự Hales, Hampstead. Cái dáng cao lênh khênh rất quen thuộc trong làng, vì ông ta hay đến lâu đài, và được người ở đó quý mến lắm. Người ta nói rằng ông là người nhân chứng duy nhất biết về quá khứ của ông Douglas. Barker chắc chắn là một người Anh rồi, nhưng qua những câu chuyện của ông ta, thì có thể hiểu được rằng, ông ta quen biết Douglas trước đây là ở bên Mỹ và lúc đó hai người sống với nhau thân thiết lắm. Hình như ông ta cũng giàu có lớn thì phải và hiện vẫn chưa lập gia đình. Ông ta trẻ hơn ông Douglas, chỉ trạc độ 45 tuổi là hết mức, người cao lớn, lưng thẳng, thân hình nở nang, mặt mũi nhẵn nhụi, không để râu. Ông ta có hai hàng lông mày đen nhánh và nhất là đôi mắt đen áp đảo người khác.

Ông ta không đi săn, không cưỡi ngựa, suốt ngày cứ ngậm cái tẩu thuốc đi dạo chung quanh làng. Nếu không thì lại dong xe đi vào các vùng nông thôn với ông chủ nhà, và khi nào ông này vắng, thì với bà chủ nhà. Người đầu bếp Ames trong lâu đài nói “Đó là một vị thượng lưu vô tư hào phóng”. Nhưng cũng bổ xung thêm “Nhưng thực tình, tôi không bao giờ lại đại dốt muốn cãi lại ông ta. Ông ta rất nhiệt tình với ông Douglas, và cũng không kém phần nhiệt tình với vợ ông Douglas”.

Còn đối với những người khác cùng ở trong lâu đài, thì tôi chỉ cần kể đến anh đầu bếp Ames, nhanh nhẹn, đứng đắn đáng kính; bà Allen tươi tắn phốp pháp, một tay giúp việc đắc lực cho bà chủ nhà. Còn sáu người gia nhân khác thì không dính dáng gì đến những sự kiện xảy ra trong đêm đó.

Đồn cảnh sát địa phương được báo tin vào 12 giờ kém 15 phút đêm. Lúc đó là buổi trực của Trung sĩ Wilson thuộc cảnh sát Sussex. Ông Barker, đã đến đập cửa và kéo chuông ầm ầm, báo tin rằng ông Dougla đã bị ám sát. Báo xong, ông lại vội vã trở về lâu đài. Sau khi đã báo lên thượng cấp, Trung sĩ Wilson đến ngay hiện trường. Khi đến nơi, Wilson thấy chiếc cầu đã được hạ xuống, các cửa sổ đều sáng đèn; và toàn thể lâu đài ở trong một tình trạng rối loạn. Các gia nhân, mặt mũi xám ngoét, đứng sát vào

n nhau ở phòng ngoài, còn anh đầu bếp, cứ vịn hai bàn tay vào nhau trên bậc cửa, chỉ một mình ông là có vẻ tự chủ và kìm được nỗi xúc động. Ông mở cửa ở phòng ngoài, và mời Trung sĩ đi theo ông. Cùng lúc đó bác sĩ Wood ở trong làng, cũng đến. Cả ba người bước vào căn phòng đã xảy ra tấn thảm kịch. Anh đầu bếp theo vào, đóng cửa lại.

Nạn nhân nằm ngửa, chân tay duỗi thẳng ở giữa buồng, trên người chỉ có một cái áo choàng màu hồng, phủ ra ngoài bộ quần áo ngủ, chân đi giày vải. Vị bác sĩ cầm cây đèn đặt lên bàn và quỳ xuống bên cạnh xác chết; thoáng nhìn qua ông lắc đầu. Douglas đã chết. Một thứ vũ khí kỳ lạ được đặt treo ngực ông ta: Đó là một khẩu súng ngắn mà nòng đã được cưa ngắn đi, chỉ cách cò súng khoảng 1 foot. Trông rõ ràng là ông ta đã bị bắn rất gần, và bị trúng đạn vào ngay giữa mặt. Cả hai cò súng đã được nối liền với nhau bằng một sợi dây thép, để lúc bắn thì cả hai nòng đều bắn một lượt làm cho sức công phá càng ghê gớm.

Viên cảnh sát nói thất thanh :

- Không ai được sờ mó vào một tí gì ở đây, trước khi cấp trên của tôi đến.

Ông Barker nói dứt khoát :

- Chưa có ai đụng vào đây cả, tất cả mọi vật đều vẫn y nguyên như lúc đầu.

- Vào lúc mấy giờ?

Viên Trung sĩ đã rút cuốn sổ tay ra.

- Vào lúc 11 giờ rưỡi. Lúc đó tôi vẫn ngồi trước lò sưởi ở trong phòng tôi, thì nghe thấy tiếng nổ. Nổ không to lắm. Hình như có cái gì bịt kín lại vậy. Tôi vội đâm bổ xuống dưới nhà. Tôi nghĩ rằng từ trên đó xuống đến đây không quá 30 giây đồng hồ.

- Lúc đó cửa có mở không?

- Cửa mở, ông Douglas thì nằm đúng như thế này. Ngọn nến trong buồng vẫn cháy sáng ở trên bàn làm việc. Sau đó một chút thì chính tôi đã thắp cây đèn lên.

- Ông có trông thấy ai không?

- Không. Tôi nghe thấy tiếng bà Douglas ở trên lầu chạy xuống sau tôi, và tôi đã ngăn bà lại để cho bà khỏi trông thấy cảnh thương tâm này. Bà hầu phòng Allen cũng chạy đến và đã dìu bà chủ đi lên. Rồi anh đầu bếp Ames đến, và tôi với ông ta cùng đi vào trong phòng.

- Tôi tưởng rằng cây cầu rút đêm nào cũng kéo lên kia mà.

- Đúng thế. Nhưng chính tôi đã hạ nó xuống để đi báo cho ông.

- Nhưng vậy thì tên sát nhân làm sao trốn ra được. Phải đặt vấn đề khác đi thôi: Có thể là ông Douglas tự tử chăng?

- Chúng tôi cũng đã có nghĩ đến điều đó. Nhưng ông xem đây này....

Ông Barker kéo tấm rèm để lộ một khuôn cửa sổ cao mở toang.

- Và mời ông xem cái này nữa.

Ông Barker đưa cái đèn lại gần thành cửa sổ, nơi đó có một vết máu giống hệt như hình đế của một chiếc giày.

- Rõ ràng là có người đã trèo qua đây.

- Có phải ông muốn nói rằng có người đã chạy trốn bằng cách vượt qua con hào này, phải không? Nhưng mà nếu chưa đầy nửa phút sau vụ án, ông đã có mặt ở đây, thì người ấy lúc đó còn phải đang lội nước.

- Chắc chắn là như vậy. Ôi tiếc quá, không hiểu sao lúc đó tôi không nhảy bổ ngay qua cửa sổ. Bị cái rèm cửa này che khuất, thành ra tôi không nghĩ ra nữa.

Vị bác sĩ cũng lẩm bẩm nói khẽ :

- Tôi chưa bao giờ trông thấy một vết thương nát bấy ra như vậy.

Viên Trung sĩ vẫn cứ ngấm mãi khuôn cửa sổ mở rộng.

- Nhưng mà này, câu chuyện có người lội nước qua khe hào nghe thú vị thật, nhưng hẳn làm cách nào để vào được lâu đài, vì chiếc cầu rút đã bị kéo lên rồi mà.

- À vâng. Đó, tất cả vấn đề là ở chỗ đó. - Ông Barker nói.

- Thế mấy giờ thì người ta kéo cầu lên?

- Lúc đó là gần 6 giờ chiều. - Ông Ames trả lời.

- Tôi nghe nói là ở đây vẫn thường rút cầu lên vào lúc mặt trời lặn. Như thế vào mùa này thì gần 4 giờ rưỡi hơn là gần 6 giờ chứ. - Viên Trung sĩ lại nhấn mạnh

- Hôm nay bà chủ tiếp khách. Tôi không thể đứng đến cây cầu khi các vị khách chưa ra về. Chính tay tôi đã rút cây cầu lên. - Anh Ames giải thích

- Nếu như có những người từ bên ngoài vào lâu đài thì họ phải đi qua cầu trước sau giờ, rồi trốn ở trong này, vì ông chủ mãi sau 11 giờ đêm mới bước vào căn buồng này.

- Đúng như thế. Đêm nào, trước khi đi ngủ, ông Douglas cũng đi một vòng quanh lâu đài để xem đã tắt hết đèn chưa? Chính trong khi đi vòng như vậy, ông đã vào căn buồng này. Tên sát nhân đã đợi ông ta ở đây, và bắn thẳng vào ông ta. Rồi hắn trốn bằng cách leo qua cửa sổ, bỏ lại cây súng. - Barker giải thích.

Viên Trung sĩ cúi xuống nhặt một mẫu bìa cứng ở bên cạnh xác chết trên có ghi 2 chữ “V. V.” và một con số 341, chữ viết rất thô kệch. Ông ta giờ mẫu bìa lên hỏi :

- Cái gì thế này?

Ông Barker nhìn mẫu bìa một cách tò mò :

- Tôi cũng không để ý thấy nó. Có lẽ tên hung thủ lúc chạy trốn đã bỏ rơi lại.

- V.V. 341. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Viên Trung sĩ cứ xoay đi xoay lại mãi mẫu bìa.

- V.V.? Có lẽ là những chữ đầu tiên của một người nào đây chẳng. Bác sĩ Wood, bác sĩ có cái gì đó.

Ông bác sĩ đã nhặt được một chiếc búa khá to trước lò sưởi. Ông Barker chỉ vào một hộp dính dầu bằng đồng trên mặt lò sưởi, giải thích :

- Ngày hôm qua, ông Douglas có thay đổi chỗ treo mấy bức tranh. Tôi thấy ông ta đứng trên chiếc ghế này để treo bức tranh lớn bên trên. Việc đó cắt nghĩa tại sao lại có chiếc búa trên đây.

Viên Trung sĩ gãi đầu ra vẻ khó nghĩ :

- Có lẽ chúng ta nên để lại chiếc búa ở nơi tìm thấy nó thì hơn. Phải những cái đầu giỏi nhất ở Scotland Yard mới hiểu thấu đáo được mọi việc.

Rồi ông ta cầm lấy chiếc đèn từ từ đi quanh căn phòng.

- Có người đã trốn ở đây, chắc chắn là như thế.....

Viên Trung sĩ hạ cây đèn thấp xuống: ở một góc, thấy những vết giày có dính bùn rất rõ.

- Việc phát hiện này là phù hợp với giả thiết của ông, ông Barker ạ. Có thể là tên hung thủ đã vào lâu đài sau 4 giờ chiều khi những tấm rèm cửa sổ đã được buông xuống; và trước 6 giờ, khi cây cầu được rút lên. Nó lẩn ngay vào đây, trốn đằng sau bức rèm này. Rất có thể ý định của nó là vào ăn trộm, nhưng chẳng may ông Douglas lại bắt gặp nó, thế là nó giết ông ta và chạy trốn.

- Tôi cũng nghĩ gần giống như vậy. Nhưng ông có thấy rằng chúng ta đã mất bao nhiêu

thời giờ quý báu rồi không? Tại sao chúng ta không kéo cả mọi người ra đi lùng sục khám xét khắp xung quanh, trước khi hung thủ có thể trốn thoát được. - Barker đề nghị.

Viên Trung sĩ cần mỗi suy nghĩ một lát :

- Không có chuyến tàu nào chạy trước 6 giờ sáng. Vậy nó không thể trốn thoát đi bằng đường tàu hỏa. Nếu nó đi đường bộ thì với cái quần ướt sũng, thế nào nó cũng bị người ta để ý. Nhưng dù sao tôi cũng không thể rời khỏi đây được trước khi có người đến thay tôi.

Vị bác sĩ lại cầm lấy cây đèn để khám lại tử thi một lần nữa. Ông bỗng hỏi :

- Cái vết này là cái gì đây. Nó có liên quan gì đến vụ án này không?

Cánh tay áo bên phải của người chết đã được kéo lên khuỷu tay, ở giữa cánh tay thấy nổi lên trên da hình màu nâu của một tam giác nằm trong một vòng tròn.

Bác sĩ Wood nói :

- “Đây không phải là một vết xăm. Tôi coi bộ như người này đã bị đánh dấu bằng một cái khuôn nung đỏ, giống như người ta đánh dấu đàn gia súc vậy” - Bác sĩ nói thêm - “Thế này là thế nào?”

- Tôi không hiểu được. Có điều là từ 10 năm nay, tôi đã nhiều lần nhìn thấy cái dấu này trên tay ông Douglas. - Ông Barker nói.

- Tôi cũng thấy nhiều lần khi ông chủ xắn tay áo lên. - Anh đầu bếp nói

- Nếu như vậy thì nó không có dính dáng gì đến vụ án mạng này rồi. Nhưng dù sao thì nó cũng thật kỳ lạ. Trong vụ này không có cái gì là bình thường cả. Tôi cũng không hiểu bây giờ còn xảy ra những gì nữa đây - Viên Trung sĩ kết luận.

Anh đầu bếp vừa thốt kêu lên kinh ngạc và chỉ vào bàn tay duỗi thẳng của người chết, nói lấp bắp :

- Nó tháo mất chiếc nhẫn cưới của ông rồi.

- Cái gì?

- Ông chủ tôi đeo chiếc nhẫn bằng vàng ở bên trong một chiếc nhẫn khác có gắn một hạt ngọc, chiếc nhẫn có hạt ngọc còn đây nhưng chiếc nhẫn cưới thì biến mất.

- Anh ấy nói đúng đấy. - Barker lên tiếng

- Ông vừa khai là chiếc nhẫn cưới đeo ở trong chiếc nhẫn có gắn ngọc? - Viên Trung sĩ hỏi lại.

- Thừa vâng.

- Thế thì hung thủ đã tháo chiếc nhẫn có ngọc ra, rồi sau đó nó mới đoạt lấy chiếc nhẫn cưới, rồi lại đeo lại chiếc nhẫn có hạt ngọc vào tay người chết.

- Như vậy đó.

Viên Trung sĩ lắc đầu lia lịa :

- Chúng ta hãy báo cáo tất cả về London. Ông Mason là một tay cừ khôi. Chưa bao giờ có một vụ án nào làm ông phải lúng túng cả. Còn về phần tôi, tôi xin thú nhận là vụ này vượt quá sức hiểu biết của tôi.

Chương 4 Tối mò

Ông Mason trông có vẻ bình tĩnh và thoải mái. Ông mặc một bộ quần áo vải tuyết rộng thùng thình, chân đi ghệt. Trông ông giống như một ông chủ trại cỡ nhỏ, một người gác rừng đã về hưu, hơn là giống một người đại diện cơ quan cảnh sát hình sự cấp tỉnh. Ông không ngừng nhắc đi nhắc lại :

- Đây là một vụ án làm đau đầu đầu đây, thưa ông MacDonald. Tôi mong rằng chúng ta sẽ làm tốt được nhiều việc, trước khi bọn ký giả rúc mũi vào cuộc điều tra làm hỏng hết các dấu vết. Có nhiều chi tiết có lẽ sẽ làm ông vui lòng, thưa ông Holmes. Cả đối với ông cũng thế, thưa ông bác sĩ Watson. Buồng của các ông đã được đăng ký trước ở khách sạn “Westville Arms”. Thôi để bác khuôn vác trông coi hành lý và xin mời các ông vui lòng đi theo tôi.

Chỉ sau 10 phút là chúng tôi đã có phòng ở và 10 phút sau nữa, chúng tôi đã ngồi cả trong phòng khách của khách sạn. Ông MacDonald giở sổ tay ra ghi. Còn Holmes thì có dáng điệu của một nhà thực vật học vừa ngạc nhiên vừa ngắm nghía một bông hoa. Sau khi nghe xong câu chuyện, anh ta reo lên :

- Tuyệt. Thật là tuyệt. Chưa có một vụ nào kỳ lạ như vụ này.

Ông Mason hớn hờ :

- Vâng, tôi đã trình bày với các ông tất cả những gì mà thượng sỹ Wilson báo cáo với tôi. Thượng sỹ đã nắm được hết mọi sự kiện.

Tôi đã có kiểm tra lại, suy nghĩ, và có bổ sung thêm chút ít.

- Thế ông có biết thêm điều gì mới nữa không? - Holmes hỏi.

- Trước hết, tôi xem xét chiếc búa, không tìm thấy một dấu vết gì của bạo lực cả.

Ông thanh tra MacDonald lưu ý :

- Trong nhiều vụ án mạng, nạn nhân bị đập bằng búa, mà trên chiếc búa có thấy dấu vết gì đâu.

- Đúng như vậy. Sau đó tôi xem xét đến khẩu súng. Súng được lắp đạn ghém, hai cò súng được buộc với nhau, chỉ cần bóp cò thì cả hai viên đạn ở hai nòng sẽ nổ một lúc. Nòng súng bị cửa ngăn đi, như vậy có thể dễ dàng mang nó theo dưới một áo khoác. Toàn bộ tên của nhà sản xuất thì không thấy có, nhưng trên những đường góc giữa hai nòng súng thấy còn lại chữ “PEN”, các chữ khác thì bị cửa đi mất rồi.

Holmes hỏi luôn :

- Một chữ P hoa có vẽ hoa lá bên trên, và một chữ E, một chữ N nhỏ hơn có phải không ạ?

- Đúng đấy ạ.

- Hãng sản xuất súng Mỹ tên là “Pennsylvania Small Arms Company”.

Ông Mason nhìn Holmes với cặp mắt của một ông thầy thuốc nông thôn nhìn một đại chuyên gia trong ngành y tế.

- Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là một khẩu súng Mỹ rồi. Tôi có đọc đâu đấy rằng súng săn cò nòng, chính là một loại vũ khí thường dùng trong một số vùng nào đó ở bên Mỹ. Như vậy có rất nhiều khả năng là cái tên đã lọt vào trong lâu đài và đã giết ông chủ nhà là người Mỹ.

Ông MacDonald gật gù :

- Ông đi mau quá đấy, tôi chưa có chứng cứ gì để tin rằng có một kẻ lạ mặt đã lọt vào

trong này.

- Cửa sổ mở toang, vết máu trên thành cửa, mẩu bìa cứng, vết giày ở góc nhà, khẩu súng...

- Máy thứ đó chẳng có cái gì mà không bố trí trước được? Ông Douglas vốn là một người Mỹ, ông Barker cũng thế, vậy thì đâu nhất thiết phải đưa một người Mỹ khác từ ngoài lọt vào để giải thích những chi tiết Mỹ đó.

- Ames, người đầu bếp...

- Anh ta có đáng tin cậy không?

- Anh ta đã ở với gia đình Douglas từ 5 năm nay. Anh ta chưa hề trông thấy khẩu súng này trong nhà.

- Khẩu súng này không phải là thứ đem trưng bày cho mọi người thấy. Chính vì thế người ta mới đem cửa nòng của nó đi. Nó có thể đem cất giấu vào bất cứ một cái hộp nào. Làm sao anh Ames lại có thể đoán chắc được rằng trong nhà không có một khẩu súng loại này.

- Nhưng dù sao thì tôi cũng chưa trông thấy nó bao giờ.

MacDonald vẫn lắc đầu không chịu :

- Tôi vẫn chưa tin là có một người lạ mặt vào đây. Tôi xin các ông hãy thử suy nghĩ xem hậu quả sẽ như thế nào khi giả thiết rằng khẩu súng này là do một người từ bên ngoài mang vào và người này đã hành động như các ông vừa nói.

Holmes lấy cái giọng rất “chánh án” chỉ MacDonald, nói :

- Ông Mac, tòa nghe lời khai của ông.

- Hung thủ không phải là một tên ăn trộm tầm thường. Chuyện chiếc nhẫn và mẩu bìa cứng đã chứng tỏ rằng đây là một vụ giết người có âm mưu, vì một lý do cá nhân nào đó mà ta chưa rõ.

- “Vậy hung thủ đã lẩn vào trong nhà với ý định gây ra một vụ án” - Mason nói - “Hắn biết sẽ gặp khó khăn khi muốn thoát ra vì lâu đài được bao bọc bởi một đường hào đầy nước. Vậy thì hắn sẽ chọn thứ vũ khí gì? Chắc các vị sẽ trả lời tôi: Một vũ khí thầm lặng. Dùng vũ khí đó, thì sau khi gây ra án mạng, hắn có thể hy vọng chui nhanh qua cửa sổ, lội qua con hào rồi bình tĩnh chạy trốn. Như vậy, thì tôi có thể chấp nhận được, Còn nói hắn chọn một khẩu súng, trong khi hắn biết tiếng nổ sẽ làm cho mọi người trong nhà đổ xô đến và hắn sẽ bị phát hiện trước khi lội qua con hào. Liệu luận cứ này có lý không, thưa ông Holmes”.

Anh bạn tôi suy nghĩ một lát rồi đáp :

- Tất nhiên là ông đã trình bày sự việc một cách không thể cãi được. Nhưng mà phải có chứng minh. Tôi xin phép được hỏi ông Mason, không biết ông có xem xét ngay bờ bên kia của đường hào để tìm dấu vết của một người từ dưới nước lội lên không?

- Ở đó không có một dấu vết nào. Bờ bên kia xây bằng đá, thành ra cũng khó thấy.

- Không có một cái vết, không có một dấu in nào, không có gì cả hay sao?

- Tuyệt đối không.

- A, thế nếu bây giờ tất cả chúng ta cùng đi ngay ra đấy xem lại.

- Tôi cũng định đề nghị như vậy. Nhưng có lẽ tốt hơn cả, tôi thông báo hết mọi chuyện để ông nắm trước khi ra đấy.

Mason nhìn Holmes, không tin tưởng gì lắm.

Ông thanh tra MacDonald nói :

- Tôi đã có làm việc với ông Holmes và ông đã chịu vào cuộc với chúng ta rồi.

Holmes cười tủm tỉm :

- Tôi vào cuộc nhưng với quan niệm riêng của tôi về cách chơi. Tôi có chú ý đến một vụ nào cũng cốt là để giúp đỡ công lý và công việc của cảnh sát mà thôi. Nếu tôi có đứng ngoài cơ quan cảnh sát thì cũng chỉ vì cơ quan này gặt tôi ra ngoài. Nói rõ như thế rồi, tôi đòi hỏi quyền được làm việc theo những phương pháp riêng và khi nào thấy có thể được, tôi sẽ xin thông báo với ông những kết quả toàn bộ làm một lần, chứ không phải từng phần một.

Ông Mason nói :

- Chúng tôi rất hân hạnh về sự có mặt của ông, bác sĩ Watson, chúng tôi hy vọng rằng sau này chúng tôi sẽ được ông dành cho một chỗ trong những tác phẩm của ông.

Chúng tôi đi xuôi xuống một con đường làng giữa hai hàng cây dương đã hót ngọn. Ở phía dưới hai cây cột bằng đá phủ rêu còn dấu vết của con sư tử đá ngày xưa. Sau một khúc quẹo gấp cuối cùng, chúng tôi trông thấy tòa nhà cổ thấp xây bằng gạch cũ. Tòa lâu đài đã qua ba thế kỷ, chứng kiến biết bao sự ra đời, bao lần đi xa trở về tổ ấm, bao nhiêu cuộc khiêu vũ, bao nhiêu cuộc hẹn hò. Nay những bức tường cổ kính này lại phải chứng kiến một tấn thảm kịch thương tâm.

Mason chỉ cho chúng tôi :

- Đó, cửa sổ đó. Cái cửa ở ngay bên phải sát cây cầu rút. Nó được mở toang ra đúng như trong đêm hôm qua.

- Nó hẹp quá, làm sao một người chui qua được.

- Tên hung thủ chắc không mập lắm. Ông và tôi, chúng ta đều chui qua được một cách dễ dàng.

Holmes đi tới con hào, xem xét bãi cỏ cùng bờ đá. Mason nhắc lại :

- Tôi đã xem kỹ lắm rồi, không có bất cứ một dấu vết gì chứng tỏ có một người từ dưới nước đi lên.

- Ở đây cứ luôn đục bùn thế này?

- Thường thì nước có màu này. Giòng nước sông đưa phù sa vào.

- Nó sâu bao nhiêu.

- Ở gần bờ thì khoảng 2 feet, còn giữa thì là 3.

- Như vậy chúng ta có thể loại bỏ giả thiết là hắn bị chết đuối khi lội qua hào.

- Trẻ con cũng không chết đuối.

Chúng tôi bước qua chiếc cầu rút và một nhân vật xương xẩu ra mở cửa cho chúng tôi: Đó là Ames. Anh chàng vẫn còn run rẩy. Trung sĩ ngồi cạnh trong căn phòng xảy ra án mạng. Ông bác sĩ Wood đã về. Ông Mason hỏi :

- Có gì mới không, thượng sĩ Wilson?

- Thưa ông, không có gì.

- Thế thì anh có thể về nhà. Khi nào cần anh, sẽ báo sau. Anh bảo anh đầu bếp hãy đi báo cho ông Barker, bà Douglas và bà hầu phòng rằng chúng tôi cần gặp họ. Bây giờ, tôi xin trình bày quan điểm riêng của tôi, sau đó các ông sẽ nói lên quan điểm của các ông...

Cái ông cảnh sát ở tỉnh nhỏ này coi bộ mới đang hoang làm sao. Ông ta nắm rất vững mọi sự kiện và có một bộ óc sáng suốt, lạnh lùng, nhất định ông ta sẽ tiến rất xa về nghề nghiệp. Holmes nghe ông ta nói một cách chăm chú.

- ... Đây là một vụ tự sát? Hay là một vụ ám sát? Nếu đây là một vụ tự sát thì chúng ta phải tin rằng người nay bắt đầu tháo chiếc nhẫn cưới của mình ra, đem giấu đi. Rồi

người đó đi xuống đây, đặt đôi giày có đinh bòn vào đằng sau bức rèm cửa để làm cho người ta tưởng là có ai đứng đợi ở đó, sau đó mở toang cửa sổ ra, bôi máu lên thành...

Ông MacDonald cắt ngang:

- Chúng ta có thể gạt bỏ giả thiết này.

- Vậy thì đã xảy ra một án mạng. Chúng ta phải tìm xem hung thủ là người trong nhà hay từ ngoài vào.

- Chúng tôi xin nghe lập luận của ông.

- Trong cả hai trường hợp đó, chúng ta đều vấp phải những khó khăn to lớn. Nhưng không thể có một giả thiết thứ ba. Chỉ một trong hai giả thiết đó thôi. Trước hết chúng ta hãy giả thiết: hung thủ là người ở ngay trong lâu đài này. Chúng ta hạ ông Douglas trong một thời điểm mà tất cả mọi sự đều yên tĩnh, nhưng chưa ai ngủ cả. Mặt khác, chúng ta gây án mạng bằng một vũ khí lạ nhất và âm ỉ nhất, để sau đó mọi người đều biết. Một vũ khí mà trước đó, chưa ai nhìn thấy ở trong nhà. Như vậy thật cũng khó tin quá.

- Vâng khó tin thật.

- Tất cả mọi lời khai đều khớp với sự kiện này. Sau khi báo động, chỉ chưa đầy một phút, thì mọi người đã có mặt ở hiện trường. Như vậy thì liệu các ông có tin được rằng trong một khoảng thời gian rất ngắn mà hung thủ đã làm rất nhiều việc: in các dấu chân trong góc nhà, mở cửa sổ, làm vấy máu lên thành cửa, rút chiếc nhẫn cưới ra rồi lại gắn vào....

Holmes tán thành :

- Ông đặt vấn đề một cách rất rõ ràng. Tôi ngả theo quan điểm của ông.

- Như vậy, chúng ta bắt buộc phải trở lại giả thiết do một người ở ngoài gây ra. Tên sát nhân đã lọt vào nhà trong khoảng thời gian từ 4 giờ rưỡi đến 6 giờ chiều. Hôm đó có tiếp khách, cửa mở rộng, nên không có gì ngăn được nó. Cũng có thể nó chỉ là một tên ăn trộm tầm thường thôi. Cũng có thể nó là một người có hận thù riêng gì với ông Douglas. Nó đã chui vào căn phòng này và đã trốn ở đằng sau bức rèm cửa. Nó đứng ở đó đến quá 11 giờ đêm. Vào giờ này ông Douglas bước vào phòng. Cuộc đối thoại với tên sát nhân rất ngắn ngủi, vì bà Douglas khai rằng chồng bà mới đi xuống chừng vài phút thôi là bà đã nghe thấy tiếng súng.

- Cây nến cũng phù hợp với điều đó. - Holmes nói.

- Đồng ý. Cây nến còn mới, chỉ cháy khoảng nửa inch, chắc ông ta đã đặt nó lên bàn trước khi bị tấn công; nếu không, nó đã rơi xuống đất khi ông ta ngã. Điều này cũng chứng tỏ là ông ta không bị tấn công ngay khi vừa bước vào phòng.

- Tất cả đều rõ ràng.

- Bây giờ chúng ta có thể hình dung lại diễn biến của vụ án.: Ông Douglas bước vào phòng, đặt cây nến lên bàn. Một người từ sau bức rèm hiện ra. Hắn có mang cây súng. Hắn đòi chiếc nhẫn cưới. Ông Douglas đưa nhẫn cho hắn. Thế là hắn bắn ông Douglas vì ông này đã vớ được cái búa để trên thảm. Hắn bỏ rơi khẩu súng xuống, và cả mẫu bìa cứng có mang chữ "V.V 341". Rồi hắn chạy trốn qua cửa sổ và lộn qua hào giữa lúc ông Barker phát hiện ra vụ án mạng. Ông nghĩ thế nào ông Holmes?

- Rất hay, nhưng chưa thuyết phục được người nghe.

Ông MacDonald kêu lên :

- Ông bạn thân mến, tôi sẽ chứng minh cho ông thấy là nó sẽ hành động theo một cách khác. Tại sao nó dám dùng một khẩu súng sau khi nó biết rằng muốn thoát ra thì

phải dùng một vũ khí thầm lặng. Nào, ông Holmes bây giờ xin ông cho biết ý kiến.

Holmes hết liếc mắt từ phải qua trái rồi từ trái sang phải. Anh đứng dậy, đến quỳ bên xác chết.

- Tôi muốn có thêm một vài sự kiện bổ xung, trước khi đi vào một giả thiết, thưa ông MacDonald. Những vết thương này thật là khủng khiếp. Chúng ta có thể cho anh đầu bếp vào đây một lát được không, các ông... Anh Ames, tôi chắc rằng anh đã được nhìn thấy nhiều lần cái hình rất kì lạ này, một tam giác trong một đường tròn, áp bằng sắt nung đỏ lên cẳng tay của ông Douglas phải không?

- Vâng, thưa ông, nhiều lần ạ.

- Anh có bao giờ nghe thấy một lời nói nào có thể giải thích được ý nghĩa của cái dấu ấy không?

- Thưa ông, không.

- Chắc lúc mới áp vào phải đau đớn lắm đó. Rõ ràng là một vết bỏng. Này anh Ames, bây giờ tôi trông thấy một miếng băng dính ở dưới cẳng ông Douglas. Anh có nhận thấy không?

- Thưa ông có ạ. Sáng hôm qua, ông ấy đã bị đứt khi cạo mặt.

- Ông ấy có hay bị đứt như vậy khi cạo mặt không?

- Thưa ông, hầu như không.

- Rất hay. Tất nhiên đây chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi. Nếu không, nó chứng tỏ ông ta đang lo lắng về một mối nguy hiểm nào đó. Anh Ames, ngày hôm qua anh có nhận thấy có một cái gì đó khác thường trong sinh hoạt của ông chủ không?

- Ông chủ tôi có hơi bồn chồn và cáu gắt.

- À, thế thì. Hình như chúng ta đã tiến thêm được vài bước. Ông MacDonald, ông có muốn đích thân hỏi thêm gì nữa không?

- Không, xin nhường cho những người cao minh hơn.

- Vậy thì chúng ta quay sang mẫu bìa "V.V. 341". Đây là một loại bìa tòi, ở trong nhà có thứ bìa nào giống thế này không?

- Thưa ông, không ạ.

Holmes đi lại bên bàn giấy, lấy mỗi lọ mực, đổ vài giọt lên giấy thăm.

- Những chữ này không phải viết ở đây rồi. Viết bằng mực đen, còn mực ở đây màu đỏ gạch, và lại viết bằng một ngòi bút to nét, còn những ngòi bút ở đây đều nhỏ nét cả.

- Không, những chữ này đã được viết ở nơi khác rồi. Anh Ames, anh có cho rằng những chữ này có ý nghĩa gì không?

- Thưa ông, tôi không biết.

- Ông nghĩ thế nào, ông MacDonald?

- Nó làm tôi nghĩ đến một hội kín. Cái dấu ở trên cánh tay kia cũng thế.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. - Ông Mason lên tiếng.

- Chúng ta chọn giả thiết đó. Một thành viên của một hội kín lọt vào trong lâu đài, chờ ông Douglas và bắn vỡ sọ ông ta, rồi trốn ra bằng đường hào, sau khi đã vớt lại bên cạnh nạn nhân một mẫu bìa cứng có ghi những chữ mà khi báo chí đăng lên sẽ báo tin cho các thành viên khác của hội biết rằng việc trả thù đã hoàn thành. Tất cả mọi cái đều khớp.

- Nhưng tại sao lại dùng súng, mà không dùng bất cứ vũ khí nào khác?

- Đúng thế.

- Và tại sao chiếc nhẫn cưới lại biến mất?

- Đồng ý.

- Tại sao người ta lại chưa bắt được người nào? Bây giờ là 14 giờ rồi, tôi chắc rằng từ rạng đông đến giờ tất cả cảnh sát đang truy lùng một người lạ mặc quần áo ướt và lấm bùn.

- Vâng, ông không nhầm, ông Holmes ạ.

- Nếu hắn không có một nơi ẩn nấp ở gần đây, và nếu hắn không thay được quần áo, thì cảnh sát không dễ lọt lưới. Ấy vậy mà cho đến giờ này, hắn đã lọt lưới thật....

Holmes đi lại phía cửa sổ, và rút chiếc kính lúp ra, xem xét vết máu trên thành cửa.

- Đúng là vết in của một bàn chân. To hơn bình thường. Phải nói là giống như một bàn chân phẳng. Một điều kì lạ khác nữa: Cái vết chân dính bùn ở góc nhà kia lại có vẻ bình thường hơn vết này. Nói cho ngay ra, thì tất cả đều mờ nhạt không rõ ràng. Còn cái gì ở dưới gầm chiếc bàn con thế kia?

- Những quả tạ của ông Douglas. - Ames đáp.

- Chỉ thấy có một quả thôi, Còn quả kia đâu?

- Thưa ông, tôi không biết. Có thể là chỉ có một quả thôi, Đã hàng tháng nay tôi không nhìn xuống đó.

Holmes nói một cách trầm ngâm :

- Một quả tạ....

Một tiếng gõ cửa đã ngắt lời anh. Một người đàn ông cao lớn, mặt cạo râu nhẵn nhụi, da rám nắng, trông thông minh, lanh lẹ bước vào. Đó là Barker. Đôi mắt quen ra lệnh của ông ta đảo nhìn chúng tôi một lượt.

- Tôi xin lỗi đã làm gián đoạn cuộc họp, nhưng tôi muốn báo các ông một tin cuối cùng,

- Đã bắt được rồi ư?

- Chưa. Nhưng người ta đã tìm thấy chiếc xe đạp, hung thủ đã bỏ nó lại. Chỉ cách cửa ngoài chưa tới 100 yards.

Mấy gia nhân cùng những người hiếu kì đang ngắm nghía một chiếc xe đạp mà người ta vừa lôi ở trong một bụi cây ra. Cái túi sau yên xe đựng một chiếc cò lê và một lọ dầu nhớt, nhưng không có một chỉ dẫn nào về người chủ của nó. Ông thanh tra thở dài, nói :

- Công việc sẽ đơn giản biết bao nếu xe này có mang biển số. Nhưng chúng ta sẽ biết được ngay chủ nó mang xe từ đâu đến.

Nhưng mà, tại sao hắn lại vứt bỏ chiếc xe đạp? Làm thế, hắn không đi xa được. Ông Holmes này, hình như chúng ta chưa có được một tia sáng nào.

- Chính tôi cũng đang tự hỏi như vậy. - Holmes đáp.

Chương 5 Những nhân vật của tấn thảm kịch

Khi chúng tôi bước ra khỏi phòng, ông Mason còn hỏi lại :

- Các ông đã xem kỹ căn phòng này chưa?

- Hiện nay thì đủ rồi. - Ông thanh tra đáp.

Holmes cũng gật đầu đồng ý.

- Bây giờ thì chắc các ông muốn nghe lời khai của một vài người ở trong lâu đài này.

Anh Ames, chúng tôi sẽ làm việc ở trong phòng ăn. Trước hết, anh hãy cho chúng tôi nghe tất cả những gì mà anh biết.

Câu chuyện của anh đầu bếp kể lại đã thuyết phục được người nghe. Anh ta đã được nhận vào làm 5 năm trước đây, khi ông Douglas vừa đến ở Birlstone. Ông Douglas là một người có của và đang hoàng, đã từng làm giàu trước đây ở bên Mỹ, ông tỏ ra là một ông chủ tốt và hào phóng, ông Douglas ra lệnh mỗi buổi chiều phải kéo cây cầu lên là để nối tiếp lại một phong tục cũ của tòa lâu đài cổ này. Ông rất ít khi đi London, và cũng ít khi rời khỏi làng. Nhưng một ngày, trước hôm xảy ra án mạng, ông đi lên Tunbridge Wells để mua sắm một ít đồ vật. Ngày hôm sau, chính Ames nhận xét thấy ông Douglas có vẻ hơi nóng nảy, cáu gắt và điều này thật là khác thường. Lúc xảy ra án mạng, Ames đang ở trong bếp, đang cất dọn các đồ chén bát. Chính lúc đó anh nghe tiếng kéo chuông thật mạnh, nhưng không nghe thấy tiếng súng nổ vì từ bếp lên đến căn phòng ấy còn phải qua một dãy hành lang dài và mấy lớp cửa đóng. Tiếng chuông quá mạnh cũng làm cho bà hầu phòng phải chạy ra, và hai người cùng chạy lên nhà trên. Khi đến chân cầu thang, thì bà Douglas ở trên lầu đang đi xuống. Không, bà ta không có dáng vội vàng. Và Ames có cảm giác là bà ta không bối rối. Khi bà Douglas xuống đến bậc cầu thang cuối cùng, thì ông Barker từ trong phòng chạy ra, ngăn bà lại và xin bà trở lên. Ông ấy kêu lên :

- Chị hãy trở lên phòng ngay đi. Anh ấy đã chết rồi. Chị lên đi.

Ông Barker phải nói mãi bà Douglas mới chịu lên phòng. Bà không khóc. Bà không làm ồn ào. Bà hầu phòng Allen đã dìu bà lên và ở trong phòng với bà. Ames và ông Barker lúc đó mới đi vào trong căn phòng. Bấy giờ ngọn nến không cháy, mà cây đèn lại cháy. Cả hai người nhìn qua cửa sổ, nhưng đêm tối đen như mực, và không nghe thấy gì cả. Họ đổ xô ra buồng ngoài và Ames đã hạ cây cầu rút xuống để ông Barker đi báo cảnh sát.

Lời khai của bà hầu phòng Allen cũng khớp với lời khai của Ames. Buồng riêng của bà hầu phòng ở gần phía nhà trên hơn là chỗ bếp của Ames. Bà đang đi ngủ, thì nghe tiếng chuông kéo thật mạnh. Bà có hơi nặng tai. Không biết có phải vì thế mà bà không nghe thấy tiếng súng chẳng? Khi ông Ames chạy lên nhà trên, thì bà cũng chạy theo ông ta. Bà có trong thấy ông Barker mặt bối rối từ trong phòng đi ra. Ông ta chạy đến trước mặt bà Douglas lúc đó ở trên cầu thang đi xuống. Ông ta năn nỉ mời bà Douglas đi lên, và bà ta có trả lời lại điều gì đó mà bà Allen nghe không rõ. Ông Barker ra lệnh cho bà :

- Bà đưa bà chủ lên lầu đi. Và ở luôn đó với bà chủ.

Bà đưa bà chủ lên lầu về phòng và cố khuyên bà chủ bình tĩnh lại. Bà Douglas, chân tay run bần, nhưng cũng không muốn đi xuống nữa. Bà mặc chiếc áo khoác, ngồi vào bên lò sưởi, hai tay ôm lấy đầu. Bà Allen đã ở lại đó cả đêm với bà.

Còn các gia nhân khác, thì họ đều đi ngủ cả, và chỉ được báo động trước lúc cảnh sát đến một chút thôi.

Đến lượt ông Barker. Về những sự kiện xảy ra đêm hôm qua, ông cũng khai y như đã

khai với Trung sĩ Wilson. Riêng ông, ông tin rằng tên sát nhân đã trốn qua cửa sổ. Theo ông thì vết máu ở trên thành cửa sổ không cho phép người ta nghi ngờ điều đó. Nhưng ông ta không hiểu vì sao hung thủ lại có thể biến đi được, hoặc tại sao nó lại không chịu trốn bằng xe đạp, nếu chiếc xe ấy là của nó.

Về vụ án mạng này, ông có thể có một quan điểm rất rõ ràng. Ông Douglas là người Ailen di cư sang Mỹ từ thời còn thanh niên, đã làm ăn phát đạt và Barker đã quen biết ông ta ở California. Hai người chung vốn khai thác một cái mỏ, kết quả hết sức tốt đẹp. Đột nhiên Douglas bán lại phần của ông ta và trở về Anh. Lúc đó Barker vừa góa vợ. Ít lâu sau, Barker chuyển hết tài sản ra thành tiền mặt rồi về London, vì thế hai người lại nối lại tình bạn cũ. Douglas làm cho Barker có cảm giác rằng có một mối nguy hiểm nào đó đang treo trên đầu mình, và Barker vẫn nghĩ rằng việc Douglas đột ngột rời bỏ California là có liên quan đến mối nguy hiểm đó. Barker tưởng tượng một hội kín nào đó, có mối thù không đội trời chung với Douglas. Chính một vài câu nói của Douglas đã làm nảy nở ý nghĩ này trong đầu Barker, chứ bản thân Barker thì chưa bao giờ hỏi gì về cái hội kín này. Barker đoán rằng những chữ viết trên mẫu bì cứng là có liên quan đến hội kín.

Ông thanh tra MacDonald hỏi :

- Ông đã sống với ông Douglas trong bao lâu ở California?
- Khoảng 5 năm.
- Lúc đó Douglas sống độc thân?
- Góa vợ.
- Bà vợ thứ nhất của Douglas là người nước nào?
- Thụy Điển. Tôi có thấy ảnh của bà ta. Đó là một phụ nữ rất đẹp, chết trước khi chúng tôi quen nhau một năm.
- Liệu ông có thể xác định được quá khứ của bà ta ở một vùng nào cụ thể bên Mỹ không?
- Douglas có nói với tôi là ở Chicago. Ông ta biết rất rõ thành phố này và đã làm việc ở đó, Ông ta cũng có nói với tôi về những vùng mỏ khai thác than và sắt.
- Ông Douglas có làm chính trị không? Cái hội kín này có mục đích chính trị không?
- Không. Ông ấy không bao giờ để ý đến chính trị.
- Ông có nghĩ rằng đây là một cái hội phạm pháp không?
- Tuyệt đối không. Tôi chưa thấy một người nào lại thẳng thắn và dứt khoát như ông Douglas.
- Ông có thể cho chúng tôi biết những chi tiết gì đặc biệt về cuộc đời của Douglas ở California được không?
- Lúc đó ông ta sống ru rú trong khu mỏ và chỉ đi đến những nơi đông người khi nào đặc biệt lắm mà thôi. Khi ông ta đột ngột bỏ về Châu Âu, thì một tuần lễ sau có 6 người đến tìm ông ta.
- Loại người như thế nào?
- Những người trông có vẻ bất trị lắm. Họ kéo nhau đến khu mỏ và muốn biết Douglas đang ở đâu. Tôi nói là ông ta đã trở về Châu Âu và tôi không biết địa chỉ.
- Họ là người Mỹ? Người California?
- California thì tôi không biết. Nhưng người Mỹ thì chắc chắn rồi, không phải là dân thợ mỏ.
- Cách đây có đến 6 năm không?

- Gần 7 năm.
- Thế mà hai ông đã sống với nhau 5 năm ở California. Vậy thì cái vụ hội kín này phải cách đây ít nhất đến 11 năm.
- Đúng thế.
- Một mối thù dai dẳng.
- Tôi nghĩ rằng mối thù này lúc nào cũng lớn vồn trong đầu ông ta.
- Khi một người cảm thấy mình bị đe dọa, thì người đó phải nhờ cảnh sát bảo vệ chứ?
- Có thể đây là một mối nguy hiểm mà các cơ quan cảnh sát không làm gì được cũng nên, Nhưng có một điều này các ông cần phải biết: ông Douglas không khi nào đi ra ngoài lại không mang vũ khí. Nhưng hôm qua ông ấy lại mặc chiếc áo khoác ở nhà, và để súng ở trong buồng. Có lẽ vì thấy chiếc cầu rút đã kéo lên, nên ông ta cho thế là an toàn chăng?

Ông MacDonald hỏi thêm :

- Ông Douglas đã rời California đã 6 năm rồi. Đến năm sau thì ông cũng bỏ đi nốt phải không?
- Vâng, đúng thế.
- Ông ta lấy vợ khác từ 5 năm nay. Vậy thì ông trở về Anh vào lúc ông ta cưới vợ chứ?
- Một tháng trước ngày cưới. Tôi là người làm chứng của ông ta.
- Thế ông có quen biết bà Douglas trước khi cưới không?
- Không. Tôi đã rời khỏi nước Anh từ 10 năm rồi.
- Nhưng từ đó đến nay ông đã gặp bà ta nhiều lần rồi chứ?

Barker nhìn ông thanh tra một cách hết sức nghiêm trang :

- Tôi đã gặp ông ta nhiều lần, từ ngày cưới đến giờ. Còn nếu tôi có gặp bà ta đi nữa thì bớ vì không thể ở trong nhà một người mà lại không biết đến vợ người đó. Nếu ông tưởng tượng rằng có một mối liên quan nào đó....

- Tôi chẳng tưởng tượng gì cả. Tôi có nhiệm vụ phải tìm tất cả những gì có thể liên quan đến vụ án. Nhưng tôi không muốn làm mất lòng ai.

Barker đáp lại một cách khô khốc :

- Có những cái tìm kiếm làm mất lòng người khác đấy, ông thanh tra à.
- Chúng tôi chỉ muốn có các sự kiện. Nếu những sự việc này được trình bày ra đây một cách sáng tỏ, thì điều này chỉ có lợi cho ông, cho mọi người. Ông Douglas có hoàn toàn tán thành tình bạn của ông đối với vợ ông ta không?

Barker tái mặt, hai bàn tay nắm chặt vào nhau, nói to tiếng :

- Ông không có quyền hỏi tôi những câu như vậy. Việc này có liên quan gì đến vụ án mà ông đang điều tra?

- Tôi có phải nhắc lại câu hỏi này không, thưa ông?

- Ông cứ nhắc lại, còn tôi, tôi không trả lời.

- Ông có thể không trả lời, nhưng ông phải biết chính cái việc từ chối đã là một câu trả lời rồi. Bởi vì ông sẽ chịu trả lời nếu ông không có điều gì giấu diếm.

Barker ngồi im lặng một lát, nét mặt căng thẳng. Rồi ông ta trở lại thư thái hơn, nhìn chúng tôi mỉm cười :

- Thôi được, tôi thấy thật ra các ông cũng chỉ làm nhiệm vụ của mình thôi. Tôi muốn nói với các ông rằng Douglas có một tính xấu là hay ghen. Ông ta rất quý mến tôi, Và ông ta cũng quý vợ ông ta lắm. Mỗi lần tôi đến đây, ông ta đều rất vui lòng. Lâu tôi không đến chơi là ông liền cho người đi gọi. Tuy vậy, khi ông thấy vợ ông và tôi ngồi

nói chuyện với nhau thì ông ta nổi nóng đến mức nói tôi chẳng ra gì nữa. Đã nhiều lần tôi thề rằng sẽ không đặt chân đến đây nữa. Nhưng khi tôi hờn dỗi thì ông ấy lại viết cho tôi những bức thư rất dễ thương làm tôi không thể giận lâu hơn được nữa. Và sau đây là lời nói cương quyết của tôi: Không có một người phụ nữ nào lại yêu chồng và chung thủy như bà Douglas.

Ông thanh tra MacDonald hỏi :

- Ông có biết chiếc nhẫn cưới của nạn nhân đã bị rút ra khỏi ngón tay của người ấy không?

- Hình như thế.

- Tại sao ông lại nói là “hình như thế”. Ông biết rõ đây là một việc có thật kia mà.

Barker có vẻ lúng túng :

- Khi tôi nói “hình như thế” là tôi muốn nói rằng cũng có thể chính nạn nhân đã tự mình rút chiếc nhẫn đó ra.

- Việc chiếc nhẫn cưới biến mất, đã gợi ý cho mọi người thấy rằng có một mối liên quan nào đó giữa đám cưới của ông Douglas và vụ án này. Có phải không ông?

Barker nhún vai trả lời :

- Tôi sẽ không đi tìm xem nó gợi ý cái gì, nhưng nếu ông muốn ám chỉ rằng việc đó làm tổn thương đến danh dự bà Douglas thì.....

Hai mắt ông ta long lanh sáng quắc, và ông ta phải dùng tất cả nghị lực để kìm hãm xúc cảm.

- Thì ông đã đi làm đường rồi đấy, Có thể thôi.

Ông thanh tra MacDonald lạnh nhạt nói :

- Tạm thời bây giờ tôi không có gì hỏi thêm ông nữa...

Holmes vội bác ngay :

- Xin ông một chi tiết nhỏ, thưa ông Barker. Khi ông bước vào trong phòng, thì chỉ có một ngọn nến thấp để trên bàn, có phải không?

- Vâng.

- Chính nhờ ánh sáng của ngọn nến đó mà ông đã trông thấy là có một việc khủng khiếp vừa xảy ra, phải không?

- Đúng thế.

- Ông đã tức khắc kéo chuông ngay để báo động.

- Vâng.

- Và mọi người đã đổ ngay đến đấy chỉ sau một khoảng thời gian rất ngắn, Có phải không?

- Chỉ sau không đầy một phút.

- Ấy thế mà khi mọi người vào đây lại thấy ngọn nến được tắt đi và ngọn đèn đã được thắp lên, như vậy có lạ lùng không ông?

Một lần nữa, Barker lại tỏ ra hơi lúng túng. Ông ta im lặng một lát rồi mới trả lời :

- Thưa ông tôi không thấy có gì lạ lùng. Ngọn nến chiếu ánh sáng lu mờ quá. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là phải có một ánh sáng tốt hơn. Cái đèn lúc đó để trên bàn, tôi đã thắp nó lên.

- Và ông đã tắt ngọn nến đi.

- Vâng.

Holmes không hỏi thêm, và Barker - sau một cái nhìn thách thức về phía mỗi người chúng tôi, đã rời căn phòng đi ra.

MacDonald viết một mảnh giấy nhỏ báo cho bà Douglas biết là ông sẽ lên gặp bà, nhưng bà đã trả lời là bà sẽ xuống.

Đó là một phụ nữ khoảng 30 tuổi, cao lớn, rất đẹp, dáng điệu chín chắn, và hết sức tự chủ, khác hẳn với hình ảnh một người bi thảm và rã rời mà tôi hình dung ra trong đầu. Bà lần lượt nhìn chúng tôi, với một biểu hiện dò hỏi. Rồi đôi mắt dò hỏi đó, nhường chỗ cho một câu hỏi đột ngột :

- Các ông đã tìm ra gì chưa?

Trong giọng nói của bà chứa đựng sự sợ sệt nhiều hơn là niềm hy vọng.

- Thưa bà, chúng tôi đã làm những việc cần làm. Xin bà cứ yên tâm. - MacDonald trả lời

- Xin các ông đừng ngại tốn kém tiền bạc. - Bà Douglas nói, giọng thều thào.

- Không biết bà có đem lại cho chúng tôi một chút ít ánh sáng nào không?

- Thưa, tôi sẵn sàng làm tất cả những gì mà các ông cần.

- Ông Barker cho biết rằng bà không bước chân vào căn phòng xảy ra án mạng.

- Vâng. Ông ta đã bắt tôi phải đi lên và trở về phòng riêng.

- Bà nghe tiếng súng nổ, và bà đã tức khắc xuống ngay?

- Tôi mặc áo khoác ngoài và tôi chạy xuống.

- Từ lúc bà nghe tiếng nổ đến lúc ông Barker ngăn bà lại, mất khoảng bao nhiêu.

- Có lẽ độ hai phút. Trong những lúc như vậy thật khó tính được thời gian.

- Bà có thể dự tính được khoảng thời gian từ lúc chồng bà đi xuống nhà đến lúc bà nghe tiếng súng nổ không?

- Thưa ông, chồng tôi đi từ buồng tắm ra nên tôi không nghe thấy tiếng anh ấy đi xuống.

- Bà đã quen ông ấy ở Anh có phải không?

- Thưa vâng, đã 5 năm rồi.

- Bà có bao giờ nghe thấy ông ấy nói về một chuyện gì xảy ra ở bên Mỹ và dự cảm về một mối nguy hiểm nào không?

Bà Douglas suy nghĩ lung lăm trước khi trả lời. Mỗi một lúc sau bà mới nói :

- Thưa có. Tôi vẫn có linh tính là có một sự nguy hiểm đe dọa chồng tôi. Anh không chịu bàn luận gì với tôi về việc này cả, vì anh ấy chủ tâm tránh cho tôi mọi sự sợ hãi.

- Vậy làm sao bà lại biết được?

Nét mặt bà Douglas hồng tươi hẳn lên trong một nụ cười :

- Tôi biết được bí mật này là nhờ vào nhiều dấu hiệu: vì anh ấy không chịu nói gì với tôi về một vài quãng đời của anh khi còn ở bên Mỹ. Vì tôi thấy anh ấy có những biện pháp tự vệ riêng. Vì đôi lúc anh ấy không kiềm chế được và nói lỡ vài lời. Vì thấy cái cách anh ấy nhìn những người lạ mặt bất chợt đến đây. Tôi hoàn toàn chắc chắn là anh ấy có những kẻ thù ghê gớm, mà anh ấy cho là đang dò tìm tung tích của anh, và anh luôn luôn cảnh giác đề phòng.

- Ông ấy đã lỡ mồm nói ra điều gì làm bà phải chú ý. - Holmes hỏi.

- “Thung lũng khủng khiếp”. Có một lần anh ấy dùng hình tượng này để nói với tôi. Khi tôi thấy anh ấy nghiêm nghị hơn bình thường, tôi có hỏi: “Có bao giờ chúng ta ra khỏi được cái “Thung lũng khủng khiếp” ấy không?” Và anh ấy đã trả lời rằng: “Có lẽ chúng ta không bao giờ ra khỏi được”.

- Tất nhiên là bà có hỏi ông nhà xem ông muốn nói gì bằng hình tượng “Thung lũng khủng khiếp”.

- Vâng, tôi có hỏi. Nhưng anh ấy sa sầm mặt lại và lắc đầu nói: “Cầu trời cho cái bóng ấy không bao giờ phủ cả lên em nữa”. Đó là cái thung lũng thực sự chứ không phải là một hình tượng. Anh ấy đã sống ở đó và một sự khủng khiếp đã xảy ra có liên quan đến anh.

- Thế ông ấy có nêu lên một người nào không?

- Cách đây ba năm, anh ấy bị sốt cao. Trong cơn mê, anh ấy luôn luôn nhắc đến một tên người. Cái tên ấy là trưởng toán McGinty. Lúc anh ấy bình phục, tôi có hỏi trưởng toán McGinty là ai. Anh ấy cười trả lời: “Nhờ trời, nó chưa bao giờ làm trưởng cái toán của anh”. Nhưng chắc có một mối liên hệ nào đó giữa người trưởng toán đó và thung lũng khủng khiếp.

Ông thanh tra MacDonald nói :

- Bà đã gặp ông Douglas trong nhà trọ một gia đình ở London và hai ông bà đã hứa hôn với nhau cũng ở đó. Trong việc lập gia đình, có một yếu tố nào bí mật hay cần phải giữ kín không? Hay là một yếu tố lãng mạn?

- Lãng mạn à? Vâng, thưa có. Bao giờ thì cũng có yếu tố lãng mạn. Không có cái gì là bí mật cả.

- Ông ấy có tình địch không?

- Thưa không. Lúc đó tôi hoàn toàn tự do.

- Việc mất chiếc nhẫn cưới, có gợi cho bà một ý nghĩ gì không? Nếu kẻ thù cũ đã đến đây và ám hại ông, thì có lý nào chúng lại tháo chiếc nhẫn.

Trong một thoáng, tôi chợt thấy một cái gì đó như là một nụ cười rất kín đáo trên đôi môi bà Douglas. Bà ta bình tĩnh trả lời :

- Tôi tuyệt đối không hiểu gì cả. Thật là kỳ lạ.

Ông Thanh tra nói :

- Thưa bà, chúng tôi không giữ bà lâu hơn nữa và rất tiếc đã quấy rầy bà. Tất nhiên còn một số điều nữa phải xem xét thêm, nhưng chúng tôi sẽ xin kêu gọi sự giúp đỡ của bà khi nào cần thiết.

Bà ta đứng lên, và tôi lại bất chợt một lần nữa thấy đôi mắt sắc sảo nhìn chúng tôi một cách dò hỏi. Rồi bước ra khỏi phòng ăn.

Khi hai cánh cửa phòng đã khép lại, ông thanh tra MacDonald khe khẽ nói một cách trầm ngâm: “Một người đàn bà đẹp. Một người đàn bà rất đẹp. Cái tay Barker này là một người được phụ nữ ưa thích. Cậu ta công nhận rằng Douglas có tính hay ghen. Biết đâu rằng cái ghen này không phải là vô căn cứ. Rồi lại còn chuyện cái nhẫn cưới nữa. Chúng ta không thể coi thường chi tiết ấy được. Một người mà đã rút cái nhẫn cưới ra khỏi bàn tay của một xác chết. Ông nghĩ thế nào, ông Holmes”.

Holmes ngồi yên lặng, hai tay ôm đầu. Anh đứng dậy ra giật chuông, và khi người đầu bếp vào, anh hỏi :

- Anh Ames, ông Barker hiện giờ ở đâu?

- Thưa ông, để tôi đi xem.

Một lát sau, anh ta trở lại báo cáo ông Barker hiện đang ở ngoài vườn.

- Anh Ames, anh cố nhớ lại xem, đêm hôm qua khi anh vào gặp ông Barker thì ông ta đi gì ở chân?

- Ông ta đi giày vải. Tôi đã mang giày da đến cho ông ta thay để đi báo cảnh sát.

- Thế đôi giày vải ấy bây giờ ở đâu rồi?

- Dưới gầm ghế ở phòng ngoài.

- Rất tốt, việc phân biệt giữa những vết chân của ông Barker và của một người ở ngoài là rất quan trọng chứ? Anh có đồng ý không.

- Thưa ông, vâng, tôi nhận thấy các vết chân của ông Barker đều đầy dấu máu. Nhưng cả những vết chân của tôi cũng thế.

- Đó là điều bình thường, nếu căn cứ vào tình trạng căn buồng lúc đó. Chúng tôi lại sẽ gọi chuông khi nào cần đến anh.

Vài phút sau chúng tôi đã trở lại căn buồng có án mạng. Holmes đã nhặt mang theo đôi giày vải để ở buồng ngoài, đôi giày đỏ lôm máu.

Holmes cầm đôi giày ra đứng trước cửa sổ chăm chú xem xét, vừa xem vừa nói khẽ một mình.

- Kỳ cục. Thực là kỳ cục.

Anh ta nhẹ nhàng cúi xuống và đặt chiếc giày vải lên vết máu trên khung thành cửa sổ: Khớp đúng như in. Anh ta mỉm cười, nhìn mọi người.

Ông thanh tra bối rối đến cực độ, hét lên như người điên :

- Chính tay Barker này đã in dấu giày trên thành cửa sổ. Nó rộng hơn một dấu chân bình thường. Tôi nhớ rằng ông đã có nói đây là một bàn chân phẳng. Bây giờ mới hiểu tại sao. Nhưng này ông Holmes, thế hẳn định chơi cái trò gì đây?

Holmes cũng nhắc lại một cách trầm ngâm :

- Vâng, vâng. Trò gì nào?

Mason tủm tỉm cười: xoa mãi hai bàn tay vào nhau với một niềm vui thích hoàn toàn có tính cách nghề nghiệp :

- Tôi đã báo trước cho các ngài biết mà. Gay go hóc búa lắm chứ có phải chơi đâu.

Chương 6 Một tia sáng chột lóe

Trong khi ba nhà thám tử đi thăm tra lại một số chi tiết, tôi đi dạo một vòng khu vườn ở bên hông lâu đài. Được bao quanh bởi những hàng cây thù dương uy nghi, khu vườn có một bãi cỏ rất đẹp, ở giữa là một chiếc đồng hồ mặt trời cổ kính. Sự yên tĩnh ở đây làm cho thần kinh tôi như giãn hẳn ra.

Đi về phía xa nhất của tòa lâu đài, những lùm cây mọc sát vào nhau làm thành một thứ hàng rào rất kín. Đằng sau hàng rào, có một chiếc ghế kê khuất hẳn, người đi từ phía lâu đài lại không thể nhìn thấy được. Đi gần đến đó, tôi chợt nghe tiếng nói của đàn ông, và một tiếng nói nhỏ của phụ nữ. Một lát sau khi đã đi vòng qua hàng rào, tôi trông thấy bà Douglas đang ngồi với ông Barker. Về mặt của bà ta làm tôi phải kinh ngạc. Lúc này, bà tỏ ra nghiêm nghị và dè dặt bao nhiêu thì bây giờ, bà ta yêu đời bấy nhiêu; khuôn mặt vẫn còn rung lên trong sự thích thú vì câu nói vừa rồi của ông Barker. Ông ngồi nghiêng người ra phía trước, hai tay đan vào nhau, một nụ cười tươi làm rạng rỡ hẳn bộ mặt rắn rỏi. Khi trông thấy tôi, họ lấy lại nét mặt trang nghiêm, thì thầm với nhau câu gì đó, rồi Barker đứng dậy và tiến về phía tôi :

- Thưa ông, có phải tôi đang được hân hạnh nói chuyện với bác sĩ Watson không?
Tôi chào lại một cách lạnh nhạt.

- Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ đúng là ông, người mà ai ai cũng biết là bạn thân của ông Holmes. Bà Douglas mong muốn được thưa với ông một đôi điều.

Tôi cau mày và đi theo ông ta. Hình ảnh của người chết lại hiện ra trong đầu tôi. Chỉ vài giờ sau tấn thảm kịch thì vợ và bạn của kẻ xấu số đã cười đùa vui vẻ với nhau. Tôi chào bà Douglas một cách dè dặt.

- Tôi sợ rằng ông sẽ coi tôi là một người đàn bà không tốt.

- Đó không phải là việc của tôi. - Tôi nhún vai, nói.

- Có thể một ngày nào đấy, ông sẽ hiểu được rằng...

- Cũng không cần thiết là bác sĩ Watson phải hiểu. Đúng như ông ta nói, đây không phải là việc của ông. - Ông Barker nói.

- Đúng thế. Vì vậy tôi xin phép được tiếp tục đi dạo.

- "Xin hãy khoan, bác sĩ Watson!" - Bà Douglas kêu lên - "Ông hiểu biết ông Holmes và những mối quan hệ của ông ta với cơ quan cảnh sát hơn ai hết. Nếu có một sự việc nào đó đem nói riêng với ông ta, thì ông ta có luôn luôn đem báo cáo lại với các thám tử của chính quyền không?"

- Xin hỏi ông Holmes làm việc riêng cho ông ta, hay ông ta làm việc cho cảnh sát? - Barker cũng nhấn mạnh thêm.

- Tôi cũng không biết mình có đủ thẩm quyền để bàn về vấn đề này không.

- Tôi van ông. Nếu ông mách cho chúng tôi điều này, thì ông sẽ giúp đỡ cho chúng tôi nhiều lắm.

Trong giọng nói của bà chứa đựng một cái gì nghe thành thật quá, đến nỗi lúc đó tôi quên hết cái chuyện vô tâm của bà, và chỉ nghĩ cách làm sao cho bà vui lòng :

- Ông Holmes là một nhà điều tra độc lập. Ông ấy tự làm chủ lấy mình và hoạt động theo sự suy nghĩ riêng của ông. Mặt khác, ông ấy cũng phải tỏ ra trung thực đối với những thám tử của nhà nước cùng làm việc trong một vụ án, và ông ấy sẽ không giấu diếm họ bất cứ một điều gì có thể giúp họ đưa các tội phạm ra trước công lý. Như vậy bà và ông nên hỏi thẳng ông Holmes.

Nói thế rồi, tôi nhắc mũ lên chào và bỏ đi, để mặc họ ngồi đằng sau lùm cây. Khi tôi đi khỏi hàng rào và quay lại thì thấy họ vẫn đang bàn cãi và trông theo tôi. Khi tôi kể lại cho Holmes nghe câu chuyện vừa rồi, Holmes trả lời: "Tôi không mong ước được nghe những lời tâm sự của họ".

Sau đó Holmes làm việc với hai đồng nghiệp suốt buổi chiều ở lâu đài và mãi 5 giờ mới về. Anh còn nhắc lại lần nữa :

- Này Watson, không có tâm sự gì cả đấy nhé. Những tâm sự này sẽ trở nên rất cộm nếu sau này có sự bắt bớ về tội đồng lõa.

- Sắp tiến đến bước đó rồi à?

- Khi nào tôi tiêu diệt xong cái quả trứng thứ tư này, tôi sẽ nói cho anh biết tình hình hiện nay. Tôi không nói rằng chúng ta đã giải được bài toán. Còn xa đấy. Nhưng khi nào chúng ta tìm thấy quả tạ còn thiếu kia thì.....

- Quả tạ à?

- Tất cả vụ án này quay chung quanh cái quả tạ vắng mặt kia. Một quả tạ duy nhất. Anh hãy tưởng tượng có một nhà lực sĩ nào chỉ tập với một quả tạ thôi, treo cột sống. Anh ta nhai nhồm nhoàm cái bánh ngọt, hai mắt long lanh tinh nghịch: trông anh ăn

ngon như thế cũng đủ hiểu là công việc tiến hành tốt rồi; ăn xong, anh đến ngồi bên góc chiếc lò sưởi của quán trọ, bắt đầu nói :

- Nói dối. Nói dối to bằng cái đình. Tất cả câu chuyện của Barker là nói dối. Nhưng câu chuyện của Barker lại được bà Douglas công nhận. Vậy thì bà Douglas cũng nói dối. Bởi vậy, giờ đây chúng ta đang đứng trước bài toán này: Tại sao họ lại nói dối, và cái sự thật họ đã cố gắng che giấu là gì? Theo họ kể lại thì tên sát nhân chỉ có một khoảng thời gian chưa đầy một phút để tháo chiếc nhẫn thứ nhất ra, lấy chiếc nhẫn cưới, rồi đeo chiếc nhẫn thứ nhất vào tay nạn nhân. Chắc chắn là không bao giờ nó làm như vậy đâu. Sau đó nó lại còn nhớ để một mẫu bìa cứng bên cạnh xác chết nữa, không thể làm kịp. Cậu có nói rằng: chiếc nhẫn cưới đã được rút ra khỏi tay Douglas trước khi ông ta chết. Sự kiện cây nến cháy ít như vậy chứng tỏ cuộc đối thoại chắc phải là ngắn ngủi. Lại nữa một người can đảm, liều lĩnh như Douglas liệu có tháo ngay chiếc nhẫn cưới của mình đưa cho tên sát nhân khi tên này mới đòi lấy không? Không, tên sát nhân đã ở lại một mình với xác chết một thời gian nữa sau khi cây nến được thắp lên. Nhưng phát đạn là nguyên nhân đã gây ra cái chết. Vậy thì phát đạn này được bắn sớm hơn là người ta khai báo với chúng ta, vết máu ở trên thành cửa sổ, chính là do Barker đã cố tình tạo nên ở đó để đánh lừa cảnh sát. Hôm ấy, gia nhân trong lâu đài còn đi lại đến 10 giờ rưỡi đêm, vậy thì vụ án không thể xảy ra trước giờ đó được. Đến 11 giờ kém 15 thì họ đi ngủ, chỉ trừ có Ames lúc đó đang ở trong bếp.

Chiều nay, sau khi anh đi về rồi, tôi có tiến hành một vài thử nghiệm: Khi tôi đóng kín các cửa lại, MacDonald gây ra nhiều tiếng động trong căn phòng có án mạng; ở dưới bếp không ai nghe thấy cả. Nhưng đứng ở căn phòng riêng của bà hầu phòng thì lại khác: ở trong buồng của bà này, tôi vẫn nghe thoang thoảng tiếng người nói thật to ở nhà trên. Tiếng nổ của một phát súng chắc không lớn lắm, nhưng trong cái im lặng của ban đêm, thì ở căn buồng của bà Allen cũng có thể nghe thấy được. Bà ấy có nói là hơi nặng tai nhưng mặc dầu vậy bà ấy lại khai là có nghe thấy tiếng một cánh cửa đập nửa giờ trước khi có báo động. Nửa giờ trước khi báo động, nghĩa là vào lúc 11 giờ kém 15, chắc chắn là cái tiếng mà bà ta cho là tiếng đập cửa ấy, chính là tiếng súng và thời điểm 11 giờ kém 15 ấy chính là giờ xảy ra vụ án. Giả sử ông Barker và bà Douglas không giết người thì họ đã làm gì trong khoảng thời gian từ 11 giờ kém 15 (là lúc họ nghe thấy tiếng súng và chạy từ trên lầu xuống) tới 11 giờ 15 (lúc họ giật chuông để báo động với gia nhân). Tại sao họ lại không báo động ngay? Khi trả lời được câu này, thì đã tiến được một bước lớn.

- Tôi lại tin chắc là có một sự đồng lõa giữa hai con người này. Một người đàn bà phải tàn nhẫn đến thế nào thì mới có thể cười cợt như vậy khi chồng mới chết có vài tiếng đồng hồ.

- Đúng thế. Ta ít thấy có người phụ nữ yêu chồng mà lại chỉ mới nghe một lời khuyên đơn giản như thế đã không vào nhìn xác của chồng. Đó, chỗ này đạo diễn có phần "yếu" quá, vì bất luận một nhà điều tra nào dù ngu đến đâu cũng phải chú ý đến việc ở đây thiếu hẳn những lời than khóc của phụ nữ.

- Vậy thì Barker và bà Douglas là những thủ phạm của vụ án này phải không?

Holmes rút cái tẩu thuốc ở mồm ra, dừ dừ vào tôi thờ dãi :

- Nếu anh muốn nói rằng bà Douglas và Barker biết sự thật về vụ án mạng nhưng họ cố che giấu thì tôi đồng ý. Nhưng còn câu kết luận của anh, thì tôi thấy chưa đủ chứng minh. Phải chăng họ đã yêu nhau và đã quyết định phải ra tay? Không. Những người

trong làng đã nói là tuyệt đối không có thể. Tất cả mọi cái đều chứng minh rằng gia đình Douglas rất thuận hòa êm ấm.

Tôi nhanh chóng nhớ lại nét mặt tươi cười mà tôi đã bắt gặp trong khu vườn, nên cãi lại :

- Về vấn đề này thì anh đã sai rồi.

- Ừ thì ít nhất họ cũng cho ta cái cảm giác là họ thuận hòa với nhau. Như thế phải giả thiết rằng cái đôi thủ phạm kia gian xảo, đến mức vừa giết chồng, vừa đánh lừa được mọi người. Và trên đầu người bị giết đang treo lơ lửng một mối nguy hiểm nào đó...

- Ồ... Giả thiết về mối nguy hiểm này chỉ do một mình họ gợi ra mà thôi.

Holmes có vẻ suy nghĩ :

- Theo anh thì chẳng có mối nguy hiểm nào đe dọa Douglas, chẳng có thung lũng khủng khiếp. Họ bịa ra những chuyện đó để giải thích vụ án mạng. Rồi họ lại nghĩ ra việc bố trí một cái xe đạp giấu trong bụi cây để chứng tỏ có sự hiện diện của một kẻ lạ mặt. Cả vết máu trên thành cửa sổ cũng nằm trong ý nghĩ đó. Rồi lại cả mẫu bìa cứng, đáng lẽ ra có thể chuẩn bị ngay ở trong lâu đài. Tất cả những cái ấy đều khớp với giả thiết của anh. Nhưng ác cái lại có những góc cạnh khác cứ lòi ra. Tại sao có súng cưa nòng? Tại sao lại là súng Mỹ? Tại sao họ tin chắc là không ai nghe thấy tiếng súng? Anh có thể giải thích được cho tôi nghe không, Watson?

- Xin chịu.

- Nếu một người đàn bà cùng nhân tình âm mưu giết chồng, thì liệu họ có đại dốt đến mức tháo chiếc nhẫn cưới ở tay người chết ra để "lạy ông tôi ở bụi này" không? Điều này liệu có thể xảy ra được không?

- Không?

- Lại còn thế này nữa: Nếu chính họ là những người giấu chiếc xe đạp trong bụi cây, thì tất họ cũng đủ tinh khôn để nghĩ rằng bất cứ một viên thám tử nào cũng hiểu đây là một động tác giả, vì chiếc xe đạp chính là cái mà một người chạy trốn cần đến trước nhất để thoát.

- Chịu thôi.

- Vậy chúng ta hãy giả thiết tay Douglas này có một bí mật đáng xấu hổ trong đời. Bí mật này đưa đến chỗ hắn bị ám sát bởi một người đi báo thù. Người này, vì một động cơ nào đó đã tháo chiếc nhẫn cưới của hắn. Ta cũng có thể giả thiết rằng mối thù này có từ thời Douglas lấy người vợ trước kia, thì mới giải thích được việc tháo nhẫn cưới. Trước khi hung thủ trốn thoát, thì Barker và bà Douglas ập vào phòng. Tên sát nhân nói với họ rằng nếu họ bị bắt, thì bí mật ghê gớm của Douglas sẽ bị đưa ra ánh sáng. Hai người buộc lòng phải để cho nó chạy trốn. Có lẽ họ đã hạ chiếc cầu xuống để cho nó chạy đi rồi lại kéo cầu lên. Tên sát nhân biết rằng đi bộ tốt hơn là dùng chiếc xe đạp, nên đã để lại chiếc xe đạp ở chỗ mà người ta khó phát hiện ra trước khi nó đã đi xa. Đến đây thì chúng ta vẫn còn ở trong phạm vi những điều có thể được, đúng không?

Tôi trả lời một cách không tin tưởng lắm :

- Tất nhiên là có thể được.

- Tiếp tục nhé, sau khi đã để cho tên sát nhân trốn thoát, hai người kia biết mình đã lâm nguy, bởi vì làm sao chứng minh được rằng họ không giết Douglas hay không phải là đồng lõa của tên sát nhân. Thế rồi họ chọn một quyết định: Barker lấy chiếc giày vải, thấm máu in vết lên thành cửa sổ để gợi ý là tên sát nhân đã trốn ra theo con đường đó. Chắc chắn họ đã để chậm nửa giờ sau khi sự việc xảy ra, rồi mới báo động.

- Làm cách nào để chứng minh được những điều đó.
- Một mình tôi ở lại đây một đêm thì sẽ có kết quả.
- Ở một mình suốt một đêm trong căn phòng xảy ra án mạng?
- Tôi đã thu xếp với bạn Ames rồi. Tôi sẽ tới ngồi ở đó, và không khí trong phòng có lẽ sẽ gợi cho tôi nhiều ý nghĩ hay. À, mà này, anh có mang theo cái ô to góc của anh đi đấy chứ.

- Có, kia kìa.
- Thế thì xin cho tôi mượn.
- Được thôi. Nhưng... nó có phải là một vũ khí đâu.
- Không có gì nguy hiểm đâu. Bây giờ tôi chỉ còn chờ các vị đồng nghiệp chúng ta ở Tunbridge Wells về, họ lên đây để xác minh chủ nhân của chiếc xe đạp đó.

Trời tối mịt mới thấy ông thanh tra MacDonald và White Mason trở về. Họ vui mừng ra mặt, vì họ đã tiến lên một bước khá dài.

- Chúng tôi đã xác minh được chiếc xe đạp và đã có được hình dạng của người chủ nó. - MacDonald nói.

- Tôi xin hết lòng ca ngợi nhị vị - Holmes nói.
- Cậu Ames khai là bữa trước hôm xảy ra án mạng, ông Douglas từ Tunbridge Wells về, có tỏ ra khác thường. Vậy chắc là khi ở đó, ông được biết có một mối nguy hiểm đang đe dọa mình. Như thế nếu có ai đến đây bằng xe đạp, thì người đó xuất phát từ Tunbridge Wells. Bọn tôi mang cái xe đạp đến đó cho các khách sạn xem. Chủ quán trọ "Eagle Commercial" nhận ra ngay là chiếc xe của một người Mỹ tên là Hargrave đến thuê buồng ở đó đã hai ngày rồi. Tất cả hành lý chỉ có chiếc xe đạp với một cái va ly nhỏ. Anh ta khai trong sổ đăng ký là từ London đến, nhưng không nói rõ địa chỉ.

Holmes kêu lên vui sướng :

- Hô, hô. Hai ông đã làm được một công việc hết sức tốt, trong khi tôi và ông bạn Watson cứ ngồi đây mà xây dựng hết thuyết nọ đến thuyết kia. Đấy, óc thực tiễn có lợi là như thế đó, ông MacDonald ạ.

Ông thanh tra nở mày nở mặt, vui vẻ nói :

- Vâng, ông nói đúng đó.

Tôi nói với Holmes :

- Nhưng sự phát hiện này cũng khớp với giả thiết của cậu kia mà.

- Khớp mà không khớp. Ông MacDonald, ông có tìm thấy cái gì để xác minh được người ấy không?

- Không có bất cứ một thứ giấy tờ, thư từ, giấu vết gì trên quần áo. Trên bàn của hắn, có một tấm bản đồ của vùng này. Sáng hôm qua, sau khi ăn điểm tâm xong, hắn ở khách sạn ra, lên xe đạp đi, thế là biến luôn. Không ai thấy hắn nữa.

Mason ngắt ngang :

- Đó. Chính chỗ này làm cho tôi thắc mắc đây ông Holmes ạ. Nếu tên này muốn làm cho người ta không chú ý đến hắn, thì hắn nên trở lại khách sạn và ở đấy như một người du lịch bình thường. Hắn thừa biết người chủ khách sạn phải báo cáo với cảnh sát về sự mất tích của hắn, và tất nhiên là người ta sẽ ráp sự mất tích của hắn với vụ án mạng.

- Tất nhiên rồi, nhưng cho đến bây giờ nó vẫn chưa bị bắt. Mà các ông có nắm được hình dạng của nó không?

MacDonald mở cuốn sổ tay ra :

- Tôi đã ghi được những gì người ta nói với chúng tôi đây. Hắn cao khoảng 5 feet 9, cỡ 50 tuổi, tóc hơi hoa râm, râu cũng hoa râm, mũi kết; về cái bộ mặt của hắn, mọi người đều mô tả là dữ dằn và đáng ngại.

- Trời đất. Trừ cái điểm cuối cùng ra, thì phải nói là giống hệt một bức chân dung của chính Douglas. Tay này cũng khoảng hơn 50 tuổi, tóc cũng muối tiêu, râu cũng hoa râm, và cũng cao cỡ đó. Các ông có chi tiết nào khác nữa không?

- Hắn mặc bộ quần áo màu xám rộng thùng thình, một cái áo khoác màu vàng, ngắn và đội một cái mũ mềm.

- Còn về khẩu súng?

- Một khẩu súng dài có 2 feet có thể xếp được hoàn toàn trong chiếc va ly, và giấu dưới áo khoác.

- Thế bây giờ các ông định ráp những tin tức mới này vào khung cảnh của vụ án như thế nào?

MacDonald trả lời :

- Hiện nay, chúng ta chỉ mới biết có một người Mỹ, tên là Hargrave, ngày hôm kia đến Tunbridge Wells với một chiếc xe đạp và một cái valy. Trong valy có một khẩu súng săn cưa nòng. Sáng hôm qua, hắn đi xe đạp tới làng Birststone và đã giấu khẩu súng dưới áo khoác. Theo chỗ chúng ta biết, thì không ai trông thấy hắn đến đây. Nhưng hắn cũng không cần đi qua làng vẫn có thể đến được trước cổng sắt của lâu đài. Con đường hắn đi cũng có nhiều người cỡi xe đạp như hắn. Tôi đoán rằng, hắn đã giấu ngay chiếc xe đạp trong những bụi cây trúc đào. Bản thân hắn cũng nấp ở đó để rình ông Douglas ở lâu đài. Ở trong nhà thì khẩu súng săn đúng là bất lợi, nhưng ở ngoài trời thì nó có hai ưu điểm rõ ràng: trước hết nó giết người được một cách chắc chắn, sau nữa sẽ không có ai để ý đến tiếng nổ, trong một vùng nông thôn có nhiều người đi săn.

- Rất rõ ràng. - Holmes nói.

- Nhưng ông Douglas lại không ra khỏi lâu đài. Vậy thì tên sát nhân có thể làm gì được bây giờ? Hắn bỏ chiếc xe đạp ở đó và chờ sẩm tối mới lặn mò vào gần lâu đài. Hắn thấy cây cầu rút vẫn còn hạ xuống mà xung quanh thì vắng vẻ cả. Hắn liền đi vào, và chắc là có chuẩn bị trước một lý do gì đó để xin lỗi nếu có gặp người ở trong nhà. Hắn không gặp ai cả. Hắn lén vào cái phòng gần nhất và trốn sau bức rèm cửa. Ở đó, hắn trông thấy cây cầu được rút lên, và hắn hiểu rằng sẽ phải lộn qua hào để trốn ra. Hắn đợi đến 11 giờ 15. Đến giờ này, ông Douglas bước vào buồng. Hắn giết ông ta và chạy trốn. Hắn biết rằng chiếc xe đạp của hắn có thể bị những người trong khách sạn nhận ra được, vì thế hắn đã bỏ nó lại, và dùng một phương tiện giao thông khác để trở về London.

- Rất rõ ràng. Nhưng tôi lại tin là án mạng đã xảy ra nửa giờ sớm hơn là người ta đã nói với chúng ta. Rằng bà Douglas và ông Barker đã cùng nhau che giấu một cái gì đó, đã giúp đỡ cho tên sát nhân trốn thoát, đã tạo ra những dấu vết để làm cho người ta tưởng là nó đã trốn qua đường cửa sổ, và có nhiều khả năng là họ đã hạ cây cầu rút xuống cho nó trốn.

Hai nhà thám tử của nhà nước gật gù. Ông thanh tra MacDonald nói :

- Nếu cách nhìn của ông mà đúng, thì chúng ta chỉ chuyển từ một bí mật này sang một bí mật khác thôi.

White Mason bổ sung :

- Nhưng về một số mặt nào đó thì lại vấp phải một bí mật gay go hơn nữa. Bà Douglas chưa hề sang Mỹ. Vậy thì bà có thể liên hệ như thế nào với một tên sát nhân người Mỹ?

- Tôi công nhận là có rất nhiều khó khăn. Tôi dự tính tối nay sẽ tiến hành cuộc điều tra theo cách riêng của tôi.

- Chúng tôi có thể giúp ông được không, ông Holmes?

- Không. Chỉ cần bóng tối và chiếc ô của bác sĩ Watson thôi, ông Ames sẽ giúp tôi một vài điều.

Khi Holmes trở về phòng trọ, thì đêm đã khuya lắm rồi. Lúc Holmes mở cửa vào phòng, tôi hỏi nhỏ :

- Thế nào Holmes, có thấy gì không?

Holmes cầm một ngọn nến, cúi xuống thì thào vào tai tôi :

- Anh có sợ khi phải ngủ chung phòng với một thằng điên không?

- Không.

-Ồ, thế thì hạnh phúc cho anh đó.

Thế rồi không nói thêm một lời nào nữa, anh ta chui vào chăn.

Chương 7 Giải đáp

C Sáng hôm sau, chúng tôi đi gặp ông thanh tra MacDonald và thám tử Mason. Họ đang họp trong cơ quan cảnh sát địa phương. Đằng trước mặt họ, trên bàn có cả xấp những thư và điện tín đã được xếp thứ tự cẩn thận.

Holmes vui vẻ hỏi :

- Vẫn trên đường đi tìm nhà cua rơ xe đạp chứ? Tin tức cuối cùng như thế nào?

MacDonald buồn rầu chỉ tập thư tín, nói :

- Người ta đã bắt hai chục người mặc áo khoác màu vàng ở khắp nơi.

Holmes kêu lên với giọng chân thành :

- Sáng nay, tôi đến đây để khuyên các bạn một lời. Lời khuyên này có thể tóm tắt trong ba chữ: “Bỏ vụ án”.

MacDonald và Mason vô cùng kinh ngạc. Mãi rồi ông thanh tra mới kêu lên được :

- Ông thấy vụ án này tuyệt vọng đến thế kia à?

- Theo cách điều tra của các ông, thì sẽ không đi đến đích. Nhưng chúng ta không được phép tuyệt vọng trong khi đi tìm chân lý.

- Thế cái tên đi xe đạp ấy thì sao? Nó có phải là một vật tượng tượng ra đâu. Nhất định nó phải ở một nơi nào chứ?

- Vâng, nó phải ở một nơi nào đó, và chúng ta sẽ tìm thấy nó, trong một đường hẻm hẹp hơn nhiều.

Ông thanh tra phản đối một cách bức tức rõ ràng :

- Ông giấu chúng tôi một cái gì đó. Ông Holmes?
- Ông MacDonald. Tôi chỉ giấu ông - trong một thời gian ngắn thôi - những gì tôi chưa thể cho ông biết được. Tôi muốn thẩm tra lại một số chi tiết. Việc thẩm tra xong, lúc đó tôi sẽ trở về London sau khi đã thông báo với các ông tất cả kết quả tôi đã thu lượm được.

- Chiều hôm qua ông đồng ý trên những nét lớn với những kết quả của chúng tôi. Nhưng hôm nay thì hình như có chuyện gì xảy ra đã làm ông thay đổi hoàn toàn.

- Vâng. Tối hôm qua tôi đã đến ở lâu đài trong mấy tiếng đồng hồ.

- Thế thì sao?

- Tôi có đọc một tài liệu ngắn về tòa lâu đài này. Tôi mua nó mấy xu ở quán bán thuốc lá trong làng.

Holmes rút ở túi áo ngoài ra một tờ giấy nhỏ, có vẽ một bức hình thô sơ của tòa lâu đài cu.

- ... Những loại tài liệu như thế này mang đến nhiều hứng thú cho cuộc điều tra. Tôi xin phép đọc ông nghe một đoạn sau này :

“Được dựng lên trong năm thứ 5 của triều vua James I trên vị trí của một lâu đài cũ cổ xưa hơn, lâu đài Birlstone là một trong những hình ảnh rất đẹp còn nguyên vẹn của loại phủ thất có hầm vào thời các vua James...”

- Ông định chế nhạo chúng tôi, ông Holmes?

- Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông nổi cáu đấy. Thôi tôi không đọc nữa. Nhưng nếu tài liệu này có nói đến việc một ông Đại tá của Quốc Hội đã chiếm lấy tòa lâu đài này vào năm 1644; việc nhà vua Charles có trốn tránh ở đây vài ngày trong thời kỳ nội chiến; và nhà vua Georges Đệ Nhị cũng đã có ở đây... thì chắc ông sẽ đồng ý với tôi là những việc này có thể gợi cho chúng ta nhiều ý nghĩ liên hệ lắm.

Nhà thám tử sốt sắng trả lời ngay :

- Tôi đồng ý với ông về điều đó, ông sắp đến đích, nhưng ông quá kín đáo.

- Tối hôm qua, tôi có tới lâu đài. Tôi không gặp ông Barker, cũng không gặp bà Douglas, nhưng tôi được biết rằng bà chủ lâu đài đã dùng bữa tối một cách rất ngon miệng. Tôi chỉ cần gặp anh Ames thôi, và anh ta đồng ý cho tôi ở lại một mình trong căn buồng xảy ra án mạng, và Ames cam đoan sẽ giữ kín về việc này.

- Thế nào? Ở lại bên cạnh cái...

- Không! Mọi vật đã được dọn dẹp cả rồi. Vì vậy tôi đã sống một vài giờ rất có ích ở đó.

- Có ích thế nào thưa ông?

- Tôi đi tìm quả tạ còn thiếu. Và tôi sắp thấy nó.

- Ở đâu vậy?

- Xin để tôi tiếp tục tìm kiếm.

Ông thanh tra cầu nhàu :

- Ông muốn thế nào, chúng tôi cũng phải theo thế thôi. Nhưng bắt phải bỏ vụ án này đi, thì... mà, tại sao lại phải bỏ?

- Bởi mục đích cuộc điều tra của ông là...

- Chúng tôi điều tra về vụ ám sát ông Douglas.

- Vâng. Nhưng các ông đừng mất công đi tìm cái tên đi xe đạp. Chuyện đó không đi đến đâu cả.

- Chúng tôi phải làm gì?

- Tôi xin nói cặn kẽ, nếu các ông muốn.

- Tôi sẽ làm theo lời khuyên của ông.
- Thế còn ông, ông White Mason?

Nhà thám tử địa phương có phần hơi ngơ ngác, phương pháp làm việc của Holmes hoàn toàn mới lạ đối với ông ta.

- Vâng, ông thanh tra đã đồng ý, thì tôi cũng đồng ý.
- Hoan hô. Vậy hai ông hãy tổ chức một cuộc đi dạo chơi cho thật thoải mái. Người ta có nói với tôi rằng đứng từ trên cao nhìn xuống sẽ thấy phong cảnh của cánh rừng Weald tuyệt đẹp.

MacDonald nổi cáu, đứng phất lên :

- Ông Holmes, ông đã đi quá giới hạn của sự bông đùa rồi đó.

Holmes vỗ nhẹ nhẹ vào vai ông ta :

- Thôi được! Thế thì xin tùy các ông, nhưng nhất định phải đến tìm tôi ở đây, trước buổi tối nay.

- Thật là quá lắm.

- Bây giờ, trước khi tôi đi, tôi nhờ ông viết mấy chữ cho ông Barker.

- Viết gì kia?

- Xin mời ông viết "Thưa ông, chúng tôi nghĩ rằng, chúng tôi có nhiệm vụ phải tắt cạn con đường hào để hy vọng có thể tìm thấy..."

Ông thanh tra phản đối ngay :

- Tôi đã đích thân tìm xem có cách gì tắt cạn đường hào hay không, nhưng thấy không thể được.

- Xin ông cứ viết.

- Thôi được. Ông đọc tiếp đi.

- "... một yếu tố mới có liên quan đến cuộc điều tra. Chúng tôi đã sắp sẵn cả. Sáng sớm mai, công nhân sẽ bắt tay vào việc đổi hướng dòng nước..."

- Tôi nhắc lại với ông rằng không thể được mà.

- "... Chúng tôi thấy nên báo để ông biết trước". Vào khoảng độ 4 giờ chiều, ông cho người đưa thư tận tay ông Barker. Đó cũng là giờ chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây. Trong khi chờ đợi, ai muốn giải trí thế nào thì xin tùy thích, vì cuộc điều tra đang đắm chân tại chỗ.

Buổi tối, chúng tôi gặp lại nhau như đã quy định. Về mặt Holmes rất nghiêm trang. Tôi thì tò mò, còn hai vị thám tử thì nghi ngờ ra mặt.

Holmes bắt đầu một cách trịnh trọng :

- Thưa các ông, bây giờ chúng ta phải tới được chỗ đứng quan sát trước khi trời tối hẳn. Chúng ta nên đi ngay bây giờ.

Chúng tôi đi dọc theo bờ ngoài khu vườn của lâu đài và đến trước một lỗ hổng trong hàng rào. Chúng tôi chui qua lỗ đó. Holmes dẫn chúng tôi đến đằng sau một bụi cây nhìn chếch sang phía cổng chính và cây cầu, lúc đó còn chưa rút lên. Holmes ngồi xổm sau bụi cây. Chúng tôi cũng làm theo anh ta.

MacDonald hỏi bằng một giọng bức tức :

- Làm gì bây giờ đây?
- Hãy kiên nhẫn và đừng gây ra tiếng động.
- Ông nên thành thật với chúng tôi hơn.

Holmes bật cười :

- Ông MacDonald, tôi xin ông kiên nhẫn một chút, rồi tất cả sẽ sáng tỏ thôi.

Đêm xuống dim cả tòa lâu đài vào bóng tối. Một màn sương lạnh từ đường hào Baynes lên làm chúng tôi rét thấu xương. Trên khung cửa chính chỉ có một ngọn nến được thắp, và trong căn buồng có án mạng cũng có một ngọn đèn khác đang cháy, còn tất cả chung quanh tối đen như mực.

Đột nhiên ông thanh tra lại cất tiếng hỏi :

- Phải chờ bao lâu nữa, và chờ cái gì?

- Tôi không biết phải chờ bao lâu. Nếu những tên tội phạm hoạt động đúng giờ giấc như những chuyến tàu chạy, thì đỡ cho chúng ta biết bao. Còn việc chúng ta chờ... À mà kìa, việc chúng ta chờ kìa kìa.

Trong khi Holmes nói, thì ánh sáng trong căn buồng đã bị che khuất đi bởi một người đi đi lại lại trước nó. Sau đó cửa sổ mở toang và bóng một người đàn ông nhô ra quan sát bóng tối. Hắn nhìn ngược nhìn xuôi trong mấy phút. Rồi cúi xuống và trong đêm khuya yên tĩnh, chúng tôi nghe thấy tiếng nước vỗ nhẹ nhẹ. Tôi có cảm giác là người đó đang chìm một vật gì cầm trong tay xuống đường hào. Sau cùng anh ta kéo một vật gì lên: Một vật gì đó to, tròn, khi được đem qua cửa sổ, nó che khuất cả ánh sáng ngọn đèn.

Holmes kêu lên :

- Nào, bây giờ. Ta vào đi.

Chúng tôi chồm lên, líu ríu chạy theo Holmes. Holmes đã chạy tới chiếc cầu rút và giật chuông âm i. Ở phía bên kia cửa các chốt được tháo ra. Ames hiện ra trong khung cửa, vẻ mặt ngơ ngác, Holmes chẳng nói chẳng rằng, gạt anh ta sang bên, rồi cùng ba chúng tôi xông vào căn buồng.

Ngọn đèn dầu hỏa để trên bàn là nguồn ánh sáng mà chúng tôi trông thấy từ bên ngoài. Lúc này, nó đang ở trong tay của Barker, và ông ta đang hướng về phía chúng tôi. Nó chiếu lên một khuôn mặt cả quyết, cương nghị, một cặp mắt đe dọa thách thức.

- Thế này là thế nào? Các ông tìm gì?

Holmes nhìn chung quanh, rồi nhảy sỏ tới một cái gói ướm sung có buộc dây để ở trên bàn.

- Chúng tôi tìm cái này đây. Cái gói có một quả tạ mà ông vừa kéo ở dưới đáy hào lên.

Barker kinh ngạc :

- Vì sao ông lại biết có quả tạ trong ấy?

- Bởi vì chính tôi đã để quả tạ ấy vào đó.

- Ông đã để quả tạ vào đó?

Holmes chữa lại :

- Ông còn nhớ chứ, ông thanh tra, việc thiếu một quả tạ ngay từ đầu đã đập vào trí tôi. Khi nước thì gần kề ngay bên, mà lại thấy thiếu một vật nặng, thì có lẽ một vật gì đó đã được nhận chìm xuống nước. Với sự giúp đỡ của anh Ames, tôi đã vào được căn phòng này, và với chiếc ô của bác sĩ Watson, tôi đã vớt vật này lên và xem xét nó. Nhưng điều cơ bản là phải chứng minh được ai đã chìm cái gói đó. Bức thư của ông MacDonald báo trước ngày mai sẽ tắt hào. Tin này bắt buộc người đã giấu cái gói đó phải chờ đêm tối, lòi nó lên. Vậy ông Barker, đã đến lúc ông phải giải thích.

Holmes đặt cái gói còn ướm sũng lên bàn và tháo dây ra. Đầu tiên anh lòi ra một quả tạ, kế đó là một đôi giày da mũi vuông.

- Giày kiểu Mỹ, như các ông thấy đấy. - Holmes nói.

Sau đó anh ta để lên bàn một con dao dài còn nằm trong bao. Rồi anh ta giở ra một

mớ quần áo, gồm một bộ quần áo lót, một đôi tất, một bộ quần áo bằng vải tuyết xám, và một cái áo khoác màu vàng.

- Quần áo thì thường thôi. Chỉ có cái áo khoác là đáng chú ý. - Holmes nói.

Anh nhẹ nhàng trải nó ra trước ánh sáng, những ngón tay dài lần theo các đường khâu.

- Xem đây, túi trong của nó kéo dài mãi trong lần lót để có thể giấu được một khẩu súng cưa nòng. Tên hiệu của người thợ may dính trên cổ áo đây: "Neale, thợ may, Vermissa, U.S.A". Tôi đã ở cả chiều hôm nay trong căn phòng đọc sách của ông hiệu trưởng trường, và đã học thêm được một điều mới nữa: "Vermissa" là tên của một thành phố nhỏ ở trong thung lũng nổi tiếng về các mỏ sắt và mỏ than tại Mỹ. Nếu tôi không quên, thì thưa ông Barker, chính ông đã có nói đến mối liên quan giữa những khu mỏ và người vợ trước của ông Douglas. Cho nên tôi suy luận từ đó ra rằng mấy chữ "V.V." trên miếng bìa cứng tìm thấy bên cạnh người chết có nghĩa là "Thung lũng Vermissa" [1] và chính cái thung lũng này đã cử một người mang cái chết đến tận đây. Tất cả những điều ấy đã đủ rõ ràng. Và bây giờ, đến lượt ông, thưa ông Barker.

Trong lúc nghe Holmes trình bày, gương mặt Barker lần lượt hiện lên nét căm giận, kinh ngạc, buồn rầu, lúng túng. Cuối cùng ông ta lẩn trốn trong một thái độ mỉa mai và cười gằn :

- Ông biết nhiều đến thế, thì xin ông cứ nói thêm cho chúng tôi nghe.

- Tôi có thể nói thêm được nữa, nhưng sẽ lịch sự hơn, nếu ông nói tiếp hộ cho tôi.

- Ồ, ông tưởng thế à? Nếu ở đây có một bí mật gì, thì cái đó không phải là bí mật của tôi, và tôi không thể nói ra cái bí mật của người khác.

Ông thanh tra bình tĩnh :

- Nếu ông nghĩ như vậy, thì bắt buộc chúng tôi phải canh giữ ông cho đến khi chúng tôi nhận được trát bắt ông.

Barker trả lời bằng giọng đầy thách thức :

- Ông cứ lắm.

Sự đối chất hình như đã kết thúc. Bộ mặt rắn như đá hoa cương của Barker cho thấy rằng không có một sự đe dọa nào có thể bắt được ông ta nói. Nhưng bà Douglas đã bước vào phòng.

- Anh Barker, anh đã giúp chúng tôi quá nhiều rồi.

Sherlock Holmes tán thành với một giọng nói rất nghiêm trang :

- Tôi rất thông cảm với bà, và tôi xin khuyên bà nên tự giác báo cáo tất cả với cảnh sát, chính tôi cũng có lỗi vì đã không đáp ứng lời thỉnh cầu của bà, khi bà nói với bác sĩ Watson đây. Lúc đó tôi tin rằng bà là người có dính líu trực tiếp đến án mạng. Bây giờ tôi biết là không phải thế.

Bà Douglas thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc khi nghe những lời nói cuối cùng của Holmes.

Hai nhà thám tử và cả tôi nữa có lẽ cũng đã kêu lên như thế, khi chúng tôi trông thấy một người như là trong bức tường hiện ra, đang bước dần ra khỏi bóng tối, tiến về phía ánh đèn. Bà Douglas nhào vào, ôm lấy cổ người đó. Barker cũng nắm chặt một cách triu mến bàn tay của người đó. Bà Douglas nhắc đi nhắc lại :

- Anh yêu quý, có lẽ thế này tốt hơn anh ạ.

Holmes gật đầu tán thành :

- Vâng, đúng đấy, thưa ông Douglas.

Ông Douglas chớp chớp đôi mắt màu xám, một bộ râu cứng đã hoa râm; một cái cằm vuông nhô ra và một cái miệng nhạy cảm. Ông ta lần lượt nhìn chúng tôi, rồi bỗng tiến về phía tôi và đưa cho tôi một tập giấy làm tôi hết sức ngạc nhiên.

Ông ta nói bằng một giọng hết sức dễ chịu :

- Tôi biết ông, bác sĩ Watson, chưa bao giờ ông có một câu chuyện giống như câu chuyện này. Tôi đã tự giam mình trong hai ngày, và đã lợi dụng những giờ có ánh sáng, trong cái lỗ chuột ấy, để viết lại toàn bộ sự việc. Đó là câu chuyện về “Thung lũng khủng khiếp”.

Holmes xen vào :

- Ông Douglas, đó là câu chuyện về quá khứ. Bây giờ chúng tôi muốn biết câu chuyện của hiện tại kia.

- Ông sẽ được nghe ngay bây giờ. Tôi có thể vừa hút thuốc, vừa nói được không? Xin cảm ơn ông Holmes.

Ông ta đứng dựa lưng vào lò sưởi, kéo những hơi thuốc dài.

- Tôi có được nghe nói nhiều về ông, ông Holmes. Tôi không nghĩ rằng có ngày tôi lại được làm quen với ông. Nhưng khi ông đã đọc xong tất cả những cái này....

Ông ta chỉ vào tập giấy vừa đưa cho tôi.

- ... thì chắc chắn ông sẽ nói rằng tôi có đem lại cho ông một điều gì mới lạ.

Ông thanh tra MacDonald vẫn không rời mắt nhìn Douglas, mãi rồi mới nói lên được :

- Chuyện này thật vượt quá sức hiểu biết của tôi, hai ngày nay chúng tôi điều tra về cái chết của ông, thì bây giờ ông như một bóng ma từ dưới mồ chui lên vậy.

Holmes trách móc, chỉ về phía ông thanh tra :

- Trong cái tài liệu mà tôi đã đưa cho ông, có mô tả cái cách vua Charles đã ẩn náu trong lâu đài này. Một chỗ ẩn dưng trong thế kỷ thứ XVII rất có thể còn dùng được trong ngày nay.

Ông thanh tra nổi giận thật sự, hỏi lại :

- Thế ông đã đóng kịch với chúng tôi từ bao lâu rồi, ông Holmes?

- Chỉ mới từ tối hôm qua thôi. Vì phải đợi đến tối hôm nay mới có thể chứng minh được điều này, nên tôi có mời quý ông nghỉ xả hơi một ngày. Khi đã thấy gói quần áo trong đường hào, tôi biết rằng xác chết kia không phải là xác của ông Douglas mà là của người đi xe đạp. Vì vậy tôi phải đi tìm nơi ông Douglas ẩn nấp, ông đã ẩn nấp dưới sự yểm trợ của vợ và bạn ông ta.

- Ông lý luận rất đúng. Tôi hài lòng vì đã gạt bỏ được những con chó vẫn đi tìm dấu chân tôi. Ông thanh tra, tôi sẽ nói hết: Có một vài người có nhiều lý do để căm thù tôi và sẵn sàng giết tôi. Chừng nào mà chúng còn sống, thì tôi không hề có an ninh. Chúng đã theo tôi từ Chicago đến California, rồi còn bắt buộc tôi, phải rời khỏi Châu Mỹ. Khi tôi cưới vợ và về sống ở đây, tôi đã tưởng những năm cuối của đời tôi là vô sự. Tôi chưa bao giờ nói rõ cho nhà tôi hiểu mọi chuyện vì nếu biết, nhà tôi cũng sẽ luôn sống trong lo sợ...

Douglas nắm chặt lấy tay vợ.

- “... Thưa các ông, một ngày trước hôm xảy ra sự việc, tôi có đi Tunbridge Wells, và có gặp một người ở ngoài phố. Chỉ thoáng nhìn hần thôi, tôi cũng biết hần là kẻ thù tệ hại nhất của tôi. Tôi trở về đây và tiến hành những biện pháp tự vệ.

Tôi đã cảnh giác không bước chân ra đến ngoài vườn. Khi cây cầu đã được kéo lên, tôi mới yên tâm hơn, nhưng, tôi không ngờ rằng nó đã lên vào trong lâu đài và chờ tôi ở

đây. Khi đi kiểm tra, vừa đặt chân vào căn buồng này thì tôi cảm thấy ngay có sự nguy hiểm. Tôi thấy một đôi giày thò ra dưới bức rèm cửa sổ, và một giày đồng hồ sau, tôi thấy cả con người đang nấp ở đó. Lúc đó tôi chỉ có một cây nến cầm ở tay, nhưng cây đèn ở buồng ngoài cũng chiếu sáng khá tốt. Tôi để cây nến xuống bàn, và nhảy đến chộp lấy cây búa trên lò sưởi. Cùng lúc đó hắn cũng nhảy bổ vào tôi. Tôi trông thấy ánh lên một lưỡi dao nhọn, và tôi đã đập nó bằng một nhát búa quay ngang. Con dao rơi xuống sàn. Nó đã lanh lẹ vòng qua chiếc bàn và lòi ra một khẩu súng giấu dưới chiếc áo khoác. Tôi nghe thấy nó lên đạn, nhưng tôi đã nắm được khẩu súng. Tôi nắm được nòng súng. Tôi với nó vật lộn trong khoảng một hai phút gì đó. Nó không rời khẩu súng, nhưng nó đã để báng súng chúc xuống dưới. Không biết là tôi đã bóp cò, hay chính nó đụng phải cò. Chỉ biết rằng nó đã lãnh cả hai viên đạn vào mặt.

Tôi đang đứng bám vào thành bàn thì anh Barker chạy vào. Tôi cũng nghe thấy tiếng chân nhà tôi chạy đến nữa. Tôi ngăn nhà tôi lại. Tôi hứa với nhà tôi là sẽ lên với bà ấy ngay. Tôi nói đôi câu với anh Barker, và chỉ thoáng nhìn qua là anh đã hiểu hết tất cả mọi chuyện. Chúng tôi chờ gia nhân trong lâu đài chạy đến. Nhưng chẳng thấy ai đến cả. Lúc đó chúng tôi mới hiểu rằng không ai nghe thấy tiếng súng nổ, và chỉ có chúng tôi biết việc gì mới xảy ra thôi. Chính vào lúc này tôi chợt có ý kiến. Tôi vén cánh tay áo nó lên, và chúng tôi thấy ngay cái dấu hiệu của hội kín in trên đó. Đây các ông xem....”

Douglas cũng vén tay áo ngoài và tay áo sơ mi lên, chỉ cho chúng tôi thấy một cái hình tam giác màu nâu nằm trong một đường tròn, giống như cái hình chúng tôi đã thấy trên tay xác chết.

- Khi tôi nhìn thấy cái dấu hiệu đó, tôi bắt đầu xếp đặt kế hoạch. Nó cũng cỡ người như tôi, cũng tóc hoa râm và dáng dấp cũng gần giống tôi. Còn về bộ mặt thì chẳng còn ai phân biệt ra được nữa. Tôi trở lên phòng để lấy bộ quần áo, và 15 phút sau thì Barker và tôi đã mặc vào cho nó cái áo khoác ngoài của tôi, rồi đặt nó nằm như các ông đã thấy đấy. Chúng tôi bọc hết quần áo của nó vào trong một cái gói, rồi buộc thêm vào đó quả tạ, là vật nặng duy nhất mà tôi tìm thấy lúc bấy giờ, sau đó đem ném cả gói qua cửa sổ. Mẫu bìa cứng mà nó định để cạnh xác tôi, thì nay tôi đem để cạnh xác nó. Tôi đeo mấy cái nhẫn của tôi vào ngón tay nó, nhưng đến cái nhẫn cưới thì...

Douglas chìa ra một bàn tay to lớn.

- ... Từ ngày cưới nhà tôi đến giờ, tôi chưa hề tháo nó ra, và bây giờ có lẽ phải có một cái giũa thì mới lấy nó ra được. Tôi phải bóc cả miếng băng dính dưới cằm của tôi và dán vào cùng một chỗ trên cái phần còn lại của đầu kẻ thù. Ông Holmes, mặc dù ông là người tinh khôn, nhưng ông cũng đã có lúc sơ ý: vì nếu ông dỡ miếng băng dính ấy lên, thì ông sẽ thấy ở dưới không có một dấu đứt nào cả. Tôi định ẩn náu trong ít lâu; rồi đi đến một nơi nào đó, nhà tôi sẽ đến sau, thì may ra tôi còn có thể sống yên ổn được trong những ngày cuối cùng của đời mình. Bây giờ tôi có một điều muốn hỏi các ông: “Đối với luật pháp nước Anh, thì tội của tôi sẽ như thế nào?”

Tất cả mọi người đều yên lặng. Mãi sau, Holmes mới lên tiếng :

- Luật pháp nước Anh, nói chung, là một luật pháp đúng đắn. Luật pháp này sẽ công bằng đối với ông. Nhưng tôi muốn biết tại sao người đó lại biết ông ở đây, và hắn làm cách nào mà lọt được vào căn buồng này.

- Tôi hoàn toàn không biết.

Holmes tái nhợt, rất nghiêm trọng, nói như thì thầm.

- Như thế thì câu chuyện này chưa kết thúc đâu. Ông sẽ còn phải đương đầu với

những mối nguy hiểm còn ghê gớm hơn cả những kẻ thù của ông ở bên Mỹ nữa kia. Xin ông hãy theo lời khuyên của tôi: Hãy hết sức cảnh giác.

Và bây giờ, xin mời các bạn độc giả hãy theo tôi rời lâu đài Birlstone, lùi về quá khứ 20 năm, vượt qua một ngàn dặm về phía Tây, để nghe một câu chuyện lạ lùng và khủng khiếp. Và sau đó chúng ta sẽ trở lại gian buồng ở phố Baker, là nơi sẽ viết chương cuối của câu chuyện này.

Phần 2 Những người tiên phong

Chương 8 Con người ấy

Ngày 4 tháng 2 năm 1875 tuyết phủ đầy các đường đèo của ngọn núi Gilmerton. Chiếc xe quét tuyết đã dọn sạch được con đường hỏa xa nối liền các trung tâm mỏ than và sắt. Một con tàu đang lạch lạch leo lên con đường đèo chạy từ tỉnh Stagville lên thị trấn Vermissa. Từ đó, đường tàu lại đổ xuống đến giao điểm của Bartons Crossing, Helmdale và vùng nông nghiệp Merton. Hàng dãy dài những toa xe goòng chất đầy than hoặc quặng sắt đã lôi kéo đến đây cả một số lớn những người nhiều ý chí. Mà vùng này hiểm ác thật. Những ngọn núi trọc, trắng xóa tuyết, nhô lên từ những cánh rừng tối tăm, rậm rạp đã tạo ra một thung lũng dài ngoằn ngoèo và lộng gió. Chính trong thung lũng này, con tàu đang bò dần lên, vừa đi vừa thở phì phò.

Mấy ngọn đèn dầu hỏa mới vừa được thắp lên, trên toa hành khách thứ nhất có khoảng độ 20 hay 30 người. Phần đông họ là những thợ thuyền đi làm việc ở dưới thung lũng về. Ít nhất cũng có đến mười, mười hai người mặt mũi nhem nhuốc, có đeo những cây đèn an toàn. Họ hút thuốc và nói chuyện rì rào, thỉnh thoảng liếc nhìn về phía hai người cảnh sát mặc sắc phục đang đứng ở đầu toa. Có cả một số nữ công nhân và vài ba người buôn bán ở địa phương. Nhưng ở một góc toa tàu, có một người trẻ tuổi ngồi một mình.

Anh ta gần ba mươi tuổi, nước da tươi tắn, vóc người trung bình. Đôi mắt màu xám mở to vừa khôn ngoan, vừa tinh nghịch lóng lánh sau cặp kính. Rõ ràng đây là một con người cởi mở và giản dị, nụ cười sẵn sàng nở trên môi. Mới thoát nhìn thì như vậy. Nhưng quan sát kỹ thêm nữa, sẽ thấy một cái quai hàm rắn chắc và chung quanh đôi môi, những vết nhăn nghiêm nghị, chứng tỏ cái anh chàng trẻ tuổi người Ailen này cũng không phải là một tay vừa.

Sau khi ba lần thử bắt chuyện với người thợ mỏ gần nhất, và chỉ nhận được vài tiếng trả lời càu nhàu, anh chàng đành ngồi yên, buồn bã nhìn qua cửa kính, ngắm một

phong cảnh chẳng có gì thích thú. Đêm xuống dần, những tia lửa đỏ của các lò đúc lập lòe trên các sườn núi, soi sáng những đồng than và xi quặng cùng những giếng mỏ. Rải rác đó đây, dọc theo đường tàu, những xóm nhà gỗ nhỏ đã bắt đầu lên đèn. Tàu dừng lại ở nhiều nơi, ở mỗi nơi lại có những toán thợ thuyền bước xuống.

Người hành khách trẻ tuổi ngắm nhìn xứ sở u buồn này một cách vừa chăm chú vừa ghê sợ. Thình thoảng anh ta lại lôi từ trong túi ra một phong thư dày cộm, đọc một vài đoạn rồi lại nghĩ ngóay vài chữ lên đó. Có một lần, anh ta lôi từ đằng sau chiếc thắt lưng ra một khẩu súng lục. Khi anh ta nghiêng nó về phía ánh sáng đèn, thì thấy rõ là khẩu súng đã lên đạn. Anh ta lại vội nhét nó vào trong túi áo. Một người thợ nói :

- Này anh bạn, anh có vẻ chuẩn bị dữ quá đấy!

Người trẻ tuổi mỉm cười, hơi lúng túng :

- Đúng. Ở chỗ tôi sống trước đây, đôi lúc cũng cần đến nó.

- Thế anh ở đâu đến?

- Ở Chicago.

- Anh chưa đến đây bao giờ?

- Chưa.

- Rồi sẽ thấy, ở đây anh cũng cần nó.

- Thật không?

- Anh chưa nghe gì ở đây à?

- Chưa.

- Thế mà tôi cứ tưởng là chuyện đã lan ra khắp xứ sở rồi chứ. Nhưng không lâu đâu, rồi anh sẽ biết hết. Thế tại sao anh lại đến cái thung lũng này?

- Tôi tìm việc làm.

- Anh có vào nghiệp đoàn không?

- Có chứ.

- Thế thì anh sẽ được toại nguyện. Anh có bạn bè không?

- Chưa, nhưng sẽ có.

- Nhờ đâu?

- Tôi là hội viên của “Hội những Người Tự Do”. Trong mỗi tỉnh đều có một chi hội.

Người thợ sừng sốt, liếc nhìn những người cùng ngồi trong toa với cặp mắt ngờ vực. Nhưng những người thợ mỏ vẫn rì rào nói chuyện. Hai người cảnh sát thì ngủ gà, ngủ gật. Người thợ liền đứng dậy đi lại gần người trẻ tuổi, ngồi xuống bên cạnh anh ta, chìa tay ra và nói :

- Vậy hãy bắt tay tôi đi.

Họ trao đổi nhau một cái bắt tay theo một kiểu riêng nào đó.

- Được rồi. Anh nói sự thật. Nhưng tôi muốn chắc chắn hơn kia...

Người thợ giơ tay phải lên ngang tầm mắt phải, Anh trẻ tuổi vội giơ ngay tay trái lên ngang tầm mắt trái. Người thợ nói :

- Những đêm đen tối rất khó chịu.

Anh kia trả lời :

- Phải, nhất là cho những người lạ mà phải đi lại.

- Thôi đủ rồi, Tôi là Scanlan, chi nhánh 341, thung lũng Vermissa, sung sướng được gặp anh trong vùng này.

- Cảm ơn. Tôi là John McMurdo, chi nhánh 29, Chicago. Toán trưởng: J.H.Scott. Tôi may mắn gặp được một môn huynh như anh.

- Không ở đâu mà Hội lại phồn thịnh như ở Thung lũng này. Có điều tôi không hiểu được là tại sao một hội viên năng nổ như anh mà lại không tìm được việc làm ở Chicago.

- Ở đó, tôi có thể tìm được bất cứ việc nào mà tôi muốn. - McMurdo trả lời.

- Thế thì tại sao anh lại bỏ đi?

McMurdo mỉm cười trở người cảnh sát :

- Hai ông cố nội này mà biết được lý do thì hẳn là vui lắm.

- Chuyện lòi thối à? - Scanlan thì thào.

- Nặng.

- Tù được không?

- Chưa đủ.

- Không phải án mạng chứ?

McMurdo trả lời như một người vừa chợt nhận thấy rằng mình đã nói hơi quá :

- Mình có những lý do để ra đi. Anh nghe đến thế là đủ rồi nhé.

- Tôi không hỏi nữa. Tôi không muốn làm mất lòng anh mà. Các bạn ở đây sẽ không đánh giá xấu anh đâu. Thế bây giờ anh định đi đâu?

- Đến Vermissa.

- Còn ba ga nữa thì đến. Thế anh định ở đâu?

McMurdo rút ra một chiếc bì thư, đưa đến gần ngọn đèn :

- Địa chỉ đây: Cụ Jacob Shafter. Đường Sheridan. Đây là một nhà nấu cơm trọ. Có người ở Chicago mách cho tôi.

- Tôi không biết nhà trọ này. Vermissa không nằm trong khu của tôi. Tôi ở Hobson's Patch, ga sau là đến. Nhưng mà này, nếu anh có chuyện gì lòi thối ở Vermissa, thì cứ đi thẳng đến nhà hội quán và vào tìm ông chủ McGinty. Ông ta là toán trưởng của chi nhánh Vermissa. Thôi tạm biệt, sẽ gặp lại nhau ở chi hội.

McMurdo ngồi lại một mình với những ý nghĩ quay cuồng trong đầu. Đêm đã xuống hẳn. Trong khung cảnh tranh tối tranh sáng đó, những dáng người đen sẫm cúi xuống co, kéo, quay đi quay lại với những động tác của người máy, theo nhịp điệu những tiếng gầm gừ của sắt thép.

Một tiếng nói bỗng cất lên :

- Địa ngục có lẽ cũng giống thế này thôi.

McMurdo quay lại: Một người cảnh sát đã đến ngồi bên cạnh anh và đang ngấm nhìn cái cảnh tượng khủng khiếp đó. Người cảnh sát kia gật đầu đáp lại.

- Đúng. Nếu ở địa ngục mà có những con quỷ sứ dữ tợn hơn một số kẻ ở đây thì tôi sẽ rất ngạc nhiên. Anh mới về vùng này phải không?

- Phải. - McMurdo trả lời.

- Tôi khuyên anh hãy cẩn thận trong việc chọn bạn. Không nên kết bạn với Scanlan hay cái băng của hắn.

- Đó là chuyện riêng của tôi, các anh can dự vào làm gì?

McMurdo nhe hai hàm răng ra cười.

Hai người cảnh sát ngạc nhiên khi thấy thiện chí của mình bị đáp lại một cách thô bạo.

Một người nói :

- Đây là một lời báo động chỉ có lợi cho anh thôi.

McMurdo vẫn cứ tái đi vì tức giận, hét lên :

- Tôi không biết vùng này thật, nhưng tôi biết rằng mỗi lần mở miệng là các anh cứ

khuyên với răn.

- Thôi được, chúng tôi sẽ được biết anh rõ hơn, anh có vẻ “chịu chơi” lắm.

Người cảnh sát kia bồi thêm :

- Đúng, rồi chúng ta sẽ gặp lại nhau, không lâu đâu.

- Tên là Jack McMurdo.

Hai người cảnh sát nhún vai và quay ra nói chuyện với nhau. Mấy phút sau, tàu từ từ vào một cái ga tối tăm, và nhiều người bước xuống, vì Vermissa là thị trấn lớn nhất trên tất cả tuyến đường. McMurdo cầm cái bọc lên. Khi anh sắp đi vào trong bóng tối của sân ga, thì một người thợ mỏ đến nắm lấy tay anh :

- Đưa cái bọc đây tôi mang cho, và tôi sẽ chỉ đường cho anh.

Khi hai người đi đến sân ga, ngang qua đám thợ mỏ, hàng loạt tiếng chào nổi lên. Thế là trước khi đặt chân xuống Vermissa, McMurdo đã trở thành một nhân vật nổi tiếng ở đó rồi.

Đứng dưới thung lũng nhìn mấy đống lửa ngất trời cùng những đám khói dày đặc còn thấy một cái gì là hùng vĩ, ở đấy con người nhờ sức hai bàn tay và bộ óc đã đẽo gọt những ngọn núi bằng máy và dựng lên những công trình. Trái lại, về đến thị trấn, chỉ thấy toàn một sự nhợt nhạt và xấu xí. Đường phố chính đã bị xe cộ đi lại biến thành một thứ tuyết pha bùn nhão như hồ. Những cây đèn chỉ dùng để làm lộ ra những dãy nhà bằng gỗ, mặt tiền có một hàng lan can, tất cả đều nhếch nhác bẩn thỉu. Vào đến trung tâm thì một vài cửa hàng có thắp đèn sáng hơn, nhưng cả một đám nhà chỉ là những hàng cà phê và sòng bạc, để cho thợ mỏ đến vùng phí tiền lương.

Người đưa đường chỉ vào một cái quán rượu to, nói;

- Đây nhà hội quán đấy, McGinty là ông chủ.

- Ông ta như thế nào?

- Anh chưa bao giờ nghe nói đến ông ta?

- Tôi mới đến.

- Thế mà tôi cứ tưởng là khắp xứ này phải biết đến ông ta. Ông ta được đăng báo hoài mà.

- Tại sao báo lại đăng tên ông ta?

- Ờ thì vì...

Người thợ mỏ hạ giọng xuống nói nhỏ :

- ... Vì áp phe mà.

- Áp phe gì?

- Áp phe của những “Người Tiên Phong”.

- Ủ, ở Chicago tôi cũng có đọc một cái gì đấy về những “Người Tiên Phong”. Chúng nó là một bọn sát nhân, phải không?

Người thợ mỏ hoảng hốt, nói lạc cả tiếng :

- Anh muốn sống thì im ngay đi. Này anh, ở đâu mà ăn nói kiêu đó, thì không được đâu, đi mò tôm đó.

- Không, tôi chỉ biết được đôi chút thôi.

Anh ta liếc chung quanh, nhìn những bóng đen và đêm tối như là sợ hãi một sự nguy hiểm nào đó.

- Nếu giết người có nghĩa là ám sát. Thì ở đây những vụ ám sát đem bán “xôn” cũng không hết. Nhưng anh đừng có dại dột mà đem cái tên của McGinty đi kèm với các vụ ám sát. Bởi vì ông ta không tha thứ cho bất cứ ai xì xào về ông ta. Đây căn nhà mà anh

tìm ở lùi vào đằng sau đường phố một chút đó.

McMurdo bắt tay người bạn mới :

- Xin cảm ơn anh.

Anh ta đi lên con đường dẫn vào nhà, và gõ cửa. Hai cánh cửa mở ngay ra: trước mặt anh là một phụ nữ còn trẻ, đẹp kỳ lạ. Cô ta có dáng người xứ Thụy Điển, bộ tóc vàng óng lộng lẫy tương phản với đôi mắt đen nhánh. Cô ngạc nhiên nhìn người thanh niên lạ mặt, và sự lúng túng làm sắc mặt đỏ hồng lên, một đóa hoa tươi thắm nở trên một đồng than xỉ. Anh mê mẩn ngắm cô gái, không nói được nên lời và cuối cùng cô ta phải lên tiếng :

- Tôi tưởng là ba tôi về. Ông đến tìm ba tôi? Ba tôi lên phố, cũng sắp về.

McMurdo vẫn cứ ngẩn say sưa :

- Thưa cô. Tôi không vội lắm, tôi đến đây để xin ở trọ.

- Vậy xin mời ông vào. Tôi là Ettie Shafter, con gái ông Shafter. Má tôi đã mất, và chính tôi trông nom cái nhà trọ này. Ông có thể ngồi cạnh lò sưởi để chờ ba tôi về. À, mà kìa, ba tôi về tới rồi.

Một người đàn ông nặng nề bước vào nhà. McMurdo giải thích ngắn gọn lý do anh đến đây. Ông già Shafter nhanh chóng đồng ý: 12 dollars mỗi tuần, trả tiền trước cả tiền ăn, tiền phòng.

Chương 9 Người trưởng toán

McMurdo là một người muốn ai cũng phải để ý đến mình. Chỉ sau một tuần lễ, anh ta đã trở thành nhân vật quan trọng nhất trong nhà trọ. Buổi tối, khi những người tá túc tại đây ngồi với nhau, thì anh chàng này luôn luôn có những chuyện khôi hài làm cho họ phải phá lên cười. Sức hấp dẫn riêng của anh làm tỏa sự vui vẻ ra xung quanh. Đối với những người đại diện cho pháp luật, anh tỏ thái độ khinh thường, làm cho những người trong nhà trọ hoặc là thích thú hoặc là lo ngại.

Ngay từ khi mới đến trọ, anh đã công khai bộc lộ sự chiêm ngưỡng đối với cô thiếu nữ trong nhà rằng từ phút đầu tiên, cô gái đã chiếm hoàn toàn trái tim anh. Trong ngày thứ hai, anh nói thẳng rằng anh yêu cô ta, và từ đó, anh không ngừng nhắc đi nhắc lại cái điệp khúc ấy.

- Cô có người khác rồi à? Cô hãy bảo cái người ấy lo công việc riêng của anh ta đi. Còn tôi, tôi sẽ không để lỡ mất dịp may duy nhất của đời tôi. Ettie, hiện giờ cô có thể nói tiếng “Không”. Nhưng một ngày nào đó, rồi cô sẽ trả lời là: “Có”. Tôi còn trẻ, tôi đợi được.

Đó là một gã si tình nguy hiểm, với tác phong Ailen trắng trợn, và những cử chỉ dịu dàng âu yếm đến mê người. Thêm nữa, anh ta được bao bọc trong một vòng hào quang của những chuyện phiêu lưu và bí mật, vòng hào quang để làm cho một phụ nữ phải chú ý, và từ đó dẫn đến tình yêu có xa gì. Anh ta kể về những thung lũng thanh

bình, về hòn đảo xa vời đẹp như trong những chuyện thần tiên, về những ngọn núi hiền lành, những cánh đồng xanh muốt. Người ta có cảm giác là nhiều chuyện kỳ lạ đã xảy đến cho anh ta trong cái thành phố Chicago quá kỳ lạ, quá bí mật. Anh ta gọi lại với một vẻ trầm ngâm buồn rầu, một cuộc ra đi đột ngột, một cuộc chạy trốn vào nơi tận cùng của cái thung lũng âm u này. Ettie lắng nghe từng lời, đôi mắt nhung đen ánh lên một niềm thương xót và thông cảm.

McMurdo làm kế toán. Anh bận suốt ngày, và cũng chưa có thì giờ đến trình diện ở chi nhánh của “Hội những người Tự Do”.

Scanlan đến nhà trọ cụ Shafter vào một buổi tối. Scanlan là một mẫu người nhỏ bé, láu táu, mặt lười cày. Anh ta có vẻ vui lòng khi gặp lại McMurdo. Sau vài ngụm, anh ta đi vào lý do của việc đến thăm.

- Này, McMurdo, sao anh chưa trình diện ông toán trưởng.

- Tôi bận.

- Làm gì thì làm, nhưng phải tới gặp McGinty ngay đi. Lẽ ra sau ngày anh đến, anh phải trình diện ở trụ sở Hội rồi, anh không được làm ăn bê bối với ông ta.

McMurdo có vẻ ngạc nhiên.

- Tôi là một hội viên đã hơn hai năm rồi. Sao lại phải đi trình diện gấp thế?

- Ở Chicago thì không gấp như thế đâu.

- Ở đây cũng là một Hội ấy chứ?

- Cùng một Hội à? - Scanlan nhìn McMurdo trừng trừng, mắt anh ta lóe lên một tia sáng đe dọa.

- Thế không phải là cùng một Hội sao? - McMurdo hỏi lại.

- Một tháng nữa, chúng ta sẽ trở lại chuyện cùng hay không cùng này. Tôi nghe nói là bữa nọ trên tàu anh có đối đáp gì đó với mấy tay cảnh sát.

- Sao anh biết?

-Ồ tin tức bay đi mà. Ở đây tin tức bay đi nhanh lắm, tốt cũng có, xấu cũng có.Ồ! Anh sẽ là người lý tưởng của McGinty đó.

- Sao vậy? Ông ta cũng ghét cảnh sát ư?

Scanlan bật cười, đứng dậy :

- Hãy đi gặp ông ta ngay đi. Nếu không, thì không phải ông ta ghét cảnh sát, mà là ghét anh đó.

Cũng đêm hôm đó, ông già Thụy Điển mời anh chàng trẻ tuổi vào phòng ông.

- Tôi có cảm giác là anh đang ve vãn con gái tôi.

- Tôi yêu cô ấy.

- Thế thì anh tổn công vô ích. Có người đã đến trước anh rồi.

- Cô ấy đã nói với cháu như thế.

- Con bé có nói với anh là ai không?

- Cháu có hỏi nhưng cô ấy không nói.

- Có lẽ nó không muốn làm anh phải sợ hãi đấy.

- Làm cháu sợ hãi à?

McMurdo đã bắt đầu nóng mặt.

- Đúng đó, anh bạn. Nó là thằng Teddy Baldwin đó.

- Cái thằng Teddy ấy là một thứ ma quái dữ dằn hay sao?

- Nó là một trong những thằng chủ của bọn “Người Tiên Phong” đấy.

- “Người Tiên Phong” à? Tại sao mọi người ở đây lại phải sợ chúng đến thế?

Ông chủ trọ hạ thấp ngay giọng xuống.

- “Người Tiên Phong” là hội viên của “Hội những Người Tự Do”.

Người trẻ tuổi giật mình.

- Cháu cũng là hội viên của Hội ấy đây.

- Anh à? Nếu tôi biết thế, thì tôi không cho anh vào nhà. Dù anh có trả tôi đến 100 dollars một tuần đi nữa.

- Hội lập ra cốt để giúp đỡ lẫn nhau, và gây tình bạn tốt. Bác hãy đọc điều lệ của nó mà xem.

- Ở nơi khác thì như thế đó. Nhưng ở đây thì không.

- Ở đây nó thế nào?

- Một bọn sát nhân. Thế thôi.

McMurdo đáp lại bằng một nụ cười không tin :

- Bác chứng minh được điều đó không?

- Cả năm mươi vụ án mạng ở đây chưa đủ để chứng minh hay sao? Trong cùng thung lũng này không ai không biết những việc ấy.

McMurdo nói rất nghiêm trang :

- Thưa bác, cháu muốn bác rút lại những lời vừa nói, nếu không thì bác phải giải thích.

- Tôi chỉ nhắc lại cho anh cái gì mà tất cả mọi người đều nói ở đây. Những người chủ của Hội thì cũng là những người chủ của bọn “Tiên Phong”. Nếu ai làm gì phật ý Hội, thì bọn “Tiên Phong” sẽ ra tay ngay.

- Cháu muốn có những chứng cứ thực sự kia.

- Nếu anh còn ở lại Vermissa này, thì rồi anh sẽ có những chứng cứ. Nhưng tôi quên mất rằng anh cũng ở trong cái băng ấy, thì rồi anh cũng chẳng hơn gì bọn chúng đâu. Trong khi chờ đợi, thưa ông, xin ông đi tìm một nơi trọ khác.

Thế là McMurdo bị kết án phải đi đày đến hai lần: đi đày khỏi căn buồng ám cúng và đi đày xa người thiếu nữ. Anh đi tìm Ettie.

- Ba em vừa mới đuổi anh. Nếu chỉ là chuyện căn buồng thôi thì anh có cần gì. Nhưng mà, anh không thể sống không có em được.

- Ô, ông McMurdo. Xin ông đừng nói thế. Ông đã đến quá trễ. Em chưa hứa với hẳn nhưng em cũng không thể hứa với người khác được.

- Thế nếu anh là người đến trước, thì liệu anh có một tia hy vọng nào không?

Cô gái úp mặt vào hai bàn tay, khóc nức nở :

- Em thề trước Thượng đế là em muốn anh là người đầu tiên đến với em.

McMurdo quỳ ngay xuống bên cô gái, thốt lên :

- Anh van em, em hãy làm theo tiếng gọi của trái tim mình.

McMurdo nắm lấy đôi bàn tay cô gái.

- Em hãy nói rằng em là của anh, và chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng cuộc đời.

- Nhưng không phải ở đây chứ?

- Ở đây, ngay ở đây em ạ.

- Không, không, anh...

McMurdo ôm chặt cô gái vào trong tay. Cô gái không chống cự.

- Ở đây thì không được đâu anh. Nhưng... anh có thể đi với em được không?

Một trận bão nội tâm, làm rung động nét mặt người thanh niên. Một lát sau, khuôn mặt trở lại rắn đanh :

- Không. Anh ở đây để bảo vệ em và chống với cả hoàn cầu.

- Thế tại sao chúng ta không đi nơi khác.
- Không, anh không thể đi được.
- Tại sao?
- Nếu chúng ta yêu nhau thì ai dám ngăn cản?
- Anh mới đến đây nên anh không biết cái thằng Teddy đâu. Anh cũng không biết McGinty và bọn “Tiên Phong”.
- Anh đã sống giữa những con người dữ tợn, và bao giờ rồi cuối cùng chính chúng phải kiềm anh. Nếu bọn chúng đã phạm tội thì tại sao không ai đưa chúng ra trước pháp luật.
- Không có ai dám ra làm chứng chống lại chúng: người nào làm như vậy, thì ngay trong tháng đó sẽ chết.
- Có thể người ta tìm cách hại chúng và chúng không có cách gì để tự vệ chẳng?
- Ôi, em không muốn nghe anh nói như vậy. Hắn cũng nói đúng như vậy đó... cái thằng ấy.
- Thằng Teddy ấy à? À, nó nói như vậy có phải không?
- Và vì vậy, mà em ghét nó. Em ghét nó nhưng em sợ nó. Cho nên em cứ phải tìm cách tránh né bằng những lời hứa nửa vời. Nhưng nếu anh chịu đi với em, thì chúng ta sẽ đưa ba em đi, và sống mãi mãi với nhau.

Một lần nữa nét mặt người thanh niên lại hiện lên cuộc tranh đấu nội tâm dữ dội, và một lần nữa, một quyết định không gì lay chuyển nổi.

- Sẽ không có gì nguy hại xảy đến cho em và ba em đâu. Còn về cái bọn độc ác kia, anh tự hỏi không biết rồi em có ngạc nhiên khi thấy rằng anh còn độc ác hơn cả đứa độc ác nhất trong bọn chúng, trước khi chúng ta lấy nhau.
- Không, em tin anh... tin suốt đời.

Trên môi McMurdo nở một nụ cười cay đắng.

- Em biết anh còn ít quá, em không thể đoán biết được những gì diễn ra trong tâm hồn anh đâu. Này, ai đến kia?

Hai cánh cửa buồng bật toang ra, và một người trẻ tuổi bước vào, dáng điệu dương dương tự đắc, hấn đẹp trai, ăn mặc đẹp đẽ. Vóc dáng và tuổi tác cũng vào cỡ của McMurdo. Dưới chiếc mũ phớt vành đen rộng, cặp mắt dữ tợn nhìn chăm chăm vào đôi trai gái đang ngồi cạnh lò sưởi.

Ettie vội vàng đứng bật dậy, hoảng hốt.

- Tôi rất sung sướng được ông đến chơi, ông Teddy. Xin mời ông ngồi.

Teddy hai tay chống nạnh, nhìn thẳng vào mặt McMurdo, hỏi :

- Người này là ai?
- Một người khách trọ mới. Ông McMurdo, ông cho phép tôi giới thiệu với ông, ông Teddy.

Hai người thanh niên trao đổi một cái gật đầu lạnh nhạt.

- Cô gái đã nói cho anh biết sự quan hệ của cô ta với tôi rồi chứ?
- Tôi chẳng biết mối quan hệ nào giữa cô ta và anh cả.
- Cô gái này là của tôi, và bây giờ thì anh đi chơi đi, ngoài kia trời dễ chịu lắm đấy.
- Cám ơn. Lúc này tôi không thích đi chơi.
- “Lại thế nữa kia” - Đôi mắt của Teddy rùng rục lửa giận - “Thế chắc ông thích đánh nhau có phải không, thưa ông khách trọ?”

McMurdo nhảy dựng lên :

- Anh đã đoán đúng đấy. Chưa bao giờ anh lại có một lời nói đúng hơn thế nữa.
Cô thiếu nữ kêu lên, sợ hãi :

- Ôi, anh McMurdo. Ôi anh McMurdo.

-Ồ, người ta đã gọi nhau bằng anh rồi, nhanh quá nhỉ?

- Anh Teddy. Xin anh hãy độ lượng mà tha lỗi cho anh ấy.

McMurdo bình tĩnh nói :

- Ettie, anh sẽ giải quyết chuyện này ổn thỏa thôi. Thưa ông Teddy, ông có thấy hứng thú mà đi dạo với tôi một vòng ngoài đường kia không? Trời ban đêm đẹp lắm, đúng như ông đã nói, ở đằng sau nhà bên cạnh này có một cái bãi trống, tiện lợi lắm, ông ạ.

- Tôi sẽ trả món nợ này, mà không cần phải bắn tay. Anh sẽ hối hận là đã đặt chân vào nhà này.

- Sẽ à? Có ngay vẫn hơn chứ.

- Tôi sẽ chọn giờ. Anh có thể để tôi thu xếp việc ấy cho. Nay, nhìn đây.

Teddy kéo ống tay áo lên và chỉ vào một dấu hiệu đặc biệt: một hình tam giác nằm trong một đường tròn.

- Anh có biết cái này là gì không?

- Tôi không biết và cũng chẳng cần biết.

- Thế thì rồi anh sẽ biết. Ettie sẽ chỉ dẫn cho anh. Con kia, mày sẽ quỳ xuống, và van xin trở về với tao. Sau đó, mày sẽ biết tao trừng phạt mày như thế nào. Mày đã gieo..., thì tao sẽ cho mày gặt...

Hắn giật dữa, nhìn hai người một lần cuối, rồi quay gót đi ra và dập cửa lại.

Trong giây lát, McMurdo và người thiếu nữ đứng lặng đi. Nhưng rồi người thiếu nữ nhào tới ôm chặt lấy anh :

- Ôi, anh McMurdo, anh can đảm biết bao nhiêu. Nhưng anh phải trốn ngay tối nay, nó sẽ giết anh. Em đã nhìn thấy trong mắt nó. Làm sao mà anh chống cự được với cả băng của chúng.

McMurdo dịu dàng hôn người thiếu nữ và dìu cô ngồi xuống ghế

- Em đừng có lo, Anh cũng là một hội viên trong Hội những Người Tự Do, anh đã nói với ba em rồi, và bây giờ anh cũng nói cho em biết nữa, đừng ghét bỏ anh.

- Em không thể nào ghét bỏ anh được. Nhưng nếu anh cũng là một hội viên, tại sao anh không đến lấy lòng ông McGinty.Ồ, anh đi ngay đi.

- Anh cũng có ý đó. Em có thể nói với ba em là đêm nay anh còn về ngủ ở đây, nhưng ngày mai anh sẽ đi tìm một căn phòng khác.

Quầy rượu của quán McGinty đông nghẹt khách gồm toàn những bọn hạ lưu của thị trấn.

McGinty là nhân vật nổi tiếng, bên ngoài được che đậy bằng tác phong của một người vui tính sôi nổi. Nhưng bên trong, sự sợ hãi mà hắn gieo rắc không những ở thị trấn Vermissa, mà cả trên toàn bộ cái thung lũng này, đủ lôi kéo khách đến quán rượu của hắn rồi.

McGinty đã được những bọn cướp, bọn lưu manh, bầu hắn giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Thành phố, và Quận trưởng Cảnh sát giao thông. Thuế má và các khoản tiền đóng góp rất lớn, những công trình công cộng thì bị bỏ bê, báo cáo trước nhân dân thì bị bóp méo sự thật Người dân thường bị bắt buộc phải câm miệng vì sợ bị tai họa. Thế là, năm này qua năm khác, quán rượu của ông ta đã phình ra đến mức đe dọa nuốt cả

một góc của phố chợ.

McMurdo đẩy cửa bước vào, chen giữa đám đông ồn ào, trong một bầu không khí ô nhiễm khói thuốc và sắc mùi rượu. Căn phòng được thắp đèn sáng choang. Những tấm gương lớn, khung mạ vàng, treo trên bốn bức tường phản chiếu và nhân lên gấp bội không biết bao nhiêu là đèn. Những người bồi rượu, tay áo sơ mi xắn lên đến khuỷu tới tấp pha rượu cho khách hàng. Ở một đầu, đứng dựa mình vào quầy, là một người đàn ông cao lớn. Đó là McGinty. Ông ta có bộ tóc đen nhánh, dài như một cái bờm rủ xuống đến tận cổ, bộ râu nham nhỡ hai bên má, nước da mai mác của một người Italia, đôi mắt đen nhìn không chớp, trông rất dữ tợn. Tất cả phần còn lại, một thân hình cân đối, nét mặt thanh tú, tác phong cởi mở, phù hợp với dáng điệu vui tính và chịu chơi mà ông ta cố làm cho mọi người thấy rõ. Một người khách lạ sẽ nghĩ rằng đây là một tay làm ăn lương thiện. Nhưng khi đôi mắt hung bạo kia nhìn trừng trừng vào khách, thì người này bắt đầu run sợ, và cảm thấy mình đang đứng trước một thiên tai thực sự.

Sau khi đã quan sát kỹ con người đó, McMurdo, cùi tay gạt một đám xu nịnh đang bao quanh. Đôi mắt táo bạo của người thanh niên như đóng đinh vào đôi mắt đen đang soi mói nhìn anh.

- Này anh, tôi chưa hề thấy cái bản mặt của anh ở đây.
- Tôi mới đến, thưa ông McGinty.
- Nhưng không vì thế mà không biết thưa hỏi với một người có chức vụ.

Một người trong bọn xu nịnh vội giải thích :

- Này anh, đây là ông hội đồng McGinty đó.
- Rất tiếc, thưa ông hội đồng. Tôi chưa biết hết các tập quán ở đây. Nhưng người ta có khuyên tôi đến gặp ông.

- Thế thì anh gặp tôi rồi đó. Anh thấy tôi thế nào?

- Ô, nói ra bây giờ còn sớm quá. Nhưng nếu trái tim của ông cũng to như thân hình của ông, và tâm hồn ông cũng đẹp như ông, thì tôi tự thấy là bằng lòng rồi.

Nghe câu trả lời đó, tên chủ quán đâm ra ngớ ngàng, không biết nên cười cợt hay giữ một vẻ nghiêm trang với tên thanh niên này.

Một lát sau, hắn mới quyết định.

- Tổ mẹ, đúng là một kiểu ăn nói Ailen rồi. Thế ra tôn ông đã hài lòng về phần người ngợm của tôi rồi, phải không?

- Chắc chắn thế.
- Và người ta bảo anh đến gặp tôi.
- Vâng.
- Ai nói?

- Môn huynh Scanlan, chi nhánh 341, của Vermissa. Tôi xin nâng ly mừng sức khỏe của ông, ông hội đồng.

McMurdo vừa uống vừa giơ ngón tay út lên. McGinty chăm chú theo dõi anh ta và bỗng nhíu cặp mắt đen rậm lại nói :

- Ô, ra thế đấy. Vậy thì tôi phải xét trường hợp của ông một cách cặn kẽ hơn nữa, thưa ông...

- ... McMurdo

- Một cách cặn kẽ hơn nữa, thưa ông McMurdo, vì ở đây không ai tin lời nói của ai cả. Xin mời qua đằng sau quầy này.

Ở đó có một căn phòng nhỏ với những thùng rượu xếp dọc theo tường. McGinty đóng

cửa rồi ngồi lên một thùng, vừa cắn vào miếng xì gà vừa quan sát anh thanh niên. Hai phút trôi qua như thế. McMurdo chịu đựng cuộc thẩm tra này một cách vui vẻ. Anh ta rút một tay trong túi áo vét, còn một tay thì vân vê ria mép. Đột nhiên McGinty chồm người về phía trước và chìa ra một khẩu súng lục.

- Này, thằng kia. Nếu mày định chơi tao thì cái này sẽ đưa mày sang thế giới bên kia ngay.

McMurdo bình tĩnh trả lời :

- Đón tiếp một môn huynh như thế này thì quả thật là kỳ cục, nhất là khi người ta lại là một trưởng toán trong chi nhánh của Hội những Người Tự Do.

- Anh được nhập hội ở đâu?

- Chi nhánh 29, Chicago.

- Bao giờ?

- Ngày 24 tháng 6 năm 1871.

- Tên trưởng toán?

- J.H.Scott.

- Ai chịu trách nhiệm toàn khu?

- Bartholomew Wilson.

- Đến Vermissa làm gì?

- Tôi cũng đi làm như ông.

- Anh đối đáp trơn tru lắm nhỉ?

- Vâng, tôi không ngọng nghịu.

- Thế trong hành động, anh có lanh lẹ không?

- Tôi nổi tiếng về việc ấy.

- Rất tốt, anh sẽ được thử thách. Anh đã nghe nói đến chi nhánh ở đây bao giờ chưa?

- Người ta nói với tôi rằng trước tiên phải là một con người đã, rồi sau mới thành một môn huynh được.

- Đúng đó. Tại sao anh lại bỏ Chicago ra đi?

- Ông đừng hòng bắt tôi khai.

McGinty trở mắt ra nhìn. Hắn không quen nghe những câu trả lời như vậy. Câu này, hắn thấy nó thật ngộ nghĩnh.

- Tại sao vậy?

- Vì môn huynh không được phép nói dối với một môn huynh khác.

- Nghĩa là sự thật không được tốt lắm chứ gì.

- Nếu ông muốn hiểu như vậy, thì xin tùy ông.

- Một người trưởng toán như tôi, chắc sẽ không đưa một ai vào trong chi nhánh Hội, khi chưa biết quá khứ của anh ta.

McMurdo có vẻ lúng túng. Sau cùng, anh ta lôi ở túi áo trong ra một mảnh báo cũ, và còn hỏi lại :

- Ông không phản thùng tôi chứ?

- Mày mà còn nói cái kiểu ấy thì tao đập vỡ mặt mày ra bây giờ.

McMurdo tỏ vẻ hối tiếc :

- Tôi xin lỗi ông. Tôi nói mà không suy nghĩ. Tôi biết rằng ở trong tay ông thì tôi sẽ được an toàn. Ông hãy đọc mảnh báo này đi.

McGinty đọc lướt qua bài báo đưa tin về vụ án mạng tên Jonas Pinto ở quán rượu Lake, phố Market, tại Chicago, đêm mùng 1 tháng giêng năm 1874. Hắn đưa trả lại

mảnh báo cũ, hỏi :

- Anh làm cái việc ấy à?...

McMurdo trả lời bằng cái gật đầu.

- Tại sao anh lại hạ nó?

- Tôi giúp đỡ nhà nước đúc ra các đồng đô la. Có lẽ những đồng dollars của tôi làm ra, vàng không đủ tuổi như đồng dollars của Nhà nước, nhưng trông nó vẫn có vẻ xài được. Cái tên Pinto này giúp tôi tiêu thụ những đồng ấy. Một hôm nó nói rằng sẽ đi tố cáo tôi. Tôi hạ nó ngay, rồi đến đây.

- Tại sao lại đến cái xứ than này?

- Thấy báo nói ở đây người ta không khó tính lắm.

McGinty bật cười.

- Thế ra trước hết anh là một thằng làm bạc giả, rồi sau là một tên giết người, và anh nghĩ rằng đến đây anh sẽ được người ta đón tiếp tốt có phải không.

- Vâng, đại khái là như vậy.

- Thế bây giờ anh còn làm được những đồng dollars ấy không?

McMurdo móc túi lấy ra mấy đồng tiền vàng đưa cho McGinty xem

- Đây ông xem...

- Thật không? Không nói đùa đấy chứ?

McGinty soi các đồng tiền ra ánh sáng, để nó trên bàn tay to tướng.

- Không thấy có gì khác cả. Tổ mẹ, thế này thì anh sẽ là một môn huynh đặc lực đây. Ở đây chúng tôi cũng có thể nhận một vài tay đầu bò đầu bươu.

- Thưa ông, tôi sẽ giữ được vị trí của tôi, trong cuộc tự vệ đó.

- Thần kinh của anh có vẻ vững vàng lắm. Anh không xáo động khi tôi chĩa súng vào anh?

- Lúc đó không phải tôi đang bị nguy hiểm.

- Thế thì ai vậy?

- Ông.

McMurdo rút trong túi áo vét ra một khẩu súng sáu đã lên đạn.

- Tôi vẫn nhắm vào ông suốt trong thời gian vừa qua, tay tôi cũng không lạnh kém gì ông đâu.

Ông hội đồng đỏ mặt tía tai nhưng rồi bỗng phá lên cười.

- Tôi có cảm giác một ngày nào đó, chi nhánh Hội ta rồi sẽ được kiêu hãnh về anh đó...

Cái gì thế này. Chúng mày không thể để yên cho tao được nói chuyện đến năm phút với một vị khách quý hay sao?

Người hầu bần cúi đầu :

- Xin lỗi ông hội đồng, có ông Teddy. Ông ấy muốn gặp ông gấp.

Lời báo ấy là vô ích, Teddy đã hiện ra trong khung cửa. Hắn gạt người hầu ra rồi đóng cửa lại, và nhìn McMurdo bằng một cặp mắt nẩy lửa.

- Thế là mày đã đến đây trước tao rồi hả? Được, ông hội đồng, tôi có câu chuyện muốn nói với ông về cái tên này.

McMurdo nói như hét :

- Thì mày nói ngay đi, nói ngay trước mặt tao nè.

- Tao sẽ nói lúc nào tao cần nói, và nói theo cách của tao.

McGinty từ trên thùng rượu nhảy xuống, can thiệp

- Teddy, đây là một môn huynh mới đến, chúng ta không được đón tiếp anh ta như

vậy. Hãy chìa tay ra làm lành với nhau đi.

- Không đời nào. - Teddy hét lên

- Tôi đã mời anh ta đấu với tôi bằng tay không, hoặc bằng bất cứ thứ vũ khí nào. Thừa ông hội đồng, bây giờ tôi xin để ông phân xử cho chúng tôi.

- Thế giữa hai anh có chuyện gì vậy?

- Một cô gái trẻ tuổi.

- “Tự do à?” - Ông trưởng toán nói tiếp - “Vì đây là giữa hai môn huynh trong cùng một chi nhánh hội, nên cô gái đó hoàn toàn tự do”.

-Ồ, luật lệ của ông là như thế đấy hả?

- Đúng, luật lệ của tao là như thế đấy, Teddy!

McGinty nhìn hắn một cách hiểm ác, tiếp luôn :

- Phải chăng mày định chống lại luật lệ ấy không?

- Ông gạt ra ngoài một người vẫn đứng bên ông từ 5 năm nay, để ôm vào lòng một tên mà ông chưa bao giờ gặp mặt. Mẹ kiếp, đến kỳ phiếu sắp tới...

Ông hội đồng chồm lên như một con hổ, khép chặt hai bàn tay vào quanh cổ tên kia và vật ngửa nó lên một thùng rượu. McMurdo can thiệp. Anh kéo ông hội đồng lại, làm ông ta thả tay ra. Teddy bị khuất phục. Hắn ngồi lên trên thùng rượu.

- Teddy, đã từ lâu mày đáng được một trận như thế này. Ngày hôm nay thì mày ném mùi sớ sớ rồi đó. Mày tưởng tượng rằng nếu tao không được bầu lại làm trưởng toán thì mày sẽ chiếm chỗ tao phải không? Rồi đây chi nhánh Hội sẽ định đoạt việc này. Nhưng chừng nào tao còn là trưởng toán, thì không một đứa nào được mở mồm ra chống lại những điều tao quyết định, nghe rõ chưa?

Teddy vừa xoa cổ vừa lắp bắp nói :

- Tôi có chống ông cái gì đâu.

Thế là McGinty đột ngột trở lại ngay cái kiểu cách ra vẻ hồ hởi thường ngày của hắn :

-Ồ, nếu thế thì thôi. Chúng ta đều là bạn tốt với nhau cả. Và việc này coi như là xong.

Lão lấy từ trong hốc tủ ra một chai champagne bật nút mở rượu, rót đầy vào ba cốc :

- Nào, chúng ta hãy uống ly rượu hòa giải. Sau tuần rượu này, không có một cuộc cãi lộn nào nữa. Vậy thì bây giờ Teddy, hãy để tay trái của anh lên cổ tôi đi.

Rồi lão nói tiếp :

- Thừa ông, nghĩ sao khi bị xúc phạm?

- “Những đám mây đều nặng nề”.

- “Nhưng chúng sẽ tan đi, để không bao giờ trở lại nữa”.

- “Và điều đó, tôi xin thề”.

Hai người uống cạn ly rượu, và nghi lễ đó lại diễn ra giữa Teddy và McMurdo

McGinty xoa hai tay vui vẻ nói :

- Được rồi. Thế là cuộc cãi lộn đã kết thúc. Nếu nó còn tái diễn thì các anh sẽ phải chịu sự trừng phạt của Hội.

McMurdo chìa tay ra cho Teddy bắt :

- Tôi thật không dám thế. Tôi dễ gây lộn, nhưng cũng dễ tha thứ. Người ta bảo đó là do giòng máu Ailen. Nhưng đối với tôi thế là xong, và tôi không có thù hằn gì cả.

Teddy đành phải giơ tay ra bắt, vì đôi mắt của ông trưởng toán không rời hắn

McGinty ôm lấy vai hai người, thở dài :

- Thật không thể tưởng tượng được là mảnh gấu váy ấy lại có thể làm cho hai chàng trai của tôi đến phải trở thành đối thủ của nhau. Nhưng những chuyện này vượt ra

ngoài thẩm quyền của một người trưởng toán rồi. Môn huynh McMurdo, anh được nhập vào chi nhánh 341. Chúng tôi thường hội họp vào tối thứ 7. Nếu anh đến dự, anh sẽ mãi mãi là một người Tự Do ở cái thung lũng này.

Chương 10 Chi nhánh 341 ở Vermissa

Ngay hôm sau, McMurdo dọn đến nhà một bà góa chồng tên là Widow MacNamara ở ven thị trấn. Scanlan ít lâu sau cũng có việc về Vermissa nên hai người đến ở chung với nhau.

Bà chủ trọ đã già, tính kín đáo và biết điều. McMurdo và Scanlan ở đó không có ai khác cùng trọ nên có thể ăn nói, hoạt động rất tự do. Cụ Shafter cũng đồng ý để cho McMurdo khi nào muốn, cứ đến nhà dùng cơm, thành ra quan hệ của anh với Ettie không bị đứt đoạn, mà trái lại cứ ngày càng chặt chẽ, thân thiết hơn.

McMurdo bày những cái khuôn dập bạc giả ra. Một vài môn huynh của chi nhánh được phép bí mật đến nhà anh, và khi ra về thì túi nặng những đồng bạc mới. Những người cùng làm với anh thường thắc mắc tại sao anh có tài như vậy, mà lại chịu hạ mình đi làm công. Anh trả lời rằng nếu anh không có những nguồn thu nhập chính đáng, thì cảnh sát sẽ điều tra về đời sống của anh ngay.

Sau cuộc gặp mặt lần đầu tiên với McGinty, anh thường lui tới quán rượu để biết “những chàng trai”. Đó là cái tên rất dễ thương mà bọn quỷ sứ trong khắp vùng này tự đặt cho mình. McMurdo nổi tiếng trong bọn chúng vì sự nóng nảy và về cách nói táo tợn của anh.

Một buổi tối, khi quán rượu đang đông khách, thì có một người bước vào. Người đó mặc binh phục màu xanh và đội mũ lưỡi trai của cảnh sát vùng mỏ. Đây là một đơn vị đặc nhiệm đã được ban điều hành của các công ty hỏa xa, mỏ than và mỏ sắt cùng dựng lên để yểm trợ cho cảnh sát dân sự. Khi người đó vừa mở cửa vào, thì cả phòng bỗng im bật, cả mấy trăm con mắt đều đổ dồn nhìn như xiên vào mặt anh ta. McGinty đứng sau quầy, không tỏ ra một chút ngạc nhiên nào khi thấy viên thanh tra ngồi vào giữa đám khách quen của ông ta.

- Một ly whisky nguyên chất. À, ông hội đồng, hình như chúng ta chưa gặp nhau lần nào?

- Anh là Đại úy mới đến đây phải không?

- Chính tôi. Chúng tôi kêu gọi ông và tất cả mọi công dân, hãy giúp đỡ chúng tôi giữ vững pháp luật và trật tự trong thị trấn này. Tôi là Đại úy Marvin của Công ty than và sắt.

- Không có ông, chúng tôi thu xếp còn tốt hơn đấy. Bởi vì chúng tôi có đội cảnh sát riêng. Ông chỉ là một công cụ tư bản, đến đây để quét roi gân bò và bắn giết những người công dân nghèo mà thôi.

Viên sĩ quan cảnh sát cười :

- Không nên cãi vã với nhau.

Anh ta uống cạn ly rượu và sắp đi ra thì chợt trông thấy McMurdo đang đứng cười gần gần đó. Anh ta vừa nhìn McMurdo từ trên xuống dưới vừa vui vẻ gọi :

- À, một người quen cũ đây.

McMurdo lảng ra.

- Tôi chưa bao giờ là bạn của ông.

Đại úy Ma-vin phá lên cười :

- Một người quen không nhất thiết phải là một người bạn. Anh là McMurdo, ở Chicago.

McMurdo nhún vai, đáp lời ngay :

- Tôi không chối tên tôi, Anh tưởng tôi xấu hổ vì cái tên tôi à?

- Nếu anh có cảm thấy xấu hổ về cái tên của anh, thì cũng có lý thôi.

McMurdo đã nắm chặt lại thành hai nắm đấm và gầm lên :

- Tôi yêu cầu ông phải giải thích những điều ông vừa mới nói?

- Đừng có lên mặt anh chị với tôi. Trước khi tôi đến đây, tôi là một quan chức ở Chicago, và khi tôi trông thấy một thằng lưu manh của Chicago, tôi phải nhận ra được nó chứ.

McMurdo tái nhợt người, thốt lên :

- Chắc ông không phải là Marvin của Sở cảnh sát trung ương ở Chicago chứ?

- Tôi luôn luôn vẫn là Marvin ấy đấy. Chúng tôi cũng vẫn chưa quên được cái thằng Pinto đã bị giết.

- Tôi không giết nó.

- Thế à? Thế thì cũng hơi lạ đó. Bởi vì cái chết của nó đổ cho anh biết mấy. Nó mà khai ra được trước tòa, thì anh đã vào chảo rang lâu rồi. Nhưng thôi, không nói chuyện quá khứ nữa. Nay, tôi nói riêng với anh một chuyện đáng lẽ tôi không được phép nói ra: cái vụ ấy mà, về phần anh không có gì là rõ ràng đâu. Ngày mai anh có thể trở về Chicago, nếu anh muốn. Anh sẽ không bị phiền đâu.

- Tôi ở đây tốt rồi, chẳng phải đi đâu cả.

- Ờ thì tùy, tôi đã mách nước cho anh, đáng lẽ anh nên có một lời cảm ơn mới phải.

McMurdo trả lời một cách lạng nhạt :

- Thì cứ cho là ông muốn làm cho tôi vui lòng đi, cảm ơn.

- Chừng nào mà tôi còn thấy anh trên con đường tốt thì tôi sẽ không nói gì. Nhưng nếu anh lại muốn giở trò, thì lúc đó sẽ là câu chuyện khác đấy. Thôi, chào anh. Chào ông hội đồng!

Ma-vin bước ra khỏi quán rượu. Tin tức nhanh chóng loan ngay đi rằng McMurdo đã tác yêu tác quái ở Chicago. Trước đây, khi có người hỏi anh ta về việc này anh ta chỉ tránh né với nụ cười của một người không muốn ai làm rùm beng quá khứ của một câu chuyện chẳng đáng gì. Bây giờ câu chuyện đó đã được xác nhận chính thức. Những khách quen đến bao quanh và âu yếm bắt tay anh ta. Từ nay trở đi, anh đã có một vị trí xứng đáng trong tập thể.

Một tối thứ bảy, McMurdo được đưa ra trình diện trước hội viên trong chi nhánh.

Cuộc họp được triệu tập trong một căn buồng rộng ở nhà hội quán. Khoảng 60 hội viên có mặt. Họ chỉ là một phần rất nhỏ của tổ chức thôi vì có nhiều chi nhánh khác hoạt động ở trong thung lũng cũng như ở phía sườn núi bên kia. Trong tất cả khu mỏ này, tổng số hội viên như vậy không dưới 500 tên.

Những người tới họp, tập trung quanh một chiếc bàn dài trong căn buồng hoàn toàn

trợ trụ, không có bất cứ một thứ trang trí nào. Ở một phía có một cái bàn khác trên xếp đầy rượu và ly. Một số môn huynh đã để mắt liếc nhìn về phía đó.

McGinty ngồi ở một đầu bàn, đầu đội một cái mũ bình thiên bằng nhung đen, vai khoác một tấm áo choàng bằng nhung đỏ. Những vị chức sắc cao cấp nhất của chi nhánh, trong số đó có Teddy, bao quanh ông ta. Người nào cũng có đeo một cái dây hay một huy chương chỉ rõ ngôi thứ và chức vụ. Phần đông trong số họ là những người tuổi, số còn lại gồm những thanh niên từ 18 đến 25 là những tay chân thừa hành. Trông mặt của các hội viên già, người ta cũng đoán thấy bên trong là những tâm hồn tàn bạo và bất trị, nhưng khi nhìn đến những người trẻ tuổi, thì không ai có thể ngờ được rằng những thanh niên này lại hợp thành bằng nhóm tội phạm. Đòi trụ đến tận gốc rễ, chúng cho rằng có xin xung phong đi thủ tiêu những người chưa bao giờ động chạm gì đến chúng, thì mới gọi là có can đảm và có tinh thần hiệp sĩ. Hồi đầu, chúng còn giữ bí mật về những hành động của chúng, nhưng vào thời xảy ra câu chuyện này thì chúng công khai khoe khoang thành tích. Trong 10 năm chưa một đứa nào trong bọn chúng phải chịu một án sát phạt nào.

McMurdo đã được báo trước là sẽ có những lễ nghi chờ đợi anh ta. Anh được hai môn huynh đưa vào một căn buồng biệt lập. Qua tấm vách ngăn bằng ván, lọt vào tiếng ồn ào của nhiều người nói trong căn buồng hẹp. Một hay hai lần gì đó, anh nghe thấy nói đến tên anh. Hình như người ta đang kháo nhau về sự chấp nhận anh vào chi nhánh hội. Rồi một người bảo vệ, bước vào căn phòng anh đang đứng đợi và truyền cho hai người môn huynh biết :

- Ngài trưởng toán ra lệnh hãy trói người này lại, bịt mắt và đưa vào trình diện.
Cả ba người lột áo anh ra, vén tay áo sơ mi bên phải lên và trói giết cánh khuỷu anh ra đằng sau. Rồi họ đội lên đầu anh một chiếc mũ lưới trai may bằng thứ vải đen dày, và ấn sâu xuống cho đến che hết phần trên của mặt, anh được dẫn vào phòng họp. Anh có cảm giác là đêm tối đen như mực. Anh nghe tiếng thì thảo của những người dự họp, rồi tiếng nói của McGinty :

- McMurdo, anh đã là hội viên của Hội những Người Tự Do chưa?
McMurdo gật đầu.

- Chi nhánh của anh có phải là số 29 ở Chicago không?
McMurdo lại gật đầu.

- Những đêm đen tối rất khó chịu...
- ... cho những người lạ mặt phải đi lại.
- Những đám mây đều nặng nề
- Một cơn bão sắp lại gần.
- Các môn huynh đã thỏa mãn chưa?....

Có một tiếng rì rầm chứng tỏ sự đồng ý.

- Môn huynh, anh đã đáp đúng được mật hiệu, chúng tôi biết anh thật sự là người trong hội. Nhưng chúng tôi cũng muốn anh biết rằng trong khu vực này, chúng tôi có những nghi lễ và những điều bắt buộc đòi hỏi phải có lòng dũng cảm. Vậy anh có sẵn sàng để chịu đựng không?

- Có.
- Anh có can đảm không?
- Có.
- Hãy tiến lên một bước.

Vừa nghe đến đây thì anh cảm thấy có hai mũi nhọn, cứng ở đằng trước mắt. Hai mũi nhọn này ấn vào hai mắt anh khiến anh có cảm giác là nếu tiến lên thêm thì hai mắt sẽ bị đâm thủng. Mặc dầu vậy, anh vẫn tiến lên một bước, và hai mũi nhọn biến mất. Anh nghe thấy những lời khen ngợi kín đáo.

- Anh can đảm đấy. Nhưng liệu có chịu được sự đau đớn không?
- Không kém bất kỳ ai.
- Hãy thử thách.

McMurdo đã phải sử dụng tất cả nghị lực mới không kêu thét lên: một sự đau đớn khủng khiếp vừa xuyên qua cánh tay anh, suýt làm anh ngất xỉu.

- Tôi có thể chịu được hơn thế nữa.

Lần này thì tiếng vỗ tay nổ vang lên. Chưa bao giờ chi nhánh ở đây thấy một người mới nhập hội cương quyết hơn thế. Người ta nhắc cái mũ ở trên đầu xuống, và vỗ vào lưng anh đầm đệp. Anh vẫn đứng im, chớp chớp mắt cười trong khi các môn huynh tới chúc mừng anh.

McGinty nói :

- Môn huynh McMurdo. Anh đã tuyên thệ giữ bí mật và trung thành, nhưng chắc anh biết rằng ai phản bội lời thề đó sẽ bị án tử hình tức khắc chứ?

- Tôi biết.
- Và anh có tuân theo lệnh của người toán trưởng trong bất kỳ hoàn cảnh nào không?
- Có.

- Vậy thì, nhân danh chi nhánh 341 của Vermissa, tôi mời anh được tham dự vào những nghi lễ và những đặc quyền của Hội. Môn huynh Scanlan, hãy cho chúng ta uống rượu đi.

Có một người đem trả lại cho McMurdo chiếc áo vét. Trước khi mặc vào, anh xem xét lại chỗ cánh tay phải vẫn còn đau như xé: Một cái ấn bằng sắt nung đỏ đã in lên đây hình một tam giác nằm trong một đường tròn. Những người đứng xung quanh cũng vén tay áo lên và chỉ cho anh xem dấu ấn của họ.

- Chúng tôi cũng đã được nhận dấu ấn này, nhưng không ai dũng cảm được bằng anh đâu.

- Ồ, cũng không có gì ghê gớm lắm. - McMurdo trả lời.

Mấy tuần rượu mừng lễ nhập hội đã xong, chi hội bắt đầu bàn đến một số vấn đề thường vụ. McGinty tuyên bố :

- Việc thứ nhất của buổi họp đêm nay là bức thư của vị trưởng hạt Windle ở Merton, chi nhánh 249. Bức thư như sau :

“Quý vị thân mến, có một việc nhỏ cần làm đối với Adrew Rae, ở công ty Rae Sturmash, chủ những mỏ bên cạnh. Chắc các vị chưa quên là chi nhánh các vị còn nợ chúng tôi về việc chúng tôi đã cử hai môn huynh đến để giúp các vị trong vụ tên cảnh sát, mùa thu vừa qua.

Nếu các vị cử đến cho chúng tôi hai người tình nguyện, thì họ sẽ được người thủ quỹ Higgins của chi nhánh chúng tôi trông nom chu tất, và sẽ hướng dẫn họ cách hành động, ở đâu và lúc nào. Chào huynh đệ. J. W. Windle. D. M. A. O. F.”

Ông Windle chưa bao giờ từ chối cho chúng ta vay một hoặc hai người khi chúng ta cần, thì bây giờ chúng ta cũng không thể từ chối ông ta.

McGinty ngừng lại, đưa mắt nhìn khắp căn phòng.

- Ai xung phong đi làm công việc này?

Mấy thanh niên cùng giơ tay một lượt. Ông trưởng toán mỉm cười đồng ý.

- Hồ Cormac, anh sẽ đi. Nếu anh cũng làm ăn tốt như lần trước thì mọi việc sẽ bình thường cả thôi. Cả anh nữa, Wilson.

Người xung phong đó thắc mắc :

- Nhưng tôi không có súng lục.

- Đây là trận đầu tiên của anh, có phải không? Thế thì phải bắt đầu bằng lễ chịu lửa đã. Còn súng lục, đến nơi sẽ có. Khi nào trở về, sẽ có ăn mừng trọng thể.

- Thế còn tiền thưởng, lần này thì sao? - Cormac hỏi.

- Tiền thưởng không phải là quan trọng. Anh ra tay vì danh dự mà. Khi nào công việc xong xuôi, người ta cũng sẽ vét được ở đây kết bạc một đôi đồng dollars cũ rách nào đó để trao cho anh.

Wilson hỏi :

- Cái người đó đã làm gì?

- Chuyện đó không dính dáng gì đến chúng ta, công việc của chúng ta, là thay họ thanh toán nó, cũng như họ đã thay ta ở đây vậy. à cũng nhân đây nói luôn; tuần lễ sau sẽ có hai môn huynh của chi nhánh Merton đến đây để làm thay cho chúng ta một công việc nhỏ.

Có người hỏi :

- Ai đến thế?

- Đừng nên đặt những loại câu hỏi như vậy. Anh chỉ cần biết đây là những người rất chịu chơi.

Teddy kêu lên :

- Ở đây đang cần có những loại người ấy đấy. Dân chúng ở đây đã bắt đầu hơi coi thường rồi đó. Trong tuần trước ba người của chúng ta đã bị tên đốc công Blaker đuổi không cho làm nữa. Chúng ta mắc nợ với cái thằng này từ lâu rồi, bây giờ phải hoàn lại đủ cả vốn lẫn lãi cho nó thôi.

McMurdo thì thầm vào tai người ngồi bên hỏi :

- Hoàn vốn như thế nào?

Người này phá lên cười :

- Bằng một viên đạn súng săn chứ còn bằng cái gì nữa. Anh thấy những phương pháp của chúng tôi thế nào, môn huynh.

McMurdo tỏ vẻ tán thành những phương pháp của cái hội giết người này.

- Phương pháp hay quá. Một chàng trai không phải thổ đế thì ở đây tốt quá đi chứ.

Những người ngồi bên vỗ tay tán thưởng. Ở đầu bàn đằng kia, ông toán trưởng hỏi với lại :

- Cái gì thế?

- “Thưa ông” - vị môn huynh nói - “McMurdo thấy phương pháp làm việc của chúng ta hợp với khẩu vị của anh ấy lắm”.

McMurdo đứng phắt ngay lên, trịnh trọng nói :

- Thưa thầy kính mến, tôi muốn nói rằng, nếu thầy cần đến một người để làm một việc gì đó thì tôi sẽ tự coi như có danh dự lớn, nếu được thầy cho làm.

Nhiều tiếng vỗ tay. Chỉ có một vài môn huynh trong hội là thấy anh ta đi có hơi quá nhanh.

Viên thư ký Harraway, một lão già râu xám ngồi bên cạnh toán trưởng, can thiệp ngay :

- Tôi đề nghị là môn huynh McMurdo chờ đợi khi nào chi nhánh cần đến.

- Tất nhiên. Đó chính là điều mà tôi muốn nói. Tôi hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của chi nhánh. - McMurdo đáp lại.

Toán trưởng nói một cách an ủi :

- Rồi sẽ đến lượt anh thôi, môn huynh. Chúng tôi nhận thấy anh là một con người cương nghị, và tin chắc rằng anh sẽ làm được những việc xuất sắc. Tối nay, nếu anh muốn, anh có thể tham dự vào một công việc nhỏ thôi.

- Tôi xin chờ.

- Bây giờ, trước hết tôi yêu cầu thủ quỹ cho chúng ta biết bản hạch toán tiền nong. Phải trả một số tiền kha khá cho người vợ góa của Jim.

Một người ngồi bên McMurdo giải thích cho anh ta hiểu :

- Jim đã bị giết tháng trước trong khi đang định hạ sát Chester Wilcox của Marley Creek.

Thủ quỹ mở sổ sách ra trước mặt, nói :

- Quỹ hiện nay rất phong phú, công ty Max Linder & Co. đã trả 500 dollars. Walker Brothers gửi đến 100 dollars, nhưng tôi đã tự ý gửi trả lại họ, để đòi 500 kia. Nếu từ nay đến thứ tư sau, mà tôi không có tin tức gì thì bộ cầu trục của họ có thể sẽ bị tai nạn. Năm ngoái chúng ta đã bắt buộc phải đốt cháy cái máy nghiền quặng của họ. Hiện nay chúng ta có vốn đủ để có thể đương đầu với bất cứ một yêu cầu nào.

- Thế còn Archie Swindon thì sao?

- Nó đã bán hết gia sản và đi khỏi khu vực rồi. Cái thằng quỹ già đó có để lại cho chúng ta một bức thư nói rằng thà nó đi làm nghề quét đường ở New York còn thú vị hơn là làm một chủ mỏ lớn để bị một băng cướp tống tiền khổng lồ. Quân chó đẻ, cũng may là nó đã đi khỏi đây trước khi bức thư đến tay chúng ta.

Một người đã đứng tuổi, mặt mũi nhẵn nhụi có dáng hiền lành hỏi :

- Thừa ông thủ quỹ, tôi có được phép xin ông cho chúng tôi biết ai đã mua cái lô đất của người mà ta vừa đuổi chạy khỏi khu này không?

- Được, môn huynh Morris. Lô đất ấy đã do công ty hỏa xa State & Merton County mua.

- Và ai đã mua lại những mỏ của Todman và của Lee đem bán đấu giá, năm ngoái cũng vì những lý do trên.

- Cũng lại công ty hỏa xa.

- Và ai đã mua lại những lò luyện của Manson, của Shuman, của Van Deher và của Atwood khi họ bỏ lại để chạy trốn.

- Tất cả đều được công ty mỏ tổng hợp West Gilmerton mua lại hết.

Toán trưởng can thiệp, hỏi lại :

- Môn huynh Morris, tên tuổi của những người đã đứng tên mua không làm cho chúng ta phải quan tâm, vì không thể bê những cái bể là đó ra khỏi vùng này được kia mà.

- Thừa thầy kính mến, với tất cả lòng tôn kính của tôi đối với thầy, tôi vẫn nghĩ rằng vấn đề này phải được chúng ta quan tâm nhiều hơn nữa. Như thế là trong mười năm nay, chúng ta vẫn tiếp tục dùng có một phương pháp thôi. Đó là chúng ta dần dần đuổi hết những nhà thầu nhỏ ra khỏi nơi đây. Kết quả là thế nào? Họ được thay thế bởi những công ty lớn, mà những giám đốc của các công ty đó thì ngụ ở New York hay Philadelphia, và hoàn toàn coi thường những lời đe dọa của chúng ta. Những chú nhỏ không thể làm gì chúng ta được. Nhưng, khi những công ty lớn thấy chúng ta là vật chướng ngại giữa họ và số lãi, thì họ sẽ không từ bất cứ một cố gắng nào, để đưa

chúng ta ra pháp luật.

Mọi người im bật, nét mặt sa sầm xuống. Từ trước đến giờ họ vẫn cảm thấy họ có uy lực đến mức không ai dám khiêu khích họ, và họ cho rằng họ vững như thành đồng. Ý kiến của môn huynh đã làm dựng chân lông những con người bất trị nhất.

Diễn giả nói tiếp :

- Vì vậy, ý kiến của tôi là, chúng ta nên nói bớt tay đối với các chủ nhỏ. Ngày nào mà họ bắt buộc phải trốn chạy đi hết, thì ngày ấy quyền lực của Hội sẽ bị tan vỡ.

Không phải sự thật nào cũng nên nói ra. Khi môn huynh Morris ngồi xuống, những tiếng kêu giận dữ đã nổi lên. McGinty đứng dậy, vùng trán bưng bưng.

- Này môn huynh Morris, anh từ trước đến nay vẫn là người chuyên nói những điều gở đại. Chừng nào mà tất cả hội viên trong chi nhánh vẫn sát cánh với nhau, thì không có một thế lực nào làm hại đến chúng ta, những công ty lớn cũng sẽ cảm thấy được là trả tiền cho chúng ta sẽ đơn giản hơn là chọi với chúng ta. Và rồi họ cũng sẽ làm theo như các công ty nhỏ thôi. Còn bây giờ, thưa các môn huynh...

McGinty bỏ cái mũ nhung đen và tấm đai xuống.

- ... Chi hội chúng ta đã bàn xong mọi công việc tối nay, chúng ta chỉ còn một việc nhỏ nữa cần phải nói trước lúc chia tay. Nhưng bây giờ đã đến lúc chúng ta nghỉ xả hơi giải khát một chút và vui hát với nhau, như anh em trong một nhà.

McMurdo có một giọng hát nam cao rất hay, anh hát bài “Em Mary, anh ngồi dưới dàn nho” và bài “Trên con sông lớn” và hót hết các tình cảm của khán giả. Ai cũng đoán rằng rồi đây anh ta sẽ tiến bước lên những chức vụ cao nhất trong hội. Nhưng muốn làm một Người Tự Do trong cái hội này, cũng đòi hỏi phải có một vài đức tính khác nữa, McMurdo đã hiểu ra được điều đó trước khi buổi họp tối hôm ấy kết thúc. Chai rượu whisky đã được truyền tay đi mấy lần. Các chàng trai mặt đỏ như gấc, đã chín mùi để có thể làm bất cứ một việc gì. Ông trưởng toán tiếp tục :

- Các cậu ơi, trong thành phố có một người đang cần một bài học. Đó là lão James Stanger của tờ báo Herald, gần đây hắn lại bắt đầu há cái mồm to tướng ra để chống lại chúng ta.

Một tiếng rì rào đồng tình đáp lại, pha lẫn đâu đó là một vài câu chửi thề thô tục.

McGinty rút ở trong túi áo ra một mẫu nhật trình và đọc :

“Pháp luật và Trật tự.

Sự khủng bố đang ngự trị trong vùng than và sắt. Mười hai năm đã trôi qua từ khi xảy ra những vụ ám sát đầu tiên chứng tỏ có sự hiện diện của một tổ chức tội ác trong vùng chúng ta. Từ ngày đó đến nay, những vụ án mạng không một lúc nào ngừng và bây giờ đã lên đến một quy mô làm cho chúng ta trở thành một mối ô nhục của thế giới văn minh. Một tình trạng khủng bố và vô chính phủ sẽ được thiết lập dưới bóng thiêng liêng của lá cờ tự do hay sao? Người ta biết rõ những tên cầm đầu. Chúng ta đã hoạt động công khai trước mắt mọi người. Chúng ta sẽ còn phải chịu đựng tình trạng này bao nhiêu lâu nữa. Chúng ta sẽ sống...”.

Ông trưởng toán vút mảnh báo xuống bàn.

- Thôi đọc cái thứ văn chương này như thế là đủ rồi. Đó, nó nói về chúng ta như vậy đó. Câu hỏi tôi muốn đặt ra cho các bạn là: “Chúng ta sẽ nói gì với nó.”

Hàng tá tiếng hét hung dữ nổi lên :

- Giết mẹ nó đi!

Môn huynh Morris, cái người có bộ mặt hiền lành đó lại đứng lên, cãi lại :

- Tôi đã nói với các môn huynh rằng: bàn tay chúng ta đập quá nặng xuống thung lũng này, và cũng chẳng còn lâu nữa sẽ đến cái ngày mà tất cả công dân trong vùng họp nhau lại để đè bẹp chúng ta. James là một ông già. Ông ta được người trong thành phố và trong vùng kính trọng. Nếu các anh giết người này, thì cả nước sẽ náo động, cho đến khi chúng ta bị tiêu diệt hết mới thôi.

McGinty rống lên :

- Chúng tiêu diệt chúng ta bằng cách nào, thưa ngài Thỏ đế. Bằng cảnh sát chăng? Coi nào, một nửa số cảnh sát ăn lương của chúng ta, nửa kia thì sợ chúng ta như sợ cọp. Bằng tòa án chăng? Chúng ta đã thử nhiều lần rồi đó, hỏi có đi đến đâu không?

Môn huynh Morris đáp lại :

- Có một quan tòa tên là Lynch có thể tuyên án.

- Tôi chỉ cần giơ một ngón tay lên, là có thể đưa về đây 200 người để dọn sạch thành phố này từ đầu đến cuối - McGinty nói

Rồi bỗng ông ta chồm người về phía trước, vằng trán nhãn lại một cách dữ tợn, nói dần từng tiếng :

- Nghe đây, môn huynh Morris, tôi theo dõi anh từ lâu rồi. Bản thân anh không có một chút can đảm nào, nhưng anh lại cứ cố gắng phá hoại lòng can đảm ở người khác. Môn huynh Morris, khi nào mà tên anh được ghi trên chương trình nghị sự, thì ngày ấy sẽ là một ngày không tốt cho anh.

Morris mặt nhợt nhạt, ngã ngồi xuống ghế, hai đầu gối nhũn ra như bông. Ông chia một bàn tay run rẩy ra cầm lấy ly rượu uống cạn một hơi trước khi trả lời :

- Thưa thầy tôn kính, tôi xin thầy thứ lỗi cho. Tôi xin tất cả các môn huynh thứ lỗi cho, nếu như tôi đã quá lời. Tôi là một hội viên trung thành và trung thực, tất cả các môn huynh đều biết chính vì sợ một biến cố có thể xảy ra, nên tôi mới phát biểu ý kiến như vậy. Nhưng tôi tin tưởng ở sự phán xét sáng suốt của thầy tôn kính hơn là tin tưởng ở sự nhận thức của tôi... Tôi xin hứa là từ giờ trở đi, tôi sẽ không bao giờ dám làm phật ý thầy nữa.

Những nếp nhăn trên trán ngài trưởng toán dần ra.

- Được rồi, môn huynh Morris, tôi sẽ buồn nếu phải giảng cho anh một bài học, nhưng chừng nào mà tôi còn giữ chức vụ, thì chúng ta sẽ giữ vững sự thống nhất trong chi nhánh về lời nói và việc làm. Và bây giờ, hỏi các chàng trai...

Ông trưởng toán nhìn một vòng khắp mặt những người đứng xung quanh.

- Nếu James lãnh đủ những gì mà hắn đáng phải nhận, thì chúng ta sẽ bị phiền nhiễu. Những thằng nhà báo kết với nhau lắm đấy. Nếu James bị hạ, tất cả các báo chí ở Hoa Kỳ sẽ đòi cảnh sát và quân đội can thiệp. Vậy các anh chỉ nên cho hắn một lời cảnh cáo nghiêm khắc mà thôi. Môn huynh Teddy, anh có thể gánh vác việc này được không?

- Dĩ nhiên là được ạ. - Teddy phấn khởi trả lời.

- Anh cần bao nhiêu người?

- Độ 6 người. Thêm 2 người nữa để giữ cửa.

- Tôi đã hứa để cho vị môn huynh mới của chúng ta được tham dự vào trận ra quân này. - McGinty nói.

Teddy nhìn McMurdo với một cặp mắt chứng tỏ hắn chưa tha thứ một tí gì. Hắn trả lời bằng một giọng chua như giấm :

- Thì để anh ta đi. Công việc làm xong sớm chừng nào hay chừng ấy.

Hội nghị chia tay nhau giữa những tiếng la, hét và những bài hát say rượu. Quầy rượu bên ngoài vẫn còn đông khách, nhiều môn huynh cũng sà vào đó. Toán đi làm nhiệm vụ thì chia nhỏ ra. Bên ngoài rét lắm. Một mảnh trăng lưỡi liềm le lói trên bầu trời giá buốt và đầy sao. Các chàng trai tụ tập trong một mảnh sân đối diện với một tòa nhà lớn, giữa hai cửa sổ sáng choang có khắc hàng chữ vàng “Vemmissa Herald”. Bên trong các máy in đang chạy đều đều.

Teddy xẵng giọng hỏi McMurdo :

- Anh kia, đứng đấy. Anh sẽ ở dưới này canh cửa và giữ đường thông suốt lúc chúng tôi ra. Còn những người khác theo tôi. Đừng sợ gì cả.

McMurdo cùng một người khác đứng dưới nhà. Họ nghe thấy ở tầng lầu một những tiếng thét, tiếng kêu cứu, tiếng chân người chạy, và tiếng đập phá đồ đạc. Một lát sau, một người tóc hoa râm chạy ra cầu thang. Nhưng chưa chạy xa được, thì đã bị tóm lại, và cặp kính rơi xuống chân McMurdo. Một tiếng người té ngã, tiếp theo là những tiếng rên rỉ. Người đó nằm sấp, mặt úp xuống. Sáu cây gậy cùng một lúc đánh tới tấp xuống. Đánh chán một lúc sau, chúng mới ngừng tay, Teddy vẫn ra sức đánh vào đầu nạn nhân. Máu đã chảy loang lổ cả vùng tóc bạc. Teddy cúi xuống định đánh một đòn cuối cùng, McMurdo nhảy bổ lên gác, gạt nó ra.

- Mày định giết ông ta à. Thôi!

- Cút. Mày làm gì thế này, lùi ra.

Nó giơ cao cây gậy lên. Nhưng McMurdo đã rút súng, hét lên :

- Nếu mày động đến tao, tao bắn bể đầu mày ngay. Lúc này ông trưởng toán đã ra lệnh là không được giết ông James.

Một đứa trong bọn chúng tán thành :

- Anh ấy nói đúng đó.

Người đứng gác dưới nhà gọi vọng lên :

- Thôi nhanh lên. Các anh muốn cả phố xông ra hay sao.

Đúng là lúc ấy ở ngoài đường đã nghe thấy nhiều tiếng người kêu gọi nhốn nháo. Bọn lưu manh chạy vội xuống và tẩu thoát ra lối cửa. Khi chúng về đến hội quán thì một vài đứa lẫn ngay vào đám khách và thì thào vào tai McGinty. Những đứa khác, trong số đó có McMurdo thì tản ra trong các ngõ hẻm để về nhà.

Chương 11 Thung lũng khủng khiếp

Sáng sớm hôm sau, khi tỉnh dậy, McMurdo thấy đầu nhức như búa bổ. Cánh tay phải nơi dấu ấn sắt nung đỏ in vào bị cháy bỏng và sưng phồng lên, anh ăn điểm tâm rất trễ và không ra khỏi nhà. Anh viết một bức thư dài cho một người bạn. Rồi anh đọc lướt qua tờ Herald. Trong mục tin giờ chót “Tòa soạn báo Herald bị tấn công. Chủ bút bị thương nặng”. Theo sau là một bài tường thuật ngắn về những sự việc mà anh biết rõ hơn ai hết. Bài báo kết thúc như sau :

“Sự việc hiện nay đang được cảnh sát tra xét. Nhưng người ta cũng không hề hy vọng có kết quả gì hơn những vụ trước đây. Một số những tên côn đồ không phải là những người xa lạ. Chúng phải bị kết tội. Những bạn hữu rất đông đảo của James sẽ hết sức vui mừng khi nghe tin, tính mạng của ông không bị đe dọa”. Dưới bài báo, một mục tin nhỏ thông báo một đội canh gác của cảnh sát vùng mỏ được vũ trang bằng súng, từ nay sẽ bảo vệ tòa soạn.

McMurdo ném tờ báo xuống và đang đưa một tay lên đốt thuốc, thì có tiếng gõ cửa. Bà chủ trọ vào đưa cho anh một bức thư, mà một đũa nhỏ vừa cầm đến. Thư không ký tên, viết như sau :

“Tôi muốn nói chuyện với ông, nhưng nói ở bên ngoài nhà ông. Ông có thể gặp tôi ở cạnh cột cờ trên đồi Miller. Nếu ông đến ngay bây giờ, tôi sẽ nói cho ông hay một điều quan trọng đối với ông và tôi”. McMurdo đọc đi đọc lại bức thư và không thể đoán được ai là tác giả. Anh chần chừ suy nghĩ rồi quyết định phải làm cho sáng tỏ vấn đề.

Đồi Miller là một công viên ở ngay trung tâm thành phố. Mùa hè có đông người dạo chơi, nhưng mùa lạnh thì vắng ngắt. Đứng trên đồi, người ta nhìn thấy không những cả thành phố mà cả vùng thung lũng nữa. McMurdo đi theo con đường dẫn lên một quán ăn, bên cạnh quán có một cột cờ, và dưới chân cột cờ là một người đàn ông mũ đội sụp xuống tận mắt, cổ áo khoác bẻ cao lên. Khi người này qua lại, McMurdo nhận ra môn huynh Morris. Hai người trao đổi với nhau nghi thức của Hội.

Ông già ngập ngừng nói như người đang dò dẫm đi lần từng bước.

- Tôi xin cảm ơn ông đã đến.
- Tại sao ông không ký tên dưới bức thư.
- Thưa ông. Trong cái thời buổi này, không ai biết trước được hậu quả của bất cứ một việc gì. Mà cũng không biết có thể tin cậy được vào ai.
- Dù sao cũng có thể tin cậy được ở các môn huynh trong cùng một chi nhánh chứ.
- Không. Không thể tin được. Dù chúng ta có nói gì, thì tất cả đều đến tai của McGinty cả.

McMurdo nói một cách trang nghiêm :

- Tối hôm qua, tôi thề trung thành với ngài toán trưởng. Mà hôm nay ông lại đòi hỏi tôi phản bội lời thề đó sao?

Morris buồn rầu nói thều thào :

- Nếu ông nhìn sự việc như vậy, thì thôi, tôi rất tiếc đã quấy rầy ông. Tình hình đã đi đến chỗ tồi tệ đến nỗi hai Người Tự Do không dám trao đổi những ý nghĩ của mình với nhau nữa.

McMurdo cảm thấy bứt cẳng thẳng hơn

- Tôi là người mới tới đây, tôi không hay biết gì hết, nếu ông tin rằng việc ông định nói với tôi là có ích lợi thì tôi đến đây chính là để nghe ông.

Morris cay đắng tiếp theo :

- Để rồi mách lại tất cả với McGinty.

Nhưng McMurdo vội nói ngay :

- Ông đánh giá tôi không đúng. Tôi trung thành với chi nhánh Hội. Tôi đã nói dứt khoát với ông như vậy, nhưng tôi sẽ là một thằng khốn nạn nếu tôi đi kể lại với một người nào khác những điều ông tâm sự với tôi, nhưng ông chớ có mong ở tôi một sự giúp đỡ hay cảm tình.

- Tối hôm qua tôi có cảm tưởng là ông đang cố rập theo khuôn mẫu của những tên tệ

hại nhất trong cái băng này. Dù ông có xấu đến đâu đi nữa, thì ông cũng vẫn là một hội viên mới, lương tâm chưa bị đánh cứng lại. Vì vậy, mà tôi muốn nói chuyện với ông.

- Ông định nói gì với tôi?

- Khi ông gia nhập Hội ở Chicago, và khi ông tuyên thệ giữ lòng nhân ái, trung thành thì có bao giờ ông nghĩ, rằng điều đó sẽ dẫn ông đến tội ác không?

- Hãy giả thiết đó là tội ác.

Morris la lên, giọng nói xúc động :

- Hãy giả thiết à?... Mới tối hôm qua đây thôi, đánh một người già bằng tuổi bố ông, như thế có phải là tội ác không? Nếu ông cho rằng đó không phải là tội ác, thì là cái gì vậy?

- Có người nói đó là chiến tranh. Chiến tranh giữa hai giai cấp. Một cuộc chiến tranh tốc lực, không khoan nhượng.

- Thế khi ông xin gia nhập Hội những Người Tự Do ở Chicago, lúc đó ông có nghĩ đến cuộc chiến tranh ấy không?

- Không, lúc đó tôi không nghĩ như thế.

- Tôi cũng vậy, khi tôi gia nhập Hội ở Philadelphia, Hội chỉ đơn giản là một hội ái hữu tương tế, một nơi đến để gặp gỡ bạn bè. Rồi tôi nghe nói đến vùng này. Tôi dọn đến đây với dự tính cải thiện hoàn cảnh của tôi. Vợ tôi và ba con tôi cũng đi theo tôi. Tôi mở một cửa hàng bán vải ở Phố Chợ và phát đạt lên. Rồi người ta biết tôi là một hội viên Hội những Người Tự Do, thế là tôi bắt buộc phải gia nhập vào chi nhánh ở địa phương. Tôi cũng có cái dấu hiệu ô nhục này trên cánh tay, và một cái gì còn tệ hại hơn nữa in bằng sắt nung đỏ vào tim. Tôi có thể làm gì được? Tất cả những gì tôi nói ra đều bị coi như một sự phản bội. Tôi không thể chạy trốn đi khỏi nơi này. Tất cả của cải của tôi là nằm trong cửa hàng. Nếu tôi xin ra khỏi Hội, thì đó là tự ký vào bản án tử hình, rồi còn vợ và các con tôi.

Morris úp mặt vào hai bàn tay, và cả người đều run lên trong những tiếng khóc nức nở.

- Ông quá yếu mềm đối với trò chơi này. Hoàn toàn không phải loại người thích hợp...

- Trước đây tôi có một lương tâm và một tôn giáo. Chúng đã biến tôi thành một tên tội phạm, tôi đã bị chỉ định vào một vụ án mạng. Nếu tôi từ chối, tôi biết cái gì sẽ chờ đợi tôi. Tôi đã tham gia vào vụ án đó. Đó là một căn nhà hẻo lánh, ở cách đây 20 dặm, ở bên kia núi. Chúng cũng đặt tôi ngoài cửa như ông đêm hôm qua. Chúng không tin tôi. Chúng xông vào nhà. Và khi trở ra, thì tay chúng đầy máu. Chúng tôi bỏ đi, nhưng đằng sau tôi có tiếng một đứa trẻ la hét: Đó là một đứa bé trai, khoảng 5 tuổi, vừa chứng kiến bố nó bị giết ngay trước mắt nó. Tôi muốn ngắt đi vì khủng khiếp, nhưng tôi vẫn phải giữ nụ cười trên mặt, vì nếu không thì lần sau, chúng từ nhà tôi trở ra cũng với bàn tay đầy máu. Khi biết tôi là một hội viên, vị thầy tu rút phép thông công. Đó là tình trạng tôi bây giờ. Thế mà tôi thấy ông cũng đang trượt xuống cái dốc đó. Ông có sẵn sàng trở thành một tên giết người như chúng hay không. Hay chúng ta có thể làm được một cái gì để ngăn chặn chúng.

- Thế ông định tố cáo chăng?

- Ai mà dám làm một việc như vậy. Chỉ nghĩ trong đầu thôi cũng đã đủ mất mạng.

- Được. Tôi thấy ông nghĩ ngợi quá nhiều.

- Ông hãy nhìn thung lũng này. Ông có thấy những đám mây tỏa ra từ hàng trăm ống khói đang bao phủ trên nó không? Những đám mây tội ác còn nặng nề gấp hàng trăm lần: đang bao phủ trên những người dân. Đây là thung lũng của sự khủng khiếp.

McMurdo trả lời một cách rất thản nhiên :

- Thôi được, để khi nào tôi thấy nhiều hơn, tôi sẽ nói cho ông biết tôi nghĩ gì. Nhưng có một điều chắc chắn là ông nên dẹp cái cửa hàng của ông đi, càng sớm càng tốt. Những điều ông nói với tôi, chỉ hai người, tôi với ông biết mà thôi. Nhưng nếu tôi nghĩ rằng ông là một người chỉ điểm...

- Không.

- Thế thì thôi, ta ngừng lại ở đây. Tôi tin rằng ông đã nói với tôi vì có ý tốt. Bây giờ, tôi đi về đây.

- Xin ông cho tôi nói với ông một điều nữa trước khi ông ra về. Rất có thể là có người trông thấy chúng ta đứng đây, và người ta muốn biết chúng ta nói gì với nhau.

- Ồ! Đúng.

- Ông sẽ nói rằng tôi muốn mời ông vào làm công trong cửa hàng của tôi.

- Và tôi đã từ chối. Thôi môn huynh Morris, thế nhé, một ngày khác ta gặp lại.

Buổi chiều hôm đó, trong lúc McMurdo đang ngồi hút thuốc và tựa lưng bên cạnh lò sưởi thì cửa mở, và trong khung cửa hiện lên cái bóng to tướng cả McGinty. Hắn làm dấu hiệu chào của Hội rồi đến ngồi trước McMurdo và nhìn anh trân trân không chớp mắt. Cái nhìn đó đã được đáp lại bởi một cái nhìn khác cũng không kém.

Một lát sau, McGinty mới nói :

- Tôi đến đây, không phải là để thăm anh, mà đến để xác định với anh một việc.

McMurdo tỏ vẻ rất hân hoan về việc tới thăm bất ngờ này. Anh đứng dậy, ra mở tủ lấy một chai whisky.

- Thừa ông Hội Đồng, tôi vui mừng được đón tiếp ông. Tôi không ngờ lại có vinh dự này.

- Cái tay thế nào?

McMurdo nhăn mặt :

- Tôi sẽ không thể nào quên được. Nhưng việc đó cũng đáng ghi nhớ lắm.

- Đúng. Thật đáng ghi nhớ đối với những người trung thành, những người hết lòng với Hội. Sáng nay anh nói gì với Morris.

Câu hỏi đã được đặt ra một cách hết sức đột ngột cho nên phải trả lời ngay. McMurdo phá lên cười ngặt nghẽo.

- Morris không biết rằng tôi có thể làm ăn ở đây, ngay trong nhà này thôi. Mà cũng không nên để cho hắn biết, vì tôi thấy hắn thắc mắc nhiều quá. Nhưng hắn là một lão già tốt bụng. Hắn tưởng tôi không có công ăn việc làm, nên muốn mời tôi về làm công trong cửa hàng bán vải.

- Ồ, ra thế đấy.

- Vâng.

- Thế anh đã từ chối chứ.

- Dĩ nhiên. Tôi có thể kiếm được 10 lần hơn thế nữa với 4 giờ làm việc.

- Đúng thế. Nhưng tôi là anh, tôi sẽ không đi lại với Morris.

- Sao thế?

- Bởi vì tôi bảo anh là không nên đến, giải thích thế là đủ rồi.

- Có lẽ đối với phần đông những người khác thì đủ đấy, nhưng đối với tôi thì chưa đủ đâu. Nếu ông là một người biết người biết của, thì ông phải hiểu điều đó.

McGinty như nhìn đống đinh vào mặt McMurdo, bàn tay hắn bóp chặt ly rượu. Nhưng rồi hắn lại bật cười.

- Đúng, anh không phải là một loại người bình thường. Anh muốn biết lý do tại sao không nên đi lại với Morris phải không?

Được. Thế Morris có nói gì chống lại chi Hội không?

- Không.

- Có nói gì chống lại tôi không?

- Không.

- À, vậy là hấn không tin anh, hấn không phải là một người trung thành. Chúng tôi biết rõ hấn, và vẫn theo dõi hấn để chờ đến lúc nào đó sẽ cho hấn một bài học xứng đáng. Trong đàn cừu, không thể để một con cừu ghẻ lở như vậy được. Nếu anh đi lại với một tên phản bội, thì chúng tôi có thể nghĩ rằng anh cũng là một tên phản bội. Anh thấy không?

- Tôi không thể nào gắn bó với hấn được, vì tôi không thích loại người như hấn. Còn cái chữ phản bội ông vừa gắn cho tôi nếu một người khác nói như vậy thì anh ta sẽ không đến một lần thứ hai nữa đâu.

McGinty uống cạn ly rượu :

- Đủ rồi đó. Tôi đến đây để cho anh một lời khuyên. Anh đã nghe lời khuyên đó rồi. Thế là xong.

- Tôi muốn biết, ông làm cách nào mà biết được rằng tôi đã nói chuyện với Morris.

McGinty mỉm cười :

- Đừng bao giờ quên rằng, cuối cùng rồi tôi cũng sẽ biết tất cả mọi việc. Thôi, đến giờ rồi, và...

Vừa lúc McGinty đứng lên định đi thì hai cánh cửa bị đẩy mạnh, bật tung ra, và ba cái đầu đội mũ lưỡi trai của cảnh sát, chăm chăm nhìn hai người. McMurdo vùng đứng dậy, định rút súng ra, nhưng hai khẩu đã chĩa thẳng vào anh. Anh thả tay xuống. Một người mặc bình phục bước vào. Đại úy Marvin ngúc ngắc cái đầu và mỉm cười nhìn McMurdo.

- Tôi vẫn nghĩ rằng thế nào rồi ngài cũng giở trò mà! Ngài lưu manh McMurdo. Thôi lấy mũ đội vào, rồi đi theo tôi.

McGinty can thiệp :

- Đại úy sẽ phải trả giá đắt về cái trò bông đùa này. Sao ông dám tự tiện xông vào nhà người ta để dọa nạt những người lương thiện.

- Ông Hội đồng, ông không dính gì đến chuyện này. Chúng tôi chỉ có chuyện đối với tên McMurdo này thôi.

- Đây là một người bạn của tôi, và tôi bảo lãnh cho anh ta về những hành vi của anh.

- Theo tất cả những điều người ta nói về ông, thì rồi một ngày nào đó, chính ông, ông cũng sẽ phải trả lời trước pháp luật... Tên này là một thằng lưu manh trước khi đến đây. Hiện nay nó cũng vẫn là một thằng lưu manh. Thượng sĩ (???), hãy nhắm súng vào nó, trong khi tôi tước vũ khí của nó.

McMurdo lạnh lùng nói :

- Đây, súng của tôi đây.

- Trát bắt người của ông đâu. Tôi xin thề là ông sẽ biết tay tôi. - McGinty đe dọa.

- Ông cứ hành động.

- Tôi bị buộc tội gì? - McMurdo hỏi.

- Dính líu vào vụ hành hung ở tòa soạn báo Herald.

McGinty vừa cười vừa nói.

- Người này tối hôm qua ở trong quán rượu của tôi. Anh ta đánh bài đến nửa đêm mới ra về. Tôi có cả tá người làm chứng có thể xác nhận việc này.

- Đó là việc của ông. Ngày mai ông sẽ trình bày trước tòa. McMurdo, đi thôi.

McGinty cố thu xếp để nói riêng với McMurdo mấy câu trước khi anh bị dẫn đi.

- Thế còn cái?...

McGinty giơ một ngón tay cái lên để ám chỉ cái máy đập tiền. McMurdo đã giấu kỹ nó dưới sàn nhà nên trả lời.

- Yên trí.

- Chúng ta sẽ sớm gặp nhau thôi. Tôi đi tìm thầy cãi. Chúng sẽ không giữ được anh lâu đâu.

Đại úy Marvin xen vào :

- Thượng sĩ (???), ông hãy canh gác kỹ tên tù này, và cho phép ông bắn bỏ nếu nó định giở trò gì ra, tôi đi khám buồng của nó.

Người sĩ quan không tìm thấy cái máy làm bạc giả. Khi ở trên lầu xuống, anh ra lệnh dẫn McMurdo về đồn. Trời đã tối, gió thổi lạnh lẽo, đường xá vắng tanh. Chỉ có một vài người hiếu kỳ đi theo, và được bóng tối làm cho bạo dạn hơn, đã văng tục chửi thề tên tù đang bị dẫn đi.

- Hãy đánh chết cái thằng “Tiên phong” này đi! Đánh chết đi!

Họ cười đùa và nói khôi hài khi thấy cả đám bước vào trong đồn cảnh sát. Sau khi bị hỏi cung chiếu lệ, McMurdo bị dẫn tới một phòng giam. Anh gặp lại ở đây tên Teddy và ba tên tội phạm khác. Nhưng ngay ở trong bức thành trì của luật pháp này, bàn tay dài ngoằng của những Người Tự Do cũng vẫn vươn tới được. Buổi tối hôm đó, một người cai ngục mang rơm vào để chúng rải xuống sàn nhà ngủ cho ấm. Chúng moi từ bó rơm ra hai chai rượu, mấy cái ly và một cỗ bài. Chúng đã qua một đêm vui vẻ, không cảm thấy có một chút nào lo sợ đối với vụ xử án ngày hôm sau.

Tại tòa, trước những chứng cứ đưa ra, vị quan tòa đành chịu không thể tuyên án. Những người thợ nhà in công nhận rằng ánh sáng lúc đó nhấp nhem. Bản thân họ cũng không được tỉnh trí, nên họ ở trong tình trạng rất khó nói dứt khoát về nhận dạng những tên côn đồ... Đến khi họ bị ông luật sư hỏi vặn lại thì họ lại càng ấp úng hơn nữa. Nạn nhân cũng đã khai rằng ông ta bị tấn công quá đột ngột nên không thể xác định được một điều gì ngoài việc thấy tên đánh đầu tiên vào ông có một bộ râu mép. Ông nói thêm rằng bọn chúng chỉ là “Những Người Tiên Phong” thôi, vì ông ta không có ai khác là kẻ thù trong thành phố. Mặt khác, những lời làm chứng quả quyết của 6 công dân, trong số đó có McGinty đã chứng minh rằng những người bị buộc tội ở đây đã đánh bài tại nhà Hội quán đến tận một thời điểm sau vụ hành hung rất nhiều.

Chúng đã được tha bổng. Đại úy Marvin và ngành cảnh sát bị khiển trách.

Chương 12 Giờ đen tối nhất

Sau phiên tòa, McMurdo càng nổi tiếng hơn. Những huynh trưởng trong chi nhánh bảo nhau: “Không ai có thể thay thế anh ta được khi có những vụ gay go”. McGinty cũng công nhận rằng McMurdo là cánh tay đắc lực nhất. Hắn có cảm giác là đang nắm ở đầu dây một con chó săn cực kỳ hung ác. Tất nhiên để làm những việc lật vật thì hắn không thiếu những con chó con, nhưng nhìn xa trông rộng, hắn đã nhìn thấy trước được cái ngày mà hắn phải xua con chó dữ tợn này vào một con mồi xứng đáng với nó kia. Một vài môn huynh trong chi Hội, trong đó có Teddy đã đem lòng căm hờn, nhưng thàm lặng trong bụng.

Nếu McMurdo đã chiếm được cảm tình của các bạn hữu, thì ở một nơi khác, anh lại mất hết. Bố của cô Ettie không muốn trông mặt anh nữa và cũng không cho anh bước chân vào nhà nữa. Ettie thì không từ bỏ anh được. Nhưng cô cũng tỉnh táo suy nghĩ về những hậu quả của một cuộc hôn nhân với một kẻ bị mọi người coi như một tên tội phạm. Một buổi sáng, cô quyết định đi gặp anh ta, cố gắng kéo anh ta ra khỏi những ảnh hưởng độc hại đang hút anh ta xuống vực thẳm.

McMurdo đang ngồi trước bàn, quay lưng ra ngoài, trước mặt có một bức thư. Một ý nghĩ tinh nghịch thoáng qua đầu óc cô bé 19 tuổi này. Anh không nghe thấy cô mở cửa, nên cô nhón gót yên lặng đi đến sau lưng, nhẹ nhàng đặt hai tay lên vai anh.

Anh ta nhảy chồm lên như một con hổ, tay phải thì nắm lấy cổ cô, tay kia thì vò nát bức thư để trước mặt. Lúc đó anh mới kịp nhìn ra cô. Thế là sự ngạc nhiên và niềm vui tràn ngập đến thay sự hung bạo. Nhưng, sự hung bạo đã làm cho cô khiếp đảm phải lùi mãi đến bức tường phía sau lưng.

McMurdo vừa lau mồ hôi trán vừa nói :

- Em đấy à, lại đây, em yêu...

McMurdo giang rộng hai tay ra phía trước.

- Anh phải đền em.

Ettie vẫn còn bàng hoàng vì nét mặt của McMurdo mà cô vừa phát hiện: Tất cả linh tính của phụ nữ đã mách bảo cho cô biết rằng đó không phải là sự sợ hãi bình thường của một người bị bắt ngờ. Không, rõ ràng là sự sợ hãi của một người có tội. Cô la lên :

- Anh làm sao thế. Tại sao anh lại sợ em đến như vậy.

- Anh đang mãi suy nghĩ về hàng trăm việc, thì em đến nhẹ nhàng quá, như những bước chân của một nàng tiên.

- Không. Có cái gì hơn thế nữa kia.

Một thoáng nghi ngờ xuyên qua tâm trí cô.

- Hãy đưa cho em đọc cái thư anh đang viết đó.

- Anh không thể đưa em đọc được.

- Anh viết thư cho một người đàn bà khác rồi. Nếu không, tại sao anh lại không đưa cho em coi.

- Anh chưa có vợ, anh thề trên thánh giá.

- Thế tại sao anh không cho em coi thư.

- Anh đã có lời thề với những người khác là sẽ không cho ai đọc bức thư đó, anh cũng không muốn phản bội những người đã tin anh, như anh không muốn phản bội em. Đây là một công việc của chi nhánh Hội, một công việc bí mật, ngay cả đối với em nữa. Và anh hoảng sợ tưởng đó là bàn tay của cảnh sát...

Ettie tin lời McMurdo. Những chiếc hôn nồng cháy của anh đã xóa sạch hết sợ hãi và

ngồi ngờ.

- Em hãy đến ngồi bên cạnh anh. Đây là một cái ngai vàng thật không xứng đáng với một nữ hoàng như em.

- Làm sao có thể yên tâm được khi biết rằng anh đã nhập bọn với một lũ tội phạm.

- Hãy tin rằng anh không đến nỗi xấu xa như em tưởng đâu. Bọn anh chỉ là những người đáng thương đang cố sức, theo cách riêng của mình, bắt người khác phải tôn trọng những quyền lợi của mình.

Ettie quàng hai tay vào cổ người yêu :

- Hãy bỏ hết đi anh! Vì tình yêu, hãy bỏ hết đi!

McMurdo ôm chặt cô vào lòng.

- Làm sao anh có thể bỏ được, vì như thế là anh sẽ phản bội, và bỏ rơi bạn hữu. Mà dù bây giờ anh có muốn bỏ nữa cũng không thể được. Không bao giờ chi nhánh Hội lại để cho một hội viên rời bỏ mang theo tất cả những bí mật của Hội.

- Em đã lo trước tất cả rồi. Ba có một ít tiền để dành được. Ba cũng ngán nơi này lắm rồi. Em sẵn sàng đi nơi khác. Ở đó, chúng ta sẽ được an toàn.

McMurdo bật cười :

- Chi nhánh Hội có cánh tay dài lắm. Em tưởng bọn chúng không thể với tay từ đây tới Philadelphia hay New York sao?

- Thì chúng ta đi về miền Tây, đi sang Anh, sang Đức; đi bất kỳ đâu cũng được, miễn là ra khỏi cái Thung lũng Khủng khiếp này.

McMurdo chợt nghĩ đến môn huynh Morris.

- Đây là lần thứ hai anh nghe nói đến cái tên Thung lũng Khủng khiếp đó.

- Anh tưởng rằng thằng Teddy đã tha chúng ta à? Nếu nó không sợ anh, thì nó đã tiêu diệt chúng ta rồi. Mỗi lần gặp nó, chỉ cần nhìn đôi mắt hổ đói của nó, em phát run lên.

- Nếu mà anh bắt được những lúc đó, anh sẽ dạy cho nó biết lễ phép. Nhưng em gái bé bỏng. Anh không thể đi khỏi nơi đây được. Nhưng anh sẽ tìm cách thoát khỏi những sự việc này một cách có danh dự.

- Không có danh dự trong một việc như thế này đâu.

- Trong vòng sáu tháng, anh sẽ tìm cách đi khỏi nơi đây mà không phải xấu hổ khi nhìn mặt người khác.

- Sáu tháng à, chắc chắn nhé.

- Có thể là bảy, tám tháng, nhưng tối đa, là trước một năm.

Ettie không thể đòi hỏi thêm được. Cô ra về. Kể từ khi McMurdo xâm nhập vào đời cô, chưa bao giờ cô thấy trong lòng vui vẻ, nhẹ nhàng như hôm nay.

McMurdo tưởng rằng khi mình đã là một hội viên thực thụ, thì anh có thể biết được tất cả những hoạt động của Hội, nhưng chẳng bao lâu sau, anh khám phá ra rằng tổ chức này rộng lớn và phức tạp hơn một chi nhánh rất nhiều, chính McGinty cũng có nhiều chuyện không biết, vì có một vị chức sắc cao cấp hơn gọi là Ủy nhiệm vùng đóng ở phía dưới đường xe lửa, có toàn quyền đối với nhiều chi nhánh.

McMurdo có gặp hắn một lần. Trông hắn như một con chuột chù, đáng đi thì thậm thà thậm thụt, đôi mắt gian xảo chuyên nhìn ngang. Tên hắn là Evans Pott. Một hôm Scanlan, người bạn cùng trọ với McMurdo, nhận được mấy chữ của McGinty kèm theo một lá thư của Evans Pott. Ông “đại vương” báo cho McGinty biết rằng ông ta phải đến Vermissa hai người tên là Lawler và Andrews, với đầy đủ chỉ thị để hoạt động trong vùng. Và ông toán trưởng phải chịu trách nhiệm bố trí cho hai người đó được ăn, ở chu

đảo cho đến giờ hành sự. McGinty viết thêm cho Scanlan là ông sẽ biết ơn Scanlan và McMurdo nếu hai vị này thu xếp để cho họ tới ở nhà trọ của bà quả phụ MacNamara.

Họ đến ngay chiều hôm đó, mỗi người mang theo một cái bọc. Lawler là một người đứng tuổi, nét mặt khắc khổ, ít nói và dè dặt, có dáng của một tay đi giăng đạo rong. Andrews thì giống như một đứa trẻ mới lớn lên, mặt mũi cởi mở, vui vẻ, không khác gì một cậu học sinh đi nghỉ hè. Cả hai chỉ uống nước lã, nhưng đều là những tên giết người có hạng. Lawler đã thực hiện 17 vụ, Andrews 3 vụ. Chúng kể lại những thành tích cũ của chúng với một thứ kiêu hãnh giống như những người đã làm được nhiều việc tốt đẹp cho tập thể. Nhưng khi hỏi đến công việc chúng sắp làm, thì chúng lại tỏ ra kín đáo.

- Chúng tôi đã được chọn đi, vì cả tôi lẫn thằng bé không ai biết uống rượu, vì thế chúng tôi sẽ không lỡ mồm lỡ miệng. Vậy các anh đừng giận chúng tôi, đó là vì phải tuân theo lệnh của ngài Ủy nhiệm vùng. - Lawler giải thích.

- Dĩ nhiên rồi.

McMurdo vừa chửi thề vừa nói :

- Ở trong vùng này có gần nửa tá những đứa mà tôi sẵn sàng muốn cho đi mò giun. Không biết có phải thằng Jack Knox ở Ironhill là mục tiêu của các anh không? Tôi muốn trả giá rất đắt để được thấy nó lãnh đủ những gì mà nó đáng được nhận.

- Không. Không phải nó đâu.

- Hay là thằng Herman Strauss.

- Cũng không phải nó.

-Ồ thôi, chúng tôi không thể bắt buộc các anh nói được. Nhưng mà đối với tôi nó ngứa ngáy chân tay thế nào ấy.

Một buổi sáng, còn sớm lắm, McMurdo nghe thấy hai thằng nhón gót bước nhẹ xuống cầu thang, anh vội đánh thức Scanlan dậy và hai người nhanh chóng mặc áo. Khi họ xuống đến dưới nhà thì thấy cửa mở và hai thằng đi trước họ không xa. Họ liền thận trọng bước theo.

Nhà trọ ở vùng gần ven thành phố, đi một lát thì đến một ngã tư ở giữa nông thôn. Có ba người đã chờ sẵn ở đó. Lawler và Andrews đứng nói chuyện với chúng một lát, rồi cả bọn lại kéo nhau đi. Từ ở chỗ đó có nhiều con đường dẫn đến những mỏ khác nhau. Bọn chúng đi vào con đường dẫn đến đồi Crow là một cái mỏ lớn của Josiah H. Dunn, người New England.

Bây giờ trời đã sáng rõ. Thợ thuyền đang vội vã đi làm, hoặc đi lẻ tẻ hoặc nhập lại thành từng nhóm. McMurdo và Scanlan đi lẫn vào với họ. Sương mù dày đặc bao phủ tất cả. Một hồi còi xé tan bầu không khí: Đó là hiệu lệnh 10 phút trước khi những thang máy đưa thợ xuống hầm mỏ.

Khi họ đến khoảng trống trước miệng giếng xuống mỏ thì ở đó đã có khoảng một trăm thợ mỏ đang đứng đợi, vừa đập chân vừa thổi các ngón tay cho đỡ rét. Bọn hung thủ đứng tùm lại trong bóng tối của nhà máy. Scanlan và McMurdo trèo lên một đồng than xỉ để có thể nhìn rõ quang cảnh. Họ nhận ra kỹ sư mỏ tên là Menzies, từ trong nhà máy đi ra thổi một tiếng còi để ra lệnh cho thang máy xuống hầm. Vừa lúc đó, một người trẻ tuổi, cao lêu nghêu, tiến lại gần miệng giếng. Anh ta trông thấy đám người đứng im lặng cạnh nhà máy, mũ đội sụp xuống thấp, cổ áo thì kéo lên che kín cả mặt. Anh ta hướng về phía những người lạ mặt khả nghi và lớn tiếng hỏi:

- Các anh là ai? Tại sao lại vào đây làm gì?

Không có tiếng trả lời. Chỉ có thằng Andrews tiến lên một bước và bắn một phát vào bụng người đó. Cả trăm người thợ như vừa bị tê liệt hẳn. Người giám đốc mở ấn hai tay vào vết thương ở bụng và gập đôi người lại, chuệnh choạng định chạy đi, nhưng một phát đạn nữa làm anh ta ngã nghiêng xuống, tay chân quờ quạng trên mặt đất. Kỹ sư Menzies hét lên một tiếng, tay cầm mỏ lết xông vào, nhưng anh cũng lãnh hai viên đạn và chết ngay dưới chân chúng. Lúc đó đám đông thợ mỏ mới rùng rùng lên như một đợt sóng. Một vài người xông về phía bọn sát nhân. Nhưng hai khẩu súng bắn chỉ thiên như trút đạn phía trên đầu họ. Thế là mọi người đứng sững lại, rồi lùi dần và bắt đầu tản ra. Một số chạy thẳng hẳn về nhà. Khi những người dừng cảm nhất tập hợp lại được và chạy tới nhà máy, thì bọn sát nhân đã biến mất trong đám sương mù.

Scanlan là McMurdo trở về nhà trọ. Scanlan có vẻ buồn rầu, McMurdo im lặng, suy nghĩ.

Tối hôm đó có một buổi ăn mừng lớn ở chi nhánh Hội. Không những ăn mừng vụ ám sát người giám đốc và người kỹ sư mỏ ở đồi Crow, mà còn để ăn mừng một thắng lợi khác mà chi nhánh đã thực hiện được ở một nơi xa đây. Bây giờ mới rõ là Evans Pott cử hai người xuống Vermissa, thì đồng thời hẳn cũng đòi hỏi Vermissa phải bí mật cử ba người lên trên hẳn để thủ tiêu William Hales của Stake Royal, một trong những người chủ mẫu mực. Anh ta chỉ có cái tội là cứ thích có năng suất trong công việc nên đã đuổi một số tên sâu rượu và lười biếng, mà những tên này lại là hội viên của Hội.

Bản án vừa được thi hành xong. Teddy hãnh diện ngồi chễm chệ trên ghế danh dự bên phải ông toán trưởng. Bộ mặt đỏ dừ, hai con mắt đỏ sọc máu, chúng tỏ hẳn vừa qua một đêm trắng và uống nhiều rượu. Chúng đã rình nạn nhân trong khi người này đi về nhà vào buổi tối. Chúng phục trên đỉnh một quả đồi, đường đi khắp khênh nên bắt buộc ngựa phải đi bước một. Nạn nhân mặc nhiều áo quá để chống rét nên không rút súng ra kịp. Cái xác đầm máu được vớt lại trong đồng tuyết để làm một lời cảnh cáo cho tất cả các ông chủ có trái tim sắt đá.

Đó là một ngày trọng đại cho tất cả những Người Tiên Phong. Bóng tối đè nặng hơn nữa lên thung lũng khủng khiếp. McGinty đã nghĩ đến một trận tấn công mới chống những kẻ thù của ông ta. Đêm hôm đó, khi mọi người đã say sưa chia tay nhau ra về, ông ta ngóac McMurdo lại và đưa anh ta vào căn phòng gặp nhau lần đầu tiên.

- Hãy nghe đây. Bây giờ tôi mới có một công việc xứng đáng với anh.
- Tôi hãnh diện vì đã được ông chọn lựa.
- Chúng ta không thể nào yên tâm chừng nào vụ Chester Wilcox chưa được giải quyết xong.

- Nó là ai vậy? Nó ở đâu?

McGinty bỏ điều xì gà xuống, xé ở sổ tay ra một tờ giấy trên có vẽ một bản đồ sơ lược.

- Nó là thằng đốc công chính của công ty thép Dike, thượng sĩ cũ, đã có đi đánh trận về. Chúng ta đã hai lần định hạ nó, nhưng không được may mắn và Jim đã bị nó hạ lại. Đây nhà nó đây, ở chợ vợ một mình tại ngã tư của công ty. Không nên đi đến đó ban ngày, nó có vũ khí, bắn nhanh và bắn giỏi. Nhưng ban đêm... Tóm lại, nó ở đó với vợ nó, ba đứa con và một người đầy tớ gái. Nếu đặt một gói chất nổ ở cửa nhà nó với một cái ngòi, thì xong hết mọi chuyện.

- Người này đã làm gì?

- Nó đã giết Jim Camaway.

- Tại sao nó lại giết Jim?

- Một buổi tối Jim đi vào vùng nhà nó, thế là nó giết thôi.
- Ở đó có hai người đàn bà và ba đứa trẻ con. Có cần phải cho tất cả bọn này bay lên trời không?
- Tất nhiên rồi.
- Nhưng sợ con nó có tội gì đâu?
- Ahh xì hơi rồi hay sao?
- Hãy bình tĩnh, ông hội đồng. Tôi đã từ chối đâu.
- Thế anh có thi hành mệnh lệnh không?
- Tất nhiên.
- Bao giờ?
- Xin ông cho tôi một hay hai đêm, để tôi dò địa điểm cái nhà nó và lập một kế hoạch...

McGinty chìa tay ra bắt tay McMurdo.

- Tôi trông cậy ở anh. Các đòn cuối cùng này sẽ bắt chúng nó phải quỳ gối hết.

Ngày đêm hôm đó, một mình McMurdo đến đây để nghiên cứu địa hình. Mãi sáng bạch hôm sau mới trở về. Ngày hôm sau, anh hội ý với hai tên trợ thủ. Ngày hôm sau nữa, cả ba người tụ họp ở ngoài thành phố, mang theo đầy đủ thứ vũ khí. Một đứa mang theo một cái bọc đựng đầy thuốc nổ. Khoảng 2 giờ sáng thì cả bọn đến trước nhà Wilcox. Hôm ấy gió to lắm. Mây bay như chạy dưới một mảnh trăng hạ huyền. Chúng đã được báo trước là phải đề phòng những con chó giữ nhà nên chúng rất thận trọng tiến lại gần. Nhưng không thấy có tiếng động nào khác ngoài tiếng gió rít và tiếng cây lá xào xạc. McMurdo ghé sát tai vào cửa nghe, không thấy động tĩnh gì bên trong. Anh đặt gói thuốc nổ vào sát cửa, lấy dao thọc một lỗ và buộc ngòi vào. Sau khi anh đã châm ngòi, cả bọn vắt chân lên cổ mà chạy, được một quãng, vừa nằm rạp xuống một cái rãnh, thì nghe thấy tiếng nổ long trời lở đất, và căn nhà nọ sụp xuống. Công việc đã hoàn thành. Chưa bao giờ một sự thành công trọn vẹn như vậy được ghi nhận trong lịch sử biên niên của Hội. Nhưng than ôi bọc thuốc nổ chỉ làm sụp đổ một căn nhà rỗng không, và người thượng sĩ già vẫn tiếp tục giữ vững trật tự trong các mỏ của công ty Dike.

McMurdo tỏ vẻ bức tức lắm. Anh nói :

- Tôi thề là tôi sẽ hạ được nó.

Toàn thể chi nhánh bỏ phiếu biểu quyết tín nhiệm anh. Rồi vụ Wilcox cũng nguôi ngoai đi. Nhưng vài tuần lễ sau, khi báo chí đăng tin, Wilcox đã phải đấu súng trong một vụ phục kích, thì ai cũng hiểu rằng đó là McMurdo quyết tâm hoàn thành một công việc còn đang dang dở.

Đó! Hội những Người Tự Do đã lũng đoạn cả một vùng bằng sự khủng bố. Bóng tối trùm kín thung lũng khủng khiếp.

Rồi mùa xuân đến với những bông hoa tươi thắm và tiếng hát của các con suối. Thiên nhiên bị bàn tay nặng nề của mùa đông giam giữ nay đã trỗi dậy. Nhưng không ở đâu có một tia hy vọng nào, cho những người đàn ông và đàn bà bị khổng chế trong sự khủng bố. Trên đầu họ chưa bao giờ có những đám mây dày đặc sự đen tối và hãi hùng như vào đầu mùa hạ năm 1875 này.

Chương 13 Nguy hiểm

McMurdo đã được tôn lên địa vị của một phụ tá trong Hội. Anh đã trở thành tối cần thiết trong các buổi họp của Hội. Nhưng nếu anh càng nổi tiếng giữa đám Người Tự Do bao nhiêu, thì khi ra ngoài đường phố ở Vermissa, anh càng phải chịu đựng những cái nhìn có ngụ nhiều ý nghĩa bấy nhiêu. Mặc dù vẫn khiếp sợ nhưng những người dân ở Vermissa bây giờ đã bắt đầu họp đoàn với nhau. Chi nhánh đã biết tin là... có những cuộc họp bí mật được triệu tập tại tòa soạn báo Herald, và những người bảo vệ pháp luật đã được phát đầy đủ súng ống. McGinty và cả bọn đều coi thường những tin tức này. Chúng cậy đông người, gan lì và võ trang tốt. Địch thủ của chúng thì tản mạn, lại không có thế lực. Đó là ý kiến đánh giá của McGinty, của McMurdo và của những tay cứng khác trong chi nhánh.

Một buổi tối thứ bảy tháng năm, theo thường lệ, chi nhánh họp ở nhà hội quán, McMurdo đang sửa soạn sắp đi, thì môn huynh Morris chợt đến tìm anh với vàng trán lo âu, đôi mắt hoảng hốt.

- Tôi có thể nói chuyện tự do với ông được không, ông McMurdo?

- Dĩ nhiên.

- Tôi không quên rằng đã có lần tôi trút cả bầu tâm sự với ông, và ông đã giữ kín cho tôi.

- Nhưng sự yên lặng của tôi không có nghĩa là một sự tán thành những ý nghĩ của ông.

- Tôi biết. Nhưng tôi có một điều bí mật ở đây...

Anh ta để một tay lên ngực.

- Một bí mật ngày đêm gặm nhấm tim tôi. Nếu tôi nói nó ra, thì chắc chắn nó sẽ gây thêm một vụ án mạng nữa. Nhưng nếu không nói, thì nó sẽ là hồi chuông báo tử cho tất cả chúng ta.

Morris đang run bần bật. McMurdo rót một ly rượu whisky và đưa cho ông ta.

- Đây là một liều thuốc cho ông. Bây giờ, ông hãy nói vì sao ông lo sợ đến thế.

- Tôi nói một câu thôi: Có một thám tử đang dò theo dấu vết của chúng ta.

McMurdo nhìn ông ta, kinh ngạc :

- Thì ở đây lúc nào mà chẳng nhưng nhúc nhích cảnh sát và thám tử.

- Không. Đây không phải là một người ở trong vùng này. Ông có nghe nói đến những người của Pinkerton không?

- Cái tên này có gọi cho tôi một cái gì đấy.

- Đó! Đây không phải là một tổ chức muốn làm được việc, muốn có kết quả kia. Nếu một người của Pinkerton đang theo dõi công việc của chúng ta, thì chúng ta chắc chắn bị tiêu diệt mất.

- Tất nhiên,

- Nhưng tôi không phải là kẻ chỉ điểm người cần bị giết. Ôi! Tôi biết làm gì bây giờ?

Morris đứng lên, đi đi lại lại trong phòng, dáng điệu cực kỳ bối rối. Nhưng những lời nói của anh ta đã làm McMurdo xúc động.

Anh nắm lấy hai vai Morris và lắc mạnh.

- Không làm được gì cả, nếu cứ than khóc như một cụ già. Trước hết phải biết thằng đó là ai? Nó hiện ở đâu? Bằng cách nào ông lại biết nó có ở đây. Tại sao ông lại đến tìm tôi?

- Tôi đã nói với ông rằng trước khi đến đây, tôi đã có một cửa hàng ở miền đông, tại đó tôi có nhiều bạn tốt. Một người trong bọn họ hiện làm việc ở sở Bưu điện. Ngày hôm qua tôi nhận được thư của anh ta. Đây cái đoạn ở trên đầu trang này. Ông có thể đọc được.

“... Ở vùng anh, bọn Tiên Phong hoạt động như thế nào? Chúng tôi đọc báo thấy nói nhiều về chúng nó lắm. Giữa chúng ta với nhau, tôi trông đợi tin tức của anh. Năm tập thể lớn và hai công ty hỏa xa đã đứng ra gánh vác việc này, và họ làm đến nơi đến chốn lắm. Họ muốn có những kết quả thực sự. Theo lệnh của họ, đích thân Pinkerton chỉ huy chiến dịch này và đã phái đến đó, thám tử giỏi nhất của ông ấy là Birdy Edwards. Người ta chờ đợi là ngày một ngày hai, cái bọc mủ ung nhọt ấy sẽ được chọc thủng ra”.

- Bây giờ mời ông đọc thêm phần tái bút.

“Tất nhiên, tôi biết được những điều nói trên là vì công việc của tôi, cho nên anh đừng cho ai biết nhé. Họ dùng một thứ mật mã riêng, mà anh có thể đoán cả ngày cũng không hiểu gì hết”. McMurdo ngồi lặng đi một lát, tay vẫn không rời bức thư. Màn sương mù thế là vừa tan hết, để lộ ra một vực thẳm trước mặt anh.

- Có ai biết việc này nữa không?

- Tôi không nói với ai cả.

- Người bạn của ông có viết thư cho ai nữa không?

- Anh ta có biết một hai người ở đây.

- Hội viên của Hội à?

- Hình như thế.

- Người bạn ông có thể cho họ biết nhân dạng của tên Birdy này, và nhờ đó chúng ta sẽ có thể tìm ra nó.

- Có thể lắm. Nhưng tôi tin rằng người bạn của tôi không biết mặt tên Birdy đó. Anh ta chỉ cho tôi biết những tin tức đã thu lượm được trong công việc của anh ta thôi.

McMurdo nhảy dựng lên :

- Tôi nắm được nó rồi. Chúng ta may mắn quá. Chúng ta sẽ thanh toán nó trước khi nó có thể làm hại được chúng ta. Này, ông Morris, ông có để tôi đảm nhiệm việc này không?

- Tất nhiên rồi.

- Ông yên tâm, cứ để một mình tôi xử trí. Tôi coi như cái thư này gửi đến cho chính tôi. Như thế đối với ông đã được chưa?

- Tôi không dám đòi hỏi gì thêm nữa.

- Thế thôi, chúng ta ngừng ở đây nhé. Bây giờ tôi xuống hội quán để họp đây, và rồi chúng ta sẽ cho tên Pinkerton này có dịp than khóc.

- Ông không giết người thám tử đấy chứ?

- Ông càng biết ít càng tốt. Xin ông đừng hỏi tôi nữa.

Morris lắc đầu buồn bã :

- Tôi có cảm giác là tay tôi đã vấy máu.

McMurdo đáp lại với một nụ cười ghê rợn :

- Tự vệ không phải là ám sát. Hoặc nó, hoặc chúng ta.

McMurdo tuy mồm có vẻ cứng cỏi, nhưng những hành động của anh lại tỏ ra là anh thấy sự đe dọa rất nghiêm trọng. Trước khi ra khỏi nhà, anh đã hủy hết những giấy tờ gì có thể buộc tội anh. Nhưng hình như anh vẫn còn lo sợ một cái gì đó, nên trên đường đến hội quán, anh đã dừng lại trước cửa nhà trọ của cụ Shafter, khi anh gõ khẽ vào cửa thì Ettie chạy ra. Nhìn dáng điệu trang nghiêm của anh, cô biết rằng một mối nguy hiểm đang gần kề.

- Có gì thế, anh đang bị nguy hiểm à?
- Chưa nguy hiểm lắm. Nhưng chúng ta nên đi khỏi nơi đây trước khi nó trở thành tệ hại hơn.
- Đi hả anh?
- Chiều hôm nay anh nhận được một số tin tức, và thấy nhiều nguy hiểm đang chờ anh.
- Cảnh sát à?
- Không, anh đã dính líu quá sâu vào rồi, và bây giờ anh muốn rút ra khỏi đây không chậm trễ nữa.

- Đó là con đường cứu nguy cho anh đó.
- Không một lời nói, Ettie đặt bàn tay mình vào tay người yêu.
- Tốt lắm. Nhiều sự việc sắp xảy ra dồn dập trong vùng thung lũng này. Nhiều người trong bọn anh phải tự lo lấy thân mình. Nếu anh ra đi, em phải đi ngay với anh.
 - Em sẽ theo anh sau.
 - Không, em đi ngay cùng với anh. Anh có quen biết một bà con rất tốt, anh sẽ đưa em đến đó để chờ ngày làm lễ cưới.
 - Vâng, em sẽ đi.

McMurdo đi tới nơi hội họp. Đến nơi, anh được chào đón một cách vui vẻ. Phòng họp đầy nghẹt người. Qua màn khói thuốc lá, anh trông thấy cái bờm tóc đen của ông trưởng toán, bộ mặt độc ác của thằng Teddy, cái tướng điều hâu của thư ký Harraway, cùng khoảng một tá những chức sắc cao cấp của chi nhánh. Anh mỉm cười khi nghĩ rằng tất cả bọn này rồi sẽ phải cuống cuống lên vì cái tin anh đem đến.

Ông chủ tọa cuộc họp tuyên bố :

- Chúng tôi vui mừng thấy anh đến họp, môn huynh McMurdo. Chúng tôi đang bàn về một vụ rất khó phân giải.

Một người ngồi kế bên nói cho anh hay :

- Chuyện Lander và Egan đấy mà. Cả hai đều đòi tiền thưởng. Ai biết được đứa nào đã bắn viên đạn chủ yếu.

McMurdo đứng dậy và giang tay ra. Nét mặt bất thường của anh chiếm hết sự chú ý của mọi người. Cả phòng họp im phăng phắc, McMurdo trịnh trọng nói :

- Thưa sư huynh tôn kính, yêu cầu được thông báo khẩn cấp.

McGinty nhắc lại :

- Môn huynh McMurdo yêu cầu được thông báo khẩn cấp. Theo nội qui của chúng ta, thì đây là một quyền ưu tiên phải tôn trọng. Bây giờ môn huynh, chúng tôi nghe anh nói.
- McMurdo rút cái thư ở trong túi ra.

- Thưa sư huynh tôn kính, và thưa các môn huynh, hôm nay tôi mang đến đây những tin tức không tốt. Tin đó là những công ty có quyền lực nhất, và giàu có nhất của xứ này đã họp nhau lại để tiêu diệt chúng ta. Ngay lúc này đây, một thám tử của Pinkerton, một người mang tên là Birdy Edwards đang hoạt động trong thung lũng, thu nhập

những chứng cứ có thể tiêu diệt hết chúng ta. Đó là tình trạng mà tôi yêu cầu bàn bạc khẩn cấp.

Cả hội nghị ngồi chết lặng đi, không ai nói câu nào. Một lát sau, chủ tọa mới lên tiếng :

- Anh có chứng cứ gì không?

- Chứng cứ ở trong bức thư này...

Anh đọc đoạn thư cần thiết, rồi nói tiếp :

- Đây là một vấn đề danh dự của tôi. Tôi không thể cho biết chi tiết hơn về bức thư này, cũng không thể để cho mọi người chuyển tay nhau cùng đọc được.

Một môn huynh đã có tuổi đứng dậy, nói :

- Thưa ông chủ tọa, xin cho phép tôi được phát biểu. Tôi đã có nghe nói đến cái tên Birdy. Nó là phụ tá đặc lực của Pinkerton.

- Ở đây ai biết mặt nó? - McGinty hỏi.

- Có. Tôi biết. - McMurdo trả lời.

Một tiếng rì rầm ngạc nhiên truyền đi trong phòng họp. McMurdo tiếp tục nói với một nụ cười đắc thắng trên môi.

- Nếu chúng ta hành động khôn ngoan và nhanh chóng thì chúng ta có thể thoát ra được bước nguy hiểm này. Nếu tôi có được sự tin tưởng và sự hỗ trợ của chi nhánh thì các vị không có gì phải lo sợ nhiều nữa.

- Chúng tôi có gì phải lo sợ, Nó biết gì về công việc của chúng ta.

- Thưa ông hội đồng, ông có thể nói được như vậy nếu như ai cũng thanh liêm như ông. Nhưng người này có khả năng sử dụng hàng triệu bạc của bọn tư bản. Vậy ông thử nghĩ xem, ở trong tất cả các chi nhánh, há lại không có một môn huynh nào sa ngã trước bạc tiền? Tên thám tử này rồi ra cũng sẽ biết hết những bí mật của chúng ta. Chỉ có một môn thuốc để trị bệnh này mà thôi.

Teddy nói dần từng tiếng :

- Không để cho nó ra khỏi thung lũng.

McMurdo tán thành nhiệt liệt :

- Hoan hô, môn huynh Teddy, anh đã nói rất đúng.

- Bây giờ làm sao nhận ra nó?

McMurdo nói một cách trang nghiêm :

- Thưa ông trưởng toán. Đây là một vấn đề sinh tử, quá quan trọng để có thể đem ra bàn bạc rộng rãi. Tôi không nghi ngờ bất cứ một người nào trong chúng ta ở đây, nhưng nếu một câu nói chơi lọt đến tai người ấy, thì chúng ta không có một hy vọng nào không chế được nó. Tôi muốn xin chi nhánh bầu ra một uỷ ban tín nhiệm. Tôi xin đề cử chính ông, ông chủ tọa, môn huynh Teddy và 5 môn huynh khác nữa. Lúc đo trước uỷ ban, tôi sẽ nói rõ về những gì tôi biết và các biện pháp nên theo.

Đề nghị của McMurdo được chấp nhận ngay, và một uỷ ban được chỉ định. Ngoài McGinty và Teddy, còn có Harraway, Carter, Hồ Cormac và hai anh em Willaby.

Buổi họp hàng tuần chấm dứt sớm hơn mọi lần trong sự buồn rầu, lo sợ. Lần đầu tiên thấy hiện lên trên bầu trời trong sáng của họ những đám mây đen của pháp luật.

Khi mọi người đã ra về hết, trước mặt uỷ ban tín nhiệm, McGinty ra lệnh :

- McMurdo, nói đi!

Bảy người trong uỷ ban ngồi như những tượng đá lạnh lùng trong các ghế bành.

- Birdy đang ở đây nhưng với cái tên khác. Nó lấy tên là Steve Wilson và hiện ở Hobson's Patch.

- Sao anh biết?
- Tôi ngẫu nhiên có nói chuyện với nó một lần mà không biết. Hồi đó tôi không nghĩ gì nhiều về Pinkerton, và có lẽ cũng đã quên hẳn cái tên ấy đi nếu không nhận được bức thư này. Nhưng bây giờ thì tôi chắc chắn là nó rồi. Tôi đã gặp nó hôm thứ tư vừa rồi trên chuyến tàu. Nó nói nó là ký giả của tờ New York. Tôi tin là thật. Nó muốn biết về những Người Tiên Phong, nói là để viết gửi về tòa soạn. Tất nhiên là tôi không hờ ra một chuyện gì. Nó nói với tôi rằng: “Tôi sẽ trả tiền, mà trả giá rất đắt để có những chi tiết có thể làm vui lòng ông chủ báo của tôi”. Tôi đã bịa ra cho nó nghe những điều mà tôi cho là nó sẽ thích thú. Sau đó nó đưa cho tôi một tờ giấy bạc 20 dollars và nói rằng: “Anh sẽ có mười lần hơn thế này, nếu anh tìm được cho tôi những thứ gì mà tôi cần”.
- Thế anh đã kể những gì với hắn
- Tất cả những gì đến trong đầu tôi lúc ấy.
- Tại sao anh biết nó không phải là nhà báo?
- Khi xe chạy đến Hobson's Patch thì nó xuống tàu. Tôi cũng xuống. Cùng ngẫu nhiên khi tôi bước vào phòng bưu điện thì thấy nó từ trong đó đi ra. Người đánh điện tín nói với tôi rằng: “Coi này, tôi nghĩ có lẽ phải bắt hắn trả gấp đôi mới đúng”. Tôi trả lời “Tôi cũng nghĩ như ông”. Thì ra nó đã viết được cả một tờ điện tín những câu đọc lên không ai hiểu gì cả. Người đánh điện nói ngày nào hắn cũng đánh đi những bức điện tối mớ như thế.
- Anh nói có lý. Thế bây giờ chúng ta phải làm gì? - McGinty nói.
- Tại sao không xuống dưới đó mà thanh toán mẹ nó đi? - Một người hỏi.
- Mà sớm chừng nào càng tốt chừng ấy.
- Tôi sẽ đi ngay tức khắc nếu tôi biết nó ở đâu. Nó ở Hobson's Patch, nhưng không biết ở nhà nào. Nhưng tôi đã có sẵn một cái bẫy này, nếu các ông chịu nghe tôi...
- Bẫy thế nào?
- Ngày mai tôi sẽ đi Hobson's Patch. Tôi sẽ nhờ người đánh điện tín chỉ dẫn cho, và tôi sẽ tìm ra nó. Tôi sẽ nói với nó rằng tôi cũng là một hội viên của Hội những Người Tự Do, và muốn bán những bí mật của chi nhánh, nó sẽ vồ ngay. Tôi sẽ nói rằng các tài liệu hiện để ở nhà tôi, nhưng nếu ban ngày mà đến đấy lấy, thì thật là điên. Tôi sẽ hẹn đến 10 giờ đêm. Chắc nó đến thôi.
- Rồi sao nữa?
- Sau đó thì phần các ông muốn xử trí thế nào thì tùy. “Widow MacNamara's” là một căn nhà hẻo lánh. Bà chủ trọ của tôi là người tin cẩn được. Nếu nó hứa chắc với tôi là nó sẽ đến, thì tôi sẽ báo cho các ông biết và tôi muốn vào khoảng 9 giờ tối mai cả 7 ông phải có mặt ở nhà tôi. Nó sẽ sập bẫy.
- McGinty kết luận :
- Đồng ý về tất cả kế hoạch. Chín giờ tối mai, chúng tôi sẽ đến nhà. Anh chỉ việc đóng cửa sau lưng nó, còn để mặc chúng tôi.

Chương 14 Birdy sập bẫy

Căn nhà nơi McMurdo ở trọ nằm ở ven thành phố và xa đường cái đi lại. Trong những trường hợp khác, bọn chủ mưu chỉ việc đưa con mồi đến đấy, rồi trút đạn lên nạn nhân. Nhưng đây chính là một trường hợp ngoại lệ: còn cần phải rõ người kia đã biết những gì, làm cách nào mà biết, và đã truyền đi những tin tức gì. Nếu người thám tử đã làm xong công việc thu thập tài liệu, thì cần phải biết ai đã phản bội để xử trí tên ấy.

McMurdo đi xuống Hobson's Patch như đã dự định trước. Buổi sáng hôm đó, hình như cảnh sát lại đặc biệt chú ý đến anh ta thì phải. Đại úy Marvin định tới nói chuyện với anh, khi anh đứng đợi tàu ở sân ga. Anh quay mặt đi không thèm trả lời. Đến chiều thì McMurdo trở về và tìm ngay McGinty ở nhà hội quán để báo tin :

- Nó sẽ đến.

- Hoan hô!

Ông trưởng toán vỗ tay reo mừng :

- Cậu có tin là nó biết gì nhiều lắm không?

McMurdo gật đầu buồn bã :

- Nó đã ở đây ít nhất là 6 tuần rồi. Nếu nó cứ vung tiền ra trong suốt thời gian vừa qua, thì nó cũng đã thu được không ít tin tức và đã gửi những tin ấy đi rồi.

McGinty la lên :

- Nhưng trong chi nhánh, mọi người đều vững vàng như thành đồng lũy thép cả. Chỉ có cái thằng Morris ấy thôi. Nếu có một người nào đó đi tố giác chúng ta thì chính là nó. Tôi muốn cho hai đứa đến nhà nó ngay trước tối hôm nay để cho nó một trận và đồng thời cũng tra hỏi nó xem có biết thêm gì không.

- Tôi không giấu ông là tôi cũng có thương hại lão ấy, mà nếu lão ấy bị làm sao thì tôi cũng có phần áy náy. Mặc dù lão có những cách nhìn không giống ông và tôi, nhưng tôi có cảm giác lão không phải là một tên phản bội. Nhưng thôi, tôi đâu có dám can thiệp chuyện giữa ông và lão.

- Tôi sẽ thanh toán nó.

- Nhưng xin ông hãy đợi cho đến ngày mai, không nên để cho người ta chú ý quá nhiều đến chúng ta trước khi giải quyết xong vụ Pinkerton.

- Anh nói có lý. Và chúng ta sẽ bắt thằng Birdy phải khai rõ là nó đã nhận được những tin tức từ người nào. Dù chúng ta có phải moi tìm ra để bắt nó nói, cũng phải làm cho kỳ được. Nó có cảm thấy là bị gài bẫy không?

- Tôi đã tóm được điểm yếu của nó. Nó sẵn sàng đi từ đây đến New York, nếu có được những tài liệu tốt. Tôi đã cầm tiền của nó...

McMurdo rút ở trong túi ra một xấp giấy dollars

- Nó sẽ đưa cho tôi bấy nhiêu nữa khi nào nó thấy những tài liệu của tôi.

- Tài liệu nào?

- Tất nhiên tôi làm gì có tài liệu. Nhưng tôi đã cho nó giỏ nước dãi ra khi nói đến những nội quy, những sổ thanh toán, những đơn xin nhập hội. Hắn tin chắc rằng, trước khi đi khỏi nơi đây, hắn sẽ mò được đến tận đáy của vấn đề.

McGinty thì thầm với một giọng dễ sợ :

- Ủ, nó cũng không nghĩ sai đâu. Thế nó có hỏi anh tại sao không mang những tài liệu

đó đi theo luôn không?

- Ai đại gì mang theo trong mình từng ấy tài liệu? Ngay mới buổi sáng hôm nay, Đại úy Marvin còn muốn nói chuyện với tôi ở ngoài sân ga nữa kìa.

- Ủ, người ta cũng đã có thuật lại với tôi như vậy. Tôi sợ rằng không khéo rồi cuối cùng chỉ có một mình anh sẽ phải gánh chịu tất cả sức nặng của vụ này. Sau khi thủ tiêu nó trong một cái giếng cũ, chúng ta không thể gạt bỏ được hai sự kiện là nó thì ở Hobson's Patch, mà hôm nay chính anh cũng đi Hobson's Patch.

- Ban đêm thì sẽ không có một ai trông thấy nó vào nhà tôi, và tôi cuộc rằng sẽ không ai trông thấy nó ở trong nhà tôi đi ra. Bây giờ xin ông Hội đồng nghe kỹ tôi nói đây. Các ông sẽ đến đây đúng giờ đã quy định. Mười giờ thì nó đến. Nó sẽ gõ cửa ba lần. Chính tôi sẽ ra mở cửa cho nó vào. Tôi đi đằng sau nó và sẽ khóa cửa lại. Thế là xong.

- Ủ, dễ như trở bàn tay thôi.

- Nhưng chuyện tiếp theo mới là cần suy nghĩ. Nó có vũ khí, ai cấm nó không biết cảnh giác và đề phòng. Ông hãy cứ tưởng tượng rằng tôi đưa nó vào một căn buồng có 7 người đàn ông ngồi chờ nó, trong khi nó tưởng chỉ có một mình tôi thôi. Thế là sẽ nổ ra một cuộc đọ súng, và có thể có những cái không may xảy đến cho một vài anh em chúng ta.

- Đúng.

- Và tiếng súng có thể làm cho tất cả bọn cớm trong thành phố này đổ xô đến đây.

- Anh nói có lý lắm.

- Cho nên tôi định xếp đặt mọi việc như thế này. Các ông sẽ ngồi tất cả ở căn phòng lớn. Tôi mở cửa ngoài đường, đưa nó vào buồng khách nhỏ bên cạnh cửa. Tôi sẽ để nó ngồi đó trong khi tôi đi vào lấy tài liệu. Tôi sẽ trở lại với một vài tài liệu giả. Trong khi nó đọc, tôi sẽ nhảy vào ôm chặt tay nó. Các ông sẽ nghe thấy tiếng tôi gọi và chạy ủa sang, xin các ông chạy nhanh nhanh cho một chút.

- Kế hoạch thế tốt đấy. Chi nhánh Hội ta sẽ mang nợ anh nhiều lắm đấy.

- Thừa ông Hội đồng, dĩ nhiên tôi không còn là một tên lính mới tò te nữa.

Khi về đến nhà, anh bắt đầu vào việc chuẩn bị cho cái buổi tối ghê gớm này. Trước hết anh đem khẩu súng ra lau chùi, bôi mỡ và lắp đạn. Rồi anh kiểm tra lại căn buồng nơi sẽ giương bẫy. Cuối cùng anh kể hết mọi chuyện cho Scanlan nghe và nói thêm :

- Nay Scanlan, đêm nay anh nên đi ngủ ở nơi khác. Trước sáng ngày mai, nơi đây sẽ có nhiều máu đấy.

- Tôi sợ chi nhánh đánh giá tôi không tốt, chứ tôi rất muốn theo lời khuyên của anh.

Bọn sát nhân đến đúng giờ đã định. Nhìn bề ngoài chúng có vẻ là những công dân ăn mặc đẹp đẽ, sạch sẽ. Nhưng nếu người nào biết xem tướng mặt, thì sẽ hiểu rằng Birdy ít có khả năng sống sót được. Chủ nhà có để chai rượu whisky trên bàn, nên chúng vội vã nốc rượu ngay cho ấm bụng. Teddy và Cormac đã chuyển choáng say rồi. Rượu hun đốt thêm sự độc ác tự nhiên của chúng. Cormac để tay gần cái bếp lò sưởi đã được đốt lên. Nó nói :

- Nóng thế này, được đấy.

Thằng Teddy hiểu ngay ý nghĩa của câu nói đó, gật gù tán thành :

- Ủ, được, đem trói nó vào đây thì sự thật nào cũng phải khắc ra hết.

McMurdo nói :

- Đừng lo. Chúng ta sẽ bắt nó phải khai.

McMurdo, con người này có lẽ có những dây thần kinh bằng thép hay sao ấy. Tất cả

công việc khó khăn nguy hiểm này là đặt trên hai vai anh ta, mà anh ta vẫn bình tĩnh, như không có gì xảy ra cả.

Tên toán trưởng nói với McMurdo :

- Một mình anh sẽ thu xếp riêng với nó. Chừng nào mà tay anh còn chưa nắm được vào cổ nó, thì nó sẽ chưa biết sự có mặt của chúng tôi.

- Có thể nó sẽ không đến. Có thể nó cảm thấy có có nguy hiểm. - Tên thư ký nói.

- Thế nào nó cũng đến. Nó ao ước được đến đây cũng không kém gì các ông ao ước được thấy nó. Này, nghe xem. - McMurdo đáp.

Chúng sống người lại, đứng im lặng như tượng đá. Ba tiếng gõ cửa vang lên ở cánh cửa ngoài đường. McMurdo giơ một tay lên để căn dặn phải thận trọng. Cả bảy cặp mắt cùng lóng lánh chung một ánh đắc thắp, cả bảy bàn tay đều đặt lên vũ khí.

- Không được gây tiếng động nữa. - McMurdo thì thầm.

Rồi anh bước ra khỏi phòng và đóng cửa kỹ lưỡng. Bọn sát nhân căng tai nghe ngóng. Chúng nhận thấy bước chân của McMurdo đi trên hành lang, rồi thấy anh mở cửa ngoài. Có vài lời chào đón trao đổi qua lại, sau đó chúng nghe thấy tiếng bước chân của một người đi rụt rè trong nhà, và một giọng nói mà chúng không quen biết. Một lát sau, một cánh cửa đập mạnh và có tiếng chìa khóa xoay. Thế là xong, con mồi đã sập bẫy. Hồ Cormac phá lên cười ghê rợn. McGinty vừa bắt nó im, vừa thì thào :

- Đồ ngu, mày làm hỏng việc bây giờ.

Ở buồng bên, nghe có tiếng người nói chuyện, nói rất lâu. Rồi cửa mở. McMurdo hiện ra, một ngón tay để lên môi ra hiệu.

Anh ta đi đến một đầu bàn và nhìn kỹ từng bộ mặt. Một sự thay đổi rất tế nhị xuất hiện ở anh ta, gương mặt lạnh lùng, rắn đanh lại, đôi mắt sâu đậm, long lanh sau cặp kính. Rõ ràng anh ta đã lột xác thành một người có uy quyền đối với người khác. Bọn sát nhân ngấm anh không chớp mắt, nhưng anh vẫn không nói gì. Chỉ nhìn chúng bằng cặp mắt rất kỳ lạ.

Cuối cùng McGinty phải lên tiếng :

- Thế nào. thằng Birdy có ở đây không?

McMurdo chậm rãi trả lời, dần từng tiếng :

- Có. Tao là Birdy đây.

Mười giây đồng hồ trôi qua, sự im lặng sâu đậm đến nỗi người ta tưởng căn phòng này không có người. Bảy bộ mặt xám ngoét, quay nhìn về hướng con người đang chế ngự chúng. Trong tiếng kính bị bể vỡ, rèm cửa bị rút tung và qua mỗi khung cửa sổ, những họng súng chĩa vào. McGinty rống lên như một con gấu bị thương, nhảy bổ ra phía cửa. Hắn chạm ngay vào mũi súng và đôi mắt xanh của Đại úy Marvin. Tên trưởng toán lùi lại, ngã ngồi xuống ghế.

McMurdo gạt đầu tán thành :

- Ông Hội đồng, ông ngồi chỗ ấy tốt đấy. Còn mày, Teddy, nếu mày không cất tay ra khỏi khẩu súng thì mày sẽ không được gặp mặt đao phủ đâu. Bỏ tay ra. Đó. Thế được đấy. Có bốn mươi tay súng chung quanh ngôi nhà này. Marvin, hãy tước hết súng của chúng nó đi.

Bọn giết người bị tước hết vũ khí. Kinh ngạc, sợ hãi, buồn rầu, chúng vẫn ngồi cả chung quanh bàn.

Người giương bấy đồng dục nói lớn :

- Tao muốn nói với chúng mày vài lời trước khi chia tay. Tao chính là Birdy của tổ

chức Pinkerton đây, tao đến đây là để tiêu diệt chúng mày. Tao đã phải chơi một ván bài khó khăn và nguy hiểm.

Bảy bộ mặt tái nhợt, sững sờ. Bảy cặp mắt trong đó cháy bỏng một mối căm hờn không bao giờ có thể dập tắt được.

- Chúng mày tưởng là ván bài chưa kết thúc phải không? Nó kết thúc rồi: ở đây bảy đứa và ngay đêm nay, 60 tay chân của chúng mày sẽ ngủ trong nhà tù. Khi đảm nhiệm vụ án này, tao không tin rằng trên đời này lại có cái hội như hội của chúng mày. Tao tưởng đó chủ là những chuyện phóng đại của một số nhà báo. Người ta nói với tao rằng tao sẽ phải chạm trán với những “Người Tự Do” vì thế tao đã đi đến Chicago đến trở thành một Người Tự Do. Ở đó, tao thực sự tin rằng đúng là những chuyện phóng đại của báo chí, vì tao thấy Hội không có gì xấu xa, mà trái lại là đàng khác. Vì phải làm cho trọn vẹn cuộc điều tra, nên tao đã đến thung lũng này. Khi đến đây tao mới hiểu rằng tao đã lầm. Cho nên tao đã ở lại đây để nghiên cứu vấn đề cho cặn kẽ.

Tao chưa hề giết một người nào ở Chicago, tao chưa bao giờ làm bạc giả. Những đồng dollars tao đưa cho chúng mày tiêu, nói là bạc giả nhưng chính là bạc thật. Thế là tao được nhập vào cái chi nhánh địa ngục của chúng mày và cùng chúng mày bàn bạc những chuyện giết người. Cái đêm hôm tao được nhập vào chi nhánh, chúng mày đi hành hung cụ James. Tao không báo kịp cho cụ biết. Nhưng tao đã giữ tay mày lại, Teddy, khi mày định giết ông cụ. Tao không cứu được anh bạn Dunn và Menzies, vì tao không rõ sự việc, nhưng tao sẽ treo cổ những tên giết hai người đó. Tao đã báo tin cho Wilcox, để có thể cùng vợ và các con ông ta thoát đi khỏi, trước khi tao đặt thuốc nổ. Cũng có nhiều vụ tao không thể báo trước cho nạn nhân biết. Nhưng rõ ràng đã có biết bao nhiêu lần những người mà chúng mày định ám hại đã trốn thoát.

McGinty rút lên giữa hai hàm răng :

- Thăng phản bội.

- McGinty! Mày gọi tao là “phản bội”, nhưng sẽ có hàng nghìn người khác gọi tao là “người tốt”, đã xuống tận địa ngục để cứu họ lên, trong cái địa ngục này, tao cố sống cho đến khi nắm được tất cả từng đứa một, từng bí mật trong lòng bàn tay này. Nhưng một bức thư đã khiến tao sắp bị lộ. Vì vậy tao phải hành động ngay tức khắc. Tao không còn nói gì thêm với chúng mày nữa. Thôi, bây giờ ông Marvin, ông hãy đem giam bọn này lại. Chuyện còn lại ta sẽ làm sau.

Scanlan được giao một chiếc phong bì dán kín mà anh ta có nhiệm vụ phải đưa đến địa chỉ của Ettie. Sáng hôm sau, một cô gái trẻ đẹp và một người đàn ông khăn áo trùm kín người bước lên một chuyến tàu đặc biệt của công ty hỏa xa dành riêng cho họ, mở hết tốc lực rời khỏi một vùng đất đầy nguy hiểm. Mười ngày sau, họ làm lễ cưới ở Chicago. Cụ Shafter là người làm chứng trong cuộc hôn nhân đó.

Vụ xử án những “Người Tiên Phong” được tổ chức cực kỳ cẩn mật. Chúng cố chối cãi. Nhưng vô ích. McGinty và 8 tên phụ tá, chết trên đoạn đầu đài, 50 đứa khác ngồi tù. Thắng lợi của Birdy trọn vẹn và hoàn toàn.

Nhưng thằng Teddy không phải lên đoạn đầu đài. Anh em thằng Willabys cũng thế. Và một vài thằng hung thần khác cũng thoát. Chúng bị giam giữ trong 10 năm, rồi chúng tìm được tự do. Ngày chúng ra khỏi tù, Birdy biết rằng ông bắt đầu gặp khó khăn.

Chúng ám sát hai lần, nhưng ông đều thoát. Ông phải rời Chicago, đổi tên để sinh sống ở California. Tại đây, Ettie từ trần. Một lần khác ông lại suýt bị giết. Mang một cái tên mới là Douglas, ông làm việc trong một hầm mỏ với một người hùn vốn tên là

Barker, và trở nên giàu có. Có người báo rằng: bọn khát máu lại đánh hơi thấy dấu vết của ông rồi. Thế là ông vội vã xuống tàu trở về Anh, đổi tên là John Douglas, lấy vợ và sống như một nhà quý phái nông thôn tại vùng Sussex rồi sau đó tại lâu đài cổ này xảy ra câu chuyện như ta đã thấy.

Tác phẩm bậc thầy

Trước tòa đại hình, Douglas được trắng án vì đã hành động trong hoàn cảnh tự vệ. Holmes viết thư cho bà vợ ông ta: “Bằng mọi giá, bà hãy đưa ông ấy đi khỏi nước Anh. Ở đây có những tổ chức còn mạnh hơn gấp bội những tổ chức mà ông đã thoát được. Không thể nào có an toàn cho ông ở Anh quốc”.

Hai tháng đã trôi qua. Vụ án chìm dần vào dĩ vãng. Một buổi sáng, có một bức thư khó hiểu được nhét vào hòm thư của chúng tôi.

“Ông Holmes đáng thương của tôi ơi! Ôi... Ôi...” [1]

Bức thư nặc danh chỉ có mấy chữ đó thôi. Tôi bật cười. Holmes thì trở nên nghiêm trang :

- Quỷ quái thật.

Và anh ta ngồi lặng đi, vàng trán cau lại.

Tối khuya hôm đó, bà Hudson bước vào, nói rằng có một vị khách muốn được gặp ông Holmes về một vấn đề quan trọng.

Người khách được mời vào ngay: Đó là ông Barker. Với gương mặt căng thẳng, đôi mắt hoảng hốt, ông nói :

- Tôi mang đến những tin tức xấu.

- Đó là những điều tôi đang sợ đây. - Holmes nói.

- Ông nhận được một bức điện?

- Thư của người nhận được bức điện đó.

- Chuyện của ông Douglas. Người ta nói với tôi rằng tên thật của ông ta là Birdy. Hai ông bà ấy đã xuống tàu Panama đi Nam Phi từ ba tuần lễ rồi. Tối hôm qua, tàu đổ lại ở Cape Town. Sáng nay, tôi nhận được bức điện này của bà Douglas: “Jack mất tích dưới biển trong một trận bão ngoài khơi St. Helena. Không ai biết tai nạn xảy ra như thế nào”.

- Thì ra như vậy đó. Việc bố trí và dàn cảnh thật tuyệt vời. - Holmes nói.

- Ông không tin đây là một tai nạn?

- Phải.

- Thế thì Douglas đã bị mưu sát?

- Phải.

- Tôi cũng nghĩ thế. Bọn Người Tiên Phong.

Holmes ngắt lời :

- Không phải đâu. Đây là một bàn tay bậc thầy kia. Đây không còn là một khẩu súng săn cưa nòng, một khẩu súng lục. Mà là tác phẩm vĩ đại của một bậc thầy. Trông những nét bút tuyệt vời này, tôi có thể nhận ra ngay đây là tác phẩm của Moriarty. Vụ án mạng này không phải là sản phẩm của Mỹ quốc mà chính là của London đó.

- Vì sao vậy?

- Vì nó đã được thực hiện bởi một người “bất bại”. Một bộ óc lớn và một tổ chức khổng lồ dùng để thủ tiêu một người mà thôi. Khác nào dùng búa tạ để đập một hạt dẻ. Một

sự phung phí năng lực quá cỡ, nhưng hạt dẻ đã bị đập nát nát.

- Nhưng bậc thầy ấy sao lại dính líu vào vụ này được.

- Thằng Porlock chính là một trong những tay chân của bậc thầy đó. Người Mỹ rất khôn ngoan. Khi họ dự định đánh một trận ở Anh, thì họ nghĩ ngay đến việc hợp tác với một chuyên gia lớn về tội ác ở Anh. Mới đầu Moriarty chỉ huy động bộ máy của hắn để tìm ra Douglas. Rồi hắn chỉ dẫn cho hung thủ cách tiến hành công việc như thế nào cho tốt. Nhưng Teddy đi từ Mỹ sang đây đã thất bại. Bây giờ Moriarty tự đứng ra đảm nhận việc này, và đã giải quyết nó bằng một tác phẩm bậc thầy.

Barker dùng dùng nổi giận, nắm chặt bàn tay, tự dấm vào trán.

- Chúng ta bắt buộc phải chấp nhận điều đó ư? Sẽ không có ai lên đến ngang tầm của tên ma vương này sao?

Holmes chậm rãi trả lời :

- Không. Tôi không nói rằng tên ma vương ấy sẽ không thể bị đánh bại. Nhưng ông phải để cho chúng tôi có thời gian... Vâng, phải có thời gian.

Chúng tôi ngồi lặng im. Đôi mắt tiên tri của Holmes vẫn như đang muốn chọc thủng bức màn tương lai.

Phần B: The Adventures of Sherlock Holmes 1892 (Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes)

B.1 - A Scandal in Bohemia 1891 (Vụ tai tiếng xứ Bohemia)

Với Sherlock Holmes, cô ấy luôn là một người phụ nữ. Tôi ít khi nghe thấy anh đề cập đến cô ấy dưới hình thức khác. Trong mắt anh, cô ấy vượt hơn hẳn mọi người khác bởi vẻ nữ tính. Đó không phải là một tình cảm yêu đương dành cho Irène Adler. Đó là một cảm xúc trái ngược lại với sự điềm tĩnh, lạnh lùng và chính xác đến tuyệt đối của Holmes. Tôi biết anh đã từng có những lý luận sắc bén và sự quan sát tinh tế không ai có được nhưng chính cảm xúc ấy đã làm anh sai lạc. Anh không còn nói đến cảm xúc lãng mạn và cũng thôi những lời chế nhạo.

Gần đây tôi ít gặp Holmes. Từ khi tôi lấy vợ, chúng tôi sống mỗi người một ngả, niềm hạnh phúc riêng tư tuyệt vời, nhưng mối quan tâm về gia đình hiện lên xung quanh một người lần đầu tiên làm chủ cơ ngơi của mình, cũng đủ chiếm hết sự chú ý của tôi. Trong khi đó, Holmes vẫn ở tại phố Baker, vùi đầu vào đồng sách cũ của mình,

hết tuần này sang tuần khác, mang hết khả năng và tài quan sát của mình để tháo gỡ những vụ án mà cảnh sát đã đầu hàng.

Đêm 20 tháng Ba năm 1888, tôi đang trở về nhà sau một chuyến đi thăm bệnh ngang qua phố Baker. Khi đi qua cánh cửa nhà quen thuộc, bỗng nhiên tôi muốn gặp Holmes. Phòng anh đèn sáng sáng choang, và khi nhìn lên, tôi thấy cái dáng gầy gầy đi qua hai lần, bóng in lên tấm rèm. Anh bước đi nhanh nhẹn, hăm hở, đầu cúi xuống ngực, hai tay bắt chéo sau lưng. Tôi rung chuông và được đưa vào căn phòng mà xưa kia tôi đã chiếm một phần.

Không nói một lời, anh vẫy tôi đến chiếc ghế bành, ném cho tôi hộp thuốc xì gà và trở vào chiếc lò ga trong góc. Rồi anh đứng trước lò sưởi, nhìn tôi từ đầu đến chân.

- Hôn nhân hợp với cậu đấy, Watson ạ. Cậu đã lên 7 cân rưỡi[1] kể từ lần sau cùng ta gặp nhau.

- Bấy thôi.

- Quả thế. Lẽ ra tớ phải suy nghĩ thêm một chút. Cậu chưa nói cho tớ biết là cậu đã hành nghề trở lại đấy nhé!

- Phải.

- Mới đây cậu bị ướt sũng; cậu có một cô hầu gái vụng về và bất cẩn nhất trên đời.

- Đúng là hôm thứ năm, tớ có đi bộ ở vùng quê, nhưng mà tớ đã thay quần áo rồi. Còn về người giúp việc, cô ta quả thật bất trị, và nhà tớ đã cho cô ta nghỉ việc. Nhưng, cậu suy diễn như thế nào?

Anh cười khúc khích và xoa hai bàn tay vào nhau :

- Phía bên trong chiếc giày chân trái của cậu có sáu nhát cắt gần như song song với nhau. Rõ ràng là những đường cắt đó gây ra do một người bất cẩn khi chà xát xung quanh mép gót giày để lau bùn. Như thế chứng tỏ, cậu vừa gặp thời tiết xấu, vừa có một cô hầu gái rất kém. Còn về chuyện hành nghề thì... Nếu có một người nào đó bước vào phòng tớ mà có mùi iode với một chấm nitrate bạc trên ngón tay trở của bàn tay phải và một chỗ phình ra trên cái mũ chóp cao - cho thấy nơi ông ta đã gắn cái ống nghe - thì tớ sẽ là một thằng ngu nếu không nói ngay được rằng ông ta là đồ đệ của Hippocrate.

Tôi không thể nhịn cười.

- Khi cậu đưa ra những lý lẽ, thì sự thể luôn luôn hiện ra với tớ một cách giản dị đến mức buồn cười, thậm chí tớ nghĩ là mình cũng tự suy diễn được dễ dàng. Tuy vậy, mỗi lần cậu đưa ra một ví dụ mới, thì tớ lại hoàn toàn mù tịt nếu cậu không giảng giải phương pháp của cậu. Tớ không nhìn thấy sự việc như cậu chẳng?

- Có chứ, - Holmes trả lời, vừa châm điếu thuốc vừa ngả mình xuống ghế - Cậu có nhìn thấy nhưng cậu không quan sát. Ví dụ, cậu thường thấy những bậc thang từ hành lang lên đến phòng này chứ?

- Thường thấy.

- Thường như thế nào?

- Ồ, có đến hàng trăm lần.

- Vậy nó có bao nhiêu bậc?

- Bao nhiêu ư? Tớ không biết?

- Đó, thấy chưa? Cậu đã thấy nhưng cậu không quan sát. Còn tớ, tớ biết chắc có 17 bậc vì tớ vừa thấy vừa quan sát nữa. Tiện thể, cậu xem, có thể cậu sẽ thích thú đấy - Anh ném cho tôi một tờ giấy dày màu hồng đang nằm mở ra trên bàn - Nó đến trong

chuyển thư vừa rồi. Hãy đọc to lên. Mảnh giấy không đề ngày tháng, không có cả chữ ký và địa chỉ.

“Sẽ đến thăm ông tối nay, vào lúc 8 giờ kém 15. Một người đàn ông muốn hỏi ý kiến ông về một vấn đề rất quan trọng. Những việc làm mới đây của ông nhằm phục vụ cho một trong những dòng hoàng tộc ở châu Âu đã cho thấy ông là một người đáng tin cậy. Thành tích này của ông chúng tôi đã từ khắp nơi nghe thấy... Vậy ông hãy ở trong phòng ông vào giờ đó, và xin đừng phật ý nếu người khác của ông mang mặt nạ”.

- Đây quả thực là một vụ bí hiểm. Theo cậu, nó có ý nghĩa gì?

- Hiện tớ chưa có dữ kiện. Lập giả thuyết khi chưa có dữ kiện là một sai lầm nghiêm trọng. Còn về mảnh giấy này, cậu có suy diễn gì không?

Tôi quan sát mảnh giấy và chữ viết

- Người đàn ông này có vẻ khá giả - Tôi nhận xét, cố gắng bắt chước tiến trình lý luận của Holmes - Thử giấy này rất đắt giá. Chất giấy bền và cứng một cách đặc biệt.

- Đặc biệt. Đúng như thế, không phải là giấy sản xuất tại Anh. Đưa lên ánh sáng thử xem.

Tôi làm theo lời anh và thấy một chữ “E” lớn với một chữ “g” nhỏ, chữ “P” và một chữ “G” lớn với một chữ “t” nhỏ lồng vào nhau

- Cậu suy ra được điều gì?

- Chắc chắn là tên nhà sản xuất.

- Không phải đâu. Chữ “G” và chữ “t” là viết tắt của “Gesellschaft”, tiếng Đức có nghĩa là “Công ty”. Nó giống như ta thường dùng chữ “Co.” vậy. “P” dĩ nhiên thay cho “Papier”. Bây giờ đến chữ “Eg.”. Tra trong Từ điển địa lý [2] xem sao. - Anh lấy xuống một quyển sách to tương tự trên kệ sách - Eglow, Eglonizt... Đây rồi, Egria. Một vùng nói tiếng Đức, tại xứ Bohemia, cách Carlsbad không xa. Nổi tiếng nhờ Wallenstein tạ thế tại đó, và nhờ có rất nhiều nhà máy thủy tinh, nhà máy giấy. Ha ha, bạn ơi, bạn có thấy gì không?

- Giấy sản xuất tại Bohemia.

- Chính xác. Và người đàn ông viết những dòng chữ này là một người Đức. Cậu có thấy cấu trúc câu “Thành tích này của ông chúng tôi đã từ khắp nơi nghe thấy”. Người Pháp và người Nga không có cách viết như vậy. Chỉ có người Đức mới sử dụng động từ ở cuối câu. Bởi vậy, bây giờ chỉ cần tìm xem cái gã người Đức thích đeo mặt nạ này muốn gì.

Trong khi anh nói, có tiếng vó ngựa lộc cộc và tiếng xe nghiêng trên mặt đường, theo sau là tiếng chuông giết mạnh. Holmes huýt sáo :

- Một cặp, theo tiếng động - Anh nói, nhìn ra cửa sổ - Một xe song mã và một cặp ngựa đẹp. Vụ này kiếm được khá tiền đấy, Watson ạ.

- Thôi, tớ xin phép cáo từ vậy.

- Bạn ơi, cứ ngồi đây. Vụ này hứa hẹn đấy. Bỏ qua rất phí.

- Nhưng còn ông khách của cậu ...

- Đừng bận tâm đến ông ta. Có lẽ tớ cần sự trợ giúp của cậu và ông ta cũng thế. Hãy ngồi xuống đi và theo dõi xem.

Tiếng bước chân chậm rãi và nặng nề vang lên trên cầu thang và nơi hành lang, ngừng lại ngay phía ngoài cửa lớn. Rồi tiếng gõ mạnh. đầy uy quyền.

- Xin mời vào - Holmes nói.

Một người đàn ông bước vào. Ông ta cao gần 6 feet rưỡi [3], có bộ ngực và tay chân to lớn của một chàng Hercules. Y phục đắt tiền, diềm dứa, một cái áo choàng dài màu xanh đậm, choàng qua hai vai, được thêu bằng lụa màu ngọn lửa. Giày ủng cao lưng chừng bắp đùi, ống ủng được viền bằng lông thú đắt tiền. Ông cầm trên tay một chiếc mũ rộng vành, đeo mặt nạ che phần trên mặt, kéo dài xuống tận hai gò má.

- Ông nhận được mảnh giấy của tôi rồi chứ? - Ông ta hỏi bằng giọng trầm, khàn khàn, phát âm rõ rệt là giọng Đức, ông ta nhìn tôi rồi lại nhìn Holmes, hình như không biết phải nói với ai.

- Xin mời ông ngồi. Đây là bạn và là người cộng sự của tôi, bác sĩ Watson. Tôi được hân hạnh hầu chuyện với ai thế nhỉ?

- Ông có thể gọi tôi là Bá tước Von Kramm, quý tộc xứ Bohemia. Tôi hiểu rằng, vị này, bạn ông là một người đáng trọng, người tôi có thể tin cậy, phó thác một vấn đề vô cùng trọng đại. Nếu không đúng như thế, thì tôi muốn nói chuyện với một mình ông thôi.

Tôi nhồm dậy để đi, nhưng Holmes chớp lấy cổ tay tôi và đẩy tôi trở lại ghế.

- Ông có thể nói trước mặt anh bạn này bất cứ điều gì ông có thể nói với tôi.

Vị bá tước nhún đôi vai to lớn của ông ta.

- Vậy thì, trước hết tôi buộc lòng phải xin hai ông giữ hoàn toàn bí mật chuyện này trong vòng hai năm, sau thời gian đó, vấn đề sẽ không quan trọng nữa.

- Tôi xin hứa - Holmes nói.

- Xin các ông thông cảm cho việc tôi phải dùng cái mặt nạ này. Con người uy nghi lắm liệt, chủ của tôi, muốn rằng kẻ thay mặt cho ông phải giữ bí mật chân tướng, và tôi có thể thú thật ngay rằng cái tước hiệu mà tôi tự xưng khi này, thì không hoàn toàn chính xác là tước hiệu của chính tôi.

- Tôi biết - Holmes nói giọng tỉnh bơ.

- Nói trắng ra, vấn đề này có liên quan đến dòng họ Ormstein vĩ đại, những vị vua kế thừa của xứ Bohemia.

- Điều này, tôi cũng đã biết - Holmes nói nhỏ, ngồi xuống ghế bành và nhắm mắt lại.

Vị khách của chúng tôi lộ vẻ kinh ngạc liếc nhìn người đàn ông có dáng điệu mệt mỏi, uể oải đang ngồi trước mặt ông ta. Holmes từ từ mở mắt ra và nhìn ông khách to lớn của anh bằng cái nhìn cau có.

- Nếu Bệ hạ chịu khó nhún mình để trình bày sự việc của ngài, thì tôi mới có thể phục vụ ngài tốt hơn.

Người đàn ông nhảy lên khỏi ghế và chậm rãi đi lại trong phòng với vẻ hốt hoảng tột độ. Rồi với một cử chỉ tuyệt vọng, ông ta xé ta cái mặt nạ và liệng nó xuống đất.

- Ông nói đúng - Ông ta kêu lên - Ta là vua. Tại sao ta lại phải tìm cách che giấu điều đó?

- Đúng thế. Tại sao phải giấu? - Holmes thì thào - Bệ hạ không nói thì tôi cũng đã biết tôi đang hân hạnh hầu chuyện với ngài Wilhelm Gottsreich Sigismond von Ormstein, Đại Công tước xứ Cassel - Falstein, vua kế vị xứ Bohemia.

- Nhưng xin các ông thông cảm cho - Vị khách nói. Ông ta lại ngồi xuống và đưa tay xoa lên vàng trán - Xin các ông hiểu cho, tôi không quen đích thân làm một công việc như thế này. Song vấn đề quá tế nhị đến mức tôi không thể giao phó cho một ai. Tôi đi thẳng từ Praha [4] đến đây để nghe lời khuyên của các ông

- Vậy xin bệ hạ hãy trình bày câu chuyện - Holmes nói, lại nhắm mắt lại.

- Tóm tắt câu chuyện như thế này: Năm năm trước đây, trong một lần thăm viếng Vacsava [5], tôi đã làm quen với Irène Adler. Cái tên đó chắc không xa lạ với ông.

- Bác sĩ làm ơn tra giúp tôi quyển danh mục - Holmes nói trong lúc vẫn nhắm mắt. Đã nhiều năm nay, anh đã thiết lập được một hệ thống hồ sơ, gồm những mục nó về người và việc, đến nỗi khó có một đề tài nào hoặc một nhân vật nào mà anh không thể cung cấp ngay tư liệu.

- Đưa tôi xem nào - Holmes nói - Hừm! "Sinh tại New Jersey năm 1858. Giọng nữ trầm [6]. Hừm...La Scala, vai nữ chính của Nhà hát Opera Hoàng gia Vacsava. Vâng, đã rời rời sân khấu. ha! Đang sống tại London". Đúng thế, theo tôi biết thì bệ hạ đã dàn dúi với cô gái trẻ này, đã viết những lá thư tai hại, và bây giờ muốn lấy lại những lá thư ấy, đúng không?

- Đúng vậy. Nhưng làm thế nào...

- Có hôn nhân bí mật không?

- Không.

- Có giấy tờ pháp lý nào không?

- Không.

- Vậy thì nếu cô ta trưng ra những lá thư nọ để tổng tiền hoặc với một mục đích khác thì cô ta sẽ chứng minh sự xác thực của chúng như thế nào?

- Có chữ viết.

- Úi chà! Có thể giả mạo.

- Loại giấy viết riêng của tôi.

- Có thể đánh cắp.

- Con dấu của tôi.

- Có thể bắt chước.

- Tấm hình của tôi.

- Có thể mua.

- Chúng tôi chụp chung trên tấm ảnh đấy.

- Ôi chao! Thật tai hại! Bệ hạ đã phạm phải một sự hớ hênh thật đáng tiếc.

- Tôi đã yêu điên cuồng.

- Ngài đã tự hại mình một cách nghiêm trọng.

- Lúc ấy tôi chỉ là một hoàng thái tử trẻ mới có 30 tuổi.

- Phải lấy lại.

- Chúng tôi đã cố hết sức, nhưng đều thất bại.

- Bệ hạ phải chi tiền. Phải mua lại nó.

- Cô ta không bán.

- Vậy phải đánh cắp.

- Đã 5 lần thực hiện phương án đó. Hai lần tôi thuê những tên trộm lục soát nhà cô ta. Một lần chúng tôi đánh lạc hướng hành lý của cô ta khi cô ta đi du lịch. Hai lần cô ta bị đột kích, nhưng tất cả đều không có kết quả.

- Không thấy tấm hơi tấm ảnh đâu cả?

- Hoàn toàn không.

- Thật là một vấn đề khá rắc rối đối với tôi - Holmes cười, nói.

- Nhưng đối với tôi, đó là một vấn đề nghiêm trọng - Vị khách trách móc.

- Cô ta dự định làm gì với tấm ảnh.

- Để làm hại tôi.

- Nhưng bằng cách nào?

- Tôi sắp cưới vợ.

- Tôi đã nghe chuyện đó.

- Tôi sắp cưới Clotilde Lothman von Saxe- Meningen, con gái thứ hai của vua Scandinavia. Chắc ông cũng biết lễ giáo khe khắc của gia đình này. Bản thân này cũng là một người nhạy cảm.

- Còn Irène Adler?

- Cô ta dọa sẽ gửi tấm ảnh cho gia đình vợ tôi, và tôi biết chắc cô ta sẽ làm. Cô ta có khuôn mặt của một người phụ nữ đẹp nhất nhưng lại có khối óc của một người đàn ông cương quyết nhất.

- Ngài có chắc là cô ta chưa gửi nó đi.

- Chắc chắn.

- Tại sao?

- Cô ta nói rằng sẽ gửi nó đi vào ngày mà lễ đính hôn được công bố. Đó sẽ là ngày thứ Hai tuần tới.

- Vậy thì chúng ta chỉ còn có 3 ngày. Bệ hạ vẫn còn lưu lại London chứ?

- Chắc chắn rồi. Ông sẽ tìm thấy tôi tại khách sạn Langham dưới tên bá tước Von Kramm.

- Vậy thì tôi sẽ gửi cho ngài một vài dòng để thông báo tiến trình công việc.

- Xin cho tôi biết tin. Tôi rất sốt ruột.

- Còn chuyện thù lao thế nào? Thưa ngài?

- Ông sẽ nhận được ngân phiếu trắng.

- Tuyệt đối?

- Tôi chịu mất một địa phận vương quốc của tôi để có tấm ảnh đó.

- Còn việc chi tiêu hiện giờ?

Ông vua lấy một cái túi bằng da sơn dương từ bên dưới áo choàng và đặt nó lên bàn.

- Có ba trăm pound bằng tiền vàng và bảy trăm tiền giấy.

Holmes nguệch ngoạc ký vào một tờ biên nhận trong quyển sổ tay của anh và trao lại cho ông ta.

- Còn địa chỉ của cô ta?

- Biệt thự Briony Lodge, đại lộ Serpentine, St. John's Wood.

- Một câu hỏi nữa. Tấm ảnh to cỡ cái tráp đựng nữ trang.

- Đúng thế.

- Bây giờ, xin tạm biệt Bệ hạ. Tôi sẽ có ngay những tin tức tốt.

Khi chiếc xe chạy khuất xuống phố, anh nói :

- Tạm biệt nhé, Watson, chiều mai hãy ghé tôi, lúc ba giờ chiều. Tôi muốn bàn bạc vấn đề nhỏ nhỏ này với anh.

Đúng ba giờ chiều, tôi đã ở phố Baker nhưng Holmes chưa trở lại. Bà chủ nhà báo cho tôi biết, sáng nay anh đã rời nhà sau tám giờ một chút. Tôi ngồi xuống cạnh lò sưởi, có ý đợi anh. Tôi đã quan tâm sâu sắc đến cuộc điều tra này. Gần bốn giờ chiều thì cửa lớn mở và một tay giữ ngựa có dáng say rượu, tóc tai bờm xờm và có râu mép, mặt đỏ bừng, áo quần xộc xệch bước vào. Mặc dù rất quen thuộc với khả năng hóa trang tuyệt diệu của Holmes, nhưng phải nhìn đi nhìn lại ba lượt tôi mới chắc chắn đó là anh. Với một cái gật đầu, anh biến mất vào phòng ngủ, năm phút sau anh hiện ra

trong bộ đồ bằng vải tuyết chỉnh tề, như thường lệ. Đặt hai tay vào túi, anh duỗi chân ra đằng trước lò sưởi và cười ha hả trong vài phút.

- Ô! - Anh kêu lên, rồi cười sặc sụa, cho đến khi nằm rũ ra trong ghế.

- Cái gì thế, anh bạn?

- Thật buồn cười. Tôi chắc là anh sẽ không bao giờ đoán được là tôi đã sử dụng buổi sáng như thế nào, và sau cùng tôi đã làm gì.

- Có lẽ anh đã quan sát những thói quen và ngôi nhà của Irène.

- Đúng như vậy. Nhưng tiến trình thì hơi khác thường. Tôi rời nhà sau tám giờ một chút đóng vai một anh chàng thất nghiệp. Chẳng bao lâu tôi tìm thấy biệt thự của cô ta. Đó là một biệt thự nhỏ, xinh, có vườn phía sau, mặt tiền được xây nhô ra tận đường cái, có hai tầng. Cửa sổ có ổ khóa tròn. Phòng khách ở phía bên phải, trang bị tiện nghi với những cửa sổ dài xuống gần tới sát sàn, chốt cửa dễ mở. Phía sau không có gì đáng chú ý, trừ ra những cửa sổ nhỏ nơi hành lang, đứng từ nóc cái nhà để xe ngựa có thể với tới. Tôi đi xung quanh ngôi nhà, quan sát nó từ mọi vị trí, nhưng không ghi nhận được một cái gì đáng kể. Tôi đi thơ thẩn xuống phố và phát hiện ra một cái chuồng ngựa trong một con hẻm chạy xuống cạnh một bờ tường của khu vườn. Tôi giúp những gã giữ ngựa một tay để họ tắm ngựa. Về khoản thù lao, tôi nhận được hai xu, một ly rượu pha, hai gói thuốc lá và những tin tức mà tôi muốn biết về cô ta.

- Còn cô ta thì thế nào?

- Ô! “Đó là người phụ nữ kiêu diễm nhất trên hành tinh”. Những người ở xóm chuồng ngựa nói như vậy. Cô ta sống lặng lẽ, hát tại những buổi hòa nhạc, mỗi ngày đánh xe ra khỏi nhà lúc năm giờ sáng, và trở về lúc bảy giờ đúng. Ít khi ra khỏi nhà vào những giờ khác, trừ khi đi hát. Chỉ có một người khách nam giới, nhưng anh ta đến thường xuyên. Đó là ông Norton. Khi tôi đã nghe hết những gì mà tôi cần biết, tôi bắt đầu đi tới đi lui gần biệt thự một lần nữa và xem xét các kế hoạch của tôi. Anh chàng Norton này đến thăm một ngày hai lần với mục đích gì? Phải chăng Irène là thân chủ của anh ta, là bạn, là người yêu? Nếu là thân chủ, có lẽ cô ta đã giao tấm hình cho anh ta giữ. Nếu là bạn thì ít có khả năng đó.

Tôi phân vân, không biết nên tiếp tục công việc ở nhà cô gái, hay quay sang anh chàng luật sư. Tôi đang cân nhắc mọi vấn đề trong đầu, thì một xe song mã chạy đến biệt thự, cô ta và một gã đàn ông nhảy ra, rất vội vàng, bảo tài xế đợi. Bà quản gia mở cửa, anh ta chạy vụt vào với cái vẻ hoàn toàn tự nhiên như ở nhà mình. Anh ta ở trong nhà khoảng nửa tiếng, tôi có thể thấy anh ta nơi cửa sổ phòng khách, đi đi lại lại, nói năng rí rít và vẩy cánh tay. Về phần cô ta, tôi không nghe thấy gì. Bỗng anh ta hiện ra, trông có vẻ bồn chồn hơn trước. Khi bước lên xe ngựa, anh ta kéo một cái đồng hồ vàng từ trong túi ra và nhìn vào nó, ra dáng sốt ruột.

- “Chạy nhanh, thật nhanh lên” - Anh ta quát to - “Đến ngay nhà thờ Sainte Monique. Nửa đồng guinée [7], nếu có thể đến trong hai mươi phút?”.

Xe chạy đi.

Khi tôi đang tự hỏi có nên theo họ không, thì một chiếc xe nhỏ bé, xinh xắn từ đường hẻm chạy lên. Xe vừa đến nơi thì cô ta chạy bắn ra từ cửa hành lang và nhảy lên xe.

- “Đến nhà thờ Sainte Monique” - Cô ta kêu lên - “Nửa đồng souverain [8] nếu đến đó trong hai mươi phút?”

Tôi đang tự hỏi, không biết nên chạy theo xe hay leo lên phía sau xe thì có một chiếc xe băng qua đường phố. Bác tài xế nhìn hai lần vào ông khách rách rưới, nhưng tôi đã nhảy vào xe trước khi bác ta phản đối.

- “Đến nhà thờ Sainte Monique” - Tôi nói - “Nửa đồng souverain, nếu đến đó trong hai mươi phút?”. Lúc ấy là mười hai giờ kém hai mươi.

Khi tôi đến, hai chiếc xe với những con ngựa đang thở phì phì và đang ở trước cửa lớn. Tôi trả tiền xe và vội vã đi vào nhà thờ. Trong nhà thờ không có ai ngoài hai người và một ông linh mục. Hình như ông linh mục đang giảng cho họ một điều gì đó. Ba người đứng thành hình một cái nút thắt phía trước bàn thờ. Tôi đi thò thẩn nơi lối đi hai bên như bắt cứ một gã nhàn rỗi nào tình cờ bước vào nhà thờ. Bỗng nhiên, ba người tại bàn thờ quay lại nhìn tôi và Norton chạy ba chân bốn cẳng về phía tôi.

- “Cám ơn Chúa” - Anh ta kêu lên - “Có bác là đủ. Xin bác làm ơn đến đây.”

- “Cái gì vậy?” - Tôi hỏi.

- “Xin bác đến giùm cho. Chỉ ba phút thôi. Nếu không thì không đúng phép”.

Tôi gần như bị lôi đến bàn thờ. Trước khi biết mình đang ở đâu, tôi thấy mình lầm bầm những câu trả lời (đã được thì thầm vào tai tôi) và thề thốt về những điều mà tôi chẳng biết ắt giáp gì cả.

Nói chung, tôi là người làm chứng cho cuộc hôn lễ giữa cô dâu và chú rể. Dường như lễ cưới của họ có một cái gì đó chưa đúng phép và ông linh mục dứt khoát từ chối làm phép cưới mà không có một nhân chứng bất kỳ nào đó; sự xuất hiện của tôi khiến cho chú rể khỏi mất công chạy ra phố kiếm một chàng phù rể. Cô dâu trao cho tôi một đồng souverain và tôi có ý đeo nó lên dây đồng hồ để kỷ niệm.

- Đây là một điều bất ngờ, một bước ngoặt của sự việc và rồi cái gì đã xảy ra? - Tôi hỏi.

- Có vẻ như họ sắp lên đường ngay lập tức, và bởi thế, tôi phải có những biện pháp rất gấp rút và thích hợp. Tại cửa lớn nhà thờ, họ chia tay nhau. “Em sẽ đi xe ra công viên vào lúc năm giờ như thường lệ”, cô ta nói, khi chia tay. Tôi không nghe thấy gì nữa. Họ đi xe về hai hướng khác nhau, và tôi cũng đi để thu xếp công việc của mình.

- Thu xếp cái gì thế?

- Vài miếng bít tết nguội và một ly nước - Anh nói, tay rung chuông - Tôi bận quá không nghĩ đến chuyện ăn uống. Chiều nay, chắc còn bận rộn hơn nữa. Nhân thể tôi cần được anh giúp đỡ?

- Rất thú vị.

- Anh không ngại làm chuyện phi pháp chứ?

- Hoàn toàn không!

- Có thể bị bắt giữ, chịu được chứ?

- Nếu vì một mục đích tốt đẹp.

- Ô, mục đích rất tuyệt diệu!

- Vậy thì sẵn sàng.

- Tôi rất tin anh.

- Nhưng anh cần gì ở tôi?

- Xin lỗi, tôi phải bàn chuyện đó trong khi ăn. Trong hai tiếng đồng hồ nữa, chúng ta sẽ ở hiện trường. Cô Irène sẽ trở về nhà lúc bảy giờ. Chúng ta phải có mặt tại đó để gặp cô ta.

- Rồi làm gì nữa?

- Anh cứ để việc đấy cho tôi. Anh không được can thiệp, dù xảy ra chuyện gì đi nữa. Anh hiểu chứ?

- Hiểu.

- Công việc bắt đầu khi người ta đưa tôi vào nhà cô ta. Bốn, năm phút sau đó, cửa sổ phòng khách sẽ mở ra. Anh sẽ đứng trụ gần sát cánh cửa sổ mở ấy.

- Vâng.

- Anh phải theo dõi tôi luôn.

- Vâng.

- Và khi tôi đưa bàn tay lên, anh sẽ ném vào phòng cái mà tôi trao cho anh, và cùng lúc ấy, anh kêu báo động: “cháy, cháy!”.

- Hoàn toàn rõ.

- Chẳng có gì khủng khiếp - Anh nói, lấy trong túi ra một cuộn tròn có hình điều xì gà - Đây là một thứ lựu đạn khói bình thường. Công tác của anh chỉ có thế. Khi anh kêu báo động cháy, nhiều người khác sẽ tiếp tục kêu báo động. Rồi sau đó anh có thể đi bộ đến cuối phố, chờ tôi trong mười phút.

- Những chuyện đó tôi làm được.

- Tuyệt lắm!

Anh biến mất vào phòng ngủ, một vài phút sau hiện ra trong vai một mục sư Tin lành chất phác và dễ mến. Cái mũ đen rộng thùng thình, cà vạt trắng, nụ cười dễ mến, thái độ sốt sắng, ân cần ít ai bì.

Trời đã hoàng hôn và những ngọn đèn mới được thắp sáng lúc chúng tôi đi đi lại lại phía trước biệt thự. Có một nhóm đàn ông ăn mặc xốc xếch đang hút thuốc và cười đùa, trong một góc có một thợ mài kéo với cái bánh xe của ông ta, hai người gác đàn đứng đùa giỡn với một cô vú trẻ, và dăm bảy chàng thanh niên ăn vận bảnh bao đang thơ thẩn lui tới, miệng ngậm xì gà.

- Anh thấy đó. Bây giờ tấm ảnh trở thành một con dao hai lưỡi. Cô ta không thích ông Norton nhìn thấy nó, cũng như vị vua không muốn vợ sắp cưới của ông ta nhìn thấy. Bây giờ, câu hỏi là chúng ta phải tìm tấm ảnh ở đâu?

- Nó ở đâu?

- Nó quá lớn, khó giấu vào áo phụ nữ, chắc cô thì không mang nó bên mình.

- Vậy nó ở đâu?

- Nơi người chủ nhà bằng hoặc người luật sư. Nhưng phụ nữ chỉ tin tưởng vào chính mình. Và lại, cô ta đã quyết tâm sử dụng nó trong một vài ngày tới đây, vậy nó phải ở cái nơi mà cô ta có thể lấy được dễ dàng: ngay trong nhà cô ta.

- Nhưng đã hai lần người ta tìm cách đánh cắp nó rồi kia mà.

- Ô, họ không biết cách tìm.

- Nhưng anh sẽ tìm bằng cách nào?

- Tôi sẽ không cần tìm.

- Vậy thì...

- Tôi buộc cô ta phải chỉ chỗ cất giấu tấm hình.

- Nhưng, cô ta sẽ từ chối.

- Cô ta không thể từ chối. Kia kia, xe cô ta đến đấy! Nhớ lời tôi dặn nhé.

Khi anh nói, ánh đèn bên hông của một chiếc xe ngựa chiếu ra từ một khúc quẹo của đại lộ. Khi xe đỗ lại, một trong những tên lang thang từ góc phố nhào ra để mở cánh cửa, với hy vọng kiếm được một chút cháo, nhưng lại bị một tên khác chen lấn,

hắn ta cũng đã lao tới cùng với một mục đích như vậy. Một cuộc xô xát dữ dội xảy ra. Hai gã gác đàn nhảy vào hỗ trợ một tên, còn người thợ mài kéo trợ lực tên kia. Cô gái vừa xuống xe đã bị kẹt vào giữa đám đông. Bọn đàn ông mặt đỏ như đang đánh loạn xạ vào nhau bằng tay và gậy. Holmes nhào vào đám đông để che chở cho người phụ nữ. Nhưng vừa đến gần cô ta thì anh kêu lên một tiếng và ngã xuống, máu chảy ròng ròng xuống mặt. Hai gã gác đàn hoảng hốt, bỏ chạy về một phía, và những tên vô lại chạy về phía bên kia, trong khi đó, một số người ăn vận bảnh bao - từ nãy giờ đứng ngoài quan sát - ủa vào trợ giúp người phụ nữ và chăm sóc kẻ bị thương. Irene vội vã đi lên những bậc cấp, song vẫn đứng ở bậc cấp trên cùng, nhìn ra đường phố.

- Ông ta có bị thương không? - Cô ta hỏi.

- Ông ấy chết rồi? - Một vài giọng kêu lên.

- Không, không, ông ta còn thoi thóp - Một người khác quát to - Nhưng ông ta sẽ chết trước khi đến bệnh viện.

- Ông ta rất dũng cảm - Một người phụ nữ nói - Hắn chúng nó đã lấy mất cái ví và cái đồng hồ của bà ta, nếu ông ấy không đến cứu. Đó là một bọn cướp táo tợn. À, bây giờ, ông ta đang thở.

- Không thể để ông ta nằm trên đường phố được. Chúng tôi có thể đưa ông ta vào nhà không, thưa bà?

- Được xin đi lối này!

Holmes được đưa vào biệt thự và đặt nằm trong phòng chính, trong khi tôi vẫn quan sát diễn biến từ bên cạnh cửa sổ. Đèn đã được thắp sáng, nhưng các tấm rèm chưa được vén lên, để tôi có thể thấy Holmes nằm trên đi-văng. Trong đời, tôi chưa bao giờ thấy xấu hổ cho bằng khi nhìn thấy người phụ nữ xinh đẹp này, người mà tôi đang âm mưu gài bẫy để chống lại. Cũng thật xấu hổ khi thấy sự tử tế và ân cần biểu lộ ra trong việc chăm sóc kẻ bị thương. Song, nếu rút khỏi vai trò mà Holmes đã giao phó cho tôi, thì tôi lại phản bội. Tôi lấy quả lựu đạn khói ra khỏi cái áo choàng dài và rộng. Dù sao đi nữa, chúng tôi cũng không gây thương tích cho cô ta. Chúng tôi chỉ ngăn chặn, không cho cô ta làm hại đến người khác thôi.

Holmes đã ngồi dậy trên đi- văng, tôi thấy anh ra hiệu như một người đang cần không khí. Một cô tớ gái chạy băng tới và mở tung cửa sổ. Cùng lúc ấy tôi thấy anh đưa tay lên. Tôi liền ném quả lựu đạn khói vào phòng và kêu lên: "Cháy! Cháy!". Ngay lập tức đám đông đang đứng đó cùng đồng thanh kêu to: "Cháy! Cháy!". Những đám khói dày đặc cuộn cuộn dâng lên trong phòng và tuôn ra ngoài. Tôi thoáng thấy những bóng người chạy vụt đi, một lát sau đó, nghe giọng nói của Holmes từ bên trong, trấn an mọi người rằng đó chỉ là báo động nhầm. Len lỏi qua đám đông đang hò hét, tôi tìm đường đến góc phố. Mười phút sau, tôi sung sướng thấy cánh tay Holmes đang trong tay tôi. Chúng tôi đi nhanh và im lặng trong một vài phút cho đến khi xuống tới một trong những đường phố yên tĩnh.

- Anh hành động rất tốt.

- Anh có tấm ảnh rồi ư?

- Tôi đã biết nó ở đâu.

- Làm sao anh biết.

- Cô ấy chỉ cho tôi, tôi đã nói rồi mà.

- Tôi vẫn chưa hiểu gì.

- Anh đã thấy, mọi người trên phố đều là người của tôi.

- Tôi cũng đoán như thế.
- Khi cuộc ẩu đả nổ ra, tôi để một chút thuốc màu đỏ trong lòng bàn tay. Tôi chạy vụt ra phía trước, ngã xuống, đập tay lên mặt.
- Điều ấy, tôi cũng đoán được.
- Cô ta buộc phải cho tôi vào phòng khách. Tấm ảnh có khả năng nằm giữa phòng ngủ và phòng khách. Người ta đặt tôi lên cái đi-văng. Tôi ra hiệu cần không khí, họ buộc phải mở cửa sổ, và anh đã có cơ hội để hành động.
- Việc ấy giúp anh như thế nào?
- Khi người phụ nữ nghĩ rằng ngôi nhà cô ta đang cháy, theo bản năng, cô ta sẽ lao tới cái mà cô ta cho là quý nhất. Một phụ nữ có chồng thì chộp lấy đứa con, cô chưa chồng thì vớ lấy hộp nữ trang; đối với Irène, cô ta chạy tới để cứu lấy tấm ảnh. Báo động cháy đã được thực hiện một cách đáng khâm phục. Khói và tiếng reo hò cũng đủ lay động một bộ thần kinh bằng thép. Tấm ảnh ở trong một góc phía sau tấm pa-nô trượt, chính ngay trên dây chuông bên phải. Thoắt một cái cô ta đã ở đó, và tôi kêu to rằng đó là báo động nhầm, cô ta đặt nó vào chỗ cũ, liếc nhìn quả lựu đạn, chạy vọt ra khỏi phòng. Tôi đứng dậy, nói lời cáo từ và thoát ra khỏi nhà. Tôi lưỡng lự, không biết có nên lấy tấm ảnh hay không, nhưng người tài xế đã đi vào, ông ta nhìn tôi một cách chăm chú...
- Và bây giờ?
- Bọn mình sẽ ghé thăm thân chủ của chúng ta. Có thể nhà vua sẽ thỏa mãn khi ngài tự tay lấy lại nó.
- Bao giờ anh đến đó?
- Lúc tám giờ sáng mai. Cô ta sẽ chưa dậy, nhờ vậy mà chúng ta rảnh tay để hành động. Tôi phải đánh điện cho nhà vua ngay.

Chúng tôi đã về tới phố Baker và đã ngừng lại ở cửa lớn. Holmes đang lục túi tìm chìa khóa thì có một người đi ngang qua nói :

- Chào ông Sherlock Holmes, chúc ông ngủ ngon. Lúc đó có dăm bảy người trên vệ đường, nhưng lời chào hình như đến từ một chàng trai mảnh khảnh trong chiếc áo choàng dài vừa mới vội vã đi qua.
- Tôi đã có lần nghe giọng nói ấy - Holmes nói, trở mắt nhìn xuống đường phố mờ mờ ánh đèn - Bây giờ, tôi đang tự hỏi, người ấy là ai?

Đêm ấy tôi ngủ tại phố Baker. Sáng hôm sau, khi chúng tôi đang ăn điểm tâm, thì nhà vua chạy vụt vào phòng.

- Ông đã lấy được nó? - Ông ta kêu lên, nắm chặt hai vai Holmes.
- Chưa đâu.
- Nhưng có hy vọng?
- Có.
- Vậy thì đi. Xe của tôi đang đợi.
- Tốt lắm!

Chúng tôi xuống cầu thang, lên xe ngựa tiến về biệt thự của cô gái.

- Nàng đã lấy chồng.
- Lấy chồng? Bao giờ vậy?
- Hôm qua.
- Nhưng lấy ai?
- Một luật sư người Anh.

- Cô ta không yêu anh ta chứ?
- Tôi hy vọng là cô ta yêu anh ta.
- Tại sao lại hy vọng?

- Bởi vì chuyện ấy sẽ tránh cho Bệ hạ mọi chuyện rắc rối trong tương lai. Nếu người phụ nữ ấy yêu chồng, tức là nàng không yêu Bệ hạ. Nếu nàng đã không yêu Bệ hạ, thì không có lý do gì mà nàng lại can thiệp vào kế hoạch của Bệ hạ.

- Đúng vậy!Ồ, nếu tôi chọn cô ta làm hoàng hậu, thì cô ta sẽ là một vị hoàng hậu tuyệt vời biết bao?

Ông ta lại chìm vào im lặng trầm tư, một sự im lặng chỉ bị phá vỡ khi xe chạy đến nơi.

Cửa biệt thự mở ra. Một người đàn bà đứng tuổi đang đứng trên những bậc thềm. Bà ta nhìn chúng tôi bằng cái nhìn giễu cợt khi chúng tôi từ trên xe bước xuống.

- Ông là Sherlock Holmes, phải không?
- Tôi là Holmes - Bạn tôi đáp và nhìn bà ta bằng một cái nhìn dò hỏi, sững sờ.
- Thật chẳng sai? Bà chủ tôi bảo rằng thế nào ông cũng ghé đến. Sáng nay ông bà chủ tôi đã lên đường sang châu Âu.
- Cái gì? - Holmes lão đảo muốn ngã ra - Cô ta đã rời nước Anh?
- Vâng! Không bao giờ trở lại nữa.
- Còn giấy tờ? - Ông vua hỏi, giọng khàn khàn - Tất cả đều bị mất rồi ư?
- Chúng ta vào xem.

Anh đi bằng qua bà quản gia và chạy vội vào phòng khách. Theo sau là nhà vua và tôi. Đồ đạc tung toé khắp nơi, những cái kệ trống rỗng, những ngăn kéo mở, hình như người phụ nữ đã lục lọi một cách vội vã trước khi ra đi. Holmes lao tới cái dây chuông, kéo cái cửa pa- nô trượt xuống và thọc tay vào, kéo ra một tấm ảnh và một lá thư. Đó là tấm ảnh của chính nàng Irène Adler mặc dạ phục.

Lá thư gửi cho “Ngài Sherlock Holmes”.

“Ông Sherlock Holmes thân mến,

Thật ra ông đã hành động rất khéo léo. Ông hoàn toàn đánh lừa được tôi. Cho đến sau khi nghe báo động lừa, tôi vẫn không mấy may ngờ vực. Nhưng, khi tôi đã phát hiện ra tôi đã tự làm lộ chuyện của mình thì tôi bắt đầu suy nghĩ. Từ mấy tháng trước, người ta đã báo cho tôi biết, phải đề phòng ông. Tôi đã được báo tin rằng nếu nhà vua thuê một thám tử, thì chắc chắn người đó phải là ông. Và người ta đã cho tôi địa chỉ của ông. Thế mà, sau cùng ông vẫn buộc tôi phải tiết lộ cho ông cái mà ông muốn biết. Thậm chí, sau khi bắt đầu ngờ vực tôi cũng thấy khó mà nghĩ xấu về ông mục sư tốt bụng.

Nhưng ông biết đấy, tôi cũng đã được huấn luyện trong nghề diễn viên. Y phục nam giới đối với tôi chẳng có gì xa lạ. Trước đây, tôi thường cải trang để sinh hoạt thoải mái hơn. Nhờ có bác tài xế canh chừng ông, tôi chạy lên tầng trên, mặc y phục của đàn ông rồi theo đến nhà của ông để biết chắc chắn rằng ông đang theo dõi tôi. Hơi liêu lĩnh một chút, tôi đã chào ông, chúc ông ngủ ngon giấc, rồi đi đến Temple để gặp chồng tôi. Cả hai chúng tôi đều nghĩ rằng, tốt nhất là tẩu thoát còn hơn ở lại mà bị theo đuổi bởi một đối thủ kinh khủng như ông. Như vậy, ông sẽ tìm thấy chiếc hộp trống không. Còn về tấm ảnh, thân chủ của ông có thể yên tâm. Tôi đang yêu và được yêu bởi một người tốt hơn ông ta. Nhà vua có thể làm những gì mà ông ta muốn, và sẽ không gặp một cản trở nào về phía người phụ nữ mà ông ta đã đối xử tàn tệ. Tôi giữ tấm ảnh chỉ để tự vệ

như một thứ vũ khí để chống lại toan tính nào mà ông ta có thể thực hiện được trong tương lai. Tôi để lại một tấm ảnh mà ông ta có thể muốn giữ. Xin chân thành chào ông, ông Sherlock Holmes thân mến!

Irène Norton, nhũ danh Adler”.

- Thật là một phụ nữ phi thường - Vua xứ Bohemia kêu lên, khi cả ba chúng tôi đã đọc xong lá thư - Cô ta không được ở vào giai cấp của tôi, là một điều rất đáng tiếc?

- Tôi rất tiếc là không đưa sự việc của ngài đến một kết cục thành công hơn - Holmes nói.

- Trái lại! Không có gì thành công hơn. Tôi biết rằng lời nói của cô ta chắc như đinh đóng cột. Tấm ảnh đó bây giờ an toàn như thể nó nằm trong lửa vậy.

- Tôi rất vui khi nghe Bệ hạ nói vậy.

- Tôi mang ơn ông vô cùng. Xin nói cho tôi biết, tôi có thể đền ơn ông như thế nào? Cái nhẫn này...

Ông ta tháo cái nhẫn ngọc ra khỏi ngón tay và đặt nó giữa lòng bàn tay.

- Bệ hạ có một thứ mà tôi cho là quý hơn thế nữa.

- Ông chỉ cần nói ra.

- Tấm ảnh này?

Nhà vua trở mắt nhìn anh, kinh ngạc.

- Tấm ảnh của Irène à? Sẵn sàng thôi, nếu ông muốn.

- Xin cảm ơn Bệ hạ. Vậy thì, vấn đề đã kết thúc. Tôi trân trọng chúc Bệ hạ một buổi sáng tốt đẹp.

Holmes cúi chào, và quay đi không nhìn thấy bàn tay nhà vua chìa ra cho anh.

*

Xưa nay, anh vẫn thường lấy chuyện thông minh của phụ nữ ra mà đùa cợt. Nhưng gần đây, tôi không nghe anh làm việc đó nữa. Mỗi khi nói về Irène, hoặc khi anh nhắc đến tấm ảnh của nàng, anh luôn luôn gọi nàng bằng danh hiệu cao quý: “Người Phụ Nữ”.

Hết

B.2 - The Red Headed League 1891 (Hội tóc hung)

Một hôm, tôi bước vào phòng khách thì thấy Sherlock Holmes đang say sưa trò chuyện với một người đàn ông vóc người to béo, sắc mặt hồng hào, mái tóc màu hung đỏ rực như lửa. Tôi xin lỗi vì sự đường đột và đang định quay ra, thì Sherlock Holmes đã kéo tôi vào, rồi đóng cửa lại.

Watson thân mến, anh đến thật đúng lúc - Anh nói.

- Tôi sợ anh đang bận.

- Đúng, rất bận là đằng khác.

- Vậy để tôi sang phòng bên đợi anh.

- Không sao đâu. Thưa ông Wilson, bác sĩ Watson đây là một cộng sự và là một trợ thủ của tôi trong nhiều vụ án thành công nhất. Tôi tin chắc trong vụ này ấy cũng sẽ rất hữu ích.

Người đàn ông to béo hơi nhồm dầy, gật đầu chào, liếc cặp mắt nhỏ nhìn tôi, vẻ dò xét.

- Watson thân mến - Sherlock Holmes nói - Tôi biết anh từng chia sẻ cùng tôi lòng say mê tất cả những gì bí ẩn, và trái với lẽ thường. Đây, ông Jabez Wilson có chuyện kỳ lạ nhất mà tôi từng nghe thấy trong mấy tháng nay. Ông Wilson, theo tôi, ông nên vui lòng kể lại từ đầu. Tôi yêu cầu như vậy không phải chỉ vì bác sĩ Watson, bạn tôi, chưa được nghe phần đầu, mà còn vì câu chuyện kỳ lạ này khiến tôi háo hức muốn nghe kỹ lại mọi tình tiết. Thông thường, chỉ cần nghe qua vài tình tiết là tôi đã liên tưởng đến hàng ngàn vụ tương tự mà mình còn nhớ. Nhưng với vụ này, tôi phải buộc lòng thừa nhận rằng nhiều điểm quả là có một không hai.

Ông khách hàng lôi từ túi trong chiếc áo choàng đang mặc ra một tờ báo ó bản, nhàu nát. Cúi người xuống, ông đưa mắt nhìn vào mục quảng cáo đăng trên tờ báo trải trên đùi. "Đây rồi", ông vừa nói vừa giơ ngón tay mập tròn, hồng hào, chỉ vào đoạn dưới nằm giữa cột quảng cáo.

- Toàn bộ câu chuyện mở đầu từ chính cái mẫu này đây. Xin ông tự đọc lấy thì hơn.

Tôi đón lấy tờ báo, rồi nhắm đọc :

"Hội những người tóc hung.

Thế theo ý nguyện mà ông Ezekiah Hopkins ở Lebanon, Pennsylvania, U.S.S di chúc lại thì giờ đây, Hội cần tuyển một hội viên làm một công việc nhàn nhã với mức lương 4 bảng/tuần, trích từ các khoản tài sản của ông. Mọi người có mái tóc hung đỏ và có thể lực, trí lực tốt, trên 21 tuổi, đều có thể dự tuyển. Đơn từ xin gửi về cho ông Duncan Ross, vào sáng thứ Hai, lúc 11 giờ, tại văn phòng Hội, số 7 Pope's Court, đường Fleet Street, Luân Đôn".

- Chuyện quái quỷ gì thế này? - Tôi kêu lên sau khi đọc đi đọc lại hai lần mẫu quảng cáo kỳ quặc đó .

Sherlock Holmes mỉm cười :

- Chuyện khá kỳ quặc, đúng không? - Anh nói. - Bây giờ, ông Wilson, xin ông kể về chính ông, gia cảnh ông và ấn tượng mà mẫu quảng cáo này gây nên cho ông.

- À, thì cũng như tôi vừa kể với ông đấy, ông Sherlock Holmes - Jabez Wilson nói. Tôi có một cửa hiệu cầm đồ nhỏ, tại Coburg Square, gần khu City. Công việc làm ăn của tôi chẳng bề thế gì cho lắm, và gần đây lời lãi chỉ tạm đủ sống. Trước tôi có thể thuê hai nhân viên giúp việc, nhưng giờ thì chỉ còn dám thuê có một và cũng khó trả nổi tiền lương cho người ta, trừ phi người ấy vui lòng hưởng phần nửa mức lương thông thường, coi như để có dịp làm quen với công việc ở đây.

- Thế anh chàng sốt sáng ấy tên là gì? - Sherlock Holmes hỏi.

- Tên hắn là Vincent Spaulding. Hắn không còn trẻ nữa. Tuổi tác hắn thật khó đoán. Hắn là một nhân viên nhanh nhẹn, ông Sherlock Holmes ạ, và tôi thừa biết hắn dễ dàng kiếm được một công việc khá hơn thế này nhiều, lương bổng cao gấp đôi so với đồng lương mà tôi trả hiện nay. Nhưng rất cục, hắn vẫn nhận, và nếu hắn thấy bằng lòng, thì việc gì tôi lại gợi ý cho hắn rằng hắn đã chịu thiệt kia chứ?

- Đúng, chẳng ích gì thật. Xem ra ông quả tốt số khi kiếm được một tay phụ việc như hắn. Chắc hắn cũng đang chú ý chính mẫu quảng cáo này.

-Ồ, hắn cũng có nhược điểm đấy - Ông Wilson nói. - Tôi chưa từng gặp một ai mê ảnh như gã này. Hễ cao hứng là bấm máy lia lịa, rồi nhanh như một con thỏ chui tọt xuống hầm rượu in in trắng trắng những pô ảnh vừa chụp xong. Đó là nhược điểm chính của hắn; còn nhìn chung thì hắn rất được việc. Tôi thấy chẳng có gì đáng phàn nàn.

- Tôi đoán: chắc hiện giờ hắn vẫn còn làm cho ông?

- Vâng, thưa ông. Hắn với một cô bé mười bốn tuổi chỉ lo việc bếp núc và dọn dẹp. Ngoài ra nhà tôi chẳng còn ai, vì tôi không vợ không con. Ba chúng tôi sống rất bình lặng, thưa ông, cho tới lúc...

"Mọi chuyện bắt đầu bị đảo lộn kể từ ngày tôi đọc được mẫu quảng cáo này. Một hôm, chuyện đó xảy ra cách đây hơn tám tuần, Spaulding bước vào cửa hiệu với tờ báo này trên tay, và nói "Ước gì tôi cũng được trời phú cho một mái tóc hung đỏ, ông Wilson ạ".

- Sao vậy? - Tôi hỏi.

- Sao ư? - Hắn nói. - Ông cứ đọc mẫu thông báo tuyển người của Hội Tóc Đỏ đây khắc rõ. Ai may mắn chắc sẽ kiếm được một gia tài nhỏ chứ chẳng phải đùa. Tôi chắc họ còn khuyết nhiều hội viên so với số người xin vào hội. Chỉ cần mái tóc tôi đổi màu là tôi sẽ sẵn sàng xin nhập hội ngay, vì đây là một công việc tôi thấy thật nhàn nhã.

- Sao, vậy nghĩa là thế nào? - Tôi hỏi hắn. - Ông Sherlock Holmes, ông thấy đó, vì công việc của tôi không bắt tôi phải chạy ngược chạy xuôi tìm khách hàng, nên có khi suốt mấy tuần lễ, tôi chẳng bước chân ra khỏi nhà. Vì vậy, tôi chẳng biết gì nhiều về những chuyện diễn ra xung quanh, nên bao giờ tôi cũng háo hức nghe kể những chuyện mới lạ.

- Thế đã bao giờ ông nghe nói tới Hội Tóc Đỏ chưa? - Hắn hỏi tôi.

- Chưa bao giờ.

-Ồ, ông chính là người có thể chiếm được một trong những chỗ khuyết ấy đấy.

Thế họ có thể kiếm được bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- À, mỗi năm chỉ vài trăm bảng thôi, nhưng được cái là công việc rất nhàn nhã, và lại không ảnh hưởng gì nhiều tới những chuyện họ đang làm.

Vâng, điều hấn kẻ khiến tôi phải đồng tai lên nghe. Mấy năm nay, công việc làm ăn của tôi không khấm khá lắm, nên cơ may kiếm thêm được vài trăm bảng quả hết sức hấp dẫn.

- Nay, hãy kể hết tôi nghe những gì anh biết về cái Hội nọ, tôi bảo hấn.

- Vâng hấn đáp và chìa cho tôi xem mẫu quảng cáo nọ - như chính ông thấy đó, Hội đang khuyết một chỗ. Họ có đăng đại chỉ rõ ràng; ông có thể đến đó hỏi thêm. Theo tôi được biết, Hội này do Eekiah Hopkins, một triệu phú Mỹ tính nết hết sức khác người, lập ra. Tóc ông ấy đỏ rực, nên ông ấy rất thiện cảm với hết thầy những ai có mái tóc cùng màu. Bởi vậy, sau ngày mất, ông ấy đã để lại một tài khoản kếp xù để tạo công ăn việc làm nhàn nhã cho những ai cùng màu tóc với ông ta. Tôi nghe nhiều người đồn là công xá khá hậu mà công việc lại chẳng vất vả gì lắm.

- Nhưng, - Tôi nói - số người tóc hung nọ đơn khéo lên đến cả hàng triệu.

- Không nhiều như ông tưởng đâu - Hấn đáp.

Như ông thấy đó, Hội chỉ nhận những ai người Luân Đôn. Ông triệu phú này vốn sinh ở Luân đôn, và sống tại đây thời trai trẻ, nên muốn làm những việc tốt đẹp cho thành phố nơi mình sinh trưởng. Hơn nữa, tôi còn nghe nói, Hội không dành chỗ khuyết đó cho những ai tóc màu hung nhạt, hung sẫm, hoặc bất kỳ sắc hung nào, mà chỉ dành cho người có một mái tóc thật, màu hung đỏ, đỏ rực như lửa. Ông Wilson, nếu muốn nhập đơn, ông nên đến ngay đi. Nhưng xem ra chắc ông chẳng thêm mất công chỉ để kiếm được có vài trăm bảng.

Nhưng chắc quý ông thấy đó, tóc tôi quả thực màu hung đỏ với đủ mọi sắc thái mà chính mẫu quảng cáo kia đòi hỏi. Tôi tự cảm thấy nếu phải dự tuyển, tôi sẽ có nhiều cơ may hơn bất cứ ai tôi từng gặp từ trước tới giờ. Vincent Spaulding xem ra biết rõ chuyện này nhiều hơn những gì tôi có thể trông đợi ở hấn, nên tôi lập tức ra lệnh cho hấn đóng cửa hiệu, rồi chúng tôi liền lên đường, tìm đến cái địa chỉ đã ghi trong mẫu quảng cáo kia.

Ông Holmes ạ, tôi hy vọng đừng bao giờ sẽ phải chứng kiến thêm một lần nữa cảnh tượng như thế. Từ bốn phương đông, tây, nam, bắc, tất cả những ai có mái tóc hung với đủ mọi sắc độ đều lũ lượt kéo đến City để tranh nhau cái chỗ khuyết đăng trên mẫu quảng cáo kia. Tôi không thể hình dung nổi rằng trên đất nước Anh lại có đến ngàn ấy người háo hức đổ về đây chỉ vì mẫu quảng cáo vớ vẩn kia. Màu tóc họ thôi thì đủ mọi sắc độ, nhưng như Spaulding nói số người có mái tóc thật màu đỏ rực như lửa, quả không nhiều. Khi thấy có ngàn ấy người đứng đợi, tôi toan bỏ cuộc. Nhưng Spaulding không chịu nghe. Hấn chen vai thích cánh mãi cho tới lúc lách được qua đám đông, và chúng tôi đặt được chân lên những bậc tam cấp dẫn lên văn phòng.

Trong văn phòng tôi chẳng thấy bày biện gì nhiều, ngoài mấy chiếc ghế gỗ và một cái bàn. Ngồi tại đó là một người bé lốt choắt, màu tóc còn đỏ hơn cả tóc tôi. Hấn nói vắn tắt vài câu với từng người dự tuyển, rồi với ai cũng cố tìm một vài khiếm khuyết này nọ để từ chối. Chiếm được chỗ khuyết đó xem ra chẳng dễ. Nhưng khi đến lượt tôi, anh chàng lốt choắt nọ tỏ ra hài lòng hơn bất cứ ai khác. Hấn đóng chặt cửa lại ngay sau lúc chúng tôi bước vào, để có thể trò chuyện riêng với hai chúng tôi.

- Đây là ông Jabez Wilsong, - Spaulding nói - ông ấy đến để dự tranh chỗ khuyết mà Hội đang tuyển.

- Ông ấy rất xứng đáng - Gã nọ đáp.

Lâu lắm rồi, tôi chưa từng thấy một mái tóc nào tuyệt như thế này. Hắn lùi lại một bước, nghiêng đầu ngắm nghía mái tóc tôi. Rồi thỉnh thoảng chồm tới nắm chặt tay tôi, chúc mừng tôi trúng tuyển.

- Không còn gì để phân vân nữa - Hắn nói. - Nhưng để biết chắc, xin ông thứ lỗi, tôi phải thật thận trọng để đề phòng.

Nói chưa dứt lời, hắn đã dùng cả hai tay tóm chặt tóc tôi giật lấy giật để cho tới lúc tôi rơm rớm nước mắt.

Ông ứa nước mắt kìa - Hắn vừa nói vừa buông tay ra. - Tôi thấy mọi cái đều ổn. Nhưng chúng tôi phải thận trọng, vì chúng tôi đã hai lần bị lừa, một lần thì tóc giả, một lần thì tóc nhuộm.

Hắn đến bên cửa sổ và lớn tiếng báo cho đám đông rằng đã tìm được ứng viên thích hợp. Tiếng suýt xoa và kêu la vì thất vọng từ dưới đường vọng lên, và mọi người lục tục bỏ đi, tản ra nhiều ngã, cho tới lúc chẳng còn thấy mái tóc hung nào, ngoại trừ mái tóc hung của tôi và của gã lo việc tuyển chọn các ứng viên.

- Tên tôi là Duncan Ross - Hắn nói. - Bao giờ thì ông có thể bắt tay vào công việc?

- À, có một điều hơi bất lợi là tôi đang bận chuyện làm ăn ở nhà - Tôi đáp.

-Ồ, ông Wilson, ông đừng lo! - Vincent Spaulding nói. - Tôi có thể thay ông trông coi.

- Tôi phải làm việc vào những giờ nào? - Tôi hỏi.

- Từ mười giờ sáng đến hai giờ chiều.

Hiện giờ, ông Holmes ạ, cửa tiệm cầm đồ của tôi chủ yếu chỉ làm việc vào buổi chiều và buổi tối, vì vậy, tôi thấy không có gì bất tiện cho lắm, nếu kiếm thêm được chút đỉnh vào các buổi sáng. Ngoài ra, tôi biết tay giúp việc của tôi là người đáng tin cậy, và hắn ta có thể thay thế tôi xoay xở mọi việc khi cần.

- Vậy thì rất thuận tiện cho tôi - Tôi nói. - Còn thù lao?

- Bốn bảng mỗi tuần.

- Thế công việc?

- Nhàn nhả lắm.

- Ông muốn ngụ ý gì khi gọi là nhàn nhả?

- À, ông phải có mặt hàng ngày tại văn phòng, hay ít ra cũng tại tòa nhà này, trong suốt thời gian đó. Nếu bỏ ra ngoài, ông sẽ mất việc. Bản di chúc có ghi rõ điểm này.

- Mỗi ngày chỉ có mặt bốn tiếng thì chuyện không ra khỏi văn phòng chắc chắn tôi sẽ thực hiện được thôi - Tôi nói.

- Chúng tôi không bao giờ dung thứ vì bất cứ lý do nào - Ông Duncan Ross nói - Cả ốm đau lẫn bận công việc, hoặc bất cứ có gì khác. Ông hoặc phải ở lại, hoặc sẽ bị mất việc.

- Thế tôi phải làm gì?

- Chép lại bộ Encyclopedia Britannica, Bách khoa toàn thư Anh Quốc. Đây là tập I. Bắt đầu từ mai trở đi, ông sẵn sàng chưa?

- Dĩ nhiên - Tôi đáp.

- Vậy thì tạm biệt ông, ông Jabez Wilson. Một lần nữa xin chúc mừng ông.

Tôi cùng gã giúp việc trở về, chẳng biết nói gì hay làm gì thêm: tôi rất mừng rỡ vì tìm được một công việc béo bở.

Vâng, chuyện đó khiến tôi khắp khởi mừng thầm suốt ngày, nhưng đến chiều, tôi lại thấy lo. Tôi tự thuyết phục mình rằng toàn bộ chuyện này đúng là một trò đùa, mặc dù

thực chất nó là gì, tôi không sao hình dung nổi. Thật khó tin được rằng trên đời lại có kẻ để lại một bản di chúc kỳ cục như thế, và chịu bỏ ra một đồng tiền như thế chỉ để thuê làm một dịch vụ giản dị là chép toàn bộ Bách khoa toàn thư Anh Quốc. Tuy vậy, sáng hôm sau tôi vẫn quyết định đến xem tận mắt sự thể thế nào, nên tôi lên đường đến Pope's Court.

Tôi sửng sốt và lấy làm thích thú vì mọi chuyện diễn ra hết sức tốt đẹp, ngoài sức tưởng. Họ kê sẵn cho tôi một cái bàn, và Duncan Ross ngồi đó xem tôi bắt tay vào việc ra sao. Gã bảo tôi chép từ văn A, rồi lát sau bỏ đi, để mặt tôi ngồi chép. Nhưng chốc chốc lại tạt vào xem tôi làm việc ra sao. Đúng hai giờ gã khen tôi đã chép được nhiều, rồi tạm biệt tôi, tiễn tôi ra khỏi cửa, xong khoá cửa văn phòng ngay khi tôi vừa đi khỏi.

Ông Holmes ạ, việc đó cứ tiếp diễn hết ngày này sang ngày khác, và đến thứ bảy gã bước vào, trao cho tôi bốn đồng sovereign vàng để trả cho công việc tôi làm tuần qua. Tuần sau mọi chuyện lại diễn ra như tuần đầu rồi tuần tiếp theo nữa cũng thế. Sáng nào tôi cũng có mặt ở đúng lúc mười giờ và ra về lúc hai giờ. Càng về sau, Duncan Ross càng đến thưa dần, chỉ một lần vào buổi sáng, rồi ít lâu sau, không thấy đến nữa. Tuy vậy, dĩ nhiên, tôi vẫn không bao giờ dám rời khỏi phòng dù chỉ một phút. Tôi làm thế nào biết chắc được lúc nào thì gã xuất hiện, hơn nữa, công việc lại nhàn nhã, hợp với sở thích tôi, nên tôi không muốn có nguy cơ bị thải hồi.

Tám tuần liền đã trôi qua như vậy và số giấy tôi chép được đã chất đầy phân nửa cái giá sách trong phòng. Nhưng rồi toàn bộ công việc bỗng nhiên kết thúc”.

- Kết thúc?

- Vâng, thưa ông. Mà chỉ mới sáng nay thôi. Tôi đến nơi làm việc như thường lệ vào lúc mười giờ, nhưng thấy cửa khoá và chính giữa có dính một mẫu thông báo nhỏ, hình vuông, viết trên bìa cứng. Mẫu thông báo ấy đây, ông có thể tự đọc.

Rồi ông thân chủ chìa ra một mẫu bìa trắng, cỡ bằng một trang sổ tay, viết chỉ vồn vẹn mấy chữ :

“Hội những người tóc hung đỏ giải thể ngày 9 tháng 10 năm 1890”

Holmes và tôi ngẩng ngó mẫu thông báo và gương mặt rầu rĩ thấp thoáng sau mảnh bìa nọ cho tới lúc khía cạnh khòil hài của vụ này khiến cả hai cùng cười phá lên.

- Tôi chẳng thấy có gì đáng buồn cười trong chuyện này - Ông thân chủ của chúng tôi kêu lên, mặt đỏ ửng lên tận máil tóc hung đỏ rực. - Nếu quí ông không thể làm gì khác ngoài việc nhạo báng tôi, thì tôi đi nhờ người khác ngay đây.

- Ô, không, không - Holmes kêu lên. - Tôi thực tình không muốn bỏ qua vụ này, dù phải chịu mất bất cứ thứ gì. Nhưng, nói ông bỏ qua cho, trong chuyện này quả có điểm gì đó rất hài hước, Thế ông làm gì khi thấy mẫu bìa này dính trên cửa?

- “Tôi chưa biết phải làm gì. Tôi tới dò hỏi các văn phòng kế cận của tòa nhà, nhưng chẳng ai biết gì về cái Hội kia. Rốt cục, tôi đành tìm gặp ông chủ nhà ở dưới tầng trệt, hỏi xem ông ta có thể nói cho tôi điều gì đã xảy ra với cái Hội Tóc đỏ kia không. Ông ấy đáp rằng chưa bao giờ nghe nói đến nó. Rồi tôi hỏi ông Duncan Ross là ai. Ông ấy nói: cái tên đó ông mới nghe thấy lần đầu.

- Vâng - Tôi nói - đó chính là cái ông thuê căn phòng số 4.

- À, cái gã tóc màu hung đỏ chứ gì?

- Đúng thế.

- Ô, - Ông ta tiếp - tên gã ấy là William Moris kia. Hắn chỉ thuê tạm căn phòng tôi ít lâu trong lúc chờ tìm được chỗ mới để đặt văn phòng của hắn. Hắn vừa dọn đi hôm qua.

- Thế có thể tìm hắn ở đâu?

- À, tại văn phòng mới của hắn. Hắn có cho tôi biết địa chỉ đấy. Vâng, đây rồi, số 17, đường King Edward Street, cạnh giáo đường Saint Paul.

Tôi đến ngay nơi đó, ông Holmes ạ, tìm được căn nhà theo địa chỉ, nhưng chẳng ai nghe nói tới cái tên William Morris lẫn cái tên Duncan Ross”.

- Rồi ông còn làm gì nữa? - Holmes hỏi.

- Tôi quay về Coburg Square, hỏi gã giúp việc nên tính sao, nhưng gã chẳng nghĩ được cách gì khả dĩ giúp tôi cả. Chỉ bảo tôi là nên chịu khó chờ thư từ qua đường bưu điện. Nhưng như thế tôi thấy chưa yên tâm, ông Holmes ạ. Tôi không muốn bị mất việc, mà chẳng hề làm gì, chỉ khoanh tay ngồi chờ. Tôi nghe nói ông rất tốt bụng, sẵn lòng giúp những ai khốn khổ đến cầu cứu mình, nên đã tìm đến ông ngay.

- Ông ứng phó như vậy là khôn ngoan. - Holmes nói. - Vụ của ông rất đáng chú ý, và tôi rất lấy làm sung sướng được mời đứng ra giải quyết. Từ những gì ông vừa kể, tôi nghĩ đây chắc chắn là một vụ nghiêm trọng hơn so với mức mà người ta có thể tưởng khi mới nhìn qua.

- Đúng là nghiêm trọng thật! - ông Jabez Wilson. - Không chừng tôi bị mất bốn bảng mỗi tuần.

- Riêng về phần ông, - Holmes nhận xét - tôi thấy ông không có gì để oán trách cái hiệp hội kỳ quặc kia cả. Trái lại, theo như tôi hiểu, ông kiếm thêm được khoảng ba mươi bảng và thu thêm được ít nhiều tri thức sâu sắc về tất cả các mục được viết trong văn A. Ông chẳng mất gì cả.

- Ô, không, thưa ông. Nhưng tôi còn muốn dò ra tung tích bọn chúng xem chúng là ai và chúng chơi trò này với tôi nhằm mục đích gì, nếu đó quả là một trò đùa. Một trò đùa khá tốn kém với bọn chúng, vì chúng phải trả những ba mươi hai bảng.

- Chúng tôi sẽ cố làm sáng tỏ những điểm ông vừa nhắc. Nhưng trước hết, tôi muốn hỏi ông vài câu, ông Wilson. Anh chàng giúp việc của ông, người đầu tiên lưu ý ông về mẫu quảng cáo kia, làm việc cho ông đã bao lâu rồi?

- Trước đó khoảng một tháng.

- Hắn đến với ông như thế nào?

- Theo lời quảng cáo tôi cho đăng trên báo.

- Chỉ một mình hắn đến hay còn có thêm ai khác?

- Không, có khoảng một tá đến dự tuyển.

- Tại sao ông chọn hắn?

- Vì hắn năng nổ và không đòi hỏi nhiều.

- Thực sự, chỉ đòi phân nửa số lương phải không?

- Vâng.

- Tướng mạo hắn thế nào, cái gã Vincent Spaulding ấy?

- Thấp, mập, rất nhanh nhẹn, không có râu, tuy tuổi khoảng ba mươi. Trên trán có một vết sẹo trắng.

Holmes ngồi bật dậy, vẻ rất kích động.

- Tôi cũng đoán vậy. - Anh nói - Trên mái tóc hắn ông có thấy hai lỗ đeo hoa tai không?

- Có, thưa ông. Hẳn bảo tôi một bà di gan đã xỏ cho hẳn khi hẳn còn trẻ.

- Thôi được rồi, ông Wilson. Vài ngày nữa, tôi sẽ rất sung sướng, báo cho ông biết kết quả vụ này. Hôm nay là thứ Bảy, tôi hy vọng đến thứ Hai chúng tôi sẽ có kết luận.

Khi ông thân chủ đã ra về, Holmes liền thu người lại trong ghế bành, hai đầu gối khằng khiu gần chạm mũi. Anh ngồi ở tư thế đó hồi lâu, mắt lim dim, chiếc tẩu bằng đầu nung màu đen nhô ra phía trước, trông tựa cái mỏ của một giống chim kỳ lạ. Tôi đã tưởng anh ngủ thiếp đi thì thành linh anh chồm dậy, dáng điệu như thể một người vừa nảy ra một quyết định, và đặt chiếc tẩu lên mặt lò.

Chiều nay có một buổi hòa nhạc tại St James's Hall. - Anh thốt lên. - Anh nghĩ sao, Watson? Bệnh nhân của anh có thể vui lòng buông tha anh trong vài giờ được không?

- Hôm nay tôi chẳng có gì phải làm. Công việc của tôi không bao giờ khiến tôi phải miệt mài cả ngày trong phòng khám.

- Vậy thì anh đội mũ vào, rồi ta đi thôi. Trước tiên, tôi phải đến khu City. Rồi sau đó, trên đường về, ta có thể ghé vào một cửa hiệu nào đó ăn chiều. Nào, ta lên đường thôi!

* * * * *

Chúng tôi đáp tàu điện ngầm đến tận Aldersgate, rồi đi bộ một quãng tới Coburg Square, nơi diễn ra câu chuyện kỳ dị mà chúng tôi vừa được nghe kể ban sáng. Một tấm biển hiệu màu nâu, kẻ hai chữ "JABEZ WILSON" bằng sơn trắng, treo ở góc nhà cho biết đó là cơ ngơi hành nghề của ông thân chủ tóc hung đỏ của chúng tôi. Holmes dừng lại ngay trước cửa hiệu, nghiêng đầu ngắm nghía mọi thứ, mắt sáng quắc. Rồi anh thông thả đi đi lại lại trên đường, sau đó vòng xuống tận góc phố, mắt vẫn chăm chú quan sát từng ngôi nhà. Cuối cùng, anh quay lại trước cửa hiệu. Anh dùng đầu gối nện mạnh hai ba lần xuống vỉa hè, rồi tiến thẳng tới trước cửa hiệu gỗ cửa. Cánh cửa mở toang ngay và trong khung cửa hiện ra một chàng trai mặt mũi sáng sủa lên tiếng mời mọc.

- Cảm ơn - Holmes nói. - Tôi chỉ muốn nhờ anh chỉ giúp đường đến Strand.

- Đến ngã tư thứ ba rẽ phải, đến ngã tư thứ tư thì rẽ trái. - Gã giúp việc của ông Wilson vừa đáp, vừa đóng chặt cửa lại.

- Quả là một gã ranh mãnh. - Holmes nhận xét khi chúng tôi quay ra. - Theo tôi xét đoán, hẳn là tay ranh mãnh đứng hàng thứ tư ở Luân Đôn này, và có lẽ đứng hàng thứ ba về mặt liêu lĩnh. Tôi đã biết ít nhiều về hẳn!

- Rõ ràng là gã giúp việc của ông Wilson đã đóng một vai trò đáng kể trong vụ làm ăn bí ẩn của Hội Tóc Hung - Tôi nói. - Tôi tin chắc việc anh hỏi đường chỉ là cái cớ để nhìn mặt hẳn.

- Không phải đâu.

- Vậy anh muốn xem gì?

- Ông quần hẳn, nơi hai đầu gối.

- Thế anh thấy được những gì?

- Thấy cái mà tôi mong đợi nơi hẳn ta.

- Vậy tại sao anh gõ gõ đầu gối xuống vỉa hè?

- Bác sĩ thân mến ơi, đây là lúc để quan sát, chứ không phải để trò chuyện. Ta đã biết được ít nhiều về Coburg Square. Giờ ta phải tìm kiếm những ngõ ngách nằm sau lưng nó.

Con đường mà chúng tôi vừa đặt chân tới sau khi đi vòng qua góc quảng trường Coburg Square là một trong những trục giao thông huyết mạch nối liền khu City với hai

phần thuộc mạn phía Bắc và Tây của kinh thành. Khó mà hình dung nổi những dãy cửa hiệu và văn phòng hoa lệ mà chúng tôi đang nhìn thấy trước mắt lại chính là mặt sau của cái quảng cáo ảm đạm mà chúng tôi vừa mới ghé qua.

- Để tôi ngắm một chút nhé - Holmes nói khi dừng lại góc đường và đưa mắt nhìn dọc con đường. - Tôi muốn ghi nhớ thứ tự các tòa nhà ở đây. Tìm hiểu tường tận Luân đôn là một thú vui của tôi. Đầu tiên là cửa hiệu thuốc lá Mortimer, kế đến là một sạp báo nhỏ, rồi chi nhánh Coburg của ngân hàng thành phố và các Vùng phụ cận. Chỗ này ăn thẳng sang lô nhà phía bên kia. Anh Watson, thế là chúng ta đã xong việc. Bây giờ chúng ta được quyền thư giãn đầu óc trong chốc lát. Một khoanh sandwich, một tách cà phê, rồi sau đó ta đến dự buổi hòa nhạc, nơi mà chẳng một thân chủ tóc hung nào có thể quấy rầy chúng ta bằng những vụ rắc rối điên đầu.

Bạn tôi say mê âm nhạc, vì anh vốn là người chơi nhạc và cũng là một nhạc sĩ có tài. Suốt buổi chiều hôm đó, anh ngồi trong phòng hòa nhạc, tận hưởng một niềm hạnh phúc tột đỉnh và khẽ đánh nhịp bằng mấy ngón tay dài khẳm khiêu theo các tiết tấu được nghe.

- Chắc anh đang muốn về ngay, phải không bác sĩ? - Holmes nói khi chúng tôi vừa rời khỏi phòng hòa nhạc.

- Vâng, tôi muốn về.

- Còn tôi, tôi phải làm nốt một số việc, mất khoảng vài tiếng nữa. Vụ Coburg Square quả là một vụ nghiêm trọng.

- Thật vậy sao?

- Đây là một vụ phạm tội qui mô có mưu tính trước. Tôi có đủ lý do để tin chắc chúng ta còn kịp ngăn chặn. Tôi mong anh vui lòng giúp tôi tối nay.

- Vào lúc mấy giờ?

- Từ mười giờ tối là vừa. Watson ạ, vụ này e nguy hiểm, nên xin anh bỏ túi khẩu súng nhà binh của anh. - Holmes vẫy tay tạm biệt, rồi quay đi và mất hút ngay trong đám đông.

Tôi luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ là mình thật khù khờ mỗi lần cộng tác với Sherlock Holmes. Tôi cũng nghe rõ những gì anh nghe thấy và cũng nhìn rõ những gì anh nhìn thấy. Nhưng qua lời anh tôi hiểu rằng anh không chỉ thấy được những gì đã xảy ra, mà còn tiên đoán được những gì sắp tới, trong khi dưới mắt tôi toàn bộ nội vụ vẫn chỉ là một mớ bòng bong.

Tối hôm đó, vừa đặt chân vào phòng Holmes, tôi thấy anh đang sôi nổi trò chuyện với hai người, mà một thì tôi nhận ra ngay - đó là Peter Jones, một thám tử của sở cảnh sát. Còn người kia thì cao gầy, nét mặt buồn bã, đầu đội một chiếc mũ bóng loáng.

- Ra, vậy là đủ mặt cả rồi - Holmes vừa nói vừa cài khuy chiếc áo vét, rồi với tay lên giá lấy chiếc gậy nặng trĩu xuống - Anh Watson, tôi nghĩ chắc anh đã biết ông Jones, đảng Scotland Yard? Vậy chỉ xin giới thiệu với anh: đây là ông Merryweather, một cộng sự của chúng ta trong cuộc phiêu lưu tối nay. Với ông, ông Merryweatherr, món tiền đặt cọc cho cuộc chơi tối nay là ba mươi ngàn bảng. Còn với ông, ông Jones, đó sẽ là gã phạm mà từ lâu ông vẫn ước ao tóm cổ.

- Vâng, đó là John Clay, một tên giết người kiêm trộm cắp. Gã còn trẻ, ông Merryweatherr ạ, nhưng là tay rất sừng sỏ trong nghề. Tôi muốn bắt gã hơn bất cứ tên tội phạm nào ở Luân Đôn. Một nhân viên rất đáng chú ý, cái gã John Clay trai trẻ ấy.

Đầu óc hắn cũng tinh quái như đôi bàn tay hắn vậy, nên tuy chúng tôi đã phát hiện được dấu tích hắn để lại khắp nơi, chúng tôi vẫn không biết tìm hắn ở đâu. Tôi đã theo dõi hắn nhiều năm rồi, nhưng chưa bao giờ được nhìn thấy hắn tận mắt.

- Hy vọng rằng tới nay tôi sẽ có thể có hân hạnh được giới thiệu hắn với ông. Tôi cũng đã một vài lần được nhìn thấy chiến công của cái gã John Clay này, và tôi hoàn toàn đồng ý với ông rằng hắn quả là một tay cao thủ trong nghề. Nhưng kìa, đã hơn mười giờ rồi, ta phải lên đường thôi. Nếu hai ông lên chiếc xe đầu, thì Watson và tôi sẽ theo sau trên chiếc xe thứ hai.

Trên đoạn đường dài, Holmes rất ít nói. Xe chúng tôi lăn bánh trên những dãy phố dài bất tận cho tới lúc đổ ra đường Farringdon Street.

- Sắp đến nơi rồi - Bạn tôi nói. - Tay Merryweather kia là một Giám đốc nhà băng và có liên quan trực tiếp đến vụ này. Tôi nghĩ Jones cũng rất cần cho chúng ta. Ta xuống đây thôi, họ đang chờ chúng ta kia kìa.

Chúng tôi đặt chân xuống chính khúc đường vốn tập nập mà chúng tôi vừa tới hồi sáng. Theo chân Merryweather, ba chúng tôi băng qua một con hẻm hẹp, rồi theo một cánh cửa hông đã mở sẵn để đón chúng tôi, đi vào nhà. Bên ngoài cánh cửa là một dải hành lang ngắn, dẫn thẳng tới một cái cổng sắt đồ sộ. Cánh cổng cũng đã mở sẵn, và chúng tôi lần bước trên những bậc cầu thang xoắn bằng đá, dẫn xuống một cái cổng đồ sộ nữa. Ông Merryweather dừng lại, châm đèn, xong dẫn chúng tôi xuống một lối đi tối om, sức mùi đất ẩm, rồi ông mở tiếp cánh cửa thứ ba, đưa chúng tôi xuống một căn nhà hầm rất rộng. Xung quanh, chúng tôi thấy chất đống hàng dãy thùng gỗ và hòm lớn.

- Từ phía trên ông rất an toàn - Holmes vừa nhận xét, vừa giơ cao ngọn đèn lồng, đưa mắt nhìn quanh.

- Cả từ phía dưới cũng thế - Ông Merryweather vừa nói vừa gõ gõ đầu gậy xuống mặt sàn bằng đá. - Trời ơi, sao nghe như trống rỗng thế này! - Ông ngược mắt, kinh ngạc thốt lên.

- Tôi buộc phải yêu cầu ông nói nhỏ hơn một chút. - Holmes nghiêm nghị nói. - Nếu không chúng ta sẽ có nguy cơ chẳng gặt hái được gì trong chuyến phiêu lưu này. Xin quý ông làm ơn ngồi xuống mấy cái thùng kia và đừng can thiệp vào công việc của tôi.

Ông Merryweather liền ngồi ngay xuống một cái thùng gỗ, vẻ mặt rất phật ý. Holmes quì xuống dưới sàn và dùng chiếc đèn lồng bắt đầu xem xét cẩn thận từng kẽ đá. Chỉ vài phút sau anh đã mãn nguyện ngay vì tôi thấy anh đã đứng bật dậy.

- Chúng ta phải chờ ít nhất một tiếng nữa - Anh nói - Vì bọn chúng khó có thể làm gì trước khi ông chủ hiệu cầm đồ ngủ yên. Bấy giờ, chúng sẽ không bỏ lỡ lấy một phút, vì công việc càng xong sớm, chúng sẽ càng có nhiều thì giờ để chạy trốn. Anh Watson, chắc anh đã đoán được hiện nay, chúng ta đang ở dưới tầng hầm Chi nhánh City của một trong những nhà ngân hàng chủ chốt ở Luân Đôn. Ông Merryweather đây là chủ tịch ban Giám đốc. Ông ấy sẽ giải thích cho anh rõ rằng lúc này bọn tội phạm tào tợn nhất của thành Luân Đôn có những lý do để quan tâm nhiều đến căn nhà hầm này.

- Chúng tôi hiện cất giữ tại đây toàn bộ số vàng Pháp mà ngân hàng đã vay được - ông Giám đốc khẽ nói.

- Vàng Pháp của các ông?

- Vâng. Cách đây vài tháng chúng tôi có vay của Ngân hàng pháp Quốc một số vàng trị giá ba mươi ngàn bảng. Ai cũng biết là chúng tôi chưa bao giờ khui sổ vàng ấy

ra, và cho tới bây giờ mấy thùng vàng đó vẫn còn nằm nguyên ở đây, tại căn hầm này. Cái thùng tôi đang ngồi này đựng một số vàng trị giá tới hai ngàn bảng Anh. Nghĩa là nhiều hơn rất nhiều so với mức bình thường tại một văn phòng của một chi nhánh nhỏ, và các viên Giám đốc đều đã có những mối nghi ngờ về chuyện này.

- Họ nghi ngờ là rất phải, - Holmes nhận xét - và bây giờ đã đến lúc chúng ta phải trừ liệu những gì cần làm để hoàn tất cái kế hoạch nhỏ của ta. Tôi hy vọng trong khoảng một giờ nữa, mọi chuyện sẽ kết thúc. Trong thời gian đó, ông Meryweather ạ, chúng ta phải che tạm ngọn đèn lại.

- Vậy là phải ngồi trong bóng tối?

- Tôi e rằng đành phải thế thôi. Tôi thấy đối thủ của chúng ta đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, nên ta không thể liều lĩnh để cho chúng thấy dưới này có ánh sáng. Và trước nhất, chúng ta phải chọn cho mỗi người một vị trí thuận lợi để ra tay. Bọn này rất táo tợn, nên chúng ta có lợi thế hơn, chúng vẫn có thể gây tổn hại cho chúng ta, nếu ta không cẩn thận. Tôi sẽ đứng nép sau cái thùng này; còn các ông hãy nấp sau mấy cái kia. Khi nào tôi chiếu đèn vào bọn chúng, các ông hãy mau lẹ bắt lấy chúng. Nếu chúng nổ súng thì Watson, anh hãy bắn hạ chúng.

- Bọn chúng chỉ còn một lối thoát - Holmes nói khẽ - Đó là lui về căn nhà trên Coburg Square. Ông Jones, tôi hy vọng chắc ông đã làm đúng những gì tôi yêu cầu?

- Tôi đã cho một viên thanh tra và hai cảnh sát mai phục ở cửa trước hiệu cầm đồ.

- Vậy là chúng ta đã chặn hết tất cả các lối ra và giờ, chỉ còn phải ngồi im đợi chúng nữa thôi.

Thời gian như thể ngừng trôi! Lúc này mới có một giờ mười lăm phút, thế mà tôi có cảm giác như đêm đã sắp tàn và trời đang rạng sáng. Từ chỗ nấp, tôi có thể nhìn bao quát cả sàn hầm. Bỗng mắt tôi nhìn thấy một ánh đèn.

Mới đầu, đó chỉ là một tia sáng nhỏ trên mặt đá. Về sau, tia sáng cứ dài dần cho tới lúc trở thành một vệt vàng, rồi bất thần, không hề gây tiếng động, khe hở trên mặt sàn như mở rộng ra thành một lỗ hổng. Một bàn tay hiện ra, trắng trẻo như tay phụ nữ, sờ soạng ở phía giữa quãng sáng nhỏ. Rồi một trong những phiến đá rộng, màu trắng, bị lật sang bên, phát ra một tiếng động ngắn, và một lỗ hổng trắng hoác hình vuông xuất hiện, khiến một dòng ánh sáng từ một ngọn đèn lồng tuôn vào căn hầm. Qua cái lỗ hổng đó, một gương mặt rất trẻ con từ từ nhô lên, đưa cặp mắt dò xét nhòm quanh. Sau đó gã nọ vờn dần người lên cho tới lúc tý được gối vào mép lỗ. Chỉ một khoảnh khắc sau, hắn đã đứng bên mép lỗ, và đưa bàn tay ra, kéo tên đồng bọn lên theo, một gã cũng thấp như hắn, mặt mũi xanh xao mái tóc hung đỏ rực như lửa.

- Ổn rồi - Hắn thì thầm. - Mày có mang theo mấy cái bao không? Thế là đại thắng! Nhảy đi, Archie, nhảy đi!

Holmes lao ra, tóm chặt cổ áo gã mới đột nhập đó. Gã kia tụt vội xuống cái lỗ hổng nọ, và tôi nghe thấy tiếng vải rách soạt khi Jones túm lấy chiếc áo khoác của hắn. Ánh đèn rọi thẳng vào khẩu súng ngắn hắn cầm, nhưng chiếc gậy của Holmes đã giáng mạnh vào cổ tay hắn, khiến khẩu súng rời xuống mặt sàn đá.

- Vô ích thôi, John Clay - Holmes nói. - Anh chẳng còn một cơ may nào nữa đâu.

- Ta biết - Gã đáp, giọng ráo hoảnh - Nhưng ta tin bạn ta đã thoát, tuy ta thấy anh đã vớ được chiếc áo choàng của cậu ta.

- Có ba người đợi hắn ngoài cửa đây - Holmes nói.

- À, ra thế. Xem ra anh đã tính đâu vào đấy rồi nhỉ. Khá khen cho anh.

- Cả cho anh nữa. - Holmes đáp - Ý đồ lập Hội Tóc Đỏ của anh quả rất tân kỳ và hữu hiệu.

John Clay nghiêng mình chào một vòng cả ba chúng tôi, rồi lặng lẽ theo sau viên thám tử, đi.

- Watson, anh thấy không? - Holmes giảng giải khi chúng tôi ngồi bên cốc whisky tại Baker Street. - Ngay từ đầu, tôi đã thấy rõ ràng mục đích duy nhất của cái Hội nọ là điều ông chủ hiệu cầm đồ ra khỏi nhà mình hàng ngày trong nhiều giờ. Cái biện pháp chọn quả có kỳ quặc thật, nhưng quả tình cũng khó tìm được một cách nào tốt hơn. Ngón này rõ ràng là do cái trí tuệ của Clay nghĩ ra nhờ mái tóc đỏ rực của tên đồng bọn gợi ý. Bốn bảng mỗi tuần là một miếng mồi hết sức cám dỗ đối với ông chủ hiệu, nhưng có đáng là bao khi bọn chúng tính chuyện vớ được hàng ngàn? Chúng cho đăng quảng cáo, rồi một gã lừa đảo đã thuê tạm một văn phòng; còn gã kia khuyến khích ông chủ mình nộp đơn, và cả hai cùng nhau tìm cách làm sao cho ông ta chắc chắn vắng nhà tất cả các buổi sáng trong nhiều tuần lễ. Chỉ cần thoáng nghe câu chuyện là hẳn chỉ xin giúp việc với phân nửa số lương, tôi đã hiểu ngay: hẳn phải có một động cơ mạnh mẽ nào đó thôi thúc hẳn chịu làm với đồng lương như thế!

- Nhưng bằng cách nào mà anh đoán được động cơ của bọn chúng?

- Công việc làm ăn của ông thân chủ chúng ta chẳng lời lãi bao nhiêu, nên trong nhà ông ta chẳng có món gì đáng giá để chúng phải trù tính việc này, việc kia và chi tiêu tốn kém như vậy cả. Vì thế, rõ ràng là cái mà chúng đi tìm phải ở chỗ khác kia. Nhưng đó là cái gì? Tôi nghĩ tới cái thói hay chụp ảnh của gã giúp việc cho ông ấy và cái thói quen chui xuống căn hầm của gã. Tầng hầm! Chìa khoá của mọi chuyện đây rồi. Tôi liền dò tìm lai lịch gã giúp việc bí ẩn nọ, và phát hiện ra rằng mình đang đối mặt với một trong những tên tội phạm nhứt tâm nhất và táo tợn nhất thành Luân đôn. Hẳn đang làm gì đó dưới tầng hầm - một công việc phải mất nhiều giờ mỗi ngày và phải làm mấy tháng mới xong. Việc gì nhỉ? Tôi nghĩ: đó chỉ có thể là việc đào một đường hầm để đột nhập vào một tòa nhà.

- Đó là những điều mà tôi đã suy ra được khi đến thăm hiện trường. Tôi đã làm anh ngạc nhiên khi gõ gõ đầu gây xuống vỉa hè. Tôi muốn biết tầng hầm đó dẫn ra phía trước hay phía sau. Không phải phía trước. Thế là tôi giật chuông gọi cửa, và gã giúp việc nọ đã ra mở ngay, đúng như tôi hy vọng. Tôi hầu như không nhìn vào mặt hắn, hai đầu gối hắn mới đang nhìn. Chắc anh cũng đã nhìn thấy tận mắt: cả hai ống quần hắn đều sờn nhàu và nhem nhuốc nơi hai đầu gối. Đó là vết tích của bấy nhiêu giờ đào bới.

Bấy giờ chỉ còn một điểm chưa rõ: con đường đó dẫn đến đâu? Tôi vòng ra góc quảng trường thì thấy ngân hàng City và Ngoại thành với cửa hiệu cầm đồ kia đầu lưng vào nhau. Tôi cảm thấy mình đã gửi xong bài toán. Khi anh ra về sau buổi hòa nhạc, tôi ghé đến Scotland Yard, rồi đi gặp ông chủ tịch ban Giám đốc của ngân hàng nọ, và tôi đã gặt hái được kết quả như chính anh đã thấy đấy.

- Nhưng anh làm cách nào mà đoán được rằng đêm nay chúng sẽ hành động? - tôi hỏi.

- Ấy, khi chúng đóng cửa văn phòng của Hội thì cũng chính là lúc chúng không còn lo nghĩ gì nữa tới chuyện ông Jabez Wilson đi vắng hay ở nhà. Nói cách khác, chúng đã đào xong con đường hầm kia. Nhưng cái chính là chúng phải sử dụng sớm thành quả đó, vì chúng sợ có thể bị phát hiện hoặc ngân hàng sẽ chuyển chỗ vàng kia đi nơi khác. Thứ bảy là dịp thuận tiện cho chúng hơn bất kỳ ngày nào khác, vì chúng sẽ có tới

hai ngày để tẩu thoát. Vì tất cả những lý do đó, tôi dự kiến chúng sẽ hành động ngay đêm nay.

- Cách suy luận của anh thật tài tình, - tôi thán phục reo lên.
- Nó chỉ cứu tôi ra khỏi cảnh buồn chán thôi - anh vừa đáp, vừa ngáp dài.

Hết

4B.3 - A Case of Identity 1891 (Vụ mất tích kì lạ)

- Bạn thân mến! - Sherlock Holmes nói khi chúng tôi ngồi cạnh lò sưởi trong căn hộ tại phố Baker - Cuộc sống là sự bí ẩn hơn bất cứ cái gì mà con người có thể khám phá. Chúng ta không thể cảm nhận mọi thứ mà thật sự chỉ là những biểu hiện nhỏ của sự tồn tại. Nếu chúng ta có thể bay ra khỏi cửa sổ, bay lượn trên thành phố này, hãy nhìn vào bên trong những ngôi nhà, nơi những điều bất thường đang xảy ra, sự trùng hợp ngẫu nhiên, các kế hoạch được xếp đặt, những ý kiến mâu thuẫn, móc xích những sự kiện và liên kết chúng lại. Cuối cùng, nó giúp ta hình dung thói quen và thấy trước được kết quả của sự việc.

- Tuy thế, tôi lại không tin tưởng vào điều đó - Tôi trả lời - Nhiều vụ án được phanh phui trên báo chí đều dựa vào các quy tắc, trần trụi và thô kệch. Theo các báo cáo cảnh sát, sự hiện thực đẩy tới giới hạn tột cùng của nó, và hiệu quả. Nó tường thuật từng yếu tố trực tiếp, không hấp dẫn mà cũng không nghệ thuật.

- Một sự chọn lọc và sự thận trọng nhất định sẽ sản sinh một hiệu ứng hiện thực - Holmes nhận xét - Đây chính là cái tồn tại trong các báo cáo của cảnh sát, nơi có quá nhiều sự căng thẳng, có lẽ, ở trên tính vô vị của thẩm phán hơn là ở trên những chi tiết, nơi một người quan sát thấy được bản chất liên kết sống còn của toàn bộ vấn đề. Dựa theo đó, mọi thứ sẽ trở nên không có gì là khác thường.

Tôi cười và lắc đầu

- Tôi có thể hiểu suy nghĩ của anh. - Tôi nói. - Tất nhiên, trong vị trí cố vấn và người giúp đỡ không chính thức của mọi người mang đầy màu sắc huyền thoại, trên cả ba lục địa, anh được cho là bí ẩn và kỳ quái. Nhưng ở đây - Tôi nhặt một tờ báo buổi sáng từ dưới nền nhà - Chúng ta thử xem. Tôi đọc ngay tiêu đề đầu tiên nhá. "Một người chồng ngược đãi vợ". Trên nửa cột in, nhưng tôi không cần đọc cũng có thể biết nội dung. Trong này, thể nào cũng có những thứ "người đàn bà khác", "nghiện rượu", "đắm đá", "bầm tím", "em gái xinh xắn", "bà chủ nhà"... Chẳng có cái gì là hấp dẫn cả.

- Thật vậy, ví dụ của anh là một trường hợp không may cho lý lẽ của anh, - Holmes nói. Anh cầm lấy tờ báo và đọc tiếp xuống dưới - Đây là vụ ly dị của nhà Dundas, và trên cơ bản những thông tin của nó, tôi sẽ viết lại và liên kết các sự việc mà không đụng đến các yếu tố trên. "Người chồng không nghiện rượu và không có người phụ nữ khác. Vấn đề than phiền là anh ta thường có thói quen khi nổi nóng trong mỗi bữa ăn thì lại lấy hàm răng giả của anh ta và ném vào vợ của anh ta". Nào, có được không? Đây không phải là những yếu tố kích thích trí tưởng tượng đối với một người kể chuyện trung bình. Hút thuốc nhé, bác sĩ. Và anh cũng thấy là bản tường thuật của tôi không nằm trong ví dụ của anh.

Anh cầm lấy cái hộp đựng thuốc lá bằng vàng. Một viên ngọc tím lớn được khảm trên nắp. Nó hoàn toàn tương phản với cách bài trí đơn giản của căn nhà mà trước đây tôi đã có dịp mô tả.

- A, - Anh nói - Tôi quên mất là mấy tuần rồi chúng ta không gặp nhau. Đó là một vật kỷ niệm nho nhỏ của ông vua xứ Bohemia đã tặng cho trong vụ Irène Adler.

- Còn cái nhẫn? - Tôi hỏi, liếc nhìn vật lấp lánh ở trên ngón tay anh ấy.

- Nó là vật gia bảo của một gia đình Hà Lan từng là thân chủ của tôi, tiếc là tôi không thể tiết lộ cho anh được, dù rằng qua đó anh có thể bổ sung vào bộ sưu tập của anh một hoặc hai vụ án nữa.

- Lúc này anh có một vụ nào không? - Tôi hỏi với vẻ quan tâm.

- Cả một tá, toàn là những vụ không quan trọng nên chúng không có một chút hứng thú nào cả. Thường thường chỉ trong những vụ quan trọng, chúng ta mới thi thố được óc quan sát và khả năng phân tích nguyên nhân và hậu quả, khi tội ác càng lớn thì nguyên nhân lại càng giản dị, dễ hiểu, đó là nguyên tắc... Nhưng có lẽ chỉ trong vài phút nữa, chúng ta sẽ có một nữ thân chủ.

Holmes rời khỏi ghế bành, đến đứng sau bức màn, hướng mắt xuống con đường ẩm đạm. Nhìn qua vai anh, tôi thấy một thiếu phụ, thân hình đầy đặn, đang đứng trên lề đường đối diện. Nàng đội nón rộng vành được trang điểm bằng một chiếc lông chim lớn, màu đỏ. Nàng nhìn lên cửa sổ phòng chúng tôi với một vẻ do dự. Thân hình nàng dong đưa. Thành linh, nàng chạy băng qua đường và tiếng chuông cửa reo vang.

- Tôi đã từng biết loại triệu chứng này rồi - Holmes nói, vừa ném tàn thuốc lá vào lò sưởi - Người thiếu nữ này đang ở trong một tình trạng bối rối vì một vấn đề tình yêu. Nàng muốn được giúp đỡ, nhưng không biết có thể lộ câu chuyện của mình ra chăng.

Có tiếng gõ cửa, và người hầu vào thông báo có cô Mary Sutherland đến. Holmes lịch sự đón tiếp nàng. Anh đóng cửa lại, mời nàng ngồi :

- Thưa cô, với cặp kính cận, cô có cực nhọc lắm không, khi phải đánh máy quá nhiều?

- Đó là lúc đầu, bây giờ tôi có thể đánh máy mà không cần nhìn vào bàn máy.

Nàng trả lời một cách tự động, không chú ý đến tính cách đặc biệt của nó. Nhưng vừa nói xong, nàng bỗng giật nảy mình, đưa mắt nhìn bạn tôi với một vẻ kinh ngạc :

- Ông Holmes! Phải chăng người ta đã nói với ông về tôi? Nếu không, làm sao ông có thể biết được điều đó?

- Không có gì quan trọng cả! - Holmes cười đáp - Nghề nghiệp bắt buộc tôi phải biết nhiều điều... Vả lại, nếu không, thì cô đâu có đến đây tìm tôi?

- Thưa ông, tôi đến tìm ông do lời giới thiệu của bà Etherege ông đã tìm ra được chồng của bà ấy một cách dễ dàng, trong khi mọi người, kể cả cảnh sát, đều cho là ông ta đã chết? Ô, thưa ông Holmes! Tôi không giàu, nhưng mỗi năm tôi được hưởng 100 bảng, ngoài ra tôi còn có tiền công đánh máy. Tôi sẵn sàng trả cho ông bao nhiêu cũng được, miễn là ông tìm ra ông Hosmer Angel giùm tôi.

- Vì sao cô có vẻ quá hấp tấp vậy? - Holmes đan mười đầu ngón tay vào nhau, và đưa mắt nhìn lên trần nhà.

Một lần nữa, nàng lại biểu lộ một sự kinh ngạc đến sửng sốt.

- Ông Windibank, cha của tôi, chẳng quan tâm âm gì đến việc này cả. Ông ấy không muốn tôi báo cảnh sát, cũng không muốn tôi đến gặp ông. Ông ấy nói rằng việc này không có gì nghiêm trọng. Tôi đã nổi giận và chạy thẳng đến ông.

Holmes hỏi :

- Cha của cô à? Chắc là cha dượng của cô chăng?

- Phải! Tôi gọi ông ấy bằng cha, nhưng ông ấy chỉ lớn hơn tôi có năm tuổi.

- Mẹ cô vẫn còn sống chứ?

- Vâng. Bà rất khỏe mạnh. Thừa ông, tôi không được vừa lòng khi thấy mẹ tôi tái giá quá sớm, nhất là tái giá với người đàn ông kém hơn bà đến 15 tuổi. Cha ruột tôi là thợ sửa ống và đặt ống ở Tottenham Court Road. Ông để lại cả một cơ xưởng trị giá 4.700 bảng đang hoạt động tốt. Mẹ tôi tiếp tục điều khiển cơ xưởng này với sự phụ tá của người đốc công là ông Hardy. Nhưng khi bà gặp ông Windibank, bà liền bán cơ xưởng và theo về với ông ấy.

- Phải chăng số lợi tức hàng năm của cô là do cơ nghiệp của cha cô để lại?

-Ồ không. Đó là gia tài của chú Ned ở Auckland. Đó là những cổ phiếu New Zealand trị giá tổng cộng 2.500 bảng, với 4,5% tiền lời. Tôi chỉ lãnh số tiền lời đó thôi.

- Câu chuyện của cô làm cho tôi thích thú. Xem nào! Như thế, mỗi năm cô lãnh được 100 bảng, và tiền công đánh máy. Với hai số tiền ấy, một thiếu nữ độc thân có thể sống thoải mái, thỉnh thoảng đi du lịch hoặc mua sắm một vài món đồ, phải không?

- Vâng! Nhưng hiện giờ tôi còn ở chung với mẹ tôi và ông Windibank. Do đó tôi để cho hai ông bà hưởng số tiền lời ấy, cho đến khi nào tôi có gia đình riêng. Cứ mỗi quý, ông Windibank đi lãnh số tiền lời của tôi đem về cho mẹ tôi. Còn tôi tôi chỉ tiêu xài số tiền đánh máy.

- Cô đã cho tôi biết rất rõ ràng về tình trạng của cô - Holmes nói - Và bây giờ, đây là bác sĩ Watson, bạn thân của tôi. Cô đừng e ngại gì cả, cứ tự nhiên kể lại cuộc giao thiệp giữa cô và ông Hosmer.

Đôi má của nàng hơi ửng đỏ một chút :

- Khi cha tôi còn sống, các công nhân khí đốt thường gửi thiệp mời cả gia đình tôi đến khiêu vũ. Còn bây giờ họ gửi thiệp mời mẹ tôi và tôi. Ông Windibank chẳng bao giờ muốn chúng tôi đi đâu cả. Lần này, tôi nhất quyết đi dự! Ông tìm đủ cách để bác bỏ. Sau cùng, thấy tôi không chịu đổi ý ông ta bèn lên đường đi Pháp công tác cho công ty của ông ta. Mẹ tôi và tôi bảo ông Hardy đưa chúng tôi đi dự buổi khiêu vũ; và tôi đã gặp anh Hosmer ở đó.

- Từ Pháp trở về, ông bố dượng rất giận dữ khi được biết cô đã dự buổi khiêu vũ hôm đó?

-Ồ không. Ông ta chỉ cười và nhún vai. Ông ta còn nói rằng không nên cấm một người phụ nữ làm điều gì họ thích, bởi vì có cấm thì họ cũng vẫn làm.

- Tốt.

- Ngày hôm sau, Hosmer đến thăm chúng tôi, sau đó chúng tôi có gặp lại ông ấy một lần nữa... Nghĩa là, chúng tôi đã gặp nhau hai lần và đi dạo với nhau. Nhưng khi cha dượng tôi trở về, Hosmer không thể đến nhà thăm tôi nữa.

- Sao vậy?

- Bởi vì, cha dượng tôi không thích khách khứa đến nhà. Nhưng tôi nói với mẹ tôi rằng tôi muốn có gia đình.

- Ông Hosmer không tìm cách gặp lại cô sao?

- Thế này: cha dượng tôi lại phải đi Pháp trong một tuần lễ. Hosmer viết thư nói rằng nên chờ đợi cho cha dượng tôi đi đã rồi hãy gặp nhau. Trong thời gian chờ đợi, chúng tôi vẫn viết thư cho nhau. Mỗi buổi sáng, tôi đích thân ra hộp thư lấy thư, do đó cha dượng tôi chẳng hay biết gì cả.

- Vào thời gian đó, cô đã hứa hôn với ông Hosmer chưa?

- Ô có, chúng tôi đã hứa hôn với nhau ngay từ buổi đi dạo đầu tiên. Hosmer là thủ quỹ trong một văn phòng ở phố Leadenhall và...

- Văn phòng nào?

- Thưa ông, đây chính là điều làm cho tôi hoang mang nhất: tôi không biết đó là văn phòng nào.

- Vậy thì ông ấy ở đâu?

- Anh ấy ngủ ngay tại chỗ làm việc.

- Cô không biết địa chỉ của ông ấy?

- Không. Tôi chỉ biết đó là phố Leadenhall.

- Vậy, cô gửi thư đến địa chỉ nào?

- Đến bưu điện phố Leadenhall, hộp thư lưu trữ. Anh ấy bảo rằng nếu tôi gửi thư đến văn phòng, thì anh ấy sẽ bị các bạn đồng nghiệp chế nhạo. Tôi đề nghị sẽ đánh máy những bức thư của tôi; giống như những bức thư của anh ấy gửi cho tôi vậy. Nhưng anh ấy không chịu, bảo rằng khi đọc những bức thư do chính tay tôi viết, anh ấy có cảm giác như được ở gần bên tôi. Thưa ông Holmes, điều này chứng tỏ anh ấy yêu thương tôi đến mức nào, và luôn luôn quan tâm đến những chi tiết nhỏ.

- Rất hay! Cô có thể nhớ lại những chi tiết nhỏ nào khác về ông Hosmer không?

- Thưa, đó là một thanh niên rất nhút nhát. Vì thế, anh ấy thích đi dạo vào một buổi tối hơn là ngay giữa ban ngày. Anh ấy rất nhu mì, ngay cả đến tiếng nói cũng nhỏ nhẹ, dường như lúc nhỏ có bị chứng viêm họng làm cho cổ họng bị yếu đi, do đó anh ấy có một giọng nói hơi thì thầm... không được rõ ràng lắm... Luôn ăn mặc đàng hoàng, sạch sẽ và giản dị... Mắt của anh ấy cũng không được tốt: lúc nào anh ấy cũng phải mang một cặp kính màu.

- Tốt lắm! Và chuyện gì đã xảy ra khi cha cô trở về?

- Trước đó, anh Hosmer đến đề nghị cử hành hôn lễ trước khi cha dượng tôi trở về. Anh ấy có vẻ gấp rút lắm, anh ấy bảo tôi đặt bàn tay lên quyển Kinh thánh, hứa rằng sau này dẫu cho có chuyện gì xảy ra, tôi sẽ vẫn luôn luôn trung thành với anh ấy. Mẹ tôi cho rằng đó là một dấu hiệu đẹp đẽ của tình yêu. Ngay từ lúc đầu, mẹ tôi đã có thiện cảm với anh ấy, tôi hỏi cha dượng tôi có ý kiến gì về việc này, bà hứa sẽ dàn xếp với ông ấy, điều này không làm cho tôi thích lắm. Tại sao tôi lại phải xin phép cha dượng tôi để kết hôn. Nhưng tôi cũng viết thư cho ông ấy ở Bordeaux, nơi công ty ông ấy có văn phòng đại diện. Lá thư được gửi trả lại cho tôi ngay trong buổi sáng ngày hôn lễ.

- Ông ấy không chịu nhận thư à?

- Không, ông ấy lên đường đi Anh trước khi lá thư đến Bordeaux.

- Thật không may mắn! Vậy là hôn lễ đã được dự tính cử hành vào ngày thứ sáu vừa qua?

- Vâng, hôn lễ đã được dự tính cử hành ở nhà thờ St. Saviour's, gần King's Cross và sau đó chúng tôi sẽ dự bữa ăn trưa gia đình tại khách sạn St. Pancras. Hosmer đến nhà đón chúng tôi. Anh đỡ mẹ tôi và tôi lên chiếc xe ngựa có mui, còn anh thì nhảy lên một chiếc khác đang đậu gần đấy. Xe của chúng tôi đến nhà thờ trước. Khi chiếc xe ngựa của anh ấy hiện ra, chúng tôi trông đợi anh Hosmer xuống xe, nhưng trông mãi chẳng thấy. Người đánh xe quay đầu nhìn vào bên trong xe: anh Hosmer đã biến mất. Người đánh xe bảo rằng ông ta chẳng hiểu gì cả, rằng chính mắt ông ta đã trông thấy người khách nhảy lên xe... Chuyện này đã xảy ra hôm thứ sáu vừa qua, và cho đến nay tôi vẫn không được một tin tức gì cả về anh Hosmer.

- Tôi có cảm giác rằng cô đã bị lừa gạt một cách hết sức bỉ ổi - Holmes nói.

-Ồ không, thưa ông. Anh ấy quá tốt và quá ngay thật. Này nhé! Suốt cả buổi sáng hôm đó, anh ấy không ngừng lặp đi lặp lại với tôi rằng dẫu cho có chuyện gì xảy ra, tôi phải luôn luôn trung thành với anh ấy, rằng dẫu có một biến cố bất ngờ nào chia cách hai chúng tôi, tôi phải luôn luôn nhớ rằng tôi là của anh ấy, và sớm hay muộn gì anh ấy cũng sẽ tìm lại với tôi. Có lẽ đây là một cuộc nói chuyện thật kỳ dị trong một buổi sáng của ngày hôn lễ. Nhưng những sự việc xảy ra sau đó đã cho chúng ta thấy tất cả ý nghĩa của nó!

- Như thế theo ý cô thì Hosmer đã gặp phải một tai nạn bất ngờ

- Thưa phải.

- Nhưng cô không hề biết gì về cái điều nguy hiểm mà ông ấy đã tiên đoán.

- Hoàn toàn không.

- Mẹ cô đã phản ứng như thế nào trong vụ này?

- Bà rất giận dữ. Bà bảo tôi đừng bao giờ nhắc đến cái tên ấy trước mặt bà nữa.

- Cô có cho cha dượng biết việc này không?

- Có. Ông ấy cũng cho rằng có một điều gì đó đã xảy ra. Và ông ấy bảo đảm rằng chỉ trong thời gian ngắn, tôi sẽ được biết tin tức về Hosmer. Ông ấy nói với tôi: “Không có lý do gì một người đàn ông đã đưa con đến tận ngưỡng cửa nhà thờ rồi lại bỏ rơi con một cách ngang xương như vậy?”. Thưa ông, tại sao chuyện này lại có thể xảy ra?

- Tôi sẽ giải quyết vụ này - Holmes nói, vừa đứng dậy - Tôi tin chắc sẽ đạt được kết quả. Nhưng trước mắt, cô hãy cố gắng xóa bỏ cái tên Hosmer ra khỏi tâm trí của cô, hãy quên ông ta một cách hoàn toàn, cũng như ông ta đã hoàn toàn ra khỏi cuộc đời của cô.

- Vậy... ông nghĩ rằng tôi sẽ không còn gặp lại anh ấy nữa?

- Không.

- Nhưng điều gì đã xảy ra cho anh ấy?

- Tôi sẽ trả lời câu hỏi này sau. Tôi muốn có một bản mô tả đúng đắn hình dạng của ông ấy, và một trong số những lá thư của ông ta.

- Trên báo Saturday's Chronicle thứ bảy vừa qua có đăng một bản tin “Tìm người mất tích” với những chi tiết về hình dạng của anh ấy. Đây là bản tin được cắt ra và bốn lá thư của anh ấy.

- Cảm ơn cô. Địa chỉ của cô?

- 31, Lion Place, Camberwell.

- Ông Hosmer không hề cho cô biết địa chỉ của ông ấy. Còn cha dượng của cô, ông ấy làm việc ở đâu?

- Ông ấy làm đại diện thương mại cho công ty Westhouse & Marbank ở phố Fenchurch.

- Cảm ơn cô. Lời tường thuật của cô rất rõ ràng và đầy đủ. Xin cô nhớ lời khuyên của tôi: “Hãy quên đi tất cả câu chuyện này, đừng bao giờ để nó ám ảnh cuộc đời của cô nữa”.

- Cám ơn ông, thưa ông Holmes. Nhưng không thể được. Tôi phải tin tưởng anh Hosmer.

Mặc dầu trông nàng có vẻ xoàng xĩnh với chiếc mũ rộng vành kỳ dị và gương mặt hơi ngầy ngồ chất phác, tấm lòng chung thủy của nàng có một cái gì cao quý làm cho

người ta phả kính trọng. Nàng đặt xấp thư của nàng lên bàn và ra về sau khi hứa sẽ trở lại bất cứ lúc nào chúng tôi cần đến nàng.

Holmes ngồi im lặng một lúc lâu: hai bàn tay đan nhà, hai chân duỗi thẳng, nhìn đăm đăm trên trần nhà. Rồi anh cúi xuống, cầm lấy cái tủ đất cũ của anh ấy và mở thuốc. Sau khi rút một hơi thuốc, anh dựa thẳng người vào ghế bành, một làn khói nhạt tỏa ra, vẻ mặt chìm đắm trong suy tư.

- Thiếu nữ đó là một sự nghiên cứu khá thú vị. - Anh nói - Tôi nghĩ là cô ấy thú vị hơn là vấn đề nhỏ bé của cô ấy. Nào, nhân tiện, anh tìm giúp tôi một bộ hồ sơ cũ. Vụ án Andover hồi năm 1877, và một vụ tương tự ở The Hague hồi năm ngoái. Về ý tưởng thì xưa rồi, tuy nhiên, cũng có một vài chi tiết mới. Trừ phi chính thiếu nữ ấy là bở ỉch.

Tôi đưa ra một nhận xét :

- Anh đã đọc thấy nơi nàng vô số những điều mà tôi hoàn toàn không thấy được.

- Không phải là không thấy được, chỉ vì anh không chú ý đến chúng đấy thôi, anh không biết nhìn, chính vì thế mà anh không nắm được cái chính yếu. Nào, bây giờ anh hãy thử mô tả lại nàng cho tôi xem đi.

- Nàng đội một chiếc nón rộng vành màu xám đá, được trang trí bằng một cọng lông chim màu đỏ gạch. Chiếc áo jacket màu đen có gắn những hạt ngọc trai cũng màu đen. Nàng mặc một chiếc áo dài nâu, sẫm hơn màu cà phê, cổ áo và hai cánh tay áo có một miếng vải lông nhỏ màu đỏ tía. Đôi găng tay màu xám, bị mòn ở ngón trỏ bên mặt. Tôi không quan sát đôi giày của nàng. nàng mang một đôi bông tai nhỏ bằng vàng.

Holmes vỗ tay khen ngợi, tuy giọng nói của anh có vẻ hơi chế nhạo.

- Watson, anh tiến bộ nhiều đấy! Sự thật, anh gần như không bỏ sót chi tiết nào cả, ngoại trừ một chi tiết khá quan trọng. Nhưng tôi khen anh đã có cái nhìn đúng về màu sắc. Anh đừng bao giờ tin tưởng vào cái cảm giác tổng quát đầu tiên của mình, mà phải tập trung sự chú ý vào những chi tiết. Khi tôi quan sát một phụ nữ, trước hết tôi nhìn vào hai cánh tay áo. Anh đã nhận xét đúng, nàng có miếng vải lông trên hai cánh tay áo, và vải lông là một yếu tố có ích, bởi vì nó giữ được những dấu vết. Nếu chú ý hơn chút nữa, anh sẽ thấy cái lằn nếp đôi ở phía bên trên cổ tay áo một chút, nơi mà người đánh máy tựa tay vào bàn. Kế đó, quan sát gương mặt nàng, tôi để ý dấu vết của một chiếc kính cặp mũi, tôi bèn đưa ra một nhận xét về tình trạng cận thị của nàng và về chiếc máy đánh chữ, một nhận xét khiến cho nàng phải kinh ngạc vì nó trúng phóc.

- Tôi cũng kinh ngạc nữa.

- Sau đó, nhìn đôi giày, tôi phải ngạc nhiên và chú ý. Đó là đôi giày bốt cao cổ, nhưng một chiếc thì chỉ được cài ở hai nút phía dưới, còn chiếc kia thì chỉ được cài ở nút thứ nhất, thứ ba và thứ năm. Khi anh thấy một thiếu nữ ăn mặt sang trọng như thế mà lại ra đường với một đôi giày chưa được cài nút đàng hoàng, anh sẽ đoán biết nàng đã ra đi một cách rất vội vã...

- Còn gì nữa không? - Tôi rất quan tâm đến những suy luận sắc bén của Holmes.

- Tôi nhớ rằng cô ấy đã viết trước khi đi nhưng sau khi đã ăn vận xong xuôi. Anh có thể thấy găng tay bị mòn phía bên phải nhưng lại không để ý rằng cả ngón tay lẫn găng tay đều bị lấm mực. Cô ấy đã viết rất vội vã và nhúng bút quá sâu vào bình mực. Điều đó chỉ mới xảy ra sáng nay thôi. Còn nhiều điều thú vị khác nữa, nhưng bây giờ xin anh vui lòng đọc cho tôi bản tin rao vặt mô tả hình dạng của Hosmer.

Tôi đưa miếng báo cắt đến gần đèn và đọc :

“Một người đàn ông tên Hosmer Angel đã mất tích vào buổi sáng ngày 14. Cao gần 1 mét 70, thân hình cân đối, nước da vàng, tóc đen, đầu hơi hói, râu mép và râu má rậm. Mang kính màu. giọng nói hơi khó nghe...”.

- Như vậy đủ rồi - Holmes nói - Bây giờ chúng ta hãy xem qua những lá thư... Nội dung của chúng xoàng xĩnh đến phát chán và không cho chúng ta biết gì cả về ông Hosmer. Tuy nhiên, có một chi tiết đáng chú ý...

- Tất cả những lá thư đó đều được đánh máy...

- Đúng, nhưng đây là chi tiết quan trọng nhất: ngay cả chữ ký cũng được đánh máy. Bạn hãy xem hai chữ “Hosmer” được đánh máy rất rõ ràng ở phía dưới lá thư. Có ghi ngày tháng, nhưng địa chỉ thì chỉ được ghi một cách mơ hồ là phố Leadenhall. Cái chi tiết về chữ ký này có một ý nghĩa rất quan trọng.

- Ý nghĩa như thế nào?

- Có lý nào anh không nhận thấy tầm quan trọng của nó.

- Có lẽ ông Hosmer làm thế là để có thể chối bỏ chữ ký của mình trong trường hợp bị đưa ra tòa về tội đơn phương hủy bỏ hôn ước.

- Không phải như thế. Nhưng tôi chỉ cần viết hai lá thư là sẽ giải quyết xong vấn đề. Lá thư nhất gửi cho một công ty ở trung tâm thương nghiệp London, lá thư nhì gửi cho người cha dượng của Sutherland, yêu cầu ông ấy đến gặp chúng ta vào lúc 6 giờ chiều ngày mai. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy tạm thời xếp cái vấn đề nhỏ bé này vào ngăn tủ và khóa lại.

Suốt cả ngày hôm sau, tôi mắc bận săn sóc cho một bệnh nhân rất nặng. Mãi đến gần 6 giờ chiều tôi mới được rảnh, liền nhảy lên một chiếc xe ngựa. Khi tôi bước vào, anh đang nằm gọn lỏn trong chiếc ghế bành ngủ gà ngủ gật. Chung quanh anh ngổn ngang vô số những chai lọ, ống nghiệm, và một mùi acid clohidric còn phản phát trong không khí.

- Thế nào, bạn đã tìm ra chưa? - Tôi hỏi.

- Tìm ra rồi! Đó là chất Sufat barium.

- Không, không, tôi muốn hỏi cái vụ bí mật của ông Hosmer kia.

- À, cái vụ bí mật đó hả? Thế mà tôi cứ tưởng anh hỏi kết quả những thí nghiệm hóa học. Cái vụ đó chả có gì là bí mật cả. Điều làm cho tôi bức tức là trong trường hợp này không có điều luật nào được trừ liệu để trừng phạt tên đầu giả đó.

- Vậy hẳn là ai? Và tại sao hẳn đã bỏ rơi nàng?

Holmes mở miệng toan trả lời thì có tiếng bước chân ngoài hành lang và tiếng gõ cửa.

- Đó là cha dượng của cô Sutherland. Ông ta đã trả lời rằng ông ta sẽ đến đây vào lúc 6 giờ. Xin mời vào.

Khách là một người đàn ông vạm vỡ, cao trung bình, trạc 30 tuổi. Gương mặt vàng nhạt, trụi lủi, không có râu mép, râu cằm hay râu má gì cả. Ông ta có một vẻ dịu dàng giả tạo. Đôi mắt xám, rất linh hoạt và sắc sảo ném một cái nhìn dò hỏi về phía chúng tôi. Đoạn ông ta đặt nón lên chiếc tủ buýp-phê, hơi nghiêng mình một chút và ngồi xuống chiếc ghế gần nhất.

- Xin chào ông Windibank. Có phải lá thư đánh máy, xác nhận ông bằng lòng đến đây gặp chúng tôi, là của ông không?

- Thưa ông, phải. Tôi đến hơi trễ một chút nhưng tôi không làm chủ được thì giờ. Tôi rất lấy làm tiếc rằng con tôi đã đến quấy rầy ông vì cái việc nhỏ nhặt này. Thật vậy,

tôi thấy không nên đem chuyện xấu của gia đình mình phơi bày ra cho người ngoài biết. Dĩ nhiên, ông chỉ là một thám tử tư, không dính líu gì cả với cảnh sát, nhưng dẫu sao tôi cũng không thích thấy người ta làm rùm beng lên chung quanh một chuyện của gia đình tôi. Hơn nữa, những chi phí này rất là vô ích, bởi vì làm sao ông có thể tìm ra được anh chàng Hosmer.

- Trái lại. Tôi sẽ tìm ra được ông Hosmer.

Ông Windibank giật nảy mình, để rơi đôi găng tay xuống sàn nhà.

- Tôi rất mừng được nghe ông báo tin này.

- Điều đáng ngạc nhiên, là những máy đánh chữ cũng có cá tính riêng biệt của chúng! Những chữ của chúng đánh ra không bao giờ y hệt nhau. Có những chữ có vẻ mòn hơn những chữ khác, có những chữ chỉ mòn có một bên... Này ông, trong lá thư đánh máy của ông gửi cho tôi, tôi nhận thấy trên tất cả những chữ “e” đều có một vết nhòe nhỏ, và tất cả những chữ “t” đều có dấu gạch ngang hơi mờ. Tôi còn đếm được 14 đặc điểm khác, nhưng hai đặc điểm vừa kể, là nổi bật nhất.

- Ở văn phòng, chúng tôi sử dụng cái máy chữ đó để đánh tất cả những thư tín của chúng tôi, chắc chắn là nó không còn được tốt lắm.

Trong khi trả lời, đôi mắt sắc sảo của ông ta nhìn Holmes đăm đăm.

- Và bây giờ, tôi sẽ trình bày cho ông xem một trường hợp thật là thú vị. Đây, bốn lá thư đều được đánh máy. Trong mỗi lá thư, bên trên những chữ “e” đều có những vết nhòe nhỏ, và tất cả những chữ “t” đều có dấu gạch ngang không được rõ. Nếu ông chịu khó lấy chiếc kính lúp của tôi để xem, tôi sẽ chỉ cho ông thấy 14 đặc điểm khác mà tôi đã nói với ông lúc nãy.

Ông Windibank liền đứng phắt lên và chụp lấy chiếc nón của ông ta.

- Ông Holmes, tôi không có thì giờ rảnh để nói những chuyện tầm phào! Nếu ông có thể bắt gặp được ông Hosmer thì hãy cứ bắt đi, rồi báo tin cho tôi biết.

- Chắc chắn là như thế? - Holmes đáp, vừa lẹ làng đứng lên khóa trái cửa lại - Ông nên biết rằng tôi đã bắt được Hosmer rồi.

- Sao? Ở đâu? - Ông Windibank kêu lên bằng một giọng thảng thốt, gương mặt nhợt nhạt nhìn dáo dác khắp chung quanh như một con chuột bị sa bẫy.

- Ồ không sao... Không sao cả! - Holmes đáp bằng một giọng ngọt lịm - Ông Windibank, bây giờ ông không còn cách nào để thoát được nữa. Tất cả đều đã quá rõ ràng. Nào! Bây giờ ông hãy ngồi xuống và chúng ta sẽ nói chuyện với nhau!

Ông Windibank ngồi phịch xuống. Gương mặt tái mét, trán ướt đầm mồ hôi.

- Pháp... pháp luật không thể làm gì được tôi! - Ông ta nói lắp bắp.

- Có thể là pháp luật không làm gì được ông. Nhưng hành động của ông thật là vô cùng đê tiện, tàn nhẫn và ích kỷ.... Tôi sẽ kể lại sự việc từ đầu đến cuối và nếu tôi có sai chỗ nào thì ông cứ việc sửa.

Ông Windibank ngồi thu mình trong chiếc ghế bành, hoàn toàn mất hết tinh thần. Holmes bắt đầu nói, hai tay thọc vào túi quần, hai chân gác lên góc lò sưởi.

- Người đàn ông đó đã kết hôn với một người đàn bà lớn tuổi hơn ông ta rất nhiều, chỉ vì tiền. Người đàn bà có một cô con gái riêng còn đang sống chung trong nhà với họ, và cặp vợ chồng đó được hưởng số tiền 100 đồng bảng, lợi tức hằng năm của cô gái. Đó là một số tiền khá lớn đối với họ, và họ muốn được hưởng nó mãi mãi. Dĩ nhiên, khi cô gái lập gia đình riêng, người cha dượng sẽ không còn được hưởng số tiền đó nữa, ông ta bèn tìm cách ngăn cản việc lập gia đình của cô gái.

Thoạt đầu, ông ta ngăn cấm không cho nàng giao thiệp với những chàng trai cùng lứa tuổi. Nhưng sự ngăn cấm này không có hiệu lực được lâu. Một hôm, cô gái nổi lên chống lại sự độc đoán của người cha dượng, và báo cho ông ta biết quyết định của nàng đi dự một buổi khiêu vũ. Trước tình thế này, đầu óc thông minh của người cha dượng liền nghĩ ra một kế: với sự đồng loã giúp đỡ của bà vợ và lợi dụng tình trạng cận thị của cô gái, ông ta bèn cải trang thành một người đàn ông khác.

Mang một cặp kính màu, đeo một bộ râu giả, và biến giọng nói bình thường của mình thành một giọng nói thì thầm êm dịu, ông ta đến dự buổi khiêu vũ, làm quen với cô gái và tự giới thiệu mình là Hosmer, thế là người cha dượng đã đóng vai trò một kẻ si tình cô con gái riêng của vợ mình, để gạt ra ngoài bất cứ anh chàng nào muốn làm le tán tỉnh cô.

- Lúc đầu, đó chỉ là một trò đùa mà thôi - Ông Windibank nói bằng một giọng rên rỉ - Vợ tôi và tôi, chúng tôi không ngờ cô ấy lại có một tâm hồn dễ say mê đến thế.

- Có lẽ! Nhưng dầu sao, nàng cũng đã say mê ông Hosmer. Tin rằng người cha dượng đang ở bên Pháp, nàng không hề nghĩ có một sự sắp xếp giữa bà mẹ và ông ta để lừa gạt nàng. Và nàng còn say mê ông Hosmer nhiều hơn khi thấy chính mẹ nàng cũng tỏ ra rất có thiện cảm với ông ta. Sau đó hai người đã có những cuộc gặp gỡ, những cuộc đi dạo thân mật và đã đính hôn với nhau. Tuy nhiên sự lừa gạt không thể kéo dài mãi mãi được. Ông Hosmer bèn nghĩ ra một cách kết thúc vụ này như là một bi kịch đột ngột và bí mật, cố ý gây cho cô gái một ấn tượng sâu xa, một xúc động mạnh mẽ để cô không còn nghĩ đến bất cứ một người đàn ông nào khác trong tương lai. Do đó mới có cái màn ông Hosmer yêu cầu cô gái đặt tay lên quyển Kinh thánh thề trọn đời thủy chung với ông ta, và cũng do đó mới có những lời nói bóng gió của ông Hosmer về một biến cố bất ngờ có thể xảy ra làm cho hai người phải xa nhau. Ngay trong buổi sáng ngày hôn lễ, Hosmer muốn làm cho cô Sutherland phải yêu thương mình trọn đời, và đặt cô trong tình trạng hoang mang về số phận của người hôn phu mất tích. Mục đích của ông ta là làm cho cô không nghe lời tán tỉnh của bất cứ một người đàn ông nào, ít nhất là trong vòng 10 năm nữa, như thế ông ta sẽ còn được hưởng 100 bảng trong một thời gian nữa. Ông ta đưa nàng đến tận cửa nhà thờ, đến đó tán bi kịch lừa gạt phải chấm dứt. Chuyện phóng mình ra khỏi chiếc xe ngựa đang chạy thong thả không có gì là khó khăn hết. Ông Windibank, tôi thuật lại câu chuyện từ đầu đến cuối như vậy có sai chỗ nào không?

Trong khi Holmes mãi mê nói, ông Windibank đã trấn tĩnh trở lại. Ông ta đứng lên, cất tiếng cười gằn :

- Ông Holmes, có thể là ông không sai lầm. Nhưng ông đã thông minh đến thế thì chắc phải hiểu rằng, trong lúc này, nếu có kẻ nào phạm pháp thì đó là ông, chứ không phải là tôi. Từ đầu đến cuối, tôi không hề phạm một điều gì mà pháp luật có thể can thiệp được. Nhưng ông, cho tới khi nào ông vẫn còn khóa chặt cửa phòng này, ông có thể bị thưa về tội hành hung và giam giữ người trái phép.

- Đúng vậy, ông không có điều gì phạm pháp luật cả - Holmes đáp, vừa mở rộng cửa phòng ra - Mặc dầu vậy, ông vẫn đáng bị đánh đòn; nếu cô gái đó có một người anh hay một người bạn trai, chắc chắn ông sẽ bị một trận đòn như tử.

Cái cười ngạo nghễ và chọc tức của Windibank làm cho Holmes nổi cơn giận dữ. Anh nói như hét :

- Hãy ném thử cây gậy này.

Anh vớ tay chụp lấy cây gậy ở gần bên, nhưng gã lưu manh đã ba chân bốn cẳng chạy xuống cầu thang, rồi có tiếng cánh cửa ra vào của ngôi nhà đóng sầm lại. Đứng bên cửa sổ nhìn xuống, chúng tôi thấy gã đang chạy như bay trên lề đường.

- Đúng là một tên đầu giả mặt dày! - Holmes nói, rồi phá lên cười và buông mình xuống một chiếc ghế bành - Tên này trong tương lai gần sẽ còn phạm thêm nhiều tội ác nữa, cuối cùng thì hắn cũng sẽ đi đến cây cột treo cổ thôi! Vụ này kể ra cũng không phải là không thú vị.

- Tuy nhiên tôi thú thật rằng tôi không theo kịp được những suy diễn của anh trong vụ này.

- Này nhé! Ngay từ lúc đầu, tôi thấy rõ là cái ông Hosmer đó có một thái độ rất kỳ quặc. Và tôi cũng thấy rõ là người duy nhất hưởng lợi trong vụ này là người cha dượng. Thế nhưng hai người đàn ông đó không bao giờ gặp mặt nhau cả. Khi một người xuất hiện thì người kia biến mất; sự kiện này là một chi tiết hướng dẫn rất quan trọng! Và rồi cặp kính màu, bộ râu giả, giọng nói khác lạ với giọng nói của một người bình thường... Khi xem xét đến nhúng lá thư đánh máy với chữ ký cũng được đánh máy, tôi thấy những nghi ngờ của tôi là đúng; người gửi những lá thư đó muốn che giấu chữ viết của mình mà cô gái đã quá quen thuộc. Tất cả những chi tiết rời rạc này được sắp xếp lại và phối hợp với những chi tiết khác, dẫn dắt sự suy luận của tôi vào một chiều hướng duy nhất.

- Và anh đã kiểm chứng những chi tiết đó như thế nào.

- Tôi biết ông Windibank làm việc cho công ty Westhouse & Marbank ở Frenchurch. Tôi có bản mô tả hình dạng của Hosmer do cô Sutherland trao cho. Tôi bắt đầu loại bỏ tất cả những gì có thể nguy hại được: cặp kính màu, bộ râu, giọng nói, và gửi bản mô tả hình dạng đó đến công ty, yêu cầu họ vui lòng cho tôi biết trong số những người đại diện thương mại của họ có ai phù hợp với hình dạng này không.

Trước đó, tôi đã chú ý đến những đặc điểm của những lá thư đánh máy, và tôi viết cho Windibank một lá thư gửi ngay đến công ty của ông ta, yêu cầu ông ta đến gặp tôi. Như tôi đã đoán trước, ông ta trả lời tôi bằng một lá thư đánh máy, và lá thư này cũng có những đặc điểm y hệt như những đặc điểm mà tôi đã nhận xét nơi bốn lá thư kia. Đồng thời, tôi cũng nhận được của công ty Westhouse & Marbank một lá thư xác nhận rằng bản mô tả hình dạng của tôi gửi đến hoàn toàn phù hợp với hình dạng của ông Windibank. Tất cả sự việc chỉ giản dị có thể thôi.

- Còn cô Sutherland.

- Nếu tôi nói sự thật cho cô ấy biết, cô ấy sẽ không tin đâu. Bạn có nhớ một câu tục ngữ của người Ba Tư không: "Vào hang cọp để bắt cọp con là một điều nguy hiểm; nhưng làm cho một người đàn bà mất hết những ảo tưởng của họ lại càng nguy hiểm hơn".

Hết

B.4 - The Boscombe Valley Mystery 1891 (Bí mật tại thung lũng Boscombe)

Vào một buổi sáng. Khi hai vợ chồng tôi đang đi tìm con hàu chạy vào đưa cho tôi bức điện của Sherlock Holmes, nội dung bức điện như thế này :

“Cậu có thể vắng nhà hai ngày được không? Tôi được mời đến miền Tây nước Anh vì một câu chuyện đau đớn đã xảy ra ở thung lũng Boscombe. Rất sung sướng nếu cậu cùng đi với tôi. Thời tiết rất tuyệt. Chúng ta sẽ đi từ ga Paddington vào lúc 11 giờ 15 phút”.

- Anh sẽ đi chứ? - Vợ tôi âu yếm nhìn tôi và hỏi.

- Anh chưa biết nữa. Hiện anh có nhiều bệnh nhân quá...

- Ô, ngài Anstruther sẽ tiếp nhận hết, lo gì! Trong thời gian gần đây anh không được khỏe lắm. Cuộc dạo chơi này sẽ bổ ích cho anh đấy. Hơn nữa anh bao giờ cũng quan tâm đến từng công việc của ngài Sherlock Holmes kia mà?!

Kinh nghiệm trong những năm sống hoang dã tại Afghanistan đã làm cho tôi cứng cáp chai sạn trong những chuyến đi tham quan dài ngày. Đồ đạc của tôi rất giản đơn vì vậy tôi ngồi lên chiếc xe ngựa sớm hơn dự định và phóng nhanh ra ga Paddington.

Sherlock Holmes đang đi dọc theo chỗ đợi tàu. Bộ quần áo đi đường màu nâu với cái mũ nỉ làm cho thân hình gầy, cao của anh càng gầy nhom và dài ngoẵng ra.

- Rất tuyệt, cậu đã đến? Watson - Sherlock nói

- Tôi rất mừng khi bên cạnh tôi là một người mà tôi hoàn toàn tin cậy.

Cảnh sát địa phương đã bắt lức, hoặc đi theo hướng sai lầm. Cậu nhảy lên chiếm hai chỗ trong góc toa, còn tôi chạy lấy hai cái vé.

Khi chúng tôi ngồi yên vị trong toa tàu, Holmes lấy báo ra đọc, thỉnh thoảng anh dừng lại ghi chép và nghĩ ngợi.

Tàu đến ga Reading. Bỗng Sherlock vò nát tất cả giấy tờ lại một nắm và ném vào gói hành lý.

- Cậu đã nghe nói gì về câu chuyện này chưa? - Anh hỏi.

- Chưa nghe. Đã mấy ngày nay tôi chưa hề ngó tới một tờ báo!

- Các báo xuất bản ở Luân Đôn đều đăng rất cụ thể. Tôi vừa mới đọc lướt qua để hiểu rõ ràng hơn. Nhưng hình như đó là một trường hợp không phức tạp lắm, nhưng người ta cho là rất khó giải quyết.

- Những lời cậu nói nghe mới ngược đời làm sao!

- Nhưng đó là sự thật. Trong ngược đời thường có những căn cứ để làm sáng tỏ chân lý, vụ án càng đơn giản bao nhiêu thì càng khó phá bấy nhiêu... ở trường hợp này quan trọng là chứng cứ chống lại con trai của kẻ bị giết.

- Tức là có vụ giết người à?

- Họ cho là như vậy. Còn tôi thì chưa khẳng định khi tôi chưa tìm hiểu cụ thể sự việc. Tôi chỉ giải thích được cho cậu trong chừng mực nào đó về tình trạng hiện nay mà tôi biết được.

Thung lũng Boscombe là vùng nông thôn gần thị trấn Ross, thuộc miền Herefordshire. Một chủ đồn điền lớn nhất vùng ở vùng ấy là ngài John Turner. Ông ta đã làm giàu bên Áo và vài năm trước đây đã trở về tổ quốc. Ông ta cho ngài Charles McCarthy thuê một trang trại của mình - người này trước kia cũng sống ở bên Áo. Họ quen nhau trong những năm bốn ba đất khách quê người và khi thay đổi môi trường sống họ vẫn quan hệ với nhau như những người bạn. Thực ra mà nói ngài Turner giàu có hơn, còn ngài McCarthy thì mượn ruộng đất của ngài Turner, nhưng quan hệ của họ vẫn thân thiết. Ngài McCarthy có một cậu con trai khoảng 17-18 tuổi; còn ngài Turner thì có một cô con gái độc nhất cũng trạc tuổi như vậy. Cả hai người cha ấy đều góa vợ. Họ có vẻ như muốn lẫn tránh giao thiệp với những gia đình khác và sống rất tách biệt, mặc dù họ rất yêu thích thể thao và thường tham gia đua ngựa. Ngài McCarthy chỉ thuê một người hầu trai và một người hầu gái. Ngài Turner giàu có hơn nên thuê nửa tá người hầu. Đó là tất cả những gì tớ biết về hai gia đình ấy. Còn bây giờ là những điều đã xảy ra với họ.

Vào, ngày mùng 3 tháng 6, có nghĩa là vào hôm thứ hai, vừa rồi, ngài McCarthy đi đến Hatherley vào lúc 15 giờ chiều rồi sau đó ra hồ Boscombe. Đây là một cái hồ không lớn lắm, hồ này do một con suối nhỏ đổ vào, con suối ấy chảy dọc theo thung lũng Boscombe. Buổi sáng ông ta ra thị trấn Ross và có nói với người hầu là ông ta rất vội vì đúng 15 giờ có cuộc hẹn hò rất quan trọng. Sau cuộc hẹn không thấy ông ta trở về nữa. Từ trang trại Hatherley đến hồ Boscombe khoảng một phần tư dặm Anh. Trong lúc ông ta đi đến đây thì có hai người nhìn thấy. Người thứ nhất là một bà già không thấy nhắc tên trên báo. Còn người thứ hai là ông William Crowder - người kiểm lâm của ngài Turner. Cả hai nhân chứng này đều nói rằng ngài McCarthy chỉ đi có một mình. Người kiểm lâm còn bổ sung một chi tiết nữa là, sau cuộc gặp gỡ McCarthy cha không lâu, thì anh ta lại nhìn thấy James McCarthy. Anh chàng này mang theo khẩu súng săn bên mình. Người gác rừng khẳng định là chắc chắn người con trai cũng đi theo gót cha. Người gác rừng hoàn toàn quên biến cuộc gặp gỡ kia, nhưng đến tối khi nghe câu chuyện đau đớn xảy ra thì anh ta bỗng nhớ tất cả.

Hồ Boscombe được bao bọc bởi một khu rừng rậm rạp, xung quanh bờ lau sậy mọc um tùm. Con bé Patience Moran 14 tuổi, con người bảo vệ rừng, trong lúc hái hoa ở khu rừng bên cạnh đã nhìn thấy hai cha con nhà McCarthy đang cãi nhau gay gắt. Cô ta nghe thấy tiếng quát của ông bố như tát nước, còn người con trai giơ tay lên như định dọa đánh bố mình. Cô bé hoảng sợ trước cảnh tượng như vậy và vội vàng chạy về nhà kể lại cho bố mẹ nghe những gì đã xảy ra. Cô bé kể xong câu chuyện đó được một lát thì người con trai McCarthy lao đến gặp người gác rừng anh ta thều thào rằng vừa thấy bố mình bị sát hại và nhờ người gác rừng ra giúp một tay. Anh ta hoảng sợ mất bình tĩnh, trên người không súng, không mũ và ở cánh tay phải có dính những vết máu còn mới nguyên. Người gác rừng nhanh chóng đi theo anh ta đến chỗ người bị giết. Xác chết nằm sổng sượt trên bãi cỏ gần mép nước. Sợ người chết bị dập dập bởi một thứ vũ khí nặng và tà đầu. Những vết thương kiểu ấy chỉ có thể do báng súng gây ra, khẩu súng săn của anh con trai vứt lẫn lóc cách thi hài chỉ vài ba bước. Trước những tang chứng đó, người con trai bị bắt ngay lập tức. Vào ngày thứ ba người ta đã buộc tội sơ bộ: "Một vụ giết người có chủ tâm". Vào hôm thứ tư cậu McCarthy phải ngồi ghế bị cáo của tòa sơ thẩm huyện Ross - Công việc chưa ngã ngũ ra sao còn phải đợi

ngày ra tòa chung thẩm. Tất cả những sự kiện và dữ kiện ấy thì cảnh sát an ninh đã nắm đầy đủ hết.

- Khó lòng mà tưởng tượng nổi, quả là một sự việc hèn hạ và bỉ ổi! - Tôi nhận xét. - Đây là trường hợp mà bằng chứng gián tiếp đủ vạch mặt kẻ phạm pháp, tớ chưa thấy bao giờ.

- Mọi chứng cứ gián tiếp đều dễ đánh lừa lắm. - Holmes dăm chiêu nói. - Nó có thể chứng minh theo một hướng rõ ràng; nhưng nếu cậu có khả năng phân tích những dẫn chứng ấy, thì cậu có thể phát hiện ra những chứng cứ này thường không dẫn chúng ta đi đến chân lý, mà đi vào một hướng phi chân lý. Chắc chắn giờ đây sự việc đang đòi chống lại người con trai; loại trừ khả năng chính cậu ta là kẻ phạm pháp thật sự. Tuy thế vẫn có người làm chứng cho sự vô tội của cậu ta. Đó là nàng Turner - con gái ngài Turner. Tiểu thư đã nhờ luật sư Lestrade bào chữa cho bị cáo. Ngài luật sư Lestrade cho rằng bào chữa trong trường hợp này sẽ rất khó, vì vậy ông ta chuyển nó đến tôi và nhờ tôi giải quyết giúp. Thế là có hai thám tử hiện đang trên đường phóng tới miền Tây với tốc độ 50 dặm một giờ, để đến sáng mai có thể đang hoàng ăn điểm tâm tại nhà.

- Tớ chỉ ngại, - Tôi nói. - Từ một dữ kiện buộc tội đã qua rồi, khả năng giành thắng lợi trong vụ này của cậu sẽ bị hạn chế.

- Những sự kiện, hiển nhiên không thể che mờ tất cả - Sherlock vừa cười vừa nói - Nhưng, nếu chúng ta cũng có khả năng tìm được những chứng cứ hiển nhiên không thể chối cãi được như thế thì sao. Biết đâu chúng nó sẽ có ích cho ngài Lestrade. Cậu đã hiểu tớ quá rồi, trong suy nghĩ cậu đừng cho tớ là kẻ khoắc lác. Tớ hoặc là sử dụng những dữ kiện do Lestrade thu thập được, hoặc là tớ bác bỏ hoàn toàn: bởi vì ngài Lestrade không hiểu một tí gì hết. Chỉ cần ví dụ như thế này: Tớ biết buồng ngủ của cậu quay về phía bên phải, nhưng chắc chắn ngài Lestrade chưa biết điều đó.

- Quả thật như thế thì có sao đâu?...

- Anh bạn thân mến của tôi ời! Tớ với cậu quen nhau đã lâu và tớ rất rõ tính cẩn thận của cậu. Mỗi buổi sáng cậu đều cạo râu dưới ánh sáng mặt trời - Phía bên trái khuôn mặt của cậu cạo không được tốt bằng phía bên phải. Điều đó chứng tỏ bên má phải cậu được ánh sáng chiếu nhiều hơn bên má trái.

Cậu là một con người cẩn thận, ăn mặc chải chuốt, cho nên khi quan sát thấy như vậy tớ đã có kết luận đúng đắn. Tớ chỉ ví dụ thế thôi, một ví dụ đơn giản về quan sát để rút ra những kết luận. Nghề nghiệp của tớ chỉ gói gọn trong mấy thứ ấy và có thể nó rất cần thiết cho công việc sắp đến của chúng ta. Có một vài chi tiết nhỏ mọn được làm sáng tỏ trong lúc hỏi cung cậu con trai làm cho tớ chú ý.

- Cậu chú ý cái gì?

- Người ta đã đến bắt McCarthy con sau đó một chút khi anh ta đã về đến trang trại Hatherley, khi cảnh sát đọc lệnh bắt, anh ta nói rằng - điều đó không làm anh ta ngạc nhiên chút nào, vì anh ta đáng bị trừng phạt. Lời của anh ta mang tính chất phục thù. Điều đó đã làm tiêu tan những nghi ngờ của ngài thẩm vấn.

- Một sự thú nhận tội lỗi! - Tôi thốt lên.

- Không đâu, sau đó anh ta mới bào chữa cho sự trong sạch của mình.

- Nhưng những lời bào chữa xuất hiện sau những chứng cứ xác đáng đến khủng khiếp như vậy, càng làm họ nghi ngờ thêm.

- Ngược lại, - Holmes nói - Đó chính là một, điểm sáng duy nhất mà tớ hy vọng sẽ nhìn thấy từ trong đám mây đen. Chính chàng trai kia cũng không thể ngờ rằng tai họa

đang giáng xuống đầu cậu ta. Nếu anh ta giả vờ làm bộ ngạc nhiên và chống đối khi được tin mình bị bắt, thì điều đó, càng vạch mặt kẻ dối trá mà thôi. Bởi vì mọi sự công phần trong bối cảnh phức tạp như vậy chỉ là một sự giả dối trắng trợn. Thái độ bàng quan, thờ ơ của anh ta trong giây phút bị bắt, hoặc nói lên anh ta vô tội hoặc ngược lại, nó vạch trần tính từ chủ có ý định và lòng kiên nghị của anh ta. Khi anh ta nói anh ta bị bắt là điều hiển nhiên mà thôi, vì anh ta đã quên mất, nghĩa vụ làm con của mình, đã dám lăng mạ cha mình, còn định đánh nữa. Câu trả lời ấy nói lên sự ăn năn hối hận, lương tâm anh ta bị vò xé, điều này làm cho tớ nghĩ anh ta là người trong sạch hơn là một kẻ giết người.

Tôi ngao ngán lắc đầu.

- Nhiều người đã bị treo cổ vì những bằng chứng nhỏ như thế. - Tôi nhận xét.

- Đúng như vậy, và trong số họ cũng có nhiều người bị treo cổ oan ức.

- Thế cậu đã có cách gì để cứu vớt chàng thanh niên kia chưa?

- Chưa có gì đặc biệt để giúp cho ngài luật sư bào chữa cho anh ta cả mặc dù rằng có đôi chút hy vọng. Đây cậu đọc xem có tìm thấy gì không?!

Anh lấy trong cặp ra vài tờ báo địa phương, lật qua mấy trang rồi chỉ cho tôi mấy dòng tự khai của anh bạn trẻ McCarthy. Tôi ngồi vào một góc toa tàu và chăm chú đọc tờ báo.

Ngài James McCarthy được gọi lên chất vấn. Anh ta khai :

- Tôi vắng mặt ở nhà ba ngày đêm; những ngày này tôi ở Bristol và trở về nhà vào đúng hôm thứ hai tuần vừa rồi, ngày mùng ba khi tôi về tới nhà thì không thấy cha tôi ở nhà; người hầu gái nói lại rằng cha tôi đi ra thị trấn Ross cùng với gã đánh xe ngựa John Cobb. Một lúc sau tôi nghe thấy tiếng kêu của cỗ xe ngựa trước nhà, và nhìn qua cửa sổ tôi thấy cha tôi đang rất vội ở ngoài sân; tôi không biết cha tôi đi về hướng nào. Tôi vớ lấy khẩu súng săn của mình quyết định đi đến hồ Boscombe để săn thỏ ở bãi đất bỏ hoang nằm bên kia bờ hồ. Trên đường đi tôi có gặp bác coi rừng William Crowder, như điều bác nói trong bản tường trình, tuy nhiên bác ta đã nhầm cho rằng tôi có ý định chạy theo cha tôi. Tôi không biết là cha tôi đang đi phía trước.

Khi cách hồ chừng một trăm bước, tôi nghe thấy tiếng kêu “Cooee” tiếng mà cha con tôi vẫn thường hay gọi nhau. Tôi liền chạy đến chỗ phát ra tiếng gọi ấy và tôi nhìn thấy cha tôi đang đứng cạnh hồ. Cha tôi rất ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi và hỏi một cách giận dữ rằng tôi làm gì ở đây? Cuộc nói chuyện đi đến chỗ gay gắt suýt nữa thì xảy ra ẩu đả, vì cha tôi là một người rất nóng tính. Khi cảm thấy cha tôi không thể kìm chế được cơn giận nữa, tôi quyết định chuồn về trang trại Hatherley. Khi đã đi được một quãng, tôi bỗng nghe thấy tiếng kêu lạnh buốt xương sống, thế là tôi lập tức quay trở lại. Tôi nhìn thấy cha tôi nằm sòng xoài trên mặt đất. Ở đâu có một vết thương gớm ghiếc, toang hoác miệng, cha tôi đang thoi thóp thở. Khẩu súng săn trên vai tôi rơi xuống lúc nào không hay, tôi nâng đầu cha tôi lên, nhưng trong khoảng tích tắc ấy cha tôi đã ngừng thở. Tôi quì gối bên thi hài vài phút đồng hồ, sau đó tôi chạy đến gặp người gác rừng của ngài Turner nhờ bác ta giúp một tay, vì ngài nhà của bác ấy gần hơn cả. Khi quay lại chỗ cha tôi, tôi không nhìn thấy ai cả, do vậy tôi không biết được ai đã giết cha tôi. Ở đây, rất ít người biết cha tôi, bởi tính tình của cha tôi xưa nay rất ngại tiếp xúc với mọi người xung quanh. Nhưng tôi cũng biết là cha tôi hiện nay không có kẻ thù.

Người thẩm phán :

- Cha anh nói gì với anh trước lúc tắt thở không?

Bị cáo :

- Cha tôi có lắp bắp mấy tiếng không rõ, tôi chỉ nghe thấy một từ hình như là “Arat”

(Con chuột cống).

Thẩm phán :

- Điều gì đã làm cho anh và cha anh cãi nhau?

Bị cáo :

- Tôi không thể nói chuyện đó ra đây được.

Thẩm phán :

- Rất tiếc là tôi buộc anh phải trả lời.

Bị cáo :

- Nhưng tôi không thể trả lời câu hỏi đó. Tôi thề với ngài là câu chuyện của chúng tôi không hề liên quan đến câu chuyện đau đớn đó.

Thẩm phán :

- Quan tòa sẽ quyết định chuyện đó. Tôi chỉ nói cho anh biết việc từ chối câu trả lời sẽ bất lợi cho anh.

Bị cáo :

- Tôi sẽ không bao giờ trả lời chuyện ấy đâu.

Thẩm phán :

- Cha con anh thường dùng tiếng “Cooee” để nói với nhau phải không?

Bị cáo :

- Vâng.

Thẩm phán :

- Có nghĩa là, cha anh đã phát ra tiếng ấy trước khi ông biết anh đã từ Bristol trở về có phải không?

Bị cáo :

- Tôi không biết nữa.

Ông chánh án :

- Anh không phát hiện một dấu hiệu nghi vấn gì khi anh chạy đến chỗ bố anh bị nạn à?

Bị cáo :

- Tôi không phát hiện được cái gì rõ rệt hết.

Thẩm phán :

- Thế nghĩa là thế nào?

Bị cáo :

- Tôi hồi hộp và sợ hãi đến nỗi khi chạy ra khỏi khu rừng, tôi chỉ nghĩ đến cha tôi, ngoài ra không còn chú ý gì nữa.

Tôi chỉ mang máng nhớ là bên trái có một vật gì, hình như là tấm khăn choàng. Khi tôi đứng lên khỏi cha tôi, tôi nhìn quanh tìm vật ấy, nhưng nó đã biến mất.

- Anh có cho là vật ấy biến mất trước lúc anh chạy đi nhờ người giúp chăng?

- Vâng.

- Anh cố nhớ xem vật ấy là cái gì?

- Không, tôi chỉ cảm thấy có vật gì đó, thế thôi.

- Vật đó cách chỗ người chết bao xa?

- Khoảng mười bước chân.

- Và cách với góc rừng bao xa?
- Gần bằng nhau.
- Có nghĩa vật ấy cách anh khoảng hai mươi bước chân?
- Vâng, nhưng tôi quay lưng về phía nó.

Cuộc hồi cung được kết thúc ở đây”.

- Tôi thấy vào cuối cuộc hồi cung, ngài thẩm phán hơi khắt khe với anh chàng McCarthy. - Tôi nói, sau khi đã đọc xong những dòng ghi trên báo. - Ông ta chứng minh những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo là hoàn toàn có căn cứ. Tại sao người cha gọi tên con khi biết con mình hoàn toàn không có mặt? Ngay cả chuyện cậu con trai từ chối không cung khai về nội dung câu chuyện giữa anh ta với người bố. Sau cùng là lời thốt ra khó hiểu của người bố khi sắp chết. Ngài thẩm phán nhận xét tất cả đều hết sức chống lại anh ta.

Holmes đổi tư thế ngồi, vui vẻ nói :

- Cậu và ngài thẩm phán cùng đầu đầu vào chuyện không đâu: trong khi đó thì vứt bỏ hết cái có lợi cho anh ta. Chẳng nhẽ cậu không thấy anh ta diễn đạt lúc thì quá nhiều, lúc thì quá ít ư? Quá ít - vì McCarthy trai trẻ không thể bịa ra một nguyên nhân nào về chuyện cãi cọ với bố. Nếu anh ta giải thích cho ngài chánh án thì tội anh ta sẽ được nhẹ hơn. Quá nhiều - Vì anh ta có thể bịa đặt ra “con chuột cống” của kẻ hấp hối và chuyện chiếc áo tự nhiên biến mất. Tôi có nhận xét như thế này : những gì McCarthy con khai đều là sự thật. Hãy xem giả thiết ấy sẽ dẫn chúng ta đi đến đâu? Chúng ta tạm dừng câu chuyện, vì chúng ta chưa đi đến nơi xảy ra án mạng. Hai chúng ta sẽ dùng bữa ăn sáng thứ hai ở Swindon. Chỉ còn 20 phút nữa chúng ta sẽ đến.

Tàu đã vượt qua thung lũng Stroud và chạy vào thị trấn bé nhỏ Ross - Lúc này đã gần 16 giờ. Ra đón chúng tôi ở sân ga là một con người cẩn thận, có cặp mắt tinh ranh như loài cú vọ.

Anh ta mặc chiếc áo khoác màu xám và đi ủng cao gót phù hợp với vùng nông thôn này. Tôi nhận ra đó chính là ngài Lestrade từ Scoland đến. Chúng tôi cùng anh ta đi đến “Hereford Arms” ở đây, người ta đã chuẩn bị phòng ngủ cho chúng tôi.

- Tôi đăng ký một cỗ xe ngựa rồi, - Sau khi uống một chén trà, ngài Lestrade nói. - Tôi đã biết cách thức làm việc của ngài, ngài không thể ngồi yên được khi chưa trực tiếp đến chỗ xảy ra vụ án mạng.

- Ngài chỉ quá khen đấy thôi - Holmes trả lời. - Bây giờ tất cả mọi việc đều phụ thuộc vào kết quả chỉ của phong vũ biểu.

Lestrade kinh ngạc, không hiểu gì.

- Tôi hoàn toàn không hiểu ý của ngài. - Anh ta nói.

- Phong vũ biểu chỉ bao nhiêu? - 29 hã - sẽ không có gió trên bầu trời không có một gợn mây - có nghĩa là không có mưa. Chúng ta cần hút vài điếu đã. Ghế đệm ở đây cũng thơm mát sạch sẽ hơn bất kỳ khách sạn nào ở nông thôn. Tôi sẽ không dùng đến cỗ xe của ngài trong buổi chiều hôm nay.

Lestrade cười trịch thượng và nói :

- Chắc ngài đã đi đến một kết luận thì phải vì ngài đã đọc hết bản luận tội đăng trên báo? Sự việc quá rõ ràng, rõ như tôi thấy ngài. Càng nhìn càng rõ thêm. Nhưng tất nhiên không nên từ chối lời thỉnh cầu của một cô gái đẹp và đáng yêu như thế? Cô ta có nghe nói về ngài và hy vọng ngài sẽ bào chữa cho bị cáo; mặc dù đã nhiều lần tôi

nói cho cô ta biết là ngài cũng đang khoanh tay không thể làm hơn những gì mà tôi đã gắng hết sức. Xe của cô nàng đã đến đây!

Trong lúc Lestrade đang thao thao bất tuyệt thì một người con gái duyên dáng bước vào phòng. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ai đẹp như cô ta! Cặp mắt xanh biếc, đôi môi hé mở dịu dàng, đôi má ửng hồng, trông cô xinh xắn và dễ thương làm sao?! Nỗi lo lắng làm cho cô gái quên cả e dè.

- Ôi! Thưa ngài Sherlock Holmes? - Cô ta thốt lên đưa cặp mắt đẹp như mơ nhìn từ Sherlock sang tôi và cuối cùng bằng linh tính đặc biệt, của giới phụ nữ, cô ta dừng mắt lại ở chỗ bạn tôi - Tôi rất sung sướng vì ngài đã có mặt ở đây! Tôi đến đây để nói cho ngài rõ câu chuyện. Tôi tin là James vô tội. Ngài hãy bắt đầu công việc, khi tôi nói cho ngài rõ. Ngài đừng nghi ngờ gì hết dù chỉ trong một phút thôi. Tôi kết bạn với anh ấy từ thời thơ ấu kia, nên tôi hiểu anh ấy hơn ai hết, tôi biết những nhược điểm của anh ấy. James nhân ái đến nỗi không làm đau đến cả một con ruồi. Những ai quen biết anh ấy đều cho lời buộc tội là hoàn toàn phi lý.

- Tôi hy vọng, chúng tôi sẽ bào chữa được cho anh ấy, thưa tiểu thư Turner xinh đẹp? - Sherlock nói. - Tiểu thư hãy tin tưởng tôi sẽ làm hết sức của mình.

- Ngài đã đọc được những lời buộc tội ấy chưa? Ngài có ý kiến gì không? Ngài có thấy một tia hy vọng nào không? Ngài tin là anh ấy vô tội chứ?

- Tôi cho rằng rất có thể.

- Thế là anh ấy sẽ được tha! - Cô gái vui mừng ra mặt và ngẩng cao đầu, đưa cặp mắt dò hỏi nhìn ngài Lestrade. - Ngài có nghe thấy gì không? Giờ thì tôi có thể hy vọng được rồi.

Lestrade nhún vai nói :

- Tôi chỉ sợ anh bạn của tôi hơi vội vã trong lời kết luận của mình. - Nhưng ông ấy nói đúng. Tôi tin ông ấy! James không thể là tên giết người. Còn chuyện dính dáng đến vụ cãi cộ với cha anh ấy tôi biết hết - Và nguyên nhân nào khiến cho anh ấy không nói với ngài thẩm phán vì chuyện này có dính líu đến tôi.

- Như thế nào thưa tiểu thư? - Sherlock hỏi.

- Bây giờ là lúc tôi không phải dấu giếm cái gì hết. Vì tôi mà James đâu có những bất đồng với cha anh ấy. Cha của James thì muốn chúng tôi lấy nhau. Chúng tôi yêu nhau, như anh em ruột thịt. Nhưng anh ấy, tất nhiên, còn quá trẻ, chưa hiểu gì về cuộc đời... và... và... Nói tóm lại, anh ấy chưa muốn cưới vợ. Vì thế mà có cuộc cãi cộ kia. Tôi tin tưởng rằng đó là một trong những nguyên nhân của cuộc cãi vã.

- Ý kiến cha tiểu thư như thế nào? - Holmes hỏi. - Ông ấy có muốn anh chị lấy nhau không?

- Cha tôi rất phản đối. Ngoài cha của James ra thì không ai ủng hộ cuộc hôn nhân này cả.

Holmes ném cái nhìn dò xét lên khuôn mặt cô gái làm cô ta ngượng ngùng đỏ bừng cả mặt.

- Xin cảm ơn tiểu thư về nguồn tin mới mẻ, - Holmes nói. - Ngày mai tôi có thể gặp cha của tiểu thư không, nếu ngày mai tôi ghé thăm?!

- Tôi e rằng bác sĩ sẽ không cho gặp?!

- Bác sĩ ư?

- Vâng, chẳng lẽ ngài không biết sao? Trong những năm gần đây, cha tôi hay ốm lắt nhắt, nhưng cũng đủ làm cho cha tôi kiệt sức hoàn toàn. Cha tôi chỉ nằm suốt ngày,

còn ngài bác sĩ Willows nói: Cha tôi bị chấn thương sọ não vì bị kích động mạnh. Ngài McCarthy là người duy nhất ở đây biết được cha tôi trong thời gian ở Victoria xa xôi.

- Sao? Cha của tiểu thư đã từng ở Victoria hả?

- Vâng, cha tôi tham gia vào đoàn tìm kiếm.

- Tôi hiểu. Ngài Turner đã làm giàu tại những mỏ vàng có phải không, thưa tiểu thư?

- Vâng, đúng thế, thưa ngài.

- Xin cảm ơn tiểu thư. Tiểu thư giúp cho tôi rất nhiều.

- Ngày mai, nếu có tin tức gì mới ngài hãy làm ơn cho tôi biết với! Chắc ngài sẽ đến gặp anh James ở trại giam phải không? Nếu gặp ngài hãy nói giúp rằng tôi bao giờ cũng tin là

anh ấy vô tội.

- Tiểu thư cứ an tâm, thế nào tôi cũng nói lại điều đó.

- Tôi phải về nhà gấp. Cha tôi hiện đang nguy kịch và cần có tôi bên cạnh. Xin tạm biệt ngài, cầu chúa phù hộ cho ngài trong công việc.

Cô gái vội vã bước ra khỏi phòng và chúng tôi nghe tiếng còi xe đang xa dần.

- Tôi ngưỡng thay cho ngài, ngài Holmes ạ! - Lestrade nói với giọng đàn anh, sau một phút im lặng - Ngài hy vọng làm gì chứ?! Không phải tôi lo quá xa đâu, nhưng ngài làm như vậy quả là liều lĩnh.

- Tôi nhìn thấy con đường mà tôi sẽ đi - James McCarthy, Holmes nói - Ngài có giáp phép vào thăm trại giam không?

- Có đây nhưng chỉ dùng cho hai người thôi.

- Như vậy, tôi sẽ thay đổi chương trình là không đi đâu nữa. Chúng ta có kịp thời gian đi đến trại giam Hereford để thăm tù nhân không?

- Hoàn toàn kịp.

- Chúng ta cùng đi? Watson, tớ sợ cậu buồn nhưng chỉ sau hai giờ tớ sẽ quay về đây.

Tôi tiễn họ ra bến xe. Sau đó đi bách bộ dọc các đường phố của thị trấn. Rồi quay về khách sạn, tôi nằm xuống xa lông và lấy cuốn tiểu thuyết ra đọc. Nhưng cuốn sách không ăn nhập với câu chuyện đáng thương đang hiện ra trước mắt tôi. Tôi nhận thấy tất cả mọi ý nghĩ của mình lúc này đều quay về thực tại. Tôi ném cuốn sách vào góc phòng và thử ôn lại trình tự, suy luận về những sự kiện. Cứ cho những lời khai của chàng thanh niên kia là đúng đi, thì liệu có con quỷ nào lọt vào khoảnh khắc ngắn ngủi giữa lúc chàng trai đi khỏi và chạy lại với tiếng kêu của người cha. Ai vào đây? Điều này thật là kinh khủng, đáng sợ. Tôi là bác sĩ, công việc sẽ được rõ ràng hơn, nếu tôi đưa xem xét những vết thương. Tôi gọi điện và đề nghị cung cấp cho tôi tất cả những số liệu và kết quả của cuộc giải phẫu giám định đầy đủ nhất.

Trong bản kết luận của nhà giải phẫu cho biết: xương đỉnh phía sau và phần trái của xương chẩm bị vỡ do một cú giáng rất mạnh bằng một vũ khí không nhọn. Tôi tự sờ lên đầu mình để kiểm tra, không còn nghi ngờ gì nữa, cú đánh như vậy chỉ có thể thực hiện từ phía sau lưng nạn nhân. Điều này sẽ biện hộ phần nào cho bị cáo, vì trong lúc cãi nhau người ta nhìn thấy anh ta đứng đối diện với người cha: Cần phải nói cho Sherlock biết điểm này. Tôi nhớ đến từ "con chuột cống", có ý nghĩa gì nhỉ.

Trong trường hợp này thì không phải là lời nói mê.

Con người trước lúc chết vì bị đánh bất ngờ, không bao giờ nói mê cả. Chẳng lẽ, ông ta muốn giải thích tại sao ông ta chết?

Ông ta muốn nói điều gì? Tôi cố gắng hết sức để tìm ra một lời lý giải thích hợp. Tôi nhớ lại trường hợp chiếc áo xám ma quỷ.

Nếu đúng như vậy thì có một kẻ thứ ba đã bỏ quên chiếc áo khi bỏ chạy và liệu lĩnh quay lại lấy ngay sau lưng cậu con trai, cách cậu ta chỉ 20 bước chân. Toàn bộ câu chuyện này là một vấn đề khó hiểu và khó tin!

Lời nhận xét của Lestrade không làm cho tôi kinh ngạc, nhưng tôi tin vào tầm nhìn xa trông rộng của Holmes nên tôi không mất hy vọng. Đến lúc này tôi có cảm giác là Sherlock đã tóm được một vài chi tiết để củng cố lương tâm của mình về sự trong trắng, vô tội của James.

Khi Sherlock về thì trời đã tối từ lâu. Anh đi một mình vì Lestrade nghỉ lại ngoài thành phố.

- Phong vũ biểu vẫn chưa chịu hạ tí nào. - Anh ngồi xuống và nói, - Chỉ cầu sao cho trời đừng có mưa vào lúc chúng mình chưa đến nơi xảy ra án mạng? Con người cần phải dồn sức lực, trí tuệ và nhiệt tình vào công việc nhân đạo. Thật lòng mà nói tớ cũng chưa hứng thú bắt tay ngay vào công việc vì tớ rất mệt sau một chuyến đi xa như vậy. Tớ đã gặp anh chàng McCarthy rồi.

- Gặp anh ta, cậu có hiểu thêm gì không?

- Không có gì mới cả.

- Sự việc không sáng sủa ư?

- Tuyệt nhiên không. Lúc đầu tớ có ý nghĩ là anh ta đã biết rõ họ. tên kẻ sát nhân, nhưng muốn giấu. Đến giờ thì tớ khẳng định là chính anh ta cũng đang thắc mắc như mọi người khác. McCarthy không phải là người khôn ngoan cho lắm, song rất dễ thương. Tớ có cảm nghĩ anh ta là người tốt.

- Tôi không tán thành quan điểm của anh ta. - Tôi nhận xét. - Nếu đó là sự thật thì tại sao anh ta không chịu cưới cô tiểu thư Turner kiều diễm kia làm vợ.

- Cũng vì thế mà xảy ra câu chuyện đáng tiếc! Anh ta yêu tiểu thư Turner chân thành tha thiết, và say đắm. Nhưng cậu thử nghĩ xem? Anh ta đã làm gì cách đây hai năm, khi còn là một thằng con nít mới lớn, lúc ấy tiểu thư Turner đang học ở trường nội trú, cậu biết không? Thằng ngốc ấy bị rơi vào tay một cô gái bán hàng ở Bristol và đại đột đăng ký kết hôn với cô ta. Về chuyện này thì không một ai biết cả. Cậu thử tưởng tượng xem, đối với anh ta thật là đau đớn khi phải nghe hoài những lời trách móc của người cha! Nỗi tuyệt vọng bao trùm, ám ảnh anh ta, khi anh ta giang hai tay lên trời cầu cứu để trả lời đề nghị của cha anh ta là kết hôn với tiểu thư Turner. Mặt khác, anh ta hết khả năng tự bào chữa rồi, và người cha, theo mọi người nói là kẻ hẹp hòi, đồ kỵ, sẽ đuổi cậu ta ra khỏi nhà nếu biết được tất cả sự thật. Chàng thanh niên đã sống với người vợ của mình ở Bristol trong ba ngày cuối cùng, nhưng người cha không biết cậu ta ở đâu. Hãy ghi nhớ kỹ điểm ấy.

Điều này rất quan trọng. Trong cái rủi lại có cái may. Cô bán hàng khi nghe tin chồng mình bị kết tội nặng và có thể không lâu sẽ bị treo cổ nên đã bỏ anh ta ngay lập tức. Cô ta tự thú nhận trong một bức thư gửi cho chồng là từ lâu cô ta đã có một người chồng chính thức khác ở Bermuda; cô ta trắng trợn tuyên bố giữa cô ta và James McCarthy không hề có sự ràng buộc nào hết. Tớ nghĩ tin ấy phần nào đền bù nỗi đau khổ của cậu McCarthy.

- Nếu cậu ấy vô tội thì ai là thủ phạm gây án mạng?

- Đúng, kẻ giết người là ai? Tớ lưu ý cho cậu hai điểm sau đây: thứ nhất - Người đã khuất cần gặp ai đó bên hồ, người đó không thể là con trai ông ta được, bởi người con trai đã đi khỏi không biết bao giờ mới về. Thứ hai - Người cha gọi "Cooee" trước khi ông ta nhìn thấy con trai. Đó là nút chính, nhờ nó mà chúng ta làm thấy đôi được tình thế. Còn bây giờ hãy nói đến những sáng tác mới của George Meredith nếu như cậu thích. Hay để những công việc thứ yếu khác đến mai.

* * * * *

Đúng như Sherlock mong muốn, hôm qua trời không mưa.

Sáng nay trời quang đãng không một bóng mây. Vào lúc 9 giờ Lestrade đến đón chúng tôi đi trên cỗ xe ngựa, chúng tôi tiến về trang trại Hatherley và từ đó đi bộ đến hồ Boscombe.

- Có một tin quan trọng. - Lestrade nói. - Nghe nói là ngài Turner ốm nặng đến nỗi khó lòng mà qua được.

- Hình như ông ấy già lắm phải không? - Holmes hỏi.

- Khoảng 60 tuổi, nhưng ông ta mất sức từ ngày ở đoàn tìm kiếm và từ lâu đã mang bệnh hiểm nghèo. Ông ta là bạn cũ của ngài McCarthy, hơn thế còn là ân nhân nữa. Tôi được biết ngài Turner không lấy tiền thuê trại Hatherley của ngài McCarthy.

- Ô! Điều này rất lý thú đấy các vị ạ? - Holmes bỗng reo lên.

- Vâng, ngài Turner giúp đỡ ngài McCarthy bằng mọi biện pháp có thể được. Ở đây mọi người đều nói là ngài Turner đối xử với bạn rất tốt.

- Sao ngài lại nghĩ thế! Ngài không lấy làm lạ là ngài McCarthy không giàu có gì mà lại tính đến chuyện cưới cô tiểu thư Turner xinh đẹp - người thừa kế duy nhất gia tài kếch sù cho con trai? Ngài biết rồi đấy ông Turner chấp nhận cuộc hôn nhân ấy.

Chính tiểu thư Tenter đã nói. Ngài có thể rút ra kết luận gì bằng phương pháp suy diễn.

- Chúng tôi đã suy diễn và rút ra những kết luận lôgic nhất. - Lestrade nói và nháy mắt ra hiệu cho tôi. - Ngài cứ tiếp tục sử dụng các dữ kiện ấy, nó có thể đi xa chân lý để rơi vào thế giới hão huyền. - Sự thật thì bao giờ cũng là sự thật. - Holmes nói, - Ngài sử dụng dữ kiện không tốt lắm.

- Tôi chỉ nhấn mạnh một dữ kiện, mà đối với ngài thì khó hiểu - Lestrade nói.

- Dữ kiện nào?

- Là McCarthy cha đón nhận cái chết bi thảm của mình từ McCarthy con, còn tất cả mọi giả thiết khác bác bỏ nó - chỉ là vệt sáng trắng.

- Nhưng dù sao vệt sáng trắng còn sáng hơn sương mù? - Holmes vừa cười vừa nói. - Nếu tôi không nhầm thì bên trái kia là trang trại Hatherley.

- Đúng, chính nó.

Đó là một ngôi nhà hai tầng khang trang đầy đủ tiện nghi, được lợp bằng tôn Fibroximăng, rêu bám từng mảng lớn ở mặt tiền sảnh. Những tấm rèm thả xuống bịt kín mít các cửa sổ trông rất ảm đạm; những ống khói đã mấy hôm nay không có khói bay. Những cái đó đã làm cho ngôi nhà trở nên hiu quạnh; dường như án mạng đang phủ lên, đè nén mấy bức tường với tất cả sức phá hoại ghê gớm của nó.

Chúng tôi gọi cửa. Người hầu gái, theo yêu cầu của Holmes, chỉ cho chúng tôi đôi giày của chủ nhân đã mang trong ngày hôm ấy, và đôi giày của cậu con trai đã mang. Holmes ngó vào từng li từng tí đôi giày; sau đó anh đề nghị người ta dẫn chúng tôi ra sân, từ đó chúng tôi đi theo đường mòn quanh co uốn khúc dẫn đến hồ Boscombe.

Sherlock biến đổi hoàn toàn, khi anh lôi theo dấu vết bẩn thỉu. Những người đã từng biết ngài thám tử lừng danh ở hẻm Baker, lúc này chắc không thể nhận ra anh được. Anh ta ủ dột, mặt hơi phớt hồng, cặp mắt lấp lánh dưới hàng mi đen chạy dài.

Đầu anh cúi xuống, cặp vai nhô lên, đôi môi cắn chặt: trên cái cổ gân guốc hằn rõ những đường mạch máu xanh. Hai lỗ mũi của anh phồng lên như cặp mũi của những nhà đi săn thú lão luyện.

Anh say mê công việc đến nỗi không trả lời bất cứ câu hỏi nào, hoặc nếu có chỉ nhảm nhảm cho qua chuyện. Anh đi âm thầm, nhưng rất nhanh theo lối mòn xuyên qua một cánh rừng và đồng cỏ tới hồ Boscombe. Đó là vùng đầm lầy trước kia nay đã khô ráo giống như cả vùng thung lũng. Trên lối mòn, hai bên có những loại cỏ dại thấp mọc dày xuất hiện những dấu vết dẫm nát. Holmes lúc thì vội vội vàng vàng, lúc thì dừng hẳn lại. Có một lần anh bất thành lĩnh quay lại và đi ngược vài ba bước.

Lestrade và tôi theo dõi anh từng bước. Lestrade thì quan sát với thái độ thờ ơ, khinh khinh ra mặt, còn tôi luôn luôn theo sát Sherlock với sự hứng thú trong lòng, bởi tôi dám khẳng định là mỗi động tác của anh đều dẫn tới một kết cục tốt đẹp.

Hồ Boscombe rộng chừng 50 yard, lau sậy bao bọc xung quanh. Nó kéo dài trên ranh giới của trang trại Hatherley và địa hạt của ngài Turner giàu có. Ở phía xa, nơi khu rừng chạy dài đến tận bờ xa tấp, thấp thoáng những ngọn tháp nhọn đỏ chói.

Ở phía Hatherley khu rừng rất rậm rạp, um tùm; chỉ có một khoảng đất hẹp, rộng chừng hai mươi bước là có cỏ dại mọc và một số cây sậy còn sót lại bao quanh. Lestrade chỉ cho chúng tôi chính xác nơi nạn nhân ngã xuống. Mảnh đất chỗ ấy bị dẫm nát đến nỗi tôi dễ dàng nhận ra ngay nơi nằm của người bị giết.

Còn những gì liên quan thì Holmes quan sát rất kỹ lưỡng.

Holmes chăm chú nhìn kỹ đám cỏ bị xéo nát. Anh chạy đi chạy lại, sau đó lại gần người bạn đồng hành với chúng tôi.

- Ngài đã làm những gì ở đây?

- Tôi đã cào xới khắp bãi cỏ, tìm kiếm một loại vũ khí và những chứng cứ khác, nhưng ngài đã thấy đấy...

- Thôi đủ rồi. Tôi không có nhiều thời giờ! Dấu chân trái của ngài hiện lên khắp nơi. Thậm chí con chuột chù cũng có thể đánh hơi được điều đó. Còn đến chỗ đám lau sậy thì dấu vết biến mất. Nếu tôi đến đây trước khi bị đàn trâu dẫm nát thì mọi việc sẽ đơn giản! Những người ra đây đã làm loạn xị ngậu mọi dấu vết xung quanh chỗ nạn nhân chừng 6 hoặc 7 foot.

Sherlock lấy kính lúp ra rồi nằm xuống tám vãi không thấm nước để quan sát và thì thầm nói với bản thân mình hơn là nói với chúng tôi.

- Đây là dấu vết của anh chàng McCarthy, anh ta đã đi qua đây hai lần và một lần chạy nhanh đến nỗi vết giày hầu như khó nhìn thấy, những vết còn lại thì rất rõ. Những dấu vết này khẳng định cho lời khai của anh ta. Chàng thanh niên chạy đến nhìn thấy cha mình đang nằm gục trên mặt đất. Tiếp theo là những dấu chân của người cha đi lui đi tới. Cái gì thế này? À, dấu vết của báng súng khi người con đứng và dựng súng xuống nghe cha nói. Còn đây nữa? Cái gì nhỉ? Có một người đi rón rén trên đầu các ngón chân! Đây là đôi giày không bình thường, hình như hình vuông?! Hẳn đến rồi chuẩn khỏi, rồi lại đến, chắc là để lấy chiếc áo. Nhưng hẳn từ đâu đến?

Holmes chạy đi chạy lại quan sát, đôi lúc mất dấu vết, đôi lúc nhìn thấy. Trong lúc đó chúng tôi chưa đi vào bìa rừng, dưới bóng một cây bạch dương to già cỗi, Holmes đã bắt được các dấu vết, anh nhẹ nhàng nằm xuống. Bỗng anh reo lên sung sướng.

Holmes nằm yên rất lâu, lật đi lật lại những chiếc lá cây và cành cây khô queo, nhặt bỏ vào phong bì một vật gì đó giống như là bụi đất. Anh thận trọng nhìn qua kính lúp một chiếc vỏ cây, một hòn đá có cạnh không đều nhau. Anh cầm hòn đá lên và ngắm nghía vẻ thỏa mãn, sau đó anh theo lối mòn dẫn đến một con đường ở đây mọi dấu vết bị xóa sạch.

- Hòn đá này quan trọng đấy. - Anh nhận xét khi đã quay lại với giọng nói bình thường. - Ngôi nhà xám xám phía bên phải kia có lẽ là nhà của người gác rừng. Tôi sẽ ghé lại chỗ ngài Moran để nói vài lời và viết một bức thư. Rồi chúng ta sẽ về khách sạn trước bữa ăn sáng thứ hai. Hai người cứ đi đến xe ngựa trước, tôi sẽ tới sau.

Sau 10 phút, chúng tôi về tới thị trấn Ross. Hòn đá nhặt được ở trong khu rừng vẫn nằm trong tay Holmes.

- Vật này có thể sẽ làm cho ngài chú ý, thưa ngài Lestrade. - Holmes chìa hòn đá ra.
- Đây chính là vũ khí mà kẻ sát nhân đã dùng.

- Tôi không nhìn thấy vết tích nào cả?!

- Đúng, không có.

- Vậy làm sao ngài quả đoán như thế?

- Vì dưới hòn đá này cỏ vẫn mọc bình thường.

Có nghĩa nó nằm chỉ vven vven có vài ngày. Còn xung quanh không thấy dấu chỗ hòn đá được nhặt lên. Hòn đá này tương xứng với những thương tích. Không có dấu vết của loại vũ khí nào khác.

- Ai là kẻ sát nhân?

- Đó là một người cao to, thuận tay trái và bị thọt chân phải. Hắn mang giày đi sần, để to và mặc bành tô xám. Hút thuốc Ấn Độ bằng tẩu, ở trong túi thì có chiếc dao cùn gấp cán. Có nhiều đặc điểm nữa, nhưng như thế cũng đủ cho chúng ta tìm kiếm.

Lestrade cười mỉm.

- Đáng tiếc, đến bây giờ tôi vẫn là kẻ hoài nghi. - Ông ta nói. - Mọi giả thiết của ngài đều chí lý, nhưng chúng ta cần làm việc với đạo luật của Hoàng gia nước Anh.

- Chúng tôi sẽ tìm thấy. - Holmes bình tĩnh trả lời. - Ngài có cách của ngài, tôi có phương pháp của tôi. Thật tuyệt vời, có thể hôm nay tôi sẽ về Luân Đôn trong chuyến tàu tối.

- Ngài bỏ dở công việc ư?

- Không, mọi việc đã sáng tỏ.

- Bí mật là gì?

- Chiếc màn bí mật đã được vén lên.

- Ai là kẻ sát nhân?

- Kẻ mà tôi vừa mô tả.

- Nhưng hắn là ai?

- Ô, có khó gì đâu, dân cư ở đây không nhiều nhận gì.

Lestrade nhún vai :

- Tôi là con người thực tế - Ông ta nói - Không thể tìm kiếm một người chỉ thọt chân phải và thuận tay trái. Chắc tôi sẽ bị cả vùng Scoland chế nhạo mất thôi.

- Được, - Holmes điềm đạm trả lời, - Tôi sẽ cho ngài biết mọi khả năng để tìm ra điều bí mật. Tôi không cần che giấu, còn ngài có lẽ sẽ khám phá ra vụ án khó hiểu này.

Sau khi từ biệt ngài Lestrade, chúng tôi quay về căn buồng của mình, ở đây bữa ăn sáng thứ hai đã dọn sẵn.

Holmes im lặng, trầm ngâm suy nghĩ. Khuôn mặt của anh buồn rười rượi, giống như khuôn mặt của một người rơi vào tình trạng khó giải quyết.

- Hãy nghe đây Watson, - Anh nói, khi người hầu đã dọn xong mọi thứ trên bàn ăn, - Cậu ngồi vào kia, tớ sẽ kể cho cậu nghe một số điều tớ biết. Không hiểu tớ phải làm gì bây giờ? Tớ muốn nghe ở cậu một lời khuyên. Cậu hãy hút thuốc đi, tớ sẽ bắt đầu.

- Nào, kể đi.

- Trong khi nghiên cứu công việc, tớ nhận thấy có hai điểm trong bản tường trình của anh chàng McCarthy làm tớ chú ý; tớ cho là điểm đó có lợi cho anh ta, còn cậu thì cho là có hại. Thứ nhất là: Người cha đã kêu “Cooee” trước khi nhìn thấy con trai của mình; thứ hai là : cha anh ta nói tới con chuột trong cơn hấp hối. Cậu nên hiểu, người cha nói lắp bắp vài từ, nhưng người con chỉ nghe được có một. Công cuộc khám phá của chúng ta xuất phát từ hai điểm này. Tớ nghĩ những điều chàng thanh niên khai trên đều đúng với sự thật một trăm phần trăm.

- Tiếng gọi “Cooee” là gì?

- Rõ ràng ông ta không gọi con trai. Vì ông nghĩ con ông vẫn ở Bristol. Người con nghe thấy tiếng gọi rất tình cờ. Tiếng “Cooee” để gọi người đã hẹn gặp ông ta. Từ “Cooee” là từ của người Áo, nó chỉ dùng giữa những người Áo với nhau mà thôi. Đó là điều chứng minh xác đáng cho giả thiết rằng, người mà McCarthy hẹn gặp ở hồ Boscombe phải là một người Áo.

- Nhưng còn chuyện con chuột cống?

Sherlock Holmes lôi trong túi ra tờ giấy gấp làm tư rồi cẩn thận trải nó ra bàn

- Đây là tấm bản đồ bang Victoria. - Anh nói.

- Tối hôm qua tôi đã đánh điện đến Bristol và nhờ họ gửi cho tấm bản đồ này. - Anh lấy tay che một phần tấm bản đồ. - Cậu đọc đi - Anh ta đề nghị.

- ARAT

ARAT - Tiếng Anh nghĩa là con chuột cống.

- Còn bây giờ? - Anh nhắc tay lên.

- BALLARAT

- Hoàn toàn đúng. Đây chính là từ mà người hấp hối thốt ra, nhưng anh con trai chỉ kịp nghe có hai âm tiết cuối cùng.

Nạn nhân cố gượng nói tên kẻ giết người và tên đó là Ballarat.

- Thật tuyệt diệu! - Tôi thốt lên.

- Không nghi ngờ gì nữa, vòng vây đã khép kín. Chiếc áo choàng màu xám của tên tội phạm là bằng chứng thứ ba. Nhưng điều chưa biết này đã biến mất, và xuất hiện một người áo mặc bành tô màu xám nào đấy từ Ballaret tới.

- Sự thể sẽ ra sao?

- Chắc chắn, hẳn là người địa phương ở đây; vì bên cạnh hồ ngoài trang ấp ấy ra, không còn gì nữa. Người lạ không đi đến đây làm gì.

- Tất nhiên.

- Sau đó là cuộc khám nghiệm hiện trường của chúng ta. Trong khi xem xét nền đất, tớ đã phát hiện thêm một số chứng cứ mà tớ đã nói cho lão Lestrade nghe tuy không

quan trọng lắm. Những chứng cứ này chỉ có liên quan tới việc mô tả hình dáng kẻ phạm tội mà thôi.

- Nhưng bằng cách nào mà cậu phát hiện được?

- Cậu quá quen phương pháp của tớ rồi! Nó dựa trên sự so sánh tất cả dữ kiện không đáng kể.

- Về tầm vóc của tên sát nhân cậu phán đoán gần đúng dựa vào bước chân, hoặc đôi giày, nhưng cũng có thể dựa trên những dấu vết để lại; phải không?

- Đúng, một loại giày không bình thường.

- Sao cậu biết hắn bị thọt?

- Dấu chân phải không được rõ như dấu chân trái. Bàn chân phải dẫm nhẹ hơn. Tại sao? Chỉ vì hắn bị thọt.

- Còn chuyện hắn thuận tay trái?

- Chính cậu đã kinh ngạc với đặc điểm vết thương mà người phẫu thuật mô tả. Nạn nhân bị một cú giáng bất ngờ từ phía sau lưng; nhưng ở bên trái. Ai có thể làm được? Nếu như không thuận tay trái?! Trong lúc hai cha con đang nói chuyện với nhau, thì thủ phạm núp sau thân cây. Thậm chí hắn còn hút thuốc. Tớ đã tìm thấy tàn thuốc lá, và nhờ khiếu phân biệt các loại thuốc của mình tớ đã xác định được hắn đã hút loại thuốc của Ấn Độ. Cậu biết đấy, tớ đã nghiên cứu về thuốc lá và có viết một bài báo nói về tro của 140 loại thuốc lá khác nhau, kể cả thuốc điếu cũng như thuốc tẩu. Sau khi phát hiện ra tàn thuốc lá, tớ quan sát xung quanh, và tìm thấy mẫu thuốc còn lại mà hắn đã vứt. Đó là loại thuốc của Ấn Độ, sản xuất tại Rotterdam.

- Còn cái tẩu?

- Tớ nhận thấy mẫu thuốc không bị ngậm, suy ra hắn đã dùng tẩu. Phần cuối của điếu thuốc bị cắt, nhưng nhát cắt không sắc gọn, mà nham nhở, vì thế tớ quả quyết dao của hắn bị cùn.

- Holmes, - Tôi nói - Cậu đã giảng xung quanh tên tội phạm một tấm lưới, hắn không thể chui ra được và cậu sẽ cứu thoát chàng thanh niên vô tội kia. Cậu sẽ tháo chiếc nút thông lưng khỏi cổ anh ta. Tớ đã hình dung được tất cả những dẫn chứng của cậu đã tụ điểm vào ai rồi. Tên của kẻ giết người là...

- Ngài John Turner đến. - Người hầu phòng báo, sau khi mở cửa phòng chúng tôi và dẫn người khách vào.

Thân hình của kẻ vừa vào thật khác thường, dáng đi chậm chậm, khắp khiễng; đôi vai buông xuống làm cho ông trông khắc khổ già nua; còn bộ mặt trông góm ghềnh và thô tục; tấm thân đồ sộ thì toát lên một sức mạnh khôn lường của con người kỳ dị ấy. Bộ râu dài dài xồm xoàm, mái tóc bạc trắng phủ kín gáy lởm chởm, cặp lông mày rậm đã làm cho ông ta có vẻ kiêu kỳ và mẫn nguyện. Mặt ông xám xịt, còn môi và hai cánh mũi thì nhợt nhạt xanh tái. Thoạt nhìn tôi biết ngay ông đã mắc một thứ bệnh kinh niên khó chữa khỏi.

- Mời ngài ngồi. - Holmes đề nghị nhẹ nhàng, - Chắc ngài đã nhận được bức thư của tôi?

- Vâng, người gác rừng đã mang đến. Ngài muốn gặp tôi ở đây để tránh bớt sự lồi thối.

- Tôi nghĩ rằng, sẽ có chuyển biến nếu tôi phát biểu tại phiên tòa.

- Ngài cần tôi ư?

Turner nhìn chăm chăm vào anh bạn của tôi. Trong đôi mắt mệt mỏi của ông chứa đựng nỗi tuyệt vọng, dường như ông đã đoán được câu trả lời cho câu hỏi của mình.

- Vâng, - Holmes nói nhỏ nhẹ, cái nhìn của anh đã thay cho câu trả lời. - Vấn đề là như thế. Tôi đã biết hết câu chuyện về ngài McCarthy rồi.

Lão già dang hai tay ôm lấy mặt.

- Các ngài hãy làm ơn giúp tôi? - Ông ta kêu lên tuyệt vọng. - Tôi sẽ không thể để cho chàng trai kia chết đâu? Tôi sẽ nói hết sự thật trong phiên tòa trung thẩm.

- Rất hân hạnh được nghe. - Holmes nói lạnh lùng.

- Từ lâu tôi muốn phơi bày tất cả, nhưng còn đứa con gái thân yêu của tôi. Chuyện này sẽ làm trái tim nó tan nát mất, nó sẽ đau khổ và sẽ không sống nổi khi tôi bị bắt.

- Có thể không xảy ra chuyện đó đâu, - Holmes an ủi.

- Có thể như vậy sao?

- Tôi không phải là kẻ thừa hành chính thức. Cô con gái của ngài cần sự có mặt của tôi, cho nên tôi phải làm mọi việc vì lợi ích của cô ta. Ngài hiểu cho: chàng McCarthy kia cần được tự do ngay bây giờ.

- Tôi ở gần cửa địa ngục lắm rồi, - Ông Turner nói - Tôi bị bệnh đái đường đã lâu. Bác sĩ nói không biết tôi có sống được một tháng nữa hay không. Dẫu sao tôi cũng muốn được chết dưới mái nhà của mình, hơn là phải chết trong tù.

Holmes đứng dậy, đi đến bàn viết cầm cây bút và tờ giấy :

- Ngài hãy kể tất cả những gì đã xảy ra. - Anh đề nghị. - Còn tôi viết lại vắn tắt, ngài sẽ ký vào đó và Watson là người làm chứng. Tôi chỉ công bố lời tứ thú của ngài trong trường hợp cần thiết nhất thôi, để cứu tính mạng chàng trai McCarthy.

Ngược lại tôi hứa với ngài sẽ không dùng biện pháp ấy.

- Được, - Lão già trả lời - có lẽ tôi không còn sống đến phiên tòa phúc thẩm đâu. Cho nên điều kiện của ngài không làm cho tôi lo lắng. Tôi chỉ muốn đỡ cho Alice khỏi đòn khủng khiếp. Tôi sẽ kể cho ngài nghe tất cả... việc kéo dài thì lâu nhưng tôi sẽ kể vắn tắt... Ngài chưa được biết tay Carthy đã khuất đâu. Đó là một con quỷ hiện hình, tôi thề với ngài hẳn đúng như thế. Cầu chúa hãy cứu thoát ngài khỏi bàn tay thép dơ bẩn của hắn! - Hai chục năm cuối cùng của đời tôi, tôi bị hắn kìm kẹp và chi phối. Hắn đã đầu độc toàn bộ cuộc đời của tôi. Trước hết tôi sẽ kể vì sao tôi lại rơi vào nanh vuốt kìm kẹp của hắn. Câu chuyện này xảy ra vào đầu những năm sáu mươi (1860) của thế kỷ XIX trong đoàn tìm kiếm vàng. Thời đó tôi còn là một cậu bé thiếu suy nghĩ, nóng nảy sẵn sàng lao vào bất cứ việc gì. Tôi lọt vào bẫy của những người xấu và bắt đầu cuộc đời rượu chè be bét. Tôi sống một cuộc sống lang thang nay đây mai đó như một hiệp khách giang hồ. Bọn tôi có sáu người, chúng tôi đã trải qua cuộc đời hoang dã, phóng đảng, ngày này qua tháng khác chúng tôi đột nhập vào các bến xe, nhà ga, chặn đứng từng đoàn xe ở dọc đường để cướp bóc. Lúc ấy người ta gọi tôi là Jack ở Ballaret.

Bạn bè ngày ấy của tôi cho đến bây giờ vẫn nhớ tôi với cái tên Ballaret.

Hôm đó có một đoàn hộ tống áp tải vàng từ Ballaret đến Melbur. Chúng tôi đã tổ chức cuộc tấn công, có sáu người áp tải canh giữ xe vàng. Chúng tôi cũng có sáu người. Thế là xảy ra một trận cướp bóc, giết người thật tàn ác và quá khủng khiếp.

Loạt súng đầu tiên chúng tôi hạ thủ. Nhưng khi thu chiến lợi phẩm thì chúng tôi còn có ba người. Tôi chĩa súng vào thái dương tên xà ích - Người ấy là McCarthy. Lúc ấy tôi giết hắn luôn thì hay quá! Nhưng tôi đã thương hại, mặc dù tôi nhận thấy hắn nhìn tôi bằng cặp mắt ti hí gian ác, dường như muốn ghi nhớ bộ mặt của tôi. Chúng tôi đã

cướp được một số vàng đáng kể, trở thành những người giàu có và hồi hương về Anh quốc, không bị một ai nghi ngờ. Ở đây tôi đã vĩnh viễn từ bỏ những người bạn xưa của mình để bắt đầu cuộc đời no đủ và yên ả.

Tôi mua cơ ngơi này và cố gắng bằng những đồng tiền của mình làm những công việc từ thiện nhỏ để chuộc lại quá khứ đen tối của mình. Trong thời gian đó tôi lấy vợ, cô ta chết trong lúc còn quá trẻ và đã để lại cho tôi con bé Alice dịu dàng nết na. Thậm chí khi Alice còn bé bỏng, bàn tay múp míp nhỏ xíu của nó đã giữ chân tôi trên con đường làm ăn lương thiện hơn bất cứ cái gì trên thế giới này. Tôi đã vĩnh viễn chôn vùi quá khứ của mình. Mọi việc đều trôi chảy, tốt đẹp khi tôi chưa bị rơi vào tay của McCarthy.

Một lần tôi ra thành phố để giải quyết công chuyện tiền nong và bất ngờ tôi gặp McCarthy ở góc phố Regent. Trên người hắn không có cả áo bành tô, không giày dép gì hết.

Thế là chúng ta lại gặp nhau, Jack - Hắn nói và chìa tay nắm lấy tay tôi. - Từ nay chúng ta sẽ không phải xa nhau nữa.

Tớ đi không phải một mình mà mang theo cả thằng con, cậu cần phải quan tâm giúp đỡ tớ. Ngược lại cậu biết đấy: "Nước Anh là một nước tuyệt vời, ở đây luật pháp mạnh lắm. Ngoài ra khắp nơi còn có đội tuần tra cảnh sát".

Thế là hắn cùng với thằng con trai đi đến miền Tây sinh sống, và tôi không thể nào thoát khỏi con người đáng sợ ấy được. Bọn họ sống trên mảnh đất của tôi không phải mất tiền.

Tôi không có phút giây nào thanh thản, không được nghỉ ngơi và luôn luôn nơm nớp lo sợ cái quá khứ của mình bị vạch ra.

Nơi nào tôi đến tôi cũng gặp bộ mặt đăc chí và ranh ma của hắn. Khi đưa con gái của tôi trưởng thành thì nỗi lo sợ của tôi tăng thêm, bởi vì hắn biết rằng: Đối với tôi điều đáng sợ nhất, còn sợ hơn cảnh sát là con gái tôi biết quá khứ của tôi. Không có cái gì mà hắn không muốn, không đòi hỏi, hắn bắt tôi cấp đất, cấp nhà, cấp tiền, đó mới là yêu cầu nhỏ nhất, trong khi chưa nói đến những đòi hỏi khác. Hắn đòi luôn cả Alice cho con trai hắn. Mọi người đều biết con bệnh hiểm nghèo của tôi, hắn dự tính khả năng tuyệt diệu là thằng con của hắn sẽ chiếm toàn bộ gia sản của tôi. Nhưng lần này tôi cương quyết, tôi không thể cho phép cái giống đáng nguyên rủa ấy kết hôn với con gái tôi cho dù ở trong ý nghĩ.

Tôi và hắn hẹn gặp nhau ở khoảng giữa hai nhà sát bờ hồ để trao đổi mọi chuyện. Nhưng khi tới chỗ hẹn tôi nhìn thấy hắn đang nói chuyện với con trai. Tôi đứng đợi sau gốc cây và lấy thuốc ra hút, chờ hắn. Trong khi nghe những lời hắn nói với con trai, trong tôi trào lên sự tức giận, máu sôi lên tôi không thể chịu đựng được nữa. Hắn ép buộc thằng con phải cưới con gái tôi làm vợ, tuyệt nhiên không hề đếm xỉa đến con gái tôi có chấp thuận hay không, cứ như con gái tôi là đứa con gái làm tiền.

Tôi phát điên lên khi nghĩ là tất cả những gì tôi yêu quý sẽ phải lọt vào tay con người ấy. Tôi không thể chặt đứt gông cùm trói buộc hay sao? Tôi sắp chết vì tuyệt vọng, mặc dù lý trí tôi vẫn rất minh mẫn và tay chân còn khỏe mạnh, tôi hiểu rằng, cuộc đời tôi như thêm là hết. Nhưng còn tên tuổi tôi, còn đứa con gái cưng của tôi? Tôi sẽ cứu vớt được cả hai, nếu như tôi buộc lão McCarthy giữ mồm giữ miệng... Tôi đã giết nó, ngài Holmes ạ... Tôi giết nó, lần này thì tôi không tha. Tôi là kẻ trọng tội nhưng chẳng lẽ cuộc đời đầy rẫy bất công, đau thương này không thể chuộc được lỗi lầm hay

sao? Tôi đã phạm tội nhưng cứ nghĩ con gái tôi bị rơi vào cạm bẫy là tôi không thể chịu được. Tôi giết hắn, lương tâm không hề cắn rứt tôi đã vứt bỏ một tên độc địa kinh tởm nhất. Thằng con trai chạy lại, tôi kịp trốn vào rừng, nhưng buộc phải quay lại để nhặt chiếc áo bành tô đánh rơi... Đó là sự thật hoàn toàn, thưa các ngài, tất cả những gì đã xảy ra chỉ có thế.

- Tôi không kết tội ngài. - Holmes thủ thỉ, trong khi lão già ký vào tờ khai. - Tôi thiết nghĩ chúng tôi không phải đưa chuyện này ra tòa.

- Tôi cầu mong như thế. Thưa ngài! Ngài sẽ giải quyết như thế nào?

"Tình trạng sức khỏe của ngài không quan trọng. Ngài biết đấy, sắp tới ngày phải có mặt tại phiên tòa. Tôi sẽ giữ kín lời thú nhận của ngài. Chỉ trong trường hợp McCarthy bị kết tội tôi mới buộc lòng phải sử dụng. Nếu anh ta trắng án, dù ngài còn sống hay đã chết thì sẽ không một ai biết điều bí mật của ngài. Nó chỉ ở trong chúng tôi và ngài."

"Xin tạm biệt!" Ông già trịnh trọng nói "Khi nào đến lúc lâm chung, tôi sẽ nhẹ nhõm với ý nghĩ là ngài đã xoa dịu tâm hồn tôi."

Lão đảo đứng lên, tấm thân đồ sộ rung rung, ông già chậm chạp nặng nề bước ra khỏi phòng, chân đi cà nhấc.

"Chúng ta thật bất hạnh." Holmes thốt lên sau một hồi im lặng khá lâu "Vì sao số phận cứ đùa giỡn với tạo hóa lại không giúp đỡ những con người khốn khổ này?"

Phiên tòa phúc thẩm đã xử trắng án cậu thanh niên James McCarthy nhờ những dẫn cứ, biện luận hùng hồn của Holmes. Ngài Turner già yếu sống thêm được bảy tháng nữa kể từ khi đến gặp chúng tôi. Hiện nay ông ta đã khuất. Chàng và Alice có thể sống yên vui hạnh phúc mà không hề biết gì về những đám mây ảm đạm của bầu trời dĩ vãng xa xôi.

Hết

B.5 - The Five Orange Pips 1891 (Năm hạt cam)

Mỗi khi đọc lại những ghi chép về Sherlock Holmes trong thời kỳ 1882-1890, tôi thấy những câu chuyện lý thú, nhiều đến nỗi không biết nên chọn chuyện nào. Tuy nhiên một số chuyện đã được đăng trên các báo, còn những chuyện khác chưa có điều kiện ra mắt bạn đọc để giới thiệu khả năng tiềm tàng của Sherlock cho các bạn thấy anh ta đã đạt đến đỉnh cao của nhà trinh thám như thế nào? Dẫu sao tôi cũng muốn giới thiệu với bạn đọc yêu mến của tôi những câu chuyện có tình tiết thú vị, bất ngờ. Mặc dù có những mối liên quan chưa được sáng tỏ, năm 1887 đã mang đến một chuỗi dài những câu chuyện ly kỳ nhiều ít khác nhau. Tôi đã cố gắng ghi chép tất cả. Trong số đó có chuyện "Paradol Chamber" chuyện "Hội những người yêu chuộng cái nghèo" - Hội ấy có cả một câu lạc bộ sang trọng của tầng trệt một cửa hàng đồ gỗ to lớn.. Bản thanh toán có liên quan đến cái chết của chiếc tàu "Sophy Anderson". Câu chuyện về những cuộc phiêu lưu kỳ lạ của Grice Patersons trên hòn đảo Uffa. Và cuối cùng là những ghi chép có liên quan đến chuyện đầu độc ở Camberwell. Trong chuyện này bằng cách nghiên cứu cơ cấu của chiếc đồng hồ tìm thấy trong xác nạn nhân, đã chứng minh được chiếc đồng hồ vừa lên giây trước khi chủ nhân chết hai giờ đồng hồ, như vậy người quá cố mới nằm ngủ trong khoảng thời gian đó. Từ những kết luận dựa trên cơ sở khoa học tài tình, Sherlock Holmes đã tìm ra thủ phạm một cách dễ dàng.

Tất cả những chuyện ấy, có lẽ tôi sẽ viết lại trong khoảng thời gian gần nhất. Nhưng câu chuyện mà tôi ghi chép ra đây chứa nhiều sự bất thường mà không một câu chuyện nào có thể sánh được.

Hồi đó, vào cuối tháng 9, những cơn bão mùa thu đang hoành hành hung dữ, phô trương sức mạnh ghê gớm của thiên nhiên. Suốt ngày gió gào rít âm ỉ, mưa trút xối xả va đập như gỗ trống vào các cánh cửa sổ. Càng về tối cơn bão càng dữ dội hơn, gió thổi vào các ống khói như trẻ con cả thành phố nhất loạt khóc hu hu.

Hôm ấy, Sherlock ngồi buồn rầu cạnh lò sưởi và sắp xếp lại cho ngăn nắp trật tự tài liệu của mình. Còn tôi thì ngồi đối diện với anh, say mê đọc những câu chuyện tuyệt vời của Clark Russell nói về biển.

Tôi say mê đến mức tiếng rít của cơn bão rơi vào tiềm thức của tôi như lời của câu chuyện, còn tiếng mưa rơi như tiếng rì rào của sóng biển. Vợ tôi mấy hôm nay có công việc phải về bên nhà bà nhạc. Còn tôi tạm trú tại căn hộ cũ kỹ rêu phong trong hẻm Baker.

- Hãy nghe kìa - tôi nói và nhìn Sherlock. - Hình như có tiếng chuông gọi cửa. Ai lại đến trong lúc cơn mưa bão thế này được nhỉ? Hay là bạn của cậu?

- Ngoài cậu ra, tớ chẳng có ai là bạn cả, - Holmes trả lời - Còn khách khứa thì tớ không động viên họ đến hỗ trợ tớ.

- Vị khách nào nhỉ?

- Nếu như vậy thì công việc vô cùng nghiêm trọng và cấp bách. Cái gì có thể buộc con người kia đi ra ngoài đường trong cơn mưa bão hoành hành gầm rít vào giờ này?

Có khi lại là người đàn bà ngồi lê mách lẻo nào đó, bạn của bà chủ nhà đến chơi cũng nên?

Holmes đã nhầm. Chúng tôi nghe thấy tiếng chân ngoài phòng và tiếng gõ cửa rụt rè.

Holmes thò cái tay dài ngoằng của mình quay bóng đèn về phía chiếc ghế bành còn trống.

- Mời vào! - Anh nói.

- Một người trai trẻ tuổi độ 20 - 22, ăn mặc khá chải chuốt có phần tao nhã và hơi kiêu cách. Nước ở chiếc dù chảy xuống thành dòng, chứng tỏ thời tiết thật kinh khủng. Người mới vào lo lắng nhìn xung quanh và dưới ánh sáng ngọn đèn, tôi thấy khuôn mặt của anh ta bệch bạc, còn đôi mắt thì đầy nỗi lo âu tuyệt vọng.

- Tôi thành thật xin lỗi hai ngài. - Anh ta nói và đưa cái kính gọng vàng đang cầm ở tay lên mắt. - Tôi hy vọng các ngài không cho tôi là kẻ quấy rầy... Sở dĩ tôi phải mang vào căn phòng ảm cúng sự lạnh lẽo ướt át của cơn mưa bão là...

- Hãy đưa áo khoác và dù của ngài cho tôi, - Holmes nói. - Tôi treo vào chiếc móc sẽ khô ngay. Tôi nhận thấy hình như ngài vừa đi từ hướng tây nam tới đây.

- Vâng, tôi từ Horsham tới.

- Bùn trên đế giày của ngài đúng là đất bùn của vùng ấy.

- Tôi đến gặp ngài xin ngài lời khuyên bảo.

- Điều đó thì ngài nhận được dễ thôi.

- Và nhờ sự giúp đỡ.

- Sự giúp đỡ thì không phải bao giờ cũng dễ dàng có được.

- Tôi đã được nghe về ngài rất nhiều, thưa ngài Holmes. Tôi nghe ngài thiếu tá Prendergast kể là ngài đã cứu ông ta thoát khỏi cảnh ồn ào hỗn độn ở câu lạc bộ Tankerville.

- À tôi nhớ rồi, ông ấy bị bọn xấu lừa đảo, buộc tội chơi bài không sòng phẳng.

- Ông ta nói là ngài thông thạo trong mọi lĩnh vực.

- Ông ta khen quá lời đấy.

- Theo lời ông ấy là ngài chưa bao giờ thất bại.

- Tôi đã bị thua bốn lần. Ba lần do cánh đàn ông, một lần do cánh đàn bà cho đo ván.

- Những con số ấy thấm vào đâu so với những chiến thắng?

- Vâng, nói chúng tôi thường thành công.

- Vậy thì ngài cũng sẽ thành công trong chuyện của tôi.

- Mời ngài, kéo ghế ngồi sát lò sưởi và hãy kể thật tỉ mỉ từng chi tiết.

- Chuyện của tôi rất khác thường.

- Chuyện bình thường không bao giờ đến với tôi. Tôi đại diện cho cơ quan phá án cao cấp nhất.

- Nhưng dù sao, thưa ngài, tôi vẫn ngờ là trong quá trình hoạt động của mình, ngài chưa bao giờ nghe nói đến những chuyện kinh khủng như chuyện đã xảy ra với gia đình tôi.

- Ngài kích thích trí tò mò nghề nghiệp của tôi quá - Holmes nói. - Trước hết ngài hãy bình tĩnh kể hết những tình tiết chính, còn sau đó tôi sẽ hỏi thêm những chi tiết cần thiết khác mà tôi cho là bổ ích.

- Tên tôi là John Openshaw, - Anh ta tự giới thiệu. - Nhưng theo tôi hiểu, công việc của tôi ít liên quan đến những sự việc ghê rợn kia. Đó là chuyện thừa kế, vì vậy để cho ngài nắm được sự kiện một cách rõ ràng, tôi buộc phải quay lại từ đầu toàn bộ lịch sử gia đình tôi.

Ông nội tôi sinh được hai người con trai: người bác của tôi tên là Elias và bố tôi - Joseph. Cha tôi tậu được một xí nghiệp nhỏ ở Coventry. Sau đó cha tôi mở rộng qui mô sản xuất hơn nhờ sản xuất xe đạp. Cha tôi đã phát minh ra loại vành xe đạp không rỉ "Openshaw". Xí nghiệp làm ăn rất phát đạt cho nên sau khi bán cơ ngơi ấy cha tôi về sống rất đầy đủ và sung túc. Bác Elias tôi trong những năm trai trẻ đã sang tận châu Mỹ làm ăn, và trở thành một chủ đồn điền ở bang Florida, ở đây công việc lãnh ăn của bác tôi rất trôi chảy. Trong thời gian chiến tranh bác tôi chiến đấu trong quân đội của tướng Jackson, sau đó thì dưới quyền chỉ huy của tướng Hood và đã được phong cấp đại tá.

Đến khi tướng Lee hạ vũ khí đầu hàng, bác tôi trở về với đồn điền của mình. Ông sống ở đó ba bốn năm. Vào năm 1869 hoặc 1870 gì đấy, bác tôi quay về châu Âu và thuê một nơi ở không xa lắm ở Sussex, gần Horsham. Khi ở bên Mỹ, bác tôi đã dành dụm được một số vốn liếng khá lớn, và cầm món tiền đó bác tôi rời khỏi nước Mỹ với nguyên nhân là: kinh tởm những người da đen và không đồng tình với chính phủ trong việc giải phóng người da đen khỏi ách nô lệ. Bác tôi là một người kỳ quặc, ông ấy rất ác độc và nóng tính. Tức giận cái gì đó là ông văng ra những câu chửi nghe thật kinh tởm.

Ông ấy sống độc thân, tránh giao tiếp với mọi người. Tôi chắc chắn rằng trong những năm tháng sống ở Horsham, bác tôi chưa một lần nào ra phố. Bác tôi có một mảnh vườn và hai, ba mảnh đất trống xung quanh nhà, ông chỉ bách bộ dạo chơi trong khu vực đó mà thôi. Có những tuần ông bác tôi ngồi lì trong phòng, ông uống rượu và hút thuốc rất nhiều, xa lánh mọi người, thậm chí ngay đến em ruột của mình ông ấy cũng không thèm biết đến. Ông ấy tỏ ra yêu mến tôi, mặc dù mới gặp tôi lần đầu lúc tôi mười hai tuổi - năm đó là 1878. Trong thời gian đó bác tôi đã sống ở nước Anh được tám hay chín năm rồi. Bác tôi thương lượng với cha tôi để cho tôi sang sống với ông, bác rất thương tôi. Trong những lúc không say rượu bác thường chơi cờ nhảy với tôi. Ông hoàn toàn tin tưởng giao phó mọi việc trong nhà cho tôi. Đến năm tôi lên 16 tuổi thì tôi thực sự là ông chủ trong nhà. Tôi giữ các loại chìa khóa muốn vào chỗ nào cũng được, muốn làm gì thì làm, nhưng với một điều kiện: không được phá rối sự yên tĩnh cô độc của người bác. Ngoài ra tôi còn bị ràng buộc bởi trường hợp ngoại lệ: ở gác lửng có một căn phòng luôn luôn đóng kín. Bác tôi không cho phép bất cứ một người nào vào, kể cả tôi. Với tính hiếu kỳ của trẻ con, có lần tôi nhìn trộm qua lỗ khóa nhưng không thấy gì cả ngoài chiếc rương và túi linh tinh gì đó.

Một hôm vào tháng ba năm 1883 - có một bức thư dán phong bì nước ngoài nằm trên bàn. Bác tôi hầu như chẳng bao giờ có thư vì mọi chuyện mua bán ông ấy đều trả bằng tiền mặt, còn bạn bè thì không có.

"Từ Ấn Độ gửi tới, - cầm bức thư ông nói. - Dấu dòng ở Pondicherry! Chuyện gì có thể xảy ra đây?"

Bác tôi mau chóng xé phong bì, từ trong phong bì năm hạt cam khô rơi xuống kêu lanh canh trong đĩa sứ. Tôi định reo lên, nhưng nụ cười của tôi vụt tắt ngấm khi tôi ngược nhìn bác tôi. Mối dưới cửa ông trẻ xuống, cặp mắt mở to thao láo, cả bộ mặt trở nên xám ngắt, ông ấy nhìn bất động chiếc phong bì đang cầm trên tay run run.

“K. K. K! ông ấy thốt lên, và sau đó nói thêm. - Lạy chúa tôi! Lạy chúa tôi! Đây là bản thanh toán món nợ của tôi”.

“Cái đó là gì thưa bác? - Tôi hỏi”.

“Cái chết” ông nói xong và đứng lên ra khỏi ghế và từ từ đi vào phòng của mình, để mình tôi ở lại sững sờ và hoảng sợ.

Tôi cầm lấy phong bì và nhìn vào thấy bên trong có ba chữ “K” bằng mực đỏ. Trong phong bì không còn gì nữa, ngoài năm hột cam đã khô. Cái gì làm cho bác tôi hoảng sợ?

Tôi đứng dậy chạy lên tầng trên. Bác tôi đi xuống trên tay cầm một chiếc chìa khóa cũ đã bị rỉ nhiều, có lẽ chiếc chìa khóa để mở căn phòng trên gác lửng. Còn tay kia ông đang giữ một chiếc hộp bằng đồng thau.

“Chúng muốn làm gì mặc chúng. Dù sao chẳng nữa bác cũng không thể trao cho chúng đâu! - Bác tôi nói với sự nguyên rủa, căm tức. - Cháu nói cô Mary đến nhóm lò sưởi ở phòng bác và đi mời ngài Fordham luật sư ở Horsham tới”.

Tôi thi hành tất cả mệnh lệnh mà bác tôi sai bảo. Khi ngài luật sư đến, người ta gọi tôi lên phòng bác tôi. Ngọn lửa trong lò sưởi cháy sáng rực, trên tấm sàn của nó là một đồng tro dày, dường như tro của một mớ giấy tờ vừa bị đốt. Chiếc hộp bằng đồng thau mở ra rỗng tuếch. Nhìn vào chiếc hộp, tôi thở dài ngao ngán, lo sợ vì nhìn thấy phía trong nắp có khắc ba chữ “K” giống y như trên phong bì.

“Bác muốn cháu là người làm chứng cho việc lập biên bản này, John - Bác tôi nói, bác sẽ để lại chỗ này cho em của bác, tức là cha cháu, tất nhiên nó sẽ được truyền lại cho cháu, nếu cháu có thể sử dụng một cách yên ổn thì điều đó rất tốt! Còn nếu cháu không có khả năng làm điều đó, thì hãy nghe theo lời khuyên của bác là nên trao nó lại cho kẻ thù độc ác nhất của bác! Bác rất phiền muộn khi để lại cho cháu một thừa kế như vậy, nhưng bác không hiểu sự việc sẽ xảy ra thế nào? Hãy vui lên và ký vào tờ giấy này vào cái chỗ mà ngài Fordham sẽ chỉ cho cháu”.

Tôi ký vào tờ giấy ấy, và ngài luật sư mang nó đi luôn.

Trường hợp rất kỳ lạ khiến cho tôi băn khoăn và có một ấn tượng sâu sắc. Tôi nghĩ đến nó mà chưa hề tìm ra được lời giải đáp: Tôi không thể nào xua tan đám mây lo sợ bao phủ, mặc dù nỗi niềm lo âu đã giảm sút sau vài tuần êm ả trôi qua, không có một dấu hiệu nào làm thay đổi cuộc sống hàng ngày của chúng tôi. Thú thực rằng tôi có nhận thấy những thay đổi lớn lao trong chiều sâu con người bác tôi. Ông ấy uống rượu nhiều khinh khỉnh và xa lánh tất cả thế giới bên ngoài. Phần lớn thời gian ông ấy khóa kín cửa ngò trong phòng. Nhưng thỉnh thoảng trong lúc say khướt ông đi ra khỏi phòng với khẩu súng lục trong tay, bác ra vườn và hét toáng rằng ông không sợ ai hết và cũng không cho bất kỳ người hay là ma quỷ đụng đến ông và chặt ông như chặt con cừu. Tuy thế nhưng khi cơn nóng giận say sưa đã nguôi, ông ấy vội vã chạy về phòng đóng chặt cửa lại, khóa ổ, cài then như một kẻ đang bị nỗi sợ hãi bao trùm từ tứ phía không thể giữ thân nổi. Trong lúc nóng giận, khuôn mặt của bác tôi, kể cả những ngày giá buốt, cũng vẫn mồ hôi mồ kê nhễ nhại, y như người ta vừa mới tắm hơi về.

Để kết thúc câu chuyện bi thảm ấy, thưa ngài Holmes, và cũng khỏi lạm dụng lòng kiên nhẫn của ngài, tôi chỉ kể vắn tắt kết cục như sau: Một hôm trời vừa tối; sau khi uống rượu say mềm bác tôi thực hiện một cuộc dạo chơi. Sau đó chúng tôi không thấy ông về nữa. Chúng tôi hoảng hốt vội vã chạy bỏ đi tìm, và thật tang thương khi nhìn thấy ông nằm sấp mặt xuống trong chiếc ao đầy nước, chiếc ao phủ đầy rong rêu nằm

phía sâu trong vườn. Trên người ông không thấy một dấu vết đánh đập nào hết, còn chiếc ao thì rất cạn chỉ sâu không quá 2 Foot.

Chính vì thế tòa phúc thẩm chỉ chú ý đến tính khi bất thường của bác tôi để kết luận rằng đây là một vụ tự vẫn. Nhưng tôi biết chắc chắn ý nghĩ cái chết làm bác tôi hoảng sợ, bởi thế làm sao bác tôi tự nguyện lìa bỏ cõi đời này một cách dễ dàng và nhanh chóng như thế. Dù có muốn gì đi nữa thì thực tế vẫn phủ phàng bao trùm tất cả. Cha tôi là người thừa kế gia sản khoảng mười bốn nghìn bảng Anh nằm tại ngân hàng...

- Xin phép, - Holmes ngắt lời anh ta. - Câu chuyện của ngài thật ly kỳ và có những bí ẩn khó hình dung ngay được. Ngài hãy cho tôi biết bác ngài nhận được lá thư ngày nào và ông chết ngày nào?

- Bức thư đến ngày 9 tháng 3 năm 1883, và bác tôi chết sau đó đúng 7 tuần, tức là đêm mùng một rạng ngày mùng hai tháng 5 năm 1883.

- Xin cảm ơn ngài, xin ngài vẫn tiếp tục.

- Khi cha tôi bắt đầu nắm quyền kế thừa cơ ngơi của bác tôi ở Horsham, thì theo đề nghị của tôi, cha tôi đã lục kỹ lưỡng căn buồng ở gác lửng mà trước kia luôn đóng kín. Chúng tôi tìm thấy một chiếc hộp bằng đồng thau, nhưng bên trong dường như bị huỷ hết. Bên trong nắp đây có dán một mảnh giấy ghi ba chữ “K” và một dòng chữ nhỏ phía dưới “Thư từ, ghi chép biên lai, khế ước cho vay”. Tôi cho rằng những dòng chữ nói lên nội dung những giấy tờ đã được đựng bên trong chiếc hộp và đã bị ngài đại tá Openshaw đốt hết. Ngoài chiếc hộp ra trong buồng không có gì đáng kể, nếu không tính một đồng giấy vứt bừa bộn và những quyển sổ ghi chép linh tinh có liên quan đến cuộc sống của bác tôi bên Mỹ. Trong mớ lộn xộn ấy có thứ đề cập đến thời gian chiến tranh và đã cho thấy bác tôi là một quân nhân thi hành nghĩa vụ của mình rất tốt. Những giấy tờ khác thì nói về thời kỳ thành lập các bang ở miền Nam, phần lớn đều liên quan đến vấn đề chính trị. Rõ ràng bác tôi đã đóng một vai trò lớn trong phe chống đối, đối lập hẳn với các nhà lãnh đạo từ miền Bắc được cử vào.

Vào đầu năm 1884, cha tôi chuyển hẳn tới sống ở Horsham. Mọi việc đều rất tốt đẹp. Một hôm vào ngày mùng bốn tháng giêng năm 1885, khi chúng tôi đang ăn sáng, bỗng cha tôi kinh ngạc kêu lên. Một tay cha tôi cầm chiếc phong bì, còn trong lòng bàn tay kia là nắm hạt cam khô. Cha tôi thường giễu cợt trước cái chết hoang đường của ngài Đại tá, còn bây giờ chính cha tôi cũng bàng hoàng hoảng hốt, khi nhận đúng giấy báo của tử thần như thế.

“Thế này là thế nào? John” - Cha tôi hỏi khế.

Tim của tôi chột lạnh buốt.

“Đó là ba chữ “K”, - Tôi trả lời.

Cha tôi nhìn vào phía trong chiếc phong bì.

“Đúng ở đây cũng có ba chữ ấy. Nhưng còn cái gì đây?”

“Hãy đặt tất cả giấy má lên chỗ chiếc đồng hồ mặt trời” - Nhìn qua vai cha tôi, tôi đọc.

“Đồng hồ mặt trời nào? Những giấy tờ gì kia chứ?” - cha tôi thẳng thốt ngạc nhiên hỏi.

“Đồng hồ mặt trời đặt ở trong vườn, còn giấy tờ chắc bị cháy rụi rồi”.

“Quý tha ma bắt hết bọn nó đi! - Cha tôi nói. - Chúng ta đang sống trong một đất nước văn minh, không thể chấp nhận những điều nhảm nhí được. Bức thư từ đâu tới?”.

“Từ Dundee” - tôi trả lời, sau khi đã lướt nhìn con dấu bưu điện.

“Một trò đùa mù quáng của một kẻ khùng nào đó - cha tôi nói. - Đồng hồ mặt trời và giấy má lằng nhằng có liên quan gì đến tôi kia chứ? Không thèm chấp cái đồng hồ quái quỷ ấy làm gì!”.

“Con muốn báo cho cảnh sát”, - Tôi nói lo âu.

“Để cho người ta lấy cha mày làm trò cười. Cha không nghĩ như thế!”.

“Vậy để con tự làm lấy”.

“Không đời nào - cha không muốn rung chuông ầm ĩ với thiên hạ rằng tôi là thằng điên”.

Thuyết phục cha tôi quá là uổng công, vì ông ấy rất ương ngạnh. Còn tôi thì bị nổi lo sợ dày vò.

Ba ngày sau, cha tôi đi thăm một người bạn cũ - ngài thiếu tá Freebody, đang chỉ huy một đồn ở Portsdown. Tôi mừng là cha tôi đã đi khỏi, vì tôi ngỡ ra khỏi căn nhà này sẽ bớt nguy hiểm. Nhưng tôi đã lầm. Ngày hôm sau tôi nhận được một bức điện của ngài thiếu tá gửi, yêu cầu tôi đến gấp. Cha tôi đã bị rơi xuống một mỏ đá phún sâu hoắm, ở địa phương này khá nhiều hố như vậy. Tôi chạy vội tới chỗ cha tôi. Bị vỡ sợ, chết rồi, ông không kịp trăng trối lời nào. Cha tôi đi từ Ferkhem về lúc nhá nhem tối, ở đây cha tôi không thông thạo địa hình mà các mỏ đá phún không được rào dậu cẩn thận, cho nên tòa phúc thẩm không chút do dự kết luận ngay “Chết trong trường hợp đáng tiếc”. Tôi nghiên cứu kĩ lưỡng những dữ kiện có liên quan đến cái chết của cha tôi, nhưng không thể phát hiện được gì để kết luận đó là một vụ giết người tinh vi. Không có vết tích đánh đập, không có dấu vết trên mặt đất. Tôi chỉ nói riêng với ngài : Tôi lo lắng vô cùng và cảm giác như cha tôi đã lọt vào chiếc bẫy giăng sẵn.

Nghiễm nhiên tôi trở thành người thừa kế toàn bộ gia sản trong cảnh tang tóc đau thương như thế đấy. Ngài có thể hỏi lại tôi, tại sao anh không từ chối thừa kế tài sản đầm máu ấy? Tôi trả lời ngài rằng: Tôi khẳng định những điều bất hạnh xảy ra với gia đình tôi có liên quan tới những sự kiện bí mật xa xưa lắm trong cuộc đời của người bác quá cố và mối đe dọa tương tự sẽ đến bất kỳ từ đâu, lúc nào cũng sẵn sàng giáng xuống đầu tôi, dù tôi có ở ngôi nhà nào cũng vậy.

Người cha xấu số của tôi qua đời vào tháng giêng năm 1885. Từ đó đến nay đã hai năm tám tháng trôi qua. Tất cả chuỗi thời gian đó tôi hoàn toàn sống yên ổn ở Horsham và hy vọng câu chuyện đáng nguyên rủa kia không còn đề nâng lên gia đình tôi nữa. Tôi nghĩ sau những cái chết của thế hệ bác tôi, cha tôi thì nó cũng rời xa theo dĩ vãng luôn. Nhưng tôi hy vọng quá sớm. Sáng hôm qua tôi bị choáng váng, cũng vẫn bức thư của thần chết đến gõ cửa cuộc sống êm đềm của chúng tôi.

Chàng trai lấy ra từ trong túi một chiếc phong bì nhàu nát, lật đi lật lại, rồi trút năm hột cam khô đặt xuống tám khăn trải bàn.

- Chiếc phong bì này đây. - Anh ta nói tiếp, - Dấu bưu điện đóng tại Luân Đôn - khu Đông, bên trong vẫn ba chữ “K” khó hiểu và dòng chữ “Hãy đặt tất cả giấy má vào chỗ đồng hồ mặt trời”.

- Ngài đã làm những gì rồi? - Holmes hỏi.

- Chưa làm gì cả?

- Chưa làm gì à?

- Nói đúng ra, - Anh ta gục mặt vào đôi bàn tay nhỏ nhắn, - tôi bắt lực như một con chuột bị một con rắn đuổi cùng đường chỉ biết nằm im chờ rắn tới gần. Hình như tôi bị

rơi vào tay của một thế lực siêu phàm không thể nào thoát được và không có cách gì cứu nổi.

- Ngài nói gì lạ vậy?! - Sherlock vội thốt lên an ủi, - ngài cần phải hành động gấp, nếu không ngài sẽ chết. Chỉ có ý chí và năng lực là có thể cứu sống ngài. Giờ đây không phải lúc tuyệt vọng.

- Tôi đã đến gặp cảnh sát.

- Ở đó đã giải quyết ra sao rồi?

Nghe tôi nói, họ chỉ cười. Tôi nghĩ ngài chỉ huy cảnh sát cho những lá thư kia là trò đùa của một kẻ vô công rồi nghề nào đó! Còn những cái chết của người thân trong gia đình tôi, theo quan tòa chứng nhận chỉ là những trường hợp không may mà thôi. Nó không dính líu gì đến lời những đe dọa, cảnh cáo...

Holmes vùng nắm đấm trong không trung.

- Ngu xuẩn không tưởng tượng nổi? - Anh bắt bình.

- Dẫu thế người ta cũng cử một người cảnh sát đến chỗ tôi, người ấy túc trực suốt ngày đêm trong phòng tôi.

- Ông ta có đi cùng ngài đến đây không?

- Không, người ta ra lệnh cho ông ta phải ngồi trong nhà.

Một lần nữa, Holmes lại vùng nắm đấm lên, vẻ tức giận.

- Ngài đến đây để làm gì? - Anh hỏi. - Quan trọng là tại sao ngài không đến đây ngay lúc nhận thư?

- Tôi không biết, vừa mới hôm qua tôi mới nói chuyện sự nguy hiểm của tôi cho ngài thiếu tá Prendergast, và ông ấy khuyên tôi nên đến gặp ngài.

- Đã hai ngày rồi, đáng lẽ ngài phải hành động sớm hơn mới phải. Ngài không còn những số liệu gì thêm ngoài những cái ngài mới kể ư? Có còn tình tiết nào gợi ý để giúp ích cho chúng tôi được không?

- Còn một chi tiết nữa - John Openshaw nói, anh ta lục tìm trong túi áo bành tô và lấy ra mẫu giấy màu xanh đã ngả màu, đặt lên trên bàn. - Tôi vừa nhớ ra. - Anh ta tiếp. - Trong ngày bác tôi đốt tất cả giấy tờ thì mẫu giấy này còn sót lại chưa cháy kịp, nằm lẫn trong đám tro ấy. Tôi tìm thấy ở trên sàn phòng bác tôi. Tôi nghĩ chắc đây là mẫu giấy tình cờ bị sót lại trong cuộc thiêu hủy kia. Ngoài mấy hột cam ra, trong tờ giấy này không có gì giúp ích cho tôi. Tôi cho đó là một trang của sổ nhật ký, nét chữ này là của bác tôi.

Holmes xoay bóng điện, và cả hai chúng tôi cúi sát xuống tờ giấy. Đường biên có những vết xước nham nhở, chứng tỏ tờ giấy này được xé trong một quyển vở nào đó. Phía trên cùng có dòng chữ: "Tháng ba năm 1869" phía dưới có những câu vừa đọc vừa đoán như sau :

Mùng 4 Hudson có mặt: Tại cầu cảng như trước kia.

Mùng 7 đã gửi những hột cam cho McCauley, Paramore và John Swain từ Xen - Augustine.

Mùng 9 - McCauley đã cút khỏi mặt đất.

Mùng 10 John Swain đã cút khỏi mặt đất.

Ngày 12. Paramore đã được đến gõ cửa - Mọi việc đều êm đẹp.

- Cảm ơn ngài. - Holmes nói và xếp tờ giấy trả lại cho người khách trẻ. - Ngay bây giờ ngài hãy nhanh chóng, khẩn trương bắt tay vào việc. Chúng ta không cần tốn thêm

một chút thời gian nào để tranh luận điều chàng vừa kể. Ngài cần trở về nhà ngay lập tức và hành động gấp.

- Tôi cần phải làm gì bây giờ?

- Có mỗi một việc thôi, nhưng cần phải giải quyết ngay. Ngài phải đặt ngay tờ giấy mà ngài vừa cho chúng tôi xem vào chiếc hộp đồng thau mà ngài đã nói lúc nãy. Ngài đặt vào đó một bức thư báo tin là tất cả những giấy tờ còn lại đã bị ông bác của ngài đốt sạch sành sanh và chỉ còn lại duy nhất một mẫu giấy này thôi. Ngài phải thông báo điều này để gây lòng tin sau khi viết xong bức thư ấy ngài hãy đặt ngay chiếc hộp bằng đồng thau kia lên chiếc đĩa của đồng hồ mặt trời như trong thư người ta yêu cầu. Ngài hiểu chứ?

- Tôi hoàn toàn hiểu ý ngài.

- Ngài nên nhớ hiện tại không nên nghĩ đến chuyện báo thù, hoặc một ý nghĩ nào tương tự như vậy. Tôi đề nghị chuyện ấy để pháp luật trừng trị, nhưng chúng ta cũng cần giăng một mẻ lưới, tuy nhiên chúng nó đã giăng sẵn rồi. Vì vậy, trước hết cần phải thoát khỏi mối nguy hiểm đang đe dọa ngài. Còn sau đó chúng tôi sẽ làm sáng tỏ sự việc mờ ám và trừng trị những kẻ sát nhân.

- Chân thành cảm ơn ngài, - Chàng trai nói và đứng lên lấy chiếc áo khoác mặc vào.

- Ngài đã trả lại cho tôi cuộc sống và niềm hy vọng. Tôi sẽ hành động đúng như ngài đã dạy bảo.

- Không được lãng phí dù chỉ một phút nào hết. Điều quan trọng là hãy giữ lấy mình. Rõ ràng không thể chối cãi là ngài đang đứng trước mối hiểm họa ngàn cân treo sợi tóc. Ngài quay về bằng cách nào?

- Tôi sẽ đi tàu hỏa, từ ga Waterloo.

- Chưa đến 21 giờ. Ngoài đường vẫn còn đông người. Tôi hy vọng ngài sẽ bình an. Nhưng dẫu sao ngài cũng nên đề phòng kẻ thù.

- Tôi đã mang phòng theo khẩu súng lục.

- Rất tốt, ngay ngày mai tôi sẽ bắt tay vào công việc của ngài.

- Có nghĩa là tôi sẽ gặp ngài ở Horsham.

- Ô! Đó là điều bí mật của công việc. - Ở tại Luân Đôn này, chính ở đây tôi sẽ tìm ra hắn.

- Vậy thì, tôi sẽ ghé lại chỗ ngài một hoặc hai ngày nữa và thông báo cho ngài tất cả sự việc dính dáng tới chiếc hộp đồng thau và giấy má kia. Tôi sẽ làm đúng tất cả của những gì ngài dặn.

Anh ta bắt tay chúng tôi rồi từ biệt ra về.

Gió vẫn gầm rít, mưa vẫn liên tiếp gõ vào cánh cửa sổ.

Câu chuyện ly kỳ bi thảm kia đã làm cho chúng tôi phần nào quên đi nỗi phiền muộn về cơn bão dai dẳng, giờ đây đang xâm chiếm bao phủ trở lại.

Sherlock ngồi im lặng, đầu anh hơi cúi xuống, mắt nhìn chăm chú vào ngọn lửa đỏ rực trong lò sưởi đang hừng hực cháy. Anh hút hết một tẩu thuốc, rồi ngồi ngả người ra sau ghế và nhìn những làn khói xanh đang nhẹ nhàng uốn éo liên tiếp nối nhau bay trên trần nhà.

Watson, tò nghĩ là, - Cuối cùng anh phá tan sự im ắng. - Trong công việc “chữa bệnh” của tớ có lẽ không bao giờ gặp phải những vụ nguy hiểm, ly kỳ hơn vụ này.

- Nhưng trước hết cậu đặt cho mình một quy định cụ thể về tính chất của nguy hiểm ra sao cái đã? - Tôi hỏi.

- Ở đây không có chuyện hoài nghi về tính chất tương đối của nó. - Anh ta trả lời.
- Nhưng cụ thể ra sao? Ai là người có tên K. K.? Và hẳn ta cứ bám riết như con đỉa gia đình bất hạnh ấy nhằm mục đích gì?

Sherlock nhắm mắt lại, dựa hẳn vào thành ghế và gập lại tay vào nhau.

- Một nhà suy luận chính thống. - Anh ta nhận xét. Khi nhìn thấy một dữ kiện duy nhất trong cả tổng thể có thể rút ra từ đấy không những toàn bộ chuỗi sự kiện tạo nên nó, mà còn thấy được những hậu quả sẽ xảy ra theo sau. Cũng Cuvier có thể mô tả đúng một con vật mà chỉ dựa vào cơ sở một chiếc xương của nó. Một quan sát viên nghiên cứu một mắt xích trong toàn bộ chuỗi sự kiện, cần phải dựng lại được tất cả những mắt xích còn lại, kể cả những tiền tố và hậu tố. Nhưng không thể dựa nền nghệ thuật suy luận lên đến đỉnh cao tột cùng, người suy diễn cần phải sử dụng tất cả những dữ kiện đã được đắp nên. Để làm được việc này, anh ta cần có những kiến thức chung nhất định nào đó. Nếu như trí nhớ của tớ không phản tở, thì trong ngày đầu chúng mình quen biết nhau, cậu đã xác định chính xác ranh giới kiến thức của tớ.

- Đúng như vậy. - Tôi mỉm cười trả lời, - Đó là một tài liệu bất thường - Tớ nhớ là: Triết học thiên văn học và bộ môn chính trị đứng vào vị trí số không. Kiến thức trong lĩnh vực thực vật học luôn luôn dao động, trong ngành địa chất thì sâu hơn. Bởi công việc dính dáng tới những vết dơ bẩn của bất kỳ một vùng nào đó trong giới hạn 50 dặm xung quanh thành Luân Đôn; còn trong lĩnh vực hóa học thì hài hước, kỳ quặc. Trong giải phẫu học thì không đồng bộ tởn mắt, rời rạc. Trong lĩnh vực văn học giải trí, kiến thức đặc biệt khác thường. Trong đó, võ sĩ quyền Anh thì dùng kiếm, còn luật sư thì tự đầu độc mình bằng thuốc phiện và thuốc lá. Đó là những nét cơ bản nhất trong cách nhận định, đánh giá của tớ.

Holmes cười rất khoái trá, khi nghe tôi nói những tiếng sau cùng.

Cũng như lúc xưa tớ đã nói con người cần phải điều khiển trí nhớ của mình như thế nào để cho mớ kiến thức được sắp xếp thứ tự ngăn nắp trong kho tàng trí tuệ, sao cho đến lúc cần dùng là có thể lấy ra dễ dàng không phải tìm kiếm lục lọi.

Chúng ta nội trong tối hôm nay cần phải huy động tất cả vốn liếng mà chúng ta có. Cậu lấy giúp mình cuốn bách khoa toàn thư nước Mỹ, tập có chữ "K". Nó nằm trên giá sách, gần chỗ cậu ngồi đấy. Cám ơn! Giờ đây chúng ta sẽ đặt ra các giả thiết và từ đó rút ra những kết luận. Trước hết bắt đầu từ ngài đại tá Openshaw xem thử vì lý do gì mà ông ta rời bỏ nước Mỹ. Trong thời đại ngày xưa con người không có khuynh hướng phá bỏ những thói quen của mình để tự nguyện tự giác thoái thác ra đi khỏi vùng khí hậu tuyệt vời như ở bang Florida, để rồi sống một cuộc đời ảm đạm trong thị trấn quê mùa bên nước Anh này. Sự ham mê thích thú ảm đạm nói lên ý nghĩa rằng ông ta sợ một điều gì đó hoặc một người nào đó, hay đại loại như vậy. Chúng ta khẳng định giả thiết này dựa trên cơ sở những bức thư dọa dẫm đáng sợ mà ông ta cũng như người thừa kế đã nhận được. Cậu có nhận xét gì về những con dấu đóng trên phong bì đó không?

- Lá thư thứ nhất từ Pondicherry, thư thứ hai từ Dundee, thư thứ ba từ Luân Đôn.

- Từ phía đông Luân Đôn! Cậu rút ra kết luận gì?

- Đó là những bến cảng của đại dương. Hình như người viết lá thư ấy là thủy thủ.

- Tuyệt diệu! Chúng ta đã có chìa khóa rồi. Hoàn toàn có khả năng người viết thư đang sống trên một con tàu. Còn bây giờ chúng ta sẽ xem xét vấn đề này từ khía cạnh khác. Trong trường hợp từ Pondicherry thì khoảng thời gian giữa lời dọa dẫm đến

chuyện thực cách nhau bảy tuần lễ; trong trường hợp từ Dundee khoảng cách ấy chỉ có ba, bốn ngày. Cậu có nghĩ gì?

- Khoảng cách trong trường hợp thứ nhất lớn hơn nên cần thời gian để thực hiện lâu hơn.

- Nhưng chính bức thư cũng phải một quãng đường lớn như thế?

- Tớ chịu. Không hiểu sự thể ra sao?

- Có cơ sở để rút ra nhận xét là, con tàu mà kẻ sát nhân đang sống là một chiếc thuyền buồm, hoặc một nhóm đang sống là một chiếc thuyền buồm. Cũng như những trường hợp tương tự, chúng nó bao giờ cũng gửi đi những lời cảnh cáo sau đó mới thi hành bản án. Cậu thấy không trường hợp từ Dundee xảy ra nhanh chóng làm sao? Nếu chúng đi bằng tàu thủy từ Pondicherry, thì chúng tới cùng với lá thư. Nhưng ở đây lại bảy tuần. Bảy tuần này là hiệu số giữa tốc độ của tàu thủy bưu điện đã mang bức thư với tốc độ của thuyền buồm mà lũ sát nhân đang sống.

- Có thể là như thế?!

- Đó là điều chắc chắn. Dựa trên cơ sở đó cậu thấy ngay sự nguy hiểm chết người trong trường hợp cuối. Cậu biết vì sao tớ căn dặn anh chàng Openshaw phải thận trọng rồi chứ?! Đòn trừng phạt bao giờ cũng giáng vào thời hạn kết thúc cần thiết cho những kẻ đã gửi bức thư khi vượt qua khoảng cách trên chiếc thuyền buồm. Nhưng chính bức thư cuối này lại được gửi đi từ Luân Đôn, vì vậy chúng ta không thể cho phép mình trì hoãn công việc.

- Lay chúa? - Tôi thốt lên. - Cuộc truy nã gắt gao kia có ý nghĩa gì?

- Rõ như ban ngày, giấy tờ đã bị Openshaw cuồn đi mang trong đó một bí mật liên quan đến sự sống còn của bọn trên chiếc thuyền buồm. Tớ cho là trên thuyền này không chỉ có một thằng. Một người không thể tham gia hai vụ giết người tài tình, không để lại dấu vết gì. Trong chuyện này phải vài ba tên nhúng tay vào, hơn nữa chúng là như kẻ giết người sành sỏi và không hề run tay. Những giấy tờ mà chúng muốn chiếm lại bằng được, dù nó nằm trong tay ai mặc kệ. Chính thế cậu thấy không “K.K.K” đâu phải là tên của một người, mà là dấu hiệu ám chỉ một tổ chức xã hội bí mật nào đó.

- Tổ chức gì?

- Tớ chưa nghe thấy bao giờ?

Holmes lật lật mấy trang sách đang nam trên đùi anh ta :

- Ở đây họ có viết như thế này “Ku Klux Klan” là tên gọi xuất phát từ sự giống tiếng lên quy lát của khẩu súng. Tổ chức bí mật nguy hiểm đáng sợ này có những cựu chiến binh của quân đội miền Nam sau cuộc nội chiến thành lập, và sau một thời gian ngắn đã nhanh chóng lập các chi nhánh ở các bang khác. Chủ yếu là bang Tennessee, bang Luidian, ở cả hai vùng Carolinas, bang Georgia, và bang Florida. Tổ chức này dùng bạo lực phục vụ cho mục đích chính trị, chủ yếu là khủng bố, ám sát những ứng cử viên đại biểu cho dân da đen, hoặc đuổi khỏi đất nước, giết những kẻ đối lập có quan điểm chống đối chúng. Bọn chúng thường cảnh cáo trước rồi mới thực hiện. Lời cảnh cáo chỉ gửi cho những người mà bọn chúng định ám sát dưới hình thức thơ mộng, nhưng mọi người đều quen thuộc, ở một số địa phận trong nước thì một cành lá sồi, còn những nơi khác thì vài hạt dưa gang, hoặc hột cam. Sau khi nhận được những lời cảnh cáo đó, người ta hoặc thay đổi quan điểm của mình, hoặc đi khỏi Tổ quốc. Nếu không chú ý đến lời cảnh cáo đó, thì người bị gửi thư sẽ không tránh khỏi cái chết. Thường là một cái chết kỳ quặc, không lường trước được. Tổ chức này được lãnh đạo rất chặt chẽ, nó

nghĩ ra những biện pháp hành động hữu hiệu đến nỗi chưa ai có thể khám phá ra được hoặc tránh khỏi cái chết thảm thiết. Chưa bao giờ những kẻ gây tội ác bị vạch mặt. Tổ chức được hình thành trong vài ba năm bất chấp mọi sự đàn áp của chính phủ Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ và tầng lớp tiến bộ của nhân dân. Năm 1869 những hoạt động của tổ chức bí mật này bỗng dừng chấm dứt, tuy nhiên vẫn xảy ra một vài vụ khủng bố.

- Cậu có thấy không? - Holmes nói và lật lật quyển sách, - Sự chấm dứt bất bình thường những hoạt động chống đối của tổ chức sát nhân này trùng lặp với cuộc ra đi của Openshaw, ông ta đã thu góp tất cả tài liệu giấy tờ của tổ chức mang theo mình hồi hương. Có khả năng là những nguyên nhân và kết quả nằm ở điểm này. Không phải ngẫu nhiên những người tàn ác dã man kia cứ theo đuổi mãi gia đình Openshaw. Cậu hiểu không, bảng thống kê và những cuốn nhật ký có thể là bôi nhọ, nói xấu những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của miền Nam nước Mỹ và chính những giấy tờ này đã làm cho nhiều kẻ mất ăn mất ngủ.

- Có nghĩa là những giấy tờ mà chúng mình vừa được thấy...

- Chính nó - Đó là một thứ mà người ta mong đợi. Nếu tớ không nhầm thì ở đó ghi : “Đã gửi những hạt giống cho A.B.V.” - Có nghĩa là họ đã gửi những lời cảnh cáo. Tiếp theo là mấy dòng chữ A và B đã cút xéo khỏi mặt đất - Có nghĩa bọn họ đã bỏ Tổ quốc ra đi. Còn V. đã được đến thăm. Tớ sợ ngài V đã kết thúc không tốt đẹp. Chúng mình còn kịp làm sáng tỏ công chuyện mờ mịt này. Con đường để cứu thoát Openshaw trai trẻ kia - chính là phải hành động đúng như tớ khuyên bảo. Hôm nay chúng ta không thể nói thêm được gì nữa và cũng không thể làm thêm được gì... Cậu đưa mình mượn cây đàn, chúng ta đành chịu khó ngồi im lặng nửa tiếng đồng hồ để quên đi thời tiết tồi tệ và quên đi những hành động còn tồi tệ gấp bội của con người.

Gần sáng cơn bão mới tan, mặt trời hé ửng lên xuyên qua những đám mây mù u tối rạng rỡ chiếu rọi thành Luân Đôn.

Khi tôi đi xuống thì Holmes bắt đầu ăn sáng.

- Xin lỗi, tớ buộc phải bắt đầu không đợi cậu được - Anh nói. - Tớ thấy trước rằng tớ phải làm việc cật lực trong ngày hôm nay vì câu chuyện của Openshaw.

- Cậu chuẩn bị đến đâu rồi? - Tôi hỏi.

- Điều này phụ thuộc vào sự đánh giá chính xác hay không của tớ. Có lẽ tớ phải ghé tới Horsham.

- Cậu không định tới đó trước sao?

- Không, tớ sẽ bắt đầu từ Xiti. Cậu gọi con hầu mang cà phê lên đi.

Trong lúc đợi cà phê, tôi cầm tờ báo để trên bàn và đọc lướt qua các mục. Bất chợt một cột báo làm tim tôi lạnh toát.

- Holmes, - Tôi thốt lên, cậu bị chậm mất rồi

- Có chuyện gì vậy? - Anh ta nói và đặt cốc cà phê xuống.

- Tớ đã dự đoán trước là sẽ xảy ra chuyện này.

Chuyện xảy ra như thế nào? - Giọng anh rất bình tĩnh, chúng tôi cảm thấy anh đang xúc động mãnh liệt.

Cái tên Openshaw đã đập vào mắt tôi và đề mục “Câu chuyện tang thương ở cầu Waterloo” được như thế này :

“Tối qua vào khoảng 21 - 22 giờ, nhân viên cảnh sát có tên Cook trong lúc đang tuần tra canh gác cầu Waterloo, có nghe thấy tiếng kêu cứu và tiếng nước “bồm”. Nhưng do trời tối đen như mực, gió thét ào ào, cho nên mặc dù chạy đến cứu giúp, vẫn

không vớt được kẻ chìm dưới sông. Cảnh sát lập tức nổi còi báo động, và nhờ chiếc xuồng cấp cứu xác chết đã được tìm thấy. Đó là một chàng trai trẻ, tên anh ta theo phong bì tìm thấy trong người là John Openshaw, sống gần Horsham. Người ta đoán anh ta vì quá vội để đi chuyến tàu cuối cùng xuất phát từ ga Waterloo, trong bóng đêmมืด mùng và đã bị trượt chân lọt xuống dưới cầu. Trên thi hài nạn nhân không thấy phát hiện một dấu vết đánh đập hành hung nào. Không thể nghi ngờ gì nữa, anh ta đã mất mạng trong trường hợp đáng tiếc. Điều đó bắt buộc chính quyền địa phương phải chú ý đến tình trạng chiếc cầu”.

Chúng tôi lặng đi mấy phút. Tôi chưa hề nhìn thấy Sherlock mệt nhọc đến như thế.

- Cái đó đã giáng một đòn chí mạng vào tính tự ái của tớ, -

Cuối cùng anh thốt lên đau đớn. - Không thể chối cãi và bào chữa được điều gì, tính tự ái là một thứ tình cảm nhỏ nhen ích kỷ, nó không giải quyết được việc gì cả. Bây giờ câu chuyện này trở thành việc riêng của tớ, và nếu chúa có ban cho tớ một sức khỏe thì tớ sẽ tóm gọn cả băng sát nhân ấy. Anh ta hoảng sợ đến nhờ tớ giúp đỡ, thế mà tớ lại đẩy anh ta đến chỗ chết.

Anh đứng dậy khỏi chiếc ghế, bước đi bước lại trong căn phòng, khuôn mặt trắng bệch bừng bừng tức giận. Anh hét bóp lại thả ra những ngón tay dài và nhỏ nhắn của mình một cách điên tiết.

- Những con quỷ lấu cá! - Cuối cùng anh thét lên, - Làm thế nào mà chúng lừa phỉnh được anh chàng để nhấn chìm xuống đáy sông? Bờ sông không phải là con đường dẫn tới nhà ga. Còn trên cầu thậm chí trời có tối đi chăng nữa cũng còn rất nhiều người.

Watson chúng ta thử xem ai là người chiến thắng trong hiệp này. Tớ đi đây.

- Tớ đi đồn cảnh sát à?

- Không, tớ sẽ làm cảnh sát. Tớ sẽ giăng một tấm lưới như tấm mạng nhện, và cứ để cho cảnh sát đến bắt những con ruồi trong đó, nhưng không dễ làm ngay bây giờ.

Cả ngày hôm đó, tôi mắc công việc chữa bệnh. Khi quay về hẻm Baker thì trời đã tối từ lâu.

Sherlock Holmes vẫn chưa về. Khi anh về thì đã hơn 21 giờ đêm, người bơ phờ, nhợt nhạt. Anh đến tủ đựng thức ăn, lấy một mẩu bánh mì cho vào miệng nhai ngấu nghiến và nuốt ừng ực những ngụm nước lớn.

- Cậu đói lắm phải không? - Tôi nhận xét.

- Đói gần chết đây. Tớ làm quên cả ăn, kể từ buổi ăn lót dạ sáng đến giờ.

- Thế cậu nhịn à?

- Không có lấy một hột. Tớ không có thời gian rỗi để nghĩ đến chuyện ăn uống nữa.

- Còn công việc của cậu ra sao?

- Rất tốt đẹp.

- Cậu đã tìm ra chìa khóa vén mở điều bí mật chưa?

- Bọn nó đã nằm gọn trong lòng bàn tay tớ. Rồi chàng Openshaw trẻ tuổi kia không còn bao lâu nữa sẽ được rửa hận. Watson, chúng mình sẽ dán nốt cái nhãn hiệu ma quỷ chính thống của chúng nó. Chẳng nhẽ, đó là điều không hay?

- Cậu nói về cái gì thế?

Holmes lấy từ trong chạn ra một quả cam. Rồi anh bóc nó ra từng múi, và cẩn thận nhặt mấy hạt để lên bàn. Anh ta nhặt nắm hột cho vào chiếc phong bì. Phía trong phong bì anh viết

“S.H gửi cho J.O”.

Sau đó anh dán phong bì lại và ghi địa chỉ ở ngoài “Gởi ngài thuyền trưởng James Calhoun, thuyền buồm Ngôi sao đơn độc Savannah, Georgia”.

- Bức thư sẽ đợi Calhoun khi hấn ta cập bến - Holtne vừa nói vừa cười. - Điều này, sẽ làm cho hấn mất ăn mất ngủ. Tớ tin rằng, hấn sẽ chịu chung cái số phận như số phận của ngài Openshaw.

- Thuyền trưởng Calhoun là ai vậy?

- Hấn là thủ lĩnh của cả bọn khốn kiếp ấy. Dần dần tớ sẽ lần ra những thằng khác nữa. Hấn là thằng đầu tiên.

- Bằng cách nào mà cậu tìm ra chúng nó?

Holmes lôi ra từ trong túi một tờ giấy cỡ lớn ghi chép chi chít những năm tháng và tên người...

- Cả ngày tớ chỉ cúi đầu sục vào các tập hồ sơ, giấy má cũ, theo dõi số phận của từng chiếc tàu đã cập bến Pondicherry trong thời gian từ tháng giêng và tháng hai năm 1883. Trong hai tháng ấy, có ghi lại ba mươi sáu chiếc tàu có trọng tải khá lớn. Trong số đó có chiếc “Ngôi sao đơn độc” làm cho tớ chú ý nhất, bởi địa điểm cập bến là Luân Đôn. Hơn nữa “Ngôi sao đơn độc” - một biệt danh của một bang bên Mỹ.

- Hình như bang Texas phải không?

- Điều này chưa chắc chắn. Nhưng tớ biết con tàu đó đã xuất phát từ bên Mỹ.

- Có gì nữa không?

- Tớ đọc lướt qua các mục ghi chép về ngài đến và ngày đi của tất cả tàu thuyền ở cảng Dundee. Và khi tớ thấy chiếc thuyền buồm “Ngôi sao đơn độc” đã cập bến Dundee trong tháng giêng năm 1885 thì mọi nghi ngờ của tớ đã chuyển sang khẳng định. Tớ lập tức lục tìm bảng chỉ dẫn có liên quan tới những chiếc tàu thuyền đã đậu ở cảng Luân Đôn trong thời gian hiện nay.

- Cậu có thấy được gì không?

- “Ngôi sao đơn độc” vừa cập bến Luân Đôn trong tuần trước. Tớ vội chạy đến chỗ Albert Dock và được biết đúng hôm nay, lúc thủy triều lên sớm “Ngôi sao đơn độc” đã rời bến ra sông để quay về cảng Savannah. Tớ đã đi đến Gravesend và được báo cho biết “Ngôi sao đơn độc” vừa mới qua đây không lâu. Và do gió hướng đông nên tớ không nghi ngờ gì hết. “Ngôi sao đơn độc” đã vượt qua Goodwins và hiện giờ đang cách không xa hòn đảo Wight.

- Cậu định hành động ra sao?

- Ô! Kelgun đang nằm trong tay tớ! Hấn với hai tên thủy thủ - là những tên người Mỹ duy nhất trên tàu. Những người còn lại là người Phần Lan và người Đức. Thậm chí tớ còn được biết tối hôm qua cả ba đứa đều không có mặt trên thuyền. Người khuôn vác đã cho tớ biết chi tiết ấy. Ông ta làm nhiệm vụ bốc vác trên chiếc thuyền buồm “Ngôi sao đơn độc”. Khi thuyền “Ngôi sao đơn độc” cập bến Savannah, thì tàu thủy đã mang bức thư của tớ tới trước rồi. Còn bức điện tớ báo cho cảnh sát ở Savannah là phải bắt ngay ba tên người Mỹ vì tội đã giết người.

Tuy nhiên, trong mọi dự tính cẩn thận nhất của con người, bao giờ cũng có một chỗ sơ hở nào đó. Những kẻ đã giết hại cả gia đình Openshaw kia, chưa phán đoán được là sẽ nhận được những hột cam do người khác gửi cho chúng. Mà con người ấy, cũng kiên quyết, láu cá như bọn chúng nó. Con người đó, đã lần ra dấu vết chúng nó.

Trong năm ấy những trận cuồng phong thật là dữ dội, kéo dài dai dẳng. Chúng tôi chờ đợi tin tức của chiếc thuyền buồm “Ngôi sao đơn độc” rất lâu, nhưng tất cả đều không đúng như chúng tôi mong đợi.

Cuối cùng chúng tôi mới được biết là ở một nơi xa xôi nào đó trên bờ Đại Tây Dương, người ta đã nhìn thấy chiếc đuôi tàu bị vỡ, dập dềnh theo sóng biển. Trên đó người ta đã nhìn thấy những chữ "L. S.". Đó là tất cả những gì chúng tôi được biết về số phận của "Bark Lone Star".

Hết

B.6 - The Man with the Twisted Lip 1891 (Người đàn ông môi trề)

Một đêm tháng 6 năm 1889, có chuông cửa reo. Tôi nhổm dậy trên ghế, còn vợ tôi thì đặt đồ may vá xuống, khẽ nhăn mặt, bực mình.

- Một bệnh nhân! Anh sẽ phải đi thôi - Nàng nói.

Tôi rên rỉ, vì vừa mới trở về sau một ngày mệt mỏi. Có tiếng cửa mở, một vài tiếng nói vội vã và sau đó là những bước chân hối hả. Cửa lớn mở tung ra và một người phụ nữ mặc đồ sẫm màu, che mặt bằng một tấm mạng, bước vào phòng.

- Xin thứ lỗi cho tôi vì đã gọi cửa vào giờ này - Bà ta bắt đầu nói. Rồi, không kìm được nữa, bà chạy về phía trước, quàng tay lên cổ vợ tôi và khóc nức nở trên vai nàng.

- Tôi đang có chuyện chẳng lành, rất cần một sự trợ giúp, dù nhỏ bé!

- Ô, chị! - Vợ tôi nói, kéo tấm mạng của người khách lên - À! Chị Kate đây mà?

- Tôi không biết phải làm gì, nên tôi đến chỗ các em.

- Chị đến đây là tốt lắm. Bây giờ, chị uống nước rồi kể cho em nghe. Ô, em có nên mời anh ấy đi nghỉ không nhỉ?

- Ô, không đâu! Chị cần lời khuyên và sự trợ giúp của bác sĩ nữa. Đây là chuyện về anh Isa. Đã hai ngày nay, anh ấy không về nhà. Chị rất lo!

Đây không phải là lần đầu tiên chị Kate nói với chúng tôi về chồng chị. Gần đây, anh thường lui tới một động phù dung ở phía nam thành phố. Từ trước tới giờ, cơn say thuốc chỉ kéo dài khoảng một ngày, và anh trở về nhà vào buổi chiều, chân tay co giật, áo quần lếch thếch. Nhưng hiện giờ, đã 48 tiếng đồng hồ rồi và có lẽ anh đang nằm đó, giữa bọn người cặn bã của bến tàu.

“Có thể tìm thấy anh ấy ở đó”, chị ấy chắc thế, “tại quán Bar of Gold, trong hẻm Thượng Swandam”. Nhưng chị phải làm gì? Làm thế nào mà một người phụ nữ trẻ và rụt rè như chị, lại có thể đến một nơi như thế, để đem chồng mình ra khỏi những tên vô lại. Chỉ có một lối thoát. Tôi phải hộ tống chị đến chỗ ấy? Và rồi xét cho kỹ thì chị có nên đến đấy không? Tôi là cố vấn y học cho Isa Whitney và với tư cách đó, tôi có ảnh hưởng đối với anh ta. Tôi dễ dàng xoay sở nếu tôi đi một mình. Tôi hứa với chị, tôi sẽ đưa anh ta về nhà trong vòng hai tiếng đồng hồ, nếu quả thật anh ta đang ở đó. Thế là khoảng mười phút sau, tôi đã ngồi trên xe ngựa chạy bon bon.

Hẻm Swandam là một ngõ hẻm chật hẹp nằm ẩn khuất phía sau những cầu tàu cao chạy thẳng từ phía bắc của con sông đến phía đông cầu London. Trong khoảng giữa từ cái cửa hàng bán quần áo tới một quán rượu, tôi tìm thấy cái động phù dung đó. Cho xe đợi ở bên ngoài, tôi đi xuống những bậc thềm trũng sâu ở giữa bởi những bước chân lên xuống liên tục của con nghiện. Qua ánh sáng chập chờn của cây đèn dầu treo phía trên cửa lớn, tôi tìm thấy cái chốt và mò mẫm đi vào một căn phòng dài, thấp, nồng nặc mùi khói thuốc.

Xuyên qua bóng tối mờ mờ có thể thấy những thân người đang nằm trong những tư thế lạ lùng, đôi vai cúi xuống, đầu gối cong lại, đầu ngả ra sau, cằm ngửa lên trời, đây đó một con mắt lác tròng, lơ lơ quay ra nhìn người mới đến. Từ phía trong những bóng đen tỏa ra những vòng ánh sáng lập loè, khi tỏ khi mờ. Hầu hết nằm yên lặng, nhưng

một vài người nói làm nhảm một mình, những người khác nói chuyện với nhau bằng giọng thấp, đơn điệu, kỳ dị. Cuộc đàm thoại của họ tuôn ra trong một lát, rồi bỗng nhiên chìm vào im lặng, mỗi người lẩm bẩm những ý nghĩ của chính mình, chẳng lưu tâm đến những lời của người bên cạnh. Phía bên kia là một lò than hồng, bên cạnh nó, trên một cái ghế đầu gỗ ba chân có một người đàn ông ngồi. Đó là một ông già cao, gầy gò, quai hàm tựa trên hai nắm tay, cùi chỏ đặt trên đầu gối, trở mắt nhìn vào lò sưởi.

Khi tôi bước vào, một người hầu Mã Lai vội vã vẫy tôi đến một cái giường ngủ để trống.

- Tôi muốn nói chuyện với ông Isa Whitney.

Có một sự chuyển động và một tiếng kêu từ bên phải của tôi, nhìn qua bóng tối nhờ nhờ, tôi thấy Isa đang trở mắt nhìn ra phía tôi.

- Trời ơi! Watson đây à? - Anh ta nói, run rẩy một cách tội nghiệp - Watson, mấy giờ rồi nhỉ?

- Gần 11 giờ đêm.

- Ngày nào thế?

- Thứ sáu, 19-6.

- Trời đất! Tôi vẫn nghĩ là thứ tư đây. Đúng là thứ tư. Sao anh lại nói dối tôi làm gì? Anh ta úp mặt xuống hai cánh tay và bắt đầu khóc nức nở.

- Hôm nay là thứ sáu. Vợ anh đợi anh đã hai ngày rồi. Lẽ ra, anh phải biết xấu hổ chứ?

- Tôi không nhớ là thứ mấy. Nhưng tôi sẽ đi về với anh. Ôi, Kate bé bỏng của tôi. Đưa tay anh cho tôi. Có xe chứ?

- Xe đang đợi.

- Vậy thì chúng ta đi về.

Tôi bước xuống lối đi hẹp giữa hai hàng người đang nằm. Khi tôi đi ngang qua một gã đàn ông cao ngồi cạnh lò than, tôi cảm thấy có một cái giật mạnh vào áo sơ mi của tôi, rồi nghe tiếng thì thào: "Hãy đi ngang qua tôi, rồi quay lại nhìn tôi". Tôi liếc nhìn xuống. Những lời đó, chỉ có thể cất lên từ ông già ở bên cạnh tôi, nhưng bây giờ ông ta vẫn ngồi trầm tư như trước. Tôi bước tới hai bước rồi nhìn lại. Phải cố gắng lắm tôi mới ngăn được một tiếng kêu kinh ngạc. Ông ta đã quay lưng để cho không ai có thể nhìn thấy mình, ngoài tôi ra. Dáng người ông ta đã mập ra, những nếp nhăn đã biến đi, đôi mắt lơ đãng đã sáng hẳn lên, và kia, ngồi bên cạnh lò sưởi và nhe răng cười: chính là Holmes. Anh khẽ ra hiệu cho tôi đến gần anh, và ngay lập tức, xoay nửa người về phía đám người nọ, trở lại thành một ông già run cầm cập, miệng há hốc.

- Holmes! Anh vào đây để làm gì? - Tôi thì thầm.

- Nói nhỏ một chút. Tai tôi thính lắm. Anh hãy tổng hán đi nơi khác, tôi muốn nói chuyện với anh...

- Xe đợi ở ngoài.

- Vậy, cho hán đi bằng xe đó đi, rồi viết mấy chữ cho bà xã anh, nói rằng anh đang giúp tôi. Anh cứ đợi bên ngoài. Năm phút nữa, tôi sẽ ra.

Trong một vài phút, tôi đã viết xong lá thư cho nhà tôi, trả tiền xe cho Isa, dẫn anh ta ra xe; chỉ một lát sau, một dáng người già nua, ốm yếu hiện ra từ động phù dung. Ông ta kéo lê chân, gù lưng và một bàn chân đi cà nhắc. Rồi, bỗng người ấy nhanh nhẹn liếc nhìn ra phía sau, vươn người ra và bật lên một chuỗi cười hề hả.

- Nay Watson, tôi ngạc nhiên khi thấy anh ở đó.

- Tôi đến để tìm một người bạn.
- Còn tôi, để kiếm một kẻ thù.
- Một kẻ thù?

- Vâng, một trong những con mồi. Tôi hy vọng tìm thấy một đầu mối trong những lời lảm nhảm rời rạc của những dân nghiện này. Cái động đó chính là cái bẫy giết người ghê gớm nhất trong suốt dọc bờ sông, và tôi e rằng ông Neville St. Clair đã vào đó mà không bao giờ trở ra nữa. Những cái bẫy của chúng ta sẽ đặt ở đây.

Anh đặt hai ngón tay trở vào giữa hai hàm răng và huýt sáo lạnh lạnh. Tín hiệu ấy được đáp lại bằng một tiếng huýt sáo tương tự đằng xa, tiếp theo ngay sau đó là tiếng bánh xe lọc cọc và tiếng vó ngựa.

- Bây giờ, anh sẽ đi với tôi chứ?
- Nếu tôi giúp ích được.
- Ô, một người bạn tin cậy luôn luôn có ích, và một người chép sử biên niên còn hữu ích hơn. Phòng của tôi tại biệt thự Tuyết Tùng [1], có hai giường.
- Biệt thự Tuyết Tùng?
- Vâng. Đó là nhà ông St. Clair. Tôi đang ở đó để điều tra vụ này.
- Nó ở đâu?
- Gần thôn Lee, thuộc hạt Kent.
- Lát nữa đây anh sẽ biết mọi chuyện. Nhảy lên đi! Được rồi bác xà ích. Đây là tiền công của bác. Hãy đợi tôi ngày mai, vào khoảng 11 giờ. Chào nhé!

Anh quát roi và xe chúng tôi lao đi, băng qua những đường phố tối tăm, vắng vẻ và vô tận, những đường phố này rộng dần ra cho đến khi xe băng qua một cái cầu lớn có tay vịn, dưới đó là con sông đen thẫm chảy lờ lờ. Phía bên kia là những đồng gạch, vôi vữa, sự yên lặng của chúng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng bước chân nặng nề, đều đặn của người canh sát, hay những bài hát và tiếng quát tháo của bọn người nhậu nhẹt say sưa về muộn. Một đám mây nặng nề trôi lơ lửng qua bầu trời và một, hai ngôi sao nhấp nháy mờ mờ đây đó xuyên qua những khe hở của đám mây. Holmes yên lặng cầm cương, đầu cúi xuống ngực, với dáng vẻ của một người đang đắm chìm trong suy tư. Tôi ngồi bên anh, tò mò muốn biết cuộc truy tìm này là cái gì, nhưng lại không dám làm gián đoạn dòng suy tưởng của anh. Chúng tôi đã đi được năm, bảy dặm và bắt đầu đi đến mép vành đai của một biệt thự ngoại ô, bỗng nhiên anh lắc mình nhún vai và chậm rãi với cái vẻ của một người thỏa mãn.

- Anh Watson, tôi không biết đêm nay mình phải nói cái gì với người đàn bà này.
- Anh quên là tôi chưa biết gì về chuyện đó.
- Được, tôi sẽ kể rành rọt cho anh nghe, và may ra, anh có thể giúp tôi.
- Anh kể đi.
- Cách đây một vài năm, vào tháng 5-1884, một gã đàn ông tên là Neville St.Clair đến Lee. Ông ta có vẻ khá giả. Ông ta mua một cái biệt thự lớn, và sống một cách đúng điệu. Dần dà, ông làm bạn với xóm giềng. Năm 1887, ông ta cưới con gái của một người nấu rượu địa phương, bà ta sinh được hai con. Ông ta không có nghề nghiệp, nhưng có cổ phần tại một vài công ty, và thường lên phố vào buổi sáng, trở về nhà vào lúc 5 giờ 14 chiều. Bấy giờ ông ta 37 tuổi. Đó là một người điều độ, một người chồng tốt, một người cha thương con và là một con người được mọi người xung quanh yêu mến. Tôi có thể nói thêm rằng mặc dù số tiền nợ của ông ta hiện nay là 88 bảng 10 shilling. Nhưng ông ta có 220 bảng trong ngân hàng Capital and Counties Bank. Vì vậy,

vấn đề tiền bạc không làm ông ta lo nghĩ nhiều. Thứ hai tuần trước, ông lên phố sớm hơn thường lệ. Trước khi đi, ông bảo rằng ông có hai việc quan trọng phải làm, và hứa sẽ đem về cho con trai một cái hộp có những hòn gạch nhỏ để chơi. Thế rồi, do một tình cờ run rủi, vào đúng ngày thứ hai đó, sau khi ông ta đi một lát, bà vợ nhận được một bức điện tín, báo tin rằng bà có một gói quà nhỏ đang nằm tại văn phòng của Công ty đóng tàu Aberdeen. Ăn cơm trưa xong bà lên phố, mua sắm vài đồ vật trên đường đi tới Công ty; sau đó, bà nhận gói hàng và đúng 4 giờ 35, bà đi bộ xuyên qua hẻm Swandam, trên đường trở lại nhà ga. Anh có theo dõi được không?

- Rất rõ ràng.

- Ngày thứ hai ấy cực kỳ nóng bức. Bà St. Clair đi bộ chậm rãi, liếc nhìn quanh để tìm một chiếc xe ngựa. Trong khi bà đi bộ theo đường này xuống hẻm Swandam, bỗng nhiên bà nghe một tiếng kêu, bà lạnh cả người khi thấy chồng bà đang nhìn xuống bà và hình như ông đang vẫy gọi bà từ cửa sổ tầng lầu thứ hai. Cánh cửa sổ mở và bà thấy rõ chồng mình đang hốt hoảng, ông ta vẫy gọi bà một cách điên dại rồi biến mất khỏi cửa sổ một cách bất ngờ, đến nỗi bà cảm thấy dường như ông ta đã bị kéo lùi lại bằng một sức mạnh không cưỡng được. Một điểm kỳ lạ đập vào mắt bà: chồng bà vẫn mặc áo khoác đen, như lúc ra đi, nhưng bà không thấy cổ áo sơ mi hay cà vạt đâu cả.

Bà chạy vội xuống bậc thang rồi chạy băng qua phòng phía trước, cố leo lên cầu thang đến tầng một. Thế nhưng, tại chân cầu thang, bà gặp tên chủ nhà vô lại [2], hấn cùng với một gã tây chân Đan Mạch đẩy bà ta ra ngoài đường phố. Lòng tràn ngập những mối ngờ vực và sợ hãi, bà lao xuống con hẻm và khi chạy tới đường Fresno, bà gặp một cảnh sát và một người thanh tra. Những người này hộ tống bà trở lại, và đi vào cái phòng hồi nãy có ông St. Clair. Họ không thấy ông ta đâu cả, trừ một gã tàn tật có gương mặt gớm ghiếc. Gã này và tên vô lại đều thề độc rằng suốt cả buổi chiều không có ai ở trong phòng phía trước. Bọn này phản đối một cách quá quyết liệt, đến nỗi vị thanh tra trở nên ngờ vực, nhưng bỗng nhiên bà St. Clair kêu lên một tiếng sững sốt, nhảy chồm tới một cái hộp gỗ nhỏ nằm trên bàn và mở tung cái nắp ra. Từ trong đó đổ ra những hòn gạch nhỏ cho trẻ con chơi. Đó là món đồ chơi mà ông St. Clair đã hứa đem về nhà.

Sự phát hiện này cùng với sự bối rối hiện ra trên gương mặt gã tàn tật, khiến cho ông thanh tra thấy vấn đề rất nghiêm trọng. Lập tức, họ mở cuộc khám xét. Căn phòng phía trước được trang bị như một phòng khách, nó dẫn vào một phòng ngủ nhỏ, nhìn ra một bến tàu. Giữa bến tàu và cửa sổ phòng ngủ là một con lạch cạn, khi thủy triều rút, người ta nhìn thấy đáy, nhưng khi thủy triều lên, mực nước cao tới 4,5 feet. Cửa sổ phòng ngủ thì rộng và được mở từ phía bên dưới. Trên bậc cửa sổ có nhiều vết máu, một vài giọt rơi trên sàn gỗ của giường ngủ. Phía sau cái màn cửa của căn phòng phía trước, người ta thấy toàn bộ áo quần của ông St. Clair, trừ cái áo khoác: giày, ủng, bút tất, mũ và đồng hồ đeo tay. Trên mọi thứ đồ vật; không có dấu hiệu nào của sự hành hung. Rõ ràng là ông ta đã đi ra ngoài cửa sổ, vì người ta không thấy có lối ra nào khác, những vết máu cho thấy ông ta đã bị lâm nguy hơn là đã trốn thoát?

Tên chủ nhà vô lại là một người có tiền án, nhưng theo lời kể của bà St. Clair, thì hấn chỉ có thể là một kẻ tòng phạm, vì sau khi bà trông thấy chồng tại cửa sổ được vài phút thì hấn xuất hiện ở chân cầu thang. Hấn phản đối, bảo rằng hấn không biết gì về những việc làm của Hugh Boone, người khách cư trú tại đó. Hấn cũng nói rằng hấn

không thể nào giải thích được sự hiện diện của những áo quần của người đàn ông mất tích.

Gã tàn tật Hugh Boone sống trên tầng hai của động phù dung. Những ai lên thành phố nhiều lần đều quen với cái gương mặt gớm ghiếc của hắn. Hắn ăn mày chuyên nghiệp, nhưng giả bộ bán diêm. Hắn chiếm một góc nhỏ trên đường Threadneedle làm chỗ ngồi hàng ngày, chân bắt chéo, một hộp diêm nhỏ trên đầu gối. Trông hắn rất tội nghiệp, vì thế mà những đồng xu rơi như mưa xuống cái mũ da bên cạnh hắn. Tôi đã quan sát gã này hơn một lần trước khi nghi đến chuyện làm quen với tư cách bạn đồng nghiệp. Đây là người mà bây giờ chúng ta biết là một kẻ cư trú thường xuyên tại động phù dung, và cũng là người cuối cùng đã nhìn thấy St. Clair.

- Nhưng một gã tàn tật đơn thương độc mã thì làm gì được một người đàn ông còn trẻ tuổi?

- Hắn ta chỉ đi cà nhắc thôi, trông hắn khỏe mạnh và ăn uống đầy đủ. Kinh nghiệm y học cho biết rằng nhược điểm nơi một chân thường được bù lại bằng một sức mạnh phi thường ở những nơi khác.

- Anh cứ kể tiếp.

- Bà St. Clair đã ngất đi khi thấy máu trên cửa sổ và được cảnh sát đưa về nhà. Thanh tra Barton xem xét hiện trường rất kỹ nhưng không thấy một tia sáng nào. Cảnh sát không bắt giữ Boone ngay, để cho hắn có một vài phút liên hệ với tên chủ nhà, nhưng sai lầm này đã được sửa chữa, hắn đã bị bắt và lục soát, nhưng không tìm thấy cái gì có thể buộc tội hắn. Đúng là có vài vết máu trên tay áo sơ mi phía bên phải của hắn, nhưng hắn chỉ vào ngón tay đeo nhẫn, có vết đứt. Hắn còn nói thêm, trước đó không lâu hắn đã đứng tại cửa sổ, những vết máu ở đó, cũng là máu của hắn. Về điều bà St. Clair xác nhận rằng bà đã thấy chồng mình tại cửa sổ, hắn nói rằng có lẽ bà ta nhìn nhầm đó thôi. Hắn được đưa tới đồn cảnh sát, trong khi đó viên thanh tra ở lại hiện trường chờ nước rút xuống.

Khi nước rút xuống, họ không thấy ông St. Clair, mà thấy cái áo khoác của ông ta. Và đồ anh biết, họ thấy gì trong những túi áo?

- Tôi không thể tưởng tượng được.

- Mọi túi áo đều đầy tiền kim loại: có tất cả 421 penny và 270 đồng nửa penny. Thảo nào mà nó đã không bị nước cuốn đi. Giữa cái bến tàu và cái động, nước xoáy dữ dội. Có lẽ cái áo nặng trĩu đã nằm lại trong khi cái cơ thể trần truồng đã bị nước cuốn vào con sông...

- Nhưng, tất cả những y phục khác đều được tìm thấy ở trong phòng. Chẳng lẽ ông ta chỉ mặc mỗi cái áo khoác?

- Không bạn ạ. Có thể là các sự kiện chỉ mới được nhìn thấy một cách khá hời hợt. Giả thử rằng gã Boone này đã ném St. Clair qua cửa sổ và không có ai trông thấy. Rồi, hắn sẽ làm gì? Phải thử tiêu cái y phục! Hắn chộp lấy cái áo khoác, nhưng chỉ sắp ném nó ra, hắn bỗng thấy rằng cái áo sẽ không chìm xuống. Thời gian rất gấp rút, vì hắn đã nghe tiếng xô xát ở dưới cầu thang khi người vợ cố sức chống cự để leo lên.

Hắn lao tới một cái góc bí mật nào đó, nơi hắn đã tích lũy thành quả "lao động" của hắn, nhét những đồng xu vào đầy các túi áo để chắc chắn là nó sẽ chìm xuống.

Hắn ném nó ra, và hắn định ném luôn những thứ khác nữa, nhưng không kịp. Hắn chỉ còn đủ thời gian để đóng cửa sổ khi cảnh sát xuất hiện.

- Lý luận nghe được lắm.

- Vâng, chúng ta sẽ xem đó như là một giả thiết tạm thời, vì chưa có giả thiết nào tốt hơn. Cảnh sát thấy hắn chưa có tiền án nào cả. Cuộc sống của hắn có vẻ như là một cuộc sống lặng lẽ và vô tội. Hiện nay vấn đề ngừng ở đó, và những câu hỏi cần phải được trả lời: St. Clair đã làm gì trong động phù dung? Tại đó, chuyện gì đã xảy đến cho ông ta? Và Boone có dính líu gì tới vụ mất tích của ông ta chăng?

Bây giờ chúng ta đang ở vùng ngoại ô của Lee. Vậy là chúng ta đã đi ngang qua ba hạt của nước Anh trong chuyến đi ngắn này. Anh thấy làn ánh sáng giữa hai cái cây chứ? Đó là biệt thự Tuyết Tùng, bên cạnh cái đèn là một người đàn bà.

- Tại sao anh không điều tra vụ này từ phố Baker?

- Bởi vì có nhiều cuộc thăm dò phải thực hiện ở đây. Bà St. Clair đã có lòng tốt dành riêng cho tôi phòng hai giường. Tôi không muốn gặp bà khi chưa có tin gì về người chồng. Đến rồi!

Xe chúng tôi đậu lại đằng trước một biệt thự lớn. Cậu bé giữ ngựa đã chạy tới đầu con ngựa. Tôi nhảy xuống theo Holmes lên lối đi rải đá nhỏ, ngoằn ngoèo dẫn đến nhà. Khi chúng tôi đến gần, cửa mở tung ra, một người đàn bà tóc hung đứng bên cạnh cửa. Bà đứng đó, dáng người nổi bật lên trong làn ánh sáng chói loà, một tay vịn cửa, tay kia đưa lên lưng chừng, ra vẻ trông ngóng, thân người bà hơi cúi xuống, đầu và mặt nhô ra, đôi môi hé mở, đôi mắt thiết tha như dò hỏi.

- Thế nào? - Bà kêu lên.

Bà cất lên một tiếng rên rỉ khi bà thấy bạn tôi lắc đầu và nhún vai.

- Không có tin vui?

- Không.

- Không có tin buồn?

- Không.

- Xin mời vào. Sau một ngày dài, chắc các ông đã mệt?

- Đây là bạn tôi, bác sĩ Watson. Anh ấy đã giúp tôi rất nhiều trong dăm bảy trường hợp, và hôm nay, tôi may mắn kéo anh cùng đi.

- Tôi sung sướng được gặp ông - Bà nói, nồng nhiệt nắm lấy tay tôi - Tôi chắc là ông sẽ thông cảm cho những sơ suất trong lúc bối rối.

- Thưa bà. Xin bà khỏi cần khách sáo. Nếu tôi có thể giúp được gì cho bà, tôi sẽ rất vui sướng.

- Bây giờ, ông Holmes ạ - Người đàn bà nói, khi chúng tôi bước vào phòng ăn sáng

- Tôi rất muốn hỏi ông một hai câu hỏi thẳng thắn và mong nhận được một câu trả lời thẳng thắn.

- Chắc chắn là được, thưa bà.

- Tận tâm tâm ông, ông có nghĩ rằng anh ấy còn sống không?

Sherlock Holmes dường như bối rối vì câu hỏi này.

- Xin hãy thành thật! - Bà lặp lại, đứng trên tấm thảm và nhìn anh chăm chú khi anh dựa lùi trong ghế.

- Thành thật mà nói, thưa bà, tôi không biết.

- Ông nghĩ rằng anh ấy đã chết?

- Vâng.

- Bị ám sát?

- Tôi không nói thế. Có lẽ...

- Thế anh ấy chết vào ngày nào?

- Vào thứ hai.
- Vậy tại sao hôm nay tôi lại nhận được một lá thư của anh ấy?
Sherlock Holmes nhảy ra khỏi ghế, dường như anh bị sửng sốt.
- Làm sao?
- Vâng, mới hôm nay - Bà mỉm cười, đưa một mảnh giấy lên cao.
- Tôi xem được chứ?
- Chắc chắn rồi.

Anh hăm hờ giật nó ra khỏi tay bà, đưa cây đèn lại gần và chăm chú quan sát. Tôi cũng rời ghế và chăm chú nhìn nó qua vai anh. Bì thư làm bằng giấy rất xấu, dấu bưu điện nơi gửi là Gravesend, ghi ngày gửi là chính ngày hôm đó.

- Chữ viết xấu. Chắc chắn không phải là chữ viết của chồng bà.
- Không, những thứ bên trong thì đúng là của anh ấy.
- Tôi nhận thấy rằng người đề bì thư hẳn đã phải đi hỏi địa chỉ.
- Sao ông lại nói thế?

- Cái tên người nhận thư thì viết bằng mực đen tuyền, tự nó khô đi. Còn địa chỉ thì có màu xám xám, chứng tỏ rằng giấy thấm đã được dùng đến. Nếu tất cả được viết một lượt, rồi áp giấy thấm, thì sẽ không có chữ nào đậm, chữ nào nhạt. Người này viết xong cái tên, ngưng lại một thời gian rồi mới viết địa chỉ, điều ấy có nghĩa là người đề bao thư không biết địa chỉ của bà. Bây giờ, ta hãy xem lá thư. Hừ! Có một vật gì ở đây?

- À! Cái nhấn của anh ấy.
- Bà tin rằng chính bàn tay ông ấy viết?
- Khi anh ấy viết vội, nét chữ không giống nét chữ bình thường, tuy vậy tôi biết rõ nó.

- “Em chớ có lo sợ gì cả. Mọi việc sẽ tốt đẹp. Có một sai lầm cần phải đính chính. Hãy kiên nhẫn đợi chờ anh. Neville”. Thư được một người có ngón tay cái bản viết trên một tờ giấy trắng. Phong bì được dán hồ bởi một người đã từng nhai thuốc lá và bà có chắc là bàn tay của chồng bà không?

- Không nghi ngờ gì cả chính ông ấy đã viết những dòng chữ đó.
- Và chúng được gửi đi hôm nay tại Gravesend. Thưa bà, những đám mây đã tan dần, nhưng tôi không dám nói là tai họa đã qua.
- Nhưng chắc chắn là anh ấy còn sống.
- Trừ phi đây là một sự giả mạo khéo léo để đánh lạc hướng chúng ta. Cái nhấn không chứng tỏ được điều gì. Người ta có thể đánh cắp của ông ấy.
- Không. Chính là nét chữ của anh ấy mà?
- Rất có thể. Tuy thế, có thể là nó được viết vào ngày thứ hai nhưng hôm nay mới gửi đi.

- Có thể như thế.
- Như vậy, trong khoảng thời gian ở giữa hai sự việc đó có nhiều chuyện đã xảy ra.

-Ồ, ông Holmes ạ, giữa chúng tôi có một mối đồng cảm sâu sắc, cho nên nếu có gì không lành xảy đến cho anh ấy, hẳn là tôi đã biết. Vào cái ngày sau cùng, khi anh ấy bị đứt tay trong phòng ngủ, thế mà đang ở trong phòng ăn, tôi chạy vụt lên cầu thang tức khắc, biết chắc chắn rằng có một cái gì đó đã xảy ra. Tôi đã cảm nhận được ngay dù chỉ là chuyện vặt vãnh như thế, thì lẽ nào tôi lại không hay biết gì về cái chết của chồng tôi.

- Vâng, trực giác của người phụ nữ đôi khi có giá trị hơn sự suy luận, phân tích. Và trong vụ lá thư này, chắc chắn bà có một vài bằng chứng ủng hộ cho quan điểm của bà. Nhưng nếu chồng bà còn sống và có thể viết thư, thì tại sao ông ấy lại phải ở xa bà?

- Tôi không thể hiểu được.
- Ngày thứ hai, ông ấy không nói gì trước khi đi chứ?
- Không.
- Bà có ngạc nhiên khi thấy ông ấy tại hẻm Swandam.
- Rất kinh ngạc.
- Cánh cửa sổ mở?
- Vâng.
- Vậy thì, có thể là ông ấy đã gọi bà?
- Có lẽ
- Theo tôi hiểu, ông ấy chỉ kêu ú ớ, đúng không?
- Vâng.
- Một tiếng gọi cầu cứu, bà có nghĩ thế không?
- Vâng, anh ấy vẫy tay.
- Nhưng cũng có thể đó là một tiếng kêu kinh ngạc. Nổi kinh ngạc, khi bất ngờ thấy bà, cũng có thể khiến ông ấy đưa hai tay lên?
- Có thể.
- Và bà nghĩ rằng ông ấy bị ai đó kéo lui ra đằng sau?
- Anh ấy biến đi quá đột ngột.
- Bà không thấy ai khác trong phòng chứ?
- Nhưng gã đàn ông nọ đã thú nhận rằng hắn ta có mặt ở đó còn tên vô lại thì ở chân cầu thang.
- Đúng thế. Chồng bà ăn mặc bình thường?
- Nhưng không có cổ áo sơ mi hay cravat. Tôi thấy cái cổ trần trụi của anh ấy.
- Có bao giờ ông ấy nói về hẻm Swandam không?
- Không.
- Cám ơn bà. Đó là những điều cơ bản mà tôi muốn được biết chính xác. Bây giờ hãy ăn một chút rồi đi nghỉ, ngày mai chúng ta sẽ bận suốt ngày.

Một phòng rộng, tiện nghi, có hai giường đã được dành riêng cho chúng tôi, và tôi nhanh chóng chui vào trong chăn. Giờ đây, Holmes đang chuẩn bị cho một đêm không ngủ. Anh cởi áo khoác và áo gi-lê, mặc vào một áo ngủ màu thiên thanh, rồi đi xung quanh phòng, thu nhặt những chiếc gối và đệm từ ghế xô pha và ghế bành. Với những vật này, anh chồng chất chúng lại rồi ngồi lên, hai chân bắt chéo. Trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn, tôi thấy anh ngồi đó, mắt lơ đãng nhìn lên góc trần nhà. Anh ngồi yên lặng, không nhúc nhích, ánh sáng chiếu lên dáng người anh, nom như một con quạ già. Anh cứ ngồi như thế đến khi tôi ngủ thiếp đi, và anh vẫn còn ngồi như thế khi một tiếng kêu bất thần đánh thức tôi dậy, mặt trời đã chiếu vào trong căn phòng.

- Watson, anh thức rồi chứ?
- Vâng.
- Thích dạo buổi sáng chứ?
- Thích.
- Chưa ai dậy, nhưng tôi biết chỗ cậu bé giữ ngựa.

Khi mặc quần áo, tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Chỉ mới 4 giờ 25. Thảo nào chưa có ai dậy cả. Tôi chuẩn bị chưa xong thì Holmes đã trở lại, báo tin là cậu bé đang chuẩn bị ngựa.

- Tôi muốn kiểm tra lại cái lý thuyết nhỏ của tôi - Anh nói và đi giày ủng vào chân - Watson ạ, tôi là một trong những thằng ngốc nguếch nhất châu Âu. Nhưng bây giờ tôi đã có chìa khóa để mở vụ này.

- Nó ở đâu? - Tôi mỉm cười hỏi.

- Ở trong phòng tắm. Tôi vừa mới có mặt ở đấy, và đã lấy nó ra, đặt nó vào trong cái túi này, nhanh lên bạn ơi

Chúng tôi rón rén xuống cầu thang và đi ra ngoài. Trên đường có một xe độc mã với cậu bé giữ ngựa đang đợi. Cả hai chúng tôi phóng lên, và xe lao xuống đường London. Một vài xe bò vùng quê đang rục rịch, mang rau củ đến thành phố, nhưng những ngôi nhà hai bên đường vẫn im lặng và vô hồn.

- Xét về một số điểm thì đây là một vụ độc đáo - Holmes nói, thúc ngựa chạy nước kiệu - Thú thật với anh tôi đã mù như cú ngày, nhưng thà học sự khôn ngoan chậm một chút còn hơn là không bao giờ.

Sherlock Holmes quen thuộc với lực lượng cảnh sát, vì thế mà hai cảnh sát tại cửa nhà tù giờ tay chào anh. Một người giữ đầu con ngựa, trong khi người kia dẫn chúng tôi vào.

- Ai trực thế? - Holmes hỏi.

- Thừa ông, thanh tra Bradstreet.

- À, chào ông Bradstreet, ông mạnh khỏe chứ?

Một viên chức khổ người cao, to béo, đã đi xuống lối đi lát đá, đầu đội mũ lưỡi trai chóp nhọn và áo gi-lê có khuy khuyết rùa.

- Tôi muốn giúp việc ông - Holmes nói.

- Được thôi. Xin vào phòng tôi.

Đó là một phòng nhỏ kiểu văn phòng, với một quyển sổ cái to tướng ở trên bàn, và một điện thoại nhô ra từ bức tường. Viên thanh tra ngồi vào bàn giấy.

- Tôi có thể giúp gì cho ông, ông Holmes?

- Tôi đến là vì cái gã ăn mày tên Boone này.

- Vâng. Hắn đã bị trả về khám, đợi thẩm vấn tiếp.

- Tôi nghe nói như thế. Hắn có ở đây chứ.

- Trong nhà giam.

- Hắn có quậy không.

-Ồ, hắn chả gây phiền hà gì cả. Chỉ mỗi cái tội là quá dơ dáy.

- Dơ dáy?

- Vâng. Mặt mày hắn đen như lọ nồi. Vâng, khi nào vụ án của hắn được giải quyết xong, hắn sẽ phải tắm đều đặn trong tù. Nếu trông thấy hắn, chắc ông cũng sẽ nghĩ như tôi.

- Tôi muốn gặp hắn.

- Dễ thôi. Đi lối này. Ông có thể gửi lại cái túi xách.

- Không! Tôi xin mang nó theo.

- Được thôi.

Ông ta dẫn chúng tôi xuống một hành lang, mở một cánh cửa cài then, đi xuống một cầu thang quanh co, và đưa chúng tôi đến một hành lang quét vôi trắng với một hàng cửa lớn ở mỗi phía.

- Hắn ở phòng thứ ba, phía bên phải. Đây rồi - Vị thanh tra nói. Ông ta đẩy lùi tấm ván ở phần trên của cửa lớn và liếc nhìn vào. - Hắn đang ngủ.

Cả hai chúng tôi đặt mắt vào tấm lưới sắt. Người tù ngủ say, mặt quay về phía chúng tôi, thở chậm và nặng nề. Đó là một gã đàn ông tầm thước, ăn mặc xơ xác, bẩn thỉu, phù hợp với nghề của hắn, những lớp cáu ghét che phủ khuôn mặt cũng không thể che giấu được cái vẻ xấu xí khủng khiếp của hắn. Một vết rộp từ cái sẹo cũ băng qua mặt từ mắt tới cằm vết sẹo làm cho môi trên trề ra làm lộ rõ ba cái răng. Một mớ tóc đỏ quạch chảy xuống ngang qua mắt và trán.

- Hắn đẹp trai đấy chứ. - Vị thanh tra nhận xét.

- Đương nhiên là hắn cần tắm - Holmes nói - Tôi cũng nghĩ là hắn sẽ cần tắm nên đã mạo phép mang theo những thứ này.

- Hê, hê! Ông hóm hình quá đấy? - Vị thanh tra cười khúc khích.

- Lát nữa đây, chúng ta sẽ biến hắn thành một vật đáng nể trọng hơn.

- Vâng, ông cứ tự nhiên.

Ông ta dứt chìa khóa vào ổ khóa và tất cả chúng tôi nhẹ nhàng bước vào xà lim. Kẻ đang ngủ xoay nghiêng mình, rồi lại ngủ ngon lành. Holmes cúi xuống cái bình nước, thắm nước vào cái bọt biển, rồi chùi lại lần ngang qua và dọc xuống mặt người tù.

- Xin giới thiệu với ông - Anh nói to - Đây là ông Neville St. Clair.

Khuôn mặt của người đàn ông tróc ra dưới cái bọt biển. Cái màu nâu thô kệch đã bay đi. Bay đi cả cái sẹo khủng khiếp chạy ngang qua mặt, và cái môi trề. Một cái giạt mạnh nữa làm bay đi mớ tóc đỏ và ngồi dậy trên giường là một người đàn ông tóc đen và da mịn, đang dụi mắt và ngơ ngàng nhìn xung quanh. Rồi bỗng nhiên, hắn kêu thét lên một tiếng và buông mình xuống, úp mặt vào gối.

- Đúng là người đàn ông bị mất tích. Tôi đã biết mặt ông ta qua tấm ảnh - Viên thanh tra nói.

Người tù quay đầu với cái vẻ bất cần của một kẻ đã liều mình cho số mệnh :

- Cứ cho là thế. Và hãy cho biết, tôi đã phạm tội gì?

- Cái tội đã thủ tiêu ông St. Clair.Ồ, không thể buộc cho anh cái tội đó, chỉ có thể buộc về cái tội “tự ám sát” cái tên cúng cơm của mình thôi - Vị thanh tra nhe răng cười - Vâng. Tôi đã công tác trong ngành cảnh sát 27 năm, nhưng vụ này đúng là số một.

- Nếu tôi tên là St. Clair, thì rõ ràng tôi không phạm một tội ác nào cả. Và như thế, tôi đã bị bắt giữ trái phép.

- Không phải tội ác, nhưng anh đã phạm phải một lầm lẫn - Holmes nói - Lẽ ra anh nên tin tưởng vợ anh hơn.

- Vấn đề không phải là vợ tôi, mà chính là các con tôi - Người tù rên rỉ - Xin Chúa cứu giúp tôi. Tôi không thể để cho không xấu hổ về cha chúng. Lạy Chúa! Thật xấu hổ quá sức. Tôi có thể làm gì bây giờ?

Sherlock Holmes ngồi xuống bên cạnh và dịu dàng vỗ nhẹ lên vai ông ta.

- Nếu ông thuyết phục được cơ quan cảnh sát tin rằng không có ai kiện tụng gì ông, thì không có lý do gì những chi tiết này sẽ được đăng trên báo. Vụ này sẽ không được đem ra xử nữa.

- Xin Chúa ban phúc lành cho ông. Tôi thà là chịu tù tội, thậm chí bị xử tử, còn hơn là để cái bí mật này phơi ra, làm nhơ nhuốc các con tôi. Các ông là những người đầu tiên nghe câu chuyện này của tôi.

“Cha tôi là một thầy giáo tại Chesterfield. Thời trẻ tuổi, tôi hay đi đây đi đó, làm diễn viên và sau cùng trở thành phóng viên của một tờ báo tại London. Một hôm, ông chủ bút muốn có một loạt bài viết về chuyện ăn xin tại thành phố và tôi tình nguyện cung cấp những bài ấy.

Chính là nhờ đóng vai một gã ăn xin, tôi đã viết được các bài báo theo yêu cầu của ông chủ bút. Khi còn là một diễn viên, tôi đã học các bí quyết hóa trang. Thế là tôi vẽ mặt, và để cho gương mặt trông càng tội nghiệp càng tốt, tôi tạo ra một cái sẹo và một cái môi trề bằng một miếng băng dán có màu da thịt. Rồi với một cái đầu tóc đỏ và một bộ quần áo phù hợp, tôi đến nhà ga tại khu vực đông đúc nhất của thành phố, bên ngoài là một người bán diêm, nhưng thực nhất là một kẻ ăn xin. Tôi thử hành nghề trong 7 tiếng đồng hồ, và khi tôi trở về nhà vào buổi chiều, tôi thấy mình đã kiếm được 4 bảng 26 shilling.

Tôi tiếp tục viết báo và không quan tâm gì tới chuyện đó nữa, cho tới một thời gian sau, tôi đã vay 25 bảng và tới ngày phải trả nợ. Tôi không biết xoay đâu ra tiền. Thế rồi một ý tưởng chợt đến với tôi. Tôi xin chủ nợ hoãn lại cho nửa tháng, xin ông chủ tờ báo cho tôi nghỉ mười ngày và cải trang lên thành phố ăn xin. Trong mười ngày, tôi đã trả xong món nợ.

Vâng, các ông thấy đó, thật là khó mà trở lại làm một công việc nặng nhọc để có lương 2 bảng một tuần. Đó là một cuộc chiến đấu trường kỳ giữa danh dự và tiền bạc, nhưng sau cùng, tiền đã thắng. Tôi đã bỏ nghề phóng viên, ngày này sang ngày khác, tôi ngồi lại một góc phố để cho cái thân thể tàn tạ giả tạo này làm mũi lòng người và nhét đầy xu. Chỉ có một người biết bí mật của tôi. Hắn là chủ động phù dung, nơi mà tôi thường cư trú. Gã này được tôi trả tiền phòng rất hậu, thế bí mật của tôi được hắn giữ kín.

Rất nhanh chóng, tôi kiếm được nhiều tiền. Tôi không nghĩ rằng bất cứ người ăn xin nào cũng kiếm được 700 bảng một năm như tôi, mà thường là ít hơn bởi tôi có được những ưu thế đặc biệt. Mỗi ngày, những đồng xu càng rơi vào tôi nhiều hơn, nhanh chóng xóa nhòa ký ức về cái ngày tôi tệ, khi mà tôi quyết định bỏ công việc 2 bảng một tuần.

Càng nhiều tiền, tôi càng có nhiều tham vọng. Tôi mua một cái nhà tại vùng quê và cưới vợ. Không ai nghi ngờ về cái nghề thực của tôi. Vợ tôi chỉ biết rằng tôi có công ăn việc làm tại thành phố, nhưng không rõ là nghề gì. Thứ hai tuần trước, sau khi hành nghề xong và đang thay đổi y phục, tôi nhìn ra cửa sổ, thấy vợ tôi đang đứng ngoài đường phố, mắt dán chặt lên người tôi. Tôi kêu lên một tiếng kinh ngạc, đưa tay lên che mặt rồi chạy đến tên chủ động, nài nỉ hắn đừng cho ai đi lên phòng tôi. Tôi nghe giọng nói của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi nhanh chóng cởi bỏ quần áo, mặc vội bộ đồ ăn xin, và hóa trang như cũ. Vợ tôi không nhận ra tôi. Nhưng rồi, tôi bỗng thấy rằng người ta có thể lục soát phòng tôi và những áo quần để lại sẽ làm lộ diện tôi. Tôi mở tung cửa sổ, vì quá sức, tôi đã làm chảy máu vết đứt mà tôi mới bị lúc sáng trong phòng ngủ. Tôi

chộp lấy cái áo khoác, để những đồng xu ăn xin vào đó. Tôi ném nó qua cửa sổ. Chưa kịp ném nốt những

áo quần khác thì tôi nghe có tiếng cửa cảnh sát dưới gác, trong một vài phút sau đó, tôi thấy mình bị bắt giữ tội ám sát ông St. Clair thay vì bị nhận diện.

Biết rằng nhà tôi sẽ vô cùng lo lắng, tôi cởi cái nhẫn và lén trao nó cho tên chủ nhà vào lúc không có ai canh chừng cùng với vài dòng nguệch ngoạc, báo cho nhà tôi biết là không có gì phải lo sợ cả.

- Lá thư mới đến tay bà ấy hôm qua - Holmes nói.

- Trời ơi! Suốt cả tuần nay, nhà tôi đã lo lắng biết bao.

- Cảnh sát đã theo dõi gã chủ động này. Và tôi hoàn toàn hiểu rằng hẳn ta khó lòng gửi thư mà không bị phát giác. Có lẽ hẳn giao nó cho một khách hàng nào đó và anh chàng này quên khuấy đi, để chậm một vài hôm - Viên Thanh tra Bradstreet nói.

- Đúng thế. Nhưng có bao giờ, ông bị phạt về tội ăn xin chưa? - Holmes hỏi.

- Nhiều lần. Nhưng bị phạt thì có nghĩa lý gì đối với tôi!

- Nhưng bây giờ thì phải chấm dứt đi thôi. Nếu muốn cảnh sát ém nhẹm vụ này, thì phải thủ tiêu cái gã Hugh Boone đó nhé. - Bradstreet nói.

- Tôi xin thề bằng những lời thề trang trọng nhất.

- Trong trường hợp đó, tôi nghĩ có lẽ không cần phải đi thêm một bước nào nữa trong việc điều tra. Nhưng nếu người ta lại phát hiện ra ông hành nghề một lần nữa, thì lúc ấy mọi sự sẽ bị phanh phui - Holmes nói.

Hết

B.7 - The Adventure of the Blue Carbuncle 1892 (viên ngọc bích màu xanh da trời)

Vào ngày thứ ba của lễ phục sinh, tôi ghé tới Sherlock Holmes để chúc mừng anh nhân ngày lễ. Anh đang nằm dài trên đĩ vắng, người khoác chiếc áo màu đỏ, bên phải anh là vài ba chiếc tàu đã nhận đầy thuốc lá; còn bên trái là một chồng báo buổi sáng nhàu nát, hình như anh mới đọc lướt qua. Cạnh đĩ vắng là một cái ghế, trên chỗ dựa lưng có treo một chiếc mũ nỉ đã sờn rách, thủng vài nơi trông thật thảm hại. Holmes có lẽ đã nghiên cứu rất tường tận chiếc mũ, bởi trên mặt ghế có một cái nhíp và một chiếc kính lúp.

- Cậu bạn. - Tôi nói. - Tớ có quấy rầy cậu không?

- Không hề gì. - Anh trả lời. - Tớ rất sung sướng khi bên tớ có một người bạn mà tớ có thể tâm sự bàn bạc những kết quả nghiên cứu của mình. Vật mà cậu nhìn thấy rất tầm thường, có vẻ như không đáng kể...

Anh chỉ tay về phía chiếc mũ cũ kỹ và tiếp :

- Nhưng có những sự kiện gây sự tò mò thích thú liên quan tới vật này, nó rất cần lời chỉ bảo cần thiết.

Tôi ngồi ngả xuống chiếc ghế bành và sưởi ấm đôi tay bên lò sưởi, ngọn lửa reo tí tách. Trời lạnh kinh khủng, các tấm kính cửa đều đóng một lớp băng dày trông như những nét hoa văn.

- Mặc dù chiếc mũ không đẹp, nhưng nó có thể liên quan đến câu chuyện máu lửa nào chẳng?! - Tôi nhận xét. - Rõ ràng nó đóng vai trò chiếc chìa khóa để mở ra những điều bí ẩn khủng khiếp nhất, và nhờ nó cậu sẽ vạch ra tên tội phạm để kết tội, trừng phạt.

Sherlock chỉ cười.

- Không, không phải đâu. - Anh nói - Không có chuyện phạm pháp nào hết, mà chỉ là một chuyện buồn cười nhỏ nhoi. Nơi mà bốn triệu con người đang chen lấn chui rúc trong không gian chật hẹp vài dặm vuông thì chuyện này có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trong bể đời đồ sộ khổng lồ này bao giờ cũng có những yếu tố mơ hồ, không thể hòa cùng âm vào những vụ án. Chúng ta cần đề cập tới những trường hợp tương tự.

- Lại có chuyện rồi! - Tôi thốt lên. - Trong những mẩu chuyện do tớ chép lại, thì có ba chân không dính tới vấn đề phạm pháp.

- Hoàn toàn đúng. Tớ cũng không nghi ngờ việc nhỏ mọn này sẽ không có gì là tội lỗi. Cậu có biết ngài Peterson, người tùy phái viên không?

- Có biết.

- Chiến lợi phẩm này là của ông ta.

- Chiếc mũ này của ông ta?

- Không, ông ấy tìm thấy nó. Chủ nhân chiếc mũ không biết là ai. Cậu thử nhìn xem nó không phải thuần túy là một đồ vật cũ kỹ, mà như phái viên của nhiệm vụ quan trọng... Trước hết tớ kể cho cậu nghe chiếc mũ này lọt vào đây như thế nào?!

Nó xuất hiện ngay ngày đầu lễ phục sinh cùng với một con ngỗng béo quay. Con ngỗng chắc là đã được nấu trong bếp của ngài Peterson. Câu chuyện xảy ra như sau: Vào ngày lễ phục sinh, khoảng 4 giờ sáng. Peterson - một con người cao thượng và trong sạch - từ Kôtrôd về nhà theo phố Tottenham. Dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu, ông ta nhìn thấy trước mặt một bóng người cao to đi loạng choạng mang trên mình một chú ngỗng lông trắng như tuyết. Đến góc phố Goodge thì có mấy gã bợm trộm nhảy vào người kia. Một thằng hất rơi chiếc mũ của anh ta; người lạ trong lúc chống trả vung tay lên và vô tình làm vỡ chiếc tủ kính bày hàng ở phía sau lưng anh ta. Tấm kính vỡ tan thành nhiều mảnh vụn. Peterson vội vàng lao tới hòng bảo vệ người lạ mặt. Nhưng kẻ bất hạnh trong lúc hoảng sợ vì làm vỡ tấm gương, vừa nhìn thấy có người chạy tới đã vội vàng hốt hoảng vút luôn chú ngỗng và ba chân bốn cẳng chuồn thẳng vào con đường ngoằn ngoèo trong góc hẻm nằm sau phố Tottenham Court Road. Peterson đang mặc đồ cảnh sát, điều đó làm kẻ bỏ chạy càng hoảng sợ. Khi Peterson xuất hiện, tội lưu manh cũng toán loạn tẩu tán. Cuối cùng chỉ còn lại ngài đặc phái viên ở giữa bãi chiến trường và nghiêm nhiên trở thành người chủ của chiếc mũ nhàu nát này với chú ngỗng mừng ngày lễ phục sinh tuyệt vời.

- Tất nhiên con ngỗng, ngài Peterson đã kịp trả lại cho người lạ mặt kia chứ?

- Chính nó mới làm cho chúng ta khổ sở. Người lạ mặt là ai? Anh ta sống ở đâu? Ở chân trái con ngỗng có đeo chiếc thẻ mang tên "Ngài Henry Baker". Tớ cũng đã tìm thấy trong tấm vải lót của chiếc mũ có hai chữ cái "H.B". Nhưng trong thành phố thì có vài nghìn người có họ Baker; trong đó cũng có độ vài trăm người là Henn Baker. Không dễ dàng trả lại con ngỗng và chiếc mũ bị đánh mất cho một ai trong số những người ấy.

- Ngài Peterson đã làm gì?

- Ông ta chỉ mang chiếc mũ cùng con ngỗng tới chỗ tớ, vì ông cho rằng tớ có khả năng giải đáp mọi câu hỏi hóc búa nhất.

Con ngỗng chúng tớ vẫn giữ đến tận ngày hôm nay. Khi mọi việc đã rõ ràng, mặc dù bằng giá như thế này, chú ta vẫn còn dùng tốt chán, không nên trì hoãn. Peterson đã xách con ngỗng đi đãi bạn rồi, tớ chỉ còn lại đọc chiếc mũ này thôi.

- Người ấy không thông báo lên báo chí à?

- Không.

- Làm sao biết được anh ta là ai?

- Bằng con đường suy luận.

- Suy luận chỉ một chiếc mũ thôi ư?

- Tất nhiên.

- Cậu có đùa không đấy?! Cậu rút ra được gì từ cái của nợ với lớp nỉ sần rách này?

- Kính lúp của tớ đây, cậu cầm lấy và tự áp dụng phương pháp của tớ xem. Cậu biết phương pháp rồi, cậu hãy nói những gì về chủ nhân chiếc mũ.

Tôi cầm chiếc mũ sần rách lên, buồn bã xoay xoay nó trên tay. Đó là chiếc mũ hình tròn, màu đen giản dị, đã sần quá nhiều, lớp lót bên trong bằng dạ sơn màu đỏ, nhưng bây giờ đã bạc màu hết. Nhãn hiệu của nơi sản xuất không thể nào phát hiện được. Nhờ Holmes nói nên tôi cũng tìm thấy phần bên có mấy chữ cái "H.B". Tôi còn nhìn thấy mấy lỗ nhỏ dùng để buộc dây, nhưng sợi dây đã mất. Nhìn chung, chiếc mũ không có gì đặc biệt ngoài những vết sần rách, bản thủ được phủ lên bởi lớp mực.

- Không có gì để nói cả. - Tôi nói và chưa trả Sherlock chiếc mũ?

- Không phải, cậu nhìn thấy tất cả, nhưng cậu không chịu đầu tư suy nghĩ trước những cái cậu nhìn thấy. Cậu quá rút rè trong kết luận logic của mình.

- Cậu hãy nói cho tớ nghe, cậu đã rút ra được kết luận gì từ việc xem xét chiếc mũ? Holmes cầm chiếc mũ trong tay và, chăm chú ngắm nghía bằng ánh nhìn thông suốt mà chỉ anh có.

- Tất nhiên, không phải mọi sự đều rõ ràng cả đâu, - Anh nhận xét. - Có một vài chi tiết cho phép ta đặt giả thiết gần đúng, cũng có những cái mà ta hoàn toàn khẳng định một cách chắc chắn. Chủ nhân chiếc mũ này là người thông minh; khoảng ba năm về trước anh ta làm ăn khá giả; nhưng hiện nay lại sa sút. Trước kia anh ta là người thận trọng, luôn hôn quan tâm chăm chút đến hình thức bên ngoài và biết lo lắng cho ngày mai; còn giờ đây có phần cầu thả lười biếng; tài sản anh ta đã hao tổn khá nhiều. Chúng ta có cơ sở để nói rằng anh ta đã chạy theo một thói xấu nguy hại, chẳng hạn như rượu chè be bét.

Chính vì thế vợ anh đã bỏ anh ta...

- Holmes yêu quý của tôi!

- Nhưng dấu sao trong một chừng mực nào đó, anh ta vẫn giữ được mặt mạnh của mình.

Holmes vẫn tiếp tục nói và không chú ý tới lời cảm thán của tôi :

- Anh ta sống lì ở, nhà ít ra ngoài và hoàn toàn không luyện tập thể thao. Người này độ tuổi khoảng trung niên, tóc đã điểm bạc, anh ta chải tóc bằng một loại dầu thơm, anh ta mới cắt tóc cách đây không lâu. Tớ khẳng định chắc chắn ở nhà anh ta không thấp sáng bằng khí đốt.

- Cậu chỉ nói đùa thôi.

- Tuyệt nhiên không đùa chút nào. Chẳng lẽ đến bây giờ, khi tớ đã kể hết cho cậu mà cậu vẫn không hiểu là tại sao tớ đoán được như thế?!

- Cậu cứ cho tớ là kẻ ngu dốt đi, nhưng phải thừa nhận là tớ không thể nào hiểu được cách lập luận của cậu. Chẳng hạn như dựa trên cơ sở nào cậu cho là anh ta thông minh?

Thay cho câu trả lời, Holmes kéo xụp chiếc mũ xuống tận trán, chiếc mũ che hết phần trán và sệ đến sống mũi.

- Cậu thấy chưa, nó rộng gớm! - Anh nói, - Bộ não to như thế này không thể là bã đậu được.

- Thế từ đâu cậu cho anh ta là nghèo khó?

- Chiếc mũ này chủ nhân dùng độ khoảng đã ba năm. Vành rộng có viền bọc xung quanh - thời ấy rất mốt. Mũ thuộc loại hảo hạng, cậu thử nhìn kỹ mấy miếng dạ lót trong này xem.

Nếu ba năm trước đây người này ám bỏ tiền ra mua một chiếc mũ quý giá như thế này và cho đến tận bây giờ chưa hề mua lại chiếc khác, rõ ràng công việc làm ăn của anh ta trở nên tồi tệ hơn.

- Thôi tạm chấp nhận. Trong chuyện này cậu đúng. Nhưng vì sao cậu biết trước đây anh ta là người cẩn thận, và trong thời gian gần đây anh ta sống buông thả?

- Tính cẩn thận - Nó đấy. - Anh nói và chỉ lên mấy cái lỗ để xỏ dây vào mũ. - Người ta bán mũ không bao giờ bán cả dây; muốn mua dây phải mua riêng. Khi chủ nhân đã mua dây buộc vào mũ, anh ta đã có ý thức giữ chiếc mũ cho gió khỏi bay. Sợi dây đứt, anh ta không mua cái mới buộc vào, có nghĩa là trước kia anh ta luôn luôn chú ý đến

hình thức bên ngoài, còn giờ thì thầy kệ, phớt lờ tất. Tuy nhiên về khía cạnh khác, anh ta vẫn muốn che đậy những vết bẩn thỉu bằng cách lấy mực phết vào; có nghĩa anh ta chưa phơi hoàn toàn mất hết lòng từ trọng bản thân.

- Tất cả cứ giống như là thật?

- Anh ta trạc tuổi trung niên. Tóc đã điểm bạc và anh ta mới cắt tóc, bôi tóc bằng dầu thơm. Dưới kính lúp, tớ nhìn thấy những sợi tóc còn dính vào lớp đệm, do người thợ cắt bằng kéo. Tất cả những vụn tóc ấy đều bốc mùi dầu thơm. Cậu có thấy không, vết bẩn trên mũ không phải là bụi ngoài đường phố, bởi vì bụi ngoài đường phố có màu xám tro, mà là bụi trong nhà - có màu nâu lông tơ, tức là chiếc mũ phần nhiều được treo ở nhà. Phía bên trong mũ bị ẩm ướt là do chủ nhân vừa mới chạy một mạch toát mồ hôi.

- Làm sao, cậu biết anh ta bị vợ ruồng bỏ?

- Chiếc mũ đã vài tuần nay chưa được lau chùi giặt giũ. Tớ biết nếu chiếc mũ của cậu dù chỉ một tuần chưa được lau chùi thì vợ cậu không bao giờ cho phép cậu đi ra đường với chiếc mũ như thế. Nếu đi hình hài như vậy thì cậu gặp phải điều bất hạnh là đã mất đi sự quan tâm săn sóc của vợ.

- Nhưng lỡ anh ta là kẻ độc thân thì sao?

- Không đâu, anh ta mang ngỗng về chỉ nhằm một mục đích duy nhất là làm vui lòng người vợ. Cậu hãy nhớ tám giây buộc ở cẳng con ngỗng.

- Cậu đã có đáp án cho tất cả câu hỏi. Nhưng tại sao nhà anh ta không thấp khí đốt?

- Nếu trên mũ của anh ta chỉ có một hoặc hai vết sáp thì tớ sẵn sàng bỏ qua và cho đó là sự tình cờ. Nhưng ở đây tớ nhìn thấy không ít hơn năm vết, chẳng nghi ngờ gì nữa là anh chàng thường xuyên phải dùng nến. Chẳng là ban đêm khi leo lên cầu thang, anh ta một tay cầm chiếc mũ, một tay cầm cây nến đang cháy vì chắc chắn dòng khí đốt sẽ không bao giờ có những vết sáp nến. Thế nào, cậu đồng ý với tớ không?

- Đúng, tất cả thật đơn giản và tuyệt vời. - Tôi vừa cười, vừa nói. - Nhưng trong câu chuyện này, tớ chưa phát hiện được điểm nào là phạm pháp. Không ai bị tổn thất, thiệt hại, không có ai ngoài anh chàng bị mất ngỗng. Cậu đã tự làm điên đầu một cách vô tích sự.

Sherlock mở miệng định trả lời, nhưng trong lúc ấy cánh cửa bật ra và ngài tùy viên Peterson học tốc lao vào phòng, người vẫn còn thể hiện những nét xúc động dữ dội. Đôi gò má anh ta đỏ bừng.

- Con ngỗng, cái con ngỗng. Thưa ngài Holmes! - Anh ta cố bình tĩnh và hét lên.

- Hãy bình tĩnh? Điều gì đã xảy ra? Con ngỗng đã ăn uống no nê và đã bay qua cánh cửa sổ bếp phải không?

Holmes quay lại đi vắng để ngắm nhìn khuôn mặt đang kích động của Peterson rõ hơn.

- Các vị hãy nhìn xem cái gì đây. Cái gì nằm trong điều con ngỗng đây?

Anh ta chìa tay ra. Chúng tôi nhìn thấy một viên đá màu xanh da trời lấp lánh, rực rỡ trong lòng bàn tay. Viên đá nhỏ hơn hạt đậu một chút, trong như pha lê, rực chiếu như tia hồ quang của ánh lửa điện.

Holmes huýt sáo và tụt khỏi ghế đi vắng.

- Thật tình mà nói thưa ngài Pteterxôn, - Anh nói. - Ngài đã tìm được một báu vật quý giá vô cùng! Tôi nghĩ chắc ngài biết đó là vật gì rồi chứ?!

- Viên kim cương thừa ngài! Viên đá quý! Nó tiện đứt một tấm thủy tinh như cắt một miếng bơ.

- Không chỉ đơn thuần là viên đá quý, mà chính là viên đá quý nhất.

- Chẳng lẽ đây là viên ngọc bích màu xanh của bá tước phu nhân Morcar? - Tôi thốt lên.

- Đúng như vậy. Tôi được biết nó thuộc loại nào, bởi trong thời gian gần đây tôi có đọc vài dòng trong tờ “thời báo”. Viên đá này là độc nhất trong loại của nó, mà chúng ta chỉ có thể đoán mò giá trị thực tại. Phần thưởng 1000 bảng Anh cho ai tìm ra nó. Hình như số tiền này bằng một phần trăm giá trị viên đá.

- Một nghìn bảng, lạy chúa!

Ngài tùy viên ngồi phịch xuống ghế trở mắt kinh ngạc, hết nhìn tôi lại nhìn Sherlock Holmes.

- Phần thưởng chỉ thuần túy phần thưởng, tôi có cơ sở để cho rằng, - Holmes nói - Theo lời đồn đại, bá tước phu nhân sẵn sàng đổi một nửa gia tài của mình để lấy lại viên đá ấy.

- Nếu tớ không nhầm, hình như nó bị mất ở khách sạn “Cosmopolitan”, - Tôi góp thêm.

- Đúng vào ngày 22 tháng 12, cách đây vừa đúng năm ngày. Anh chàng thợ hàn thiếc tên là John Horner đã bị buộc tội trong vụ ăn cắp viên đá này. Những bằng chứng chống đối anh ta nghiêm trọng đến nỗi sự việc sẽ phải đưa ra tòa. Về chuyện này hình như tớ có giữ bản tin đăng trên báo.

Sherlock Holmes đào bới lục tìm ở đồng báo một lúc lâu cuối cùng anh rút ra một tờ giấy, gấp lại làm đôi và đọc :

- Vụ ăn trộm đồ, trang sức quý ở khách sạn “Cosmopolitan” John Horner, 26 tuổi, thợ hàn thiếc bị kết tội ăn cắp của bá tước phu nhân Morcar viên đá quý để trong một chiếc hộp vào ngày 22 tháng 12. Viên đá ấy nổi tiếng với tên “Karbuhkul màu xanh da trời”. Ngài James Ryder, nhân viên lâu năm của khách sạn nói, anh ta đã nhìn thấy Horner ở trong buồng vệ sinh của bá tước phu nhân để hàn lại thanh sắt bị long ra ở tấm lưới của lò sưởi, trong ngày viên đá bị mất. Ryder ở trong phòng cùng với Horner được một lát, sau đó đi ra vì có người gọi. Khi quay lại anh ta không thấy Horner đâu, còn chiếc bàn giấy bị cạy bung ra, chiếc ví bằng da dê của bá tước phu nhân đựng viên đá quý thì mở trống rỗng trên bàn vệ sinh. Ryder liền báo động, ngay tối hôm đó Horner bị bắt, nhưng người ta vẫn không tìm thấy viên đá, trong người anh ta cũng không có và trong nhà cũng chẳng thấy. Cô Catherine Cusack, hầu gái của bá tước phu nhân cũng khẳng định: khi nghe tiếng kêu thất thanh của Ryder, cô vội lao vào phòng và phát hiện hòn đá quý đã không cánh mà bay. Viên thanh tra sở cảnh sát Bradstreet từ bộ phận “B” đọc lệnh bắt Horner. Người bị bắt cự quyết liệt và cố chứng minh thật hùng hồn cho sự vô tội của mình. Nhưng vì trước kia Horner đã có tiền án về tội ăn trộm, cho nên tòa án không xét xử và chuyển anh ta cho chung thẩm. Horner rất lo sợ và đã ngất xỉu khi nghe tuyên bố như vậy.

- Đây là tất cả tư liệu của bên cảnh sát. - Holmes dăm chiêu nói và đặt tờ báo xuống. - Nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm cho được câu trả lời vì sao viên đá quý lại từ chiếc ví da chui vào miệng một con ngỗng?! Watson cậu thấy chưa, những phán đoán khiêm tốn của chúng ta bỗng nhiên có chuyện để nói, nó có ích hơn là ta tưởng. Viên đá quý nằm trong con ngỗng, còn con ngỗng lại là của ngài Henry Baker, chủ nhân của

chiếc mũ tồi tàn này. Người có ngoại hình mà tớ mới phác họa cho cậu thì cậu lại cho là vô tích sự đấy. Bây giờ chúng ta phải nghiên cứu cách tìm kiếm con người bí ẩn này thật nghiêm chỉnh mới được, và xác định cho rõ ông ta đóng vai gì trong câu chuyện mờ ám này. Để tìm ông ta, chúng mình thử dùng một phương pháp đơn giản nhất: Đăng thông báo lên các báo buổi chiều. Nếu không hữu hiệu, tớ sẽ dùng phương pháp đặc biệt hơn.

- Chúng ta viết gì trong thông báo?

- Cậu lấy cho mình cây bút và tờ giấy. Tớ sẽ ghi như thế này “Chúng tôi vô tình nhặt được một con ngỗng và một chiếc mũ dạ màu đen ở góc phố Goodge - Ngài Henry Baker đến nhận những thứ đã đánh rơi trong ngày hôm nay tại hẻm Baker - 221 - B, vào lúc 18 giờ 30 phút”.

- Rất hoàn hảo, nhưng liệu ông ta có phát hiện được lời thông báo này không?

- Tất nhiên là phát hiện được. Hiện nay ông ta đang đọc tất cả các báo, vì ông ta là người nghèo khó và con ngỗng mừng ngày lễ phục sinh đối với ông ta là một tài sản đáng giá. Ông ấy hoảng sợ đến nỗi khi nghe tiếng thủy tinh bị vỡ và nhìn thấy ngài Peterson chạy đến, đã cầm đầu cầm cổ chạy thẳng, không nghĩ ngợi gì. Nhưng khi đã ở nhà, ông ta sẽ hối tiếc vì sự sai lầm do quá hoảng sợ mà mất chú ngỗng. Trong thông báo chúng ta có nói tên ông ta, và bất cứ ai quen biết cũng nói cho ông ta cái tin đó... Peterson ngài hãy cấp tốc đến văn phòng thông báo và xin đăng các dòng này trên tất cả các báo buổi chiều.

- Đăng ở những báo nào thưa ngài?

- Báo nào cũng được, ví dụ như báo “Globe”, “Star”, “Pall Mall”, “St. James’s”, “Evening News Standard”, “Echo” và ở các báo khác nữa, những báo nào mà ngài nghĩ ra.

- Đồng ý, thưa ngài! Còn viên đá thì làm sao bây giờ?

- Ngài cứ để đó cho tôi! Tôi sẽ giữ ở đây. Trên đường quay về, ngài nhớ mua một con ngỗng khác thế vào con mà ngài đã đánh chén ngon lành.

Viên tùy phái đi khỏi, còn Holmes cầm viên đá quý ngắm nghía trước, ánh sáng.

- Viên ngọc vinh quang? - Anh nói, - Cậu hãy nhìn xem, nó lấp lánh và rực rỡ làm sao. Cũng như tất cả những viên đá quý khác, nó kéo những tên tội phạm về phía mình như nam châm hút sắt. Nó chính là cái bẫy của quỷ sa tăng. Trong những viên đá quý lâu đời, thì mỗi một cara của nó đều mang theo một cuộc tàn sát đầm máu. Viên đá này có chưa đầy 20 năm, nó được tìm thấy trên bờ sông Amoy ở miền nam Trung Quốc. Nó đặc biệt quý ở chỗ có tính chất của hồng ngọc, duy chỉ khác ở một điểm là nó không phải màu hồng đỏ mà là màu xanh da trời. Mặc dù sinh sau đẻ muộn, nhưng nó cũng đã từng kéo theo những tấm thảm kịch rùng rợn. Vì viên đá trong suốt 40 cara này mà đã có nhiều vụ tranh cướp ác chiến xảy ra, hai vụ giết người, một vụ tự vẫn và một người bị tưới axit sunfuarich. Ai dám nói đồ trang sức lộng lẫy này lại dẫn lối cho con người đi vào nhà đá và đi đến giá treo cổ kia chứ? Tớ sẽ cho của nợ này vào chiếc tủ chống cháy và tớ sẽ viết thư cho bá tước phu nhân biết hòn ngọc của bà ta đang nằm ở đây.

- Cậu có cho Horner vô tội không?

- Tớ chưa khẳng định được điều gì cả.

- Còn Henry Baker thì sao?

- Chắc Henry Baker không dính dáng gì. Tôi nghĩ ông ta không biết con ngỗng lại trị giá đến thế (?). Cậu sẽ được trả lời chắc nhất nếu như ngài Henry Baker phớt lờ những dòng thông báo của chúng ta.

- Đến tận bây giờ mà cậu vẫn khoanh tay ư?

- Chưa giải quyết được gì đâu.

- Vậy thì, tôi sẽ đi thăm bệnh nhân và đúng giờ hẹn tôi sẽ đến. Tôi muốn biết câu chuyện giết gân này dẫn đến đâu!

- Rất hân hạnh được gặp lại cậu. Tôi ăn bữa tối vào 19 giờ. Sẽ có một con gà gô đợi cậu đấy. Sau những sự kiện vừa rồi không biết có ai nói với phu nhân Hudson kiểm tra kỹ lưỡng điều con ngỗng hay chưa?

Tôi hơi trễ hẹn một chút, quá 18 giờ 30 phút mới tới hẻm Baker.

Khi bước gần tới cửa, tôi thấy một người đàn ông cao to đầu đội chiếc mũ Scotland và khoác lễ phục cài khuy kín đến tận cằm. Vừa lúc ấy cửa xích mở, hai chúng tôi cùng vào phòng Sherlock.

- Nếu tôi không nhầm, thì ngài đây là Henry Baker? - Holmes đứng lên nói và niềm nở đón người khách - Xin mời ngài ngồi gần lò sưởi hơn. Trời quá giá lạnh tôi cảm thấy chiếc mũ này hợp với mùa hè hơn mùa đông... Watson! Cậu thật đúng lúc... Chiếc mũ này là của ngài có phải không?

- Thưa ngài, đúng... không nghi ngờ gì nữa nó chính là của tôi.

Baker là người hơi gù lưng, có cái đầu to quá cỡ, khuôn mặt thông minh sáng sủa, chòm râu màu hạt dẻ để như chớp nhọn. Trên mũi và má có những vết đỏ đỏ bàn tay run nhè nhẹ chứng tỏ lời phán đoán của Holmes về khuynh hướng chạy theo rượu chè be bét của người khách là đúng. Chiếc áo khoác đã bạc màu, nhưng hàng khuy được gài rất cẩn thận. Thò ra ngoài tay áo là hai bàn tay khẳng khiu, không hề thấy một dấu hiệu nào của sự sung túc. Ông ta nói giọng khô khan, ngắt quãng và cố gắng lựa lời, tất cả toát lên ấn tượng mạnh mẽ của con người trí thức đã bị cuộc sống làm hư hỏng hoàn toàn.

- Chúng tôi đã ngẫu nhiên phải lưu giữ chiếc mũ và con ngỗng của ngài trong vài ngày, - Holmes nói, - Chúng tôi hy vọng tìm được địa chỉ của ngài trên báo. Nhưng không hiểu sao ngài lại thờ ơ.

Người khách hơi cúi đầu về ngán ngẫm.

- Tôi hiện nay không có nhiều tiền như trước kia, - Ông ta nói. - Tôi nghĩ là có lẽ bọn lưu manh đã chén mất rồi và không muốn mất thêm tiền vì chuyện phiêu lưu nữa.

- Hoàn toàn tự nhiên, nhưng chúng tôi bắt buộc phải xoi con ngỗng của ngài.

- Các ngài đã chén nó rồi sao?

Người khách hồi hộp xúc động mạnh và ngồi không yên trên ghế.

- Vâng, nếu không kịp thịt thì đến hỏng mất thôi, - Holmes trả lời. - con ngỗng trong lồng khác còn tươi rói và nặng không kém con ngỗng của ngài chúng tôi định thay cho ngài?!

- Ô! Quá tốt, tất nhiên được thưa ngài. - Baker trả lời và thở phào nhẹ nhõm.

- Con ngỗng của ngài hiện nay chúng tôi chỉ còn bộ lông, điều, nếu ngài muốn...

Baker cười sung sướng:

- Chẳng lẽ để kỷ niệm cuộc phiêu lưu. - Ông ta nói, - Tôi không biết bộ hài cốt của “người bạn quá cố sẽ giúp ích được gì nữa? Hàm chăng? Không thưa ngài, nếu ngài cho phép thì tôi chỉ chú ý đến chú ngỗng tuyệt vời đang nằm trong lồng mà thôi.

Sherlock lướt nhìn nhanh sang tôi và nhún vai.

- Chiếc mũ và con ngỗng đây, ngài cứ tự nhiên, - Anh nói, - À quên, ngài có thể cho tôi biết ngài mua con ngỗng chỗ nào vậy? Tôi rất muốn biết điều đó vì con ngỗng của ngài thật là béo và xơi thì rất tuyệt.

- Sẵn lòng, thưa ngài! - Baker nói và đứng lên xách con ngỗng mới kẹp vào nách. - Cái Hội không lớn của chúng tôi chuyên uống rượu ở quán “Alpha” bên cạnh viện bảo tàng ấy.

Trong năm nay ông Windigate, chủ quán rượu, một người quả là chu đáo và lo xa đã đứng ra thành lập “Câu lạc bộ ngỗng” - hàng tuần chúng tôi đóng góp người vài ba xu, đến lễ phục sinh mỗi người được nhận một con ngỗng. Tôi vô cùng cảm ơn ngài, vì thật bất tiện cho người lịch thiệp trong độ tuổi của tôi lại phải đội chiếc mũ Scotland?!

Ông ta cúi rạp xuống chào chúng tôi một cách trịnh trọng rồi đi khỏi.

- Với ngài Henry Baker mọi chuyện đã kết thúc, - Holmes nói, sau khi đã đóng cửa lại. - Rõ mồn một là ông ta không hề biết viên đá quý... Cậu đói chưa Watson?

- Chưa đói lắm.

- Tớ đề nghị chuyển bữa ăn của chúng ta vào buổi tối luôn thể. Chúng ta cần nhanh chóng lần theo dấu vết nóng hổi ngay bây giờ.

- Đồng ý.

Tối - trời rất lạnh, chúng tôi phải khoác bành tô và trùm khăn kín cổ. Những ngôi sao lạnh lẽo lấp lánh trên nền trời sâu thẳm và hơi thở của người qua lại như khói của nòng súng lục khi đồng loạt nhả đạn. Bước chân chúng tôi nện trên đường phố nghe khá rõ. Chúng tôi đi dọc theo đại lộ Wimpole; đại lộ Harley; băng qua phố Wigmore và đi đến đại lộ Oxford - Khoảng 5 phút sau chúng tôi đã có mặt tại Bloomsbury, ngay kề quán rượu “Alpha”; một chiếc quán khiêm nhường nằm ở góc phố dẫn tới Holborn. Holmes bước vào quán gọi hai vai bia. Người chủ quán mặt đỏ gay, mặc tạp dề trắng chạy ra.

- Quán của ngài bia rất tuyệt, nhưng nó vẫn dở hơn những con ngỗng của ngài. - Holmes nói tỉnh bơ.

- Quán tôi làm gì có ngỗng.

Người chủ quán tròn mắt ngạc nhiên.

- Ô! Cách đây nửa tiếng đồng hồ tôi có đàm luận với ngài Henry Baker, thành viên của “Câu lạc bộ ngỗng” chỗ ngài.

- A? Tôi hiểu rồi. Nhưng đây không phải ngỗng của tôi.

- Thế ngỗng của ai, thưa ngài?

- Tôi mua hai tá ngỗng của một nhà buôn gần chợ Covent.

- Ở đây tôi biết vài người trong bọn họ, ngài mua của người nào vậy?

- Ngài Breckinridge.

- Ô! Tôi không quen ngài Breckinridge. - Holmes nói, sau khi chúng tôi bước ra ngoài trời giá rét và Holmes cài vội khuy áo bành tô lại. - Watson, không được quên một đầu của chuỗi xích là con ngỗng, còn đầu kia là một người đang bị giam giữ. Anh ta chắc sẽ bị án hơn 7 năm tù khổ sai, nếu chúng ta không chứng minh được anh ta vô tội. Rất có khả năng cuộc truy tìm của chúng ta sẽ tìm ra được thủ phạm. Dấu sao trong tay chúng ta cũng đã có sợi chỉ mà sợi chỉ này đã tuột khỏi tay sở cảnh sát và rơi vào chúng ta một cách thật tình cờ nhưng đầy thi vị, hứng thú. Dựa vào đây, chúng ta sẽ lần ra đầu mối. Vòng hướng khác, bước đều, bước.

Chúng tôi băng qua phố Holborn, đi dọc theo đại lộ Endell rồi vội vã vượt qua vài khu nhà tồi tàn đến chợ Covent. Chúng tôi nhìn thấy một cửa hiệu lớn nhất có biển đề “Breckinridge”.

Chủ tiệm là một người có bộ mặt như ngựa: Bộ râu quai nón được chăm sóc công phu, đang giúp thằng bé đóng cánh cửa sổ.

- Chào quý vị! Trời năm nay lạnh giá làm sao? - Holmes nói. Tay lái buôn khẽ gật đầu chào lại và ném cái nhìn dò xét rất sắc lên anh bạn tôi.

- Ngỗng ông bán hết rồi à? - Holmes nói tiếp và giơ tay chỉ vào quầy hàng được lát bằng gạch hoa trống không.

- Sáng mai ngài muốn 500 con ngỗng có ngay.

- Ngày mai tôi không biết dùng nó vào việc gì nữa?!

- Thế ngài đến chỗ tiệm kia kìa, nơi sang sáng đó, có khi họ còn con nào chẳng?

- Nhưng người ta cử tôi đến chỗ ngài.

- Ai vậy?

- Ông chủ tiệm “Alpha”.

- À, đúng tôi đã bán cho ông ấy hai tá.

- Những con ngỗng ra ngỗng! Ngài mua nó ở đâu vậy?

Tôi sửng sốt kinh ngạc khi thấy lão nhà buôn khùng lên giận giữ khi nghe câu hỏi ấy.

- A! Ngài muốn gì? - Ông ta ngẩng phắt đầu lên, hai tay chống nạnh thách thức, - Ngài định giở trò gì đây? Xin cứ nói thẳng.

- Tôi nói thẳng tuốt ra rồi. Tôi muốn biết ai đã bán cho ngài những con ngỗng mà ngài đã bán cho quán “Alpha”?

- Ô! Thế thì tôi không nói đâu.

- Ngài không thích thì đừng nói, có gì quan trọng đâu! Thật không hiểu tại sao ngài lại nổi nóng vô cớ như thế?

- Tôi nổi nóng ư? Ở vào địa vị của tôi ngài có nổi nóng không? Tôi trả một món tiền lớn mua một món hàng béo bở và như thế là xong xuôi tốt đẹp chứ có gì mà cứ hỏi “Những con ngỗng đâu rồi?”. “Ngài mua ở đâu?”. “Ngài đã bán cho ai?” “Ngài đã thu được bao nhiêu tiền lời?” Thật rắc rối chỉ vì mấy con ngỗng mà xị ngậu cả lên.

- Tôi không có mối quan hệ với những người hay tò mò tọc mạch như thế. - Holmes không giữ được, vội nói, - Ngài không muốn nói thì đừng nói. Nhưng tôi đã đánh cược mất 5 bảng, con ngỗng mà tôi đã ăn, được nuôi ở nông thôn.

- Ngài bị thua cuộc rồi! Con ngỗng ấy ở thành phố. - Người lái buôn nói.

- Không thể như vậy được?!

- Tôi đảm bảo với ngài là những con ngỗng ấy ở thành phố!

- Không đời nào tôi tin được!

- Ngài đừng nghĩ là ngài sành hơn tôi trong chuyện này. Tất cả những con ngỗng tôi bán cho quán “Alpha” đều được nuôi ở thành phố chứ không phải nông thôn, ngài nghe rõ chưa?

- Ngài không đánh lừa tôi được đâu!

- Ngài muốn cuộc chứ?

- Ngài chỉ mất tiền vô ích. Tôi tin vào sự sành sỏi của mình. Nhưng nếu ngài muốn tôi sẵn sàng cuộc với ngài để dạy cho ngài một bài học về cái tính ngang bướng của mình.

Người lái buôn nhếch mép cười mỉa.

- Bill, con mang lại đây cho cha quyền sở, - Ông ta nói.

Cậu bé mang lại hai quyển sổ, một quyển mỏng dính, còn một quyển thì to đùng dính đầy dầu mỡ. Ông ta đặt cuốn sổ xuống dưới ngọn đèn.

- Đây là ngài Cocksure - Người buôn nói, - Tôi cứ nghĩ hôm nay ông ta bán hết ngỗng rồi, nhưng trời xui đất khiến thế nào lại mang đến cho tôi một con ngỗng nữa. Ngài có thấy cuốn sổ kia không?

- Thì sao?

- Danh sách những người tôi thường mua hàng được ghi chép trong đó. Ở trang này là danh sách những người cung cấp hàng ở nông thôn, còn những con số nằm sau họ tên của mỗi người là chỉ số trang của quyển sổ lớn, trong đó ghi những tính toán nợ nần. Còn trang này ngài thấy chưa, nó được viết bằng mực đỏ. Đây là danh sách những người bán hàng cho tôi ở thành phố. Xin ngài hãy căng mắt mà đọc họ tên người thứ ba, hãy đọc to thành tiếng xem nào?!

- “Bà Oakshott; phố Brixton - 117, trang 249”, - Holmes đọc.

- Hoàn toàn đúng, bây giờ ngài hãy lật trang 249 ở quyển sổ lớn.

Holmes lật đến trang 249.

- “Bà Oakshott, phố Brixton - 117, người cung cấp chim muông và các loại trứng”.

- Ngài đọc xem cái gì ghi ở dòng cuối kia!

- “Ngày 22 tháng 12, bán 24 con ngỗng, giá mỗi con là 7 đồng Siling 6 xu”.

- Đúng, hãy nhớ lấy, còn phía dưới?!

- “Đã bán cho ngài Windigate, chủ quán “Alpha” mỗi con 12 siling”.

- Sao, ngài nói sao?

Sherlock Holmes làm ra vẻ buồn rầu, rút tiền trong túi ra vớt nó lên trên bàn và ra đi không nói thêm một lời. Sau khi đi được vài mét, anh dừng lại dưới một ngọn đèn rồi cười thỏa thích, cười rung không thành tiếng.

- Nếu không may cậu gặp con người có bộ râu như thế với chiếc khăn lau màu đỏ bỏ trong túi áo cậu có thể xoay được ở anh ta bất cứ điều gì cậu muốn miễn là cậu đề nghị đánh cược, - Anh nói - Tớ khẳng định là: dù phải bỏ ra 100 bảng Anh cũng không bao giờ đạt được những số liệu tương tự như thế này đâu. Những điều mà tớ thu nhận được chỉ bằng cách cùng anh ta tới hiệu cầm đồ Watson! Như vậy chúng ta đã gỡ đến nút cuối cùng của cuộn chỉ rồi rồi. Chúng ta cần giải quyết nốt nhiệm vụ duy nhất cuối cùng: đến ngay nhà bà Oakshott hay để đến sáng mai?

Qua những lời của tên lỗ mãng ấy tớ thấy rõ là ngoài chúng ta còn có kẻ đang quan tâm đến những chú ngỗng đấy.

Những tiếng ồn ào rất to bỗng vọng tới từ tiệm mà chúng tôi mới đi ra, không cho Holmes nói hết câu.

Khi quay lại, dưới ánh sáng vàng vọt của cây đèn chao qua chao lại, chúng tôi nhìn thấy một người có bộ mặt đỏ chót nhỏ nhắn. Breckinridge đang chống nạnh đứng bên cửa tiệm, một tay dứ dứ nắm đấm về phía người kia.

- Với tôi với ngài, và với những con ngỗng thế là đủ rồi! - Breckinridge thét lên. - Quỷ tha ma bắt các người đi! Nếu ngài còn đến đây với những câu chất vấn ngu ngốc - thì tôi sẽ thả chó ra cắn ngài đấy. Ngài cứ dẫn bà Oakshott tới đây, tôi sẽ trả lời cho bà ta, chẳng có việc gì dính tới ngài. Tôi mua ngỗng của ngài chắc?!

- Không! Không! Nhưng dẫu sao thì một con trong đó là của tôi. - Người lạ than thở.

- Ngài cứ đến gặp bà Oakshott mà hỏi!
 - Chị ấy khuyên tôi đến gặp ngài.
 - Với tôi thế là đủ rồi! Quá thế lắm rồi! Mời ngài xéo ngay! Cút khỏi đây ngay!
- Ông chủ tiệm lao nhanh khỏi cửa, và con người khốn khổ kia biến vào bóng đêm bao trùm.

- Chúng ta khỏi phải đến phố Brixton làm gì nữa, - Holmes nói thì thầm, - mà thử tới với người lạ kia sẽ có ích đấy.

Len qua đám người tò mò đang bắt đầu giải tán, anh bạn của tôi chạy rất nhanh và đã đuổi kịp con người bé nhỏ kia.

Holmes nắm vai anh ta. Kề mặt giặt mình quay lại và dưới ánh sáng của ngọn đèn, mặt anh ta trắng nhợt nhạt.

- Ngài là ai? Ngài cần gì? - Anh ta hỏi với giọng run run.
- Hãy tha lỗi cho tôi, - Holmes nói nhẹ nhàng. - Tôi tình cờ nghe được câu mà ngài đã hỏi tên nhà buôn. Tôi nghĩ là tôi có thể giúp ích cho ngài được chăng?
- Ngài ư? Nhưng ngài là ai? Từ đâu ngài biết được tôi đang cần gì?
- Tôi tên là Sherlock Holmes. Nghề nghiệp của tôi là biết những gì người khác không biết được.

- Nhưng chuyện mà tôi muốn biết, ngài không thể nào biết được đâu?!

- Xin ngài bỏ qua cho sự đường đột, nhưng tôi biết tất cả. Ngài mưu toan tìm theo dấu vết những con ngỗng mà bà Oakshott ở phố Brixton bán cho nhà buôn có tên Breckinridge, nhà buôn này lại bán chúng cho ngài Windigate - chủ tiệm rượu "Alpha". Đến lượt mình ngài Windigate lại phân phát cho các thành viên trong "Câu lạc bộ ngỗng" của mình. Ngài Henry Baker là một trong những thành viên ấy.

- Ô! Ngài chính là người mà tôi mong gặp! - Người lạ thốt lên mà chìa đôi bàn tay run rẩy ra. - Tôi không thể diễn tả hết với ngài tất cả chuyện ấy đối với tôi nó rất quan trọng như thế nào?

Sherlock Holmes gọi một chiếc xe ngựa chạy ngang qua.

- Tốt hơn hết chúng ta sẽ ngồi nói chuyện trong một căn phòng ấm cúng tiện lợi hơn đứng ở đây trên sân chợ gió thổi lạnh giá. - Sherlock đề nghị, - Nhưng trước khi chúng ta khởi hành, ngài làm ơn cho biết quý danh?

Người lạ chần chừ trong giây lát.

- Tên tôi là John Robinson, - Hắn nói, lảng cái nhìn đi nơi khác.
- Không, tôi muốn biết tên thật của ngài kia? - Holmes dịu giọng. - Làm việc với tên thật của mình bao giờ cũng thích thú hơn.

Gò má nhợt nhạt của hắn bỗng đỏ ửng lên.

- Tên thật của tôi... là... James Ryder. - Hắn nói khó nhọc.
- Đúng, ngài làm việc ở khách sạn "Cosmopolitan". Mời ngài ngồi vào xe, tôi sẽ kể tất cả cho ngài nghe những gì ngài muốn biết.

Con người bé nhỏ đứng im bất động. Hắn cứ lúc thì liếc nhìn tôi, lúc thì liếc nhìn Sherlock. Niềm hy vọng mới vụt sáng trong đôi mắt hắn bỗng đổi sang những ánh lo âu sợ hãi. Rõ là hắn đang suy tính không biết những gì đang đợi hắn, bất hạnh hay là một hạnh phúc lớn lao? Cuối cùng rồi hắn cũng phó mặc cho số phận ngồi vào xe với chúng tôi. Sau 30 phút chúng tôi đã ngồi trong phòng khách ở hẻm Baker.

Trong lúc đi đường, chúng tôi không ai nói với ai một lời.

Chính thế mà người bạn đường thờ dòn dập và khó nhọc, hai tay nắm chặt đến nỗi không cần nói chúng tôi cũng thấy hấn đang hồi hộp và hoang mang đến cùng cực.

- Thế là chúng ta đã có mặt ở nhà rồi. - Holmes vui vẻ nói.

- Không có gì hơn cái lò đang cháy rực thế kia trong thời tiết khốn nạn này!

- Hình như ngài lạnh quá thì phải, thưa ngài Ryder. Mời ngài ngồi vào chiếc ghế này, tôi thay đôi dép mang trong nhà là chúng ta bắt tay ngay vào công chuyện của ngài. Như vậy là ngài muốn biết điều gì đã xảy ra với những chú ngỗng?

- Vâng, thưa ngài.

- Đúng hơn, chỉ mới một con ngỗng thôi, mà ngài chỉ quan tâm đến ngỗng trắng, có những đốm đen ở đuôi?

Ryder rung mình vì lo lắng.

- Ô! Thưa ngài! - Hấn ta kêu lên. - Ngài có thể cho tôi biết con ngỗng ấy hiện giờ đang ở đâu?

- Nó hiện đang ở đây.

- Đang ở đây?

- Đúng, một con ngỗng không bình thường, không phải vô cơ mà ngài quan tâm đến nó. Sau khi chết con ngỗng đã để lại cho chúng tôi một quả trứng, một hạt nhân có màu xanh da trời lấp lánh tuyết vời. Viên đá vẫn ở đây.

Người khách đứng lên chệnh choạng, bàn tay phải dựa vào cửa lò. Holmes lặng lẽ mở tủ chống cháy lấy ra viên Karbunkeil xanh lam, nó lấp lánh những tia óng ánh rực rỡ và lạnh lẽo như một vì sao. Ryder đứng đực ra, khuôn mặt hấn méo xệch và trong đôi mắt vô vọng của hấn ánh lên sự lưỡng lự có nên đòi hỏi viên đá cho mình chăng? Hay từ chối mọi quyền hạn chiếm đoạt.

- Trò chơi đã thất bại rồi, Ryder ạ. - Sherlock Holmes bình tĩnh nói. - Ngài hãy đứng cho vững kẻo không bị ngã vào lửa bây giờ. Watson! Cậu giúp anh ta ngồi xuống. Hấn còn yếu lắm không đủ sức để lừa gạt nữa đâu. Cậu lấy cho hấn một ly rượu nhỏ. Như thế, bây giờ trông hấn ta mới ra hồn người một chút. Đúng là loài sâu bọ thảm hại!

Ryder loạng choạng và chút nữa thì hấn lăn quay ra sàn, nhưng nhờ có ly rượu hấn ta gượng lại mặt hơi ửng hồng lên một chút. Hấn ngồi xuống ghế như một tảng thịt đỏ, sợ sệt nhìn lên người tố giác mình.

- Tôi đã biết hầu như tất cả, trong tay tôi có đầy đủ dẫn chứng. Cho nên ngài phải có trách nhiệm bổ sung thêm vài chỗ. Tuy nhiên ngài phải cung cấp ngay bây giờ, sao cho trong sự việc này tất cả đều sáng tỏ. Do đâu ngài biết viên đá quý Karbunkul của bá tước phu nhân Morcar?

- Tiểu thư Catherine Cusack nói, - Hấn trả lời bằng giọng run rẩy sợ sệt.

- Tôi biết, con hầu của bá tước. Một món bở như thế đã làm cho ngài mù quáng; điều này cũng xảy ra với những con người trung thực đứng đắn không chỉ một vài lần. Ngài bắt đầu tìm kế thực hiện. Tôi cảm thấy ngài có thể trở thành một thằng bọm không xoàng đâu! Ngài biết anh thợ hàn thiếc Horner đã một lần bị kết án ăn cắp nên mọi sự nghi ngờ sẽ rơi vào anh ta trước nhất. Ngài đã làm gì? Có phải ngài đã bẻ gãy một thanh ở lò sưởi trong phòng bà bá tước chăng? Ngài và con hầu đã cố đạo diễn để họ mời đúng anh chàng thợ thiếc Horner đến sửa chữa gấp. Khi Horner đi khỏi, ngài đã cuỗm ngay viên đá trong chiếc ví, xong xuôi ngài la ó lên ầm ĩ và con người đáng thương kia lập tức bị bắt. Còn sau đó...

Ryder bất thành linh bò xuống tấm thảm rồi lấy hai tay ôm chặt đầu gối của anh bạn tôi.

- Hãy vì Chúa, ngài thương hại lấy tôi! - Hấn gào lên thảm thiết - Ngài hãy nghĩ đến cha tôi, mẹ tôi. Điều khủng khiếp này sẽ giết chết họ mất. Tôi chưa bao giờ ăn cắp! Chưa bao giờ! Tôi hứa với ngài điều đó sẽ không bao giờ lặp lại nữa! Mong ngài tha tôi đừng đưa chuyện này ra toà! Vì chúa xin ngài đừng nói chuyện tôi trước tòa.

- Im đi! - Holmes lạnh lùng nói - Bây giờ thì ông quý lạy van xin khúm núm mới dễ làm sao! Còn ông nghĩ gì khi ông đẩy con người khốn khổ đáng thương kia ngồi vào ghế bị cáo khi anh ta hoàn toàn vô tội?

- Tôi sẽ chạy trốn, thưa ngài Holmes! Tôi sẽ từ bỏ nước Anh, khi đó lời buộc tội đối với anh ta sẽ hết...

- Khoan đã, chúng tôi sẽ đề cập tới điều thỉnh cầu. Còn bây giờ ông hãy kể cho chúng tôi nghe câu chuyện kỳ thú kia. Bằng cách nào viên đá lại lọt vào con ngỗng và con ngỗng bị đẩy ra chợ bán? Hãy nói thật, bởi vì sự thật sẽ là con đường duy nhất cứu thoát mày.

Ryder lấy lưỡi liếm liếm đôi môi nứt nẻ.

- Tôi sẽ kể cho ngài tất cả sự thật, - Hấn thề thốt. - Khi cảnh sát bắt Horner, tôi quyết định thượng sách là phải tẩu tán viên đá đi, trong lúc cảnh sát chưa có ý nghĩ lục soát người tôi và căn phòng của tôi. Trong khách sạn không có chỗ thích hợp để giấu viên đá. Tôi rời khách sạn như đi giải quyết công việc thường ngày, rồi đến ngay nhà chị tôi. Chị tôi lấy chồng là ông Oakshott sống ở phố Brixton, làm nghề chăn nuôi gia cầm. Mỗi khi bắt gặp bất cứ người nào, tôi đều có cảm giác họ là cảnh sát hoặc là thám tử. Mặc dù trời rất lạnh, nhưng mồ hôi tôi vẫn tuôn ra như mưa đá. Chị tôi hỏi là có chuyện gì mà sao trông nhợt nhạt thế. Tôi trả lời rằng tôi đang lo sợ hồi hộp vì vụ mất cắp đồ trang sức quý ở khách sạn tôi làm. Sau đó, tôi đi ra phía sau hè, lấy thuốc ra hút và bắt đầu nghĩ cách đối phó.

- Tôi có một anh bạn thân - Tên là Maudsley. Anh ta đã chạy trốn trên đường tới nhà tù Pentonville. Một lần chúng tôi gặp nhau, nói chuyện về những người trộm cắp đã thực hiện những vụ trộm như thế nào? Tôi nghĩ là anh ta không phản đối, vì anh ta đang trốn chạy pháp luật. Tôi quyết định đi thẳng tới chỗ anh ta ở Kilburn và kể lại tất cả bí mật của mình. Chắc anh ta sẽ nói cho tôi cách biến viên đá thành những đồng tiền. Nhưng làm thế nào để đến được chỗ anh ta. Tôi hồi hộp nghĩ lại phút giây lo âu nghi hoặc đau đớn giày vò mà tôi đã trải qua trên đường đi từ khách sạn đến nhà chị tôi. Mỗi phút người ta đều có thể chụp tôi, lục soát và tìm thấy viên đá nằm trong túi áo của tôi. Tôi đứng dựa vào tường, nhìn ngắm những con ngỗng đang chạy lung tung, rúc rích dưới chân tôi. Bỗng nhiên tôi nảy ra ý nghĩ đánh lừa viên thám tử sừng sỏ nhất thế giới như thế này...

Vài tuần trước đây chị tôi có nói, tới ngày lễ phục sinh tới sẽ được chị cho một con ngỗng đã được lựa chọn kỹ càng nhất để thay món quà. Tôi biết chị tôi bao giờ cũng giữ lời hứa. Tôi quyết định lấy ngay con ngỗng từ bây giờ và nhét viên đá vào mỏ nó để mang luôn đến Kiiburn. Ở trong sân có một cái chuồng, tôi đuổi một con ngỗng to lông trắng có chấm đen ở đuôi vào đấy. Tôi tóm lấy con ngỗng bạnh cái mỏ ra và ấn viên đá vào họng càng sâu càng tốt, con ngỗng nuốt ừng ực, tôi lấy tay sờ soạng đẩy dần viên đá xuống diều. Con ngỗng chống cự, lấy đôi cánh đập ầm ầm. Chị tôi nghe thế chạy ra.

Khi tôi chạy lại chỗ chị đề trả lời thì con ngỗng trời đánh kia tuột khỏi tay tôi và nhào vô trong bầy.

“Cậu làm cái gì con ngỗng thế Jem”? Chị tôi hỏi. “Em định bắt một con ngỗng. - Tôi nói. - Chị hứa là tặng em một con nhân ngày lễ phục sinh và em xem thử con nào mập nhất”.

“Ồ! - Chị tôi thốt lên. - Chị đã lựa cho cậu một con con rồi. Anh chị gọi nó là “con ngỗng của cậu Jem”. Nó đầy, to và trắng toát kia kìa, tất cả có 26 con ngỗng trong đó có một con cho cậu, một con để lại nhà, còn lại nguyên hai tá đem đi bán”.

“Cám ơn chị Maggie. - Tôi nói. - Nếu như chị không cho là quan trọng, chị hãy cho em con ngỗng mà em vừa cầm trong tay lúc này”.

“Con ngỗng của cậu nặng hơn con kia ít ra cũng ba pound đấy, anh chị nuôi nó một cách đặc biệt để dành riêng cho cậu thôi”.

“Điều đó không quan trọng. Em thích chính con ấy và muốn bắt ngay bây giờ”.

“Đó là việc của cậu. - Chị tôi nói và hơi tự ái. - Cậu muốn bắt con nào?”.

“Con trắng có chấm đen ở đuôi, nó đang ở giữa bầy kia kìa”.

“Cậu hãy đuổi nó ra và bắt lấy!”.

Tôi đã làm như thế, thưa ngài Holmes; và tôi mang con ngỗng tới Kilburn. Tôi kể tất cả cho anh bạn thân. Anh ta là người mà tôi dễ dàng dốc hết bầu tâm sự. Anh cười vang sau đó chúng tôi lấy dao rạch con ngỗng ra. Tim tôi như ngừng đập.

Khi thấy không có viên đá ở đó, tôi giật mình, thế là có sự nhầm lẫn ghê người. Tôi để con ngỗng lại rồi vội vàng ba chân bốn cẳng phóng đến nhà chị tôi. Tôi chạy ra sau hè, đàn ngỗng đã biến mất.

“Chị Maggie ơi? Đàn ngỗng đâu rồi?”. - Tôi quát lớn.

“Đem đến nhà lái buôn hết rồi”.

“Lái buôn nào?”.

“Ông Breckinridge ở chợ Covent ấy”.

“Trong bầy ngỗng của chị có mấy con lông trắng có chòm đen ở đuôi, giống như con mà em vừa cất tiết xong đấy? - Tôi hỏi hồi hộp”.

“Đúng đấy, Jem! Có hai con trắng chấm đen ở đuôi, chị cũng hay bị lộn lăm”.

Thế là tôi hiểu ra tất cả. Tôi tất tưởi chạy đến ngay nhà ông Breckinridge. Nhưng ông ta đã bán tất cả số ngỗng đó rồi, và ông ấy nhất quyết không chịu hé răng là ông ta đã bán cho ai.

Chính ngài đã chứng kiến những lời lẽ thô tục của ông ta. Chị tôi nghĩ tôi bị thần kinh và, chính tôi cũng có cảm giác là mình đang điên thực sự. Thế là... thế là... tôi... tên kẻ trộm như nhuốc mặc dù tôi không có ý định làm giàu, ôi, vì viên đá mà tôi đã làm hại cả cuộc đời thanh thân của mình. Lạy chúa! Hãy cứu giúp tôi! Lạy chúa! Hãy cứu con với!

Hắn bỗng khóc òa lên, hai tay ôm tấy mặt một cách thiếu não, toàn bộ cơ thể hắn như không còn sinh khí. Im lặng kéo dài, thỉnh thoảng chỉ nghe thấy những tiếng thở dài của Ryder và tiếng gõ khe khẽ đều đặn của Holmes xuống cạnh bàn. Bỗng Sherlock Holmes đứng dậy và mở toang cánh cửa ra.

- Hãy cút khỏi nơi đây! - Anh nói.

- Như thế là thế nào? Thưa ngài! - Hắn lắp bắp nói. - Ô bầu trời sẽ làm cho ngài vinh quang và cao thượng.

- Đừng nói nữa, hãy cút khỏi nơi đây ngay!

Không cần nhắc lại, những bước chân hăm hở đang vang dội dưới cầu thang, tiếng cánh cửa đóng nhẹ ở phía dưới và từ ngoài phố vọng lên những bước chân chạy vội vàng.

- Rốt cuộc, Watson, - Holmes nói và đưa tay lên lấy tủ thuốc. - Tớ làm việc tuyệt nhiên không phải để sửa chữa những sai lầm bị hờ của bên cảnh sát. Nếu anh chàng Horner bị đe dọa bởi một mối nguy hiểm thì lại là chuyện khác. Nhưng Ryder không thể chống lại anh ấy, sự việc sẽ được giải quyết ổn thỏa cho cả hai. Có thể tớ là kẻ che giấu những tên bịp bợm, nhưng đúng hơn là tớ đã cứu con người trước cái chết và sự sụp đổ hoàn toàn. Với anh chàng Ryder, trường hợp tương tự như thế này sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Anh ta hoảng sợ quá mức chịu đựng. Cuộc đời oái oăm cứ bắt chúng ta phải va chạm với những trò đánh đố kỳ quặc! Giải đáp những câu chuyện hóc búa kia, đó chính là phần thưởng và là niềm vinh quang cho chúng ta. Cậu làm ơn gọi chuông hộ tớ với. Chúng ta lại tiếp tục một câu chuyện mới - nhân vật là chú gà gô đang đợi chúng ta.

Hết

B.8 - The Adventure of the Speckled Band 1892 (Dải băng lốm đốm)

Một sáng sớm tháng tư năm 1883, vừa thức giấc, tôi đã thấy Sherlock Holmes, ăn mặc tề chỉnh đứng bên đầu giường mình. Lệ thường, anh hay dậy muộn; mà theo đồng hồ lúc này chỉ mới 7 giờ 15. Tôi ngược nhìn anh, hơi ngạc nhiên. Ánh mắt tôi cũng thoáng về bức dọc, vì chính tôi cũng quen dậy muộn.

- Tôi lấy làm tiếc là đã đánh thức anh dậy. - Holmes nói

- Có chuyện gì thế? Hỏa hoạn à?

- Không, có một thân chủ đang chờ. Một tiểu thư trẻ đang thẳng thốt lo âu và khẩn khoản xin gặp tôi. Cô ấy hiện ngồi đợi dưới phòng khách. Khi những tiểu thư trẻ dám băng qua thành phố vào lúc mới rạng sáng như thế này và dám đánh thức những người chưa quen biết dậy, thì chắc hẳn họ phải gặp chuyện gì đó rất đáng lo. Vụ này có lẽ rất thú vị, đáng cho anh ghi chép, nên tôi tin chắc, anh sẽ muốn theo dõi ngay từ đầu. Tôi nghĩ nên đánh thức anh, để anh khỏi bỏ lỡ một dịp may.

-Ồ, anh bạn vàng, tôi không đòi nào chịu để lỡ một dịp may, vì bất cứ lý do gì.

Tôi hối hả mặc quần áo, và chỉ vài phút sau đã theo chân bạn tôi xuống phòng khách. Cô tiểu thư mặc bộ quần áo đen, gương mặt khuất sau một tấm mạng nhỏ thó, đang ngồi bên cửa sổ, cô vội đứng ngay dậy khi chúng tôi bước vào.

- Chào tiểu thư, - Holmes niềm nở - tôi là Sherlock Holmes. Còn đây là bạn tôi, bác sĩ Watson. Tiểu thư có thể trò chuyện với anh ấy cởi mở, như với chính tôi. À, rất mừng là bà Hudson đã tính ý nhóm giúp lò sưởi. Tiểu thư nên ngồi gần thêm chút nữa cạnh lò sưởi và tôi xin phép được mời tiểu thư một tách cà phê nóng, vì tôi thấy tiểu thư đang rét run lên.

-Tôi run không phải vì trời lạnh. - Cô gái khẽ đáp.

- Vậy thì vì lý do gì?

- Vì sợ, thưa ông. Vì kinh hoàng.

Vừa nói, cô gái vừa nâng tấm mạng che mặt lên, và chúng tôi thấy cô đang thật sự thẳng thốt trong nỗi kinh hoàng. Sắc mặt tái mét ánh mắt lộ rõ vẻ khiếp sợ, như ánh mắt con thú săn đang bị bủa vây. Trông bề ngoài, cô chỉ trạc ba mươi, nhưng mái tóc đã điểm bạc đôi chỗ, còn cử chỉ thì lộ rõ vẻ uể oải mỗi mảy. Chỉ bằng khóe mắt từng trải của anh, Sherlock Holmes đã biết về cô đủ mọi điều.

- Cô đừng sợ, - Anh nói - chúng tôi sẽ giúp cô sớm giải thoát được mọi ưu phiền. Tôi chẳng chút hồ nghi. Tôi biết rõ cô vừa tới đây bằng chuyến tàu sớm nay.

- Thế ra ông đã biết tôi trước lúc tôi đến đây hay sao?

- Không, nhưng tôi nhìn thấy trên chiếc găng tay bên trái của cô phần còn lại của tấm vé khứ hồi. Cô đã phải dậy rất sớm, rồi còn phải ngồi co ro rất lâu trên một chiếc xe độc mã suốt cả một chặng đường dài lầy lội trước lúc ra tới ga.

Cô gái bối rối, nhìn anh bạn tôi chăm chăm.

- Chẳng có gì huyền bí đâu, thưa tiểu thư, - Anh mỉm cười nói - trên ống tay áo vết cô đang mặc lấm tấm bùn, ít nhất là ba chỗ. Những vết bẩn ấy còn mới. Không một loại

phương tiện giao thông nào, ngoại trừ xe độc mã, lại có thể làm bắn nhiều bùn đất đến thế lên người hành khách; nhất là khi họ ngồi bên trái xà ích.

- Ông hoàn toàn đúng, dù ông dùng cách nào để phán đoán như vậy. - Cô gái nói. - Tôi rời khỏi nhà lúc gần 6 giờ, đến Leatherhead lúc 6 giờ 20 và đáp ngay chuyến tàu đầu tiên đến ga Waterloo.. Thưa ông, tôi không còn chịu đựng được nữa. Tôi sẽ hóa điên mất nếu tình cảnh này cứ kéo dài. Tôi chỉ có một người để nhờ vả, nhưng con người khốn khổ đó e chẳng giúp ích được bao nhiêu. Vì vậy, tôi đành tới cầu cứu ông, thưa ông Sherlock Holmes. Ông có đủ sức giúp không, ít ra là cũng làm sáng tỏ ít nhiều những bí ẩn đáng sợ đang bủa vây tôi bốn bề?

- Xin cô cứ kể hết với chúng tôi tất cả những gì có thể giúp chúng tôi hình dung được tình cảnh đang khiến cô sợ hãi.

- Điều khủng khiếp nhất trong tình cảnh của tôi hiện nay là những lo sợ của tôi, những lo sợ đều hết sức mơ hồ. - Cô thân chủ đáp. - Những ngờ vực của tôi đều bắt nguồn từ những chuyện rất nhỏ nhặt, đến nỗi người khác có thể cho là vớ vẩn. Nhưng tôi nghe đồn chỉ có ông, thưa ông Sherlock Holmes, mới thấu hiểu hết tâm địa hiểm ác của người đời. ông mới có thể khuyên tôi nên xoay sở thế nào trong những hiểm họa đang bủa vây quanh tôi.

- Tôi đang lắng nghe cô đây, thưa cô.

- Tôi tên là Helen Stoner. Tôi đang ở với ông bố dượng. Ông ấy là người cuối cùng còn sống của một dòng họ Saxon lâu đời nhất Anh quốc, dòng họ Roylott xứ Stoke Moran, tại cực tây này, giáp ranh với Surrey.

Sherlock Holmes gật đầu

- Tôi đã được nghe nói khá nhiều đến cái tên đó - Anh nói.

- Có một thời, họ từng là dòng họ giàu có nhất Anh quốc. Lãnh địa họ, ở mạn bắc, vắt qua cả biên giới, ăn sâu vào tận Berkshire, và ở mạn Tây - tận Hampshire. Nhưng vào cuối thế kỷ trước, cả bốn thế hệ liên đã mặc sức phung phí và chẳng buồn làm gì. Trong thập niên 1820, những gì còn sót lại đã bị một gã máu mê cờ bạc nung hết vào các trò đen đỏ, ngoài trừ một vài mẫu đất và một tòa nhà cũ, xây từ hai trăm năm trước. Viên điền chủ cuối cùng của dòng họ đành phải lui về cư ngụ tại ngôi nhà nọ, sống cuộc đời thảm hại của một người quý tộc nghèo. Nhưng cậu con trai độc nhất của ông ta, người hiện là bố dượng tôi, hiểu rằng phải tìm cách thích nghi với tình cảnh mới. Ông ấy cố kiếm được một mảnh bằng bác sĩ, rồi lên đường sang Calcutta. Tại đây, ông ta nhờ có tay nghề và đức kiên nhẫn, nên chẳng bao lâu sau đã được đông đảo khách hàng tín nhiệm. Nhưng rồi nhà ông ta bị mất cắp, khiến ông ta tức điên người, đánh một gia nhân người bản xứ đến chết, và chặt vật lăm ông ta mới thoát khỏi bản án xử绞. Sau vụ đó, ông ta đã phải chịu cảnh tù tội rất lâu, nên khi được thả ông trở về Anh quốc trong tâm trạng thất vọng và bi quan.

Hồi còn làm bác sĩ ở Ấn Độ, Roylott đã kết hôn với mẹ tôi, bà Stoner, một quả phụ trẻ, vốn là vợ của Thiếu tướng Stoner, chỉ huy pháp binh tại Bengal. Tôi và Julia, chị tôi, là hai chị em sinh đôi. Hồi mẹ tôi đi bước nữa, hai chúng tôi mới 20 tuổi. Mẹ tôi có một khoản tiền khá lớn, mỗi năm được hưởng không dưới một ngàn bảng lợi tức. Bà giao hết khoản tiền đó cho bác sĩ Roylott cai quản, vì hai chị em tôi còn phải sống cùng ông bố dượng, và dạn ông ta phải chia đôi cho hai chúng tôi khi nào chúng tôi đi lấy chồng. Mẹ tôi qua đời chỉ ít lâu sau ngày chúng tôi trở về Anh: bà chết cách đây 8 năm trong một vụ tai nạn hỏa xa gần Crewe. Ngay sau ngày đó, bác sĩ Roylott lập tức bỏ ý định ở

lại Luân Đôn hành nghề, và đưa hai chị em tôi về Stoke Moran, sống tại ngôi nhà được thừa kế. Khoản tiền mẹ tôi để lại thừa đủ chu cấp cho mọi sở thích của chúng tôi, và tưởng chừng chẳng có gì ngăn trở chúng tôi sống hạnh phúc.

Nhưng đúng vào thời kỳ đó, tính khí bố dượng tôi bỗng thay đổi hẳn. Thay vì kết thân và tới viếng thăm những người hàng xóm, mới đầu rất hồ hởi khi được gặp lại một người thuộc dòng dõi Roylott trở về sống tại quê cũ, ông ta cứ ru rú suốt ngày ở nhà. Ông ta chẳng mấy khi bước ra ngoài, và hễ đi ra đến ngoài thì lần nào cũng gây gổ dữ dội với bất cứ ai chạm trán với ông trên đường đi. Cái tính hay có những cơn giận hung hãn đã thành một tật cố hữu của cánh đàn ông dòng họ Roylott. Và đến đời bố dượng tôi, các tật đó lại càng tăng thêm, có lẽ vì ông ta sống quá lâu ở miền nhiệt đới. Một loạt những vụ ẩu đả tồi tệ đã xảy ra, trong đó có hai vụ đã phải kết thúc ở đồn cảnh sát. Rốt cục, ông ta trở thành nỗi kinh hoàng của cả làng, và dân ở đây ai cũng vội vã tránh mặt ông ta, vì ông ta có một thể lực phi thường và hoàn toàn không thể tự kiềm chế, khi đã nổi cơn thịnh nộ.

Bạn bè độc nhất của ông ta là những người Gipsy sống lang thang nay đây mai đó; ông cho họ dựng lều trại trên mảnh đất nhỏ, diện tích chỉ vài hecta của dòng họ để lại. Ông ấy thích lang thang đây đó cùng họ; có lần vắng nhà hàng tuần. Ông ta cũng thích những giống vật Ấn Độ, được người quen gửi tận bên đó về. Hiện ông đang nuôi một con báo bồm, giống Cheetah, và một con khỉ đầu chó, nòi Baboon, suốt ngày đêm thả rông, mặc cho chúng muốn đi đâu thì đi. Dân làng hầu như ai cũng sợ chúng chẳng kém gì chủ chúng.

Qua lời tôi kể, chắc ông dễ dàng hình dung được là cảnh sống của chị Julia đáng thương và tôi chẳng lấy gì làm sung sướng cho lắm. Không một người giúp việc nào chịu nổi cảnh sống ở nhà chúng tôi, nên từ lâu lắm rồi, hai chị em tôi đã phải tự tay làm lấy mọi việc trong nhà. Chị tôi đã chết hồi chỉ mới ba mươi tuổi, và tóc chị ấy cũng đã điểm bạc như tóc tôi.

- Thế chị ấy đã mất rồi sao?

- Chị ấy qua đời cách nay vừa tròn hai năm. Chính tôi cũng đang định kể với ông về cái chết của chị ấy. Các ông thấy đấy, cảnh sống mà tôi vừa kể khiến chúng tôi không còn thích giao du với bất cứ ai cùng trang lứa và địa vị. Chị em tôi có một bà dì ruột, sống độc thân, tên là Honoria Westphail, bà ở mạn Harrow, nhưng họa hoàn lắm chúng tôi mới được phép đến thăm bà vài ngày. Cách đây hai năm, chị Julia có đến đó đón lễ Noel và đã gặp một Thiếu tá Hải quân, rồi đính hôn cùng anh ta. Dượng tôi được biết chuyện đó sau ngày chị Julia trở về và không tỏ ý phản đối cuộc hôn nhân ấy nhưng rồi hai tuần trước ngày họ định tổ chức hôn lễ, chị Julia đã gặp một việc khủng khiếp đã cướp mất của tôi người bạn tâm tình độc nhất trên đời.

Sherlock Holmes nãy giờ ngả người vào lưng ghế, mắt lim dim, đầu tựa trên chiếc gối đặt trên tay vịn của chiếc đi văng. Nghe đến đó, anh bỗng hé mắt nhìn thẳng vào mắt cô gái.

- Xin cô kể lại chuyện ấy thật cặn kẽ - Anh nói.

- Việc này đối với tôi rất dễ, vì mọi điều xảy ra vào khoảng thời gian kinh hoàng đó đều đã khắc sâu vào ký ức của tôi. Tòa nhà chính mà dượng tôi được thừa kế, như tôi vừa kể, rất cũ kỹ, chỉ còn một dãy bên là còn ở được. Sàn của mấy phòng ngủ ở đây toàn là sàn đất nện; mấy phòng khách thì chiếm phần trung tâm tòa nhà. Trong ba phòng ngủ kia, thì phòng đầu là bác sĩ Roylott, phòng thứ hai là của chị tôi, còn phòng

cuối thì dành cho tôi. Chẳng phòng nào ăn thông với phòng nào; nhưng cả ba đều có cửa mở ra dãy hành lang chung. Tôi kể như vậy, có được rõ không ạ?

- Rất rõ.

- Cửa sổ ba phòng đều hướng ra phía bãi cỏ. Vào cái đêm kinh hoàng đó, bác sĩ Roylott về phòng rất sớm, nhưng chúng tôi biết ông ấy chưa ngủ, vì chị tôi phải khó chịu vì cái mùi xì gà ẩn Độ rất nặng mà ông ta quen dùng. Vì vậy, chị ấy rời phòng sang bên tôi, ngồi một lúc, nói chuyện gẫu về cái đám cưới sắp tới. Mười một giờ thì chị ấy đứng dậy, rời phòng tôi, nhưng ra đến cửa bỗng dừng lại, ngoái nhìn sau lưng, rồi lên tiếng hỏi tôi :

- Helen, khuya khuya, em có bao giờ nghe tiếng ai đó huýt sáo không?

- Chưa bao giờ - Tôi đáp.

- Biết đâu em có thể huýt sáo lúc mơ ngủ?

- Không thể có chuyện đó được. Nhưng tại sao chị hỏi thế?

- Vì mấy đêm gần đây, vào khoảng ba giờ sáng, đêm nào chị cũng nghe có tiếng huýt sáo rất khê và rõ. Chị vốn tỉnh ngủ, nên tiếng động đó khiến chị thức giấc. Chị không thể nói rõ nó từ phía nào đưa lại. Có thể là từ phòng bên, mà cũng có thể từ ngoài bãi cỏ vọng vào. Hôm qua, chị đã định hỏi em có nghe thấy không.

- Không, em không nghe. Chắc là đám Gipsy đấy.

- Có lẽ đúng vậy thật. Nhưng nếu quả là từ ngoài bãi cỏ vọng vào thì sao em không nghe thấy? Lại thật!

- Ô, em ngủ say hơn chị nhiều. Thôi, toàn chuyện vớ vẩn không đâu - Chị ấy mỉm cười, khép cửa phòng tôi, và lát sau tôi nghe thấy tiếng chìa lách cách trong ổ khóa phòng chị.

- Thì ra là vậy! - Sherlock Holmes nói. - Chị cô và cô bao giờ cũng khóa cửa trước lúc đi ngủ?

- Vâng.

- Sao vậy?

- Hình như tôi đã kể với ông là dượng tôi có nuôi thả rông một con báo bồm và một con khỉ đầu chó. Hai chị em tôi chỉ cảm thấy an toàn khi đã khóa trái cửa sau lưng.

- Tôi hiểu. Xin cô kể tiếp.

- Đêm đó, tôi không thể nào chợp mắt được. Tôi linh cảm mơ hồ một điều bất hạnh sắp xuống giáng xuống đầu mình. Hai chúng tôi, hẳn ông còn nhớ, là hai chị em sinh đôi, và chắc ông cũng biết, anh em hay chị em song sinh vốn gắn bó với nhau mật thiết như thế nào. Đêm đó quả là một đêm ghê rợn. Gió rít từng hồi, còn mưa thì xối xả trút nước vào cửa sổ. Bất thình lình, trong tiếng gió gào thét bỗng dậy lên một tiếng rú man dại của một người phụ nữ đang hốt hoảng. Tôi nhận ra ngay: đó là tiếng chị tôi. Tôi nhảy vội xuống đất, lao ra hành lang. Lúc đang mở cửa, tôi chợt nghe một tiếng huýt sáo kễ, đúng như chị tôi kể, rồi chỉ một lát sau, tiếng rơi đánh sầm của một vật nặng bằng kim loại. Khi tôi chạy sang, tôi thấy cửa phòng chị tôi không khoá, cánh cửa đang từ từ xoay trên bản lề. Tôi kinh hãi, trở mắt nhìn, không biết cái gì sắp xảy ra đây. Dưới ánh đèn treo ngoài hành lang, tôi thấy chị Julia hiện ra sau cánh cửa, mặt trắng bệch vì khiếp sợ. Chị chơi vơi vươn hai tay ra phía trước, cầu cứu tôi, toàn thân lảo đảo như thể đang say. Tôi chạy vội tới, ôm choàng lấy chị, nhưng đúng vào lúc đó, chân chị bỗng bủn rủn và chị ngã khụy xuống đất. Chị quằn quại vì một nỗi đau đớn không thể chịu đựng nổi. Mới đầu, tôi tưởng chị không nhận ra mình; nhưng lúc tôi cúi xuống, chị

bỗng hét lên bằng một giọng mà tôi nhớ suốt đời: “Trời ơi, Helen! Cái dải băng ấy! Dải băng lốm đốm!”. Chị ấy còn cố nói một điều gì đó nữa, tay chỉ chỉ về phía phòng ông bố dượng, nhưng một cơn co giật nữa lại ập tới, không cho chị thốt nên lời. Tôi vừa đứng bật dậy, vừa lớn tiếng gọi ông bố dượng, và thấy ông ta chạy vội ra khỏi phòng. Trên người còn mặc chiếc áo ngủ lụng thụng. Khi ông ta chạy tới thì chị tôi đã bất tỉnh. Ông ta đổ rượu brandy vào miệng chị tôi, cho người đi gọi ông thầy thuốc trong làng nhưng mọi cố gắng cứu chữa chị tôi đều vô hiệu. Chị lả dần, rồi tắt thở, không còn tỉnh lại được nữa. Người chị yêu quý của tôi đã chết một cách khủng khiếp như vậy đó.

- Xin hỏi cô một câu. - Sherlock Holmes nói - Cô có tin chắc là đã nghe tiếng huyết sáo và tiếng rơi của một vật nặng bằng kim loại? Cô có dám thề là mình đã không nghe lầm không?

- Tôi cảm thấy mình không lầm chút nào. Nhưng dẫu sao tôi cũng không dám đoán chắc lắm, vì lúc đó gió đang gào thét bên ngoài và căn nhà cũ cũng phát ra đủ mọi thứ âm thanh giữa lúc mưa to gió lớn.

- Chị cô lúc đó đã ăn mặc tề chỉnh?

- Không! Chỉ mỗi chiếc áo ngủ trên người. Bên tay phải đang cầm một que diêm đã đánh lửa, còn bên tay trái - một bao diêm.

- Điều đó chứng tỏ cô ấy đã quẹt diêm lên để xem thử có chuyện gì khiến cô ấy sợ hãi. Chi tiết đó rất quan trọng. Vậy ông dự đoán kết luận thế nào khi đến điều tra?

- Ông ấy xem xét hết sức cẩn thận nội vụ, vì bác sĩ Roylott từ lâu đã là đối tượng khả nghi. Nhưng ông ấy không tài nào tìm thấy một chứng cứ gì xác đáng về nguyên nhân cái chết. Cửa phòng được khóa chặt từ bên trong. Bên ngoài cửa sổ còn có thêm một lần cửa gỗ được gá trên những thanh sắt to bản để phòng ngừa kẻ gian. Hơn nữa, đêm nào cũng cài then cẩn thận. Tôi cũng đưa ông ấy đi xem tường vách : tất cả đều vẫn còn vững chãi lắm. Sàn nhà cũng được khám xét kỹ, nhưng vẫn chẳng có dấu hiệu khả nghi nào. Ông khói lò sưởi tuy rộng, nhưng không thể chui qua. Như vậy, chắc chắn là khi xảy ra cái tai họa bi kịch ấy, chị tôi chỉ có một mình trong phòng.

- Thế khả năng bị đầu độc?

- Các bác sĩ cũng đã khám nghiệm tử thi, nhưng chẳng thu được một kết quả nào.

- Vậy, theo cô, lý do gì đã khiến người chị bất hạnh của cô chết thảm khốc như thế?

- Tôi tin rằng chị ấy chỉ vì quá kinh hoàng và chấn động thần kinh, tuy không thể hình dung nổi điều gì đã khiến chị ấy sợ hãi đến mức đó.

- Hôm đó, đám Gipsy có mặt trong địa phận trang trại không?

- Có, họ hầu như lúc nào cũng ở gần trang trại.

- Đây, vậy cô nghĩ gì về dải băng, dải băng lốm đốm, mà chị cô có nhắc tới?

- Có lúc tôi nghĩ đó chỉ là những lời vô nghĩa trong cơn mê sảng của chị tôi; nhưng có lúc tôi cho rằng có lẽ chị tôi muốn nói tới một loại băng đảng gì đấy, chắc là tới đám người Gipsy, cũng có thể là thứ khăn trùm sớ sớ mà dân Gipsy hay dùng đã khiến chị ấy thốt ra hai chữ “lốm đốm” kỳ dị đó.

Holmes lắc đầu như có ý không chút nào thấy thỏa mãn.

- Còn có một cái gì khác nữa kia! - Anh nói - Xin cô kể tiếp đi.

- Hai năm trôi qua kể từ ngày đó, và cuộc sống của tôi càng trở nên lẻ loi, cô độc hơn bao giờ hết. Nhưng tháng trước, một anh bạn thân mà tôi quen biết từ nhiều năm, đã ngỏ lời cầu hôn tôi. Anh ấy tên là armitage, Perryarmitage, thứ nam của ông armitage ở vùng Crame Water, gần Reading. Bố dượng tôi không phản đối, và chúng

tôi định sang xuân thì tổ chức hôn lễ. Cách đây hai ngày, bác sĩ Roylott gọi thợ tới, cho sửa chữa phần trái nhà ở mạn tây. Họ đập phá vách tường căn phòng ngủ của tôi, nên tôi phải dời sang ở tạm tại căn phòng nơi chị tôi đã qua đời, ngủ trên chính chiếc giường chị ấy từng ngủ. Đêm qua, tôi nằm mà chẳng tài nào chợp mắt được, vì nghĩ tới cái chết bí hiểm của chị mình. Thế rồi, các ông có hình dung được không nỗi kinh hoàng của tôi. Tôi bỗng nghe thấy trong cảnh vắng lặng của đêm khuya cái tiếng huýt sáo khê mà chính chị tôi từng nghe thấy trước lúc chết. Tôi choàng ngay dậy, châm đèn lên, nhưng chẳng thấy gì trong phòng cả. Tôi quá hoảng sợ, nên không thể lên giường ngủ tiếp, đành mặc sẵn quần áo, ngồi chờ. Thấy trời vừa sáng, tôi vội lên đường đến gặp ông ngay, để cầu cứu ông.

- Cô đã xử sự rất khôn ngoan, bạn tôi nói. Nhưng cô đã kể hết chưa?

- Thưa ông, hết rồi.

- Chưa đâu, cô Roylott ạ. Cô đang bao che cho ông bố dượng của cô đấy.

- Sao kia? Ông muốn ám chỉ điều gì?

Thay vì câu trả lời, Holmes kéo cao ống tay áo của cô thân chủ lên. Năm vết đỏ bầm, dấu của năm ngón tay, nổi rõ trên cổ tay trắng muốt của cô gái.

- Cô bị ông ta đối xử tàn tệ quá! - Holmes nói.

Cô gái đỏ bừng mặt, kéo vội ống tay áo xuống để che cái cổ tay bị bầm.

- Ông ấy là hạng người cực súc, - Cô nói - sức lực như hộ pháp, và chắc không lường hết được sức mạnh của mình.

Cả ba chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu. Holmes thì cầm lên hai tay, nhìn chằm chằm ngọn lửa cháy trong lò.

Mãi sau, anh mới lên tiếng :

- Vụ này thật bí ẩn. Có tới hàng trăm tình tiết tôi đang muốn biết rõ trước lúc quyết định phương hướng hành động. Chúng ta đừng để mất thời giờ. Cô có thể giúp chúng tôi về Stoke Moran ngay hôm nay, để chúng tôi xem kỹ lại mấy căn phòng đó, mà dượng cô không hề hay biết, được không?

- Được ạ. Vì ông ấy có nói là hôm nay phải lên Luân Đôn thu xếp một số công việc gì đó hết sức hệ trọng. Chắc ông ta sẽ vắng nhà suốt ngày, nên không ai cản trở các ông đâu.

- Tuyệt. Thế thì cả hai chúng tôi sẽ cùng đến. Còn cô, cô có phải thu xếp việc riêng gì nữa không?

- Tôi có vài việc đang định làm gấp nhàn lên đây, nhưng tôi sẽ quay về ngay bằng chuyến tàu 12 giờ, nên tôi vẫn có mặt ở nhà để tiếp đón hai ông.

- Vậy cô nên đợi sẵn chúng tôi sau mười hai giờ trưa. Tôi cũng có vài việc vặt cần thu xếp. Cô có vui lòng ở lại dùng điểm tâm với chúng tôi không?

-Ồ không, tôi phải đi gấp. Hy vọng sẽ gặp lại các ông vào chiều nay

Cô gái buông chiếc mạng đen xuống, rồi rời căn phòng.

- Anh nghĩ sao về vụ này, Watson? - Sherlock Holmes vừa hỏi vừa ngả người vào lưng ghế.

- Tôi cảm thấy đây là một vụ án đầy bí hiểm, có thể chứa đựng một tội ác thâm độc.

- Bí hiểm thật, mà cũng thâm độc thật.

- Cô gái cho biết sàn nhà, tường, vách còn rất chắc; không một ai có thể đột nhập qua cửa ra vào, cửa sổ, và ống khói, thì rõ ràng là người chị chỉ có một mình trong phòng, lúc cái chết bí hiểm kia ập đến.

- Vậy thì tiếng huýt sáo lúc nửa đêm, và những lời kỳ lạ cô ấy thốt ra trước lúc chết phải lý giải thế nào

- Tôi chưa thể nghĩ ra.

- Anh nên ngẫm nghĩ kỹ về tiếng huýt sáo giữa đêm khuya và dải băng của đám Gipsy mà lão bác sĩ chứa chấp trong địa phận của lão. Ta cũng có lý do để tin rằng lão ta rất quan tâm tới việc ngăn cản cô con gái của người vợ cũ đi lấy chồng. Hơn nữa, ở đây còn có lời cô chị nhắc tới dải băng và sau cùng, là tình tiết cô Helen Stoner nghe thấy tiếng rơi của một vật nặng bằng kim loại. Âm thanh đó rất có thể là do một thanh sắt gá vào cánh cửa chắn bên ngoài cửa sổ phát ra, khi nó bật mạnh vào vị trí cũ. Tất cả những tình tiết đó, theo tôi, có thể giúp ta lý giải vụ án.

- Nhưng nếu vậy thì đám Gipsy có liên quan gì?

- Tôi chưa thể hình dung.

- Tôi thấy có quá nhiều điều chống lại cái giả thuyết anh vừa đưa ra.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Chính vì lý do đó nên hôm nay chúng ta phải tới tận nơi, tới Stoke Moran. Tôi muốn biết những bằng chứng phản bác có vững hay không, hay ít ra cũng hiểu rõ được sự thể hơn.Ồ, lại sắp có chuyện quỷ quái gì nữa đây?

Cửa phòng bật mở, và một người đàn ông cao lớn vạm vỡ xuất hiện. Ông ta cao đến nỗi mũ gần chạm vào thanh ngang trên cùng của khung cửa, và to ngang tới mức choán gần hết cả bề rộng cửa ra vào. Mặt ông ta to bè, nhăn nheo, sạm nắng và hằn sâu những dấu tích của đủ mọi thứ dục vọng quỷ quái. Ông ta đảo mắt lia lịa nhìn hai chúng tôi, và cặp mắt trũng sâu cùng cái mũi khoằm của ông ta khiến ông ta trông như một con ác quỷ già hung dữ.

- Trong hai anh, ai là Holmes, hả? - Lão hỏi

- Tôi đây, thưa ngài - Bạn tôi bình thản đáp.

- Ta là bác sĩ Grimesby Roylott ở Stoke Moran.

- Rất hân hạnh - Holmes nói - Mời bác sĩ ngồi.

- Ta chẳng thêm ngồi với anh làm gì. Con gái vợ ta vừa ở đây ra. Ta đã lần được dấu vết nó. Nó đã hót gì với các anh, hả?

- Trời lạnh thế này quả là trái mùa - Holmes nói.

- Nó đã hót với anh những gì? - Lão rít lên, giọng tức giận.

- Nhưng tôi nghe nói hoa vẫn sẽ được mùa - Bạn tôi nói tiếp.

- À, anh định đánh trống lảng chứ gì? - Ông khách vừa nói vừa bước lên trước một bước. - Anh thì ta chẳng lạ. Ta nghe danh anh lâu rồi. Anh là Holmes, một gã rất hay can thiệp vào công việc người khác.

Holmes tủm tỉm cười đắc ý.

- Trò chuyện với ông thật thú vị - Anh nói. - Bao giờ ra khỏi đây, ông làm ơn khép cửa hộ, vì phòng này hay có giò lửa.

- Ta chỉ ra khỏi đây chừng nào ta nói hết những điều cần nói với anh. Đừng có liều can thiệp vào công việc của ta. Ta biết con Stoner đã mò tới đây - ta đã lần theo dấu vết của nó! Ta là một người nguy hiểm! Nhìn đây.

Lão bước nhanh về phía lò sưởi, cầm thanh sắt cời than, bẻ cong nó lại bằng đôi tay hộ pháp sạm nắng.

- Liệu hồn, chớ có để bị sa vào tay ta.

Lão găm lên, vút thanh cời than vào lò, rồi bỏ đi.

- Quả là một con người dễ mến - Holmes vừa nói vừa cười lớn. - Giá lão còn ở lại, tôi có thể cho lão thấy tay tôi cũng chẳng yếu hơn tay lão lắm đâu.

Nói chưa dứt lời, anh ta cầm thanh sắt cời than lên, rồi lên gân uốn thẳng nó lại như cũ.

- Anh Watson, bây giờ tôi sẽ bảo dọn điểm tâm; sau đó, tôi đi một lúc, hy vọng sẽ thu thập được một ít tin tức khả dĩ giúp chúng mình trong vụ này.

* * * * *

Khoảng một giờ trưa, Sherlock Holmes trở về. Anh cầm trên tay một tờ giấy màu xanh, chỉ chít những ghi chép và những hình vẽ, những con số.

- Tôi đã được tận mắt thấy bản di chúc của người vợ quá cố - Anh nói - Tổng số lợi tức khoảng bảy trăm năm mươi bảng. Mỗi cô gái có quyền đòi hai trăm năm mươi bảng lợi tức khi nào họ đi lấy chồng. Như vậy, nếu cả hai cô đều lấy chồng, thì lão bác sĩ chỉ còn được hưởng một số tiền chẳng đáng là bao; thậm chí chỉ một cô về nhà chồng thì lão cũng đã bị thua thiệt đáng kể. Công việc của tôi sáng nay vậy là chẳng vô ích, vì nó cho thấy lão ta có đủ lý do rất hệ trọng để tìm mọi cách ngăn cản việc kết hôn của hai cô gái. Và bây giờ, nếu anh đã sẵn sàng rồi thì chúng ta sẽ gọi một chiếc xe để ra ga Waterloo. Tôi sẽ rất biết ơn, nếu anh vui lòng nhét vào túi khẩu súng ngắn của anh. Súng với bàn chải đánh răng nữa, tôi nghĩ chúng ta chỉ cần hai thứ đó.

Đến Waterloo, chúng tôi đáp ngay tàu lên Leatherhead, rồi thuê một cỗ xe ngựa tại một quán trọ gần ga. Chúng tôi lên xe ngựa, băng qua khoảng bốn năm dặm trên những con đường làng ngoại mục của vùng Surry. Hôm đó thời tiết tuyệt đẹp, ánh nắng chan hòa, bầu trời hơi vẩn mây, không khí sực nức mùi đất ẩm. Tôi cảm thấy có một sự tương phản kỳ lạ giữa những dấu hiệu ngọt ngào hứa hẹn một mùa xuân đẹp với công việc khủng khiếp mà chúng tôi đang theo đuổi. Bên tôi ngồi đằng trước, đắm mình trong những trầm tư, hai ta khoanh trước ngực, mũi kéo sụp xuống tận mắt, cầm tỉ sát ngực. Nhưng bỗng anh vỗ vai tôi, chỉ tay về phía những cánh đồng.

- Nhìn kia! - Anh nói.

Một khu vườn sum sê cây cối trải dài trên một sườn đồi thoải thoải. Giữa đám cây lá nhô lên cái mái cao của một tòa nhà cũ tàn tạ.

- Stoke Moran thì phải? - Anh hỏi.

- Vâng, thưa ngài, đó là dinh cơ của bác sĩ Grimesby Roylott - Người xà ích đáp - Ngài sẽ đỡ mất thời giờ hơn, nếu đi theo lối đường tắt băng qua đồng. Chỗ có một tiểu thư đang đi kia kia.

- Theo tôi đó chắc là cô Stoner - Holmes phỏng đoán vậy.

Chúng tôi xuống xe, trả tiền, và chiếc xe ngựa lại lóc cóc quay về Leatherhead.

- Chào cô Stoner - Holmes nói.

Thân chủ chúng tôi chạy vội lại đón chúng tôi, vẻ mặt mừng rỡ.

- Tôi rất mong hai ông - Cô reo lên, ân cần xiết tay chúng tôi. - Bác sĩ Roylott đã lên Luân Đôn và khó có thể quay về trước tối nay.

- Chúng tôi đã có hân hạnh được gặp bác sĩ rồi. - Holmes nói, và anh vẫn tắt thuật lại những gì đã diễn ra. Cô Stoner tái mặt khi biết chuyện đó.

- Trời ơi! - Cô kêu lên. - Vậy là lão đã theo sát gót tôi.

- Chắc thế.

- Lão quỷ quyết tới mức tôi không thể biết lúc nào mình được an toàn. Lão có nói khi nào lão quay về không?

- Chắc lão phải cẩn trọng, vì có thể lão hiểu rằng mình đã gặp trên đường đi một người còn tinh khôn hơn chính lão. Đêm nay, cô phải khóa chặt cửa để tránh lão. Nếu lão định làm gì, chúng tôi sẽ gửi cô đến Harrow, ở với bà dì cô. Còn bây giờ, chúng ta phải tận dụng tối đa thời cơ, vì vậy, xin cô đưa ngay chúng tôi đến mấy căn phòng mà chúng tôi phải xem kỹ.

Tòa nhà được xây bằng đá xám; phần giữa cao, còn hai chái xây cong. Mấy khung cửa sổ ở một bên chái đã vỡ, nên phải bít lại bằng những thanh gỗ. Ngói trên mái sụt lở nhiều chỗ. Một cảnh tường đổ nát phơi bày trước mắt chúng tôi. Phần giữa nhà khá hơn ít nhiều; nhưng hiện đại hơn cả vẫn là khối bên phải. Những tấm rèm trên mấy khung cửa sổ và làn khói bay lên từ mấy cái lò sưởi cho thấy cả gia đình hiện sống tại phần này. Holmes đi đi lại lại trên bãi cỏ, chăm chú ngắm nhìn phía ngoài mấy khung cửa sổ.

- Tôi đoán cửa sổ này là cửa phòng ngủ trước đây cô sử dụng; cái chính giữa là phòng của chị cô, còn cái kế cận với tòa nhà chính là phòng của bác sĩ Roylott, đúng không, thưa cô?

- Vâng, đúng rồi. Nhưng tôi hiện phải ngủ tại căn giữa.

- Chỉ tạm thời trong lúc sửa chữa thôi, nếu tôi không lầm. à luôn tiện cũng xin hỏi : hình như chẳng việc gì phải sửa chữa gấp như vậy thì phải. Vì tôi thấy bức tường ở đầu nhà còn chắc lắm mà.

- Đúng vậy. Tôi tin chắc đó chỉ là cái cớ để bắt tôi phải chuyển phòng thôi.

- À! Có thể đúng thế thật. Nay, mặt trong cái chái hẹp này có một dãy hành lang mà cả ba phòng ngủ đều ăn thông ra, phải không? Bên phía đó chắc cũng phải có cửa sổ chứ?

- Vâng, nhưng nhỏ lắm. Nhỏ đến nỗi không một ai có thể chui qua được.

- Vậy là từ mặt đó, không một ai có thể lọt vào phòng hai chị em cô, nếu đêm nào các cô cũng khóa chặt cửa. Bây giờ, cô làm ơn vào phòng cô và đóng chặt mấy cánh cửa chắn lại nhé.

Cô Stoner làm theo lời Holmes, và anh cố tìm mọi cách thử mở cánh cửa chắn, nhưng vô hiệu.

- Hừm! - Anh nói - Giả thuyết đầu của tôi như vậy là đã bị loại bỏ. Không một ai có thể chui qua ngả này, nếu cửa chắn đã bị cài chặt. Được rồi, bây giờ thì ta thử vào phía trong, xem có phát hiện được gì mới không.

Một cánh cửa nhỏ bên hông dẫn vào hành lang mà cửa của ba phòng ngủ đều ăn thông ra. chúng tôi vào căn phòng thứ nhì, hiện là phòng ngủ của cô Stoner và cũng là nơi chị cô đã gặp tai họa. Đó là một căn phòng nhỏ, đủ tiện nghi, trần thấp và có một lò sưởi lớn. Một cái tủ gỗ nâu đựng quần áo, có ngăn kéo, kê ở một góc phòng; còn góc kia là một cái giường trắng hẹp và một cái bàn con đặt bên trái cửa sổ. Hết thấy những thứ vừa kể cùng hai chiếc ghế dựa là toàn bộ đồ đạc trong phòng, nếu không kể tới tấm thảm trải giữa sàn. Holmes đặt vào góc phòng một chiếc ghế, ngồi xuống im lặng nhìn quanh toàn bộ căn phòng, không bỏ sót một chi tiết nào.

- Sợi dây kéo chuông này ăn thông vào đâu? - Mãi sau, anh mới lên tiếng, tay chỉ vào một sợi dây giắt chuông cỡ lớn buông thõng xuống sát đầu giường.

- Nối với phòng người quản gia.

- Trông có vẻ mới hơn mọi thứ vật dụng trong phòng.

- Vâng. Vì mới được lắp cách đây vài năm.

- Chắc chị cô đòi mắc?

- Không tôi chẳng bao giờ thấy chị tôi giật chuông cả. Chúng tôi toàn tự tay làm lấy mọi việc, vì nhà không nuôi người hầu.

- Xin lỗi cô mấy phút nhé, tôi muốn xem kỹ thêm sàn căn phòng một chút.

Anh bò tới bò lui, xem xét cẩn thận từng đường rãnh những tấm ván lát sàn. Cuối cùng, anh đến cạnh giường ngủ, nhìn chằm chằm một lúc, rồi lại đưa mắt nhìn bức tường từ trên xuống dưới rồi từ dưới lên trên. Đoạn, anh cầm lấy dây chuông giật mạnh một cái.

- Sao không nghe chuông reo gì cả? Thậm chí nó cũng chẳng được nối vào sợi dây thép kéo chuông. Lạ thật! Cô nhìn kia, sợi dây thậm chí chỉ buộc vào một cái móc sắt nằm ngay phía trên cửa thông gió.

- Thật vô lý quá! Vậy mà lâu nay tôi chẳng để ý.

- Rất kỳ lạ! - Holmes vừa lăm bầm, vừa giật sợi dây. - Căn phòng này có một vài điểm rất kỳ quặc. Chẳng hạn, gã thợ xây hẳn phải điên rồi lăm mới trở cửa thông hơi sang phòng bên cạnh; lẽ ra hẳn có thể trở ra ngoài; cũng chỉ mất chừng ấy công thôi.

- Cái này cũng mới làm gần đây - Cô tiểu thư nói

- Chắc làm cùng lúc với sợi dây kéo chuông - Holmes nhận xét.

- Vâng đạo đó có một số thay đổi nhỏ trong nhà.

- Cô Stoner, cô vui lòng cho chúng tôi sang phòng ông bác sĩ xem qua một chút.

Phòng bác sĩ Roylott rộng hơn phòng hai cô con riêng của bà vợ trước, nhưng đồ đạc bài trí rất đơn sơ. Chỉ có một cái giường, một giá sách nhỏ bằng gỗ, một cái ghế bành kê cạnh giường, một giá sách nhỏ bằng gỗ, một cái ghế bành kê cạnh giường, một cái ghế xếp đặt sát tường, một cái bàn tròn và một tủ sắt lớn. Holmes thong thả đi quanh phòng, xem hết sức kỹ lưỡng từng món đồ đạc.

- Tủ này đựng gì? - Holmes vừa hỏi gõ vào chiếc tủ sắt.

- Giấy tờ làm ăn của bố dượng tôi.

- Ồ, thế ra cô đã có dịp nhìn vào bên trong?

- Chỉ một lần duy nhất, cách đây vài năm. Tôi nhớ là trong tủ đầy ắp giấy tờ.

- Ông ta có nuôi gì trong đó không? Như mèo chẳng hạn.

- Không, ông hỏi gì lạ thế!

- Thề thì cô nhìn đây! - Anh cầm lên một cái đĩa lót tách nhỏ, đựng sữa, đặt trên nóc tủ.

- Không, chúng tôi không nuôi mèo. Nhưng có một con báo bồm và một con khỉ đầu chó.

- À, vâng. Dĩ nhiên! Báo bồm chẳng qua chỉ là một con mèo lớn xác thôi. Nhưng tôi nghĩ rằng đĩa sữa nhỏ này e khó lòng chu cấp đủ cho con vật đó. Còn một điểm nữa tôi muốn làm sáng tỏ

Anh lấy kính lúp ra soi lên mặt chiếc ghế gỗ, xem xét mặt ghế hết sức kỹ lưỡng.

- Cảm ơn cô. Thế là rõ rồi. - Anh vừa nói vừa đứng dậy, cất chiếc kính lúp vào túi. - Chà! Món này lý thú đây!

Vật khiến anh chú ý là chiếc roi nhỏ, treo trên góc giường. Tuy nhiên, chiếc roi ấy bị uốn cong ở đầu mút, rồi thắt lại thành một vòng tròn.

- Watson, anh nghĩ gì về món này?

- Đó chỉ là một cái roi cũng bình thường thôi. Có điều tôi không hiểu tại sao lại thắt vòng ở đầu mút.

- Chẳng bình thường lắm đâu, anh không thấy sao? Tôi nghĩ tôi xem xét xong rồi đấy, cô Stoner ạ. Điều hết sức hệ trọng là từ bây giờ, cô nhất nhất phải làm đúng những điều tôi khuyên. Vụ này nghiêm trọng lắm, ta không được chần chừ một phút nào nữa. Tính mạng của cô tùy thuộc cô đấy.

- Tôi xin phó thác hết cho ông.

- Trước hết, đêm nay cả hai chúng tôi phải ở lại trong phòng cô. Cả tôi lẫn cô Stoner đều kinh ngạc trở mắt nhìn anh.

- Vâng, phải như thế mới được. Để tôi cắt nghĩa. Chắc ở đằng kia là cái quán trọ của vùng này?

- Vâng, đó là quán trọ Crown Inn.

- Rất tốt. Từ đó nhìn sang có thể thấy được cửa sổ căn phòng cô không?

- Thấy được chứ.

- Khi nào bố dựng cô về, cô không được ra khỏi phòng, lấy cớ là cô bị nhức đầu. Bao giờ nghe thấy lão sửa soạn đi ngủ, thì cô hãy mở ngay cửa sổ, đặt lên bậu một ngọn đèn để báo hiệu cho chúng tôi. Xong xuôi, cô mang hết những gì mình cần sang bên phòng cũ của cô. Tôi tin chắc rằng, tuy đang sửa chữa, cô vẫn có thể nghỉ tạm một đêm bên đó.

- Vâng, chuyện đó chẳng có gì khó.

- Phần còn lại cô cứ để mặc chúng tôi lo liệu.

- Nhưng các ông sẽ làm gì

- Chúng tôi sẽ ngồi bên căn phòng mới của cô để tìm cho ra nguyên nhân của những tiếng động đã khuấy rầy cô.

- Ông Holmes, tôi tin rằng ông đã đi đến được một kết luận - cô Stoner vừa nói vừa đặt tay lên ống tay áo của bạn tôi.

- Có lẽ cô đúng.

- Vậy xin ông cho tôi biết tại sao chị tôi chết.

- Trước lúc cho cô biết, tôi muốn có những bằng chứng hiển nhiên hơn.

- Ít nhất ông cũng có thể cho tôi biết là tôi đoán định như vậy có đúng không : chị tôi chết vì nỗi hoảng sợ quá đột ngột?

-Ồ không, tôi không cho là vậy. Tôi nghĩ là có một nguyên nhân cụ thể hơn nhiều. Còn bây giờ, chúng ta phải tạm biệt nhau, vì nếu bác sĩ Royslott quay về mà bắt gặp chúng tôi ở đây, thì chuyến đi này coi như uổng công. Tạm biệt cô, cô hãy can đảm lên nhé! Nếu cô làm đúng những gì tôi dặn, cô có thể tin rằng chúng tôi sẽ sớm loại bỏ những hiểm họa đang rình rập cô.

* * * * *

Sherlock Holmes và tôi thuê một phòng ngủ và một phòng khách tại quán trọ Crown Inn. Cả hai đều nằm ở tầng trên cùng, nên chúng tôi có thể nhìn rõ dãy nhà đang được sử dụng trong trang trại Stoke Moran. Vào lúc nhá nhem tối, chúng tôi thấy chiếc xe ngựa chở bác sĩ Grimesby Royslott chạy ngang qua cửa sổ phòng trọ. Vóc người lão trông càng cao lớn bên cạnh cậu xà ích bé nhỏ. Đến cổng, cậu đánh xe loay hoay một lúc mới mở được hai cánh cổng sắt nặng, và chúng tôi nghe được cái giọng khàn của bác sĩ Royslott gầm lên, trong khi lão giận dữ khua hai nắm đấm trước mũi cậu xà ích. Cổ xe chạy qua cổng và chỉ một lát sau, chúng tôi đã thấy giữa lùm cây lóe lên một ánh đèn mới thấp trong một phòng khách tại nhà lão.

- Watson ạ, quả tình tôi chưa dám chắc đêm nay có nên đưa anh đi cùng hay không
- Holmes nói khi chúng tôi đang ngồi bên nhau trong bóng tối - Tình hình chắc sẽ nguy hiểm lắm!

- Tôi có thể giúp ích cho anh chút nào không?

- Có anh đi cùng là rất quý.

- Vậy thì tôi nhất định sẽ đi cùng anh.

- Cảm ơn, anh tốt quá.

- Anh có nói đến nguy hiểm. Chắc chắn là anh đã phát hiện được nhiều điều trong những căn phòng đó hơn tôi.

- Không, tôi nghĩ rằng tôi chỉ rút ra được nhiều kết luận hơn anh thôi. Tôi cho rằng anh cũng đã trông thấy những gì tôi trông thấy.

- Tôi chẳng phát hiện được gì đáng chú ý, ngoại trừ sợi dây giạt chuông. Tôi không hình dung nổi sợi dây đó được dùng làm gì.

- Anh cũng nhìn thấy cả cái lỗ thông gió chứ?

- Có. Nhưng tôi nghĩ rằng chẳng có gì kỳ lạ là có một lối hờ nhỏ giữa hai phòng. Nó nhỏ tới mức một con chuột nhắt cũng khó chui quá.

- Tôi biết trước thế nào chúng ta cũng phát hiện được cái lỗ thông gió đó ngay từ khi chưa đến Stoke Moran.

- Thế thì hơi quá đây, anh Holmes thân mến ạ.

-Ồ, đúng thế. Anh không nhớ là cô Stoner cho biết chị cô ấy có lần ngửi thấy mùi khói xì gà của lão bác sĩ Roylott hay sao? Điều đó cho thấy ngay rằng giữa hai căn phòng tất phải có một lối thông sang nhau. Có điều cái lối thông đó phải rất nhỏ, nếu không thì viên dự thẩm đã nhận thấy. Tôi rút ra kết luận: đó chỉ là một cái lỗ thông gió.

- Nhưng cái lỗ đó thì phòng có hại gì?

-Ồ, ít ra cũng có sự trùng khớp đáng lưu ý giữa các sự việc: người ta trở một cái lỗ cửa thông gió ngay phía trên đầu giường, người ta treo một sợi dây giạt chuông lên, thế là cô gái ngủ trên cái giường kia chết. Anh không thấy sự trùng khớp đó là kỳ lạ?

- Tôi vẫn chưa thấy những cái đó có gì dính dáng với nhau.

- Thế anh không thấy có gì kỳ lạ nơi chiếc giường ngủ kia sao?

- Không.

- Chân giường được gắn chặt vào sàn nhà. Đã bao giờ anh thấy một kiểu kê giường như thế chưa?

- Có lẽ chưa bao giờ.

- Cô gái không thể di chuyển được cái giường. Nó luôn được đặt cố định bên dưới lối thông gió và sợi dây thừng. Chúng ta có thể gọi đó chỉ là sợi thừng, vì người ta treo nó lên không phải để giật chuông.

- Anh Holmes - Tôi reo lên - Bây giờ như tôi đã hiểu được lờ mờ những gì anh muốn nói. Vậy là chúng ta đã có mặt vừa kịp thời để chặn đứng một tội ác khủng khiếp.

- Phải, cũng khá khủng khiếp. Nhưng chúng ta sẽ còn phải nếm đủ mùi khủng khiếp chừng nào đêm nay còn chưa trôi qua. Cho nên, ta hãy bình tâm thưởng thức những tẩu thuốc này và nghĩ tới một cái gì đó vui hơn trong vài tiếng đồng hồ,

Khoảng chín giờ tối, ánh đèn giữa các chùm cây vụt tắt, cả trang trại bỗng chìm vào bóng tối. Hai tiếng đồng hồ nửa chậm chạp trôi qua, rồi thình lình một ánh đèn đơn độc đã lóe sáng phía trước.

- Đó là ám hiệu của chúng ta - Holmes nói, rồi đứng bật dậy - ánh đèn phát ra từ cánh cửa sổ ở giữa.

Lát sau, chúng tôi đã xuống đường. Trời tối, gió lạnh quạt vào mặt. Ánh đèn vàng ệch đường trước soi đường cho chúng tôi trong đêm tối. Chúng tôi lách qua giữa những gốc cây, đến chỗ bãi cỏ, rồi băng qua nó. Khi chúng tôi sắp trèo qua cửa sổ, thì từ trong những bụi rậm gần đó bỗng lao tới một quái vật tựa như một đứa bé dị dạng. Nó gieo mình xuống đất, trụ lại trên bốn cẳng chân co quắp, rồi lao qua bãi cỏ, mất hút vào bóng đêm.

- Trời ơi! - Tôi rí tai Holmes - Anh có trông thấy gì không?

Trong khoảng một phút đồng hồ Holmes cũng hoảng sợ như tôi. Rồi anh cười khẽ và thì thầm vào tai tôi :

- Một cơ ngơi thật khả ái. Con khỉ đầu chó đó.

Tôi đã quên khuấy mất lũ “gia súc” kỳ quái của lão bác sĩ hiếm độc. Thú thực, tôi cảm thấy nhẹ cả người, khi noi gương Holmes, cởi giày và trèo qua cửa sổ vào phòng. Bạn tôi khẽ đóng cánh cửa chắn lại, đặt ngọn đèn lên bàn, rồi đảo mắt nhìn quanh phòng. Mọi thứ vẫn y nguyên như hồi chiều. Rồi anh rón rén tiến lại gần tôi, rí tai tôi, giọng khẽ đến mức khó lòng nghe rõ được từng lời :

- Chỉ một tiếng động nhỏ nhất cũng có thể khiến những dự tính của chúng ta tiêu ma.

Tôi gật đầu để cho Holmes biết là tôi đã nghe thấy.

- Chúng ta phải tắt đèn ngay. Lão có thể phát hiện được ánh sáng qua lỗ cửa thông gió trên kia.

Tôi lại gật.

- Nhớ đừng ngủ gật nhé. Mạng sống của anh đang tùy thuộc vào đó. Chuẩn bị khẩu súng để khi cần, ta có thể ra tay. Tôi sẽ ngồi ở mép giường; còn anh, hãy ngồi tạm xuống chiếc ghế kia.

Tôi lấy khẩu súng ngắn ra, đặt lên góc bàn.

Holmes có mang theo một cây gậy dài, mảnh. Anh đặt nó lên mặt giường, sát bên tầm tay. Cạnh đó, anh đặt một bao diêm và một cây nến; xong xuôi, anh tắt đèn, và chúng tôi ngồi im trong bóng tối.

Chắc chẳng bao giờ tôi quên được cái đêm mất ngủ khủng khiếp đó! Tôi không thể nghe được một âm thanh nào, thậm chí cả tiếng thở. Tôi biết bạn tôi đang ngồi cách mình mấy bước, mắt mở trừng trừng và cũng đang trong trạng thái thần kinh căng thẳng như tôi. Cánh cửa chắn ngăn hết mọi thứ ánh sáng, chúng tôi ngồi trong bóng tối dày đặc. Bên ngoài chốc chốc lại vọng vào tiếng chim ăn đêm; và có một lần vang lên một tiếng hú dài tựa tiếng mèo kêu: hẳn là con báo bôm đã được thả. Từ xa vắng lại tiếng chuông nhà thờ điểm giờ: cứ mười lăm phút lại buông một tiếng trầm trầm. Ôi, những khoảng thời gian mười lăm phút đó sao mà dài thế! Đồng hồ điểm mười hai giờ, một giờ, hai giờ, rồi ba giờ..., và chúng tôi vẫn im lặng ngồi đợi xem điều gì sẽ xảy ra.

Bỗng một ánh lửa lóe lên từ bên kia lỗ cửa thông gió, rồi vụt biến mất ngay. Sau đó mùi dầu cháy và mùi sắt nung khé tlet bay sang. Ai đó ở phòng bên đã châm đèn. Tôi nghe một tiếng di động rất khẽ, rồi tắt cả lại chìm vào im lặng, tuy mùi khét mỗi lúc một

nồng nặc. Suốt nửa giờ tôi căng tai nghe ngóng. Rồi thình lình tôi nghe một tiếng động khác, rất khẽ, tựa như tiếng luồng hơi nước thoát ra từ một ấm đun nước. Đúng vào lúc tôi nghe thấy âm thanh đó, thì Holmes đứng bật dậy, đánh diêm và giật dữ vệt cây gậy tới tấp vào sợi dây giật chuông.

- Anh có thấy nó không, Watson? - Anh rít lên - Anh có thấy nó không?

Nhưng tôi chẳng thấy gì cả. Vào lúc Holmes đánh diêm, tôi nghe thấy có tiếng huýt sáo khẽ, nhưng rõ. Tuy vậy, ánh lửa ở đầu que diêm đột ngột lóe sáng đập vào cặp mắt mệt mỏi của tôi, khiến tôi không thể nói đích xác bạn tôi đang đập tới tấp vào cái gì. Tuy vậy, tôi có thể thấy rõ mặt anh tái nhợt như một xác chết và đầy kinh hãi. Anh ngừng tay, ngược nhìn chằm chằm vào lỗ cửa thông gió, rồi giữa cảnh im ắng của đêm khuya bỗng vang lên một tiếng rú kinh hoàng mà tôi chưa từng nghe thấy bao giờ. Tiếng rú mỗi lúc một to hơn, một tiếng rú khàn khàn, chứa đầy đau đớn, sợ hãi và phẫn nộ. Tôi đứng nhìn trừng trừng vào Holmes, còn anh thì nhìn tôi, cho tới lúc những tiếng vọng cuối cùng của tiếng rú kia chìm vào cảnh im ắng của đêm khuya như ban nãy.

- Thế nghĩa là thế nào? - Tôi thở dốc.

- Thế nghĩa là mọi chuyện đã kết thúc, - Holmes đáp - và xét cho cùng, kết thúc như thế là hay hơn cả. Anh cầm súng lên, chúng ta sẽ vào phòng bác sĩ Royslott.

Về mặt trang nghiêm, anh châm đèn lên và bước ra hành lang. Tôi đi ngang anh sáng phòng bên. Anh gõ cửa hai lần, nhưng bên trong không có tiếng đáp. Anh vịn quả đấm, rồi đi vào phòng. Tôi vào theo, súng lăm lăm trong tay.

Một cảnh tượng kỳ lạ đập vào mắt chúng tôi. Trên bàn đặt một ngọn đèn, hắt ánh sáng chói gắt lên chiếc tủ sắt với cánh cửa đang hé mở. Ngồi trên chiếc ghế gỗ kê cạnh đó là bác sĩ Grimesby Royslott mình choàng chiếc áo chùng màu xám; và vắt ngang trên đùi lão là chiếc roi mà chúng tôi đã để ý tới hồi chiều. Cầm lão ta héch lên, còn đôi mắt thì nhìn trừng trừng vào một góc trần nhà: một cái nhìn bất động trông rất khủng khiếp. Quanh đầu lão quấn một dải băng màu vàng kỳ dị, điểm những đốm màu nâu sẫm. Khi chúng tôi bước vào, lão vẫn ngồi im lặng và bất động.

- Dải băng! Dải băng lốm đốm! - Holmes khẽ thốt lên.

Tôi bước tới một bước. Ngay trong khoảnh khắc đó, dải băng bắt đầu chuyển động. Từ đám tóc của bác sĩ Royslott ngóc lên một cái đầu có cạnh và cái cổ ngẳng của một con rắn góm ghiếc.

- Đó là giống rắn độc đầm lầy! - Holmes kêu lên - Độc hơn bất cứ giống nào ở Ấn Độ. Lão ta chết mười giây sau khi bị rắn cắn. Anh hãy nhốt ngay con rắn độc kia vào tủ sắt đã, rồi đưa cô Stoner đến một nơi an toàn; xong đi báo cảnh sát địa phương.

Anh vừa nói, vừa rút vội cây roi trên đùi viên bác sĩ. Anh trông đầu roi vào cổ rắn, thất lại, rồi nhốt rắn vào tủ, đóng lại.

Đó là sự kiện đích thực về cái chết của bác sĩ Grimesby Royslott ở Stoke Moran. Trên đường về vào sáng hôm sau, Holmes nói thêm cho tôi rõ những việc còn lại mà tôi chưa biết về vụ này.

- Ban đầu, tôi đã kết luận hoàn toàn sai - Anh nói. - Điều đó cho thấy, Watson thân mến, sẽ nguy hiểm biết chừng nào khi lý giải mà chưa có đủ thông tin. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính việc cô gái tội nghiệp nọ đã dùng dải băng để diễn tả những gì cô trông thấy nhờ ánh sáng của que diêm và cả sự có mặt của đám Gipsy trong trang trại - hai thứ đó đã gợi ra trong đầu tôi một ý nghĩ hoàn toàn sai lầm. Nhưng tôi đã gạt bỏ ngay giả thuyết đó khi hiểu rõ rằng không thể có một hiểm họa nào đe dọa cô ấy từ

phía cửa sổ và cửa ra vào. ý nghĩ của tôi nhanh chóng đổ dồn vào cái lỗ thông gió và sợi dây giạt chuông thông xuống đầu giường, như tôi đã có lưu ý với anh. Tôi còn phát hiện thêm được rằng sợi dây nọ chỉ là đồ giả và chiếc giường ngủ bị gắn chặt vào gỗ lát sàn. những chi tiết đó khiến tôi nghĩ ngay; sợi dây kia chỉ là một thức cầu nối, giúp cho một vật đi từ lỗ thông gió xuống giường ngủ. Tôi đoán đó phải là một con rắn, vì biết lão bác sĩ có nhận một số giống vật từ Ấn Độ gửi sang. Tôi cảm thấy hình như mình đã lần ra đầu mối. Rồi tôi nghĩ tới tiếng huýt sáo. Dĩ nhiên lão phải gọi con rắn kia về trước khi trời sáng, để khỏi bị nạn nhân phát hiện. Lão đã luyện cho nó chắc là bằng đĩa sữa mà chúng ta đã thấy, khi nghe tiếng huýt sáo mà lão gọi. Lão chỉ cho nó leo qua lỗ thông gió vào thời điểm thích hợp, và biết rằng nó sẽ theo sợi dây mà bò xuống đầu giường. Con rắn có thể cắn người ngủ trên giường, mà cũng có thể không. Đêm đêm, cô gái có thể thoát chết trong vòng một tuần nhưng sớm muộn gì rồi cũng bị nó cắn.

Tôi đã đi đến những kết luận đó trước khi đặt chân vào phòng lão. Khi quan sát mặt ghế, tôi thấy lão hay đứng lên đó. Lão nhất thiết phải làm vậy, vì không thể nào với tay tới lỗ cửa thông gió sát trên trần nhà. Cái tủ sắt, đĩa sữa và ngọn roi đã đủ để xua tan những ngờ vực còn lảng vảng trong trí tôi. Tiếng động mạnh do một vật bằng kim loại phát ra, mà cô Stoner nghe được, rõ ràng do ông bố dựng gây ra: lão cần đóng mạnh cánh cửa sắt để nhốt con vật nuôi đáng sợ đó. Sau khi đã đi đến những kết luận đó, tôi liền tiến hành việc chứng minh, nhưng anh đã thấy đó. Khi nghe được những tiếng động rất khẽ mà tôi nghĩ chính anh cũng nghe rõ, tôi lập tức tắt đèn lên và tấn công con vật“.

- Kết quả là anh đã đuổi nó bò trở lại lỗ thông gió.

Và cũng chính bằng cách đó, tôi đã xua nó về lại với ông chủ đang ngồi ở phòng bên. Bị đánh tới tấp, con rắn trúng gậy mấy lần, nó nổi giận và tấn vào kẻ đầu tiên mà nó chạm trán trên đường về. Và chính vì vậy, không còn ngờ vực gì nữa, tôi gián tiếp chịu trách nhiệm về cái chết của bác sĩ Grimesby Roylott. Nhưng chắc là việc đó chẳng đè nặng lên lương tâm tôi lắm đâu.

Hết

B.9 - The Adventure of the Engineer's Thumb 1892 (Ngón tay cái của viên Kỹ sư)

Từ ngày quen nhau, trong số những vụ án mà anh bạn tôi, Sherlock Holmes xử lý, chỉ có 2 vụ mà tôi là người dẫn tới anh, đó là vụ Ngón tay cái của ông Hatherley và Cơn điên của Đại tá Warburton. Trong số đó, vụ thứ hai có thể là một cơ hội tốt hơn cho nhà quan sát phát huy sự sắc sảo và sáng tạo, nhưng vụ thứ nhất lại kỳ lạ ngay từ khi bắt đầu, và diễn biến của nó hấp dẫn đến nỗi đáng được ghi lại hơn cả, mặc dù vụ án này không cho anh bạn tôi nhiều cơ hội vận dụng khả năng suy luận tài ba mà nhờ đó anh đã gặt hái được nhiều thành công rực rỡ. Tôi tin chắc rằng câu chuyện này đã được hơn một lần kể lại trên các báo, nhưng cũng giống như tất cả các bài tường thuật khác, chỉ với một “khung chữ” in vồn vện trong nửa cột báo thì ấn tượng về nó thật kém xa nếu bạn tận mắt chứng kiến quá trình sự thật dần dần được hé mở, và điều bí ẩn dần dần biến mất khi mà mỗi khám phá mới điều là một bước tiến tới sự thật hoàn hảo. Toàn bộ câu chuyện lúc đó đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc đến nỗi hai năm sau cũng không hề phai nhạt.

Câu chuyện mà tôi sắp kể đây diễn ra vào mùa hè năm 1889, không lâu sau đám cưới của tôi. Tôi vừa mới trở lại làm việc ở phòng khám và cuối cùng cũng phải bỏ lại Holmes trong căn nhà ở phố Baker, mặc dù vẫn thường xuyên tới thăm và thỉnh thoảng còn thuyết phục anh từ bỏ những thói quen lúi xúi để đến thăm chúng tôi. Tôi cũng rất bận rộn, và vì chỗ tôi ở không xa ga Paddington lắm nên tôi cũng có vài bệnh nhân là nhân viên làm việc ở đó. Có một người được tôi chữa khỏi căn bệnh nan y hành hạ, không bao giờ chán việc quảng cáo về năng lực của tôi và luôn luôn giới thiệu tôi cho bất kỳ người bệnh nào mà ta quen biết.

Vào một buổi sáng, khoảng 7 giờ, tôi bị đánh thức dậy bởi tiếng đập cửa của bà giúp việc. Bà báo cho tôi có hai người đàn ông đến từ Paddington và đang tôi ở phòng khám. Tôi vội vã thay quần áo vì kinh nghiệm cho thấy, những trường hợp tai nạn đường sắt hiếm khi là những ca bình thường. Tôi chạy vội xuống nhà, cũng là lúc người cộng tác cũ của tôi, anh bảo vệ, bước ra khỏi phòng và đóng chặt cánh cửa lại.

- Tôi đã đưa anh ta đến đây rồi - Anh ta thì thăm, chỉ tay ra phía sau - Anh ta ổn rồi.

- Có chuyện gì vậy? - Tôi hỏi thế vì thái độ của anh ta cứ như là vừa mới nhốt một sinh vật lạ vào phòng tôi vậy.

- Đó là một bệnh nhân mới - Anh ta vẫn thì thào - Tôi nghĩ rằng tôi phải đích thân đưa anh ta đến đây nếu không anh ta sẽ ngã giữa đường mất. Anh ta đã tới được đây rồi, hoàn toàn bình an vô sự. Tôi phải đi bây giờ, thưa bác sĩ, tôi cũng như ông, đều có việc của mình.

Và anh ta bỏ đi, vội vã, không kịp để cho tôi nói lời cảm ơn. Tôi bước vào phòng khám và thấy một quý ông ngồi bên cạnh bàn làm việc. Anh ta mặc bộ com lê bằng vải tuyết-xô, và chiếc mũ vải mềm anh ta vừa đặt lên chồng sách của tôi. Một bàn tay được quấn bằng khăn mùi xoa có làm tám những vết máu loang. Anh ta còn trẻ, không quá 25 tuổi, tôi đoán vậy. Anh ta có khuôn mặt mạnh mẽ, đầu nam tính nhưng sắc mặt thì

tái nhọt đi, điều đó tạo cho tôi ấn tượng về một người vừa bị kích động mạnh mà phải dùng toàn bộ sức mạnh ý chí để tự chủ được chính mình.

- Tôi xin lỗi vì đã gõ cửa phòng khám của ông quá sớm, thưa bác sĩ - Anh ta nói - nhưng tôi vừa bị một tai nạn nghiêm trọng đêm qua. Tôi đến đây bằng chuyến tàu sáng, tôi tìm bác sĩ ngay tại ga Paddington. Một anh bạn rất tốt bụng đã đưa tôi đến tận đây. Tôi đưa cho bà giúp việc tấm danh thiếp của mình, và bà ấy đã để nó trên bàn.

Tôi cầm danh thiếp lên, đọc qua "Ông Victor Hatherley, kỹ sư thủy lực học, 16A phố Victoria, (tầng 3)". Đó là tên, nghề nghiệp và địa chỉ của vị khách mới tới.

- Tôi xin lỗi vì đã để anh chờ - tôi nói và ngồi xuống ghế của mình - Tôi hiểu là anh vừa trải qua một chuyến đi qua đêm nhàm chán.

- Ồ không, đêm qua của tôi không thể gọi là nhàm chán được. - Anh ta phá lên cười sặc sụa, tỏ ra rất vui vẻ, lại còn ngả người ra ghế cười đến nỗi tất cả những dụng cụ y tế của tôi đều rung theo người anh ta vì trận cười đó.

- Đủ rồi! - Tôi hét lên - Bình tĩnh lại nào!

Tôi rót cho anh ta ít nước lọc. Nhưng cũng vô ích. Anh ta dường như bị kiệt sức vì trận cười bộc phát đó. Bây giờ thì phút kích động đã qua, anh ta trở lại với chính mình, chán nản và nhọt nhọt.

- Tôi hành động như một thằng ngốc vậy - Anh ta nói trong tiếng thở hổn hển.

- Không sao. Anh uống đi. - Tôi rót thêm một ít rượu mạnh vào nước, hai má anh ta đã hồng hào trở lại.

- Thế này tốt hơn rồi - Anh ta nói - Còn bây giờ, thưa bác sĩ, xin ông vui lòng khám giúp tôi ngón tay cái, hay chính xác hơn là cái chỗ mà ngón cái của tôi đã từng ở đó.

Anh ta tháo bỏ chiếc khăn và giơ tay ra. Thậm chí thần kinh thép như tôi còn thấy khiếp sợ khi nhìn vào nó. Chỉ còn bốn ngón tay với một mẫu xương nhầy nhụa máu đỏ ở nơi mà trước đây từng là ngón cái. Chắc hẳn là nó đã bị gãy hay bị chặt ra khỏi bàn tay.

- Lạy chúa! - Tôi kêu lên - Một vết thương nghiêm trọng! Chắc là anh mất nhiều máu lắm!.

- Vâng thưa bác sĩ. Tôi đã ngất xỉu khi mọi chuyện xảy ra, và nghĩ mình sẽ bị mất cảm giác trong một thời gian dài. Khi tỉnh lại, tôi thấy máu vẫn chảy nên quyết định buộc khăn vào cổ tay và thắt chặt nút lại.

- Tuyệt! Lẽ ra anh phải là bác sĩ mới đúng.

- Cái đó thuộc về lĩnh vực thủy lực học, ông biết đấy, đó là nghề nghiệp của tôi.

Tôi kiểm tra vết thương :

- Vết thương này bị gây ra bởi một vật nặng và sắc.

- Một vật giống như một con dao phay - Anh ta nói.

- Một tay nạn tôi đoán thế.

- Hoàn toàn không.

- Cái gì?! Một vụ tấn công với ý định giết người à?

- Đúng, hoàn toàn có chủ ý.

- Anh làm tôi sợ quá đấy!

Tôi lau chùi vết thương, rửa sạch nó và cuối cùng băng lại bằng băng khử trùng. Anh ta nằm xuống mà không hề nhăn mặt, mặc dù anh ta cố mím môi vì đau suốt từ đầu đến giờ.

- Anh ta cảm thấy thế nào rồi? - Tôi hỏi khi đã băng bó xong.

- Vô cùng tai hại! Rượu và bông băng của ông làm cho tôi cảm thấy như một người khác. Tôi rất yếu, nhưng tôi đã vượt qua quá nhiều chuyện.

- Có lẽ anh không nên nói chuyện này. Rõ ràng là nó quá sức chịu đựng đối với thần kinh của anh.

-Ồ không! Tôi sẽ còn phải trình báo với cảnh sát, nhưng thật ra nếu không có bằng chứng thuyết phục là vết thương này thì chính tôi cũng sẽ ngạc nhiên nếu họ tin vào sự trình báo của tôi. Vì quả thật, nó rất bất thường, mà lại không có nhiều bằng chứng đủ để kể lại một cách mạch lạc, thậm chí nếu họ có tin tôi thì những cứ tôi đưa ra cũng quá mờ nhạt, đến nỗi tôi không biết công lý có được thực hiện không?

- Ha! - Tôi khẽ kêu lên - Nếu nó là một vấn đề mà anh thật sự muốn được giải quyết thì tôi chân thành khuyên anh đến tìm bạn tôi, Sherlock Holmes, trước khi tìm đến cảnh sát.

-Ồ, tôi đã nghe tiếng ông ấy - Người khách của tôi trả lời - và tôi rất mừng nếu ông ấy chịu giúp tôi, mặc dù rất tự nhiên là tôi vẫn phải nhờ đến cảnh sát. Ông có thể giới thiệu tôi với ông ấy không?

- Tôi sẽ làm hơn thế nữa. Tôi sẽ đưa anh đến tận nơi.

- Tôi rất biết ơn ông.

- Chúng tôi sẽ gọi một cỗ xe ngựa và cùng đi. Có lẽ chúng ta sẽ đến kịp bữa sáng. Anh có đồng ý không?

- Vâng, tôi sẽ không thể thấy thoải mái khi chưa kể được câu chuyện của tôi.

- Thế thì chúng ta đi thôi.

Tôi chạy vội lên gác, giải thích ngắn gọn sự việc cho vợ tôi biết và 5 phút sau, tôi đã ở trong xe ngựa, chạy thẳng tới phố Baker cùng với người khách mới quen.

Sherlock Holmes, đúng như tôi nghĩ, mặc bộ áo khoác ở nhà, miệng ngậm tẩu thuốc, đang ngồi uể oải trong phòng khách đọc mục Trò chuyện của tờ The Times. Chiếc gạt tàn còn đầy thuốc của những lần hút trước, một thói quen trước bữa sáng của anh. Tất cả diễn ra chỉ ở một góc kệ lò sưởi. Anh đón chúng tôi bằng một thái độ ân cần, trầm tĩnh vốn có và gọi cho chúng tôi món thịt muối và trứng, rồi cùng dùng bữa. Ăn xong, anh mời vị khách ra ghế bành, đặt cái gối dưới đầu anh ta và để cốc rượu mạnh có pha lẫn nước trong tầm tay anh ta.

- Có thể dễ dàng nhận ra rằng chuyện của anh không phải là chuyện bình thường, anh Hatherley - Anh nói. - Hãy cầu nguyện, cứ nghĩ tự nhiên như ở nhà mình. Hãy kể cho chúng tôi nghe những gì anh có thể, nếu mệt thì thôi và cố giữ gìn sức khỏe.

- Cám ơn ông. - Bệnh nhân của tôi nói - nhưng tôi đã cảm thấy khá hơn từ lúc bác sĩ băng bó cho tôi, tôi nghĩ rằng bữa sáng của bác sĩ Watson đã hoàn thành nốt việc chữa trị. Tôi sẽ cố không làm mất thời giờ quý báu của ông, vì vậy tôi sẽ bắt đầu ngay câu chuyện kỳ lạ của mình.

Holmes ngồi trong chiếc ghế bành to với bộ mặt tỏ ra chán chường và hờ hững, cố che giấu bản chất hứng thú và tò mò bên trong. Còn tôi thì ngồi đối diện với anh và chúng tôi im lặng lắng nghe câu chuyện kỳ lạ mà vị khách kể lại từng chi tiết.

- “Các ông phải biết rằng - Anh ta nói - tôi là một đứa trẻ mồ côi, sống độc thân trong khu nhà trọ ở London. Chuyên môn của tôi là kỹ sư thủy lực học, và tôi đã tích lũy được một vốn kinh nghiệm đáng kể trong công việc suốt thời gian 7 năm thử việc cho Công ty Venner và Matheson, một doanh nghiệp nổi tiếng ở Greenwich. Hai năm trước đây, sau khi đã thu xếp thời gian và cũng được hưởng món tiền thừa kế ít ỏi từ người cha tôi

nghiệp, tôi quyết định bắt đầu sự nghiệp riêng của mình và lập văn phòng làm việc trên phố Victoria.

Tôi cho rằng bất kỳ ai khi mới bắt đầu tự lập trong sự nghiệp cũng đều dễ cảm thấy nản lòng. Đối với tôi thì điều đó càng đúng. Trong suốt 2 năm, tôi chỉ có nổi 3 lần kiểm tra máy và một công việc nhỏ, và đó là tất cả những gì nghề nghiệp đem lại cho tôi. Tổng thu nhập của tôi chỉ có 27 bảng 10 xu. Hàng ngày, từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, tôi chỉ biết ngồi đợi trong căn phòng nhỏ cho đến khi nhựt chí, và bắt đầu tin rằng tôi sẽ không bao giờ có khách hàng nữa.

Tuy nhiên, đến hôm qua, khi tôi đang định rời văn phòng thì thư ký của tôi bước vào báo có một quý ông đang đợi tôi. Anh ta còn đưa cho tôi danh thiếp của vị khách với cái tên “Đại tá Lysander Stark”. Theo sát gót là ông đại tá, một người đàn ông cao lớn nhưng gầy đét. Tôi không hình dung được có ai gầy đến thế. Cả khuôn mặt ông ta chỉ nhìn thấy mũi và cằm, còn da ở hai bên má thì bị kéo căng ra bởi xương gò má nhô lên quá cao. Nhưng khuôn mặt hốc hác đó dường như là bẩm sinh và không hề có bệnh, vì mắt ông ta rất sáng, bước đi nhanh nhẹn và tác phong rất dứt khoát. Ông ta ăn mặc đơn giản nhưng gọn gàng, còn về tuổi tác của ông ta, tôi đoán là gần 40 hơn là 30.

- “Ông Hatherley phải không?” - Ông ta phát âm giống người Đức - “Tôi được biết, thưa ông Hatherley, ông là người không chỉ thành thạo về chuyên môn mà còn rất thận trọng và có khả năng giữ bí mật”.

Tôi nghiêng mình, cảm thấy hãnh diện như bất kỳ một chàng trai trẻ nào khác khi được khen như vậy.

- “Tôi có thể biết ai đã cho tôi những đức tính tốt đến như vậy không, thưa ngài?”.

- “Ồ, có lẽ tôi không nên được tiết lộ điều đó vào lúc này. Tôi còn được biết ông là một trẻ mồ côi và đang sống độc thân ở London.”

- “Đúng vậy!” - Tôi trả lời - “Nhưng xin ngài thứ lỗi nếu tôi nói rằng tất cả những điều này không liên quan gì đến khả năng chuyên môn của tôi. Tôi hiểu rằng ông tới đây vì muốn nói chuyện công việc?”

- “Không có gì phải nghi ngờ về điều đó. Nhưng rồi ông sẽ thấy những gì tôi nói đều có mục đích cả. Tôi có một công việc cho ông, nhưng ông phải tuyệt đối giữ bí mật - tuyệt đối bí mật, ông hiểu chứ. Và dĩ nhiên chúng tôi trông chờ điều đó ở một người sống một mình hơn là người sống trong sự đùm bọc của gia đình”.

- “Nếu tôi hứa sẽ giữ bí mật”, - Tôi nói - “thì ngài có thể hoàn toàn tin tưởng vào điều đó”.

Khi tôi nói điều này, ông ta nhìn tôi với ánh mắt ngờ vực và thắc mắc nhất mà tôi từng thấy.

- “Thế ông có hứa không?” - Cuối cùng ông ta nói.

- “Vâng, tôi hứa”.

- “Đảm bảo tuyệt đối im lặng trước, trong và sau khi công việc kết thúc chứ? Không một sự tiết lộ nào về công việc, cả trong lời nói và chữ viết chứ?”.

- “Tôi đã hứa rồi?”.

- “Rất tốt” - Ông ta đột ngột đứng bật dậy, băng qua căn phòng như một tia chớp mà đẩy mạnh cửa. Hành lang bên ngoài hoàn toàn vắng lặng.

- “Thế này thì ổn rồi”, - Ông ta nói khi quay trở lại - “Tôi biết có những người thư ký thỉnh thoảng rất tò mò về công việc của người chủ. Giờ thì chúng ta có thể nói chuyện

an tâm rồi". Ông ta kéo ghế lại sát bên tôi và bắt đầu nhìn tôi với ánh mắt nhìn hoài nghi đầy bí ẩn.

Một cảm giác ghê sợ hay cái gì tương tự như nỗi sợ hãi bắt đầu dâng lên trong tôi vì cái trò kỳ quái của người đàn ông chỉ có da bọc xương này. Thậm chí cả nỗi lo mất khách hàng cũng không thể khiến tôi khỏi sốt ruột.

- "Tôi mong ngài bắt đầu công việc cho" - Tôi nói - "Thời gian của tôi là vàng bạc".

Chúa tha tội cho tôi vì câu nói sau cùng đó, nhưng từ ngữ cứ trôi tuột khỏi môi tôi vậy.

- "50 đồng vàng cho một đêm làm việc có vừa ý ông không?" - Ông ta hỏi.

- "Thế thì thật tuyệt".

- "Tôi nói một đêm làm việc, nhưng có lẽ một giờ thì đúng hơn. Đơn giản, tôi chỉ muốn biết ý kiến của ông về một cỗ máy nén thủy lực bị trật bánh ray. Chỉ cần ông chỉ cho chúng tôi được chỗ sai sót, chúng tôi sẽ tự sửa lại nó. Ông nghĩ thế nào về một công việc như vậy?"

- "Công việc có vẻ nhẹ nhàng và trả lại công lại hậu hĩnh".

- "Cũng có giá cả thôi. Chúng tôi muốn ông đi ngay đêm nay bằng chuyến tàu cuối cùng".

- "Đến đâu?"

- "Đến Eymford, ở Berkshire. Đó là một thị trấn nhỏ gần biên giới giáp ranh với Oxfordshire, và cách Reading 7 dặm. Có một chuyến tàu đi từ ga Paddington, nó sẽ đưa ông tới đó lúc 11 giờ 15".

- "Rất tốt".

- "Tôi sẽ đi xe ngựa đến đón ông".

- "Phải đi xe ngựa kia à?"

- "Vâng, chỗ của chúng tôi cách xa thị trấn. Nó cách ga Eymford khoảng 7 dặm".

- "Thế thì khó có thể tới nơi trước nửa đêm. Tôi cho rằng sẽ không kịp bắt tàu trở về. Tôi bắt buộc phải ở lại một đêm".

- "Vâng, chúng tôi có thể dễ dàng thu xếp chỗ ngủ lưng cho ông".

- "Thế thì lạ lùng thật. Tôi không thể tới đó vào giờ khác thuận tiện hơn sao?"

- "Chúng tôi đã xem xét kỹ rồi, tốt nhất là ông nên đi muộn. Những gì chúng tôi trả cho ông, một người trẻ tuổi và không có tiếng tăm, là để bồi thường cho những cái bất tiện như thế. Với số tiền ấy chúng tôi có thể hỏi ý kiến của những chuyên gia hàng đầu trong ngành của ông. Dĩ nhiên, nếu ông muốn rút lui thì vẫn còn đủ thời gian đấy".

Tôi nghĩ tới 50 đồng vàng và tới chuyện số tiền ấy sẽ có ích với tôi đến thế nào.

- "Không sao" - Tôi nói - "Tôi sẽ rất vui lòng thực hiện theo yêu cầu của ngài. Tuy vậy, tôi chỉ muốn hiểu rõ thêm chút nữa về công việc mà ngài muốn tôi làm".

- "Cũng thế thôi. Cũng là hợp tự nhiên khi ông thấy tò mò về bí mật mà chúng tôi yêu cầu ông giữ kín. Tôi cũng không mong ông sẽ làm việc gì mà không biết tường tận về nó. Liệu chúng ta có thể yên tâm rằng không bị nghe lén chứ?"

- "Hoàn toàn yên tâm".

- "Chuyện là thế này. Có lẽ ông cũng biết đất sét là một tài nguyên có giá trị, và chỉ có thể được tìm thấy ở một hoặc hai nơi trên đất nước Anh?"

- "Tôi cũng nghe vậy".

- "Không lâu trước đây, tôi mua một ngôi nhà vườn nhỏ, rất nhỏ, cách Reading khoảng 10 dặm. Tôi đã thật sự may mắn khi khám phá được một mỏ đất sét ở một

trong những thửa vườn của tôi. Tuy nhiên, khi đi kiểm tra nó, tôi phát hiện ra mỏ của tôi chỉ là một mỏ nhỏ, và nó là đường thông giữa hai mỏ lớn hơn rất nhiều ở bên trái và bên phải, nhưng cả hai đều thuộc đất của người hàng xóm. Những con người chân chất này hoàn toàn không biết rằng đất của họ có chứa một thứ quý tương tự như mỏ vàng. Như một lẽ tự nhiên, tôi rất muốn mua lại mảnh đất của họ kịp phát hiện ra giá trị thực của nó, nhưng thật không may, tôi không đủ khả năng tài chính để làm việc này. Dù vậy, tôi vẫn tiết lộ bí mật này cho một vài người bạn và họ gợi ý rằng chúng tôi nên giấu kín và bí mật khai thác khu mỏ nhỏ của chúng tôi, và bằng cách đó chúng tôi có thể kiếm đủ tiền để mua lại mảnh đất của những người hàng xóm. Chúng tôi đã thực hiện kế hoạch này được một thời gian và để trợ giúp việc khai thác, chúng tôi đã chế tạo một máy nén thủy lực. Cái máy này, như tôi đã giải thích, đã bị hỏng, chúng tôi cần lời khuyên của ông về việc sửa chữa nó. Chúng tôi bảo vệ bí mật này rất nghiêm ngặt, nhưng một khi ai đã biết có kỹ sư thủy lực đến ngôi nhà nhỏ của chúng tôi, họ sẽ nghi ngờ, và sau đó, nếu sự thật bị phơi bày thì sẽ không cơ hội mua lại những cánh đồng đó để tiếp tục kế hoạch của chúng tôi. Đó là nguyên nhân vì sao tôi muốn ông hứa không nói cho ai biết việc ông tới Eyford đêm nay. Tôi hy vọng mọi chuyện rõ ràng với ông rồi chứ?”.

- “Tôi sẽ làm theo lời ngài” - Tôi nói - “Điều duy nhất tôi không thể hiểu nổi là một cái máy nén thủy lực thì có tác dụng gì trong việc khai thác đất sét, bởi vì đất sét có thể dễ dàng lấy ra khỏi mỏ như lấy những viên sỏi vậy”.

- “À, chúng tôi có cách của chúng tôi. Chúng tôi đóng đất sét thành gạch để có thể vận chuyển mà không bị phát hiện ra nó. Tôi đã làm ông tin tôi rồi. Ông Hatherley ạ, và tôi cũng đã cho ông thấy tôi tin ông như thế nào?” - Ông ta đứng vậy và nói - “Tôi sẽ đợi ông ở Eyford lúc 11 giờ 15”.

- “Chắc chắn tôi sẽ tới”.

Và không hề nói một lời, ông ta nhìn thẳng vào tôi rất lâu bằng ánh mắt dò hỏi, sau đó siết chặt tay tôi trong cái bắt tay lạnh giá và nhóp nhát rồi vội vã ra về.

Thế đấy, khi tôi bình tâm nghĩ lại tất cả chuyện này, tôi đã rất sửng sốt, chắc hai ông cũng hiểu được lý do, về công việc bất chợt được giao cho tôi. Một mặt, tất nhiên là tôi rất mừng vì khoản tiền công ít nhất cũng đã gấp 10 lần những gì mà tôi có thể đặt giá cho một dịch vụ của mình, và có thể là đơn đặt hàng này sẽ kéo theo những mối hàng khác. Mặt khác, khuôn mặt và thái độ của người khách hàng đã gây một ấn tượng không tốt trong tôi, và tôi có thể nghĩ rằng lý do ông ta đưa ra về mỏ đất sét đã đủ để giải thích cho việc tôi cần phải đến vào lúc nửa đêm, và cho nỗi lo lắng tột độ của ông ta về việc tôi có thể kể cho người khác biết chuyện vặt vãnh này. Dẫu sao, tôi cũng rũ bỏ được mọi nỗi lo sợ, ăn vội bữa ăn đêm, tới ga Paddington và lên đường, hoàn toàn tuân theo yêu cầu của vị khách.

Tới Reading tôi không những phải đổi xe ngựa mà còn phải đổi ga. Dù vậy, tôi vẫn kịp bắt chuyến tàu cuối cùng tới Eyford và có mặt ở nhà ga tối tăm đó sau 11 giờ đêm. Tôi là hành khách duy nhất ra đường lúc đó, khắp sân ga không có ai trừ người khuân vác đang gà gật. Tuy nhiên, khi đi qua cửa xếp, tôi trông thấy vị khách ban sáng đang đứng chờ trong một góc tối ở bên kia đường. Không nói một lời, ông ta nắm tay tôi, kéo vội đến một chiếc xe ngựa đã mở cửa sẵn. Ông ta đóng hai bên cửa rồi vỗ vào thành xe, thế là cỗ xe chạy hết tốc lực.

- “Một ngựa kéo thôi à?” - Holmes ngắt lời

- “Vâng chỉ một ngựa kéo”.
- “Anh có thấy màu lông của nó không?”
- “Có, tôi nhìn thấy nhờ một chút ánh sáng đèn khi tôi bước lên xe. Nó màu hạt dẻ”.
- “Trông nó mệt mỏi hay sung sức?”.
- “Ồ rất sung sức và bóng mượt”.
- “Cần cảm ơn anh. Tôi xin lỗi vì đã ngắt lời anh. Hãy tiếp tục câu chuyện thú vị của anh đi”.

Chúng tôi cứ đi mãi, ít nhất là một tiếng. Đại tá Lysander Stark đã nói chỉ phải đi có 7 dặm, nhưng tôi nghĩ với tốc độ và thời gian chúng tôi đi thì quãng đường cũng phải dài gần 12 dặm. Ông ta ngồi bên cạnh tôi, từ đầu đến cuối không nói một lời nào, và tôi nhận thấy rằng hơn một lần tôi thấy ông ta nhìn tôi rất căng thẳng. Con đường đoạn này có vẻ không tốt lắm vì chúng tôi bị lắc lư và xóc dữ dội. Tôi cố nhìn ra ngoài cửa sổ để mong thấy một cái gì đó ở nơi chúng tôi đang đi qua, nhưng cửa được làm bằng kính mờ và tôi không thể thấy gì ngoài mấy vệt sáng mờ vệt qua. Thi thoảng tôi đánh liều phá tan sự im lặng của chuyến đi, nhưng ông đại tá chỉ trả lời nhát gừng và cuộc nói chuyện nhanh chóng lắng xuống. Cuối cùng, đoạn đường xóc cũng hết vì xe chạy rất êm trên đường trải sỏi. Cỗ xe dừng lại. Đại tá Lysander Stark bật dậy, tôi theo ông xuống xe, lập tức cả hai lọt vào một cánh cổng có mái che rộng phía trước. Chúng tôi bước xuống xe ngựa đi ngay vào tiền sảnh, vì thế tôi không kịp nhìn vào bao quát mặt tiền của ngôi nhà. Ngay khi vừa bước qua bậc cửa, cánh cửa đã sập mạnh lại sau lưng chúng tôi và tôi nghe loáng thoáng tiếng lạo xạo của bánh xe ngựa lăn trên đường.

Trong nhà tối như mực, viên đại tá luống cuống tìm diêm và thì thào điều gì đó. Đột nhiên cánh cửa cuối hành lang bật mở, một vệt sáng dài màu vàng lan dần đến chỗ chúng tôi. Nó lớn dần, và một phụ nữ xuất hiện với một cây đèn trên tay, giơ cao quá đầu và nhìn chúng tôi dò xét. Tôi có thể thấy cô ta rất đẹp, và nhờ ánh sáng của cây đèn chiếu vào bộ váy sẫm màu của cô ta mà tôi biết được nó được may bởi một loại vải đắt tiền. Cô ta nói gì đó bằng tiếng nước ngoài, nghe như câu hỏi, và khi người đồng hành của tôi trả lời bằng giọng khàn khàn nhát gừng, cô ta giật mình, suýt đánh rơi cây đèn. Đại tá Stark tiến tới chỗ cô ta, nói thầm điều gì đó đẩy cô ta vào phòng mà cô ấy vừa bước ra. Còn ông ta thì lại phía chúng tôi với cây đèn trên tay.

- “Xin ông vui lòng đợi ở đây ít phút” - Ông ta nói rồi đi đến mở một cánh cửa khác. Đó là một căn phòng yên ắng, nhỏ và bài trí đơn giản với một cái bàn tròn đặt ở giữa, trên bàn có một vài cuốn sách tiếng Đức. Đại tá Stark đặt cái đèn lên cái kệ cạnh cửa ra vào.

- “Tôi sẽ không để ông chờ lâu đâu” - Ông ta nói và biến mất vào bóng tối.

Tôi liếc qua mấy cuốn sách trên bàn, mặc dù không biết tiếng Đức, tôi vẫn có thể đoán được hai cuốn trong số đó là luận án khoa học và những cuốn khác là tập thơ. Rồi tôi đi lại phía cửa sổ với hy vọng có thể ngấm nhìn, dù chỉ một phút, miền quê này, nhưng một bộ cửa chớp bằng gỗ sồi với những chấn song chắc chắn sẽ được lắp vào đó. Ngôi nhà hoàn toàn tĩnh lặng. Chỉ có tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ cũ treo đầu 10 ngoài hành lang, ngoài ra mọi vật đều im lặng đến chết người. Một cảm giác lo lắng mơ hồ bắt đầu dâng lên trong tôi. Những người Đức này là ai, và làm gì ở ngôi nhà kỳ lạ và cách biệt này? Còn đây là đâu? Tôi đang ở cách Eyford khoảng 10 dặm, đó là những gì tôi biết, nhưng về phía bắc, nam, đông hay tây thì tôi không thể xác định

được. Vì Reading và có thể là những thị trấn lớn khác đều nằm trong bán kính đó nên ngôi nhà không thể xác định chắc chắn. Nhưng chắc chắn là chúng tôi đã ở một vùng nông thôn vì không gian ở đây yên ắng tuyệt đối. Tôi đi lại trong phòng, lẩm nhẩm một giai điệu để lấy tinh thần, tự nhủ rằng tôi sẽ kiếm được 50 đồng vàng nếu hoàn thành vụ này.

Bất chợt, cánh cửa phòng bật mở mà không hề có một chút tiếng động nào báo hiệu trước, ngay cả giữa không gian hoàn toàn tĩnh mịch. Một phụ nữ đang đứng đó, đằng sau là bóng tối bao trùm, ánh sáng vàng từ cây đèn của tôi hắt lên khuôn mặt đẹp như đầy vẻ lo lắng của cô ta. Chỉ nhìn qua nhưng tôi đã nhận thấy sự sợ hãi và ánh nhìn lạnh lùng xoáy vào tôi. Cô ta giơ một ngón tay ra hiệu cho tôi im lặng và thì thầm với tôi vài từ tiếng Anh rời rạc, mắt liếc chùng về khoảng tối phía sau.

- "Tôi sẽ đi" - Dường như cô ta vất vả lắm mới nói được một cách bình tĩnh - "Tôi sẽ đi. Tôi sẽ không ở lại đây đâu. Ông chẳng làm được gì đâu".

- "Nhưng thưa cô, tôi còn chưa làm được cái việc mà vì nó mà tôi mới tới đây. Tôi không thể bỏ đi khi chưa nhìn thấy cái máy".

- "Nó không đáng để ông phải đợi đâu" - Cô ta tiếp tục - "Ông có thể đi ra qua lối cửa ra vào, không ai cản trở ông đâu".

Sau đó, chỉ thấy tôi chỉ mỉm cười và lắc đầu, cô ta bất ngờ bước đến chấp hai tay vào

- "Vì Chúa!" - Cô ta thì thào - "Ông hãy đi khỏi đây ngay trước khi quá muộn!".

Nhưng tôi bẩm sinh đã là người bướng bỉnh, và tôi lại càng sẵn sàng bắt tay vào công việc hơn khi có một trở ngại nào đó. Tôi đã nghĩ về 50 đồng vàng tiền công, về chuyến đi buồn tẻ và về một đêm không mấy làm vui vẻ phía trước. Chẳng nhẽ tôi phải làm tất cả những thứ đó chẳng vì cái gì sao? Tại sao phải trốn đi khi chưa bắt đầu công việc và khi không có khoản tiền công mà lẽ ra phải được trả? Người phụ nữ này, theo tôi nghĩ, có lẽ là quá lo lắng. Do vậy, mặc dù thái độ của cô ta đã làm cho tôi hơi dao động, nhưng sự kiên nhẫn của tôi vẫn khiến tôi lắc đầu và nhất quyết ở lại. Cô ta dường như định tiếp tục van xin tôi thì cánh cửa bật mở phía trên đầu chúng tôi, tiếp theo là tiếng bước chân trên cầu thang. Cô ta lắng nghe một lúc, phác một cử chỉ tuyệt vọng rồi vội vã bỏ đi, cũng không có một tiếng động như lúc đến.

Những người mới tới là Đại tá Lysnader Stark và một người đàn ông thấp đậm với bộ râu sọc mọc ra từ những vết sẹo hai cằm, người đó được giới thiệu là ông Ferguson.

- "Đây là thư ký và quản lý của tôi" - Viên đại tá nói - "Mà, tôi nhớ là mình đã đóng cửa, tôi sợ ông bị lạnh".

- "Trái lại" - Tôi nói - "Chính tôi đã mở cửa vì tôi thấy trong phòng hơi ngột ngạt".

Ông ta hướng tia nhìn hoài nghi về phía tôi

- "Có lẽ chúng ta nên tiến hành công việc bây giờ thôi" - Ông ta nói - "Ông Ferguson đây và tôi sẽ đưa ông lên xem xét cái máy".

- "Tôi có cần phải đợi mũ vào không?"

- "Ồ không cần, nó ở ngay trong nhà tôi thôi".

- "Cái gì, các ông đào đất sét trong nhà sao?"

- "Không, không. Đây chỉ là chỗ chúng tôi nén đất. Nhưng đừng để tâm đến chuyện đó. Những gì chúng tôi muốn ông làm là kiểm tra cái máy và cho chúng tôi biết nó bị hỏng ở đâu".

Chúng tôi cùng lên gác, viên đại đi trước soi đèn, viên quản lý to béo theo sau và cuối cùng là tôi. Ngôi nhà có kiến trúc kiểu cổ với hành lang, cầu thang xoắn hẹp và những cửa ra vào thấp nhỏ mà những bệ cửa đã mòn đi do đã bao nhiêu thế hệ bước qua. Không có thảm và cũng không có dấu hiệu của thứ đồ đạc nào trên này, tường thì tróc vữa và loang lổ những chỗ ẩm ướt màu xanh. Tôi cố gắng tỏ ra không để tâm nhưng vẫn không quên được lời cảnh báo của người phụ nữ, mặc dù tôi có vẻ đã coi thường và bỏ qua chúng, cũng như luôn để mắt tới hai người đồng hành của tôi. Ông Ferguson có vẻ là người hay râu rĩ và trầm lặng, nhưng ít ra tôi cũng đoán được rằng ông ta là một người cộng sự của viên đại tá.

Đại tá Lysander Stark dừng lại trước một cánh cửa thấp, đã được mở khóa. Bên trong là một căn phòng hình vuông nhỏ tới mức ba chúng tôi không thể vào cùng lúc được. Ferguson đứng ngoài, còn viên đại tá dẫn tôi vào.

Bây giờ chúng ta đang ở trong cái máy nén đó, và sẽ không may cho chúng ta nếu có ai đó khởi động máy. Trần của căn phòng nhỏ này thực chất là phần cuối của cái pít-tông, nó sẽ bị ấn xuống bằng sức ép nặng hàng tấn của trần nhà bằng kim loại. Các cột nước nhỏ xung quanh nhận sức ép đó sẽ truyền và nhân nó lên theo cách đã quá quen thuộc với ông rồi. Chiếc máy đã từng hoạt động tốt, nhưng có một số hoạt động không hiệu quả làm mất đi một ít sức mạnh của nó. Có lẽ ông sẽ vui lòng kiểm tra giúp chúng tôi và chỉ cho chúng tôi biết cách sửa chữa.

Tôi lấy cây đèn từ tay ông ta và kiểm tra lại toàn bộ cỗ máy. Đó là một cỗ máy khổng lồ có thể thực hiện một lực ép lớn khủng khiếp. Ngay lập tức tôi thoáng nghe có tiếng rò rỉ rất khẽ của nước chảy qua xi-lanh. Kiểm tra qua một lần, tôi phát hiện ra những cao su quấn quanh cần điều khiển đã bị co lại không còn khớp với phích cắm nữa. Tôi chỉ cho khách hàng của tôi thấy đây rõ ràng là nguyên nhân làm giảm hiệu quả của máy. Ông ta chăm chú theo dõi nhận xét của tôi và hỏi cách sửa chữa nó. Sau khi đã giải thích cho họ rõ, tôi trở lại căn phòng chính của cỗ máy và chăm chú ngắm nhìn nó để thỏa mãn trí tò mò. Rõ ràng câu chuyện về đất sét chỉ là chuyện bịa đặt vì thật lố bịch nếu một cỗ máy mạnh mẽ như thế lại được chế tạo cho mục đích không tương xứng như vậy. Các bức tường được làm bằng gỗ, nhưng sàn lại làm bằng những mảnh sắt lớn, và khi xét kỹ, tôi thấy có lớp vỏ bằng kim loại phủ hết bề mặt của nó. Tôi đang cúi rạp người xuống để xem chính xác nó là gì thì nghe thấy những lời thì thào bằng tiếng Đức và nhìn thấy khuôn mặt xanh xao của viên đại tá đang nhìn tôi.

- “Ông đang làm gì đó?” - Ông ta hỏi tôi.

Tôi rất bức mình vì đã bị lừa bởi một câu chuyện bịp bợm mà ông ta kể cho tôi.

- “Tôi đang chiêm ngưỡng đất sét của ông” - Tôi nói - “Tôi nghĩ rằng tôi sẽ có thể có những lời khuyên tốt hơn cho ông và cỗ máy của ông nếu tôi biết được mục đích thực sự của nó”.

Đúng lúc ấy, tôi chợt thấy hối hận về sự hấp tấp của mình khi nói ra những lời đó. Mặt ông ta đanh lại, từ đôi mắt xám lóe lên sự hăm dọa.

- “Tốt thôi!” - Ông ta nói - “Ông sẽ biết tất cả về cỗ máy”.

Ông ta lùi một bước, sập cửa lại và xoay chìa khóa. Tôi lao đến, kéo mạnh nắm đấm cửa nhưng nó quá chắc chắn. Tôi ra sức đá và đập cửa, nhưng đều vô dụng.

- “Này!” - Tôi gào lên - “Này! Ngài đại tá! Thả tôi ra!”.

Và lúc đó, giữa không gian yên ắng bất chợt tôi nghe thấy một âm thanh làm tim tôi thất lại. Đó là tiếng lạch cạch của cần đòn bẩy và tiếng róc rách của nước chảy qua xi-

lạnh. Ông ta đã khởi động cỗ máy. Cây đèn vẫn đặt trên sàn nhà, đúng chỗ tôi đã để khi kiểm tra ống máng. Nhờ ánh sáng của nó mà tôi có thể thấy mảng trần nhà đen ngòm đang dần hạ xuống đầu tôi, chậm rãi, giạt cục nhưng hơn ai hết, tôi hiểu là với sức ép đó nó có thể nghiền tôi nát bét chỉ trong vòng một phút. Tôi lồng lộn, la hét và đập cửa và cào cào vào ổ khóa. Tôi van xin viên đại tá thả tôi ra, nhưng tiếng máy âm ì tàn nhẫn đã nhấn chìm những tiếng la hét của tôi. Trần nhà chỉ còn cách đầu tôi khoảng một hai sải, và chỉ cần với tay lên là tôi có thể chạm vào bề mặt cứng và ráp của nó. Đúng lúc đó, trong đầu tôi lại lóe lên ý nghĩa rằng sự đau đớn trong cái chết của tôi phụ thuộc rất nhiều vào vị trí tôi chết. Nếu tôi nằm sấp thì toàn bộ trọng lượng sẽ đè lên xương sống của tôi, và tôi sợ phát khiếp khi nghĩ đến cái xương sống sẽ bị nghiền nát. Cách khác dễ dàng hơn có lẽ là lấy hết can đảm nằm ngửa, nhìn lên cái bóng đèn chết chóc đang ập xuống người tôi. Lúc đó tôi không còn có thể đứng thẳng được. Bất chợt, tôi trông thấy một tia hy vọng sống sót, một lối thoát.

Như tôi đã kể, mặc dù sàn và trần nhà làm bằng sắt, nhưng các bức tường lại bằng gỗ. Khi tôi tuyệt vọng tìm quanh, tôi đã thấy một khe sáng màu vàng bé xíu giữ hai thành gỗ đang ló dần, lớn dần khi một tấm ván nhĩ bị đẩy ra phía sau. Ngay lập tức tôi nhào tới và lách người qua tấm ván. Mảnh ván đóng lại sau lưng tôi, những tiếng loảng xoảng của cây đèn, và ngay sau đó là tiếng va chạm của hai tấm kim loại đã cho tôi biết tôi đã thoát chết trong gang tấc, và kẻ hờ giúp tôi thoát ra hẹp đến mức nào.

Tôi sức tỉnh bởi một bàn tay nắm cổ tay tôi giạt mạnh và tôi thấy mình đang nằm trên nền đá của một hành lang nhỏ, trong khi một người phụ nữ đang cúi xuống bên tôi, lay mạnh người tôi bằng tay trái, còn tay phải cầm cây nến. Đó chính là người phụ nữ tốt bụng đã cảnh báo tôi lúc trước mà tôi cố tình lờ đi.

- “Chạy đi, chạy đi!” - Cô ta kêu không ra hơi - “Họ sẽ đến đây bây giờ. Họ sẽ biết ông không ở trong đó. Đừng có lãng phí thời gian nữa, chạy đi!”.

Lần này, tôi không còn coi thường lời khuyên của cô ta nữa. Tôi chạy tập tễnh theo cô ta dọc hành lang xuống cầu thang xoắn, dẫn tới một lối đi rộng và đúng lúc chúng tôi đến nơi thì có tiếng chân chạy rầm rập và tiếng la hét của hai người, một vọng ra từ tầng chúng tôi đang đứng và một từ tầng dưới. Người dẫn đường giúp tôi dừng lại và có vẻ như không biết làm sao. Sau đó cô ta đẩy cánh cửa dẫn vào một buồng ngủ, ngoài cửa sổ trắng sáng vàng vạc.

- “Đó là cơ hội duy nhất của ông” - Cô ta nói - “Nó hơi cao nhưng ông cũng có thể nhảy xuống được”

Vừa nói, cô ta vừa nhìn vào cuối lối đi. Ở đó tôi thấy đại tá Lysander Stark đang chạy lại với chiếc đèn lồng và một vũ khí trong giống như một con dao phay. Tôi lao qua buồng ngủ, đẩy mạnh cửa sổ và phía dưới cao không dưới 30 sải. Tôi leo lên bệ cửa nhưng còn chần chừ chưa nhảy ngay, cho đến khi tôi đã chạm tới ranh giới giữa sự sống và kẻ đuổi theo tôi. Nếu cô ta gặp nguy hiểm thì dù bất cứ giá nào tôi cũng quay lại cứu cô ta. Ý nghĩ đó chỉ kịp thoáng qua trong đầu tôi khi viên đại tá đuổi tới cửa ra vào, lao qua cô ta, hất cánh tay đang cổ nứ ông ta lại của cô ta.

- “Fritz! Fritz!” - Cô ta hét lên bằng tiếng Anh - “Hãy nhớ lời hứa của anh lần trước. Anh sẽ nói sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Ông ta sẽ giữ im lặng! Ôi ông ta sẽ im lặng mà!”

- “Em điên rồi Elise!” - Ông ta quát, cô vùng ra khỏi cô - “Em sẽ làm hỏng việc mất thôi. Ông ta đã biết quá nhiều. Hãy để anh đi, anh đã nói rồi đấy!”.

Ông ta đã đẩy cô sang một bên và chạy cửa sổ, chém tôi bằng một thứ vũ khí nặng nề. Tôi đã buộc phải trèo xuống và đang bám tay vào bậu cửa, treo mình lơ lửng. Khi ông ta chém, tôi cảm thấy đau buốt, nói lỏng dần tay ra và rơi xuống khu vườn bên dưới.

Tôi chỉ hơi xây xát chứ không bị đau bởi cú ngã, vì vậy tôi tự gượng dậy và khó nhọc chạy trốn, len lỏi giữa các bụi cây vì tôi hiểu rằng mối nguy hiểm vẫn còn đang ở rất gần. Tuy nhiên, một cảm giác choáng váng và rã rời bao trùm lấy tôi. Tôi liếc xuống bàn tay đang đau nhói và đến lúc đó mới biết ngón tay cái của mình đã bị chặt đứt. Từ chỗ vết thương, máu tuôn ra xối xả. Tôi gắng gượng buộc khăn quanh chỗ vết thương, nhưng lúc đó tai tôi bị ù đi và liền sau đó, tôi lăn ra bất tỉnh giữa hai bụi hoa hồng.

Tôi không biết mình đã ngất đi bao lâu, nhưng chắc hẳn là một thời gian dài vì khi tôi tỉnh dậy, mặt trăng đã lặn, trời đã sáng rõ. Quần áo tôi ướt sũng sương đêm, còn tay áo thì ướt sũng máu từ vết thương chỗ ngón tay cái. Cảm giác đau buốt làm tôi nhớ lại cuộc phiêu lưu từ hồi đêm, và tôi lại vùng dậy vì cảm thấy nguy hiểm chưa thực sự lùi xa. Nhưng trước sự sửng sốt của tôi, chẳng có ngôi nhà lẫn vườn nào đâu cả. Tôi đã đang nằm bên lề đường cao tốc, và phía dưới kia là dãy nhà dài. Khi tôi đến nơi tôi mới nhận ra đó chính là nhà ga mà tôi đã đến đêm hôm trước. Nếu không phải vì vết thương trên tay thì chỉ riêng những chuyện xảy ra suốt những giờ phút kinh hoàng vừa qua có lẽ chỉ có thể là cơn ác mộng.

Hơi ngạc nhiên, tôi đi vào nhà ga và hỏi về chuyến tàu sáng. Gần một tiếng nữa sẽ có một chuyến đi tới Reading. Tôi nhận ra người khuân vác đêm qua vẫn đang làm việc như khi tôi tới. Tôi hỏi anh ta có biết gì về đại tá Lysander Stark không? Cái tên hoàn toàn xa lạ với anh ta. Tôi hỏi anh ta có trông thấy cỗ xe ngựa đã đợi tôi đêm qua không? Anh ta cũng trả lời là không thấy. Tôi còn hỏi có đồn cảnh sát nào gần đây không và được biết có một đồn cảnh sát cách đó 3 dặm.

Tôi không thể đi xa thế được. Tôi rất mệt và yếu. Tôi quyết định đến lúc về thị trấn sẽ kể lại câu chuyện này cho cảnh sát. Tôi đến nơi thì đã hơn 6 giờ rưỡi, và việc đầu tiên phải làm là tìm một bác sĩ băng bó lại vết thương, và ông bác sĩ tốt bụng này đã đưa tôi đến tận đây. Đó là tất cả mọi chuyện, tôi sẽ làm theo những gì ông khuyên tôi”.

Cả hai chúng tôi đều phải ngồi im sau khi nghe câu chuyện kỳ lạ này. Lát sau, Sherlock Holmes lôi từ giá sách công kênh của anh xuống một cuốn sách mà trong đó mà trong đó có những mẫu tin anh cắt ra từ báo chí.

- Trong này có một thông báo mà tôi nghĩ sẽ làm anh hứng thú - Holmes nói - Một năm trước đó đã được in trên các báo. Anh nghe nhé :

- “Ông Eremiah Hayling, 26 tuổi, kỹ sư thủy lực học đã mất tích ngày mùng 9 tháng này. Ông rời nhà lúc 10 giờ đêm và từ đó không có tin tức gì. Khi đi, ông ta mặc... v.v...”

Ha, nó trùng với lần gần đây nhất viên đại tá muốn kiểm tra lại cỗ máy của ông ta. Tôi bắt đầu có hứng thú rồi đây.

- Lạ chúa tôi! - Bệnh nhân của tôi kêu lên - Điều đó cũng giải thích điều mà cô gái đã nói.

- Không nghi ngờ điều gì nữa. Rõ ràng là viên đại tá là một kẻ lạnh lùng và tàn bạo, hẳn không muốn có gì cản trở kế hoạch của hắn, giống như bọn cướp biển sẽ không để

ai sống sót trên con tàu chúng cướp được. Bây giờ mỗi giây phút đều rất quý báu, vì vậy nếu ông đồng ý thì chúng ta sẽ cùng tới Scotland Yard và khởi hành tới Eyford.

Khoảng 3 giờ sau chúng tôi đã ở trên đoàn tàu chạy từ Reading tới làng Berkshine nhỏ bé. Tất cả chúng tôi gồm có Sherlock Holmes, người kỹ sư thủy lực, thanh tra Bradstreet của Scotland Yard, một cảnh sát mặc thường phục. Bradstreet vừa trải ra trước mặt mọi người một tấm bản đồ khu vực và đang bận rộn với việc vẽ một vòng tròn bằng com-pa, tâm là Eyford.

- Nhìn này - Ông ta nói - Đây là vòng tròn bán kính 10 dặm quanh ngôi làng. Địa điểm chúng ta cần phải tìm là một chỗ nào đó gần đường kẻ. Anh đã nói là 10 dặm phải không?

- Vâng, khoảng 1 giờ đi xe ngựa.

- Và anh cho rằng rằng họ đã đưa anh đi vượt qua quãng đường đó quay trở về khi anh bất tỉnh sao?

- Chắc chắn họ đã làm vậy. Tôi nhớ mang máng là đã được xốc lên và thả xuống ở đâu đó.

- Điều tôi không hiểu nổi - Tôi nói - là tại sao họ lại thả cho anh khi họ thấy anh bất tỉnh trong vườn. Có lẽ chúng nể lời van xin của người phụ nữ đó.

- Tôi không nghĩ thế. Tôi chưa bao giờ thấy ai có bộ mặt không chút mùi lòng như vậy.

- Rồi chúng tôi sẽ sớm tìm ra lý do thôi. - Bradstreet nói - Đây, tôi đã vẽ xong vòng tròn, giá mình biết được câu chuyện chúng ta đang điều tra xảy ra ở điểm nào trên đó.

- Tôi nghĩ tôi có thể chỉ đích danh chỗ đó. - Holmes trầm ngâm nói.

- Thật không? - Viên thanh tra reo lên - Ông đã suy luận được rồi kia à? Đến đây xem chúng ta có cùng ý tưởng không nhé. Tôi nghĩ là ở phía nam, vì khu này rất hoang vắng.

- Còn tôi cho nó ở phía đông. - người bệnh nhân nói.

- Tôi là cho là ở phía tây. - Viên cảnh sát mặc thường phục nhận định - Ở đó có vài ngôi nhà nhỏ tĩnh mịch.

- Còn tôi nghĩ là phía Bắc - Tôi nói - bởi vì đó không có đồi núi, mà anh bạn của chúng ta thì nói không thấy cỗ xe ngựa lên dốc lần nào.

- Thế đấy! - Viên thanh tra cười và nói - Có quá nhiều ý kiến khác nhau. Mọi người bỏ phiếu cho ai đây?

- Các ngài đều nhầm cả.

- Nhưng không nhầm tất cả được.

- Thế mà có thể đấy. Đây là ý kiến của tôi - Holmes đặt ngón tay vào chính giữa vòng tròn - Đây chính là nơi chúng ta sẽ tìm họ.

- Thế còn chuyến đi dài 12 dặm thì sao? - Hatherley sừng sốt.

- 6 dặm đi và 6 dặm về. Không có gì đơn giản hơn thế. Chính anh nói rằng con ngựa khỏe khấn và bóng mượt khi anh tới nơi mà. Làm sao nó khỏe thế được khi chạy hết quãng đường khó khăn dài 12 dặm?

- Đây đúng là trò đánh lạc hướng - Bradstreet trông có vẻ trầm ngâm - Không còn nghi ngờ gì về hành vi phạm pháp của băng nhóm này.

- Hoàn toàn không - Holmes nói - Chúng là bọn đúc tiền giả với quy mô lớn, và đã dùng cỗ máy với mục đích trộn chất liệu thay thế cho bạc.

- Chúng tôi được biết có một băng nhóm làm chuyện này - Viên thanh tra nói - Chúng đã biến đồng tiền nửa curon thành đồng 1000. Chúng tôi đã lần theo dấu vết của chúng đến tận Reading nhưng rồi mất hẫng vì chúng đã xóa dấu vết bằng cách làm chúng tôi nghĩ rằng bọn chúng đã giải nghệ. Nhưng giờ thì nhờ dịp may này, tôi cho rằng chúng tôi sẽ tóm được chúng.

Nhưng viên thanh tra đã nhầm vì băng tội phạm đó cuối cùng đã thoát khỏi sự trừng phạt của công lý. Khi chúng tôi tới được ga Eyford, chúng tôi thấy một cột khói khổng lồ bốc lên từ sau những lùm cây nhỏ ngay cạnh đó, bay lơ lửng trên mặt đất giống như một chiếc lông vũ của con đà điểu khổng lồ.

- Một ngôi nhà bị cháy à? - Bradstreet hỏi khi đoàn toàn hủ còi tiếp tục chuyển bánh.

- Đúng vậy thưa ngài. - Người quản lý ga đáp

- Ngọn lửa bùng lên từ bao giờ?

- Hình như từ đêm qua thưa ngài, nhưng nó càng lúc càng như cháy to, toàn bộ căn nhà chìm trong biển lửa.

- Đó là nhà ai vậy?

- Cửa bác sĩ Becher.

- Có phải - Người kỹ sư ngắt lời - đó là một người Đức gầy gò với cái mũi dài và nhọn không?

Người quản lý ga cười xòa khi trả lời :

- Không phải, thưa ông. Bác sĩ Becher là người Anh, và ở cái xứ đạo này không có ai có cái áo gi-lê đẹp hơn của ông ta. Nhưng có một người đàn ông sống cùng với ông ta, theo tôi hiểu đó là một bệnh nhân người nước ngoài, có lẽ đến cả con bò Bershine cũng không làm gì nổi ông ta.

Người quản lý chưa kịp nói hết câu thì tất cả chúng tôi đã đồng loạt kịp chạy về hướng đám cháy. Con đường nhỏ dẫn lên đỉnh một ngọn đồi thấp và trước mắt chúng tôi là tòa nhà rộng lớn quét vôi trắng, lửa vẫn phụt ra từ tất cả các khe hở và cửa sổ, trong lúc đó, 3 xe cứu hỏa ở trong vườn vẫn đang cố gắng để dập tắt ngọn lửa.

- Đúng là nó rồi! - Hatherley kêu lên sửng sốt - Có cả con đường trải sỏi, và cả những bụi hồng mà tôi đã nằm lên... Cửa sổ thứ hai là chỗ mà tôi đã nhảy xuống.

- Vậy là chỉ ít anh cũng đã trả thù được chúng - Holmes nói - Không nghi ngờ gì nữa, cây đèn dầu anh để lại trong máy nén đã bắt lửa vào những bức tường gỗ, còn chúng thì quá chú tâm vào việc kiểm tra anh nên không phát hiện ra đám cháy kịp thời. Bây giờ thì anh hãy cố mở to mắt mà tìm những "người bạn" của anh đêm qua trong đám đông kia, mặc dù tôi sợ họ đã cao chạy bay xa từ lâu rồi.

Và nỗi lo ngại của Holmes đã trở thành hiện thực vì từ đó đến nay không hề có tin tức nào về người phụ nữ xinh đẹp, gã người Đức dữ tợn hay người đàn ông người Anh trầm tĩnh. Sáng sớm hôm đó, một người nông dân bắt gặp một cỗ xe ngựa, trong đó có chở một vài người và những chiếc hòm rất cồng kềnh lao nhanh về hướng Reading, nhưng đến đó thì mọi dấu vết của những kẻ trốn chạy đều biến mất, và bộ óc thông minh kiệt xuất của Holmes cũng chịu không tìm ra một manh mối nào mà chúng ẩn náu. Những người lính cứu hỏa đã rung mình hoảng sợ với cách bày trí lạ lùng trong căn nhà, và còn khiếp sợ hơn nữa khi tìm thấy ngón tay mới bị cắt lặn lóc trên bậc cửa sổ tầng hai. Khi mặt trời lặn, những nỗ lực của họ cuối cùng cũng có kết quả, ngọn lửa đã bị thuần phục nhưng rồi cả mái nhà cũng sụp xuống, và cả ngôi nhà chỉ còn lại đồng đống nát. Trừ mấy cái xi-lanh khổng lồ và đường ống sắt thì không còn sót lại một chút dấu

vết nào của cỗ máy đã gây ra kinh hoàng cho viên kỹ sư. Những đồng niken và thiếc lớn được tìm thấy trong nhà kho, nhưng tuyệt nhiên không có một đồng xu nào, điều này giải thích cho sự hiện diện của những chiếc hòm cống kênh đã được đề cập bên trên.

Bằng cách nào mà người kỹ sư thủy lực của chúng ta được đưa từ khu vườn tới nơi anh ta tỉnh lại có lẽ sẽ mãi mãi là một điều bí ẩn nếu như không nhờ lớp đất mùn xốp đã cho chúng tôi biết toàn bộ câu chuyện. Rõ ràng anh ra đã được đưa đi bởi hai người, một người có bàn chân rất nhỏ và người kia có bàn chân rất to bình thường. Tóm lại, rất có thể gã đàn ông kia người Anh trầm tĩnh, người có vẻ đờ tàn bạo và bằng giá hơn người cộng tác của hắn, đã giúp người phụ nữ đưa người kỹ sư đang bất tỉnh, thoát nạn.

- Chà, - Người kỹ sư nói vẻ tiếc rẻ khi chúng tôi lên tàu trở về Luân Đôn - đó quả là một công việc kinh khủng! Tôi đã mất ngón tay cái và mất cả 50 đồng vàng tiền công, vậy mà tôi đã được những gì chứ?

- Một vỏ nhór đời. - Holmes nói và cười phá lên - Về một khía cạnh nào đó thì nó rất có giá trị, anh biết đấy, anh chỉ cần kể lại câu chuyện và thế là sẽ trở nên nổi tiếng bởi lần thoát chết ngoạn mục đó.

Hết

B.10 - The Adventure of the Noble Bachelor 1892 (Chàng quý tộc độc thân)

Câu chuyện xảy ra trước ngày cưới của tôi vài tuần, vào những ngày tôi còn ở chung với Holmes tại phố Barker. Một hôm, sau lần đi dạo buổi chiều trở về nhà, anh thấy một lá thư trên bàn. Hôm ấy tôi ở lì trong phòng suốt ngày vì trời bỗng đổ mưa đột ngột với những cơn gió lớn. Ngồi thu mình trên ghế bành, với những đồng nhật báo vây quanh, tôi đọc miết tờ này sang tờ khác. Đọc mãi cũng chán, tôi bèn ném chúng sang một bên và nằm ườn ra, quan sát cái phong bì nằm trên bàn, và tự hỏi không biết người đàn ông quý tộc gửi thư cho Holmes là ai?

- Đây là một lá thư đúng điệu - Tôi nhận xét khi anh bước vào phòng - Những lá thư buổi sáng của anh thường là của người bán cá hay một nhân viên thuế quan.

- Vâng, thư từ giao dịch của tôi rất là đa dạng và lá thư nào có vẻ khiêm nhường hơn, thường là thú vị hơn. Lá thư này coi bộ là một lá thư mời xã giao mà mình không mong đợi, dĩ dự thì cũng khổ mà không đi cũng khổ.

Anh xé thư và nhìn vào tờ giấy.

- Ô, coi vậy nó cũng hứa hẹn một vụ hấp dẫn đấy.

- Không phải thư mời xã giao chứ?

- Thuần túy nghề nghiệp.

- Của một thân chủ quý tộc?

- Một trong những nhà quý tộc được trọng vọng tại nước Anh.

- Tôi mừng cho anh đấy.

- Watson ạ, cái địa vị của ông ta không làm cho tôi quan tâm bằng cái sự việc của ông ta. Gần đây anh chịu khó đọc báo lắm, đúng không?

- Hình như thế, tôi chẳng có việc gì để làm cả.

- Tôi chỉ đọc những tin tức hình sự và mục rao vặt. Mục sau thì luôn luôn hữu ích. Nhưng nếu anh theo dõi sát những biến cố gần đây, hẳn là anh đã đọc các bài viết về ngài Simon và đám cưới của ông ta?

- Vâng, với sự quan tâm sâu sắc!

- Tốt! Lá thư này là của ngài Simon. Tôi sẽ đọc cho anh nghe và đổi lại, anh phải lật những tờ báo đó và cho tôi biết những gì có liên quan đến vụ này.

“Ông Sherlock Holmes thân mến,

Huân tước Backwater bảo tôi rằng, tôi có thể tin cậy vào sự xét đoán, sự kín đáo và sự tế nhị của ông. Bởi vậy, tôi đã quyết tâm thỉnh ý ông về biến cố đau lòng có dính líu đến hôn lễ của tôi. Ông Lestrade đang bắt tay vào vấn đề này, nhưng ông ta nói ông ta không phản đối gì, nếu có sự cộng tác của ông. Tôi sẽ đến chỗ ông vào bốn giờ chiều, nếu ông có một cái hẹn nào vào thời điểm ấy, mong ông hãy hoãn lại, vì đây là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Kính chào ông!

Robert St.Simon”

Thư được viết từ lâu đài Grosvenor bằng bút lông ngỗng, và ngài quý tộc đã không may bị giầy một tí mực ở phía ngoài ngón tay phải nhỏ bé của ông ta - Holmes nhận xét, khi anh xếp thư lại.

- Ông ta hẹn bốn giờ chiều, mà bây giờ đã ba giờ. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa, ông ta sẽ đến đây.

- Vậy thì, tôi còn một chút thời gian để nắm một số sự kiện về vụ này. Nhờ anh gỡ những tờ báo ấy ra và sắp xếp những mẫu tin theo thứ tự thời gian, trong khi đó, tôi sẽ nhìn xem thân chủ của tôi là ai.

Anh nhắc ra một quyển sách có bìa đỏ từ một dãy sách tham khảo bên cạnh lò sưởi.

- Đây rồi, - Anh nói, ngồi xuống và đặt sách trên đầu gối - Robert Walsingham de Vere St. Simon, con trai thứ hai của Quận công Balmoral. Hừm! sinh năm 1846, bốn mươi bốn tuổi. Đã giữ chức Thứ trưởng tại thuộc địa trong chính quyền cũ. Vị Quận công Balmoral đã từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao... Hừ! Chẳng có gì bổ ích lắm ở đây. Anh Watson, chắc là tôi phải quanh sang anh, để tìm thấy một cái gì vững chãi hơn, hãy cho tôi những tin tức mà anh đã chọn từ trong các tờ báo.

- Đây là mẫu tin đầu tiên. Nó nằm trong mục “việc riêng” của tờ Bưu Điện Buổi Sáng, phát hành cách đây vài tuần.

“Một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp, và sẽ - nếu lời đồn đại là đúng sự thật - được cử hành rất nhanh chóng giữa ngài Robert St. Simon, con trai thứ hai của Quận công Balmoral và cô Hatty Doran, con gái độc nhất của ông Aloysius Doran. Esq., thành phố San Francisco, tiểu bang California, nước Mỹ”.

- Rất súc tích và đi thẳng vào vấn đề - Holmes nhận xét, duỗi đôi chân khẳng khiu về phía lò sưởi.

- Có một đoạn nói rõ hơn về chuyện này trên một tờ báo của tầng lớp thượng lưu: “Chẳng bao lâu nữa sẽ kéo một hồi còi báo động trên thị trường hôn nhân, bởi vì sự tự do hôn nhân, bởi vì sự tự do kinh doanh hiện nay cho thấy “hàng nội hóa” của chúng ta đã thua kém nặng nề. Dần dần, sự quản lý của dòng họ quý tộc của nước Anh đang chuyển vào tay “những cô em họ” chúng ta ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Trong tuần qua, một dấu cộng quan trọng vừa mới được thêm vào danh sách những “báu vật” vừa mới bị mang đi bởi “những kẻ xâm lăng xinh đẹp” này. Ngài Simon, người mà hơn 20 năm qua đã chứng tỏ là ở ngoài tầm cây cung của vị thần ái tình bé nhỏ, bây giờ đã báo tin ông ta sắp kết hôn với cô Doran, con gái của nhà triệu phú bang California. Của hồi môn của cô ta lên tới hàng triệu dollars, và trong tương lai còn hứa hẹn nhiều hơn nữa. Bởi vì, trong những năm qua, Quận công Balmoral đã phải bán đi những bức tranh của ông, bởi vì ngài Simon không có tài sản riêng nào, ngoại trừ một ít bất động sản”.

- Có gì khác nữa không? - Holmes hỏi.

- Vâng, còn nhiều. Có một đoạn ngắn trên tờ Bưu Điện Buổi Sáng nói rằng đây sẽ là một cuộc hôn nhân tuyệt vời lạnh lẽ, sẽ được cử hành tại nhà thờ Saint-George, quảng trường Hanover, chỉ có vài bạn hữu thân tình được mời, và rồi họ sẽ trở về biệt thự Lancaster Gate. Hai ngày sau đó, có một lời báo tin vắn tắt, rằng hôn lễ đã cử hành và rằng tuần trăng mật sẽ được trải qua tại nhà của huân tước Backwater, gần Petersfield. Đây là những tin vắn tắt xuất hiện trước khi cô dâu biến mất.

- Trước cái gì? - Holmes hỏi, giật mình.

- Cô dâu mất tích.
- Cô ta biến mất từ bao giờ?
- Tại buổi điểm tâm trong ngày cưới.
- Quả thật, nó hấp dẫn hơn ta tưởng. Đúng y như kịch.
- Vâng, nó vẻ hơi khác thường.
- Hãy cho tôi biết những chi tiết.
- Những chi tiết ấy rất thiếu sót.
- Có lẽ thế. Nhưng chúng ta có thể làm cho chúng bớt thiếu sót hơn.
- Có một bài trên tờ báo buổi sáng, ra ngày hôm qua. Đề mục: “Biến cố độc đáo tại một đám cưới thời thượng.”

“Gia đình ngài Simon đã sắm sửa tốt trước những diễn biến liên quan đến đám cưới của ông ta. Hôn lễ được cử hành tại nhà thờ Saint George, quảng trường Hanover, rất lặng lẽ. Không có ai tham dự ngoài bố của cô dâu, bố mẹ chú rể, huân tước Backwater, huân tước Eustace, tiểu thư Clara St. Simon (em trai và em gái chú rể), phu nhân Alicia Whittington. Sau đó, những người dự lễ đến nhà ông Doran Aloysius Doran ở Lancaster Gate để dự bữa tiệc điểm tâm. Dường như có một người đàn bà đến quấy rối. Bà ta cố ra sức xô đẩy vào nhà, phân bua rằng bà cần nói chuyện với chú rể. Giằng co một hồi lâu, người quản gia và người hầu mới tổng khứ được bà ta. May mắn thay, trước đó cô dâu đã vào nhà, và đã ngồi dùng điểm tâm với mọi người khác. Nhưng bỗng nhiên cô dâu nói rằng cô thấy khó ở và lùi về phòng mình. Lâu quá không thấy cô ta ra, mọi người bắt đầu bàn tán. Cha cô vội vàng đi tìm và được người tớ gái cho biết cô vừa mới lên phòng, thì liền chộp áo choàng và mũ bon-nê, rồi vội vã xuống cầu thang. Một trong những người hầu gái nói rằng, ông ta đã thấy một người phụ nữ từ trong nhà đi ra, ăn mặc y như thế. Nhưng ông ta lại không dám chắc chắn đó là cô chủ, vì tin rằng cô đang dùng bữa với mọi người. Khi thấy đúng là con gái mình đã biến mất, ông Doran cùng chú rể đi báo với cảnh sát, các cuộc điều tra tiến hành ráo riết. Tuy vậy, cho đến gần hết đêm qua vẫn chưa tìm ra dấu vết của cô dâu. Có tin đồn về chuyện phá đám trong vụ này. Người ta nói, cảnh sát đã bắt giữ người đàn bà gây rối, vì họ tin rằng do ghen tuông hoặc do một động cơ nào đó, bà ta có thể dính líu vào sự mất tích của cô dâu”.

- Tất cả chỉ có thế?
- Có thêm một mẩu tin vắn trên một tờ báo buổi sáng khác. Nó cũng có một đôi điều đáng chú ý.
- Đó là...?
- Cô Flora Millar, người đàn bà gây rối, đã bị bắt. Hình như xưa kia cô ta là một vũ nữ đã quen với chú rể cách đây vài năm. Không có chi tiết đặc biệt nào khác.
- Tôi sẽ không bỏ qua trường hợp này. Nhưng sẽ có chuông cửa reo đấy. Anh Watson, đừng bỏ đi đấy nhé.
- Thưa, có ngài Simon đến - Chú tiểu đồng của chúng tôi báo tin và mở tung cửa lớn.

Một người đàn ông bước vào, khuôn mặt khá điển trai của một người có học. Mũi cao, nét mặt xanh xao, có một chút hờn dỗi. Đôi mắt mở to, nhìn không chớp. Phong thái anh ta nhanh nhẹn, thể nhưng dáng vẻ bên ngoài lại gây cho ta ấn tượng về tuổi già. Vì khi bước đi, ông hơi gù về phía trước và đầu gối hơi cong. Khi ông ta giở mũ, ta có thể thấy mớ tóc hoa râm ở phía mép ngoài, và hơi hói ở trên đỉnh đầu. Y phục được

chăm sóc quá kỹ lưỡng đến mức đom đóm: cổ áo cao, áo choàng đen, áo gi-lê trắng, bao tay vàng, giày da hảo hạng và ghệt có màu nhạt.

- Xin chào ngài - Holmes nói, đứng lên cúi chào - Mời ngài ngồi. Đây là bạn và là người cộng sự của tôi, bác sĩ Watson.

- Ông Holmes ạ. Tôi đã bị đánh vào chỗ đau nhất. Tôi hiểu rằng ông đã xử lý nhiều vụ tể nhị thuộc loại này, chúng tôi cho rằng khó có một vụ nào xảy ra trong một giai cấp như giai cấp của tôi.

- Mới đây một vị vua có vấn đề thuộc loại đó.

-Ồ, thật thế ư? Vua nào thế?

- Vua xứ Scandinavia.

-Ồ, ông ta mất vợ rồi chứ?

- Xin ngài hiểu cho. Tôi giữ bí mật những sự việc của những thân chủ khác, cũng như tôi sẽ làm như thế, đối với việc của ngài.

- Đúng lắm! Ông bỏ lỗi cho nhé.

- Không có gì... Tôi đã tìm hiểu những gì có trong báo chí. Chưa biết thêm gì hơn. Tôi có thể xem như bài báo này viết đúng sự thật.

Thân chủ của tôi liếc nhìn qua nó.

- Vâng, đúng như bài báo đã viết.

- Nhưng cần phải bổ sung nhiều, trước khi có thể xác lập một giả thiết.

- Xin ông cứ việc hỏi.

- Ngài gặp cô Hatty Doran lần đầu tiên vào lúc nào ?

- Tại San Francisco, cách đây một năm.

- Ngài du lịch sang nước Mỹ?

- Vâng.

- Lúc ấy, ngài đã có ý định kết hôn chưa?

- Chưa.

- Nhưng ông bà đối xử thân mật với nhau?

- Tôi thích được gần nàng, và nàng có thể thấy như thế.

- Cha cô ấy rất giàu?

- Có thể nói ông ta là người giàu nhất.

- Ông ta làm giàu bằng cách nào?

- Khai thác mỏ vàng. Một vài năm trước đây, ông ta chưa có gì cả. Rồi ông ta tìm thấy mỏ vàng, đầu tư vào nó và càng ngày càng phát lên.

- Hiện giờ, ngài có ấn tượng gì về tính cách của người phụ nữ trẻ đó?

Nhà quý tộc đu đưa cặp kính và nhìn chăm chăm vào lò sưởi.

- Trước khi cha nàng trở nên giàu có, nàng đã hai mươi tuổi. Trong thời gian đó, nàng chạy rong tự do trong các trại mỏ, lang thang qua rừng, qua núi; nàng được giáo dục bởi thiên nhiên nhiều hơn là bởi trường học. Nàng là con người mà tại Anh, chúng tôi gọi là tomboy. Tâm hồn nàng như núi lửa. Nàng quyết định rất nhanh chóng và không sợ hãi trong việc thực hiện những quyết định của mình. Mặt khác, hẳn là tôi đã không trao cho nàng cái tên mà tôi có vinh dự được mang - Ông ta hắng giọng một cách đĩnh đạc - nếu tôi không cho rằng, nàng là một phụ nữ quý tộc, rằng nàng có khả năng tự quên mình một cách dũng cảm, và rằng bất cứ cái gì đề mạt thì không phù hợp với bản thân của nàng.

- Ông có ảnh của cô ấy chứ?

- Có.

Ông ta mở một cái hộp hình trái tim và cho chúng tôi xem khuôn mặt chụp thẳng của một người phụ nữ rất xinh đẹp. Holmes nhìn chăm chú một hồi lâu. Rồi anh đóng nắp hộp và trao lại cho nhà quý tộc.

- Rồi cô ấy đến Luân Đôn, và hai người nối lại duyên tình với nhau?

- Vâng, vừa rồi cha nàng đưa nàng đến nghỉ mùa đông tại Luân Đôn. Tôi gặp nàng một đôi lần, đính hôn với nàng và đã làm lễ cưới. Theo tôi biết, cô ấy có một món tiền hồi môn đáng kể.

- Một món tiền khá. Nhưng không nhiều hơn số tiền hồi môn bình thường trong gia đình tôi.

- Lễ cưới đã xong, vậy thì món hồi môn đã đến tay cô ấy rồi chứ?

- Tôi thật sự không hỏi han gì đến chuyện ấy cả.

- Đương nhiên như thế. Ông có gặp cô Doran vào hôm trước đám cưới không?

- Có.

- Cô ấy có phấn khởi không?

- Chưa bao giờ nàng vui hơn.

- Đó là một điều đáng chú ý! Thế còn vào buổi sáng trong ngày cưới.

- Nàng cũng tươi như hoa.

- Ngài thấy có gì thay đổi nơi cô ấy không?

- Ô, lúc đó tôi thấy nàng gắt gỏng. Song chuyện ấy quá nhỏ, có lẽ nó không ăn nhập gì tới vụ mất tích này.

- Dù thế, ngài cũng nên cho chúng tôi biết.

- Ô, đấy là chuyện trẻ con thôi mà. Nàng đánh rơi bó hoa khi chúng tôi đi về phía phòng cưới. Lúc đó nàng đi qua cái ghế dài ở phía trước, và bó hoa rơi vào trong cái ghế dài ấy. Người đàn ông ngồi trên ghế trao nó lại cho nàng, và trông nó vẫn bình thường, không bị hư hỏng gì cả. Thế nhưng, sau đó khi tôi nói chuyện ấy với nàng thì nàng lại xẵng giọng, có vẻ bức tức vô lý về cái chuyện nhỏ nhặt đó.

- Thật ư? Ngài nói là lúc ấy có vài người đi lễ ở đó?

-Vâng. Không thể mời họ ra, khi nhà thờ mở cửa.

- Người đàn ông này không phải là người bạn của vợ ngài chứ?

- Không. Trông anh ta cũng bình thường. Tôi chả có để ý gì đến cái bề ngoài của anh ta cả. Nhưng thưa ông, chúng ta đã đi xa vấn đề rồi.

- Vậy là từ nhà thờ trở về, phu nhân kém vui hơn. Cô ấy đã làm gì khi bước vào nhà cha mình?

- Tôi thấy nàng nói chuyện với cô tớ gái.

- Cô ta tên gì.

- Alice. Cô ta là người Mỹ và đến từ California cùng với nàng.

- Một cô tớ gái thân tín?

- Còn hơn thế nữa.

- Cô ấy nói chuyện với Alice bao lâu?

- Một vài phút. Tôi không để ý.

- Ngài không nghe họ nói gì ư?

- Nàng nói một cái gì đó về sự “tiếm đoạt” [1]. Nàng có thói quen dùng tiếng lóng theo kiểu đó. Tôi không hiểu mô tê gì cả.

- Sau khi nói chuyện với cô tớ gái, phu nhân làm gì?

- Nàng bước vào phòng điếm tâm.
- Cùng với ngài.
- Không. Một mình. Rồi, sau khi chúng tôi đã ngồi xuống trong vài phút, nàng vội vã đứng dậy, nói lí nhí một điều gì đó, rồi ra khỏi phòng. Và không trở lại nữa.
- Nhưng cô tớ gái khai rằng vợ ngài vào phòng, khoác một áo choàng rộng lên cái áo cô dâu, đội mũ rồi đi ra ngoài.
- Đúng như thế. Và sau đó, người ta thấy nàng đi vào công viên Hyde cùng với cô Flora Millar, người đã làm náo loạn buổi sáng hôm đó.
- Tôi muốn biết thêm một vài điều cụ thể về người đàn bà này, và mối quan hệ giữa ngài và cô ta.

Nhà quý tộc nhún vai và nhướn mày lên :

- Tôi có quan hệ thân mật một thời gian với người vũ nữ này. Nhưng tính tình cô ta cực kỳ nóng nảy. Cô ta đã viết cho tôi những lá thư khủng khiếp, khi nghe tin tôi sắp lấy vợ. Thật tình mà nói, sở dĩ hôn lễ phải được cử hành lặng lẽ như thế là vì tôi sợ sẽ có một vụ gây rối trong nhà thờ.

- Phu nhân có nghe thấy việc này không?
- Không.
- Và sau đó, người ta thấy cô ấy đi với người đàn bà này?
- Vâng. Đó là điều mà cảnh sát xem như là một chi tiết quan trọng. Người ta nghĩ rằng Flora đã nhử vợ tôi ra, và giảng cho nàng một cái bẫy.
- Vâng, có thể như vậy.
- Ông cũng nghe như thế ư?
- Tôi không nói chắc chắn là thế. Nhưng chính ngài không nghĩ là có thể ư?
- Tôi không nghĩ là Flora làm đau một con ruồi.
- Nhưng sự ghen tuông sẽ làm biến đổi tính cách con người. Vậy, theo ngài, ngài nghĩ thế nào?
- Theo tôi, nàng đã bị chấn động tâm lý, nên đã gây ra một vài rối loạn thần kinh cho vợ tôi.
- Tóm lại, cô ấy đã bất thần trở nên loạn trí?
- Ồ, thực thế.
- Thưa ngài, bây giờ tôi gần đã có tất cả những dữ kiện mà tôi cần. Xin hỏi thêm một câu cuối cùng: Ngài có ngồi ở bàn điếm tâm, để có thể nhìn ra ngoài cửa sổ không?

- Chúng tôi có thể nhìn thấy phía bên kia đường và công viên.
- Đúng y như thế. Vậy thì, bây giờ ngài có thể ra về. Tôi sẽ liên hệ với ngài sau.
- Mong ông giải quyết được vấn đề.
- Tôi đã giải quyết xong.
- Vậy thì vợ tôi đang ở đâu?
- Tôi nói, là tôi đã giải quyết xong.
- Vậy thì tôi đang ở đâu?
- Tôi sẽ nhanh chóng nói cho ngài biết.

Người đàn ông lắc đầu :

- Có lẽ, việc ấy phải đòi hỏi những đầu óc khôn ngoan hơn ông và tôi - Ông ta nói, rồi cúi đầu chào kiểu cách, bước ra khỏi phòng.

- Ông ấy đã có lòng tốt khi đặt cái đầu tôi ngang hàng với cái đầu của ông ta - Holmes cười nói - Ta phải uống một ly whisky pha soda và hút một điếu xì gà sau cuộc “thăm vấn” như thế này. Tôi đã có câu kết luận về vụ này trước khi thân chủ của chúng ta bước vào phòng.

- Thật thế ư?

- Tất cả mọi sự xét của tôi chẳng qua là để kiểm tra lại cho chắc chắn mà thôi.

- Tôi cũng đã nghe tất cả những gì anh đã nghe. Nhưng tại sao tôi lại không phát hiện ra điều gì nhỉ?

- Anh đã nghe, nhưng anh ta không biết nhiều trường hợp tương tự như thế đã xảy ra ở nơi này, nơi kia.Ồ, tay Lestrade đang đến kìa! Anh sẽ thấy một con lật đặt hảo hạng có những điếu xì gà trong hộp.

Người thám tử nhà nước đeo cà vạt trông như một thủy thủ, cầm một cái túi vải. Với một lời chào ngắn ngủi, ông ta ngồi xuống và đốt điếu thuốc xì gà đã được trao cho ông. Holmes nhấp nháy mắt hỏi :

- Có chuyện gì thế? Nom ông có vẻ bất mãn?

- Tôi chưa hài lòng. Đó là cái vụ án liên hệ đến ngài Simon.

- Thật sự? Ông làm tôi kinh ngạc đấy.

- Chưa bao giờ có một vụ nào phức tạp như thế! Mọi đầu mối đều đã tuột khỏi tay tôi. Tôi đã làm việc về vụ án đó suốt cả ngày.

- Và hình như nó làm cho ông đỡ nhiều mồ hôi thì phải - Holmes nói, đặt tay lên vai ông.

- Vâng, tôi đã lê lét cả ngày trên đại lộ Serpentine.

- Để làm gì vậy?

- Để tìm xác của phu nhân Simon.

Sherlock Holmes tựa mình ra sau và cười ha hả :

- Ông có lê lét tại cái bể nước trên quảng trường Trafalgar không?

- Ông muốn nói gì?

- Bởi vì, biết đâu ông lại chẳng tìm thấy xác phu nhân ở đó?

Lestrade bắn một tia nhìn giận dữ vào bạn tôi.

- Ông làm như ông đã biết hết mọi chuyện về vụ này.

- Vừa mới nghe các sự kiện, là tôi đã biết hết rồi.

- Vậy là đại lộ Serpentine không đóng vai trò nào trong vụ này ư?

- Không.

- Vậy tại sao tôi lại tìm thấy cái này ở đó?

Ông ta mở cái túi vải và xổ tung ra trên sàn một chiếc áo cưới bằng lụa, một đôi giày xa tanh trắng, một vòng hoa cô dâu, một tấm mạng che mặt. Tất cả đều ẩm nước. Ông đặt chiếc áo cưới lên trên đóng quần áo.

- Đấy, có một vấn đề khó khăn để ông giải quyết, thưa ông Sherlock Holmes!

-Ồ, quả thế! - Holmes nói, thổi vào không khí những vòng tròn khói thuốc - Ông đã đưa chúng tôi về từ đại lộ Serpentine đấy ư?

- Không. Chúng tôi lênh bênh gần bờ được một người giữ công viên phát hiện. Và theo tôi, nếu y phục ở đó thì cái xác chắc cũng gần đâu đó thôi.

- Bằng một lập luận thông minh kiểu đó, thì xác mọi người có thể tìm thấy gần chiếc tủ áo của họ. Xin làm ơn cho tôi biết, qua những thứ này, ông gì vọng đạt tới cái gì?

- Đạt tới một chứng cứ nào đó dính líu đến cô Flora Millar trong vụ mất tích.

- Ông sẽ thấy khó khăn đấy.

- Holmes ạ, chỉ trong hai phút mà ông đã phạm tới hai sai lầm. Cài áo choàng này thực sự có dính líu đến cô Flora Millar - Lestrade nói, giọng cay đắng.

- Dính líu như thế nào?

- Trên cái áo có một cái túi. Trong cái túi có một cái ví nhỏ. Trong ví là một mảnh giấy. Xem đây! - Ông ta đặt mạnh nó xuống bàn trước mặt Holmes, rồi đọc lớn - "Tôi sẽ gặp cô khi tất cả đã sẵn sàng. Hãy đến ngay F.H.M." [2]. Giả thiết của tôi, là phu nhân Simon đã bị nhử bởi cô Flora Millar và cô ta phải chịu trách nhiệm về sự mất tích của cô dâu. Mảnh giấy này, có chữ ký của cô ta, chắc chắn đã nhét vào tay của cô dâu ở cửa lớn, và nó đã lôi cuốn cô dâu vào trong tầm hành động của họ.

- Tốt lắm, ông bạn thân mến - Holmes cười nói - Quả thật là ông rất thông minh. Cho tôi xem tí nào?

Anh lơ đãng cầm mảnh giấy, nhưng bỗng nhiên anh chú ý thật sự, và khẽ kêu lên một tiếng kêu thỏa mãn.

- Đây quả thật sự là một điều quan trọng.

- Hà! Ông cũng thấy thế ư?

- Cực kỳ quan trọng. Chúc mừng ông.

Lestrade nhồm dầy, ra vẻ đắc chí và cúi đầu xuống để nhìn.

- Ông xem nhầm mặt rồi! - Ông ta hét lên.

- Trái lại, đây mới đúng mặt của nó.

- Đúng mặt? Ông điên rồi ư? Những dòng chữ viết bằng bút chì bên đây này.

- Và mặt này có vẻ như là một cái hóa đơn khách sạn, khiến cho tôi quan tâm sâu sắc.

- Tôi đã xem rồi. Không có gì trong đó cả: "Ngày 4 tháng 10, Phòng: 8 shilling; Điểm tâm: 2 shilling 6 pence; Cocktail: 1 shilling; Bữa trưa: 2 shilling 5 pence; Rượu sherry: 8 pence". Tôi không thấy có gì trong đó cả.

- Rất có thể là không. Mặc dầu vậy, nó cũng rất quan trọng. Còn về những dòng chữ, chúng rất quan trọng, hay ít ra là những chữ đầu viết tắt. Vậy, xin chúc mừng ông một lần nữa.

- Tôi đã phí mất quá nhiều thời giờ rồi - Lestrade nói, đứng lên - Tôi tin tưởng vào những giờ lao động khó nhọc, chứ không phải ngồi bên cạnh lò sưởi để dệt nên những lý thuyết đẹp đẽ! Chào nhé, ông Holmes! Và chúng ta sẽ xem, ai là người đến tận đây của vấn đề trước.

Ông ta thu thập đồng quần áo trên sàn, nhét chúng vào cái túi xách, rồi đi ra cửa.

Ngay khi ông ta đóng cửa, Holmes đứng dậy và mặc áo khoác :

- Có một cái gì đó cần lưu ý trong những điều không ta vừa nói. Bởi vậy, tôi phải đi ngay.

Tới 5 giờ chiều, Sherlock Holmes vẫn chưa về. Lúc 6 giờ có một người đàn ông và một thanh niên mang một cái hộp dẹt lớn đến. Họ mở hộp ra và dọn một bữa ăn tối ngon lành trên đi-văng của chúng tôi. Có một cặp chim đã gà, một chim trĩ, bánh pa-tê gan, một vài chai rượu lâu năm. Sau khi đặt những thứ xa xỉ này lên trên bàn, hai người khác này bước ra, giống như những vị thần trong truyện Nghìn lẻ một đêm, không một lời giải thích, trừ một điều là những thứ này đã được trả tiền xong và được đưa tới địa chỉ này.

Gần 9 giờ tối, Sherlock Holmes nhanh nhẹn bước vào trong phòng. Nét mặt anh lộ vẻ nghiêm trang, nhưng có một tia sáng lộ trong mắt anh.

- Người ta đã dọn bữa ăn tối rồi đấy nhỉ? - Anh nói, rồi xoa tay vào nhau.

- Hình như anh có khách? Người ta đã dọn 5 phần ăn.

- Vâng. Tôi đoán sẽ có khách ghé thăm. Tôi không hiểu sao ngài Simon chưa đến. Hình như có bước chân ông ta trên cầu thang.

Đúng là thân chủ của chúng ta đang vội vã bước vào, đang đưa cặp kính một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết, và có nét lo lắng trên gương mặt.

- Thư báo tin đã đến ngài rồi chứ? - Holmes hỏi.

- Vâng, nội dung của nó làm tôi vô cùng sửng sốt. Ông có đủ chứng cứ để chứng minh cho những điều ông nói không?

- Chứng cứ tốt nhất có thể có được.

Nhà quý tộc buông mình xuống ghế và đưa tay xoa lên trán.

- Công tước sẽ nói gì - Ông ta nói thì thảo - Khi ngài thấy một người trong dòng họ phải chịu nhục nhã như thế này.

- Đây chỉ là một tai nạn thuần túy, không hề có sự sỉ nhục nào.

- Ông nghĩ vậy, nhưng tôi lại quan niệm một cách khác.

- Ông nghĩ vậy, nhưng chúng tôi lại quan niệm một cách khác.

- Tôi không thấy ai đáng trách cả. Người phụ nữ ấy khó lòng làm khác ơ, mặc dù nó là điều đáng tiếc. Trước một tình huống như thế mà nàng lại không có mẹ bên cạnh, không có ai khuyên bảo.

- Đó là một cái tát, thưa ông, một cái tát công khai - Ông ta nói, gõ ngón tay lên bàn.

- Thưa ngài, phải thông cảm cho cô gái đáng thương này. Cô ấy gặp phải một tình huống quá bất ngờ.

- Làm sao thông cảm được. Quả thật tôi rất giận. Tôi bị lợi dụng.

- Hình như có chuông đấy. Vâng, có những bước chân ở đầu cầu thang. Tôi biết tôi không thể thuyết phục được ông, nên tôi đã đưa tới đây một người, hy vọng ông ta sẽ thành công.

Holmes mở cửa và đưa vào một người đàn ông và một phụ nữ :

- Thưa ngài Simon. Xin giới thiệu với ngài đây là ông bà Francis Hay Moulton. Còn người phụ nữ này, tôi nghĩ ngài đã gặp.

Ngay khi thấy những người mới đến này, thân chủ chúng tôi đã nhảy chồm lên và đứng thẳng người, mắt nhìn xuống đất và tay thọc vào ngực chiếc áo khoác, một bức tranh nói lên danh dự bị thương tổn. Người phụ nữ đã bước nhanh về phía trước, chìa tay ra cho ông ta, nhưng ông ta không chịu ngước nhìn lên.

- Chắc anh giận em lắm, phải không Robert? Vâng, anh giận như vậy là đúng lắm?

- Xin chớ phân trần với tôi - Ngài Simon cay đắng nói.

- Vâng, em có lỗi. Lẽ ra, em phải nói cho anh trước khi em đi, nhưng từ lúc em thấy anh Frank xuất hiện, em không còn biết em làm gì, nói gì nữa.

- Thưa bà Moulton, có lẽ tôi và anh Watson nên lánh, trong khi bà giải thích chuyện này? - Holmes nói.

- Nếu được phép nêu ý kiến - Người đàn ông lạ mặt nói - Tôi xin phát biểu một đôi điều! Chúng ta đã giữ chuyện bí mật này khá lâu rồi. Theo ý tôi, tôi muốn cả Châu Âu và nước Mỹ được nghe thực trạng của vấn đề.

Đó là một người đàn ông nhỏ thó, rám nắng, răn rỏi, râu cạo nhẵn nhụi, với gương mặt sắc sảo và phong thái tinh táo.

- “Vậy thì, em sẽ kể câu chuyện của chúng ta ngay sau đây” - Người phụ nữ nói - “Năm 1884, anh Frank và tôi đã gặp nhau ở McQuire, gần dãy Rocky, là nơi cha tôi đang khai thác quặng mỏ. Chúng tôi đã bí mật đính hôn với nhau. Nhưng một hôm, cha tôi đào được mỏ vàng và giàu lên, trong khi anh ấy ấy ngày càng thất bại. Bởi vậy, cha tôi không muốn cuộc đính hôn dài lâu hơn nữa, ông bèn đưa tôi đến San Francisco. Nhưng anh không chịu bỏ cuộc. Anh ấy theo tôi đến đó, chúng tôi gặp nhau mà cha tôi không hề hay biết gì. Frank nói rằng anh sẽ đi xa để xây dựng cơ nghiệp và chỉ trở về đón tôi khi nào anh đã giàu bằng cha tôi. Tôi hứa sẽ chờ đợi anh ấy đến trọn đời, và thề nguyện là không lấy ai khác, một khi anh ấy còn sống. Anh ấy nói: “Tại sao chúng mình không cưới nhau ngay đi? Để anh được yên tâm về em. Và anh sẽ không công khai nhận anh là chồng của em, cho đến khi anh trở về”. Chúng tôi bàn chuyện đó. Anh ấy đã nhờ một ông mục sư làm lễ cưới ngay tại đó, rồi ra đi tìm sự nghiệp, còn tôi trở lại với cha tôi.

Sau đó, tôi được tin anh ở Montana, rồi có tin anh thăm dò quặng tại Arizona, rồi nghe tin anh đến New Mexico. Sau đó, trên báo có đăng một bài dài, nói về một trại mỏ đã bị dân da đỏ tấn công, và có tên anh trong danh sách những người bị giết. Tôi ngất đi, tưởng đã chết, rồi nằm liệt giường mấy tháng sau đó. Cha tôi nghĩ rằng tôi bị suy nhược thần kinh, đưa tôi đến bác sĩ này, bác sĩ nọ. Hơn một năm trời không có tin tức gì Frank, đến nỗi là tôi tin chắc là anh đã chết thật rồi. Thế rồi ngài Simon đến San Francisco, rồi chúng tôi sang London và một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp. Cha tôi rất hài lòng, nhưng tôi không thể nào quên Frank.

Tuy vậy, nếu tôi kết hôn với ngài Simon thì tôi đã hoàn thành bổn phận làm con. Tôi đã đi đến nhà thờ với dự định trở thành một người vợ tốt, theo khả năng mà tôi có được. Nhưng ngay khi tôi bước đến gần bàn thờ, tôi nhìn lên thấy Frank đang đứng ở hàng ghế đầu tiên. Thoạt đầu, tôi nghĩ đó là bóng ma anh ấy hiện về, nhưng khi nhìn lại một lần nữa, rõ ràng anh ấy còn sống. Tôi thấy trời đất đang quay cuồng, và những lời nói của vị giáo sĩ giống như tiếng ong bay vù vù bên tai tôi. Tôi liếc ra phía sau, nhìn anh một lần nữa, thấy anh đưa ngón tay lên môi để bảo tôi im. Rồi tôi thấy anh ngoặt ngoác trên một mảnh giấy. Khi đi qua cái ghế dài mà anh đang đứng, tôi ném bó qua cho anh, và anh tuồn mảnh giấy vào đó rồi trả lại bó hoa cho tôi. Đó chỉ là một dòng chữ yêu cầu tôi theo anh khi nào anh ra dấu hiệu. Tôi quyết tâm làm theo bất cứ chỉ thị nào của anh.

Khi trở lại họ nhà gái, tôi kể chuyện đó cho cô tớ gái của tôi, cô ta đã từng biết Frank từ khi còn ở California và đã từng là bạn của anh ấy. Tôi nhờ cô ta chuẩn bị cho tôi một vài thứ đồ đạc và áo khoác. Tôi biết, lẽ ra tôi phải nói cho Robert biết, nhưng thật là khó khăn khi có mặt mẹ anh ấy và tất cả những người quý tộc khác. Tôi quyết định là chạy trốn trước, giải thích sau. Tôi ngồi ở bàn chưa tới mười phút, thì thấy Frank xuất hiện ở cửa sổ, phía bên kia đường. Anh vẫy tay ra hiệu cho tôi, và bắt đầu bước vào công viên. Tôi lên về phòng, thay vội quần áo, rồi đi theo anh.

Có một người đàn bà đến nói với tôi một cái gì đó về Robert. Qua một đôi điều nghe được, thì dường như Robert cũng có một bí mật nho nhỏ nào đó. Nhưng tôi tìm cách thoát khỏi cô ta, chẳng bao lâu tôi theo kịp Frank, cùng nhau đi lên xe ngựa đi đến một chỗ trọ mà anh đã thuê sẵn và đó mới quả thật đúng là đám cưới của chúng tôi sau

bao năm xa cách. Thì ra Frank tuy bị da đỏ bắt làm tù binh, nhưng anh đã trốn thoát, và đến San Francisco. Tại đây, biết tôi đã theo cha đến nước Anh, Frank cũng sang theo, sau cùng đã tìm gặp tôi đúng vào buổi sáng hôm đó”.

- Tôi đọc tin đó trên một tờ báo - Người Mỹ giải thích - Nó cho tôi biết tên cô dâu, chú rể và nhà thờ, nhưng không nói cô dâu sống ở đâu.

Người phụ nữ kể tiếp.

- Rồi chúng tôi bàn bạc xem là nên làm cái gì. Anh ấy muốn công khai chuyện này ra, nhưng tôi ngại quá. Tôi tính chỉ nên gửi vài dòng cho cha tôi, cho ông biết là tôi vẫn còn sống. Thế thôi, Bởi vậy, anh ấy cầm lấy đồ cưới làm thành một gói, ném vào một nơi nào đó để phi tang. Hẳn là ngày mai chúng tôi đã lên đường sang Paris, nếu chiều nay, ông Holmes không đến chỗ chúng tôi. Ông Holmes đã chỉ rõ cho chúng tôi thấy rằng tôi sai và Frank đúng, và rằng chúng tôi giữ bí mật như vậy là không phải. Và ông Holmes hứa cho chúng tôi một cơ hội để nói chuyện với ngài Simon. Vì thế mà chúng tôi đã đến đây. Anh Robert, bây giờ anh đã nghe tất cả rồi. Em rất tiếc là đã làm cho anh đau khổ, và em hy vọng rằng anh sẽ không nghĩ quá xấu về em.

Người phụ nữ ngừng nói. Cho tới lúc này, ngài Simon vẫn chưa giảm đi thái độ cứng cỏi, nhưng đôi mày nhíu lại và đôi môi mím chặt.

- Xin lỗi quý vị, tôi không quen bàn những chuyện riêng tư một cách công khai như thế này.

- Vậy là, anh không tha lỗi cho em ư? Anh không bắt tay trước khi em đi sao?

- Nếu cô muốn.

Ông ta chìa tay ra, lạnh nhạt nắm lấy bàn tay của người phụ nữ.

- Tôi đã hy vọng rằng thế nào ngài cũng sẽ lưu lại dùng bữa ăn thân mật với chúng tôi - Holmes nói.

- Có lẽ ông nói hơi quá đấy. Tôi làm sao vui cho được. Bây cho phép tôi được chúc tất cả quý vị một đêm ngon giấc. Xin chào! - Huân tước Simon liếc nhìn mọi người trước khi bước ra khỏi phòng.

- Còn tôi thì tin rằng ông sẽ làm tên tuổi của tôi và của công ty ông trở nên nổi tiếng.

- Holmes quay sang nói với người đàn ông - Những cuộc tiếp xúc với người Mỹ, thưa ông Moulton, làm tôi luôn tin tưởng, trong một ngày không xa, con của ông bà sẽ trở nên nổi tiếng ở nhiều quốc gia bởi sự phát triển của Tập đoàn “Jack với Sao và Vạch”.

[3]

- Vụ này quả thật là hấp dẫn - Holmes nói, khi các vị khách đã ra về - Bởi vì nó giúp ta thấy rất rõ ràng, một sự việc mà thoạt đầu dường như không thể giải thích được, thật ra là vô cùng giản dị! Không có gì hợp tự nhiên hơn là những sự việc mà người phụ nữ đã kể.

- Ngay từ đầu, anh đã đi đúng hướng chứ? - Tôi hỏi.

- Từ đầu, tôi thấy có hai sự kiện rất rõ ràng, Một người phụ nữ đó sẵn sàng dự phần nghi lễ tại nhà thờ. Hai là, chỉ sau đó mấy phút, cô ta đã ân hận về việc đó. Như vậy là có một cái gì đó đã xảy ra trong buổi sáng, nó làm thay đổi ý định của cô ta. Đó là cái gì? Hẳn là cô ta đã không nói chuyện với người lạ nào, vì có chú rể bên cạnh. Vậy thì, phải chăng cô ta đã nhìn thấy một ai đó? Nếu có, hẳn phải là một người đến từ nước Mỹ, bởi vì cô ta mới sống tại Anh một thời gian quá ngắn, nên không thể có một người Anh nào có thể gây cho cô ta một ảnh hưởng quá sâu sắc, đến nỗi chỉ nhìn thấy anh ta cũng đủ làm cho cô ta thay đổi hẳn kế hoạch. Bằng phương pháp loại trừ, tôi đã đi đến

kết luận rằng, có thể là cô ta đã nhìn thấy một người Mỹ. Vậy thì, người Mỹ này là ai, và tại sao anh ta lại có ảnh hưởng quá lớn đến cô ta như vậy? Có thể đó là một người tình? Có thể đó là một người chồng? Tôi biết, thời niên thiếu cô ta đã sinh sống trong khung cảnh hoang dã, dưới những điều kiện đặc biệt. Tôi đã biết đó trước khi ngài Simon kể. Khi ông ta cho biết có một người đàn ông trong ghế dài, về sự thay đổi trong thái độ của cô dâu, về việc đánh rơi bó hoa (một phương pháp trao đổi tin tức khá rõ ràng) về sự cầu cứu đến cô tớ gái tin cẩn, về cái từ “tiếm đoạt” rất có ý nghĩa (theo cách nói của những người khai thác mỏ, thì “tiếm đoạt” nghĩa là chiếm hữu một cái gì mà chủ quyền thuộc về người khác). Với những sự kiện đã kể trên, thì toàn bộ vấn đề đã quá rõ ràng. Cô ấy đã đi theo người tình, hoặc là người chồng cũ của cô ta.

- Và anh đã làm cách nào để tìm thấy họ?

- Kể ra thì cũng khó. Nhưng may nhờ cái hóa đơn khách sạn của ngài Lestrade, ông ta cầm nó trong tay, mà không biết giá trị của nó. Những chữ viết tắt dĩ nhiên là vô cùng quan trọng, nhưng cái quan trọng hơn, là biết được họ đang ở tại một khách sạn thuộc loại sang nhất tại London.

- Làm thế nào anh biết được?

- Cái giá tiền nơi hóa đơn, 8 shillings cho cái giường, và 8 pence cho một ly rượu sherry [4], chừng ấy cũng đủ thấy đó là một trong những khách sạn sang nhất. Tại London chả có mấy khách sạn như thế. Tại khách sạn thứ hai mà tôi đến thăm, qua sổ đăng ký, tôi biết rằng Francis H. Moulton, người Mỹ, chỉ mới rời khách sạn này ngày hôm trước, khi nhìn qua những món mà anh ta phải trả, tôi thấy khớp với những món trong hóa đơn của ngài Lestrade. Anh ta yêu cầu thư từ gửi về khách sạn, xin chuyển lại số 226 quảng trường Gordon. Tôi tìm đến địa chỉ ấy, và may mắn gặp đôi uyên ương. Tôi đánh bạo cho họ một lời khuyên của một người cha, vạch rõ cho họ thấy rằng mọi sự sẽ tốt hơn nếu họ cho dư luận rộng rãi, nhất là ngài Simon, biết sự thật. Tôi mời họ đến đây để gặp ông ta, và như anh thấy đó, tôi buộc ông ta phải đến.

- Nhưng kết quả không tốt lắm. Ông ta cư xử không mấy lịch sự - Tôi nhận xét.

- Nhưng mà, Watson ạ - Holmes mỉm cười nói – Có lẽ anh cũng không thể nào lịch sự được, nếu anh lâm vào cảnh ngộ của ông ta. Phải vất vả lắm mới làm được đám cưới, thế rồi, dùng một cái, thấy mình mất tất cả chì lẫn chài. Chúng ta xét đoán ngài một cách thông cảm hơn, và hãy cảm ơn số mệnh đã không bắt ta phải chịu một cảnh ngộ oái oăm như vậy. Đẩy cái ghế của anh ta lại gần đây và trao cho tôi cái đàn vĩ cầm, vì vấn đề duy nhất mà chúng ta phải giải quyết bây giờ là làm thế nào sống qua những buổi chiều mùa thu ảm đạm này.

Hết

B.11 - The Adventure of the Beryl Coronet 1892 (Chiếc vương miện gắn ngọc Berin)

- Holmes!

Buổi sáng hôm đó, tôi đang đứng bên cạnh cửa sổ căn phòng của chúng tôi ở đường Baker.

- Holmes! Tôi gọi lại một lần nữa - Một người điên đang đi dạo ngoài đường. Thật là một cảnh đáng buồn. Đáng lẽ người ta không nên để ông ta đi như thế...

Holmes uể oải rời khỏi ghế bành, tiến đến cửa sổ, nhìn xuống. Lúc bấy giờ là tháng hai, không khí lạnh giá. Dưới ánh mặt trời yếu ớt của mùa đông, lớp tuyết rơi xuống đêm qua vẫn sáng lấp lánh, trắng xóa và trơn trượt. Con đường vắng ngắt, duy nhất chỉ có một người đàn ông...

Ông ta khoảng năm mươi tuổi, thân hình cao lớn, vạm vỡ, dáng dấp có vẻ uy nghiêm trong bộ y phục màu sẫm sang trọng với chiếc áo rơ đanh gót đen, chiếc nón mới toanh, đôi giày sạch bóng và quần tây dài đúng mốt, nhưng trong lúc này cái phong cách uy nghiêm đã biến mất! Ông ta vừa chạy vừa nhảy như một người điên, hai tay huơ lên xuống loạn xạ, cái đầu lắc qua lắc lại và gương mặt nhăn nhó một cách thảm hại.

- Chuyện gì đã xảy đến cho ông ta? Dường như ông ta đang tìm số nhà? - Tôi nói.

- Ông ta sẽ đến đây! - Holmes đáp. Vừa xoa hai bàn tay vào nhau.

- Đến đây à?

- Phải ông ta đến gặp tôi để nhờ giải quyết một vấn đề khó khăn. Nhìn những triệu chứng của ông ta là tôi biết ngay. Ấy, bạn thấy chưa, tôi nói có sai đâu?

Thật vậy, người đàn ông đó lao mình đến trước cửa nhà chúng tôi: ông ta giật dây chuông mạnh đến nỗi tiếng reo ầm ĩ khắp nhà.

Một lát sau, ông ta lao vào phòng, miệng thở hồng hộc, hai tay vẫn còn quơ lia lịa, nhưng đôi mắt ông ta ẩn chứa một nỗi tuyệt vọng ghê gớm. Thoạt đầu ông ta không thể nói được một tiếng nào cả, chỉ lắc lư thân hình và vò đầu vò tóc như một người sắp lên cơn điên. Rồi thình lình ông ta lao đầu vào vách tường. Chúng tôi vội kéo tay ông ta ra giữa phòng. Holmes đỡ ông ta ngồi xuống một chiếc ghế, rồi cùng ngồi xuống bên cạnh, nắm lấy bàn tay ông ta và dịu dàng nói :

- Ông đến với tôi để kể tôi nghe câu chuyện của ông, phải không? Ông bị mệt vì phải chạy gấp đến đây. Ông hãy ngồi nghỉ cho đến lúc lấy lại bình tĩnh, sau đó tôi rất vui lòng nghe ông trình bày cái vấn đề nho nhỏ đang làm cho ông điên đầu.

Người đàn ông ngồi im trong một hai phút. Chiếc cằm sệ xuống: ông ta đang cố gắng kiềm chế chống lại cơn xúc động rồi ông ta lấy khăn tay thấm mồ hôi trán, lau khô môi, và quay về phía chúng tôi :

- Chắc các ông nghĩ là tôi điên, phải không?

- Tôi chỉ thấy ông đang có một tay họa lớn - Holmes đáp.

- Và chỉ có Chúa mới biết nó lớn đến mức nào! Một tai họa đủ để làm cho tôi phải mất hết lý trí: nó đã đổ ụp xuống đầu tôi với một sự đột ngột khủng khiếp!... Hơn nữa, không phải chỉ có một mình tôi dính líu vào vụ này. Nhân vật cao quý nhất trong xứ này có thể bị đau khổ, trừ khi tìm được một cách giải quyết êm thấm.

- Xin ông hãy bình tĩnh lại, rồi cho tôi biết ông là ai, và chuyện gì đã xảy ra - Holmes nói

- Tôi là Alexandre Holder, thuộc công ty ngân hàng Holder & Stevenson, ở đường Threadneedle.

Đó là tên của người hùn vốn trọng tuổi nhất trong ban điều hành của một công ty ngân hàng đứng thứ nhì ở thủ đô. Chúng tôi tò mò chờ ông ta kể lại câu chuyện.

- “Ngay khi viên thanh tra cảnh sát bảo tôi: Chỉ có Sherlock Holmes mới giúp được ông tôi liền đi đến đường Baker bằng xe điện ngầm và từ đó tôi chạy bộ đến đây, bởi vì với lớp tuyết dày như thế này, xe ngựa đi rất chậm... Hẳn các ông cũng biết rằng một trong những cách thức bỏ tiền ra có lợi nhất là cho vay. Trong những năm vừa qua, chúng tôi đã cho các gia đình quý tộc vay những số tiền rất lớn, thế chấp bằng những bức tranh, sách quý hoặc vàng bạc. Sáng hôm qua tại ngân hàng, một người thư ký đem đến cho tôi một tấm danh thiếp. Đọc cái tên ghi trên đó, tôi giật nảy mình, bởi vì... đó là một trong những gia đình thế gia vọng tộc lớn nhất. Đó là một vinh dự lớn cho tôi, và khi ông khách được đi vào, tôi tìm cách khen một câu. Nhưng ông ta cắt ngang lời tôi :

- Ông Holder, tôi biết rằng ngân hàng của ông thường cho vay tiền.

- Ngân hàng chúng tôi vẫn thường cho vay, khi người vay có cái gì để bảo đảm.

- Tôi cần ngay tức khắc 50 ngàn đồng bằng. Dĩ nhiên, tôi vẫn có thể mượn của các bạn tôi một số tiền mười lần lớn hơn số tiền nhỏ mọn này, nhưng tôi thích xem việc này là một việc riêng mà tôi phải tự giải quyết lấy. Với địa vị của tôi, mang ơn người khác là một điều nên tránh.

- Tôi có thể hỏi ngài muốn giữ số tiền đó trong bao lâu không?

- Thứ hai tới, người ta sẽ trả cho tôi một số tiền lớn, và chắc chắn tôi sẽ hoàn lại ông cả vốn lẫn lãi. Nhưng điều quan trọng nhất đối với tôi là phải có ngay 50 ngàn đồng bằng.

- Tôi sẽ lấy tiền túi của tôi ra cho ngài vay mà không đòi hỏi bảo đảm gì cả. Nhưng vị trí của tôi không cho phép tôi có được cái vinh dự đó. Mặt khác, vì lẽ tôi hoạt động cho công ty, nên tôi có bổn phận yêu cầu ngài có những bảo đảm cần thiết.

- Tôi thích như thế hơn - Ông ta đáp rồi đưa ra một chiếc hộp da màu đen, hình vuông - Ông có nghe nói đến chiếc vương miện đẹp lộng lẫy được đặt nằm trên một lớp nhung màu hồng.

- Đó là một trong những vật châu bảo quý giá nhất của đất nước.

- Đúng vậy!

Ông lấy chiếc hộp ra: chiếc vương miện đẹp lộng lẫy được đặt nằm trên một lớp nhung màu hồng.

- Nó có tất cả 39 viên ngọc berin thật lớn, và cái khung bằng vàng của nó thì thật là vô giá. Trị giá của chiếc vương miện này tính ra ít nhất cũng là 100 ngàn đồng bảng. Tôi sẵn sàng giao nó cho ông giữ làm vật bảo đảm.

Tôi cầm lấy chiếc hộp quý báu, nhìn chiếc vương miện rồi nhìn người thân chủ.

- Phải chăng ông nghi ngờ giá trị của nó? - Ông ta hỏi.

- Không, hoàn toàn không.

- Đúng hơn, tôi tự hỏi... Vì sao tôi dám giao cho ông giữ một vật quý giá như thế, phải không? Ông đừng lo ngại gì cả! Ông tưởng rằng tôi sẽ hành động như thế sao, nếu tôi không tuyệt đối chắc chắn có thể thu hồi nó lại trong bốn ngày nữa? Đây chỉ là một vấn đề thủ tục thôi. Theo ông, vật bảo đảm này có đủ không? - Nhà quý tộc hỏi.

- Quá đủ!

- Ông Holder, xin ông hãy hiểu rằng tôi tin cậy sự kín đáo của ông và nhất là sự cảnh giác của ông: chắc ông cũng hiểu rằng một vụ tai tiếng lớn sẽ xảy ra nếu có chuyện gì xảy đến cho chuyện này. Một vết xước nhỏ cũng nghiêm trọng gần bằng với sự mất mát của nó: ông hãy nghĩ rằng trên khắp thế giới không có những viên ngọc berin nào có thể sánh được với những viên ngọc này! Tuy nhiên, tôi vẫn giao chiếc vương miện cho ông giữ. Sáng thứ hai, tôi sẽ đích thân đến lấy nó lại.

Tôi gọi người thủ quỹ và ra lệnh cho anh ta giao ngay 50 ngàn đồng bảng. Tuy nhiên, khi còn lại một mình với chiếc hộp, tôi không khỏi lo sợ khi nghĩ đến cái trách nhiệm lớn lao đè nặng trên vai. Và tôi bắt đầu cảm thấy hối tiếc khi đã nhận lãnh bảo vật quốc gia này. Nhưng đã muộn rồi, không thể làm gì khác hơn, tôi bèn cất nó trong tủ sắt riêng và tiếp tục làm việc. Chiều đến, trước khi về nhà, tôi tự bảo không nên đại dốt để lại trong văn phòng một vật quý báu như thế. Hàng năm tủ sắt của ngân hàng đã từng bị phá rồi! Và nếu chiếc tủ sắt của tôi bị phá..., nếu chiếc vương miện biến mất?.... Không! Không thể để chuyện đó xảy ra! Tôi quyết định mang nó về nhà. Và sau đó cất kỹ bảo vật trong chiếc bàn giấy của phòng rửa mặt ở tầng hai.

Bây giờ, thưa ông Holmes, tôi cần phải cho ông biết qua về những người ở trong nhà tôi. Tôi có hai người tớ trai, đều ngủ ở bên ngoài nhà, ba người tớ gái đã giúp việc cho tôi từ nhiều năm nay, và họ là những người rất ngay thật. Một người tớ gái khác, tên là Lucy, mới vào được vài tháng, nhưng cô ấy có một bản tính tốt. Đó là một cô gái khá xinh đẹp, lôi cuốn nhiều chàng trai si tình thỉnh thoảng đến lảng vảng chung quanh ngôi nhà của tôi. Đó là những gia nhân. Còn gia đình tôi thì không có bao nhiêu người. Tôi góa vợ, và chỉ có một đứa con trai duy nhất, tên là Arthur. Thằng bé này là cả một sự thất vọng của tôi. Thưa ông Holmes, khi vợ tôi qua đời, tôi dồn tất cả tình thương cho nó. Tôi không bao giờ từ chối nó một cái gì cả.

Dĩ nhiên, tôi có ý định chuẩn bị cho nó kế nghiệp tôi ở ngân hàng, nhưng nó không có khiếu và cũng không ưa thích kinh doanh. Tính tình của nó không được thuần. Đến tuổi thành niên, nó gia nhập câu lạc bộ quý tộc, và trở thành bạn thân của những nhà quý tộc giàu có, sang trọng, giết thì giờ bằng những trò ăn chơi xa xỉ. Cùng với họ, nó vung tiền vào những canh bạc và những cuộc đua ngựa. Nó thường xuyên xin thêm tiền tôi, ngoài số tiền trợ cấp hàng tháng, để thanh toán những món nợ.. Hơn một lần nó cố gắng đoạn tuyệt với cái câu lạc bộ nguy hiểm, nhưng lần nào cũng vậy, George Burnwell lại lôi cuốn nó trở về cái nhóm đó.

Sự thật, tôi không ngạc nhiên khi thấy George Burnwell có ảnh hưởng rất lớn đối với Arthur. Ông ta lớn tuổi hơn Arthur: một con người của giới thượng lưu, hào hoa phong

nhã và thật là đẹp trai. Tuy nhiên, đôi lúc nhớ lại một vài lời khinh bạc và vô sỉ của George Burnwell, nhớ lại một vài ánh mắt tinh ma quỷ quái của ông ta, tôi bỗng cảm thấy nghi ngại: con người này khó có thể tin cậy được.

Thưa ông Holmes, buổi tối hôm đó, trong phòng khách, tôi kể lại cho Arthur và Mary nghe câu chuyện về cái vương niệm, nhưng không tiết lộ tên của người chủ món hàng. Sau khi pha café xong, Lucy đã rời khỏi phòng, tôi nhớ chắc như thế, nhưng tôi không nhớ rõ là cửa phòng có được đóng lại hay không. Mary và Arthur tỏ ra vô cùng thích thú và yêu cầu được xem vương niệm. Tôi từ chối.

- Ba cất nó ở đâu? - Arthur hỏi.

- Trong bàn giấy riêng của ba.

- Con hy vọng ngôi nhà này sẽ không bị trộm đến viếng trong đêm nay.

- Bàn giấy đã được khóa kỹ.

- Ồn thua gì! - Arthur nói. - Bất cứ chiếc chìa khóa cũ nào cũng có thể mở nó ra được. Khi còn bé, chính con đã mở nó ra với chìa khóa của chiếc tủ bỏ trong căn phòng chứa đồ đạc.

Arthur có tật hay nói đến bất cứ điều gì, và tôi thường không chú ý đến những điều nó nói. Tuy nhiên, buổi tối hôm đó, nó đi theo tôi vào tận trong phòng tôi với vẻ mặt rất nghiêm trọng :

- Thưa ba, ba có thể cho con hai trăm đồng bằng được không? - Arthur nói, đôi mắt nhìn xuống.

- Không. Ba đã quá rộng rãi đối với con về vấn đề tiền bạc rồi! - Tôi xẵng giọng đáp.

- Ba đã rất tử tế với con, nhưng con rất cần hai trăm đồng bằng đó, nếu không, con sẽ không bao giờ có thể chường mặt đến câu lạc bộ nữa!

- Đó là một điều rất tốt.

- Vâng, nhưng chắc ba không muốn con trai của ba trở thành một kẻ bị mất danh dự chứ! Con phải tìm cho ra tiền, nếu ba không cho con số tiền đó, con sẽ tìm cách khác.

- Con sẽ không có một xu nào hết. Đừng nài nỉ nữa vô ích! - Tôi giận dữ, trả lời.

Nó nghiêng mình, và lặng lẽ rời khỏi phòng.

Khi nó đi rồi, tôi mở chiếc bàn giấy ra để chắc chắn là cái kho tàng vẫn còn nằm trong đó, rồi tôi khóa lại. Xong, đi một vòng khắp chung quanh nhà để xem có điều gì bất thường không. Công việc này thường do Mary đảm nhiệm, nhưng buổi tối hôm đó, tôi đích thân làm lấy. Khi đi xuống cầu thang, tôi thấy Mary đang đứng ở cửa sổ trước; lúc tôi đến gần, nó đóng cửa sổ lại và gài thật cẩn thận. Nó có vẻ hơi bối rối hỏi tôi :

- Thưa ba, tối nay ba có cho phép Lucy đi ra ngoài không?

- Không!

- Cô ta vừa mới trở lại bằng cửa sau. Con dám chắc là cô ta đã đi gặp một anh chàng nào đó tại cửa nhỏ bên cạnh nhà. Thật là một hành động không đứng đắn tí nào? Con thấy có lẽ chúng ta phải chấm dứt cái trò đùa đờn này.

- Sáng mai con hãy nói với cô ta. Con chắc chắn là tất cả cửa giả đều đã được đóng kỹ không?

- Dạ chắc.

- Vậy, chúc con ngủ ngon!

- Thưa ông Holmes, tôi cố gắng nói cho ông biết hết tất cả, không bỏ quên một chi tiết nhỏ nhặt nào có liên hệ đến vụ này. Nhưng nếu ông thấy có một điểm nào không được rõ, xin ông cứ hỏi lại, đừng ngại gì cả”.

- Bản tường thuật của ông khác rõ ràng đây.

- “Tôi ngủ không say lắm. Đêm hôm đó do có một nỗi lo âu tiềm tàng trong tâm trí nên tôi càng khó ngủ hơn. Khoảng hai giờ sáng, một tiếng động trong nhà làm tôi giật mình: tiếng động đó im bật khi tôi hoàn toàn tỉnh ngủ, nhưng tôi có cảm giác như thể một cánh cửa sổ ở đâu đó đã được đóng lại thật êm. Tôi cố lắng tai nghe. Thình lình, tôi ngồi nhồm dậy: tiếng chân đi rất nhẹ trong căn phòng kế bên. Tôi liền nhảy xuống giường và chạy đến mở cửa phòng rửa mặt ra.

- Arthur! - Tôi kêu lên - Ô! Thằng vô lại! Thằng ăn cắp! Sao mày dám đụng đến chiếc vương niệm đó?

Bên cạnh chiếc đèn chong đã được tôi vặn nhỏ lại hồi đầu hôm, thằng khốn nạn chỉ mặc áo sơ mi với quần dài, hai tay đang cầm chiếc vương niệm. Dường như nó đang cố gắng hết sức để vặn hay bẻ cong chiếc vương niệm lại. Nghe tiếng kêu của tôi, nó buông chiếc vương niệm rơi xuống sàn nhà, gương mặt tái mét. Tôi nhặt chiếc vương niệm lên thật nhanh và xem xét nó. Một góc bằng vàng, với ba viên ngọc berin gắn vào đó, đã bị sút mất.

- Thằng bắt hiếu! - Tôi giận dữ hét lên. - Mày đã phá hỏng nó rồi! Thế là tao bị ô nhục suốt đời. Mày ăn cắp ba viên ngọc rồi phải không?

- Ăn cắp? - Nó lặp lại.

- Phải, mày đã ăn cắp mất ba viên ngọc berin! - Tôi hét lớn, nắm vai nó, lắc mạnh.

- Nhưng có thiếu viên ngọc nào đâu!

- Thiếu ba viên! Mày vừa là một thằng nói láo, vừa là một thằng ăn cắp.

- Ba đã gọi con bằng những danh từ mà con không thể chấp nhận được, con không thể chịu đựng những lời nhục mạ của ba được nữa. Con sẽ không nói thêm một tiếng nào về vụ này. Con sẽ rời khỏi nhà của ba và sẽ tự lo lấy thân con.

- Mày sẽ rời khỏi nhà tao giữa hai người cảnh sát! - Tôi hét lớn giận dữ - Vụ này sẽ được đưa ra công lý, tao thề như thế.

- Con sẽ không nói gì cả! - Nó đáp với một vẻ quyết liệt mà tôi chưa bao giờ trông thấy nơi nó. - Ba đã muốn gọi cảnh sát đến thì hãy để cảnh sát làm việc.

Trong lúc đó, mọi người trong nhà đã thức dậy. Mary là người đầu tiên chạy vào, trông thấy chiếc vương niệm và nhìn khuôn mặt của Arthur, nó đoán biết câu chuyện, kêu lên một tiếng và ngã quỵ xuống sàn nhà, bất tỉnh. Tôi cho chị bồi phòng đi gọi cảnh sát đến. lát sau, một thanh tra và một cảnh sát viên đến. Arthur, này giờ vẫn khoanh tay đứng im, vẻ mặt bức tức, lên tiếng hỏi tôi có ý định tố cáo nó về tội trộm cắp hay không. Tôi trả lời với nó rằng vụ này không còn là một chuyện riêng tư nữa, và tôi muốn pháp luật được thi hành triệt để.

- Ít nhất, xin ba đừng cho bắt con ngay bây giờ! Vì quyền lợi của ba cũng như của con, xin ba hãy để cho con đi ra ngoài trong năm phút.

- Phải chăng mày muốn bỏ trốn hay mày muốn cất giấu mấy viên ngọc?

Ý thức được tất cả tình trạng khủng khiếp của tôi, tôi năn nỉ nó nên nhớ rằng vụ này có thể gây ra một tai tiếng ghê gớm, ảnh hưởng tai hại đến uy tín của quốc gia. Tất cả những nguy cơ đó hãy còn có thể tránh được, chỉ cần nó cho tôi biết ba viên ngọc bây giờ ở đâu.

- Con đủ khôn lớn để nhận thức được tất cả tầm quan trọng của vụ này và nhìn thẳng vào nó. Con đã bị bắt quả tang: không một lời thú nhận nào có thể làm giảm tội lỗi của con được. Nhưng con có thể được khoan hồng bằng cách nói cho ba biết những viên ngọc đó ở đâu. Ba sẽ tha thứ hết.

- Ba hãy để dành sự tha thứ cho những kẻ nào cần đến nó! - Arthur quay lưng lại với tôi và cười gằn.

Thấy không còn cách nào thuyết phục được nữa, tôi đành giao nó cho viên thanh tra cảnh sát. Liên đó, nó bị lục soát, cảnh sát cũng lục soát phòng riêng của nó và tất cả những góc, khe kẽ ở trong nhà. Nhưng vẫn không tìm thấy gì. Và nó vẫn không nói một tiếng nào. Sáng nay, nó đã bị tổng giam, còn tôi, sau khi làm xong tất cả những thủ tục cần thiết, tôi liền chạy đến đây. Hiện tại, cảnh sát đã thú nhận bắt lặc. Thưa ông Holmes, nếu thấy cần phải tiêu xài những gì, xin ông hãy cứ tự nhiên: tôi đã treo một phần thưởng 1000 đồng bằng.. Chúa ơi! Chỉ trong một đêm, tôi đã mất hết danh dự và đứa con trai duy nhất! Ôi, làm sao bây giờ?"

Ông ta đưa hai bàn tay lên ôm lấy mặt, lắc qua, lắc lại, miệng nói lầm bầm những lời vô nghĩa như một kẻ tâm thần.

Sherlock Holmes ngồi im lặng trong vài phút, đôi mày nhíu lại, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn lửa trong lò sưởi

- Ông có thường tiếp khách không? - Holmes hỏi.

- Tôi không tiếp ai cả, ngoài người hùn vốn và gia đình của ông ta, hoặc thỉnh thoảng một người bạn của Arthur. Thời gian gần đây George Burnwell có đến nhà tôi nhiều lần. Ngoài ra, không có ai khác.

- Ông có thường hay đến chỗ này chỗ kia chơi không?

- Arthur thì có. Mary và tôi ở nhà. Cả Mary và tôi đều không thích đi chơi.

- Đó là một điều lạ lùng đối với một thiếu nữ!

- Nó có một bản tính trầm lặng. Và lại nó cũng không còn bé gì nữa: đã hai mươi bốn tuổi rồi

- Theo lời ông kể lại, vụ này cũng đã gây cho cô ấy một cơn xúc động ghê gớm, phải không?

- Phải.

- Cả cô ấy lẫn ông đều không còn một chút nghi ngờ gì nữa về sự có tội của con trai ông?

- Còn nghi ngờ gì nữa khi chính mắt tôi trông thấy chiếc vương niệm nằm trong hai bàn tay của nó?

- Đó chưa phải là một bằng chứng để buộc tội. Có phải phần còn lại của chiếc vương niệm bị hư hại không?

- Phải, bị cong vẹo.

- Vậy ông không nghĩ rằng con trai của ông đang tìm cách uốn nắn nó lại hay sao?

- Ông đang cố gắng làm những gì có thể làm được cho nó và cho tôi! Nhưng đó là một công việc quá khó khăn. Tại sao nó lại có mặt ở đó, để làm gì? Với chiếc vương niệm trong tay? Và nếu nó vô tội, tại sao nó không nói, mà cứ im lặng?

- Đúng! Và nếu cậu ấy có tội, tại sao cậu không bịa ra một điều nói láo thay vì im lặng? Trong vụ này còn có nhiều chi tiết kỳ lạ.. Về tiếng động đã đánh thức ông dậy, ý kiến của cảnh sát như thế nào?

- Cảnh sát nói tiếng động đó có thể do Arthur gây ra khi nó đóng cửa phòng của nó lại.

- Rất khó tin! Không một người nào sắp sửa làm một hành động bất lương lại đóng sầm cửa phòng của mình lại để đánh thức người khác dậy! Còn về ba viên ngọc?

- Họ tiếp tục lục lọi trong nhà với hy vọng sẽ tìm lại được chúng.

- Họ có nghĩ đến việc tìm kiếm ở bên ngoài ngôi nhà không?

- Có. Tất cả khu vườn đã được xem xét rất tỉ mỉ, không sót một chỗ nào.

- Thưa ông, vụ này phức tạp hơn là ông cảnh sát đã nghĩ lúc ban đầu. Xin ông hãy xét kỹ lại giả thiết của ông: Ông cho rằng con trai ông đã rời khỏi phòng của cậu ấy, để đi vào phòng rửa mặt của ông. Một hành động rất liều lĩnh, mở bàn giấy của ông ra, lấy chiếc vương niệm, dùng hết sức lực bẻ gãy một góc nhỏ của nó, rồi trở ra khỏi phòng, đi đến một chỗ nào đó để cất giấu ba viên ngọc.. và cất giấu một cách tài tình đến độ không ai có thể tìm ra được.. rồi cậu ấy lại mang 36 viên ngọc còn lại đi trở vào văn phòng.. nơi mà cậu ấy rất dễ dàng bị phát giác. Nào, tôi xin hỏi ông. Một giả thiết như thế có đứng vững không?

- Nhưng, như vậy thì theo ông, còn giả thiết nào khác nữa? - Ông chủ ngân hàng kêu lên với một cử chỉ tuyệt vọng. - Mà nếu những động cơ của nó là ngay thật, tại sao nó không nói cho tôi biết?

- Công việc đầu tiên của chúng ta là sẽ làm sáng tỏ điểm này. Vậy, nếu ông bằng lòng, chúng ta sẽ cùng đi đến Streatham, ở đó chúng ta sẽ xem xét thật kỹ một số chi tiết.

* * * * *

Holmes yêu cầu tôi cùng đi với anh và ông Holder. Tôi nhận lời ngay. Thú thật, cũng như tôi ông Holder, tôi thấy người thanh niên đó đã phạm tội rõ ràng. Nhưng tin tưởng tài nhận xét và suy luận ít khi sai lầm của Holmes, tôi vẫn còn một vài hy vọng: ngay từ đầu, Holmes đã bác bỏ về giả thiết quá đơn giản về sự phạm tội của Arthur.

Fairbank là một ngôi nhà bằng đá trắng, hình dáng vuông vức, nằm hơi cách xa đường một chút. Một con đường vòng khá rộng để hai chiếc xe có thể chạy song song với nhau và một lối đi chạy dài đến hai chiếc cổng sắt chắn ngang lối vào. Ở bên phải có một rặng cây nhỏ đưa đến lối đi nằm giữa hai hàng rào cây xanh: lối đi này đưa đến cửa nhà bếp và là lối đi dành cho gia nhân. Ở bên trái có một lối đi khác hướng về chuồng ngựa, nó chạy quanh co bên ngoài khu vực ngôi nhà, và thỉnh thoảng những người lân cận cũng đi theo lối này.

Holmes dừng lại trước cửa lớn, chậm chạp đi khắp xung quanh nhà: anh đi qua hết mặt trước của ngôi nhà, đi xuống lối đi dành cho gia nhân và đi vòng quanh khu vườn rồi trở lên bằng lối đi đưa đến chuồng ngựa. Thấy anh không có gì vội vã cả, ông Holder và tôi bèn đi vào phòng ăn, ngồi chờ bên lò sưởi. Chúng tôi ngồi im lặng được một lúc thì một thiếu nữ xuất hiện. Nàng hơi cao hơn trung bình một chút, thân hình mảnh dẻ, tóc vàng và mắt đen huyền nổi bật trên làn da trắng muốt. Gương mặt nàng xanh xao, đôi môi nhợt nhạt và ánh mắt biểu lộ một sự van xin câm lặng, nhưng vô cùng tha thiết. Khi nàng tiến vào phòng với một dáng đi nhanh nhẹn và đều đặn, tôi nhận thấy nỗi đau buồn của nàng còn có phần sâu xa hơn về đau buồn của ông chủ ngân hàng. Không quan tâm đến sự hiện diện của tôi, nàng tiến thẳng về phía người chủ lâu đài và đặt hai bàn tay lên gương mặt ông.

- Ba đã bảo người ta thả anh Arthur ra chưa?

- Không, con ạ.. Ung nhọt cần phải được cắt bỏ.
- Nhưng con tin chắc rằng anh ấy vô tội! Ba biết không, trực giác của một phụ nữ ít khi sai lầm. Ba sẽ hối hận khi đã tỏ ra quá khắt nghiệt.
- Nếu nó vô tội, tại sao nó lại làm thình?
- Ai có thể biết được? Có lẽ anh ấy đã giận ba đã nghi ngờ anh ấy.
- Làm sao ba không nghi ngờ nó được. Chính mắt ba trông thấy nó cầm chiếc vương miện mà.
- Ô, anh ấy chỉ xem thôi... ba hãy tin con, anh ấy không có tội! Ba hãy bỏ qua cái vụ này đi. Thật là một điều ghê gớm khi nghĩ rằng Arthur bị ở tù!
- Ba sẽ không bỏ qua vụ này trước khi tìm được mấy viên ngọc. Thay vì bỏ qua, ba đã mời từ Luân Đôn về một vị thám tử đại tài sẽ làm sáng tỏ tất cả, ba tin chắc như thế.
- Có phải là ông đây không? - Nàng hỏi, vừa nhìn vào mặt tôi.
- Không, bạn của ông ấy. Trong lúc này, thám tử đang đi vòng theo lối đi tới chuồng ngựa.
- Lối đi tới chuồng ngựa?.. - Nàng nhướn đôi mày đen lên. - Ông ấy có thể tìm được hy vọng gì ở đó vậy, và chắc là ông ấy đây rồi. Thưa ông, tôi hy vọng rằng ông sẽ chứng tỏ được sự vô tội của anh Arthur. Tôi tin chắc là anh ấy bị hàm oan.
- Tôi hoàn toàn đồng ý với cô, và cũng như cô, tôi hy vọng sẽ chứng tỏ được sự vô tội của anh ấy. - Holmes đáp, vừa quay trở lại tám chùi chân để chùi sạch lớp tuyết bám vào đôi giày. - Chắc là tôi đang được hân hạnh nói chuyện với cô Mary phải không. Cô có thể cho phép tôi hỏi cô một vài câu không?
- Xin ông cứ hỏi! Tôi rất muốn điều bí mật khủng khiếp này được sáng tỏ..
- Về phần cô, cô không nghe thấy gì cả trong đêm vừa qua?
- Không, cho đến khi bác tôi bắt đầu kêu to lên. Lúc đó tôi mới chạy xuống.
- Khi đóng những cửa lớn và cửa sổ, cô có đóng kỹ tất cả những cửa sổ không?
- Có.
- Sáng nay, tất cả những cửa sổ đó vẫn còn được đóng kín chứ?
- Vâng.
- Một trong những chị bồi phòng có một tình nhân, phải không? Và tối hôm qua, cô có báo cho ông chủ biết rằng chị ấy đã ra ngoài để gặp anh ta?
- Phải. Lúc chị ấy pha café trong phòng khách. Có lẽ chị ấy đã nghe bác tôi nói về chiếc vương miện.
- Tôi hiểu. Cô suy ra rằng chị ấy có thể đã đi ra ngoài để báo cho tình nhân biết, và cả hai người đó đã sắp đặt kế hoạch để lấy trộm chiếc vương miện.
- Nhưng chúng ta còn đặt ra những giả thiết phiêu lưu đó để làm gì? - Ông chủ ngân hàng nóng nảy kêu lên. - Bởi vì tôi đã nói rằng chính mắt tôi trông thấy Arthur đang cầm chiếc vương miện trong tay mà!
- Xin ông hãy kiên nhẫn một chút. Chúng ta còn phải trở lại với giả thiết này, với chị bồi phòng ấy. Cô Mary, cô đã trông thấy chị ấy trở vào bằng cửa nhà bếp, phải không?
- Cô có biết anh ta không?
- Có chứ! Anh ta tên là Francis.
- Anh ta đứng ở bên trái của nhà bếp, nghĩa là hơi xa một chút trong lối đi? - Holmes hỏi.
- Phải.
- Và anh ta có một cái chân gỗ?

Một thoáng lo sợ hiện lên trong đôi mắt của người thiếu nữ.

- Phải chăng ông là một vị thánh? - Nàng mỉm cười kêu lên. - Làm sao ông biết được điều đó?

Nhưng Holmes không đáp lại nụ cười của nàng. Anh nói tiếp.

- Tôi cần xem xét trên lầu. Và có thể là tôi sẽ quan sát lại khắp chung quanh nhà một lần nữa.. nhưng trước khi lên gác, có lẽ tôi nên xem xét kỹ những cửa sổ của tầng dưới..

Anh nhanh chóng đi từ cửa sổ này đến cửa sổ khác và dừng lại một lúc trước cửa sổ lớn ngó ra lối đi đưa đến chuồng ngựa. Anh mở nó và dùng chiếc kính lúp xem xét thật tỉ mỉ bờ cửa sổ.

- Tốt! Bây giờ chúng ta có thể đi lên gác. - Sau cùng anh nói.

Phòng rửa mặt của ông chủ ngân hàng là một căn phòng nhỏ đầy đủ tiện nghi. Nó có một tấm thảm màu xám, một chiếc bàn giấy lớn và một tấm gương soi hình chữ nhật. Holmes tiến đến chiếc bàn giấy và nhìn chăm chú vào ổ khóa.

- Ông thường mở nó bằng chìa nào?

- Chiếc chìa mà con trai tôi đã chỉ: chìa khóa của chiếc tủ để trong phòng để đồ đạc không dùng đến nữa.

- Nó có ở đây không?

- Nó ở trên bàn.

Holmes lấy chiếc chìa khóa và mở bàn giấy ra :

- Chìa khóa này không gây một tiếng động nào cả. Do đó, kẻ gian mở bàn giấy ra mà vẫn không làm cho ông thức giấc. Chắc cái hộp này đựng chiếc vương niệm? Ông cho phép tôi xem nó một chút.

Anh mở chiếc hộp, lấy vương niệm ra đặt lên bàn. Một đầu của vương niệm bị cong và bị gãy: một góc chứa ba viên ngọc đã bị bẻ đi mất.

- Ông Holder, đây là cái góc đối xứng với cái góc đã bị mất. Tôi có thể yêu cầu ông thử bẻ gãy nó được không?

Ông chủ ngân hàng kinh hãi, lùi lại.

- Không! Tôi không thể làm được chuyện đó!

- Vầy thì tôi sẽ thử..

Holmes lấy hết sức mạnh bẻ một cái, nhưng không kết quả.

- Tôi chắc nó chỉ hơi cong một chút xíu thôi. - Anh bình tĩnh nhận xét. - Nhưng dù cho những ngón tay của tôi khỏe đến mấy, tôi cũng không thể bẻ gãy nó được. Nhưng, ông hãy thí dụ là tôi bẻ gãy nó đi: nó sẽ phát ra một tiếng kêu khá lớn, gần như tiếng nổ của một phát súng lục vậy. Và nếu một tiếng động như vậy mà chỉ phát ra cách giường ông vài mét, có thể nào ông lại không nghe thấy gì cả?

- Tôi như người đang ở trong đêm tối.

- Có lẽ tất cả sáng tỏ nếu chúng ta tiếp tục. Cô Mary, cô nghĩ sao?

- Tôi cũng không biết nghĩ sao nữa.

- Con trai của ông không mang giày dép gì cả, khi ông trông thấy cậu ấy?

- Trên mình chỉ có một chiếc áo sơ-mi và chiếc quần tây dài

- Cám ơn ông. Chúng ta được một sự may mắn lạ thường, vậy nên nếu chúng ta không làm sáng tỏ được vấn đề, thì đó là lỗi của chúng ta.

Holmes ra ngoài một mình, làm việc trong một tiếng đồng hồ, rồi trở vào nhà với hai bàn chân dính đầy tuyết và một gương mặt lạnh lùng khó hiểu.

- Thưa ông, bây giờ, điều hay nhất mà tôi có thể làm giúp ông, là trở về nhà tôi.
- Nhưng còn mấy viên ngọc?
- Tôi chưa thể nói được.

Ông chủ ngân hàng vịn vẹo hai bàn tay vào nhau :

- Vậy là tôi sẽ không bao giờ trông thấy lại chúng! - Ông ta kêu lên.. - Còn con trai tôi?

- Tôi vẫn không thay đổi ý kiến về cậu ấy.
- Vậy, tôi van ông, xin ông giải thích, nó như thế nào?
- Nếu sáng mai, ông có thể đến nhà tôi, trong khoảng từ 9 đến 10 giờ, tôi sẽ giải thích cho ông thấy rõ tất cả. Có phải ông đã giao cho tôi toàn quyền chi tiêu, miễn sao thu hồi lại được ba viên ngọc?

- Tôi sẵn sàng chi cả gia tài

- Tốt lắm. Bây giờ tôi đi lo việc đó. Xin chào ông.

Trong chuyến đi trở về, tôi tìm cách dò hỏi nhưng Holmes trả lời rất hờ hững. Chúng tôi về đến nhà trước ba giờ chiều. Holmes chạy thẳng vào phòng, vài phút sau anh trở ra, cải trang thành một anh bồi: cổ áo và đôi giày mòn gót.

- Như thế này là được rồi. - Anh nói, vừa ngắm nghía mình trong gương. - Trong vụ này, có thể là giả thiết của tôi đúng, nhưng cũng có thể là tôi sai lầm. Dầu sao, rồi ra tôi cũng sẽ biết rõ sự thật.

Anh cắt một lát thịt bò nướng, kẹp nó vào giữa hai miếng bánh mì và ra đi.

Khi anh trở về, tôi vừa uống xong tách chè. Trông anh có vẻ vui tươi thấy rõ: anh cầm một chiếc giày cũ ở đầu sợi dây giày, đóng đưa nó qua lại rồi ném nó vào một góc phòng, tôi rút cho anh một chén chè.

- Ở đâu vậy?

-Ồ, ở tận kia của vùng West End. Và tôi không biết giờ nào tôi sẽ về. Vầy anh không cần chờ tôi!

- Có triển vọng không?

- Không tệ lắm! Tôi đã đi đến Streatham, nhưng không vào nhà. Vụ này có một vấn đề nhỏ rất lý thú. Thôi, tôi chỉ còn vừa đủ thì giờ để thay đồ.

Qua những lời nói có vẻ hơi mơ hồ của anh, tôi hiểu anh đã đạt được những kết quả rất khả quan. Chờ đến khuya vẫn chưa thấy anh về, tôi bèn đi ngủ.

Tôi không biết Holmes về lúc mấy giờ, nhưng sáng hôm nay, khi xuống phòng khách để ăn điểm tâm, tôi đã thấy anh ngồi đó tự bao giờ, tươi tỉnh và khỏe khoắn, tay này cầm một tờ báo, tay kia một tách café.

- Xin lỗi đã không đợi anh để cùng ăn, nhưng chúng ta có hẹn với thân chủ, và bây giờ đã hơn chín giờ rồi.

- Thật vậy, dường như tôi vừa mới nghe có tiếng chuông reo.

Quả đúng là nhà tài chính của tôi. Nhưng chỉ mới có một đêm mà ông tiêu tụy hẳn! Ông tiến vào phòng với một vẻ mệt mỏi và đờ đẫn. Tôi đẩy một chiếc ghế bành đến cho ông và ông liền ngồi phịch xuống.

- Không biết tôi đã làm gì nên tội! Cách đây hai hôm, tôi còn là một người thịnh vượng và sung sướng. Nhưng hôm nay tôi là một người khốn khổ nhất trên đời. Họa vô đơn chí, con bé đã ra đi rồi.

- Mary bỏ đi rồi à?

- Phải, sáng nay. Phòng nó trống trơn, trên bàn có một lá thư. Ngày hôm qua, trong cơn đau buồn, tôi có trách nó rằng tất cả câu chuyện thâm này sẽ không xảy đến nếu trước kia nó bằng lòng kết hôn với Arthur. Trong thư, nó nhắc đến lời trách móc đó.

"Thưa bác rất thân yêu của con.

Con thấy rằng con là nguyên nhân gây ra tai họa cho bác, rằng nếu con đã hành động khác hơn thì tai họa đó đã không xảy đến. Với ý nghĩ này ám ảnh trong đầu, con sẽ không bao giờ có thể sung sướng được ở trong nhà bác nữa; vậy tốt hơn con nên vĩnh viễn từ biệt bác. Xin bác đừng lo lắng gì cả cho tương lai của con; con không thiếu thốn gì đâu. Nhất là xin bác đừng tìm kiếm con, mà mất thì giờ vô ích. Dù còn sống hay chết, mãi mãi con vẫn là cháu Mary thương yêu của bác".

- Ông Holmes, Mary có tự tử không?

- Không! Cô ấy đã chọn giải pháp tốt nhất. Ông Holder, tai họa của ông sắp chấm dứt rồi.

- Ông có nghĩ rằng 1000 đồng bằng cho mỗi viên ngọc là một số tiền quá lớn không?

- Tôi sẵn sàng trả 10.000 đồng!

- Không cần thiết như thế. Chỉ cần ba ngàn đồng. Cộng thêm một số tiền thưởng nhỏ nữa, phải không? Đây, bút đây. Ông chỉ cần viết một ngân phiếu bốn ngàn đồng bằng; thì mọi việc sẽ êm đẹp cả.

Ông chủ ngân hàng mừng quýnh, tay run run viết tờ ngân phiếu. Holmes đi đến bàn giấy của anh, lấy ra một miếng tam giác nhỏ bằng vàng có gắn ba viên ngọc berin và ném nó lên bàn.

- Nó đây rồi! Ông đã tìm ra nó! - Người chủ ngân hàng nói lắp bắp. - Tôi thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi!

Ông siết chặt những viên ngọc sát ngực.

- Ông còn mắc nợ một điều khác nữa, ông Holder. - Holmes nói với một vẻ nghiêm khắc.

- Tôi còn mắc nợ? - Ông ta hỏi lại, vừa cầm cây bút lên. - Hãy nói cho tôi biết bao nhiêu, tôi vui lòng trả.

- Không, ông không mắc nợ tôi gì cả. Nhưng ông phải thiết tha xin lỗi con trai ông. Đó là một tâm hồn cao quý. Trong vụ này, cậu ấy đã hành động một cách dũng cảm và cao thượng.

- Arthur không ăn cắp sao?!

- Tôi đã nói với ông ngày hôm qua, và tôi nói lại với ông hôm nay: Không!

- Chắc chắn chứ? Vậy chúng ta hãy chạy đến nhà giam báo cho nó hay.

- Cậu ấy đã biết rồi! Sau khi tìm ra được sự thật, tôi có đến nhà giam nói chuyện với cậu ấy. Vì cậu ấy không chịu mở miệng, nên tôi đã nói cho cậu ấy biết hết mọi điều. Cậu ấy nhìn nhận tôi suy diễn đúng sự thật. Và cậu ấy giải thích thêm vài chi tiết hazy còn hơi lờ mờ. Cái tin về cô Mary sẽ khiến cậu ấy nói hết mọi sự việc cho ông biết.

- Tôi van ông, xin ông hãy nói hết cho tôi nghe.

- Vâng. Nhưng tôi buộc phải bắt đầu bằng sự việc đau lòng nhất cho ông: Thủ phạm là Mary và George Burnwell. Bây giờ họ đã trốn rồi.

- Con bé à? Không thể có chuyện đó!

- Khốn thay, đây không phải là chuyện có thể hay không có thể, mà đây là chuyện có thật! Cả ông lẫn con trai ông đều không hiểu rõ bản chất của George Burnwell. Đó là

một trong những người nguy hiểm nhất ở nước Anh: một con bạc bị sạt nghiệp, một tên lưu manh bất trị, một kẻ không có lương tâm. Cô cháu gái của ông hoàn toàn không biết gì cả về hắn. Khi hắn ta bắt đầu tán tỉnh cô ấy (cũng như hắn đã tán tỉnh hàng trăm phụ nữ trước cô ấy), Mary đã hãnh diện, nghĩ rằng cô là người đầu tiên và cũng là người duy nhất làm cho trái tim hắn ta rung động. Chỉ có quý mới biết được những gì tên lưu manh đó nhỏ to với Mary; có điều chắc chắn là trong vòng tay của hắn, nàng đã trở thành một món đồ chơi: gần như đêm nào hai người cũng lén lút gặp nhau.

- Tôi không tin, không thể tin được! - Ông chủ ngân hàng hét to lên, gương mặt màu xám như tro

- “Tốt. Vậy tôi sẽ kể cho ông nghe những gì đã xảy ra ở nhà ông đêm hôm đó. Khi ông đi vào phòng ông thì Mary lén ra khỏi phòng cô ấy và đến đứng bên chiếc cửa sổ hướng ra lối đi dẫn tới chuồng ngựa và nói chuyện với tình nhân đứng ở bên ngoài. Dấu chân của gã bất lương in rõ trên tuyết trong suốt thời gian hắn ta đứng gần bên cửa sổ. Mary đã nói với hắn về chiếc vương miện. Lòng tham của kẻ bản thủ liền nổi dậy và y thuyết phục nàng đánh cắp bảo vật. Vừa nghe xong những lời dụ dỗ đó, Mary bỗng trông thấy ông đang đi xuống cầu thang, cô vội vã đóng cửa sổ lại và kể cho ông nghe về chuyện chị bồi phòng.

Về phần con trai ông, sau khi xin tiền ông không được, cậu trở về phòng mình nằm trần trọc mãi, tâm trí lo âu vì những món nợ... Lúc nửa đêm, cậu nghe có tiếng bước chân đi nhẹ qua cửa phòng mình. Cậu liền ngồi dậy, nhìn ra ngoài hành lang và kinh ngạc thấy Mary đi vào trong phòng rửa mặt của ông. Sinh nghi, cậu liền mặc vội vào người một chiếc sơ mi và chiếc quần dài rồi đứng núp trong bóng tối. Một lát sau, Mary xuất hiện dưới ánh sáng của chiếc đèn đặt ở dãy hành lang, và cậu ấy thấy rõ nàng cầm chiếc vương miện đi xuống cầu thang. Kinh hãi, cậu liền chạy đến ẩn mình sau tấm màn, gần cửa phòng ông. Tại đó, cậu thấy cô gái nhẹ mở cửa sổ lớn, trao vương miện cho một kẻ nào ở bên ngoài, rồi nhanh chóng đóng cửa sổ lại rồi trở về phòng mình.

Cho tới khi nào Mary vẫn còn đứng đó, Arthur không thể làm gì được mà không gây tai tiếng cho người mà cậu thương yêu.

Nhưng khi nàng đi rồi, cậu liền chạy xuống cầu thang với đôi chân trần. Cậu mở chiếc cửa sổ lớn, nhảy ra ngoài tuyết và lao mình trên lối đi dẫn đến chuồng ngựa. Phía trước cậu hiện ra lờ mờ bóng một người đàn ông đang chạy: George Burnwell cố gắng chạy trốn, nhưng Arthur đã tiến sát đến hắn ta. Hai người đánh nhau: con ông nắm giữ được một đầu của vương miện và gã Sở Khanh nắm giữ đầu kia. Con trai ông đã nện cho tên lưu manh một vết khá nặng ở phía trên mắt. Rồi thành linh một tiếng rắc khô khan vang lên. Con trai ông nhận thấy mình đã giật lại được chiếc vương miện, liền chạy trở về nhà, đóng cửa lại, leo lên phòng rửa mặt của ông. Chính lúc ấy cậu nhận thấy chiếc vương miện đã bị bể cong và cố gắng uốn cho nó thẳng lại thì ông xuất hiện”.

- Có thể nào như thế chẳng? - Ông chủ ngân hàng thì thào.

- Và lúc đó, ông đã làm cho cậu giận dữ với những lời mắng nhiếc thậm tệ... Nhưng cậu đã chọn giải pháp cao thượng nhất: im lặng để giữ bí mật cho nàng.

- Thế là bây giờ tôi mới hiểu tại sao con nhỏ đã kêu lên một tiếng và bất tỉnh khi nó trông thấy chiếc vương miện! - Ông Holder đau đớn nói. - Chúa ơi, tôi thật là u mê. Và con tôi đã xin tôi để nó đi ra ngoài trong 5 phút! Thằng bé muốn trở lại chỗ nó đã đánh nhau với tên ác ôn để tìm miếng vương miện bị gãy... Ôi, tôi rất có lỗi với con tôi.

- “Khi đến nhà ông, tôi liền đi một vòng khắp chung quanh, hy vọng tìm được những dấu chân trong tuyết. Tôi biết rằng đêm hôm trước đó tuyết không rơi, và không khí lạnh giá giữ được nguyên vẹn những dấu vết. Tôi men theo lối đi dành cho gia nhân, nhưng ở đây đã có quá nhiều dấu chân dẫm lên nhau và tôi không thể phân biệt được gì nữa. Tuy nhiên, tôi cũng nhận ra rằng cách cửa nhà bếp không xa, một người đàn bà đã đứng lại và nói chuyện với một người đàn ông: một dấu tròn ở một bên chứng tỏ người đàn ông này có một cái chân gỗ.. Sau đó, tôi đi khắp khu vườn, nhưng tôi chỉ tìm thấy ở đó những dấu chân loạn xạ khắp nơi: tôi cho đó là những dấu chân của các cảnh sát. Trái lại, khi đi theo lối đi dẫn đến chuồng ngựa, tôi đã khám phá được cả một câu chuyện rất dài và phức tạp: chính những dấu chân còn in rõ mòm mẫm trên tuyết đã kể cho tôi biết.

Có hai loại dấu chân song song với nhau: dấu chân của người mang giày và dấu chân của người đi chân không. Những dấu chân trần này chỉ có thể là của con trai ông. Lăn theo những dấu chân đó về phía ngôi nhà, tôi đi đến chiếc cửa sổ lớn: ở đó tôi thấy dấu chân của người mang giày in rất sâu xuống lớp tuyết, chứng tỏ người đó đã đứng đây một lúc khá lâu, có lẽ là để chờ đợi. Rồi, vẫn lần theo những dấu chân, tôi quay trở lại đầu kia của lối đi. Cách chừng 100 mét, tôi nhận ra được chỗ hai người đã dừng lại đối diện với nhau: lớp tuyết bị chà đạp nát bấy, ở đây chứng tỏ đã có một cuộc vật lộn dữ dội xảy ra. Sau cùng, tôi thấy có vài giọt máu: vậy là tôi đã không làm. Người mang giày đã tháo chạy xuống phía dưới lối đi: một vết máu nhỏ ở đây chứng tỏ là hấn đã bị thương. Hấn chạy ra đến con đường lớn, nhưng đến đây thì mất dấu của hấn, bởi vì lề đường và lòng đường đã được quét sạch.

Tuy nhiên, khi trở lại căn nhà, tôi dùng kính lúp xem xét thật kỹ bờ và khung của chiếc cửa sổ lớn. Tôi liền nhận ra ngay có một người đã nhảy qua đó để trở vào nhà. Tôi thấy rõ dấu của một bàn chân còn ướt trên bờ cửa sổ. Lúc bấy giờ, với những chi tiết được thu nhận và phân tích như thế, tôi đã có thể dựng lên một giả thuyết:

Có một người đàn ông đã đứng chờ ở bên ngoài chiếc cửa sổ lớn, một kẻ nào đó ở trong nhà đã đem chiếc vương niệm xuống trao cho hấn, con trai ông đã phát hiện được việc này. Cậu đã đuổi theo tên trộm, đã đánh nhau với nó, mỗi người cố gắng giành chiếc vương niệm về phía của mình, và sức lực của hai người cộng lại đã làm cho chiếc vương niệm bị gãy mất một góc. Con trai ông đã lấy lại được chiếc vương niệm nhưng đã bỏ lại viên ngọc trong tay gã ăn trộm. Cho tới đó, mọi sự đều rõ ràng, hợp lý. Vấn đề đặt ra bây giờ là tìm xem tên trộm đó là ai và kẻ nào ở trong nhà đã đem chiếc vương niệm xuống cho hấn.

Trong vụ này, chắc chắn ông không phải là người đã đem chiếc vương niệm xuống cho tên trộm. Vậy chỉ còn cô cháu gái của ông và những chị bồi phòng. Nhưng nếu thủ phạm là chị bồi phòng thì không có lý do gì Arthur lại im lặng. Vậy thì chỉ còn có Mary, và tôi biết rằng Arthur rất thương yêu cô ta, điều này đủ để giải thích tại sao cậu chịu câm như hến.. Tôi nhớ lại rằng ông đã bắt gặp Mari đứng ở bên chiếc cửa sổ đó, và cô ta đã ngất xỉu khi trông thấy chiếc vương niệm mà cô tưởng rằng đang ở trong tay kẻ đồng lõa của cô: thế là giả thuyết của tôi đã trở thành sự thật.

Nhưng ai có thể là kẻ đồng lõa của cô ta? Dĩ nhiên đó phải là một gã tình nhân. Bởi vì không ai đủ sức làm cho cô ấy quên được ông! Tôi biết rằng ông rất ít khi đi ra ngoài chơi, và con số những người bạn thân của gia đình ông cũng rất ít. Nhưng trong số đó có George Burnwell, một người đàn ông bị tai tiếng rất nhiều đối với giới phụ nữ. Có lẽ

chính hắn ta là người đồng lõa của Mary và chính hắn đang giữ những viên ngọc bị mất. Dầu Arthur có biết rõ hắn là tên trộm, hắn ta vẫn có thể được an toàn, bởi Arthur sẽ không dám tiết lộ ra một điều sẽ gây tai tiếng cho gia đình cậu.

Lúc bấy giờ tôi cải trang thành một người bồi, đi đến nhà gã quý tộc và tìm cách bắt chuyện với anh hầu của hắn. Anh này cho tôi biết là đêm vừa qua ông chủ của anh ta đã vô ý tự gây ra một vết thương ở mặt. Và sau cùng, với 6 xu, tôi mua được một đôi giày cũ của chủ hắn ta. Tôi liền chạy thẳng một mạch đến Streatham để so xem những dấu chân ở đó có đúng với kích thước và hình dạng của bàn chân hắn ta không: nó giống hệt”.

- Tối hôm qua - Holder nói - Tôi có trông thấy trên lối đi đưa đến chuồng ngựa một gã bụi đời ăn mặt rách rưới.

- Chính tôi đó. Sau khi đã biết chắc tên trộm đó chính là George Burnwell, tôi trở về nhà thay quần áo. Đến đây vai trò của tôi trở thành khó khăn. Bởi vì tôi hiểu rằng không nên làm rùm beng vụ này, cốt để tránh cho ông khỏi bị tai tiếng; tôi cũng biết rằng George Bvurnwell là một tên táng tận lương tâm, chắc chắn hắn sẽ khai thác cái thể tiến thoái lưỡng nan của ông.

Lúc đầu hắn chối leo lẻo. Nhưng khi tôi kể rõ từng chi tiết sự việc xảy ra đêm hôm đó, hắn liền trở mặt xác xược và chụp lấy một cái chùy treo trên vách tường. Tôi lập tức dí súng vào thái dương hắn. Tôi đề nghị với hắn cho tôi chuộc lại ba viên ngọc với giá 3000 đồng bằng. Hắn chặc lưỡi: Thật là xui! Tôi chỉ bán có 600 đồng mà thôi! Tôi bèn bắt buộc hắn phải cho tôi địa chỉ người mua, đổi lại tôi hứa sẽ không lôi hắn ra tòa.

Tôi chạy thẳng một mạch đến nhà người mua, và sau một hồi trả giá, tôi chuộc lại được ba viên ngọc với giá 1000 đồng bằng mỗi viên. Xong, tôi liền đi gặp con trai ông để cho cậu ấy biết rằng tất cả đã được giải quyết tốt đẹp. Lúc bấy giờ đã hai giờ sáng, tôi chỉ còn nghĩ đến có một việc: đi ngủ. Sau một ngày làm việc cực nhọc như thế, đây là một sự nghỉ ngơi rất .. xứng đáng đấy chứ!

- Và đó là một ngày đã cứu nước Anh thoát khỏi một vụ tai tiếng xấu xa! Ông chủ ngân hàng kết luận, vừa đứng lên. Thừa ông, tôi không thể tìm ra được những lời nào để bày tỏ hết lòng biết ơn của tôi đối với ông, nhưng xin ông tin chắc rằng mãi mãi, tôi không bao giờ quên ơn ông. Bây giờ tôi chạy đến gặp con trai tôi để xin nó tha thứ cho tôi. Về phần con bé Mary đáng thương đó, hành động đại dột của nó đã làm cho tôi tan nát cả cõi lòng. Với khả năng xét đoán tài tình của ông, ông có thể cho tôi biết bây giờ nó ở đâu không?

- Cô ấy đang ở nơi mà George Burnwell đang ở; chẳng bao lâu, hắn ta sẽ nhận một sự trừng phạt còn lớn hơn cả tội lỗi của hắn ta nữa!

HẾT

B.12 - The Adventure of the Copper Beeches 1892 (Vùng đất những dây dề đỏ)

Bên ngoài, làn sương mù dày đặc lơ lửng giữa những dãy nhà xám xịt. Cửa sổ nhà đối diện hiện ra những vết đen mờ mờ, không ra hình thù gì rõ rệt. Ngọn đèn khí đốt chiếu sáng mấy chiếc đĩa sứ và bộ đồ ăn vẫn còn trên bàn. Sherlock Holmes vẫn giữ im lặng, không ngừng lật những trang báo cáo trong các tờ báo. Cuối cùng anh không lục lọi nữa mà ngắm nghía ngọn lửa nhảy múa trong lò sưởi, rồi nói :

- Anh không đáng bị gán cho là một người chuyên viết truyện “giật gân”, bởi vì phần lớn những vụ án mà anh đề cập tới thì không phải là những vụ hình sự. Các câu chuyện nhỏ về ông vua xứ Bohemia, chuyện tình của tiểu thư Mary Sutherland, chuyện người đàn ông môi trề và lễ thành hôn của nhà quý tộc độc thân... không nhất thiết thuộc phạm vi pháp luật. Nhưng nếu tránh các chuyện giật gân, thì sẽ rơi vào chỗ tầm thường.

- Trong các truyện do tôi viết, các đoạn kết thì có thể là tầm thường, nhưng phương pháp viết thì vừa mới lạ vừa thú vị.

- Chà chà! Anh bạn thân mến, phải chăng bây giờ độc giả lại chịu khó để ý tới những tia sáng tinh tế của phép phân tích và phép diễn dịch? Nhưng nếu anh rơi vào chỗ tầm thường, tôi cũng không thể trách anh được, và hiện nay, đâu còn những vụ quan trọng nữa. Giờ đây cái nghề hèn mọn của tôi đang biến thành công việc tìm kiếm những đồ vật thất lạc hoặc làm cố vấn cho các công chức về hưu. Như ngày hôm nay đây, cái thư này cho ông biết tôi đã “hết thời” rồi. Anh hãy đọc đi!

“Thưa ông Holmes thân mến,

Tôi rất cần ý kiến của ông để quyết định xem nên nhận hay từ chối một chỗ dạy trẻ. Nếu không có gì phiền ông, tôi sẽ đến gặp ông vào lúc 10 giờ 30 ngày mai. Chúc ông mạnh khỏe.

Violette Hunter”.

- Anh quen biết cô này chứ? - Tôi hỏi.

- Tôi đây à? Đâu có.

- Đã mười giờ rưỡi rồi.

- Vâng. Cô ta đang gọi cửa.

- Việc này có thể đáng chú ý hơn anh tưởng. Anh có nhớ vụ “con ngỗng” không. Lúc đầu nó như một chuyện khôi hài, sau đó phát triển thành một cuộc điều tra công phu. Lần này cũng dễ như vậy lắm.

- Hãy hy vọng thế! Nhưng sự ngờ vực của chúng ta sẽ sáng tỏ ngay thôi, vì cô ta đã tới.

Cửa mở và một thiếu nữ bước vào. Cô ta ăn mặc giản dị nhưng duyên dáng. Gương mặt lạnh lợi lấm tấm những nốt tàn nhang. Tóc cô vàng óng. Cử chỉ của cô cho thấy cô là người tháo vát. Khi bạn tôi đứng lên chào, cô nói ngay :

- Xin tha lỗi đã làm phiền ông. Nhưng tôi vừa gặp một chuyện lạ lùng, mà tôi không có bà con hay bạn bè để hỏi ý kiến. Thế là tôi nghĩ tới ông. Có lẽ ông vui lòng chỉ bảo tôi cách hành động?

- Thưa cô, mời cô ngồi đã. Tôi rất sung sướng được phục vụ cô.

Tôi nhận thấy là Holmes có ấn tượng tốt về ngôn ngữ và cử chỉ của người khách hàng. Đầu tiên anh ta quan sát theo thói quen cổ hủ, rồi mới ngồi xuống, nghe trình bày.

“Tôi đã làm nghề dạy trẻ suốt 5 năm trong gia đình đại tá Spence Munro. Cách đây hai tháng, đại tá được bổ nhiệm đến Halifax, Nova Scotia. Ông đem theo các con nhỏ đến Mỹ, nên tôi thất nghiệp. Tôi đăng báo tìm việc, gửi thư đến các nơi đăng tin tìm người. Tất cả đều không có kết quả. Sau cùng, tiền dành dụm đã cạn, tôi không còn biết phải làm

gì nữa. Ở khu West End có cơ sở Westaway chuyên tìm việc cho người dạy trẻ. Mỗi tuần một lần, tôi tới đó xem có chỗ nào không. Cô Stoper là người quản lý cơ sở này, cô làm việc trong văn phòng nhỏ, những người lạ tìm việc ngồi trong phòng đợi, lần lượt được đưa vào. Cô Stoper nghiên cứu các hồ sơ rồi tìm chỗ phù hợp cho mỗi người.

Tuần vừa rồi, tôi được đưa vào văn phòng đó như thường lệ. Nhưng lần này ở trong phòng, ngoài cô Stoper ra, còn có một người đàn ông rất béo, khuôn mặt tươi cười với một cái cằm rất to; ông ta mang kính, nhìn chăm chăm những người bước vào phòng. Khi trông thấy tôi, ông ta đứng phắt lên và quay sang cô Stoper :

- Thật thích hợp! Tôi không mơ ước gì hơn nữa! Tuyệt vời! Tuyệt vời! - Ông ta xoa tay mừng rỡ. - Cô tìm việc làm, phải không?

- Thưa ông, vâng.

- Cô là người dạy trẻ?

- Thưa ông, vâng.

- Lương cô bao nhiêu?

- Đại tá Spence Munro trả tôi bốn bảng một tháng.

- Ôi! Cái tên lợi dụng! Cái tên bóc lột! - Ông ta xoa xoa tay, rồi vung vẩy tay, giận sôi sùng sục - Tại sao có những kẻ lại có thể trả số lương tẻ mạt như vậy cho một người xuất sắc và hoàn bị như cô?

- Về sự hoàn bị, có lẽ không được như ông mong mỏi. Một chút tiếng Pháp, một chút tiếng Đức, âm nhạc và trẻ...

- Suýt suýt! Chuyện đó chỉ là phụ. Điểm chính yếu là thế này: cô có cái vẻ của một tiểu thư đài các. Nếu cô không được thế, cô không xứng đáng làm người giáo dục cho một đứa trẻ có thể đóng một vai trò đáng kể trong lịch sử nước này. Nếu ngược lại, thì tại sao lại có những người nhẩn tâm trả cho cô cái đồng lương chết đói đó? Thưa cô, tôi sẽ trả cho cô lương khởi điểm ở nhà tôi là 100 bảng một năm.

Nói xong, con người hào phóng ấy mở ví và rút ra một tờ giấy bạc :

- Tôi cũng có thói quen ứng trước một nửa tiền lương để các tiểu thư có thể trang trải phí tổn di chuyển và mua sắm áo quần - Ông ta vừa nói vừa mỉm cười rất khả ái, đến nỗi đôi mắt ông ta thu nhỏ lại thành hai điểm sáng giữa khối mỡ trắng bệch.

Tôi hầu như chưa hề gặp một người nhiệt thành và lịch thiệp hơn ông ta. Tôi đang thiếu nợ: số tiền ứng trước thật đúng lúc! Nhưng dù sao một sự giao dịch như vậy cũng có vẻ bất thường, nên tôi muốn biết thêm cho rõ, trước khi nhận lời.

- Tôi có thể biết ông ở đâu không?
- Tại hạt Hampshire. Một mảnh đất nhỏ đẹp mê hồn. “Những cây dẻ đỏ” [1] cách Winchester 5 dặm. Thưa cô, đó là một xứ sở xinh đẹp, và nhà tôi là ngôi nhà đáng yêu nhất trong số những ngôi nhà xưa trong quận.

- Công việc của tôi như thế nào?
- Tôi chỉ có một thằng bé vừa lên 6. À, nếu cô thấy được cái cách nó dùng đôi dép hạ những con gián? Trước khi nó nhú mào, đã có ba con bị hạ.

Ông ta dựa ngửa vào ghế và lại cười, nụ cười làm cho đôi mắt như mắt hút trong khối thịt phì nộn. Tôi hơi ngạc nhiên về trò chơi mà cậu bé ưa thích, nhưng tiếng cười của ông bố khiến tôi nghĩ rằng có lẽ ông ta chỉ đùa thôi.

- Tôi chỉ phải chăm nom cho một mình cậu bé thôi chứ? - Tôi hỏi lại.
-Ồ không! Không phải chỉ có thế, thưa cô thân mến! Cô còn phải tuân lệnh vợ tôi, tất nhiên đó luôn luôn là những mệnh lệnh mà một thiếu nữ có phẩm hạnh có thể tuân theo, và tôi chắc là một người thông minh như cô đã đoán được. Đâu có gì khó, phải không cô?

- Tôi rất sung sướng được phục vụ ông bà.
- Tuyệt. Nhưng, nhân tiện, xin nói về trang phục. Vợ chồng tôi là những người kỳ cục, nhưng tốt bụng. Nếu chúng tôi yêu cầu cô mặc một cái áo nào đó vào một ngày nào đó thì cô không phản đối chứ.

- Thưa ông, không. - Tôi trả lời, hơi ngơ ngác.
- Hoặc yêu cầu cô ngồi chỗ này thay vì chỗ kia, hoặc ngồi chỗ kia hay vì chỗ này, cô không coi là bị xúc phạm chứ?

-Ồ không đâu?
- Và yêu cầu cô cắt tóc ngắn?
- Thưa ông, tôi có một mái tóc màu hạt dẻ. Mọi người đều khen là rất đẹp. Tôi sợ rằng điều này không thể được, thưa ông.

- Còn tôi, tôi sợ rằng đây là điều chính yếu. Đó là một sở thích nho nhỏ của vợ tôi. Vậy, cô sẽ cắt tóc chứ?

- Thưa ông, tôi sẽ không cắt tóc!
- A, tốt! Thôi chúng ta không bàn nữa... Thật đáng tiếc. Thưa cô Stoper, trong trường hợp này, tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm một ứng cử viên khác.

Trong suốt thời gian chúng tôi thảo luận, cô quản lý chúi mũi vào đồng hồ sơ và không hề mở miệng. Nhưng tới lúc đó, cô ta nhìn tôi với vẻ thù ghét, khiến tôi hiểu ngay rằng việc tôi từ chối sẽ làm cho cô ta mất một số tiền hoa hồng béo bở. Cô ta hỏi tôi :

- Cô có muốn chúng tôi giữ tên cô trong sổ đăng ký không?
- Vâng, thưa cô Stoper.
- Cô đã từ chối những đề nghị tuyệt vời! Cô chớ mong chúng tôi mất thì giờ tìm cho cô một việc khác. Chào cô, cô Hunter! - Cô Stoper ấn chuông và người ta đưa tôi ra.

Tôi trở về. Khi tôi kiểm lại sổ thực phẩm trong nhà, khi tôi thấy hai hay ba tờ hóa đơn trên bàn, tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng tôi đã làm một điều ngu xuẩn. Ít có cô dạy trẻ nào được trả 100 bảng một năm... và chẳng, bộ tóc dài của tôi có giúp ích gì cho tôi đâu. Nhiều phụ nữ đã cắt tóc ngắn, thế mà họ chẳng xấu đi chút nào.

Ngày hôm sau, tôi tự coi mình là một con ngốc.

Hôm sau nữa, tôi chắc chắn là tôi đã làm một điều dại dột. Vào lúc tôi dẹp bỏ lòng tự ái, định trở lại cơ sở tìm việc hỏi xem chỗ đó còn trống không, thì tôi nhận được một bức thư. Tôi xin đọc ông nghe :

“Những cây dễ đỗ, Winchester,

Thưa cô Hunter thân mến.

Cô Stoper đã có nhã ý cho tôi địa chỉ của cô, nên tôi viết thư này cho cô, hỏi xem cô có xét lại quyết định trước đây không. Nhà tôi rất muốn cô đến đây, vì qua sự mô tả của tôi, bà ấy rất thích cô. Chúng tôi sẵn sàng trả cho cô 30 bảng mỗi quý. Vậy là 120 bảng một năm, ấy là để đền bù những bất tiện nho nhỏ do tính kỳ quặc của chúng tôi gây ra cho cô. Dù sao, đó cũng không phải là những đòi hỏi quá đáng! Nhà tôi rất thích màu xanh và bà ấy muốn cô mặc áo màu này mỗi sáng. Tuy nhiên, cô không cần bỏ tiền mua sắm, vì chúng tôi có sẵn một cái như thế trước đây của con gái tôi. Alice hiện nay đang ở Philadelphia.

Mặt khác, về chỗ ngồi hay nơi cô đi đứng, chúng tôi sẽ chỉ cho cô, cô sẽ không gặp bất tiện gì đâu. Về bộ tóc, tôi rất tiếc nhưng tôi cương quyết giữ nguyên quyết định. Tôi hy vọng rằng số thù lao tăng lên sẽ đền bù được sự mất mát đó! Về phần đứa bé, công việc của cô sẽ rất nhẹ nhàng. Cô cố gắng đến với chúng tôi nhé, tôi sẽ đem xe đón cô ở Winchester. Xin cho tôi biết giờ xe lửa khởi hành.

Chúc cô mạnh khỏe.

Jephro Rucastle”

Đó là nội dung bức thư. Và tôi đã quyết định nhận lời. Tuy vậy, trước khi lao vào khoảng không, tôi muốn ông cho một lời khuyên.

- Nhưng, thưa cô, nếu cô đã quyết định rồi thì đâu còn vấn đề gì nữa!
- Có phải là ông khuyên tôi nên từ chối?
- Đó không phải là chỗ tôi mơ ước cho cô em gái của tôi, nếu tôi có một đứa em gái.
- Điều đó có nghĩa gì, thưa ông Holmes?
- Chẳng có một dữ kiện nào cả, nên tôi không thể nói gì hơn. Nhưng có lẽ cô cũng có ý kiến riêng chứ?
- Tôi thấy ông Rucastle có vẻ là người tốt và lịch thiệp, nhưng có lẽ vợ chồng họ có những sở thích ngông cuồng nên ông ta nhượng bộ cho gia đình được êm ấm và để tránh những bất trắc có thể buộc phải đưa bà Rucastle vào viện an dưỡng. Giả thiết của tôi có vô lý không?
- Chẳng những không vô lý; mà còn là giả thiết có nhiều khả năng nhất. xem xét về mọi mặt thì một cô gái trẻ hãnh không lấy gì làm dễ chịu trong gia đình này.
- Nhưng còn tiền lương, ông Holmes ời!
- Vâng, đúng vậy. Tiền thù lao cao, rất cao! Chính điều đó làm cho tôi khó chịu! Tại sao họ lại trả cho cô 120 bảng. Trong khi họ có thể mướn bất kỳ ai với giá 40 bảng?
- Bởi vậy tôi đã rất có lý, khi đến đây hỏi ý kiến của ông. Tôi yên tâm biết bao khi ông biết sẽ ủng hộ tôi.
- Tôi ủng hộ cô! Tôi sẽ hết sức chú ý tới câu chuyện này. Hãy thật lòng nói cho tôi biết cô có cảm thấy bất an, hay nguy hiểm gì không?
- Nguy hiểm? Ông dự đoán có nguy hiểm?
- Holmes lắc đầu, nghiêm nghị nói :
- Nguy hiểm không còn nữa, nếu ta nhận diện được nó. Nói vắn tắt, bất kỳ lúc nào, dù ngày hay đêm, hễ cô gửi một điện tín là tôi sẽ tức tốc tới đó ngay.

- Như vậy, tôi an tâm.

Cô gái đứng dậy, mặt rạng rỡ :

- Tôi ra đi với tinh thần thư thái. Tôi sẽ viết thư ngay cho ông Rucastle; chiều nay tôi đi cắt tóc; ngày mai tôi sẽ có mặt ở Winchester.

Cô nói lời cảm ơn, chúc sức khỏe, rồi ra về. Lắng nghe tiếng chân nhanh nhẹn, vững chắc của cô gái đang đi xuống cầu thang, tôi nói :

- Ít ra cô ta cũng có vẻ biết cách xoay xở.

- Chỉ trong một thời gian ngắn thôi, cô ta sẽ cầu cứu với chúng ta.

Mười lăm ngày đã trôi qua. Trong thời gian này, tâm trí tôi cứ hướng về “Những cây dừa đỏ”. Tôi tự nhủ cô gái đang dấn thân vào một cuộc phiêu lưu kỳ lạ biết bao. Số tiền lương cao bất thường, những điều kiện kỳ quặc, công việc nhẹ nhàng (theo lời người cha hứa), tất cả những cái đó cho thấy một điều gì đó không bình thường. Điều gì đó là do tính tình kỳ quặc hay có một âm mưu? Ông kia là một kẻ thương người hay là một tên vô lại? Về phần Holmes, tôi nhận thấy đôi khi anh trầm ngâm hàng mấy giờ liền. Và mỗi khi tôi nhắc tới cô gái, anh khoát tay ngắt lời: “Tôi chờ tin tức. Những dữ kiện! Không thể làm bánh nếu không có bột?”. Anh rít lên nho nhỏ rằng nếu là em gái thì anh không chịu để cô nhận một chỗ larn như vậy.

Chúng tôi nhận được điện tín vào một buổi tối, bảy giờ đã khuya. Holmes mở phong bì, liếc qua bức điện tín rồi ném cho tôi :

- Anh hãy kiểm tra lại giờ tàu chạy.

Bức điện tín rất ngắn :

“Vui lòng có mặt ở khách sạn “Thiên nga đen” ở Winehester lúc 12 giờ trưa. Tôi kiệt sức. Hunter”.

Khi tôi đọc xong, Holmes hỏi :

- Anh đi với tôi chứ?

- Tôi không mong mỗi gì hơn.

- Vậy cho tôi biết giờ tàu khởi hành.

- Có một chuyến lúc 9 giờ rưỡi tới Winchester lúc 11 giờ rưỡi.

- Tốt lắm.

Vào lúc 11 giờ ngày hôm sau, chúng tôi đã gần tới thủ đô của nước Anh. Holmes nấp sau một đồng nhật báo suốt cuộc hành trình, nhưng sau khi qua khỏi địa phận Hampshire, anh chui ra ngắm cảnh. Bầu trời xanh nhạt, những đám mây trong, trôi êm ả từ tây sang đông, mặt trời chói lọi, có thể người thấy mùi nhựa sống trong không khí. Vạn vật mời gọi con người hoạt động. Trên những cánh đồng trải dài đến các ngọn đồi quanh Aldershot, những mái ngói đỏ tươi hoặc trắng xám của các trang trại in hình lên màu xanh lá mới.

- Tươi mát và xinh đẹp tuyệt vời, có phải không? - Tôi bắt giắc thốt lên, với sự phấn khởi của người thường giam mình trong thành phố. Holmes khẽ gật đầu.

- Anh có biết không, Watson. Đầu óc tôi bị ám ảnh đến nỗi cứ nhìn mọi vật dưới khía cạnh nghề nghiệp. Tôi cũng nhìn thấy những ngôi nhà đó như anh, nhưng chỉ có một ý nghĩ độc nhất ở trong đầu tôi. Chúng ở lẻ loi quá, hẻo lánh quá, nên tội ác xảy ra ở đây dễ dàng thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật.

- Trời đất ơi! - Tôi nói lớn, giận hờn - Tại sao anh lại ghép chung tội ác với những tổ ấm thân thiết kia?

- Những ngôi nhà như vậy luôn luôn làm tôi kinh sợ. Dựa theo kinh nghiệm, tôi có cảm giác những con hẻm tối tăm nhất ở Luân Đôn còn ít chứa chấp tội lỗi hơn cánh đồng xanh tươi này!

- Anh làm tôi kinh hãi đấy, Holmes.

- Lý do thật hiển nhiên. Ở thành thị, áp lực của dư luận có thể làm được điều mà pháp luật phải bó tay. Không có nơi nào ở Luân Đôn mà tiếng kêu than của một đứa trẻ bị hành hạ, tiếng đấm đá của một anh chàng say sưa lại không làm nổi dậy lòng bất bình của hàng xóm. Và bộ máy pháp luật ở gần người dân đến nỗi một lời tố giác yếu ớt cũng buộc nó phải vận động: từ chỗ phạm tội tới vành móng ngựa chỉ có một bước ngắn; còn những ngôi nhà lẻ loi này, anh hãy nhìn kỹ đi? Mỗi nhà rào kín trong khu đất của mình, trong đó phần đông là những người nghèo khó, không thông hiểu pháp luật. Những hành vi thô bạo có thể diễn ra tự do mà không ai hay biết. Nếu cô gái đang cầu cứu chúng ta đang sống ở Winchester thì tôi không lo ngại gì hết. Năm dặm ngăn cách cô ta với thành phố làm tôi không yên. Chỉ còn may một điều là bản thân Hunter chưa bị đe dọa...

- Chắc chắn Hunter không bị đe dọa! Nếu cô tới gặp chúng ta ở Winchester được, thì có nghĩa là cô còn được tự do đi lại.

- Đúng vậy.

- Vậy thì có vấn đề gì? Anh có thể giải thích cho tôi không?

- Tôi có cả bảy giải pháp riêng biệt, mỗi giải đáp phù hợp với những sự kiện như chúng ta đã biết, chỉ còn phải tìm xem giải đáp nào là đúng. A! Đây là tháp chuông nhà thờ lớn, chúng ta sắp gặp cô em rồi.

Khách sạn "Thiên nga đen" là một quán trọ nổi tiếng, gần nhà ga. Chúng tôi gặp ngay cô giáo, và bữa điểm tâm đã sẵn sàng. Cô reo lên :

- Tôi sung sướng biết bao, khi thấy các ông tới. Các ông thật tốt! Nói thật tình, tôi không biết phải làm sao nữa, nên mới cầu cứu.

- Nói ngay chuyện gì đã xảy ra!

- Vâng. Tôi phải nói gấp vì tôi phải trở về trước ba giờ

- Cô hãy kể theo thứ tự - Holmes nói, vừa ngồi duỗi đôi chân quá khổ về phía lò sưởi, chuẩn bị tư thế thoải mái để nghe chuyện.

- Trước hết, tôi phải nói là tôi không hề bị hai ông bà ấy ngược đãi. Nhưng tôi không hiểu nổi họ, và tôi lo ngại.

- Cô không hiểu cái gì?

- Nguyên nhân hành động của họ...

"Khi tôi tới đây thì ông Rucastle đã có mặt với chiếc xe, và đưa tôi về. "Những cây dễ dãi" quả là một địa điểm tuyệt vời, nhưng ngôi nhà thì không đẹp, nó là một khối vuông đồ sộ loang lổ. Chung quanh là ruộng, những rừng cây mọc ở cả ba phía. Phía còn lại là một cánh đồng dốc thoải chạy xuống quan lộ đi Southampton, con đường này vòng lại cách cổng trước độ 100 yard. Miếng đất đó thuộc sở hữu của ông Rucastle, còn rừng cây là của huân tước Southerton. Mấy đám cây dễ dãi mọc trước cổng, nên trang trại được gọi là "Những cây dễ dãi".

Ông chủ giới thiệu tôi với bà chủ và cậu con vào buổi chiều. Và tôi đã làm, thưa ông Holmes: bà Rucastle không phải là người điên. Bà ít nói, mặt trắng bệch, trẻ hơn ông chồng nhiều. Nghe họ nói chuyện, tôi biết họ lấy nhau đã bảy năm, rằng lúc đó ông ta góa vợ và đưa con duy nhất của người vợ trước là cô gái đang sống ở Philadelphia.

Ông Rucastle cho tôi biết sở dĩ cô ấy bỏ đi vì không hòa thuận với kẻ mẫu. Vì cô ấy chỉ vào khoảng 20 tuổi nên tôi hiểu là cô ta không cảm thấy thoải mái với người dì ghẻ của mình. Bà Rucastle không có cảm tình mà cũng không ác cảm với tôi. Rõ ràng bà ta rất yêu chồng và đứa bé. Ông chủ rất lịch sự với vợ, dường như họ rất hòa hợp và hạnh phúc. Tuy thế, bà ấy giấu kín một nỗi u sầu bí mật. Bà thường ngồi trầm tư, ánh mắt buồn rầu. Nhiều lần tôi thấy bà khóc một mình. Tôi tưởng bà khổ tâm vì tính nết của đứa con hư đốn. Thì giờ của nó dành cho những ham mê man dại xen với những cơn hờn dỗi. Thú tiêu khiển ưa chuộng nhất của nó là hành hạ những con vật yếu đuối: nó bắt chuột nhắt, những con chim nhỏ và côn trùng. Nhưng tôi không muốn dài dòng về chú bé này vì thực sự nó ít liên quan đến câu chuyện của tôi”.

- Tôi muốn biết hết mọi chi tiết, cả những chi tiết mà cô thấy là vô vị.

- “Điều bực bội duy nhất ở trong nhà này, là thái độ của hai gia nhân: họ là một cặp vợ chồng. Anh chồng Toller là một người thô lỗ, có mái tóc hoa râm, lúc nào cũng sặc sụa mùi rượu. Bà vợ là một người cao lớn, mạnh mẽ và là một người đàn bà khó ưa.

Trong hai ngày đầu, cuộc sống thật dễ chịu. Sáng sớm ngày thứ ba, bà chủ xuống nhà ngay sau khi ăn điểm tâm. Bà thì thầm vài tiếng bên tai ông chồng.

- Ủ, ừ! - Ông chồng vừa trả lời vợ vừa quay sang tôi - Thưa cô Hunter, chúng tôi rất biết ơn cô đã cắt tóc ngắn. Bây giờ chúng ta sẽ thử xem cái áo màu xanh kim quýt có vừa với cô không. Cái áo trên giường của cô.

Cái áo đã có người mặc qua. Tuy vậy, nó rất vừa vặn với khổ người tôi. Hai ông bà Rucastle đều rất hài lòng. Họ chờ tôi trong phòng khách có ba cửa sổ lớn. Một chiếc ghế đã được đặt sẵn gần bên cửa sổ giữa, lưng ghế quay ra phía ngoài ánh sáng. Họ yêu cầu tôi ngồi lên đó. Bấy giờ ông Rucastle vừa đi ngang dọc phòng khách vừa kể lể những chuyện khôi hài mà tôi chưa bao giờ được nghe. Tôi cười nôn ruột. Bà chủ chỉ mỉm cười vài lần. Bà ngồi khoanh tay trước ngực, mắt buồn bã, lo âu. Khoảng một giờ sau, ông thấy đã tới giờ làm việc, nói rằng tôi có thể đi thay áo và dạy học.

Hai ngày sau, cảnh đó lại diễn ra tương tự. Một lần nữa, tôi lại đi thay áo, một lần nữa người ta lại yêu cầu tôi ngồi gần cửa sổ. Và một lần nữa tôi lại cười chảy nước mắt vì những câu chuyện của ông chủ. Rồi ông đưa cho tôi một quyển tiểu thuyết, khẽ xoay chiếc ghế tôi đang ngồi cho tôi khỏi chói mắt và yêu cầu tôi đọc to lên. Tôi bắt đầu đọc chừng 14 phút, ông bảo tôi dừng lại, và ra lệnh cho tôi đi thay áo.

Tôi để ý là họ hết sức quan tâm về việc phải ngồi quay lưng về phía cửa sổ. Tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ. Sẵn cái gương cầm tay của tôi bị vỡ, tôi lấy một mảnh giấu trong khăn tay. Ngay giữa một tràng cười, tôi đưa khăn lên ngang mắt và khéo léo nhìn xem có cái gì ở phía sau lưng mình. Tôi thất vọng: chẳng có gì cả.

Lần thứ hai, tôi thấy một người đàn ông trên đường đã nhìn trộm tôi.

- Một người bạn của cô, phải không? - Ông chủ hỏi.

- Không đâu! Tôi không quen ai ở đây.

- Chúa ơi! Trơ tráo thật! Tôi xin cô quay lại và ra hiệu cho anh ta đi đi!

- Làm như không nhìn thấy anh ta có hay hơn không? - Tôi đưa ra ý kiến.

- Không, không nên! Anh ta sẽ la cà mãi ở đây. Tôi xin cô, cô hãy quay lại và ra hiệu cho anh ta đi đi! Làm như thế này này!

Tôi làm theo lời ông ta trong khi bà chủ kéo rèm.

Chuyện đó cách đây một tuần. Từ ngày đó chưa bao giờ tôi lại phải ngồi bên cửa sổ, chưa bao giờ tôi phải mặc chiếc áo xanh và chưa bao giờ tôi thấy lại người đàn ông”.

- Cứ tiếp tục đi cô giáo. - Holmes nói - Câu chuyện hứa hẹn nhiều điều hấp dẫn.

“Ngày hôm tôi tới, ông Rucastle có dẫn tôi đến một gian nhà phụ, bên cạnh nhà bếp. Khi tới gần, tôi nghe có tiếng xích sắt khua và tiếng một con vật to đang trở mình.

- Cô hãy nhìn vào xem! Nó có đẹp không? - Ông Rucastle chỉ vào một khe hở giữa hai tấm ván. Tôi nhìn vào, thấy một cặp mắt sáng và một hình thù mơ hồ trong bóng tối.

- Đừng sợ! - Ông chủ vừa nói vừa cười khi tôi lùi lại một bước - Đó là Carlo, con chó chăn bò. Nó chỉ tuân lệnh lão Toller. Chúng tôi chỉ cho nó ăn mỗi ngày một bữa, nên nó rất hung dữ. Ban đêm, Toller mới thả nó ra. Vô phúc cho tên lang thang nào bén mảng vào nhà tôi. Ban đêm, cô chó có ra khỏi nhà, có thể nguy hiểm đấy.

Hai đêm sau, vào lúc 2 giờ sáng, tôi tình cờ nhìn qua cửa sổ, trăng sáng vàng vạc, ló ló trước nhà lung linh ánh bạc. Vẻ đẹp bình yên của cảnh vật xâm chiếm tâm hồn tôi, nhưng tôi vẫn nhận biết có cái gì đó cựa quậy trong đám cây dẻ. Khi cái hình thù đó ra khỏi bóng cây, tôi thấy rõ đó là một con chó khổng lồ, to bằng một con bê, răng nanh dài, mõm đen, gầy trơ xương. Nó bằng ngang lối đi và mắt hút vào bóng tối. Tôi lạnh toát cả người.

Bây giờ tôi xin kể ông nghe một chuyện kỳ dị. Như ông biết, tôi đã cắt tóc ở London và mang những lọn tóc đó theo, kết lại thành một cuộn. Một buổi tối, lúc thằng bé đã đi ngủ, tôi xem xét đồ đạc trong phòng và sắp xếp lại quần áo. Có một cái tủ cũ, hai ngăn trên trống và không khoá, ngăn dưới cùng khoá kín. Tôi xếp quần áo vài hai ngăn trống mà vẫn còn thừa nên tôi hơi bực bội, vì không sử dụng ngăn thứ ba được. Tôi tự nhủ có lẽ người ta đã khoá tủ do lơ đãng, nên tôi lấy chùm chìa riêng mở thử.

Cái chìa đầu tiên đã mở được ngay: trong ngăn kéo đó chỉ chứa một vật duy nhất: bộ tóc. Tôi cầm lên, quan sát. Cũng một màu hơi đặc biệt, cũng mai mai. Nhưng đột nhiên tôi biết ngay đó không phải là tóc của tôi, vì làm sao nó lại ở đây được? Tay run run, tôi mở rương và thấy bộ tóc của mình vẫn còn nguyên ở đáy rương. Tôi đặt hai bộ tóc bên nhau và thấy chúng giống hệt. Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu gì cả. Tôi đặt “bộ tóc lạ” vào chỗ cũ và không hé môi với ai về chuyện này. Sự thật, tôi đã có lỗi khi mở một cái ngăn kéo có khoá.

Thưa ông Holmes, ông có thể nhận thấy rằng tôi có óc quan sát tự nhiên. Vì vậy nên chẳng bao lâu tôi đã thuộc lòng sơ đồ ngôi nhà. Có một căn phòng dường như không có người ở, ở đó có một cánh cửa đối diện với cửa phòng của vợ chồng Toller, nhưng luôn luôn khoá. Một bữa, khi lên thang gác, tôi chạm mặt ông Rucastle đang từ phòng đó đi ra, tay nắm chìa khoá và nét mặt hầm hầm; ông khoá cửa, và đi qua mặt tôi, không nói một lời, dường như không nhìn thấy tôi vậy.

Việc đó làm tôi đâm ra tò mò, vì vậy khi dẫn thằng bé đi chơi, tôi đi về phía có thể nhìn thấy các cửa sổ của dãy phòng đó. Có bốn cửa sổ: ba cái thì đầy bụi bặm, còn cái thứ tư có cửa chớp kín. Rõ ràng là góc nhà này bị bỏ hoang. Khi tôi lang thang ở đó thì ông Rucastle đi về phía tôi: vẻ tươi cười vui vẻ đã trở lại.

- Xin bỏ lỗi cho tôi khi đi ngang qua cô lúc nãy mà không chào cô. Lúc đó tôi bận quá.

- Thưa ông, không có gì ạ? Nhân đây tôi có nhận xét ông có nhiều phòng bỏ trống quá, một phòng trong số đó có cả cửa chớp che kín nữa.

- Nhiếp ảnh là một trong số những say mê của tôi. Phòng tối đặt ở đó. Nhưng, thưa cô thân mến, cô thật là inột người có mắt quan sát. Ai có thể tin được? Ai có thể tin được chứ?

Ông ta nói bằng giọng đùa cợt, nhưng đôi mắt ông ta nhìn tôi chằm chằm không có vẻ đùa cợt tí nào: ông ta đã nghi ngờ

Từ lúc tôi hiểu rằng cái gì đó ở trong các gian phòng kia thì tôi chỉ còn mơ tới chúng. Tôi có linh cảm rằng nếu tôi đột nhập vào nơi đó, tôi sẽ làm được một điều rất tốt, rất thiện.

Cơ hội đến vào ngày hôm qua. Tôi phải cho ông biết là không chỉ một mình ông Rucastle có việc gì phải làm trong mấy gian phòng vắng đó, mà cả vợ chồng ông Toller cũng có đến đó. Tôi đã thấy Toller mang vào đó một túi vải đen lớn. Gần đây, ông ta uống rượu nhiều và chiều qua ông ta say mềm. Khi lên thang gác, tôi thấy chìa khóa cắm ở cánh cửa đó. Chắc chắn ông ta đã bỏ quên Tôi có một cơ hội tuyệt vời: ông và bà Rucastle đang ở dưới nhà với cậu con. Tôi nhẹ nhàng vặn khoá, mở cánh cửa và lướt thẳng tới đầu kia.

Trước mặt tôi là một hành lang trần trụi, sàn không lót thảm mà tường cũng không dán giấy. Cuối hành lang là một góc ngoặt. Sau góc ngoặt có ba cánh cửa liên tiếp. Cửa thứ nhất và cửa thứ ba thì mở ngỏ, phòng trống, dơ bẩn và u ám. Phòng giữa có khoá: một cái nhíp xe chặn ngang cửa, một đầu móc vào một cái vòng gắn trong tường, đầu kia được buộc dây. Bản thân cánh cửa thì có khoá, nhưng không có chìa khóa trong ổ khoá. Cánh cửa được chặn kỹ đó ứng đúng với cửa sổ có cửa chớp bị bịt kín phía ngoài. Qua khe hở dưới cửa, tôi thấy là phòng có ánh sáng. Hiển nhiên là có một khung cửa kính ở trên cao để cho ánh sáng lọt vào phòng. Trong lúc tôi đang loay hoay trước cánh cửa hắc ám đó, tự hỏi bên trong căn phòng chứa đựng một bí mật gì, thì thình lình tôi nghe có tiếng bước chân trong phòng và qua khe hở dưới cửa, tôi có thể phân biệt được một cái bóng đang đi tới đi lui. Lúc đó tôi sợ quá, tôi quay lưng bỏ chạy. Tôi chạy như có một bàn tay khủng khiếp cổ tóm lấy tôi. Tôi vượt qua hết hành lang, đâm bổ ra cửa và... ngã vào tay ông Rucastle.

- Nào, nào! Thế ra là cô? - Ông vừa nói vừa cười - Khi tôi thấy cửa mở, tôi đã ngờ là cô.

- Tôi sợ quá, tôi sợ quá! - Tôi hốt hển nói.

- Ồ, cô thân mến! Tiểu thư thân mến! Nào, việc gì mà cô sợ hãi quá vậy?- Giọng ông ta quá mơn trớn, quá ngọt ngào khiến tôi cảnh giác.

- Tôi đại dột đi vào cái chái vắng vẻ này. Trong đó tối và yên lặng quá, nên tôi đâm sợ. ời, trong đó yên lặng đến rợn người?

- Chỉ có vậy thôi ư? - Ông ta dò xét.

- Còn thế nào nữa? Ông cho là thế nào?

- Tại sao cô nghĩ rằng cửa này được khóa kín?

- Tôi không biết gì chuyện cửa nẻo cả.

- Tôi khóa cửa chỉ là để những kẻ vô can khỏi chúi mũi vào đấy. Cô hiểu không? -

Ông ta vẫn tiếp tục mỉm cười một cách khả ái.

- Nếu tôi biết thế, thì...

- Tốt lắm. Bây giờ thì cô biết rồi. Nếu cô còn đặt chân tới sau cánh cửa này nữa, thì... - Lúc đó nụ cười của ông ta biến thành một cái nhếch mép giận dữ, và ông ta nhìn

tôi từ đầu đến chân với bộ mặt của một con quỷ - Thì... tôi sẽ cho con chó ăn thịt cô đấy!

Tôi kinh hoàng đến nỗi không nhớ tôi đã làm gì nữa. Tôi nghĩ là tôi đã chạy nhào về phòng. Tôi không còn nhớ gì hết. Nằm trên giường mà tôi run rẩy cả người. Tất cả mọi người đều làm tôi sợ hãi: ngôi nhà, ông chồng, bà vợ, hai người gia nhân và cả cậu con nữa. Hiển nhiên là tôi có thể bỏ trốn, nhưng sự tò mò cũng mạnh mẽ như sự sợ hãi vậy. Vì thế sau khi gửi cho ông một điện tín, lòng tôi rất nhẹ nhõm. Khi về tới nhà, một mối lo khủng khiếp nảy sinh, nếu họ thả con chó rồi thì sao? Nhưng tôi nhớ là Toller đang say bí tỉ, và anh ta là người duy nhất trong nhà có thể sai khiến con vật và có phận sự thả nó ra. Thế là tôi chuồn êm vào nhà và đêm qua hầu như tôi không ngủ vì quá vui mừng với ý nghĩ là ông sắp tới đây. Sáng nay họ để tôi đi Winchester mà không làm khó dễ gì; tôi chỉ phải trở về trước ba giờ, vì ông bà Rucastle sẽ vắng nhà cả buổi tôi và tôi phải trông nom cậu con”.

Holmes và tôi bị câu chuyện lạ lùng thu hết tâm trí. Khi cô Hunter kết thúc câu chuyện, bạn tôi đứng dậy, thọc tay vào túi áo, đi tới đi lui khắp phòng, nét mặt rất trầm trọng.

- Gã Toller vẫn còn say chứ?

- Vâng. Tôi nghe vợ ông ta phàn nàn với bà Rucastle là chẳng hỏi han gì ông ta được cả.

- Tối nay ông bà sẽ ra khỏi nhà?

- Vâng.

- Nhà có hầm và có khóa?

- Vâng, có hầm rượu.

- Cô đã hành động như một cô gái can đảm và nhạy cảm. Cô có nghĩ là cô có thể làm thêm một việc nữa không?

- Tôi sẽ cố. Tôi phải làm gì?

- Tôi và bạn tôi đây sẽ tới diện trang “Những cây dễ đổ” lúc bảy giờ tối. Lúc đó vợ chồng ông Rucastle đã ra khỏi nhà và lão Toller thì vô dụng, tôi hy vọng thế. Chỉ còn bà Toller có khả năng báo động. Nếu cô dụ được bà ta xuống hầm rượu và nhốt bà ta dưới đó, thì công việc của chúng ta dễ dàng đi rất nhiều!

- Tôi sẽ làm được.

- Hoan hô! Trong trường hợp này, chúng ta sẽ giải quyết vấn đề tận gốc. Chắc chắn chỉ có một lời giải thích cho trường hợp của cô: Cô được đưa tới “Những cây dễ đổ” để thay thế cho một người. Cô giống người đó và người đó đang bị giam cầm. Người bị giam trong phòng kia chắc chắn là tiểu thư Alice. Tóc cô ấy cắt ngắn, và bộ tóc trong ngăn kéo thứ ba là tóc của Alice. Người đàn ông trên đường có thể là một người bạn, có thể là hôn phu của Alice. Cô mặc chiếc áo xanh của Alice, tóc cũng giống như Alice và có cử chỉ xua đuổi anh ta, nên anh chàng kia tin rằng Alice không còn yêu anh ta nữa. Đêm đêm, con chó chặn bỏ được thả ra là để ngăn mọi cuộc tiếp xúc với cô gái. Mọi chi tiết hoàn toàn sáng tỏ. Điểm quan trọng trong câu chuyện này là thái độ của cậu con trai.

- Chuyện đó có gì đáng chú ý? - Tôi hỏi.

- Anh Watson, nếu người ta có thể nghiên cứu cha mẹ để đoán ra các khuynh hướng của một đứa bé, thì người ta cũng có thể nghiên cứu đứa bé mà “hiểu được” cha mẹ nó. Những khuynh hướng độc ác của thằng bé này, có thể đã được kế thừa từ

người cha “thơn thớt nói cười” của nó, hoặc từ mẹ nó. Chính vì thế mà ta có thể tiên liệu rằng cô gái đáng thương đang bị giam cầm có thể phải chịu nhiều khổ sở.

- Tôi chắc chắn rằng ông nói đúng, ông Holmes - Cô giáo kêu lên - Bây giờ tôi mới nhớ lại nhiều sự kiện chứng tỏ ông đã lần tới được điểm mấu chốt. Mau lên, đừng mất thì giờ nữa. Chúng ta phải cứu cô gái đó!

* * * * *

Bây giờ chúng tôi có mặt ở đám cây dẻ đỏ. Cô giáo tươi cười tiếp đón chúng tôi.

- Cô đã thu xếp được chưa? - Holmes hỏi. Một tiếng động trầm trầm, mơ hồ phát ra từ dưới lòng đất.

- Các ông vừa nghe bà Toller cử động dưới hầm rượu đó. Còn chồng bà ta thì đang ngáy ầm ĩ trong nhà bếp. Chìa khóa đây.

- Tuyệt vời! - Holmes phấn khởi nói - Cô dẫn đường.

Chúng tôi lên cầu thang, mở cánh cửa cấm, đi theo một hành lang và tới trước căn phòng mà cô giáo đã mô tả. Holmes cắt dây và gạt thanh sắt chặn sang một bên. Lấy chìa khóa thử mở cửa, nhưng không mở được.

Bên trong không có một tiếng động. Sự im lặng đó làm mặt Holmes tối sầm lại. Anh nói :

- Chúng ta tới quá trễ! Cô đừng vào, Watson, anh kê vai phụ đẩy cánh cửa với tôi.

Cánh cửa đã bị một ăn nên chúng tôi phá ra dễ dàng. Chúng tôi cùng lao vào phòng. Phòng trống trơn. Khung cửa kính trên cao mở rộng: người nữ tù đã đi rồi.

- Đáng giận thật! Tên tinh ma ấy đã đoán được ý định của cô Hunter nên đã dời tù nhân đi chỗ khác - Holmes nói.

- Nhưng bằng cách nào?

- Qua khung cửa kính. Ta sẽ qua đó xem.

Holmes đu mình lên mái nhà, nhanh như một con sóc.

- Đây rồi - Anh la lên - Có một cái thang dài đưa xuống hầm rượu. Tôi hiểu ra rồi.

- Không thể thế được? - Cô giáo nói - Lúc ông bà ấy ra đi thì không có cái thang ở đó.

- Vậy thì ông ta đã trở lại và ông ta đã dựng cái thang. Tôi đã nói rằng ông ta là một người nguy hiểm mà! Anh Watson, anh lên đạn khẩu súng đi, ông ta đang tới kìa.

Holmes vừa dứt lời thì một người đàn ông xuất hiện ở cửa: một người to mập, có vẻ rất khỏe mạnh, tay cầm một cây gậy bự. Khi trông thấy ông ta, cô Hunter rú lên, nhưng Holmes đã nhẩy tới, đối mặt với ông ta.

- Này, tên cướp. Con gái của anh đâu?

Con người to mập kia nhìn quanh mình, rồi nhìn lên khung cửa kính. Ông ta thét :

- Chính ta mới có quyền hỏi các người. Quân trộm cướp! Quân gián điệp và trộm cướp! Ta bắt được chúng bay rồi. Chúng bay đang ở trong tay ra! Được lắm, ta sẽ lo cho chúng bay.

Ông ta tháo lui và chạy xuống thang.

- Ông ta đem chó đến! - Cô giáo rên rỉ.

- Tôi có súng. - Tôi nói, để trấn an cô.

- Đóng cửa lại! - Holmes la lên.

Chúng tôi chạy xuống thang. Vừa tới cửa thì nghe có tiếng chó sủa, rồi có tiếng gào khùng khiếp và tiếng vật lộn ầm ầm. Một người đứng tuổi, gương mặt đỏ gay và tay chân run rẩy đang lao đảo tiến ra từ một cửa hàng.

- Trời ơi! Ai đã thả con chó ra rồi? - Ông ta kêu thét lên - Đã hai ngày nay nó chưa ăn. Mau lên, mau lên kéo trẻ mất.

Holmes và tôi lao ra ngoài và chạy vòng ngôi nhà. Toller chạy theo sau. Cái mồm đen ngòm của con vật đang cắn vào cổ họng của ông Rucastle. Tôi nhảy tới bắt vớ sọ con vật. Chúng tôi phải khó nhọc lắm mới gỡ người chủ nhà ra khỏi hàm răng của con chó và mang ông ta vào nhà, đặt lên trường kỷ. Toller giờ đã tỉnh rượu. Tôi bảo Toller thả vợ anh ta ra, và săn sóc cho ông Rucastle. Bỗng nhiên cánh cửa bật mở: một người đàn bà dữ tợn đi vào.

- Bà Toller! - Cô giáo la lên.

- Phải. Ông Rucastle đã thả tôi ra khi ông ấy vừa quay về nhà. Thật là đáng tiếc, thưa cô Hunter, cô đã mất thì giờ vô ích!

- Tôi thấy dường như bà Toller biết rõ câu chuyện hơn bất cứ ai ở đây - Holmes nói.

- Phải, tôi biết rõ và tôi sẵn sàng nói ra tất cả.

- Vậy, mời bà ngồi đây và nói đi. Còn vài điểm tôi chưa chắc lắm.

- “Có lẽ tôi đã kể cho các ông nghe sớm hơn nếu tôi không bị kẹt ở hàm rượu. Khi vụ này ra trước pháp luật xin các ông nhớ cho rằng tôi là người duy nhất đứng về phía các ông và tôi cũng là bạn của cô Alice.

Chưa bao giờ cô Alice được sung sướng ở trong căn nhà này. Nhất là từ khi cha cô tái giá. Người ta khinh rẻ cô, cô không có quyền có ý kiến. Nhưng mọi chuyện hồng cả khi cô gặp gỡ ông Fowler ở nhà bạn bè. Theo chỗ tôi biết, cô Alice có một phần tài sản thừa kế do mẹ cô để lại, nhưng cô giao quyền lợi của mình cho người cha. Người cha biết rằng ông ta không gặp khó khăn gì với cô con gái. Nhưng nếu cô lấy chồng và nếu người chồng đòi hỏi những quyền lợi hợp pháp của mình, thì ông bố sẽ sạt nghiệp. Vì vậy ông ấy ép cô gái ký một văn tự nhượng mọi quyền lợi cho cha, dù cô có lấy chồng hay không. Khi cô ấy từ chối, ông quát mắng một trận đến nỗi cô gái uất ức và ngã bệnh suýt chết. Rồi cô bình phục, từ đó cô như một cái bóng, và người ta đã cắt tóc cô. Nhưng tất cả những chuyện đó không làm thay đổi tình cảm của chàng trai”.

- Cảm ơn bà có lòng tốt cho biết nội vụ một cách rành mạch - Holmes nói - Tôi có thể suy ra phần sau của câu chuyện: Sau đó người cha quyết định giam cô gái vào một chỗ kín đáo, phải không?

- Thưa ông, đúng vậy.

- Và ông ta đưa cô Hunter từ London về đây để tìm cách tống khứ anh chàng cứng cổ Fowler phải không?

- Thưa ông, đúng vậy.

- Nhưng cái gã si tình tài giỏi ấy đã bao vây nhà này, anh ta có gặp bà, đã thuyết phục bà, dùng lời lẽ cảm động hoặc đe dọa, cuối cùng đã làm cho bà thấy được là quyền lợi của anh ta cũng có nghĩa là quyền lợi của bà.

- Ông Fowler là một người rất lễ độ, rộng lượng - Bà Toller thân nhiên xác nhận.

- Và anh ta sắp đặt để cho bà thực hiện: làm sao cho ông Toller luôn luôn say mềm, làm sao cho có được một cái thang vào lúc ông bà chủ vắng nhà, có phải không?

- Chính xác như vậy.

- Xin cảm ơn bà. Bà đã làm sáng tỏ mọi chuyện. Kìa bà Rucastle đã về, cùng với một ông y sĩ. Hãy để cho họ săn sóc ông Rucastle, còn chúng ta đưa cô Hunter trở lại London.

Vậy là câu chuyện bí ẩn về "Những cây dẻ đỏ" kết thúc. Ông Rucastle vẫn còn sống, nhưng ông ta chỉ còn là một cái bóng vật vờ, phải nương tựa vào bà vợ. Họ vẫn giữ những gia nhân cũ tại nhà. Ông Fowler và Alice đã lấy nhau và sang lập nghiệp ở đảo Mauritius. Cô Hunter thì điều khiển một trường tư thục ở Walsall và tôi tin rằng cô sẽ thành công.

Hết

Phần C: Memoirs of Sherlock Holmes 1894 (Hồi ức về Sherlock Holmes)

C.1 - Silver Blaze 1892 (Ngọn lửa bạc)

Holmes đi quanh quần trong phòng, cảm gục xuống ngực, cặp lông mày nhíu lại, hút thuốc liên miên. Người bán báo đưa đến đủ mọi tờ báo khác nhau, Holmes chỉ liếc qua, rồi ném chúng vào một xó. Anh đang suy tư về sự mất tích kỳ lạ của một con ngựa và cái chết của người huấn luyện nó.

- Anh Watson, chúng ta có vừa đủ thì giờ để kịp lên tàu ở Paddington, anh nhớ mang theo cặp ống nhòm.

Một giờ sau đó, tôi ngồi trong góc một toa tàu hạng nhất, còn Holmes thì miệt mài trong đồng hồ báo...

- Chúng ta đi mau đây - Anh nói khi nhìn ra ngoài khung cửa sổ và xem đồng hồ - Hiện tàu đang chạy với vận tốc 43,5 dặm một giờ.

- Tôi đâu có thấy cột cây số nào...

- Tôi cũng thế. Nhưng ở tuyến đường này, các cột dây thép trồng cách nhau 60 yard. Tính ra thật đơn giản. Hình như anh cũng rất quan tâm tới vụ ám sát John Straker và vụ mất tích của con “Ngọn lửa bạc”?

- Tôi có đọc báo.

- Thảm kịch này quá hoàn hảo, khiến chúng ta có nhiều ước đoán và giả thiết. Khó khăn là ở chỗ phải tách riêng những sự việc không chối cãi được ra khỏi những điều vờ vờ của các ký giả. Tối thứ ba, tôi nhận được hai điện tín: một của đại tá Ross, và một của thanh tra Gregory. Cả hai đều mời tôi cộng tác.

- Tối thứ ba à? Thế mà nay đã là sáng thứ năm. Tại sao anh không đi từ ngày hôm qua?

- Bởi vì, tôi không thể tưởng tượng nổi là con ngựa đua hay nhất nước Anh lại có thể được che giấu lâu, nhất là trong một vùng thưa thớt dân cư như miền Bắc Dartmoor. Ngày hôm qua tôi định ninh rằng sớm hay muộn gì người ta cũng tìm ra nó, và kẻ cướp ngựa là người đã giết ông Straker. Nhưng một đêm đã trôi qua và người ta chẳng làm được việc gì khác hơn là bắt giữ anh chàng Fitzroy Simpson. Giờ đây tôi mới chịu ra tay. Và chẳng ngày hôm qua cũng không phải là một ngày bị lãng phí.

- Anh đã xác lập được một giả thiết.

- Tôi nghĩ ra được một số sự việc chủ yếu. Tôi xin kể cho anh nghe: “Con Ngọn lửa bạc xuất thân từ dòng Somomy và nó giữ một kỷ lục trừ danh của tổ tiên nó. Chính nó đã nhặt nhanh cho đại tá Ross tất cả mọi giải thưởng của trường đua. Cho tới lúc xảy ra thảm họa, nó là con ngựa được coi là sẽ thắng giải Wessex Cup; thiên hạ đánh cá nó ba ăn một. Do đó, có nhiều người không muốn cho nó có mặt trong cuộc đua vào

thứ ba tới. Tất nhiên, người ta đã nghĩ tới “lò ngựa” King’s Pyland nơi đặt những chuồng ngựa của ông đại tá. Tất cả mọi biện pháp đề phòng đã được tổ chức chu đáo để bảo vệ nó. Huấn luyện viên John Straker là một tay nài ngựa của đại tá trong 5 năm, rồi sau đó trở thành nhà huấn luyện đã 7 năm nay. Dưới quyền anh ta có ba người trẻ tuổi: một cậu ngủ luôn trong chuồng để canh gác; hai cậu kia ngủ trong cái vựa. Cả ba đều được tiếng tốt. Straker đã lập gia đình, sống sung túc trong một biệt thự nhỏ, cách chuồng ngựa chừng 200 yard. Họ chưa có con, có một người hầu gái và sống khá sung túc. Quang đó khá vắng vẻ, cách khoảng nửa dặm về hướng bắc, có khu Tavistock gồm những biệt thự dành riêng cho những người đến an dưỡng. Cách Tavistock, từ phía bên kia khu đồng hoang, khoảng 2 dặm là trung tâm huấn luyện ngựa Mapleton của huấn tước Backwater, do ông Silas Brown quản lý. Ở mọi hướng khác đều hoàn toàn trống trải, chỉ có vài người du mục trú ngụ. Đó là toàn cảnh bao quát vào buổi tối thứ hai, khi tai họa xảy ra.

Tối hôm đó, các con ngựa đã tập luyện xong, được dẫn đi uống nước như thường lệ. Cũng theo thông lệ, các chuồng ngựa đều được đóng cửa, khóa lại vào lúc 9 giờ. Hai trong số các cậu coi chuồng lên nhà ông huấn luyện viên để ăn bữa tối, chỉ để lại cậu Ned Hunter ở lại trông coi. Sau đó vài phút, cô Edith Baxter, là người hầu gái, đem một đĩa cà ri thịt cừu xuống tận chuồng ngựa cho cậu trực gác, cô không mang thức uống, vì trong chuồng ngựa có một vòi nước. Theo quy định, cậu coi chuồng ngựa trực gác chỉ được uống nước lã mà thôi. Cô gái xách theo một ngọn đèn lồng, bởi vì con đường mòn lại băng qua một đoạn của cánh đồng hoang. Cô tới cách chuồng ngựa chừng 30 yard thì từ trong vùng bóng tối, một người đàn ông bước ra, kêu cô đứng lại. Đó là một người vào khoảng 30 tuổi, mặc bộ đồ may bằng vải tuyết màu xám và đội nón đỏ. Chân đi ghệt và tay cầm một cái roi ngựa, đầu có núm tròn, vẻ mặt nhợt nhạt.

- Cô vui lòng cho tôi biết đây là đâu? Tôi sắp quyết định ngủ lại trên bãi hoang thì chợt trông thấy ánh đèn của cô.

- Ông đang ở sát bên khu chuồng tập ngựa King’s Pyland.

- Thực vậy sao? A, thật may mắn biết bao! - Người lạ reo lên. - Tôi tin là đêm nào cũng có một cậu coi ngựa ngủ lại trong chuồng, cô đem bữa tối cho cậu ta đấy? Nghe này cô: cô sẽ không từ chối việc kiếm một số tiền kha khá để mua một cái áo mới, phải thế không? - Ông ta rút từ trong túi áo gi-lê một tờ giấy trắng gấp gọn và nói với cô gái: - Cô hãy trao tờ giấy này cho cậu coi ngựa rồi cô sẽ sắm được một cái áo đẹp.

Cô gái hoảng hồn, chạy ủa tới trước khung cửa sổ mà qua đó cô sẽ chuyển bữa ăn vào. Cửa sổ mở sẵn, Hunter ngồi ở phía bên trong, trước bàn. Cô đang thuật lại cuộc gặp gỡ bất ngờ thì người lạ lại chợt đến:

- Xin chào! - ông ta nói, khi nhìn qua khuôn cửa sổ - Tôi muốn nói với cậu đôi lời.

Trong lúc ông ta nói, cô gái để ý thấy mép của tờ giấy gấp ló ra ngoài những ngón tay.

- Ông tới đây làm gì? - Cậu giữ chuồng hỏi.

- Làm cho cái túi của cậu đầy ắp tiền - Người lạ trả lời - Nơi đây cậu có hai con ngựa tranh giải Wessex Cup: con Ngọn lửa bạc và con Bayard. Cậu hãy mách riêng cho tôi tuy-dô nào tốt, cậu sẽ không thiệt thòi đâu.

- À, té ra anh là một trong mấy tên do thám khốn kiếp, - cậu giữ ngựa kêu lên. - Tôi sẽ cho anh biết King’s Pyland này, chúng tôi đối xử ra sao với hạng người như anh.

Cậu ta đứng lên và hồi hải tới phía bên kia chuồng ngựa để thả chó ra. Cô hầu gái chạy ulla về nhà, nhưng trong lúc chạy, cô ta còn ngoái cổ lại, trông thấy người lạ nghiêng mình trên khung cửa sổ. Tuy nhiên, một phút sau đó, khi Hunter dẫn chó tới thì người lạ không còn ở đó nữa. Cậu giữ ngựa đi một vòng quanh khu chuồng: chẳng thấy bóng dáng người lạ đâu hết.

- Chờ một tí! Khi cậu giữ ngựa ra ngoài để thả chó, cậu ta có để cửa ngỏ hay không? - Tôi hỏi.

- Tuyệt đấy, Watson! - Holmes thì thầm - Chi tiết này rất quan trọng, vì vậy tôi đã gọi một bức điện khẩn tới Dartmoor và đã được xác minh rằng thằng nhỏ đã khoá cửa lại trước khi chạy tới bên con chó. Ngoài ra khuôn cửa sổ quá hẹp, một người không thể chui qua.

"Đợi các bạn mình quay về, Hunter đi báo cho nhà huấn luyện và thuật chuyện cho ông ta rõ. Báo cáo của Hunter làm cho Straker khó chịu. Bà Straker, thức giấc vào lúc một giờ sáng, bắt gặp chồng đang mặc quần áo. Ông bảo là mình không sao ngủ được và ông sắp xuống chuồng ngựa để kiểm tra xem tất cả đều có được bình yên không. Bà van xin ông đừng đi vì bà nghe tiếng những giọt mưa đập dữ dội vào cửa sổ. Nhưng ông ta vẫn khoác cái áo và rời khỏi nhà.

Bà Straker mở choàng mắt vào lúc 7 giờ sáng, chồng bà vẫn chưa về. Bà vội vã gọi cô hầu gái rồi chạy về phía chuồng ngựa. Cánh cửa mở rộng. Bên trong, co rúm trên một chiếc ghế dựa, Hunter chìm đắm trong trạng thái mê mẫn hoàn toàn. Ngăn chuồng ngựa trống rỗng. Người huấn luyện viên đã biến mất.

Hai cậu giữ ngựa ngủ trong cái vừa được nhanh chóng đánh thức dậy. Trong đêm, họ không nghe thấy gì: cả hai đều ngủ say. Hunter bị ảnh hưởng của một loại thuốc ngủ mạnh; người ta dành để cho cậu ta ngủ, hai cậu giữ ngựa cùng hai người đàn bà hồi hải đi tìm người vắng mặt.

Nhưng khi họ leo lên cái mô đất gần nhà, họ không thấy con ngựa mà thấy một đồ vật khiến họ kinh hoàng: Cách khu chuồng ngựa khoảng 400 yard, cái áo choàng đi mưa của Straker đang đu đưa trên một bụi cây kim tước. Ngay sát bên đầm lầy có một chỗ trũng: xác nhà huấn luyện xấu số nằm dưới đấy. Một hung khí đã đập vỡ đầu ông ta, ngoài ra ông còn bị thương nơi đùi: vết thương dài và rõ nét, chứng tỏ nó đã bị một dụng cụ rất sắc bén gây ra. Tuy nhiên Straker đã chống trả kịch liệt, bởi vì tay phải của ông có nắm một con dao nhỏ, vết máu đông tới tận cán dao, bàn tay trái xiết chặt một chiếc cravat bằng lụa màu đỏ và đen, mà cô hầu gái nhận ra đó là cravat của người lạ, buổi tối hôm trước. Khi tỉnh lại, Hunter cũng chứng thực về người chủ của chiếc cravat. Cậu tin là người bí mật đó đã bỏ thuốc mê vào thức ăn trong lúc y nhào người trên thành khung cửa sổ và như vậy là hắn đã loại bỏ người canh giữ con ngựa ra khỏi cuộc khiến.

Thế còn con ngựa? Trong đất bùn ở chỗ trũng có nhiều dấu vết chứng tỏ con ngựa đã dự vào cuộc vật lộn của người huấn luyện nó với kẻ sát nhân. Tuy số tiền thưởng lớn đã được nêu ra, nhưng tất cả dân cư sống trong vùng Dartmoor đều không tìm thấy nó. Sau cùng, một cuộc phân tích đã cho thấy là chỗ thức ăn thừa của cậu giữ ngựa có chứa một lượng bột thuốc phiện trong lúc những người ở ngôi biệt thự cũng ăn món đó thì không bị gì cả. Đó là những dữ kiện chính của vụ án. Giờ đây là các việc mà cảnh sát đã làm.

Viên thanh tra Gregory được giao phó cho mở cuộc điều tra. Ngay khi vừa tới nơi, ông mau chóng tìm thấy và bắt giữ một người mang cà vạt đỏ và đen: Simpson. Xuất thân là con nhà gia thế, có học thức, nhưng gã đã làm tiêu tan gia sản nơi các trường đua ngựa, và sống nhờ nghề cầm cái cá độ về đua ngựa trong các câu lạc bộ thể thao tại London. Khi quan sát cuốn sổ ghi cá độ của anh ta, người ta phát hiện anh ta đã ghi những món tiền đánh cá mà tổng số lên tới 5.000 bảng đối với con ngựa Ngọn lửa bạc. Khi bị bắt, anh ta khai là anh xuống Dartmoor với hy vọng thu lượm được vài tin tức về những con ngựa ở King's Pyland cũng như về con Desborough, con ngựa được ưa chuộng thứ hai do Silas chăm sóc trong khu luyện ngựa ở Mapleton. Anh ta chẳng chối là anh ta đã hành động như tôi vừa kể với anh nhưng lại khẳng định là anh ta không có một ý đồ xấu xa nào. Quần áo bị ướt cho thấy là anh ta bị mắc mưa suốt đêm hôm trước. Về phần cái roi ngựa, có gắn một cục chì thì đó đúng là thứ khí giới, có thể gây ra những vết thương khủng khiếp khiến cho nhà huấn luyện gục chết. Ở một mặt khác, anh ta lại hoàn toàn không hề hấn gì. Thế nhưng số máu dính trên con dao của Straker lại chứng tỏ rằng chính kẻ tấn công đã bị một vài nhát đâm”.

- Có thể là vết thương trên người Straker là do con dao của chính ông ta gây ra vào một trong những cơn co giật xảy ra sau khi sọ não bị thương tổn chẳng?

- Có thể là như vậy - Holmes trả lời - Trong trường hợp đó thì một trong những điểm chính để gỡ tội cho bị cáo sẽ không còn có giá trị.

- Cho đến lúc này, tôi vẫn chưa thấy được lập luận của cảnh sát.

- Bất cứ lý luận nào rồi cũng có những lý lẽ khác bác bỏ lại. Rất có thể, cảnh sát hình dung rằng sau khi đã đánh thuốc mê chú giữ ngựa, và dùng chìa khoá giả mở cửa, Simpson đã bắt cóc con ngựa. Trong lúc đang đi ngang qua cánh đồng thì bị người huấn luyện đuổi kịp. Một cuộc ẩu đả xảy ra. Simpson dùng roi ngựa đập bẻ đầu người huấn luyện mà hấn thì không bị thương tích gì. Sau đó hấn giấu con ngựa vào một chỗ bí mật.”

Bóng đêm buông xuống khi chúng tôi tới thị trấn Tavistock. Ở nhà ga có hai người ra đón chúng tôi: đại tá Ross và thanh tra Gregory.

- Tôi vui mừng vì ông đã tới đây, thưa ông Holmes! - Viên đại tá lên tiếng - ông thanh tra đã không sao lãng một việc gì nhưng tôi sẵn lòng trả thù cho Straker và tìm cho ra con ngựa.

- Có điều gì mới lạ không? - Holmes hỏi.

- Chúng tôi không đạt được nhiều tiến bộ - Viên thanh tra đáp - Có một cỗ xe đợi bên ngoài. Chúng ta sẽ nói chuyện trên đường đi.

Một phút sau, chúng tôi đều ngồi cả trong một cỗ xe đủ tiện nghi. Thanh tra nói thao thao bất tuyệt. Đại tá Ross thì ngả người về phía sau với cái mũ bẻ cúp xuống che lấy mắt. Còn tôi, tôi chú ý lắng nghe cuộc đối thoại giữa hai thám tử. Gregory trình bày lý luận của ông; nó gần giống như lý luận mà Holmes đã nói với tôi trên xe lửa.

- Lưới được bủa vây rất chặt chung quanh Simpson - ông giải thích với chúng tôi - Và tôi tin anh ta là thủ phạm.

- Thế còn con dao của Straker?

- Ông ta đã tự mình gây ra thương tích khi bị té xuống.

- Bác sĩ Watson cũng ngã theo giả thiết đó. Và nếu giả thiết đó là đúng thì anh chàng Simpson này... lâm vào vòng nguy hiểm.

- Hiển nhiên rồi. Hắn không có dao mà cũng không có vết thương nào. Có quá nhiều điều chống lại hắn ta. Hắn ta sẽ có nhiều tiền nếu con ngựa kia biến mất, bị nghi là đã đầu độc người gác chuồng ngựa, không có chứng cứ gì về việc hắn ta bị mưa, hắn trang bị một roi ngựa thật nặng, cái cravat của hắn ta lại nằm trong tay nạn nhân.

Holmes lắc đầu:

- Một luật sư giỏi sẽ bề bầy lập luận của ông: tại sao bị can lại đưa con ngựa ra ngoài? Nếu như muốn làm hại con ngựa y có thể làm ngay trong chuồng? Có ai thấy cái chìa khoá giả trong người y không? Và nhất là y, người xử lý làm sao giấu được một con ngựa nổi tiếng như con Ngọn lửa bạc? Mảnh giấy mà y nhờ cô gái chuyển lại cho cậu giữ ngựa có ý nghĩa gì?

- Chắc đó chỉ là một tấm giấy mười bảng. Chúng tôi đã tìm thấy một tờ trong bóp của y. Những lý lẽ phản bác khác của ông cũng không phải là không bị vượt qua: Trong mùa hè này, anh ta đã tới Tavistock hai lần. Thuốc phiện được mua ở London. Về cái chìa khoá giả, y vứt bỏ sau khi dùng xong. Còn con ngựa, ta sẽ tìm thấy nó dưới đáy một trong những giếng mỏ cổ xưa nằm rải rác trên cánh đồng hoang.

- Thế còn cái cravat?

- Y nhìn nhận là của y, nhưng cả quyết là y đã đánh mất. Tuy nhiên giờ này chúng ta có thể xác nhận rằng chính Simpson đã dẫn con ngựa ra khỏi chuồng...

Holmes giống tai nghe. Viên thanh tra nói tiếp:

- Chúng tôi đã tìm thấy những dấu vết của một toán du mục. Trong đêm thứ hai, họ đã hạ trại cách chỗ xảy ra tội ác gần một dặm. Ngày thứ ba, toán du mục biến mất. Khi thấy bị theo đuổi quá gấp, Simpson chẳng đã dẫn con ngựa đến cho những người du mục hay sao? Vậy là con ngựa đang ở trong tay những người dân du mục.

- Đó cũng chỉ là một giả thiết.

- Hiện nay, chúng tôi lục soát kỹ vùng đồng hoang để tìm họ. Tôi cũng xem xét mọi chuồng ngựa và tất cả các nhà phụ ở Tavistock, cũng như mọi phần đất nằm trong một bán kính 10 dặm.

- Tôi nghĩ là có một chuồng tập ngựa khác ở ngay kế cận, có phải thế chẳng?

- Quả vậy ngựa của chuồng đó xếp hạng thứ hai, họ cũng quan tâm tới con Ngọn lửa bạc. Silas đã đánh cá lớn về cuộc đua và ông ta cũng chẳng thân thiện gì với ông Straker. Chúng tôi đã khám xét kỹ mọi chuồng ngựa ở đó nhưng không phát hiện thấy gì.

- Và cũng không tìm thấy được mối liên hệ giữa Simpson với chuồng ngựa ở Mapleton sao?

- Hoàn toàn không.

Holmes ngồi thu mình vào trong xe và cuộc nói chuyện dừng lại. Một lát sau, người xà ích ghim cương trước một biệt thự xinh xắn xây bằng gạch đỏ có những mái nghiêng chìa ra. Cách đó một khoảng có một khu đất rào kín để nhốt ngựa trải dài một dãy nhà phụ, mái lợp ngói xám. Chúng tôi nhảy ra khỏi xe, riêng Holmes vẫn ngồi dựa vào thành ghế xe, chăm chú nhìn lên bầu trời, đắm chìm trong những suy tưởng. Tôi phải đứng nhẹ vào cánh tay, anh mới giật mình và xuống xe.

- Xin ngài thứ lỗi cho - Anh nói với đại tá Ross - Tôi đang mơ trong lúc thức.

Trong tia nhìn của anh có một ánh sáng và trong thái độ của anh có một sự kích động được kìm nén; tôi hiểu rằng anh đã nắm được một cái gì đó. Thanh tra hỏi:

- Thưa ông Holmes, ông thích đến hiện trường ngay tức khắc!

- Tôi muốn được ở lại đây trong ít lâu. Dường như Straker đã được đưa về đây.
- Vâng, anh ta nằm trên kia. Ngày mai sẽ mở cuộc điều tra tư pháp.
- Anh ta đã giúp việc ông trong nhiều năm phải không, thừa đại tá.
- Anh ta không chèn vào đâu được.
- Thừa ông thanh tra, ông đã lập bản liệt kê những món đồ có trong túi nạn nhân?
- Tất cả đều có trong phòng khách. Ông muốn xem?
- Tôi sẽ rất hài lòng.

Chúng tôi nối gót nhau đi vào đó và ngồi chung quanh một cái bàn ở giữa phòng. Viên thanh tra mở một cái hộp vuông bằng sắt tây và trút hết ra trước mặt chúng tôi: những cây diêm, đèn dầu, một tiểu thuốc hiệu A.D.P làm bằng rễ cây thạch thảo, một túi đựng thuốc làm bằng da hải cẩu trong đựng nửa ounce thuốc lá Cavendish sợi dài, một đồng hồ quả quýt với sợi dây bằng vàng, 5 đồng sovereign, một cây bút chì, vài tờ giấy, và một con dao cán ngà có cái lưỡi rất cứng và rất mảnh, trên có khắc dòng chữ "Weiss and Co., London".

- Đây là một con dao đặc biệt. - Holmes nhận xét khi giơ nó lên và quan sát nó một cách tỉ mỉ - Bởi vì trên dao có những vết máu, và là con dao được tìm thấy trong bàn tay người chết. Anh Watson, con dao này thuộc phạm vi nghề nghiệp của anh đây.

- Đúng. Dao dùng để mổ mắt.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. Một lưỡi dao rất mảnh. Có thể đây là một vũ khí lạ lùng được mang theo trong một cuộc thám hiểm nguy hiểm. Càng kỳ lạ hơn nữa khi thấy con dao này không gấp lại được, để nhét vào túi.

- Mũi dao được bọc trong một khoanh lie nhỏ mà chúng tôi tìm thấy bên cạnh xác chết - Viên thanh tra nói - Bà vợ anh ta nói rằng con dao này đã được để vài ngày trên bàn trang điểm và chồng bà đã mang theo khi rời khỏi phòng ngủ. Đúng là một món vũ khí tồi, nhưng lại là món khá nhất mà anh ta nhìn thấy vào lúc đó.

- Rất có thể. Thế còn những giấy tờ này?

- Ba hoá đơn thanh toán cho nhà bán cỏ khô. Một lá thư của đại tá Ross gửi những chỉ thị cho anh ta. Tờ này là hoá đơn của một tiệm may, trị giá 37 bảng, được lập bởi bà Lesurier ở phố Bon, gửi ông William Derbyshire, bà Straker cho biết ông Derbyshire là bạn của chồng bà. Thỉnh thoảng, thư của ông ấy vẫn được gửi đến đây.

- Bà Derbyshire có những sở thích khá tốn kém đây - Holmes nhận xét - 22 đồng guinea, quả có khá đắt đối với một bộ quần áo nữ. Tuy nhiên, dường như cũng chẳng còn gì hơn để mà xem xét nữa. Vậy chúng ta tới hiện trường thôi.

Khi chúng tôi đi ra khỏi phòng khách, một thiếu phụ đứng chờ sẵn ngoài hành lang tiến lên, giật cổ tay áo viên thanh tra. Bà ta có vẻ mặt nhón nhác, hằn rõ dấu ấn của một ấn tượng kinh hoàng.

- Ông đã tìm ra chúng chưa? - Bà ta hỏn hỏn nói.

- Chưa, thưa bà. Nhưng ông Holmes từ London đã đến để giúp chúng tôi.

- Thừa bà, cách đây không lâu tôi có gặp bà tại Plymouth, trong một bữa tiệc ở ngoài vườn.

- Thừa ông, ông làm rồi.

- Thế mà tôi lại dám thề độc kia đấy? Bữa đó bà mặc một bộ đồ may bằng lụa có màu óng ánh với những đồ trang sức bằng lông đà điểu...

- Tôi chưa bao giờ có bộ đồ như vậy.

- Thế thì, chúng ta không nói chuyện đó nữa.

Sau vài lời xin lỗi, Holmes đi theo viên thanh tra ra ngoài. Một đoạn đi ngắn bằng qua đồng hoang dẫn chúng tôi tới một chỗ trũng. Trên bờ có một bụi cây kim tước là nơi cái áo đi mưa đã được vắt lên.

- Đêm hôm đó trời không có gió? - Holmes hỏi.

- Phải, không có gió nhưng mưa lớn.

- Như vậy, cái áo này không phải bị gió thổi tấp vào bụi cây, mà là được đặt lên đây.

- Đúng, áo được vắt ngang.

- Đây này, nền đất đã bị bàn chân dẫm lên. Dường như có rất nhiều bàn chân đi qua đi lại ở nơi đây kể từ đêm thứ hai?

Tại đó có một manh chiếu rơm đã được đặt bên cạnh và mọi người trong chúng tôi đều đứng trên chiếu đó.

- Trong bao này, có một đôi ủng mà Straker đã đi một chiếc giày của Simpson và một móng ngựa cũ, bằng sắt.

- Ông thanh tra, ông đã rất xuất sắc.

Holmes đón lấy cái bao, tụt xuống chỗ lõm dưới cái trũng và đẩy manh chiếu rơm vào chính giữa, đoạn nằm dài ra trên chiếu, nằm sấp bụng úp xuống, cầm chống trên hai bàn tay, anh quan sát kỹ đám bùn bị dẫm nát trước mặt.

- Ô này! - Bất chợt anh kêu lên - Cái gì thế này nhỉ?

Đó là một que diêm đã cháy hết một nửa và đã bị vấy bùn.

- Tôi chẳng hiểu tại sao tôi lại không nhìn thấy nó - Viên thanh tra nói, giọng giận hờn.

- Nó lẫn trong bùn. Tôi nhìn thấy nó vì tôi đi tìm nó.

- Sao? Ông đi tìm nó à?

- Phải.

Holmes lấy những chiếc giày trong bao ra và đem gót giày so với những dấu vết in trên nền đất. Đoạn anh leo lên bờ, rồi bò qua những cây dương xỉ và những bụi cây.

- Không còn dấu vết nào đâu - Viên thanh tra nói - Tôi đã quan sát rất kỹ khoảng đất này trên bán kính 100 dặm.

- Thật thế ư? - Holmes kêu lên khi đứng dậy - Như vậy tôi đâu dám hỗn xược làm lại việc đó. Nhưng tôi mong muốn được đi dạo chơi trên cánh đồng trước khi trời tối hẳn. Ngõ hầu ngày mai còn nhận biết được thực địa. Nếu ông thấy không có gì trở ngại, tôi mạn phép bỏ cái móng ngựa cũ này vào túi để cầu may.

Hơi mất kiên nhẫn trước cái phương pháp ung dung của Holmes, đại tá Ross xem đồng hồ một cách không cần che giấu, rồi nói với ông thanh tra.

- Tôi mong là ông sẽ trở về cùng với tôi. Có một số việc tôi muốn hỏi ý kiến ông, chúng ta có nên công khai rút tên con Ngọn lửa bạc ra khỏi cuộc tranh giải hay không?

- Chắc chắn là không nên - Holmes kêu lên - Nó sẽ có mặt.

Viên đại tá nghiêng mình nói:

- Tôi rất sung sướng được có ý kiến của ông. Ông sẽ gặp lại chúng tôi tại nhà anh Straker, sau khi ông đi dạo xong. Sau đó, chúng ta cùng trở về Tavistock. Đại tá cùng viên thanh tra quay lưng trở lại trong lúc Holmes và tôi đi sâu vào trong cánh rừng hoang.

- Anh Watson, lúc này chúng ta hãy để vấn đề ai đã giết Straker qua một bên mà chỉ để ý tới con ngựa thôi. Cứ cho là con ngựa đã bỏ trốn trong hoặc sau lúc xảy ra thảm trạng. Vậy thì nó sẽ đi đâu? Ngựa là loài sống thành đàn. Khi bị bỏ rơi một mình, bản

năng của nó sẽ đưa nó hoặc trở về King's Pyland hoặc tới Mapleton ở phía bên kia. Nó không thể chơi trò “ngựa hoang trên cánh đồng hoang”. Và chẳng, thế nào mà lại không có người trông thấy nó, mà tại sao dân du mục lại bắt cóc nó? Những người đó luôn luôn lánh xa những nơi có chuyện chẳng lành. Họ chẳng thể nào hy vọng bán được một con ngựa như thế. Vậy thì bắt con ngựa là chuốc lấy mỗi nguy hiểm, chứ chẳng được lợi lộc gì!

- Vậy con ngựa ở đâu?

- Nó phải ở hoặc tại King's Pyland hoặc tại Mapleton. Hiện giờ nó không ở tại King's Pyland, vậy nó phải ở tại Mapleton. Chúng ta cứ theo giả thiết đó mà tiến hành và chờ xem nó dẫn chúng ta đến đâu. Phần này của cánh đồng, đất rất cứng và khô. Nhưng nó đổ dốc xuống về phía Mapleton. Từ đây, chúng ta có thể phân biệt một vết lõm xuống của nền đất: trong đêm thứ hai sang ngày thứ ba, chỗ lõm xuống đó ắt hẳn phải khá nhão, và con ngựa hẳn đã phải băng qua phần cánh đồng này.

Trong lúc nói chuyện, chúng ta đã bước đi mau, chỉ vài phút sau đã tới chỗ đất lõm xuống. Tôi đi xuống mé bên phải và Holmes xuống mé bên trái. Nhưng tôi chưa đi được năm chục bước thì đã nghe tiếng anh reo lên và vẫy tay gọi tôi tới. Trên nền đất mềm trước mặt anh, có những dấu chân ngựa y như cái móng sắt mà anh đang cầm trong tay.

- Anh đã thấy giá trị của óc tưởng tượng chưa? - Holmes bảo tôi - Đó là cái mà Gregory thiếu. Chúng ta đã tưởng tượng ra điều có thể xảy tới, rồi hành động theo giả thiết đó. Thế là chúng ta được chứng thực là đúng. Nào, tiến lên.

Chúng tôi vượt qua cái đáy sinh lầy của chỗ trũng và đi trong khoảng 400 yard trên mặt đất khô và rắn. Lần nữa, đất lại dốc và chúng tôi lại bắt gặp những dấu chân ngựa. Rồi chúng tôi lại mất hút những dấu vết đó trong khoảng gần nửa dặm. Lúc sắp tới Mapleton, bên cạnh dấu chân ngựa có cả dấu chân người.

- Cho tới đây, con ngựa chỉ đi có một mình - Tôi kêu lên.

- Rất đúng, trước đó thì nó chỉ có một mình. Này, cái này là cái gì đây nhỉ?

Dấu chân người và ngựa bất thành linh quay ngược trở lại và đi trở về hướng King's Pyland. Cả hai chúng tôi cùng đi theo hướng đó. Holmes dõi mắt theo các vết nhưng hơi nhìn lệch sang bên. Tôi sững sờ thấy những dấu vết đó lại hiện ra nhưng ở trong hướng ngược lại, nghĩa là lại trở về Mapleton thêm một lần nữa.

- Một điểm tốt cho anh đó, Watson! - Holmes nói - Chúng ta hãy theo dấu chân quay trở lại đi.

Chúng tôi không phải đi xa. Các dấu vết chấm dứt trên con đường rải nhựa dẫn tới hàng rào các chuồng ngựa Mapleton. Khi chúng tôi tới gần, một người nhảy ra.

- Ở đây chúng tôi không muốn thấy những kẻ lạ lảng vảng - Anh ta bảo chúng tôi.

- Chỉ xin hỏi một câu thôi - Holmes nói - Liệu có thể gặp ông Silas vào lúc năm giờ ngày mai không?

- Xin lỗi, thưa ông, ông chủ tôi luôn luôn thức dậy sớm nhất. Nhưng ủa, ông ấy đây này: ông ấy sẽ đích thân trả lời ông. Không, thưa ông không! Tôi sẽ bị mất việc nếu ông thấy tôi nhận tiền. Sau này, nếu như ông muốn cho...

Sherlock Holmes nhét lại tiền vào túi mình. Một người trung niên xuất hiện, bộ mặt kém thân thiện, cây roi mềm cầm lăm lăm trong tay.

- Có chuyện gì vậy, Dawson? - ông ta kêu lên - Không được bép xép đấy nhé. Hãy đi làm việc đi! Còn hai ông... Các ông tới đây làm cái quái gì?

- Chúng tôi xin hầu chuyện ông mười phút, thưa ông chủ! - Holmes trả lời với giọng ngọt ngào.

- Tôi làm gì có thì giờ để nói chuyện với bất cứ gã lêu lổng nào? Hãy xéo đi? Nếu không, tôi thả chó ra đấy...

Holmes cúi nghiêng mình về phía trước và thì thầm vài lời bên tai nhà huấn luyện ngựa. Hắn đỏ mặt tía tai.

- Nói láo - Hắn kêu lên - Một lời nói láo quý quyết.

- Được lắm? Chúng ta sẽ bàn luận công khai ngay đây hay ở trong phòng khách?

-Ồ! Xin mời vào.

Holmes cười:

- Anh Watson, sẽ không quá mấy phút đâu. Bây giờ, thưa ông Silas tôi xin đặt mình dưới quyền sai khiến của ông.

Mấy phút đồng hồ của Holmes lại kéo dài thành hai chục phút. Bầu trời màu tím đã chuyển thành xám khi Holmes và Silas hiện ra. Bây giờ gương mặt của Silas biến thành màu tro, trán ướt đầm mồ hôi và hai bàn tay run rẩy, cây gậy đi săn đứng đưa như một cành cây lắt lay trước gió. Thái độ anh hùng rơm đã tan biến, ông ta khúm núm theo sau Holmes như một con chó đi theo chủ.

- Những mệnh lệnh của ông sẽ được thi hành - ông ta nói.

- Không được sai lầm? - Holmes nhấn mạnh, khi quay lại nhìn ông ta.

Người nọ rung mình trước sự đe dọa ẩn chứa trong tia nhìn đó.

- Vâng. Sẽ không có sự sai lầm nào cả! Nó sẽ có mặt đúng giờ. Tôi có phải thay hình đổi dạng cho nó hay không?

Holmes suy nghĩ trong giây lát, rồi phá lên cười:

- Không, cứ để yên như thế! Tôi sẽ viết cho ông về việc này. Giờ đây nhất định không có những trò chơi khăm nữa. Nếu không...

- Ông có thể tin cậy nơi tôi!

- Ông sẵn sóc nó cho tới ngày giao ước, như thể nó là của ông vậy.

- Ông có thể hoàn toàn tin cậy nơi tôi mà!

- Phải, tôi tin nơi ông. Ngày mai ông sẽ nhận được tin tôi.

Anh quay gót, không thèm đếm xỉa gì đến bàn tay run rẩy mà người nọ chìa ra. Chúng tôi quay trở về King's Pyland.

- Lão Silas này vừa độc ác, vừa đê tiện lại vừa hèn nhát - Holmes vừa bước đi vừa nhận xét.

- Hắn đang giữ con ngựa?

- Hắn tìm cách trả lời bằng những câu huênh hoang, nhưng tôi đã miêu tả chính xác những gì hắn đã làm trong buổi sáng hôm đó. Hắn tin chắc là tôi đã theo dõi hắn.

Watson, anh có lưu ý đến những cái đầu vuông vức một cách kỳ lạ trong các dấu chân không? Giày ủng của hắn phù hợp với dấu vết đó, tôi kể cho hắn nghe: ông là người thức dậy sớm nhất, khi nhìn thấy một con ngựa lạ đang lang thang trên cánh đồng hoang, ông liền tới gần để xem sao. Con ngựa có "cái trán trắng" nên mới được gọi là "Ngọn lửa bạc". Ông thấy cơ may đã tới với mình, nên đã bắt giữ nó. Nếu làm được vậy thì con ngựa của ông sẽ về nhất. Tôi gọi cho hắn nhớ lại vì sao hành động đầu tiên của hắn là dẫn con ngựa đi trở về King's Pyland, rồi tại sao hắn lại định đem giấu con ngựa cho tới khi cuộc đua kết thúc; tôi cũng cho hắn biết hắn đưa con ngựa về đi giấu

ở Mapleton như thế nào. Tới lúc đó, hắn chỉ còn có một ý tưởng: làm sao được yên thân.

- Nhưng các chuồng ở đây đều đã được khám kỹ rồi kia mà?

- Ô, hắn là một tay hoá trang ngựa tài ba!

- Anh không lo ngại gì khi để con ngựa ở lại đây?

- Hắn sẽ chăm sóc con ngựa như chăm sóc thân thể hắn! Hắn biết là muốn được tha tội thì phải đưa con ngựa ra trong thể trạng tốt.

- Chưa chắc đại tá Ross chịu tha cho hắn.

- Đại tá Ross không phải là người giải quyết vấn đề. Tôi theo những phương pháp của riêng tôi. Ông đại tá kém hào hiệp đối với tôi. Nên giờ đây tôi muốn đùa trêu ông ta chơi. Anh có nói gì về con ngựa đấy nhé?

- Nói để làm gì! Vả chăng, điều này có tầm quan trọng đối với việc tìm ra người đã giết Straker.

- Không đâu. Chúng ta cùng trở về London bằng chuyến tàu đêm.

Tôi sửng sốt trước câu trả lời đó. Chúng tôi chỉ mới tới Devonshire có mấy tiếng đồng hồ, vậy mà anh ta lại bỏ ngang cuộc điều tra. Thật không tài nào hiểu nổi! Tôi không tài nào moi thêm được anh một lời nào cho tới khi về đến nhà người huấn luyện ngựa. Ông đại tá và viên thanh tra chờ chúng tôi trong phòng khách.

- Chúng tôi sẽ trở về thủ đô bằng chuyến tàu tốc hành nửa đêm. Chúng tôi đã được hít thở bầu không khí quynh rũ của Dartmoor - Holmes nói.

Viên thanh tra giương rộng đôi mắt. Ông đại tá nở một nụ cười hiểm độc:

- Như vậy là ông đã bỏ cuộc?

Holmes nhún vai:

- Dĩ nhiên là có những chướng ngại nghiêm trọng? Tuy nhiên, con ngựa của Ngài sẽ có mặt vào lúc xuất phát cuộc đua, Ngài nên chuẩn bị người nài cưỡi con ngựa đó. Tôi có thể xin một bức ảnh của ông Straker được không?

Viên thanh tra móc túi lấy ra một tấm hình đựng trong một bao thư và đưa cho Holmes.

- Ông thanh tra, ông đoán trước được mọi ý muốn của tôi. Liệu ông có chờ tôi tại đây trong chốc lát chăng? Tôi muốn gặp cô hầu gái.

Bất thành linh đại tá Ross lên tiếng ngay sau khi Holmes bước ra khỏi phòng khách:

- Tôi thất vọng về ông Holmes. Từ khi ông ta đến đây, ta chẳng có một tiến bộ nào.

- Con ngựa của ông sẽ dự cuộc đua - Tôi nói.

- Phải, tôi đã được lời cam đoan của ông ta - Đại tá nhún vai - Có điều, tôi mong muốn nắm được con ngựa trong tay hơn là lời hứa.

Tôi định bênh vực cho Holmes thì anh ấy trở vào.

- Giờ đây, thưa quý ông, sau khi về tới London, tôi sẵn sàng trở lại Tavistock lần nữa.

Trong lúc chúng tôi leo lên xe, một trong những người hầu chuồng ngựa giữ cho cửa xe mở rộng. Một tư tưởng như bất chợt đến với Holmes, bởi vì anh cúi nghiêng người về phía trước và đụng vào ống tay áo người hầu. Anh nói:

- Ai săn sóc những con cừu trong vòng rào.

- Tôi, thưa ông.

- Anh có thấy điều gì khác lạ vừa xảy ra cho chúng trong thời gian gần đây không?

- Quả vậy, ba con trong đàn bị đi khắp khiêng.

Holmes khẽ cười và xoa hai bàn tay vào nhau.

- Một cú chơi đẹp thật! - Anh nói khi bấm vào cánh tay tôi, rồi nói với ông thanh tra - ông bạn nên lưu ý tới cái hiện tượng đặc biệt đó trong đàn cừu. Nào chúng ta đi thôi, chú xà ích!

Đại tá Ross tiếp tục phô ra một dáng điệu bày tỏ sự không tin tưởng nhưng về mặt viên thanh tra biểu hiện một sự chăm chú. Ông ta hỏi Holmes:

- Ông cho đó là điều quan trọng sao?
- Cực kỳ quan trọng đấy!
- Còn điểm nào khác mà ông muốn lưu ý tôi nữa không?
- Con chó trong đêm đó.
- Con chó ư? Đâu có chuyện gì xảy ra với nó trong đêm đó.
- Như vậy mới là kỳ lạ. Sự kỳ lạ ẩn chứa ở ngay trong chỗ đó - Sherlock Holmes nhận xét.

Bốn ngày sau đó, Holmes và tôi lại đáp chuyến tàu đi Winchester để dự khán cuộc đua ngựa tranh giải Wessex Cup. Ông đại tá gặp chúng tôi bên ngoài nhà ga và đưa chúng tôi đến trường đua bằng xe tứ mã của ông. Mặt ông nghiêm trang và thái độ cực kỳ lạnh nhạt.

Ông nói:

- Tôi không thấy con ngựa của tôi đâu cả.
- Ông sẽ nhận ra nó khi ông trông thấy nó chứ? - Holmes hỏi.

Ông đại tá tỏ vẻ rất bất mãn. Ông nói:

- Tôi lui tới trường đua từ 20 năm nay, và chưa có ai hỏi tôi một câu như thế. Ngay một đứa bé cũng nhận ra con Ngọn lửa bạc với cái trán trắng và cái chân trước có lông đốm của nó.

- Việc đánh cá hiện nay ra sao?

- Ngày hôm qua, ông có thể đánh 15 ăn 1, nhưng khoảng cách cứ giảm dần, giờ đây thì chỉ còn 3 ăn 1.

- Hừm! Có ai đó đã tóm được tuy-dô, chắc chắn như thế - Holmes nói.

Khi xe tứ mã ngưng lại gần khán đài chính, tôi nhìn lên tấm bảng để xem tên những con ngựa tranh giải Wessex Cup:

“Cho ngựa bốn và năm tuổi

Giải nhất: 1.000 souverain

Giải nhì: 300 bảng

Giải ba: 200 bảng

Đường đua: 1,6 dặm.

1. Da đen (của ông Heath Newton), nài áo màu quế, mũ đỏ.
2. Võ sĩ (của đại tá Wardlaw), nài áo sọc xanh đen, mũ hồng.
3. Desborough (của huân tước Backwater), nài áo tay vàng, mũ vàng.
4. Ngọn lửa bạc (của đại tá Ross), nài áo đỏ, mũ đen.
5. Iris (của công tước xứ Balmoral), nài mũ, áo sọc vàng đen.
6. Rasper (của huân tước Singleford), nài áo tay đen, mũ tía.”

- Chúng tôi đã rút con kia ra và đặt tất cả hy vọng vào lời nói của ông - Viên đại tá nói - Là chưa! Thế nghĩa là gì? Ngọn lửa bạc được coi là chắc sẽ thắng sao?

- Ngọn lửa bạc được cá 5 ăn 4 - Các nhà cái cá ngựa găm lên - 5 ăn 4 cho Ngọn lửa bạc đây. Desborough cá 15 ăn 5 đây.

- Đủ sáu con à? - Viên đại tá kêu lên, rất giận dữ - Nhưng nó đâu? Cờ của tôi chưa được điều hành mà.

- Chỉ mới có năm con đi điều hành. Đây này, đây hẳn là nó rồi!

Vào lúc tôi nói, một con ngựa hồng lực lưỡng phóng ra khỏi khu sân này, chạy nước kiệu ngay bên cạnh chúng tôi: nó mang trên yên màu cờ xanh và đỏ rất quen thuộc của ông đại tá.

- Đâu phải ngựa của tôi. Con vật này không có lấy một sợi lông trắng trên mình. Ông làm cái trò gì vậy ông Holmes?

- Bình tĩnh! Bình tĩnh xem nó chạy ra sao cái đã! - Holmes thì thầm, điềm tĩnh.

Anh theo dõi qua ống nhòm, bắt chợt reo lên:

- Ngay hàng đầu? Tuyệt diệu. Chúng đang ghé vào chỗ ngoặt.

Sáu con ngựa chạy sát bên nhau. Tới quãng giữa dải đường đua vòng, con ngựa chuồng Mapleton vượt lên dẫn đầu. Nhưng trước khi chúng ngang chỗ chúng tôi thì con Desborough đã hết sức và con ngựa của ông đại tá vượt qua cây cọc tới sáu thân trước đối thủ của nó là con Iris của công tước xứ Balmoral.

- Dầu sao thì tôi cũng đã thắng - Đại tá hớn hớn đưa một bàn tay lên vuốt trán - Xin thú thật là tôi chẳng hiểu gì cả. Ông còn giữ bí mật đến bao lâu nữa thưa ông Holmes?

- Rồi ông sẽ biết tất cả. Lại đây, chúng ta cùng quan sát con ngựa này... Nó đây này

- Anh nói khi chúng tôi vào trong khu dành riêng cho chủ ngựa cùng bằng hữu của họ - Ông lấy cớ mà rửa đầu ngựa và chân nó thì ông sẽ nhận thấy nó chính là Ngọn lửa bạc.

- Ông làm tôi suýt đứng tim...

- Tôi thấy nó trong tay một kẻ gian xảo và tôi tự tiện cho nó đua dưới lớp giả trang này.

- Ông đã làm được một điều kỳ diệu! Con ngựa tỏ ra hoàn toàn ở thể trạng tốt. Nó chưa bao giờ chạy hay đến thế. Tôi cần phải xin lỗi ông, một ngàn lần vì đã nghi ngờ khả năng của ông. Mong ông tìm ra tên sát nhân.

- Tôi tìm ra rồi - Holmes trả lời một cách điềm tĩnh.

Viên đại tá và tôi nhìn anh:

- Không hiểu hắn ở đâu?

- Ở đây!

- Ở đây? Hắn đâu?

- Ngay bên cạnh tôi vào lúc này.

Viên đại tá đỏ mặt tía tai vì giận dữ.

- Tôi mang ơn ông nhiều lắm, nhưng tôi buộc lòng phải coi điều mà ông vừa nói là một trò đùa quá trớn, hoặc là một điều lãng nhục.

Holmes phá ra cười:

- Tôi không hề đùa hay làm nhục ông, thưa đại tá. Nhưng quả thật kẻ sát nhân đang đứng ngay đằng sau ông đây.

Anh tiến lên một bước và đặt bàn tay lên cái cổ bóng loáng của con ngựa thuần chủng.

- Con ngựa ư? - Tôi và ông đại tá kêu lên.

- Đúng, chính nó. Và chúng ta hãy tha tội cho nó vì nó hành động để tự vệ. Straker không xứng đáng với lòng tin cậy của ông. Nhưng chuông reo rồi đó. Bởi vì tôi muốn kiếm một ít tiền trong độ đua sau, tôi xin khất lại để lát nữa sẽ giải thích tận tường.

Trong toa xe lửa hạng đặc biệt chỉ có ba người chúng tôi. Trên đường trở về London, tôi tưởng chừng như khó có chuyến đi nào lại ngắn hơn đối với đại tá Ross, bởi vì chúng tôi đều say sưa nghe Holmes nói.

- Tôi đi tới Devonshire với sự cả tin rằng Simpson là thủ phạm, tuy vẫn nhận thức rằng chưa đủ bằng chứng để buộc tội anh ta. Chỉ tới khi ngồi ở trong xe, ngay trước cửa nhà người huấn luyện ngựa, tôi mới nhận ra cái ý nghĩa kinh khủng trong món thịt cừu nấu cà ri. Các bạn còn nhớ là tôi đã tỏ ra đáng trí, vẫn ngồi yên trên xe trong lúc mọi người đã xuống xe cả rồi. Lúc đó, tôi đang tự hỏi vì sao tôi lại bỏ qua một chỉ dẫn lớn như vậy.

- Về phần tôi - Viên đại tá nói - Tôi xin thú nhận là ngay đến bây giờ tôi vẫn không thấy dấu vết ấy giúp chúng ta được gì.

- Trong cái chuỗi lập luận của tôi, nó là khâu đầu tiên. Bột thuốc phiện đầu hăn là không có vị gì. Cái vị của nó chẳng có gì là khó chịu cả, nhưng nó có thể nhận ra được. Cho nên nếu nó được đem trộn vào một món ăn bình thường, người ăn sẽ phát hiện ra và có thể họ sẽ không ăn. Cà ri là món thích hợp để che giấu cái mùi vị ấy. Làm sao có sự trùng hợp quái gở này? Người lạ Simpson đem bỏ thuốc phiện vào thức ăn của cậu bé Hunter vào lúc thức ăn đó lại là cà ri (chỉ có cà ri mới lẫn át mùi bột thuốc phiện). Thật là không thể tưởng tượng nổi! Vậy là Simpson được loại ra khỏi diện nghi vấn. Tôi chú tâm vào Straker và bà vợ y: quả thật chỉ có họ mới có thể bố trí món thịt cừu nấu cà ri cho bữa tối đó. Thuốc phiện đã được bỏ thêm vào sau khi cái đĩa đựng món ăn dành cho Hunter được để riêng ra. Chính vì thế mà những người khác cũng đã ăn món đó nhưng vẫn bình yên. Vậy thì ai trong hai người đó đã tới gần đĩa thức ăn mà cô hầu gái lại không trông thấy?

Vụ rắc rối về Simpson đã cho thấy có một con chó canh giữ chuồng ngựa. Thử hỏi ai là người đã đi vào rồi lại đi ra với một con ngựa mà con chó lại không sủa (để đánh thức hai anh chàng giữ ngựa ngủ trong cái vựa). Đó chắc chắn phải là người mà con chó rất quen thuộc. Tôi đã tin rằng giữa đêm khuya Straker xuống chuồng ngựa và dắt con Ngọn lửa bạc. Nhằm mục đích gì? Chắc chắn là trong một mục đích bất lương, nếu không thì y đã không đánh thuốc mê anh chàng gác chuồng. Tôi suy nghĩ nát óc để đoán xem y đã nghĩ gì, trong đầu óc y. Đã từng có nhiều vụ các huấn luyện viên kiếm được nhiều tiền bằng cách đánh cá ngựa của họ bị thua, qua những người trung gian, và sau đó ngăn cản không cho ngựa của họ thắng bằng một mảnh khoé nào đó. Đôi khi, do một gã nài kìm hãm ngựa, hoặc do một phương pháp tinh tế hơn. Với Straker, anh ta hành động ra sao? Tôi hy vọng là những đồ vật ở trong các túi quần áo anh ta sẽ giúp tôi.

Quả đúng như vậy. Hai bạn chắc chưa quên con dao kỳ lạ nằm trong bàn tay người chết: con dao mà không một đầu óc tinh táo nào lại chọn làm vũ khí. Con dao đó được dùng trong những ca mổ tinh tế nhất. Thừa đại tá, ông thừa biết rằng ta có thể tạo ra một vết đứt nhỏ trên những gân khoeo con ngựa, mà nếu làm bên dưới da thì vết đó không để lại một dấu vết nào. Một con ngựa bị "khía gân" như vậy sẽ đi hơi khập khiễng, điều đó sẽ chỉ được gán cho chứng phong thấp hoặc cho sự tập luyện quá sức.

- Quân vô lại! - ông đại tá kêu lên.

- Đó là lý do mà Straker muốn đưa con ngựa ra ngoài cánh đồng, bởi vì nếu bị mũi nhọn con dao rạch vào gân chân, chắc chắn con Ngọn lửa bạc sẽ hung hăng đánh thức cả đến người ngủ say nhất thế gian. Vậy là phải ra tay ngoài trời.

- Tôi đã mù quáng - Viên đại tá rên rỉ - Chính vì thế mà nó cần đến đèn cầy và đã quẹt que diêm lên đấy.

- Dĩ nhiên. Nhưng quan sát các đồ vật của anh ta, tôi còn hiểu được những động cơ gây ra tội ác nữa. Thừa đại tá, một người từng trải không bao giờ mang theo trong túi mình những hoá đơn của một người khác. Chúng ta thanh toán những hoá đơn của chính mình là đủ rồi. Ngay đó tôi kết luận là Straker có một gia đình thứ nhì. Tính chất của tờ hoá đơn chứng tỏ là nó dính dáng đến một người đàn bà, và người đàn bà đó đã tiêu xài hoang phí. Cho dù đại tá có đối xử rộng rãi đến đâu, Straker cũng không thể mua sắm cho vợ những bộ quần áo giá hơn hai mươi guinea! Tôi hỏi vặn bà Straker về bộ quần áo nữ và khi được bà đoan chắc là bà chẳng bao giờ có bộ quần áo như vậy, tôi bèn ghi địa chỉ của tiệm may. Và xin một tấm hình của Straker. Kể từ lúc đó, tất cả đều đơn giản. Straker dắt con ngựa đến một chỗ đất trống là nơi mà ánh sáng ngọn đèn bão sẽ không bị ai trông thấy. Về phần Simpson khi bỏ trốn, y đã đánh mất cái cravat. Straker nhặt lấy, có thể với ý định dùng nó để giữ cho con ngựa đứng yên. Khi đã vào trong cái hố trống rồi, hấn ra đằng sau con Ngọn lửa bạc và bật que diêm lên. Nhưng con vật hoảng sợ vì cái ánh sáng đột ngột đó, hoặc bị thúc đẩy bởi cái bản năng kỳ lạ, linh cảm rằng người ta sắp làm hại nó, nên nó đã bứt lên thật mạnh và đập văng vào trán của Straker. Mặc dù trời mưa và để cho khỏi vướng víu, anh ta đã cởi áo đi mưa ra mặc lên bụi cây. Và khi té xuống, con dao đã vạch dài trên đùi.

- Tuyệt vời! - Viên đại tá reo lên - Tuyệt vời! Cứ y như là ông có mặt ở ngay nơi đó!

- Sau đây là cú đánh chót của tôi. Tôi nghĩ rằng một người quỷ quyết như Straker hấn sẽ không làm cái việc cắt gân nếu chưa được tập dượt từ trước. Vậy anh ta thực tập với cái gì đây? Mắt tôi lọt xuống đàn cừu và có ngay câu trả lời.

- Tất cả đều đã được làm sáng tỏ, thưa ông Holmes.

- Khi quay trở về London, tôi đến gặp người may quần áo phụ nữ và bà ta nhận ra ngay Straker là một khách hàng hạng sang, có tên là Derbyshire, và bà vợ thì mê mết những bộ quần áo đắt tiền. Người đàn bà đó đã dẫn anh ta vào một tình hình tài chính thảm hại, khiến anh ta phải phạm tội.

- Ông đã giải thích tất cả, ngoại trừ một điều: trong thời gian đó, con ngựa ở đâu?

- Nó đã chạy trốn và được một hàng xóm của ông chăm sóc. Và về điều này, chúng ta phải tỏ ra rộng lượng, thưa đại tá. Đã tới Clapham Junction rồi! Nếu tôi không nhầm thì chúng ta sẽ tới Victoria trong vài phút nữa. Ông có thể hút xì gà nếu ông muốn. Tôi sẵn sàng cung cấp thêm một số chi tiết khác mà ông quan tâm.

Hết

C.2 - The Yellow Face 1893 (Gương mặt vàng vọt)

Một lần vào đầu xuân, Holmes và tôi cùng đi dạo trong công viên. Những chiếc lá xuân đầu tiên nhú lên các cành cây du, những cái chồi dính dính của hàng cây dễ dàng cựa quậy thành mấy chiếc lá non đẹp. Chúng tôi đi suốt hai tiếng liền. Khi quay trở về thì đã gần năm giờ.

“Thưa ông,” Chú bé giúp việc vừa mở cửa vừa nói “Có một vị khách đến. Ông ta hỏi ông.”

“Khách đi rồi à?” Holmes hỏi.

“Vâng, thưa ông!”

“Sao cháu không mời ông ta vào nhà ngồi chơi một lát?”

“Dạ có, ông ấy có vào nhà.”

“Ông ta đợi lâu không?”

“Nửa tiếng. Khách rất sốt ruột. Suốt thời gian ở đây ông ta cứ đi đi lại lại khắp phòng. Cuối cùng, ông ấy chạy ra ngoài hành lang và than thở “Không biết đến khi nào ông Holmes mới về?”. Cháu đáp ngay: “Một lát nữa thôi!”. Ông ta nói: “Được, tôi sẽ chờ, nhưng tôi sẽ không chờ ở đây, mà ở nơi không khí thoáng đãng kia! Chốc nữa tôi sẽ quay trở lại”. Thế là ông ấy đi thẳng.”

“Giỏi! Cháu đã làm được việc.” Holmes nói và chúng tôi bước vào căn phòng của mình “Tuy nhiên, thật là bực mình! Tôi đang buồn chán vì thiếu việc làm. Suy từ sự nôn nóng của người ấy thì chắc công việc này quan trọng đây. Ô! Chiếc tẩu của ông ta? Chiếc tẩu tuyệt vời với cái tay cầm dài cứng như vậy.” Holmes xoay xoay chiếc tẩu trong tay và xem xét nó với vẻ thận trọng.

Anh dùng ngón tay trở gõ gõ vào nó tựa như giáo sư giải phẫu học đang giảng về một thứ xương nào đó. Rồi nói tiếp:

“Chủ nhân của nó hẳn là một người vạm vỡ, thuận tay trái, có bộ răng tốt, và là người phong lưu”

“Chỉ vì thấy ông ta có chiếc tẩu đắt giá mà cậu cho rằng đó là một người giàu có hay sao?”

Holmes khẽ khàng gõ chiếc tẩu thuốc trong lòng bàn tay của mình:

“Bởi vì ông ta có thể mua thứ thuốc lá hảo hạng, loại Grosvenor giá 8 pence mỗi ounce, đắt gấp hai lần thuốc bình thường.”

“Cậu còn kết luận nào không?”

“Anh ta có thói quen hút thuốc lá dưới ngọn đèn bàn hoặc đèn bằng khí ga: chiếc tẩu cháy xém. Nó bị cháy chỉ ở phía phải: Vậy chủ nhân của nó là người thuận tay trái. Hãy thử châm tẩu thuốc bằng bàn đèn đi. Bởi anh không thuận tay trái, cho nên tự nhiên anh đưa phần trái của tẩu thuốc đến gần ngọn lửa. Sau đó anh ta cắn xuyên qua bốt. Chỉ một người khỏe mạnh và có bộ răng tuyệt vời mới có thể làm được chuyện đó... Song nếu tớ không lầm thì kia là tiếng từng bước chân của ông ta ngoài cầu thang!”

Chưa đầy một phút sau, cánh cửa rộng mở. Một người đàn ông khoảng 30 tuổi, cao lớn bước vào phòng. Ông ta mặc bộ com-lê màu thẫm bằng thứ vải tốt được cắt khéo léo. Tay cầm một chiếc mũ phớt màu xám rộng vành.

“Xin thứ lỗi!” Ông ta nói có phần hơi luống cuống “Hẳn là tôi cần gõ cửa. Nhưng quả thực tôi hơi bối rối.” Ông ta đưa tay lên xoa xoa trán như một người đầu óc bị choáng váng.

“Ông đã mất ngủ đến hai đêm rồi.” Holmes từ tốn nói “Điều đó làm hao kiệt thần kinh nhiều hơn so với làm việc. Xin được phép đề nghị, tôi có thể giúp ông được gì không?”

“Tôi muốn được ông khuyên giải, thưa ông...”

“Ông muốn tôi giúp ông với tư cách một người tư vấn, một thám tử hay sao?”

“Vâng. Ông là người từng trải việc đời. Và tôi muốn ông chỉ bảo cho tôi những việc tôi cần làm.” Ông ta nói những câu ngắn, mạnh và dứt quãng.

“Ông Grant Munro thân mến...” Holmes bắt đầu nói.

Vị khách của chúng tôi nhòm phát dậy.

“Sao? Ông biết tên tôi à?” Ông ta kêu lớn.

“Nếu ông muốn ẩn danh” Holmes mỉm cười nói “thì đừng viết tên mình trên mảnh vải lót của chiếc mũ, hoặc là đừng xoay chiếc mũ lại để người nói chuyện với mình thấy hàng chữ đó. Tôi muốn nói rằng tại căn phòng này, anh bạn của tôi và tôi đã từng nghe nhiều bí mật đáng kinh ngạc. Và chúng tôi đã đem lại niềm thư thái cho bao tâm hồn đầy lo âu. Chúng tôi rất vội, bởi vậy xin ông nhanh chóng kể cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra.”

Vị khách lại lấy tay xoa trán. Ông ta có vẻ khó khăn khi bắt đầu câu chuyện. Mỗi cử chỉ, mỗi nét mặt đều chứng tỏ ông ta là một người kín đáo, giữ ý và kiêu hãnh. Ông ta có thiên hướng che giấu những vết thương lòng của mình hơn là phơi bày ra. Nhưng đột nhiên ông ta giận dữ vung tay lên, tựa như quăng tính dè dặt vào một hướng nào đó.

“Tôi cưới vợ đã ba năm, chúng tôi hoàn toàn hạnh phúc. Không hề giấu giếm nhau điều gì, cả ý nghĩ lẫn hành động. Thế nhưng, từ thứ hai vừa rồi, chúng tôi trở thành xa lạ với nhau, và tôi muốn biết vì sao như vậy. Tôi biết rõ chưa bao giờ nàng yêu tôi bằng lúc này. Nhưng, nếu điều bí ẩn chắn giữa chúng tôi chưa được tháo gỡ thì mối quan hệ tốt đẹp giữa chúng tôi sẽ không tồn tại.”

“Cám ơn ông đã cho tôi biết sự thực, ông Munro.”

“Effie đến Hoa Kỳ sống ở thành phố Atlanta lúc còn rất trẻ. Tại đó nàng kết hôn với Hebron, một luật sư có tiếng trong vùng. Họ sống hạnh phúc và có một mụn con. Nhưng sau một trận dịch sốt vàng da đã giết chết chồng và con, nàng trở về Anh quốc sống với người dì ở Middlesex. Tôi thấy cần phải nhắc lại rằng sau cái chết của chồng, nàng thừa hưởng một gia tài chừng bốn ngàn rưỡi bảng nằm trong ngân hàng. Hàng năm nàng nhận được bảy phần trăm tiền lãi. Nàng chỉ sống với người dì chừng nửa năm thì tôi gặp nàng. Chúng tôi yêu nhau và sau vài tuần thì làm phép cưới. Lúc đó nàng hai mươi lăm tuổi.

Tôi là người buôn hoa quả. Lãi suất của tôi độ chừng tám trăm bảng một năm, bởi thế chúng tôi sống khá phong lưu: một biệt thự tốt ở Norbury. Thị trấn này không khác thôn quê cho lắm. Tại đó có hai ngôi nhà và một khách sạn cao hơn biệt thự của chúng tôi một chút. Còn ngay phía trước mặt chúng tôi có một biệt thự đứng tách riêng ra.

Ngoài những ngôi nhà ấy không còn một công trình xây dựng nào ở gần ga hơn nữa. Khi tôi lập gia đình, vợ tôi đã chuyển giao cho tôi toàn bộ tài sản của nàng. Tôi không đồng ý, vì ngại rằng nếu tôi bị thất bại trong công việc làm ăn, thì vốn liếng của nàng mất hết. Nhưng nàng vẫn nằng nặc đòi làm theo ý mình. Đột nhiên, cách đây hơn một tháng, nàng nói với tôi như thế này:

- Jack này, lúc anh nhận tiền của em, anh nói rằng vào bất kỳ lúc nào em cũng có thể lấy lại số tiền đó.

- Tất nhiên, vì đây là số tiền của em.

- Em đang cần một trăm bảng.

- Để làm gì?

- Anh yêu! - Nàng luống cuống trả lời - Anh nói anh là chủ ngân hàng của em... Thế mà, có bao giờ các chủ ngân hàng hỏi khách rút tiền để làm gì?

- Nếu em cần thì có ngay đây thôi.

- Vâng. Em cần.

- Em sẽ không nói ư?

- Sau này sẽ nói. Còn bây giờ thì không.

Tôi buộc phải vui lòng với câu trả lời như thế. Từ đây trở đi, nàng không giấu tôi một điều gì nữa. Tôi đưa séc cho nàng và không nghĩ gì thêm về câu chuyện đó. Như tôi vừa nói với ông, có một biệt thự nằm cách không xa ngôi nhà của chúng tôi. Hai căn nhà chỉ cách nhau có một bãi cỏ. Để đến ngôi biệt thự, người ta phải đi theo một con đường và sau đó rẽ vào lối mòn. Ngay phía sau biệt thự, là một cánh rừng thông nhỏ. Tôi rất thích đi dạo trong cánh rừng. Suốt tám tháng ròng, trong ngôi biệt thự không có người ở. Tôi lấy làm tiếc là ngôi nhà lại bỏ không như vậy. Đó là một tòa lâu đài hai lầu xinh xắn, với những cột hành lang cổ kính. Nhiều lần khi dừng lại trước ngôi nhà, tôi tự nghĩ: "Thật là một dinh cơ nhỏ nhắn, đầm ấm biết bao!".

Thế rồi, vào buổi chiều thứ hai tuần trước. Trong khi đi dạo, tôi nhìn thấy một chiếc xe chở hàng có mui chạy trên đường. Sau đó trên bãi cỏ phía trước thềm chất đống những tấm thảm và các đồ đạc khác. Rõ ràng ngôi biệt thự đã được cho thuê. Tôi đi quanh ngôi nhà, trong một khuôn cửa sổ có một khuôn mặt đang theo dõi tôi. Từ xa, tôi không thể nhìn rõ bộ mặt ấy, nhưng tôi cảm thấy ở đó có một cái gì trái tự nhiên, phi-nhân-tính. Do ấn tượng này, tôi muốn đến gần hơn để biết ai đang theo dõi mình. Nhưng đúng vào lúc đó, khuôn mặt màu vàng xám xịt đó tự nhiên biến mất. Hình như có ai đứng phía sau kéo người ấy vào. Tôi đứng chùng năm phút nữa, rồi quyết định trèo lên bậc tam cấp, gõ cửa. Ngay lập tức, một người đàn bà cao nghệu với dáng vẻ không hài lòng ra mở cửa.

- Ông cần gì? - Bà ta hỏi với giọng người Scotland the thé.

- Tôi là láng giềng của bà, ở ngay cạnh đây. Tôi thấy bà mới đến. Liệu tôi có thể giúp bà được điều gì chăng?

- Khi nào cần, chúng tôi sẽ gọi! - Bà ta nói và đóng sầm cửa lại.

Suốt buổi tối, mặc dù tôi cố gắng nghĩ về một điều gì khác, nhưng ý nghĩ của tôi vẫn cứ trở về với bộ mặt thập thò trong cửa sổ và người đàn bà xắc xược đó. Tôi không nói gì cho vợ tôi biết. Nàng là người đàn bà dễ buồn phiền. Chỉ tới lúc đi ngủ, tôi nhận xét qua quýt với nàng là ngôi nhà bên cạnh đã có người ở. Nàng làm thinh.

Đêm hôm ấy, giữa giấc ngủ, tôi mang máng cảm thấy chung quanh mình đang có một cái gì đó diễn ra. Điều sau đây từ từ đến trong ý thức của tôi: Vợ tôi thức dậy, bắt

đầu choàng áo ngoài và đội mũ. Trong giấc ngủ, tôi sẵn sàng biểu lộ một cái gì tựa như phản đối hoặc ngạc nhiên. Nhưng, sau khi hé mắt ra, dưới ánh sáng của ngọn nến, tôi thấy mặt nàng xanh mét, nàng thở hổn hển lúc cài áo khoác ngoài vào người và lén lút nhìn vào giường; yên chí là tôi đang ngủ, nàng thận trọng lén ra khỏi phòng. Một thoáng sau, tôi nghe có tiếng cọt két của chiếc cửa ra vào. Tôi ngồi dậy đập tay mạnh vào thành giường để biết chắc là mình đang thức. Tôi rút chiếc đồng hồ ở dưới gối: ba giờ sáng. Vợ tôi làm gì giữa đêm hôm thanh vắng này? Tôi ngồi thừ ra đến hai mươi phút, cố gắng tìm ra một lời giải thích nào đó. Nhưng càng suy nghĩ lại càng khó hiểu. Tôi càng lúng túng hơn khi cánh cửa ra vào lại khẽ mở và có tiếng bước chân của vợ tôi trên cầu thang.

- Em ở đâu đấy, Effie? - Tôi hỏi, khi nàng bước vào.

Toàn thân nàng run lên. Nàng khẽ kêu lên một tiếng, sự xúc động và tiếng kêu này khiến tôi lo sợ hơn tất cả. Trong tiếng kêu ẩn chứa một điều tội lỗi. Vợ tôi luôn luôn là người đàn bà trung thực. Bởi thế, tôi lạnh cả người khi nàng len lén đi vào phòng mình.

- Anh không ngủ hay sao, Jack? - Nàng thốt lên trong nụ cười gượng gạo - Em tưởng rằng không gì có thể khiến anh thức.

- Em đã ở đâu? - Tôi lạnh lùng hỏi.

- Em hiểu anh đã ngạc nhiên như thế nào - Nàng nói khi nàng cởi cúc áo khoác. Ngoài ra, tôi còn nhận thấy những ngón tay của nàng run lẩy bẩy - Trước đây em chưa bao giờ nghĩ rằng có một chuyện gì xảy ra với em. Chuyện chỉ có thể này: Đột nhiên em bắt đầu cảm thấy ngọt thở. Em cần không khí trong lành. Em đã ra đứng cạnh cửa chừng vài phút, và bây giờ em lại cảm thấy bình thường.

Khi nói những lời này, nàng không quay về phía tôi và giọng của nàng không như mọi khi. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa: nàng đã nói dối. Tôi không trả lời, quay mặt vào tường với nỗi đau đớn trong tim. Vợ tôi đã giấu giếm tôi điều gì? Nàng đã đi đâu? Từ đó cho đến sáng, tôi luôn cựa mình, trần trọc, gắng tìm một lời giải thích đáng tin cậy hơn.

Ngày hôm ấy, tôi phải ra thành phố. Thế nhưng tôi lo lắng đến mức không làm được việc gì. Vợ tôi hình như cũng lo lắng. Trong lúc ăn sáng, chúng tôi không trao đổi với nhau một lời. Và ngay sau đó tôi đi đến cung điện Crystal, ở đó một giờ đồng hồ và trở về Norbury lúc một giờ trưa. Khi qua tòa biệt thự, tôi dừng lại giây lát, nhìn vào khung cửa sổ? Đột nhiên, cánh cửa mở rộng và vợ tôi từ trong đó bước ra. Tôi ngây người khi nhận ra nàng. Trong khoảnh khắc tôi cảm thấy vợ tôi muốn ẩn mình vào trong nhà. Tuy nhiên, khi biết mọi sự trốn chạy đều vô hiệu, nàng bắt đầu bước về phía trước và mỉm cười:

- Ôi Jack! - Nàng nói - Em rẽ vào vì muốn biết có thể giúp những người láng giềng của chúng ta được điều gì không? Tại sao anh lại nhìn em như vậy?

- Ban đêm em ở đây phải không?

- Anh muốn nói gì vậy? - Nàng kêu lên.

- Em đã đến đây, anh tin chắc như vậy! Sao em tới thăm họ vào lúc nửa đêm.

- Chưa khi nào em ở đây cả.

- Sao em lại nói dối - Tôi bắt đầu kêu lên - Thậm chí giọng nói của em cũng bị thay đổi khi nghe anh hỏi. Phải chăng em đã có những điều bí ẩn đối với anh... Anh sẽ vào biệt thự này và sẽ tự mình khám phá ra tất cả.

- Đừng! Đừng! Anh!.

Nàng thở hổn hển khi không đủ sức che giấu nỗi khiếp đảm của mình. Lúc tôi tới gần cánh cửa, nàng đã túm lấy tay tôi, kéo tôi ra với một sức mạnh không ngờ.

- Em van anh, đừng vào! - Nàng la lên - Em thề rằng sớm hay muộn rồi em cũng kể cho anh nghe tất cả. Nhưng sau, sau này đã... Nếu anh vào ngôi nhà này, một tai họa sẽ xảy ra. Tôi gắng vùng thoát khỏi tay nàng thì nàng lại càng túm lấy tôi với những lời cầu xin điên cuồng.

- Hãy tin em - Nàng kêu lên - Hãy tin em chỉ lần này nữa thôi! Anh sẽ không bao giờ hối tiếc đâu. Còn nếu như em có giấu anh chuyện gì thì cũng chỉ vì anh mà thôi. Chúng ta sẽ cùng trở về nhà đi, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Còn nếu anh đi vào ngôi nhà này ngoài ý muốn của em thì mối quan hệ của chúng ta sẽ chấm dứt.

Giọng nói của nàng chứa một sự tuyệt vọng chân thật đến nỗi tôi phải dừng lại trước cửa ngôi nhà.

- Anh chỉ tin em với một điều kiện - Cuối cùng tôi nói - Anh muốn tất cả sẽ được mau chóng kết thúc. Em có thể giữ kín bí mật của mình, nhưng hãy hứa với anh là phải ngừng ngay mọi cuộc thăm viếng ban đêm và sẽ không làm một điều gì lén lút nữa.

- Em xin hứa - Nàng thốt lên với tiếng thở phào nhẹ nhõm - Mọi chuyện sẽ diễn ra như ý. Nào, hãy đi về nhà đi!

Nàng vừa nắm lấy tay áo tôi vừa kéo tôi ra khỏi biệt thự. Nhân thể tôi ngoảnh trông lên khung cửa sổ phía trên và tôi lại thấy khuôn mặt màu vàng tái ngất đang theo dõi chúng tôi. Có thể có mối liên hệ nào giữa vợ tôi với con người này vậy? Hoặc nàng đã có mối quan hệ gì với người đàn bà thô lỗ hôm trước? Sau chuyện đó tôi ở nhà luôn hai ngày liền. Hình như vợ tôi nghiêm chỉnh tuân theo các giao ước giữa chúng tôi. Nàng không ra khỏi nhà. Thế nhưng, sang ngày thứ ba thì không thể có lời nguyện nào giữ nổi nàng. Vào ngày hôm đó tôi đi ra thành phố và trở về trên chuyến tàu hỏa hai giờ bốn mươi phút, nghĩa là về sớm hơn thường lệ. Khi tôi bước vào nhà thì chị hầu phòng chạy ra gặp tôi với bộ mặt đầy vẻ sợ hãi.

- Bà chủ đâu? - Tôi hỏi.

- Hình như bà đi dạo chơi.

Tôi sinh nghi, chạy bổ lên lầu để biết chắc là nàng có ở nhà hay không. Tôi vô tình nhìn qua cửa sổ và thấy chị hầu phòng băng qua bãi cỏ để tới ngôi biệt thự. Tôi hiểu ngay. Run lên vì phẫn nộ, tôi lao nhanh xuống phía dưới, bước qua bãi cỏ, quyết chấm dứt vĩnh viễn chuyện này. Tôi trông thấy vợ tôi cùng người hầu gái đang chạy theo lối mòn về nhà. Thế nhưng tôi không đứng lại nói chuyện với họ. Tôi phải khám phá ra bí mật này. Không hề gõ cửa, tôi xoay tay nắm cánh cửa, chạy vào hành lang.

Lầu một thật im ắng. Ở nhà bếp, ấm trà đang sôi trên lửa, còn con mèo đen thì đang nằm cuộn tròn. Không thấy bóng dáng người đàn bà tôi gặp trước đây. Tôi chạy bổ sang phòng khác: cũng trống không. Tôi băng mình lên phía trên. Không có ai trong hai phòng. Toàn bộ ngôi nhà không một bóng người. Từ đồ đạc đến cách bài trí đều tuềnh toàng và phàm tục, trừ mỗi một căn phòng mà qua cửa sổ của nó tôi đã nhìn thấy bộ mặt khủng khiếp trước đây. Đó là căn phòng được xếp đặt ngăn nắp và trang nhã. Tất cả mối hoài nghi của tôi đã chuyển thành lòng căm giận mãnh liệt và cháy bỏng khi tôi nhìn thấy bức ảnh toàn thân của vợ tôi trên lò sưởi. Bức ảnh này được chụp theo yêu cầu của tôi cách đây ba tháng.

Tôi ở đó đủ thời gian cần thiết để xác định đây quả thực là một ngôi nhà hoàn toàn trống rỗng. Khi ấy, tôi rời ngôi nhà với một nỗi đau đớn trong tim. Lúc quay về nhà, vợ

tôi bước tới gần tôi. Nhưng tôi đau lòng và căm giận tới mức không buồn nói chuyện với nàng. Tôi đi qua chỗ nàng, cố lảng tránh để vào phòng mình. Tuy vậy nàng vẫn theo kịp trước khi tôi đóng cửa lại.

- Rất tiếc là em đã vi phạm lời cam kết. Nhưng giá như anh rõ mọi chuyện thì chắc anh sẽ tha thứ cho em.

- Hãy kể đi!

- Không kể được, Jack ạ.

- Chẳng nào em chưa nói ai sống trong căn biệt thự ấy và em đã trao bức ảnh cho ai thì anh sẽ không bao giờ tin em - Tôi nói lớn và sau khi vùng thoát khỏi nàng, tôi đi ra khỏi nhà.

Chuyện đó xảy ra vào ngày hôm qua, ông Holmes ạ! Ngày hôm nay tôi không về nhà. Sự giả dối của nàng đã khiến tôi lo ngại. Sáng nay tôi nghĩ đến ông."

Những giờ Holmes ngồi im lặng, chống tay lên cằm hồi lâu. Cuối cùng anh hỏi:

"Ông có cam đoan rằng ông đã nhìn thấy bộ mặt của người đàn ông trong cửa sổ không?"

"Lần nào tôi cũng đứng khá xa, nên không dám cả quyết điều đó."

"Có điều nó gây cho ông một ấn tượng khó chịu chứ?"

"Nó có vẻ chết chóc và bất động đến ghê sợ. Khi tôi đến gần thì nó lập tức biến mất."

"Bà nhà xin ông 100 bảng hồi nào?"

"Cách đây hai tháng."

"Có khi nào ông thấy bức ảnh người chồng trước của vợ ông không?"

"Không. Chẳng bao lâu sau khi ông ta chết, ở Atlanta đã xảy ra một vụ cháy lớn, mọi giấy tờ đều bị thiêu hủy."

"Tuy nhiên bà nhà hẳn có giấy khai tử của ông ta chứ?"

"Vâng, nàng có nhận được bản sao sau vụ cháy."

"Có bao giờ ông gặp bất kỳ một ai đã biết vợ ông ở Mỹ không?"

"Không."

"Chắc bà có nhận được thư ở bên đó?"

"Theo tôi biết thì không."

"Cảm ơn ông! Tôi muốn được suy ngẫm một chút. Có lẽ những người sống trong biệt thự đã dự đoán trước về việc đột nhập của ông, nên họ đi khỏi trước khi ông tới. Nếu thế thì rất có thể họ sẽ quay trở về và chúng ta sẽ dễ dàng lý giải mọi chuyện. Vậy ông hãy trở lại Norbury tiếp tục theo dõi các cửa sổ của tòa biệt thự. Nếu ông thấy họ sống trong đó thì đừng có xộc vào, mà hãy đánh điện cho chúng tôi. Một giờ sau khi nhận được điện, chúng tôi sẽ có mặt."

"Còn nếu vẫn chưa có người ở thì sao?"

"Nếu thế, ngày mai tôi sẽ đến. Chúng tôi sẽ cùng ông bàn bạc. Xin tạm biệt!"

"Watson thân mến, có thể đây là một câu chuyện thật tồi tệ." Holmes nói sau khi tiễn chân ông Munro ra khỏi cửa "Cậu nghĩ sao?"

"Đây là một chuyện hoàn toàn như nhuốc."

"Quả vậy, đây là sự dọa nạt để cầu lợi. Nếu không đúng thế thì đó rất mực sai lầm."

"Thế ai là kẻ dọa nạt?"

"Người sống trong căn phòng đầy đủ tiện nghi ấy, người đã giữ bức ảnh của người đàn bà trên lò sưởi. Bộ mặt màu vàng cạnh cửa sổ không hiểu vì lẽ gì đó, cứ bám chặt lấy tờ. Và tờ quyết không bỏ qua vụ này."

“Cậu có giả thiết nào chưa?”

“Mới chỉ là giả thiết bước đầu thôi! Trong tòa biệt thự có đức ông chồng đầu tiên của người đàn bà này.”

“Vì sao cậu nghĩ như thế?”

“Khi người chồng hiện tại định vào nhà, bà đã sợ hết hồn. Tại sao vậy? Theo tôi, sự thật là thế này: Người đàn bà đã lấy chồng ở Mỹ. Sau đó anh ta trở thành người đáng ghét đối với bà. Chúng tôi giả thiết ông ta có thể bị bệnh phong hoặc có thể thành kẻ ngu dốt. Rồi cuộc bà bỏ ông ta, và trở về nước Anh, thay tên và bắt đầu sống lại từ đầu. Bà đi bước nữa hồi ba năm về trước và đã coi địa vị của mình là hoàn toàn vững chắc. Thế nhưng nơi ở của bà bị phát hiện hoặc bởi người chồng đầu tiên, hoặc bởi người đàn bà trâng tráo gắn bó với người bệnh. Họ viết thư cho bà ta, đe dọa là sẽ đến tố giác bà. Bà ta dùng 100 bảng để đưa cho họ im. Do vậy mà họ đã đi đến đó. Khi người chồng vô tình nói cho bà hay về sự xuất hiện của những người mới tới ở tòa biệt thự. Bà ta đã đoán được đó chính là những kẻ đang săn lùng bà. Sau khi chờ chồng mình ngủ say, bà chạy tới đó thuyết phục họ để bà được sống yên lành. Lần đầu không đạt, bà lại tới chỗ họ vào sáng hôm sau. Nhưng vừa ra khỏi nhà thì bắt gặp chồng. Bà hứa với chồng là sẽ không vào đó nữa. Tuy vậy, hai ngày sau, hy vọng được thoát khỏi những người lảng giềng lại bùng lên trong lòng bà. Không kìm hãm nổi, bà toan trở lại mặc cả với họ. Bà đã trao bức ảnh của mình là theo đòi hỏi của họ. Giữa lúc chuyện trò, người hầu gái chạy tới báo cho họ biết là ông chủ đã về nhà. Khi ấy, người vợ đã dẫn họ theo lối cửa sau, có lẽ ra ngoài rừng thông bên cạnh. Như vậy người khách của chúng ta chỉ thấy một ngôi nhà trống không mà thôi.”

“Theo tớ đây mới chỉ là phỏng đoán.”

“Đúng vậy! Nhưng nó soi sáng hết thảy! Nếu các sự kiện mới nổi lên mà không thể giải thích được, chúng ta sẽ có đủ thời gian để chuyển qua xem xét giả thiết của tôi. Chúng ta chưa thể bắt tay vào cuộc nếu chưa nhận được tin tức của ông ta từ Norbury.”

Chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Bức điện đã đến ngay sau bữa điểm tâm. “Biệt thự có người. Lại nhìn thấy bộ mặt trong cửa sổ. Gặp lúc 7 giờ. Không tiến hành chừng nào các ông chưa đến”. Ông ta đợi chúng tôi tại sân ga, mặt xanh xao, cả người run rẩy.

“Họ còn ở đấy, ông Holmes ạ!” Ông nói sau khi cầm tay bạn tôi “Tôi trông thấy ánh sáng trong tòa nhà khi đi qua đó.”

“Kế hoạch của ông thế nào?”

“Tôi muốn đột nhập vào đó. Nếu chính mắt mình trong thấy một kẻ nào đó trong nhà, tôi yêu cầu các ông trở thành nhân chứng.”

“Ông kiên quyết như vậy?”

“Cương quyết!”

“Thôi được, ông có lý. Bất kỳ sự thật nào cũng tốt hơn tình trạng không rõ ràng như hiện giờ. Cố nhiên chúng ta vi phạm luật, nhưng việc này nên làm như thế.”

Đêm hôm ấy trời tối đen như mực. Khi chúng tôi từ đường lớn rẽ vào lối mòn thì trời bắt đầu mưa lâm râm, ông Munro lao mình về phía trước, chúng tôi theo sau.

“Lửa sáng của ngôi nhà tôi ở đằng kia kia!” Ông vừa chỉ vào ngọn lửa lấp ló giữa lùm cây vừa lầu bầu nói.

“Còn đây là tòa biệt thự, tôi sẽ vào đó.”

Chúng tôi rẽ vào lối mòn và tiến sát đến tòa nhà. Cánh cửa ra vào hé mở. Một vệt sáng nổi rõ trên nền đất đen. Có một cửa sổ trên gác thượng sáng rõ. Chúng tôi thấy vệt thẩm chuyển động theo rèm cửa.

“Tên súc sinh ở đó đấy!” Munro thốt lên “Chính các ông trông thấy nó là ai rồi! Bây giờ hãy theo tôi.”

Chúng tôi tiến đến gần cửa chính. Đột nhiên từ trong bóng tối, một người đàn bà bước ra, dang hai tay ra phía trước, van nài:

“Trời ơi! Không nên, anh!” Bà kêu lên “Em biết thế nào anh cũng sẽ đến. Hãy bình tĩnh lại. Anh yêu quý! Hãy một lần nữa tin vào em và rồi anh sẽ không bao giờ hối hận đâu!”

“Từ lâu tôi đã tin bà!” Ông lãnh đạm trả lời “Hãy buông tôi ra, tôi cần vào trong đó! Còn đây là những người bạn của tôi. Họ đến để giúp tôi chấm dứt vĩnh viễn cái việc tội tệ này.”

Ông gạt bà sang một bên, và chúng tôi cùng bước theo. Lúc ông ta đẩy cửa thì có một bà già chạy ra, toan cản đường. Munro đẩy bà ta ra. Một loáng sau chúng tôi đã leo lên cầu thang. Munro vượt lên phía trước, nhìn thẳng căn phòng sáng choang chạy tới. Chúng tôi theo sát ông. Đây là căn phòng đầy đủ tiện nghi được xếp đặt ngay ngắn. Hai ngọn nến đang cháy trên lò sưởi. Trong góc phòng, một người nào đó đang xoay lưng lại phía chúng tôi. Rõ ràng là một cháu gái bé nhỏ. Cháu mặc váy đỏ và đeo găng tay trắng. Đột nhiên cháu quay về phía chúng tôi và kêu lên vì kinh ngạc và hãi hùng. Bộ mặt cháu thật là kỳ quái: nhợt nhạt và bất động như mặt người chết. Holmes bật cười lấy tay xoa tóc cháu bé. Cái mặt nạ rơi xuống. Trước mặt chúng tôi là một con bé da đen. Cháu mỉm cười vui vẻ. Hàm răng trắng toát. Vẻ mặt kinh ngạc của chúng tôi khiến cháu phì cười. Tôi cười hả hê với nỗi vui sướng của cháu. Nhưng Munro xấu hổ, ép chặt tay vào ngực, không rời mắt khỏi cháu.

“Thế này là thế nào?” Ông ta kêu lên.

Người đàn bà với khuôn mặt quả quyết và kiêu hãnh bước vào phòng, lên tiếng.

“Ông ép tôi phải nói ra tất cả những gì ngoài mong muốn của mình. Tôi buộc lòng vậy. Chồng tôi chết ở Atlanta nhưng đứa bé thì còn sống.”

“Đứa con của bà?”

Bà ta gỡ từ cổ ra một sợi dây chuyền có treo một kỷ vật.

“Ông chưa bao giờ trông thấy ông ta à?”

“Chưa.”

Bà ta bấm nút, nắp bật ra. Trong có bức chân dung của một người có khuôn mặt mang những nét của gốc người Phi thông minh, sáng đẹp đến lạ lùng.

“Ông ta đấy!” Bà ta nói “Trên trái đất này chưa bao giờ có một người cao thượng hơn thế. Tôi đã rời bỏ quê hương của tôi để lấy ông. Khi ông còn sống, tôi không một lần nào luyến tiếc về việc đó. Như các ngài thấy đấy, đứa trẻ duy nhất của chúng tôi giống bên nội hơn. Nó đen hơn cha nó. Song đen hay trắng thì nó cũng là máu thịt của tôi, là đứa con yêu quý của tôi! Tôi để nó lại Mỹ bởi vì nó yếu quá. Tôi gửi cho một người đàn bà Scotland trung thành với chồng tôi. Nhưng khi tôi gặp ông, tôi đã yêu ông. Tôi buộc lòng phải chọn lựa hoặc là ông, hoặc là con mình. Ba năm sau, tôi đã giấu ông về sự tồn tại của nó. Người bảo mẫu báo cho tôi tất cả và tôi biết là đứa con gái của tôi thực sự khỏe mạnh. Cuối cùng tôi mong mỏi được gặp lại nó. Tôi biết điều đó nguy hiểm, nhưng tôi quyết định chuyển đứa bé tới đây trong một vài tuần lễ. Tôi

chuyển cho người bảo mẫu 100 bảng và hướng dẫn cho bà ta biết tòa biệt thự này để có thể ở đó như một người hàng xóm. Để phòng ngừa trước, tôi yêu cầu người bảo mẫu ban ngày cần đeo cho đứa trẻ chiếc mặt nạ và găng tay để nếu có ai trông thấy nó trong cửa sổ thì sẽ không bàn tán về sự hiện diện của đứa bé da đen ở đây.

Đầu tiên ông nói với tôi là tòa biệt thự đã có người thuê. Lúc đó tôi không sao ngủ được vì xúc động. Rốt cuộc tôi đã lên ra ngoài khi biết là ông đang ngủ say. Thế nhưng ông đã phát hiện ra, và chính là điểm khởi đầu cho những nỗi bất hạnh của tôi. Ba ngày sau đó, người bảo mẫu và đứa trẻ chỉ vừa kịp chạy qua cửa sau thì ông đã ập vào nhà ... Bây giờ ông đã biết hết rồi, ông quyết định như thế nào tùy ông."

Bà ta nắm chặt lấy tay mình, buồn bã chờ đợi câu trả lời. Munro không nói lời nào, đến bế đứa bé lên, hôn nó và sau khi chìa tay ra cho vợ mình cầm, ông bước ra khỏi cửa, ngọt ngào nói:

"Tốt hơn chúng ta về nhà. Anh là một người không được tốt lắm. Effie ạ! Song anh cho rằng anh tốt hơn là em nghĩ về anh."

Holmes và tôi bước theo sau họ trên con đường mòn. Sau đó Holmes kéo tay áo tôi lại:

"Thôi! Chúng ta ở London sẽ có ích lợi hơn ở Norbury."

Anh không nói thêm một lời nào về chuyện đó. Tuy nhiên vào tối hôm đó, lúc đã khuya anh cầm ngọn nến nhỏ vào phòng ngủ và nói:

"Watson thân mến! Nếu một lúc nào đó, cậu thấy tớ trở nên quá tự tin, hoặc làm việc ít hơn so với sự đòi hỏi của công việc thì hãy nói nhỏ vào tai tớ: "Norbury!". Tớ sẽ vô cùng cảm tạ.

Hết

[1] Đơn vị tiền tệ của Anh

[2] khoảng 28 gram

[3] Nguyên văn: pound (đơn vị tiền tệ của Anh)

C.3 - The Stock Broker's Clerk 1893 (Người làm thuê cho nhà môi giới chứng khoán)

Sau đám cưới ít lâu, tôi đã mở được phòng mạch của riêng mình tại khu Paddington. Phòng mạch này của Farquhar, một người quen cũ, nhượng lại phân nửa cho tôi. Suốt ba tháng sau ngày mở phòng mạch, tôi rất ít có thời gian rỗi để ghé thăm Holmes mặt dù phòng mạch của tôi cách phố Baker không xa. Bởi vậy vào một buổi sáng tháng 6, tôi rất ngạc nhiên khi nghe tiếng chuông gọi cửa. Tiếp theo đó là cái giọng lạnh lạnh của anh bạn già.

- Watson thân mến! - Holmes reo lên khi bước vào phòng khách - Tôi vui mừng được gặp lại anh. Bà Watson đã hoàn toàn qua khỏi những xúc động nhỏ trong vụ “Dấu bộ tứ” chưa?

- Cảm ơn anh, vợ chồng tôi đều mạnh giỏi. – Tôi trả lời, nồng nhiệt bắt tay anh.

Khi ngồi vào cái ghế xích đu, Holmes nói tiếp:

- Ông bác sĩ còn quan tâm đến những vấn đề về lý luận của chúng ta chứ?

- Đúng vậy. Tối hôm qua tôi còn chúí mũi vào những ghi chú cũ để sắp xếp lại một vài kết quả mà chúng ta đã đạt được.

- Bộ sưu tập đã đầy đủ chưa?

- Chưa đâu! Tôi mong nó được phong phú thêm, với nhiều kinh nghiệm mới hơn nữa.

- Như ngày hôm nay chẳng hạn?

- Phải. Nếu như anh muốn như thế.

- Và đáp tàu tới tận Birmingham?

- Chắc chắn rồi.

- Thế còn các thân chủ?

- Nhiều lần, tôi chăm sóc cho thân chủ của đồng nghiệp lảng giềng. Nay bắt ông ấy “trả nợ”.

- Thế là ổn rồi! - Holmes reo lên, buông mình lọt sâu xuống ghế. - Tôi nghĩ rằng anh vừa mới không được khỏe. Những đợt lạnh giữa mùa hè thường gây ra những rắc rối nho nhỏ.

- Đúng vậy. Tôi phải ở trong nhà suốt 3 ngày hồi tuần trước. Tuy nhiên tôi nghĩ là tôi đã không còn dấu tích gì của chuyện đó nữa.

- Vậy mà có đấy. Anh trông khá khỏe mạnh.

- Thế thì sao? Làm sao anh biết được chuyện đấy?

- Anh bạn thân mến, anh biết là tôi có những phương pháp của tôi.

- Anh suy diễn nó à?

- Tất nhiên!

- Từ đâu mới được?

- Từ đôi dép anh đang đi đấy.

Tôi liếc nhìn xuống đôi dép kiểu mới mà tôi đang mang.

- Thế nào mà...?

Holmes ngắt lời tôi khi tôi còn chưa kịp hỏi xong:

- Những đôi dép của anh còn rất mới. Anh không thể có nó hơn vài tuần. Tuy nhiên, dưới đế lại có những vết xém nhỏ nhỏ. Lúc đầu tôi nghĩ rằng, có lúc nó bị ướt và anh đã hong chúng cho khô. Nhưng, chỗ gần cái quai dép vẫn còn có nguyên tờ nhãn của cửa hiệu. Nếu đôi dép bị ướt thì tờ nhãn sẽ bị bong ngay. Chỉ có thể có một cách lý giải là anh đã ngồi duỗi chân vào lò sưởi. Một người đàn ông ít khi nào ở trạng thái như thế trong những ngày ẩm ướt của tháng 6 trừ phi anh ta không được khỏe.

Như mọi khi, những suy diễn của Holmes lập tức trở nên đơn giản khi được giải thích. Anh đọc thấy điều này trên khuôn mặt tôi và nở một nụ cười thoáng có vẻ cay đắng:

- Tôi sợ là tôi đã giải thích quá nhanh chóng - anh nói - Một số sự việc diễn ra mà không có nguyên nhân còn gây nhiều ấn tượng hơn. Anh đã sẵn sàng đi Birmingham rồi chứ?

- Sẵn sàng. Mà vụ gì vậy?

- Tôi sẽ kể trên tàu. Thân chủ của tôi đang chờ trên chiếc xe ngựa ở bên ngoài. Anh đi ngay nhé?

- Chờ tôi một chút.

Tôi nguệch ngoạc vài chữ gửi ông bạn láng giềng, leo lên cầu thang để báo cho nhà tôi biết, rồi trở xuống.

- Ông hàng xóm của anh cũng là một bác sĩ - Holmes vừa nói vừa chỉ vào tấm biển đồng thau.

- Vâng. Anh cùng thực tập chung với tôi.

- Người chủ cũ à?

- Không. Cũng như tôi. Cả hai cùng đặt phòng mạch trong ngôi nhà này.

- Và anh đang giữ cái tốt nhất...

- Tôi nghĩ là vậy. Nhưng làm sao anh biết?

- Dựa trên các bậc cửa, cậu bé ạ. Bên anh sâu hơn bên kia đến 3 inch. Anh Watson, đây là ông Hall Pycroft, thân chủ của chúng ta. Cho ngựa chạy đi bác xà ích!

Người ngồi trước mặt tôi còn trẻ, có thân hình cân đối nước da sáng. Khuôn mặt cởi mở, lương thiện và hàng ria mép vàng hoe xoắn lại.

- Chúng ta có 70 phút trước khi tới nơi - Holmes báo - Tôi yêu cầu thân chủ vui lòng thuật lại cho bạn tôi biết nổi gian truân rất lý thú của ông.

Người trẻ tuổi nhìn tôi với một ánh mắt tinh nghịch, rồi nói:

- Trước đây tôi làm việc ở hãng Coxon and Woodhouse, nhưng vào đầu mùa xuân vừa qua, hãng đó bị phá sản. Hai mươi bảy người như chúng tôi đều bị thất nghiệp. Tôi gõ cửa xin việc nhiều nơi, nhưng đều thất bại. Trước kia, tại hãng cũ, tôi lĩnh 3 bảng mỗi tuần và dành dụm được 70 bảng. Chẳng bao lâu, tôi chỉ còn đủ tiền mua tem để viết thư gửi tới những nơi "cần người". Nhưng vẫn chẳng có tin vui nào. Sau cùng, tôi được biết công ty Mawson and William's, công ty môi giới chứng khoán lớn tại phố Lombard, có một chỗ đang khuyết người. Theo lời rao đăng trên báo thì phải trả lời bằng thư. Tôi vội gửi đến đó đủ các giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cùng bản lý lịch, nhưng lòng không hy vọng lắm. Thư phúc đáp, nói rằng tôi có thể tới nhận việc ngay nếu ngoại hình của tôi coi được. Khởi đầu lương tôi cao hơn ở hãng cũ mà công việc thì như nhau. Ngay buổi tối của ngày nhận thư hồi âm, tôi đang hút một điếu xì gà, trong lòng thư thái, thì người chủ nhà chợt leo lên phòng tôi, đem theo một tấm danh

thiếp trên đó có hàng chữ: "Arthur Pinner, đại lý tài chính". Tôi chưa bao giờ nghe nói đến cái ông Pinner đó, nhưng tôi vẫn mời ông lên.

Đó là một người tầm thước, tóc nâu, mắt đen, cái mũi có dáng vẻ là dân Do Thái. ông nói ngắn gọn, tựa như một người biết rõ giá trị của thời giờ.

- Ông là Hall Pycroft?

- Vâng, chính tôi.

Tôi đẩy ghế mời ông ngồi.

- Mới đây ông làm việc cho hãng Coxon and Woodhouse phải không? - ông ta hỏi tiếp.

- Vâng.

- Và giờ đây được hãng Mawson thuê dụng?

- Thừa vâng.

- Ông còn nhớ ông Parker, quản lý ở hãng Coxon chứ? Ông ấy nói rất tốt về ông.

- Tất nhiên, tôi rất vui khi nghe chuyện đó. Ở văn phòng, tôi luôn luôn làm việc chăm mẫn, nhưng tôi chẳng bao giờ ngờ được thiên hạ nói nhiều về tôi đến thế.

- Ông có trí nhớ tốt đấy chứ? - ông ta hỏi tôi.

- Cũng tạm được! - Tôi nói một cách khiêm nhường.

- Ông vẫn tiếp xúc với thị trường chứng khoán trong những ngày ông không có việc làm?

- Sáng nào tôi cũng đọc thông báo của các chứng khoán.

- Đó là cách người ta làm giàu đấy nhé! Ông sẽ không giận, nếu như tôi thử thách ông. Các cổ phần Ayrshires hôm nay trị giá bao nhiêu?

- 106,25 đổi lấy 105,78.

- Thế còn công trái hợp nhất của New Zealand?

- 104.

- Và những công trái Broken Hills của nước Anh?

- 7 đổi lấy 7,6.

- Tuyệt vời - ông ta giang hai cánh tay ra mà reo lên - Chính tôi cũng sẽ trả lời đến thế thôi. Chú em này, chú thật quá giỏi để vào làm cho hãng Mawson.

- Quả vậy - Tôi nói với ông Pinner - Nhưng người khác không đánh giá tôi như ông. Tôi sẽ làm hết sức mình để khỏi phụ lòng ông.

- Hừ, anh bạn thân mến! Anh phải bay lên cao hơn mới được chứ. Hãy cho tôi biết, bao giờ anh đến trình diện tại hãng Mawson?

- Thứ hai.

- Tôi sẵn lòng chi một số tiền nhỏ để anh không đi làm cho hãng Mawson.

- Không đến Mawson sao?

- Đừng đến! Ngày thứ hai anh sẽ làm giám đốc thương mại của công ty trách nhiệm hữu hạn Franco-Midland, chuyên kinh doanh hàng kim khí, có 134 chi nhánh trong các thị trấn và làng mạc tại Pháp, chưa kể tới các chi nhánh ở Brussels và San Remo.

Tôi như bị hụt hơi. Tôi thì thầm:

- Nhưng tôi chưa bao giờ nghe nhắc đến công ty đó?

- Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tất cả điều đó đã được giữ rất bí mật. Vốn hoàn toàn do các tư nhân đóng góp: ông anh tôi, Harry Pinner là quản trị viên được ủy nhiệm. Anh đã yêu cầu tôi tìm một người trung hậu... có nghĩa là một người trẻ tuổi,

năng động, đầy nghị lực. Parker đã nói với tôi về anh. Vì thế tối nay tôi mới tới đây. Chúng tôi chỉ có thể trả cho anh mức lương khởi điểm là 500 bảng.

- Năm trăm bảng một năm à? - Tôi hét lên.

- Chỉ là để bắt đầu. Anh còn được một khoản hoa hồng là 1% trên tất cả mọi thương vụ. Với khoản hoa hồng đó, lương của anh coi như được tăng gấp đôi.

- Nhưng tôi không biết kinh doanh hàng kim khí.

- Suyt, chàng trai ời, anh biết rành nghề đó qua những con số.

Tiếng vo vo trong đầu làm tôi ù cả tai. Tôi rất muốn giữ cho mình bình tĩnh, nhưng quả thật là khó.

- Hãng Mawson chỉ trả cho tôi có 200 bảng, nhưng Mawson là một doanh nghiệp đứng đắn. Thật ra, tôi biết quá ít về công ty của ông nên...

- A, được lắm! Hoan hô! - ông ta kêu lên trong một trạng thái như xuất thần - Anh đúng là người mà chúng tôi cần. Người ta chẳng thể lừa dối nổi anh và anh đã rất có lý. Cảm lấy này, đây là tờ giấy bạc 100 bảng. Nếu anh nghĩ là chúng ta có thể thỏa thuận với nhau, anh chỉ việc nhét khoản tạm ứng đó vô túi.

- Ông rộng rãi quá. Khi nào tôi bắt đầu nhận việc?

- Ngày mai, lúc một giờ, anh hãy có mặt ở Birmingham. Trong túi tôi có sẵn một lá thư mà anh sẽ trao lại cho anh tôi. Anh sẽ gặp anh ấy ở 126B phố Corporation, là nơi đặt văn phòng tạm của công ty.

- Thật vậy ư, tôi không biết lấy gì đền ơn ông.

- Có gì đâu. À, mà tôi muốn thu xếp với anh. Anh có sẵn giấy không? Tốt. Anh hãy viết: "Tôi ký tên dưới đây... đồng ý nhận chức vụ giám đốc thương mại tại công ty kinh doanh hàng kim khí Franco-midland, với số lương tối thiểu là 500 bảng mỗi năm".

Tôi làm theo điều ông yêu cầu và ông ta nhét tờ giấy vào túi.

- Còn một chi tiết nữa - ông ta lại nói - Anh có ý định như thế nào đối với nhà Mawson?

- Tôi sẽ viết thư từ chối.

- Đó là điều mà tôi không muốn. Anh hãy mừng tượng là tôi và nhà Mawson đã tranh nhau mời cho được anh. Ông ấy đã kết tội tôi là muốn phỉnh phờ anh để làm cho anh rời bỏ hãng ông ta. Tới phút cuối, tôi mất bình tĩnh, đã nói với ông ta: "Nếu như ông muốn thuê được những người giúp việc giỏi thì ông phải trả lương cao". Ông ta đáp: "Người đó thà lãnh lương thấp ở chỗ chúng tôi hơn là lãnh lương cao của ông!". Tôi tức tối, trả miếng liền: "Tôi dám đánh cược với ông năm bảng rằng anh ấy sẽ nghe những lời đề nghị của tôi và ông sẽ mất anh ấy". Ông ta bảo tôi: "Bắt đấy? Chúng tôi đã moi anh ta lên từ cảnh đề hèn, anh ta sẽ không buông rơi chúng tôi đâu".

- Đồ xác xược! Tôi đã thấy hấn bao giờ đâu! Vả chẳng tại sao tôi lại bận tâm đến hấn? Nếu ông muốn tôi không viết cho hấn, thì tôi sẽ không viết?

- Tốt! Như vậy là đã hứa với nhau rồi nhé! - ông ta nói với tôi khi xô ghế đứng lên - Đây là khoản ứng trước 100 bảng và đây là lá thư. Ngày mai lúc một giờ. Xin chúc anh một đêm an lành.

Thưa bác sĩ Watson, tôi hài lòng biết bao với cơ may này! Sáng hôm sau, tôi vội vã đến Birmingham và tìm tới địa chỉ đã được dặn. Tôi đến trước giờ hẹn 15 phút. Địa chỉ 126B là một dãy hành lang giữa hai cửa hàng lớn, dẫn tới một cầu thang xoáy tròn ốc, trên đó có nhiều phòng cho thuê, dùng làm văn phòng các công ty. Tên những người thuê nhà được viết bằng vôi trên một tấm bảng, nhưng tôi không thấy có tên công ty

Franco-Midland. Tôi sững sờ, tự hỏi vụ này phải chăng là một sự phỉnh lừa... Thế rồi có một người hiện ra và ngỏ lời với tôi. Người đó rất giống với người mà tôi đã gặp trong buổi tối hôm trước, nhưng không có râu mà mái tóc lại có màu sáng hơn.

- Có phải ông là Hall Pycroft?

- Phải.

- A, tôi chờ ông đây, ông đến hơi sớm một chút. Sáng nay tôi có nhận được thư của em tôi. Chú ấy ca ngợi ông hết lời.

- Tôi đang tìm văn phòng ông.

- Chúng tôi chưa kịp cho ghi tên lên bảng. Thôi, ông hãy theo tôi, chúng ta bàn công việc.

Tôi theo ông ta lên lên tới trên cầu thang, sát dưới mái nhà lợp đá đen. Tới hai căn phòng nhỏ trống trênh, đầy bụi bặm, không trải thảm và không có màn che cửa, ông ta đẩy tôi vào. Tôi đã nghĩ tới một văn phòng lớn với những cái bàn bóng loáng, những nhân viên xếp hàng đằng sau, như tôi vẫn quen từ thuở nào. Thế là tôi bàng hoàng ngẩng nhìn hai cái ghế tựa lung lay và một cái bàn nhỏ mà, cũng với một cuốn sổ và một cái giỏ đựng giấy vụn. Đó là tất cả đồ đạc trong nhà.

- Đừng có nản lòng, Pycroft - ông ta nói lớn khi trông thấy cái vẻ mặt thất vọng của tôi - Thủ đô La Mã đâu có được dựng lên trong một ngày? Chúng ta có rất nhiều vốn liếng, dầu rằng chúng ta không có một văn phòng loè loẹt. Hãy ngồi xuống và cho tôi coi lá thư.

Tôi đưa lá thư ra. Ông ta đọc hết sức cẩn thận.

- Dường như anh đã tạo ra một ấn tượng rất mạnh nơi chú em tôi - ông nói khi đặt lá thư xuống - Chú ấy có tài phán đoán. Mong anh coi như đã được thu nhận thực sự.

- Tôi phải làm việc gì?

- Anh sẽ sắp xếp kho hàng lớn của chúng ta bên Paris, là nơi sắp tung ra thị trường một loạt đồ sành và đồ gốm Anh trong những cửa hàng lớn thuộc 134 đại lý của hãng ta ở bên Pháp. Việc mua hàng sẽ được thực hiện xong trong tuần này. Từ nay tới đó anh sẽ ở lại Birmingham và anh sẽ trở thành hữu ích.

- Bằng việc gì?

Thay cho câu trả lời, ông ta rút trong ngăn kéo ra một cuốn sách lớn màu đỏ.

- Đây là cuốn danh sách những cư dân ở Paris, và nghề nghiệp của họ. - ông nói với tôi - Anh có thể mang cuốn sách này về nhà, ghi tên tất cả những nhà đại kim khí và địa chỉ của họ. Bản danh sách sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Chắc chắn là nó đã có trong những cuốn sách niên giám chứ?

- Không thể tin vào những cuốn niên giám đó. Hệ thống đó khác với phương thức của chúng ta. Anh hãy làm và đem cho tôi bản danh sách do anh lập ra vào sáng thứ hai tuần tới, lúc giữa trưa. Hẹn gặp lại.

Tôi quay về nhà trọ, trong lòng xốn xang những tình cảm mâu thuẫn nhau. Một bên tôi có chỗ làm, trong túi đang có 100 đồng bảng; còn bên kia là cái văn phòng nghèo nàn. Nhưng dầu sao đi nữa, tôi đã có tiền, rồi muốn ra sao thì ra. Thế là tôi bắt tay vào việc. Suốt ngày chủ nhật tôi cúi gằm trên cuốn danh sách, thế mà qua ngày thứ hai tôi chỉ mới tới được vần H. Tôi quay lại gặp ông chủ tôi. Vẫn gặp nhau trong căn phòng trống trải. Ông bảo tôi cứ tiếp tục và hãy quay trở lại vào ngày thứ tư. Thứ tư tôi vẫn chưa làm xong. Tôi ráo riết làm việc, cho tới thứ sáu, có nghĩa là ngày hôm qua. Thế là tôi đem danh sách tới cho ông Harry.

- Cám ơn anh nhiều lắm! - ông ta nói - Danh sách này rất hữu ích cho tôi.
- Tôi đã mất khá nhiều thì giờ.
- Giờ đây, - ông ta nói tiếp - Tôi yêu cầu anh lập cho tôi bản danh sách những nhà bán hàng trang trí nội thất, bởi vì những cửa hàng đó thường bán cả đồ kim khí nữa.
- Được lắm.
- Tối mai, anh đến đây lúc bảy giờ để cho tôi biết là anh đã làm được đến đâu.
Đừng có làm việc quá sức đấy. Hai giờ đi nghe nhạc trong buổi tối sẽ không làm hại anh.

Thế là ông ta bắt đầu vừa cười vừa nói với tôi và tôi chợt nhìn thấy cái răng thứ hai bên mé trái được bịt vàng, rất xấu xí.

Sherlock Holmes xoa xoa hai bàn tay vào nhau, đáng vẻ rất thích thú, trong lúc tôi ngơ ngác nhìn người thanh niên.

- Phải, ông quả có lý khi tỏ ra sững sờ, bác sĩ Watson - Anh ta nói với tôi - Tuy nhiên chuyện là như thế đó. Khi tôi nói chuyện với cái ông kia ở London thì ông ta cười trước cái ý kiến là tôi sẽ không đi tới hãng Mawson. Lần đó tôi đã để ý thấy cái răng bịt vàng của ông ta rất chính xác, nó y hệt như cái răng mà tôi đã thấy ngày hôm qua. Khi tôi nghĩ rằng giọng nói và dáng dấp cũng như nhau, và chỉ có những nét đặc trưng là khác nhau (có thể đã do tác dụng của một lưỡi dao cạo hoặc một mái tóc giả), thì tôi tự nhủ rằng chắc chắn đây hai người chỉ là một mà thôi. Tất nhiên là có thể có hai anh em giống nhau, nhưng không giống tới mức có cùng một cái răng được bịt vàng theo cùng một cách...

Trên đường về, tôi không biết mình đang đi bằng chân hay bằng đầu nữa. Tôi quay trở lại khách sạn, nhúng đầu vào trong nước lạnh và cố suy nghĩ. Tại sao hắn ta lại bắt tôi rời London xuống Birmingham? Tại sao hắn lại đến Birmingham trước tôi? Tại sao hắn viết thư gửi cho chính hắn? Tôi chẳng hiểu nổi điều gì. Và bất thành linh tôi biết rằng những điều tối đen đối với tôi có thể lại sáng như ban ngày đối với ông Holmes. Thế rồi tôi đã đến đây".

Khi câu chuyện chấm dứt, có một khoảng thời gian im lặng khá lâu. Sherlock Holmes nháy mắt ra hiệu với tôi, ngả người vào gối đệm.

- Không dở, phải không Watson? Trong vụ này có một chi tiết làm tôi ưng ý. Vậy thì một cuộc nói chuyện với ông Harry sẽ hấp dẫn đấy nhỉ?

- Nhưng phải làm thế nào? - Tôi hỏi.

- Ô, rất dễ! - Pycroft reo lên một cách vui vẻ - Hai ông là hai người bạn của tôi, cùng đi tới đó tìm việc làm. Có gì là không bình thường khi tôi giới thiệu hai ông với viên quản trị được ủy nhiệm kia chứ?

- Rất tuyệt! - Holmes nói - Tôi muốn nhìn tận mặt nhân vật đó và thử tìm hiểu trò chơi của y.

Tối hôm đó, lúc 7 giờ, chúng tôi đi bộ đến văn phòng công ty.

- Chẳng cần đến sớm làm chi - Thân chủ của chúng tôi giải thích - Chắc là hắn chỉ tới đó để gặp một mình tôi thôi. Ủa kìa! Hắn đang đi trước chúng ta kìa.

Anh ta chỉ cho chúng tôi thấy một người tóc hoe, ăn mặc bảnh bao, đang rảo bước trên vỉa hè bên kia. Hắn nhìn một thằng bé bán báo đang rao toáng lên những tin tức giật gân, rồi thỉnh thoảng xông vào giữa những cỗ xe và xe buýt để mua một tờ báo và biến khuất sau một khung cửa.

- Chỗ đó đấy! - Pycroft kêu lên - Hắn đang leo lên văn phòng. Hai ông hãy lại đó với tôi.

Chúng tôi leo năm tầng lầu, Pycroft gõ lên một cánh cửa hé mở.

- Cứ vào!

Lúc đó chúng tôi thấy mình đang ở trong một căn phòng trống tuếch. Ngồi trước cái bàn duy nhất là người đàn ông mà chúng tôi đã thấy ngoài đường phố, tờ báo trải rộng dưới mắt. Khi người đó ngẩng lên, tưởng chừng như tôi chưa bao giờ trông thấy một khuôn mặt nào mang theo những dấu vết rã rời hơn. Vầng trán bóng ẩm mồ hôi, đôi mắt long lanh một tia nhìn hoang dại, ông ta như không còn nhận ra người giúp việc của mình nữa.

- Ông có vẻ bị đau, thưa ông chủ? - Người thanh niên nói lớn.

- Phải, tôi không được khỏe - Người kia trả lời, cố gắng trấn tĩnh lại. Ông ta thè lưỡi liếm môi trước khi hỏi: - Các ông đây là ai vậy?

- Đây là ông Harris ở Bermondsey, ông này là Price ở tại đây - Pycroft trả lời trơn tru.

- Đây là hai anh bạn tôi, những người giàu kinh nghiệm nhưng nay lại bị thất nghiệp. Tôi hy vọng ông sẽ sử dụng khả năng của họ trong công ty.

- Có thể lắm chứ - Người đọc báo nói với nụ cười dễ sợ - Phải, chúng tôi có thể làm được cái đó cho hai ông. Thế ông làm nghề gì, thưa ông Harris?

- Tôi làm kế toán - Holmes trả lời.

- Thế à? Vừa đúng lúc chúng tôi đang cần một người giữ sổ sách. Thế còn ông, thưa ông Price?

- Thư ký hành chính - Tôi trả lời.

- Công ty sẽ thu nhận ông. Tôi sẽ báo tin, khi nào chúng tôi quyết định. Và giờ đây, tôi mong các ông hãy để cho tôi được yên, được ở đây một mình.

Những lời sau chót vọt ra khỏi miệng người đó tựa hồ như sự gò bó lâu ngày, mà ngày nay bất thành linh sự câu thúc bỗng bị vỡ tan tành. Holmes và tôi trao đổi một tia nhìn và Pycroft tiến một bước lên phía cái bàn, anh nói:

- Thưa ông, ông quên mất rằng ông đã hẹn tôi đến đây để cho tôi những chỉ thị hay sao.

- Chắc chắn rồi - Người nọ trả lời bằng một giọng bình tĩnh hơn - Các ông có thể chờ tôi một lát...

Hắn đứng lên trong một dáng điệu rất lịch sự, nghiêng mình khi đi ngang qua chúng tôi, mở một cánh cửa ở phía đầu bên kia văn phòng rồi khép lại sau lưng hắn.

- Như vậy có nghĩa là gì? - Holmes thì thào - Liệu hắn có vượt thoát khỏi tay chúng ta chăng?

- Không thể được! - Pycroft trả lời.

- Tại sao?

- Cánh cửa này mở vào một căn phòng trong.

- Không có lối ra sao?

- Không có lối ra nào khác.

- Phòng có bày đồ đạc không?

- Cho đến ngày hôm qua thì nó còn trống trơn.

- Thế thì hắn có thể làm gì trong đó nhỉ? Một cái gì đó vượt khỏi tôi trong vụ án này? Điều gì đã làm cho hắn run sợ đến thế?

- Hắn nghi chúng ta là cảnh sát. - Tôi nói.

- Đúng vậy! - Pycroft nói.

Holmes lắc đầu.

- Hẳn đã nhọt nhọt trước khi chúng ta vô đây. Rất có thể là...

Câu nói của anh bị ngắt ngang bởi một tiếng "tốc tốc" khá mạnh từ trong cánh cửa phòng bên vọng ra.

- Ma xúi quỷ giục gì mà hấn lại gõ vào cánh cửa của hấn như vậy? - Pycroft kêu lên.

Thêm lần nữa và thêm nhiều tiếng "tốc tốc" mạnh hơn nữa. Chúng tôi bực dọc. Tôi quay lại phía Holmes và thấy anh im lìm, nghiêng mình xuống phía trước với một sự kích động mãnh liệt. Bất chợt chúng tôi nghe một thứ tiếng "òng ọc" và một tiếng gõ trên gỗ dữ dội.

Holmes nhảy vọt qua căn phòng như một kẻ điên loạn và đẩy mạnh cánh cửa. Nó được đóng chặt từ bên trong. Chúng tôi hợp sức dốc toàn lực xô mạnh vào cánh cửa. Một cái bản lề long ra, rồi tiếp theo là một cái khác nữa; sau chót cánh cửa bật tung. Chúng tôi xông bừa lên những mảnh vụn.

Căn buồng trống không.

Chúng tôi bối rối một giây. Trong một góc, cái góc gần nhất với căn phòng là nơi mà chúng tôi đứng chờ đợi còn có một cánh cửa thứ hai. Holmes nhảy vọt tới, mở cánh cửa đó ra. Dưới đất có vương vãi tấm áo vét và áo gi-lê. Móc vào một cái móc gần sau cánh cửa, dùng những dải đeo quần của chính mình quần vào quanh cổ, nhà quản trị đã tự treo cổ mình lên. Đầu gối hấn co quắp, tiếng những gót chân động vào cánh cửa là tiếng động làm ngắt ngang câu chuyện của chúng tôi. Trong một thoáng, tôi đã đỡ lấy thân mình hấn, nâng lên, Holmes và Pycroft tháo gỡ những dải dây ra. Chúng tôi khiêng hấn sang phòng bên. Hấn nằm dài ở đó, mặt hấn có màu sạm của da đen. Theo từng nhịp thở, đôi môi đỏ của hấn phồng lên rồi xẹp xuống.

- Anh nghĩ sao, Watson? - Holmes hỏi.

Tôi cúi nghiêng mình xuống để tiến hành cuộc khám nghiệm ngắn. Mạch đập yếu và không đều. Nhưng sự hô hấp của y lại bứt dứt khúc và đôi mi mắt run run hiện ra một chút lòng trắng.

- Chậm một chút nữa là rồi đời! Nhưng giờ đây thì hấn sẽ sống. Làm ơn mở cửa sổ ra và mang nước lại đây.

Tôi mở cổ áo hấn ra, rảy nước lên mặt hấn và làm hô hấp nhân tạo. Lát sau hấn phát ra một hơi thở dài và bình thường.

- Chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. - Tôi nói khi bỏ mặc hấn nằm đó.

Holmes đứng gần bên hai cái bàn, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần và cái cầm gục xuống ngực:

- Giờ đây chúng ta phải mời cảnh sát tới. Tuy nhiên, tôi ưa thích giao lại cho cảnh sát một vụ đã được làm sáng tỏ.

- Tất cả vụ này là khó hiểu - Pycroft vừa gãi đầu kêu lên - Tại sao bọn chúng lại muốn cho tôi lên và giữ tôi lại đây? Thế rồi sao nữa?

- Hừ! - Holmes buông ra với giọng mất kiên nhẫn - Tất cả đã rõ ràng rồi. Ngoại trừ cái hành động đột ngột sau chót này.

- Vậy ông đã hiểu những gì còn lại?

- Phần còn lại, là một sự hiển nhiên. Anh nghĩ sao Watson?

- Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Ô, coi nào, những nguyên nhân đầu tiên đều dẫn tới có một kết luận thôi mà!

- Thế thì, lập luận của anh là gì?

- Tất cả nội vụ dựa trên hai điểm. Điểm thứ nhất là bản xác nhận mà người ta buộc Pycroft phải viết và sau đó anh phải làm trong cái công ty quỷ quái này. Anh không thấy tầm quan trọng của điều đó hay sao?

- Không.

- Xem nào! Tại sao bọn chúng lại cần đến những giấy đó. Đâu phải cần làm cho đúng phép, bởi vì những thu xếp thuộc loại này thông thường là lời nói. Vậy thì tại sao nó được là một ngoại lệ? Anh há chẳng thấy sao, anh bạn trẻ của tôi, rằng họ mong muốn thu được một mẫu chữ viết của anh để từ đó họ sẽ có được cái họ cần có.

- Tôi chẳng hiểu gì cả.

- Một người nào đó muốn tập viết giống kiểu chữ của anh và hắn ta cố kiếm cho ra một bản mẫu. Và giờ đây, nếu chúng ta chuyển qua điểm thứ hai, ta sẽ thấy rằng điều thứ hai làm sáng tỏ cho điều thứ nhất. Điểm thứ hai là như thế này: Pinner yêu cầu anh đừng có viết thư xin thôi việc, vì ông ta muốn để cho ông giám đốc hãng Mawson tin rằng có một ông Pycroft mà ông ta chưa từng gặp mặt lần nào, sẽ tới nhận việc vào buổi sáng thứ hai.

- Lạy Chúa - Thân chủ của chúng tôi kêu lớn - Tôi khờ khạo nhất trên đời.

- Giờ đây thì anh đã ước lượng được tầm quan trọng về bản xác nhận chữ viết tay của anh chưa? Giả sử có ai đó tới nhận chỗ làm dành cho anh và rằng ai đó lại có một kiểu chữ viết rất khác biệt với kiểu chữ mà anh viết trong đơn dự tuyển thì sự gian trá ắt hẳn là sẽ bị khám phá ra. Nhưng nếu tên vô lại có kiểu chữ viết giống anh thì địa vị của hắn đã được an toàn, bởi vì tôi phỏng đoán là chẳng một ai trong hãng đó biết mặt anh.

- Không một ai! - Pycroft rên rỉ.

- Muốn cho anh không suy nghĩ nhiều về điều đó, muốn kéo anh ra khỏi mọi sự tiếp xúc để anh không có khả năng tìm hiểu được là có một người trùng tên trùng họ với anh đang làm việc tại hãng Mawson, chúng đưa cho anh một số tiền lớn và gửi anh tới Midland, là nơi chúng bắt anh phải làm việc bù đầu, khiến anh không thể trở về London mà khám phá ra cái mưu mô nhỏ bé của chúng. Tất cả mọi việc đều đơn giản.

- Nhưng tại sao người này lại làm ra vẻ là anh ruột của y?

- Trong âm mưu này, chúng phải có hai người. Kẻ kia đang giả danh anh làm việc ở văn phòng, còn gã này thì chơi trò tuyển dụng anh. Vả lại, hắn không thể nào tìm cho anh một chủ nhân mà lại không có ông chủ, tức là một nhân vật thứ ba. Đó là điều hắn không muốn chút nào. Vậy là hắn đóng luôn vai anh ruột của hắn (ông chủ) bằng cách hoá trang. Anh không thể nào nhận ra, nếu không có "cái răng vàng".

Pycroft giờ hai bàn tay lên cao mà kêu lên:

- Thế là trong lúc tên Pycroft thật ở đây thì cái gã Pycroft giả-mạo-kia làm trò gì ở hãng Mawson? Chúng ta phải làm sao, ông Holmes?

- Cần phải đánh điện cho hãng Mawson.

- Ngày thứ bảy họ đóng cửa nghỉ vào buổi trưa.

- Không hề gì. Ở đó thế nào cũng có người gác cổng hoặc bảo vệ.

- Phải đó! Họ có thuê một người bảo vệ thường trực để giữ gìn các tủ sắt chứa những cổ phần. Tôi nhớ đã nghe nói tới việc đó trong khu City.

- Tốt lắm. Chúng ta sẽ đánh điện cho người bảo vệ để hỏi xem tất cả có an toàn không và xem có một người nào mang tên anh làm việc trong hãng đó không. Việc này

thì khá rõ ràng, còn việc kém rõ ràng là tại sao một tên vô lại chỉ vì trông thấy chúng ta mà lại đi treo cổ.

- Tờ báo - Một giọng nói kèn kệt phát ra phía sau chúng tôi.

Tên vô lại đã ngồi dậy, tay y xoa bóp một cách nôn nóng các vết lằn đỏ lổm sâu quanh cổ.

- Tờ báo? Đúng thế! - Holmes kêu lớn lên trong tâm trạng kích thích cực độ - Tôi đã ngu ngốc làm sao.

Anh trải rộng tờ báo trên mặt bàn và một tiếng kêu chiến thắng vang lên.

- Đây là tờ báo xuất bản tại London, tờ Evening Standard. Hãy xem những tí này. "Một tội ác trong khu City. Án mạng trong hãng Mawson and William's. Một vụ xếp đặt để hại người. Bắt được tên tội phạm". Watson, anh hãy đọc bài báo thật to cho chúng tôi nghe đi.

"Từ ít lâu nay, Mawson and William's, những nhà môi giới chứng khoán rất nổi tiếng, đảm nhiệm việc cất giữ những phiếu cổ phần mà tổng số vượt quá một triệu sterling. Vị giám đốc rất có ý thức về trách nhiệm của mình, đã cho đặt những kết sắt kiểu mới nhất và một giám thị có vũ trang giữ nhiệm vụ canh gác ngày cũng như đêm trong ngôi nhà. Tuần lễ vừa qua, một nhân viên mới, có tên là Pycroft được công ty thu dụng. Anh chàng này không ai khác hơn là Beddington, kẻ làm giả nổi tiếng và là kẻ trộm. Bằng những phương pháp còn chưa được xác minh, y đã mượn tên giả, xin được một chỗ trong hãng, y lạm dụng địa vị của mình để lấy dấu nhiều ổ khoá khác nhau và tìm biết nơi đặt những kết sắt.

Ở hãng Mawson, nhân viên rời sở làm vào trưa thứ bảy. Trung sĩ Tuson, thuộc sở cảnh sát khu City, đã lấy làm ngạc nhiên khi thấy một người có xách theo cái túi du lịch đi xuống những bậc thềm vào hồi 1 giờ 20. Ông nghi ngờ và theo dõi người đó. Với sự phụ giúp của cảnh sát viên Pollock, ông đã bắt giữ người nọ. Ngay tức khắc, ông phát hiện ra một vụ trộm rất táo bạo. Gần 100.000 bảng Anh trái phiếu ngành đường sắt Mỹ, và một lượng lớn những chứng khoán khác, được kiểm kê trong cái túi. Cuộc xét nghiệm hiện trường đưa tới việc phát hiện tử thi của người bảo vệ bất hạnh, bị gấp làm hai rồi bị nhét vào trong cái kết sắt lớn nhất từ phía sau. Em y, thường sát cánh với y, lại không thấy xuất hiện trong vụ này. Hiện nay cảnh sát đã mở cuộc điều tra xem y đang ở đâu."

- Vậy thì, chúng ta có thể giúp cảnh sát một tay - Holmes nói, liếc nhìn cái thân hình đang co rúm gần bên cửa sổ.

Hết

[1] Nguyên văn: Franco-Midland Hardware Company, Limited

[2] Nguyên văn: By Jove

C.4 - The Gloria Scott 1893 (Con tàu "Gloria Scott")

Một buổi tối mùa đông, khi hai chúng tôi ngồi bên lò sưởi Sherlock Holmes nói:

- Đây là những tài liệu có liên quan đến vụ đắm tàu Gloria Scott, anh nên quan tâm tới nó. Trong số các tài liệu này có một lá thư đã làm cho ông quan tòa Peace Trevor chờ người ra vì kinh hãi.

Từ một ngăn kéo, anh moi ra một cái hộp nhỏ đã phai màu, sau khi tháo sợi dây cột ngoài, anh đưa cho tôi một lá thư ngắn, viết nguệch ngoạc:

“Dụng cụ trò chơi ở London đã đi từ từ quá xa. Người quản lý Hudson kể đã nói nhận tất cả bầy ruồi trốn đi và để giữ con gà mái còn mạng sống”.

Khi đọc thư xong, tôi ngược mắt lên, bắt gặp Holmes cười rúc rích:

- Đường như anh hơi lúng túng đấy?

- Tôi chẳng hiểu vì sao một tin nhắn như vậy lại có thể làm cho người nhận chờ người ra vì kinh hoàng; trái lại, tôi thấy nó...

- Đúng thế! Ấy thế mà người nhận thư đã ngã vật xuống như vừa bị trúng một phát súng.

- Anh khơi dậy óc tò mò của tôi rồi đấy. Nhưng tại sao anh bảo rằng tôi nên quan tâm đến vụ này.

- Bởi vì nó là vụ đầu tiên của tôi.

Trước đây tôi đã từng tìm cách gợi ý để Holmes kể cho tôi nghe về lý do anh lựa chọn nghề thám tử nhưng chưa bao giờ Holmes lại ở trạng thái vui vẻ như lần này. Anh ngồi hẳn vào trong chiếc ghế bành, trải những tờ giấy lên đùi mình, kéo nhẹ một hơi tẩu.

- Anh chưa hề nghe tôi nhắc tới Victor Trevor phải không? Anh ấy là người bạn duy nhất mà tôi có trong hai năm theo học ở trường cao đẳng. Anh Watson, tôi là người thích nhốt mình trong phòng riêng để hiệu đính những phương pháp lý luận của riêng tôi, vì thế tôi ít có bạn bè. Tôi quen với Victor, trong lúc đi dự một buổi lễ đạo, và con chó săn của anh ta bất chợt cắn vào mắt cá chân tôi.

Tôi phải nằm yên trong mười ngày và Victor thường đến thăm tôi. Thoạt đầu anh chỉ ở lại tán gẫu trong một lát. Nhưng rồi những chuyến tới thăm kéo dài và chúng tôi mau chóng thân nhau. Đó là một chàng trai khỏe mạnh, nóng nảy, thông minh và có nghị lực. Sau cùng vào kỳ nghỉ hè, anh mời tôi về nhà thân phụ anh ở Donnithorpe, thuộc vùng Norfolk, chơi trong một tháng.

Ông già Trevor là quan tòa tòa án hòa giải và là điền chủ. Donnithorpe là một xóm nhỏ ở ngay phía bắc Langmere, trong vùng có nhiều hồ và đầm lầy. Ngôi nhà kiểu xưa, với những cây rầm lăm bằng gỗ sồi và tường xây bằng gạch; một lối đi vào nhà hai bên có trồng cây, trong những bụi dương xỉ, người ta săn được nhiều vịt trời; cá cũng đáng chú ý; tủ sách thì nhỏ nhưng chứa toàn sách hay. Bố Trevor góa vợ, và bạn tôi là con trai duy nhất của ông. Người cha không học nhiều nhưng trí nhớ rất tốt. Ông còn được trời phú cho một sức khỏe đáng kể. Ông đọc ít, nhưng đã đi nhiều nơi và đi xa. Đó là

một ông già hoạt bát, có mái tóc muối tiêu, một bộ mặt rám nắng và cặp mắt màu xanh sắc sảo, đôi lúc tạo cho ông một dáng vẻ hung hãn. Tuy nhiên ông nổi tiếng là người tốt bụng và từ thiện. Tại tòa, ông nổi tiếng vì lòng khoan dung, độ lượng.

Một buổi tối, sau bữa ăn, chúng tôi đang ngồi trước ly rượu và anh Victor bắt đầu nói về những thói quen quan sát suy diễn mà tôi đã lập thành một phương thức riêng dù chưa biết nó sẽ được sử dụng như thế nào trong cuộc sống. Ông cụ thì cho rằng Victor đã quá phóng đại khi thuật lại hai hoặc ba kỳ tích của tôi đã hoàn thành.

- Coi nào, cậu Holmes - Ông cụ Trevor nói với tôi vừa cười thật vui vẻ - Cậu hãy thử suy diễn ra điều gì đó về tôi xem: tôi là một đề tài tuyệt hảo đấy.

- Cháu không thể nói nhiều về bác được. Tuy nhiên trong thời gian gần đây bác có lo sợ về một cuộc tấn công nhằm vào cá nhân.

Nụ cười tắt ngấm trên môi, ông cụ nhìn tôi vẻ ngạc nhiên:

- Thực thể. Ngày Victor, sau khi tòa xử phạt cái băng kẻ săn bắn trái phép, bọn chúng đã thề sẽ thanh toán chúng ta. Và mới đây ngài Edward Holly vừa bị tấn công. Từ đó, ta không ngừng cảnh giác; nhưng cha tự hỏi không biết làm sao mà bạn con lại biết được điều đó.

- Bác có một cây gậy đẹp. Căn cứ theo dấu ghi trên gậy cháu nhận thấy là bác chỉ mới sử dụng nó được một năm. Nhưng bác đã tổn công khoét cái núm tròn đầu gậy rồi đem đồ chùi vào đó: nó là một vũ khí. Từ đó cháu suy ra rằng nếu như bác không lo ngại về một mối nguy hiểm nào đó, thì bác đề phòng như vậy làm gì?

- Thế còn cái gì nữa? - Bác vừa hỏi vừa cười.

- Hồi còn trẻ, bác đã chơi quyền Anh.

- Giải thật. Làm sao mà cháu đoán ra? Có phải vì mũi tôi không còn thẳng thơm chẳng?

- Không phải, vì đôi tai của bác. Tai bác sẽ xuống và có bề dày, vốn chỉ thấy ở tai những võ sĩ quyền Anh.

- Có gì khác nữa chẳng?

- Những chỗ chai trên đôi bàn tay bác cho biết bác đã đào xới đất rất nhiều.

- Gia tài của tôi đều đến từ cánh đồng có vàng.

- Bác đã tới New Zealand.

- Chính xác.

- Bác đã từng sống một thời bên Nhật Bản.

- Tuyệt.

- Và bác đã kết thân rất thân mật với một người có tên viết tắt là J.A... rồi sau đó bác tìm cách quên hẳn đi.

Ông già Trevor đứng lên thật khó khăn, chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt mà sự biểu lộ trở thành thô bạo, hung tợn rồi chúi mũi xuống bàn: bác đã ngất đi, cứng đờ. Anh Watson, anh có hình dung ra con trai bác ấy và tôi bị hoảng hốt đến ngần nào. Tuy nhiên, ngay sau khi chúng tôi cởi cúc áo và tưới nước lạnh lên mặt bác, thì bác nấc lên hai hoặc ba lần rồi lại ngồi dậy.

- A! Các con của ta - Bác nói với chúng tôi và cố gượng cười - Ta đã không làm cho các con phải hoảng sợ đấy chứ? Ta không biết con đã tìm ra bằng cách nào, Holmes ạ, nhưng ta có cảm tưởng rằng tất cả các thám tử chính thức so với con đều chỉ là trẻ nít. Chính đó là nghề nghiệp của con, con nhớ nhé!

Đó là lời khuyên kèm theo một sự đánh giá được phóng đại về những khả năng của tôi, nó đã khiến tôi tin rằng mình có thể kiếm sống được vào “trò tiêu khiển đơn giản” ấy. Tuy nhiên, trong lúc đó thì tôi chỉ quan tâm đến sức khỏe của bác ấy.

- Cháu mong là đã không lỡ lời để làm phiền bác? - Tôi thì thăm.

- Do đâu mà cháu lại biết chuyện đó và cháu còn biết thêm về điều gì?

Lúc đó bác nói với tôi bằng giọng bông lơn nhưng sâu thẳm, trong ánh mắt bác vẫn còn ẩn náu một nỗi kinh hoàng.

- Hồi nãy, khi bác xắn tay áo để bắt cá, cháu thấy những chữ viết tắt “J.A” được xăm ở khuỷu tay. Những chữ đó hãy còn thấy rõ, nhưng đã bị xoá mờ đi đến một nửa; rõ ràng bác đã tìm cách làm cho chúng biến đi. Hiển nhiên thuở xưa, đó là những chữ rất thân yêu mà về sau bác muốn quên chúng.

- Cặp mắt mới tinh làm sao - Bác kêu lên và thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm – Nhưng thôi, chúng ta đừng nhắc tới chuyện đó nữa. Trong tất cả những hồn ma bóng quế thì bóng ma của những mối tình là tồi tệ hơn cả. Chúng ta hãy sang bên phòng chơi bi da và hút một điếu thuốc.

Kể từ ngày hôm đó, cụ Trevor thường có một thoáng nghi ngờ tôi. Con cụ cũng nhận ra điều đó. Anh nói:

- Anh đã làm cho ông già bỏ vĩa, ông chẳng còn hiểu là anh biết những gì và không biết những gì.

Ông cụ không có ý cho tôi thấy sự nghi ngờ, tôi tin chắc như thế, nhưng cảm tưởng đó lại thấm vào tôi mạnh mẽ khiến nó cứ luôn hiện ra trong tất cả mọi lúc, mọi nơi. Sau cùng, tôi thấy nên rút ngắn chuyến nghỉ hè. Tuy nhiên, vào buổi sáng trước ngày tôi lên ra về, lại xảy ra một việc quan trọng. Chúng tôi đang ngồi trên những chiếc ghế đặt ngoài vườn, sưởi nắng và ngắm mặt hồ. Bỗng cô hầu gái tới báo là ngoài cửa có người muốn gặp cụ Trevor.

- Ai vậy? - Chủ nhà hỏi.

- Ông ta không chịu nói tên.

- Thế thì hấn muốn gì?

- Ông ấy chỉ nói là người quen biết và muốn gặp bác trong chốc lát.

- Cô đưa người đó vào đây.

Chúng tôi thấy xuất hiện một người nhỏ bé, dáng điệu xun xoe, bước chân lết dài. Gã mặc áo vét không cài khuy, cổ tay áo có dính hắc ín, áo sơ mi kẻ sọc vuông màu đen và đỏ, quần lao động, chân đi giày lớn đã mòn gót. Hấn có bộ mặt gầy, rám nắng, quẻ quyet, miệng luôn luôn cười, phô ra một hàng răng khấp khểnh. Những bàn tay quắt lại, cứ nắm nửa chừng, như những thủy thủ thường có thói quen như vậy. Trong lúc gã nặng nề đi ngang qua bồn cỏ, tôi nghe thấy bác Trevor cố nén một tiếng kêu nhỏ, vội vàng đứng lên và chạy vào trong nhà. Bác trở ra ngoài ngay sau đó, khi bác đi ngang qua bên, tôi ngửi thấy mùi rượu brandy nồng nặc.

- Thế nào, ông bạn? Tôi có thể làm gì để giúp ông đây? - bác ấy nói.

Gã thủy thủ đứng lên nhìn bác với đôi mắt neho lại. Cặp môi mềm nhão của y cong lên.

- Bác không nhận ra tôi sao?

- Ủi chà, chính là Hudson đây mà - Bác Trevor kêu lên với một giọng ngạc nhiên.

- Hudson đây, thưa bác, đã hơn ba mươi năm qua, tôi không gặp bác. Giờ đây bác đang sống trong nhà cao cửa rộng, trong lúc tôi vẫn còn phải đi mòt những đồ hộp đồ ăn trong các thùng rác.

- Suyt, ông bạn. Rồi anh sẽ thấy là tôi không quên những người cũ đâu - Bác Trevor nói, và tiến tới bên gã thủy thủ, hạ thấp giọng, nói với y vài lời lại cất cao giọng: - Hãy xuống nhà bếp ăn uống. Chắc chắn là tôi sẽ tìm cho anh được một việc làm.

- Xin cảm ơn. Tôi vừa trải qua hai năm trên một con tàu chở hàng và tôi mong được nghỉ ngơi ít lâu. Tôi nghĩ rằng tôi có thể thu xếp hoặc với ông Beddoes hoặc với bác đây.

- Anh biết địa chỉ của ông Beddoes hả? - Bác Trevor kêu lên.

- Nhờ trời, tôi biết chỗ ở của mọi bạn cũ - Gã thủy thủ trả lời. Thế rồi y theo cô hầu gái xuống nhà bếp.

Bác Trevor nói với chúng tôi rằng bác từng là bạn cùng tàu với hấn trong chuyến đi tới những vùng đất có vàng. Đoạn ông cụ bỏ vào nhà. Một tiếng đồng hồ sau, khi chúng tôi đi vào, đã thấy ông cụ say như chết, nằm dài trên trường kỷ trong phòng ăn. Việc đó để lại cho tôi một cảm tưởng xấu và tôi nhận thấy sự hiện diện của tôi sẽ làm cho bạn tôi ngượng ngịu.

Ngày hôm sau, tôi trở về London, lại ru rú trong căn phòng của mình và tiến hành thí nghiệm hoá học. Tuy nhiên, vào lúc kỳ nghỉ hè sắp hết, tôi nhận được một bức điện của Victor yêu cầu tôi trở lại Donnithorpe. Tôi lại lên đường, ngược lên miền Bắc. Victor chờ tôi ở nhà ga. Mới thoát nhìn, tôi hiểu ngay là anh vừa trải qua hai tháng quá nhiều buồn bực. Anh gầy đi, đánh mất tính vui vẻ có duyên.

- Ông già sắp chết - Anh nói với tôi ngay từ đầu.

- Đâu có thể? Mà chết vì bệnh gì?

- Một cú sốc thần kinh. Suốt ngày hôm nay, ba tôi cặm kề cái chết.

- Nguyên nhân?

- Anh hãy lên xe đi! Dọc đường chúng ta sẽ nói chuyện. Anh còn nhớ cái gã tìm tới nhà ngay trước bữa anh ra về chứ?

- Nhớ rất rõ.

- Anh có biết gã đó là ai không?

- Tôi không biết.

- Quỷ dữ đó, Holmes ạ.

Tôi nhìn chòng chọc vào mặt anh với vẻ kinh ngạc.

- Đúng đấy, kể từ khi hấn tới nhà, chúng tôi không còn yên tĩnh lấy một giờ. Kể từ ngày đó, ông già cũng chẳng bao giờ còn ngẩng đầu lên được nữa. Và giờ đây, mạng sống của ông như ngàn cân treo sợi tóc.

- Hấn ta nắm giữ quyền lực gì vậy?

- À, tôi cần biết điều đó? Cha tôi trung hậu đến thế, độ lượng đến thế, tử tế đến thế. Làm sao ông lại rơi vào móng vuốt của tên đạo tặc đó? Tôi đặt nhiều hy vọng vào anh. Vào lời khuyên của anh, anh Holmes.

Chúng tôi đi như bay trên con đường bằng phẳng và trắng phau, trước mặt chúng tôi trải dài ra tất cả các vùng hồ và đầm lầy đang long lanh dưới ánh sáng đỏ của buổi hoàng hôn. Giữa một lùm cây bên tay trái nhô lên những ống khói cao và cây cột cờ: đó là nhà bác Trevor.

- Cha tôi đã cho gã Hudson làm vườn, y có vẻ không bằng lòng, ông lại cho hắn làm quản gia. Ngôi nhà như của chính hắn, hắn muốn làm gì tùy thích. Các cô hầu gái than phiền về sự rượu chè vô độ và về những cử chỉ thô tục của hắn, ông già tăng lương để cho họ im tiếng. Hudson lấy con thuyền và khẩu súng tốt nhất của cha tôi để đi săn thỏ. Cái tên đều cáng đó, gạo mạn đó, xảo trá đó sẽ bị tôi nện đến hai chục lần rồi nếu như y đồng trang lứa với tôi. Nhưng tôi đã tự kiềm chế, để khỏi làm cho ông già buồn. Than ôi! Cái con thú đó càng lúc càng quấy rầy, hắn luôn luôn xía nhiều hơn vào những chuyện chẳng dính dáng gì tới hắn. Một hôm, hắn dám đối đáp hỗn xược với cha tôi ở ngay trước mặt tôi. Tôi tóm lấy vai y và tống cổ y ra khỏi phòng. Hắn lĩnh đi, mặt tái xanh, với những ánh mắt ngăm đe dọa. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra sau đó giữa cha tôi và hắn, nhưng ngày hôm sau, ông già tìm gặp tôi và yêu cầu tôi xin lỗi Hudson. Tôi từ chối thẳng thừng và tôi hỏi vì sao cha tôi lại chịu đựng một tên vô lại như thế.

- Con không biết là ta đang lâm vào cảnh khó xử đến nhường nào. Nhưng rồi con sẽ biết, Victor. Ta sẽ nói cho con biết, rồi muốn ra sao thì ra. Con sẽ không bao giờ nghĩ xấu về cha chứ, con của ta?

Ông giam mình trong văn phòng ông suốt cả ngày hôm đó. Qua khuôn cửa sổ, tôi nhìn thấy ông: ông đang cầm cúi viết. Buổi tối hôm đó sau bữa ăn, con quỷ nói với chúng tôi là y sắp đi. Y có giọng nói líu lợi của người sắp say:

- Tôi chán Norfolk rồi. Tôi sẽ đi xuống Hampshire gặp ông Beddoes. Tôi mong rằng chuyến đi này sẽ làm hài lòng ông.

Cái câu nói móc họng đó khiến cho tôi giận sôi lên. Ba tôi hỏi:

- Tôi hy vọng là anh không vì giận dữ mà bỏ đi chứ, Hudson?

Gã nọ ném về phía tôi một tia nhìn hắc ám:

- Tôi đã không được xin lỗi.

Lúc đó ba tôi quay sang phía tôi.

- Victor, con hãy nhìn nhận rằng con đã đối xử thô bạo với người này, phải thế không nào?

Tôi phải kìm nén mà trả lời:

- Trái lại, con tin rằng cả hai cha con ta đã hết sức kiên nhẫn đối với ông ta.

Y gầm lên:

- À ra thế, anh nghĩ như vậy đó? Được lắm, anh bạn nhỏ của tôi. Rồi anh cứ giương mắt lên mà xem?

Y lẩn ra khỏi phòng và nửa tiếng đồng hồ sau, y đã rời khỏi nhà. Ba tôi ở trong một tình trạng tồi tệ. Nhưng đúng vào lúc mà ba tôi tìm lại được một chút lòng tin thì xảy ra cú đánh sau cùng.

- Bằng cách nào vậy?

- Cú đánh khác thường nhất trần đời. Hôm qua, một lá thư được gửi tới. Thư mang con dấu của bưu cục Fordingham. Ba tôi đọc thư, giơ hai bàn tay ôm lấy đầu, rồi ông bắt đầu chạy vòng vòng trong phòng khách. Khi tôi đặt được ba tôi nằm xuống tràng kỷ, miệng ông và mí mắt ông co rúm sang một bên. Bác sĩ chạy tới ngay tức khắc. Nhưng cha tôi đã hôn mê.

- Anh làm cho tôi lo sợ, Trevor - Tôi thốt lên - Nhưng, trong thư nói cái gì mà lại gây ra một thảm họa tới nhường đó?

- Chẳng có gì cả. Tin nhắn thật là phi lý, tầm thường. Nhưng đó chính là điều tôi lo sợ...

Xe ngựa đã chạy quanh khúc đường vòng trên lối đi vào nhà. Trong ánh sáng chạng vạng của buổi chiều tà, chúng tôi thấy các bức màn trong nhà đều đã được buông xuống. Chúng tôi vội vã đi về phía cửa ra vào. Một người mặc đồ đen vượt qua ngưỡng cửa, ông ta dừng lại khi thấy chúng tôi.

- Chuyện xảy đến vào lúc nào vậy, thưa bác sĩ? - Victor hỏi.
- Ngay sau lúc ông vừa lên đường.
- Cha tôi có tỉnh lại không?
- Chỉ tỉnh trong chốc lát trước khi tắt thở.
- Cụ có trời trăng điều gì không?
- Ông cụ chỉ nói một câu: “Các giấy tờ để trong ngăn kéo dưới căn phòng Nhật Bản”.

Victor leo lên, đi cùng với ông bác sĩ về phía buồng người chết. Tôi ở lại trong căn phòng, cảm thấy bị buồn như chưa bao giờ từng buồn đến vậy. Quá khứ của cụ Trevor là thế nào? Cụ từng là võ sĩ quyền Anh, cụ đã đi đây đi đó cụ đã trở thành người đi tìm vàng. Và do đâu mà cụ lại rơi vào quyền lực của cái tay thủy thủ gớm ghiếc kia? Tại sao cụ lại ngất xỉu khi tôi nhắc đến những chữ viết tắt trên cánh tay, tại sao cụ lại chết vì khiếp sợ khi nhận được một lá thư gửi từ Fordingham? Rồi tôi nhớ ra là Fordingham ở trong vùng Hampshire, và rằng cái nhà ông Beddoes cũng nằm trong vùng Hampshire. Như vậy lá thư có thể đến từ tên thủy thủ Hudson, báo tin là hắn đã tiết lộ điều gì bí mật, tội lỗi dường như có từ thuở trước, hoặc giả lá thư đó do Beddoes báo cho biết một kẻ hợp tác ngày xưa rằng sự phản bội này sắp xảy ra đến nơi. Cho tới đây, sự việc thật là sáng tỏ. Nhưng trong trường hợp này, làm sao mà tin nhắn lại có thể tầm thường, vô lý theo lời của Victor? Có lẽ anh ấy đã đọc không kỹ, hiểu không thấu. Hoặc giả tin nhắn đó đã được soạn thảo theo một trong những hệ mật mã khéo léo đã được hiểu theo nghĩa khác. Tôi cần phải có lá thư đó. Suốt một tiếng đồng hồ, tôi ngồi suy nghĩ trong bóng tối, cho tới lúc một cô hầu gái mặt đầm đìa nước mắt mang tới một ngọn đèn và theo sau là Victor. Anh ngồi xuống trước mặt tôi, đẩy ngọn đèn tới sát mép bàn và đưa cho tôi một lá thư viết nguệch ngoạc, trên một tờ giấy màu xám và tôi đọc:

“Dụng cụ trò chơi ở London đã đi từ từ quá xa. mNgười quản lý Hudson kể đã nói nhận tất cả bầy ruồi trốn đi và để giữ con gà mái còn mạng sống”.

Tôi đọc lại lần nữa, rất chăm chú, một nghĩa thứ hai chắc hẳn phải được che giấu trong sự phối hợp kỳ lạ của những từ này. Phải chăng đã có một ý nghĩa được thỏa thuận từ trước trong những từ như “bầy ruồi” hoặc “con gà mái”. Chính đó là điểm mấu chốt của vụ này. Sự có mặt của tên Hudson tại nhà ông cụ đã cho tôi biết rằng người viết bức thư, chính là ông Beddoes chứ không phải là gã thủy thủ. Tôi thử đọc ngược, nhưng những chữ cuối “giữ con gà mái còn mạng sống” đã làm tôi nản chí. Rồi tôi thử tìm những chữ xen kẽ, kể cả những cụm từ “dụng cụ trò chơi ở London” cũng như “đã đi từ từ quá xa” cũng chẳng soi sáng cho tôi được một tí nào. Cuối cùng, bất thành linh, chìa khóa hiện ra với tôi. Tôi thấy là chữ đầu tiên của mỗi nhóm chữ là cần giữ lại, điều đó cho ta một chuỗi câu đã xô đẩy ông lão Trevor đến chỗ tuyệt vọng. Lời cảnh cáo thật ngắn. Tôi dịch cho bạn tôi hiểu:

“Trò chơi đã đi quá xa. Hudson đã nói tất cả. Trốn đi để giữ mạng sống.”

Victor vui đầu trong hai bàn tay run rẩy. Anh nói với tôi:

- Tôi nghĩ rằng đó là điều chính xác. Nhưng như thế nó còn tồi tệ hơn là cái chết, bởi điều đó còn có nghĩa là sự ô danh. Nhưng những từ “người quản lý” và “con gà mái” có nghĩa là gì?

- Chẳng có nghĩa gì, nhưng chúng ta sẽ biết nhiều hơn nếu chúng ta khám phá ra người gửi. Anh thấy chứ: người đó đã bắt đầu viết: “Trò chơi... đi quá xa... Hudson... đã nói...” vân vân. Sau đó để thuận theo nguyên tắc của mật mã, người đó đã lấp đầy những chỗ trống bằng một vài từ tiếp theo sau. Đương nhiên người đó đã dùng những từ đầu tiên chọt tới trong ý nghĩ. Và nếu như có nhiều từ liên quan tới các con vật, anh có thể tin chắc rằng người đó là một người ham săn bắn hoặc là một người đam mê với việc chăn nuôi. Anh biết gì về ông Beddoes này?

- Giờ đây tôi chọt nhớ lại là mỗi mùa thu, ông già tôi lại được mời đến săn bắn trên vùng đất của ông Beddoes.

- Vậy thì ông ấy là người đã gửi thư đến đây: Điều còn lại là tìm hiểu sự bí mật mà gã thủy thủ Hudson treo lơ lửng trên đầu ông cụ.

- Than ôi, Holmes - Anh ta kêu lên - Tôi quả lo sợ đó là một bí mật về tội lỗi và ô nhục: Đây là tờ khai mà ba tôi vừa viết. Tôi tìm thấy trong ngăn kéo trong căn phòng Nhật Bản. Anh hãy đọc cho tôi nghe. Tôi không đủ can đảm để đọc.

Bên ngoài ông cụ viết “Chi tiết về chuyến đi trên tàu Gloria Scott kể từ lúc tàu rời cảng Falmouth ngày 8 tháng 10 năm 1855 cho đến lúc tàu bị phá hủy ở 15 độ 20 phút độ vĩ Bắc và 25 độ 14 phút độ kinh Tây ngày 6 tháng 11”.

Bản khai này được viết dưới hình thức viết thư. Đây là nội dung:

“Con yêu quý của ta,

Giờ đây sự ô danh đang tới, làm đen tối những năm cuối cùng đời cha. Với tất cả lòng chân thành, cha nói với con rằng cha không sợ hãi pháp luật, không sợ mất địa vị trong xã hội; chính cái ý tưởng rằng con sẽ xấu hổ vì đã có một người cha như ta, đã làm tan nát cõi lòng ta. Nhưng nếu các nỗi nhục nhã đã giáng xuống đời ta, thì lúc đó cha muốn con được đọc lá thư này, ngõ hầu con hiểu rõ là cha đáng chê trách đến nhường nào; còn nếu như tất cả đều yên lành và nếu tình cờ lá thư này không bị hủy đi và rơi vào trong tay con, thì cha xin con hãy ngừng đọc ở nơi đây, đưa nó vào ngọn lửa và không còn dành cho nó một ý nghĩ nhỏ nhoi nào nữa. Còn nếu như con tiếp tục đọc, thì đó là cha đã bị lộ mặt nạ và bị đem ra khỏi nhà. Trong trường hợp này hoặc trường hợp kia, cha không cần giấu giếm con điều gì cả. Do đó con hãy coi mỗi từ trong những lời cha nói trong thư là những sự thật chân thành. Ta xin thề như thế.

“Con yêu quý, cha không phải là Trevor. Khi còn trẻ, cha tên là James Armitage. Giờ đây thì con hiểu cú sốc mà cha đã chịu cách đây vài tuần khi người bạn đồng song của con nói với cha về mấy chữ J.A. Dưới cái tên Armitage, cha đã vào làm việc trong một ngân hàng tại London. Dưới cái tên James Armitage, cha đã bị tuyên cáo có tội không tuân thủ luật lệ của đất nước, và bị kết án lưu đày chung thân. Đừng có nghĩ quá xấu về cha. Ta cần trả một món nợ danh dự nên đã biến thủ tiền bạc của ngân hàng. Lúc đó, cha tin chắc là cha có thể bồi hoàn trước khi người ta phát hiện ra số tiền bị thiếu. Nhưng người ta kiểm tra sổ quá sớm, nên đã làm lộ ra số tiền thiếu hụt. Vụ đó xảy ra vào ngày sinh nhật thứ 33 của ta, cha bị xiềng như kẻ tội phạm cùng với 37 tên tù khổ sai khác trên con tàu Gloria Scott, sắp sửa lên đường sang châu Úc.

Đó là vào năm 1855. Cuộc chiến ở Crimée đang hồi sôi động. Những con tàu cũ kỹ chở tù khổ sai đã được dùng làm tàu chở quân ngoài Hắc Hải. Vì vậy, chính phủ buộc

phải sử dụng những con tàu nhỏ bé hơn để đưa những người tù đi lưu đày nơi viễn xứ. Tàu Gloria Scott trước là thương thuyền buôn trà với Trung Quốc, nó đã quá già nua. Tàu có trọng tải 500 tấn. Thêm vào 38 người đáng bị treo cổ, một đoàn thủy thủ 36 người, 18 người lính, một đại úy, 3 trung úy, một y sĩ, một cha tuyên úy và 4 bảo vệ. Tóm lại nó chở một chuyến hàng trên 100 con người.

“Những vách ngăn giữa các xà-lim nhốt tù không làm bằng gỗ sồi rắn chắc như trong các tàu dành riêng để chở tù: chúng mỏng và dễ gãy. Người ngồi ở bên cạnh mé đằng sau cha, là một anh chàng còn trẻ, bộ mặt sáng láng, không để râu hàm, không cả râu má, anh ta có một cái mũi dài thon, cái đầu có dáng vô tư lự và khi bước đi, thân hình đu đưa. Chắc chắn là anh ta cao không dưới 6 feet rưỡi; thật kỳ lạ khi ở giữa mấy chục bộ mặt buồn bã và chán nản lại có một cái đầu biểu lộ sự quả quyết và nghị lực. Cha hài lòng có anh ta ở bên cạnh và càng sung sướng hơn nữa khi, trong sự im lặng chán ngắt của đêm đen, cha nghe một tiếng thì thầm sát bên tai: “Đã khoét được một cái lỗ trong tấm ván ngăn cách hai xà-lim”.

- Xin chào anh bạn - Anh ta nói - Tên anh là gì nhỉ? Tại sao lại ở đây?

- James Armitage. Còn anh là ai?

- Tôi là Jack Prendergast - Anh ta bảo cha - Rồi ra anh sẽ kính trọng tên tôi.

Cha sức nhớ đã nghe nói đến vụ án của anh ta, bởi vì vụ đó đã làm xôn xao khắp nước. Đó là một người con nhà gia thế và có nhiều tài, nhưng anh ta mắc phải những thói quen tệ hại, và bằng một phương pháp lừa đảo tài tình, anh đã lột hết của cải của một số nhà buôn giàu có ở London.

- A, a! Thế ra anh còn nhớ đến tôi đấy? - Anh ta hỏi cha một cách kiêu hãnh.

- Nhớ rất rõ!

- Thế thì anh còn nhớ một chi tiết kỳ lạ trong vụ án của tôi?

- Chi tiết nào?

- Tôi có gần 25 vạn, đúng thế không nào?

- Đó là điều thiên hạ nói.

- Nhưng người ta không lấy lại được một đồng xu nào hết, phải không?

- Phải.

- Vậy thì anh thử nghĩ xem, số tiền đó hiện đang ở đâu?

- Tôi không biết.

- Ở ngay giữa ngón tay trở và ngón tay cái tôi đây này - Anh ta kêu lên - Tôi có nhiều đồng bằng, hơn là số tóc trên đầu anh. Và nếu như anh có tiền, và biết cách tiêu tiền thì anh có thể làm được bất cứ điều gì? Thế thì có thể nào một gã “làm được mọi chuyện” lại chịu kéo lê đôi ghệt của y trong cái hầm hôi thối của con tàu này chẳng? Không đâu. Một gã như thế, rất chăm lo cho chính hẩn và cho những bạn bè của hẩn. Anh hãy bám sát riết lấy hẩn đi và thề trên Kinh Thánh, anh sẽ không phải than phiền về hẩn đâu.

“Đó là cách nói của anh ta. Thoạt đầu cha tin là những lời nói như thế không có nghĩa gì. Nhưng một lát sau, khi anh ta đã thử thách ba và bắt cha hứa giữ im lặng với tất cả sự trang trọng có thể có, anh ta nói cho cha biết là đang có một âm mưu để chiếm lấy con tàu. Một tá những phạm nhân đã chuẩn bị ngằm âm mưu đó từ trước khi lên tàu. Prendergast là thủ lĩnh của nhóm đó.

- Tôi có một người hợp tác - Anh ta bảo cha - Một gã dưng cảm hiềm có, trung thành như cái vòng đai đối với thùng tôn-nô vậy. Và rất nhiều tiền. Một tay nhà giàu. Anh có biết nó đang ở đâu không? Chính là ông cha tuyên úy trên tàu này. Anh ấy đã lên tàu

với chiếc áo lễ đen và các giấy tờ hợp pháp. Anh ấy có đủ tiền để mua đứt từ sống tàu cho tới cái đỉnh cột buồm. Đoàn thủy thủ tận tụy với anh ấy cả xác lẫn hồn. Anh ấy đã trả tiền mặt trước cho họ trước khi họ ký giấy cam kết. Có hai tay bảo vệ, thêm Mereer, phó thuyền trưởng. Anh ấy hứa là sẽ mua luôn thuyền trưởng.

- Thế thì chúng ta phải làm gì? - Ba hỏi.

- Chúng ta sẽ cho một vài tên trong số bọn lính một vài tấm áo đỏ hơn thứ áo mà thợ may quân phục đã cấp phát cho họ...

- Nhưng họ có vũ khí mà?

- Thì mỗi đứa chúng ta cũng có một cặp súng lục. Nếu chúng ta không cướp được tàu này, thì chúng ta phải trở lại trường làng thôi. Đêm nay anh sẽ nói với người bạn của anh ở phía bên kia và tìm hiểu xem nó đáng được tin cậy hay không.

“Người bị nhốt bên cạnh cha là một chàng trai bị kết tội giả mạo. Anh ta tên là Evans, cũng sẵn sàng tham dự vào cuộc nổi loạn. Khi chưa ra khỏi mũi Nam nước Anh, trong tàu chỉ còn có hai người tù không hay biết cái âm mưu cướp tàu. Một gã nhu nhược nên bọn cha không dám kêu gọi, gã kia bị mắc bệnh. Trong đoàn thủy thủ có năm tên gia nhập vào chuyến phiêu lưu này. Ông cha tuyên-úy-giả qua lại các xà-lim để khích lệ bọn ta, ông ta đeo một cái bao đen được gọi là “bao chứa những quyền sách đạo”, ông ta thường lui tới lui ra, nên sang ngày thứ ba, bọn ba đã có một cái giữa, một cặp súng lục, một cân thuốc súng và hai chục đồng tiền vàng. Tất cả được bó chặt, giấu dưới gầm giường. Hai trong số những tay bảo vệ nhận lệnh của Prendergast, viên trung úy, phó thuyền trưởng là cánh tay phải của anh ta. Những người chống lại: viên đại úy, hai viên phó thuyền trưởng khác, hai người bảo vệ, trung úy Martin cùng với 18 người lính dưới quyền của ông ta, thêm vào ông y sĩ. Tuy nhiên, bọn ta đã quyết định không sao lãng bất cứ một sự phòng ngừa nào và tiến hành cuộc tấn công bất ngờ, vào ban đêm; nhưng rồi nó lại xảy ra sớm hơn dự liệu.

“Một buổi tối, gần ba tuần sau ngày lên đường, viên y sĩ đi thăm một trong những tù nhân bị bệnh. Vừa bàn tay xuống dưới ghế nằm của người bệnh, ông nhận ra hình dáng khẩu súng lục. Nếu ông ta lặng thinh và lên báo cáo thì vụ âm mưu sẽ bị khám phá ra nhưng ông ta thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên và mặt mày tái mét. Thân chủ của ông ta đoán ra ngay cái mà ông ta đã phát hiện. Y túm lấy ông, nhét giẻ vào miệng ông và trói gô ông bên dưới ghế nằm. Trước đó, viên y sĩ đã mở cánh cửa dẫn lên boong tàu, vì vậy tất cả tù nhân hăm hở vượt qua cửa đó. Hai lính canh bị hạ, viên hạ sĩ đang chạy tới xem có chuyện gì đã xảy ra cũng bị hạ. Ở lối vào các ca-bin, có hai người lính bị giết trong lúc đang gấn lưỡi lê lên trên đầu súng. Bọn ta chạy vội vào trong ca-bin của thuyền trưởng nhưng lúc bọn ba đẩy cánh cửa ra, thì đã thấy ông ta gục đầu trên tấm bản đồ Đại Tây Dương trên mặt bàn, còn ông cha tuyên úy thì đứng ngay bên cạnh, khẩu súng lục trong tay hãy còn bốc khói. Hai viên trung úy bị toán thủy thủ bắt giữ. Tất cả đã giải quyết xong.

“Ca-bin hạng sang ở sát hai bên ca-bin của đại úy; bọn ta ủa vào đó ngồi xếp xuống trên những ghế dài bọc nệm, đua nhau nói cùng một lượt. Wilson, ông cha tuyên úy giả, đập vỡ một cái rương, để moi ra một chai rượu vang, đập bể cổ chai và rót đầy các cốc không chân. Vào lúc bọn ba nâng cốc lên để cúng ly, một loạt súng nổ vang, cả ca-bin tràn ngập khói đến mức ba không còn trông thấy được phía bên kia của cái bàn. Khi khói đã tan, Wilson và 8 người tù khổ sai lẫn lộn trên mặt bàn. Bọn ta bị quang cảnh làm cho tê liệt, và sẽ đầu hàng nếu như Prendergast không có ở đó. Hấn rống lên như

một con bò mộng, rồi nhảy xổ ra khỏi cửa cùng với tất cả những người sống sót ủa theo sau. Trực diện với bọn ba, mé đuôi tàu có viên trung úy và 10 người lính. Những khung gắn kính phía trên cái bàn trong ca-bin đã được hé mở ra và họ đã bắn qua khe hở. Trước khi họ kịp nạp đạn thì bọn ta đã nhào lên. Họ kháng cự kịch liệt nhưng số quân ít hơn. Trong năm phút, tất cả đều hoàn tất. Prendergast vùng vẫy như một con quỷ: y gom những người lính lại rồi quăng họ xuống biển, chẳng cần biết họ đã chết hay còn sống. Một trung sĩ bị thương vẫn cố bơi một hồi lâu, cho tới khi một người trong bọn ta mũi lòng thương hại, nhắm bắn một phát vào sọ. Khi cuộc chiến kết thúc, kẻ thù của bọn ta chỉ còn lại có năm người, hai người bảo vệ, hai viên trung úy và ông y sĩ.

“Thế là nổ ra cuộc tranh cãi lớn. Rất nhiều người hài lòng vì đã giành lại được tự do; với họ thế là đủ; họ không muốn giết thêm người. Tám người trong bọn ta là 3 thủy thủ và 5 tù khổ sai, tỏ ý không muốn dự vào cuộc tàn sát sắp diễn ra. Nhưng không thể làm lung lay quyết tâm của Prendergast và của những người cùng chia xẻ ý kiến với anh ta. Phe anh ta quả quyết rằng cơ may duy nhất để bảo đảm an toàn là phải nhổ cỏ tận gốc rễ và rằng anh ta sẽ không để cho một cái lưỡi còn sống có khả năng làm chứng chống lại bọn ba. Chỉ thiếu chút nữa là “nhóm tám người” cũng chịu chung với kẻ bị bắt giữ, nhưng sau chót anh ta bảo nhóm tám người hãy lấy một cái xuồng mà bỏ đi. Nhóm của cha đồng ý vì đã chán ngán cái cảnh tượng quá tàn bạo đó. Họ phát cho mỗi người trong bọn ta những bộ quần áo của thủy thủ, một thùng nước, một kết thịt bò muối, một kết bánh bích-quy và một cái la bàn. Prendergast dẫn nhóm tám người đến trước một tấm bản đồ, dặn dò rằng hãy nhận mình là những thủy thủ bị trôi dạt vì con tàu bị đắm ở vị trí 15 độ vĩ Bắc và 25 độ kinh Tây. Xong anh ta cắt dây buộc chiếc xuồng và để cho nó trôi theo dòng nước...

“Con thân yêu của ta, giờ đây ta sắp kể tới cái phần gây ngạc nhiên hơn cả trong câu chuyện. Trong cuộc nổi loạn, các thủy thủ đã kéo thấp cái trục căng buồm mũi. Khi bọn ba đã rời xa con tàu thì họ lại dựng nó lên để đón một cơn gió đông bắc nhẹ. Chiếc xuồng của tám người nhì nhằng vượt qua những đợt sóng dài nhẹ. Evans và cha - vốn là những người có học thức hơn cả bọn - ngồi ở đằng sau tàu để quyết định hướng đi. Sau chót, vì gió bắc thổi nhiều hơn, Evans quyết định đi về hướng Sierra Leone. Bất thành linh, trong lúc ngó về con tàu đó, ba thấy một cụm khói đen bốc lên cuộn cuộn, khói giăng ra tựa như một cái cây khổng lồ. Vài giây sau đó, một tiếng nổ long trời. Khi khói đã bị gió mùa đi, ba không còn thấy dấu vết của con tàu Gloria Scott đâu nữa. Ngay tức khắc, nhóm 8 người chuyển hướng và chèo cật lực tới nơi mà một làn khói đen hầy còn băng láng trên mặt nước.

“Phải mất một tiếng đồng hồ, bọn cha mới tới được chỗ đó. Những mảnh vụn của một cái ca-nô, những mảnh thùng và những thanh gỗ dài nhấp nhô trên sóng. Không tìm ra được một dấu hiệu nào của sự sống, bọn cha vừa quay xuồng lại thì chợt nghe thấy có tiếng kêu cứu: cách xa một quãng, trên một miếng ván, có một người nằm thẳng cẳng. Bọn ba kéo người đó lên thuyền. Đó là một thủy thủ trẻ, tên là Hudson: hần bị bỏng, và kiệt sức đến mức phải đợi đến sáng hôm sau, hần mới đủ sức thuật lại các sự việc đã xảy ra.

- Sau khi các ông bỏ đi rồi, Prendergast ra lệnh hành hình 5 tù nhân còn sống sót: Hai người bảo vệ bị hạ sát và liệng xuống biển. Rồi đến lượt viên trung úy thứ ba. Sau đó, Prendergast đi xuống dưới tàu và tự tay mình cắt cổ họng ông y sĩ. Chỉ còn lại có

viên trung úy thứ nhất vẫn là người gan dạ và cương quyết. Khi ông ta thấy Prendergast tiến lại gần, trong tay có con dao đâm máu và ông ta tự gỡ dây trói ra (ông ta nói lỏng được từ trước) và nhảy từ trên boong xuống khoang hầm sau. Một tá những tù khổ sai có trang bị súng lục tục xuống tìm bắt ông ta. Chúng thấy ông đang ngồi bên một thùng thuốc súng mở sẵn, trong tay cầm một bao diêm. Thùng đó là một trong số 100 thùng thuốc súng mà con tàu chở theo. Ông ta thề là sẽ cho nổ tung tất cả, nếu ông bị hành hạ, thế rồi, vài phút sau, con tàu bị nổ. Tôi nghĩ là thùng thuốc súng bị nổ là do một phát súng bắn trượt, hơn là do que diêm của ông trung úy. Nhưng dù cho nguyên có là gì đi nữa, tàu Gloria Scott đã bị triệt hạ, cũng như cái tên vô lại đã nắm quyền chỉ huy con tàu.

“Con thân yêu, đó là câu chuyện về cái vụ khủng khiếp, trong đó ba có tham gia. Ngày hôm sau, nhóm 9 người được một con thuyền hai cột buồm nhận ra. Lúc đó thuyền đang trên đường đi sang châu Úc và viên thuyền trưởng đã tin rằng nhóm của cha là những người còn sống sót khi một con tàu chở khách đã bị đắm. Sau một chuyến đi an toàn, con tàu hào hiệp đó đổ bộ ba lên cảng Sydney là nơi Evans và ba thay tên đổi họ và cùng nhau đi tới những vùng đất có vàng, chen lẩn trong đám dân tứ chiếng từ thập phương kéo tới nơi đó. Bọn ta đã vĩnh viễn từ bỏ căn cước đầu tiên của đời mình.

“Cha không cần thuật lại phần tiếp theo. Cha đã làm giàu, đã đi đây đi đó rồi lại trở về nước Anh như những nhà thực dân giàu có về tậu đất đai ở quê nhà. Trong hơn 20 năm, cha đã sống một cuộc đời yên bình và hữu ích với hy vọng là quá khứ đã hoàn toàn bị chôn vùi. Con hãy hình dung ra điều mà cha cảm nhận khi người thủy thủ vừa chợt hiện ra là cha nhận được ngay tức khắc đó là Hudson. Cha không biết nhờ đâu mà hắn tìm ra cha, hắn quyết tâm lợi dụng sự sợ hãi của cha. Giờ thì con đã hiểu trong một chừng mực nào đó, con sẽ thông cảm với nỗi khiếp sợ cứ mãi ở trong cha, kể từ khi hắn rời khỏi nhà ta với những lời đe dọa để tìm tới bên nạn nhân khác của hắn”.

Ở phía dưới lá thư có mấy hàng chữ run rẩy:

“Beddoes đã cho ba biết bằng mật mã rằng H. đã tiết lộ tất cả. Đức Chúa nhân từ, xin Người hãy thương xót linh hồn chúng con?”.

- Watson thân mến, đó là thiên truyện kể mà tôi đã đọc cho anh bạn Victor nghe trong đêm hôm ấy. Anh Victor tan nát cõi lòng, bỏ sang vùng Terai để trồng chè, ở đó anh rất thành công. Còn về gã thủy thủ và về Beddoes, từ đó tôi chẳng được tin tức gì về họ. Cả hai biến mất hoàn toàn. Không có một cáo buộc nào gửi đến cảnh sát. Hudson có thể lẩn tránh đâu đó vì cảnh sát không tin vào cáo buộc của hắn đối với Beddoes. Tuy nhiên, tôi tin rằng, bởi bước đường cùng, có thể Beddoes đã khử Hudson và sau đó đã lẩn trốn ra nước ngoài. Với số tài sản kèch sù của ông ta, việc đó không có gì gọi là quá khó.

Đó chính là những nét chính của trường hợp này, và nếu chúng có ích cho những ghi chép của anh, thì tôi chắc chắn rằng chúng sẽ rất thích hợp.

Hết

[1] Nguyên văn: “The supply of game for London is going steadily up. Head-keeper Hudson, we believe, has been now told to receive all orders for fly-paper and for preservation of your hen-pheasant s life”.

[2] “The game is up. Hudson has told all. Fly for your life”.

[3] Khoảng 2 m.

C.5 - The Musgrave Ritual 1893 (Tục lệ nhà Musgrave)

Trong tính cách của Sherlock Holmes có một đặc điểm kỳ lạ bao giờ cũng làm cho tôi ngạc nhiên: mặc dù trong công việc đòi hỏi trí não phải làm việc nhiều, anh vẫn là một người cẩn thận, quần áo của anh bao giờ cũng tươm tất, chỉnh tề và tao nhã. Trong những lĩnh vực khác thì anh là người xuề xòa thiếu ngăn nắp; những thói quen của anh có thể làm cho bất cứ người nào sống với một mái nhà, đôi lúc cũng phải bực. Không phải tôi là người quá nghiêm khắc, công việc bận rộn ở Afghanistan chỉ tổ làm cho lối sống du mục của tôi ngày càng phát triển; càng làm cho tôi trở thành bừa bãi, cẩu thả; mà điều này đối với một bác sĩ thì không thể tha thứ được. Nhưng tính cẩu thả của tôi cũng có một thời gian nhất định: khi thấy một người để những điều xì gà của mình trong chiếc thùng dùng để chứa than đá; những bức thư đang chờ được trả thì bị một con dao nhíp hờ hững dè lên; chiếc bảng gỗ thì treo trên lò sưởi, thì ai mà không điên tiết cho được. Thú thật, tôi có cảm giác, dường như tôi là một mẫu người mực thước về tính cách và đạo đức.

Tôi bao giờ cũng quan niệm rằng, bắn súng là trò giải trí, mà người ta chỉ luyện tập ở ngoài trời một cách tự do. Khi Holmes bắt đầu ham thích luyện môn bắn súng, mà lại luyện tập trên ghế bành, tay cầm khẩu súng lục và băng đạn, bắt đầu luyện tập bằng cách lấy đầu đạn vạch lên tường đối diện cặp chữ lồng "K.V". Tôi thấy công việc đó không làm cho căn phòng tốt hơn, không khí trong phòng ẩm hơn, cũng không hề làm cho hình dáng bên ngoài của ngôi nhà đẹp lên chút nào.

Căn phòng của chúng tôi bao giờ cũng đầy ắp những đồ vật kỳ dị, có dính líu tới hóa học hoặc một câu chuyện hình sự nào đó. Các vật kỷ niệm ấy bao giờ cũng nằm rải rác ở những chỗ mà ít ai ngờ tới nhất; chẳng hạn đựng trong bồn chứa dầu, đôi lúc còn nằm ở chỗ không thích hợp nhất. Nhưng, giấy má của Holmes làm cho tôi đau đầu hơn cả. Anh không bao giờ tiêu huỷ những tài liệu, đặc biệt những tài liệu có dính líu đến công việc phá án mà anh có tham dự. Những việc sắp xếp những giấy máy ấy đối với anh là cả một công việc cực kỳ khó khăn, đòi hỏi một nghị lực phi thường; không quá một lần trong năm anh nhiều thì giờ để làm công việc ấy. Hình như trong một chuyện nào đó, tôi đã ghi là tiềm năng to lớn trong người Sherlock Holmes xuất hiện khi nào anh bắt tay vào giải quyết những cuộc khám phá tuyệt vời, điều đó làm cho tên tuổi của anh lừng danh. Nguồn năng lượng của anh thay đổi theo chu kỳ hừng hờ, cho đến lúc kiệt sức hoàn toàn. Khi ấy anh nằm dài trên giường đọc những quyển sách ưa thích trong mấy ngày liền, thỉnh thoảng anh đứng lên với lấy chiếc violông để kéo vài bản nhạc du dương. Chính thế, nên đồng giấy má từ tháng này sang tháng khác ngày một nhiều thêm; tất cả các góc nhà đều chất đầy những cặp ghi chép. Đốt những ghi chép kia thì không bao giờ được phép làm, ngoài chủ nhân nó ra.

Vào một buổi chiều mùa đông, hai chúng tôi ngồi bên cạnh chiếc lò sưởi. Tôi bạo mồm nói khích Sherlock Holmes là từ lâu không thấy anh ghi chép vào sổ của mình những nguồn tin; rồi anh có nên bỏ ra một tiếng đồng hồ để sửa sang lại căn phòng của

mình cho khang trang hơn không. Anh phải thừa nhận tôi nói đúng. Anh sốt sắng chạy ngay về phòng ngủ, rồi khệ nệ bê một chiếc thùng sắt tây to tướng ra. Sau khi đặt nó xuống giữa phòng, anh ngồi xuống ghế và từ từ mở nắp ra. Tôi thấy chiếc hòm sắt chứa đầy một phần ba những cặp sách đựng giấy tờ, được cẩn thận buộc bằng những dải băng màu đỏ.

- Watson, ở đây không ít những chuyện lý thú, - anh lên tiếng và âu yếm nhìn tôi. - Nếu cậu mà biết những gì đang nằm trong thùng sắt tây này có lẽ cậu sẽ đề nghị tởn hầy lôi ra một tập giấy nào đó chứ không phải đặt thêm vào đây những giấy má mới.

- Có phải là những sổ liệu về công việc trước kia của cậu không? - Tôi hỏi - Tôi nhiều khi lấy làm tiếc cho việc không có những sổ liệu ghi chép về những việc đã qua.

- Đúng, anh bạn yêu quý của tớ ạ! Tất cả những thứ này đều xảy ra từ trước, trước khi tớ có một người bạn chuyên viết tiểu sử những vụ án, người có ý định làm rạng rỡ tên tuổi của tớ.

Bằng những động tác mềm mại, khéo léo anh lôi hết tập này, đến tập khác.

- Không phải tất cả mọi chuyện đều được kết thúc êm đẹp đâu, Watson ạ, - Anh nói. - Nhưng trong số đó có một vài chuyện thú vị, làm đau đầu tớ không ít. Ví dụ như: vụ giết chết Tarleton; câu chuyện của ngài Vamerry - một nhà buôn rượu vang; còn đây là một sự kiện của bà già người Nga. Đây là chuyện kỳ lạ của chiếc nhẫn bằng nhôm; rồi bảng chi tiêu tỉ mỉ về anh chàng Ricoletti chân cong với người vợ đáng sợ của ông. Còn đây... đây rõ ràng là một chuyện mê ly, hấp dẫn.

Anh thọc tay xuống sát đáy thùng và lôi ra một chiếc hộp bằng gỗ có nắp đậy, giống như chiếc hộp đựng đồ chơi trẻ em. Anh mở hộp, lấy ra một tờ giấy đã nhàu nát, một chiếc chìa khóa bằng đồng kiểu cũ; một thanh gỗ có cuốn một cuộn dây nhỏ; và ba chiếc vòng bằng kim loại đã bị han rỉ.

- Thế nào anh bạn, cậu có thích những thứ trang sức này không? - Anh hỏi, và mỉm cười với khuôn mặt ngờ ngác của tôi.

- Bộ sưu tập đầy tính hấp dẫn và kích thích sự hiếu kỳ.

- Rất hấp dẫn, còn câu chuyện của nó thì càng kích thích tò mò của cậu hơn.

- Chẳng lẽ, những vật kỷ niệm này đều có lịch sử?

- Hơn thế nữa, tự nó đã nói lên lịch sử rồi.

- Cậu định ám chỉ điều gì?

Sherlock Holmes trải các vật ra bàn, anh ngồi xuống ghế và ngắm nghía bằng cặp mắt sáng ngời, lấp lánh đầy hứng thú.

- Tớ đã giữ những vật này làm kỷ niệm về câu chuyện có liên quan đến "Bộ nghi lễ nhà Musgrave".

Tôi đã nghe Holmes nói nhiều về câu chuyện này, nhưng chưa hề có dịp hỏi anh cặn kẽ mọi chi tiết.

- Cậu hãy kể cho tớ nghe mọi chuyện về vụ này đi. - Tôi đề nghị.

- Thế cứ để nguyên những đồ bỏ đi ở đây à? Chúng ta phải thu dọn chứ? - Anh thâm thúy hỏi lại - Sự yêu thích ngẩn ngáp, gợn gàng của cậu vút ở đâu rồi. Nói thế thôi, tớ cũng rất muốn cậu bổ sung vụ này vào bộ biên niên sử của mình, bởi một lẽ nó có những tình tiết khá nổi tiếng trong làng hình sự, không những chỉ riêng ở nước Anh, mà có thể cả những nước khác nữa. Bộ sưu tập những chiến công nhỏ của cậu sẽ không được trọn bộ nếu thiếu việc miêu tả, ghi chép câu chuyện lịch sử hoàn toàn có thật này... Chắc cậu còn nhớ, chuyện xảy ra với "Gloria Scott" và đoạn đối thoại với ông già

bất hạnh. Số phận của ông ta đã có lần tỏ kể cho cậu. Ông là người đầu tiên gợi ý cho tớ về nghề nghiệp, mà sau này nó đã trở thành sự nghiệp của cuộc đời tớ. Hiện nay tên tuổi của tớ đã nổi tiếng, không chỉ trong dân chúng mà cả giới hình sự. Nhưng riêng việc giải quyết những vấn đề tranh cãi thì những người am hiểu đều đánh giá tớ ở bậc thấp. Khi chúng ta mới quen nhau, tớ đã có một vốn sống tương đối phong phú. Cậu có thể tưởng tượng được không? Lần đầu tớ vất vả biết bao, phải trải qua một thời gian dài tớ mới định hướng được.

Bước đầu tớ Luân Đôn, tớ đến ở tại hẻm Montague nằm sau góc Viện bảo tàng British, tớ liền lao vào công tác nghiên cứu. Tớ nghiên cứu tất cả các lĩnh vực kiến thức, vì nó rất có lợi cho nghề nghiệp tớ sau này. Dần dần, những người đến gặp tớ để nhờ giúp đỡ: phần lớn họ đến là do bạn bè, sinh viên ngày trước giới thiệu, vì trong những năm cuối của trường đại học người ta đã bàn tán không ít về phương pháp của bản thân tớ. Việc thứ ba, người ta đã nhờ tớ giải quyết việc của họ hàng nhà Musgrave. Hàng loạt sự kiện xảy ra một cách lý thú, các sự kiện khác tiếp theo làm cho tớ một phen điều đứng và lúng túng; đó là nấc thang đầu tiên của con đường danh vọng và cũng là viên gạch đầu tiên để xây lên địa vị của tớ hiện nay.

Reginald Musgrave là bạn học cùng trường trung học với tớ, theo một quan niệm nào đó thì tớ và anh ta có một tình thân bằng hữu. Anh ta quá rụt rè nhút nhát, đôi khi bạn bè cho rằng, anh ta làm cao, nên anh ta ít tiếng trong đám bạn bè. Bề ngoài anh ta đúng là một nhà quý tộc nòi; khuôn mặt thanh tú, mũi to, mắt hơi lồi; phong cách tuy hơi cầu thả, nhưng vẫn giữ được vẻ tao nhã, thanh lịch. Thực ra, đó là một người còn sót lại của một dòng dõi vua chúa, đời này có lẽ là đời cháu chắt gì đó; vào thế kỷ thứ XVI dòng họ Musgrave ở miền Bắc, tách ra và thành lập ở phía tây Sussex; cơ ngơi Hurlstone - đó là dinh thự của dòng họ Musgrave, là một trong những ngôi nhà cổ kính nhất vùng này. Hình như, dinh thự nơi anh ta sinh ra cũng mang nét hình hài của anh ta. Mỗi khi nhìn khuôn mặt trắng xanh của anh ấy, với những đường nét hơi thô, cùng phong thái đạo mạo thì bao giờ tớ cũng liên tưởng tới những mái vòm hình chóp, khung cửa hình vuông và tất cả những nét rơi rớt lại của nền kiến trúc phong kiến. Có đôi lúc chúng tôi tâm sự với nhau, lần nào anh ta cũng thích thú những phương pháp quan sát tinh tế và cách đánh giá, nhận xét chính xác của tớ.

Suốt bốn năm, chúng tôi không gặp nhau. Chợt một buổi sáng anh ta tới thăm tớ ở Montague. Anh ấy chẳng thay đổi mấy, ăn mặc rất bảnh bao - anh ta vốn là người thích ăn diện, và bây giờ vẫn giữ phong thái chừng chặc đàng hoàng vốn có.

- Cậu vẫn khỏe chứ Musgrave? Sau khi bắt tay thân mật, tớ hỏi.

- Chắc cậu cũng biết, cha tớ vừa qua đời - Anh ta nói. - Chuyện ấy xảy ra đã gần hai năm rồi, cậu hiểu cho tớ, lúc bấy giờ tớ phải đứng ra đảm đương gánh vác việc cai quản cơ ngơi Hurlstone rất vất vả. Hơn nữa, tớ là đại biểu của một vùng, bạn ơi là bạn. Còn cậu, nghe đâu đã sử dụng khả năng hiếm có của mình để giúp đỡ mọi người có phải không?

- Đúng đấy, - Tớ trả lời - tớ có ý định dùng trí tuệ của mình để kiếm mẩu bánh mì.

- Rất sung sướng được biết như vậy, bởi vì lời khuyên bảo của cậu bây giờ đối với tớ thật quý giá. Ở chỗ tớ đã xảy ra một chuyện mà cảnh sát đành bó tay. Câu chuyện làm đau đầu mọi người.

Cậu có thể hình dung tớ nghe anh ta như thế nào không, Watson. Đây chính là trường hợp mà tớ đã cháy ruột, cháy gan chờ đợi rõ ràng trong những tháng ngày thất

nghiệp, cuối cùng nó đã đến với tớ. Từ đáy lòng, bao giờ tớ cũng tin rằng, tớ có thể đạt kết quả ở những nơi mà kẻ khác bó tay; và đây chính là dịp để tớ thử nghiệm chính bản thân mình.

- Cậu hãy kể cặn kẽ cho tớ nghe với! - Tôi thốt lên.

Sherlock tiếp tục:

- Tớ mời anh bạn Reginald Musgrave một liều thuốc, anh ta ngồi đối diện với tớ và châm thuốc.

- Cần nói với cậu, - Anh ta mào đầu - mặc dù tớ chưa vợ, nhưng tớ vẫn phải giữ lại ở dinh thự Hurlstone một biên chế hoàn chỉnh số người phục vụ giúp việc. Dinh thự rất to, được xây cất quá vụng về, không hợp lý và vì thế cần có người trông coi thường xuyên để đề phòng trộm cắp. Hơn nữa, chỗ tớ có một khu rừng cấm, cứ đến mùa săn chim trĩ, thì trong nhà tập trung cả một hội lớn, đòi hỏi không ít người phục vụ. Tất cả có tám người, người hầu, người làm bếp, thêm hai người xà ích và một thằng bé để chạy thư từ, tất nhiên không kể người thợ làm vườn và những người giám mã.

Trong số những người phục vụ ấy, có anh chàng Brunton là người phục vụ lâu nhất. Lúc bố tớ mời anh ta về, anh ta chỉ là một thầy giáo trẻ thất nghiệp; chẳng bao lâu, với nghị lực phi thường, tính cách mạnh mẽ, anh ta nghiêm nhiên trở thành một người không thể thiếu được trong nhà tớ. Đó là một gã đàn ông cao to, đẹp trai, có vàng trán đẹp đẽ. Tuy anh ta làm việc ở nhà tớ được hai mươi năm, nhưng anh ta chưa đến bốn mươi tuổi. Một điều rất lạ, tại sao với hình thức hấp dẫn và năng khiếu hiếm có như thế, hơn nữa anh ta lại nói được vài ba thứ tiếng, biết chơi hầu hết các loại nhạc cụ, lại cam chịu một địa vị quá ư thấp hèn? Anh ta sống không đến nỗi tồi, lúc nào cũng vui vẻ và không có ý định thay đổi cách sống. Người hầu này bao giờ cũng thu hút sự chú ý của khách khứa. Nhưng trong con người hoàn hảo này vẫn có thiếu sót: anh ta là người có tính lãng nhăng, quan hệ yêu đương bừa bãi. Cậu biết đấy, trong địa hạt chúng tớ, anh ta thực hiện vai sở khanh không có gì là khó. Khi vợ anh ta còn sống mọi việc đều tốt đẹp. Nhưng khi vợ anh ta mất, thì anh ta gây cho chúng tớ không ít phiền toái. Thú thật vài tháng trước chúng tớ đã yên tâm, vì anh ta đã đính hôn với cô bé Rachel Howells một con hầu trẻ tuổi. Nhưng sau đó, thật tệ, anh ta đã theo đuổi cô Janet Tregellis - con gái của một người thợ săn già lành nghề. Rachel - một cô gái có lòng tự trọng cao, nhưng rất nóng nảy và tính khí thì thất thường, như người dân vùng Welsh, hơn nữa cô ta bị bệnh viêm màng não nằm liệt giường liệt chiếu. Cô ta mới hồi phục, và đi lại như một cái bóng, người cô ta chỉ còn lại đôi mắt.

Đó là tấn kịch đầu tiên xảy ra ở dinh thự Hurlstone của chúng tớ. Nhưng tiếp theo là một chuyện tày trời hơn đã xóa nhòa chuyện cũ trong ký ức chúng tớ. Đó là việc, người hầu trai Brunton đã bị đuổi ra khỏi nhà một cách nhục nhã. Vụ đó xảy ra như thế này: Tớ đã kể cho cậu nghe rồi.

Brunton là một người rất thông minh, có lẽ chính sự thông minh đã là nguyên nhân làm hư hỏng anh ta. Anh ta hay tò mò đến những đồ vật không hề đáng đến anh ta. Tớ chưa bao giờ nghĩ rằng, anh ta lại có thể đi xa đến như thế, sự việc xảy ra làm tỏ sáng mắt ra. Ngôi nhà chúng tớ xây dựng thật luộm thuộm phía trong nhiều đường đi ngang dọc. Tuần trước chính xác hơn là vào đêm thứ năm tuần trước, vì đã chót uống một ly cà phê quá đậm sau bữa ăn nên tớ nằm trần trọc mãi đến hai giờ sáng. Tớ không thể nào ngủ được, bèn ngồi dậy, thấp nền để đọc tiếp cuốn tiểu thuyết. Nhưng cuốn sách lại để quên ở phòng đọc, tớ khoác áo choàng đi vào lấy cuốn sách. Muốn đi

đến phòng đọc, tớ phải đi xuống một đoạn cầu thang nổi, cắt ngang qua hành lang để đến phòng đọc và phòng để vũ khí. Tớ giật mình, ngạc nhiên khi nhìn thấy ánh sáng leo lắt chiếu qua cách cửa mở toang của thư viện. Trước khi đi ngủ, chính tay tớ đã tắt đèn, đóng cửa cẩn thận. Tớ nghĩ, có lẽ kẻ trộm đã lọt vào nhà; các bức tường của tất cả hành lang của dinh thự Hurlstone được treo đầy các loại vũ khí kỳ dị - đấy là chiến lợi phẩm của tổ tiên chúng tớ. Tớ vớ lấy một cây mã tấu dựng trên tường và đặt cây nện xuống nền nhà, rồi rón rén đi trên mấy đầu ngón chân, liếc nhìn qua cánh cửa bỏ trống của thư viện.

Thằng hầu Brunton, ăn mặc chỉnh tề, đang ung dung ngồi trong chiếc ghế bành. Trên đùi hắn có một tờ giấy trông như một tấm bản đồ địa lý; hắn ngắm nghía với vẻ chăm chú và trầm ngâm suy nghĩ rất lung. Sững sờ vì quá kinh ngạc, tớ đứng im quan sát hắn. Trong phòng được thắp một ngọn nến đang cháy dở, chợt Brunton đứng lên, đi tới chỗ chiếc tủ mở ra một ngăn kéo lấy ra một tờ giấy và trở về chỗ cũ, trải tờ giấy xuống bàn bên cạnh mẫu nén, và bắt đầu quan sát. Kiểu cách nghiên cứu thản nhiên những giấy má trong gia đình tớ của hắn làm tớ vô cùng cảm phấn. Không chịu đựng được nữa, tớ bèn bước vào. Brunton vừa dừng lại ngược lên, thì hắn nhìn thấy tớ đang đứng trước cửa. Hắn vội vàng đứng dậy, mặt mày tái nhợt vì sợ hãi, và vội vàng vàng nhét tờ giấy như tấm bản đồ vào túi.

- Hay ho nhỉ! - Tớ lên tiếng - Anh lạm dụng lòng tin của tôi mới khéo làm sao? Từ ngày mai anh buộc phải thôi việc.

Hắn cúi xuống, bò lết lại chỗ tớ không nói một lời nào. Mẫu nén còn nằm trên bàn, rọi le lắt những ánh sáng, tớ liếc nhìn tờ giấy mà Brunton lôi ra từ ngăn kéo. Tớ vô cùng ngạc nhiên, đấy không phải là giấy tờ quan trọng, mà chỉ là bản sao các câu hỏi và câu trả lời. Chúng tớ quen gọi là "Bộ nghi lễ nhà Musgrave". Đã vài ba thế kỷ nay, mỗi người đàn ông trong dòng họ chúng tớ, khi đến tuổi trưởng thành, đều phải thực hiện lễ chế ấy. Nó chỉ có ý nghĩa đối với các thành viên trong gia đình này, nhưng ngoài đời nó không có một ý nghĩa thực tế nào hết.

- Với tờ giấy ấy, chúng ta sẽ bàn sau. - Tớ đề nghị với Musgrave.

- Nếu cậu cho là cần thiết - Anh ta nói có phần lưỡng lự - tớ sẽ kể tiếp các sự kiện. Sau khi dùng chìa khóa; khóa tủ lại, tớ định đi ra, chợt Brunton đến trước mặt tớ.

- Thừa ngài Musgrave. - Anh ta thốt lên bằng một giọng khàn khàn vì hồi hộp - Tôi không chịu đựng nổi nỗi nhục nhã này! Tôi là một kẻ nhỏ nhen, nhưng tôi có lòng tự trọng, nỗi nhục này sẽ làm tôi chết mất. Cái chết của tôi nằm trong lương tâm ngài, nếu ngài cố tình đẩy tôi vào con đường cùng cực, tuyệt vọng tôi cần rơm, cần cỏ lạy ngài nếu ngài thấy rằng sau hành động đê tiện của tôi ngài không thể dùng tôi được thì mong ngài hãy cho tôi thời hạn một tháng để tôi có thể nói với mọi người là tôi tự nguyện ra đi, chứ không phải là do bị đuổi. Dưới con mắt của mọi người quen biết và thân thuộc với tôi, tôi không thể chịu đựng được.

- Anh không xứng đáng để mọi người tôn trọng như vậy, anh Brunton ạ - Tớ trả lời hắn. - Hành động của anh tôi không thể ngờ được. Nhưng tôi chiếu cố cho anh, vì anh phục vụ trong gia đình tôi cũng khá lâu, tôi sẽ không bêu riếu anh trước mặt mọi người. Tuy thế, một tháng thì quá nhiều. Anh có thể ra đi trong vòng một tuần, với lý do nào thì tùy anh.

- Thừa ngài, có một tuần thôi ư? - Anh ta thốt lên đầy thiếu não - Ôi! mong ngài rộng lượng cho thêm hai tuần thôi cũng được!

- Sau một tuần. - Tôi lặp lại - Đối với anh như, vậy là quá nhân nhượng rồi.

Sau khi cúi đầu nhận tội, hắn chậm rãi bước ra như một kẻ đã chết hoàn toàn, còn tớ tắt đèn, quay về phòng mình.

Trong vòng hai ngày sau đó, Brunton đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình. Tớ cũng không nhắc anh ta về sự việc đã xảy ra, và nóng lòng mong đợi hắn sẽ nghĩ cách gì để che đậy chuyện nhục nhã của mình nhưng, sang ngày thứ ba, trái với thông thường, không thấy hắn đến nhận việc. Sau bữa ăn sáng, trong khi bước ra khỏi phòng tớ đã tình cờ thấy con hầu Rachel Howells. Tớ đã nói với cậu là cô này vừa mới ốm dậy, trông cô ta có vẻ phờ phạc, đến nỗi tớ cũng phải trách cô vì cô đã làm việc khi chưa bình phục.

- Cô cứ nghỉ cho khỏe đã - Tớ nói. - Chờ khi nào khỏe hẳn bắt tay vào việc cũng không muộn.

- Em đã khỏe hẳn rồi, thưa ông chủ. - Cô ta đáp.

- Chúng tôi phải chờ xem bác sĩ kết luận như thế nào? - Tớ chống chế. - Cô hãy dừng ngay công việc và đi tìm Brunton nói anh ta đến gặp tôi.

- Anh Brunton bỏ trốn rồi ạ. - Cô ta đáp.

- Bỏ trốn!

- Vâng, anh ta biệt tích, không một ai nhìn thấy. Trong phòng cũng không có. Anh ta bỏ trốn; vâng đã trốn!

Cô ta đứng dựa hẳn vào tường và cười hô hô trong một cơn động kinh. Còn tớ, trong lúc lo sợ vì cái động kinh bất ngờ, tớ chạy đến rung chuông kêu người đầy tớ. Người ta đã mang cô gái vào phòng, cô ta vẫn tiếp tục cười rất man rợ và khóc sụt sùi. Tớ vẫn tiếp tục tìm Brunton: Nhưng anh ta đã mất tích - điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, giường chiếu của anh ta vẫn còn nguyên vẹn, không ai nhìn thấy anh ta kể từ lúc anh ta quay về phòng mình chiều tối hôm qua. Nhưng không thể tưởng tượng nổi, bằng cách nào anh chuẩn được khỏi nhà: tất cả cửa sổ, cửa ra vào đều được khóa từ bên trong. Quần áo, đồng hồ ngay cả tiền bạc của Brunton vẫn còn đầy đủ trong phòng anh ta, chỉ có một bộ đồ đen, bộ anh ta hay mặc là không thấy; đôi dép dùng trong nhà cũng không có, chỉ còn một đôi ủng. Trong đêm hôm khuya khoắt Brunton bỏ đi đâu và chuyện gì đã xảy ra với anh ta. Cậu biết không? Chúng tớ đã lùng sục khắp mọi xó xỉnh, nhưng không hề thấy một dấu vết nào của anh ta. Tớ xin nhắc lại, dinh thự của tớ thật sự rối rắm, đặc biệt những mái vòm cũ kỹ hoang vắng không người ở, nhưng chúng tớ cũng cứ lùng sục từng nơi một; thậm chí cả những gác xép. Mọi cố gắng của chúng tớ đều không mang lại kết quả gì. Thật đơn giản, tớ không thể tin là anh chàng Brunton đã ra đi, mà để lại tất cả tài sản, tớ nghĩ rằng, anh ta mất tích. Tớ cũng đã mướn cảnh sát địa phương tới giúp. Nhưng cảnh sát cũng không khám phá được gì mới. Trước khi xảy ra vụ mất tích, có một trận mưa, do vậy mọi quan sát các dấu vết ở bãi cỏ, con đường đều vô nghĩa. Tình thế nan giải như vậy đó.

Cô Retten Howells liên tiếp trong hai ngày cứ tỉnh tỉnh mê mê và lên những cơn động kinh thật khủng khiếp. Cô ta khó ở đến nỗi chúng tớ phải cho một người hộ lý luôn luôn túc trực bên cạnh. Đêm thứ ba sau ngày Brunton bị mất tích, cô hộ lý thấy người bệnh đã ngủ, nên cô ta cũng thiêu thiêu một giấc. Sáng sớm hôm sau, khi thức dậy cô hộ lý giật mình khi nhìn thấy chiếc giường trống trơn, cửa sổ thì mở toang, bệnh nhân thì biến mất. Người ta lập tức gọi tớ dậy, tớ lấy hai xà ích rồi bỏ đi tìm.

Chúng tớ dễ dàng xác định hướng đi của cô hầu gái. Bắt đầu từ cửa sổ, cho đến một cái ao dọc theo bãi cỏ các dấu vết rất rõ, khi đến con đường rải sỏi thì mọi dấu vết biến mất. Cái ao lớn này có chỗ sâu đến 8 foot, cậu thử hình dung xem, khi chúng tớ nhìn thấy đôi tát của cô gái đáng thương đang trôi lững lờ trên mặt nước. Chúng tôi vội vàng lấy câu liêm để vớt xác kẻ chết đuối; nhưng vô vọng, đáy ao không có xác một người nào. Thay vào đó, chúng tớ bị bất ngờ bởi vớt lên được một chiếc bao tải bằng vải gai, trong bao tải được nhét đầy những mảnh vụn kim loại cũ, đã han rỉ, mất hết màu sắc; các mảnh đó dùng đục mờ mờ như các mảnh sành, và cũng hơi giống thủy tinh. Không còn vật gì khác, mặc dù chúng tớ đã cật lực tìm kiếm cả ngày hôm qua. Chúng tớ đã tiến hành gạn hỏi, chất vấn mọi người nhưng vẫn không biết Brunton và Rachel Howells hiện nay ở đâu. Cảnh sát địa phương bắt lục, lật đầu; và cuối cùng tớ chỉ có hy vọng cuối cùng là nhờ đến cậu, Sherlock Holmes ạ.

Cậu biết không, Watson, tớ đã lắng nghe câu chuyện với sự thú vị. Tớ có tham vọng sẽ kết dính các sự kiện thành chuỗi thống nhất, để lần tìm một sợi chỉ dẫn đường, sợi chỉ xuyên suốt mọi hành động, nhằm tìm giải đáp của một bài toán hóc búa.

Người hầu trai biệt tích, cô hầu gái cũng biến luôn. Có một thời gian cô hầu gái đã yêu say đắm anh chàng hầu trai, nhưng sau đó lại thù ghét anh ta. Cô bé ấy là người vùng Welsh, tính khí rất mãnh liệt nên tình yêu mặn nồng thiết tha. Sau khi anh chàng Brunton bị mất tích, tâm trạng cô ta bị kích động dữ dội. Cô ta đã ném xuống ao một bao tải đựng toàn đồ kỳ quặc. Mỗi sự kiện đều làm cho chúng ta phải suy nghĩ, nhưng không có sự kiện nào trong đó chỉ ra được thực chất của vấn đề. Tớ phải tìm đầu sợi chỉ trong mớ bòng bong ở đâu? Nhưng tớ thoáng ngờ một mắt xích trong cả chuỗi rồi rầm kỳ lạ ấy...

- Musgrave! - Tớ nói - Tôi cần xem tờ giấy mà anh chàng Brunton đã nghiền ngẫm, thậm chí vì nó mà anh ta dám xăm mình đi một nước cờ liều để rồi phải mất việc.

- Thực ra, "bộ nghi lễ" của chúng tôi, chỉ toàn là điều nhảm nhí. - Anh ta nói - Cái quý duy nhất của nó là tính chất đồ cổ, lịch sử. Tôi có mang theo bản sao chép để phòng, nếu cần anh cứ xem.

Anh ta đưa cho tớ chính mảnh giấy này, tờ giấy mà tớ đang cầm trên tay đây, Watson. Bộ nghi lễ - Ý nghĩa của nó đại loại như một kỳ thi sát hạch, mà mỗi người đàn ông trong dòng họ Musgrave đều phải trải qua khi đến tuổi vị thành niên. Tớ sẽ đọc cho cậu nghe những câu hỏi và câu trả lời theo thứ tự ghi chép.

"Cái này đang thuộc về ai?" "Về người đã ra đi".

"Cái này sẽ thuộc về ai?" "Về người sẽ đi đến".

"Cái này đã có từ tháng mấy?" "Tháng thứ sáu, tính từ tháng thứ nhất trở đi"

"Mặt trời ở đâu" "Trên ngọn cây sồi".

"Bóng của nó ở đâu?" "Ở dưới gốc cây du"

"Cần bước mấy bước?"

"Về phía bắc - 10 và 10; đi về phía đông - 5 và 5; về phía nam - 2 và 2; về phía tây - 1 và 1, và đi xuống dưới".

"Chúng ta sẽ hiển dâng cái gì cho việc ấy" "Tất cả những gì mà chúng ta có".

"Vì cái gì mà chúng ta hiển dâng?" "Vì trách nhiệm, nghĩa vụ"

- Trong nguyên bản không thấy ghi ngày tháng - Musgrave nhận xét - Nhưng theo lối viết và ngữ pháp thì tôi đoán khoảng giữa thế kỷ XVII. Tôi e rằng những tài liệu này không giúp được gì cho anh trong việc giải quyết điều bí ẩn ở dinh thự tôi.

- Cũng có thể, nhưng nó đặt ra trước mắt chúng ta một câu đố thứ hai. - Tớ trả lời. - Một câu đố gọi trí tò mò một cách thích thú. Nếu ta giải được câu đố này thì có khả năng khám phá ra đáp số của bài toán thứ nhất. Tớ hy vọng, cậu sẽ không giận tớ Musgrave ạ, người hầu trai của cậu là một người thông minh, khôn ngoan và nhạy bén, thấu hiểu mọi vấn đề hơn hẳn chủ anh ta đến mười lần.

- Thú thật, tôi không hiểu anh định nói cái gì? - Musgrave trả lời. - Tôi nghĩ, tờ giấy này không có một chút ý nghĩa thực tế nào hết.

- Riêng tôi, thì cho rằng nó rất quan trọng, có lẽ Brunton có suy nghĩ giống tôi. Chắc là anh chàng hầu trai kia đã nhìn thấy tờ giấy này trước đêm mà anh bắt quả tang anh ta.

- Hoàn toàn có thể, chúng tôi không giấu kín là cái gì.

- Chính xác hơn, lúc ấy anh ta chỉ muốn xem để nhớ nội dung. Theo tôi hiểu, anh ta đã cầm trên tay một tấm bản đồ, đang so sánh với bản chép tay. Khi nhìn thấy anh, thì anh ta vội vàng nhét bản đồ vào túi.

- Đúng, anh ta cần xem tờ tiết lễ có tính chất gia giáo của chúng tôi để làm gì? Sự đam mê khờ dại kia chẳng dẫn đến kết quả nào hết?

- Tôi thiết nghĩ chúng ta có khả năng tìm được đáp số không đến nỗi khó khăn. - Tớ đáp, nếu anh đồng ý, chúng ta sẽ đi chuyến tàu đầu tiên đến Sussex và mổ xẻ thật kỹ vụ này tại hiện trường.

Chúng tớ có mặt tại dinh thự Hurlstone trong ngày hôm ấy. Cậu đã thấy bức tranh họa ngôi nhà này chưa? Cậu đã đọc được những đoạn người ta miêu tả về nó chưa? Tớ nói cho cậu rõ, dinh thự này có hình dáng “L” một mái dài, trông ra dáng hơi hiện đại, còn một mái ngắn cũn cỡn trông rất cổ kính. Có thể vì, đó là chiếc bào thai đã sản sinh ra tất cả. Ngay phía trên cánh cửa hẹp, nặng nề ở ngay trung tâm có khắc năm xây dựng “1607”. Nhưng những nhà am hiểu lịch sử và kiến trúc thì cho rằng, những thanh xà gỗ, đá lát nền còn cổ kính lâu đời hơn nhiều. Ở thế kỷ trước, người ta thấy những bức tượng dày quá dị, cửa sổ thì bé tẹo nằm ngay phần chính ngôi nhà, đã thôi thúc chủ nhân phải xây thêm một mái nhà mới, mái nhà cũ chỉ dùng làm kho và hầm chứa, phần còn lại thì bỏ trống. Xung quanh dinh thự có một công viên bao bọc, ở trong trồng nhiều loại cây cổ thụ che mát rất tuyệt. Còn cái hồ, hay cái ao như người khách đã nhắc tới, nằm cuối hàng cây, cách nhà chừng 200 yard.

Lúc bấy giờ, tớ cứ đinh ninh rằng không hề có ba bài toán riêng biệt, mà chỉ tồn tại một câu đố duy nhất. Nếu tớ thành công việc giải mã bộ nghi lễ nhà Musgrave, chắc chắn tớ sẽ tìm ra chiếc chìa khóa để khám phá vụ mất tích của Brunton và Howells. Tớ tập trung toàn bộ năng lực và thời gian lao vào công việc. Tại sao Brunton lại giao đầu miệt mài nghiên cứu. Bộ nghi lễ có nội dung thật kỳ lạ và hơi ngớ ngẩn? Rõ ràng anh ta đã đọc được ý nghĩa của nó, ý nghĩa này đã đánh lạc hướng nhiều thế hệ chủ nhân khu dinh thự. Điều này, không thể là cái gì khác ngoài việc anh ta hy vọng sẽ được món hời riêng cho bản thân mình. Món hời này là gì? Vì sao lại làm thay đổi số phận anh ta?

Khi đã nghiên cứu kỹ tờ giấy, tớ đã sáng tỏ được một điều: các con số có liên quan đến một địa điểm nào đó có khả năng giấu vật gì đó đã được nhắc tới ở phần đầu bộ nghi lễ. Nếu chúng ta phát hiện được điểm đó, thì chúng ta sẽ tìm được con đường đúng đắn để vạch ra điều bí mật - bí mật này đã được tổ tiên anh chàng Musgrave, biến thành mật mã theo kiểu gia phả. Để tiến hành công việc tìm kiếm, trong tay chúng ta đã có hai vật làm chuẩn. Đó là cây sồi và cây du. Về cây sồi thì không còn gì để nghi

ngờ. Ngay trước mặt ngôi nhà, bên trái con đường, có một cây sồi cổ thụ, ra dáng già lão nhất. Đó là một cây sồi vĩ đại, đồ sộ nhất mà bây giờ tớ mới có dịp nhìn thấy.

- Khi viết "Bộ nghi lễ" này, cây sồi này đã có chưa? - Tớ hỏi Musgrave.

- Cậu nói gì? Theo tớ nó có từ thời trung cổ kia - Anh ta trả lời.

- Thân nó to để đến 23 food.

Một điểm chính được sáng tỏ.

- Ở đây ngày trước có cây du cổ thụ nào không? - Tớ hỏi.

- Cách đây không xa có một cây khá to, nhưng mười năm trước đây một cơn sét đã đánh trúng nó, người ta đã đào gốc nó lên rồi.

- Anh còn nhớ chỗ nó mọc chứ?

- Tất nhiên, tôi nhớ.

- Còn những cây du khác, quanh đây có nhiều không?

- Cây cổ thụ thì không, còn cây con rất nhiều.

- Tôi muốn biết cây du đã mọc ở đâu.

Chúng tớ đi đến bằng xe kéo, anh bạn của tớ không bước vào nhà, mà dẫn tớ tới ngay chỗ cây du trước kia đã sống, bây giờ ở đó là một bãi cỏ xanh rì. Vị trí này bằng nửa đường giữa cây sồi và ngôi nhà. Công việc tìm kiếm của chúng tớ rất trôi chảy tốt đẹp.

- Chà, gay go thật, làm sao chúng ta xác định được độ cao của cây du? - Tớ hơi chán nản hỏi.

- Ngay bây giờ tôi có thể trả lời cho anh: Nó cao 64 foot.

- Làm sao cậu biết chính xác thế? - Tớ ngạc nhiên thốt lên.

- Ngày trước, ông giáo đại học của tớ, có ra bài tập về môn lượng giác; ông bắt tớ xác định độ cao, đo chiều dài... vì thế, khi còn nhỏ tớ đã đo các cây và những vật được xây dựng trong dinh cơ này.

Một kết quả đến quá bất ngờ. Một nguồn tin đến với tớ nhanh hơn dự tính.

- Cậu làm ơn cho tớ biết, thằng hầu của cậu có bao giờ hỏi một câu đại loại như tớ hỏi không? - Tớ hỏi.

Musgrave nhìn tôi ngạc nhiên.

- Nghe cậu nhắc chuyện này - Anh ta nói. - Tớ nhớ lại cách đây vài tháng Brunton có hỏi tôi về độ cao cây du đó. Anh ta giải thích rằng, có một trận cãi vã, cá độ về cây du với một người đầy tớ khác... Điều này, chứng tỏ tớ đã đi đúng hướng, Watson ạ. Tớ nhìn lên mặt trời, trời đã chuyển về chiều. Tớ nghĩ khoảng một giờ nữa mặt trời sẽ nằm chếch đúng trên ngọn cây sồi cổ thụ.

Điều kiện thứ nhất ghi trên tờ giấy sẽ được thực hiện. Điểm nào dính líu đến bóng cây du? Ở đây họ muốn chỉ bóng xa nhất của nó. Tớ phải xác định điểm cuối của bóng cây du, xem nó sẽ ngã đến đâu khi mặt trời đứng ngay trên ngọn cây sồi.

- Chuyện này không đơn giản phải không Holmes? Vì cây du không còn ở đấy nữa.

- Tất nhiên là khó. Nhưng tớ biết, nếu Brunton làm được thì tớ cũng phải làm được. Hơn nữa đây không phải là chuyện khó như cậu tưởng đâu. Tớ cùng với Musgrave đi vào trong phòng của anh ta, rồi chặt lấy một cái cọc nhỏ, buộc vào đó một sợi dây; đánh dấu từng đoạn, mỗi đoạn bằng một yard. Sau đó, tớ nối hai chiếc cần câu lại và trong tay tớ có một đoạn dài 64 foot. Tớ cũng cùng anh bạn tớ đi đến chỗ cây du mọc. Mặt trời vừa vặn lờ lững trên ngọn sồi. Tớ cắm đoạn cây của tớ xuống đất xác định bóng của nó ngã theo hướng nào, và đo bóng của nó đúng 9 foot. Hướng của chúng thì

trùng nhau rồi. Tớ đo khoảng cách ấy, bóng cây du trong tính toán dẫn tớ đến một điểm gần sát bức tường của ngôi nhà, tớ đóng cọc làm dấu. Watson, cậu có biết tớ sung sướng như thế nào không? Cách cây cọc của tớ 2 inch, tớ nhìn thấy có một cái lỗ hình côn! Tớ hiểu đấy là điểm làm dấu của Brunton khi anh ta tiến hành đo tính. Tớ đã lần theo dấu vết của anh ta.

Từ điểm xuất phát ấy tớ bắt đầu đếm bước, trước đó tớ đã dùng la bàn để xác định phương hướng. Mười bước và thêm mười bước nữa tớ hiểu mỗi chân bước mười bước. Theo phương bắc, tớ bước hai mươi bước, dọc theo bức tường tớ đóng cọc làm dấu, sau đó trước năm bước, rồi sau năm bước nữa theo hướng đông, rồi hai bước và hai bước theo hướng nam. Đến đây tớ đứng ngay trước một cánh cửa cũ kỹ. Chỉ còn lại một bước và một bước nữa theo hướng tây, nhưng như thế tớ buộc phải đi xuyên qua hành lang lát toàn bằng đá tảng. Chẳng lẽ, đây chính là điểm ghi trong giá phả? Trong đời chưa bao giờ tớ gặp phải một chuyện đau khổ và đáng buồn như vậy, Watson ạ. Trong một giây, tớ có ý nghĩ hãy tính toán của mình bị nhầm lẫn chỗ nào chẳng? Mặt trời chiếu rực rỡ, soi rõ nền của hành lang, những tấm đá lát cũ kỹ được trát xi măng kín mít, tất nhiên hàng trăm năm nay chưa hề suy chuyển. Rõ một điều là Brunton chưa dừng đến đây. Tớ gõ gõ một vài chỗ trên nền đá, nhưng khắp nơi đều nghe thấy tiếng kêu giống nhau; không có một dấu hiệu nào chứng tỏ có vết nứt hoặc khe hở. Rất may, anh chàng Musgrave đã bắt đầu hiểu ra ý nghĩa việc làm của tớ. Lúc này, anh ta ít hồi hộp, lo lắng hơn tớ. Anh lấy tờ gia phả ra để kiểm nghiệm lại các phép tính của tớ.

- Và chui xuống nữa! - Anh ta chợt reo lên. - Anh đã quên mất câu "... và chui xuống".

Tớ vỡ lẽ ra tất cả. Có nghĩa là phải đào đất để tìm nhưng lúc ấy tớ bỗng trở nên thông thái lạ thường và biết rằng mình đã nhầm.

- Như vậy có nghĩa, ở đây có một tầng ngầm? - Tớ thốt lên.

- Đúng, nó được xây đồng thời với ngôi nhà. Nào, nhanh chóng đi - xuống, đi qua cánh cửa này! Musgrave nói.

Dọc theo cầu thang xoắn chôn ốc xây bằng đá, chúng tớ đi xuống hầm ngầm. Anh bạn của tớ quẹt diêm châm cây đèn lớn để trên chiếc thùng phi. Trong khoảnh khắc, chúng tớ đều khẳng định là mình đã đi đúng hướng. Chúng tớ cũng nhận thấy, có người nào đó đã đến đây trước chúng tôi chỉ mới hai, ba ngày.

Ở tầng hầm này, người ta chôn đầy củi; những thanh củi trước kia trải đầy mặt đất, giờ đã được dón sát chân tường, giải phóng một khoảng không gian ở giữa. Ở đây có một phiến đá rộng, to và nặng nề đang nằm chình ịch. Giữa phiến đá được gắn một cái vòng bằng sắt đã hoen rỉ; trong vòng sắt có ai đã buộc một chiếc khăn quàng cổ, vải ca rô trông còn khá tốt.

- Quỷ tha ma bắt, cái khăn của Brunton! Nhưng sao nó lại ở đây? - Musgrave thốt lên ngạc nhiên và giận dữ - Tớ đã trông thấy hán quàng chiếc khăn này ở cổ. Nhưng thằng đều cái gì, mắt dạy làm gì ở đây kia chứ?

Theo đề nghị của tớ, người ta cho mời hai viên cảnh sát địa phương đến. Với sự có mặt của họ, tớ toan nhấc phiến đá lên. Nhưng với sức lực của tớ phiến đá chỉ hơi nhấc khe khẽ.

Nhờ sự giúp đỡ của viên cảnh sát, tớ mới làm nổi công việc dịch chuyển phiến đá sang một bên. Dưới phiến đá là một cái hố đen ngòm, toang hoác miệng; tất cả chúng tớ đều nhòm vào. Musgrave quỳ xuống, và đưa thấp ngọn đèn xuống miệng hố.

Chúng tớ trông thấy chiếc hòm hình vuông chật hẹp, sâu độ 7 foot, rộng mỗi bên độ 4 foot. Một chiếc rương nhỏ, làm bằng gỗ được nẹp bốn góc bằng đồng, nằm dưới hòm. Một chiếc khóa cũ kỹ trông ngồ ngộ, đang lắc lư trong ổ khoá. Bụi phủ đầy chiếc rương, hơi ẩm mốc đã làm phần gỗ phía trong mục nát. Vài đồng xu bằng kim khí - giống như những đồng xu cậu trông thấy ở đây, đó là những đồng bạc thời xưa, lẫn lóc nằm dưới đáy rương. Ngoài mấy thứ đó ra, trong rương không còn bất kỳ vật nào. Tuy thế trong mấy phút đầu, chúng tớ không chú ý lắm đến rương, mà tất cả cặp mắt đều đổ dồn vào vật đang nằm bên cạnh rương.

Một người đàn ông, mặc đồ đen đang ngồi chồm hồm, đầu gục xuống, hai tay ôm chặt lấy rương. Khuôn mặt của người đó trắng bệch và biến dạng không thể nào nhận ra. Nhưng, khi chúng tớ dựng anh ta lên, Musgrave phán đoán theo tầm vóc kích thước, quần áo, tóc tai của kẻ bất hạnh và đã nhận ra đấy chính là anh chàng Brunton bị mất tích. Brunton chết trước đó vài ngày, nhưng trên người anh ta không tìm thấy dấu vết thương tích... để có thể làm sáng tỏ số phận bi đát của anh ta. Khi chúng tớ lôi được xác chết lên khỏi hòm, chúng tớ lại đứng trước một bài toán hóc búa, không kém phần đau đầu, so với giải đáp mà chúng tớ vừa khám phá ra...

Thú thật với cậu, Watson ạ! Tớ rất nản lòng và chán chường trước hết quả của công cuộc tìm kiếm. Tớ chỉ nghĩ rằng, tìm được địa điểm bí mật đã ghi trong gia phả lâu đời, thì mọi việc sẽ được sáng tỏ; nhưng khi đứng đúng chỗ cần tìm, thì mọi bí mật của nhà Musgrave vẫn còn quá mù mịt. Thật ra, tớ đã làm rõ việc Brunton mất tích, nhưng tớ phải giải quyết một vấn đề, để làm sáng tỏ một điều; Bằng cách nào số phận của Brunton lại bi đát đến như thế: còn người hầu gái kia có đóng vai trò gì không? Tớ ngồi xuống một chiếc thùng gỗ kê trong góc, suy tính trong óc mọi tình tiết của câu chuyện đã xảy ra...

Watson, cậu biết phương pháp của tớ trong những trường hợp tương tự: Tớ đặt mình vào trường hợp kẻ hành động; trước hết cần nắm được trình độ suy luận và mức độ thông minh của anh ta. Tớ sẽ tưởng tượng mình là kẻ đó thì mình sẽ hành động ra sao? Chuyện này có đơn giản hơn, vì Brunton là kẻ có bộ óc không phải là tầm thường, tớ không phải mất công lắm để tính toán mức độ chênh lệch giữa trình độ suy luận của anh ta so với tớ. Brunton biết có một vật quý giá đang được cất giấu ở đâu đó. Anh ta đủ trí thông minh để xác định được chính xác vị trí. Anh ta biết chắc chắn rằng, tấm đá che miệng hòm rất nặng, một người thì không tài nào nhấc nổi. Sau đó, anh ta sẽ làm gì? Anh ta không thể cầu cứu người lạ được. Nếu tìm được một người mà anh ta tin tưởng, thì dẫu sao, khi đóng chặt cánh cổng từ bên ngoài, anh ta cũng thừa hiểu mình đi một bước quá liều lĩnh. Tốt hơn hết, nên tìm một người ở ngay trong dinh thự nhà Musgrave. Nhưng Brunton cần tìm ai bây giờ? Người hầu gái kia đã có một thời yêu thương anh ta. Người đàn ông, dù có những hành động đáng trách với người phụ nữ, nhưng anh ta vẫn tin rằng, tình yêu dành cho anh ta không phải là đã hết.

Khi gặp cô hầu gái Rachel, Brunton đã làm lành với cô ta, và thuyết phục để cô ta đồng lõa với hắn. Chờ khi đêm đã khuya, họ cùng nhau xuống tầng hòm, và hợp sức để đẩy tảng đá. Đến phút này, hành động của bọn họ rõ ràng như chính tớ đã quan sát bằng cặp mắt mình. Nhưng trong hai kẻ thủ phạm, có một phụ nữ, rõ ràng đấy không

phải là một công việc nhẹ nhàng; tớ với anh chàng cảnh sát phải chặt vật lắm mới đẩy được tảng đá sang một bên. Họ đã làm gì để giảm nhẹ công việc. Đúng, tớ cũng phải làm như họ đã làm. Tớ chăm chú nhìn vào đồng củi lẫn lóc, và tớ tìm thấy ngay cái tớ đang mong đợi. Có một khúc củi dài khoảng 3 foot đã bị hơi vụn gãy ở một đầu, một cây khác thì bị bẹp dí: rõ ràng nó bị một vật nặng đè lên. Có thể, trong lúc nâng tấm đá, Brunton và cô hầu đã lèn những thanh củi vào khe hở; khi cái lỗ chưa đủ để chui vào, họ đã lèn thêm một cây củi nữa, cây này được dựng đứng nên vì thế nó mới bị vụn gãy ở đoạn cuối - chính tảng đá đã đè toàn bộ trọng lượng lên thanh củi. Những giả thiết của tớ hoàn toàn có căn cứ hẳn hoi.

Tớ phải suy xét thế nào đây, để có thể dựng lại toàn bộ bức tranh của tấn thảm kịch ban đêm? Nhất định chỉ có một người lọt vào hầm, và kẻ đó chắc phải là Brunton. Còn cô gái, có lẽ đã đứng ở phía trên chờ đợi. Brunton đã mở nắp chiếc rương và lấy hết mọi thứ chuyển lên trên cho cô gái, điều này không thể chối cãi vì chiếc rương còn lại rỗng không...

Tiếp theo, cái gì đã xảy ra? Có thể, sự khao khát trả thù anh chàng bội tình đang bùng cháy trong lòng cô gái nóng tính kia, khi cô nhìn thấy tính mạng của người tình bội bạc đang nằm trong tay mình. Cũng có thể, tình cờ cây gỗ ngã xuống, và tảng đá đã nhốt chặt Brunton trong hầm - trong một chiếc quan tài bằng đá. Nếu như chiều hướng thứ hai, thì Rachel chỉ có lỗi là đã làm thính, không báo cho mọi người biết chuyện đã xảy ra. Hoặc cô ta đã cố ý rút cây gỗ lên lên, làm cho tấm đá rơi xuống chỗ cũ? Hoặc là thế này, hoặc là thế khác. Nhưng tớ mừng tượng thấy trước mặt tớ người phụ nữ kia: Sau khi giấu chặt trong ngực vật quý giá mới tìm thấy được; cô ta chạy như bay theo cầu thang xoắn ốc để tránh không phải nghe thấy những tiếng rên vì ngột thở và những tiếng đập cầu cứu tuyệt vọng của người tình lừng gạt. Đấy chính là nguyên nhân đã làm cho cô ta hoảng hốt, nhột nhạt, kích động và nổi lên những tràng cười điên loạn vào sáng hôm sau. Vật gì đã nằm trong chiếc rương kia? Cô gái đã làm gì với những vật đó? Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là những mảnh kim loại cũ kỹ và những tấm đá vụn, mà cô ta đã kịp ném xuống ao để nhằm che giấu tội lỗi của mình...

Tớ đã ngồi bất động chừng hai mươi phút. Musgrave người nhột nhạt; vẫn đứng cầm ngọn đèn soi xuống hầm là nhìn ngơ ngẩn

- Đấy là những đồng tiền của thời vua Charles đệ nhất 1 - Anh nói và chìa cho tớ xem vài ba đồng xu tròn tròn. - Anh thấy không, tôi đã đoán chính xác thời gian ra đời của "Bộ nghi lễ".

- Đây chưa phải là hết. Chúng ta sẽ phải tìm một vật còn sót lại của đế chế Charles đệ nhất! - Tớ thốt lên, khi nhớ lại hai câu hỏi đầu ghi trong gia phả. - Anh cho tôi xem vật đã chứa trong bao tải, mà anh tìm thấy dưới đáy ao.

Chúng tôi cùng bước về phòng Musgrave, anh ta đổ ra trước mặt tớ một đồng những mảnh vụn. Tớ ngắm kỹ những thứ của nợ đó, và bỗng hiểu ra vì sao Musgrave coi nó không ý nghĩa gì hết; bởi vì kim loại thì bị đen, còn mảnh đá thì bị mất hết màu sắc và đục lờ mờ. Tớ lấy ống tay áo lau chùi một mảnh, nó bỗng sáng lấp lánh như một ngọn lửa trong lòng bàn tay tớ.

- Chắc anh hiểu, - Tớ nói với Musgrave - Tập đoàn của nhà vua vẫn tiếp tục thống trị nước Anh, ngay cả khi nhà vua đã chết. Rất có thể, trước lúc bỏ chạy những thành viên tập đoàn Charles đệ nhất - là vua nước Anh, đã bị lật đổ và xử tử - thống trị đã cắt

giấu những vật quý giá nhất ở một nơi bí mật, với hy vọng sẽ quay về khi tình hình yên ổn.

- Ông cố nội tôi - ngài Ralph Musgrave, có một vị trí quan trọng trong triều đình và là cánh tay phải đắc lực của vua Charles đệ nhị, trong thời gian nhà vua còn phiêu bạt.

- À? - Tớ thốt lên, - Thật tuyệt vời, mắt xích cuối cùng đã tìm ra. Xin chúc mừng cậu Musgrave! Sau cuộc thăng trầm, gian truân, đầy ải, anh đã nghiễm nhiên trở thành chủ nhân của một thánh vật, nó có một giá trị vô cùng to lớn, bởi bản thân nó là một của quý. Nhưng nó còn có một ý nghĩa quan trọng hơn là tính lịch sử vô cùng quý giá của nó.

- Vật gì vậy? - Anh ta hỏi tớ và hồi hộp vô cùng.

- Đây chính là chiếc vương miện của các nhà vua nước Anh.

- Vương miện?!

- Đúng. Vương miện. Anh hãy nhớ câu ghi trong gia phả thế này: “Cái này thuộc về ai?” - “Về người đã ra đi”. Lời này được viết khi Charles đệ nhất bị chết. “Cái này sẽ thuộc về ai?”. “Về người lên thay”. Câu này có ý nói về Charles đệ nhị. Việc lên ngôi đã được tiên đoán từ trước, không còn nghi ngờ gì nữa, chiếc vương miện đã bị hỏng, mất hết hình thù oai nghiêm của nó, đã từng đội trên đầu các ông vua từ triều đại Stuarts.

- Nhưng làm sao nó lại biến được xuống đáy ao?

- Câu hỏi này không thể trả lời trong một phút.

Thế là tớ phải lần lượt kể lại cho Musgrave nghe toàn bộ quá trình, từ những giả thiết cho đến những dẫn chứng của mình. Khi tớ kết thúc câu chuyện thì trời bắt đầu nhá nhem, và trên bầu trời xuất hiện mặt trăng soi sáng, bàng bạc rạng rỡ.

- Nhưng tại sao, khi quay về với vua Charles đệ nhị đã không lấy lại vương miện của mình? - Musgrave hỏi và nhét tất cả những mảnh thánh vật quý báu vào bao tải.

- Anh nêu lên một vấn đề mà chúng ta không tài nào giải đáp được. Có lẽ, ông Ralph Musgrave, người nắm được bí mật này, trước khi chết đã trao lại cho người kế tiếp, nhưng vì sao đó không ai giải thích được nội dung, ý nghĩa. Từ đó đến nay, “Bộ nghi lễ” gia phả kia được lưu truyền từ đời cha cho đến đời con. Cuối cùng đã lọt vào tay một kẻ có khả năng khám phá ra điều bí ẩn, nhưng kẻ đó phải trả cho nó một cái giá quá đắt...

Watson, câu chuyện về “Bộ nghi lễ của nhà Musgrave” chỉ có thế. Cho đến bây giờ, chiếc vương miện vẫn nằm ở dinh thự Hurlstone, mặc dù chủ nhân của nó đã phải vất vả, chi phí một món tiền khá lớn; trong lúc người ta chưa được phép chính thức giữ chiếc vương miện ở bên cạnh. Nếu cậu muốn ngắm nhìn chiếc vương miện, cậu chỉ cần hô tên của tớ lên thì người ta ngay lập tức cho cậu xem liền.

Còn người hầu gái đã biệt âm vô tín. Có khả năng cô nàng đã từ giã nước Anh và suốt đời mang theo kỷ niệm về hành động phạm pháp của mình.

C.6 - The Reigate Puzzle 1893(Vụ án ở Reigate)

Ngày 14 tháng 4 năm 1887 tôi nhận được một bức điện gửi từ Lyon báo tin Holmes bị ngã bệnh, phải nằm liệt giường ở khách sạn Dulong. Trong vòng 24 giờ, tôi đã sang nước Pháp, tới tận bên giường anh và thấy bệnh không trầm trọng. Thể trạng anh cứng cáp như sắt thép nhưng cũng không chịu nổi trước một cuộc điều tra kéo dài hai tháng; trong thời gian đó, mỗi ngày anh phải làm việc trên 15 tiếng đồng hồ: anh còn xác nhận là có lúc anh không được nghỉ ngơi lấy một tiếng đồng hồ trong 5 ngày liên tiếp. Ba ngày sau đó, chúng tôi quay về nhà ở phố Baker. Nhưng đại tá Hayter, người bạn thân mà tôi đã chăm sóc bên xứ Atghanistan, đã tậu được một ngôi nhà ở gần Reigate, trong hạt Surrey, và ông thường mời tôi và Holmes tới đó để đổi gió. Khi Holmes được biết đại tá là người độc thân thì anh liền đồng ý. Thế là, một tuần sau ngày trở về London, chúng tôi tới nhà đại tá Hayter.

Buổi tối hôm đến nơi, chúng tôi quây quần trong phòng trưng bày vũ khí. Holmes nằm dài trên ghế trường kỷ, trong lúc Hayter và tôi xem bộ sưu tập súng. Đại tá nói:

- Nhân đây, tôi sẽ đem lên lầu một trong những khẩu súng lục này để phòng ngừa trường hợp chúng ta cần báo động.

- Báo động ư? - Tôi kêu lên.

- Phải, mới đây ông già Acton đã bị trộm tới viếng đêm thứ hai tuần qua. Thiệt hại thì không đáng kể, nhưng tên trộm vẫn chưa bị bắt.

- Không có hướng điều tra nào sao? - Holmes hỏi, liếc nhìn ông đại tá.

- Cho tới nay thì không. Nhưng đây là một vụ đáng kể, một vụ trộm vặt ở thôn quê, hoàn toàn không đáng làm cho ông phải bận tâm sau cái vụ quốc tế lớn lao kia.

Holmes khua tay như gạt bỏ lời khen ngợi, nhưng nụ cười của anh lại chứng tỏ là anh lấy thế làm khoái chí.

- Không có chi tiết đặc trưng nào sao?

- Không. Bọn trộm đã lục tung cái thư viện. Tất cả căn phòng đã bị đảo lộn từng phéo, các ngăn kéo bị mở tung, giấy tờ bị ném tung toé. Các món bị mất chỉ có: một cuốn sách, hai cây đèn nến bọc quý kim, một phong vũ biểu nhỏ bằng gỗ sồi và một cuốn dây mảnh.

- Một lô hàng kỳ lạ! - Tôi thì thầm.

-Ồ, hiển nhiên là bọn trộm đã vội quơ lấy những gì mà chúng có thể mang theo.

Trên ghế trường kỷ, Holmes buông ra một tiếng lầu bầu:

- Cảnh sát địa phương hẳn rút ra một điều gì đó chứ! Coi nào, thật rõ ràng là...

Nhưng tôi giơ một ngón tay lên:

- Anh tới đây là để nghỉ ngơi, anh chớ có lao mình vào một vấn đề nào, trong lúc hệ thần kinh còn đang rã rời.

Holmes nhún vai, ném về phía ông đại tá một tia nhìn mang dấu cam chịu rồi câu chuyện chuyển sang những đề tài bớt nguy hiểm hơn. Tuy nhiên chúng tôi đang dùng điểm tâm thì người quản gia của đại tá ulla vào trong phòng.

- Ông đã hay tin gì chưa, thưa ông? Ở đằng nhà cụ Cunningham đó, thưa ông! Ông đại tá bắt động với tách cà phê trong tay, lơ lửng giữa mặt bàn và miệng ông.

- Trộm à?

- Một vụ giết người!

Ông đại tá nghiêng răng và rít lên:

- Mẹ kiếp! Ai bị giết? Ông tòa hòa giải hay là con ông ta.

- Gã đánh xe ngựa. Một phát trúng tim. Chết mà chẳng nói lấy nửa lời.

- Ai đã giết anh ta?

- Kẻ trộm. Hắn đã biến mất. Hắn vừa bẻ gãy cửa sổ gian bếp phụ thì William tới đó.

William đã mất mạng khi bảo vệ của cải cho chủ mình.

- Lúc đó là mấy giờ?

- Vào khoảng nửa đêm.

- Tốt. Lát nữa, chúng tôi sẽ tới đó. - Ông nói với giọng rất thản nhiên.

Ông chờ cho người quản gia ra khỏi phòng rồi mới nói thêm:

- Chuyện tồi tệ! Ông già Cunningham là một nhân vật rất có thể lực ở đây, hơn nữa, ông là một người trung hậu. Ông sẽ đau khổ, bởi vì người đánh xe là một người đầy tớ rất tốt. Chắc là cũng cùng những tên trộm cướp đã tới viếng nhà Acton.

- Và là kẻ đã ăn trộm cái sưu tập quá đặc biệt đó ư? - Holmes hỏi với vẻ ngẫm nghĩ.

- Đúng vậy.

- Hừm!

- Thoạt nhìn sự việc ra vẻ kỳ cục. Thông thường một băng trộm cắp hoạt động tại một vùng không hề thực hiện hai lần trong cùng một thành phố, cách nhau có vài ngày. Tối qua, khi ông nói cần đề phòng, tôi đã nghĩ rằng Riegate là giáo khu sau chót ở nước Anh bị bọn trộm để ý tới.

- Nếu vấn đề là do một tên chuyên nghiệp ở địa phương thì hiển nhiên hai gia đình Acton và Cunningham là những nhà lớn nhất trong xứ này mà.

- Và là những nhà giàu có nhất chứ?

- Họ giàu từ trước, song từ nhiều năm qua, chủ nhân của cả hai nhà đã dấn vào một cuộc tranh tụng kéo dài và nay họ bị sạt nghiệp, ấy là theo ý tôi. Ông già Acton hiện đòi lại phần nửa cơ nghiệp của nhà Cunningham. Ở cả hai bên, các luật gia đều đòi thù lao thật đắt...

- Nếu là một tên vô lại ở trong vùng lân cận, hẳn người ta sẽ tóm cổ hắn dễ dàng. Holmes nói, cố nén một tiếng ngáp. Anh đừng có lo sợ, anh Watson! Tôi chẳng can thiệp vào chuyện này đâu.

- Thanh tra Forrester đến, thưa ông!- người quản gia loan báo khi mở cửa ra.

Người đại diện của cảnh sát còn rất trẻ, trông có vẻ đàng hoàng, bước vào trong phòng.

- Xin chào, thưa đại tá. Tôi hy vọng làm phiền đại tá? Nhưng chúng tôi được biết là ông Holmes đang có mặt nơi đây...

Ông đại tá chỉ vào bạn tôi. Viên thanh tra nghiêng mình chào.

- Thưa ông Holmes, chúng tôi mong rằng ông sẵn lòng cùng đi ít bước với tôi.

- Số mệnh đã chống lại anh rồi, Watson ơi! - Holmes vừa kêu lên vừa cười. - Chúng tôi đang bàn luận về vụ án thì ông tới đó, ông thanh tra. Ông có thể cho chúng tôi biết vài chi tiết không?

Khi tôi thấy Holmes ngồi ngã vào thành ghế dựa với một trong những tư thế được anh ưa thích thì tôi thất vọng.

- Chúng tôi không có một dấu vết nào trong vụ Acton. Nhưng chắc chắn là cả hai vụ đều do cùng một băng nhóm gây ra. Người phạm tội đã bị nhận diện.

- A!

- Vâng, nhưng hẳn chuồn đi như một cơn gió, sau khi đã nổ súng vào William Kirwan. Cụ Cunningham đã trông thấy y từ cửa sổ phòng cụ và Con trai cụ, ông Alec Cunningham, cũng đã trông thấy từ cánh cửa sau, dành cho người giúp việc. Hồi 23 giờ 45 phút thì có tiếng báo động. Cụ Cunningham vừa vào giường, còn Alec thì đang hút thuốc. Cả hai đều nghe tiếng anh William kêu cứu. Ông Alec chạy vội xuống. Cánh cửa sau mở rộng. Khi tới chân cầu thang, ông thấy bên ngoài có hai người đang đánh nhau. Một trong hai người nổ một phát súng, người kia gục xuống, kẻ sát nhân nhảy bỏ ra vườn và leo vượt hàng rào. Cụ Cunningham từ khuôn cửa sổ phòng mình, cũng thấy tên cướp nhảy ra tới đường, và mất dạng. Ông Alec đứng lại để xem có thể cứu giúp gì được cho người hấp hối, khiến cho kẻ sát nhân có thời giờ trốn thoát. Ngoài chi tiết hẳn là người tầm thước và mặc vải sẫm, chúng tôi không còn chỉ dấu đặc biệt nào khác.

- Anh chàng William làm gì tại đó? Anh ta nói được điều gì trước khi chết không?

- Không một lời. Anh ta ở cùng với bà mẹ trong nhà người gác cổng, đó là một người giúp việc tận tụy; có lẽ anh đã đi về phía ngôi nhà để xem mọi việc có bình thường không. Khi tên trộm vừa chạy phía xong cánh cửa sau, thì William nhào lên người hẳn.

- William có nói gì với mẹ trước khi ra khỏi nhà không?

- Bà mẹ rất già lại điếc. Không tài nào moi được từ nơi bà một điều chỉ dẫn nào! Cái chết của con trai đã quật sập bà. Tuy nhiên, có một nguyên tố cực kỳ quan trọng. Ông hãy coi đây!

Viên thanh tra rút ra từ cuốn sổ tay một mảnh giấy nhỏ bị rách và ông mở rộng ra trên đầu gối.

- Mẩu giấy này được tìm thấy giữa hai ngón tay cái và ngón tay trỏ của nạn nhân. Dường như đây là một góc của một tờ giấy lớn hơn. Con số ghi trên mẩu giấy này là giờ mà William bị hạ sát. Kẻ sát nhân đã giật lấy phần còn lại của tờ giấy; nếu không, William đã có thể giành lấy nguyên vẹn tờ giấy rồi:

- ...Vào lúc 11 giờ 45... sẽ được biết... nhiều ... rất hữu ích....[AT QUARTER TO TWELVE...LEARN WHAT...MAY]

Holmes cầm lấy tờ giấy.

- Cứ cho đây là một cuộc hẹn. - Viên thanh tra nói tiếp - Chúng ta có thể ngờ rằng, gã William mặc dù có tiếng là lương thiện, đã thông đồng với tên trộm. Gã đã gặp tên trộm ở đó, hoặc đã giúp tên trộm cạy cửa, rồi sau đó hai đứa gây lộn với nhau...

- Mảnh giấy này hữu ích biết bao! - Holmes thì thầm sau khi quan sát nó rất kỹ, - chúng ta bị ngập sâu trong nước hơn là tôi tưởng.

Anh vui đầu trong hai bàn tay giữa lúc viên thanh tra cười thỏa mãn trước sự chú tâm của chuyên gia nổi tiếng ở London. Holmes nói ngay sau đó:

- Điều nhận xét sau chót của ông thật là tài tình, tờ giấy này mở cho chúng ta...

Lần nữa anh lại gục mặt vào trong lòng hai bàn tay và anh khép kín mình trong vài phút vào tư tưởng của anh. Khi anh ngừng đầu lên, tôi ngạc nhiên thấy cặp mắt anh

long lạnh như trước những ngày chưa bệnh. Anh nhảy cẫng lên với tất cả năng lực cũ của mình:

- Tôi đang nói gì với ông nhỉ: tôi muốn xem xét những chi tiết của vụ án. Nếu được ông cho phép, thưa đại tá, tôi sẽ đi dạo một vòng cùng với ông thanh tra để kiểm soát lại một vài ý nghĩ bông lông của tôi.

Tôi sẽ trở về trong nửa tiếng. Một tiếng rưỡi đã trôi qua. Viên thanh tra quay lại có một mình nói:

- Ông Holmes đang đi bách bộ ngoài đồng và muốn chúng ta đi tới ngôi nhà.

- Tới nhà cụ Cunningham sao?

- Vâng, thưa ông.

- Để làm gì?

Viên thanh tra nhún vai.

- Tôi không biết. Giữa chúng ta với nhau, tôi nghĩ rằng ông Holmes chưa được hoàn toàn bình phục. Ông cư xử một cách kỳ lạ, sôi động.

- Ông không cần phải lo âu. Anh ấy luôn luôn có phương pháp trong sự điên rồ - Tôi nói.

- Ông Holmes đầy nhiệt tình đòi đi, thưa đại tá. Nếu hai vị sẵn sàng, chúng ta cũng nên đến đó.

Chúng tôi gặp lại Holmes ngoài trời. Anh đi từng bước dài trên đường, cảm gục xuống ngực, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần. Anh nói:

- Vụ án có tầm lợi ích đây. Anh Watson, chuyến đi chơi vùng quê này sẽ là một thành công đáng kể. Tôi đã hưởng một buổi sáng thú vị.

- Ông đã đi tới nơi xảy ra vụ án à? - Đại tá hỏi.

- Phải. Ông thanh tra và tôi.

- Đưa tới thành công chứ?

- Quả vậy, chúng tôi đã thấy nhiều điều khác nhau rất lý thú. Thoạt tiên, chúng tôi đã xem thi hài của kẻ bất hạnh: anh ta chết vì một viên đạn súng lục, như các anh đã được cho biết.

- Anh nghi ngờ chuyện đó sau?

- Ô, luôn luôn nên kiểm tra tất cả. Việc quan sát của chúng tôi đã không vô ích. Sau đó chúng tôi có trao đổi với cụ Cunningham và con trai cụ. Alec hướng dẫn chúng tôi tới nơi mà kẻ sát nhân đã chuồn qua khi vượt hàng rào, trốn chạy. Rất đáng quan tâm.

- Tất nhiên.

- Chúng tôi đã gặp bà mẹ đau khổ nhưng không thu thập được điều gì. Bà đã quá yếu.

- Và kết quả cuộc điều tra cho thấy là...

- ... tội ác này không tầm thường. Thưa ông thanh tra, giờ đây chúng ta đã đồng ý với nhau về mẫu giấy trên đó có viết giờ chết của nạn nhân?

- Mẫu giấy đó chẳng cho chúng ta một điều chỉ dẫn, thưa ông Holmes.

- Nó cho chúng ta thấy rõ: người viết bức thư đã lôi William ra khỏi giường trong đêm hôm khuya khoắt. Nhưng phần còn lại của tờ giấy hiện ở đâu?

- Tôi đã quan sát mặt đất rất kỹ với hy vọng tìm ra mẫu giấy đó. - Viên thanh tra thì thào. Mảnh giấy đã được giựt ra khỏi bàn tay người chết. Bởi vì tờ giấy đã kết tội y nên y đã nhét vội nó vào túi mà không hề để ý thấy một góc bị thiếu. Nếu thu hồi được phần còn lại của tờ giấy, thì chúng ta sẽ kết thúc vấn đề.

- Đúng. Nhưng phải làm thế nào bây giờ.

- Điều đó đáng tốn công. Còn một điểm này nữa. Lá thư đã được gửi tới cho William. Người viết thư đã không tự mình trao cho người nhận; nếu không, hẳn dùng lời nói chứ viết thư làm gì. Vậy ai đã chuyển bức thư? hoặc lá thư đã được gửi tới qua đường bưu điện?

- Tôi đã cho điều tra về điểm đó, - viên thanh tra trả lời. - Hôm qua William có nhận được một lá thư trong chuyến phát thư buổi chiều. Anh ta hủy cái bao thư.

- Tuyệt vời! - Holmes kêu lên khi vỗ lên lưng viên thanh tra. - Ông đã gặp nhân viên đưa thư. Thật thích thú khi được làm việc chung với ông! Tốt! Đây là nhà người gác cổng. Thưa đại tá, xin cho phép tôi được chỉ cho ông thấy nơi xảy ra tội ác.

Chúng tôi đi ngang qua căn biệt thự nhỏ, nơi người đánh xe đã ở và leo lên một lối đi vào hai bên có trồng cây sồi, đưa tới một ngôi nhà cổ kính. Một cảnh sát viên đứng gác ở cửa sau.

- Xin ông vui lòng mở cửa ra. - Holmes nói. - Giờ đây, các bạn trông thấy cái cầu thang này: chính từ những bậc thang đó mà cụ Cunningham đã trông thấy hai người vật lộn nhau tại nơi chúng ta đang đứng. Ông cụ đứng ở cửa sổ này, cái thứ hai bên tay trái, và cụ đã trông thấy kẻ sát nhân bỏ chạy ngay bên trái bụi cây. Alec cũng trông thấy y nữa. Sau đó, Alec đã chạy tới quỳ xuống bên người bị thương. Nền đất rất rắn, như các bạn có thể ghi nhận: không có dấu vết nào để hướng dẫn chúng ta. Trong lúc anh nói, có hai người đi xuống lối vào vườn, sau khi đã đi vòng quanh nhà. Một người lớn tuổi, có một cái đầu mạnh mẽ, nhưng có nét nhăn sâu, mí mắt nặng trĩu. người kia là một thanh niên lạnh lợi.

- Thế nào, vẫn còn về việc đó à? - Anh ta nói với Holmes. - Những người từ London đến, phải là những người không thể đánh bại. Nhưng quý vị không tiến tới được bao nhiêu.

- Cần phải cho chúng tôi một ít thì giờ. - Holmes trả lời bằng một giọng vui vẻ hồn nhiên.

- Quý vị sẽ cần nhiều thời giờ nữa đây! - Alec nói đồng dục. - Dường như chúng ta không có một chỉ dẫn nhỏ nhoi nào.

- Mỗi một, viên thanh tra trả lời, chúng ta sẽ tìm thấy... Lạy chúa tôi! Nay ông Holmes, ông làm sao vậy? Ông Holmes!

Bộ mặt Holmes có một dáng vẻ đáng ghê sợ. Mắt anh đảo lộn tròn, nét mặt bị cơn đau làm cho quặn lại, khi buông ra một tiếng rên rỉ, anh té lăn xuống đất. Hoàng hốt, chúng tôi khiêng anh vào trong bếp, đặt anh vào một ghế bành rộng và anh ngồi đó thở nặng nề trong vài phút. Cuối cùng, sau khi đã cáo lỗi về sự yếu đuối của mình, anh lại đứng lên, nói:

- Tôi vừa mới qua một cơn bệnh nặng. Tôi vẫn còn dễ bị những cơn cấp phát thần kinh đột ngột đó.

- Ông muốn về nhà bằng cỗ xe độc mã của tôi không? - Cụ Cunningham đề nghị.

- Tôi phải ở đây để xác minh một điểm.

- Điểm gì?

- Thế này: Không biết William đã tới trước hay là chỉ tới sau khi tên trộm đã lọt vào nhà. Quý vị đã nói rằng tuy cánh cửa bị cạy phá, nhưng kẻ trộm chưa lọt vào bên trong.

- Điều đó là hiển nhiên rồi. - Cụ Cunningham trả lời một cách nghiêm trang. - Coi nào, Alec vẫn còn chưa vào giường chắc chắn là cháu nó đã nghe thấy tiếng động.

- Cậu ấy ngồi ở đâu?
- Trong phòng tắm của tôi, đang hút thuốc và nhìn qua cửa sổ - Ông cụ trả lời.
- Cửa sổ nào? - Holmes nói tiếp
- Cửa sổ cuối cùng bên trái, kế bên cửa sổ phòng cha tôi. - Alec đáp.
- Đèn nơi phòng anh và nơi phòng ông cụ vẫn còn thấp sáng cả chứ?
- Không còn nghi ngờ gì cả.

- Rõ ràng là có vài điểm kỳ lạ trong vụ này. - Holmes cười nói. - Một kẻ trộm vào nhà trong lúc đèn vẫn còn sáng và cả hai người trong gia đình còn thức. Y phải cực kỳ bình tĩnh.

- Nếu vụ án mà không kỳ lạ, thì chúng tôi nhờ ông làm chi! - Alec nói: - Kẻ trộm đã không lấy đồ trước khi bị William bắt gặp, bằng cớ là chúng tôi đâu có mất món gì và hiện trường cũng không bị bừa bộn.

- Cái đó còn tùy thuộc vào bản chất của những món đồ. - Holmes trả lời. - Chúng ta đang đối phó với một kẻ trộm thuộc loại đặc biệt và hành động theo cách đặc biệt, chẳng hạn như, cái lô hàng ở nhà cụ Acton chỉ là một cuộn dây mảnh, một cái phong vũ biểu....

- Chúng tôi phó thác hoàn toàn nơi ông, thưa ông Holmes - Cụ Cunningham nói.

- Mở đầu, tôi muốn cụ treo một giải thưởng. Tôi đã soạn sẵn một mẫu, cụ có ưng ký tên không? 50 bảng là đủ.

- Tôi sẵn lòng thưởng 500. - Ông tòa hòa giải nói, sau khi cầm lấy tờ giấy mà Holmes đưa cho cụ. - Nhưng giấy này chưa được đúng. Cụ nói thêm khi đọc lướt qua nội dung.

- Tôi viết nó khá vội...

- Coi này! Sao ông lại bắt đầu như vậy: "Xét rằng, vào hồi 0 giờ 45 phút, một mưu toan..." Nó là hồi một khắc trước nửa đêm, 11 giờ 45, nếu ông ưa thế.

Sự nhầm lẫn đó khiến tôi buồn. Holmes nổi tiếng là chính xác về các sự việc. Nhưng con bệnh đã làm anh như đang trí. Trong một lúc, anh bị bối rối. Viên thanh tra nhướn lông mày lên. Alec thì phá ra cười. Ông già sửa chỗ viết sai và trả tờ giấy lại cho Holmes, nói:

- Ông cho in càng sớm càng tốt. Ý kiến của ông thật là tuyệt hảo. - Holmes cẩn thận đặt tờ giấy vào trong bóp, rồi nói: - Ta cùng đi khắp nhà để tìm xem cái tên trộm kỳ quặc kia đã mang đi món đồ nào.

Trước đó, Holmes quan sát cánh cửa đã bị cạy phá. Một con dao cứng hoặc một cây kéo được cắm sâu vào ổ khóa và ổ khóa đã bị bung ra. Những dấu vết trên gỗ hầy còn thấy rõ.

- Như vậy là cụ không cần cho đặt then chặn cửa? - Holmes hỏi.

- Chúng tôi thấy không cần phải làm như vậy.

- Cụ có nuôi chó không?

- Có, chó được cột ở phía bên kia nhà.

- Các gia nhân đi ngủ vào lúc nào?

- Khoảng mười giờ.

- Thông thường thì William đi ngủ vào giờ đó, phải không?

- Phải.

- Thật kỳ lạ! Vào đúng đêm đó, anh ta lại thức khuya hơn thường lệ. Giờ đây, thưa cụ, chúng tôi sẽ rất hân hạnh nếu được phép vô thăm nhà cụ.

Một hành lang lát đá, đưa tới một cầu thang bằng cây dẫn thẳng lên lầu một của ngôi nhà. Trên bậc thềm dẫn lên một cầu thang thứ hai đi đến tiền sảnh, người ta trông thấy ở đó nhiều cánh cửa phòng khách cũng như cửa nhiều phòng, trong số đó có cửa phòng cụ Cunningham và phòng Alec. Holmes bước chậm rãi, quan sát kỹ. Cứ theo về mặt anh, tôi biết anh đang theo một hướng điều tra nóng bỏng.

- Ông hào tâm của tôi ơi! - Cụ Cunningham kêu lên, vẻ mặt kiên nhẫn. - Điều này không cần thiết đâu. Phòng của tôi là đây, nơi cuối cùng những bậc thang, và phòng con trai tôi là phòng kế cận. Nếu kẻ trộm lên đây thì cha con tôi đã nghe tiếng động do hấn gây ra rồi.

- Ông hãy điều tra theo hướng khác thôi. - Alec nói với nụ cười.

- Tuy nhiên, tôi xin quý vị lượng thứ cho cái ý thích thất thường của tôi. Chẳng hạn như tôi muốn biết tầm nhìn từ những khuôn cửa sổ kéo dài tới tận đâu. Phòng của anh Alec đây ạ? - Holmes hỏi khi đẩy cánh cửa ra. - Và đây là phòng tắm mà anh đang ngồi hút thuốc thì có tiếng báo động. Cánh cửa sổ mở ra cái gì đây?

Anh băng ngang phòng, mở một cánh cửa và liếc nhìn sang căn phòng ở sát bên.

- Giờ đây ông đã được thỏa mãn? - Cụ Cunningham hỏi với vẻ hóm hỉnh.

- Xin cảm ơn. Tôi đã thấy tất cả những gì muốn biết.

- Nếu thật là cần thiết, chúng ta có thể vào trong phòng tôi.

- Nếu không làm phiền cụ quá đáng...

Ông tòa hòa giải nhún vai và ông dẫn chúng tôi vào trong phòng riêng của ông, đồ đạc đủ tiện nghi. Trong lúc chúng tôi đi ngang phòng tới hướng khuôn cửa sổ, Holmes chậm bước lại để sánh ngang tôi đi ở cuối toán. ở chân giường có kê một cái bàn vuông nhỏ, trên có đặt một bình nước và một giỏ cam. Khi đi ngang cái bàn, Holmes cúi xuống và hất đổ cái bàn. Bình nước vỡ tan và trái cây văng tung toé.

- Đồ quỷ, Watson. - Anh kêu lên một cách lạnh lùng. - Thế là anh đã ngược đãi tám thăm rồi!

Hoàn toàn bối rối, tôi cúi xuống và bắt đầu tìm lượm trái cây. Hẳn là vì một duyên cớ nào đó nên Holmes mới muốn để tôi cáng đáng cái trách nhiệm về sự vụng về này. Những người khác cũng lượm trái cam và dựng cái bàn thẳng đứng trở lại.

- Cui kia! - Viên thanh tra kêu lên. - Ông ấy đi đâu vậy?

Holmes đã biến mất.

- Quý ông hãy đợi tôi ở đây. - Alec nói. - Cái ông này coi bộ thần kinh không bình thường. Hãy đi với con đi, ba!

Cả hai chạy vội ra khỏi phòng. Còn ba chúng tôi cứ đứng đó, sững sờ nhìn nhau.

- Mẹ kiếp, tôi bắt đầu tin rằng cậu Alec có lý. - Viên thanh tra thì thầm. - Có thể đây là hậu quả về căn bệnh của ông ấy, nhưng dù sao thì cũng...

Bỗng ông ngưng mặt. Một tiếng kêu, gần như một tiếng hét, vang lên.

- Cứu tôi với! Sát nhân!

Như người điên, tôi phóng ra thềm cầu thang, bởi vì tôi đã nhận ra giọng Holmes. Những tiếng kêu cứu đã biến thành tiếng rên rỉ khàn khàn, không thành tiếng. Chúng thoát ra từ căn phòng mà chúng tôi đã vào thăm trước hết. Tôi lao vào trong, rồi chạy vào phòng tắm. Hai cha con Cunningham đang cúi trên cơ thể lả đi của Holmes. Người con dùng hai bàn tay siết chặt cổ họng Holmes, ông bố thì vịn cổ tay anh. Trong chớp mắt chúng tôi đã lôi được hai cha con ra. Holmes đứng lên, xanh xao, lão đảo.

- Hãy bắt giữ những người này, ông thanh tra! - Anh hỗn hển nói.

- Về tội gì?
- Tội ám sát người đánh xe của họ.

Viên thanh tra ngơ ngác nhìn anh.

- Coi nào, coi nào, ông Holmes, ông đâu muốn nói rằng...
- Không à? Ông hãy nhìn họ mà xem! - Holmes kêu lên.

Ông già Cunningham đờ người ra, tưởng chừng như hóa đá, khuôn mặt nhăn sâu, in hằn một nét tàn nhẫn sâu xa. Người con trai đã mất hết thói ba hoa, thói nhạo báng, trong cặp mắt đen của anh ta lóe lên tính hung dữ của một con thú hoang, nguy hiểm. Viên thanh tra đi ra cửa và rút cái còi ra. Hai cảnh sát kéo tới nơi ngay đó.

- Thưa cụ Cunningham, - viên thanh tra nói. - Tôi hy vọng rằng chuyện này sẽ chấm dứt bằng sự chứng minh về sự vô tội của cụ. Nhưng cụ cũng có thể thấy rằng... A, anh muốn vậy sao? Hãy buông ngay cái đó ra coi!

Ông vung tay về phía trước và một khẩu súng lục rớt xuống sàn nhà.

- Giữ lấy tang vật này! - Holmes nói khi đặt bàn chân lên khẩu súng. - Nó sẽ có ích trong phiên tòa. Đây mới là cái chúng ta cần có hơn hết!

Anh giơ lên cao một mảnh giấy nhỏ đã bị vò nát.

- Phần còn lại của lá thư? - Viên thanh tra reo lên.
- Chính nó.
- Ông tìm ra nó ở đây vậy?

- Ở chỗ mà tôi tin chắc là sẽ tìm ra nó. Tôi sẽ giải thích. Thưa đại tá, ông và Watson có thể trở về nhà. Tôi cũng sẽ về trong một giờ nữa. Ông thanh tra và tôi, còn phải nói chuyện với các phạm nhân.

Sherlock Holmes đã giữ lời. Khoảng một giờ sau, anh bước vào phòng hút thuốc của ông đại tá. Anh đi cùng với một ông lão mà anh giới thiệu là cụ Acton. Holmes tươi cười nói:

- Thưa quý vị, ngay từ đầu, tôi thấy chìa khóa của vấn đề là mẩu giấy nằm trong tay nạn nhân. Nếu chuyện kể của Alec là thật và nếu kẻ trộm bỏ trốn ngay tức khắc, thì hẳn đã không giựt và làm rách tờ giấy. Nếu không phải như vậy thì thủ phạm chính là Alec, bởi vì trước khi ông già xuống, nhiều gia nhân khác hẳn đã chạy tới. Đó là một chi tiết đơn giản nhưng ông thanh tra đã bỏ qua, bởi vì ông ấy cho rằng những vị chức trọng quyền cao trong địa hạt chẳng liên can gì tới vụ án. Thế là tôi nghiên cứu thật kỹ cái mẩu giấy. Nó đây này. Nó gợi ra một ý nào không?

- Toàn chữ không đều. - Ông đại tá nói.

- Ông bạn thân mến ơi, - Holmes kêu lên, - nó đã được viết bởi hai người, mỗi người viết một chữ: Nhìn cách gạch ngang khá rõ nét trên chữ "t" trong những từ "phút" thì quý vị sẽ tin chắc rằng toàn chữ do hai người viết. Một cuộc phân tích ngắn cho phép quý vị xác nhận rằng những từ "sẽ được biết" và "nhiều" được viết bởi một bàn tay rần rỏi, trong lúc từ "hữu ích" lại được viết bởi một bàn tay yếu hơn.

- Sáng như ban ngày! - Ông đại tá kêu lên. - Tại sao lại quái gở khi cần đến hai người để viết một lá thư.

- Đây là một vụ bí ối. Một trong hai người có tính rất đa nghi, đã quyết định mỗi người có một phần bằng nhau về điều gì sẽ xảy ra. Nhưng trong hai người, kẻ viết những chữ "một" và chữ "rất" là kẻ xúi giục gây ra vụ này.

- Do đâu ông đi tới cái kết luận đó?

- Tôi so sánh đặc tính của hai chữ. Quý vị hãy quan sát thật cẩn thận mẫu giấy này: người có bàn tay rắn rỏi đã viết trước, và chừa lại những khoảng trống để cho người kia điền vào. Nhưng những khoảng trống đó không phải lúc nào cũng đủ chỗ cho kẻ viết sau. Người có bàn tay yếu hơn đã gặp khó khăn, chẳng hạn như khi ông ấy viết chữ "giờ" vào khoảng giữa hai chữ "một" và "bốn". "Một" và "bốn" rõ ràng là những chữ đã được viết từ trước. Vậy người được phép viết trước, là người chủ mưu.

- Tuyệt vời! - Cụ Acton kêu lên.

- Hẳn quý vị đã biết rằng thông thường người ta có thể xem xét nét bút mà đoán ra tuổi của một người, chênh lệch chừng mười năm. Tôi nói thông thường, bởi vì có những trường hợp do bệnh hoạn hoặc do suy yếu cơ thể thì kết quả sẽ khác đi. Nhưng trong vụ này, khi quan sát chữ rắn rỏi của một người (dấu gạch ngang trên các chữ t rất rõ) và nét chữ ngập ngừng của người kia (những chữ t gần như mất hẳn nét ngang) chúng ta có thể xác định rằng trong hai người này, một người còn trẻ và một người tuổi đã cao, tuy hãy còn tráng kiện.

- Tuyệt vời! - Cụ Acton kêu lên lần nữa.

- Tuy nhiên, giữa hai nét chữ này có những điểm giống nhau. Thường thì những sự giống nhau đó xuất phát từ hai chữ "e" Hy Lạp mà cả hai cùng viết giống nhau. Nhưng những nét giống nhau khác kém khẳng định hơn cũng cho thấy cùng điểm đó. Tôi tuyệt đối tin chắc rằng có "một nét chữ gia đình" trong hai nét chữ viết này. Thế là tôi vững tin rằng cha con ông Cunningham là tác giả của bức thư. Tôi đi tới nhà đó cùng với ông thanh tra. Tôi thấy rõ vết thương trên xác chết, đã gây ra bởi một phát súng lục bắn cách xa hơn bốn mét. Trên quần áo nạn nhân không có những vết sạm đen gây ra bởi thuốc súng. Vậy là Alec đã nói dối khi khai rằng hai người đang đánh lộn thì súng nổ. Mặt khác, hai cha con đều đồng ý về cái nơi mà "hung thủ" đã bỏ chạy ra đường. Ở chỗ đó có một vài hố ngập bùn, nhưng không hề có những dấu chân: nghĩa là chẳng hề có một kẻ xa lạ nào can dự vào vụ án. Tôi lại còn phải khám phá cái động cơ của tội ác kỳ cục này. Trong mục đích đó, trước hết tôi phải tìm hiểu vụ trộm xảy ra nơi nhà cụ Acton. Ông đại tá đã nói rằng một vụ tranh tụng đã làm cho cụ Acton với cha con Cunningham kinh địch nhau. Ngay lập tức, tôi đoán là họ đã xông vào thư viện nhà cụ với ý định lấy trộm một tài liệu quan trọng khả dĩ giúp họ chiếm phần thắng ở phiên tòa.

- Tuyệt vời! - Cụ Acton lại kêu lên y như hai lần trước. - Ý định của họ thật rõ. Tôi có đủ giấy tờ để được hưởng phần nửa cơ nghiệp của nhà đó. Nếu họ cướp những giấy tờ ấy, thì chúng tôi nguy mất.

- Chúng ta tới đích rồi vậy! - Holmes cười nói. - Đó là một mưu toan khá liêu lĩnh do Alec đề xướng. Lục soát khắp nơi mà không tìm ra được cái gì, họ đã làm như những tên trộm tầm thường để đánh lạc hướng cảnh sát. Chính vì thế mà họ đã quơ lấy bất cứ cái gì họ thấy. Tất cả điều đó đã khá sáng tỏ, nhưng tôi còn muốn thu hồi lại phần còn thiếu của lá thư. Tôi tin chắc rằng Alec đã nhét vào trong túi áo ngủ. Và chẳng, anh ta còn có thể để nó vào đâu? tất cả vấn đề là tìm hiểu xem nó có còn ở đó không? Vì thế tất cả chúng ta đều đi vào trong nhà. Cha con nhà Cunningham đã gặp chúng tôi ở bên ngoài, gần bên cánh cửa nhà bếp. Cần phải tuyệt đối không làm cho họ nhớ lại sự hiện hữu của tờ giấy đó; nếu không, họ sẽ hủy nó đi ngay tức khắc. Viên thanh tra sắp ám chỉ đến tờ giấy khi giải thích với họ về tầm quan trọng của nó. Lúc đó "tình cờ" tôi bị mệt và đề tài của câu chuyện được thay đổi.

- Trời đất thánh thần ơi! - Ông đại tá cười vang.

- Đóng trò khéo tuyệt vời! - Tôi kêu lên khi nhìn Holmes với lòng khâm phục.

- Có những trò hề hữu ích, - Holmes trả lời. - Khi đứng lên, tôi đã có sẵn một mưu mẹo: làm cho ông già Cunningham viết ra 2 chữ “giờ” và “phút” để có thể so sánh nó với 2 chữ giờ và phút viết trên mẫu giấy.

-Ồ, tôi ngu xuẩn làm sao! - Tôi kêu lên.

- Lúc đó tôi có nhìn thấy rõ lòng trắc ẩn của anh đối với tôi! - Holmes cười nói. - Tôi lấy làm tiếc đã gây cho anh một nỗi buồn nho nhỏ. Khi lên lầu, tôi vào trong phòng, thấy cái áo ngủ treo ở đằng sau cánh cửa, tôi xô ngã một cái bàn để chuyển hướng sự chú ý của họ trong chốc lát và vội vã đi khám xét các túi áo. Tôi vừa mới tìm ra được tờ giấy thì hai cha con nhào lên tôi. Tôi thật sự tin rằng họ chủ tâm giết tôi, nếu các bạn không tới kịp; người con thì siết cổ, còn người cha vịn tay tôi để tôi phải buông tờ giấy ra. Sau đó, tôi đã nói chuyện tới ông Cunningham để làm sáng tỏ cái động cơ gây ra tội ác. Ông cụ tỏ ra biết điều, trong lúc Alec vẫn cứ hung hăng như loài quỷ dữ. Cụ Cunningham thú nhận rằng William đã bí mật theo dõi hai cha con ông trong cái đêm họ đã ăn trộm nơi nhà cụ Acton. William đe dọa và đòi tiền họ. Nhưng Alec không thuộc hạng người dễ khuất phục. Thế là William đã bị gài bẫy và bị giết. Nếu cha con nhà Cunningham thu hồi được nguyên vẹn lá thư (trong đó họ hẹn giờ gặp nhau), và nếu họ không sơ sót một vài chi tiết nhỏ, thì chẳng bao giờ họ bị nghi ngờ gì cả.

- Thế còn cái lá thư trứ danh đó đâu? - Tôi hỏi.

Sherlock Holmes đặt nó trước mặt chúng tôi khi ráp hai mảnh giấy lại. Chúng tôi đọc được:

“Nếu anh tới vào lúc 11 giờ 45 ở cửa sau, anh sẽ biết được một điều làm anh ngạc nhiên nhiều và nó sẽ rất hữu ích cho anh cũng như cho cả Annie Morrison. Nhưng chớ có tiết lộ với bất cứ người nào“.[2]

- Anh Watson, có điều là chúng ta chưa biết các mối liên hệ giữa Alec Cunningham, William Kirwan và Annie Morrison là như thế nào; nhưng rõ ràng kỳ nghỉ ngắn ngày của chúng ta ở nông thôn rất là thành công. Ngày mai, tôi sẽ trở về nhà, hoàn toàn khỏe khoắn...

C.7 - The Crooked Man 1893 (Kể dị dạng)

Một buổi tối, tôi ngủ gà ngủ gật trên một cuốn tiểu thuyết. Nhà tôi đã lên trên lầu. Tiếng then cài cánh cửa ra vào báo cho tôi biết là những người giúp việc đã lui về. Tôi còn chờ thêm chút nữa rồi mới đứng lên khỏi ghế. Đúng vào lúc đó, tiếng chuông vang lên.

Tôi nhìn đồng hồ: 11giờ 45. Muộn thế này thì chỉ có thể là khách, một ca bệnh sẽ làm tôi phải thức thâu đêm. Hơi cúi kính, tôi ra phòng ngoài để mở cửa: Sherlock Holmes “A Watson!” Anh reo lên. “Tôi đến thăm quá muộn”.

- Có gì đâu. Vào đi chứ!
- Anh tỏ vẻ ngạc nhiên... Anh có thể cho tôi ngủ nhờ đêm nay không?
- Sẵn sàng. Anh ăn tối?
- Không, xin cảm ơn, tôi đã dùng rồi, ở ga Waterloo.

Tôi đưa cái túi đựng thuốc cho anh. Anh im lặng hút. Tôi biết rõ là chỉ có một vụ quan trọng mới có thể đưa anh tới đây vào một giờ muộn như vậy. Vậy là tôi kiên nhẫn chờ anh vào chuyện.

- Ngày mai anh tới Aldershot được không?
- Tôi nhờ một bác sĩ bạn thay tôi chăm sóc các bệnh nhân.
- Tốt lắm! Tôi muốn đáp chuyến tàu mười một giờ mười ở ga Waterloo.
- Rất thuận tiện cho tôi.
- Vậy thì, nếu anh chưa buồn ngủ, tôi xin tóm tắt những sự việc và những gì cần làm.
- Trước khi anh tới, tôi đã ngủ gà ngủ gật nhưng bây giờ thì hoàn toàn tỉnh táo.
- Đó là vụ ám sát đại tá Barclay thuộc sư đoàn Royal Mallows ở Aldershot. Sự việc xảy ra cách đây hai ngày.

“Royal Mallows là một trong những trung đoàn Ái Nhĩ Lan nổi tiếng trong quân đội Anh. Tối thứ hai vừa qua, trung đoàn đặt dưới quyền chỉ huy của đại tá James Barclay, một lính già can đảm đã được lên lon nhờ vào lòng dũng cảm. Barclay lấy vợ khi ông còn là trung sĩ. Ông kết hôn với cô Nancy, con gái trung sĩ trưởng đội trong cùng đơn vị. Vợ chồng Barclay đã thích nghi mau chóng với địa vị mới của họ. Bà vợ sống ăn ý với các bà vợ sĩ quan cũng như chồng bà đối với các bạn đồng đội. Tôi xin nói thêm bà là một phụ nữ rất đẹp và cho mãi đến bây giờ, sau ba chục năm lập gia đình, sự xuất hiện của bà còn gây ấn tượng mạnh.

Thoạt nhìn, cặp vợ chồng này đã được hưởng một hạnh phúc hiền hòa. Tôi đã đến hỏi ông thiếu tá Murphy, thì ông này đoán chắc với tôi là ông chẳng bao giờ thấy có sự bất hòa trong gia đình đó. Tôi hỏi ông cặn kẽ hơn. Thiếu tá nói rằng sự gắn bó của ông Barclay đối với vợ thì lớn mạnh hơn là sự gắn bó của bà Barclay đối với chồng. Nếu phải xa vợ trong một ngày, ông rất buồn phiền; nhưng bà vợ thì không chứng tỏ một sự mãnh liệt đến thế. Dẫu sao, trong trung đoàn, họ vẫn được coi như là một cặp vợ chồng lý tưởng.

Dường như là đại tá Barclay có một tính khí khác thường. Bình thường, ông là một quân nhân già, vui tính, hăng hái. Nhưng đôi khi ông cũng hung bạo và thù hận. Tuy vậy, bà vợ không bao giờ chịu đựng những tật xấu đó. Có một điều khác là: theo định

kỳ, một tâm trạng gì đó như trầm uất lại giáng xuống ông. Viên thiếu tá mà tôi hỏi chuyện đã ghi nhận điều đó và họ đã lấy làm ngạc nhiên. Nó theo ông thiếu tá thì nụ cười biến mất trên mặt ông Barclay tựa hồ như có một bàn tay vô hình đã xua đuổi nó. Và các hiện tượng đó xảy ra trong những buổi họp mặt xã giao cũng như tại bàn ăn của sĩ quan ở đơn vị. Có khi trong nhiều ngày liên tục, ông như bị giày vò bởi sự ưu sầu đến tối nhất.

Sư đoàn Royal Malloys hạ trại tại Andershot từ vài năm qua. Các sĩ quan lập gia đình thì ngủ ngoài doanh trại. Ông đại tá đã chọn một biệt thự, cách trại Bắc chưa tới bốn trăm mét, nhưng mặt nhà phía Tây cách đường cái hai mươi lăm mét. Gia nhân gồm có bác xà ích và hai người hầu gái. Vợ chồng Barclay không con, rất ít khi tiếp khách trong nhà. Tóm lại, có năm người sống trong biệt thự đó.

Bà Barclay là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Bà rất bận rộn với CLB Thánh Georges và hết lòng với việc lo cấp quần áo cho những người nghèo trong vùng. Tối hôm đó, một buổi họp được khai mạc vào lúc 8 giờ. Bà vội vàng ăn bữa tối để kịp đi họp. Khi rời khỏi nhà, bà báo cho chồng biết là bà sẽ không vắng mặt lâu. Theo lời chứng của người xà ích, bà đón một cô láng giềng còn trẻ Morrison, rồi cả hai cùng đi. Buổi họp kéo dài bốn mươi phút. Tới chín giờ mười lăm phút, bà cho ngừng xe để cô gái xuống trước cửa và về nhà cô.

Ngôi biệt thự của đại tá có một căn phòng được dùng làm phòng khách nhỏ, có cửa hướng ra ngoài đường. Từ bên ngoài, muốn vào phòng đó phải băng qua một bãi cỏ tròn, đường kính ba mươi mét. Nó được ngăn cách với con đường bằng một bức tường thấp, phía trên có gắn lưới sắt, bà đại tá đã vào nhà qua ngả đó. Bà thắp đèn và gọi chuông rồi sai cô hầu phòng đem tới một tách trà: đó là điều trái ngược với những thói quen của bà. Ông đại tá ở lại trong phòng ăn; biết vợ mình đã về nhà, ông đi sang phòng khách nhỏ để gặp bà. Bác xà ích trông thấy ông đi ngang qua gian tiền sảnh rồi vào trong đó.

Mười phút sau khi được lệnh, cô hầu phòng đem trà lên cho bà chủ, cô ngạc nhiên nghe ông chủ và bà chủ cãi nhau kịch liệt. Cô gõ cửa, không có tiếng trả lời. Cô muốn mở cửa nhưng cánh cửa đã bị khóa từ bên trong. Cô hồi hải chạy xuống bếp, báo động với bà bếp. Thế rồi hai người đàn bà cùng bác đánh xe vào trong gian tiền sảnh, giống tai lên mà nghe cuộc cãi lộn. Cả ba người đều nhất trí rằng họ chỉ nghe thấy có hai giọng nói: giọng của ông đại tá và của bà vợ. Những câu của ông Barclay thì thô bạo, nói với giọng thất thanh, khiến người nghe không hiểu được. Còn những câu nói của bà Barclay thì lại còn ác liệt hơn nữa :

Ba người giúp việc nghe rõ ràng: “Anh là một thằng hèn!” Bà không ngớt lặp đi lặp lại câu đó. Và bà còn nói: “Biết làm sao bây giờ? Hãy trả lại cho tôi được tự do! Không bao giờ ta còn có thể thở chung một bầu không khí với mi! Đồ hèn!” Bất chợt người đàn ông hét lên một tiếng khủng khiếp rồi tiếp đó là tiếng đổ ngã, tiếng thét xé tai của bà chủ. Bác đánh xe lao mình vào cánh cửa, cố sức bật nó ra. Bên trong những tiếng thét nổi tiếp nhau.

Người đánh xe không phá được cánh cửa và hai người tớ gái lại quá lo sợ nên chẳng giúp được gì. Một ý kiến chợt lóe lên trong trí bác. Bác bỏ ra ngoài, đi vòng ngôi nhà, ngang qua bãi cỏ trên đó có mở ra cánh cửa sổ sát đất. Cửa mở rộng, bác vào trong phòng khách nhỏ. Bà chủ đã ngưng kêu gào. Bà nằm im trên đi-văng; ông đại tá thì hai chân vắt ngang trên cái tay dựa của ghế bành, đầu gục xuống đất; ông chết trong một

vũng máu.

Người đánh xe định mở cửa ra. Nhưng chìa khóa không có trong ổ khóa và cũng không thấy để ở đâu trong căn phòng. Vậy là bác lại nhảy qua cửa sổ sát đất, đi mời một cảnh sát và một y sĩ, rồi trở lại. Bà Barclay được chuyển sang phòng riêng của bà, vẫn còn hôn mê. Thi hài ông đại tá được đặt nằm dài trên ghế trường kỷ. Và người ta tiến hành cuộc điều tra.

Vết thương trên người nạn nhân là một vết đứt dài bảy centimét ở phía sau đầu, được gây ra bởi một loại hung khí có mũi nhọn.

Trên sàn nhà, gần bên xác chết, người ta tìm thấy một thứ như cây gậy ngắn bằng gỗ rắn, có một cái cán bằng xương: ông đại tá có một bộ sưu tập lớn những khí giới mà ông đã đem về từ nhiều quốc gia khác nhau, tại những nơi mà ông đã tham chiến.

Cảnh sát cho rằng cây gậy đó là một trong những vũ khí sưu tập của ông. Nhưng các gia nhân thì nói là trước đó, họ chưa từng trông thấy nó. Cảnh sát không khám phá ra được điều gì khác. Và đây là việc quái lạ mà chưa ai có thể giải thích được: trên người bà Barclay, trên người nạn nhân, cũng như ở bất cứ chỗ nào trong phòng khách nhỏ, người ta không thể tìm thấy cái chìa khóa. Cần phải gọi một người thợ khóa từ Aldershot tới để mở cánh cửa ra.

Trường hợp tình hình bế tắc như vậy, thiếu tá Murphy mời tôi xuống Aldershot để phụ giúp cảnh sát.

Trước khi quan sát căn phòng, tôi thăm vấn nhiều gia nhân, nhưng không thu được gì hơn là những điều mà tôi vừa trình bày với anh. Tuy nhiên, cô hầu phòng có cung cấp cho tôi một chi tiết đáng chú ý: số là khi nghe tiếng cãi cọ, cô ta xuống bếp và đi lên cùng với hai người đầy tớ khác. Nhưng cô nói rằng lúc đầu, khi chỉ có mình cô, những giọng nói của ông bà chủ bị nghẹt đến mức cô gần như chẳng thể nào hiểu được điều gì và rằng chính là do những ngữ điệu nhiều hơn là những tiếng nói mà cô hiểu ra rằng hai người đang cãi nhau.

Tôi dồn dập đặt nhiều câu hỏi. Sau chót cô nhớ rằng có hai lần cô đã nghe thấy bà chủ thốt lên cái tên “David”. Điểm đó có tầm quan trọng cao để soi sáng cho chúng ta về những nguyên cơ gây ra cãi vã.

Một điều gây ra cảm tưởng sâu đậm cho mọi người là: những nét nhăn nhó của ông đại tá. Theo lời chứng của họ, vẻ mặt ông có một nét biểu lộ sự khiếp sợ và sự kinh hoàng chưa từng thấy. Rõ ràng là ông biết mình sắp chết và rằng sự trông thấy cái chết đã làm cho ông kinh hoàng. Điều đó, phù hợp với lý thuyết của cảnh sát: ông đại tá hẳn đã thấy vợ mình chuẩn bị giết mình. Và cái việc cú đánh đã được giáng xuống từ đằng sau cũng không mâu thuẫn với lý thuyết đó, bởi vì ông đại tá rất có thể quay mình để né tránh cú đánh. Về phía bà Barclay, người ta không có một tin tức nào cả. Bà bị một cơn cấp phát sốt thuộc não và tạm thời bị mất lý trí.

Cảnh sát đã cho biết là cô Morrison (người đã cùng đi với bà Barclay vào buổi tối hôm đó), quả quyết là cô không biết chút gì về nguyên cơ đã gây ra cơn tức giận của bạn mình.

Anh Watson, khi tập hợp những dữ kiện đó, tôi đã chú ý đến việc mất cái chìa khóa. Căn phòng đó đã được lục soát hết sức kỹ lưỡng mà chỉ uống công. Do đó cái chìa khóa đã bị lấy. Nhưng cả ông đại tá lẫn bà vợ đều không lấy. Vậy thì một người thứ ba

hắn đã vào trong phòng và cái người thứ ba đó đã chỉ có thể vào được qua ngả cửa sổ sát đất.

Ngay tức khắc tôi đã tin rằng một cuộc quan sát kỹ căn phòng khách nhỏ và bãi cỏ có thể phát hiện ra một dấu vết nào đó của nhân vật bí mật kia. Tôi không bỏ sót một dấu vết nào. Và sau chót tôi đã tìm ra nhiều dấu vết.

Đã có một người ở trong căn phòng khách nhỏ. Người đó đã đi qua bãi cỏ từ ngoài đường vào. Tôi phát hiện 5 dấu chân rất rõ: một trên đường, ở nơi mà người đó đã leo lên đường, hai trên bãi cỏ, và hai trên ván sàn gần khuôn cửa sổ mà qua đó người lạ đã vào trong phòng. Chắc chắn là người đó đã chạy băng qua bãi cỏ, bởi vì dấu những ngón chân thì sâu hơn dấu những gót chân. Nhưng không phải người đó đã làm cho tôi ngạc nhiên đến bối rối. Chính là cái đi kèm với người đó.”

- Cái đi kèm?

Holmes rút từ túi áo ra một tờ giấy lụa lớn và mở ra một cách thận trọng trên đầu gối anh.

- Anh nghĩ sao về cái này?

Tờ giấy phủ đầy những tranh vẽ phỏng sao lại những dấu chân một con vật nhỏ. Có năm ngón chân, có móng dài. Mỗi dấu lớn bằng một cái muỗng dùng để ăn món tráng miệng.

- Đây là một con chó. - Tôi nói.

- Con chó làm sao leo lên được những tấm riđô? Tôi đã phát hiện ra những dấu vết này trên một tấm riđô.

- Thế thì một con khỉ?

- Không phải.

- Thế thì là cái gì?

- Đây không là con chó, không là con mèo, cũng chẳng là con khỉ, cũng chẳng là con vật nào mà ta biết. Tôi đã thử hình dung ra con vật đó theo các kích thước của dấu chân nó. Đây là bốn dấu chân ở một nơi mà con vật đứng bất động. Giữa chân trước và chân sau cách nhau vào khoảng 50cm. Anh hãy thêm vào đó chiều dài của cái cổ và của cái đầu thì anh sẽ có một con vật mà chiều dài thân mình chưa tới sau mười phân, và nó có thể còn ngắn hơn thế nữa, hoặc dài hơn nếu nó có một cái đuôi. Nhưng khi con vật di chuyển, ta có chiều dài của bước chân nó. Dấu bước chân là mười centimét. Vậy là con vật này có cái thân mình dài với những chân rất ngắn. Tóm lại, đó là một thú leo được lên tấm riđô và là con thú ăn thịt.

- Làm sao mà anh suy diễn ra được điều đó?

- Bởi vì đã leo lên những tấm riđô. Ở khuôn cửa sổ có treo một lồng chim hoàng yến. Đường như mục tiêu của nó khi leo lên riđô là để bắt con chim.

- Thế thì con vật đó là gì?

- Đó là một loại chồn hạt dẻ, mõm nhọn, lớn hơn những con chồn mà tôi đã từng thấy.

- Nhưng nó dính dáng gì đến tội ác?

- Điều đó cũng lại tối tăm. Nhưng chúng ta biết là có một người đứng trên đường và rình mò cuộc cãi vã của hai vợ chồng, bởi vì những mảnh sáo còn chưa buông xuống và ngọn đèn còn được thắp sáng. Chúng ta cũng còn biết là người đó đã chạy băng ngang bãi cỏ, đã vào trong phòng khách nhỏ, có đem theo một con thú bí mật, và y đã đánh ông đại tá (nếu không, thì vừa lúc trông thấy y, ông đại tá đã té bật ngựa xuống thanh gác cũi và bị té đầu). Sau chót y bỏ đi với chiếc chìa khóa cửa.

- Những khám phá của anh làm cho nội vụ tối tăm hơn, thay vì làm cho nó được sáng tỏ!

- Anh có lý! Nhưng tôi đã làm cho anh thức quá khuya! Vậy ngày mai, trên đường đi Aldershot, tôi sẽ kể tiếp.

- Cảm ơn! Anh cứ kể tiếp.

- “Khi ra khỏi nhà vào hồi bảy giờ rưỡi, bà Barclay không giận hờn gì chồng; người đánh xe đã nghe bà nói chuyện với ông đại tá theo lối thân tình. Mặt khác, ngay sau khi về nhà, bà đã vào trong căn phòng và kêu người hầu pha trà; bất cứ người phụ nữ nào bị bòn chòn cũng đều làm như vậy, và ngay sau khi ông đại tá hiện ra là bùng nổ. Thế mà cô Morrison đã không rời khỏi bà trong suốt khoảng thời gian đó, cho nên mặc dù cô ta có chối cãi, nhưng chắc chắn cô có biết một cái gì đó.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là có sự đan díu giữa cô Morrison và ông lính già, và cô này hẳn đã ít nhiều thổ lộ với người vợ. Điều đó giải thích rõ về cơn tức giận khi trở về nhà cũng như những lời chối bỏ của cô gái trong cuộc. Và điều đó cũng không mâu thuẫn lắm với những từ mà 3 người giúp việc nghe được. Nhưng lại có một người tên là David, lại có sự triu mến của ông đại tá đối với vợ, và sau chót còn có sự lén vào của một người đàn ông khác. Thật khó mà chọn ra đường để tiến hành điều tra. Dù sao đi nữa, tôi không thiên về việc cô Morrison có “tình ý” với ông đại tá, nhưng tôi lại vững tin rằng chính cô ấy là người biết rõ sự bí mật vì sao bà Barclay thành linh thay đổi tính khí.

Vậy là tôi tìm tới nhà cô Morrison, giải thích rằng tôi tin chắc là cô biết rõ những sự việc, và tôi đã báo cho cô biết là bà Bất cơ sẽ bị đặt vào ghế của bị cáo về tội ám sát chồng, nếu nội vụ được làm sáng tỏ.

Morrison là một cô gái bé nhỏ, thanh khiết, có cặp mắt e lệ và mái tóc vàng hoe. Sau khi nghe chuyện, cô ngồi suy tư trong một lúc, rồi quay sang phía tôi và với dáng vẻ của người đã có một quyết định dứt khoát :

- Tôi đã hứa với bạn tôi rằng tôi sẽ không nói ra bất cứ điều gì. Nhưng nay bà ấy lâm trọng bệnh và đang trên bờ của sự tù tội, vậy thì tôi không thể làm thinh. Thừa ông, tôi thứ hai đó chúng tôi từ Hội quán trở về. Lúc ấy vào khoảng chín giờ kém mười lăm. Khi băng ngang qua đường Hudson - một con đường rất lớn và rất yên tĩnh - tôi thấy một người đàn ông tiến lại phía chúng tôi: lưng rất còng và đeo một cái hộp chéo qua vai, đầu cúi thấp và bước đi với hai đầu gối co gập lại. Ông ta ngược mắt lên đúng vào lúc chúng tôi bước vào trong cái vòng ánh sáng của ngọn đèn đường. Ngay tức khắc, ông ta đứng lại và kêu lên bằng một giọng khùng khiếp: “Lạy Chúa tôi, đây đúng là Nancy!” Bà Barclay bỗng tái mét. Bà hẳn đã sụp xuống nếu con quái vật đó không đỡ lấy bà. Tôi chực kêu cứu, nhưng bà lại dịu dàng nói với người đàn ông.

- Henry, em cứ tin rằng anh đã chết từ ba chục năm qua.

- Tôi đã từng bị chết! - Người kia trả lời.

Thật là kinh khủng khi nghe cái ngữ điệu trong tiếng nói của ông ta. Ông có một bộ mặt r ám nắng, đáng lo ngại, với một ánh chói trong tia mắt. Tóc, râu má đã lấm tẩm những sợi xám. Những nếp nhăn, những vết nhăn hằn trên mặt ông.

- Hãy đi tiếp một quãng, em gái! - Bà Barclay bảo tôi. - Chị muốn nói chuyện với ông đây. Không có gì phải lo sợ cả.

Bà nói với vẻ quả quyết, nhưng bà vẫn còn tái xanh.

Tôi đi trước một quãng để cho hai người tự do nói chuyện trong vài phút. Sau đó bà đi xuống phố. Cặp mắt bà long lanh. Tôi thấy người đàn ông khốn khổ đứng lại bên ngọn đèn đường và vung nắm đấm lên không khí, tựa hồ như ông ta bị điên vì tức giận. Bà không nói một lời nào cho tới khi chúng tôi về đến cửa nhà tôi. Lúc đó bà mới nắm lấy bàn tay tôi, yêu cầu tôi đừng nói gì với bất cứ ai về cuộc gặp gỡ này.

- Đó là một người quen cũ của chị, nay lại hiện ra.

Tôi hứa, bà ôm hôn tôi. Giờ đây vì lợi ích của bà, tất cả chuyện đó phải được biết đến. Anh Watson, những lời khai của Morrison như là ánh sáng trong đêm. Tất cả những gì trước đây không lợi ích liên lạc với nhau thì nay lại ràng buộc nhau trong một trật tự bình thường. Tôi chỉ còn việc tìm gặp cái người dị dạng đó. Nếu anh ta còn ở Aldershot thì việc đó sẽ dễ dàng. Ban ngày tôi dò hỏi và buổi tối hôm đó, tôi đã biết địa chỉ. Đó là Henry Wood ở trọ trong cùng một đường phố và bà Barclay đã gặp ông ta ông ta chỉ mới tới đó có năm ngày. Tôi đến gặp bà chủ nhà trọ và tự xưng là nhân viên mới đến thu những phiếu thuộc cảnh sát và bà ta đã bép xép :

- Cái ông Henry Wood là nhà ảo thuật và nghệ sĩ diễn rong. Ông ta đi diễn quanh các trại lính và các quán cà phê buổi chiều.

Trong cái hộp, có một con vật đã làm cho bà chủ nhà trọ phải nhiều phen sợ bỏ vía: đó là con thú mà ông đem ra trình diễn. Bà ấy còn cho biết đôi lúc ông nói một thứ tiếng lạ hoắc và hai đêm vừa qua ông ta cứ rên rĩ và khóc lóc ở trong phòng. Về tiền bạc, ông sòng phẳng, nhưng dấu sao trong số tiền ứng trước thì ông đã trả cho bà một đồng florin giả.

Bà đưa cho tôi xem; đó là một đồng rupi Ấn Độ.

Giờ đây, sự thật hoàn toàn sáng tỏ rằng: hai người đàn bà chia tay nhau, người dị dạng đã đi theo họ trong khoảng cách xa, ông ta chứng kiến cảnh cãi cọ giữa hai vợ chồng, ông ta vội vã chạy vào trong phòng khách nhỏ và con thú mà ông ta mang theo đã trốn ra khỏi hộp. Nhưng ông ta là người duy nhất có thể cho chúng ta biết những gì đã xảy ra."

- Và anh có ý định hỏi ông ta?

- Tất nhiên! Nhưng hỏi trước mặt một người chứng.

- Người chứng sẽ là tôi.

- Phải, điều đó làm sáng tỏ vấn đề. Nhưng nếu ông ta từ chối, chúng ta buộc lòng đưa nội vụ cho cảnh sát.

- Liệu ông ta còn ở đó không?

- Một trong những chú nhóc của tôi đã lảng vảng trước nhà trọ và nếu ông ta bỏ đi thì chú bé sẽ bám sát ông ta như một con đĩa. Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại chú bé. Nhưng trong lúc chờ đợi, chính tôi là kẻ gây ra tội ác nếu tôi còn bắt anh thức lâu hơn nữa.

Chúng tôi tới nơi xảy ra tám thăm trạng vào hồi giữa trưa rồi tới đường Hudson ngay lập tức.

- Đây là đường Hudson. A! Kìa, chú nhỏ tới báo cáo.

- Ông ta vẫn còn ở đó, thưa ông! - Một cậu bé vừa chạy tới vừa kêu lên với chúng tôi.

- Tốt! - Holmes nói khi vuốt ve má chú bé. - Lại đây, Watson. Chúng ta tới nơi rồi.

Holmes đưa vào tám thiệp trên đó chỉ vài lời ngỏ ý muốn được gặp ông Henry Wood về một việc quan trọng. Ngay sau đó chúng tôi được mời vào nhà. Mặc dù đang mùa

nóng nực, ông ta vẫn thu mình bên ngọn lửa và căn phòng đúng là một cái lò.

Henry Wood hoàn toàn dị hình và co rúm trên một cái ghế đẩu nhựa. Nhưng khuôn mặt ông hướng về chúng tôi, thuở trước hẳn là rất điển trai. Ông nhìn chúng tôi với vẻ nghi hoặc. Không nói mà cũng chẳng đứng lên, ông chỉ cho chúng tôi hai cái ghế dựa.

- Ông từ bên Ấn Độ về, tôi nghĩ thế? - Holmes hỏi với một giọng nhã nhặn. - Tôi tới về cái vụ nho nhỏ mà ông đã biết: cái chết của đại tá Barclay.

- Vụ đó thì can hệ gì tới tôi?

- Tôi cũng mong muốn sự việc như thế. Bởi vì nếu nội vụ không được làm sáng tỏ thì bà Barclay - vốn là một người bạn cũ của ông - sẽ bị gán cho tội giết người.

Người đó giật nảy mình, kêu lên :

- Tôi không biết ông là ai, cũng chẳng hiểu vì sao ông lại biết được điều đó.

- Người ta chỉ còn chờ đợi bà tỉnh lại để bắt giam bà.

- Lạy Chúa! Ông là cảnh sát hả?

- Không.

- Thế thì sao ông lại can thiệp vô?

- Tôi can thiệp là để cho công lý được thể hiện.

- Ông có thể tin nơi tôi, bà ấy vô tội.

- Thế thì chính ông là phạm tội.

- Không. Tôi không gây ra tội ác.

- Vậy, ai giết đại tá James Barclay?

- "Chúa giết ông ta. Nhưng ông hãy nhớ lấy điều này: nếu như tôi có đập vỡ óc y ra thì cũng rất đáng với cái tội của y. Ông muốn tôi khai à? Được, tôi chẳng có gì phải hổ thẹn cả. Đây, hiện giờ trên lưng tôi có một cái bướu lạc đà và những xương sườn xiêu vẹo. Nhưng đã có một thời, hạ sĩ Henry Wood này là người đẹp trai nhất trong trung đoàn bộ binh 117. Thuở đó, chúng tôi ở bên Ấn Độ, tại vùng Bhurtee. Barclay là trung sĩ trong cùng một đại đội với tôi. Còn người đẹp của trung đoàn...

Đúng thế! Là Nancy Devoy; thân phụ cô là trung sĩ trưởng đội. Hai chàng trai cùng yêu cô và chỉ có một được cô yêu thương: Tôi. Tôi đã chiếm được trái tim cô, nhưng cha cô lại ưa Barclay hơn. Tôi là một người mạo hiểm, một tay phiêu lưu, còn Barclay là người có học và người ta đã dự đoán trước là anh sẽ thành sĩ quan. Nhưng Nancy lại tha thiết yêu tôi và tôi tin là tôi sẽ lấy được nàng. Than ôi, cuộc nổi loạn của tính bản địa

Cipayes bùng nổ và khắp xứ ngập chìm trong máu lửa!

Toàn thể trung đoàn, thêm phân nửa đội pháp binh, một đại đội lính người Sikhs và nhiều người thường dân cùng đàn bà, trẻ con bị bao vây trong miền Bhurtee. Tới tuần thứ hai thì nước bắt đầu khan hiếm. Cần phải liên lạc với đoàn quân của tướng Neill đang ngược lên xứ đó. Đó là cơ may duy nhất. Tôi tự ý tình nguyện lên ra khỏi vòng vây và báo cho tướng Neill biết về tình trạng nguy ngập của chúng tôi. Đề nghị của tôi được chấp thuận. Tôi bàn bạc với trung sĩ Barclay, là người biết rõ thực địa hơn bất cứ ai. Ông ta đã vẽ cho tôi một bản đồ để ra khỏi vòng vây. Tới 10 giờ tối tôi lên đường. Có cả ngàn sinh mạng cần được cứu sống, nhưng thật tâm tôi chỉ nghĩ đến có một người: Nàng.

Con đường men theo một dòng nước cạn: tôi hy vọng là đi như thế sẽ thoát được sự canh chừng của bên địch. Nhưng trong lúc đang bò, tôi rơi vào tay sáu tên lính gác

đang chờ đợi tôi. Trong hai giây, tôi bị choáng váng vì một cú đánh rồi bị trối. Cú đánh đó làm cho tôi đau đớn trong lòng người hơn là ở trên đầu, bởi vì tôi nghe quan Cipayes nói với nhau rằng chính Barclay đã cho một đầy tớ địa phương đến báo tin cho họ, nhờ vậy họ mới bắt được tôi.

Ngày hôm sau, vùng Bhurtee được quân của tướng Neill giải cứu, nhưng quân nổi loạn đem tôi theo chúng trong cuộc rút lui.

Tôi bị tra tấn. Tôi đào thoát. Tôi bị bắt lại và bị hành hạ thành người tàn phế. Một phần quân phiến loạn bỏ trốn qua Népal; tôi phải theo đoàn đó. Chúng tôi còn đi xa hơn, đi tới tận Darjeeling. Ở đó dân sơn cước giết quân phiến loạn và tôi trở thành nô lệ của họ.

Tôi lại bỏ trốn nữa. Nhưng thay vì đi về hướng Nam, tôi lại ngược lên hướng Bắc, đến xứ người Afghans. Tôi lang thang ở đó trong mười năm, rồi trở xuống Punjab là nơi tôi đã sống với dân địa phương, kiếm ăn bằng cách làm trò ảo thuật. Tôi làm sao dám trở về nước Anh. Thà cứ để cho Nancy và các bạn cũ cứ giữ mãi cái hoài ức về một gã Henry Wood đã chết với một cái lưng thẳng, hơn là thấy tôi trong một cái hình thể của một kẻ dị dạng góm ghiếc như vậy. Họ tin chắc là tôi đã chết. Như thế lại càng hay! Tôi nghe nói Barclay đã cưới Nancy và đã được thăng cấp trong trung đoàn.

Nhưng khi về già, người ta tha thiết nhớ cổ hương. Trong những năm dài, rồi những năm dài, tôi đã đeo đuổi theo hình ảnh bao đồng cỏ xanh và các hàng rào bên nước Anh. Sau cùng tôi muốn nhìn lại chúng một lần chót trước khi lìa đời”.

- Câu chuyện của ông thật là cảm động - Sherlock Holmes nói - Tôi đã biết có cuộc gặp mặt giữa ông và bà Barclay. Ông đã đi theo bà ấy về nhà, nhìn qua cánh cửa sổ, ông thấy họ cãi nhau, chắc hẳn là người vợ trách móc ông chồng về câu chuyện ngày xưa. Những tình cảm cá nhân của ông lúc đó đã thắng, ông liền chạy băng qua bãi cỏ và vào trong phòng.

- Đúng. Thưa. Và khi thấy tôi, y té gục đầu xuống thanh gác củi. Nhưng y đã chết trước khi gục xuống: tôi trông thấy cái chết trên mặt y, cũng rõ ràng như tôi đọc sách này. Việc nhìn thấy tôi tựa như viên đạn súng lục bắn thẳng vào trái tim tội lỗi của y.

- Rồi sau đó?

- Nancy ngất đi. Tôi rút trong bàn tay nàng cái chìa khóa, định mở cửa đi tìm người cấp cứu. Nhưng tôi nảy ra cái ý định nên để nàng lại đó, còn mình thì bỏ trốn. Tôi nhét cái chìa khóa vào túi và đánh rơi cây gậy trong lúc đuổi theo Teddy đang lên lên tám riđô. Khi tôi nhốt được nó vào trong cái hộp, tôi chạy đi với tốc độ nhanh nhất.

- Teddy là ai? - Holmes hỏi.

Henry cúi xuống và lôi ra một con vật bé nhỏ xinh đẹp màu đỏ lạt, mảnh mai và mềm mại, một cái mũi dài màu hồng và cặp mắt đỏ tuyệt đẹp.

- Một con chồn đen.

- Vâng, người ta gọi như thế, hoặc còn gọi nó là cây ăn rắn. Tôi gọi nó là con bắt rắn. Tôi có nuôi một con rắn hổ đã bẻ hết răng nanh, và mỗi tối Teddy lại bắt rắn để mua vui cho những người trong xứ. Còn có chuyện gì ông muốn biết nữa không, thưa ông?

- Rất có thể là chúng tôi sẽ cần đến ông, nếu bà Barclay bị gặp khó khăn.

- Trong trường hợp đó, xin ông hãy tuyệt đối tin cậy nơi tôi!

- Giờ đây, ông đã vừa ý khi biết rằng trong ba mươi năm qua, lương tâm ông đại tá đã không ngừng cắn rứt về cái hành vi phản bội của mình. A, ông thiếu tá Murphy đang đi bên kia đường. Xin chào, ông Wood.

Chúng tôi đuổi kịp ông thiếu tá.

- A, Holmes - Thiếu tá reo lên - ông đã biết tin gì chưa.

- Chuyện gì vậy?

- Cuộc điều tra đã kết thúc. Y sĩ chứng nhận rằng nạn nhân chết vì chứng ngạt máu.

Tóm lại đây chỉ là một vụ thật tầm thường.

-Ồ, rất tầm thường! - Holmes cười và trả lời. - Mình đi thôi, anh Watson! người ta chẳng còn cần đến chúng ta nữa.

Trong lúc đi ra nhà ga, tôi nói với Holmes :

- Có một điều tôi vẫn chưa rõ: người chồng tên là James và người kia là Henry, tại sao bà ấy lại nói đến tên David?

- Đó là một từ ngữ dùng để oán trách.

- Để oán trách?

- Trong kinh Thánh, nhân vật David thỉnh thoảng lại sa đọa, hắn đã hành động y hệt như trung sĩ James Barclay vậy.

Hết

C.8 - The Resident Patient 1893 (Bệnh nhân thường trú)

Trời đang tiết tháng Mười, một ngày nặng nề, mưa nhiều. Mành cửa được buông xuống nửa vời. Holmes nằm cuộn mình trên ghế tràng kỷ để đọc đi đọc lại lá thư mà anh vừa nhận được. Về phần tôi, thời gian ở bên Ấn Độ đã tập cho tôi chịu đựng được nóng hơn là chịu lạnh. Nhưng tờ báo lại chẳng có gì đáng đọc. Mọi người đã bỏ đi khỏi thủ đô và tôi thêm muốn đi nghỉ mát ở bờ biển, nhưng không đủ tiền.

Holmes quá mải mê, không tiện nói chuyện, tôi bèn liệng tờ báo, ngồi thoải mái trong ghế bành và chìm vào trong một giấc mơ. Bất thình lình giọng nói của anh chen vào trong tư tưởng tôi:

Buổi tối đem đến một chút mát mẻ. Ta đi dạo thành phố nhé.

Tôi tán thành ngay. Trong ba tiếng đồng hồ, chúng tôi đi lang thang, chăm chú vào cái kính vạn hoa ngàn đời thay đổi không ngừng của cuộc sống trong đại lộ và khu bờ sông. Cuộc nói chuyện của Holmes luôn luôn gây thích thú.

Chúng tôi trở về phố Baker lúc 10 giờ. Một xe ngựa bốn bánh đậu trước cửa nhà chúng tôi.

- “Hừm! Một bác sỹ... tôi nhận thấy thế” Holmes nói. Ông này hành nghề chưa bao lâu, nhưng rất bận rộn. Ông tới hỏi ý kiến chúng ta”.

Ánh sáng lung linh đằng sau khuôn cửa sổ chứng tỏ người khách đang chờ đợi chúng tôi. Tôi theo Holmes vào nhà. Một người xanh xao có bộ mặt dài và để râu má vàng hoe đứng lên khi chúng tôi bước vào. Ông ta chưa quá bước mười hoặc ba mươi bốn tuổi, đang nhìn nhón nhác. Đó là thái độ của một người rụt rè và dễ kích động: bàn tay trắng mà ông tì lên lò sưởi khi đứng dậy khỏi ghế hắt thích hợp với một nghệ sĩ hơn là một y sĩ. Ông ta ăn mặc đàng hoàng với quần áo màu sẫm. Một cái áo sơ-đanh-gốt đen, quần màu sẫm, thắt cà vạt trang nhã.

- “Xin chào bác sỹ!” Holmes vui vẻ nói. Tôi vui mừng được thấy bác sỹ không phải chờ chúng tôi quá lâu”.

- Vậy là ông đã nói chuyện với người đánh xe của tôi?

- Không. Ngọn đèn nền trên bàn đã nói. Xin mời ông ngồi xuống và xin cho biết tôi có thể giúp ông điều gì.

- Tôi là bác sỹ Percy Trevelyan ở số 403 phố Brood.

- Có phải ông là tác giả của một cuốn sách chuyên khảo về các thương tổn thần kinh không? - Tôi hỏi.

Niềm vui sướng làm cho cặp má xanh xao của ông ta trở thành có màu sắc.

- “Tôi ít khi được nghe nhắc tới cuốn sách đó” ông trả lời. “Nhà xuất bản nói nó bán rất ế. Ông cũng là bác sỹ?”

- Bác sỹ quân y đang nghỉ phép.

- Tôi muốn chuyên về bệnh thần kinh, nhưng chúng ta buộc phải “có gì lấy nấy”. Nhưng đó là chuyện ngoài đề. Thưa ông Holmes, muọt chuỗi sự việc xảy ra nơi nhà tôi đã khiến tôi tới đây để xin ông một lời khuyên.

Holmes ngồi xuống và mời tẩu thuốc.

-Hoan nghênh ông đã đến. Câu chuyện như thế nào?

- Tôi theo học đại học London và các giáo sư đã coi tôi như một đối tượng có nhiều hứa hẹn. Sau khi tốt nghiệp, tôi tiếp tục chuyên tâm vào việc nghiên cứu chứng giãn huyết: sau chót, tôi được tặng giải thưởng và một huân chương cho cuốn sách chuyên khảo về những thương tổn thần kinh mà bạn ông vừa nhắc tới hồi nãy.

“Nhưng chương ngại chính ngăn chặn con đường lập nghiệp của tôi là sự thiếu vốn. Muốn khởi nghiệp, tôi bắt buộc phải định cư tại một trong mười hai con đường trong khu sang trọng Cavendish: tiền thuê nhà rất cao và một số đồ đạc đắt giá, lại còn phải nuôi kẻ ăn người ở, phải nuôi một con ngựa và một cỗ xe coi được. Điều đó vượt quá khả năng của tôi. Tôi hy vọng sẽ ăn uống dè sẻ trong mười năm, mới có thể gấn được tấm bằng hiệu lên trước cửa nhà mình. Nhưng một buổi sáng, có một người khách tên là Blessington đến tìm tôi. Tôi vừa mới mời ông ta ngồi xuống là ông ta liền nói một hơi:

- Ông có phải là cái ông Percy Trevelyan, người vừa được trao giải thưởng không?.....

Tôi nghiêng mình.

- “Hãy thẳng thắn trả lời tôi”, người khách nói tiếp. “Rồi ông sẽ không phải hối tiếc. Tài năng của ông sẽ còn đưa ông tiến xa hơn nữa. Ông có khéo xử sự không?”

Tôi không thể mỉm cười trước câu hỏi.

- Tạm được.

- Và không có các thói hư tật xấu đấy chứ? Không có những tính ham.... uống rượu chẳng hạn?

- Nhưng mà, thưa ông! - Tôi kêu lên.

- Rất tốt! Hoàn toàn tốt! Nhưng tôi buộc phải đặt ra những câu hỏi đó. Ông có tài, có đức, tại sao không lo lập nghiệp.

Tôi nhún vai.

- “Coi nào, coi nào”, người khách nói. “Trong đầu ông có nhiều thứ hơn là ở trong bóp. Ông nghĩ sao nếu tôi bố trí cho ông mở phòng mạch ở đường Brook?”

Tôi nhìn người khách với vẻ ngạc nhiên.

- “Ồ, nếu như tôi làm việc đó, thì chính là vì lợi ích của tôi, chứ chẳng phải để làm vừa lòng ông đâu. người khách kêu lên.” Tôi sẽ hết sức thành thật với ông. Tôi có vài ngàn bảng và tôi muốn đầu tư. Phải, tôi muốn đầu tư vào đầu óc ông”.

- Như thế nào?

- Cách đầu tư này ăn chắc.

- Nhưng tôi phải làm gì.

- Tôi mượn nhà. Tôi sắm đồ đạc. Tôi trả lương cho kẻ hầu hạ. Nghĩa là tất cả mọi khoản chi tiêu. Ông chỉ ngồi trong cái ghế bành nơi phòng khám bệnh. Ông chia cho tôi 3/4 tiền thu được, ông hưởng 1/4 còn lại.

Tôi nhận lời, tới ngụ tại đường Brook và bắt đầu hành nghề, làm theo những điều kiện mà ông ta đưa ra. Ông ta tới ở trong nhà tôi như một người khách trọ được hưởng bổng lộc. Tôi nhận thấy ông ta bị yếu tim và tình trạng sức khỏe của ông ta cần được chăm sóc thường xuyên. Ông ta sửa đổi hai căn phòng trên lầu thành phòng khách và phòng ngủ để dùng riêng. Đó là một con người kỳ quặc: ông trốn tránh xã hội và ít khi đi ra phố. Tối nào cũng vậy, cứ đúng giờ là ông ta lại vào phòng mạch tôi, xem sổ khám bệnh, rồi chia tiền cho tôi và cất kỹ số còn lại vào cái két sắt đặt trong phòng.

Việc đầu tư của ông ta có kết quả. Một vài thành công trong những ca bệnh khó đã mau chóng đưa tôi lên hàng đầu. Trong hai năm, tôi đã làm cho ông ta trở thành người giàu có.

“Cách đây vài tuần, ông ta tới gặp tôi trong một trạng thái cực kỳ bồn chồn. Ông nói với tôi về một vụ trộm vừa mới xảy ra trong khu West End. Ông cho tôi hay là trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa, then cửa an toàn sẽ được đặt vào các cửa sổ và cửa ra vào nhà tôi. Sự căng thẳng thần kinh của ông kéo dài khoảng chừng một tuần. Luôn luôn ông đứng rình bên cửa sổ và không ra khỏi nhà để đi dạo chơi như ông vẫn làm đều đặn trước bữa ăn tối. Nhìn thái độ ông, tôi suy luận rằng ông đang có một mối sợ

hải kinh khủng đối với một ai đó hoặc một cái gì đó. Tôi nêu ra với ông vài câu hỏi, nhưng ông tỏ vẻ hồ hững tới mức tôi không muốn tìm hiểu thêm nữa. Thời gian trôi qua, mối lo sợ của ông dường như tan biến dần. Ông đã nói lại những thói quen ngày trước.

“ Cách đây hai ngày, tôi nhận được một lá thư không đề ngày tháng và không ghi địa chỉ người gửi. nội dung như sau: “Một thành viên thuộc giới quý tộc Nga sẽ rất sung sướng được Bác sỹ nhận chăm sóc. Từ nhiều năm qua, người này bị chứng giãn huyết. Khi được biết bác sỹ rất giỏi về môn này, bệnh nhân muốn đến khám bệnh vào chiều mai, lúc 6 giờ 45 phút.

“Lá thư đó làm tôi thích thú bởi vì sự khó khăn chính trong việc nghiên cứu về bệnh giãn huyết là căn bệnh này ít có bệnh nhân để thực tập. Vậy là tôi có mặt ở phòng mạch vào giờ hẹn. Thân chủ tôi là một người đứng tuổi, gầy gò, ung dung. Bề ngoài khá tầm thường: chẳng có chút nào giống với cái ý nghĩ mà chúng ta thường có về một nhà quý phái Nga. Nhưng tôi lại ngạc nhiên hơn về người cùng đi. Đó là một thanh niên cao lớn, đẹp lạ lùng, với bộ mặt râu rí và dữ tợn, một thân hình mạnh khỏe. Khi hai người vào phòng, người trẻ tuổi đang giang vòng tay đỡ lấy ông già rồi đặt ngồi xuống với một sự âu yếm và dịu dàng.

- “Tôi xin được thứ lỗi, thưa bác sỹ”, anh ta nói với tôi bằng tiếng Anh với một giọng nói yếu ớt “Tôi phải cùng đi với cha tôi, vì cha tôi rất yếu”.

Sự hiếu thảo đó làm tôi cảm động.

- Phải chăng ông muốn ở lại bên ông cụ trong lúc tôi chẩn bệnh.

- Ô, không! Không đời nào”, anh ta kêu lên, tay phác ra một cử chỉ hoảng sợ. “Tôi sẽ rất đau buồn khi phải thấy ba tôi trong những cơn cấp phát kinh hoàng đó. Hệ thần kinh của tôi rất nhạy cảm. Tôi xin ngồi ở phòng đợi”.

”Người thanh niên bỏ ra ngoài. Tôi nói chuyện với người bệnh và ghi chú. Ông già không thông minh, những câu trả lời của ông thường tối nghĩa, tôi cho là ông không đủ từ ngữ tiếng Anh. Tuy nhiên, bất thành linh, trong lúc tôi đang cúi cúi ghi chép, thì ông ngưng không trả lời. Tôi ngừng đầu lên, thấy ông ta ngồi thẳng trong ghế bành mà ngó nhìn tôi, mặt ông tái mét, cứng đơ: con bệnh lại tái phát. Tôi đếm số mạch đập và đo nhiệt độ của người bệnh, cơ bắp đã cứng. Tôi không phát hiện ra điều bất thường đặc biệt nào. Trạng thái của ông phù hợp với điều mà những cuộc quan sát trước đó đã cho tôi biết. Bệnh này trị bằng cách cho xông chất nitrat amyl. Tôi tự nhủ rằng mình đang gặp một cơ hội tuyệt vời để chứng tỏ sự hữu hiệu. Vì chai thuốc đặt ở tầng dưới trong phòng thí nghiệm, tôi để thân chủ ngồi đó, chạy đi lấy. Phải mất năm phút mới tìm ra nó: khi trở lại phòng mạch thì người bệnh đã bỏ đi.

”Tôi chạy ra ngoài. Người con trai cũng đã bỏ đi. Cánh cửa ra vào được khép lại, nhưng không đóng kín. Người đầy tớ, kẻ đưa khách vào, mới vào làm và lại hơi đần độn.

Y cứ ở bên dưới và chỉ lên lầu để chỉ đường cho người bệnh hoặc khi tôi gọi chuông. Y chẳng nghe thấy gì và chúng tôi lúng túng trong sự bí mật hoàn toàn. sau đó một lát, ông Blessington trở về sau khi đi dạo. Tôi không nói với ông một lời nào về sự việc xảy ra.

"Tôi đình ninh mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại người Nga nọ cùng cậu con trai! Thế mà chiều nay họ lại tới phòng mạch tôi.

Tôi phải xin lỗi ông nhiều vì đã bỏ đi bất thành lĩnh ngày hôm qua, thưa bác sỹ! - Thân chủ của tôi nói.

- Quả thật việc đó làm tôi hơi ngạc nhiên...

- Khi ra khỏi cơn cấp phát, đầu óc rối rắm, tôi không còn nhớ gì về điều đã xảy ra trước đó. Tôi thấy mình tỉnh lại trong một căn phòng lạ, thế là tôi bỏ đi và tôi đã đi ngoài phố như đi trong sương mù.

- "Còn, tôi", người con trai nói thêm, "khi thấy ba tôi đi ra ngoài, tôi tưởng là cuộc khám bệnh đã xong. Tôi chỉ biết sự thật khi đã về tới nhà".

- "Vậy thì", tôi cười, "chẳng có gì là phiền hà cả. Bây giờ, ông có thể lui ra ngoài phòng khách, tôi tiếp tục chẩn đoán cho thân phụ ông".

Trong vòng nửa tiếng đồng hồ, tôi khám xong, kê toa. Sau đó ông ra về, vịn tay vào người con trai.

"Một lát sau, Blessington về nhà và leo lên phòng. Liên ngay sau đó, tôi nghe tiếng chân ông lao xuống cầu thang và ùa vào trong phòng mạch tôi như một viên đạn bác.

- Ai đã vào phòng tôi? - Ông ta hét lên.

- Không ai cả.

- Ông nói dối! Hãy lên mà xem!

"Tôi bỏ qua lời lẽ lỗ mãng của ông ta. Khi lên tới nơi, ông chỉ cho tôi thấy nhiều vết chân trên tấm thảm màu nhạt.

- Đây đâu có phải là các dấu chân của tôi - Ông ta kêu toáng lên.

"Quả thật đó là những dấu chân mới có. Nó lớn hơn dấu chân của ông ta. Buổi chiều đó trời mưa nhiều, khách đến nhà tôi đều là bệnh nhân. Vậy là, trong lúc tôi đang khám bệnh cho người cha, thì anh thanh niên đã rời phòng đợi và đã leo lên phòng của ông Blessington. Không có nơi nào bị đụng tới hoặc bị lấy đi, nhưng rõ ràng căn phòng đã bị xâm nhập.

"Blessington bị kích động cực kỳ mạnh mẽ. Ông ngồi sụp xuống ghế bành và khóc. Phải rất lâu tôi mới làm ông tỉnh lại đôi phần. Ông ta khuyên tôi đến đây để gặp ông, thưa ông Holmes. Nếu ông vui lòng đi cùng với tôi, có thể ông sẽ trấn an được ông ấy".

Holmes, đã nghe câu chuyện kể dài dòng ấy với một sự chú tâm mãnh liệt. Khi người khách chấm dứt, Holmes không nói một lời, đưa cái mũ cho tôi rồi anh đi theo thân chủ.

Mười lăm phút sau, chúng tôi dừng lại trước ngôi nhà của bác sỹ. Một người đầy tớ mở cửa và chúng tôi leo ngay lên cái cầu thang rộng có trái thảm. Ngọn đèn trên thềm cầu thang đột ngột bị gió thổi tắt. Từ trong bóng tối, một giọng nhỏ, run rẩy vọng tới chúng tôi.

- Ông Blessington, ông quá đáng rồi đấy. - Bác sỹ Percy kêu lên.

- Ồ, thế ra là ông đấy à, bác sỹ?" Giọng nói thốt ra có kèm theo một tiếng thở dài nhẹ nhõm." Nhưng còn những người kia, ông có bảo đảm cho họ không?".

Blessington quan sát tỉ mỉ chúng tôi.

- "Tốt. Được rồi. Sau cùng ông ta nói, "Các ông có thể lên. Tôi xin lỗi nếu sự đề phòng đã làm quý ông khó chịu".

Ông ta đốt gas lên và chúng tôi thấy trước mặt mình là một người kỳ lạ. Ông ta rất mập, nước da bệnh hoạn. Mỗi tay cầm một khẩu súng lục; ông nhét súng vào túi khi chúng tôi tiến lên.

- Xin chào ông Holmes. Tôi thật rất mang ơn ông đã cất công đến đây. Bác sỹ đã cho ông biết về vụ xâm nhập tồi tệ vào nhà tôi?

- Có, hai người đó là ai vậy, tại sao họ lại định hại ông?

- Thế thì, đó là... Thật là khó nói. Tôi chẳng biết trả lời ông ra làm sao, thưa ông Holmes.

- Nói cách khác, ông không biết họ là ai?

- Xin mời vào. Xin vui lòng đi ngang qua đây.

Ông dẫn chúng tôi vào trong phòng ông. Đó là một căn phòng đẹp, đồ đạc bày biện một cách thích đáng.

- "Quý ông thấy cái này chứ?". Ông nói khi chỉ vào một cái hộp đen lớn để ở dưới chân giường." Tôi chưa bao giờ giàu có. Trọn đời, tôi chỉ đầu tư vào mỗi một việc như bác sỹ Percy sẽ nói cho quý ông rõ. Tôi chẳng bao giờ tin một chủ ngân hàng nào cả, thưa

ông Holmes. Chút ít vốn mọn mà tôi có được để cất giấu trong cái rương này, vậy là ông hiểu điều tôi cảm nhận khi có những kẻ vô danh lẻn vào nhà tôi.

Holmes nhìn kỹ Blessington với con mắt dò hỏi và lắc đầu.

- Tôi không thể giúp gì cho ông nếu ông tìm cách nói dối tôi. - Anh nói.

- Tôi đã nói tất cả rồi.

Holmes xoay gót với một cử chỉ chán ghét:

- Xin chút anh một đêm an lành, bác sỹ Percy.

- Ông bỏ đi mà chẳng nói với tôi điều gì ư? - Blessington kêu lên với một giọng kiệt quệ.

- Thưa ông, tôi chỉ có một lời khuyên: đó là hãy nói sự thật.

Một phút sau, chúng tôi đã ra tới ngoài phố và chúng tôi lại trên đường về nhà.

- Anh Watson, tôi rất tiếc đã làm anh phải ra khỏi nhà vì một cuộc dạo chơi của những người điên. Thực ra, đây là một chuyện lý thú đấy. Holmes nói.

- Tôi chẳng hiểu gì hết!

- Có hai người... Có thể hơn hai người... oán thù gã này, cái chàng trai nọ đã hai lần lẻn vào phòng của Blessington trong lúc người đồng lõa kiềm giữ bác sỹ trong phòng mạch.

- Thế còn bệnh giãn huyết?

- Một chứng-bệnh-giả và đó là một chứng rất dễ bắt chước. Tôi đã từng bắt chước chứng đó. Tôi, người đang nói với anh đây này.

- Thế rồi sao?

- Bọn chúng mà đến khám bệnh muộn như thế là vì lúc đó trong phòng đợi không còn khách. Tuy nhiên, giờ đó lại trùng hợp với một thói quen của Blessington. Vậy là bọn chúng biết rõ thói quen hàng ngày của ông ta. Nếu chúng chỉ muốn "xoáy" một món nhỏ thôi thì hẳn chúng đã để lại dấu vết của chuyến ăn hàng. Vả chăng, tôi có khả năng đọc được trong mắt một người để biết là người đó lo sợ cho mạng sống của mình. Ông ấy có hai kẻ ham trả thù đến thế mà lại không biết họ là ai ư? Không. Ông ta phải biết họ. Nhưng ông ta đã nói dối. Có thể là ngày mai chúng ta sẽ gặp lại ông ta trong một trạng thái cởi mở hơn!

Liệu có giả thiết nào khác không? Liệu có thể nào câu chuyện người Nga bị bệnh với con trai ông ta chỉ là sản phẩm tưởng tượng của bác sỹ Percy không?

Dưới ánh sáng một ngọn đèn đường thấp bằng khí đốt, tôi thấy Holmes cười với vẻ thích thú.

- Chàng trai đã để lại những vết chân rất rõ ràng: giày cả anh ta có mũi vuông chứ không nhọn như giày của Blessington và giày đó lớn hơn giày của ông bác sỹ tới 3 inch. Vết dấu chân trên các tấm thảm là không hề bị làm lẫn. Nhưng tốt hơn chúng ta nên đi ngủ, bởi vì sáng sớm mai sẽ có tin mới.

Sáng hôm sau, vào hồi 7 giờ rưỡi, trong ánh sáng lờ mờ đầu tiên của buổi sớm mai, tôi đã thấy Holmes mặc áo ngủ đứng ngay đầu giường tôi. Anh nói:

- Watson! Một cỗ xe đang đợi chúng ta.

- Để làm gì?

- Về vụ ở đường Brook.

- Anh nhận được tin mới?

- Nghiêm trọng, nhưng chưa rõ ràng.

Anh tới kéo tấm màn hình sáo lên, đoạn quay lại bên tôi

- Anh hãy xem cái này. Đây là một miếng giấy nhỏ bứt ra từ một cuốn sổ tay, với những từ đơn giản này: 'vì lòng kính Chúa, xin hãy tới ngay tức khắc. P'. viết nguệch ngoạc bằng bút chì. Ông bạn bác sỹ đã không có đủ thì giờ! Đi thôi, đây là một lời kêu gọi khẩn cấp.

Mười lăm phút sau, chúng tôi trở lại nhà bác sỹ Percy. Ông chạy ra đón chúng tôi. Vẻ mặt kinh hoàng.

- Ồ, một vụ như thế này! - ông kêu lên khi giờ hai bàn tay ôm lấy trán.

- Chuyện gì vậy?

- Blessington đã tự tử.

Holmes huýt sáo.

- Phải, ông ấy đã treo cổ trong đêm. - Bác sỹ Percy nói.

Ông bác sỹ dẫn chúng tôi vào căn phòng đợi.

- "Tôi không còn biết làm gì hơn", ông nói với chúng tôi. "Cảnh sát đang ở trên lầu. Tôi bị kiệt quệ đến lúc chết được".

- Ông phát hiện chuyện đó vào lúc nào?

- Mỗi buổi sáng người hầu đem lên phòng ông ấy một tách trà. Vào khoảng bảy giờ, cô vào trong phòng, thấy ông ấy đang toòng teng ngay giữa phòng.

Holmes ngồi yên lặng một hồi lâu, đắm chìm trong suy tư, lo lắng.

- Nếu được ông cho phép, tôi sẽ lên trên đó để coi sự việc.

Chúng tôi vào trong phòng, quang cảnh thật chẳng lấy gì làm đẹp! Treo lơ lửng và đu đưa trên cái móc, người chết chẳng còn chút gì là đáng người. Cổ ông ta giãn ra như một con gà giò bị nhổ lông, làm tăng thêm sự phỉ nộn trong phần còn lại của cơ thể. Trên người ông ta chỉ có một cái áo ngủ dài. Cạnh xác ông có một viên thanh tra đang đứng viết trên một cuốn sổ tay.

- "A, ông Holmes!" Ông thanh tra nói khi thấy bạn tôi. "Tôi vui mừng được gặp ông".

- Chào anh, Lanner". Holmes đáp. "Tôi không quá rầy rầy chứ? Anh có biết những tình huống trước khi vụ này xảy ra không?"

- Có

- Quan điểm của anh như thế nào?

- Theo tôi. Blessington đã tự tử trong một cơn sợ hãi. Ông ta đã ngủ say trên giường, ông nhìn đây này: dấu vết của thân thể lún khá sâu. Ông ta đã treo cổ vào lúc năm giờ sáng. Dường như đây là một hành động hoàn toàn cố ý.

- Cứ xét theo sự cứng đờ của các cơ thì cái chết đã xảy ra lúc 3 giờ. - Tôi nói.

- Không có gì đặc biệt ở trong phòng sao? - Holmes hỏi.

- Trên cái bàn nhỏ ở chậu rửa, có một cái vụn đánh ốc và vài con đánh ốc. Ông ta hẳn cũng đã hút nhiều trong đêm. Đây là bốn mẫu xì gà mà tôi vừa lấy trong lò sưởi ra.

- Hừm! Anh đã coi cái hộp đựng xì gà của ông ấy chưa? Holmes hỏi.

- Không. Không thấy nó đâu cả.

- Thế thì ông đựng xì gà đâu?

- Nó ở trong túi áo vét của ông ta.

Holmes mở ống ra và ngửi hơi của điều xì gà duy nhất.

- Điều này là xì gà Havana đây! Những điều kia là xì gà do người Hà Lan nhập từ những thuộc địa của họ bên Đông Ấn.

Anh cầm lấy bốn mẫu thuốc và quan sát chúng qua kính lúp.

- Hai điều này được hút qua một cái đót, hai điều kia thì được hút trực tiếp bằng miệng. Hai điều được cắt đầu bằng một con dao nhíp rất bén, hai điều kia thì được cắt đầu bằng một hàm răng rất tốt. Đây không phải là một vụ tự sát. Đây là một vụ ám sát được dự mưu từ lâu và được thực hiện một cách khéo léo.

- Không thể được! - Viên thanh tra kêu lên.

- Tại sao lại không thể được?

- Tại sao lại ám sát một người bằng cách treo cổ?

- Đó điều chúng ta cần phải chứng minh.

- Người ta lọt vào nhà bằng cách nào?

- Qua lối cửa ra vào.

- Buổi sáng, những then chặn đã được cài.

- Chúng đã được cài lại sau khi họ đã bỏ đi..

- Làm thế nào ông biết được?

- Tôi đã thấy những dấu vết của họ. Xin hứ lỗi cho tôi trong chốc lát: tôi sắp cung cấp cho ông những thông tin chính xác hơn.

Anh đi ra phía cửa, xoay xoay ổ khóa và quan sát nó. Đoạn anh rút cái chìa khóa cắm ở phía trong ra và chăm chú nhìn nó. Sau đó anh quan sát liên tục tấm thảm, những cái ghế, lò sưởi, xác chết và cuộn dây thừng. Anh tỏ ra hài lòng, yêu cầu viên thanh tra và tôi, cởi dây đưa người bất hạnh xuống, đặt lên một tấm vải trải giường.

- Sợi dây này ở đâu ra? - Holmes hỏi.

- "Nó đã được cắt ra trong cuộn dây này", bác sỹ Percy trả lời khi kéo từ dưới gầm giường ra một cuộn dây thừng. "Ông ta lo sợ hoả hạn một cách không lành mạnh và ông luôn giữ cuộn dây này gần mình, ngỗ hầu gặp trường hợp cầu thang nhà đã bị

cháy thì ông có thể trốn thoát qua ngã cửa sổ“.

- "Đây là điều giúp cho bọn chúng bớt vất vả" Holmes thì thảo trong lúc suy nghĩ thật lung. "Phải, sự việc rất đơn giản. Tới buổi chiều tôi sẽ giải thích tận tường nội vụ với các ông. Tôi xin mang theo tấm ảnh của Blessington đang đặt trên mặt lò sưởi đây“.

- Nhưng ông chưa cho chúng tôi biết gì hết. - Bác sỹ Percy kêu lên.

- Bọn chúng có ba người: chàng thanh niên, ông già và một người thứ ba mà tôi chưa tìm ra. Hai người đầu, chính là những người đã giả trang thành những nhà quý tộc Nga. Chúng được một kẻ đồng lõa đưa vào nhà. Nếu ông muốn có một lời khuyên, thưa ông thanh tra, thì ông hãy bắt giữ người đầy tớ trẻ tuổi, mới vào giúp việc.

- "không thấy thằng quỷ đó đâu cả". Bác sỹ trả lời. "Cô hầu phòng và bà bếp đã kiểm nó cả buổi sáng nay“.

Holmes nhún vai...

- Y không giữ một vai trò quan trọng lắm trong tấn thảm kịch này. Thây kệ! Ba người đã leo lên cầu thang, nhón trên đầu ngón chân, người già dẫn đầu, người rai trẻ đi sau và một người vô danh đi cuối đoàn...

- Holmes ơi! - Tôi reo lên.

- Ô, một chút nghi ngờ nhỏ nhất cũng bị cảm đoán đây, chỉ việc nhìn các dấu chân chồng lên nhau cũng thấy rõ. Vậy là bọn họ leo lên tới phòng ông Blessington. Cửa đã khóa. Dùng cọng dây kẽm, chúng đã mở ra. Chẳng cần dùng kính lúp, ta cũng nhận thấy, qua những vết xước, trên cái khe răng ổ khóa này là nơi sức ép đã được nhấn xuống. Khi đã vào phòng, đầu tiên chúng nhét giẻ vào miệng Blessington. Có thể là ông đang ngủ. Có thể là ông bị đờ người vì khiếp sợ. Có điều là ông đã không kêu lên được tiếng nào. Mặt khác, những bức tường này lại rất dày, có thể ông đã kêu cứu, nhưng chẳng ai nghe.

"Sau khi đã kiểm chế ông xong. Chúng bình tĩnh ngồi thảo luận. Rất có thể là dưới hình thức một phiên tòa. Cuộc thảo luận ắt hẳn đã kéo dài trong một thời gian, bởi vì những điều xì gà đã được hút trong khoảng thời gian đó. người lớn tuổi hơn ngồi trên cái ghế dựa đan lát này. người trẻ hơn, chơ xkia: anh ta đã vẩy tàn thuốc vào cái tủ com-mốt. Về phần người thứ ba, y đi đi lại lại. Có lẽ Blessington vẫn ngồi ở trên giường, nhưng về điểm này tôi không chắc lắm. Để kết thúc, chúng tóm lấy và treo cổ ông lên. Vụ này đã được suy tính kỹ vì chúng đã mang theo một thứ như cái ròng rọc có thể được dùng làm giá treo cổ. Cái vận con ốc cùng những con ốc này dự liệu dùng gắn cái giá đó. Nhưng khi chúng trông thấy cái móc của bộ đàn treo, chúng mừng lắm. Khi công việc đã làm xong, chúng bỏ đi và thanh chặn cửa được một đứa gài trở lại sau lưng chúng.

"Tất cả chúng tôi đã lắng nghe với một sự chú tâm say sưa bản tóm tắt những việc xảy ra trong đêm. những suy diễn của Holmes khởi đi từ những tiền đề quá tinh tế và quá chi tiết khiến cho ngay cả khi anh đã chỉ cho chúng tôi thấy, chúng tôi vẫn còn gặp khó khăn khi theo cái dòng suy luận của anh. Viên thanh tra gấp gấp bỏ ra ngoài để thúc đẩy sự truy lùng người đầy tớ trẻ. Holmes và tôi trở về phố Baker để ăn điểm tâm.

Xong bữa, anh nói:

- Tôi sẽ trở về đây vào lúc 3 giờ. Viên thanh tra và ông bác sỹ sẽ có mặt nơi đây vào giờ đó. Tôi hy vọng có thể trình bày rành mạch với họ về vấn đề đã hoàn toàn được làm sáng tỏ.

Các vị khách của chúng tôi có mặt vào giờ đã hẹn, thế nhưng anh bạn tôi lại chỉ trở về vào lúc 3 giờ 45. Nhìn anh, tôi biết ngay là mọi việc đều mỹ mãn.

- Có gì mới lạ không ông thanh tra?

- Chúng tôi đã bắt được người đầy tớ.

- Tuyệt vời! Còn tôi, tôi đã bắt được ba người kia.- Tôi chỉ bắt được danh tánh của chúng mà thôi. Cái người được gọi là Blessington, là kẻ rất quen biết với cảnh sát, còn những người tấn công y cũng vậy. Đó là Biddle, Hayward và Moffat.

- Cái băng đã đánh cướp tại ngân hàng Worthingdon đó hả? - Viên thanh tra kêu lên.

- Đúng thế.

- Như vậy, Blessington chính là Sutton.

- Đúng thế.

- Vậy thì tất cả đều đã rõ ràng! - Viên thanh tra kết luận.

- Percy và tôi, chúng tôi nhìn lẫn nhau: chúng tôi chẳng hay biết gì về chuyện đó hết.

- Trong vụ nổi cộm về ngân hàng Worthingdon có năm người tham dự: bốn tên vừa kẻ và người thứ năm, tên là Cartwright. Người bảo vệ tên là Tobin thì bị hạ sát; bọn trộm bỏ trốn với bảy ngàn bảng. Chuyện xảy ra vào năm 1875. Tất cả năm tên đều bị bắt giữ, nhưng chứng cứ lại thiếu. Tên Sutton đã bán đứng bạn bè, Cartwright bị xử giáo, còn ba người kia bị phạt tù mười lăm năm. Vài năm trước khi mãn hạn tù, chúng bắt đầu tìm kiếm tên phản bội. Khi vừa được phóng thích, chúng tìm cách trả thù: hai lần chúng tìm cách đến gần sát hấn, nhưng hai lần đều bị thất bại. Đến lần thứ ba này mới thành công. Ông có thấy cần hỏi thêm tôi một lời giải thích nào khác nữa không, bác sỹ Percy.

- "Ông đã làm sáng tỏ nội vụ một cách đáng khâm phục". Ông bác sỹ trả lời. "Chẳng còn chút nghi ngờ gì, cái ngày mà Blessington bị rối loạn quá mức là ngày hấn vừa đọc báo, thấy tin mấy người bạn cũ vừa được phóng thích.

- Đúng vậy. Chuyện vụ trộm là điều bịa đặt.

- Tại sao hấn không muốn thổ lộ với ông?

- Bởi vì, hấn biết rõ về tính hay trả thù của những người bạn cũ. Hấn cố che giấu căn cước đích thực của hấn càng lâu càng tốt.

Đó là những sự kiện liên quan tới người khách trọ được hưởng bổng lộc và ông bác sỹ ở đường Brook. Cảnh sát chẳng tóm được tên nào.

Người ta tin tưởng rằng bọn chúng đã đáp tàu Norah Creina, và con tàu này đã chìm cách đây vài năm ở ngoài khơi Bồ Đào Nha. Thiếu chứng cứ, gã đầy tớ được tha, và sự "Bí mật ở đường Brook" hoàn toàn ở lại trong trí nhớ của những người đọc báo

C.9_The Greek Interpreter 1893 (Người thông ngôn Hylạp)

Chưa bao giờ tôi thấy Holmes nhắc tới gia đình và quãng đời thơ ấu của anh. Tôi thì tôi coi anh như một người kỳ dị cá biệt. Lòng ghét cay ghét đắng đàn bà, sự ghê sợ có thêm những người bạn mới, sự khẳng khăng không nhắc đến những người bạn thân là đặc tính của anh. Tôi đã tin rằng anh là trẻ mồ côi và là kẻ "vô gia đình", nhưng ngày nọ tôi ngạc nhiên khi nghe anh nói về người anh của anh.

Một buổi chiều hè, sau lúc uống trà, câu chuyện có vẻ rời rạc. Từ những Câu lạc bộ chơi golf, chúng tôi chuyển tới tranh luận về sự lai giống cùng những khả năng di truyền. Cái khả năng quan sát và suy diễn mà anh có được là do anh được giáo dục có hệ thống.

"Tổ tiên tôi là những người điền chủ nhỏ ở nông thôn, những người đã sống một cuộc sống phù hợp với giai cấp xã hội của họ. Tuy nhiên tôi lại chọn một lối sống hoàn toàn khác hẳn, có thể là do bà nội tôi là em gái Vernet, một họa sỹ người Pháp. Nghệ thuật trong dòng huyết thống có thể nảy nở thành những phong cách rất khác nhau."

- Nhưng làm thế nào mà anh biết được những đức tính đó là di truyền?

- Bởi vì anh Mycroft của tôi thừa hưởng những đức tính đó ở một mức độ cao hơn tôi nhiều.

- Nếu ở đây có một người nào đó có nhiều thiên tư hơn anh, thì tại sao người ta chưa biết đến anh ấy. Phải chăng anh khiêm tốn mà nói như vậy?

Holmes cười với tất cả chân tâm.

- Anh bạn thân mến! Đó là sự thật.

- Thế sao anh ấy lại không nổi danh.

- Anh ấy rất nổi tiếng tại Câu lạc bộ.

- Câu lạc bộ nào?

- Câu lạc bộ Diogenes.

Tôi hoàn toàn không biết gì về hội quán đó. Holmes rút đồng hồ trong túi ra:

- Câu lạc bộ Diogenes là hội quán kỳ lạ nhất ở London, và Mycroft luôn luôn đến đó trong khoảng từ 4 giờ 45 đến 7 giờ 40. Bây giờ là 6 giờ, ta đến đó chơi.

Năm phút sau, chúng tôi đã ra ngoài đường. Holmes nói:

- Anh ngạc nhiên khi thấy Mycroft có khả năng suy diễn giỏi hơn tôi nhưng không trở thành thám tử chứ gì? Tôi xin trả lời thắc mắc đó: Mycroft không thể làm thám tử được,...

- Nhưng anh đã nói là...

- ... anh ấy quan sát và suy diễn giỏi hơn tôi. Nếu nghệ thuật của nhà thám tử chỉ gồm có mỗi một việc ngồi nhà mà suy luận thì anh tôi sẽ là một cảnh sát giỏi nhất trên đời. Nhưng tiếc thay, anh ấy lại thiếu tham vọng và nghị lực. Anh chẳng buồn bỏ công kiểm tra những điều đã khám phá được. Tôi đã thăm vấn anh một vài vụ và anh đã giúp tôi thành công.

- Như vậy, đó không phải là nghề của anh ấy hay sao?

- Không, đó chỉ là một thú tiêu khiển của anh ấy mà thôi. Nhờ có năng khiếu khác thường về những con số, anh được người ta mời vào việc kiểm tra tài khoản trong các bộ. Anh làm việc đều đặn như một cái đồng hồ: sáng đi tới Câu lạc bộ, chiều trở về nhà... Suốt năm, anh không làm bất cứ một việc nào khác và chẳng cần xuất hiện ở bất cứ nơi nào, ngoại trừ Câu lạc bộ Diogenes, nằm ngay trước nhà của anh.

- Câu lạc bộ đó rất xa lạ với tôi.

- Đương nhiên. ở London có nhiều người không thích giao du với ai cả. Câu lạc bộ Diogenes được lập ra để giành riêng cho những người ấy. Không một thành viên nào của Câu lạc bộ Diogenes chịu quan tâm tới bất kỳ một bạn đồng sự nào. Ngoại trừ trong phòng khách dành cho người lạ, còn thì không một ai được nói chuyện, dù với bất cứ lý do nào; vi phạm tới lần thứ ba, kẻ ba hoa đó có thể bị trục xuất. Anh tôi là một trong những người sáng lập ra Câu lạc bộ đó.

Vừa đi vừa nói, lát sau chúng tôi đã tới Pall Mall. Holmes dặn tôi giữ yên lặng, rồi đi trước, dẫn tôi vào trong tiền sảnh. Qua một tấm vách bằng kính, tôi thấy một phòng rộng mênh mông và bày biện đồ đạc sang trọng, bên trong có nhiều người, mỗi người ngồi ở một góc, đọc nhật báo, hoặc tạp chí. Holmes đưa tôi tới một phòng khách nhỏ hơn, để tôi ở đó một phút, rồi trở lại cùng với một người; có thể đó là anh của Holmes.

Mycroft lớn hơn và mạnh khỏe hơn Holmes nhiều, cặp mắt xám lợt, tia nhìn sắc sảo, sâu thẳm, tràn ngập một sự linh hoạt.

- "Tôi sun sượng được gặp ông, thưa ông", Mycroft nói với tôi trong lúc chìa ra một bàn

tay rộng.“ Tôi nghe thiên hạ nhắc tới Sherlock ở khắp nơi kể từ khi ông viết về chú ấy trên báo“. Quay sang phía Holmes, anh nói tiếp“ à, tuần qua, anh có ý mong gặp chú về cái vụ Manor House. Chú bị khó khăn, phải thế không?”

- Không. Em đã giải quyết xong vụ đó rồi. _ Holmes cười, trả lời.

- Đúng là Adams.

- Phải, chính hắn.

- Anh đã tin chắc ngay từ đầu mà.

Hai anh em ngồi bên nhau trong chỗ khuôn cửa sổ nhô ra. Mycroft nói tiếp:

- Đây là một nơi lý tưởng cho kẻ nào muốn tìm hiểu nhân loại. Hãy nhìn những cái mẫu tuyệt đẹp kia mà coi! Hãy nhìn hai gã đang đi về hướng chúng ta.

- Người ghi điểm billiard và người kia?

- Phải. Chú nghĩ sao về người kia?

Hai người kia dừng lại ngay trước khuôn cửa sổ, một trong hai người có vài vết phấn viết bằng trên túi áo gi-lê. Người kia rất nhỏ con, tóc nâu, đội cái nón hất về đằng sau và dưới cánh tay có cắp nhiều gói đồ.

- Một cựu quân nhân.

- Và mới vừa được giải ngũ - Mycroft nhận xét.

- Anh ta đã phục vụ bên Ấn Độ.

- Như một hạ sĩ quan.

- Trong pháo binh.

- Và góa vợ.

- Nhưng có một đứa con, chú nó. Nhiều đứa con.

- Coi nào. Điều đó hơi quá đáng chẳng. - Tôi cười, nói xen vào.

- Một người có cái tư thế đó, cái dáng và quyền thế đó và cái da bị mặt trời nung đó, thì anh ta phải là "một quân nhân" có "cấp bậc hạ sĩ quan" và đã "từ Ấn Độ trở về". - Holmes nói một hơi.

- Ông ta vừa mới được giải ngũ bởi vì hiện giờ ông ta vẫn còn "mang giày nhà binh". - Mycroft giải thích.

- Ông ta không có một lối đi của kỵ binh, ấy thế mà ông ta lại đội mũ lệch sang một bên, bởi vì một bên vầng trán có màu sẫm hơn bên kia; thân hình ông ta không phải là của một công binh. Vậy thì ông là "lính pháo binh" - Holmes nói tiếp.

- Ông ta đang có tang lớn: chúng ta có thể suy diễn ra là ông ta mất một ai đó rất gần gũi. Việc phải đi mua sắm chứng tỏ là "vợ ông đã chết". Ông ta đi mua nhiều món linh tinh cho các con. Có một cái lúc lắc cho con nít chơi, vậy là một trong những đứa con ông ta còn rất nhỏ. Vợ ông ta hẳn đã từ trần từ khi sinh con. Việc ông ta kẹp dưới cánh tay một cuốn truyện tranh cho thấy là "ông ta còn có một đứa con khác".

Tôi bắt đầu tin rằng Mycroft quả thật có nhiều thiên tư sắc bén hơn Holmes. Holmes liếc mắt nhìn tôi và mỉm cười. Mycroft nói:

- Này chú, người ta vừa đưa tới anh một vấn đề rất hợp với chú. Anh không có can đảm nghiên cứu nó tận tường, nhưng nếu chú muốn nghe.

- Em rất vui sướng!

Mycroft viết vài dòng chữ trên một tờ giấy, gọi chuông, rồi đưa lá thư cho một người hầu.

- Tôi mời ông Melas lại đây. Ông ấy ở tầng lầu bên trên lầu tôi, tôi chỉ biết sơ thôi. Đó là một nhà ngữ học người Hy Lạp, làm thông ngôn trong các tòa án và làm hướng dẫn cho những tay nhà giàu Đông Phương.

Một lát sau, một người thấp và béo lùn đến, ông ta có nước da màu ôliu và mái tóc đen. Ông nồng nhiệt siết tay Holmes.

- "Cảnh sát chẳng bao giờ tin những lời khai của tôi", ông nói bằng một giọng giễu cợt. "Họ cho rằng tôi phịa ra câu chuyện đó".

- Tôi vểnh tai lên mà nghe ông đây! Holmes nói.

- "Chuyện xảy ra vào ngày hôm kia. Tôi biết rất nhiều thứ tiếng. Nhưng vì tôi là người Hy Lạp nên được yêu cầu dịch tiếng Hy Lạp nhiều hơn cả. Tôi thường bị gọi vào những lúc "ngoài giờ" vì du khách tới muộn. Buổi tối ngày thứ hai, ông Latimer tới giật chuông nhà tôi và yêu cầu tôi đi theo ông trong một cỗ xe ngựa thuê đang đợi trước cửa.

- "Một người Hy Lạp đã tới gặp tôi để bàn công việc làm ăn", ông ta bảo tôi, " người ấy chỉ nói được tiếng mẹ đẻ. Ông ta ngụ trong vùng Kensington".

" Trong chiếc xe ngựa sang trọng, ông Latimer ngồi trước mặt tôi. Xe đi ngang qua

bùng binh Charing và đại lộ Shaftesbury, khi tới đường Oxford, tôi đánh liều đưa ra ý kiến nên cho xe đi theo con đường ngắn nhất để tới Kensington, nhưng tôi ngưng bật trước thái độ bất thường của người khách.

"Ông ta rút ra khỏi túi một cây dùi cui rất lớn và khua nó nhiều lần, tựa hồ như ông ta muốn thử sức nặng của nó. Rồi ông ta đặt nó xuống bên cạnh. Sau đó ông ta kéo kính ở hai bên xe lên: các kính đó được dán giấy kín đến mức tôi chẳng còn trông thấy gì còn ở bên ngoài.

- "Rất tiếc phải che mắt ông bạn lại, thưa ông Melas!" ông ta nói. "Chúng tôi không muốn cho ông biết nơi ông sẽ tới, để ông khỏi bị rắc rối về sau".

"Tôi hoàn toàn choáng váng. Latimer còn trẻ, cường tráng với những bờ vai rộng. Ngay cả khi anh ta không có vũ khí đi nữa, tôi cũng không thể nào địch nổi anh ta.

- Đây là một cách cư xử rất khác thường. - Tôi ấp úng nói.

- "Tôi đã suồng sã đối với ông". Anh ta trả lời tôi. "Nhưng tôi sẽ đền bù cho ông. Tuy nhiên, tôi phải báo trước, nếu ông tìm cách báo động hoặc làm bất cứ điều gì chống lại tôi thì ông sẽ hối hận đấy!"

"Anh ta nói bằng một giọng trầm tĩnh, nhưng rất ư đe dọa. Tôi lặng thinh, không ngừng tự hỏi vì sao hắn bắt cóc tôi. Nhưng rõ ràng mọi sự kháng cự đều vô ích.

"Xe chạy gần hai tiếng đồng hồ và tôi không hề biết hướng xe đi. Thỉnh thoảng tiếng ầm ầm của bánh xe lăn cho tôi biết xe chạy trên mặt đường lát: nhiều lúc xe chạy êm ru, gọi ra mặt đường trải nhựa. ánh sáng không lọt được qua cửa kính bị dán giấy và một tấm ri-đô màu xanh đã được kéo phủ tấm kính ở đằng trước. Chúng tôi rời Pall Mall vào hồi 7 giờ kém 15 và dừng lại vào lúc 9 giờ kém 10. Chàng trai hạ kính xe và tôi nhận ra một vòm cổng trên có một ngọn đèn lồng thấp sáng. Khi tôi xuống xe thì cổng đã mở ra.

"Trong nhà có một cây đèn mà ngọn lửa quá nhỏ đến mức tôi chỉ vừa đủ phân biệt được một gian tiền sảnh thật lớn, có trang hoàng nhiều họa phẩm. Tôi cũng quan sát thấy người ra mở cửa là một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, nhỏ bé gầy gò, đôi vai còng, mắt kiếng. Ông ta hỏi.

- Có phải ông Melas đấy không, Harold?

- Phải.

- Xin ông đừng giận chúng tôi, chúng tôi rất cần đến ông. Nếu ông xử sự đàng hoàng thì ông sẽ không có gì phải hối tiếc cả.

"Ông ta nói một cách đứt khúc, với nhiều tiếng cười nhỏ cắt ngang mỗi câu nói. Tôi thú

nhận là tôi sợ ông ta hơn là sợ người thanh niên.

- Ông muốn gì nơi tôi?

- Chúng tôi nhờ ông phiên dịch. Dịch chính xác và không được thêm bớt tí gì cả.

"Ông ta lại phát ra tiếng cười nho nhỏ, rồi mở một cánh cửa ra và đưa tôi vào một căn phòng thật rộng rãi, tấm thảm rất dày, ghế bành bọc nhung, một cái lò sưởi cao màu trắng. Dưới ngọn đèn có một cái ghế dựa: người lớn tuổi mời tôi ngồi xuống đó. Người trẻ tuổi đã ra khỏi phòng, nhưng rồi anh ta quay lại qua một ngả cửa khác, dẫn theo một nhân vật mặc một loại áo ngủ rộng và bước đi chậm chạp. Khi người đó tới trong vùng ánh sáng, tôi thấy ông ta cực kỳ tái mét, gương mặt hốc hác, đôi mắt lờ lờ, mặt ông ta quần chằng chịt nhiều nếp nhăn mỏng có phết hồ dán: ngay cả cái miệng cũng bị che kín bằng một dải rộng làm cho miệng ông bị nghẽn kín hoàn toàn.

"Cậu có cái bảng nhỏ đó không, Harold?' người lớn tuổi kêu lên trong lúc người bị quần vải buông rơi mình xuống một cái ghế dựa. "Đã cởi trói cho ông ấy chưa? Tốt. Đưa cho ông ấy cây viết chì. Chúng tôi sẽ đặt ra những câu hỏi, thưa ông Melas, và ông ấy sẽ viết ra các câu trả lời. Trước hết, xin ông hỏi xem ông ấy có sẵn sàng ký giấy không".

- Đôi mắt người lạ phóng ra những tia lửa. Không bao giờ ông ta chịu viết trên bảng đen.

- Không ký với bất cứ điều kiện nào hay sao? - Tôi dịch, sau khi bọn kia nêu ra câu hỏi.

- Tôi chỉ ký khi mà cô ấy làm lễ cưới trước mặt tôi, do một linh mục Hy Lạp mà tôi quen biết đứng chủ lễ.

Người nọ thốt ra nụ cười hiểm độc:

- Thế thì, anh biết cái gì chờ đợi anh chứ?

- Tôi chẳng sợ cái gì cả.

"Đó là một mẩu những câu hỏi và câu trả lời trong cuộc nói chuyện kỳ lạ, phân nửa hỏi, phân nửa viết. Một cách đều đặn, tôi phải hỏi xem ông ta có chịu nhượng bộ và ký tên vào bản cam kết không. Cũng không kém đều đặn, tôi luôn luôn nhận được câu trả lời phần nọ. Nhưng ngay sau đó một ý nghĩ chợt đến với tôi. Tôi tự ý thêm những câu ngắn (do chính mình nghĩ ra) vào sau những câu hỏi: thoát đầu thật vô hại, ngỗ hầu để thử xem hai tay bạo ngược đó có biết chút ít tiếng Hy Lạp không. Khi thấy chúng không có phản ứng nào, tôi chơi bạo hơn. Cuộc đối thoại của chúng tôi lúc đó giống như thế này:

- Anh sẽ chẳng được lợi ích nếu cứ ngoan cố mãi. Ông là ai?

- Tôi cóc cần. Tôi là một người lạ ở London.
- Ông thí mạng đó. Ông đã ở đây từ bao lâu?
- Thây kệ. Ba tuần.
- Những cửa cái đó sẽ không bao giờ còn thuộc về ông nữa. Ông bị đau ra sao?
- Cửa cái sẽ không rơi vào tay bọn vô lại. Bọn chúng bỏ đói tôi.
- Ông sẽ được tự do, nếu như ông chịu ký. Nhà này là nhà nào?
- Tôi sẽ không bao giờ ký. Tôi không biết.
- Ông chẳng giúp ích được chút nào cho cô ấy đâu. Ông tên là gì?
- Cô ấy cứ việc đến đây nói cho tôi biết! Kratides.
- Ông sẽ gặp cô ấy nếu ông chịu ký. Ông từ đâu tới.
- Thế thì tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại cô ấy. Từ Athènes

Thưa ông Holmes, chỉ cần thêm năm phút nữa là tôi có thể làm sáng tỏ câu chuyện, nhưng ngay lúc đó, cánh cửa lại mở ra và một người đàn bà bước vào. Cô ta cao, mảnh mai, tóc nâu và mặc một cái áo trắng rộng thùng thình. - "Harold", cô ta kêu lên với một âm tiết tồi. "Em không thể ở nơi đó được nữa. Em cảm thấy quá cô đơn. ồ, anh Paul đây mà!"

"Cô ấy nói câu sau chót bằng tiếng Hy Lạp. Cùng lúc, nạn nhân trong một nỗ lực mạnh mẽ, đã bứt lớp vải mỏng có phết hồ dán trên đôi môi ra và hét lên:

- Sophy! Em!

"Ông lao vào trong vòng tay người phụ nữ. Hai người chỉ ôm nhau trong một thoáng, bởi vì người trẻ tuổi đã nắm lấy người đàn bà, đẩy ra khỏi phòng, trong lúc người già kia túm lấy người tù nhân và dẫn ra ngã cửa kia. Còn lại mình tôi. Tôi đứng lên, suy nghĩ xem tôi có thể nào tìm ra nơi đây là đâu. Nhưng thật may là tôi đã không động đây. Vừa ngược mắt lên, tôi thấy người đứng tuổi đang quan sát tôi.

- Thế là đủ rồi, ông Melas! Chúng tôi đánh giá cao những phẩm chất của ông.

Tôi nghiêng mình.

- "Đây là 5 sovereigns". Ông ta nói, khi tiến lại bên tôi. "Một món thù lao trọng hậu.

Nhưng ông hãy nhớ đấy!“ Ông ta nói thêm, tay vỗ nhẹ lên vai tôi và buông ra tiếng cười nho nhỏ.“ Nếu ông nói ra chuyện này với bất cứ ai... với bất cứ ai, ông nghe rõ chưa? Thì lúc đó Chúa cũng không cứu nổi ông. Xe đang chờ ông“.

Tôi gần như bị ném ra căn phòng ngoài, rồi vào trong cỗ xe. Một lần nữa tôi lại thấy cây cối và thửa ruộng. Gã Latimer ngồi trước mặt tôi. Sau một chuyến đi bất tận, chúng tôi dừng lại:

- Ông hãy xuống đây, thưa ông Melas. Tôi rất tiếc phải bỏ ông xuống cách nhà ông quá xa, nhưng tôi không được quyền chọn lựa.

”Anh ta mở cánh cửa xe và tôi có vừa đủ thì giờ để nhảy xuống, bởi vì người đánh xe đã quất roi vào con ngựa và cỗ xe phóng đi thật nhanh. Tôi nhìn chung quanh, thấy mình đang ở trong một đồng cỏ, rải rác có những bụi kim tước. Đàng xa có một dãy nhà, rải rác đó đây những ánh sáng hắt ra ngoài khuôn cửa sổ trên những tầng lầu. Nhìn về phía bên kia, tôi thấy những tín hiệu đèn đỏ của đường sắt.

”Cỗ xe đã vượt ngoài tầm mắt. Tôi đang phân vân không biết mình đang ở đâu thì chợt thấy một người tiến tới. Đó là một phu khuân vác ở nhà ga.

- Xin ông vui lòng cho tôi biết đây là đâu?

- Hạt Wandsworth.

- Làm sao đáp tàu đi London.

- Cách đây hai cây số. Nếu đi nhanh thì còn kịp chuyến chót.

” Thưa ông Holmes, chuyến phiêu lưu của tôi kết thúc như vậy đó“.

Chúng tôi ngồi yên lặng hồi lâu. Sau cùng Holmes liếc sang Mycroft.

- Anh có thấy một hướng điều tra nào không? Mycroft lấy tờ báo Daily News trên mặt bàn:

- ”Một phần thưởng được tặng cho người nào biết chỗ ở của công dân Hy Lạp tên là Paul Kratides, từ Athènes tới; và là người không biết nói tiếng Anh. Một phần thưởng khác sẽ được đổi lấy bất cứ tin tức nào liên quan đến một phụ nữ Hy Lạp tên là Sophy. Trả lời về X2473. Tất cả các nhật báo đều đăng lời nhắn tin này. Cho tới nay chưa có hồi âm“.

- Thế còn đại diện của nước Hy Lạp?

- Tôi đã tới hỏi thăm. Người ta chẳng biết gì hết.

- Một bức điện gửi cho cảnh sát ở Athènes, thế nào?

- Sherlock có tất cả nghị lực của gia đình“ Mycroft nói với tôi. "Vậy thì, hãy nhận lấy trách nhiệm và hãy báo cho anh biết tin, nếu chú thành công“.

- Em sẽ báo tin cho anh biết cũng như sẽ báo cho ông Melas rõ. Trong khi chờ đợi, thưa ông Melas, ông hãy đề phòng cẩn thận.

Trên đường, Holmes dừng lại bưu cục và đánh đi nhiều bức điện tín.

- Anh Watson, chúng ta đã không lãng phí buổi tối nay.

Vấn đề này có vài dữ kiện không kém tầm thường.

- Anh giải quyết được chứ?

- Khi đã biết được phân nửa mà không khám phá ra nốt phần còn lại, thì còn bất hạnh nào hơn!

- Cô gái Hy Lạp đó đã bị chàng trai người Anh tên là Harold Latimer bắt cóc - Tôi nói.

- Bắt cóc từ đâu?

- Từ Athènes.

Sherlock lắc đầu nói:

- Người thanh niên đó không nói được một tiếng Hy Lạp, còn cô gái nói được tiếng Anh. Vậy là cô ta đã sống trong một thời gian ở nước Anh, nhưng còn hắc thì không sang Hy Lạp.

- Được. Thế thì chúng ta giả thiết rằng cô ấy lưu lại nước Anh và gã lưu manh dụ dỗ được cô ta. - Tôi nói.

- Rất có lý.

- Anh ruột cô ta tới nước Anh để can thiệp, nhưng ông rơi vào tay bọn chúng. Chúng giam giữ ông, dùng vũ lực buộc ông phải ký vào một văn kiện chuyển tài sản của cô gái cho chúng, bởi vì ông ta là người quản lý tài sản đó. Ông từ chối. Để có thể đạt tới sự thoả hiệp, chúng cần có một người thông ngôn và chúng đã chọn ông Melas, sau khi đã dùng một người khác từ trước đó. Cô gái không biết là anh cô đã tới đây và cô chỉ biết được sự kiện này nhờ sự tình cờ.

- "Hoan hô, Watson". Holmes kêu lên. Anh đã gần đoán ra." Chúng ta nắm tất cả mọi quân bài, chỉ còn lo ngại chúng dùng bạo lực“.

- Làm sao tìm ra sào huyết chúng“.

- Nếu cô gái tên là Sophy Kratides, chúng ta sẽ dễ dàng tìm ra cô. Bởi vì gã Harold đã làm quen với cô ít ra đã được vài tuần. Nếu họ ở cùng một nơi thì tin nhắn của Mycroft được hồi âm.

Chúng tôi về tới nhà Holmes lên cầu thang trước và cửa mở, anh rất ngạc nhiên khi thấy Mycroft đang ngồi trong ghế bành và bình thản hút thuốc.

- Vào đi, Sherlock. Hãy vào đi, ông Watson“. Mycroft nói, khi thấy chúng tôi. "chú không ngờ là tôi chịu dần thân vào vụ này, phải thế không Holmes? Vụ này làm tôi thích thú“.

- Anh đến đây bằng gì?

- Xe ngựa.

- Có tin gì mới chẳng?

- Anh đã nhận được hồi âm.

- A!“

- Phải, thư trả lời tới anh vài phút, sau khi các chú ra về.

- Thư nói gì?

- Mycroft rút ra một tờ giấy.

- Nó đây này. Tôi xin đọc nhé. "Thưa ông, để trả lời cho tin nhắn của ông về ngày hôm nay, tôi cho ông biết rằng tôi hiểu rất rõ về người phụ nữ ấy. Nếu ông đến gặp tôi, tôi sẽ cho ông biết vài chi tiết liên quan tới câu chuyện đau buồn của cô ấy. Hiện nay cô đang ở tại biệt thự Myrtles tại Beckenham. người bạn tận tâm của ông J.DavenPorlockt“. Ông ấy viết từ Hạ Brixton. Này Holmes, em có nghĩ rằng chúng ta nên đi tới không?

- Mạng sống của anh cô ta quan trọng hơn câu chuyện đau buồn của cô ta. Chúng ta cần tới ngay Scoland Yard để tìm thanh tra Gregson và cùng nhau đi tới Bekenham. Một cái chết đang được tính từng giờ!

- Chúng ta tới rủ ông Melas đi cùng. Biết đâu chúng ta chẳng cần tới một người thông ngôn. - Tôi gợi ý.

- Ý kiến tuyệt vời!“ Holmes nói.“ Hãy sai người đi tới một cỗ xe“.

Holmes mở ngăn kéo và nhét khẩu súng lục vào túi.

- "Phải", anh nói để trả lời cho tia nhìn của tôi. "Chúng ta phải đối phó với một băng nhóm đáng sợ".

Màn đêm buông xuống khi chúng tôi tới Pall Mall. chúng tôi gọi chuông căn hộ của ông Melas.

- Bà vui lòng cho tôi biết ông Melas có ở nhà không? - Mycroft hỏi.

- Tôi không biết ông đi đâu", người đàn bà mở cửa cho chúng tôi trả lời. "Tôi chỉ biết là ông ấy đã ra đi cùng với một ông trong một cỗ xe".

- Ông kia có xưng tên không?

- Không, thưa ông.

- Có phải người đó là một thanh niên tóc nâu, vạm vỡ?

- Đó là một người nhỏ con, mang mắt kiếng, gầy gò nhưng rất ngộ nghĩnh: ông ta cứ cười luôn trong khi nói.

- "Đi thôi!" Holmes kêu lên với chúng tôi. "Chuyện nghiêm trọng lắm rồi!"

Trong lúc chúng tôi cho xe chạy tới trụ sở của Scotland Yard, anh nói với chúng tôi:

- Bọn cướp đã bắt cóc Melas, rất có thể là chúng còn cần tới ông. Nhưng sau khi dùng ông xong rồi, chúng sẽ trừng phạt ông.

Tới Scotland Yard, phải mất một giờ, chúng tôi mới tiếp xúc được với thanh tra Gregson, rồi sau đó vội vã tới ngay biệt thự Myrtles: ngôi nhà lớn tối tăm, nằm trên một thửa đất cách xa đường. Sau khi cho xe ngựa về, chúng tôi đi trên lối vào nhà.

- Các cửa sổ đều không có ánh đèn vào cái tổ đã trống trơn. - Holmes nói.

- Tại sao anh lại nói vậy?

- Cách đây gần một tiếng đồng hồ, một cỗ xe chở đầy hành lý đã đi ngang qua đây: nó từ trong nhà chạy ra.

Viên thanh tra cất tiếng cười vang:

- Ngọn đèn ở hàng rào đã chỉ cho tôi thấy những vết bánh xe, nhưng còn hành lý thì...

- Ông hãy quan sát những vết của cùng những bánh xe đó, trong chiều ngược lại: những vết đi ra cánh đồng thì hằn rõ hơn trong nền đất. Vậy là xe phải chịu đựng một

trọng tải nặng hơn rất nhiều.

- "Thế là ông đã đi xa hơn tôi", viên thanh tra nhún vai mà trả lời. "Cánh cửa này chẳng dễ gì mở được. Nhưng trước hết, chúng ta hãy thử gọi cửa xem sao?"

Ông dùng búa gõ rất dữ dội, giật mạnh dây chuông, nhưng không có kết quả. Holmes lĩnh đi. Vài phút sau, anh trở lại, nói:

- Một cửa sổ đã mở.

- "Thật may mà anh lại đứng về phía cảnh sát ..." viên thanh tra quan sát và khâm phục cái cách mà Holmes nạy then móc cửa sổ ra. Chúng ta có thể vào nhà mà không cần được mời".

Chúng tôi lần lượt vào trong một gian phòng lớn, hiển nhiên là nơi ông Melas đã được đưa vào. Viên thanh tra thấp đèn. Trên bàn có hai cái ly, một chai brandy đã cạn và vài món ăn dư. - Cái gì vậy nhỉ? - Đột nhiên Holmes hỏi.

Chúng tôi giởng tai lên nghe ngóng, đứng bất động. Từ một nơi nào đó trên lầu vọng xuống một tiếng rên rỉ nhỏ, nghẹn. Holmes vội leo lên, viên thanh tra và tôi bám theo bèn gót, anh Mycroft cũng đuổi theo chúng tôi.

Lên tới thêm cầu thang lầu hai, chúng tôi thấy có ba cánh cửa: tiếng kêu xé ruột phát ra từ phía sau cánh cửa giữa. Cánh cửa bị đóng, nhưng chìa khóa lại cắm ở bên ngoài. Holmes mở cửa, lao vào, nhưng rồi anh quay ra ngay sau đó và giơ tay chặn lấy cuống hòng.

- "Khói quá!" Anh kêu lên. "Chúng ta chờ một chút".

Liếc vào bên trong, chúng tôi thấy ở giữa phòng có một ngọn lửa xanh, bốc lên từ một cái giá ba chân đồng. Ngọn lửa vẽ trên sàn nhà một vòng tròn nhỏ, nhợt nhạt; chúng tôi nhận ra hai bóng người co quắp dựa vào tường. Holmes leo lên bậc thang trên cao để hít thở không khí ít khói, đoạn trở vào phòng, mở một cửa sổ ra và liệng cái giá ba chân nóng rực xuống dưới vườn.

- Trong một phút nữa, chúng ta có thể vào được", anh hỗn hển nói khi trở ra ngoài. "Làm sao có ngọn nến nhỉ" Không khí như vậy không thể đánh diêm quẹt được. Mycroft, anh hãy cầm lấy cây đèn lồng đứng ngay cửa, rọi sáng để chúng tôi khiêng họ ra ngoài. Nào! Chúng ta xông vào!"

Chúng tôi nín thở, túm lấy những kẻ bất hạnh, lôi họ ra ngoài cầu thang. Cả hai đều bất tỉnh. Một trong hai người là viên thông ngôn Hy Lạp. Ông bị trói ở chân và ở tay, một con mắt sưng vù. Người kia cũng bị trói tương tự, cao và gầy trơ xương, mặt ông ta trông kỳ quái với những dải vải mỏng có phết hồ dán. Khi chúng tôi đặt ông ta xuống đất thì ông ta ngừng rên rỉ: ông đã chết, Melas thì còn sống.

Câu chuyện của Melas rất đơn giản: người khách đến kêu cửa, khi nhìn thấy cây dùi cui, ông đã khiếp sợ, đành để cho bị bắt cóc một lần thứ hai, bị đem về Beckenham và phải làm thông ngôn cho một cuộc đối thoại còn bị thảm hơn cuộc nói chuyện lần đầu: Sau chót, thấy rõ là không thể nào lay chuyển được còn mồi, chúng đưa ông về chỗ giam cũ. Sau khi nói với ông Melas rằng chúng đã đọc được tin nhắn trên các báo; chúng nện một cú dùi cui, và ông bị ngất đi... cho tới lúc chúng tới đến cứu ông.

Chúng tôi khám phá ra được vụ này nhờ người viết thư ở Hạ Brixton. Người này cho biết rằng thiếu phụ bất hạnh thuộc một gia đình Hy Lạp giàu có và cô sang nước Anh ở chơi nơi nhà bạn bè. Cô gặp Harold, gã này thuyết phục cô bỏ trốn theo y. Các bạn cô ngao ngán báo tin cho anh cô ở Athènes rồi sau đó họ không còn bận tâm gì nữa. Nhưng khi vừa tới nước Anh, anh của cô rơi vào tay Harold và Wilson Kemp. Hai tên lưu manh đó giam giữ ông và ra sức ép buộc ông ký tên vào một văn kiện chịu từ bỏ tài sản của hai anh em ông. Chúng đã giam giữ ông và ngục trang ông bằng những dải vải mỏng có phết hồ dán, ngỡ tưởng cô em

gái không nhận ra người anh, trong trường hợp cô nhìn thấy ông. Tuy nhiên, cái trực giác của người đàn bà giúp cô nhận ra anh mình. Thế là đến phiên cô bị cầm giữ trong nhà người đánh xe ngựa và cô vợ y. Khi hai tên bắt lương biết rằng bí mật của chúng bị phát giác và người bị chúng giam khăng khăng không chịu ký tên, thì chúng bỏ trốn cùng với cô gái. Nhưng trước khi bỏ đi, chúng ra tay trả thù con người đã cả gan thách thức chúng.

Vài tháng sau, một bản tin kỳ lạ đánh đi từ Budapest được đăng trên các báo. Tin cho hay hai người anh du hành cùng một thiếu phụ đã có một kết cuộc bi thảm. Cả hai người đàn ông đều bị đâm chết. Cảnh sát Hungary cho rằng hai người đó đã gây lộn với nhau và đã giết nhau... Holmes thì cho rằng những nỗi thống khổ của hai anh em người Hy Lạp đã được trả thù.

C.10 - The Naval Treaty 1893 (Bản hiệp ước hải quân)

Tháng 7, ngay sau đám cưới của tôi, là một tháng đáng ghi nhớ bởi 3 vụ phá án của Sherlock Holmes mà tôi có tham gia. Điều thú vị là những vụ án này có liên quan đến từng vấn đề trong xã hội theo một cách trình tự: gia đình, quốc gia và cuối cùng là quần chúng. Trong vụ án mà tôi sắp kể lại dưới đây, nó minh họa một cách rõ nét cho phương pháp phân tích và những mối liên hệ sâu xa của Holmes. Tôi vẫn còn giữ những ghi chép của ông Dubugue[1] của sở cảnh sát Paris và ngài Fritz von Waldbaum, chuyên viên nổi tiếng của Dantzig, cả hai đều mất khá nhiều công sức để tiếp cận vụ việc. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề còn trong vòng bảo mật. Bản ghi chép dưới đây của tôi sẽ trình bày một số yếu tố quan trọng, có thể sẽ dẫn đến những biến cố của quốc gia. Nó chỉ có thể được phép công khai về sau này, khi những yếu tố bảo mật không còn hiệu lực.

Lúc còn đi học tôi rất thân với Percy Phelps, cũng trạc tuổi tôi nhưng học trên tôi hai lớp. Là học sinh ưu tú giành được nhiều giải thưởng và một học bổng ở Cambridge; thuộc dòng dõi danh giá: ông cậu của anh là huân tước Holdhurst. Ở tại trường, cái quan hệ họ hàng ấy chẳng đem lại cho anh cái gì. Trái lại, chúng tôi còn thấy thích thú khi lôi anh ra sân chơi và đá vào mũi anh vài cú. Nhưng lúc ra đời thì khác hẳn: ảnh hưởng của ông cậu đã đưa anh lên một địa vị tốt ở Bộ ngoại giao. Thế rồi tôi quên bẵng anh, cho tới khi nhận được lá thư dưới đây.

“Briarbrae, Woking.
Watson thân mến,

Hy vọng cậu chưa quên tôi, Phelps “Nòng nọc” thời học trung học. Có thể cậu cũng đã biết rằng tôi đang nắm giữ một chức vụ quan trọng ở Bộ ngoại giao và được tin cẩn. Nhưng gần đây một bất hạnh xảy đến, phá tan sự nghiệp của tôi. Không có cách nào để diễn tả sự việc khủng khiếp đó. Trừ phi tôi có thể kể một cách tường tận trực tiếp với cậu. Ngoài ra, tôi lại vừa ra khỏi một cơn sốt viêm não, phải nghỉ ngơi 9 tuần lễ và vẫn còn đang rất yếu.

Cậu có thể mời ông Holmes tới nhà tôi được không? Tôi mong được biết ý kiến ông ấy về vụ này, tuy nhà chức trách đã khẳng định rằng chẳng còn gì để mà tìm kiếm nữa. Tôi mong ông ấy đến đây càng sớm càng hay. Mỗi phút dài như cả tiếng đồng hồ kể từ lúc chuyện đó xảy ra. Cậu nhớ nói rõ với ông ấy rằng nếu tôi không hỏi ý kiến sớm hơn, đó không phải là vì tôi nghi ngờ tài năng của ông ấy mà vì tôi đã mất lý trí. Giờ đây tôi đã tỉnh táo lại, nhưng chưa dám suy nghĩ nhiều, sợ bệnh tái phát. Cậu thấy đó, tôi suy nhược đến độ phải đọc thư này cho người khác viết.

Cậu hãy cố mời ông Holmes đến đây giúp tôi.
Bạn học cũ của cậu.
Percy Phelps”.

Tôi xúc động đến nỗi, dù cho việc đó có khó khăn đến mấy tôi cũng vẫn làm. Vợ tôi đồng ý là không nên để lỡ một phút nào. Thế là tôi vội vàng tới ngôi nhà cũ ở phố Baker, và đưa lá thư ra. Holmes chăm chú đọc.

- Thư chẳng cho chúng ta biết chi nhiều? - Holmes nói, lúc đưa trả lại tôi.

- Hầu như chẳng có gì.

- Ấy thế mà tuồng chữ thì lại đáng chú ý.

- Nhưng đâu có phải là anh ấy viết.

- Đúng. Đó là chữ của đàn bà.

- Chữ đàn ông chứ - Tôi phản đối.

- Không. Thư này do đàn bà viết. Đó là một phụ nữ có cá tính hiếm có. Anh xem, việc bắt đầu một sự khảo sát, đó là cần biết rằng khách hàng của bạn thường xuyên tiếp xúc với những người nào, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc một môi trường khác thường. Vụ này gây hứng thú cho tôi rồi đó. Nếu anh đã sẵn sàng, chúng ta đi Working ngay tức khắc, để gặp nhà ngoại giao và người đàn bà viết thư.

Chúng tôi bắt kịp ngay chuyến tàu ở ga Waterloo. Chưa đầy một giờ sau, chúng tôi đã tới giữa khu rừng thông ở Working. Nhà bạn tôi nằm giữa một khu đất mênh mông, cách nhà ga khoảng năm phút đi đường. Chúng tôi được mời vào trong một phòng khách sang trọng, nơi đó có người đàn ông vạm vỡ đón tiếp chúng tôi với một lòng hiếu khách nhất. Ông ta gần 40 tuổi, nhưng cặp má thật hồng hào và đôi mắt rất vui khiến ông giữ được sắc mặt của một đứa bé mũm mĩm và tinh nghịch.

- Tôi vui mừng khi thấy quý ông đã tới - ông ta nói, nồng nhiệt bắt tay chúng tôi - Suốt buổi sáng nay, Phelps không ngớt lo âu. Bố mẹ Phelps yêu cầu tôi tiếp quý ông, bởi vì mỗi lần nhắc đến câu chuyện là hai cụ đau buồn.

- Chúng tôi chưa được biết gì cả - Holmes nhận xét - Cứ theo tôi thấy, ông không phải là thành viên trong gia đình.

Người tiếp chuyện chúng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi sau khi đã đưa mắt lên nhìn bộ quần áo, ông ta bật cười:

- A, ông đã thấy chữ "J.H" thêu trên áo của tôi? Lúc đầu, tôi cứ tưởng ông là nhà tiên tri. Tôi là Joseph Harrison. Vì Phelps sắp cưới em gái Annie của tôi nên tôi sẽ là anh vợ

cậu ấy. Quý ông sẽ gặp em gái tôi trong phòng của Phelps, cô ấy đã chăm sóc Phelps suốt 2 tháng nay. Chúng ta tới đó ngay. Phelps đang rất sốt ruột.

Gian phòng được trang trí nửa như một phòng khách của phụ nữ, nửa như phòng ngủ. Nhiều hoa được trưng bày với phong cách nhấ nhận khắp các căn phòng. Trên một trường kỷ kê bên một cửa sổ mở rộng, một thanh niên xanh xao, đang nằm dài. Một thiếu nữ ngồi cạnh anh ta, đứng lên khi thấy chúng tôi bước vào.

- Em ra ngoài, phải thế không Percy? - Cô hỏi.

Phelps giơ tay ra, nín cô lại.

- Cậu khỏe chứ, Watson? - Anh ta nói với giọng thân mật - Tôi khó nhận ra cậu với bộ ria kia. Chắc đây là ông Sherlock Holmes?

Sau khi giới thiệu xong, chúng tôi ngồi xuống ghế. Người anh của vị hôn thê lần đi, nhưng em gái thì ở lại, tay cô trong tay người bệnh. Cô thật rất đáng chú ý: hơi thấp và đầy mình, làn da không bóng láng, cặp mắt đen lớn sẫm tối của phụ nữ Ý và một mái tóc mun đen như hạt huyền.

- Tôi không muốn làm ông mất thì giờ - Anh bắt đầu nói - Khi gượng ngồi dậy, tôi xin đi thẳng vào vấn đề. Tôi đã thành công mỹ mãn. Nhưng ngay trước ngày lễ thành hôn, một bất hạnh đã giáng xuống đầu tôi.

“Tôi làm việc tại Bộ ngoại giao và nhờ có Huân tước Holdhurst, tôi mau chóng đạt tới một chức vị có trách nhiệm. Khi cậu tôi được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ ngoại giao, ông giao cho tôi nhiệm vụ tế nhị và tôi đã hoàn thành một cách mỹ mãn. Ông đã tới chỗ tuyệt đối tin tưởng vào những khả năng và sự kín đáo của tôi

Cách đây hai tháng rưỡi, chính xác là ngày 23 tháng 5, cậu tôi gọi tôi tới văn phòng, báo cho tôi biết rằng tôi sắp nhận một nhiệm vụ mới. Ông đặt lên bàn một cuộn giấy màu xám, nói:

- Đây là bản chính của bản hiệp ước bí mật giữa Anh và Ý. Thật không may là một số chi tiết linh tinh đã lọt vào tay báo giới. Không thể để lọt thêm một chi tiết nhỏ nào nữa. Các tòa đại sứ Pháp và Nga sẽ chi rất nhiều tiền để được biết nội dung của văn kiện này. Nó không được đưa ra khỏi bàn giấy của ta, nhưng ta cần có một bản sao. Bàn giấy cháu có khóa chứ?

- Dạ có.

- Thế thì cháu hãy cầm bản hiệp ước về và cất kỹ nó. Ta sẽ cho những chỉ thị để tối nay cháu có thể ở lại trong văn phòng, sau khi các bạn đồng sự của cháu đã ra về, cháu sẽ chép một cách yên tĩnh. Khi chép xong, cháu cất bản chính cùng với bản sao vào trong ngăn kéo có khóa và sáng mai cháu sẽ tận tay đem cả hai đến cho ta.

Tôi nhận lấy những tài liệu và...”

- Xin lỗi - Holmes nói - Chỉ có mình ông trong cuộc nói chuyện đó thôi chứ?
- Vâng, chỉ có hai người.
- Trong một gian phòng lớn?
- Mỗi cạnh 30 feet.
- Hai người ở giữa phòng.
- Phải.
- Và hai người nói thấp giọng.
- Cậu tôi luôn luôn nói thấp giọng. Về phần tôi, hầu như tôi chỉ nói có 2 tiếng.
- Cám ơn ông - Holmes nói, nhắm mắt lại - Xin ông vui lòng kể tiếp

“Tôi chờ cho các nhân viên khác ra về. Một nhân viên khác là Charles Gorot còn ở nán lại để làm cho xong một cái gì đó. Tôi để anh ta ở lại và ra phố ăn bữa tối. Khi tôi trở về thì anh ấy đã đi. Tôi vội chép bản hiệp ước cho xong, bởi vì Joseph, anh vợ tôi đang ở London, sẽ đáp chuyến tàu 11 giờ để đi tới đây.

Nội dung bản hiệp ước xác định vị trí của nước Anh đối với Liên minh tay ba. Nó cũng dự kiến cho đường lối chính trị mà nước Anh sẽ đi theo trong trường hợp hạm đội Pháp có ưu thế hơn hạm đội của Ý. Văn kiện này hoàn toàn đề cập đến các vấn đề thuộc về hải quân. Bên dưới có chữ ký của những nhân vật cao cấp. Sau khi đọc xong, tôi bắt đầu chép.

Văn kiện này rất dài, bằng tiếng Pháp và gồm 26 điều khoản. Tôi chép thật nhanh nhưng tới 9 giờ chỉ mới được có 9 điều khoản. Lúc đó tôi biết là bị lỡ chuyến tàu 11 giờ. Tôi thấy người mình mụ đi, một phần vì thức ăn khó tiêu, một phần vì làm việc cả ngày. Tôi bắt đầu thêm một tách cà phê. Ở dưới chân cầu thang có một nhân viên phục vụ, ông thường pha cà phê cho các viên chức phải trực đêm. Tôi giật chuông, gọi ông ta lên.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy người bước vào phòng tôi là một người đàn bà luống tuổi, to lớn đeo tạp dề. Bà ta nói rằng chồng bà ta đang bận... Tôi bảo bà đem cà phê lên cho tôi.

Tôi chép thêm được 2 điều khoản nữa. Rồi càng lúc càng thêm buồn ngủ, tôi đứng lên, đi đi lại lại trong phòng cho giãn gân giãn cốt. Vẫn chưa có cà phê và tôi tự hỏi vì sao

lâu quá như vậy? Tôi mở cửa, đi vào hành lang nối liền nơi tôi làm việc tới một cầu thang xoáy ốc ở mé dưới là căn phòng nhỏ của người phục vụ. Lưng chừng cầu thang có một bậc thềm, với một hành lang khác thẳng góc với hành lang này. Cái hành lang thứ hai, qua một cầu thang nhỏ, dẫn tới một cánh cửa dành cho nhân viên phục vụ hoặc những viên chức vào từ phố Charles.

Tôi xuống cầu thang và thấy người phục vụ ngủ vùi trong phòng; ấm nước đặt trên ngọn đèn còn sôi sùng sục, nước tràn ra cả sàn nhà. Tôi lay ông ta thì có tiếng chuông reo phía trên đầu tôi và ông ta cũng giật mình thức giấc.

- Ông Phelps, thưa ông! - Anh ta nói.

- Tôi xuống để xem cà phê xong chưa.

- Tôi ngủ thiếp đi, thưa ông.

Ông ta nhìn tôi rồi ngược mắt nhìn lên cái chuông vẫn còn kêu vang, sau cùng ông nói:

- Ông đang ở đây, vậy ai gọi chuông?

- Gọi chuông? - tôi lặp lại. - Cái chuông nào?

- Cái chuông trong văn phòng ông đó.

Tôi có cảm tưởng như có một bàn tay lạnh giá bóp tim tôi. Tôi leo lên cầu thang, nhảy từng bốn bước một, tôi chạy trong hành lang; không có ai trong văn phòng tôi cả. Tất cả vẫn y nguyên như khi tôi bỏ ra ngoài. Bản sao chép của hiệp ước còn đó, nhưng nguyên bản thì đã biến mất.

Holmes nhòe dậy trên ghế và xoa hai bàn tay vào nhau.

- Vậy lúc đó ông làm gì? - Holmes hỏi.

- Tôi đoán rằng kẻ trộm đã lên vào qua ngả cửa nhỏ và lối cầu thang thứ hai. Nếu không, thì tôi đã gặp y rồi.

- Ông có chắc là người đó không ẩn nấp trong văn phòng hoặc trong hành lang chứ?

- Không thể nào được? Ngay đến một con chuột cũng không thể ẩn mình trong văn phòng tôi hoặc trong hành lang. Không có một chỗ nào để nấp cả.

- Cám ơn, xin ông tiếp tục.

- Bấy giờ người phục vụ cũng đã chạy lên. Chúng tôi cùng chạy bổ vào hành lang thứ hai và tuột xuống cầu thang chật hẹp trở ra phố Charles. Bên dưới, cánh cửa đó đóng lại nhưng không khóa. Chúng tôi mở cửa và chạy ra ngoài. Lúc đó tháp chuông nhà thờ

điểm 3 tiếng: 10 giờ thiếu 15.

- Chi tiết này hết sức quan trọng - Holmes nói và ghi vội vào cổ tay áo anh.

“Đêm đó trời tối, và có một cơn mưa nhỏ. Không thấy bóng một ai, nhưng ở cuối phố Charles, xe cộ vẫn đi lại nườm nượp như mọi ngày. Chúng tôi chạy trên vỉa hè, tới góc đường, gặp một cảnh sát đang đứng gác.

- Vừa xảy ra một vụ trộm - Tôi kêu lên với ông ta - Một tài liệu quan trọng vừa bị đánh cắp tại Bộ ngoại giao. Ông có thấy người nào đi ngang qua đây không?

- Tôi đứng gác ở đây đã 15 phút và chỉ thấy có mỗi một người đi qua: một bà to lớn, luống tuổi, đầu choàng khăn san.

- Đó là bà vợ tôi - Người phục vụ vội nói - Không có một ai khác đã đi qua đây sao?

- Không một ai.

- Thế thì kẻ trộm hẳn đã bỏ trốn qua đầu bên kia - người phục vụ kêu lên, sau khi kéo vào tay áo tôi.

Nhưng điều đó không làm tôi hài lòng, và sự nài nỉ lại càng làm cho tôi thêm hồ nghi.

- Bà ấy đi lối nào? - Tôi hỏi.

- Tôi không biết, thưa ông. Tôi chỉ thấy bà ấy đi ngang qua, đi rất nhanh - Người cảnh sát báo cáo.

- Bao lâu rồi?

- Ồ, chưa lâu lắm.

- Năm phút?

- Không tới năm phút đâu.

- Ông chỉ phí thì giờ - Người phục vụ kêu lên – Và mỗi một phút là đáng kể. Tôi đã nói với ông rằng vợ tôi chẳng liên can gì đến vụ này hết. Tốt hơn chúng ta nên tới đầu phía đằng kia. Nếu ông không đi, thì tôi đi.

Nói xong, ông ta bỏ chạy về hướng ngược lại. Nhưng tôi đã bắt kịp ngay và tôi nắm lấy cổ tay ông ta.

- Nhà ông ở đâu?

- Số 16 đường Ivy Lance ở Brixton. Nhưng thưa ông Phelps, ông hãy tới đầu phố bên kia để thử xem chúng ta có biết được điều gì chẳng.

Cùng với người cảnh sát, chúng tôi chạy lại đầu đường kia. Nhưng chúng tôi chỉ thấy đường phố chật ních một dòng lưu thông dày đặc. Những người qua đường hối hả, tìm chỗ trú mưa. Chẳng có những người thơ thẩn đi chơi rong để chúng tôi có thể hỏi thăm.

Thế là chúng tôi quay trở lại Bộ. Lùng khắp cầu thang và hành lang, nhưng không có kết quả. Cái hành lang dẫn tới văn phòng tôi có lót một tấm thảm bằng vải nhựa. Chúng tôi đã quan sát kỹ lưỡng nhưng chúng tôi không tìm thấy một dấu chân nào!”

- Trời mưa suốt buổi tối đó?

- Trời mưa lúc 7 giờ.

- Thế thì tại sao người đàn bà vào trong văn phòng ông lúc 9 giờ mà lại không để lại các dấu bunn?

- Tôi sung sướng thấy ông nhấn mạnh trên điểm đó. Ngay lúc đó nó cũng đã làm tôi chú ý. Nhưng mấy bà quét dọn trong nhà có thói quen khi tới Bộ, thường tháo giày ra trong căn phòng nhỏ của người phục vụ để thay bằng đôi giày vải nhẹ.

- Thế là rõ rồi. Vậy là không có dấu vết nào cả trong lúc bên ngoài trời vẫn có mưa. Sau đó ông làm gì?

- Chúng tôi quan sát văn phòng. Không có một lối cửa bí mật nào, còn các cửa sổ thì cao hơn mặt đất tới 30 feet. Và chẳng cả hai cửa sổ đều đã đóng kín từ bên trong. Tôi dám đem mạng sống mà đánh cá rằng kẻ cắp đã lén qua ngả cửa chính.

- Thế còn lò sưởi?

- Không dùng đến. Sợi dây giạt chuông treo ngay bên phải bàn giấy để với lấy nó. Nhưng tại sao một kẻ phạm tội lại muốn giạt chuông? Điều này quả thật khó hiểu.

- Sau đó thì ông làm gì? Các ông đã quan sát căn phòng, thử xem kẻ lén nhập có để lại dấu vết nào không? Không có tàn thuốc, hoặc một cái bao tay mà y có thể đánh rơi, hoặc một cây trâm cài tóc, hoặc bất cứ một cái gì đó.

- Hoàn toàn không có một cái gì hết.

- Không có cái mùi gì sao?

- Chúng tôi không nghĩ tới điều này.

- Một mùi thuốc hút có thể giúp chúng ta nhiều trong cuộc điều tra.

- Tôi không hút thuốc. Cho nên nếu có một mùi thuốc ắt hẳn tôi đã ngửi thấy. Không, tuyệt đối không có một dấu vết nào. Cái việc xác định duy nhất là vợ người phục vụ hồi hả rời khỏi hiện trường. Người cảnh sát và tôi đều đồng ý là cần phải tóm lấy người đàn bà đó, trước khi bà ta tẩu tán tài liệu.

Trong thời gian đó, Scotland Yard đã được báo động. Thám tử Forbes đã tới ngay sau đó và nắm lấy nội vụ với lòng hăng hái nhất. Chúng tôi mượn một cỗ xe ngựa và nửa giờ sau tới địa chỉ đã được biết. Một cô gái ra mở cửa: đó là con gái lớn của bà Tangey. Mẹ cô chưa về tới. Cô đưa chúng tôi vào trong căn phòng phía trước để chờ bà.

Mười phút sau, có tiếng gõ cửa. Và lúc đó chúng tôi đã mắc phải lỗi lầm nghiêm trọng. Thay vì chúng tôi ra mở cửa thì chúng tôi lại để cho cô gái làm việc đó. Chúng tôi nghe cô nói: “Mẹ ơi, có hai ông đang đợi mẹ”. Liền đó, chúng tôi nghe tiếng những bước chân bước vội ngoài hành lang. Forbes đã mở cánh cửa ra và cả hai chúng tôi đều nhào về phía căn phòng ở cuối nhà bếp, nơi mà người đàn bà đã tới trước chúng tôi. Bà ấy nhìn chằm chặp vào chúng tôi với cặp mắt ngờ vực, rồi bất chợt bà ấy nhận ra tôi và hết sức ngạc nhiên.

- Nhưng... Nhưng đây là ông Phelps ở Bộ Ngoại giao mà!

- Vậy bà tưởng chúng tôi là ai, khi bà bỏ chạy? - Người đi cùng với tôi hỏi bà.

- Tôi cứ tưởng các ông là cảnh sát. Chúng tôi đang gặp khó khăn với một nhà buôn.

- Chúng tôi tin rằng bà đã lấy một tài liệu quan trọng ở Bộ ngoại giao và vội vã vào đây để giấu nó. Bà phải đi về trụ sở của Scotland Yard.

Bà ta phản đối và kháng cự, nhưng uổng công. Một cỗ xe ngựa lớn được gọi đến và cả chúng tôi lên xe. Trước đó chúng tôi quan sát khắp gian bếp, đặc biệt là cái lò, để xem bà ta có tẩu tán tài liệu trong thời gian ngắn ngủi chỉ có mình bà ở trong bếp. Không có dấu vết tàn tro hoặc mẩu giấy nào. Ngay khi về tới Scotland Yard, bà ta được giao cho một nữ cảnh sát. Thời gian chờ đợi cuộc khám xét dường như dài bất tận: tìm tôi như hấp hối. Sau chót, người nữ cảnh sát tới báo cáo rằng bà không mang theo cái gì trong người.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy hiện ra một nỗi khủng khiếp. Cho đến lúc đó, tôi vẫn tin chắc là mình sẽ thu lại được bản hiệp ước. Nhưng giờ đây chẳng còn gì để làm nữa. Nó thật là thâm hiểm. Thừa ông Holmes, cậu Watson sẽ cho ông biết là hồi còn đi học, tôi là một đứa bé nhạy cảm, dễ kích động. Tôi nghĩ tới cậu tôi, tới nỗi nhục nhã mà tôi sắp bắt ông phải hứng chịu, tôi phải hứng chịu và tất cả những ai thân cận với tôi đều phải liên quan. Tôi không biết điều gì đã xảy đến với tôi. Dường như thần kinh tôi bị kích động quá mãnh liệt. Tôi còn nhớ một cách mơ hồ rằng một toán nhân viên cố tìm cách làm cho tôi bình tĩnh lại. Một người trong toán đó đã dẫn tôi ra ga và đưa tôi về

đây. Mẹ tôi tan nát cõi lòng vì buồn phiền. Anh bạn Joseph đã bị tống ra khỏi căn phòng xinh đẹp này để nó được biến thành bệnh xá. Trong 9 tuần, tôi cứ nằm đây trong cơn mê sảng, bị giày vò bởi chứng sốt viêm não. Nếu không có cô Harrison và ông bác sĩ đã tận tình chẩn sóc thì chắc tôi đã chết rồi. Cô là người điều dưỡng ban ngày. Ban đêm một nữ điều dưỡng chuyên nghiệp khác thức chạnh chừng tôi. Dần dà trí nhớ trở lại với tôi. Việc đầu tiên tôi làm là đánh điện cho ông Forbes. Ông ta tới đây, nói rằng vẫn chưa có một mẫu chốt nào được phát hiện. Người phục vụ và bà vợ đã bị thẩm vấn đến cùng vẫn không đem lại một ánh sáng nhỏ nhoi nào. Thế là những mối nghi ngờ được chuyển sang Gorot, là người đã làm việc đến khuya hôm đó ở văn phòng. Việc anh ta ở lại Bộ và cái tên gốc Pháp của anh ta là hai điểm duy nhất có thể làm anh ta bị nghi ngờ. Nhưng rõ ràng tôi chỉ ghi chép khi anh ta đã ra về. Rốt cuộc người ta chẳng tìm ra được cái gì và nội vụ dừng lại ở đó. Vậy là tôi hướng về ông, thưa ông Holmes. Ông là nguồn hy vọng cuối cùng của tôi. Nếu ông không thành công thì danh dự và sự nghiệp của tôi vĩnh viễn sụp đổ.

Bị kiệt sức vì câu chuyện kể dài, người bệnh lại nằm xuống. Người nữ tá cho anh uống một thứ thuốc nào đó. Holmes vẫn ngồi yên, đầu ngả ra đằng sau, hai mắt nhắm nghiền lại để tập trung tư tưởng. Sau cùng anh nói:

- Bản tường trình của ông thật quá minh bạch. Tuy nhiên có một điểm mà tôi cho là rất quan trọng. Ông có nói với bất cứ ai về việc ông được giao phó cho làm công việc đó không?
- Tôi không nói với ai cả.
- Ngay với cô Harrison?
- Không. Tôi không trở về Working trong khoảng thời gian từ lúc nhận được lệnh tới lúc bắt đầu ghi chép.
- Không một ai tình cờ gặp ông?
- Không một ai.
- Có ai trong những thành viên thuộc gia đình ông lại biết con đường đi tới văn phòng ông không?
- Ồ, có. Tất cả đều biết.
- Nếu ông không nói với người nào về bản hiệp ước, thì những câu hỏi đó quả là thừa.
- Tôi đã không nói điều gì, với bất cứ ai!
- Ông biết gì về người phục vụ.

- Chỉ biết ông ta là cựu quân nhân.

- Trung đoàn nào?

-Ồ, người ta nói với tôi... Coldstream Guards!

- Cảm ơn. Tôi sẽ được Forbes cho biết những chi tiết. Nhà cầm quyền thu thập tài liệu giỏi nhưng không sử dụng chúng theo cách tốt nhất.

Anh đi từ bên giường ra khuôn cửa sổ mở rộng và nâng lên một bông hoa đã rủ, chiêm ngưỡng nét hài hòa của màu đỏ và màu xanh.

- Tất cả những thực phẩm đều thực sự cần thiết cho đời sống chúng ta. Nhưng đóa hoa hồng này là một món xa hoa. Hương thơm và sắc màu của nó là một sự tô điểm cho cuộc sống. Chính lòng nhân từ của Thượng đế đã tạo cho con người những cái dư thừa ấy, và vì thế chúng ta phải hy vọng nhiều nơi những đóa hoa.

Phelps và cô y tá nhìn Holmes với nét mặt đầy vẻ ngạc nhiên và thất vọng. Holmes đã đắm chìm vào mơ mộng và bông hồng trên tay. Sau vài phút im lặng, cô thiếu nữ chen vào.

- Ông có một phương cách nào để giải đáp cái bí ẩn này không, thưa ông Holmes? - Cô hỏi với một thoáng chua chát trong giọng nói.

-Ồ, điều bí ẩn à? - Holmes lặp lại khi bất thành linh bị lôi trở về với thực tại - Quả thật đây là một vấn đề rắc rối, nhưng tôi sẽ chú tâm đến. Tôi sẽ thông báo cho cô biết.

- Ông có thấy một dấu vết nào không?

- Quý vị đã cho chúng tôi biết tới 7 vấn đề. Nhưng tôi phải kiểm tra lại chúng, trước khi có thể bày tỏ ý kiến.

- Ông có nghi ngờ ai không?

- Tôi nghi...

- Ai?

-... Rằng tôi đã rút ra những kết luận của mình một cách quá nhanh.

- Vậy thì ông hãy trở lại London và kiểm tra lại chúng.

- Lời khuyên của cô thật là chí lý, thưa cô Harrison. - Holmes nói khi đứng lên. - Watson, tôi tin rằng chúng ta chẳng có thể làm gì khác hơn. Ông Phelps, ông đừng có quá hy vọng. Vấn đề rất là rối rắm.

- Tôi sẽ sống trong cơn sốt cho tới lúc được gặp lại ông. - Nhà ngoại giao kêu lên.

- Thế thì ngày mai tôi sẽ trở lại bằng cùng một chuyến tàu. Nhưng rất có thể là bản tường trình của tôi sẽ không mấy lạc quan.

- Khi được biết là có người đang cố làm một cái gì đó, tôi có thêm một chút khí lực. Nhân đây, tôi vừa nhận được thư của Huân tước Holhurst.

- Thế à? Ông ta nói gì vậy?

- Một lá thư lạnh nhạt, nhưng không khô khan. Ông lặp lại là vụ này có tầm quan trọng hàng đầu và thêm rằng ông sẽ không ký một quyết định nào về tương lai của tôi trước khi tôi được bình phục và có khả năng để sửa chữa cái tai họa do tôi gây ra.

- Vậy thì, đó là người biết điều và đầy lòng nhân hậu - Holmes nói - Ta đi thôi, Watson, chúng ta còn có cả một ngày để làm việc.

Ông Joseph tiễn chúng tôi ra ga và ngay đó chúng tôi lên tàu. Holmes chìm đắm trong suy tư sâu lắng. Anh chỉ mở miệng khi tới vùng phụ cận London.

- Anh chàng Phelps không uống rượu chứ?

- Tôi nghĩ là không.

- Tôi cũng vậy. Nhưng cần phải tính đến mọi tình huống bất trắc có thể xảy ra. Anh chàng đó đang lún mình trong những làn nước thật sâu, và tất cả vấn đề là liệu chúng ta có thể kéo anh ta lên bờ được chăng. Anh nghĩ sao về cô Harrison?

- Cô là người có cá tính riêng.

- Đúng, nhưng hoặc là một cá tính hướng về điều thiện, hoặc là tôi bị làm to. Cô ta và người anh là con của một người thợ cả xưởng rèn ở bên Northumberland. Phelps đính hôn với cô trong một chuyến đi vào mùa đông năm ngoái và cô đã cùng anh mình tới đây để được giới thiệu với gia đình bên chồng. Rồi thì tai họa nổ ra và cô ở lại để chăm sóc cho hôn phu, trong lúc ông anh Joseph, thấy mình được chăm chút một cách đầy đủ, nên cũng ở lại luôn. Anh thấy đó, có lúc tôi làm vài cuộc điều tra hoàn toàn biệt lập. Nhưng ngày hôm nay chúng ta đi tìm...

- Các bệnh nhân của tôi.

-Ồ, nếu anh thấy những công việc của anh lại lý thú hơn thì... - Holmes nói với một giọng trách cứ.

- Tôi định nói với anh rằng các bệnh nhân của tôi có thể không cần đến tôi trong hai

hay ba ngày, bởi vì lúc này đang mùa ít việc.

- Tuyệt vời! - Anh kêu lên, lấy lại tính khí vui vẻ - Thế thì chúng ta cùng nhau chăm lo cái vụ này. Tôi nghĩ là khởi đầu chúng ta cần phải gặp Forbes để có những chi tiết mà chúng ta cần biết. Rồi chúng ta sẽ biết cần tấn công theo chiều hướng nào.

- Anh đã nói là có một dấu vết?

- Chúng ta có nhiều dấu vết. Nhưng sau cuộc điều tra, ta sẽ kiểm tra lại giá trị của các điểm đó. Vụ án khó giải thích nhất, là vụ án được thực hành không mục đích. Vụ án này ở đây có một mục đích. Nó đưa lại lợi ích cho ai? Có ông đại sứ nước Pháp này, ông đại sứ nước Nga này, và có cả người trả giá cao hơn hai ông đại sứ đó, và còn có huân tước Holdhurst nữa.

- Huân tước Holdhurst?

- Thật không tưởng tượng nổi một chính khách bị rơi vào hoàn cảnh như thế mà lại không tiếc nuối về sự biến mất của một tài liệu quan trọng đến nhường đó.

- Nhưng huân tước Holdhurst là một chính khách có một quá khứ khá kính.

- Nhưng chúng ta không thể chỉ mới thoát nhìn mà gạt bỏ nó. Ngày hôm nay chúng ta sẽ tới đó, để xem ông nói với chúng ta điều gì. Trong lúc chờ đợi, tôi đã cho phát động cuộc điều tra rồi.

- Thế à?

- Phải. Từ ga Working tôi đã đánh hai bức điện cho các tờ báo ở London. Lời nhắn tin này sẽ được đăng tải trên các báo phát hành vào chiều nay.

Anh đưa cho tôi một tờ giấy xé ra từ cuốn sổ tay. Trên đó được viết bằng bút chì: “Thường 10 bảng cho người nào biết số xe của cỗ xe ngựa đã đỗ một người khách xuống cổng hoặc gần cổng Bộ ngoại giao trên phố Charles, vào hồi 10 giờ kém 15 đêm 23 tháng 5. Trả lời về 221B, phố Baker”.

- Kẻ trộm đi xe ngựa đến à?

- Nếu ông Phelps không lầm lẫn khi khai rằng không có một chỗ ẩn nấp nào trong văn phòng cũng như ngoài hành lang thì người khách tất phải từ bên ngoài vào. Nếu người đó tới vào một đêm ẩm ướt mà không để lại một vết chân nào trên vải nhựa lót nhà (được quan sát vài phút sau khi y đi qua), thì chắc chắn là y đã tới bằng xe ngựa.

- Điều đó có thể chấp nhận được.

- Có thể dấu vết này sẽ dẫn chúng ta đến một nơi nào đó. Nhưng, còn có hồi chuông, chi tiết lố lăng nhất trong vụ này. Tại sao y lại gọi chuông? Có phải tên trộm làm thế để tỏ thái độ anh hùng? Hoặc có một ai khác đi cùng với kẻ trộm đã giật chuông để ngăn

chặn vụ trộm? Hoặc việc đó chỉ là ngẫu nhiên? Hoặc đó là... - Holmes lại rơi vào trạng thái suy tư trầm lặng. Nhưng tôi thấy dường như có một giả thiết mới bắt chọt hình thành trong óc anh.

Chúng tôi xuống tàu vào hồi 3 giờ 20. Sau khi đã nuốt vội vàng một miếng ở quầy ăn nhà ga, chúng tôi đi thẳng tới Scotland Yard. Forbes là một người thấp nhỏ, gương mặt thông minh và những đường nét kiên quyết, nhưng kém dễ thương. Cuộc tiếp xúc thật lạ lùng và thái độ của ông còn lạ lùng hơn nữa khi ông được biết mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi.

- Đã từ lâu tôi biết phương pháp làm việc của ông, thưa ông Holmes - ông ta nói với một giọng mỉa mai cay độc - Ông luôn luôn sử dụng những tin tức mà cảnh sát cung cấp cho ông và rồi tìm cách tự mình kết thúc vụ án để làm mất uy tín của những cơ quan công quyền.

- Trái lại - Holmes đáp - Trong 53 vụ, tên tôi chỉ xuất hiện có 4 lần, và cảnh sát đã lấy về phần mình 49 vụ. Tôi không trách ông vì ông chưa biết đến điều đó, bởi lẽ ông còn trẻ và thiếu kinh nghiệm. Nhưng nếu như ông muốn nổi danh trong cái vụ mới này, ông cần phải cộng tác với tôi, chứ không phải chống lại tôi.

- Tôi không mong gì hơn là có được một vài thành tích - ông thanh tra thay đổi giọng nói - Cho tới nay, thật sự tôi không thu đạt được chút gì.

- Ông đã áp dụng những biện pháp nào?

- Khi theo dõi ông Tangey, chúng tôi biết ông ấy là một người dũng cảm và rất tốt. Nhưng bà vợ thì chẳng ra gì. Tôi có cảm tưởng là bà ấy biết rất nhiều, nhưng chẳng muốn nói ra.

- Ông cũng cho theo dõi bà ấy chứ?

- Phải. Bà ấy uống rượu, và nhân viên của chúng tôi đã hai lần ngồi bên bà khi bà đã quá chén, nhưng cũng không moi ra được điều gì.

- Những kẻ môi giới đã tới nhà họ phải không?

- Phải, nhưng họ đã thanh toán cái món nợ cho nhà buôn xong rồi.

- Tiền do đâu mà có?

- Tiền lương hưu của ông chồng. Họ chẳng có vẻ gì là có tiền cả.

- Bà ta giải thích ra sao về cú chuông gọi của ông Phelps kêu đưa cà phê lên?

- Bà nói rằng chồng bà rất mệt và bà muốn làm đỡ cho chồng.

- Điều đó phù hợp với việc ít lâu sau người chồng ngủ vùi trong phòng. Vậy là chẳng có gì chống lại họ, ngoại trừ tính nết của bà vợ. Ông có hỏi tại sao bà hối hả ra về trong đêm tối đó?

- Bà đã ra về muộn hơn ngày thường và muốn trở về nhà ngay.

- Ông có cho bà ta biết ông và ông Phelps đã đi sau bà ta tới 20 phút mà lại đến nhà trước bà không?

- Bà ta giải thích rằng đi xe ngựa phải nhanh hơn đi bộ.

- Bà ta có giải thích cái lý do đã khiến cho bà ta ngay khi vừa về tới nhà đã chạy vội vào trong bếp không?

- Tiền để trả nợ nằm trong bếp.

- Ít ra thì bà có câu trả lời cho mọi chuyện. Ông có hỏi bà ta xem, khi ra khỏi trụ sở Bộ, bà có gặp ai không, hoặc có thấy ai thờ thẩn bên phía phố Charles không?

- Bà chỉ trông thấy có người cảnh sát thôi.

- Vậy thì tôi thấy ông đã thẩm vấn bà ta rất kỹ càng! Thế ông còn làm những gì khác?

- Nhân viên Gorot đã được theo dõi trong suốt 9 tuần qua, nhưng không có kết quả gì. Không có gì chống lại ông ta.

- Và còn gì nữa?

- Nói thật, chúng tôi chẳng có gì để mà tiến hành.

- Ông nghĩ gì về cái chuông trong lúc ông Phelps ở trong phòng của người phục vụ?

- Tôi xin thú thật là tôi còn chưa hết ngạc nhiên. Phải là một kẻ to gan lớn mật mới vừa ăn trộm vừa báo động.

- Đúng, thật là kỳ cục! Tôi xin cảm ơn ông về tất cả những chỉ dẫn đó. Ta đi thôi, Watson.

- Bây giờ chúng ta đi đâu? - Tôi hỏi khi đã ra bên ngoài.

- Chúng ta tới huân tước.

Chúng tôi gặp may: Huân tước Huldurst vẫn còn ở trong văn phòng ông. Holmes cho trình danh thiếp và ngay đó chúng tôi được mời vào. Nhà chính khách đón tiếp chúng

tôi với vẻ mặt lịch sự. Ông mời chúng tôi ngồi trong hai ghế bành sang trọng kê hai bên lò sưởi. Đứng trên tấm thảm giữa hai chúng tôi, ông có một dáng thật đẹp với thân hình cao mảnh, bộ mặt nhọn và trầm tư.

- Tên ông đối với tôi rất quen thuộc, thưa ông Holmes? - ông cười nói - Và đương nhiên tôi không thể làm như không biết lý do của chuyến viếng thăm này. Nhưng tôi muốn được biết ông hành động vì lợi ích của ai, nếu như tôi có thể tự cho phép đặt ra với ông câu hỏi đó.

- Vì lợi ích của ông Percy Phelps.

- A! Vì đứa cháu của tôi ông thừa biết rằng tôi rất thích câu: Luật pháp không chừa bất cứ ai.

- Nhưng nếu tôi tìm ra tập tài liệu đó?

- A! Vấn đề sẽ lại khác hẳn!

- Có một hoặc hai câu hỏi mà tôi mong muốn được đặt ra với huân tước!

- Tôi sẽ sung sướng được thông báo cho ông điều gì tôi có thể nói, trong phạm vi quyền hạn của tôi.

- Có phải ngài đã ban những chỉ thị sao chép bản văn tại gian phòng này.

- Phải.

- Thế thì không một ai có thể nghe được lời ngài?

- Phải.

- Ngài có nói với một người nào đó rằng ngài có ý định chép lại bản hiệp ước không?

- Không.

- Ngài tuyệt đối tin chắc như vậy chứ?

- Tuyệt đối.

- Thế thì, bởi vì ngài không bao giờ nói đến, bởi vì ông Phelps không bao giờ nói đến, bởi vì không một ai ngoài hai cậu cháu ngài biết được, nên sự có mặt của kẻ trộm trong văn phòng là hoàn toàn do ngẫu nhiên. Kẻ đó đã thấy mình bỗng nhiên gặp cơ may. Và y đã lấy trộm.

Nhà chính khách mỉm cười nói:

- Điều đó đã vượt khỏi phạm vi của tôi.

Holmes suy nghĩ trong một lát:

- Theo chỗ tôi biết, ngài e sợ rằng sự phổ biến bản hiệp ước sẽ kéo theo nhiều hậu quả trầm trọng.

Ông bộ trưởng sa sầm nét mặt:

- Đúng thế.

- Nhưng những hậu quả đó chưa xảy ra?

- Chưa.

- Nếu bản hiệp ước đã lọt tới Bộ ngoại giao Pháp hoặc Nga thì hẳn là ngài đã nghe thấy tiếng vọng?

- Hẳn là như thế - Huân tước nhăn mặt, nói.

- Gần 10 tuần lễ đã trôi qua mà ngài vẫn còn chưa nghe thấy một động tĩnh nào. Vậy phải chăng vì một lý do nào đó, bản hiệp ước vẫn chưa đến đó?

Huân tước nhún vai:

- Chúng ta không thể tin rằng tên ăn trộm đem bản hiệp ước về nhà rồi đóng khung treo lên tường.

- Có thể là y đợi một cuộc đấu giá.

- Nếu y đợi quá lâu thì y sẽ chẳng còn được cái gì. Trong vài tháng, bản hiệp ước sẽ không còn gì là bí mật cả.

- Phải chăng tên trộm đã đột nhiên ngã bệnh.

- Một cơn sốt viêm não, chẳng hạn? - Nhà chính khách hỏi, phóng lên người Holmes một tia nhìn sắc sảo.

- Tôi đã không dám nói như thế - Holmes điềm tĩnh trả lời - Giờ đây, thưa ngài, chúng tôi đã làm ngài tổn nhiều thì giờ, và chúng tôi xin từ giả.

- Tôi xin cầu chúc ông tất cả sự thành công, cho dù kẻ phạm tội là ai? - ông Bộ trưởng nói khi tiễn chúng tôi ra cửa.

- Một cá tính cao quý! Nhưng ông ấy phải tranh đấu để bảo vệ cương vị mình. Ông ấy chẳng giàu có gì cả và có nhiều việc phải làm. Chắc hẳn anh đã thấy là đôi giày của ông đã phải thay đế. Anh Watson, anh hãy trở lại với công việc của anh, nhưng nhớ trở lại Working vào ngày mai.

Sáng hôm sau, tôi đi cùng anh xuống Working. Anh cho tôi biết là anh không nhận được hồi âm cho lời nhắn tin trên các tờ báo và anh cũng chẳng có gì để cho tôi biết thêm.

Chúng tôi gặp lại Phelps, anh ta đã khá hơn buổi tối hôm trước, đã có thể đứng lên được.

- Ông có tin gì mới không? - Phelps hỏi ngay tức khắc.

- Như đã tiên liệu bản báo cáo của tôi là tiêu cực - Holmes đáp.

- Nhưng ông không nản chí chứ?

- Không.

- Nếu chúng ta kiên trì thì sự thật sẽ thắng. – Cô Harrison nói.

- Ở đây, chúng tôi có nhiều điều để nói với ông hơn - Phelps nói khi ngồi xuống trường kỷ.

- Tôi hy vọng ông đã có tin gì mới.

- Chúng tôi đã gặp một biến cố...

Gương mặt Phelps trở thành rất nghiêm trọng và ở đằng sau tia nhìn của anh, là sự sợ hãi.

- Tôi bắt đầu tin rằng tôi là mục tiêu của một âm mưu quỷ quái nào đó.

- A! - Holmes kêu lên.

- Điều đó khó mà tin nổi, bởi vì tôi không có kẻ thù nào. Tuy nhiên, sau đêm qua, tôi đã đi tới một kết luận như thế.

- Mong ông kể cho nghe.

- Trước hết, đó là đêm đầu tiên không có người canh chừng trong phòng tôi. Tôi cảm thấy mình khoẻ mạnh đến mức không còn cần đến cô y tá nữa. Tuy nhiên, tôi không tắt đèn trong khi ngủ. Vào khoảng 2 giờ sáng, tôi đang ngủ thì bị đánh thức bởi một tiếng động nhẹ. Một tiếng động giống như tiếng con chuột gậy ra khi nó gặm tấm ván. Tôi

nằm yên để lắng nghe, với cảm tưởng đó chỉ là một con chuột nhắt. Rồi tiếng động lại mạnh hơn và từ cửa sổ vang lên một tiếng động gọn của kim khí. Tôi ngồi dậy. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa: một người nào đó đang cố nhét một dụng cụ qua khe hở giữa các khung cửa và cái tiếng động lớn là do then móc cửa sổ bị đẩy ra.

Trong 10 phút, tôi không nghe thấy gì hơn: tựa hồ như người ta muốn kiểm tra xem tiếng động có đánh thức tôi dậy không. Rồi một tiếng kêu cọt kẹt và cánh cửa mở ra từ từ. Tôi không biết cách tự chủ để chờ xem sự việc ra sao, nên đã nhảy ra khỏi giường. Một người đàn ông ngồi xổm bên khuôn cửa sổ. Tôi không nhìn rõ y vì y chuẩn bị như một tia chớp, một tấm áo choàng che kín phần dưới mặt y. Một điều mà tôi tin chắc, là trong tay y có cầm một con dao dài.

- Thế rồi sau đó ông làm gì?

- Tôi định gọi chuông và đánh thức cả nhà dậy. Nhưng chuông thì đặt trong bếp còn các gia nhân thì ngủ tuốt trên cao. Tôi la lên. Joseph chạy xuống và anh báo động cho những người còn lại trong nhà. Joseph và người hầu phòng tìm thấy những dấu chân trong cái bồn hoa ở mé dưới cửa sổ, nhưng thời tiết khô ráo của mùa này đã khiến họ không còn theo được dấu vết trên bãi cỏ. Tuy nhiên có một chỗ trên hàng rào gỗ dọc theo con đường là nơi có những dấu vết. Họ cho rằng có ai đó đã nhảy qua và đã làm cho hàng rào bị hư. Tôi chưa báo với cảnh sát địa phương, bởi vì tôi mong được biết ý kiến ông trước đã.

Câu chuyện kể của Phelps đã tạo ra một tác dụng khác thường nơi Holmes. Anh đứng lên khỏi ghế và đi đi lại lại trong phòng trong một trạng thái bị kích động.

- Hoạ vô đơn chí! - Phelps cười, kết luận.

- Ông có thể đi dạo một vòng quanh nhà với tôi được chăng? - Holmes nói.

- Tôi rất mong được hưởng chút nắng trời. Joseph sẽ cùng đi.

- Và cả em nữa - cô Harrison nói.

- Cô cứ ngồi ngay tại cái chỗ mà cô đang ngồi đây - Holmes kêu lên.

Cô thiếu nữ ngồi xuống, bất mãn. Anh cố nhập bọn, và bốn người chúng tôi ra khỏi nhà. Chúng tôi đi dọc theo bãi cỏ để tới khuôn cửa sổ. Quả thật ở đó có những dấu chân trên bồn hoa, nhưng những dấu đó đã bị làm rối và không còn rõ nữa. Holmes cúi nghiêng xuống trong chốc lát rồi đứng lên và nhún vai:

- Chẳng ai rút ra từ đây được một cái gì! Chúng ta hãy đi quanh nhà để xem vì sao căn phòng này lại được chọn lựa.

- Căn phòng được nhìn thấy rõ hơn từ ngoài đường - ông Joseph gợi ý.

- À phải, đương nhiên ở đây có một cánh cửa ắt hẳn định cạy phá. Cửa này dùng để làm gì?

- Đây là lối vào của những người giao hàng, ban đêm được khóa lại.

- Trước đây đã có lần nào báo động tương tự không?

- Chưa bao giờ - Phelps đáp.

- Trong nhà ông có cất giữ những bát đĩa hoặc đồ dùng bằng bạc khiến cho kẻ trộm dòm ngó chăng?

- Chẳng có món đồ đắt tiền nào cả.

Holmes đi dạo, tay đút trong túi, và dáng vẻ vô tư lự đó hoàn toàn trái ngược với các thói quen của anh.

- Nhân đây, - anh nói với Joseph, - ông đã tìm ra một chỗ mà từ đó kẻ trộm đã leo lên hàng rào. Chúng ta tới đó coi qua?

Người thanh niên dẫn chúng tôi đến một nơi mà thanh trên của hàng rào đã bị nứt rạn. Một mẫu gỗ nhỏ hãy còn vướng trên đó. Holmes rút mẫu gỗ ra và quan sát kỹ lưỡng.

- Ông tin là cái này mới có từ đêm qua? Tôi có cảm tưởng là nó có từ lâu rồi, phải thế không?

- Rất có thể là như ông nói.

- Tôi không thấy nơi nào mà một ai đó lại nhảy từ phía bên kia sang. Không, chúng ta không thu được một tin tức nào ở đây: Hãy trở về phòng để bàn chuyện.

Phelps đi rất chậm và vịn vào cánh tay người anh vợ tương lai. Holmes băng thật mau qua bãi cỏ và chúng tôi tới khuôn cửa sổ trước hơn hai người kia.

- Thưa cô Harrison - Holmes nói với một giọng nghiêm trọng - Cô phải ở lại đây suốt ngày, không được rời khỏi phòng một giây phút nào cả. Việc này rất quan trọng.

- Chắc chắn rồi, bởi vì ông muốn thế, thưa ông Holmes - Cô thiếu nữ trả lời, vẻ ngạc nhiên.

- Khi đi ngủ, cô hãy khóa cửa phòng từ bên ngoài và cô hãy cất giữ chìa khóa. Cô hứa với tôi sẽ làm như thế chứ?

- Nhưng còn Phelps?

- Anh ấy sẽ đi London cùng với chúng tôi.

- Và ông buộc tôi phải ở lại nơi đây?

- Vì anh ấy. Cô giúp cho anh ấy. Mau lên! Hãy hứa đi.

Cô gạt đầu vào lúc hai người kia đi tới ngang tầm chúng tôi.

- Tại sao em lại cứ phiền muộn trong căn phòng đó, Annie? - Anh cô kêu lên - Hãy đi dạo một vòng dưới nắng đi.

- Không, cảm ơn Joseph. Em hơi bị nhức đầu. Phòng này lại mát mẻ và thoải mái nên em thích lắm.

- Giờ đây ông đề nghị điều gì, thưa ông Holmes? - Phelps hỏi.

- Nếu ông có thể cùng đi tới London với chúng tôi thì điều đó sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Ngay tức khắc sao?

- Trong vòng một tiếng đồng hồ nữa.

- Tôi hoàn toàn mạnh khỏe. Ông sẽ yêu cầu tôi ở lại London trong đêm nay?

- Tôi đang định đề nghị như vậy.

- Nếu vị khách đêm qua trở lại tìm gặp tôi thì y sẽ thấy con chim đã bay rồi. Thưa ông Holmes, ông có muốn anh Joseph cùng đi không, để chăm sóc tôi?

- Ồ không! Anh bạn Watson là bác sĩ, anh ấy sẽ chăm sóc cho ông. Chúng ta sẽ dùng bữa ở đây, sau đó chúng ta sẽ cùng đi London.

Tất cả được thu xếp như anh đã đề nghị. Cô Harrison xin lỗi không thể ra khỏi phòng. Tôi không hiểu được cái dự định của bạn, ngoài cái việc anh muốn tách xa hai người đã hứa hôn. Nhưng sau khi đã cùng với chúng tôi ra ga và đã đưa chúng tôi lên toa tàu rồi, Holmes báo cho chúng tôi biết là anh phải ở lại Working:

- Còn có hai hoặc ba điều mà tôi muốn làm cho sáng tỏ. Sự vắng mặt của ông, thưa

ông Phelps, sẽ có một tầm lợi ích nào đó. Anh Watson, khi về tới London, anh đưa Phelps về phố Baker và ở bên anh bạn cho tới lúc tôi trở về. Là bạn cũ, hai anh hẳn có rất nhiều chuyện để nói với nhau. Ông Phelps có thể ngủ trong phòng của tôi. Tôi sẽ trở về nhà dùng bữa điểm tâm.

- Nhưng còn việc điều tra của chúng ta ở London thì sao? - Phelps hỏi, cúi kính.

- Chuyện đó có thể đợi đến ngày mai.

- Ông có thể báo cho gia đình tôi biết là tôi sẽ trở về vào tối mai - Phelps kêu lên, vào lúc con tàu chuyển bánh.

- Đâu có ai trông thấy tôi ở nhà anh. - Holmes đáp, vui vẻ vẫy tay.

Phelps và tôi tán chuyện trong lúc đi đường.

- Anh ấy muốn thu thập một đầu mối liên quan tới vụ trộm đêm vừa qua. Riêng tôi, tôi không cho đó là một tên trộm bình thường.

- Thế ý anh ra sao?

- Có lẽ cậu sẽ nói rằng đó là do hệ thần kinh của tôi bị mệt mỏi, nhưng tôi thật sự tin rằng có một âm mưu chính trị triển khai quanh tôi và những kẻ chủ mưu lại còn muốn ám hại tôi. Điều đó nghe ra có vẻ phi lý, nhưng cậu cứ xem sự việc thì rõ. Tại sao kẻ trộm lại cạy phá cửa sổ một phòng ngủ trong đó không có cái gì để mà đánh cắp cả, và tại sao y lại tới với một con dao lớn?

- Đó có thể chỉ là dụng cụ mà kẻ trộm dùng để cạy cửa.

- Nó chính là một con dao. Tôi đã thấy lưỡi dao lóe lên một cách rõ ràng.

- Nhưng chẳng hiểu vì sao anh lại bị theo dõi với một sự ác tâm tới nhường đó!

- A! Đó chính là vấn đề.

- Nếu Holmes tin lời anh nói là chính xác thì anh ấy hẳn tiến được một bước lớn về sự nhận dạng kẻ đã đánh cắp bản hiệp ước về hải quân. Thật vô lý khi giả thiết rằng anh có tới hai kẻ thù, một kẻ đánh cắp tài liệu và một kẻ muốn ám hại anh.

- Nhưng ông Holmes đã nói rằng ông ấy sẽ không trở về nhà tôi.

- Anh ấy chưa bao giờ hành động mà không có lý do chính đáng. Hãy tin lời chúng tôi. Tối đó câu chuyện của chúng tôi chuyển sang những đề tài khác.

Bữa đó là một ngày kiệt sức đối với tôi. Phelps hãy còn yếu sau cơn bệnh dài ngày và nôn nóng. Tôi cố gắng làm cho Phelps quan tâm tới những vấn đề xã hội, tất cả những cái gì có thể làm cho anh khuây khỏa, nhưng tôi chỉ uống công. Anh luôn luôn quay lại với bản hiệp ước bị mất. Anh tự hỏi Holmes đang làm gì, huân tước sẽ xử trí ra sao, sáng mai chúng tôi sẽ nhận được những tin tức nào. Đến tối, anh trở thành hoàn toàn khó chịu.

- Cậu có tin ở Holmes không? - Phelps hỏi.

- Anh ấy đã hoàn thành được nhiều vụ đáng kể.

- Nhưng có bao giờ anh ấy làm sáng tỏ được một việc đen tối như vụ này chưa?

- Ồ, có chứ?

- Nhưng không có vấn đề mà những tầm lợi ích lớn lao đến thế bị lâm nguy?

- Cái đó tôi không biết. Trái lại, anh ấy đã hoạt động thay cho ba gia đình trị vì ở châu Âu trong những vụ trọng đại.

- Tôi chẳng còn biết nghĩ sao nữa. Cậu có tin là anh ấy có hy vọng không? Cậu có tin là anh ấy chắc sẽ thành công không?

- Anh ấy không nói gì hết.

- Dấu hiệu xấu?

- Chính khi anh ấy ở trên một hướng tốt, anh mới ít nói. Bạn thân mến ơi, sự bức dọc chẳng được việc gì. Anh hãy đi ngủ, ngỗ hầu được tỉnh táo.

Bạn tôi theo lời khuyên của tôi, nhưng bản thân tôi cũng trần trọc mãi. Tôi đã đặt ra cả trăm câu hỏi. Tại sao Holmes lại ở lại Working? Tại sao anh lại yêu cầu cô Harrison ở nguyên trong phòng người bệnh suốt ngày hôm đó? Tại sao anh lại không báo cho gia đình Phelps biết việc anh ở lại? Tôi hành hạ bộ óc mình cho tới khi hai mắt sụp xuống vì mệt mỏi.

Tôi thức giấc vào lúc 7 giờ và tôi đi ngay sang phòng Phelps: suốt đêm qua anh không ngủ. Câu hỏi đầu tiên của anh là chuyến trở về của Holmes.

- Holmes đã hứa là Holmes giữ lời. Và giờ giấc đối với anh ấy là giờ giấc: không sớm quá mà cũng không muộn quá.

Tôi nói đúng, bởi không lâu sau lúc 8 giờ, một cỗ xe ngựa dừng lại trước nhà và bạn tôi ra khỏi xe.

Đứng trên cửa sổ, chúng tôi thấy bàn tay trái anh bị quấn băng; bộ mặt anh thật u tối, nhợt nhạt. Anh vào trong nhà, nhưng vài giây đã trôi qua, tôi mới thấy anh lên tới cầu thang.

- Anh ấy có vẻ như một người bại trận? – Phelps kêu lên.

Tôi buộc phải nhìn nhận là Phelps có lý. Tôi nói:

- Cuối cùng, chìa khóa của sự bí mật chắc chắn là ở đây, ở London.

Phelps thốt ra một tiếng rên rỉ:

- Tôi không biết chìa khóa đó là cái gì. Nhưng tôi đã hy vọng biết bao về chuyến trở về của ông ấy. Hôm qua tay ông ta đâu có bị băng bó? Có chuyện gì xảy ra vậy?

- Anh không bị thương đấy chứ, Holmes? - Tôi hỏi, khi anh bước vào phòng khám.

- Suyt! Một vết xước do tôi vụng về mà ra. Vụ của ông, thưa ông Phelps, là một trong những vụ hắc ám nhất mà chưa bao giờ tôi nắm trong tay.

- Có vượt quá sức ông không?

- Đó là một sự gian truân rất lý thú.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Để ăn điểm tâm xong đã, bạn Watson thân mến. Tôi đoán chừng rằng không có hồi âm nào cho lời nhắn của tôi liên quan tới cỗ xe ngựa? Ừ phải, đâu cứ lần nào tấn công là cũng thắng.

Bàn ăn đã dọn sẵn và bà Hudson đem trà và cà phê tới. Holmes háu ăn, tôi tò mò, còn Phelps thì ở độ chót của sự ủ rũ

- Bà Hudson quả rất khéo léo - Holmes nói khi thấy đĩa thịt gà nấu cà ri - Nghệ thuật nấu ăn của bà không được đa dạng, nhưng với tư cách là một phụ nữ xứ Scotland, bà biết thế nào là một bữa điểm tâm. Anh có món sò đắng đó không, Watson?

- Trứng chiên jambon.

- Tốt, ông dùng món gì nào, ông Phelps: gà nấu cà ri, trứng hay là ông muốn tự mình chọn lấy món ăn?

- Cám ơn, tôi chẳng nuốt nổi cái gì.

- Ô, coi nào! Hãy dùng cái món này, để ngay trước mặt ông đó.

- Xin cám ơn, tôi không thể nào ăn được!

- Thế thì - Holmes nói với một cái nháy mắt tinh nghịch - ông nhường nốt món đó cho tôi chứ?

Phelps mở cái vung ra và anh thốt lên một tiếng kêu. Mặt anh trở thành trắng bệch. Ở

giữa cái liễn đựng thức ăn có một cuộn giấy nhỏ màu xám xanh. Anh vò lấy cuộn giấy, chăm chăm nhìn vào nó, đứng lên và múa may trong phòng. Anh hét lên vì sung sướng. Đoạn anh rơi xuống một ghế bành và kiệt sức.

- Thôi chứ! Thôi chứ - Holmes nói khi vỗ nhẹ lên vai anh - Tôi biết ông đã mòn mỏi chờ đợi.

Phelps nắm lấy bàn tay anh và hôn nó:

- Chúa phù hộ cho ông! Ông đã cứu được danh dự cho tôi.

- Danh dự của tôi cũng bị lâm nguy, nếu tôi thất bại trong vụ này.

Phelps nhét bản tài liệu vào túi trong cửa áo vét.

- Tôi không dám làm gián đoạn lâu hơn bữa điểm tâm của hai ông, nhưng tôi lại mong muốn được biết, ông đã thu hồi được nó như thế nào.

Sherlock Holmes uống một tách cà phê và lưu ý đến món trứng chiên jambon. Sau đó, anh đứng lên, mồi một mẩu thuốc và ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành:

- Sau khi đã tạm biệt các bạn ở nhà ga, tôi đi ngang qua vùng đồng quê ở Surrey, tới một làng nhỏ tên là Riphey. Tới đó, tôi uống trà ở lữ quán và chế đầy bầu nước, nhét bánh sandwich vào đầy túi. Tôi ở lại đó cho tới chiều tối. Đoạn tôi quay trở lại Working vào đúng lúc mặt trời lặn. Tôi đợi cho con đường vắng hắt bóng người rồi mới leo lên hàng rào về nhà.

- Nhưng cửa song sắt mở mà? - Phelps nói.

- Đúng. Nhưng tôi có những sở thích đặc biệt trong lãnh vực này. Tôi đã chọn cái chỗ có ba cây thông và, nhờ những cành nhánh của ba cây đó che chở mà tôi lọt được vào trong mà không một ai trông thấy. Tôi náu mình giữa những bụi cây, rồi bò từ bụi này sang bụi kia. Các bạn cứ coi tình trạng thảm hại của hai đầu gối quần tôi thì đủ?

Sau chót, tôi tới được lùm cây đỗ quỳên đối diện với cửa sổ phòng ông Phelps. Tới đó tôi ngồi xồm xuống và chờ đợi.

Tám mảnh còn chưa được buông xuống; tôi trông thấy cô Harrison ngồi đọc sách bên cạnh bàn. Tới 10 giờ 15, cô gấp sách lại, cột những cánh cửa lá dập lại và lui ra. Tôi nghe tiếng cô khép cánh cửa và cảm thấy gần như chắc chắn cô đã xoay chìa khóa trong ổ khóa.

- Chìa khóa? - Phelps ngạc nhiên.

- Phải. Tôi đã cho cô Harrison những chỉ thị để khóa cửa lại từ bên ngoài và đem theo chìa khóa ấy về phòng ngủ. Cô đã làm theo lời dặn dò của tôi đúng từng ly từng tý, cô đi ra, các ngọn đèn bị thổi tắt. Đêm rất đẹp trời, nhưng tôi mệt mỏi. Ở Working, tháp chuông một giáo đường báo từng khắc. Sau chót, vào khoảng 2 giờ sáng, bất thành lình tôi nghe thấy một tiếng động nhỏ của một cái then cài bị người ta đẩy ra và tiếng kêu cọt kẹt của một cái chìa khóa. Một lát sau, cánh cửa bên dành cho những người giao hàng mở ra và ông Joseph xuất hiện dưới ánh trăng.

- Joseph? - Phelps kêu lên.

- Ông ta để đầu trần, nhưng trên vai có vắt một cái áo choàng đen. Ông ta nhón gót đi trong bóng tối, dọc theo bức tường. Khi tới trước cửa sổ, ông lùa một con dao dài xen qua khung cửa sổ và đẩy then móc cửa sổ lên. Thế rồi ông mở thật rộng cánh cửa sổ ra và dùng con dao ông lùa nó qua khe hở giữa những cửa lá dập, nẩy cái thanh lên và tách chúng ra.

Từ chỗ mai phục, tôi nhìn vào trong phòng thật rõ. Ông ta đốt hai cây nến, đặt trên mặt lò sưởi, đoạn lật cái góc tấm thảm gần cánh cửa ra vào lên. Liền đó ông cúi xuống và

rút ra một miếng ván chân tường, lấy ra cuộn giấy, đặt một miếng ván chân tường lại, phủ tấm thảm lại như trước, thổi tắt những ngọn nến và rơi vào trong hai cánh tay tôi đang chờ đợi sẵn. Mẹ kiếp, hắn ta hung dữ cầm dao xông thẳng vào tôi. Tôi phải đón ngã hắn xuống đất tới hai lần. Hắn đã làm đứt mạch máu ở ngón tay tôi. Tất cả chuyện đó xảy ra trước khi tôi có thể chế ngự được hắn. Hắn chỉ còn có thể nhìn đời bằng một con mắt thôi, nhưng từ con mắt đó, hắn đã ném cho tôi một tia nhìn giết người. Nói tóm lại, sau cùng hắn chịu giao trả cho tôi tập tài liệu. Khi đã thu hồi lại được bản hiệp ước, tôi để cho hắn đi nhưng sáng nay tôi đã gửi cho Forbes vài chi tiết. Nếu Forbes nhanh tay bắt kịp con chim thì anh ta cứ tự xoay xở lấy: nhưng nếu anh ta lại thấy cái tổ đã trống rỗng thì càng hay. Tôi có cảm tưởng rằng cả huân tước lẫn ông Phelps, chẳng ai muốn đưa vụ này ra tòa?

- Vậy là trong mấy tuần lễ, giấy tờ bị đánh cắp đã ở trong phòng tôi?

- Đúng vậy!

- Và Joseph là một tên vô lại?

- Hừm! Tôi được anh ta cho biết anh ta đã thua đậm khi chơi ở thị trường chứng khoán, và anh ta dám làm bất cứ chuyện gì để tạo dựng lại địa vị của mình. Anh ta chẳng cần quan tâm chi tới hạnh phúc của em gái mình và cũng cóc cần đến danh tiếng của ông.

Phelps lún xuống trong ghế bành.

- Những điều ông nói làm tôi choáng váng.

- Tôi bắt đầu nghi ngờ Joseph, vì trong đêm xảy ra vụ trộm, ông đã có ý định trở về cùng với anh ta. Mặt khác, thật là tự nhiên khi anh ta tới rủ ông cùng về, bởi vì anh ta biết đường vào văn phòng ông. Rồi khi được biết có người muốn bẻ khoá cửa sổ để vào phòng ngủ của ông, trong cái phòng mà không một ai, ngoài Joseph, có thể cất giấu một cái gì đó, thì những nghi ngờ của tôi chuyển thành một sự tin chắc. Vậy thì kẻ muốn đột nhập phải là kẻ biết rõ những chuyện xảy ra trong nhà.

- Tôi mù quáng biết chừng nào!

- Những sự việc được tóm tắt như thế này: Joseph vào trong Bộ ngoại giao qua ngã phó Charles, anh ta đi thẳng tới văn phòng ông đúng vào lúc ông vừa bỏ ra ngoài. Vì thấy không có ai, anh ta đã giật chuông. Trong lúc gọi chuông, anh ta trông thấy tờ giấy trải trên mặt bàn. Chỉ lướt qua, anh ta thấy ngay là thần may mắn đã mỉm cười với mình. Anh ta vội nhét nó vào túi rồi bỏ đi.

Anh ta trở về Working bằng chuyến tàu đầu tiên để xem cất giấu vào trong một chỗ mà anh ta cho là nơi cất giấu thật tốt, với ý định đến ngày hôm sau hoặc ngày hôm sau nữa sẽ lấy để đưa ra làm tiền. Nhưng bất thành linh ông lại trở về. Anh ta không được báo trước, và bị đuổi ra khỏi căn phòng trước đó dành cho anh ta. Và từ đó cho mãi tới ngày hôm qua, lúc nào trong phòng cũng có hai người, khiến anh ta không thể lấy lại được kho báu. Cái tình huống đó hắn đã làm cho anh ta điên lên được. Anh ta đã thử lấy cắp nó đêm hôm trước, nhưng đã thất bại bởi vì ông đã thức giấc. Ông hãy nhớ lại là buổi tối hôm trước, ông đã không uống thuốc ngủ như mọi khi.

- Đúng vậy.

- Anh ta đã phải thu xếp để cho thuốc nước phải có công hiệu, và anh ta tin rằng ông sẽ không thức dậy. Tôi tin chắc rằng anh ta sẽ làm lại mưu toan đó khi tôi đưa ông về London. Tôi đã yêu cầu cô Harrison không rời phòng suốt ngày hôm đó để anh ta không thể ra tay trước chúng ta. Tôi nghi là giấy tờ ở trong phòng, nhưng tôi không

muốn tự mình tìm kiếm. Để cho anh ta lấy chúng ra, thì tôi đỡ mất công biết bao.

- Tại sao anh ta lại muốn vào phòng qua ngả cửa sổ, trong lúc mà anh ta có thể vào bằng cửa chính?

- Muốn tới được cửa ra vào chính, anh ta phải qua trước bẫy căn phòng ngủ. Phần khác, anh ta có thể bỏ chạy trốn qua ngả vườn.

- Anh ta không có ý định giết người sao? Con dao có thể chỉ là một dụng cụ để đào tường khoét gạch thôi ư?

Có thể lắm! - Holmes nhún vai trả lời.

Hết

C.11- The Final Problem 1893 (Công việc cuối cùng của Sherlock Holmes)

Tôi vô cùng đau đớn khi viết lên những dòng cuối cùng của thiên phóng sự có liên quan đến những thiên tài hiếm có của người bạn vô cùng thân thiết đối với tôi, anh Sherlock Holmes.

Thú thật, tôi muốn im lặng, không muốn nhắc đến sự kiện đã để lại trong lòng tôi một nỗi cô đơn hoang vắng, trống trải, không biết lấy gì để bù đắp cho nỗi mất mát lớn lao này, mặc dù câu chuyện đã xảy ra đã hai năm rồi. Những lá thư cuối cùng của ngài đại tá James Moriarty, trong đó ông ta muốn bảo vệ danh dự cho người anh trai quá cố của mình, buộc lòng tôi phải cầm lấy bút mực. Tôi tự đặt cho mình trách nhiệm phải giới thiệu trước công chúng tất cả những sự kiện xảy ra theo đúng như trong thực tế. Chỉ một mình tôi là người có may mắn chứng kiến, biết được toàn bộ sự thật ấy điều này làm tôi thấy xúc động. Giờ đây không còn lý do gì để che giấu sự thật. Theo tôi được biết, chỉ có ba thông báo sau đây là được đăng trên báo chí: một mẫu tin đăng trên "Tạp chí Geneva" ngày 6-5-1891, một bức điện của hãng thông tin Reuter đăng trên báo từ ngày 7-5; cuối cùng là những thông báo mới đây. Trong số những thông báo đó, thì thông báo thứ nhất và thứ hai quá tóm tắt; thông báo bóp méo sự thật một cách trắng trợn. Trách nhiệm của tôi là làm sao nói cho toàn thế giới biết, những sự kiện đã xảy ra giữa giáo sư Moriarty và Sherlock Holmes đúng như sự thật của nó.

Có lẽ bạn đọc còn nhớ, ngay sau khi tôi lấy vợ và ra phòng mạch, mối quan hệ mật thiết giữa tôi và Sherlock Holmes đã có thay đổi trong một chừng mực nào đó. Tôi bận bịu với công việc chữa bệnh. Còn anh vẫn ghé lại chỗ tôi khi cần có người bạn đồng hành cùng tham gia giải quyết những công việc khám phá của mình, nhưng ngày càng thưa dần, ít dần. Vì thế trong năm 1890 tôi chỉ thu thập được có ba bài về chuyện phá án của anh.

Mùa đông năm ấy và chớm xuân 1891, báo chí đăng tin Holmes được chính phủ Pháp mời sang giải quyết một chuyện rất quan trọng; qua hai bức điện anh gửi cho tôi từ Narbonne và Nimes, tôi định ninh cuộc viếng thăm của anh ở nước Pháp chắc sẽ còn kéo dài. Vì vậy tôi vô cùng ngạc nhiên khi vào lúc chập tối ngày 24 tháng 4, anh đột ngột xuất hiện trong phòng làm việc của tôi. Đầu tiên đập vào mắt tôi là dáng hình anh gầy gò xanh xao hơn mọi khi rất nhiều.

- Đúng, tớ đã tiêu hao gần hết sức lực của mình - Anh đáp, như muốn thanh minh cho cái nhìn e ngại của tôi. - Trong thời gian gần đây, tớ túng túng quá. Tớ kéo tám rèm lại được chứ?

Căn phòng chỉ thấp một chiếc đèn bàn, thông thường tôi vẫn đọc dưới ngọn đèn này.

Rón rén đi dọc theo bức tường, Holmes đi vòng khắp căn nhà và kéo kín các tấm rèm, vén kín một cách kỹ lưỡng không để hở một cổ trống nào.

- Cậu đang có chuyện phải lo sợ hả? - Tôi hỏi.

- Đúng, tớ rất sợ.

- Sợ cái gì?

- Một loại súng hơi.

- Anh bạn yêu quý ơi, cậu muốn ám chỉ cái gì?

- Watson, chắc cậu biết tớ khá rõ đấy, từ lâu cậu đã biết tớ không phải là một con thỏ. Đừng cho là có mối nguy hiểm đang đe dọa cậu. Nó chỉ là một hành động mù quáng, không phải là một hành động anh hùng. Cậu cho tớ xin que diêm.

Anh châm thuốc hút, và dường như khói thuốc lá làm anh tươi tỉnh hẳn lên.

- Trước hết tớ cần phải xin lỗi vì cuộc viếng thăm quá muộn, - Anh lên tiếng. - Ngoài ra tớ xin phép được làm một việc hơi bất nhã, thứ hai là sẽ trèo qua bức tường sau vườn nhà cậu. Tớ định đi ra bằng cách như vậy đấy.

- Những chuyện ấy có ý nghĩa gì vậy? - Tôi hỏi.

Anh chìa cánh tay lại sát ngọn đèn, tôi trông thấy hai khớp ngón tay bị xây sát và rớm máu.

- Cậu thấy đấy, không phải là chuyện đùa đâu. - Anh vừa cười vừa nói. - Cái này có thể làm mất cả bàn tay như không. Vợ cậu đâu rồi? Có ở nhà không?

- Không, cô ấy đi thăm người quen.

- Hay quá! Nghĩa là cậu ở nhà một mình.

- Chỉ một mình.

- Nếu thế thì, tớ dễ dàng mời cậu cùng đi với tớ qua biên giới trong vòng một tuần lễ.

- Đi đâu vậy?

- Đi đâu mà chả được, tớ thì thế nào cũng được.

Tất cả những chuyện này tôi thấy kỳ quặc thế nào ấy. Trong khuôn mặt trắng bệch, mệt mỏi của anh, tôi cảm thấy hệ thống thần kinh của anh đang ở trạng thái căng thẳng tột độ. Qua cái nhìn của tôi anh biết rằng tôi không hiểu. Chống cùi chỏ lên bắp đùi và

xiết chặt các ngón tay lại với nhau, anh bắt đầu giải thích cho tôi nghe tình hình của công việc.

- Tớ nghĩ là cậu chưa được nghe nói gì về giáo sư Moriarty? - anh hỏi.

- Chưa.

- Đó là một người đại tài về việc giữ kín tung tích của mình. Hắn ta đã thiết lập một mạng lưới khắp thành London. Thậm chí chưa ai nói về hắn. Riêng chuyện này cũng đáng liệt hắn ta vào bậc đàn anh trong giới hình sự. Watson, tớ có thể nói chắc rằng, nếu tớ chiến thắng con người này, tức là làm được việc vạch mặt chỉ tên hắn ta ra trước xã hội thì đó đúng là một thành công lớn trong sự nghiệp của tớ. Lúc ấy, tớ sẽ kết thúc bước đường công danh của mình và tớ sẵn sàng chuyển sang nghiên cứu các lĩnh vực khác yên tĩnh hơn. Nói riêng với cậu nhé. Hai sự việc cuối cùng đã tạo cho tớ khả năng thuyết phục vương quốc Scandinavia và nước cộng hòa Pháp cho tớ những công cụ, điều kiện tiến hành một cuộc đổi mới, hợp với sở thích của tớ hơn. Lúc đó tớ sẽ toàn tâm nghiên cứu trong lĩnh vực hóa học. Nhưng tớ chưa thể ngồi yên trong chiếc ghế bành của mình, một khi con người kia, cái tay giáo sư Moriarty đang tự do tung hoành ngang dọc trên các đường phố ở London.

- Hắn ta đã phạm những tội ác gì?

- Ôi! Hắn có một tiểu sử thật khác thường! Hắn xuất thân trong một gia đình tốt, được đào tạo đến nơi đến chốn, hắn có một tài năng hiếm có về toán học. Khi tròn 21 tuổi, hắn đã viết xong một luận văn về nhị thức Newton, làm cho tên tuổi của hắn nổi tiếng khắp châu Âu. Sau đó, hắn được phụ trách khoa toán trong một trường đại học tổng hợp của nước Anh. Một tương lai sán lạn, rạng rỡ đang chờ đón hắn. Nhưng hắn bỗng biến mất một cách lạnh lùng và trở thành một tên hung đồ độc ác.

Trong huyết quản của hắn dòng máu của kẻ phạm tội đang chảy. Do có trí óc thông minh hiếm có nên hành động độc ác của hắn càng nguy hiểm. Trong trường đại học, những lời đồn đại không hay về hắn đã bay đi khắp nơi, cuối cùng buộc lòng hắn phải rời bỏ trường để đến cư trú tại London. Ở đây hắn ta bắt đầu chuẩn bị một đội ngũ những tên ăn cắp, lưu manh chuyên nghiệp trẻ tuổi. Đó là những điều tớ biết về hắn.

Chính cậu biết đấy, không ai nắm vững giới hình sự ở London này bằng tớ. Cách đây không lâu, tớ bắt đầu cảm thấy là ở sau lưng của bọn tội phạm, có một thế lực không lường được đang bảo vệ, che chở cho chúng - một thế lực hùng mạnh, có tổ chức đang hoạt động trái với pháp luật, được núp dưới những bộ mặt giả tạo. Rất nhiều lần, trong các trường hợp khác nhau, qua những vụ ăn cắp hoặc giết người, tớ đều nhận thấy sự có mặt của cái thế lực ấy. Bằng con đường tính toán rất logic, tớ đã phát hiện ra dấu vết của nó, ngay cả trong những vụ chưa được khám phá, hay trong những vụ án đã tìm ra, mà bản thân tớ không trực tiếp tham gia, tớ đều thấy thấp thoáng thế lực đó.

Trong nhiều năm, tớ có ý định xé toạc bức bình phong che đậy tội ác kia, và đã đến lúc tớ lần theo đầu mối của cuộn dây, bắt đầu một công cuộc gỡ dần từng mối rối ren, cho đến khi nào phanh ra, tóm được cái nút cuối cùng dẫn tới vị giáo sư Moriarty - một nhà toán học lỗi lạc.

Hắn như một Napoléon trong giới tội phạm hình sự, hắn là một nhà tổ chức lãnh đạo gần một nửa số vụ độc ác và tất cả các vụ phạm pháp chưa được khám phá đã xảy ra trung thành phố này. Phải thừa nhận đó là một thiên tài, một triết gia, một con người có đầu óc suy luận những vấn đề có tính chất trừu tượng. Hắn có một bộ óc thuộc loại thông thái số một. Hắn ngồi bất động như một con nhện trong mạng tơ của mình, trong mạng nhện có hàng nghìn sợi dây, hắn sẽ tóm lấy, giải quyết khi có một sự rung động nho nhỏ của từng sợi dây. Rất hãn hữu, hắn mới trực tiếp hành động, hắn chỉ tổ chức, xây dựng kế hoạch. Tay chân của hắn thì rất nhiều, và được tổ chức đến nơi đến chốn. Nếu có ai cần ăn cắp một tập tài liệu, cần đột nhập vào nhà, cần giết, thủ tiêu một người nào đó... thì chỉ cần trình bày nguyện vọng đó với giáo sư. Ngay lập tức một vụ án sẽ được chuẩn bị và thi hành. Bọn tay chân của hắn có thể sẽ bị bắt, trong những trường hợp như vậy, bao giờ hắn cũng tung tiền ra mua chuộc hoặc nhờ người bảo lãnh. Nhưng tên chỉ huy chính, cầm đầu, bao giờ cũng nằm ngoài diện nghi vấn.

Tổ chức ấy là như vậy, bằng con đường suy luận tớ đã xác định được bộ máy hoạt động của nó. Tớ đã dồn toàn bộ sức lực của mình để phát hiện và quyết bẻ gãy nó. Nhưng tay giáo sư cũng rất láu cá, hắn luôn thay hình đổi dạng, nguy trang rất khéo và được bảo vệ vững chắc đến nỗi mặc dù tớ tập trung mọi cố gắng nhưng vẫn không sao có đủ chứng cứ để buộc tội hắn trước tòa. Watson thân mến, cậu rất biết khả năng của tớ, thú thật với cậu là phải mất 3 tháng ròng rã, cuối cùng tớ mới tìm thấy đối thủ xứng đáng của mình.

Những việc làm phạm pháp của hắn gây cho tớ một nỗi lo lắng, sợ hãi thì bây giờ đã nhường chỗ cho sự kính nể trước năng lực tài ba của hắn. Tuy vậy; cuối cùng hắn cũng sơ hở, mặc dù một sơ hở không đáng kể, đáng lý hắn không nên để xảy ra sự sơ hở đó mới phải bởi tớ đang bám riết hắn như một con đĩa. Tớ đã lợi dụng sơ hở ấy, sau khi dùng nó làm xuất phát điểm cho cuộc tấn công tay đôi, tớ bắt đầu giảng xung quanh hắn một cái bẫy. Hiện này cái bẫy ấy hầu như đã chuẩn bị xong; sau ba ngày nữa, nghĩa là đúng vào tối thứ hai, mọi chuyện sẽ được giải quyết. Ngài giáo sư cùng với những kẻ cầm đầu băng đảng ấy sẽ rơi vào tay tòa đại hình. Còn sau đó một công cuộc hình sự lớn nhất thế kỷ chúng ta sẽ bắt đầu: Bức màn đã che giấu hơn 40 vụ án sẽ được vén lên; tất cả những tên tội phạm sẽ bị trừng trị đích đáng. Nhưng cần phải khẩn trương, chỉ cần một tính toán sai lầm là chúng nó sẽ trượt khỏi bàn tay chúng ta vào đúng thời điểm cuối cùng.

Mọi việc sẽ tốt đẹp nếu tớ có thể hành động một cách kín đáo, sao cho tay giáo sư Moriarty không hề biết về chuyện này. Nhưng hắn là một tên thâm hiểm và xảo quyệt. Mỗi cử động của tớ nhằm đưa hắn vào tròng, hắn đều biết hết. Hắn đã nhiều lần mưu toan phá vỡ, để thoát khỏi cái lưới mà tớ đã giăng, nhưng mỗi lần như vậy, tớ đều tìm cách cản trở không cho hắn thực hiện ý đồ. Nếu cứ miêu tả cận kề, tỉ mỉ cuộc chiến

đầu thằm lặng và đem xuất bản thì sẽ có một quyển sách hồi hộp nhất và tuyệt vời nhất trong làng sách về thể loại trinh thám. Chưa bao giờ tớ phải căng thẳng như bây giờ; cũng chưa bao giờ tớ phải chột vọt đối phó với địch thủ của mình như hiện nay. Đòn của hấn rất mạnh và tớ đỡ lại bằng một sức còn mạnh hơn: Sáng nay, tớ đã đi đến một quyết định và chỉ cần thêm 3 ngày nữa để dứt điểm công việc. Tớ đang ngồi trong phòng của mình, đang suy đi tính lại nước cờ, thì bỗng cánh cửa bật mở.

Trước mặt tớ là tay giáo sư Moriarty đang đứng sừng sững. Watson ạ, thần kinh của tớ khá vững, nhưng phải thú thật với cậu, tớ không thể nào nén được tiếng thở ra khi nhìn; thấy trước mặt mình con người đã chiếm toàn bộ ý nghĩ của tớ. Hình dáng bên ngoài của hấn không có gì thay đổi, vì tớ đã quen thuộc từ trước. Hấn ta rất gầy và cao lêu ngêu. Trán hấn dô nhưng rộng, da trắng trẻo, cặp mắt sâu hoắm trông rất sắc. Khuôn mặt được cạo nhẵn thín, nhìn hấn có phần khổ hạnh. Đôi vai hơi còng, có lẽ do ngồi nhiều bên bàn làm việc, còn cái đầu thì nhô tới trước trông như một con rắn, ngó bên này, nghiêng bên kia. Cặp mắt cú vọ của hấn như đâm xuyên vào người tớ.

"Hộp sọ của ngài chưa đến nỗi bị vỡ như tôi đã nghĩ". Cuối cùng hấn lên tiếng. "Thưa ngài Holmes, bỏ khẩu súng đã lên đạn ở trong túi áo choàng của mình là một thói quen nguy hiểm".

Đúng như thế thật, khi hấn ta bước vào, tớ hiểu ngay là một mối nguy đang đe dọa tớ. Khả năng duy nhất để tớ tự cứu mình, đó là tớ buộc phải im lặng mãi mãi. Vì vậy, tớ nhanh như chớp, đã chuyển khẩu súng lục từ ngăn kéo bàn vào túi áo choàng và ngay lập tức cho tay vào cò súng. Sau khi bị hấn điểm huyệt, tớ đã lôi khẩu súng ra khỏi túi áo, kéo quy lát và để trước mặt. Moriarty tiếp tục cười và nheo nheo cặp mắt, nhưng có một cái gì đấy trong mắt hấn ta đã làm cho tớ phải cảnh giác và buộc tớ phải đến gần khẩu súng của mình.

"Rõ ràng là ngài chưa biết tôi". Hấn ta lên tiếng.

"Ngược lại," tớ phản đối, "tôi cảm thấy ngài khó mà hiểu nổi tôi đã biết ngài. Xin mời ngài ngồi, nếu ngài có việc gì muốn nói với tôi, tôi có thể dành cho ngài năm phút".

"Những gì tôi muốn nói với ngài, chắc ngài đã đoán được" Hấn ta lạnh lùng đáp. "Ngài vẫn cương quyết giữ lập trường của mình?"

"Hoàn toàn không thay đổi".

Hấn dứt tay vào túi, còn tớ vội vàng chớp lấy khẩu súng trên bàn. Nhưng hấn chỉ rút ra từ trong túi một quyển sổ ghi chép, trong đó có ghi nguệch ngoạc những con số ngày tháng gì đó.

"Ngài đã cản đường của tôi từ ngày mùng 4 tháng giêng," hấn ta tiếp. "Ngày 23, ngài đã làm cho tôi một phen hú vía, và giữa tháng hai ngài lại làm cho tôi một cú hoảng hồn. Cuối tháng 3, ngài đã làm đảo lộn mọi kế hoạch của tôi. Hiện nay, vì những vụ liên

tiếp của ngài, tôi đã rơi vào một tình thế có thể mất hết tự do. Không thể tiếp tục như vậy được".

"Ngài định làm gì?" Tớ hỏi lại.

"Thưa ngài Holmes, ngài hãy chấm dứt công việc của mình," hắn ta nói và lắc đầu "Ngài hãy từ bỏ công việc đó".

"Đến hết ngày thứ hai kia". Tớ đáp.

"Đủ rồi, thưa ngài Holmes. Ngài là một người khá thông minh, tất nhiên ngài hiểu tôi, tôi muốn giải lao đầu óc một chút, trong lúc theo dõi cách thức hành động của ngài. Mong ngài hiểu cho tôi lấy làm buồn phiền, nếu như ngài cứ cố tình buộc tôi phải dùng những biện pháp không hay đối với ngài. Ngài phải tránh ra một bên, ngài hãy tin là tôi nói rất chân thành".

"Hiểm nguy, đó là người bạn đồng hành không thể thiếu được trong nghề nghiệp của tôi". Tớ đáp.

"Đấy không phải chỉ là sự nguy hiểm, mà là sự tiêu diệt không thể tránh khỏi," hắn ta phản đối, "Ngài đứng ra cản đường không phải chỉ một người, mà là cả một tổ chức hùng mạnh, mà toàn bộ sức mạnh của nó, với trí thông minh của ngài, ngài không thể nào hiểu nổi đâu. Mong ngài hãy tránh ra một bên, thưa ngài Holmes. Bằng không ngài sẽ bị trừng trị".

"Tôi sợ rằng," tớ đứng dậy và đáp, "từ buổi nói chuyện thú vị của chúng ta, tôi có thể bỏ mất một công việc quan trọng, nó sẽ đưa tôi đến vị trí khác".

Hắn ta cũng đứng dậy, lặng thinh nhìn tớ và buồn bã lắc đầu.

"Biết làm sao được!" Cuối cùng hắn lên tiếng. "Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng tôi đã làm mọi việc mà tôi có thể làm được. Tôi biết từng đường đi nước bước trong công việc của ngài. Đến ngày thứ hai, ngài sẽ không còn cử động được nữa rồi. Đó là cuộc đọ sức giữa hai chúng ta, thưa ngài Holmes. Ngài hy vọng sẽ cho tôi ngồi vào chiếc ghế bị cáo. Tôi nói cho ngài biết, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Ngài hy vọng sẽ thắng tôi. Tôi xin nói cho ngài biết rằng không đời nào ngài đạt được điều đó. Nếu ngài có đủ sức mạnh để giết tôi, thì tôi xin thề với ngài rằng cả ngài nữa sẽ cùng chết với tôi".

"Thưa ngài Moriarty, ngài đã dùng quá nhiều lời để tán tưng tôi một cách quá đáng, cho nên tôi cũng muốn đáp lại bằng những lời lẽ tán tưng như thế. Nhân danh cho công lý, vì sự phồn vinh của xã hội, tôi rất vui lòng chấp thuận điều kiện thứ hai, mặc dù tôi hy vọng ở điều thứ nhất".

"Điều thứ nhất tôi không thể hứa với ngài được, nhưng điều thứ hai tôi sẵn sàng hứa". Hắn ta đáp và cười man rợ.

Sau khi quay cái lưng khòm về phía tớ, hắn bước ra, nhưng còn quay lại nheo nheo con mắt nhìn tớ.

Cuộc gặp gỡ đặc biệt của tớ với tay giáo sư Moriarty là như vậy! Thú thật với cậu, cuộc gặp gỡ này làm cho tớ khó chịu. Phong thái mềm mại, chính xác của hắn làm cho cậu sẽ tin vào lòng chân thật của hắn, mà lòng chân thật ấy không bao giờ có ở những kẻ tội phạm tầm thường. Đây không phải là một kẻ thích khoe khoang những điều rỗng tuếch. Tất nhiên cậu sẽ hỏi tớ: "Tại sao không đi báo cáo cho Sở cảnh sát?". Vấn đề là ở chỗ, không phải tự tay hắn hành động, mà chính bọn tay chân của hắn mới là người thực hiện. Tớ tin như vậy, vì tớ có đầy đủ chứng cứ.

- Có kẻ đã tấn công vào cậu hay sao?

- Anh bạn Watson thân mến! Giáo sư Moriarty không phải thuộc hạng người thích để công việc nằm lâu trong sọt rác. Sau khi hắn rút khỏi, khoảng gần 24 giờ đêm, tớ có việc phải ghé phố Oxford. Trong khi băng qua đường ở chỗ góc phố Bentinck và phố Welbeck, tớ trông thấy một cỗ xe song mã đang phóng như bay đâm thẳng vào tớ. Tớ vừa kịp nhảy lui lại bước lên vệ đường, chỉ trộm trể trong vòng một phần mười giây, có lẽ tớ đã bị bẹp dí rồi. Chiếc xe rẽ ngoặt và biến mất. Lúc ấy tớ quyết định không nên bước xuống khỏi vỉa hè, nhưng từ trên mái nhà ở chỗ phố Vere có một viên gạch bay tới và vỡ thành từng mảnh vụn ngay dưới chân tớ. Tớ liền gọi cảnh sát và ra lệnh khám xét ngay nơi xảy ra sự việc. Ở trên mái nhà có chất mấy chồng gạch chuẩn bị cho công việc sửa chữa; và bọn chúng muốn khẳng định viên gạch kia là do gió thổi bay tới thôi. Tớ biết rõ thủ đoạn của chúng, nhưng lại không đủ bằng chứng để buộc tội. Tớ gọi một cỗ xe và đi đến nhà người anh trai ở phố Pall Mall, sống tại đó cả ngày hôm nay, rồi từ đó tớ đi thẳng tới chỗ cậu. Dọc đường có một thằng cầm dùi cui đều cẳng xông vào tớ. Tớ đã tóm hắn nộp cho cảnh sát giam giữ. Tớ bảo đảm với cậu là, không một ai có thể khám phá ra mối liên hệ giữa một tên, mà những chiếc răng cửa đã bị tớ dùng tay đánh gãy trong ngày hôm nay với một tên giáo sư dạy toán mà có lẽ giờ đây đang giảng cách giải bài tập cho học sinh trên chiếc bảng cách đây 10 dặm. Bây giờ chắc cậu đã hiểu, vì sao khi vào phòng cậu, trước tiên tớ phải kéo kín các tấm rèm che cửa sổ, và vì sao tớ phải xin phép cậu đi ra khỏi nhà không phải bằng cổng trước, mà bằng một lối nào đó ít bị chú ý hơn.

Tôi đã nhiều lần khâm phục lòng can đảm của bạn tôi, nhưng hôm nay khi anh ngồi kể lại những sự việc vừa mới xảy ra trong ngày một cách điềm tĩnh, tôi lại càng đặc biệt kính nể anh hơn.

- Có lẽ, cậu nên ở lại ngủ qua đêm với tớ. - Tôi đề nghị.

- Không được bạn thân mến. Tớ sẽ là một người khách nguy hiểm cho cậu. Tớ đã suy tính kỹ lưỡng kế hoạch hành động, và mọi việc sẽ kết thúc tốt đẹp. Hiện nay công việc đang ở giai đoạn cuối, cảnh sát có thể tiến hành bắt bớ mà không cần tớ phải tham gia. Tớ chỉ cần trong thời gian xét hỏi. Thời gian chờ đợi cảnh sát hành động cũng chỉ còn

vài ba ngày nữa, tốt nhất là tớ nên đi đâu đó. Tớ rất sung sướng nếu cậu cùng đi qua biên giới với tớ.

- Hiện nay bệnh nhân của tớ không nhiều, - Tôi đáp, - Anh bạn đồng nghiệp sẵn sàng thay tớ, tớ sẽ cùng đi với cậu.

- Ngay sáng sớm ngày mai cậu có thể đi được không?

- Được, nếu cần.

- Ôi, hoàn toàn rất cần bây giờ cậu hãy nghe kỹ lời dặn của tớ. Watson, yêu cầu cậu hãy làm đúng không được sai một ly nào, bởi hai chúng ta đang tiến hành một cuộc đối đầu chống lại một tên bộm tài năng nhất và một tập đoàn tội phạm lớn nhất, hùng mạnh nhất ở châu Âu. Cậu hãy lắng nghe đây! Hành lý không được để địa điểm hẹn nhận, ngay bây giờ cậu nhờ một người tin cẩn nhất mang ra ga Victoria. Sáng sớm ngày mai, cậu phải sai người giúp việc gọi một cỗ xe, nhưng cậu phải dặn họ là hãy bỏ qua chiếc xe đầu tiên cũng như chiếc xe thứ hai mà anh ta bắt gặp. Cậu ngồi vào cỗ xe và đi tới phố Strand, đến cầu nổi Lowther. Cần nói thêm là cậu đừng đọc địa chỉ cho người xà ích mà viết lên giấy đưa cho ông ta và dặn ông ta tuyệt đối không được rút mảnh giấy đó xuống đường. Cậu hãy trả tiền trước; khi chiếc xe vừa dừng lại cậu hãy nhảy ngay vào chỗ cầu nổi tính toán sao cho đúng 9 giờ 15, cậu có mặt bên kia cầu. Ngay cạnh vỉa hè cậu sẽ nhìn thấy một cỗ xe không lớn lắm. Người đánh xe bận chiếc áo khoác màu đen, cỗ áo được kẹp bằng một đường viền màu đỏ. Cậu hãy ngồi vào xe và đi đến nhà ga đúng lúc tàu chuẩn bị chuyển bánh.

- Thế tớ sẽ gặp cậu ở đâu?

- Tại nhà ga, người ta sẽ dành cho chúng mình một buồng hai người hạng nhất.

- Nghĩa là chúng ta sẽ gặp nhau ở trong toa?

- Đúng thế.

Tôi đã hoài công để thuyết phục Holmes ở lại ngủ với tôi. Tôi biết rằng anh sợ gây ra chuyện không hay cho gia đình người bạn thân thiết của mình. Đây là nguyên nhân duy nhất khiến anh phải vội vã ra đi. Sau khi đã vội vàng căn dặn mọi cách thức thực hiện chương trình hành động cho ngày mai, anh đứng lên và cùng tôi đi ra ngoài vườn. Anh trèo qua hàng rào, đi ngay ra hẻm Mortimer, huýt sáo gọi một chiếc xe. Tôi lắng nghe tiếng lộc cộc của bánh xe đang xa dần.

Sáng ngày hôm sau, tôi làm đúng theo lời Holmes căn dặn với tất cả sự thận trọng cảnh giác cần thiết khi gọi một cỗ xe. Cỗ đó không thể nào là một cái bẫy được. Sau khi ăn sáng xong, tôi đi đến địa điểm đã được quy ước trước. Khi xe tiến đến chiếc cầu Lowther, tôi lao vào trong cầu với sự nhanh nhẹn hiếm có. Khi trông thấy cỗ xe đang đứng đợi tôi đúng như Holmes mô tả, tôi vừa kịp ngồi vào xe thì người xà ích tằm

thước, bịt kín bằng chiếc áo ẩm màu đen liền ra roi quắt ngựa. Chỉ một loáng đã đến ga Victoria. Tôi vừa bước xuống ngựa thì người xà ích đánh xe quay lại, và phóng như bay, thậm chí không thèm quay nhìn tôi.

Mọi việc đều tiến triển đúng như ý định. Hành lý của tôi đã có sẵn ở nhà ga; và tôi cũng không khó khăn gì tìm thấy căn buồng mà Holmes đã chỉ dẫn, bởi nó là buồng duy nhất được treo tấm biển "đã có người". Bây giờ chỉ còn một việc làm tôi lo lắng nhất, đó là sự vắng mặt của Holmes. Tôi nhìn lên đồng hồ nhà ga, chỉ còn 7 phút nữa là tàu xuất phát. Thật vô ích khi tôi lục kiếm trong đám người ra đi và những người đưa tiễn thân hình gầy gò của anh bạn tôi. Anh không có trong đám người ấy. Tôi đã giết thời gian, bằng cách giúp một cha cố người Ý trông rất đáng kính, khi ông ta, bằng một giọng lơ lớ tiếng Anh, đang cố gắng giải thích cho người phu khuân vác rằng hành lý của ông cần được gửi thẳng đến Pariss. Sau đó tôi dạo quanh sân ga một lần nữa và quay về buồng mình. Ở đó tôi gặp lại ông cha cố người Ý lóm khóm, mà tôi mới làm quen. Mặc dù vé của ông không phải vào phòng này, nhưng người phu khuân vác vẫn cứ ỷ vào chỗ tôi. Thật vô ích để giải thích cho người bạn đường không mời của tôi hiểu rằng, cuộc đột nhập của ông đã làm tôi bức bối như thế nào, tôi nói tiếng Ý còn tồi hơn là ông nói tiếng Anh. Vì vậy tôi chỉ biết nhún vai và lo lắng nhìn qua cửa sổ, sốt ruột chờ đợi Holmes. Một nỗi lo sợ bao trùm lấy tôi; sự vắng mặt của anh có nghĩa là có chuyện gì đã xảy ra đêm qua. Các cánh cửa lên xuống đã được khép chặt, tiếng còi tàu đã vang lên, đúng lúc ấy bỗng dừng...

- Watson thân mến, thậm chí cậu không thèm hạ cổ đoái hoài chào tớ một lời.

Một giọng phát ra ngay bên cạnh tôi. Tôi nhìn quanh, toàn thân lạnh toát. Bây giờ cha cố đứng ngay trước mặt tôi. Trong một giây phút những nếp nhăn của ông bỗng giãn ra, chiếc mũi kéo dài ra khỏi chiếc cằm, môi dưới thoi không đưa ra phía trước nữa, còn miệng thì như đang thì thầm, cặp mắt lơ lơ bây giờ đã sáng lên ánh lửa thường ngày; chiếc lưng khòm được vươn thẳng. Nhưng tất cả những việc ấy kéo dài chỉ vòng một khoảnh khắc, và Holmes lại vụt biến đi nhanh chóng, cũng giống như khi anh xuất hiện.

- Lạy Chúa đáng kính! - Tôi thốt lên, - Cậu làm tớ hoảng cả hồn.

- Chúng ta cần thận trọng đến mức tối đa. - Anh thì thầm, - tớ có đủ chứng cứ để nghĩ là tụi chúng nó đã lần được theo dấu vết. Kìa! Chính thằng Moriarty ở kia kìa!

Holmes vừa nói xong thì tàu chuyển bánh. Tôi nhìn qua cửa sổ về phía sau, trông thấy một người cao cao, đang tức tối xô đẩy chen lấn đám đông và vẫy vẫy tay như níu đoàn tàu lại. Tuy nhiên mọi chuyện đã muộn rồi. Vận tốc con tàu đang tăng dần và chẳng mấy chốc nhà ga đã nằm lại khá xa phía sau.

- Cậu thấy không, - Holmes nói và cười, - Mặc dù chúng ta cảnh giác tới mức tối đa, nhưng cũng phải chật vật lắm mới thoát khỏi được bọn người kia đấy.

Anh đứng dậy cởi chiếc áo thun màu đen và chiếc mũ ra, - những thứ thuộc về hình kỉ dĩ của anh - và cho tất cả vào một chiếc túi du lịch.

- Watson, cậu có đọc báo buổi sáng không?

- Không.

- Nghĩa là cậu không hay biết tí gì về chuyện xảy ra tại hẻm Baker của chúng ta à?

- Đêm hôm qua, chính xác hơn là vào gần sáng ngày hôm nay, chúng nó đã tập kích nhà tớ, nhưng gây tổn thất không đáng kể.

- Làm thế nào bây giờ? Điều ấy thật quá quắt không thể nào chịu nổi.

- Hình như, sau khi tên đặc phái viên dùng dùi cui xông vào tớ bị bắt, tụi chúng đã mất hân dấu vết về tớ. Lúc đầu chúng cho rằng tớ sẽ quay về nhà. Nhưng sau đó chúng đã đánh hơi và theo cậu từng bước. Chính điều này đã dẫn thẳng Moriarty đến ga Victoria. Trên đường đi tới nhà ga, không biết cậu có sơ xuất gì không?

- Tớ đã làm đúng như cậu dặn.

- Cậu thấy cỗ xe ngay vị trí chứ?

- Đúng, chiếc xe đã đợi tớ ở chỗ ấy.

- Thế cậu có nhận ra người xà ích không?

- Không.

- Đây là anh trai tớ, Mycroft. Trong công việc như vậy tốt nhất là không cho người ngoài cuộc biết những điều bí mật của mình. Còn bây giờ chúng ta phải tìm cách đối phó với Moriarty.

- Tớ nghĩ, chúng mình đi chuyển tàu này làm sao hân ta có thể đuổi kịp?

- Watson thân mến! Tớ đã nói với cậu, hân là một người có trí tuệ cao, hân có một trình độ ngang với tớ. Chẳng lẽ, ví như tớ là một người đuổi theo, lúc ấy một cản trở không đáng kể như vậy sẽ làm tớ bó tay hay sao? Tại sao cậu đánh giá hân quá thấp như vậy?

- Nhưng hân có thể làm gì được bây giờ?

- Làm điều mà trong trường hợp đó tớ cũng làm.

- Cậu hãy cho tớ biết cậu sẽ hành động ra sao?

- Tớ sẽ thuê hẳn một chuyến tàu tốc hành danh riêng cho tớ.

- Nhưng dẫu sao cũng vẫn chậm trễ.

- Không trễ chút nào. Chuyến tàu của chúng ta sẽ dừng lại ở Canterbury, ở đó chúng ta phải đợi tàu thủy ít ra cũng phải mất 15 phút. Và hẳn sẽ bắt gặp chúng ta ở đấy.

- Nên nhớ hẳn là thằng tội phạm chứ không phải là chúng ta. Vậy nếu hẳn mang xác đến đây, chúng ta sẽ ra lệnh bắt giữ.

- Làm như vậy sẽ đổ xuống sông, xuống biển những công lao của ba tháng làm việc cật lực của tớ. Chúng ta chỉ bắt được một con cá to, còn những con cá nhỏ khác sẽ tìm đường chạy thoát. Thứ hai này tất cả bọn chúng sẽ lọt vào tay cảnh sát. Bây giờ chúng ta không được phép bắt bớ.

- Thế chúng ta làm gì?

- Chúng ta cần đi đến Canterbury.

- Sau đó?

- Sẽ đi Newhaven, và từ đó sẽ đi Dieppe. Moriarty cũng sẽ làm điều này, mà trong trường hợp ấy tớ cũng làm như vậy. Hẳn đi đến Paris, đánh dấu những chiếc va li của chúng ta, nằm đợi ở phòng gởi hành lý hai ngày. Còn chúng ta trong thời gian ấy sẽ mua một cặp bao dệt bằng thảm và sẽ đi buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm ở các địa phương mà chúng ta sẽ đi ngang qua. Rồi chúng ta sẽ bình tĩnh ghé thăm đất nước Thụy Điển, qua cửa ngõ thành phố Luxembourg và Basle.

Tôi là một nhà du lịch dày dặn kinh nghiệm, vì thế không bao giờ tôi cho phép mình buồn rầu vì chuyện mất mát hành lý. Nhưng thú thực, tôi không chịu nổi ý nghĩ là chúng tôi sẽ né tránh tên tội phạm có một tiền sử quá kinh khủng, toàn là những chuyện rùng rợn, dã man. Tuy thế Holmes là người hiểu rõ tình thế hơn tôi.

Và chúng tôi đã đến Canterbury. Ở đây chúng tôi được biết còn một giờ nữa mới có tàu thủy đi Newhaven.

Tôi lặng lẽ nhìn chiếc tàu chờ hành lý của chúng tôi đang khuất dần từ xa. Lúc đó, Holmes cầm lấy tay áo tôi và chỉ về phía con đường sắt.

- Cậu thấy đấy, nhanh như chớp! - Anh ta lên tiếng.

Từ xa, trong cánh rừng Kent, một dòng khói nhỏ bốc lên. Có một con tàu chỉ kéo có một toa đã xuất hiện chỗ khúc cua trước khi vào nhà ga. Chúng tôi vừa kịp nấp sau những kiện hàng, chiếc tàu đã rú lên một tiếng đinh tai nhức óc chạy băng qua chỗ

chúng tôi và phả vào mặt chúng tôi một luồng hơi nóng bỏng.

- Đã đến! - Holmes thốt lên và đưa cặp mắt nhìn vào toa tàu đang chạy từ từ và dừng lại trên đường ray. - Cậu thấy không, sự thông thái của anh bạn cũng có một giới hạn đấy chứ. Nếu hấn rút ra kết luận đúng như tớ đã làm và hành động thích hợp với nó thì có lẽ mọi chuyện thật quá phi thường.

- Hấn sẽ làm gì nếu hấn đuổi kịp chúng ta?

- Còn nghi ngờ gì nữa, hấn muốn giết tớ. Kệ thầy hấn, tốt nhất là tớ không nên đợi đến lúc hấn ta hạ tay xuống. Bây giờ chỉ còn một vấn đề nan giải nhất: chúng ta nên ăn sáng ở đây hay là cứ chịu mang bụng đói đến Newhaven?

Ngay đêm hôm ấy, chúng tôi đã đi đến Brussels và lưu lại đấy hai ngày. Sang sáng thứ ba đến Strasbourg.

Sáng thứ hai, Holmes đã đánh một bức điện cho cảnh sát London, và đến tối khi quay về khách sạn, chúng tôi đã thấy bức điện trả lời. Holmes lật xem bức điện, và tức tối ném nó vào lò.

- Đáng lý ra, tớ phải tiên liệu trước chuyện đó mới phải - Anh ta rên rỉ. - Nó đã tẩu thoát, đã lọt lưới!

- Moriarty?

- Cảnh sát đã tóm gọn cả băng, nhưng chỉ riêng hấn ta lại lọt lưới! Bời tớ đã đi khỏi, bọn cảnh sát kia làm sao địch nổi hấn, mặc dù tớ rất tin là đã cung cấp cho cảnh sát tất cả các đầu mối. Watson, có lẽ tốt nhất cậu nên quay về nước Anh.

- Tại sao vậy?

- Bây giờ tớ là một người bạn đường nguy hiểm. Con người ấy đã bị mất hết tất cả. Nếu trở lại Anh quốc hấn sẽ bị bắt ngay. Theo tớ được biết về tính cách của hấn thì bây giờ hấn đang tập trung tất cả nỗ lực của mình để trả thù tớ. Hấn đã trắng trợn nói điều đó với tớ trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi hôm ấy. Tớ tin đó không phải là một lời dọa suông. Tớ thành thật khuyên cậu hãy trở về nước Anh.

Nhưng tôi là một cựu chiến binh, là bạn cũ lâu đời của Holmes, tất nhiên tôi không thể nào ra đi trong giây phút này và mặc lòng để anh ở lại một mình. Khi ngồi ăn trong nhà hàng của khách sạn Strasbourg, chúng tôi đã tranh luận về chuyện này hơn nửa giờ. Ngay ngày hôm đó, chúng tôi đi đến Geneva.

Suốt một tuần chúng tôi đi lang thang khắp thung lũng Rhone, và bỏ lại đằng sau thị trấn Leuk; chúng tôi vượt qua những con sông còn phủ đầy một lớp băng cứng; tiếp tục tiến qua Interlaken, đến Meiringen. Một cuộc dạo chơi đầy thú vị. Màu xanh của mùa

xuân đang mơn mớn, dưới đất, trên đầu chúng tôi là một màn tuyết trắng bao phủ. Nhưng tôi biết Holmes không khi nào sao lãng mỗi đe dọa đang treo trên đầu anh. Trong những xóm làng trù phú, ẩm cúng, hay trên các con đường mòn quanh hiu dọc sườn núi đâu đâu tôi cũng bắt gặp cái nhìn rất nhanh và chòng chọc của anh, như muốn xem xét từng khuôn mặt của từng người mà anh gặp. Rõ ràng anh hoàn toàn tin vào mỗi nguy hiểm không thể tránh khỏi đang từng bước đuổi theo chúng tôi.

Tôi vẫn nhớ mãi một trường hợp thế này: Chúng tôi đi qua vùng Gemmi và đang dạo dọc bờ hồ Daubensee, bỗng có một tảng đá lớn từ bên phải đang lao xuống và rơi xuống hồ ngay sau lưng chúng tôi. Holmes vội lao lên tít trên đỉnh ngọn tháp chăm chú quan sát, theo dõi. Người phiên dịch nói cho anh yên tâm là chuyện đá lở vào mùa xuân là một hiện tượng rất bình thường ở vùng này. Holmes không nói gì, nhưng đã cười với tôi với dáng điệu của một người biết trước sự kiện này từ lâu. Trái với sự lo lắng của mình, anh không chút nào tỏ ra rầu rĩ u phiền. Ngược lại, chưa bao giờ tôi thấy anh đang trong một tâm trạng phấn chấn vui vẻ như hôm ấy. Anh đã lặp đi lặp lại nhiều lần một điều là nếu tay giáo sư Moriarty bị vạch trần trước xã hội, anh sẽ vui lòng chấm dứt công việc của mình.

- Watson, tớ cảm thấy tớ hoàn toàn có quyền để nói rằng tớ đã sống một cuộc đời không phải là vô ích. - Anh nói. - Và thậm chí ngay bây giờ con đường đời của tớ kết thúc, tớ cũng có phần nào khuây khỏa trong lòng: Nhờ tớ mà bầu không khí của thành London được trong sạch hơn. Tớ đã tham gia hơn một nghìn vụ án và đảm bảo với cậu tớ chưa bao giờ lạm dụng uy tín, ảnh hưởng của mình để giúp đỡ những việc phi nghĩa. Thật ra, trong thời gian gần đây, công việc lôi cuốn, hấp dẫn tớ hơn là nghiên cứu những câu đố mà bản thân thiên nhiên đặt ra trước mặt; cũng như những vấn đề cấp thiết cần được giải quyết mà trách nhiệm của bộ máy chính quyền quá non nớt không thể đảm nhận nổi. Watson, vào ngày mà tớ kết thúc đường công danh của mình bằng một cú bắt sống tóm gọn, cũng có khi sẽ phải tiêu diệt một tên phạm pháp nguy hiểm nhất và tài ba nhất châu Âu, thì lúc ấy, cuốn sổ ghi chép những hồi ký của cậu sẽ đi đến chỗ kết thúc.

Giờ tớ đang cố gắng để hoàn thành nốt công việc chưa được nói đến, sao cho thật chính xác. Tớ cố gắng nắm thật kỹ những tình tiết, điều này không phải là dễ. Nhưng tớ đặt ra cho mình trách nhiệm là không bỏ sót chi tiết nào là nhỏ nhất.

Ngày 3 tháng 5, chúng tôi đến làng Meiringen, và dừng trú ở khách sạn "Anh quốc". Ông chủ khách sạn là một người vui nhộn, tinh pha trò và nói tiếng Anh rất sõi, bởi ông đã từng làm bồi bàn ở khách sạn "Grosvenor" ở Anh gần ba năm. Mồng 4 tháng 5, sau buổi trưa, theo lời khuyên của ông chủ, cả hai chúng tôi rủ nhau lên núi dạo chơi, với ý định sẽ ngủ lại ở làng Rosenlauri. Ông ta cũng khuyên chúng tôi nên tham quan thung lũng thác Reichenbach nằm lưng chừng ngọn núi; nhưng gần đây một chút là khu vực đáng sợ nhất. Một dòng thác lũ do những tảng băng tan đang tuôn xối xả xuống một vực thẳm không đáy, bọt nước tung như hơi khói bốc lên từ một ngôi nhà. Một khe rãnh: nơi dòng thác đổ vào, được chất đầy những tảng đá to tướng đen đui như than. Ở phía dưới, trong lòng độ sâu không thể nào đo được ấy là các khe bị thu

hẹp lại, biến thành cột cái giếng đang sôi âm âm, giếng này luôn luôn được bổ sung thêm nước từ trên róc xuống với một sức mạnh kinh khủng đã làm cho nước bắn tung toé trở lại, hắt ngược lên tới mồm núi cao. Tất cả những cảnh tượng ấy, làm cho con người cảm thấy choáng ngợp, làm cho ta điếc tai, bởi những tiếng gầm không ngớt.

Chúng tôi đã leo lên theo con đường có hình dáng một nửa vòng tròn; nhờ vậy mà những nhà du lịch có thể nhìn thấy quang cảnh thác nước. Con đường kết thúc một cách đột ngột, không còn đường nào đi tiếp. Vì vậy, người nào đã leo lên rồi, buộc lòng phải quay lại chính con đường đã đi lên. Vừa lúc chúng tôi quay xuống, thì bỗng dừng trông thấy một thằng bé Thụy Điển. Thằng bé chạy lại chỗ chúng tôi, trên tay cầm một bức thư. Trên phong bì có đóng dấu của khách sạn, nơi chúng tôi thuê trọ. Dường như đó là bức thư do ông chủ khách sạn viết và gởi cho tôi. Ông ta viết rằng: Chúng tôi vừa ra khỏi khách sạn vài phút, có một bà người Anh đi đến, bà ta đang nằm trong giai đoạn cuối cùng của bệnh lao phổi. Bà ta sống qua mùa đông ở Davos, bà định đến thăm bạn bè ở Lucerne. Nhưng trên đường đi bỗng bà ta ho ra máu. Hình như bà ta không còn sống được bao lâu nữa, cùng lắm chỉ trong vài tiếng đồng hồ. Nhưng đối với bà ta không có gì an ủi động viên bằng việc được trông thấy một người bác sĩ người Anh ở bên cạnh. Nếu tôi đi đến với bà ta thì.... ở đoạn tái bút, ông ta còn nói thêm, chính ông ta sẽ đội ơn tôi rất nhiều, nếu tôi đồng ý quay lại khách sạn, bởi người đàn bà kiên quyết cự tuyệt không muốn thuê nhờ một bác sĩ người Thụy Điển.

Tôi không thể nào từ chối, không thể nào thoái thác yêu cầu của một bạn đồng hương đang chết dần chết mòn nơi đất khách quê người. Nhưng cùng lúc ấy tôi rất lo ngại nếu bỏ mặc Holmes ở lại một mình. Cuối cùng chúng tôi quyết định như sau: thằng bé mang thư đến sẽ là người phiên dịch và bạn đường với anh, còn tôi sẽ quay lại xóm Meiringen. Bạn tôi còn muốn ở lại nơi thác nước một lúc; sau đó sẽ đi bằng qua mấy ngọn đồi để đi đến Rosenlauri, và ở đấy tối tôi sẽ gặp anh. Khi đi ra được một đoạn, tôi quay lại nhìn; Holmes đang đứng, cúi nhìn xuống tảng đá, hai tay bắt chéo sau lưng. Lúc bấy giờ, tôi đâu có hay rằng không bao giờ tôi còn gặp bạn tôi nữa. Đến chân núi, tôi còn nhìn lên một lần nữa, tôi không còn nhìn thấy thác nước, nhưng tôi dõi theo con đường dẫn tới thác nước chạy dọc theo sườn núi. Có một người đàn ông đang gập gáp trên con đường đi lên. Hình như bóng đen sậm của ông ta trông rất rõ trên nền xanh rục rịch kia. Tôi ngờ ngợ ra cái dáng đi tất bật của ông ta, nhưng chính tôi lúc ấy cũng rất vội đến bệnh nhân của mình, nên chỉ một thoáng tôi đã quên con người ấy.

Gần một giờ sau tôi đến khách sạn ở Meiringen, ông chủ khách sạn đang đứng ở cửa.

- Thế nào? - Tôi đến gần ông ta và lên tiếng hỏi.

- Hy vọng là tình hình bà ấy không quá bi đát?

Nét mặt ông ta lộ rõ vẻ ngạc nhiên, sừng sốt cặp lông mày rướn lên. Tim tôi bỗng thót lại, nhói đau.

- Nghĩa là không phải ngài đã viết cái này? - Tôi lấy bức thư trong túi ra và hỏi.

- Ở khách sạn có một bà bệnh nhân người Anh không?

- Tất nhiên là không. - Ông ta thét lên. - Có chuyện gì thế? Ngoài phong bì đóng dấu khách sạn tôi? À, tôi nhớ ra rồi! Có lẽ bức thư này do một người Anh cao cao đã viết.

Ông ta đến khi hai ngài vừa bước ra. Ông ta nói rằng....

Nhưng tôi không tài nào ngồi nghe những lời giải thích dài dòng của ông ta. Bị một nỗi lo sợ bao trùm, tôi vội vàng cầm đầu cầm cổ chạy theo con đường tắt dẫn đến chân núi.

Tôi mất gần trọn một giờ để chạy xuống núi, và hoặc dù tôi đã dồn tất cả sức lực của mình để chạy, nhưng cũng mất đứt hai giờ đồng hồ tôi mới đến được thác nước ban nãy. Chiếc gậy của Sherlock Holmes vẫn nằm bên cạnh tảng đá, còn anh thì không thấy đâu. Tôi đã gọi, đã gào thét tên anh, nhưng vô ích.

Câu trả lời duy nhất là tiếng vọng dội lại tiếng gào thét của tôi từ những tảng đá dốc dựng đứng bao quanh.

Khi thấy cây gậy, tôi lạnh toát cả người: nghĩa là Holmes không đi đến Rosenlauri. Anh đang còn quanh quẩn đâu đây, trên con đường mòn bề rộng chỉ có 3 foot, được bọc bởi một phía bức tường đá dựng đứng. Kẻ thù đã gặp anh tại đây. Thằng bé người Thụy Điển cũng biến mất. Có lẽ thằng bé đã bị tên Moriarty mua chuộc để cho hai kẻ đối mặt với nhau. Còn chuyện gì đã xảy ra? Ai có thể nói được! Tôi đứng yên như vậy chừng hai phút, hết sức bối rối vì sợ hãi, và cổ trắn tĩnh lại. Tôi nhớ lại những phương pháp của bạn tôi, và tôi thử đem ra vận dụng, với hy vọng sẽ làm sáng tỏ những gì tang thương đã xảy ra. Than ôi! Chuyện ấy mới dễ làm sao? Trong lúc chuyện trò chúng tôi chưa đi hết lối mòn, và cây gậy rơi vào đúng chỗ chúng tôi dừng lại. Mảnh đất đen màu mỡ, chưa bao giờ khô vì quanh năm suốt tháng những giọt nước tung tóe bắn lên. Ngay cả con chim đậu cũng để lại dấu nữa là.

Có hai hàng bước chân còn in rõ nét ở đoạn cuối chỗ lối mòn.

Những vết chân này đều đi ra xa, còn dấu quay trở lại không thấy đâu hết. Cách mấy bước chân nữa là tới chỗ vực, toàn bộ đất ở đây bị giày xéo, dẫm nát và đào bới tung lên. Những cây dương xỉ mọc gần vực thẳm đã bị dẫm lên và dây bần. Tôi nằm sấp xuống và bắt đầu nhìn chăm chú vào dòng nước đang gào thét. Bây giờ tôi đã trông thấy những tảng đá vừa mới được bóng lên do ai dẫm lên. Tôi gào thét nhưng những tiếng vang dội đã lấn át hết giọng hét của tôi.

Thật may mắn, lời chào cuối cùng của bạn tôi đã đến với tôi. Chiếc gậy nằm lại được dựng nghiêng vào vách đá, và ngay phía trên có một vật gì đó lấp lánh sáng. Tôi đưa tay với lấy, và thấy đó là hộp đựng thuốc bằng bạc mà Holmes vẫn hay mang nó trong người. Khi tôi cầm lên có vài tờ giấy nằm phía dưới bỗng rơi xuống đất. Tôi nhặt lên. Đó là ba tờ giấy được xé từ một quyển sổ tay, và trên đó có đề dòng chữ gởi cho tôi. Địa chỉ ghi khá rõ nét, chữ rõ ràng, chừng chặc, dường như Holmes đang viết nó trong phòng.

“Watson thân mến, điều ghi trong mẫu thư này là do sự nhĩa ý của ngài Moriarty. Tôi ngồi viết cho cậu mấy dòng. Ông ta đang đợi tôi để giải quyết dứt điểm những vấn đề có liên quan đến tôi cả hai. Ông ta đã kể qua loa cho tôi nghe cách thức mà ông ta đã đánh lạc hướng cảnh sát nước Anh, và nắm được cuộc hành trình của chúng mình. Tất cả những điều đó, một lần nữa khẳng định nhận xét của tôi về khả năng hiếm có của ông ta là đúng. Tôi thật thích thú, khi nghĩ rằng có thể vạch trần những việc làm không hay, những việc dính líu đến sự tồn tại của con người này. Nhưng tôi sợ rằng, điều đó có thể cũng phải trả một cái giá khá đắt. Việc này có thể làm cho bạn bè tôi buồn, đặc biệt là cậu, Watson ạ! Cần nói thêm với cậu là cuộc đời tôi đã đến lúc đi đến tận đĩnh của nó rồi, tôi không thể nào mong ước kết cục tốt hơn. Cũng nói cho cậu hay, bức thư

từ khách sạn Meiringen - đó là cái bẫy, chuyện này tớ không mảy may nghi ngờ. Sau khi cậu ra đi, tớ hoàn toàn yên tâm không còn ân hận gì hết. Cậu hãy chuyển cho ngài thanh tra Patterson những giấy má cần thiết dùng để vạch mặt băng cướp ấy. Hiện nay những tài liệu đó nằm ở trên bàn, trong chiếc hộp dưới chữ “M”.

Chiếc phong bì màu xanh với dòng chữ “Moriarty”. Trước khi từ giã nước Anh, tớ đã kịp làm tất cả những gì cần thiết và gửi nó ở đằng anh trai tớ Mycroft. Nhờ cậu gửi lời chào thân thiết của tớ tới vợ cậu.

Người bạn chung thủy của cậu Sherlock Holmes”

Những gì còn lại có thể gói gọn trong hai câu. Sau công việc khám xét hiện trường, người ta đều thống nhất cho rằng cuộc vật lộn giữa hai địch thủ đã kết thúc như thế này: Cả hai cùng bị rơi xuống vực thẳm mà vẫn không chịu buông tay ra.

Người ta cũng có ý định tìm kiếm tử thi, nhưng cũng không mang lại kết quả gì. Thân thể của một tên tội phạm nguy hiểm nhất và của một người bảo vệ công lý trứ danh nhất sẽ vĩnh viễn nằm dưới vực sâu thẳm, quanh năm nước sôi réo ầm ỹ.

Người ta cũng không tìm thấy thẳng bé con người Thụy Điển đâu cả. Có lẽ đó là một trong số những đặc phái viên do Moriarty tuyển chọn. Còn băng cướp độc ác có lẽ ở Luân Đôn mọi người vẫn còn nhớ, những chứng cứ do Holmes thu thập khá đầy đủ đã vạch mặt chỉ tên tất cả tổ chức ấy; và người ta đã khám phá ra đầu đảng cũng như linh hồn của tổ chức ấy chính là tay giáo sư Moriarty mà đáng lẽ phải bị còng bằng chiếc gông sắt. Trong quá trình ấy bản thân con người đáng sợ kia còn chưa được làm sáng tỏ. Nếu buộc lòng tôi phải nói lên toàn bộ sự thật về quá trình phạm pháp của hắn thì điều này sẽ động viên một số người bào chữa thiếu lương tâm và trách nhiệm, họ sẽ mưu toan minh oan cho hắn bằng những đòn công kích chống lại một con người, mà con người đó bao giờ tôi cũng cho rằng: một người cao thượng nhất, sáng suốt nhất trong những người mà tôi quen biết.

Kết Thúc (END)

Phần D: The Return of Sherlock Holmes 1904 (Sherlock Holmes trở về)

D.1 - The Adventure of the Empty House 1903 (Ngôi nhà trống không)

Vào mùa xuân năm 1894, cả thành phố Luân Đôn đều bàn tán xôn xao về vụ ám sát bá tước Ronald Adair trẻ tuổi. Vụ ám sát xảy ra trong một bối cảnh khác thường và đầy bí ẩn. Đông đảo công chúng đều biết đến những tình tiết của vụ án, theo cách đánh giá chủ quan của cảnh sát. Nhưng vì lý do nào đó, phần lớn những tình tiết phải giấu kín. Mười năm trôi qua, hiện giờ tôi mới có khả năng bổ sung thêm những mất xích còn thiếu trong chuỗi sự kiện đầy bí ẩn kia. Bản thân vụ án đã là một điều lý thú; nhưng những hậu quả không lường trước được đối với tôi còn quan trọng hơn gấp nghìn lần. Nhưng hậu quả này, làm cho tôi bàng hoàng, chấn động hơn tất cả những gì mà tôi từng gặp trong đời mình; dù cuộc đời của tôi nếu không có sự kiện ấy thì cũng đã chứng kiến nhiều cuộc trình thám ly kỳ.

Thậm chí ngay bây giờ, sau nhiều năm, tôi vẫn còn cảm giác run sợ, khi nghĩ lại câu chuyện xa xưa, và tôi vẫn bị một nỗi hoài nghi, thẳng thốt, vui buồn lẫn lộn bao trùm và xâm chiếm toàn bộ tâm hồn. Tôi mong các bạn độc giả, vẫn thường quan tâm tới những mẩu chuyện của tôi về những việc làm và những suy luận của một con người tuyệt vời hãy tha thứ cho tôi, vì việc tôi không chia sẻ với các bạn điều khám phá của mình. Tôi tự đặt cho mình một nghĩa vụ là phải báo cho các bạn tất cả sự thật, một khi tôi không còn bị ràng buộc bởi chuyện cấm đoán xuất phát từ chính ý muốn của bạn tôi. Câu chuyện ngăn cấm được phát ra cũng vừa mới đây, ngày mùng ba tháng trước.

Trong thời gian tôi và Sherlock Holmes còn gắn bó mật thiết với nhau tôi đã quan tâm một cách sâu sắc tới những chuyện hình sự. Kể từ khi anh biệt tăm mất tích, tôi trở thành kẻ thường xuyên theo dõi trên các báo chí tất cả các vụ án chưa được khám phá. Đôi lúc, để thỏa mãn tính hiếu kỳ, tôi đã có ý định tham gia vào chuyện phá án, tôi sử dụng những phương pháp, thủ thuật như của bạn tôi thường làm, mặc dù còn lâu tôi mới đạt được trình độ ấy.

Tuy thế, không có vụ án nào lại làm cho tôi hồi hộp, lo âu bằng câu chuyện tang thương của Ronald Adair. Trong số tài liệu điều tra, có đoạn nói thế này :

“Vụ ám sát đã được tính toán từ trước và do một người hoặc một nhóm người lạ thực hiện”.

Sau khi đọc xong lời nhận xét như vậy, tôi càng thấy thấm thía hơn bao giờ hết rằng cái chết của Sherlock Holmes đã gây cho Tổ quốc chúng ta một tổn thất to lớn biết nhường nào. Trong chuyện này, nhất thiết phải có những tình tiết làm cho Sherlock

Holmes chú ý; và như vậy hoạt động của cảnh sát sẽ được bổ sung đầy đủ và đạt kết quả hơn nếu như họ có sự giúp sức của bộ óc thông minh và đôi mắt quan sát tinh tế của nhà thám tử sành sỏi nhất Châu Âu này.

Sau khi đi thăm bệnh nhân cả ngày về, tôi lại tập trung vào những suy nghĩ làm tôi nhức đầu, đó là câu chuyện của Adair, nhưng tôi không thể nào tìm ra được một lời giải đáp thỏa đáng. Tôi đánh bạo lặp lại những gì mà mọi người đã biết, tôi cũng muốn nêu lên những dữ kiện theo dạng đã được thông báo cho công chúng biết, sau khi kết thúc cuộc điều tra.

Ngài Ronald Adair là con trai thứ hai của bá tước Maynooth - Bá tước Maynooth là tổng đốc toàn quyền một khu vực thuộc địa của người Anh ở Áo. Người mẹ của Adair đã từ Áo đến nước Anh để giải phẫu mắt, cắt bỏ cái vây mọc ở mắt; và đã cùng cậu con trai Adair và cô con gái Hilda sống ở Park Lane, số nhà 427.

Chàng thanh niên thường giao du với những người tốt, và hình như không có địch thủ nào; cũng chưa làm gì đáng chê trách. Đã có thời chàng đã đính hôn với tiểu thư Edith Woodley ở bang Carstairs, nhưng trước khi xảy ra vụ án mạng vài tháng thì cả chú rể lẫn cô dâu đã quyết định chia tay nhau : không ai hỏi hặn về chuyện này cả. Nói chung, cuộc đời của chàng thanh niên trai trẻ chỉ bó hẹp trong quan hệ gia đình và trong giới thượng lưu. Tính tình anh ta điềm đạm, thói quen và sở thích không có gì xấu. Thế nhưng một cõi chết bất ngờ nhất và kỳ lạ nhất đã chộp đi một nhà quý tộc trẻ vô tư chuyện đó xảy ra vào khoảng 23 giờ 10 phút đến 23 giờ 20 phút ngày 30 tháng 3 năm 1894.

Ronald Adair là một người thích cờ bạc, nhưng chưa bao giờ tỏ ra vượt quá giới hạn. Anh ta là thành viên của ba câu lạc bộ : Baldwin, Cavendish và Bagathel. Người ta đã điều tra và xác định rằng, trong ngày bị giết, sau bữa cơm chiều, Ronald đã chơi một ván bài ở câu lạc bộ Bagathel. Thậm chí, trước bữa cơm chiều anh ta cũng có chơi ở đấy rồi. Những người cùng chơi với anh ta là : ngài Murray, ngài John Hardy và ngài đại tá Moran.

Adair bị thua mất năm bảng Anh. Gia tài của anh ta khá lớn, nên việc thua bạc như vậy không làm cho anh ta bận tâm chút nào. Anh ta hầu như ngày nào cũng chơi và thường là được bạc.

Những lời khai của các nhân chứng đã làm sáng tỏ thêm một chuyện. Là khoảng một tháng rưỡi trước khi bị giết, Adair cùng chơi với ngài đại tá Moran, một buổi tối đã ăn của ngài Godfrey Milner và huân tước Balmoral 420 bảng. Đây là tất cả những gì biết được về những tuần cuối cùng của đời anh ta.

Vào buổi tối bất hạnh đó, anh ta từ câu lạc bộ trở về nhà đúng 22 giờ đêm. Mẹ và em gái anh ta đi vắng : họ đi thăm người quen chưa về. Người hầu gái thề rằng, cô ta đã nghe thấy anh ta bước vào phòng của mình. Căn phòng ấy nằm trên tầng hai, cửa sổ hướng ra đường phố, anh dùng làm phòng tiếp khách. Trước khi bá tước trẻ tuổi về, người hầu gái vừa nhóm lò sưởi xong, lò sưởi vẫn còn bốc khói nghi ngút, cô ta phải mở toang các cửa sổ để thoáng khói. Trước 23 giờ 20 phút không hề nghe một động tĩnh nào phát ra từ căn phòng của bá tước. Lúc ấy bà Maynooth và cô con con gái về đến nhà. Bà Maynooth muốn ghé lại chỗ cậu con trai để chúc cậu ngủ ngon, nhưng cánh cửa phòng đã được khóa chặt bên trong; mặc cho người ta gào thét, đập cửa, không một ai lên tiếng. Thấy vậy người mẹ hô hoán lên, bắt người nhà phải phá cửa. Chàng thanh niên xấu số đang nằm gục dưới sàn nhà, ngay cạnh chiếc bàn. Đầu anh

ta bị một viên đạn súng lục bắn trúng, trông thật khủng khiếp. Nhưng rất kỳ lạ là trong phòng không thấy một thứ vũ khí nào hết.

Trên bàn có hai tờ ngân phiếu trị giá 10 bảng Anh và 17 đồng bảng Anh với 10 silinh, bảng bạc có, bảng vàng có. Những đồng bạc được xếp thành từng chồng nhỏ với từng loại giá trị khác nhau. Bên cạnh những đồng bạc là một tờ giấy có ghi những con số và ngang hàng với những con số đó là tên những người bạn cùng câu lạc bộ của Adair.

Từ dữ kiện này có thể rút ra một nhận xét :

Trước khi chết, chàng trai đã tính toán những ván thua, thắng bạc của mình.

Sau khi nghiên cứu kĩ các dữ kiện, công việc càng trở nên rối rắm, mù mịt hơn. Một điều làm chúng ta khó hiểu : vì sao chàng trai phải khóa chặt cửa từ bên trong? Thực ra kẻ giết người cũng có thể khóa cửa, rồi trèo qua cửa sổ để tẩu thoát.

Nhưng dưới những cánh cửa sổ là những bồn hoa hồng lại không hề bị dẫm nát; hơn nữa từ cửa sổ đến mặt đất phải đến 20 foot. Không một cây hoa nào bị giầy xéo, làm nát. Ngay cả lớp đất giữa nhà và con đường cũng không hề có một dấu vết nào. Rõ ràng là chính Adair đã tự tay khóa cửa. Nhưng sao cái chết lại đột ngột dội vào đầu anh ta? Cứ giả thiết rằng tên sát nhân đã bắn qua cửa sổ, thì đó phải là một phát súng rất đặc biệt, vì chỉ bằng một viên đạn súng lục đã giết chết chàng trai ngay lập tức với một khoảng cách quá xa như vậy thì đâu phải chuyện dễ dàng? Hơn nữa, Park Lane là một đường phố nhộn nhịp, đông người qua lại; cách nhà 100 acđơ có một trạm xe ngựa. Không một người nào nghe thấy tiếng súng nổ. Vậy mà, có một người bị ám hại nằm xuống chỉ với một viên đạn súng lục bắn xuyên thủng đầu? Xét theo vết thương thì chính viên đạn kia là nguyên nhân gây ra tử vong. Bối cảnh vụ án đầy bí ẩn ở Park Lane là như vậy! Một vụ giết người có ẩn số đầy bí hiểm bởi thiếu hoàn toàn những nguyên do xác đáng, lôgic. Anh bạn trẻ Adet không hề có địch thủ, còn tiền nong cũng như giấy tờ quý giá khác thì không hề suy suyển.

Suốt ngày tôi suy đi, nghĩ lại trong óc tất cả những dữ kiện ấy, với tham vọng cố đặt ra cho nó một giả thiết có phần nào phù hợp và đủ sức thuyết phục.

Tôi cố gắng tìm ra “điểm ít khả năng bị bác bỏ nhất” điều mà người bạn xấu số của tôi luôn luôn lấy làm kim chỉ nam cho các công cuộc khám phá. Tôi thành thật thú nhận mình hoàn toàn không đạt được ý đồ đó.

Buổi chiều tôi thơ thẩn, lang thang trong công viên: khoảng 18 giờ, bỗng dưng tôi đi đến góc phố giữa đường Park Lane và đường Oxford không hề có ý định trước. Tôi thấy một nhóm người vô công rồi nghề đang túm năm tụm ba, nhòm ngó vào một chiếc cửa sổ ngôi nhà đã xảy ra vụ án mạng đầy bí ẩn. Một gã đàn ông cao, gầy đeo kính râm to, - tôi nghĩ chắc là một thám tử giả dạng - đang thử nêu một giả thiết về án mạng, những người tò mò bao quanh ông ta chặt cứng, chăm chú lắng nghe. Tôi cũng định xán lại, nhưng khi nghe loáng thoáng những nhận định, phán đoán ngu xuẩn, tôi có cảm giác kinh tởm và thối lui. Vô tình tôi đụng phải một ông già gù lưng đứng phía sau, mấy cuốn sách mà ông ta đang kẹp nách bị rơi ra. Trong lúc cúi xuống nhặt giúp mấy cuốn sách cho ông lão, tôi chợt đọc thấy một tên sách “Sự ra đời và việc sùng bái cỏ cây”. Tôi thoáng nghĩ : thật là một con mọt sách tội nghiệp; chắc vì để kiếm sống, hoặc vì yêu thích nghệ thuật, nên đã cố sưu tầm những cuốn sách quý hiếm. Tôi định nói vài câu xin lỗi cho sự vô tình của mình đã làm rơi những vật mà chủ nhân của nó nâng niu, trân trọng; nhưng ông già càu nhàu, tức tối và khinh khỉnh quay đi. Chỉ một loáng cái lưng gù gù và bộ râu quai nón bạc trắng của ông đã lẫn vào đám đông.

Những quan sát ở ngôi nhà 427 phố Park Lane đã giúp tôi được chút ít trong công việc khám phá lời giải đáp mà tôi quan tâm. Ngôi nhà được ngăn cách với đường phố bằng một bức tường thấp, trên tường có chằng dây thép. Dây thép cao chưa đến 5 foot. Mọi người dễ dàng lọt được vào vườn. Nhưng trèo lên cửa sổ thì khó thực hiện được, vì không có ống thoát nước, không hề có một cái gờ nào nhô ra, cho nên ngay cả một nhà thể thao điều luyện nhất cũng không thể trèo lên theo bức tường được.

Càng thấy mơ hồ hơn, tôi quay về phố Kensington để về nhà. Tôi bước vào phòng mình chưa đầy 5 phút thì người hầu gái đã báo với tôi là có một người khách muốn gặp tôi. Tôi thật sửng sốt và ngạc nhiên, vì đó không phải ai xa lạ, mà chính là ông già gù gù, thích sưu tầm sách quý tôi gặp lúc chiều. Bộ tóc bạc phau, tràm gần kín khuôn mặt nhăn nheo, nhọn hoắt của ông. Ông kẹp ở nách có đến một tá những cuốn sách loại quý :

- Chắc ngài rất ngạc nhiên vì sự có mặt của tôi?

- Ông ta hỏi với giọng the thé rất kì dị.

Tôi thú nhận là ông ta đoán đúng.

- Ngài thấy không, tôi là một người lịch sự. Tôi lữ thường đi theo con đường mà ngài đi, tôi chợt thấy ngài bước vào ngôi nhà này. Tôi tự nhủ với mình là cần ghé lại gặp con người lịch thiệp kia để xin lỗi. Nếu tôi có thô thiển lỗi bịch với ngài, thì thú thật tôi cũng không có ý định làm cho ngài bức dọc. Tôi mang ơn ngài rất nhiều, vì ngài đã hạ cổ cúi nhất giúp tôi những cuốn sách.

- Chuyện nhỏ nhặt ấy, không nên bận tâm làm gì. - Tôi đáp. - Ngài cho phép tôi được hỏi, làm sao ngài biết được tôi là người như thế nào?

- Tôi cũng xin mạnh dạn nói với ngài rằng là hàng xóm láng giềng với ngài. Tiệm sách bé nhỏ của tôi nằm ở góc phố Church, tôi rất hân hạnh nếu được ngài ghé lại chơi. Có lẽ ngài cũng là người ham mê sách? Tôi xin giới thiệu với ngài đây là cuốn "Những giống chim ở British", "Catullus", "Cuộc chiến tranh thiêng liêng". Ngài mua đi, tôi sẵn sàng bán giá rẻ. Năm tập này, vừa vặn đủ lấp kín chỗ trống ở ngăn thứ hai tủ sách của ngài. Tôi thấy hình như giá sách của ngài không được đẹp mắt lắm thì phải, thưa ngài?

[/align]
Tôi ngoái cổ để nhìn lại giá sách, khi quay lại thì tôi không thể tin ở mắt mình được nữa: Sherlock Holmes đang đứng ngay bên chiếc bàn của tôi và đang cười. Tôi khuyu xuống vài giây.

Tôi ngơ ngác nhìn anh, và sau đó thì, có lẽ đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, tôi đã bị ngất. Tôi chỉ mang máng nhớ là có một đám mây xám đang nhập nhòa trước mắt. Khi đám mây tan biến đi, tôi thấy cổ áo của mình bị mở phanh ra và tôi ngửi thấy thoang thoang mùi rượu Cô nhắc. Holmes vẫn đứng đấy trên tay cầm chai rượu, đầu hơi cúi xuống.

- Watson thân mến! - Một giọng nói khá thân thuộc cất lên - nghìn lần tớ xin lỗi cậu. Tớ không ngờ cái ấy lại gây cho cậu một xúc động mạnh như vậy.

Tôi nắm lấy tay anh.

- Holmes! - Tôi thốt lên. - Có phải thật cậu không? Chẳng lẽ cậu vẫn còn sống ư? Không thể nào tin được, làm sao cậu vượt lên được cái thác nước khủng khiếp ấy?

- Hãy đợi chút đã. - Anh nói. - Không biết cậu đã bình tĩnh lại chưa? Rõ ràng sự xuất hiện quả đường đột của tớ đã làm cho cậu choáng váng.

- Tớ đã bình tĩnh lại rồi. Nhưng thú thật với cậu, tớ không còn tin vào mắt mình nữa.

Thật hú vía! Chẳng lẽ chính cậu đấy ư? Không phải ai khác đang đứng trong phòng tớ đấy chứ?

Tôi lại nắm lấy cánh tay anh và bóp nắn cánh tay gân guốc.

- Đúng rồi, chính là cậu rồi, không còn nghi ngờ gì nữa, - Tôi tiếp. - Bạn yêu mến của tôi ơi! Tớ hạnh phúc biết bao khi được gặp lại cậu! Hãy ngồi xuống cái đã, và hãy kể vắn tắt cho tớ nghe, bằng cách nào cậu thoát khỏi vực thẳm kia?

Holmes ngồi xuống đối diện với tôi, với dáng điệu quen thuộc như xưa, anh lấy thuốc ra châm hút. Anh vẫn đang mặc chiếc áo đã sờn với dạng của người bán sách cũ, nhưng những thứ dùng để cải trang như bím tóc bạc, túi đựng sách cũ.... đã nằm trên bàn. Tôi có cảm giác anh gầy hơn xưa, cái nhìn của anh có vẻ sắc sảo hơn. Khuôn mặt trắng xanh nhợt nhạt của anh chứng tỏ trong thời gian qua, anh đã ném nhiều khổ cực, đã trải qua một chặng đường đời khắc khổ không có lợi cho sức khỏe.

- Watson, được đuổi thẳng người ra thật khoan khoái! - Anh lên tiếng,

- Một người cao lớn như tớ, không dễ dàng gì mà rút đi một foot; và bắt buộc giữ tình trạng đó suốt mấy tiếng đồng hồ. Bây giờ, chúng ta sẽ đề cập đến những vấn đề cực kỳ nghiêm trọng.... Tớ muốn cầu cứu sự giúp đỡ của cậu, nếu cậu không phản đối. Cả hai chúng mình sẽ phải thức trắng suốt đêm nay với một công việc nặng nhọc đầy nguy hiểm. Tốt nhất, nên để chuyện cuộc phiêu lưu của tớ đến lúc công việc kia giải quyết xong xuôi.

- Nhưng tớ đang cháy ruột, cháy gan vì tò mò. Holmes, tớ nóng lòng được cậu kể ngay bây giờ.

- Cậu có đồng ý đi với mình đêm nay không?

- Đi bất cứ nơi đâu, bất kỳ lúc nào, tùy cậu.

- Hoàn toàn như ngày xưa. Chúng ta vẫn còn kịp giải lao cho thư thả trước lúc lên đường.... Nào, bây giờ tớ bắt đầu câu chuyện về cái thác nước. Nguyên nhân đơn giản làm cho tớ lên được khỏi vực thẳm, là tớ chưa hề bị rơi xuống đó.

- Cậu không bị rơi xuống vực à!

- Đúng thế, Watson ạ, không hề bị rơi. Thế nhưng, mẩu thư tớ viết cho cậu hoàn toàn là sự thật. Khi bóng dáng độc ác của giáo sư Moriarty xuất hiện trên lối mòn chật hẹp, chặn ngăn con đường giải thoát duy nhất của tớ, lúc ấy nghĩ, mọi chuyện đối với tớ như vậy đã chấm dứt. Trong đôi mắt màu nâu của hắn, tớ đọc được quyết định không thể nào lay chuyển nổi về số phận của tớ. Tớ trao đổi với hắn vài ba câu, hắn lịch sự cho phép tớ được viết một mẩu tin ngắn ngủi, cậu đã nhận được bức thư. Tớ để lá thư cùng hộp thuốc và cây gậy lại, còn tự mình đi theo lối mòn tiến về phía trước. Moriarty đi theo sau tớ từng bước một. Khi đến đoạn cuối cùng của lối mòn, tớ dừng lại, bởi có đi tiếp cũng không còn đường nào hết. Hắn không thềm lấy ra một thứ vũ khí gì, vội lao vào tớ và hắn dùng đôi tay dài ngoằng của mình chộp lấy tớ. Hắn biết, cuộc đời của hắn đã tới số, hắn chỉ cần thực hiện một việc là trả thù tớ. Không thềm buông ra, tớ với hắn giằng co ngay bên mép vực thẳm. Nhưng, nhờ tớ biết vài miếng võ Judo Nhật Bản, khoản này đã giúp tớ không ít trong công việc, tớ kịp thoát ra khỏi người hắn. Hắn thét lên nghe thật man rợ, loạng choạng vài giây, hai tay chơi vơi trong không trung. Mặc dù hắn cố gắng hết sức, nhưng vẫn không thể giữ nổi thăng bằng và ngã xuống. Đứng trên bờ vực thẳm, tớ nhìn theo rất lâu xem hắn bị rơi xuống vực như thế nào? Tớ thấy hắn va vào gờ của một tảng đá và chìm ngấm dưới nước.

Tôi lắng nghe Holmes kể với tâm trạng hồi hộp vô cùng.

Còn anh vẫn thản nhiên, vừa kể vừa thả khói thuốc một cách khoan thai.

- Nhưng còn các vết chân! - Tôi thốt lên. - Chính tớ, bằng mắt mình đã trông thấy rõ rành rành hai dãy bước chân cùng đi lên theo lối mòn, dấu quay lại không hề có.

- Chuyện ấy xảy ra như thế này. Trong giây phút, khi giáo sư Moriarty rơi xuống vực; tớ hiểu rằng, vận may đã đến với tớ một cách không ngờ. Tớ biết rằng không phải chỉ có một mình Moriarty đang tìm cách giết tớ. Ít nhất phải có ba tên đồng bọn, cái chết của thủ lĩnh sẽ đốt cháy trong tim bọn nó một sự khao khát trả thù. Đó là một lũ người cực kỳ nguy hiểm. Trong tương lai, sẽ có một tên nào đó trong bọn chúng thực hiện mưu đồ làm hại tớ. Nếu chúng nghĩ rằng tớ đã chết, thì chúng sẽ hành động trắng trợn hơn, ít đề phòng và dễ dàng để lộ tung tích, lúc ấy, sớm hay muộn rồi tớ cũng có ngày tiêu diệt được chúng nó. Chỉ đến lúc này, tớ mới thông báo cho mọi người biết tớ vẫn còn sống! Bộ não của con người làm việc rất nhanh, Moriarty chưa kịp xuống tới đáy của vực nước Reichenbach tớ đã nghĩ xong kế hoạch đối phó rồi. Tớ đứng lên và quan sát bức tường đá sừng sững ở sau lưng. Trong đoạn miêu tả về cái chết tang thương của tớ, mà tớ rất thú vị đọc sau đó vài tháng, cậu cho rằng : bức tường đá hoàn toàn dựng đứng và trơn tuột. Không phải đúng hết như vậy. Trên tảng đá có vài chỗ gờ nhô ra, có thể đặt chân, bám vào được. Ngoài ra dựa vào các dấu hiệu, tớ tin sẽ có một cái hốc nào đấy ở trên cao.... Mỏm đá khá cao, rõ ràng không thể nào trèo lên đỉnh được, và cũng không thể đi theo lối mòn ẩm ướt mà không để lại dấu vết. Thực ra tớ cũng có thể mang giày cho gót lộn ngược cũng được, như tớ đã từng làm trong những trường hợp tương tự; nhưng ba dấu giày cùng đi theo một hướng, không thể tránh khỏi sự nghi ngờ rằng cố ý đánh lừa được.

Vì vậy tốt nhất cứ liều leo lên cao. Điều này không phải là dễ, thác nước đang réo ầm ĩ phía dưới. Tớ có cảm giác tiếng nói của Moriarty đang gọi tớ từ đáy vực thăm vọng đến bên tai. Đôi lúc, khi một nắm cỏ nằm lại trên bàn tay, hoặc bàn chân bị trượt theo cái gờ đá ẩm ướt láng lầy, tớ nghĩ rằng mọi việc đã kết thúc. Nhưng tớ vẫn tiếp tục bò lên, cuối cùng tớ bò lên chỗ nứt lổ khá sâu mọc đầy rêu xanh. Ở đây, tớ có thể nằm duỗi tay, duỗi chân mà không sợ ai nhìn thấy, tớ nghỉ một lát cho sáng khoái. Tớ đã nằm ở đây, trong lúc đó, cậu và những người được cậu mời tới, đã hoài công dựng lên bức tranh về cái chết của tớ.

Cuối cùng, sau khi đã rút ra kết luận hoàn toàn sai lầm về những diễn biến đã xảy ra, cậu quay về khách sạn, còn tớ nằm lại một mình. Tớ hình dung cuộc phiêu lưu của tớ đã kết thúc, nhưng một việc khá bất ngờ đã xảy ra, chứng tỏ là có một chuyện không kém phần ly kỳ đang chờ đợi tớ. Có một hòn đá to vỡ ra chọt bay vèo qua đầu tớ, rơi xuống lối mòn rồi rơi xuống vực. Lúc đầu tớ cứ nghĩ đó là một chuyện tình cờ. Nhưng, sau khi nhìn lên trên, tớ trông thấy một cái đầu của người đàn ông in trên nền trời đang tắt dần nắng. Đúng giây phút ấy, một hòn đá khác bay tới ngay sát cái hõm mà tớ đang nằm, cách đầu tớ chỉ vài inch. Tình thế đối với tớ đã quá rõ. Moriarty không phải chỉ đến một mình. Tên đồng bọn của hắn cũng khá nguy hiểm, thằng này chắc đứng canh giới, khi thằng Moriarty xông vào tấn công tớ. Từ xa, hắn đã chứng kiến cái chết của thủ lĩnh mình và thấy kẻ thù của hắn đã thoát nạn. Sau khi chờ đợi một lúc, hắn chạy vòng lên đỉnh bằng hướng khác và mưu toan thực hiện việc mà Moriarty đã không thành công.

Watson, tớ suy tính chuyện này rất nhanh. Sau khi nhìn quanh, tớ lại trông thấy bộ mặt dữ tợn của hắn và hiểu rằng, hắn là kẻ đã ném thêm viên đá nữa. Tớ quyết định bò xuống đến lối mòn. Tớ không biết, trong trạng thái bình thường, tớ có làm nổi chuyện ấy hay không? Tuột xuống khó gấp cả nghìn lần lúc leo lên. Nhưng không hơi đâu mà đắn đo, suy tính. Khi đó tớ đang treo người, hai tay bám vào mép của khe đá. Một viên đá thứ ba bay vù qua đầu tớ. Tụt được nửa đường, bỗng tớ trượt chân một cái, nhưng dẫu sao, tớ cũng đã đến lối mòn. Người bị rách bươm, thấm đầy máu, ba chân bốn cẳng tớ cầm đầu cầm cổ chạy. Trong đêm tối tớ chạy xuyên rừng, xuyên núi 10 dặm và một tuần sau tớ có mặt ở Flôrenx và tin chắc rằng : không một người nào trên đời này biết được số phận của tớ.

Chỉ một người biết được bí mật, đó là anh trai tớ - Mycroft. Nghìn lần xin lỗi cậu, Watson. Nhưng tớ bắt buộc phải làm như vậy, cứ để mọi người tưởng tớ chết thật là được rồi. Nếu không, không bao giờ cậu có thể viết lên những điều khẳng định chắc chắn về cái chết của tớ, nếu cậu tin rằng đó là sự thật. Trong ba năm ấy, đôi lần tớ định viết thư cho cậu, nhưng mỗi lần như vậy, tớ đành phải dằn lòng, vì sợ rằng mỗi mật thiết quá ư chặt chẽ giữa cậu và tớ sẽ dễ làm cho cậu có sơ suất, và sẽ lộ điều bí mật của tớ. Vì sao chiều nay tớ phải tránh mặt cậu, khi cậu làm rơi sách của tớ? Tớ thật liều lĩnh, nếu như cậu kêu lên vì kinh ngạc hoặc vì vui mừng, mọi người sẽ nhìn chăm chăm vào tớ chuyện đó sẽ dẫn đến hậu quả không thể cứu chữa được. Còn phải nói cho anh Mycroft, thì cực chẳng đã tớ mới thú thật mà thôi, bởi tớ rất cần một món tiền để tiêu sài.

Công việc ở Luân Đôn giải quyết rất tệ, tệ hơn là tớ mong đợi. Sau khi ra tòa, trong băng của Moriarty, còn hai tên đang nằm ngoài vòng pháp luật. Đó là hai tên cướp rất nguy hiểm, cả hai thằng đều là kẻ tử thù của tớ. Vì thế, tớ đã đi chu du trong hai năm ở vùng Tibet, và đến thăm thành phố Lhasa, thậm chí còn bỏ cả mấy ngày đến thăm giới tu hành tăng lữ. Có lẽ cậu đã đọc bài báo nói về vụ chấn động lớn của một người Na Uy, mang tên Sigerson, nhưng cậu làm sao có thể nghĩ rằng, bài ấy là của bạn mình. Tớ còn đi thăm vài nơi ở vương quốc Ả Rập, chuyển đi thăm do tớ đề nghị lên ngài Bộ trưởng ngoại giao.

Sau khi quay về Châu Âu, tớ ở lại thăm nước Pháp vài tháng, ở đây tớ tham dự vào công cuộc nghiên cứu, phân tích những chất lấy từ một vùng than đá. Việc này tớ làm ở một phòng thí nghiệm thuộc miền Nam nước Pháp - Montpellier, sau khi kết thúc tốt đẹp thí nghiệm và biết được hiện nay ở Luân Đôn chỉ còn sống sót một kẻ thù không đội trời chung của tớ, tớ suy tính chuyện trở về. Lúc đó tớ nghe tin vụ ám sát đầy bí ẩn ở phố Parka Leyn và nóng lòng ra đi. Tớ cũng đã nghiên cứu kỹ vụ này rồi. Đáp số của vụ án mạng sẽ giúp tớ thực hiện ý định của riêng mình. Thế là, tớ vội vã quay về Luân Đôn. Tự tớ đến hẻm Baker, và đã làm cho bà Hudson bị một phen hoảng sợ, lên cơn thần kinh. Anh trai tớ vẫn trông nom căn phòng và mọi giấy tờ vẫn nguyên vẹn như lúc tớ ra đi. Ngày hôm nay, lúc 14 giờ, tớ đã ghé vào căn phòng cũ của mình, ngồi vào chiếc ghế bành thân quen, và chỉ mong ước một điều duy nhất là làm sao cho người bạn cũ Watson của mình được cùng ngồi ung dung trong một chiếc ghế bành khác mà anh ta vẫn thường ngồi.

Câu chuyện kinh hoàng tôi đã được nghe trong buổi tối tháng tư là như vậy đấy. Tôi khó lòng tin đó là sự thật. Mặc dù chính mắt tôi đã trông thấy thân hình cao, gầy và khuôn mặt thông minh, cương nghị của người bạn mà tôi nghĩ rằng, không bao giờ tôi

còn gặp lại. Không biết bằng cách nào, Holmes đã rõ cái chết của vợ tôi, sự thương cảm được thể hiện trong giọng nói của anh :

- Làm việc! Đó là cách tốt nhất để khuây khỏa nỗi đau khổ, Watson yêu quý - Anh động viên an ủi tôi.

- Khuya hôm nay, có công việc đang chờ chúng mình. Người có diễm phúc hoàn thành sứ mệnh một cách tốt đẹp có thể mạnh dạn tuyên bố rằng, anh ta đã sống một cuộc đời không phải là uổng phí, vô ích.

Tôi đã mất công để thuyết phục anh giải thích cho rõ.

- Đến sáng mai, cậu sẽ được nghe, được thấy đầy đủ, - Anh đáp. - Còn bây giờ không cần nói tới chúng ta còn khối chuyện để tâm sự. Cậu biết đấy, đã ba năm rồi chúng mình không được nhìn thấy nhau. Hy vọng chúng ta sẽ tâm sự đến 21 giờ 30 phút, rồi sẽ lên đường, đón nhận một cuộc phiêu lưu đầy thú vị trong một ngôi nhà bỏ trống.

Như ngày xưa, khi tôi ngồi cùng với anh trong một cỗ xe đúng giờ đã định, tôi sờ soạng khẩu súng ngắn nằm trong túi, tim đập liên hồi vì hồi hộp đón chờ những sự kiện chưa lường trước được.

Holmes thì trầm ngâm, đắm chiêu suy nghĩ. Khi ánh sáng của ngọn đèn đường hắt vào khuôn mặt khắc khổ của anh, tôi thấy anh khẽ ngược đôi lông mày, còn cặp môi mỏng thì mím chặt, chứng tỏ anh đang suy nghĩ rất căng thẳng. Tôi không biết, chúng tôi đang săn đuổi con thú ranh mãnh nào đây trong khu rừng rậm của thế giới tội phạm tại Luân Đôn. Nhưng tất cả dáng điệu của một người thợ săn đầy lão luyện như báo cho tôi rằng, cuộc trinh thám này sẽ là cuộc trinh thám nguy hiểm nhất, ác liệt nhất. Nụ cười mỉa mai thường xuyên xuất hiện trên gương mặt đắm chiêu của bạn tôi không hứa hẹn một điều gì tốt đẹp cho con thú chúng tôi đang săn đuổi.

Tôi định ninh rằng, thế nào chúng tôi cũng ghé về hẻm Baker, nhưng Holmes lại ra lệnh cho người xà ích dừng xe ở góc phố Cavendish. Trong lúc bước xuống xe, anh cẩn thận quan sát, nhìn soi mói vào từng ngóc ngách; kiểm lại xem có cái đuôi nào bám sau không. Chúng tôi bước vào một cái ngách trông rất lạ. Holmes luôn luôn làm cho tôi thán phục về sự hiểu biết tường tận khá nhiều góc hẻm ở Luân Đôn. Anh ung dung tự tin bước vào một góc tối đầy chuồng ngựa, đi qua những cái sân hôi hám, nhớp nhúa; tôi không thể tin sự tồn tại có mặt của những thứ ấy. Cuối cùng chúng tôi lọt vào một cái hẻm chật hẹp, có hai dãy nhà cũ kỹ, tối tăm ở hai bên. Đường này dẫn chúng tôi ra phố Manchester, rồi đến phố Blandford. Holmes nhanh nhẹn nhảy sang một lối hẹp khác, đi qua một học cửa bằng gỗ, lọt vào cái sân vắng vẻ. Anh dùng chìa khóa mở cửa sau một ngôi nhà. Chúng tôi bước vào, ngay lập tức anh khóa trái cửa lại.

Dù trời rất tối, nhưng tôi hiểu ngay là ngôi nhà này không có người ở. Nền nhà không lót thảm, kêu lên răng rắc; lạo xạo dưới chân, tôi vô ý chạm phải những bức tường, nhiều tờ giấy dán tường bị bong ra treo trên đầu chúng tôi.

Những ngón tay gầy, lạnh lẽo của Holmes bóp chặt bàn tay tôi, anh dẫn tôi theo một hành lang dài, cuối cùng trước mắt chúng tôi hiện ra một cái vòm cửa sổ nửa cong, nửa thẳng đứng kín đáo, nằm trên chỗ cửa ra vào. Bỗng dưng Holmes quay về bên phải, và chúng tôi lọt vào một căn phòng hình vuông rộng lớn nhưng bị bỏ hoang; các góc, xó hoàn toàn tối om, nhưng ở giữa phòng thì được lờ mờ ánh sáng ngọn đèn đường. Cạnh cửa sổ không có một ngọn đèn nào, còn tấm kính trên cửa sổ thì bị một lớp bụi dày bao phủ. Chúng tôi nhận ra nhau khá chật vật.

Holmes đặt tay lên vai tôi, và cúi sát môi vào tai tôi.

- Cậu có biết chúng ta đang ở đâu không? - Anh thầm thì hỏi.
- Dường như trong hẻm Baker, - Tôi vừa nhìn vào tấm kính mờ đục vừa nói.
- Đúng như vậy, chúng ta đang đứng ở nhà Kem đen, đối diện với căn buồng trước kia của chúng mình.

- Chúng mình đến đây làm gì?

- Đến đây để nhìn hình dạng tuyệt vời của ngôi nhà kia. Không biết có nên tiến sát vào cánh cửa sổ không? Nhưng hãy thật thận trọng, đừng để ai phát hiện ra cậu. Cậu thử nhìn vào cửa sổ của buồng cũ chúng mình đi, nơi đó đang mở ra những cuộc trình thám đầy thú vị. Cậu thử xem, tớ đã mất khả năng làm cậu kinh ngạc chưa, sau ba năm trời phiêu bạt?

Tôi nhẹ nhàng, cẩn tắc tiến về phía trước, nhìn vào khung cửa sổ vô cùng thân thuộc.... Bỗng nhiên tôi thốt lên một tiếng kinh ngạc, bức rèm được buông xuống, đèn sáng rực rỡ, có một người ngồi trên chiếc ghế bành kê ở giữa phòng, hắt bóng rất rõ lên nền sáng của cánh cửa sổ. Từ đầu, đến đôi vai rộng, cho đến khuôn mặt xương xương, cái đầu hơi xoay nghiêng, tạo nên một dáng dấp mờ ảo, những bà cụ rất thích được vẽ kiểu ấy.... Không còn gì nghi ngờ, đây chính là một bản sao hoàn hảo chính xác con người Sherlock Holmes. Tôi kinh ngạc đến nỗi phải đưa tay lên sờ vào người anh để khẳng định anh vẫn đứng bên cạnh tôi.

Holmes cười không thành tiếng.

- Thế nào? - Anh hỏi.

- Chuyện này khó tin được! - Tôi thì thầm nói.

- Dường như, năm tháng không cướp đi khả năng sáng tạo của mình, còn thói quen cũng không vì thế bị khô mòn, - Anh nói.

Tôi cũng bắt gặp trong giọng nói anh một niềm vui sướng, kiêu hãnh của nhà họa sĩ đang thưởng thức công trình tuyệt tác của mình.

- Cậu thấy có thật giống mình không?

- Tớ nghĩ rằng, đây chính là cậu đang ngồi. Vinh dự này thuộc về ngài Meunier ở Grenoble. Ông ta đã tạc tượng tớ trong vòng có vài ba ngày. Nó được làm bằng sáp. Những phần còn lại tớ tự sắp đặt khi tớ quay về hẻm Baker sáng sớm hôm nay.

- Nhưng cậu làm thế nhằm mục đích gì?

- Tớ có nguyên nhân chính đáng. Tớ muốn một số người nào đó cứ đinh ninh là tớ đang ngồi ở nhà, trong khi ấy, thực tế tớ lại ngồi ở một nơi khác.

- Có nghĩa là cậu nghĩ rằng, có một bọn nào đó đang rình mò căn hộ ư?

- Tớ biết, có kẻ đang rình mò căn nhà.

- Kẻ đó là ai?

- Những kẻ thù của tớ. Cái băng đầy hấp dẫn mà tên thủ lĩnh đã vĩnh viễn nằm chôn vùi dưới đáy thác nước Reichenbach. Cậu biết đấy, chỉ có bọn nó mới biết chính xác là tớ vẫn còn sống. Chúng nó tin chắc, dù sớm hay muộn rồi tớ cũng quay về căn phòng cũ của mình. Tụi nó chưa chịu từ bỏ ý định theo dõi rình rập để hại tớ. Sáng nay chúng đã thấy tớ quay về nhà.

- Làm sao cậu đoán được điều đó?

- Trong lúc nhìn qua cửa sổ, tớ nhận ra một thằng thám thính của chúng. Tên của hắn là Parker, chuyên ăn cướp, giết người, đồng thời còn là một nhà tổ chức thiên tài. Tớ chú ý đến thằng này ít thôi. Một thằng khác làm cho tớ chú ý nhiều hơn, đáng gờm hơn là thằng núp sau lưng tên Parker. Đó là kẻ thân cận nhất của tay Moriarty. Chính hắn

đã dùng đá ném tới tấp vào tờ từ ngọn núi đá. Hắn là một tên tội phạm ranh ma, xảo quyệt nhất, nguy hiểm nhất hiện nay ở Luân Đôn. Chính hắn đêm nay sẽ đi săn tở, và hắn đâu ngờ rằng, chúng ta lại săn hắn.

Kế hoạch của Holmes dần dần làm cho tôi sáng tỏ. Từ chỗ ẩn nấp thuận tiện này, chúng tôi có khả năng theo dõi tất cả những ai có ý đồ theo dõi chúng tôi. Dáng dấp bóng người thấp thoáng bên cửa sổ là một miếng mồi, còn chúng tôi là những tay thợ săn.

Vai kẻ vai, chúng tôi đứng lặng im trong bóng tối chăm chú ngắm nhìn những bóng người lướt qua lướt lại. Đêm ấy, thời tiết rất xấu, trời trở lạnh tê tái, gió thổi dọc theo dãy phố một cách dữ dội, gay gắt. Người đi lại ngoài đường khá đông, hầu như ai bước đi cũng rất vội, họ đều cố kéo cộm áo hoặc mũ che kín mũi cho đỡ lạnh.

Tôi có cảm giác một người nào đó cứ đi qua đi lại sát ngôi nhà, đặc biệt có hai người làm cho tôi nghi ngờ hơn cả. Họ làm như thể tránh gió, nên bước vào một cánh cổng cách chúng tôi không xa. Tôi định bụng sẽ báo cho Holmes biết, nhưng anh trả lời tôi với một giọng bức bối rồi tiếp tục theo dõi động tĩnh ngoài đường. Thỉnh thoảng anh co chân cho đỡ mỏi hoặc lấy ngón tay gõ gõ vào bức tường. Tôi thấy anh có vẻ không vui, hình như sự việc xảy ra không hoàn toàn đúng như kế hoạch. Trời chuyển về khuya, đường phố tĩnh mịch vắng vẻ Holmes đi lại trong phòng, anh bồn chồn lo lắng, hồi hộp. Vừa máy miệng định nói một điều gì nhưng tôi lại một lần nữa sững sốt, kinh ngạc.

- Bức tượng cử động kìa! - Tôi thốt lên.

Rất rõ, bóng hình kia quay về phía chúng tôi, không phải bên hông, mà là quay hẳn lưng lại.

Năm tháng không làm cho tính cách của Holmes thay đổi chút nào, anh vẫn là người điềm đạm, nhẩn nại, luôn thể hiện trí thông minh, đầu óc suy luận sắc sảo, nhìn nhận rất tinh tế.

- Phải làm như thật, - Anh đáp. - chẳng lẽ tở lại là một kẻ ngu ngốc không có bộ não hay sao? Đặt trong phòng một hình nộm bất động không xua được ruồi thì quả là rất lộ liễu, phải chăng nhờ nó mà có thể đánh lừa được những kẻ ranh ma nhất Châu Âu ư? Chúng mình thu lu trong xó xỉnh này đã hai giờ đồng hồ, trong lúc đó bà Hudson đã thay đổi vị trí bức tượng tám lần. Cứ mười lăm phút một lần, với điều kiện là bà sẽ không để in bóng mình cho người ngoài trông thấy.

Bỗng nhiên anh im lặng, nín thở. Trong cảnh nhá nhem, tôi trông thấy anh rướn cổ lên trong tư thế chờ đợi rất căng thẳng.

Đường phố đã hoàn toàn vắng ngắt. Có lẽ, hai tên đứng nấp trong hẻm vẫn còn. Nhưng tôi không tài nào nhìn thấy chúng. Xung quanh tôi một màn đen và sự im ắng bao trùm.

Trong bóng đêm, màu vàng của cánh cửa sổ được chiếu sáng rực cùng với bóng của hình người ngồi giữa phòng, càng nổi bật rõ nét. Không gian im ắng đáng sợ, tôi nghe thấy iếng thở khò khè của Sherlock, chắc anh rất hồi hộp cho kế hoạch của mình. Bỗng nhiên anh ấn sâu tôi vào góc căn phòng, chỗ tối nhất, và lấy tay bịt miệng tôi lại, bằng cách này anh muốn nhủ tôi phải tuyệt đối im lặng. Lúc này, tôi thấy những ngón tay của anh run run.

Chưa bao giờ tôi được chứng kiến anh bị kích động, căng thẳng đến tột độ như vậy.

Đường phố vẫn tạnh ngắt, yên ả không có gì xảy ra hết. Bỗng nhiên, tôi nghe thấy một âm thanh khe khẽ, rì rầm vang đến tai tôi, âm thanh mà đôi tai cực nhạy của Holmes đã nghe thấy trước. Tiếng động không phải phát ra từ hẻm Baker, mà chính trong ngôi nhà chúng tôi đang nấp. Cửa ra vào được mở ra, rồi đóng lại. Có tiếng bước chân rón rén vang lên khe khẽ ngoài hành lang. Người đi cố giữ cho bước chân khỏi kêu to, nhưng trong căn nhà hoang này nó vẫn dội lên những âm thanh khá to.

Holmes đứng dựa sát vào tường, tôi cũng làm theo và nắm chặt khẩu súng ngắn, căng mắt nhìn vào bóng tối. Tôi nhận ra mờ mờ bóng dáng một người đàn ông, bóng đen hơi sẫm hơn so với tấm khung hình chữ nhật của cánh cửa đã mở. Hắn đứng im ở đó chừng một phút, rồi nhảy xuống và rón rén tiến về phía trước. Mọi cử chỉ hành động của hắn đều chứa đựng một mối đe dọa. Thân hình dữ tợn của hắn đứng cách chúng tôi có ba bước.

Tôi lên gân cốt, chuẩn bị đối phó với cuộc tấn công. Nhưng hắn không hề biết có chúng tôi ở đây.

Hắn đi ngang qua chỗ chúng tôi đứng, suýt nữa thì chạm phải nhau. Hắn rón rén tiến đến gần cửa sổ rất thận trọng không hề một tiếng động, hắn nhấc cánh cửa lên cao nửa foot.

Khi hắn trèo lên để mở chốt cửa, ánh sáng đèn đường hắt qua tấm kính bản thủ soi rõ bộ mặt hắn, một bộ mặt dễ làm cho chúng ta kích động cao độ. Cặp mắt cháy lên một cách man rợ, nét mặt biến dạng kinh khủng.

Hắn không còn trẻ trung gì nữa, có một chiếc mũi quặp như mỏ điều hâu, trán hói khá cao, bộ râu bạc trắng rất dài. Mũi của hắn được kéo xuống tận gáy, chiếc áo bành tô hở cúc, để hở ra một khoảng trắng trước ngực - chiếc yếm hồ trắng. Bộ mặt râm nắng, đen đui hắn đầy những vết nhăn sâu hoắm. Trong tay hắn cầm một vật đại loại như cây ba-toong, nhưng khi hắn đặt xuống nền nhà, nó phát ra một tiếng kêu “keng” của kim khí. Hắn lôi từ trong túi ra một vật gì đó khá lớn : hắn loay hoay với đồ ấy chừng vài phút; cho đến khi một âm thanh kim khí phát ra, có lẽ, hắn kéo một chiếc lò xo hay cái then chốt.

Ngồi bằng đầu gối, hắn tiến về phía trước và với tất cả sức nặng của bản thân, hắn đè lên một đòn bẩy. Chúng tôi nghe thấy một âm thanh dài dữ dội, có phần kêu to hơn lúc trước. Hắn đứng thẳng người lên, tôi trông thấy trong tay hắn không phải cái gì xa lạ mà là khẩu súng săn, có cái báng kỳ lạ, xấu xí. Hắn mở khóa, kéo cò bấm và đặt một vật gì vào bên trong xong cài chốt lại. Hắn quỳ xuống, đặt đầu nòng súng lên bệ cửa sổ, bộ râu dài của hắn chấm sát tận nòng, cặp mắt hắn long lanh dữ tợn. Hắn đặt súng tỳ vào vai và thở ra khoan khoái : tấm bia đang đứng trước mặt hắn - tấm bia kỳ lạ, bóng dáng đen đen soi rõ trên nền sáng. Hắn lưỡng lự một lát sau đó đặt tay lên cò súng, một tiếng “vù” là lạ phát ra, tiếp theo là tiếng kính vỡ loảng xoảng.

Ngay lúc đó Holmes bỗng nhảy bổ ra như một con hổ, anh chộp ngay lưng kẻ vừa bắn và quật hắn ta úp mặt xuống sàn.

Nhưng một giây sau, kẻ bị quật ngã đã đứng dậy được, với một sức mạnh không ngờ hắn tóm lấy cổ Holmes. Tức thì, tôi dùng báng súng nện mạnh vào đầu kẻ hành hung, hắn ngã xuống, tôi nằm đè lên. Lúc đó Holmes thối còi. Ngoài đường một tốp người đã chạy tới, có hai cảnh sát quân phục đầy đủ, cùng một vị thám tử, từ cổng chính bước vào phòng.

- Có phải Lestrade đó không? - Holmes hỏi.

- Tôi đây, thưa ngài Holmes. Tôi định tự mình sẽ giải quyết việc này. Rất vui mừng lại được gặp ngài ở Luân Đôn.

- Sự giúp đỡ nhỏ mọn, không đáng kể của chúng tôi chắc không cản trở các ngài? Trong một năm có ba vụ án mạng không được phát hiện, cũng hơi nhiều đấy Lestrade ạ. Nhưng câu chuyện bí mật ở Molesey, ngài tiến hành không đến nỗi nào.... nghĩa là ngài giải quyết vụ ấy không đến nỗi tồi.

Chúng tôi đứng lên. Còn tên hung thủ thì thờ hỏn hển trong cánh tay của hai viên cảnh sát lực lưỡng.

Một đám đông những kẻ rối việc bắt đầu tụ tập ngoài đường. Holmes tiến đến bên cửa sổ, đóng lại. Lestrade châm hai ngọn nến vừa mang tới, còn các vị cảnh sát thì bật công tắc đèn pin bỏ túi. Tôi có dịp quan sát kẻ sát nhân kỹ càng hơn.

Hắn có bộ mặt rất đàn ông, trông rất đáng ghét. Vàng trán như một triết gia, cái cằm như của một người thích nói những lời ngọt ngào, êm dịu. Những cái đó, chứng tỏ con người hắn cũng có một khả năng làm những điều tốt lành, cũng như làm những điều ác độc. Nhưng cặp mắt dữ dằn màu ánh thép, bộ lông mi rậm cái nhìn trắng tráo, chiếc mũi quặp ác thú và những nếp nhăn sâu trên trán đã tự tố cáo lên bản chất của hắn, những dấu hiệu báo trước cho xã hội biết những dã tâm nguy hiểm. Hắn không thèm nhìn lên bất cứ người nào trong số chúng tôi. Cái nhìn của hắn như cắm chặt vào khuôn mặt của Sherlock Holmes, hắn nhìn với một sự kinh ngạc và hân học.

- Con quỷ! - Hắn lẩm bẩm. - Một con quỷ ranh ma, xảo quyệt!

- Đại tá, - Holmes nói, và sửa lại cổ áo bị nhàu, - Những người bạn chí cốt lại gặp nhau, như lời người xưa thường nói. Tôi chưa có dịp gặp lại ngài sau lần ngài đã theo dõi tôi một cách trắng trợn. Ngài hẳn còn nhớ, khi tôi nằm ở khe hở của núi đá tại thác nước Reichenbach.

Ngài đại tá có lẽ đang bị thôi miên, hắn không thể nào bứt cái nhìn ra khỏi Sherlock Holmes.

- Con quỷ, con quỷ có thật! - Hắn cứ lặp đi, lặp lại câu nói đó.

Tôi chưa kịp giới thiệu cho các vị - Holmes lên tiếng. - Các vị biết không, đây là ngài đại tá Sebastian Moran, một cựu sĩ quan trong đội quân của hoàng gia đóng ở Ấn Độ, và là một thợ săn thú dữ tài ba, có một thời nổi tiếng oanh liệt ở những vùng thuộc địa Đông phương. Tôi nghĩ, tôi không nhầm ngài đại tá ạ, có phải về số hồ báo săn bắn được, hiện nay ngài đang giữ kỷ lục phải không?

Tên tù binh thật vất vả lắm mới tìm được cơn phẫn nộ, hắn tiếp tục nín thinh. Chính hắn cũng đã giống một con hổ rồi, cặp mắt của hắn long lên dữ tợn, ria mép cũng xù lên.

- Tôi rất ngạc nhiên vì sự đánh lừa quá ư đơn giản đã đưa một thợ săn dày dạn kinh nghiệm vào tròng, - Holmes tiếp tục, - Đối với ngài điều này đâu còn là mới mẻ. Chẳng lẽ, chưa bao giờ ngài buộc một con dê dưới một gốc cây, còn ngài thì leo lên cây rậm rạp với khẩu súng săn hoặc carbin trong tay, để chờ con cọp dẫn xác đến con mồi hay sao? Ngôi nhà bỏ trống này là cái cây của tôi, còn ngài là con hổ của tôi. Tôi nghĩ rằng, đôi khi ngài cũng phải dùng những phát đạn dự trữ trong trường hợp, cùng một lúc có nhiều con hổ xuất hiện, hoặc hẳn hữu cũng có đôi lúc ngài bắn trượt chứ. Mấy vị này, - Anh nói và chỉ vào chúng tôi - là những phát súng dự phòng của tôi. Sự so sánh của tôi chính xác đấy chứ?

[/align][[/align]

Bất thành linh, đại tá Moran tức tối chồm lên phía trước, nhưng hai người cảnh sát đã kịp giữ hấn lại. Bộ mặt của hấn thể hiện nỗi hằn học, nhìn vào đó chúng tôi thấy kinh khủng, gớm ghiếc.

- Thú thật, ngài đã mang đến cho tôi một món quà nho nhỏ, - Holmes tiếp tục công kích. - Tôi không ngờ, chính ngài cũng muốn sử dụng ngôi nhà bỏ trống này, quả thật thuận lợi. Tôi nghĩ thế nào ngài cũng hành động từ ngoài phố, ở đây có anh bạn Lestrade của tôi cùng những thủ hạ của anh ta đã đợi chờ ngài sẵn. Trừ chi tiết ấy ra, còn mọi việc đều tiến triển đúng như tôi dự định.

Đại tá Moran quay sang phía Lestrade.

- Không kể những cái ấy, ngài có đủ chứng cứ, cơ sở để bắt tôi, hay là ngài không có đủ cơ sở? - Hấn ta nói, - Tôi không thể nào chịu đựng nổi những lời lẽ nhạo báng của con người kia. Nếu tôi ở trong tay luật pháp, thì cứ để pháp luật giải quyết.

- Điều này công bằng thôi, - Lestrade nhận xét. trước khi chúng tôi ra về, ngài còn muốn nói điều gì nữa không, thưa ngài Holmes.

Holmes nhặt khẩu súng hơi đồ sộ lên, và quan sát cơ cấu của khẩu súng.

- Khẩu súng có một không hai này mới tuyệt làm sao - Anh thốt lên. - Bắn không nghe tiếng kêu, nhưng có sức công phá và hủy diệt rất lớn. Tôi biết một nhà cơ khí người Đức, tên là Von Herder. Ông ta đã thiết kế khẩu súng này theo đơn đặt hàng của ngài giáo sư Moriarty. Từ lâu tôi đã nghe tiếng tăm khẩu súng, nhưng chưa bao giờ có vinh dự được cầm nó trên tay. Tôi đặc biệt lưu ý ngài về khẩu súng này, và cả cách nạp đạn cho nó nữa, thưa ngài Lestrade.

- Ngài không phải bận tâm, thưa ngài Holmes, chúng ta còn dịp quay lại vấn đề này. - Khi tất cả mọi người tiến sát đến cánh cửa ra vào, Lestrade đáp - Đó là tất cả những gì ngài muốn nói?

- Vâng, tất cả, nhưng ngài định khép tên này vào tội gì?

- Còn tội gì nữa, thưa ngài? Chẳng hạn như tội mưu sát ngài Sherlock Holmes.

- Ôi! Không phải như vậy đâu! Tôi không muốn dính líu vào vụ này. Chỉ có ngài mới được lãnh trọng trách làm công việc bắt bớ tuyệt vời này, ngài đã tốn công sức để tiến hành. Xin chúc mừng ngài Lestrade! Với sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa khả năng hiểm có và lòng quả cảm, đầy mưu lược, cuối cùng ngài đã bắt được kẻ kia.

- Người kia là ai vậy? Hấn ta là ai, thưa ngài Holmes.

- Người mà, cả ngành cảnh sát đã hoài công tìm kiếm, truy nã. Đại tá Sebastian Moran, kẻ mà vào đêm 30 tháng trước đã bắn chết ngài Ronald Adair bằng khẩu súng hơi, bắn qua cửa sổ tầng hai ngôi nhà 427, phố Park Lane. Chúng ta cần lời buộc tội như vậy.... Còn bây giờ, Watson, nếu cậu không sợ gió lùa từ cánh cửa sổ bị vỡ kính, thì chúng ta sẽ cùng nhau ngồi trong phòng tớ, và hút với nhau điếu thuốc. Tớ hy vọng sẽ làm cho cậu khuây khỏa phần nào.

Sự quan tâm thường xuyên của anh Mycroft Holmes và sự chăm sóc tận tụy của bà Hudson, căn hộ của chúng tôi vẫn như xưa, không hề có gì thay đổi. Thú thật, khi bước vào, tôi lấy làm ngạc nhiên vì sự tươm tất hiếm có, mọi thứ thân thuộc quen biết đều nằm ở vị trí cũ. Ở góc dành riêng cho những thí nghiệm hóa học, một chiếc tủ bằng gỗ thông vẫn như xưa, vẫn những vết ố do a-xít mạnh. Trên giá những chồng sách tra cứu, những mẫu tin cắt từ các tờ báo vẫn được sắp xếp ngay hàng thẳng lối. Ôi, tôi chỉ muốn ném hết những thứ chết tiệt kia vào lửa cho rảnh! Khi tôi nhìn hết một lượt, thì

những bản biểu đồ, hộp đựng đàn violông, chiếc hộp Ba Tư đựng thuốc lá lại hiện lên trước mắt tôi. Hai người có mặt trong phòng. Một là bà Hudson chạy vồn vã đón mừng chúng tôi với nụ cười lấp láy trên môi. Người thứ hai, người mặc đồ màu cũ kỹ, đã đóng một vai rất quan trọng trong những sự kiện đêm hôm qua. Đó là bức tượng bằng sáp của bạn tôi, đã được tô màu, được tạc thật khéo léo do một bàn tay điêu luyện nhào nặn, trông giống như thật.

Bức tượng được đặt trên một chiếc ghế đầu không cao, được khoác chiếc áo bành tô cũ của Sherlock Holmes trông rõ khéo, từ ngoài đường nhìn vào thì khó ai tưởng đó là tượng.

- Bà đã thực hiện tất cả chỉ dẫn của tôi một cách tuyệt vời. - Holmes nói.
- Tôi phải bò bằng đầu gối để tiến sát bức tượng, như ngài chỉ bảo thưa ngài.
- Tốt, bà đã làm việc đó không thể chê vào đâu được. Bà có thấy viên đạn đâm vào đâu không?

- Có thưa ngài. Tôi sợ viên đạn làm hỏng mất bức tượng đẹp đẻ của ngài. Nó xuyên qua đầu và cắm vào tường. Tôi nhặt nó lên từ tấm thảm. Nó đây.

Holmes chìa cho tôi xem đầu đạn.

- Đầu đạn súng lục mềm mại, Watson, cậu hãy nhìn xem.

Thật là cự phách! Có ai dám nghĩ viên đạn này lại được bắn ra từ khẩu súng hơi? Rất tuyệt, bà Hudson, xin cảm ơn bà vì sự giúp đỡ.... Còn bây giờ, Watson, cậu hãy ngồi vào vị trí cũ của mình như thuở nào. Tớ muốn tâm sự với cậu đôi điều.

Anh cởi chiếc áo khoác ra, rồi lấy chiếc áo choàng trên bức tượng khoác vào. Trước mặt tôi lại xuất hiện một Sherlock Holmes ngày xưa.

- Thần kinh của người thợ săn già vẫn còn vững, cặp mắt vẫn còn tinh. - Anh nói và cười, vừa nhìn cái sọ của bức tượng bằng sáp bị bắn thủng. - Bắn trúng chính giữa gáy và làm chảy não. Đúng là một tay thiện xạ của rừng nhiệt đới ở Ấn Độ. Tớ nghĩ rằng, ở Luân Đôn này địch thủ của hấn không phải là nhiều. Trước kia cậu có bao giờ nghe tên hấn hay chưa?

- Không, tớ chưa từng nghe.

- Ừ nhỉ, thế mà tớ quên! Cách đây không lâu, cậu đã thú nhận, thậm chí cậu còn chưa nghe đến tên giáo sư Moriarty, đó là một bộ óc của thế kỷ chúng ta. May quá, cậu lấy giúp cặp đựng tài liệu theo đòi tiêu sử....

Sau khi ngồi lại ngay ngắn, thả người thoải mái trong chiếc ghế bành và khoan khoái thở ra từng đụn khói thuốc, Holmes lơ đãng lật từng trang giấy.

- Vần chữ "M", tớ có một bộ sưu tầm khá hoàn chỉnh, - Anh nói. - Chỉ một cái tên Moriarty, cũng đủ làm cho vần "M" trở nên nổi tiếng. Còn cái tên Morgan là một tên ghê tởm. Tên Merridew, có một trí nhớ khó ai sánh kịp. Tên Mathews - chính là tên làm gãy chiếc răng nanh bên trái của tớ ở phòng đợi nhà ga Charing Cross. Còn đây là anh bạn của chúng mình ngày hôm nay.

Anh đưa cho tôi tập tài liệu, tôi đọc :

"Moran Sebastian, đại tá nghỉ hưu. Từng phục vụ trong trung đoàn công biệt số một ở Bangalore. Sinh năm 1840 tại Luân Đôn. Con trai của ngài Augustus Moran - người được thưởng huân chương British, một thám tử cũ của Anh ở Persia, Sebastian từng tốt nghiệp trường trung học Itôn và đại học tổng hợp Oxford. Từng làm liên lạc cho các hội, tập đoàn Jowaki, Afghan, Charasiab, Sherpur và Cabul. Là tác giả của các cuốn sách "Cuộc đi săn mãnh thú ở miền Tây Himalayas" (1881); và "Ba tháng sống trong

rừng nhiệt đới” (1884). Địa chỉ đường Conduit. Tham gia các câu lạc bộ Anh - Ấn: Tankerville, câu lạc bộ chơi bài Bagatelle”.

Ngoài lề được ghi bằng nét chữ của Holmes :

“Một tên nguy hiểm nhất của Luân Đôn, đứng sau Moriarty”.

- Thật kỳ lạ! - Tôi lên tiếng, và đưa trả Holmes cặp tài liệu. - Dường như cuộc đời của hắn là bước đường của một người lính trung thành.

- Cậu nói đúng. - Holmes đáp.

- Trước kia hắn không hề làm việc gì xấu xa. Hắn là con người có bộ thần kinh bằng thép, ở Ấn Độ đến bây giờ vẫn lưu truyền một huyền thoại kể rằng: Anh ta đã bò trong lòng một con sông cạn, đã cứu thoát một người khỏi những móng vuốt của một con hổ bị thương. Có những cây gỗ, lúc đầu mọc, phát triển bình thường, rồi đến một độ cao xác định nào đó, bỗng nhiên phát hiện trong quá trình phát triển của mình một sự biến đổi kỳ quặc so với mức bình thường. Đối với con người cũng xảy ra điều tương tự. Theo thuyết của tớ, mỗi cá nhân trong quá trình phát triển, đều lặp lại lịch sử phát triển của tất cả tổ tiên. Tớ cho rằng, mỗi một biến động bất ngờ về phía lương thiện hay độc ác đều phụ thuộc vào điều kiện khách quan tác động rất mạnh; muốn biết được quá khứ của một người, cần phải lục xem trong gia phả người ấy; và suy luận rộng ra, tiểu sử của một con người, đó như là một mẫu nhỏ trong tiểu phẩm cả tiểu sử của toàn bộ gia đình.

- Thôi được, nhưng tớ thấy cái thuyết lý của cậu hơi viễn vong.

- Tớ sẽ chấm dứt câu chuyện. Có những nguyên nhân này, hoặc nguyên nhân khác, đã đẩy đại tá Moran đi theo con đường ngu xuẩn. Khi còn ở Ấn Độ có một kẻ đê tiện đã dựng lên câu chuyện nào đó gây căng thẳng cho ông ta, nhằm chống ông ta một cách kịch liệt, đến nỗi ông ta không thể nào ở lại được nữa.

Ông ta xin về hưu, trở lại đất Luân Đôn, và tại đây ông ta đã bước vào con đường tội lỗi. Giáo sư Moriarty đã phát hiện ra ông ta, trong một thời gian dài ông ta là cánh tay phải của Moriarty.

Thằng giáo sư này cung cấp tiền nong cho ngài đại tá tiêu xài một cách phóng khoáng. Nhưng rất hãn hữu mới cần tới sự giúp đỡ của hắn. Chỉ trong hai hoặc ba trường hợp khó khăn mà những tên tội phạm bình thường không thể đảm đương nổi. Có lẽ, cậu còn nhớ cái chết kỳ quặc của bà Stewart ở Lauder năm 1887? Không nhớ à? Tớ chắc chắn chuyện này không thể không có tay Moran nhúng vào, mặc dù không có chứng cứ để buộc tội hắn ta. Ngài đại tá có nghệ thuật giấu mình một cách tài tình. Khi cả băng của Moriarty bị tóm hết, thì chỉ riêng hắn là không làm sao lôi cổ ra toà được.

Watson, cậu còn nhớ buổi tối, khi tớ đến chỗ cậu, tớ phải kéo rèm cẩn thận không? Tớ sợ phát súng bắn ra từ khẩu súng hơi đặc biệt. Lúc bấy giờ cậu cho tớ là kỳ quặc, nhưng tớ biết mình cần phải làm gì. Tớ đã nghe nói về khẩu súng đặc biệt kia rồi. Hơn nữa, tớ biết khẩu súng đang nằm trong tay một nhà thiện xạ. Khi tớ với cậu đi sang Thụy Điển, Moran và Moriarty đã đuổi theo chúng ta, và chính hắn đã làm cho tớ bàng hoàng trong mấy phút ở khe hở của thác Reichenbach.

Cậu biết không, khi còn ở bên Pháp tớ vẫn thường xuyên theo dõi tin tức trên báo chí Anh, tớ hy vọng sẽ tìm ra đầu mối nào đó để bắt hắn ta phải ngồi vào lồng sắt. Khi hắn

còn nhớn nhor dạo chơi trên đất Luân Đôn thì tó chưa thể tính chuyện về được. Cả ngày lẫn đêm, mối đe dọa kia cứ ám ảnh tó, dứt khoát hẳn sẽ tìm mọi cách để giết tó. Tó phải làm gì? Chẳng lẽ gặp trực tiếp và bắn chết hẳn? Tó không thể làm như vậy được. Vì lúc ấy, chính tó sẽ bị ngồi vào ghế bị cáo. Trực tiếp đến báo với tòa? Không ích lợi gì, vì tòa sẽ không đủ chứng cứ để xét xử, chẳng lẽ xử hẳn bằng những vấn đề nghi vấn? Tó bất lực hoàn toàn, không có cách nào để giải thoát được. Tó đã trải qua một quá trình kiên trì không mệt mỏi theo dõi hẳn bằng tin tức các vụ án, bởi tó tin như đinh đóng cột rằng dù sớm hay muộn tó cũng phanh phui ra hẳn.

Vụ ám sát đầy bí ẩn anh chàng Ronald Adair đã dẫn đến sự chín muồi của những ngày kiên trì mong đợi, giờ khởi hành đã đến. Không biết tó có dám khẳng định Moran đã bắn chết chàng Ronald hay không? Hẳn ta đã cùng chơi bài với chàng thanh niên, và bám gót anh ta từ câu lạc bộ về nhà, sau đó bắn chết chàng trai qua cửa sổ đã mở. Đúng, không còn nghi ngờ gì nữa. Chỉ một đầu đạn, cũng đủ chứng cứ để ngài đại tá Moran chui vào giá treo cổ. Ngay lập tức tó quay về Luân Đôn. Tên cận vệ của Moran đã phát hiện ra tó, hẳn kịp thời thông báo cho Moran. Thằng này thế nào cũng biết mối liên hệ giữa vụ án mạng và sự quay về của tó, hẳn sẽ lo lắng mất ăn mất ngủ. Tó tin, hẳn sẽ khử tó ngay lập tức, không chậm trễ. Chắc chắn hẳn sẽ dùng thứ vũ khí giết người độc đáo - khẩu súng hơi. Tó phải chuẩn bị đón hẳn, thế là bức tượng bằng sáp được ra đời không chệ vào đâu được. Tó báo trước cho bên cảnh sát, để họ giúp một tay (với con mắt tinh ranh cậu đã phát hiện ra hai viên cảnh sát thấp thoáng chỗ cổng ra vào). Tó chọn địa điểm rất thuận tiện cho việc quan sát, nhưng thú thật tó không ngờ đối thủ của tó cũng chọn đúng vị trí ấy để tấn công. Tất cả chỉ có thế, Watson. Chắc cậu đã hiểu mọi chuyện.

- Chưa hết, - Tôi nói. - cậu chưa giải thích cho tó chuyện vì sao ngài đại tá Moran lại bắt buộc phải thủ tiêu anh chàng Adair?

- Anh bạn của tôi ơi, chúng ta lại rơi vào lĩnh vực đoán mò rồi, trong lĩnh vực này chỉ có logic không thì quả là quá ít ỏi. Mỗi người có thể xây dựng riêng cho mình một giả thuyết, dựa trên cơ sở những dữ kiện đang tồn tại. Giả thuyết của cậu cũng có khả năng trùng với giả thuyết của tó.

- Có nghĩa là, cậu đã nghĩ ra giả thuyết?

- Theo tó nghĩ, giải thích những dữ kiện đã có không khó.

Qua điều tra, người ta đã xác lập là trước lúc xảy ra vụ án không lâu, đại tá Moran và anh chàng Adair đã cùng ở một hội chơi bài và ăn được một món tiền khá lớn. Nhưng Moran đã chơi không trung thực. Từ lâu, tó được biết hẳn là một tay cò bạc gian lận. Có lẽ, trong ngày xảy ra vụ án, Adair đã cảnh cáo Moran vì những trò gian lận. Anh chàng Adair đã giáp mặt với đại tá, chắc có dọa sẽ tố cáo hẳn, nếu như hẳn không tự nguyện rời bỏ câu lạc bộ và từ nay về sau không được chơi cái trò ma cô ma cậu nữa. Một chàng trai miệng còn hơi sữ như Adair, lại dám công khai dọa tố cáo buộc tội một con người đáng tuổi cha chú của anh ta, hơn nữa hẳn còn chiếm một địa vị sang trọng trong xã hội! Có lẽ, đúng hơn, anh ta đã nói riêng với Moran, không có người làm chứng. Nhưng với Moran, một con người chuyên sống bằng bạc bịp, nếu bị khai trừ ra khỏi câu lạc bộ thì khác nào bị cắt đường sinh sống? Đó là nguyên nhân để hẳn giết Adair, và giết vào chính thời điểm anh chàng trai trẻ chưa kịp sử dụng kết quả cuộc chơi không trung thực; chưa kịp tính phần thắng của anh ta là bao nhiêu và anh ta cần phải trả lại những người thua cuộc là bao nhiêu. Anh ta đã khóa chặt cửa lại để không

muốn mẹ và em gái thấy anh ta đang tính toán và thắc mắc về những cái tên ghi trong tờ giấy và những chồng tiền đặt trên bàn. Sao, theo cậu, lời giải thích của tớ có phù hợp hay không?

- Tớ cho rằng, cậu đã nói trúng tim đen hần.

- Cuộc điều tra xét hỏi sẽ chứng minh cho lời giải thích của tớ đúng hay sai. Từ đây đại tá Moran không còn là mối lo ngại cho chúng ta, và khẩu súng hơi kỳ diệu của Von Herder sẽ trang điểm cho bộ sưu tập của Viện bảo tàng Scotland Yard. Từ nay, không còn ai quấy rầy ngài Sherlock Holmes tham gia vào công việc giải quyết những câu chuyện bí ẩn, nhưng đầy lý thú.

Cuộc sống phức tạp ở Luân Đôn trở nên phong phú và bình yên, êm ả hơn.

D.2 - The Adventure of the Norwood Builder 1903 (Nhà thầu khoáng ở Norwood)

Holmes đã trở về London từ nhiều tháng qua. Theo lời yêu cầu của Holmes, tôi về ở chung với anh trong một căn phòng cũ. Một bác sĩ trẻ, tên là Verner hứa sang lại căn nhà nhỏ bé của tôi với cái giá cao nhất mà tôi đánh bạo đưa ra. Sau này tôi mới biết Verner là người bà con với Holmes và chính Holmes đã bỏ tiền ra.

Sáng nay, Holmes ngồi lệt thềm trong cái ghế bành và hờ hững mở rộng tờ báo. Nhưng ngay sau đó một cú giật chuông hung tợn vang lên, tiếp theo là một người đập mạnh vào cánh cửa bằng nắm đấm. Cánh cửa vừa được mở ra, thì vang lên những bước chân hối hả. Holmes đặt tờ báo xuống, trong phòng khách chợt xuất hiện một thanh niên xanh mét, cặp mắt ngơ ngác, đầu tóc bù xù thờ hớn hớn. Anh ta lần lượt nhìn chúng tôi.

- Tôi xin quý ông thứ lỗi. Xin đừng hiểu lầm tôi: Tôi gần như bị điên. Thưa ông Holmes, chính tôi đây? Con người bất hạnh John Hector McFarlane là tôi.

- Hãy hút một điếu thuốc lá đi ông McFarlane! - Holmes nói, tay chìa ra một hộp thuốc.
- Tôi tin chắc rằng trước những triệu chứng như vậy thì bác sĩ Watson đây, sẽ sẵn lòng cho ông uống một liều thuốc. Tiết trời mấy bữa nay thật là nóng nực. Giờ đây, nếu ông cảm thấy được bình tĩnh hơn, thì tôi sẽ sung sướng khi thấy ông ngồi xuống và nói cho chúng tôi biết ông là ai và ông muốn gì. Ông đã báo cho tôi rõ danh tính ông tựa hồ như tôi phải biết đến nó, nhưng tôi bảo đảm với ông rằng ông còn độc thân, ông là luật gia, hội viên hội Tam điểm và mắc bệnh hen suyễn, ngoài ra tôi không biết gì hơn về ông.

- Vâng, tôi là tất cả những thứ đó, thưa ông Holmes, và hơn thế nữa, vào lúc này đây, tôi là người bất hạnh nhất ở London. Ông Holmes ơi, xin ông hãy cứu tôi. Nếu cảnh sát ập đến bắt tôi trước khi tôi kịp kể xong câu chuyện thì vui lòng xin với cảnh sát hãy để cho tôi có đủ thì giờ nói với ông tất cả sự thật. Tôi sẽ yên tâm vào tù, nếu tôi biết là ông giúp tôi ở bên ngoài.

- Chuyện cảm động đấy... và lý thú nữa! Vì sao ông sẽ bị bắt?

- Về tội ám sát ông Jonas Oldacre ở Hạ Norwood.

Người khách vươn một bàn tay run rẩy tới tờ Daily Telegraph còn để trên đầu gối Holmes.

- Nếu ông đã đọc, thì hẳn ông đã đoán vì sao tôi đến đây. Hiện nay tôi là đầu đề để mọi người bàn tán. - Anh ta chỉ cho chúng tôi trang giữa của tờ báo. - Đây này. Được

ông cho phép, tôi sẽ đọc cho ông nghe: Đây là những hàng tít: Vụ án ở Norwood. Một nhà thầu khoán nổi danh bị mất tích. Một vụ ám sát? Một vụ hỏa hoạn do ác tâm? Kẻ sát nhân đang bị truy lùng. Họ đã theo tôi! Tôi sắp bị bắt. Mẹ tôi sẽ tan nát cõi lòng. Bà sẽ chết vì buồn tủi? - Anh ta vịn hai bàn tay trong một cơn tuyệt vọng.

Người bị kết tội vì đã sử dụng bạo lực đó, có thân hình cân đối, tinh thần đã kiệt quệ, đôi mắt đầy vẻ sợ hãi, không râu, 27 tuổi, ăn mặc đứng đắn và ăn nói như một người Anh có giáo dục.

- Anh Watson, anh vui lòng đọc bài cho tôi nghe - Holmes nói.

- *"Trong đêm qua, tại vùng Hạ Norwood đã xảy ra một tội ác nghiêm trọng. Ông Jonas Oldacre, độc thân, 52 tuổi, ngụ tại Deep Den House, thường bị người chung quanh xem là một người kỳ quặc, bí ẩn và không cởi mở; đã mắc nạn. Ông là một nhà thầu khoán đã giải nghệ sau khi đã tạo được một gia sản khá khá. Ở phía sau ngôi nhà ông có một khoảng đất trong chất đầy gỗ xây dựng. Lúc 12 giờ đêm qua, người ta báo động cháy. Lính cứu hỏa kéo tới, nhưng gỗ quá khô, bốc cháy dữ dội, người ta không sao dập tắt được ngọn lửa, mãi cho tới khi cả đồng gỗ biến thành tro. Người ta tìm thấy trong căn phòng cạnh đám cháy một chiếc giường không có người ngủ, cái kết trong phòng đã bị mở, nhiều giấy tờ vương vãi trên sàn nhà. Cảnh sát cũng phát hiện có dấu vết vật lộn và nhiều vết máu còn thấy rõ trong phòng, và một cây gậy bằng gỗ sồi cũng bị vấy máu. Nhân chứng cho biết tối hôm đó, ông Oldacre đã tiếp ông John Hector McFarlane, một cố vấn pháp luật trẻ từ London đến, người hùn vốn của văn phòng pháp luật Graham & McFarlane, ở số 426 Gresham Buildings. E.C.; ở trong phòng. Cây gậy là của người khách. Cảnh sát đã nắm được chứng cứ của tội ác. Dù sao đi nữa cần phải chờ đợi những sự triển khai tiếp".*

Tin giờ

"Vào lúc báo lên khuôn, chúng tôi được tin cảnh sát đã phát lệnh tạm giam ông John Hector McFarlane, bị tình nghi sát hại ông Jonas Oldacre. Cuộc điều tra ở Norwood đã làm sáng tỏ thêm một số điều thật đặc biệt. Không những cảnh sát đã tìm thấy dấu vết của một cuộc vật lộn đẫm máu trong căn phòng của nhà thầu khoán; mà giờ đây người ta còn biết là cánh cửa sổ của gian phòng đó đặt ở tầng một, đã bị mở ra, có nhiều dấu vết cho thấy một vật to lớn đã bị lôi kéo tới đồng gỗ, và sau cùng người ta đoán chắc rằng những mảnh vụn của thân người bị đốt cháy đã được nhận ra giữa đồng tro tàn. Cảnh sát tin rằng nạn nhân bị đánh chết trong phòng, những giấy tờ của ông bị đánh cắp, và thi hài ông bị lôi tới đồng gỗ rồi kẻ gây án đã châm lửa đốt. Cuộc điều tra được ủy thác cho thanh tra Lestrade, thuộc Scotland Yard, một người rất có năng lực".

Sherlock Holmes đã lắng nghe tôi đọc, hai mắt nhắm nghiền, những ngón tay chấp lại.

- Vụ án đưa ra vài chi tiết lý thú. Trước hết, thưa ông McFarlane, làm thế nào ông còn được tự do, bởi vì những dáng vẻ bên ngoài dường như cho thấy ông là người có tội.

- Tôi ở Torrington Lodge, Blackheath, cùng với cha mẹ tôi. Tối hôm qua, vì cần làm việc muộn với ông Jonas Oldacre, tôi đã nghỉ đêm tại một khách sạn ở Norwood, và từ đó tôi đã đi thẳng tới văn phòng. Tôi không hề hay biết về vụ này, lúc lên xe lửa, lấy báo ra đọc tôi hết sức kinh hoàng và chỉ còn có mỗi ý định: Đặt sinh mạng tôi vào tay ông. Một người đã theo dõi tôi từ nhà ga London Bridge và chắc chắn là... Ồ! Ai vậy kia?

Có người giật chuông và những bước chân nặng nề ngay sau đó leo lên cầu thang. Ông bạn Lestrade hiện ra trên ngưỡng cửa. Phía trên bờ vai ông, nhô lên vài cảnh sát mặc cảnh phục.

- Phải ông John Hector McFarlane đây không? - Lestrade hỏi.

Thân chủ của chúng tôi đứng lên, tái mét.

- Tôi bắt giữ ông về tội ám sát ông Jonas Oldacre ở Norwood.

McFarlane quay về chúng tôi với một gương mặt tuyệt vọng, đoạn anh ta lại ngã ngồi xuống.

- Xin hãy chậm chậm một chút, ông Lestrade. - Holmes nói - Chúng tôi gặp nhau chưa được nửa tiếng đồng hồ và ông này sắp kể cho chúng tôi nghe câu chuyện có thể giúp chúng ta nhìn thấy rõ.

- Tất cả đều quá rõ! - Lestrade nói với giọng buồn bã.

- Tuy nhiên, nếu được ông cho phép, tôi sẽ quan tâm đến câu chuyện kể của anh ta.

- Thừa ông Holmes, tôi thật khó lòng từ chối ông điều gì. Nhưng tôi phải ở đây, bên cạnh phạm nhân. - Lestrade nhìn đồng hồ - Ông có nửa tiếng để nói.

- Trước hết, tôi xin nói ngay rằng tôi không biết gì về ông Jonas Oldacre, ngoại trừ tên ông ta, cha mẹ tôi có quen biết ông ấy, nhưng từ lâu, hai cụ không còn gặp ông ấy nữa. Vì vậy nên tôi rất ngạc nhiên khi vào khoảng ba giờ chiều ngày hôm qua, ông ấy đến văn phòng tôi trong thành phố. Ông nắm trong tay nhiều tờ giấy gỡ từ một cuốn sổ, viết nguệch ngoạc. Mấy thứ giấy đó đây, quý ông có thể xem đi.

McFarlane đặt những thứ đó lên bàn tôi, rồi nói tiếp:

- *“Đây là bản... chúc thư của tôi?”*, ông Jonas nói, *“Thưa ông McFarlane, tôi muốn soạn thảo nó theo thể bản thảo nháp do luật định. Tôi ngồi ở đây trong lúc ông làm”*.

Tôi liền bắt tay vào công việc. Nhưng tôi kinh ngạc biết bao khi thấy ông ta làm chúc thư để tặng tài sản cho tôi.

Ông Jonas Oldacre là một người nhỏ bé, có cặp lông mày bạc. Mỗi lần tôi nước mắt lên nhìn về phía ông, tôi lại bắt gặp tia mắt ông chăm chú nhìn tôi với một dáng vẻ vui thích. Tôi thật khó mà tin vào những giác quan của mình khi đọc những điều khoản của bản hức thư. Nhưng ông đã giải thích với tôi là ông không lấy vợ, rằng ông không còn ai thân thích trong gia đình, rằng ngày xưa ông đã quen biết cha mẹ tôi, rằng ông luôn luôn nghe nói về tôi như một thanh niên rất đáng khen, và rằng ít ra tiền bạc của ông sẽ vào những bàn tay thành thạo. Hiển nhiên là tôi chỉ có áp ứng những lời cảm tạ.

Bản di chúc soạn xong, được ký tên và người thư ký của tôi đã đứng ra làm chứng. Sau đó ông Jonas Oldacre báo cho tôi biết là ông có nhiều hợp đồng cho thuê nhà đất, những chứng thư cấu thành tài sản, những quyền cầm đồ thế nợ, những phiếu cổ phần... và ông muốn giải thích cho tôi rõ về những giấy tờ đó. Ông bảo là ông sẽ không được an tâm trước khi ông việc được giải quyết xong và yêu cầu tôi đi về nhà ông ngay trong tối hôm đó, đem bản di chúc và sắp đặt tất cả cho có ngăn nắp.

“Nhưng hãy nhớ, con trai của ta! Không một lời nào với ba má con trước khi mọi việc đâu vào đấy! Chúng ta dành cho họ điều ngạc nhiên nhỏ bé này”, ông nhấn mạnh nhiều tới điều đó và ông đã buộc tôi phải hứa lời danh dự.

Tôi gửi một bức điện về nhà để báo tin rằng có việc quan trọng không biết chừng nào mới xong. Ông Oldacre muốn ăn tối với tôi vào lúc 9 giờ. Tôi gặp vài khó khăn mới tìm ra nhà ông và tôi tới nơi khoảng 9 giờ rưỡi. Tôi đã gặp ông...

- Xin lỗi! - Holmes ngắt lời - Ai mở cửa cho ông vào?
- Một bà trung niên, chắc là người quản gia.
- Và cũng chính bà ta đã báo tin ông đến, tôi đoán chừng như vậy
- Quả đúng thế!
- Xin ông vui lòng kể tiếp.

McFarlane lau vàng trán xâm xấp mồ hôi.

- ... Tôi được đưa vào phòng khách; nơi đó bữa ăn được dọn sẵn. Ăn xong, ông Jonas Oldacre đưa tôi sang phòng ông, trong đó có một két sắt lớn. Ông mở két, lấy ra một mớ những giấy tờ và chúng tôi cùng nhau xem xét. Khi xem xong thì đã nửa đêm, ông bảo tôi khỏi cần làm phiền người hầu và ông đã đưa tôi ra, qua đường cửa sổ luôn luôn mở rộng trong suốt thời gian đó.

- Bức màn có được hạ xuống không? - Holmes hỏi.

- Nó đã được hạ xuống lưng chừng, ông ấy đã kéo màn lên để có thể mở cửa sổ ra. Tôi không thấy cây gậy; ông bảo tôi: *“Đừng quá lo ngại, con ạ; giờ đây rồi chúng ta sẽ gặp nhau luôn. Tã giữ cây gậy của con cho tới khi con tới lấy lại”*. Lúc đó đã quá muộn

nên tôi không trở về Blackheath được và phải trọ qua đêm ở khách sạn. Tôi không còn biết điều gì hơn nữa, ngoài cái tin đăng trong tờ báo này.

- Ông có cần đặt câu hỏi nào không, thưa ông Holmes? - Lestrade hỏi, cặp lông mày đã nhướn lên hai, ba lần.

- Không trước khi tôi tới Blackheath.

- Chắc ông muốn nói tới Norwood? - Lestrade chữa lại câu nói.

- Ồ phải! Chắc chắn đó là Norwood mà tôi muốn nói. - Holmes nói với một nụ cười bí ẩn.

Lestrade đã có hơn một lần quan sát thấy Holmes với dáng tò mò.

- Tôi rất muốn nói với ông một lời, thưa ông Holmes! Nay ông McFarlane, chiếc xe ngựa đang chờ ông ở dưới đường.

Người thanh niên đứng lên và sau một tia nhìn cầu khẩn, rời khỏi phòng.

Cảnh sát dẫn anh ta xuống xe, nhưng Lestrade ở lại với chúng tôi.

Holmes đã cầm lấy xấp giấy hợp thành bản nháp của bản di chúc và anh quan sát chúng một sự quan tâm thấy rõ.

- Tài liệu kỳ lạ, phải thế không, Lestrade? - Anh ta nói, tay đặt tập giấy xuống.

Tới lượt Lestrade xem các giấy tờ, ông rất ngạc nhiên.

- Tôi chỉ có thể đọc được những dòng đầu, những dòng ở đoạn giữa và một hoặc hai dòng ở đoạn cuối: chúng thật rõ như là chữ in. Trong các chỗ khác, chữ viết thật xấu và đây là đoạn mà tôi chẳng hiểu tí gì.

- Anh nghĩ sao về điều đó? - Holmes hỏi. - Nói thật...

- Thế còn ông, ông nghĩ sao?

- Tài liệu này đã được viết ra trên chiếc xe lửa. Nét chữ dễ đọc viết tại nhà ga, chữ xấu trên các đoạn đường giữa những nhà ga, và các chữ không đọc được viết khi tàu chạy trên những chỗ bê ghi. Những tờ giấy này đã được viết trên một đường tàu ngoại ô, bởi vì nó có một chuỗi liên tục những chỗ bê ghi. Cứ giả thiết rằng suốt chuyến đi đó đã được dành cho việc soạn thảo tờ di chúc, thì đây là một chuyến tàu tốc hành và nó chỉ dừng lại có một lần giữa Norwood và London Bridge.

- Ông quá giỏi, thưa ông Holmes!

Bản chúc thư đã được viết bởi Jonas Oldacre ngày hôm qua, trong lúc đi đường. Thật là kỳ lạ! Tại sao ông ấy viết một chứng từ quan trọng một cách vội vã như vậy?

- Nhưng làm như thế, là có khác nào viết ra bản án tử hình cho chính mình? - Lestrade nói.

- Ô, ông tin vậy sao?

- Ông không tin à?

- Tôi thấy vụ việc còn chưa được sáng tỏ.

- Nếu vụ này mà chưa sáng tỏ thì vụ nào mới sáng tỏ, đây là một thanh niên bất thành lĩnh được biết rằng nếu ông già đó chết thì anh ta sẽ được hưởng một gia tài. Anh ta làm gì đây? Anh ta không nói với ai biết, nhưng thu xếp để có thể gặp ông già ngay buổi tối hôm đó. Anh ta chờ cho bà già kia đi ngủ, rồi ra tay giết ông già, đem thiêu xác, sau đó đi tới một khách sạn gần đó để nghỉ trọ. Những vết máu trong phòng và trên cây gậy đều rất mờ. Rất có thể là anh ta đã không thấy những vết máu đó, và anh ta yên chí rằng mình không để lại dấu vết nào.

- Nếu ông đặt mình vào cương vị của chàng trai đó, thì liệu ông có tính ra tay ngay vào cái buổi tối đó hay không. Cái buổi tối mà bản chúc thư vừa được ký. Hơn nữa liệu ông có chọn cái ngày mà có một người hầu đã đưa ông vào nhà và báo với chủ? Sau chót liệu ông có chuẩn bị tất cả mọi sự dự phòng khả dĩ che dấu được cái tử thi đó không? ra ông có chịu để cái can của mình ở tại đó không? Coi nào, Lestrade, hãy thú nhận rằng điều đó khó xảy ra

- Về cái can, thưa ông Holmes. Ông biết rõ rằng một can phạm thường luôn luôn mắc phải những điều bất cẩn mà một người bình tâm sẽ không làm. Chắc chắn y đã sợ hãi và không dám trở lại trong phòng. Xin ông hãy đề nghị với tôi một giả thiết khác, khớp với sự việc hơn.

- Tôi có thể cung cấp cho ông hàng nửa tá, - Holmes trả lời - Chẳng hạn như đây là một: ông già đưa ra những giấy tờ có giá trị. Một kẻ đầu đường xó chợ đi ngang qua đó ngó qua cửa sổ lúc bức màn chỉ buông xuống nửa vò, thấy mớ giấy tờ. Lúc McFarlane ra về gã đầu đường xó chợ lén vào, chụp lấy một cái can và giết ông già Oldacre, đem cái xác đi đốt, rồi đào tẩu.

- Tại sao gã đầu đường xó chợ đem đốt cái xác? - Lestrade hỏi.

- Để chôn vùi một chứng cứ - Holmes đáp - Rất có thể là kẻ đầu đường xó chợ muốn che giấu một vụ trả thù mà y là thủ phạm.

- Thế tại sao hắn lại không lấy cái gì?

- Bởi vì đó là những giấy tờ mà y không thể hưởng lợi được.

Lestrade lắc đầu, nhưng với một sức mãnh liệt được dẫn xuống.

- Vậy thì, thưa ông Sherlock Holmes, ông hãy đi tìm gã đầu đường xó chợ của ông. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi sẽ tạm giam người của chúng tôi. Tương lai sẽ cho biết ai là người có lý. Ông chỉ cần thận trọng điểm này, thưa ông Holmes: Không một giấy tờ nào bị mất, còn người bị cầm tù và người được sở hữu những giấy tờ đó.

Holmes ngạc nhiên, anh nói:

- Đúng như lời ông nói, tương lai sẽ trả lời dứt khoát. Xin tạm biệt, Lestrade. Trong ngày hôm nay, tôi sẽ ghé Norwood để xem ông đã tiến tới đâu.

Sau khi viên thám tử ra về, Holmes đứng lên và chuẩn bị với tâm trạng vui vẻ công việc anh sắp làm trong ngày.

- Anh Watson, tôi tới Blackheath.

- Tại sao không tới Norwood?

- Tối nay sẽ cho anh biết một điều gì đó có lợi cho chàng trai.

Lúc anh trở về thì khuya, vẻ mặt đầy âu lo và mệt mỏi. Trong một tiếng đồng hồ, anh bấm phím cây vĩ cầm để xoa dịu nỗi buồn phiền của mình. Sau chót, anh đặt cây đàn xuống và thuật cho tôi những rủi ro của anh.

- Tôi đã giữ thái độ vững vàng trước mặt Lestrade nhưng tận trong đáy lòng tôi lại tin rằng lần này anh ta theo đúng hướng còn chúng ta thì lạc hướng.

- Anh có đi Blackheath không?

- Có! Người cha đã đi tìm con. Bà mẹ ở nhà. Bà có cặp mắt xanh, run lên vì sợ hãi và phần nộ. Bà ta nhất quyết cho rằng con bà không phải là thủ phạm. Nhưng bà không hề xót thương lão Oldacre. Trái lại, bà nói về lão với một nỗi cay đắng khiến cho vô tình bà lại củng cố cho lập luận của cảnh sát.

“Lão ta giống một con khỉ hung ác và lẩm mưu mẹo. Ngay lúc còn ấu thơ, lão đã độc ác như loài thú dữ”.

“Vậy là bà đã biết ông ấy từ thuở nhỏ”, tôi hỏi

“Phải, tôi biết rất rõ! Đó là một gã si tình, đã đeo đuổi tôi. Tôi đã đính hôn với y, nhưng khi tôi biết y đã thả một con mèo vào trong chuồng chim, thì tôi liền hủy bỏ hôn ước”.

Bà ta đi lục tìm trong một ngăn tủ và đã đưa tôi xem tấm hình chụp một người đàn bà, bị bôi lem luốc và bị khóa rách bằng lưỡi dao nhíp.

“Đây là ảnh tôi. Buổi sáng ngày cử hành hôn lễ của tôi, y đã gửi tấm hình này cho tôi cùng với những lời nguyện rửa tội tội!”.

“Vậy thì ít ra ông ta cũng đã tha thứ cho bà, bởi vì ông đã để lại gia tài cho con bà?”

“Con tôi cũng như tôi, chúng tôi không thêm nhận một chút nào của Jonas Oldacre, dù còn sống hay đã chết! Chính thượng đế đã trừng phạt hắn! Con trai tôi vô tội!”.

Sau đó tôi đã thử khơi mào hai hoặc ba ý nghĩ, nhưng chẳng rút ra được điều gì nên tôi đi tới ngôi nhà xảy ra tội ác.

Deep Dene House là một biệt thự lớn, kiểu mới, xây bằng gạch đứng sừng sững trên thửa đất, phía trước nhà trải dài một bãi cỏ với những cây nguyệt quế. Về phía tay mặt và cách xa đường một quãng có một cái sân chứa gỗ xây dựng, là nơi đã phát hỏa. Tôi đã vẽ một bản sơ đồ hiện trường trong cuốn sổ tay. Cánh cửa sổ bên trái này là cửa sổ của phòng ông Oldacre. Từ ngoài đường, người ta có thể nhìn vào trong. Đó là điều an ủi duy nhất mà tôi đã đem về Lestrade không có đó, nhưng người phụ tá đã tiếp đón tôi nồng hậu. Cảnh sát vừa thực hiện một khám phá lớn.

Họ đã dành cả buổi sáng để lục lọi trong đồng tro: ngoài những mẫu vụn của xác người bị cháy thành than, họ còn tìm thấy những phiến tròn nhỏ bằng kim khí phai màu. Tôi đã quan sát cẩn thận. Thấy đó là những cái cúc quần dài. Một số những cúc đó có chữ “Hyams”: đó là tên người thợ may quần áo cho Jonas Oldacre.

Tôi sai bước trên bãi cỏ để tìm các dấu vết nhưng tiết trời rất khô, đất rắn như sắt. Tất cả những gì tôi có thể thấy là một xác chết hoặc một kiện hàng cồng kềnh nào đó đã được kéo ngang qua một bờ rìa cây song song với đồng gỗ. Việc đó phù hợp với cảnh sát Tôi bò trên bãi cỏ giữa cái nắng tháng tám. Một tiếng đồng hồ sau đó, tôi đứng lên, chẳng tiến thêm được chút nào.

Sau thất bại đó, tôi đi vào trong phòng và khám nghiệm các hiện trường. Những vết máu rất mờ nhạt nhưng rõ ràng đó là những vết máu tươi. Cây can đã được để sang một bên, trên đó cũng có những vết máu mỏng. Đúng là cây can của McFarlane. Trên tấm thảm, tôi lấy được dấu chân của hai người nhưng không có dấu chân của một người thứ ba nào: thêm một điểm nữa cho cảnh sát.

Tôi quan sát các món cất giữ trong két sắt, rất nhiều giấy tờ đã được lôi ra và để ở trên bàn, trong những bao thư có gắn xi niêm phong mà một hoặc hai bao đã được cảnh sát khai ra, tôi thấy chúng không đưa ra một giá trị lớn lao nào, và tài sản trong ngân hàng của ông Jonas cho thấy ông không khá lắm. Nhưng tôi có cảm tưởng I không phải tất cả mọi giấy tờ đều nằm ở đó. Các giấy tờ nhận quyền sở hữu là những cái đáng chú ý hơn cả, nhưng tôi không tìm ra nó. Nếu chúng ta thấy chúng, thì chúng ta sẽ đánh đổ lý

luyện của Lestrade, bởi vì có ai đi đánh cắp một giấy xác nhận chủ quyền mà y sẽ được thừa kế trong nay mai.

Không còn cách nào khác, tôi thử cầu may với mụ đầy tớ. Bà ta tên là Lexington. Đó là một người nhỏ bé, tóc hung, cặp mắt ngờ vực và không thực thà. Nhưng mụ ngậm miệng như hến. Đúng, chính mụ đã đưa anh chàng McFarlane vào nhà, lúc 9 giờ rưỡi. Mụ đi ngủ vào lúc 10 giờ rưỡi. Phòng mụ ở đầu nhà phía bên kia và mụ đã chẳng nghe thấy gì. Ông McFarlane đã để lại trong gian tiền sảnh cái mũ và cây cần của ông. Chính tiếng báo động hỏa hoạn đã đánh thức mụ dậy. Ông chủ già nua của mụ chắc chắn là đã bị ám sát. Ông chủ có kẻ thù nào không? Ai mà chẳng có kẻ thù, phải không? Nhưng ông Oldacre rất kín đáo và những mối quan hệ của ông chỉ là những vụ giao tiếp về công việc làm ăn. Bà ta đã thấy những cái cúc của áo, quần mà ông chủ đã mặc tối hôm trước.

Gỗ rất khô, cháy như bụi nhùi gặp gió. Cũng như những người lính cứu hỏa, mụ đã ngửi thấy mùi thịt nướng. Mụ không biết gì hết về các giấy tờ, cũng như những công việc nặng của ông chủ mụ. Trái lại, đó là một bản tường trình hoàn toàn tiêu cực. Ấy thế mà... ấy thế mà...

Anh siết bàn tay này vào bàn tay kia để tạo thêm sức mạnh cho sự vững tin mà anh sắp bày tỏ.

- Ấy thế mà tôi biết rằng tất cả điều đó là giả dối. Tôi cảm nhận thấy nó trong tận tủy xương tôi. Có một cái gì đó còn chưa chịu lộ ra và mụ gia nhân biết một cái gì đó. Trong mắt mụ, tôi đọc thấy một thứ giống như chỉ dấu của một lương tâm tội lỗi. Tốt hơn là chẳng nên nói đến chuyện đó nữa, Watson. Nếu một sự may mắn mà không tới giúp chúng ta thì vụ ở Norwood sẽ không có mặt trên bản tường thuật những thành công của bọn mình.

- Cái dáng vẻ bề ngoài lương thiện của “can phạm” há chẳng gây ấn tượng tốt với đoàn bồi thẩm hay sao?

- Watson, anh có nhớ cái tên sát nhân Bert Stevens, kẻ đã muốn chúng ta cứu thoát hắn vào năm 1887, không. Anh có thấy người nào có những cử chỉ dịu hiền, kẻ nào giống như những đứa con gương mẫu trong một gia đình lương thiện hơn hắn chẳng?

- Đúng thế!

- Nếu chúng ta không đưa ra được một giả thiết nào khác thì chàng trai đó bị tiêu. Chỉ có một chi tiết nhỏ liên quan đến giấy tờ. Khi nhìn vào tập ngân phiếu tôi nhận thấy là trong năm vừa qua, nạn nhân có chi trả cho một ông Cornelius nào đó một số tiền rất lớn. Thú thật là tôi mong muốn được biết ông Cornelius là ai, mà một nhà thầu khoán đã ngừng hành nghề lại có những dịch vụ quan trọng đến thế. Liệu ông ta có giữ một vai trò nào trong vụ này chẳng? Cornelius có thể là một nhà môi giới chứng khoán, nhưng chúng ta lại không tìm thấy một phiếu cổ phần nào tương ứng với những khoản

chi đó. Tôi thiếu những chỉ-dấu khác, giờ đây tôi phải tìm kiếm bên phía ngân hàng về việc gã Cornelius đã lãnh các chi phiếu đó. Nhưng tôi e sợ rằng, vụ này sẽ kết thúc bằng sợi dây thông lòng mà Lestrade sẽ choàng quanh cổ của chủ chúng ta.

Tôi không biết trong đêm đó Holmes có ngủ được hay không, nhưng khi tôi gặp lại anh trong bữa điểm tâm, thì tôi thấy anh xanh xao, mệt mỏi, những quầng trăn nặng quanh mắt, làm cho cặp mắt lộ ra trong sáng hơn. Chung quanh ghế bành anh ngồi tẩm tẩm vương đầy những mẫu tàn thuốc và những ấn bản đầu tiên của nhật báo mới phát hành buổi sáng sớm. Một bức điện tín nằm trên mặt bàn.

- Anh nghĩ sao về bức điện này? - Holmes hỏi - Bức điện được gửi từ Norwood:

“Chúng có quan trọng vừa được tìm thấy. Tội lỗi của McFarlane đã được xác minh. Khuyến ông nên bỏ việc điều tra. Lestrade”

- Thế là chuyện trở thành nghiêm trọng rồi đây - Tôi nói.

- Đó là tiếng gáy ò o nhỏ bé của Lestrade - Holmes trả lời với một nụ cười cay đắng - Tuy nhiên, hãy còn quá sớm để mà bỏ cuộc. Anh hãy dùng điểm tâm đi, rồi chúng ta sẽ lên đường.

Chúng tôi đi Norwood. Một đám đông những kẻ hiếu kỳ vây quanh ngôi nhà Deep Den House. Lestrade đón chúng tôi với một vẻ mặt rạng rỡ và một thái độ thắng cuộc.

- Thế nào, ông Holmes, ông có đem theo bằng chứng rằng chúng tôi đã làm lẫn không? Ông có tìm ra tên đầu đường xó chợ chưa? - ông ta kêu lên.

- Tôi chưa rút ra được một kết luận nào - Holmes đáp.

- Nhưng ngay ngày hôm qua, chúng tôi đã có một kết luận rồi! Chúng tôi! Scotland Yard đây này! Và giờ đây câu kết luận đã kiểm chứng. Ông phải nhìn nhận rằng lần này chúng tôi đã hơi nhanh hơn ông một chút, thưa ông Holmes?

- Ông quả thật có dáng vẻ của một người vừa nhận một ân sủng của Thượng đế! - Holmes nói.

Lestrade buông ra một tràng cười âm ỉ.

- Ông mong chúng tôi bị thua. Nhưng không ai có thể chiến thắng trong tất cả mọi trường hợp, phải thế không, bác sĩ? Hai ông hãy lại đây, lại đây để thấy rõ tác giả của tội ác chính là John McFarlane.

Ông ta dẫn chúng tôi tới một gian tiền sảnh sầm tối.

- Đây là nơi mà chàng trai đã đi qua để lấy cái mũ, sau khi gây ra tội ác, xin quý ông hãy nhìn cái này.

Ông bật một que diêm và chỉ vào một vết máu trên tường, ông đưa que diêm sát lại gần hơn: lúc đó tôi thấy còn hơn là một vết: đó là một dấu ngón tay cái in thật rõ.

- Ông hãy dùng kính lúp mà quan sát nó thưa ông Holmes.

- Phải, đó là việc mà tôi đang làm đây.

- Ông dư biết là không có hai dấu tay giống nhau?

- Đúng vậy.

- Thế thì ông hãy so sánh cái dấu này với bản sao lại ngón tay cái trên bàn tay phải của McFarlane được lấy từ dấu vết máu trên tay để lại. Tôi chẳng cần tới một kính lúp cũng nhận ra rằng hai dấu đó y hệt nhau. Thế là quyết định! - Lestrade reo lên.

- Phải, thế là quyết định! - Tôi lặp lại

- Quyết định! - Holmes nói.

Một ngữ điệu nào đó trong giọng nói của Holmes khiến tôi giống tai lên. Tôi quay lại để nhìn Holmes. Mặt anh không còn như trước nữa, nó để lộ một niềm vui lớn trong lòng anh. Cặp mắt anh sáng như hai ngọn đèn pha. Tôi có cảm tưởng là Holmes phải phần đầu dữ dội để cố nén một tiếng cười ngạo nghễ. Sau chót, anh thì thào:

- Ai mà tin được nhỉ. Một chàng trai đáng đáp dễ thương đến thế! đây là một bài học để chúng ta đừng tin vào những cảm tưởng ban đầu, phải thế không, Lestrade?

- Phải, tôi biết có những kẻ thường quá tự tin, thưa ông Holmes – Lestrade nói, sự hỗn xược của ông ta tăng lên.

- Chàng trai đó đã phải ấn ngón tay cái của bàn tay phải vào tường, trước khi gỡ lấy cái mũ móc trên cái máng áo choàng à? Một hành động rất tự nhiên... - Bề ngoài Holmes thật là bình tĩnh, nhưng tất cả thân hình anh lại vắn vẹo dưới ảnh hưởng của một cơn kích thích bị kiềm chế. Anh nói thêm:

- Ông Lestrade, ai phát hiện điều này?

- Bà Lexington, người đã báo động cho nhân viên trực gác tối qua.

- Nhân viên trực gác của ông ở đâu?

- Trong căn phòng đã xảy ra tội ác: chúng tôi canh gác để không cho ai đụng tới cái gì cả.

- Nhưng tại sao ngày hôm qua, cảnh sát không thấy vết máu này?

- Có thể nói ngay rằng, chúng tôi không tiến hành một cuộc xét nghiệm tỉ mỉ gian tiền sảnh. Và chẳng nơi đó lại không được sáng sủa, phải thế không?

- Không hẳn thế. Tôi nghĩ rằng không có gì để nghi ngờ, và rằng dấu vết chưa chắc đã có từ hôm qua.

Lestrade chăm chú nhìn Holmes, tưởng chừng như ông nghĩ rằng Holmes đã mất trí. Thú thật là hính tôi cũng ngạc nhiên bởi cái khía cạnh hơi phi lý trong sự nhận xét của Holmes.

- Ông có nghĩ là đêm qua McFarlane đã ra khỏi xà lim để làm tăng thêm những lời buộc tội vốn đã đè nặng lên anh ta không? - Lestrade nói. - Tôi mời các anh chuyên gia giám định xem đây có phải là dấu ngón tay của anh ta không?

- Đây đúng là dấu ngón tay của anh ta.

- Thế thì đủ rồi! - Lestrade ngắt lời. - Khi tôi có đủ chứng cứ, tôi đi tới kết luận. Nếu ông có điều gì muốn nói, ông sẽ gặp tôi trong phòng khách, là nơi tôi sắp viết bản báo cáo.

- Anh Watson, công việc dường như rất tệ hại, ấy thế mà tôi lại phát hiện ra một cái gì đó thật là kỳ cục. Nó không cho mình được thất vọng.

Tôi thật vui khi nghe anh nói thế. - Tôi trả lời. - Tôi rất sợ là vụ án đã được giải quyết xong.

- Không, nó chưa được giải quyết đâu. Có một nhược điểm nằm ở trong cái bằng chứng mà ông Lestrade đã đưa ra.

- Nhược điểm ở chỗ nào?

- Ở chỗ này đây: vào ngày hôm qua, khi quan sát tiền sảnh, tôi không hề thấy cái dấu tay này. Anh Watson, một cuộc dạo chơi nho nhỏ dưới ánh nắng sẽ không gây thiệt hại cho chúng ta.

Tinh thần bị lộn xộn, nhưng tâm thần lại được sưởi ấm bởi một nguồn hy vọng mới, tôi theo Holmes đi vòng quanh khu vườn. Holmes quan sát ngôi nhà dưới tất cả mọi góc cạnh trước khi trở vào và đi thăm bên trong từ dưới tầng hầm lên tới cái vựa sát mái nhà. Phần lớn những căn phòng không có bày đồ đạc, nhưng Holmes quan sát chúng một cách cực kỳ tỉ mỉ. Sau chót, khi đứng tại bậc thềm mà phía trên nó là nơi dẫn đến ba căn phòng không có người ở, anh suýt la lên vì vui mừng.

- Đây là lúc nên cho Lestrade biết bí mật. Anh chàng đã thích thú khi cười ngạo chúng ta.

Viên thanh tra sở Scotland Yard đang cặm cụi viết.

- Tôi tin là ông đang soạn thảo bản báo cáo về vụ án? - Holmes hỏi.

- Đúng vậy.

- Ông không nghĩ là còn quá sớm chẳng? Tôi không thể bắt tôi dừng nghỉ ngơi, bạn Lestrade?

Thanh tra Lestrade đã biết Holmes quá rõ, nên không dám coi thường với câu nói đó. Ông đặt cây viết xuống và nhìn Holmes với vẻ tò mò.

- Ông nói sao?

- Có một nhân chứng quan trọng mà ông đã không thấy.

- Ông có thể giới thiệu người đó với tôi không?

- Dễ thôi!

- Xin hãy làm đi!

- Ông có bao nhiêu nhân viên ở đây?

- Ba người.

- Tuyệt vời! Mấy người đó đều là những tay cao lớn, khỏe mạnh và có giọng nói thật lớn chứ?

- To con và khỏe mạnh thì có. Nhưng vì sao lại cần có giọng nói thật lớn chứ?

- Rồi ông sẽ hiểu thôi và còn nhiều điều nhỏ bé khác nữa. Mong ông vui lòng gọi người của ông lại. Tôi sẽ ráng sức.

Năm phút sau, ba người cảnh sát đã tập hợp trong gian phòng trước. Holmes nói với họ.

- Dưới dãy nhà phụ, có rất nhiều rơm. Mong các ông vui lòng mang tới đây hai bó. Anh Watson, tôi tin là anh có mang diêm quẹt theo. Thưa ông Lestrade, ông có sẵn lòng đi cùng với tôi lên bậc thềm trên cao kia chẳng?

Trên bậc thềm được nói đến, mở ra một dãy hành lang rộng chạy dài theo ba gian phòng ngủ bỏ trống. Tới một đầu, Sherlock Holmes bố trí chúng tôi đứng theo hàng dọc. Các nhân viên thật hớn hờ và Lestrade nhìn kỹ bạn tôi với tình cảm xen kẽ sự thích thú, sự lo âu và sự mỉa mai. Holmes tới đứng trước mặt chúng tôi với dáng vẻ một nhà ảo thuật đang chuẩn bị làm trò.

- Ông có sẵn lòng phái một trong những nhân viên của ông đi lấy một xô nước không? Hãy đặt rơm ở đây, trong hành lang này, nhưng đừng đặt sát vào tường. Bây giờ tôi tin là chúng ta đã sẵn sàng.

Lestrade đỏ mặt lên vì giận dữ:

- Tôi tự hỏi không biết ông có chế giễu chúng tôi không, thưa ông Sherlock Holmes. Trong trường hợp ông biết một điều gì đó ông có thể nói toạc ra mà chẳng cần đến cái trò dàn cảnh kỳ cục này.

- Tôi có những lý do đúng đắn để hành động như vậy. Có thể ông còn nhớ là hồi nãy ông đã hơi chế giễu tôi, khi mặt trời ra vẻ chiếu sáng phe ông. Giờ đây xin cho phép tôi được chủ tọa một nghi lễ nho nhỏ. Anh Watson, anh có sẵn lòng mở một cửa sổ ra và ném một cây diêm đang cháy vào cái đồng rơm không?

Tôi làm theo điều anh yêu cầu. Bị cuốn hút bởi luồng gió lửa, một dải khói xám tỏa ra trong dãy hành lang, trong lúc rơm khô nổ lách tách dưới ngọn lửa.

- Giờ đây chúng tôi sắp giới thiệu người làm chứng đó với ông, ông Lestrade. Tôi có thể yêu cầu tất cả quý ông cùng kêu lên hai tiếng: Cháy nhà!. Nào Một, hai, ba...

- Cháy nhà! - Cả sáu người cùng hét toáng lên.

- Cảm ơn. Mong quý ông lặp lại.

- Cháy nhà!

- Thêm một lần nữa, và cùng một lúc.

- Cháy nhà!

Tiếng kêu của chúng tôi lớn đến nỗi ở đầu đằng kia hạt Norwood cũng phải nghe thấy.

Bất thành linh từ trong một bức tường phẳng ở cuối dãy hành lang, một cánh cửa mở tung ra, và một người nhỏ bé nhảy ra như một con thỏ vọt ra khỏi hang.

- Tuyệt! - Holmes nói với một giọng thật bình tĩnh - Watson, mong anh hãy trút xô nước lên đồng rơm. Cảm ơn. Thế là đủ. Lestrade, xin cho phép tôi được giới thiệu với ông: đây là ông Jonas Oldacre.

Viên thám tử sững sờ, nhìn chằm chằm vào người mới tới đang hấp háy mắt và đang lần lượt ngó nhìn toán chúng tôi và vào ngọn lửa đang dần dần lịm tắt. Ông ta có một cái đầu ghê tởm: mưu mô, thói hư, tật xấu, và lòng độc ác.

- Thế là thế nào? - Lestrade hỏi, sau khi đã tìm lại được việc sử dụng cái lưới - Ông

làm gì trong khoảng thời gian đó?

Oldacre thất ra một tiếng cười ngượng nghịu, nhưng ông lùi lại trước bộ mặt đe dọa của Lestrade.

- Tôi không làm gì tai hại cả.

- Không tai hại à? Ông đã làm tất cả những gì cần làm để cho một người vô tội phải bị treo cổ. Nếu không có Sherlock Holmes thì ông đã thành công trong cái mưu mô ác độc đó rồi.

Kẻ gian ác bắt đầu khóc rầm rức:

- Thưa ông tôi xin đoán chắc với ông rằng đây chỉ là một trò đùa, không hơn không kém.

- Một trò đùa hả? Nhưng tôi, tôi không sẵn lòng cười đâu? Hãy đưa ông này vào trong phòng khách cho tới khi tôi xuống... Thưa ông Holmes. - Nhà thám tử nói tiếp, sau khi Jonas đã được đưa đi cùng với ba cảnh sát. - Tôi không thể nói ra trước mặt các thuộc viên, nhưng trước mặt bác sĩ Watson, tôi xin thành thật nhìn nhận rằng ông đã thành công. Đây là một trong những cú đẹp nhất trong sự nghiệp của ông... ông đã cứu được mạng sống cho người vô tội và đã ngăn trước một vụ tai tiếng lớn lao có thể làm tiêu tan danh tiếng Lestrade này trong sở Scotland Yard.

Holmes mỉm cười, vỗ lên vai Lestrade

- Thay vì danh tiếng bị tiêu tan, tên tuổi ông bạn tốt của tôi sẽ được lấy lòng thêm nữa. Ông bạn chỉ cần sửa lại vài chi tiết trong bản báo cáo mà ông đang viết đó, và tất cả mọi người sẽ hiểu là chẳng có ai có thể đem phẩn mà ném vào mắt thanh tra Lestrade.

- Bộ ông không muốn tôi nêu tên ông ra?

- Phải! Và bây giờ chúng ta hãy đến xem cái hang của con chuột đi.

Một bức vách ngăn bằng lát nan và trát thạch cao đã được sắp xếp trên 6 bộ chiều dài ở cuối hành lang, với một cánh cửa được che giấu một cách khéo léo, ánh sáng đến từ các khe hở của những tấm nan lát. Có vài ba món đồ, thức ăn và nước uống ở bên trong, cũng như có nhiều cuốn sổ và tài liệu. Holmes nói:

- Nhà thầu khoán này đã tự làm lấy cái chỗ ẩn náu nhỏ bé này mà chẳng cần đến một kẻ đồng lõa ngoại trừ cái mũ đầy tớ quý hóa mà tôi sẽ mau chóng nhét vào trong cái đáy hai túi của tôi, nếu tôi ở địa vị ông, ông Lestrade.

- Tôi sẽ theo lời khuyên của ông. Nhưng làm thế nào mà ông lại biết được chỗ này, thưa ông Holmes?

- Tôi có ý nghĩ là lão già quỷ quyệt này trốn ngay trong nhà mình. Khi sải bước trong

hành lang, tôi khám phá ra rằng nó ngắn hơn dãy hành lang tương tự ở phía dưới mất 6 bộ. Ngay tức khắc, tôi đoán ra được nơi lão trốn. Tôi tự nhủ là hẳn không đủ vững tinh thần để không nhúc nhích trong lúc có báo động cháy nhà. Tất nhiên là chúng ta có thể xông vào bắt hắn nhưng tôi lại thích hắn phải tự mình chường ra. Vả chăng tôi cũng muốn chọc quê ông một chút chơi, vì hồi nãy ông đã chế nhạo tôi.

- Vậy thì, ông đã ăn miếng trả miếng rồi đấy nhé. Một hòa nhé. Nhưng làm thế nào mà ông biết được con quỷ đó ở trong nhà?

- Dấu lằn tay! Ông đã bảo với tôi rằng đó là một bằng chứng quyết định. Đúng, ông có lý, nhưng nó quyết định cho sự ngược lại. Tôi đã biết ngày hôm qua trên tường không có dấu vết đó. Vậy thì nó đã được thêm vào trong đêm khuy

- Bằng cách nào?

- Khi những xấp giấy đã được niêm phong, Jonas Oldacre yêu cầu McFarlane kiểm tra một trong những con dấu bằng cách ấn ngón tay cái lên trên sáp mềm. Điều đó đã xảy ra thật nhanh và thật tự nhiên đến nỗi chàng trai không còn nhớ gì nữa. Ngay chính cả lão quỷ này cũng không chắc đã nghĩ đến là về sau sẽ còn sử dụng cái dấu vết tay đó. Nhưng khi trốn trong hang, hắn đã nghiền ngẫm lại nội vụ và bất chợt thấy được tầm quan trọng của sự buộc tội McFarlane, nếu hắn sử dụng cái dấu tay đó. In lại một dấu tay trên xi, bôi máu vào nó, rồi đem in lại nó trên tường, hoặc do chính tay hắn hoặc qua trung gian của mục quản gia, chỉ là trò trẻ con đối với cái tên vô lại đó. Nếu như ông chịu bỏ công ra mà xem xét các tài liệu mà y đã đem cất trong cái hang của y, tôi dám cá với ông là ông sẽ tìm thấy con dấu niêm với vết lằn tay ở bên.

- Tuyệt vời! - Lestrade reo lên - Thật rất rõ ràng. Nhưng tại sao lại có một sự đánh lừa ác hiểm đến như thế, thưa ông.

Tôi không thể ghìm được một nụ cười: tất cả sự tự mãn đến xác xược của viên thanh tra đã rớt xuống, người ta dám nói đây là một cậu học trò đang hỏi ý kiến ông thầy.

- Hẳn là một nhân vật rất thâm, rất ác, rất ham trả thù. Thuở xưa, hắn đã bị bà mẹ của McFarlane hủy bỏ lời hứa hôn, hắn coi đó là một điều bị lăng nhục, và để lòng hận thù, hắn muốn được trả món thù xưa, nhưng chưa có cơ hội. Trong hai năm gần đây, những vụ kinh doanh của hắn đã gặp những tình huống xấu, hắn khó mà trả được nợ. Hắn quyết định quit nợ, và vì mục đích ấy, hắn đã viết những chi phiếu lớn cho một ông tên là Cornelius. Tôi chưa theo dõi những chi phiếu đó, nhưng tôi dám đánh cược là chúng đã được phát hành cho người nhận đó trong một tình lẻ là nơi mà thỉnh thoảng hắn đến đó sống một cuộc sống khác. Hắn đã có ý định thay tên đổi họ, rút lấy tiền và rồi bỏ đi nơi khác sinh sống. Cornelius chính là tên giả của hắn.

- Rất có lý.

- Hẳn cho rằng nếu hắn bị mất tích trong một trận hỏa hoạn thì hắn sẽ thoát được tất

cả mọi sự truy tố, cùng lúc hắn sẽ thực hiện được một cuộc trả thù khủng khiếp đối với người phụ nữ năm xưa, bằng cách làm cho đứa con trai duy nhất của bà vào tù. Và hắn đã thực hiện điều này như một bậc thầy: Ngón khéo của bản chúc thư, động cơ gây tội ác, cuộc viếng thăm bí mật mà cha mẹ chàng trai không biết, sự đánh xoáy cây can, vết máu, những mẫu vụn bị cháy thành than của thịt động vật, những cái nút áo, nút quần... Tất cả đều đáng khâm phục. Hắn đã giăng lưới khéo đến nỗi cho tới sáng này tôi còn chưa biết thoát ra bằng cách nào.

Nhưng hắn đã không biết dừng lại. Hắn lại còn muốn siết chặt thêm nữa sợi dây thòng lọng vốn đã quấn lấy cổ chàng trai, cho nên hắn đã bị mất hết. Chúng ta xuống thôi, Lestrade.

Tên vô lại ngồi trong phòng khách của chính y, bị kèm sát bởi hai viên cảnh sát. Hắn rên rỉ:

- Đó chỉ là một trò đùa thôi mà, thưa ngài "Đại Lượng". Tôi ẩn trốn là để muốn biết người ta nghĩ gì về tôi, sau khi "chết".

- Đoàn bồi thẩm sẽ quyết định việc đó - Lestrade trả lời .

- Và chắc chắn là ông sẽ được biết rằng các chủ nợ của ông Cornelius... - Holmes nói thêm.

Lão già giật nảy mình và hướng đôi mắt dữ tợn của y về phía bạn tôi:

- Một ngày nào đó, tôi sẽ trả món nợ này.

Holmes nở một nụ cười khoan dung.

- Trong vài năm tới, ông sẽ rất bận rộn. Nhân đây xin cho hỏi một câu: Ông đã ném cái gì vào trong đồng gỗ cùng với cái quần cũ của ông? Một con chó chết? Những con thỏ? Hay là cái gì? Ông không muốn nói ra ư?Ồ! Ông thật khó thương biết bao!

~~ End~~

D.3 - The Adventure of the Dancing Men 1903 (Những hình nhân nhảy múa)

Holmes ngồi vài giờ một cách lặng lẽ, chăm chú với các phản ứng hóa học để điều chế ra một chế phẩm có mùi rất khó chịu. Cái lưng dài và cong, cái đầu như được cắm vào ngực, trông Holmes giống như một con chim khổng lồ màu xám.

- Này Watson, - anh nói một cách thành tình, - Anh không định đầu tư mạo hiểm vào Nam Phi sao?

Tôi bắt đầu ngạc nhiên. Tuy tôi không lạ gì những suy luận của Holmes, nhưng cái cách thâm nhập bất thành tình vào cả những suy nghĩ của tôi thì tôi không thể nào hiểu nổi.

- Làm sao anh biết được vậy? – Tôi hỏi.

Holmes ngay lại, chiếc ống nghiệm bốc khói vẫn cầm trên tay, đôi mắt lóe lên một ánh tinh nghịch.

- Watson, hãy thú nhận là anh bị giật nảy người.

- Tôi?

- Tôi nghĩ là anh nên xác nhận trên giấy về hiệu ứng đó.

- Tại sao?

- Bởi vì chỉ trong năm phút nữa anh sẽ nói rằng nó đơn giản một cách vô lý.

- Tôi hứa là tôi sẽ không nói điều đó.

- Anh thấy đấy, Watson thân mến của tôi - Holmes đặt chiếc ống nghiệm vào cái giá, và bắt đầu tư thế thuyết trình như một giáo sư ở trong lớp học - Thật ra không khó lắm để xây dựng một chuỗi gồm các suy luận có liên quan đến cái trước nó và sự đơn giản bên trong nó. Khi như vậy, điều đơn giản đánh đổ tất cả các suy luận, liên kết giữa yếu tố bắt đầu và kết thúc có thể sản sinh, thậm chí có thể gây ra một sự bất ngờ. Như lúc này, thật không khó lắm, với một dấu vết nhỏ giữa ngón trỏ và ngón cái của bàn tay trái, tôi có thể suy luận chắc chắn là anh không định đầu tư khai thác vàng.

- Tôi không nhìn thấy sự liên hệ nào cả.

- Có vẻ là như vậy. Nhưng tôi có thể nhanh chóng cho anh thấy một liên hệ gần gũi. Những đoạn thiếu của chuỗi móc xích rất đơn giản. 1. Anh có vết phẩn giữa ngón trỏ và ngón cái bàn tay trái khi anh trở về từ câu lạc bộ tối qua. 2. Anh chỉ có vết phẩn ở đó khi anh chơi billiards. 3. Anh không bao giờ chơi billiards, trừ khi với Thurston. 4. Bốn tuần trước anh có kể tôi nghe Thurston có một cơ hội đầu tư ở Nam Phi trong một tháng sau và anh ta muốn anh cùng hùn vốn. 5. Quyền séc của anh bỏ trong ngăn kéo của tôi, khóa lại, nhưng anh đã không hỏi về chìa khóa. 6. Anh không định đầu tư vào lĩnh vực này.

- Đơn giản vậy thôi sao! – Tôi kêu lên.

- Đúng vậy đó! – Holmes nói với một chút giễu cợt – Mọi vấn đề trở thành rất trẻ con khi nó đã được giải thích với anh. Đây là một vấn đề chưa được giải thích. Xem thử anh có thể làm gì với cái đó, bạn Watson thân mến.

Holmes cầm mảnh giấy trên bàn đưa cho tôi rồi quay lại với công việc phân tích hóa học. Tôi ngạc nhiên thấy tờ giấy được vẽ những chữ tượng hình.

- Chú nhãi nào vẽ thế!

- Ý kiến của anh vậy à?

- Cái này là cái gì?

- Ông Hilton Cubitt ở Riding Thorpe Manor, hạt Norfolk cũng muốn biết đó là cái gì. Ông đã chuyển nó cho chúng ta ngay từ chuyến thư đầu tiên, còn ông sẽ đến đây bằng tàu hỏa. Anh có thấy chuông reo không? Có lẽ ông ta đến đây.

Tiếng những bước chân nặng nề vang lên ở cầu thang. lát sau, một người cao lớn, bảnh bao, má ửng hồng bước vào phòng. Sau khi bắt tay chúng tôi, ông định ngồi xuống ghế. Đột nhiên ông chú ý ngay đến mảnh giấy có những ký hiệu ngộ nghĩnh tôi mới xem xong và đặt trên bàn.

- Ông nghĩ sao về cái này, ông Holmes. Người ta nói rằng ông là người ưa thích những chuyện bí ẩn.

- Đây thực sự là những hình vẽ rất bí ẩn. Thoạt nhìn có thể coi nó là trò nghịch ngợm của trẻ con. Người lớn nào có thể vẽ những hình người nhảy múa rời rạc như vậy? Thế nhưng vì sao ông lại cho rằng mảnh giấy quái đản này có một ý nghĩa quan trọng?

- Tôi sẽ không gán cho nó một ý nghĩa nào cả, nếu không có chuyện vợ tôi. Nàng đã chết ngất khi nhìn thấy nó.

Holmes khẽ nâng tờ giấy lên. Đó là một mảnh giấy được xé ra từ một cuốn sổ tay. Những hình ảnh như thế này được vẽ bằng bút chì trên mặt giấy.

Holmes chăm chú xem tờ giấy, thận trọng gấp lại và cất vào trong ví.

- Câu chuyện hứa hẹn nhiều điều bí ẩn khác thường. Trong thư, ông đã kể rồi, song xin ông vui lòng kể lại chuyện ấy cho người bạn của tôi, bác sĩ Watson đây nghe.

- Trước hết, tôi xin nói là tôi không phải là một người giàu có, dù dòng họ của tôi được coi là dòng quý tộc danh tiếng nhất ở Norfolk từ 5 thế kỷ nay. Năm ngoái, khi đi dự hội ở London, tôi trọ lại trong một ngôi nhà trưng bày đồ gỗ ở quảng trường Russel và vị linh mục của địa phương chúng tôi cũng dừng chân tại đó. Một cô gái trẻ người Mỹ là Elsie Patrick, cũng sống trong ngôi nhà này.

Chúng tôi nhanh chóng trở nên thân nhau. Chưa đầy một tháng tôi đã yêu nàng. Chúng tôi làm phép cưới ở nhà thờ rồi cùng nhau đến sống tại Norfolk.

Với tôi, nàng rất thành tâm và thẳng thắn. Elsie nói rằng tôi có quyền từ chối lễ cưới nếu tôi muốn:

“Cuộc đời trước đây của em có nhiều chuyện thật không vui. Em muốn quên đi tất cả. Em không muốn trở lại quá khứ của mình. Nếu lấy em thì có nghĩa anh lấy một người đàn bà chưa hề làm điều gì đáng phải hối hận cả. Anh hãy tin vào lời em nói, và cần cho phép em không dấn động gì tới quãng đời quá khứ của em. Nếu không được như vậy, anh hãy quay trở về Norfolk đi! Em sẽ tiếp tục sống cô độc như trước đây”.

Nàng đã nói với tôi như vậy vào hôm trước lễ cưới. Tôi đã đồng ý.

Chúng tôi thành vợ chồng được một năm nay. Thời gian trôi đi thật êm đềm. Thế nhưng cách đây một tháng, vào cuối tháng 6. Vợ tôi nhận được một lá thư gửi từ Mỹ. Mặt nàng xanh tái. Nàng đọc xong lá thư rồi ném vào lửa. Nàng không nhắc lại chuyện đó, và tôi cũng không hỏi, vì tôn trọng lời hứa của mình! Có điều, từ đấy trở đi, nàng không bình tâm được lấy một phút. Gương mặt nàng luôn tỏ ra khiếp đảm. Có thể thấy rõ rằng nàng đang mong đợi cái gì đó. Rồi cách đây gần một tuần, tôi đã nhìn thấy trên bậu cửa sổ những hình nhảy múa như trên mảnh giấy này. Chúng được vẽ bằng phấn. Tôi nghĩ cậu bé làm ở tàu ngựa đã vẽ chúng. Nhưng cậu ta thề thốt rằng cậu không biết gì cả. Chúng xuất hiện vào ban đêm. Tôi lau sạch đi, và vô tình nhắc tới chúng trong một lần nói chuyện với nàng.

Nàng yêu cầu tôi chỉ cho nàng coi, nếu tôi lại trông thấy những hình nhân như thế. Suốt một tuần liền, không thấy chúng xuất hiện. Thế rồi sáng hôm qua, tôi nhặt được mảnh giấy này trên chiếc đồng hồ mặt trời ngoài vườn. Tôi chỉ cho nàng coi và lập tức nàng ngất xỉu đi. Từ giờ phút ấy, nàng sống chập chờn như trong mơ. Đôi mắt nàng tràn đầy nỗi khiếp sợ. Còn tôi thì khác, ông sẽ nói cho tôi biết cần phải làm gì. Tôi không giàu có, nhưng sẵn sàng tiêu đến đồng xu cuối cùng để bảo vệ nàng.

Tình yêu thương và lòng chung thủy với vợ được ghi lại trên từng nét mặt nhỏ nhất

của khuôn mặt ông.

Holmes nghe hết câu chuyện với sự chăm chú sâu sắc. Sau đó anh trầm ngâm hồi lâu. Cuối cùng, anh nói:

- Ông không thẳng thắn yêu cầu vợ ông nói hết ra những bí ẩn hay sao, thưa ông Cubitt?

Hilton Cubitt lắc lắc cái đầu đồ sộ của mình:

- Lời hứa, ông Holmes ạ! Nếu Elsie muốn, thì nàng đã kể cho tôi nghe rồi. Còn nếu không muốn, tôi không ép nàng.

- Nếu vậy, tôi sẽ hết lòng giúp ông. Hãy nói cho tôi biết có người nào ở nơi khác đến sống cạnh gia đình ông không?

- Không.

- Tôi biết ông sống ở một nơi rất hẻo lánh. Sự xuất hiện của bất kỳ người lạ nào không thể không để lại dấu vết.

- Nếu có người lạ mặt nào ở ngay cạnh nhà tôi, tất nhiên tôi đã biết. Có điều, cách không xa từ chỗ chúng tôi có vài làng ven biển với những bãi tắm lớn. Các điền chủ đã cho những người từ xa đến thuê các phòng nghỉ khang trang.

- Trong những hình vẽ kỳ quái này chắc chắn ẩn chứa một ý nghĩa nào đấy. Theo ý tôi, ông cần trở lại Norfolk, chú ý theo dõi tất cả những gì diễn ra chung quanh. Còn khi ông phát hiện ra ở nơi nào đó những hình nhân nhảy múa mới, thì ông cần chép y lại một cách tỉ mỉ nhất. Đáng tiếc là ông đã không sao lại những hình người được vẽ bằng phấn trên bậu cửa! Hãy dò xét tất cả những người quen biết xuất hiện ở cạnh nhà. Và khi nhận ra được một chút gì mới, ông hãy đến ngay chỗ tôi. Nếu thấy cần thiết, tôi sẵn sàng đến chỗ ông...

Sau cuộc gặp gỡ nói trên, Holmes thường hay trầm ngâm suy nghĩ. Nhiều lần tôi trông thấy anh chăm chăm xem những hình người ngộ nghĩnh được vẽ trên đá. Tuy nhiên, chỉ sau hai tuần, anh lại bắt đầu trò chuyện với tôi về chuyện này. Lúc tôi sửa soạn bước ra khỏi nhà, anh đột nhiên ngăn tôi lại:

- Tốt hơn là anh hãy ở nhà.

- Vì sao?

- Sáng nay tôi nhận được điện của Hilton Cubitt. Ông ấy có ý định đi London vào lúc 10 giờ. Chỉ vài phút sau nữa, ông ta sẽ đến đây. Theo bức điện, tôi hiểu rằng ông đã có những tin tức cực kỳ quan trọng.

Chúng tôi chờ đợi không lâu thì vị điền chủ đã từ sân ga phóng thẳng đến chỗ tôi. Mặt ông ta lộ rõ vẻ âu lo.

- Câu chuyện tôi bức mình, ông Holmes ạ!

Ông ta buông mình xuống ghế bành và nói.

- Thật là quá khổ tâm khi ta cảm thấy bị những người xa lạ vô hình toan đẩy ta vào một hiểm họa nào đấy, còn khủng khiếp hơn nữa khi nhận ra rằng từ ngày này qua ngày khác, những con người đó dần dần hủy diệt người thân của ta. Nàng đã giấu tôi?

- Bà ấy đã nói với ông điều gì phải không?

- Không nói điều gì cả. Có lúc nàng như muốn kể cho tôi nghe hết thảy, chúng tôi không đủ cương quyết. Tôi toan giúp nàng, thì tôi vụng về đến mức chỉ làm nàng sợ hãi thêm. Nàng bắt đầu hay nói về chuyện chúng tôi thuộc một dòng họ lâu đời như thế nào, mọi người trong dòng họ kính trọng tôi ra sao, chúng tôi tự hào về lương tâm trong sạch của mình như thế nào. Lần nào cũng vậy, tôi cảm thấy nàng muốn nói thêm một điều gì, nhưng rồi lại thôi.

- Ông có phát hiện ra cái gì không?

- Rất nhiều, ông Holmes ạ Tôi đưa đến cho ông hàng đống những hình nhân nhảy múa mới đây. Nhưng quan trọng nhất là cái này.

- Ai vẽ chúng thế.

- Tôi nhìn thấy nó sau giờ làm việc. Nhưng hãy cho phép tôi kể theo trình tự. Sau khi từ chỗ ông trở về, ngay sáng hôm sau, tôi đã tìm thấy những hình người nhảy múa mới. Chúng được vẽ bằng phấn trên cánh cửa sổ màu đen của kho chứa củi nằm cạnh bãi cỏ. Tôi sao chép lại tất cả. Đây, chúng đây!

Ông ta rút tờ giấy, mở ra và đặt lên bàn. Những chữ tượng hình như thế này được vẽ trên mặt giấy.

- Tuyệt vời! Thật tuyệt vời! Hãy tiếp tục đi!

- Khi vẽ lại xong, tôi xóa chúng. Thế mà hai ngày sau, trên cánh cửa ấy lại xuất hiện hàng mới. Chúng đây!

Holmes bật cười vì vui sướng:

- Tài liệu của chúng ta được tăng lên mau chóng.

- Sau 3 ngày, trên chiếc đồng hồ mặt trời lại xuất hiện một lá thư nhỏ nằm ở dưới một

viên đá. Chúng đây! Ông thấy không, những hình vẽ ở trên đó chính là hình vẽ ở lá thư đầu tiên. Thế là tôi quyết định rình người đã vẽ. Suốt từ một đến hai giờ khuya, tôi cầm súng lục, ngồi ở cạnh 1 cửa sổ và nhìn ra khu vườn đầy ánh trăng. Tôi nghe thấy tiếng những bước chân sau lưng mình. Ngoái cổ lại, tôi nhận ra vợ tôi trong bộ quần áo dài mặc ở nhà.

Nàng năn nỉ tôi trở vào giường nằm. Tôi thành thực nói với nàng rằng tôi muốn xem ai là người làm trò tinh nghịch ấy. Nàng nói rằng đây chỉ là một trò đùa vớ vẩn, không đáng quan tâm đến.

- Nếu chuyện đó làm anh bức bối như thế, thì chúng ta hãy cùng ra đi. Khi ấy sẽ không một ai quấy rầy chúng ta nữa.

- Sao kỳ vậy? Nếu làm vậy, cả dòng họ sẽ chế nhạo chúng ta.

- Hãy đi nghỉ thôi! Sáng mai chúng ta sẽ bàn tiếp chuyện đó vậy. - Nàng nói.

Tự nhiên khuôn mặt nàng tái xám đi (tôi nhận ra điều này thậm chí ngay cả dưới ánh trăng). Bàn tay nàng bám chặt vào vai tôi. Có một cái gì động đậy trong bóng tối của kho chứa củi. Một bóng đen gập người từ góc vườn trườn ra rồi ngồi lại trước cửa. Tôi giật lấy khẩu súng lục, chạy lao người về phía trước. Nhưng vợ tôi đột nhiên ôm chầm lấy tôi, giữ tôi đứng lại. Tôi càng cố giẫy ra, nàng càng bám lấy tôi táo tợn hơn. Cuối cùng, tôi dứt được ra. Song lúc đẩy cửa chạy tới kho chứa củi thì bóng đen đã biến mất. Tôi lùng sục khắp vườn vẫn không tìm ra dấu hấn. Sáng hôm sau, tôi lại xem xét cửa kho củi thì dưới hàng chữ mà tôi đã có dịp nhìn thấy, lại xuất hiện thêm vài hình người mới.

- Ông có chép lại không?

- Có chứ!

Ông taho chúng tôi coi một mảnh giấy khác. Những hình người nhảy múa mới có dáng vẻ như sau.

- Những hình người này được vẽ thêm vào hàng chữ trước đây hay được vẽ riêng ra?
- Holmes hỏi, vẻ xúc động.

- Chúng được vẽ trên thang gỗ, phía dưới cánh cửa.

- Thật tuyệt. Điều này đối với chúng ta hệ trọng hơn tất cả. Nó gieo niềm hy vọng. Ông Hilton Cubitt, ông hãy tiếp tục câu chuyện lý thú này!

- Tôi rất giận vợ tôi vì nàng đã ngăn không cho tôi lùng bắt tên vô lại. Tôi muốn nhờ năm sáu chàng trai rình trong bụi cây, chờ dịp nện cho nó một trận nên thân.

- Căn bệnh quá trầm trọng sẽ không được chữa khỏi bằng thứ thuốc thông thường đâu. Ông có thể lưu lại London trong bao lâu?

- Holmes hỏi.

- Tôi phải trở về ngay hôm nay. Nàng rất lo và đã yêu cầu tôi quay về càng sớm càng tốt.

- Ông hoàn toàn có lý. Song, giả như ông có thể ở lại thì sau một hoặc hai ngày gì đó, tôi sẽ cùng đi với ông. Dầu sao cũng phải để những mảnh giấy này lại cho tôi.

Theo thói quen nghề nghiệp, Holmes gắng tỏ ra thật bình tĩnh. Nhưng tôi nhận thấy anh đang xúc động. Đôi vai rộng của Hilton Cubitt vừa khuất sau cánh cửa, anh bạn tôi đã chạy bỏ đến bàn, trải các mảnh giấy ra. Trong vòng hai tiếng, anh đã viết hết từ tờ này đến tờ khác la liệt những con số và chữ cái. Công việc này cuốn hút anh tới mức hình như anh quên mất sự có mặt của tôi trong phòng. Cuối cùng, anh hài lòng kêu lên, nhồm phất dậy, vừa xoa xoa hai tay vừa chạy khắp phòng. Sau đó anh chuyển đi một bức điện dài.

- Có lẽ sáng mai tôi và anh sẽ cùng đi Norfolk. Chắc chắn cuốn sách của anh sẽ phong phú thêm nhờ có câu chuyện ly kỳ này.

Óc tò mò hành hạ tôi, nhưng tôi biết Holmes chỉ nói khi nào thấy cần thiết. ' là tôi nén lòng chờ đợi.

Thế nhưng không có điện trả lời. Suốt hai ngày liền, Holmes phập phồng lắng nghe từng tiếng chuông reo. Chiều ngày thứ hai chúng tôi nhận được thư của Hilton Cubitt. Ông ta cho biết ở chỗ ông tất cả đều yên tĩnh nhưng sáng nay, trên giá đỡ của chiếc đồng hồ mặt trời đã xuất hiện hàng chữ dài nhất. Bản sao chép chính xác dòng chữ này được đính kèm lá thư. Hàng chữ được vẽ như thế này.

Holmes gặp người trước bản vẽ kỳ quái. Bất thành linh anh nhồm phất dậy, kêu lên ngạc nhiên và giận dữ. Khuôn mặt lo âu của anh trở nên cau có:

- Chúng ta đã để cho công việc đi quá xa mất rồi! Buổi chiều có chuyến tàu nào đi tới North Walsham?

Tôi liếc nhìn vào bảng giờ tàu đầu tiên. Vậy sự có mặt của chúng ta ở đó là rất cần thiết. Người khách hàng của chúng ta đang sa vào mạng lưới cực kỳ nguy hiểm!

Chúng tôi vừa mới xuống North Walsham thì người xếp ga đã chạy hỏi:

- Các ông là những thám tử từ London tới?

- Sao ông lại nghĩ vậy?

- Bởi vì viên thanh tra Martin cũng từ Norwich qua đây. Các ông là bác sĩ? Bà ta vẫn còn sống, các ông sẽ còn kịp để cứu bà ta...

Holmes cau có và lo ngại:

- Chúng tôi sẽ đến Ridling Thorpe Manor. Nhưng chưa rõ chuyện gì đã xảy ra ở đó?

- Một chuyện khủng khiếp - Người xếp ga nói - Ban đầu bà ta bắn ông ấy, rồi sau đó tự bắn mình. Những người hầu gái kể như vậy. Ông ta đã chết và bà ấy cũng sẽ chết. Than ôi!

Holmes nhảy lên xe ngựa. Anh hoàn toàn im lặng trong suốt trình. Tôi ít có dịp thấy anh rơi vào một tâm trạng âu sầu đến thế. Ngay từ đầu, tôi đã thấy anh hết sức lo ngại lúc xem qua những tờ báo buổi sáng. Thế nhưng lúc này, khi những nỗi lo sợ tồi tệ nhất của anh đã được xác nhận thì anh như hóa đá.

Anh ngồi ngả người về phía sau, đắm mình trong những ý tưởng buồn bã. Trong khi ấy, chúng tôi đi qua một trong những nơi kỳ thú nhất của nước Anh. Cư dân trong vùng sống thưa thớt. Nhưng theo mỗi bước chân đi nổi bật lên trên cánh đồng xanh mướt là những chiếc tháp cao, to, xác nhận niềm vinh quang của miền Đông nước Anh xưa kia.

Cuối cùng, bác xà ích dùng roi chỉ cho chúng tôi coi hai mái nhà nhón đầu giữa thôn quê:

- Thái ấp Ridling Thorpe đấy!

Đến gần ngôi nhà, tôi để ý thấy phía trước có một cái kho chứa củi màu đen nằm sau cái sân um tùm và chiếc đồng hồ mặt trời đặt trên bệ. Một người lanh lợi với bộ ria tía tốt cần thận vừa nhảy từ xe hai bánh xuống. Đó là viên thanh tra Martin. Ông ta kinh ngạc khi trông thấy người bạn tôi.

- Thưa ông Holmes, tội ác đã được thực hiện vào lúc 3 giờ sáng. Do đâu mà ông biết được và đã đến đây cùng một lúc với chúng tôi?

- Tôi đoán ra và đi đến để ngăn chặn tội ác.

- Ông có những tài liệu mà chúng tôi không có?

- Tôi chỉ có những tin tức nhận được từ những hình người nhảy múa. Tôi đã đến muộn, không ngăn chặn được nó. Ông có cần tiến hành điều tra cùng với tôi không? Hay ông thích để tôi tự tìm hiểu lấy?

- Được tiến hành cùng với ông là một vinh dự lớn đối với tôi, ông Holmes ạ. - Viên thanh tra thành thật trả lời.

- Trong trường hợp này, tôi muốn lắng nghe những lời khai của các nhân chứng, và tận mắt xem hiện trường.

Thanh tra Martin thông minh đến mức cho phép Holmes xử sự theo cách riêng của mình. Bác sĩ địa phương, vừa trong phòng bà Hilton Cubitt bước ra. Ông nói rằng sức khỏe của bà chưa hết hy vọng, viên đạn chỉ mới suýt vào não. Về câu hỏi bà ta tự bắn vào người hay do một người nào khác bắn thì ông không dám quyết đoán.

Ở bất kỳ trường hợp nào, phát súng cũng được bắn từ một cự ly rất gần. Người ta chỉ tìm thấy trong phòng một khẩu súng ngắn và hai vỏ đạn. Ông Hilton Cubitt bị bắn thẳng vào tim. Có thể giả thiết rằng trước tiên ông ta bắn vợ và sau đấy bắn mình. Cũng có thể giả thiết chính bà vợ gây tội ác đầu tiên, vì khẩu súng ngắn nằm trên vạt áo của bà.

- Ông khám xét nạn nhân chưa? - Holmes hỏi.

- Chưa. Chúng tôi chỉ mới nâng bà lên và chuyển đi.

- Ông ở đây lâu chưa, bác sĩ?

- Từ 4 giờ sáng.

- Có ai khác ngoài ông ở đây không?

- Có. Giám định viên.

- Ông đã hành động một cách thận trọng. Ai gọi ông đến?

- Chị hầu phòng Saunders.

- Chị ta là người đầu tiên báo động phải không?

- Chị ấy và bà King, người nấu bếp.

- Bây giờ họ ở đâu?

- Có lẽ ở trong bếp.

- Chúng ta sẽ bắt đầu nghe các lời khai của họ.

Gian phòng cũ kỹ được ghép bằng gỗ sồi với những cánh cửa cao biến thành phòng điều tra. Holmes ngồi xuống ghế, mặt lạnh lùng. Tôi đọc trong ánh mắt của anh ý chí kiên quyết, nếu cần có thể hiến cả cuộc đời mình để con người kia được toại nguyện.

Trong phòng, ngoài tôi ra còn có thanh tra Martin, ông bác sĩ và một cảnh sát nông

thôn.

Lời khai của hai người đàn bà chính xác ở mức độ cao: Tiếng súng đã đánh thức họ dậy. Sau chừng một phút, họ nghe phát súng thứ hai. Bà King đã chạy bỏ tới chỗ cô Saunders. Họ cùng xuống cầu thang. Cửa phòng bị mở toang, cây nến chiếu sáng trên bàn. Chủ nhân nằm úp mặt xuống nền nhà ở giữa phòng, tắt thở. Vợ ông đang quần quai cạnh cửa sổ, đầu tựa vào tường. Máu đỏ khắp nửa mình. Bà ta vẫn thở, nhưng không thể nói được. Ngoài hành lang cũng như trong phòng đều có khói và phảng phất mùi thuốc súng. Cửa sổ bị đóng lại bằng chốt phía trong. Cả hai người đàn bà đều hoàn toàn khẳng định điều này. Ngay lập tức, họ đi gọi bác sĩ và cảnh sát. Sau đó, nhờ sự giúp đỡ của người coi ngựa và chú bé làm ở chuồng ngựa, họ đưa bà chủ bị thương sang phòng bà. Bà mặc bộ áo quần dài. Còn người chồng thì mặc đồ trong nhà, phía ngoài choàng áo ngủ. Vợ chồng họ không bao giờ to tiếng với nhau. Mọi người cho họ là cặp vợ chồng thân ái nhất.

Trả lời thanh tra viên Martin, hai người phụ nữ nói rõ rằng tất cả song cửa sổ đều bị khóa lại từ phía bên trong, rằng không một ai có thể thoát ra khỏi nhà.

Khi trả lời Holmes, hai người đều nhớ lại rằng họ ngửi thấy mùi thuốc súng ngay sau khi chạy ra từ phòng mình ở lầu hai.

Holmes nói với ông thanh tra:

- Chúng ta hãy chú ý tới sự việc này; còn bây giờ, cần xem xét căn phòng đã diễn ra tội ác.

Đó là một căn phòng rất bé. Các giá sách choán hết ba phía tường, bàn làm việc đặt cạnh cửa sổ quay ra vườn. Chúng tôi để ý trước tiên đến thi thể kẻ bất hạnh nằm sòng soài trên nền, áo quần xộc xệch, chứng tỏ ông đã bị dựng dậy từ giường một cách vội vã. Viên đạn xuyên qua trái tim, kẹt lại trong người. Trên bộ quần áo cũng như hai bàn tay không có dấu tích của thuốc súng; bác sĩ nói rằng trên người ông Cubitt, chỉ có dấu vết của thuốc súng ở mặt, chứ không có trên bàn tay.

- Việc không có dấu vết của thuốc súng ở bàn tay chẳng chứng tỏ điều gì, nhưng sự hiện diện của trên mặt lại chứng minh tất cả: Anh sẽ không làm vấy bẩn bàn tay khi anh bắn. Bây giờ, có thể đưa thi thể ông Cubitt ra được rồi. Bác sĩ, có lẽ ông sẽ không tìm được các viên đạn bắn bà Cubitt. - Holmes nói.

- Muốn vậy, buộc phải tiến hành một ca mổ nghiêm túc. Trong khẩu súng còn 4 viên đạn, ngoài này có 2 phát súng và 2 vết thương. Thật ra không khó khăn gì khi xác định số phận của từng viên đạn.

- Xin làm ơn xác định giùm số phận của viên đạn xuyên qua rìa khung cửa sổ kia kìa!

Anh đột nhiên quay người lại và dứng ngón tay chỉ vào lỗ thủng ở thanh nôi phía dưới

của khung cửa sổ. Viên thanh tra kêu lên:

- Tài thật ông phát hiện ra cái đó bằng cách nào vậy?

- Tôi tìm ra vì tôi có ý đi tìm nó.

- Tài tình thật! - ông bác sĩ nói - Ông hoàn toàn có lý, nghĩa là phát súng thứ ba, và đã có người thứ ba. Nhưng hắn là ai? Hắn đã biến đi đâu?

- Ông thanh tra, các nữ hầu nói rằng lúc chạy ra từ phòng mình, họ đã ngửi thấy mùi thuốc súng và tôi đã nói với ông rằng ra cần lưu ý đến điều đó.

- Tôi nhớ. Nhưng tiếc thay tôi không nắm được ý của ông.

- Điều đó chứng tỏ cả cửa ra vào lẫn cửa sổ đều bị mở toang. Nếu không, khói thuốc không thể lan tỏa khắp nhà với một tốc độ nhanh như thế. Chỉ có gió lùa mới thổi khói thuốc bay xa đến như vậy. Trong phòng này, các cửa vào lẫn cửa sổ được mở ra trong khoảnh khắc.

- Tại sao?

- Bởi vì ngọn nến này hãy còn sáng.

- Đúng vậy – Viên thanh tra kêu lên.

- Khi biết chắc vào thời gian xảy ra vụ án, các cửa sổ bị mở ra, tôi đã kết luận rằng có người thứ ba tham dự vào: Người đứng ở phía ngoài và bắn qua cửa sổ. Còn viên đạn nhắm bắn vào người thứ ba thì có thể đã ghim vào khung cửa sổ. Tôi đã nhìn thấy và thực tế đã tìm ra dấu tích của viên đạn.

- Nhưng cửa sổ được đóng lại bằng cách nào?

- Chắc chắn người đàn bà đã đóng lại, đóng lại một cách vô ý thức... Nhưng cái gì thế này?

Trên bàn có một chiếc ví phụ nữ. Chiếc ví nhỏ nhắn làm bằng da cá sấu được ngăn bằng một lớp bạc lộng lẫy. Holmes mở ví, trút các thứ lên bàn. Trong đó có tất cả 20 phiếu tín dụng, 50 bảng Anh.

- Hãy cầm lấy! Những thứ này sẽ được chuyển tới trong phiên tòa. - Holmes nói và chuyển cho viên thanh tra. - Bây giờ cần làm sáng tỏ viên đạn thứ ba hướng tới người nào? Lỗ thủng ở khung cửa sổ cho thấy người ta bắn tới từ phòng này. Tôi muốn thảo luận lại với bà King... Bà nói rằng phát súng nổ lớn đã đánh thức bà dậy. Ý bà muốn nói phát súng đầu nổ to hơn phát thứ hai phải không?

- Tôi đang ngủ, cho nên tôi khó mà bàn luận được. Tôi chỉ cảm thấy tiếng nổ rất to.

- Bà không cho rằng cả hai phát súng hầu như nổ cùng một lúc chứ?

- Tôi không thể phân tích được điều đó.

- Tôi tin là đúng như vậy. Ông thanh tra, trong căn phòng này, chúng ta không biết gì hơn được nữa đâu. Nếu các ông đồng ý, chúng ta sẽ cùng ra ngoài vườn và sẽ cùng xem xét ở đây có điều gì thú vị không.

Ngay phía dưới cửa sổ căn phòng có một bồn hoa, khi đến đó, chúng tôi cùng kêu to lên. Hoa bị xéo nát. Những vết chân in hằn lên trên mảnh đất xốp rất rõ. Đó rõ ràng là những vết chân đàn ông to bè rất dài và sắc. Holmes chân lướt trên cỏ, trên lá như chó săn lùng sục chim bị thương. Đột nhiên anh kêu lên sung sướng. Anh cúi xuống và nhặt lên một khối trụ nhỏ bằng đồng.

- Tôi biết mà! Đây chính là viên đạn thứ

Vết sừng sốt in hằn trên nét mặt ông thanh tra. Rõ ràng ông thán phục tốc độ và tài nghệ của Holmes. Lúc đầu ông ta bảo vệ ý kiến của mình, thế nhưng chẳng bao lâu ông thực sự thích thú vì đã bị Holmes chinh phục hoàn toàn.

- Ông nghi ai? - Viên thanh tra hỏi.

- Còn chờ một chốc nữa thôi, sau đấy tôi sẽ giải thích cho ông rõ hết thảy.

- Ông Holmes, chỉ mong sao kẻ sát nhân không được thoát.

- Mọi mối liên hệ của tội ác này đã nằm gọn trong tay tôi. Thậm chí nếu bà quý tộc không bao giờ tỉnh lại nữa, chúng ta vẫn khôi phục lại được tất cả những gì đã xảy ra vào đêm hôm qua và giành được công lý. Trước hết, tôi muốn biết cạnh đây có khách sạn nào tên là Elrige không?

Người ta lấy khẩu cung các gia nhân trong nhà, nhưng không một ai nghe thấy tên một khách sạn như vậy. Chỉ có chú bé làm ở tàu ngựa đột nhiên nhớ tới một người có họ là Elrige ở gần East Ruston, cách đây vài dặm.

- Trang trại của ông ta rất biệt lập à?

- Vâng, rất biệt lập.

- Có lẽ ở đó người ta chưa biết chuyện gì đã xảy ra ở đây?

- Có lẽ thế, thưa ông.

Holmes ngẫm nghĩ, và trên khuôn mặt anh bỗng xuất hiện một nụ cười tinh quái:

- Thắng yên ngựa đi, chú bé tài giỏi! Tôi muốn chú chuyển thư đến điền trang Elrige.

Anh rút túi ra vài mảnh giấy có những hình người nhảy múa. Anh ngồi xuống bàn, trải rộng chúng ra trước mặt, rồi mài miết với công việc. Cuối cùng anh trao bức thư cho cậu bé. Yêu cầu cậu chuyển đến tận tay người có tên trong địa chỉ, và không được phép trả lời bất kỳ câu hỏi nào. Tôi liếc nhìn địa chỉ. Nó được viết bằng chữ cong queo chính xác, không giống chút nào với nét chữ rõ ràng lúc bình thường của Holmes. Bức thư chuyển cho ông Abe Slaney trang trại Elrige, East Ruston ở Norfolk.

- Ông thanh tra, tôi cần chuyển điện cho đoàn hộ tống. Bởi, nếu điều tôi suy nghĩ đúng, thì ông sẽ phải áp tải một tên tội phạm cực kỳ nguy hiểm đến nhà tù. Chú bé có thể chuyển luôn bức điện của ông. Còn chúng ta, Watson ạ, chúng ta sẽ trở lại thành phố bằng chuyến tàu sau bữa ăn trưa, vì vào chiều hôm nay tôi cần phải kết thúc một sự phân tích hóa học kỳ thú. Công việc hiện đang đi nhanh tới kết thúc.

Khi cậu bé đưa thư phi ngựa đi Sherlock Holmes cho triệu tập gia nhân lại. Anh cho biết, ai muốn viếng thăm bà Hilton Cubitt thì mau chóng rời khỏi phòng khách và không được báo cho bà biết những gì đã xảy ra ở đây. Anh đòi hỏi thi hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh. Sau đấy anh trở vào phòng khách và nói thêm rằng, lúc này mọi chuyện sẽ được tiến hành không có sự tham gia của chúng tôi, chúng tôi chỉ ngồi và chờ xem con thú nào sẽ sa vào bẫy mà thôi.

Người bác sĩ lui tới chỗ bệnh nhân của mình. Chỉ có tôi và viên thanh tra ở lại với Holmes.

- Tôi sẽ giúp các ông dùng một giờ chờ đợi này một cách lý thú và bổ ích.

Holmes vừa nói vừa kéo ghế lại gần bàn và trải rộng ra trước mặt nhiều mảnh giấy với những hình người nhảy múa khác nhau.

- Anh Watson ạ, tôi cần phải chuộc lỗi làm của mình, tôi đã gọi trí tò mò của anh đến thế. Còn đối với ông, ông thanh tra, việc này là một bài học nghề nghiệp tuyệt vời. Trước hết, tôi cần kể cho ông nghe cuộc gặp gỡ của tôi với ông Hilton Cubitt tại nhà tôi.

Thế rồi anh kể vắn tắt cho viên thanh tra nghe những việc mà chúng ta biết.

- Trước mắt chúng ta là những bức vẽ ngộ nghĩnh. Có thể chúng sẽ gợi ra những nụ cười, nếu chúng không phải là những dấu hiệu báo trước một bi kịch. Hầu như tôi đã biết tất cả những loại chữ viết bí mật. Tôi là tác giả một bản chuyên khảo, trong đó tôi phân tích 160 hệ thống các chữ viết khác nhau, nhưng tôi phải thú nhận rằng hệ thống các chữ viết này hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Nhưng kẻ phát minh ra hệ thống chữ viết này chắc hẳn muốn cho người ta có cảm giác rằng đó chỉ là những hình vẽ trẻ con.

Tuy nhiên, tôi chắc rằng những hình vẽ này là ký hiệu của những chữ cái, tôi áp dụng

những quy tắc thường dùng để đọc các chữ viết bí mật. Nhìn hình, tôi chưa hiểu được gì ngoài cái điều này: Ký hiệu được vẽ kể bên đây, là một chữ E. Thật vậy, bạn vui lòng nhớ kỹ cho: hình người đứng, hai bàn chân áp sát mặt đất, đôi tay đưa lên trời, na ná như hình vẽ bên đây, là chữ E. Như các bạn đã biết, E là chữ được dùng nhiều nhất trong bảng chữ cái của tiếng Anh: ngay cả trong một câu ngắn, người ta cũng thường gặp nó. Trong số 15 ký hiệu của hình (1) tôi đã thấy có tới 4 ký hiệu gần giống nhau. Đó là các con chữ thứ 4, thứ 6, thứ 9 và thứ 14. Vậy việc suy diễn 4 ký hiệu đó là chữ E, là một điều hợp lý.

Sự thật là trong vài trường hợp, hình vẽ có mang một lá cờ, trong những trường hợp khác thì không. Nhưng, nhìn cách phân phối những hình nhân cầm lá cờ, tôi thấy dường như chúng được dùng để phân biệt những-cụm-con-chữ của một câu, nghĩa là những hình nhân lá cờ làm nhiệm vụ của một dấu chấm câu vậy.

Như vậy chúng ta có hình nhân này thay cho chữ E

Nhưng đến đây tôi bắt đầu đụng phải một điều khó khăn: sau chữ E, các chữ khác trong bảng chữ cái rất khó xếp hạng về sự xuất hiện nhiều hay ít trong tiếng Anh. Trên nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đó được xếp hạng đại khái như nhau: T trước, rồi tới A và kế đó là O, I, N, S, H, R, D và L. Nhưng T, A, O và I thường được dùng nhiều như nhau. Nếu tôi cố gắng thử phối hợp chúng với nhau theo nhiều cách cho đến khi nào thấy được bức hình nhảy múa có một ý nghĩa, thì tôi sẽ tốn khá nhiều thời gian.

Vậy tôi phải chờ đợi có thêm nhiều câu khác:

trong các hình (2), (3) và (4) toàn là những câu ngắn.

Đặc biệt hình số (4) có 5 con chữ mà tôi cho rằng nó chỉ là một từ (vì lẽ không có lá cờ)

Khi nhìn kỹ các hình thân này, tôi thấy có 2 hình nhân là chữ E. Đó là hình thứ nhì và thứ tư. Một từ có 5 con chữ mà trong đó có 2 chữ E nằm ở vị trí thứ nhì và tư, là từ nào?

Nó có thể là:

SEVER (phân chia) .

LEVER (đòn bẩy)

NEVER (không bao giờ)

Không còn nghi ngờ gì nữa, vì lẽ đây là một câu trả lời: chữ NEVER (Không bao giờ) là chữ có thể đúng nhất. Và trong trường hợp này, chúng ta có thể nghĩ rằng đây là một

câu trả lời do bà Cubitt viết.

Để kiểm tra lại các suy đoán của mình, tôi bèn cho rằng nếu 5 con chữ của hình (4) là NEVER thì 3 con chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm phải lần lượt là N, V và R.

Nhưng khó khăn vẫn còn nhiều. May mắn là tôi nảy ra một ý nghĩ giúp tôi nắm được chìa khóa của nhiều chữ cái khác. Tôi nghĩ rằng những lời kêu gọi này xuất phát từ một người trước kia đã từng có liên hệ mật thiết với bà Cubitt. Một từ gồm 2 con chữ E cách nhau bởi ba con chữ cái khác như trong hình (3) thì từ đó rất có thể là chữ ELSIE, nhất là từ này nằm ở cuối một câu. Vậy, đó có thể là một lời kêu gọi bà Elsie. Thế là tôi nắm thêm được những ký hiệu của những chữ cái L, S và I.

Nhưng lời kêu gọi này có thể có ý nghĩa gì? Từ đi trước từ “Elsie” chỉ có 4 con chữ và tận cùng bằng con chữ E. Từ này chắc phải là “Come” (hãy đến). Để kiểm tra xem có đúng như thế không, tôi thử tất cả những thể khác gồm có 4 con chữ đều tận cùng bằng E, nhưng không có chữ nào phù hợp với ý nghĩa của câu này. Vậy là tôi nắm được ký hiệu của những chữ cái C, O và M. Tới đây tôi có thể đọc bức hình (1). Tôi phân chia nó ra thành từng từng chữ và thay thế những dấu chấm vào các hình chưa biết. Tôi đạt được kết quả như sau:

.M .ERE ..E SL.NE.

Con chữ đầu tiên phải là chữ A thì mới có nghĩa. Nó trở thành:

AM HERE A.E SLANE.

Đây quả là một khám phá rất quý báu, bởi vì ký hiệu này xuất hiện đến 3 lần trong câu ngắn này. Tôi thay thế những chữ cái vào chỗ các hình chưa biết thì có

AM HERE ABE SLANEY[1]

Bây giờ tôi nắm được ký hiệu của rất nhiều chữ cái và có thể bắt đầu đọc đến hình (2).

Tôi có được :

A. ELRI.ES

Câu này chỉ có thể có một ý nghĩa nào đó, nếu tôi lần lượt thay chữ T và một chữ G vào chỗ của hai dấu chấm và tôi có “AT ELRIGES”; đây chắc hẳn là một ngôi nhà hay một cái quán, nơi tác giả của câu văn đang ở.

Thanh tra Martin và tôi, cả hai cùng há mồm nghe những lời giải thích của Holmes, những lời giải thích đã giúp anh vượt qua được tất cả những khó khăn.

- Rồi sao nữa, thưa ông? - Viên thanh tra hỏi.

- Tôi có đủ lý do để cho rằng tên Abe Slaney này là một người Mỹ, bởi vì Abe là tên Mỹ, và tất cả bị kịch đều bắt nguồn từ một lá thư bên Mỹ gửi sang. Tôi cũng có những lý do mạnh mẽ để tin rằng tất cả vụ này xoay quanh một bí mật tội lỗi. Việc người đàn bà nói bóng gió đến quá khứ của bà và việc bà từ chối không cho chồng biết cái quá khứ, để cho tôi kết luận như thế. Tôi bèn gửi một bức điện tín cho ông bạn Wilson Hargreave của tôi, thuộc sở cảnh sát New York, hỏi ông ta có biết cái tên Abe Slaney là ai không. Câu trả lời là: "Tên lưu manh nguy hiểm nhất ở Chicago". Ngay trong buổi sáng ngày mà tôi nhận được câu trả lời đó, ông Cubitt đã đến, cho tôi xem "tám hình nhảy múa" cuối cùng của Slaney. Thay thế những hình nhân bằng những con-chữ-cái đã biết, tôi có được câu này

ELSIE .RE.ARE TO MEET THY GO.

Chỉ có hai chữ P và một chữ D mới bổ sung được câu này một cách có ý nghĩa:

ELSIE PREPARE TO MEET THY GOD

Đó là lý do vì sao tôi tức tốc đi ngay đến Norfolk cùng với ông bạn Watson.

- Thật là có lợi vô cùng khi được làm việc với ông! - Thanh tra Martin nói bằng một giọng đầy phấn khởi - Tuy nhiên, nếu tên Abe Slaney này đã bỏ trốn trong khi tôi đang ngồi ở đây chắc chắn tôi sẽ bị nhiều chuyện rắc rối lớn.

- Ông đừng sợ: hắn không trốn đâu.

- Làm sao ông biết?

- Nếu hắn trốn là hắn sẽ tự thú nhận là mình có tội.

- Vậy chúng ta đi bắt hắn.

- Chốc nữa hắn sẽ đến đây.

- Tại sao hắn lại đến?

- Tại vì tôi viết thư mời hắn.

- Nhưng không thể được, ông Holmes. Tại sao hắn lại chịu đến đây chỉ vì có lời yêu cầu của ông?

- Lá thư tôi viết sẽ có hiệu quả. Kìa, hắn đã đến kìa!

Một người đàn ông tiến theo lối đi đưa đến cửa lớn. Thân hình cao lớn, vạm vỡ, nước da sạm nắng, trên gương mặt của hắn nổi bật một hàm râu đen xồm xoàm và một

chiếc mũi quặp to lớn. Hắn đi một cách hiên ngang như thể ngôi nhà này đã thuộc về hắn rồi, một cây can quơ qua quơ lại trong không khí.

- Này các ông - Holmes nói bằng giọng bình tĩnh - Chúng ta nên thủ thế sẵn đằng sau cánh cửa. Với một tên cướp chúng ta phải hết sức cẩn thận. Ông thanh tra, xin vui lòng để tôi ra tay trước.

Cánh cửa mở ra, hắn bước vào. Ngay lúc đó, Holmes dí súng dưới mũi hắn và Martin còng tay hắn lại. Động tác này diễn ra quá bất ngờ và quá nhanh chóng khiến Slaney chưa kịp phản ứng gì. Hắn nhìn chúng tôi bằng đôi mắt giận dữ rồi cất lên một tràng cười chua chát:

- Thế là tôi rơi vào bẫy của các ông. Nhưng các ông hãy nghe đây, tôi đến đây là vì lá thư của bà Hilton Cubitt. Các ông đừng nói với tôi là bà ấy tiếp tay với các ông để làm ra cái bẫy này.

- Bà Hilton Cubitt bị thương rất nặng, có thể nguy đến tính mạng.

Tiếng thét rùng rợn của Slaney vang dội khắp cả ngôi nhà:

- Ai đã làm cho Elsie bé nhỏ của tôi bị thương? Tôi có đe dọa nàng. Nhưng không bao giờ tôi đụng đến một sợi tóc xinh đẹp của nàng! Các ông hãy thú thật rằng nàng không bị thương?

- Người ta đã thấy bà bị thương rất nặng bên cạnh tử thi của chồng bà.

Tên tội phạm rơi xuống ghế tràng kỷ, vừa rên vừa đưa hai bàn tay bị còng lên ôm lấy đầu, im lặng trong năm phút. Rồi hắn ngẩng đầu lên, gương mặt đượm một vẻ tuyệt vọng, lạnh lùng:

- Nếu tôi có bắn vào người đàn ông thì hắn cũng có bắn vào tôi, vậy không có vấn đề ám sát. Nhưng nếu các ông nghĩ rằng tôi đã bắn vào người đàn bà, thì rõ ràng các ông không hiểu tôi, cũng như không hiểu nàng. Tôi xin thề với các ông rằng trên thế giới này không có tình yêu nào mãnh liệt hơn tình yêu của tôi đối với nàng! Trước đây, nàng đã hứa hôn với tôi. Tên người Anh kia là ai? Tại sao hắn lại chen vào giữa nàng và tôi? Chỉ có tôi mới có quyền hạn đầu tiên đối với nàng, và tôi đến đây là chỉ để đòi lại người yêu của tôi thôi.

- Bà ấy đã trốn ông, khi bà ấy biết ông là hạng người như thế nào. - Holmes nói bằng một giọng nghiêm khắc- Bà ấy đã trốn khỏi nước Mỹ, để không gặp ông nữa, và bà ấy đã kết hôn tại nước Anh, với một người đàn ông lương thiện. Ông đã tìm ra được dấu vết của bà ấy, bắt tay đi theo ông. Hành động của ông đã đưa đến cái chết cho một người đàn ông cao quý và làm cho vợ ông ta phải tự sát. Ông Abe Slaney, ông sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật!

- Nếu Elsie chết, tôi cóc cần những gì ở trên đời này nữa!

Abe Slaney đáp, vừa mở lòng bàn tay ra để cho chúng thấy một miếng giấy nhàu nhỏ đang nằm trong đó.

- Các ông hãy nhìn xem cái này! - Hấn kêu lên, đôi mắt thoáng hiện một vẻ nghi ngờ - Các ông không làm cho tôi sợ đâu, các ông biết chứ! Nếu Elsie đang ở trong tình trạng như các ông vừa nói thì ai đã viết thư này?

Hấn ném miếng giấy lên bàn.

- Tôi. Chính tôi đã viết bức thư đó - Holmes đáp.

- Ông ư? Trên thế giới không có ai ngoài băng chúng tôi biết được bí mật của những hình nhân nhảy múa. Làm sao ông viết được lá thư này?

- Những gì một người đã phát minh ra được thì một người khác cũng có thể khám phá ra được. - Holmes đáp - Đây là một chiếc xe sẽ đưa ông đến Norwich, ông Slaney. Nhưng trước đó, ông còn có đủ thì giờ để sửa chữa phần nào tội lỗi mà ông đã làm. Ông có biết rằng bà Hilton Cubitt đang bị nghi ngờ đã ám sát chồng bà không. Nếu tôi không có ở đây, nếu tôi không may mắn tìm ra được điều bí mật của ông, bà ấy sẽ bị buộc vào tội sát nhân. Điều tối thiểu mà ông có thể làm được cho bà ấy là xác minh bà ấy không có trách nhiệm gì cả, trực tiếp hay gián tiếp, về cái chết bi thảm này.

- Tôi không đòi hỏi gì hơn. - Slaney đáp - Hơn nữa, sự thật hoàn toàn sẽ là lời biện hộ tốt nhất cho tôi.

- Tôi có bốn phạm báo trước cho ông biết rằng những điều mà ông sẽ nói có thể được sử dụng để buộc tội ông! - Thanh tra cảnh sát Martin kêu lên.

Slaney nhún vai:

- Vì nàng, tôi bất chấp tất cả. Tôi với cô ấy quen biết nhau từ thuở nhỏ. Lúc ấy, chúng tôi gồm có người trong một băng ở Chicago; ông già nàng là đại ca của chúng tôi. Ông già Patrick là một người thông minh! Chính ông ấy đã phát minh ra lối chữ viết bí mật này, một lối chữ viết mà mới nhìn qua, người ta cứ tưởng là một trò chơi trẻ con. Elsie có biết vài phương pháp làm việc của chúng tôi, nhưng nàng không thể cùng đi với chúng tôi được. Nàng có một bản chất lương thiện nên nàng chống lại lối sống bất lương của chúng tôi. Vì vậy, nàng đã rời bỏ chúng tôi và đến London.

Nàng là người yêu bé nhỏ của tôi và được hứa gả cho tôi. Tôi tin rằng sẽ làm cho nàng thay đổi ý nghĩ nếu tôi chuyển qua nghề khác. Nhưng nàng vẫn lẩn tránh tôi.

Chỉ sau khi nàng kết hôn với tên người Anh này, tôi mới biết nàng đang ở đâu. Tôi đã viết thư cho nàng, nhưng nàng không trả lời. Sau đó, tôi đến đây, và khi những lá thư

đã trở nên vô ích, tôi đã đặt những thông báo này ở những nơi nàng có thể đọc thấy.

Tôi ở vùng này đã được một tháng. Tôi thuê một căn phòng ở tầng một của nông trại Elrige, nơi tôi có thể ra vào hàng đêm mà không ai trông thấy, cũng không ai hay biết. Tôi đã làm đủ mọi cách để thúc đẩy Elsie ra đi với tôi. Tôi biết nàng có đọc những lời nhắn của tôi, bởi vì có một lần nàng đã ghi câu trả lời “Không bao giờ” ở bên dưới. Cơn tức giận nổi lên, tôi bắt đầu đe dọa nàng. Nàng bèn gửi cho tôi một lá thư năn nỉ tôi, yêu cầu tôi rời khỏi vùng này, bảo rằng nàng sẽ vô cùng đau đớn nếu danh dự của chồng nàng bị ô uế vì một vụ tai tiếng. Nàng bảo rằng nàng sẽ xuống dưới nhà vào lúc 3 giờ sáng, khi chồng nàng ngủ say, và sẽ nói chuyện với tôi đằng sau chiếc cửa sổ, nếu tôi hứa sau đó sẽ ra đi. Nàng đã đến đúng hẹn, đứng đằng sau cánh cửa sổ và mang theo một túi tiền. Nàng muốn dùng tiền bạc để buộc tôi phải ra đi. Điều này đã làm cho tôi nổi điên lên. Tôi liền nắm lấy tay nàng, gắng hết sức kéo nàng ra ngoài cửa sổ.

Đúng lúc đó, chồng nàng từ trên lầu chạy xuống, tay cầm súng lục. Elsie đã ngã xuống sàn nhà, chỉ còn lại hai chúng tôi đối diện với nhau. Tôi rút khẩu súng của tôi ra với ý định làm cho ông ta phải để cho tôi chạy thoát. Nhưng ông ta đã nổ súng. Tôi liền bắn trả lại gần như cùng một lúc. Ông ta ngã gục xuống và tôi bỏ chạy băng qua khu vườn. Tôi nghe có tiếng cửa sổ đóng lại phía sau tôi. Thưa các ông, đó là sự thật hoàn toàn và tôi không biết gì hơn nữa, ngoại trừ sau đó có một cậu bé cười ngượng đến nông trại trao cho tôi bức thư bảo tôi đến đây. Và tôi đã rơi vào tay các ông, như một thằng ngốc.

Một chiếc xe đã đến cùng với hai cảnh sát vận sắc phục, trong khi Slaney thuật lại câu chuyện.

Viên thanh tra đứng lên, nói với kẻ phạm tội.

- Nào, chúng ta hãy đi. Đã đến giờ rồi.

- Tôi có thể gặp nàng một chút được không?

- Không. Bà ấy hiện đang hôn mê. Thưa ông Sherlock Holmes, nếu trong tương lai tôi có một vụ quan trọng nào khác phải điều tra, tôi sẽ rất sung sướng được có ông ở bên cạnh!

Đứng trong khung cửa sổ, chúng tôi nhìn theo chiếc xe mỗi lúc một xa dần. Khi quay đầu lại, tôi trông thấy miếng giấy nhỏ mà Slaney đã ném lên bàn lúc nãy. Đó là bức thư mà Holmes đã gửi cho anh ta.

- Anh hãy thử đọc nó đi, Watson! - Holmes mỉm cười nói với tôi.

Bức thư chỉ có một hàng hình nhân nhảy múa:

- Nếu bạn sử dụng cái chìa khóa những ký hiệu mà tôi đã giải thích với bạn, - Holmes

nói tiếp, - bạn sẽ thấy câu này có nghĩa là “Come here at once”. Tôi tin chắc hẳn ta không thể từ chối lời kêu gọi này, bởi vì hẳn không thể nghi ngờ câu này do một người nào khác viết, ngoài người phụ nữ đó. Và thế là chúng ta đã biến những con người nhảy múa, trước kia phục vụ cho tội ác, nay trở thành những kẻ phục vụ cho luật pháp. Chuyến xe lửa sẽ khởi hành lúc 3 giờ 40. Tôi muốn ăn tối tại nhà mình.

Vụ này thế là đã được Holmes giải quyết một cách tài tình. Tưởng cũng nên biết số phận của hai kẻ còn sống sót trong tấn bị kịch: Abe Slaney bị tòa đại hình Norwich kết án tử hình, nhưng sau đó được giảm xuống thành khổ sai chung thân, bởi vì Hilton Cubitt bắn trước. Về phần bà Hilton Cubitt, bà đã được cứu sống, và sau một thời gian thì bình phục. Bà không tái giá, hiến dâng đời mình cho những công cuộc từ thiện, và chăm lo quản trị gia sản của chồng.

~~End~~

D.4 - The Adventure of the Solitary Cyclist 1903 (Cô gái đi xe đạp)

Chúng tôi đã làm quen với cô Violet Smith vào ngày thứ Bảy, ngày 23-4-1895. Chuyến tới thăm của cô đã làm cho Holmes phật ý, bởi vì vào lúc đó anh đang bị ngập trong một vấn đề rắc rối của vụ John Vincent Harden, nhà triệu phú thuốc lá nổi tiếng. Anh luôn muốn tập trung giải quyết vụ án, không bị xao lãng bởi những việc khác. Nhưng cô gái cho biết chỉ có vũ lực mới có thể đuổi cô ra khỏi căn hộ chúng tôi, trước khi cô nói ra tất cả. Holmes đành mời cô ta ngồi xuống.

- Cô tới đây không phải vì vấn đề thuộc về sức khỏe. Một người đi xe đạp như cô hẳn phải có thừa sức mạnh.

Ngạc nhiên, cô kiểm tra lại thân mình từ đầu đến chân.

- Tôi thấy chỗ sần sùi nhẹ ở một gót chân, gây ra bởi sự chà sát với bàn đạp.

- Vâng, tôi đi xe đạp nhiều, và điều này có liên quan tới việc đã đưa tôi

Bạn tôi nắm lấy bàn tay đã tháo bao tay của cô gái và quan sát nó với vẻ chăm chú.

- Cô tha lỗi cho. Nhưng đó là điều thuộc phạm vi công việc của tôi - Anh nói, buông bàn tay cô ra - Suýt nữa thì tôi làm cô với một thư ký. Cô không đánh máy, cô là nhạc sĩ. Anh thấy chứ, Watson, đầu ngón tay giống như cái bay? Đó là một nét chung cho tất cả mọi nghề. Nhưng lại có tính tinh thần - Anh nói thêm khi dịu dàng nâng bàn tay về phía có ánh sáng - Tiểu thư đây là một nhạc sĩ.

- Vâng, thưa ông Holmes. Tôi là cô giáo dạy nhạc...

- ...Ở nông thôn, xét theo nước da mặt cô.

- Vâng, ở gần Farnham, hạt Surrey.

- Một vùng tuyệt đẹp và lý thú. Anh còn nhớ chứ, Watson? Nhưng, thưa cô Violet, chuyện gì đã xảy ra?

- Cha tôi đã mất. Tên ông là James Smith, nhạc trưởng của nhà hát Imperial cổ xưa. Mẹ tôi và tôi không có một bà con thân thuộc nào còn sống, ngoại trừ chú tôi, ông Ralph Smith, là người bỏ sang châu Phi 25 năm trước và từ đó bất tin. Khi cha tôi mất, chúng tôi rất nghèo khó. Nhưng một bữa, người ta báo cho chúng tôi biết là có một lời nhắn tin, đăng trên tờ Times, tìm địa chỉ của chúng tôi. Chúng tôi vội vã đến ngay văn

phòng luật sư được đăng trong lời nhắn tin. Ở đó, chúng tôi gặp lại ông Carruthers và ông Woodley là hai người vừa từ Nam Phi trở về. Họ bảo rằng chú tôi là bạn họ, ông đã chết vài tháng trước đó trong cảnh nghèo khó và trước phút lâm chung, ông có yêu cầu họ tìm kiếm những người bà con, xem họ có túng bấn không. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên là ông chú đó, trong lúc còn sống, chẳng bao giờ quan tâm tới chúng tôi nay sao lại ân cần đến thế, ông Carruthers giải thích rằng chú tôi chỉ mới hay tin về cái chết của ông anh và rằng chú ấy cảm thấy có bổn phận đối với mẹ con tôi.

- Xin lỗi - Holmes ngắt lời - Cuộc nói chuyện đó xảy ra từ bao giờ?

- Từ tháng 12 năm ngoái. Cách nay 4 tháng.

- Xin vui lòng kể tiếp

- Ông Woodley cho chúng tôi cái cảm tưởng về một nhân vật xấu. Ông ta luôn luôn nháy mắt với tôi... Đó là một người trẻ tuổi, bộ mặt phì nộn có một hàng ria màu đỏ, mái tóc ép sát, chải một đường ngôi ngay chính giữa. Tôi dám nói là anh Cyril chẳng ưa gì khi thấy tôi gặp ông ta.

- Ờ, thế ra ý trung nhân của cô tên là Cyril - Holmes cười, nói.

Thiếu nữ đỏ mặt, rồi bắt đầu cười.

- Vâng, Cyril Morton, kỹ sư điện. Chúng tôi sẽ làm lễ thành hôn vào cuối mùa hè. Ông Woodley là một người gây ác cảm một cách thảm hại, nhưng ông Carruthers thì dễ ưa hơn. Ông ta lớn tuổi hơn, tóc nâu, không để râu và rất kín đáo. Ông ta có những thái độ lịch sự và một nụ cười dễ thương. Ông ta hỏi về cuộc sống của chúng tôi, mời tôi dạy nhạc cho cô con gái của ông. Tôi trả lời là tôi không muốn xa mẹ tôi.

Ông nói rằng tôi có thể trở về nhà vào cuối tuần. Ông đề nghị thù lao hàng năm là một trăm đồng bảng. Tôi đồng ý và tới nhà ông ta, ở Chiltern Grange, cách Farnham chừng 6 dặm. Ông Carruthers góa vợ, nhưng có một bà quản gia luống tuổi là bà Dixon, coi sóc công việc trong nhà. Con gái ông thật duyên dáng. Ông rất yêu âm nhạc. Mỗi cuối tuần, tôi đều về thăm mẹ. Nhưng rồi gã Woodley ria đỏ tới sống với ông trong một tuần. Tuần đó đối với tôi dài như ba tháng. Hắn tán tỉnh tôi, khoe khoang của cải, bảo rằng nếu tôi ưng lấy hắn, thì tôi sẽ có những viên kim cương đẹp nhất London. Sau cùng, khi nghe trả lời rằng tôi không muốn có quan hệ gì với hắn thì hắn đã ôm chặt lấy tôi, thề sẽ không buông ra chừng nào tôi chưa hôn hắn. Lúc đó, ông chủ tôi vào phòng và giật tôi ra khỏi vòng tay con quỷ đó. Gã lưu manh quay lại xô chủ nhà ngã xuống và đánh ông bị thương. Ngày hôm sau, ông Carruthers tới ngỏ lời xin lỗi tôi và hứa rằng sẽ không bao giờ để xảy ra chuyện tương tự như vậy. Kể từ đó, tôi không còn gặp lại con quỷ ấy nữa.

Thưa ông Holmes, tuần nào cũng vậy, trưa thứ Bảy tôi đạp xe về tới nhà ga Farnham để đáp chuyến tàu 12 giờ 22 đi London. Từ Chiltern Grange đến Farnham có đoạn đường khoảng 1 dặm là trắng cỏ, nằm giữa cánh rừng vây bọc lâu đài Charlington.

Không thể nào tìm thấy ở bất cứ nơi đâu một khúc đường hoang vu hơn nơi này. Không có một ai ở xung quanh đó cho đến đoạn đồi Crooksbury. Hai tuần trước, khi qua đó, lúc tình cờ quay đầu lại, tôi thấy đi xe đạp ở cách sau tôi chừng 200 yard. Đó là một người đàn ông trung niên và có râu ngắn. Tôi quay nhìn trở lại trước khi tới Farnham, nhưng người đó đã biến mất. Khi đi làm vào ngày thứ Hai, tôi lại thấy người đi xe đạp đó trên cùng đoạn đường ấy. Tuần vừa qua, tôi còn ngạc nhiên hơn nữa vì tôi lại thấy người đó vào trưa thứ Bảy và sáng thứ Hai. Chắc chắn là ông ta luôn luôn đạp sau tôi một khoảng cách nào đó. Thật là kỳ lạ! Tôi kể chuyện cho ông Carruthers nghe, ông tỏ ra quan tâm và sau đó bảo tôi rằng ông đã đặt mua một con ngựa và một cỗ xe độc mã nhẹ, để sau đó, tôi không còn đi trên những con đường hoang vắng mà không có người đi theo.

Lẽ ra con ngựa và cỗ xe phải có trong tuần này rồi nhưng không rõ lý do gì mà hàng lại chưa được giao và tôi vẫn phải đạp xe đi tới nhà ga. Sáng hôm nay, khi tới ngang đoạn có cái khoảng trống, người đi xe đạp đã có mặt! Ông ta đứng cách tôi một khoảng khá xa, khiến tôi không thể nào phân biệt được rõ nét mặt ông ta. Nhưng tôi tin chắc đó là một người mà tôi chưa từng quen biết. Ông ta mặc đồ đen, đội mũ cát bằng da. Cái tôi trông thấy duy nhất là bộ râu đen của ông ta. Ngày hôm nay tôi không sợ hãi và bị óc tò mò thôi thúc. Tôi đạp chậm, ông ta cũng đạp chậm. Tôi ngừng lại, ông ta cũng ngừng lại. Tới một khúc quanh trên đường thỉnh thoảng tôi đạp hết tốc lực, rồi ngay khi vừa qua khúc đường cong, tôi phanh gấp, xuống xe và chờ đợi. Nhưng ông ta không xuất hiện. Tôi quay trở lại và nhìn sang phía bên kia khúc quanh. Trải ra trước mắt tôi, trên 1 dặm đường, nhưng chẳng thấy ông ta đâu. Điều kỳ lạ hơn hết, chính là không có con đường phụ nào để ông ta trốn vào đó...

Holmes cười rúc rích và xoa hai bàn tay vào nhau.

- Thú vị thật! Từ lúc cô đi tới khúc quanh và lúc đứng nhìn con đường hoang vắng chừng mấy phút?

- Hai hoặc ba phút.

- Vậy thì người đó không thể bỏ trốn trên đường mà lại không bị trông thấy. Cô tin chắc rằng không có con đường phụ nào, không có chỗ rẽ nào?

- Chắc chắn như vậy.

- Vậy thì người đó đã theo một lối mòn ở bên phải hoặc bên trái con đường.

- Chắc chắn không ên phía trắng cỏ, tôi ắt hẳn đã phải trông thấy ông ta.

- Vậy thì theo phép loại suy, chúng ta đi tới kết luận là ông ta đã đi về hướng lâu đài Charlinton nằm bên trong một thửa đất biệt lập ở phía bên kia con đường. Không có gì khác nữa chứ?

- Không.

Holmes giữ im lặng trong chốc lát.

- Vị hôn phu của cô ở đâu?

- Anh ấy làm việc tại Midland Electrical Company ở Coventry.

- Ngẫu nhiên, có lần nào anh ấy tới thăm cô bất ngờ không?

-Ồ, nếu có, thì tôi phải nhận ra anh ấy chứ!

- Trước đó có nhiều người “để ý” tới cô không?

- Trước khi tôi quen với Cyril, thì có?

- Và từ đó đến nay?

- Chỉ có cái con người thô bỉ nọ.

- Không ai khác nữa sao?

Cô gái lúng túng.

- Ai? - Holmes hỏi.

-Ồ, có thể là tôi hình dung ra những điều... không có thật. Dường như là... ông chủ tôi. Ông ấy quan tâm nhiều tới tôi. Buổi tối, tôi chơi đàn và tôi đệm cho ông ấy. Ông ấy không bao giờ tỏ lộ điều gì. Nhưng đàn bà luôn đoán thấy...

- A! - Holmes nói với một vẻ mặt nghiêm trọng - Ông ta làm gì để mưu sinh?

- Ông ấy rất giàu có.

- Không xe không ngựa ma

- Ít ra ông ta cũng sung túc. Mỗi tuần, ông ấy đi London hai hoặc ba lần, ông quan tâm nhiều tới những cổ phần mỏ vàng ở Nam Phi.

- Cô cứ cho tôi biết rõ tất cả những yếu tố mới trong việc của cô. Lúc này, tôi rất bận, nhưng tôi vẫn cố gắng giúp cô. Trong khi chờ đợi, muốn làm điều gì, cô cần báo cho tôi biết trước. Xin chào, thưa cô.

Khi cô ta đi rồi, Holmes bập từng hơi dài trên cái tẩu thuốc suy tư của mình.

- Một cô gái xinh đẹp như vậy tất phải có nhiều người theo đuổi. Nhưng tại sao người ấy chỉ theo đuổi trên một đoạn đường hoang vắng. Đây hẳn là một mối tình thầm lặng.

- Điều kỳ lạ chính ở chỗ người theo đuổi lại chỉ xuất hiện trên một đoạn đường duy nhất.

- Chính thế. Chúng ta phải tìm hiểu xem ai ở trong tòa nhà Charlington, quyền lợi nào để kết hợp Carruthers với Woodley, bởi vì hai người đó khác nhau như hai thái cực. Cũng cần khám phá xem vì sao họ tỏ ra quá chăm chú đến cô gái. Và còn điều này nữa, làm sao người ta dám trả cho một cô giáo dạy nhạc gấp đôi số thù lao bình thường, mà người đó lại không có xe, cũng không có ngựa, trong lúc nhà hắn cách nhà ga tới 6 dặm! Kỳ cục. Rất kỳ cục!

- Anh đi tới đó chẳng?

- Không phải tôi, mà là anh. Rất có thể đây chỉ là một mối tình đầu thầm vụng, chẳng có tầm lợi ích nào, mà tôi thì đang dở dang công việc. Thứ Hai, anh sẽ tới Farnham rất sớm, nấp gần bên cái trắng, đích thân quan sát và anh sẽ hành động theo ý anh. Sau khi đã thu lượm tin tức về những người ở tòa nhà Charlington, anh sẽ trở về nói cho tôi biết.

Sáng thứ Hai cô gái sẽ trở về bằng chuyến tàu rời Waterloo vào lúc 9 giờ 50. Vậy là tôi đáp chuyến tàu 9 giờ 13. Xuống ga Farnham, tôi đi tới trắng cỏ, con đường ngoằn ngoèo trên cái trắng rất quang đãng và một hàng rào những cây thông vây quanh một công viên tuyệt đẹp. Có một lối vào chính bằng đá, hai cây cột được đặt trên những biểu tượng huy hiệu đã xơ xác. Ngoài cái cổng cho xe ra vào này, tôi quan sát thấy nhiều chỗ trống giữa hàng rào từ đó mở ra nhiều lối mòn. Từ đường nhìn xuống thì không thấy ngôi nhà, nhưng dãy nhà phụ thì đã bị đổ nát.

Cái trắng phủ đầy những bụi kim tuyến nở hoa rực rỡ dưới nắng sớm. Tôi đứng sau một bụi cây, từ đó, tôi có thể canh chừng cái cổng và một dải đường dài cả hai bên. Con đường hoang vắng. Nhưng một lát sau, tôi thấy một người đi xe đạp đến từ đường đối nghịch với đường mà tôi đã tới. Người đó mặc đồ đen, bộ râu đen. Khi ông ta tới đầu khu đất nhà Charlington thì xuống xe và dắt xe chui qua một lỗ hổng ở hàng rào, tôi không còn thấy ông ta nữa.

Khoản 15 phút sau, một xe đạp khác hiện ra. Cô gái đến từ hướng nhà ga. Khi tới gần hàng rào, cô ngó nhìn chung quanh. Một lát sau, người đàn ông ló ra khỏi chỗ ẩn nấp, nhảy lên xe đạp và bám theo cô gái. Trong cái phong cảnh mênh mông, chỉ có hai bóng người chuyển động. Cô thiếu nữ ngồi thẳng trên xe và gã đàn ông đằng sau cô, còng lưng trên tay lái xe và mỗi cú nhún lên bàn đạp có một cái gì lén lút. Thành linh cô gái quay ngược lại. Cô giảm bớt tốc độ. Người đàn ông chạy chậm. Cô ngừng lại, ông nọ cũng ngừng lại. Lúc đó cô gái quay ngược xe lại và đâm thẳng vào ông ta. Người đàn ông cũng nhanh nhẹn như cô và bỏ chạy hết tốc lực. Ngay sau đó, cô lại ngược lên con đường, đầu ngẩng cao, chẳng còn bận tâm tới con người thầm lặng theo dõi cô. Ông ta

cũng quay trở lại, vẫn giữ cùng khoảng cách như trước, và khúc quanh của con đường che khuất hai người... Tôi nán lại trong chỗ ẩn nấp. lát sau, người đàn ông lại hiện ra, ông đạp chậm chạp, đi ngang qua cái cổng rồi nhảy xuống xe, ở giữa những thân cây, bàn tay như đang nắm lại cái cà vạt, rồi lại leo lên xe và bỏ đi qua ngã dẫn đến ngôi nhà. Tôi chạy qua bên đường và núp vào tấm màn cây. Đằng xa tôi nhận ra mờ mờ một ngôi nhà cổ xưa màu xám tua tủa những ống khói kiểu cổ. Lối đi vào bằng ngang một lùm cây rậm rạp. Người đi xe đạp đã mất dạng.

Tôi ra ga Farnham, lòng thanh thản. Nhà đại diện địa ốc ở địa phương không cho tôi biết một tin tức nào về tòa nhà Charlington và ông ta bảo tôi tới một công ty rất nổi tiếng ở Pall Mall. Trước khi trở về nhà, tôi ghé qua công ty đó và được nhân viên đón tiếp một cách lịch sự. Họ nói tôi tới muộn mất một chút, tòa nhà Charlington đã được ông Williamson thuê từ một tháng nay. Nhân viên cáo lỗi khi không thể cho tôi biết gì nhiều hơn về những công việc của thân chủ không dính dáng gì đến họ.

Sherlock Holmes chăm chú nghe bản báo cáo, không nói một lời khen ngợi nhỏ bé nào. Tôi lại bộ mặt anh càng lúc càng tối sầm lại theo đà câu chuyện kể.

- Lẽ ra anh phải nấp đằng sau hàng giậu, như vậy anh đã thấy rõ cái nhân vật đáng chú ý đó. Thế nhưng anh lại đứng cách xa người đó cả trăm yard và anh cũng chẳng cho tôi biết gì hơn cô Smith. Cô gái tưởng người đó xa lạ đối với cô... Tôi tin chắc rằng cô biết rõ người đó. Nếu không, tại sao người đó lại cố ý không cho cô xấp tới gần. Người đó gò mình trên tay lái là để dấu cái mặt của mình! Anh Watson, anh đã xoay xở một cách thật là tồi. Lạ chưa! Người đó đi vào trong tòa nhà Charlington, rồi vì muốn biết người đó là ai, anh đã đi tới gặp một đại lý địa ốc tại London.

- Đúng ra tôi phải làm gì? - Tôi kêu lên với vẻ bức bối.

- Phải tới quán rượu gần nhất. Ở đó người ta ba hoa đủ thứ trên đời và người ta kể cho anh biết tất cả những cái tên, từ tên người chủ nhà cho tới tên cô hầu rửa chén. Williamson! Cái tên ấy chẳng cho tôi biết gì hết. Nếu ông ta có tuổi thì ông ta chẳng thể chạy nước rút khi một thiếu nữ đuổi theo ông ta. Chuyển đi của anh chỉ là sự xác nhận những lời kể của cô gái. Có một mối liên hệ giữa người đi xe đạp và tòa lâu đài Charlington chăng? Xem nào, xem nào, đừng có tỏ ý giận dữ như vậy! Từ nay đến thứ Bảy, chúng ta sẽ thu nhận được khá hơn, tôi sẽ đích thân mở vài cuộc điều tra nhỏ...

Sáng hôm sau, chúng tôi nhận được thư của cô gái thuật lại vắn tắt những sự việc mà tôi đã chứng kiến. Nhưng tầm lợi ích của tờ giấy lại trong khoản tái bút.

“Thưa ông Holmes, ông chủ tôi đã ngỏ lời cầu hôn với tôi và ông ấy đã tiếp nhận lời từ chối của tôi với sự đứng đắn và tử tế. Nhưng tình huống đã hơi căng thẳng”.

- Cô gái nhỏ bé của chúng ta đã bị lún trong những làn nước sâu. - Holmes bình thản nói với vẻ ngẫm nghĩ - Vụ này đáng triển khai khác hẳn với dự đoán ban đầu của tôi. Tôi đi tới đó.

Holmes trở về nhà vào lúc tối khuya với một cái mũi bị đập và trên trán có một cục u. Anh tươi cười:

- Tôi đã tìm thấy cái quán ăn đó, và tới ngồi bên quầy rượu, tay chủ quán bép xép đã cho tất cả những tin tức mà tôi muốn có Williamson là người có bộ râu trắng và ông sống một mình với vài gia nhân trong tòa lâu đài Charlington. Người ta nói rằng ông ấy đã từng là hoặc đang là mục sư. Nhưng kể từ khi ông tới đó, một hai việc xảy ra đã khiến cho thiên hạ nghi ngờ cái tính chất thầy tu của ông. Tôi có dò hỏi ở một tổ chức tăng lữ thì được biết đã có một người mang tên đó được thụ phong, nhưng đã bị lột áo từ lâu. Ngoài ra, chủ quán còn cho tôi biết, cứ cuối tuần lại có những người khách tới tòa nhà ("*những kẻ ham mê, thưa ông*") và đặc biệt một ông có bộ ria màu đỏ, sống luôn ở đó. Chúng tôi đang nói tới khúc quanh thú vị của câu chuyện thì có người tới quầy rượu. Chính "gã ria đỏ". Hắn ta uống bia ở phòng trong và đã nghe cuộc đối thoại của chúng tôi.

- Anh là ai? Anh muốn gì? Tại sao anh lại đặt những câu hỏi đó.

Gã có một lối nói thật nhanh, văn vẻ, đầy những tính thật kịch liệt. Gã chấm dứt tràng chửi rủa bằng một cú đánh tạt bằng mu bàn tay mà tôi không né kịp. Những phút tiếp theo sau đó là "*quyền Anh chính thống*" chống lại gã tiểu phu đánh đấm loạn xạ. Tôi đã thoát ra như anh thấy đó. Còn gã Woodley thì phải về nhà bằng xe.

Tối thứ Năm, chúng tôi lại nhận được một lá thư của thân chủ chúng tôi.

"Thưa ông Holmes, tôi đã nghỉ dạy đàn nhà ông Carruthers. Những số lương cao không bù được cho những phiền muộn. Thứ Bảy này, tôi sẽ về London luôn. Sau cùng, ông Carruthers đã có chiếc xe nhỏ nhờ thế mà tôi sẽ bớt gặp nguy hiểm khi đi đường".

Cái lý do đích thực của sự bỏ việc là sự tái xuất hiện của gã Woodley ấy. Ông ta vẫn xấu xa đến gớm ghiếc, nhưng giờ đây ông ta còn khủng khiếp hơn nhiều. Thiên hạ đồn rằng ông ta đã gặp một tai nạn, mặt mày bị làm biến dạng. Tôi chỉ thoáng thấy ông ta qua khuôn cửa này, ở quanh quần trong vùng, bởi vì ông ta không ngủ ở đây, ấy thế mà sáng nay tôi nhìn thấy ông ta lén vào trong lùm cây. Tôi sẽ thích hơn nếu như có một con cọp được thả vào trong đó. Tôi không hiểu vì sao mà một người như ông Carruthers lại có thể chịu đựng nổi hắn một phút? Tóm lại, mọi nỗi phiền muộn của tôi sẽ chấm dứt vào thứ Bảy này.

- Tôi hy vọng như thế, Watson ạ. - Holmes nói với vẻ nghiêm trọng - Một rắc rối đang vờn chung quanh cô gái đó, chúng ta không để cho ai làm hại cô trong chuyến đi cuối cùng này. Watson, chúng ta phải có mặt ở đó vào sáng thứ Bảy để có thể ra tay kịp thời.

Cho tới lúc đó, tôi vẫn không coi câu chuyện này là quan trọng. Đây đâu phải là lần đầu tiên mà một người đàn ông bám theo một thiếu nữ, và nếu người đó không đủ can

đảm để ngỏ lời với cô gái, mà cũng chẳng dám xuất hiện trước cô ta thì đó không phải là kẻ đáng sợ. Tuy nhiên hắn chưa hề dùng bạo lực đối với cô gái, thậm chí hắn đã tới nhà Carruthers mà vẫn không lộ mặt ra để làm phiền cô ta. Người đàn ông đi xe đạp chắc chắn ở trong thành phần những người say mê “*buổi cuối tuần*” như lời người chủ quán đã nói. Nhưng ông ta là ai? Ông ta muốn gì? Cái bí mật là ở đó. Tuy nhiên, sự nghiêm túc trong thái độ của Holmes, cũng như việc anh nhét một khẩu súng vào trong túi trước khi đi Farnham, khiến cho tôi nghĩ rằng có thể một thảm trạng sắp xảy ra.

Đêm qua trời có mưa. Buổi sớm mai rục rịch. Cái trăng dài mút tằm mắt bên một phía đường, rất đẹp, với những bụi kim ngân đang nở rộ hoa. Holmes và tôi vừa đi vừa hít sâu những ngụm lớn không khí trong lành. Trên một sườn đồi cao, nổi lên giữa đám cây sồi là một tòa nhà. Holmes chỉ tay về con đường đất màu đỏ, chạy ngoằn ngoèo giữa cái trắng màu nâu và cánh rừng màu xanh. Từ xa, một vết đen hiện ra, một cỗ xe chạy về hướng chúng tôi, Holmes thốt ra một tiếng reo sốt ruột:

- Nếu đó là cỗ xe độc mã nhẹ, thì cô gái hắn đã đáp một chuyến tàu sớm hơn. Watson, tôi e rằng cô ấy đã vượt qua cái góc nguy hiểm trước khi chúng ta gặp cô.

Trong lúc leo lên triền dốc, chúng tôi không còn trông thấy cỗ xe ở mé dưới, nhưng chúng tôi tiến bước rất nhanh. Tôi đã bị tụt lại đằng sau Holmes. Anh đã bỏ xa tôi khoảng 100 yard khi anh chợt đứng sững lại, vung nắm đấm lên trong một cử chỉ đau đớn và tuyệt vọng. Cùng lúc đó hiện ra một cỗ xe độc mã trống rỗng do một con ngựa chạy nước kiệu, với những dây cương kéo lê dưới đất, đi ra khúc quanh và chạy nhanh về phía chúng tôi.

- Muộn quá! Muộn mất rồi! - Holmes kêu lên khi hần hển bước tới bên tôi - Tôi đã không đi chuyến tàu trước. Đây là một vụ bắt cóc! Một vụ giết người! Chặn đường! Ghim ngựa lại! Nhảy lên!

Holmes cho ngựa quay đầu lại, bồi cho nó một cú roi thật mạnh và chúng tôi lao trên đường. Khi ra khỏi khúc quanh, khoảng giữa tòa nhà và cái trăng dài trước mặt chúng tôi, tôi nắm lấy cánh tay Holmes la lớn.

- Người đó kìa!

Một người đi xe đạp chạy về hướng chúng tôi như một tay đua. Bất chợt ông ngừng bộ mặt nhiều râu lên, và cặp mắt long lanh, nhìn chúng tôi chăm chú.

- Hãy dừng lại! - Ông ta kêu lên khi đặt ngang cái xe đạp như muốn chặn đường chúng tôi - Hãy ngừng lại! - Ông ta hét lên khi rút trong túi ra một khẩu súng lục - Hãy ngừng lại! Nếu không, tôi sẽ bắn chết con ngựa!

Holmes quăng dây cương cho tôi, nhảy xuống xe, hỏi ngay:

- Cô Violet Smith đâu?

- Ông đang ở trong cỗ xe của cô ấy ông hẳn phải biết cô ấy đang ở đâu. - Người có râu trả lời.

- Chúng tôi đã gặp chiếc xe này trên đường đi. Không có ai trên đó cả. Chúng tôi đã quay lại để tìm cách giúp cô ấy.

- Làm sao bây giờ? - Người lạ kêu lên với vẻ tuyệt vọng. - Chúng bắt cô ấy, cái tên cướp Woodley và con người đê tiện kia? Lại đây ông bạn, lại đây! Chúng ta sẽ đi cứu cô ấy.

Như một con thú bị hoảng hốt, ông ta chạy vùn vụt tới một lỗ hổng trong hàng giậu. Holmes theo sau ông và tôi theo sau Holmes.

- Chúng đã đi qua lối này. - ông nói, tay chỉ vào dấu của những bàn chân in trên con đường mòn lầy. Ô, ô! Hãy dừng lại! Ai ở trong bụi cây này?

Một chàng trai trạc 17 tuổi, ăn vận như một cậu giữ ngựa với quần đùi bằng da và chân đi ghệt, nằm co gập lại, trên đầu có một vết chém. Cậu ta bị ngất đi, nhưng còn sống. Tôi xem xét vết thương, cú chém chưa chạm tới xương.

- Đây là Peter. Chú ấy đưa cô ấy ra ga. Những tên cướp này đã chặn xe lại và đã đánh cậu ấy. Hãy để cậu ấy ở đây. Vết thương nhẹ, không sao đâu. Cần phải cứu cô ấy. - râu đen nói.

Chúng tôi vội chạy xuống con đường mòn ngoằn ngoèo giữa những thân cây, khi đã tới lùm cây bao quanh ngôi nhà thì Holmes ngăn chúng tôi lại.

- Họ không vào nhà. Những dấu chân của họ quay sang hướng trái... Ở đây, bên cạnh những cây nguyệt quế.

Trong khi anh nói, tiếng kêu xé tai của một phụ nữ thoát ra từ một khu rừng trước mặt chúng tôi. Tiếng kêu bị làm cho tắt đột ngột.

- Qua ngã này. Qua ngã này. Bọn chúng đang ở trong sân. - Người lạ kêu lên khi xông vào những lùm cây. - Quân chó má! Bọn hèn mạt! Hãy theo tôi. Quý ông! Muộn mất rồi! Mẹ kiếp!

Chúng tôi đột ngột nhập vào một khoảng rừng trống. Ở đầu đường kia, dưới bóng một cây sồi già, có ba người đang tụ lại. Một thiếu nữ tái mét, miệng bị một tấm khăn bịt kín. Trước mặt cô là một gã côn đồ có hàm ria đỏ, hai chân đứng xoạc cẳng, một tay chống nạnh, tay kia vung vẩy một cái roi ngựa. Đứng giữa hai người là một ông già râu xám, có choàng một cái áo lễ, chắc chắn là vừa làm xong nghi lễ kết hôn, bởi vì khi chúng tôi tới thì ông ta nhét cuốn kinh Thánh vào trong túi; ông vỗ tay nhiều lần thật mạnh lên lưng chàng rể.

- Họ đã được làm lễ cưới - Tôi đáp ứng.

- Lại đây! - Người hướng dẫn chúng tôi kêu lên - Các ông hãy lại đây!

Ông ta nhào vào trong chỗ rừng thưa, Holmes tôi bám theo sát gót. Cô gái lao đảo vào thân cây, tìm một chỗ dựa. Mục sư Williamson cúi chào chúng tôi với thái độ mỉa mai và Woodley tiến lên phía trước, buông ra một tràng cười hớn hở.

- Đẳng ấy có thể gỡ bộ râu ra, Bob. Tôi nhận ra đẳng ấy. Đẳng ấy và mấy bồ của đẳng ấy đến đúng lúc để tôi giới thiệu bà vợ tôi.

Câu trả lời của người hướng dẫn thật là kỳ lạ. Ông gỡ bộ râu đen ra, ném nó xuống đất, chĩa khẩu súng vào tên cướp trẻ vừa bước lại gần ông vừa vung vẩy cây roi

- Phải. Ta là Bob Carruthers. Mi thừa biết là ta sẽ làm gì nếu mi ngược đãi cô ấy.

- Muộn mất rồi, Bob. Cô ấy đã là vợ tôi.

- Không, cô ấy là vợ góa của mi!

Ông nổ súng một vết máu hiện ra trên áo gilet của Woodley. Hắn xoay tròn người, thốt ra một tiếng kêu và té bật ngửa xuống, mặt tái xanh. Ông mục sư tuôn ra một tràng chửi rủa thô tục và rút ra một khẩu súng lục, nhưng nòng súng của Holmes nằm trên gáy ông ta, trước đó một phần trăm giây.

- Đủ rồi - Holmes nói, giọng lạnh lùng - Hãy buông súng xuống. Phiên anh Watson lượm nó lên! Và dí sát đầu lão. Cám ơn ông Carruthers, hãy đưa khẩu súng cho tôi. Coi nào, hãy đưa đây!

- Ông là ai?

- Tôi là Sherlock Holmes.

- Chúa ơi!

- Tôi đại diện cho cảnh sát tới lúc họ đến đây. Lại gần đây, anh kia...

Holmes gọi một người sai vặt ngoác vờn ra bên bờ khu rừng thưa.

- Hãy lại đây. Hãy phi nước đại mà đem tờ giấy này tới Farnham.

Anh viết nguệch ngoạc vài chữ trên một tờ giấy xé trong cuốn sổ tay ra.

- Chú hãy đưa tờ giấy này cho một sĩ quan ở ty cảnh sát, tôi phải giữ quý khách này

cho tới khi cảnh sát đến.

Williamson và Carruthers khiêng Woodley vào trong nhà. Tôi đến đỡ cô gái đang kinh hoàng, rồi đến khám cho tên rìa đỏ.

- Y sẽ sống!

- Thế nào - Carruthers kêu lên, nhảy ra khỏi ghế - Tôi lên gác kết liên mạng sống của nó để cô thiếu nữ này, vị thiên thần này, khỏi bị ràng buộc suốt đời với tên vô lại.

- Không bao giờ cô ấy là vợ của Woodley. Trước hết Williamson tiến hành một lễ cưới “không hợp lệ”.

- Tôi đã được thụ phong – “Mục sư” kêu lên.

- Nhưng sau đó, ông đã hoàn tục...

- Một ngày làm mục sư, trọn đời là mục sư.

- Không ai nghĩ như thế. Lại còn giấy phép?

- Nó hiện đang ở trong túi tôi.

- Vậy là ông đã xoay ra một tờ giấy giả. Dầu sao đi nữa, một cuộc hôn nhân mà bị cưỡng ép thì không là một cuộc hôn nhân. Đây là một hành vi phản bội rất nghiêm trọng như ông sẽ thấy. Ông sẽ có thời gian để suy tư về việc đó trong 10 năm, nếu như tôi nhớ đúng. Về phần ông, ông Carruthers, ông nên giữ yên khẩu súng ở trong túi.

- Tôi bắt đầu tin như vậy, thưa ông Holmes. Nhưng tôi yêu cô ấy. Đây là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng tôi biết thế nào là tình yêu... Tôi trở nên điên cuồng trước ý nghĩ là cô bị rơi vào tay tên vô lại nhất Nam Phi, kẻ bại hoại nhất từ Kimberley đến Johannesburg. Kể từ khi cô gái này vào giúp việc cho tôi thì tôi đã không dám để cô đi ngang ngôi nhà, nơi tôi biết hai tên cướp này đang trú ẩn. Tôi ngồi xe đạp đi theo để bảo vệ và giữ khoảng cách xa và tôi phải mang râu giả để cô không nhận được ra tôi.

- Nhưng sao ông không báo cho cô ấy biết trước về nỗi nguy hiểm đang đe dọa cô ấy?

- Tôi sợ cô ấy bỏ đi luôn. Dù cô ấy không yêu tôi, nhưng hàng ngày được nhìn thấy cô ở trong nhà, được nghe giọng nói của cô, thì tôi cũng đã hạnh phúc lắm rồi.

- Ông gọi thứ tình cảm đó là tình yêu à? Đó là lòng ích kỷ.

- Có thể là cả hai cùng một lúc. Mặt khác, với tụi vô lại đang ở kề bên, tất nhiên cần có một người bảo vệ trên đoạn đường vắng. Nhưng tới khi hai bức điện được gửi đi thì tôi biết là tôi buộc phải làm một cái gì đó.

- Bức điện nào?

Carruthers rút trong túi ra một bức điện tín.

- Nó đây!

Bức điện thật ngắn và rõ: "*Lão già đã chết*".

- Hừm! - Holmes nói - Giờ đây thì tôi đã rõ mọi việc diễn tiến ra làm sao, vì sao bọn chúng buộc phải ra tay gấp sau khi có bức điện này. Nhưng trong lúc chờ đợi cảnh sát tới, có thể ông nói cho tôi biết thêm chẳng?

Lão thầy tu hoàn tục, vẫn còn khoác áo lễ, la lớn.

- Bob, nếu tổ giác, tao sẽ giết mày. Nếu mày bán đứng bạn bè cho cái tên cớm mặc thường phục này, thì mày có thể đánh dấu cái ngày hôm nay bằng một chữ thập đen.

- Đừng có nổi nóng, thưa ngài mục sư.

Holmes ngắt lời trong lúc mời một điều thuốc lá.

- Những điểm liên quan tới ngài đều đã sáng tỏ, tôi chỉ hỏi vài chi tiết để thỏa mãn óc tò mò mà thôi. Nhưng nếu ngài thấy khó trả lời, thì chính tôi sẽ kể lại câu chuyện. Thoạt đầu ba người trong bọn mấy người từ Nam Phi về đây để chơi trò vừa rồi. Ba người là Williamson, Carruthers và Woodley.

- Hãy gạt tên tôi ra! - Lão già nói - Tôi chỉ quen biết hai người này từ hai tháng nay và chưa bao giờ tôi đặt chân sang Nam Phi cả. Hãy nhét cái đó vào trong túi của ông và hút nó đi, thưa ông bạ-gì-cũng-can-thIỆp-vào.

- Gã đã nói sự thật. - Carruthers xác nhận.

- Các anh đã biết ông Ralph Smith bên Nam Phi. Và biết ông ta không còn sống được bao lâu nữa. Các ông đã tìm ra cô cháu gái ông ấy, là người sẽ được thừa hưởng gia tài... Đúng thế

Carruthers gạt đầu, Williamson chửi thề.

- Cô ấy là bà con gần với ông ta hơn cả, và các anh biết là ông già đó không làm bản chúc thư nào cả.

- Ông ấy không biết đọc mà cũng không biết viết - Carruthers thì thào.

- Thế là hai anh đi tìm người thừa kế gia tài. Các anh muốn rằng một trong hai người

sẽ thành hôn với cô gái đó và người kia cũng sẽ được chia phần. Tôi không hiểu lý do nào mà Woodley lại được chỉ định làm người chồng.

- Chúng tôi đã đánh bài trong chuyến đi. - Carruthers nói.

- Ông đã thuê cô gái vào làm công trong nhà và Woodley phải cố tán tỉnh cô. Nhưng cô gái rất ghét anh ta. Mặt khác, thỏa hiệp của hai ông lại có phần khập khiễng, do việc ông si tình cô gái. Ông không thể nào chịu đựng được cái ý nghĩ rằng tên côn đồ kia trở thành chồng cô ta.

- Đúng vậy!

- Đã xảy ra một cuộc cãi vã giữa hai người. Woodley đã bỏ ông mà đi, và y dàn dựng nhưng kế hoạch nóng mà không cho ông biết.

- Phải. Từ đó, kể khi nào có hấn là có tôi. Hấn đã thu thập được cái tên thầy tu hoàn tục này. Và tôi biết hai đứa đã thuê căn nhà này, bởi vì nó ở gần con đường mà cô gái phải đi qua để tới nhà ga. Chính vì thế nên tôi đã canh chừng cô gái. Ngày hôm kia, Woodley tới thăm tôi với bức điện là Ralph Smith đã qua đời. Hấn hỏi tôi có còn ý định giữ nguyên lời hứa của bản giao kèo không. Tôi trả lời: không. Hấn hỏi tôi có ý định kết hôn với cô gái và chia cho hấn cái phần cướp được không. Tôi trả lời là cô gái không chịu lấy tôi. Hấn bảo tôi: Trước hết, phải làm cho cô ta kết hôn, rồi sẽ tính sau. Tôi nói rằng không ai được dùng bạo lực đối với cô gái. Hấn bỏ đi, miệng không ngớt chửi thề. Tôi vội vàng đi lấy xe ngựa để đưa cô ra ga, nhưng vẫn đạp xe theo sau. Nhưng, cô đã vượt trước tôi và sự bất hạnh đã xảy ra.

Holmes đứng lên, ném tàn thuốc vào lò sưởi

- Anh Watson, tôi đã thật xuẩn ngốc! Khi báo cáo, anh đã chỉ cho tôi thấy rằng anh đã trông thấy người đi xe đạp nấn lại cái cà vạt trong lùm cây, thì lẽ ra tôi phải thấy vấn đề ngay tức khắc. Tuy nhiên, chúng ta có thể khen ngợi lẫn nhau rằng mình đã đi đến kết quả cuối cùng của một vụ không kém tầm thường. Kìa, ba cảnh sát địa phương đang đi trong lối vào và có cả chú bé đánh xe ngựa nữa. Anh Watson, anh có thể khám sức khỏe cho cô Smith và bảo cô rằng chúng ta sẽ đưa cô về nhà mẹ cô. Một bức điện gửi cho một kỹ sư trẻ ở Midland là môn thuốc rất hữu hiệu. Về phần ông Carruthers, ông đã làm những gì có thể làm để chữa lại những tội lỗi của mình.

- Đây là danh thiếp của tôi, nếu như lời làm chứng của tôi mà có thể giúp ích cho ông được đôi phần trong vụ xử, thì tôi sẵn lòng tới.

Cô Violet Smith đã được thừa kế một tài sản lớn, và giờ đây cô là bà Cyril Morton, phu nhân của người hùn vốn thứ nhất trong công ty Morton & Kenedy. Sau phiên tòa, Williamson ôm “bảy cuốn lịch”, còn Woodley lãnh mười cuốn. Trong nhà đá, chúng có đủ thời giờ nhìn từng tờ giấy bay đi và suy ngẫm về các việc mình đã làm. Còn về

Carruthers, tuy không có ghi lại, nhưng với việc tấn công Woodley, kẻ vô lại có tiếng, thì một án phạt nhẹ cũng là đủ để thực hiện công lý.

D.5 - The Adventure of the Priory School 1904 (Câu chuyện tại Ký túc xá)

Tám danh thiếp của Thorneycroft Huxtable vừa được đưa đến trước vài giây, theo sau nó là một người cao lớn xuất hiện. Cánh cửa chưa kịp đóng lại sau lưng, ông đã với tay về phía bàn, đứng sững lại trên nền nhà, và ngã sóng soài lên trên tấm da gấu

Chúng tôi nhồm phất dậy, Holmes kê gối ngồi xuống dưới đầu cho ông, còn tôi thì đưa ly brandy kê môi ông.

- Điều gì xảy đến với ông ta vậy, Watson? - Holmes hỏi.

- Kiệt sức. Có lẽ vì đói và mệt.

- Vé khứ hồi đến Mackleton, phía bắc nước Anh - Holmes rút ra một tấm vé đường sắt từ trong chiếc túi nhỏ đựng đồng hồ của ông ta, và nói:

- Bây giờ chưa đến 12 giờ. Ông ta phải ra đi từ rất sớm.

Mí mắt hơi tấy lên của vị khách khế động dậy, thế rồi đôi mắt xám của ông dán vào chúng tôi bằng một cái nhìn vô nghĩa. lát sau, tiến sĩ Huxtable khó nhọc đứng dậy, mặt đỏ lên vì xấu hổ:

- Hãy thứ lỗi cho tôi, ông Holmes, Cơn ngất này là hậu quả của một sự chấn động thần kinh. Không, xin cảm ơn ông. Chỉ cần cốc sữa với bánh biscuit thì tất cả sẽ qua khỏi thôi ông Holmes, tôi đến đây mời ông đi cùng với tôi.

- Để khi nào ông hoàn toàn hồi sức đã.

- Tôi thấy dễ chịu rồi ông Holmes, tôi khẩn khoản mời ông đi Mackleton ngay.

Holmes lắc đầu:

- Chúng tôi rất bận. Tôi đã nhận tiền trước cho việc điều tra khác rồi. Lúc này chỉ một việc cực kỳ quan trọng mới có thể buộc tôi rời khỏi London.

- Cực kỳ quan trọng! - Vị khách của chúng tôi vung tay lên - Lẽ nào ông không biết gì về vụ bắt cóc người con trai duy nhất của công tước Holderness?

- Sao? Cái ông cựu bộ trưởng đấy à?

- Phải, Chúng tôi đã dốc hết sức mình để chuyện đó không lên mặt báo. Thế nhưng, hôm qua có một tờ báo đã loan tin. Tôi nghĩ những tin này đã bay đến ông.

Holmes với lấy tập sách chỉ dẫn trên giá, tìm đến chữ H.

- *“Holdernesse... Công tước thứ sáu,... Nam tước Beverley, Bá tước Carston, chà, một danh sách dễ sợ! Hầu tước Hallamshire từ 1900. Cưới Edith, con gái ngài Charles Appledore, 1888. Họ chỉ có 1 con và là người thừa kế duy nhất, Huân tước Saltire. Chủ sở hữu 250.000 mẫu Anh lãnh địa trong vùng Lancashire và xứ Wales. Địa chỉ: Carlton House Terrace; Holdernesse Hall, Hallamshire; lâu đài Carston, Bangor, Wales. Lãnh đạo Bộ Hải quân năm 1872; Tổng thư ký Hội đồng... Đây là con người nổi tiếng, và là một trong những người nổi tiếng nhất của Hoàng gia...”*.

- Một trong những người nổi tiếng nhất, và có thể còn là một trong những người giàu có nhất nữa, Ông Holmes, xin cho phép được nói rằng: Ngài hứa sẽ trao tám séc 5.000 bảng cho người nào chỉ ra nơi cất giấu con ngài, và 1.000 bảng cho ai chỉ ra kẻ bắt cóc đứa bé.

- Quả là hào phóng! - Holmes nói. - Watson! Chúng ta sẽ đi theo tiến sĩ. Còn ông, tiến sĩ Huxtable, hãy kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.

Vị khách nốc cạn cốc sữa, rồi nói:

- Tôi là người sáng lập và là hiệu trưởng khu học xá Huxtable's Sidelights ở Horace. Khu học xá dành cho học sinh của tôi là một trường học tốt nhất nước. Huân tước Leverstoke, Bá tước Blackwater, ngài Cathcart Soames... Rất nhiều gia đình quý tộc đã gửi con đến đây. Nhưng 3 tuần trước, công tước Holdernesse đã nhờ ông James Wilder, thư ký của ngài, đưa huân tước Saltire, người con trai 10 tuổi và là người thừa kế duy nhất của Ngài, đến học ở chỗ chúng tôi. Không ngờ đây lại là điểm bắt đầu vận rủi nhất của đời tôi.

Cậu bé đến vào ngày 1 tháng 5. Chẳng bao lâu, cậu bé đã quen dần với nề nếp của chúng tôi. Cần lưu ý rằng trước đó, ở tại nhà, cậu bé sống không được thoải mái, hai ông bà không còn sống chung với nhau, nữ công tước đã dọn đến miền Nam nước Pháp, còn đứa con thì hướng về người mẹ. Lần cuối cùng người ta trông thấy cậu là vào tối ngày 13 tháng 5. Căn phòng dành cho cậu ở góc ba, còn căn phòng lớn bên cạnh có hai cậu bé khác ngủ. Vào cái đêm đó, hai cậu bé này không nhìn thấy, cũng như không nghe thấy gì cả. Thật ra cậu bé không rời khỏi phòng bằng cửa chính. Cửa sổ ở chỗ cậu ta mở toang, cây thường xuân với những nhánh rất rậm rạp quấn quanh tường. Trên mặt đất chúng tôi không tìm thấy dấu vết nào, nhưng chắc chắn là cậu đã bò qua cửa sổ.

Sáng ngày 14 tháng 5, lúc 7 giờ, người ta phát hiện ra chuyện này. Giường của cậu không trải chăn. Trước lúc đi, cậu ta còn kịp mặc bộ đồng phục học sinh. Không có ai vào phòng cậu ban đêm. Còn nếu như từ đó vọng ra những tiếng kêu hay những âm

thanh vật lộn thì chắc người học sinh lớn hơn ở phòng ngủ bên cạnh tất sẽ nghe thấy.

Ngày sau đó tôi triệu tập tất cả ký túc xá lại. Đến lúc đó chúng tôi tin rằng cậu bé không đi một mình. Ông Heidegger, giảng viên tiếng Đức đã vắng mặt, căn phòng của anh ở chái nhà đối diện với gác ba. Cửa sổ của căn phòng cũng trông ra ngoài bãi cỏ. Giường chiếu của anh ta không được dọn dẹp, áo sơ mi và đôi tất chân của anh để bừa bãi trên sàn nhà. Ông ta bỏ qua cửa sổ búa vào những nhánh thường xuân, tụt xuống dưới.

Ông giáo sư này vào trường tôi hai năm trước đây, do sự tiến cử đáng tin cậy nhất. Nhưng ông ta là một người trầm lặng, hay cau có và không gây được cảm tình của mọi người.

Hôm nay là ngày 16 tháng 5. Từ ngày 13 tháng 5, chúng tôi đã không còn tin tức nào về kẻ chạy trốn. Đầu tiên tôi liên lạc với công tước, hiện đang ở Holdernese Hall, cách trường vài dặm, hy vọng vì nhớ nhà mà huân tước Saltire đã trở về với cha. Thế nhưng cậu ta không có ở đấy. Công tước vô cùng lo ngại. Ông Holmes, tôi van ông, hãy hiến toàn bộ sức lực cho vụ này.

Sherlock Holmes rút cuốn sổ tay từ túi ra, và ghi vào đấy một điều gì đó để cần được ghi nhớ.

- Ông đã phạm một sai lầm lớn là không đến đây ngay. - Holmes thốt lên nghiêm khắc
- Điều này sẽ gây nhiều rắc rối cho cuộc điều tra, chẳng hạn bãi cỏ và dây thường xuân trên tường đều có thể cho ta biết nhiều điều quan trọng.

- Công tước đã gắng giữ kín việc này. Ngài sợ những nổi bất hòa trong gia đình mình trở thành đầu đề cho những lời đàm tiếu.

- Nhà chức trách địa phương tiến hành điều tra

- Rồi, nhưng không đem lại kết quả.

- Có lẽ công việc điều tra hiện trường vẫn chưa được tiến hành đến nơi đến chốn?

- Tự nhiên cảnh sát ngừng cuộc điều tra!

- Như thế nghĩa là ba ngày đã trôi qua một cách vô ích. Điều này thật đáng buồn.

- Ông rất có lý.

- Dẫu sao tôi vẫn sẵn lòng bắt tay vào việc. Ông đã xác định mối quan hệ giữa cậu bé và người giáo viên chưa?

- Không có mối quan hệ nào giữa họ cả.

- Ông ta có dạy cậu ta không?

- Không.

- Các xe đạp đều không bị đụng đến sao?

- Không.

- Ông tin chắc vậy à?

- Phải.

- Ông có nghĩ rằng người thầy dạy tiếng Đức đã ra đi bằng xe đạp với cậu bé?

- Cố nhiên, không.

- Vậy lúc ấy ông giải thích chuyện đó ra sao?

- Có thể họ lấy xe để đánh lạc hướng. Sau đấy họ giấu xe đạp vào một nơi nào đấy, còn chính họ lại đi bộ.

- Cũng có thể. Nhưng đó là cách đánh lạc hướng kỳ quái. Các xe đạp vẫn ở trong kho chứa à?

- Vâng

- Phải chăng ông ta đi bằng xe đạp rồi sau đó giấu xe đạp đi, chứ ông ta không đi bộ?

- Ông hoàn toàn có lý.

- Không, lý luận này có chỗ chưa ổn. Song, việc mất một chiếc xe có thể là khởi điểm cho sự điều tra. Chỉ còn một câu hỏi này nữa: Có ai đến thăm cậu bé trước ngày cậu mất tích không?

- Không.

- Có thể có lá thư gửi cho cậu ta?

- Có một lá thư.

- Ai gửi?

- Cha cậu ta.

- Ông mở hộp thư của học sinh chứ?

- Không.

- Thế tại sao ông cho rằng lá thư là của cha cậu ta?

- Trên phong bì có gia huy và địa chỉ được viết bằng chính nét chữ nguệch ngoạc của công tước. Ngoài ra chính công tước cũng nhớ là đã viết thư cho con.

- Cậu bé nhận được các lá thư khi nào?

- Những ngày sau cùng không có lá thư nào gửi cho.

- Từ Pháp có ai gửi cho cậu ta không.

- Không. Một lần cũng không.

- Tất nhiên ông hiểu tôi đang hướng tới cái gì rồi: Hoặc là người ta dùng sức mạnh để cướp cậu ta hoặc là cậu ta tự đi theo ý muốn của mình. Còn nếu không một ai đến chỗ cậu ta thì sự tác động chính là ở lá thư. Tôi coi trọng việc biết ai là người liên lạc thư tín với cậu ta

- Chỉ có người cha viết thư cho cậu ta thôi.

- Bức thư của người cha đến đúng vào ngày cậu bé chạy trốn. Mối quan hệ giữa cha và con ra sao? Có tồi không.

- Ngài bị cuốn hút vào những công việc quốc gia đại sự, nhưng Ngài quan hệ với người con cũng không đến nỗi tồi. Tuy vậy, trái tim của đứa trẻ hoàn toàn hướng về người mẹ.

- Bản thân cậu bé có nói như thế không?

- Không.

- Vậy ai nói? Công tước nói chẳng?

- Ô, tất nhiên là không.

- Thế thì do đâu ông biết được điều đó?

- Tôi phải trò chuyện với viên thư ký của công tước, James Wilder. Ông ta đã tiết lộ với tôi về tâm trạng của huân tước Saltire.

- Hiểu rồi. Nhân tiện xin hỏi luôn, bức thư cuối cùng của công tước đã được tìm thấy

trong phòng của cậu bé sau khi cậu bé mất tích phải không?

- Không, cậu ta cầm theo người. Ông Holmes, có lẽ đã tới lúc chúng ta cần ra ga rồi.

- Bây giờ tôi phái người đi gọi xe. Sau 4 giờ nữa, chúng tôi sẽ sẵn lòng giúp ông. Ông tiến sĩ, nếu ông có ý định đánh điện về nhà thì hãy làm sao cho mọi người nghĩ rằng cuộc điều tra vẫn còn đang tiến hành ở Liverpool, trong thời gian đó, tôi sẽ yên ổn làm một cái gì đó ở ngay cạnh trường ông.

Khi chúng tôi đi tới cạnh trường thì trời đã tối hẳn. Một tấm danh thiếp nằm trên bàn ở phòng chờ. Người hầu phòng thì thầm với ông hiệu trưởng. Và thế là ông ta quay trở lại chỗ chúng tôi với một vẻ thật xúc động. Ông ta nói:

- Công tước đang ở đây. Công tước và ông Wilder hiện đang chờ tôi trong phòng làm việc. Chúng ta cùng vào đi. Tôi sẽ giới thiệu các ông với công tước.

Tôi có biết người hoạt động nhà nước danh tiếng này qua các bức ảnh. Nhưng con người thật của ông thì không giống các bức ảnh. Ông trông nhợt nhạt như xác chết. Đứng cạnh ông là người thư ký riêng Wilder. Đó là một chàng trai có vóc người tầm thước, bộ mặt linh hoạt, đôi mắt thông minh. Anh ta bắt đầu câu chuyện bằng một giọng rất quả quyết, thậm chí cay độc.

- Tiến sĩ Huxtable! Tôi đã ở chỗ ông ngay từ sáng nay. Song, đáng tiếc là tôi đến muộn và đã không thể ngăn cản chuyến đi của ông. Như mọi người cho biết thì ông đến chỗ thám tử Sherlock Holmes để ủy thác cho ông ấy điều tra vụ này. Công tước tỏ ra ngạc nhiên khi ông chưa xin ý kiến Ngài mà đã dám hành động như vậy!

- Khi cảnh sát đã không đưa tới cái mà...

- Công tước không hề tin vào điều đó.

- Nhưng, thưa ông...

- Ông tiến sĩ! Công tước không muốn chuyện này lan rộng ra để dễ dàng khắc phục tình trạng này.

Tiến sĩ hoảng sợ, lúng túng nói.

- Ông Sherlock Holmes có thể trở về London bằng chuyến tàu sáng.

- Tôi không có ý định như vậy đâu, tiến sĩ ạ. - Holmes cười một cách nhã nhặn - Vòm trời phương Bắc sáng khoải và xinh đẹp nên tôi quyết định nghỉ ngơi một vài ngày trên những bình nguyên này. Tôi sẽ tiêu khiển trong những điều kiện cho phép tại vườn nhà ông, hay ở khách sạn nông thôn. Điều này cố nhiên chỉ tùy thuộc vào ông.

Nhưng, đúng lúc ấy giọng nói trầm trầm của viên công tước đã kịp thời vang lên, cứu thoát ông tiến sĩ.

- Tiến sĩ Huxtable! Đáng lẽ ông cần trao đổi với tôi thì hơn. Tuy nhiên, nếu ông đã thổ lộ tất cả công việc này với ông Holmes thì chối từ sự giúp đỡ của ông ấy là một hành vi ngu ngốc. Ông Holmes, ông chẳng việc gì phải tới khách sạn. Tôi sẽ vui lòng đón ông về nghỉ ngay tại nhà chúng tôi.

- Xin cảm tạ Ngài! Nhưng theo yêu cầu của công việc, tôi cần phải ở lại đây, ngay tại nơi đã xảy ra biến cố.

- Tôi không muốn ép buộc ông đâu, ông Holmes ạ. Song nếu ông thấy cần thu thập những tin tức nào đó ở tôi hay ở ông Wilder, chúng tôi rất sẵn lòng.

- Có lẽ tôi phải đến thăm Ngài tại lâu đài Holderness. Còn bây giờ, tôi chỉ muốn biết Ngài giải thích việc biến mất một cách đầy bí ẩn của con Ngài như thế nào?

- Thật khó trả lời quá, thưa ông.

- Xin lỗi Ngài, nếu tôi đụng phải vấn đề khiến Ngài cảm thấy khó chịu. Thế nhưng không còn cách nào hơn. Ngài có cho rằng nữ công tước đã lôi kéo cậu bé không?

Viên cựu bộ trưởng chần chừ rồi nói:

- Không, tôi không nghĩ như vậy!

- Thế thì có thể có kẻ nào bắt cóc cậu bé để chuộc tiền chăng?

- Không, thưa ông.

- Còn một câu hỏi nữa, thưa ngài. Tôi được biết: Ngài đã viết thư cho con trai Ngài vào đúng cái ngày mà cậu bé biến mất, phải không?

- Không, chuyện đó xảy ra vào ngày hôm trước.

- Hoàn toàn chính xác. Có điều cậu bé đã không nhận được thư vào chính ngày hôm đó?

- Phải.

- Trong lá thư đó chắc không có điều gì có thể làm cậu bé xúc động hoặc đem lại cho cậu ta ý nghĩ chạy trốn chứ?

- Tất nhiên không, thưa ông!

- Chính tay lá thư, phải không?

Viên thư ký ở phía sau công tước bực tức trả lời:

- Công tước không có thói quen tự mình chuyển thư từ cho người nhận. Lá thư ấy được lưu lại trên bàn, cùng với những lá thư khác trong phòng làm việc. Và tôi đã nhét tất cả vào thùng bưu chính.

- Ông có tin chắc là trong số các lá thư ấy chắc chắn có bức thư chuyển cho cậu bé không?

- Tất nhiên! Tôi đã nhìn thấy nó.

- Ngài đã viết bao nhiêu lá thư vào ngày hôm ấy, thưa công tước?

- Hai mươi hoặc ba mươi gì đấy. Tuy nhiên theo tôi, chúng ta đã phần nào đi ra ngoài thực chất của công việc rồi đây!

- Không. Tại sao như thế được? - Holmes nói.

- Chính tôi đã khuyên cảnh sát hướng sự điều tra xuống phía Nam nước Pháp - Công tước tiếp tục - Xin nhắc lại, tôi không cho rằng nữ công tước có khả năng đẩy con trai tới hành động kỳ lạ ấy được. Nhưng do tính bướng bỉnh, cộng với sự xúi bẩy và hỗ trợ của anh chàng người Đức, đứa bé có thể chạy tới chỗ mẹ mình. Còn bây giờ, tiến sĩ Huxtable, xin được phép từ biệt ông.

Tôi cảm thấy Holmes còn muốn hỏi một vài câu nữa song viên công tước đã kết thúc câu chuyện, hình như ông ta e ngại rằng mỗi câu hỏi mới sẽ lại soi rọi ánh sáng không thương tiếc vào phần cuộc đời được ông che đậy kỹ lưỡng.

Ngay sau khi họ đi khỏi, Holmes liền bắt tay vào việc. Sự quan sát căn phòng của cậu bé không đem lại kết quả gì ngoài kết luận dứt khoát là cậu ta chạy trốn qua phía cửa sổ. Trong phòng của người giáo viên cũng không tìm thấy gì mới. Dây trường xuân phía dưới cửa sổ không chịu nổi sức nặng của cậu bé. Soi đèn trên bãi cỏ, chúng tôi nhận ra ở đó có những vết giày hằn sâu, cỏ bị xéo nát: đó là bằng chứng duy nhất về cuộc chạy trốn ban đêm.

Để tôi ở lại một mình, Sherlock Holmes bỏ đi, và anh trở về khoảng 12 giờ đêm. Anh thu được tám sơ đồ địa phương ở đâu đó. Anh trải nó trên giường rồi đặt cây đèn vào chính giữa và bắt đầu xem xét. Thỉnh thoảng anh dùng chiếc tàu thuốc chỉ cho tôi coi những điểm cần lưu ý.

- Tôi muốn anh chú ý tới một vài chi tiết có thể mang ít nhiều ý nghĩa trong quá trình điều tra. Hãy nhìn vào tám sơ đồ này! Ô chữ nhật có nét gạch chéo này là trường học.

Chúng ta sẽ cắm kim găm vào đó. Còn đây là đường nhựa. Nó chạy qua khu trường theo hướng đông - tây. Trong khoảng một dặm không có những con đường nhánh từ đây đi các hướng khác. Nếu họ đi bằng đường bộ thì không thể không đi qua con đường này.

- Đúng vậy!

- Còn chỗ này, từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng có cảnh binh túc trực: đây là ngã ba đầu tiên ở hướng đông của con đường. Người cảnh binh không rời trạm gác lấy một chút. Anh ta khẳng định rằng chắc chắn anh ta sẽ nhận ra người đàn ông và cậu bé nếu họ có đi qua đây. Tôi đã nói chuyện với anh ta hồi tối và theo tôi, chúng ta có thể tin vào lời của anh ta. Thế nghĩa là về phía đông của con đường được loại trừ ra.

Còn bây giờ chúng ta xem tình hình ở phía tây xem sao. Ở đó có khách sạn “Bò Mộng”. Nữ chủ nhân đang bị bệnh. Bà phái người đi Mackleton để mời bác sĩ. Nhưng vị bác sĩ này lại đang đi thăm một bệnh nhân khác. Mãi đến sáng sớm hôm sau, ông ta mới tới được chỗ bà. Vậy là ở khách sạn, trong khi chờ đợi bác sĩ, suốt đêm mọi người không ngủ được. Thỉnh thoảng người ta nhìn ra ngoài đường xem bác sĩ đã đến chưa. Theo lời của người này thì không một ai đi qua khách sạn cả. Nếu tin theo lời của họ thì phần đường phía tây sẽ không còn làm chúng ta nghĩ ngợi gì nữa. Vì vậy, những người chạy trốn đã chọn một con đường khác.

- Họ đi bằng xe đạp chăng? - Tôi hỏi.

- Đúng vậy! Nếu những kẻ chạy trốn không đi trên đường cái, thì họ hoặc là đi theo hướng bắc, hoặc là đi theo hướng nam của ngôi trường. Vậy chúng ta thử cân nhắc hai giả thiết này xem sao. Phía nam khu trường có một cánh đồng rộng lớn. Cánh đồng bị phân cách thành những mảnh nhỏ. Mỗi mảnh được ngăn với mảnh khác bởi hàng rào xây bằng đá. Không có khả năng qua đó bằng xe đạp. Vậy cần loại trừ giả thiết này. Chúng ta sang phía bắc. Ở đây, chúng ta trông thấy một cánh rừng nhỏ, được gọi là i dao lệch”.

Phía sau khu rừng chừng 10 dặm có một cánh đồng hoang kéo dài, càng về hướng bắc càng nhiều gò đồng. Chênh chênh phía trái cánh đồng là lâu đài Holdernes: theo đường cái đến nơi này phải mất 10 dặm, còn theo đường chim bay mất chừng 6 dặm. Cánh đồng này hiu quạnh và vắng vẻ. Vài trại chăn nuôi trâu bò nằm rải rác trên đó. Cừu, bò và chim đầm lầy, đó là cư dân duy nhất của vùng này. Xa hơn còn có một đường nhựa chạy qua. Dọc theo con đường này có chừng hai, ba biệt thự, một nhà thờ và một khách sạn. Phía sau là những quả đồi cao và dốc. Tôi tin là cần phải hướng sự tìm kiếm của chúng ta về phía đó.

- Nhưng còn xe đạp? - Tôi nhắc lại.

- Những người đi xe đạp cừ khôi không chỉ đi trên đường cái. Hơn nữa ở cánh đồng lại có những con đường mòn. Vả lại, đêm hôm đó trăng lại rất sáng. Vậy còn có gì khó

đâu?

Có tiếng gõ cửa khẩn cấp, tiến sĩ Huxtable bước vào phòng ông cầm chiếc mũ cát màu xanh với phù hiệu trắng trên lưỡi trai, ông ta reo lên:

- Thật là may mắn! Thế là chúng ta đã lần ra dấu vết của cậu bé.

- Các ông tìm thấy ở đâu?

- Ở chỗ những người du mục. Bọn bắt cóc lưu lại trong trại du mục trên cánh đồng. Hôm nay, cảnh sát bất thành linh ập tới chỗ họ, lục soát trong xe. Và họ tìm thấy cái này.

- Nó rơi vào tay họ bằng cách nào vậy? Họ nói những gì?

- Họ thề rằng đã tìm thấy chiếc mũ trên cánh đồng vào sáng ngày 14 tháng 5. Không, quân vô lại ấy đã bị tổng giam cả rồi.

Tiến sĩ bước ra khỏi căn phòng.

- Thế là được rồi, ở đây nếu cảnh sát không bắt được những người du mục thì họ không làm được gì cả. Hãy nhìn vào sơ đồ này, Watson. Con suối này chảy qua cánh đồng. Ở khoảng giữa khu trường và lâu đài nó hóa thành đầm lầy. Tiết trời bây giờ hanh khô, vậy tìm kiếm dấu vết sẽ không khó lắm. Có thể còn lưu lại một cái gì đó giữa đầm lầy.

Ngày hôm sau khi thức giấc vào lúc mờ sáng, tôi nhận ra bóng dáng cao gầy của Holmes cạnh giường tôi. Anh mặc áo quần tề chỉnh.

- Tôi đã khảo sát bãi cỏ và kho để xe đạp. Sau đó tôi đi dạo ở khu rừng “Mũi dao lệch”. Hãy dậy đi, Watson! - Gương mặt bạn tôi ửng đỏ, đôi mắt sáng lên như vẫn thường thấy ở những người mong mỏi bắt tay vào công việc ưa thích.

Lòng tràn đầy hy vọng, chúng tôi đi đến cánh đồng than bùn. Ở đó có rất nhiều con đường ngang dọc bị đàn cừu giẫm mòn. Chẳng bao lâu chúng tôi đi tới cánh đồng cỏ đã hóa thành đầm lầy ngăn cách chúng tôi với tòa lâu đài. Nếu chạy về nhà, thì cậu bé không thể đi qua cánh đồng này được! Tại đây tất cả phải lưu lại những dấu vết của cậu và những dấu vết của ông giáo người Đức. Nhưng chúng tôi không thấy những dấu vết như vậy. Holmes đi dọc theo bên rìa của cánh đồng cỏ. Anh chăm chú quan sát từng vệt sần trên bề mặt cánh đồng. Ở đây có rất nhiều vết chân cừu. Đi tiếp vài dặm nữa chúng tôi thấy vết móng chân bò cái.

- Bé tắc rồi! - Holmes buồn bã đưa mắt nhìn quanh cánh đồng - Tại đây còn có những bãi lầy và giữa bãi lầy này có một lối đi hẹp. Hãy nhìn kia! Cái gì thế này?

Chúng tôi bước vào lối mòn có in hình một dải đen đen. Những vết bánh xe đạp in rõ

trên lối mòn ẩm ướt.

- Xe đạp đây rồi! - Tôi reo lên.

Nhưng Holmes lắc đầu.

- Một chiếc xe đạp nào đấy chứ không phải chiếc xe đạp chúng ta đang tìm. Tôi biết tới 42 lốp xe đạp khác nhau. Vết lốp này là của hãng “Dunlop” và lại còn có miếng “ghệt” nữa. Lốp xe của ông giáo người Đức do hãng “Palmer” sản xuất, có những đường vạch dọc kia. Một giảng viên dạy toán đã nói cho tôi biết điều đó. Cho nên, không phải giáo viên người Đức mà là một người khác đã qua đây.

- Nghĩa là

- Ôi!. Giá như cậu bé có xe đạp? Người ta cam đoan với chúng ta là cậu bé không có xe. Những dấu vết này, được bắt đầu từ khu trường.

- Hay là ta theo hướng tới trường.

- Không phải!. Vết bánh xe sau luôn sâu hơn vì nó phải chịu trọng lượng lớn hơn. Đây này!? Ở một vài chỗ, vết bánh xe sau đã xóa lấp vết bánh xe trước. Không người đi xe đạp chắc phải đi ra từ khu trường. Cũng có thể người này không có quan hệ gì với sự truy tìm của chúng ta. Song, chúng ta hãy cứ theo dấu vết này mà đi ngược lại vậy.

Chúng tôi đã làm như thế. Khi tới chỗ con đường mòn rẽ ngoặt từ vạt đất bị hóa lầy, đột nhiên vết lốp xe đạp biến mất. Con suối nhỏ cắt ngang lối mòn, và ở bờ bên kia, vết xe đạp lại xuất hiện, mặc dầu có những con bò cái đã xéo lên chúng. Sau đấy, con đường mòn ăn sâu vào cánh rừng “Mũi dao lệch”. Cánh rừng hầu như tiếp liền ngay với tòa nhà của trường, rõ ràng người đi xe đạp đã xuất phát từ cánh rừng này. Holmes ngồi xuống một tảng đá, tay chống cằm. Anh ở trong thế hoàn toàn bất động. Cuối cùng, anh nói:

- Thôi được! Một kẻ có đầu óc phòng xa cố nhiên có thể thay bánh xe đạp để đánh lẫn dấu vết. Ta hãy tạm gác vấn đề nan giải này lại và hãy quay lại chỗ đầm lầy.

Chúng tôi tiếp tục xem xét tỉ mỉ phần đất lầy lội của cánh đồng. Chẳng bao lâu chúng tôi nhận ra còn một lối mòn khác nữa. Holmes đi tới gần lối mòn và vui sướng reo lên. Những vết mảnh chạy dài ở phía giữa lối mòn. Đó là dấu lốp xe đạp của Palmer.

- Ông giáo người Đức đã qua đây! - Holmes thốt lên xúc động.

- Xin chúc mừng anh !

- Thế nhưng còn lâu nữa mới tới được kết quả cuối cùng, đừng bước vào lối mòn. Hãy đi theo vết này. Có lẽ chỉ chốc lát nữa thôi nó sẽ đột ngột kết thúc.

Tuy vậy ở phần này của cánh đồng vẫn luôn gặp phải những chỗ sinh lầy. Và mặc dầu lốp xe đạp thỉnh thoảng bị iển mất nhưng sau đó chúng tôi lại tìm thấy nó. Holmes nói:

- Anh hãy để ý xem ở đây, người đi xe đạp vào pédale không. Điều này thật dễ thấy. Anh nhìn vào những vết lốp xe trước và sau mà coi, chúng đều rõ như nhau. Đó là do người đi xe đã dồn trọng lượng về phía trước như những tay đua vẫn thường làm. Trời! Anh ta ngã kìa!

Trên lối mòn có một vệt loang dài và rộng. Xa hơn một chút thấy có những vết giày, và sau đó vết lốp xe đạp lại xuất hiện.

Holmes nhặt một cành cây có hoa bị gãy từ dưới đất lên. Những bông hoa màu vàng bị vấy vệt đỏ. Trên lối mòn trong bụi cây, những vết máu khô thẫm lại.

- Công việc tồi quá! Rất tồi! Thôi Watson, không đi về hướng này nữa. Hãy lui về phía kia vậy. Nào, xem ta có thể tìm được gì ở đây nào? Anh ta ngã, bị thương... đứng dậy... Rồi lại ngồi lên xe... tiếp tục đi. Có một đàn bò đi qua lối mòn này, nhưng không phải bò đực đã húc anh ta? Có điều không gặp những vết khác ở đây. Đi lên phía trước Watson. Những vết máu, những vết lốp xe đạp. Hãy cứ theo những dấu vết này.

Sự truy tìm của chúng tôi không kéo dài. Vết xe đột nhiên bắt đầu rẽ theo lối mòn bóng lên vì ẩm ướt. Tôi đưa mắt về phía trước. Bất thình lình những ánh kim loại lóe lên ngay trước mặt tôi. Chúng tôi lòi từ lùm cây ra một chiếc xe đạp của hãng "Palmer". Một pédale bị uốn cong, tay lái và bánh trước bê bết máu. Cách không xa có một chiếc giày trời lên trên cỏ. Chúng tôi chạy bổ đến đó và nhìn thấy người lái xe đạp bất hạnh: người cao, để râu, đeo kính. Mắt kính phải bị vỡ. Một quả đấm trời giáng vào sọ là nguyên nhân gây ra cái chết. Sau khi bị thương anh còn có thể đi xe đạp được vài yard nữa. Anh ta không mang tất, còn sau lần áo vét, chúng tôi nhận ra chiếc áo ngủ. Không còn hoài nghi gì nữa. Đây là giảng viên người Đức.

Holmes thận trọng xoay thi thể trở lại để xem xét. Cuối cùng, Holmes lo âu, nói:

- Thú thật, tôi không rõ bây giờ chúng ta phải làm gì. Sự tìm kiếm đã kéo dài đến mức không thể mất thời giờ thêm nữa, chúng ta cần báo cho cảnh sát. Lẽ nào lại có thể để người bất hạnh nằm ở đây

- Hãy viết vài chữ cho tôi.

- Nhưng thiếu sự trợ giúp của anh, tôi không thể tiến hành công việc được. Kìa! Có ai đang gặt than bùn kìa kìa! Hãy nhờ người ấy đi mời cảnh sát tới đây.

Tôi thực hiện ngay yêu cầu của Holmes, và anh nhờ người chủ trại ấy chuyển giấy cho tiến sĩ Huxtable.

- Thế đó, Watson ạ. Sáng nay chúng ta đã tìm được hai dấu vết. Dấu thứ nhất là lốp xe đạp hãng Palmer, nó dắt chúng ta tới nạn nhân. Dấu thứ hai là lốp xe đạp bị “ghệt” của hãng Dunlop. Trước khi tìm hiểu dấu vết thứ hai này, chúng ta hãy lưu ý rằng cậu bé đã tự ý bỏ chạy. Cậu ta bò qua cửa sổ và lẻn đi một mình hoặc cùng với người báo tin cho mình.

- Có lý.

- Cậu bé đã có chuẩn bị để chạy trốn, nên ăn mặc đầy đủ. Nhưng ông thầy người Đức mặc áo quần vội vã nên đã bỏ chạy mà không kịp mang tất chân.

- Chắc chắn như vậy.

- Cái gì buộc ông ta nhảy qua cửa sổ? Chính là việc ông ta nhìn thấy cậu bé chạy trốn. Ông muốn đuổi kịp và đưa cậu bé trở lại. Ông ta vớ lấy xe đạp của mình, đuổi theo cậu bé và chết trên đầm lầy.

- Rất có lý.

- Rượt theo cậu bé, một người đàn ông chỉ cần chạy theo là đủ rồi. Thế mà ông thầy người Đức, theo ý kiến của tiến sĩ Huxtable, là một tay đi xe đạp cừ khôi, lại làm khác? Ông ta chạy vào kho lấy xe đạp của mình. Từ đó có thể rút ra kết luận thế này: Ông ta nhận thấy cậu bé sử dụng một phương tiện di chuyển ưu việt hơn đôi chân của ông ta. Nói cách khác, cậu bé đã lấy xe đạp của một ai đó phải không? Chúng ta hình dung kết cục của cuộc tẩu thoát ấy như thế này: Ông thầy người Đức chết cách ngôi trường 5 dặm. Cần lưu ý là ông ta chết vì quả đấm của một người có đôi tay rắn khỏe. Nghĩa là cậu bé có người bạn đường và họ đào tẩu nhanh tới mức một tay lái xe đạp cừ khôi chỉ đuổi kịp họ ở dặm đường thứ năm. Tại nơi xảy ra tấn thảm kịch, tìm thấy những dấu vết của móng bò cái và chỉ có vậy thôi? Tôi đi một đường vòng rộng chừng 50 bộ vẫn không tìm thấy một lối mòn nào khác. Người lái xe đạp thứ hai không có liên quan gì tới vụ giết người, và ở đây không có vết chân người.

- Này Holmes! Điều đó thật khó tin!

- Hoan hô! Kết luận thật chí lý! Trong sự trình bày các sự kiện của tôi có một cái gì đó thật khó tin. Đúng thế, tôi có sai lầm. Song, trong suốt thời gian điều tra, anh luôn ở bên tôi và chính mắt anh đã nhìn thấy tất cả. Vậy tôi sai lầm ở chỗ nào?

- Có thể anh ta bị thương vào đầu trong khi ngã.

- Ở giữa đầm lầy này sao?

- Tôi rồi trí mất rồi, Holmes ạ.

- Chúng ta đã từng giải đáp được những câu hỏi còn hóc búa hơn thế. Chỉ cần vận

dụng chúng một cách khôn khéo nữa thôi... Nào, hãy tiếp tục đi Watson! Chiếc lốp xe hãng “Palmer” đã nói hết cho chúng ta rồi đấy Giờ thử xem chiếc lốp xe “ghệt” hãng Dunlop sẽ đưa chúng ta đến đâu?

Chúng tôi đi theo vết này. Nhưng chẳng bao lâu những quả đồi thoải thoải phủ những lùm cây thấp đã giăng dài trước mặt chúng tôi. Con suối đã ở lại đằng sau. Đi tiếp sẽ không có ý nghĩa gì cả, bởi vì những vết lốp xe hãng Dunlop có thể dẫn đến lâu đài Holderness với những chiếc tháp to nhô lên về phía trái, hoặc có thể đưa tới những túp nhà màu sáng thấp lè tè mà sau lưng có con đường cái chạy qua.

Lúc chúng tôi chỉ còn cách quán trọ “Gà Chọi” chừng vài bước, đột nhiên Holmes kêu lên một tiếng, nắm lấy vai tôi cho khỏi ngã, làm như một chân bị sai. Anh cà nhắc bước đến trước cửa khách sạn, nơi có một người đàn ông đang ngồi.

- Xin chào ông Reuben Hayes! - Holmes nói.

- Ông là ai? Sao biết tên tôi? - ông ta hỏi, sau khi ném ra một cái nhìn hằn học và ngờ vực.

- Tên ông được ghi ở tấm biển ngay trên đầu ông kia kìa. Xin cho chúng tôi biết ông có chiếc xe ngựa nào không?

- Không.

- Tôi không thể bước nổi nữa.

- Nếu không bước nổi, thì đừng có bước.

- Vậy tôi di chuyển bằng cách nào được?

- Bằng nạng vậy!

Ca1i ga4 Reuben Hayes thật bất lịch sự. Thế mà Holmes đã chịu đựng được. Anh nói:

- Hỡi ông chủ đáng mến! Xin hãy nghe đây, ông không thấy điều gì rủi ro đã xảy ra với tôi ư? Chúng tôi phải đến nơi chúng tôi cần. Vậy bao giờ chúng tôi mới đến được?

- Bao giờ đến à? Tôi không quan tâm đến chuyện đó.

- Tôi đến đây vì một việc quan trọng. Hãy cho tôi mượn xe đạp của ông, tôi sẽ đền ơn trọng hậu.

Chủ nhà vênh tai nghe.

- Ông cần đi đâu?

- Đến lâu đài Holderness.

- Không phải đến thăm công tước chứ?

Chủ khách sạn hỏi, vừa chế nhạo vừa nhìn vào bộ áo quần cẩu bần của chúng tôi.

Holmes phá lên cười thân thiện:

- Công tước sẽ đón tiếp chúng tôi một cách niềm nở.

- Tại sao?

- Vì chúng tôi có những tin tức tốt về đứa con của Ngài

Gã đàn ông giật mình:

- Phải chăng các ông đã tìm thấy?

- Từ Liverpool, người ta đã cho biết rằng cậu ta hiện đang ở đây. Thế đó, rồi sẽ tìm được thôi!

Một bóng đen chợt thoáng qua bộ mặt lờm chờm râu của ông ta. Và ông ta tự nhiên trở nên tốt bụng:

- Tôi từng là người đánh xe ngựa cho công tước. Rồi đột nhiên Ngài ngược đãi tôi. Rồi Ngài thanh toán tiền cho tôi và không dùng tôi nữa. Song dầu sao tôi cũng rất vui, bởi huân tước trẻ tuổi đã được tìm thấy ở Liverpool. Thôi được, tôi sẽ giúp các ông chuyển tin tức này tới lâu đài.

- Xin cảm ơn! Chúng tôi sẽ ăn tối, rồi ông cho chúng tôi mượn xe đạp chứ?

- Tôi không có xe đạp.

Holmes nhìn người chủ khách sạn đầy ngụ ý.

- Tôi nói với ông là tôi không có xe đạp. Các ông sẽ đi bằng xe ngựa vậy? - Chủ quán trọ nhấn mạnh.

- Thôi được! Ông cho chúng tôi ăn cái đã rồi sẽ bàn chuyện đó sau.

Khi chúng tôi còn lại một mình trong nhà bếp, chân Holmes tự dưng hết đau. Đã chiều tối, chúng tôi cảm thấy đói mà vẫn không rời khỏi bàn. Đắm chìm trong ý nghĩ của mình, một vài lần Holmes yên lặng đi đến gần chiếc cửa sổ trông ra phía sau ngạp ngựa rác rưởi. Ở một góc sân, chỗ đóng móng ngựa, một thiếu niên lem luốc đang làm

việc. Còn góc sân khác là chuồng ngựa. Sau một lần đi tới cửa sổ như thế. Holmes ngồi xuống bàn và đột nhiên nhồm phất dậy, kêu to:

- Rõ rồi Watson! Tôi đã tìm ra rồi! Anh có nhận ra các vết móng bò cái sáng nay không.

- Có ở đâu?

- Khắp nơi! Trên đầm lầy cạnh chỗ người bị giết.

- Đúng.

- Còn bây giờ, ở đây có nhiều bò cái không?

- Tôi không thấy một con nào cả.

- Kỳ lạ thật. Khắp mọi nơi đều có vết móng bò cái, mà ở đây không có một con nào cả.

- Vâng, đúng vậy!

- Bây giờ anh hãy cố nhớ xem anh đã trông thấy những vết này trên lối mòn như thế nào?

- Tôi chưa hiểu.

- Hãy nhớ lại xem. Đôi lúc nó như thế này... - Anh bắt đầu xếp những mẫu vụn bánh mì trên bàn. - và đôi lúc lại như thế này... Ở một chỗ khác lại như thế này... Anh có nhớ không?

- Không.

- Còn tôi thì nhớ và sẵn lòng đưa tay lên thề. Tuy vậy chúng ta sẽ còn quay trở lại và sẽ kiểm tra lại ngay tại chỗ. Tôi có quần trí không nếu tôi không rút ra được những kết luận thỏa đáng từ điều đó.

- Những kết luận gì?

- Những kết luận như thế này: bò cái mà lại đi y như ngựa nước kiệu, nước đại và nước một. Mưu chước quỷ quyệt này lẽ nào không phải của tên chủ quán kia? Ngoài sân không có ai cả, trừ cậu bé ở xưởng đóng móng ngựa. Chúng ta thử đột kích, xem tình hình ở đó ra sao.

Trong chuồng có hai con ngựa bồn thỉu, lông bù xù đang đứng, Holmes nâng chân sau của một con lên và cười lớn:

- Những cái móng thì cũ nhưng được đóng cách đây không lâu. Những cái móng cũ,

còn đinh đóng thì lại mới. Bây giờ ta sẽ quan sát xưởng đóng móng ngựa xem sao.

Cậu thiếu niên bận bịu với công việc của mình nên không chú ý đến chúng tôi. Holmes nhanh nhẹn nhìn quanh khu xưởng ngập đầy sắt vụn và dăm bào. Bất thành linh có những bước chân vọng lại từ phía sau. Quay lại, chúng tôi nhìn thấy người chủ nhà. Đôi lông mày ông ta giao vào nhau thành một đường kẻ dài, đôi mắt lóe lên những tia sáng độc ác. Ông ta cầm lăm lăm một chiếc dùi cui bịt sắt tiến về phía chúng tôi với vẻ hăm dọa đến mức tôi rút khẩu súng lục từ trong túi ra.

- Quân chó đẻ! - ông ta kêu lên - Bọn bay làm gì ở đây?

- Hãy rộng lòng tha thứ, ông Reuben Hayes! - Holmes điềm tĩnh nói - Phải chăng ông sợ chúng tôi tìm ra một cái gì đấy liên quan tới công việc đó?

Ông ta trấn tĩnh lại, cong môi lên trong một nụ cười giả tạo.

- Hãy tìm đi, xin mời. Tìm thấy cái gì, đó là việc của các anh. Nhưng tôi không thích thấy người lạ tự ý sục sạo khắp sân nhà tôi. Vì vậy, hãy trả tiền và tránh xa đây càng nhanh càng tốt.

- Chớ giận chúng tôi, ông chủ. Quả thực chúng tôi chỉ muốn nhìn những con ngựa của ông thôi. Vậy mà có lẽ chúng tôi phải đi bộ đến lâu đài. Từ đây tới đó không xa lắm thì phải?

- Đúng hai dặm đường. Đi theo con đường kia kìa! Nhớ rẽ trái!

Ông ta tiễn chúng tôi ra khỏi sân bằng một cái nhìn u ám.

Chúng tôi đi theo con đường ấy không xa, bởi vì Holmes dừng lại ở chỗ rẽ đầu tiên khi biết chắc là bây giờ không một ai còn nhìn thấy chúng tôi.

- Cuộc đón tiếp vừa rồi thật là nồng nhiệt. Càng rời xa khách sạn, tôi càng cảm thấy lạnh lẽo hơn.

- Không, đi khỏi đây bây giờ là quá sớm?

- Tôi cho rằng cái lão chủ khách sạn ấy biết tất cả.

- Tôi chưa từng thấy một bộ mặt nào hung ác hơn thế. Một kẻ ác độc thực sự? Còn những con ngựa và xưởng đóng móng ngựa thì thế nào? Ờ một nơi đáng lưu ý, cái “con gà trống ưa ầu ẩu” ấy? Nào chúng ta hãy quan sát xem cái gì đã xảy ra ở đây. Phải bí mật và thận trọng.

Quả đồi thoải thoải ở phía sau chúng tôi rắc đầy những tảng đá xám. Lúc bắt đầu trèo lên phía trên sườn đồi, để nhìn về phía lâu đài, bất chợt tôi trông thấy một người đi xe

đạp đang lao nhanh trên đường.

- Hãy cúi thấp xuống, Watson- Holmes kêu lên, sau khi lấy bàn tay nặng trĩu ấn vào vai tôi.

Chúng tôi vừa kịp ẩn mình vào sau tảng đá thì người đó đã lao vút qua. Một khuôn mặt tái mét thấp thoáng trước mặt tôi. Mỗi nét nhỏ của khuôn mặt anh ta đều lộ vẻ kinh hãi: mồm há rộng, cái nhìn chết cứng của đôi mắt trợn trừng một cách man dại. Đó chính là bức biếm họa kỳ quặc của James Wilde mà chúng tôi mới biết hôm qua.

- Viên thư ký của công tước! - Holmes nói nhỏ - Hãy nhanh lên! Chúng ta xem anh ta làm gì ở đây.

Nhảy lên trên một tảng đá, chúng tôi men theo sườn dốc đi lên. Từ đó chúng tôi nhìn thấy cửa quán trọ. Chiếc xe đạp của Wilder dựng tại cạnh tường ở trong nhà, không một ai nhìn qua các cửa sổ.

Mặt trời khuất sau các đỉnh tháp cao của lâu đài. Hoàng hôn buông xuống cánh đồng. Chẳng bao lâu, trong bóng đêm dày đặc của khách sạn, một chiếc xe đạp hai bánh với những cây đèn thấp sáng ở bên cạnh được đẩy ra từ tàu ngựa. Chỉ một phút sau, ngựa đã phi như bay qua chúng tôi, hướng về phía Chesterfield.

- Như thế là thế nào? - Holmes thăm thì.

- Tựa như cuộc tẩu thoát vậy.

- Trên xe chỉ có một người đi thôi! Tôi nhìn thấy rõ mà. Nhưng người đó không phải Wilder, bởi vì anh ta đang ngồi kia kìa!

Bóng dáng người thư ký in rõ giữa khung cửa sáng bừng. Anh ta rướn cổ về phía trước, nhìn vào bóng đêm, rõ ràng đang ngóng chờ ai đó. Vài phút trôi qua. Cuối cùng, trên đường có những bước chân vọng lại. Trong ánh sáng đổ xuống từ những cánh cửa ra vào, thấp thoáng bóng của một người k nào đó nữa. Rồi cánh cửa khép lại. Toàn bộ quán trọ lại chìm vào trong bóng tối. Thế rồi, ở một trong những cửa sổ phía trên, ngọn đèn bàn được thắp sáng.

- Có khách lạ tới thăm quán “Gà Chọi”. - Holmes nói.

- Vào quán từ một hướng khác?

- Đúng rồi. Cả hai đều là khách mời của ông chủ. Ông James Wilder cần gì trong cái sào huyệt này, lại vào thời gian muộn màng như vậy. Ông ta hẹn gặp ai ở đây chẳng? Hãy mạnh dạn lên, Watson! Chúng ta sẽ quan sát họ gần hơn một chút nữa.

Chúng tôi tụt xuống đường, nhẹ nhàng tới gần những cánh cửa của khách sạn. Xe đạp

của Wilder vẫn đứng tựa vào tường như trước. Holmes quệt diêm và soi vào bánh sau của xe đạp. Tôi nghe thấy tiếng kêu khe khẽ đầy vẻ ngạc nhiên của Holmes khi ánh lửa soi vào mảng “ghệt” trên lốp xe đạp của hãng Dunlop. Cửa sổ có đèn sáng ở ngay trên đầu chúng tôi.

- Cần ghé nhìn trong đó dù chỉ thấy chút ít thôi Watson! Giá anh đứng tựa vào tường công kênh tôi lên.

Một thoáng sau, Holmes đã đứng trên vai tôi ngay và tức khắc lại tụt xuống dưới.

- Đi thôi, bạn thân mến. Ngày hôm nay thế là đủ rồi? Chúng ta đã làm tất cả những gì có thể làm được. Chúng ta về trường ngay.

Suốt quãng thời gian chúng tôi lê bước chậm chạp theo cánh đồng, hầu như Holmes không hé răng nói lấy nửa lời. Không rẽ vào khu trường, chúng tôi đến thẳng ga để chuyển điện. Sau đấy, tôi thấy Holmes đang an ủi ông tiến sĩ. Ông ta bị sững sốt bởi cái chết bi thảm của người giáo viên: “Rất khuya, tôi vẫn còn trông thấy anh trong phòng mình”.

- Mọi chuyện đều diễn ra tốt đẹp. Tối mai chúng ta sẽ có lời giải đáp - Holmes nói với tôi.

Sáng hôm sau, lúc 11 giờ, chúng tôi đã ở trên con đường trồng cây nổi tiếng của lâu đài. Người hầu phòng ra đón và dẫn chúng tôi vào phòng làm việc của công tước. đã đứng ngay trước mặt chúng tôi. Anh ta rất khiêm tốn và lịch sự, nhưng trong đôi mắt né tránh của anh ta thoáng hiện nỗi khiếp sợ.

- Các ông muốn thăm công tước phải không. Ngài không được khỏe. Ngài bị đau bởi tấn thảm kịch mà ông tiến sĩ đã báo cho chúng tôi biết.

- Ông Wilder, tôi cần gặp công tước.

- Nhưng Ngài không rời khỏi phòng mình được.

- Vậy tôi sẽ đến chỗ Ngài!

- Ngài đang trên giường.

- Dù thế nào tôi cũng xin được tiếp kiến Ngài!

Giọng điệu lạnh lùng không cho phép phản đối của Holmes đã khiến viên thư ký tin rằng đôi co với con người này chỉ bằng thừa.

- Thôi được ông Holmes, tôi sẽ báo có ông đến.

Đôi mắt của công tước hỏm sâu hơn, hai tay khuỳnh khuỳnh của ông lộ vẻ thiếu cương quyết, ông như già hơn so với ngày hôm qua. Với vẻ lịch sự đến tào nhả, ông cúi chào chúng tôi và ngồi xuống ghế bành.

- Tôi nghe đây, ông Holmes!

Thế nhưng Holmes lại nhìn chằm chằm vào viên thư ký đang đứng cạnh chủ nhân.

- Sự có mặt của ông Wilder khiến tôi bị ít nhiều gò bó, thưa ngài!

Mặt viên thư ký tái ngắt đi. Anh ta ném vào Holmes một cái nhìn thật độc ác.

- Nếu ngài muốn...

- Được, được, cứ để chúng tôi ở đây... Được rồi ông Holmes! Ông có điều gì muốn nói với tôi, phải không?

Holmes khép cửa lại đằng sau viên mới nói:

- Thưa ngài! Theo lời của tiền sĩ Huxtable, tôi và bác sĩ Watson được biết ngài có hứa sẽ trả tiền thù lao cho công việc mà ngài đang quan tâm. Tôi muốn trực tiếp được nghe Ngài nói điều đó.

- Có.

- Người ta nói là Ngài sẽ trả 5.000 bảng cho ai chỉ ra nơi con trai Ngài đang ở.

- Phải.

- Và 1.000 bảng cho ai chỉ ra kẻ đang giam giữ huân tước.

- Vâng.

- Cổ nhiên, điều này ngụ ý rằng không chỉ là kẻ bắt cóc mà còn là kẻ có âm mưu bắt cóc.

- Đúng, đúng! - Không kìm được lòng mình, công tước thốt lên - Ông Holmes, nếu ông làm sáng tỏ bí mật này, ông sẽ không than phiền về tính keo kiệt của tôi.

Holmes cọ cọ hai tay vào nhau một cách thềm thường. Điều này khiến tôi ngạc nhiên vì trước đó tôi hiểu anh như một người có những đòi hỏi bình thường nhất.

- Tập séc của Ngài đang ở trên bàn thì phải. Xin Ngài ghi cho tôi tám séc 6.000 bảng Anh. Ngân phiếu xin chuyển vào tài khoản vãng lai của tôi tại chi nhánh ngân hàng Capital & Counties ở phố Oxford.

Công tước ưỡn thẳng người trong ghế bành, dò xét bạn tôi bằng cái nhìn lạnh như tiền.

- Ông đùa đấy à, ông Holmes. Đây không phải là đề tài thích hợp cho sự bông đùa.

- Thưa ngài! Tôi luôn luôn nghiêm túc.

- Điều đó có nghĩa thế nào?

- Điều đó có nghĩa là tôi biết nơi trú chân của con trai ngài và cũng biết một người đáng lưu ý.

- Con tôi đâu?

- Trong quán trọ “Gà Chọi”, cách cổng lớn của công viên Ngài hai dặm. Ít ra cậu nhà đã ở đó vào ngày hôm qua.

Công tước ngả người vào ghế bành.

- Vậy ông kết tội ai?

Holmes bước nhanh về phía trước, đặt tay vào viên công tước.

- Tôi kết tội Ngài! Còn bây giờ, thưa Ngài, xin ngài làm ơn đưa cho tôi tám séc 6000 bảng Anh.

Từ ghế bành, công tước nhồm phất dậy, thế rồi đột nhiên hai tay ông chơi vơi tựa như ông đang gồng đứng vững bên bờ vực thẳm. Sau đó, bằng sức mạnh của ý chí sắt đá và bằng sự trợ giúp của tính kiềm chế quý tộc, ông ta lại ngồi xuống ghế, tay ôm lấy mặt. Một phút... rồi một phút nữa trôi qua...

- Hãy nói thẳng ra, ông biết gì nào? - Con người bất hạnh ấy hỏi, không hề cất đầu lên.

- Tối hôm qua, tôi trông thấy Ngài và cậu nhà.

- Ngoài bạn ông ra, còn có ai biết chuyện đó nữa không?

- Tôi chưa nói cho ai biết cả.

Năm ngón tay run rẩy của viên công tước mở tập séc ra rồi cầm lấy bút.

- Tôi không bội ước đâu, ông Holmes ạ. Mặc dầu số tiền này chỉ để trả cho những tin tức mà thôi, ngoài nổi cay đắng ra, chúng không mang lại cho tôi điều gì khác nữa. Nhưng khi đưa ra lời ban thưởng, tôi đâu có thể ngờ là các sự kiện lại xoay chuyển

như thế! Tuy vậy, tôi hy vọng ông và bạn ông là những người biết điều.

- Tôi chưa hiểu ngài muốn nói gì, thưa ngài?

- Được, tôi sẽ nói trắng ra vậy ông Holmes ạ, nếu những tình tiết của việc này không một ai biết, ngoài hai ông ra, thì số tiền không chỉ có thế. Tôi phải cho ông 12.000 bảng Anh. Không đúng vậy sao?

Nhưng Holmes mỉm cười và lắc đầu:

-Ồ! Thưa Ngài! Không thể dễ dàng thu xếp chuyện đó. Một ai đó phải trả lời về cái chết của người thầy giáo.

- Thế nhưng James không can dự vào đây. Giết người, đây là công việc của tên bạo chúa.

- Tội còn lại thì nhìn nhận như thế này, thưa ngài: Khi một người đứng trước con đường dẫn đến tội ác, thì anh ta cần phải gánh lấy trách nhiệm đạo đức do những hậu quả hành động của mình gây ra.

- Trách nhiệm đạo đức? Đúng! Nhưng đừng bắt anh ta phải trả lời trước pháp luật. Không thể khép một người vào tội sát nhân nếu anh ta không có mặt vào lúc giết người; cũng không thể khép người ấy vào tội sát nhân khi việc giết người đã khiến anh ta công phần chẳng kém gì ông. Sau khi biết chuyện đó, anh ta không chịu nổi sự day dứt của lương tâm và thú nhận ngay với tôi tất cả. Sau đây, anh ta tuyệt giao với kẻ sát nhân, ông Holmes! Hãy cứu anh ta! Hãy cứu đi! Tôi van ông đấy!

Tính kiểm chế quý tộc của viên công tước biến mất. Với bộ mặt méo xệch, viên đại thần chạy loang quăng khắp phòng, đôi tay ông vung vẩy một cách mạnh mẽ. Cuối cùng, ông tự trấn tĩnh lại, ngồi xuống và nói:

- Tôi đánh giá cao việc ông đã đến đây. Nào, ít ra ta cũng bàn bạc xem cần áp dụng những biện pháp nào để giúp tôi khỏi bị lãng nhục.

- Nhưng chỉ khi chúng ta đã cởi mở với nhau đến tận cùng. Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được nếu tôi biết chính xác các chi tiết của công việc này. Ngài khẳng định rằng ông James Wilder không phải là kẻ giết người?

- Đúng, kẻ giết người đã lẩn trốn.

Holmes lạnh lùng mỉm cười:

- Thưa Ngài! Hôm qua, vào lúc giờ đêm, Reuben Hayes đã bị bắt tại Chesterfield theo chỉ thị của tôi. Viên chỉ huy cảnh sát ở đây đã báo tin cho tôi vào sáng nay trước lúc tôi đến đây.

Công tước ngả người ra sau ghế, ngạc nhiên nhìn bạn tôi.

- Khả năng của ông liệu có giới hạn không, ông Holmes? - ông ta thốt lên - Thế nghĩa là Reuben Hayes đã bị bắt. Thôi được có thể đó là điều mừng. Nhưng liệu việc hắt ta bị bắt có ảnh hưởng gì tới số phận của James không?

- Tới viên thư ký của ngài?

- Không, tới con tôi.

Lần này Holmes thật sự ngạc nhiên:

- Thưa Ngài! Ngài có thể giải thích chi tiết tất cả chuyện đó được không?

- Ông nói đúng. Chỉ có lòng thành mới có thể làm giảm nhẹ tình trạng căng thẳng mà James đã đặt cả hai chúng tôi vào đó. Lúc còn trẻ, tôi ngỏ lời cầu hôn với người đàn bà yêu dấu, nhưng nàng cự tuyệt vì lo ngại rằng cuộc hôn nhân như thế sẽ hủy hoại con đường công danh của tôi. Nếu nàng còn sống thì tôi đã không lấy một người nào khác. Nhưng nàng đã mất và để lại cho tôi một đứa con trai. Đó là James. Tôi nuôi nấng cháu và không công khai thừa nhận mình là cha. Tuy nhiên, cháu đã được giáo dục tốt nhất. Khi đã lớn khôn, cháu vẫn thường xuyên sống cùng chúng tôi. Tình cờ cháu biết được bí mật của tôi và từ đấy cháu gắng làm dụng quyền làm con của mình bằng mọi cách. Điều này đẩy tôi vào tình trạng lo ngại bị tố giác. Sự hiện diện của cháu ở lâu đài đã là nguyên nhân của sự tuyệt giao giữa tôi và vợ tôi. Và điều sau đây mới thật nặng nề. Ngay khi nhìn đứa bé, từ ngày đầu tiên, cháu đã căm ghét Arthur, tức huân tước Saltire, người thừa kế hợp pháp của tôi, một cách dữ dội nhất.

Chắc ông sẽ hỏi tại sao do những chuyện ấy mà tôi vẫn tiếp tục giữ James ở nhà mình. Câu trả lời của tôi sẽ thế này: Vì khi nhìn nó, tôi trông thấy bóng dáng của mẹ nó, một hình bóng không thể xóa nhòa trong tôi. Từ biệt cháu ư? Tôi không đủ sức làm việc đó nhưng cuối cùng, tôi bắt đầu lo sợ cháu sẽ gây ra một chuyện gì đấy với huân tước Saltire. Và thế là tôi chuyển đứa bé đến ký túc xá của tiến sĩ Huxtable

James tiến hành mọi công việc của tôi, do vậy cháu biết Hayes, người đã từng là tá điền của tôi chúng đã kết bạn với nhau. Sau khi quyết định bắt cóc huân tước Saltire, cháu biến tên này thành kẻ đồng lõa của mình. Ông còn nhớ là tôi đã viết một bức thư cho Arthur trước ngày nó chạy trốn? James đã mở phong bì ra, bỏ vào đó mẫu thư yêu cầu Arthur gặp mình ở cánh rừng "Mũi dao lệch" cách không xa khu trường. Thằng bé đã đi đến đó vì thư có vẻ như được viết theo yêu cầu của vợ tôi. James đến khu rừng thừa bằng xe đạp. Sau đấy chính cháu đã làm Arthur tin rằng bà mẹ đang buồn phiền vì huân tước, rằng bà cách đây không xa, rằng nếu huân tước đi tới khi rừng này vào lúc nửa đêm thì người dẫn đường và ngựa sẽ chờ ở đó. Thằng bé bắt hạnh bị sa vào bẫy đúng giờ hẹn, cậu đi đến khu rừng thừa và nhận ra Hayes ở đấy. Hayes cưỡi một con ngựa và Arthur ngồi lên yên một con ngựa Poney rất nhỏ con.

Nhưng Hayes phát giác có người đang đuổi theo. Hắn dùng dùi cui đánh vào người đuổi theo vài lần. Anh ta đã chết vì thương tích. Hayes đưa Arthur tới khách sạn của mình, Nhốt cậu bé ở trên lầu, bắt bà Hayes, một người đàn bà phúc hậu nhưng hoàn toàn lệ thuộc vào người chồng, coi giữ đứa bé.

James hành động như vậy là vì mù quáng, vì căm phẫn. Cháu cho rằng tất cả thái ấp của tôi cần được chuyển giao cho cháu, rằng cháu không thể bình tâm để bàn về quyền thừa kế tài sản đang tồn tại ở chỗ chúng tôi.

Cháu yêu cầu tôi để cho cháu quyền thừa kế thái ấp. Chỉ có như vậy cháu mới trả Arthur lại cho tôi. Cháu biết rất rõ là không đời nào tôi lại giao cháu cho cảnh sát. Nhưng những sự kiện đã đảo lộn nhanh tới mức cháu không thể thực hiện kế hoạch của mình. James hoảng sợ khi biết người thầy giáo đã chết. Chúng tôi biết chuyện đó vào ngày hôm qua do tiền sĩ báo. Bức điện đã đẩy James vào tình trạng lo sợ. Tôi kết tội cháu thẳng thừng. Cháu thành thật nhận lỗi nhưng cố van nài tôi trì hoãn hai ngày để tên tông phạm được cứu thoát. Tôi đã nhân nhượng như đã từng nhân nhượng cháu trong mọi trường hợp. Khi đó James lao đến quán trọ, báo cho Hayes biết trước và giúp hắn chạy trốn. Tôi không thể đi đến đây lúc còn sáng, tôi chờ tới hắc mới đến chỗ Arthur. Thăng bé vẫn bình an vô sự. Nhưng vụ giết người đã gieo một ấn tượng khủng khiếp xuống đứa bé. Nhớ lời hứa bắt đắc dĩ tôi phải để Arthur ở lại quán trọ chừng ba ngày. Bởi vì không thể báo những điều này cho cảnh sát mà lại không tố giác kẻ giết người, và khi Hayes bị bắt thì sẽ khốn khổ, ông Holmes, tôi đã nói hết sự thật, giờ mong ông rộng lượng giúp tôi.

- Được, thưa Ngài. Trước pháp luật, tình trạng của Ngài là cực kỳ nghiêm trọng. Ngài giúp kẻ giết người chạy trốn, vì James Wilder đã lấy tiền từ túi Ngài giúp cho hắn tẩu thoát.

Viên công tước nghiêng đầu im lặng.

- Đúng, tình trạng rất nghiêm trọng.

- Thế nhưng dưới con mắt của tôi thì cách cư xử của Ngài với cậu bé còn đáng lên án hơn. Ngài đã để cậu bé sống trong cái nhà gian phi suốt ba ngày!

- Chúng đã cam đoan với tôi là...

- Lẽ nào lại tin vào lời thề của hạng người ấy. Nếu chúng giấu biệt cậu bé vào một nơi nào đó thì sao? Chiều ý đứa con trai tội lỗi, Ngài đã buộc đứa trẻ vô tội phải chịu cảnh nguy hiểm. Không, không thể biện hộ cho hành động của Ngài được!

Viên đại thần kiêu hãnh vốn không quen nghe những lời chống đối như thế, nhất là ngay trong dinh thự của mình. Mặt ông ta đỏ lên, song lương tâm buộc ông ta phải câm lặng.

- Tôi sẽ giúp ông nhưng với điều kiện: Hãy gọi người hầu lại đây và yêu cầu anh ta thực hiện mệnh lệnh của tôi.

Không nói lấy một lời, công tước đưa tay ấn nút chuông điện. Một người đầy tớ bước vào phòng.

- Huân tước Saltire đã được tìm thấy! - Holmes nói với người hầu - Công tước ra lệnh hãy mau chóng đưa một cỗ xe ngựa đến quán trọ “Gà Chọi” rước huân tước về.

- Còn bây giờ - Holmes nói khi người hầu đã chạy ra khỏi phòng làm việc, mặt rạng rỡ lên vì sung sướng. - Chúng ta có thể đối xử một cách khoan dung với dĩ vãng. Tôi không thấy cần thiết báo cho chính quyền về tất cả những gì tôi đã biết. Còn Hayes thì đây là chuyện khác. Giá treo cổ đang chờ hắn. Tôi sẽ không nhúng tay để cứu mạng sống của hắn. Còn việc hắn lộ bí mật của Ngài hay không, tôi không biết. Tuy nhiên, Ngài có thể gợi ý để hắn nói những điều vô nghĩa ngoài trách nhiệm của hắn. Ở sở cảnh sát người ta sẽ kết án hắn bất cóc chú bé để nhận tiền chuộc. Nếu ở đó người ta không dò xét gì sâu hơn thì họ sẽ không đến đây. Có điều việc ông James Wilder vẫn còn lưu lại ở nhà Ngài là việc không tốt.

- Cháu sẽ vĩnh viễn rời khỏi lâu đài và sẽ lên đường sang nước Úc!

- Thưa Ngài, Ngài không cố gắng hòa giải với công tước phu nhân và thu xếp ổn thỏa cuộc sống gia đình hay sao?

- Sáng nay tôi đã viết thư cho nữ công tước rồi?

- Nếu vậy, - Holmes vừa nói vừa đứng dậy - Tôi và bạn tôi có thể xin chúc mừng Ngài. Chỉ còn một vấn đề tôi chưa được rõ lắm. Những con ngựa của Hayes được đóng móng thế nào để người ta có thể làm lẩn vết móng của nó với vết móng của bò cái? Ai đã mách hắn làm chuyện đó? Không phải ông Wilder chứ?

Đôi lông mày của công tước nhú lại ông im lặng đến một phút. Thế rồi, ông mở cửa phòng bên cạnh hiện đang được dùng làm bảo tàng của gia đình ông. Ông dẫn chúng tôi đến gần chiếc tủ trưng bày ở góc của căn phòng, chỉ cho chúng tôi xem những hàng chữ dưới tấm kính.

“Những chiếc móng ngựa sắt này đã được tìm thấy trong các cuộc khai quật tại một khu vực thuộc vùng Holderness. Chúng được dùng cho ngựa nhưng người ta đã rèn chúng dưới hình thức móng bò cái được tách đôi ra. Rõ ràng, vào thời trung cổ, các quan đại phu phong kiến khi đi cướp bóc đã sử dụng biện pháp này nhằm đánh lạc hướng những người đuổi bắt”.

Holmes nâng nắp kính lên rồi lấy tay xoa vào một trong những cái móng ngựa. Bàn tay anh dính vết bẩn đen thẫm: bùn đầm lầy vẫn chưa kịp khô hẳn.

- Cám ơn Ngài. Đây là điều thứ hai ở chỗ Ngài khiến tôi đặc biệt quan tâm.

- Thế còn điều thứ nhất?

Holmes gấp tấm séc làm đôi, thận trọng vào giữa cuốn sổ của mình.

- Tôi là người không thật giàu có lắm!

Anh nói và nhét cuốn sổ tay sâu hơn vào trong túi trong...

~~End~~

D.6 - The Adventure of Black Peter 1904 (Peter Hắc Ám)

Chưa khi nào tôi thấy bạn tôi vui vẻ, phấn khởi, tràn đầy sinh lực như buổi sáng hôm nay, một buổi sáng của năm 1895. Tên tuổi của anh ngày càng nổi tiếng, công việc làm ăn ngày càng bận bịu. Từ sự tôn trọng, kính nể đối với những bí mật của người khác, tôi không cho phép mình rẻ rúng những cái tên của những con người tuyệt vời, đặc sắc mà có lúc gặp cảnh éo le đã phải tới gõ cửa ngôi nhà tồi tàn của chúng tôi ở hẻm Baker.

Cần nói thêm, Holmes như một nhà họa sỹ lỗi lạc, đã làm việc thì lao vào chỉ vì tình yêu, lòng say mê nghệ thuật không hề biết mệt mỏi. Tôi chưa hề nghe (trừ trường hợp duy nhất đối với ngài công tước xứ Holderness) anh yêu cầu món tiền

thưởng cho công lao vô bờ bến của mình. Anh là một người vô tư đến nỗi không ít trường hợp anh đã từ chối giúp đỡ những kẻ giàu sang phú quý: nếu như không thấy trong việc điều tra khám phá những bí mật của họ một cái gì là say mê, lôi cuốn, hấp dẫn. Trong khi đó anh dành thời gian hàng tuần lễ để nghiên cứu công việc cho những người nghèo khổ; nếu như việc ấy trông chừng hắc búa và gay cấn, làm cho anh phải đem hết khả năng nghề nghiệp của mình ra sử dụng.

Trong năm 1895 đáng ghi nhớ ấy, Holmes đã giải quyết một loạt những vụ việc quan trọng, lý thú, muôn hình muôn vẻ khác nhau. Bắt đầu từ chuyện tìm hiểu nguyên nhân cái chết đột ngột của Hồng y Giáo chủ Tosca (theo đề nghị chính thức của tòa thánh Vatican) và kết thúc bằng việc bắt giam tên tội phạm Wilson. Tiếp theo những vụ trọng đại nổi đình, nổi đám kia là sự việc đau lòng xảy ra ở phố Woodman s Lee: Thuyền trưởng Peter Carey bị giết trong một cảnh tượng khủng khiếp nhất và bí hiểm nhất. Tập ghi chép của tôi về hoạt động của Sherlock Holmes sẽ hổng lớn nếu trong đó thiếu câu chuyện rừng rợn quá sức tưởng tượng này.

Suốt trong tuần đầu của tháng 7 bạn tôi hay đi và đi rất lâu, làm tôi phải hiểu là anh đang bận một chuyện gì đó. Trong những ngày này vài ba người trông dáng cau có, thô thiển đã ba bốn bận tới lui. Họ nói là họ muốn gặp thuyền trưởng Basil. Điều đó làm cho tôi hiểu ra là Holmes đang đóng giả một cái tên để tiến hành một vụ điều tra mới. Ở một số nơi trong London, Holmes có ít ra là năm chỗ ở bí mật, nơi mà anh có thể thay hình đổi dạng, không ai có thể phát hiện ra, Holmes không hề thổ lộ cho tôi những công chuyện mới mẻ kia; còn tôi thì không bao giờ có chuyện thóc mách đi hỏi những điều thâm kín của anh. Lần đầu tiên Holmes, không theo lệ thường, đã báo cho tôi biết hiện giờ anh đang tiến hành công việc theo hướng nào.

Trước bữa ăn sáng, anh ra khỏi nhà; nhưng khi tôi vừa mới ngồi vào bàn, đã thấy anh chạy xộc vào phòng, không kịp bỏ mu xuống, ở nách anh cặp một đồ dùng để xiên cá, trông giống như chiếc dù khá lớn.

- Quỷ tha ma bắt cậu đi Holmes! - Tôi thốt lên, - Không lẽ cậu định dạo chơi ở London với của nợ ấy hay sao?

- Không, tớ vừa ghé lại chỗ người bán thịt.

- Từ chỗ người bán thịt về?

- Không những thế mà còn về nhà với tâm trạng sảng khoái nữa chứ. Cậu biết không, trước bữa ăn nên tập thể dục một tí, có lợi cho sức khỏe lắm. Cậu thử đoán xem bài thể dục buổi sáng của tớ vừa rồi là gì?

- Tớ không hơi đâu mà đi đoán cái chuyện nhảm nhí ấy của cậu.

Holmes bỗng phá lên cười và rút cà phê ra tách.

- Cậu có nhìn thấy căn phòng phía sau của tiệm Allardyce, ở trên trần có treo một con lợn thịt vừa mới mổ xong, còn nguyên vẹn, và một gã đàn ông cời trần trụi, đang toát mồ hôi cầm cái xiên này chọc tẩm thịt kia. Gã đàn ông ấy chính là tớ. Nhưng than ôi! Mình tớ với một cú đâm không thể nào chọc thủng nổi tẩm thịt ấy được. Cậu có muốn thử sức một tí không?

- Chẳng được tích sự gì. Nhưng cậu làm thế để là ai gì?

- Tớ nghĩ rằng, chuyện này có dính líu tới việc bí hiểm đã xảy ra ở Woodman's Lee... A, chào ngài Hopkins, tối hôm qua tôi có nhận được bức điện của ngài, và đang đợi ngài đây. Mời ngài vào, và xin mời ngài dùng bữa sáng, với chúng tôi một thể.

Một người đàn ông gầy gò, nhanh nhẹn, trạc ba mươi tuổi bước vào phòng. Anh ta mặc trong người một chiếc áo len giản dị, nhưng trông điệu bộ của anh ta dễ thấy rằng anh ta có thói quen mặc quân phục. Tôi nhận ra ngay anh chàng Stanley Hopkins, viên thanh tra trẻ tuổi của Sở cảnh sát, mà theo lời nhận xét của Holmes, là một người có năng lực hơn cả. Ngược lại, Hopkins tự cho mình là học trò của Holmes - người thám tử lão luyện, dày dặn kinh nghiệm và luôn luôn thán phục những phương pháp đầy tính khoa học của anh.

Bộ mặt của Hopkins trông có vẻ cau có, quàu quạu anh ta ngồi phịch xuống ghế bành, dáng điệu rầu rĩ thảm hại.

- Mời ngài cứ tự nhiên, cảm ơn ngài, tôi cũng vừa ăn sáng xong. Tôi đã ngủ lại thành phố, vì phải đến đây để trình bày một số vấn đề với ngài.

- Ngài sẽ trình bày những vấn đề gì?

- Thừa ngài, về chuyện thất bại của tôi.

- Việc của ngài không tiến triển thêm chút nào sao?

- Thừa ngài, không.

- Không lẽ lại như thế? Kiểu này tôi buộc lòng phải nhúng tay vào giải quyết thôi.

- Vì Chúa, tôi mong ngài giúp đỡ! Lần đầu tiên người ta giao cho tôi công việc khá quan trọng, tôi không đủ sức đảm đương. Xin ngài cố gắng giúp cho!

- Thôi được, tôi cung đã nắm trong tay một số dữ kiện của cuộc điều tra. Ngài có suy nghĩ gì về túi đựng thuốc tìm thấy nơi xảy ra vụ án? Trong đó liệu có tìm ra chìa khóa để mở và giải đáp những điều bí ẩn hay không?

Hopkins dường như ngạc nhiên:

- Thừa ngài, túi đựng thuốc lá là của người bị giết. Bên trong túi có ghi mấy chữ cái viết tắt và nó được làm bằng loại da hải cẩu. Người bị giết trước đây nhiều năm đã làm nghề săn bắn hải cẩu.

- Nhưng trong người ông ta không tìm thấy một chiếc tẩu thuốc nào hết!

- Đúng vậy, thưa ngài, chúng tôi không tìm thấy chiếc tẩu thuốc ở đâu cả. - Rõ ràng là ông ta hút rất ít. Cung có thể ông ta giữ thuốc để mời bạn bè.

- Không thể chối cãi điều đó. Tôi muốn đề cập tới vấn đề này cung chỉ vì, nếu tôi là người thân chinh điều tra vụ án, tôi sẽ lấy cái túi đựng thuốc lá làm xuất phát điểm cho

việc điều tra, thăm dò tiếp theo. Tuy vậy, bạn tôi, bác sỹ Watson đây chưa được nghe kể về chuyện này, và tôi cũng không từ chối được nghe lại lần nữa. Ngài hãy kể tóm tắt cho chúng tôi nghe những gì thật quan trọng.

Hopkins lôi từ trong túi ra một tờ giấy nhỏ.

- Tôi có nắm được một đôi điều về cuộc đời của ngài thuyền trưởng Peter Carey đã chết ông ta sinh năm 1845, nghĩa là đã 50 tuổi. Ông ta được đánh giá là một trong những tay săn hải cẩu, cá voi can đảm nhất và thành đạt nhất. Năm 1883 ông ta đã chỉ huy một chiếc thuyền săn chạy bằng buồm mang tên "Sea Unicorn" ra đi từ Dundee, cũng trong năm ấy ông ta thực, hiện một loạt chuyến đi thành công. Năm sau ông ta xin từ chức. Sau đó đi chu du khắp nơi trong vòng vài ba năm. Cuối cùng mua một biệt thự nhỏ "Woodman's Lee" bên cạnh Forest Row, Sussex. Ông ta đã sống 6 năm ở đây. Và chết cách đây đúng một tuần. Ông ta là một người khác thường. Trong cuộc sống thường lặng lẽ, rầu rĩ, hay cau có và khó tính vô cùng. Gia đình của ông gồm có vợ và cô con gái 20 tuổi. Công việc trong nhà do hai cô hầu gái trông nom lo liệu. Những người hầu gái kia được thay đổi thường xuyên; có lẽ họ sống trong đó không được dễ chịu cho lắm, họ không thể nào chịu được trong thời gian dài. Carey rất hay uống rượu, mỗi khi cơn nghiện nổi lên, ông ta trở thành một con quỷ dữ tợn. Đã có lần giữa đêm khuya ông ta đuổi vợ con ra khỏi nhà, và đưa nắm đất ra dọa họ, rượt họ chạy khắp cả vùng. Và họ la hét ầm ỉ đến nỗi làm cho những người ở làng bên phải thức giấc.

Có lần ông ta bị gọi ra tòa vì tội đã đánh trọng thương một cha cố già, khi ông này định giáo huấn tu tỉnh, hối cải cho lão ta. Tóm lại, thưa ngài Holmes, khó tìm thấy một người nào nguy hiểm hơn lão Peter Carey. Tôi được nghe người ta nói, trong lúc còn chỉ huy con tàu, tính tình của lão ta cũng như vậy. Ở giới thủy thủ gọi lão ta là Peter "hắc ám", không phải chỉ do bộ mặt của lão đen đui và bộ râu rậm đen, mà còn là do tính cộc cằn, hung dữ, điên rồ của lão; tính ấy đã làm cho mọi người phát sợ. Không có gì là khó hiểu khi mọi người căm ghét và tránh xa lão ta, và tôi không hề nghe một lời xót thương cho cái chết của lão.

Thưa ngài Holmes! Có lẽ ngài đã được đọc bản điều tra ghi trong biên bản nói về ngôi nhà của người ấy, nhưng chắc bạn ngài chưa nghe nói về nó thì phải. Cách ngôi nhà chính không xa, tay thuyền trưởng đã dựng cho mình một căn nhà phụ bằng gỗ; mà ông ta luôn mồm gọi là "cabin"; cứ đêm đến, ông ta lại ra đấy ngủ. Đó là một chiếc lều một phòng nhỏ nhắn, diện tích độ 16x10 feet; ông ta luôn giữ chìa khóa trong người, không muốn cho bất cứ một ai lọt vào đó; ông tự mình dọn dẹp, tự mình trải khăn, trải giường. Trên hai bức tường của ngôi nhà có đục hai cửa sổ nhỏ. Cả hai cửa sổ bao giờ cũng đóng kín mít, có một cửa sổ trông ra con đường làng. Có lần trong căn nhà này đèn thấp suốt đêm, những người qua đường ngạc nhiên tự hỏi: tay Peter đang làm cái gì trong đó? Chính cửa sổ ấy - thưa ngài Holmes đã giúp chúng tôi xác định một vài chi tiết đáng lưu ý trong quá trình điều tra.

Hắn ngài còn nhớ, người thợ đập đá tên là Slater đã đi qua Forest Row vào khoảng một giờ đêm trước khi xảy ra vụ giết người 2 ngày, đã dừng lại trước cơ ngơi của lão Carey, ông ta nhìn theo vệt sáng xuyên qua những đám cây. Anh ta thề là đã trông thấy bóng dáng người đàn ông hiện lên rất rõ trên nền chiếc rèm che cửa sổ. Nhưng đó không phải là bóng của Peter Carey, vì anh chàng Slater biết khá rõ lão Carey này. Người đàn ông kia cũng để râu, nhưng râu người này ngắn hơn, thả xuống chứ không như râu lão Carey. Người thợ đập đá khẳng định như vậy. Cần nói thêm là, trước đó

anh ta đã ngồi trong quán rượu suốt 2 giờ đồng hồ, và khoảng cách từ đường cái tới cửa sổ cũng khá xa. Những điều anh ta nói là vào ngày thứ hai, còn vụ giết người lại xảy ra vào ngày thứ tư.

Thứ ba Peter Carey ở trong tình trạng sợ hãi nhất, lão ta hoàn toàn say mềm, không còn biết gì nữa, lão như một con thú dữ bị thương, thật dữ dằn và nguy hiểm vô cùng. Lão ta đi lang thang quanh nhà; đám đàn bà con gái hề nghe thấy tiếng của lão là chạy vào nhà đóng nhốt cửa lại. Cho đến tối mịt lão ta mới trở về "cabin" của mình. Cô con gái ngủ trong buồng bao giờ cũng mở cửa sổ. Gần hai giờ sáng, từ phía "cabin" bỗng vang lên một tiếng kêu khùng khiếp, cô con gái không lấy đó làm vấn đề quan trọng, vì cho rằng, lão Carey trong lúc say rượu vẫn thường la hét, chửi rủa om sòm. Bấy giờ sáng, sau khi thức dậy người đầy tớ phát hiện ra cánh cửa của ngôi nhà của lão Carey bị mở toang ra, nhưng vì vốn sợ lão cho nên mãi tới trưa vẫn không ai dám bén mảng tới gần chỗ lão ta. Khi nhìn

vào cánh cửa bị mở toang họ trông thấy một cảnh tượng rùng rợn và hoảng sợ đến run người. Họ ba chân bốn cẳng chạy vào làng. Một tiếng đồng hồ sau, tôi có mặt tại hiện trường và bắt tay vào điều tra.

Ngài biết đấy, thần kinh của tôi rất vững, nhưng thú thật tôi cũng thấy choáng váng khi nhìn vào căn nhà bé nhỏ đó. Toàn bộ người lão ta bị một đàn ruồi bu đen kịt; nền nhà, mấy bức tường trông như là một lò sát sinh. Tay thuyền trưởng đã gọi căn nhà này là "cabin" cung không ngoa. Khi bước vào đó, ngài có cảm tưởng như đang ở trên con tàu ở cuối phòng kê một chiếc giường gỗ bé nhỏ; bên cạnh là cái rương, trên mấy bức tường treo đầy những tấm bản đồ đường biển, bức ảnh chụp con tàu "Sea Unicorn"; một chồng họa báo, ảnh về ngành

đóng tàu chất đầy trên giá sách. Tất cả những thứ ấy giống y như buồng chỉ huy của một thuyền trưởng. Trong mớ hỗn độn đó, người thuyền trưởng, khuôn mặt méo xệch, trông như bộ mặt của một tên vi phạm, đang bị hành hạ dưới địa ngục, bộ râu rậm đen láy dựng đứng lên trong cơn vật lộn giãy chết. Bộ ngực nở nang bị chiếc lao bằng thép đâm thủng. Ngọn lao xiên cá đâm suốt cả người và găm sâu vào tường bằng gỗ. Lão Carey bị dính chặt vào bức tường, trông như một con bọ hung bị người ta dùng kim băng găm vào bìa carton. Tất nhiên lão ta bị chết đứng vào giây phút phát ra tiếng gào thét ghê rợn.

Tôi đã làm quen với phương pháp điều tra của ngài, ngay lập tức tôi đem ra ứng dụng. Sau khi ra lệnh cho mọi người giữ nguyên hiện trường, tôi chăm chú xem xét kỹ lưỡng mảnh đất từ bên ngoài cửa, và tấm sàn ở trong phòng. Nhưng không phát hiện được dấu vết gì cả.

- Ngài định nói là ngài không trông thấy dấu vết?
- Thề với ngài, ở đây không hề có một dấu vết nào hết.
- Anh bạn Hopkins thân mến ời, tôi đã từng khám phá, điều tra nhiều vụ án; nhưng chưa bao giờ gặp phải tên tội phạm nào có cánh cả. Một khi kẻ tội phạm đi bằng chân, thì hẳn ta nhất thiết phải để lại ít nhất một dấu vết nào đó. Và người nắm vững các phương pháp điều tra một cách khoa học nhất định sẽ phát hiện ra sự thay đổi không đáng lưu ý nhất trong sự sắp xếp đồ dùng xung quanh. Tôi không thể nào tin vào chuyện trong căn phòng ngập đầy kia lại không để lại những dấu vết có thể giúp chúng ta truy lùng ra chân dung tên tội phạm... Cung

cần nói thêm, từ biên bản điều tra tôi thấy vài ba chỗ thậm chí ngài không chịu chú ý

tới.

Tay thanh tra non trẻ cau mặt lại. Lời nhận xét khá sắc bén của Sherlock Holmes đã làm cho anh ta sáng mắt lên.

- Tôi đã làm một chuyện ngu ngốc, thưa ngài Holmes, là đã không mời ngài tham gia ngay từ đầu vụ án. - Anh ta thú nhận. - Thế nhưng, đến bây giờ vẫn còn khả năng cứu vãn được tình thế. Vâng, trong phòng còn một vài vật đáng chú ý. Bắt

đầu có lẽ từ ngọn lao xiên cá được dùng để giết tên thuyền trưởng. Có người nào đó đã lấy ngọn lao xuống khỏi bức tường. Hai ngọn lao treo trên hai cái móc, còn móc sắt thứ ba bỏ không. Trên cán ngọn lao cá có khắc dòng chữ "SS. Sea Unicorn, Dundee.". Điều đó chứng tỏ, vụ án mạng đã xảy ra trong một cơn tức giận và kẻ giết người đã vơ lấy thứ vũ khí đầu tiên mà hắn vớ được. Còn về việc lão Carey ăn mặc nghiêm chỉnh, đáng hoàng khi mà vụ giết người được thực hiện vào lúc hai giờ sáng, thì chứng tỏ lão Carey đã hẹn gặp gỡ với tên sát nhân. Một chai rượu Rum và hai chiếc ly bần còn nằm trên bàn đã chứng minh cho điều đó.

- Đúng. - Homl đáp, - Hai nhận xét trên của ngài có thể chấp nhận được. Thế ở trong phòng ngoài rượu Rum ra còn loại rượu nào khác không?

- Vâng, có ạ. Trên rương có một chiếc khay, trên đó có hai chai rượu brandy và whisky. Những thứ ấy không có ý nghĩa gì. Cả hai chai còn đầy rượu. Nghĩa là họ chưa đụng đến.

- Dấu sao, sự có mặt của hai thứ rượu kia cũng có một ý nghĩa nhất định nào đó. - Holmes phản lại. Theo ý ngài, còn vật nào ngài thấy có dính líu đến vụ án này?

- Trên bàn còn một túi đựng thuốc lá.

- Chính xác, nằm ở đâu?

- Ở ngay chính giữa bàn. Nó được làm bằng loại da hải cẩu thô và cứng. Bên trong có đề hai chữ cái "P.C". Trong túi còn độ một nửa ounce[1] thuốc lá loại nặng mà các thủy thủ thường dùng.

- Rất tuyệt. Còn gì nữa không?

Stanley Hopkins lôi trong túi ra một quyển sổ ghi chép bìa vàng xám. Tầm bìa đã bị rách nham nhở, còn những trang giấy ghi chép bên trong đã bị vàng ố và bạc màu. Ngay trên trang đầu đề có mấy chữ viết tắt "J. H. N." và năm "1883".

Holmes đặt quyển sổ xuống bàn và bắt đầu quan sát tỉ mỉ. Trong lúc đó tôi và Hopkins nhìn qua vai anh. Trên trang thứ hai chúng tôi trông thấy mấy chữ cái "C. P. R.,"; tiếp theo trang 2, ba trang sau toàn là những con số chằng chịt. Ở những trang khác ghi mấy chữ "Argentine,", "Costa Rica,", "Sao Paulo" và tiếp theo là những cột chữ số và những dấu hiệu nào đó.

- Ngài có suy nghĩ gì về những dòng ghi chép này? Holmes hỏi.

- Dường như đó là ghi chép của công ty giao dịch. Tôi cho chữ "J.H.N" là chữ viết tắt của người giao dịch viên, còn "C.P.R" có lẽ là tên của người bạn hàng anh ta.

- Hoặc chữ "C.P.R" có nghĩa thế này "Canadian Pacific Railway," - Holmes có ý kiến khác.

Stanley Hopkins lăm bắm và tự vỗ vào trán mình.

- Tôi mới ngốc nghếch làm sao! - Anh ta thốt lên. - Tất nhiên ngài nói đúng. Bây giờ chúng ta chỉ còn nhiệm vụ giải mã mấy chữ "J.H.N". Tôi đã xem xét tất cả những giấy tờ lưu trữ của công ty trong năm 1883. Tôi không tìm thấy một người giao dịch nào có tên với những chữ cái như thế kia. Dấu sao tôi cũng đã chọn đúng hướng. Thật ra thưa

ngài, hoàn toàn có khả năng đó là chữ viết tắt của người đã đến thăm lão Carey trong đêm khuya hôm ấy. Nói cách khác, đó là tên của kẻ giết người chẳng? Còn quyển sổ tay này, trong đó liệt kê nhiều giấy tờ giá

trị như vậy có thể giúp chúng ta tìm ra những nguyên nhân, động cơ dẫn tới vụ án mạng.

Dựa theo nét mặt của Sherlock, tôi thấy rõ một điều là anh hoàn toàn bị bất ngờ với sự phát hiện mới mẻ này.

- Tôi sẵn sàng thừa nhận những nhận xét của ngài có giá trị, - Anh nói. - Cuốn sổ ghi chép này trong biên bản điều tra không thấy nói đến, nên phần nào đã làm thay đổi nhận định ban đầu của tôi. Trong giả thuyết về vụ án của tôi không có chỗ cho nó. Còn ngài định đi tìm kiếm những chủ nhân của mấy tờ giấy giá trị này phải không?

Holmes tiếp tục xem xét tấm bìa của cuốn sổ dưới chiếc kính lúp phóng đại.

- Ở đây có một vết bẩn, - anh lên tiếng.

- Vâng, thưa ngài đó là vết máu. Tôi đã nói với ngài là cuốn sổ được nhặt từ dưới sàn nhà.

- Vết máu dính ở mặt trên hay mặt dưới?

- Ở mặt dưới nằm dí dưới sàn nhà.

- Nghĩa là, quyển sổ này rơi xuống nền nhà sau khi xảy ra vụ giết người.

- Đúng vậy, thưa ngài Holmes. Tôi nghĩ kẻ giết người trong lúc vội vàng đã đánh rơi nó. Cuốn sổ nằm ngay chỗ cửa ra vào.

- Có khả năng... Ngài có tìm thấy một tờ nào trong số những giấy tờ giá trị kia trong đồng tài sản của kẻ bị chết hay không?

- Không thấy, thưa ngài.

- Ngài có đủ cơ sở để nghi rằng đây là một vụ cướp bóc hay không?

- Thưa ngài không, dường như không có vật gì bị cướp đi.

- Có trời mới biết được! Trường hợp này thú vị thật ở đây có con dao hủ?

- Con dao còn nằm trong vỏ, người ta không kịp rút nó ra. Nó nằm ngay dưới chân kẻ bị giết. Bà vợ người quá cố nói rằng con dao này là của chồng

Holmes trầm ngâm suy nghĩ:

- Thôi được, - anh đáp, - tôi nghi, có lẽ tôi phải đi đến đó và xem xét tại chỗ.

Stanley Hopkins vui sướng thốt lên:

- Cảm ơn ngài! Điều đó sẽ gỡ bớt được gánh nặng trên người tôi.

Holmes dí ngón tay dọ dọ viên thanh tra:

- Mọi việc sẽ đến giản hơn rất nhiều, nếu như được giải quyết cách đây một tuần. -

Anh nói. - Nhưng cho đến bây giờ cuộc thăm viếng của tôi vẫn có thể mang lại một ích lợi nào đó cho vụ án. Watson, nếu cậu không bận việc gì, thì tớ thật sung

sướng được ra đi với cậu. Hopkins, ngài đi gọi ngay xe ngựa, chúng ta sẽ cùng đi đến Forest Row trong nửa giờ nữa.

Sau khi xuống một trạm xe nhỏ bé, chúng tôi còn phải đi tiếp vài ba dặm nữa trên một con đường xuyên qua cánh rừng rậm rạp. Khu vực khi ho cô gáy này, trong một thời gian dài 60 năm là những pháo đài của Anh Quốc. Những khu rừng bát ngát đã bị đốn trụi, bởi ở đây đã mọc lên những nhà máy luyện gang thép đầu tiên trong nước; để nấu quặng thì cần gì tới rừng. Ngày nay, nền công nghiệp đã chuyển về những vùng giàu có của miền Bắc, chỉ có cánh rừng là đã bị thừa đi, và những rãnh, luống đồ sộ còn in dấu nằm lại trên mặt đất, như nhắc nhở chúng ta nhớ về một thời sôi động đã qua.

Trong một khoảng trống trên triền dốc xanh rì của ngọn đồi là một dãy nhà dài, xây bằng những tảng đá không được gọt giũa, có một con đường quanh co uốn khúc dẫn tới ngôi nhà. Con đường này hắt lên lấp

lánh giữa những cánh đồng Gần con đường, từ ba phía bị những bụi cây sum suê bao kín, một chiếc lều bé nhỏ trơ trọi ở đó, quay cửa sổ và cửa ra vào như tò mò ngắm nhìn những kẻ qua đường. Chính ở đây đã xảy ra vụ giết người.

Stanley Hopkins dẫn chúng tôi vào nhà giới thiệu với một người đàn bà tóc bạc trắng đang cau có - bà vợ góa của kẻ quá cố. Một khuôn mặt phờ phạc, những nếp nhăn sâu hoắm và cái nhìn đầy kinh hãi của cặp mắt sưng húp cùng với hàng mi mọng đỏ chứng tỏ bà ta đã phải trải qua những năm tháng đầy tủi nhục và đắng cay uất hận. Cô con gái, một cô gái tóc vàng, vóc dáng xanh xao, hừng hực cặp mắt lấp lánh, tuyên bố cô ta rất sung sướng vì cái chết của người cha; và rất đội ơn đôi bàn tay của ai đó đã đem đến cái chết cho ông ấy. Peter Carey đã gây

nên một không khí ngột ngạt, sợ hãi trong gia đình. Chúng tôi cảm thấy dễ chịu khi đi dưới bầu trời tự do trên con đường mòn dẫn ngang qua cánh đồng do thuyền trưởng quá cố đã tạo nên. Ngôi nhà được xây dựng quá sơ sài, vật liệu toàn bằng gỗ với hai mái gỗ nhẹ và hai cửa sổ, một cửa sổ nằm ngay bên cạnh

cửa chính, còn cửa sổ kia nằm đối diện. Stanley Hopkins lấy ra chiếc chìa khóa và tra vào ổ khóa. Bỗng nhiên anh ta dừng lại, trên nét mặt lộ rõ sự ngạc nhiên sững sờ và chăm chú căng thẳng.

- Có ai đó muốn nạy ổ khóa này. - Anh ta nói. - Điều này không còn nghi ngờ gì nữa.

Cánh cửa bị cào xước, những vết xước trắng hiện lên khá rõ trên lớp sơn, dường như có một người nào đó vừa mới cào vào.

Holmes nhìn vào cửa sổ:

- Cánh cửa sổ cũng bị ai đó cố tình mở, nhưng rõ ràng là không mở được. Điều này chứng tỏ kẻ cạy cửa không phải là một tay thuộc loại chuyên nghiệp.

- Chuyện này thật kỳ cục. - Viên thanh tra nói. - Tôi có thể khẳng định với ngài, tối hôm kia những vết này chưa hề có.

- Hay là một kẻ ngổ nào đó trong làng ra đây vì tò mò cũng nên? - Tôi thử đề xuất ý kiến.

- Không thể như thế đâu. Trong trường hợp vừa xảy ra vụ chết chóc, hiếm có người dám lảng vảng ghé đến sân ngôi nhà, chứ chưa nói chuyện cả gan dám cạy khóa căn phòng "cabin". Những kẻ gan dạ như vậy khó tìm lắm. Còn ngài, ngài nghi gì về sự việc này thưa ngài Holmes?

- Tôi cho là chúng ta đã gặp may.

- Ngài cho rằng người ấy sẽ quay lại đây lần nữa hay sao?

- Rất có khả năng. Hẳn ta đã dùng con dao nhíp nhỏ xíu để cạy cửa, cái đó không giúp gì cho hấn, hấn ta sẽ làm gì bây giờ?

- Tối hôm sau sẽ trở lại với một dụng cụ thích hợp hơn.

- Ngài nói đúng. Thật là ngốc, nếu chúng ta không ngồi chờ hấn ở đây. Bây giờ ngài cho phép tôi được ngắm nhìn "ca bin" bên trong.

Những vết tích của chuyện tang thương đã được dọn dẹp, nhưng giường, bàn ghế kê trong phòng vẫn để y nguyên chỗ cũ; như đêm xảy ra vụ giết người. Trong vòng 2 giờ, Holmes đã xem xét tỉ mỉ từng vật một, nhưng dựa theo nét mặt của anh có thể đoán công cuộc tìm kiếm này không mang lại kết quả gì. Chỉ một lần anh dừng công việc

điều tra tỉ mỉ của mình lại.

- Hopkins, ngài có lấy một vật gì để trên giá sách hay không?

- Không, tôi không hề đụng tới một vật gì hết.

- Nếu vậy, ở đây có cái gì đã bị lấy đi, trong góc giá sách ở chỗ kia bụi bám hơi ít hơn một chút. Có lẽ có một quyển sách hay một cái hộp nào đó đã nằm ở đấy... Thôi tạm đủ. Chúng ta hãy đi dạo trong khu rừng tuyệt diệu này, để cùng nhau thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên, ngắm chim, ngắm hoa. Hopkins chúng ta sẽ gặp lại ở đây, không hiểu tới nay chúng ta có được hân hạnh làm quen với anh chàng nọ khóa kia hay không?

Đúng 12 giờ khuya, chúng tôi tổ chức một cuộc phục kích. Hopkins thì muốn để trống cửa không có khóa, nhưng Hollnes lại lo ngại chuyện đó sẽ làm cho kẻ kia đề phòng, bởi ổ khóa không phức tạp cho lắm, chỉ cần một con dao chắc chắn một chút là có thể cạy được. Holmes cũng đề nghị chúng tôi không nên ngồi trong nhà phục kích, mà ngồi bên ngoài, dưới những lùm cây mọc cạnh cánh cửa sổ thứ hai. Bằng cách đó chúng tôi có thể theo dõi truy kích kẻ kia. Nếu như hắt thắp đèn lên thì chúng tôi dễ dàng biết được mục đích nào dẫn hắt tới đây. Cuộc chờ đợi quả là căng thẳng và kéo dài hành hạ chúng tôi. Thần kinh run lên bần bật như một người thợ săn run rẩy khi ngồi rình con mồi thú đang bị cái khát dày vò, tìm đến con suối để uống nước. Con mồi thú nào sẽ xuất hiện ở đây? Một con hổ dữ với những chiếc răng bén ngọt, hay là một con chó núi nhút nhát, chỉ dám tấn công những con vật yếu đuối và không có khả năng tự vệ?

Chúng tôi ngồi núp trong bụi cây, hoàn toàn im lặng. Lúc đầu tiếng bước chân của những người đi dạo muộn vọng đến chỗ chúng tôi ngồi, nhưng rồi những âm thanh ấy cũng im bật. Cuối cùng cả không gian im ắng đến ghê sợ bao trùm lên chúng tôi. Chỉ còn tiếng gõ của chiếc đồng hồ nhà thờ như nhắc nhở chúng tôi thời gian đang trôi qua. Con mưa nhỏ đang nhỏ giọt xuống những cành lá làm mái che mưa cho chúng tôi.

Tiếng chuông báo hiệu đã 2 giờ 30 sáng điểm giống giả. Cái giờ tối tăm mịt mù lạnh lùng nhất của buổi bình minh sắp bắt đầu. Bất ngờ chúng tôi giật thót người, toàn thân bỗng lạnh toát khi nghe thấy tiếng kêu răng rắc tuy khẽ, nhưng khá rõ từ cánh cổng bằng gỗ. Có một người nào đó đang đi theo con đường mòn. Sự im lặng kéo dài lại bao phủ. Tôi nghi đó là dấu hiệu giả. Thành linh từ sau ngôi nhà vang lên tiếng những bước chân rón rén, thận trọng; lát sau tiếng kêu leng keng của kim khí vang lên. Người này định cạy cửa! Lần này anh ta hành động có vẻ khéo léo hơn, cũng có thể dụng cụ trong tay anh ta tốt hơn. Sau đó vang lên tiếng động và hình như cái khoé của ổ khóa bị bật ra. Người này bật diêm lên, ánh lửa của ngọn nến chiếu sáng khắp căn phòng. Qua lớp rèm mỏng manh,

chúng tôi trông thấy tất cả những gì xảy ra bên trong.

Người khách ban đêm là một gã đàn ông trẻ tuổi trông gầy gò, ốm yếu. Bộ ria mép đen nhánh làm nổi bật bộ mặt nhợt nhạt chết chóc của anh ta. Anh ta trên dưới 20 tuổi. Tôi chưa thấy người này rơi vào tình trạng thảm thương như thế bao giờ. Anh ta há hốc mồm giờ cả hàm răng ra có lẽ vì quá lo sợ, toàn thân anh ta run lên bần bật. Anh ta ăn bận rất lịch sự, đứng đắn, một chiếc áo bludông túi chéo may bằng loại dạ tốt; chiếc quần thể thao ngắn cun cợn, đầu đội một chiếc mũ nỉ. Chúng tôi thấy anh ta ngơ ngác lo lắng nhìn xung quanh, sau đó, đặt cây

nến xuống bàn, khuất một góc. Từ góc đó, anh ta cầm lên một cuốn sách - đó là tập họa báo đóng tấu. Cúi người xuống sát bàn, anh ta lật nhanh từng tờ cho đến khi nhìn

thấy dòng chữ mà anh ta cần tìm. Đến lúc đó anh ta tức giận đâm xuống cuốn tạp chí, rồi đặt nó và chỗ cu và tắt nến.

Anh ta chưa kịp xoay người chạy ra khỏi cổng thì đã bị Hopkins chặn lấy áo. Tôi nghe thấy tiếng kêu dữ dội, đầy sợ hãi, tuyệt vọng. Kẻ bề khóa đã hiểu rằng: anh ta đã bị bắt. Chúng tôi thấp đèn lên. Anh ta run rẩy, quần quai trong gọng kìm của người thám tử.

- Anh bạn yêu quý, - Hopkins lên tiếng, - Ngài là ai và ngài đến đây làm gì?

Chàng thanh niên cố gắng trấn tĩnh lại.

- Các ngài có phải là những thám tử? - Anh ta hỏi lại. - Các ngài nghi rằng tôi có dính líu tới cái chết của thuyền trưởng Peter Carey? Xin thề với các ngài chuyện này tôi không hề dính líu tới.

- Điều đó sẽ được xác minh sau, - Hopkins đáp. - Trước hết ngài cho biết quý danh?

- John Hopley Neligan.

Tôi nhận thấy Holmes và Hopkins đưa mắt nhìn nhau.

- Ngài cần gì ở đây?

- Tôi có thể tin rằng các ngài sẽ không tiết lộ điều bí mật của tôi?

- Nhất định sẽ phải tiết lộ, chứ biết làm sao!

- Vậy lý lẽ nào buộc tôi phải nói?

- Nếu ngài không nói, ngài sẽ gặp khó khăn ở tòa.

Chàng thanh niên giật bắn người.

- Vậy thì tôi sẽ nói, - Anh chàng nhượng bộ. - Tại sao phải giấu giếm nhỉ? Nhưng tôi thấy kinh tởm với ý nghi là câu chuyện ô danh ngày xưa bị đưa ra cho thiên hạ chê cười. Có bao giờ các ngài nghe thấy ai nói về Dawson và Neligan chưa?

Dựa trên nét mặt của Hopkins, tôi hiểu là anh ta không hay biết gì về chuyện ấy; còn Holmes sôi nổi hẳn lên và đáp:

- Ngài định ám chỉ những ông chủ của nhà băng miền tây phải không? Họ đã bị phá sản hàng triệu bạc; làm khánh kiệt hết nửa bang Cornwall và ngài Neligan đã biệt tích.

- Đúng như vậy. Neligan, đó là cha tôi.

- Cuộc vỡ nợ thực tế chỉ liên quan tới một mình cha tôi. Ông Dawson đã từ bỏ công việc khá lâu. Lúc bấy giờ tôi mới 10 tuổi, nhưng tôi cũng đủ khôn để cảm thấy nỗi tủi nhục và nỗi sợ hãi hùng cho cơ sự đã xảy ra. Mọi người đều cho cha tôi đã vợ vét tất cả giấy tờ quý giá rồi bỏ chạy. Điều đó không đúng sự thật. Cha tôi tin chắc một điều, nếu người ta gia hạn cho ông một khoản thời gian để kịp đổi chứng khoán lấy tiền, thì mọi việc dứt khoát sẽ trôi chảy và ông sẽ thanh toán đầy đủ chu tất cho những người gửi tiền. Cha tôi đã ra đi trên một chiếc thuyền nhỏ để đến Na Uy trước khi đi lệnh bắt ông được ban bố. Tôi vẫn còn nhớ cái đêm cuối cùng khi cha tôi chia tay mẹ tôi, ông có để lại cho chúng tôi một bản thống kê những giấy tờ chứng khoán mà ông đã mang theo. Ông thề rằng nhất định sẽ khôi phục danh dự lại cho mình và sẽ không để cho một ai trong số những người tín nhiệm mình phải chịu cảnh đau khổ, thiệt thòi. Từ đó đến nay chúng tôi không hề được tin tức gì về người cha xấu số nữa. Cả chiếc thuyền và cha tôi đều mất tích một cách bí ẩn. Tôi và mẹ tôi đều tin chắc rằng, cha tôi đã an nghỉ vĩnh viễn dưới đáy đại dương. Chúng tôi có một người bạn rất trung thành, một người đã có mối liên hệ công việc trước kia với cha tôi. Cách đây không lâu, ông ta đã cho tôi hay, một số giấy chứng khoán do cha tôi giữ ngày trước đã xuất hiện trên thị trường London. Các ngài có thể tưởng tượng nổi sự sốt ruột của chúng tôi như thế nào không? Tôi đã mấy tháng trời rờn rã để lần theo các dấu vết các tờ chứng khoán kia

và cung đã ném nhiều mũi thất bại, gặp không ít nỗi gian truân vất vả. Cuối cùng tôi đã xác định được những tờ chứng khoán kia là do thuyền trưởng Peter Carey chủ nhân của ngôi nhà nhỏ này bán ra. Tất nhiên, tôi đã tiến hành tìm hiểu về ông ta. Tôi được biết ông ta đã chỉ huy chiếc tàu săn cá voi trên đường quay về đúng vào lúc cha tôi trên đường đi Na Uy. Mùa thu năm ấy thời

tiết khá xấu trên biển hay xuất hiện những cơn bão bất ngờ. Có lẽ chiếc thuyền của cha tôi đã bị trôi dạt về phương bắc, ở đó con tàu của thuyền trưởng Peter Carey đã bắt gặp nó. Nếu đúng như vậy, thì cha tôi đã bị biến mất đi đâu? Nếu ông Peter Carey có thể làm sáng tỏ cho tôi hiểu được tại sao những tờ chứng khoán kia lại xuất hiện trên thị trường, thì tôi sẽ có đầy đủ khả năng để chứng minh là cha tôi đã không hề đem bán những tờ chứng khoán kia, ông đã mang theo nó không nhằm một mục đích tu lợi nào hết.

Tôi đã đi đến Sussex với hy vọng gặp được người thuyền trưởng, nhưng vào đúng thời điểm ấy ông ta đã gặp một cái chết thật khủng khiếp. Trong biên bản điều tra, tôi đã đọc được đoạn mô tả căn phòng "ca bin" của ông ta, ở đấy có nói tới những tờ tạp chí, ảnh cu về ngành hàng hải. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, nếu tôi may mắn đọc được những tờ tạp chí kia thì có thể sẽ biết được điều gì đã xảy ra trên chiếc tàu "Sea Unicorn" của tháng 8 năm 1883; qua đó tôi sẽ biết được số phận bí hiểm của cha tôi. Đêm hôm qua, tôi đã định vào nhà để xem những tờ tạp chí, nhưng không tài nào mở được cánh cửa. Hôm nay việc làm của tôi đạt kết quả hơn, nhưng tôi đã phát hiện ra là những trang giấy có hên quan đến tháng ấy đã bị xé mất. Sau đó thì các ngài đã tóm gáy tôi.

- Chỉ có thể thôi ư? - Hopkins hỏi.

- Vâng, mọi việc chỉ có thế. - Cặp mắt của chàng thanh niên lướt nhanh lên nhìn chúng tôi, sau khi trả lời xong câu hỏi.

- Ngài còn gì để nói nữa không?

Chàng thanh niên lưỡng lự.

- Xin hết ạ.

- Trước đêm hôm qua ngài đã đến đây lần nào chưa?

- Chưa ạ.

- Thế ngài định giải thích việc này ra sao? - Hopkins quát lên và chìa ra cho chàng thanh niên cuốn sổ tay với những chữ viết tắt tên họ của người thanh niên, và có vết máu dính ở bìa quyển sổ.

Cậu ta hoảng hốt và lấy tay che kín mặt lại.

- Ngài nhặt được cuốn sổ này ở đâu? - Anh ta rên rỉ. - Thế mà tôi không hay biết... Tôi cứ nghĩ là đánh mất ở khách sạn.

- Đủ rồi! - Hopkins lạnh lùng đáp. - Nếu ngài còn muốn nói điều gì, thì để ra tòa hăng nói tiếp. Còn bây giờ hãy cùng tôi đến sở cảnh sát... Ngài Holmes, tôi vô cùng ơn ngài và bạn của ngài đã quá bước đến đây để giúp đỡ tôi. Có lẽ sẽ không cần sự có mặt của ngài ở tòa án làm gì. Tôi sẽ tự giải quyết công việc cho đến cuối, không cần đến ngài nữa. Những dấu sao tôi cung đội ơn ngài rất nhiều. Ở Khách sạn Brambletye người ta đã dành cho hai ngài hai phòng, vậy chúng ta có thể cùng nhau đến đó nghỉ đêm nay.

- Watson, cậu nghi như thế nào về tất cả chuyện này? - Holmes hỏi, khi chúng tôi trên đường quay về vào sáng hôm sau.

- Tớ trông cậu có vẻ không hài lòng cho lắm thì phải?

-Ồ! Không đâu, Watson thân mến. Tớ hoàn toàn hài lòng, nhưng tớ không thể khen anh chàng Stanley Hopkins được, cách thức của anh ta không thể nào chấp nhận được. Tớ lấy làm buồn lòng cho anh ta. Tớ mong đợi ở anh ta nhiều hơn thế kia. Thông thường bao giờ cũng có đáp số thứ hai, và cần phải tìm cho ra cái đáp số ấy. Đó là nguyên tắc đầu tiên của công tác điều tra hình sự.

- Đáp số thứ hai là đáp số nào vậy?

Điều này đang nằm trong nguyên lý phá án của chính bản thân tớ. Có thể nó không mang lại kết quả gì. Tớ không thể nói cho cậu một điều gì được nhưng tớ sẽ tiến hành theo con đường đó đến cùng.

Tại hẻm Baker có vài bức thư đang đợi Holmes. Anh chộp lấy một lá thư, bóc ra và hoan hỉ cười lớn tiếng:

- Watson, thật tuyệt! Phương án thứ hai bắt đầu. Chúng mình còn mẩu in sẵn để đánh điện hay không? Cậu hãy ghi cho mình bức điện với nội dung sau đây: "Gởi ngài Sumner – Đại lý hàng hải, đại lộ Ratcliff - Gởi cho tôi ba người, có mặt vào mười giờ sáng ngày mai. - Basil". Basil là tên của tớ ở ba vùng. Bức điện thứ hai: Thanh tra Stanley Hopkins, 46 phố Lord, Brixton. Hãy đến vào ngày mai, 10 giờ 30, dùng bữa cơm sáng. Quan trọng. Nếu không đến được, hãy đánh điện báo ngay. - Sherlock Holmes. "...Watson, đồ quỷ quái này theo đuổi tớ suốt 10 ngày ròng rã, bây giờ tớ muốn bứt ra khỏi vòng tay siết chặt của nó. Ngài mai, tớ hy vọng chúng ta sẽ kết thúc chuyện này - Vinh viễn kết thúc".

Chính xác đúng giờ hẹn, tay thanh tra Hopkins xuất hiện và cả ba chúng tôi cùng ngồi vào bàn ăn thịnh soạn do bà Hudson dọn lên. Viên thanh tra trai trẻ hoan hỉ trước thắng lợi ban đầu của mình.

- Ngài hoàn toàn tin tưởng vào lời lý giải của mình là đúng phải không? - Holmes nói.

- Còn sao nữa! Trường hợp này rõ như ban ngày.

- Theo tôi, vụ này chưa phải là kết thúc.

- Ngài làm cho tôi ngạc nhiên đấy, thưa ngài Holmes! Ngài còn định đòi hỏi những gì ở tôi nữa?

- Không lẽ lời lý giải của ngài đã bao hàm tất cả các mặt của vấn đề?

- Không nghi ngờ gì nữa. Tôi được biết là anh bạn trẻ Nhehgan đã đi đến khách sạn Brambletye đúng vào ngày đã xảy ra vụ án. Anh ta đi đến đó giả vờ như là người đi chơi golf. Phòng của anh ta nằm ở gác một và anh ta có thể bỏ đi, một khi anh ta muốn. Trong đêm hôm ấy anh ta đã đi đến Woodman's Lee, và đã gặp lão Peter Carey, sau đó hục hặc với lão kia, rồi dùng ngọn lao để giết chết lão ta. Vì kinh sợ bàn tay nhuộm máu của mình, anh ta bỏ chạy và đã đánh rơi quyển sổ tay. Anh ta mang cuốn sổ theo vì muốn đối chiếu những tờ chứng khoán ở nơi tay Peter Carey. Ngài có lẽ đã phát hiện một số dòng ghi trong cuốn sổ được đánh chữ thập? Đó là những chứng khoán đã bị đem bán ra trên thị trường London. Nhưng phần lớn số ấy còn nằm trong tay Carey. Anh chàng Neligan, theo như anh ta thú nhận, đã mơ tưởng muốn chiếm lại những thứ ấy, hy vọng sẽ thanh toán nợ nần cho người cha. Sau khi bỏ chạy một thời gian anh ta không đủ can đảm để quay lại, nhưng cuối cùng đã quyết định nắm thêm một số tin tức cần thiết nên đã quay lại. Đơn giản và dễ hiểu, có đúng như vậy không?

Holmes cười và lắc đầu.

- Tôi thấy trong giả thiết của ngài có một thiếu sót: giả thiết ấy hoàn toàn khó có thể tin. Có bao giờ cậu thử dùng ngọn lao để xiên qua một xác người chưa? Chưa hả? Ngài

nên chú ý đến chi tiết quan trọng này. Anh bạn Watson của tôi có thể kể cho ngài biết việc tôi mỗi buổi sáng đã luyện tập công việc ấy như thế nào. Đây không phải là một việc nhẹ nhàng, mà cần phải có một cánh tay khỏe mạnh, lực lưỡng và rèn luyện thử thách nhiều. Tay thuyền trưởng đã bị giáng một đòn khá mạnh đến nỗi ngọn lao cắm sâu vào tường, sau khi đã xuyên thủng cả thân hình Carey. Chẳng lẽ ngài cho rằng anh chàng ốm yếu kia có đủ sức gây nên một đòn kinh khủng như thế? Kẻ trong đêm khuya vắng đã cùng với lão Peter Carey uống rượu rum là ai? Hình bóng của người nào đã in trên bức rèm trước đó hai ngày? Hopkins, chúng ta nên tìm kẻ nào đó còn đang ẩn náu, nguy hiểm hơn.

Trong lúc Holmes nói, khuôn mặt của tay thám tử ngày càng giãn ra. Tất cả những tính toán và niềm hy vọng của anh ta đã bị sụp đổ. Nhưng anh ta không để gì chịu đầu hàng.

- Ngài không thể bác bỏ được, thưa ngài Holmes, việc anh chàng Neligan đã có mặt trong đêm hôm ấy; chứng minh hùng hồn là cuốn sổ tay bị đánh rơi. Theo tôi nghĩ, đối với tòa, bấy nhiêu thôi cũng đủ lắm rồi; mặc dù trong giả thiết có đôi chỗ chưa chắc chắn, theo như ngài nghĩ. Cái chính là tên tội phạm của tôi đã bị tóm, còn kẻ "tội phạm nguy hiểm" của ngài, tôi không trông thấy ở đâu cả.

- Tôi nghĩ rằng, tên giết người bây giờ đang bước lên cầu thang nhà tôi, - Holmes bình tĩnh đáp, - Watson, tôi cảm thấy là cậu nên chuẩn bị sẵn khẩu súng lục, - Holmes đứng lên và đặt tờ giấy xuống bàn. - Mọi việc đã chuẩn bị xong xuôi, chúng ta sẵn sàng hành động. - Anh nói thêm.

Những giọng nói sỗ sàng, thô tục vang lên sau đánh cửa. Bà Hudson mở cửa ra và nói với Holmes có ba người đàn ông muốn gặp thuyền trưởng Basil.

Hãy cho từng người một lên gặp tôi, - Anh trả lời.

Người đầu tiên bước vào là một người bé thấp tròn lẳn, cặp má ửng hồng, bộ râu quai nón rậm ri đã bạc. Holmes lấy ra một bức thư.

- Ngài cho biết quý danh? - Anh hỏi.

- James Lancaster.

- Tôi lấy làm tiếc thưa ngài Lancaster, nhưng chỗ này đã có người nhận làm rồi. Gởi ngài ít tiền vì đã làm phiền đến ngài. Ngài hãy ghé qua ngồi đợi ở phòng bên cạnh một lát.

Người thứ hai trông cao lớn như cây sào, bộ tóc lảng mượt, bộ mặt trông rất ốm yếu. Ông ta tên là Hugh Pattins, ông ta cũng chỉ nhận được một lời chối từ và ít tiền cùng với một lời khuyên chờ đợi.

Người thứ ba có ngoại hình hoàn hảo. Bộ tóc chổi rẽ và bộ râu cứng bao trùm lấy bộ mặt dữ tợn trông như bộ mặt của con chó bull. Cặp mắt nâu can đảm lấp lánh dưới cặp lông mày cứng rậm. Hắn ta chào xong và đứng đó trong tư thế của người đi biển, chiếc mu bị vò nát trong tay.

- Tên anh là gì? - Holmes hỏi.

- Patrick Cairns.

- Thợ xiên cá phải không?

- Vâng, 26 năm kinh nghiệm

- Ở Dundee à ?

- Vâng, thưa ông.

- Ngài có đồng ý phục vụ trên tàu thám hiểm không?

- Vâng, thưa ngài. Lương hưởng thế nào?
- Tám bảng trong một tháng. Ngay bây giờ có thể xuất hành được hay không?
- Nếu nhận xong những trang bị đồ nghề là tôi đi ngay.
- Giấy tờ có mang theo người không?
- Vâng, có đây.

Hắn ta lấy ra mớ giấy má đã nhàu nát, Holmes xem xong trả lại cho hắn.

- Tôi cần con người như thế này. - Anh nói. - Bản giao kèo nằm trên bàn kia. Hãy ký vào đây.

Tay thủy thủ khệnh khạng bước ngang qua căn phòng và cầm lấy bút.

- Ký vào đây phải không? - Hắn ta hỏi và cúi xuống sát bàn.

Holmes ghé sát vào vai hắn và đưa tay ra kéo cổ hắn lên.

- Bây giờ mọi việc đều ổn thỏa, - Anh nói.

Tôi nghe thấy tiếng "keng" của kim khí, và tiếng gào thét của con bò mộng giã giũa. Trong lúc ấy cả Holmes và tên thủy thủ không buông nhau ra, lộn nhào mấy vòng trên nền nhà. Tay thủy thủ quả có một sức lực phi thường. Thậm chí đã bị Holmes còng khóa số tám, hắn ta vẫn đủ sức để quật lại Holmes. Nhưng tôi và Hopkins đã chạy lại giúp sức, chỉ đến khi nòng súng lạnh toát của tôi kề vào thái dương hắn mới chịu hiểu ra là chống cự cung vô ích. Chúng tôi dùng dây trói chân hắn, rồi đứng lên thở hổn hển vì cuộc vật lộn.

- Tôi phải xin lỗi ngài Hopkins. - Holmes lên tiếng – Món trứng lacooc, tôi e rằng đã nguội mất. Nhưng tôi nghĩ rằng kết quả mỹ mãn của vụ án sẽ làm cho ngài cảm thấy ngon miệng?

Stanley Hopkins bỗng ngây người, bàng hoàng sửng sốt và đầy bất ngờ.

- Nói chuyện ấy làm gì nữa! - Anh ta lúng búng trong miệng và cảm thấy xấu hổ đỏ cả mặt. - Tôi là một kẻ ngu dốt, bất tài. Không bao giờ tôi quên rằng mình chỉ là một học trò của ngài, còn ngài là một người thầy vĩ đại của tôi. Thậm chí cho đến bây giờ, khi được chứng kiến kết quả của ngài, tôi vẫn không thể hiểu nổi ngài đã tiến hành như thế nào và ý nghĩa ra sao?

- Thôi được, - Holmes độ lượng đáp. - Chúng ta sẽ cùng nhau rút kinh nghiệm trong mỗi sai lầm của mình. Giờ đây ngài nên ghi xương khắc cốt không bao giờ coi thường phương án hai. Ngài đã bị anh chàng Neligan làm cho choáng ngợp, nên không bao giờ còn nhìn thấy tên Patrick Cairns. Ngài thỏa mãn khá sớm nên mới quên kẻ giết chết lão Peter Carey.

Giọng khàn khàn của tay thủy thủ ngắt lời Holmes:

- Ngài hãy nghe đây! Tôi không hề thương xót và trách cứ về việc các ngài đã đối xử thô bạo với tôi nhưng dẫu sao cung nên gọi những sự kiện theo đúng tên của nó. Ngài nói "kẻ giết chết Peter Carey", tôi đính chính lại tôi giết lão ta chỉ vì để tự vệ. Điều này khác nhau khá xa đấy. Có thể, các ngài không tin tôi? Có thể các ngài cho là tôi đom đặt bịa chuyện?

- Không hề có, - Holmes đáp. - Chúng tôi sẵn sàng nghe tất cả những gì mà ngài định nói.

- Tôi sẽ nói ngắn gọn. Có trời làm chứng, những điều tôi nói ra đều là sự thực. Tôi đã biết Peter Carey. Khi hắn ta cầm lấy con dao, tôi chớp ngay lấy ngọn lao, bởi tôi hiểu một trong hai chúng tôi phải có kẻ chết. Vậy là hắn đã chết, như vậy có thể gọi tôi là kẻ sát nhân? Đối với tôi cái chết không có nghĩa lý gì hết. Nhưng tôi thích được lên thiên

đàng bằng sợi dây treo cổ hơn bằng con dao do chính tay thằng Peter hắc ám đâm vào tim.

- Làm thế nào mà ngài lại lọt được vào nhà ông ta? - Holmes hỏi.

- Tôi sẽ kể tất cả theo thứ tự. Cho tôi được ngồi xuống, như vậy nói sẽ dễ hơn. Chuyện xảy ra vào tháng 8 năm 1883. Hồi đó Peter Carey là ông chủ của con tàu "Sea Unicorn" còn tôi chỉ là tay lao dục phòng của lão ta. Chúng tôi đã vượt qua những đám băng dày đặc và trên đường quay về một cơn gió ngược đã

vỗ mạnh vào tàu chúng tôi; cơn bão kéo dài suốt một tuần không ngớt. Bất ngờ chúng tôi chạm phải một chiếc thuyền con: Chiếc thuyền bị trôi dạt về phương bắc. Trên thuyền chỉ vền vẹn có một người: người đó không phải là một thủy thủ. Những người còn lại có lẽ cho rằng chiếc thuyền sẽ bị chìm nên đã xuống hết xuống cấp cứu, hy vọng ghé vào bờ biển Na Uy. Chắc rằng họ đã chết hết. Chúng tôi đã kéo người kia lên tàu của mình. Bọn thủy thủ bàn tán xôn xao trong ca bin của thuyền trưởng khá lâu. Toàn bộ hành lý của người kia được vớt lên tàu vền vẹn chỉ có một hộp sắt tây. Theo tôi biết thì tên người đó chúng tôi không ai rõ. Đến đêm hôm sau, người đó bỗng mất tích giống như là anh ta chưa hề có mặt ở đây. Mọi người bàn tán, có lẽ anh ta bị rơi xuống biển hoặc tự anh ta nhảy xuống. Vì trong đêm tối hôm ấy có một cơn bão lớn nổi lên... Chỉ có một người được biết cái gì đã xảy ra với kẻ xấu số kia - người đó là tôi. Trong đêm tối đen như mực, 2 ngày trước khi chúng tôi nhìn thấy ngọn hải đăng Shetland, chính mắt tôi đã trông thấy lão thuyền trưởng Peter tóm lấy chân anh chàng kia ném xuống biển.

Tôi không hé cho ai một lời nào về chuyện đó. Tôi nghi cứ để xem sao. Tàu chúng tôi tới Scotland, không một ai nhắc tới câu chuyện người lạ mặt cả, và cũng không có ai để ý tới số mạng của anh ta. Con người tình cờ bị chết! Không ai lấy đó làm thích thú. Sau đó Peter Carey xin nghỉ hưu. Nhiều năm trôi qua, tôi mới biết được hắn ta đang trú ngụ ở đâu. Tôi nghi hắn ta gây ra tội ác tày trời cũng chỉ vì chiếc hộp sắt tây kia. Bây giờ thì chắc chắn hắn ta phải trả tiền cho tôi, để tôi lờ tịt đi câu chuyện tội ác.

Qua một người thủy thủ, người này đã gặp lão Peter ở London, tôi được biết hắn đang sống ở đây. Tôi liền đi đến đó với hy vọng sẽ kiếm chác được món gì đấy. Trong đêm đầu tiên hắn hứa sẽ cho tôi một món tiền lớn đủ cho tôi sống hết cuộc đời không phải vất vả với nghề thủy thủ nữa. Cuộc ngã giá cuối cùng chúng tôi sẽ gặp lại nhau sau hai đêm nữa. Tôi lại đến và thấy hắn đang say rượu. Tâm địa thật xấu xa bỉ ổi. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau, ôn lại quãng đời xa xưa. Hắn ta càng uống nhiều chừng nào, thì bộ mặt của hắn càng làm cho tôi căm ghét chừng ấy. Tôi trông thấy ngọn lao gác trên tường, và nghi đại có khi cần đến cho mình. Hắn cũng không chịu được nữa. Hắn chộp lấy con dao lớn và xông vào tôi, phun nước bọt vào người tôi, văng những lời thô tục xúc phạm đến tôi. Tôi thấy hắn chuẩn bị một hành động giết người. Nhưng hắn chưa kịp rút con dao ra, tôi đã nhanh tay hơn lấy ngọn lao đóng chặt hắn vào tường. Hắn gào thét thật thảm thiết. Bộ mặt của hắn cho đến tận bây giờ tôi không thể nào quên được và vẫn ám ảnh tôi, không sao tôi chợp mắt được. Máu chảy ra như suối, còn tôi thì cứ ngây ra như ngỗng đực. Xung quanh im lặng như tờ, tôi cảm thấy yên tâm. Nhìn quanh, tôi thấy hộp sắt tây để trên giá sách. Tôi cũng có quyền như lão Peter? Tôi cầm lấy hộp sắt tây vội vã bước ra khỏi nhà. Do bộ phận, tôi đã để quên gói thuốc của mình ở trên bàn.

Còn bây giờ tôi sẽ kể cho các ngài nghe phần lạ lùng nhất của câu chuyện này. Vừa

bước ra khỏi nhà, tôi nghe thấy tiếng bước chân của ai đó. Tôi trốn vào một bụi cây. Tôi thấy có một người đi đến căn phòng của lão Peter. Khi bước vào nhà, anh ta bỗng hét lên như người bị hớp hồn và bỏ chạy thục mạng. Còn tôi thì đánh lừa tất cả mọi người, cướp một mạch hơn mười dặm đến Tunbridge Wells và leo lên tàu hỏa đi London.

Khi tôi mở chiếc hộp ra, trong đó không còn một cái gì hết, ngoài mớ giấy tờ, mà tôi chán chường chưa chịu đem đi bán. Tôi không còn quyền lực gì đối với tên Peter hắc ám kia, tôi lang thang thơ thẩn quanh London không một xu dính túi. Tôi còn nghề thủy thủ trong tay. Tôi đã trông thấy dòng thông báo tìm người lao cá với số lương khá hậu hì. Tôi lập tức đến gặp sở giao dịch và người ta đã chỉ tôi đến đây. Đây là tất cả những gì tôi được biết. Mặc dù tôi có tội giết người, nhưng đáng lẽ công lý phải biết ơn tôi, tôi đã tiết kiệm cho nhà nước khoản chi phí để mua một giây thông lộng.

- Lời khai khá chặt chẽ, - Holmes nói và đứng dậy. - Hopkins, tôi nghi, ngài hãy mau chóng thả chàng trai đã bị bắt ra ngay. Và căn phòng này không hợp với ngài Patrick Cairns một chút nào.

- Tôi không có cách nào để bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với ngài, thưa ngài Holmes, - Hopkins đáp. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa thể hiểu, bằng cách nào ngài đã đạt được những kết quả như vậy.

- Đơn giản thôi. Ngay từ đầu tôi đã đi đúng hướng, trước đó tôi không được biết về cuốn sổ tay, nó đã đánh lạc hướng cả ngài lẫn tôi. Nhưng dẫu sao, khi nghe chuyện này tôi đã đi theo một khả năng được chọn. Một người lực lưỡng, khỏe mạnh, biết sử dụng ngọn lao, uống rượu rum và bao đựng thuốc lá làm bằng da hải cẩu, với một loại thuốc lá khá nặng. Tất cả những sự vật đó, làm cho tôi nghi ngay tới những người đi biển. Tôi khẳng định, hai chữ viết tắt "P.C", chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Bao đựng thuốc không phải là của Peter Carey, bởi ông ta rất ít hút thuốc. Trong "cabin" của ông ta lại không hề tìm thấy tẩu thuốc. Ngài hẳn còn nhớ khi tôi hỏi trong phòng còn rượu nào khác hay không? Ngài nói có brandy và whisky nhưng chưa uống tới. Vậy ai là người uống rượu rum, một khi trong tay có sẵn brandy và whisky? Có phải chỉ những người dân đi biển không nào? Tôi tin chắc rằng, ngoài dân đi biển ra không có ai vào đây.

- Làm cách nào ngài tìm ra được ông này?

- Ôi! Cái đó thật đơn giản. Tay thủy thủ kia chỉ có thể từ trong số những người cùng đi biển với lão Peter Carey trên con tàu "Sea Unicorn". Theo chỗ tôi được biết, Peter Carey không đi trên một con tàu nào khác nữa. Tôi mất ba ngày để đánh điện đi Dundee nhằm mục đích xác định lại danh sách những người đã đi trên tàu "Sea Unicorn" trong năm 1883. Và tôi được biết trong số những người thợ xiên cá có một người tên là Patrick Cairns trùng với các chữ cái trên bao đựng thuốc lá. Hướng điều tra của tôi coi như đã hoàn thành. Tôi nghi rằng, người này nhất định đang ở London và tìm cách chạy trốn khỏi nước Anh. Vì thế tôi bỏ mấy ngày ở East End bịa ra chuyện thám hiểm Nam Cực, đặt một số điều kiện béo bở đối với những người thợ săn cá và họ sẽ làm việc dưới quyền chỉ huy của thuyền trưởng Basil. Kết quả thì... Như ngài thấy đây.

- Thật kỳ diệu biết bao. - Hopkins thán phục.

- Ngài phải thả ngay anh chàng Neligan. - Holmes nói. - Tôi cho rằng ngài nên có lời xin lỗi vì hành động của mình đối với anh ta. Cần phải trả lại cho anh ta chiếc hộp sắt

tây ấy. Tất nhiên những chứng khoán đã bị Peter Carey bán, coi như không còn nữa... Xe đã đến. Hopkins, ngài có thể đem ông ta đi. Nếu cần sự có mặt của tôi ở tòa, ngài hãy điện sang Na Uy cho tôi biết, địa chỉ chính xác của tôi sẽ báo cho ngài sau.

Hết

[1] khoảng 14 gram

D.7 - The Adventure of Charles Augustus Milverton 1904 (Tên Tổng tiền ngoại hạng)

Một ngày mùa đông. Trời băng giá. Khi Holmes thắp đèn, ánh sáng chiếu lên một tấm danh thiếp đặt trên bàn. Anh cầm lấy và với một lời than thở, anh liệng nó xuống đất. Tôi lượm lên:

*"Charles Auguste Milverton
Appledore Towers Hampstead
Đại lý kinh doanh"*

- Ai vậy?

- Kẻ đòi bại nhất trong thủ đồ - Holmes trả lời, ngồi xuống và duỗi đôi chân dài ra trước ngọn lửa. Mặt sau tấm thiếp có viết gì không?

Tôi lật thiếp lại:

- Có *"Sẽ tới vào hồi 7 giờ 30"*.

- Hừm! Gần đến giờ rồi. Trong cuộc đời, tôi từng đụng đầu với năm mươi tên sát nhân; nhưng kẻ tồi tàn nhất trong bọn đó cũng chưa bao giờ gây cho tôi một sự ghê tởm bằng gã này trong nghề nghiệp, tôi buộc lòng phải gặp hắn: thật ra hắn sắp tới đây theo lời mời của tôi.

- Nhưng hắn là ai vậy?

- Hắn là vua của những tên chuyên đe dọa để tổng tiền. Tội nghiệp thay cho người đàn ông và nhất là người đàn bà nào bị rơi vào trong tay của hắn. Với một nụ cười thật hiền, hắn sẽ vắt, sẽ vắt mãi cho tới khi nào trái chanh chỉ còn là cái vỏ. Hắn hành động như thế này: Hắn dùng số tiền thật lớn để mua những lá thư làm "liên lụy" đến cuộc đời của những người giàu sang hoặc có danh vọng trong xã hội thượng lưu. Hắn nhận những món hàng đó không những từ các đầy tớ, các bà hầu phòng mà còn ở những tên vô lại đã chính phục được các thiếu nữ cả tin . . . Có lần hắn đã trả bảy trăm đồng bảng cho một người phục vụ ở khách sạn để lấy một tờ giấy chỉ vắn vắn có hai dòng chữ. Thế rồi một gia đình đã không ngóc đầu lên nổi. Trong cái thành phố này, hàng trăm và hàng trăm người tái mặt khi nghe nhắc tới tên hắn. Hắn giữ kỹ một tấm danh thiếp trong nhiều năm và sau cùng hắn đem nó ra đặt trước mặt khổ chủ và đòi một số tiền gấp mấy chục lần số vốn đã bỏ ra.

- Nhưng sau cùng.. chắc gã phải sa vào lưới của nhà pháp luật chứ? Tôi hỏi.

- Theo lý thuyết. thì như thế _ .Nhưng thực tế thì chẳng bao giờ. ví dụ, một người đàn bà sẽ có lợi ích là khi làm cho y bị kiện vài tháng tù , rồi sau đó bà bị phá sản và tiêu tan danh dự) Những nạn nhân của hắn không dám trả đũa. Cần. phải có những vũ khí khác mới hạ được hắn.

- Vậy tại sao anh mời hắn tới?

- Một nạn nhân đã nhờ tôi giải quyết trường hợp đáng thương của cô. Cô là E-va, cô gái sẽ làm lễ thành hôn với bá tước Đôn-vơ rên , tên vô lại này có trong tay ruột vài lá thư, những lá thư chỉ do không thận trọng mà thôi. Cô đã viết những thư đó cho một điền chủ trai trẻ Ở nông thôn. Nhưng với một người ghen tuông, lá thư đó đủ làm tan vỡ cuộc đính hôn. Gã Mil-vơ hứa sẽ gửi những lá thư đó đến ông bá tước, nếu trước đó hắn chưa nhận được một món tiền chuộc. Tôi được giao phó cho việc mua lại lá thư với giá thấp .

Có tiếng ngừng xe và móng ngựa từ dưới đường phố vọng lên. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy một cỗ xe đủ tiện nghi, do hai con ngựa kéo. Người hầu mở cánh cửa xe. Một người nhỏ, khỏe, mặc áo măng-tô may bằng da lông thú bước xuống, đi lên nhà chúng tôi.

Tên lưu manh Mil-vơ này trạc năm mươi tuổi. ông ta có một cái đầu oai nghiêm và thông minh. Bộ mặt tròn trĩnh và hồng hào, không có râu, trên đôi môi luôn nở một nụ cười. Cặp mắt xám soi mói lấp lánh đằng sau cặp kính bằng vàng. Giọng nói cũng ngọt ngào và êm ái như thái độ của ông ta.

Holmes không thèm bắt cái bàn tay nhỏ bé phì nộn và nhìn vào ông khách với vẻ mặt sắt đá. Nụ cười của Mil- vơ nở rộng. ông ta nhún vai, cởi cái áo lông ra, gấp lại hết sức cẩn thận trên thành ghế và ngồi xuống.

- Còn ông này? - Hắn nói với một cử chỉ bằng quơ phác về hướng tôi - Có kín đáo không?

- Bác sĩ đây là bạn và là người hợp tác với tôi. Thưa ông Holmes. Chính vì quyền lợi của thân chủ ông mà tôi đã đặt ra câu hỏi đó. Vụ này thật là quá tệ nhị...

- Bác sĩ Watson có nghe nói về chuyện đó.

- Ông nói ông là người đại diện cho công nương E-va. Cô ấy có thuận cho ông theo những điều kiện của tôi không?

- Điều kiện của ông như thế nào?

- Bảy ngàn bảng.

- Nếu không?

- Nội trong ngày 14 mà không có tiền thì đám cưới chắc sẽ không được cử hành vào ngày 18.

Cái nụ cười nhả nhận hơn bao giờ hết. Holmes suy nghĩ rất nhiều, sau cùng anh nói:

- Tôi có cảm tưởng là ông coi vụ này chắc ăn lắm.

- Tuy nhiên tôi sẽ khuyên cô ấy thổ lộ tất cả câu chuyện với người chồng, rồi tự đặt mình dưới lòng độ lượng của phu quân.

Mil-vơ khẽ một tiếng cười nhỏ. .

- Ông không biết gì về ông bá tước?

- Có điều gì xấu xa trong những lá thư đó? - Anh hỏi.

- Chúng có tính bốc đồng. . . Rất bốc đồng? - Mil-vơ mỉm cười, trả lờiing nường đúng là người viết thư nhiều tài trí. Nhưng tôi có thể khẳng định với ông rằng, bá tước Đô-vơ sẽ không tán thưởng chút nào cái phong cách bông lơn như trong những bức thư đó. Tuy nhiên, vì ông phán xét theo cách khác, chúng ta hãy dừng lại đây.

Hắn đứng lên và gỡ lấy cái áo choàng lông. Holmes bị làm nhục, mặt tái xám vì giận dữ:

- Hãy khoan? ông đi mau quá. Tất nhiên là chúng tôi mong muốn được tránh mọi tai tiếng trong vụ này, chúng tôi có thể cố gắng. . . '

Mil-vơ lại buông mình xuống ghế.

- Tôi tin chắc là ông sẽ nhìn vụ việc dưới góc độ đó?

- Nhưng, công nương E-va lại không giàu có gì. Số tiền mà ông đòi vượt quá khả năng của cô. Vậy thì tôi mong ông hãy giảm những đòi hỏi xuống. Xin hãy tin tôi, 2000 bảng là giá cao nhất mà cô ấy có thể trả.

Nụ cười của Mil-vơ lại nở rộng và hắn nháy mắt với chúng tôi một cách ranh mãnh.

- Tôi biết ông nói thật về của cải của công nương E-va. Nhưng mặt khác, ông sẽ nhìn nhận rõ rằng đám cưới của một mệnh phụ là một cơ hội mơ ước cho những bạn bè và gia đình của cô dâu. Tôi tin rằng họ sẽ ưng thuận một cố gắng nhỏ cho vinh dự của cô. Hãy để cho tôi nói với họ rằng những lá thư nhỏ bé này sẽ được đón nhận nồng hậu hơn là tất cả những cây đèn nến và tất cả những lọ đựng bơ ở Luân Đôn?

- Không thể được!

- Chúa ơi, rủi ro biết mấy! - Mil-vơ kêu lớn khi hắn rút từ trong túi ra một cuốn sổ tay lớn -- Hãy nhìn cái này coi,.

Hắn giơ ra một tờ giấy nhỏ có hình các huy hiệu trên phong bì.

- Cái này thuộc về... ủa chà, thật không tử tế khi nói ra cái tên trước buổi sáng ngày mai! Nhưng sáng mai, lá thư này sẽ lọt vào tay ông chồng một mệnh phụ phu nhân. Và sở dĩ có chuyện đó vì bà không chịu đem đổi những hạt kim cương thật lấy những viên kim cương. Hắn ông còn nhớ vụ cô Mi lê và đại tá Đô-ki đây chứ? Chỉ hai ngày trước khi cử hành hôn lễ, nhật báo Bưu điện Buổi sáng đã đăng một mục nhỏ loan tin cuộc hôn nhân bất thành. Tại sao vậy nhỉ? Một ngàn hai trăm bảng hắn đã dàn xếp ổn thỏa? ông làm tôi ngạc nhiên thật đấy. ông Holmes ạ.

- Tôi đoán chắc với ông rằng công nương E-va không thể nào gom góp đủ tiền theo ý ông. Chắc chắn là ông sẽ có lợi khi nhận số tiền thiết thực mà tôi đề nghị, còn hơn là phá huỷ sự nghiệp một người đàn bà. Sự phá hoại ấy chẳng đưa đến cho ông gì cát ấy đấy, - ông đã làm to rồi, thưa ông Holmes. Sau một vụ tai tiếng tôi sẽ thu lợi nhiều hơn nữa? Tôi hiện đang có tám hoặc mười vụ tương tự. Nếu có lời đồn đại rằng "Không dễ gì lay chuyển được ngài Charles Auguste Miiverton trong vụ công nương E-va", thì sau đó tôi nói bao nhiêu người ta cũng phải nghe, không ai dám cò kè với tôi, ông thấy rõ quan điểm của tôi chứ?

Holmes nháy ra khỏi ghế. .

- Tôi đứng sau lưng hắn, Watson! Đừng để cho hắn ra khỏi đây! Giờ đây, chúng ta hãy coi cuốn sổ này có những gì .

Mil-vơ đã chuồn như một con chuột tới đầu phòng bên kia và đứng dựa lưng vào tường.

- Ông Holmes - Hắn nói, sau khi lật cái áo lông lại và chìa ra một cái báng khẩu súng lục lớn - Việc này đã xảy ra cả ngàn lần và chẳng bao giờ đưa ra một lối thoát tốt đẹp nào. Tôi đoán chắc với ông rằng tôi được vũ trang tới tận răng và tôi sẵn sàng nổ súng, tôi có luật pháp bên vực Và chẳng tôi không bao giờ lại mang theo những lá thư trong cuốn sổ này. Giờ đây, thưa quý ông, tôi còn có nhiều cuộc hẹn khác trong tối nay và con đường đi tới Hampstead thì còn xa.

Hắn tiến lên, mặc áo choàng vào và không quên hượm sẵn khẩu súng, rồi đi ra cửa. Tôi nắm lấy một cái ghế, nhưng Holmes lắc đầu và tôi đặt ghế xuống. Sau một tiếng chào, một nụ cười và một cái nháy mắt, Mil-vơ đi ra.

Lát sau, có tiếng cánh cửa đập lại. Và tiếng những bánh xe lăn trên đường.

Holmes ngồi gần lò sưởi, hai tay thọc trong túi quần, cầm gục xuống ngực, đôi mắt chăm chú nhìn lên những cục than đang tàn. Trong nửa tiếng đồng hồ, anh ngồi yên lặng và bất động. Rồi thì, với cừ chỉ của một người đã có một quyết định, anh đứng lên và bỏ sang phòng riêng. Một lát sau, từ trong đó bước ra một chú công nhân thư thái, có râu rậm và bước đi với dáng điệu "ta đây". Trước khi xuống phố, anh mồi cái tàu bằng đất vào ngọn đèn.

- Tôi sẽ về, anh Watsoni. Anh biến vào trong bóng đêm. Tôi biết rõ là anh đã tuyên chiến với tên tổng tiền ngoại hạng này.

Trong vài ngày, Holmes đi về vào bất cứ giờ giấc nào dưới lớp giả trang đó. Ngoài một câu giúp tôi hiểu là anh đã tiêu thì giờ ở vùng Hampstead và thì giờ đó đã không phí phạm, còn thì tôi không biết gì hơn. Tuy nhiên, sau cùng vào một buổi tối có một cơn phong ba dữ dội, với tiếng gió gào thét và giông gió mạnh, anh trở về, gỡ bỏ bộ quần áo ra, tới ngồi trước ngọn gió lửa và cất tiếng cười.

- Anh sẽ không thấy tôi lấy vợ, phải thế không, anh Watson?

- Chắc chắn rồi! - Nhưng hôm nay, tôi đã hứa hôn. . . .

- Bạn thân mến, tôi có lời chúc mừng. . .

- . . với cô hầu phòng của Mil-vơ .

Trời đất thánh thần ơi ... Holmes!

- Tôi cần thu thập tin tức mà ! Anh đi quá lố rồi đấy

- Đó là một chặng đường cần thiết. Tôi là thợ đặt ống. Tôi có một cơ sở làm ăn đang phát. Tôi tên là êch-cô. Tối nào tôi cũng dạo phố với cô ta và chúng tôi tán gẫu.

Chúa ơi, thật là kịch biết mấy! Tuy nhiên, tôi đã biết rõ về ngôi nhà của Mil-vơ như lòng bàn tay tôi.

- Thế còn cô hầu phòng, Holmes? Anh nhún vai.

- Cần phải chơi những lá bài của mình một cách tốt nhất. Tuy nhiên tôi thật sung sướng được có một tình địch oán ghét và sẽ tới thế chỗ tôi một cách có lợi ngay khi nào tôi quay lưng lại. Đêm tuyệt vời, phải không - Anh ưa thích thời tiết này sao?

- Nó thuận lợi cho những ý đồ của tôi. Đêm nay tôi sẽ tới đào tường khoét ngạch nhà Mil-vơ.

Tôi ngạc nhiên. Một cơn lạnh chết người luôn dọc theo xương sống tôi. Tôi chợt thấy một loạt những kết quả theo sau cái hành động đó: người ta khám phá ra anh, người

ta bắt bớ anh, và sự nghiệp vẻ vang của anh chấm dứt.

- Holmes ơi! Anh hãy suy nghĩ về việc đó!

- Tôi đã suy nghĩ nhiều. Chúng ta hãy xem xét vấn đề thật bình tĩnh. Lấy trộm một cuốn sổ tay để cứu nhiều gia đình..' là làm một việc tốt, nhưng dầu sao nó cũng là ăn trộm. Anh Watson thân mến, tôi đoán là anh vẫn bệnh vực quan điểm này của tôi. ' Tôi suy nghĩ.

- Phải. Việc đó có thể biện bạch về mặt đạo đức, với điều kiện là anh không lấy đi những đồ vật khác hơn là những thứ mà y định dùng cho một ý đồ tồi tệ.

- Đúng thế. Bởi vì nó được biện bạch về mặt đạo đức, cho nên tôi chỉ còn phải xem xét khía cạnh thuộc nguy cơ nghề nghiệp. Một người quân tử không được chần chừ lâu, khi mà một phụ nữ đặt lòng cầu mong được giúp đỡ.

Nhưng anh liệu có chắc ăn không?

- Không có cách nào khác để thu hồi những lá thư.

- Công nương E-va thì không có đủ tiền và cũng không có ai trong gia đình để mà thổ lộ tâm tình. Ngày mai là thời hạn cuối cùng_. Nếu trong vài chục giờ đồng hồ nữa, chúng ta không có những lá thư, thì tên vô lại kia sẽ ra tay tàn độc. Như vậy cái thế phải lựa chọn là như sau: hoặc bỏ mặc thân chủ cho số phận của cô, hoặc chơi lá bài sau chót này. Đây là một cuộc quyết đấu tay đôi đẹp mắt giữa ; tên bất lương đó và tôi.

- Tôi không ưa thích điều đó! Nhưng ta đành phải làm thôi. Chừng nào lên đường?

-Ồ, không có anh?

- Nếu anh không để cho tôi chia sẻ nỗi nguy hiểm của anh thì tôi sẽ chạy tới đồn cảnh sát gần nhất và báo cho họ biết chuyện này.

- Anh không giúp được tôi điều gì đâu.

- Làm sao anh biết được? Ai có thể nói điều gì sẽ xảy ra?

Holmes có vẻ khó chịu nhưng mặt anh rạng rỡ và anh đặt một bàn tay lên vai tôi:

- Được, như vậy cũng được. Từ vài năm qua chúng ta sống chung trong một mái nhà. Thật là thích thú nếu chúng ta cùng chung một xà lim! Hãy coi đây...

Anh mà ngăn kéo lấy ra một cái bao da, mở bao và đưa cho tôi coi vài dụng cụ bóng láng.

- Đây là đồ nghề lũng củng mới nhất của một tên trộm: một cái nạy cửa mạ kền, một con dao có mũi kim cương để cắt kính, những chìa khoá vạn năng, dây, cái đèn ló. Tất cả đều gọn gàng. Anh có đôi giày đi êm ái không - Tôi có đôi giày đánh quần vợt đế cao su.

- Tốt lắm! Và một cái mặt nạ?

-Tôi có thể chế ra với một đôi tất lụa.

Vậy hãy chế biến đi. Chúng ta ăn đồ nguội trước khi đi. Bây giờ là 9 giờ rưỡi. Tới 11 giờ, chúng ta sẽ đi và bắt tay vào việc trước lúc nửa đêm. Mil-vơ luôn luôn . đi ngủ vào hồi 10 giờ rưỡi. Với một chút cơ may, chúng ta hẳn phải quay trở về nhà lúc 2 giờ với những lá thư của công nương E-va.

Chúng tôi mặc kiểu giống với những người đi xem hát trở về nhà. Trong đường Oxford, chúng tôi lên một cỗ xe ngựa. Khi gần tới nơi, chúng tôi trả tiền xe và cài cúc cổ những tấm áo choàng rồi cuộc bộ tới nhà Mil-vơ.

- Những tài liệu đó được chứa trong một cái két sắt kê ở trong văn phòng của hắn, và cái văn phòng đó lại được làm-phòng đợi bên cạnh phòng ngủ của hắn.

Mặt khác, hắn là một người ngủ say dễ sợ. Vị hôn thê của tôi, đã nói rằng giấc ngủ của ông chủ là một đề tài khô khan không bao giờ cạn. Hắn có một người thư ký suốt ngày không rời khỏi văn phòng. Bởi thế nên chúng ta mới tấn công vào ban đêm. Hắn cũng có nuôi một con chó dữ như quỷ, đêm đêm đi dạo trong vườn. Giờ đây cô ta đã nhốt con chó đó rồi. Nhà đây này? Đó là ngôi nhà xây lớn bên trong khu đất này. Chúng ta hãy vượt qua hàng rào. Rẽ phải, ở phía sau những cây nguyệt quế. Bây giờ đeo mặt nạ vào. Anh thấy đó, không một cửa sổ nào được chiếu sáng. Tất cả đều tuyệt vời.

Chúng tôi đi về phía ngôi nhà im lìm. Một hàng hiên lợp ngói chạy dài bên một phía, với nhiều khuôn cửa sổ và hai cánh cửa ra vào.

- Đây là phòng ngủ của hắn - Holmes thì thầm - Cửa này mở vào văn phòng hắn. . Nó có cài then. Thôi, đi vòng qua đây.

Một nhà kiếng mở lối vào phòng khách. Holmes lấy dụng cụ ra khoét một vòng tròn trên mặt kính và xoay cái chìa khoá ở bên trong. Một lát sau, anh đã đóng cửa lại.

Holmes nắm lấy bàn tay tôi trong bóng tối và dẫn tôi băng nhanh qua phía bên kia những bồn hoa trồng những cây nhỏ có nhiều cành lá vươn ra quét vào mặt chúng tôi.

Vẫn luôn luôn nắm chặt lấy tay tôi, Holmes mở một cánh cửa và tôi có cảm tưởng mơ hồ rằng chúng tôi vào trong một căn phòng có người vừa hút xì-gà. Anh mò mẫm giữa những đồ đạc, mở một cánh cửa khác rồi khép lại. Tôi vươn một bàn tay ra và nhận thấy có nhiều quần áo treo sát tường: tôi biết là mình đang ở trong một hành lang.

Chúng tôi đi dọc theo hành lang. Holmes nhẹ nhàng mở một cánh cửa khác bên tay phải. Một cái gì đó lao vào chúng tôi và run bắn lên, nhưng đó là con mèo. Một ngọn lửa đang lịm dần trong phòng và bầu không khí cũng nặng mùi thuốc hút. Holmes nhón gót đi vào trong, chờ tôi, đoạn không gây tiếng động, anh đóng cửa lại. Chúng tôi đang ở trong phòng của Mil-vơ. Tại đầu phòng bên kia, một rèm cửa che khuất lối vào phòng ngủ của hắn.

Ngọn lửa vẫn soi sáng rõ căn phòng. Gần bên cửa ra vào, tôi thấy một công tắc lo lánh nhưng không cần thiết bật nó lên. Trên một bên lò sưởi có kéo tấm ri-đô dày, phủ lên cái lỗ cửa gắn kính mà chúng tôi đã trông thấy từ bên ngoài. Phía bên kia có cánh cửa chúng ra hàng hiên. Một bàn giấy nằm ngay giữa phòng với một cái ghế bọc da màu đỏ. Trước mặt, một tủ sách lớn bên trên có đặt bức tượng nữ thần Minerve tạc bằng đá hoa cương. Trong góc giữa tủ sách và bức tường, có một tủ sắt lớn ánh sáng của ngọn lửa lò sưởi phản chiếu trên mặt tủ nhẵn bóng. Holmes băng ngang và kiểm tra căn phòng.

Đoạn anh trườn tới bên cánh cửa và đứng bất động nghiêng đầu, lắng nghe. Không một tiếng động. Giữa lúc đó, tôi chợt nảy ra cái ý là chúng tôi nên tìm một đường tháo lui qua ngả cửa phía bên ngoài và tôi quan sát nó.

Nó không khoá chốt mà cũng không cài then. Tôi đụng 1 vào cánh tay Holmes và anh xoay bộ mặt che mặt nạ về cái hướng mà tôi đã chỉ cho anh. Tôi thấy anh giật nảy mình. Rõ ràng là anh cũng ngạc nhiên như tôi, nói thật khế:

Có thấy. Anh hãy đứng kế bên cửa ra vào. Nếu nghe thấy có người lại gần, anh hãy cài chốt bên trong và chúng ta bỏ đi như đã tới. Như họ đến từ phía bên kia thì chúng ta sẽ bỏ đi qua lối cửa ngoài, nếu chúng ta đã làm xong việc; nếu không, thì chúng ta sẽ núp đằng sau những tấm ri-đô này. Rõ chứ?

Tôi gật đầu xác nhận rồi tới đứng bên cửa ra vào.

Cảm tưởng sợ hãi đã biến mất và giờ đây tôi còn bị kích thích nhiều hơn là khi chúng tôi bảo vệ luật pháp. Tôi chẳng cảm thấy là mình phạm tội, tôi hớn hờ trước ý nghĩ về những mối nguy hiểm mà chúng tôi đang trải. Với lòng khâm phục, tôi nhìn Holmes mở các dụng cụ ra và bình tĩnh chọn lấy món đồ thích ứng; anh giống như bác sĩ ngoại khoa đang chuẩn bị cho một cuộc giải phẫu tế nhị.

Holmes đã đặt cái áo khoác trên mặt ghế dựa, xắn vạt áo lớn lên, lấy ra hai mũi khoan, một cái nạy cửa và nhiều chìa khoá nhỏ. Tôi đứng bên cửa, hai mắt mở rộng và giữ tư thế sẵn sàng. Trong nửa tiếng đồng hồ, Holmes thao tác nhanh gọn và khéo léo, đặt món đồ này xuống, lấy món khác lên. Sau cùng, tôi nghe một tiếng "cách". Cánh cửa nặng nề mở ra. Bên trong tủ sắt có nhiều xấp giấy; mỗi xấp được cột lại, gắn niêm phong với một hàng ghi chú. Holmes rút ra một xấp nhưng thật khó mà đọc dưới ánh sáng của n đang lịm dần. Anh rút cái đèn ló ra, nhưng bật điện lên sẽ là quá nguy hiểm.

Bất chợt, tôi thấy anh giồng tai lên, trong thoáng chốc, anh khép cánh cửa sắt lại, quơ lấy tấm áo choàng, nhét vội các dụng cụ vào trong một túi, rồi tới núp đằng sau tấm ri-đô che cửa sổ và ra dấu cho tôi hãy làm theo anh.

Sau khi đã tới đứng nấp bên anh, tôi hết sức thán phục cái thính giác nhạy bén của anh. Đầu đó trong ngôi nhà có một tiếng động. Trong chốc xa xôi có tiếng cánh cửa đẩy mạnh. Đoạn một tiếng rì rào khó phân biệt, rồi những bước chân nặng nề đang tới gần. Bước chân đi trong hành lang, ngừng lại một lát trước cửa. Cánh cửa mở ra. Có một tiếng cạch: người ta bật điện. Cánh cửa đóng lại. Mùi xì-gà loại nặng lắng vắng trước mũi chúng tôi. Những bước chân lại tiếp tục. Có người đi tới, đi lui; và lại đi lui, đi tới. Tất cả sự đi lại đó chỉ cách chúng tôi có vài mét. Sau cùng, cái ghế bành kêu rảng rặc và tiếng bước chân ngừng lại. Rồi một chìa khoá được nhét vào ổ khoá và tôi nghe tiếng giấy kêu xào xạc nhẹ nhẹ.

Tôi nhẹ nhàng vén tấm ri-đô ra. Vai Holmes tựa vào vai tôi và tôi đoán anh cũng đang quan sát. Ngay sát trước mắt chúng tôi, phô ra tấm lưng rộng tròn của tên vô lại. Chúng tôi đã sai lầm: hắn chưa vào phòng chơi bi-da. Hắn ngồi ngả lưng vào cái ghế bành bọc da, hai chân duỗi dài và một điều xì-gà ló ra ngoài một bên mép. Hắn cầm một tài liệu, đọc với dáng uể oải trong lúc miệng vẫn nhả ra những vòng tròn khói thuốc. Thái độ thoải mái và tư thế bình thản đó không để lộ cho thấy trước dấu hiệu là hắn sắp bỏ đi.

Tôi cảm thấy bàn tay Holmes lùa vào bàn tay tôi và anh siết lấy nó để làm tôi yên lòng, như để cho tôi thấy là anh thật bình thản. Tôi không biết anh có thấy cái mà tôi đã thấy hay không? Đó là cánh cửa sắt chưa được đóng chặt; bất cứ lúc nào gã Mil-vơ cũng có thể nhận ra điều đó. Tôi quyết định trong đầu, rằng nếu tên vô lại khám phá ra điều này, thì tôi sẽ nhảy vọt ra, làm cho hắn nghệt thở dưới tấm áo măng-tô trói chặt hắn lại và để cho Holmes lo việc còn lại. Nhưng Mil-vơ không hề ngước mắt lên. Hắn say sưa đọc: Trang này tiếp trang khác. Khi đọc xong và vừa vút điều xì-gà, thì một biến cố bất ngờ xảy ra.

Trước đó, nhiều lần tôi nhận thấy Mii-vơ xem đồng hồ. Một lần y đứng lên, rồi lại ngồi xuống với một cử chỉ mất kiên nhẫn. Và bây giờ khi nghe thấy một tiếng động nhẹ vọng tới từ hàng hiên mé ngoài, Mil-vơ buông rơi xấp giấy và ngồi thẳng lên. Tiến lặp lại và rồi có người gõ nhẹ lên cửa. Hắn đứng lên và tới mở cửa.

- Bà đã đến muộn tới nửa tiếng đồng hồ - Hắn đột ngột nói.

Vậy ra đó là lời giải thích về sự thức khuya của Mil-vơ. Tôi nghe thấy tiếng sột soạt nhẹ của tà áo đàn bà. Tôi khép tấm ri-đô lại, bởi vì Mil-vơ quay đầu về phía chúng tôi. Nhưng rồi tôi lại đánh liều khẽ hé nó ra. Hắn đã ngồi xuống, miệng vẫn ngậm điều xì-gà. Trước mặt hắn là một phụ nữ cao, tóc nâu, mảnh mai, mặt che mạng, áo măng-tô kéo lên tới cổ. Hơi thở bà ngắn, nhanh. Bóng dáng bà run lên vì một sự xúc động mãnh liệt.

- Thế nào? Bà đã làm tôi mất một đêm nghỉ ngơi ngon lành. Tôi hy vọng là bà sẽ đền

bù cho tôi. Bà không thể đến vào một giờ nào khác hả?

Người đàn bà lắc đầu. 'Tốt thôi. Nhưng làm sao mà bà lại run rẩy đến như thế Còi nào, hãy bình tĩnh lại? Và bàn công chuyện làm ăn?'

Hắn lấy ra một tờ giấy và nói tiếp:

- Bà nói là bà có năm lá thư có thể gây liên lụy cho bà bá tước An-be. Bà muốn bán? Tôi sẵn lòng mua. Việc còn lại là định giá. Tôi muốn được xem nhưng lá thư đó.

Nếu quả thật chúng là những miếng ngon... Lạy Chúa tôi, thì ra là bà đấy ư?

Không một lời, người đàn bà gỡ tấm mạng che mặt ra và buông cổ áo mắng tở xuống. Một khuôn mặt sẫm tồ, đẹp, thanh nhã, đương đầu với bộ mặt xấu đến gớm ghiếc của Mil-vơ.

-Chính tôi đây? Tôi, người đàn bà mà ông đã phá hại cuộc đời. Mil-vơ bắt đầu cười, nhưng sự sợ hãi run lên trong giọng nói:

- Bà đã quá ương ngạnh: Tôi đã ra một cái giá hoàn toàn nằm trong khả năng của bà. Thế mà bà không chịu xúi tiền ra!

- Thế là ông đã gửi những lá thư đó cho chồng tôi. Và chồng tôi. . . Cõi lòng nhà tôi đã bị tan nát và ông ấy đã chết vì buồn phiền. . . ông còn nhớ chứ, cái đêm mà xuyên qua cánh cửa của ông, tôi đã van xin ông: ông đã cười chế giễu vào mặt tôi cũng như ông đang cố cười vào lúc này đây Có điều là trái tim hèn hạ của ông đã không ngăn được môi ông run lên. Phải, ông nghĩ sẽ không bao giờ còn gặp lại tôi nữa, nhưng chính cái đêm hôm đó đã dạy cho tôi biết cách gặp ông. Vậy thì, Mil-vơ, ông có còn gì để nói nữa không?

- Đừng có hòng làm tôi lo sợ - Hắn nói, sau khi đứng lên - Tôi chỉ cần cất cao giọng là toàn thể gia nhân ào ra bắt giữ bà. Nhưng tôi tha lỗi cho cơn giận dữ tự nhiên đó.

-Hãy rời khỏi phòng này ngay và tôi sẽ không nói gì hết.

Người đàn bà giấu một tay trong vạt áo. Bà vẫn luôn luôn phô ra cùng một nụ cười chết chóc trên đôi môi mỏng.

- Ông sẽ không còn phá hoại những gia đình khác như ông đã phá hoại gia đình tôi. Hãy nhận lấy cái này, đồ súc sinh nhơ nhớp. Và cái này! Thêm cái này Và còn cái này nữa?' Bà vừa nói vừa trút đạn vào Mil-vơ. Hắn muốn bỏ trốn, nhưng lại ngã nhào lên mặt bàn, miệng ho một cách mãnh liệt và tay níu lấy mớ giấy tờ. Đoạn y lại đứng lên, nhận thêm một viên đạn nữa và lăn xuống sàn nhà.

Người đàn bà nhìn kỹ hắn với cặp mắt mở rộng và dùng gót giày đập lên đầu hắn. Sau

đó bà còn nhìn hần một lần nữa. Tôi nghe thấy một tiếng sột soạt nhẹ. Không khí ban đêm tràn vào trong căn phòng nóng nực. Người đàn bà bỏ đi.

Vào lúc mà người thiếu phụ trút đạn, tôi đã chực lao ra, nhưng Holmes đã kéo tôi lại. Sau khi người đàn bà ra khỏi phòng, Holmes đã lao tới cánh cửa và khoá lại. Ngay sau đó khắp nhà vang lên những tiếng nói và những bước chân. Holmes chạy lên bên kết sắt, quơ lấy từng xếp giấy tờ rồi quăng vào ngọn lửa. Trong một thoáng, cái kết sắt trông trơn. Trong hành lang, người ta xoay cái then cài cửa người ta đâm lên cửa. Holmes liếc nhìn quanh. Lá thư hầy còn ở trên bàn, vấy đầy máu. Holmes ném nó vào giữa tờ khác đang cháy rồi bình thần mở cánh cửa thông ra vườn, đẩy tôi ra trước rồi khoá cửa lại từ phía ngoài.

- Qua ngã này' Theo ngã này sẽ leo qua bức tường ngoài vườn.

Cuộc báo động lan thật nhanh. Cả ngôi nhà tràn ngập ánh sáng. Cửa trước đã mở rộng, lộ nhố những hình người chen lấn trong lối vào chính. Vườn đầy nhóc những người. Khi chúng tôi rời khỏi hàng hiên, có ai đó kêu lên một tiếng và lao mình đuổi theo. Holmes như biết rõ địa thế trong từng chi tiết nhỏ. Anh len lách qua một khu trồng các cây nhỏ. Tôi theo anh. Người ta đuổi theo sát gót chúng tôi. Bức tường cao một mét rưỡi, Holmes rướn mình, chống tay nhảy vọt qua tường. Tôi đang bắt chước anh thì một bàn tay đàn ông mu lấy chân tôi. Tôi vùng thoát và nhảy vọt qua tường. Ra tới ngoài, tôi rơi đầu xuống trước, lăn vào giữa những bụi cây. Holmes đỡ tôi đứng lên và cùng nhau chạy băng qua Hampstead. Tôi tin rằng chúng tôi đã chạy trong ba cây số. Sau cùng, Holmes dừng lại, lắng tai lên nghe ngóng. Đằng sau chúng tôi hoàn toàn yên lặng.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi ngồi hút tẩu thuốc đầu tiên thì Lestrade đến.

- Xin chào, thưa ông Holmes. Xin chào... Xin mạn phép được hỏi thăm lúc này ông có bận rộn không?

- Còn đủ thời giờ để nghe ông nói.

- Ông có thể giúp chúng tôi trong vụ vừa xảy ra đêm qua ở Hampstead.

- Có chuyện gì vậy?

Một vụ ám sát bí hiểm và đặc biệt. Từ lâu chúng tôi canh chừng ông Mil-vơ . . . Chúng tôi biết hần có nắm giữ một số giấy tờ mà hần dùng để hăm dọa tổng tiền.

-Đêm qua các giấy tờ đó đã bị mấy tên sát nhân đốt hết. Không một đồ vật đắt tiền nào bị mất. Rõ ràng những kẻ sát nhân thuộc xã hội thượng lưu và không có ý đồ nào khác hơn là ngăn chặn một vụ gây tai tiếng công khai.

-Những kẻ sát nhân? Như vậy là có nhiều người à?

- Có ít nhất là hai người. Một người suýt bị bắt quả tang. Một trong bọn tỏ ra khá nhanh nhẹn, nhưng tên thứ hai bị người làm vườn tóm được, và hắn thoát thân sau một cuộc vật lộn kịch liệt. Đó là một người tầm thước, vạm vỡ, vai rộng, hàm rộng, cổ dài, một bộ ria và mặt nạ che lấy mặt. . .

-Người đó sao giống Watson quá vậy? - Holmes nói.

- Hừ? Quả là rất giống bác sĩ Watson - Lestrade cười nói.

- Tôi cũng biết cái tên Mil-vơ đó. Tôi đã coi y như một trong những người nguy hiểm nhất ở Luân Đôn. Thiện cảm của tôi nghiêng về kẻ phạm tội hơn là đối với nạn nhân. Vậy là tôi không can thiệp vào vụ này.

Suốt buổi sáng, Holmes không hé với tôi một lời nào về tấn thảm trạng. Chúng tôi dùng bữa cơm trưa xong thì anh nhảy cẫng lên mà kêu:

- Anh Watson' Đi với tôi.

Holmes vội vã đi vào trong đường Oxford, tới gần một hiệu buôn lớn trưng bày nhiều hình ảnh của những nhân vật danh tiếng và những ngôi sao thời sự. Bất thành linh, cặp mắt Holmes khựng lại. Theo tia nhìn của anh, tôi thấy chân dung một mệnh phụ oai vệ, đích thực thuộc hoàng gia, mặc áo triều phục, với một vương miện cao, dắt kim cương quanh một cái đầu quý phái. Tôi ngắm kỹ cái sống mũi cong một cách tế nhị, cặp lông mày dài, cái miệng thẳng bên trên một cái cằm kiên quyết. Tôi ghen thờ khi đọc tên và tước vị của nhà quý tộc nổi tiếng mà cô gái là phu nhân. Cặp mắt tôi bắt gặp mắt Holmes. Anh đặt một ngón tay lên môi. Và rồi chúng tôi bỏ đi.

Hết

D.8 - The Adventure of the Six Napoleons 1904 (Sáu bức tượng Napoleon)

Ông Lestrade, thanh tra Scotland Yard, buổi tối thỉnh thoảng ghé thăm chúng tôi và Sherlock Holmes rất hoan nghênh những buổi tối ấy, vì nhờ đó mà anh có được mối liên hệ thường xuyên với Scotland Yard. Để đền đáp lại cho những tin tức mà Lestrade đem đến, Holmes luôn chăm chú lắng nghe mọi tình tiết về các vụ án mà viên thanh tra này đang phụ trách điều tra. Đôi lúc, như hoàn toàn vô tình, anh biết cách đưa ra những lời khuyên và gợi ý rút từ vốn tri thức và kinh nghiệm phong phú của anh.

Riêng tối hôm đó Lestrade, sau khi nói về thời tiết và tin các báo, không nói thêm gì nữa, chỉ làm thinh. Holmes nhìn xoáy vào ông.

- Ông có vụ nào đáng chú ý không? - Holmes hỏi.
- Ồ không, ông Holmes ạ, chẳng có gì đặc biệt cho lắm.
- Vậy thì ông cứ kể cho tôi nghe đi.

Lestrade cười:

- Khó mà giấu nổi ông điều gì, ông Holmes ạ. Đúng là tôi đang nghĩ đến một chuyện, nhưng nó thật vớ vẩn nên tôi cứ phân vân không biết có nên làm phiền ông không. mặt khác, việc này lại rất đặc biệt, chắc chắn như thế. Tôi biết ông vốn rất thích tất cả những chuyện khác thường. Nhưng theo tôi, chuyện này nên để bác sỹ Watson quan tâm hơn là tôi với ông.

- Bệnh tật gì không? - tôi hỏi.

- Chứng điên. Mà lại là một bệnh điên kỳ quặc nữa Các ông chắc không tưởng tượng được bây giờ mà lại có người căm ghét Napoleon Đệ nhất đến mức hễ thấy bất cứ một hình tượng nào của ông ta là đập vỡ cho bằng được.

Holmes ngả người trên ghế.

- Chuyện này không thuộc lĩnh vực của tôi, - anh nói.

- Đúng thế, thì tôi đã nói mà. Nhưng khi thằng cha đó phạm tội ăn trộm để đập nát những pho tượng không phải của hắn, thì câu chuyện đã chuyển từ tay bác sỹ sang tay cảnh sát rồi.

Holmes lại ngồi thẳng dậy.

- Ăn trộm à! Câu chuyện đã thú vị hơn rồi. Xin ông kể chi tiết cho tôi nghe với. Lestrade rút cuốn sổ ghi chép công vụ ra, và lật từng trang để nhớ lại cho rành mạch.

- Vụ thứ nhất chúng tôi được báo là cách đây bốn hôm. Sự việc xảy ra tại cửa hiệu ông Morse Hudson làm nghề bán tranh, tượng ở đường Kennington. Người phụ việc vừa rời khỏi cửa hiệu một lát thì nghe có tiếng loảng xoảng. Anh ta vội quay vào và thấy pho tượng bán thân Napoleon vẫn bày trên quầy cùng với các tác phẩm nghệ thuật khác đã vỡ tan tành trên sàn nhà. Anh ta chạy vụt ra đường nhưng không thấy ai, tuy có nhiều người qua đường nói rằng họ trông thấy một người từ trong cửa hiệu chạy ra. Pho tượng thạch cao nọ không đáng giá là bao, và toàn bộ sự việc đó chỉ như một trò trẻ con không đáng phải mở cuộc điều tra.

- Nhưng vụ thứ hai thì nghiêm trọng hơn và cũng kỳ quặc hơn. Chuyện mới xảy ra đêm qua.

Ở đường Kennington, cách cửa hiệu Morse Hudson vài trăm yard là nhà một bác sỹ có tiếng, tên là Barnicot. Tuy nhà ở đường Kennington, bác sỹ này có một phòng mổ ở đường Hạ Brixton, cách đây 2 dặm. Bác sỹ Barnicot là người rất hâm mộ Napoleon. Nhà ông đầy sách và tranh của vị hoàng đế Pháp này. Mới đây ông mua được ở cửa hiệu Morse Hudson hai bức tượng bán thân Napoleon bằng thạch cao do nhà điêu khắc người Pháp Devine tạc. Ông bày một bức trong đại sảnh của căn nhà trên đường Kennington, còn bức kia ông đặt trên mặt lò sưởi tại phòng mổ ở Hạ Brixton. Sáng nay, từ trên gác bước xuống, bác sỹ Barnicot phải sửng sốt khi phát hiện ra đêm qua nhà ông bị kẻ trộm đột nhập, song trong nhà không mất gì cả, ngoài bức tượng bán thân bằng thạch cao đặt ở đại sảnh. Tên trộm đã mang pho tượng ra khỏi nhà và đập nát vào bức tường ngoài vườn, vì sáng ra người ta thấy mảnh tường vỡ nằm vung vãi dưới chân tường.

Holmes xoa tay nói:

- Chuyện này quả là rất mới lạ.

- Tôi vẫn nghĩ là ông sẽ thích chuyện này mà. Nhưng tôi vẫn chưa kể hết. Bác sỹ Barnicot phải đến phòng mổ lúc mười hai giờ trưa. Đến nơi, ông thấy cửa sổ phòng mổ đã bị phá tung từ đêm qua và khắp sàn vung vãi những mảnh vỡ của pho tượng thứ hai. Pho tượng bị đập vụn ngay tại chỗ. Trong cả hai vụ đều không có manh mối gì về tên tội phạm (hay kẻ điên rồ) đã làm ra vụ này. Đây sự việc là như vậy đấy, ông Holmes ạ.

- Tôi muốn biết hai pho tượng bị đập vụn của bác sỹ Barnicot có giống hệt với pho tượng bị phá tan tại cửa hiệu ông Morse Hudson không?

- Những pho tượng đó đều đúc từ một khuôn ra mà.

- Điều đó bác bỏ cái giả thuyết cho rằng kẻ đập tượng hành động do căm thù Napoleon: vậy thì việc kẻ đó bắt đầu bằng ba bản sao của cùng một pho tượng bán thân, khó lòng có thể là do một sự trùng hợp ngẫu nhiên.

- Chính tôi cũng nghĩ như ông, - Lestrade nói, - Tuy nhiên, Morse Hudsson là người bán tượng ở khu vực đó của London và suốt mười năm qua cửa hiệu ông ta chỉ có duy nhất ba pho tượng kia. Cho nên tuy ông nói ở London có hàng trăm pho tượng Napoleon, nhưng cũng rất có thể ba pho tượng kia là những pho tượng duy nhất trong vùng đó. Vì vậy, cái người điên sống trong vùng mới khởi sự bằng chính ba pho tượng ấy.

- Tôi chỉ xin nhận xét là hấn hành động tuy rất kỳ lạ nhưng có tuân theo một nguyên tắc nào đấy. Chẳng hạn, ở đại sảnh trong nhà bác sỹ Barnicot, nơi mà tiếng động có thể làm cho chủ nhà thức giấc, hấn đã đem pho tượng ra ngoài rồi mới đập vỡ. Còn ở phòng mổ ít nguy hiểm hơn, hấn đã đập vụn pho tượng ngay tại chỗ. Vụ này có lẽ như nhớ nhãng, nhưng một số vụ hay nhất của tôi khi mới khởi đầu cũng không có chút gì hứa hẹn. Vì vậy, tôi sẽ rất biết ơn ông, Lestrade, nếu ông báo cho tôi bất cứ tiến triển mới nào trong vụ này.

Các sự kiện tiếp theo của vụ án mà bạn tôi đang trông chờ xảy ra nhanh và dưới một hình thức bí mật hơn chúng tôi tưởng tượng nhiều. Sáng hôm sau, tôi còn đang mặc quần áo trong phòng ngủ thì Holmes gõ cửa bước vào, tay cầm một bức điện. Anh đọc to lên:

"Đến ngay nhà số 131, đường Pitt, Kensington, Lestrade".

- Thế là thế nào nhỉ? - Tôi hỏi.

- Không rõ. Cái này có thể hiểu thế nào cũng được. Nhưng tôi nghi đây là câu chuyện về những pho tượng kia. Nhưng trong trường hợp này, có lẽ anh bạn đập phá tượng của chúng ta đã chuyển hoạt động sang một khu khác của London. Cà phê đã pha sẵn cho anh ở trên bàn và xe ngựa đã đợi sẵn ngoài cửa rồi.

Nửa giờ sau chúng tôi đã có mặt ở đường Pitt. Lúc chúng tôi đến gần, một đám người hiếu kỳ đã tụ tập trước ngôi nhà.

Holmes huýt sáo:

- Thế này thì ít ra cũng là một vụ mưu sát. Nếu không thì dân vô công rồi nghề ở London không tụ tập đông đến thế. Ồ, Lestrade đang đứng bên khung cửa sổ trước nhà kia kìa. Chúng ta sẽ biết hết mọi việc ngay thôi.

Lestrade với vẻ mặt trịnh trọng bước ra đón chúng tôi và dẫn vào phòng khách. Chúng tôi thấy một người đàn ông đứng tuổi, mặc áo choàng nội tắm, đang đi đi lại lại trong

phòng. Vẻ băn khoăn lo lắng, Lestrade giới thiệu đó là chủ nhà - ông Horace Harker, một nhà báo.

- Chuyện pho tượng Napoleon lại tiếp diễn, - Lestrade nói - Tôi qua ông tỏ ra quan tâm tới chuyện này, ông Holmes, nên tôi nghĩ ông sẽ vui lòng có mặt khi giờ đây vụ việc đã dẫn đến một sự kiện đáng buồn như thế này.

- Sự kiện gì vậy?

- ảm mạng. Ông Harker, phiên ông kể lại cho các vị đây nghe đầu đuôi câu chuyện vừa xảy ra. Người đàn ông mặc áo choàng quay về phía chúng tôi.

- Tôi đã nghe tiếng ông, ông Holmes ạ, - ông nói, - và nếu ông làm sáng tỏ được sự việc kỳ lạ này thì tôi cũng thấy mình được đền bù hậu hĩnh cho cái công trình bày tất cả những việc vừa xảy ra.

Mọi việc đều như xoay quanh cái pho tượng bán thân Napoleon tôi mua bốn tháng trước đây. Tôi mua được với giá rẻ tại hiệu Harding Brothers, gần nhà ga High Street. Tôi hay viết bài về đêm và thường ngồi làm việc đến tận sáng sớm. Hôm nay cũng vậy. Tôi ngồi làm việc trong phòng mình ở mặt sau tầng thượng, gần ba giờ sáng bỗng nghe có tiếng động dưới nhà.

Tôi lắng tai nghe nhưng chẳng thấy động tĩnh gì nữa, nên tôi nghĩ đó là tiếng động từ ngoài phố đưa vào. Nhưng độ năm phút sau, bỗng có tiếng hét hết sức khủng khiếp - tôi chưa bao giờ nghe thấy một âm thanh nào ghê rợn đến thế ông Holmes ạ. Tiếng hét đó sẽ vang mãi trong tai tôi cho đến suốt đời. Người tê dại đi vì hãi hùng, tôi ngồi bất động vài phút, sau đó tôi cầm lấy cái que sắt thông lò và bước xuống nhà. Vừa bước vào phòng này tôi thấy cửa sổ mở toang và pho tượng đặt trên mặt lò sưởi đã biến mất. Tôi không hiểu tại sao tên trộm lại lấy đi một vật như thế, vì pho tượng thạch cao ấy có đáng giá gì đâu.

Như các ông thấy đây, bất cứ người nào nhảy một bước dài từ cửa sổ này xuống, đều có thể ra đến bậc lên xuống ở cửa chính. Tên trộm rõ ràng đã ra dùng cách ấy, nên tôi đi vòng ra cửa chính và mở cửa. Tôi bước ra ngoài, và trong bóng tối tôi vấp chân suýt ngã đè lên một xác chết đang nằm đó. Tôi chạy vào nhà đem đèn ra. Cổ họng kẻ bất hạnh bị đâm một vết rộng hóc, quanh xác chết máu loang đầy. Người bị giết nằm ngửa, hai đầu gối co lên, miệng há hốc ra trông rất gớm ghiếc. Từ nay trở đi hẳn sẽ hiện lên thường xuyên trong những cơn ác mộng của tôi. Tôi chỉ còn kịp gọi cảnh sát, và sau đó chắc là tôi đã ngất đi, vì tôi không còn hay biết gì nữa cho đến khi tôi tỉnh lại trong đại sảnh. Tôi mở mắt nhìn lên thì thấy một viên cảnh sát đang đứng bên.

- Thế người bị giết là ai? - Holmes hỏi.

- Chẳng có gì cho biết người ấy là ai, - Lestrade nói.- Các ông sẽ được nhìn thấy cái xác, nhưng cho đến nay thì chúng tôi chưa làm gì được.

Đó là một người cao lớn, da rám nắng, khỏe mạnh, chưa đến ba mươi tuổi. Tuy ăn mặc nghèo khổ, anh ta không có dáng dấp dân lao động. Có một con dao nằm trong vũng máu cạnh xác anh ta. Tôi không rõ đó là con dao mà hung thủ đã dùng để gây án hay là con dao của nạn nhân. Trên quần áo anh ta chẳng thấy có tên tuổi gì, còn trong túi áo cũng chẳng có gì ngoài một quả táo, một sợi dây, một tấm bản đồ London và một bức ảnh. Nó đây này.

Đó là một tấm ảnh chụp nhanh bằng loại máy ảnh cỡ nhỏ. ảnh chụp một người đàn ông linh lợi, nét mặt gãy gọn, có cặp lông mày rậm.

- Thế còn pho tượng thì sao? - Holmes hỏi sau khi xem kỹ bức ảnh.

- Tôi vừa nhận được tin về pho tượng này ngay trước lúc các ông đến. Người ta tìm thấy nó trong vườn, trước một ngôi nhà không có người ở tại đường Campden House. Nó đã bị đập vụn ra từng mảnh. Tôi đang định đến đó xem đây. Các ông cùng đi chứ?

- Tất nhiên. Tôi phải đến đây xem qua một lượt. - Holmes xem xét tấm thảm và cái cửa sổ.

Chỗ tìm thấy những mảnh vỡ của pho tượng cách ngôi nhà chỉ vài trăm mét. Pho tượng của Napoleon bị đập vụn, nằm trên bãi cỏ. Holmes nhặt lên vài mảnh vụn và xem xét kỹ lưỡng. Qua nét mặt chăm chú của anh, tôi tin là rốt cục anh cũng lần ra được manh mối.

- Ông nghĩ sao? - Lestrade hỏi.

Holmes nhún vai.

- Chúng ta còn phải hết hơi với vụ này - anh nói.

- Nhưng dù sao thì ... chúng ta cũng đã có được vài đầu mối để tìm tiếp. Dưới mắt tên tội phạm kỳ quặc kia thì pho tượng bán thân rở tiền này còn đáng giá hơn cả mạng người. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai cũng thật kỳ lạ. Nếu mục đích duy nhất của hắn là đập vỡ pho tượng, tại sao hắn không đập ngay trong nhà hay ngay sau khi ra khỏi nhà?

- Hắn hoảng hốt khi chạm trán với người khác, đến nỗi giết người đó. Hắn hầu như không ý thức được hắn đang làm gì nữa.

- ừ, ông nói có lý. Song tôi muốn các ông đặc biệt lưu ý đến vị trí căn nhà này, nơi mà pho tượng đã bị đập nát trong vườn.

Lestrade đưa mắt nhìn quanh.

- Đây là ngôi nhà không có người ở nên hẳn biết sẽ không bị ai bắt gặp trong vườn.

- Phải. Nhưng từ đầu phố đến đây còn có một ngôi nhà bỏ không nữa mà, hẳn phải đi qua để đến đây. Tại sao hẳn không đập pho tượng ở đó? Hẳn thừa hiểu rằng đi xa thêm mỗi mét là tăng thêm nguy cơ bị phát hiện cơ mà?

- Tôi xin chịu thôi. - Lestrade nói.

Holmes chỉ lên ngọn đèn đường phía trên đầu chúng tôi.

- ở đây hẳn mới nhìn thấy rõ, còn ở đằng kia thì không. Đó chính là lý do hẳn phải đến tận đây.

Viên thanh tra thốt lên:

- Bây giờ tôi mới nhớ lại pho tượng của bác sỹ Barnicot bị đập vỡ cách chỗ ngọn đèn đỏ nhà ông không bao xa. Chúng phải xử lý thế nào với sự việc này, ông Holmes?

- Ghi nhớ nó. Sau này chúng ta có thể gặp phải một tình tiết buộc ta trở lại với nó đấy. Giờ ông định tiến hành những bước gì nữa, ông Lestrade?

- Theo tôi, thiết thực hơn cả là xác minh xem người bị giết là ai. Việc này thì không khó. Khi đã biết được anh ta là ai rồi, chúng ta có thể bắt tay vào điều tra xem đêm qua anh ta làm gì ở đường Pitt, kẻ nào đã gặp và giết anh ta trên bậc thang trước cửa nhà ông Horace Harker. Ông thấy như vậy có được không?

- Được lắm. Nhưng tôi thì tôi sẽ tiếp cận vụ này một cách khác.

- Vậy ông sẽ làm thế nào?

- Ồ, ông không nên để tôi ảnh hưởng đến ông một chút nào. Tôi đề nghị là ông cứ theo cách của ông, còn tôi sẽ theo cách của tôi. Sau đó sẽ đối chiếu những điều đã ghi nhận được với nhau.

- Tốt lắm. - Lestrade nói.

- Nay anh Watsson, tôi nghĩ trước mắt chúng ta sẽ là một ngày bận rộn đấy. Tôi sẽ rất vui, ông Lestrade ạ, nếu sáu giờ chiều này ông có thể thu xếp đến thăm chúng tôi ở Baker Street. Còn bức ảnh tìm thấy trong túi áo nạn nhân tôi xin được giữ cho đến lúc đó. Tối nay có lẽ tôi phải nhờ ông giúp một tay nếu những suy luận của tôi cho thấy là tôi đúng. Từ giờ đến lúc đấy xin tạm biệt và chúc ông may mắn.

Tôi và Holmes cùng đi bộ đến High Street và rẽ vào hiệu Harding Brothers, nơi đã bán pho tượng nọ. Một người phụ việc trẻ trong hiệu cho chúng tôi hay là ông Harding mãi đến chiều mới về, còn anh ta thì không thể giúp chúng tôi biết được

điều gì. Mặc Holmes đầy vẻ thất vọng và buồn bực.

- Chúng ta đành phải quay lại đây chiều nay thôi. Watson ạ, vì đến lúc đó ông Harding mới có mặt ở đây, cuối cùng anh nói. - Tất nhiên anh đã đoán ra là tôi đang cố lần theo dấu vết mấy pho tượng kia cho đến tận đầu mỗi, để xem tại sao gã điên nọ lại quan tâm đến chúng như vậy. Bây giờ chúng ta đến phố Kennington gặp ông Morse Hudson, thử xem ông ta có biết điều gì có thể làm sáng tỏ vụ này chẳng.

Chúng tôi đi xe ngựa mất một giờ thì đến được cửa hiệu bán tranh của Morse Hudson. Ông là một người thấp bé, mập mạp, mặt đỏ, phong thái có vẻ nóng nảy.

- Vâng, thưa ngài. Hẳn đập vỡ ngay tại quầy của tôi, thưa ngài, - ông nói. chúng tôi đóng thuế để được gì, nếu bạ ai cũng có thể vào nhà phá phách đồ đạc. Vâng, thưa ngài, chính tôi đã bán cho bác sỹ Barnicot hai pho tượng. Tôi mua của ai những pho tượng ấy ư? Tôi không hiểu chuyện đó có can hệ gì đến sự việc. Thôi được, ngài đã muốn biết thì tôi xin nói. Tôi mua tại hãng Gelder và Công ty trên đường Church, Stepney. Tôi có mấy pho tượng ư? Ba pho - hai cộng một là ba - hai pho tôi bán cho bác sỹ Barnicot, còn một pho nữa bị đập nát ngay giữa ban ngày ban mặt tại quầy hàng của tôi. Tôi có biết người trong ảnh này không ư? Không, tôi không biết. à có, tôi có biết. Hẳn là Beppo, người Ý. Hẳn làm được một vài việc cho cửa hiệu tôi. Hẳn biết chạm khắc đôi chút, và làm vài việc sai vặt trong hiệu. Hẳn đi khỏi hiệu tuần trước và từ đó tôi chẳng nghe thấy tăm hơi gì về hẳn nữa. Không, tôi không biết hẳn ta từ đâu đến. Hẳn rời hiệu tôi đi đâu tôi cũng

chẳng hay. Tôi chẳng có gì xung khắc với hẳn khi hẳn làm việc ở đây. Hẳn đi khỏi đây hai ngày trước khi pho tượng bị đập vỡ.

Ồ, những điều Morse Hudson cho chúng tôi biết thật đáng giá, chúng ta không thể mong muốn gì hơn thế, - Holmes nói khi chúng tôi rời cửa hiệu. - Chúng ta đã biết được tay Beppo này dính dáng đến cả hai vụ: cả ở Kennington lẫn ở Kensington, thật đáng công đi mười dặm đường đến đây. Anh Watson, bây giờ chúng ta đi đến hãng Gelder và Công ty, khu Stepney, đến tận xuất xứ của mấy pho tượng. Tôi tin là ở đấy chúng ta sẽ biết được một điều gì đó giúp chúng ta điều tra vụ này.

Chúng tôi tìm ra cái xưởng tạc tượng ấy trên một con đường rộng chạy dọc bờ sông. Bên ngoài xưởng là một khoảng sân rộng ngổn ngang những sản phẩm bằng đá đủ loại, bên trong có một căn phòng lớn với năm mươi công nhân đang tạc tượng và đúc tượng theo khuôn. Chủ xưởng, một người Đức cao lớn, tiếp chúng tôi rất lịch sự và trả lời rõ ràng mọi câu hỏi của Holmes. Sổ sách cho thấy: xưởng ông đã sản xuất hàng trăm pho tượng bán thân Napoleon bằng thạch cao; tất cả đều được đúc ra từ một khuôn, dùng pho tượng cẩm thạch của nhà điêu khắc Devine làm mẫu. Ba sản phẩm trong một lô hàng riêng gồm sáu pho tượng đã đem giao cho ông Morse Hudson khoảng một năm trước; số còn lại thì bán cho hiệu Harding Brothers, ở Kensington. Sáu pho tượng trong lô hàng đó chẳng có gì khác với những pho tượng còn lại. Ông không hình dung nổi vì lẽ gì lại có kẻ chỉ muốn đập vỡ những pho tượng ấy.

Trong thâm tâm ông thấy ý định đó quả thật nực cười. Mỗi pho tượng đều được đúc từ hai khuôn, khuôn này đúc nửa mặt bên phải, khuôn kia - nửa bên trái; sau đó ghép hai nửa lại với nhau, thế là được một pho tượng hoàn chỉnh. Công việc này thường do mấy tay thợ người ý đảm nhiệm, ngay tại phòng chúng tôi đang đứng. Làm xong họ đặt những sản phẩm đó lên cái bàn kê ngoài lối đi cho khô, sau đó cất vào kho. Đây là tất cả những gì ông có thể cho chúng tôi biết. Nhưng tám ảnh đã gây cho ông chủ xưởng một ấn tượng mạnh mẽ. Ông đỏ mặt giận dữ.

- Vâng, thật sự tôi biết hắn rất rõ, - ông hét to lên.- Từ trước đến giờ chỉ có một lần duy nhất cảnh sát đến xưởng tôi chính là vì thằng này đây. Chuyện đó xảy ra hơn một năm nay rồi: hắn dùng dao đâm một tay người ý khác ở ngoài phố rồi chạy bỏ vào xưởng tôi để trốn cảnh sát đang đuổi bắt phía sau. Hắn bị tóm cổ ngay tại đây. Tên hắn là Beppo. Tôi không hề biết họ của hắn. Tuy thế hắn là một tay thợ khá - một trong những tay giỏi nhất đấy.

- Hắn bị kết án gì?

- Người bị hắn đâm không chết, cho nên người ta chỉ xử hắn một năm tù ngồi. Tin tin rằng giờ hắn đã được tự do, nhưng hắn chẳng dám thò mặt về đây. Người em họ của hắn đang làm việc ở chỗ tôi. Hy vọng anh ta có thể mách cho ông biết Beppo hiện ở đâu.

- Không, không, - Holmes kêu lên, - ông đừng nói gì với em họ của hắn cả, tôi xin ông đừng nói gì! Việc này rất hệ trọng. Càng đi sâu vào tôi càng thấy nghiêm trọng. Trong cuốn sổ của ông tôi thấy ghi là những pho tượng đó được bán ngày ba tháng sáu năm ngoái. Ông có thể cho chúng tôi biết ngày Beppo bị bắt được không?

- Tôi có thể tính gần đúng dựa theo bản danh sách tính tiền công, chủ xưởng đáp lại.

- Đúng, - ông lại lên tiếng sau một hồi lật tìm trong mớ giấy tờ, - hắn được trả tiền công lần cuối vào ngày hai mươi tháng năm.

- Cảm ơn ông, Holmes nói. - Tôi nghĩ không nên làm mất thì giờ và lạm dụng lòng kiên nhẫn của ông nữa. Còn bây giờ, anh Watson, chúng ta quay về Kensington xem ông chủ hiệu Harding Brothers kể được những gì cho chúng ta về vụ này.

Ông Harding là một người nhỏ bé, nhanh nhẹn, tinh trí và nhanh miệng.

- Vâng, thưa ngài, tôi đã đọc được chuyện này trên các báo buổi chiều. Ông Horace Harker là một trong những khách hàng của chúng tôi. chúng tôi bán cho ông ấy pho tượng nọ cách đây mấy tháng. Ba pho tượng loại này chúng tôi đã đặt mua tại hãng Gelder và Công ty, ở Stepney và đã bán hết. Bán cho ai ư? Để tôi xem sổ sách bán hàng và trả lời ngài ngay thôi. Đúng, trong này có ghi đầy đủ. Một pho bán cho ông Harker, ông thấy đấy, một pho nữa bán cho ông Josiah Brown ở Biệt thự Laburnum, Laburnum Vale, Chiswick và pho thứ ba bán cho ông Sandeford ở Hạ Grove, Reading.

Không, tôi chưa bao giờ thấy người đàn ông trong bức ảnh ngài đưa tôi xem. Trong hiệu tôi có nhân viên nào người Ý không ư? Thưa ngài, có, có mấy người tôi thuê làm công và quét dọn. Bọn họ có thể liếc nhìn quyển sổ bán hàng này nếu thích. Chẳng có lý do gì đặc biệt để giữ bí mật cả. Chà, vụ này quả là kỳ lạ. Tôi hy vọng ông sẽ cho tôi biết những gì ông phát hiện được.

Holmes ghi chép vài điểm. Tôi thấy anh đặc ý ra mặt. Nhưng anh chẳng giải thích gì, chỉ giục tôi nhanh chân kéo trễ hẹn với Lestrade. Quả nhiên, khi chúng tôi về đến phố Baker, viên thanh tra đã đợi sẵn ở đấy và đang đi đi lại lại, vẻ sốt ruột.

- Công việc thế nào rồi, ông Holmes? - ông ta lên tiếng hỏi.

- Chúng tôi đã bận rộn suốt ngày và thật là không uống công chút nào - bạn tôi giải thích - Giờ tôi có thể lần theo dấu vết của từng pho tượng từ lúc mới được đúc trong khuôn ra.

- Các pho tượng à! - Lestrade thốt lên. - Thôi được, thôi được, ông Holmes, ông có phương pháp của riêng ông, song tôi cho là ngày vừa qua tôi khám phá được nhiều điều hơn ông. Tôi đã xác minh được người bị giết là ai và tìm ra nguyên nhân gây án.

- Tuyệt vời.

- Ngài thanh tra Hill, người chuyên theo dõi kiều dân Ý sống tại khu phố Italia, vừa trông thấy đã nhận ngay ra hắn. Hắn tên là Pietro Venucci, quê ở Napoli, là một trong những tay đâm thuê chém mướn sừng sỏ nhất London. Hắn có liên hệ với bọn Mafia, như ông biết đấy, một tổ chức chính trị bí mật. Giờ ông thấy đấy, vụ này bắt đầu sáng tỏ. Kẻ giết hắn có lẽ cũng người Ý và là thành viên Mafia. Tay này chắc đã vi phạm luật lệ như thế nào đó. Pietro rình tìm hắn. Tấm ảnh ta tìm thấy trong túi áo hắn có lẽ là của chính tay này, hắn mang theo để không giết nhầm người khác. Hắn theo dõi địch thủ, khi thấy tên này lên vào nhà, hắn đứng ngoài đợi tên này trở ra và trong cuộc ẩu đả với địch thủ hắn đã bị tử thương. Ông nghĩ thế nào về điều này, ông Holmes?

Holmes vỗ tay tán đồng.

- Tuyệt, ông Lestrade, thật là tuyệt! - anh thốt lên. - Nhưng tôi chưa rõ ông lý giải như thế nào việc mấy pho tượng bị đập nát.

- Lại mấy pho tượng! Ông không gạt bỏ được mấy pho tượng ấy ra khỏi đầu sao. Rốt cục, đấy chỉ là chuyện vớ vẩn. Chính vụ án mạng mới là cái chúng ta thật sự quan tâm, và tôi có thể nói với ông là tôi đã nắm được mọi đầu mối.

- Thế bước tiếp theo ông định làm gì?

- Hết sức đơn giản. Tôi cùng ngài Hill đến khu phố Italia, tìm cho ra tên trong ảnh nọ và bắt hắn vì tội giết người. Ông cùng đi với chúng tôi chứ?

- Có lẽ không đâu. Tôi có cách đơn giản hơn nhiều. Tôi rất mong đêm nay ông cùng đi với chúng tôi, tôi có thể sẽ giúp ông bắt được hắn.

- Ở khu phố Italia ư?

- Không. Theo tôi, tìm bắt hắn ở Chiswick là chắc hơn cả.

- Ông Lestrade, nếu đêm nay ông đi cùng tôi đến Chiswick thì tôi hứa ngày mai sẽ đi với ông đến khu phố Italia. Hoãn lại một tí đâu có hại gì. Anh Watson, trong lúc chờ đợi, anh làm ơn bấm chuông gọi giúp người đưa thư vì tôi muốn gửi gấp một bức thư rất hệ trọng.

Tối hôm đó Holmes lục tìm các chồng nhật báo cũ chất đầy áp cả một phòng trong nếp nhà hai chúng tôi đang ở. Cuối cùng rồi anh cũng ra với chúng tôi, mặt rạng rỡ vẻ đắc thắng, nhưng anh chẳng hé răng nói gì với cả tôi lẫn viên thanh tra về những kết quả vừa khám phá. Tôi đã theo sát anh từng bước chân trong suốt tiến trình điều tra vụ này. Vì vậy, tuy chưa thể biết rõ mục tiêu cuối cùng chúng tôi đang theo đuổi, tôi vẫn hiểu mười mươi rằng Holmes hy vọng sẽ tóm được tên tội phạm đang cố tìm mọi cách đoạt hai pho tượng còn lại, mà một, theo tôi nhớ, hiện đang nằm tại Chiswick. Không còn ngờ vực gì nữa, mục đích chuyến đi của chúng tôi đêm nay là bắt quả tang hắn ta. Tôi chẳng ngạc nhiên khi Holmes nhắc tôi nên mang theo cả khẩu súng ngắn ưa thích của tôi.

Mười một giờ, một chiếc xe ngựa đã đậu trước cổng nhà. Chúng tôi lên xe, đến một nơi nằm bên kia cầu Hammer Smith. Sau một quãng đi bộ, chúng tôi đã đến một con đường yên tĩnh với những tòa nhà đẹp mắt, xây trên từng khoảng đất riêng, cách biệt nhau.

Nhờ ánh đèn đường, tôi đọc được hai chữ Laburnum Lodge trên cổng hậu một tòa nhà. Chủ nhân chắc chắn đã đi nghỉ, vì toàn bộ ngôi nhà đang chìm trong bóng tối, ngoại trừ một khung cửa sổ ngay bên trên cửa chính dẫn vào tiền sảnh, hắt một quầng sáng lẻ loi xuống một lối đi trong vườn. Một dãy rào gỗ ngăn khu vườn với đường phố, hắt một dải bóng tối dày đặc vào phía trong. Chúng tôi chọn đó làm nơi ẩn nấp.

- Tôi e là anh sẽ phải đợi lâu đây, - Holmes ri tai tôi.

- Nhưng tôi dám đánh cược hai ăn một là chúng ta sẽ được đền bù xứng đáng cho những nỗ lực vất vả mà chúng ta đã trải qua.

Nhưng hóa ra chúng tôi chẳng phải đợi lâu như Holmes đã nghĩ, và kết cục thật bất ngờ và kỳ lạ. Thành linh, không có một tiếng động nào báo trước, cảnh cổng vườn bật mở, và một bóng đen nhanh nhẹn, khéo léo chạy vọt vào theo lối mòn trong vườn. Chúng tôi thấy cái bóng đó lướt qua cái quầng sáng trên cửa sổ hắt xuống cửa chính, và biến mất vào bóng tòa nhà. Bốn bề im ắng khá lâu. Chúng tôi nín thở chờ đợi, rồi

một tiếng động khẽ vọng tới: cánh cửa sổ mở ra. Tiếp đó, không còn nghe một tiếng động nào nữa, và tất cả lại lặng ngắt một hồi lâu. Bóng đèn nọ lền vào nhà. Bỗng chúng tôi thấy một ánh đèn lóe sáng trong phòng. Cái hần tìm chắc không có ở đó, vì chúng tôi lại thấy ánh đèn lóe sáng tại một chỗ khác, rồi một chỗ khác nữa.

- Nào, chúng ta hãy tới cửa sổ để ngó. Chúng ta sẽ tóm hần lúc hần leo ra, - Lestrade khẽ nói.

Nhưng chúng tôi chưa kịp tới nơi dự tính thì gã nọ đã xuất hiện. Khi hần ra đến quãng sáng, chúng tôi thấy hần đang cắp trong nách một vật màu trắng. Hần đưa mắt nhìn quanh. Quay lưng về phía chúng tôi, hần đặt vật đang cắp dưới nách xuống, và ngay sau đó, bỗng vang lên một tiếng đập mạch, rồi tiếp theo là những tiếng lại xạo. Hần mãi miết với việc đang làm đến mức không nghe thấy tiếng bước chân chúng tôi lướt trên mặt cỏ. Holmes nhảy chồm lên lưng hần như một con hổ, và chỉ một chớp mắt sau, Lestrade và tôi đã tóm lấy cổ tay hần. Khi chúng tôi lật ngửa hần lại, tôi thấy hần đang nhìn chúng tôi một cách hần học. Và tôi nhận ra kẻ bị bắt chẳng phải ai khác, mà chính là người đàn ông trong ảnh.

Nhưng Holmes chẳng hề quan tâm đến kẻ bị bắt. Anh chỉ chăm chú xem pho tượng Napoleon mà gã nọ vừa lấy trộm trong nhà ra. Pho này cũng giống như pho mà chúng tôi thấy sáng nay, và cũng đã bị đập vụn từng mảnh. Thận trọng, Holmes đưa từng mảnh vỡ ra chỗ sáng xem xét, nhưng những mảnh thạch cao đó xem ra chẳng khác gì nhau. Anh vừa xem xong thì ánh đèn trong tiền sảnh bỗng sáng rực. Cửa mở, và từ trong nhà bước ra một người đàn ông vui vẻ, ăn mặc tề chỉnh, tự giới thiệu mình là chủ nhà.

- Ông chắc hần là ông Josiah Brown? - Holmes nói.

- Vâng, thưa ngài. Còn ngài chắc hần là ngài Holmes? Tôi đã nhận được thư ngài do người đưa thư chuyển tới, và tôi đã làm đúng như lời ngài dặn trong thư. Chúng tôi đã khóa chặt các cửa phòng và đợi mọi diễn biến. Tôi rất mừng là ngài đã tóm được hần. Tôi hy vọng các ngài sẽ quá bộ vào nhà nghỉ một lát trước lúc ra về.

Nhưng Lestrade sốt ruột, chỉ muốn đưa gấp tên trộm về đồn cho chắc ăn, nên chỉ vài phút sau, ba chúng tôi và tên trộm đã yên vị trên xe về lại London. Tên trộm không hề hé răng thốt ra một lời nào, mà chỉ hần học nhìn chúng tôi từ sau mái tóc rũ xuống trán. Có một lần, khi tay tôi nằm trong tầm với, hần vụt cúi xuống định ngoạm. Chúng tôi lưu lại đồn cảnh sát khá lâu để chờ kết quả khám xét người hần, nhưng chẳng tìm thêm được gì ngoài một vài đồng xu trong túi và một con dao dài, trên cán còn nguyên vết máu chưa kịp rửa lại.

- Thôi ổn rồi, - Lestrade nói khi chia tay chúng tôi. - Ngài Hill biết mặt tất cả các kiểu dân khu này, nên sẽ cho chúng ta biết họ tên hần. Ông sẽ thấy giả thuyết của tôi về bọn Mafia là chính xác một trăm phần trăm. Dù sao tôi cũng biết ơn ông đã mách giúp tôi cách tóm cổ hần. Có điều, tôi vẫn chưa hiểu hết làm thế nào mà ông biết nơi hần sẽ

xuất đầu lộ diện.

- Tôi e rằng muốn giải thích phải đợi dịp khác, vì bây giờ đã khuya quá rồi, - Holmes nói. - Hơn nữa, vẫn còn một vài tình tiết tôi chưa khám phá ra, và đây là một trong những vụ đáng để chúng ta thực hiện đến nơi đến chốn. Nếu ngày mai, ông chịu khó ghé lại nhà tôi vào lúc sáu giờ, tôi nghĩ tôi có thể cho ông thấy: cho tới lúc này ông vẫn chưa hiểu hết điểm mấu chốt của vụ này. Đó mới chính là những điểm khiến vụ này là vụ án độc đáo nhất lịch sử tội phạm.

Tối hôm sau, khi gặp lại nhau, Lestrade đã cho chúng tôi biết hàng loạt thông tin về kẻ bị bắt. Hóa ra tên hắn là Beppo, còn họ thì không rõ. Có thời, hắn từng là thợ đúc tượng giỏi, làm ăn lương thiện. Nhưng về sau hắn đã gây nên những vụ phạm pháp. Hắn từng hai lần ngồi tù, một lần vì ăn cắp vặt, lần sau thì như các ông đã biết, vì tội đâm trọng thương một đồng bào của hắn. Hắn rất thạo tiếng Anh. Nhưng lý do nào khiến hắn đập nát những pho tượng thì chưa rõ: hắn không chịu trả lời bất cứ câu hỏi nào về chuyện này. Cảnh sát đã phát hiện được rằng những pho tượng mà hắn đập nát có thể đều do chính tay hắn làm ra, vì hắn từng làm loại công việc này tại hãng Gelder và Công ty. Tất cả những thông tin này, phần nhiều chúng tôi đều biết cả rồi, nhưng Holmes vẫn lịch duyệt lắng nghe; có điều tôi vốn biết rõ anh, nên tôi hiểu rằng ý nghĩ anh đang đổ dồn vào một chuyện khác. Bỗng anh đứng bật dậy, mắt sáng rực khi nghe vang lên tiếng chuông gọi cửa dưới nhà. Một phút sau, có tiếng chân bước lên cầu thang, rồi một người đàn ông đứng tuổi, mặt đỏ gay, bước vào, tay phải xách theo một cái túi. Ông ta đặt cái túi lên bàn, rồi lên tiếng:

- Đây có phải là nhà ngài Holmes không?

Bạn tôi mỉm cười cúi chào.

- Nếu tôi không nhầm, ông là Sandeford ở Reading? - anh lên tiếng.

- Vâng, thưa ngài, có lẽ tôi đến hơi muộn, nhưng không có chuyến tàu nào thuận tiện hơn. Trong thư ông có yêu cầu tôi nhượng lại pho tượng bán thân mà tôi đang sở hữu.

- Quả đúng như vậy.

- Tôi có đem theo thư ông đây. Ông viết: "Tôi muốn có một bản sao pho tượng bán thân Napoleon do Devine tạc và tôi sẵn sàng trả mười bảng để mua lại pho tượng ông hiệu sở hữu." Có đúng vậy không ạ?

- Chính thế.

- Tôi rất ngạc nhiên khi đọc thư ông, vì tôi không thể hình dung được nhờ đâu mà ông biết được tôi có pho tượng như thế.

- Ông ngạc nhiên là phải thôi, nhưng chuyện này có thể giải thích hết sức đơn giản.

Ông Harding, chủ hiệu Harding Brothers nói là đã bán phúc bản cuối cùng của pho tượng cho ông, và có cho tôi biết địa chỉ của ông.

- Thì ra là vậy. Thế thì tôi có mang theo pho tượng như ông đã yêu cầu. Nó đây này!- Ông ta đã mở túi xách và mỗi lúc này chúng tôi mới được thấy trên bàn chúng tôi một pho tượng nguyên vẹn, chứ từ trước đến giờ chúng tôi chỉ toàn thấy những mảnh vụn.

Holmes rút trong túi ra một tờ giấy và đặt lên bàn tờ giấy bạc mười bảng.

- Ông Sandeford, ông làm ơn ký vào tờ giấy này trước sự chứng kiến của các vị đây. Trong giấy xác nhận rằng ông chuyển nhượng cho tôi mọi quyền lợi có thể có đối với pho tượng. Cảm ơn ông Sandeford. Đây, xin ông nhận lấy tiền và chúc ông một buổi tối tốt lành.

Khi vị khách đã đi khuất, Holmes liền lúi trong ngăn kéo ra một tấm vải trắng tinh và trải lên bàn. Rồi anh đặt pho tượng vừa mua vào chính giữa tấm vải. Xong xuôi, anh giờ cao gậy, giáng một cái thật mạnh vào đỉnh đầu Napoleon. Pho tượng vỡ vụn ra từng mảnh. Holmes háo hức cúi xuống xem xét các mảnh vỡ. Lát sau, anh reo lên đắc thắng và giờ cao một mẫu thạch cao bọc bên ngoài một vật tròn tròn sẫm màu.

- Thưa các vị, anh reo lên - xin được giới thiệu với các vị viên ngọc đen nổi tiếng của dòng họ Borgias.

Lestrade và tôi ngồi lặng người đi một lúc, rồi cả hai cùng vỗ tay hết như vừa xem xong một vở kịch. Má Holmes vốn tái nhợt giờ vụt ửng hồng. Anh cúi chào chúng tôi như một diễn viên bậc thầy đáp lại lòng ngưỡng mộ của khán giả. Chỉ trong những khoảnh khắc đó Holmes mới tỏ ra là một nhân viên rất người, rất thích được ngưỡng mộ và thán phục, chứ không phải là một cái máy giỏi suy luận.

- Vâng, thưa các ngài, - anh nói- đây chính là viên ngọc lừng danh Thế giới. Tôi đã có cái may mắn được theo dõi hành trình của viên ngọc quý từ phòng ngủ của Quận công xứ Colonna trong khách sạn Darce, nơi nó bị mất, cho tới khi nó chui vào pho tượng cuối cùng trong số sáu pho Napoleon do hãng Gelder và Công ty tại Stepney đúc ra. Ông Lestrade, chắc ông còn nhớ vụ scandal nổ ra sau ngày viên ngọc quý này mất tích, và những nỗ lực tìm kiếm vô vọng của cảnh sát London. Chính tôi cũng được mời đến làm cố vấn cho họ trong vụ này, nhưng tôi đã không làm sáng tỏ được gì. Người ta nghi cho cô hầu gái của Quận chúa.

Cô này người Ý, và người ta cũng phát hiện ra rằng cô ta có một người anh ở London, nhưng chúng tôi không tìm ra được bất cứ một mối liên hệ nào giữa hai người. Cô ta tên là Lucretia Venucci, và tôi tin chắc rằng chính gã Pietro bị giết cách đây hai hôm là anh cô ta. Tôi dò tìm ngày tháng trong đồng báo cũ và thấy rằng viên ngọc bị mất đúng hai ngày trước hôm Beppo bị bắt vì tội mưu sát. Hắn bị bắt ngay tại xưởng Gelder và Công ty đúng vào thời điểm những pho tượng kia đúc ra. Beppo đang giữ viên ngọc. Có thể hắn đánh cắp của Pietro, hoặc hắn là tông phạm của Pietro, hoặc hắn làm trung

gian giữa Pietro và em gái hắn ta. Thực ra khả năng nào là đúng, đối với chúng ta không hề trọng. Cái chính là hắn có viên ngọc và đang giữ viên ngọc trong người lúc bị cảnh sát truy đuổi. Hắn đến cái xưởng làm tượng mà hắn đang làm việc, và hắn biết mình chỉ còn vài phút để giấu cái báu vật vô giá ấy, nếu không cảnh sát sẽ tìm thấy nó khi khám xét người hắn. Lúc sáu pho tượng Napoleon bằng thạch cao đang hong ở lối đi, trong đó có một pho còn mềm. Vốn là một tay thợ giỏi, trong chớp mắt Beppo đã tạo được một cái hốc nhỏ, ấn viên ngọc vào đó, rồi với vài động tác hắn đã có thể trám ngay được cái hốc kia. Quả không còn một nơi cất giấu nào tốt hơn. Không một ai có thể tìm ra viên ngọc được nữa. Nhưng Beppo bị kết án một năm tù, và trong thời gian đó sáu pho tượng kia được bán đi khắp London. Ra tù, hắn không thể biết báu vật nọ hiện nằm trong pho tượng nào. Bây giờ chỉ còn cách đập vỡ từng pho một mới biết được vì dù có lắc mạnh viên ngọc cũng không gây được tiếng động nào: khi thạch cao còn ướt, viên ngọc có thể bị dính chặt ở bên trong, và sự thực quả đúng như vậy. Nhưng Beppo không nản lòng. Hắn thực hiện một cuộc tìm kiếm thật tài tình. Qua người em họ làm cho Gelder, hắn biết được những pho tượng ấy đã được bán cho hãng nào. Hắn cố xin một chân ở hiệu Morse Hudsson và nhờ đó đã lần ra được dấu tích của ba pho. Tiếc thay trong cả ba pho ấy đều không thấy có viên ngọc. Sau đó, nhờ một nhân viên người Ý, hắn đã dò ra được ba pho còn lại hiện ở đâu. Pho thứ nhất ở nhà ông Harker. Tại đây Beppo bị Pietro theo dõi. Tên này vốn coi hắn như kẻ chịu trách nhiệm về vụ mất viên ngọc, Beppo đã hạ sát tên này trong trận ẩu đả sau đó.

- Nếu chúng đồng lõa với nhau thì tại sao Pietro lại phải mang theo tấm ảnh?- tôi hỏi.

- Đó là một phương tiện để hỏi dò người khác xem họ có nhận ra người trong ảnh không. Lý do chỉ có vậy. Sau khi gây án mạng, tôi đoán chắc Beppo nhất định phải hành động khẩn trương hơn, chứ không thể chần chừ. Hắn sợ cảnh sát khám phá được điều bí mật của hắn, nên hắn phải làm gấp trước khi bị cảnh sát biết. Tất nhiên ở thời điểm đó, tôi chưa thể nói rằng hắn không tìm thấy viên ngọc. Tôi cũng chưa thể kết luận đích xác rằng hắn đang tìm viên ngọc. Nhưng tôi biết chắc rằng hắn đang tìm một vật gì đó, vì hắn phải mang pho tượng qua mấy nhà liên để tìm một chỗ nào đó có ánh đèn. Bây giờ chỉ còn hai pho, nên dĩ nhiên hắn phải tìm pho ở London trước tiên. Vì thế tôi phải báo trước với chủ nhà để tránh một thảm kịch thứ hai. Và ở đó chúng ta đã thu được kết quả mỹ mãn nhất. Lúc này, dĩ nhiên, tôi đã biết chắc cái mà chúng ta đang theo đuổi chính là viên ngọc Borgia. Tên kẻ bị giết đã giúp tôi tìm ra mối liên hệ giữa các sự việc với nhau. Cuối cùng chỉ còn một pho tượng độc nhất - pho ở Reading – và chắc chắn viên ngọc phải nằm ở đó. Tôi đã mua nó từ tay chủ nhân trước sự chứng kiến của các vị, và viên ngọc giờ này đã ở đây.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc.

- Ấy đây - Lestrade lên tiếng - tôi đã từng được chứng kiến ông xử lý nhiều vụ án, ông Holmes ạ, nhưng từ lúc hành nghề tới giờ, tôi chưa hề được thấy một vụ được xử lý một cách tài tình như vụ này. Nếu ngày mai ông có nhã ý quá bộ đến Scotland Yard thì tôi tin rằng không một ai, kể từ ông thanh tra già nhất đến anh nhân viên trẻ nhất, không lấy làm sung sướng được bắt tay ông.

- Cảm ơn ông! - Holmes nói. - Cảm ơn ông! - Và khi anh quay đi tôi có cảm giác xúc động hơn bất cứ lúc nào mà tôi từng được chứng kiến. Lát sau, anh đã lại trở thành con người có cách suy nghĩ lạnh lùng và thực dụng như cũ.

- Watson, cất giúp viên ngọc vào chỗ an toàn - anh nói. Tạm biệt ông Lestrade. Nếu sau này ông có gặp một vấn đề nhỏ nhặt nào, tôi sẽ lấy làm sung sướng được góp với ông một vài ý nhỏ để giúp ông tìm giải pháp.

Hết

D.9 - The Adventure of the Three Students 1904 (Ba sinh viên)

Trong năm 1895, Sherlock Holmes và tôi tới ngụ tại một thành phố lớn có nhiều trường đại học. Lúc đó chúng tôi trọ trong một nhà cho thuê có đồ đạc, gần một thư viện, để Holmes nghiên cứu một đề tài mà anh thích. Một buổi tối, chúng tôi tiếp ông Hilton Soames, giám thị và giảng viên tại trường trung học St. Luke.

- Thưa ông Holmes, một chuyện rất khổ tâm vừa xảy ra ở St. Luke. Và nếu không có sự may mắn đưa ông tới đây thì không biết xoay sở ra sao.

- Tôi đang bận, và mong không bị mất tập trung. Tôi thật lòng muốn ông nhờ tới cảnh sát thì hơn.

- Không. Không thể được! Khi luật pháp đã khởi động thì chẳng có cách gì làm cho nó ngừng lại. Mà nhà trường thì không muốn bị mang tai mang tiếng. Ông là người duy nhất có thể giúp chúng tôi, thưa ông Holmes.

Tính nết Holmes đã không khá hơn kể từ khi anh rời bỏ bầu không khí quen thuộc của con đường Baker. Không có những cuốn sách to lớn, những cuộc phân tích hóa học, sự bừa bộn quen thuộc của anh, thì anh không được thoải mái. Vả chăng anh đã nhún vai để bày tỏ một sự không đồng ý. Ngay đó người khách không ngừng tuôn ra những câu nói hồi hã.

- Thưa ông Holmes, ngày mai bắt đầu cuộc thi lấy học bổng. Tôi là một trong số các giám khảo về môn tiếng Hy Lạp. Tôi chọn đề thi là một bài dịch khá dài mà chưa một thí sinh nào dịch qua. Bản văn được đem đi in. Tất nhiên là thí sinh nào biết được và chuẩn bị bài làm thì sẽ có nhiều hi vọng hơn. Chính vì thế mà chúng tôi luôn luôn giữ thật kỹ.

Hôm nay, vào lúc 3 giờ, các bản in thử được nhà in gửi đến tôi. Tôi phải đọc lại thật cẩn thận để bản văn được hoàn toàn đúng ngữ pháp. Tới 4 giờ rưỡi, tôi vẫn đọc chưa xong. Thế mà tôi lại bận đi dự tiệc ở bên ngoài trường. Tôi để các bản in thử trên bàn giấy và vắng mặt khoảng một tiếng đồng hồ. Những cánh cửa ở trường là cửa kép: bên ngoài làm bằng gỗ sồi và bên trong là lớp thảm bồi. Khi trở về, tôi ngạc nhiên khi thấy có chìa khóa gắn trong ổ. Thoạt đầu tôi ngỡ là mình để quên chìa khóa! Nhưng tôi lục tìm trong các túi, chìa khóa của tôi vẫn ở trong túi. Cái chìa khóa thứ hai do người hầu của tôi, tên là Bannister giữ. Ông này đã sống với tôi suốt 10 năm và là người ngay thẳng. Chìa khóa đó, đúng là chìa khóa của ông ta. Ông ta đã vào phòng tôi để xem tôi có muốn uống trà không, và khi đi ra, ông đã để quên... Bannister hẳn đã vào trong phòng vài phút sau khi tôi đã đi ra ngoài. Trong bất cứ ngày nào khác, sự việc đó không có gì quan trọng. Nhưng hôm nay, thì nó rất là thảm hại.

Nhìn lên bàn giấy, tôi thấy ngay là đã có người lục lọi giấy tờ của tôi. Những bản in thử in trên ba tờ giấy dài. Tôi đã để chúng cùng một chỗ. Và giờ đây tôi thấy ba tờ nằm ba nơi: một tờ nằm trên sàn nhà, một tờ ở gần cửa sổ và một tờ nằm ở vị trí cũ.

Holmes hơi nhồm người dậy.

- Tờ thứ nhất nằm trên sàn nhà, tờ thứ hai ở gần cửa sổ và tờ thứ ba nằm ở vị trí cũ?

– Anh hỏi.

- Đúng vậy, thưa ông Holmes. Ông làm tôi kinh ngạc đấy! Làm sao ông biết được điều đấy?

- Mong ông cứ tiếp tục câu chuyện.

- Trong một lúc lâu, tôi tự nhủ là Bannister đã tự tiện xem giấy tờ của tôi. Ông ta đã đoán chắc với tôi là không. Vậy thì có ai đó, khi đi ngang trước cửa phòng tôi, thấy cái chìa khóa và đoán rằng tôi đi ra ngoài nên người đó bước vào xem các bản in thử. Thật là một điều tệ hại, khi mà một sinh viên được biết trước đề thi, một lợi thế lớn của anh ta trong cuộc đua giành học bổng với các bạn đồng học.

Bannister gần như ngất đi khi chúng tôi khám phá ra rằng những bản in thử bị đổi chỗ. Tôi đã cho ông ta uống vài giọt brandy và để ông ta ngồi xuống ghế rồi khám xét thật tỉ mỉ căn phòng. Trên cái bàn nhỏ gần cửa sổ, tôi tìm thấy những miếng gỗ vụn bút chì được gọt. Còn có một mẫu ruột bút chì bị gãy. Rõ ràng là kẻ ranh mãnh đã chép vội chép vàng bài thi. Vì luống cuống y đã làm gãy cây bút chì và đã gọt lại.

- Tuyệt vời. Ông đã gặp may! - Holmes kêu lên.

- Chưa hết. Tôi có một cái bàn rất mới, được phủ bằng lớp da màu đỏ rất đẹp. Mặt bàn thật trơn và sạch. Thế mà tôi đã bắt gặp một vết đứt dài 3 inch; không phải là vết xước mà là một vết đứt; ở trên mặt bàn có một cục bột đen nhỏ, trong đó có vài hạt nhỏ giống như là hạt cưa. Tôi tin chắc là những dấu vết đó do kẻ chép đề thi để lại. Tôi không thấy dấu chân nào mà cũng chẳng thấy dấu vết nào khác có thể tìm ra đó là ai. Giữa lúc tôi hoàn toàn nản chí thì chợt nhớ ra ông đang ở trong thành phố này. Xin hãy giúp tôi, ông Holmes! Cuộc thi sẽ phải bị hoãn lại cho đến khi nào các đề thi mới được in xong. Tất nhiên tôi phải giải thích lý do bằng cách khai ra sự thật. Như vậy một vụ tai tiếng sẽ nổ ra. Tôi mong muốn được dàn xếp công việc theo cách kín đáo nhất.

- Tôi rất sung sướng được lo vụ này - Holmes nói, đứng lên và mặc áo choàng ngoài vào - Có ai tới thăm ông sau khi những bản in thử được đem tới không?

- Có. Daulat Ras, một sinh viên người Ấn ở cùng trong một cầu thang; anh ta đã vào phòng và hỏi tôi vài chi tiết về cuộc thi.

- Anh ta là thí sinh?

- Vâng.

- Lúc đó các tờ giấy đề trên bàn giấy của ông?

- Nó còn được quấn thành cuộn.

- Nhưng người ta có thể đoán ra đó là những bản in thử?

- Chắc chắn là như vậy.

- Không có người nào khác vào phòng ông hay sao?

- Không.

- Có ai đoán biết là các đề thi đang có tại đó?

- Không một ai, ngoại trừ nhà in.

- Ông Bannister cũng không biết chứ?

- Phải. Tất cả mọi người đều không biết!

- Bây giờ Bannister ở đâu?

- Ông ta bị bệnh. Tôi để ông ta lại trong ghế bành. Tôi vội vàng đi tới đây.

- Ông để cửa mở à?

- Tôi cất giấy tờ vào trong ngăn tủ có khóa.

- Nếu người sinh viên Ấn Độ mà không đoán biết cuộn giấy đó là những bản in thử thì

người đứng tới đề thi là người đã tình cờ bắt gặp, mà trước đó, họ không hề biết là đề thi có mặt ở đó.

- Đường như vậy.

Holmes cười một cách khó hiểu. Anh nói:

- Vậy thì, hãy tới nhà ông xem sao, thưa ông Soames.

Căn phòng được dùng làm văn phòng của ông giáo có một cửa sổ thấp, gắn lưới sắt, nó nhìn ra cái sân cũ của trường. Một cửa ra vào mở ra trên cầu thang đá. Ông giám học ở tầng một. Ba sinh viên ở các tầng trên, mỗi người một tầng. Khi chúng tôi tới hiện trường, gần như đã vào đêm. Holmes quan sát kỹ khuôn cửa sổ từ mé ngoài.

Anh đứng nhón chân, nghiêng cái cổ dài ra mà ngó vào trong phòng.

- Hẳn đã vào trong phòng qua ngả cửa chính. Màng lưới sắt của cửa sổ ắt hẳn đã không cho y đi xuyên qua đây - Ông giám học nói.

- Thật vậy sao? - Holmes nói khi ném một tia nhìn kỳ lạ về phía thân chủ - Thế thì chúng ta nên vào trong xem xét tiếp.

Ông giám học mở cửa chính ra và dẫn chúng tôi vào trong văn phòng. Chúng tôi đứng lại trên ngưỡng cửa trong lúc Holmes quan sát tấm thảm, anh nói:

- Ở đây chúng ta chẳng tìm ra được dấu vết nào. Trời quá khô ráo! Ông Bannister dường như đã bình phục. Ông đã để ông ấy lại trong ghế bành. Cái ghế nào?

- Cái ghế gần bên cửa sổ.

- Giờ đây các ông có thể vào được rồi - Holmes nói. - Tôi đã xem xong tấm thảm.

Trước hết chúng ta hãy quan sát cái bàn nhỏ. Hiển nhiên là người nọ đã lấy những bản in thử, tờ này tiếp tờ kia. Người đó ngồi vào cái bàn nhỏ gần bên cửa sổ, bởi vì từ đó, hẳn có thể canh chừng việc trở về qua ngả cửa chính mà bỏ trốn.

- Sự thật thì hẳn không thể làm thế. Bởi vì tôi trở về qua ngả cửa nhỏ, phía bên kia.

- A, đó là điều rất hay! Xin hãy cho tôi xem ba tờ giấy thi. Không có dấu vết ngón tay. Không! Thoạt đầu hẳn lấy tờ giấy này và đã chép. Hẳn cần phải mất bao nhiêu thời gian để làm công việc này? Tối thiểu cũng mất 15 phút. Đoạn hẳn vứt tờ giấy đã chép xong xuống đất, rồi lấy tờ thứ hai. Hẳn hẳn đã chép được một nửa của tờ giấy thứ hai thì thấy ông về, nên hẳn phải bỏ trốn, rất hấp tấp, bởi vì hẳn không kịp xếp lại các tờ giấy này như cũ. Ông không nghe thấy những tiếng chân hối hả trên cầu thang khi ông trở về qua ngả cửa ngoài sao?

- Không.

- Hẳn đã viết hết sức vội vã nên làm gãy đầu bút chì, và hẳn phải vót lại. Điều này rất đáng chú ý, Watson. Cây bút chì này có một chiều dài bình thường và ruột bút chì thật mềm. Vỏ bên ngoài màu xanh đậm. Tên nhà sản xuất được khắc bằng chữ nhũ màu bạc. Cái mẫu còn lại dài gần 1 inch. Thưa ông Soames, hãy tìm một cây bút thuộc loại đó, và ông sẽ tìm ra được người cần tìm. Tôi còn dám nói rằng hẳn có một con dao nhíp lớn, rất cùn.

Ông giáo sư hơi bị choáng ngợp trước dòng thác những thông báo đó.

- Tôi theo kịp ông về một số điểm, nhưng về cái chiều dài thì ...

Holmes đưa cho ông ta coi một mẫu vỏ bút chì trên có những chữ NN mà không có bất cứ một chữ nào khác tiếp theo sau.

- Ông thấy chứ?

- Không ngay đến giờ đây cũng chưa ...

- Anh Watson, những chữ NN này có thể là gì? Hai chữ cuối của một từ. Anh đã biết

rằng Johann Faber là nhà sản xuất bút chì. Cây bút chì còn lại một khúc ngắn tiếp theo chữ Johann ...

Anh nghiêng cái bàn nhỏ dưới ánh sáng đèn điện.

- Nếu người đó viết trên giấy mỏng thì tôi sẽ tìm thấy dấu vết kiểu chữ của y trên cái mặt phẳng nhẵn bóng này. Nhưng không, tôi không thấy gì hết. Hãy thử xem cái bàn giấy của ông. Tôi đồ chừng đám nhỏ này là đồng chất đen lợt mà ông đã nói với tôi. Hình chớp và rỗng. Ông nói đúng, những hạt mặt cửa ở bên trong. Điều này thật là đáng chú ý! Và vết đứt, đúng là một vết rách, bắt đầu bằng một vết xước mỏng và chấm dứt bằng một cái lỗ rách xơ ra. Cánh cửa này dẫn tới đâu?

- Vào phòng ngủ của tôi.

- Kể từ lúc xảy ra câu chuyện, ông có vào trong phòng đó lần nào không?

- Không. Ngay tức khắc, tôi tới đằng nhà ông.

- Tôi mong muốn được xem qua. Căn phòng thật duyên dáng, với cái kiểu kiến trúc cổ này! Chờ một chút, để tôi quan sát cái sàn nhà này... Tôi không thấy gì cả. Còn tấm ri-đô này? Ông treo quần áo ở đằng sau. Nếu ai đó muốn nấp trong căn phòng này thì y sẽ trốn vào đây, bởi cái giường thì quá thấp và phòng vệ sinh thì không đủ rộng. Chẳng có ai đâu, chắc vậy?

Theo cái cách mà Holmes nhắc tấm ri-đô lên, tôi hiểu là anh sẵn sàng ứng phó với mọi sự. Thật ra, góc nhà đó không chứa đựng cái gì khác hơn là vài bộ quần áo treo trên những cái mắc áo. Holmes xoay gót và bất thành linh cúi xuống.

- Này! Cái gì đây nhỉ? - Anh reo lên.

Đó là một cái tháp nhỏ chất đen, giống hệt với cục nhỏ mà chúng tôi đã thấy trên bàn ở văn phòng. Holmes nhặt lên và quan sát nó.

- Người khách của ông đã để lại những dấu vết ở trong phòng ngủ cũng như văn phòng ông đây này.

- Hắn vào đây để làm gì?

- Ông quay về theo một ngã mà hắn không tiên liệu được, và hắn chỉ được báo động khi ông đến trước cánh cửa. Hắn bèn quơ lấy tất cả những gì có thể tổ giác hắn và hồi hải chui vào phòng ngủ của ông để trốn.

- Vậy trong suốt thời gian tôi nói chuyện với Bannister trong văn phòng, người đó đã ở trong phòng ngủ của tôi hay sao? Thưa ông Holmes, liệu có khả năng nào khác được chúng ông chưa quan sát cửa sổ phòng tôi.

- Những ô vuông hình thoi, sườn bằng que chỉ, ba miếng kính rời, một xoay trên những bản lề khá lớn đủ cho một người có thể lách mình qua.

- Đúng vậy. Và nó mở ra một góc sân. Người đó đã vào phòng qua ngã cửa sổ, để lại những dấu vết trong phòng mà y đã đi qua, đoạn bỏ theo cửa chính để ngỏ mà ra ngoài.

Holmes lắc đầu nói:

- Ông đã bảo với tôi rằng có ba sinh viên sử dụng cái cầu thang này và thường hay đi ngang trước cửa phòng ông?

- Vâng.

- Và cả ba đều dự thi? .

- Vâng.

- Ông có nghi ngờ người nào không?

- Đây là một vấn đề rất tế nhị.

- Tôi chẳng muốn phát biểu chút nào khi chưa có chứng cứ.
- Tầng lầu một là anh Gilchrist, một người hoàn hảo và là một lực sĩ đẹp. Anh ta chơi trong đội bóng bầu dục và khúc côn cầu của nhà trường, là tay vô địch môn chạy vượt rào và nhảy xa. Thân phụ anh là ngài Jabez Gilchrist, một nhà quý tộc bị phá sản trên các trường đua ngựa. Người con trai đó nghèo nhưng làm việc chăm chỉ và thông minh.

Tầng lầu hai là nơi Daulat Ras cư ngụ. Anh chàng Ấn Độ này rất trầm tĩnh và kín đáo. Anh học tập tốt, nhưng tiếng Hi Lạp thì yếu. Anh chăm học và có phương pháp. Tầng lầu chót có Miles McLaren. Anh ta rất siêng học, một trong những học sinh sáng suốt nhất của trường. Nhưng anh ta lại thất thường, nghịch ngợm, vô nguyên tắc. Trong năm thứ nhất, anh ta suýt bị đuổi học vì một vụ đánh bài. Trong suốt quý này, anh ta đã đi chơi rong và ắt hẳn anh phải nhắm tới kỳ thi với nỗi kinh hoàng.

- Vậy là ông nghi anh ta?
- Tôi không dám đi xa tới thế. Nhưng một người có hành vi như thế sẽ dễ bị người khác nghi ngờ.

- Giờ đây, tôi muốn gặp ông Bannister.

Đó là một người bé nhỏ, trạc 50 tuổi: Nước da trắng, không râu; tóc hoa râm, mặt tròn trịa, có thoáng qua những chứng giập gân mặt và các ngón tay cứ luôn luôn bắt chéo vào nhau rồi lại buông ra.

- Chúng tôi đang điều tra về cái vụ không may mắn đó, Bannister! - Chủ ông ta nói.

- Vâng, thưa ông.

- Hẳn ông đã để cái chìa khóa lại trên cửa? - Holmes hỏi ông ta.

- Vâng, thưa ông.

- Phải chăng là sự khác thường, khi ông lơ đãng đứng vào cái ngày mà những tài liệu lại để ở trong phòng?

- Thật hoàn toàn đáng tiếc, thưa ông.

- Ông vào đây lúc mấy giờ?

- Khoảng bốn giờ rưỡi, giờ chủ tôi dùng trà.

- Ông ở lại trong bao lâu?

- Khi thấy ông chủ không có ở đây, tôi bỏ đi ngay.

- Ông có nhìn vào các giấy tờ để trên bàn không?

- Không, thưa ông.

- Làm thế nào mà ông lại có thể để cái chìa khóa ở trong ổ khóa?

- Tôi đang bưng khay trà. Tôi tự nhủ là sẽ quay lại lấy chìa. Thế rồi tôi quên luôn.

- Cánh cửa bên ngoài có một bộ phận đóng tự động không?

- Không, thưa ông!

- Thế là nó vẫn mở suốt trong thời gian đó.

- Vâng.

- Bất cứ ai từ trong phòng cũng có thể đi ra bằng cửa đó.

- Vâng.

- Khi ông chủ trở về và cho gọi ông, thì ông rất bối rối?

- Vâng. Tôi hầu hạ ở đây đã lâu và một việc như vậy chưa bao giờ xảy ra. Tôi gần như bị ngất xỉu.

- Tôi biết. Ông ngồi tại đâu khi ông bắt đầu cảm thấy khó thở?

- Ở đây gần bên cánh cửa.

- Thật là kỳ cục. Ông tới ngồi trong cái ghế bành đằng kia, trong góc này. Tại sao ông không ngồi ở những cái ghế khác?

- Đối với tôi điều đó không có gì là quan trọng. Miễn sao tôi được ngồi xuống...

- Tôi thật sự tin là anh ta không dính dấp vào vụ này, thưa ông Holmes - Giám học nói.

- Ông vẫn ngồi đó khi chủ ông đã bỏ đi?

- Chỉ trong một hay hai phút. Đoạn tôi đóng cửa lại rồi leo lên phòng tôi.

- Cảm ơn, thế là đủ - Holmes trả lời - Ồ, còn một điều này nữa: ông không nói với một trong ba sinh viên rằng có một biến cố vừa xảy ra chứ?

- Tôi không nói một lời nào.

- Rất tốt. Giờ đây, chúng ta hãy đi dạo trong chốc lát ngoài sân.

Ba ô vuông màu vàng lấp lánh ánh sáng ở phía trên chúng tôi .

- Ba con chim của ông đều đang ở trong tổ - Holmes nói khi ngược lên nhìn - Đây chuyện gì xảy ra vậy? Một trong ba người tổ ra khá dao động?

Đó là người sinh viên Ấn Độ chột hiện ra trên bức màn cửa. Anh ta đi đi lại lại trong phòng.

- Tôi muốn được nhìn thấy họ gần hơn một chút - Holmes nói.

- Dạ được. Máy phòng đó nằm trong cái phần cổ xưa nhất của nhà trường và thỉnh thoảng chúng tôi đưa khách tới đó tham quan. Các ông hãy cùng đi với chúng tôi.

- Cần nhất là đừng có gọi tên! - Holmes thì thầm khi chúng tôi gõ cửa phòng Gilchrist.

Một thanh niên to con, dong dỏng cao, mái tóc màu gai, mở cửa và ngỏ lời chúc mừng khi được biết mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi. Phòng anh không thiếu những di tích của lối kiến trúc xưa. Holmes bị lôi cuốn mãnh liệt bởi một trong những di tích đó, khiến muốn anh vẽ lại trên cuốn sổ tay; anh làm gãy bút chì, hỏi mượn chủ nhà một cái bút chì và sau cùng hỏi mượn một con dao nhíp để gọt lại. Việc đó xảy ra trong phòng của người sinh viên Ấn Độ. Nhưng mưu toan thứ ba của chúng tôi bị thất bại. Cánh cửa không mở ra và chúng tôi chỉ nhận được một tràng những lời lẽ kém nhã nhận.

- Tôi cóc cần biết các ông là ai! Đi chỗ khác mà xem! Tôi bận học thi, các ông nghe rõ chưa?

- Một người không vui tính - Người hướng dẫn chúng tôi nói, trong lúc xuống cầu thang

- Tất nhiên anh ta không biết tôi là người đã gõ cửa. Tuy nhiên anh ta cư xử một cách bất lịch sự và đáng nghi ngờ.

Câu trả lời của Holmes lại khá bất ngờ:

- Ông có thể cho tôi biết chiều cao đích xác của anh ta không?

- Anh ta cao hơn người Ấn Độ nhưng thấp hơn Gilchrist? Tôi nghĩ là 5 bộ 6...

- Điều đó rất quan trọng. Và giờ đây, thưa ông Soames, xin chúc ông một đêm an lành

- Holmes nói.

Người hướng dẫn chúng tôi bày tỏ nỗi ngạc nhiên và lòng tuyệt vọng của ông.

- Lẽ nào ông lại bỏ rơi ông một cách đột ngột đến thế. Ngày mai thi rồi. Tối nay tôi buộc phải làm một cái gì đó minh bạch, dứt khoát. Tôi không thể giữ nguyên kỳ thi nếu người ta đã đụng vào những bản in thử đó.

- Hãy cứ giữ nguyên. Sáng mai tôi sẽ đến đây thật sớm và chúng ta sẽ bàn lại vấn đề. Rất có thể là lúc đó tôi đã nắm được những yếu tố mới, khả dĩ giúp ông thoát ra khỏi cảnh ngộ này. Từ đây tới đó, ông đừng thay đổi gì cả.

- Được lắm, thưa ông Holmes.

- Ông cứ yên tâm. Tôi đem về hai cục hình chớp đen cùng những mẫu vỏ bút chì. Xin chào ông.

Khi ra tới sân, chúng tôi quan sát những khuôn cửa sổ một lần nữa. Người Ấn Độ vẫn tiếp tục rải bước trong phòng. Hai người kia thì không nhìn thấy. Khi ra tới đầu đường, Holmes hỏi:

- Anh Watson, một trò chơi ba người. Anh hãy chọn lựa đi! Người nào?
- Cái nhân vật thô bạo ở trên cao. Anh ta là người “có tiếng” hơn cả. Cái anh chàng Ấn Độ cũng khéo vờ vỉnh. Tại sao anh ta lại cứ rải bước trong phòng.
- Rất nhiều người đi bách bộ để thử cổ học thuộc lòng một cái gì đó.
- Anh chàng đã nhìn chúng ta với sự chán ghét...
- Nếu có một bọn người lạ đột nhập vào phòng anh vào buổi tối trước ngày thi, anh sẽ có thái độ như thế nào? Cái bút chì, con dao nhíp, tất cả đều được hết. Duy gã nọ là bắt tôi phải suy nghĩ.

- Gã nào?
- Bannister. Ông ta chơi trò gì?
- Tôi có cảm tưởng rằng ông ta rất thật thà.
- Cả tôi cũng thế. Và đó chính là điều khiến tôi phải suy nghĩ. Tại sao một người lương thiện đến thế mà lại...? Đây là một cửa hàng giấy bút lớn: Chúng ta tìm kiếm từ nơi này. Trong thành phố chỉ có bốn cửa hàng giấy bút lớn. Holmes đưa những mẫu vỏ bút chì ra và hỏi mua thứ bút đó. Lần nào người ta cũng đưa ra một thứ bút mà Holmes tìm kiếm. Bạn tôi nhún vai với một cử chỉ nhấn nhục vui vẻ.

- Không may rồi. Chúng ta chẳng đi tới đâu cả. Chín giờ rồi bạn ơi!
Sau bữa ăn tối muộn màng, Holmes không đã động gì tới vụ đó nữa. Tám giờ sáng, anh vào phòng tôi.

- Tới giờ đi St. Luke rồi. Anh có thể bỏ bữa điểm tâm được không?

- Được thôi, có gì mới không?

- Có.

- Anh rút ra được những kết luận gì?

- Tôi đã giải quyết xong vấn đề. Tôi ra khỏi giường hồi 6 giờ, làm việc cật lực trong hai tiếng đồng hồ và đi bộ 5 dặm đường để đi tìm một cái gì đó. Anh hãy coi cái này!

Trên lòng bàn tay Holmes có ba cái chớp nhỏ bằng đất sét đen, sần sật.

- Ngày hôm qua chỉ có hai thôi mà?

- Và sáng hôm nay, có thêm một cái nữa. Nơi xuất phát của cái thứ ba cũng là nơi xuất phát của hai cái kia. Nào, chúng ta hãy đi gặp ông bạn Soames.

Ông thầy đáng thương đang ở trong một tình trạng bồn chồn trong phòng ngủ của ông. Chỉ còn vài giờ nữa là cuộc thi bắt đầu và ông còn đang tự hỏi không biết nên giải thích tất cả hay cứ để mặc cho kẻ phạm tội dự thi. Ông nhảy ủa về phía Holmes với hai cánh tay dang thẳng, nói:

- Tôi sợ ông nản chí. Cuộc thi có tiến hành không?

- Cứ tiến hành.

- Nhưng, tên vô lại đã..?

- Hắn sẽ không dự thi.

- Ông biết hắn là ai?

- Biết. Bởi vụ này cần phải được giữ kín, nên chúng ta sẽ lập ra một thứ như “tòa án đặc biệt” nhỏ. Mong ông ngồi đây, Watson ngồi vào đây. Tôi ngồi vào ghế bành của

ông ở chính giữa. Chúng ta đủ oai nghiêm để làm cho một tâm hồn phạm tội phải sợ người vì sợ hãi? Xin ông vui lòng gọi chuông.

Bannister vào phòng và suýt té ngã vì ngạc nhiên và hốt hoảng trước cảnh đó.

Holmes nói với Bannister:

- Mong ông vui lòng đóng cánh cửa đó lại. Giờ đây, ông hãy nói về việc đã xảy ra hôm qua.

Bannister tái mét tới tận chân tóc:

- Tôi đã thừa tất cả rồi.

- Ông không còn gì để nói thêm sao?

- Không, thưa ông.

- Trong trường hợp này, tôi phải gọi ra với ông vài ý kiến. Ngày hôm qua khi ngồi trên cái ghế bành này, có phải ông đã chọn cái chỗ đó cất để ý che giấu một đồ vật có thể tiết lộ người đã vào phòng này không.

Bộ mặt Bannister tím ngắt.

- Không, thưa ông.

- Đó chỉ là một gợi ý? - Holmes nói với giọng ngọt ngào - Tôi không có khả năng chứng minh điều đó. Nhưng có điều chắc chắn là ngay khi ông Soames vừa xoay lưng đi, thì ông đã đưa người trốn trong phòng ngủ ra ngoài.

Bannister liếm cặp môi khô:

- Không có ai cả, thưa ông.

- A! Thật đáng tiếc! Cho tới giây phút này, ông vẫn có thể nói ra sự thật, nhưng tôi biết là ông đã nói dối.

Bộ mặt của Bannister chỉ còn bộc lộ một sự thách thức buồn bã.

- Không có ai cả, thưa ông.

- Cui nào, ông Bannister.

- Không, thưa ông, không có ai cả.

- Thôi được, ông hãy tời đứng gần bên cửa ra vào phòng ngủ. Bây giờ, thưa ông Soames, tôi mong ông leo lên phòng chàng trai Gilchrist, yêu cầu cậu ta xuống đây.

Một lát sau, ông thầy cùng với cậu sinh viên bước vào. Đó là một thanh niên đẹp trai, lực lưỡng, mảnh và cao, mềm mại, đáng đi linh hoạt, vui mắt, anh ta có bộ mặt cởi mở. Cặp mắt xanh của anh chăm chú nhìn chúng tôi trước khi đặt lên Bannister với một dáng vẻ rưng rờ.

- Hãy đóng cửa lại - Holmes nói - Giờ đây, ông thấy là chúng ta hoàn toàn tách biệt với bên ngoài. Không một ai nghe chúng ta nói chuyện. Vậy thì chúng ta có thể nói chuyện với tất cả lòng thẳng thắn. Chúng tôi muốn biết, làm thế nào mà ông, một người trọng danh dự, lại phạm vào một lỗi lầm như trong ngày hôm qua?

Chàng thanh niên lão đảo và ném lên Bannister một tia nhìn oán trách.

- Nhưng, thưa ông Gilchrist, tôi đã không nói gì hết - Người đầy tớ kêu lên.

- Nhưng bây giờ thì ông đã nói - Holmes trả lời - Cui nào, chàng trai! Sau cái điều vừa thoát ra khỏi cổ họng Bannister, địa vị của ông hẳn là bớt đẹp. Ông chỉ còn có một cơ may: Thành thật nhận lỗi.

Trong một lúc, Gilchrist giơ một bàn tay lên thử chế ngự mối cảnh xúc và bất thành linh anh ta quỳ gối xuống bên cạnh bàn, vùi mặt vào trong hai bàn tay và khóc nức nở.

Holmes dịu dàng nói:

- Cui nào, cui nào. Lỗi lầm là bản chất của con người, có thể anh thích để cho tôi nói

thay anh? Anh sẽ đánh chính nếu tôi bị làm lẫn. Anh đồng ý chứ? Tốt. Thưa ông Soames, kể từ lúc ông nói rằng không có ai biết những bản in thử ở trong văn phòng ông, thì vụ này đã làm cho tôi thích thú. Chúng ta có thể gạt bỏ người thợ in, bởi vì nếu muốn, anh ta có thể chép những bản văn đó ngay trong nhà mình. Tôi cũng loại bỏ người Ấn Độ: Nếu những bản in thử còn quán thành cuộn, anh ta không thể đoán được rằng, đó là cái gì. Mặt khác, có thể có sự trùng hợp như thế này: Một người nào đó đã vào trong văn phòng ông và tình cờ nhìn thấy đề thi đang nằm ở trên bàn! Tôi cũng gạt bỏ luôn giả thiết đó.

Cái người vào đây phải là người đã biết nơi này đang có bản in thử. Vì sao người ấy biết được?

Khi tôi tới gần bàn giấy của ông, tôi quan sát khung cửa sổ. Ông đã làm tôi cười khi ông tin rằng có một ai đó đã lén vào văn phòng bằng ngả đó. Một giả thiết như thế thật là phi lý. Tôi đã tính chiều cao cần thiết mà người đó có thể đi ngang cửa nhà này và người ấy phải biết trước loại giấy tờ nào đang nằm trên bàn ông. Tôi cao 6 bộ và chỉ cần hơi gắng sức là tôi đã trông thấy xấp giấy trên bàn. Vậy, nếu một trong ba sinh viên của ông, người có thân hình thật cao, là mục tiêu của sự tìm kiếm. Tuy nhiên, lúc đứng trong văn phòng, tôi không rút ra được điều gì, nhưng ông đã mô tả với tôi rằng Gilchrist là một nhà vô địch chạy vượt rào và nhảy xa. Thế là tôi hiểu tất cả. Nhưng tôi cần có những chứng cứ xác minh.

Chàng thanh niên này đã tập nhảy suốt buổi chiều trên sân thể thao. Anh trở về, mang theo đôi giày nhảy, là thứ có gắn những mũi nhọn, như ông đã thấy. Khi đi ngang qua cửa phòng ông, nhờ thân hình cao, anh đã trông thấy những bản in thử đó để trên bàn, còn trên cánh cửa thì có chìa khóa để quên. Một sự thôi thúc đẩy anh vào phòng và để xem coi đó có phải là đề thi của ngày hôm sau không? Nếu bị bắt gặp, anh có thể nói rằng anh tới để hỏi ông thầy một câu gì đó.

Khi thấy đó đúng là đề thi, thì anh đành chịu thua sự cám dỗ. Anh để đôi giày có gắn mũi nhọn lên bàn. Thế anh đã để cái gì lên trên cái ghế bành kê gần bên cửa sổ này?

- Đôi bao tay - Chàng trai trả lời.

Holmes nhìn Bannister với tư thế của người thắng cuộc.

- Anh đặt đôi găng tay lên thành ghế và lấy từng tờ giấy để chép lại. Anh nghĩ rằng ông thầy sẽ trở về qua lối cổng chính, và anh sẽ trông thấy. Thế nhưng ông thầy lại trở về qua cổng nhỏ. Bất thành linh, anh nghe thấy tiếng gõ của thầy ở đằng sau cánh cửa. Anh vội vàng quơ lấy đôi giày nhảy và bỏ trốn trong phòng ngủ, bỏ quên đôi bao tay trên thành ghế. Vết khắc trên mặt bàn in nhẹ ở một bên, nhưng lại hằn rõ trong hướng đi tới phòng ngủ. Điều đó cho thấy thủ phạm đã trốn trong phòng. Đất bám chung quanh một mũi nhọn vương lại trên bàn, một mẩu đất thứ hai tuột ra và rơi xuống trong phòng. Sáng nay tôi đã tới sân nhảy và thấy hố đó đầy thứ đất đen dính chắc này. Tôi mang về một ít và tôi cũng ghi nhận rằng người ta đã rắc mạt cưa lên trên mặt đất để các lực sĩ khỏi bị trượt chân. Tôi nói có đúng không, ông Gilchrist?

Chàng sinh viên đứng lên.

- Đúng, thưa ông.

- Nhưng anh không có gì để nói thêm sao? - Ông Soames kêu lên.

- Có, thưa thầy. Tôi có nhiều điều để nói thêm. Nhưng sự khám phá ra đó đã làm tôi kinh ngạc. Tôi có một lá thư gửi thầy. Tôi viết vào giữa một đêm mà lương tâm không yên ổn. Thư đó đây. Đây là câu đầu tiên: "Tôi quyết định không dự thi; người ta đã đề

ngồi với tôi một chỗ là trong sở cảnh sát ở Rhodésia; tôi sẽ sang Nam Phi ngay tức khắc”.

- Tôi thật sung sướng được biết anh không có ý định lợi dụng một sơ sót của tôi.

Nhưng tại sao anh lại đổi ý?

Gilchrist chỉ vào Bannister nói:

- Đây là người đã đưa tôi trở lại con đường ngay thẳng.

- Cui nào, Bannister! - Holmes kêu lên - Sau điều tôi vừa giải thích, ông hiểu rõ rằng chính ông đã để cho chàng trai này đi ra khỏi phòng, bởi ông đã ở lại một mình trong phòng và ông đã khóa cửa lại sau khi bỏ đi. Ông có muốn cho chúng tôi biết tại sao ông hành động như vậy không.

- Thưa ông, một thời, tôi đã phục vụ như người quản gia nơi nhà thân phụ của chàng trai. Khi cụ bị phá sản, tôi trở thành nhân viên thuộc trường này, nhưng tôi không bao giờ quên được ông chủ cũ. Tôi đã chăm sóc con trai cụ hết sức mình để tưởng nhớ một thời êm đềm xa xưa. Hôm qua, khi tôi vào trong văn phòng này, cái đầu tiên mà tôi trông thấy, đó là đôi bao tay của cậu đặt trên ghế bành. Tôi biết, nếu ông giám học cũng trông thấy chúng, là cậu bị phát hiện. Thế nên tôi bèn “ngắt xỉu” trên cái ghế bành này và không gì có thể làm tôi động dấy, mãi cho tới khi ông Soames đi ra. Người chủ trẻ của tôi đã rời khỏi chỗ ẩn nấp và thú nhận với tôi. Thuở xưa, tôi đã từng đặt cậu ấy ngồi trên đầu gối tôi. Về phần tôi, thật là tự nhiên khi tôi làm đủ mọi cách để cứu cậu ấy? Mặt khác, tôi nói với cậu rằng chẳng nên làm như thế. Ông có chê trách tôi không, thưa ông Holmes.

Holmes đứng lên nồng nhiệt nói với Bannister và ông Soames rằng vấn đề đã được giải quyết êm đẹp. Quay sang chàng trai, Holmes tiếp:

- Về phần anh, người bạn trẻ, tôi tin chắc rằng ở một chân trời xa xôi kia, một tương lai xán lạn đang chờ đón anh.

Hết

D.10 - The Adventure of the Golden Pince-Nez 1904 (Cái kính kẹp mũi bằng vàng)

Những ngày cuối tháng 11-1894. Buổi tối thật buồn. Holmes đang dùng kính lúp để cố đọc những gì còn sót lại của một câu văn viết trên da cừu, trong lúc tôi say mê đọc một cuốn chuyên luận về phẫu thuật. Bên ngoài gió gào rú, mưa đông mạnh. Tôi tới bên cửa sổ nhìn xuống đường phố vắng tanh. Những ngọn đèn đường chiếu sáng một mặt đường bùn lầy. Một chiếc xe ngựa chạy tới, làm nước văng tung toé. Holmes đặt kính lúp xuống và gấp mảnh da cừu lại:

- Thật may mắn là bọn mình không phải đi ra ngoài. Tôi đã ngán cái trò tìm đoán này: thật tội nghiệp cho đôi mắt!Ồ, có chuyện gì thế?

Nổi bật trên tiếng gió vù vù, tiếng móng ngựa đập đồm đóp dọc theo nhà rồi tiếng bánh xe ngừng lại, kêu cọt kẹt khi cọ vào vỉa hè. Chiếc xe ngựa đậu lại trước nhà chúng tôi.

- Ông này muốn gì đây? - Tôi kêu lên khi thấy một người đàn ông từ trên xe bước xuống.

- Muốn gì à? Người đó muốn chúng ta. Và chúng ta muốn những cái áo choàng ngoài, những khăn choàng cổ, những đôi giày cao su và tất cả những gì mà loài người đã phát minh ra để bảo vệ trước thời tiết xấu. Hãy chạy xuống dưới, và mở cửa ra mau, bởi vì vào giờ này tất cả những người có đạo đức đều đi ngủ cả rồi!

Khi ánh sáng ngọn đèn trong gian tiền sảnh chiếu rõ người khách, tôi nhận ra ngay đó là Stanley Hopkins, một thanh tra trẻ tuổi.

- Ông ấy có nhà không? - Anh ta ném cho tôi câu hỏi khi bước vào.

- Hãy lên đi! - Holmes trả lời từ phía trên - Chắc đêm nay anh không ấp ủ những ý đồ đen tối chống lại chúng tôi?

Viên thanh tra leo vội lên cầu thang, từng bốn bậc một. Nước trên áo mưa của anh ta chảy ròng ròng. Tôi giúp anh ta cởi nó ra, trong lúc Holmes khơi cao ngọn lửa.

- Hãy đến gần ngọn lửa mà sưởi ấm đôi chân. Đây là một điều xì-gà. Bác sĩ ta sẽ sẵn lòng làm một chén thuốc, trong có nước sôi và một quả chanh. Có chuyện gì quan trọng lắm nên luồng gió độc địa này mới thổi anh tới đây?

- Ông đã đọc tin giờ chót của các báo chưa? Về vụ án Yoxley đó mà.

- Anh nói đi!

- Được. Đó là bản tin vắn, đầy rẫy những sai lầm. Chuyện đó xảy ra trong vùng Kent, cách Chatham 7 dặm và cách đường xe lửa 3 dặm. Người ta báo cho tôi bằng điện tín vào lúc 3 giờ 15, tôi tới Yoxley Old Place vào hồi 5 giờ. Tôi đã mở cuộc điều tra, rồi quay trở về Charing Cross bằng chuyến xe lửa cuối cùng và đi thẳng tới đây.

- Vậy là anh chưa thấy rõ vụ này? - Holmes hỏi.

- Đây là vụ rối rắm nhất trong tất cả những vụ mà tôi đã đảm trách. Không có động cơ gây ra tội ác; có người bị chết, nhưng không sao hiểu được tại sao có người muốn giết anh ta?

Holmes mời một chiếc xì-gà và ngồi nép vào trong ghế bành.

- Chúng tôi nghe anh đây.

- Cách đây vài năm, một người đứng tuổi, giáo sư Coram đến mua một căn nhà ở vùng quê Yoxley Old Place. Ông ta đau ốm, tàn tật, một nửa thời gian nằm liệt trên giường, nửa thời gian còn lại chống gậy đi quanh nhà. Ông được láng giềng yêu quý. Họ thường tới thăm ông và coi ông như nhà thông thái. Đám gia nhân gồm có người quản gia lớn tuổi, bà Marker, và người hầu gái Susan Tarlton. Đó là hai phụ nữ trung hậu.

Ông giáo sư viết một cuốn sách. Năm vừa qua, ông thuê một thư ký. Hai người đầu không làm được việc, người thứ ba là một thanh niên tốt nghiệp đại học, đã đáp ứng được những mong muốn của giáo sư. Mỗi sáng, anh ghi chép lại những gì ông chủ đọc; và buổi chiều, anh đọc kỹ những câu trích dẫn có quan hệ với công việc ngày hôm sau. Không thể nào tìm ra được một điều gì đó chống lại anh chàng Willoughby Smith này, hoặc là lúc anh ta hãy còn nhỏ, hoặc là lúc anh ta theo học ở đại học. Tôi đã xem các bằng cấp và những lá thư tiến cử. Anh ta luôn luôn là người trầm tĩnh, siêng năng, thật thà và đứng đắn. Ấy thế mà anh đã bị giết sáng nay trong văn phòng của giáo sư và những tình huống đã chỉ dẫn một cách dứt khoát rằng đây là một vụ ám sát.

Gió vẫn gào thét bên cửa sổ. Chúng tôi ngồi sát gần ngọn lửa, trong lúc viên thanh tra khai triển câu chuyện.

- Trong khắp nước Anh, chúng ta sẽ không gặp một ngôi nhà nào cách biệt và thoát ra khỏi những ảnh hưởng bên ngoài như căn nhà đó. Nhiều tuần lễ đã qua mà không một người lạ nào vượt qua hàng rào sắt quanh nhà. Ông giáo sư bị cuốn hút vào trong công việc. Chàng thanh niên không quen biết ai trong lối xóm, nghĩa là anh ta sống y như ông chủ. Hai người đàn bà không bị một mối quan hệ nào lôi họ ra khỏi nhà. Người làm vườn là một quân nhân về hưu tên là Mortimer. Ông ta không ở trong nhà, nhưng sống trong một căn nhà nhỏ ba gian ở đầu đằng kia khu vườn. .

Người hầu gái khai rằng, sáng nay, trong khoảng từ 11 đến 12 giờ, bà đang treo những tấm màn trong căn phòng ở trên cao, mé trước nhà. Giáo sư còn ngủ. Bà quản gia thì đang bận rộn tận cuối căn nhà. Willoughby Smith đã đi tới phòng ngủ mà anh dùng như là văn phòng riêng. Nhưng bà ta lại nghe tiếng bước chân anh đi ra, bước dọc theo hành lang và đi xuống văn phòng ở ngay mé dưới, nơi bà đang làm việc. Bà không trông thấy anh, không nghe thấy tiếng cánh cửa văn phòng đóng lại, nhưng ít lâu sau, một tiếng kêu kinh hoàng đã vang lên trong căn phòng phía dưới. Một tiếng thét chói tai và quá khác thường khiến cho bà không phân biệt được là tiếng của đàn ông hay đàn bà. Cùng lúc đó có tiếng té ngã vang lên, làm rung chuyển cả ngôi nhà, rồi sau đó hoàn toàn im lặng. Bà ta sững người, nhưng sau đó lấy lại can đảm và chạy xuống nhà dưới. Cánh cửa văn phòng đóng kín. Bà mở ra. Anh chàng Willoughby Smith nằm sòng sượt dưới đất. Thoạt tiên bà không thấy một vết thương nào; nhưng khi bà thử đỡ ông lên thì có máu chảy ở dưới cổ. Vết thương thật nhỏ nhưng cái động mạch nhánh đã bị cắt đứt. Hung khí là một con dao nhíp loại nhỏ, dùng để cắt xi gấn niêm phong, một loại dùi mà thỉnh thoảng người ta còn bắt gặp trong những căn phòng cổ xưa có cán bằng ngà và một cái lưỡi sắc. Nó là một trong những vật dụng văn phòng của giáo sư.

Thoạt đầu bà ta tưởng Willoughby Smith đã chết, nhưng khi bà lấy nước trong một cái bình rưới lên đầu anh thì anh mở mắt ra; anh thì thào: “Giáo sư! Chính là bà ta đó!”. Nói xong, anh chết. Bà hầu phòng quả quyết rằng chính tai bà nghe rõ câu nói đó. Giữa lúc ấy, bà quản gia cũng tới nơi xảy ra tội ác. Bà này đã để người hầu gái ở lại bên cạnh xác chết và bà vội vàng chạy lên phòng ông chủ để báo tin. Ông giáo sư đang ở trong phòng, ngồi dậy, bị dao động một cách khủng khiếp. Bà Marker làm chứng rằng giáo sư vẫn còn mặc quần áo ngủ và ông không thể mặc quần áo được, nếu không có sự phụ giúp của người làm vườn. Ông giáo sư khai rằng ông đã nghe thấy tiếng kêu, nhưng ông không biết gì khác. Ông không thể nào giải thích được những lời nói sau cùng của người thư ký trẻ: “Giáo sư! Chính là bà ta đó!”. Ông cho rằng đó là do tác dụng của sự mê sảng. Ông tin rằng chàng thanh niên không có kẻ thù nào. Giáo sư phái người làm vườn đi trình cảnh sát địa phương.

Một lát sau, viên cảnh sát trưởng đã triệu tôi tới. Không có cái gì bị dời chỗ. Những mệnh lệnh nghiêm ngặt đã được ban ra để không cho một ai đi lại trên những lối đi trong vườn dẫn tới nhà. Thưa ông Holmes, đây là cơ hội mơ ước để ông đem ứng dụng những lý thuyết của ông, nó tuyệt đối không thiếu một thứ gì...

- Chỉ thiếu có ông Sherlock Holmes. - Bạn tôi nói trong một nụ cười gần có phần chua chát - Được, chúng tôi xin nghe phần tiếp theo. Vậy anh đã làm gì?

- Trước hết, tôi mong ông liếc qua cái sơ đồ này.

Anh ta mở bản phác họa và trải nó ra trên đầu gối Holmes. Tôi đứng lên và quan sát nó qua bạn tôi.

- Nó rất sơ sài. Sau này ông sẽ tự mất quan sát phần còn lại. Giờ đây, điểm thứ nhất:

Nếu kẻ sát nhân đã vào trong nhà, thì y đi qua lối nào? Chắc là đi qua lối vào trong vườn (A) và qua cánh cửa dành cho người giúp việc (B), từ đó đi thẳng tới văn phòng (C). Tất cả mọi ngã đường khác đều đưa ra những khó khăn lớn. Lối y bỏ trốn cũng được thực hiện qua ngã đó, bởi vì trên hai lối ra khác của căn phòng, một bị chặn bởi Susan đang chạy tới (D) và lối kia dẫn thẳng vào phòng của giáo sư). Vậy là tôi chú tâm vào lối đi trong vườn, bị làm nhão bởi một cơn mưa. Tôi không tìm thấy một dấu chân nào trên lối đi.

Ngược lại, có ai đó đã men theo lối đi bằng cách bước trên cỏ khiến cho không để lại những dấu vết. Tôi đã không thể tìm ra một dấu chân rõ ràng nào, nhưng cỏ bị rạp xuống: hẳn là cỏ bị bàn chân của kẻ sát nhân đạp lên, bởi vì người làm vườn cũng như hai bà già kia, không ai đi dạo trong vườn vào buổi sáng và còn ban đêm thì trời đã đổ mưa.

- Lối đi này dẫn tới đâu? - Holmes hỏi.
- Tới con đường.
- Chiều dài là bao nhiêu?
- Gần 100 yard.
- Ở cái chỗ mà lối đi đụng vào hàng rào, ắt hẳn anh thu thập được những dấu vết?
- Ở đó, lối đi lại được lát đá.
- Thế còn trên con đường, phía bên kia hàng rào?
- Đúng là một vùng bùn.
- Tốt. Hãy trở lại với những dấu vết trên cỏ: chúng đi về hướng nào?
- Không thể nói được. Không có những đường viền.
- Một bàn chân lớn hay một bàn chân nhỏ?
- Không thể nào xác định được!

Holmes thở dài, mất kiên nhẫn:

- Vấn đề này còn khó hiểu hơn là đọc trên miếng da cừu! Thế rồi, anh đã làm gì?
- Tôi biết chắc là có một ai đó từ bên ngoài đã vào trong nhà. Sau đó tôi quan sát cái hành lang (F) có lót một tấm lác nếu đàn bằng sợi dứa: không một dấu vết nào. Cuộc khám xét đó đã đưa tôi vào ngay trong căn phòng. Đồ đạc chính là một cái bàn lớn đặt

trên hai chồng ngăn kéo được nối liền với nhau bằng một thứ như tủ buýp-phê. Các ngăn kéo đều mở, cái tủ buýp-phê bị khoá. Dường như những ngăn kéo không bao giờ đóng lại và chúng không chứa những đồ vật đáng giá nào. Trong tủ buýp-phê có vài tờ giấy quan trọng, nhưng dường như người ta đã không đụng tới và ông giáo sư khai với tôi là không một giấy tờ nào bị mất cả. Chắc chắn là không có vụ trộm nào xảy ra.

Thi hài của chàng trai gần bên cái tủ. Vết thương ở bên tay phải gần cổ và trở từ sau ra trước; khó mà kết luận rằng đây là một vụ tự tử.

- Ngoại trừ trường hợp mà anh ta bị ngã xuống trúng con dao. - Holmes nói.

- Rất đúng! Nhưng chúng tôi lại tìm thấy con dao ở cách thi hài khá xa, vậy là giả thiết đó không đứng vững. Vả lại còn có những lời trăn trối của nạn nhân. Và sau chót, đây là bằng chứng rất quan trọng mà người chết đã nắm chắc trong bàn tay phải co quắp lại.

Stanley Hopkins rút từ trong túi ra một cái hộp nhỏ. Anh ta mở rộng tờ giấy và trưng ra một cái kính kẹp mũi bằng vàng với hai mẩu dây bằng lụa đen đang đóng đưa. Anh nói thêm:

- Willoughby Smith có một thị lực hoàn hảo! Vậy cái kính kẹp mũi này đã được giật ra từ trên mặt hoặc trên người của kẻ sát nhân.

Holmes cầm lấy và quan sát nó chăm chú. Anh đặt kính lên mũi, thử đọc, đi tới bên cửa sổ và nhìn xuống đường phố, đoạn anh gỡ nó ra và đặt dưới ánh đèn. Sau cùng, anh bật ra một tiếng cười nhỏ, đến ngồi vào bàn và viết vài hàng trên một tờ giấy rồi đưa cho Stanley Hopkins.

- Đây là cái mà tôi có thể làm cho anh. Chúng ta sẽ thấy là nó có ích hay không.

Viên thanh tra ngạc nhiên, cất cao giọng, đọc tờ giấy:

“Người ta tìm kiếm một bà có dáng vẻ lịch thiệp, ăn vận thanh lịch. Bà có cái mũi dày một cách dị thường và haisát gần hai bên mũi. Bà có vàng trán nhăn, hai bờ vai đã còng. Chắc chắn là trong những tháng gần đây bà đã đến hiệu kính ít nhất hai lần. Vì những tiệm kính không nhiều lắm, ắt hẳn không khó khăn gì để tìm ra dấu vết của bà”.

Holmes cười trước cái vẻ ngỡ ngàng của Hopkins. Anh nói:

- Cặp kính kẹp mũi rất dễ cho ta suy diễn. Về việc cái kính là của một phụ nữ, tôi suy diễn từ sự mảnh dẻ của cái kính và từ những lời nói sau cùng của nạn nhân. Về điều dáng vẻ thanh tao và lịch thiệp: cái kính này làm bằng vàng, cho thấy chủ nó giàu sang, tất nhiên bà phải ăn mặc thanh lịch. Hai cái kẹp của kính quá rộng, chứng tỏ rằng cái mũi của bà này rất nở ở dưới đáy. Tôi có một khuôn mặt hẹp, dài, áy thế mà tôi không thể nhìn vào chính giữa hoặc gần trung tâm những tròng mắt này. Vậy thì đôi mắt của

bà ta được đặt sát bên sống mũi. Một phụ nữ mà thị lực đã bị suy giảm đến như thế suốt đời, thì chắc chắn có chẳng nét đặc trưng về cơ thể hợp với thị lực đó, như là một vàng trán nhăn, và những bờ vai bị còng.

- Đúng! Tôi theo dõi rất sát những suy diễn của anh, ngoại trừ một điều: làm thế nào mà anh biết bà ta đã hai lần đi tới tiệm kính? - Tôi hỏi.

Holmes cầm cặp kính kẹp mũi trong bàn tay.

- Những cái kẹp được viền bằng những vòng nhỏ xíu bằng bần, ngõ hầu làm dịu sức ép trên mũi. Một trong những cái vòng đó bị phai màu và hơi cũ, nhưng cái kia thì mới. Vậy là một cái đã bị rơi và bà đã thay cái khác. Theo ý tôi, cái vòng cũ hơn cũng không lâu tới quá vài ba tháng. Và bởi chúng giống y như nhau, tôi suy luận ra rằng bà đó đã trở lại lần thứ hai ở cùng một nơi.

- Ông thật tuyệt vời! - Hopkins kêu lên, miệng há hốc vì khâm phục - Tôi có trong tay tất cả những sự hiển nhiên đó mà tôi chẳng hề suy luận ra một điều nhỏ .

- Bạn thân mến, bạn còn có điều gì khác để nói với chúng tôi không?

- Không. Ông cũng đã biết như tôi... Và có thể còn nhiều hơn tôi nữa. Chúng tôi đã điều tra về sự có mặt có thể có của một người đàn ông hoặc một người đàn bà xa lạ; hoặc ở trên con hoặc ở tại nhà ga: không có kết quả! Điều làm tôi băn khoăn là sự thiếu những động cơ gây ra tội ác.

- À! Chỗ đó, tôi không có khả năng giúp được anh. Nhưng ngày mai, chúng ta gặp nhau tại hiện trường, được không?

- Ta tới Yoxley Old Place từ 8 đến 9 giờ.

- Chúng ta sẽ đáp chuyến tàu đó. Này, Hopkins, cũng gần một giờ sáng rồi. Cái trường kỷ kê trước lò sưởi thuộc quyền sử dụng của anh đó.

Sáng hôm sau chúng tôi xuống tàu ở một ga xép cách Chatham vài cây số. Thời gian thắng một con ngựa vào đôi cang xe độc mã đủ để chúng tôi quất một bữa điểm tâm xoàng xĩnh. Khi tới Yoxley Old Place chúng tôi làm việc ngay. Một cảnh sát viên đón chúng tôi ở hàng rào quanh vườn.

- Thế nào, có gì mới không Wilson?

- Không, thưa ông.

- Người ta vẫn chưa báo gì về một người lạ trong xứ à?

- Không, thưa ông. Ở dưới ga, họ tin chắc là không có một người lạ nào đã tới hoặc đã đi.

- Anh đã điều tra trong các quán ăn và các nhà trọ?

- Tất cả mọi người đều theo đúng luật lệ với những lý do vắng mặt đều chấp nhận được và đã kiểm tra.

- Từ đây đi Chatham không xa lắm. Bất cứ ai cũng có thể xuống đó và đập tàu mà chẳng bị ai để ý tới... Đây là lối đi trong vườn mà tôi đã nói với ông, thưa ông Holmes

- Ở phía nào có những dấu vết ở trên cỏ?

- Qua đây! Trong cái dải chật hẹp giữa lối đi và những khoảng đất trồng hoa trong vườn.

- Đúng, đúng! Có một ai đó đã đi qua ngã này. Người đàn bà xa lạ của chúng ta hẳn đã bước đi thận trọng, bởi vì phía này bà hẳn để lại một dấu vết trên lối đi và trên phía bên kia một dấu vết còn rõ hơn nữa, trên khoảng đất trồng hoa thật mềm, phải không?

- Bà ta phải là người điếm tĩnh một cách khác thường.

Bất thành linh Holmes tập trung tư tưởng.

- Anh nói là bà ta đã đi ra qua ngã này?

- Vâng, không có một lối đi nào khác.

- Trên cái dải cỏ này à?

- Chắc chắn rồi.

- Hừm! Vậy đúng là một kỳ tích rất đáng chú ý... Rất đáng chú ý! Thôi! Chúng ta hãy đi xa hơn. Cái cánh cửa vườn này thường được mở rộng, tôi đoán thế. Vậy là bà khách chỉ có việc vào. Vì nghĩ về một vụ ám sát không có trong đầu bà ta; nếu không, thì bà đã mang theo một vũ khí nào đó thay vì sử dụng con dao nhíp trên bàn giấy. Bà ta đã đi trong hành lang, không để lại dấu vết khi đi qua trên cái chiếu dệt bằng sợi dừa. Rồi thì bà ta tới trong văn phòng này... Bà ta đã ở nơi đây bao lâu?

- Chừng 15 phút thôi. Bà Marker khẳng định như vậy.

- Người đàn bà xa lạ đi vào trong văn phòng này và làm gì? Bà ta đi tới cái tủ. Tại sao? Không phải để tìm một cái gì đó trong những ngăn kéo. Nếu trong ngăn kéo mà có một cái gì quan trọng thì ắt hẳn chúng đã được khóa lại. Không, bà ta đã tìm một cái gì đó trong tủ buyp-phê bằng gỗ này. Cui này, thế còn cái vết xước này, đây này. Đây Watson, hãy đánh cho tôi một que diêm. Tại sao anh lại không nói với tôi về cái vết xước này, Hopkins?

Cái vết mà Holmes quan sát bắt đầu từ mặt đồng hồ bên mé phải có khóa và nó kéo dài khoảng 4 inch trên nước véc-ni.

- Tôi đã thấy nó. Nhưng luôn luôn chúng ta thấy chung quanh một có khóa có những vết xước giống như vết này. Vết này hoàn toàn mới... Rất mới. Anh hãy nhìn xem chỗ bị cào xước này, màu đồng mới bóng làm sao. Một vết xước cũ hẳn đã lã màu của mặt có khóa. Hãy dùng kính lúp của tôi mà coi. Chúng ta nhận thấy lớp véc-ni ở chỗ này, giống như đất ở mỗi bên của một luống cây. Bà Marker có ở đây không nhỉ?

Một bà đứng tuổi, có nét mặt ủ ê, bước vào.

- Sáng hôm qua bà có quét bụi cái bàn giấy này không?

- Có.

- Bà có để ý thấy cái vết xước này không?

- Không, tôi không thấy nó.

- Ai giữ chìa khoá tủ này?

- Ông giáo sư gắn nó trong sợi dây đeo đồng hồ của ông.

- Đó có phải là một cái chìa thông thường không?

- Không, chìa khóa hiệu Chubb.

- Tốt lắm bà Marker, bà có thể về. Thế là chúng ta đã tiến được chút đỉnh. Người nữ khách của chúng ta vào trong phòng, tiến lại gần bàn giấy, và mở ra hoặc thử tìm cách mở tủ ra. Trong lúc vội vã rút cái chìa khoá ra, bà đã gây nên vết xước trên cánh cửa. Willoughby Smith tóm lấy bà, nhưng bà quơ lấy món đồ đầu tiên nằm trong tầm tay, tình cờ lại là con dao nhíp, và đâm vào anh ta để anh buông bà ra. Không ngờ cú đâm lại làm chết người. Willoughby Smith gục xuống và bà bỏ trốn: có thể bà đã lấy được món đồ hoặc chưa lấy được. Thế còn bà hầu phòng Susan có ở đấy không? Bà Susan ơi, có thể nào có ai đó lại có thể ra khỏi cửa này sau khi bà đã nghe thấy tiếng kêu không?

- Không thể nào được. Khi họ xuống cầu thang, tôi ắt hẳn đã trông thấy ai đó trong hành lang. Hơn nữa, người ta đã không mở cửa ra, nếu mở cửa ra thì tôi đã nghe thấy rồi.

- Thế là giải quyết dứt một điểm. Không còn nghi ngờ chút nào về việc người đàn bà đó đã bỏ đi bằng cùng một con đường mà bà ta đã vào. Cánh cửa dẫn thẳng tới phòng của giáo sư à? Không có lối nào qua ngã phòng của giáo sư sao

- Không, thưa ông.

- Vậy thì chúng ta hãy theo lối đó và tới làm quen với ông giáo sư.Ồ, Hopkins! Đây là điều rất quan trọng: Hành lang dẫn vào phòng giáo sư cũng được trải chiếu đan bằng sợi dừa phải không?

- Phải, nhưng có gì là quan trọng.

- Tôi thấy chi tiết đó rất là đáng chú ý. Anh hãy vào và giới thiệu tôi.

Đằng cuối của dãy hành lang có vài bậc thềm dẫn đến một cánh cửa. Người hướng dẫn chúng tôi gõ cửa, rồi chúng tôi đẩy nhau vào trong phòng của ông giáo sư.

Đây là một căn phòng rất lớn, sách chất đầy trên các kệ và nằm chồng đống trong tất cả mọi xó góc, hoặc xếp chồng dưới những tầng giá dọc theo căn phòng. Cái giường kê chính giữa. Chủ nhà ngồi dựa lên những cái gối. Một bộ mặt trơ xương, nhìn nghiêng như chim đại bàng hướng về chúng tôi, cặp mắt đen sắc sảo nép mình trong những hốc mắt sâu và được che chở bởi đôi lông mày rậm sệ xuống. Mái tóc và bộ râu ông đều bạc phơ như tuyết, chỉ khác là râu chung quanh miệng bị vàng khè một cách kỳ lạ. Một điều thuốc lá đang tàn dần giữa cái mớ lông trắng đó và không khí trong phòng thật ngọt ngào vì khói thuốc. Ông chìa một bàn tay ra bắt tay Holmes: những ngón tay ông cũng bám đầy chất nicotine.

- Ông hút thuốc chứ, thưa ông Holmes? - ông nói bằng một thứ tiếng Anh không chệ vào đâu được dẫu rằng có ẩn tàng một âm tiết xa lạ - Tôi xin mời ông hút một điếu. Còn ông, thưa ông? Thuốc hút và công việc, đó là tất cả những gì còn nơi tôi.

Holmes đã mời điếu thuốc và anh ném những tia nhìn lên qua khắp căn phòng.

- Thuốc hút và công việc của tôi, nhưng giờ đây chỉ còn lại có thuốc hút. Than ôi, sự đứt đoạn mới nguy hại làm sao! Nào ai có thể ngờ một tai họa như vậy? Một thanh niên xứng đáng được quý mến đến thế! Tôi đoán chắc với ông là chỉ sau vài tháng khởi công, anh ấy đã trở thành một cộng sự viên đáng phục. Ông nghĩ sao về chuyện này

- Tôi chưa nghĩ gì.

- Tôi sẽ mang ơn ông rất nhiều, nếu như ông làm sáng tỏ được vụ này. Với một người tàn phế ham chuộng sách như tôi, vụ này làm tôi bị tê liệt luôn: tôi tin rằng tôi đã bị mất ngay cả đến năng lực suy nghĩ. Nhưng ông là chuyên gia phá án những vụ bí mật, ông có khả năng giữ được thể quân bình trong bất kỳ tình huống nào. Chúng tôi thật may mắn có ông ở gần bên!

Trong lúc ông giáo sư nói, Holmes đi đi lại lại trong một phần căn phòng. Tôi nhận thấy anh hút thuốc nhanh chóng khác thường.

- Đây là một vỏ quá nặng nề! - ông nói tiếp - Đây là tác phẩm lớn của đời tôi, cái chồng giấy mà ông trông thấy xếp trên mặt bàn cạnh đó, tôi đã phân tích những tài liệu tìm thấy trong các tu viện giáo phái Coptic ở Syrie và ở Ai Cập; tác phẩm của tôi sẽ làm đảo lộn các nền móng của tôn giáo đã được phát hiện. Giờ đây, xét vì sức khoẻ suy nhược và sự mất mát người cộng sự, tôi tự hỏi không biết rồi ra tôi có thể hoàn tất được nó hay chẳng. Chúa ơi, ông Holmes, thế là ông hút thuốc còn nhiều hơn tôi nữa?

- Tôi là một người sành điệu! - Holmes nói, khi lấy một điếu thuốc thứ tư trong hộp và nốc vào cái mẩu còn cháy của điếu thuốc trước - Thưa giáo sư, tôi tin rằng vào giờ xảy ra tội ác, ông đang nằm trên giường và rằng ông không biết gì cả. Tôi chỉ muốn nêu ra với ông một câu hỏi: theo ý ông, người thanh niên đã muốn nói gì trước khi trút hơi thở cuối cùng qua câu: Giáo sư... Chính là bà ta đó.

Ông giáo sư lắc đầu.

- Susan là một người đàn bà quê mùa và ông thừa biết sự ngốc nghếch của loại người đó. Tôi nghĩ rằng trong cơn mê sảng, anh chàng tội nghiệp đã thì thầm vài từ rời rạc và rằng chị ta đã dựa vào đó mà tạo ra một câu chẳng có ý nghĩa gì cả.

- Ông không có một lời giải thích riêng tư nào để đề xuất với chúng tôi hay sao?

- Có thể là một tai nạn. Có thể là... Có thể là một vụ tự tử. Một người trẻ tuổi giữ kín những mối lo âu và những nỗi khổ đau của họ... Một chuyện yượng lỗ làng.

- Nhưng còn cặp kính kẹp mũi?

- A! Tôi chỉ là một nhà trí thức. Một người chỉ biết nghiên cứu và mơ mộng. Tôi không có khả năng giải thích những sự việc thực tiễn của đời sống. Nhưng ít ra chúng ta cũng biết rõ rằng những bằng chứng của tình yêu có thể có những hiện tượng bề ngoài thật lạ lùng. Dù thế nào đi nữa, xin ông hãy dùng thêm điếu thuốc nữa. Thật là thích thú khi gặp người biết thưởng thức chúng đến thế. Một cây quạt, một đôi găng tay, cặp kính đeo mắt... Ai biết được là một người sắp chấm dứt cuộc sống ràng buộc cho món đồ nào một giá trị tượng trưng? Ông đây đã xác nhận với tôi là có những dấu chân trên cỏ: dù sao, trên một chi tiết tương tự, một sự nhầm lẫn luôn luôn là điều có thể xảy ra! Còn về con dao nhíp, nó có thể bị kẻ bất hạnh ném đi, khi anh ta ngã xuống. Có thể là các ông thấy tôi là ấu trĩ, nhưng cứ theo tôi thấy, thì Willoughby Smith đã tự sát.

Holmes dường như bị ngạc nhiên về cái lý thuyết mà anh vừa nghe. Anh tiếp tục sải bước trong gian phòng, vừa suy nghĩ vừa hút hết điếu thuốc này sang điếu thuốc khác. Sau cùng, anh nói:

- Thưa giáo sư, xin cho tôi biết ông cất giữ cái gì trong phần chính giữa bàn giấy ông?

- Chẳng có gì có thể gọi là lòng tham của kẻ trộm. Những giấy tờ của gia đình, những lá

thư của bà vợ... Những bằng cấp mà nhiều viện Đại học đã trao tặng cho tôi. Đây là chìa khoá, ông hãy tự mình xem lấy.

Holmes đón lấy cái chìa khoá và quan sát nó trong một lát. Đoạn anh giao trả cho người giữ.

- Không! Tôi không tin là nó có thể giúp ích cho tôi được điều gì nhiều. Tôi ưa thích được xuống dưới vườn một cách bình thản để suy nghĩ về tất cả nội vụ, ngõ hầu có thể rút ra được một điều gì từ cái lý thuyết về sự tự sát mà ông đã triển khai. Tới hai giờ trưa, chúng tôi sẽ quay lại và chúng tôi sẽ tường trình với ông về tất cả những gì có thể xảy ra.

Holmes tập trung tư tưởng một cách lạ lùng. Chúng tôi im lặng đi bách bộ trong vườn, rồi thì tôi không thể ngăn mình hỏi xem anh có một hướng điều tra nào không

- Cái đó tùy thuộc vào những điều thuốc lá mà tôi vừa hút. Có thể là tôi bị làm.

- Làm thế nào mà...?

- Rồi anh sẽ thấy. Nếu tôi bị làm thì cũng chẳng có gì là tai hại lắm. Đương nhiên, chúng ta vẫn còn cái hướng tiệm kính, nhưng tôi theo những hướng đi tắt, mỗi khi tôi thấy có con đường đó. A! Đây là bà Marker tốt bụng Chúng ta hãy nói chuyện với bà.

Không đầy hai phút, anh đã chinh phục được người đàn bà này, anh tán chuyện với bà cứ y như anh đã quen biết bà từ nhiều năm qua.

- Vâng, đúng như ông nói đó. Cụ chủ hút thuốc thật là kinh khủng Suốt ngày và đôi khi suốt đêm. Buổi sáng, tôi đã thấy phòng cụ... Tội nghiệp ông Smith đáng thương, ông cũng là một người hay hút thuốc nhưng không hút nhiều như giáo sư. Sức khoẻ của cụ.... Nói thật, tôi không biết là cụ khoẻ hay yếu hơn!

- Nhưng hút thuốc nhiều thì đâu còn ăn ngon miệng được?

- Vậy thì tôi chẳng hiểu gì hết.

- Tôi đoán chừng rằng ông giáo sư ăn ít?

- Ô, cái đó cũng còn tùy?

- Tôi cam đoan là sáng nay cụ đã không dùng bữa điểm tâm và cụ cũng chẳng ăn thật thà trong bữa, sau những điều thuốc mà tôi thấy cụ đã hút.

- Ông bị làm rồi! Sáng nay, cụ đã ăn rất nhiều, cụ dọn bữa trưa dọn một đĩa lớn món sườn non! Tôi là người đầu tiên ngạc nhiên, bởi vì kể từ hôm qua, sau lúc tôi trông thấy ông Smith nằm sóng soài trên đất, thì tôi không đụng tới bất cứ món ăn nào. Úi cha, thế

gian phải có người thế này người thế khác chứ, đúng vậy không? Cho nên cụ giáo sư đã không vì thế mà ăn mất ngon.

Suốt buổi sáng, chúng tôi đi thơ thẩn trong vườn. Stanley Hopkins xuống dưới làng để kiểm tra một lời đồn đại về một người đàn bà lạ mặt mà sáng nay lũ trẻ đã trông thấy trên con đường từ Chatham tới. Về phần Holmes, tôi chưa bao giờ thấy anh thờ ơ trước một vụ như vụ này. Ngay cả cái tin mà Hopkins đem về cho biết rằng cảnh sát đã thẩm vấn những đứa trẻ và rằng mấy em đó đã trông thấy một người đàn bà có nhận dạng giống hệt với người mà Holmes đã miêu tả, cũng không lôi anh ra khỏi sự lãnh đạm. Ngược lại, anh đồng tai lên nghe bà Susan, trong lúc hầu bàn, báo cho anh biết rằng buổi sáng trước ông Smith đã đi ra khỏi nhà và chỉ trở về chừng nửa tiếng đồng hồ trước khi xảy ra thảm trạng. Bất thành anh, Holmes đứng lên và xem đồng hồ, rồi nói:

- Hai giờ rồi! Chúng ta phải lên gặp giáo sư.

Ông già vừa dùng xong bữa trưa và cái đĩa đựng thức ăn trống trơn, chứng tỏ sự ngon miệng mà bà Marker đã ghi nhận. Điều thuốc lá đang phì phèo trong miệng ông. Ông đã thay quần áo và ngồi trong ghế bành ở một góc bên ngọn lửa.

- Thế nào, ông Holmes, ông đã làm sáng tỏ được sự bí ẩn được chưa?

Ông đẩy cái hộp thuốc lá lại phía Holmes. Cùng lúc đó, Holmes cũng duỗi tay ra. Hai tay của hai người đã làm đổ tung cái hộp. Trong một lúc lâu, tất cả chúng tôi đều quỳ xuống đất để nhặt những điều thuốc lá đã văng vào trong những xó góc rất khó tìm. Khi đứng lên, tôi thấy đôi mắt Holmes long lanh và cặp má anh đã hồng lên: anh đang giương ra lá cờ quyết đấu. Anh trả lời câu hỏi của ông chủ nhà:

- Có, tôi đã làm sáng tỏ được điều bí ẩn.

Stanley Hopkins và tôi chăm chú nhìn anh với vẻ ngạc nhiên. Trên những nét khổ hạnh của ông giáo sư có thoáng qua một cái gì như một nét cười ngạo.

- Đúng vậy ư? Trong vườn à?

- Không, ở đây.

- Ở đây? Bao giờ?

- Ngay lúc này!

- Chắc chắn là ông đang đùa cợt rồi, vụ này quá nghiêm trọng, nên không hợp với sự đùa cợt

- Tôi đã rèn và đã thử từng mắt một trong sợi xích của tôi, thưa giáo sư; và tôi tin chắc rằng sợi xích đó vững chắc. Vì động cơ nào mà giáo sư tuân theo, hoặc giáo sư thủ một vai trò nào trong tấn thảm kịch này, thì tôi chưa có khả năng để nói rõ. Trong vài phút nữa, chắc chắn là tôi sẽ được chính miệng giáo sư nói ra. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ lặp lại những sự việc theo ý giáo sư, để giáo sư biết là tôi còn cần được chỉ bảo thêm điều nào.

Ngày hôm qua, một người đàn bà đã vào trong văn phòng giáo sư, Bà ấy đã tới với ý định lấy một số tài liệu ở trong bàn giấy. Bà ấy có một chìa khoá riêng. Cái chìa khoá của giáo sư không phải là chiếc chìa khoá đã tạo ra một vết xước trên mặt đánh véc-ni của ổ khoá. Vậy giáo sư không phải là một tông phạm. Bà nọ đã tới để đánh cắp tài liệu của ông và ông không hay biết gì về những ý định của bà ta.

Ông giáo sư thả khỏi cặp môi một đám mây khói thật dày:

- Điều đó cũng là lý thú như là bỏ ỉch! Ông không có gì để thêm vào sao? Bởi vì ông đã theo dõi người đàn bà tới đó, ông có thể nào cho chúng tôi biết là bà ta đã ra sao không?

- Thoạt đầu, bà ta bị người thư ký của ông tóm bắt và bà ta đã đâm anh ta để bỏ trốn. Tôi nghiêng về việc coi cái thảm hoạ này như một việc rủi ro, bởi vì tôi tin chắc rằng người đàn bà này không có ý định gây ra một vết thương trầm trọng đến thế. Nếu là kẻ sát nhân thì họ phải có khí giới. Kinh hoàng về việc mà bà đã làm, bà bỏ trốn như một người điên. Nhưng trong lúc giành giật, bà ta bị mất cái kính kẹp mũi. Vì bị cận thị quá nặng, bà đã đi lầm đường. Bà đi theo một hành lang mà cứ tưởng rằng đó là hành lang đã đưa bà vào đây. Cả hai hành lang đều được lót chiếu đan bằng sợi dừa. Và khi bà nhận ra sự sai lầm thì đã quá muộn và bà hiểu rằng lối rút lui của bà đã bị chặn. Bà không thể quay gót trở lại. Bà cũng không thể đứng mãi một chỗ. Bà phải tiếp tục tiến lên phía trước, tiến lên trong hành lang, leo lên một cầu thang đẩy một cánh cửa ra: bà thấy mình lọt vào trong phòng ông.

Ông già miệng há hốc nhìn Holmes. Sự sửng sốt và sự sợ hãi trộn lẫn trên gương mặt. ông cố gắng buông ra một tràng cười lớn và nhún nhường

- Hoàn hảo, thưa ông thầy bói! Nhưng rất lấy làm tiếc, bên trong cái “mu rùa” của ông có một khuyết tật nhỏ: tôi ở trong phòng này suốt cả ngày.

- Tôi biết điều đó, thưa giáo sư. - Holmes đáp.

- Và ông muốn hỏi vì sao tôi nằm ở đây mà không nhận thấy người đàn bà đã bước vào phòng tôi?

- Giáo sư đã nói chuyện với người đàn bà đó. Ngài đã nhận ra bà ta. Ngài đã giúp bà ta ẩn mặt.

Lần nữa, ông giáo sư lại phá ra cười. Ông đã đứng hẳn lên. Đôi mắt lấp lánh như hai cục than hồng, kêu lớn lên:

- Ông Sherlock Holmes, ông điên rồi! Ông nói toàn những điều tầm bậy tầm bạ! Tôi mà lại giúp cho bà ta trốn thoát ư? Thế thì bây giờ bà ta ở đâu?

- Bà ấy ở đây này! - Holmes nói, tay chỉ vào một tủ sách cao kê trong một góc phòng.

Tôi thấy ông già giơ hai cánh tay lên. Một sự co giật kinh khủng làm cho mặt ông ta biến dạng. Ông buông mình xuống ghế bành. Cùng lúc đó, cái tủ sách mở tung và một người đàn bà từ bên trong vọt ra.

- Ông đã có lý! - Bà ta kêu lên với một âm tiết xa lạ - Ông đã nói đúng! Tôi đây!

Mặt bà dơ dáy. Nhưng, trông bà ta có một cái gì đó nó toát lên sự kính trọng và sự cảm phục!

Stanley Hopkins đã đặt một bàn tay lên cánh tay bà ta và bắt giữ bà, nhưng bà gạt anh ta ra một cách nhẹ nhàng với vẻ mặt nghiêm khắc khác thường. Ông già ngồi khuyu xuống trong ghế bành, nhìn bà với đôi mắt tuyệt vọng. Bà già nói:

- Thưa ông, tôi là tù nhân của ông! Từ chỗ ẩn nấp, tôi đã nghe tất cả và tôi biết là quý ông đã hiểu được sự thật. Chính tôi đã giết chàng trai đó. Nhưng như ông đã nói, đó là do rủi ro. Tôi còn không biết là trong tay mình có một con dao, bởi vì trong tuyệt vọng, tôi đã chớp lấy vật đầu tiên mà tôi thấy trên bàn.

- Thưa bà, tôi tin chắc sự việc là như vậy. Tôi thấy bà không được khoẻ trong người.

Bà ta đã tái xanh, dưới lớp bụi bặm, mặt bà trắng bệch. Bà ngồi xuống trên mép giường, trở lại bình tĩnh:

- Tôi chỉ còn có một chút thời gian. Nhưng tôi muốn cho quý ông biết rõ sự thật. Tôi là vợ của người đàn ông này. Ông ta không phải là người Anh. Ông ta là người Nga. Nhưng tôi sẽ không nói tên ông ta.

Lần đầu tiên ông già cựa quậy, kêu lên:

- Chúa sẽ ban phước lành cho em, Anna!

Bà nhìn ông, khinh bỉ:

- Tại sao phải bám víu cuộc đời khốn khổ hủ Sergey. Nó đã làm hại những người tốt, chứ đâu chỉ riêng ông? Tôi không làm thay đổi được gì, nhưng tôi đã có được sự thanh thản khi tôi bắt đầu bước quá ngưỡng cửa của cái nhà đáng ghét này. Nhưng tôi sẽ nói

hoặc sẽ là quá muộn.

Tôi chính là vợ của người đàn ông này. Khi chúng tôi lấy nhau, ông ta đã 50 tuổi, còn tôi là một thiếu nữ xuân ngốc. Chuyện đó xảy ra bên nước Nga, trong một trường đại học... Mà tôi sẽ không nêu tên ra!

- Chúa ban phước lành cho em, Anna! - Lão già lặp lại trong một tiếng thì thầm.

- Lúc đó, chúng tôi là những nhà cách mạng: ông ấy, tôi và nhiều người khác nữa. Khi một sĩ quan cảnh sát đã bị giết chết thì liền đó có nhiều vụ bắt bớ. Để cứu mạng mình và để lĩnh một món tiền thưởng lớn, chồng tôi đã phản bội ngay chính vợ mình và các đồng chí của mình. Vậy là tất cả chúng tôi đã bị bắt theo sự chỉ điểm của chồng tôi. Một vài người trong chúng tôi bị đưa lên đoạn đầu đài và nhiều người khác bị đày sang Sibérie.

Tôi ở trong đám những người đó, nhưng tôi không bị tù chung thân. Chồng tôi tới định cư tại nước Anh với số tiền dơ bẩn. Nhưng ông ta biết rõ rằng nếu tổ chức của chúng tôi biết nơi cư trú của ông thì công lý sẽ được thực thi ngay.

Ông lão vươn tay ra, rút lấy một điều thuốc:

- Em tùy ý sử dụng số phận đời anh đó, Anna! Em luôn luôn tốt với anh mà!

- Trong số các đồng chí thuộc tổ chức, có một người đã từng là bạn trai tôi. Anh ấy cao thượng, vô tư và gần bó: tất cả những cái mà chồng tôi không được như thế. Anh ấy ghét bỏ bạo lực. Anh ấy đã viết thư cho tôi để thuyết phục tôi đứng về "phe ôn hòa". Chồng tôi đánh cắp lấy những lá thư của anh ấy và cuốn sổ nhật ký của tôi. Ông đã đem giấu chúng đi, tìm cách làm cho chàng trai đó bị xử bắn. Nhưng Alexey chỉ bị lưu đày sang Sibérie, hiện đang lao động trong một hầm muối. Hãy nghĩ tới việc đó, tên hèn nhát! Ngày hôm nay, vào cái giờ mà ta đang nói đây, con người cao đẹp kia đang sống như một nô lệ. Còn ta, ta là người nắm giữ mệnh mi trong tay, thế mà ta lại để cho mi được sống.

- Em luôn luôn là một tâm hồn cao thượng, Anna! - Lão già kêu lên, khi rít trên điều thuốc lá.

Bà đứng lên, nhưng lại ngã về phía sau với một tiếng kêu đau đớn nhỏ:

- Tôi cần phải nói cho xong. Khi mãn hạn tù, tôi bắt đầu đi tìm cuốn sổ tay và những lá thư mà một khi nó tới được chính phủ Nga, chắc chắn anh ấy sẽ được trả tự do. Tôi đã biết lão già này sang nước Anh. Sau nhiều tháng truy lùng, tôi tìm ra nơi trốn tránh của y. Tôi đã biết là y vẫn còn giữ cuốn sổ tay, bởi vì trong lúc tôi còn bị lưu đày ở Sibérie, tôi đã nhận được một lá thư của y đầy những lời trách móc và những câu trích dẫn rút ra từ trong cuốn nhật ký. Nhưng y là một người hèn hạ, chắc sẽ không trả lại cho tôi. Vậy thì tôi phải đích thân đi lấy lại thôi. Với mục đích đó, tôi thuê một thám tử tư vào

trong nhà này làm thư ký riêng. Đó là người thư ký thứ hai của mi đó, tên tòi? Cái người đã rời bỏ mi thật vội vã. Anh ta đã biết những giấy tờ đó được cất giữ trong phần giữa của bàn giấy mi và anh đã lấy cái dấu chìa khoá. Anh ta không muốn đi xa hơn. Anh ta thông báo cho ta biết sơ đồ căn nhà và bảo ta rằng buổi sáng, trước lúc giữa trưa, văn phòng luôn luôn trống vắng vì người thư ký sẽ phải làm việc tại trong phòng này cùng với mi.

Tôi đã thu hết can đảm đi lấy lại cuốn sổ. Tôi vừa lấy lại được những giấy tờ và đóng cái tủ lại thì người thanh niên nắm lấy tay tôi. Tôi đã từng gặp anh ta buổi sáng. Chúng tôi đã gặp nhau trên đường và tôi đã xin anh cho biết giáo sư ở đâu. Lúc đó tôi không biết anh ta làm việc ở đây.

- Đúng thế! - Holmes nói - Người thư ký đã quay về nhà và đã nói với ông chủ về người đàn bà mà anh vừa gặp. Rồi thì, trong hơi thở sau cùng, anh đã cố đưa tin rằng chính bà là người đàn bà mà anh ta vừa nói với ông chủ.

- Hãy để cho tôi nói hết! - Bà ta nói với một giọng khẩn thiết trong lúc mặt bà co lại một cách đau đớn - Tôi vùng vẫy và anh ta ngã xuống, lập tức tôi vội chạy ra khỏi phòng, nhưng tôi đã đi lạc vào trong phòng của tên hèn này. Y đe dọa là sẽ tố giác tôi. Tôi nói nếu y làm thế, mạng sống của y sẽ bị chấm dứt. Nếu y bỏ rơi tôi lại cho luật pháp thì tôi sẽ bỏ rơi y cho tổ chức. Y buộc lòng phải che chở cho tôi. Y ném tôi vào trong cái chỗ trốn lánh tối tăm này. Y dùng bữa trưa trong phòng, ngỗ hầu có thể nuôi tôi. Y thoả thuận rằng khi cảnh sát rời khỏi nhà, thì y sẽ để cho tôi trốn đi trong ban đêm với điều kiện là tôi không trở lại nữa. Nhưng ông Holmes đã ngăn trở dự định của chúng tôi...

Bà rút từ trong vạt áo ra một gói nhỏ và nói thêm:

-... Và giờ đây, đây là cái sẽ cứu Alexey. Tôi xin gởi gắm gói này vào lòng tôn trọng danh dự và lòng yêu công lý của ông. Hãy cầm lấy, và trao lại cho toà Đại sứ nước Nga. Giờ đây, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, và...

- Ngưng lại! - Holmes kêu lên.

Anh đã nhảy chồm tới và giật ra một cái lọ nhỏ.

-Muộn quá rồi! - Bà thì thầm khi lặn xuống giường - Quá muộn rồi! Tôi đã uống thuốc độc trước khi ra khỏi nơi trú ẩn. Đầu tôi quay cuồng! Tôi chết đây! Hãy nhớ đến cái gói.

Trên đường về London, Holmes giải thích cho chúng tôi biết rằng nếu chàng trai không tóm bắt được cái kính kẹp mũi thì không biết bao giờ chúng tôi mới tìm ra đáp số. Anh nói:

- Nhìn những tròng kính, tôi biết chủ cặp kính bị cận thị nặng, như thế khi mất kính thì bà ta dễ lạc đường. Khi anh bảo tôi hãy tin là bà đã đi trên một dải cỏ hẹp mà không để lại dấu chân, tôi trả lời rằng việc đó hẳn là một kỳ tích. Tôi thật sự nghĩ rằng kỳ tích đó

không thể nào thực hiện nổi; nếu không, thì bà ta phải có một cặp kính thứ hai. Vậy là tôi phải xem xét nghiêm túc cái giả thiết theo đó bà ta chưa ra khỏi nhà. Khi nhận thấy hai dãy hành lang giống hệt nhau, tôi nghi bà có thể bị lầm đường và trong trường hợp này bà đã vào phòng ông giáo sư. Do đó tôi đi theo giả thiết này.

Tôi đã kiểm tra rất kỹ căn phòng khi hy vọng tìm ra một nơi trú ẩn. Tầm thăm được chải kỹ và liền một tấm nên tôi đã bỏ ý nghĩ về một cánh cửa mở xuống hầm. Có thể có một nơi kín đáo đằng sau các cuốn sách. Như các anh đều biết, điều đó thường gặp trong những thư viện xưa. Mặt khác, tôi thấy những cuốn sách được xếp thành đồng trên sàn gác, ngoại trừ trước một tủ sách. Sự dọn dẹp gọn ghẽ đó có thể tạo ra một lối đi vào. Tôi không thấy một dấu vết nào để hướng dẫn tôi, nhưng tầm thăm màu sẫm nên tôi đã hút thật nhiều thuốc lá rồi vung vẩy tàn thuốc xuống trước cái tủ sách bị nghi ngờ. Đó là một mảnh khoé đơn giản nhưng lại tỏ ra hữu hiệu. Tôi đi xuống dưới nhà, tìm cách thu thập tin tức. Thật may bà giúp việc cho tôi biết giáo sư đã ăn rất nhiều, đó là điều phải nghi ngờ trong trường hợp ông nuôi một người thứ hai. Sau đó chúng ta lên phòng và sau khi lật đổ cái hộp đựng thuốc lá, tôi có cơ hội khám xét cái sàn ván. Lúc đó, căn cứ theo những dấu vết để lại trên tàn thuốc lá, tôi nhận thấy rõ, rằng trong lúc chúng ta vắng mặt, người nữ tù đã ra khỏi nơi trú ẩn... Vậy thì, Hopkins, chúng ta đã tới ga công trường Charing Cross và tôi có lời khen anh đã thành công trong vụ án này. Chắc hẳn là anh về Scotland Yard? Nay Watson, về phần chúng ta, chúng ta hãy thuê xe ngựa đi tới toà đại sứ Nga.

Hết

D.11 - The Adventure of the Missing Three-Quarter 1904 (Một trung vệ bị mất tích)

-Xin vui lòng chờ tôi. Bất hạnh kinh khủng. Mất trung vệ cánh phải. Cần thiết cho ngày mai. ô-vơ'l' - Bưu án từ Strand. Giờ gửi: 10 giờ 36 phút - ~ Holmes nói, sau khi đã đọc bức điện tin - Thần kinh ông ô-vơ bị căng thẳng lắm nên mới viết văn bản rời rạc như vậy. Mấy ngày nay nhàn rỗi quá, bất cứ một vấn đề nhỏ nào cũng sẽ được hoan nghênh. ' ĐÓ là một người. trẻ tuổi, to con, mạnh khỏe với cả tạ xương và cơ bắp, hai bờ vai của ông đựng sát hai bên khung cửa ra vào. ông lần lượt nhìn chung tôi với một vẻ lo âu:

~ Thừa, ông là Sherlock Holmes?

Holmes chào người khách.

Tôi vừa từ Scotland Yard ra. ông thanh tra Hốp- kín khuyên tôi tới gặp ông. ông ấy nói rằng việc này thích hợp với ông hơn.

~ ông hãy ngồi xuống. Và cho tôi biết đó là chuyện gì Tô-tân... Chắc chắn là ông đã có nghe nhắc đến anh ta?... Anh ta là cái bản lề của toàn đội. Khi anh ta chuyển bóng, dù anh ta móc bóng, dù anh ta dắt bóng, không một ai có thể cản được. Vả chăng, anh ta còn có đầu óc. Bên cạnh anh, chúng tôi đều là những đứa trẻ. Tôi phải làm sao đây? Nếu ông không giúp tôi tìm cho ra Tô-tân thì chúng tôi chắc chắn bị thua.

Khi người thanh niên dứt lời, Holmes duỗi tay, lấy bộ sưu tập ra, nhưng anh không tìm thấy tên Tô-tân. Tới lượt người khách của chúng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên.

Coi nào, thưa ông Holmes, tôi cứ tưởng là ông đã biết anh ta chứ! Nếu ông chưa từng nghe nhắc tới Tô-tân thì ông cũng chẳng biết ai là ô-vơ.' Với tâm trạng vui vẻ, Holmes ra dấu là anh cũng không biết.

~ Kinh khủng thật - Nhà lực sĩ gầm lên - Tôi là người chỉ huy đội bóng nhà trường. Tôi chẳng là cái thá gì cả Nhưng tôi không thể ngờ được là tại nước Anh lại có người không biết đến Tô-tân, nhà vô địch trong các trung vệ, tay cừ của Cambridge, của Blackheath, 5 lần đoạt giải quốc tế Nhưng thưa ông Holmes, ông đã sống ở đâu vậy?

Holmes phá ra cười trước vẻ ngạc nhiên ngây thực của chàng trai khổng lồ

- Chúng tôi không cùng sống trong một vũ trụ, thưa ông ô-vơ. ông sống trong một thế giới lành mạnh hơn, . thú vị hơn tôi. Nhưng mà này ông bạn tốt bụng, hãy ngồi xuống và nói một cách từ tốn về chuyện gì đã xảy ra.

ô-vơ để lộ sự bối rối của một người quen sử dụng những cơ bắp hơn là trí tuệ. Giữa vô số những câu nói lặp đi lặp lại, anh đã trình bày chi tiết câu chuyện kỳ lạ như sau:

- Tôi là người điều khiển đội bóng bầu dục của đại học Cambridge và Tô-tân là cột trụ của đội. Ngày mai chúng tôi sẽ đấu với đội của đại học Oxford. Hôm qua chúng tôi đến Luân Đôn và Ở một khách sạn. Lúc mười giờ, tôi đi qua một vòng các phòng để xem các bạn đồng đội đã đi ngủ chưa. Tôi trao đổi vài câu nói với Tô-tân trước khi anh lên giường. Tôi thấy anh xanh xao, có vẻ lo lắng. Tôi hỏi anh vì sao. Anh trả lời là anh rất khỏe, chỉ hơi nhức đầu thôi. Nửa tiếng đồng hồ sau, người gác cửa tới cho tôi hay là có một người có râu, đem một lá thư tới cho Tô-tân. Vì Tô-tân chưa ngủ, người gác cổng đã cầm thư đó lên trao tận tay anh. Đọc xong, anh ta cúi xuống cái ghế dựa, tựa hồ như anh đã bị quất một dùi cui. Người gác cổng kinh hoàng, muốn đi tìm tôi nhưng Tô-tân đã ngăn lại, anh đã uống một cốc nước lớn, mặc quần áo rồi đi xuống, nói vài lời với người đợi dưới gian tiền sảnh, rồi cả hai ra đi. Sáng nay, căn phòng của Tô-tân trong tuềnh, chăn nệm vẫn còn y nguyên, đồ đạc cũng vẫn nguyên. Tôi có cảm tưởng rằng chúng tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại anh nữa ?

Anh đã làm những gì? - Holmes hỏi.

Tôi điện về Cambndge để xem coi có tin tức gì về anh không. Cambridge điện trả lời là "Không một ai trông thấy anh ta cả". - Liệu anh ta có thể trở về Cambridge được không
- - CÓ một chuyến tàu chót vào hồi 11 giờ 15.

Nhưng, theo tin tức của anh, thì anh ta không đáp chuyến tàu đó?

- Vâng, không ai thấy anh ấy Ở Cambndge cả.

- Thế rồi sau đó anh làm gì?

Tôi đánh điện cho huân tước Giậm.

~ Tại sao lại gửi cho huân tước. Tô-tân là trẻ mồ côi, và huân tước Giậm là bác ruột của anh.

Điều đó soi sáng nội vụ một cách đặc biệt. Huân tước Giậm là một trong những người Anh giàu có nhất.

Tô-tân đã nói với tôi như vậy.

- Và bạn anh là người thừa kế di sản của ông Giậm.

Vâng, ông già đã tám mươi tuổi, và lại mắc bệnh nữa. ông chưa bao giờ cho Tô-tân một xu. ĐÓ ỉa một người cực kỳ hà tiện, nhưng rồi tất cả gia tài sẽ về tay anh _ ấy một ngày gần đây thôi.

- Anh có nhận thư trả lời của huân tước không - Không.

Tại sao bạn anh lại đi tới nhà huân tước? ~ Tôi hôm qua, có một cái gì đó làm cho anh ấy lo lắng. Nếu đó là một vấn đề tiền bạc, có thể anh đã đi tới nhà ông ấy.

Được. Tôi sẽ chăm lo vụ này. Tôi không biết nói gì hơn là khuyên anh nên chuẩn bị cho cuộc thi đấu mà đừng có trông mong gì vào chàng trai đó nữa. Chắc chắn phải có một việc gì cực kỳ quan trọng mới khiến anh ta bỏ đi như vậy. Có thể điều quan trọng đó đã giữ anh ta lại. Chúng ta hãy tới khách sạn và nói chuyện với người gác cổng. ' Holmes mau chóng làm thân với người gác khách sạn và thu được nhiều tin tức:

Người đem tin ăn mặc không hẳn đáng hoàng mà cũng không hẳn là một người thợ. ông ta thuộc loại "trung gian" . Một người trạc năm mươi tuổi, có bộ mặt xanh xao, tóc hoa râm. Bàn tay ông ta run lên khi ông lấy lá thư ra. Tô-tân đã nhét lá thư vào túi, không bắt tay người đó. Họ đã nói chuyện rất ngắn, rồi cả hai vội vàng bỏ đi. Lúc đó là 10 giờ rưỡi.

- Anh là người gác cổng ban ngày, phải thế không?

-Vâng. Tôi hết phiên vào lúc mười một giờ. .

-Có lẽ người gác cổng ban đêm đã không thấy gì.

-Vâng. Một toán người đi xem hát về muộn. Không có ai khác.

- Hôm qua, anh gác suốt ngày? ' ' Vâng. ' - Anh đã được tin nhắn gửi cho ông Tô-tân. ~ Có Một bức điện. ' ' - ~ Lúc mấy giờ? . - ~ ~ ' ' ' Khoảng 6 giờ. ' : ~ ' ' : ~ ~ ' ' ' Lúc đó ông Tô-tân Ở đâu? ~ ~ ' ' : ' ' Tại đây. ' ' ' -:

-Anh có mặt ở đây khi ông ấy đọc bức điện? : ' Vâng. Tôi chờ đợi để xem có trả lời không. ' ' ~ .

Thế là có điện trả lời phải không?

-Vâng. ông ấy đã viết một bức điện trả lời. ' ' Anh có cầm lấy bức điện đó không?

-Không. Chính ông ấy mang đi.

- Nhưng ông ấy đã viết trong lúc anh có mặt ở đây?

Vâng. Khi ông ấy viết xong. ông bảo tôi: "Tốt lắm, anh bạn? Tôi sẽ đích thân lo liệu việc này".

- ông ấy viết bằng gì?

- Ngòi bút.

- ông ấy đã dùng một trong những tờ giấy in sẵn để trên bàn này à? .

- Vâng: Viết trên tờ giấy thứ nhất.

Holmes đứng lên, cầm lấy mẫu in sẵn, đem tới bên cửa sổ và quan sát kỹ lưỡng tờ bên trên.

- Đáng tiếc là anh ấy không viết bằng bút chì? Bút chì thường để lại bên dưới một dấu. . . Tuy nhiên, tôi vui mừng là anh ta đã viết bằng một cây bút có ngòi lớn, mực nhiều và có thể còn vết tích trên tờ giấy thấm... Đây rồi?

Anh giật lấy một tờ giấy thấm trên có những nét chữ ngược. ô-vơ tỏ ra sôi động, kêu lên:

- Hãy đặt ngược nó trước tấm gương. .

- Không cần - Holmes nói - Tờ giấy thấm này mỏng, cứ nhìn vào mặt sau là chúng ta có thể đọc được. ' Anh lật ngược tờ giấy thấm lại và chúng tôi đọc:

"Đừng bỏ rơi chúng tôi, vì lòng kính Chúa!".

- ĐÓ là cái đoạn chót của bức điện tín mà Tô-tân đã gửi vài tiếng đồng hồ trước khi anh ta biến mất. Ít ra - cũng có sáu từ đã chúng ta không đọc được, nhưng mấy chữ còn lại: "Đừng bỏ rơi chúng tôi, vì lòng kính Chúa" chứng tỏ rằng chàng trai này đã thấy một mối nguy hiểm kinh khủng đang tới gần, và một ai đó có thể che chở được anh. Danh từ "chúng tôi" cho thấy có một người khác nữa bị dính líu vào.

- Cần phải tìm hiểu xem bức điện đã được gửi cho ai?

Tôi nói.

- Đúng vậy. Nhưng nếu anh vào một nhà bưu điện để yêu cầu được đọc cái cuống của sổ biên nhận thì các nhân viên sẽ tỏ ra ít sẵn lòng làm vừa lòng anh. Trước sự hiện diện của ông, ông ô-vơ, tôi muợn được coi qua những giấy tờ mà Tô-tân đã để lại trên bàn.

Holmes kiểm tra cẩn thận các thư từ, biên lai và cuốn sổ tay.

- Không có gì trong này cả. Nhân đây, tôi thấy là bạn ông có một sức khỏe thật tốt đấy chứ? Anh ta không có những trở ngại vụn vặt về sức khỏe chứ?

-Anh 'ấy vững như bàn thạch? ~ ~ - ông có thấy anh ấy bị đau ốm bao giờ không" - Không một ngày nào?

- CÓ thể là anh ấy không được khỏe như ông nghĩ.

-Tôi thiên về việc tin rằng anh ấy có những sự buồn phiền bí mật. Nếu được ông cho phép, tôi sẽ đem theo hai hoặc ba tờ giấy, để đi điều tra tiếp. - Xin chờ một chút - Một giọng ảo não kêu lên

Chúng tôi quay lại và thấy một ông già nhỏ bé trên ngưỡng cửa. ông ăn vận đồ đen màu gỉ sắt, đội một cái ' mũ cao, thành có vành rộng, trang điểm một cái cà-vạt trắng, thất vọng về. ' ông là ai mà lại đụng tới giấy tờ của người vắng mặt. - Tôi là một thám tử tư và tôi thử tìm cách giải thích sự biến mất của ông Tô-tân. ' Ai thuê ông làm việc đó?

- ông này đây, bạn của Tô-tân.

-ông là ai? '

-Tôi là ô-vợ, người dìu dắt đội bóng.

- Vậy ra ông là người đã gửi điện cho tôi đây. Tôi là huân tước Giậm. Như vậy là ông đã nhờ tới một thám tử?

- Vâng.

-Mà ông sẵn lòng chi trả các phí tổn. .

- Anh Tô-tân sẽ chi trả, khi chúng tôi tìm ra anh ấy.

- Nhưng nếu người ta không tìm ra nó, thì ai trả tiền .

- Trong trường hợp đó, chắc chắn rằng gia đình Tô- tân sẽ . .

.
-Đừng trông mong gì - ông già hét lên - Đừng trông mong ở tôi, dù chỉ một xu! Một xu, ông nghe chứ? Thưa ông thám tử. Về phần những giấy tờ mà ông đang tự ý cầm trong tay đó, ông phải tường trình cho tôi biết một cách nghiêm túc?

- Được lắm - Sherlock Holmes nói - Trong lúc chờ đợi, tôi xin mạn phép hỏi xem ông có ý nghĩ nào về sự mất tích của cháu ông?

- Tôi chẳng có một ý nghĩ nào hết. Anh ta đã trưởng thành, vậy anh ta hãy tự chăm sóc lấy mình và nếu anh ta đi lạc như một đứa trẻ, thì tôi không chịu tốn tiền để tìm kiếm anh ta.

- Tôi hiểu quan điểm của ông - Holmes trả lời với một ánh mắt tinh nghịch - Nhưng có thể ông lại chưa hiểu quan điểm của tôi. Tô-tân là một người nghèo. Nếu như anh ta bị bắt cóc, thì chắc chắn đó không phải là người muốn cướp một món của ca nào của anh. Nhưng danh tiếng của ông thì lừng lẫy khắp toàn cầu, thưa huân tước, rất có thể một toán trộm cướp đã bắt cóc cháu ông với hy vọng sẽ khai thác được những tin tức

về ngôi nhà của ông, những thói quen của ông, những của cải của ông. . .

Gương mặt người khách trở nên trắng bệch. ' - Chúa ơi, chưa bao giờ tôi nghĩ đến điều đó.

-Nhưng Tô-tan là một chàng trai dũng cảm, sẽ không bao giờ phản bội người bác ruột của mình. Ngay chiều nay, tôi sẽ đem các đồ bằng bạc gửi vào ngân hàng.

-Trong lúc chờ đợi? Thưa ông thám tử, ông hãy xem xét kỹ từng hòn đá . Còn về tiền bạc . . . Coi nào, cho tới con số là 5 bảng, chúng ta cứ nói là 10 bảng đi, ông có thể tin cậy nơi tôi!

Ngay khi đã đi, ông già keo kiệt cũng không thể cho chúng tôi một lời tức gì, bởi lẽ ông ta biết rất ít về đời sống của người cháu ông. Vậy thì hướng điều tra duy nhất nằm trong cái mẫu điện tín này Holmes chép lại nội dung bức điện, chúng tôi bắt tay ông già. ô-vơ bỏ đi, để tham khảo ý kiến các bạn đồng đội về cách ra quân của đội bóng. Holmes và tôi đi đến bưu cục gần nhất. Đến trước cổng, chúng tôi dừng lại, anh nói:

- Với một trát toà thì chúng ta có thể đòi hỏi được xem cái cuống điện báo, nhưng chúng ta không phải là cảnh sát chính thức. Tuy vậy chúng ta cứ thử xem' - Tôi rất tiếc phải làm phiền bà - Anh nói một cách lễ độ với một thiếu phụ ngồi sau ghi-sê - Nhưng hẳn phải có một sự sai lầm về bức điện tín mà tôi đã gửi đi ngày hôm qua. Tôi đã không nhận được điện trả lời, và tôi e là mình đã quên ghi tên Ôu cuối bức điện. Bà~ có thể nào kiểm tra lại giúp được chăng?

Người thiếu phụ lật cuốn sổ ra xem. ~ ' - ông đã gửi đi hồi mấy giờ? ~ ~ ~ - Sau sáu giờ một chút. ~ _ .

- Bức điện gửi cho ai? .

Holmes đặt một ngón tay lên môi và thì thầm với giọng tâm sự.

- Những chữ chót là "Vì lòng kính Chúa".

Người đàn bà gỡ ra một cái cuống điện báo.

- Nó đây. ông đã không đề tên ông' - Bà ta nói khi bà tra bức điện ra trên quầy..

Chính vì thế mà tôi không nhận được hồi âm! - Holmes reo lên - ô, tôi mới thật đại dột làm sao Xin chàm bà, và xin cảm ơn bà nhiều.

Anh phát ra một tiếng cười nhỏ trong cuống họng và xoa hai bàn tay vào nhau ngay khi chúng tôi ra tới phố. Tôi hỏi: .

-Thế nào?

- Tất. Tôi đã hình dung ra bảy mảnh khoé để có thể liếc nhìn qua bức điện đó, thành công ngay trong mảnh khoé đầu tiên.

- Anh đã thấy gì?

- Đi ra ga công tr.ương Kinh? - Anh kêu lên với người xà ích mà anh đã gọi xe.

- Chúng ta đi du lịch à?

- Phải, chúng ta phải đi tới Cambridge. Anh hẳn đã thấy sự mất tích này xảy ra trước một trận đấu quan trọng, và rằng người cầu thủ đó lại là cột trụ của đội bóng.

-CÓ thể đó chỉ là một sự trùng hợp, nhưng nó thật đáng quan tâm. Thể thao tài tử không có những vụ đánh cá lớn, nhưng tổng số tiền đánh cá rải rác trong quần chúng cũng không nhỏ, và rất có thể là một ai đó có lợi khi bắt cóc một cầu thủ trong vài ngày, như một tên cướp cá ngựa đã bắt cóc những con ngựa nòi. ĐÓ là một lối giải thích.

-Một lý do thứ hai cũng có thể chấp nhận vì chàng trai đó là người thừa kế một tài sản lớn.

- Những giả thiết đó không tính đến bức điện tín! .

-Rất đúng. Chính vì muốn tìm hiểu một điều gì đó về bức điện tín mà chúng ta mới đi Cambridge.

Khi chúng tôi mới tới nơi thì trời đã sẩm tối. Holmes thuê xe ngựa Ô-ô và đưa ra địa chỉ của bác sĩ Lê-li.

Vài phút sau cỗ xe dừng lại trước một ngôi nhà lớn trên đường phố chính. Chúng tôi bước vào, và sau một hồi chờ đợi khá lâu, chúng tôi gặp một bác sĩ ngồi đằng sau cái bàn trong phòng mạch: bác sĩ Lê-li.

ông cầm tấm danh thiếp của Holmes và nhìn chúng tôi với một dáng vẻ kém nhã nhận.

-Tôi có biết danh ông, thưa ông Sherlock Holmes, và tôi biết ông làm nghề gì: một trong những nghề mà tôi chê bai

..

- Sự đánh giá đó được chia sẻ bởi những kẻ phạm tội - Holmes trả lời một cách bình thản.

- Cái chỗ mà ông dễ bị chỉ trích đó là việc ông lục lọi vào trong những bí mật của các cá nhân, đào bới những việc riêng tư của người khác và làm mất thời giờ của những người còn bận rộn hơn ông nữa. Chẳng hạn như vào lúc này đây, tôi đang soạn thảo một bản chuyên luận thay vì ngồi nói chuyện với ông. .

- Tất nhiên rồi! Nhưng cuộc nói chuyện này có thể còn quan trọng hơn bản chuyên luận của ông. Tuy vậy, tôi có thể nói với ông rằng chúng tôi cố gắng để tránh đưa ra công luận những việc riêng tư. . . Tôi tới đây để nói với ông về ông Tô-tân.

- Về việc gì?

- ông biết ông ấy mà.

- ĐÓ là một người bạn thân của tôi.

- Anh ta đã bị mất tích.

- A, vậy sao...?

Gương mặt ông bác sĩ vẫn bình thản.

- Đêm vừa qua, anh ấy rời khách sạn. Từ đó. bất vô âm tín.

- Ngày mai là cuộc đấu lớn giữa hai đội Oxford - Cambridge. Tôi không có thiện cảm với những trò trẻ con đó Nhưng số phận của chàng trai tôi quan tâm một cách sâu xa.

Vậy thì tôi' xin ông dành mỗi thiện cảm cho cuộc điều tra về số phận của ông Tô-tân. ông biết anh ấy ở đâu không?

- Không. ~ ~ ' - Hôm qua, ông không gặp anh ấy? '

- Không.

- ông Tô-tân có được mạnh khoẻ không? . ~ - Sức khoẻ toàn hảo. ' - ông chưa bao giờ thấy anh ấy bị đau ốm sao? .

- Chưa bao giờ. .

Holmes đặt một tờ giấy trước mặt bác sĩ:

-Vậy thì ông giải thích như thế nào về tờ biên nhận mười ba đồng ghi-nê do Tô-tân trả cho bác sĩ Lê-li trong ~ tháng trước. Tôi đã thấy tờ giấy này trong số những tờ giấy khác của anh ta. .

ông bác sĩ đỏ mặt tía tai.

- Tôi không cần giải thích với ông, thưa ông Holmes.

Holmes nhét tờ biên nhận vào trong ví.

- Chẳng lẽ ông thích giải thích trước công chúng. Tôi đã thưa với ông rằng tôi sẽ giữ im lặng. Người ta sẽ khôn ngoan biết bao khi thổ lộ riêng với tôi.

-Tôi không biết gì cả.

-ông có nhận được tin gì của Tô-tân từ Luân Đôn không?

- Không!

- A? Nhà bưu điện này kỳ cục thật - Holmes thở dài - vliệt bức điện khàn đã do Tô-tân đánh đi từ Luân Đôn vào hồi 6 giờ 15 chiều hôm qua... Một bức điện có liên quan tới số mất tích của anh ta . . . ấy thế mà người nhận lại không nhận được Tôi sẽ tới bưu điện làm đơn khiếu nại Bác sĩ Lê-li nhảy cẫng lên. Mặt ông chuyển sang màu đỏ sẫm.

-Tôi ra lệnh cho ông ra khỏi nhà tôi - ông ta kêu lên - ông có thể nói với ông chủ của ông, rằng tôi không có việc gì cần giải quyết với ông ta cả; cũng như với những nhân viên của ông ta.

ông nhấn chuông một cách giận dữ. ~ - . . John, hãy đưa hai ông này về .

Một người quản gia oai vệ đẩy chúng tôi ra cửa. Ra tới ngoài đường, Holmes phá ra cười:

- Anh Watson, thế là chúng mình bị thất bại Oû hiệp thứ nhất. Ta đấu tiếp nhé. Cái lữ quán nhỏ kia, ngay trước mặt căn nhà của Lê-li rất thích hợp với các nhu cầu của chúng ta. Anh chịu phiền tới đó hỏi thuê một phòng trọ Oû mé trước, tôi đi lo vài việc vặt.

Holmes trở về lữ quán trước chín giờ tối. Anh mệt mỏi, ủ rũ, bụi bặm bám đầy người. Một bữa ăn nhẹ được dọn trên bàn.' Sau khi ăn xong, anh mời tầu thuốc nhưng lúc đó tiếng động của một cỗ xe khiến anh đứng lên và ngó ra ngoài khung cửa sổ. Một cỗ xe và một cặp ngựa lông xám đang đứng bất động trước cửa nhà bác sĩ.

- Cỗ xe này đã ra đi vào lúc 6 giờ rưỡi; bây giờ đã hơn 9 giờ. Sau 3 tiếng đồng hồ đi và về. Vậy nơi ông ta đến cách đây 1 5 hoặc 1 8 cây số. Và ông ta đi như vậy mỗi ngày một lần, có khi tới hai lần.

Điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên đối với một y sĩ có đồng thân chủ. - Nhưng Lê-li không có thân chủ. ĐÓ là một diễn giả, một thầy thuốc tham vấn, ông ta ít chịu trị bệnh, cất để không bị phân tâm trong lúc viết sách. Tại sao ông ta lại ra đi như thế Đi để gặp ai?

- Gã xà ích của ông.

- Tôi có ngỏ lời với hắn, nhưng gã mất dạy đó đã thả chó ra. May mắn là không có con chó nào chịu nổi cây can của tôi. Nhưng một người địa phương ' đã cho tôi biết những thói quen và chuyển đi hàng ngày của ông ta.

Giữa lúc chúng tôi đang nói chuyện thì cỗ xe lại ra đi. . ~ Anh không thể theo dõi chiếc xe

- Hoan hô, anh thật là chói lọi. Hồi chiều tôi đã làm như anh vừa nói: tôi tới tiệm bán xe đạp, thuê một chiếc theo sau xe, cách khoảng chừng một trăm thước cho 'tới khi chúng tôi rời xa thành phố. Khi đi vào con đường lớn thì cỗ xe dừng lại. Tôi cũng dừng lại, ông bác sĩ xuống xe và đi nhanh tới tôi. ông ta nói rằng con đường chật hẹp quá và mong muốn cỗ xe của ông không làm cản trở cho việc đạp xe của tôi. Ngay đó tôi vượt qua xe ngựa, tôi đạp trong nhiều cây số rồi dừng lại Ở một nơi thích hợp để chờ xem cỗ xe có đến không. Xe không đi qua chỗ đó, nó đã rẽ sang một trong những con đường phụ. Tôi chạy ngược lại, nhưng không thấy cỗ xe. Nhưng vì ông ta đã nói rằng ông ta nhất quyết không cho một ai theo dõi ông, nên việc này là quan trọng và tôi quyết lờ nó ra ánh sáng.

-Ngày mai chúng ta sẽ theo dõi ông ta.

-Tôi đã gửi điện cho ô-vợ, nhờ anh ta cho biết là Ở đây có phương tiện nào kín đáo để đi theo dõi không) Trong lúc chờ đợi, chúng ta phải theo dõi bác sĩ Lê-li: ông ta biết chàng trai đó ở đâu, tên ông có trên cái quang điện báo.

Ngày hôm sau, vào giờ ăn điểm tâm, người ta đem đến cho chúng tôi một lá thư:

"Thưa ông ông chi phí thì giờ khi theo dõi tôi. Tôi có mặt tám hình gắn sau cỗ xe ngựa. Nếu ông muốn đi trong 30'cây số/ mà cuối cùng nó sẽ dẫn ông về điểm khởi hành, thì ông cử việc bám theo tôi. Ngoài ra, tôi báo cho ông biết rằng không phải cử tò mò theo tôi mà ông sẽ tìm thấy ông Tô- tân. Trái lại, ông hãy trở về Luân Đôn mà tìm, đồng thời báo cho ông chủ của ông biết rằng ông đã không thành công tại nơi này. Chắc chắn là tại đây, ông chỉ phí thì giờ mà thôi. ~ . _ : ~ : Người tận tâm với ông.
Bác sĩ Lê-li' ."

Một đối thủ trung thực, thẳng thắn, ông ta kích thích óc tò mò của tôi và tôi muốn làm quen với ông ta - Holnles nói.

- Cỗ xe của ông ta giờ đây đang đứng trước cửa, ông ta đang lao xe vào kìa. Tôi thấy ông liếc nhìn về khuôn cửa sổ của chúng ta. Anh có muốn tôi thử cầu may với cái xe đạp không? - Tôi nói.

- Anh Watson, tôi không tin là anh ngấm với ông ấy. Tôi hy vọng từ giờ tới tối, tôi sẽ thuật lại với anh một vài tin tức. Thêm một lần nữa, bạn tôi trở lại về, đầy chán nản.

- Tôi đã theo cái hướng mà ông đã đi cả ngày hôm nay, tôi đi thăm từng thôn xóm nhỏ

. Ở bên phía Cambridge, tôi đã tán gẫu với các chủ quán và các bà nội ' trợ. Tôi đã thám hiểm mà không thành công. Trong cái vương quốc của những người uể oải này, chẳng ai buồn để ý đến sự xuất hiện của 'một cỗ xe do hai con ngựa kéo. .

ông bác sĩ lại ghi thêm một điểm nữa. Một bức điện cho tôi à!

- Phải: "Hãy hỏi Pom-pê của ông Di-xơn. Trinity Co/lege". Tôi chẳng hiểu gì hết. ~ ồ, nó khá rõ mà! ông bạn ô-vơ trả lời cho tôi thấy.

-Tôi sẽ viết ít hàng gửi ông Di-xơn và cơ may của chúng ta có cơ xoay chiều. Nhân đây, đã có kết quả trận đấu bóng chưa? .

-Rồi, Oxford đã thắng một bàn. Những câu chót viết: ' Sự thất bại của một đội mặc đồ xanh ĩA do thiếu cầu thủ Tô-tân" . A - Nhưng dự đoán của anh bạn ô-vơ đã thành sự thực. Chúng ta hãy đi ngủ sớm, bởi vì ngày mai sẽ có những biến chuyển lớn. ' Lúc thức giấc, tôi thấy Holmes đang ngồi bên ngọn lửa . - Tôi vừa làm một cuộc dạo chơi nho nhỏ và tất cả đều thuận lợi. Anh hãy ăn một bữa điểm tâm cho chắc ~ bụng, bởi vì chúng ta sẽ không ăn khi theo tới tận các ' hang của ông ta. ' Vậy, ta mang theo bữa điểm tâm, bởi vì cỗ xe đã ' đậu trước cửa nhà ông ta rồi kìa.

. - Không sao. Cứ để cho ông ấy đi. Khi anh đã ăn' xong, tôi sẽ giới thiệu anh với một nhà thám tử lỗi lạc.

Tôi gặp Holmes trong sân chuồng ngựa; anh ta mở cửa một cái chuồng chó và dắt ra một con chó béo lùn, có đôi tai thõng xuống, lông trắng và vàng. Holmes nói bạn Pom-pê là niềm kiêu hãnh của giống chó s

Anh dẫn nó tới cửa nhà ông bác sĩ. Con chó đánh hơi chung quanh nó một lúc, rồi với một tiếng ào ào bị kích động, nó chạy nhanh xuống đường phố, lao về phía trước. Trong gần nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi đã rời khỏi thành phố và chúng tôi đã đi vội trên con đường nông thôn. Holmes nói:

- Sáng nay tôi đã đi dạo trong sân nhà bác sĩ và tôi đã dùng ống tiêm phun dầu hôi vào bánh sau cỗ xe. Một con chó săn tài giỏi sẽ đuổi theo một hướng có mùi dầu hôi cho tới tận chân trời góc biển. Ồ, thằng cha ranh mãnh!

-Đây là lối mà hần đã thoát đi vào tối hôm trước.

Bắt chợt, con chó bỏ con đường lớn để lao vào trong một lối mòn có cỏ.

- Như vậy là con đường' mòn này dành để bỏ rơi chúng ta? Bên tay phải chúng ta hần là làng Trumpington. à, kìa là cỗ xe ngựa đang đỗ ra khúc quanh. Mau lên, Watson! Tới lúc quyết định rồi.

Anh lao vào trong một chỗ trống trong cánh đồng.

Kéo theo Pom~pê đang bức bối. Chúng tôi vừa kịp núp vào chầu hàng giậu t~lì cỗ xe vượt qua. Trong xe có bác sĩ Lê-li, ông còng hẳn xuống, đầu gục trong hai bàn tay. BỘ mặt của Holmes cũng trở thành nghiêm trọng:

- Cuộc điều tra sẽ có một kết quả bi thảm? Nào ta đi, Pom-pê! CÓ một biệt thự trong cánh đồng.

Pom-pê buông ra những tiếng cầu nhàu Oừ bên ngoài hàng rào sắt, nơi mà những dấu xe ngựa hầy còn thấy rõ.

Một lối đi dẫn vào trong biệt thự, Holmes cột con chó vào hàng rào, và chúng tôi vội vã bước vào. Holmes gõ lên cánh cửa nhiều lần mà không có ai trả lời. Ấy thế mà ngôi biệt thự không hoang vắng, bởi vì có một tiếng động bị nghẹt, vọng tới tai chúng tôi: một thứ tiếng rên rỉ tuyệt vọng, một thứ tiếng rầm rì buồn bã một cách kinh khủng.

Holmes dừng lại, ngó lại phía sau chúng tôi. Trên con ' đường mà chúng tôi vừa đi, một cỗ xe ngựa lại hiện

Holmes reo lên.

- ông bác sĩ lại trở lại, vậy là giải quyết xong tất cả một lần. Chúng ta buộc phải xem chuyện gì xảy ra nơi đây trước khi ông ta tới.

Anh mở cửa ra và chúng tôi bước vào trong gian tiền sảnh. Tiếng rì rầm nổi bật lên; nó từ trên cao vọng xuống. Holmes leo lên và tôi theo anh. Anh đẩy một cánh cửa hé mở. Chúng tôi đứng bất động, sửng sốt vì cảnh' tượng hiện ra trước mắt: một phụ nữ, trẻ và đẹp, nằm dài trên giường, đã chết. Dưới chân giường, một chàng trai đang khóc nức nở. Anh ta chỉ ngừng đầu lên khi Holmes đặt một bàn tay lên vai anh.

- CÓ phải ông là Tô-tân.

- Phải . . . Nhưng quý ông đã đến muộn mất rồi. CÔ ấy đã chết.

Kẻ bất hạnh bị bối rối đến nỗi đã làm chúng tôi với những thầy thuốc được mời tới khám bệnh. Holmes chưa kịp nói vài lời an ủi thì tiếng bước chân trên cầu thang và cái bóng khắc khổ của bác sĩ Lê-li hiện ra nơi ngưỡng cửa.

Bác sĩ nói:

-Vậy là, quý ông đã tới đích. Trước mặt người chết, tôi xin thề là nếu như tôi còn trẻ, thì thái độ quái gở của quý ông chần chẫn sẽ bị trừng trị.

- Xin bác sĩ thứ lỗi. Tôi tin là có sự hiểu lầm! - Holmes nói, giọng trang nghiêm - Nếu bác sĩ vui lòng xuống dưới chúng ta sẽ hiểu lẫn nhau.

Chúng tôi ngồi trong phòng khách ở tầng trệt.

- Xin mời! - ông bác sĩ nói. ' - Tôi không phải là người làm công cho huân tước Giậm và trong vụ này, những thiện cảm của tôi không hề dành cho nhà quý tộc đó. Khi có một người bị biến mất, tôi có nhiệm vụ tìm hiểu số phận của anh ta ra sao. Tôi đã tìm thấy. Vậy là công việc của tôi đã xong. Nếu sự mất tích này không kéo theo những điều gì phạm pháp, thì ông có thể tin cậy Ôu sự kín tiếng của tôi.

Bác sĩ Lê-li tiến lên một bước và bắt tay Holmes:

-ông là một người dũng cảm. Tôi đã hiểu lầm ông. ông đã biết nhiều: nhưng tôi cũng xin được nói thêm đôi câu: Cách đây một năm, Tô-tân tới sống Ôu Luân Đôn và yêu say đắm cô gái con bà chủ nhà. Anh cưới cô ta. CÔ ấy đẹp, thông minh và tốt bụng. Nhưng Tô-tân lại là kẻ thừa kế ông già quý phái kia, và tin báo về đám cưới chắc chắn sẽ làm tiêu tan tất cả "những hy vọng thừa kế của anh ta". Tôi biết rõ chàng trai đó. Tôi yêu thương anh ta vì anh ta có nhiều phẩm chất lớn.

Chúng tôi đã cố che giấu đám cưới với mọi người. Nhờ ngôi biệt thự cách biệt này và cũng nhờ sự kín tiếng riêng, Tô-tân đã thành công cho tới nay. Nhưng bất thành linh? cô gái bị bệnh lao phổi ác tính. Chàng trai gần như điên lên vì buồn rầu. Anh ta buộc phải tới Luân Đôn, nơi anh phải tham dự trận đấu. Việc rời bỏ hàng ngũ trong giờ quyết đấu sẽ làm lộ hết mọi chuyện.

Tôi đã trấn an anh ta bằng một bức điện, và anh ta đã trả lời bằng một bức điện, van nài tôi hãy làm hết sức mình. ĐÓ là bức điện mà dường như ông đã đọc bằng cách nào đó tôi không sao hiểu nổi. Tôi đã không hề ríu rỏ về căn bệnh của cô gái; nhưng tôi có viết thư nói rõ cho ông-già-vợ anh ta, và ông đó, quá đỗi vụng về, đã tìm cách báo tin cho Tô-tân biết. Kết quả là anh ta đã bỏ trận đấu, quay về đây trong một trạng thái gần như điên loạn. Từ khi về đây, anh ta luôn luôn ngồi chỗ đó, quỳ bên giường. Nhưng sáng nay, thần chết đã hoàn thành công việc. ĐÓ là tất cả, ông Holmes? Tôi tin chắc rằng tôi có thể hoàn toàn tin cậy vào sự kín tiếng của ông và của bạn ông.

Holmes siết chặt bàn tay bác sĩ, rồi nói:

-Anh Watson, chúng ta đi thôi.

. Chúng tôi buồn bã rời khỏi ngôi nhà có đám tang.

Hết

D.12 - The Adventure of the Abbey Grange 1904 (Vụ án tại Abbey Grange)

Vào một buổi sáng lạnh lẽo và buốt giá của mùa đông năm 1897, tôi bỗng thức giấc vì có ai lay mạnh vai tôi. Hóa ra là Holmes. Ngọn nến trên tay anh soi rõ gương mặt hăm hở, mà chỉ thoáng nhìn qua cũng biết ngay là có chuyện vừa xảy ra.

- Đi thôi, Watson, đi thôi! - anh giục - Đừng hỏi han gì cả! Mặc ngay quần áo vào, rồi lên đường !

Mười phút sau, hai chúng tôi đã ngồi trên một chiếc xe ngựa và lóc cóc băng qua những đường phố yên tĩnh đến ga Charing Cross. Ánh bình minh yếu ớt của một ngày đông bắt đầu ửng lên, nên thỉnh thoảng chúng tôi có thể thấy được bóng dáng lơ mờ của một người thợ đi làm sớm. Sau khi chúng tôi uống mấy chén trà nóng ngoài ga và được yên vị trên chuyến tàu đi Kent, anh mới thấy đủ ấm người lên để nói, còn tôi thì mới đủ tỉnh trí để nghe được câu chuyện. Holmes rút trong túi ra một mảnh giấy và đọc to lên:

"Abbey Grange, Marsham, Kent, 3.30 sáng.

Ông Holmes thân mến.

Tôi sẽ rất lấy làm sung sướng, nếu ông vui lòng trợ lực cho tôi ngay lập tức trong việc điều tra một vụ án nhiều điều thú vị. Vụ này rất hợp với sở thích của ông. Ông sẽ thấy tôi vẫn giữ nguyên hiện trường, đúng như lúc tôi được mời đến. Chỉ xin ông đừng bỏ lỡ thời gian.

Người bạn trung thành của ông.

Stanley Hopkins".

- Hopkins đã bảy lần mời tôi và lần nào cũng rất thích đáng, Holmes nói. Tôi nghĩ chúng ta sẽ có một buổi sáng thú vị. Vụ án mạng xảy ra lúc mười hai giờ đêm qua.

- Căn cứ vào đâu mà anh có thể nói chắc như thế?

- Vào giờ tàu và cách tính thời gian. Đầu tiên họ phải mời cảnh sát địa phương. Tiếp đó mới trình báo với Scotland Yard. Rồi Hopkins phải đến tận hiện trường, sau đó mới có thể đánh điện cho tôi. Phải mất trọn một đêm mới làm được chừng đó việc. À, ga Chislehurst kia rồi. Mọi chuyện rồi sẽ sớm ngã ngũ thôi.

Vượt qua quãng đường vài dặm trên một hương lộ hẹp, chúng tôi đến trước cổng một khu vườn. Người gác cổng già vội mở cổng cho chúng tôi. Một lối đi rộng vắt ngang khu vườn, chạy giữa hai hàng cổ thụ, dẫn đến trước một tòa nhà rộng và thấp. Phần chính toà nhà rất cổ kính, ẩn mình dưới những dây trường xuân sum suê, nhưng những khung cửa sổ rộng cho thấy chủ nhân đã cho sửa sang lại theo kiểu dáng hiện đại. Một bên trái xem ra mới làm thêm. Đón chúng tôi trước cánh cửa mở rộng là viên thanh tra Stanley Hopkins, dáng trẻ trung, gương mặt lộ rõ vẻ nôn nóng.

- Ông Holmes, rất mừng là ông đã đến. Và cả ông nữa, bác sĩ Watson. Thực ra giá được biết sớm, chắc tôi chẳng dám làm phiền ông. Từ khi tỉnh lại, phu nhân đã cho chúng tôi biết về vụ này một cách rành rọt đến nỗi chúng ta có lẽ chẳng còn bao nhiêu công việc để làm nữa. Ông chắc còn nhớ băng trộm ở Lewisham?

- Sao? Băng ba cha con nhà Randall phải không?

- Đúng vậy. Ông bố với hai thằng con. Rõ ràng là bàn tay của chúng. Tôi không còn hồ nghi chút nào. Chúng mới ra tay ở Sydenham cách đây hai tuần. Người nhà ở đấy đã nhận diện được chúng. Thật kỳ lạ là chúng lại dám tiến hành một vụ nữa sớm như vậy. Nhưng đây chính là băng đó, chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Lần này thì nhất định chúng khó lòng thoát khỏi giá treo cổ. Ngài Eustace Brackenstall, một trong những người giàu có nhất ở Kent, đã bị sát hại. Chúng đã dùng chính thanh còi than trong phòng đập vỡ sọ ông. Phu nhân Brackenstall hiện đang nằm trong phòng tiếp khách buổi sáng. Tôi nghiệp cho phu nhân, bà đã phải một phen hãi hùng. Bà gần như chết khiếp khi tôi vừa đặt chân đến đây. Tôi nghĩ, hai ông nên gặp phu nhân, để được nghe chính bà kể lại đầu đuôi vụ này. Sau đó, chúng ta sẽ cùng xem xét phòng ăn.

Phu nhân Brackenstall quả là một người phụ nữ phi thường. Mái tóc bà vàng óng, mắt xanh, dáng người thanh tú, dung nhan thật diễm lệ. Ngay phía trên một bên mắt là một vết bầm tím, sưng vù, trông chẳng đẹp chút nào. Bà hầu của phu nhân đang dùng nước chườm vết thương. Còn phu nhân thì mệt mỏi nằm dài trên đi - văng, người khoác một chiếc áo choàng rộng màu xanh điểm ngân tuyến.

- Ông Hopkins, tôi đã kể hết mọi chuyện với ông rồi - bà nói, giọng mệt nhọc. Ông không thể thay tôi thuật lại được sao? Ấy, nếu ông thấy cần, tôi đành kể lại lần nữa với các quý ông mới tới này. Hai vị ấy đã vào phòng ăn chưa?

- Tôi nghĩ tốt hơn cả là nên để hai ông đây nghe phu nhân kể trước đã.

- Tôi hy vọng các ông có thể dàn xếp được mọi việc. Thật khủng khiếp khi nghĩ đến cảnh nhà tôi vẫn còn nằm nguyên đó. - Phu nhân rung mình, đưa tay che mặt một lát. Khi bà đưa tay lên, ống tay áo rộng hạ xuống tận khuỷu. Holmes thốt lên:

- Ô, thưa phu nhân, phu nhân còn bị mấy vết thương trên tay nữa kìa! Sao thế này? - Hai vết đỏ ửng nổi bật trên cánh tay trắng muốt tròn trĩnh của phu nhân. Bà vội kéo ống tay áo xuống che đi.

-Ồ, không có gì đâu. Mấy cái vệt này chẳng dính dáng gì đến vụ đêm qua cả. Nếu ông và các bạn ông chịu phiền ngồi xuống, tôi xin kể hết những gì tôi biết được.

Tôi là vợ huân tước Eustace Brackenstall. Chúng tôi kết hôn với nhau được gần một năm nay. Cuộc hôn nhân chẳng lấy gì làm êm thấm. Có lẽ một phần là tại tôi. Tôi lớn lên trong khung cảnh của miền nam nước Úc, vốn tự do hơn và ít lễ nghi hơn, nên tôi không thích lối sống ở Anh quốc. Nhưng lý do chính mà ai cũng biết là ông Eustace nhà tôi là một người nghiện rượu thâm căn cố đế. Sống với một con người như vậy thì dù chỉ một giờ cũng đủ được thế nào là tình cảnh tôi, một phụ nữ nhạy cảm, lại bị trói chặt cả ngày lẫn đêm với một người như thế?

Tôi xin kể với các ông chuyện đêm qua. Tất cả người hầu kẻ hạ trong nhà này đều ở trong dãy nhà dọc mới xây. Toàn bộ tòa nhà chính được phân thành những phòng khách; còn sau lưng là nhà bếp. Ông nhà tôi cho bố trí phòng ngủ của hai chúng tôi trên lầu. Người hầu gái của tôi, bà Theresa, thì ngủ trong một căn phòng ngay bên trên phòng chúng tôi. Ngoài bà ta ra trên lầu không còn một ai; nên không một tiếng động nào có thể vọng xuống đám gia nhân ở dưới kia. Bọn kẻ trộm chắc hẳn biết rõ điều đó; nếu không, nhất định chúng đã không dám hành động như thế.

Tối qua, ông Eustace nhà tôi về phòng riêng lúc mười rưỡi. Đám gia nhân cũng đều lui về phòng của họ. Chỉ còn một mình bà Theresa vẫn thức trên phòng mình, ở tầng trên cùng toà nhà, chờ xem tôi có cần sai bảo gì không. Tôi ngồi tại căn phòng này đến quá mười một giờ, mê mải đọc sách. Rồi tôi đảo một vòng quanh nhà, để xem mọi thứ đã ngăn nắp chưa, trước lúc lên gác. Tôi luôn tự mình cáng đáng việc này, vì như tôi đã nói, không phải lúc nào tôi cũng có thể cạy vào nhà tôi. Tôi xuống nhà bếp, ghé phòng viên quản gia, lên phòng khách, rồi cuối cùng là phòng ăn. Vừa đến gần khung cửa sổ có che một tấm màn dày, tôi hiểu rằng cửa sổ để ngỏ. Tôi kéo tấm rèm sang một bên thì thấy mình đang đứng đối mặt với một gã đàn ông to ngang, đứng tuổi, vừa đặt chân vào phòng. Cái cửa sổ đó là thứ cửa sổ cao, kiểu Pháp, có thể dùng như một cửa ra vào thông ra vườn. Nhờ ánh nến từ phòng ngủ tôi hắt ra, tôi thấy còn có hai tên nữa theo vào sau lưng gã kia. Tôi lùi lại, nhưng gã đàn ông xông vào tôi ngay. Mới đầu gã chộp cổ tay tôi, tiếp đến chẹn chặt cổ. Tôi mở miệng định kêu, nhưng hắn đã đánh rất mạnh vào trán tôi ngay bên trên mắt, khiến tôi khuỵu xuống. Tôi ngất đi, chắc phải một lát sau mới tỉnh lại, lúc bấy giờ tôi thấy bọn chúng đã giật đứt một sợi dây kéo chuông và trói tôi vào chiếc ghế đến mức không thể cựa quậy được, rồi một chiếc khăn tay bịt quanh miệng tôi làm cho tôi không còn cách nào kêu la. Đúng lúc đó, người chồng bất hạnh của tôi bước vào phòng. Chắc ông ấy nghe thấy những tiếng động khả nghi nên đã chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó. Ông ấy mặc sơ-mi và quần dài, tay cầm chiếc gậy ưa thích. Ông ấy lao đến một gã trong băng trộm, nhưng một gã khác, gã đứng tuổi, đã kịp cúi xuống nhặt cái thanh còi than trong lò sưởi ra, và giáng mạnh một vồ khi ông ấy đi ngang qua trước mặt gã. Nhà tôi gục ngã, không còn rên nổi một tiếng, và nằm bất động không bao giờ còn dậy nữa. Tôi lại ngất đi, nhưng cũng chỉ trong vài phút. Lúc tỉnh lại, tôi thấy bọn chúng đã vơ hết từ trong tủ buýp phê ra mấy bộ đồ dọn ăn bằng bạc, mở một chai rượu cũng lôi từ đó ra. Mỗi tên cầm một cốc. Như tôi đã nói, một gã

trong bọn đã đứng tuổi, có râu; hai đứa kia còn trẻ măng. Chắc chúng là ba bố con. Chúng trò chuyện với nhau khe khẽ. Xong, chúng tới chỗ tôi, xem tôi đã bị trói chặt chưa. Cuối cùng, chúng chuồn ra ngoài, không quên đóng chặt cửa sổ. Mười lăm phút, tôi mới gỡ được chiếc khăn khỏi miệng. Nhờ thế, tôi mới la lên được, gọi bà hầu gái tới giúp mình. Chúng tôi cho người đến báo cho cảnh sát địa phương. Họ lập tức báo lên Luân đôn. Đó là tất cả những gì tôi có thể kể cùng quý ông, và tôi hy vọng sẽ không phải nhắc lại câu chuyện đau lòng này nữa.

- Ông có hỏi gì không, ông Holmes? - Hopkins hỏi.

- Tôi không muốn lạm dụng lòng kiên nhẫn và thời giờ của phu nhân Brakenstall nữa - Holmes nói. Rồi anh đưa mắt về phía bà hầu gái - Trước lúc sang phòng ăn, tôi muốn được nghe câu chuyện của bà.

- Tôi đã trông thấy bọn chúng trước lúc chúng vào nhà - bà nói. Khi ngồi bên cửa sổ trong phòng ngủ, tôi thấy ba người đàn ông hiện ra bên cổng dưới ánh trăng, nhưng lúc đó tôi không nghĩ bọn chúng là kẻ trộm. Hơn một tiếng sau, tôi bỗng nghe thấy tiếng bà chủ kêu, tôi mới chạy xuống và thấy bà chủ lâm vào tình cảnh đúng như bà ấy vừa kể; còn ông chủ thì nằm dưới sàn. Cảnh đó quá đủ dễ làm cho một người phụ nữ mất vía, nhất là khi bị trói chặt. Nhưng phu nhân tôi không bao giờ thiếu can đảm cả. Quý ông hỏi bà chủ tôi lâu quá rồi đó ạ, nên bây giờ xin quý ông cho tôi đưa bà chủ về phòng nghỉ vì mệt mỏi quá rồi.

Như một người mẹ hiền, bà hầu phòng vòng tay qua lưng chủ, đỡ bà về phòng.

- Bà ta quần quít với phu nhân từ nhỏ tới giờ - Hopkins nói- chăm chút phu nhân từ khi còn là một hài nhi. Sang Anh - họ lần đầu rời Úc cách đây một năm rưỡi. Tên bà ấy là Theresa Wright. Ông Holmes, mời ông đi lối này.

Về hào hứng biến mất trên gương mặt sinh động của Holmes, và tôi hiểu ra rằng vụ này chẳng còn lôi cuốn anh chút nào nữa vì đã hết tính chất bí ẩn ly kỳ. Một người thầy thuốc từng trải được mời tới chữa một ca cảm lạnh thông thường cũng sẽ có cảm giác giống hệt như vậy thôi. Nhưng cảnh tượng trong phòng ăn tại Abbey Grange đủ kỳ lạ để khơi dậy sự chú ý của anh.

Phòng này rất rộng, trần cao, ghép bằng những tấm gỗ sồi có chạm trổ, trên bốn vách tường trưng bày la liệt cả một bộ sưu tập tuyệt vời những gạc nai và vũ khí kiểu cổ. Trong góc xa nhất của căn phòng kể từ cửa ra vào là cánh cửa sổ kiểu Pháp mà chúng tôi đã được nghe kể. Ba khung cửa sổ nhỏ hơn bên tay phải làm cho căn phòng tràn ngập ánh nắng lạnh lẽo của mùa đông. Phía bên trái là một cái lò sưởi rộng, xây sâu vào tường, với những súc gỗ sồi nguyên khối viên quanh. Cạnh lò sưởi có đặt một chiếc ghế bành gỗ sồi đáng nặng nề. Luồn qua một lỗ nhỏ trên những hoa văn chạm trổ trên chiếc ghế bành ấy là một sợi thừng đỏ, được cột chặt ở cả hai bên. Khi cởi trói cho phu nhân, người ta nới rộng sợi dây, nhưng những chỗ thắt nút vẫn chưa được tháo hẳn. Tuy vậy tâm trí chúng tôi bị thu hút hoàn toàn vào các vật khủng khiếp, đang nằm

dài trước mặt lò sưởi: xác của ông chủ nhà.

Nạn nhân là một người đàn ông cao lớn, thân hình cân đối, tuổi trạc tứ tuần. Ông ta nằm ngửa, cằm nghếch lên, hàm răng trắng lộ rõ phía dưới hai mép hơi nhếch lên sau bộ râu đen xén ngắn. Hai bàn tay nắm chặt đang ở tư thế còn giờ cao quá đầu. Một chiếc gậy nặng trịch nằm vắt ngang qua giữa hai bàn tay. Trên gương mặt đẹp trai, ngăm đen hằn rõ một vết cắn thù ghê gớm. Chắc ông đang ngả lưng trên giường khi nghe tiếng động, vì trên người vẫn còn mặc nguyên áo ngủ, và phía dưới gấu quần còn thấy rõ đôi chân đi đất. Đầu ông bị một vết thương khủng khiếp. Cạnh đó nằm chơ chỏng chiếc thanh còi than bị cong lại vì cú giáng mạnh vào đầu. Holmes xem kỹ thanh sắt và xác nạn nhân.

- Lão kia hẳn phải có sức lực phi thường, lão Randall bố ấy - anh nhận xét.

- Đúng thế - Hopkins đáp - chúng tôi đã thu thập được một vài thông tin về lão và biết rõ lão là kẻ hết sức cộc cằn.

- Tóm cổ lão ta, chắc đối với ông sẽ chẳng có gì khó khăn.

- Không khó chút nào. Chúng tôi đã theo dõi lão từ lâu, vì lão đã tính chuồn sang Mỹ. Bây giờ, biết bọn chúng còn ở đây, tôi nghĩ bọn chúng chỉ còn cách mọc cánh mới hy vọng trốn thoát. Chúng tôi đã cho yết thị nhân dạng bọn chúng tại tất cả các hải cảng, và định chiều nay thì công bố giải thưởng cho ai tóm được. Tôi thật không thể hiểu nổi tại sao bọn chúng lại làm một chuyện điên rồ như vậy, vì chúng thừa biết sẽ bị phụ nhân tả lại diện mạo, và nhất định chúng tôi sẽ nhận ra chúng.

- Đúng vậy. Tôi rất lấy làm lạ sao chúng không bắt phụ nhân vĩnh viễn im lặng một thể.

- Tôi tôi dự đoán có lẽ chúng không biết là phụ nhân đã tỉnh lại - tôi nói.

- Có lẽ thế. Vì phụ nhân xem ra đã bị ngất xỉu, nên chúng không thấy cần giết. Thế còn ông chủ tội nghiệp này thì sao, ông Hopkins? Tôi nhớ hình như có nghe đồn một số chuyện kỳ quặc về ông ta.

- Khi tình rượu, ông ta là người tốt bụng, nhưng hễ quá chén rồi, thì hoá thành một con quỷ dữ. Vào những lúc như vậy, ông ta có thể làm đủ mọi chuyện. Có lần, ông ta đã gây nên một chuyện rắc rối: ông ta tắm dầu hoả khắp người một con chó rồi châm lửa đốt - mà đó lại chính là con chó của phụ nhân, mới lòi thôi chứ, và người ta phải chặt vật lắm mới giữ kín được vụ này. Về sau, ông ta còn ném cả một cái chai vào bà hầu phòng Theresa Wright. Chuyện này lại gây nên rắc rối. Nhìn chung, cái này tôi nói riêng với ông thôi, giá không có ông ấy thì cả nhà sẽ thấy dễ chịu hơn nhiều. Ông đang nhìn gì vậy?

Holmes đang quì gối xuống sàn hết sức chăm chú xem xét những nút thắt trên sợi thừng đỏ dùng để trói phụ nhân. Tiếp đến, anh xem kỹ chỗ đầu dây sờn bị đứt ra khi

bọn trộm giật sợi thừng xuống.

- Khi chúng giật sợi dây này, cái chuông dưới bếp hẳn phải vang lên rất to - anh nhận xét.

- Không một ai nghe thấy cả. Nhà bếp nằm ngay sau nhà.

- Do đâu mà kẻ trộm biết được là sẽ không có ai nghe thấy tiếng chuông? Sao hẳn lại dám liều lĩnh giật sợi dây như vậy nhỉ?

- Đúng thế, ông Holmes, đúng thế. Ông nêu lên chính câu hỏi mà tôi vẫn tự hỏi đi hỏi lại nhiều lần. Không còn ngờ vực gì nữa, kẻ đó phải biết rõ nhà này và thói quen sinh hoạt của những người đang ở đây. Chúng phải hiểu cặn kẽ tất cả gia nhân đều đang ngủ và không một ai ở dưới bếp để có thể nghe được tiếng chuông cả. Như vậy là hẳn phải quen biết rõ ai đó trong đám gia nhân. Chuyện này không còn gì phải nghi ngờ nữa. Nhưng trong nhà chỉ có tám gia nhân, và hạnh kiểm của họ đều rất tốt.

- Bình thường ra - Holmes nói - Người mà tôi nghi sẽ chính là kẻ bị ông Eustace ném vỏ chai rượu vào mặt: bà Theresa Wringt. Tuy nhiên, nếu thế thì bà lại là kẻ phản chủ, người chủ mà bà ta hình như đã hầu hạ hết sức tận tụy. Thôi được, đó chỉ là chuyện nhỏ nhặt. Câu chuyện phu nhân kể rõ ràng là rất chính xác, nếu căn cứ vào những gì mà chúng ta đang thấy trước mắt - Anh tiến về phía khung cửa sổ kiểu Pháp, và đẩy cả hai cánh ra - Chỗ này chẳng có dấu vết gì, và lại mặt đất lại cứng như sắt nên tôi không có hy vọng tìm thấy dấu vết. Theo tôi, những ngọn nến trên mặt lò sưởi lúc đó đã được thấp sáng.

- Đúng thế, chính nhờ những ngọn nến đó và mấy ngọn nến trong phòng ngủ của phu nhân mà bọn trộm thấy đường.

- Thế bọn chúng đã lấy đi những gì?

- Chẳng bao nhiêu. Mấy bộ đồ để trong tủ buýp - phê. Phu nhân Brackenstall nghĩ rằng chắc bọn chúng đã hốt hoảng với cái chết của Sir Eustace. Nếu không, chắc chúng đã sạch sạch khắp nhà.

- Đúng thế thật. Nhưng tôi thấy chúng đã ung dung uống rượu.

- Chắc để tự trấn tĩnh thôi.

- Đúng thế. Ba chiếc cốc trong gụ chắc chưa ai động tới thì phải.

- Chưa. Cả chai rượu vẫn để nguyên như khi bọn chúng bỏ lại.

- Nào, để ta xem thử.Ồ, cái gì thế này?

- Ổn cả rồi, Watson ạ - anh nói. Chúng ta đã khám phá được một trong những vụ án thú vị nhất trong bộ sưu tập của chúng ta. Nhưng tôi thật tối dạ, vì suýt nữa phạm phải một sai lầm tệ hại nhất đời mình! Bây giờ tôi nghĩ chỉ còn thiếu vài khâu bị mất nữa là tôi đã có trong tay hầu như toàn bộ chuỗi sự kiện.

- Anh đã dò ra được các hung thủ?

- Chỉ một thôi, Watson, một hung thủ thôi. Một thôi, nhưng là một kẻ đáng gờm. Hẳn khoẻ như gấu - cái thanh cời than bị bể cong kia là một minh chứng. Cao lớn, nhanh như sóc, khéo tay kinh khủng. Ngoài ra, còn tinh khôn rất mực, vì chính hắn đã dàn dựng nên toàn bộ vở kịch tài tình này. Có điều trên sợi dây kéo chuông kia, chính hắn đã để lại dấu vết của riêng mình, giúp chúng ta có được một đầu mối để loại bỏ hết mọi ngờ vực.

- Thế cái đầu mối đó nằm ở đâu?

- Thế thì anh nghe đây, Watson. Nếu anh giật sợi dây chuông thì anh thử liệu xem nó sẽ đứt ở đoạn nào? Rõ ràng nó sẽ đứt ở chỗ nối với sợi dây thép. Vậy thì sao nó lại đứt ở cách chỗ ấy tám phân như anh đã thấy?

- Vì chỗ đó bị sờn?

- Đúng. Đầu dây này, như chúng ta đã xem xét, quả có bị sờn thật. Và gã nọ quả đã đủ tinh quái, nên hẳn mới dùng dao để làm cho sợi dây có vẻ như bị sờn. Nhưng đầu ở trên kia thì không. Đúng đây, anh không thể thấy được đâu, nhưng nếu anh trèo lên lò sưởi, anh sẽ thấy rõ nó đã bị cắt, chứ chẳng có dấu hiệu nào cho thấy là bị sờn cả. Bây giờ, anh có thể tự mình tái lập được mọi diễn tiến. Hung thủ cần một sợi dây. Hẳn không thể giật xuống vì sợ chuông rung, đánh động mọi người. Hẳn phải làm gì? Trèo lên lò sưởi, nhưng vẫn không với tới, nên phải tỳ đầu gối vào đầu rầm chìa, anh sẽ thấy dấu vết in lại trên lớp bụi ngoài đó, vì còn thấy hơn ít nhất tám phân nữa. Bởi vậy, hẳn phải cao hơn tôi ít nhất tám phân. Nay bây giờ anh thử nhìn xem vết gì trên mặt chiếc ghế bành gỗ sồi? Vết gì?

- Vết máu.

- Đúng là vết máu. Chỉ riêng chi tiết này thôi cũng đủ cho thấy: câu chuyện của phu nhân Brackenstall là chuyện bịa. Nếu bà ta đã bị trói vào đó trước lúc hung thủ giết ông chồng. Ước gì tôi được trò chuyện ngay bây giờ với bà vú nuôi Theresa. Chúng ta phải thật thận trọng, nếu chúng ta muốn thu thập được những thông tin mình muốn.

Bà ta, bà vú nuôi người Úc nghiêm nghị ấy, quả là một nhân vật đáng chú ý. Bà ta đa nghi và ít thiện ý, nên thái độ hòa nhã của Holmes phải mất một thời gian mới chiếm được thiện cảm của bà. Bà chẳng hề giấu giếm lòng căm ghét của bà đối với ông chủ quá cố.

- Vâng, thưa ngài, quả tình ông ấy có ném cái vỏ chai vào tôi được. Tôi thấy ông ấy lẳng mọ bà chủ tôi, nên tôi bảo thẳng với ông ta rằng giá anh trai bà chủ có mặt ở đây thì ông ta đừng hòng ăn nói như thế. Vậy là tôi bị ông ấy ném thẳng cái vỏ chai vào mặt.

Ông ấy thường xử tệ với phu nhân Brakenstall, mà bà chủ tôi vốn kiêu hãnh, không bao giờ than phiền. Bà ấy thậm chí cũng không kể cho tôi nghe những cách hành hạ của ông ta đối với bà. Ngay cả những vết bầm trên tay mà ông thấy sáng nay cũng vậy, như tôi biết rõ chính là vết đinh ghim mũ. Ông ấy tỏ ra hết sức dịu dàng hồi chúng tôi gặp nhau lần đầu chỉ mới cách đây có mười tám tháng. Nhưng cả hai chúng tôi lại cảm thấy mười tám tháng ấy dài chẳng khác nào mười tám năm. Hồi đó, bà chủ tôi vừa chân ướt chân ráo tới Luân Đôn. Vâng, đó là lần xa nhà đầu tiên, chứ trước đó phu nhân chưa bao giờ đi đâu cả. Ông ấy đã dùng tước vị, tiền bạc và cả thủ đoạn giả dối để chiếm đoạt bà chủ. Lấy ông ta, bà ấy đã phạm một sai lầm, và bà ấy đã trả giá xong cho sự sai lầm ấy. Ông hỏi: chúng tôi gặp ông ấy hồi tháng nào, đúng không ạ? Thế thì xin thưa là chúng tôi gặp ông ta ngay sau ngày đến: chúng tôi sang hồi tháng Sáu, và gặp ông ta hồi tháng Bảy. Ông ấy cưới bà chủ tôi vào tháng Giêng năm ngoái. Vâng bà chủ vẫn đang nằm nghỉ dưới phòng khách, và dĩ nhiên sẽ vui lòng gặp ngài. Nhưng xin ngài đừng gạn hỏi bà ấy nhiều, vì bà ấy vừa phải chịu đựng hết thảy những gì ít người phạm trần đủ sức kham nổi.

Phu nhân Brakenstall vẫn nằm trên chính chiếc đi văng đó, nhưng trông đã đỡ thất sắc hơn hồi sáng, bà hầu phòng cũng theo vào cùng chúng tôi; và bắt tay vào thay tấm khăn chườm lên trán cô chủ.

- Tôi hy vọng - phu nhân lên tiếng - rằng ông đến đây không phải để thẩm vấn tôi lần nữa?

-Ồ, không, Holmes đáp, giọng hết sức lịch sự. Tôi sẽ không quấy rầy bà thêm nữa đâu, thưa phu nhân Brakenstall. Tôi chỉ muốn cất đỡ gánh nặng cho phu nhân thôi.

- Vậy ông muốn tôi phải làm gì?

- Kể hết sự thật.

- Ông Holmes!

-Ồ, không, không, phu nhân Brakenstall làm như vậy hoàn toàn vô ích. Tôi biết chắc rằng câu chuyện của phu nhân kể là hoàn toàn sai sự thật.

Cả phu nhân Brakenstall lẫn bà hầu phòng đều chăm chăm nhìn Holmes, mặt tái đi, ánh mắt lộ vẻ sợ hãi.

- Ông thật là thô lỗ! - bà Theresa kêu lên - Ông muốn ám chỉ bà chủ tôi đã nói dối?

Holmes đứng ngay dậy.

- Phu nhân không có gì để kể với tôi sao?

- Tôi kể hết với ông rồi còn gì.

- Mong phu nhân nghĩ lại, phu nhân Brakenstall. Chân thật, tôi nghĩ, sẽ tốt hơn nhiều.

Một thoáng lưỡng lự lướt qua gương mặt kiều diễm của phu nhân. Nhưng rồi một quyết định mới khiến khuôn mặt ấy cứng lại như thể đeo mặt nạ.

- Tôi đã kể hết với ông những gì mình biết.

Holmes cầm lấy mũ, nhún vai.

- Tôi rất lấy làm tiếc - anh nói. Rồi không thốt thêm một lời nào nữa, chúng tôi rời khỏi phòng, ra về. Trong khu vườn có một cái ao, và bạn tôi lôi tôi đi về phía đó. Mặt ao đóng băng gần hết, và chỉ còn chừa một khoảnh nhỏ dành làm nơi trú đông cho một con thiên nga cô độc. Holmes nhìn chòng chọc vào vũng nước nhỏ đó một lúc, rồi đi tiếp về phía cổng vườn. Dừng chân bên cổng, Holmes ngệch ngoạc một mẩu giấy ngắn, trao cho người gác cổng, nhờ chuyển lại cho ngài Stanley Hopkins.

- Chúng ta có thể hoặc trúng đích, hoặc chệch mục tiêu, nhưng đằng nào cũng phải làm được một chút gì giúp ông bạn Hopkins, dù chỉ để thanh minh cho chuyến viếng thăm thứ hai - anh nói. Tuy vậy tôi vẫn chưa dám tiết lộ hết bí mật với ông ấy. Tôi nghĩ, bây giờ nơi kế theo mà ta cần đến để điều tra vụ này là văn phòng của hãng hàng hải Adelaide - Southampton.

Qua viên Giám đốc, Holmes nhanh chóng thu thập được mọi thông tin mà anh cần biết. Vào tháng sáu năm 1895, hãng chỉ có duy nhất một con tàu cập bến Anh quốc. Đó là chiếc Rock of Gibraltar, con tàu lớn và đẹp nhất hãng. Bản danh sách hành khách cho thấy: cô Fraser xứ Adelaide cùng bà hầu của cô đã đi chuyến này. Hiện thời con tàu đang chạy ngang qua một nơi thuộc mạn nam kênh Suez, trên hải trình sang Úc như lệ thường. Thành phần sĩ quan trên con tàu vẫn giống hệt như hồi năm 1895, ngoại trừ một điều: viên phó thuyền trưởng, ông Jack Croker, đã được đề bạt lên cấp thuyền trưởng và chuyển sang chỉ huy con tàu mới của hãng, chiếc Bass Rock, hai ngày nữa sẽ rời Southampton. Viên sĩ quan này hiện sống tại Sydenham, nhưng sáng nay anh ta có lẽ sẽ đến đây, và nếu chúng tôi muốn thì có thể chờ gặp anh ta.

- Không, thưa ông. Chúng tôi không định gặp, nhưng rất lấy làm sung sướng nếu được biết thêm về lý lịch và hạnh kiểm của anh ta.

Lý lịch của anh ta tuyệt hảo. Trong hạm đoàn, không một sĩ quan nào được đánh giá cao như thế. Còn về hạnh kiểm, tuy anh ta là một người ngông cuồng, liều lĩnh khi lên bờ, nóng nảy, dễ bị kích động, nhưng lại là một sĩ quan đáng tin cậy lúc thi hành phận

sự, cương trực, chân thành và tốt bụng. Nắm được những thông tin đó, chúng tôi rời văn phòng hãng Adelaide - Southamton, và vòng tới sở điện tín Charing Cross. Holmes gửi một bức điện, rồi chúng tôi lại quay về Baker Street.

Ba chiếc cốc trong tủ để cạnh nhau. Một chiếc vẫn còn ít cặn dưới đáy. Chai rượu đặt bên cạnh, chỉ vơi hết một phần ba, và nằm bên cạnh là cái nút chai dài ngấm rượu rất sâu. Thái độ của Holmes bỗng đổi khác, và tôi lại thấy cặp mắt sâu và tinh của anh ánh lên vì hào hứng. Anh giơ cao cái nút chai lên ngắm nghía rất kỹ.

- Bọn chúng mở nút chai rượu bằng cách nào nhỉ? - anh hỏi.

Hopkins chỉ vào cái ngăn kéo đang mở nửa chừng, bên trong có vài chiếc khăn trải bàn vải lanh và một cái mở nút chai.

- Phu nhân Brackenstall có nói tới chuyện chúng dùng cái mở nút chai này không?

- Không. Ông không nhớ à, phu nhân đã bị ngắt xỉu khi chúng mở chai rượu.

- Nhớ chứ. Thực ra cái mở nút chai này đã không được dùng đến. Chúng mở chai rượu bằng một cái mở nút loại bỏ túi, có lẽ nằm trong một con dao nhíp, và không dài quá ba phân. Nếu ông quan sát phần trên của cái nút thì ông sẽ thấy ngay rằng cái nút chai của bọn chúng đã phải xoáy vào ba lần mới mở được chai rượu. Còn nếu dùng cái trong ngăn kéo kia thì chỉ cần một lần xoáy là được. Khi tóm được gã nọ, các ông sẽ phát hiện được rằng hắn có một con dao nhíp.

- Tuyệt! - Hopkins nói - Nhưng, thú thực, ba cái cốc này lại khiến tôi băn khoăn. Phu nhân Brackenstall đã từng tận mắt ba gã nọ uống rượu phải không.

- Có. Phu nhân đã kể rõ rồi còn gì.

- Vậy là câu chuyện đã kết thúc. Còn biết nói gì nữa kia chứ? Nhưng ông phải thừa nhận rằng ba cái cốc này rất đáng để ý, thưa ông Hopkins. Sao, ông không nhận thấy gì sao? Thôi được, không sao cả. Dĩ nhiên, mấy cái cốc này chỉ là chuyện ngẫu nhiên thôi. Thôi, chào ông Hopkins. Tôi không nghĩ rằng tôi có thể giúp ông được gì, vì với ông, vụ này coi như đã rõ cả rồi. Khi nào ông bắt được Randall, ông nhớ báo cho tôi biết, và cũng xin ông cho biết những gì có thể xảy ra sau đó nữa. Tôi hy vọng sẽ sớm được chúc mừng ông kết thúc vụ án thắng lợi.

Trên đường về, qua nét mặt của Holmes, tôi có thể thấy rõ là anh vẫn bị dẫn vật vì một điều gì đó mà chính mình vừa quan sát được. Cứ mỗi lần như vậy anh lại cố gạt bỏ những ý nghĩ ấy đi và trò chuyện như thể vụ án đã rõ cả rồi. Nhưng sau đó, mỗi người vực lại ám ảnh anh, và về mặt anh cho thấy anh lại đang mãi nghĩ về căn phòng ăn lớn rộng tại Abbey Grange. Cuối cùng, đúng vào lúc sắp sửa rời ga, anh bỗng nhảy phắt xuống và kéo tôi xuống theo.

- Anh Watson thân mến ạ, anh thứ lỗi cho tôi nhé, - anh nói trong khi chúng tôi nhìn theo những toa cuối cùng của đoàn tàu khuất sau một khúc quanh. Tôi rất lấy làm tiếc là gây phiền phức cho anh, nhưng thực tình tôi không thể để yên vụ án trong tình trạng như thế này. Mọi bản năng trời cho ở trong tôi đều lên tiếng phản đối việc đó: không ổn rồi, sai to rồi. Tôi dám quả quyết rằng mình đã đi chệch hướng, xác nhận của bà hầu phòng cũng rất đầy đủ. Mọi chi tiết đều rất chính xác. Vậy tôi lấy gì để bác lại? Ba cái cốc, chỉ có vậy thôi. Nhưng sự thế ra sao, nếu ta không tin hoàn toàn vào những chuyện ấy? Nếu ta cứ tự xem xét sự việc một cách thận trọng, như lẽ ra ta phải làm trong trường hợp phu nhân Brackenstall không nói gì hết? Lúc bấy giờ, chẳng lẽ ta không tìm được một cái gì cụ thể hơn để điều tra tiếp hay sao? Dĩ nhiên là được. Ngồi xuống đi, Watson! Trong lúc chờ chuyến tàu quay lại Chislehurst tôi sẽ trình bày cho anh thấy những bằng chứng. Chúng ta không nên tin vào bất cứ điều gì mà bà hầu phòng hoặc cô chủ ba ta đã nói. Đừng để cho cái nhân cách khả ái của phu nhân Brackenstall tác động đến những nhận định của chúng ta.

- Chắc chắn là trong câu chuyện của phu nhân có những chi tiết mà nếu xem xét lại, ta sẽ thấy rất đáng nghi. Bữa trộm này vừa làm một vụ gây xôn xao cách đây hai tuần. Một số hành tung và diện mạo của bọn chúng đã được báo chí đăng tải, nên bất cứ ai muốn dựng lên một câu chuyện trộm cắp tưởng tượng cũng đều nghĩ đến chúng. Thực ra, những bọn kẻ trộm vừa được một vố béo bở thì thường chỉ thích ngồi yên tận hưởng món "chiến lợi phẩm" nọ, chứ không dại gì lại tiến hành một vụ mạo hiểm mới. Việc chúng đánh một người đàn bà để buộc bà ta câm miệng cũng thật lạ đời, bởi lẽ theo tôi nghĩ, đó chính là cách chắc chắn nhất để khiến bà ta kêu ầm lên. Cũng lạ đời và việc gì chúng phải giết một mạng người trong khi bọn chúng thừa sức bắt ông ta ngồi im mà không cần gây án mạng. Cũng lạ đời là tại sao bọn chúng lại mẫn nguyện chỉ với vài món dọn đồ ăn bằng bạc, trong khi chúng có thể vơ vét được nhiều hơn thế nhiều. Và điều lạ đời cuối cùng là tại sao bọn chúng lại chịu vứt lại chai rượu mới uống có một ít. Tất cả những điều vừa nói đó không khiến anh ngạc nhiên sao, Watson thân mến?

- Toàn bộ, những điều đó gộp lại thì rõ ràng là rất đáng lưu ý, nhưng nếu xét từng điểm một thì thấy chẳng có gì là lạ.

- Và bây giờ ta nói đến điều đáng chú ý nhất: mấy cái cốc uống rượu.

- Mấy cái cốc đó thì có gì là lạ?

- Người ta khai với chúng ta là cả ba đều đã uống rượu. Anh có tin lời khai đó không?

- Sao lại không? Vết rượu vẫn còn nguyên trong cả ba.

- Đúng. Nhưng chỉ một là còn thấy cặn rượu dưới đáy. Anh nên để ý chi tiết đó. Anh giải thích thế nào về chi tiết này?

- Chiếc cốc có cặn là chiếc rót sau cùng.

-Ồ, không, không. Chai rượu còn đầy, nên không thể có chuyện rượu ở hai cốc đầu thì trong, còn cốc thì ba thì không. Có hai khả năng giải thích, và chỉ có thể có hai thôi. Khả năng thứ nhất: rót xong hai cốc đầu, bọn chúng đã lắc mạnh chai, rồi mới rót cốc thứ ba, nên cạn chỉ lắng xuống cốc thứ ba. Nhưng khó có chuyện đó lắm. Phải, phải. Tôi tin chắc mình hoàn toàn đúng.

- Vậy thì anh lý giải thế nào?

- Họ chỉ dùng có hai chiếc cốc, và đổ những giọt cuối cùng trong hai cốc này sang cốc thứ ba để tạo cho người ngoài cái ấn tượng là đã có ba người cùng uống với nhau. Chính vì vậy, nên cạn rượu chỉ thấy có ở đáy chiếc cốc cuối cùng, đúng không? Phải, tôi quả quyết sự việc đã diễn ra đúng như thế. Nhưng nếu quả như vậy được, thì có nghĩa là phu nhân Brakenstall và bà hầu phòng của phu nhân cố tình nói dối chúng ta. Không một lời nào trong câu chuyện họ kể còn có thể tin cậy được cả. Họ phải có những lý do hết sức nghiêm trọng để che giấu kẻ thủ phạm đích thực, và chúng ta chỉ còn cách phải tự mình dựng lại vụ án, chứ đừng hy vọng vào bất cứ sự giúp đỡ nào từ phía họ. Đó chính là sứ mạng mà ta phải gánh vác kể từ giờ phút này, và kìa, Watson tàu đi Chislehurst đã tới kia rồi.

Những người sống ở Abbey Grange rất sửng sốt khi thấy chúng tôi quay lại. Stanley Hopkins đã về gặp thượng cấp để báo cáo kết quả, nên Sherlock Holmes chiếm ngay lấy phòng ăn, khoá trái cửa lại và dành trọn hai giờ đồng hồ để khám xét cẩn thận mọi thứ. Tôi thì ngồi xuống một chiếc ghế kê ở góc phòng, hết như một sinh viên chăm chỉ theo dõi thầy giáo thao diễn, và cố theo sát từng bước một tiến trình của cuộc khám phá thú vị kia. Khung cửa sổ, mấy tấm rèm, chiếc thảm, chiếc ghế, rồi sợi dây - tất cả đều lần lượt được xem xét tỉ mỉ. Thi thể huân tước Eustace đã được mang đi rồi, nhưng mọi thứ vẫn còn được giữ nguyên như chúng tôi đã thấy sáng nay. Thế rồi, trước sự ngạc nhiên của tôi, Sherlock Holmes trèo lên mặt cái lò sưởi rộng. Trên đầu anh lủng lẳng một đoạn dây giạt chuông màu đỏ, dài chừng vài phân, vẫn còn buộc chặt vào sợi dây thép nối liền với cái chuông treo dưới nhà bếp. Sherlock Holmes ngắm nó hồi lâu, rồi để vượn người lên cho gần thêm chút nữa, anh tì hân gối vào một đường gờ bằng gỗ áp trên tường. Nhờ vậy tay anh chỉ còn cách đầu sợi dây chừng vài phân, nhưng việc đó không khiến anh chú ý bằng cái rầm chìa trên tường. Xong xuôi, anh nhảy xuống, miệng khẽ reo lên một tiếng tỏ ý mãn nguyện.

Lần tới viên thanh tra Staley Hopkins ghé thăm chúng tôi. Công việc của ông rõ ràng chẳng mấy suôn sẻ.

- Ông Holmes, ông quả là một pháp sư. Thành thật tôi nghĩ thậm chí ông có một sức mạnh siêu phàm. Nay, nhờ đây mà ông biết được những bộ đồ bằng bạc bị đánh cắp đó chúng đã vớt xuống đáy ao?

- Thật vậy sao? Thế mà tôi không biết đấy.

- Nếu vậy thì tại sao ông lại dẫn tôi thử mò đáy ao?

- Ông đã vớt lên được rồi chứ gì?

- Phải, đúng thế.

- Tôi rất lấy làm mừng là đã giúp được ông.

- Nhưng ông có giúp gì tôi đâu! Ông làm cho vụ án rắc rối thêm thì có. Làm gì có thứ kẻ trộm cố vơ vét đồ đạc bằng bạc, lại đem vứt xuống cái ao gần nhất?

- Quả là một hành vi khá kỳ quặc. Tôi chỉ có ý là chỗ đồ bạc lấy đi chỉ để đánh lạc hướng chúng ta. Vì thế, dĩ nhiên, bọn chúng chỉ muốn vứt bỏ nó đi cho nhanh.

- Nhưng tại sao ông lại đi đến ý nghĩ đó?

-Ồ, tôi nghĩ đó là chuyện có thể có được. Khi chúng tẩu thoát qua cái cửa sổ kiểu Pháp, ngay trước mặt chúng đã hiện ra một cái ao. Trên mặt ao lại có một chỗ nước chưa đóng băng đầy sức quyến rũ. Tìm đâu ra một nơi cất giấu tốt hơn thế?

-À, một nơi cất giấu! Hay quá - Stanley Hopkins reo lên. Vâng, vâng, giờ thì tôi hiểu hết cả rồi! Dọc đường sẽ có người, chúng sợ chạm trán với họ giữa lúc đang mang mấy bộ đồ ăn bằng bạc, nên chúng vội tẩu tán tang vật xuống ao, chờ dịp thuận tiện sẽ quay lại lấy lên. Tuyệt quá, ông Holmes ạ. Ý tưởng này đặc địa hơn ý tưởng lúc đầu. Nhưng tôi vẫn vướng phải một trở ngại lớn.

- Trở ngại?

- Đúng thế, ông Holmes ạ. Băng Randall vừa bị bắt sáng nay tại New York.

- Trời ơi, ông Hopkins! Vậy thì rõ ràng giả thuyết của ông về việc bọn này gây ra vụ án mạng tại Kent tối qua đã hoàn toàn đổ vỡ.

- Ông Holmes, đó quả là một đòn chết người, thực sự chết người. Tuy vậy, chắc là còn có nhiều băng trộm khác, ngoài bọn Randall, cũng gồm ba tên, hoặc có một băng mới nào đó nữa, mà cảnh sát chưa hề nghe nói.

- Có lẽ thế. Rất có thể là đúng thế thật. Nếu vậy thì ông còn phải điều tra tiếp?

- Vâng, ông Holmes. Tôi còn chưa được nghỉ ngơi chừng nào vẫn chưa làm sáng tỏ ngọn ngành vụ này. Tôi hy vọng ông sẽ vui lòng gọi cho tôi một ý tưởng nào hay hay?

- Thì tôi đã mách cho ông rồi đấy thôi.

- Mách gì kia?

- Phải, tôi đã nói với ông là bọn chúng cố đánh lạc hướng.

- Nhưng để làm gì, ông Holmes, để làm gì?

- À, dĩ nhiên, đó chính là vấn đề. Nhưng ông có thể thấy là có một cái gì trong đó. Ông không thể ở lại dùng cơm với chúng tôi à? Vậy thì xin tạm biệt ông, và nhớ cho chúng tôi biết kết quả cuộc điều tra.

Ăn tối xong, Holmes châm một tẩu thuốc, rồi đưa chân lại gần ánh lửa đang reo vui trong lò sưởi. Thành linh anh liếc nhìn đồng hồ.

- Tôi đang chờ một sự việc nữa xảy ra, Watson ạ.

- Bao giờ?

- Chỉ vài phút nữa thôi. Chắc lúc này anh đang nghĩ rằng tôi đã đối xử không phải với Stanley Hopkins đúng không?

- Tôi tin vào sự phán đoán của anh.

- Một lời đáp thật tế nhị. Watson, anh phải nhìn sự việc theo cách sau đây: những gì tôi biết chỉ mang tính chất riêng tư, còn những gì ông ta biết lại là chuyện công vụ. Tôi có quyền phán đoán theo cách của riêng tôi; còn ông ta thì không thể. Ông ta phải phơi bày hết thảy mọi chuyện, nếu không sẽ bị xem là không làm tròn công vụ. Trong một vụ còn nhiều ngờ vực, tôi không thích đẩy ông ta vào một tình thế khó xử, và vì vậy, tôi phải giữ kín mọi thông tin cho tới lúc nội vụ đã được làm sáng tỏ.

- Nhưng đến bao giờ thì mới sáng tỏ?

- Sắp rồi. Anh sắp được chứng kiến màn chót của một vở kịch nhỏ đặc sắc.

Có tiếng chân lên cầu thang, rồi cửa mở và một người đàn ông trẻ tuổi, cao lớn xuất hiện. Khách là một chàng trai trẻ ria vàng, mắt xanh, da rám nắng. Anh đóng cửa lại, rồi đứng yên, hai tay nắm chặt lại như đang cố nén một cảm xúc mãnh liệt nào đó.

- Mời ông ngồi, thuyền trưởng Croker. Chắc ông đã nhận được bức điện?

- Khách gieo phịch người xuống chiếc ghế bành, rồi đưa cặp mắt dò xét hết nhìn tôi lại nhìn Holmes.

- Tôi vừa nhận được bức điện, và đến đúng giờ ông đã chỉ định trong bức điện. Tôi nghe nói ông có đến đằng văn phòng. Thật chẳng có cách nào lẩn tránh được ông. Tôi sẵn sàng nghe những lời phán xử tồi tệ nhất. Ông định xử lý với tôi thế nào đây? Bắt tôi? Ông nói đi! Chứ đừng ngồi đó mà đùa giỡn với tôi như mèo vờn chuột.

- Tôi sẽ không ngồi đây phì phèo tẩu thuốc trước mặt ông nếu tôi cho ông là một tên tội phạm, ông có thể tin chắc như vậy - Holmes nói. Hãy thành thực với tôi, thì ông và tôi sẽ có thể làm một việc gì tốt đẹp. Còn nếu ông định giở trò lừa gạt tôi, thì tôi sẽ triệt hạ ông ngay.

- Xin ông cho biết: ông muốn tôi làm gì?

- Thuật lại một cách trung thực cho tôi nghe những gì đã diễn ra tại Abbey Grange tới qua, không thêm, không bớt. Tôi đã biết đủ tới mức nếu ông kể sai sự thật dù chỉ một chút, là tôi sẽ gọi cảnh sát, và thế là vụ này sẽ vĩnh viễn vượt khỏi tầm tay tôi đấy.

Chàng thuyền trưởng dăm chiêu một lúc, rồi nắm chặt bàn tay to, rám nắng giáng mạnh một cái xuống đùi.

- Thôi, đành liệu vậy - anh thốt lên. Tôi tin ông là người trọng lời hứa, nên xin kể cho ông nghe hết câu chuyện. Nhưng trước tiên, tôi phải nói điều này. Tôi chẳng ân hận, mà cũng chẳng sợ hãi bất cứ điều gì. Ví thử phải làm lại từ đầu, tôi cũng sẽ làm đúng như vậy, sẽ lấy làm tự hào vì đã làm như thế. Nhưng hể nghĩ tới chuyện mình sẽ gây rắc rối cho Mary Fraser, là lòng tôi lập tức thấy hãi hùng. Tôi sẵn sàng đổi mạng sống của mình để được nhìn thấy gương mặt thân yêu của nàng một nụ cười tươi vui.

Tôi phải kể lùi câu chuyện lại một chút. Ông hình như đã biết hết mọi chuyện; vì vậy, tôi nghĩ ông đã biết tôi gặp nàng khi nàng là một hành khách, còn tôi là phó thuyền trưởng trên tàu Rock of Gibraltar. Ngay từ lần đầu gặp nàng, nàng đã trở thành người phụ nữ duy nhất của đời tôi. Và càng ngày, tôi càng yêu thương nàng hơn trong suốt cuộc hành trình đó. Tôi thường quì trong bóng tối và hôn lên boong tàu, vì tôi biết rằng chân nàng đã đi qua đó. Nàng chẳng bao giờ có tình cảm đặc biệt với tôi. Nàng cư xử với tôi tử tế, như bất cứ người đàn bà nào cũng có thể đối xử với một người đàn ông. Tôi không có điều gì phải trách cứ nàng. Về phía tôi là một tình yêu toàn tâm, còn về phía nàng chỉ là thiện cảm và tình bằng hữu. Khi chúng tôi chia tay nhau, nàng vẫn là một cô gái tự do; còn tôi thì không bao giờ còn có thể thấy mình tự do được nữa.

Sau ngày trở về từ chuyến đi kế tiếp, tôi được tin nàng đã lấy chồng. Ô, sao nàng lại không được quyền lấy người nàng yêu kia chứ? Tôi chẳng đau buồn gì về cuộc hôn nhân đó. Tôi không phải là một kẻ vị kỷ. Tôi chỉ mừng vì hạnh phúc đã mỉm cười với nàng, và khỏi chứng kiến cảnh nàng phải gấn bó đời mình với anh chàng thủy thủ nghèo khổ. Tôi yêu Mary Fraser say đắm đến thế đấy!

Ồ, tôi không bao giờ nghĩ là mình sẽ được gặp lại nàng. Nhưng rồi tôi bỗng được thăng chức sau chuyến đi mới đây. Con tàu mới chưa được hạ thủy; vì vậy, tôi phải về nhà ở Sydenham vài tháng trong lúc chờ đợi. Một hôm, đang đi dạo trên đường làng, tôi bỗng gặp Theresa Wright, bà hầu già của nàng. Bà ta kể cho tôi nghe về nàng, về lão ta, về mọi chuyện. Thừa quí ngài, tôi phải cho quí ngài hay rằng tôi suýt phát điên, khi biết gã chó chết nghiện ngập đó đã dám đánh nàng, thiên thần của tôi! Tôi gặp lại

bà Theresa. Rồi gặp chính Mary, rồi lại gặp nàng lần thứ hai. Sau đó, nàng không cho tôi gặp nữa. Nhưng gần đây tôi có nhận được một thông báo: một tuần nữa tôi sẽ phải lên đường. Vì thế, tôi quyết định phải gặp lại nàng lần nữa, trước khi rời Anh quốc. Tôi bao giờ cũng coi bà Theresa như bạn, vì bà cũng yêu Mary và cũng căm ghét cái lão hung ác nọ chẳng thua kém gì tôi. Qua bà ấy, tôi biết rõ đường đi lối lại trong nhà. Mary thường ngồi đọc sách trong căn phòng nhỏ của nàng ở tầng trệt. Tối qua, tôi đi vòng qua đó, rồi cào vào cửa sổ ra hiệu. Thoạt tiên nàng không mở cửa. Nhưng tôi biết bây giờ nàng đã thầm yêu tôi và không nỡ để tôi phải đứng trong bóng tối giá rét. Nàng thầm bảo tôi hãy vòng ra cánh cửa sổ lớn ở phía trước. Tôi thấy cửa đã mở sẵn, để tôi có thể trèo vào phòng ăn. Vâng, thưa quý ngài, tôi đang đứng với nàng bên cửa sổ thì lão ta lao vào, như một thằng điên. Lão chửi nàng một câu thậm tệ, rồi giơ cao chiếc gậy đang lăm lăm trong tay, lão vụt vào mặt nàng. Tôi chồm tới, vớ lấy thanh cời than và giữa hai chúng tôi đã nổ ra một cuộc đọ sức sòng phẳng. Ông nhìn đây, trên tay tôi vẫn còn nguyên dấu vết chiếc gậy của lão, vì lão ra đòn trước. Tôi không chút ân hận. Bởi lẽ đây là chuyện một mất một còn; hoặc là lão, hoặc là tôi. Và hơn thế nữa: hoặc là tính mạng của lão ấy, hoặc là tính mạng của nàng, vì làm sao tôi có thể phó mặc nàng cho cái lão điên rồ ấy? Tôi đã giết lão như vậy đấy. Tôi có sai trái không? Ấy, thử hỏi hai ông thì hai ông sẽ làm gì, nếu ở vào địa vị tôi?

Nàng đã thét lên khi bị lão đánh, nên bà Theresa nghe thấy vội chạy xuống. Thấy trong tủ buýp - phê có một chai rượu, tôi liền lấy ra, mở nút, đổ vài giọt vào miệng Mary, vì nàng đang bất tỉnh do bị choáng. Rồi cũng uống một hợp. Bà Theresa thì bình tĩnh như không, và cách khai báo với cảnh sát chính là do tôi và bà ta nghĩ ra. Chúng tôi buộc phải làm cho người ta tưởng vụ án mạng do bọn trộm gây nên. Trong lúc tôi trèo lên cắt sợi dây chuông, thì bà Theresa cứ nhắc đi nhắc lại cho Mary thuộc lòng câu chuyện bịa đặt kia. Sau đó, tôi trói nàng vào chiếc ghế, làm xơ dầu dây cho có vẻ tự nhiên. Nếu không người ta sẽ phải tự hỏi: làm cách nào mà tên trộm có thể leo lên tận đó? Rồi tôi vợ vội một vài bộ ấm chén, thìa đĩa bằng bạc, làm ra vẻ đây là một vụ trộm. Tôi để Mary và bà Theresa ở lại, dặn họ chỉ hô hoán sau khi tôi đã rời khỏi nhà mười lăm phút. Tôi vứt những bộ đồ ăn bằng bạc xuống ao và về lại Sydenham, lòng mãn nguyện vì đã làm một việc tốt thật sự. Đó là sự thật, ông Holmes ạ, dù tôi có phải trả giá cho nó bằng tính mạng của tôi chẳng nữa.

Holmes trầm ngâm hút thuốc và im lặng hồi lâu. Rồi anh tiến đến bắt tay viên thuyền trưởng.

- Tôi biết mỗi lời ông nói ra đều đúng sự thật, - anh nói - vì ông không cho tôi biết thêm một điều gì mới lạ cả. Ngoài trừ một thủy thủ không một ai có thể thất được những nút buộc chặt đến thế khi trói phu nhân Brackenstall vào chiếc ghế bành. Mà phu nhân thì chỉ mới gặp dân thủy thủ đúng một lần hồi bà đáp tàu sang Anh. Và người đó ắt phải cùng giai tầng với bà; vì bà đã cố che chở, và điều này cho thấy bà rất yêu con người đó. Ông thấy đấy, tôi đã dễ dàng tìm ra dấu vết ông, một khi tôi đã đi đúng đường.

- Tôi nghĩ rằng cảnh sát sẽ không bao giờ phát hiện được sự thật qua câu chuyện chúng tôi bày ra.

- Và quả nhiên họ đã không phát hiện được - và tôi không tin là họ sẽ phát hiện được. Thuyền trưởng Croker, vụ này rất nghiêm trọng, tuy tôi sẵn lòng thừa nhận ông đã hành động như một trang quân tử. Tôi rất có thiện cảm với ông, cho nên nếu ông chọn phương án là sẽ rời khỏi Anh quốc sau hai mươi bốn tiếng nữa, tôi xin hứa ông sẽ không bị một ai cản trở.

- Sau đó ông sẽ báo cho cảnh sát?

- Dĩ nhiên.

Sắc mặt viên thuyền trưởng vụt ửng đỏ vì phẫn nộ.

- Sao ông lại đề nghị với tôi kỳ cục như vậy? Tôi biết rõ luật pháp nên thừa hiểu Mary sẽ bị bắt vì tội đồng loã. Ông tưởng tôi sẽ bỏ mặc nàng để tẩu thoát một mình sao?Ồ, không, thưa ông. Cứ để mặc họ muốn làm gì tôi thì làm, nhưng ông Holmes, xin ông vì Chúa, hãy nghĩ cách giúp Mary tội nghiệp của tôi khỏi phải ra tòa.

Holmes lại chìa tay lần nữa cho viên thuyền trưởng.

- Tôi chỉ thử lòng ông vậy thôi. Được rồi, tôi xin nhận cái trọng trách ông trao cho tôi, nhưng tôi đã cho Hopkins một lời gợi ý rất đáng giá, và nếu ông ấy không biết khai thác cái ý đó, thì tôi không thể làm gì hơn. Nào, thuyền trưởng Croker, bây giờ chúng ta sẽ làm đúng thể thức của toà án. Ông là bị cáo, còn Watson, anh là bồi thẩm đoàn, tôi không thấy ai thích hợp hơn anh để đảm nhận vai này. Tôi là chánh án. Vâng, thưa các vị trong bồi thẩm đoàn, các vị đã nghe lời khai, các vị thấy bị cáo có tội hay vô tội?

- Vô tội - tôi nói.

- Vậy ông được trắng án, thuyền trưởng Croker ạ. Và trong khi luật pháp chưa tìm được một con mồi nào khác, thì ông được hoàn toàn bình yên vô sự từ phía tôi.

Hết .

D.13 - The Adventure of the Second Stain 1904 (Vết máu thứ hai)

Một buổi sáng của mùa thu, trong căn hộ chúng tôi xuất hiện hai người nổi danh khắp châu Âu... Người thứ nhất mũi cao, mắt điều hâu, có cái nhìn trịch thượng, trông nghiêm khắc và kiêu kỳ. Đó là huân tước Bellinger, người hai lần giữ chức Thủ tướng. Người thứ hai tóc đen, hơi thấp, có khuôn mặt cân đối. Người ông ta toát ra một vẻ lịch thiệp, trang nhã. Đó là bá tước Trelawney Hope, phụ tá đặc trách đối ngoại Âu châu.

Hai vị khách ngồi cạnh đi-văng. Đôi tay gầy gò của Thủ tướng bóp chặt lấy cái cán dù. Ông ta nhìn Holmes lại nhìn tôi, buồn rầu và lo ngại. Người phụ tá thì gầy gầy những đồ trang sức trên dây đồng hồ.

- Ông Holmes, tôi đã bị mất cắp. Tôi báo cho Thủ tướng và ngài muốn gặp ông.

- Ông không báo cảnh sát sao?

- Không - Thủ tướng lên tiếng - Không báo và sẽ không báo. Báo cho cảnh sát nghĩa là công bố sự việc. Mà chúng tôi muốn né tránh việc này.

- Vì sao, thưa ngài?

- Tài liệu quan trọng tới mức nếu công bố nó, thì có thể dẫn đến một cuộc xung đột có tính quốc tế. Có thể nói rằng vấn đề chiến tranh và hòa bình phụ thuộc vào tài liệu này. Nếu đi truy tìm mà không giữ bí mật thì không nên truy tìm.

- Tôi hiểu. Còn bây giờ, ông Trelawney Hope, tôi sẽ rất biết ơn ông, nếu ông kể cho tôi nghe tài liệu bí mật mất trong trường hợp nào.

- Đó là bức thư của một nguyên thủ nước ngoài đến cách đây sáu ngày. Bức thư có ý nghĩa hệ trọng đến nỗi tôi quyết định không cất nó trong cái tủ chống cháy của chính phủ. Chiều đến tôi mang nó về nhà tôi, tại Whitehall Terrace, cất trong cái tráp, đặt ở trong phòng ngủ của tôi. Tráp này chuyên dùng để cất giữ những tài liệu quan trọng. Chiều hôm qua, lá thư vẫn nằm ở đấy. Khi mặc quần áo đi ăn trưa, tôi lại mở tráp ra và tài liệu vẫn còn nguyên. Thế mà sáng nay nó biến mất. Suốt đêm, cái tráp được đặt ngay cạnh giường trên bàn rửa mặt của tôi. Tôi ngủ rất tỉnh, vợ tôi cũng vậy. Cả hai chúng tôi thề rằng không một ai vào phòng ban đêm cả.

- Ông ăn tối lúc mấy giờ?

- 7 giờ 30.

- Ông đi ngủ khi nào?

- Vợ tôi đi xem hát. Tôi chờ cô ấy. Gần 12 giờ chúng tôi đi vào phòng ngủ.

- Nghĩa là trong khoảng gần bốn giờ đồng hồ tráp không được một ai bảo vệ

- Không một ai được phép vào phòng ngủ ngoài nữ hầu phòng người hầu và vợ tôi. Tuy nhiên, cả hai người này đều là những gia nhân đáng tin cậy. Hơn nữa họ không hề biết trong tráp đựng thứ gì.

- Ai biết có lá thư này?

- Trong nhà tôi, không một ai biết cả.

- Thế nhưng, vợ ông biết chứ?

- Không, thưa ông! Sáng hôm nay, khi không tìm thấy lá thư, tôi cũng không nói gì với vợ tôi cả.

Thủ tướng gật đầu tán đồng:

- Tôi biết ông luôn có một ý thức trách nhiệm rất cao. Trong công việc này, ý thức đó còn cao hơn nữa, ngay cả với gia đình...

Người phụ tá cúi chào.

- Thật vậy, thưa ông! Sáng hôm nay, tôi không hề nói một lời về lá thư với vợ tôi.

- Bản thân phu nhân liệu có đoán ra không?

- Không, cô ấy không thể đoán được. Thêm vào đó, không thể có ai đoán được.

- Trước đây, có khi nào ông bị mất tài liệu không?

- Không, thưa ông.

- Có ai ở nước Anh biết lá thư này không.

- Các thành viên của nội các đã được thông báo về lá thư. Nhưng việc yêu cầu giữ bí mật được Thủ tướng nhấn mạnh bằng lời cảnh cáo nghiêm khắc. Nhưng ai mà ngờ rằng chỉ vài giờ sau đó, chính tôi đã làm mất nó.

Sự tuyệt vọng đã làm cho khuôn mặt của người phụ tá thay đổi nhiều. Ông vò đầu ân hận. Trong khoảnh khắc hiện ra trước chúng tôi là những tm chân chính của một con

người bông bột, nhiệt thành. Tuy nhiên, ngay sau đó cái nét kiêu kỳ lại hiện lên trên khuôn mặt ông ta. Với giọng điềm tĩnh, ông tiếp:

- Ngoài các thành viên của nội các còn có hai hoặc ba quan chức của ban biết sự hiện diện của bức thư. Còn ngoài ra, trong cả nước Anh, không một ai biết.

- Thế còn ở nước ngoài?

- Ở nước ngoài, tôi cũng tin là không một người nào biết lá thư, trừ tác giả của nó. Ngay cả các bộ trưởng của quốc gia đó cũng không biết.

Holmes ngẫm nghĩ ít phút rồi nói:

- Bây giờ, tôi cần biết cái gì ở đằng sau tài liệu? Vì sao việc lấy lá thư sẽ đem tới những hậu quả nghiêm trọng?

Hai nhà hoạt động chính trị nhìn nhau rất nhanh.

Thủ tướng chau mày:

- Bức thư nằm trong phong bì màu xanh da trời, dài và hẹp. Dấu đóng trên xi màu đỏ có hình sư tử đang ở thế tiến công. Địa chỉ được viết bằng những nét cứng và đậm...

- Những chi tiết này tất nhiên là rất thú vị và quan trọng - Holmes ngắt lời Thủ tướng - Có điều tôi cần biết về nội dung của lá thư. Lá thư nói về chuyện gì?

- Đó là bí mật quốc gia. Tôi e không thể trả lời ông được hơn nữa, tôi chưa rõ điều ông hỏi cần thiết ở chỗ nào. Nếu bằng tài năng hiếm thấy như người ta thường nói về ông, thì ông sẽ có thể tìm được chiếc phong bì cùng với lá thư ở trong đó. Ông sẽ xứng đáng với lòng biết ơn của đất nước, và sẽ nhận bất kỳ phần thưởng nào mà khả năng chúng ta cho phép.

Holmes mỉm cười và đứng dậy:

- Tất nhiên ngài là một trong những người bận rộn nhất nước. Nhưng nghề nghiệp đã tước mất khá nhiều thời gian của tôi. Rất tiếc là trong công việc này, tôi không hữu ích cho ngài, và tôi coi sự tiếp xúc trò chuyện giữa chúng ta là sự tiêu phí thời giờ vô ích.

Thủ tướng nhồm phất dậy. Trong đôi mắt sâu của ông lóe lên một ngọn lửa:

- Tôi không quen... Thưa ông! - Ông bắt đầu nói. Tuy nhiên sau khi tự trấn tĩnh được, ông lại ngồi xuống. Chúng tôi ngồi im lặng đến một phút. Sau đó ông siết chặt lấy vai mình

- Ông Holmes, ông hoàn toàn đúng. Thật là vô lý nếu chờ đợi sự giúp đỡ của ông mà

chưa tin ông.

- Tôi tán thành với ngài! - Nhà ngoại giao trẻ tuổi nói.

- Được, tôi sẽ nói cho ông nghe tất cả. Tôi tuyệt đối trông cậy vào lòng trung thành và lòng yêu nước của các ông.

- Ngài có thể hoàn toàn tin vào chúng tôi.

Chuyện thế này, đó là bức thư của một vị nguyên thủ nước ngoài. Ông ta tỏ ra lo ngại bởi sự mở rộng thuộc địa gần đây của nước ta. Bức thư được viết vào giây phút bức bối. Sự tìm hiểu tin tức đã chỉ rõ rằng các bộ trưởng của ông cũng không hay biết gì về lá thư. Lời lẽ trong thư rất gay gắt, một vài câu mang tính khiêu khích. Vì vậy, nếu lá thư được công bố, dư luận sẽ xao động, đất nước chúng ta sẽ bị cuốn hút vào một cuộc chiến tranh lớn.

Holmes viết tên một người trên mảnh giấy và đưa cho Thủ tướng coi.

- Ông ta đấy. Bức thư có khả năng cuốn theo nó những chi phí khổng lồ, sự hủy diệt hàng trăm nghìn người - Thủ tướng nói.

- Ngài đã báo tin cho người viết lá thư chưa?

- Báo rồi. Bức thư viết bằng mật mã và được chuyển đi.

- Nhưng rất có thể ông ta đã tính đến chuyện công bố lá thư?

- Không. Chúng tôi có cơ sở để tin rằng ông ấy đã hiểu được tính thiếu thận trọng và sự bồng của mình.

- Việc công bố lá thư là quả đấm mạnh sẽ giáng vào ông ta. Nếu vậy, người ta đánh cắp nó để làm gì?

- Ông Holmes, thế là ông buộc tôi phải nói tới tình hình chính trị thế giới. Ông đã thấy châu Âu là một trại lính được vũ trang. Có hai liên minh cân bằng về lực lượng đang tồn tại. Nước Anh thi hành chính sách trung lập. Nếu chúng ta bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh với một liên minh thì liên minh kia sẽ có ưu thế hơn. Hơn thế, điều này không phụ thuộc vào việc liên minh thứ hai có tham gia hay không tham gia vào cuộc chiến...

- Vậy là những kẻ thù của vị này, những người muốn thấy có sự hiềm khích giữa ông ta với chúng ta, rất quan tâm đến lá thư?

- Đúng vậy.

- Nếu tài liệu rơi vào tay đối phương thì ai có thể chuyển nó đến bất cứ chính phủ nào ở châu Âu. Rất có thể hiện giờ bức thư đang lao đi với tốc độ chỉ có tàu thủy mới đuổi kịp? Người phụ tá đứng cúi đầu với một tâm trạng nặng nề. Thủ tướng nhẹ nhàng đặt tay lên vai ông ta:

- Nỗi bất hạnh đã xảy ra với ông bạn của tôi. Không ai có ý định kết tội ông đâu. Chúng ta sẽ áp dụng mọi biện pháp để phòng ngừa... Bây giờ, ông khuyên chúng tôi nên làm gì?

Holmes lắc đầu buồn rầu:

- Thừa ngài! Nếu tài liệu này không được hoàn lại thì chiến tranh sẽ xảy ra?

- Chắc chắn như vậy!

- Nếu vậy, hãy chuẩn bị cuộc chiến thôi?

- Đây là những lời tàn nhẫn, ông Holmes.

- Hãy chú ý đến sự thật, thưa ngài. Tôi không tin là bức thư bị mất sau 12 giờ khuya đâu. Vì từ lúc ấy cho đến khi phát hiện ra, ông Hope và phu nhân đều ở trong phòng ngủ. Thế nghĩa là tài liệu bị mất vào tối qua trong khoảng từ 7 giờ rưỡi tới 12 giờ, bởi kẻ cắp khi ở đâu, tất nhiên hắn sẽ gắng đoạt lấy nó sớm nhất. Còn nếu tài liệu bị mất vào hôm qua thì hiện giờ nó ở đâu? Kẻ cắp đã nhanh chóng chuyển cho người đang quan tâm. Vậy thì chúng ta còn có cơ hội nào để tóm được hắn hoặc lần ra dấu vết của hắn trên đất nước của chúng ta.

Thủ tướng đứng dậy:

- Ông lập luận rất logic. Tôi thấy quả thực không nên làm gì ở đây nữa.

- Ví như chúng ta cho rằng người hầu ăn cắp tài liệu?

- Họ là những gia nhân quen thuộc và đáng tin cậy.

- Phòng ngủ ở gác ba và không có lối riêng ăn thông ra ngoài phố. Vậy thì không ai có thể trèo lên cửa trước của căn phòng mà không bị để ý. Nghĩa là có một người nào đó ở trong nhà đã phạm tội. Kẻ cắp có thể chuyển nó cho ai? Chỉ có thể chuyển cho một trong những điệp viên quốc tế mà tôi biết rõ tên của họ. Ba người có thể nói là cầm đầu bọn này. Tôi sẽ bắt đầu tìm xem một trong số ba người đó. Nếu một người nào đó trong bọn họ đã đi khỏi thành phố và nhất là đã ra đi vào chiều hôm qua thì chúng ta sẽ biết tài liệu này biến đi đâu.

- Vì sao người đó phải ra đi? - Người phụ tá hỏi - Hắn có thể mang bức thư tới một đại sứ quán nào đó ở London chứ?

- Các điệp viên này thường có những quan hệ rất căng thẳng với các đại sứ quán.

Thủ tướng gật đầu khẳng định điều đó:

- Tôi nghĩ ông rất có lý. Hẳn sẽ tự tay mình mang lá thư. Kế hoạch hành động của ông, tôi cảm thấy tuyệt đối chính xác. Tuy nhiên, ông đừng vì chuyện này mà quên đi những trách nhiệm khác của chúng ta.

Các vị khách cúi chào rất trân trọng rồi rời khỏi căn phòng.

Holmes bắt đầu im lặng. Thời gian trôi đi. Anh mê mải với những suy tưởng của mình. Tôi giờ các báo buổi sáng đọc bài nói về một tội ác vừa xảy ra vào chiều hôm đó. Tôi nhẩm phất dậy, đặt tẩu thuốc lên lò sưởi, kêu lên:

- Đúng. Tình thế rất căng thẳng nhưng chưa hết hy vọng. Bây giờ cần biết ai là kẻ ăn cắp. Suy cho cùng, chỉ có tiền mới làm bọn hán quan tâm. Ngân khố của nhà nước sẽ giúp tôi. Nếu hán bán, tôi sẽ mua... Rất có thể hán còn giữ bức thư. Hán cần biết ở đây người ta trả giá bao nhiêu trước khi đem bán ở nước ngoài. Chỉ ba người có khả năng dựa vào trò chơi này. Đó là Oberstein, La Rothiere, và Eduardo Lucas. Tôi sẽ tới thăm họ.

Tôi liếc vào tờ báo buổi sáng.

- Eduardo Lucas ở phố Godolphin phải không ?

- Đúng rồi.

- Anh không thể tới thăm hán ta được?

- Tại sao?

- Hán đã bị giết rồi.

Holmes sững sờ, dán mắt vào tôi, vẻ hoài nghi. Sau đó anh giật lấy tờ báo.

“Vụ giết người ở Westminster.

Chiều hôm qua, tại ngôi nhà số 16 phố Godolphin, đã xảy ra một án mạng. Phố Godolphin là một trong những con đường yên tĩnh trải dài giữa dòng sông và tu viện Westminster. Phần lớn những ngôi nhà ở đây được xây vào cuối thế kỷ XVIII. Ông Eduardo Lucas nổi tiếng trong xã hội như một người dễ mến, một trong những giọng hát nam cao được ưa chuộng nhất. Ông đã sống nhiều năm liền tại một biệt thự nhỏ trên phố này. Ông 34 tuổi, chưa lập gia đình. Người hầu của ông gồm người quản gia, bà Pringle và người hầu Mitton. Bà Pringle thường không làm vào buổi chiều. Bà ta lên

phòng mình ở gác thượng rất sớm. Còn chiều hôm đó, người hầu đi thăm một người bạn ở Hammersmith.

Từ 10 giờ, ông Lucas ở một mình trong ngôi nhà. Cho tới bây giờ, chưa ai rõ chuyện gì đã xảy ra trong thời gian ấy. Nhưng lúc 12 giờ kém 15, viên cảnh sát tuần tra Barrett khi đi tuần qua phố Godolphin, thấy cửa ngôi nhà số 16 bị mở toang. Ông gõ cửa, nhưng không có tiếng, ông bước vào hành lang và gõ cửa một lần nữa. Vẫn không có ai trả lời. Khi đó ông đẩy cửa bước vào.

Căn phòng rất hỗn loạn. Tất cả đồ gỗ bị xô dịch về một phía, một chiếc ghế nằm lỏng chông ở ngay giữa nhà. Chủ nhà nằm cạnh chiếc ghế. Ông bị giết bằng một nhát dao xuyên thẳng vào tim. Vũ khí giết người là con dao găm Ấn Độ được lấy từ bộ sưu tập vũ khí phương Đông trang trí trên một bức tường của căn phòng. Kẻ giết người không phải với mục đích ăn trộm, bởi vì toàn bộ đồ đạc trong nhà vẫn còn nguyên vẹn.

Ông Eduardo Lucas là một người danh tiếng. Cái chết này đã gây ra nỗi đau xót cho các thân hữu của ông”.

- Watson, anh nghĩ gì về chuyện này?

- Một sự trùng hợp kỳ lạ!

- Một trong số ba người có khả năng tham dự vào tấn kịch này đã bị chết. Thật là một sự trùng hợp kỳ lạ! Không. Hai sự việc này chắc chắn có liên quan với nhau, chúng ta phải tìm cho ra mối liên hệ này.

- Nhưng rồi cảnh sát sẽ biết tất cả.

- Không. Họ chỉ biết những gì mà mọi người đều biết ở phố Godolphin thôi? Chỉ có chúng ta mới rõ cả hai trường hợp. Có một điểm làm cho tôi nghi ngờ Lucas. Phố Godolphin, Westminster chỉ nằm cách Whitehall Terrace vài bước đi bộ. Những điệp viên khác thì sống ở cuối West End. Cho nên, Lucas dễ nhận được tin từ nhà ông phụ tá hơn những người kia. Đây là điểm nhỏ, nhưng nếu tính đến sự khai triển với tốc độ nhanh thì nó có thể biến thành điểm chủ yếu. A! Lại có điều gì mới chẳng!

Bà Hudson xuất hiện, mang chiếc khay trên có một tấm danh thiếp phụ nữ. Holmes nhìn bà, nhú lông mày và chuyển cho tôi.

- Hãy mời phu nhân Hilda Trelawney Hope vào. - Holmes nói.

Chỉ một thoáng sau, một trong những người phụ nữ đẹp nhất London bước vào căn hộ chúng tôi. Tôi thường nghe nói về vẻ đẹp của người con út của công tước Belminster, nhưng không một sự mô tả nào có thể truyền đạt được vẻ duyên dáng của bà. Tuy nhiên, vào buổi sáng mùa thu này, vẻ đẹp của bà conét gì khang khác; khuôn mặt bà lấp lánh, nhưng ánh mắt đỏ như đang lên cơn sốt. Cái miệng tình tứ khép chặt lại. Bà

đang cố gắng tự trấn tĩnh.

- Chồng tôi đã ở chỗ ông, phải không, ông Holmes?

- Vâng.

- Ông Holmes, tôi van ông, ông đừng nói cho chồng tôi biết là tôi đã đến đây.

Holmes cúi chào lạnh nhạt:

- Về lòng lầy của bà đặt tôi vào một tình huống rất khó xử. Mời bà ngồi xuống đây và nói cho tôi biết bà cần gì. Song đáng tiếc là tôi không thể đem lại những lời hứa - Holmes nói.

- Ông Holmes. Tôi biết là ở tại nhà chúng tôi có một tài liệu nào đó đã bị thất lạc. Nhưng vì nó đụng đến vấn đề chính trị nên chồng tôi không nói gì với tôi. Tôi van ông, ông giải thích cho tôi biết cái gì đã xảy ra và hậu quả nó như thế nào?

- Bà đã đòi hỏi ở tôi cái điều vượt quá khả năng của tôi .

Bà ta thở dài rồi lấy tay ôm mặt.

- Bà cần hiểu tôi hơn, thưa bà! Nếu chồng bà đã không cho bà biết việc này thì bà tìm hiểu làm chi? Thậm chí bà cũng không nên hỏi nơi tôi. Bà nên hỏi chồng bà.

- Tôi đã hỏi anh ấy. Thôi, nếu ông không muốn nói thì thôi Nhưng mong ông vui lòng trả lời một câu hỏi khác.

- Câu hỏi như thế nào.

- Do vụ này, sinh mạng chính trị của chồng tôi có bị tổn thất không?

- Nếu công việc không được thu xếp ổn thỏa thì nó sẽ dẫn tới các hậu quả nghiêm trọng.

Bà thở dài.

- Những hậu quả ấy như thế nào?

- Tôi không đủ sức trả lời câu hỏi này.

- Nếu thế, tôi sẽ không làm phí thời giờ của ông nữa. Tôi thực lòng muốn chia sẻ sự lo lắng với chồng tôi. Một lần nữa, yêu cầu ông đừng nói với chồng tôi về chuyện gặp gỡ hôm nay.

Đến ngưỡng cửa, bà ngoảnh đầu lại và một lần nữa tôi nhìn thấy khuôn mặt đẹp, xúc

động, đôi mắt lo sợ và cái miệng xinh xắn mím chặt lại. Sau đó bà biến mất.

- Watson này, phải đẹp là một phần của cuộc đời anh - Holmes vừa cười vừa nói khi cánh cửa được đóng mạnh lại và tiếng sột soạt của váy phụ nữ đã im bật - Người đàn bà này muốn gì đây?

- Bà ta lo sợ cho chồng là điều dĩ nhiên.

- Hãy hình dung lại khuôn mặt bà ta: nỗi lo sợ mất bình tĩnh và lòng kiên nhẫn.

- Đúng, bà ấy rất lo lắng.

- Đồng thời bà đã cố gắng thuyết phục chúng ta tin rằng bà ta hành động chỉ xuất phát từ lợi ích của chồng mình, và vì vậy bà ta cần biết hết thảy mọi chuyện. Qua việc đó bà ta muốn nói gì? Có lẽ anh cũng nhận ra là bà đã cố ý ngồi quay lưng về phía ánh sáng. Bà không muốn để chúng ta nhìn thấy rõ mặt bà.

- Đúng vậy, bà ấy đã ngồi chính chỗ này.

- Nói chung, đàn bà thật khó hiểu. Rất nhiều điều được che đậy ở đằng sau các hành vi bình thường nhất của đàn bà mà thôi. Chào Watson nhé!

- Anh đi à?

- Vâng. Tôi đến phố Godolphin vì vụ Lucas để một chút manh mối nào đó. Anh hãy tiếp khách giúp tôi nhé.

Suốt ngày hôm đó và hai ngày tiếp theo, Holmes im lặng như những hạt gạo. Anh đi, rồi lại về, hút thuốc liên miên, kéo vi-ô-lông với những giai điệu du dương, hay trầm ngâm nghĩ, ăn bánh sandwich bất kỳ lúc nào và trả lời nhát gừng các câu hỏi của tôi. Tôi hiểu anh chưa đem lại kết quả. Anh không hề kể cho tôi nghe về điều gì. Chỉ qua báo chí, tôi mới được biết người ta bắt giữ John Mitton, gia nhân của người quá cố.

Cuộc điều tra đã xác minh đây là vụ giết người có chủ tâm từ trước, thế nhưng vẫn chưa tìm ra được động cơ phạm tội. Trong phòng có nhiều vật dụng giá trị, nhưng không mất một thứ nào. Giấy tờ của người quá cố cũng không bị đụng đến. Người ta xem xét chúng tỉ mỉ và xác nhận người quá cố rất quan tâm đến tình hình thế giới. Ông ta quen biết những nhà hoạt động chính trị danh tiếng của một vài nước. Có điều trong các tài liệu chất đầy ngăn bàn ông ta, không tìm thấy cái gì đáng quan tâm. Đối với phụ nữ, ông ta quen nhiều nhưng không yêu một ai. Cái chết của ông còn là một câu hỏi bí ẩn.

Việc tạm giam người hầu Mitton cũng chỉ là biểu hiện của sự bết tắc. Không có yếu tố chống lại anh ta. Chứng cứ ngoại phạm rất đầy đủ. Vào chiều hôm đó, Mitton đi thăm bạn bè ở Hammersmith và về tới nhà lúc 12 giờ. Tuy nhiên, anh đã thực sự xúc động trước tám thảm kịch bất ngờ. Mitton luôn có quan hệ thân tình với chủ nhà. Một vài vật

dụng của người quá cố - ví như hộp dao cạo râu - được tìm thấy trong va-li của người hầu, nhưng anh nói rõ đây là quà của ông chủ. Bà quản gia cũng đã khẳng định điều này. Mitton phục vụ trong nhà Lucas được ba năm. Đáng lưu ý là Lucas không bao giờ cho Mitton cùng đi với mình ra nước ngoài. Đôi khi ông sống liên tục ở Paris suốt ba tháng liền, thế mà vẫn để Mitton ở lại trông nom nhà cửa.

Theo báo chí thì đã ba ngày rồi, các bí mật vẫn còn nguyên. Mặc dầu Holmes biết nhiều hơn báo chí, song anh vẫn không kể cho tôi nghe điều gì cả. Chỉ có một lần, nhân câu chuyện hàng ngày, anh có nói rằng thanh tra Lestrade đã đưa anh vào thực chất của vấn đề. Do vậy tôi hiểu anh đã nắm bắt được nhiều tin tức mới. Bước sang ngày thứ tư, có một bức điện dài từ Paris chuyển đến:

Báo "Daily Tétégraph" viết:

"Cảnh sát Paris đã vén bức màn bí mật về cái chết của ông Eduardo Lucas."

Bạn đọc còn nhớ rằng thi thể của ông được phát hiện ra trong căn phòng cùng với con dao găm, rằng mỗi ngò vực đã đổ xuống đầu người hầu phòng, song anh ta đã chứng minh được tình trạng ngoại phạm

Hôm qua, gia nhân của bà Henri Fournaye, người đang sống ở Paris, tại đường Auterlitz, đã nói với cảnh sát rằng bà chủ của mình bị điên. Các khám nghiệm đã chứng tỏ rằng bà ta thực sự mất trí. Trong lúc điều tra, cảnh sát xác minh là vào thứ ba vừa rồi, bà ta trở về sau chuyến đi tới London. Có nhiều cơ sở cho rằng chuyến đi này có liên quan đến án mạng tại Westminster. Sự đối chiếu các bức ảnh cho phép khẳng định chồng bà, ông Henri Fournaye và ông Eduardo Lucas chỉ là một, và không rõ vì sao người quá cố đã sống hai cuộc đời ở London và ở Paris.

Bà Fournaye là người gốc Âu Mỹ, có tính cách rất dễ bị kích động, do vậy thường không hoàn toàn làm chủ được mình. Đây có thể là nguyên nhân của bi kịch đã xảy ra ở London. Sáng thứ ba, có một người đàn bà rất giống bà ta đứng trên sân ga Charing Cross với tâm trạng bị kích động mạnh. Cho nên, rất có thể chồng bà chết là do bà gây ra trong cơn điên loạn, hoặc cái chết ấy đã tác động đến bà, khiến bà bị mất trí, vẫn chưa có hy vọng bà sẽ khỏi bệnh. Có nhiều tin tức cho hay rằng vào chiều thứ hai có một người đàn bà nào đó - có thể là bà Fournaye, - đã đứng quanh ngôi nhà trên đường Godolphin chừng vài tiếng đồng hồ..."

Tôi đọc bức điện cho Holmes nghe khi anh dùng xong bữa điểm tâm.

- Anh Watson, anh là người kiên nhẫn vô cùng. Ba ngày vừa rồi tôi chưa kể điều gì cho anh nghe, chỉ vì không có gì để kể. Ngay bây giờ các tin tức từ Paris vẫn chưa giúp chúng ta bao nhiêu.

- Thế nhưng cái chết của người ấy hiện giờ đã hoàn toàn được sáng tỏ.

- Cái chết ấy chỉ là một phần rất nhỏ so với nhiệm vụ của chúng ta. Chúng ta phải tìm cho được bức thư và cứu châu Âu ra khỏi thảm họa chiến tranh. Trong ba ngày vừa qua, chỉ có một sự kiện đáng lưu ý là: chưa có cái gì xảy ra cả. Khắp châu Âu chưa có dấu hiệu bất an. Lẽ nào bức thư bị thất lạc... Nếu nó chưa bị thất lạc thì hiện giờ nó ở đâu? Tại sao người ta lại cất giữ nó? Phải chăng Lucas bị giết đúng vào cái buổi tối bị mất lá thư? Nói chung, bức thư có ở chỗ hắn ta hay không? Nếu có, thì vì lẽ gì lại không tìm thấy nó? Tại sao người vợ điên loạn của Lucas lại không mang nó theo mình? Nếu bà ta mang lá thư đi thì vì lẽ gì nó không có ở chỗ bà tại Paris? Tôi có thể tìm nó ở đây mà không làm cho cảnh sát Phá được chăng? Nếu như tôi thành công trong việc này thì nghề nghiệp của tôi sẽ kết thúc một cách hiển hách... À đây rồi. Cái tin tức mới nhất từ những cảnh sát tiên phong - Anh liếc nhanh vào mẫu thư chuyển cho anh - A ha! Hình như Lestrade đã tìm ra một điều gì thú vị sao đó Watson, chúng ta cùng đi đến Westminster.

Trước tiên, chúng tôi đến nơi xảy ra án mạng. Đó là ngôi nhà cao, mặt tiền hẹp, trông không đẹp lắm. Khuôn mặt Lestrade lấp ló qua cửa sổ. Viên cảnh sát mở cửa ra và ông ta thân mật chào chúng tôi.

Căn phòng chúng tôi bước vào chính là nơi Lucas bị giết, có điều giờ đây dấu tích của tội ác không còn nữa, ngoài vết máu hiện rõ trên tấm thảm. Chiếc thảm là một miếng nỉ dày, hình vuông. Bộ sưu tập vũ khí nổi tiếng treo lơ lửng trên lò sưởi.

- Ông đã được nghe những tin tức mới từ Paris chưa? - Lestrade hỏi.

Holmes gật đầu.

- Lần này các bạn Pháp đã nói trúng cái điều cần thiết. Vụ giết người tắt nhiên đã diễn ra đúng như họ trình bày. Vợ ông ta gõ cửa và ông ta đưa bà vợ vào nhà. Bà ấy đã kể cho ông ta nghe là đã tìm thấy ông ta bay bướm như thế nào, rồi sau đó mắng sa sả vào mặt chồng. Sau đấy, nhân có con dao găm trong tay, bà nhanh chóng đi đến kết thúc. Mọi chuyện diễn ra cố nhiên phải ngay một lúc vì tất cả chiếc ghế được chất thành đồng. Một chiếc ghế nằm trong tay ông ta, hình như ông ta có dùng chiếc ghế này để tựa vệ.

Holmes nhướn lông mày:

- Ông có tin tức gì cho tôi đây?

- Ồ, đây là chuyện khác, một chuyện đáng khả nghi.

- Chuyện gì !

- Sau khi được báo tin, chúng tôi đến đây, cẩn thận canh giữ hiện trường; đồ đạc được giữ nguyên như cũ. Sáng hôm nay, sau khi người chết đã được mai táng và việc xem xét căn phòng này đã kết thúc, chúng tôi cho thu dọn đồ đạc trong phòng, xếp lại cho

nó ngăn nắp. Và tấm thảm này nó không được dính chặt xuống nền nhà mà chỉ đặt sơ sài trên đó. Vô chúng tôi nâng nó lên và tìm thấy...

- Thấy? Thấy cái gì? ...

Sự quan tâm hiện rõ trên khuôn mặt Holmes.

- Ô! Ông có nhận ra vết máu trên tấm thảm này không? Quả thật phải có một lượng máu đáng kể mới thấm qua tấm nỉ như thế này.

- Phải.

- Hãy hình dung rằng trên sàn ván, ở chỗ ngay tấm thảm đặt lên mà lại không có một dấu máu nào.

- Không có dấu máu? Sao vậy? Phải có chứ?

- Đúng như ông nghĩ. Vậy mà nó không có, mới là kỳ lạ ông ta khẽ nâng rìa tấm thảm lên. Và chúng tôi thận thấy trên sàn ván, nơi tiếp xúc với tấm thảm, không có vết máu.

- Thế nhưng, mặt dưới của tấm thảm cũng bị vấy máu nhiều như ở mặt trên kia mà. Phải có một mặt nào đó lưu lại dấu vết trên sàn nhà chứ!

Nhận thấy vẻ ngạc nhiên của người chuyên gia nổi tiếng, Lestrade cười hì hì khoái trá:

- Vết máu trên sàn ván cũng có đấy, nhưng nó không nằm ở vị trí đó. Hãy nhìn coi?

Vừa nói, ông ta khẽ lật phía điểm khác của tấm thảm lên. Quả thật trên những ô vuông sáng bóng của sàn ghép gần phía cánh cửa, chúng tôi nhìn thấy một vệt đỏ loang lổ.

- Ông nói gì về điều này, ông Holmes?

- Ở đây mọi chuyện thật đơn giản. Hai vết máu vẫn hoàn toàn trùng lên nhau. Nhưng tấm thảm đã bị lật trở lại Vì rằng tấm thảm hình vuông và không được ghim chặt xuống nền nhà nên chuyện đó là rất dễ.

- Ông Holmes, chuyện đó hoàn toàn hiển nhiên. Nếu đặt tấm thảm y vào vị trí cũ thì vết bấn, một ở mặt trên tấm thảm và một ở trên sàn ván, bắt phải chồng lên nhau. Còn tôi xin hỏi ông: Ai đã lật tấm thảm lên? Và người ấy lật lên để làm gì?

Holmes cố gắng kiềm chế nỗi xúc động đang xâm chiếm lấy mình.

- Ông Lestrade! Người cảnh sát đứng ở hành lang luôn luôn trực ở đây, phải không?

- Vâng.

- Tôi khuyên ông thế này vậy: Hãy hỏi hắn đến nơi đến chốn. Nhưng chúng tôi sẽ không chứng kiến. Chúng tôi chờ ở đây. Hãy nói vì sao hắn dám cả gan cho một người nào đó vào đây và để cho người ấy ở lại một mình trong phòng này. Hãy nói với hắn là ông đã biết rõ như vậy. Hãy đe dọa hắn. Hãy nói rằng chỉ có sự thú thực mới có thể giúp hắn chuộc lỗi lầm.

- Tôi thề là tôi sẽ ép hắn đến cùng.

Ông chạy vào phòng bên cạnh. Chỉ sau một phút, chúng tôi đã thấy tiếng quát tháo ầm ỹ.

- Mau lên. Watson mau lên - Holmes cuống quýt.

Tất cả sức lực siêu nhiên trong người Holmes đột ngột trỗi dậy. Anh lật tấm thảm lên, quỳ xuống bắt đầu lần từng ô vuông gỗ lát sàn dưới chân mình. Một ô vuông đã vắng ra. Đó là một nắp hộp nhỏ, phía dưới có một lỗ tối om. Holmes thọc tay vào đó. Thế nhưng, sau khi lôi chiếc hộp ra, anh bắt đầu rên lên vì buồn bực và thất vọng, chiếc hộp trống không.

- Nhanh lên Watson! Hãy đặt nó vào chỗ cũ!

Chúng tôi vừa kịp giấu chiếc hộp và đặt tấm thảm lên thì đã nghe thấy giọng của Lestrade ở ngoài hành lang. Khi ông ta bước vào, Holmes đã tựa vào lò sưởi với vẻ ngạo mạn, phớt đời.

- Xin lỗi, không biết điều gì đã giữ chân ông ở lại đây, ông Holmes! Tôi thấy những chuyện này đã làm ông ngán đến tận cổ rồi. Cuối cùng hắn phải thú nhận! MacPherson, vào đây!

Một cảnh sát to lớn, mặt đỏ ửng rón rén bước vào căn phòng

- Chiều hôm qua một người đàn bà trẻ tuổi rẽ vào đây. Bà nói bà bị làm nhà. Chúng tôi có trò chuyện với nhau một chút. Suốt ngày đứng một mình ở đây quả có buồn thật.

- Được rồi Vậy chuyện gì đã xảy ra?

- Bà ta muốn coi tận mắt vụ giết người mà báo chí đã đưa tin. Đó là một người đàn bà trẻ trung và đứng đắn. Lúc đó tôi nghĩ rằng sẽ không có gì xấu xa, nếu tôi đưa bà ta vào xem. Nhưng sau khi trông thấy vết bầm trên tấm thảm, bà ta đã ngã quỵ xuống, nằm bất động như một người chết. Tôi chạy ủa vào bếp, mang nước ra, thế nhưng vẫn không làm sao cho bà ấy tỉnh lại; tôi lại chạy ra tận góc phố Ivy Plant, mua một chai brandy. Nhưng lúc tôi bước vào phòng thì bà ta đã tỉnh dậy và đi ra. Có lẽ bà xấu hổ khi gặp lại tôi.

- Thế không có ai đụng vào tấm thảm chứ?

- Khi tôi quay lại, tấm thảm có bị xô dịch chút xíu, bởi vì bà ta ngã lên nó mà. Thêm vào đó, tấm thảm lại không được đóng chặt xuống nền nhà. Sau đấy, tôi đặt nó ngay ngắn trở lại.

- Đó là bài học cho ông đấy, cảnh sát MacPherson ạ, không lừa nổi tôi đâu - Lestrade nói với vẻ quan trọng - Chắc ông nghĩ rằng việc đó sẽ không bị phát hiện. Thế mà tôi chỉ cần ném một cái nhìn vào tấm thảm là tôi lập tức hiểu ngay là đã có một ai đó rẽ vào căn phòng này. Thật may cho ông, là đã không mất gì cả ông chỉ phải mang tiếng xấu thôi! Ông Holmes, rất tiếc là tôi gọi ông tới đây vì cái trò nhảm nhí này. Thế nhưng tôi cho rằng cái vết máu thứ hai cái vết không trùng lên vết thứ nhất sẽ khiến ông thích thú.

- Cổ nhiên...

- Ông cảnh sát, người đàn bà ấy vào đây chỉ một lần thôi sao?

- Vâng chỉ một lần.

- Tên bà ta là gì.

- Tôi không biết. Bà ta nói là đi tìm việc làm, nhưng nhầm số nhà. Bà ta rất lịch thiệp và thoải mái.

- Bà ấy có cao không? Có đẹp không?

- Vâng bà ta hơi cao. Cũng có thể nói là bà ta đẹp, thậm chí rất đẹp. "Ồi ! Ông sĩ quan, xin hãy cho phép tôi liếc nhìn một chút xíu thôi!". Phong thái bà ta dễ coi và dễ thương như thế nên tôi khó lòng từ chối.

- Bà ấy ăn mặc ra sao?

- Áo choàng dài phủ đến tận gót.

- Chuyện đó xảy ra từ lúc mấy giờ?

- Khi tôi từ từu quán quay trở lại, thì đèn phố đã được bật sáng.

- Rất tiếc! Ta đi thôi, Watson!

Chúng tôi bước ra, Lestrade ở lại trong phòng. Viên cảnh sát chạy ra, mở rộng cửa cho chúng tôi với vẻ hối hận. Holmes quay lại, đứng ở ngưỡng cửa, đưa ra một cái gì đó. Viên cảnh sát chăm chú nhìn.

- Trời ơi! - Ông ta kinh ngạc kêu lên.

Holmes đặt ngón tay lên môi rồi nhét vật đó vào túi. Anh cười khanh khách, khi chúng tôi bước ra ngoài đường.

- Thật tuyệt vời. Ta đi nào! Bức màn đang được vén lên. Chiến tranh sẽ không thể xảy ra được. Danh vọng chói lọi của bá tước sẽ không bị lu mờ. Vị nguyên thủ thiếu cần trọng kia sẽ ngủ ngon, Thủ tướng sẽ không phải tháo gỡ tình hình phức tạp ở châu Âu. Lòng tôi tràn ngập niềm khâm phục đối với con người đáng khâm phục này.

- Anh đã giải bài toán ra sao?

- Bây giờ thì chưa. Chúng ta sẽ đi thẳng tới Whitehall Terrace và sẽ kết thúc công việc.

Khi đến nhà ông phụ tá, Holmes nói rõ là anh muốn gặp phu nhân Hilda Trelawney Hope. Chúng tôi được đưa ngay vào phòng khách.

- Ông Holmes Bà ta nói, mặt ửng hồng lên vì giận dữ - ông không cao thượng chút nào. Tôi đã nói là tôi muốn giữ bí mật chuyến viếng thăm của tôi, kéo chồng tôi nghĩ rằng tôi nhúng tay vào công việc của anh ấy. Bằng việc đến đây, ông đã làm tổn hại thanh danh của tôi.

- Rất tiếc là tôi không thể làm gì khác, thưa bà. Người ta bảo tôi phải tìm cho ra tài liệu. Tôi đề nghị bà trao nó cho tôi.

Người đàn bà đứng phắt dậy. Đôi mắt của bà mờ đi. Bà ta dao động dữ dội, tôi có cảm giác bà sắp ngất xỉu đi. Nhưng không, bà ta có một nghị lực thật phi thường. Bà ta giận dữ, quát:

- Ông đã xúc phạm đến tôi.

- Xin hãy nghe đây, thưa bà! Giận dữ cũng vô ích. Hãy đưa bức thư cho tôi.

Bà ta lảng xảng chạy tới máy điện thoại.

- Người quản lý sẽ đưa tiễn ông.

- Đừng gọi, thưa phu nhân Hilda. Nếu bà làm như vậy thì mọi ý định chân thành của tôi nhằm giúp bà sẽ vô ích. Hãy trả lại bức thư cho tôi thì mọi chuyện sẽ được ổn thỏa. Còn nếu bà không nghe, buộc lòng tôi phải tố giác bà.

Bà ta đứng trước chúng tôi, uy nghi và kiêu hãnh, tay không rời khỏi máy điện thoại, nhưng vẫn chưa gọi.

- Ông không cao thượng đâu, ông Holmes ạ. Ông nói là ông biết một điều gì đó, vậy

ông biết điều gì?

- Thưa bà, xin bà hãy ngồi xuống. Bà sẽ bị thương nếu bà ngã. Tôi sẽ không nói chừng nào bà chưa ngồi. Vâng, xin cảm ơn bà!

- Ông Holmes, tôi cho ông năm phút.

- Chỉ một phút thôi. Tôi biết bà đến gặp Eduardo Lucas, đưa lá thư cho hắn ta. Tôi cũng biết chiều hôm qua, bà lại vào căn phòng của hắn ta, lấy lại lá thư bên dưới tấm thảm.

Mặt phu nhân Hilda trở nên tái mét. Bà không dám nhìn Holmes. Hơi thở bà nghẹn lại, không nói một lời.

- Ông quần trí rồi, ông Holmes... Ông quần trí mất rồi! - Cuối cùng bà kêu lên.

Holmes rút từ túi ra một tấm ảnh nhỏ. Trong ảnh là hình một người phụ nữ đã được cắt riêng ra.

- Đây là tấm ảnh nhỏ. Tôi cầm theo nó vì tôi cho rằng nó có thể sẽ hữu ích. - Anh nói - Người cảnh sát đã nhận ra bà.

Bà ta thở dài một cách khó nhọc, đầu bà ngã xuống lưng ghế.

- Thưa bà! Bà đang giữ bức thư. Tôi không muốn làm bà phiền muộn. Nhiệm vụ của tôi sẽ chấm dứt khi tôi hoàn lại lá thư cho chồng bà. Hãy nghe lời khuyên nhủ của tôi.

Cho tới lúc đó, bà vẫn chưa chịu thua.

- Ông Holmes, tôi xin nhắc lại với ông rằng ông đang bị một thứ tưởng tượng nào đấy điều khiển.

Holmes đứng dậy khỏi ghế.

- Tôi tiếc cho bà, thưa phu nhân Hilda. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được để cứu giúp bà. Nhưng thôi. Tùy bà.

Anh bấm chuông. Viên quản lý bước vào.

- Ông Trelawney Hope có ở nhà không?

- Ông ấy sẽ về đến nhà sau 15 phút nữa, thưa ông.

Holmes liếc nhìn đồng hồ:

- Rất tốt, tôi sẽ chờ.

Đúng lúc viên quản lý khép cửa lại, phu nhân Hilda giang rộng hai tay, phủ phục dưới chân Holmes giàn giụa nước mắt.

- Hãy lượng thứ cho tôi, ông Holmes. Xin đừng nói với anh ấy! Tôi yêu anh ấy! Tôi đau lòng nếu làm anh ấy nhiều phiền muộn.

Holmes nâng bà dậy.

- Xin cảm ơn bà. Thế là vào phút chót, bà đã nghĩ lại. Không nên mất một giây nào nữa. Bức thư đâu?

Bà ta lao đến bàn giấy, mở khóa và rút ra tấm phong bì dài, màu xanh da trời.

- Nó đây, ông Holmes...

- Chúng tôi cần cho nó vào chỗ cũ. Mau lên! Mau lên! Cái tráp đựng tài liệu đâu?

- Trong phòng ngủ.

- Mau lên!

- Hãy để nó vào đấy.

Một phút sau, bà xuất hiện với cái tráp dẹt.

- Bà có chìa khóa thứ hai không? Mở đi!

Phu nhân Hilda rút ra từ trong người chiếc chìa khóa nhỏ. Tráp được mở. Trong đó, đầy giấy tờ. Holmes đặt chiếc phong bì vào chính giữa, kẹp vào những tài liệu khác. Tráp được khóa và được trở lại phòng ngủ.

- Bây giờ chúng ta chuẩn bị tiếp chồng bà. - Holmes nói - Chúng ta còn 10 phút nữa. Tôi sẽ che giấu cho bà, thưa phu nhân Hilda. Trong thời gian còn lại, bà hãy kể cho tôi nghe câu chuyện này đi.

- Ôi, ông Holmes! Chặt cánh tay phải của tôi còn dễ hơn là để cho anh ấy đau khổ, dù chỉ một phút thôi. Khắp London này, không thể có người đàn bà nào yêu chồng mình hơn tôi. Tuy vậy, nếu chồng tôi biết rằng tôi phải làm cái điều bắt buộc phải làm, anh ấy vẫn không thể tha thứ cho tôi. Hãy giúp tôi, ông Holmes Hạnh phúc của tôi, hạnh phúc của anh ấy, tất cả cuộc sống của chúng tôi sẽ sụp đổ hết!

- Nhanh lên, thưa bà. Thời gian còn rất ít.

- Trước lúc xây dựng gia đình, tôi có lá thư đại dột và thiếu thận trọng. Đó là thư của một cô gái đã cảm đang yêu. Trong thư, không có điều gì xấu xa cả, vậy mà chồng tôi sẽ coi hành vi này là tội lỗi. Nếu như chồng tôi đọc lá thư đó, chắc chắn anh ấy sẽ không còn tin tôi. Nhiều năm đã trôi qua. Tôi ngỡ rằng “chuyện lá thư” đã rơi vào quên lãng. Thế nhưng, đột nhiên Lucas báo cho tôi biết là lá thư đã rơi vào tay ông ta và ông ta có ý định chuyển cho chồng tôi xem. Tôi van nài ông ta, xin ông ta hãy buông tha cho tôi. Ông ta hứa sẽ hoàn lại lá thư nếu tôi mang đến cho ông ta một tài liệu. Ông ta nói tài liệu này hiện chồng tôi đang cất trong trap đựng các công văn khẩn. Ông ta biết về tài liệu này. Lucas cam đoan với tôi là điều đó không làm tổn hại chút nào tới chồng tôi. Nếu ông ở đó vào địa vị của tôi, ông sẽ làm gì.

- Kể tất cả cho chồng bà nghe.

- Ôi! Không thể làm như vậy được Tôi đã đánh cắp, ông Holmes à. Tôi lấy khuôn chìa khóa và Lucas làm được chiếc chìa khóa thứ hai. Tôi mở trap, lấy tài liệu và mang tới phố Godolphin.

- Rồi tại đó, chuyện gì đã xảy ra?

- Tôi gõ cửa vào giờ hẹn. Lucas ra mở cửa. Tôi đi theo ông ta vào phòng. Cửa được khép hờ. Tôi nhớ rằng khi tôi bước vào nhà thì ở ngoài đường có một người đàn bà nào đó đang đứng. Hai lá thư nhanh chóng được trao nhau. Đúng lúc đó, tôi nghe có tiếng động mạnh ở cạnh cửa và tiếng bước chân vang lên ở hành lang. Lucas nhanh chóng lật tấm thảm lên, nhét tài liệu xuống đó, rồi đặt tấm thảm vào như cũ. Tiếp theo, tôi trông thấy một bộ mặt xám đen ngầy dại và nghe giọng đàn bà quát mắng bằng tiếng Pháp: “Sự chờ đợi của tao quả không vô ích. Cuối cùng tao đã bắt gặp mày với nó”. Tôi nhìn thấy ông ta cầm chiếc ghế, còn trong tay bà ta lấp loáng một con dao găm. Tôi lao ra khỏi nhà vì khiếp đảm. Chỉ vào sáng hôm sau, nhờ đọc báo, tôi mới biết về vụ giết người đó. Tối hôm ấy tôi rất mừng vì đã đốt xong lá thư thời xa xưa.

Nhưng sáng hôm sau, tôi biết một tai họa khác sắp đổ xuống đầu tôi. Khó khăn lắm tôi mới không quỳ lạy anh ấy. Sáng hôm sau, tôi đến chỗ ông, và đã thấy rõ rằng tình hình nghiêm trọng. Từ giây phút đó, tôi luôn nghĩ là phải hoàn lại tài liệu cho nhà tôi. Tài liệu đang nằm ở chỗ Lucas cất giấu. Nếu bà ta không xuất hiện, tôi không bao giờ biết được nơi cất giấu tài liệu. Phải đột nhập vào căn phòng đó. Nhưng bằng cách nào? Tôi theo dõi ngôi nhà suốt hai cánh cửa không được mở lấy một lần. Mãi tới chiều hôm qua, tôi mới thành công. Tôi đem tài liệu về nhà, quyết định tiêu hủy nó, và sẽ không kể cho anh ấy nghe chuyện gì xảy ra. Bởi vì tôi không biết cách hoàn lại lá thư cho nhà tôi. Ôi! Tôi đã nghe thấy tiếng chân của anh ấy ở ngoài cầu thang rồi.

Ông phụ tá chạy bổ vào phòng, kêu lớn:

- Có gì mới không, ông Holmes? Có gì mới!

- Có hy vọng!

- May quá - Nét mặt ông rạng rỡ hẳn lên - Thủ tướng đang ăn sáng với tôi. Có thể chia sẻ nỗi hân hoan với ngài được không? Thần kinh của ngài rất vững. Vậy mà ngài hầu như không ngủ được, từ khi xảy ra vụ này. Jacobs! Hãy mời Thủ tướng đến đây. Có gì liên quan tới mình đâu, hỡi em yêu quý!

Cứ theo ánh mắt của Thủ tướng, cứ theo sự cử động dồn dập của đôi tay ông, tôi thấy ông đang chia sẻ nỗi xúc động với người phụ tá của mình.

- Ông Holmes, tôi rất hiểu là ông muốn báo cho chúng tôi biết một điều lành?

- Sau khi thăm dò tất cả những nơi tôi có điều kiện thăm dò, tôi tin rằng chúng ta không còn gì phải lo ngại.

- Nhưng quả là không đầy đủ, ông Holmes. Chúng ta không thể sống mãi trên núi lửa được. Chúng ta cần biết một cách rõ ràng.

- Tôi hy vọng sẽ tìm ra bức thư, vì vậy tôi mới đến đây. Càng nghĩ về công việc này, tôi càng tin rằng bức thư không bao giờ vượt ra khỏi ranh giới của ngôi nhà này!

- Ông Holmes!

- Nếu quả thật nó đã bị mất thì cố nhiên người ta đã công bố nó từ lâu, từ rất lâu rồi. Nhưng vì sao có thể cho rằng bức thư được cất giấu trong ngôi nhà này?

- Chúng tôi không tin có kẻ đã lấy nó.

- Vậy nó tráp làm sao được?

- Tôi cũng không tin là nó đã ra khỏi cái tráp.

- Ông Holmes! Bây giờ không phải là lúc để đùa cợt. Tôi cam đoan với ông là trong đó không có lá thư.

- Thì ta hãy nhìn lại một lần nữa, xem sao?

- Không! Điều đó hoàn toàn vô ích?

- Có thể ông không để ý đến nó.

- Không đời nào có chuyện ấy cả.

- Ai mà biết được? Những chuyện tương tự như thế vẫn thường xảy ra. Vì ở đây có lẽ còn có những tài liệu khác nữa. Bức thư có thể bị lẫn trong số tài liệu đó.

- Bức thư nằm ở trên cùng.
- Có thể một ai đấy xóc nó lên và bức thư đã bị dịch chuyển.
- Không, không! Tôi đã lấy tất cả ra rồi!
- Nhưng có thể dễ dàng kiểm tra lại điều đó, ông Trelawney Hope - Thủ tướng nói -
Hãy lệnh mang tráp lại đây!

Ông phụ tá ấn nút chuông.

- Jacobs, hãy mang cái tráp đựng giấy tờ của tôi ra đây! Chúng ta sẽ phí thì giờ, nhưng nếu điều đó làm ông hài lòng thì... Chúng tôi sẽ kiểm tra lại. Cảm ơn Jacobs, hãy đặt nó xuống đây... Chìa khóa tôi luôn móc theo dây đeo đồng hồ. Đây mọi giấy tờ đây! Ông xem đi. Bức thư của huân tước Merrow, báo cáo của ngài Charles Hardy, bị vong lục từ Belgrade, các tài liệu về thuế lúa mì Đức- Nga, bức thư từ Madrid, bản báo cáo của huân tước Flowers... Trời ơi! Cái gì thế này? Huân tước Bellinger! Huân tước Bellinger!

Thủ tướng giật lấy tấm phong bì màu xanh da trời từ tay người phụ tá.

- Đúng, nó đây bức thư còn nguyên vẹn... Xin chúc mừng ông, ông Hope ạ!
- Cảm ơn ngài. Xin cảm ơn ngài! Một sức nặng ghê gớm đã trút khỏi vai tôi ! Thế nhưng không thể hiểu nổi... Ông Holmes, ông là phù thủy! Do đâu ông biết được tài liệu ở đây?
- Bởi vì tôi biết rằng đối với nó không ở đâu tốt hơn là ở đây cả.
- Tôi không thể tin vào đôi mắt của mình nữa rồi! - Ông lao vút ra khỏi phòng - Vợ tôi đâu rồi? Hilda! Hilda!

Chúng tôi nghe rõ giọng nói của ông vang lên ở ngoài cầu thang.

Ông Thủ tướng nheo nheo đôi mắt, rồi nhìn vào Holmes.

- Hãy nghe đây, ông Holmes - Ông nói - Ở đây ẩn giấu một điều gì đó. Bức thư trở lại trong tráp bằng cách nào vậy?

Holmes mỉm cười quay lưng lại để lẩn tránh cái nhìn từng trải của Thủ tướng.

- Chúng ta còn có những bí mật xã giao của mình nữa. - Holmes nói, và sau khi cầm lấy mũ, anh bước ra phía cửa...

Hết

Phần E: His Last Bow 1917 (Cung đàn sau cuối)

E.1 The Adventure of Wisteria Lodge 1908 (Đêm kinh hoàng ở điền trang Wisteria)

"**T** hưa ông Holmes,
Tôi vừa dự một cuộc phiêu lưu hoàn toàn khó tin và kỳ lạ. Tôi muốn tham khảo ý kiến ông!

Scott Eccles.

Hộp thư lưu trữ,

Charing Cross".

- Tác giả của bức điện này là đàn ông hay đàn bà?
- Chắc là đàn ông! Một phụ nữ đánh điện không bao giờ trả cước hồi âm! Ông ta sẽ thân hành tới.

- Anh sẽ tiếp ông ta?

- Tôi đã thất nghiệp sau ngày đưa đại tá Carruthers vào tù. Tôi giống như một cái máy của xe đua: xe sẽ bị rỉ sét nếu nó không làm nên chiến tích.

Tiếng bước chân vang đều đều trên cầu thang. Rồi một nhân vật cao, lực lưỡng, râu mép um tùm bước vào, khuôn mặt nặng nề và tự mãn. Đôi dép và cái khung kính gọng vàng cho thấy ông ta là một người bảo thủ, ngoan đạo, có ý thức công dân cao độ. Người khách đi thẳng vào vấn đề:

- Thưa ông Holmes, chưa bao giờ tôi lâm vào một tình huống như vậy! Thật là tủi nhục! Tôi cần được giải thích....

Trong cơn giận dữ, mặt ông ta xệ xuống, hơi thở hỗn hển. Holmes cố gắng xoa dịu:

- Mời ông ngồi. Trước hết, tôi xin phép hỏi tại sao tôi hân hạnh được ông nhờ vả?

- Thưa ông, chuyện này hình như không thuộc thẩm quyền cảnh sát. Tôi không hề có cảm tình với thám tử tư, nhưng có nghe nói về ông...

- Xin cảm ơn! Nhưng xin được hỏi câu thứ hai: Tại sao ông không đến ngay?

- Ông muốn nói gì?

Holmes nhìn đồng hồ:

- 2 giờ 15. Điện được đánh lúc 1 giờ. Chỉ nhìn qua cách ăn mặc của ông, tôi cũng hiểu rằng ông gặp chuyện không may ngay từ lúc vừa thức dậy.

Người khách vuốt mái tóc rối rồi mân mê cái cằm xồm xoàm.

- Đúng vậy. Tôi quên rửa mặt. Trước khi đến đây, tôi có tới dịch vụ cho thuê nhà và được biết tiền thuê biệt thự Wisteria đã được thanh toán sòng phẳng.

- Này ông bạn! - Holmes vừa cười vừa trách nhẹ - Ông bạn giống y bác sỹ Watson của

tôi đây: quen bắt đầu bằng cái đuôi của câu chuyện. Mong ông bạn kể cho có lớp lang. Người khách cau mày:

- Thưa ông, tôi sẽ tường thuật ngọn ngành câu chuyện dị thường này và ông sẽ thấy rõ tại sao tôi mất bình tĩnh đến thế!

Nhưng câu chuyện chưa bắt đầu được, vì chúng tôi nghe có tiếng náo động ở bên ngoài và bà Hudson vừa mở cửa, đưa vào hai người lực lưỡng, đáng dấp cảnh sát tuy mặc thường phục. Một trong hai người là thanh tra Gregson của Scotland Yard. Ông bắt tay chúng tôi rồi giới thiệu người bạn đồng hành là thanh tra Baynes thuộc Sở cảnh sát Surrey.

- Chúng tôi cùng săn một con mồi đang đi về hướng này - Nhìn người khác của chúng tôi, Baynes hỏi đột ngột - Ông là John Scott Eccles, thường trú tại Popham House, hạt Lee?

- Vâng!

- Chúng tôi đi tìm ông từ sáng.

- Đầu mối của các bạn là bức điện tín? - Holmes hỏi.

- Vâng. Chúng tôi kiếm ra đầu mối tại bưu điện Charing Cross và bây giờ hiện diện tại đây.

- Sao hai ông lại tìm tôi? Các ông cần gì?

- Chúng tôi muốn biết về cái chết của ông Aloysius Garcia tại biệt thự Wisteria gần Esher đêm qua.

Người khách sửng sốt, mở to đôi mắt, mặt trắng bệch.

- Ông ấy đã chết à?

- Vâng.

- Chết cách nào? Tai nạn?

- Án mạng.

- Ồ! Ông không muốn nói rằng... Ông không cho rằng tôi có liên can chứ?

- Chúng tôi tìm thấy lá thư của ông ở trong túi nạn nhân, nên chúng tôi biết rằng đêm qua ông đã ngủ tại nhà đó.

- Vâng, đêm qua tôi ngủ ở đó.

Các sổ công vụ được rút ra.

- Chậm một chút, ông Gregson! - Holmes xen vào - Ông muốn lấy lời khai đầy đủ chứ gì?

- Và tôi báo trước rằng lời khai đó có thể buộc tội ông Scott Eccles.

- Một phút trước đây, ông này sắp sửa nói hết cho tôi nghe thì nhị vị bước vào. Tôi đề nghị với bác sỹ Watson, hãy cho ông Eccles một ly brandy pha sô đa... Giờ đây, yêu cầu ông Eccles tiếp tục câu chuyện.

Người khách đã uống ly rượu, hai mắt đỏ ngầu liếc về phía các quyển sổ và bắt đầu nói:

- Tôi độc thân và có nhiều bạn. Trong số này, tôi thân với ông Melville ở Albemarle Mansion, hạt Kensington. Vài ngày trước đây, chính trong một bữa cơm tại nhà của Melville, tôi đã kết thân với ông Garcia, người gốc Tây Ban Nha. Ông Garcia nói tiếng Anh rất đúng giọng, người thanh lịch, khiêm tốn.

Hai ngày sau, ông ta tới thăm tôi tại Lee. Sau một hồi chuyện trò, Garcia mời tôi về chơi vài ngày ở biệt thự Wisteria. Biệt thự này nằm trên đường đi từ Esher tới Oxshott. Và hôm qua, tôi đã tới Esher. Sau đó, dùng xe ngựa đến lâu đài Wisteria.

Một người phục vụ gốc Tây Ban Nha nói tiếng Anh ra rước hành lý của tôi. Ngoài ra, trong nhà còn có một đầu bếp có hai dòng máu, bộ dạng rất lạ lùng. Biệt thự khá lớn, bề ngoài có vẻ già cỗi, nằm ở cuối một đại lộ có cây to bóng mát. Khi xe ngừng trước cổng, tôi bỗng tự hỏi mình có nên sống vài ngày tại nhà một người mới quen hay không?

Đích thân Garcia ra mở cổng và nồng nhiệt chào đón tôi. Sau đó, anh ta gọi người hầu nhỏ con, da ngăm, mặt buồn, xách valy và đưa tôi về phòng. Tiếc thay! Trong ngôi nhà này, việc gì cũng làm tôi chán chường.

Trong bữa cơm, tuy Garcia cố làm cho tôi vui nhưng tâm trí anh ta như để đâu đâu. Anh ta nói năng lung tung, dùng ngón tay gõ nhẹ trên bàn rồi cắn móng tay. Tóm lại, các dấu hiệu bức dọc mỗi lúc một tăng. Bữa cơm thì rất tồi, cả về thức ăn lẫn cách phục vụ. Sự hiện diện của người phục dịch câm lặng càng làm cho bầu không khí càng thêm u tịch. Trong đêm qua, nhiều lần tôi muốn quay trở về Lee.

Cuối bữa cơm, người làm trao cho Garcia một phong thư. Sau khi đọc xong, Garcia ngồi lặng thinh, hút thuốc liên tục. Khoảng 11 giờ, chủ nhà mời tôi đi ngủ. Một lát sau, anh ta hé cửa bước vào (phòng tôi tối đen như mực), hỏi xem tôi có bấm chuông không. Tôi trả lời là không. "Xin lỗi vì đã đánh thức anh vào lúc 1 giờ khuya như vậy". Sau đó tôi ngủ lại.

Khi tôi thức giấc thì đã 9 giờ sáng. Tôi ngạc nhiên vì người ta đã quên đánh thức tôi lúc 8 giờ theo lời tôi dặn. Tôi đứng lên và bấm chuông. Không ai trả lời. Tôi cho là chuông hư, bèn hối hả mặc quần áo và đi xuống cầu thang để xin nước nóng. Căn nhà vắng tanh. Tôi kêu to ngoài hành lang. Không một hồi âm. Tôi chạy từ phòng này sang phòng nọ. Tất cả đều im lặng. Tôi đến gõ cửa phòng ngủ của Gar. Vẫn không có tiếng trả lời. Tôi vặn cửa bước vào. Phòng trống rỗng. Họ đã bỏ đi hết: Gar, người đầy tớ và gã đầu bếp; cả ba đã biến mất trong đêm. Chuyển đi đến biệt thự Wisteria của tôi đã kết thúc như thế đó.

Sherlock Holmes xua tay và cười nhẹ:

- Anh Watson, anh hãy thêm câu chuyện kinh hoàng này vào trong bộ sưu tập những chuyện dị thường của anh đi!

- Đây là một cuộc phiêu lưu độc nhất vô nhị. Ông vui lòng cho tôi biết ông làm gì sau đó - Tôi hỏi Eccles.

- Tôi xách vali, giận dữ đóng cửa và đi bộ về Esher. Tôi dừng chân tại cơ quan làm dịch vụ cho thuê nhà và được biết chính họ đã cho thuê biệt thự đó. Tôi nghĩ rằng họ dàn dựng cảnh này để trốn nợ. Cuối tháng 3 mà, gần phải trả tiền nhà quý I rồi. Nhưng người ta cho tôi biết rằng tiền thuê nhà đã được trả rồi. Tôi bèn lên thủ đô, tới tòa đại sứ Tây Ban Nha. Tại đây, không ai biết anh chàng Garcia cả. Tôi lại đến nhà người đã giới thiệu tôi với Garcia. Khốn thay, Melville lại còn lù mù hơn tôi nữa. Cuối cùng, nhận được hồi âm của ông Holmes, tôi vội chạy tới đây ngay, vì tôi tin rằng ông Holmes có thể giải đáp được. Nhưng giờ đây, thưa ông thanh tra, tôi biết thêm rằng câu chuyện không chấm dứt tại đó và được tiếp nối bằng một thảm kịch. Tôi đã khai báo hết sự thật. Tôi hoàn toàn không biết gì về những việc xảy ra cho chàng trai đó. Ý muốn độc nhất của tôi là tận tình tiếp tay với luật pháp.

- Tôi tin điều đó, thưa ông Eccles! - Thanh tra Gregson đáp một cách khả ái - Lời khai của ông phù hợp với các dữ kiện mà chúng tôi thu lượm được, như bức thư mà Garcia nhận được vào bữa cơm tối. Ông có để ý thấy Garcia làm gì với lá thư đó?

- Garcia vo tròn và quăng vào lửa.
- Baynes, anh nghĩ sao?

Viên thám tử địa phương to con, má đỏ, gương mặt to tròn, có đôi mắt sáng rực, rút trong túi ra một mảnh giấy xếp đã phai màu.

- Nhờ cái lưới sắt có móc, đương sự quăng quá cao nên cục giấy rớt đằng sau lưới. Nó còn nguyên vẹn đây.

Holmes dành cho Baynes một nụ cười của người rành việc!

- Phải sục sạo lắm mới moi ra cục giấy này!

- Thưa ông Holmes, tôi tìm ra nó theo thói quen mà! Thưa ông Gregson, tôi xin phép đọc nó.

Viên thanh tra thủ đô gật đầu đồng ý.

Thư viết trên một góc tư tờ giấy màu kem thường, cắt bằng hai nhát kéo lưới cụt, xếp lại ba lần, khăn đỏ nguệch ngoạc và được ấn xuống bằng một vật dẹp và bầu dục. Thư gửi ông Garcia, biệt thự Wisteria. Nó chỉ có mấy hàng:

"Màu sắc của chúng ta là lục và trắng. Màu lục được mở, màu trắng bị đóng lại. Cầu thang lớn, hành lang thứ nhất, thứ bảy, phía tay mặt cửa có đệm. Chúc may mắn - D".

Đó là tuồng chữ của đàn bà, sử dụng một ngòi chuốt kỹ, nhưng địa chỉ được ghi bằng một ngòi khác, hoặc bởi một người nào khác, tuồng chữ to hơn, dày đặc hơn.

- Một bức thư kỳ lạ - Holmes nhìn mẫu giấy và tiếp - Tôi nhiệt liệt ca ngợi anh, anh Baynes ạ. Tôi xin nêu thêm vài điểm lật vật có thể bổ sung cho các nhận xét của anh. Cái đầu bầu dục chắc chắn là một nút áo vì không có vật nào khác có dạng giống như thế! Cây kéo được sử dụng ở đây là một cây kéo cắt móng tay, mũi cong. Tuy các đợt cắt ngắn, nhưng vẫn thấy rõ ràng có độ cong.

Viên thanh tra Surrey cười nhẹ.

- Tôi đã trình bày hết các điểm chủ yếu của sự việc. Tuy nhiên, tôi phải thú nhận rằng lá thư này chẳng giải thích được điều gì khác hơn là có một việc sẽ xảy đến và kẻ chủ mưu là một người đàn bà.

Suốt cuộc đàm thoại này, ông Eccles ngồi không yên trên ghế, ông nói:

- Tôi quá mừng trước sự kiện ông tìm được bức thư. Nhờ đó, lời khai của tôi được xác nhận phần nào. Tuy nhiên, tôi xin phép lưu ý là tôi không hề biết điều gì đã xảy ra cho ông Garcia và hai người làm kia.

- Về phần ông Garcia - Gregson nói - Câu giải đáp rất đơn giản. Sáng nay, người ta phát hiện ông ấy đã chết tại đồng cỏ Oxshott, cách nhà khoảng 1 dặm[1]. Cái đầu nát ngầu vì bị đập bằng bao cát hay một vật gì cùng loại. Hiện trường là một nơi hoàn toàn hoang vắng, nhà gần nhất cách đó cũng phải tới ¼ dặm. Có thể ban đầu, ông bị đập từ phía sau và kẻ tấn công tiếp tục đập khá lâu, sau khi ông ta đã chết! Không một dấu chân, không một vết tích giúp ta nhận dạng kẻ sát nhân.

- Nạn nhân có bị mất gì không?

- Không, tuyệt nhiên không có dấu vết cướp bóc.

- Thật là đau đớn và khủng khiếp - Ông Eccles nói, giọng run run - Tuy nhiên cũng là một điều phiền phức đối với tôi. Tôi liên can gì đến cuộc du ngoạn ban đêm đó? Tại sao tôi lại dính vào một vụ quái dị như vậy?

- Dễ hiểu thôi - thanh tra Baynes đáp - Lá thư độc nhất tìm được trong túi nạn nhân là của ông, nó cho tôi biết rằng ông là khách mời trong đêm đó. Chính phong bì của bức thư giúp chúng tôi nhận dạng xác chết. Chúng tôi đến đó sau 9 giờ, tuyệt đối không có

ai quanh đó. Trong lúc lục soát biệt thự Wisteria, tôi đã đánh điện cho ông Gregson để truy tầm ông ở London. Sau đó, tôi đi gặp ông Gregson và cuối cùng cả hai chúng tôi đến đây.

- Giờ đây, tôi trộm nghĩ - Gregson vừa nói vừa đứng dậy - ông Eccles nên đi theo chúng tôi về sở cảnh sát để chúng tôi lấy lời khai bằng văn bản.

- Đương nhiên, tôi đi ngay thôi. Nhưng ông Holmes, tôi xin ông giúp đỡ.

Holmes quay qua viên thanh tra cảnh sát địa phương.

- Tôi hy vọng rằng hai ông sẽ không thấy có gì trở ngại nếu có sự cộng tác của tôi.

- Nếu được như vậy, tôi vô cùng hân hạnh.

- Tôi xin phép được hỏi xem hai ông có suy đoán được nạn nhân bị giết lúc nào không? - Holmes hỏi.

- Nạn nhân ra đi từ 1 giờ sáng, lúc mưa bắt đầu rơi và án mạng xảy ra trong cơn mưa.

- Không thể nào như thế được, ông Baynes ạ! - Người khách hàng của chúng tôi thét lớn - Giọng nói của Garcia để nhận ra lắm. Tôi sẵn sàng thề độc rằng chính Garcia nói chuyện với tôi hồi 1 giờ khuya tại phòng ngủ của tôi.

- Một sự trùng hợp dị thường, nhưng có thể hiểu được - Holmes vừa thì thầm vừa cười.

- Căn cứ vào đâu? - Gregson hỏi.

- Thoạt nhìn, sự việc không phức tạp lắm, tuy nó có vài đặc điểm kỳ dị. Nhưng trước khi đưa ra một ý kiến dứt khoát, tôi cần nghiên cứu dữ kiện một cách sâu sắc hơn. Nhân tiện xin hỏi ông Baynes, ông có thu lượm được cái gì khác, khi lục soát căn nhà không?

Viên thanh tra địa phương nhìn Holmes một cách ngạc nhiên:

- Có hai hay ba điều lý thú. Sau khi xong việc tại sở cảnh sát, đề nghị ông đến và góp ý về các chi tiết đó.

- Tôi sẵn sàng - Holmes đáp và nhấn chuông - Bà Hudson, bà vui lòng sao lại bức điện này và nhờ ai đi gửi gấp! Nhớ bảo họ đóng 5 shillings cho hồi âm.

Khi khách đã ra về hết, chúng tôi vẫn ngồi lặng thinh. Holmes rút chiếc tẩu thuốc, trầm ngâm, nét mặt sa sầm trong một lúc lâu. Thành linh, anh quay về hướng tôi:

- Nào, Watson, ý kiến của anh ra sao?

- Tôi không thể nào hiểu vì sao Eccles bị lừa.

- Tôi muốn nói về cái chết của Garcia kia!

- Có gì đâu! Hai người hầu đã đào tẩu. Có thể chúng là hung thủ.

- Đó là một giả thiết dễ chấp nhận. Tuy nhiên, chính anh cũng thắc mắc tại sao chúng phải chờ tới cái đêm nhà có khách. Ra tay đêm nào lại chẳng được!

- Thế thì tại sao chúng trốn?

- Đây là một câu hỏi lớn! Còn có một câu hỏi lớn khác nữa: cuộc phiêu lưu không bình thường của Eccles? Chúng ta phải giải đáp hai câu hỏi lớn đó. Ngoài ra, nếu giải thích được bức thư với câu cú lạ lùng thì ta có thể xem nó là giả thiết tạm thời. Nếu các dữ kiện mới lại phù hợp thì giả thiết đó trở thành giải đáp.

- Nhưng giả thiết gì?

Holmes tựa lưng vào ghế, lim dim đôi mắt:

- Giả thiết đây là một trò đùa sẽ không thể nào đứng vững. Việc Garcia mời Eccles đến biệt thự Wisteria là có chủ đích!

- Để làm gì?

- Ta lần lượt xét từng khâu. Trước hết, tôi thấy tình hữu nghị giữa Garcia và Eccles không bình thường tí nào. Nguyên nhân bắt nguồn từ người Tây Ban Nha. Garcia lặn lội đến nhà Eccles để mời mọc. Ý muốn gì nơi Eccles? Tôi thấy Eccles chẳng có gì quyến rũ đặc biệt. Thông minh? - Không! Có tính chất linh hoạt đặc biệt? - Không! Thế mà tại sao Garcia lại tuyển chọn Eccles trong vô vàn những bạn hữu khác? Có phải vì Eccles là một người Anh mà chúng hằng mong ước để gây cảm xúc nơi một người Anh khác? Anh có để ý cả hai viên thanh tra không ai ngờ vực lời khai của người khách hàng, mặc dù nó khá dị thường.

- Nhưng người này làm chứng cho cái gì?

- Không làm chứng cho cái gì hết, nếu căn cứ theo các sự kiện tiếp diễn. Nhưng đó là mấu chốt, nếu nhìn sự việc diễn tiến cách khác.

- Tóm lại, Eccles có thể đã được dùng làm cái cớ để che tội ác.

- Đúng vậy. Đó là cái cớ để che đậy tội ác! Giả sử bọn tôi tới biệt thự Wisteria là thủ phạm. Và, còn nữa... Công việc của Garcia phải hoàn tất trước 1 giờ sáng. Do đồng hồ bị vặn sai giờ, nên Eccles được mời đi ngủ sớm. Khi Garcia nói với ông ta là 1 giờ sáng thì thực tế chưa quá 12 giờ đêm. Nếu Garcia có thể thực hiện công việc và trở về nhà đúng giờ thực tế thì y có thể thoát ra khỏi mọi lời cáo buộc. Người khách trọ kia có thể thốt nặng lời rằng bị cáo không rời khỏi nhà vào giờ đó. Một đảm bảo dự phòng!

- Tốt! Nhưng sự tan biến của bọn tôi tới thì sao?

- Tôi chưa có đủ dữ kiện. Hãy chờ có thêm các thông tin mới.

- Còn bức thư?

- "Màu sắc của chúng ta là lục và trắng"... Liên quan tới một cuộc đua ngựa chẳng? "Màu lục được mở, màu trắng bị đóng lại...". Rõ ràng là một tín hiệu. "Cầu thang lớn, hành lang thứ I, thứ 7 phía tay mặt, cửa có đệm...". Là nơi hẹn hò. Có thể chúng ta sẽ tìm ra một ông chồng ghen tuông. Bà ta đã không thêm hai tiếng "MAY MẮN" nếu không phải là chuyện dâm bôn. Chữ "D" viết hoa có giúp ta được gì không?

- Garcia là người Tây Ban Nha, có thể nào "D" hoa là DOLORES viết tắt, một tên nữ được dùng nhiều của Tây Ban Nha.

- Giỏi, Watson rất giỏi. Nhưng trật lất. Một người đàn bà Tây Ban Nha nói chuyện với một người đàn ông Tây Ban Nha sẽ sử dụng tiếng Tây Ban Nha. Còn tác giả của bức thư dùng chấm chấm thì phải là phụ nữ Anh. Ta hãy kiên nhẫn chờ viên thanh tra khả ái! Thôi, ta hãy cảm ơn thần may mắn giúp ta thoát khỏi vài giờ nhàm chán.

Trước khi Baynes quay lại, Holmes nhận được hồi âm của bức điện. Anh cầm đọc và khi chuẩn bị xếp nó vào sổ con, nhìn thấy nét mặt của tôi, anh liền trao nó cho tôi và cười:

- Thư trao vào bữa cơm tối là một giấy hẹn hoặc một giấy mời. Theo tôi, bức thư cho biết để đi đến điểm hẹn, hoặc phải leo lên cầu thang chính, kiểm cái cửa thứ bảy trong một hành lang. Như vậy, ngôi nhà phải to rộng thênh thang và chắc chắn nhà này cách Oxshott không quá hai hay ba trăm mét, vì Garcia đã đi bộ về hướng này và hy vọng quay về biệt thự trước 1 giờ sáng. Vì số lượng căn nhà to lớn gần kề Oxshott không nhiều, tôi đã gửi một điện tín cho dịch vụ địa ốc địa phương mà Eccles nêu tên, yêu cầu họ cung cấp danh sách. Nè, cái đầu kia của cuộn chỉ rối chắc chắn nằm trong danh sách này.

Lúc chúng tôi cùng với thanh tra Baynes thuê xong một phòng đầy đủ tiện nghi tại khách sạn Bò Mộng thì đã gần 6 giờ. Sau đó, ba chúng tôi lại lên đường đi tới biệt thự

Wisteria. Hôm đó, là một buổi chiều tháng 3 năm 1892, không gian u ám và giá buốt, mưa đầy trời, hoàn toàn phù hợp với không khí trong thảm kịch

Đi khoảng 3 cây số, chúng tôi đến trước một cái cổng cao mở ra một đại lộ âm u, hai bên có trồng cây dẻ. Đại lộ này đưa đến một ngôi nhà thấp, tối tăm, tựa hồ một cục than đen nổi bật trên nền trời xám. Đằng sau một cửa sổ nằm về bên trái của cái cửa lớn, le lói một vệt ánh sáng nhỏ. Baynes nói:

- Có một cảnh sát viên đang canh gác tại đó. Để tôi ra hiệu.

Ông băng qua một bãi cỏ nhỏ và gõ vào kiếng. Qua cửa kiếng mờ sương, tôi thấy một người đàn ông nét mặt kinh hoàng, nhảy dựng khỏi ghế đặt gần lò sưởi, và tiếp đó là một tiếng la chói tai trong gian nhà. Một phút sau, người cảnh sát mặt tái mét, tay cầm đèn cầy, thở hổn hển ra mở cửa đón chúng tôi.

- Chuyện gì vậy Walters? - Baynes cất giọng.

Viên cảnh sát lấy khăn lau trán và thở dài nhẹ nhõm:

- Ông trở lại, tôi mừng muốn chết. Tôi không dè rằng thần kinh của tôi rần chấn như vừa rồi.

- Thần với chả kinh? Té ra anh cũng có dây thần kinh?

- Thưa ông, trước hết là cái căn nhà cô tịch này; sau đó là cái chuyện lạ lùng trong nhà bếp. Do đó, khi ông gõ vào kiếng, tôi tưởng là chuyện kinh hoàng đó lại tái diễn.

- Chuyện đó là chuyện gì?

- Con quỷ, thưa ông. Nó ở tại cửa sổ.

- Cái gì ở tại cửa sổ và hồi nào?

- Một con quỷ đứng tại cửa sổ. Lúc trời chạng vạng, tôi đang ngồi đọc sách trên ghế này. Tôi không biết tại sao tôi lại ngược mặt lên, nhưng rõ ràng tôi thấy một cái đầu nhìn tôi qua khung kiếng phía dưới. Một cái đầu quái dị!

- Tại sao anh nhát quá vậy?

- Thưa ông, tôi ý thức lắm chứ! Tôi quả có hoảng hốt nhưng ông buộc tôi phải nhận thì không thể được. Không phải là một cái đầu người da đen, mà cũng không phải là một cái đầu người da trắng, cũng không phải cái đầu với màu sắc quen thuộc. Đó là một cái đầu bằng đất sét có những vệt trắng. Dáng vóc của nó thì gấp đôi ông. Còn cái nhìn của nó? Hai con mắt to tổ bố sáng rực. Còn bộ răng của nó? Trắng tinh như răng thú đói thịt. Lúc đó, tôi cuống cuống chạy ra ngoài, lục soát các bụi rậm, nhưng không thấy nó.

- Vì biết rõ trước đây anh là người dũng cảm, bằng không tôi sẽ cho anh điểm xấu.

Theo tôi, đó chỉ là ảo giác hoặc là kết quả của một sự căng thẳng thần kinh.

- Các giải pháp cho vấn đề là dễ thôi - Holmes phát biểu và cầm cây đèn cầy chiếu xuống bãi cỏ - Đúng rồi, cỡ giày 48. Nếu tầm vóc của gã này ứng với cỡ giày thì đương nhiên đây là một tên khổng lồ.

- Nó trốn về hướng nào?

- Có lẽ giữa đám bụi rậm kia, sau đó, nó ra ngoài đường cái.

- Được - viên thanh tra thì thầm, về mặt trầm ngâm - Dù với lý do gì đi nữa, hấn cũng đã biến mất rồi. Ông Holmes, chúng ta cùng đi giáp vòng ngôi nhà.

Quan sát kỹ, Holmes thấy họ còn bỏ lại một số lượng lớn áo quần mang nhãn hiệu của công ty Marx. Đánh điện hỏi thì cửa hàng không biết gì về người khách hàng này.

Ngoài việc người này đã thanh toán bằng tiền mặt. Đồ vật riêng của Garcia không có vật gì đáng giá, vài cái tẩu thuốc, vài cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Tây Ban Nha, một

khẩu súng lục đã cũ, một cây đàn guitar.

- Không có gì có ý nghĩa - Baynes nói sau khi cầm nến sục sạo trong phòng - Giờ đây chúng ta nên đặc biệt lưu tâm đến nhà bếp.

Nhà bếp nằm phía sau, tuy trần cao nhưng rất âm u. Trong một góc, một cái đệm rom được dùng làm giường. Trên bàn còn la liệt nhiều đĩa thức ăn bỏ dở và đĩa dơ! Vết tích của bữa ăn đêm qua.

- Nhìn kia! Ông nghĩ thế nào? - Baynes nói

Viên thanh tra giờ cao ngọan nên chiếu sáng một vật kỳ dị đặt sau tủ ăn: đầy vết nhăn, co rút, khô đến nỗi khó nhận dạng. Chỉ biết có màu đen, có vẻ bằng da và lò mờ đáng của một thằng lùn. Nhìn lần đầu, tôi cho đó là một đứa trẻ sơ sinh da đen ốm đói; nhìn lần sau, tôi liên tưởng tới một con khỉ, và nhìn kỹ, tôi không còn biết đấy là con thú hay con người!

- Hay lắm! Còn gì nữa? - Holmes nói

Baynes lặng thinh, đưa chúng tôi đến bồn rửa chén và chiếu ngọan nến vào. Chân, cánh và thân xác một con chim lớn màu trắng không nhỏ lông bị chặt khúc, bỏ tứ tán trong đó. Holmes chỉ cái mào trên đầu:

- Một con gà trống trắng! Cực kỳ lý thú và quái dị!

Baynes tiếp tục lặng thinh, cúi xuống bồn, lấy ra một cái xô đựng máu rồi đến bàn lấy cái tô đựng một mớ tro và cốt vụn.

- Chúng đã giết và thiêu một cái gì đó. Pháp y sáng nay cho biết không phải là tro người.

Holmes xoa tay, cười:

- Xin khen ông thanh tra. Tài năng của ông vượt trội tầm vóc của công tác ông được giao phó.

Đôi mắt tí tọe của thanh tra Baynes nhấp nháy:

- Ông có lý, ở tình lẻ để bị chốt tài. Một vụ tầm cỡ như vậy cho tôi một cơ may. Ông nghĩ gì về mớ cốt này?

- Có lẽ là một con cừu con hoặc một con dê con.

- Còn con gà trống trắng?

- Kỳ quái! Có một không hai!

- Nhà này chứa những người quái dị. Một trong bọn đã chết: bạn đồng hành của anh ta đã theo đuổi và ám sát anh ta? Trong trường hợp này, chúng ta phải truy tầm chúng, khắp nơi đều đã được thông báo. Nhưng tôi có quan điểm khác!

- Một quan điểm trái ngược?

- Một quan điểm dẫn đường cho tôi, ông Holmes ạ. Chỉ có tôi mới có cái nhìn này và tôi sẽ ra công tìm kiếm chúng. Ông đã nổi danh. Sau này tôi sẽ hãnh diện rằng chính tôi đã tự lực giải quyết bài toán không có tiếp sức của ông.

Holmes cười vui vẻ:

- Tốt thôi, ông thanh tra! Chúng ta, mỗi người theo một con đường riêng. Các kết quả của tôi luôn luôn để phục vụ ông. Tất cả những gì cần xem tại nhà này, tôi đã xem xong, nhưng các nơi khác chắc cũng cần biết đến. Tôi xin kiếu từ. Chúc ông may mắn!

Về phần tôi, tôi tin chắc rằng Holmes đang đi trên con đường chông gai. Thái độ bớt lãnh đạm, ánh mắt suy tư của anh cho tôi biết anh đã có dấu vết con mồi. Theo thói quen, anh ta câm lặng suốt ngày và tôi tuyệt đối tôn trọng sự câm lặng này.

Holmes lên thủ đồ vào một buổi sáng và tình cờ tôi biết anh có đến viện Bảo tàng Anh

Quốc. Ngoài ra, hết thời gian còn lại, anh đi dạo một mình, cũng có khi dừng lại, nói chuyện đôi điều với dân làng.

- Watson, chúng ta nên đi nghỉ một tuần ở miền quê để ngắm nhìn hàng rào trắng xanh và hoa dẻ.

Trong chuyến đi đó, tình cờ chúng tôi gặp Baynes. Baynes không nói nhiều tới vụ án nhưng căn cứ vào khuôn mặt hồng hào, những lời nói sơ sài, chúng tôi suy ra rằng ông ta khá hài lòng về công việc của mình. Một buổi sáng kia, tôi điếng người khi mở tờ báo, gặp một số tựa to:

“Những điều bí mật tại Oxshott. Đã bắt người tình nghi là hung thủ”.

Holmes nhảy dựng lên khi tôi báo tin:

- Baynes đã bắt người sao?

- Đúng thế!

Và tôi đọc cho anh nghe:

“Một chấn động đã xảy ra tại Esher khi có tin rằng khuya hôm qua cảnh sát đã bắt một người có liên quan tới án mạng tại Oxshott. Chúng ta còn nhớ rằng ông Garcia, ngụ trong biệt thự Wisteria, được phát hiện đã chết tại đồng cỏ của xã Oxshott. Thi thể ông mang dấu vết bị hành hung. Ngay trong đêm đó, bọn tôi tớ cũng biến mất, chứng tỏ chúng có nhúng tay vào vụ án mạng. Người ta nói rằng, kẻ quá cố đứng sở hữu nhiều của cải quý giá nên đã cám dỗ lòng tham của bọn gian phi. Thanh tra Baynes tin rằng họ không đi đâu xa mà đang ẩn nấp tại một nơi an toàn được chuẩn bị trước. Ngay từ đầu, người ta tưởng rằng việc nhận ra chúng sẽ dễ dàng vì theo lời khai của vài thương nhân, người đầu bếp có cái bề ngoài rất dị thường của một người lai đen với khuôn mặt vàng lợt và dáng dấp châu Phi. Ngay trong đêm đó, y bị một viên cảnh sát nhận dạng và bị săn đuổi. Sau vụ án mạng, y lại cả gan lẩn quẩn quanh biệt thự Wisteria. Thanh tra Baynes suy đoán y sẽ quay lại, và ông ra lệnh canh gác cẩn mật ngôi biệt thự, đồng thời bố trí người nằm phục kích ngoài rừng. Bị lọt bẫy, hung thủ đã bị bắt sau một hồi chống trả quyết liệt. Một cảnh sát viên bị y cắn một cách tàn tệ. Chúng tôi tiếp tục chờ các diễn biến quan trọng sẽ tiếp nối”.

- Ta nên đi gặp Baynes ngay - Holmes nói lớn và đội mũ ra đi.

Chúng tôi tới nơi đúng lúc Baynes rời khách sạn.

- Holmes! Ông có đọc báo chứ? - Baynes hỏi và đưa ra một tờ.

- Có chứ! Cho phép tôi lưu ý ông.

- Lưu ý tôi? Tôi đã nghiên cứu sự việc khá kỹ.

- Tôi không tin rằng ông đang đi đúng hướng. Tôi mong rằng ông đừng lao vào quá sâu.

- Cám ơn ông.

- Tôi nói vì lợi ích của ông.

Tôi có cảm giác khuôn mặt lạnh lùng của Baynes đang lay động nhẹ.

- Chúng ta đã giao ước với nhau rằng mỗi bên đi một hướng và tôi đang thực hiện giao ước này.

-Ồ đúng thế - Holmes thốt lên - Xin ông đừng giận.

- Không! Tôi tin chắc rằng ông chỉ muốn giúp tôi thôi. Nhưng tất cả chúng ta đều có phương pháp riêng. Ông Holmes, chúng ta nên bỏ qua chuyện này. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng trao đổi thông tin với ông. Thằng lai Phi châu thiệt là đã man, nó mạnh như trâu. Nó cắn gần đứt ngón tay cái của một đàn em tôi. Nó ục ục như heo chứ có biết

tiếng Anh đâu!

- Và ông tin rằng ông nắm bằng chứng nó giết chủ nó?

- Tôi không bao giờ nói thế cả. Tôi đang thử các phương pháp của tôi.

Khi từ giả Baynes, Holmes nhún vai:

- Không thể nói chuyện với Baynes được! Tôi có cảm giác rằng hắn ta sẽ trượt ngã mà thôi.

Tuy nhiên có một cái gì đó còn bí ẩn trong thanh tra Baynes.

Khi quay về khách sạn Bò Mộng, Holmes mời tôi ngồi vào ghế bành.

- Tôi sắp sửa cho anh biết tình hình, có lẽ đêm nay tôi cần sự tiếp tay của anh.

Chúng ta hãy quay trở lại bức thư mà Garcia nhận được đêm hôm ấy. Hãy gạt bỏ cái ý tưởng của Baynes cho rằng tôi tớ của Garcia dính líu vào nội vụ. Bằng chứng ư? Chính Garcia dự mưu dựa vào sự hiện diện của Eccles. Garcia thiết lập kế hoạch và đây là kế hoạch tội ác. Tôi nói tội ác vì chỉ có người dự định tội ác mới tìm cách chạy tội. Nhưng ai giết y? Chắc chắn là đối thủ của kế hoạch.

Về việc bọn tôi tớ, chúng ta có thể giải thích rằng chúng nó đều là đồng phạm. Nếu thành công trong tội ác thì Garcia đã quay trở lại biệt thự Wisteria; sự làm chứng của Eccles sẽ giúp y khỏi bị nghi ngờ và tất cả sẽ trôi chảy êm xuôi. Nếu Garcia không về vào giờ G, điều đó có nghĩa là y đã thất bại và đã mất mạng rồi. Do đó, theo giao ước trước, hai đệ tử sẽ ẩn trốn tại một nơi dự định để thoát khỏi sự tầm nã của cảnh sát.

Giả thiết này giải thích trọn vẹn các dữ kiện chứ gì?

- Nhưng tại sao một trong hai thằng đó lại trở lại?

- Ta có thể giả thiết rằng, chúng nó bỏ quên một cái gì đó quý giá hoặc thằng lai muốn tìm một vật riêng của nó. Hành động đó giải thích sự cứng đầu của nó.

- Rồi sao nữa?

- Rồi đến bức thư! Bức thư chứng tỏ rằng đầu kia của sợi dây còn có một tông phạm khác. Đầu kia là ở đâu? Chắc chắn nó nằm trong một ngôi nhà lớn ở vùng này. Số nhà lớn tại vùng này không phải là vô hạn. Những ngày đầu tiên tới đây, tôi đã đi dạo và nghiên cứu thực vật học. Thời gian dư thừa cho phép tôi đi về phía các ngôi nhà lớn kia thăm hỏi. Chỉ có một ngôi nhà lôi cuốn sự chú ý của tôi. Đó là lâu đài High Gable nổi tiếng xây dựng từ thời vua James I[2] ở cách Oxshott khoảng 1 dặm và cách hiện trường nửa dặm. Các ngôi nhà khác là của những người bình thường. Còn đối với Henderson (chủ lâu đài High Gable) thì mọi người cho là một nhân vật lạ thường.

Tôi đã xoay sở để gặp chủ nhà với một cái cớ khá vững, nhưng không qua được đôi mắt của ông ta. Đó là một người khoảng 50 tuổi, mạnh khỏe, linh hoạt, tóc màu xám thép, lông mày đen cứng, bề vệ như một ông vua. Một con người dữ tợn, che giấu đằng sau khuôn mặt nhăn nheo một ý chí sắt đá. Hoặc ông là người nước ngoài, hoặc ông đã sống nhiều tại miền nhiệt đới vì nước da vàng vọt và khô đét, nhưng rắn chắc. Một người bạn thân kiêm thư ký của ông, là ông Lucas thì chắc chắn là người nước ngoài, da nâu, quỳnh quệ, nhưng nói năng ngọt xớt. Tóm lại, chúng ta có tới hai bằng người nước ngoài, một ở biệt thự Wisteria, một ở lâu đài High Gable.

Hai người đàn ông sống trong lâu đài High Gable luôn chia ngọt xẻ bùi với nhau. Tuy nhiên, còn có một người khác còn quan trọng hơn nữa.

Henderson có hai cô gái, 13 và 11 tuổi. Vú già là cô Burnet, một người đàn bà Anh, khoảng 40 tuổi. Ngoài ra còn có thêm một số tôi tớ tin cẩn. Cái nhóm nhỏ này tạo thành một gia đình thực sự bởi vì hễ di chuyển là toàn bộ đều đi. Henderson đi đây đi đó

nhiều nơi, ông ta mới đi High Gable cách đây vài tuần, sau một năm vắng mặt. Ông ta giàu nứt đố đổ vách. Còn về tùy tùng, gia nô, bồi bếp thì đông vô kể.

Tôi biết được các điều trên qua các cuộc nói chuyện với dân làng và may nhất qua tin tức của một người đầy tớ bị đuổi việc. Chính cái phương pháp riêng của tôi đã giúp tôi gặp may tìm ra ông John Warner, người làm vườn của lâu đài High Gable. Ông này có những thâm giao trong đám tôi tớ.

Một đám người dị thường Watson ạ! Lâu đài có hai cánh: nhóm gia nhân và nhóm gia đình. Người liên lạc giữa hai cánh là một đệ tử ruột của Henderson. Henderson không bao giờ ra khỏi nhà một mình. Người thư ký theo chân ông ta như bóng với hình. Đám gia nhân xì xầm rằng ông chủ họ rất sợ một cái gì đó. “Chắc chắn y đã bán linh hồn cho quỷ dữ để lấy tiền” Warner nói. “Do đó, ông ta chờ đợi ông quỷ chủ để đòi hồn. Nguyên quán, tên tuổi của hắn không ai biết. Hắn rất hung bạo. Đã hai lần Henderson đánh đập tàn nhẫn một gia nhân, nhưng chính nhờ bỏ nhiều tiền đền bù nên khỏi bị truy tố.

Giờ đây, chúng ta hãy nhận định tình hình theo các tin tức mới này. Chúng ta có thể giả thiết rằng bức thư phát xuất từ ngôi nhà lạ thường này. Ai viết? Một người đàn bà trong lâu đài. Còn ai nữa, nếu không phải là vú già, cô Burnet? Tất cả tin tức của chúng ta đều hội tụ về hướng này. Dù sao đây cũng chỉ là giả thiết và xét các hậu quả đương nhiên của nó. Tuổi tác và tính khí của cô Burnet phá tan ý tưởng cho rằng có mối tình trong vụ án này.

Vì cô là người viết bức thư nên có thể cô là bạn thân và là đồng lõa của Garcia. Cô sẽ làm gì khi hay tin Garcia chết?

Nếu Garcia là nạn nhân của một sự phản bội, đương nhiên cô ta sẽ im bật. Nhưng không có nghĩa là cô không căm thù bọn sát nhân và do đó, cô sẽ tận tình tiếp sức với những ai chịu ra tay phục thù giùm. Vậy ta hãy tìm cách gặp cô ta? Nhưng không biết cô còn sống không? Kể từ đêm xảy ra án mạng, cô đã chết hay chỉ bị giam giữ? Đây là cái điểm mà chúng ta cần làm sáng tỏ.

Anh Watson, anh đã thấy được mức độ khó khăn của tình hình rồi chứ. Lấy gì làm cơ sở để xin trát bắt giam? Nếu chúng ta nói ra những suy diễn này cho một thẩm phán thì ông ta sẽ cười ngất. Trong lâu đài quái dị này, ai cũng có thể vắng mặt trong một tuần, vậy thì sự vắng mặt của người vú có gì phải bận tâm. Nhưng rõ ràng giờ này, tính mạng cô ấy có thể đang lâm nguy. Tôi chỉ có thể canh chừng tòa nhà và đặt Wa gác ngoài cổng sắt. Tình huống này không thể kéo dài được. Nếu luật pháp bó tay thì chúng ta phải liệu.

- Anh định làm gì?

- Tôi biết phòng cô ấy. Ta có thể qua mái ngói của một nhà phụ mà vào phòng. Tối nay hai anh em mình cùng bí mật leo vào.

Trong khi Holmes lý luận, có một cái gì đó không cho phép tôi từ chối. Tôi siết chặt tay anh. Nhưng định mạng không muốn chúng tôi liều lĩnh như thế. Khoảng 5 giờ, bóng đêm bắt đầu lan rộng, một người cục mịch thở hổn hển bước vào căn hộ của chúng tôi.

- Họ đã ra đi. Chuyển xe lửa chót. Cô ấy trốn thoát và được tôi đưa đến đây bằng xe ngựa. Cô ấy đang đứng dưới nhà.

- Hoan hô, ông Warner! - Holmes la lớn và hết sức vui mừng - Anh Watson, các lỗ trống tự động lấp lại thật là nhanh!

Trong xe ngựa có một người đàn bà gần như thiếp đi. Khuôn mặt hốc hác, còn mang dấu vết của thảm kịch vừa xảy ra. Đầu cô gục xuống ngực, nhưng khi cô ngẩng lên và

quay về hướng chúng tôi, tôi thấy đôi mắt cô lơ đãng, mất thần: cô ấy bị gây mê bằng thuốc phiện.

- Tôi đứng gác ngoài cổng. Khi xe ngựa ra, tôi đi theo cho tới nhà ga. Cô ấy giống người mộng du. Khi họ muốn đưa cô lên xe lửa thì cô tỉnh lại và kháng cự. Tôi cướp cô, và đưa cô tới đây. Tôi chưa quên cái đầu của người nọ đứng ở cửa toa. Con quỷ da vàng đó - Warner nói.

Chúng tôi đặt cô ấy nằm trên tràng kỷ. Hai tách cà phê đậm giải được thuốc mê. Thanh tra Baynes được mời tới.

- Hay quá! Ông cung cấp cho tôi chính người chứng mà tôi cần! - Viên thanh tra vừa nói vừa siết mạnh tay Holmes - Ngay từ đầu, tôi đi cùng một hướng với ông.

- Ủa, ông cũng theo dõi Henderson à?

- Nghe đây, ông bạn! Trong lúc ông len lỏi trong các rừng thưa quanh lâu đài High Gable, thì tôi ngồi ngất ngưởng trên cây cao, quan sát ông.

- Thế tại sao ông lại bắt thằng lai đen?

Baynes phì cười:

- Tôi bắt thằng lai đen là để cho y tưởng rằng chúng ta không để ý đến hắn nữa. Tôi biết rằng hắn sẽ chuồn và như thế chúng ta có cơ may gặp cô Burnet.

Holmes để tay trên vai viên thanh tra:

- Ông đã vươn cao trong nghề nghiệp! Ông có bản năng và trực giác.

Baynes khoái chí đỏ mặt:

- Tôi đã đặt một nhân viên mặc thường phục đứng canh tại nhà ga từ đầu tuần. Bất cứ một người nào trong lâu đài đi đâu, anh ấy đều không bỏ qua. Tuy nhiên, anh ấy quính quáng khi cô Burnet đào thoát. Chúng ta không thể bắt con mồi, nếu không có được lời chứng của cô ấy.

- Cô ta đang tỉnh dần - Holmes vừa nói vừa nhìn người phụ nữ - Nhưng ông à, Henderson là ai vậy?

- Henderson là Don Murillo, trước kia có biệt danh là "Con cọp vùng San Pedro" - viên thanh tra đáp.

- "Con cọp vùng San Pedro"! Tôi nhớ mồm một lịch sử của con người này. Y có biệt danh này vì trước đây y là nhà độc tài khát máu. Sức mạnh uy quyền đầy trong tay, nhưng rất tán tận lương tâm, y đã tròng cái ách thống khổ lên một dân tộc. Tên của y gieo rắc sự kinh hoàng trong toàn vùng châu Mỹ. Cuối cùng, một cuộc tổng khởi nghĩa bùng nổ lên để lật đổ y. Nhưng bọn chúng rất xảo quyệt. Y, hai con gái, viên thư ký đưa bầu vật xuống thuyền vũ trang và trốn thoát. Kể từ đấy, y biệt tích và báo giới châu Âu nhiều lần thắc mắc, không biết y đang ẩn núp nơi nào.

- Đúng thế! Don Murillo là con cọp vùng San Pedro. Chắc anh còn nhớ rằng cờ của San Pedro gồm màu lục và màu trắng! Các màu sắc trong bức thư, Holmes ạ!

Y đổi tên là Henderson, nhưng không qua được mắt tôi. Tôi đã theo dõi dấu vết của y khi thuyền y cập vào Barkercelona năm 1886, sau khi ghé qua Madrid, Rome và Paris. Từ lâu, các nạn nhân truy tầm y để phục thù nhưng y chỉ bị phát hiện gần đây thôi.

- Cách đây một năm - Cô Burnet nãy giờ theo dõi câu chuyện, ngồi dậy nói xen vào - Có một lần y bị mưu sát, và hình như y được một con quỷ sứ che chở nên đã thoát nạn. Nhưng một âm mưu này thất bại với một người anh hùng phải hy sinh thì lại có một âm mưu khác tiếp diễn cho tới khi nào tên khát máu đó đền tội mới thôi. Chắc chắn ngày mai mặt trời phải mọc.

Hai bàn tay của cô nắm chặt lại và khuôn mặt hốc hác của cô trắng bệch dưới cơn bão của sự hận thù.

- Nhưng vì sao lại có một người đàn bà Anh trong vụ này, cô Burnet - Holmes hỏi.

- Tôi phải dẫn thân, bởi vì đó là phương cách duy nhất để công lý được thực thi.

Giường máy tư pháp của nước Anh đâu có để ý đến các suối máu cuộn cuộn chảy tại San Pedro hoặc đến chiếc thuyền đầy ngọc ngà châu báu mà tên cướp đó đã vơ vét?

Dưới mắt các ông, đó là những tội ác xảy ra ở một hành tinh khác. Còn chúng tôi, chúng tôi tận mắt mục kích các tội ác đó! Chúng tôi biết rõ nỗi khổ của đau của một dân tộc. Đối với chúng tôi, ở địa ngục cũng không có con quỷ nào tàn ác hơn Don Murillo.

- Quả có như thế - Holmes đáp - Tôi có nghe nói về các hành động của y. Nhưng bản thân cô ném mùi bạo tàn bằng cách nào?

- Thằng ăn cướp đó có chính sách ám sát. Bất cứ ai có tài hoặc có thể trở thành địch thủ của y thì đều nằm trong danh sách bị thủ tiêu. Tôi là bà Durando[3]! Chồng tôi làm sứ thần của San Pedro tại London. Chúng tôi quen nhau tại London. Chồng tôi có một tâm hồn cao đẹp. Khốn thay, Murillo ghen ghét sự cao cả ấy, nó triệu hồi anh ấy về và giết chết anh ấy. Tài sản của anh ấy bị tịch biên. Tôi trở thành góa bụa, lòng tan nát, sống lầy lắt trong cơ cực.

Cuối cùng, y bị lật đổ, và phải lẩn trốn như các ông biết. Tất cả những kẻ bị y tàn phá cuộc đời hoặc có bà con bị chính y áp bức, đều quyết tâm bắt y đền nợ máu. Khi phát giác rằng hấn muốn trốn đi dưới tên Henderson, tôi lãnh công tác phục dịch y rồi thông báo cho các đồng chí mọi sự xê dịch của y. Đó là nguyên nhân tôi làm bà vú già tại nhà y. Y không bao giờ ngờ rằng người đàn bà ngồi trước mặt y vào mỗi bữa cơm chính là người đàn bà có chồng bị y giết chết. Tôi tươi cười với y, tôi chuyên cần lo cho con y để chờ giờ hành động. Một mưu toan đã xảy ra tại Paris, nhưng thất bại. Hấn phải đưa cả gia đình đi khắp châu Âu, lộ trình ngoằn ngoèo để đánh lạc hướng những kẻ săn đuổi và cuối cùng trở về lâu đài này.

Nhưng tại đây cũng thế, những người “thế thiên hành đạo” đã chờ đợi y. Biết rằng sớm muộn gì Murillo cũng quay lại High Gable, cho nên Garcia (con trai của một viên chức cao cấp cũ của San Pedro) dọn nhà đến ở gần, với hai đồng chí trung kiên gốc gác khiêm nhường, nhưng cả ba đều cùng khát khao phục hận. Ba người dũng cảm này không thể làm gì được giữa ban ngày, bởi vì Murillo luôn luôn thận trọng tối đa. Không bao giờ hấn đi ra ngoài mà không có sự tháp tùng của thằng Lucas (tên thật là Lopez). Về đêm, y ngủ một mình, y luôn luôn lo âu nên luôn luôn thay phòng ngủ. Tôi phải canh chừng sao để mở các cửa lớn và cho tín hiệu bằng ánh sáng hoặc lục lạc trắng tại cửa sổ để báo động hay chỉ dẫn cuộc đột kích. Đêm ấy, đã được giao ước trước, tôi gửi mật thư cho Garcia.

- Nhưng kế hoạch bị trục trặc. Lopez ngờ vực tôi. Y bắt tôi ngay khi tôi hoàn tất bức mật thư. Y cùng với chủ y lôi kéo tôi vào phòng. Họ muốn giết tôi nhưng lờ mờ thấy khó né tránh hậu quả của tội ác. Sau khi thảo luận khá lâu, họ kết luận rằng giết tôi quá nguy hiểm. Nhưng đối với Garcia, họ quyết định thanh toán dứt khoát. Tôi bị nhét giẻ vào miệng và bị bẻ quẹo tay cho tới khi tôi phải khai ra địa chỉ của Garcia. Tôi thề nếu tôi biết trước rằng lời khai của tôi là án tử hình thì tôi đã không khai. Lopez chép địa chỉ, đóng khăn bằng cái nút măng sét rồi sai người đem thư đi. Chúng giết Garcia như thế nào, tôi không biết. Tôi chỉ biết anh ấy chết do tay của Murillo, bởi vì Lopez vẫn đang ở cạnh tôi để canh phòng. Tôi cho là y phục kích trong các bụi rậm hai bên đường. Lúc

đầu, y có dự định để Garcia vào lâu đài rồi mới giết như giết một tên ăn trộm bị bắt quả tang. Nhưng họ suy nghĩ rằng hễ kẹt vào một cuộc điều tra tư pháp thì hình tích của họ bị lộ, rất nguy hiểm. Theo họ, cái chết của Garcia sẽ làm cho những kẻ âm mưu chùn bước.

Mọi chuyện có lẽ đã êm đẹp nếu tôi không hay biết những chuyện chúng làm. Tôi biết chắc chắn rằng cuộc đời tôi chỉ là chỉ mảnh treo chuông. Chúng nhốt tôi trong phòng. Chúng thốt ra những lời đe dọa khủng khiếp nhất và dành cho tôi những đối xử tệ hại nhất, bằng chứng là vết thương trên vai và vết bầm trên hai cánh tay tôi. Có một lần, tôi thử kêu cứu qua cửa sổ thì tôi bị nhét giẻ vào miệng. Suốt 5 ngày, tôi bị bỏ đói. Hôm nay, họ cho tôi ăn cơm nhưng vừa mới nuốt một chút tôi hiểu ngay rằng tôi bị đánh thuốc mê. Trong cơn mê, tôi cảm thấy như có lúc được dẫn đi, có lúc ngồi trong xe, sau đó, tôi được đẩy lên xe lửa. Khi tàu lăn bánh, tôi hơi tỉnh lại nên đã nhảy d ụng lên. Chúng nó ấn tôi xuống, và nếu không nhờ người đàn ông dũng cảm này thì tôi không bao giờ tẩu thoát được.

Chúng tôi ngồi im lặng nghe câu chuyện thương tâm này. Chợt Holmes lên tiếng:

- Con đường chông gai của chúng ta còn dài lắm. Công tác cảnh sát đã chấm dứt.

Công tác pháp lý bắt đầu.

- Đúng thế - Tôi tán đồng - Một luật sư giỏi biến một tội sát nhân thành một hành động tự vệ chính đáng. Cho dù tiền tích của nghi can là cả trăm án sát nhân, nhưng chỉ có thể xử độc nhất cái án này.

Thanh tra Baynes phát biểu một cách hồ hởi:

- Tất cả chúng ta sẽ hoan hô khi chúng ta truy tố bọn chủ lâu đài High Gable ra trước tòa đại hình.

Tuy nhiên, con cộp vùng San Pedro cùng bọn đồng hành qua mặt viên cảnh sát đang theo đuổi bằng cách chui vào một căn nhà có cửa sau. Kể từ đây, họ biệt tăm tại Anh. Sáu tháng sau, báo chí đăng tên hầu tước Montalva và viên thư ký Rulli bị ám sát tại khách sạn Escorial ở Madrid. Tội ác được gán ghép cho phái Hư vô chủ nghĩa và bọn hung thủ không bao giờ bị bắt. Thanh tra Baynes đến thăm chúng tôi tại đường Baker, mô tả khuôn mặt sô-cô-la của viên thư ký và những nét kẻ cả với đôi mắt đen và bộ lông mày đen cứng của người chủ. Lúc đó, chúng tôi không còn nghi ngờ nữa, công lý đã thưởng phạt nghiêm minh.

- Anh Watson, đây là một vụ án hỗn độn. Anh khó mà trình bày một cách mạch lạc đúng theo thói quen cố hữu của anh. Địa bàn nội vụ nằm trên hai lục địa, nội dung là sự kình địch giữa hai nhóm người bí hiểm, kết cấu được tăng phần rối rắm do sự hiện diện của ông bạn Eccles của chúng ta. Chính sự lôi cuốn Eccles vào mới làm nổi bật cái óc sáng tạo và cái biệt tài nói chuyện của Garcia. Còn có chi tiết nào làm bận trí anh không?

- Tại sao chàng trai lai da đen quay về biệt thự Wisteria?

- Để tìm cái vật kỳ lạ trong nhà bếp. Đó là một thổ dân trong rừng San Pedro. Khi chạy trốn, chàng trai ấy không thể nào rời xa linh vật của mình nên hôm sau, anh ta quay về và bị bắt. Còn thắc mắc nào không, anh Watson?

- Còn con chim bị chặt khúc, cái xô máu, mớ xương bị thiêu rụi và toàn bộ màn huyền bí trong cái nhà bếp dị kỳ?

Holmes mỉm cười rồi kiểm trong sổ tay:

- Tôi đã dành một buổi sáng để tới Viện bảo tàng Anh quốc tham khảo tài liệu. Sau đây

là một đoạn văn trích dẫn lấy từ Eckermann: “Bất cứ làm điều gì hệ trọng họ đều cúng kiến để xin quỷ thần phù hộ. Có khi còn giết người để tế rồi sau đó ăn cổ thịt người. Vật hy sinh thường là một con gà trống trắng bị chặt lúc còn sống hoặc một con dê đen bị cắt cổ và thiêu xác”. Người bạn da đen của chúng ta theo đạo ma, có tín ngưỡng kỳ cục, phải không Watson? - Holmes bổ sung rồi từ từ xếp cuốn sổ lại.

Hết

[1] Nguyên văn: mile, khoảng 1600 m

[2] James the First (1566-1625): Vua Anh, trị vì từ 1603-1625 (Nguyên văn: Jacobean)

[3] Nguyên văn: Signora Victor Durando (phu nhân Victor Durando - tiếng Tây Ban Nha)

E.2 - The Adventure of the Red Circle 1911 (Vòng tròn đỏ)

Bà Warren ạ, bà không có lý do chính đáng để ưu tư, và về phần tôi, tôi đang lưu tâm đến nhiều công việc nghiêm trọng hơn - Sherlock Holmes nói xong, tiếp tục cúi đầu xuống quyển album lớn.

Tuy nhiên bà chủ nhà vẫn bám riết:

- Năm ngoái, ông đã thu xếp công việc cho một trong mấy người thuê nhà tôi, cái ông Fairdale Hobbs ấy!

- Vâng, một việc không đáng kể.

- Ông ấy nhắc luôn về lòng tốt của ông và về cái cách mà ông biết “làm cho ánh sáng phát bóng tối”. Tôi nhắc lại lời của ông ấy. Tôi biết rằng hễ ông muốn là được...

Holmes nhay cảm trước những lời “nói khéo” và cũng xúc động trước những lời kêu gọi sự hảo tâm của mình. Anh thở dài, ngẩng mặt lên, kéo lui cái ghế.

- Được, bà Warren. Tôi lắng nghe bà đây. Xin phép bà cho tôi hút thuốc... Cảm ơn anh, Watson! Nếu tôi không làm thì bà đang lo lắng vì người mượn nhà cứ ở riết trong phòng. Có gì đâu, nếu tôi mượn phòng của bà, bà cũng không thấy tôi xuất hiện mỗi ngày!

- Có thể lắm, nhưng đây là chuyện khác. Tôi sợ, thưa ông Holmes, sợ đến nỗi mất ngủ. Nghe tiếng bước đi nhanh của ông ấy từ sáng tới khuya, nhưng không bao giờ thấy mặt ông ấy. Chồng tôi cũng bực dọc như tôi, nhưng anh ấy đi làm suốt ngày. Còn tôi, căng quá. Tại sao ông ấy giấu mặt? Ngoài cô gái giúp việc, ở nhà không còn ai...

Holmes nghiêng ra phía trước để đặt các ngón tay mảnh mai của anh trên vai bà chủ nhà. Dường như anh có khả năng xoa dịu mọi trường hợp khẩn khoản. Sự sợ hãi biến khỏi đôi mắt của thân chủ: bà bình tĩnh trở lại.

- Nếu tôi chăm lo vụ này thì bà phải kể ra tất cả các chi tiết. Bà cứ thoải mái suy nghĩ,

và nhớ lại tất cả đi? Bà có nói rằng người ấy dọn vào nhà cách nay 10 ngày và đã thanh toán tiền ăn, ở đủ 15 ngày.

- Thừa ông, ông ấy có hỏi về các điều kiện tôi đề nghị 50 shilling một tuần cho bộ xalông nhỏ trong một phòng ngủ đủ tiện nghi trên gác.

- Rồi sao nữa?

- Ông ấy đáp: "Tôi sẽ trả cho bà 5 bảng một tuần, nếu bà chấp thuận các điều kiện của tôi". Ông ta trao cho tôi một tờ 10 bảng, và nói: "Bà sẽ nhận hai tuần một lần, nếu bà chấp thuận, còn không thì thôi, xin kiếu từ!".

- Điều kiện như thế nào? - Holmes hỏi.

- Đưa cho ông ta một chìa khóa nhà. Đâu có sao phải không ông? Nhưng ông ta lại căn dặn thêm: khỏi phải bận tâm, và đừng bao giờ quấy rầy tôi

- Các điều kiện như vậy không có gì bất bình thường cả!

- Đúng lý thì không. Nhưng ông ấy ở đã 10 ngày rồi. Vợ chồng tôi và cả cô gái giúp việc đều không gặp ông ấy. Chúng tôi chỉ nghe tiếng bước chân lui tới, tới lui, sáng, trưa, chiều, tối. Trừ buổi tối đầu tiên, ông ấy không bao giờ ra khỏi nhà.

- Ủa, ông ấy có ra khỏi nhà vào buổi tối đầu tiên?

- Đúng thế, thưa ông, và về rất khuya. Sau khi trả tiền, ông ấy cho tôi hay trước rằng ông sẽ đi vắng và dặn tôi đừng gài cửa. Nửa đêm tôi có nghe ông ấy về.

- Còn các bữa ăn?

- Ông ấy có dặn: Khi nào ông ấy nhấn chuông, chúng tôi phải mang cơm lên, đặt trên cái ghế trước cửa phòng. Rồi nghe tiếng thứ hai thì dọn sạch. Khi cần điều gì, ông ấy sẽ kẻ chữ in trên một mảnh giấy để trên ghế.

- Kẻ chữ?

- Đúng thế, kẻ chữ in bằng bút chì, chỉ ghi các từ cần thiết, không dư, không thừa: hoặc "XÀ PHÒNG" hoặc "BAO DIỆM", hoặc "TỜ DAILY GAZETTE". Mỗi sáng tôi mang điểm tâm và tờ báo lên.

- Anh Watson! - Holmes nói lớn rồi tò mò nghiên cứu các miếng giấy con con - Tự giam hãm trong nhà, điều đó không có gì lạ. Nhưng kẻ chữ in là một việc khác mọi người? Anh nghĩ gì về cái tật kỳ cục này?

- Hẳn muốn giấu nét chữ.

- Tại sao? Người chủ nhà trọ biết nét chữ của mình thì có sao đâu? Ngoài ra, tại sao lại viết cụt ngắn như thế?

- Tôi cũng thắc mắc!

- Một đề tài lý thú! Chữ được viết bằng bút chì tím, to đầu, loại thường. Này, để ý, giấy bị xé tại đây, ngay sát chữ, đến nỗi chữ “X” của “XÀ PHÒNG” gần như biến mất. Cần suy nghĩ, phải không anh Watson?

- Một sự thận trọng chăng?

- Đương nhiên! Chắc chắn có dấu tay, dấu của ngón cái, có thể làm lộ căn cước của người viết. Này bà Warren, bà đã nói rằng ông ta là một người có râu, tầm vóc trung bình, da nâu. Bà đoán xem ông ấy bao nhiêu tuổi?

- Thừa ông, không quá ba mươi.

- Bà có thể cố gắng moi trí nhớ để cung cấp thêm những chi tiết khác không?

- Ông ta nói tiếng Anh rất giỏi. Theo giọng nói thì hình như là người nước ngoài.

- Ăn mặc ra sao?

- Rất đàng hoàng. Một người thượng lưu. Quần áo màu sẫm, không có gì đặc biệt để lưu ý.

- Ông ta không cho bà biết tên à?

- Không, thưa ông.

- Và không thư từ hay khách khứa gì sao?

- Không, thưa ông.

- Buổi sáng, bà hay cô gái giúp việc vào phòng đó?

- Không, ông ta tự quét dọn.

- Đây là chuyện rất lạ. Ông ta có hành lý không?

- Chỉ có một cái bị to màu nâu. Thế thôi.

- Vậy là không có bất cứ một thứ gì đưa ra khỏi phòng.

Bà chủ nhà trọ lấy trong xách tay một phong bì. Từ đó bà rút ra những que diêm đã cháy và một tàn thuốc để lên bàn.

- Mới sáng nay. Để trên mâm điểm tâm. Tôi cất giữ nó vì tôi nghe nói ông có thể suy đoán một ngàn chuyện từ những cái vô cùng vật vãnh.

Holmes nhún vai:

- Không có nghĩa gì cả. Đương nhiên. Diêm đã đánh để châm thuốc. Căn cứ theo phần cháy. Phải một que thì mới đốt được ống tẩu hoặc một điếu xì-gà. Mà... này! Anh chàng có râu quai nón, râu mép, bà có nói thế, phải không?

- Đúng, thưa ông.

- Lạ lùng? Chỉ có người cạo râu nhẵn nhụi mới hút cái điếu thuốc này. Nhìn này, Watson! Dù khéo léo đến đâu, bộ râu mép của anh ta cũng sẽ bị cháy!

- Có lẽ y hút qua cán.

- Không đâu. Cái đầu điếu còn chất keo rõ ràng. Tôi đoán rằng người này ăn rất ít, phải không, bà Warren?

- Đúng ông ta ăn ít đến nỗi tôi không biết làm sao anh ta sống được!

- Hừm. Có lẽ phải chờ thêm yếu tố mới. Nói cho cùng, bà không có cơ để kêu ca. Bà đã nhận tiền cho thuê phòng, mặt khác, ông ta có gây phiền hà gì đâu. Đó chỉ là người khách trọ bình thường. Chúng ta không có quyền xâm phạm sự ẩn dật đó, trừ phi ta có cơ sở để quyết đoán rằng đó là cách trốn công lý. Tôi sẽ theo dõi kỹ. Bà hãy báo cho tôi tất cả những sự kiện mới và bà có thể tin cậy nơi tôi.

Khi bà chủ quán trọ ra về, Holmes suy nghĩ.

- Nội vụ rõ ràng có những chi tiết kỳ thú. Có thể đây chỉ là một trường hợp lập dị, cũng có thể là một câu chuyện có chiều sâu mà thoát nhìn không thể chất. Cái ý tưởng đầu tiên xuất hiện trong trí tôi là người hiện trọ không phải là người trả tiền thuê nhà.

- Do đâu mà anh nghĩ như vậy?

- Chuyện quái lạ là cái lần độc nhất mà người trọ đi ra ngoài ngay sau khi gửi phòng. Ông ta trở về? Ông ta hay là một kẻ khác? Khi mà tất cả mọi người đều ngủ. Ngoài ra, người thanh toán tiếng Anh giỏi, còn người này thì viết. Lối hành văn cụt ngủn có thể nhằm che giấu kiến thức rất nghèo nàn về tiếng Anh. Tôi vẫn thắc mắc rằng ở đây có sự "tráo người trọ".

- Để làm gì?

- Đây là vấn đề. Chúng ta sẽ đi theo hướng này...

Holmes lấy cuốn sổ lớn trong đó chứa các mục nhấn tin đăng trên các báo lớn của London.

- A! - Vừa lật sổ Holmes vừa thốt lên - Quả là một bản hợp xướng rên la than khóc! Một sọt rác chuyện tạp nham! Thằng cha này cô độc, nó không thể nhận thư tín vì sợ lộ bí mật. Vậy bằng cách nào mà tin tức vào nhà được? Đương nhiên phải qua mục nhấn tin, đây Cái nhấn tin cất trong Daily Gazette lúc 15 giờ này: “Người đàn bà có con trần đen tại câu lạc bộ trượt băng Hoàng Tử”. Mẫu khác: “Đương nhiên Jimmy không muốn làm mẹ đau khổ”. Hai cái này có lẽ không dính dáng gì tới người vô danh của chúng ta. “Người đàn bà ngất xỉu trên xe buýt đi, Brixton...” cũng chả ăn nhập gì. “Mỗi ngày tim tôi thổn thức... rên khóc”. Anh Watson ơi. Rên khóc một cách vô liêm sỉ! À, đây “Nhấn nại sẽ tìm ra cách liên lạc an toàn. Chờ đợi ở mục nhấn tin này - G”. Tin ngày nào? Sau ngày đến của người trọ tại nhà bà Warren hai ngày. Nghe xuôi tai không? Người vô danh đọc và hiểu tiếng Anh, dù viết không tốt. Xem coi có gì nổi tiếp không? Có đây: Ba ngày sau: “Tôi chuẩn bị để thành công. Nhấn nại và thận trọng. Mây mù sẽ tan - G”. Rồi bắt hẩn một tuần. Nhưng giờ đây có chuyện chính xác hơn: “Đường đi đã trống. Nếu tôi có dịp liên lạc bằng dấu hiệu, thì vẫn theo quy ước cũ - G”. Đó là trong tờ báo hôm qua. Còn hôm nay thì không có gì cả, tất cả đều không thể ăn khớp hoàn toàn với người trọ tại nhà bà Warren? Đợi một thời gian ngắn nữa, tôi tin chắc rằng nội vụ sẽ trở nên dễ hiểu hơn.

Holmes đã đoán đúng. Sáng hôm sau, tôi thấy anh đứng quay lưng vào lò sưởi, mặt hớn hờ.

- Anh nghĩ gì về cái nhấn tin này, Watson? - Holmes vừa hỏi vừa lấy tờ báo trên bàn. - “Tòa nhà lớn màu đỏ có phủ đá trắng. Tầng ba. Cửa sổ thứ nhì bên trái. Sau hoàng hôn - G”. Cái tin này thì khá chính xác. Tôi đề nghị sau khi ăn sáng, chúng ta sẽ đi thám sát trong vùng nhà của bà Warren... A, chào bà Warren! Sáng nay, bà đem đến cho chúng tôi tin tức gì đây

Về mặt giận dữ của bà báo trước là có chuyện mới và chấn động.

- Phải cho cảnh sát biết thôi, ông Holmes à. Tôi không chịu đựng nổi, phải tổng hẩn ra khỏi nhà. Tôi muốn hỏi ý kiến ông trước. Tôi không thể nhịn được nữa! Ông nghĩ xem, ông chồng già của tôi bị tấn công?

- Chồng bà bị đánh đập?

- Dù sao họ cũng đã mạnh tay với ông ấy!

- Ai mạnh tay?

- Chính tôi rất muốn biết điều này, nhà tôi làm nhân viên bấm giờ tại công ty Morton và Waylights ở phố Tottenham Court. Ông phải rời nhà trước 7 giờ sáng. Sáng nay chồng tôi chưa đi được mười bước thì hai người đàn ông từ sau đi đến, lấy một cái măng-tô phủ đầu ông, ném ông lên một xe ngựa chờ sẵn bên lề đường. Chúng chở ông đi lòng vòng trong một giờ rồi mở cửa xe, đạp ông xuống đường. Lồm cồm ngồi dậy, chồng tôi thấy mình đang ở phố Hampstead Heath. Ông liền lên xe buýt và hiện thời đang nằm dài ở nhà. Tôi tức tốc đến đây báo cáo.

- Rất hấp dẫn. Ông ấy có quan sát bọn đó không? Chúng ra làm sao? Ông ấy có nghe chúng nói chuyện không.

- Không, khi hôn vía đang lên mây thì còn biết gì? Ông cho rằng ông bị bùa, và nhớ mang máng có hai ba người đàn ông trong xe.

- Bà cho rằng việc tấn công này có liên quan đến người bí mật cư ngụ trong nhà bà?

- Chúng tôi sống tại đó đã 15 năm rồi, có bao giờ xảy ra câu chuyện như thế. Tôi chán ngấy hẳn rồi. Tiền bạc đâu có giải quyết được mọi chuyện. Tôi sẽ tổng khứ hẳn trước tối nay.

- Bà hãy chờ một chút. Tôi bắt đầu thấy nội vụ có thể quan trọng hơn rồi đó. Rõ ràng là người trọ nhà bà đang bị đe dọa, kẻ thù của ông ta đang rình rập gần nhà, làm lẫn chồng bà với ông vì sương mù buổi sáng, khi biết đã lầm, họ mới thả ông nhà ra. Nếu không lầm, thì họ đã làm gì

- Vậy thì tôi phải hành động ra sao? - Bà Warren hơi bình tĩnh lại.

- Tôi rất muốn gặp người khách trọ ở nhà bà - Holmes nói.

- Tôi không biết quý vị làm thế nào mà gặp ông ta, trừ khi phá cửa. Tôi luôn luôn nghe ông ta khóa cửa sát khi tôi mang điểm tâm lên và đi xuống lầu.

- Ít ra ông ấy cũng phải ra cửa để bưng mâm vào. Chúng tôi ngồi rình ở đâu đó.

Bà chủ nhà trọ suy nghĩ.

- Thưa ông, đằng trước có cái kho cũ. Tôi sẽ bố trí một cái gương, đề nghị quý ông nấp sau cánh cửa.

- Hay quá! Mấy giờ thì ăn trưa?

- Khoảng 1 giờ.

- Vậy thì bác sĩ Watson và tôi sẽ đến đó đúng giờ. Kính chào bà Warren!

Lúc 12 giờ 30, chúng tôi đến. Căn nhà cao bằng gạch màu vàng, nằm tại phố Great Howe, có một đường nhỏ đâm vào mặt đông bắc của viện bảo tàng. Vị trí gần ngã ba của nó, giúp nó nhìn bao quát con đường cùng các nhà xa hơn của đường này. Holmes cười nhẹ đưa tay chỉ về một trong các nhà nguy nga: nó nhô ra và dễ chú ý đến.

- Thấy không Watson. Toà nhà lớn màu đỏ có phủ đá trắng. Đó là điểm hẹn. Chúng ta biết chỗ, lại biết mật mã thì nhiệm vụ sẽ dễ dàng. Trên cửa sổ có một tấm bảng đề hai chữ “cho thuê”. Rõ ràng là một căn hộ trống và kẻ tòng phạm có thể chui vào. Nào bà Warren, có gì mới mẻ?

- Tất cả đã sẵn sàng. Quý vị có thể lên, tôi đưa đường.

Bà đã thu xếp một chỗ nấp tuyệt hảo. Ngồi trong bóng tối, chúng tôi cũng thấy rõ cái cửa đối diện. Chúng tôi vừa an vị và bà Warren vừa rời khỏi chỗ chúng tôi ẩn thì một tiếng leng keng văng vẳng báo cho chúng tôi biết rằng người khách trọ kỳ lạ đã kéo chuông. Một thoáng sau, bà Warren xuất hiện với cái mâm. Bà đặt nó lên cái ghế cạnh cửa, rồi nặng nề bước xuống cầu thang.

Ngồi chồm hồm trong góc cửa ép vào nhau, chúng tôi nhìn đăm đăm vào cái gương. Đột ngột, sau khi tiếng bước chân của bà Warren xa dần, chúng tôi nghe chìa khóa khua lách cách, nắm nắm cửa xoay, hai bàn tay mảnh mai đưa ra bưng mâm cơm. Lập tức mâm được trả về chỗ cũ và tôi thấy trong khoảnh khắc, một khuôn mặt hoảng hốt nhìn cái cửa kho hé mở. Rồi cửa lại đóng, chìa khóa lại khua lách cách. Tất cả lại yên tĩnh. Holmes lay tay áo tôi, và chúng tôi rón rén xuống cầu thang.

- Tôi chúng tôi sẽ quay lại. - Holmes nói với bà chủ trọ đang chạy lại hỏi thăm. - Watson à, về nhà chúng ta sẽ thảo luận thoải mái hơn.

Ngồi vào ghế bành, Holmes nói:

- Đúng như tôi dự đoán, đã có sự thay thế người ở trọ. Điều không dự đoán được đó là một người đàn bà.

- Bà ấy đã thấy chúng ta?

-Ồ, chắc chắn bà ấy có thấy một cái gì đó nên mới hoảng hốt. Câu chuyện trở nên dễ hiểu, phải không? Một cặp vợ chồng kiếm chỗ tị nạn tại London, để tránh một hiểm họa vừa khủng khiếp vừa gần kề. Chúng ta có thể đo lường cái hiểm họa theo độ nghiêm ngặt của các cách đề phòng. Người chồng vì cần làm cho kỳ được một cái gì đó, nên muốn rằng trong lúc đó, vợ ông ta phải được an toàn tuyệt đối. Bài toán không dễ, nhưng đã được giải quyết một cách hữu hiệu đến nỗi bà chủ nhà trọ hàng ngày mang thức ăn tới mà không biết gì cả. Các mảnh giấy kẻ bằng chủ in, rõ ràng là để giấu chữ viết của một người phái nữ, vì sợ bị bại lộ. Do không thể liên lạc trực tiếp được, ông ta phải dùng mục nhấn tin trên báo. Tối nay thì mọi sự đều đơn giản.

- Nhưng mà cái gốc của câu chuyện là cái gì?

- Câu hỏi khôn ngoan quá. Anh quả là người luôn luôn thực tế. Gốc rễ của toàn câu chuyện là gì? Cái bài toán mà bà Warren đặt ra mỗi lúc một lan rộng, và càng tiến xa càng để lộ những dữ kiện đen tối hơn. Kể từ phút này, ta có thể khẳng định rằng: một là, sự vụ trộm ái tình bình thường. Bạn đã thấy nét mặt người đàn bà khi cảm thấy có hiểm họa. Hai là đã có một sự tấn công lầm lẫn, mà ông chủ nhà trọ là nạn nhân. Các sự báo động cùng với nhu cầu tối thiết về bí mật cho thấy tính sinh tử của vấn đề. Mặt khác sự tấn công lầm đã cho ta thấy rằng kẻ thù không hay biết có sự tráo người trọ. Rất là kỳ lạ, và phức tạp!

- Tại sao anh lại bận tâm đến nó làm gì? Được lợi lộc gì?

- Nghệ thuật vị nghệ thuật mà? Tôi đã biết rằng đôi khi anh cũng hành nghề y mà không được lời một xu?

- Để học hỏi.

- Phạm vi của học vấn là bao la. Phải học mãi, và bài học cuối cùng mới là bài quan trọng. Cho nên trước một trường hợp có lợi cho học vấn, thì tuy sẽ chẳng được lợi gì về tiền bạc hoặc tiếng tăm ta cũng phải tham dự thôi. Đêm nay, cuộc điều tra sẽ tiến một bước khá dài.

Khi chúng tôi trở lại nhà bà Warren, ánh sáng lù mù của một đêm đông càng dày đặc thêm, ngả thành màu xám xịt, lốm đốm vàng do các cửa sổ và đèn đường.

Chúng tôi vào phòng khách của bà chủ trọ. Đèn tắt, chúng tôi nhìn ra ngoài, xuyên qua cửa kính, bắt chợt ở bên kia đường với một ánh sáng lấp lánh trong bóng đêm.

- Ai đó đang xê dịch trong phòng. - Holmes thì thầm dán chặt cái đầu xương xẩu và nhọn hoắt vào cửa kính. - Đúng thế, tôi thấy rõ cái dáng của người ấy. Hắn cầm nến trên tay. Hắn quan sát bên này đường. Có lẽ hắn muốn biết chắc rằng bà ấy đang chờ đợi. Kìa hắn bắt đầu đánh tín hiệu kia kìa. Watson, anh cũng nên ghi các tín hiệu, để chúng ta so kết quả. Chỉ lóe sáng một lần... chắc chắn là chữ A. Nè... bao nhiêu lần Watson, 20 chẳng? Tôi cũng thế, vậy là chữ T... AT khá dễ hiểu... Một chữ T khác. Chắc chắn đấy là khởi đầu của cái từ thứ nhì. TENTA chấm. Chẳng lẽ hết rồi sao? ATTENTA? Không có nghĩa gì cả. Hoặc giả là AT, TEN, TA? Cũng không rõ gì hơn, trừ khi TA là hai chữ cái của tên ai đó. Kìa, hắn lại tiếp tục Cái gì nhỉ? ATTE... Sao? Vẫn một lối mặt mã? Lạ kỳ, Watson à, vô cùng lạ kỳ. Lại dừng. Không. Hắn tiếp tục AT... sao? Hắn lặp lại lần thứ ba? ATTENTA, ba lần? Hắn sẽ còn đánh lại bao nhiêu lần nữa. Không, hình như xong rồi. Hắn rời cửa sổ rồi. Anh nghĩ sao Watson

- Một điệp văn mặt mã.

Holmes đột ngột cười ép tiếng, biểu lộ sự thông hiểu.

- Mật mã không tối tăm lắm đâu. Tiếng Ý đấy! Chữ A đầu có nghĩa là điệp văn được gửi cho một người đàn bà. Với chữ này, hấn nói: “Coi chừng! Coi chừng! Coi chừng!”. Đúng thế.

- Phải là một điệp văn rất khẩn cho nên hấn mới lặp lại ba lần. Chờ xem kìa, hấn quay lại cửa sổ.

Lại một lần nữa chúng tôi thấy rõ dáng dấp lơ mờ của một người đàn ông. Các tín hiệu được gửi tiếp nhưng nhanh hơn, nhanh đến nỗi khó theo dõi.

- PERICOLO! Pericolo là gì, Watson? Pericolo là hiểm nguy chứ là gì. Đúng rồi, đó là một tín hiệu báo động. Y lặp lại: PERI... Chuyện gì vậy?

Ánh sáng đột ngột tắt, toàn tầng lầu chỉ còn là một băng đen bao quanh cao ốc. Tiếng báo nguy bị cắt ngang? Ai cắt và cắt bằng cách nào. Cùng một ý tưởng nảy sinh trong đầu chúng tôi và Holmes nhảy dựng lên.

- Nghiêm trọng rồi, Watson ơi. - Anh la lớn - Một màn gian ác đang diễn ra. Tại sao bức điện văn bị gián đoạn đột ngột? Ta phải báo cho Scotland Yard. Nội vụ diễn tiến dồn dập.

- Anh muốn tôi đi tìm cảnh sát.

- Có lẽ nên chờ cho tình hình rõ nét hơn. Có thể có một điều gì đó rất rắc rối. Nào Watson, chúng ta băng qua đường và quan sát cận kề hơn.

Trong khi chúng tôi nhanh chân hướng về phố Howe, tôi quay lại nhìn ngôi nhà chúng tôi vừa rời. Đằng sau cửa sổ trên cao hiện lơ mờ bóng của một cái đầu, một người đàn bà đứng lặng nhìn chòng chọc vào bóng đêm. Có lẽ đang chờ cái điệp văn bị đứt đoạn. Trước cổng tòa nhà ở phố Howe, một người đàn ông, cổ áo choàng kéo cao đang dựa vào song sắt. Khi ánh sáng của đại sảnh rọi vào mặt chúng tôi, ông nhảy dựng.

- Holmes! - ông la lớn.

- Ủa, Gregson? - Holmes kêu to và bắt tay người thám tử của Scotland Yard - Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu phải không Gregson? Việc gì vậy?

- Cùng một việc thôi, nhưng sao lại có anh can dự vào?

- Qua nhiều mối chỉ, khác biệt với các đầu mối của ông nhưng thuộc cùng một cuộn. Tình cờ tôi bắt gặp các tín hiệu.

- Tín hiệu?

- Đúng thế, từ cái cửa sổ kia. Nửa chừng thì bị cắt đứt. Chúng tôi băng qua đường để

tìm hiểu lý do. Nhưng ông đang thụ lý, tôi không còn lý do để tiếp tục cuộc điều tra.

- Chờ một chút! - Gregson nhiệt tình kêu lên - Anh Holmes, tôi thú thật rằng, hễ mỗi khi có anh tham gia thì tôi cảm thấy hăng hái hơn. Tòa nhà này chỉ có một cửa duy nhất, do đó nó chạy không thoát đâu.

- Ai vậy?

- Ha! Ha! Lâu lắm chúng tôi mới ghi một bàn thắng.

Viên thám tử lấy gậy động trên đất. Người xà ích, tay cầm roi ngựa, rời xe tứ mã bước qua.

- Tôi xin phép giới thiệu ông với ông bạn Sherlock Holmes - Gregson nói với người xà ích - Đây là ông Leverton, thuộc dịch vụ cảnh sát Pinkerton của Hoa Kỳ.

- Tôi hân hạnh được biết ông! - Holmes nói.

Người Hoa Kỳ với khuôn mặt trẻ, không râu, mảnh khảnh, điềm đạm nói:

- Tôi nghe danh ông đã lâu. Chỉ chờ bắt được thằng Gorgiano này...

- Sao? Gorgiano của Vòng Tròn Đỏ.

- À, té ra cũng nổi tiếng tại Âu châu. Tại Hoa Kỳ, chúng tôi đều biết rõ bản mặt hắn. Hắn chủ mưu khoảng 50 vụ án mạng, nhưng chúng tôi chưa nắm được một bằng chứng cụ thể nào. Tôi đã bám sát hắn từ New York. Một tuần nay, tôi theo hắn sát gót. Tôi chỉ còn chờ một cái cơ để thộp cổ. Gregson và tôi đã thấy hắn lẩn trốn trong tòa nhà này. Chỉ có một cửa ra, hắn sẽ chạy không thoát đâu. Từ lúc hắn vào, ba người đã đi ra, nhưng không phải là hắn.

- Ông Holmes có nói với tôi về các tín hiệu - Gregson nói - Tôi tin rằng như thường lệ, ông ấy sâu sắc hơn chúng ta.

Holmes trình bày ngắn gọn. Người bạn Hoa Kỳ bực dọc, xoắn hai bàn tay vào nhau.

- Chúng ta bị phát hiện rồi! - Leverton la lớn.

- Căn cứ vào đâu?

- Hắn đang gửi một điệp văn cho một tông phạm. Bè lũ chúng ở London này đông lắm. Chính vào cái lúc hắn đang báo động thì đột ngột bị gián đoạn. Điều đó có nghĩa gì, nếu không phải là thành linh hắn thấy bọn chúng mình đứng ngoài đường, hoặc hắn đột ngột biết có một hiểm nguy đang đe dọa nên hắn phải ngừng ngay tức khắc. Ông nghĩ sao, ông Holmes?

- Theo tôi, chúng ta nên leo lên liền và sẽ quyết định.

- Nhưng chúng ta không có trát bắt giam hấn?

- Hấn ở tại khu nhà bỏ trống trong những điều kiện khả nghi - Gregson đáp. - Tạm thời thì bấy nhiêu cũng đủ. Khi bắt hấn rồi, chúng ta sẽ chờ New York tiếp tay để chúng ta nhốt hấn. Phần tôi, tôi nhận trách nhiệm bắt hấn ngay tức khắc.

Các thám tử của nhà nước đôi khi thiếu trí tưởng tượng, nhưng rất thừa dũng cảm. Gregson leo lên gác, nhẹ nhàng như lúc leo lên cái cầu thang lớn của sở Scotland Yard. Leverton đi trước, nhưng Gregson đã mạnh tay gạt anh ta qua một bên. Những hiểm nguy của London phải là đặc quyền của người London.

Cánh cửa của căn phòng ở phía trái của tầng ba, lúc đó đang hé mở, Gregson mở toang nó ra. Tối đen và im lặng. Tôi bật diêm, châm đèn xách tay của viên thám tử. Khi ngọn lửa đã sáng tỏ, chúng tôi đồng loạt kêu lên vì ngạc nhiên. Trên sàn nhà, những dấu chân máu chảy dài từ một căn phòng cửa đóng kín. Gregson dùng vai tung mạnh cửa, và đưa đèn lồng lên. Chúng tôi nhón chân, nhìn chăm chăm qua vai ông.

Chính giữa căn phòng trống, xác của một người khổng lồ nằm dài trong vũng máu. Mặt hấn nhẵn nhụi, sạm nắng, méo mó kỳ lạ. Đầu gối co lại, hai bàn tay xòe ra và đưa cao trong sự co giật trong lúc chết. Ở cổ, một cán dao màu trắng cắm sâu vào đó. Cạnh bàn tay mặt của hấn một dao găm cán sừng lười đôi nằm gần một chiếc bao tay da dê đen.

- Đúng là Gorgiano Đen! - Viên thám tử Hoa Kỳ la to - Ai đó đã nhanh tay hơn chúng ta.

- Còn đây, cây nến cạnh cửa sổ, anh Holmes - Gregson cười đùa. - Anh làm cái trò quỷ gì đó?

Lúc đó, Holmes cầm cây nến cháy đưa qua đưa lại ngay trước cửa sổ rồi nhìn vào đêm tối. Cuối cùng, thổi cây nến và quăng nó xuống đất.

- Tôi tin tôi sẽ đóng góp một điều ích lợi. - Holmes nói khẽ rồi đứng lặng thinh.

Trong lúc hai thám tử nhà nghề khám nghiệm tử thi, Holmes nói tiếp:

- Trong lúc các anh chờ dưới đường có thấy ba người đã ra khỏi tòa nhà này? Các anh thấy rõ không?

- Rõ.

- Các anh có để ý một anh chàng khoảng 30 tuổi, không cao, râu quai nón đen?

- Có. Hắn ra sau cùng.

- Đó là hung thủ. Tôi có thể cung cấp dấu hiệu đặc biệt của hắn vì chúng ta có dấu chân rõ ràng của hắn. - Vậy là đủ rồi chứ gì?

- Chưa đủ, ông Holmes, London có tới mấy triệu người mà.

- Quả là chưa đủ. Do đó, tôi đã mời bà này tới tiếp tay.

Tất cả chúng tôi đều quay lại. Trong khung cửa lớn xuất hiện một người đàn bà cao lớn, rất đẹp. Đó là người trọ tại nhà bà Warren. Bà từ từ bước vào, mặt tái xanh vì sợ sệt. Đôi mắt hoảng hốt nhìn đắm đắm vào kẻ nằm sõng soài trên sàn nhà.

- Các ông đã giết nó! - Bà thì thầm - Ồ, các ông đã giết nó?

Tôi nghe bà hít không khí thật sâu, rồi nhảy tung lên và vui mừng. Bà chạy quanh phòng, vừa múa vừa vỗ tay. Hàng ngàn lời cảm thán bằng tiếng Ý.

- Nhưng mà quý vị? Quý vị là cảnh sát phải không? Quý vị đã giết Giuseppe Gorgiano phải không?

- Chúng tôi là cảnh sát, thưa bà.

Bà nhìn ngơ ngác sục sạo quanh gian phòng, hỏi:

- Còn Gennaro đâu? Anh ấy là chồng tôi, Gennaro Lucca. Tôi là Emilia Lucca, cả hai chúng tôi đều có nguyên quán tại New York. Gennaro đâu? Anh ấy vừa gọi tôi từ cửa sổ này, và tôi chạy sang ngay mà?

- Chính tôi vừa gọi bà - Holmes nói.

- Ông? Làm sao kỳ vậy?

- Mật mã đâu có gì khó khăn. Sự hiện diện của bà tại đây rất cần. Tôi thấy chỉ cần đánh đi cái từ "VIENI" bằng mật mã là bà ra ngay.

Người đàn bà Ý nhìn thẳng vào Holmes với một ánh mắt lo âu.

- Tôi không hiểu vì sao ông biết được mật mã đó! Anh ấy đã...

Bà ngừng ngang và thỉnh linh mặt bà sáng đẹp vì kiêu hãnh và hân hoan.

- À, Tôi hiểu rồi! Anh Gennaro đẹp và diệu kỳ của tôi đã che chở tôi khỏi các nguy hiểm. Chính anh ấy đã giết con quái vật này! Ôi, anh Gennaro, anh thật là xuất

- Thừa bà Lucca. - Gregson kêu lên vừa đặt bàn tay lên vai bà ta một cách lạnh lùng như cách đối xử với các tên du côn. - Hiện tại tôi không hiểu rõ bà nói gì, nhưng bà đã nói đủ để tôi có cơ sở đưa bà về Scotland Yard.

- Chờ một chút, ông Gregson. Tôi tin rằng bà này sẽ rất nhiệt tình cung cấp mọi tin tức mà chúng ta cần. Thừa bà, bà vui lòng hiểu cho rằng chồng bà sẽ bị bắt, sẽ ra tòa vì tội giết người. Tất cả những gì bà nói có thể được xem là lời khai của nhân chứng. Nếu bà nghĩ rằng ông nhà đã hành động vì những lý do chính đáng thì bà nên khai đầy đủ.

- Giờ đây thằng ác ôn này đã chết, chúng tôi còn gì phải sợ đâu. - Bà đáp - Nó là một con quỷ, một con quái vật. Không một ông tòa nào phạt chồng tôi.

- Vậy thì, - Holmes đề nghị - Chúng ta hãy đóng cửa này lại để hiện trường vẫn y nguyên và trở về phòng bà, nghe bà nói.

Nửa giờ sau, cả bọn chúng tôi ngồi trong cái xa-lông nhỏ. Bà nói tiếng Anh lưu loát nhưng không chuẩn lắm.

- Tôi sinh tại Posilippo, gần thành phố Naples của nước Ý. Tôi là con gái của Augusto Barelli, trước đây là đệ nhất thẩm phán kiêm dân biểu của vùng. Gennaro là nhân viên của cha tôi và tôi yêu anh ấy. Anh ấy không có nhiều tiền, cũng không có cái gì ngoài thân hình đẹp, sức mạnh và tính cương nghị. Cha tôi không bằng lòng cho chúng tôi lấy nhau. Cả hai chúng tôi thoát ly gia đình, đám cưới được tổ chức tại Bari, Ý. Sau đó, tôi bán hết nữ trang để có đủ tiền đi Hoa Kỳ. Chuyện đó xảy ra cách nay 4 năm. Từ đó, chúng tôi liên tục ngụ tại New Yord.

Lúc đầu chúng tôi gặp may. Nhờ chồng trả một vài thằng du thủ du thực, chồng tôi được lòng và được sự bao bọc của một nhà quý tộc Ý có thể lực. Tên ông ấy là Tito Castalotte, người góp vốn chính trong công ty lớn Castalotte & Zamba, chuyên nhập khẩu trái cây lớn nhất tại New Yord. Ông Zamba là một người tàn tật nên ông Castalotte độc thân xem Gennaro như con. Đáp lại, vợ chồng chúng tôi cũng thương yêu ông ấy như cha đẻ.

Chúng tôi đã thuê và sửa chữa một ngôi nhà tại Brooklyn. Tương lai của chúng tôi có vẻ vững vàng thì bỗng có một đám mây đen bay tới

Một tối nọ, Gennaro đưa về nhà một người đồng hương, tên Gorgiano, cũng sinh quán tại Posilippo. Hắn là một tên khổng lồ, quý vị đã nhìn thấy. Trong cái thân xác khổng lồ đó là cả một con người lồ bịch, hãi hùng. Trong căn nhà nhỏ bé của chúng tôi, tiếng của hắn vang rền như sấm và có lẽ hắn chỉ cần hươ tay một cái là tất cả đều nát vụn. Khi bị hắn nhìn, đối tượng sẽ mất hồn như bị thôi miên. Thật là một con người khủng khiếp. Cũng may là, hôm nay hắn đã chết.

Hắn tới lui nhiều lần. Cứ mỗi lần hắn tới thì mặt mày của Gennaro biến sắc. Người

chồng đáng thương của tôi luôn tái mét và câm lặng ngồi nghe hắn nói diên nói sảng về chính trị và xã hội. Gennaro không nói gì, tuy nhiên tôi là bạn tri âm của anh ấy, tôi thấy có các dấu hiệu lạ thường. Lúc đầu tôi tưởng đó chỉ là một sự căm giận. Nhưng dần dà tôi hiểu rằng nó là một cái gì nặng nề hơn. Đó là sự sợ hãi: một sự sợ hãi sâu xa, kín đáo, rối loạn thần kinh. Một đêm tôi ôm cổ anh và khấn khoản nài nỉ anh giải thích cho tôi biết sự việc.

Chồng tôi thổ lộ rằng trong lúc chao đảo trước các sự bất công của xã hội, anh đã gia nhập vào băng nhóm Vòng Tròn Đỏ ở Naples, trực thuộc tổ chức Carbohari. Các lời thề và những bí mật của cái băng này thật khủng khiếp. Mắc vào đó rồi thì không có cách nào thoát ra được.

Khi chúng tôi qua Hoa Kỳ, những tường vịnh vĩnh viễn trốn khỏi gọng kìm. Nhưng một hôm, chồng tôi gặp lại chính con người đã kết nạp anh tại Naples, thằng khổng lồ Gorgiano, giết người như ngóe với biệt danh “tử thần” ở miền Nam Ý. Gorgiano chạy đến New Yord để trốn cảnh sát. Nhưng tại đây, hắn lại thành lập một chi nhánh của cái tổ chức quái đản đó. Gennaro đã thổ lộ hết với tôi và cho tôi xem một tờ giấy. Trên đầu tờ giấy có vẽ một vòng tròn đỏ. Đó là giấy mời anh dự họp băng vào ngày giờ nào đó.

Tôi có đề ý mấy lúc gần đây cứ mỗi lần tới nhà, tên khổng lồ thường bắt chuyện với tôi và khi hắn nói chuyện với chồng tôi, đôi mắt khủng khiếp của hắn như cú vọ nhìn tôi đăm đăm. Một đêm nọ, hắn tâm sự với tôi rằng hắn yêu tôi. Tôi ở nhà một mình, Gennaro chưa về, hắn đến gần tôi, siết tôi bằng sức gấu, hôn tứ tung và nài nỉ tôi ra đi với hắn. Tôi đang vẫy vùng thì chồng tôi về. Anh nhảy bổ tới, nhưng gã súc sinh quật anh ấy ngã quỵ rồi tháo chạy.

Đương nhiên, hắn không bao giờ tới nhà chúng tôi nữa. Nhưng từ đó, chúng tôi đã có một kẻ thù không đội trời chung. Vài ngày sau thì tổ đảng họp, chồng tôi về nhà với vẻ mặt cực kỳ buồn bã. Quỹ của băng đảng bắt nguồn từ những cuộc tổng tiền những người Ý giàu có. Chống lại là chết!

Castalotte, bạn thân và ân nhân của chúng tôi nhận được giấy mời. Ông ta không nao núng mà còn báo cảnh sát nữa. Tổ đảng quyết định trừng phạt. Ông ấy sẽ bị mưu sát và nhà cửa sẽ bị đặt chất nổ. Một cuộc rút thăm chỉ định người thi hành án. Tên khổng lồ mỉm cười khi thấy chồng tôi thọc tay vào túi thăm. Gennaro rút ra cái lệnh giết người có đóng triện vòng tròn đỏ. Thế là chồng tôi hoặc phải đi giết người bạn tốt nhất hoặc phải chịu hình phạt của băng đảng. Suốt đêm đó, chúng tôi ôm lấy nhau, an ủi nhau trước những thách đố hãi hùng đang chờ đợi. Giờ ra tay đã được ấn định vào hôm sau. Nhưng tới giữa trưa, vợ chồng tôi xuống tàu đi London. Tất nhiên chúng tôi đã báo tin cho vị ân nhân và cho cảnh sát để họ bảo vệ sinh mạng cho ông ấy.

Phần còn lại, thưa quý vị, quý vị đã rõ. Chúng tôi biết chắc rằng kẻ thù bám sát chúng tôi. Tên cướp này quyết báo thù, nhưng chúng tôi biết rõ các trò xảo quyệt của hắn. Chồng tôi đã khấn trương thu xếp một chỗ trốn an toàn cho tôi. Phần anh ấy, anh muốn liên lạc với cảnh sát Ý và Hoa Kỳ. Chính tôi cũng không biết anh ấy ở đâu, và làm gì.

Tất cả những gì tôi hay biết đều qua mục nhấn tin trên báo. Nhưng có một lần nhìn qua cửa sổ, tôi thấy có hai người Ý rình rập nên tôi biết rằng tên gian ác đã tìm ra nơi ẩn trốn của chồng tôi. Cuối cùng chồng tôi nhấn tin cho tôi rằng anh ấy sẽ gửi tín hiệu cho tôi từ một cửa sổ. Nhưng khi tín hiệu được phát ra, tôi chỉ thấy toàn là những lời cảnh giác rồi đột ngột bị gián đoạn. Vậy là anh ấy đã biết mình bị thằng khốn nạn bám sát. Hiện thời, thưa quý vị, vợ chồng tôi không còn gì phải sợ. Về phía luật pháp, tòa án có kết tội chồng tôi hay không?

- Nay, ông Gregson – Viên thám tử Hoa Kỳ hỏi. - Tôi không biết quan điểm của người Anh, chứ ở New York thì tôi chắc chắn chồng bà này sẽ được mọi người khen ngợi.

- Bà ấy phải đi theo tôi và gặp ông giám đốc sở. - Gregson trả lời. - Nếu cảnh sát được sự xác nhận về bản tường trình của bà ấy, thì tôi tin rằng hai vợ chồng bà đều không có gì để sợ cả. Điều tôi không thể hiểu nổi, anh Holmes à, mà quỷ nào đưa anh vào vụ này vậy.

- Vì muốn học hỏi, ông Gregson! Chúng ta khát khao học hỏi mà! Nay Watson, anh lại có thêm một mẫu chuyện bí thương và kỳ dị để làm phong phú thêm bộ sưu tập. Nhân tiện, chưa tới 8 giờ và người ta đang tấu nhạc tại công viên Covent, đề nghị chúng ta đến đó ngay.

Hết

E.3 - The Adventure of the Cardboard Box 1893 (Hai lỗ tai trong hộp cactong)

Hôm đó, một ngày của tháng 8, trời nóng khủng khiếp. Con đường Baker giống như một lò lửa. Sự phản chiếu của ánh nắng trên bức tường gạch vàng của ngôi nhà trước mặt làm nhức mắt. Các bức màn đều kéo lên phân nửa. Holmes nằm cuộn tròn trên trường kỷ, đọc đi, đọc lại một bức thư mới vừa nhận hồi sáng. Vì Holmes có vẻ quá suy tư, tôi bỏ tờ báo xuống và dựa lưng vào ghế, nhìn anh. Im lặng và nóng bức? Để phá tan bầu không khí nặng nề này, tôi lên tiếng:

- Holmes, anh có đọc một mục nhỏ trong báo hôm nay nói về một bưu kiện gửi cho cô Susan Cushing ở Croydon không?

- Tôi chưa biết gì về chuyện đó.

Tôi cầm tờ báo và đọc lớn:

"Một gói hàng ma quái

Cô Susan, ngụ tại phố Cross, là nạn nhân của một trò đùa thô lỗ. Hồi 2 giờ chiều hôm qua, bưu tá phát cho cô một bưu kiện nhỏ, được gói bằng giấy nâu. Bên trong là cái hộp bìa cứng đầy ắp muối hạt. Khi đổ muối ra, cô kinh hoàng thấy có hai lỗ tai người còn khá mới.

Cái hộp này gửi từ Belfast vào buổi sáng. Người gửi không ghi tên. Cô Susan năm mươi tuổi, sống mai danh ẩn tích, gần như không bao giờ có thư tín. Tuy nhiên, cách đây vài năm, hồi còn ngụ tại Renge, cô có cho ba sinh viên y khoa mượn phòng. Nhưng sau đó phải lấy phòng lại vì họ làm ồn ào và đi về bất thường. Cảnh sát đoán rằng trò đùa này là của một trong ba sinh viên đó.

Các sinh viên này có nguyên quán tại Belfast. Hiện nay ông Lestrade đang mở cuộc điều tra

- Tạm gác tờ báo qua một bên- Holmes nói, sau khi tôi đọc xong mẩu tin - Chúng ta hãy nói chuyện về ông bạn Lestrade. Sáng nay tôi mới nhận được thư ông ấy. Ông ấy viết: *ông Holmes, tôi nghĩ rằng vụ này hợp với sở thích của ông. Cảnh sát chúng tôi cũng tin là sẽ làm sáng tỏ được vấn đề bí hiểm. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cảm thấy có một vài khó khăn khi tìm một đầu mối để khởi động. Chúng tôi đã điện cho bưu điện Belfast, nhưng hôm đó có quá nhiều bưu kiện và không ai nhớ riêng cái bưu kiện này, giả thiết cho rằng tác giả là một sinh viên y khoa là đáng tin nhất.*

Nếu ông có dư thời gian để hoang phí, tôi rất hân hạnh được gặp ông. Tôi có mặt tại nhà cô Susan hoặc tại sở suốt ngày. Nghĩ sao đây, Watson? Anh cảm thấy dư sức chịu nắng và cùng tôi xuống Croydon không?

- Tôi chỉ đợi có bấy nhiêu?

- Hãy gọi một xe ngựa và bỏ thêm xì-gà vào hộp.

Lestrade đón chúng tôi tại ga. Đi bộ năm phút, chúng tôi đến phố Cross. Con đường rất dài, hai bên có nhà gạch hai tầng xinh xắn và sạch sẽ, bậc thang nào cũng trắng tinh. Ở các ngưỡng cửa những bụi lùm mồm mặc tạp-dề ngồi nói xấu thiên hạ.

Đi thêm hai trăm mét Lestrade dừng lại, gõ cửa? Một cô gái ra mở cửa. Cô Susan đang ngồi trong phòng. Cô có khuôn mặt điềm tĩnh, đôi mắt to, dịu hiền, tóc lốm đốm bạc, cuộn thành lọn trên đầu. Một lưới bao tóc đan dang dờ dể trên đầu gối, bên cạnh chiếc ghế đầu là một cái giỏ đầy áp-luạ đủ màu.

- Đồ quái quỷ đó đang ở ngoài kia chứ - Cô nói với Lestrade, khi chúng tôi bước vào - Tôi ước mong ông mang chúng đi càng sớm càng tốt.

- Chắc chắn như vậy, thưa cô. Tôi còn chờ ông bạn Holmes đến quan sát trước sự hiện diện của cô.

- Tại sao cần phải có mặt tôi?

- Phòng khi ông ấy hỏi này nọ.

- Còn hỏi gì nữa Tôi đã nói đi nói lại nhiều lần rằng tôi chẳng biết tí gì.

- Đương nhiên, thưa cô - Holmes lấy giọng xoa dịu, can thiệp - Tôi hiểu rất rõ rằng cô vô cùng bức bối.

- Ông nói không sai, thưa ông. Tôi là một phụ nữ thích sống ẩn dật. Quả là một cái gì hoàn toàn mới mẻ với tôi khi bị nêu tên trên báo đấy, ông Lestrade. Nếu quý ông muốn xem xin mời ra ngoài đó.

Lestrade chui vào chái sau vườn, lấy ra một cái hộp bằng các-tông màu vàng, một miếng giấy màu nâu và một khúc dây nhợ. Chúng tôi ngồi xuống trên một ghế dài ở cuối lối đi. Holmes ngắm nghía từng vật một.

- Khúc nhợ rất đáng lưu ý - Holmes nhận xét và đưa ra chỗ sáng rồi đưa lên mũi ngửi - ông nghĩ gì về khúc nhợ này, ông Lestrade?

- Nó bị thấm dầu hắc.

- Đúng như vậy. Một khúc nhợ thấm dầu hắc? Có lẽ anh đã để ý rằng cô Susan đã cắt nó bằng kéo, nó bị tưa ở hai đầu. Điều này quan trọng.

- Tôi không thấy được sự quan trọng này.

- Lestrade lắc đầu.

- Cái thắt nút còn nguyên và khá đặc biệt.

- Nút thắt rất khéo tay, tôi đã chú ý điểm này - Lestrade đáp một cách tự mãn.

- Về khúc nhợ đủ rồi - Holmes nói - Chúng ta hãy nhìn qua tờ giấy gói. Giấy nâu bốc mùi cà phê, anh không nghĩ thấy sao? Tôi tin rằng điều này không ai tranh cãi. Địa chỉ được ghi hơi nguệch ngoạc? “Cô S.Cushing đường Cross, Croydon” bằng ngòi viết to. Chữ y trong danh từ Croydon, lúc đầu được viết chữ i, sau đó được sửa thành y. Tuồng chữ của một người đàn ông học vấn hạn chế, vì chưa quen thuộc lắm với thành phố Croydon. Tốt rồi cái hộp màu vàng dùng để đựng nửa cân thuốc lá, không có gì đặc biệt trừ hai vết do móng tay cào ở góc trái. Hộp đựng muối hạt, loại thường dùng để muối da sống và da thuộc thỏ. Giữa hộp muối là hai vật dị kỳ của hồ sơ chúng ta.

Vừa nói, anh vừa lấy hai lỗ tai, đặt chúng trên một miếng ván để trên đầu gối, rồi tỉ mỉ khám nghiệm. Lestrade và tôi đứng hai bên, lần lượt nhìn khuôn mặt căng thẳng của Holmes. Sau cùng, anh bỏ chúng vào muối trở lại và ngồi lặng thinh một lúc.

- Hai lỗ tai này không phải của cùng một người?

- Holmes nói.

- Vâng, tôi có thấy. Tuy nhiên, nếu là trò đùa của sinh viên thực tập trong phòng mổ thì tại một người hay hai người đâu có gì quan trọng.

- Quả vậy Nhưng đây không phải là trò đùa.

- Chắc chắn không?

- Chắc chắn. Tại nhà thương, sinh viên thực tập trên các xác chết. Hai lỗ tai này còn tươi. Chúng bị cắt bằng một vật cùn, trong khi các sinh viên luôn luôn sử dụng con dao mổ rất bén. Ngoài ra, người có chút ít kiến thức y khoa sẽ nghĩ tới chất formol hoặc cồn để ngâm, không ai dùng muối thô. Tôi nhấn mạnh rằng đây không phải là trò đùa mà là một vụ án hình sự nghiêm trọng.

Tôi hơi lạnh xương sống khi nghe mấy từ này và nhất là khi nhìn các đường nét rắn rỏi trên khuôn mặt Holmes.

Lestrade lắc đầu:

- Một giả thiết về trò đùa thì có nhiều khe hở. Tuy nhiên, giả thiết của ông cũng có những khe hở to tướng.

Cảnh sát chúng tôi biết rằng từ ời năm qua, người phụ nữ này sống một cuộc đời rất kín đáo, đáng kính, tại Renge cũng như tại đây. Không bao giờ bà ta vắng mặt lâu hơn một ngày. Thế thì tại sao kẻ sát nhân lại gọi cho bà ta các bằng chứng tội ác của hắn?

- Đó là một bài toán mà ta phải giải đáp - Holmes trả lời - Phần tôi, tôi cho rằng lý luận của tôi đúng và phải có những án mạng xảy ra. Nhỏ, mảnh mai, có lỗ đeo bông thì phải là lỗ tai của đàn bà. Cái kia là lỗ tai đàn ông, sạm nắng, phai màu nhưng vẫn có lỗ để đeo khoen. Hai người này có lẽ đã chết, nếu không, thì chúng ta đã nghe nói về họ. Hôm nay là thứ sáu. Cái bưu kiện được gửi vào sáng thứ năm. Như vậy thì thảm kịch xảy ra vào thứ tư hoặc thứ ba hoặc sớm hơn. Nếu hai người này đã bị ám sát thì chính hung thủ đã gửi đến cho cô Susan như là một bằng chứng về tội ác đó. Thế thì người gửi bưu kiện là đối tượng của chúng ta. Nhưng sao lại gửi cho cô Susan? Lý do gì?

Có thể để cho cô ấy hay rằng tội ác đã hoàn tất, hoặc có thể để dằn vò cô ấy. Trong trường hợp thứ nhì, thì cô ấy biết hung thủ là ai. Cô ấy có biết hay không? Tôi tin là cô ấy biết. Nếu cô biết là ai, tại sao cô lại báo cho cảnh sát?

Nếu cô đem chôn hai lỗ tai, thì chỉ có Chúa mới biết. Nhưng nếu cô ấy không muốn che giấu, thì cô ấy đã tiết lộ danh tánh của hắn rồi. Thật là một mũi chỉ rối?

Holmes vừa nói vừa nhìn vu vơ. Thành linh anh nhảy dựng lên nói.

- Tôi cần hỏi cô Susan đôi điều.

- Vậy tôi xin kiêu từ. Tôi còn phải theo dõi một vụ khác. Theo tôi, thì ta chẳng moi móc thêm được gì nơi cô Susan. Các anh nên tìm tôi lại sở - Lestrade nói.

- Trên đường ra ga, chúng tôi sẽ ghé - Holmes đáp.

Một lát sau, chúng tôi trở lại căn phòng của cô gái già, cô để cái lưới bao tóc đang đan dang dờ xuống đầu gối, nhìn chúng tôi bằng đôi mắt xanh, sắc sảo nhưng khá thành thật.

- Thưa ông, tôi tin chắc rằng - Cô nói với chúng tôi - Đó là một lần lẩn. Tôi đã nói đi nói lại với anh chàng Scotland Yard, nhưng anh ta chỉ cười. Tôi không có một kẻ thù nào trên đời này. Tại sao tôi bị giấu cọt như thế này?

- Tôi đồng ý hoàn toàn với cô - Holmes lấy ghế ngồi bên cạnh và nói - Tôi tin chắc chắn rằng...

Bỗng anh dừng lại. Tôi thấy anh nhìn chòng chọc cái hình nghiêng của cô Susan

nhưng khi cô ngạc nhiên quay lại thì anh thần nhiên trở lại.

Lúc đó, tôi bắt đầu chú ý bộ tóc xẹp xuống và hoa râm của nữ chủ nhân, cái mũi nhỏ, đôi bông tai của cô, cái diện mạo bình thần của cô và thấy không có gì có thể làm cho Holmes xúc động cả.

- Có vài điều thưa ông, tôi phát ngáy các câu hỏi - Cô Susan bực dọc la lớn.

- Cô có hai em gái?

- Làm sao ông biết?

- Khi vào phòng này, tôi để ý tấm hình ba người phụ nữ treo trên lò sưởi: một người là cô, còn hai người kia giống cô lắm.

- Ông nói đúng! Đây là hai em gái Sa-ra và Ma-ry của tôi.

- Còn đây đúng là một tấm hình khác của cô Ma-ry (em út của cô) đứng cùng với một người đàn ông chụp tại Liverpool. Dựa trên y phục thì đó là anh nam tiếp viên hàng hải. Vào lúc đó, có lẽ họ chưa làm đám cưới.

-Ồ, ông có thiên khiếu quan sát khá cao?

- Nghề nghiệp của tôi!

-Ừ, ông nói đúng. Nhưng vài ngày sau, chúng lấy nhau. Dượng ấy là Jim đang phục vụ tuyến đi Nam Mỹ khi chụp hình. Nhưng mê vợ đến nỗi không thể xa vợ lâu ngày, nên chuyển qua phục vụ trên một chiếc tàu Liverpool - Luân Đôn.

- À, chiếc Conqueror?

- Không, chiếc May Day, Jim có đến thăm tôi một lần tại đây trước khi hấn nhậu nhẹt trở lại. Sau đó, hấn say bí tỉ mỗi khi lên bờ. Hễ có tí rượu quậy như một thằng điên. Buồn thay cho cái ngày hấn bắt đầu nhậu trở lại. Trước hết hấn coi thường tôi rồi gây gổ với Sa-ra và giờ đây, vì Ma-ry không liên lạc thư tín với tôi nữa nên tôi chả biết chúng nó sống ra sao.

Rõ ràng là cô Susan được dịp tuôn hết những âm ức trong lòng ra. Như các người sống ẩn dật, cô ta tỏ ra rụt rè lúc đầu, nhưng sau đó thì tỏ ra cực kỳ thêm khát bầy tỏ tâm sự. Cô cung cấp cho chúng tôi nhiều chi tiết về người em rể, rồi đến mấy sinh viên y khoa mượn nhà. Cô kể cho chúng tôi nghe các tật xấu của họ, tên tuổi của họ và nơi họ làm việc. Holmes chú ý nghe tất cả, thỉnh thoảng chân lại để đặt một câu hỏi.

Về cô em Sa-ra, tại sao hai cô đều độc thân mà lại không sống chung với nhau?

- Ôi, rõ ràng là ông không biết tính của Sa- ra. Khi mới dọn về Croydon, chúng tôi ở chung với nhau. Nhưng cách đây hai tháng, chúng tôi phải chia tay. Tôi không muốn nói xấu em gái tôi, nhưng nó cực kỳ khó tính, lại hay xen vào chuyện của mọi người.

- Cô nói rằng hai cô em đã cãi lộn với nhau ở Liverpool?

- Đúng thế. Tuy nhiên, có một lúc hai đứa nó thân thiết nhất trên đời này. Nó tự động lên trên đó sống chung với vợ chồng Ma-ry. Nay thì Sa-ra luôn luôn chống đối Jim. Khi xuống đây, Sa-ra vẫn mãi nói về tật say sưa, tính tình thô bạo của im. Tôi nghĩ rằng Jim không chịu nổi việc Sa-ra xen vào gia đình của mình.

- Cám ơn cô nhiều - Holmes nói, rồi đứng dậy cúi chào - Cô vừa nói rằng cô em Sa-ra ngụ tại đường New ở Wallington. Thôi xin tạm biệt, và thành thật chia buồn với cô.

Khi chúng tôi vừa ra, thì một xe ngựa chạy ngang.

Holmes gọi nó lại:

- Wallington có xa đây không?

- Thưa ông, một ngàn năm trăm mét.

- Tốt lắm, lên xe đi, anh Watson, chúng ta phải đập sắt khi nó còn nóng. Tuy nội vụ đơn giản, nhưng vẫn còn cần vài chi tiết. Nay anh xà ích, khi bưu điện thì dừng lại nhé?

Holmes gởi một bức điện ngắn. Xe lại lên đường, anh dựa lưng vào thành xe, mũ kéo sụp để tránh nắng.

Xe ngừng trước một ngôi nhà khá giống căn nhà của cô Su- san. Holmes bảo xe chờ. Khi anh gõ cửa thì một người đàn ông dáng điệu trầm ngâm, trang phục đen, đội mũ láng bóng, bước ra.

- Cô Sa-ra ngụ tại đây?

- Holmes hỏi.

- Cô ấy hiện đau rất nặng. Từ hôm qua, cô bị kích động trầm trọng. Với tư cách y sĩ, tôi không thể cho phép ông vào thăm. Yêu cầu ông nán lại mười ngày sau.

Ông ta đóng cửa lại, và đi xuống đường.

- Có sao đâu, không là không - Holmes nói một cách hồ hởi.

- Có gặp được, cô ấy cũng không muốn nói chuyện nhiều với anh.

Tôi cũng chẳng cần cô ấy nói nhiều. Tôi chỉ muốn nhìn cô ấy thôi - Anh quay qua người lái xe - Anh hãy đưa chúng tôi đến một quán ăn đường hoàng một chút. Anh Watson, cơm trưa xong, chúng ta đi tìm ông bạn Lestrade.

Cả hai chúng tôi đều ăn cơm khá ngon. Holmes chỉ nói về âm nhạc. Anh hào hứng kể lại cái cách nào mà anh mua cây đàn với năm mươi lăm si-linh trong lúc trị giá tối thiểu là năm trăm ghi-nê tại một tiệm cầm đồ Do Thái.

Cao hứng, anh nói tới nhạc sĩ vĩ cầm người Ý là Paganini.

Trong suốt một giờ, anh mê say kể các giai thoại về con người phi thường này. Xế chiều, khi nắng hơi dịu, chúng tôi đến sở cảnh sát. Lestrade đợi chúng tôi tại cửa.

- Có một bức điện cho ông, ông Holmes à?

- À, có hồi âm rồi?

- Anh mở bức điện, liếc qua, rồi nhét vào túi.

- Mọi chuyện đều êm xuôi - Anh nói.

- Ông đã tìm ra được cái gì?

- Lestrade hỏi.

- Tôi đã tìm ra tất cả- Cái gì? ông đùa à? - Lestrade trố mắt nhìn Holmes.

- Tôi nói rất nghiêm túc. Một tội ác đê tiện đã xảy ra và tôi tin rằng hiện tôi đã nắm được mọi chi tiết.

- Còn hung thủ?

Holmes hí hoáy vài chữ sau lưng một danh thiếp của anh rồi đưa cho Lestrade.

- Đó là danh tích của nó. Anh không thể bắt nó trước chiều mai. Yêu cầu anh đừng nêu tên tôi trong vụ này vì vấn đề này tầm thường thôi?

Hai chúng tôi ra ga trong lúc Lestrade hân hoan ngắm nghía tấm danh thiếp.

Trong lúc chúng tôi vừa tán gẫu vừa hút xì-gà, Holmes nói với tôi rằng vụ án này cần phải đi ngược từ hậu quả tới nguyên nhân.

- Tôi đã viết thư yêu cầu Lestrade cung cấp các chi tiết mà chúng ta còn thiếu. Ông ấy sẽ kiểm tra sau khi bắt được chân hung. Chắc chắn sẽ bắt được bởi vì ông ta rất kiên trì từ khi hiểu rõ mệnh lệnh, chính bản tính này giúp ông ta thăng tiến trong Scotland Yard.

- Hồ sơ của anh chưa xong à?

- Gần xong. Chúng ta biết ai là người chủ động trong cái vụ thô bạo này. Nhưng ta chưa biết được danh tánh của một nạn nhân. Tất nhiên, anh đã rút ra kết luận của riêng anh rồi chứ? Tôi đoán rằng anh nghi anh chàng Jim.

- Nặng hơn là nghi!

- Tuy nhiên tôi chỉ thấy lờ mờ thôi!

- Ngược lại là khác, quá sáng tỏ. Chúng ta đã tiếp cận vấn đề. Lúc khởi sự, chúng ta đã thấy gì? Một cô gái già bình dị, đáng kính và một cái ảnh tiết lộ cho tôi biết rằng cô ấy có hai em gái trẻ hơn. Ngay tức khắc, tôi nghĩ rằng bưu kiện đã được gửi cho một trong hai người đó, chứ không phải gửi cho người chị cả. Tôi đã để cái ý tưởng này qua một bên, tự nhủ rằng phải kiểm nghiệm và phản bác nó. Rồi chúng ta đã khám nghiệm cái hộp nhỏ màu vàng.

Dây buộc thuộc loại dùng cột buồm, nhuộm mùi thơm của gió biển. Khi tôi để ý rằng nút được thắt theo lối của thủy thủ, bưu kiện được gửi từ một hải cảng và lỗi tai người đàn ông thì có lỗi và đeo vòng (theo thói quen của giới thủy thủ, thì tôi tin chắc chắn rằng các diễn viên của tấn kịch thuộc giới đi biển.

Khi tôi xem địa chỉ của bưu điện, tôi thấy người nhận là S.Cushing. Đương nhiên người chị cả tên là Cushing và chữ đầu của hai chị em đều là chữ S hoa vậy chữ S hoa này có thể là Su-san Cushing mà cũng có thể là Sa-ra Cushing. Trong trường hợp này thì phải tiếp tục điều tra thêm. Khi tôi sắp khẳng định với cô gái già rằng chắc chắn có một sự nhầm lẫn, thì tôi đột ngột ngưng lại, anh còn nhớ chứ “Là một bác sĩ, hẳn anh thừa biết rằng: không có lỗi tai nào giống hết lỗi tai nào. Không hề có hai lỗi tai giống hết nhau. Trong số báo “Nhân loại học” năm ngoái, tôi có viết lại chuyên luận ngắn về đề tài này. Khi nhìn cô Susan, và thấy tai cô ta khá giống với một cái tai trong hộp: đường đỉnh ốc cùng một độ mỏng, tai trên cùng một độ cong, cái sụn bên trong cùng một độ ngoằn ngoèo. Trên căn bản, hai lỗi tai rất giống nhau.

Tất nhiên, tôi nhận rõ tức khắc tầm quan trọng lớn lao của nhận xét này. Rõ ràng nạn nhân là một người cùng dòng họ với cô Susan. Tôi hỏi cô Susan về gia đình của cô thì được nghe các chi tiết mà anh vẫn còn nhớ đó.

Trước tiên, em gái kế của cô tên là Sa-ra, Susan và Sa- ra đã sống chung với nhau cho tới những ngày gần đây?

Đó chính là sự nhầm lẫn về địa chỉ trên bưu kiện. Tiếp đến, chúng ta được nghe về anh Jim, lấy cô gái út, chúng ta được biết rằng có một đạo cô Sa-ra dọn nhà đến sống chung với gia đình chàng Jim. Cách đây vài tháng, họ đã cắt đứt mọi liên lạc đến nỗi khi cần liên hệ với cô Sa-ra, Jim đã phải gọi đến địa chỉ cũ.

-Đến đây chúng ta thấy rõ vì sao anh chàng Jim dám từ bỏ mọi việc làm lương hậu để được sống gần vợ, lại thỉnh thoảng say túy lúy. Chúng ta có đủ lý do để tin rằng vợ của Jim (tức cô Ma-ry) đã bị giết cùng với một người đàn ông. Ghen tuông có thể là động cơ chính của vụ giết người. Nhưng tại sao kẻ giết người lại gọi bằng chứng tội ác đến cho cô Sa-ra Cushing? Có lẽ vì khi sống tại Liverpool, cô ta đã xen vào các biến cố Anh nên để ý tuyến hải hành có dừng lại tại Belfast, Dublin và Waterford. Nếu Jim phạm tội ngay trước khi lên tàu May Day, thì Belfast là điểm đầu tiên mà hắn có thể gọi các bưu kiện quỹ quai.

Tới giai đoạn này, rõ ràng chúng ta phải đưa ra một giả thiết thứ hai, dù tôi nghĩ rằng nó không vững lắm. Một kẻ si tình bị xua đuổi có thể đã giết ông bà Jim và lỗ tai đàn ông là của Jim và lỗ tai đàn bà là của Ma-ry.

Do đó, tôi đánh một bức điện cho bạn thân tôi là Aga , thuộc sở cảnh sát Liverpool, yêu cầu ông ấy kiểm lại xem bà Ma-ry có ở nhà không, và ông Jim có lên tàu May Day không. Kế đó chúng ta đi Wallington để viếng thăm cô Sa-ra. Tôi hăm hở muốn biết xem cô này có cái lỗ tai giống chị mình không. Ngoài ra, cô ấy có thể cung cấp cho chúng ta vài tin tức quan trọng.

May mắn thay, hồi âm bưu điện cho biết ba ngày nay, nhà bà Ma-ry đóng cửa và những người láng giềng cho biết bà xuống miền Nam thăm hai người chị, trong khi đó sở hàng hải xác nhận rằng ông Jim đã xuống tàu May Day và chiều mai tàu này sẽ đến sông Thames. Khi đến nơi, hắn sẽ bị Lestrade thộp cổ. Khi đó chúng ta sẽ có đủ mọi chi tiết cần thiết.

Hai ngày sau, Holmes nhận được một phong bì lớn đựng một bức thư của viên thám tử và một tài liệu đánh máy gồm nhiều trang.

- Lestrade chộp hắn rồi - Holmes nói - Có lẽ anh cần biết thư nói gì?

Tôi đọc cho anh nghe.

Ông Holmes thân mến.

Thi hành kê' hoạch mà chúng ta đã đề ra để kiểm chứng các giả thiết của chúng ta...(hai chữ "chúng ta" nghe ảm áp làm sao, phải không Watson, Tôi đến bên Albert Dock chiều qua lúc 6 giờ và leo lên tàu May Day.

Sau khi dò hỏi, tôi phát hiện rằng trong thủy thủ đoàn của một nam tiếp viên tên là Jim. Trong chuyên đi, người này xử sự bất bình thường. Tôi xuống phòng hắn, và gặp hắn đang ngồi trên cái rương, hai tay ôm đầu, thân hình ngã tới ngã lui. Đó là một người to cao, lực lượng, không râu, da sạm nắng. Hắn nháy dựng lên khi nghe tôi đọc lệnh bắt hắn. Tôi đã đưa còi lên môi để cầu viện thì hắn sụm xuống rồi lặng lẽ đưa cổ tay cho tôi còng. Chúng tôi nhốt hắn vào xà lim tại sở, và có tịch thu cái khác của y, trong đó chỉ có

một con dao to, theo thói quen của thủy thủ. Lời khai của hắn được ghi bằng tốc ký và được đánh máy thành ba bản. Chúng tôi gửi đến ông một bản.

Như tôi đã thấy ngay từ đầu, nội vụ đơn giản như trò chơi trẻ con, tuy nhiên đa tạ ông về sự giúp đỡ quý báu dành cho tôi.

Trân trọng kính chào.

Lestrade

- Hừ - Holmes nói - Nội vụ đơn giản như trò chơi trẻ con, nhưng chắc chắn ông ta đã không thấy như vậy lúc đến nhờ vả ta. Cũng chẳng sao. Bây giờ ta hãy xem Jim khai cái gì.

“Tôi thú nhận rằng tôi không sao nhắm mắt ngủ được nữa. Thỉnh thoảng tôi thấy cái đầu của hắn, nhưng cái đầu của cô ta thì xuất hiện thường hơn. Tôi không bao giờ còn cô độc nữa, họ luôn ở bên cạnh tôi. Hắn thì ủ dột và nhẵn nhớt, còn cô ta thì luôn có cái nhìn kinh ngạc. Tôi không muốn chạy tội đâu. Nhưng tất cả đều do lỗi của Sa-ra, chị ruột của nàng.

Họ có ba chị em. Chị cả là người đàn ông hoàng, tử tế. Chị thứ nhì là một con quỷ sứ. Cô em út là một thiên thần. Sa-ra ba mươi ba tuổi. Ma-ry thì hai mươi chín khi lấy tôi. Vợ chồng chúng tôi sống hoàn toàn hạnh phúc trong thành phố Liverpool. Một ngày kia, vợ tôi mời Sa-ra đến ở một tuần rồi một tháng và cuối cùng thì ở luôn với vợ chồng chúng tôi.

Lúc đó, tôi không uống rượu. Chúng tôi sống tiết kiệm và tương lai của vợ chồng chúng tôi sáng như một đồng đô-la

Mỗi cuối tuần tôi đều ở nhà. Khi nào tôi ra khơi trễ vì chờ chất hàng thì tôi nằm nhà cả tuần và tôi có dịp sống gần với chị vợ hơn. Đó là một người đàn bà đẹp, cao lớn, tóc màu, linh hoạt, hung ác, với đôi mắt sáng quắc như lửa. Nhưng khi có Ma-ry một bên thì tôi chỉ còn biết có một mình nàng. Tôi long trọng thề như thế.

Đôi khi tôi có đề ý và thấy rằng Sa-ra muốn ở một mình với tôi, hoặc muốn tôi đưa đi chơi. Một đêm nọ, tôi từ tàu trở về nhà và vợ tôi đi vắng, chỉ có Sa-ra ở nhà.

- Ma-ry đi đâu?

- Tôi hỏi.

-Ồ, dĩ ăy đi trả tiền gì cho ai đó.

Tôi bồn chồn, đứng ngời không yên.

- Dượng không thể cảm thấy hạnh phúc trong năm phút khi Ma-ry đi vắng sao?

- Tốt lắm?

Tôi cả nể, đưa tay ra cho chị ta. Tức thì chị ta ôm chặt lấy nó trong hai bàn tay bưng bưng sinh khí. Tôi nhìn chị ta chòng chọc và chúng tôi hiểu hết, khỏi cần nói thành lời. Chị ấy đứng sát tôi, không nói gì, rồi để tay trên vai tôi.

- Có sao đâu Jim- Chị ta nói với một nụ cười giấu cợt, rồi tung tăng khắp phòng.

Khốn nạn là kể từ ngày đó. Sa -ra ghét cay ghét đắng tôi. Tôi thề là không nói ngoa. Tôi đã ngu xuẩn để chị ấy tiếp tục sống chung với chúng tôi. Đúng thế, tôi quả là một thằng ngu! Tuy nhiên tôi không nói gì với Ma-ry.

Sinh hoạt của chúng tôi vẫn diễn tiến như cũ. Nhưng sau một thời gian, tôi nhận thấy Ma-ry thay đổi, trước kia nàng rất ngây thơ, hoàn toàn tin tưởng vào tôi. Giờ đây nàng trở nên kỳ dị, đa nghi. Nàng muốn biết tôi đã đi đâu, làm gì, nhận thơ của ai, có gì trong túi và nàng đã giữ một nghìn linh một trò xuẩn động khác.

Ca ngày, nàng càng quái dị, khó chịu hơn. Vợ chồng cãi vã ồn ào chỉ vì một chuyện vớ vẩn. Tôi chả hiểu gì cả. Bây giờ, Sa-ra thường tránh mặt tôi, nhưng hai chị em nàng thì gần bó như bóng với hình. Giờ đây tôi mới hiểu rằng lúc đó Sa-ra đầu độc vợ tôi, mưu phá gia đình tôi. Tôi buồn, bắt đầu nhậu trở lại.

Thế là Ma-ry có thêm một cái cớ để trách móc tôi và cái hố cách biệt giữa hai vợ chồng càng ngày càng sâu thêm. Rồi sự xuất hiện của thằng thủy thủ A-lét đã làm cho sự việc trở nên trầm trọng hơn nữa.

Hắn có tài kể chuyện. Hắn thường xuyên đến nhà chúng tôi. Tuy nhiên, một ngày nọ, một biến cố nhỏ làm tôi nghi ngờ và kể từ đấy tôi mất hẳn sự an tâm.

Hôm đó, tôi đột ngột trở về nhà. Khi đẩy cửa vào phòng khách, tôi thấy mặt vợ tôi đầy nét hân hoan.

Nhưng khi biết người bước vào nhà là tôi, thì nàng sà sầm mặt lại, im lặng, quay đi một cách thất vọng. Thế là đã quá rõ, chỉ có A-lét mới có bước đi giống tôi. Nếu gặp hắn lúc đó, tôi sẽ giết hắn ngay. Nhìn thấy ngọn lửa giận hờn trong cặp mắt của tôi, Ma-ry chạy tới để tay lên vai tôi:

- Đừng, Jim, đừng.

- Sa-ra đâu rồi? - Tôi hỏi.

- Dưới bếp?

- Sa-ra! - Tôi nói lớn bước vào bếp - Từ nay thằng A-lét không được phép bước vào nhà tôi nữa.

Con quỷ cái Sa-ra kinh ngạc nhìn tôi:

- Tại sao.

- Không được hỏi.

Đó là lệnh của tôi?

- Ô, nêu các bạn thân của tôi không xứng đáng vào nhà này, thì cả tôi cũng không xứng đáng.

- Chị muốn gì tùy ý, nhưng nếu thằng đó mà vào đây một lần nữa, tôi sẽ gởi cho chị một cái lỗ tai kỷ niệm.

Ngay đêm đó, Sa-ra rời nhà tôi. Nhưng chị ta dọn ra cách nhà tôi không bao xa và cho giới thủy thủ mượn phòng. A-lét tới đó đều đặn và Ma-ry qua lại đó với chị mình. Vợ tôi đến đó bao nhiêu lần, tôi không biết. Có một lần, tôi rình theo và khi tôi bước vào nhà thì A-lét, treo tường thoát thân. Tôi nói với vợ tôi rằng tôi sẽ giết chết nàng nếu nàng tái phạm. Sau đó, tôi dẫn nàng về nhà Ma-ry khóc nức nở, mặt trắng như giấy. Từ đó Ma-ry lại càng ghét tôi. Sự tuyệt vọng khiến tôi càng uống rượu nhiều và nàng càng kinh miệt tôi. Đúng vào lúc đó, Sa-ra quay về sống chung với chị cả tại Croydon. Thời gian êm ả trôi qua cho tới tuần rồi là lúc khởi đầu sự đổ nát.

Tôi lên tàu May Day để đi một tuần. Nhưng vì tàu trục trặc, tôi phải trở về cảng trong mười hai giờ. Tôi về nhà hy vọng thấy Ma-ry tươi cười. Nhưng khi tôi quẹo vào đường tối, tôi gặp một chiếc xe ngựa chạy ra và vợ tôi ở trong đó, bên cạnh có A-lét. Cả hai người đùa to tiếng, chúng không ngờ tôi đang quan sát chúng từ bên kia đường.

Tôi thú thật rằng từ lúc đó, tôi mất hẳn sự tự chủ. Tôi chạy bộ đuổi theo chiếc xe ngựa, trên tay là một khúc gỗ sồi. Nhưng trong khi chạy, tôi nghĩ ngợi và giảm tốc độ để quan sát đôi gian phu dâm phụ. Chúng dừng lại tại ga. Ở các ghi-sê người ta chen nhau. Tôi có thể chen vào gần mà chúng không hay. Chúng mua vé đi New Brighton. Tôi cũng đi. Tôi leo lên toa thứ ba sau toa của chúng. Tại Brighton, chúng đi dạo trên bờ biển. Tôi theo sau chúng hai trăm thước. Cuối cùng tôi thấy chúng thuê một chiếc tàu, có lẽ chúng đi hóng mát. Trời có sương mù nhẹ. Cách nhau vài trăm thước không thấy nhau. Tôi cũng thuê một chiếc xuồng và chính tôi chèo lái. Theo làn nước, tôi thấy xuồng của chúng tách bến. Khi ra khỏi bờ khoảng một nghìn năm trăm mét, sương mù phủ kín, chỉ có ba chúng tôi giữa biển cả mênh mông.

Tôi không bao giờ quên khuôn mặt của chúng khi nhận ra người chèo xuồng sát bên. Ma-ry thét lên. Anh chàng chỉ chửi thề như thằng điên và toan dùng chèo đập tôi. Tôi né được và nện cho y một chèo nát đầu. Tôi chưa cô ấy ra, dù cô ấy dâm loạn. Nhưng

khi ả ôm lấy thằng dâm phu, kêu lên: A-lét tôi điên người, nện cho ả một chày. Cô ả gục bên cạnh. Như một con thú dữ say máu.

Tôi rút dao ra.. vậy đó, tôi khai báo khá đủ. Tôi cảm thấy một niềm hân hoan mang đại khi tôi nghĩ tới lúc Sa-ra nhận món quà phục thù thâm độc của tôi. Rồi tôi cột hai xác chết vào xuồng, gỡ một miếng ván ở đáy thuyền chờ cho đôi gian phu dâm phụ chìm sâu xuống đáy biển. Tôi dự đoán rằng chủ xuồng sẽ cho là chúng đi lạc trong sương mù và phiêu dạt đâu đó ngoài đại dương. Tôi lau chùi, chèo vào bờ, trở về tàu. Đêm đó tôi chuẩn bị cái bưu kiện gửi cho Sa-ra Cushing. Xong rồi. Tôi đã nói hết sự thật. Ông có thể treo cổ tôi ngay! Tôi đang đau khổ, vì cứ mỗi lần nhắm mắt là trông thấy hai khuôn mặt đó. Họ nhìn tôi với những cặp mắt hốt hoảng, như lúc họ chợt thấy tôi trong sương mù. Tôi đã giết họ nhanh chóng, nhưng họ lại giết tôi từ từ. Lại một đêm nữa. Tôi sẽ chết hoặc phát điên trước khi trời sáng. Lạy các ông đừng để tôi một mình trong xà lim.

- Ý nghĩa của toàn câu chuyện này là gì vậy, anh Watson- Holmes để xấp tài liệu xuống bàn, rồi trịnh trọng hỏi tôi.
Hết.

E.4 - The Adventure of the Bruce-Partington Plans 1908 (Các bản vẽ tàu ngầm Bruce Partington)

Trong tuần lễ thứ ba của tháng 2 năm 1895, một làn sương mù vàng dày đặc phủ lên London. Từ thứ hai cho tới thứ năm, đứng tại các cửa sổ của đường Baker không thể nào thấy dãy nhà trước mặt. Holmes đã sử dụng ngày đầu tiên của tuần đó để tham khảo một số tài liệu và hai ngày sau được dành cho đề tài: “Âm nhạc thời Trung cổ”. Nhưng vào ngày thứ tư, sau điểm tâm, anh thấy rằng liên tiếp mấy ngày qua, các cuộn sương mù nhớp nhúa xám xịt nặng nề đang lừng lờ trên đường phố, vẫn còn đọng lại thành từng giọt nhờn nhờn trên các cửa kính, thì cái tính dễ nổi nóng của anh bộc phát. Anh bước sải trong phòng khách nhỏ bé, cắn móng tay, vấp chân vào đồ gỗ, nguyên sự rảnh rỗi.

- Báo chí không có tin gì cả Watson?

Tôi thừa biết rằng đối với Holmes, hai chữ “tin gì” có nghĩa là “tin về hình sự”. Hôm đó có đăng tin về một cuộc cách mạng, về một cuộc chiến có thể bùng nổ, về các lời đồn đại rằng chính phủ sẽ đổ. Các tin tức loại này nằm ngoài phạm vi của Holmes. Ở mục tin vặt, không mẫu tin nào đáng được lưu ý. Holmes than thở rồi tiếp tục sải bước qua lại.

- Bọn tội phạm hình sự ở London thật là ngu. Anh Watson, hãy nhìn qua cửa sổ mà xem. Đâu thấy mặt người rõ ràng? Trong sương mù dày đặc này, một thằng ăn cướp hay một thằng giết người có thể đi ngang dọc tại thủ đô như cọp giữa rừng già nhiệt đới. Con mồi chỉ hay biết sau khi đã nằm trong nanh vuốt.

- Có nhiều vụ trộm vặt. - Tôi nói.

Holmes hít hít một cách miệt thị:

- Cái sân khấu vĩ đại với ánh sáng bệch bạc, thuận lợi cho những vở kịch hay hơn ngàn lần. Xã hội có điểm phúc khi tôi không có tính cướp bóc.

- Quả thật là một điểm phúc.

- Thí dụ tôi là một trong đám giang hồ tứ chiếng thì London chết với tôi. Chỉ cần tung ra một giấy mời giả, hoặc một câu hẹn láo là xong. May mắn sao các xứ Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... nơi mạng người được xem như cỏ rác, không có nạn sương mù này, chắc ta sẽ thoát khỏi cái đơn điệu chết người này.

Người làm bước vào với một bức điện tín. Holmes mở ra và cười lớn:

- Ngày của những phép lạ - Holmes nói - Anh Mycroft sẽ đến.

- Sao lại gọi là phép lạ?

- Tại sao ư? Như thể bạn gặp một xe lửa điện chạy trên một đường mòn ở đồng quê. Mycroft có đường ray riêng mà anh ấy không bao giờ rời chúng. Cái căn hộ tại Pall Mall, cái câu lạc bộ Diogène, Văn phòng nội các là các tín xe lửa điện của anh. Chỉ có một lần anh ấy đến đây. Hôm nay tai họa gì đã khiến anh ấy tới đây?

- Anh ấy không giải thích sao?

Holmes đưa cho tôi bức điện tín. “Muốn gặp em về vụ Cadogan West. Anh sẽ đến, Mycroft”.

- Cadogan West? Cái tên này gợi lên cho tôi điều gì?

- Đối với tôi cũng chẳng gợi lên tí gì cả. Nhưng trước sự kiện Mycroft phá lệ, anh có thấy tôi rối bời không? Thực ra, anh có biết Mycroft là ai không?

- Tôi có biết anh ấy khi chúng ta giải quyết vụ “Người thông ngôn Hy Lạp”. Anh có nói rằng Mycroft có một chức vụ nhỏ trong guồng máy nhà nước.

Holmes mỉm cười:

- Lúc đó tôi chưa quen anh nhiều, nên phải giữ miệng. Anh đúng khi tin rằng anh ấy là viên chức. Nhưng anh cũng không sai khi nói rằng lúc ấy bản thân Mycroft là Nhà nước Anh quốc.

- Khiếp thật!

- Mycroft lĩnh lương 450 bảng một năm, là người tuyệt đối không có tham vọng gì. Mycroft không chức tước gì, nhưng lại là người rất cần thiết cho đất nước.

- Bằng cách nào?

- Vị trí của Mycroft là vô song. Trên đời này, anh ấy đặc biệt có bộ nhớ phi phàm. Các kết luận của các Bộ được đệ trình mỗi ngày. Anh ấy là bộ phận đầu não điều tiết, tổng hợp các thông tin đó. Một ông bộ trưởng cần nhận xét một thông tin liên quan tới hải quân Ấn Độ, Canada? Với tài liệu cung cấp chỉ có Mycroft mới có khả năng nhìn tổng thể và giải thích ngay sự tác động của các yếu tố. Sơ khởi anh ấy được sử dụng như một công cụ để tiết kiệm thời gian. Nhưng hiện thời anh ấy đã trở nên tối cần. Trong đầu anh ấy, mọi việc được xếp theo thứ tự hần hoi. Khá nhiều việc phải chờ ý kiến của anh ấy rồi mới quyết định. Anh ấy sống trong chính giới. Anh ấy không hề phân tâm

vào chuyện nào khác trừ phi để đầu trí cho vui. Thỉnh thoảng anh ấy cũng xen vào vài vấn đề lặt vặt của Hôm nay là ngày Thứ ba để giáng trần, không biết Mycroft cần gì ở tôi? Cadogan West là ai? Liên quan gì đến Mycroft?

- Tôi biết rồi! - tôi kêu lên sau khi lục lại chồng báo - Đúng rồi, chính y. Cadogan West là chàng thanh niên đã chết sáng thứ ba trong xe điện ngầm.

Holmes sửng người, lắng nghe.

- Chắc chắn là chuyện quan trọng, Watson à. Một cái chết, buộc anh tôi phải thay đổi thói quen thì tất nhiên không thể là cái chết bình thường. Chắc nó có liên quan với anh ấy. Nội vụ là tầm thường, nếu tôi nhớ không lầm. Anh chàng từ xe điện ngầm ngã xuống. Không hề bị mất mát gì, nên không có lý do để ngờ vực có chuyện đen tối, đúng không Watson?

- Một cuộc điều tra đã tiến hành và đã phát hiện thêm những dữ kiện mới mẻ. Xem kỹ lại thì thấy đó là chuyện khá lạ kỳ - Tôi đáp.

- Căn cứ vào tác động của nó đối với anh tôi, tôi đồng ý rằng nó không phải là chuyện vặt vãnh.

Holmes thu mình lại trong ghế bành.

- Nào Watson, các dữ kiện mới là những gì?

- Arthur Cadogan West, 27 tuổi, độc thân, thư ký tại xưởng hải quân Woolwich.

- Viên chức? Hèn chi liên quan tới Mycroft.

- Anh ta đột ngột rời Woolwich vào tối thứ hai. Cô Violet Westbury, vị hôn thê của anh ta, là người gặp anh ta cuối cùng. Anh ta từ giã cô ấy một cách đột ngột lúc 7 giờ 30 trong sương mù. Họ không hề cãi nhau. Hiện cô ấy chẳng hiểu ra làm sao cả, chỉ biết rằng xác anh ta được một công nhân xe điện ngầm phát hiện gần ga Aldgate.

- Hồi mấy giờ?

- Xác được phát hiện vào 6 giờ sáng thứ ba, nằm bên trái, xa đường sắt, tuyến phía đông gần xe, ở nơi kết thúc đường hầm. Đầu bị vỡ, có thể do bị ngã. Nếu xác được khiêng trong đường phố gần đó ra, thì nó đã phải đi qua cửa người bắt đứng, điều này khá rõ.

- Rất tốt. Chuyện khá rõ. Xô ngã hoặc bị quăng xác từ tàu xuống. Cứ tiếp tục?

- Các tàu chạy gần đó từ Tây sang Đông có chuyển thuộc loại nội thành, có chuyển từ Willesden hay ngoại thành vào. Có thể đoán chắc rằng khi rơi xuống, anh chàng này đi

hướng Tây Đông vào lúc khá khuya. Tuy nhiên khó xác định anh ta lên tàu lúc mấy giờ.

- Thì xem trên vé.

- Anh ta có vé đâu?

- Không có vé? Đó mới là điều cực kỳ dị thường. Không ai có thể vào bến xe điện ngầm mà không có vé. Như vậy thì rất có thể anh chàng này có vé đảng hoàng, nhưng bị lấy đi để che giấu tên ga mà anh ta lên tàu. Đó là một giả thiết. Anh ta đã làm rơi trên toa, đó là giả thiết thứ hai. Nhưng có một chi tiết lạ, hình như anh ta không bị lấy cắp gì phải không?

- Không, đây là danh sách đồ vật tìm thấy trong người nạn nhân: cái ví với 2 bảng 15, một cuốn chi phiếu do chi nhánh Woolwich của Ngân hàng Capital & Counties phát hành. Chính nhờ cuốn chi phiếu này mà nhận diện được. Còn có hai vé hát của đêm đó là một gói tài liệu kỹ thuật.

Holmes lớn tiếng biểu lộ sự hài lòng:

- Chúng ta có tất cả. Nhà nước Anh, hải quân công xưởng Woolwich, tài liệu kỹ thuật, anh Mycroft của tôi. Dây chuyền khép kín. Nhưng anh ấy đã tới kia, nếu tôi không lầm.

Một giây đồng hồ sau, chúng tôi đón Mycroft Holmes to lớn và oai phong, có cái trán kẻ cả, đôi mắt sắt thép linh hoạt, đôi môi thật là cương nghị. Theo gót ông là thám tử Lestrade. Chẳng nói chẳng rằng, viên thám tử bắt tay chúng tôi. Mycroft Holmes cởi áo choàng và thả mình trên ghế bành.

- Một vụ vô cùng bức bối, Sherlock à. Anh không thích thay đổi thói quen. Tuy nhiên anh thấy cần phải đến đây? Chưa bao giờ anh thấy Thủ tướng bối rối đến thế. Còn tại Bộ tư lệnh hải quân họ cãi nhau như mổ bò. Chú đã đọc báo chứ? Vừa đọc xong. Mà tài liệu kỹ thuật gì vậy?

- À, cái chết là ở chỗ đó. May thay, chưa tiết lộ chính xác. Nếu biết, báo chí đã làm om sòm. Tài liệu ở trong túi người thanh niên là các bản vẽ của tàu ngầm Bruce Pardington.

Mycroft Holmes đã nói với giọng trịnh trọng để nhấn mạnh tầm quan trọng của tài liệu.

- Các bản vẽ này có tầm quan trọng sinh tử trong tất cả các bí mật của Nhà nước. Cách đây hai năm, một số tiền kếp xù được trích từ ngân sách quốc gia để mua độc quyền sáng chế. Mọi biện pháp đã được áp dụng để giữ bí mật cho công việc. Các bản vẽ cực kỳ rắc rối, được để trong một tủ sắt vô cùng chắc chắn trong một văn phòng gần công xưởng hải quân; các cửa lớn và cửa sổ đều bất khả xâm phạm. Với bất cứ lý do nào, các bản vẽ này đều không được rời văn phòng đó. Dù kỹ sư trưởng của hải quân có muốn tham khảo, cũng phải tới văn phòng này tại Woolwich. Nhưng dù kỹ lưỡng

đến thế, các tài liệu đó vẫn bị lọt vào túi một thư ký trẻ. Về phương diện Nhà nước, chuyện này quả là nhục nhã.

- Lấy lại được rồi mà?

- Không! Đâu có lấy lại được. Trong 10 bản vẽ bị trộm tại Woolwich có 7 cái trong túi của Cadogan West. Còn ba cái quan trọng nhất thì mất hút. Sherlock à, chú phải dẹp mọi chuyện để lo việc này! Suy đoán vật vãn các vấn đề linh tinh đâu có lý thú gì. Chú phải giải đáp câu hỏi tại sao Cadogan West ăn cắp các bản vẽ? Các bản vẽ bị thiếu bấy giờ ở đâu? Hắn chết trong trường hợp nào? Xác hắn được đưa tới điểm đó bằng cách nào? Hãy giải đáp các câu hỏi đó! Tổ quốc sẽ ghi công chú.

- Tại sao anh không tự giải quyết lấy? Anh có tầm nhìn xa hơn em.

- Có thể, nhưng trước tiên phải thu gom các yếu tố chi tiết. Chú cung cấp cho tôi các tin tức này. Tôi sẽ ngồi tại ghế bành mà tổng hợp. Chạy đây, chạy đó, thăm vấn các công nhân, nói năng lộn xộn, bò sát mặt đất, khám nghiệm này nọ bằng kính lúp... không phải là nghề của anh. Chú là người độc nhất có thể xoay xở để giải quyết vụ này. Rất có thể, chú sẽ có tên trong bảng phong tước quý tộc kỳ tới...

Holmes mỉm cười và đầu:

- Nếu em tham dự trò chơi này, thì chỉ vì thích nó, vì đầu đề của bài toán do anh đề ra có những dữ kiện lý thú. Em sẵn sàng đảm nhận, anh vui lòng cho thêm vài yếu tố phụ.

- Trên tờ giấy này có vài yếu tố thiết yếu, cũng có kèm theo địa chỉ cần dùng. Người quản lý các tài liệu này là ngài James Walter. Ông có thâm niên cao, lại là một nhà quý tộc được trọng vọng tại thủ đô. Lòng ái quốc thì không ai nghi ngờ được. Ông là một trong hai người có chìa khóa tủ sắt đó. Tôi có thể nói thêm rằng các bản vẽ chắc chắn nằm trong văn phòng vào giờ làm việc từ sáng thứ hai và ngài James quay về London khoảng 3 giờ, mang theo chìa khóa. Suốt buổi tối hôm bị đánh cắp, ông lưu lại nhà đô đốc Sinclair ở quảng trường Barclay.

- Sự kiện có được kiểm chứng không?

- Có! Đại tá Valentine Walter, em ruột của ngài James, đã làm chứng cho việc ông rời khỏi Woolwich. Còn đô đốc Sinclair thì làm chứng cho đêm ở London. Ngài James không còn là một yếu tố trực tiếp trong vấn đề.

- Ai giữ cái chìa khóa kia?

- Ông Sidney Johnson, thư ký cao tuổi nhất chuyên về vẽ. Bốn mươi tuổi, có vợ, 5 con, ít nói, khó chịu, nhưng được xem là một công chức mẫu mực. Đồng nghiệp không ưa có lẽ vì ông làm việc rất nghiêm. Ông ấy đã khai và lời khai này chỉ được xác nhận bởi vợ ông, rằng ông không rời khỏi nhà vào tối thứ hai, sau khi từ văn phòng về và chìa

khóa của ông đã không hề rời khỏi dây đeo đồng hồ.

- Anh hãy nói về Cadogan West.

- Thâm niên 10 năm và được tiếng tốt. Anh ta nổi tiếng là người sôi động và nóng nảy, nhưng được tiếng là người chính trực và thanh liêm. Chúng tôi không phiền trách gì về anh ấy. Tại văn phòng, anh ấy là phụ tá của Sidney Johnson. Mỗi ngày anh ta phải đích thân sắp xếp các bản vẽ, không một người nào khác được phép động tới chúng.

- Tối hôm đó ai đã cất các bản vẽ trong tủ sắt?

- Sidney Johns

- Như vậy thì nói tên người ta ăn trộm đâu phải là chuyện khó. Tài liệu được tìm thấy trong người của Cadogan West, điều đó có vẻ là dứt khoát rồi phải không? - Holmes nói.

- Đúng. Nhưng giả thiết này bác lại nhiều điều trong bóng tối. Trước hết, tại sao hắn ăn cắp chúng? - Mycroft nói .

- Vì tiền, đúng không?

- Hắn có thể kiếm ra mấy ngàn bảng Anh một cách dễ dàng.

- Anh có thể đưa ra cho em một giải thích khác không?

- Không.

- Vậy thì phải chọn giả thiết của em: Cadogan West đánh cắp tài liệu, bằng cách sử dụng một chìa khóa giả.

- Như vậy phải dùng nhiều chìa khóa giả. Vì phải mở cả cửa tòa nhà, cửa phòng nữa.

- Như vậy là y có nhiều chìa khóa đôi. Y ăn cắp tài liệu, đem lên London bán cái bí mật của đề án, rồi thu hồi, đem trả về tủ sắt vào sáng sớm hôm sau, để không ai hay biết . Chúng ta giả thiết rằng trên đường đi về Woolwich, hắn bị giết và bị ném khỏi toa.

- Ga Aldgate là nơi ta tìm thấy xác hắn. Ga này nằm chệch xa ga London Bridge trên lộ trình bình thường để đi Woolwich.

- Chúng ta có thể tưởng tượng một ngàn lý do khiến y bỏ qua ga London Bridge. Thí dụ y có thể say sưa nói chuyện với một người ngồi cùng toa: một cuộc nói chuyện có kết cục đưa tới cái chết, có thể y có mưu toan rời khỏi toa, bị ngã ra khỏi tàu và người đối thoại đóng cửa lại. Sương mù dày đặc nào ai trông thấy gì đâu.

- Dựa vào những gì chúng ta đang có, không có lối giải thích hay hơn. Tuy nhiên, Sherlock, chú hãy suy nghĩ lại xem, chú có bỏ sót yếu tố nào không. Có thể, vì cần thảo luận sâu thêm, anh chàng Cadogan West quyết định mang mớ tài liệu đó lên London. Tất nhiên hẳn đã có cuộc hẹn với một điệp viên người nước ngoài. Đằng này hẳn vé xem hát, cùng đi với vị hôn thê được nửa lộ trình, rồi mới biến mất.

- Đó là hẳn nguy trang. - Lestrade nói xen vào, tỏ ra bồn chồn trước cuộc thảo luận giữa hai anh em.

- Một sự giả đồ khá dị thường, tôi đã đưa ra nhận xét thứ nhất. Và đây là nhận xét thứ hai: nếu như anh ta có đến London và có gặp điệp viên nước ngoài, thì anh ta phải thu hồi các bản vẽ trước sáng hôm sau, nếu không thì bị bại lộ. Anh ta đã lấy cắp mười, nhưng chỉ còn có bảy cái trong túi. Vậy ba cái kia đâu? Chắc chắn anh ta không dễ dãi trước sự mất mát này. Ngoài ra tiền thưởng đâu? Lẽ ra phải có một số tiền kénh xù trong túi hẳn.

- Đối với tôi thì mọi sự đều sáng tỏ như ban ngày. - Lestrade nói. - Hẳn đánh cắp bản vẽ để bán, đã gặp điệp viên. Hai bên mặc cả chưa xong, hẳn bỏ đi nhưng điệp viên nước ngoài lại đi theo. Trên xe điện, người này ám sát hẳn, cướp lấy các tài liệu quan trọng nhất và ném hẳn khỏi toa xe. Giả thiết này giải thích êm xuôi nhất.

- Tại sao anh ta không có vé lên tàu?

- Vé sẽ tiết lộ tên cái ga gần nhà điệp viên nhất. Do đó người ta lấy và thủ tiêu rồi!

- Giỏi, Lestrade rất giỏi - Holmes khen - Giả thiết của anh đứng vững đó. Nhưng nếu giả thiết đó đúng thì nội vụ được xếp lại. Tên phản bội đã chết, và các bản đồ của tàu ngầm Bruce Pardington có lẽ hiện nằm bên kia bờ biển Manche. Ta còn làm cái gì nữa?

- Còn các hành động! - Mycroft la lớn và đứng dậy. - Trực giác của tôi bác bỏ giả thiết trên. Chú hãy vận dụng cái biệt tài của chú. Hãy ra hiện trường! Hãy hỏi thăm các nhân chứng. Trong suốt đường danh vọng của chú, chưa bao giờ chú có một cơ hội tốt hơn để phục vụ đất nước!

- Được! - Holmes nói và nhún vai - Bọn em sẽ lên đường ngay. Còn Lestrade, ông vui lòng đi theo chúng tôi. Trong một hoặc hai giờ, chúng ta sẽ bắt đầu thăm ga Aldgate. Tạm biệt Mycroft. Em sẽ gửi cho anh một báo cáo vào tối nay, nhưng em nói trước, đừng hy vọng nhiều.

Một giờ sau, Holmes, Lestrade và tôi đứng trên đường xe điện ngầm, tại đó nó ra khỏi đường hầm, ngay lối vào ga Aldgate. Một ông lão lễ độ thay mặt cho công ty tiếp chúng tôi. Ông nói:

- Đây là chỗ tử thi nằm. Anh ta không thể từ trên kia rơi xuống được, bởi vì có tường

cao mà. Chỉ có thể rơi từ tàu và theo chúng tôi đoán là chuyến tàu 12 giờ đêm thứ hai.

- Các toa đã được khám nghiệm chưa. Có vết tích của sự ẩu đả không?

- Không có vết tích đánh đập gì cả, cũng không tìm ra vé tàu của anh ta.

- Có thấy một cửa lớn hầy còn mở không?

- Không!

- Sáng nay có thêm một nhân chứng mới. - Lestrade nói - Một hành khách đi chuyến tàu ngang qua Aldgate lúc 11 giờ 40 tối thứ hai, khai rằng ông ta có nghe một tiếng “bịch” do một vật nặng rơi như xác người rơi xuống đất ngay trước khi tàu đến ga. Ngay lúc ấy, vì sương mù dày đặc nên không thấy được gì. Ông ấy chẳng khai báo gì cả. Nào, ông nghĩ gì đó, ông Holmes?

Holmes đang nhìn chăm chăm đường ray vòng cung khi ra khỏi đường hầm. Tuyến đi Aldgate là một cái nhánh nên có bộ phận bẻ ghi. Giờ đây cái nhìn soi mói của anh chăm chăm vào cái bộ phận bẻ ghi. Trên khuôn mặt nhọn và nhạy cảm của anh, tôi thấy miệng anh co lại, lỗ mũi run nhẹ, trán nhăn. Anh nói thật khẽ.

- Bộ phận bẻ ghi. Hừm, bộ phận bẻ ghi.

- Sao? Ông nói gì?

- Hình như trên tuyến này không có nhiều bộ phận bẻ ghi?

- Đúng, ít lắm.

- Đồng thời là một khúc quanh. Vừa có bẻ ghi vừa có khúc quanh. Khá đơn giản.

- Sao, ông Holmes, ông đã thấy gì?

- Một ý tưởng thôi. Tuy nhiên nội vụ trở thành hấp dẫn tốt độ, nhất vô nhị! Quả vậy, tại sao lại không có vết máu trên đường.

- Gần như là không!

- Nhưng nó là vết thương trầm trọng mà!

- Xương vỡ, nhưng vết thương bên ngoài thì không đáng kể.

- Dù sao, tôi vẫn đoán phải có vết máu. Ta xem qua cái toa?

- Không được đâu, ông Holmes à. Đoàn tàu đã tháo ra, các toa đã phân phối qua các

tàu khác.

- Ông Holmes, - Lestrade xen vào - Các toa đã được khám nghiệm kỹ lưỡng rồi. Tôi thân hành giám sát mà.

Holmes có cái khuyết điểm lớn là anh chịu đựng không được khi thấy người khác không sâu sắc bằng mình.

- Có lẽ là như vậy. Không phải tôi muốn nhìn qua các toa đâu. Watson, thôi đi. Chúng ta không còn việc gì ở đây. Ông Lestrade, tôi cho rằng cuộc điều tra của chúng tôi sẽ tiếp tục tại Woolwich.

Tại London Bridge, Holmes thảo một điện tín cho Mycroft. Anh đưa cho tôi xem trước khi gửi: "Một ánh sáng lập lòe trong đêm đen, nhưng có thể tắt. Trong khi chờ đợi, yêu cầu sai người làm cho em bản danh sách đầy đủ các điệp viên ngoại quốc nổi tiếng tại Anh cùng với các địa chỉ đầy đủ của họ. Sherlock".

Khi ngồi trên xe lửa đi Woolwich, anh ấy nói với tôi:

- Watson à, dù việc gì xảy ra đi nữa, chúng ta cũng phải cảm ơn Mycroft đã cho chúng ta tham dự vào một vụ hứa hẹn có nhiều hấp dẫn.

Cái khuôn mặt nhọn của Holmes thể hiện một năng lực cao độ khi một yếu tố mới kích thích trí thông minh của anh. Tôi nghĩ đến con chó trong chuồng: tai xẹp, đuôi quặp. Vậy mà nó chạy trên đường sỏi thì mắt sáng quắc, các thớ thịt dài, căng phồng. Kể từ sáng nay, một sự thay đổi đã diễn ra trong Holmes. Anh nói:

- Có chất liệu, có phạm vi hoa. Tôi quả ngu dại vì đã không thấy ngay các khả năng của nội vụ.

- Cho tới giờ này, tôi chả thấy gì cả.

- Nên nhớ là tôi chưa thấy toàn bộ đâu, nhưng tôi hiện đi trên một đường mòn đầy triển vọng. Người thanh niên bị giết ở một nơi khác, và xác chết nằm trên mui tàu.

- Trên mui ư?

- Lạ lắm phải không. Có phải ngẫu nhiên mà xác chết được phát hiện ngay chỗ tàu chuyển mình và hơi nghiêng vì đang đi vòng tại bộ phận bẻ ghi? Có phải đó là nơi dễ dàng nhất để một vật gì đó trên mui tàu phải rơi xuống? Qua vấn đề các vết máu, nếu xác bị mất máu ở chỗ khác, thì tất nhiên không còn đủ máu để rơi rải trên đường ray. Một yếu tố tự một mình nó cũng đã có nhiều ý nghĩa, phải không? Kết hợp nhiều cái như vậy lại, chúng càng có nhiều ý nghĩa hơn.

- Chúng cũng giải thích sự thiếu vắng của vé tàu? - Tôi nói lớn.

- Đúng thế! Rất ăn khớp với nhau.

- Dù vậy, chúng ta cũng chưa thấy gì sáng tỏ. Lời giải thích của anh làm cho các sự việc trở nên dị thường hơn.

- Có thể lắm! - Holmes đồng ý, vẻ mặt đăm chiêu.

Holmes rơi vào một trạng thái trầm cảm cho tới khi tàu ngừng lại ga Woolwich. Anh gọi một xe ngựa rồi rút trong túi ra tờ giấy của Mycroft.

- Chiều nay chúng ta phải đi thăm vài nơi. Người đầu tiên là ngài James.

Viên chức nổi tiếng này ngụ trong một biệt thự đẹp có bồn cỏ chạy dài xuống tận sông Thames. Khi chúng tôi đến, thì sương mù tan và ánh sáng yếu ớt của mặt trời đã chiếu rọi. Một quản gia ra mở cửa.

- Ngài James đã từ trần sáng nay.

- Chúa ơi! - Holmes kinh ngạc nói lớn. - Ông ấy chết như thế này

- Kính mời ông vào nhà gặp người em của ngài, đại tá Valentine.

- Vâng.

Chúng tôi được đưa vào một phòng khách không sang lắm. Một lúc sau, chúng tôi được tiếp chuyện với một người khoảng 50 tuổi, cao lớn đầy đà, cầm được tô điểm bằng một vòng râu đỏ hoe! Đó là người em út của ông kỹ sư vĩ đại. Đôi mắt hung tợn, đôi má lờm chờm những râu cạo xát, đầu tóc không chải, biểu lộ sự đau đớn đã giáng xuống cái gia đình này. Ông nói đứt đoạn:

- Tại vụ tai tiếng ghê tởm đó. Anh tôi có ý thức danh dự bén nhạy nên không thể trây trệu lâu hơn. Tim ông tan nát, ông luôn hãnh diện vì sự phục vụ của mình, ông không chịu nổi sự chấn động.

- Trước đây, chúng tôi hy vọng ông ấy có thể cung cấp cho vài chỉ dẫn giúp giải quyết câu chuyện.

- Tôi tin chắc rằng anh ấy cũng chẳng hiểu gì nhiều, cũng như ông và tất cả mọi người. Anh ấy đã thông báo cho cảnh sát tất cả những gì anh ấy biết. Tất nhiên anh ấy tin chắc rằng Cadogan West có tội. Phần còn lại hoàn toàn nằm ngoài sự hiểu biết của anh ấy.

- Ông không thể cung cấp cho chúng tôi một tin tức nào đem thêm ánh sáng mới cho nội vụ?

- Tự thân tôi không biết gì, ngoài những gì đã đọc hoặc nghe. Tôi xin lỗi, xin ông thông cảm cho hoàn cảnh chúng tôi hiện giờ. Tôi xin phép được coi cuộc nói chuyện này chấm dứt tại đây.

Trên đường về bằng xe ngựa, Holmes nói với tôi:

- Đây là một diễn biến hoàn toàn bất ngờ. Tôi không biết rằng đây có phải là cái chết tự nhiên hay ông này đã tự sát. Trong trường hợp thứ nhì, chúng ta có thể suy đoán rằng ông ấy hối hận vì đã sơ sót. Ngay bây giờ, chúng ta hãy qua gia đình Cadogan West.

Ở ven ranh thành phố, một ngôi nhà bé nhỏ tươm tất che chở một bà mẹ lâm cảnh tang tóc. Bà cụ bất hạnh này chả giúp đỡ chúng tôi được gì cả. Cạnh bà có c mặt tái xanh, tự giới thiệu là Violet Westbury, hôn thê của chàng trai và là người cuối cùng đã gặp nạn nhân.

- Tôi chả hiểu gì cả, ông Holmes ạ. Kể từ khi thảm kịch xảy ra, tôi có chợp mắt được đâu. Tôi chỉ suy nghĩ ngày lẫn đêm. Cadogan West là người trung thực, nghĩa hiệp và ái quốc nhất trên đời. Anh ấy có thể tự chặt tay mặt hơn là bán một bí mật quốc gia. Tất cả những ai quen biết anh ấy đều cho rằng nghi ngờ anh ấy là điều phi lý.

- Nhưng mà các dữ kiện sờ sờ ra đó, thưa cô Westbury.

- Tôi không thể hiểu được?

- Ông ấy cần tiền?

- Không đâu, anh ấy thanh đạm nên tiền lương kẻ như thừa thãi. Anh ấy đã tiết kiệm đến mấy trăm bảng và chúng tôi sẽ định kết hôn vào dịp năm mới này.

- Ông ấy không có biểu lộ triệu chứng rối loạn tâm thần. Nào, cô hãy tuyệt đối thành thật đi.

Con mắt sâu sắc của Holmes đã phát hiện một thay đổi nhỏ trong các cử chỉ của cô ta.

Cô hồ thẹn, rồi ngập ngừng.

- Dạ có. - Cuối cùng cô khai thật - Tôi có cảm giác rằng anh ấy đang lo lắng về một chuyện gì.

- Từ hồi nào?

- Khoảng một tuần, anh ấy dăm chiêu, lo lắng. Tôi có hỏi lý do. Anh ấy nhìn nhận có ưu tư, nhưng liên quan tới công vụ. "Quá nghiêm trọng để tiết lộ, dù là đối với em". Anh ấy nói với tôi và tôi không thể biết nhiều hơn.

Holmes làm ra vẻ rất nghiêm nghị:

- Hãy nói tiếp, dù rằng cô thấy cô phản bội anh ấy. Hiện tại tất cả chúng ta đều đang bí mả.

- Một đôi lần, tôi có cảm giác anh ấy muện tiết lộ điều gì đó đột tối nọ, anh ấy nói về tầm quan trọng của một tài liệu bí mật và tôi nhớ có nghe nói rằng gián điệp ngoại quốc chắc chắn trả nhiều tiền.

Gương mặt Holmes trở nên nghiêm nghị hơn.

- Chỉ có bấy nhiêu?

- Anh ấy nói rằng chúng ta cầu thả đối với những chuyện cùng loại. Bọn phản bội trộm tài liệu để ợt!

- Anh ấy chỉ mới tâm sự mới đây thôi ư?

- Vâng, rất mới.

- Cô hãy nói về cái đêm cuối cùng.

- Chúng tôi dự định đi xem hát. Sương mù dày đến nỗi chúng tôi thấy rằng đi xe ngựa cũng vô ích. Chúng tôi đi bộ. Đang đi qua văn phòng của anh ấy, thỉnh linh anh ấy nhảy bổ vào trong sương mù.

- Không nói năng gì cả?

- Chỉ kêu lên một tiếng thôi. Tôi đợi, nhưng anh ấy không trở về. Tôi bèn về nhà. Sáng hôm sau, sau giờ mở cửa công sở, người ta tới thăm vấn tôi. Khoảng 12 giờ, chúng tôi hay tin dữ. Ô, thưa ông Holmes, nếu có khả năng, ông hãy cứu lấy danh dự của anh ấy.

Holmes lắc đầu một cách buồn thảm:

- Nào, Watson. Chúng ta qua nơi khác, qua văn phòng, nơi mà các bản vẽ bị đánh cắp.

Khi ngồi vào xe, Holmes nói thêm:

- Tất cả đã khá bất lợi cho chàng thanh niên và các cuộc điều tra của chúng ta chỉ củng cố thêm cái cảm giác không hay này. Dự định làm đám cưới là động cơ của tội ác. Đương nhiên, hấn cần tiền, hấn bị ám ảnh, nên đã nói ra. Hấn gần như đã biến cô bé thành đồng phạm khi tâm sự với cô ấy về các kế hoạch của mình.

- Dù sao cái tính khí cũng đóng một vai trò
- Tại sao hấn bỏ người vợ ở ngoài đường và nhảy bổ đi làm chuyện phi pháp?
- Có những cái phản bác đáng kể. Đây là vụ vô cùng khó gỡ.

Ông Sidney Johnson, viên chánh thư ký tiếp chúng tôi tại văn phòng với sự tôn kính. Đó là một người đeo kính, gầy, cau có, không thể đoán tuổi được, má đã hóp, đôi tay run run.

- Thật là khủng khiếp, ông Holmes.
- Ông có hay rằng ông sếp đã chết?
- Chúng tôi từ đằng đó tới đây.
- Tất cả đều tan vỡ: sếp chết, Cadogan West chết, tài liệu bị đánh cắp. Khi chúng tôi đóng cửa vào tối thứ hai, sở này vẫn hoạt động như tất cả các sở khác của Chính phủ, Chúa ơi! Nghĩ tới thật đáng tởm, thằng Cadogan West cả gan làm việc tà trời.
- Như vậy là ông cho rằng anh ta có tội?
- Tôi không thấy có giải pháp thứ hai. Tuy nhiên tôi tin cậy y như tin cậy vào chính bản thân tôi.
- Sở đóng cửa vào mấy giờ tối thứ hai?
- Hồi 5 giờ.
- Chính ông đóng?
- Tôi luôn là người sau cùng rời khỏi sở.
- Lúc bấy giờ thì các bản vẽ ở đâu?
- Trong tủ sắt này. Đích thân tôi để vào.
- Có người bảo vệ nào chịu trách nhiệm về tòa nhà này?
- Có chứ, nhưng ông ấy đồng thời canh chừng các tòa nhà khác nữa, ông ta là một chiến sĩ cao niên, hoàn toàn đáng tin cậy. Ông ta không thấy gì xảy ra cả. Đêm đó sương mù dày đặc.
- Giả dụ Cadogan West muốn vào tòa nhà sau giờ đóng cửa, y phải cần đến ba chìa khóa mới lấy được giấy tờ trong tủ sắt, phải vậy không?

- Đúng thế, chìa khóa cửa ngoài, chìa khóa phòng và chìa khóa cửa tủ sắt.
- Ngài James có phải là một người rất cẩn thận hay không?
- Phải, về các chìa khóa đó, ông luôn luôn móc nó vào cùng một vòng, tôi thường thấy như vậy.
- Và ông ấy luôn luôn mang chùm chìa khóa về London?
- Ông ấy nói với tôi như thế!
- Còn cái chìa khóa của ông thì không bao giờ rời khỏi ông chứ?
- Không bao giờ.
- Vậy, nếu Cadogan West là thủ phạm, hẳn đã phải thuê làm những chìa khóa đôi. Tuy nhiên chúng tôi không thấy chìa nào trong xác của y. Ngoài ra, nếu một thư ký trong sở này muốn bán bản vẽ, chuyện giản dị là sao chép, chứ ai lại đánh cắp các bản chính như đã xảy ra?
- Để sao đúng các bản vẽ, phải có trình độ kỹ thuật cao.
- Tôi suy đoán rằng: ngài James hoặc ông, hoặc Cadogan West, các ông đều có kiến thức kỹ thuật này?
- Tất nhiên, nhưng tôi yêu cầu ông đừng mưu kéo tôi vào nội vụ, thưa ông Holmes. Thảo luận đông dài như thế này có ích lợi gì khi mà các bản vẽ đều được tìm thấy trong người của Cadogan West.
- Chịu rủi ro khi ăn cắp các bản chính trong khi có thể sao chép một cách an toàn! Quả là chuyện lạ!
- Lạ thật... Tuy nhiên y đã làm điều lạ lùng đó.
- Trong vụ này, càng đi sâu càng thấy thêm khó hiểu. Còn thiếu vắng ba bản vẽ. Theo tôi được biết, thì đây là ba bản chính yếu?
- Đúng thế!
- Vậy là ông đồng ý rằng người sở hữu ba bản vẽ đó, tuy thiếu bảy bản vẽ kia, vẫn có thể đóng một tàu ngầm Bruce Pardington?
- Chính đó là điều tôi đã khai tại Bộ tư lệnh Hải quân. Nhưng hôm nay sau khi suy nghĩ lại, tôi không còn quả quyết như trước nữa. Những cái van đôi với đường rãnh ăn khớp với nhau được vẽ trong một bản vẽ nằm trong mình Cadogan West. Nếu không tự chế

ra những cái van này, người nước ngoài không thể đóng chiếc tàu ngầm đó được Tất nhiên đó không phải là một trở ngại không thể vượt qua.

- Dù sao ba cái thiếu vắng là những cái quan trọng nhất?

- Đúng thế!

- Tôi xin phép đi tham quan một vòng, vì thấy không cần hỏi ông nữa.

Holmes khám nghiệm ổ khóa của tủ sắt, cửa lớn của căn phòng và sau cùng quan sát các cánh sắt của cửa sổ. Chỉ khi chúng tôi quay về bồn cỏ, Holmes mới hồ hởi trở lại. Ngoài cửa sổ có cây nguyệt quế mà nhiều nhánh có dấu vết bị bẻ quẹo hoặc bị gãy. Holmes khám nghiệm các dấu vết này bằng kính lúp, đồng thời cũng quan sát dấu tay mờ trên đó. Cuối cùng, sau khi yêu cầu ông chánh thư ký đóng các cánh sắt của cửa sổ, Holmes lưu ý tôi rằng chúng không sít sao lắm và cho thấy từ ngoài, người ta có thể theo dõi những gì đang xảy ra bên trong.

- Các dấu vết đã hư hỏng vì chúng ta đến trễ tới ba ngày, có thể chúng chẳng có ý nghĩa gì cả. Nào Watson, có lẽ không còn gì quan trọng để tìm hiểu tại Woolwich. Kết quả thật là mỏng manh, có lẽ về London sẽ gặt hái được khá hơn.

Tuy nhiên, trước khi rời Woolwich, chúng tôi gặp một người bán vé tàu quả quyết rằng có thấy Cadogan West, mà ông ta quên mặt, đi London Bridge bằng chuyến tàu 8 giờ 15. Đi một mình với vé hạng ba. Nét mặt bức dọc, anh ta rối trí đến nỗi rất vụng về. Khi nhận tiền thừa trả lại, chính ông đã phải giúp đỡ anh ta. Dò lại trên bảng chỉ dẫn, chúng tôi nhận thấy rằng chuyến tàu 8 giờ 15 là chuyến tàu đầu tiên mà Cadogan West có thể đi, sau khi rời người vợ sắp cưới khoảng 7 giờ 30.

- Chúng ta hãy ôn lại. - Holmes nói, sau nửa giờ im lặng suy tư - Chưa bao giờ ta gặp một vụ khó như thế này. Mỗi lần bước thêm một bước, lại gặp thêm một bức tường. Cuộc điều tra của chúng ta tại Woolwich đi đến một kết luận không thuận lợi cho lắm. Các dấu vết thu lượm tại cửa sổ sẽ khớp với một giả thiết kém ảm đạm hơn. Thí dụ, một điệp viên nước ngoài có tiếp xúc với y. Cuộc tiếp xúc này có thể đã diễn theo các cách thức nào đó mà y thấy khó tiết lộ. Tuy vậy, y cũng khá bạo dạn để xì ra một chút với vị hôn thê của mình. Giờ đây, trên đường đi xem hát với cô gái, y thấy qua sương mù, cũng chính người điệp viên đó đi về hướng văn phòng. Tính tình nóng nảy, y quyết định ngay và đặt nhiệm vụ là trên tất cả, y theo dõi qua cửa sổ, thấy tài liệu bị ăn cắp, nên rình đuổi kẻ trộm. Vậy là ta giải quyết được cái khúc mắc giữa ăn trộm tài liệu hay sao chép Người lạ mặt đó phải ăn cắp tài liệu vì y không thể sao chép chúng tại chỗ. Tới đây, thì tất cả đều ăn khớp với nhau.

- Rồi sau đó?

- Sau đó, vì tình huống đặc biệt, chàng thanh niên đã phải bắt kẻ trộm và báo động.

- Tại sao y đã không làm.

- Có thể tại vì kẻ trộm là một trong các thượng cấp của y. Giả thiết này giải thích cách xử sự của Cadogan West. Hoặc giả rằng trong sương mù, anh ta đi lạc và đã lên đường đi London ngay để tìm kiếm kẻ trộm tại nhà nó. Giả thiết rằng anh ta biết địa chỉ của nó. Chuyện phải là khẩn cấp lắm, bởi vì anh ta đã bỏ cô bé đứng một mình trong sương mù. Tới đây lối đi tẻ lạnh trở lại và một lỗ hổng to tướng nằm chắn giữa giả thiết của tôi. Dữ kiện rằng xác của Cadogan West cùng với bảy bản vẽ trong túi được đặt trên mui một xe điện ngầm? Trực giác buộc tôi khởi sự từ đầu kia của sợi chỉ. Có lẽ ta nên nhận dạng đối tượng của ta và đi theo hai lối, thay vì một.

Tất nhiên có một điệp văn chờ chúng tôi tại đường Baker. Một tổng thư văn đã trao đến. Holmes nhìn qua rồi trao cho tôi.

- Bọn gián điệp nhãi nhép này nhưng nhúc, nhưng kẻ có khả năng làm chuyện phi thường thì không nhiều đâu. Các tên đáng lưu ý là Adolph Meyer ở số 15 phố George Đại Đế, Westminster; Louis La Rothiere, Campden Mansions, Notting Hill và Hugo Oberstein, số 13 Caulfield Gardens, Kensington. Anh chàng này có mặt tại London vào thứ hai, nhưng người ta đoán chắc rằng y không còn ở đây nữa. Vui mừng khi hay tin rằng các chú có thấy một tia sáng. Nội các nóng lòng chờ báo cáo của chú. Đã có những lời khiển trách từ giới rất cao gửi xuống. Tất cả quyền lực của quốc gia đều đặt dưới quyền sử dụng của chú nếu có yêu cầu. Mycroft”.

- Tôi ngại rằng - Holmes cười và nói - Toàn thể kỵ binh và bộ binh của Nữ hoàng cũng chả giúp gì được tôi trong vụ này.

Holmes trải một bản đồ lớn của London rồi cúi xuống nhìn.

-... À, à! - Sau đó, Holmes nói với vẻ hài lòng. - Sự việc xoay theo một chiều thuận lợi hơn, anh Watson à! Tôi tin chắc rằng ta sẽ gỡ rối được.

Holmes vỗ vai tôi và đột ngột cười to tiếng:

- Tôi sẽ ra ngoài để thám sát qua loa. Tôi sẽ không làm điều gì quan trọng nếu thiếu anh. Anh ở lại đây: chắc chắn tôi sẽ quay lại trong một hay hai giờ. Nếu thấy quá lâu thì lấy giấy bút và bắt đầu tường thuật việc anh em mình đã cứu nguy đất nước như thế nào.

Tôi chờ suốt đêm, mỗi lúc một bồn chồn hơn. Cuối cùng khoảng sau 9 giờ, một sứ giả đến với tờ giấy này:

“Tôi ăn tại quán Goldini Gloucester, Kensington. Yêu cầu anh tới gặp tôi ngay. Nhớ mang theo kim nạy cửa của bọn ăn trộm, một đèn ló, một cây kéo và một súng lục - S H”.

Tôi nhét tất cả các thứ linh kinh vào trong áo choàng và bảo xe đưa tôi đến địa chỉ trên. Trong cái quán cũ Ý sang trọng, Holmes đang ngồi trước một bàn tròn nhỏ.

- Đã ăn gì chưa? Vậy thì uống cà phê với tôi, hay nhâm nhi một cốc ca-cao. Hãy hút một điếu thuốc của chủ hiệu. Có mang theo dụng cụ không?

- Hoan hô! Tôi sẽ tóm tắt những gì tôi đã làm và nói qua về việc chúng ta sẽ làm. Chắc hẳn anh chưa đồng ý với tôi về việc xác chết được vớt lên mui toa. Tôi quả quyết như thế, chứ không phải bị vớt ra từ cửa toa.

- Không phải từ cầu rơi xuống mui toa?

- Không thể được! Nếu khám nghiệm các mui xe, anh sẽ thấy rằng chúng hơi cong, lại không có bờ ngăn. Anh cứ tin chắc rằng xác chết được vớt lên mui toa.

- Bằng cách nào?

- Chỉ có một giải thích đúng đắn mà thôi. Anh biết tàu chạy giữa trời xuyên qua vài chỗ của khu West End. Tôi nhớ lơ mờ rằng, một ngày nọ khi tôi đi tàu điện ngầm, tôi thấy những cửa sổ ngay trên đầu tôi. Nếu tàu điện ngừng ngay dưới một trong các cửa sổ này, thì vớt xác lên mui xe là chuyện dễ như trở bàn tay.

- Không thể như vậy được?

- Chúng ta bắt buộc phải nghĩ rằng khi các khả năng khác đều không hợp với thực tế, thì cái còn lại dù quá dị đi nữa, vẫn là sự thật. Các giải thích khác đều sai hết rồi. Khi tôi phát hiện tên điệp viên quốc tế sừng sỏ, hiện vắng mặt tại London lại ở tại một ngôi nhà trông xuống đường xe điện ngầm thì nổi hân hoan bùng hân lên như anh đã ngạc nhiên.

- Chính vì thế...

- Vâng, chính vì thế mà Hugo Oberstein, số 13 Caulfield Gardens trở thành đối tượng của tôi. Tôi đã bắt đầu làm việc tại ga Gloucester. Một nhân viên dễ thương đã đưa tôi ra đường tàu điện ngầm và đã giúp tôi thấy rõ chằng những cầu thang của cao ốc Caulfield Gardens ngó ra đường tàu mà tôi còn biết thêm một sự kiện quan trọng hơn là gần đó đường tàu điện gặp đường sắt, nên các đoàn tàu điện phải đậu lại vài phút.

- Thật kỳ diệu, Holmes ạ! Vậy là anh đã giải bài toán.

- Chưa hẳn. Ta có tiến tới, nhưng mục tiêu hãy còn xa. Sau khi ngắm nghía các bức tường phía sau của cao ốc Caulfield Gardens, tôi đã quan sát mặt tiền và đã kiểm chứng rằng con mồi của ta đã bay thật sự. Nhà của y mệnh mông, các tầng trên, theo tôi thì không có đồ gỗ. Oberstein sống tại đó với một gia nô độc nhất, có lẽ là một đồng phạm được sự tin cậy hoàn toàn. Ta phải nhớ rằng: Oberstein đi vào lục địa là để thanh

toán cái chiến lợi phẩm vừa rồi chứ không phải để chạy trốn. Y không có lý do để sợ một trát bắt giam hoặc một trát lục soát. Y không bao giờ dự kiến sẽ có một anh chàng nghiệp dư vào khám nhà.

- Hay là xin một cái trát để hợp pháp hóa việc làm của chúng ta.

- Đâu có bằng cớ cụ thể!

- Lục soát để kiểm được cái gì?

- Có thể là tìm một bức thư lý thú.

- Tôi không thích điều đó, Holmes à!

- Watson à, anh canh ngoài đường. Còn tôi thì tự dành cái vai tội đại hình. Không phải là lúc để chúng ta bàn tán. Hãy nghĩ tới Mycroft tới Bộ tư lệnh Hải quân, tới nội các, tới viên chức cao cấp đang đợi tin. Chúng ta phải hành động thôi.

Để trả lời, tôi đứng lên:

- Anh có lý! Chúng ta phải hành động thôi.

Holmes cũng đứng lên bắt tay tôi:

- Tôi biết chắc rằng anh không bao giờ bỏ rơi tôi vào phút nguy nan.

Trong chớp nhoáng tôi đọc trong mắt anh một tình cảm gần như sự triu mến. Ngay sau đó anh lấy lại sự tự chủ và tỏ ra thực tế.

- Chỉ cách đây khoảng nửa dặm thôi, chúng ta cứ đi thông thả thôi. Anh nhớ đừng có bỏ quên dụng cụ. Việc anh bị cảnh sát bắt sẽ là một rắc rối đáng tiếc.

Tới nơi, Holmes thắp đèn lồng để chiếu sáng cái cửa

- Trở ngại đáng kể. Nó chắc chắn được phòng vệ bằng song sắt và được đóng chốt kỹ. Ta sẽ thoải mái hơn nếu ở ngoài sáng, có một cái vòm thấp hơn một chút để dự phòng trường hợp một cảnh sát viên quấy rầy chúng ta.

Một lát sau, cả hai chúng tôi trèo qua bức tường nhỏ, lọt vào cái sân trong nhà. Vừa đến góc có nhiều bóng tối nhất, chúng tôi nghe bước đi của một cảnh sát viên ngay trên đầu chúng tôi. Khi ông ta đi xa rồi, Holmes cúi xuống và đập mạnh vào cánh cửa dưới thấp cho tới khi cửa mở. Chúng tôi lọt vào một hành lang tối om và đóng cửa lại. Holmes đi trước để leo lên một cầu thang bằng đá trần. Đèn lồng chiếu ánh sáng màu vàng vào một cửa sổ thấp.

- Chắc chắn là cái cửa sổ này.

Holmes đẩy mạnh.

Cùng lúc đó chúng tôi nghe tiếng gầm nhỏ, thô, dần dà lớn dần, trở thành tiếng gào thét: đó là đoàn tàu điện ngầm chạy bên dưới chúng tôi trong đêm tối. Holmes chiếu sáng dọc bề cửa đầy khói đen dày từ đầu máy phun lên. Diện tích vết đen này có chỗ bị quệt nguệch ngoạc hoặc bị xóa hẳn.

- Anh thấy chỗ chúng đặt tử thi chưa. À Watson, cái gì kia? Một vết máu, chắc chắn mà.

Anh chỉ cho tôi những chỗ nhạt màu trên bề cửa sổ.

- Kìa, một vết máu khác trên đá cầu thang. Chúng ta hãy ở lại đây chờ một đoàn tàu khác ngừng.

Không phải đợi lâu, đoàn kế tiếp gào rống khi ra khỏi đường hầm giống hệt đoàn trước rồi tiếng thắng ken két rít lên và đoàn tàu ngừng lại ngay bên dưới chúng tôi. Chỉ cách khoảng 4 bộ giữa bề cửa sổ và cái mũi của toa. Holmes nhẹ nhàng đóng cửa sổ lại.

- Thực tế ăn khớp với giả thiết. Anh nghĩ sao, Watson?

- Một kiệt tác, chưa bao giờ anh nhận xét hay đến thế!

- Nghi tôi nghĩ rằng tử thi rơi xuống từ mũi. Một suy nghĩ rõ ràng là không dở. Và mọi việc sẽ được suy ra từ đó. Nhưng sự khỗ nhọc của chúng ta chưa dứt đâu. Có thể tại đây chúng ta sẽ gặp một vài điều hữu ích.

Chúng tôi leo cầu thang nhà bếp, lọt vào hành lang nối liền các văn phòng của tầng hai. Một căn phòng là ăn, giản dị tới mức khắc khổ. Căn thứ nhì là phòng ngủ cũng chẳng đem lại yếu tố nào mới mẻ. Căn cuối có vẻ hứa hẹn hơn, do đó Holmes ra công khám nghiệm nó một cách ló lạng. Đầy dẫy sách báo của một nơi được đang làm văn phòng, Holmes nhanh chóng khám xét mỗi ngăn kéo, mỗi tủ. Nhưng sau một giờ lục soát, không kiếm ra được gì.

- Con chó tinh khôn này đã xóa dấu vết trên đường nó đi. Đây là cái may mắn chót của chúng ta.

Chỉ còn cái hộp nhỏ bằng sắt trắng để trên bàn giấy. Holmes mở nó bằng một cái kéo. Bên trong có nhiều cuộn giấy đầy số và tính. Có cuộn giấy chữ được lặp lại liên tục: “sức ép của nước”, “sức ép trên một inch vuông”. Có thể chúng liên quan tới một tàu ngầm? Bực bội, Holmes vứt chúng qua một bên. Còn lại trong phong bì chứa vài mẫu cắt trong báo. Anh để chúng ra bàn, bỗng khuôn mặt của anh sáng ra.

- Có ý nghĩa gì đây, Watson. Nè, một loạt điệp văn trong cột nhấn tin ở góc phải trên của trang báo không ngày tháng, có lẽ là tờ Daily Telegraph.

Các điệp văn khớp nhau. Đây là cái đầu tiên:

“Tôi đợi tin tức sớm hơn. Đồng ý về các điều kiện. Viết thư qua địa chỉ trên thiệp. PIERROT.”

Cái kế tiếp:

“Quá rắc rối không mô tả được, cần phải làm báo cáo tường tận. Tiền trao, cháo múc. PIERROT.”.

Rồi đến bức điệp văn này:

“Cấp bách lắm rồi, tôi phải rút lại đề nghị, nếu hợp đồng không được thực hiện. Hãy cho cái hẹn bằng thư. Tôi sẽ xác nhận lại bằng cách nhấn tin

Cuối cùng là:

“Tối thứ hai. Gõ hai tiếng, sau 9 giờ. Chỉ có chúng ta mà thôi. Đừng nghỉ ngơi quá. Tiền mặt khi giao hàng. PIERROT.”.

- Sự việc gần như trọn vẹn, Watson à. Phải chi thộp được thằng ở đầu kia.

Gõ nhẹ trên bàn, Holmes suy nghĩ trong giây lát.

- Suy cho cùng, có lẽ không khó đâu. Chúng ta chả còn gì để làm tại đây. Ta phải đi tới báo Daily Telegraph và xứng đáng kết thúc một ngày công tác tốt đẹp.

Sáng hôm sau, Mycroft và Lestrade mau mắn đi tới điểm hẹn. Holmes tường thuật chuyện đêm qua. Viên thám tử chuyên nghiệp lắc đầu khi nghe việc phá cửa, đục tường của chúng tôi.

- Trong ngành cảnh sát - Lestrade thì thầm - Chúng tôi không thể làm những điều tương tự. Đó là lý do vì sao ông thành công nhiều hơn chúng tôi. Tuy nhiên một ngày nào đó, ông đi quá xa và sẽ gặp rắc rối đó.

- Vì Anh quốc, vì Tổ quốc, vì cái đẹp, phải không Watson. Hai con vật hy sinh trên bàn thờ Tổ quốc. Còn anh Mycroft, anh nghĩ sao?

- Tuyệt Sherlock, đáng phục! Nhưng rồi đi tới đâu nữa?

Holmes cầm tờ Daily Telegraph đang nằm trên bàn.

- Mấy anh chưa đọc cái nhắn tin của hôm nay à?

- Sao? Lại nhắn tin?

- Đúng thế.

Đây là nội dung:

“Tối nay gõ 2 tiếng. Chỗ hẹn cũ. Giờ cũ. Tối quan trọng. Sự an toàn của bạn lâm nguy. PIERROT.”

- Chúa ơi! - Lestrade la lớn - Y tới, ta thộp thôi.

- Đó là điều tôi nghĩ, khi tôi thuê đăng cái nhắn tin. Nếu ông vui lòng, mời ông đến gặp lại chúng tôi khoảng 8 giờ tại Caulfield Gardens. Giải đáp đã gần kề.

Khoảng 9 giờ, tất cả chúng tôi đều ngồi trong văn phòng của tên điệp viên ngoại quốc, nhẩn nại chờ con mồi. Một giờ trôi qua, rồi một giờ nữa, lúc 11 giờ, khi chuông nhà thờ kế cận ngân vang, chúng tôi tưởng hy vọng đã tiêu tan Lestrade và Mycroft bòn chòn trên ghế, cứ hai phút lại nhìn đồng hồ một lần, Holmes thì ngồi như phỗng đá, mắt nửa nhắm, mắt nửa mở, cảnh giác cao độ. Thành linh anh ngẩng đầu.

- Nó đến! - Holmes nói.

Một người rón rén đi qua cửa. Đứng lại rồi quay ra sau, chúng tôi nghe những bước đi chậm và hai tiếng động cửa. Ngoài lan can, đèn lồng đã được vặn thấp xuống. Holmes mở cánh cửa trông ra đường: một bóng đen lọt vào bên trong. Anh khép cửa lại rồi gài chốt. Chúng tôi nghe anh nói nhỏ: “Đi lối này!”.

Ngay sau đó, con mồi đứng trước mặt chúng tôi. Holmes đi sau nó. Khi nó quay lại thốt lên một tiếng la ngạc nhiên và sợ sệt thì đã bị Holmes tóm cổ, ấn và trong phòng. Sau khi tên tù lấy lại bình tĩnh thì cửa đã đóng lại và Holmes tựa lưng vào cửa. Tên tù nhìn quanh, lảo đảo rồi ngã bất tỉnh xuống sàn nhà. Cái mũ rộng vành của nó tung ra, xuất hiện các đường nét thanh tú và chòm râu quai nón đỏ hoe của đại tá Valentine Walter. Holmes thốt ra một tiếng huýt sáo nhỏ vì ngạc nhiên.

- Lần này thì anh có thể liệt tôi vào hạng con lừa, Watson. Đâu phải con mồi mà tôi dự kiến.

- Ai hả? - Mycroft háo hức hỏi.

- Em trai của ngài James Walter.

Chúng tôi đã khiêng cái xác ngất xỉu để lên tràng kỷ. Lát sau hán ngồi dậy nhìn quanh với khuôn mặt méo mó vì kinh hoàng và lấy tay sờ nhẹ lên trán như một người không

tin vào giác quan mình.

- Nghĩa là sao? Tôi tới đây để nói chuyện với ông Oberstein mà

- Tan vỡ hết rồi, đại tá ơi! - Holmes đáp - Tôi thú thực không hiểu tại sao một bậc trượng phu Anh quốc có thể xử sự như vậy. Tất cả liên lạc thư tín giữa ông với Oberstein, chúng tôi đã nắm hết. Và các tình huống về cái chết của Cadogan West đã cho phép chúng tôi đưa ra một lời khuyên: hãy lấy lại một chút uy tín bằng sự ăn năn và thú tội thành thật. Chúng tôi cần chính ông cho thêm vài chi tiết.

Hắn rên rỉ và lấy tay che mặt, cầm miệng.

- Chúng tôi biết ông cần tiền cấp bách. Ông thuê làm chìa khóa giả từ các chìa do anh ông giữ và ông quan hệ với Oberstein. Người này trả lời cho ông qua cột nhấn tin của tờ Daily Telegraph. Chúng tôi biết ông tới văn phòng trong sương mù vào buổi tối thứ hai. Ông bị Cadogan West phát hiện và theo dõi, người thanh niên cao đẹp này có cơ sở để theo dõi ông từ trước. Cadogan West đã chứng kiến màn ăn trộm nhưng không thể báo động vì còn cho rằng có thể ông tuân lệnh anh ông đến lấy bản đồ. Quên hẳn người yêu, Cadogan West bám sát ông trong sương mù cho tới tận nhà này. Tại đây, Cadogan West lộ mặt và bị ông giết.

- Không! Trước mặt Chúa, tôi thề rằng tôi không giết nó! - Người tù của chúng tôi kêu lớn.

- Vậy thì ông cho chúng tôi biết Cadogan West đã chết như thế nào trước khi bị vứt xác trên mui tàu điện ngầm.

- Tôi xin thú thật mọi chuyện đã diễn ra đúng như ông trình bày. Tôi phải trả một món nợ vì chơi chứng khoán. Oberstein đề nghị đưa tôi 5000 bảng Anh, cứu tôi khỏi sự khánh kiệt. Tuy nhiên về cái tội giết người tôi hoàn toàn vô tội.

- Yêu cầu ông nói rõ hơn.

- Một lúc gần đây, West nghi ngờ tôi và theo dõi tôi nhưng tôi không hay biết trước khi anh ta tới nhà này.

Sương mù bữa đó dày đặc, cách ba yard có thấy gì đâu. Tôi gõ hai lần và Oberstein ra mở cửa. Từ cánh cửa hé mở, West nhảy bổ tới, hỏi chúng tôi lấy bản vẽ làm gì. Oberstein liền cầm cái dùi cui đập vỡ đầu West, ném xác người thanh niên ra ngoài hành lang. Chúng tôi không biết phải làm sao thanh toán cái xác này, chính lúc đó Oberstein mới các chuyến tàu đậu dưới cửa sổ sau nhà. Trước tiên, Oberstein xem xét các bản vẽ tôi mang tới. Hắn nói:

- Ba bản này rất quan trọng, phải để lại đây.

- Không được đâu, sẽ náo loạn khủng khiếp tại Woolwich nếu tôi không mang trả lại!
- Tôi phải giữ lại, bởi vì chúng quá rắc rối, không có thời gian để sao chép.
- Tất cả đều phải được trả lại ngay trong đêm - Tôi nói.

Hắn suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Thôi được, tôi giữ lại ba bản, còn mấy bản kia, ta bỏ vào túi anh chàng này. Khi xác chết bị phát hiện thì nó lãnh đủ hết.

Vì không thấy có giải pháp khác, chúng tôi làm như hắn gợi ý: chúng tôi rình rập nửa giờ tại cửa sổ chờ một chuyến tàu dừng lại. Sương mù dày đặc. Do đó chúng tôi dễ dàng vớt xác của Cadogan West lên mui xe. Đối với tôi, công việc chấm dứt tại đây.

- Còn anh của ông?

- Anh tôi không nói gì với tôi, dù có lần bắt gặp tôi cầm mấy cái chìa khóa của ông. Tôi tin rằng ông ngờ vực tôi. Qua mắt ông, tôi nghĩ rằng ông biết tôi là thủ phạm. Như các ông biết, ông không bao giờ nhìn mặt tôi nữa.

Sự yên lặng ngự trị căn phòng.

- Đề nghị ông hãy làm nhẹ lương tâm và giảm thiểu hình phạt của mình - Mycroft nói.

- Tôi phải làm gì?

- Oberstein cùng với các bản vẽ hiện ở đâu?

- Tôi không biết.

- Thằng khốn đó không cho ông địa chỉ ư?

- Hắn có dặn, nếu cần thì viết thư cho hắn tại khách sạn Le Louvre ở Paris.

- Như vậy là được rồi - Holmes nói.

- Tất cả những gì thuộc phạm vi khả năng của tôi, tôi sẽ làm hết. Hắn là nguyên nhân của sự suy sụp của tôi.

- Đây là giấy bút, ngồi xuống viết theo lời tôi đọc: "Thưa ông, có lẽ ông đã nhận thấy ông còn thiếu một chi tiết thiết yếu. Tôi còn giữ một bức vẽ bổ sung toàn bộ. Tuy nhiên, tôi xin thêm 500 bảng Anh nữa. Tôi không gửi qua bưu điện, tôi chỉ nhận vàng hoặc giấy bạc ngân hàng. Tôi sẵn sàng đi nước ngoài để gặp ông, nhưng sự xuất ngoại của tôi chắc chắn sẽ gây ra tiếng ồn ào. Tôi đề nghị được gặp ông 12 giờ trưa thứ bảy tại

quán ăn của khách sạn Charing". Xong rồi, có chết nó cũng tới nhà.

Hắn chạy tới. Đó là một điểm lịch sử, lịch sử gián điệp có khi còn hấp dẫn hơn lịch sử công khai. Oberstein vì háo hức muốn hoàn tất sự nghiệp của đời mình, đã lọt vào bẫy và bị 15 năm tù. Trong va li của hắn, có các bản vẽ của tàu ngầm Bruce Pardington. Hắn chuẩn bị bán đấu giá cho các hải quân châu Âu. Đại tá Walter chết trong tù. Còn Holmes quay về cuộc nghiên cứu âm nhạc. Tác phẩm được phát hành bằng vốn tư, người sành nhạc khen nó là một công trình có giá trị.

Vài tuần sau, tình cờ tôi hay tin rằng Holmes đã đến thăm cung điện Windsor. Anh mang về một viên ngọc bích tuyệt đẹp gắn trên kẹp cà vạt. Khi tôi hỏi, anh trả lời rằng, đó là quà tặng của một mệnh phụ phu nhân kiều diễm. Tôi biết rõ đáng mẫu nghi đó là ai và tôi tin rằng cái kẹp cà vạt đó luôn luôn nhắc nhở anh nhớ tới chuyến đi tìm bản vẽ của chiếc tàu ngầm Bruce Pardington.

Hết

E.5 - The Adventure of the Dying Detective 1913 (Sherlock Holmes hấp hối)

Bà Hudson, chủ nhà trọ của Sherlock Holmes là người cực kỳ kiên nhẫn. Chẳng những căn hộ của Holmes lúc nào cũng đầy ắp những người quái dị, mà Holmes lại lười thối lếch thếch cực cùng, sự ghiền nhạc vào giờ ngủ của mọi người, thói quen tập bắn súng lục trong phòng, các cuộc thử nghiệm hóa học vừa kỳ lạ, vừa hôi thối, các thô bạo và nguy hiểm bao quanh biến anh thành người thuê nhà tệ nhất tại London.

Tuy nhiên anh thanh toán tiền thuê nhà một cách vương giả. Tôi chắc chắn rằng với tiền thuê căn hộ đó trong mấy năm thì bằng với số tiền mua toàn bộ ngôi nhà của bà Hudson.

Bà này kính trọng và sợ anh; không bao giờ bà dám làm mất lòng anh. Bà cũng thương mến anh, bởi vì đối với phái yếu, Holmes cực kỳ dễ thương và lễ phép.

Vì tôi biết rõ mức độ tận tụy của bà Hudson, nên tôi chăm chú nghe câu chuyện bà kể tại nhà riêng của tôi trong năm thứ hai sau khi lấy vợ. Chuyện liên quan đến tình trạng đáng thương của nhà thám tử tư tài ba này.

-Ông gần chết rồi, thưa bác sỹ! - Bà báo như thế - Ông suy sụp cách đây 3 ngày, ngày nào tôi cũng tưởng ông không qua khỏi. Ông không muốn đi mời bác sỹ. Sáng nay tôi thấy xương của ông gần như đâm thủng da mặt. Trong cơn sốt, ông nhìn tôi bằng đôi mắt rực lửa, tôi nổi nóng: Ông có cho phép hay không cùng mặt, tôi đi mời bác sỹ ngay bây giờ. Ông ấy đáp: Trong trường hợp đó, tôi muốn bà mời anh Watson. Tôi chạy vọt lên cổ tới đây ngay. Bác sỹ hãy đến đó mau để còn kịp vuốt mắt ông Holmes.

Tôi kinh hoàng. Trong lúc ngồi xe ngựa tới phố Baker, tôi hỏi chi tiết, thì được bà chủ nhà trả lời như sau:

-Tôi không biết gì nhiều. Ông ấy đi điều tra ở phía dưới khu Rotherhithe, gần sông Thames và mang bệnh này về. Ông nằm liệt giường vào ngày thứ tư và không ngồi dậy nổi. Ba ngày nay không ăn uống gì cả.

-Sao bà không mời bác sỹ?

-Ông ấy đâu có chịu. Ông dư biết ông khó tính mà. Tôi đâu dám cãi lời. Ông không còn sống mấy phút nữa đâu, chỉ nhìn sơ cũng đoán được.

Quả thật một cảnh tượng nát lòng đang chờ đợi tôi. Dưới ánh sáng mờ mờ của một ngày sương mù tháng 2, căn phòng đã ảm đạm thêm cái khuôn mặt xương xẩu cằn kiệt từ trên giường đang nhìn tôi, càng làm tôi lạnh người. Đôi mắt bốc lửa của cơn sốt, má đỏ au, những vẩy đen dán chặt vào môi, đôi tay run lập cập, tiếng rên rỉ, co giật từng cơn.

Khi tôi vào, Holmes nằm bất động hoàn toàn. Khi nhìn thấy tôi, một ánh chớp thoáng qua trong cái nhìn của anh:

-Anh Watson, tôi đang trải qua một giai đoạn ngặt nghèo, phải không? - Holmes nói với

giọng yếu ớt.

-Anh Holmes! -Tôi la lớn và bước tới.

-Lui, lui ngay! - Holmes hùng hổ ra lệnh cho tôi - nếu anh tới gần, tôi sẽ mời anh ra khỏi nhà!

-Tại sao?

Đó là ý muốn của tôi

Rõ ràng bà Hudson không nói ngoa. Anh ấy không dễ tính tí nào. Tuy nhiên, nhìn tình trạng đó, tôi vô cùng ái ngại.

-Thiệt sao, Holmes?

-Sự nghiêm khắc của anh tan biến.

-anh không giận tôi chứ? Đó là vì quyền lợi của anh, Watson à! - Holmes nói rõ từng tiếng.

-Quyền lợi của tôi ư?

-Tôi biết bệnh của mình. Đó là một bệnh thường xảy ra trong giới phu ở Sumatra^{<1>}; căn bệnh mà người Hà Lan rành hơn chúng ta. Nhưng cho tới nay, họ cũng phải bó tay. Có một điều chắc chắn là; nó truyền nhiễm khủng khiếp và ai mắc bệnh thì phải chết.

Holmes nói năng một cách cuồng vội. Hai bàn tay gầy gò run rẩy, ra lệnh cho tôi đứng yên.

-Bệnh lây lan qua sự sờ mó, Watson à. Đứng rồi qua xúc giác. Đứng xa thì không sao.

-Vậy tôi phải dừng bước sao? Làm sao tôi có thể tránh né nhiệm vụ với bạn cố tri?

Tôi bước tới nhưng Holmes lại giận dỗi.

-Nếu anh đứng yên tại đó, thì tôi tiếp chuyện với anh. Bằng không thì anh về đi

-Tôi tôn kính các biệt tài của Holmes đến nỗi tôi không bao giờ dám coi thường lệnh anh, kể cả những lệnh mà tôi không hiểu.

-Nhưng hôm đó tất cả bản năng nghề nghiệp của tôi đều trỗi dậy. Trong tất cả các phạm vi khác, anh ấy là chủ tôi; nhưng trong căn phòng này và người bệnh này, tôi lại là chủ của anh ấy.

-Holmes à, một người bệnh chỉ là một trẻ thơ. Anh chịu hay không cung mặc, tôi sẽ khám bệnh và chữa trị cho anh.

Anh ấy nhìn tôi đăm đăm.

-Nếu bị bắt buộc, tôi phải được điều trị bởi một thầy thuốc mà tôi tin tưởng.

-Anh không tin vào tài năng của tôi?

-Vào tình bạn của anh thì tin chứ, nhưng nghĩ cho kỹ, anh chỉ là một bác sỹ tổng quát, kinh nghiệm rất hạn chế và học vị rất tầm thường. Thật xót xa phải nói như thế. Anh không cho tôi chọn lựa. Tôi đau xót lắm.

-Nói năng nhu thế là bất xứng, Holmes à. Chính cái cách nói năng của anh đã cho tôi thấy tình trạng tâm thần của anh. Nhưng nếu anh không tin tôi thì tôi sẽ đi tìm các danh y của thủ đô này.

-Anh quá tốt bụng! - Holmes thốt ra, vừa găm gù vừa rên siết - Anh muốn trình diễn sự ngu tối của anh à? Anh biết gì, anh biết gì về sốt Tapannuli? Anh biết gì về sự nhiễm độc đen Formosa.

-Tôi chưa bao giờ nghe nói tới!

-Ở phương Đông có nhiều bệnh lạ lắm ...

Anh ngừng để thờ.

-.. Tôi biết được khá nhiều qua những cuộc nghiên cứu y khoa hình sự. Do các nghiên

cứu đó mà tôi bị mắc bệnh. Anh không làm được gì đâu.

-Có thể. Tôi được biết rằng bác sỹ Ainstree, cuốn tự điển sống về bệnh nhiệt đới, hiện có mặt tại London này. Đừng bảo thủ quá. Tôi đi tìm ông ấy ngay bây giờ.

Tôi cương quyết quay về hướng cửa. Bỗng tôi giật mình hoảng hốt. Chỉ trong một giây đồng hồ, người đang hấp hối nhảy bổ ôm chặt lấy tôi, và tiếng chìa khóa kêu cái cách trong ổ khóa. Anh ấy chập chững đi rồi ngã ùng xuống giường, cạn kiệt, thở hổn hển.

-Tha lỗi nhé. Lỡ đến đây rồi phải ngồi đó chờ ngẫu hứng của tôi thay đổi.

Anh nói đứt quãng, luôn xen kẽ những giây phút ngừng để thở.

-. Anh luôn lo cho tôi, tôi biết rõ. Tôi sẽ nhượng bộ anh, nhưng cho tôi thời gian để lấy lại sức cái đã. Bây giờ thì chưa được đâu. Mới có 4 giờ, đến 6 giờ anh được ra về.

-Đó là sự xuẩn ngốc Holmes à.

-Chỉ hai giờ mà thôi, Watson! Tôi hứa rằng tôi sẽ cho anh về lúc 6 giờ. Gắng chờ đi.

-Tôi tin rằng tôi không có tự do chọn lựa.

Đúng thế, Watson à cảm ơn! Tôi không cần người trải drap giường đâu. Hãy đứng ra xa, Watson à. Ngoài ra tôi cần đưa thêm một điều kiện khác. Anh sẽ đi cầu viện: nhưng không phải người anh nêu tên, mà người tôi chỉ định.

-Tùy anh.

Đó là hai tiếng hay nhất. Anh có thể đọc mớ sách kia để giải khuây. Tôi hơi mệt. Lúc 6 giờ, chúng ta sẽ nói chuyện trở lại.

Nhưng định mạng buột chúng tôi nói chuyện trở lại.

Vài phút đầu, tôi ngồi nhìn đăm đăm cái hình dạng người nằm trơ trơ trên giường. Tắm ra che phủ gần hết khuôn mặt và hình như anh đang ngủ. Rồi vì không thể đọc được gì, tôi chậm rãi đi giáp phòng, nhìn chân dung các tên sát nhân nổi tiếng trang hoàng nơi các bức tường. Cuối cùng, tôi tới trước lò sưởi. Một mớ hổ lốn gồm có ống vớ, bao da đựng thuốc sợi, ống tiêm, dao nhỏ, vỏ đạn súng lục nằm la liệt trên kê.. Truyện "Cung Đàn Sau Cuối " được copy từ diễn đàn Lương Sơn Bạc (LuongSonBac.com)

Ở ngay giữa một hộp nhỏ bằng ngà voi, có nắp, có khe trượt. Thấy một đồ vật đẹp nên tôi thò tay cầm lấy thì ..

Đừng! Anh la lên một tiếng vang rền như sấm, ngoài đường cung nghe được.

Tôi nổi da gà, tóc dựng đứng. Tôi quay lại và hoảng vía trước cái nhìn hoang dại trong khuôn mặt nhăn nhó

Để nó xuống ngay tức khắc! Tức khắc!

Đầu Holmes rơi lại xuống gối và anh thở phào nhẹ nhõm khi tôi đã để cái hộp trên lò sưởi trở lại.

Tôi không thích người ta sờ vào đồ đạc của tôi. Anh biết mà, anh làm tôi giận quá mức. Bác sỹ chọc bệnh nhân phát điên. Ngồi yên ông bạn, và để tôi nghỉ ngơi!

Biến cố này không làm tôi vui tí nào. Sự nóng nảy thô bạo và vô cơ của Holmes, tỏ rõ sự rối loạn thần kinh. Trong các sự sụp đổ, sự sụp đổ của tâm trí siêu việt thì rất là bi thương. Tôi ngồi tuyệt vọng, cảm như hén, chờ thời hạn quy định trôi qua. Hình như anh cũng canh giờ một cách sít sao, vì trước 6 giờ một chút, anh bắt đầu nói với giọng bức dọc.

-Anh Watson, có tiền trong túi không?

-Có. Truyện "Cung Đàn Sau Cuối " được copy từ diễn đàn Lương Sơn Bạc (LuongSonBac.com)

-Bao nhiêu đồng silver?

-Khá đủ.

-Bao nhiêu đồng nửa crown.

-Năm.

-À, quá ít, bỏ vào hầu bao. Còn tiền khác bỏ vào túi trái của quần dài. Cám ơn, làm vậy có quân bình hơn.

Một sự mê sảng xuẩn động, anh ấy run lập bập, thốt ra từng tiếng giữa cơn ho thốn thức.

-Giờ thì vặn ga lên. Canh sao khóa không bao giờ được xoay quá nửa vòng. Cám ơn, đúng vậy. đừng! Khởi hạ bức sáo. Giờ thì vui lòng để thư từ sách báo trên bàn này vừa tầm tay tội Cám ơn! Giờ thì mang lại đây vài thứ trong mớ hổ lốn trên lò sưởi. Tốt lắm. Có một cái kẹp gấp đường, vui lòng dùng nó để cầm cái hộp nhỏ bằng ngà đem về ở đây, giữa các tờ báo. được, giờ thì anh đi tới ông Culverton Smith, số 13 phố Hạ Burke. Nói thật, lòng tôi không còn muốn đi kêu đồng nghiệp nữa vì Holmes mê sảng đến nỗi tôi sợ không dám bỏ anh ấy một mình. Tôi thấy anh ta có vẻ thích được gặp người vừa nêu tên.

-Tôi chưa bao giờ nghe đến tên đó - Tôi đáp.

-Có thể lắm. Có thể anh sẽ ngạc nhiên khi biết rằng, người rành về bệnh này không phải là một bác sỹ mà là một chủ đồn điền. Ông Culverton là một nhà trồng trọt nổi danh tại đảo Sumatra. Hiện nay, ông ta đang có mặt ở London. Trước đây, một bệnh dịch hoành hành trong đồn điền của ông, sự tách biệt với mọi tiếp xúc y khoa buộc ông phải đích thân nghiên cứu nó và ông đã đạt được những kết quả khả quan. Do đó anh đến trước 6 giờ thì chắc chắn anh không gặp. Nếu anh thuyết phục được ông ấy đến đây và chia sẻ với chúng ta cái kinh nghiệm hiếm có của ông thì tôi hy vọng sẽ được cứu sống.

Tôi ghi lại lời nói của Holmes như không biết những lần ngắt đoạn để thở hoặc bởi sự co giật của đôi tay, sức khỏe của anh càng tồi tệ hơn kể từ khi tôi tới thăm. Má đỏ hơn, mắt có quầng rực lửa hơn, trán nhể nhại mồ hôi lạnh.

-Anh cho ông ấy biết tình trạng của tôi - Holmes căn dặn - Anh mô tả cho ông ấy cảm giác chính xác của anh về tình trạng đang chờ chết và hôn mê của tôi. Thực vậy, tôi đang thắc mắc tại sao toàn cái sàn đại dương không là một khối rắn chắc làm bằng vỏ sò, vì vỏ sò thì hàng sa số mà. À, tôi đang nói sảng, óc chi phối óc, chuyện thiệt lạ. Tôi vừa nói gì thế, Watson?

-Tôi phải làm gì khi gặp ông Culverton?

-Ừ, đúng rồi, tôi nhớ ra rồi! Mạng sống của tôi tùy thuộc vào cuộc gặp gỡ này. Cố gắng năn nỉ, nghe Watson! Giữa ông ấy và tôi có chuyện hiềm khích đó. Cháu trai của ông ấy, Watson ạ. Tôi thấy có sự bất nghĩa nghiêm trọng. Tôi giải thích cho ông ấy, thằng bé chết, một cái chết thê thảm. Ông ấy ghét tôi. Anh dỗ ngọt ông ấy, Watson, bằng mọi cách, hãy đưa ông ấy tới đây. Ông ấy có thể cứu tôi, chỉ có ông ấy mà thôi.

-Tôi sẽ đưa ông ấy tới đây bằng xe ngựa, dù phải sử dụng vũ lực.

Đừng! Đừng làm như thế! Thuyết phục thôi, và anh phải về đây trước khi ông ấy tới. Đặt điều nói láo sao đó để về trước. đừng quên, anh chưa bao giờ thật hiểu về tôi đó. Hiển nhiên là có sự tương sinh tương khắc để hạn chế sự tăng trưởng của muôn loài. Tôi và anh mỗi đứa chúng ta đã đóng vai trò của mình. Thế giới sẽ bị xâm lăng bởi sò huyết không? Không đâu, vì sẽ khủng khiếp lắm. Truyền đạt cho ông ấy tất cả những gì anh nghi về tôi

Tôi ra đi, tâm trí nghi vấn về cảnh một trí thông minh siêu quần bạt chúng nói năng, ngớ ngẩn như một đứa con nít đần độn. Anh đã trao chìa khóa cho tôi Tôi mang chìa khóa đi để Anh ấy không tự Nhốt mình. Bà Hudson đứng đợi ngoài hành lang, run lập cập và nước mắt đầm đìa. Khi tôi xuống cầu thang, tôi nghe tiếng cao vút và chất tại của Holmes hát một bài điên loạn. Khi tôi gọi xe ngựa thì một người đàn ông băng qua đường trong sương mù.

-Ông Holmes ra sao, thưa ông?

Đó là một người quen biết lâu năm: thanh tra Morton thuộc Scotland Yard, mặc thường phục.

-Ông ấy đau nặng lắm!

Viên thám tử nhìn thẳng vào mặt tôi một cách kỳ di.. Tôi thấy rõ vẻ mặt hả dạ của ông ta.

-Tôi có biết - Ông ta thì thâm.

Chúng tôi chia tay.

Tới nơi, tôi xuống xe. Phố Hạ Burke hai bên có nhà đẹp nằm trong một khu giữa Notting Hill và Kensington. Nhà tôi tìm có bề ngoài hùng vĩ với các bancone bằng sắt, cửa lớn đồ sộ với hai cánh tay nắm bằng đồng bóng loáng. Cảnh được bổ sung một cái hài hòa bằng một quần gia đứng trên thềm, dưới ánh sáng màu hồng phát sinh từ một đèn điện để ở đằng sau.

-Vâng, ông Culverton có ở đây. Bác sỹ Watson ư? Vâng, tôi sẽ trình danh thiếp của ông.

Học vị và danh tính khiêm nhường của tôi hình như không tác động gì đến ông Culverton. Xuyên qua cánh cửa hé mở, tôi nghe một tiếng nói lớn, giọng hùng hổ, gây hấn:

-Ai? Muốn gì? Trời ơi! Staples, đã bao lần tôi nói với anh rằng tôi không muốn bị Quấy rầy trong những giờ nghiên cứu.

Một tiếng nói nhỏ nhẹ của người quản gia.

-Nhưng mà tôi không tiếp y. Tôi không để công việc của mình bị gián đoạn. Này, nói rằng tôi vắng nhà. Bảo ông ấy trở lại vào một buổi sáng, nếu quả thật cần gặp tôi.

Lại có tiếng thì thầm van lơn.

-Không, không, cứ chuyển lời của tôi. Phải đến vào buổi sáng. Không thì thôi, tôi không muốn ai quấy rầy

Tôi nghi tới Holmes đang nằm trên giường bệnh và có lẽ đang chờ sự giúp đỡ từng giây. Mạng sống của Holmes tùy thuộc vào sự lạnh lẽo của tôi. Trước khi người quản gia kịp xá trước xá sau, tôi đã gạt y qua bên và lọt vào trong phòng.

Một tiếng thét lên giận dữ! Một người đàn ông đứng lên khỏi ghế bành, gần lò sưởi. Tôi thấy khuôn mặt to tướng màu vàng, da mỡ và thô, cằm đôi nặng trĩu, mắt xám, cau có, nhấp nháy dưới đôi chân mày rậm rạp. Chênh vênh trên một góc đầu cao, hói, một cái mu chồm bằng nhung đỏ được đặt một cách xinh xinh. Cái sọ đồ sộ. Tuy nhiên khi nhìn xuống, ta kinh ngạc thấy người này lùn tịt.

-Cái màn gì đây? -Ông ta la lớn - Sao lại đột kích vào đây như vậy? Tôi đã bảo sáng mai tôi mới tiếp mà.

-Tôi vô cùng hối tiếc - Tôi nói - Công chuyện quá khẩn cấp! Ông Sherlock Holmes!

Tên của Holmes đã tạo ra một hiệu quả phi thường. Tất cả vết tích giận dữ biến khỏi khuôn mặt người đàn ông nhỏ con. Diện mạo trở nên căng thẳng, ngóng tin:

-Ông Holmes nhờ ông tới đây?

-Tôi mới rời ông ấy.

-Ông ấy ra sao?

-Trong tình trạng tuyệt vọng. Đó là lý do khiến tôi tới đây.

Chủ nhà chỉ cho tôi cái ghế, rồi quay lưng lại ngồi xuống. Nhìn trên cái kính soi để trên lò sưởi, tôi thấy rõ mặt ông, một nụ cười ác độc, ghê tởm rực sáng. Nhưng khi ông ta quay về hướng tôi, thì các đường nét của ông hoàn toàn bình thản:

-Tôi rất buồn trước cái tin này - Ông chậm rãi nói - Tôi chỉ quen ông Holmes qua một vài công việc phải hợp tác với nhau. Tôi vô cùng kính trọng tài năng và tính tình của ông ấy. Ông ấy thích nghiên cứu tội ác, y hệt như tôi thích nghiên cứu về bệnh. Kia là những nhà tù của tôi - Ông chỉ tay về một dãy chai lọ trên mỗi cái bàn ngang - Vài thằng trong đám sát nhân của thế giới đang thọ hình trong các lọ đó.

Do kiến thức đặc biệt của ông mà ông Holmes ước mong được gặp ông. Ông ấy coi ông là một danh tài và nghĩ rằng ông là người duy nhất có thể cứu sống ông ấy.

Người đàn ông nhỏ con nhảy dựng lên và cái mu chòm rơi xuống thảm.

-Sao? Tại sao ông Holmes cho rằng tôi có thể cứu sống ông ấy?

-Tại vì ông rành về các bệnh ở Đông phương.

-Nhưng do đâu ông ấy cho rằng bệnh của mình là bệnh Đông phương.

- Vì trong một cuộc điều tra hình sự, ông có làm việc với một công dân Trung Hoa tại bến tàu.

Ông Culverton cười khoái trá, cúi nhặt cái mu chòm.

-A! Đây là nguyên nhân, đúng thế ă? Tôi hy vọng rằng bệnh không đến nỗi nghiêm trọng như bạn đoán. Từ bao lâu rồi?

-Ba ngày.

-Hôn mê không?

-Thỉnh thoảng thôi.

-Ừm, ừm! Có vẻ nghiêm trọng. Không đáp lời kêu cứu là vô nhân đạo. Nhưng tôi rất ghét bị quấy rầy lúc đang làm việc, bác sỹ Watson à! Nhưng việc này có tính đặc biệt. Tôi đi theo ông ngay.

Nhớ lời Holmes dặn....

-Tôi còn một cái hẹn khác. Tôi xin khiếu từ.

Được thôi, tôi sẽ đi một mình. Tôi có địa chỉ của ông Holmes, ông yên tâm. Trong vòng nửa giờ hay hơn một chút, tôi sẽ có mặt tại đây.

Tôi bước vào phòng của Holmes, lòng nặng trĩu. Có thể có chuyện không lành xảy ra trong lúc tôi vắng mặt. Tôi nhẹ nhõm khi biết rằng khả quan hơn. Holmes vẫn còn đáng con ma, nhưng không còn nói bậy nữa. Vẫn nói năng yếu ớt, nhưng sự sáng suốt và sự rạch ròi chưa già từ anh ta.

-Sao, gặp được ông ấy không?

-Có, ông ta sẽ đến.

-Tuyệt, Watson! Tuyệt! Anh là một sứ giả tài ba.

-Ông ấy muốn đi theo tôi?

-Ý, đừng. Không thể được! Ông ấy có hỏi tôi bệnh gì không?

-Tôi có nói với ông ấy về người Trung Hoa ở khu Esat End.

Đúng như thế! Anh đã làm tất cả những gì mà một người bạn tốt phải làm. Giờ đây, anh phải tạm rời khỏi sân khấu.

-Tôi phải chờ để nghe ý kiến của ông ấy.

Đương nhiên! Nhưng ý kiến của ông ta sẽ thành thật và có giá trị hơn nhiều nếu ông ấy không thấy có người thứ ba. Có đủ chỗ để anh nấp sau đầu giường tôi

-Thế nào?

Đâu có chỗ nào khác đâu! Chỗ khác sẽ bị lộ.. Nhưng tại chỗ đó, ngay tại chỗ đó, tôi tin là được mà

Thình lình, Holmes ngồi dậy và khuôn mặt hốc hác lộ vẻ hung hăng.

-Kìa có tiếng bánh xe, Watson. Nhanh lên, nếu anh thương tôi, và nhớ ngồi im dù có việc gì xảy ra dù có việc gì xảy ra, nghe chưa? im lặng tuyệt đối. Không được cựa quậy, chỉ nghe thôi.

Chỉ giây lát, cái sức mạch cổ hữu đột ngột tan biến hẳn rồi cái giọng chỉ huy như ở chỗ cho những lời thì thầm vô nghĩa của một người đang hôn mê.

Từ nơi ẩn nấp, tôi nghe tiếng bước chân đi lên cầu thang và cửa mở rồi đóng lại. Tiếp đó, lạ lùng thay, một sự yên lặng dài ngự tri.. Thỉnh thoảng bị gián đoạn bởi tiếng rên rỉ và hơi thở nặng trịch của người bệnh. Tôi tưởng tượng rằng khách đang đứng gần giường và quan sát Holmes. Cuối cùng sự im lặng nặng nề đó chấm dứt.

-Holmes! - Ông khách la lớn - Holmes!

Tiếng ông giống tiếng một ai đó đánh thức một người ngủ mê

-Ông không nghe được tiếng tôi gọi hay sao, Holmes?

Có tiếng sốt soạt, như thế ông khách đang lay mạnh đôi vai của bệnh nhân.

-Là ông đấy ư.... ông Smith? - Holmes thì thào - Tôi đâu ... dám ... hy vọng ông đến.

Khách cười lớn tiếng.

-Cung là bất ngờ đối với tôi nữa. Tuy nhiên, ông thấy không, tôi đã có mặt tại đây

Than hồng, Holmes à! Than hồng.

-Ông quả là hào hiệp Tôi thán phục các kiến thức đặc biệt của ông.

Người khách cười nửa miệng.

-Ông thán phục chúng nó. May thay ở London này chỉ có ông thán phục chúng nó. Ông có biết bệnh ông là bệnh gì không?

-Cùng một bệnh thôi - Holmes đáp.

-A, ông nhận ra các triệu chứng của nó à?

-Tôi quá rành.

-Tôi không ngạc nhiên khi thấy các triệu chứng giống nhau. Như vậy là tàn đời ông rồi. Thằng Victor đáng thương thì chết vào ngày thứ tư, tuy nó trẻ và can đảm. Như ông đã nhận xét, là nó đã mắc một bệnh phương đông khá hiếm ngay giữa lòng London. Một bệnh mà tôi lại là người độc nhất nghiên cứu kỹ. Một sự trùng hợp kỳ lạ, hả ông Holmes?

-Tôi dư biết ông là tác giả.

-Ồ ông biết thật sao? Nhưng ông không thể chứng minh được đâu Ông nghi sao về một người dám rêu rao như vậy về tôi, để rồi phải bò lê dưới đất van xin tôi cứu giúp khi lâm bệnh?

Tôi nghe hơi thở hỗn hển của người bệnh.

-Cho tôi uống nước. - Holmes thì thào.

-Gần đi đứt rồi, ông bạn à. Nhưng tôi không muốn ông chết trước khi chúng mình có một cuộc nói chuyện ngắn. Đó là lý do tại sao tôi đưa nước cho ông nè. Coi chừng đổ! Tốt! Ông có hiểu tôi muốn nói gì không?

Holmes cầu nhàu.

-Vui lòng giúp tôi - Holmes hỏn hển nói - Tôi thề rằng tôi sẽ quên những gì tôi đã nói. Chứa lành cho tôi thì tôi sẽ quên điều đó.

-Quên cái gì?

-Trường hợp cái chết của Victor. Ông mới nhìn nhận rằng ông đã giết nó. Tôi sẽ quên chuyện đó.

-Ông quên hoặc nhớ tùy thích. Tôi sẽ không thấy ông trong hàng ngu nhân chứng đâu. Thay vào đó, tôi sẽ thấy ông trong một hàng ngu khác, ông bạn thân yêu. Việc ông biết cháu tôi chết cách nào, điều đó không còn quan trọng đối với tôi. Chúng ta không nói chuyện về nó mà nói chuyện về chính ông.

Đúng thế!

-Thằng cha tìm đến tôi ... Tôi quên tên y rồi .. Y nói với tôi rằng ông mắc bệnh tại khu East End trong giới thủy thủ.

-Tôi tin như vậy!

-Ông hãnh diện về cái óc của ông phải không, Homles? Ông tưởng rằng ông khôn lắm, phải không? Vậy thì hiện giờ ông đã gặp một người khôn hơn ông, duy nhất một lần! Giờ đây ông hãy cố gắng hỏi tường chuyện cu. Ông không thấy trường hợp khác trong đó ông có thể mắc bệnh?

-Tôi không nghi ra, tâm trí tôi sút kém rồi. Tôi van ông giúp tôi nhớ lại.

-Vâng, tôi sẽ giúp ông. Tôi sẽ giúp ông hiểu một cách dễ dàng tình trạng hiện nay của ông và tại sao ông lâm vào tình trạng này? Tôi cho ông biết điều này trước khi ông chết.

-Hãy cho tôi một cái gì đó để giảm đau

Đau nhói phải không? Đúng rồi. bọn cu-li thét lên lúc gần chết! Đau nhói như bị rút gân, tôi chắc chắn mà?

Đúng, đúng! Gân tôi đang bị rút!

-Này! Nghe đây! Ông có nhớ một biến cố bất thường xảy ra không bao lâu trước khi có các triệu chứng này?

-Không, không nhớ gì cả.

-Suy nghĩ lại xem?

-Bệnh gần chết mà suy nghĩ cái gì?

-Tôi cố gắng giúp ông, ông có nhận được một vật gì gửi qua bưu điện không?

-Qua bưu điện?

Đúng, một cái gói, có không nào?

-Tôi mệt quá rồi, tôi không nói nữa đâu!

-Nghe đây, ông Holmes.

Có một tiếng động như thể y lay động người sắp chết và tôi phải tự kìm mình để không chạy ra.

-Ông phải nghe tôi, ông có nhớ một cái hộp? Một cái hộp bằng ngà voi? Nó đến hôm thứ tư, ông đã mở nó ra ... ông nhớ không?

-Vâng, tôi có mở nó ra, có một lò xo nhọn đầu bên trong. Một trò chơi khăm

-Không phải trò đùa đâu. Đến chết mới biết! Đồ ngu ngốc, tự chuốc lấy cái chết! Ai bảo ông cản đường tôi? Nếu ông để tôi yên, tôi hại ông làm gì?

-Tôi nhớ ra rồi - Holmes bập bẹ - Cái lò xo ... nó đâm tôi chảy máu. Cái hộp kia ... trên bàn đó.

Đúng cái này. Chúa ơi! Tôi sẽ bỏ túi đem về. Như vậy là đâu còn bằng có gì nữa. Giờ đây, ông đã biết sự chết và đừng có ân hận nhé! Ông biết quá nhiều về cái chết của Victor Savage. Tôi đã giúp ông đi theo nó. Gần kề rồi Holmes à. Tôi sẽ ngồi đây chờ ông chết.

Tiếng nói của Holmes bây giờ quá nhỏ không thể nghe được.

-Cái gì? - Culverton nói - Hết ánh sáng sao? À, bóng đèn của âm ti bắt đầu buông xuống, phải chăng? Đúng thôi. tôi sẽ tắt đèn sáng choang để nhìn thấy rõ lúc ông chết ...

Ông băng qua căn phòng và đèn rực sáng căn phòng

-Ông bạn thân còn cần sự giúp đỡ nhỏ mọn nào khác?

-Một liều thuốc và một que diêm!

Suýt chút nữa thì sự mừng rỡ và kinh ngạc xô tôi ra khỏi nơi trú ẩn. Holmes nói với âm thanh bình thường, tuy còn yếu. Nhưng tôi nhận rõ tiếng của anh ấy. Một sự yên lặng kéo dài, và tôi đoán rằng Culverton trở mắt tròn xoe nhìn người bệnh.

-Thế nghĩa là gì? - Y nói một cách cụt ngắn và chất chứa.

-Cách tốt nhất để diễn xuất - Holmes nói - Là phải nhập vai. Ông có tin rằng đã ba ngày nay tôi không uống gì, trừ cốc nước mà ông có lòng tốt mới đưa cho. Nhưng đối với liều thuốc thì quả khó khăn hơn! À, có thuốc đây.

Tôi nghe thấy tiếng diêm quẹt.

-Tôi khỏe nhiều rồi. Hay quá! Bước chân của một người bạn thân chẳng?

Những bước chân vang dội đằng xa lại. Cánh cửa mở, thanh tra Morton xuất hiện.

Đâu vào đó cả rồi. Đây chính danh là thủ phạm! -Holmes nói.

Viên cảnh sát nói lên vài sáo ngữ cần thiết rồi kết luận:

-Tôi bắt ông về tội giết một người tên Victor Savage.

-Và ông còn có thêm một tội danh mưu sát một người mang tên Sherlock Holmes nữa

-Holmes vừa nhận xét vừa cười nhẹ - Ngoài ra trong túi măng -tô của tù nhân còn có một cái hộp nhỏ mà ta nên lấy lại. Nó sẽ hữu ích vào lúc tòa xử.

Có một tiếng động của sự xô đẩy nhẹ, tiếng va chạm của đồ sắt và một tiếng kêu đau.

-Cựa quậy chỉ làm ông đau đớn hơn mà thôi! -Viên thanh tra của sảnh sát nói - Vui lòng đứng yên.

Tôi nghe tiếng lách cách của đôi còng khóa lại.

-Gài bẫy hay thật -Tiếng nói giọng cao thốt lên - Chính ông Holmes mới là người ra tòa chứ không phải tôi; ông ấy mời tôi đến chữa bệnh, nên tôi mới đến. Giờ đây ông cứ nói láo đi nói láo tùy thích ông đi Holmes ạ! Tuy nhiên lời nói của tôi vẫn có giá trị hơn lời nói của ông. Truyện "Cung Đàn Sau Cuối " được copy từ diễn đàn Lương Sơn Bạc (LuongSonBac.com)

-Chúa ơi - Holmes nói lớn - Tôi quên hẳn đi chứ. Ông bạn Watson thân yêu! Anh ra đây! Tôi xin lỗi anh 1000 lần! Tôi không giới thiệu anh với ông Culverton vì hai người đã gặp nhau lúc đầu hôm. Có xe ngựa bên dưới không? Tôi sẽ xuống sau, xin phép thay quần áo! Tôi cũng sẽ có ích phần nào cho quý vị tại sở cảnh sát.

Trong lúc nốc một cốc rượu vang, ăn bánh biscuit và mặc quần áo, Holmes nói với tôi:

-Chưa bao giờ đói như hôm nay. Như anh biết, tôi không đều đặn lần về ăn uống, do đó đối với tôi, sự nhịn đói không tác động mạnh như đối với nhiều người khác. Tuy nhiên tôi cần dàn cảnh để bà Hudson tưởng làm mà đi báo động với anh, và tới phần anh thì thông báo cho Culverton Có phiền anh không, anh Watson? Nên nhớ rằng trong

các biệt tài của anh, sự nguy trang không có chỗ đứng. Nếu anh không bị tôi bịp thì anh không có khả năng thuyết phục Culverton đến được. Do biết tính khí thú vật của y, tôi chắc rằng y sẽ tới để chiêm ngưỡng kiệt tác của mình.

-Còn cái vẻ bề ngoài. Holmes! Khuôn mặt thầy ma?

-Nhịn ăn, nhịn uống ba ngày liền thì làm sao còn đẹp trai được, Watson. Ngoài ra lấy khăn lau thấm nước quệt một cái là xong thôi. Một ít vaseline trên trán, cà được trong mắt, son trên má và vắn mảnh sáp trên môi là khá đạt. Trang điểm là một đề tài mà tôi thường có ý muốn viết ra một lược thảo. Nói lung tung về đồng nửa crown, về sò huyết hoặc bất cứ cái quái dị sẽ làm cho người ta lầm tưởng mình đang nói sảng.

-Nhưng tại sao anh không muốn tôi đến gần, bởi vì đâu có rủi ro truyền nhiễm?

-Còn phải hỏi! Bộ anh tưởng tôi coi nhẹ tài năng y khoa của anh à? Cho anh đến gần, để anh nhận ra màn kịch này sao?

Đứng xa bốn thước thì gạt anh được. Nếu không gạt anh được thì ai sẽ đi thuyết phục Culverton tới nạp mình? Còn cái hộp, đừng tới nó đâu được. Nhìn nó, anh sẽ thấy một cái lò so nhọn đầu có thể bung ra như lưỡi răn lục. Chính bằng một dụng cụ tương tự mà thằng bé Victor đáng thương bị giết chết. Thư từ của tôi như anh biết khá tạp nhạp, nên tôi luôn thận trọng khi nhận các bưu kiện. Tôi nguy trang có tài tình không? Khi làm việc xong tại sở cảnh sát, ta đi chén nhé. Hết

<1> thuộc Indonesia

E.6 - The Disappearance of Lady Frances Carfax 1911 (Quý bà mất tích)

- Đúng kiểu Thổ phải không? – Holmes bất chợt hỏi trong khi nhìn chăm chăm vào đôi giày boots của tôi.

Tôi đang chống một cây gậy, và tôi nghĩ là nó đã thu hút ý nghĩ của anh ấy.

- Đồ Anh đó chứ! – Tôi hơi ngạc nhiên – Tôi mua nó ở tiệm Latimer, phố Oxford

Holmes mỉm cười, với một vẻ kiên nhẫn mệt mỏi.

- Ý tôi nói là cái nhà tắm hơi kiểu Thổ! Tại sao anh lại đến đó, vừa đắt vừa không thoải mái bằng nghỉ ngơi ở nhà.

- À, mấy hôm trước tôi cảm thấy hơi bị nhức mỏi. Tắm hơi kiểu Thổ, theo y học, sẽ là một cuộc vệ sinh toàn diện nhất. Mà Holmes này! Tôi không nghi ngờ gì về mối liên hệ logic giữa đôi giày boots với các nhà tắm Thổ, nhưng anh có thể nói rõ và chi tiết hơn được không?

- Bài học về suy luận anh cũng đã biết rồi mà – Holmes nói, với một chút giấu cợt trong ánh mắt – Tôi sẽ minh họa cho anh thấy rõ hơn nếu anh liên tưởng đến việc anh đi bằng chiếc xe ngựa nào lúc sáng nay.

- Tôi không thích anh minh họa. Anh có thể giải thích được không – Tôi bắt đầu câu.

- Bravo, Watson! Một lời khuyên rất logic. Rồi, đầu tiên tôi biết được gì. Trước hết là chiếc xe ngựa. Anh có để ý là trên tay và vai áo choàng bên trái của anh có vết nước bị bắn lên không? Nếu anh ngồi giữa chiếc xe ngựa thì sẽ không bị điều này! Rõ ràng là anh ngồi một bên! Và điều đó có nghĩa là có người ngồi cạnh anh.

- Điều đó hiển nhiên.

- Nhìn chung, không có điều gì vô lý.

- Nhưng còn đôi giày ông và cái nhà tắm?

- Cũng dễ như ăn kẹo. Anh có thói quen đi giày theo một cách nhất định. Tuy nhiên tôi nhìn thấy cách buộc giày không giống với cách thường làm của anh. Anh đoán ra điều gì rồi chứ? Có người buộc giày cho anh. Chỉ có thể là thợ đóng giày hoặc chú nhóc phục vụ ở nhà tắm. Nhưng không thể là thợ đóng giày trong khi đôi giày anh gần như

mới nguyên. Như vậy chỉ còn lại cái nhà tắm. Có điều gì vô lý không? Nhưng, cho tất cả cái đó, cái nhà tắm Thổ đã phục vụ một mục đích khác.

- Ý anh nói

- Anh nói là anh làm vậy vì anh cần một sự thay đổi. Cho phép tôi gợi ý rằng anh một ý nhé. Tại sao ở Lausanne làm thế, Watson thân mến? Những vé hạng nhất và những chi tiêu hoang phí?

- Sự sang trọng! Nhưng sao?

Holmes tựa lưng vào ghế và rút sổ tay ra.

- Một trong các hiểm nguy lớn trong xã hội là người đàn bà cô đơn đi du lịch. Bà phiêu bạt từ nơi này sang nơi khác, sống tại khách sạn hoặc tại các nhà trọ tư nhân. Bà giống như một chú gà con đi lạc giữa bầy chồn cáo. Khi bị nhốt rồi thì ít ai hay biết. Đó là trường hợp mà tôi nghi là đã xảy ra cho quý bà Frances Carfax.

- Đó là bà nào vậy? - Tôi hỏi.

- Quý bà Frances, là người duy nhất còn sống của gia đình cổ hầu tước De Rufton. Bà được thừa kế nhiều của cải gồm đồ nữ trang Tây Ban Nha rất xưa bằng bạc hoặc bằng kim cương mài rất khéo. Những kim cương mà bà gắn bó đến nỗi không chịu gửi cho ngân hàng, trái lại bà mang theo mình đi khắp thế giới.

- Chuyện gì đã xảy đến cho bà vậy?

- À, chuyện gì ư. Bà còn sống hay đã chết. Đó là bài toán của chúng ta. Bà có những thói quen đều đặn. Từ 4 năm nay, cứ 15 ngày là viết thư cho bà Dobney, người quản gia già ở Camberwell. Chính bà Dobney đến gặp tôi. Gần 5 tuần rồi, chả có tin tức gì của bà ta cả. Bức thư cuối cùng được viết từ khách sạn National ở Lausanne. Hình như vị mệnh phụ kia rời khách sạn mà không để lại địa chỉ. Gia đình giàu có này đang rất lo lắng, những số tiền vô cùng lớn lao đặt dưới quyền sử dụng của chúng ta để làm sáng tỏ vấn đề.

- Bà Dobney có phải là nguồn tin tức độc nhất hay không. Quý bà Frances chắc chắn còn có những người nhận thư khác?

- Chỉ có một người nhận thư độc nhất, đó là ngân hàng. Các sổ chi phiếu của họ là những nhật ký gọn gàng. Ngân hàng của bà ấy là ngân hàng Sylvester. Tôi có kiểm tra lại tài khoản của bà. Cái chi phiếu áp chót bà ký để thanh toán ở Lausanne. Kể từ đấy, bà chỉ ký thêm một chi phiếu.

- Ký cho ai và ký từ đâu?

- Cho cô Marie Devine, nhưng không thấy ghi nơi ký. Tiền được ghi tại ngân hàng Credit Lyonnais ở Montpellier cách nay chưa tới ba tuần. Đó là một chi phiếu 50 bảng Anh. .

- Marie Devine là ai?

- Người hầu của bà ta. Chúng ta hiện chưa biết tại sao cô ta được chi phiếu này? Tuy nhiên các sự tra cứu của anh chắc chắn sẽ làm sáng tỏ cái bí mật này.

- Sự tra cứu của tôi?

- Anh biết rằng, tôi chưa có thể rời London khi mà lão già Abrahams vẫn còn sống trong kinh hoàng. Lại nữa, cơ quan Scotland Yard sẽ cảm thấy bị bỏ rơi nếu tôi đi vắng và sự vắng mặt của tôi sẽ làm cho giới sát nhân cựa quậy. Vậy là anh Watson, anh phải đi, và nếu cần hỏi ý kiến của tôi thì tôi sẵn sàng trả lời, dù ngày hay đêm. Tôi chỉ lấy giá rẻ là 2 penny cho một lời khuyên.

Hai ngày sau, tôi tới khách sạn National ở Lausanne. Nơi đây tôi được ông Moser đón tiếp nồng hậu. Vị giám đốc này cho tôi biết quý bà Frances ở tại khách sạn nhiều tuần lễ và được nhiều người ái mộ. Bà vẫn đẹp, có thể lúc còn trẻ, bà là một hoa khôi. Ông Moser không biết gì về số nữ trang của bà. Nhưng các nhân viên thì có để ý tới cái rương nặng trĩu trong phòng của bà luôn được khóa kỹ. Cô hầu Marie Devine cũng được yêu mến như bà chủ. Cô ấy vừa hứa hôn với một nam bồi phòng tại khách sạn nên tôi xin địa chỉ của cô để dàng. Cô ngụ tại số 2 Rue de Trajan, tỉnh Montpellier của Pháp. Tôi ghi chép kỹ lưỡng và tự hào rằng dù cho Holmes có ở đây anh cũng không thu lượm tin tức nhiều hơn.

Còn một điểm vẫn mù mờ. Tôi không thu lượm được chi tiết nào giải thích sự ra đi đột ngột của bà mệnh phụ ở Lausanne, bà rất sung sướng. Mọi người tin rằng bà sẽ ở lại suốt mùa này trong căn hộ xa hoa, ngó ra hồ. Bà ra đi vào một ngày đẹp trời, không hề báo trước, bỏ hẳn một tuần lễ tiền khách sạn. Jules Vibart, vị hôn phu của cô hầu là người độc nhất đưa ra một giả thiết. Anh cho rằng sự ra đi đột ngột này có liên hệ với sự thăm viếng trước đó một hay hai ngày của một anh chàng to con, râu quai nón đen

- Một thằng mọi! Một thằng mọi thật sự - Jules Vibart nói với tôi. - Ông ta ở đâu đó trong thành phố. Người ta thấy y nói chuyện một cách say đắm với bà mệnh phụ trong một cuộc đi dạo trên hồ, rồi y có đến khách sạn. Bà ấy từ chối gặp y.

Đó là một người Anh, không ai biết tên. Ngay sau đó mệnh phụ dọn nhà. Vị hôn thê của Jules Vibart cũng chú ý đến mối tương quan giữa cuộc viếng thăm và sự dọn nhà. Jules Vibart không đưa ra được cái động cơ khiến Marie bỏ bà chủ. Nếu muốn biết, tôi phải đi Montpellier hỏi ngay cô ta.

Chương đầu các điều tra của tôi kết thúc như thế.

Tôi dành chương hai cho nơi mà quý bà Frances Carfax, sau khi rời Lausanne. Trong

chiều hướng này, tôi vấp phải một bí ẩn. Nếu bà ta giấu lộ trình, tại sao hành lý được ghi rõ ràng là đi Baden? Và cả bà lẫn hành lý cũng đi tới cái thành phố nước khoáng này, theo một lộ trình rất ngoạn ngoèo. Tôi được biết điều này qua ông giám đốc công ty du lịch địa phương. Do đó tôi lên đường đi Baden sau khi gửi cho Holmes một bản tường trình. Tôi đã nhận một hồi âm ca ngợi đượm mùi hài hước.

Tại Baden, tôi tìm ra vết tích của bà không khó lắm. Bà ta ở khoảng 15 ngày tại Englischer Hof. Trong khi lưu ngụ tại đó, bà làm quen với ông bà tiến sĩ Shlessinger: đó là một gia đình truyền giáo từ Nam Mỹ về. Giống như nhiều người đàn bà cô đơn khác, người đàn bà này tìm quên nỗi buồn trong tôn giáo. Nhân cách của tiến sĩ, lòng mộ đạo và sự tận tụy của ông, cộng với việc ông đang tỉnh dưỡng sau một cơn bệnh mà ông vướng phải trong khi đi truyền đạo, tạo ra một cảm giác rất tốt đẹp nơi bà. Theo tường thuật của giám đốc khách sạn thì sáng nào ông cũng ngồi phơi nắng trên ghế dài ngoài hàng hiên mỗi bên một người đàn bà cạnh chừng.

Sau khi bình phục, ông cùng vợ lên đường đi London và quý bà Frances Carfax cũng rời khách sạn để đi theo họ. Chuyện đó xảy ra cách đây ba tuần và kể từ đó, ông giám đốc không có tin tức gì nữa. Về phần cô nữ hầu, cô đã ra đi vài ngày trước, khóc như cha chết và báo cho các nữ bồi phòng khác rằng cô rời bà chủ một cách vĩnh viễn. Trước khi cô đi, tiến sĩ Shlessinger đã thanh toán tiền lương cho toàn nhóm.

Đã kết luận, ông giám đốc còn tiết lộ rằng ông không phải là người duy nhất lo lắng cho số phận của quý bà Frances Carfax.

- Cách đây khoảng một tuần, có một người khác tới đây hỏi tôi những câu hỏi tương tự.

- Ông ấy có tiết lộ danh tánh không? - Tôi hỏi.

- Không. Nhưng tôi biết là người Anh, một người Anh hơi khác thường.

- Một thằng mọi, phải không? Tôi vừa nói vừa ra dấu theo cách thức của ông bạn nổi tiếng của tôi.

- Đúng thế. Đó là cái từ rất tương xứng với y. Ông hãy tưởng tượng một con người đồ sộ, râu ria xồm xoàm, da đồng. Đúng ra, y nên ngụ tại một quán trọ đồng quê hơn là tại một khách sạn danh tiếng. Một người cứng cật và hung hãn. Một người mà tôi không bao giờ dám dạm chân.

Bí mật dần dần lộ rõ từng đường nét, y hết một dáng đi từ từ thoát ra khỏi sương mù, một người đàn bà mộ đạo bị săn đuổi bởi một anh chàng ma quái và kiên gan. Bà ấy sợ y, bằng không thì bà đâu có trốn khỏi Lausanne. Y đã đuổi theo bà ta. Chóng chày cũng đuổi kịp. Kịp rồi chưa? Có có phải là lý do khiến bà im bặt. Các người khổ ải thấp tùng bà có khả năng che chở bà khỏi sự hung bạo của thằng mọi thô lỗ? Ý đồ góm giềng nào làm động lực cho cuộc săn lùng này? Đó là bài toán tôi phải giải đáp.

Tôi viết thư cho Holmes, thông báo sự nhanh chóng và nghiêm túc mà tôi đã vận dụng để đi vào cội rễ của nội vụ. Đáp lại tôi nhận được một lá thư bảo tôi mở xẻ lồng tai trái của tiến sĩ Shlessinger. Holmes có tật hay pha trò, đôi khi lố bịch, nên tôi không bận tâm với cái trò giễu cợt sai chỗ này. Nói cho đúng, khi tôi vừa đến Montpellier và đang đi tìm cô hầu Marie thì thư của Holmes đến nơi.

Tìm lại và khai thác cô này là không khó đối với tôi. Là một người tận tình, cô gái này chỉ rời chủ sau khi biết chắc rằng chủ không có gì nguy hiểm và cũng vì gần ngày lấy chồng. Cô tâm sự rằng chủ của cô có tỏ ra căm ghét với cô lúc ở Baden. Có lần cô đã hỏi bà chủ xem có ngờ vực sự lương thiện của mình không. Chính sự việc này góp phần làm dễ dàng sự chia tay. Mệnh phụ Frances có cho cô 50 bảng Anh làm quà đám cưới

- Tôi nghi ngờ kẻ vô danh kia đã khiến bà chủ tôi bỏ Lausanne qua Baden. Chính tôi thấy y nắm cổ tay của bà chủ tôi một cách lộ liễu trong cuộc du ngoạn trên hồ. Y có vẻ hung hãn, dữ tợn.

Cô còn cho rằng vì sợ y mà mệnh phụ Frances phải tháp tùng theo vợ chồng tiến sĩ Shlessinger qua London. Không bao giờ bà tiết lộ tí gì với cô cả. Tuy nhiên qua nhiều dấu hiệu, cô hầu biết rằng bà chủ mình đang sống trong tình trạng sợ hãi. Nói tới đó, cô đột ngột đứng dậy, khuôn mặt biến loạn vì ngạc nhiên và sợ hãi.

- Nhìn kìa! - Cô kêu lên - Thằng khốn đang đi săn mồi. Nó là người mà tôi vừa nói đến.

Qua cửa sổ của phòng khách nhỏ, tôi thấy một người cao lớn, râu đen ưỡn ra trước, chậm chậm đi xuôi theo đường phố, mắt nhìn các số nhà. Rõ ràng, y đang tìm cô hầu. Tôi nhảy bổ ra và kè y ngay.

- Ông là người Anh?

- Thí dụ là thế đi. - Y gầm gừ.

- Tôi có thể biết được quý danh?

- Không được?

Tôi cắt hứng, nhưng vẫn dõng dạc hỏi:

- Bà Frances Carfax hiện ở đâu?

Y trở mắt nhìn tôi, hỏi lại:

- Ông đã làm gì bà ấy? Tại sao ông săn đuổi bà ấy. Tôi yêu cầu được trả lời.

Anh ta gào thét lên vì giận dữ rồi vồ lấy tôi. Tôi đâm đá không tệ, nhưng y mình đồng da sắt, lại hung hăng như cọp. Y thộp cổ tôi và tôi sắp ngã thì một công dân Pháp râu ria lồm chồm trong đồng phục xanh, từ quán rượu chạy ra, tay cầm cây gậy ngắn, đập mạnh vào cánh tay trước của hung thủ. Y buông tôi ra, đứng im nhìn tôi trừng trừng và muốn vồ lấy tôi một lần nữa. Thành linh y cười chế nhạo, bỏ tôi lại và đi vào cái biệt thự tôi vừa chạy ra. Tôi quay lại, cảm ơn người cứu mạng đứng cạnh tôi trên lề đường.

- Nào, Watson! - Người này nói - Anh quây rối bời, làm ơn quay về London với tôi bằng chuyến tốc hành đêm nay.

Một giờ sau, Sherlock Holmes với trang phục thường nhật ngồi trong phòng khách sạn của tôi. Anh giải thích cho tôi sự có mặt bất ngờ và đúng lúc của anh. Anh rời London, hóa trang thành công nhân, ngồi trong quán rượu chờ tôi.

- Anh Watson, anh đã tiến hành một cuộc điều tra lớp lang một cách kỳ diệu. Tôi không thấy anh có một sơ hở nào cả. Tuy nhiên, tất cả hoạt động của anh có thể được tóm tắt như vậy: anh đã báo động tứ tung để chẳng kiếm ra được cái gì cả.

- Có thể anh đã hơn tôi? - Bị chạm tự ái, tôi đáp.

- Không phải “có thể” mà là “chắc chắn”. Đây là bá tước Philip Green, một đồng hương và hiện đang ngụ cùng một khách sạn với anh. Chính ở ông, tôi chờ đợi một khởi điểm cho một cuộc điều tra tốt hơn.

Trong một cái mâm nhỏ, một bản đồ được trình lên cho chúng tôi. Người mang mâm là nhân vật râu ria xồm xoàm mới đánh tôi ngoài đường. Ông này nhảy dựng lên khi thấy tôi.

- Nghĩa là sao, ông Holmes. Nhận được lời nhắn của ông, tôi tới đây ngay. Nội vụ có gì hên quan tới cái ông này?

- Tôi xin giới thiệu cùng ông, người bạn cố tri và cộng tác viên của tôi, bác sĩ Watson, đã tiếp tay với chúng ta trong vụ này.

Người lạ đưa bàn tay đồ sộ, sạm nắng và thốt ra vài lời xin lỗi.

- Tôi hy vọng đã không làm ông bị thương. Khi nghe ông cáo buộc tôi quấy phá bà ấy, tôi điên tiết, lúc đó tôi không tự chủ được. Thôi, điều trước tiên tôi muốn rõ là vì sao ông biết được sự dính líu của tôi.

- Tôi có tiếp xúc với bà nữ quản gia của mệnh phụ.

- Bà lão Susan Dobney đội cái mũ nhỏ? Tôi nhớ rõ lắm!

- Bà ấy nhớ ra ông trong những ngày xa xưa đầy thú vị, lúc ông chưa đi Nam Phi.

- À, vậy là ông hiểu câu chuyện của tôi. Tôi không còn phải che giấu ông điều gì. Tôi thề với ông, ông Holmes à, trên đời này chưa có người đàn ông nào thương một người đàn bà hơn mối tình tôi dành cho Frances. Lúc đó tôi là một thằng mọi con, tôi biết. Nhưng tôi không tệ hơn nhiều đứa cùng tuổi. Nhưng cô ấy có tâm trí thuần khiết như tuyết, nên cô hay biết vài tội lỗi của tôi lúc thiếu thời, cô không muốn nói chuyện với tôi nữa. Tuy vậy cô ấy thương tôi: đó là cái kỳ diệu? Cô thương tôi đủ để cô mãi mãi sống độc thân. Thời gian sau, khi tôi đã làm nên sự nghiệp tại Barbeton, tôi đi tìm lại cô ta và năn nỉ. Tôi được biết cô chưa lấy chồng. Tôi gặp cô ta tại Lausanne và cố gắng thuyết phục. Con tim cô ấy đã hơi xiêu lòng, nhưng ý chí của cô vẫn sắt đá. Khi tôi muốn gặp cô trở lại thì cô đã rời bỏ thành phố. Tôi tới Baden và biết được rằng cô hầu của cô ấy ở lại Montpellier này. Tôi thô bạo vì tôi sinh trưởng trong một môi trường thô bạo, nên khi nghe bác sĩ Watson hỏi tôi không tự kiểm chế được. Nhưng vui lòng cho tôi biết Frances đã ra sao rồi?

- Phải đoán mò thôi - Sherlock Holmes đáp - Về London, ông ngụ tại đâu, thưa ông Green?

- Tại khách sạn Lang ham.

- Vậy tôi đề nghị ông quay về London và hãy sẵn sàng đón nhận mọi tình huống. Tôi không dám nuôi nhưng hy vọng hão huyền, nhưng ông nên vững tin rằng, tất cả những gì có thể làm được sẽ được làm cho mệnh phụ. Hiện giờ tôi không thể nói gì hơn. Watson chuẩn bị va-li đi. Tôi đã điện cho bà Hudson để sẵn đĩa nhỏ, đĩa lớn, chuẩn bị đón hai lữ khách đói khát sẽ về đến vào sáng mai, lúc 7 giờ 30.

Một điện tín chờ chúng tôi tại đường Baker. Sau khi đọc xong, Holmes trao cho tôi. Nó chỉ có mấy chữ:

“Bị răng cưa hay rách. Xuất xứ từ Baden”.

- Nội dung gì lạ vậy?

- Có lẽ anh còn nhớ câu hỏi của tôi về cái lỗ tai trái của nhà truyền giáo. Anh đâu có trả lời

- Tôi đã rời Baden, làm sao dò hỏi được?

- Đúng thôi. Chính vì lẽ đó mà tôi đặt câu hỏi với viên giám đốc khách sạn Englischer Hof và được trả lời như thế.

- Nó báo việc gì?

- Nó cho biết rằng chúng ta đang đương đầu với một anh chàng xảo quyệt và nguy hiểm. Tu sĩ, tiến sĩ Shlessinger, nhà truyền đạo tại Nam Mỹ, tên thật của hắn là Holy

Peters, một trong các thằng ăn cướp tâng tận lương tâm nhất mà đất Australia đã sinh ra... Biệt tài của hắn là dụ dỗ các cô, các bà cô đơn bằng... tín ngưỡng. Vợ của hắn là một người Anh tên Fraser. Bọn họ nòi nào úp vung nấy. Hắn có cái tai dị hình do bị cắn trong một cuộc ẩu đả vì rượu. Như vậy thì mệnh phụ đáng thương đã lọt vào tay cặp vợ chồng yêu quái này.

- Chết cũng là một giả thuyết!

- Nếu bà ấy chưa chết, thì chắc chắn bị nhốt kỹ đến nỗi không thể viết thư cho bà Dobney hoặc cho các bạn bè khác. Có thể bà ấy chả bao giờ đến London?

- Có thể bà ấy chỉ đi ngang qua thôi. Chúng ta hiểu rằng một người ngoại quốc như chúng ta khó bị được cảnh sát Anh. Nhưng cũng có thể bọn này biết rõ rằng London là nơi tốt nhất để nhốt một ai đó! Bản năng của tôi bảo tôi rằng bà ấy ở London. Cho tới giờ này, vì chưa có phương cách để biết rõ địa điểm, chúng ta đành phải chờ. Đêm nay tôi sẽ đi một vòng và thông báo cho ông bạn Lestrade hay.

Nhưng cả cảnh sát lẫn nhóm của Holmes cũng không đủ sức làm sáng tỏ sự bí ẩn. Giữa mấy triệu người dân London thì việc kiếm ba người đó chẳng khác nào mò kim đáy biển. Thử nhấn tin trên báo: vô hiệu? Theo đuổi chẳng đi tới đâu. Canh chừng các sào huyệt của giới sát nhân: vô ích.

Nhưng một tuần sau, ánh sáng đã lóe lên. Một món nữ trang bằng bạc và một vài viên kim cương kiểu cổ ở Tây Ban Nha được đem đến cầm thế tại đường Westminster. Người đem cầm, theo người ta trình bày với chúng tôi, có dáng cao, to, cạo râu nhẵn nhụi, ra vẻ là nhà tu. Tên và địa chỉ y cho, chắc chắn là giả. Người ta không để ý đến cái lỗ tai, đại để thì sự mô tả tương ứng với các đặc điểm của Shlessinger.

Lúc 3 giờ, người bạn râu quai nón xồm xoàm ngụ tại khách sạn Langham lại tới thăm để lấy tin: đó là lần thứ ba trong một giờ sau khi có chỉ dẫn mới. Ông ta tiều tụy vì âu lo.

- Phải chi tôi được giao phó một nhiệm vụ gì đó? - Ông ta cứ than thở liên tục như thế.

Cuối cùng Holmes xoa dịu:

- Nó đã đi cầm nữ trang, chẳng bao lâu nữa, chúng ta sẽ chop được thôi?

- Điều đó có nghĩa là Frances chả có gì nguy hại, phải không.

Holmes nghiêm túc lắc đầu:

- Nếu chúng ta nhốt bà ấy từ hôm đó đến nay, thì đương nhiên chúng ta không thể thả bà ấy ra. Tàn đời chúng ta còn gì! Do đó chúng ta phải sẵn sàng chấp nhận sự tệ hại nhất.

- Tôi có thể làm gì?

- Chúng quen mặt ông không?

- Không.

- Có thể nó sẽ lại ra hiệu cầm đồ. Trong trường hợp đó, chúng ta lại bắt đầu làm việc. Hơn nữa, tại hiệu cầm đồ cũ, người ta không tò mò, hỏi han gì, nên nếu nó thiếu tiền, nó sẽ quay lại đó. Tôi sẽ giới thiệu ông với hiệu này và họ sẽ để cho ông ở lại cửa hiệu của họ. Nếu con mồi dẫn xác đến, ông theo nó về nhà. Nhưng phải kín đáo và nhất là không được hung bạo. Tôi muốn ông lấy danh dự thề rằng sẽ không làm gì nếu chưa được phép của tôi.

Trong hai ngày, bá tước Philip Green (ông ta vốn là con của một vị đô đốc danh tiếng, người chỉ huy hạm đội biển Azof trong cuộc chiến Crimé) không mang tin tức gì về. Tối ngày thứ ba, ông chạy xống xộc vào phòng khách của chúng tôi, mặt tái xanh, mọi bắp thịt trong cơ thể đồ sộ đều run rẩy.

- Có kết quả, có không

Trong niềm phấn chấn, ông ấy nói năng không đầu đuôi. Holmes xoa dịu vài câu rồi mời ngồi vào ghế bành.

- Nào, vui lòng truyền đạt tin tức cho chúng tôi theo thứ tự hần hoi.

- Bà vợ đến, cách đây chưa đầy nửa giờ. Lần này là bà vợ, nhưng cái đồ đeo ở cổ đem đi cầm, lần này cũng giống cái trước. Bà ấy cao lớn, tái xanh, với đôi mắt lầu lỉnh.

- Đúng là con mẹ ấy.

- Nó rời cửa hiệu, tôi đi theo. Nó ngược phố Kenstington, vào một cửa hiệu mai táng?

- Rồi sao nữa? - Holmes hỏi với tiếng nói run run.

- Con mẹ ấy đang nói chuyện với người đàn bà ngồi sau bàn giấy thì tôi bước vào. “Muộn rồi đó”, tôi nghe con quỷ cái nói đại loại. như thế. Người đàn bà trong cửa hiệu năn nỉ: “Ông ấy sẽ về kịp. Chút nữa thôi ông ấy có xin thêm thời gian, bởi vì đây là cái kiểu rất đặc biệt”. Cả hai mẹ đều ngừng nói và nhìn tôi. Tôi giả vờ hỏi giá cả này nọ rồi cáo từ.

- Tốt lắm, rồi sao nữa?

- Mẹ ấy cũng đi, tôi ẩn nấp sau một cái cổng. Tôi nghĩ rằng mẹ ta có ngờ vực nên mẹ có nhìn quanh, rồi lên xe ngựa. May mắn là tôi cũng gọi được một cái xe để đuổi theo. Mẹ ấy xuống tại số 3 quảng trường Poultney. Tôi núp vào một góc và nhìn kỹ căn nhà.

- Có thấy ai không?

- Cửa sổ không được thấp sáng, trừ một cái ở tầng dưới. Bức màn được kéo xuống, do đó tôi chả thấy gì bên trong. Tôi đứng đó, chưa biết phải làm gì thì một xe thùng có phủ mui ngừng lại; bên trong có hai người. Họ leo xuống, khiêng một cái hòm ra khỏi xe, leo lên bậc thềm .

- Con mụ vợ mở cửa. Tôi đứng không xa lắm. Mụ thấy tôi và tôi tin rằng mụ ấy nhận ra tôi. Tôi thấy mụ ta giật mình rồi lật đặt đóng cửa lại. Tôi nhớ lời đã hứa với ông, ên trở về báo cáo.

- Nhiệm vụ của ông hoàn thành mỹ mãn. - Holmes nói và nguệch ngoạc vài chữ trên một tờ giấy. - Chúng ta không thể làm gì nếu không có trát tòa. Ông phục vụ chính nghĩa của chúng ta bằng cách mang giấy này tới nhà cầm quyền và xin trát tòa. Sẽ có khó khăn đó! Tuy nhiên tôi nghĩ rằng sự bán nữ trang là cũng đủ bằng cớ, Lestrade sẽ lo chi tiết.

- Nhưng trong khi chờ đợi, chúng có thể giết cô ấy. Cái hòm nghĩa là thể nào? Mua cho ai? Nếu không phải là cho bà ấy?

- Chúng ta sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Ông bạn, chúng ta không để mất một giây phút nào. Hãy tin cậy nơi chúng tôi.

- Giờ đây, Watson à! - Holmes nói, sau khi người khách hàng của chúng tôi xuống cầu thang. - Ta vận dụng lực lượng chính qui. Phần chúng ta, như thường lệ là những người không chính qui, thi hành chương trình hành động riêng. Tình huống ngặt nghèo đến nỗi chúng ta phải sử dụng những biện pháp liều lĩnh. Đi mau đến quảng trường Poultney.

Trong lúc xe ngựa chạy nhanh dọc tòa nhà Quốc hội rồi vượt cầu Westminster, Holmes ôn lại sự nối tiếp của các sự kiện.

- Bọn cướp này lường gạt người đàn bà khốn khổ này, đưa về London sau khi thuyết phục bà ấy cho cô bồi phòng nghỉ việc. Nếu bà ấy có viết thư thì thư bị giữ lại. Qua trung gian của một đồng phạm, chúng mua một cái nhà có đồ đạc. Tới nơi, chúng cầm tù mệnh phụ và đoạt lấy nữ trang. Chúng đã bắt đầu bán và cho là an toàn vì tin rằng có ai mà để ý tới số phận của bà ấy! Nếu chúng thả bà ra, bà sẽ tố cáo chúng. Vậy là phải nhốt bà ấy. Vì không thể nào nhốt mãi mãi được, nên phải giết chết.

- Rõ ràng là vậy.

- Tuy nhiên, hãy lý luận hướng khác. Giờ đây chúng ta không khởi đầu từ người đàn bà mà từ cái hòm. Màn này chứng tỏ rằng, người đàn bà bất hạnh đã chết. Nó cho thấy một đám ma hợp lệ, có giấy phép chôn đàng hoàng. Trong trường hợp chúng đã giết mệnh phụ, chúng đã vùi xác đâu đó ngoài vườn. Đàng này tất cả đều hợp lệ, công khai.

Tại sao? Chắc chắn là tại vì chúng đã làm bà ấy chết một cách có thể gạt pháp lý, có lẽ thuốc độc. Nhưng chúng không khờ dại để một y sĩ tới gần bà ta, trừ khi đó là một tông phạm.

- Giả thuyết này khó tin lắm?

- Chúng làm giấy giả được không?

- Nguy hiểm cho chúng lắm. Không, tôi không tưởng tượng chuyện đó bao giờ. Dừng lại, bác xà ích! Đây là cửa hiệu mai táng, vì chúng ta vừa đi qua tiệm cầm đồ. Anh vào đi, Watson. Đáng dấp anh gây tin tưởng hơn. Hỏi xem mấy giờ ngày mai thì động quan.

Bà chủ nhà đáp mau mắn là 8 giờ ngày mai.

- Thấy không, Watson. Đâu có gì bí hiểm! Sáng như ban ngày! Họ không sợ gì cả. Tôi không thấy có giải pháp nào hay hơn là tấn công ngay. Anh có vũ khí không?

- Một cây gậy!

- Chả sao, chúng ta đủ sức mạnh mà. Kẻ có chính nghĩa mạnh gấp ba. - Holmes nói. - Chúng ta không thể chờ cảnh sát. Bà xà ích, cho chúng tôi xuống. Bây giờ chúng ta cũng thử thời vận như đã từng làm đôi lần trong quá khứ.

Anh giật chuông tại cửa ngôi nhà lớn tắm tối. Cửa mở liền. Một người đàn bà cao lớn và tái xanh xuất hiện dưới ánh sáng yếu ớt của hành lang.

- Các ông cần gì? - Mụ nói cộc lốc và nhìn kỹ chúng tôi trong bóng tối.

- Tôi muốn gặp tiến sĩ Shlessinger - Holmes đáp.

- Ở đây không có ai tên như vậy cả.

Mụ ấy đáp, định đóng cửa, nhưng Holmes đã lọt vào trong cái cửa hé mở.

- Tốt thôi. Vậy thì chúng tôi muốn nói chuyện với người đàn ông ngụ tại nhà này, dù y mang tên giả nào đi nữa. - Holmes nói một cách cương quyết.

Mụ ấy lưỡng lự rồi mở toang cửa

- Mời vào! Trên đời này, chồng tôi chả sợ ai cả.

Mụ ta ra đóng cửa lại và đưa chúng tôi vào một xa-lông nhỏ bên trái, mụ ta vặn thêm gas cho đèn sáng trước khi vào nhà trong.

- Chút nữa, ông ấy sẽ ra. - Mụ ta nói.

Chúng tôi vừa mới nhìn quanh cái căn phòng bụi bặm bị mối đục thì cửa mở, đưa vào một người đàn ông cao lớn, đầu sói, không râu. Khuôn mặt đỏ sộ, hơi đỏ, má phệ và một vẻ nhân từ giả trá, ông ta nói giọng nhợt nhạt:

- Quý vị làm rồi. Tôi tin chắc rằng người ta đã chỉ đường sai. Đề nghị quý vị xuống sân, chút nữa...

- Đủ rồi, chúng tôi không có thời gian - Holmes cắt ngang - Anh là Henry Peters, nguyên quán ở Adélaide, gần đây thì mang tên tiến sĩ Shlessinger, nguyên quán ở Baden và Nam Mỹ. Tôi chắc chắn về điều này như 1 với 1 là 2.

Peters nhảy dựng lên, nhìn cay độc vào mặt chúng tôi.

- Ông không là gì cả đối với tôi, ông Holmes à. Ông tới nhà tôi làm gì vậy?

- Tôi muốn biết ông đã làm gì mệnh phụ Frances Carfax, người rời Saden cùng với vợ chồng ông.

- Tôi cũng muốn được ông cho biết bà này hiện ở đâu - Peters vẫn lạnh lùng nói. - Bà nợ tôi 100 bảng và để trả nợ, bà để lại cho tôi hai món nữ trang mạo hóa mà con buôn không thèm nhìn. Bà ấy quyến luyến vợ tôi khi chúng tôi ở Baden... Đúng là lúc đó tôi mang tên khác. Bà ấy bám sát chúng tôi qua đây. Tôi đã thanh toán giùm tiền khách sạn và chi phí này nợ. Qua tới đây, bà ấy biến đâu mất? Và như tôi đã nói, bà để lại cho chúng tôi hai món nữ trang vô giá trị để trừ nợ. Nếu ông tìm ra bà ta, tôi cũng sẽ thưởng tiền cho ông.

- Tôi muốn kiếm bà ấy - Sherlock Holmes nói: - Và tôi sẽ lục nát căn nhà này cho tới khi tìm ra bà ấy mới thôi.

- Trát tòa đâu

Holmes đưa khẩu súng lục ra.

- Tạm dùng trát này trong khi chờ cái khác tốt hơn.

- Thế à? Ông chỉ là một thằng ăn trộm treo tường.

- Nếu ông muốn! - Holmes trả lời một cách vui vẻ - Bạn đồng hành của tôi cũng là một kẻ cướp nguy hiểm. Và cả hai chúng tôi sẽ viếng thăm nhà ông.

Người đối thoại của chúng tôi mở cửa la to:

- Đi kiếm một cảnh sát, Annie.

Có tiếng chân đàn bà chạy ngoài hành lang. Cửa cổng mở ra rồi đóng lại.

- Thời gian có hạn - Holmes nói với tôi. - Nay Peters, nếu ông ngăn cản, ông sẽ gặp những rắc rối lớn. Cái hòm đâu rồi?

- Hỏi làm gì?

- Có một xác chết trong đó! Tôi muốn xem cái xác đó.

- Không bao giờ, nếu không được sự đồng ý của tôi.

- Vậy thì khỏi cần xin phép.

Bằng một cử động nhanh nhẹn, Holmes đẩy Peters qua bên và đi vào hành lang. Một cửa đang hé mở, chúng tôi bước vào, đó là phòng ăn. Holmes vặn gas để tăng thêm ánh sáng rồi giở nắp hòm. Dưới đáy hòm có một hình dạng người hốc hác, ánh sáng chiếu rọi một khuôn mặt già cỗi nhăn nheo. Không một sự tàn ác nào, không một bệnh nào có thể biến mệnh phụ Frances ra nông nổi này. Mặt của Holmes bộc lộ sự ngạc nhiên, nhưng đồng thời cũng chắc chắn có một sự nhẹ nhõm.

- Cám ơn Chúa! - Anh nói thầm - Đây là người khác!

- Rõ ràng là ông lại lầm lạc nữa rồi, ông Holmes. – Peters đi theo chân chúng tôi và nói lớn

- Người chết này là ai?

- Là vú già của nhà tôi, tên là Rose Spender. Chúng tôi đưa bà cụ từ trạm xá nhà dưỡng lão Brixton về. Chúng tôi có mời bác sĩ Horsom ở số 13 Firbank Villas... Ghi địa chỉ này cho kỹ, ông Holmes nhé! Bà cụ được chăm sóc tận tình đúng theo lòng bác ái của Chúa. Ba ngày sau, bà cụ chết. Giấy cho chôn ghi là do già cỗi, nhưng đó chỉ là ý kiến của bác sĩ. Còn ông, đương nhiên ông biết nhiều hơn. Chúng tôi giao cho công ty mai táng Stimson đường Kenmington. Tám giờ sáng mai thì làm lễ. Có cái gì mờ ám đâu, ông Holmes? Ông hồ lớn rồi. Phải chi chụp hình được cái bản mặt đáng tức cười của ông khi giở nắp hòm? Ông tưởng ông sẽ gặp quý bà Frances Carfax, nhưng ngược lại, ông chỉ thấy bà lão 90 tuổi.

Dưới những mũi tên của đối thủ, Holmes giữ được khuôn mặt điềm đạm, nhưng sự co bóp của hai bàn tay biểu lộ sự bồn chồn:

- Tôi sẽ lục soát nhà ông - Holmes nói.

- A, ông tưởng... - Chủ nhà kêu to trong lúc có tiếng nói đàn bà và những bước đi nặng nề vang dội ở ngoài hành lang. - Để coi! Đi lối này, quý ông! Hai người này dùng vũ lực vào nhà tôi và tôi đuổi không chịu đi. Xin giúp tôi đuổi họ ra.

Một đội trưởng và một nhân viên cảnh sát đang đứng ở ngưỡng cửa.

Holmes đưa tấm thiệp của mình ra.

- Đây là tên và địa chỉ của tôi. Còn đây là bạn thân của tôi, bác sĩ Watson.

- Chúng tôi biết ông nhiều. Tuy nhiên, hai vị không thể nán lại đây, nếu không có trát tòa.

- Đương nhiên tôi biết điều đó.

- Bắt ông ấy đi - Peters la to.

- Chúng tôi biết rõ nhiệm vụ của chúng tôi - Viên đội trưởng uy nghiêm nói. - Ông Holmes, ông phải rời khỏi nơi đây

- Vâng.

Giây lát sau, chúng tôi đã ra tới đường. Holmes đã lấy lại sự bình tĩnh, nhưng tôi thì sôi sục vì giận và nhục. Viên đội trưởng thắp đèn cho chúng tôi.

- Rất tiếc, thưa ông Holmes. Đó là luật.

- Đúng thôi, ông đội ông không thể làm khác.

- Tôi tin ông có lý do vững vàng khi vào đó. Tôi có thể giúp gì cho ông?

- Một người đàn bà mất tích, ông thượng sĩ à! Chúng tôi tin bà ấy ở trong nhà đó. Tôi đang chờ trát, không lâu lắm đâu.

- Tôi sẽ đứng canh, ông Holmes à. Nếu có gì mờ ám, tôi không bỏ qua đâu.

Mới 9 giờ, chúng tôi bắt đầu cuộc săn đuổi. Trước tiên, chúng tôi thuê xe đến viện dưỡng lão Brixton, và được biết vài ngày trước đây có hai nhà tù tâm đến xin một bà lão đàn độn có thể trước kia là tôi tớ của họ và được cho phép chở bà đi. Cái chết của bà này không làm cho ai ngạc nhiên cả.

Kể đó, chúng tôi qua nhà của y sĩ ông ta đã được mời đến, đã chứng kiến bà lão chết vì già cỗi; sau đó ông có khám tử thi và ký phép cho chôn. Holmes nói:

- Tôi đảm bảo với quý anh rằng tất cả đều một trăm phần trăm hợp lệ; không có cái gì mờ ám cả. Trong nhà không có gì khả nghi. Duy có một điều lạ là họ không túng thiếu mà họ lại không dám thuê gia nhân?

Sau rốt chúng tôi đi tới Scotland Yard. Có những khó khăn về thủ tục xin trát tòa. Không thể xin được chữ ký của quan tòa trước ngày mai.

Cái ngày hôm đó kết thúc như vậy, trừ một chuyện này: Khoảng 12 giờ đêm, viên thượng sĩ báo cho biết rằng ông có thấy đằng sau cửa sổ của cái nhà đáng nghi ngờ ấy một ánh lửa lập lòe đi qua lại, nhưng không ai ra vào cả. Chúng tôi chỉ biết phải nhẫn nại

Sherlock Holmes quá cáu kỉnh và bức dọc. Tôi đi ngủ, mặc anh ta kéo thuốc liên tục. Cặp chân mày rậm của anh đã nối liền nhau thành một đường thẳng. Mấy ngón tay dài nhay cảm của anh gõ nhẹ trên tay ghế bành. Anh đang tìm tất cả các giải pháp có thể cho các bí ẩn. Nhiều lần trong đêm, tôi nghe bước chân anh đi qua lại trong căn hộ. Cuối cùng sau khi tôi thức dậy, anh nhảy bổ vào phòng tôi.

- Mấy giờ thì động quan. Tám giờ phải không? Bây giờ là 7 giờ 20 rồi. Watson à! Tôi đã sử dụng ra sao cái óc tí xíu mà trời ban cho! Nhanh lên, nhanh lên! Một vấn đề sống chết, và cơ may để chết là một trăm trên một. Nếu ta tới muộn, tôi sẽ không tha thứ cho tôi về chuyện đó.

Năm phút sau, chúng tôi ngồi trong xe ngựa. Mặc dù tài xế đánh ngựa tới tấp, khi đi ngang đồng hồ Big Ben, cây kim chỉ 8 giờ kém 25 và đổ vang 8 giờ khi chúng tôi xuống xe ở Brixton. Tuy nhiên mọi người cũng đều đi trễ. Lúc 8 giờ 10 xe tang còn đậu trước cổng nhà. Khi con ngựa sùi bọt mép của chúng tôi ngừng lại, ba người khiêng quan tài đã ra đến ngưỡng cửa. Holmes ào ào chạy tới trước mặt họ để cản đường.

- Lui lại. - Anh la lớn vào bọn đạo tì rồi đặt tay trên vai người gần nhất. - Đem quan tài trở vào nhà tức khắc?

- Ông muốn gì nữa? Tôi hỏi ông một lần nữa? Ông có trát tòa không? - Peters thét lên giận dữ.

- Trát trên đường đi tới đây, cái hòm này sẽ ở lại trong nhà cho tới khi có trát tòa tới.

Tiếng nói của Holmes đơm nòng quyen uy đến nỗi các đạo tì khựng lại. Peters lảo đảo vào nhà. Họ tuân theo lệnh Holmes.

- Nhanh lên, Watson tuộc-nơ-vít đây - Holmes thét lên khi hòm được đặt trên bàn - Còn đây một cái tuộc-nơ-vít khác cho bạn. Thường một bảng nếu nắp được mở trong vòng một phút! Không ngập ngừng gì hết Ra tay! Tốt! Một cái nữa! Một cái nữa. Cùng nhau kéo nó lên. Tốt. À, hay lắm.

Kết hợp sức mạnh, chúng tôi giờ được nắp hòm. Từ trong bốc ra mùi thuốc mê nồng nặc. Một xác được trải dài, đầu bị băng thấm nhựa thuốc phiện. Trong nháy mắt, Holmes gỡ hết, để lộ một khuôn mặt cứng đờ của một người đàn bà đẹp, cỡ 40 tuổi. Anh lấy tay dựng đứng phần thân và duy trì nó ở thể ngồi.

- Bà ấy sống không, Watson. Còn tồn tại tia sinh lực nào không? Chúng ta đã đến quá trễ.

Trong nửa giờ, chúng tôi có cảm giác là trễ, do hiệu quả của thuốc mê hoặc do bị làm ngạt thở thật sự, mệnh phụ Frances có thể đã tới mức không còn hy vọng gì nữa. Cuối cùng nhờ hô hấp nhân tạo, chích ê-te và nhờ tắt cả những gì mà khoa học có thể có. Một làn sương nhẹ trên kính và sự nhấp nháy của mi mắt báo cho chúng tôi biết rằng sự sống từ từ trở lại.

Một xe ngựa ngừng trước nhà. Holmes kéo sáo lên.

- Lestrade cầm trát tòa tới. - Holmes loan báo - Ông ấy sẽ kiểm bắt các con mồi đang lẫn trốn và đây...

Những bước đi nặng nề ngoài hành lang.

- Và đây là một người có nhiều quyền hơn chúng ta, để chăm sóc mệnh phụ này. Kính chào ông Green. Tôi nghĩ rằng ta nên chở mệnh phụ đi nhà thương càng sớm càng tốt. Trong khi chờ đợi, bà lão vẫn có thể đi tiếp con đường tới nơi an nghỉ cuối cùng.

- Anh Watson, có lẽ anh nên ghi thêm câu chuyện này vào mớ hồ sơ của anh. Nó minh họa sự sơ sót tạm thời mà dù cái tâm trí quân bình nhất trên đời cũng mắc phải. Những sơ hở tương tự thường xảy ra cho mọi người. May mắn cho kẻ nhận ra kịp và kịp thời sửa chữa. Tôi có quyền kiêu hãnh về điều này. Đêm trước, tôi cứ thắc mắc rằng, đâu đó một chỉ dẫn, một câu nói lạ tai, một nhận xét kỳ dị đã đến với tôi nhưng tới đã gạt bỏ chúng. Rồi thình lình trong ánh sáng lơ mơ của buổi bình minh, các lời đó trở lại trong ký ức tôi. Đó là nhận xét của bà chủ cửa hàng mai táng, như Philip Green tường thuật lại.

“Bà ấy nói:

- Ông ấy sẽ về đến ông ấy có xin thêm thời gian, bởi vì cái kiểu đặc biệt.”

Bà ấy nói về cái hòm, như vậy là kích thước vượt ra ngoài lệ thường. Tại sao? Thình lình tôi nhớ đến chiều sâu của nó và cái hình người bé nhỏ khô đét bên trong. Tại sao một cái hòm rộng mênh mông mà chỉ để chứa một cái xác tí tẹo, nếu không phải để chứa thêm một cái xác thứ hai? Hai xác sẽ được chôn với một giấy phép độc nhất. Rõ như ban ngày, thế mà đầu óc tôi rối mù?

Quả là một may mắn nhỏ nhoi nếu tìm ra bà ta trong tình trạng còn sống, nhưng cuối cùng quả có may thật. Theo tôi biết, mấy người đó không dám tự mình cầm dao cầm súng giết ai. Họ có thể chôn bà mệnh phụ mà không ai hay biết tí gì.

Anh Watson, anh có thể dựng lại quang cảnh một cách dễ dàng. Anh đã quan sát cái

xó hũu hùg trêg gácg, nơi mà mệnh phụ bị nhát lâu ngày? Họ cho bà ấy ngửi thuốc mê tồ đố, đưa bà ấy xuốg, cho thêm thuốc mê vào hòm để chắc chắn rằng bà không thể tỉnh lại, rồi vậ ốcg cái nắp hòm. Mưu chươcg tình vi thật? Một mưu chươcg mới mẽ trong lịch sử tội ác. Nếu cái nhà cựu truyền giáo này không bị Lestrade còg tay thì chắc chắn sau này ta sẽ nghe thêm những chiến tích kinh rợg hơn!

Hết

E.7 - The Adventure of the Devil's Foot 1910 (Bàn chân của quỷ)

Sau những lần phá án ly kỳ nhất, đến năm 1897, con người mình đồng da sắt đã bắt đầu biểu lộ vài triệu chứng mệt mỏi. Tháng 3 năm đó, bác sĩ Moore Agar ở phố Harley ra lệnh cho Holmes phải nghỉ ngơi hẳn, nếu muốn tránh một sự suy thoái tâm thần nghiêm trọng. Holmes chưa bao giờ để ý đến sức khỏe của mình, nhưng khi nghe dọa sẽ vĩnh viễn mất khả năng làm việc, anh liền đi thay đổi không khí. Do vậy vào đầu mùa xuân năm 1897, hai chúng tôi đến ngụ trong một biệt thự nhỏ bé gần vịnh Poldhu, ở mỏm cực của bán đảo Cornwall.

Nơi thích hợp cho tính khí u buồn của con bệnh. Qua các cửa sổ của ngôi nhà nhỏ, tường trắng, chúng tôi nhìn thấy trọn cái vòng bán nguyệt thể lượng của vịnh Mounts, từ lâu đài là cửa đi của các thuyền buồm, với những mỏm đá ngầm. Ở phía đất liền, quang cảnh cũng khá ảm đạm.

Đó là một vùng rừng chồi màu nâu. Xa xa, tháp chuông của một nhà thờ đánh dấu vị trí của một ngôi làng cổ. Khắp nơi trên rừng chồi này, người ta tìm thấy các dấu vết của một chủng tộc diệt vong với những kiến trúc quái dị bằng đá, những mô đất hình thù kỳ lạ chứa đựng tro của người chết và những công trình quái đản có thể là những đài tưởng niệm tử sĩ trong thời kỳ xa xưa. Cái nơi huyền bí này kích thích mạnh mẽ tư tưởng của Holmes. Anh dành khá nhiều thời giờ để đi dạo và suy ngẫm, lưu tâm đến ngôn ngữ xưa ở vùng Cornwall. Đối với anh, nó cùng tộc với ngôn ngữ của người Chaldée mà các thương nhân Phoenic đưa vào đó trên đường đi bán thiếc. Trước đây, khi Holmes vừa nhận được một bưu kiện sách triết và đang bắt đầu viết luận án thì ngẫu nhiên chúng tôi lọt vào mảnh đất thơ mộng này. Tôi buồn rầu, nhưng Holmes thì vui vẻ vô cùng: Một bài toán với nhiều diễn biến và nhiều bí hiểm đang chờ đợi anh.

Chúng tôi lọt vào một chuỗi biến cố làm rung chuyển không chỉ ở vùng Cornwall mà ở cả nước Anh nữa. Người ta gọi đó là “Nỗi kinh hoàng của vùng Cornwall”.

Tôi có nói rằng tại vùng đất Cornwall này, rải rác đó đây có những cái tháp làm dấu vị trí các ngôi làng. Làng Tredannick Wollas có nhà cửa qui tụ quanh một nhà thờ cổ rêu phong. Linh mục chánh xứ Roundhay, 40 tuổi, là một người dễ thương, có biết chút ít về khảo cổ học. Ông hiểu tất cả các ngõ ngách của địa phương và thường mời chúng tôi uống trà tại tòa chánh xứ. Nơi đây chúng tôi được giới thiệu với nhà quý tộc Mortimer Tregennis, người thuê một căn hộ trong tòa nhà mệnh mông của chánh xứ. Ông có dáng người gầy, da màu nâu, mang kiếng và còng lưng như bị tật. Tôi nhớ hôm đó trong cuộc thăm viếng ngắn ngủi tại tòa chánh xứ, nhân vật này ít nói u buồn, rụt rè và hình như đang ưu tư về chuyện riêng.

Ngày thứ ba, 16 tháng 3, không lâu sau bữa cơm sáng, lúc chúng tôi đang hút một điếu thuốc trước khi ra rừng dạo chơi theo lệ thường, thì hai người đàn ông ấy đến. Linh mục chánh xứ nói với giọng xúc động:

- Thưa ông Holmes, đêm hôm qua xảy ra sự việc bi thảm, làm chấn động nhất từ trước đến nay. Chúng tôi xem sự có mặt của ông tại đây, xứ đạo này, là phước lành, vì kiểm lại trên toàn nước Anh, ông là người duy nhất mà chúng tôi cần trong giây phút này.

Tôi nhìn nhà tu hành với cái nhìn thiếu thiện cảm. Nhưng Holmes vút thuốc, ngồi ngay ngắn lại. Anh chỉ cái ghế dài. Hai người khách ngồi sát bên nhau. Ông Mortimer Tregennis tự chủ hơn vị tu sĩ, nhưng đôi mắt u buồn rực sáng và hai bàn tay run rẩy, cho thấy rằng ông ấy cũng xúc động như linh mục.

- Ai nói, cha hay là tôi? - ông hỏi cha xứ.

- Thưa cha! - Holmes nói - Chính cha phát hiện sự việc nên tôi đề nghị cha trình bày.

Tôi lần lượt quan sát nhà tu hành, rõ ràng ông đã rất vội vã khi mặc quần áo, còn người ở trọ ăn mặc rất chỉnh tề. Vị linh mục nói:

- Đêm qua, ông Tregennis đây đến chơi với hai người anh là Owen, George và cô em Brenda của ông tại Tredannick Wartha, trên rừng chồi. Ông về lúc hơn 10 giờ. Ba người còn lại tiếp tục đánh bài trong phòng ăn. Mọi người đều khoẻ mạnh và vui vẻ. Sáng nay, ông dậy sớm, đang đi dạo về hướng đó, thì xe của bác sĩ Richards đuổi theo, cho biết rằng mình vừa nhận được một lời mời khẩn cấp từ Tredannick Wartha. Tất nhiên ông Mortimer Tregennis liền leo lên xe cùng đi. Khi tới đó, ông thấy tình trạng dị thường. Hai anh trai, cô em gái vẫn còn ngồi tại bàn, y hệt như lúc ông ra về. Các quân bài vẫn ở trước mặt họ, đèn nến cháy cạn chén, nhưng cô em gái tựa lưng vào ghế, chết cứng. Còn hai người anh trai thì ngồi la cười và hát như hai thằng điên. Cả ba, một chết và hai điên, đều biểu lộ trên mặt họ cùng một sự kinh hoàng vô cùng ghê rợn. Trong nhà không có ai, trừ bà già Porter, người nấu bếp kiêm quản gia. Bà này khai rằng mình ngủ ngon lành, chẳng nghe tiếng động nào trong đêm. Không vật gì bị đánh cắp hoặc bị dời chỗ. Người ta đoán mò lung tung về tính chất của sự kinh hoàng.

Holmes lặng thinh hồi lâu, chìm đắm trong cái thảm kịch quái dị.

- Tôi sẽ đảm trách nội vụ. Cha đã tới đó chưa, thưa cha?

- Chưa. Khi ông Mortimer Tregennis tường thuật các chi tiết đó, ngay tức khắc chúng tôi chạy tới đây

- Nơi xảy ra thảm kịch cách đây bao xa?

- Khoảng một dặm.

- Như vậy thì chúng ta sẽ đi bộ. Nhưng trước khi đi, tôi muốn hỏi ông Mortimer Tregennis vài câu.

Ông này ngồi im, mặt tái xanh, đường nét căng, nhìn Holmes một cách lo âu, hai bàn tay co giật điên hồi. Đôi môi trắng bệch run rẩy từ khi nghe kể về biến cố lạ lùng giáng xuống đầu các em của ông. Ông ta nói một cách nhiệt thành:

- Tôi sẽ thành thật trả lời ông.

- Xin ông hãy kể về tối hôm qua.

- Tối hôm qua, tôi ăn cơm tối với cha chánh xứ và anh cả của tôi là George đề nghị đánh bài. Chúng tôi bắt đầu chơi lúc 9 giờ. Tôi đứng dậy ra về lúc 10 giờ kém 15. Lúc tôi về, mọi người vẫn ngồi quanh bàn, vui tươi hơn hờ.

- Ai mở cửa cho ông về?

- Lúc đó bà Porter đã đi ngủ. Do đó chính tôi mở và đóng cửa chính. Cửa sổ cạnh bàn họ đánh bài thì đóng rồi. Nhưng bức màn không có kéo xuống. Cửa lớn và cửa sổ sáng nay vẫn như cũ. Vậy là không có lý do để nói rằng có một kẻ vô danh đã lên vào nhà. Nhưng hai anh tôi đã điên vì sợ, còn Brenda thì đã chết.

- Theo như ông tường thuật thì các sự kiện này quả là phi thường. Nếu tôi không lầm thì ông không thể giải thích được tấn thảm kịch này? - Holmes nói.

- Quỷ sứ, thưa ông Holmes! Chỉ có quỷ sứ! – ông Mortimer Tregennis kêu lên - Sức mạnh của con người không thể làm được như thế.

- Nếu câu chuyện thuộc bình diện siêu nhân, tôi phải bó tay. Nhưng chúng ta thử vận dụng tất cả các giả thiết tự nhiên trước sự chấp nhận giả thiết huyền bí. Thưa ông Tregennis, dù ít dù nhiều, ông đã không sống chung với gia đình phải không? Những người kia sống chung với nhau, còn ông thì ở riêng

-Vâng, thưa ông Holmes, chúng tôi là một gia đình khai mỏ thiếc ở Redruth. Chúng tôi đã bán cái xí nghiệp của mình cho một công ty và kiếm được một số tiền khá lớn dành cho tuổi già. Tôi không phủ nhận rằng sự chia chác có gây ra vài bức dọc trong một thời gian. Nhưng giờ đây, tất cả đã đi vào quên lãng. Và anh em chúng tôi đã trở lại thân thiết với nhau.

- Hãy suy nghĩ thêm về cái đêm đoàn tụ! Ông không nhớ một sự kiện nào có thể soi sáng cái bí kịch sao? Cố nhớ đi, ông Tregennis, chỉ cần một chỉ dẫn nhỏ nhất cũng có ích cho tôi.

- Tôi không thấy gì cả.

- Không khí của gia đình cũng bình thường như mọi ngày?
- Chưa bao giờ họ vui như thế.
- Các anh và em gái của ông có vẻ gì lo lắng không? Họ có biểu lộ một mối lo sợ mơ hồ về một mối hiểm nguy nào đó không?
- Tuyệt đối không!
- Vậy là ông không có chi tiết gì để giúp tôi?

Mortimer Tregennis suy nghĩ nghiêm túc trong giây lát.

- Tôi có nhớ một điều. Trong lúc chúng tôi ngồi quanh bàn, tôi quay lưng ra cửa sổ, còn anh George thì nhìn ra cửa sổ. Có một lần tôi thấy anh nhìn đăm đăm qua vai tôi đến nỗi tôi phải quay đầu ra sau và cùng nhìn. Bức màn thì kéo lên, cửa sổ thì đóng kín. Tôi không thấy gì xa hơn các bụi cây trên bồn hoa. Và hình như tôi thấy một cái gì đó đang di động. Tôi không thể nói chính xác đó là một con người hay một con thú, nhưng tôi tin là có một sự lạ. Tôi có hỏi xem anh ấy nhìn cái gì thì anh cho biết cũng có cảm giác như tôi.

- Ông không có kiểm chứng tại chỗ?
- Không. Câu chuyện ngừng tại đó.
- Ông đã rời họ và không cảm thấy có điều gì sắp xảy ra
- Tuyệt đối không.
- Tôi không hiểu rõ nhờ đâu ông hay tin sớm thế

- Tôi luôn luôn thức sớm, và thường thường tôi đi bộ một lúc trước khi dùng điểm tâm. Sáng nay mới vừa ra khỏi nhà thì ông bác sĩ đuổi kịp bằng xe. Ông cho tôi biết rằng bà lão Porter sai một thằng bé chạy tới mời tôi. Tôi nhảy tót lên cạnh ông và cùng đi. Ngay khi tới nơi, chúng tôi đến cái căn phòng ghê rợn. Nến và lò sưởi đã tắt từ lâu. Họ ngồi trong bóng tối cho tới mặt trời mọc. Bác sĩ cho tôi biết, em gái tôi chết cách đó ít nhất là 6 giờ. Không thấy có dấu vết nào của bạo hành. Cô ấy cúi đầu, ngồi chết trong ghế bành, George và Owen đang ca hát và thốt ra những âm thanh rời rạc như hai con khỉ khổng lồ. Tôi không thể chịu đựng được cảnh tượng này. Chính gương mặt bác sĩ cũng trắng bình như tấm "ra", gần ngất xỉu và chúng tôi còn phải lo chăm sóc ông ấy nữa. - Kỳ lạ thật! - Holmes đứng dậy và lấy nón - Thực là kỳ lạ! Tôi nghĩ rằng ta nên tức tốc đi tới Tredannick Wartha. Tôi thú thật là ít khi gặp một bài toán quái dị như vậy.

Chúng tôi đã chọn một con đường hẹp, ngoằn ngoèo quanh co để đến hiện trường. Nghe tiếng lộc cộc của xe ngựa trước mặt chạy tới, chúng tôi nép sát lề. Khi xe đó chạy

ngang qua, chúng tôi thấy một khuôn mặt đang nhăn nhó, bị biến dạng một cách kinh dị, mắt trợn trắng, răng nghiến ken két.

- Các anh tôi! - Mortimer Tregennis kêu lên, mặt mày tái mét - Người ta mang họ đi Helston!

Nhìn chiếc xe gập ghềnh xa dần, chúng tôi tiếp tục lộ trình.

Căn nhà rộng và sáng sủa, khu vườn mênh mông được tô điểm bằng hoa xuân. Cái cửa sổ của phòng khách nhỏ ngó ra vườn. Chính từ cửa sổ đó, ông Mortimer Tregennis nhìn thấy cái “quỉ quái” nào đó. Holmes chậm rãi và nghĩ ngợi, đi dạo qua các bồn hoa trên lối đi trước khi vào nhà. Anh trầm tư đến nỗi vấp phải bình tưới, lật nhào nó, làm ướt chân chúng tôi. Vào bên trong, bà lão Porter đón tiếp chúng tôi. Bà ta mau mắn trả lời tất cả các câu hỏi của Holmes: suốt đêm bà không hề nghe tiếng động nào. Đến sáng lúc vào xa-lông, bà ngất xỉu trước cảnh rừng rợn quanh cái bàn. Sau khi hoàn hồn, bà mở cửa sổ cho khí trời của buổi sáng tràn vào, rồi bà đi dọc lối đi, sai một thằng bé trong trang trại đi mời bác sĩ. Bà không còn muốn ở thêm tại đây một ngày nào nữa. Ngay chiều nay bà sẽ ra đi, trở về với gia đình ở St. Ives.

Chúng tôi leo lên cầu thang để nhìn xác cô gái. Trước đây, cô Brenda Tregennis là một cô gái rất đẹp. Nhưng bây giờ người ta vẫn còn thấy mặt cô nhăm nhúm, vết tích của sự co giật hoảng sợ. Từ phòng của cô, chúng tôi xuống sa-lông, hiện trường của bi kịch. Tro và đất còn trong lò sưởi. Trên bàn có bốn khúc đèn nến cháy dở và bộ bài. Ghế dựa thì đã được xếp sát tường. Ngoại trừ chuyện đó, tất cả còn y nguyên. Holmes đi qua đi lại trong phòng. Anh lên tiếp ngồi vào cái ghế sau khi đặt chúng trở lại vị trí của đêm qua. Anh kiểm chứng những cái gì có thể thấy được ngoài vườn, khám nghiệm sàn trước và lò sưởi. - Tại sao lại đốt lò sưởi? Chật chội như thế này mà lại đốt lò sưởi, nhất là vào một đêm xuân?

Ông Mortimer Tregennis giải thích rằng đêm đó lạnh và ẩm. Đó là lý do lửa được đốt lên sau khi ông ta về.

- Ông sẽ làm gì bây giờ, thưa ông Holmes? - ông ta hỏi.

Holmes nhướn miệng cười rồi để bàn tay anh trên vai tôi:

- Watson! Có lẽ tôi phải hút lại cái món thuốc lá, độc dược mà anh đã bài bác. Giờ đây chúng ta đi về, bởi vì tại đây tôi không tìm được yếu tố nào mới mẻ và hữu ích. Thưa ông Tregennis, tôi sẽ liên lạc với ông và cha chánh xứ. Trong khi chờ đợi, tôi chúc cả hai người một buổi sáng an lành.

Về tới biệt thự Poldhu, Holmes nằm co ro trong ghế bành, chung quanh khói thuốc mịt mù, lặng thinh, chân mày cau lại, trán nhăn mặt, mắt nhìn vu vơ. Cuối cùng anh đặt cái đầu xuống và đứng lên.

- Watson này! Chúng ta cùng nhau đi dạo dọc các tảng đá vôi và kiểm những mũi tên bằng đá lửa có kết quả hơn là đi tìm đáp số cho bài toán này. Bất trí óc làm việc mà không có nguyên liệu đủ, thì giống hết như cho máy nổ chạy mà không đổ xăng vào.

Chúng ta hãy rà soát lại tình hình một cách bình thản trong lúc đi dạo. Tôi bắt đầu khẳng định rằng cả anh lẫn tôi không ai chấp nhận cái giả thiết có yêu quái. Chỉ còn lại cái sự kiện ba người là nạn nhân của sự can thiệp của người trần. Vậy thì thảm kịch xảy ra lúc nào? Nếu tin theo lời thuật lại của người kể chuyện thì tai họa xảy ra ngay sau khi Mortimer Tregennis về. Đó là một điều quan trọng.

Trong tất cả các sự phỏng đoán thì phải vài phút sau: Các lá bài hãy còn trên bàn, giờ đi ngủ đã qua lâu rồi. Tuy nhiên họ vẫn ngồi y chỗ, bàn ghế vẫn y nguyên. Tôi lặp lại rằng tai biến đã xảy ra ngay sau khi ông ta ra về và trước 11 giờ đêm. Như vậy là chúng ta phải kiểm lại các hành động của Mortimer Tregennis sau khi ông rời sa-lông. Các hành động của ông này đều có vẻ thoát khỏi mọi ngờ vực. Anh hiểu rằng qua việc lật đổ cái bình tưới, tôi lấy được dấu chân rất rõ của ông ta. Cát ẩm của lối đi tạo thuận lợi cho công việc này. Đêm trước cũng ẩm, anh nhớ không, nhờ vậy, dựa vào một dấu, tôi có thể phân biệt và theo dõi và đường đi của anh chàng. Anh chàng có vẻ đi nhanh về phía tòa chánh xứ.

Vậy thì khi anh chàng này mất dạng rồi, thì ai đến đó hốt hồn các tay bài. Làm sao nhận dạng người này và xác định nguyên nhân gây ra tội ác. Ta có thể loại trừ bà lão Porter ra? Có thể nào chứng minh rằng có một người bò sát cửa sổ và tạo ra hiệu quả làm ai cũng sợ phát điên? Cái gợi ý độc nhất về hướng này phát xuất từ anh chàng Mortimer Tregennis rằng anh của ông ta thấy một cái gì động đậy ngoài vườn. Đó là điều nực cười, vì đêm đó mưa, có mây, tối đen như mực. Bất cứ ai tới đó với ý định hù dọa cũng đều phải dán mặt vào cửa kính. Phía ngoài, dưới cửa sổ có một bồn hoa có bề ngang 3 bộ. Tôi không kiếm ra một dấu chân nào. Trong trường hợp này, khó tưởng tượng ra một kẻ vô danh đã có thể tại ra một cảm giác hãi hùng như thế. Mặt khác, cho tới nay, chúng ta chưa tìm ra một động cơ nhỏ nhoi nào giải thích được mưu toan vừa quái đản vừa rắc rối. Anh thấy rõ những khó khăn của chúng ta chứ, Watson?

- Rõ ràng là khó! - Tôi đáp.

- Tuy nhiên, tôi tin rằng trong hồ sơ lưu trữ của anh, anh có thể tìm ra vài vụ án cũng tối tăm tương tự. Trong khi chờ đợi, chúng ta tạm xếp vụ này, chờ có thêm tin tức chính xác và dùng thời gian còn lại của buổi sáng này để săn đuổi con người thời đồ đá mới.

Có lẽ tôi đã ca tụng cái khả năng siêu thoát tâm thần của Holmes. Tuy nhiên chưa bao giờ anh làm tôi kinh ngạc hơn buổi sáng mùa xuân đó tại vùng Cornwall. Trong suốt 2 giờ liền, Holmes thuyết trình về người Celtes, về các đầu mũi tên, về cái mảnh vỡ của lọ một cách lưu loát như không hề bận tâm về một bài toán học búa.

Lúc xế chiều, khi chúng tôi về nhà, có một người khách đến. Chúng tôi nhận ra khách từ xa. Thân hình khổng lồ, khuôn mặt xương, đôi mắt hung ác, mũi quặp, bộ tóc muối

tiêu, râu quai nón vàng óng ở đuôi. Tướng mạo này quen thuộc tại London, cũng như tại châu Phi. Đó là bác sĩ Leon Sterndale, nhà săn sư tử và một nhà thám hiểm lừng danh.

Chúng tôi có biết ông ta đang có mặt trong vùng và đôi lần có thấy thoáng qua dáng dong dỏng cao của ông nổi bật trong rừng chồi. Ông không làm quen với chúng tôi, chúng tôi cũng không làm quen với ông vì ai cũng trọng sự thanh vắng của nhau. Ông sống đời ẩn dật, tại một nơi sâu trong của khu rừng Beauchamp Arriance, chìm đắm trong sách vở và bản đồ. Ông tự lo việc nội trợ, và có vẻ không để ý đến việc của người chung quanh. Tôi rất kinh ngạc khi nghe ông hỏi Holmes một cách nồng nhiệt xem có tiến được bước nào trong việc giải thích cái thảm kịch.

- Ông Holmes, cảnh sát địa phương hoàn toàn bối rối. Nhưng do kinh nghiệm dồi dào của ông, ông có thể đưa ra một giả thiết hợp lý. Về phần tôi, lý do độc nhất khiến tôi tò mò là vì trong nhiều lần lui tới vùng này, tôi có quen gia đình Tregennis. Có thể nói rằng tôi xem họ như anh em của mình. Sự bất hạnh đó không khỏi làm tôi đau buồn. Tôi đã đến cảng Plymouth để chuẩn bị xuống tàu đi châu Phi. Nhưng sáng nay khi nghe tin, tôi vội vàng quay trở về để tiếp tay với các nhà điều tra.

Holmes trở mắt:

- Ông bỏ vé tàu vì chuyện này?

- Tôi đi chuyến sau.

- Ông thật là tốt bụng.

- Chúng tôi là anh em mà.

- Đúng vậy! Các nạn nhân có họ hàng với ông. Hành lý của ông đều đã lên tàu rồi chứ gì?

- Chỉ một phần, phần lớn vẫn còn tại khách sạn.

- Tôi hiểu rồi. Biện cố này chưa được báo chí đăng tải?

- Chưa, nhưng tôi có nhận một điện tín.

- Tôi xin phép được biết tên người gửi?

Một bóng mờ thoáng qua trán của nhà thám hiểm.

- Ông quá tò mò, thưa ông?

- Nghề nghiệp mà?

Phải cố gắng lắm, bác sĩ Sterndale mới lấy lại bình tĩnh.

- Tôi không thấy có lý do để giấu ông, cha xứ là người đánh điện cho tôi.

- Cảm ơn, để trả lời câu hỏi của ông, tôi xin nói rõ với ông rằng tôi chưa giải thích được trọn vẹn nội vụ. Tuy nhiên, tôi hy vọng sẽ đi tới một kết luận.

- Ông có thể nói chính xác rằng các ngõ vực của ông có hướng hẳn về một phía nào không?

- Không, tôi không thể nói chính xác với ông được.

- Như vậy là tôi đã mất thời giờ vô ích. Tôi không còn lý do để kéo dài cuộc thăm viếng này.

Nói xong người khách chia tay với chúng tôi. Không đầy 5 phút sau, Holmes cũng ra đi, bám theo ông ta. Mãi cho tới tối, khi về thì bước đi uể oải. Qua điện mạo, tôi đoán biết chả có gì tiến bộ hơn. Holmes liếc qua cái điện tín nằm chờ, rồi liệng nó vào lửa, nói:

- Cửa khách sạn Plymouth. Tôi biết tên của khách sạn qua cha xứ và tôi đánh điện để nắm chắc rằng bác sĩ Sterndale Leon không nói dối. Hình như ông ta có ngủ đêm tại đó, và có một số hành lý lên tàu trong khi ông ta quay về đây để chứng kiến cuộc điều tra. Anh nghĩ gì, hã Watson?

- Tại sao ông ấy để ý đến cuộc điều tra một cách tha thiết thế?

- Đúng! Đó là một sợi chỉ mà chúng ta chưa lần đến. Vì tôi tin rằng chúng ta chưa qui tụ đủ các yếu tố. Khi đủ rồi thì các khó khăn của chúng ta chỉ còn là kỷ niệm.

Sáng hôm sau, tôi đang cạo râu ở cửa sổ thì nghe tiếng vó ngựa chạy vội vã. Đến cửa chúng tôi, xe ngừng lại. Vị linh mục nhảy ngay xuống đất, lao vào lối đi trong vườn hoa. Chúng tôi chạy ra đón. Ông rồi trí đến nỗi không nói được rõ ràng và câu chuyện bị đứt đoạn.

- Chúng tôi hiện là nạn nhân của quỷ. Xứ đạo của tôi luôn bị quỷ phá, Satan thân chinh! Chúng tôi lọt vào quyền năng của quỷ dữ...

Ông lẳng xăng hoa tay múa chân. Cuối cùng, ông đưa cái tin bất ngờ.

- Ông Mortimer Tregennis đã chết đêm qua. Triệu chứng giống hệt như các người trước.

Holmes nháy dựng lên.

- Cho chúng tôi quá giang!

- Vâng!

- Thừa cha! Chúng tôi hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của cha. Nhanh lên! Nhanh lên! Tôi phải tới đó trước khi người ta xáo trộn hiện trường.

Người ở trọ chiếm hai căn phòng trên gác, cả hai đều ở một góc. Căn dưới là phòng khách. Bên trên là phòng ngủ. Hai phòng ngó ra sân gôn nhỏ trải dài cho tới tận cửa sổ.

Chúng tôi tới đó trước cả pháp y và cảnh sát. Chưa có cái gì bị đụng tới hoặc dời chỗ. Phòng bốc mùi rất khó chịu. Cô gái làm công vào trước mở cửa sổ, nếu không thì không tài nào thở nổi. Có thể do cái đèn dầu đang cháy dở bốc khói mù mịt trên cái bàn giữa phòng. Cạnh bàn, xác chết được đặt ngồi dựa vào ghế. Chòm râu quai nón nhọn chĩa ra phía trước, cặp mắt kính lật ngược trên trán; cái khuôn mặt gầy gò màu nâu hướng ra cửa sổ và cũng bị méo mó vì kinh hoàng y hệt như khuôn mặt xác chết của cô em. Tay chân bị còng queo và các ngón tay cong lên như ông ấy đã trải qua một cơn khiếp đảm cùng cực. Ông mặc áo quần đầy đủ nhưng chúng tôi được biết ông đã ngủ trên giường và cái chết thê thảm xảy ra vào sáng sớm. Ngay khi vượt ngưỡng cửa của căn hộ, Holmes hoạt động năng nổ. Anh đi ra ngoài bồn hoa nhảy cửa sổ trở vào, đi vòng quanh sa-lông; leo lên phòng ngủ trên gác như con chó săn hùng hổ khi đã tìm ra con mồi. Holmes nhìn quanh vào phòng rồi mở cửa sổ, có điều gì như kích thích anh thêm vì anh chồm ra ngoài và thốt ra những lời thích thú! Rồi anh lại tụt xuống cầu thang và nhảy cửa sổ, úp mặt sát cổ, leo trở lên phòng một lần nữa. Holmes tỉ mỉ khám xét cái thuộc loại làm theo chuẩn, rồi dùng bàn chân đo đạc. Anh dùng kính lúp khám nghiệm tấm thiếc bên trên cái bóng đèn, cào cào một tí tro còn dính ở phần trên vào một phong bì rồi kẹp vào cuốn sổ con khi pháp y và cảnh sát xuất hiện. Anh ra hiệu cho mục sư rồi tất cả chúng tôi đi ra ngoài. Anh nói:

- Tôi sung sướng loan báo rằng các cuộc điều tra của tôi không hoàn toàn tiêu cực. Tôi không thể nán lại để thảo luận nội vụ với cảnh sát. Tôi thỉnh cầu cha xứ chuyển lời chào của tôi đến viên thanh tra và lưu ý ông ta về cái cửa sổ phòng ngủ và cái đèn trong sa-lông. Hai cái đó tách riêng ra gợi cho ta nhiều ý. Gộp lại, chúng đưa ta tới kết luận. Nếu cảnh sát muốn biết hơn, tôi sẵn sàng gặp bất cứ người đại diện nào của họ. Còn bây giờ, Watson à, chúng ta sẽ có việc làm ích lợi hơn tại chỗ khác.

Có thể cảnh sát không thích sự chõ mũi của một tay nghiệp dư, hoặc có thể vì họ tự cho đã đi đúng hướng; nên trong hai ngày đầu, chúng tôi không nghe nói về họ.

Trong khi đó Holmes hút thuốc liên tục và suy ngẫm miên man, nhất là anh thường một mình đi bộ ngoài đồng. Một thí nghiệm hé lộ cho tôi thấy hướng đi của cuộc điều tra. Anh mua một cái đèn giống y cái đèn chiếu sáng phòng của Mortimer Tregennis, đổ vào đó loại dầu giống y dầu dùng tại tòa chánh xứ rồi kỹ lưỡng đo thời gian dầu cháy. Anh lại làm một cái thì nghiệm khác có tính chất khó chịu hơn, tôi còn nhớ hoài.

- Anh còn nhớ không, Watson? Chỉ có một điểm tương đồng duy nhất giữa các lời tường thuật mà chúng ta được nghe. Đó là sự tác động của không khí trong phòng trên người đầu tiên bước vào. Anh còn nhớ Mortimer Tregennis có nói rằng bác sĩ gần ngất xỉu, té xuống ghế bành. Anh cũng còn nhớ rằng bà lão có nói rằng chính bà cũng xỉu khi bước vào phòng. Còn trong trường hợp mới đây, chắc chắn anh chưa quên cái không khí cực kỳ khó chịu của căn phòng của Mortimer Tregennis khi chúng ta đến, dù cô người làm đã mở cửa rồi. Cô này như tôi được biết đã nhuốm bệnh về chuyện này. Watson à, anh hãy nhìn nhận rằng, những sự kiện này rất có ý nghĩa. Trong cả hai trường hợp, không khí đều bị nhiễm độc. Trong cả hai trường hợp đều có sự cháy đang tiếp diễn trong phòng... Trong trường hợp thứ nhất, có bếp lửa; trong trường hợp thứ hai có cái đèn. Bếp là cần vì trời quá lạnh. Nhưng mà đèn, nếu dựa vào số dầu tiêu thụ thì được thắp khá lâu sau khi mặt trời mọc. Chắc chắn có một tương lai giữa ba chuyện: sự cháy, không khí ngột thở và cuối cùng là hai cái điên và hai cái chết. Sáng tỏ chưa nào?

- Hình như đã sáng tỏ.

- Chúng ta có thể chấp nhận nó làm giả thiết xuất phát. Theo đó ta có thể cho rằng trong cả hai trường hợp, một chất gì đó đã cháy và tạo ra một chất khí cực kỳ độc hại.

Đúng thế! Trong thí dụ thứ nhất, liên quan tới gia đình Tregennis, chất này được bỏ vào bếp lửa. Cửa sổ đóng, lửa đương nhiên theo khói vào trong ống khói. Hiệu quả chắc chắn kém độc hại so với trường hợp thứ hai trong đó chất độc không có lối thoát. Kết quả thực tế cho thấy rằng sự suy đoán của ta không sai. Trong trường hợp thứ nhất, chỉ có người đàn bà có lẽ vì thể chất yếu nhất nên gục chết, còn hai người anh thì chỉ điên, tạm thời hay vĩnh viễn chịu hiệu quả sơ khởi của chất độc. Trong trường hợp thứ hai, có một chất độc dễ cháy đã giết chết người.

Theo hướng này, tôi lục lọi trong phòng của Mortimer Tregennis với hy vọng kiếm ra chất đó. Đương nhiên phải khám nghiệm cái miếng thiếc che hoặc cái bóng đèn. Tại hai nơi này, tôi thấy có tro trắng viền bột nâu chưa cháy hết. Tôi có lấy phân nửa số bột nâu này, bỏ vào một bì.

- Tại sao chỉ phân nửa vậy, Holmes?

- Tôi không có quyền thọc gậy bánh xe của cảnh sát. Tôi có để lại cho họ toàn thể bằng chứng của những gì tôi đã thấy. Với một chút xúu thông minh, họ sẽ kiếm ra. Giờ đây, chúng ta sẽ thắp cái đèn của chúng ta. Phải nhớ mở cửa sổ để khỏi chết sớm. Anh hãy ngồi gần cửa sổ...

À, anh muôn tận mắt thấy rõ mọi việc ư? Được lắm! Tôi để cái ghế bành của anh để hai đứa mình cùng cách đều với chất độc, mặt đối mặt... Cửa lớn hả? Ta để nó hé mở. Giờ đây, chúng ta có thể canh chừng lẫn nhau và hãy ngưng cuộc thí nghiệm nếu các triệu chứng có vẻ báo động. Hiểu rõ không? Tốt! Vậy thì tôi lấy cái bột trong phong bì

và rắc nó trên cái đèn đang cháy. Xong rồi! Giờ đây, Watson ạ! Ta hãy ngồi xuống chờ các biến cố diễn biến.

Vừa ngồi vào ghế bành thì mũi tôi ngửi mùi xạ hương, vừa nặng vừa khó chịu, muốn buồn nôn. Ngay cái hít đầu tiên, tôi mất hẳn sự kiểm soát của não bộ và trí tưởng tượng. Một đám mây đen ngòm và dày cộm bắt đầu quay trước mắt tôi. Tâm trí nhắc tôi có sự hiện diện của đám mây đó. Những hình thù mờ ảo quay cuồng trong đám mây đen. Mỗi một cái nhìn có vẻ báo hiệu về một cái gì hung tợn sẽ tới, báo trước rằng một quái vật khó tả, xâm nhập vào tôi. Một cơn kinh hoàng lạnh xương sống xâm chiếm tôi. Rồi tôi cảm thấy tóc dựng đứng lên, mắt muốn lồi khỏi tròng, mồm há hốc, lưỡi cứng lại như da thuộc. Tôi thử kêu lên. Tôi nghe thấy tiếng nói của tôi như xa xôi và lạ tai. Cùng lúc đó, tôi thấy mặt của Holmes trắng như ma; cứng như xác chết, đầy đủ các triệu chứng của kinh hoàng, đầy đủ các đường nét tôi đã thấy trên các nạn nhân.

Thấy được Holmes thì tôi hơi tỉnh. Tôi nhảy khỏi ghế bành, ôm chầm lấy Holmes, khập khiễng dìu nhau ra cửa, nhảy lăn xuống bồn cỏ nằm sát bên nhau, dăm dăm nhìn mặt trời sáng rực. Sự hồi tỉnh trí nhớ về với chúng tôi. Ngồi trên cỏ, chúng tôi lau trán ướt đầm mồ hôi và khám nghiệm lẫn nhau, không khỏi rùng mình về cuộc thí nghiệm vừa qua.

- Lấy danh dự mà nói, Watson à! - Holmes nói có phần áp úng - Tôi vừa cảm ơn vừa xin lỗi anh. Cuộc thử nghiệm đó đối với một người đã nguy hiểm rồi, đằng này đến hai người. Tôi xin lỗi!

- Anh dư biết rằng - Tôi nói với sự xúc động - Được tiếp tay với anh làm cho tôi vui và hãnh diện vô cùng.

- Có người sẽ liệt chúng ta vào hạng người điên ngay từ khi chúng ta chưa lao mình vào cái thí nghiệm hãi hùng ấy. Thú thực tới không ngờ hiệu quả có thể đột ngột và nghiêm trọng đến thế!

Anh chạy vào nhà, trở ra với cái đèn đang cháy sáng trên tay, rồi liệng nó vào bụi gai.

- Nên làm cho phòng thoáng khí! Tôi nghĩ bây giờ anh đã thấy rõ ràng diễn biến của các thảm kịch?

- Rồi.

- Tuy nhiên, nguyên nhân hãy còn mịt mù. Hãy đến ngồi dưới vòm cây và nghiêm chỉnh thảo luận về nội vụ.

Cái chất độc dường như vẫn còn trong cuống họng của tôi... Tóm lại, Mortimer Tregennis là thủ phạm trong thảm kịch thứ nhất, và nạn nhân trong thảm kịch thứ hai. Ta hãy nhớ lại rằng chuyện tranh chấp trong gia đình được tiếp nối bằng một sự giải hoà. Cuộc tranh chấp đạt tới mức độ nào và cuộc giải hoà có thành thật không? Chúng

ta không biết gì cả. Tôi nhớ lại Mortimer Tregennis với cái đầu chồn, đôi mắt gian xảo đằng sau cặp kính và theo tôi thì y không phải là loại người dễ dàng tha thứ cho bất cứ ai. Ngoài ra, anh còn nhớ các lời khai về cái gì đó quây quọ ngoài vườn?

Chính lời khai này đã một thời đánh lạc hướng chúng ta về nguyên nhân đích thực của tấn thảm kịch. Chắc chắn y phải có một động cơ. Cuối cùng, nếu không phải y liệng chất độc đó vào lửa thì ai khác đây? Thảm kịch xảy ra ngay sau khi y ra về. Nếu có ai khác vào nhà thì gia đình đã phải rời bàn... Mặt khác tại cái vùng Cornwall yên bình này, khách không đến sau 10 giờ đêm. Do đó chúng ta có thể nhận rằng tất cả các yếu tố đều qui kết Mortimer Tregennis là thủ phạm.

- Rồi sau đó y tự tử?

- Suy luận của anh không nghịch lý đâu. Người bị lương tâm cắn rứt vì tội tày đình có thể do ăn năn lại giáng cho chính mình cái vận đen mình đã đem lại cho kẻ khác. Tuy nhiên, những mâu thuẫn vững chãi bác bỏ giả thiết này. May thay, có một người độc nhất tại nước Anh này biết rõ sự thật và tôi đã thu xếp để chiều nay chúng ta được nghe đích thân ông ấy nói chuyện. à, ông ấy tới hơi sớm đó. Bác sĩ Sterndale hãy vào đây? Hai chúng tôi mới tiến hành một thí nghiệm hóa học, do đó phòng khách của chúng tôi không xứng đáng để tiếp đón một khách quý.

Tôi nghe cửa vườn kêu kịt kịt: dáng vóc đồ sộ của nhà thám hiểm châu Phi nổi tiếng xuất hiện trên lối đi. Với vẻ ngạc nhiên, ông đi về hướng cái vòm cây, nơi chúng tôi đang ngồi.

- Ông có cho mời tôi, hử ông Holmes? Hồi nãy tôi có nhận tờ giấy và tôi đã đến đây. Tôi không hiểu tại sao tôi phải tuân lời ông?

- Shi cuộc nói chuyện này chấm dứt, chúng ta sẽ hiểu rõ cái điểm đó. Trong khi chờ đợi, tôi hết sức cảm ơn sự thuận tình đầy lễ độ của ông. Mong ông miễn chấp sự tiếp đãi ông giữa trời; vì ông bạn thân Watson của tôi và tôi gần hoàn tất một chương trình phụ cho cái mục mà báo chí gọi là “Nỗi kinh hoàng của vùng Cornwall”. Do đó trong tạm thời, chúng tôi chọn một bầu không khí thuần khiết. Vì vấn đề mà chúng ta phải thảo luận liên quan đến ông một cách rất riêng tư, nên ta tìm chỗ vắng vẻ, tránh “tai vách mạch rừng”.

Nhà săn thú gõ điều xì gà ra khỏi miệng rồi nhìn Holmes dăm dăm.

- Thừa ông, chuyện gì lại liên quan đến tôi một cách rất riêng tư?

- Về việc giết Mortimer Tregennis! - Holmes đáp.

Gương mặt của Sterndale đỏ như gạch, mắt toé lửa, các mạch máu nổi u và sôiục, cái trán căng phồng, ông ta tiến bước về phía Holmes, hai nắm tay xiết chặt... May thay, ông ngừng lại và qua một cố gắng vượt bậc, lấy lại bình tĩnh tâm thần. Nhưng cái

bình tĩnh mà ông biểu lộ đối với tôi có vẻ còn nguy hiểm hơn sự nổi bùng của giận dữ.

- Tôi sống giữa những người thổ dân và xa luật pháp quá lâu, đến nỗi trong một chừng mực nào đó, tôi thay trời làm luật! Xin ông nên nhớ điều đó? Trong thâm tâm, tôi không muốn hại ông.

- Thưa bác sĩ Sterndale, tôi cũng không muốn hại ông. Bằng chứng là tuy có nắm một cái gì đó, tôi thưa chuyện với bác sĩ, chứ không với cảnh sát. - Holmes từ tốn đáp.

Sterndale ngồi xuống, có lẽ đây là lần đầu tiên trong cuộc đời phiêu lưu của ông, ông bị chế ngự. Nhìn thái độ của Holmes ông thấy Holmes có một sự tự tin và một quyền lực bất khả bại. Trong khi nói chuyện, hai bàn tay to kềnh của ông liên tục xoè ra và nắm lại.

- Ông muốn sao? Nếu ông muốn hù tôi thì ông đã chọn sai đối tượng. Đập mạnh quanh bụi cây là vô ích, thẳng vào đề đi, ông muốn nói gì?

- Ông sẽ biết thôi. Lý do khiến tôi nói là vì tôi hy vọng sự thành thật của tôi được bác sĩ đáp lại. Bước thứ hai của tôi hoàn toàn tùy thuộc vào tchất của sự biện minh của ông.

- Sự biện minh của tôi?

- Đúng vậy, thưa ông.

- Biện minh về việc gì?

- Để khỏi bị cáo buộc về tội giết chết Mortimer Tregennis.

Sterndale lấn mũi xoa lau trán.

- Xưa nay ông thành công là nhờ cái khả năng hù dọa phi phạm?

- Hù dọa - Holmes cương quyết trả lời - Là từ phía ông, chứ không phải từ phía tôi, thưa bác sĩ. Để chứng minh điều đó, tôi sẽ kể cho ông nghe vài dự kiện làm cơ sở cho cái kết luận của tôi. Dựa trên việc ông rời Plymouth mà về đây và trên sự gửi một phiếu hành lý đi châu Phi trước, tôi kết luận tức khắc rằng ông là một trong các yếu tố mà tôi phải xét tới, khi diễn lại tấn thảm kịch.

- Tôi đã trở về vì...

- Tôi còn nhớ các lý do ông nêu ra. Nhưng đối với tôi, các lý do đó không có sức thuyết phục. Ông có tới đây hỏi xem tôi ngờ vực ai, tôi từ chối trả lời. Ông đứng ngoài chờ đợi một lúc rồi đi về nhà.

- Làm thế nào ông biết được?

- Tôi đi theo ông.

- Tôi có thấy ai đâu?

- Nghề nghiệp mà! Ông ngủ một đêm không ngon lành tại biệt thự của ông. Và ông đã nghĩ ra vài kế hoạch mà ông bắt đầu thực hiện sáng hôm sau. Sáng hôm sau, lúc mở cửa, ông lượm một mớ sỏi đỏ gần cổng sắt.

Sterndale rùng mình và rồi nhìn Holmes một cách kinh ngạc.

- Rồi ông nhanh bước về tòa chánh xứ, cách nhà ông khoảng 1 dặm. Tôi xin nói thêm rằng hôm đó ông mang đôi giày tennis như đôi này. Tới tòa chánh xứ, ông băng qua vườn cây ăn trái và hàng rào ngang để đến dưới cửa sổ của phòng ông Tregennis. Sáng rồi nhưng chưa ai thức cả. Ông móc sỏi trong túi và liệng lên cửa sổ bên trên.

Sterndale nhảy dựng lên.

- Tôi tin rằng ông là hiện thân của quỷ sứ! - ông ấy la to.

- Phải liệng hai hoặc có thể ba đợt thì ông ta mới ra cửa sổ. Ông ra đầu kê xuống. Ông ta lật đặt mặc quần áo đi xuống. Ông leo cửa sổ mà vào. Một cuộc nói chuyện ngắn ngủi xảy ra; trong lúc đó ông đi tới đi lui. Rồi ông ra ngoài, đóng cửa sổ lại, đứng ở bồn cỏ, hút xì gà và chờ cái điều chắc chắn phải xảy ra. Sau cùng, khi ông ta chết rồi, ông rút lui bằng con đường đã dùng để đi tới. Giờ đây, thưa bác sĩ Sterndale, làm sao biện minh cho việc làm của ông? Động cơ nào thúc đẩy ông vậy? Nếu ông dối tôi, tôi quả quyết rằng nội vụ sẽ không tùy thuộc vào một mình tôi đâu.

Khuôn mặt người khách tái xanh, ông lấy tay ôm đầu. Rồi trong một cử chỉ bốc đồng, ông rút từ trong túi một cái ảnh, liệng nó trên chiếc bàn thô sơ dưới vòm lá:

- Đó là lý do tại sao tôi giết người!

Đó là tấm ảnh bán thân của một cô gái xinh đẹp. Holmes cúi xuống nhìn kỹ.

- Cô Brenda Tregennis?

- Vâng, Brenda Tregennis, chính nàng. Từ mấy năm nay, tôi yêu nàng. Từ mấy năm nay nàng cũng yêu tôi. Đó là lý do tôi lui tới nghỉ ngơi tại Cornwall khiến nhiều người thắc mắc; tôi muốn gần thần tượng của tôi. Tôi không thể cưới cô ta, vì tôi có vợ, vợ tôi bỏ tôi lâu rồi, tuy nhiên vì luật pháp Anh quốc lằng nhằng quá, tôi không ly dị được. Trong nhiều năm rỗng rã, nàng vẫn chờ. Trong nhiều năm rỗng rã tôi cũng chờ.

Một thốn thức làm rung rinh đáng bộ đồ sộ của ông.

Ông lấy tay để lên cuống họng rồi tiếp tục kể:

- Cha xứ có biết. Hai chúng tôi có tâm sự với cha. Cha có thể cho ông biết rằng Br đúng là một thiên thần. Đó là lý do vì sao ông ấy đã đánh điện cho tôi, và tại sao tôi quay về. Một mớ hành lý hoặc cuộc sống giàu sang ở châu Phi có ý nghĩa gì trước cái tin nàng đã thọ nạn. Đó là động cơ mà ông thiếu, ông Holmes à!

- Ông hãy nói tiếp đi!

Bác sĩ rút trong túi ra một cái gói, rồi đặt nó trên bàn. Trên gói có mấy chữ “Radix pedis diaboli”, bên dưới thì có nhãn đỏ cho biết nó là thuốc độc. Ông đẩy cái gói đó về phía tôi.

- Tôi đoán rằng ông là bác sĩ, thưa ông. Ông có nghe về cây thuốc này chưa?

- Rễ cây chân quỷ? Chưa, chưa bao giờ?

- Không có can chi đến kiến thức nghề nghiệp của ông. - ông ta nói - Tôi tin rằng ngoài cái mẫu mà tôi gặp tại Buda, không có mẫu nào khác tại châu Phi đâu. Nó chưa được ghi vào sách thuốc hay sách độc dược. Loại rễ cây này có một cái tên ngông do một nhà truyền đạo kiêm thực vật học đặt ra. Nó được các phù thủy Tây Phi sử dụng làm thuốc độc để trừng phạt và họ giữ bí mật về cách điều chế. Cái mẫu này tôi kiếm được tại Ubangi trong một trường hợp rất đặc biệt.

Ông mở cái gói và để lộ một mớ bột màu đỏ nâu giống thuốc lá.

- Rồi sao nữa, thưa ông? - Holmes lãnh đạm hỏi.

- Do tình yêu đối với cô em mà tôi trở thành bạn của anh em nhà Tregennis. Tuy nhiên tranh chấp tiền bạc đã làm cho Mortimer bức bối. Tuy nhiên mối bất hòa đã được dàn xếp nhanh chóng. Sau này tôi vẫn tới lui y hết như đối với mấy người kia. Y xảo quyệt già dặn, những đặc điểm khiến tôi nghi ngờ sự trung tín của y. Nhưng không có lý do gì để tôi cãi lộn công khai với y. Một ngày nọ, cách đây hai tuần, y đến tôi và tôi cho y xem vài vật lạ ở châu Phi. Trong số này có bột rễ chân quỷ. Tôi có tiết lộ cho y cái tính chất dị thường của nó, đặc biệt là cái khả năng kích thích tế bào não bộ nắm quyền chỉ huy các cảm xúc sợ sệt.

Tôi có nói với y rằng sự điên loạn hoặc sự chết chắc chắn sẽ đến với người thổ dân xui xẻo bị thầy cúng của bộ tộc trừng phạt bằng thứ này. Tôi có giải thích cho y rằng khoa học châu Âu không thể phát hiện ra lỗi hại người này. Bằng cách nào y đã lấy cắp, tôi không biết. Tôi không rời phòng giây lát nào cả, nhưng tôi chắc chắn vào một lúc nào đó, có thể vào lúc tôi mở ngăn kéo hoặc cúi xuống các tủ kính. Tôi nhớ y có hỏi về hiện tượng và thời gian thuốc thấm. Tôi không ngờ y có những ý đồ đen tối.

Tôi quên hẳn cuộc thăm viếng này cho tới khi cái điện tín của cha chánh xứ. Thăng

khốn tưởng rằng tôi đã lên tàu và sẽ ở châu Phi vài năm. Nhưng tôi quay trở lại ngay tức khắc. Khi tôi dò qua các chi tiết, tôi biết ngay rằng thuốc độc của tôi đã bị y sử dụng. Tôi đến thăm ông lần đó là để chắc ăn rằng không thể có giả thiết khác được. Quả nhiên đúng thế. Mortimer Tregennis là thủ phạm. Có lẽ y nghĩ rằng nếu tất cả anh em trong gia đình đã điên, thì một mình y hưởng hết tài sản của họ. Y đã sử dụng bột chân quỷ làm cho hai em trai điên và giết em gái của y, Brenda, người yêu duy nhất của tôi.

Phải trị tội y bằng cách nào? Đưa ra luật pháp ư? Bằng chứng đâu? Tôi biết rằng các dữ kiện là đúng nhưng làm sao thuyết phục một đoàn hội thẩm quê mùa dốt nát. Tâm hồn tôi khát khao một sự phục thù. Sau một đêm trằn trọc, tôi rời nhà rất sớm. Biết trước là sẽ khó đánh thức y, tôi mới lấy một mớ sỏi để liệng lên cửa sổ. Y đã đi xuống và để cho tôi vào nhà y qua cửa sổ phòng khách. Tôi đã trình bày cho y biết tội ác của y. Tôi cho y biết tôi đến với tư cách vừa làm phán quan, vừa làm người đao phủ. Tên khốn kiếp sụp xuống ghế khi thấy cái súng lục của tôi. Tôi thấp đèn, bỏ thuốc độc lên trên, rồi đứng bên ngoài cửa sổ, sau khi nói với y rằng: “Nếu mi rời căn phòng, ta sẽ bắn mi ngay!”. Năm phút sau y chết.

Holmes ngồi lặng thinh một hồi.

- Ông có những dự định gì? - Cuối cùng Holmes hỏi.

- Tôi dự định chết già tại Trung Phi. Tôi chỉ mới hoàn thành nửa công trình tại đó.

- Bác sĩ hãy đi đi và hoàn tất cái phân nửa còn lại.. - Holmes nói - Tôi không phải là người phá rối bác sĩ.

Bác sĩ Sterndale đứng dậy, cúi đầu một cách cung kính, rồi khỏi vòm lá

- Watson này, cuộc điều tra của chúng ta có tính độc lập, lối xử thế của ta cũng phải độc lập. Anh sẽ tố cáo người đó không?

- Chắc chắn là không!

- Tôi chưa bao giờ yêu, Watson à! Tuy nhiên nếu tôi yêu và người đàn bà tôi yêu chết thê thảm như thế, có thể tôi cũng đã xử sự giống hệt người săn sư tử của chúng ta. Biết đâu được?

Hết

E.8 - His Last Bow 1917 (Cung đàn sau cuối)

Lúc đó là 9 giờ tối ngày 2 tháng 8, cái tháng 8 khủng khiếp trong lịch sử thế giới. Có thể nói rằng cơn giận dữ của Thượng đế đang đè mạnh lên một thế giới suy đồi. Sự yên lặng nặng nề và sự hồi hộp ngóng trông dang trời bỗng bình trong không trung oi bức và im lìm. Mặt trời đã lặn, nhưng ở chân trời phía Tây kéo dài một màu đỏ giống một vết thương còn chảy máu. Bên trên, vô vàn ngôi sao đang rực sáng và bên dưới, đèn dầu của tàu bè nhấp nháy ở ngoài vịnh.

Hai người Đức đứng dựa vào bao lơn bằng đá của sân thượng. Cái nhà thấp nằm thườn thượt sau lưng họ. Họ nhìn cái vòng cung to của bờ biển dưới chân đá bờ vôi kỳ vĩ, châu đầu trao đổi các câu chuyện bí mật. Đứng từ dưới nhìn lên, đầu đỏ rực của hai điều xì gà giống như đôi mắt của quỷ dữ đang rập rình lúc đêm về.

Một con người siêu việt, có thể nói về Von Bork như vậy! Hắn là tay cao thủ nhất trong đám điệp viên của hoàng đế Đức quốc. Hắn được giao phó một số sứ mạng quan trọng ở A. Tài ba của hắn nổi bật trong tâm trí đám người quyền thế, nhất là người bạn đồng hành của hắn lúc đó, nam tước Von Herling, bí thư trưởng sứ quán. Chiếc xe Benz 100 mã lực của nam tước đang chằm chằm đậu trên đường chờ chờ hắn về London.

Viên bí thư nói:

- Theo dự đoán của tôi, trong tình hình này, có lẽ ông nên quay về Berlin trong tuần này. Khi về tới đó, ông sẽ ngạc nhiên trước các cuộc đón tiếp, bởi vì tôi biết rõ cấp cao nhất đánh giá thế nào về công việc mà ông đã thực hiện được tại nước Anh.

Nam tước là một người cao, to, nói năng chậm rãi, đầy tự tin, nên đã thành công lớn trong sự nghiệp chính trị.

Von Bork cười vang:

- Họ rất dễ gạt! Không thể kiếm đâu ra một dân tộc ngây ngô hơn dân tộc này.

- Tôi không biết! - Gã kia đáp với vẻ vô tư - Họ có những cái giới hạn kỳ quặc mà ta không nên vượt qua. Cái ngây ngô bên ngoài của họ là một cái bẫy đối với người lạ đó. Cảm giác ban đầu là người Anh mềm như bún. Nhưng khi vấp phải một cái gì chắc như đá, ta phải biết ta đã chạm mức rồi. Thí dụ các quy ước về đảo quốc của họ, chúng ta không thể coi thường được.

- Ông muốn nói đến cái “nghi thức” và những cái tạp nham cùng loại? - Von Bork hỏi rồi thờ dãi.

- Tôi muốn nói đến cái định kiến của người Anh trong tất cả các cái thể hiện kỳ quặc của nó. Đây, tôi xin kể cho ông nghe một trong những sự ngộ nhận tai hại nhất của tôi. Ông đã thấy tôi thành công tới mức nào rồi. Tôi vừa nhậm chức thì liền được dự tiệc cuối tại một biệt thự đồng quê của một ông bộ trưởng. Mọi người không ai giữ miệng giữ mồm cả.

Von Bork gật đầu:

- Tôi có dự.

- Đúng thế! Và đương nhiên tôi có gởi về Berlin một bản tóm lược tin tức đã thu nhặt được trong buổi tiệc đó. Khốn nạn cho tôi, ông thủ t của chúng ta lại chuyển qua một nhận xét cho biết rằng ông đã biết những gì đã được nói tại buổi chiêu đãi. Ai có thể mừng rỡ tưởng đầy đủ cái nỗi khổ mà tôi phải chịu do vụ này. Do đó tôi có thể cam đoan với ông rằng, người Anh không mềm đầu. Phải hai năm sau tôi mới quên được cái scandal này. Còn ông... nhà đóng kịch...

- Không! Đừng gọi tôi là người đóng kịch. Đóng kịch dính liền với giả tạo. Ngược lại, tôi hoàn toàn tự nhiên. Tôi bẩm sinh là một vận động viên mà. Tôi thích thể thao.

- Là một nhà thể thao, hiệu năng của ông tăng rõ ràng. Ông chơi du thuyền với họ. Ông đi săn với họ. Ông ngang tài với họ trong bất cứ môn nào, chơi bốn môn phối hợp, ông đoạt giải nhất. Tôi còn nghe ông chấp nhận đánh quyền Anh với các sĩ quan trẻ của họ. Kết quả là gì? Người ta phần nào coi nhẹ ông. Ông trở thành ông già nghiện thể thao: một người Đức uống rượu mạnh nguyên chất, đêm nào cũng đi nhảy, trác táng, truy lạc. Cái biệt thự ở đồng quê của ông là một trung tâm phát sinh phân nửa tệ đoan cho nước Anh. Còn nhà thể thao là một tay điệp viên tài ba nhất.

- Ngài nam tước ời! Tôi tin chắc chắn rằng bốn năm làm việc tại Anh không thể là bốn năm vô ích. Tôi chưa cho ông xem cái kho của tôi. Vui lòng vào đây!

Cửa lớn của phòng làm việc mở ngay ra sân chơi. Von Bork đẩy cửa bước vào trước, vận đèn. Sau khi cái dánh vóc đồ sộ đi sau đã vào thì cửa đóng chặt, tấm màn dày trên cửa sổ có lưới được kéo kỹ. Sau khi các biện pháp an toàn đã được thực hiện và kiểm tra lại, hấn quay về phía khách:

- Một số giấy tờ không còn tại đây. Hôm qua, vợ tôi và lũ gia nhân đã mang đi một số nào không quan trọng. Phần còn lại, tôi yêu cầu tòa đại sứ bảo vệ chúng.

- Tên của ông đã nằm trong danh sách tùy tùng riêng của ngài đại sứ thì có khó khăn gì đối với ông và hành lý còn lại. Nhưng, có thể chúng ta khỏi phải đi. Anh quốc có thể bỏ mặc Pháp. Chúng ta chắc chắn giữa hai nước không có một hiệp ước ràng buộc nào?

- Còn với Bỉ thì sao?

- Đúng còn có nước Bỉ nữa!

Von Bork lắc đầu.

- Tôi tiên đoán Anh quốc không thể ngồi yên. Họ liên minh với Bỉ bằng một hiệp ước đẳng hoàng. Cái nhục đó, họ không quên được đâu?

- Ít ra, họ có hoà bình một thời gian.

- Còn vấn đề danh dự?

- Hừ, ông bạn thân mến, chúng ta hiện sống trong thời đại thực dụng. Danh dự là một quan niệm thời Trung cổ. Mặt khác, Anh quốc chưa sẵn sàng. Cái dự chi đến 50 triệu đủ để làm họ sáng mắt. Thỉnh thoảng có người tuyên bố sẽ lưu tâm giải quyết mối hiểm họa. Rải rác có những sự bức dọc và tuyên bố sẽ tìm cách xoa dịu nước Đức hiếu chiến. Nhưng ông có thể tin lời tôi rằng các điểm chính như tích trữ quân nhu, chuẩn bị đối phó với chiến tranh tàu ngầm, tổ chức làm chất nổ mạnh thì chưa rục rịch gì cả. Làm sao Anh quốc có thể can thiệp được khi chúng ta làm họ mất thì giờ vào vụ Ireland, vụ phụ nữ đòi quyền bầu cử và... một ngàn lẻ một chuyện khác.

- Họ càng phải nghĩ tới tương lai nữa chứ?

- À, đó là vấn đề khác rồi. Tôi đoán rằng ta đã có kế hoạch cụ thể về Anh quốc nên tin tức mà ông nắm được có tầm quan trọng sinh tử. Đối với nước Anh, thì hoặc là hôm nay, hoặc là ngày mai. Nếu họ thích hôm nay, chúng ta đã sẵn sàng. Nếu là ngày mai, chúng ta lại càng sẵn sàng hơn. Theo ý tôi thì đánh giặc mà có đồng minh thì hay hơn là đơn thương độc mã. Thôi đó là chuyện của họ. Tuần lễ này là tuần lễ quyết định. Anh có nói về mớ tài liệu...

Trong góc phòng đầy kệ sách, một bức màn phủ kín. Von Bork vén lên, một tủ sắt to có đóng đai đồng lộ ra. Gã người Đức lấy một chìa khoá nhỏ khỏi dây đồng hồ, rọ rạc ổ khoá hồi lâu và cánh cửa nặng nề mở ra.

- Hãy nhìn đây! - Hắn nói và lui lại một bước. Ánh đèn chiếu sáng bên trong và viên bí thư sứ quán nhìn đăm đăm các ngăn đầy áp tài liệu. Mỗi ngăn đều có mang nhãn. Mắt ông ta chạy từ ngăn này qua ngăn khác. “Chỗ cạn lợi qua được”, “Phòng vệ duyên hải”, “máy bay”, “Ireland”, “Ai Cập”, “Các đồn lũy Portsmouth”, “Eo biển Manche”, “Rosythe”. Mỗi ngăn đầy áp bản đồ và tài liệu.

- Vĩ đại! - Viên bí thư sứ quán thì thầm, ông ta để xì gà xuống, vỗ tay nhẹ nhẹ.

- Chỉ trong bốn năm thôi, thừa nam tước, không tệ đối với một kẻ nhậu nhẹt, chơi bời, thể thao, phải không? Tuy nhiên cái quý nhất là bộ tài liệu sắp được mang đến, và chúng ta đã sẵn sàng để đón tiếp nó.

Y chỉ tay vào một ngăn có ghi 5 chữ: “Truyền tin trong hải quân”.

- Hình như ông đã có một hồ sơ về vấn đề này?

- Đã lỗi thời rồi! Bộ tư lệnh Hải quân đã được báo động, chẳng biết do đâu mà họ đã đổi tất cả các mật mã. Cú nặng quá, thừa nam tước. Đó là thất bại tệ hại nhất của tôi từ trước tới nay! Tuy nhiên nhờ xấp chi phiếu và nhờ chàng Altamont gan dạ, mọi việc sẽ biến đổi ngay đêm nay.

Nam tước nhìn đồng hồ đeo tay rồi thở ra thất vọng.

- Nói thật là tôi không thể chờ lâu hơn được nữa. Tôi hy vọng đem cái tin vui ấy về. Cái gã Altamont không hẹn giờ chính xác sao?

Von Bork đưa cho ông xem một điện tín.

“Sẽ đến đúng hẹn tối nay và sẽ mang các bu-gi-lửa mới – Altamont”.

- Bu-gi-lửa?

- Gã đóng kịch làm chuyên viên về xe hơi; còn tôi là chủ ga ra. Theo mật mã của chúng tôi thì mỗi tin tức hắn mang lại đều được đặt tên theo các phụ tùng của xe hơi. Nếu hắn nói “radiator” thì hiểu là thiết giáp hạm, “bơm dầu” thì hiểu là tuần dương hạm; và bu-gi-lửa thì hiểu là các tín hiệu của hải quân.

- Điện tín đánh đi từ Portsmouth lúc 12 giờ. - Viên bí thư xem xét điện tín rồi nói - Nhân tiện xin hỏi: ông cho hắn bao nhiêu?

- Năm trăm bảng cho cái công tác đặc biệt này. Đương nhiên hắn còn có lương nữa.

- Gã như là con hạm. Bọn phản quốc rất hữu ích nhưng tôi luôn chi trả cho chúng một cách miễn cưỡng.

- Tôi thì luôn rất hào phóng với Altamont. Hắn làm việc rất đạt. Nếu tôi hậu hĩ, hắn sẽ giao hàng tốt. Mặt khác hắn đâu phải là kẻ phản quốc. Chúng ta ghét Anh quốc không thấm vào đâu so với mối thù của tên Mỹ gốc Ireland này.

- Ủa, hắn gốc Ireland sao?

- Cứ nghe hắn nói chuyện thì biết được nguyên quán của hắn. Đôi khi tôi cũng không hiểu hắn lắm. Hắn ghét tiếng Anh lẫn vua Anh. Ông nhất định ra về sao? Chờ thêm vài phút nữa thôi!

- Rất tiếc, tôi đã nán lại quá lâu rồi, hẹn ông vào sáng sớm ngày mai. Lấy được bộ mật mã truyền tin của hải quân Anh, ông có thể đề cử “kết thúc quang vinh” cho nhiệm kỳ phục vụ của ông tại đây. Sao? Đây là rượu Tokay à?

Viên bí thư chỉ một chai đóng nút kỹ và đầy bụi đặt trên một cái mâm cùng với hai ly.

- Xin mời ông nhâm nhi trước khi lên đường.

- Không đâu, cảm ơn nhiều! Liên hoan à?

- Altamont rất sành rượu chất và hẳn rất thích rượu Tokay. Thằng cha này khó tính, tôi phải điều đóm nó kỹ lắm. Dày công lắm đó!

Hai người đã ra tới sân. Cuối sân, tài xế của nam tước đã cho máy nổ.

- Tôi đoán kia là đèn của Harwich, - viên bí thư vừa mặc áo mưa vừa nói. - Thật là im ắng! Có thể trước 8 giờ, tại đây sẽ có những đèn khác và bờ biển Anh quốc là một nơi kín yên lành hơn. Bầu trời cũng sẽ không hoàn toàn thanh bình nếu các “Zeppelin” dũng cảm của ta không sai hẹn. Nè, ai ở đằng kia vậy?

Đằng sau họ, một cửa sổ duy nhất còn thấp đèn. Bên cái đèn để trên bàn, một bà lão, khuôn mặt hồng hào đội mũ trùm, đang cặm cụi đan len. Thỉnh thoảng bà ửng tay để vuốt ve một con mèo đen to ngồi trên ghế đầu gần kề.

- Đó là Martha, người hầu độc nhất mà tôi còn giữ.

Viên bí thư cười nhẹ.

- Bà ta vô tư lự! Sung sướng thật! Thôi chào ông Von Bork.

Vẫy tay từ giã, ông ta leo lên xe và sau đó hai đèn trước của xe chiếu sáng trong đêm khuya. Ông ta ngả lưng dựa vào các gối ở băng sau của một chiếc xe hơi lộng lẫy và tâm trí mê mải tưởng tượng đến cái thảm kịch gần kề tại châu Âu, không để ý chiếc Ford con mà ông gặp trong làng.

Von Bork từ từ về văn phòng. Đi ngang qua sân, hẳn thầy bà lão đã tắt đèn đi ngủ. Không khí lúc này mới lạ đối với hẳn. Ngôi nhà bao la này chưa bao giờ im ắng và tối đen như thế này. Hẳn luôn sống cùng gia đình với một đoàn gia nhân rình rang. Nhưng hẳn cũng cảm thấy nhẹ nhõm khi nghĩ rằng họ đều ở nơi an toàn, ngoại trừ người lão bộc. Hẳn bắt đầu đốt sạch một mớ tài liệu cho tới khi gương mặt thanh tú ửng đỏ. Rồi hẳn lấy một va-li da, xếp vào đó mớ tài liệu quý giá trong tủ sắt. Khi hẳn vừa bắt đầu thì có tiếng xe dừng trước nhà. Hẳn không nén được một tiếng la vì thoái trí, gài va-li lại, khoá tủ sắt rồi hối hả chạy ra sân. Hẳn tới nơi đứng vào lúc một chiếc xe con dừng lại trước cổng sắt. Một người đàn ông bước xuống nhanh chân tiến về phía hẳn. Trong xe chỉ còn người tài xế to con, râu kẽm, đang chờ.

- Sao? - Von Bork nóng lòng hỏi.

Thay vì trả lời, người khách chỉ hãnh diện hươ hươ một gói nhỏ bọc giấy nâu.

- Tối nay, ông có thể hồ hởi bắt tay tôi. Nay, tôi mang cái bánh cho ông.

- Các tín hiệu?

- Như đã nói trong bức điện, tất cả các cách truyền tin: semaphore, mật mã đèn, mã Marconi... Bản sao! Không phải bản chính! Nguy hiểm lắm! Nhưng hạng tốt, hàng đúng qui cách ông cứ tin vào tôi.

Người mới tới vỗ thật mạnh vào vai Đức với một sự thân thiện thô lỗ khiến gã này nhăn nhó.

- Mời vào! Tôi ở nhà chỉ có một mình, chỉ còn chờ anh. Đương nhiên chỉ nên lấy bản sao! Nếu một bản chính mà thiếu thì toàn bộ sẽ như không. Nhưng anh có chắc đúng là chính hiệu hay không?

Người Mỹ gốc Ireland đã bước vào văn phòng và thả mình, sải tay, sải chân trên ghế bành: con người gầy, khoảng 60 tuổi, mặt xương và râu dê ngắn. Có thể lầm là bức kí họa chú Sam. ở một bên mép ngậm một điếu xì gà tắt nửa chừng. Ngồi xuống xong tay này quẹt một que diêm để mời lại.

- Một sự di chuyển nhỏ đang được chuẩn bị chăng? - Người Mỹ nhìn quanh vừa suy nghĩ vừa nói - Nè , ông...

Mắt ông ta rơi vào cái tủ sắt mà bức màn không che kín.

- Tất cả tài liệu đều cất vào đây à?

- Đương nhiên!

- Kênh cang kịch cộm vậy à? Ông lại được liệt vào hạng gián điệp tầm cỡ sao?Ồ! Bất cứ một tên trộm Mèo tầm thường cũng mở được với đồ khai hộp. Nếu tôi biết trước rằng thư từ tôi viết đều bị tống vào chỗ quái quỷ này, tôi đã không dại mà viết một dòng!

- Dù có tài ba cách mấy, không một thằng ăn trộm nào mở được tủ sắt này - Von Bork đáp.

- Không một dụng cụ nào làm suy suyển loại kim khí này ư? Có ổ khoá không?

- Khoá đôi! Anh có hiểu tôi muốn nói gì không?

- Cho tôi biết một chút! - Người Hoa Kỳ mỉm cười, nói.

- Muốn mở tủ, phải biết một chữ và một con số...

- Á, à! Tuyệt vời!

- Đâu chỉ có đơn giản như vậy. Tôi đặt thợ cách đây bốn năm. có biết lúc đó tôi lựa chữ gì và số gì không?

- Chịu thua!

- Tôi đã chọn tháng “Tám” và “1914”. Đúng y chang như thực tế bây giờ!

Khuôn mặt của người Mỹ gốc Ireland biểu lộ một sự ngạc nhiên, thán phục.

- Tuyệt diệu, ông là một nhà tiên tri kỳ tài.

- Tại nước tôi, ít người có khả năng tiên đoán cái ngày này? Tuy nhiên nó chính là đây nè, ngày mai tôi đóng lại và chuồn êm.

- Nay, ông còn phải lo cho tôi nữa chứ. Tôi sẽ không lưu lại cái xứ sở chết toi này đâu. Theo tôi dự kiến, nước Anh sẽ nhảy dựng lên và phát điên trong vòng 8 ngày. Tôi thích đi qua bên kia biển Manche ngay từ bây giờ.

- Nhưng mà anh là công dân Hoa Kỳ?

- Đúng vậy, Jack James cũng là dân Mỹ nhưng vẫn bị bỏ tù. Không thể kêu gọi tình cảm của cảnh sát Anh với cái lý rằng mình là công dân Hoa Kỳ. “Ở đây, luật Anh chi phối”, tôi sẽ được trả lời như vậy. Nhân tiện nói luôn, hình như quý ông không làm gì để che chở cho các điệp viên của mấy ông?

- Anh nói sao? - Von Bork hỏi lại một cách cẩu kính.

- Quý ông là chủ nhân phải không nào? Quý ông phải thu xếp sao cho họ khỏi bị kẹt. Họ bị sụp và quý ông làm gì để kéo họ ra, như trường hợp của James?

- Hoàn toàn do lỗi của hắn. Anh không rành hắn bằng tôi đâu.

- Jack James có cái đầu lộn, tôi đồng ý với ông Còn trường hợp Hollisi? Tội nghiệp! Những ngày chót nó có hơi điên. Làm sao không loạn trí khi phải đóng kịch từ sáng tới chiều với cả một trăm người sẵn sàng tố cáo nó với cảnh sát. Giờ đây còn có Steiner...

Von Bork rung mình tái mé

- Chuyện gì xảy ra với Steiner?

- Bị thộp rồi! Cảnh sát lục soát kho của y đêm qua. Nếu may mắn thì thoát được án tử hình. Đó là lý do tại sao tôi muốn đào thoát qua lục địa cùng với ông.

Von Bork là một người sắt đá, luôn tự chủ, nhưng cái tin này tác động mạnh đến hắn:

- Làm sao chúng biết được sự thật về Steiner được? Quả là một vỏ nặng!

- Rồi đây ông còn gặp một vỏ nặng hơn bội phần vì tôi linh cảm rằng chúng đang bám sát tôi.

- Không thể thế được ?

- Tôi tin chắc như thế! Bà chủ nhà trọ của tôi đã được cảnh sát viếng thăm. Họ hỏi thăm bà ấy về tôi. Tôi không còn đường nào khác hơn là chuồn càng sớm càng tốt.

Nhưng tôi muốn biết tại sao cảnh sát hay biết Steiner là điệp viên thứ năm bị tóm kể từ khi tôi cộng tác với ông. Tôi biết ai sẽ là người thứ sáu, ông giải thích sự việc đó ra sao? Ông không hổ thẹn khi người của ông bị thọt cổ liên tiếp như vậy sao?

Von Bork đỏ sẫm mặt.

- Anh dám nói chuyện với tôi bằng cái giọng như vậy à?

- Nếu tôi không nói thẳng, thưa ông, tôi sẽ không cộng tác với ông đâu. Tôi sẽ nói thẳng với ông những gì tôi nghĩ. Đối với các ông, những chính trị gia người Đức, thì khi điệp viên đã hoàn tất công tác, họ có vào nhà đá quý ông cũng không chút áy náy nào cả.

Von Bork nhảy xồm lên.

- Anh dám ngăm nói rằng tôi giao nộp điệp viên của tôi?

- Tôi chưa nói tới đó, thưa ông! Nhưng có một thằng mách lẻo đâu đây, ông có trách nhiệm nhận dạng nó. Tôi chuẩn bị đi về nước Hà Lá nhỏ của tôi càng sớm càng tốt.

Von Bork cố đè nén cơn giận, nói:

- Chúng ta liên minh với nhau quá lâu. Giờ đây, lúc sắp chiến thắng thì lại tranh cãi? Anh đã hoàn thành một công tác tuyệt vời. Anh đã chịu nhiều rủi ro mà tôi không thể quên. Bằng mọi cách, hãy qua Hà Lan. Tại đó anh có thể đáp tàu thủy để đi New York. Trong vòng một tuần nữa, thì không còn tuyến đường nào an toàn cả. Giờ đây, tôi xin tiếp nhận cuốn sách và xếp vào hành lý.

- Còn tiền?

- Sao?

- Phần thưởng 500 bảng Anh! Chàng pháo thủ này vô cùng ham ăn. Tôi phải cho y

thêm 100 dollar phụ trội. Do đó tôi chỉ trao cái gói khi có thêm tiền.

Von Bork cười một cách cay độc:

- Hình như anh cho rằng tôi là người không có danh dự? Anh muốn lấy tiền trước khi trao sách?

- Ông muốn sao bây giờ? Chúng ta “tiền trao cháo múc” mà?

- Được thôi, tùy anh!

Hắn ngồi vào bàn, viết một chi phiếu, xé nó khỏi tập, nhưng vẫn cầm trên tay:

- Suy cho cùng, bởi vì chúng ta đã đi tới cái mức cạn tài ráo máng nên tôi không thể tin anh, cũng như anh đã không tin tôi.

Hắn quay lại phía gã người Mỹ:

- Chi phiếu ở trên bàn, tôi xin xem nội dung trong cái gói, trước khi ông cầm phiếu chi.

Gã người Mỹ làm thinh, trao cái gói cho hắn. Von Bork tháo dây, gỡ hai lớp giấy gói, rồi trở mắt trước cuốn sách nhỏ màu xanh, bìa mang mấy chữ mạ vàng: “Sách dạy nuôi ong”.

Tên trùm gián điệp không có thời gian để ngắm nghía lâu: bàn tay sắt bóp cổ y và một miếng bọt biển thấm thuốc mê đập vào cái mặt đang nhăn nhó của y.

- Thêm một cốc nữa nhé, Watson? - Sherlock Holmes đưa chai Tokay lên mời.

- Rượu ngon, Holmes à!

- Ngon tuyệt! Ông bạn trên ghế dài kia cho biết nó được lấy ra từ hầm rượu riêng của hoàng đế Franz Josef. Vui lòng mở cửa sổ vì mùi thuốc mê làm rượu mất ngon.

Cửa tủ sắt hé mở. Holmes rút ra tất cả các bộ hồ sơ, xem xét kỹ lưỡng rồi xếp chúng vào va-li của Von Bork. Gã người Đức vẫn nằm dài trên tràng kỷ, ngáy khò khò, tay chân đều bị trói.

- Chúng ta không cần gấp gáp, Watson ạ! Không có ai quấy rầy ta cả. Anh muốn nhán chuông? Đâu có ai khác trong nhà, ngoại trừ bà lão Martha, người đã đóng trọn vai trò của mình. Chính bà ta là mật báo viên cho tôi. À, bà Martha, bà sẽ sung sướng khi hay tin mọi chuyện đã kết thúc tốt đẹp!

Bà lão xuất hiện tại ngưỡng cửa. Bà cúi mình và nhoẻn miệng cười, rồi quay về phía người đang nằm sóng soài trên tràng kỷ.

- Ông ta khoẻ mà, chả đau ốm gì đâu!

- Tôi cũng mừng cho ông ấy,, ông Holmes à! Ông ấy là một ông chủ tốt bụng. Ông ấy muốn tôi đi theo vợ ông ấy qua Đức hôm qua. Nhưng điều đó sai với kế hoạch của ông.

- Nếu bà đi, tôi sẽ không hài lòng tí nào! Bà lưu lại tôi mới an tâm, nhờ bà thông tin đó!

- Viên bí thư sứ quán hôm nay có đến đây ông ạ.

- Đúng, chúng tôi có gặp xe y.

- Tôi những tưởng hẳn sẽ ngồi hoài và ông sẽ vướng khi gặp y.

- Không hề gì! Hai chúng tôi đã chờ suốt nửa giờ mới thấy đèn bà tắt và biết rằng đường xá đã thông thương. Bà có thể lên London thăm tôi tạ

- Tốt lắm, thưa ông.

- Bà đã chuẩn bị đầy đủ?

- Vâng, thưa ông! Von Bork đã bỏ bưu điện 7 lá thư. Như thường lệ, tôi có ghi các địa chỉ.

- Tốt lắm! Mai tôi sẽ xét vấn đề đó. Chúc bà ngủ ngon!

Sau khi bà lão đã đi khuất, Holmes nói tiếp:

- Mớ tài liệu này không quan trọng lắm đâu.

- Như vậy chúng vô dụng?

- Tôi không nói thế! Tài liệu này sẽ cho ta biết người Đức biết được cái gì. Một số lớn tài liệu này có được là do bàn tay của tôi, toàn là tài liệu giả mạo. Tuổi già của tôi sẽ có niềm vui nho nhỏ nếu tôi thấy được một tuần dương hạm của Đức ngược dòng Solent dựa theo bản đồ mìn mà tôi cung cấp. Còn anh, Watson?

Holmes ngừng lại, nắm vai người bạn cố tri, nói:

- Hồi nãy tôi làm lơ, để anh ở lại xe. Nhìn kỹ anh, tôi thấy qua năm tháng, anh vẫn khoẻ. Anh vẫn là cậu thanh niên luôn luôn vui tính mà tôi đã quen.

- Tôi cảm thấy trẻ hơn 20 năm, Holmes à! Ít ra tôi cảm thấy sung sướng lúc nhận được điện tín của anh bảo đem xe hơi đợi anh tại Harwick. Về phần anh, anh cũng đâu có thay đổi gì nhiều, trừ cái râu dê góm.

- Đó là những sự hy sinh cho đất nước, bạn ơi. - Holmes đáp vừa vuốt chòm râu dê dưới cằm - Ngày mai thì con dê này chỉ còn là một kỷ niệm. Cắt tóc đảng hoàng, chăm sóc thẩm mỹ cái mặt và xuất hiện lại ở khách sạn Claridge.

- Nhưng anh đã tự ý hưu trí rồi mà. Chúng tôi được tin anh đã sống đời ẩn dật bên bầy ong mật và sách vở tại một nông trại nhỏ thuộc South Downs mà.

- Quả vậy! Đó là thành quả của đời bình lặng của tuổi văn niên... - Holmes lấy cuốn sách trên bàn và đọc nguyên cái tựa: "Sách dạy nuôi ong với một vài quan sát về sự sê đàn của ong chúa". - Đó là kết quả của nhiều đêm suy tư và nhiều ngày làm việc. Tôi đã theo dõi thế giới nhỏ của ong mật cũng như đã theo dõi thế giới lưu manh tại London.

- Nhưng do đâu mà anh phải tái xuất giang hồ?

- À, tôi vẫn còn chưa hết ngạc nhiên. Tôi đã dễ dàng cưỡng lại các sự vận động của ông Bộ trưởng ngoại vụ. Nhưng khi Thủ tướng đích thân xuống tại ngôi nhà hèn mọn của tôi... Watson à! Anh chàng nằm trên tràng kỷ có phần cao tay hơn người của ta. Y thuộc loại thượng thặng. Tình hình rối beng và không ai biết tại sao. Ở phía ta, có điệp viên bị nghi ngờ, có điệp viên bị bắt, nhưng bí ẩn vẫn còn đó. Cần phải khẩn cấp phanh phui. Vì đất nước, tôi ra nhận công tác. Tôi tốn hai năm cố gắng nhưng đó là hai năm đầy thích thú. Tôi khởi sự bằng việc đi hành hương qua Chicago, gia nhập một hội kín Ireland. Nhờ đó tay chân của Von Bork để ý và đề bạt lên. Từ đó tôi được tin cậy. Và nhờ đó, phần lớn các kế hoạch của y bị phá vỡ và các điệp viên kỳ tài của y lần lượt sa lưới. Tôi canh chừng, Watson ạ, tôi chờ lúc trái chín... Này, ông ơi, tôi hy vọng rằng ông không thấy mệt lắm!

Von Bork, sau cái ngáp, chớp mắt, có nghe câu chót của Holmes. Y tuân một dây chửi thề bằng tiếng Đức. Trong lúc người tù chửi thề, Holmes tiếp tục khai các tài liệu...

- Tuy không có nhiều nhạc tính, nhưng tiếng Đức là ngôn ngữ có khả năng thể hiện cao độ nhất. À, à! - Holmes tiếp tục nói trong lúc nhìn một bức vẽ - Đây là đầu mối để bắt thêm một con mồi khác! Tôi không ngờ rằng Ủy viên hải quân là thằng chó chết đó. Tuy nhiên y cũng có bí5 tôi rình rập từ lâu.

Người tù ngồi dậy một cách khó khăn, rồi nhìn kẻ chiến thắng với một thái độ thù hận và kinh ngạc.

- Anh sẽ biết tay tôi, Altamont. Sự nghiệp cả đời tôi! Anh sẽ biết tay tôi!

- Cũng cái bài hát cũ rích, biết bao lần tôi đã nghe nó. Giáo sư Moriarty, đại tá Sebastian Moran... Thế mà tôi vẫn sống nhăn, vẫn lo cho con ong mật.

Người tù vùng vẩy mư thoát khỏi dây trói, nhìn Holmes với cặp mắt sát nhân và la lớn:

- Đồ trời tru đất diệt! Đồ phản bội!

- Không đúng đâu, tôi không tệ đến thế đâu! - Holmes cười và nói - Nếu ông có thể đoán ra tôi. Altamont nguyên quán Chicago không bao giờ có mặt trên đời này. Đó và tên giả của tôi.

- Vậy ông là ai?

- Tôi là ai, điều này đâu có gì quan trọng. Tuy nhiên vì ông muốn biết thì tôi phải cho ông biết. Đây không phải là lần đầu tôi gặp các thành viên của gia đình ông. Trước đây tôi có một số giao dịch làm ăn tại Đức và tên tôi có lẽ khá quen thuộc với ông.

- Tôi rất muốn biết cái tên đó.

- Chính tôi đã tiếp tay hoàn thành sự ly thân giữa Irène Adler và quốc vương Bohême quá cố, khi hoàng đế Đức gửi người anh họ Heinrich của ông đến gặp tôi. Cũng chính tôi tránh cho anh cả của mẹ ông, bá tước Von und Zu Grafenstein khỏi bị mưu sát. Chính tôi là...

Von Bork ngồi ngay dậy.

- Người đó quả là độc nhất vô nhị trên đời này...

- Xin cảm ơn! - Holmes nghiêng người nói.

Von Bork than thở, rồi nằm xuống ghế dài, nói tiếp.

- Vậy mà phần lớn tin tức lại đến với tôi qua ông! Chúng có giá trị gì đâu? Tôi đã đóng góp được gì? Cuộc đời tôi bị tiêu tan một cách vĩnh viễn.

Vì tuyệt vọng, Von Bork tự bóp cổ họng mình.

- Ông Von Bork, suy cho cùng, ông đã làm hết mình cho đất nước ông; tôi đã hết mình cho đất nước tôi Còn gì hợp tự nhiên hơn! Ngoài ra...

Holmes để nhẹ tay mình lên vai con người ngã quỵ

- Ngoài ra dù sao cũng còn đỡ hơn là bị quật ngã bởi một đối thủ không tương xứng. Tài liệu hiện ở trong va-li, Watson à! Nếu có thể, anh giúp đưa người tù đi. Chúng ta về London ngay bây giờ.

Mỗi người nắm một cánh tay, chúng tôi đưa Von Bork xuôi con đường trong vườn, con đường mà cách đó vài giờ hắn đã đi một cách rất tự hào.

- Tôi hy vọng rằng ông đã được an vị đúng mức tiện nghi mà hoàn cảnh cho phép - Holmes nói, khi tất cả đã sẵn sàng chờ khởi hành - Tôi xin phép mời một điều gì đặt vào miệng ông?

Tất cả nhưng cái xoa dịu này đều đựng phải cơn thịnh nộ của gã người Đức.

- Ông Sherlock Holmes, nếu chính phủ ông bao che các hành vi của ông thì đó là một hành động chiến tranh!

- Ông muốn nói sao về các hành vi của tôi và chính phủ Anh?

- Ông là một thám tử tư. Ông không có giấy phép bắt tôi. Cách làm việc của ông đều hoàn toàn bất hợp pháp và có tính lăng nhục.

- Hoàn toàn bất hợp pháp ư? Bắt cóc một công dân Đức? Và tước đoạt giấy tờ cá nhân của ông ta?

- Đúng thế, tôi thấy rằng hai ông đã nhận ra sự việc. Đi ngang qua làng tôi sẽ kêu...

- Ông bạn thân mến! Nếu ông làm một điều ngu xuẩn như thế, có thể ông sẽ tăng số lượng bằng hiệu quán ăn trong làng. "Quán thành Phở bị treo cổ". Người Anh chúng tôi thì kiên nhẫn lắm. Nhưng hiện nay có hơi nổi nóng đó, tất hơn là đừng trêu chọc nó! Ông Von Bork, ông sẽ đi theo chúng tôi một cách êm thấm và nhẹ nhàng cho tới Scotland Yard. Ở đó ông có thể cùng với ông bạn nam tước Von Herling, rồi hai ngài xem xét lại coi hai ngài có tên trong đoàn tùy tùng riêng của đại sứ Đức không? Về phần anh Watson, London không quá xa đối với cái xe già cỗi của anh. Tôi có một chi phiếu 500 bảng Anh trong túi, tôi muốn lãnh càng sớm càng tốt, vì người viết phiếu hoàn toàn có quyền chống đối, nếu y được tự do đến ngân hàng!

Hết .

Phần F: The Case Book of Sherlock Holmes 1927 (Tàng thư sherlock Holmes)

F.1 - The Adventure of the Illustrious Client 1924 (Người khách hàng nổi tiếng)

Holmes và tôi đều thích tắm hơi. Trên lầu của cao ốc tại đại lộ Northumberland có một cái góc tách biệt chứa trảng kỷ song đôi, chúng tôi choán 2 ghế này vào - ngày 3-9-1902.

Tôi hỏi Holmes ở đây có gì vui không. Để trả lời, anh thò cánh tay dài ra khỏi các tấm “ra” để lấy một cái bì thư trong áo choàng treo gần đó.

- Cái này là của một người gây rối. Tuy nhiên, cũng có thể đây là một vấn đề sống chết. Tôi chả biết ngoài nội dung của nó.

Nội dung bức thư như sau:

“Ngài đa-mê-ry ngợi khen và sẽ tới nhà ông Sherlock Holmes vào lúc 4 giờ chiều mai. Ngài muôn tham khảo ý kiến ông Holmes về một vấn đề rất tế nhị và quan trọng. Do đó ngài hy vọng ông Holmes cố gắng thu xếp để được rảnh rỗi và xác nhận sự đồng ý qua điện thoại tại câu lạc bộ Carlton”.

- Đương nhiên là tôi đã đồng ý tiếp đón ông ta. Anh có biết gì về cái ông đa-mê-ry này không?

- Tên ông ta là chìa khóa vạn năng để bước vào xã hội thượng lưu.

- Tôi thì biết nhiều hơn một chút. Ông ta nổi tiếng về cái tài thu xếp những việc tế nhị mà báo chí không đề cập. Là một người hào hoa phong nhã và có thiên khiếu về ngoại giao, ông ta cũng thực sự cần chúng ta.

- Chúng ta?

- Đúng thế, nếu anh đồng ý.

- Tôi rất hân hạnh.

- Vậy đúng 4 giờ nhé.

Lúc đó tôi ngụ tại một căn hộ ở đường Hoàng hậu Anne, nhưng tôi tới đường Baker sớm hơn giờ hẹn.

Ngài đa-mê-ry tỏ ra rất đúng giờ. Đó là một người to béo, lương thiện, hơi đua đòi một chút, khuôn mặt cá nhẵn, có giọng nói dễ nghe. Đôi mắt sáng tỏa rộng sự trung thực, đức tính hòa nhã lộ rõ trên đôi môi tươi cười. Cái mũ màu lợt, áo vét đen ngòm. Tất cả các chi tiết của y phục, từ hột trân châu trên cà-vạt cho đến đôi ghệt màu xanh tím bên trên đôi giày bóng loáng đã minh họa tính tỉ mỉ trong cách ăn mặc. Căn phòng nhỏ hẹp có vẻ bị đè bẹp khi nhà đại quý tộc bước vào.

- Đương nhiên tôi cũng muốn gặp cả bác sĩ Watson - ông vừa nói vừa cúi đầu lễ độ - Sự hợp tác của ông ấy cực kỳ hữu ích, bởi vì lần này, thưa ông Holmes, chúng tôi phải đương đầu với một kẻ nguy hiểm nhất âu châu

- Tôi đã gặp nhiều đối thủ từng được gán cái danh hiệu “cao thủ”.

Holmes trả lời và cười.

- Mời ngài dùng thuốc.

- Vậy ngài cho phép tôi nhé.

- Đối thủ của ngài có nguy hiểm hơn cả cố giáo sư Mô-ri hoặc hơn cả đại tá Mô-ran không?

- Ông đã nghe nói đến hầu tước Ru-nê?

- Tên sát nhân người Áo?

Ngài đa-mê-ry tháo bao tay và cười to:

- Ông là bậc kỳ tài.

Như vậy là ông đã biết thành tích của y?

Nghề nghiệp bắt tôi phải theo dõi kỹ các vụ án tại lục địa. Tôi tin chắc rằng hắn đã giết vợ trong cái gọi là “Tai nạn tại đèo Splugen”. Tôi cũng biết hắn hiện ở Anh và chẳng chóng thì chầy hắn cũng tạo ra việc làm chống tôi.

Nhưng hầu tước Ru-nê đã giở trò gì mới. Tôi đoán là không phải cái thảm kịch xưa

diễn lại.

- Không đâu, chuyện không nghiêm trọng hơn. Trừng trị kẻ gây tội ác là quan trọng, nhưng ngăn ngừa một tội ác lại càng quan trọng hơn. Thật là khủng khiếp, thưa ông Holmes! Khi chứng kiến sự chuẩn bị một biến cố ghê tởm, một tình huống bất thỉu, thấy trước kết quả tai hại mà ta không làm gì được để ngăn ngừa. Có ai lọt vào một cảnh ngộ đau đớn như thế chưa?

- Chuyện hiểm có!

- Vậy là ông cảm thông với người khách hàng mà tôi làm đại diện.

- Tôi không ngờ ông chỉ là người trung gian. Vậy ai là chủ chính?

- Tôi khẩn khoản xin ông đừng hỏi thêm. Tên ông ấy cần được giữ bí mật. Tất nhiên ông sẽ được thù lao trọng hậu.

- Tôi rất tiếc - Holmes nói - Thưa ngài, tôi sợ rằng tôi phải từ chối đề nghị của ngài.

Người khách vô cùng bối rối. Gương mặt tối sầm vì thất vọng.

- Ông Holmes. Ông đặt tôi vào một hoàn cảnh khó xử. Nhưng tôi đoán chắc rằng ông sẽ hãnh diện mà đảm nhiệm công việc, nếu tôi cung cấp đầy đủ chi tiết của nội vụ. Nhưng vì tôi đã hứa là tôi sẽ không để lộ tên nhân vật. Và vì vậy, tôi chỉ xin trình bày tất cả những gì tôi được phép tiết lộ.

- Nếu ông muốn? Nhưng ông nên nhớ, tôi không hứa hẹn gì cả.

- Đồng ý, chắc ông đã nghe nói về tướng Mê- vin. Ông ấy có một cô gái tên là Vi-ô-lét, trẻ đẹp vẹn toàn. Chính cô gái ngây thơ này cần được đưa ra khỏi nanh vuốt của loài quỷ dữ.

- Vậy là hầu tước Ru-nê hốt hồn con bé rồi?

- Hẳn đẹp trai, có giọng nói đường mật, dáng vẻ tiểu thuyết và kỳ dị của hắn làm mê hoặc cô bé. Người ta đồn hắn đã chinh phục không biết bao nhiêu cô gái.

- Nhưng làm thế nào hắn lại quen được với cô gái ấy.

- Họ gặp nhau trong một chuyến đi chơi bằng tàu trên biển Địa Trung Hải. Ru -nê bám sát và cuối cùng chinh phục được con chim non. Cô ta mê mẩn hắn. Ngoài hắn ra, cô ta chẳng thiết đến cái gì khác. Mọi phương cách đã được thử để chữa bệnh, nhưng vô ích. Tóm lại, cô ta dự trù lấy hắn vào tháng tới. Cô ta đã trưởng thành và cô ta có ý chí sắt đá. Vậy ta làm sao ngăn cản chuyện này?

- Cô ta có biết những chuyện hắn làm hồi còn ở nước áo không?

- Hắn có kể cho cô nghe những điều tai tiếng trong quá khứ của hắn, nhưng luôn luôn trong chiều hướng của một hánh tử đạo. Cô ta chỉ nghe có một chiều.

- Tiếc thay, vì vô ý, ông đã tiết lộ danh tính của vị khách hàng của ông. Đó là tướng Mê-vin.

Người khách nhòe mạnh trên ghế.

- Tôi không phủ nhận, nhưng chuyện buồn này đã làm ông tướng mất hẳn tinh thần. Gân cốt cứng cáp tại trận địa đã rêu rã, ông đã trở thành một người bất lực trước thẳm người áo này. Tôi là bạn tri kỷ của ông ấy.

Tôi xem con bé đó như là con tôi ngay từ hồi nó còn mặc váy ngắn. Tôi thấy không có lý do để cho Scotland Yard can thiệp vào. Chính do ông tướng gợi ý mà tôi tới tìm ông với điều kiện là ông ta không xuất đầu lộ diện trong nội vụ.

Gương mặt Holmes sáng rực với một nụ cười tinh nghịch:

- Tôi cam kết với ông điều đó.

Tôi sẵn sàng ra tay.

- Nhưng làm sao tiếp xúc với ông, khi cần?

- Luôn luôn có thể tìm ra tôi qua trung gian của câu lạc bộ Carlton. Trong trường hợp khẩn cấp, đây là số điện thoại riêng của tôi: XX-31.

Holmes ghi chép, vẫn ngồi yên và cười ranh mãnh.

Cuốn sổ tay vẫn còn để mở trên đầu gối.

- Địa chỉ hiện tại của Ru-nê, xin ông vui lòng. Biệt thự Vernon, gần Kingston. Nhà lớn lắm. Hắn ta phát trong mấy cú đầu cơ tài chính gần đây. Do đó bội phần nguy hiểm.

- Hiện hắn ở tại Luân Đôn?

- Ngoài những điều vừa mới nói, ông có thể cho thêm những thông tin dồi dào hơn về anh chàng này không?

- Hắn mê ngựa, mê gái. Hắn sưu tập sách và tranh. Hắn lại có ý thức thẩm mỹ cao nên hắn rất có uy tín về việc đánh giá các đồ sứ Trung Hoa và có viết một cuốn sách về nghệ thuật này.

- Một bộ óc phức tạp- Holmes nói - Tất cả các tội phạm lừng lẫy đều có bộ óc phức

tạp. Ngài có thể thông báo với khách hàng của ngài rằng tôi đích thân chăm lo vụ này. Tôi tin rằng chúng ta sẽ tìm ra cách giải quyết.

Sau khi khách ra về, Holmes chìm đắm trong suy tư làm như không biết có sự hiện diện của tôi. Cuối cùng anh trở về với thực tại.

- Anh Watson, có gì mới?

- Tôi đoán anh sẽ đi gặp con bé đó ngay.

- Ông tướng còn không làm cô bé động lòng thì tôi, một người xa lạ, sẽ làm được gì. Tuy nhiên, nếu mọi phương cách đều thất bại thì tôi sẽ tính sau. Còn bây giờ, ta phải bắt đầu dưới một góc cạnh khác. Có thể Si-oen sẽ giúp được tôi. Cho tới nay, tôi chưa có dịp nêu tên Si-oen bởi vì tôi chưa nói đến các vụ án bị phanh phui trong giai đoạn cuối của cuộc đời Holmes. Vào các năm đầu của thế kỷ này, Si-oen trở thành một phụ tá có tài năng.

Trước đó, Si-oen bị đẩy dưới dạng một thằng ác ôn nguy hiểm, bị nhốt nhà đá hai năm tại Parkhurst. Sau đó anh ta ăn năn, hối cải và liên minh với Holmes. Anh ta trở thành người được gài trong bọn côn đồ khét tiếng của Luân Đôn. Si-oen cung cấp cho Holmes những tin tức đôi khi có tính quyết định. Nếu anh ta làm mật báo cho cảnh sát, thì sẽ bị lột mặt nạ ngay. Nhưng vì anh ta hợp tác trong những vụ việc mà kết quả sau cùng không phải là việc truy tố ra tòa nên các bạn cũ của anh ta không hề hay biết. Nhờ hào quang hai năm khổ sai, Si-oen lọt vào tất cả các hộp đêm, các sòng bài với cái bộ óc phong phú cũng như năng khiếu quan sát, Si-oen trở thành một mật báo viên lý tưởng.

Khó mà theo dõi tất cả các xoay xở của Holmes, bởi vì về phần tôi, tôi cũng có những nhiệm vụ nghề nghiệp phải chu toàn. Anh ấy sẽ gặp tôi tại Simpson. Tại đây, ngồi trước một bàn nhỏ gần cửa sổ, anh báo cho tôi vài tin tức đồng thời quan sát làn sóng người đi đường trong khu náo nhiệt Strand.

Si-oen đã đi săn mồi - Holmes nói với tôi - Có thể y sẽ mang về vài cái rác rưởi mọc từ những xó xỉnh tối tăm nhất của xã hội đen. Chính trong cái mớ rác rưởi đó, chúng ta sẽ sục sạo và khám phá ra các bí mật của đối tượng.

- Cô bé đã không nhìn nhận những sự việc đã có, thì cái phát hiện mới mẻ của anh sẽ có tác dụng gì?

- Biết đâu, Watson. Tâm trí của người đàn bà là những bài toán khó hiểu. Một tội giết người có thể được bỏ qua, nhưng một vi phạm vật vãnh có thể làm đau nhói con tim. Hầu tước Ru-nê có nói với tôi...

- Hẳn có nói chuyện với anh?

- À, tôi chưa thông báo các dự định của tôi cho anh. Thì đây, tôi thích cận chiến. Tôi thích mặt đối mặt với đối thủ để tận mắt nhìn rõ, xem “cái cốt” của hắn là con gì.

Sau khi giao việc cho Si-oen, tôi đã kêu một chiếc xe ngựa, đến Kingston và phải nói rằng hầu tước rất khả ái.

- Hắn nhận ra anh?

- Trước đó, tôi đã đưa ra danh thiếp. Đó là một đôi thủ tuyệt hảo, lạnh như băng, nói năng ngọt lịm, nhưng nọc độc thì như nọc rắn hổ mang. Theo tôi, hắn thực sự thuộc giai tầng quý tộc và tội ác. Hắn lịch sự mời bạn uống trà nhưng sẵn sàng bỏ thuốc độc hại bạn. Vâng, tôi khoái nghiên cứu hầu tước Ru-nê.

- Anh nói hắn rất dễ thương!

- Dễ thương như mèo, dễ thương mà giết người như ngóe. Cái cách hắn đón tiếp tôi làm tỏ lộ bản chất của hắn.

- Tôi cũng đoán rằng thế nào tôi cũng gặp ông, ông Holmes à- Hắn nói với tôi - Có thể tước Mê-vin đã thuê ông để ngăn cản đám cưới giữa tôi với con gái ông ta

Tôi đáp: - Vâng!

- Thưa ông - Hắn nói tiếp với tôi.

- Ông chỉ làm tổn hại cái danh tiếng khá xúng đáng của ông. Ông không thể nào thành công trong vụ này. Ông lao mình vào một việc vô bổ, lại nguy hiểm. Ông cho phép tôi mạnh mẽ khuyên ông nên rút lui tức khắc?

- Chưa - Tôi đáp.

- Đó lại chính là lời tôi dự định khuyên ông. Tôi kính trọng cái khối óc của ông, thưa hầu tước, và mấy phút sơ giao cũng chưa làm sút giảm sự kính trọng đó. Chúng ta hãy nói chuyện giữa người lớn với nhau. Không ai muốn lùi về quá khứ và gây phiền hà cho ông. Quá khứ là quá khứ? Ông hiện đang bơi trong một khúc sông trong lành. Nếu ông ngoan cố tiến hành đám cưới, ông sẽ đụng chạm tới một số người có quyền thế. Họ sẽ ra tay phá ông cho tới khi ông bị đuổi khỏi nước Anh này. Ông khôn thì nên để yên cho cô bé. Ông đâu có được thoải mái khi mà một vài giai đoạn trong quá khứ của ông được tiết lộ cho cô ta?

Vị hầu tước có vài sợi lông thẩm mỹ lòi dưới mũi như ăng-ten của một côn trùng. Chúng lay động vì khoái trá khi ông ta nghe tôi nói và ông ta cười nhẹ rồi trả lời.

- Xin tha thứ cho sự hả hê của tôi, ông Holmes. Tuy nhiên làm sao không cười khi thấy ông đánh bài mà không cầm bài, không một lá bài, thưa ông Holmes? ông tuyệt đối

không có một lá bài, nói chi đến nước bài?

- Ông tin như vậy à?

- Theo tôi biết là như vậy. Ông cho phép tôi giảng giải đầy đủ. Bài tôi tốt đến nỗi tôi có thể bày ra giữa bàn.

Tôi có cái may mắn là chinh phục trọn vẹn tình yêu của cô bé. Cô ta yêu tôi, mặc dù tôi đã cho cô biết tất cả các giai đoạn rủi ro trong quá khứ của tôi. Tôi cũng có dặn cô ta rằng vài kẻ mưu mô, vài kẻ nguy hiểm sẽ tới gặp và kể cho cô ta nghe các chuyện đó. Tôi đã cảnh giác cô ta và chỉ cách cho cô ta tiếp đón bọn đó. Ông có nghe đến cái hiệu quả sau thôi miên không, thưa ông Holmes! Ông sẽ thấy nó một cách cụ thể. Tôi chắc chắn cô ta không từ chối tiếp ông đâu. Cô ta nuông chiều tất cả ý muốn của cha ngoại trừ một chi tiết nhỏ.

- Anh Watson, sau đó tôi kiêu từ với tất cả sự bình tĩnh và lạnh lùng. Nhưng khi vừa nắm lấy hột xoài mở cửa, tôi bị chặn lại:

- Nhân tiện nói luôn, thưa ông Holmes, ông có quen ông Le Trun thám tử người Pháp không?

- Có!

- Ông có biết việc gì đã xảy ra cho y không?

- Hình như y bị vài thằng du đãng ở Montmartre đánh đòn và bị tật suốt đời.

- Đúng. Một trùng hợp lạ lùng, y xen vào công chuyện của tôi cách đó một tuần! Đừng xen vào chuyện của tôi, thưa ông Holmes, sẽ xui xẻo cho ông Lời khuyên chót của tôi. Ông đi đường ông, tôi đi đường tôi, chúc một đêm an lành?

- Tay hầu tước này có vẻ nguy hiểm - Cực kỳ nguy hiểm. Tôi từng biết rõ nhiều tên khoác lác, nhưng thằng này thuộc loại ít nói.

- Anh có bị bắt buộc phải bận tâm về hắn đâu. Hắn lấy cô bé đó thì có sao đâu?

- Vì chắc chắn hắn đã giết chết người vợ sau cùng, nên ta cần phải ngăn cản cuộc hôn nhân mới này. Mặt khác, phải làm theo lệnh của khách hàng.

Nhưng thôi, đừng có thảo luận điều này. Khi uống cà phê xong, anh đi theo tôi, bởi vì Si-oen sẽ đến báo cáo công việc.

Si-oen đã đến phố Baker khi chúng tôi tới nơi. Đó là một tên khổng lồ, mặt hơi đỏ và thô, đôi mắt cực kỳ linh hoạt là dấu hiệu độc nhất của bộ óc xảo quyệt. Chắc chắn anh ta đã lặn ngụp trong giai tầng cận bã.

Thật thế, cạnh Si-oen, trên ghế dài còn có một thiếu phụ trẻ trung mảnh khảnh, tóc đỏ hoe, khuôn mặt thể lương, tái mét, bị tội lỗi và ưu phiền tàn phá đến nỗi người ta dường như được những năm tháng khủng khiếp mà nàng đã trải

- Tôi xin giới thiệu cô Kít-ti - Si-oen nói và lay động bàn tay béo phì.

- Những gì cô ấy biết... Cô ấy sẽ tự động nói ra. Tôi chấp được cô ấy, thưa ông Holmes, không đầy một giờ sau khi nhận được giấy của ông.

- Tìm tôi không khó - Cô gái nói - Ai cũng có thể tìm ra tôi tại địa ngục của Luân Đôn. Chúng tôi là những bạn tâm giao. Nhưng mà, quý thần ơi, còn một thằng nữa thằng này lẽ ra phải ở một tầng địa ngục tệ hơn, nếu có công lý trên cõi trần này. Đó là cái thằng mà ông đang bận tâm, thưa ông Holmes.

Holmes cười:

- Tôi xin dự phần vào nguyện ước của cô, cô Kít-ti?

- Nếu tôi có thể giúp ông tổng nó đến cái nơi mà nó phải ở theo luật, thì tôi rất sẵn sàng.

Người khách nữ nói một cách hăng hái. Sự hận thù cao độ thoáng qua trên các đường nét căng thẳng và trong đôi mắt rực sáng.

- Ông khỏi phải bận tâm về quá khứ của tôi, thưa ông Holmes. Quá khứ của tôi chẳng có gì hay ho. Tôi chỉ là con chuột nhắt trong nanh vuốt của con mèo Ru-nê. Chờ khi tôi có thể kéo nó... - cô vung hai bàn tay một cách điên dại -... kéo nó xuống tới một cái hố, nơi mà nó đã đạp quá nhiều người xuống.

- Cô biết chuyện gì rồi?

- Si-oen đã nói với tôi. Thằng điểm hiện chạy theo một con nghe đáng thương và lần này thì hẳn muốn cưới cô ta làm vợ. Phần ông, ông chắc đã biết quá nhiều về con quỷ cái này!

- Cô bé mất trí rồi. Cô ấy yêu nó như điên như dại. Cô ấy đã được cho hay, nhưng cô ấy không chịu nghe tí gì.

- Được cho hay về vụ ám sát?

- Vâng

- Chúa ơi. Con bé cừ thật? Ông không nhét bằng chứng vào cặp mắt ngu dốt của nó?

- Cô có chịu giúp chúng tôi soi sáng cô ta không?

- Còn gì nữa. Tôi chưa phải là bằng chứng bằng xương bằng thịt sao? Tôi sẽ kể cho cô ta nghe cái cách tôi bị Ru-nê đối xử.

- Cô sẽ nói?

- Sao lại không?

- Nên thử làm coi. Thằng khốn đó đã thú nhận phần lớn các tội lỗi của nó và cô ta đã tha thứ cho nó rồi. Tôi không tin rằng cô ta chịu trở lại vấn đề.

- Tôi sẽ chứng minh rằng nó chưa thú hết tội - Cô Kít-ti nói lớn tiếng.

- Tôi có biết sơ qua về hai hoặc ba cái án mạng chưa bị phanh phui. Hấn nói với cái giọng êm như nhung, rồi thản nhiên nhìn tôi và tiết lộ: Nó chết được một tháng rồi. Hấn không nói nhiều, và tôi cũng không chú ý lắm. Vì yêu hấn, bất cứ cái gì hấn làm, tôi cũng thích thú, y hệt như con bé ngu đần đáng thương kia. Chỉ có một chuyện làm cho tôi kinh hoàng. Quỷ thần ơi? Hấn có một cuốn sách đóng bằng da nâu, có ổ khóa đóng kín và có huy hiệu của hấn trên bìa. Hình như đêm đó hấn say, nếu không thì hấn đâu có cho tôi xem?

- Sách gì?

- Hấn sưu tập đàn bà. Hấn hãnh diện về bộ sưu tập đàn bà của hấn như người ta hãnh diện về những bộ sưu tập tiền xưa hoặc các loại tem. Hấn ghi đầy đủ trong sách đó những hình chụp lén, tên họ, và biết bao chi tiết khác. Đủ hết? Một cuốn sách mà không một người đàn ông nào, ngay cả giới cận bã cũng không nhẫn tâm làm thế! Nhưng Ru-nê đã viết: "*Các linh hồn mà tôi đã hủy diệt*". Nhưng thôi, tôi không bình luận nữa, bởi lẽ cuốn sách đó không ích gì cho ông. Còn nếu nó hữu dụng thì làm sao lấy nó được?

- Nó ở đâu?

- Làm sao mà biết, bởi vì tôi đã tuyệt giao với hấn hơn một năm rồi. Khi còn sống chung, thì tôi biết nó được giấu ở đâu. Về nhiều phương diện, hấn giống một con mèo, hấn có cái tính sạch sẽ và chính xác của mèo. Do đó, có thể quyển ấy ở trong tủ đồ gỗ. Chỗ trong văn phòng riêng của hấn.

- Tôi đã vào đó rồi - Holmes đáp.

- Ủa, rồi hả. Vậy ông đâu phải là tay mơ. Có lẽ hấn đang gấp phải một tay kỳ phùng địch thủ rồi. Văn phòng mà ông vào có cái tủ buýt phê lớn chứa đồ sứ Trung Hoa đặt giữa hai cửa sổ sau cái bàn, có cái cửa đi qua văn phòng riêng, nơi hấn cất giấy tờ và một ngàn lẻ một thứ khác.

- Ông ta không sợ ăn trộm à?

- Ru-nê đâu phải đồ thờ ơ. Đương nhiên hắn dư sức bảo vệ mạng sống và tài sản của hắn. Ban đêm thì có cả một hệ thống chuông báo động. Mặt khác trong nhà hắn có cái thứ gì đáng giá để quyến rũ bọn ăn trộm đâu? Ngoại trừ mớ đồ sứ Trung Hoa.

- Đồ vô giá trị- Si-oen mạnh mẽ nói lớn - Không một thằng cha, con mẹ chợ trời nào chịu mua một món đồ của nó.

- Đồng ý- Holmes nói - Nào cô Kít-ti, đề nghị cô quay lại chiều mai lúc 5 giờ. Để tôi suy nghĩ về đề nghị đi gặp con bé của cô. Tôi sẽ xem xét coi có thể thu xếp một cuộc hẹn được không. Tôi thành thực cảm ơn sự cộng tác của cô. Có lẽ tôi khỏi cần phải nhắc lại rằng người khách hàng của tôi rất hào phóng.

- Không - Cô gái la to - Tôi không đến đây vì tiền. Lôi được thằng khốn đó xuống bùn là tôi hả dạ! Nhét nó sâu xuống bùn và chân tôi đạp lên để giẫm nát cái mặt đáng nguyên rủa của nó! Tôi không muốn cái gì khác. Tôi sẽ gặp ông vào ngày mai và bất cứ lúc nào. Si-oen biết cách kiếm ra tôi.

Phải tới chiều hôm sau, tôi mới gặp Holmes tại quán ăn quen thuộc ở Strand. Anh nhún vai khi được hỏi xem cuộc hội ngộ có kết quả không? Holmes kể lại:

- Ông tướng điện thoại cho hay rằng mọi sự đã chuẩn bị xong. Kít -ti rất đúng hẹn, leo lên xe ngựa đi chung với tôi. Xe cho chúng tôi xuống lúc 5 giờ 30 tại tư dinh đồ sộ của ông tướng. Một người hầu mặt đồng phục đưa chúng tôi khách lớn.

Con bé đang ngồi đợi. Cô ta mặt tái xanh, nghiêm trang, sắt đá và lạnh lùng như tuyết. Tôi không biết cách mô tả cô bé, anh Watson? Có thể trước khi câu chuyện kết thúc, anh sẽ gặp cô ta, chừng đó anh sẽ sử dụng năng khiếu văn sĩ của anh.

Cô bé đẹp, cái đẹp thanh thoát. Trong các kiệt tác của những nhà danh họa Trung Cổ, tôi gặp những khuôn mặt giống khuôn mặt của cô ta. Làm thế nào một con thú dữ có thể đặt vuốt của nó trên một con người như thế! Chuyện đó khó hiểu đối với tôi. Anh biết rằng những cái khác cực thì hút lẫn nhau, người thiên về tâm linh bị cuốn hút bởi người ác thú tánh. Đương nhiên là cô ta biết lý do của cuộc thăm viếng của chúng tôi.

Sự có mặt của cô Kít-ti làm cho cô ngạc nhiên một phút. Tuy vậy, cô ta vẫn chỉ hai ghế bành với vẻ mặt của một bà trưởng tu viện tiếp nhận hai người cùi trước đây đi ăn mày.

Cô ta nói giọng như vang dội ư một tảng băng.

- Thừa ông, tôi có được nghe nhiều về phượng danh của ông. Ông tới đây, theo tôi hiểu là để vu khống vị hôn phu của tôi, hầu tước Ru-nê. Chỉ vì chiều theo ý cha tôi mà tôi tiếp ông, và tôi xin báo cho ông biết trước rằng không một lời nào của ông sẽ có ảnh

hường đến các quyết định của tôi.

- Cô ta làm tôi đau nhói. Ngay lúc đó, tôi coi cô ta như con gái của tôi. Tôi hằng say biện giải, mô tả cho cô ta các tình huống địa ngục của một người đàn bà chỉ biết rõ tìm người đàn ông sau khi đã lấy nhau, một người đàn bà phải chịu sự nhơ khổ của đôi bàn tay đẫm máu và đôi môi tanh tưởi. Tất cả các lời nói của tôi không thể đem lại một phút xúc động trên cái nhìn xa xăm của cô ta.

Tôi nhớ lại những gì thằng ác ôn nói về cái tác động sau thôi miên. Quả vậy, ta có thể tưởng tượng rằng cô bé đang sống bên trên trái đất trong một sự mê sảng.

- Tôi đã nhẫn nại nghe ông nói, thưa ông Holmes. Hiệu quả của lời ông là đúng như hiệu quả mà tôi đã cho ông biết trước. Tôi biết rằng chồng chưa cưới của tôi đã trải qua rất nhiều cơn giông tố của những phê phán rất bất công. Ông là người cuối cùng trong một loạt người vu khống. Có thể ông có mỹ ý với tôi, mặc dù tôi biết ông là người làm việc có thù lao, ông có thể bảo vệ quyền lợi của hầu tước cũng như quyền lợi các kẻ thù của hầu tước. Nhưng đó là quyền tự do của ông.

Phần tôi, tôi muốn ông hiểu dứt khoát rằng, tôi thương anh ấy, anh ấy cũng thương tôi, còn dư luận đối với tôi thì chỉ như chó sủa lỗ không. Nếu bản chất quý phái của anh ấy đôi khi có sai sót, thì có thể Chúa đã thu xếp để tôi đến nâng anh ấy lên vai vế cũ.

Quay qua phía cô Kít-ti cô ta nói thêm. “tôi không hiểu tại sao có sự hiện diện của thiếu phụ trẻ tuổi này”.

Tôi sắp trả lời thì con bé bụi đời xen vào như cơn lốc. Anh hãy tưởng tượng cảnh lửa gặp băng, mặt đối mặt. “Tôi sẽ nói với cô, tôi là ai?”

Kít-ti nhảy dựng khỏi ghế và la lớn, miệng méo xẹo vì điên tiết.

- “Tôi là tình nhân cuối cùng của thằng đó. Tôi là một trong một trăm người đàn bà bị thằng đó cám dỗ, mê hoặc, tàn phá cuộc đời rồi liệng vào đồng rác. Đồng rác, đối với cô có thể là nấm mồ, có lẽ lại hay hơn. Tôi nhắc lại, đồ ngu như chó, lấy nó, cô sẽ tiêu tùng! Hoặc nó đập nát tim cô hoặc nó vện cổ cô? kết quả sẽ là cái chết chắc chắn.

Hôm nay, không phải vì thương cô mà tôi nói. Cô sống hay cô chết mặc xác cô. Chính vì muốn phục thù rửa hận. Không nên nhìn tôi một cách miệt thị như thế, người đẹp ơi! Bởi vì người đẹp có thể sa sút một cách tệ hại hơn, không lâu lắm đâu.

- Tôi không muốn phải nói những chuyện như thế này. Tôi lặp lại một lần chót rằng tôi biết ba giai đoạn của cuộc đời của vị hôn phu của tôi. Trong đó anh ấy đã vướng phải thành phần đa mưu và tôi vững tin rằng anh ấy thành thật hối cải những sai trái cũ.

- Ba giai đoạn- Người nữ đồng hành của tôi hét to - Đồ ngu! Đồ ngu cực kỳ

- Ông Holmes, tôi yêu cầu ông chấm dứt cuộc nói chuyện này. Tôi vâng lệnh bố tôi mà tiếp ông, chứ tôi đâu bị bắt buộc phải nghe các lời nói mê sảng của người nà

Cô Kít-ti chửi thề như bấp rang, nhào ra phía trước, nếu tôi không nắm được cổ tay cô, thì cô Kít-ti đã chụp tóc con gái ông tướng. Tôi kéo cô ta ra hướng cửa và nhanh nhẹn đẩy cô ta lên xe ngựa, tránh được một sự tụ tập của những người hiếu kỳ. Về phần tôi, tuy tỉnh táo hơn, nhưng tôi cũng muốn phát điên khi vấp phải một thái độ cao ngạo của người đàn bà đang cố cứu mạng. Vậy là tôi đã báo cáo tình hình đầy đủ rồi đó. Đương nhiên, tôi phải mở ra một hướng đi khác. Tôi vẫn phải giữ nên lạc với anh, anh Watson! Có phần chắc là tôi dành cho anh một vai trong vở kịch tới. Tôi đoán biết màn tới do họ chủ động đó.

Holmes đã đoán đúng đòn thù của họ giáng trả.

Đúng ra là của thằng điểm đó. Tôi điếng người khi đọc tin nhỏ trên một tờ nhật báo. Sự việc xảy ra giữa đại khách sạn Grand Hotel và nhà ga Charing Cross. Một anh què giò bày một tờ báo buổi chiều in hàng tít rất lớn bằng chữ đen trên nền vàng:

“Sherlock Holmes bị mưu sát”.

Tôi đứng như phỗng đá một lúc lâu. Sau đó hình như tôi giật tờ báo từ tay người bán, và không trả tiền báo rồi tức tối chui vào trước cửa một tiệm thuốc tây để đọc:

“Chúng tôi đau đớn hay tin ông Sherlock Holmes là nạn nhân của một cuộc mưu sát. Hiện tại mọi dự đoán về tình trạng sức khỏe của ông là quá sớm. Biến cố xảy ra khoảng 12 giờ tại đường Regent, gần quán cà phê Royal.

Hai người dùng gậy đập tới tấp trên thân và đầu ông Holmes. Các bác sĩ cho rằng đây là trường hợp nghiêm trọng. Ông được chở vào nhà thương Charing Cross nhưng ông nặng nề đòi chở về nhà tại đường Baker.

Những kẻ tấn công ăn mặc rất đàng hoàng. Họ thoát thân bằng cách chạy vào quán cà phê Royal rồi đi ra bằng cửa sau và tan biến trên đường phố đông người. Đương nhiên họ thuộc giai tầng tội ác đã biết bao lần bị khốn khổ bởi tài năng của ông Sherlock Holmes”.

Tôi nhảy lên một xe ngựa, bảo chạy tới phố Bak

Tại cửa có xe của ngài Lê-ly đang chờ. Khi vào hành lang, tôi gặp nhà giải phẫu nổi tiếng này.

- Bệnh không có gì nguy kịch - Bác sĩ Lê-ly nói với tôi - Rách da đầu hai chỗ, trầy trụa tứ tung. Phải vá nhiều. Tôi có chính mooc-phin, cần để ông ấy nghỉ ngơi, nhưng ông có thể vào gặp vài phút.

Tôi hồi hải bước vào căn phòng tối om. Holmes gọi tôi. Bức sáo được kéo xuống ba

phần tư nhưng có một tia sáng mặt trời lọt vào, nhờ đó tôi thấy rõ có vết máu thoát ra lớp băng trắng trên đầu Holmes. Tôi ngồi gần anh, lắc đầu.

- Không gì đâu, Watson. Đừng giữ cái bộ mặt đưa ma đó - Holmes nói với giọng yếu ớt
- Không nặng như người ta nói đâu?

- Thật là may!

- Tôi đánh gậy cũng không tệ, như anh biết, tôi đỡ được nhiều cú.

Họ 2 người, tôi thua là do cái người thứ hai này.

- Đương nhiên là do tên hầu tước khốn nạn đó giật dây. Nếu anh cho phép, tôi sẽ xé xác nó ngay?

- Ta không thể làm gì trước khi cảnh sát thộp cổ mấy tên đồng phạm của nó. Chúng chuẩn bị kế hoạch chuồn hay lắm. Hãy chờ một lúc. Tôi có kế hoạch mới.

Việc thứ nhất phải làm là tung tin rằng bệnh trạng của tôi là rất nguy kịch. May mắn lắm thì sống thêm một tuần. Hãy phao tin rằng tôi đã nói sẵn nói điên.

- Còn ngài Lê-ly.

-Ồ, khỏi lo, ông ấy phịa còn dữ hơn nữa. Tôi lo chuyện đó cho.

- Còn gì nữa không.

- Còn chứ. Cảnh gác Si-oen, bảo hắn đem cất giấu con bé bụi đời vào nơi an toàn. Bọn chúng sẽ làm thịt con bé. Khẩn trương lên, ngay đêm nay nay

- Tôi đi ngay.

-Còn gì nữa không?

- Để cái tẩu và bao thuốc trên bàn giùm.

-Tốt lắm!

Mỗi sáng anh tới đây, chúng ta sẽ hoạch định kế hoạch hành động.

Ngay đêm đó tôi thu xếp với Si-oen để gởi cô Kít-ti qua vùng ngoại ô Paris chờ tới lúc sóng lặng gió yên.

Trong suốt sáu ngày, công chúng lầm tưởng Holmes đang thoi thóp, chờ chết. Các bản thông báo sức khỏe rất là bi quan, còn báo chí thì công bố những tin tức ảm đạm.

Trong khi đó Holmes bình phục nhanh chóng.

Ngày thứ bảy, người ta tháo chỉ các chỗ may. Cũng tối hôm đó họ loan một tin mà tôi phải thông báo ngay cho Holmes.

Trong đám hành khách trên con tàu rời Liverpool vào sáng thứ sáu, có tên của hầu tước Ru-nê.

Hắn có những việc tài chính quan trọng phải giải quyết tại Hoa Kỳ trước ngày kết hôn đang gần kề. Sau khi nghe tin này, nét mặt Holmes tái mét.

- Thứ sáu. Holmes la lớn - Vậy chỉ còn có ba ngày thôi. Thằng ác ôn này muốn chạy trốn. Không được đâu, Watson? Tôi muốn anh làm một cái gì để giúp tôi.

- Thì tôi tới đây là để giúp anh.

- Vậy anh dành 24 giờ tới để nghiên cứu kỹ lưỡng các đồ sứ trung Hoa.

Holmes không giải thích thêm. Tôi cũng không đặt một câu hỏi nào. Mấy năm sống với anh tập cho tôi thói quen răm rắp vâng lời. Nhưng khi đã rời phòng của anh, đi dọc đường Baker, tôi không biết làm sao chấp hành mệnh lệnh. Cuối cùng tôi đi đến thư viện ở quảng trường Saint-james, trình bày của tôi cho người bạn thân tên là La-may, phó quản thủ thư viện và quay về nhà với một cuốn sách đồ sộ kẹp ở nách. Suốt đêm, suốt sáng hôm sau, tôi học được cả ngàn chuyện và nhồi nhét vào đầu cả ngàn cái tên. Đầu óc nặng trĩu dưới gánh nặng của tài liệu này. Chiều hôm sau tôi đến nhà Holmes. Anh đang ngồi trên chiếc ghế bành, đầu quần bằng.

- Nếu tin theo các báo chí thì anh đang hấp hối?

- Đấy chính là điều tôi muốn phổ biến rộng rãi, còn anh đã học bài kỹ chưa?

- Ít ra tôi có thể hiểu một số điều.

- Hoan nghênh! Anh thấy đủ sức tranh luận một cách khôn ngoan về đề tài đó chưa?

- Dư sức.

- Vậy, vui lòng lấy giúp tôi cái hộp trên lò sưởi?

Holmes mở nắp, để lộ ra một đồ vật nhỏ được gói kỹ trong miếng lụa Đông phương.

- Phải cầm cho cẩn thận. Đây là đĩa sứ đá trứng đồi nhà Minh. Cho tới nay chưa có ai làm hay hơn. Có đủ bộ.

Hình như không có bộ thứ hai, ngoài bộ ở Hoàng cung Bắc Kinh. Nhìn đồ vật này, một người sành điệu sướng phát điên.

- Tôi phải làm gì?

Holmes đưa cho tôi một danh thiếp trên đó có in hàng chữ “Bác sĩ Hin Barton, 369 Half Moon Street”.

- Đêm nay anh mang tên này và đến nhà hầu tước Ru- nê. Tôi biết vài thói quen của hắn.

Lúc 8 giờ 30 có thể hắn rảnh. Anh hãy gọi danh thiếp báo trước. Anh nói với hắn rằng anh mang tới một mẫu của bộ sứ đời nhà Minh, hiếm có. Anh đóng vai bác sĩ thì dễ thôi, nhưng anh cần đóng vai người sưu tập nhiều hơn. Bộ đồ sứ này tình cờ lọt vào tay anh, anh có nghe đồn nó thích đồ sứ, và anh sẵn sàng bán với giá cao

- Bao nhiêu?

- Câu hỏi khôn ngoan đó. Anh sẽ bị lộ diện mau chóng nếu không biết giá cả của món hàng. Mẫu này do ông tướng của chúng ta mang lại. Anh không nói ngoa khi khẳng định là không có cái thứ hai trên thế giới này.

- Tôi có thể đề nghị bộ đồ sứ được đánh giá bởi một chuyên viên?

- Anh tuyệt hảo hôm nay. Vì thế nhì, anh không định giá mà đề nghị mời chuyên viên.

- Nhưng chắc gì nó tiếp tôi?

- Tiếp chứ. Hắn là một tay chơi đồ cổ, anh quên rồi sao? Hãy ngồi xuống, tôi đọc cho anh chép! Khởi cần xin hỏi ám, chỉ báo sẽ đến và cho biết lý do.

Ngay đêm đó, với cái đá quý giá trên tay và tấm danh thiếp mang tên bác sĩ Barton trong túi, tôi lao mình vào một cuộc phiêu lưu.

Ngồi nhà và khoảnh đất chung quanh cho thấy rằng hầu tước Ru-nê giàu sụ, đúng như ngài James đã nói. Những con đường dài uốn khúc giữa các bồn hoa lạ đưa tới một cái sân vuông rải sỏi, có dựng nhiều bức tượng. Cơ ngơi này được sắp đặt bởi một ông vua vàng của Nam Mỹ vào thời cực kỳ phát đạt.

Một quản gia ăn mặc nghiêm chỉnh mở cửa cho tôi, rồi giao cho một gia nhân mặc toàn đồ nhung sang trọng.

Cuối cùng hầu tước tiếp tôi.

Ông ta đứng gần cái tủ cao, đặt giữa hai cửa sổ, chứa một phần bộ sưu tập đồ sứ

Trung Hoa. Khi tôi vào, ông quay mặt về hướng tôi, tay cầm một lọ nhỏ màu nâu.

- Mời bác sĩ ngồi. Tôi đang ngắm nghía các báu vật của tôi và tự hỏi không biết có thể thực sự thêm vào đó một cái nữa không? Cái mẫu nhỏ đời Đường này thuộc thể kỷ thứ VII có thể làm ông thích. Tôi chắc chắn ông chưa bao giờ thấy một sự khéo tay nào và một sự pha trộn màu nào hài hòa hơn. Ông có mang theo cái đĩa đời Minh đấy

Tôi mở gói một cách cẩn thận và đưa cái đĩa ra. Hấn liền ngồi vào bàn, kéo cái đèn lại gần và quay đá qua lại, xem xét mọi khía cạnh. Trong lúc đó, ánh sáng màu vàng chiếu sáng khuôn mặt hấn cho phép tôi ngắm hấn một cách thoải mái.

Hấn thực sự đẹp trai, chiều cao trung bình nhưng dáng người thanh nhã, mềm mại. Khuôn mặt sạm nắng, vẻ Đông phương, đôi mắt to đen nhánh, mơ màng, có sức cuốn hút đàn bà một cách dễ dàng. Tóc và râu màu đen, râu kềm, ngắn, mảnh mai, chải chuốt. Giọng nói hấp dẫn, điệu bộ sang trọng. Tôi đoán hấn chỉ ngoài ba mươi, nhưng thực ra, như sau này mới biết, hấn đã bốn mươi hai rồi.

- Rất đẹp!

-Rất là đẹp. - Hấn khen luôn miệng.

- Ông có một bộ sáu cái? Có một điều là tôi chưa bao giờ nghe nói về cái bộ đĩa tuyệt trần này. Tôi biết tại Anh quốc có một bộ có thể sánh với bộ này. Nhưng chắc chắn họ không bán. Thưa bác sĩ, bác sĩ vui lòng tha thứ cho sự tò mò của tôi và cho tôi biết do đâu bác sĩ có được bộ này?

- Ông thích nó thật à?

Tôi hỏi với một vẻ bình thản.

- Tôi đã biết nó là thứ thiết. Về trị giá của nó, tôi đành phó thác cho sự định giá của một chuyên gia.

- Rất là bí hiểm - Hấn thì thầm, với đôi mắt đen lấp lánh một tia sáng ngờ vực.

- Khi muốn mua những đồ vật có giá trị lớn như thế này, ai cũng muốn phăng cho tới ngọn ngành. Cái đĩa đẹp, quý, là điều không ai chối cãi.

- Tôi không may may ngờ vực. Nhưng tôi phải cân nhắc nhiều điều... Bác sĩ không có quyền bán nó.

- Tôi bảo đảm!

- Thế thì tôi phải xét lại giá trị của lời bảo đảm

- Các ngân hàng của tôi sẽ trả lời cho ông về uy tín của tôi.

- Được thôi!

-Dù vậy việc buôn bán này có hơi dị thường!

- Ông mua hay không, tùy ông - Tôi nói với vẻ cực kỳ bất cần - Tôi tới ông trước tiên, tại vì tôi được biết ông là người sành sỏi, chứ việc buôn bán này đâu có khó gì?

- Ai nói với ông rằng tôi là người sành sỏi?

- Tôi biết ông có viết một cuốn sách về đề tài này ông đọc rồi?

- Chưa.

- Chúa ơi. Càng lúc tôi càng rồi trí hơn. Ông là người sành sỏi kiêm nhà sưu tập. Ông có một đồ vật giá trị lớn trong bộ sưu tập, thế mà ông không chịu khó đọc cuốn sách độc nhất giúp ông tìm hiểu ý nghĩa và giá trị của cái đồ vật này. ông giải thích điều đó như thế nào?

- Tôi rất bận.

-Tôi là thầy thuốc. Tôi có khách hàng phải phục vụ.

- Đó không phải là lời giải đáp! Nếu ham chơi đồ cổ, người ta luôn dành thời gian cho nó bằng mọi cách. Trong thư, ông có nói ông là người sành sỏi.

- Đúng vậy.

- Vậy tôi hỏi ông vài câu để kiểm nghiệm. Tôi buộc lòng phải nói với bác sĩ rằng cái màn buôn bán này mỗi lúc mỗi lù mù. Nào, ông biết gì về nhà Bắc ngụy và vị trí của họ trong lịch sử đồ gốm?

Tôi nhảy dựng khỏi cái ghế bành và giả đồ nổi giận:

- Điều này không còn dung thứ được nữa. ông à? - Tôi la lớn - Tôi tới đây vì dành ưu tiên cho ông, chứ không phải để bị hạch hỏi. Kiến thức của tôi đồ sộ có thể thua sút ông, nhưng tôi từ chối trả lời những câu hỏi được đặt ra một cách xác xược!

Hắn nhìn tôi đăm đăm, cái tính thơ mộng trong đôi mắt của hắn đã biến mất. Rồi đột ngột, đôi mắt này rực lửa. Tôi thấy sự ngời sáng của bộ răng trắng của hắn giữa cặp môi tàn nhẫn.

- Anh chơi trò gì. Anh tới đây để dò xét tôi, anh mưu toan gạt gẫm tôi. Hình như Holmes đã gần chết và y sai anh đến đây canh chừng tôi. Anh vào đây dễ dàng, nhưng anh sẽ

thấy ra khỏi đây rất khó.

Hắn nhảy dựng lên, tôi lùi lại, chuẩn bị đối phó. Có lẽ lúc đầu hắn có nghi ngờ, qua cuộc thẩm vấn, hắn thấy rõ hơn. Hắn thọc tay vào hộc tủ, lục lạo túi. Thành linh một tiếng động vang lên làm hắn dừng lại để nghe.

- À- Hắn la lên rồi chạy vào căn phòng phía sau lưng. Tôi chạy ra đến cửa. Cửa sổ của căn phòng thứ hai ngó ra vườn bị mở toang hoác. Bên cạnh cửa sổ này, Sherlock Holmes xuất hiện như một con quỷ, sau đó, Holmes nhảy ra ngoài. Tôi nghe tiếng chân anh giẫm lên các nhánh nguyệt quế ngoài vườn. Chủ nhà nhảy theo, miệng gào thét như con cọp dữ.

Và lúc đó chỉ trong một giây, tôi thấy rõ một cánh tay đàn bà lộ ra khỏi các cành nguyệt quế.

Thành linh Ru-nê la thất thanh.

Tiếng la rợn người. Hắn lấy hai bàn tay bịt mắt vừa gào vừa chạy vào phòng, đập đầu vào tường, ngã sụm xuống thảm, cuộn tròn, quần quai, rên la vang dội trong căn nhà mênh mông.

- Cho tôi nước lã!

-Cho tôi nước! - Hắn la liên tục.

Tôi vớ lấy bình nước trên bàn, hối hả chạy tới. Cùng lúc viên quản gia và nhiều người bồi phòng khác cũng chạy tới. Tôi còn nhớ rằng một người trong bọn ngất xỉu khi nhìn thấy gương mặt của hắn bị tàn phá một cách dữ dội. Acid đang ngấm nhấm khuôn mặt hắn, đang chảy thành giọt xuống tai và xuống cằm. Một con mắt đã trắng đục con kia thì đỏ và sưng lên. Cái diện mạo mà ban nãy tôi tấm tắc khen thắm thì giờ đây nó giống như tranh đẹp bị nhòe, tèm nhem, trông rất gớm ghiếc!

Một cách ngắn gọn, tôi trình bày những gì đã xảy ra. Vài người bồi phòng nhảy qua cửa sổ, lục lọi ngoài vườn nhưng trời tối đen và mưa bắt đầu rơi.

- Chính là Kít- ti.Ồ, con quỷ cái đó sẽ phải đền tội! Đúng, nó sẽ phải đền tội. ôi! Đau quá, không thể nào chịu nổi! - Hầu tước Ru-nê la vang.

Tôi rửa mặt hắn bằng dầu, áp bông gòn vào da cháy rồi chích cho hắn một mũi thuốc giảm đau. Hắn bấu vào tay tôi, như thể tôi có quyền năng đem lại sự sống cho đôi mắt đang nhìn tôi chòng chọc.

Có thể tôi đã khóc trước cái đại họa này, nếu tôi quên được cái lòng lang dạ thú của hắn. Chính cái dã tâm của hắn là nguồn gốc của mối đại họa hôm nay. Tôi ghê tởm khi cảm thấy đang bị hắn bấu víu để cầu cứu... Bác sĩ chuyên môn của gia đình hắn đã

đến, tôi được nhẹ nhõm. Tất nhiên một thanh tra cảnh sát không thể chậm chân. Tôi trình cái danh thiếp thật của tôi ở Scotland Yard, mọi người đều biết tôi y như biết Sherlock Holmes. Rồi tôi rời cái nhà xui xẻo này. Không đầy một giờ sau, tôi đã về tới đường Baker. Holmes đang ngồi trong ghế bành quen thuộc, lắng tai nghe một cách kinh hoàng. Tôi mô tả sự thay đổi hình dạng của Ru-nê.

- Có vay thì phải trả. Vay sao, trả vậy! - Nói xong Holmes với tay lấy cuốn sách nâu để trên bàn.

- Đây là cuốn sách mà con bé bụi đời đã nói với chúng ta.

-Nếu Vi-ô-lét khẳng khẳng không hủy bỏ sự đính hôn thì ta chịu thua thôi.

-Nhưng cô ta sẽ hủy bỏ cuộc đính hôn!

-Bắt buộc thôi, bất cứ người đàn bà nào có lòng tự trọng, cũng đều phải khuất phục lẽ phải.

- Cuốn sổ tình?

- Cuốn sổ tình dục thì đúng hơn. Ngay khi con bé Kít-ti cho biết, tôi hiểu ngay đó là một vũ khí lợi hại. Tôi lặng yên, không phát biểu gì vì sợ con bé không giữ miệng được. Tuy nhiên tôi suy tính lại mãi. Tiếp đến tôi bị tấn công, đó là cơ hội để làm cho Ru-nê làm tưởng mà không đề phòng gì về phía tôi. Mọi việc trôi qua êm đẹp. Tôi tưởng đây mình còn phải chờ lâu. Không ngờ hấn dự định đi Mỹ. Tôi phải khẩn trương vì hấn sẽ không chịu để cuốn sổ này tại đây. Rất khó mà ăn trộm ban đêm, bởi vì hấn có một hệ thống báo động. Nhưng cướp đoạt vào ban ngày thì được, với điều kiện phải làm sao cho tâm trí của hấn bị chi phối. Đó chính là lý do tại sao anh và cái đá phải nhập cuộc.

-Khổ nỗi tôi phải biết chính xác cuốn sách nằm ở đâu. Mặt khác, tôi không có nhiều thời gian, bởi vì kiến thức của anh về đồ sứ Trung Hoa không có bao nhiêu. Đó là lý do tôi cho mời con bé bụi đời vào phút chót. Có Chúa mới đoán được con bé giấu vật gì trong áo choàng của nó!

Tôi làm tưởng nó chỉ đến vì công việc của tôi, đâu có dè nó còn nghĩ tới chuyện riêng tư của nó.

- Thằng ác ôn biết chính anh sai tôi đi!

- Tôi cũng khá lo. Nhưng anh đã cầm cự đủ thời gian để tôi chộp được cuốn sách! Kia! Ngài James ngài tới, tôi mừng hết lớn.

Huân tước James thích thú nghe kể lại tất các biến cố.

- Một kỳ công! Đại kỳ công - Huân tước la to - Nếu thương tích của hấn tệ hại như bác

sĩ Watson mô tả thì cái kế hoạch phá đám cưới sẽ thành công, đâu cần tới cuốn sách bản thảo này?

Holmes lắc đầu:

- Đàn bà loại như cô Vi-ô-lét không xử sự bình thường như chúng ta dự đoán. Cô ta càng thương hấn bội phần, dưới các đường nét ghê tởm ở mặt của người tử vì đạo. Không đâu, chính cái mặt đạo đức của hấn cần được tiêu hủy chứ không phải cái mặt thể chất. Cuốn sách này sẽ làm cho cô ta bừng tỉnh. Tôi không thấy có giải pháp thứ hai. Đây chính là chữ viết của tên khốn nạn đó. Cô ta không thể phủ nhận.

James mang cuốn sách về, cùng với cái đá quý giá.

Tôi cũng cáo từ. Chiếc xe ngựa đang chờ, ông ấy nhàn, ra lệnh ngắn gọn cho người xà ích phóng xe nhanh.

Dù ông ta cố lấy vạt áo choàng che phủ huy hiệu trên cửa xe, tôi cũng có đủ thời gian để nhận dạng cái huy hiệu đó.

Tôi há hốc mồm, quay vào và đến phòng của Holmes.

- Tôi đã phát hiện khách hàng của mình là ai - Tôi la lớn, hãnh diện vì cái tin tức mới của tôi! Nè, Holmes!

- Đây là một người bạn trung thực và nghĩa khí - Holmes chân ngang bằng cách khoát tay làm dấu.

Ba ngày sau, nhật báo The Morning Post loan báo rằng cuộc hôn nhân giữa hầu tước Ru-nê và cô Vi-ô-lét bị hủy bỏ. Số báo đó cũng tường thuật vụ cô Kít-ti ra tòa vì tội tạt acid. Nàng được hưởng trường hợp giảm kinh nên bản án không nặng lắm. Sherlock Holmes thì suýt bị truy tố vì tội trộm. Nhưng khi mục tiêu là tốt, và khách hàng là một thế gia vọng tộc, luật pháp của Anh quốc cũng co giãn và có nhân tính. Holmes khỏi ngồi vào ghế bị cáo.

Hết

F.2 - The Adventure of the Blanched Soldier 1926 (Người lính bị vấy nết)

Watson bảo tôi hãy thử tường thuật một trong các cuộc phiêu lưu của hai chúng tôi. Sở dĩ như vậy là vì tôi luôn mồm chê bai cái bài tường thuật của Watson là nông cạn, thường thiên về mục đích thỏa mãn công

Nhưng khi cầm viết trên tay, tôi lại thấy phải trình bày câu chuyện sao cho độc giả bị lôi cuốn. Câu chuyện tôi đang viết đây có lẽ sẽ thành công vì nó là một trong những chuyện dị thường nhất trong bộ sưu tập của tôi, tuy không được Watson chú ý tới.

Tôi có thói quen ngồi quay lưng ra cửa sổ, khách ngồi ở ghế trước mặt, làm như vậy gương mặt họ được ánh sáng chiếu thật rõ. Ông Dodd có vẻ lúng túng, không biết bắt đầu câu chuyện bằng cách nào. Tôi cũng không gợi ý cho ông nói, vì ông càng bối rối, tôi càng có nhiều thời gian để quan sát. Sau cùng, tôi đưa ra vài kết luận.

- Ông từ Nam Phi về, ông là...
- Thưa đúng?
- ông ấy đáp lại trong sự ngạc nhiên.
- Chí nguyện quân trong Đoàn kỵ binh Hoàng gia?
- Thưa đúng.
- Có lẽ là trung đoàn Middlesex?
- Ông quả là một phù thủy, thưa ông Holmes?

Sự kinh ngạc của khách làm tôi cười.

- Khi một hào kiệt dáng dấp hùng dũng bước vào phòng khách này, với một khuôn mặt quá sạm nắng so với người chính quốc, và khi khách để mũ soa trong tay áo, chứ không phải trong túi, thì việc đoán gốc gác của khách đâu có gì khó. Ông để râu quai nón ngắn, chứng tỏ rằng ông đâu phải là một chiến sĩ hiện dịch. Ông lại mặc đồng phục của một kỵ binh. Còn về trung đoàn Middlesex thì căn cứ vào danh thiếp của ông, tôi biết rằng ông là nhân viên hồi đoái ở phố Throgmorton. Cái góc đường này thì không thể đưa tới đơn vị nào khác hơn?

- Không gì qua lọt sự nhận xét của ông!

- Thưa ông Dodd, đâu phải sáng nay ông đến đây để thảo luận về khoa học quan sát.

Có chuyện gì tại Tuxbury old Park vậy?

- Thưa ông...

- Trong thư, ông xin gặp tôi, và lời lẽ khẩn thiết đến nỗi tôi chắc chắn đã có một cái gì đột ngột và quan trọng xảy ra.

- Đúng thế. Tôi viết thư hồi xế trưa, nhưng từ lúc đó đến giờ, nhiều biến cố đã xảy ra. Phải chi đại tá âm-vô đã không đuổi tôi ra khỏi cửa...

- Đuổi ra khỏi cửa?

- Vâng. Đại tá âm-vô là hiện thân của quân kỷ, nói năng thô bạo. Nếu không vì tình bằng hữu với Gô-rây, tôi đã không nhịn đâu.

Tôi đốt thuốc và dựa lưng ra sau một cách thoải mái.

- Có lẽ ông nên giải thích rõ hơn?

- Tôi đầu quân hồi tháng giêng 1901 (cách nay đúng 2 năm) và gặp Gô-rây. Nó tình nguyện trước tôi. Hai đứa ở cùng một đội. Nó là con trai độc nhất của đại tá âm-vô

Trong toàn trung đoàn, không có đứa nào tốt hơn nó.

Chúng tôi trở thành đôi bạn thân, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi. Rồi trong một cuộc đụng độ gần đồi Diamond, nó bị một viên đạn của súng bắn voi. Tôi có nhận được hai lá thư của nó. Cái thứ nhất gửi từ bệnh viện Cap, cái thứ nhì gửi từ Southampton. Rồi sau đó bất tin luôn. Khi chiến tranh chấm dứt, tất cả đều được giải ngũ.

Tôi viết thư cho bố nó, hỏi thăm nó ở đâu. Tuyệt nhiên, không có hồi âm. Tôi phải đợi, rồi lại viết lá thư khác. Lần này thì được phúc đáp: "Nó đi chu du thế giới, có thể phải cả năm mới về". Thư ngắn và lời lẽ cộc lốc như thế đấy? Tôi không vừa lòng thưa ông. Gô-rây tốt bụng lắm. Nó không thể bỏ rơi bạn bè như thế này. Ngoài ra, tôi còn biết rằng nó thừa kế một tài sản kếch xù, và giữa bố nó và nó có trục trặc. Do đó tôi quyết định tìm hiểu sự việc. Nhưng vì cần sắp xếp nên tuần rồi tôi mới có thời giờ lấy hồ sơ Gô-rây ra và nhất quyết bỏ hết mọi công chuyện, chỉ chú tâm vào việc này mà thôi.

Ông Dodd thuộc loại người dễ kết bạn, thứ không phải dễ gây thù. Đôi mắt xanh của ông nghiêm khắc và khi nói chuyện thì hai hàm của ông khít lại.

- Rồi ông làm gì?

- Đầu tiên tôi gửi một lá thư cho mẹ nó. Phải nói thẳng là tôi ón cái ông già cộc lốc đó lắm:

“Gô-rây là bạn thí thân của cháu, cháu không thể nào quên được các kỷ niệm chung. Nếu có dịp, cháu sẽ kể lại cho bác nghe một cách chi tiết. Cháu muốn tới nhà bác, thăm hai bác và hỏi thăm tin tức của bạn cháu. Bác có thấy bất tiện không?”.

Sau đó, tôi nhận được một lá thư rất dễ thương. Bà cụ mời tôi đến nhà chơi. Tôi đến đó vào ngày thứ hai. Căn nhà của ông bà đại tá ở tại Tuxbury Old Park.

Xuống xe lửa, không có xe ngựa, tôi phải xách va-li đi bộ. Đó là một ngôi nhà bao la lọt giữa một cái vườn mênh mông. Lão quản gia Ráp, già nua và rêu rã như ngôi nhà, vợ lão trước kia là vú em của Gô-rây. Gô-rây có nói với tôi về bà này nó thương bà như mẹ ruột. Do đó tôi đặc biệt lưu ý tới bà dù rằng cái bề ngoài của bà khá dị thường. Thân mẫu của Gô-rây là một người đàn bà nhỏ thó, nhanh nhẹn khả ái. Chỉ có ông cụ là không thể nào ưa được.

Tôi được đưa vào văn phòng. Ông ngồi sau bàn: một con người dềnh dàng, lưng hơi gù, da sạm đen, râu quai nón màu tro. Lỗ mũi có mạch máu hồng nổi cộm lên như mỏ kền kền. Cặp mắt hung tợn màu tro dưới hai đám lông mày rậm rạp chòng chọc nhìn tôi. Tôi hiểu tại sao ít khi Gô-rây đề cập tới bố nó.

- Sao, người bạn- ông hỏi tôi với giọng rồn rảng - Tôi muốn biết rõ các nguyên nhân thật của cuộc thăm viếng này?

- Thưa bác, cháu đã nói rõ trong thư.

- Đúng thế. Ông nói rằng ông quen Gô-rây ở châu Phi. Chúng tôi không có cách nào khác hơn là phải tin theo lời ông.

- Tôi còn giữ thư của nó trong túi

- Ông cho tôi xem?

- Ông liếc sơ hai cái thư rồi trả lại.

- Rồi sao nữa?

- Cháu rất quý Gô-rây. Nhiều sự ràng buộc và vô số kỷ niệm đã hợp nhất chúng cháu lại. Đương nhiên cháu phải ngạc nhiên trước sự bất tin của nó và phải tìm xem hiện giờ nó ra sao.

- Tôi nhớ mang máng là đã viết thư cho ông biết rồi mà. Từ Nam Phi trở về, sức khỏe của nó suy sụp trầm trọng, vợ chồng tôi quyết định cho nó nghỉ ngơi hoàn toàn thay đổi hẳn không khí. Tôi khẩn khoản yêu cầu ông bạn giải thích cho các bạn khác của nó.

- Cháu xin ghi nhớ. Tuy nhiên cháu xin biết tên chiếc tàu và hãng hàng hải để có thể gửi cho nó một lá thư.

Thình cẩu của tôi có vẻ vừa gây bối rối vừa chọc giận người chủ nhà. Ông cụ chau mày và gõ nhẹ cộp cộp trên bàn như một người đánh cờ đang bị chiếu bí.

- Ông bạn thân mến, nhiều người sẽ bức bối trước cái cù nhầy của ông bạn và nghĩ rằng ông nói dai như đĩa đói.

- Thưa bác, tất cả chỉ vì thân tình với con trai bác.

- Đúng. Tôi ghi nhận điều đó. Nhưng tôi yêu cầu ông đừng hỏi thêm. Mỗi gia đình đều có chuyện riêng tư mà người ngoài không thể nào hiểu nổi. Bà nhà tôi rất thích nghe về cuộc đời quân ngũ của Gô-rây mà ông bạn khá rành, nhưng xin ông bạn hãy làm ơn hẩn cái hiện tại và tương lai của nó.

- Thưa ông Holmes, như vậy là tôi phải chấp nhận và tự nguyện giải quyết sự mù mờ về số phận của Gô-rây.

Tối hôm đó, bầu không khí khá tẻ nhạt. Ba người trầm lặng ăn cơm trong một gian phòng âm u, đèn đóm lủi mù.

Bà cụ háo hức muốn nghe tôi kể về con trai của bà, còn ông đại tá thì có vẻ u sầu. Cuộc thả luận này làm tôi phật ý đến nỗi có dịp tôi liền cáo lui về phòng. Đó là một phòng trống trơn và cũng thê lương như phần còn lại của ngôi nhà. Tuy nhiên sau thời gian ngủ trên đồi cỏ Nam Phi, tôi đâu còn khó tánh về vấn đề chỗ ngủ nữa. Tôi vạch màn cửa ngắm cảnh vườn đêm dưới ánh trăng lười liềm.

Kế đó tôi ngồi gần lò sưởi và cố gắng đọc một cuốn tiểu thuyết để tiêu khiển.

Lão Ráp mang thêm than đến.

- Tôi sợ ông bị thiếu than trong đêm khuya. Gió thì buốt, phòng thì rộng... Ông lão lưỡng lự như muốn nói điều gì. Khi tôi nhìn lên thì thấy ông đang đứng trước mặt tôi, vẻ đăm chiêu.

- Thưa ông, xin ông tha thứ cho cái tội nghe lén những gì ông nói về cậu Gô-rây trong bữa cơm tối. Ông biết không, vợ tôi là vú của cậu ấy, còn tôi thì phần nào như bố nuôi của cậu vậy. Đương nhiên chứng tôi có để ý đến cậu ấy. Ông có nói cậu ấy đối xử đẹp, phải không.

- Nó là người dũng cảm nhất trung đoàn. Có lần nó cứu tôi thoát chết. Không có nó, tôi đâu còn sống đến ngày nay.

Ông lão quần gia xoa đôi tay gân guốc.

- Thật đúng với tính cách của cậu ấy. Cậu ấy luôn can đảm. Ông ơi, không có cây cổ thụ nào ngoài vườn mà cậu ấy không leo. Ngay từ thuở đó, nó cũng đã là một cậu bé dũng cảm... và thưa ông, lớn lên cũng đã là một người đàn ông dũng cảm?

Tôi nhảy dựng lên, la lớn:

- Ông vừa nói “đã là”...

Vậy nó đã chết rồi sao? Gô- rây ra sao rồi?

Tôi nắm cứng vai ông lão, nhưng ông vùng ra.

- Tôi không hiểu ông muốn nói gì, thưa ông. Đề nghị ông hỏi ông chủ. Ông chủ biết đó.

Ông lão sắp rời phòng, tôi nắm cánh tay ông, níu ông lại, năn nỉ.

- Mong ông trả lời một câu thôi; bằng không, tôi giữ ông lại suốt đêm: Gô-rây chết rồi ư?

- Ông lão không thể nhìn thẳng vào mặt tôi. Ông ấy tựa như một con thỏ bị thôi miên. Câu trả lời vượt khỏi môi ông!

- Thà cậu ấy chết còn hơn!

Câu nói vừa đột ngột vừa hãi hùng?..

Ông vượt khỏi tay tôi, hối hả chạy ra khỏi phòng.

- Thưa ông Holmes, câu trả lời của ông lão hình như cũng chẳng giải thích được gì nhiều. Chắc chắn là bạn tôi đã bị kẹt trong một vụ hình sự. Nếu không thì cũng là một cái gì nhục nhã làm nguy hại đến danh dự của gia đình ông đại tá khiến ông phải tống cậu con đi xa.

Gô-rây thích phiêu lưu, nên có thể bị bạn bè lôi kéo dễ dàng. Nếu vậy, nhiệm vụ của tôi là phải tìm để giúp nó. Trong lúc tôi đang nghĩ ngợi thì bỗng Gô-rây xuất hiện trước mặt tôi...

Người khách hàng của tôi ngừng nói vì xúc động sâu xa..

- Ông hãy nói tiếp. Vấn đề này có những dữ kiện hết sức đặc biệt.

- Nó đứng ở phía ngoài cửa sổ! Phía ngoài. Nó áp sát mặt vào cửa kiếng. Hồi nãy tôi có nói là tôi ngấm trắng. Sau đó, tôi kéo màn nửa chừng. Hình dáng nó nằm gọn trong

phần cửa sổ trống. Đây là loại cửa sổ lớn nên tôi thấy rõ nó từ đầu xuống gần hết chân. Nhưng gương mặt của nó làm tôi xúc động mạnh! Chưa bao giờ tôi thấy ai trắng bạch như thế. Khi thấy tôi nhìn nó, nó tức khắc nhảy lùi ra sau và biến mất trong đêm khuya.

Thưa ông Holmes, có một cái gì đó làm tôi thắc mắc vô cùng. Tôi đứng đó, trở mắt nhìn? Nhưng đã xông pha trận mạc trong 2 năm, tôi không hoảng hốt lắm, nên khi Gô-rây vừa đi khỏi thì tôi đã đứng tại cửa sổ. Cửa kẹt, nên tôi mở hơi lâu. Cuối cùng tôi ra được ngoài vườn. Tôi chạy dọc theo hướng nó chạy. Lối đi thì dài, mà trời lại mờ. Tôi thấy một cái gì đang di động lơ mờ trước mặt tôi. Tôi tiếp tục chạy, kêu ngay tên nó, nhưng không có kết quả. Cuối lối đi tôi đứng trước một ngã rẽ năm sáu đường mòn đi về nhiều phía. Tôi đứng đó, chần chừ. Chính lúc này tôi nghe rõ ràng tiếng một cửa lớn đang đóng lại. Không phải đằng sau lưng tôi ở trong nhà chính, mà là ở trước mặt tôi, đâu đó trong bóng tối. Tôi nghe khá rõ, vậy là Gô-rây chạy trốn tôi? Chính nó đóng cửa lại sau khi đã vào nhà.

Làm gì bây giờ. Qua một đêm không ngủ, tôi hy vọng tìm ra một giả thiết có thể giải thích suôn sẻ các dữ kiện. Hôm sau, tôi thấy ông đại tá dễ chịu hơn, và sẵn dịp bà vợ ông nhắc rằng chung quanh vùng này có những nơi hay hay, tôi bèn xin phép họ được lưu lại thêm một đêm nữa. Tôi đã biết chắc chắn rằng Gô-rây đang lẩn trốn không xa- Cái tư dinh bát ngát và nhiều hang hóc đến nỗi cả một trung đoàn kỵ binh có thể tìm đủ chỗ núp an toàn.

Nó có chứa một bí mật nào thì rất khó mà phát hiện.

Nhưng mà cái cửa tôi nghe đóng không phải của căn nhà chính. Tôi lục lạo khu vườn, đi lung tung một cách tùy tiện, vì ông bà chủ nhà đều bận rộn công việc.

Có nhiều căn nhà phụ nhỏ. Nhưng ở cuối vườn, có một cái nhà cô lập, khá bề thế, rất tiện lợi khi làm nhà ở cho một người làm vườn hay một người canh bọ ăn trộm.

Phải chăng tôi đã nghe tiếng cửa của căn nhà phụ này đóng lại- Tôi giả vờ khoan thai tới gần, như thể đang đi thăm toàn khu đất. Ngay lúc đó, một người đàn ông nhỏ con, râu quai nón, nhanh nhẹn, trang phục màu đen, mũ lông nón tròn, xuất hiện trước cửa. Lạ lùng thay, vừa ra khỏi cửa, ông ta vội vàng khóa cửa lại, và bỏ chìa khóa vào túi, nhìn chòng chọc vào tôi, hỏi:

- Ông tới đây chơi vài ngày.

Tôi nói rõ danh tính rồi cho biết tôi là bạn thân của Gô-rây.

- Rất tiếc rằng nó đã đi du lịch, phải chi nó có ở nhà, nó sẽ mừng lắm.

Tôi nói băng quơ

- Chắc chắn như vậy?

Ông ấy trả lời hơi lấp lửng.

Tuy nhiên, tôi đề nghị ông trở lại đây vào một lúc khác thuận tiện hơn.

Ông ta chỉ nói bấy nhiêu rồi bỏ đi. Khi tôi quay lại thì thấy ông ấy đứng lẫn trong đám nguyệt quế, mắt canh tôi.

Khi đi ngang qua đó, tôi để ý thật kỹ ngôi nhà nhỏ với cửa sổ kéo màn dày. Thoạt nhìn, có vẻ đó là một căn nhà trống vắng. Tôi có cảm giác đang bị theo dõi nên tôi lững thững đi về phòng của mình.

Đêm đến, khi trời đã tối đen và mọi nơi đều im vắng, tôi lén nhảy qua cửa sổ, rón rén đi tới căn nhà huyền bí.

Tôi đã nói với ông rằng các cửa sổ đều kéo màn thật dày. Giờ đây các cửa lại đóng kín mít. Tuy nhiên, xuyên qua một khe hở của cửa sổ, một ánh đèn leo lét lòi cuốn sự tò mò của tôi. May mắn cho tôi màn không kéo kín hẳn.

Qua khe hở, tôi thấy rõ bên trong. Đó là một căn phòng khá vui, có một cái đèn lớn và một ngọn lửa sưởi. Trước mặt tôi là người đàn ông lùn mà tôi đã gặp hồi sáng, ông ta đang ngồi hút thuốc và đọc báo.

Một người thứ nhì ngồi quay lưng ra cửa sổ và tôi thề độc rằng đó là Gô-rây. Tôi không thấy rõ mặt, nhưng tôi nhớ độ cong của đôi vai. Nó tì cùi chỏ, thái độ cực kỳ u sầu, quay lưng ra phía lò sưởi. Trong lúc tôi chưa biết phải phản ứng ra sao thì có người vỗ vai tôi: đại tá âm-vô!

- Hãy đi theo tôi, ông bạn - ông cụ ra lệnh cho tôi với tiếng nói nhỏ nhẹ, rồi ông lặng thinh, đi về nhà chính.

Tôi đi theo ông tới phòng của tôi. Khi đi ngang qua hành lang? đại tá lấy một cái đồng hồ báo thức. “8 giờ rưỡi có tàu về Luân Đôn. Xe ngựa chờ sẵn ngoài cửa lúc 8 giờ”. Ông cụ giận run, mặt trắng bệch. Thú thật tôi cũng cảm thấy mình vừa lọt vào một tình huống khó xử nên chỉ áp ứng biện bạ

- Không đông dài làm gì - ông cụ nói cụt ngắn như thế - ông bạn đã khiếm nhã, đột nhập vào đời tư của kẻ khác. Ông bạn được tiếp như một thượng khách nhưng lại xử sự như một thằng gián điệp. Tôi không muốn gặp ông bạn lại lần thứ hai.

Lúc đó tôi mất nhần nại và có phần thất kính:

- Tôi đã nhìn thấy con trai ông và tôi chắc chắn ông giấu nó với đời. Tôi không hiểu gì về lý do khiến ông buộc nó mai danh ẩn tích nhưng tôi biết chắc chắn rằng nó mất tự do. Tôi cho ông biết trước, thưa đại tá, khi tôi chưa an tâm về sự an ninh của nó! Tôi

vẫn cố gắng tối đa để làm sáng tỏ vấn đề.

Ông già nhìn tôi với đôi mắt đầy ác cảm rồi ông quay lưng, rời khỏi phòng tôi. Về phần tôi, tôi đi chuyến xe 8 giờ 30 và đi thẳng tới đây xin ông chỉ dạy và giúp đỡ.

Đó là bài toán mà khách trình bày cho tôi. Bài toán có nhiều khó khăn nghiêm trọng. Tuy nhiên, nó có nhiều chi tiết lý thú.

- Về tôi tớ?

- Tôi hỏi - Nhà đó có bao nhiêu người?

- Theo tôi, thì chỉ có người lão quản gia và bà vợ. Đời sống tại nhà đó khá đạm bạc. Trong căn nhà phụ, không có tôi tớ sao?

- Cái lão có râu quai nón, thuộc một giai tầng xã hội cao hơn.

- Rất là lý thú. Ông có để ý xem coi có phần cơm nước được đưa từ tòa nhà này sang tòa nhà khác không?

- Tôi nhớ có thấy lão Ráp xách giỏ đi về hướng căn nhà đó. Tôi không nghĩ rằng đó là một giỏ thức ăn.

- Ông đã mở cuộc điều tra xung quanh chưa?

- Có. Tôi đã nói chuyện với người trưởng ga và người chủ quán của làng. Tôi chỉ đơn giản hỏi họ có biết gì về người bạn Gô-rây của tôi không. Cả hai đều khẳng định với tôi rằng nó đang đi chu du thế giới. Sau chiến tranh, hình như nó có về rồi lại ra đi. Câu chuyện hiển nhiên được những người chung quanh chấp nhận, không thắc mắc.

- Họ không tỏ vẻ nghi ngờ gì hay sao?

- Không.

- Câu chuyện đáng được lưu tâm. Được. Tôi sẽ cùng đi với ông tới Tuxbury Old Park.

- Ngay hôm nay?

- Lúc này tôi đang bận một việc cần thiết khác.

Đầu tuần sau, tôi mới cùng với ông Dodd đi lên Bedford. Trên đường đi, chúng tôi còn ghé rước một người nghiêm nghị, có mái tóc đen màu xám bạc mà tôi đã thu xếp trước. Tôi nói với Dodd:

- Tôi xin giới thiệu một ông bạn cũ. Sự hiện diện của ông ấy có lẽ là thừa, trừ khi tình

thể xoay chiều thì sự có mặt đó sẽ rất hữu ích.

Dodd có vẻ ngạc nhiên nhưng không nói gì. Trên xe hơi, tôi hỏi Dodd, một việc mà tôi muốn cả người bạn đồng hành của chúng tôi cùng nghe.

- Ông có nói rằng ông thấy rõ mặt ông Gô-rây ở cửa sổ.
- Nó áp mũi sát vào kiếng, ánh sáng của đèn chiếu rõ mồn một.
- Có thể là một ai khác giống ông ta.
- Không đâu. Chắc chắn là nó.
- Nhưng ông nói gương mặt của Gô-rây có thay đổi?
- Chỉ nước da thôi! Làm sao tả gương mặt nó bây giờ? Mặt nó trắng như bụng cá.
- Trắng toàn thân không?
- Không đâu. Tôi không cho là như vậy. Tuy nhiên tôi chỉ thấy cái tnó khi nó áp sát vào cửa.
- Ông có gọi ông ấy không?
- Lúc ấy tôi điếng người. Tôi có đuổi theo nó, như đã nói với ông, nhưng vô ích thôi.

Sau một cuộc hành trình dài bằng xe ngựa, chúng tôi đến nơi. Chính lão quản gia Ráp mở cửa cho chúng tôi.

Tôi đã mượn nguyên xe này và có dặn ông bạn thân cùng đi hãy ngồi lại ngoài xe. Ráp ăn mặt trong y phục qui ước nhưng khác lạ là có đeo đôi bao tay da màu nâu, ông lão lật đặt cởi ra để lên bàn ở ngay cửa. Như Watson từng nhận xét: tôi được trời cho những giác quan bất bình thường. Một cái mùi yếu nhưng dai dẳng cũng làm xốn xang mũi tôi. Hình như nó phát ra từ cái bàn. Vừa bước vào, tôi lại quay ra sau để nón lên bàn và làm rớt nó. Khi cúi xuống lượm, tôi ghé mũi gần đôi bao tay. Rõ ràng là mùi dầu hắc. Giờ đây hồ sơ tôi đã đầy đủ. Than ôi. Khi đích thân tôi kể chuyện, thì tôi lại phớt bầy các cái mảnh của tôi, ngược lại Watson thì giấu nhem các khâu này.

Đại tá âm-vô không có ở trong phòng. Tuy nhiên khi Ráp đem tin tới thì đại tá nhanh chóng ra ngay.

Chúng tôi nghe được bước chân nhanh và nặng của ông đi ngoài hành lang. Ông mở mạnh cửa, ào ào đi vào văn phòng, râu quai nón xồm xoàm, khuôn mặt hơi cáu. Chưa bao giờ tôi gặp mặt ông lão khủng khiếp như thế! Ông cầm trên tay tấm danh thiếp của chúng tôi, xé thành một nghìn mảnh.

- Này cái ông tào lao, tôi đã nói với ông rằng tôi không muốn thấy cái bản mặt đáng nguyên rủa của ông lần thứ hai. Nếu ông bất tuân, tôi có quyền sử dụng bạo lực. Tôi giết ông chết. Thật đó, tôi sẽ giết ông. Còn ông...

Đại tá quay lại phía tôi.

Lời đó dành luôn cho cả ông nữa. Tôi có biết cái nghề hạ lưu của mấy ông. Hãy phát triển tài năng của ông đi chỗ nào khác, không phải chỗ này?

- Tôi sẽ không bao giờ rời khỏi nơi đây - Người khách hàng của tôi dần từng tiếng - Trước khi nghe chính miệng Gô-rây nói rằng nó không bị áp bức

Người chủ nhà cực kỳ giận dữ, bấm chuông vang trời.

- Ráp. Hãy điện thoại cho cảnh sát quận, yêu cầu viên thanh tra đưa tới đây hai cảnh sát viên. Bảo với họ rằng hiện có 2 kẻ cắp đang đục tường tại nhà mình.

- Cho tôi vài giây - Tôi nói xen vào - ông Dodd, ông phải biết rằng đại tá âm-vô có quyền làm như thế. Chúng ta không có một tư cách pháp lý nào tại đây. Ngược lại, tôi cũng khẩn thiết xin đại tá nhìn nhận rằng mọi việc làm của ông Dodd đều vì cậu con trai của đại tá. Tôi tin rằng nếu tôi được nói chuyện 5 phút với đại tá, tôi sẽ làm ông thay đổi quan điểm.

- Tôi không bao giờ để cho người khác ảnh hưởng đến mình - Người chiến sĩ già đáp - Ráp, hãy thi hành lệnh tôi. Còn đợi gì nữa? Gọi cảnh sát cho mau!

- Đại tá sẽ không bao giờ làm điều đó- Tôi nói vừa tựa lưng vào cánh cửa lớn - Sự can thiệp của cảnh sát sẽ gây ra cái tai họa mà đại tá muốn tránh.

Tôi lấy sổ tay ra rồi viết một từ, vồn vện một từ, rồi trao cho đại tá.

- Chính đó là nguyên nhân khiến chúng tôi tới đây hôm nay - Tôi nói thêm.

Đại tá đắm chiêu nhìn tờ giấy, và mọi bức bội đều biến khỏi gương mặt ông, trừ sự kinh ngạc.

- Làm sao ông biết được?

Đại tá áp a áp úng rồi ngồi phịch xuống ghế dựa.

Đại tá ngồi trầm tư, lấy bàn tay gân guốc mân mê vài sợi râu, rồi chậm rãi nói:

- Vâng, quý ông muốn gặp Gô-rây thì quý ông sẽ được gặp. Nhưng nên nhớ là tôi không hề cho phép, chính quý ông đã cưỡng chế tôi.

- Ráp. Hãy báo trước cho Gô-rây và ông Kent biết rằng trong 5 phút nữa, chúng tôi sẽ đến đó.

Sau khi, năm phút đã trôi qua, chúng tôi băng qua vườn, đi đến căn nhà bí mật. Ông lão lùn có râu quai nón đứng trước cửa, có vẻ sửng sốt:

- Chuyện gì mà đột ngột vậy. Thừa đại tá, tất cả các kế hoạch của ta bị hỏng hết?

- Đành chịu vậy, ông Kent. Chúng ta bị bắt buộc. Gô-rây có thể tiếp khách không.

- Có.

Ông lão quay lại, đưa chúng tôi vào một phòng trang hoàng rất nhiều thứ đồ gỗ. Một người đàn ông đứng quay lưng ra lò sưởi. Khi nhìn thấy người đó, Dodd dang tay chào tới.

-Ồ, bạn Gô-rây, thật là...

Nhưng người kia làm dấu xua đuổi.

- Đừng sờ tôi. Hãy giữ khoảng cách! Đúng, mày có thể mở mắt nhìn tao cho thỏa thích. Nhưng tao không còn là thằng bình nhất âm-vô sáng giá thuộc đội B nữa, phải không.

Quả vậy, bề ngoài của nó rất dị thường. Người ta có thể đoán ra rằng trước kia anh ta rất đẹp trai, với khuôn mặt bị sạm nắng bởi mặt trời Nam Phi. Còn bây giờ trên khuôn mặt màu nâu, những vết trắng đã làm cho da anh bị phai màu từng mảng.

- Đó là lý do tại sao tao không ra tiếp khách.

- Tao không phiền gì mày đâu, nhưng tao thích gặp mày một mình.

- Thật quá bất ngờ đối với tao.

- Tao muốn biết chắc rằng mày được vui vẻ, Gô-rây.

- Tao nhận ra mày ngay lúc mày tới ngó qua cửa sổ. Sau đó thì lòng tao không còn bình thản nữa.

- Lão Ráp cho tao hay tin và tao không thể không tới nhìn mày. Tao hy vọng mày không thấy tao. Tao chạy hệt hơi nghe cửa sổ mở.

- Vì lý do nào?

-Ồ, câu chuyện ngắn gọn thôi – Gô-rây vừa nói vừa đốt thuốc - Mày còn nhớ trận đánh vào một buổi sáng nọ ở trên tuyến đường sắt phía Đông?

Mày biết tao bị thương chứ?

- Đúng, tao có hay tin, nhưng không biết chi tiết khác.

- Ba đưa bọn tao bị lạc bầy. Địa thế trắc trở. Bọn tao đi thám sát, bị lọt ổ phục kích. Hai thằng kia tử thương.

Tao bị bắn vào vai bằng viên đạn bắn voi. Tuy vậy tao bám cứng vào ngựa, nó phi khoảng mười cây số trước khi tao té xui lẫn cù dưới chân ngựa.

Khi tao tỉnh lại thì đã tối rồi. Tao đứng lên, nhưng thấy quá mệt. May thay có một cái nhà gần đó: căn nhà khá lớn có hàng hiên và rất nhiều cửa sổ. Trời lạnh ghê gớm, cái lạnh kinh khủng, khác hẳn với cái lạnh khô ráo và lành mạnh ở Anh. Tao bước đi khập khiễng, lê lét, mơ mơ màng màng. Tao nhớ mang máng là đã leo lên một bậc thềm, bước vào một căn phòng rộng mênh mông có nhiều giường, tao đã bò lên đó. Cái giường rêu rã nhưng tao bắt cần. Tao kéo “ra” đắp cái thân đang run cầm cập.

Một lát sau, tao ngủ thiếp đi.

Khi tỉnh dậy thì trời đã sáng. Tao có cảm giác rằng thay vì lọt vào được một khu nhà an toàn thì tao lại sa vào cảnh ác mộng. Ánh nắng châu Phi ào ào tuôn xuống, xuyên qua các cửa sổ không màn che. Trước mắt tao có một người đàn ông rất lùn, nhỏ xíu, cái đầu thật to, đang bập bả bập bẹ tiếng Hòa Lan, hai tay múa may lung tung.

Sau lưng hắn là một đám đông. Khi nhìn kỹ, tao thấy họ không có dáng vẻ của một người bình thường: tất cả đều cong queo, méo mó, sưng phù.

Không ai nói tiếng Anh. Cái thằng lùn đầu to đang giận dữ. Nó gào thét như con thú, nó thộp tao bằng hai tay mất hình dạng, toan vứt tao xuống đất, dù máu từ vết thương của tao chảy lai láng, nó cũng mặc kệ. Con quái vật tí teo này mạnh như bò mộng. Tao chưa biết phải đối xử ra sao thì một người có tuổi thốt ra vài câu đồng dạng bằng tiếng Hòa Lan, và tên lùn bỏ đi. Ông già mới quay sang tao, kinh ngạc nhìn tao, hỏi:

- Anh đến đây bằng cách nào? Tôi thấy anh kiệt sức và cái vai bị thương này cần được chăm sóc. Tôi là y sĩ, tôi sẽ băng lại cho anh. Nhưng anh hiện ở nhà thương của người cùi và anh mới vừa ngủ trên giường họ. Có lẽ mày đâu cần tao phải kể lể dông dài hơn nữa.

Ông y sĩ này cố nói với tao rằng mặc dù cơ thể ông đã được miễn nhiễm, ông cũng không bao giờ dám làm như tao. Sau đó, ông cho dời tao qua một căn phòng đặc biệt và đối xử với tao rất tử tế. Tám ngày sau, tao được di tản qua tổng y viện. Khi về đến nhà thì những triệu chứng bất thường xuất hiện; những gì mày thấy trên mặt tao....

- Làm sao bây giờ. Tao ngụ tại căn nhà cô lập này. Gia đình có hai gia nhân có thể tin

cây hoàn toàn. Lại có một căn nhà nhỏ để tao sống. Để giữ bí mật tuyệt đối, y sĩ Kent bằng lòng ở chung với tao. Nếu lộ ra một tí xúu sẽ bị sang cái địa ngục khác. Cả tao, cả mày, Jim... cả mày cũng không biết được rằng, tại sao bố tao đã nhượng bộ này. Đó là điều tao không bao giờ hiểu được.

Đại tá chỉ tay vào tôi, nói:

- Ông này ép buộc ba.

Rồi ông ấy mở ra tờ giấy ghi chữ “cùi” - Ba thấy hình như ông ấy đã biết quá nhiều nên tốt hơn hết là nói cho ông ấy rõ tất cả.

- Và giờ đây, tôi đã biết hết rồi - Tôi nói - Rồi đây có thể có những điều tốt đẹp xảy đến. Tôi nghĩ rằng chỉ có ông Kent mới biết rõ bệnh nhân. Thưa ông, tôi xin phép hỏi ông, trong trường hợp này, bệnh của bạn tôi có gốc nhiệt đới hay bán nhiệt đới?

- Tôi chỉ có những hiểu biết thông thường của một y sĩ - Kent trả lời giọng lạnh nhạt.

- Thưa ông, tôi không hề nghi ngờ chuyên môn của ông. Chắc ông sẽ chấp nhận một ý kiến thứ hai đó là với trường hợp này, ông sợ người ta

- Đúng thế!

- Viên đại tá trả lời.

- Tôi đã dự đoán cái tình huống này. Tôi có dẫn theo một người bạn thân: với người này, quý vị có thể tin rằng bí mật của chúng ta vẫn được bảo vệ. Trước kia, tôi có giúp ông ấy một việc. Giờ đây đương nhiên ông ấy sẽ sẵn lòng cho chúng ta một ý kiến, đồng thời cũng là của một chuyên gia. Đó là Uyn-đơ, ngài Uyn-đơ.

Mặt mày của ông Kent sáng rực vì ông mà được hầu chuyện với Uyn-đơ thì cũng giống như một binh nhì được nói chuyện với đại tướng.

- Tôi vô cùng hân hạnh - Bác sĩ Kent đáp.

- Vậy thì tôi sẽ mời ngài Uyn-đơ đến tận đây, ông hiện chờ ngoài xe. Trong khi chờ đợi, đề nghị đại tá đưa chúng tôi lên văn phòng của ông. Tại đây tôi sẽ giải thích.

Giờ đây, tôi quả thấy thiếu vắng Watson. Watson biến hóa tài nghệ giản dị của tôi khi tôi tự thuật, tôi không hưởng được cái ngón nghề này. Mặc kệ. Tôi sẽ tường thuật hầu quý độc giả cái tiến trình tư duy y hệt như khi tôi trình bày nó cho các thính giả của tôi. Sau đó tôi bước vào phòng của đại tá có cả bà mẹ Gô-rây tham dự. Tôi nói:

- Cái tiến trình đó, khi quý vị đã loại trừ những gì không thể chấp nhận, thì cái còn lại sẽ là chân lý, dù nó có vẻ khó tin thật. Có nhiều giả thiết. Trong trường hợp này, ta lần

lượt xét từng cái một, cho tới khi gặp cái nổi cộm. Ngay từ phút đầu, tôi đã có ba lời giải thích về sự cách ly chàng trai trong một căn nhà thuộc lãnh địa của tổ phụ.

Thứ nhất là y trốn vì một tội đại hình.

Thứ hai là vì y bị điên nên cần nhốt lại để khỏi bị đưa vào nhà thương điên.

Thứ ba là y bị bệnh truyền nhiễm nên cần phải cô lập.

Lời giải thích thứ nhất không thể đứng vững. Nếu người thanh niên này phạm tội đại hình, mà chưa bị phát hiện, thì gia đình sẽ phải tống y ra nước ngoài càng sớm càng tốt! Ai dại gì giấu y tại nhà? Bệnh điên thì dễ chấp nhận nhất. Sự hiện diện của một người thứ hai trong ngôi nhà nhỏ đó có thể được giải thích rằng: người thanh niên cần được canh chừng. Sự kiện người hộ vệ khóa cửa khi ra ngoài củng cố thêm cho giả thiết này; nhưng mặt khác anh chàng đã có thể đi ra khỏi căn nhà nhỏ, lần mò tới căn nhà chính để nhìn thoáng qua người bạn thân? Ngoài ra luật pháp đâu có cấm giam giữ người điên tại nhà nếu người này được chăm sóc đúng theo y tế và chính quyền được báo cáo đều đặn. Vậy thì làm sao giải thích cái quyết tâm giữ bí mật tuyệt đối? Lại một lần nữa lý thuyết bệnh điên không khớp với thực tế.

Vậy chỉ còn có giả thiết thứ 3. Trong giả thiết thứ ba này, tất cả các dữ kiện dị thường đều được giải thích thỏa đáng: Bệnh cùi không phải là hiếm hoi tại Nam Phi. Anh chàng bị lây. Gia đình không muốn đưa bệnh nhân vào trại cùi. Do đó phải giữ bí mật tuyệt đối để tránh sự đồn đại của quần chúng và sự can thiệp của nhà cầm quyền, một y sĩ tận tụy và được trả lương trọng hậu sẽ chấp nhận chăm sóc bệnh nhân. Do đó, đâu có lý do gì cấm cản bệnh nhân đi dạo khi màn đêm buông xuống. Da bị trắng là một hiệu quả thông thường của căn bệnh.

Thế là tôi quyết định hành động như thể giả thiết này đã được xác nhận và chứng minh từ trước. Khi tới đây, tôi để ý rằng lão bộc Ráp mang bao tay có khử trùng, thì các ngờ vực chót của tôi tiêu tan hẳn. Thừa đại tá, chỉ một từ mà thôi, cũng đủ cho đại tá thấy rằng bí mật của đại tá đã bị lộ. Còn việc tôi viết, thay vì nói, là nhằm bảo đảm với đại tá sự kín miệng của chúng tôi.

Tôi đang hoàn tất bài phân tích ngắn này thì cửa mở và khuôn mặt khắc khổ của nhà khoa học tài danh về da xuất hiện. Lần đầu tiên ông cởi bỏ bộ mặt lạnh lùng.

Cái nhìn của ông rực sáng tình người. Ông đi về hướng đại tá, bắt tay ông ấy.

- Nghề này của tôi thường là báo tin buồn - ông nói - Nhưng lần này, thì ngược lại. Con trai của đại tá không mắc bệnh cùi.

- Sao

- Đó là một trường hợp cổ điển của một bệnh gần giống như bệnh cùi, hay bệnh vảy

nén, một bệnh ngoài da. Da tróc vảy, khó coi. Bệnh dai dẳng, tuy nhiên có thể chữa được và chắc chắn không lây. Đúng thế, thưa ông Holmes, thật là một sự trùng hợp dị thường! Tôi không bao giờ hy sinh tiếng tăm của tôi để tuyên bố mà là vì trách nhiệm... Nhưng bà cụ xui kìa? Đề nghị bác sĩ Kent lo cho bà sớm tỉnh lại sau cú sốc vì tin mừng này.

Hết .

F.3 - The Adventure of the Mazarin Stone 1921 (Viên đá của Mazarin)

Bác sĩ Watson sung sướng vô cùng khi một lần nữa được quay trở về căn hộ trên gác ở phố Baker, nơi xuất phát của biết bao cuộc phiêu lưu kỳ thú. Ông nhìn các bản đồ phác họa trên tường, cái bàn loang lổ vì acid, và ngồn ngạn những hóa chất để thí nghiệm, cái bao vĩ cầm dựng ở một góc, cái xô than vẫn được dùng để đựng cái ống vó và thuốc lá. Cuối cùng ông nhìn thấy khuôn mặt tươi cười của Billy, chú hầu nhỏ sâu sắc và tể nhị người đã giúp khóa lấp cái hố sâu đơn côi và cô quạnh của nhà thám tử đại tài.

- Không có thay đổi gì nhiều lắm hả Billy? Cả cháu cũng không có thay đổi, tôi hy vọng ông ấy cũng thế.

Billy ái ngại nhìn về hướng phòng ngủ đóng kín.

- Có lẽ ông ấy đang ngủ.

Đã 7 giờ tối và cái ngày hè hôm đó rất đẹp. Bác sĩ Watson khá quen với thời khóa biểu bất thường của người bạn cố tri, nên không hề ngạc nhiên chút nào.

- Nghĩ ông ấy đang theo dõi một vụ nào đó?

- Đúng vậy, thưa ông. Một vụ mà ông ấy phải dốc toàn tâm toàn trí. Cháu lo cho sức khỏe của ông ấy lắm. Ông ấy tái mét, gầy đi, bỏ ăn. “Chừng nào ông mới thấy đói, hả ông Holmes?”, bà Hudson thường hỏi thế. “Bây giờ rưỡi ngày mốt”, ông ấy trả lời như vậy. Bác sĩ thừa biết là ông ấy lo lắng tới mức nào một khi lo vào một vụ.

- Biết!

- Ông ấy đang bám theo ai đó. Hôm qua ông ấy ra đi người ta lầm tưởng là một công nhân đi kiếm việc làm. Hôm nay ông ấy giả làm đàn bà, ông ấy nguy trang hay lắm. Mới đầu tôi còn bị lầm, nhưng bây giờ thì quen rồi.

Billy cười nhõn, tay chỉ về cây dù to tướng dựa vào cái ghế dài.

- Để nguy trang làm một bà lão đó.

- Thuộc loại chuyện gì?

Billy hạ giọng như thể sắp sửa tiết lộ một bí mật lớn của quốc gia.

- Cháu xin kể, thưa ông, nhưng phải tuyệt đối giữ miệng. Đó là vụ Viên kim cương của Hoàng gia.

- Vụ trộm kim cương trị giá khoảng 100.000 bảng Anh?

- Đúng thế, thưa ông. Phải kiểm cho ra, ông biết không? Ông thủ tướng và ông bộ trưởng nội vụ đều đến ngồi tại ghế dài này. Ông Holmes tiếp họ rất lịch sự, trấn an họ và hứa sẽ cố gắng tối đa. Có cả huân tước Cantlemere...

- Thế à?

- Đúng thế, thưa ông. Ông có biết ông này không? Một mẫu người sắt đá, nếu cháu được phép nói thực lòng. Cháu khoái ông thủ tướng nhất, ông bộ trưởng cũng thế. Cháu có cảm giác đó là những người cần mẫn, lễ độ. Còn ngài huân tước, cháu không thể chịu đựng được! Ông Holmes cũng cùng một quan điểm với cháu, ông ạ. Hầu tước không tin tài của ông Holmes, chống đối việc sử dụng ông Holmes, và còn cầu mong ông Holmes thất bại

- Ông Holmes biết không?

- Ông Holmes luôn luôn biết tất cả những gì cần phải biết...

- Vậy thì chúng ta hy vọng ông Holmes sẽ thắng và huân tước Cantlemere sẽ thất bại. Này Billy, cái màn căng ở cửa sổ để làm gì?

- Ông Holmes mới móc nó cách đây ba ngày và có để một cái ngò ngò ở đằng sau.

Billy tiến tới, kéo cái màn ngăn cách căn phòng với cửa sổ.

Bác sĩ Watson không thể đè nén một tiếng la vì ngạc nhiên. Một mẫu tượng lớn như thật của Sherlock Holmes, mặc áo ngủ, mặt hướng ra cửa sổ, nhìn xuống như thể đang đọc một cuốn sách vô hình.

Billy gỡ cái đầu ra, rồi giơ cao lên.

- Ông Holmes luôn luôn cho đổi góc độ để có vẻ sống động. Chỉ khi nào bức sáo kéo xuống, cháu mới dám sờ tới nó. Khi bức sáo kéo lên, đứng bên kia đường, ông sẽ nhìn thấy rõ ông Holmes!

- Có lần chúng tôi cũng đã sử dụng cái màn này.

- Với cháu thì đây là lần đầu! - Billy nói, tay kéo bức sáo để ngó ra đường - Phía bên kia đường có người rình. Cháu thấy rõ một người tại cửa sổ, ông nhìn thử xem.

Bác sĩ Watson mới vừa bước tới thì cánh cửa phòng mở, cho thấy cái dáng vóc lêu nhêu của Holmes. Khuôn mặt bơ phờ, nhưng bước đi vẫn nhanh nhẹn như thường ngày.

Holmes bước tới cửa sổ, kéo bức sáo xuống.

- Đủ rồi Billy! Nguy hiểm đấy! Sao hả Watson? Gặp anh tại căn hộ thân ái này là thích thú vô cùng. Anh tới đúng lúc đấy!

- Hình như vậy!

- Có thể lui, Billy... Tôi lo cho thằng bé quá, Watson à. Đâu có thể để cho nó chịu nguy hiểm

- Nguy hiểm gì?

- Chết bất đắc kỳ tử! Tôi đang đợi đêm nay.

- Đợi cái gì?

- Bị ám sát!

- Thật sao?

- Tuy nhiên, trong khi chờ chết, ta phải hưởng một chút tiện nghi phải không. Rượu chưa bị cấm. Cái ống quẹt và hộp xì gà vẫn nằm tại vị trí cũ. Anh hãy ngồi trên ghế bành để tôi nhìn anh thêm một lần nữa. Tôi hy vọng anh chưa tập xong cái thói quen ghét cái tẩu và cái mùi thuốc khen khét của tôi. Mấy bữa rày, nhờ nó mà khỏi ăn cơm.

- Tại sao lại không ăn?

- Năng lực sẽ bén nhọn hơn nếu ta ăn chay.

- Nhưng còn cái hiểm họa?

- À. Trong trường hợp mà sự đe dọa trở thành hiện thực, anh hãy nhớ lấy tên và địa chỉ của kẻ sát nhân đem nộp cho Scotland Yard. Tôi xin chúc lành cho anh! Hẳn là bá tước Negretto Sylvius. Chép cái tên đi, Watson, chép đi! 136 Moorside Gardens N.W. Xong chưa?

Khuôn mặt của bác sĩ Watson đầy lo âu.

- Cho tôi tham gia với. Tôi rảnh hoàn toàn trong 48 giờ.

- Đạo đức của anh chưa tiến, Watson ạ. Ngoài các tật xấu khác, nay anh có thêm tật

nói dối. Rõ ràng anh có dáng vẻ của một bác sĩ rất bận rộn.

- Không đến nỗi thế đâu. Nhưng anh không thể nhờ cảnh sát bắt hấn sao?

- Được chứ !

- Thế thì tại sao không nhờ cho rồi?

- Tại vì hiện tôi chưa biết viên kim cương nằm tại đâu.

- Billy có nói với tôi về viên kim cương trên vương miện.

- Đúng thế! Đó là viên đá Mazarin. Tôi đang thả mỗi câu cá. Nhưng tôi lại không có viên đá.

- Và bá tước Sylvius là một trong những con cá đó?

- Đúng thế! Đó là một con cá mập. Thằng kia là Sam Merton, biết đánh quyền Anh. Thằng Sam không tệ đâu, nhưng nó bị bá tước xỏ mũi. Nó chỉ là một con cá chốt ngu đàn đang vẫy vùng trong lưới của tôi.

- Bá tước Sylvius hiện ở đâu?

- Suốt buổi sáng nay tôi đứng sát bên hấn. Anh có thấy tôi ngụy trang thành một bà lão chưa, Watson?

- Chưa bao giờ có bà lão nào quyền rũ như sáng nay. Hấn còn cầm dù giùm tôi trong một lúc. "Xin phép bà!". Hấn nói với tôi, giọng pha Ý. Hấn có cái dịu dàng của miền Nam trong cử chỉ lúc hấn vui, nhưng khi buồn, hấn là hiện thân của quỷ sứ.

- Có thể xảy ra thảm kịch?

- Có lẽ! Tôi đã theo hấn tới cửa hiệu của lão Straubenzee. Tay này làm một cây súng hơi, tôi đoán thế. Và tôi có đủ cơ sở để nghĩ rằng cây súng đó hiện giờ đang đặt tại cửa sổ trước nhà. Anh đã thấy hình nộm của tôi rồi đó. Hình nộm có thể ăn đạn bất cứ lúc nào. Ừa! Có gì vậy Billy?

Billy mang vào một tấm danh thiếp đặt trên mâm.

Holmes vừa nhìn vừa nhướng mày và cười thích thú.

- Đích thị là cái gã đó! Bất ngờ quá! Anh ta cầm cây củi ngay phía đang cháy, chì thật. Anh biết rằng hấn nổi tiếng là thợ săn mồi to? Anh ta định sẽ kết thúc đẹp để bằng thành tích của mình, sau khi ghi được thêm tên tôi vào đó.

- Ta báo cho cảnh sát!

- Chưa cần! Anh nhìn kỹ ra ngoài cửa sổ xem có ai lơ đãng phía đó không?

Watson dạn dĩ vén bức màn.

- Một thằng to con đứng gần cửa lớn.

- Sam Merton đó. Hắn trung thành nhưng ngu dại. Ông ta hiện ở đâu rồi, Billy?

- Tại phòng khách, thưa ông.

- Khi ta bấm chuông thì cháu mời ông ấy lên. Dù không thấy ta cũng cứ đưa vào.

- Vâng!

Watson đợi cửa lớn đóng rồi mới quay qua phía Holmes.

- Coi chừng, Holmes, có thể nó tới giết anh.

- Chuyện đó không làm tôi ngạc nhiên!

- Tôi xin được ở cạnh anh.

- Anh làm vướng tay, vướng chân tôi.

- Tôi không thể bỏ mặc anh được.

- Anh để tôi một mình mà anh vẫn có vai trò. Thằng cha này tới vì một lý do riêng của nó. Nhưng có thể nó sẽ ở lại vì lý do của tôi.

Holmes lấy sổ tay nguệch ngoạc vài dòng.

- Anh thuê xe ngựa chạy đến Scotland Yard, trao cái này cho Youghal, thuộc Ban truy nã đại hình rồi quay lại đây với cảnh sát. Màn bắt bớ tước sẽ xảy ra sau đó!

- Được!

- Trước khi anh về tới, có lẽ kiếm ra cục đá.

Anh vừa bấm chuông vừa nói:

- Chúng ta hãy đi vào phòng ngủ, phương án thứ hai đôi khi khá hữu ích. Ngoài ra tôi cũng muốn nhìn con cá mập của tôi trong khi nó không thấy tôi.

Vài phút sau Billy đưa bá tước Sylvius vào. Nhà đi sắt, nhà thể thao và người hào hoa nổi tiếng to béo có nước da sạm nắng, với một bộ râu xum xuê màu đen bao bọc một cái miệng hung ác, môi mỏng, mũi dài và cong như mỏ chim ó. Khi cửa đóng lại sau lưng, ông ta quan sát căn phòng với một cái nhìn hung tợn, mắt đăm đăm nhìn mỗi món đồ gỗ như sợ một cái bẫy. Ông ta giựt mình khi thấy cái đầu lạnh lùng của một người đang ngồi trên ghế bành trước cửa sổ. Lúc đầu gương mặt chỉ thể hiện sự kinh ngạc, nhưng sau đó, một tia hy vọng đen tối chiếu sáng trên đôi mắt khát máu. Ông ta nhanh chóng nhìn quanh rồi rón rén, cây gậy nặng nề giơ lên nửa chừng. Ông ta tới gần cái vóc đáng bất động, co mình để lấy đà thì một tiếng nói lạnh lùng từ cửa phòng ngủ vọng tới.

- Đừng đập nó, thưa bá tước!

Vị bá tước kinh ngạc. Hắn lại nâng cây gậy lên nhưng trước cái nhìn sắt thép và nụ cười chế nhạo, hắn thấy cần phải hạ tay xuống.

- Đó là một công trình nghệ thuật nhỏ đẹp! - Holmes nói, vừa tiến tới hình nộm - Nhà vẽ kiểu áo quần Tavernier của nước Pháp nặn ra nó đó. Ông ấy cũng khéo tay trong việc nắn sáp như ông bạn Straubenzee của ngài khéo tay trong việc sản xuất súng hơi.

- Súng hơi? Ông muốn nói gì?

- Hãy để nón và gậy trên cái bàn tròn này. Cám ơn, xin vui lòng ngồi xuống, cởi súng lục luôn, được không? Cũng chả sao, nếu ngài muốn ngồi đờ lên!... Ngài tới đúng lúc quá, tôi khát khao có được 5 phút riêng với ngài.

Gã bá tước làu bàu, chân mày sụ xuống, vẻ dọa nạt.

- Tôi cũng vậy, tôi muốn nói chuyện với ông. Tôi không phủ nhận rằng tôi có dự định hạ ô

- Tôi cũng lờ mờ thấy rằng trong đầu ngài đang nung nấu một dự án loại đó. Không hiểu tại sao ngài lại dành cho tôi quá nhiều sự lưu tâm?

- Tại vì ông theo chúng tôi, tại vì ông sai người theo dõi tôi.

- Người của tôi, tôi thề là không có chuyện đó.

- Láo toét! Tôi bị theo dõi và tôi sai người theo dõi lại chúng nó. Đó là một trò chơi có thể chỉ cần hai đối thủ.

- Thưa bá tước, ngài tiếp xúc thẳng với tôi có hay hơn không. Do nghề nghiệp tôi phải thân thiện phần nào với các tên ăn cướp trên thế giới. Còn ngài, thưa bá tước Sylvius, lui tới với bọn nó là coi không được.

- Đúng vậy.

- Hoan nghênh! Tuy nhiên ngài làm khi cho ai đó là nhân viên của tôi.

Gã cười lớn một cách miệt thị.

- Đâu phải chỉ có một mình ông là người có tài quan sát sắc bén. Hôm qua là một người thất nghiệp già. Hôm nay là một bà lão, suốt ngày chúng bám tôi sát gót.

- Thật vậy sao? Ngài nói quá! Tới phiên ngài, ngài lại ca tụng cái trò nguy trang vật vãnh của tôi.

- Là ông? Chính là ông?

Holmes nhún vai.

- Trong góc kia là cái dù mà ngài có nhã ý xin cầm giùm...

- Nếu tôi biết, thì không bao giờ...

- Thì không bao giờ tôi trở về nhà được chứ gì. Tôi biết rõ mà! Tất cả chúng ta đều bỏ lỡ cơ hội, rồi sau đó lại hối tiếc. Nhờ ngài không nhận ra tôi mà chúng ta còn gặp nhau hôm nay

Đôi chân mày của gã bá tước sụp xuống một cách nặng nề hơn.

- Những lời ông nói chỉ làm cho không khí ngột ngạt thêm. Ông theo dõi tôi để làm gì vậy?

- Tôi cần tìm ra một viên kim cương màu vàng?

Hầu tước ngả lưng ra sau cười một cách gượng gạo.

- Tôi thề...

- Thật ra ngài biết tại sao tôi bám theo ngài. Hôm nay ngài đến đây là để dò xem tôi biết sự việc tới mức độ nào và nếu cần, ngài sẽ ra tay thủ tiêu tôi? Phải khách quan mà nói, ngài thủ tiêu tôi là điều tôi cần, bởi vì tôi đã biết hết, trừ một chi tiết nhỏ mà chính ngài sẽ tiết lộ.

- Thật ư?

- Phải.

Đôi mắt của Holmes chứa thẳng vào mắt gã bá tước, teo lại như hai mũi dùi bằng thép.

- Ngài quả là một miếng nước đá trong suốt. Tôi thấy rõ cho tới tận đáy lòng ngài.
- Như vậy ông biết viên kim cương đó ở đâu Holmes.

Gã vỗ tay rồi đưa một ngón tay mĩa mai.

- Vậy là ngài biết, như ngài vừa nhìn nhận.
- Tôi có nhìn nhận cái gì đâu?
- Nào, thưa bá tước Sylvius, ngài nên tỏ ra biết điều. Bằng không, ngài sẽ gặp nguy hiểm.

Gã bá tước nhìn lên trần nhà.

Holmes nhìn ông ta một cách chăm chú như người đánh cờ đang chiếu bí đối thủ rồi mở ngăn kéo, lấy ra một c sổ tay dày cộm.

- Ngài có biết tôi nắm ai trong cuốn sách này không?
- Không.
- Chính ngài.
- Tôi?
- Đúng vậy! Trọn vẹn tiểu sử của ông trong này, không sót một điều gì?
- Cầu Chúa tha thứ! – gã bá tước la to - Sự nhẫn nại của tôi có giới hạn, thưa ông Holmes.
- Vâng, đầy đủ ở trong này, thưa bá tước. Các sự kiện có liên quan tới cái chết của bà lão Harold, người để lại cho ông lãnh địa Blymer mà sau đó ngài bán đi để nường hết trong sòng bạc.
- Ông đang nằm mơ?
- Và nguyên cả cuộc đời của cô Minnie Warrender nữa!
- Ông chả làm được gì với những cái đó.
- Còn đây, câu chuyện hay hơn. Cuộc đánh cướp trên tàu hỏa sang trọng La Riviera vào ngày 13-2-1892. Và đây là cái chi phiếu giả mà ngài dùng rút tiền tại ngân hàng tín dụng Lyonnais cũng hồi năm 1892.
- Không, điểm này ông nói sai?

- Thì tôi đúng trong cái điểm khác. Nào, thưa bá tước, trong khi đánh bài, mà đối thủ nắm hết các lá lớn, thì ngài nên bỏ bài đi.

- Đây là cái mối liên quan giữa cuộc nói chuyện tầm phào này với viên kim cương?

- Từ từ, thưa bá tước. Tôi có một mớ tin tức có hại cho ngài đó, nhất là tôi có cả một hồ sơ hoàn chỉnh để tố cáo ngài và vệ sĩ của ngài trong vụ này

- Tôi có lời khai của anh xà-ích chở ngài đi Whitehall, và của anh xà ích chở ngài từ đó về . Tôi có lời khai của người đại diện thương mại thấy ngài đứng gần tủ kiếng, tôi có luôn lời khai của ông Ikey Sanders, người không chịu cho ngài cầm cái đó. Đủ chưa?

Các mạch máu trên trán của bá tước phồng to lên. Hai bàn tay sạm nắng, lông lá co thắt lại; ông ta muốn nói, nhưng chữ nghĩa đi đâu mất hết.

- Tôi đã đập bài xuống bàn rồi. Tôi còn thiếu một lá. Đó là lá bài “viên kim cương”. Nó ở đâu?

- Ông sẽ không bao giờ biết!

- Ngài bá tước! Ngài hãy biết điều! Hãy nắm vững tình thế! Ngài sẽ ngồi nhà đá 25 năm. Sam Merton cũng thế! Ngài sẽ được gì trong 25 năm đó! Không được gì cả! Tuy nhiên, nếu ngài chịu hoàn trả thì tôi sẽ thỏa hiệp với tội ác. Chúng tôi không cần ngài lẫn Sam. Chúng tôi cần cục đá. Hãy trả nó lại cho chúng tôi thì ngài sẽ trở về nhà trong tự do và mãi mãi tự do, miễn là sống trong đàng hoàng.

- Nếu tôi từ chối thì sao?

- Thì sẽ rất tiếc!

Billy đã xuất hiện khi nghe chuông reo.

- Ngài bá tước, tôi đề nghị cho bạn thân của ngài tham dự vào cuộc nói chuyện này. Nói cho đúng, anh ta cũng đang bị lâm nguy. Nè Billy, ở trước cửa lớn có một anh chàng to con và xấu trai. Cháu mời anh ta lên đây.

- Nếu ông ta từ chối thì sao, thưa ông.

- Báo cho anh ta hay là bá tước cần gặp. Anh ta sẽ lên ngay.

- Ông sẽ làm gì?

Gã bá tước hỏi khi Billy đi khuất.

- Bạn thân của tôi là bác sĩ Watson mới ra về. Tôi có khoe với ông ấy rằng trong ười

của tôi có một con cá mập và một con cá chột. Giờ đây, tôi giỏ lưới. Tôi tóm cả hai con.

Gã bá tước ngồi thẳng lưng lên và đưa tay ra sau lưng. Holmes chìa về hướng về y một đồ vật nổi cộm trong túi áo ngủ của mình.

- Ông sẽ không chết trên giường, ông Holmes!

- Tôi cũng thường đoán như vậy. Tuy nhiên có cần phải chết trên giường không? Chắc ông sẽ chết đứng, chứ không chết nằm đâu. Nhưng hãy chấm dứt các sự đoán mò bệnh hoạn này, tại sao không dứt khoát chọn lấy sự vui vẻ của hiện tại?

Một tia chớp của mắt thú dữ sáng lóe trong cái nhìn của tên tội phạm. Holmes chuẩn bị ứng phó với mọi tình huống. Đối thủ có vẻ kiên đề.

- Mân mê cây súng lục chả có ích gì!

Holmes nói một cách bình thản.

- Ngài thừa hiểu rằng ngài không thể bắn, dù tôi có dành cho ngài đủ thời gian. Súng lục là những dụng cụ dơ và ồn, thừa bá tước. Nên sử dụng súng hơi. Ừa, hình như có bước đi nhẹ của người bạn đáng nể? Chào ông Merton. Đứng ngoài đường này giờ mỗi chân chưa?

Tên võ sĩ quyền Anh là một thanh niên cốt cách nặng nề, vẻ mặt thì vừa ngu vừa lì. Hắn đứng một cách vụng về ngoài cửa, trơ mắt ếch nhìn quanh. Thái độ của Holmes làm hắn ngạc nhiên. Hắn nhận thấy mang máng rằng thái độ đó không thân thiện nhưng không biết phải chống trả như thế nào. Hắn quay qua ông chủ của hắn.

- Việc gì thế, bá tước? Thăng cha này muốn gì?

Giọng nói của hắn nghiêm trọng và khàn khàn. Gã bá tước vươn vai, Holmes trả lời thay.

- Để tóm tắt tình hình, ông Merton, tôi có thể nói rằng mọi chuyện đã tới hồi kết cuộc.

Tên võ sĩ tiếp tục hỏi

- Thăng cha này nói đùa hả? Phần tôi, tôi không cười được đâu.

- Tôi ái ngại lắm! - Holmes nói - Tôi có thể đoán chắc rằng càng khuya, ông sẽ càng bớt vui. Bây giờ, nghe tôi đây, thừa bá tước Sylvius. Tôi rất bận, tôi không có thì giờ để hoang phí. Tôi đi vào phòng tôi. Tôi yêu cầu ngài xem đây như nhà ngài trong lúc tôi vắng mặt. Ngài có thể giải thích rõ tình hình cho bạn ngài nghe. Tôi sẽ chơi một bản nhạc bằng vĩ cầm. Năm phút nữa, tôi sẽ quay lại để lấy câu trả lời dứt khoát của ngài. Ngài hãy lựa chọn: hoặc ngài hoặc viên đá?

Holmes ôm cây vĩ cầm, rời khỏi phòng. Một lát sau các nốt nhạc rên rỉ đầu tiên của điệu nhạc u buồn nhất trỗi lên từ phòng bên.

- Chuyện gì vậy? - Merton hỏi với vẻ âu lo - Hẳn biết cục đá?
- Hẳn biết quá nhiều điều liên quan tới cục đá. Tao sợ rằng hẳn biết hết rồi.
- Chúa ơi!

Khuôn mặt của tên võ sĩ Anh tái xanh.

- Ikey Sanders đã mách lẻo.
- Nếu có tố cáo chúng ta, tôi thề sẽ phanh thây nó.
- Điều đó chả ích gì cho chúng ta. Điều cần bây giờ là quyết định phải làm gì?
- Chờ một chút!

Gã võ sĩ nói, rồi nhìn một cách ngờ vực về phía cửa.

- Con chim lạc bầy mà lại ra lệnh này nọ. Hẳn có nghe lén không.
- Làm sao vừa nghe vừa chơi vĩ cầm?
- Đúng vậy. Có thể có người đằng sau bức màn. Phòng này sao có nhiều màn quá!

Nhìn qua nhìn lại, Merton thấy cái hình nộm tại cửa sổ. Hẳn điếng người, không nói nên lời.

- Tuyệt! Đó là bức tượng. – gã bá tước giải thích!
- Giả hả? Giống y như thật! Còn mớ màn này, dùng làm gì, thừa bá tước.
- Ồ, bỏ qua mấy cái màn đó đi, đừng phí thời giờ. Chúng ta không còn nhiều đâu. Hẳn có thể tống mình vào tù, vì viên đá đó.
- Nếu Ikey Sanders tố cáo, thì ta có thể bị nguy.
- Tuy nhiên, hẳn ta sẽ làm ngơ nếu chúng ta nói cho hẳn biết viên đá hiện ở đâu.
- Sao? Trả lại ư? Từ bỏ 100.000 bảng Anh?
- Phải chọn lựa thôi.

Merton gãi đầu.

- Hắn ta chỉ có một mình. Ta chỉ cần vào phòng, thanh toán hắn là xong mọi chuyện. Còn gì mà sợ?

Gã bá tước ra dấu bảo dừng.

- Hắn ta có súng trong người. Và chẳng, giết hắn rồi làm sao trốn thoát. Hơn nữa, có thể hắn đã nộp đầy đủ bằng cớ về chúng ta cho cảnh sát rồi.

Một tiếng động mơ hồ ở phía cửa sổ. Hai người im lặng, ngóng tai, nhưng ở cửa sổ, hình nộm vẫn ngồi ở ghế bành, Merton nói:

- Cái tiếng đó ở ngoài đường. Giờ đây, là phần việc của ông, ông chủ. Ông có đầu óc, chắc sẽ tìm ra kế để chúng ta thoát thân. Nếu viên đá là vô dụng thì ông nói thẳng với hắn đi.

- Tao đã bịp những tay cừ hơn hắn ta nhiều! – gã bá tước nói. - Viên đá đang ở trong túi tao. Tao không chịu cái rủi ro giao nộp nó. Ngay đêm nay, nó có thể ra khỏi nước Anh và bị c thành 4 miếng tại Amsterdam trước ngày chủ nhật này. Hắn ta không biết gì về Van Seddar đâu.

- Vậy mà tôi tưởng Van Seddar sẽ ra đi vào tuần tới.

- Đúng ra là thế! Nhưng theo tình hình mới, nó phải đi trên chuyến tàu tới. Hoặc mày, hoặc tao phải mang viên đá ra tới phố Lime gặp Van Seddar.

- Nhưng viên đá giả chưa làm xong mà?

- Cứ cầm đá thật mà đi vậy. Ta đâu còn thì giờ.

Lại một lần nữa, với cái năng khiếu người thấy sự nguy hiểm, gã bá tước dừng lại, nhìn về hướng cửa sổ. Đúng rồi, tiếng động hồi nãy phát sinh từ ngoài đường.

- Về phần gã Holmes - ông ấy nói tiếp - Tao sẽ gạt hắn một cánh dễ dàng. Hắn sẽ không làm cho chúng ta bị bắt đâu, nếu hắn còn hy vọng lấy lại được viên đá. Chúng ta sẽ hứa với hắn rằng hắn sẽ nhận được cục đá. Chúng ta cho hắn trật đường rầy. Đến khi hắn hay biết thì cục đá đã qua tới Hà Lan và chúng ta đã cao bay xa chạy.

- Tuyệt vời! - Merton la lớn.

- Mày hãy lên đường về bảo thằng Hà Lan nhanh lên. Phần tao, tao sẽ đi gặp con đĩa đó, sẽ cầm chân nó bằng một màn xưng tội giả. Tao sẽ bịa với nó rằng viên đá hiện đang ở Liverpool. Trời ơi, âm nhạc trời đánh, nhức óc quá! Trong lúc nó lục lọi tại

Liverpool, thì viên đá đã qua tới Hà Lan, còn chúng ta thì đang bênh bóng trên biển cả. Lại đây! Đây là viên đá.

- Tôi tự hỏi tại sao ông dám để nó trong túi mình?

- Vậy để ở đâu bây giờ? Nếu chúng ta đánh cắp nó tại Whitehall thì thằng khác cũng có thể đánh cắp nó tại nhà tao.

- Cho tôi xem nó một chút.

Gã bá tước nhìn người đồng phạm với vẻ hơi coi thường, và tỏ ý chê cái bàn tay bẩn thỉu

- Mà cho rằng tao sẽ giữ nó luôn sao? Hãy tới gần cửa sổ để nhìn thấy báu vật cho rõ ràng hơn. Đưa ra ánh sáng đó, Sam à!

- Xin cảm ơn hai bạn! - Chỉ nhảy một cái, Holmes rời khỏi ghế bành của hình nộm và giật lấy cái báu vật ngàn vàng, một tay cầm nó, một tay chìa súng lục.

Hai tên trộm đi thụt lùi, mặt cắt không còn chút máu. Trước khi chúng hoàn hồn, Holmes đã nhấn chuông.

- Hỡi các bạn, hãy tuyệt đối tránh bạo lực. Các bạn hãy quý trọng các đồ gỗ của tôi. Các bạn không có lối thoát đâu. Cảnh sát đang ở dưới nhà.

Quá ngạc nhiên, gã bá tước không còn giận dữ mà chỉ sợ hãi:

- Ông Holmes, ông tài giỏi thật!

- Sự ngạc nhiên của ngài là hoàn toàn hợp lý. Ngài đâu thể ngờ rằng trong phòng tôi còn có cái cửa thứ 2 trở ra sau cái màn này. Khi tôi dời hình nộm đi, tôi sợ bị lộ quá chừng, nhưng vận may đã mỉm cười với tôi, và tôi có cơ hội nghe cuộc đối thoại đặc biệt của hai vị.

- Chúng tôi nhìn nhận là mình đã thua, thưa ông Holmes. Tôi cho rằng ông là quý hiện hình. – Gã bá tước nói tỏ dấu bị khuất phục.

- Không! Tôi chỉ là anh em của quý! - Holmes đáp với một nụ cười lễ độ.

Trí óc dần dần của Sam Merton bắt đầu hiểu ra. Có những bước đi nặng nề ở cầu thang, phá vỡ sự yên lặng.

- Kỳ tài! Nhưng còn tiếng đàn? Tôi còn nghe tiếng đàn mà? - Merton nói.

- Anh nghe đúng trăm phần trăm! - Holmes đáp - Tiếng vĩ cầm tiếp tục thánh thót. Máy

quay đĩa hát là một phát minh kỳ diệu!

Cảnh sát xuất hiện, các tội phạm bị còng, bị đưa xuống xe ngựa chờ dưới đường. Bác sĩ Watson khen Holmes về cảnh nguyệt quế mới th vào cái vương miện của anh ta. Nhưng cuộc nói chuyện giữa hai người bị gián đoạn vì Billy đang mang danh thiếp vào.

- Huân tước Cantlemere, thưa ông.

- Đưa ông ấy lên, Billy. Đây là nhà quý tộc sáng giá, đại diện cho những quyền thế lớn. Đó là một nhân vật tuyệt hảo, rất trung thực, nhưng “hơi xưa” một chút. Ta sẽ nịnh cụ ấy một chút rồi đùa cụ ấy chơi. Ông không biết chuyện gì vừa xảy ra đâu.

Cánh cửa mở, một người gầy gò bước vào, khuôn mặt khắc khổ, được tô điểm bằng bộ râu mép to và đen không tương xứng với đôi vai cong và cái thân hình mảnh khảnh. Holmes tiến tới và bắt lấy một bàn tay mềm nhũn.

- Kính chào huân tước Cantlemere. Thời tiết còn lạnh nhưng trong một căn hộ thì nhiệt độ không đến nỗi nào. Đề nghị ngài cởi bỏ áo choàng.

- Cám ơn! Tôi thấy không cần thiết.

Holmes đặt một bàn tay trên cánh tay áo choàng.

- Xin ngài cho phép! Bạn tôi, bác sĩ Watson, sẽ trách rằng những thay đổi thời tiết như vậy là quái gở?

- Tôi cảm thấy được, ông Holmes à! Tôi không ở lâu đâu! Tôi đến xem cuộc điều tra của ông đến đâu rồi.

- Thưa ngài, rất là khó khăn.

- Tôi đã biết trước rằng ông sẽ nói là rất khó khăn. - Một nụ cười chế nhạo hé lộ trong lời nói và thái độ của nhà quý tộc già. - Cuối cùng mỗi một chúng ta sẽ phát hiện ra các hạn chế của bản thân mình, thưa ông Holmes. Tuy nhiên, sự mở mắt của ông cũng chữa lành một sự tự mãn.

- Đúng vậy, thưa ngài! Tôi rất ân hận.

- Tôi đã thấy trước rồi mà !

Holmes mỉm nụ cười tinh nghịch:

- Tuy nhiên có một điểm đặc biệt mà tôi hy vọng được ngài giúp đỡ?

- Mãi tới bây giờ ông mới nói, tôi e là hơi trễ đó. Tôi đã ngỡ rằng phương pháp làm

việc của ông sẽ giúp giải quyết tất cả. Nhưng thôi, dù sao tôi cũng sẵn sàng giúp ông.

- Thừa huân tước, chúng ta có thể lập hồ sơ về bọn trộm.
- Khi nào ta bắt được chúng kìa!
- Đúng vậy, nhưng mà vấn đề là làm sao còng kẻ tàng trữ đồ gian?
- Có quá chủ quan và quá sớm không.
- Phải lập hồ sơ mới được. Theo ngài, phải làm sao để truy tố kẻ tàng trữ?
- Trường hợp họ bị bắt quả tang đang giữ viên đá!
- Điều đó, theo ngài, là đủ để bắt nhốt kẻ tàng trữ chứ gì?
- Đương nhiên!

Holmes vốn ít cười lớn tiếng, nhưng lần này thì cười hô hố.

- Nếu thế thì, kính thưa ngài, tôi cảm thấy đau lòng phải nhờ cảnh sát bắt ngài.

Huân tước nổi trận lôi đình.

- Ông suồng sã quá lối đó, ông Holmes. Trong 50 năm nay, tôi chưa hề gặp một sự bốn cột nào tương tự. Tôi đang rối đầu vì quốc gia đại sự; tôi không thích và cũng không có thời giờ để đùa cợt một cách xuẩn ngốc như vậy. Tôi cần nhắc lại cho ông biết rằng không bao giờ tôi tin vào khả năng của ông. Luôn luôn tôi chủ trương phải giao việc này cho cảnh sát công. Trân trọng cáo từ ông!

Holmes nhanh nhẩu nhảy ra, chân lại ở cửa

- Xin chờ một chút, thưa ngài! Sự ra đi với viên đá Mazarin là một tội ác tày đình so với tội chỉ tàng trữ trong một thời gian ngắn.
- Đã quá mức chịu đựng của tôi rồi đó. Hãy để cho tôi đi qua!
- Ngài hãy thọc tay vào túi áo choàng của ngài xem!
- Ông muốn nói gì?
- Ngài cứ làm như vậy đi!

Nhà quý tộc bỗng đống đống người, mắt nhấp nháy hên hoi, cà lăm cà cặp. Viên đá to màu vàng đang nằm trong tay run rẩy của ông.

- Chúa ơi! Cái gì đây, ông Holmes?

- Quá đột ngột, quá chấn động, phải không, thưa huân tước. Xin ngài tha lỗi, tôi đã quá lố, khi bỏ cục đá vào túi ngài ngay từ đầu cuộc nói chuyện.

Ông huân tước già nhìn đăm đăm vào khuôn mặt rạng rỡ của Holmes.

- Thưa ông Holmes, tôi rất kinh ngạc. Quả thật là viên đá Mazarin! Chúng tôi mang ơn ông vô cùng. Ông đùa dai và thất kính, nhưng mà ông đã nhìn nhận. Phần tôi, tôi xin rút lại tất cả những gì đã nói về biệt tài siêu việt của ông. Nhưng...

- Sau này tôi sẽ nói các chi tiết, thưa huân tước. Tôi tin chắc rằng cái thú vị mà ngài tìm thấy trong việc tường thuật cái kết quả vui vẻ về viên đá trong hoàng gia sẽ bù đắp cái thất kính vừa rồi của tôi. Billy, hãy đưa ngài huân tước xuống và báo cho bà Hudson hay rằng tôi rất hạnh phúc nếu được bà cho thầy trò ta một bữa ăn tối thịnh soạn.

Hết

F.4 - The Adventure of the Three Gables 1926 (Ba đầu hồi)

Tôi cho rằng không có cuộc phiêu lưu nào của chúng tôi mà khởi sự một cách đột ngột và hồi hộp như vụ án ở biệt thự Ba đầu hồi. Tôi không gặp Homles đã ba ngày và tôi không biết anh ấy đang chuyển các hoạt động về hướng nào. Nhưng sáng hôm đó anh nói dữ lắm. Anh vừa mời tôi ngồi vào cái ghế bành cạnh lò sưởi, thì khách đến.

Cửa mở, một gã da đen đồ sộ ào ào bước vào. Hắn mặc một bộ đồ màu xám, cà vạt màu da cam, khuôn mặt to, mũi xẹp, đôi mắt đầy ác cảm. Hắn lần lượt nhìn tôi, Homles.

- Trong hai ông, ông nào là ông Homles?

Homles giơ cao cái đầu và uể oải cười nhõn miệng.

- Ủa, ông đấy hả?

Người khách bước nhẹ đi để vòng qua cái bàn.

- Này, ông Homles, ông hãy đặt chân vào nơi khác thì hơn. Hãy để cho người ta tự giải quyết lấy nhưng công việc của họ, ông hiểu chưa?

- Hãy tiếp tục nói nữa đi, tôi thích nghe ông nói.

- Ờ, thích nghe hả? Tôi cho ông dựng tóc gáy thì sẽ bớt thích. Trước đây tôi đã hạ được một vài người cùng loại với ông. Và họ không hề thích được tôi chăm sóc. Nhìn cái này đây, ông Homles!

Người khách đưa một quả đấm đồ sộ dưới mũi bạn tôi. Homles quan sát quả đấm đó kỹ, với vẻ chăm chú thật sự.

- Ông bấm sinh như vậy, hay là ông để nó mọc lên từ

Có lẽ vì sự lạnh lùng như băng giá của Homles hoặc vì tiếng động nhẹ do tôi gây ra khi cầm cái que cời than lên, người khách hạ giọng.

- Đó, tôi đã thẳng thắn cảnh cáo cho ông rồi đó. Tôi có một người bạn thân ở bên phía Harrow... Ông hiểu tôi muốn nói gì chứ? Và anh ta không muốn ông làm kỳ đà cản mũi. Hiểu chưa? Ông không phải là luật pháp. Tôi cũng không phải là luật pháp. Nhưng nếu ông xen vào thì tôi cũng xen vào. Đừng quên điều đó.

- Chính tôi cũng muốn gặp anh mấy bữa rày. Nhưng tôi không mời anh ngồi vì tôi không ưa cái mùi của anh. Anh có phải là Steve Dixie, biệt danh Máy nghiền không?

- Chính là tôi. Tôi sẽ nhét cái tên đó vào họng ông, nếu ông làm gấy chân tôi.

- Thật là uổng nếu ông mất một cái quyền rũ nhất của ông - Homles trả lời và nhìn vào đôi chân đồ sộ của khách. - Nhưng tôi hiện đang nghĩ tới cái chết của anh thanh niên Perkins trước cửa của bar Holborn... Ủa? Anh về à?

Gã đen đưa nháy dựng lên rồi thối lui, gương mặt xám xịt.

- Tôi không có thì giờ nghe ông lải nhải. Tôi dính dáng gì với thằng Perkins đó, ông Homles? Vào lúc nó bị rắc rối, tôi đang tập dượt tại câu lạc bộ Bull Ring ở Birmingham.

- Anh sẽ nói rõ chuyện đó với cảnh sát - Homles nói - Phần tôi, tôi đã theo dõi cả anh lẫn Barney Stockdale.

-Ồ, ông Homles?...

- Thôi đủ rồi! Đi đi! Khi tôi cần tới anh, tôi sẽ báo.

- Xin kiếu! Tôi hy vọng ông không phiền về sự thăm viếng của tôi?

- Cái đó còn tùy. Anh vui lòng cho biết ai sai anh tới?

-Ồ, đâu có gì là bí mật, chính cái anh chàng mà ông vừa nêu tên

- Và ai ra lệnh cho nó sai anh tới đây?

- Tôi thề là tôi không biết chi cả. Anh ấy chỉ bảo tôi: "Steve, anh hãy đi gặp ông Homles và báo cho ông ấy biết rằng tính mạng ông ấy sẽ lâm nguy nếu ông ấy đứng về phía Harrow".

Vừa dứt lời, người khách hồi hải chạy ra khỏi phòng. Homles cười thầm, rảy tro ra khỏi cái tàu.

- Tôi mừng là anh khỏi phải chê cái đầu quần đó, anh Watson. Tuy nhiên nó chỉ là một người vô hại, có bắp thịt nhưng ngu dốt. Nó thuộc băng của Spencer John và có dự phần trong vài vụ nhóp nhúa mà tôi sẽ nhìn tới khi có thời gian. Trưởng trực tiếp của nó là Barney thì ma lạnh hơn. Đó là một băng chuyên về tấn công, dọa nạt. Điều tôi muốn biết là ai đã chi tiền để giựt dây trong vụ này.

- Nhưng tại sao hẳn lại dọa anh?

- Vì vụ Harrow Weald.

- Tôi không biết tí gì về vụ đó.

- Đây là bức thư của bà Maberley. Chúng ta sẽ điện thoại báo trước rồi đến đó ngay.

Tôi đọc lá thư.

"Thưa ông Holmes,

Mấy bữa nay tôi gặp một loạt biến cố dị thường liên quan tới căn nhà này và tôi mong muốn được ông khuyên bảo. Ngày mai, tôi ở nhà suốt ngày. Xuống ga Weald, đi bộ một chút là tới. Dường như ông chồng vô vàn tiếc thương của tôi, Mortimer Maberley, từng là một trong những khách hàng của ông.

Trân trọng

Mary Maberley

Biệt thự Ba đầu hồi,

Harrow Weald"

- Anh Watson, giờ đây, nếu anh rảnh, chúng ta đi xuống đó.

Đó là một biệt thự bằng gỗ và gạch, cất trong đất riêng, vốn là một đồng cỏ. Ba cục u mảnh mai bên trên các cửa sổ cao biện minh cho cái tên ba đầu hồi. Đằng sau nhà, lứa thừa vài cây ngô cần cỗi, toát ra sự nghèo nàn và thê lương. Tuy nhiên nhà đầy đủ đồ gỗ, và người đàn bà tiếp chúng tôi có vẻ là một người dễ thương, có tuổi, có học và lịch lãm.

- Tôi nhớ ông nhà rất rõ, thưa bà! - Holmes nói - Tuy nhiên lâu quá rồi nên tôi không còn nhớ là vụ việc vật vãnh nào.

- Có thể tên thằng Douglas, con trai tôi, quen thuộc với ông hơn?

Holmes chăm chú nhìn bà chủ nhà:

- Chúa ơi! Bà là mẹ của Douglas Maberley ư? Tôi không quen anh ấy bao giờ. Tuy nhiên, toàn thể London đều biết tên anh ấy. Một người tuyệt diệu. Hiện giờ anh ấy ở đâu?

- Cháu đã chết, thưa ông? Cháu được bổ nhiệm làm tùy viên sứ quán tại Roma, và chết ở đó hồi tháng rồi, vì chứng sưng phổi.

- Xin thành thật chia buồn với bà. Tôi không ngờ anh ấy lại vẫn sống đến thế. Chưa bao giờ tôi biết một người yêu đời đến thế. Anh ấy sống cuồng nhiệt.

- Quá cuồng vội, thưa ông Holmes. Đó là nguyên nhân đưa đến cái chết. Ông còn nhớ cháu chớ: hào hoa, phong nhã cực kỳ. Tuy nhiên, ông không thấy cháu lúc nó u sầu, tuyệt vọng.

- Thất tình ư?

- Một con quỷ cái! Tuy nhiên hôm nay không phải tôi mời ông đến đây để than vãn về đứa con đáng thương ấy.

- Thưa bà, bác sĩ Watson và tôi chờ lệnh bà.

- Thưa ông Holmes, nhiều biến cố rất dị thường đã diễn ra tại đây. Tôi dọn về nhà này được một năm, vì chủ trương ẩn dật nên tôi không quen nhiều với các láng giềng. Cách đây 3 ngày, tôi tiếp một nhân viên địa ốc. Ông ấy nói rằng một khách hàng của ông ấy rất thích căn nhà này. Nếu tôi bằng lòng thì vấn đề tiền bạc không phải là chuyện khó khăn. Tôi nhận thấy sự vận động này khá dị thường, vì xung quanh đây có biết bao nhà trống để bán hoặc cho thuê. Tuy nhiên, tôi có bị lôi cuốn bởi lời đề nghị đó. Tôi đưa ra một giá, cao hơn giá mua là 500 bảng. Ông ấy không mặc cả, nhưng nói thêm rằng khách của ông thích mua luôn cả đồ gỗ và ông yêu cầu tôi ra giá. Một phần đồ gỗ đó là của gia đình để lại, rất tốt. Do đó, tôi làm tròn con số. Ông ấy chấp nhận ngay. Tôi luôn mơ được đi du lịch đó đây: lần này lời to; nhờ nó tôi sẽ có tiền sống đàng hoàng tới ngày chết.

Hôm qua, nhân viên địa ốc đó quay lại với văn tự bán nhà làm sẵn. Tôi đưa cho luật sư của tôi là ông Sutro xem qua. Ông này nói: “Văn tự rất kỳ lạ. Bà phải thấy rằng nếu bà ký thì bà sẽ không có thể lấy ra được cái gì, kể cả các vật dụng cá nhân?”

Khi nhân viên địa ốc quay lại vào buổi tối, tôi lưu ý ông ta về điều này, và tôi nhắc lại rằng tôi chỉ bán đồ gỗ mà thôi.

- Không được. Giá mua gồm luôn vật dụng lặt vặt của cá nhân bà.

- Cả quần áo và nữ trang của tôi nữa sao?

- Chúng tôi chấp thuận cho bà linh động về các vật dụng cá nhân. Nhưng không một thứ gì lấy ra khỏi nhà mà không được kiểm tra trước vị khách hàng rất hào phóng của tôi. Tuy vậy, ông ấy có những sở thích bệnh hoạn và lối xử sự quái dị. Đối với ông ta thì hoặc là có tất cả, hoặc là không có gì hết.

- Như vậy thì, tôi chọn giải pháp. Không gì hết - Tôi nói với ông ta.

Nội vụ ngừng tại đó, nhưng nó dị thường đến nỗi tôi nghĩ rằng... Một sự gián đoạn

cũng quái dị lại xảy ra.

Homles giơ tay lên cao, yêu cầu sự yên lặng.

Rồi anh băng qua căn phòng, đột ngột mở cửa và kéo vào một người đàn bà cao lêu nghêu, da bọc xương. Bà này vùng vẫy như một con gà giò bị kéo ra khỏi

- Buông tôi ra? Ông làm gì thế - Mụ ấy la lên.

- Chuyện gì vậy, Susan?

- Thưa bà, tôi lên để hỏi các ông khách có ăn cơm trưa không, thì bị ông này vồ lấy.

- Tôi biết chị này đứng đây hơn năm phút rồi, nhưng vì không muốn cắt ngang một bài tường thuật hấp dẫn. Chị có bị suyễn sơ sơ phải không, chị Susan. Hơi thở của chị quá to, làm sao nhận lãnh công tác loại này?

Susan quay qua Homles với một cái nhìn u buồn, nhưng ngờ ngác.

- Ông là ai? Ông sử dụng quyền gì mà quấy phá tôi như vậy?

- Chỉ vì tôi muốn đặt một câu hỏi có sự hiện diện của chị. Thưa bà chủ, bà có tâm sự với ai về dự định viết thư và xin tham khảo ý kiến tôi hay không?

- Không tâm sự với ai cả, thưa ông.

- Ai đã bỏ cái thư đó?

- Susan.

- Đương nhiên rồi! Giờ đây, Susan, chị viết thư và báo trước cho ai biết về cái ý định của bà chủ mời tôi đến đây.

- Ông nói sảng? Tôi không thông báo tin tức gì cho ai hết.

- Nghe đây, Susan? Người bệnh suyễn thường không sống lâu. Nói láo thì sa địa ngục đó. Chị đã viết thư cho ai?

- Susan - Bà chủ la lớn - Chị tệ lắm, chị đã phản bội tôi. Bây giờ tôi nhớ lại rằng chị có nói chuyện với ai đó tại hàng rào.

- Chuyện riêng tư của tôi

- Phải chăng với Barney Stockdale? - Homles hỏi.

- Ủa, ông đã biết, sao còn hỏi?

- Trước đây, tôi còn ngờ ngợ. Giờ đây, thì chắc chắn rồi. Này Susan, tôi sẽ biếu chị 12 bảng nếu chị tiết lộ người đứng đằng sau Barney.

- Người ta cho tôi 1000 bảng mỗi lần. ông chỉ đề nghị có 10!

- Một ông giàu sụ? Không phải hả? Chị cười à? Vậy là một bà rồi! Đúng rồi! Vậy chị có thể tiết lộ tên người đàn bà đó để lấy 10 bảng.

- Phải gặp ông ở địa ngục trước đã?

- Ô, Susan! Chị nói gì kỳ lạ vậy.

- Tôi đi đây. Tôi chán hết thấy mấy người. Mai tôi sẽ đến lấy va li

Susan đi về hướng cửa.

- Tạm biệt, Susan. Nhớ uống thuốc an thần nhé. Coi chừng đó?

Homles nói tiếp và không còn tươi cười khi người đàn bà đã đóng mạnh cửa lại

- Bọn họ làm việc khá nhanh: thư của bà mang dấu bưu điện 10 giờ tối. Susan thông báo ngay cho Barney, nhờ vậy Barney có thời giờ đi kiếm người chỉ huy, để nhận chỉ thị. Thưa bà, ai là chủ trước của căn nhà này?

- Một sĩ quan hải quân hưu trí tên là Ferguson.

- Bà có biết gì đặc biệt về ông này không

- Thưa không.

- Tôi nghi rằng ông ta đã chôn một cái gì tại đây. Thời đại này, khi cần giấu kho báu, người ta sử dụng kết sắt tại ngân hàng. Nhưng trên trần thế mệnh mông này luôn luôn có người lập dị.

- Trước tiên, tôi nghĩ đến một kho tàng bị chôn. Tuy nhiên, tại sao lại cần đồ gỗ của bà? Bà có một bức họa của Rapheal hoặc một ấn bản đặc biệt nào về Shakespeare mà không hay biết?

- Không, tôi chỉ có một bộ đồ trà cổ thôi!

- Không hợp lý lắm! Tại sao chúng không công khai cái chúng muốn? Nếu chúng cần bộ ấm trà cổ thì chúng có thể đề nghị một mức giá hợp lý hơn là mua một mớ lặt vặt. Không, tôi cho rằng có một cái gì đó bà có mà chính bà cũng không biết.

- Tôi cũng nghĩ vậy – Tôi nói.
- Bác sĩ Watson cũng đồng ý đấy.
- Vậy, thưa ông Holmes, làm thế nào để biết được?
- Bây giờ chúng ta thử phân tích các sự kiện để có thể tìm ra các manh mối. Bà đã ở đây một năm rồi.
- Cũng được gần 2 năm.
- Tốt! Trong suốt thời gian đó, không ai hỏi han gì. Bây giờ, thỉnh thoảng trong ba, bốn ngày nay lại có người yêu cầu. Điều đó có nghĩa là gì?
- Chỉ có một ý – tôi nói – là vật đó mới chỉ ở trong nhà gần đây thôi.
- Đúng rồi! Bây giờ, thưa bà Maberley, gần đây có vật gì được gửi cho bà không?
- Không. Tôi chưa hề mua sắm gì trong một năm nay.
- Quả vậy! Điều đó rất đáng chú ý. Tốt, tôi nghĩ chúng ta đã có một manh mối có thể phát triển cho đến khi chúng ta có rõ ràng hơn dữ liệu. Luật sư của bà là người có khả năng chứ?
- Ông Sutro là người rất khá.
- Bà có người hầu gái nào khác, ngoài Susan không?
- Tôi còn một cô hầu gái thôi
- Bà hãy cố gắng mời luật sư Sutro ngủ một hoặc hai đêm tại nhà. Có thể bà cần được bảo vệ.
- Vì sao vậy?
- Tôi không thể phát hiện món đồ mà người ta muốn lấy, nên tôi phải đi từ đầu kia. Nói rõ hơn là tôi tìm nhân vật chính trong tấn kịch này. Ông nhân viên địa ốc có để lại địa chỉ không?
- Chỉ có tên và nghề nghiệp. Haines-Johnson, nhân viên địa ốc và chuyên gia.
- Có lẽ ta sẽ không tìm thấy tên ông ta trong Niên giám Danh thiếp. Vậy tôi đề nghị bà báo ngay cho tôi mọi diễn biến kế tiếp. Bà hãy tin tôi.

Khi chúng tôi đi ngang qua cửa chính, đôi mắt Homles đập xuống mớ rương và va li chất đống trong một góc.

- Milano, Lucerne. A! Hành lý này từ Ý gửi về?

- Đó là đồ đạc của thằng Douglas đáng thương của tôi?

- Bà chưa khai ra. Bà nhận về được bao lâu rồi?

- Tuần trước.

- Vậy mà bà đã nói với tôi rằng... Vậy là cái mất xích mà tôi thiếu là đây rồi! Có thể mấy cái rương này chứa một đồ vật quý giá?

- Không lẽ, thưa ông Homles. Douglas chỉ sống nhờ đồng lương và một khoản phụ cấp nhỏ. Làm sao nó có khả năng mua bán vật gì?

Homles suy nghĩ hồi lâu.

- Yêu cầu bà làm ngay cho? - Cuối cùng Homles nói - Hãy đưa mớ hành lý này lên phòng bà. Khám nghiệm chúng càng sớm càng tốt và nhớ lập bản kiểm kê. Mai tôi quay lại.

Đúng là biệt thự “Ba đầu hồi” bị canh gác. Khi chúng tôi đi hết đường mòn ở nơi cao ráo thì gặp gã võ sĩ quyền Anh đang đứng núp trong bóng mát. Chúng tôi bị bắt ngờ. Tại cái chỗ quanh hiu này, nó có vẻ bất thường và dễ sợ. Homles thọc tay vào túi.

- Ông kiểm súng lục hả, ông Homles?

- Không đâu, bạn Steve. Kiểm chai dầu.

- Ông là người kỳ lạ.

- Tôi tin rằng anh không đùa với tôi, khi tôi nói chuyện rất đàng hoàng với anh. Sáng nay tôi đã cảnh cáo anh rồi mà.

- Thưa ông, tôi luôn nhớ lời ông dặn và tôi không còn muốn nói tới vụ ông Perkins. Nếu tôi có thể giúp gì ông, tôi sẵn lòng thôi.

- Vậy thì cho tôi biết ai đứng đằng sau vụ này.

- Tôi thề trước Chúa, thưa ông Homles. Hồi sáng tôi đã nói sự thật. Tôi không biết đâu. Chủ tôi là Barney ra lệnh cho tôi. Thế thôi.

- Vậy thì anh nhớ kỹ rằng cái bà trong nhà này và tất cả những gì dưới cái mái này đều

đặt dưới sự che chở của tôi. Đừng quên nhé, bạn Steve!

- Nghe rõ.

- Tôi nghĩ rằng tôi đã làm cho bạn tự lo cứu mạng bạn, - Holmes nói khi chúng tôi tiếp tục đi - Giờ đây bạn sẽ bán đứng chủ bạn nếu bạn biết "người bí ẩn". May là tôi biết đường đi nước bước của băng Spencer John, mà Steve là thành viên. Đây là phần việc của Langdale Pike. Tôi phải đi tìm ông ta ngay.

Holmes biệt tích luôn ngày đó, nhưng tôi biết anh ấy sử dụng thời gian này làm gì vì tôi biết Langdale Pike là ai. Ông ta là quyền từ điển sống về các vụ scandal trong xã hội. Ông ta lơ đãng ngồi hàng giờ trong một câu lạc bộ ở phố Saint James, và là một cái máy thu và phát tất cả các vụ động trời. Hình như thu nhập hàng tháng của ông ta là 4.000 bảng do đem bán các tin tức scandal cho các nhật báo. Đôi khi Holmes cũng cung cấp tin cho Langdale Pike. Để đền đáp, anh chàng này cũng thỉnh thoảng làm mật báo cho Holmes. Khi tôi gặp Holmes vào sáng sớm hôm sau, tôi thấy anh hoàn toàn thỏa mãn. Nhưng một bất ngờ lại xảy đến. Đó là cái điện tín với nội dung như sau:

"Yêu cầu tới ngay. Nhà của khách hàng bị trộm. Đêm qua cảnh sát đã đến. Sutro".

Holmes huyết sáo:

- Biến động xảy ra nhanh hơn tôi dự kiến. Đằng sau nội vụ là một nhân vật quyền thế lớn, anh Watson à? Biến động này không làm tôi sửng sốt sau khi thu lượm tin tức xong. Đương nhiên ông Sutro này chỉ là một luật sư. Tiếc rằng tôi không nhờ anh ngủ lại để canh gác. Ông nội này tỏ ra cù lần quá. Thôi, ta đi tới Harrow Weald.

Biệt thự "Ba đầu hồi", không còn là một cái nhà cao ngạo như hôm qua. Một nhóm vô công rồi nghề vây quanh hàng rào trong lúc hai cảnh sát viên khám xét hai cửa sổ và các bồn hoa. Vào trong nhà, chúng tôi được một người cao niên tóc hoa râm tiếp đón và tự giới thiệu là luật sư của bà Maberley. Ông thanh tra cảnh sát lẳng xăng, chào mừng Holmes như bạn cố tri.

- Tôi ngại rằng không có gì để phải nhờ đến cái tài xuất chúng của ông. Đây chỉ là một vụ trộm xoàng, thuộc phạm vi của đám cảnh sát xoàng xĩnh này.

- Tôi tin chắc rằng nội vụ đang nằm trong tay của những người có thực tài - Holmes nói
- Ông có tin rằng đây chỉ là một vụ trộm đơn thuần?

- Đúng vậy. Chúng tôi biết khá rõ về các nghi can và chúng tôi biết phải tới đâu để tóm cổ chúng. Đó là cái băng Barney Stockdale với thằng mọi to con... chúng nó lẳng vẳng trong xóm này mấy bữa rày.

- Hoan hô! Chúng đã lấy cắp những gì?

- Hình như chúng không lấy gì nhiều. Bà Maberley và cả nhà bị bỏ thuốc mê. Nhưng bà ấy đến kia.

Bà chủ nhà có vẻ tái xanh và suy yếu, vịn vai người hầu đi vào phòng.

- Ông đã cho tôi một lời khuyên rất đúng. Thưa ông Holmes - Bà vừa nói vừa cười một cách buồn thảm - Tiếc thay, tôi đâu có nghe theo. Tôi ngại không dám làm phiền luật sư Sutro và tôi không

- Tôi mới nghe nói về điều đó sáng nay mà thôi? - ông luật sư nói lớn.

- Ông Holmes có khuyên tôi mời một người bạn ngủ lại ban đêm. Tôi coi thường lời khuyên này. Do đó, tôi phải trả giá cho sự bất cẩn này.

- Bà có vẻ khá mệt mỏi - Holmes nói - Tuy nhiên xin bà vui lòng kể lại cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện.

- Tất cả đều được ghi trong này rồi - ông thanh tra cảnh sát vừa đập tay vào một cuốn sổ lớn vừa nói. Tuy nhiên nếu bà Maberley không quá mệt...

- Thật ra thì cũng không có gì nhiều để mà tường thuật. Chắc chắn con nhỏ Susan đã vẽ đường đi nước bước cho bọn chúng! Chúng đi đứng như người trong nhà. Có một giây lát, tôi ý thức bị đặt miếng bông có thuốc mê trên miệng. Nhưng tôi quên hẳn thời gian bị hôn mê. Khi tôi tỉnh lại thì có một người đàn ông đứng bên cạnh, một người đàn ông khác đang đứng dậy cầm một cái gói lấy từ trong hành lý của con trai tôi. Mớ hành lý này bị mở một phần và rơi lung tung trên sàn nhà. Khi chúng chạy, tôi có nhảy lên và nắm tay được một đứa.

- Bà đã làm một điều khá nguy hiểm - Ông thanh tra cảnh sát nói thầm.

- Tôi bám vào nó, nhưng nó vượt ra và thằng kia đập tôi ngất xỉu. Mary nghe tiếng động, chạy ra cửa sổ báo động. Cảnh sát tới, nhưng bọn trộm đã cao bay xa chạy.

- Chúng lấy gì?

- Tôi tin rằng không có gì quý lắm đâu. Tôi chắc chắn không có cái gì đáng giá trong hành lý của con trai tôi.

- Bọn chúng có để lại vết tích gì không?

- Có một tờ giấy tôi giựt được từ thằng mà tôi nắm tay. Giấy nhàu nát dưới sàn nhà, nội dung do chính con trai tôi viết.

- Tờ giấy này chả có ích lợi gì cho cuộc điều tra - ông thanh tra nói - Tuy nhiên vì nó có nằm trong tay của kẻ

- Đúng thế - Holmes nói - Cho tôi xem thử?

Ông thanh tra rút trong quyển sổ của ông một tờ giấy đã xếp lại

- Không bao giờ tôi bỏ sót một chi tiết nào - Holmes nói một cách trịnh trọng - Trong 25 năm hành nghề, tôi đã học hỏi nhiều lắm. Có thể tìm thấy trong đó một dấu tay hoặc là một cái gì đó hữu ích.

Holmes khám nghiệm tờ giấy.

- Ông nghĩ sao, ông thanh tra?

- Hình như là đoạn kết cuộc của một cuốn tiểu thuyết.

- Chắc chắn là cái kết cuộc của một câu chuyện thường! - Holmes nêu ý kiến - Ông có để ý các con số trên đầu trang là 245. Vậy thì 244 trang kia đâu?

- Tôi đoán kẻ trộm đã cuồn rồi.

- Dù sao cũng là chuyện lạ, kẻ trộm trèo tường vào, chỉ để đánh cắp mớ giấy đáng vứt vào sọt rác. Ông có thắc mắc không, ông thanh tra?

- Có chứ. Tôi cho rằng trong lúc vội vã, chúng đã gặp gì chôm nấy.

- Tại sao chúng lại để ý tới đồ đạc của con trai tôi? - Bà Maberley hỏi.

- Tại vì không có gì đáng giá dưới tầng trệt thì phải lên lầu thử thôi vạ. Ông nghĩ sao, ông Holmes?

- Tôi còn phải suy nghĩ thưa ông thanh tra. Hãy ra cửa sổ, Watson.

Đứng cạnh nhau, chúng tôi cùng đọc tờ giấy. Bản văn bắt đầu ở giữa câu:

"...mặt chảy máu lai láng vì bị cắt và bị đánh thương không thấm vào đâu so với sự rướm máu của con tim nó, khi nó thấy cái khuôn mặt kỳ diệu - cái khuôn mặt mà nó tôn thờ - chứng giám sự ưu tư và nhục nhã của nó. Cô cười nụ. Chúa ơi. Cô ta cười được? Đồ quỷ cái! Chính đó là lúc mối tình tắt lịm và nảy sinh sự thù hận. Con người phải sống vì một mục đích gì đó. Nếu tôi không sống để được nụ hôn của cô, cô nàng ơi, thì chắc hẳn cô sẽ bị tiêu vong vì sự phục thù quyết liệt của tôi".

- Câu cú gì quá lạ lùng - Holmes cười và trả tờ giấy lại - Đang ở ngôi thứ ba (nó) rồi bỗng đột ngột chuyển ông ngôi thứ nhất (tôi). Tác giả mê viết tự thuật đến nỗi vào phút chót tưởng tượng mình là nhân vật chính.

- Văn sọt rác! - ông thanh tra nói thì thầm rồi cất tờ giấy vào cuốn sổ - Ủa, ông về sao ông Holmes?

- Nội vụ đã được nhà cầm quyền lưu tâm rồi tôi có lý do gì để nán nã lâu hơn. Thưa bà Maberley, bà có nói với tôi rằng bà thích đi du lịch?

- Đó là giấc mơ xưa nay của tôi.

- Bà thích đi đâu?

-Ồ, nếu có đủ tiền, tôi muốn đi khắp thế giới.

- Bà thấy đúng đó. Hãy chu du thế giới! Xin tạm biệt bà. Có thể tối nay, bà sẽ nhận được một lá thư của tôi.

Khi ra về, đi ngang cửa sổ, tôi thấy ông thanh tra cười và lắc đầu "có học thì phải điên điên?". Đó là cái mà tôi đọc được trên môi của ông thanh tra.

- Anh Watson, giờ đây ta lên đường đi đến cái giai đoạn chót của chuyến đi ngắn này?

- Holmes nói với tôi.

Chúng tôi trở về khu trung tâm London.

- Tôi nghĩ rằng vụ này có thể giải quyết thật nhanh, tuy nhiên tôi thích anh đi theo, bởi vì nên có nhân chứng khi thương lượng với một người đàn bà có tầm cỡ như Isadora Klein.

Chúng tôi đi xe ngựa tới quảng trường Grossvener. Holmes đột ngột ra khỏi cơn suy tư:

- Anh Watson, tôi đoá trong trí anh mọi sự đã sáng như ban ngày rồi, phải không?

- Chưa đâu! Tôi đoán rằng chúng ta đang đi tới người đàn bà giết dây chuyện này?

- Đúng vậy? Cái tên Isadora Klein không nhắc cho anh nhớ tới cái gì sao? Nàng đẹp nghiêng nước nghiêng thành, là một người Tây Ban Nha thuần chủng, nàng có dòng máu của những nhà chinh phục. Nàng lấy Klein, lão già người Đức biệt danh là Vua Đường. Nhờ đó nàng nổi danh là người góa phụ đẹp nhất và giàu nhất thế giới. Nàng có phiêu lưu một lúc, có nhiều nhân tình, trong số đó có cả Douglas Maberley, một trong những chàng hào hoa phong nhã nhất của London. Theo lời đồn thì nàng và chàng có cái gì đậm đà hơn là một cuộc giao du ong bướm. Anh chàng này thì không thể là một con ong, con bướm, mà là một mẫu người cao đẹp, hy sinh tất cả và cũng đòi được hy sinh tất cả. Khốn thay, nàng thuộc loại đàn bà không chịu vắn vương. Sau khi thỏa mãn, là đoạn tuyệt. Nếu chàng ta u mê thì cô nàng biết cách mở mắt chàng.

- Vậy đây là chuyện tình của Douglas?

- Tôi mới nghe tin rằng nàng sẽ kết hôn với quận công Lomond, nhỏ tuổi hơn nàng rất nhiều. Mẹ của quận công có thể coi thường sự so le tuổi tác, nhưng bà không thể coi thường một scandal tình ái lãng nhăng. Do đó cô nàng cần phải... Mà, tới rồi?

Đó là một trong những căn nhà đẹp nhất ở khu West End. Một người hầu đưa tay nhận danh thiếp của chúng tôi, cứng đờ như người máy rồi quay lại cho hay rằng nữ chủ đi vắng.

- Được, - Holmes nói - Chúng tôi chờ vậy.

- Đi vắng, có nghĩa là đi vắng với hai ông - Người máy nói.

- Được - Holmes lặp lại - Có nghĩa là chúng tôi khỏi phải chờ lâu. Chú em vui lòng trình thiếp này cho nữ chủ của chú em.

Holmes ngoáy vài ba chữ trên giấy, xếp lại rồi đưa cho người giúp việc.

- Anh viết gì vậy?

- Chỉ có năm chữ: "Vậy thì đến" Tôi tin rằng nàng sẽ ra tiếp chúng ta.

Một phút sau, chúng tôi được đưa vào phòng khách của cảnh 1001 đêm. Tôi nghĩ rằng nữ chủ đã tới cái tuổi mà sắc đẹp vô song phải sống đôi với sự chiếu sáng mờ ảo. Khi chúng tôi bước vào, nàng đứng dậy khỏi tràng kỷ. Vóc dáng cao, đi đứng bệ vệ như nữ hoàng, khuôn mặt thì cực kỳ giả tạo, đôi mắt đen Tây Ban Nha sắc bén như dao.

- Các ông đường đột như vậy để làm gì? Cái danh thiếp hỗn láo này có nghĩa gì. - Nàng hỏi và vẩy vẩy cái thiếp.

- Thưa bà, tôi thấy khỏi cần giải thích. Tôi quá tôn kính trí thông minh tuyệt vời của bà. Mặc dù cái trí thông minh đó đã cùn đi mấy bữa nay!

- Chuyện gì vậy, thưa ông?

- Để thường mấy tên anh hùng rơm do bà thuê mướn có thể dọa nạt, ngăn cấm được tôi làm nhiệm vụ nghề nghiệp. Không ai dại gì chọn cái nghề như tôi nếu bẩm sinh họ không thích nguy hiểm. Phải chăng chính bà đã buộc tôi nghiên cứu vụ anh chàng thanh niên Douglas Maberley.

- Tôi không hiểu gì về những lời ông vừa nói. Tôi có dính dáng gì đến mấy tay anh hùng rơm nào đó!

Holmes quay mặt đi như một mồi.

- Rõ ràng là tôi đánh giá sai cái trí thông minh của bà. Thôi Xin tạm biệt.

- Hãy đứng lại, ông đi đâu?

- Tới Scotland Yard.

Chúng tôi chưa ra tới cửa chính thì nàng đã chạy theo và nắm cánh tay của Holmes. Từ sắt thép nàng chuyển qua nhung lụa ngay.

- Kính mời hai vị ngồi. Chúng ta nói chuyện thêm một chút nữa. Tôi cảm thấy tôi có thể thành thật với ông, thưa ông Holmes, ông có tình cảm của người quý phái. Bản năng đàn bà phát hiện điểm này nhanh lắm. Tôi muốn xem ông là bạn tri âm tri kỷ.

- Tôi không ể hứa chuyện "có đi có lại", thưa bà. Tôi không phải là luật pháp, nhưng tôi đại diện cho lẽ phải trong chừng mực mà các khả năng khiêm nhường của tôi cho phép. Tôi sẵn sàng nghe bà và tôi sẽ cho bà biết tôi sẽ hành động ra sao.

- Có lẽ tôi đã cực kỳ ngu muội khi sai người đi hù dọa một người dũng cảm như ông?

- Thưa bà, cái ngu muội là bà đã tự đặt mình trong tay một băng lưu manh; sau này chúng có thể tống tiền bà, hoặc tố cáo bà.

- Không, tôi không ngu muội đến thế! Vì tôi đã hứa sẽ thành thật với ông, tôi xin khẳng định với ông rằng ngoại trừ Barney và vợ nó là Susan, không ai khác biết danh tánh người giết đây. Hai đứa này, thì ai còn lạ gì...

Nàng cười nụ, quẹo cái đầu làm dáng một cách vô cùng quyến rũ .

- Tôi hiểu. Bà thử thách chúng rồi à?

- Chúng nó là những con chó ngoan, lẳng xăng chạy theo chủ.

- Cái loại khốn nạn đó, không chóng thì chày chúng sẽ cắn ngược lại chủ. Chúng sẽ bị bắt vì cái tội trộm. Cảnh sát đang truy lùng chúng.

- Chúng phải gánh lấy hậu quả một mình thôi. Tôi không ra tòa vì vụ này đâu.

- Trừ khi tôi đưa bà ra!

- Không đâu, ông sẽ không làm như thế. Ông là người mã thượng. Chuyện bí mật của phụ nữ mà.

- Trước tiên, bà phải trả lại cái bản thảo.

Nàng bật cười và đi về hướng lò sưởi, lấy que còi than quây tán loạn.

- Phải trả lại à?

Trong lúc đứng trước mặt chúng tôi với một nụ cười thách thức, nàng có vẻ bướng bỉnh và hấp dẫn đến nỗi tôi đoán rằng trong đám tội Holmes phải đương đầu, chỉ có nàng là người làm cho Holmes nhức đầu nhất, tuy rằng tôi biết rõ anh là người chai như đá.

- Đó là điều làm cho đời bà tiêu tan - Holmes nói một cách lạnh lùng - Bà là người rất nhanh tay, nhưng trong vụ này, bà đi hơi xa.

Nàng liệng que còi than, la to:

- Ông thật là khắc nghiệt. Tôi xin phép kể hết câu chuyện.

- Tôi cho rằng bà có quyền đó.

- Nhưng tôi thiết nghĩ ông phải hiểu chuyện đó theo quan điểm của một người đàn bà đột ngột nhận chân rằng tất cả tham vọng của cuộc đời mình có thể bị tiêu tan vào phút chót. Một người đàn bà như thế có đáng trách hay không, lúc bà ấy xoay xở để tự vệ?

- Tội gốc do ai phạm vậy?

- Đồng ý với ông. Douglas đẹp trai thật đó, nhưng khôn thay nó không phù hợp với các dự tính của tôi. Nó muốn lấy tôi. Lấy tôi, thưa ông Holmes. Nó là một thằng trung lưu, nghèo kiệt xác. Vì tôi trót trao thân, nó nghĩ rằng tôi phải mãi mãi là của nó. Không thể nào chịu đựng được. Cuối cùng tôi phải làm cho nó hiểu?

- Bằng cách thuê côn đồ hạ nó dưới cửa sổ của bà.

- Ông có vẻ biết hết mọi việc. Đúng như thế! Barney và tay chân đã đuổi nó, và tôi nhìn nhận, đã xử sự hơi thô lỗ. Kể đó, nó làm gì? Không bao giờ tôi ngờ rằng một người đàn ông có thể trù tính một chuyện hèn hạ đến thế. Nó viết một cuốn sách trong đó nó tường thuật đời tư của nó. Đương nhiên, trong đó tôi là con sói, nó là con cừu non. Nó kể từng li từng tí, đương nhiên dưới những tên khác. Tuy nhiên, ở London này ai mà không nhận ra chúng tôi? Ông thử xét xem?

- Suy cho cùng, nó có quyền đó?

- Như thế không khí Ý đã thâm nhập vào huyết quản của nó, tiêm vào máu cái nọc ác độc kỳ cựu của dân tộc Ý. Nó có viết thư cho tôi, có gởi cho tôi một bản thảo để tôi đau khổ vì lo sợ. Nó tiết lộ nó có hai bản: một bản cho tôi và một bản cho nhà xuất bản.

- Làm sao bà biết nhà xuất bản từ chối?

- Tại vì tôi đã dò hỏi và biết nhà xuất bản là ai. Rồi thỉnh thoảng ngay sau đó tôi nghe Douglas chết. Còn bản thảo kia có thể bị xuất bản, tôi cảm thấy không an tâm. Bản này chắc chắn nằm trong đồ đạc của Douglas sẽ được chở về trả cho mẹ nó. Tôi vận dụng ngay cái bằng lưu manh. Susan xin vào làm tôi tớ cho bà Maberley. Tôi muốn hành động một cách lương thiện thôi. Thật thế, tôi sẵn sàng mua ngôi nhà với tất cả những thứ gì nó chứa. Tôi chấp thuận cái giá bà ấy đưa ra. Tôi chỉ dùng phương án hai khi mà phương án thứ nhất bị thất bại. Giờ đây, ông xét xem, dù rằng tôi quả có nghiệt ngã với Douglas, tôi có thể làm gì khác khi mà tương lai tôi lâm nguy?

Holmes vươn vai.

- Được. Tôi đoán rằng tôi sẽ thỏa hiệp với tội ác. Đi chu du thế giới hạng nhất tốn bao nhiêu, thưa bà?

Người thiếu phụ trẻ nhìn anh ta với nét hoảng hốt.

- Không hơn 5.000 bảng đâu.

- Không, tôi không tin là đắt đến thế. Được Yêu cầu bà vui lòng ký một chi phiếu, với số tiền đó tôi sẽ lo gởi nó đến tận tay bà Maberley. Bà cần cho bà cụ đó đổi gió. Trong khi chờ đợi, bà...

Holmes giơ một ngón tay cảnh cáo.

- Coi chừng chơi dao có ngày đứt tay!
Hết .

F.5 The Adventure of the Sussex Vampire 1924 (Ma cà rồng vùng Sussex)

Holmes đọc kỹ một bức thư rồi cười và trao cho tôi.

- Anh Watson, anh nghĩ sao về những chuyện pha trộn cái hiện đại với cái trung cổ, cái thực tế với cái ma quái cổ sơ Đây là một chuyện tiêu biểu?

Tôi đọc thư.

“46 Old Jewry, ngày 19 tháng 1 1 l/ụ ma cà rồng.

Thưa ông, Khách hàng của chúng tôi, ông Robert Ferguson, thuộc công ty Ferguson và Muirhead, buôn trà tại Mincing Lanh, có gửi thư hỏi chúng tôi vài câu về ma cà rồng. Vì công ty chúng tôi không chuyên về chuyện này, chúng tôi chuyển theo đây lá thư của Robert gạ cho ông. Chúng tôi không quên sự thành công của ông trong các vụ đã qua.

Trân trọng hình chào ông, '

Morrison, Morrison và Dodd.”

-Chúng ta biết gì về ma cà rồng?

-Chúng ta mà cũng đi điều tra về ma cà rồng hay sao?

- Có việc để làm còn hơn là phải ngồi không?

- Quả thật người ta đưa chúng ta vào không khí của chuyện cổ tích. Anh Watson, xin vui lòng với lấy cuốn sách! Và chúng ta cùng xem mục “ma” nói gì?

Tôi quay ra sau, với lấy cuốn sách tham khảo đưa cho Holmes.

Anh đặt nó trên đầu gối, rồi từ từ đọc danh sách các vụ điều tra trước đây.

- Chuyển đi của con tàu Gloria Scott. Vụ nhớp nhúa! Victor Lynch, người mạo hóa. Thần lẩn có nọc. Người đẹp của gánh xiếc.. Đủ cả. Nghe đây, Watson! Ma- cà-rồng ở Hung-ga-ri, Ma-cà-rồng ở Transyvanie?

Holmes lật nhanh các trang giấy, cầm cúi đọc, nhưng chỉ một lát sau thì vứt cuốn sách, rồi thốt lên một câu thất vọng:

- Chẳng có gì. Đọc làm gì các chuyện xác chết đi dạo nếu không bị đóng cọc giữa tim và ghim chặt vào cái hòm? Chuyện điên rồ?

- Nhưng mà ma-cà-rông đâu bắt buộc phải là người chết. Người sống vẫn có thể là ma-cà-rông. Tôi có đọc một chuyện quái vật hút máu trẻ em để trường sinh bất tử.

Anh có lý. Chuyện này eo trong danh mục của tôi, nhưng chẳng lẽ mình lại nghe theo những chuyện nhảm nhí đó. Thế giới này đủ rộng để chúng ta hoạt động, đâu cần đến chuyện ma quái. Nhưng, lá thư của ông ta có lẽ cọ những tin tức chính xác hơn.

Holmes lấy lá thư thứ hai ở trên bàn, đọc nó rồi cười thích thú. Đọc xong, anh yên lặng hồi lâu, lá thư rung rung trên tay. Cuối cùng anh đột ngột rời khỏi giấc mơ. ' - Cheeseman's Lamberley. Lamberley nằm ở đâu, anh Watson?

- Trong vùng Sussex, phía nam của Horsham. Đâu có xa nhỉ?

- Còn Cheeseman's?

- Tôi không biết.

Ở đó có nhiều ngôi nhà xưa hẳng mấy thế kỷ, mang tên những người có công xây cất chúng,.. như là: Odley's, hoặc Harvey's, hoặc Camton' s. Con người bằng xương bằng thịt thì đã bị trôi vào quên lãng nhưng tên họ vẫn sống trong căn nhà của họ.

- Đúng thế. Tôi có cảm giác rằng chúng ta sẽ biết rõ hơn về Cheeseman's Lamberley. Đúng như tôi đã hy vọng, Robert Ferguson gửi bức thư này. Ông ta quen với anh đấy. Ông ta quen tôi?.

- Đọc đi

Holmes đưa thư cho tôi.

"46 Old Jewry, ngày 19 tháng 1 1

Thưa ông Holmes, Các luật sư của tôi khuyên tôi tiếp xúc với ông, nhưng đây là một câu chuyện rất khó trình bày. Nó liên quan tới một người bạn của tôi. Tôi nhân danh người này mà tiếp xúc với ông. Cách nay năm năm, ông bạn tôi cưới một bà vợ người xứ Pérou. Cô gái rất xinh đẹp, nhưng cách sông và tôn giáo khác nhau, không mấy chốc đã làm xuất hiện những khác biệt về tình cảm giữa người chồng với người vợ. Tình yêu của người chồng nguội lạnh, và anh ta không khỏi tự hỏi xem việc kết hôn vừa rồi có phải là một sai lầm không! Đau khổ hơn cả, chính là việc nàng rất yêu thương anh ta và theo các biểu hiện bên ngoài thì nàng rất quyến luyến anh ta. Giờ đây, ta hãy đi vào điểm chính. Thư này chỉ có mục đích cho ông biết tình hình một cách khái quát và hỏi xem ông có vui lòng giúp đỡ không.

Vợ bạn tôi bắt đầu biểu hiện một nét quái dị, hoàn toàn trái ngược với cái dịu dàng và nét khả ái tự nhiên của nàng. Chồng nàng có một đứa con trai với người vợ trước.

Thằng bé năm nay được 15 tuổi. Tuy bị tật do một tai nạn lúc nhỏ, nó vẫn rất đẹp và hiếu thảo. Đã hai lần vợ của bạn tôi bị bắt gặp đang đánh đập thằng bé. Có lần nàng đánh nó bằng gậy, đánh mạnh đến nỗi hiện nay một cánh tay của nó bị yếu đi.

Nhưng chuyện đó không thấm vào đâu so với cái cách mà nàng đã cư xử với chính con trai nàng, chưa tròn một tuổi. Cách đây một tháng, người vú để cháu bé nằm một vài phút ở trong phòng. Bỗng bà ta nghe đứa bé la thất thanh, bèn vội chạy vào, bà thấy mẹ ruột của đứa bé cúi xuống cắn ngay gần cổ nó, vết thương nhỏ lồ lộ, máu còn chảy. Kinh hoàng, người vú muốn báo cho người cha, nhưng người mẹ năn nỉ và biếu cho người vú 5 đồng bảng để bà này giữ bí mật. Nàng không hề giải thích gì về hành động đó và nội vụ trôi qua.

Nhưng làm sao xóa được cảm giác kinh tởm trong tâm trí người vú. Từ đó, bà vú canh nử chủ một cách nghiêm ngặt và luôn luôn túc trực bên đứa bé. Bà thấy rằng trong khi bà canh người mẹ thì người mẹ cũng canh bà và mỗi lần bà phải rời đứa bé thì người mẹ vội vã tới gần. Nếu ngày lẫn đêm, người vú canh giữ thì ngày lẫn đêm, người mẹ rình rập bà vú. Đương nhiên ông thấy là khó tin nhưng tôi mong ông hiểu đây là chuyện có thật..

Cuối cùng, cái ngày khủng khiếp đã đến: thần kinh của người vú không còn chịu đựng được sự căng thẳng, bà bèn nói huych tẹt với người cha. Thừa ông Holmes, bạn tôi thừa biết rằng vợ nó yêu thương nó rất mực và là một bà mẹ rất tận tụy, ngoại trừ các sự bực bội dành cho đứa con ghẻ. Do đó nó không tin! Nó bảo bà vú từ nay trở đi đừng có nói bậy bạ nữa. Nhưng trong lúc hai người đang bàn chuyện với nhau thì lại vang lên tiếng la của đứa bé.

Người vú và ông bà chủ hồi hả chạy vào phòng. Bạn tôi thấy vợ nó đứng dậy và máu từ trên cổ của đứa bé chảy xuống tấm ga. Bạn tôi hết hoảng, kéo mặt vợ ra ánh sáng. Có vết máu trên môi nàng. Rõ ràng chính nàng uống máu của đứa bé.

Câu chuyện hiện ngừng tại điểm này. Người mẹ hiện nằm ì trong phòng. Tuyệt đối không giải thích một tí nào.

Bạn tôi gần như điên. Nó, cũng như tôi, chúng tôi chẳng biết gì về ma-cà-rông. Chúng ta có thể cùng nhau tìm hiểu được không Thừa ông Holmes, ông có tiếp tôi không ông có đồng ý dùng cái tài năng siêu việt của ông để cứu giúp một người đang bán loạn tinh thần Nếu chấp nhận, ông đánh điện cho Ferguson và tôi sẽ đến vào ' 10 giờ ngày mai.

Trân trọng Robert Ferguson

TB: Tôi còn nhớ ông bạn thân Watson chơi bóng bầu dục ở đội Blackheath. Tôi là thành viên vệ của đội Richmond. Đó là điểm tự giới thiệu độc nhất mà tôi có thể đưa ra

trong hiện tại.”

Đương nhiên là tôi nhớ y - Tôi nói và để thư xuống Rô-be-mập, thằng trung vệ giỏi nhất của đội Richmond. Lúc nào nó cũng vui vẻ.

Tôi mừng tượng được cảnh nó lo âu cho bạn nó.

Holmes liếc mắt nhìn tôi và lắc đầu..

- Tôi không bao giờ thấy được hết khả năng của anh, anh Watson. Anh có nhiều khả năng tiềm tàng lắm. Nè! anh nhờ người đi gọi bức điện tín này, vì a người tốt bụng: “ông Rô-be, chúng tôi vui vẻ xét trường hợp của ông”.

Trường hợp của thằng Rô- be!. ' - Đừng để nó làm tưởng rằng cơ sở này được điều hành bởi những thằng ngốc. Đây đúng là trường hợp của chính nó.

Thuở xưa, Rô-be là một lực sĩ cao lêu nghêu, dẻo' dai, chạy nhanh như gió. Trên đời này không gì đau đớn cho bằng khi phải chứng kiến “cái ngày già” của một lực sĩ mà mình quen biết lúc thịnh. thời. Lưng đã cong, tóc rụng gần hết, vai đã xệ.

Chào anh Watson - Nó nói với giọng vẫn còn nòng nân ảm áp - Anh không còn giống hần con người của “Công viên Con Nai già”.

-Tôi cũng có thay đổi chút ít.

Nhưng chính mấy ngày qua mới làm tôi già đi thực sự.

Điện tín của ông, thưa ông Holmes, dạy tôi biết rằng khỏi cần đóng kịch là đại diện của ai cả?

Nói thẳng nói thật thì có lợi cho công việc hơn.

- Holmes đáp.

- Đúng vậy. Nhưng ông hãy tưởng tượng cái khó của tôi khi phải nói về người đàn bà mà tôi rất mến yêu. Tôi có thể làm gì bây giờ? Tố cáo với cảnh sát? Nhưng tôi cũng cần phải bảo vệ hai thằng con trai nữa? Nàng điên rồi, phải không ông Holmes? Một tội xấu di truyền? Có bao giờ ông gặp một trường hợp tương tự không ông hãy giúp tôi, tôi tuyệt vọng rồi!

Không có gì lạ lùng lắm đâu ông. Rô-be! Giờ đây ông hãy ngồi xuống, hãy lấy lại bình tĩnh. Tôi cần những câu trả lời chính xác và gọn ghẽ. Phần tôi, tôi bảo đảm với ông rằng tôi sẽ tìm ra giải đáp. Trước hết ông hãy cho tôi biết, ông đã quyết định nhưng gì? Vợ ông còn ở cạnh mấy đứa con thứ?

- Chúng tôi đã cãi nhau dữ dội. Đó là một người đàn bà rất yêu chồng. Nàng đau khổ

biết bao khi tôi phát hiện ra cái bí mật kinh tởm của nàng. Nàng không nói gì. Tôi trách móc, nàng không hề trả lời, chỉ nhìn tôi một cách tuyệt vọng rồi chạy vào nằm luôn. Từ đó, nàng từ chối gặp tôi. Nàng có một tớ gái phục vụ từ trước khi lấy tôi Cô ta tên là Đô-Lo. Đúng ra là một cô bạn thân. Chính Đô Lo mang cơm cho nàng.

- Hiện thời đứa bé không có gì nguy ngập phải không?

- Bà vú thề với tôi là sẽ không bao giờ rời nó, dù ngày hay đêm. Tôi có thể tin tưởng vào bà ta. Tôi hơi lo cho thằng Jack đấy bị xử tệ hai lần như tôi đã nói trong thư.

- Nàng có cần Jack đâu?

- Nhưng nàng đánh đập nó một cách tàn bạo. Việc này tệ hại hơn bởi vì Jack là một kẻ tàn tật.

Khuôn mặt của Rô-be dịu đi.

- Theo tôi thì ai cũng phải động lòng trước tình trạng đáng thương của nó. Vì nó té nên nó bị trật xương sống. Nó vô cùng hiếu thảo, thừa ông Holmes.

Holmes đem cái thư hôm trước ra đọc lại.

- Nhà ông gồm có những ai?

Hai tôi tớ mới vào làm. Một thằng bé giữ ngựa ngủ lại đêm. Vợ tôi, thằng Jack, đứa bé sơ sinh, cô Đô-Lo và bà vú ,tất cả chỉ có bấy nhiêu thôi.

- Tôi đoán rằng lúc cưới vợ, anh chưa biết về vợ anh nhiều lắm đâu?

- Ạ - Tôi quen nàng có vài tuần! ,

- Đô-Lo phục vụ bà ấy bao lâu rồi?

- Vài năm..

- Như vậy Đô-Lo hiểu rõ vợ anh hơn anh?

- Ông có lý.

Ạ Holmes ghi vài chữ..

- Tôi sẽ hữu í tại Lamberley hơn là ở tại đây.

Trường hợp này đặc biệt, cần phải hỏi từng người. Nếu vợ ông vẫn còn nằm trong phòng thì ông phải tránh, không để sự hiện diện của chúng tôi làm bà ấy bức bối hoặc

buồn phiền. Chúng tôi sẽ ngụ tại quán của làng.

Rô-be cảm thấy nhẹ nhõm.

- Chính đó là điều tôi mong mỏi.

Lúc 2 giờ sẽ có chuyến tàu tại ga Vitoria, nếu ông có thể đi.

- Chúng tôi sẽ đi chuyến đó. Đương nhiên, Watson sẽ đi theo tôi. Nhưng trước khi lên đường, tôi cần biết chính xác vài chi tiết. Người đàn bà bất hạnh đó, đã bị bắt quả tang xử sự tệ hại với hai đứa bé?

Đúng.

- Nhưng hai cái xử tệ này không giống nhau, phải không?

- Bà ấy đập Jack.

Một lần đập bằng gậy, lần sau thì bằng tay, mà rất là tàn tệ.

- Bà ấy có giải thích không?

- Nàng chỉ nói là ghét nó.

Nàng nói đi nói lại nhiều lần như thế.

- Mẹ ghê mà! Chúng tôi gọi là ghen với người quá cố.

-Bà ấy có bản chất ghen dữ dội?

-Đúng!

-Ghen quá lố!

-Còn thằng bé.. Nó đã mười lăm tuổi, có thể nó có trí tuệ rất phát triển vì thân xác nó bị hành hạ. Nó có giải thích cho ông biết tại sao nó bị đánh như thế không?

- Không, nó bảo nó không làm gì nên tội?

- Thường ngày thì hai người ấy hòa thuận với nhau chứ?

- Không!

-Không bao giờ eo suser thâm giữa mẹ ghẻ con chồng!

-vậy tại sao ông nói nó rất mực hiếu thảo?

- Trên đời này tôi chưa thấy có thằng con trai nào quyến luyến bố nó như Jack. Cuộc đời tôi là cuộc đời của nó. Nó mê say theo dõi những gì tôi nói hay làm.

Holmes lại ghi chép và suy nghĩ một lát.

- Hai cha con ông rất thân nhau trước khi ông tỵ huyên. Cái tang làm cho hai người gần gũi nhau hơn, phải không?.

- Đúng vậy!

Thằng bé hiếu thảo như thế, có lẽ nó rất quý những kỷ niệm về mẹ nó.

- Phải.

- Chắc chắn đó là một thằng bé rất lý thú. Xin hỏi thêm một chi tiết khác về các lần thằng bé bị đánh. Việc đối xử với bé sơ sinh và với Jack xảy ra cùng một ngày?

- Lần đầu thì đồng thời, nàng như là nổi điên vậy; nàng như muốn đồ nổi điên lên cả hai đứa. Lần thứ nhì thì chỉ một mình Jack lãnh đủ. Bà vú không nhận thấy đứa sơ sinh bị thương tích gì?.

- Rất rắc rối.

-Tôi thưa hiểu ông muốn nói gì

Tôi có thói quen đặt giả thiết tạm và chờ thời gian hoặc yếu tố mới chứng minh cho giả thiết đó ông Rô-be, chúng ta đâu có tài như thần thánh. Tôi ngại rằng anh bạn Watson của ông đã khoắc lác quá nhiều khi nói về các phương pháp khoa học của tôi. ông cứ tin chắc là chúng tôi sẽ lên chuyến xe hai giờ tại ga Victoria.

Đêm đó trời đầy sương mù. Sau khi để hành lý tại quán trọ, chúng tôi đi xe ngựa, băng qua vùng đất sét Sussex, dọc theo một con đường ngoằn ngoèo để đến cái trang trại cổ lỗ và cô lập. Khắp nơi, cũ kỹ và đổ nát!

Rô-be đưa chúng tôi vào một phòng rộng thênh thang, có một lò sưởi đồ sộ kiểu năm 1670 đang cháy bùng bùng..

Tôi nhìn căn phòng, một sự pha trộn về thời đại và lục địa. Tường gần như bị che khuất bởi những chạm trổ trên gỗ từ đời ông trại chủ thứ nhất cánh đây ba thế kỷ.

Phần dưới có những bức tranh bằng sơn nước hiện đại, đúng thẩm mỹ. Trên cao, treo lủng lẳng một bộ sưu tập đẹp mắt về công cụ và vũ khí Nam Mỹ.

Holmes tò mò đứng lên chăm chú quan sát chúng.

Lát sau anh quay lại, đôi mắt đăm chiêu.

-Ồ ồ?

- Anh la to.

Một con chó xù tai quặp, rời cái thúng ở trong kẹt, lê lét tiến tới chủ nó. Chân sau nó kéo lê khó khăn, đuôi lệt bệt dưới đất. Nó tới liếm tay của Rô-be.

- Có chuyện gì vậy, ông Holmes?

- Con chó sao vậy?

- Nó bị bại xui, nay sắp lành rồi!

- Phải vậy không, Ca-lo?

Con chó run rẩy như tán đồng, quơ nhẹ cái đuôi lệt bệt, đôi mắt buồn nhìn chúng tôi. Nó biết chúng tôi thảo luận về trường hợp của nó.

- Chuyện xảy ra đột ngột hay sao?

Chỉ sau một đêm thôi.

- Lâu chưa?.

- Cách nay khoảng bốn tháng!

- Rất lý thú!

- Rất bổ ích?

- Ông thấy gì, ông Holmes?

- Một sự xác nhận?

- Xác nhận điều gì. Đối với ông chỉ là một thắc mắc, còn với tôi là vấn đề sống chết . Vợ tôi có thể là kẻ giết người' con tôi đang lâm nguy, thưa ông Holmes, ông không nên đùa giỡn với tôi.

Người cầu thủ bóng bầu dục run rẩy, Holmes để nhẹ một tay lên vai ông ta.

- Tôi biết rằng dù sự việc như thế nào, ông cũng đau khổ. Do đó, tôi sẽ giúp ông tới đa. Hiện nay tôi không thể nói nhiều hơn, nhưng trước khi ra về, tôi hy vọng có thể nói ra

chính xác hơn.

- Cầu xin ơn trên tiếp tay với ông. Xin phép hai ông cho tôi lên thăm xem có gì mới không Trong mấy phút ông ta vắng mặt, Holmes lại ngắm nghía các vật lạ trên tường. Khi chủ nhà quay lại nét mặt bơ phờ của ông cho thấy không có tiến bộ gì! Một cô gái lêu nhêu, khuôn mặt sạm nắng đi theo sau ông.

- Trà đã pha xong chưa, cô đồ-lo- ông chủ nhà nói Hãy lo cho xong để bà ấy cần gì là có ngay' Bà nhà đau nặng lắm - Con bé nhìn ông chủ một Cánh lo lắng - Bà không muốn ăn. Bà cần được một y sĩ.

chăm sóc. Tôi sợ lắm, vì tôi eo biết gì về y khoa đâu? “ Rô-be nhìn tôi. Qua đôi mắt, tôi hiểu anh ta muốn hỏi ý tôi.

- Tôi sung sướng giúp đỡ anh!

- Bà nhà chịu gặp bác sĩ Watson không

- Tôi đưa ông ấy lên - Cô Đô-Lo nói.

- Tôi đi theo cô ngay.

Cô gái cuống cuống vì bị xúc động mạnh. Tôi đi theo lên cầu thang và dọc một hành lang cổ lồi đưa đến một cái cửa to. Cô tớ gái 'tra chìa vào ổ khóa. Hai cánh cửa gỗ sồi đồ sộ kêu rảng rặc trên mấy cái bản lề. Tôi bước vào, cô ta bám theo và cánh cửa được đóng ngay lại.

Trên giường, một người đàn bà nằm dài, rõ ràng đang sốt dữ dội. Nàng không tỉnh hẳn. Tuy nhiên, khi tôi vào, tôi vẫn thấy đôi mắt đẹp đang kinh hoàng nhìn tôi.

Thấy người lạ mặt đến gần, nàng an lòng, gục trở lại xuống gối rồi thở dài. Tôi nói vài câu trấn an, rồi bắt mạch và lấy nhiệt độ. Tôi có cảm giác rằng bệnh tình của nàng là hậu quả của một sự kích thích tâm thần!

- Bà như vậy đã hai ngày nay. Tôi sợ bà chết - Cô Đô Lo nói..

Bà Rô-be quay về phía tôi, hỏi:

- Chồng tôi đâu?

- Ở dưới nhà.

-ông muốn vào thăm bà.

- Tôi sẽ không bao giờ chịu gặp ông ta.

Rồi nàng nói luôn miệng như đang trong cơn mê.

- Một con quỷ, một con quỷ' ? Tôi phải làm gì với con quỷ này
- Tôi có thể giúp bà, hoặc về mặt này hoặc về mặt nọ
- Không? Không ai giúp tôi được. Dù có làm gì, cũng đã tan nát cả rồi.
- Thừa bà, chồng bà rất thương yêu bà. ông hiệp đau khổ nhiều về chuyện vừa xảy ra.

Bà lại quay về hướng tôi, đôi mắt đẹp tuyệt trần!

- Ông ấy thương tôi? Đúng! Phần tôi, bộ tôi không thương ông ấy sao? Thà hy sinh còn hơn là làm cho tim ông ấy tan nát? Đáp lại, ông ấy lại liệt tôi vào các loại người mà ông ấy dám nghĩ

- Ông ấy đau khổ dữ dội vì không hiểu nổi sự việc!

- Làm sao hiểu nổi?

- Nhưng phải tin tôi chứ?

- Bà có muốn gặp ông ấy không?

- Không, tôi không thể quên các lời khủng khiếp đó. Tôi không thể xua đuổi cái nhìn đó trên mặt ông ta. Tôi không muốn gặp ông ta. Giờ đây, ông hãy đi đi! ông không thể cứu tôi được đâu. Ông vui lòng nhấc với ông ấy một điều: trả con tôi cho tôi? Tôi có quyền đối với con tôi? Đó là điều độc nhất mà tôi muốn nói với ông ấy.

Tôi xuống nhà.

Rô-be và Holmes đang ngồi bên bếp lửa. Chủ nhà buồn bã nghe tôi thuật lại.

- Đâu có thể đưa đứa bé lên đó được

Rô-be nói

- Biết nàng nổi cơn lúc nào. Làm sao quên được cảnh nàng ngẩng đầu lên với máu me đầy miệng?

Cảnh này làm ông ta rùng mình' - Đứa bé được an toàn khi ở với bà vú - ông ta nói tiếp - Để yên đứa bé tại đó đi?

Một tớ gái dọn trà ra. Trong lúc cô rót trà, cửa mở và một cậu bé trai bước vào phòng. Mặt tái mét, tóc hoe, mắt xanh. Khi nhìn thấy cha nó, nó nhảy bổ tới, ôm lấy cổ âu yếm.

-Ồ, ba- Nó la lớn - Con không ngờ ba đã về rồi. Nếu biết con đã đi đón ba. ô, gặp lại ba, sung sướng làm sao!

Rô-be khôn khéo từ từ thoát ra khỏi sự ôm ấp này.

- Con trai của ba- ông ta vừa nói vừa xoa đầu cậu bé một cách trìu mến - Ba về từ sớm vì hai bác đây - ông Holmes và bác sĩ Watson - chấp thuận đến chơi với chúng ta một đêm..

- Thám tử Sherlock Holmes?

- Đúng rồi.

Thằng bé nhìn chúng tôi đăm đăm, nhưng hình như thiếu thiện cảm.

- Còn thằng bé kế của ông, ông Rô-be?

- Holmes hỏi - Chúng tôi muốn xem mặt cháu nhỏ.

- Con nói với bà vú đem em xuống đây!

Rô-be ra lệnh.

Thằng bé bước ra.

Dáng đi dị thường, lê lết, triệu chứng của xương sống yếu kém. Một lúc sau, nó quay lại.

Theo sau nó là một người đàn bà dong dỏng cao, tay bế một đứa bé rất đẹp, mắt đen, tóc vàng óng. Rô -be bế thằng bé, nâng mu nó.

- Không ai đủ can đảm làm cho đứa bé đau?

- Ông ta thì thăm và nhìn cái thẹo nhỏ màu đỏ trên cuống ho của đứa bé.

Vào lúc đó tôi tình cờ nhìn Holmes thì thấy mặt anh ấy se lại. Đôi mắt lạnh lùng của anh nhìn người cha và đứa bé, sau đó lại đăm đăm nhìn vào một điểm bên ngoài căn phòng. Tôi chắc anh đang quan sát cái gì ở bên ngoài, dường như Holmes đang tập trung thị giác vào cánh cửa sổ. Rồi Holmes cười nụ và lại tiếp tục nhìn đứa bé.

Trên cái cổ hồng hào của nó, có một vết đỏ nhỏ.

Không nói lời nào, anh nhìn kỹ cái vết này.

Cuối cùng anh bắt tay nó?.

Cháu bé đã có một điểm dị thường khi bước vào đời Bà vú, tôi muợn gặp riêng bà...

Holmes kéo bà vú ra một góc và trang trọng nói chuyện với bà ấy..

- Tôi hy vọng nỗi lo âu của bà đã kết thúc rồi.

Sau đó, bà vú có vẻ thuộc loại người bướng bỉnh và làm lì, bé bé đi ra khỏi phòng.

- Bà vú là người như thế nào?

- Holmes hỏi.

Tuy bề ngoài trông không dễ thương, nhưng bà ta có quả tim vàng và thương thẳng bé lắm.

- Còn cháu Jack!

- Cháu thương bà vú không?

Đột ngột Holmes quay sang Jack.

Mắt nó vốn lay động, linh hoạt bỗng sa sầm ngay. Nó lắc đầu.

- Jack là một người đam mê, biết thương, biết ghét - Rô -be vừa nói vừa ôm con trai"May thay, tôi thuộc nhóm người nó thương ...

Thằng bé bắt đầu nói líu lo với bố rồi rúc đầu vào nách bố. Ông này đẩy ra.

- Thôi con đi chơi - Rô-be nói một cách êm ái.

Nhìn con ra đi âu yếm, rồi quay về hướng Holmes, ông ta nói:

Tôi đã đưa hai ông vào một vụ kỳ lạ. Theo quan điểm của ông, chắc hẳn ông thấy vụ này cực kỳ tế nhị và phức tạp.

- Chắc hẳn là tế nhị - Holmes vừa nói vừa cười - Nhưng không phức tạp lắm. Khởi sự là suy luận. Khi sự suy luận này được xác nhận từng điểm bởi một loạt biến cố ngẫu nhiên, thì ta eo thế kết luận rằng mục đích ta đã ' đạt Trong thực tế, tôi đã có kết luận trước khi ra đi và mấy bước sau này chỉ là những kiểm chứng.

Rô-be để bàn tay to tướng trên trán của mình.

- Thưa ông Holmes, nếu ông đã tìm thấy chân lý, xin đừng để tôi hời hợt.

- Tôi phải làm gì?

- Tôi bắt buộc phải giải thích.

Tuy nhiên ông có đồng ý cho tôi giải quyết nội vụ theo lối của tôi không?

là bà có thể tiếp chúng ta không, anh Watson?

- Bà ấy bệnh nhưng rất biết điều.

- Được.

-Phải có sự hiện diện của bà ấy, chúng ta mới có thể làm sáng tỏ mọi việc. Ta hãy lên trên đó.

-Nàng đâu chịu gặp tôi. - Rô-be la lớn.

- Chịu chứ sao không - Holmes nói, iết vài dòng trên một tờ giấy - Anh Watson, anh được đặc quyền, xin anh vui lòng trao tờ giấy này cho bà Rô-be.

Tôi leo lên cầu thang trao tờ giấy cho cô Đô-Lo này thận trọng chỉ hé cửa mà thôi. Một phút sau, tôi nghe một tiếng la ở trong phòng. Tiếng la trộn lẫn sự vui mừng và ngạc nhiên. Cô đô-lo bước ra:

- Bà ấy sẵn sàng tiếp, bà ấy sẽ lắng nghe.

Tôi gọi Rô-be và Holmes.

Khi chúng tôi vào, Rô-be tiến về phía vợ nhưng nàng dùng tay làm dấu ngăn lại.

Người chồng buông mình xuống ghế bành, trong lúc đó Holmes trịnh trọng cúi chào nữ chủ nhà rồi ngồi cạnh người chồng.

- Tôi nghe rằng cô Đô-Lo không cần ở đây

Holmes nói - Vâng, được thôi, thưa bà, nếu bà muốn, cô ấy cứ ở lại, tôi thấy không có gì bất tiện cả. Thưa ông Rô- be! tôi là một người rất bận việc. Do đó tôi xin vào đề ngay. Trước hết tôi xin nói điều anh cần biết nhất: bà Rô-be rất tốt, rất tận tình với gia đình, nhưng bà lại là nạn nhân của một sự bất minh lớn lao do ông gây ra.

Rô-be nhảy dựng lên.

- Ông hãy chứng minh điều đó. Tôi sẽ mang ơn ông. suốt đời

- Tôi sẽ chứng minh cho ông, nhưng tôi báo trước rằng sau đó ông sẽ đau đớn vô cùng!.

- Chả sao!

Tôi cần ông tẩy xóa mọi nghi ngờ đối với vợ tôi. Trên đời này không có gì quý hơn điều đó.

- Vậy tôi sẽ tiết lộ cái lý luận của tôi trước khi tôi lên đường đến đây. Ngay từ đầu, tôi bác bỏ ý tưởng ma-cà-rông ở nước Anh, không bao giờ có cái tội ác này. Tuy nhiên, ông có nêu ra một nhận xét chính xác này: ông thà nhà ngáng đầu khỏi cái nôi của bé với máu ở trên môi bà.

- Đúng thế!

- Có bao giờ ông nghe rằng một vết thương bị hút chưa chắc là để lấy máu mà là để chữa lành vết thương? Trong lịch sử của Anh quốc, một nữ hoàng đã hút một vết thương để lấy chất độc ra, ông còn nhớ không?

- Thuốc độc - ông đã nhìn kỹ những kỷ vật của Nam Mỹ. Do trực giác, tôi đã đoán biết sự hiện diện của các vũ khí trên tường. Thuốc độc có thể phát sinh từ một người khác, tuy nhiên tôi đã nghĩ tới mấy cái vũ khí đó. Khi tôi thấy cái ống bên cạnh cái cung bắn chim, thì tôi cho rằng điều tôi nghi ngờ là đúng. Nếu bé sơ sinh bị chích bởi một trong các mũi tên tẩm chất độc cu-ra hay một chất độc ma quái khác, thì sự chết sẽ mau chóng xảy đến, nếu không hút nó ra kịp.

- Còn con chó?

- Khi tôi thấy nó gần như bại xui, thì tôi hiểu “ngay. Cái cảnh tượng con chó lê lết rất ăn khớp với lý luận của tôi. Bây giờ, ông hiểu chưa nào? Vợ ông sợ loại chất độc này, vì bà nhà đã thấy một lần ở đâu đó, nhờ vậy bà ấy đã cứu mạng đứa bé. Bà ấy không muốn nói hết sự thật với ông, vì bà biết rằng ông thương các con ông, sợ ông lo buồn.

- Còn Jack?

- Tôi có quan sát nó. Lúc này, khi ông đưa đứa bé xuống, gương mặt của Jack được phản chiếu rõ ràng trên kiếng cửa sổ. Tôi thấy rõ có một sự ghen tuông, thù hận ác độc. Tôi chưa hề thấy khuôn mặt hận thù nào cao độ đến thế đó - Jack là vô vàn yêu quý của tôi!

- Ông phải chấp nhận, ông Rô- be. Đó là một thứ tình yêu. méo mó, cháu Jack quá yêu ông và quá yêu người mẹ quá cố, nên cháu có thể làm chuyện rò dại.

Cháu dốc toàn tâm trí vào sự hận thù và ghen ghét đối với đứa bé xinh đẹp. Cái đẹp và sức khỏe này tương phản , với tật nguyền của riêng cháu!

- Chúa ơi! Kinh hãi quá!.

- Tôi nói đúng không, thưa bà

Bà Rô-be khóc nức nở, vùi mặt vào gối. Bà quay về phía chồng.

- Làm sao tiết lộ với anh được. Tôi biết anh sẽ đau khổ dường nào. Tôi phải cẩn rằng chịu đựng thôi, chờ sự thực được nói ra từ cửa miệng của người khác hơn là của chính tôi. Khi ông này có quyền năng siêu nhiên, viết giấy cho tôi hay rằng ông biết hết, tôi mừng vô hạn...

- Cái toa thuốc của tôi là phải đưa cậu Jack đi nghỉ mát một năm tại bờ biển

- Holmes vừa nói vừa đứng lên - Tuy nhiên còn một điểm chưa được sáng tỏ, thưa bà...

Chúng tôi hiểu rõ tại sao bà hung dữ với Jack: sự kiên nhẫn của một người mẹ có những hạn chế của nó. Nhưng tại sao bà dám bỏ bê đứa bé hai ngày nay?

- Tôi đã căn dặn bà vú tằm tận rồi.

- Được lắm!

Đúng như tôi đã dự đoán.

Rô-be rung động, đứng cạnh giường, dang hai tay gò ghè run rẩy ra...

- Watson, đúng lúc ta phải rút lui

Holmes nói nhỏ vào tai tôi - Anh kéo cùi chỏ bên này, tôi thì kéo cùi chỏ bên kia của cô Đô-Lo quá thờ ơ vì trung nghĩa.

Khi khép cửa lại, Holmes nói thêm:

- Hãy để cho vợ chồng họ tự giải quyết với nhau.

Hết.

F.6 - The Adventure of the Three Garridebs 1924 (Ba người họ Garridebs)

Cuối tháng 6-1902, không bao lâu sau cuộc chiến tại Nam Phi, Holmes phải nằm liệt giường mấy ngày liền. Thỉnh thoảng anh ta bị như vậy. Nhưng sáng đó, Holmes xuất hiện, tay cầm một văn kiện dài, một tia tinh nghịch rực sáng trong đôi mắt.

- Anh Watson, đây là cơ hội để anh kiếm tiền: anh đã nghe cái họ Garrideb rồi chứ?
- Chưa.
- Vậy thì, khi anh thộp được một người mang cái họ Garrideb, anh sẽ thành triệu phú.
- Tại sao vậy?
- Chuyện dài lắm, chưa bao giờ chúng ta gặp một chuyện quái dị như vậy. Vài phút nữa, vai chính sẽ tới đây Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta cần tìm một người mang cái họ Garrideb.

Tôi tìm trong cuốn danh bạ điện thoại và bỗng la to:

- Có một người nè!

Holmes cầm lấy cuốn danh bạ, đọc to.

- Nathan Garrideb, số 136, phố Little Ryder. Watson à, rất tiếc, đây chính là anh chàng mà tôi đang đợi. Địa chỉ này được ghi trong thư nè. Ta cần một người Garrideb khác!

Bà Hudson đi vào với một danh thiếp đặt trên mâm. Tôi lấy lên, liếc qua, và la to.

- Nó đây John Garrideb! Cố vấn pháp luật Moorville, Kansas

Holmes cười nụ rồi nhìn cái danh thiếp.

- Tìm thằng khác, anh Watson à. Thằng tha này cũng ở trong bàn cờ rồi. Tôi không ngờ đã gặp y hồi sáng này. Nhưng dù sao y cũng sẽ cung cấp cho chúng ta vài thông tin hữu ích.

Một lát sau, ông ta đã có mặt trong phòng. Ông John Garrideb, cố vấn pháp luật, rất lạ

nhưng nở nang, đôi mắt rực sáng của ông ta lôi cuốn sự chú ý của người đối thoại.

- Thưa, đây là ông Holmes? - Ông ta hỏi rồi lần lượt nhìn chăm chăm vào mặt chúng tôi.
- À, đúng rồi! Ảnh chụp khá lắm, thưa ông, tôi mạn phép nêu ra nhận xét này. Tôi tin rằng ông có nhận được một lá thư của người trùng họ với tôi, ông Narthan Garrideb?

- Mời ông ngồi! - Sherlock Holmes nói - Tôi đoán chúng ta còn phải nói chuyện lâu...

Holmes lấy một văn kiện trên giấy tốt.

- Ông tên là John Garrideb, có tên trong văn kiện này ông có sống một thời gian tại Anh quốc?

- Tại sao ông hỏi tôi câu này thưa ông Holmes?

Mắt ông ta toát ra một sự ngờ vực đột ngột.

- Toàn thể y phục của ông được may tại Anh!

Ông Garrideb cười gượng gạo.

- Làm sao ông phát hiện được điều này?

- Cái cách cắt vai của áo vét-tông, cái mũi ghêch lên của đôi giày.. Bất cứ ai khác cũng thấy được như tôi.

- À, tôi không dè rằng tôi có vẻ như một người Anh chính cống. Công việc buộc tôi đến đây. Do đó, toàn thể y phục của tôi đều được mua sắm tại London. Thôi, đề nghị chúng ta chuyển đề tài qua cái văn kiện trên tay ô

- Hãy nhẫn nại, ông Garrideb, hãy nhẫn nại! - Holmes nói nho nhỏ. - Ủa, mà tại sao ông Narthan Garrideb không cùng đi?

- Nhưng tại sao Narthan lại kéo ông vào vụ này? Tại sao vụ này lại cần đến ông? Đây là một cuộc nói chuyện hoàn toàn liên quan giữa hai người chúng tôi, thế rồi tại sao hấn nổi hứng đi mời một thám tử tiếp tay.

- Sáng kiến của ông ấy không hề nhằm chống lại ông, ông Garrideb. Ông ấy muốn đạt mục đích mau hơn, có lợi cho cả hai ông. Ông ta biết rằng tôi có vài phương tiện thu nhặt tin tức, ông ta chạy tới nhờ vả tôi là chuyện thường.

Gương mặt của người khách sáng lên dần.

- Tốt thôi. Khi gặp hấn sáng nay, tôi được biết hấn có cầu cứu tới một thám tử, tôi liền xin ngay địa chỉ và chạy tới đây. Tôi không muốn cảnh sát can thiệp vào một việc riêng

tự. Tuy nhiên nếu ông bằng lòng giúp chúng tôi kiếm ra người thứ ba, thì có gì là nguy hại?

- Đúng vậy. Và giờ đây, thưa ông, sẵn có ông ở đây, chúng tôi ước mong được chính ông trình bày câu chuyện cho rõ ràng. Ông bạn thân Watson của tôi chưa được biết các chi tiết.

Ông Garrideb nhìn tôi với đôi mắt thiếu thiện cảm.

- Ông ấy cần biết chuyện à?

- Chúng tôi có thói quen làm việc chung với nhau.

- Nếu vậy, tôi sẽ cố gắng trình bày cho gọn. Nếu quý vị là người gốc ở tiểu bang Kansas, tôi khỏi phải dông dài về ông Alexander Hamilton Garrideb. Ông ta phát tài nhờ kinh doanh địa ốc và đầu cơ chứng khoán lúa mì ở Chicago. Ông ta không có con cái nối dõi. Nhưng ông hãnh diện về cái tên họ lạ tai của mình. Đó là lý do khiến tôi và ông ấy quen nhau. Tôi ngụ tại Topeka, lo về việc pháp lý. Một ngày nọ tôi được hân hạnh tiếp ông ấy. Ông ta kinh ngạc khi thấy có một người thứ hai mang họ ông. Tức thì ông ta dốc lòng tìm xem trên thế giới này còn ai khác mang cùng một họ Garrideb.

“Hãy đi kiếm cho tôi một người nữa!”, ông ấy bảo tôi. Tôi trả lời rằng tôi là một người rất bận rộn, không thể dành trọn cuộc đời đi chu du thế giới để tìm vài người mang họ Garrideb.

“Chính đó là điều anh phải làm nếu chuyện đời diễn đúng như dự liệu”, ông ta nói tiếp với tôi, và tôi tưởng ông ấy nói đùa thôi. Ai dè nó có ẩn ý. Thật vậy, ông chết trong năm đó, để lại một di chúc, di chúc kỳ dị nhất ở tiểu bang Kansas. Ông đã chia của cải của ông thành ba phần, trao cho ba người mang họ Garrideb. Mỗi người sẽ được 5 triệu dollar, nhưng chúng tôi chỉ có quyền được hưởng gia tài khi đã trình diện đủ ba người tại văn phòng công chứng.

Cái mời này hấp dẫn đến nỗi tôi bỏ văn phòng cố vấn pháp luật để đi kiếm hai thằng Garrideb nữa ở Hòa Kỳ không nơi nào có. Tôi bèn vượt Đại Tây Dương, quyết tìm khắp nước Anh này. Bước đầu tiên, tôi kiếm được một Narthan Garrideb trong danh bạ điện thoại của London. Tôi gặp ông ta hôm kia và cho ông ta hay chuyện đó.

Rủi thay, ông này không quen một Garrideb nam giới nào khác. Vì chúc thư dặn: Ba người đàn ông. Vậy chúng tôi vẫn còn thiếu một Garrideb. Nếu ông có thể giúp chúng tôi bổ khuyết chỗ trống đó, chúng tôi sẽ đền ơn trọng hậu.

- Watson này, - Holmes vừa cười vừa hỏi tôi. - Tôi có cho anh hay trước rằng đây không phải là chuyện tầm phào, phải không? Thưa ông, phải chăng phương cách chắc ăn nhất để moi thêm một Garrideb nữa, là nhả tin trên báo.

- Tôi đã làm rồi, nhưng vẫn không có hồi âm.

- À, à. Nhân tiện, tôi xin hỏi thêm: Nghe ông từ Topeka đến, tôi mừng lắm, tôi có liên lạc thư tín với một người nay đã chết. Đó là bác sĩ Lysander Starr. Ông này làm thị trưởng năm 1890 đó.

- Lão bác sĩ Starr đáng mến! - Khách nói lớn - Bên đó mọi người đều rất tôn kính ông cụ. Thưa ông Holmes, tôi đoán rằng chúng ta nên thông tin cho nhau. Hy vọng sẽ gặp ông trở lại vào một ngày rất gần.

Nói xong, người Hoa Kỳ kiếu từ.

Holmes đốt cái tàu, ngồi lặng thinh hồi lâu với một nụ cười kỳ lạ trên mặt

- Sao? - Cuối cùng anh hỏi tôi - Tôi thắc mắc, anh Watson, tôi rất thắc mắc.

- Thắc mắc điều gì?

Holmes rút cái tàu ra khỏi miệng.

- Tôi không biết động cơ nào đưa thằng cha này tới đây. Suýt chút nữa là tôi hỏi thẳng hắn rồi. Nhưng tôi nghĩ kịp nên để hắn làm tường đã bịp được chúng ta. Hắn mặc một cái vét-tông kiểu London, một cái quần xệ tới đầu gối! Đồ cũ cả năm rồi! Theo văn kiện này và theo lời của hắn thì hắn là một người Hoa Kỳ tình lẻ mới vừa đến London? Có bài nhấn tin nào của hắn trên báo đâu? Tôi theo dõi cái mục này hằng ngày mà! Tôi có quen với bác sĩ nào tên là Lysander Starr tại Topeka đâu. Hắn rất là gian dối. Tôi cho rằng hắn quả là người Hoa Kỳ, nhưng giọng nói đã bớt cứng vì lưu trú tại Anh được vài năm rồi. Bí mật đằng sau cái màn tìm người phi lý này là cái trò gì đây? Hắn đáng được chúng ta lưu tâm vì chắc chắn hắn là một tên đại lưu manh. Ta cũng cần tìm biết xem người kia có cùng một băng bịp không. Hãy liên lạc điện thoại với y xem sao.

Bên kia đầu dây tôi nghe một giọng gà mái.

- Vâng, đây là Narthan Garrideb, ông Holmes có đó không. Tôi rất cần gặp ông Holmes.

Holmes cầm ống nghe và tôi nghe cách hành văn thường lệ của anh:

- Vâng, ông ấy có đến đây... Từ bao lâu? Hai ngày thôi à?... Vâng, đương nhiên, viễn cảnh quả là hấp dẫn. Tối nay ông có ở nhà chứ? Tôi đoán là người cùng họ với ông sẽ không có mặt chứ?... Tốt lắm, chúng tôi sẽ đến, vì tôi cần nói chuyện với ông. Bác sĩ Watson cũng sẽ có mặt. Vậy thì khoảng 6 giờ, chúng tôi sẽ đến ông. Đừng nói gì với ông bạn Hoa Kỳ cả nhé. Tốt lắm, kính chào ông!

Chúng tôi đến phố Little Ryder vào lúc ánh hoàng hôn buông xuống khu phố. Ngôi nhà chúng tôi tới là một kiến trúc bao la theo lối cổ. Khách hàng của chúng tôi đã có mặt ở

gió. Hai cửa sổ to tướng mà chúng tôi thấy thuộc cái phòng lớn, nơi chủ nhà làm việc lúc đêm khuya.

Holmes tôi cái bản đồ nhỏ ghi một tên họ lạ tai.

- Anh Watson, đây đâu phải là cái bản đồ mới! - Holmes chỉ cái bản đồ phai màu. - Như vậy là họ thật đó.

Căn nhà có cầu thang thang cho tất cả mọi người ở thuê. Tại cửa chính có nhiều bảng đồng ghi tên các văn phòng hoặc cái căn hộ tư nhân. Khách hàng của chúng tôi đích thân ra mở cửa và giải thích rằng bà giúp việc ra về hồi 4 giờ. Ông Narthan Garrideb khoảng lục tuần, cao lêu nghêu, ưỡn ẹo, lưng còm, gầy và hói. Ông có một khuôn mặt xương và nước da xám của người không bao giờ tập thể dục.

Căn phòng giống như một viện bảo tàng nhỏ, vừa rộng, vừa sâu; chỗ nào cũng tủ, cũng hộc, đầy nghẹt mẫu địa chất và mẫu sinh vật. Chính giữa là một cái bàn ngổ ngang những mảnh vụn, quây quần quanh một ống đồng to tướng của một kính hiển vi. Đằng này là một tủ kiếng đựng tiền xưa. Đằng kia là một cái hộc đầy ắp dụng cụ bằng đá lửa. Đằng sau cái bàn, giữa là một cái tủ lớn đựng xương hóa thạch. Chắc chắn đây là một người nghiên cứu lung tung. Trong lúc đứng trước mặt chúng tôi, ông cầm miếng da len chùi chùi một đồng tiền xưa.

- Thưa ông Holmes, ở đây có một chỗ ngồi. Để tôi dẹp các cái xương này qua một bên. Còn ông... à, thưa bác sĩ Watson! Ông vui lòng nhích nhẹ cái lọ Nhật Bản này. Bác sĩ của tôi khuyên tôi ra ngoài nhiều hơn, nhưng đi chơi sao được khi công việc còn lu bù! Tôi có thể đoán chắc với hai ông rằng nếu cần kiếm kê một tủ thôi, có lẽ ba tháng cũng chưa xong.

Holmes quan sát căn phòng với cái nhìn buồn cười.

- Ông không bao giờ đi chơi thật sao?

- Thỉnh thoảng tôi đi xe ngựa tới Sotheby hoặc tới Christie là những tiệm đồ cổ mà tôi thích. Ngoài ra, tôi không bao giờ đi đâu khác. Nhưng thưa ông Holmes, ông có thể đoán biết cái chấn động khủng khiếp khi tôi nghe tin đó. Chỉ cần thêm một Garrideb nữa là cuộc đời tôi huy hoàng. Chắc chắn là chúng ta sẽ kiếm ra anh chàng đó. Trên toàn thế giới này làm gì mà không có những Garrideb khác. Tôi nghe nói rằng ông thường lo những công việc lạ. Đó là lý do tại sao tôi tiếp xúc với ông. Tôi nhìn nhận rằng anh chàng Hoa Kỳ đã không sai lầm khi trách cứ tôi không nghe theo lời y, nhưng tôi đã xử sự một cách tích cực.

- Ông có lý. Nhưng ông có thực sự muốn có một mảnh đất tại Hoa Kỳ không?

- Chắc chắn là không. Không có gì có thể thuyết phục tôi bỏ các bộ sưu tập của tôi. Nhưng anh chàng Hoa Kỳ cam kết sẽ mua phần của tôi ngay khi quyền sở hữu của

chúng tôi được nhìn nhận. Hẳn chịu mua với giá 5 triệu. Hiện có khoảng một chục cái mẫu ngoài thị trường, tôi cần phải mua, nhưng không tiền. Ông hãy tưởng tượng tôi có thể làm biết bao việc với 5 triệu Mỹ kim. Tôi mơ ước một bộ sưu tập có tầm cỡ quốc gia. Tôi sẽ trở thành nhà sưu tầm lớn của thời đại?

Mắt ông ta sáng rực ở đằng sau cặp kiếng. Rõ ràng là ông Narthan Garrideb sẽ không tiếc công để tìm ra một người đồng họ.

- Tôi chỉ tới đây để làm quen với ông. - Holmes nói - Và tôi cảm thấy không nên làm gián đoạn công việc nghiên cứu của ông lâu hơn. Tôi không cần phải hỏi han ông nhiều, bởi vì tôi có thư ông trong túi và thư này khá rõ ràng. Tôi đã bổ sung nó qua cuộc tiếp xúc với anh chàng Hoa Kỳ rồi. Tôi đoán rằng trước đây ông chưa hề quen biết với anh chàng này?

- Quả vậy, chỉ mới hôm thứ ba tuần vừa rồi. Ông ấy có cho ông biết qua về cuộc nói chuyện giữa ông ấy và tôi hôm nay không?

- Có, ông ấy đi thẳng tới nhà tôi sau khi gặp ông.

- Trước khi gặp ông, ông ấy giận dữ lắm.

- Tại sao?

- Hình như ông ấy cảm thấy bị xúc phạm. Nhưng sau khi gặp ông, thì tươi tỉnh lại rồi.

- Ông ấy có đề nghị với ông một cách hành động nào không?

- Thừa ông, không.

- Ông ta có hỏi hoặc đã mượn được tiền của ông chưa?

- Không, thưa ông.

- Ông không biết được mục đích của ông ta sao?

- Không, chỉ biết cái mục đích mà ông ta nói.

- Ông có cho ông ấy biết về cuộc gặp gỡ này của chúng ta bằng điện thoại không?

- Thừa ông, có.

- Tôi thấy rằng ông ấy đang thắc mắc.

- Trong các sưu tập của ông, ông có những cái mẫu giá trị lớn lắm phải không?

- Không, thưa ông. Đó là những sưu tập tốt, nhưng không có giá trị gì ghê gớm lắm đâu.

- Ông có sợ ăn trộm không?

- Thưa ông, không.

- Ông cư ngụ ở đây được bao lâu rồi?

- Gần 5 năm.

Cuộc chất vấn của Holmes bị gián đoạn bởi một cái đầm tay dữ dội trên cửa lớn. Thân chủ của chúng tôi vừa mở ra thì người Hoa Kỳ bước vào. Ông tỏ ra rất bức bối.

- À, có ông đây nữa! - ông ta vừa la to vừa vấy một tờ nhật báo, - Tôi hy vọng đến đúng lúc, ông Narthan Garrideb, xin chúc mừng ông! Hiện ông là một triệu phú! Về phần ông, thưa ông Holmes, chúng tôi rất tiếc đã quấy rầy ông một cách vô ích!

Ông ta đưa tờ báo ra ông này nhìn ngay vào một cái tin có đánh dấu chữ thập. Holmes và tôi nhìn qua vai thân chủ. Nội dung như sau:

“Howard Garrideb.

Nhà lắp máy nông cơ, máy giặt, máy cày tay và cày hơi nước, máy đục lỗ, máy bừa, xe thực dụng trong trang trại, ước lượng về giếng

Liên lạc tại Grosveher, Aston”.

- Hay quá! - Narthan Garrideb nói - Vậy là ta có người thứ ba rồi.

- Tôi đã mở những cuộc vận động tại Birmingham. - Người Hoa Kỳ nói - Người đại diện của tôi đã gửi cho tôi bản tin này trong một tờ báo địa phương. Tôi đã khẩn trương viết thư cho người cùng họ và báo cho ông ta hay rằng ông sẽ gặp ông ta tại phòng của ông ta vào 4 giờ chiều mai.

- Ông muốn tôi đi gặp ông ấy à?

- Chớ sao! Tôi là một người Hoa Kỳ và tạt qua đây thôi, làm sao người ta tin được? Còn ông là một người Anh, có uy tín vững vàng, ông ta sẽ tin ông.

- Mấy năm nay tôi có đi đâu xa như thế bao giờ.

- Đừng ngại gì cả, ông Nathan. Tôi đã chuẩn bị chuyến đi cho ông. Ông khởi hành lúc 12 giờ và chắc chắn tới nơi khoảng sau 2 giờ. Ông có thể trở về ngay trong đêm. Công việc của ông là chỉ gặp người đó, trình bày câu chuyện và xin một chứng nhận rằng

ông ấy còn sống.

- Chúa ơi! - Y nói thêm một cách hùng hồn - Tôi phải lặn lội từ miền Trung Hoa Kỳ qua tới đây. Còn ông, ông chỉ bước một bước ngắn là đặt dấu chấm hết cho câu chuyện.

- Đúng vậy! - Holmes nói xen vào. - Tôi đồng ý hoàn toàn với ông cố vấn pháp luật.

Ông Narthan Garrideb vươn vai, vẻ mặt buồn rầu:

- Nếu ông thấy cần, thì tôi sẽ lên đường,

- Vậy là đã dàn xếp xong. Xin ông nhớ báo cho tôi biết kết quả khi thuận tiện - Holmes nói.

- Dễ thôi! - Người Hoa Kỳ cam kết và nhìn đồng hồ - Tôi phải đi đây. Mai tôi sẽ đến thăm ông, ông Narthan và sẽ tiễn đưa ông lên tàu đi Birmingham. Xin tạm biệt ông,

Gương mặt của Holmes sáng rực khi người Hoa Kỳ đi ra.

- Ông vui lòng cho tôi xem bộ sưu tập của ông, ông Garrideb - Holmes nói - Trong cái nghề của tôi không có loại kiến thức nào là dư thừa cả và phòng ông quả là một bảo tàng viện.

Narthan Garrideb đỏ mặt lên vì sung sướng:

- Thưa ông. Nếu ông có thời gian, tôi xin đưa ông đi giáp vòng ngay bây giờ.

- Rủi là tối nay tôi bận. - Holmes trả lời - Tuy nhiên tất cả các mẫu của ông được phân loại và dán nhãn kỹ lưỡng đến nỗi, tôi nghĩ đâu cần ông đích thân giải thích. Nếu ông cho phép, ngày mai, tôi hân hạnh được tham quan.

- Rất sẵn sàng. Căn hộ lúc đó khóa, nhưng trước 4 giờ chiều bà Saunders dưới tầng trệt còn ở nhà, bà ấy có thể trao chìa khóa cho ông.

- Nếu ông dẫn trước bà Saunders thì thật là thuận lợi cho tôi. Nhân tiện xin ông cho biết người chủ nhà của ông là ai vậy?

Narthan Garrideb có vẻ bối rối trước câu hỏi này.

- Steele, ở đường Edgeware. Mà có chuyện gì vậy ông Holmes?

- Tôi là một nhà khảo cổ hạng trung về địa ốc, - Holmes vừa nói vừa cười, - tôi thắc mắc không biết căn nhà này được cất vào thời đại nữ hoàng Anne hay vào thời các vua Georges?

- Chắc chắn là vào thời các vua Georges.

- Tôi đoán là xưa hơn một chút. Sự kiểm nghiệm cũng không khó. Xin tạm biệt ông Garrideb và chúc ông may mắn trong chuyến đi.

Người cho thuê nhà cư ngụ gần đó nhưng văn phòng đóng cửa nên chúng tôi quay về phố Baker.

Sau buổi cơm tối, Holmes trở về.

- Bài toán nhỏ của tôi đã tới hồi kết thúc. Anh Watson, anh đã thấy cái giải đáp rồi chứ?

- Một chuyện không đầu không đuôi.

- Cái đầu thì khá rõ rồi. Còn cái đuôi, ngày mai chúng ta sẽ thấy thôi. Anh không thấy điều gì trong cái tin rao vặt sao?

- Máy cái giếng khoan?

- À, anh để ý đến cái giếng khoan. Hay quá, Watson! Anh mỗi ngày một tiến bộ. Ở nước Anh, người ta hết xài đến chúng, ở Mỹ thì còn thịnh hành. Thành ra cái tin rao vặt này là gốc Mèo!

- Theo tôi thì chính tay Mèo John Garrideb này mưu đồ. Nhưng để làm gì thì tôi không hiểu?

- Hẳn “điều hổ ly sơn”, muốn ông lão này lên Birmingham. Lẽ ra tôi nên cho ông ấy hay trước là ông ta đi mò kim đáy biển, nhưng tôi cũng cần ông ấy đi cho trống nhà. Ngày mai anh sẽ rõ trắng đen.

Holmes thức dậy rời nhà sớm và trở về vào giờ cơm, nét mặt trầm tư.

- Anh Watson, nội vụ nghiêm trọng hơn tôi đoán. Tôi báo trước, để anh có đủ hăng hái mà xông pha. Có nguy hiểm đó!

- Đây đâu phải là cái nguy hiểm đầu tiên mà tôi được chia sẻ. Nhưng lần này thì có gì đặc biệt?

- Ta đụng vào một công việc cực kỳ khó. Tôi đã xác định lý lịch của John Garrideb, tay cố vấn pháp luật đó. Hẳn chính là Evans Sát Thủ, một kẻ giết người nổi tiếng.

- Tôi cũng chưa thấy gì rõ cả.

- Phải, nghề nghiệp của anh không bắt buộc anh phải nhớ tên từng thằng sát nhân. Tôi

có đến Scotland Yard gặp Lestrade. Đôi khi ông ấy thiếu trực giác và thiếu tưởng tượng, tuy nhiên về mặt phương pháp và về mặt công việc cần cù, sâu sát thì Scotland Yard đoạt giải quán quân trên thế giới. Tôi nhớ ra rằng chỉ có tàng thư của Scotland Yard mới giúp ta biết tông tích anh chàng Mèo này. Đương nhiên là tôi đã tìm ra cái khuôn mặt hồng hào của hắn trong đám chân dung của những kẻ giết người. Bên dưới có ghi: “James Winter, còn được gọi là Morecroft, tức là Evans Sát Thủ”...

Holmes móc từ trong túi ra một phong bì.

- Tôi có ghi nguệch ngoạc vài chi tiết trong hồ sơ của hắn: Tuổi 44, sinh tại Chicago. Ba lần giết người tại Hoa Kỳ. Trốn tù khổ sai nhờ thời gian xáo trộn chính trị và đến được London vào năm 1893. Giết một người trên bàn cờ bạc tại một hộp đêm ở đường Waterloo năm 1895. Nạn nhân chết, nhưng nhân chứng xác nhận chính hắn là thủ phạm, Nạn nhân được nhận dạng là Rodger Prescott, người nổi danh làm bạc giả tại Chicago. Hắn ra tù năm 1901, bị cảnh sát theo dõi sát, sống đời lương thiện. Thành phần cực kỳ nguy hiểm, Luôn có súng và sẵn sàng nhả đạn. Đó là con mồi của chúng ta, Watson à! Mồi ngon, anh đồng ý không?

- Nhưng hắn kiếm cái gì vậy?

- Đòn phép của hắn bắt đầu lộ nguyên hình. Tôi có tới người cho thuê nhà. Thân chủ của chúng ta đã ở đó từ 5 năm nay. Trước đó thì căn nhà này bỏ trống. Người ở trước, tên là Waldron. Tại dịch vụ cho thuê nhà, mọi người đều nhớ rõ Waldron này, người cao to, có râu quai nón, và đen đúa. Anh chàng đột ngột biến đâu mất, không ai nghe thấy tăm hơi gì. Còn Prescott, nạn nhân của Killer Evans, theo Scotland Yard, lại cũng là một người nâu, cao và râu ria xồm xoàm. Cho nên giả thiết khởi điểm là Prescott, tên cướp người Mèo, đã sống tại căn hộ này. Hiện nay ông bạn vô tội Narthan Garrideb của ta biến căn hộ này thành viện bảo tàng. Ta đã tìm ra một khâu trong cái dây chuyền.

- Còn cái khâu kế tiếp?

- Hãy từ từ.

Anh lấy một khẩu súng lục ở ngăn kéo và trao cho tôi.

- Nếu tên Mèo này hãm hại người đồng họ, thì ta phải sẵn sàng. Anh Watson, cho phép anh ngủ trưa một giờ. Sau đó chúng ta phiêu lưu tại phố Ryder.

Đồng hồ gõ vang bốn tiếng khi chúng tôi đến căn nhà của Narthan Garrideb. Bà làm sắp về, bà tạo mọi dễ dãi cho chúng tôi. Holmes hứa sẽ thu xếp gọn ghẽ trước khi rời nhà. Bà ra đi, đóng cửa lại. Chỉ còn hai chúng tôi tại tầng trệt. Holmes liếc mắt quan sát căn hộ. Trong một góc tối có một cái tủ không, kê sát giường. Chúng tôi chui núp phía sau đó. Holmes thì thăm tiết lộ cho tôi đại cương của kế hoạch.

- Tên Mèo muốn cho thân chủ của mình rời khỏi căn hộ này. Chuyện đó là rõ ràng. Vì nhà sưu tập không bao giờ đi xa nên hẳn phải vẽ vờ này no như anh đã thấy. Toàn câu chuyện về dòng họ Garrideb chỉ phục vụ cho mục đích đó.

- Quỷ quái chưa! Nhưng để làm gì?

- Đó là điều chúng ta sẽ phát hiện. Dự án của hắn không ăn nhập gì với thân chủ của chúng ta. Nó chỉ liên quan tới người mà hắn đã giết. Trong căn hộ này có thể có một bí mật phi pháp. Lúc đầu, tôi lầm tưởng thân chủ của chúng ta có một cái gì đó quý giá. Nhưng sự kiện Rodger Prescott với tiếng tăm trong giới giang hồ, đã ngụ tại căn hộ này, làm tôi ước đoán một nguyên nhân tồi tệ hơn. Chúng ta chỉ còn một việc để làm thôi, đó là nhẫn nại chờ đợi.

Một lúc sau, tôi nghe có tiếng cửa mở và có tiếng chân người. Chúng tôi co ro ngồi xổm trong bóng tối. Kế tiếp là tiếng động khô khan ở ổ khóa. Chàng cao bồi bước vào căn hộ, nhẹ nhàng đóng cửa lại, nhìn quanh quan sát, cởi áo choàng và tiến về phía cái bàn giữa, nhanh nhẹn đẩy cái bàn qua một bên, gỡ tấm đệm trải dưới bàn, cuộn nó lại, rồi rút cái xà-beng ngắn ở túi trong ra, quỳ gối và bắt đầu đào. Một lát sau thì một lỗ vuông xuất hiện. Evans Sát Thủ đánh diêm thắp một khúc nến và chui xuống mất hút.

Holmes rờ nhẹ cổ tay tôi. Hai chúng tôi rón rén tới miệng lỗ. Dù chúng tôi di chuyển nhẹ nhàng nhưng sàn nhà cũ vẫn kêu cọt két dưới chân. Cái đầu của tên Mèo lộ ra khỏi lỗ. Nó quay về hướng chúng tôi, bộ mặt giận dữ cùng cực. Nhưng gương mặt nó từ từ dịu lại khi thấy rõ hai họng súng.

- Được, được, c- Nó vừa chui lên vừa lạnh lùng nói - ông Holmes à! Ông đã thấy cái mảnh của tôi ngay từ đầu. Tôi nhìn nhận và chịu thua ông và...

Trong một thoáng, hắn rút súng và bắn hai phát.

Tôi cảm thấy xé thịt trên đùi. Nhưng súng của Holmes bắn vào đầu anh ta. Tôi mơ hồ thấy Evans Sát Thủ ngã trên sàn, máu chảy đầy mặt và Holmes tước vũ khí. Cuối cùng tay của bạn tôi ôm lấy tôi, kéo tôi đến một chiếc ghế.

- Bị thương có nặng không, Watson? Nặng không?

Thái độ cuồng quít của Holmes quả xứng đáng để tôi bị thương. Trong một giây lát, tôi thấy đôi mắt rớm lệ và đôi môi cương nghị run bần bật.

Đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy nhịp đập mạnh của con tim cứng cõi. Cái phát hiện này bù đắp đầy đủ tất cả những năm tháng cộng tác khiêm tốn và bất vụ lợi của tôi.

- Không sao, Holmes à, chỉ trầy trụa sơ.

Holmes lấy dao rạch quần tôi.

- Đúng! - Anh ấy nói lớn và thở phào nhẹ nhõm - Vết thương xoang thôi.

Khuôn mặt của anh lại lạnh như đá. Khi nhìn tên tù của chúng tôi đang ngồi dậy, mặt mày ngơ ngáo nghe anh nói:

- Cũng may cho mày đó. Nếu mày giết Watson thì mày sẽ không toàn thân mà rời căn hộ này đâu. Giờ đây mày có điều gì nói để biện minh không?

Hắn không nói, chỉ nhìn chúng tôi. Tôi tì tay vào Holmes và hai chúng tôi cùng nhìn cái hòm nhỏ còn được chiếu sáng bởi khúc nến. Mặt chúng tôi dừng lại trên một cái máy rì sét, nhiều cuộn giấy lớn, chai lọ và nhiều gói nhỏ cột dây cẩn thận xếp kỹ lưỡng trên một cái đàn.

- Một máy in... Toàn bộ trang bị của tên trùm bạc giả? - Holmes nói.

- Đúng, thưa ông!

Tên Méo nhìn nhận, rồi ráng đứng dậy nhưng cuối cùng buông mình xuống ghế trở lại. Đó là một tên trùm tiền giả đáng sợ nhất tại London này. Đó là cái máy của Prescott và các gói trên bàn chứa hai trăm tờ năm bảng mà hắn đã sản xuất.

- Hai ông hãy sử dụng mớ đó, c như bù vào công lao và tha cho tôi!

Holmes cười to:

- Bọn tao không mưu sinh bằng lối này, Evans à? Mày đã giết Prescott phải không?

- Đúng, và tôi đã lãnh 5 năm về tội này, mặc dù chính nó tấn công tôi. Lẽ ra tôi phải được thưởng một huy chương thật to. Không ai có thể phân biệt được tiền của Prescott với tiền của ngân hàng Anh quốc? Nếu tôi không giết y thì London đã tràn ngập tiền giả. Tôi là người độc nhất biết y sản xuất tại chỗ nào. Quý ông đã hiểu rõ tại sao tôi xoay xở mọi cách để đẩy ông già bắt bướm bướm ra khỏi đây vài giờ. Lẽ ra tôi giết chết ông ấy là gọn ghẽ hơn. Nhưng tôi không thể hạ sát một đối thủ không vũ trang. Nói cho cùng, thưa ông Holmes, tôi đâu có tội.

- Cho tới phút này thì mày chỉ bị kết tội mưu sát. - Holmes nói - Mày sẽ biết rõ khi qua giai đoạn hai. Hiện điều chúng tao cần là cái thân xác quý giá của mày. Kêu điện thoại cho Scotland Yard đi, anh Watson!

Đó là các sự kiện liên quan đến Evans Sát Thủ và cái sáng tạo tuyệt diệu của y về ba người cùng mang họ Garrideb. Sau này chúng tôi biết rằng ông bạn kháo cổ đáng thương bị suy sụp luôn sau cái chấn động làm tan nát mộng đẹp của ông. Tin mới nhất cho biết ông đang ở một viện an dưỡng tại Brixton. Đó cũng là một ngày huy hoàng đối với Scotland Yard khi họ phát hiện được trang thiết bị của Prescott, tên làm bạc giả nổi

tiếng. Thực sự Evans có góp một công lớn, giúp cho nhiều viên chức cao cấp ngủ ngon. Cái viên chức này đương nhiên sẵn lòng đóng góp để mua một huy chương to bằng cái nôi súp cho Evans vào bốn bức tường kín cho hắn suy ngẫm.

Hết.

F.7 - The Problem of Thor Bridge 1922 (Bài toán cầu Thor)

Vào một buổi sáng tháng 10, tôi vừa thay quần áo vừa ngắm những chiếc lá vàng tiêu điều cuối cùng nhõn nhõn trước gió. Tôi rời phòng, đi ăn điểm tâm và chuẩn bị để đương đầu với sự ỉm ỉu của anh bạn Holmes thường bị ngoại cảnh chi phối. Tuy nhiên, ngược lại, tôi thấy anh đã ăn gần xong và tâm trạng khi đó thì vui vẻ lạ thường. Cái vui loại này thường báo hiệu chuyện chẳng lành. Tôi liền hỏi:

- Lại có vụ án phải không Holmes?
- Khả năng suy luận cũng có thể bị “nhiễm”, Watson ạ. Nó giúp anh biết được những suy nghĩ của tôi. Đúng. Tôi có một vụ án lý thú.
- Tôi có được dự phần vào cuộc chơi lý thú này không?
- Chúng ta sẽ thảo luận về nó sau khi anh đã thưởng thức hai quả trứng luộc quá chín của bà đầu bếp mới. Hai quả trứng này rất dở, giống như số báo Family Herald hôm qua. Việc luộc trứng cũng đòi hỏi sự chú ý vào tiến độ của thời gian.

Mười lăm phút sau, cái bàn được dọn sạch. Chúng tôi ngồi đối diện với nhau, Holmes móc một lá thư trong túi ra, hỏi:

- Anh biết ông Neil Gibson, ông vua vàng không?
- Ý anh muốn nói đến ông hạ nghị sĩ Hoa Kỳ?
- Đúng thế. Có thời ông ta là nghị sĩ của bang Western. Nhưng bây giờ thì nổi tiếng trong giới tài phiệt.

- Đúng thế, tôi có biết. Có lẽ ông ta đã sống một thời gian tại Anh. Tên của ông ấy nghe rất quen?

- Đúng vậy. Cách đây 5 năm, ông ấy mua một lãnh địa mệnh mông trong tỉnh Hampshire. Anh có nghe cái chết thê thảm của vợ ông ấy không?

- Có! Tôi nhớ ra rồi. Tuy nhiên tôi không biết chi hết.

Holmes chỉ mấy tờ báo trên ghế.

- Tôi không ngờ là tôi sẽ phải điều tra vụ này. Quả vậy vấn đề tuy chán động dư luận nhưng không khó khăn lắm đâu. Cái tư cách nhân hậu của bị cáo cũng không làm giảm thiểu được tính hiển hiện của bằng chứng. Cảnh sát và tòa án cũng đồng quan điểm này. Nội vụ đang chờ tòa đại hình Winchester xử. Tôi ngại rằng sẽ là công dã tràng. Nếu không tìm ra được dữ kiện lạ và bất ngờ, thì làm sao đáp ứng nguyện vọng của thân chủ?

- Thân chủ của anh?

- Ủa? Thì ra tôi đã nhiễm thói xấu của anh? Kể chuyện mà bắt đầu từ cái đuôi. Hãy đọc lá thư này.

- Tuồng chữ của thư là tuồng chữ của một người cương quyết và có tính kẻ cả.

“Khách sạn Claridge, ngày 3 tháng 10.

Thưa ông Sherlock Holmes,

Tôi không thể chứng kiến việc kết án tử hình người đàn bà tốt nhất mà không cố gắng

để minh oan. Tôi không thể giải thích, tuy tôi quả quyết rằng cô Dunbar vô tội. Ông đã biết các dữ kiện rồi. Cả nước đều biết, đều thảo luận nhưng không có ai lên tiếng bênh vực nàng. Một sự bất công như thế làm tôi phát điên. Nàng nhân hậu đến độ không giết một con ruồi. Mười một giờ trưa mai, tôi sẽ đến để xem ông có thể đem lại một tia sáng nào không. Có thể tôi được một chỉ dẫn! Tất cả những gì tôi biết, tôi có và tôi làm đều được đặt dưới quyền sử dụng của ông. Xin ông hãy tung hết khả năng vào vụ này.

Trân trọng.

J. Neil Gibson”.

- Vậy đó!

Holmes nói, vừa khảy tro thuốc ra khỏi cái tẩu và chuẩn bị một điều khác.

- Tôi đang chờ ông này. Về nội dung câu chuyện, anh không có thì giờ đọc tất cả các báo. Tôi sẽ tóm tắt trong vài câu. Gibson là một người có thể lực tài chính lớn nhất trên thế giới. Tính tình vừa hung bạo vừa khùng khiếp. Ông cưới một bà vợ. Bà này hình như không còn trẻ đẹp. Trong nhà lại có một nữ gia sư cực kỳ quyến rũ, dạy hai đứa con nhỏ. Đó là ba người có liên quan. Sân khấu là một lâu đài cổ nằm giữa một lãnh địa, xưa kia thuộc quyền sở hữu của một vương tôn công tử Anh quốc. Người ta tìm thấy bà vợ ở ngoài vườn cách nhà khoảng nửa dặm lúc gần nửa đêm, bà mặc áo dài dạ hội, quàng khăn choàng, chết vì một viên đạn súng lục bắn vào đầu. Gần xác chết không có khí giới, không có dấu vết của kẻ sát nhân. Đề ý điều này, tội ác có thể được thực hiện khá khuya. Một người gác rừng phát hiện xác chết lúc 2 giờ đêm. Cảnh sát và pháp y khám nghiệm trước khi khiêng nạn nhân vào nhà. Câu chuyện có cô đọng quá không, anh có nắm các điểm chính không?

- Nắm vững, nhưng tại sao lại nghi cô gia sư?

- Vì một bằng chứng rất là trực tiếp: Một khẩu súng lục thiếu một viên đạn, có cùng nòng được tìm thấy trong tủ của nữ gia sư.

Với đôi mắt bất động, Holmes lặp lại.

- Trong tủ... của... nàng!

Rồi anh trầm ngâm hồi lâu. Tôi đoán rằng anh đang suy luận. Tôi lặng yên để không làm gián đoạn tư tưởng của anh. Đột ngột anh trở về với sự thật.

- Đúng vậy, cái súng lục được tìm thấy trong tủ của người nữ gia sư. Mặt khác, trong tay nạn nhân còn có một miếng giấy hẹn gặp tại điểm đó do nữ gia sư ký. Anh nghĩ sao về điều này, rõ quá chứ gì? Còn đây là động cơ của tội ác: nghị sĩ Gibson không thiếu sức quyến rũ. Nếu vợ y chết, ai có thể thay thế bà này, ngoài cô ta mà theo nhiều nhân chứng, cô ta đã được ông chủ sẵn đón đón dập. Tình yêu, sự nghiệp quyền thế, tất cả sẽ có được. Watson ạ! Rất ghê tởm!

- Đương nhiên là rất ghê tởm.

- Cô ta cũng có thể đưa ra các bằng cứ để chứng minh mình vô tội. Nhưng cô ta đã nhìn nhận rằng đêm đó cô có tới gần cầu Thor. Một người dân trong làng đi ngang qua, có thấy cô tại đó.

- Đủ để buộc tội rồi!

- Nhưng, cây cầu Thor, nơi xảy ra án mạng, là một nhíp đá độc nhất bắc ngang khúc hẹp nhất của một dòng nước dài và sâu. Hai bên cỏ lau sậy nghẹt cứng, dân địa phương gọi là ao Thor. Xác chết nằm ngay đầu cầu. Đó là những dữ kiện cốt yếu. Nhưng kia! Ông Gibson tới kia! Ông ấy đến khá sớm!

Billy mở cửa, nhưng đó không phải là Gibson mà là một người hoàn toàn khác. Một người lùn xùn, gầy đét và nóng nảy. Ông có đôi mắt sợ hãi và những cử chỉ ngập ngừng, xưng là Marlow Bates.

- Ông có vẻ bị dao động, ông Bates. - Holmes nói, - Mời ông ngồi, tôi ngại rằng không thể tiếp ông lâu bởi vì tôi có một cuộc hẹn lúc 2 giờ.

- Tôi biết điều đó?

Khách nói áp úng như người hết hơi.

- Ông Gibson sắp tới, ông ấy là chủ tôi. Tôi là viên quản lý lãnh địa của ông. Thưa ông Holmes, đó là một thằng nham hiểm... cực kỳ nham hiểm.

- Ông dùng từ ngữ khá nặng đó, ông bạn?

- Không đâu, thưa ông Holmes. Thời gian của tôi có hạn. Tôi thà chết chứ không để ông ấy gặp tôi tại đây. Ông ấy sẽ tới ngay bây giờ. Nhưng tôi không thể tới sớm hơn. Thư ký của ông ta là Ferguson vừa cho tôi hay sáng nay.

- Còn ông là quản gia của ông?

- Tôi đã đưa đơn xin nghỉ việc rồi. Trong vòng 15 ngày nữa, tôi chấm dứt đời nô lệ khốn nạn của tôi. Ông ta là một người sắt đá đối với tất cả những người xung quanh ông ta. Làm từ thiện chỗ này chỗ nọ là để che đậy những tội lỗi trong đời tư. Nạn nhân chính của ông lại là vợ ông. Ông ta quá vũ phu với bà ấy. Bà ấy chết cách nào tôi không biết nhưng tôi chắc chắn rằng ông đối xử rất tệ với bà ấy. Bà ấy gốc dân vùng nhiệt đới, sinh tại Brazil, có lẽ ông đã biết điều này rồi.

- Không đâu, tôi không để ý!

- Sinh quán nhiệt đới, tính khí nhiệt đới, con gái của mặt trời và của đam mê. Bà ấy đã yêu ông với tình yêu của loại đàn bà đó. Hình như trước kia bà là một bậc sắc nước hương trời, nhưng khi nhan sắc tàn phai, thì không còn kiềm chế ông được nữa. Tất cả chúng tôi đều thương mến bà ấy, và rất ghét ông. Đây là những gì tôi muốn nói. Giờ đây tôi phải kiêu từ. Ông sắp tới rồi!

Nhìn đồng hồ của chúng tôi lần chót, người khách chạy vọt ra cửa và biến mất.

- Chúa ơi!

Holmes thốt lên sau một lúc yên lặng.

- Ông Gibson có những nhân viên trung nghĩa ngoài mức bình thường? Những điều nhắc nhở ấy không phải là vô ích. Giờ đây ta chỉ còn chờ chính nhân vật đó.

Đúng giờ hẹn, một bước đi nặng nề vang dội dưới cầu thang và nhà triệu phú nổi tiếng được mời vào. Thoạt nhìn ông ta, tôi thông cảm cho những nỗi sợ hãi và ghét bỏ của viên quản lý mà cả những lời nguyên rủa của vô số địch thủ của ông trên thương trường. Đôi mắt xám, lạnh lùng, tinh tế, lần lượt quan sát chúng tôi. Ông lễ độ cúi chào tôi khi nghe Holmes giới thiệu rồi với thái độ của một đại gia, ông kéo một cái ghế về hướng Holmes, ngồi sát cạnh, gần như vai kề vai.

- Thưa ông Holmes, xin phép nói trước với ông rằng, trong vụ này, tiền bạc không là vấn đề. Ông có thể đốt tiền nếu cần để làm cho sự thực được nổi bồng. Cô giáo đó vô tội, nàng phải được minh oan. Ông lãnh sứ mạng đó. Ông hãy chính xác hóa con số!

- Thù lao của tôi được định theo một giá biểu cố định. - Holmes lạnh lùng trả lời - Tôi không thay đổi bao giờ trừ khi tôi đặc miễn cho vài thân chủ.

- Vậy thì ông hãy nghĩ tới danh tiếng, nếu ông coi thường đồng dollar. Nếu ông cứu được người đàn bà này, tất cả báo chí Anh, Mỹ sẽ ca tụng ông.

- Cám ơn ông. Tôi cảm thấy không cần ăn kẹo. Có thể ông sẽ ngạc nhiên khi biết rằng,

tôi thích âm thầm làm việc và chỉ các bài toán mới lôi cuốn được tôi... Thôi, không nên mất thời gian, ta hãy vào đề.

- Theo tôi thì đại cương của câu chuyện đã được báo chí ghi đầy đủ, tôi không có gì để bổ khuyết. Nhưng nếu cần hiểu rõ một chi tiết nào đó, tôi sẵn sàng tiếp tay với ông.

- Một điểm mà thôi!

- Điểm nào?

- Tính chất chính xác của mối quan hệ giữa ông với cô Dunbar?

Ông vua vàng giật mình nhồm dậy khỏi ghế, nhưng lại lấy lại bình tĩnh.

- Tôi đã nghĩ rằng ông sẽ hỏi tôi một câu như thế.

- Cả hai chúng ta đều phải nghĩ như vậy.

- Như vậy tôi có thể bảo đảm với ông rằng mối quan hệ giữa chúng tôi là mối quan hệ giữa một người chủ đối với một cô giáo mà chỉ nói chuyện và gặp cô ở cạnh mấy đứa nhỏ.

Holmes đứng dậy:

- Tôi là một người bạn rợn, thưa ông. Tôi không rảnh và không thích nói những chuyện vô bổ. Xin kiếu từ ông.

Người khách của chúng tôi cũng đứng lên, và chế ngự Holmes bằng cái thân hình đồ sộ của ông. Một tia cuồng nộ lóe lên từ dưới đôi chân mày.

- Cái quỷ quái gì vậy ông Holmes? Ông không bằng lòng với ý kiến của tôi à?

- Vâng.

- Tôi có cảm giác là tôi đã nói rõ ràng như ban ngày, nhưng tại sao vậy? Ông đòi thêm tiền hoặc ông sợ không muốn dính dáng vào nội vụ? Tôi cũng có quyền được biết.

- Tôi nói rõ ngay thôi. Chuyện này đã khá rắc rối ngay từ đầu, tôi không muốn nó bị vướng thêm khó khăn với những tin tức sai lạc.

- Nghĩa là ông bảo rằng tôi đã nói láo?

- Thưa ông, tôi đã cố gắng nói năng một cách tế nhị. Nhưng nếu ông nhấn mạnh đến từ đó, thì tôi không phản đối ông đâu.

Tôi vội vã đứng lên vì nhà triệu phú đã diên tiết và đã đưa ra cái nắm tay to tởm. Holmes trả lời ông ta bằng một nụ cười vô tư lự và đưa tay lấy cái tẩu.

- Đừng ồn ào, ông Gibson. Tôi nghĩ rằng sau khi ăn điểm tâm thì dù cái vật cũng bị xáo trộn sinh lý. Tôi quan niệm rằng một sự đi bộ giữa khí trời bao la vào buổi sáng hoặc sự nằm nghỉ vài phút sẽ có lợi cho ông hơn.

Cố gắng lắm ông vua vàng mới kìm chế được cơn cuồng nộ. Tôi phải ngợi khen ông ấy vì sau đó lửa cuồng nộ bị dập tắt và nhường chỗ cho một sự điềm đạm lạnh lùng, khinh miệt.

- Được thôi, ông đã lựa chọn. Tôi đoán rằng ông biết cách làm ăn. Tôi không thể ép buộc ông phụ trách vụ này. Ông Holmes, sáng nay ông tự chuốc họa vào thân, bởi vì tôi đã từng bẻ gãy những kẻ cứng cỏi hơn ông. Không gì có thể cản đường tôi được. Không bao giờ!

- Tôi thường nghe những lời lẽ đe dọa. - Holmes vừa cười vừa nói - Tôi vẫn sống, xin kiếu từ, ông Gibson. Ông còn phải học hỏi nhiều.

Người khách giận dữ bước ra, trong khi Holmes bắt đầu hút thuốc, im lặng nhìn lên trần nhà một cách mơ màng.

- Watson không có ý kiến gì à? - Cuối cùng anh hỏi tôi.

- Khi tôi xét một người có thói quen gạt qua một bên bất cứ chương ngại nào và khi tôi

nhớ rằng vợ của y đã trở thành một chương ngại như ông Bates cho biết, thì hình như...

- Đúng lắm! Tôi cũng nghĩ như vậy.

- Nhưng mà mối quan hệ của y với cô gia sư ra sao, làm sao anh biết!

- Tôi đoán!

- Watson à! Khi so sánh cái giọng đam mê, lời lẽ của bức thư với cái thái độ tự chủ và nghiêm nghị tại đây, tôi thấy rõ rằng tình cảm của y nghiêng về bị cáo hơn là về nạn nhân. Muốn đi tới sự thực, cần phải biết rõ tính chất của các quan hệ giữa các diễn viên. Anh thấy tôi đã tấn công trực diện và y đã đón nhận một cách thản nhiên. Tôi đã bị y khi làm bộ nắm chắc sự việc, trong khi đó thật ra tôi hãy còn ngờ vực!

- Ông ta quay lại chứ?

- Chắc chắn ông ta không thể dừng tại đó đâu. Chuông reo phải không? Đúng rồi. Tôi nhận ra bước đi của ông ta. - Chào ông Gibson, tôi vừa nói với bác sĩ Watson rằng ông sẽ trở lại.

Ông vua vàng đi vào phòng chúng tôi một cách ít ồn hơn lúc ra đi hồi nãy. Vết thương giáng xuống tính ngạo mạn của ông vẫn còn in rõ dấu vết trong cái nhìn của ông.

Nhưng lương tri của ông đã cho ông thấy rằng muốn thắng lợi, ông phải nhượng bộ.

- Tôi đã suy nghĩ lại, thưa ông Holmes, và tôi nhìn nhận rằng tôi quả có nóng nảy khi hiểu lầm cái nhận xét của ông. Ông có lý khi muốn biết mọi dữ kiện, dù chúng là cái gì. Tôi càng kính nể ông hơn bội phần. Tôi có thể đoán chắc với ông rằng cả cô Dunbar và tôi đều không có ảnh hưởng gì đến nỗi vụ.

- Chúng tôi mới có quyền kết luận chứ!

- Đương nhiên, giống một y sĩ, ông phải biết hết các triệu chứng trước khi chẩn đoán.

- Quả vậy, sự so sánh đó là đúng. Bệnh nhân nào giấu đi một vài triệu chứng là lừa gạt y sĩ vì một mục đích?

- Có thể. Tuy nhiên ông nên xét rằng đa số đàn ông đều nhột khi đột ngột bị hỏi thăm về tính chất của mối quan hệ giữa họ với một người đàn bà... đặc biệt khi đã có một tình cảm xen vào. Tôi tin rằng phần lớn đàn ông đều có một lãnh địa nhỏ nhoi, riêng tư trong tận đáy lòng họ và họ không muốn người khác đột nhập. Ông đã thọc vào đó một cách khá đột ngột... Nhưng mục đích của ông tha thứ cho ông. Ông đã hành động như thế là vì muốn cứu cô ấy. Tóm lại, trận đầu đã xong, bãi chiến trường rộng mở, ông có thể dò la tùy thích, ông muốn biết gì?

Sự thực ông vua vàng ngồi yên lặng một hồi lâu, như thể để sắp xếp lại tư tưởng, mặt ông sa sầm lại và trở nên nghiêm nghị hơn.

- Thưa ông Holmes, ở đời có vài chuyện khó nói ra lắm. Tôi quen với vợ tôi lúc tôi đi đào vàng tại Brazil. Maria Pinto là con của một viên chức chính phủ tại Manaus. Nàng rất đẹp. Lúc đó tôi còn trẻ và nồng nhiệt. Bây giờ khi bình tĩnh và khách quan nhớ chuyện xưa, tôi phải nhìn nhận rằng nàng đẹp rực rỡ. Nàng có một bản chất phong phú, sâu sắc, đam mê, trọn vẹn nhiệt đới, khác hẳn cái cô bé Hoa Kỳ mà tôi quen về trước. Tóm lại tôi thương và cưới nàng. Nhưng chỉ sau vài năm, cái giai đoạn mơ mộng tiểu thuyết bị chấm dứt. Lúc đó tôi mới thấy rằng giữa chúng tôi không có cái gì giống nhau, thế là tình yêu của tôi sút giảm. Phải chi tình yêu của nàng cũng sút giảm thì sự việc sẽ gọn ghẽ hơn. Đằng này, dù tôi quạu đến đâu, nàng cũng không tách xa khỏi tôi. Tôi bèn nghiệt ngã, vũ phu với nàng, vì tôi cho rằng những cái đó sẽ giết chết tình yêu hoặc biến nó thành hận thù, thì câu chuyện sẽ dễ dàng cho cả đôi bên. Khốn thay,

không gì có thể thay đổi tình yêu của nàng được. Nàng tôn thờ tôi trong rừng Anh quốc này y hệt như nàng đã tôn thờ tôi hồi 20 năm về trước trên bờ sông Amazone. Tôi quây gù thì quây, nàng vẫn gắn bó với tôi như trong ngày đầu.

Giữa lúc đó thì cô Grace Dunbar xuất hiện. Chúng tôi rao vặt kiếm nữ gia sư. Cô đến và được thu dụng. Có thể ông đã thấy hình cô ta trên báo. Cả thế giới đều đã nhìn nhận rằng cô cũng là một người đàn bà đẹp phi phàm. Tôi phải thành thật thú nhận rằng, tôi không thể sống dưới một mái nhà với một người đàn bà đẹp như thế, mà không có một cảm tình dành cho nàng. Ông có trách tôi không, ông Holmes?

- Tôi không trách ông. Tôi sẽ trách, nếu ông đã không bày tỏ nó ra, bởi vì trong một chừng mực nào đó, cô bé kia thuộc trách nhiệm bảo vệ của ông.

- Có thể!

Ông triệu phú nhìn nhận và rùng mình trước lời trách cứ.

- Tôi không đạo đức giả. Tôi cho rằng trong suốt đời tôi, tôi chưa bao giờ thêm bất cứ cái gì khác hơn là tình yêu và cái quyền sở hữu đối với cô gái đó. Tôi có nói với cô ta điều đó.

-Ồ, vậy là có nói rồi?

- Tôi có nói với nàng rằng nếu có thể, tôi sẽ cưới nàng. Nhưng chuyện đó nằm ngoài quyền năng của tôi. Tôi có nói với nàng rằng tiền bạc không đáng kể. Tôi sẽ làm tất cả những gì trong khả năng vì hạnh phúc và tiện nghi cho nàng.

- Thật là hào phóng, ai cũng thấy thế.

Holmes vừa nói vừa cười nhạo.

- Ông Holmes! Tôi tới đây để nhờ ông chứng minh sự vô tội của nàng, chứ không để nghe ông dạy đạo đức. Tôi không cần sự phê bình của ông đâu!

- Chỉ vì cô bé mà tôi lưu ý đến nội vụ. - Holmes trả lời - Giữa hai tội này, tôi không biết cái nào nặng, cái nào nhẹ: cái tội sát nhân mà cô ta bị buộc và cái tội dụ dỗ một cô gái bơ vơ thuộc trách nhiệm bảo vệ của mình.

- Tôi lấy làm lạ là lời trách móc này được đón nhận êm xuôi. Tới bữa nay tôi mới thấy rõ vấn đề. Tôi cảm ơn Chúa rằng cái dự án của tôi không tiến triển như tôi hy vọng. Nàng đâu chịu nghe, nàng muốn rời nhà tức khắc. - Người khách nói.

- Thế tại sao nàng còn chần chờ?

- Trước tiên là vì sự mất việc sẽ là một đại họa đối với gia đình nàng. Nhất là khi tôi đã thành tâm hứa với nàng là không bao giờ gây bận tâm cho nàng. Nàng đã bằng lòng ở lại. Tuy nhiên, còn có lý do khác: nàng biết nàng có ảnh hưởng đến tôi! Nàng muốn sử dụng ảnh hưởng đó để làm điều tốt.

- Tôi không hiểu điều này?

- Nàng có biết sơ về chuyện làm ăn bên ngoài của tôi. Thừa ông, tôi không thể làm nên mà không phá nát. Chẳng những phá những con người mà phá cả cộng đồng thành phố, ngay cả các quốc gia cũng có thể bị tôi phá nát. Đó là một trò chơi nghiệt ngã, kẻ yếu kém phải gục chết. Tôi luôn chơi xả láng. Tôi không bao giờ rên, nên tôi không để ý tới những cái rên rỉ của kẻ khác. Ngược lại, nàng nghĩ và nói luôn miệng rằng cái thừa mứa của người giàu không nên xây dựng trên sự phá sản, nghèo đói của hàng trăm ngàn người khác. Nàng biết rằng tôi nghe lời nàng và nàng cho rằng nàng sẽ làm được một điều thiện khi có ảnh hưởng tốt đến việc làm của tôi. Do đó nàng ở lại và vì thế thảm kịch đã xảy ra.

- Ông có thể cho tôi một vài tia sáng không?

Ông vua vàng lại im lặng một lần nữa, ông ôm đầu suy nghĩ.

- Toàn là những yếu tố bất lợi cho nàng. Lúc đầu khi xúc động quá, mệt mỏi quá, tôi quả có ngã về hướng nghi ngờ nàng. Nhưng lại có một giải thích khác trong đầu tôi: hiển nhiên là vợ tôi ghen khùng khiếp. Vợ tôi thấy rõ rằng cô gái này có ở trong trí và có ở các hành động của tôi, một ảnh hưởng mà vợ tôi chưa bao giờ kiếm được. Vợ tôi điên vì hận thù và máu của nàng bùng bùng khí nóng của vùng Amazone. Nàng có kế hoạch giết Dunbar hoặc dọa giết bằng súng lục, mục đích làm cho Dunbar sợ, phải rời khỏi nhà này. Có thể một cuộc ẩu đả đã xảy ra giữa hai người, và khẩu súng bị ướp cò, làm cho người cầm nó trên tay bị chết.

- Tôi cũng có tính tới khả năng này. Quả thực là giả thiết độc nhất, ngoài cái sự kiện là cô gái giết người có dự mưu - Holmes nói.

- Dunbar dứt khoát không nhận.

- Đương nhiên, nhưng liệu cô ta có thoát khỏi không. Giả thiết tạm là khi bị kẹt trong một tình huống sợ hãi, cô gái vẫn không quên nhặt cây súng để rồi chạy về nhà, hốt hoảng liệng nó trong tủ quần áo, chả biết để làm gì. Và khi súng bị phát hiện thì chối phăng? Làm sao phá vỡ cái giả thiết này?

- Chính bản thân cô Dunbar mới phá vỡ được.

- Có thể!

Holmes nhìn đồng hồ.

- Tôi tin chắc rằng sáng nay chúng ta có thể xin được giấy phép và đến Winchester bằng chuyến xe tối. Khi gặp Dunbar rồi, có thể tôi giúp được ông. Nhưng tôi không hứa rằng các kết luận của tôi sẽ phù hợp với ý muốn của ông.

Sự xin phép thăm tội nhân không nhanh chóng như Holmes tưởng. Thay vì đến Winchester ngay hôm đó, chúng tôi đi tới lâu đài Thor, nơi ở của ông Neil Gibson. Ông vua vàng không đích thân dẫn đi, nhưng chúng tôi có địa chỉ của thượng sĩ Coventry, thuộc cảnh sát sở tại, là người đầu tiên thụ lý nội vụ. Đó là một người cao lêu nghêu, có những cử chỉ bí hiểm lạ thường, tạo cảm giác rằng ông biết hoặc ngờ vực nhiều hơn là muốn nói. Ông tỏ ra là một cảnh sát viên đạt chuẩn, lương thiện, khiêm tốn, thú nhận mình đã lâm vào ngõ bí, cần được tiếp sức. Dù sao đi nữa ông ấy nói với chúng tôi.

- Tôi thích có ông hơn là Scotland Yard. Khi Scotland Yard xuống thì cảnh sát địa phương mất hết công trạng, nếu cuộc điều tra thành công, còn khi họ thất bại thì chúng tôi bị làm vật hy sinh. Quý ông chơi lương thiện hơn, theo như người ta nói.

- Tôi không đòi được ghi công trong vụ án. - Holmes đáp, khiến người đối thoại của chúng tôi thở ra nhẹ nhõm. - Nếu tôi làm sáng tỏ nó, tôi không muốn tên tôi được nêu lên.

- Rõ ràng ông là người "chơi đẹp"! Và tôi cũng có thể tin cậy cả bạn thân của ông là bác sĩ Watson, phải không? Giờ đây, thưa ông Holmes, trước khi ra hiện trường, tôi xin đặt cho quý ông một câu hỏi. Tôi không dám nêu nó ra với người nào khác.

Ông ấy nhìn quanh như ngại ngùng rồi nhỏ giọng:

- Quý ông có thấy nên lập hồ sơ truy tố đích danh ông Neil Gibson không?

- Tôi đã nghĩ tới điều đó?

- Quý ông chưa thấy cô Dunbar. Về mọi phương diện, đó là một người phụ nữ tuyệt diệu. Có thể ông ấy muốn rảnh nợ. Máy chàng Hoa Kỳ bắn súng lục nhanh lắm. Súng của ông đó!

- Sự kiện này đã được chứng minh chưa?

- Rồi, thưa ông. Ông có hai cây. Khẩu súng tịch thu là một trong hai cây đó.
- Hai súng lục? Vậy thì cái kia đâu?
- Ông có cả một lô khí giới đủ hiệu, đủ nòng. Quả thật, chúng tôi chưa nhận dạng được cây súng lục thứ hai. Nhưng bao súng chắc chắn là bao đôi.
- Nếu súng tìm ra được là thành phần của một cặp, thì lẽ ra ông phải nhận dạng cái kia?
- Ồ, chúng tôi đã gom tất cả vào một góc rồi. Nếu cần, ông hãy vào xem qua.
- Để sau này đã. Giờ đây, chúng ta hãy ra hiện trường.

Cuộc nói chuyện này diễn ra trong văn phòng chật hẹp của thượng sĩ Coventry, dành cho chi cảnh sát địa phương. Sau khi đi bộ nửa dặm, chúng tôi tới cổng phụ nhỏ của lãnh địa Thor.

Một đường đi băng ngang khu rừng nuôi chim trĩ. Đứng từ một cửa, chúng tôi thấy ngôi nhà hùng vĩ, nằm chênh vênh trên đỉnh đồi. Chúng tôi đứng gần một cái ao hình số 8. Hai bên cầu, ao chia thành những cái hồ con con. Hướng dẫn viên của chúng tôi đứng tại đầu cầu rồi chỉ tay về một nơi trên đất.

- Xác bà Gibson nằm tại đây. Tôi có để một cục đá làm dấu.
- Đương nhiên ông phải đến trước khi xác được khiêng vào nhà?
- Đúng thế, tôi được kêu tới liền.
- Ai mời ông.
- Ông Gibson. Ngay khi được báo, ông cùng chạy ra với các người khác và căn dặn giữ nguyên mọi nguyên trạng, chờ cảnh sát tới.
- Qua báo chí, tôi biết hung thủ đứng không xa lắm?
- Đúng thế.
- Gần màng tang bên phải?
- Ngay sau màng tang bên phải, thưa ông. Không có dấu vết của ấu dả, không có dấu tay, không có khí giới! Miếng giấy nhỏ của cô Dunbar được nạn nhân nắm chặt trong tay trái.
- Nắm chặt?
- Vâng, thưa ông, gỡ ra đồ mồ hôi hột.
- Sự kiện này vô cùng quan trọng. Nó loại trừ cái giả thiết cho rằng ai đó đã nhét tờ giấy vào trong tay bà Gibson sau khi bà bị giết. Chuyện lạ lùng! Nếu tôi nhớ không lầm tờ giấy viết rất ngắn. "Tôi sẽ ra cầu Thor, lúc 9 giờ. G. Dunbar". Phải vậy không?
- Đúng vậy, thưa ông.
- Cô Dunbar nhìn nhận có viết tờ giấy này?
- Vâng, thưa ông.
- Cô không giải thích ra sao?
- Cô ấy không giải thích gì cả, cô dành sự bào chữa của cô cho phiên tòa đại hình.
- Bài toán thật là lý thú.
- Cái mục về tờ giấy thật mù mờ phải không?
- Theo tôi thì tờ giấy ấy lại là điểm duy nhất sáng tỏ trong nội vụ.

Holmes lắc đầu.

- Tạm nhận rằng nó do chính bị cáo viết ra. Chắc chắn nó được nhận trước đó lâu rồi. Tạm nói là một hoặc hai giờ đi, tại sao bà đó vẫn giữ chặt nó trong tay? Tại sao phải mang theo kỹ lưỡng đến thế, trong khi nói chuyện với cô nữ gia sư? Điều này có lạ không?

- Nếu trình bày sự việc theo cách của ông thì quả là lạ, thưa ông?

- Tôi cần ngồi yên tại đây suy nghĩ một lúc - Holmes nói.

Holmes ngồi trên bờ đá của cầu, tôi thấy đôi mắt xám và linh hoạt của anh dò xét tứ hướng. Thành linh, anh đứng lên chạy qua bao lơn đối diện, chùi cái kính lúp rút trong túi ra, và quan sát.

- Đây là một điều kỳ lạ! Anh nói.

- Đúng thế, chúng tôi có thấy một vết trầy trên thành cầu. Tôi nghĩ do một người đi đường tạo ra.

Thành cầu màu xám, nhưng tại điểm này xuất hiện một vết trầy to bằng một đồng tiền, có màu trắng. Khám kỹ, ta có thể thấy nó trầy là do một cú đánh mạnh.

- Phải có một cái lực rất mạnh - Holmes thì thầm một cách suy tư.

Holmes dùng gậy đập lên bao lơn nhiều lần mà không để lại dấu vết!

- Một cú cực kỳ mạnh- Holmes nói tiếp - tại một điểm! Một cú đập không phải từ trên xuống, mà từ dưới lên, bởi vì nó ở mép dưới của thành cầu.

- Nhưng nó cách xa xác chết đến 15 bộ?

- Đúng, cách xác chết 15 bộ. Có thể hai điều này chúng liên quan gì với nhau, tuy vậy ta cũng nên lưu ý tới chi tiết này. Hình như chẳng còn gì để dò tìm nữa. Không có dấu chân, thượng sĩ đã nói rồi?

- Đất cứng như sắt, thưa ông. Tuyệt đối không có dấu chân.

- Vậy là chúng ta có thể rút lui ngay bây giờ. Trước hết ta hãy vào nhà nhìn qua cái mớ vũ khí mà ông nói, rồi chúng ta sẽ đi Winchester. Tôi muốn gặp cô Dunbar trước khi tiếp tục cuộc điều tra.

- Ông Gibson chưa về, nhưng chúng tôi gặp ông Bates.

Với một cái thở ra u buồn, ông ấy chỉ một mớ súng ống đủ hiệu, đủ cỡ mà ông Gibson tích trữ.

- Ông Gibson có nhiều kẻ thù - ông quản gia nói. - Dù ngủ, ông cũng để cây súng nạp đạn vào trong một ngăn kéo ở đầu giường. Có nhiều lần chúng tôi run muốn chết. Tôi chắc chắn rằng đã hơn một lần, người đàn bà đáng thương đó mất hồn mất vía.

- Có lần nào ông mục kích tận mắt một cảnh bạo ngược của ông ta đối với vợ không?

- Không tận mắt. Nhưng tôi có nghe ông ấy tuôn ra những lời miệt thị lạnh buốt xương, ngay cả trước mặt gia nhân.

- Nhà triệu phú của chúng tôi không sáng chói trong đời tư - Holmes nhận xét - Thôi chúng ta đi ra ga. - Anh Watson, chúng ta đã gom vô số dữ kiện trong đó có một vài cái hoàn toàn mới. Nhưng kết luận vẫn còn xa, mặc dù ông Bates quá tỏm ông chủ, nhưng chính qua ông mà tôi chắc chắn rằng tin dữ báo cho Gibson ở tại thư viện. Cơm tối đã được dọn lúc 8 giờ 30 và cho đến lúc bảy giờ thì mọi chuyện vẫn bình thường. Đúng là tin báo nhận được khá khuya trong lúc án mạng xảy ra đúng giờ ghi trên tờ giấy. Tuyệt đối không có bằng cứ nào chứng minh rằng ông Gibson ra khỏi nhà sau khi từ London về lúc 5 giờ. Mặt khác, cô Dunbar nhìn nhận rằng cô có hẹn với bà Gibson ở trước cầu. Ngoài lời khai này, cô không chịu giải thích gì thêm. Tôi cần hỏi cô nhiều câu hỏi quan trọng. Tôi sẽ nói rõ rằng nội vụ rất bất lợi cho cô ta, trừ một điểm.

- Điểm nào?

- Sự phát hiện cây súng trong tủ của cô.

- Kỳ vậy? - Tôi nói lớn - Theo tôi đó là cái bằng cứ hùng hồn nhất.

- Không phải vậy đâu. Điểm này làm tôi nghi ngờ tức khắc? Giờ đây sau khi đã đi sâu

vào vấn đề, tôi coi đó là văn bản vững chắc duy nhất để hy vọng. Chúng ta có nhiệm vụ kiểm tra cái gì cụ thể. Nếu thiếu, chúng ta phải coi đó là một màn lừa bịp.

- Tôi chưa hiểu?

- Giả sử anh là cô giáo đó, đang tỉnh táo dự mưu để gạt bỏ tình địch. Anh phải lập kế hoạch cho sát sao. Khi tội ác đã hoàn tất, tại sao anh không vút súng vào một trong cả chục cái hồ con đầy lau lách chẳng chịt. Như vậy thì ai sẽ kiểm tra? Ngược lại, tại sao anh lại đem súng về nhà, bỏ vào chỗ mà chắc chắn là sẽ bị lục soát đầu tiên. Tôi không tin rằng anh ngu xuẩn tới mức đó.

- Do cuống lên, vẫn được chứ!

- Không đâu. Không thể như vậy được. Hãy tin tôi, khi một án mạng đã được tỉnh táo dự mưu, thì các việc che giấu cũng đã được tỉnh táo dự liệu.

- Như vậy thì có vô số điểm cần phải được giải thích thỏa đáng!

- Chúng ta làm thử xem. Mà một khi quan điểm được thay đổi thì cái gì trước đây là điểm buộc tội sẽ trở thành một tang chứng của sự thực. Nhưng về cây súng lục, cô giáo bảo rằng không biết, theo giả thiết mới, cô ấy nói sự thực. Như vậy là súng được ai đó để vào tủ của cô. Ai vậy? Kẻ muốn cho cô chịu trách nhiệm về vụ án mạng! Kẻ này mới chính là thủ phạm. Lý luận theo lối này mở ra cho ta nhiều chân trời mới!

Sáng hôm sau, tháp tùng với luật sư Joyce Cummings, người biện hộ cho cô Dunbar, chúng tôi được vào phòng giam. Theo tất cả những gì đã được nghe, tôi hy vọng sẽ gặp một thiếu nữ cực kỳ đẹp. Nhưng tôi không bao giờ quên cái ấn tượng mà cô Dunbar đã gây ra cho tôi. Tôi hiểu rõ tại sao chính nhà triệu phú thấy ở cô ta một quyền lực mạnh hơn quyền lực của chính ông ta. Nhìn cái khuôn mặt cương nghị, dứt khoát, nhưng nhạy cảm, ta có cảm giác rằng dù cô có khả năng làm một cái gì mạnh bạo, cái tính khí cao đại bẩm sinh luôn luôn hướng cô đến điều thiện. Cô có nước da ngăm, thân hình cao, dáng dấp mảnh mai. Cô có uy đối với kẻ khác, kể cả chúng tôi. Tuy nhiên qua ánh mắt cô, chúng tôi thấy sự tuyệt vọng của một con thú kẹt chặt trong lưới. Khi cô hiểu ý nghĩa của sự hiện diện và sự trợ lực của bạn tôi thì má của cô hồng lại một chút và một tia hy vọng có lóe lên trong cái nhìn của cô.

- Có thể ông Gibson đã tiết lộ cho ông biết những gì đã xảy ra giữa chúng tôi? - Cô hỏi với giọng rên vang và run run.

- Có. Sau khi gặp cô, tôi nhìn nhận là đúng: tất cả những gì ông Gibson nói về ảnh hưởng của cô với ông ta và sự trong sáng trong mối quan hệ giữa ông ta và cô. Nhưng tại sao chi tiết này không được tiết lộ cho dự thẩm - Holmes nói.

- Tôi đâu có ngờ rằng, chuyện khó tin như thế lại được chấp nhận. Trước đây tôi cho rằng cứ nhẫn nại, nội vụ sẽ tự nó sáng tỏ, khỏi cần đào sâu vào những chi tiết đau lòng về đời tư của gia đình đó. Nhưng giờ đây tôi thấy thay vì sáng tỏ, câu chuyện lại trầm trọng thêm ra.

- Thừa cô! - Holmes nói lớn - Tôi thỉnh cầu cô đừng nuôi ảo vọng gì về hướng đó. Luật sư Cummings sẽ cho cô biết rằng tất cả các lá bài đều bất lợi cho ta. Nói rằng sẽ không có gì nguy hại cho cô là ác độc, là lừa bịp. Cô hãy giúp chúng tôi để làm nổi bật sự thật?

- Tôi sẽ không giấu gì quý ông?

- Vậy hãy cho chúng tôi rõ về mối quan hệ thực tế giữa cô và bà Gibson.

- Bà ấy ghét tôi, thưa ông Holmes. Bà ghét tôi với tất cả bạo lực của tính khí nhiệt đới của bà. Đó là một người đàn bà không bao giờ ngừng ở lưng chừng. Bà ấy thương ông

bao nhiêu thì thù ghét tôi bấy nhiêu. Có thể bà ấy đã hiểu lầm về mối quan hệ giữa tôi với ông ấy. Tôi không hề muốn phá gia đình của bà ấy. Bà thương chồng nhiều đến nỗi bà không thể hiểu được cái mối liên lạc trí thức, đạo lý ràng buộc chồng bà với tôi. Bà không thể hiểu rằng chỉ vì muốn tạo ảnh hưởng tốt cho ông ấy mà tôi còn nán nã ở trong căn nhà đó. Giờ đây, tôi mới hiểu là tôi sai lầm khi không chịu dứt khoát. Không thể nào biện minh sự hiện diện của tôi tại một nơi mà tôi là nguồn gốc của đại họa. Nhưng, dù tôi đã ra đi, sự bất hạnh vẫn tồn tại ở gia đình đó.

- Cô Dunbar, tôi khẩn khoản yêu cầu cô kể cho chúng tôi nghe những gì xảy ra đêm đó.

- Thưa ông, tôi biết gì thì kể nấy, nhưng không chứng minh gì được đâu. Nhưng có những dữ kiện thiết yếu mà tôi thấy không thể nào giải thích được.

- Nếu cô cung cấp đủ kiện cho chúng tôi thì may ra có người sẽ giải thích được.

- Sự hiện diện của tôi tại cầu Thor đêm đó do giấy mời của bà Gibson gửi lúc sáng. Giấy này để ở bàn phòng học, bà ấy yêu cầu tôi gấp bà sau cơm tối vì bà có một điều quan trọng cần nói với tôi. Vì bà ấy muốn rằng sự gấp gáp đó được giữ bí mật nên thư hồi âm sẽ được đặt ở chỗ đồng hồ mặt trời ngoài vườn và bà còn yêu cầu tôi đốt bức thư của bà sau khi coi xong. Tôi đã ném bức thư gió vào trong lò sưởi. Bà này rất sợ chồng, ông này xử sự với bà rất thô bạo. Do đó, tôi nghĩ bà lén lút vì giấu chồng.

- Vậy mà bà ấy lại giữ rất kỹ lá thư cô trả lời.

- Đúng thế! Tôi rất ngạc nhiên khi biết bà cầm trong tay!

- Rồi chuyện gì xảy ra sau đó?

- Tôi đến như đã hẹn. Khi tôi đến nơi thì bà ấy đã có mặt ở đó. Thú thật, lúc bấy giờ, tôi mới lường được mức độ thù hận mà người đàn bà đáng thương này dành cho tôi. Bà ấy như điên... và tôi tin rằng bà ấy điên thật. Sự thù hận đã dồn nén bấy lâu. Tôi không lặp lại những gì bà đã nói với tôi. Chỉ biết là bà đã tuôn ra những thác từ ngữ hời hợt, những lời lẽ mà tôi không bao giờ dám lặp lại. Tôi không trả lời tiếng nào. Tôi bịt tai, chạy trốn. Khi tôi bỏ đi, bà ta vẫn đứng ở đầu cầu gởi theo tôi đủ mọi lời nguyên rủa.

- Ngay tại chỗ người ta tìm ra xác chết của bà ấy?

- Cách đó vài yard.

- Nếu bà ấy bị bắn sau khi cô chạy chẳng được bao lâu thì tại sao cô không hề nghe gì cả?

- Thưa ông Holmes, thật sự thì tiếng nổ làm tôi hoảng hốt đến độ chỉ muốn tìm sự bình yên trong phòng tôi thôi. Lúc bấy giờ tôi không còn để ý đến cái gì nữa.

- Cô nói cô quay về phòng. Từ lúc đó đến sáng cô có rời phòng không?

- Có! Khi cái tin bà ấy bị giết loan truyền, tôi cùng chạy ra với nhiều người khác.

- Cô có trông thấy ông Gibson không?

- Có ông ấy từ cầu về. Ông sai mời bác sĩ và cảnh sát.

- Theo cô thì ông ấy có bị chấn động chứ.

- Ông Gibson là con người sắt đá, tự chủ cao độ. Tôi không tin rằng ông ấy dễ lộ nhiều xúc động ra ngoài. Nhưng, là người biết rõ ông ấy, tôi tin rằng ông ấy bị xúc động mạnh.

- Bây giờ, chúng ta đề cập đến điểm quan trọng nhất: cây súng lục được tìm thấy trong phòng cô, nhưng trước đó, cô có thấy cây súng này không?

- Chưa bao giờ, tôi xin thề!

- Nó bị phát hiện vào lúc nào?

- Sáng hôm sau, khi cảnh sát bắt đầu điều tra.
- Ngay giữa đồng hồ đặc của cô?
- Đúng vậy. Trong tủ của tôi, dưới cái áo dài.
- Cô không biết nó được để lại đó từ lúc nào.
- Sáng hôm trước không có ở đó!
- Sao cô biết?
- Vì tôi có dọn dẹp, sắp đặt tủ.
- Có lẽ có ai đó đã vào phòng cô, đặt cây súng vào tủ cô để làm cho cô sẽ bị buộc tội.
- Có lẽ!
- Nhưng lúc nào?
- Có thể vào giờ cơm hoặc trong lúc tôi ở trong phòng học của đứa bé.
- Ở nơi cô nhận bức thư?
- Đúng thế! Tôi ở phòng học suốt buổi sáng.
- Cám ơn cô. Cô thấy còn có gì khác có thể giúp chúng tôi không?
- Không.
- Tôi có ghi nhận một dấu vết va chạm cực mạnh trên thành cầu. Vết tích mới toanh.

Cô có một giải thích nào cho dấu vết này không?

- Có thể chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên.
- Nó cực kỳ dị thường cô Dunbar à. Tại sao có vết tích này lúc xảy ra án mạng? Tại sao lại ngay chỗ đó? Làm sao tạo ra nó được? Phải có sự **ng chạm rất mạnh chứ.

Holmes im lặng. Khuôn mặt nhợt của anh đột ngột có vẻ xa xăm, căng thẳng. Sự thay đổi này cho thấy tâm trí anh đang hoạt động mạnh. Tất cả từ luật sư, người nữ tù đến tôi không ai dám làm gián đoạn sự suy tư của anh. Bỗng anh nhảy ra khỏi ghế, la to:

- Watson! Đứng lên! Đứng lên!
- Có gì vậy Holmes!
- Hãy an tâm, cô Dunbar thân mến! Ông Cummings, tôi sẽ liên lạc với ông. Với sự tiếp tay của thần công lý, tôi sẽ nộp cho ông một hồ sơ làm rung chuyển nước Anh. Mai cô sẽ có tin, cô Dunbar. Hãy tin tôi, mây mù sẽ tan biến. Tôi có cơ sở để hy vọng rằng ánh sáng sự thực sẽ phá tan mây mù.

Từ Winchester về Thor không bao xa, nhưng chuyến đi như dài đằng đặc vì sự nóng lòng của tôi cũng như của Holmes. Anh ta không ngồi yên được, cứ đi tới, đi lui trong toa xe, vừa gõ nhẹ lên đệm xe. Khi tàu gần tới nơi, anh ngồi lại, đối diện với tôi. Trong toa hạng nhất, chỉ có hai chúng tôi. Anh nhìn vào mắt tôi, tinh nghịch, nói:

- Watson! Hình như dù đi dạo, anh cũng mang súng theo chứ!
- Đúng thế! Đôi khi tôi cũng đắn đo về mặt này.

Tôi rút súng trong túi ra. Đó là một cây súng ngắn, gọn, nhưng rất công hiệu. Holmes cầm súng, cài chốt an toàn, tháo đạn ra rồi khám xét kỹ.

- Nặng, quá nặng! - Holmes nói - Anh biết không Watson. Tôi cho rằng súng của anh có liên quan chặt chẽ với điều bí ẩn mà chúng ta sắp làm sáng tỏ.

- Anh đùa à?

- Tôi nói nghiêm chỉnh đấy. Chúng ta phải thử nghiệm. Nếu đúng thì mọi việc sẽ sáng tỏ. hãy để dành lại một viên, chỉ lắp năm viên khác vào đây và đóng cái chốt an toàn. Xong nhé!

Tôi không có tia sáng nào trong gợi ý của Holmes mà cũng không làm cho anh làm sáng tỏ. Và 15 phút sau chúng tôi đã có mặt tại cái lâu đài bí ẩn. Ông thượng sĩ cảnh

sát ra đón chúng tôi.

- Có dấu vết mới sao, ông Holmes?

- Tất cả tùy thuộc sự vận hành của cây súng này. Nó đây! Nào, ông cảnh sát, tôi cần 10 yard đây.

Một tiệm tạp hóa trong làng đã bán cho chúng tôi số dây đó. Holmes lộ vẻ hài lòng:

- Đây là những gì chúng ta cần. Giờ đây, chúng ta lên đường đi nốt chặng nhất của cuộc hành trình.

Mặt trời xế bóng, biến cái bùng biển gợn sóng của Hampshire thành một cảnh thu lộng lẫy. Thượng sĩ Coventry đi cạnh chúng tôi. Đôi mắt thiếu tin tưởng cho thấy ông ngờ vực sự quân bình thần kinh của bạn tôi. Khi tới gần hiện trường, tôi thấy Holmes đang căng thẳng thần kinh.

- Được rồi! - Holmes nói.

Trong khi đi, anh ta cột chặt một đầu dây vào báng súng lục. Khi tới đầu cầu, theo sự hướng dẫn của người cảnh sát, Holmes thận trọng đánh dấu dưới đất vị trí chính xác của nơi xác chết nằm. Rồi anh lục lọi các bụi cây xung quanh, kiếm một viên đá to. Anh cột cục đá này vào đầu kia của sợi dây và treo nó trên bao lơn cầu sao cho nó đu đưa thoải mái trên mặt nước. Anh bèn đứng vào vị trí của xác bà Gibson, tay cầm súng, với sợi dây căng thẳng giữa báng súng và cục đá nặng.

- Vào việc!

Holmes la lớn. Vừa nói xong, anh giơ súng ngang đầu, rồi thả ra. Trong một giây, cây súng bị kéo bởi sức nặng của cục đá, va vào bao lơn cầu một tiếng “cạch” khô khan, văng lên cao rồi lọt xuống nước.

Cây súng vừa rời khỏi tay thì Holmes chạy tới quỳ bên cạnh cầu xem xét. Anh hân hoan la lên:

- Chưa có chứng minh nào hoàn chỉnh hơn. Thấy không Watson, cây súng của anh đã giải bài toán.

Vừa nói anh chỉ vào một vết trầy cùng một dạng với vết cũ trên thành cầu.

- Đêm nay ta sẽ nghỉ tại cái quán trong làng.

Anh nói tiếp rồi nhìn viên thượng sĩ cảnh sát đang ngạc nhiên.

- Chắc ông có cái vợt để vớt cây súng của bạn tôi? Cạnh đó ông cũng sẽ tìm thấy một cây súng nữa dính với sợi nhợ và cục đá mà người đàn bà mưu dùng để nguy trang sự tự sát của mình và gán tội sát nhân cho một kẻ vô tội. Ông vui lòng thông báo cho ông Gibson hay rằng tôi sẽ gặp ông ấy vào sáng mai, sau khi những điều cần thiết đã được thực hiện để minh oan cho cô Dunbar.

Giữa đêm khuya, trong lúc chúng tôi thanh thản hút thuốc trong quán, Holmes tóm lược cho tôi diễn tiến nội vụ:

- Tôi sợ rằng ghép thêm vụ án cầu Thor chẳng tăng thêm danh tiếng cho tôi. Tôi quá chậm lụt, thiếu hẳn sự kết hợp giữa trí tưởng tượng và óc thực tế. Tôi thú thật rằng cái vết trầy là một chứng tích đủ để gọi cho tôi lời giải đáp đúng. Tôi tự chê trách là không thấy được sớm hơn.

Phải nhìn nhận cái hoạt động tinh tế và sâu sắc của người đàn bà bất hạnh ấy. Chắc hẳn bà ấy còn kết tội cô gia sư về những cử chỉ thô lỗ của chồng bà đối với bà. Do đó bà ta có ý định tự sát. Nhưng phải tự sát cách nào mà đối thủ của bà bị cột vào một vận mạng tồi tệ hơn cái chết của bà.

Bà ta khéo léo buộc cô Dunbar viết bức thư hồi âm. Tờ giấy này cho thấy rõ cô gia sư

chọn phạm trường. Quyết chí làm cho giấy này phát hiện, bà giữ chặt tới phút chót. Chỉ một điều này đủ cho cô giáo phải bị tạm giam. Bà lại ăn cắp một trong các súng lục của chồng. Lại giấu thêm một súng khác, giống hệt, vào buổi sáng, trong tủ cô giáo sau khi vớt bớt một viên đạn ở ngoài rừng. Rồi bà ra cầu, bày ra cách khá tinh vi này để vớt bỏ vũ khí sau khi tự tử. Khi cô Dunbar xuất hiện, bà ta dùng những phút chót để tuôn ra tất cả những thù hận phứa chất trong người. Và sau khi cô Dunbar không chịu nổi sự nhục mạ, đã bỏ đi, bà ta thực hiện ý định của mình.

Mỗi khâu đã được ráp và dây chuyền đã hoàn chỉnh. Báo chí có thể chê trách cảnh sát đã không nạo vét cái ao tức khắc. Nhưng khung cảnh rộng mênh mông lại, chẳng chịt lau sậy thì làm sao nạo vét dễ dàng, hơn nữa lại không biết để kiếm cái gì.

Hết.

F.8 - The Adventure of the Creeping Man 1923 (Người đi 4 chân)

Một chiều chủ nhật đầu tháng 9-1903. Holmes gọi cho tôi một bức điện ngắn ngủi: “Tới ngay, dầu không rảnh cũng phải đến”.

Sự hiện diện của tôi đã trở thành một trong các thói quen của Holmes, giống như cây vĩ cầm, thuốc lá nặng, cái tẩu cũ kỹ, các sách tham khảo... Khi mà công việc quá nhiều và cần một người tin cậy, thì tôi là người đầu tiên anh ấy nghĩ đến. Nhưng không chỉ vậy, tôi còn như một viên đá mài cho tâm trí anh. Anh thích sự có mặt của tôi, vì tôi cũng bắt chước suy luận như anh, những sai lầm của tôi, hoặc những ý kiến của tôi đôi khi làm lóe lên những gợi ý cho anh ấy.

Khi tới ngôi nhà ở phố Baker, tôi thấy anh ngồi co ro trong ghế bành: hai đầu gối co lại, miệng ngậm cái tẩu, trán đầy rẫy vết nhăn. Chắc hẳn anh đang rối trí về một bài toán hóc búa. Anh lấy tay đẩy ghế bành cho tôi.

- Watson này, tôi đang nghĩ tới việc viết một chuyên khảo về công dụng của chó trong nghề thám tử.

- Đề tài này đã được nghiên cứu nhiều rồi.

- Có lẽ anh còn nhớ trong một vụ án mà muốn làm tăng tính giật gân, anh đã đặt tên là “Những cây dễ đổ”. Trong vụ ấy, ta chỉ cần quan sát kỹ tính khí của một đứa bé, mà suy đoán ra các thói quen gây tội ác của một người cha.

- Vâng, tôi còn nhớ khá rõ.

- Cái lý luận của tôi về chó cũng tương tự. Con chó là phản ánh của đời sống gia đình. Có bao giờ anh gặp một con chó đủ đờn trong một gia đình sầu thảm, hoặc một con chó u sầu trong một gia đình hạnh phúc không. Người cầu nhàu có chó cầu nhàu, người nguy hiểm có chó nguy hiểm. Còn một con chó ngông thì có thể phản ánh một gia đình kỳ khôi.

- Hơi võ đoán đó! - Tôi lắc đầu nói nhỏ.

Holmes nhét thuốc vào cái tẩu, không thèm để ý tới lời bình phẩm của tôi.

- Sự áp dụng những điều tôi vừa nói vào thực tế sẽ ăn khớp với cái vụ mà tôi đang điều tra. Tôi đang tìm một câu giải đáp “Tại sao Roy, con chó loại sói trung thành của giáo sư Presbury lại cắn ông ấy?”.

Tôi thả mình xuống ghế trở lại, thất vọng.

- Có phải vì cần trả lời một câu hỏi thô thiển này mà tôi bị đến đây?

Holmes liếc tôi.

- Anh bao giờ cũng vẫn thế! - Holmes nói to - Đến bao giờ anh hiểu được rằng một hậu quả nghiêm trọng nhất lại có thể bắt nguồn từ những chuyện lặt vặt. Không lạ sao, khi ta thoát nghe một giáo sư cao niên, có danh vọng, có một con chó loại sói làm bạn thân nhất, rồi ông ta lại bị chính con chó ấy tấn công hai lần? Nào, Watson anh nghĩ sao!

- Con này điên?

- Giả sử là thế, nhưng phải coi lại, vì nó không tấn công ai khác cả, nó chỉ tấn công ông chủ của nó vào những dịp rất đặc biệt. Lạ lắm, Watson ạ!... Nhưng chàng rể tương lai Bennett của ông ta lại đến trước hẹn. Tiếng chuông của anh ta đó. Tôi tưởng có thể nói chuyện với anh nhiều hơn trước khi tiếp anh ta.

Chúng tôi nghe tiếng bước chân đi nhanh nhẹn đến cầu thang, rồi những tiếng gõ cửa khô khan. Lát sau, một người bước vào. Đó là một người trạc 30 tuổi, cao ráo, gọn ghẽ, đẹp trai, nhưng có cái dáng của anh sinh viên rụt rè hơn là một người lịch lãm, Bennett bắt tay Holmes rồi nhìn tôi ngạc nhiên.

- Việc này rất tế nhị, ông Holmes, tôi phải dè dặt khi nói chuyện đó trước một người thứ ba.

- Ông khỏi lo! Bác sĩ Watson đây là hiện thân của sự dè dặt, và tôi cũng thú thật với ông rằng trong vụ này tôi thực sự cần một phụ tá.

- Tùy ông, ông Holmes, xin ông thông cảm cho tôi.

- Anh Watson, đây là ông Trevor Bennett, trợ lý kỹ thuật của vị giáo sư, sống cùng nhà đồng thời là vị hôn phu của con gái duy nhất của giáo sư Presbury. Do đó, ta biết rằng giáo sư có thể tin vào lòng trung nghĩa và tận tụy của ông.

- Thưa ông Holmes, bác sĩ Watson biết tình hình chưa?

- Tôi chưa có thời giờ để trình bày.

- Như vậy tôi phải quay lại các dữ kiện cũ trước khi qua cái mới kia

- Tôi làm chuyện đó cho - Holmes nói chen vào - Giáo sư Presbury nổi tiếng khắp châu Âu, ông dành hết thời giờ cho việc nghiên cứu, ông không có bị tai tiếng gì. Ông góa vợ và có một cô gái tên là Edith. Ông có tính thực tế, năng nổ. Cho tới cách nay vài tháng, tình hình là như thế.

Sau đó thì cuộc đời của ông bước qua một bước ngoặt. Lúc ông 61 tuổi, ông hứa hôn với con gái của giáo sư Morphy, đồng nghiệp của ông tại bộ môn cơ thể học so sánh. Cô thiếu nữ Alice Morphy vẹn toàn cả hai mặt thể chất và trí tuệ nên vị giáo sư của chúng ta có đủ lý do để chết mê chết mệt. Nhưng, gia đình không tán đồng.

- Chúng tôi thấy rằng sự đam mê này hơi lố bịch. - Thân chủ của chúng tôi xen vào, nói rõ hơn.

- Rất đúng! Lố bịch và dị hợm. Tuy nhiên giáo sư Presbury giàu lắm, nên bố cô bé không phản đối đâu. Cô bé đương nhiên nhiều tham vọng.

- Cô ấy có vẻ thản nhiên về tuổi tác, bất chấp cái lập dị của vị giáo sư. Vào thời gian này, một chuyện nhỏ đột ngột xảy ra, làm đảo lộn nếp sống đều đặn của vị giáo sư: ông làm những điều trước đây ông chưa hề làm. Ông ra đi mà không nói đi đâu, vắng nhà 15 ngày, rồi quay về trong trạng thái mệt mỏi. Nhưng ngẫu nhiên thân chủ của chúng ta là ông Bennett đây, nhận được một bức thư của người bạn thời sinh viên tại Prague, Tiệp Khắc. Lá thư báo cho biết có thấy giáo sư Presbury ở bên đó, nhưng không thể nói chuyện với nhau được. Nhờ vậy gia đình mới biết giáo sư đi Prague. Sau chuyến đi này, giáo sư thay đổi tính tình, ông trở nên thâm trầm, dè dặt. Gia đình có cảm giác rằng ông không còn là người cũ nữa.

Ông đang sống dưới một bóng đen che lấp các đức tính cao đẹp của ông. Trí thông minh của ông vẫn nguyên vẹn, các bài giảng cơ thể học so sánh vẫn tuyệt hảo như cũ. Tuy nhiên có một cái gì rất mới, làm cho gia đình buồn lo và kinh ngạc. Con gái ông rất thân thiết với ông, đã nhiều lần cố gắng khôi phục cái thâm tình cổ cưu và đâm thủng cái mặt nạ bí mật này. Cả ông Bennett đây cũng đã hết sức cố gắng, nhưng đành chịu thua. Và giờ đây, tôi xin nhường lời cho ông Bennett để nói về mấy lá thư.

- Thừa bác sĩ Watson, giáo sư không hề giấu tôi điều gì. Con trai hoặc em trai chưa chắc được ông tin nhiệm bằng. Với tư cách là thư ký riêng, tôi được phép bóc ra và phân loại các thư tín và giấy tờ của ông. Vài ngày sau khi từ Prague về, ông bảo tôi rằng một số thư có thể từ London về, có đánh dấu chéo dưới con tem thì phải để riêng cho ông. Thực tế, có nhiều thư có đánh chéo, tuồng chữ của người gởi có vẻ là một người ít học. Tôi không biết ông ấy có trả lời những lá thư này hay không, vì các lá thư hồi âm không có qua tay tôi.

- Còn về cái hộp? - Holmes nói.

- Khi từ Prague về, giáo sư có mang một cái hộp bằng gỗ. Đó là một điều khá quái đản theo kiểu Đức. Ông để nó trong cái tủ dụng cụ. Một hôm trong lúc tìm cái mỏ vịt, tôi nâng cái hộp lên. Lạ lùng thay ông ấy bỗng nổi trận lôi đình và trách móc sự tò mò của tôi bằng các lời lẽ không được lịch sự. Tình huống này xảy ra lần đầu tiên với tôi, làm tôi đau khổ. Tôi cố giải thích rằng tôi chỉ đụng cái hộp hoàn toàn vì vô tình. Tuy vậy suốt đêm đó, ông nhìn tôi một cách thiếu thiện cảm và tôi thấy rõ ông nghi ngờ tôi một chuyện gì đó.

Ông Bennett rút từ trong túi ra một tập nhật ký và nói thêm:

- Chuyện này xảy ra vào ngày 2 tháng 7.

- Ông đúng là một nhân chứng tuyệt hảo. Có lẽ tôi cần đến các ngày tháng mà ông ghi - Holmes nói lớn.

- Kể từ khi tôi để ý đến những cái bất bình thường trong cánh xử thế của ông thầy, tôi tự nhủ rằng tôi có nhiệm vụ nghiên cứu trường hợp của ông. Do đó tôi có thể xác định rằng cũng vào chính cái ngày 2-7 này mà con chó Roy tấn công ông khi ông rời văn phòng để ra hành lang.

Màn này được tái diễn vào những ngày 11-7 và 20-7. Sau các cuộc tấn công này, chúng tôi phải nhốt Roy vào chuồng ngựa. Đó là một con thú mà chúng tôi thương, vì nó rất yêu mến chủ... Tuy nhiên tôi ngại việc lạm dụng sự nhẫn nại của hai ông.

Ông Bennett nói mấy tiếng sau với giọng trách móc, vì rõ ràng Holmes không chú ý nghe nữa. Mặt anh se lại, mắt nhìn lên trần nhà. Một lúc sau anh như tỉnh lại...

- Dị kỳ, rất dị kỳ - Anh thì thầm - Tôi các chi tiết này, ông Bennett. Theo tôi thì chúng ta đã đến cái mấu chốt của nội vụ.

Khuôn mặt khả ái của thân chủ tôi sa sầm lại.

- Điều tôi sắp kể tiếp theo đây xảy ra vào đêm hôm kia, lúc 2 giờ sáng. Tôi nằm, nhưng không ngủ. Tôi nghe một tiếng động mạnh, dường như phát sinh từ hành lang...

- Vào ngày... ? - Holmes hỏi.

Khách của chúng tôi không che giấu được sự bức dọc trước sự ngắt ngang này.

- Tôi đã nói là đêm hôm kia, tức là nhằm ngày 4-9.

Holmes cúi đầu cười.

- Ông hãy tiếp tục.

- Tôi thỉnh cầu ông thầy ngủ ở cuối hành lang. Do đó nếu muốn đi xuống cầu thang, thì phải đi ngang qua cửa phòng tôi. Thật là hải hùng, thưa ông Holmes! Hành lang tối đen, ngay giữa có một cửa sổ để lọt một ít ánh sáng. Nhờ đó, tôi thấy ai đang đi ở ngoài đó. Chính là ông, ông đang bò, thưa ông Holmes, đang bò! Đúng ra là đi bằng tay và chân, cái đầu dong đưa giữa hai tay. Giáo sư ta di chuyển khá dễ dàng. Tôi điếng người, đứng trơ như phỗng đá khi ông tiến tới cửa phòng. Tôi chặn lại, hỏi xem để giúp đỡ. Ông đứng dậy ngay tức khắc, chửi vào mặt tôi rồi hối hả chạy xuống cầu thang. Tôi ngồi rình hơn một giờ, đến gần sáng mới về phòng.

- Nào, Watson, anh nghĩ sao về hiện tượng này? - Holmes hỏi tôi với dáng điệu của một nhà sinh lý học.

- Có lẽ là đau lưng. Theo kinh nghiệm của tôi thì khi đau lưng nặng có thể buộc mình phải bỏ khi di chuyển nhưng không làm đổi tính khí của con bệnh.

- Giỏi đó, Watson. Anh luôn đưa chúng tôi trở về với thực tế. Nhưng chúng ta khó mà chấp nhận giả thiết đau lưng vì ông ta có thể đứng thẳng tức khắc mà.

- Ông vẫn khỏe như trước giờ. - Bennett nói. - Mấy lúc này lại khỏe hơn trước nhiều lắm. Nhưng mà sự việc cụ thể ràng ràng đó! Cảnh sát chẳng giúp đỡ chúng tôi được gì. Chúng tôi vô cùng lo lắng, có cảm giác đang đi tới một tai họa. Edith cũng đồng ý với chúng tôi rằng không thể khoanh tay ngồi chờ.

- Quả là một việc quái đản. Anh nghĩ gì đó Watson?

- Về phương diện y khoa, tôi mong đây là bệnh tâm thần. Sự vận hành của não bộ bị xáo trộn bởi chuyện tình ái ông ta đi du lịch nước ngoài để chữa bệnh đó. Thư từ và cái hộp có thể liên quan tới một cuộc thương lượng riêng tư, thí dụ một sự vay mượn hay những cổ phiếu mà ông cất kỹ trong cái hộp.

- Còn con chó loại sói có thể không đồng ý với cuộc thương lượng nợ. Không đâu, Watson à! Có chuyện khác trong nhất thời, tôi chỉ có thể gợi ý rằng...

Không ai có thể biết Sherlock Holmes sẽ gợi ý cái gì, bởi vì lúc đó cửa mở và một thiếu nữ bước vào. Ông Bennett nhảy bổ tới, la to, giang hai tay về phía cô ta:

- Edith! Không gì hệ trọng chứ?

- Em cảm thấy cần ở bên anh, ồ, em sợ lắm, ở một mình đằng đó không được đâu.

- Ông Holmes, xin giới thiệu vị hôn thê của tôi.

- Hồi nãy giờ chúng ta mò mẫm đi tới kết luận đó, phải không Watson? - Holmes vừa nói vừa cười. - Thừa cô Presbury, tôi đoán rằng câu chuyện vừa xảy ra là một bước ngoặt mới mà cô muốn thông báo với chúng tôi?

Người khách nữ của chúng tôi tóc hoe, đẹp, thuộc mẫu người Anh quốc, mỉm cười với Holmes, rồi đến ngồi bên cạnh Bennett.

- Khi Bennett ra khỏi nhà, tôi biết ngay là anh ta tới đây vì có nói sẽ nhờ đến ông. Thừa ông Holmes, ông có thể giúp đỡ người cha đáng thương của tôi không?

- Tôi hy vọng, thưa cô. Tuy nhiên, hiện giờ tôi vẫn còn lờ mờ. Cô có thể cho tôi một

chút ánh sáng?

- Mới đêm qua thôi, suốt cả kỳ kỳ cực lắm. Tôi chắc chắn rằng có những lúc ông ta chẳng nhớ gì về việc đã làm. Ông cụ sống trong một giấc mơ dị thường. Và hôm qua là một thí dụ. Không phải cha tôi ở cạnh tôi. Hình hài là ông ta đó, nhưng tâm hồn thì không phải là ông.

- Cô vui lòng cho biết điều gì đã xảy ra?

- Giữa đêm khuya, tôi bị đánh thức bởi tiếng chó sủa dữ dội. Tội nghiệp Roy! Nó bị xích gần chuồng ngựa. Tôi cần nói thêm là tôi luôn luôn khóa cửa khi ngủ, vì chúng tôi sống trong sự sợ hãi liên tục. Phòng tôi ở lầu 2, tấm sáo trước cửa sổ của tôi được kéo lên. Bên ngoài trời sáng trắng. Trong lúc tôi nằm nhìn ánh trắng sáng, lắng nghe tiếng chó sủa thì tôi rất kinh ngạc khi thấy mặt cha tôi đang quan sát tôi. Tôi suýt chết vì ngạc nhiên và kinh hoàng. Ông cụ dán mặt vào khung kiếng, ông dơ một tay lên như để đẩy cửa kiếng lên. Nếu cửa sổ mở ra, có thể tôi đã điên rồi. Không phải là một ảo giác đâu. Thú thật, tôi im lìm trong 20 giây để canh chừng cái đầu đó.

Rồi nó biến mất, tôi không dám nhảy ra khỏi giường. Tôi ngồi trơ ra đó, lạnh cóng và run lập cập suốt đêm. Vào lúc ăn sáng, tôi gặp lại ông cụ nét mặt lạnh lùng, dữ tợn làm như ông không biết chuyện đêm qua. Tôi cũng chẳng nói gì, kiếm cớ đi London và chạy tới đây.

Holmes có vẻ ngạc nhiên một cách sâu xa.

- Thưa cô, cô có nói phòng cô ở lầu 2, ngoài vườn có cái thang dài không?

- Không có, thưa ông. Đó là khía cạnh giản dị của câu chuyện. Đâu có phương tiện sẵn để leo lên cửa sổ. Thế mà ông cụ lại có mặt ở cửa sổ!

- Chuyện này xảy ra ngày 5-9, đó là một điểm gây rắc rối! - Holmes nói.

Thiếu nữ có vẻ ngạc nhiên. Bennett xen vào:

- Thưa ông, tôi đồng ý. Ông hay hỏi về các ngày tháng của biến cố, chúng quan trọng ra sao?

- Có thể quan trọng, hiện tôi còn thiếu nhiều yếu tố.

- Ông đang nghĩ tới mối tương quan giữa cơn điên và các giai đoạn của mặt trăng chẳng?

- Không, chắc chắn là không. Tôi nghĩ đến một chuyện khác hẳn. Ông vui lòng để lại cuốn nhật ký, vì tôi cần kiểm tra lại các ngày đó. Watson này, tôi nghĩ rằng kế hoạch hành động của chúng ta rõ ràng lắm rồi. Cô Presbury đã cho tin rằng cha cô ít nhớ

hoặc không nhớ gì cả vào những ngày đó. Do đó ta sẽ viếng ông ta như thể ông đã định hẹn với chúng ta vào cái ngày mà ông Bennett ghi chép. Chúng ta sẽ mở chiến dịch tấn công, sau khi tiếp xúc với ông ta.

- Tuyệt vời! - ông Bennett là lớn - Tuy nhiên tôi cũng cho hay trước rằng: Giáo sư có lúc phát cáu và hung bạo nữa.

Holmes cười:

- Có nhiều lý do vững chắc để chúng ta không nên chần chừ, những lý do hấp dẫn nếu giả thiết của tôi là đúng. Ngày mai, thưa ông Bennett, ông sẽ gặp chúng tôi tại Camford. Nếu tôi chưa đăng trí, ở đó có một cái quán mang tên là "Chequers" bán rượu porto không đến nổi tệ, còn giường nệm thì sạch sẽ. Anh Watson, tôi nghĩ rằng mấy ngày tới chúng ta có thể sống ở những nơi kém dễ chịu hơn.

Sáng thứ hai chúng tôi lên đường đi đến thành phố có trường đại học nổi tiếng. Holmes chỉ nói công chuyện với tôi sau khi các va-li đã được đem vào khách sạn.

- Watson này, chúng ta có thể bắt chẹt ông giáo sư ngay trước giờ cơm. Ông ta phải dạy tới 11 giờ, sau đó mới về nhà.

- Ta ra mắt ông ấy với lý do gì?

Holmes nhìn vào cuốn sổ tay.

- Đầu óc ông ta lộn xộn rồi. Hôm nay là 26-8. Ta cứ nói đại rằng hôm nay là ngày ông ta có hẹn với ta. Chắc ông ấy không cãi gì đâu. Anh có đủ trắng tráo để nói ầu như vậy không?

- Dù sao cũng phải cố gắng.

- Hoan hô Watson! Đó là phương châm của hăng mình. Người địa phương chắc chắn sẽ chỉ đúng ông thầy của chúng ta.

Người địa phương đó là anh xà ích đánh xe đi qua các phân khoa đại học, quẹo vào một đại lộ mệnh mông để đậu trước ngôi nhà xinh xắn, xung quanh có bồn cỏ xanh tươi. Khi xe ngựa ngừng, một cái đầu hoa râm xuất hiện tại cửa sổ mặt tiền, nhìn chúng tôi chòng chọc xuyên qua đôi mắt kiếng gọng đồi mồi.

Chúng tôi được đưa vào gặp nhà bác học, con người đầy bí ẩn đang đứng trước mặt chúng tôi. Thoạt nhìn, dáng dấp và cử chỉ của ông không lộ một nét lập dị nào, con người cao ráo, uy nghiêm. Đôi mắt có lẽ là điểm đặc sắc nhất: sắc bén, thông minh đến độ xảo quyệt, ông đọc các danh thiếp của chúng tôi.

- Xin mời hai ông ngồi! Tôi có thể giúp gì hai ông?

Holmes nở nụ cười.

- Chính đó là câu chuyện mà chúng tôi xin hỏi ông.

- Hỏi tôi, thưa ông?

- Có lẽ có sự lầm lẫn rồi. Qua một trung gian, tôi được biết giáo sư Presbury thuộc đại học Camford cần đến các dịch vụ của tôi.

- Thật vậy sao? Không có đâu!

Tôi có cảm giác như một tia hung hăng đang nhen nhúm trong đôi mắt to xám của ông.

- Ông vui lòng cho biết tên, họ của người báo tin.

- Rất tiếc, thưa giáo sư, chuyện mật mà. Nếu có lầm lẫn, không sao cả. Tôi thành thật xin lỗi đã làm phiền giáo sư.

- Đâu có dễ dàng như thế được. Tôi cần hỏi cho cặn kẽ, ông có một giấy viết tay, thư từ hoặc điện tín để làm bằng không?

- Không, thưa ông!

- Tôi đoán là ông không dám liều mạng nói rằng tôi đã mời ông

- Tôi thích im lặng hơn. - Holmes nói.

- Nhưng công việc đó đòi hỏi phải trả lời. - Giáo sư Presbury nói với một giọng chua cay - Nhưng, tôi vẫn có, không cần đến mấy ông.

Ông băng qua văn phòng và bấm chuông, ông bạn Bennett xuất hiện.

- Vào đây, ông Bennett. Hai ông này từ London tới có cảm giác rằng họ được mời đến. Thư từ của tôi đều qua tay ông, ông có thấy thư tôi gửi cho một người tên Sherlock Holmes không?

- Không, thưa ông. - Bennett đỏ mặt trả lời.

- Dứt khoát chưa nào? - Giáo sư vừa nói vừa nhìn Holmes một cách thiếu thiện cảm - Giờ đây, ông...

Ông ưỡn ngực ra, xòe hai tay để lên bàn.

-... Đối với tôi thì hình như hai ông đây ở trong một tình huống cần giải thích.

Holmes vươn vai.

- Một lần nữa, tôi xin lỗi đã quấy rầy ông một cách vô ích.

- Chưa được đâu, ông Holmes? - ông già la to.

Diện mạo ông ta trở nên hung ác phi thường, tiếng nói vang vang như sấm sét, ông đứng chặn ngang cửa đưa hai nắm tay:

- Hai ông không thể ra khỏi nơi đây một cách dễ dàng như thế!

Cơn thịnh nộ làm thay đổi hình dạng, đường nét của ông, làm ông mất hết lương tri. Tôi tưởng đâu sẽ phải ẩu đả để thoát ra.

- Kính thưa giáo sư! - ông Bennett nói lớn - Xin nghĩ tới vị thế của giáo sư, kính xin giáo sư nghĩ tới sự tai tiếng của mình trong trường đại học. Ông Holmes là một nhân vật ai cũng biết tên. Giáo sư không thể thất lễ

Miền cưỡng, giáo sư tránh qua một bên cho chúng tôi đi qua. Sau đó, chúng tôi đi tìm sự êm ả ở ngoài đường phố.

- Hệ thống thần kinh của nhà bác học hơi xuêch xoạc. - Holmes nói nhỏ - Đột kích như vậy là liều lĩnh thật, nhưng tôi cần có cuộc tiếp xúc cá nhân này. Hãy coi chừng, anh Watson. Hình như ông cụ đi theo chúng ta.

- Chắc chắn ông ấy phải đuổi theo...

Quả thật một ai đó chạy bịch bịch sau lưng chúng tôi. Nhưng may mắn không phải ông giáo sư mà là người cộng tác viên của ông ta.

- Tôi rất tiếc, thưa ông Holmes! Tôi thành thật xin lỗi hai ông.

- Không sao cả, ông Bennett thân mến. Nhưng cái lật vật như vậy xảy ra rất thường đối với nghề nghiệp của chúng tôi.

- Chưa bao giờ tôi thấy ông ấy ở trong tình trạng tương tự. Giờ đây thì ông đã hiểu tại sao con gái ông ta và tôi sợ cuồng cuồng. Nhưng tâm trí ông ta rất minh mẫn.

- Quá minh mẫn đi chứ! - Holmes nói - Tôi đã tính toán sai. Trí nhớ của ông ta minh mẫn hơn cả mức dự đoán của tôi. Nhân tiện, ông vui lòng chỉ cho chúng tôi cái cửa sổ của cô Presbury.

Ông Bennett rẽ một con đường xuyên qua các bụi cây và chúng tôi thấy một mặt của ngôi nhà.

- Kìa! Căn thứ nhì bên trái.

- Tôi không thể nào leo lên đó, cho dù có dây leo bên dưới và ống nước bên trên cung cấp một điểm tựa hay một chỗ để bắt vào.

- Chính tôi đây cũng phải trầy da tróc vẩy mới lên tới đó. - ông Bennett nói.

- Đương nhiên. Đối với người bình thường đó là một thành tích đầy nguy hiểm.

- Tôi còn muốn nói với ông một nữa, ông Holmes. Tôi có tên của người bạn ở London thường viết thư cho giáo sư. Sáng nay giáo sư có gởi cho ông ta một lá thư. Tôi có ghi lại cái địa chỉ của ông ta trên giấy thấm. Tôi đã làm một ông việc bẩn thỉu, trong lúc được tin cậy như bạn tri âm, nhưng biết làm sao bây giờ.

Holmes đọc tờ giấy mà Bennett đưa, rồi bỏ nó vào túi :

- Dorak? Tên gì lạ kỳ? Hay quá, đây là một cái khâu to tướng trong cái dây chuyền. Chiều mai chúng tôi về London, thưa ông Bennett. Lưu lại đây chả có ích lợi gì cả. Chúng tôi không thể bắt nhốt giáo sư được vì ông ta có phạm tội ác gì đâu và cũng không thể xích ông ta lại được, bởi vì bệnh điên của giáo sư chưa chứng minh được. Cho tới giờ phút này không thể dự trù một biện pháp nào cả.

- Nhưng không lẽ chúng ta bó tay?

- Hãy kiên nhẫn! Sự việc sẽ qua một bước ngoặt. Nếu tôi tính toán không lầm, thì ngày thứ ba tới, giáo sư sẽ lên cơn. Ngày đó, chúng tôi sẽ có mặt tại Camford. Ngồi ở đây chờ đợi thì không thoải mái chút nào, ngoài ra tôi đề nghị cô Presbury nên nán lại ở London thêm một thời gian nữa.

- Được.

- Tóm lại cô ấy phải nán lại London cho đến khi nào bảo đảm rằng mọi hiểm nguy đã tan biến. Từ đây tới đó, ông chớ có chọc ông ta giận, ông ấy mà vui, mọi sự sẽ êm xuôi.

- Ông ấy kìa! - Bennett nói nhỏ.

Xuyên qua các nhánh cây, chúng tôi thấy rõ cái dáng cao dong dỏng đứng trước cửa chính, nhìn tứ phương, ông nghiêng người ra phía trước, hai tay vung vẩy, đầu quay trái rồi quay phải. Viên thư ký vội vã thuôn, vượt các bụi rậm để về với giáo sư. Hai người cùng nhau trở vào nhà, nói chuyện huyền thuyên và hăng say.

- Tôi đoán rằng ông cụ đang cộng hai với hai. - Holmes nói với tôi trên đường về quán trọ - Ông ta tỏ ra có một não bộ logic đặc biệt. Đáng rằng ông hung dữ nhưng ở vị trí

của ông, ông có đủ lý do để nổi điên. Ông ta thấy có thám tử theo dõi và chắc chắn nghi ngờ con gái và con rể tương lai đã báo động. Ông bạn Bennett của chúng ta sẽ phải trải qua những giờ phút sóng gió

Holmes dừng chân tại bưu điện để đánh một bức điện tín. Ngay tối hôm đó chúng tôi nhận được hồi âm. Anh cho tôi xem: “Tôi đi tới đại lộ Commercial và đã thấy Dorak rồi. Người dễ thương, gốc Bohemia. Sở hữu một cửa hàng lớn. Mercier”.

- Anh chưa biết Mereier - Holmes giải thích cho tôi - Tôi mới tuyển. Anh ta sẽ lo công việc thường ngày. Chúng ta cần biết về người mà vị giáo sư liên lạc thư tín. Quốc tịch của người này làm tôi nhớ lại chuyến đi Prague của giáo sư.

- Cám ơn Thượng đế! - Tôi nói. - Mãi tới nay mới gặp cái màn này khớp với cái kia. Cho tới giờ phút này, chúng ta đứng trước một loạt dữ kiện không giải thích được và không có liên quan gì với nhau. Thí dụ có cái tương quan gì giữa một con chó dữ và một sự lưu ngụ tại Prague hoặc giữa hai dữ kiện này với một người mà vào một đêm nào đó, sẽ di chuyển bằng bốn chân.

Holmes vừa xua tay, vừa cười. Chúng tôi đang ngồi tại bộ xa-lông nhỏ của một khách sạn xưa, trước một chai rượu porto.

- Nào, để khởi sự, chúng ta lấy mấy ngày ra nghiên cứu cho vui.

Holmes nói rồi chum các ngón tay lại, lấy dáng điệu của một thầy giáo làng đang lên lớp.

- Cuốn nhật ký của chàng thanh niên cho ta thấy rằng các xáo trộn bùng nổ trước tiên vào ngày 2-7 rồi cứ tái diễn 9 ngày một lần, trừ một biệt lệ. Cái cơn kể chót là 26-8, còn cơn chót là ngày 3-9 và sắp tới sẽ là ngày 12-9?

- Tôi đồng ý.

Chúng ta đưa ra giả thiết tạm như sau:

- Cứ 9 ngày, ông ta uống một liều thuốc mạnh, có hiệu quả thoảng qua nhưng cực kỳ độc hại. Tính khí ông già đương nhiên chịu ảnh hưởng của chất độc được này. Ông có thói quen này lúc ở Prague và hiện nay thì qua trung gian của một người ông ta vẫn được cung cấp thuốc. Mạch lạc chưa, Watson?

- Còn con chó, còn cái đầu tại cửa sổ. Còn sự di chuyển bằng bốn chân ở ngoài hành lang?

- Chúng ta đã có một khởi điểm. Còn từ đây tới thứ ba tuần sau, vào ngày 12-9, tôi không hy vọng được cái gì mới. Trong khi chờ đợi, chúng ta chỉ có mỗi một việc làm là giữ mối liên lạc với bạn Bennett và tận hưởng những niềm vui nhỏ tại thành phố đáng

yêu này.

Sáng hôm sau, Bennett trốn ra để cho tin mới. Đúng như Holmes dự đoán, anh ta phải trải qua những giây phút khá nhức đầu. Tuy không trực tiếp cáo buộc về việc chúng tôi đột nhập vào nhà, nhưng ông giáo sư nói năng với anh bằng một ngôn ngữ cực kỳ thô bạo và nghi ngờ anh về các biến cố đã xảy ra. Tuy nhiên, sáng nay ông trở lại bình thường, vẫn lên lớp một cách tuyệt hảo như thường lệ.

- Trừ những cơn khủng hoảng kỳ cục, - Bennett nói - Tôi thấy ông dạt dào sinh khí hơn bao giờ hết, và não bộ của ông vận hành tuyệt hảo. Tuy nhiên ông không còn là người cũ, người mà chúng tôi quen thuộc.

- Theo tôi, không có chi phải sợ trong vòng một tuần. - Holmes đáp - Tôi có nhiều việc khác nữa. Còn bác sĩ Watson cũng có một số bệnh nhân đang chờ. Ta đành phải hẹn nhau vào thứ ba tới, tại quán này. Trước khi tạm biệt nhau, tôi hy vọng sẽ có khả năng giải thích hoặc đánh tan các ưu tư làm cho gia đình ông điều đúng. Từ đây tới đó, nhớ liên lạc với chúng tôi bằng thư.

Mấy ngày sau đó, tôi không gặp lại Holmes nữa. Nhưng tới thứ hai, tôi nhận một điện văn ngắn, bảo tôi đến vào ngày hôm sau. Trong lúc tàu lặn bánh về hướng Camford, Holmes báo cho tôi biết rằng không có biến cố mới xảy ra. Sự yên ả ngự trị trong gia đình, vì giáo sư Presbury đã xử thế hoàn toàn bình thường.

Khi gặp lại chúng tôi tại khách sạn vào tối hôm đó, Bennett nói:

- Hôm nay ông có nhận từ London một gói nhỏ và một cái thư có dấu chéo dưới con tem, ông không đựng tới. Ngoài ra, không còn gì khác để báo cáo.

- Bấy nhiêu có thể là đủ rồi. - Holmes thì thầm với một nụ cười ảm đạm. - Ông Bennett, tôi tin rằng chúng ta sẽ đi tới kết luận này ngay đêm nay. Nếu các suy đoán của tôi mà đúng, thì vụ này đã chín mùi rồi. Từ giờ cho tới đó, ta phải liên tục cảnh giác. Nếu nghe ông gõ ngang cửa phòng anh làm lơ đi, chỉ kín đáo theo dõi. Bác sĩ Watson và tôi chắc chắn quanh quần đầu đó. Nhân tiện cho tôi biết ai giữ chìa khóa của cái hộp nhỏ?

- Giáo sư móc nó vào dây chuyền đồng hồ.

- Vậy chúng ta phải bắt đầu nghiên cứu về hướng đó. Kẹt quá thì bẻ ổ khóa. Trong nhà còn người đàn ông nào khác có đủ sức khỏe không?

- Người xà ích.

- Ông ta ngủ ở chỗ nào?

- Trong chuồng ngựa.

Có lẽ chúng ta cần tới ông ta. Hiện giờ chúng ta không thể làm gì hơn trước khi sự việc đi vào ngõ rẽ! Tạm biệt. Tuy nhiên, tôi đoán chúng ta sẽ gặp nhau trở lại trước khi trời sáng.

Gần nửa đêm, chúng tôi rình ngoài các bụi rậm, trước cổng nhà của giáo sư. Đêm đẹp, nhưng lạnh, gió thổi, mây bay mau trên trời và thỉnh thoảng che khuất mặt trăng lười liềm. Nếu không vì tò mò và nóng lòng muốn chứng kiến phút chót của cái chuỗi dữ kiện quái dị thì cái phiên gác của chúng tôi sẽ chán ngắt.

- Hễ giả thiết về chu kỳ 9 ngày mà đúng - Holmes nói - Thì chắc chắn đêm nay chúng ta thấy ông giáo sư lên cơn. Các triệu chứng tỏ lộ sau khi từ Prague về. Ông bí mật liên lạc thư từ với một thương gia tên Dorak, đặt trụ sở tại London và là đại diện thương mại cho ai đó tại Prague. Ông ta có nhận từ thằng cha này một gói hàng vào hôm nay. Tất cả mấy chuyện này đều ăn khớp với nhau. Chúng ta không biết ông ta uống cái gì. Tại sao lại uống những thuốc gỏi từ Prague tới. Ông ta uống theo sự hướng dẫn chính xác, 9 ngày một lần. Đây là điểm đầu tiên mà tôi để ý. Triệu chứng dễ thấy lắm, anh có để ý các cái khớp ngón tay của ông ta không.

- Không.

- Da dày và chai chưa từng thấy. Tiếp đến cái cổ tay áo sơ mi, đầu gối quần dài và đôi giày.

Holmes ngừng lại, vỗ trán.

- A, Watson! Cái giả thiết của tôi khó tin nhưng chắc chắn nó đúng. Tất cả cái dữ kiện đều chĩa về hướng này. Vậy mà ta đâu có thấy các mối liên hệ nào giữa các dữ kiện này? Mấy cái khớp này... đều không được lưu ý đúng mức! Còn con chó? Còn đám dây leo? Đến lúc phải núp rồi! Coi chừng, Watson! Ông ta kia! Mau lên!

Cửa chính mở từ từ. Dáng cao dong dỏng của ông giáo sư nổi bật, ông ta mặc áo ngủ, và đứng thẳng, hơi nghiêng người về phía trước, hai tay đóng đũa.

Giáo sư xuống sân. Lúc đó, một đột biến xảy đến. Ông ta khom người xuống, bắt đầu di chuyển bằng tay và chân, thỉnh thoảng nhảy nhót. Ông ta đi bằng bốn chân qua mặt tiền nhà rồi quẹo vào góc thì ông ta biến mất.

Bennett lên ra khỏi nhà, rón rén theo sau.

- Tới đây, Watson! - Holmes gọi nhỏ.

Chúng tôi hồi hải băng qua bụi cây, đến một địa điểm có thể quan sát phía hông nhà được trăng lười liềm chiếu sáng. Rõ ràng, ông giáo sư đang co ro dưới chân bức tường đầy dây leo. Rồi, nhanh nhẹn lạ thường, ông bắt đầu níu nhánh này, chuyển nhánh

khác, chân thì chắc, tay bám chặt, hình như muốn thích thử tài leo trèo chứ không có mục đích cụ thể nào, áo ngủ tung bay phát phới hai bên như một con dơi khổng lồ. Ông vẽ một vết đen vuông trên tường.

Lát sau như chán trò chơi này, ông chuyển xuống, lại ngồi bệt xuống đất. Rồi lại đi như thú bốn chân đến chuồng ngựa. Con chó Roy chạy ra khỏi chuồng, sủa dữ dội. Nó kéo căng dây xích, lồng lộn như điên. Ông giáo sư ngồi ngay gần kề, nhưng ngoài tầm sợi dây xích, chọc ghẹo chó với trăm nghìn cách. Ông hất cát hoặc nhặt sỏi tung vào mắt chó, lại lấy gậy chọc, đưa ngay dưới mõm chó, ông cố chọc cho chó tức giận cực độ. Chưa bao giờ chúng tôi chứng kiến một cảnh dị thường như thế. Người càng nặn ra những điều tàn ác để chọc ghẹo, chó càng điên tiết sủa vang, vùng vẫy bức xích. Rồi thỉnh thoảng cảnh nổ bùng. Dây buộc cổ tuột ra. Chó nhảy đến. Người và chó cùng nhau lăn lộn: chó gào rống, người la hét. Chó cắn vào cổ người, ông giáo sư ngất xỉu trước khi chúng tôi chạy đến. Nếu Bennett không chạy tới kịp, ra oai với con chó thì chính chúng tôi cũng lâm nguy luôn.

Sự lao xao làm cho anh xà ích ngủ ở trên chuồng ngựa thức giấc, chạy ra với nét mặt còn ngái ngủ và kinh hoàng. Con chó lại bị xích. Chúng tôi đưa ông giáo sư về phòng. Bennett có học về y, giúp tôi bằng cuống họng bị thương. Sau nửa giờ tìm đủ mọi cách, chúng tôi cầm được vết thương nguy hiểm. Tôi chích một mũi morphin làm cho ông ta ngủ mê man. Tôi đề nghị mời một y sĩ chuyên môn nhưng Bennett phản đối vì không muốn chuyện xấu xa này bùng ra ngoài, có hại cho thanh danh ông giáo sư và cho cô con gái.

- Đúng vậy - Holmes - Chúng ta sẽ ngăn cản mọi sự tái diễn. Ông Bennett vui lòng giao cho tôi chiếc chìa khóa ở đây đồng hồ. Chúng ta đi xem cái hộp bí mật, còn anh xà ích thì hãy ở cạnh người bệnh.

Trong hộp không có gì nhiều: một chai nhỏ rỗng, một chai khác còn gần đầy, một ống kim thạch, nhiều bức thư chữ viết lí nhí của một người ngoại quốc mà các phong bì đều có dấu chéo. Tất cả đều xuất xứ từ đại lộ Commereial và ký tên là Dorak. Chúng chứa hoặc những biên nhận hoặc báo tin một chai thuốc mới gửi đến. Có một bao bì với chữ viết của một người có học hơn và mang bưu ấn của Prague trên một con tem của nước Áo.

- Đây là giải đáp của bài toán! - Holmes la lớn, rồi đọc to lên.

“Thưa đồng nghiệp kính mến! Kể từ ngày được ông chiếu cố, thăm viếng, tôi suy nghĩ nhiều về trường hợp của ông. Vì ông quá lo lắng nên tôi phải chữa trị cho ông, nhưng ông phải thận trọng, vì các kết quả mà tôi đạt được, cho thấy có kèm theo những nguy hiểm.

Nếu sử dụng loại serum của vượn-người, thì ông được an toàn hơn. Nhưng tôi thích sử dụng loại serum của con vượn Langur. Loại vượn này chuyên bò và leo, còn vượn-người thì đi thẳng như người. Tôi yêu cầu ông thận trọng tối đa để bài thuốc khỏi bị tiết

lộ. Tôi còn một thân chủ khác ở Anh. Dorak là đại diện của tôi, phụ trách lấy thuốc cho cả hai ông. Ông nên báo cáo hàng tuần cho tôi biết.

Thân trọng kính chào

H. LOWENSTEIN”.

Sau khi nghe đọc thư xong, tôi giảng giải cho Holmes và Bennett biết

- Lowenstein. Cái tên này làm tôi nhớ lại một bài báo kể chuyện một nhà bác học vô danh đã tìm ra thuốc trường sinh bất tử. Lowenstein của Prague! Lowenstein với serum trường sinh đã bị đại học y khoa cấm vì ông không tiết lộ nguồn gốc của serum.

Bennett lấy ra một cuốn động vật học, rồi đọc.

- Langur, giống khỉ to, đầu đen, sống trên cái triền núi Hymalayar, là loài khỉ leo trèo, to con nhất và giống con người nhất. Ông Holmes, nhờ ông mà chúng tôi phăng lên ngọn ngành của tệ trạng.

- Ngọn ngành thực sự là câu chuyện chồng già vợ trẻ. Ông giáo sư lo sợ cuộc tình duyên sẽ sớm đổ vỡ nếu ông “không còn trẻ!”. Không ngờ vì muốn trèo cao mà ông rủi ro tụt xuống thấp hơn.

Holmes ngắm nghía cái lọ cầm trên tay và suy nghiệm chất lỏng trong trẻo ở bên trong.

- Khi tôi viết xong cái thư qui trách nhiệm cho Lowenstein về tội lưu hành khát độc thì chúng ta sẽ không còn bức bối nữa. Theo tôi thì chả còn gì để nói thêm, ông Bennett à. Con chó nhờ cái khứu giác nhạy bén của nó nên nó cảm nhận sự thay đổi nhanh hơn anh nhiều. Chính con khỉ, con khỉ thích leo trèo, bị Roy tấn công, chứ không phải ông giáo sư. Còn việc ông giáo sư nhìn vào phòng con gái là hoàn toàn ngẫu nhiên. Watson này! Chút nữa có chuyến xe lửa đi London, tôi đề nghị chúng ta đi uống trà trước khi lên tàu.

Hết.

F.9 - The Adventure of the Lions Mane 1926 (Cái bờm sư tử)

Sau khi giải nghệ, tôi rút về Sussex sống cuộc đời êm ả giữa thiên nhiên. Lúc đó, thỉnh thoảng Watson có tới thăm tôi. Biệt thự của tôi tọa lạc tại triền phía nam của dãy núi Downs, từ đó nhìn ra biển Manche. Tại đó, bờ biển toàn bằng đá vôi. Muốn xuống biển, phải theo một đường mòn độc nhất, rất dài, khúc khuỷu, quanh co, dốc thẳng đứng và trơn trượt. Cuối đường mòn này có một bãi sỏi bề ngang 100 yard, khi nước lớn cũng không bị chìm hẳn. Đó đây có các chỗ trũng tạo thành những hồ tắm thiên nhiên đẹp mắt, nước được thay đều đặn vào lúc thủy triều lên. Cái bãi biển lý tưởng này trải dài mấy cây số, chỉ trừ tại một điểm có cái vịnh con và ngôi làng Fulworth.

Tôi, bà lão quản gia và đám ong mật quây quần với nhau trong lãnh địa mệnh mông của tôi. Cách đó nửa dặm, là trường học "The Gables" nổi tiếng của ông Harold Stackhurst, với khoảng 20 thanh niên đang học nhiều nghề khác nhau dưới sự hướng dẫn của nhiều giáo sư. Ông Stackhurst là một tay chèo cừ khôi thời thanh niên và có kiến thức tổng quát rất giỏi. Chúng tôi kết bạn với nhau từ ngày tôi mới tới. Ông là người địa phương độc nhất có thể tới nhà tôi hàn huyên ban đêm, hoặc chính tôi qua bên ông ta mà không cần mời mọc. Khoảng cuối tháng 7-1909, một cơn bão lớn cán quét biển Manche. Sóng lớn đập rầm rầm vào chân bờ đá vôi. Sau khi nước rút, còn lại những cái đầm. Vào buổi sáng, gió đã lặng, toàn thể cảnh vật được tắm rửa sạch sẽ. Trước khung cảnh quyến rũ, điểm tâm xong, tôi đi dạo một vòng để hít thở khí trời trong lành. Tôi men theo đường mòn đi xuống bờ biển. Trong khi đi, tôi nghe tiếng kêu đằng sau: đó là ông Harold Stackhurst đang vẫy tay chào đón tôi.

- Trời thật đẹp, ông Holmes! Tôi đoán thế nào cũng gặp ông tại đây.

- Ông chuẩn bị đi bơi?

- Vâng, tôi vẫn còn giữ những thói quen tốt. - Ông vừa trả lời vừa sờ cái túi căng phồng của ông. - Đúng vậy, McPherson ra khỏi nhà sớm lắm. Tôi đoán cũng sẽ gặp ông ta tại đây.

Fitzroy McPherson là giáo sư khoa học, có vóc dáng đẹp nhưng tim yếu vì đau thấp khớp nặng. Tuy vậy ông ta cũng còn là một lực sĩ, giỏi về các môn thể thao. Mùa đông cũng như mùa hè, ông ta đều đi bơi. Tôi cũng là tay bơi, chúng tôi thường bơi với nhau ngoài khơi.

Liên khi đó, hai chúng tôi thấy McPherson xuất hiện trên đỉnh đá vôi, khởi điểm của đường mòn. Người ông thẳng đứng, nhưng lại lắc lư như một kẻ say rượu. Thình lình ông giơ cao hai tay lên một tiếng thất thanh, rồi té sấp xuống đất. Ông Stackhurst và tôi,

đứng cách đó 50 yard, hồi hả chạy tới, đỡ ông nằm lại. Mắt nhắm nghiền, mặt tái mét, McPherson đang hấp hối. Ông nói hai ba câu như muốn trời trần... nhưng giọng quá yếu ớt. Chúng tôi chỉ nghe các tiếng cuối cùng: “Cái bờm sư tử”. Cái bờm sư tử? Thật là lạ lùng và bí hiểm? Tuy nhiên tôi chắc chắn đã nghe rõ mồn một. Đột nhiên McPherson muốn nhồm dậy, huơ tay nhưng ngã qua một bên và trút hơi thở cuối cùng.

Ông bạn Stackhurst sợ điếng người. Còn các giác quan của tôi đang ở tình trạng ứng chiến. McPherson chỉ mặc một cái áo khoác mỏng, cái quần, chân mang đôi dép không cột dây. Khi ông ngã xuống, chiếc áo khoác trên vai tuột ra, để lộ mình trần. Chúng tôi điếng người khi nhìn thấy cái lưng đầy rẫy những đường đỏ đậm như bị roi đồng mìn quất liên hồi. Chắc chắn chiếc roi có thể co giãn được vì các vết thương vẽ những đường cong trên vai và trên sườn. Cầm thì nhiều máu từ vết cắn môi dưới trong cơn đau.

Trong lúc tôi quỳ cạnh xác chết, Stackhurst đứng như trời trồng thì một bóng người chiếu xuống đất: Murdoch đã đến cạnh chúng tôi. Ian Murdoch là giáo sư toán, người cao ráo, da nâu, gầy gò, ít nói và hay giữ khoảng cách với mọi người đến nỗi không có lấy một người bạn. Hình như ông ấy chỉ sống trong vương quốc của những con số và những hình tròn, tách biệt hẳn với đời thường. Sinh viên cho ông ta là người kỳ cục, có lẽ sẽ trêu chọc ông cho vui nếu không gặp những lần ông đổ quạu. Một lần nọ, vì bị con chó của McPherson quấy nhiễu, ông thộp đầu nó, quăng qua cửa sổ. Sau thành tích này, lẽ ra Murdoch đã bị đuổi nếu ông hiệu trưởng Stackhurst không quý chuộng cái tài của Murdoch. Đó là chân dung của nhân vật dị thường, phức tạp, đột ngột xuất hiện cạnh chúng tôi. Murdoch có vẻ rất xúc động mặc dù chuyện con chó chứng tỏ rằng ông và người chết không hề có thiện cảm với nhau:

- Chúa ơi! Chúa ơi! Tôi có thể giúp được cái gì? Tôi phải làm gì để giúp quý ông?

- Hồi nãy ông có đứng cạnh McPherson không? Chuyện gì vậy?

- Không, hồi sáng tôi ra trễ. Tôi đâu có tắm. Tôi đi thẳng từ nhà ra đây. Tôi có thể làm gì?

- Chạy ra khi cảnh sát Fulworth trình bày

Không đáp lại tiếng nào, Murdoch tức tốc chạy đi.

Đương nhiên là tôi thụ lý nội vụ. Trong lúc đó, Stackhurst vẫn còn bàng hoàng trước thảm kịch, đang quanh quẩn bên cái xác. Việc đầu tiên của tôi là tìm biết lúc đó có ai.

Tôi đứng ở đầu đường mòn, nhìn nguyên cả bãi biển vắng tanh. Chỉ hai hoặc ba dáng người lờ mờ ở phía xa xa của ngôi làng Fulworth. Sau đó, tôi từ từ đi xuôi theo đường mòn. Thình thoảng tôi gặp cùng một dấu chân đi xuống rồi lại đi lên. Không ai khác đi ra bãi biển bằng con đường mòn này. Tại một chỗ, tôi quan sát dấu của một bàn tay mở rộng, cái ngónชี้ theo hướng đi lên: điều này có nghĩa là khi leo lên dốc, McPherson

đã bị té. Tôi cũng thấy những lỗ thủng hình tròn: như vậy là ông ta đã nhiều lần sụp gối xuống. Cuối đường mòn là một cái đầm lớn do nước ròng để lại. Khăn lau của ông còn vắt trên một tảng đá. Khăn còn xếp và khô: ông không có tắm.

Trên đám sỏi, tôi thấy vài mảnh cát nhỏ ghi dấu dép và dấu chân đi đất của ông. Sự kiện cuối cùng này chứng tỏ rằng ông ta sắp sửa xuống nước, nhưng chiếc khăn khô cho thấy ông không xuống nữa.

Bài toán là như vậy. Thật là một chuyện lạ lùng McPherson không ở ngoài bãi biển lâu hơn 15 phút, bởi vì Stackhurst có để ý khi ông này ra khỏi nhà, ông chuẩn bị để tắm, như đôi chân đi đất chứng minh. Nhưng ông đột ngột mặc áo quần trở lại rồi chạy đi mà không kịp gài nút. Ra về mà không tắm hoặc ít ra là không lau khô? Tại sao McPherson lại đổi ý? Bị quất roi một cách man rợ, bị hành hạ đến nỗi phải cắn môi chảy máu và chỉ còn đủ sức để ngược đường mòn rồi chết! Ai đã tấn công ông ta? Quả có những hang động nhỏ dưới chân bờ đá vôi, nhưng mặt trời mới lên, chiếu sáng, không ai có thể dùng làm nơi ẩn náu được.

Có những dáng người xa tít trên bãi biển, nhưng họ ở quá xa, không thể dính dáng với vụ án. Hơn nữa cái đầm mênh mông nơi mà McPherson có ý định tắm ngăn cách với những người đó. Trên biển, vài chiếc xuồng đánh cá cũng ở khá gần. Các ngư phủ này có thể được thẩm vấn sau này. Như vậy có nhiều con đường mà chẳng có con đường nào đưa tới một hướng điều tra nhất định cả.

Khi tôi quay trở lại với xác chết thì một nhóm nhỏ đang bu quanh. Đương nhiên là có Stackhurst và Murdoch mới vào làng về cùng với Anderson, viên cảnh sát địa phương. Anh chàng này to con, râu ngạnh tre, rõ ràng thuộc nòi giống Sussex, chậm nhưng nhiệt tình. Anh ta nghe chúng tôi trình bày, ghi chép và cuối cùng kéo tôi ra một bên.

- Ông Holmes à, xin ông tiếp tay. Đối với tôi, đây là một vụ lớn lắm.

Tôi khuyên anh ta sai người đi báo cho cấp trên trực tiếp, mời pháp y, cấm không cho ai sờ mó gì và giới hạn tối đa sự tăng thêm dấu chân. Sau đó, tôi lục túi nạn nhân, và tìm thấy một mù soa, một dao lớn và một ví nhỏ. Trong ví này lò ra một miếng giấy con. Tôi đưa cho viên cảnh sát. Những dòng chữ nguệch ngoạc của phụ nữ: "Tôi sẽ có mặt tại đó, anh an tâm. Maudie". Có thể nào đây là một chuyện tình, một cái hẹn? Nhưng mà hẹn tại đâu? Lúc nào?

Viên cảnh sát để tờ giấy trở lại trong ví, rồi bỏ ví vào túi áo choàng. Sau khi dặn dò việc lục soát chân bờ đá vôi cho thật kỹ, vì không còn gì cần kiểm nữa, tôi về nhà ăn điểm tâm.

Một lát sau, Stackhurst tới nhà cho hay rằng xác chết đã được chở về trường The Gables để điều tra. Ông cũng mang lại vài tin tức chính xác và nghiêm trọng. Như tôi đoán trước, người ta không kiểm được gì trong các hang động dưới chân bờ đá vôi.

Nhưng khi khám xét các giấy tờ trên bàn của McPherson; vài giấy tờ cho thấy có sự liên lạc thân mật giữa ông giáo sư khoa học trẻ tuổi này với một cô bé tên là Maud Bellamy ở làng Fulworth. Như vậy là biết được tác giả tờ giấy trong túi nạn nhân.

- Cảnh sát đã lấy các bức thư, - Stackhurst nói - Tôi không thể mang lại đây cho ông. Có thể nói đứt khoát với ông rằng đó là những bức thư tình. Nhưng tôi thấy không có lý do vững chắc để móc chuyện tình này vào biến cố thể thảm, trừ khi quả có một sự hẹn hò từ phía cô bé.

- Không ai hẹn với bồ tại một hồ tắm mà bất cứ ai trong chúng ta cũng đều có thể đến đó bất cứ lúc nào. - Tôi bác bỏ.

- Là một sự ngẫu nhiên hoàn toàn khi không có một toán sinh viên đi theo McPherson.
- ông Stackhurst nói.

- Có phải là ngẫu nhiên thật không? - Tôi hỏi

Stackhurst cau mày suy nghĩ rồi nói:

- Murdoch giữ họ lại để giảng một chứng minh hình học quý quái gì đó trước bữa ăn sáng. Thằng khỉ! Trông bộ mặt nó là đủ thấy nó đau xót một cách thành thật.

- Vậy mà tôi tưởng họ mặt trắng mặt trời với nhau?

- Quả có vậy, nhưng chỉ trong một thời gian mà thôi. Kể từ một năm nay, Murdoch lại là bạn của McPherson như đối với bất cứ ai khác. Tánh tình hần như thế! Bản chất không có nồng nàn với bất cứ ai.

- Tôi hiểu. Hình như ông có kể cho tôi nghe về vụ con chó bị xử tệ.

- Vụ này được giải quyết êm xuôi rồi.

- Không còn có gì để phải trả thù?

- Không, tôi đoán chắc. Họ trở thành bạn thân của nhau.

- Vậy thì ta phải quay về phía cô bé, ông biết cô ta không?

- Mọi người đều biết cô ta. Đó là hoa hậu trong làng. Hoa hậu xứng danh, ông Holmes à! Đi đâu cũng được trầm trồ. Tôi biết rằng McPherson bị cuốn hút. Nhưng tôi không ngờ sự việc đi tới mức như các lá thư trao đổi cho nhau.

- Gốc gác cô ấy ra sao?

- Cô ta là con của ông già Tom Bellamy, sở hữu chủ của tất cả các tàu biển và phòng

tắm của làng Fulworth. Khởi sự chỉ là một ngư phủ thường, nhưng giờ thì phát lắm. ông ta và cậu con trai điều khiển cơ sở.

- Hay là ta đi vào làng một vòng để xem mặt họ.

- Viện có gì?

- Dễ mà! Đừng lo! Suy cho cùng, ông giáo sư McPherson này không tự mình hành hạ mình đến mức độ man rợ như thế. Vậy, phải có một bàn tay ở đầu roi, nếu ta đề ra giả thiết là nó giết ông ấy. Trong cái xó biển này, ông ấy không có nhiều quan hệ lắm đâu. Đi vòng này, chúng ta sẽ kiểm ra động cơ của vụ án, và sẽ phanh ra thủ phạm.

Làng Fulworth nằm sâu trong một cái vịnh. Sau xóm nhà cổ và biệt thự hiện đại được cất trên thửa ruộng nghiêng, Stackhurst đưa tôi tới một trong các biệt thự này.

- Đây là biệt thự The Haven, tên do chính Bellamy đặt. Đối với một người khởi sự bằng số không, thì quả là không tệ. Ờ, ờ... nhìn kia, ông Holmes ời!

Cửa vườn vừa mở: một người đi ra. Chúng tôi không thể làm lẫn trước cái dáng người cao lêu nghêu, gân guốc, ưỡn ẹo. Đó là Murdoch.

- Ô! Ê! - Stackhurst la to.

Murdoch chỉ gật đầu nhìn lăm lét như định làm lơ đi luôn, nếu không bị ông hiệu trưởng chặn lại.

- Anh đi tới đó làm gì vậy? - Stackhurst hỏi.

Mặt của Murdoch đỏ rực, nổi cáu:

- Thưa ông, tôi là nhân viên của ông, nhưng chỉ trong khuôn viên nhà trường. Tôi đâu phải báo cáo với ông về đời tư của tôi.

Có lẽ trong một lúc nào khác, anh ta có thể phản ứng khéo léo hơn, nhưng lúc bấy giờ Murdoch mất hẳn bình tĩnh.

- Trong tình huống này, cách trả lời của ông là lếu láo ông Murdoch.

- Câu hỏi của ông hỏi nãy cũng đâu có lẽ phép gì!

- Đây không phải là lần đầu tiên tôi vấp phải sự ương ngạnh của ông. Lần này là lần cuối cùng. ông chuẩn bị càng sớm càng tốt để đi dạy nơi khác.

- Tôi cũng có ý định này. Hôm nay tôi đã mất đi một con người độc nhất để tôi có thể sống dưới mái trường này.

Nói xong, Murdoch bỏ đi. Ông hiệu trưởng giận sôi gan, im lặng đứng nhìn.

- Rõ ràng là không thể chịu đựng được nữa.

Ý tưởng nảy sinh trong tâm trí của tôi lúc bấy giờ mà Murdoch đã vồ lấy cơ hội để cao bay xa chạy. Một ngò vực mơ hồ hình thành trong đầu tôi. Không biết cuộc viếng thăm gia đình Bellamy sẽ soi một tia sáng mới nào không? Stackhurst bình tĩnh lại và chúng tôi tiếp tục đi về hướng biệt thự The Haven.

Ông Bellamy cỡ ngoài 40, có bộ râu quai nón màu đỏ hung rất đẹp. Nhưng tánh khí có vẻ không đầm thắm lắm.

- Không đâu, tôi không thích chi tiết. Con trai tôi...

Vừa nói ông vừa chỉ một thanh niên lực lưỡng đang ngồi ủ rũ, cau có trong góc phòng khách.

- Con trai tôi cũng có ý hệt như tôi. Các dự định của ông McPherson đối với con Maud không đúng đâu? Cái từ "kết hôn" không bao giờ được thốt ra. Tuy nhiên cũng đã có những thư từ, những cuộc hẹn hò và những rối rắm khó khăn mà con trai tôi lẫn tôi đều bài bác. Con bé mất mẹ. Chúng tôi là điểm tựa độc nhất của nó. Chúng tôi quyết tâm...

Lời nói của ông ta bị cắt ngang bởi sự xuất hiện của cô bé. Vừa thấy cô, tôi hiểu ngay khuôn mặt đều đặn, nước da tươi mát, con người sắc nước hương trời này đã làm xao xuyến bao con tim đàn ông đã gặp cô. Cô xô cửa bước vào, đứng trước mặt ông Harold Stackhurst với đôi mắt mở to:

- Tôi đã biết Fitzroy đã chết. - Cô nói - Xin hai ông nói thẳng cho tôi nghe chi tiết.

- Có một anh chàng ở trường đến cho chúng tôi hay. - Người cha giải thích.

- Tôi không biết chuyện đó có liên quan gì đến em gái tôi. - Người con trai lẩm bẩm.

Maud nhìn qua anh một cách

- Thây kệ tôi, William! Anh hãy để cho tôi giải quyết theo ý tôi. Theo những gì tôi biết thì anh ấy bị ám sát. Nếu tôi có thể tiếp tay tìm ra thủ phạm thì đó là việc vặt vãnh nhất mà tôi cần phải làm.

Sau đó, cô lắng nghe sự trình bày ngắn của tôi. Qua đó tôi thấy cô ta vừa sắt đá, vừa quyến rũ. Có lẽ cô ta đã biết mặt tôi rồi nên cô quay qua phía tôi:

- Hãy tiếp tay đưa bọn họ ra trước công lý, thưa ông Holmes. Tôi cam kết lúc nào tôi cũng dành trọn cảm tình cho ông và sẵn sàng cộng tác với ông, dù bọn sát nhân là ai?

Tôi có cảm giác rằng trong khi nói chuyện, cô nhìn cha và anh với vẻ thách thức.

- Cám ơn cô! - Tôi đáp - Tôi cảm phục bản năng của phụ nữ trong những vụ như thế này. Cô có nói “họ”. Vậy là theo cô, có nhiều thủ phạm trong vụ này.

- Tôi biết rằng anh McPherson gan dạ, mạnh mẽ. Nếu họ chỉ là một người thì không thể gây cho anh ấy những vết thương như thế.

- Tôi có thể gặp riêng cô một chút được không.

- Này Maud, tao nhắc lại với mày, đừng xía mũi vào việc này. - Người cha la to.

Cô gái nhìn tôi một cách tuyệt vọng.

- Tôi có thể làm gì bây giờ?

- Không bao lâu nữa, mọi người sẽ biết rõ các sự việc. - Tôi đáp - Cho nên tôi có trình bày tại đây cũng không sao. Tôi thấy nên nói riêng với cô nhưng bố cô không cho phép thì ông ấy tham dự cuộc nói chuyện giữa cô và tôi.

Tôi nói về tờ giấy được tìm thấy trong túi ông McPherson.

- Bất cứ ai điều tra vụ này cũng phải hỏi về tờ giấy này. Xin cô vui lòng cho biết thêm!

- Tôi thấy không có lý do gì để che giấu câu chuyện giữa chúng tôi. Chúng tôi đã đính hôn, chỉ chờ làm lễ cưới. Chúng tôi còn giữ kín vì bác của anh gần chết, có thể truất quyền thừa kế, nếu anh ấy cưới vợ trái với ý muốn của ông ta.

- Lẽ ra con phải cho ba hay. - Người cha càu nhàu.

- Con đã tâm sự với ba rồi, nếu ba có một chút thiện cảm thì...

- Ba không muốn con gái của ba giao du với những thanh niên ngoại tịch.

- Thành kiến của ba như thế, con đâu dám cho ba hay trước chuyện kết hôn. Còn về tờ giấy hẹn thì...?

Cô ta ngừng lại, lục trong túi áo, rút ra một tờ giấy vò nát.

-... là đề hồi âm tờ giấy này.

Cô ấy đọc to: “Em thân yêu, Như thường lệ, tại điểm cũ, ở bãi biển, thứ ba, sau khi mặt trời lặn. Đó là lúc duy nhất anh ra được. F.M”

Rồi cô ấy nói thêm:

- Thừa ba là hôm nay đây. Tôi dự định gặp anh ấy vào tối nay.

Tôi cầm tờ giấy và lật ngược lại.

- Bức thư ngắn này không gửi bằng bưu điện. Cô nhận nó bằng cách nào?

- Ông cho phép tôi khỏi trả lời vì nó không liên quan tới vụ án. Ngoài ra, tất cả những gì có liên quan, tôi sẽ trả lời đầy đủ.

Cuộc thẩm vấn không đem lại cái gì mới lạ. Cô không tin rằng vị hôn phu của cô có một kẻ giấu mặt, tuy cô đồng ý rằng có nhiều người nhiệt tình ngấp nghé cô.

- Xin phép được hỏi cô, ông Ian Murdoch có trong số người này không?

Cô ta đỏ mặt, có vẻ lúng túng.

- Có một dạo. Nhưng sau khi anh ấy biết rằng tôi rất thân thiết với Fitzroy thì tất cả đã thay đổi.

Lại một lần nữa, hình bóng con người lạ thường này dường như lộ rõ thêm. Phải tìm hiểu quá khứ của anh chàng Murdoch này. Phải lục kỹ phòng ngủ của anh ta. Stackhurst sẽ tận tình giúp đỡ tôi vì ông ta cũng ngờ vực.

Chúng tôi từ giả biệt thự The Haven với lòng khấp khởi mừng thầm đã nắm được một đầu cuộn chỉ.

Một tuần trôi qua. Cuộc điều tra vẫn giậm chân tại chỗ. Stackhurst đã kín đáo dò hỏi thêm về ông giáo sư dạy toán và đã lục soát phòng ngủ của ông ta. Nhưng không có kết quả gì. Về phần tôi, tôi phải quay lại điểm xuất phát và cật lực làm việc, nhưng vẫn hoài công. Trong lúc đó bỗng xuất hiện một biến cố nhỏ: vụ con chó. Bà quản gia của tôi nghe được trước tiên.

- Một chuyện bi thương, thưa ông. Chuyện con chó của ông McPherson. - Một tối nọ, bà nói. với tôi như thế.

Ít khi tôi khuyến khích bà nói chuyện tào lao. Nhưng lần này tôi nằng nặc đòi bà kể cho tôi nghe.

- Chuyện gì về con chó?

- Nó chết rồi. Nó chết vì thương tiếc chủ nó.

- Ai nói vậy?

- Chúa ơi! Người ta nói rùm beng. Nó nhớ chủ, bỏ ăn cả tuần nay. Hôm nay thì hai giáo sư trường The Gables gặp xác nó tại bãi biển. Đúng ngay chỗ chủ nó bị giết.

“Ngay chỗ.. chủ nó bị giết”. Mấy từ này vang dội trong óc tôi. Đột nhiên, tôi có cảm giác mơ hồ rằng đây là một chi tiết thiết yếu. Con chó trung thành với chủ, chuyện đẹp thật. Nhưng tại sao lại chết ở chỗ đó. Tại sao ở cái bãi biển cô quạnh này. Con chó cũng là một nạn nhân chăng? Vô lý! Tôi có một cảm giác mơ hồ như thế. Một chập sau, tôi tới trường gặp Stackhurst. Theo yêu cầu của tôi, ông mời Sudbury và Blount, hai sinh viên đã phát hiện ra xác

- Đúng, nó nằm ngay bờ của cái đầm. - Một trong hai sinh viên xác nhận với tôi - Có lẽ nó lần theo vết chân của chủ nó.

Tôi thấy xác con vật trung thành còn để trên một đệm rơm ở cửa ra vào. Xác nó cứng đơ, đôi mắt lồi ra, chân căng vạm vạp. Sự đau đớn lộ rõ trên xác chết, dường như nó đã gào rống thảm thiết.

Sau đó, tôi đi xuống bãi tắm. Mặt trời đã lặn. Bờ đá vôi ngả bóng đen sì dưới mặt nước óng ánh. Quang cảnh thật là cô tịch. Ngoài hai con chim biển bay vòng vòng, không có một con gì khác nữa. Dưới ánh nắng chiều đang nhạt dần, tôi còn thấy dấu chân con chó ở chung quanh hòn đá mà chủ nó để khăn lau. Tôi đứng đó, suy ngẫm khá lâu. Chung quanh tôi, bóng đêm càng lúc càng dày thêm. Đầu tôi đầy ắp những ý tưởng cuộn cuộn mà tôi cảm thấy cần tìm một điểm hệ trọng quanh quần đảo này tại nơi sặc mùi tử khí này. Cuối cùng, tôi chậm rãi, nặng nề bước về nhà.

Đi hết đường mòn, lên trên bờ đá vôi, đột ngột tôi thấy lóe sáng trong đầu óc tôi cái điều thiết yếu mà tôi hằng mong muốn, một cái gì liên quan đến vụ án, tuy còn rất mờ mờ. Tôi mừng rỡ thấy một giả thiết cần phải kiểm chứng.

Tôi chạy về nhà, lao lên cái gác xép nhỏ chứa đầy sách. Lục lọi cả giờ, tôi tìm được một cuốn sách nhỏ bìa nâu mạ bạc. Tôi ngẫu nhiên đọc đi đọc lại chương sách mà tôi vừa nhớ lại. Tôi không ngủ được cho đến khi biết chắc chắn rằng tôi nghĩ không sai.

Rồi sáng đấy, tôi gặp phải một trở ngại bức bối. Vừa uống xong tách trà, chuẩn bị xuống bãi biển thì tôi phải tiếp thanh tra Bardle, thuộc sở cảnh sát Sussex. Ông ấy nhìn tôi.

- Thưa ông, tôi có nghe về những kinh nghiệm vô song của ông. Cuộc viếng thăm này không có tính chất chính thức nhưng tôi phải thú thực rằng tôi xui xẻo khi gặp cái vụ này! Thưa ông, có cần thi hành thủ tục bắt giam hay không?

- Bắt giam ông Ian Murdoch hả?

- Vâng, thưa ông. Nghĩ cho cùng thì ai khác bây giờ

- Ta siết vòng vây, siết, siết cho tới khi cái vòng thu hẹp lại.

- Nếu không phải là ông ấy thì ai bây giờ?

- Ông có bằng bằng chứng gì không?

- Tính tình của Murdoch. Cái bí mật quanh con người này! Chuyện con chó bị quăng ra cửa sổ! Nhất là Murdoch đang chuẩn bị bỏ sổ! Không lẽ ông lại làm ngơ cho y chuồn êm với một hồ sơ bất lợi cho y như thế. - ông thanh tra cảnh sát xúc động hỏi tôi.

- Ông có những khiếm khuyết lớn trong cái hồ sơ đó! Buổi sáng hôm ấy, Murdoch dạy sinh viên học cho tới phút chót và chỉ sau khi phát hiện xác chết, ông ta mới tới. Ngoài ra, ông còn phải suy nghĩ đến một sự kiện quan trọng là một mình Murdoch có thể đánh bằng roi vào một người như McPherson cho đến chết không. Cuối cùng, còn phải xét đến dụng cụ đã gây ra các vết thương trên mình nạn nhân. Một cái roi co giãn hay cái gì cùng loại! Ông có khám nghiệm các dấu vết chưa?

- Tôi có thấy! Cả pháp y nữa!

- Phần tôi, tôi đã sử dụng tới kính lúp. Cái dấu vết có những đặc điểm lạ.

- Đặc điểm gì?

Tôi mời ông thanh tra vào văn phòng của tôi, cho ông ta xem một phóng ảnh.

- Trong những vụ như vậy, đây là cách làm việc của tôi. - Tôi nói.

- Đương nhiên là ông lúc nào cũng nghiêm túc.

- Chúng ta hãy xét kỹ cái vết roi ở vai phải. Ông không thấy gì đặc biệt sao?

- Không.

- Rõ ràng là các vết roi không đều, ở đây có máu chảy, chỗ kia thì không. Trên một lần roi khác, chúng ta cũng thấy như thế! Tại sao

- Tôi không có ý kiến gì cả. Còn ông?

- Hiện tôi cũng còn lờ mờ, khi ta mô tả được cái dụng cụ tạo ra vết thương thì sẽ phẳng ra thủ phạm ngay.

- Tôi có ý kiến, - ông thanh tra cảnh sát nói nhỏ, ngập ngừng - Nếu là một dây thép gai nung đỏ thì mấy vết đâm là các điểm có gai.

- Sự so sánh của ông tinh ý thật. Do đó, tôi lại nghĩ đến cái đuôi con mèo có cột nhiều

nút nhọn nhỏ.

- Vậy là ông đã tìm ra!

- Trừ khi các sự kiện đó bắt nguồn từ một nguyên nhân khác, ông Bardle à, ông phải thấy rằng hồ sơ của ông không đủ để bắt người. Ngoài ra, còn lời trối của nạn nhân: “Cái bờm sư tử” nữa.

- Ông có giả thiết nào khác không, ông Holmes?

- Có lẽ có. Nhưng tôi không dám bàn đến khi chưa có cơ sở vững chắc.

- Chừng nào?

- Trong vòng một giờ! Cũng có thể sớm hơn...

Ông thanh tra cảnh sát gãi cằm và nhìn tôi một cách bán tín bán nghi.

- Tôi muốn đọc những gì trong đầu ông, ông Holmes à! Có lẽ là các thuyền đánh cá?

- Không đâu, chúng ở xa lắm!

- Vậy là thằng cha Bellamy và thằng con trai to con của y. Hai người này cũng đang bức bối McPherson.

- Không phải đâu! Ông sẽ không moi được gì ở tôi! - Tôi vừa cười vừa nói - Giờ đây, ông thanh tra à, chúng ta đều công tác riêng. Nếu ông rảnh, chúng ta hẹn gặp lại lúc 12 giờ.

Chúng tôi chuẩn bị chia tay thì một việc hãi hùng xảy ra, đánh dấu bước đầu của hồi tàn cuộc.

Cửa nhà tôi bị đẩy mạnh toang hoác và một người bước đi khập khểnh ở hành lang. Murdoch đi cà nhắc bước vào phòng tôi, mặt mày tái xanh, tóc tai bù xù, áo quần xốc xếch.

- Brandy! Brandy! Nhanh lên!

Nói xong, ông ta ngã phịch xuống chiếc tràng kỷ. Bước theo sau ông ta là Stackhurst, thở hổn hển, đầu không đội mũ, vẻ mặt hốc hác.

- Đúng thế, hãy cho ta uống Brandy. - Stackhurst kêu lớn - Hấp hối rồi. Đưa anh ấy tới được đây là may đó. Dọc đường, anh ta ngất xỉu hai ba lần.

Nửa cốc rượu mạnh tạo phép lạ. Murdoch phóng tay ngồi dậy và cởi áo vét.

- Hãy cho tôi dầu, thuốc giảm đau để xoa dịu cái đau kinh khủng này. - Anh ta rên rỉ.

Ông thanh tra cảnh sát và tôi cùng thốt lên tiếng kêu hãi hùng khi nhìn thấy những vết roi đỏ au trên vai trần của nạn nhân, những vết roi giống hệt trên mình của Fitzroy McPherson. Không những sự đau nhức cùng cực mà sự, hô hấp của nạn nhân thỉnh thoảng bị ngừng lại, mặt trở màu đen, trán nhể nhại mồ hôi và có lúc ông ta dùng tay đè mạnh lên tim như quá đau đớn.

Chúng tôi cho anh ta uống thêm Brandy. Cứ mỗi lần uống, anh ta lại tỉnh dần. Bông thấm dầu xà-lách hình như làm dịu được vết thương bí hiểm này. Cuối cùng, ông ta gục đầu xuống gối, nửa ngủ, nửa xỉu, nhưng ít ra thấy bớt đau. Chúng tôi không hỏi gì thêm được. Ngay khi chúng tôi hơi an tâm về tình trạng sức khỏe của Murdoch thì Stackhurst quay về hướng tôi.

- Chuyện gì vậy hở Holmes?

- Ông gặp anh ta ở đâu?

- Dưới bãi biển, ngay chỗ McPherson chết. Nếu Murdoch yếu sức như McPherson thì anh ta đâu về đến đây được. Trong khi cố dìu anh ta, mấy lần tôi tưởng anh ta chết rồi. Về trường thì quá xa, tôi bèn ghé vào đây.

- Ông thấy anh ta ở bãi biển?

- Tôi đang đi dạo dọc bờ đá vôi thì nghe tiếng kêu. Anh ta đang đứng gần bờ nước, lắc lư như người say rượu. Tôi lật đật chạy xuống, mặc áo quần qua loa rồi đi về đây, ông Holmes. Ông phải tận lực để làm sáng tỏ vụ này. Với tài nghệ của ông, không lẽ ông không giúp được chúng tôi?

- Tôi tin là tôi làm được! Hãy đi theo tôi, cả ông thanh tra nữa. Chúng ta đi xem. Có thể tôi giao nộp kẻ sát nhân cho ông.

Bỏ Murdoch cho bà quản gia chăm sóc, chúng tôi xuống cái đầm chết người. Trên bãi sỏi còn quần áo, khăn lau của Murdoch. Tôi chậm rãi đi quanh cái đầm. Các bạn tôi theo sau. Nước đầm không sâu, khoảng 5 bộ, trong xanh như pha lê. Phía trong là một dãy đá tảng. Tôi đi dọc bờ nước dưới chân dãy đá vôi, vừa nhìn kỹ xuống nước, khi tìm được điểm sâu nhất thì tôi kêu lớn, biểu lộ sự đắc thắng.

- Một con sứa! - Tôi kêu to - Các ông hãy nhìn cái bờm của con sứa tử.

Con vật dị thường mà tôi chỉ cho mọi người thấy, giống lông bờm con sứa tử. Nó đang cuộn lại như trái bóng. Nó nằm dưới đáy đá cách mặt nước độ một yard. Nó có những cánh lông dài màu vàng điểm ánh bạc, đang co vào, giãn ra một cách chậm chạp, nặng nề.

- Nó gây tác hại đã nhiều rồi. Cho nó qua thế giới bên kia đi! - Tôi kêu lớn - Hãy giúp tôi, Stackhurst. Chúng ta trừ hậu họa.

Gần đó, có một hòn đá thật to. Chúng tôi lăn xuống đầm. Khi nước lặng, chúng tôi thấy con vật nằm dưới đáy hòn đá.

- Chuyện này vượt hẳn sức tôi. - ông thanh tra cảnh sát nói lớn - Tôi sinh ra và lớn lên tại đây, nhưng chưa bao giờ biết chuyện tương tự. Con vật này từ đâu tới chứ không có ở địa phương Sussex này.

- Đó là cái không may mắn của Sussex. Có lẽ cơn bão đã đưa nó tới. Thôi, hãy quay về nhà, tôi sẽ cho các ông biết kỷ niệm hãi hùng của một người gặp gỡ lần đầu cái tai ương của biển cả này

Khi trở về văn phòng, chúng tôi mừng rỡ thấy Murdoch đã khỏe hơn, tuy chưa hoàn hồn và thỉnh thoảng còn bị đau nhói. Anh cho biết là anh không hiểu việc gì xảy ra, đơn giản là anh cảm thấy đau tận xương tủy khi bị các móc nhọn quất vào mình. Anh đã cố gồng mình chạy lên bờ.

Tôi đưa ra cuốn sách mà tôi đã moi trên gác xép và nói:

- Đây là cuốn sách đã rọi các tia sáng đầu tiên vào một vấn đề đã nằm trong bóng tối mãi mãi. Quyền "Out of doors" của nhà quan sát nổi tiếng J.G. Wood. Chính ông ta suýt chết khi gặp con vật khủng khiếp này. Do đó, đây là một tài liệu có cơ sở vững chắc. Cyanea Capillate là tên khoa học của thủ phạm. Tôi xin đọc qua một đoạn:

"Nếu bạn đi tắm mà gặp một khối tròn, mềm, màu hung hung đỏ, như lông bờm sư tử điểm bạc, cuộn tròn như trái bóng thì bạn phải coi chừng, vì nó quất đau điếng người. Những sợi dây hình như vô hình này dài đến 50 bộ".

Rồi sau đó, tác giả tường thuật việc chính ông gặp con sứa này trong khi bơi ngoài khơi bờ biển Kent.

"Cái mớ dây ấy để lại trên da tôi những vết thương màu hồng. Nhìn kỹ, các đường này là do sự tiếp nối của hàng hà sa số mụn nhọt li ti".

Wood lại giải thích:

"Cái đau như xuyên qua ngực. Tôi gục xuống như thể bị trúng nhiều phát đạn. Mạch máu như ngừng lại, tim đập mạnh như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực".

Ông còn nói:

"Tôi đã uống nguyên chai brandy và hình như nhờ rượu này mà tôi còn sống".

Sau đó, quay qua phía ông thanh tra, tôi nói:

- Thưa ông thanh tra, tôi cho ông mượn cuốn sách này. Ông sẽ thấy rõ nguyên nhân cái chết của McPherson.

- Nhờ đó, hồ sơ của được trong sạch. - Ian Murdoch nói thêm với một nụ cười hơi gượng gượng - Tôi không phiền trách ông đâu, thưa ông thanh tra. Và tôi cũng không phiền trách ông đâu, thưa ông Holmes. Như vậy là nhờ vào sự kiện tôi chịu cùng một tai nạn với bạn tôi mà tôi được giải oan.

- Không đâu, ông Murdoch. Tôi đã tìm ra hướng đi. Phải chi đồng thời với phát hiện này, tôi có mặt ở bãi biển thì anh đã không chịu cuộc phiêu lưu hải hùng này.

- Mà làm sao ông biết được, ông Holmes?

- Về mặt sách vở, tôi đọc lung tung, nhớ dai dẳng những chi tiết dị kỳ. Mấy tiếng “cái bờm sư tử” của McPherson ám ảnh tôi mãi. Tôi nhớ có đọc đâu đó một tình huống khá bất thường. Có lẽ con sứa đó nổi trên mặt nước lúc McPherson đứng trên bờ nên các lời trối trăng của ông ta là lời cảnh giác với tôi.

- Ít ra tôi đã được phục hồi danh dự - Murdoch nói và từ từ đứng thẳng người lên. - Tôi xin được giải thích thêm. Quả tôi có yêu cô Maud. Nhưng từ ngày cô chọn bạn chí thân của tôi, là McPherson thì tôi chỉ còn có một ý muốn giúp cô ấy tìm hạnh phúc. Tôi nguyện ước được sống gần họ, làm bạn tâm tình. Tôi thường làm con chim xanh giữa họ. Tôi chấp nhận làm điều đó, vì tôi nắm bí mật của họ và thân thiết đến nỗi tôi hồi hải báo tin buồn cho cô ấy, sợ có ai khác cướp mất công trạng. Cô ấy không tiết lộ cái tình thân giữa cô ấy với tôi vì sợ rằng ông không hiểu được sự thành thật của tôi mà gây nên rắc rối cho tôi. Tôi xin phép về trường. Tôi cần phải nằm nghỉ.

Stackhurst giơ tay lên cao.

- Hai chúng ta đều buồn bực như nhau - Stackhurst nói với Murdoch - Anh tha thứ chuyện cũ của tôi. Trong tương lai, chúng ta sẽ hiểu nhau nhiều hơn.

Khi họ cặp kè ra đi, tôi đứng lại một mình với ông thanh tra cảnh sát.

- Ông đạt mục đích - ông ta nói to - Tôi có đọc nhiều về ông, nhưng chưa tin. Thật diệu kỳ.

Tôi bắt buộc phải gật đầu nhận một lời khen.

- Lúc đầu tôi tỏ ra chậm chạp tiếc vô cùng. Phải chi xác McPherson được tìm thấy dưới nước thì tôi đã nghĩ ngay tới con sứa. Chính cái khăn lau đã đánh lạc hướng. Đương nhiên, nạn nhân đâu còn tâm trí để lau với chùi. Phần tôi, tôi lại nghĩ rằng McPherson không hề nhảy xuống nước. Kết quả là tôi đã đi lạc một lúc. Nào, thưa ông

thanh tra, tôi thường qua mặt cảnh sát. Nhưng lần này quý ông được con sửa Cyanea Capillate phục thù giùm Scotland Yard.

Hết.

F.10 - The Adventure of the Veiled Lodger 1927 (Bà thuê nhà mang mạng che)

Suốt thời gian 23 năm hành nghề của Sherlock Holmes, tôi đã có 17 năm điểm phúc được cộng tác với anh, chọn lọc và lưu lại những ghi chép của anh ấy dưới một cách trình bày trong sáng hơn. Cũng hoàn toàn sai lạc nếu suy đoán rằng tất cả các vụ án mà Holmes điều tra đều là những cơ hội để anh ta tỏ rõ các năng khiếu đặc biệt về trực giác và quan sát của anh. Thường thường Holmes phải đồ mồ hôi mới hái được kết quả, nhưng đôi khi anh chỉ cúi xuống là có thể nhặt quả. Nhưng chính trong những vụ án mà Holmes khỏi phải trở tài gì cả, ta mới thấy những trò bi thương nhất của loài người.

Một buổi sáng cuối năm 1896, tôi nhận được thư khẩn cấp của Holmes mời tôi đến đường Baker ngay. Khi vào nhà, tôi thấy anh ngồi trong phòng sặc mùi thuốc lá trước một người đàn bà đứng tuổi có dáng dấp một bà chủ nhà trọ ở thủ đô. Holmes giới thiệu:

- Anh Watson, đây là bà Merrilow ở quận South Brixton. Khói thuốc không làm phiền bà ấy đâu. Do đó anh có thể buông thả cái tật xấu của anh. Bà Merrilow có một câu chuyện rất hay để kể cho chúng ta nghe. Chuyện này có thể có những diễn biến mà anh cần chứng kiến.

- Rất sẵn sàng!

- Thưa bà, nếu tôi đi gặp bà Ronder như bà muốn, tôi cần có một nhân chứng. Do đó, bà phải thuyết phục bác sĩ Watson đây đi theo tôi

-Xin Chúa ban phước lành cho ông, thưa ông Holmes! - Bà chủ trọ nói lớn - Bà ấy rất cần gặp ông, cho nên ông có thể dẫn cả khu phố đi theo cũng được.

- Khoảng một, hai giờ chiều nay chúng tôi sẽ ra đi. Chúng tôi phải rà soát xem đã nắm vững các yếu tố của bài toán chưa. Bà nói rằng bà Ronder ở trọ nhà bà bảy năm, nhưng bà chỉ nhìn thấy rõ mặt bà ấy có một lần duy nhất?

- Là quá đủ, thưa ông Holmes!

- Mặt bà ta nát bấy hết à?

- Chúa ơi! Không thể gọi là cái mặt được. Người giao sữa cho tôi đứng ngoài cửa, nhìn thấy một lần: anh ta xúc động đến nỗi chai sữa tuột tay, đổ tứ tung. Hai ông hãy tưởng tượng thì biết mặt bà ấy ra sao! Khi tôi chột nhìn thấy, bà ấy lập tức lấy tay che

mặt ngay và nói: "Bà Merrilow, giờ đây thì bà đã hiểu tại sao tôi luôn luôn che mặt bằng tấm khăn voan".

- Bà có biết tí gì về quá khứ của bà ấy không?

- Không biết tí gì cả.

- Khi dọn tới, bà ta không đưa ra một giấy tờ nào sao?

- Không, thưa ông. Bà ta trả tiền mặt, lại trả trước rất nhiều, không hề cò kè. Vào thời buổi khó khăn này, một người nghèo túng như tôi không ngu dại bỏ lỡ một cơ hội ngàn vàng như thế!

-Bà ấy có giải thích tại sao lại chọn nhà bà không?

-Nhà tôi xa đường cái, tương đối khá vắng vẻ. Ngoài ra, tôi lại không chồng, con. Tôi đoán bà ấy đã thử nhiều chỗ khác rồi. Cuối cùng thì bà ấy thấy căn nhà tôi hợp với bà ấy hơn.

- Bà có nói rằng bà ấy không để lộ mặt, trừ một trường hợp hoàn toàn ngẫu nhiên. Chuyện này khá dị thường đó. Do đó tôi hiểu vì sao bà tò mò.

-Đâu phải, thưa ông! Đối với khi mà tiền trợ thanh toán sòng phẳng... khó tìm một khách trọ bình lặng hơn, ít rắc rối hơn.

-Vậy thì động cơ nào thúc đẩy bà tới đây?

- Sức khỏe của bà ta, ông ạ. Dường như bà ta giữ một cái gì rất hãi hùng ở trong đầu. "Một sự giết người? Một cuộc ám sát?" Bà ấy la to về khuya như thế! Tiếng bà vang dội khắp nhà làm tôi sợ phát run! Sáng hôm sau, tôi tới thăm và nói: "Bà Ronder, nếu có điều gì u uất, bà nên tìm cha sở hoặc cảnh sát. Một trong hai người này sẽ giải quyết cho bà". Bà ấy đáp: "Xin đừng đề cập tới cảnh sát; còn cha sở thì không làm gì để thay đổi được quá khứ..." Rồi bà nói thêm: "Dù sao, tôi cũng nhẹ người nếu ai đó biết được sự thật trước khi tôi chết". Tôi bèn nói: "Nếu bà không muốn nhờ tới cảnh sát công thì bà hãy nhờ đến cái ông thám tử mà mọi người đều biết tiếng...". Bà đồng ý ngay: "Tôi cần loại người như thế! Tại sao tôi không nghĩ tới ông ấy sớm hơn? Bà vui lòng mời ông ấy đến đây. Nếu ông ta không chịu thì nhắc rằng tôi là Eugenia Ronder, vợ của Ronder, người dạy sư tử. Bà hãy nói như vậy, đồng thời cho ông ấy cái tên Abbas Parva". Bà ấy viết tên đó cho tôi rồi kết luận: "Cái tên này sẽ khiến ông ta tới, nếu ông ta đúng là người tôi tưởng tượng".

-Tôi sẽ tới! - Holmes nói - Được rồi, bà Merrilow. Tôi phải nói chuyện với bác sĩ Watson đến trưa mới xong. Khoảng 3 giờ chiều chúng tôi sẽ có mặt tại nhà bà.

Bà khách vừa ra khỏi nhà thì Sherlock Holmes nhào tới đóng tài liệu chất dưới đất trong góc phòng. Vài phút sau, phòng khách xào xạc tiếng lật sách. Một tiếng hứ thoá

mãn, báo cho tôi biết rằng Holmes đã tìm ra điều gì Anh ngồi bệt xuống nền nhà, xếp bằng giữa đồng sách báo, trên đùi một tập báo đang mở rộng.

- Hồi đó, tôi cũng đã ăn ngủ không ngon, anh Watson? Anh hãy nhìn vào lời ghi chép bên lề thì biết. Tôi chú thích rằng tôi cũng chả kết luận được gì cả. Nhưng tôi chắc chắn là cảnh sát tư pháp đã làm. Anh còn nhớ thảm kịch Abbas Parva không?

- Không còn nhớ tí gì cả.

- Lúc đó, anh còn sống chung với tôi. Cảm giác cá nhân tôi lúc đó chắc chắn là rất sơ sài vì người ta không tìm ra được bằng chứng nào. Ngoài ra, không bên nào thuê mướn tôi cả. Anh đọc mấy tờ báo này.

- Đề nghị anh tóm lược trước.

- Dễ thôi! Từ từ anh sẽ nhớ ra hết. Ronder là một trong những giám đốc của các đoàn xiếc thú nổi tiếng vào thời đó. Nhưng về sau Ronder đam mê rượu chè nên toàn đoàn và cả bản thân ông ta đang xuống dốc, chính vào lúc đó thì thảm kịch xảy ra. Đoàn ngừng lại một đêm tại Abbas Parva, một làn nhỏ của vùng Berkshire, trên đường đến Wimbledon. Đoàn chỉ đóng trại, không trình diễn, vì dân số Abbas Parva quá ít, không đủ bù đắp chi phí buổi diễn. Trong những con thú, có một con sư tử Bắc Phi rất đẹp, tên là Vua Sahara. Ronder và vợ thường trở tải trong chuồng nhốt nó. Đây là một hình chụp trong một buổi trình diễn. Anh thấy rằng Ronder to như heo nọc trong lúc bà vợ lại tuyệt đẹp. Cuộc điều tra cho biết rằng vua Sahara đã có những biểu hiện đáng ngại từ lâu. Tuy nhiên vì thói quen của nghề nghiệp nên vợ chồng Ronder coi thường các triệu chứng đó. Mỗi đêm, hoặc Ronder, hoặc vợ anh ta đem thức ăn đến cho sư tử. Có khi hai người cùng đi, có khi chỉ một người. Không bao giờ họ để cho ai khác đi thay. Do đó, họ tin rằng con sư tử sẽ không bao giờ hung ác với những người vú nuôi nó. Đêm đó, cách đây 7 năm, cả hai cùng vào chuồng: Một tai nạn khủng khiếp xảy ra và các chi tiết của tai nạn này chưa bao giờ được soi sáng.

Hình như toàn đoàn đều bị đánh thức vào giữa đêm bởi tiếng gào rống của con thú và tiếng la khủng khiếp của bà Ronder, mọi người hối hả cầm đèn chạy ra khỏi lều. Một cảnh tượng hãi hùng xuất hiện trước mặt họ: Ronder nằm sòng soài, sọ bị bể, da đầu bị té, ở cách chuồng sư tử độ 10 yard và cửa chuồng mở toang. Gần cửa, bà Ronder nằm dưới chân con thú đang há miệng gào rống. Nó đã quào nát mặt bà đến nỗi ít ai tin là bà sẽ thoát chết. Nhiều nghệ sĩ của đoàn dưới sự hướng dẫn của Leonardo, lực sĩ, và anh hề Griggs dùng gậy lừa con sư tử vào chuồng. Người ta đoán rằng vợ chồng Ronder dự định vào chuồng, nhưng cửa mới mở, con thú đã nhảy ra vỏ họ. Cuộc điều tra không phát hiện thêm điều gì, chỉ biết rằng bà vợ liên tục la lớn trong cơn mê sảng: "Đồ hèn, Đồ hèn", lúc được khiêng ra xe. Phải sáu tháng sau, bà mới lấy lại sức khỏe để làm chứng. Nhưng cuộc điều tra bị xếp bỏ do phán quyết của toà cho rằng Ronder chết vì tai nạn.

- Có giả thiết thứ hai à? - Tôi hỏi lớn.

- Sao lại không? Anh chàng Edmunds, thuộc sở cảnh sát Berkshire có để ý đến vài chi tiết nhỏ. Chú bé này khá lắm! Sau đó chú lại thuyên chuyển qua Allahabad. Đây là lý do tại sao lúc đó tôi để ý tới vụ án: Chú bé đến đây, hút thuốc và thảo luận.

- Người gầy, tóc vàng.

- Thấy chưa, từ từ anh nhớ lại mà!

- Chú ấy để ý cái gì?

-Tôi và chú ấy đều thắc mắc. Diễn lại sự việc thì thấy không ổn. Anh hãy đứng ở quan điểm con sư tử. Khi được thả ra, nó sẽ làm gì đây? Nó lao tới, nhảy một, hai cái là tới sát Ronder, Ronder quay lưng chạy thoát thân, nhưng con sư tử quật vào ót ông ấy làm ông ngã lăn. Nhưng thay vì tiếp tục thả rong chơi, sư tử lại quay trở lại tìm bà Ronder đứng gần cửa chuồng, cào nát mặt bà ta. Lại còn tiếng thét của bà ấy hình như trách ông chồng. Thử hỏi con người xấu số này làm được gì để cứu bà. Vậy, bà đã trách ai?

- Lý luận đúng lắm.

- Còn một chi tiết khác luôn ám ảnh tôi, khi tôi nhớ lại vụ án này. Dù ít dù nhiều chúng ta cũng biết rằng trong lúc con sư tử gào rống và bà Ronder la hét còn có một tiếng đàn ông la thất thanh.

- Có lẽ là Ronder?

- Làm sao được, cái sọ vỡ rồi, ông này không đủ sức để la to như thế. Ít nhất có đến hai nhân chứng xác nhận rằng có tiếng la khác của một người đàn ông, ngoài ông Ronder.

- Tôi đoán rằng toàn trại đều la hét... Đối với phần còn lại, có lẽ tôi có thể giải thích được.

-Thật ư?

- Hai vợ chồng người dạy thú đứng cách chuồng 10 yard lúc con sư tử đi ra. Người chồng muốn chạy trốn thì bị quật nhào. Người vợ nẩy ra sáng kiến chạy ngược vào chuồng, đó là cách duy nhất để ẩn náu. Ngay khi bà ấy đến cửa chuồng thì con thú đã vồ và quật ngã bà. Bà bực chồng vì ông này chạy trốn làm con thú bực dọc. Nếu cả hai đều trực diện với con thú thì có lẽ họ dương oai được Đó là lý do tại sao bà ấy la "đồ hèn"!

- Tuyệt hay, Watson! Nhưng miếng pha lê còn dính cọng rơm.

- Cọng rơm nào?

- Nếu cả hai người đều đứng cách chuồng đến 10 yard thì làm sao con sư tử ra được?

- Có thể họ bị một kẻ thù mở cửa cho con thú ra.

-Và tại sao con thú đã tấn công họ rất dã man trong lúc nó quá quen với họ, thường đùa giỡn với họ trong chuồng?

- Có thể có một kẻ thù đã chọc giận nó trước rồi?

Holmes suy tư một lúc.

- Giả thiết của anh có cơ sở, anh Watson! Edmunds tiết lộ với tôi là khi đã uống rượu, Ronder quây dũ lắm, hẳn cầm roi rượt tất cả những ai dám cưỡng lại. Có thể xem các tiếng la "Đồ quái vật" mà bà Ronder thường la trong đêm khuya là những hồi tưởng liên quan đến những trò thô bạo của người chồng quá cố. Thôi, đoán già đoán non có ích gì, khi chúng ta chưa có đủ dữ kiện trong tay. Giờ đi ăn trước đã.

Xe ngựa bỏ chúng tôi xuống trước nhà bà Merrilow. Bà ta đã đứng choán cửa chân chúng tôi lại, năn nỉ đừng nói hoặc làm điều gì để bà phải mất một người khách trọ sộp. Trấn an bà xong, chúng tôi đi theo bà, leo lên cầu thang có trải đệm đã xơ xác. Cửa phòng hôi mùi mốc vì không thoáng. Sau gần một đời nhốt thú dữ trong chuồng, ngày nay người khách trọ như bị định mạng trả miếng lúc xế chiều.

Bà Ronder ngồi trên một ghế bành đã lung lay, trong một góc tối tăm. Mấy năm bỏ nghề làm dáng bà sồ sề ra. Tuy nhiên, với thân hình tròn trịa hấp dẫn hiện tại, cho thấy xưa kia bà là một phụ nữ đẹp cân đối. Chiếc khăn voan dày cộm che kín mặt mày, cắt ngang làn môi, để lộ một cái miệng tuyệt hảo và cái cằm trái xoan thanh tú. Giọng nói thanh tao cũng là yếu tố làm xao xuyến lòng người.

- Tên của tôi đâu có xa lạ gì với ông, phải không ông Holmes? - Bà ấy nói - Tôi rằng thế nào ông cũng đến.

- Vâng, thưa bà. Nhưng tôi không hiểu tại sao bà biết tôi lưu ý đến chuyện của bà.

- Tôi biết điều đó khi tôi bình phục lại và được ông Edmunds thăm vấn. Tôi đâu có nói sự thật. Có lẽ tôi nên nói thật ngay từ lúc đó.

-Tại sao bà lại nói dối với ông ấy?

-Tại vì mạng sống của một người nào đó đang tùy thuộc vào lời khai của tôi. Tuy đó là một người không xứng đáng, nhưng tôi không muốn lương tâm tôi bị giày vò.

- Bây giờ bà hết áy náy rồi chứ?

- Hết rồi, vì người đó đã chết.

-Vậy, tại sao bây giờ bà không tới cảnh sát khai hết những gì bà biết?

- Tại vì còn một người nữa có liên quan. Đó là tôi. Tôi không thể chịu đựng được cái tai tiếng rùm beng. Tôi không còn sống bao lâu nữa, nhưng tôi muốn chết một cách thanh thản. Tôi muốn tìm một người có trí phán đoán đúng đắn lắng nghe tôi kể lại câu chuyện gớm ghiếc để khi tôi chết rồi, mọi chuyện đều được hiểu rõ ràng.

- Bà quá khen tôi, thưa bà? Nhưng tôi là một người có trách nhiệm. Có thể sau khi nghe bà xưng tội, tôi lại thấy có bổn phận phải đi khai báo với cảnh sát.

- Tôi không nghĩ như thế, ông Holmes. Tôi hiểu rõ tính khí và phương pháp làm việc của ông. Tôi đã theo dõi việc làm của ông từ mấy năm nay. Trong những ngày cuối cùng, cái thú độc nhất còn lại của tôi là đọc sách báo. Tôi sẽ có thể bị rắc rối, nhưng mặc kệ. Sau khi đã kể hết với ông, tâm trí tôi sẽ thanh thản.

- Bạn tôi và tôi rất hân hạnh nghe bà nói.

Bà ta đứng lên, tới học tủ lấy ra một tấm ảnh. Đó là ảnh của một lực sĩ, một diễn viên nhào lộn rất đẹp trai. Ông ta khoanh tay trên một bộ ngực nở nang, cười nhẹ dưới bộ râu ngạnh trê rậm rạp cười của "một tay bẻ biết mấy cành thiên hương".

- Leonardo đấy, - Bà ta nói.

- Leonardo, người khổng lồ của gánh xiếc làm nhân chứng?

- Đúng rồi. Còn đây, là ảnh chồng tôi.

Một bộ mặt gớm ghiếc: một con heo phì, hay đúng hơn một con gấu mang mặt người. Ta thấy rõ ràng cái miệng sôi sục sự thô bạo. Còn đôi mắt ti hí hiếm có. Một loại đậm thuê chém mướn.

- Hai ảnh này sẽ giúp các ông hiểu đời tôi. Tôi là nghệ sĩ nghèo của gánh xiếc, khôn lớn lên bằng cơm gạo của đoàn. Tôi nhảy vòng lúc chưa tới 10 tuổi. Với cái dục vọng của con người đàn ông đó, vào một ngày khốn nạn nọ, tôi trở thành đàn bà và tôi kết hôn với ông ấy. Kể từ đó tôi sống đời địa ngục. Ông ta là con quỷ có trọng trách hành hạ tôi. Mọi người trong đoàn đều hay biết. Ông ấy bỏ bê tôi, chạy theo những người đàn bà khác. Tôi mà than thì ông ấy trối lại, quất roi da. Mọi người đều thương hại tôi và nguyên rửa ông ta. Nhưng họ làm gì được? Họ sợ ông ấy như quỷ dữ. Lúc nào cũng hung tợn, còn khi say thì ông ta có thể giết người. Biết bao lần rắc rối với công lý vì đánh người hay bạc đãi thú. Nhưng vì ông giàu sụ nên tiền bạc đỡ qua cả. Các diễn viên thượng thượng bắt đầu xa lánh ông và đoàn xuống dốc, sống lay lắt qua ngày nhờ Leonardo, tôi, cùng chú bé hề Jimmy Griggs. Đầu còn gì thích thú để đùa cợt, nhưng thằng bé cũng cố gắng giữ trọn vai trò.

Leonardo đi vào đời tôi ngày càng sâu. Anh ấy đẹp trai như ông đã thấy. So với chồng tôi, anh ấy là thiên thần. Anh ấy thương hại tôi, giúp đỡ tôi. Cuối cùng thâm tình biến thành tình yêu, càng ngày càng sâu đậm và đam mê. Cái tình yêu mà tôi luôn mơ tưởng nhưng không bao giờ hy vọng thụ hưởng. Chồng tôi nghi ngờ, nhưng đê hèn, ông ấy sợ Leonardo. Ông ấy trả thù bằng cách hành hạ tôi nhiều hơn. Một đêm nọ, do tôi la hét dữ dội nên Leonardo chạy tới xe vợ chồng tôi và suýt có thảm kịch xảy ra. Sau đó, tình nhân tôi và tôi thấy rõ rằng điều đó không thể tránh khỏi. Chồng tôi không đáng được sống.

Leonardo tổ chức khéo lắm. Tôi không nói để trút bớt tội mình vì chúng tôi cùng quyết tâm làm mọi chuyện để cùng nhau lập lại cuộc đời.

Anh ta làm một cái chùy có gắn năm đinh sắt dài ở đầu, giống hết các vuốt sư tử nhằm giáng một đòn chí tử xuống Ronder mà cuộc khám nghiệm sẽ làm lạc.

Trời tối như mực khi vợ chồng tôi theo đúng lệ đem thức ăn cho sư tử. Leonardo núp sau chiếc xe kéo mà vợ chồng tôi phải đi qua trước khi đến chuồng. Anh ấy quá chậm nên khi chúng tôi đến gần chuồng, anh ấy mới sẵn sàng và rón rén lần mò đi theo. Tôi nghe tiếng chùy vung lên và chồng tôi ngã xuống. Tôi mừng một cách hoang dại và chạy tới mở khoá chuồng.

"Và lúc này mới xảy ra chuyện kinh tởm cho tôi. Có lẽ hai ông cũng hiểu rằng thú dữ đánh hơi mùi máu rất nhanh và mùi máu đánh thức bản năng hung bạo của chúng. Ngay khi tôi vừa rút các song sắt, con sư tử nhào ra vồ lấy tôi. Leonardo đã cố thể cứu tôi nếu anh ấy chạy tới lấy chùy đập. Nhưng anh ta mất bình tĩnh. Tôi nghe anh ta la rồi anh quay lưng chạy thoát thân... đúng ngay lúc nanh con thú cắm sâu vào mặt tôi. Hơi thở nồng nặc và hơi thối của con thú làm tôi gần chết ngáp nên tôi chỉ cảm thấy cái đau nhẹ. Tôi lấy tay gỡ hai cái hàm đồ sộ máu me của con thú vừa kêu cầu cứu. Tôi ý thức được toàn đoàn đều rung động và tôi nhớ rõ một nhóm người gồm Leonardo, Griggs và nhiều nữa kéo tôi ra khỏi vuốt con thú.

Khi tôi bình phục, tôi soi kiếng và lúc đó tôi nguyên rửa con sư tử ... Tôi nguyên rửa nó không tiếc lời vì... nó không giết tôi luôn. Rồi tôi chỉ còn một nguyện vọng: che kín bộ mặt ghê tởm này và sống kín một nơi không thân bằng quyến thuộc nào phát hiện được. Chúng tôi im lặng hồi lâu. Rồi Holmes đưa bàn tay dài của anh ta ra vuốt bàn tay của Eugenia với một mối thông cảm.

- Bà là người đáng thương? - Holmes nói - Định mệnh quả khắt khe, khó dò. Còn Leonardo thì sau này ra sao?

- Tôi không gặp lại anh ấy và không được tin tức gì về anh ấy. Có lẽ tôi sai lầm khi đã buông tha anh ấy chẳng Nhưng tình yêu của người đàn bà không dễ dàng tan biến. Tuy anh ấy bỏ cho tôi bị sư tử quào, tuy anh ấy bỏ chạy thoát thân, nhưng tôi không nhẫn tâm đưa anh ấy đoạn đầu đài. Về phần tôi, tôi không lo nghĩ những gì xảy ra cho

tôi. Còn gì hãi hùng hơn cuộc đời hiện tại của tôi.

- Ông ấy đã chết?

- Anh ấy chết đuối tháng trước. Tôi biết tin này qua báo chí.

- Sau vụ án mạng, ông ấy đã làm gì với cái chùy 5 đĩnh?

- Thưa ông Holmes, tôi chẳng biết gì cả. Nhưng gần chỗ chúng tôi đóng trại có một cái hầm khai thác đá vôi, nước đọng thành ao sâu. Có lẽ nó chìm xuống đáy ao này.

-Ồ, giờ đây thì nó đâu còn gì quan trọng nữa. Nội vụ đã xếp lại rồi.

- Đúng thế! - người đàn bà lặp lại. - Nội vụ đã xếp lại rồi!

Chúng tôi đã đứng lên để ra về. Đột ngột, Holmes quay về hướng người đàn bà đau khổ.

- Cuộc đời của bà không thuộc quyền của bà đâu - Holmes nói - Bà phải bảo trọng nó!

- Nó còn ích lợi cho ai?

- Tại sao bà nói xàm thế! Một bệnh nhân cam chịu số phận là một cái gương quý giá nhất trong cuộc đời thiếu nhẫn nại này.

Cách đối đáp của bà Ronder thật hãi hùng. Bà tháo khăn voan, bước ra ánh sáng:

- Tôi tự hỏi không biết ông có chịu đựng được nó không?

Thật là kinh tởm. Không có từ ngữ nào để mô tả cái khuôn mặt khi nó đã hoàn toàn tan nát. Hai con mắt long lanh cực đẹp giữa một cảnh hoang tàn rợn người. Holmes đưa hai tay lên trong cử chỉ thương hại và phản đối thái độ trắng trợn đến tàn nhẫn của người đàn bà. Hai ngày sau, khi tôi đến nhà, Holmes hãnh diện chỉ cho tôi một lọ dung dịch màu xanh lơ để trên lò sưởi. Tôi cầm lên xe. Lọ có dán nhãn "thuốc độc". Một mùi hạnh nhân dễ chịu toát ra khi tôi mở nút.

- Acid pruxic?

- Đúng rồi - Holmes đáp - Nó được gửi tới bằng đường bưu điện. "Tôi gửi tới ông cái cảm dỗ tôi. Tôi nghe theo lời ông chỉ dạy". Đó là bức thư gửi kèm Watson à, tôi tin rằng chúng ta có thể nói ra tên của người đàn bà can đảm đã gửi bưu kiện này.

Hết.

F.11 - The Adventure of Shoscombe Old Place 1927 (Bí ẩn lâu đài Shoscombe)

Holmes nhìn đồng hồ có vẽ sốt ruột:

- Một thân chủ mới sẽ đến? Ông ta trễ hẹn rồi. Này, anh Watson, anh có rãnh về đưa ngựa không?

- Có biết qua!

- Vậy anh sẽ làm trợ lý cho tôi về ngành này.

Anh có biết ngài Rô-be không?

- Có ông ta cư ngụ tại lâu đài Shoscombe. Tôi khá rãnh nơi đó vì có lên chơi ngựa vào mùa hè. Suýt chút nữa thì ngài Rô-be đã làm anh bận tâm.

- Sao?

- Một hôm nọ, ông ta dùng roi da nện tới tấp vào một gã cho vay ăn lời cắt cổ. Suýt chút nữa có án mạng rồi.

- Hay quá?

Ông ấy thường lên cơn điên lắm sao?

- Dù sao ông ấy cũng có tai tiếng là người nguy hiểm. Tay cưỡi ngựa liều lĩnh nhất nước mà? Cách đây mấy năm, ông ta về nhì trong giải toàn quốc! Theo lời đồn đại hiện nay ông ta sa sút lắm.

- Một phác họa tuyệt hảo. Tôi hình dung ra ông ta rồi. Giờ đây xin cho tôi biết lâu đài Shoscombe.

- Có gì lạ đâu! Nó nằm trong công viên Shoscombe, ở đó có một cái chuồng ngựa nổi tiếng và là khu trung tâm huấn luyện ngựa thôi.

- Huấn luyện viên trưởng - Holmes tiếp - Tên là Ma-sơn. Không phải tôi có thần thông gì đâu mà anh nhìn tôi lạ lùng thế, Watson? Lá thư của hấn đây này. Anh cho tôi biết thêm chi tiết về Shoscombe?

- Ở đó có con chó ê-pa-nhon - Tôi nói tiếp - Loại chó thuần chủng Anh quốc mà kỳ

triển lãm chó nào cũng có mặt nó. Đó là niềm kiêu hãnh của bà chủ lâu đài Shoscombe.

- Bà ấy là vợ của ngài Rô-be?

- Ông này có kết hôn bao giờ đâu. Ông ta sống tại nhà chị ruột. Một quả phụ, mệnh phụ Pha-đơ.

- Ai ở nhà ai?

- Chủ bất động sản ấy là chồng bà ta. Còn ngài Rô-be này không có dính dấp gì đến gia tài cả. Người chị chỉ được quyền hưởng huê lợi. Về sau thì lãnh địa về tay em trai của chồng bà.

- Em trai của bà ta, ngài Rô-be này, xài đã tay.

- Gần như thế. Tay đó sinh ra là để phá bà ta. Nhưng hình như bà ấy thương em lắm. Chuyện gì đã xảy ra trong lâu đài thế.

- Đó chính là điều tôi cần biết. Nhưng, người biết điều đó sắp vào kia!

Cửa mở và chú tiểu đồng đưa vào một người cao ráo, râu cạo nhẵn, vẻ mặt cương nghị, khắc khổ. Đó là ông Ma-sơn. Ông ta lạnh lùng nghiêng mình cúi chào trước khi ngồi vào ghế do Holmes m

- Ông có nhận được thư của tôi, ông Holmes?

- Có, nhưng thư đâu có giải thích gì?

- Chuyện quá tế nhị, lại rắc rối nữa. Chỉ có thể trình bày bằng miệng thôi.

- Vậy thì chúng tôi sẵn sàng lắng nghe.

- Điểm thứ nhất, thưa ông Holmes: có lẽ ông chủ tôi, ngài Rô-be đã điên rồi.

- Vì sao vậy?

- Thưa ông, một người làm việc dỉ kỳ một đôi lần thì còn khoan dung được, nhưng nếu họ luôn luôn làm chuyện quái dỉ thì ai cũng phải thắc mắc thôi. Tôi nghĩ rằng con "Hoàng Tử" của Shoscombe và trường đua đã làm cho ông ta điên rồi.

- Ông huấn luyện một con ngựa con chứ?

- Tôi huấn luyện con ngựa số một tại Anh quốc. Ngài Rô-be muốn thắng cuộc đua này. Ông ta đổ hết tiền vào nó. Đó là cơ may cuối cùng của ông ta.

- Có sao đâu?

- Quần chúng đâu có biết là con ngựa đó tốt. Ngài Rô-be quý quyết hơn bọn gián điệp. Ông chỉ phô trương con ngựa cùng mẹ khác cha của con “Hoàng Tử”. Thật ra thì con “Hoàng Tử” chạy mau hơn! Ông ta đã đem đặt cả lâu đài Shoscombe vào đó. Hiện giờ thì ông ta lọt vào nanh vuốt bọn cho vay Do Thái, cho nên nếu con Hoàng tử thất bại thì tàn đời ông ấy.

- Trò chơi ngu dại, nhưng có gì là điên đâu?

- À, đêm ông ta không ngủ, chỉ thăm chuồng ngựa. Đôi mắt trở nên hung tợn, dễ nổi giận vì những chuyện lật vật và nhất là cách đối xử với mệnh phụ Pha-đơ.

- Ủa, đối xử thế nào?

- Hai chị em là đôi bạn thân nhất. Họ sở thích. Bà ấy cũng thích ngựa. Ngày nào cũng vậy, bà ấy đi xe ra thăm ngựa và bà đặc biệt thích con “Hoàng Tử”.

Con ngựa vênh tai khi nghe bánh xe ngựa sột soạt trên đường sỏi và chạy ra xe để được thưởng một miếng đường. Nhưng, giờ đây, tất cả những chuyện này không còn nữa.

- Tại sao vậy?

- Bà ấy lơ là hẳn đối với con ngựa. Trọn một tuần nay, khi chạy ngang qua chuồng ngựa, bà ấy chẳng thèm ghé lại.

- Chị em họ cãi lộn với nhau à?

- Nếu cãi lộn thì chắc chắn phải dữ dội lắm. Nếu không thì tại sao ông ta tổng khử con chó ê-pa-nhơn ra khỏi nhà. Cách đây mấy ngày, ông ta dẫn chó đến cho lão Bác-nơ, chủ quán ăn “Con Rồng Xanh” cách Shoscombe năm cây số.

- Đó quả là chuyện quái dị!

- Vì bị đau tim và đau bao tử, nên bà ấy không thể tiếp tục đi dạo với ông ta mỗi đêm. Tuy vậy, mỗi đêm ngài Rô-be vẫn đến đó chuyện vãn đến hai tiếng đồng hồ.

Nhưng những chuyện đẹp đẽ ấy nay không còn nữa. Bà ấy buồn, nhẩn nhó và đâm ra nghiện ngập. Bà ấy uống rượu, ông Holmes à. Uống như hũ chìm.

- Trước kia không có uống à!

- Thịnh thoảng, cũng có uống. Nhưng bây giờ thì mỗi đêm phải cả chai. Tất cả đều đã

thay đổi. Chắc chắn đã có một điều gì trầm trọng vô cùng. À, còn chuyện này mới lạ chứ! Mỗi đêm ngài Rô-be đều xuống hầm nhà mồ ở sau vườn.

- Ông ta xuống đó để gặp ai vậy?

Holmes xoa tay.

- Ông cứ nói tiếp ông Ma-sơn!

Mỗi lúc ông làm chúng tôi say

- Ông quản gia thấy rõ ông ta đã đi xuống đó, ngay lúc nửa đêm, giữa cơn mưa tầm tã. Qua đêm sau, tôi thức chờ, ông chủ lại xuống. Chúng tôi rón rén theo sau. Ông ta tới cái nhà mồ có ma về đó, và lạ thay, một người đàn ông đang đợi ông ấy tại đó. - Con ma về đó à?

- Đúng vậy, thưa ông. Một nhà mồ cổ lỗ bỏ hoang ngoài vườn hoa, không ai biết xây dựng vào năm nào. Bên dưới có một cái hầm có nhiều tiếng đồn trong vùng. Ban ngày thì tối im, ẩm thấp. Đêm đến, đương nhiên thuê bạc triệu cũng không ai dám xuống. Riêng người chủ thì khác. Suốt cả đời, ông không sợ gì cả. Nhưng vào nửa đêm, có cái gì ở dưới đó?

- Nay ông nói dưới đó có một người thứ hai. Chắc chắn đó là thằng giữ ngựa hay gia nhân. Sao ông không nhận dạng hay gạn hỏi.

- Tôi không quen với người đó!

- Làm sao ông biết được?

- Tôi thấy rõ y vào đêm thứ hai. Đêm đó trời sáng trăng, ngài Rô-be đi ngang qua bụi cây nơi tôi và ông quản gia núp, khiến chúng tôi run như cây sậy. Người thứ hai đi theo sau ông. Khi ông chủ đi xa, chúng tôi chui ra, làm ra vẻ dạo chơi dưới trăng, tình cờ gặp y. Tôi kêu y:

“Nè. Ai đó?” Y quay ra sau, mặt tái mét, nhìn chúng tôi rồi thét lên và ù té chạy. Tôi không quen y. Y đến đó làm gì, chúng tôi cũng không biết.

- Ông thấy rõ vì trời có trăng?

- Đúng vậy. Mặt y vàng như nghệ. Hắn ta như có cái gì đó rất hợp với ông chủ.

Holmes lặng thinh suy tư.

- Ai hầu mệnh phụ Pha-đơ?

- Holmes hỏi.

- Nữ bồi phòng của bà là Ê-van, thâm niên khoảng năm năm rồi.

- Cô ấy ận tình với bà chủ chứ?

Ông Ma-sơn có vẻ lúng túng, hơi ngượng ngập.

- Cô ấy khá tận tình!

Nhưng tôi sẽ không nói rõ là tận tình với ai.

- Ông muốn nói gì vậy?

- Tôi Không muốn ngồi lê đôi mách.

- Vậy là tôi hiểu hết rồi. Theo bức chân dung mà bác sĩ Watson mô tả về ngài Rô-be thì không một người đàn bà nào được an toàn nếu ở gần ông ta. Ông có cho rằng sự bất hòa giữa hai chị em họ bắt nguồn từ điểm này không.

- Mọi người đều sầm xì về điều này!

- Có thể là không hay biết. Nhưng đột nhiên bà ấy bắt gặp và tìm cách đuổi cô bé.

- Em trai bà không chịu.

- Vì là người tàn tật, bà ấy không có phương cách nào để thực hiện nên cô hầu phòng bị ghét bỏ vẫn tiếp tục phục vụ. Mệnh phụ tính khẩu, làm nư, uống rượu. Vì bà ấy nhẫn nại, ngài Rô-be bắt lại con chó. Ráp vậy có lớp lang chưa?

- Cũng có thể, nhưng chỉ đến đó thôi!

- Làm sao giải thích được việc ở nhà mồ?

- Không, thưa ông. Lại còn thêm một chuyện lạ nữa là tại sao ngài Rô-be lại đào một xác chết?

Holmes giật mình.

- Chúng tôi mới biết hôm qua, sau khi đã gửi thư cho ông. Hôm qua, ông chủ đi Luân Đôn, tôi và lão bộc chui xuống hầm mộ. Tất cả đều bình thường, ngoại trừ trong một góc hầm có vết tích của xác người.

- Ông đã báo cho cảnh sát rồi

Thân chủ của chúng tôi cười:

- Thôi ông ơi, tôi nghĩ là cảnh sát sẽ không thụ lý điều chúng tôi phát hiện đâu! Đó là một cái sọ và vài cái xương của một xác ướp có thể xưa ngàn năm. Có điều lạ là các tàn tích này trước đây không hề có tại đó. Chúng tôi khẳng định như thế. Chúng được xếp vào một góc, giấu dưới một tấm ván.

- Các ông làm gì nữa?

- Để chúng y tại chỗ.

- Tuyệt hay! Ông nói là ngài Rô-be đi vắng hôm qua. Hôm nay về chưa?

- Chúng tôi đoán ông ta sẽ về hôm nay.

- Ông ta tổng khứ con chó lúc nào vậy?

- Đúng một tuần. Con chó sữa và tru rợn người khi tới gần nhà mồ xưa cổ ấy. Sáng hôm ấy, ông chủ gần như phát điên. ông thộp cổ nó, tưởng đâu sẽ đập đầu nó. Nhưng ông bảo một anh nài đem tặng nó cho lão chủ quán con Rồng Xanh.

- Tôi không hiểu ông muốn chúng tôi giúp gì trong vụ này, ông Ma- sơn. Ông nên nói rõ hơn.

- Việc này có thể làm cho nội vụ rõ hơn chẳng.

Thân chủ của chúng tôi nói. Và ông ta rút trong túi ra một gói nhật trình, cẩn thận giở ra và đưa cho Holmes một khúc xương đã cháy thành than.

Bạn tôi chăm chú khám nghiệm.

- Ông nhật nó ở đâu vậy?

- Dưới hầm lửa, bên dưới phòng của mệnh phụ, nơi đặt nồi nước của hệ thống sưởi ấm. Đã từ lâu không dùng nữa, nhưng gần đây ngài Rô-be than thở rằng trời lạnh, nên phải đun lại. Chính Ha-vây, một thuộc viên của tôi, phụ trách việc này. Sáng nay, y mang cái xương này tới tôi. Y bắt gặp khi cào tro bếp. Y rối trí về vụ này.

- Tôi cũng vậy - Holmes nói.

- ý kiến của anh ra sao? Watson! Nó cháy thành than nhưng còn hình thù xương người.

- Khúc trên của xương ống chân?

- Tôi khẳng định.

- Đúng thế!

Holmes la lên rồi im lặng nghiêm nghị:

- Chú bé phụ trách bếp nước này làm việc giờ nào?

- Chỉ mỗi tối thì đến đổ nước vào!

- Thế thì, ban đêm bất cứ ai cũng có thể đến đó?

- Vâng ạ!

- Từ ngoài vào đó được chứ!

- Có cửa để ra ngoài. Một cửa khác để lên cầu thang theo hành lang đến phòng bà Pha-đơ.

- Chúng ta đang ở vùng nước sâu thẳm, ông Ma-sơn.

- Thật sâu thẳm thẳm.

- Ông nói rằng đêm qua ngài Rô-be vắng nhà?

- Vâng, thưa ông?

- Như vậy thì chắc chắn ông ta không đốt xương?

- Đúng vậy, thưa ông.

- Cái quán ông nói tên là gì nhỉ?

- Ròng xanh!

- Ở vùng Berkeshire đó, câu cá được nhiều không?

Khuôn mặt của người huấn luyện viên hiền hậu lại lộ vẻ kinh ngạc, hơi ngớ ngẩn, nhưng ông ta cũng trả lời.

- Tôi nghe có cá hương dưới sông, khúc gần cối xay gió và có cá chép trong hồ của lâu đài.

- Chúng tôi chỉ cần biết bấy nhiêu thôi. Chúng ta đâu phải thợ câu nhà nghề, phải không Watson? Ông có thể đến gặp chúng tôi tại quán Ròng Xanh. Tối nay, chúng tôi sẽ đến đó. Chúng tôi không đòi hỏi ông phải ra đó. Nhưng ông có cần nhấn tin hoặc chúng tôi cần gặp ông phải biết tìm ông ở đâu. Sau khi đào sâu thêm một chút, chúng

tôi sẽ đưa ra ý kiến có cơ sở.

Chúng tôi đi xe A lửa điện hạng nhất xuống Shoscombe vào một đêm trăng. Cái kệ trên đầu toa nhét đủ thứ đồ câu. Xuống xe, một xe ngựa nhanh chóng đưa chúng tôi đến một quán trọ kiểu xưa. Bác-nơ, người chủ quán khoái thể thao huyền thiên nói về câu cá trong vùng, xem chúng tôi là người điệu nghệ?

- Ông nghĩ gì về cá chép trong hồ lâu đài?

Holmes hỏi.

Mặt ông chủ quán đang tươi bỗng sa sầm.

- Đề nghị ông đừng nghĩ tới hướng đó. Ông có thể bị trấn nước trước khi được một con cá.

- Gì mà dữ dằn vậy?

- Ngài Rô-be rất ghét bọn gián điệp. Nếu hai ông đều là ngoại tịch mà đến gần chuồng ngựa, đích thân ông sẽ nghênh đón. Ông ấy chẳng ngại làm chuyện liều đâu. Đừng chọc ông ấy.

- Người ta đồn rằng ông ta có một con ngựa đăng ký vào cuộc tranh giải kỳ này?

- Đúng thế, một con ngựa tuyệt hảo. Chúng tôi đều nhắm vào nó, dốc hết túi như ngài Rô-be. Xin phép được...

Ông ấy nhìn chúng tôi, đáng nghi ngại.

- Hai ông cũng là dân đua ngựa?

- Không đâu. Chúng tôi là người Luân Đôn một nhọc đi đổi gió tại Berkeshire này thôi.

- Như vậy là hai ông lựa chọn đúng. Nhưng phải nhớ lời khuyến cáo của tôi về ngài Rô-be. Ông ta thuộc loại người làm trước, giải thích sau.

- Đương nhiên, thưa ông chủ. Này con chó đẹp đang nằm rầu rĩ ngoài cửa là của ai vậy?

- Ông nhận xét thật là đúng. Thuần chủng Shoscombe đó. Độc nhất vô nhị trong toàn nước Anh này.

- Tôi giống ông. Tôi rất thích chó - Holmes nói - Xin tha thứ cho sự tò mò của tôi! Một con chó giống như vậy giá bao nhiêu?

- Vô giá vượt hẳn khả năng của tôi. Chính ngài Rô- be biểu tôi đó. Vì vậy, tôi phải cột nó kỹ, nếu không chỉ trong nháy mắt nó quay về lâu đài ngay.

Sau khi ông chủ quán rời chúng tôi, Holmes nói với tôi :

- Trong tay chúng ta chỉ có vài lá bài, Watson à.

- Ván bài này không phải dễ chơi đâu.

- Nhưng trong một hai ngày, chúng ta có thể tìm ra đầu mối. Tôi tin rằng ngài Rô-be vẫn còn ở Luân Đôn. Tôi đề nghị tối nay chúng ta chui vào vùng cấm địa. Có vài chi tiết tôi muốn rà soát lại.

- Anh có giả thiết rồi à?

- Sơ sơ như vậy, Watson à. Một chuyện đã xảy ra cách đây khoảng tám ngày, làm xáo trộn sinh hoạt tại lâu đài Shoscombe. Chuyện gì à? Đây, hãy xét lại người em chấm dứt việc thăm viếng người chị tật nguyền. ông ấy tổng khứ con chó mà bà chị cưng. Con chó thuộc quyền sở hữu của bà ấy, Watson! Anh có thấy gì lạ không?

- Thù vật thôi?

- Có thể. Hoặc là... ờ... tôi lại thấy... Ta hãy nghiên cứu lại tình hình. Từ lúc cãi lộn cứ tạm cho là có đi, mệnh phụ đổi thói quen, ở mãi trong phòng, có ra đi thì không ghé thăm chuồng ngựa nữa, rõ ràng nhất là đâm ra ương rợ. Nào, khớp nhau trăm phần trăm chưa.

- Còn chuyện ở nhà mồ.

- Chuyện đó lại phải theo một lý luận khác. Có tới hai con đường đường lẫn lộn nhé. Một đường liên quan đến mệnh phụ lơ mơ một cách ảm đạm, anh không thấy sao?

- Tôi chịu bí thôi.

- Bây giờ, qua con đường kia, liên quan đến ngài Rô- be nhiều hơn ông ta mê mệt về cuộc đua ngựa sắp tới, và đã lọt vào nanh vuốt của bọn Do Thái cho vay nặng lãi. Nợ nớp lo sợ trắng tay với cái lãnh địa phát mãi, ngựa tịch biên. Lại thuộc dòng máu liều, rút rĩa người chị với cô bồi phòng là công cụ ngoan ngoãn. Đó, nãy giờ, chúng ta lần mò trên con đường chắc nịch chứ gì?

- Vẫn chưa rõ chuyện ở nhà mồ?

- À còn cái nhà mồ dưới đất. Giả thiết rằng... đó là giả thiết động trời rằng... Ngài Rô-be thanh toán chị ruột mình?

- Chuyện gì động trời vậy?

- Đành rằng, ngài thuộc thế gia vọng tộc. Nhưng trong một đàn cừu, biết đâu lại chẳng có một con chiên ghẻ. Ta cứ tạm chấp nhận giả thiết này đi. Ông ta chỉ có thể gây lại tài sản nếu thắng cuộc đua sắp tới. Muốn thế phải bỏ tiền để xoay sở. Gọn nhất là thanh toán cái xác của bà chị trảm vào đó bằng một người khác. Việc này thỏa hiệp với người bồi phòng nữ đâu phải là chuyện khó.

Xác bà chị được đưa xuống nhà mồ, nơi ít ai lui tới. Đêm đến, lén lút thiêu ở bếp nấu nướng sưởi. Đó là những điều mà chúng ta suy diễn được? Anh có ý kiến gì,

- Một khi mà anh chọn giả thiết kinh khiếp như vậy thì chuyện gì lại không được?

- Tôi định làm một thí nghiệm nhỏ vào ngày mai, Watson à. Trong tạm thời, ta chỉ thu gọn vào mấy nhân vật đó thôi nơi này, ta nhậu với chủ quán, nói về cá nầy cá nọ là trúng đài của ông ta liền. Biết đâu nhờ tán gẫu mà ta biết thêm chuyện hữu ích.

Sáng hôm sau, Holmes phát hiện chúng tôi quên mang theo lười câu nhỏ, nên ngày đó nghỉ câu. Khoảng một hai giờ, chúng tôi đi dạo một vòng và anh xin được chủ quán cho dẫn theo con chó tinh khôn.

- Đây là vùng tử địa - Holmes nói.

Khi chúng tôi tới trước cái cổng hai lớp song sắt có gắn huy hiệu của một dòng họ quý tộc.

- Ông Bác-nơ có cho biết, khoảng 12 giờ, bà mệnh phụ sẽ dùng ngựa đi dạo, và khi tới cổng, xe phải chạy chậm để chờ mở cổng. Anh Watson, khi xe đến và lúc nó chạy chậm, anh hãy kiểm chuyện gì nói với xà ích. Phần tôi, ở đằng sau bụi cây và quan sát.

Chúng tôi khỏi phải chờ lâu. Một chút sau, một chiếc xe ngựa đồ sộ, màu vàng, không mui từ lâu đài chạy xuống. Hai con ngựa xám đẹp lông lẩy, nhịp bước. Holmes ngồi trong bụi với con chó. Tôi đi phát phơ trên lộ. Người gác cổng chạy ra. Xe chạy chậm lại, ngựa đi từng bước.

Nhờ đó tôi có thể quan sát kỹ người trên xe. Một thiếu phụ trẻ, thân hình đều đặn, tóc vàng, ngồi bên trái. Bên phải là một bà lão, khăn choàng che khuất mặt và tai.

Chắc chắn là một bà lão tật nguyền. Khi xe ra đường cái tôi ra hiệu lệnh. Xà ích ngừng xe lại. Tôi hỏi thăm ngài Rô-be.

Cùng lúc đó, Holmes rời nơi ẩn nấp, thả con chó trung thành ra. Con vật vui mừng, sủa vang, leo lên xe.

Trong nháy mắt, nguồn vui cuồng cuồng của nó biến thành sự thịnh nộ đặng đặng sát

khí, nó muốn xé tà áo bà lão

- Cho chạy, cho chạy - Một giọng cứng cỏi ra lệnh.

Ngựa ăn roi, chiếc xe phóng đi nhanh.

Hai chúng tôi còn lại trên lộ.

- Thấy chưa Watson, kẻ sách của ta tốt đẹp - Holmes nói lớn và cọt con chó lại.

- Nó làm tưởng là chủ nó, nhưng nó phát hiện người nào khác. Chó chưa khi nào làm.

- Tiếng ra lệnh cho xe chạy là tiếng đàn ông - Tôi nói lớn.

Đúng thế. Ta có thêm một lá bài mạnh trong tay. Nhưng còn phải đồ mò hôi nữa.

Sau đó, hình như không có chương trình gì nữa, chúng tôi xách đồ câu ra bờ sông gần cối xay gió, và bữa cơm tối chúng tôi có thêm da cá hương tươi. Cơm xong, chúng tôi đi dạo trên đường hồi sáng, đến ngay cổng sắt của lâu đài. Một dáng vóc cao ráo chờ đợi chúng tôi.

Chúng tôi nhận ra thân chủ Ma-sơn.

- Kính chào quý ông - ông ấy nói - Tôi có nhận được thư ông. Ngài Rô-be chưa về. Nhưng chúng tôi chuẩn bị đón ông ta đêm nay.

- Nhà mò cách lâu đài bao xa vậy?- Holmes nói.

- Khoảng bốn trăm mét.

- Vậy thì khỏi lo ông ta bắt gặp. Ta cùng tới đó.

- Tôi không thể nán lại lâu đâu. Bởi khi về, ông ta gặp tôi ngay để hỏi thăm- Tôi hiểu. Chúng tôi sẽ tự xoay xở, ông Ma-sơn à. Ông chỉ cái nhà mò rồi mặc chúng tôi.

Trời tối như mực. Ma -sơn dẫn chúng tôi băng qua cái đồng cỏ tới khi gặp một khối đen lù mù. Đó là một nhà mò rêu phong, ăn sâu xuống đất. Chúng tôi chui qua một cái lỗ toang hoác, trước kia là cái cổng tới một cầu thang thẳng đứng đưa xuống hầm.

Ông ta đánh một que diêm. Cảnh vật được chiếu sáng lờ mờ một cách thê lương, ảm đạm. Tường sập sập được kê thêm bằng những cục đá thô thiển. Những cái hòm bằng đá được xếp về một phía lên tận nóc. Holmes đã thắp chiếc đèn lồng, ánh sáng màu vàng của chiếc đèn tỏa ra trên cảnh tượng tang tóc, phản chiếu cái bảng đồng gắn trên các hòm. Bảng nào cũng đều ghi huy hiệu của dòng họ, dù ở vào cõi chết cũng vẫn còn kiểu cách.

- Ông Ma-sơn, ông có nói về đồng xương, vui lòng chỉ cho chúng tôi.

- Ở góc này đây...

Người huấn luyện ngựa bước tới rồi đứng lại như trời trồng khi ngọn đèn lồng chiếu sáng góc phòng.

- Biến đâu mất rồi?

- Tôi đã đoán trước - Holmes vừa nói, vừa cười - Ta vẫn có thể tìm ra tro ở bếp nấu nước sưởi.

- Diên sao. Ai lại thiêu xương của một xác chết ngàn năm - Ma-sơn thắc mắc.

- Đó là lý do chúng ta xuống đây - Holmes trả lời - Vì sự nghiên cứu của chúng tôi có thể kéo dài, tôi không cần giữ ông lại. Nhưng chúng tôi chắc rằng chúng ta sẽ có giải đáp trước sáng mai.

Khi Ma-sơn đi rồi, Holmes bắt đầu làm việc. Trước tiên anh ấy khám nghiệm rất kỹ các hòm, từ chiếc hòm xưa nhất đến các hòm gần đây nhất. Một giờ sau, anh đến bên chiếc hòm bằng chì ngay cửa vào hầm.

Tôi nghe một tiếng la nhỏ, biểu hiện sự đặc chí của anh. Với kính lúp, anh khám kỹ cái mép của nắp hòm nặng nề. Anh rút trong túi một cái xà-beng nhỏ và nạy nó lên. Nắp được giở lên với tiếng động mạnh, một phần bên trong hòm vừa để lộ thì có sự gián đoạn đột ngột. Tiếng chân bước nhanh và nện mạnh xuống nhà mồ. Một luồng ánh sáng xuống dần cầu thang. Đi trước là một người đàn ông đồ sộ. Người này xuống đứng trước cửa ra vào, thái độ hung tợn. Ánh đèn lồng giơ lên, chiếu sáng khuôn mặt nghiêm nghị, râu ngạnh trê. Ông ta nhìn quanh căn nhà mồ trước khi dừng mắt nhìn chúng tôi một cách ngạc nhiên. ông hét to:

- Mấy người là ai? Vào nhà tôi làm gì?

Holmes không trả lời, ông ta tiến xuống hai bậc cấp, giơ cao cây gậy cầm nơi tay, la lớn:

- Có nghe tôi hỏi không? Các người là ai? Vào đây làm gì!

Rồi ông quơ gậy. Thay vì rút lui để né tránh, Holmes tiến tới trước mặt ông ta:

- Tôi cũng có một câu để hỏi ông, ngài Rô-be à- Holmes nói với giọng quả quyết - Ai đây? Sao bà ấy lại xuống đây?

Holmes quay lại, lật hết cái nắp hòm sau lưng. Nhờ ánh đèn, tôi thấy một xác chết gói

gọn trong tấm vải trắng. Nhà quý tộc bước lui một cách khập khiễng, dựa mình vào chiếc hòm đá.

- Làm sao mấy ông biết được?

Tiếp đó, cái bản chất hung tàn nổi dậy, ông nói tiếp:

- Can dự gì đến mấy ông?

- Tôi là Sherlock Holmes. Cái tên này có lẽ ông đã nghe rồi. Dù gì đi nữa thì nhiệm vụ của tôi cũng như của mọi người công dân tốt, là buộc người khác tuân thủ pháp luật. Theo tôi, ông có nhiều điều phải trả lời trước luật pháp. Ngài Rô-be nhìn Holmes một cách giận dữ, nhưng trước thái độ bình tĩnh của bạn tôi nên sau cùng nhà quý tộc dịu giọng:

- Tôi xin thề trước Chúa, thưa ông Holmes, tôi không có vi phạm pháp luật - ông ta nói - Thoạt nhìn thì là do tôi, tôi nhìn nhận là đúng. Nhưng tôi không thể làm khác hơn.

- Tôi hân hạnh đồng ý với ông. Nhưng theo thiện ý thì các biện bạch của ông nên trình bày với cảnh sát.

Ngài Rô-be vươn vai.

- Vâng. Nếu bắt buộc thì ra cảnh sát vậy. Nhưng kính mời quý ông quá bộ vào nhà và tùy nghi phán xét.

Mười lăm phút sau, chúng tôi có mặt đông đủ ở phòng trưng bày khí giới của lâu đài cổ kính. Ngài Rô-be tạm vắng mặt một chốc. Rồi, ông quay trở lại với hai người đi theo. Người thứ nhất, là thiếu phụ trẻ trên chiếc xe ngựa. Còn người kia là một kẻ lùn tịt, mặt chuột có vẻ lấm lét. Cả hai đều ngạc nhiên vì rõ ràng là nhà quý tộc không có thời gian để giải thích với họ.

Ngài Rô-be giới thiệu với chúng tôi:

- Đây là ông bà Nô-lét. Bà Nô-lét nữ danh là Ê-van, là nữ bồi phòng tin cậy của chị tôi trong những năm qua. Tôi đưa họ tới đây vì họ là hai người hiếm hoi có thể xác nhận những điều tôi nói.

- Có cần thiết lắm không, thưa ngài Rô-be. Ngài có biết rằng ngài đang làm gì không. - Lời đàn bà hỏi lớn.

-Về phần tôi, tôi phủ nhận mọi trách nhiệm - Người chồng nói.

Ngài Rô-be nhìn y một cách miệt thị.

- Tôi nhìn nhận mọi trách nhiệm - ông ta nói - Giờ đây, thưa ông Holmes, hãy nghe lời khai của tôi. Một lời khai rất thành thật. Các ông đã biết khá rõ về công việc làm ăn của tôi. Quý ông đã biết rằng tôi tin tưởng vào cuộc đua quốc gia này. Nếu tôi thắng, thì mọi sự êm ả. Nếu tôi thua... tôi cũng chẳng dám nghĩ đến.

- Tôi hiểu hoàn cảnh của ông!

- Tôi tùy thuộc vào chị tôi. Nhưng chị tôi chỉ được hưởng hoa lợi trên lãnh địa này nếu còn Về phần tôi, tôi đã lọt vào nanh vuốt của bọn Do Thái. Tôi biết rằng ngày nào chị tôi chết, bọn chủ nợ sẽ đổ xô đến như đàn kền kền để xiết đồ đạc. Tất cả sẽ đi tong: chuồng ngựa, ngựa và tất cả. Vậy mà, chị tôi chết cách nay tám ngày.

- Ông không thông báo cho ai cả?

- Thông báo sao được. Sẽ tiêu tan cả. Ngược lại, nếu tôi giấu nhem, tôi có cơ may thoát nạn. Chồng của cô bồi phòng, người này đây sẽ giả làm chị tôi trong thời gian ngắn này. Điều cốt yếu là mỗi ngày tái diễn cái màn bà ấy vẫn đi xe ngựa. Bởi vì ngoài chị bồi phòng, có ai vào phòng bà ấy mà biết sự thực. Bà ấy già cỗi, tàn rụi dần, ai cũng biết thế.

- Chỉ có cảnh sát tư pháp mới kết luận được.

- Y sĩ riêng của bà ấy sẵn lòng xác nhận.

- Tạm nhận như vậy đi. Rồi ông đã làm gì?

- Đương nhiên là xác chết đâu có thể để sinh tại nhà. Ngay đêm đầu, ông Nô-lét và tôi cùng khiêng ra bỏ ở cái nhà dù cũ kỹ luôn đóng kín cửa, không ai ra vào.

Khốn nỗi, con chó tinh khôn cứ bám sát chúng tôi, đứng trước cửa sửa hoai. Tôi phải tống con chó đi và khiêng xác xuống hầm nhà mồ. Tôi xin bảo đảm với ông Holmes rằng tôi chưa hề thất lễ, thất kính với chị tôi. Tôi cảm thấy an tâm trước linh hồn người chết.

- Lối xử sự của ông không thể tha thứ được.

Nhà quý tộc lắc đầu một cách bức dọc.

Làm lễ cầu hồn là dễ thôi. Nếu ông ở hoàn cảnh tôi có lẽ ông sẽ nghĩ khác. Tôi không thể khoanh tay nhìn tất cả hy vọng và dự án của tôi sụp đổ. Tôi vững tin rằng chị tôi sẽ được an nghỉ đài hoàng nếu xác được đặt trong cái hòm của tổ tiên. Chúng tôi khai một cái hòm cũ, lấy xương cốt cũ ra, đặt xác chị tôi vào đó. Nô-lét và tôi đem xương cốt của tổ tiên về lâu đài, đem thiêu dưới bếp nước. Đó là câu chuyện của tôi.

Holmes lặng t một hồi.

- Trong lời tường thuật của ông, có một điểm còn lù mù. Cái đánh cược của ông hay cái hy vọng của ông về tương lai vẫn còn nguyên vẹn, cho dù các chủ nợ có đến tịch biên tài sản?

- Con người cũng sẽ bị tịch biên. Cái đánh cược của tôi có nghĩa lý gì đối với họ? Tôi tin chắc chắn là họ không đem con Hoàng Tử ra dự cuộc đua. Người chủ nợ chính của tôi lại là kẻ thù tệ hại, một thằng ăn cướp tâng tận lương tâm mà tôi đã quất roi da vào mặt nó. Ông phải đồng ý với tôi rằng nó thù tôi đến chết.

- Thôi được, ngài Rô-be - Holmes vừa đứng dậy, vừa nói - Đương nhiên, nội vụ phải được trình báo cho cảnh sát. Tôi phải cho cảnh sát hiểu rõ vấn đề. Tôi đã làm rồi.

- Còn lối xử sự cá nhân của ông có hợp với đạo lý hay không, tôi không có quyền phán đoán. Watson à, đã nửa đêm rồi, chúng ta phải về thôi!

Câu chuyện kỳ quái này lại có một kết cục tươi sáng. Con Hoàng Tử đoạt giải nhất tại cuộc đua quốc gia.

Chủ nó lãnh được 80 ngàn bảng Anh. Các chủ nợ hết lo lắng và ngài Rô-be còn dư tiền để gây dựng lại cuộc đời.

Cảnh sát và tòa án cứu xét một cách khoan dung các hành vi sai trái của ngài. Sau khi bị khiển trách vì khai tử trể cái chết của người chị, nhà quý tộc may mắn kia chắc chắn sẽ kết thúc phần cuối cuộc đời trong danh dự, xứng đáng với tên tuổi của dòng họ.

Hết.

F.12 - The Adventure of the Retired Colourman 1926 (Người bán sơn vẽ hươu)

- Anh có thấy ông ấy không.
- Ông lão mới ra đây à?
- Phải.
- Ông ta là thân chủ của anh?
- Scotland Yard giới thiệu qua. Cảnh sát cảm thấy không thể làm gì hơn.
- Chuyện của ông ta thế nào?

Holmes lấy trên bàn một tấm danh thiếp bản.

- Josiah Amberley. Cổ đông của công ty Brickfall & Amberley, sản xuất hàng mỹ nghệ. Chúng ta thấy tên công ty này nhan nhản trên các hộp sơn. Sau khi đã dành dụm được khá khá, ông ta rũ áo về vườn; lúc đó ông ta 61 tuổi, mua được ngôi nhà tại phố Lewisham. Tương lai có vẻ khá bảo đảm.

- Thế là tốt quá rồi!

Holmes đọc vài lời ghi nguệch ngoạc sau một phong thư.

- Ông ta về hưu năm 1896! Đến năm 1897 ông lấy bà vợ, nhỏ hơn ông 20 tuổi. Bà ấy khá xinh, nếu bức ảnh này đáng tin cậy. Có tiền, có vợ đẹp lại thêm hoàn cảnh thông thả, thật là một lộ trình thênh thang trước mặt. Nhưng chỉ không đầy hai năm sau, ông lão trở thành một kẻ khốn khổ, tàn tạ nhất trong đám khốn nạn dưới ánh sáng mặt trời này.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Một thằng bạn bất nghĩa và một con vợ bất trung. Amberley có một cái ghiền nhất trên đời: đánh cờ. Gần nhà có một bác sĩ trẻ tuổi, tên Ray Ernest cũng mê cờ. Thế rồi, qua lại thường ngày, mối thân tình nảy nở giữa ông bác sĩ và bà Amberley. Tuần trước, đôi gian phu dâm phụ đã cao bay xa chạy. Đâu đón là chúng ôm theo cái két tiền dành dụm của ông lão. Chúng ta có thể tìm ra người phụ nữ ấy và lấy lại số tiền hay không?

- Anh sẽ làm gì?

- Anh Watson, bây giờ, chính anh sẽ làm. Anh đã biết tôi đang bận vụ hai ông mục sư, đâu có thời giờ đến Lewisham. Anh sẽ đến đó với tư cách là người đại diện của tôi.

- Thôi được! Dẫu gì thì hiện tại tôi cũng rảnh rồi

Thế là tôi đến Lewisham trong một chuyến đi nhẹ nhàng. Nhưng tôi không ngờ, không đầy một tuần, vụ án này gây một chấn động lớn trên toàn nước Anh.

Khi tôi trở lại phố Baker thì đã quá khuya. Holmes còn ngồi trên ghế bành, mắt lim dim nhìn khói thuốc nhõn nhơ bay lên trần nhà. Có lúc tôi tưởng Holmes đã ngủ trong lúc tôi báo cáo nếu tôi không ngừng để lấy hơi, hoặc lúc lời tường thuật thiếu một vài chi tiết chính xác: bấy giờ mắt Holmes mở to, sáng quắc nhìn tôi.

- Ông Josiah Amberley đặt tên cho căn nhà của ông ta là "Haven". Người ta có thể nói rằng ông lão là một quý tộc khánh kiệt về sống chung đưng với giai tầng hạ lưu. Giữa khu đặc biệt này với những đường phố đơn điệu, những nhà gạch khiêm nhường lại trỗi lên một ốc đảo của lối kiến trúc cổ, đầy đủ tiện nghi hiện đại: đó là một ngôi nhà cổ kính, bao bọc bởi một bức tường rêu...

- Cắt bỏ khúc văn chương lãng mạn đó đi, Watson! - Holmes nghiêm giọng ngắt lời - Tôi cần biết đơn giản: tường gạch, cao...

- Vâng. Tôi không bao giờ biết đó là "Haven" nếu không dò hỏi một người lang thang ngoài đường. Tôi phải để ý đến thằng cha này vì người cao, da nâu, có râu ngạnh trê, thái độ ngênh ngang và có vẻ lính lăm. Hắn nhìn tôi một cách tò mò khi trả lời tôi. Vừa qua cổng, tôi đã thấy ông Amberley từ nhà bước ra. Hồi sáng, tôi chỉ mới thoáng thấy ông ta thôi, bây giờ gặp lại, mới nhận rõ ông ta là một con người bất bình thường.

- Đương nhiên, tôi đã biết rồi! - Holmes nói - Nhưng cảm tưởng cá nhân của anh cũng cần cho tôi.

- Ông ta ưu tư cùng cực, nhưng không bệ rạc như ta tưởng: hai vai vẫn lực lưỡng như một người khổng lồ, tuy dáng đi có vẻ nghiêng ngả.

- Chiếc giày trái bị nứt, chiếc giày phải còn bóng.

- Tôi không để ý đến điểm này.

- Chân giả mà! Nhưng thôi, tiếp tục đi Watson.

- Tôi lưu ý đặc biệt đến các lọn tóc bạc bấn thiu dưới chiếc mũ rơm và đặc biệt đến diện mạo của ông ta, những nét lõm sâu, sắc mặt dờ ợt.

- Hay lắm, Watson! Ông lão đã nói gì với anh?

- Ông ta kể lể nổi lòng khi cùng tôi đi dạo ngoài vườn. Chưa bao giờ tôi gặp một khu vườn lồi thối như thế. Cỏ mọc tứ tung, hoa dại tự do phát triển. Tôi tự hỏi một người đàn bà đáng hoàng làm sao chịu đựng nổi cảnh này. Ông lão hình như đã ý thức được điều này và muốn sửa chữa, ở cửa chính có một lọ sơn to tởm bố và ông đang cầm cọ sơn các nẹp gỗ. Ông ta đưa tôi vào phòng khách mới dọn dẹp và chúng tôi hàn huyên rất lâu.

“Tôi đâu dám hy vọng rằng.. một người như tôi thì làm sao được ông Sherlock Holmes đích thân giúp”, ông ta nói.

“Nhưng ông phải hiểu rằng, đối với Sherlock Holmes, tiền bạc không thành vấn đề”, tôi đáp.

“Tất nhiên, ông Sherlock Holmes chỉ làm việc vì tính nghệ thuật. Nhưng ông ta cũng sẽ tìm thấy trong vụ này một điều gì đó để nghiên cứu. Thưa bác sĩ Watson, đó là một sự bội bạc cùng cực! Tôi có bao giờ từ chối điều gì với cô ấy? Có người đàn bà nào được nuông chiều đến thế. Còn thằng bác sĩ trẻ tuổi. Nó đáng tuổi con tôi. Thế mà, họ đối xử với tôi như thế đấy! Bác sĩ ơi! Cuộc đời này quá tàn nhẫn”.

Ông ta lải nhải như vậy suốt một giờ. Theo tôi, ông ta không nghi ngờ gì về tình yêu vùng trộm của bà vợ.

Hôm đó, muốn lấy lòng vợ, ông lão mua hai vé thượng hạng tại rạp Haymarker. Vào phút chót, bà ta viện cớ nhức đầu, không đi được, ông phải đi một mình, ông ta có cho tôi xem cái vé chưa xé.

- Hay lắm! - Holmes đáp - Hãy nói tiếp đi! Hấp dẫn đấy! Anh có xem cái vé không? Có ghi số ghế không?

- Có chứ! - Tôi đáp với chút hãnh diện - Đó là số 31, trùng với số thứ tự của tôi trong danh sách học sinh thời trung học nên rất dễ nhớ.

- Hoan hô, Watson. Như vậy số ghế kia là 30 hay 32.

- Đúng thế! - Tôi đáp một cách mĩa mai - Vào dãy B.

- Ngoài ra, ông ta còn nói gì khác không?

- Ông ta có cho tôi xem cái căn phòng kiên cố của ông. Thực vậy, nó kiên cố như một ngân hàng, các cửa lớn, cửa sổ đều bằng sắt. Nhưng bà ta dùng chìa khóa giả cuôm khoảng 7.000 bảng tiền mặt và chứng khoán.

- Chứng khoán? Họ lấy để làm gì?

- Ông ta hy vọng là chúng sẽ vô dụng vì ông đã báo cho cảnh sát, ông ta đi xem hát về khoảng 1 giờ đêm. Cửa lớn, cửa nhỏ đều mở toang hoang, bọn trộm thì biệt tăm.

Holmes suy ngẫm vài phút.

- Anh nói ông ta đang sơn! Sơn gì vậy?

- Sơn lại hành lang và đã sơn xong cửa lớn cùng các nẹp cửa của văn phòng kiên cố đó.

- Theo anh, thì việc làm này có kỳ cục không? Nhất là trong tình huống này!

- Ông ta giải thích “Phải làm một việc gì để giải khuây”. Quả là quái dị, nhưng tính tình lập dị là gốc của ông ta mà! Ông ta có xé một bức ảnh của vợ trước mặt tôi với vẻ dữ dằn và bảo “Tôi không bao giờ muốn gặp cái mặt đáng nguyên rủa này nữa”.

- Hết rồi à, Watson.

- Còn khi lên ga Blackheath, tôi thấy một người đàn ông hói hỏ leo lên toa gần toa tôi. Đó là một người cao ráo, da nâu mà tôi đã hỏi thăm đường. Tôi lại gặp hắn tại London Bridge và sau đó hắn mất hút trong đám đông. Chắc là hắn theo dõi tôi.

- Có thể lắm! - Holmes đồng ý - Anh nói một người cao, da nâu, râu ngạnh tre, đeo kính râm, nghênh ngang, phải không?

- Holmes, anh quả là phù thủy. Tôi đâu có nêu chi tiết kính râm mà anh biết?

- Còn cái kẹp cà-vạt của hội Tam điểm nữa!

- Ủa?

- Thật ra tất cả những gì đập vào mắt anh cũng lời cuốn sự chú ý của tôi. Nhưng anh đã bỏ qua những cái quan trọng.

- Tôi bỏ qua cái gì?

- Anh bạn đừng buồn. Không ai giỏi hơn anh đâu. Nhưng anh đã bỏ những chi tiết thiết yếu. Người láng giềng nghĩ sao về lão Amberley và bà vợ? Về bác sĩ Ernest? Anh có hỏi thăm cô nhân viên bưu điện, vợ ông chủ tiệm tạp hóa gần đó không?

- Đúng là tôi đã không làm điều đó.

- Tôi nắm được vài điều thiết yếu. Tin tức thu lượm xác nhận lý lịch của ông lão. Ông ấy nổi tiếng là một người hà tiện, một người chồng thô bạo, khó tính. Chắc chắn ông ta có một số tiền lớn trong phòng kiên cố. Cũng đúng với sự thực là ông bác sĩ có chơi cờ

với Amberley và chơi thân với vợ ông ta. Toàn chuyện thế đó, trơn tru, nhưng... nhưng...

- Anh còn thấy gì nữa?

- Trí tôi đang làm việc... ừ... Thôi tạm ngừng, Watson à. Tối nay chúng ta hãy đi nghe nhạc.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm. Trên bàn đã có sẵn một tờ giấy v nguệch ngoạc: “Watson thân mến! Có một vài điểm tôi cần bàn lại với ông lão Josiah Amberley. Tôi mong anh rảnh lúc 15 giờ vì tôi cần anh vào giờ đó! S.H.”

Tới giờ hẹn, tôi mới gặp lại Holmes. Anh ta về nhà với vẻ mặt nghiêm nghị, ưu tư.

- Ông Amberley có đến không?

- Không.

- Vậy mà tôi đợi ông ta.

Một chập sau, ông già đó tới với vẻ mặt khắc khổ, mệt lả và bối rối.

- Tôi nhận được một điện tín, ông Holmes à. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Ông ta đưa cho Holmes xem.

Holmes đọc lớn:

“Tới ngay, đừng chậm trễ. Tôi có thể cho tin về sự mất mát mới đây của ông.

Elman, nhà thờ chánh xứ”.

- Điện tín đánh đi từ Little Purlington; lúc 14 giờ 10. Little Purlington thuộc quận Essex, hình như gần Frinton. Amberley, ông phải đi ngay. Cuốn danh mục của tôi đâu rồi? Đây, có rồi! J.C. Elman, cao học, ngụ tại Mossmoor, thuộc Little Purlington... này, Watson, xem giùm lịch trình xe lửa.

- Có một chuyến lúc 17 giờ khởi hành từ ga Liverpool.

- Tốt Watson nên đi theo ông. Có thể ông cần người giúp đỡ.

Nhưng ông già có vẻ không muốn lên đường, ông ta nói:

- Thật là phi lý, ông Holmes à. Người đó làm sao biết được tai họa của tôi? Ai lại tốn thì giờ và tiền bạc một cách vô lối như thế!

- Nếu không có tin mới lạ, ông ấy đánh điện cho ông liên hồi âm cho biết.

- Ông sẽ lên đường ngay?

- Chưa chắc tôi đi đâu - Holmes ra vẻ nghiêm khắc: - Ông sẽ làm cho cảnh sát và tôi có cảm tưởng không hay về ông, ông Amberley. Đã có một lối mòn rõ ràng mà ông từ chối lần theo. Chúng tôi nghĩ rằng ông không muốn cuộc điều tra kết thúc chẳng?

Amberley tỏ vẻ hoảng sợ:

-Ồ, đương nhiên phải đi. Thoạt nhìn thì khó tin một linh mục lại biết chuyện này nọ, nhưng nếu ông cho là...

- Tôi cho là như vậy! - Holmes trịnh trọng cắt ngang. Rồi anh kéo tôi qua một bên và căn dặn.

- Điều cần yếu là ông ta phải lên đường! - Holmes thì thầm với tôi - Nếu ông ta muốn trốn hoặc bỏ về thì anh chạy ngay tới bưu cục gần nhất gửi gọn cho tôi 2 chữ "vọt rồi". Tôi sẽ thu xếp cho ông ta phải tìm tôi.

Little Purlington nằm trên một đường phụ nên không phải là chỗ dễ đến. Trời đẹp, ấm, xe lửa chạy rề rề. Bạn đồng hành của tôi không nói năng, chỉ thỉnh thoảng chua cay nhận xét chuyến đi ngu xuẩn. Chúng tôi lại phải thuê xe ngựa tới nhà linh mục chánh xứ, cách ga 2 dặm. Chúng tôi được một tu sĩ bề vệ và trịnh trọng đón tiếp. Bức điện hồi âm của chúng tôi còn để trên bàn.

- Thưa quý ông! - ông ta hỏi - Chúng tôi có thể làm gì để giúp quý ông?

Tôi giải thích :

- Chúng tôi đến theo lời mời của bức điện của linh mục!

- Bức điện của tôi? Tôi đâu có đánh điện cho quý ông?

- Tôi muốn nói bức điện linh mục gửi cho ông Josiah Amberley về việc người vợ và tiền của ông ta.

- Đây là một trò đùa khiếm nhã. Tôi không bao giờ nghe đến tên anh chàng đó và tôi không hề đánh điện tin cho ai cả

Chúng tôi nhìn nhau một cách ngạc nhiên:

- Có thể có sự lầm lẫn! - Tôi nói - Có thể nào ở đây có hai nhà thờ chánh xứ không? Thưa linh mục, đây là bức điện mà chúng tôi nhận được, người ký tên là Elma.

- Chỉ có một nhà chánh xứ và một linh mục chánh xứ duy nhất. Bức điện này là một sự

giả mạo đáng tởm, tôi sẽ kiện ra cảnh sát.

Ông lão Amberley và tôi trở lại con đường chính của làng, có lẽ đó là con đường cổ nhất của Anh quốc. Chúng tôi tới bưu cục nhưng đã đóng cửa. Nhờ điện thoại trong quán nhỏ trước ga, tôi liên lạc được với Holmes.

- Kỳ quá - Tiếng nói từ xa xói dội vào tai tôi - Cực kỳ lý thú! Watson thân mến, tối nay không có xe lửa, vô tình tôi đẩy anh vào một quán trọ đồng quê. Nhưng anh có thiên nhiên và Amberley thì cũng được rồi.

Tôi nghe tiếng Holmes cười và gác máy. Qua chuyến đi này, tôi thấy rằng lời đồn ông lão này hà tiện quả không ngoa. Ông ta cần nhằn về các khoản chi phí cho chuyến đi, lại còn kể về chi phí quán trọ. Khi về tới London, tôi nói với ông ta:

- Chúng ta nên ghé qua phố Baker, Holmes có cần hỏi ta điều gì thêm không?

- Nếu đó là những chỉ thị cuối cùng thì tôi thấy cũng chẳng ích lợi gì! - Amberley vừa nói vừa cười chế nhạo.

Tuy vậy, ông ta vẫn đi theo tôi. Tôi đã đánh điện báo cho Holmes giờ về, nhưng tôi lại nhận được hồi âm: "Anh hãy đợi tôi tại Lewisham".

Tôi như bị rơi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Tại phòng khách của nhà ông Amberley lại có thêm một người đàn ông với khuôn mặt nghiêm trọng, lạnh nhạt ngời cạnh. Ông ta mang kính râm và cà-vạt mang kẹp của hội Tam điểm.

- Tôi xin giới thiệu ông Barker. - Holmes nói - ông Josiah Amberley à, ông ta cũng quan tâm đến công việc của ông. Chúng tôi tuy hoạt động riêng rẽ nhưng cùng muốn hỏi ông một điều.

Ông lão ngồi xuống một cách nặng nề, cảm thấy một nguy hiểm gần kề.

- Điều gì vậy, ông Holmes?

- Chỉ điều này thôi, ông đã vứt mấy cái xác chết đi đâu?

Lão ta nhảy dựng và la lên. Hai bàn tay xương xẩu huơ huơ trong không trung, miệng há hốc. Trong một thoáng, chúng tôi thấy rõ chân tướng của Josiah Amberley. Khi ngồi lại xuống ghế, ông ta lấy tay che miệng như muốn chặn đứng một cơn ho. Holmes đột nhiên nhảy lên như con cọp, nắm cổ họng ông ta, đè cổ, chân cho đến lúc mặt ông ta chạm sàn nhà. Một viên thuốc màu trắng từ miệng ông ta lọt ra.

- Không có chuyện ấy được, ông Josiah Amberley à! Sự việc phải theo tiến trình tự nhiên và đều đặn. Sao, Barker?

- Một xe ngựa đang chờ ngoài cổng! – Barker trả lời.

- Chúng ta cách bót cảnh sát chỉ vài trăm yard thôi. Tôi đi theo ông ra đó. Còn Watson, anh ở lại đây, nửa giờ sau tôi trở lại.

Một lát sau Holmes quay lại với một thanh tra trẻ.

- Tôi để cho Barker lo làm thủ tục. Watson, anh chưa biết ông Barker. Đó là một đồng nghiệp tài danh của tôi ở duyên hải Surrey. Khi anh nói về một người da nâu, cao ráo, tôi đã biết ngay là ai rồi. Ông ấy có nhiều thành tích đẹp, phải không, ông thanh tra?

- Ông ấy đã góp phần vào nhiều vụ. - Viên thanh tra trả lời dè dặt.

- Đúng, các phương pháp của ông ta không chính quy. Cách làm việc của tôi cũng tương tự. Nhưng, đôi khi bọn này cũng hữu dụng đấy chứ? Ông thì muốn phải báo cho lão biết theo nghi thức, nhưng với thằng ăn cướp đó thì làm gì được một lời đầu thú?

- Có lẽ là không. Nhưng sau cùng cũng đạt mục đích. Ông vui lòng cảm thông với chúng tôi.

- Tôi sẽ không dành ông đâu, ông MacKnon à. Tôi đoán chắc với ông rằng tôi xin rút lui, ông Barker cũng chỉ làm theo chỉ thị của tôi thôi.

Viên thanh tra cảnh sát có vẻ nhẹ nhõm.

- Ông quả là hào phóng, ông Holmes. Có lẽ lời khen hay chê đối với ông không quan trọng. Nhưng đối với chúng tôi thì khác hẳn, khi mà báo chí bắt đầu tung tin ra.

- Đồng ý. Báo chí cũng sẽ phỏng vấn, ta nên chuẩn bị các lời đáp. Ông sẽ nói gì khi họ hỏi cái mấu chốt nào khiến ông ngờ vực và cuối cùng ông đã đề ra được một giả thiết.

Viên thanh tra lúng túng:

- Hình như chúng ta chưa nắm chi tiết cụ thể, ông nói rằng trước mặt ba nhân chứng, tội phạm gần như đã thú nhận, qua việc mưu toan tự sát sau khi đã giết đôi gian phu dâm phụ.

- Ông có những sự kiện nào khác? Ông có dự trù một sự lục soát chưa?

- Ba cảnh sát viên đang trên đường đi tới hiện trường.

- Như vậy thì không bao lâu nữa, ông sẽ có mọi chứng cứ. Các xác chết có thể được chôn quanh quần đầu đó. Hãy lục dưới hầm rượu, ngoài vườn. Nhà này cổ lỗ quá, có thể được xây trước khi có nước máy. Thành ra xem đâu đó có cái giếng bỏ hoang. Hãy thử thời vận về các hướng đó!

- Nhưng làm sao ông đoán được cái cách mà tội ác đã được diễn ra?

- Trước hết, xin nói với ông về lão già Amberley này. Một kẻ quái đản đến nỗi tôi cho rằng nên cho lão vào nhà thương điên hơn là đưa đi chém. Lão là một tên hà tiện kinh khủng. Cái nhỏ nhen của lão đã biến vợ lão thành miếng mồi ngon cho bất kỳ một tên sở Khanh nào; và viên thầy thuốc mê cò đến đúng lúc. Amberley đánh cò có hạng, nên lão có một trí thông minh đủ sức nghĩ ra các mưu mô khủng khiếp. Giống như các lão già hà tiện khác, lão ghen dữ dội. Khi lão già ngờ có một mối tình bất chính, lão quyết định phục thù và lập một kế hoạch cực kỳ quỷ quyệt. Hãy đi theo tôi !Holmes đưa chúng tôi vào hành lang. Anh đi quen thuộc như người trong nhà rồi ngừng trước chiếc cửa mở toang của căn phòng kiên cố.

- Trời ơi! Mùi sơn khó chịu quá! - Viên thanh tra nói lớn.

- Ông vừa gặp cái nút đầu tiên! - Holmes nói - Ông có thể cảm ơn bác sĩ Watson là người đã để ý đến cái mùi này. Tại sao trong lúc gia đình rối ren mà hấn lại cho tỏa cái mùi nồng nặc này? Dĩ nhiên là để khóa lấp một mùi khác, mùi tội lỗi, một mùi gợi sự ngờ vực. Rồi tôi suy nghĩ về căn phòng này. Một căn phòng không ai khác vào được. Tôi chỉ giải đáp sau khi thân hành khám nghiệm căn phòng. Sở dĩ tôi cho rằng vụ này rất nghiêm trọng vì tôi đã hỏi thăm rạp hát Haymarket và biết chắc chắn số 30 và 32 của dãy B thượng hạng không có ai ngồi đêm đó cả.

Như vậy Amberley đâu có đi xem hát. Lão đã ngu dại lộ cho anh bạn Watson biết số ghế của vé còn lại. Vấn đề là làm sao chui vào nhà của lão. Tôi đã sai một nhân viên khác đi thám hiểm. Tôi đã nhờ bác sĩ Watson dẫn ông ta đi xa qua đêm. Tên của ông linh mục chánh xứ thì chỉ lục trong danh mục nhà thờ. Rõ ràng, mình bạch chưa nào?

- Tuyệt vời! - Viên thanh tra nói.

- Không ngại gì nữa, tôi phá cửa mà vào nhà. Tôi khoái cái màn đào ngạch lăm, nhưng thỉnh thoảng mới làm một lần. Hãy quan sát những gì tôi phát hiện được.

Ông thấy cái ống dẫn khí đốt chạy dọc theo nẹp gỗ, ống này chạy vào phòng, đến cái hoa hồng giữa trần nhà. Bất cứ lúc nào, mở khóa thì phòng bị ngập khí đốt vì đầu ống trên trần không đậy nắp. Cửa lớn, cửa nhỏ mà đóng kín lại thì chỉ cần hai phút là đủ giết bất cứ ai ở trong phòng này. Do quỷ kế nào mà đôi tình nhân bị dụ vào đó thì tôi không rõ.

Viên thanh tra lò dò khám nghiệm ống ga một cách thích thú.

- Một nhân viên của chúng tôi có ghi nhận mùi ga. - ông ta nói. - Nhưng lúc ấy cửa đã mở toang và việc quét sơn đã bắt đầu rồi. Theo lão già thì công việc bắt đầu từ hôm trước. Còn gì nữa, ông Holmes?

- Có một sự kiện bất ngờ. Rạng sáng, tôi chui cửa sổ nhà bếp ra thì bị một người chặn lại hỏi: “Này, anh chàng kia, anh tới đây làm gì?”. Khi quay lại, tôi nhận ra đôi kính râm của Barker, người bạn đồng nghiệp của tôi. Chúng tôi cười sặc sụa. Tôi nghĩ rằng ông ta được gia đình bác sĩ Ray Ernest thuê và trong lúc dò la đã đi đến kết luận y hệt. Ông ta canh ngôi nhà này đã mấy ngày, lầm tưởng bác sĩ Watson là tông phạm. Nghi ngờ, nhưng không có cơ để hỏi han; còn gặp tôi nhảy cửa sổ thì thộp ngay. Tôi thông báo các phát hiện của tôi và hai chúng tôi hợp tác để sớm hoàn tất nội vụ.

- Tại sao không hợp tác với chúng tôi?

- Tại vì tôi muốn làm cái thí nghiệm nhỏ nhoi. Quý vị đâu chịu đi “ngoài lề” như tôi!

Viên thanh tra cười mỉm.

- Chúng tôi đâu dám từ chối ông. Chúng tôi xin tất cả các kết quả. Và xin cảm ơn ông nhiều.

- Đương nhiên! Thói quen của tôi mà!

- Thưa ông Holmes, nội vụ cho ông trình bày là sáng tỏ rồi, chỉ còn phải tìm cho ra các xác chết.

- Tôi sẽ chỉ cho ông một chút bằng chứng - Holmes nói tiếp - Tôi chắc chắn rằng cả lão Amberley cũng chưa thấy. Ông thanh tra à, ông sẽ thu lượm được kết quả nếu ông “suy bụng ta, ra bụng người”, ông sẽ làm gì nếu ông lọt vào tình huống tương tự như cặp nạn nhân kia? Ông chỉ còn hai phút để sống và để phục hận cái người đang chế nhạo ông ở ngoài cửa? Ông sẽ làm gì?

- Viết một mẫu tin nhỏ.

- Đúng. Ông muốn rằng công chúng hay biết ông đã bị chết, ông hãy để ý những gì đã được viết trên tường. Nhìn kia! “Chúng tôi đã...”. Chỉ bấy nhiêu thôi!

- Ông nghĩ gì về lời ghi này.

- Anh chàng đã nằm sóng soài, cách sàn nhà cả bộ, thoi thóp khi viết. Chưa hoàn tất thì đã tắt hơi!

- Anh ta muốn viết: “Chúng tôi đã bị ám sát”

- Tôi cũng hiểu như ông. Nếu mình tìm ra một cây viết chì đổ ở các xác chết thì chúng ta càng rõ hơn.

-Ồ, chúng tôi sẽ lục lạo cho tới kỳ cùng. Còn các chứng khoán? Đâu có bị mất cắp. Nhưng ông ta có chứng khoán đấy! Chúng tôi kiểm tra rồi.

- Tôi đoán chẵn với ông, lão già giấu chúng nơi an toàn rồi. Khi mọi sự rơi vào quên lãng, lão sẽ đột ngột tìm ra và nói láo rằng đôi gian phu dâm phụ vì ăn năn đã gửi trả.

- Ông có lời giải đáp cho mọi thắc mắc. - Viên thanh tra nói - Đương nhiên lão sẽ khai báo với chúng tôi. Nhưng, tôi thắc mắc tại sao lão lại nhờ đến ông?

- Vì tự kiêu vụn vặt! - Holmes đáp - Lão tự cho là mình khôn ngoan, không ai vượt được trí lão. Lão có thể khoác lác với hàng xóm rằng, lão đã ra tới cảnh sát thám tử đủ cả.

Viên thanh tra cười to tiếng.

- Quả thật ông là một kỳ tài!

Hai hôm sau, Holmes đưa cho tôi tờ báo North Surrey Observer . Những tít nóng bỏng, khởi đầu là “Sự kinh hoàng tại biệt thự “Haven” và kết thúc bằng “Một thành công rực rỡ của cảnh sát”. Một cột dài chữ lí nhí kể lại các sự kiện theo thứ tự thời gian. Và đoạn chót: “Sự bén nhạy tuyệt vời giúp thanh tra phân biệt mùi nước sơn với một mùi khác, mùi khí thấp chẳng hạn. Sự bạo dạn suy đoán rằng cái phòng kiên cố cũng có thể là phòng tử thần. Cuộc điều tra sau đó đưa tới việc tìm ra xác chết trong một cái giếng bỏ hoang được che lấp dưới một cái nhà kho. Tất cả các điểm đó giúp minh họa trí thông minh tuyệt vời của các thám tử chuyên nghiệp”.

- Tốt, Tốt, MacKinnon là người bạn tốt, - Holmes nói với nụ cười khoan dung – Anh có thể sắp xếp vụ này vào nó trong những hồ sơ lưu trữ được rồi đây, Watson à. - Anh có thấy ông ấy không.

- Ông lão mới ra đây à?

- Phải.

- Ông ta là thân chủ của anh?

- Scotland Yard giới thiệu qua. Cảnh sát cảm thấy không thể làm gì hơn.

- Chuyện của ông ta thế nào?

Holmes lấy trên bàn một tấm danh thiếp bần.

- Josiah Amberley. Cổ đông của công ty Brickfall & Amberley, sản xuất hàng mỹ nghệ. Chúng ta thấy tên công ty này nhan nhản trên các hộp sơn. Sau khi đã dành dụm được kha khá, ông ta rũ áo về vườn; lúc đó ông ta 61 tuổi, mua được ngôi nhà tại phố Lewisham. Tương lai có vẻ khá bảo đảm.

- Thế là tốt quá rồi!

Holmes đọc vài lời ghi nguệch ngoạc sau một phong thư.

- Ông ta về hưu năm 1896! Đến năm 1897 ông lấy bà vợ, nhỏ hơn ông 20 tuổi. Bà ấy khá xinh, nếu bức ảnh này đáng tin cậy. Có tiền, có vợ đẹp lại thêm hoàn cảnh thông thả, thật là một lộ trình thênh thang trước mặt. Nhưng chỉ không đầy hai năm sau, ông lão trở thành một kẻ khốn khổ, tàn tệ nhất trong đám khốn nạn dưới ánh sáng mặt trời này.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Một thằng bạn bất nghĩa và một con vợ bất trung. Amberley có một cái ghiền nhất trên đời: đánh cờ. Gần nhà có một bác sĩ trẻ tuổi, tên Ray Ernest cũng mê cờ. Thế rồi, qua lại thường ngày, mối thân tình nảy nở giữa ông bác sĩ và bà Amberley. Tuần trước, đôi gian phu dâm phụ đã cao bay xa chạy. Đau đớn là chúng ôm theo cái két tiền dành dụm của ông lão. Chúng ta có thể tìm ra người phụ nữ ấy và lấy lại số tiền hay không?

- Anh sẽ làm gì?

- Anh Watson, bây giờ, chính anh sẽ làm. Anh đã biết tôi đang bận vụ hai ông mục sư, đâu có thời giờ đến Lewisham. Anh sẽ đến đó với tư cách là người đại diện của tôi.

- Thôi được! Dẫu gì thì hiện tại tôi cũng rảnh rồi

Thế là tôi đến Lewisham trong một chuyến đi nhẹ nhàng. Nhưng tôi không ngờ, không đầy một tuần, vụ án này gây một chấn động lớn trên toàn nước Anh.

Khi tôi trở lại phố Baker thì đã quá khuya. Holmes còn ngồi trên ghế bành, mắt lim dim nhìn khói thuốc nhờn nhơ bay lên trần nhà. Có lúc tôi tưởng Holmes đã ngủ trong lúc tôi báo cáo nếu tôi không ngừng để lấy hơi, hoặc lúc lời tường thuật thiếu một vài chi tiết chính xác: bây giờ mắt Holmes mở to, sáng quắc nhìn tôi.

- Ông Josiah Amberley đặt tên cho căn nhà của ông ta là "Haven". Người ta có thể nói rằng ông lão là một quý tộc khánh kiệt về sống chung đụng với giai tầng hạ lưu. Giữa khu đặc biệt này với những đường phố đơn điệu, những nhà gạch khiêm nhường lại trỗi lên một ốc đảo của lối kiến trúc cổ, đầy đủ tiện nghi hiện đại: đó là một ngôi nhà cổ kính, bao bọc bởi một bức tường rêu...

- Cắt bỏ khúc văn chương lãng mạn đó đi, Watson! - Holmes nghiêm giọng ngắt lời - Tôi cần biết đơn giản: tường gạch, cao...

- Vâng. Tôi không bao giờ biết đó là "Haven" nếu không dò hỏi một người lang thang ngoài đường. Tôi phải để ý đến thằng cha này vì người cao, da nâu, có râu ngạnh tre, thái độ nghênh ngang và có vẻ lính lăm. Hắn nhìn tôi một cách tò mò khi trả lời tôi. Vừa

qua cổng, tôi đã thấy ông Amberley từ nhà bước ra. Hồi sáng, tôi chỉ mới thoáng thấy ông ta thôi, bây giờ gặp lại, mới nhận rõ ông ta là một con người bất bình thường.

- Đương nhiên, tôi đã biết rồi! - Holmes nói - Nhưng cảm tưởng cá nhân của anh cũng cần cho tôi.

- Ông ta ưu tư cùng cực, nhưng không bệ rạc như ta tưởng: hai vai vẫn lực lưỡng như một người khổng lồ, tuy dáng đi có vẻ nghiêng ngả.

- Chiếc giày trái bị nhẵn, chiếc giày phải còn bóng.

- Tôi không để ý đến điểm này.

- Chân giả mà! Nhưng thôi, tiếp tục đi Watson.

- Tôi lưu ý đặc biệt đến các lọn tóc bạc bắn thiu dưới chiếc mũ rơm và đặc biệt đến diện mạo của ông ta, những nét lõm sâu, sắc mặt dữ tợn.

- Hay lắm, Watson! Ông lão đã nói gì với anh?

- Ông ta kể lể nổi lòng khi cùng tôi đi dạo ngoài vườn. Chưa bao giờ tôi gặp một khu vườn lồi thoi như thế. Cỏ mọc tứ tung, hoa dại tự do phát triển. Tôi tự hỏi một người đàn bà đáng hoàng làm sao chịu đựng nổi cảnh này. Ông lão hình như đã ý thức được điều này và muốn sửa chữa, ở cửa chính có một lọ sơn to tở bố và ông đang cầm cọ sơn các nẹp gỗ. Ông ta đưa tôi vào phòng khách mới dọn dẹp và chúng tôi hàn huyên rất lâu.

“Tôi đâu dám hy vọng rằng.. một người như tôi thì làm sao được ông Sherlock Holmes đích thân giúp”, ông ta nói.

“Nhưng ông phải hiểu rằng, đối với Sherlock Holmes, tiền bạc không thành vấn đề”, tôi đáp.

“Tất nhiên, ông Sherlock Holmes chỉ làm việc vì tính nghệ thuật. Nhưng ông ta cũng sẽ tìm thấy trong vụ này một điều gì đó để nghiên cứu. Thưa bác sĩ Watson, đó là một sự bội bạc cùng cực! Tôi có bao giờ từ chối điều gì với cô ấy? Có người đàn bà nào được nuông chiều đến thế. Còn thằng bác sĩ trẻ tuổi. Nó đáng tuổi con tôi. Thế mà, họ đối xử với tôi như thế đấy! Bác sĩ ơi! Cuộc đời này quá tàn nhẫn”.

Ông ta lải nhải như vậy suốt một giờ. Theo tôi, ông ta không nghi ngờ gì về tình yêu vụng trộm của bà vợ.

Hôm đó, muốn lấy lòng vợ, ông lão mua hai vé thượng hạng tại rạp Haymarker. Vào phút chót, bà ta viện cớ nhức đầu, không đi được, ông phải đi một mình, ông ta có cho tôi xem cái vé chưa xé.

- Hay lắm! - Holmes đáp - Hãy nói tiếp đi! Hấp dẫn đấy! Anh có xem cái vé không? Có ghi số ghế không?

- Có chứ! - Tôi đáp với chút hãnh diện - Đó là số 31, trùng với số thứ tự của tôi trong danh sách học sinh thời trung học nên rất dễ nhớ.

- Hoan hô, Watson. Như vậy số ghế kia là 30 hay 32.

- Đúng thế! - Tôi đáp một cách mỉa mai - Vào dãy B.

- Ngoài ra, ông ta còn nói gì khác không?

- Ông ta có cho tôi xem cái căn phòng kiên cố của ông. Thực vậy, nó kiên cố như một ngân hàng, các cửa lớn, cửa sổ đều bằng sắt. Nhưng bà ta dùng chìa khóa giả cuôm khoảng 7.000 bảng tiền mặt và chứng khoán.

- Chứng khoán? Họ lấy để làm gì?

- Ông ta hy vọng là chúng sẽ vô dụng vì ông đã báo cho cảnh sát, ông ta đi xem hát về khoảng 1 giờ đêm. Cửa lớn, cửa nhỏ đều mở toang hoang, bọn trộm thì biệt tăm.

Holmes suy ngẫm vài phút.

- Anh nói ông ta đang sơn! Sơn gì vậy?

- Sơn lại hành lang và đã sơn xong cửa lớn cùng các nẹp cửa của văn phòng kiên cố đó.

- Theo anh, thì việc làm này có kỳ cục không? Nhất là trong tình huống này!

- Ông ta giải thích “Phải làm một việc gì để giải khuây”. Quả là quái dị, nhưng tính tình lập dị là gốc của ông ta mà! Ông ta có xé một bức ảnh của vợ trước mặt tôi với vẻ dữ dằn và bảo “Tôi không bao giờ muốn gặp cái mặt đáng nguyên rủa này nữa”.

- Hết rồi à, Watson.

- Còn khi lên ga Blackheath, tôi thấy một người đàn ông hói hỏ leo lên toa gần toa tôi. Đó là một người cao ráo, da nâu mà tôi đã hỏi thăm đường. Tôi lại gặp hắn tại London Bridge và sau đó hắn mất hút trong đám đông. Chắc là hắn theo dõi tôi.

- Có thể lắm! - Holmes đồng ý - Anh nói một người cao, da nâu, râu ngạnh tre, đeo kính râm, nghênh ngang, phải không?

- Holmes, anh quả là phù thủy. Tôi đâu có nêu chi tiết kính râm mà anh biết?

- Còn cái kẹp cà-vạt của hội Tam điểm nữa!

- Ủa?

- Thật ra tất cả những gì đập vào mắt anh cũng lôi cuốn sự chú ý của tôi. Nhưng anh đã bỏ qua những cái quan trọng.

- Tôi bỏ qua cái gì?

- Anh bạn đừng buồn. Không ai giỏi hơn anh đâu. Nhưng anh đã bỏ những chi tiết thiết yếu. Người láng giềng nghĩ sao về lão Amberley và bà vợ? Về bác sĩ Ernest? Anh có hỏi thăm cô nhân viên bưu điện, vợ ông chủ tiệm tạp hóa gần đó không?

- Đúng là tôi đã không làm điều đó.

- Tôi nắm được vài điều thiết yếu. Tin tức thu lượm xác nhận lý lịch của ông lão. Ông ấy nổi tiếng là một người hà tiện, một người chồng thô bạo, khó tính. Chắc chắn ông ta có một số tiền lớn trong phòng kiên cố. Cũng đúng với sự thực là ông bác sĩ có chơi cờ với Amberley và chơi thân với vợ ông ta. Toàn chuyện thể đó, trơn tru, nhưng... nhưng...

- Anh còn thấy gì nữa?

- Trĩ tôi đang làm việc... ừ... Thôi tạm ngừng, Watson à. Tối nay chúng ta hãy đi nghe nhạc.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm. Trên bàn đã có sẵn một tờ giấy v nguệch ngoạc: "Watson thân mến! Có một vài điểm tôi cần bàn lại với ông lão Josiah Amberley. Tôi mong anh rảnh lúc 15 giờ vì tôi cần anh vào giờ đó! S.H."

Tới giờ hẹn, tôi mới gặp lại Holmes. Anh ta về nhà với vẻ mặt nghiêm nghị, ưu tư.

- Ông Amberley có đến không?

- Không.

- Vậy mà tôi đợi ông ta.

Một chập sau, ông già đó tới với vẻ mặt khắc khổ, mệt lả và bối rối.

- Tôi nhận được một điện tín, ông Holmes à. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Ông ta đưa cho Holmes xem.

Holmes đọc lớn:

“Tới ngay, đừng chậm trễ. Tôi có thể cho tin về sự mất mát mới đây của ông.

Elman, nhà thờ chánh xứ”.

- Điện tín đánh đi từ Little Purlington; lúc 14 giờ 10. Little Purlington thuộc quận Essex, hình như gần Frinton. Amberley, ông phải đi ngay. Cuốn danh mục của tôi đâu rồi? Đây, có rồi! J.C. Elman, cao học, ngụ tại Mossmoor, thuộc Little Purlington... này, Watson, xem giùm lịch trình xe lửa.

- Có một chuyến lúc 17 giờ khởi hành từ ga Liverpool.

- Tốt Watson nên đi theo ông. Có thể ông cần người giúp đỡ.

Nhưng ông già có vẻ không muốn lên đường, ông ta nói:

- Thật là phi lý, ông Holmes à. Người đó làm sao biết được tai họa của tôi? Ai lại tốn thì giờ và tiền bạc một cách vô lối như thế!

- Nếu không có tin mới lạ, ông ấy đánh điện cho ông liên hồi âm cho biết.

- Ông sẽ lên đường ngay?

- Chưa chắc tôi đi đâu - Holmes ra vẻ nghiêm khắc: - Ông sẽ làm cho cảnh sát và tôi có cảm tưởng không hay về ông, ông Amberley. Đã có một lối mòn rõ ràng mà ông từ chối lần theo. Chúng tôi nghĩ rằng ông không muốn cuộc điều tra kết thúc chẳng?

Amberley tỏ vẻ hoảng sợ:

- Ô, đương nhiên phải đi. Thoạt nhìn thì khó tin một linh mục lại biết chuyện này nọ, nhưng nếu ông cho là...

- Tôi cho là như vậy! - Holmes trịnh trọng cắt ngang. Rồi anh kéo tôi qua một bên và căn dặn.

- Điều cần yếu là ông ta phải lên đường! - Holmes thì thầm với tôi - Nếu ông ta muốn trốn hoặc bỏ về thì anh chạy ngay tới bưu cục gần nhất gửi gọn cho tôi 2 chữ “vọt rồi”. Tôi sẽ thu xếp cho ông ta phải tìm tôi.

Little Purlington nằm trên một đường phụ nên không phải là chỗ dễ đến. Trời đẹp, ấm, xe lửa chạy rề rề. Bạn đồng hành của tôi không nói năng, chỉ thỉnh thoảng chua cay nhận xét chuyến đi ngu xuẩn. Chúng tôi lại phải thuê xe ngựa tới nhà linh mục chánh xứ, cách ga 2 dặm. Chúng tôi được một tu sĩ bề vế và trịnh trọng đón tiếp. Bức điện hồi âm của chúng tôi còn để trên bàn.

- Thưa quý ông! - ông ta hỏi - Chúng tôi có thể làm gì để giúp quý ông?

Tôi giải thích :

- Chúng tôi đến theo lời mời của bức điện của linh mục!
- Bức điện của tôi? Tôi đâu có đánh điện cho quý ông?
- Tôi muốn nói bức điện linh mục gửi cho ông Josiah Amberley về việc người vợ và tiền của ông ta.
- Đây là một trò đùa khiếm nhã. Tôi không bao giờ nghe đến tên anh chàng đó và tôi không hề đánh điện tin cho ai cả

Chúng tôi nhìn nhau một cách ngạc nhiên:

- Có thể có sự lầm lẫn! - Tôi nói - Có thể nào ở đây có hai nhà thờ chánh xứ không? Thừa linh mục, đây là bức điện mà chúng tôi nhận được, người ký tên là Elma.
- Chỉ có một nhà chánh xứ và một linh mục chánh xứ duy nhất. Bức điện này là một sự giả mạo đáng tởm, tôi sẽ kiện ra cảnh sát.

Ông lão Amberley và tôi trở lại con đường chính của làng, có lẽ đó là con đường cổ nhất của Anh quốc. Chúng tôi tới bưu cục nhưng đã đóng cửa. Nhờ điện thoại trong quán nhỏ trước ga, tôi liên lạc được với Holmes.

- Kỳ quá - Tiếng nói từ xa xô dội vào tai tôi - Cực kỳ lý thú! Watson thân mến, tối nay không có xe lửa, vô tình tôi đẩy anh vào một quán trọ đồng quê. Nhưng anh có thiên nhiên và Amberley thì cũng được rồi.

Tôi nghe tiếng Holmes cười và gác máy. Qua chuyến đi này, tôi thấy rằng lời đồn ông lão này hà tiện quả không ngoa. Ông ta cần nhằn về các khoản chi phí cho chuyến đi, lại còn kể về chi phí quán trọ. Khi về tới London, tôi nói với ông ta:

- Chúng ta nên ghé qua phố Baker, Holmes có cần hỏi ta điều gì thêm không?
- Nếu đó là những chỉ thị cuối cùng thì tôi thấy cũng chẳng ích lợi gì! - Amberley vừa nói vừa cười chế nhạo.

Tuy vậy, ông ta vẫn đi theo tôi. Tôi đã đánh điện báo cho Holmes giờ về, nhưng tôi lại nhận được hồi âm: “Anh hãy đợi tôi tại Lewisham”.

Tôi như bị rơi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Tại phòng khách của nhà ông Amberley lại có thêm một người đàn ông với khuôn mặt nghiêm trọng, lạnh nhạt ngồi cạnh. Ông ta mang kính râu và cà-vạt mang kẹp của hội Tam điểm.

- Tôi xin giới thiệu ông Barker. - Holmes nói - ông Josiah Amberley à, ông ta cũng quan tâm đến công việc của ông. Chúng tôi tuy hoạt động riêng rẽ nhưng cùng muốn hỏi ông một điều.

Ông lão ngồi xuống một cách nặng nề, cảm thấy một nguy hiểm gần kề.

- Điều gì vậy, ông Holmes?

- Chỉ điều này thôi, ông đã vứt mấy cái xác chết đi đâu?

Lão ta nhảy dựng và la lên. Hai bàn tay xương xẩu huơ huơ trong không trung, miệng há hốc. Trong một thoáng, chúng tôi thấy rõ chân tướng của Josiah Amberley. Khi ngồi lại xuống ghế, ông ta lấy tay che miệng như muốn chặn đứng một cơn ho. Holmes đột nhiên nhảy lên như con cọp, nắm cổ họng ông ta, đè cổ, chân cho đến lúc mặt ông ta chạm sàn nhà. Một viên thuốc màu trắng từ miệng ông ta lọt ra.

- Không có chuyện ấy được, ông Josiah Amberley à! Sự việc phải theo tiến trình tự nhiên và đều đặn. Sao, Barker?

- Một xe ngựa đang chờ ngoài cổng! – Barker trả lời.

- Chúng ta cách bót cảnh sát chỉ vài trăm yard thôi. Tôi đi theo ông ra đó. Còn Watson, anh ở lại đây, nửa giờ sau tôi trở lại.

Một lát sau Holmes quay lại với một thanh tra trẻ.

- Tôi để cho Barker lo làm thủ tục. Watson, anh chưa biết ông Barker. Đó là một đồng nghiệp tài danh của tôi ở duyên hải Surrey. Khi anh nói về một người da nâu, cao ráo, tôi đã biết ngay là ai rồi. Ông ấy có nhiều thành tích đẹp, phải không, ông thanh tra?

- Ông ấy đã góp phần vào nhiều vụ. - Viên thanh tra trả lời dè dặt.

- Đúng, các phương pháp của ông ta không chính quy. Cách làm việc của tôi cũng tương tự. Nhưng, đôi khi bọn này cũng hữu dụng đấy chứ? Ông thì muốn phải báo cho lão biết theo nghi thức, nhưng với thằng ăn cướp đó thì làm gì được một lời đầu thú?

- Có lẽ là không. Nhưng sau cùng cũng đạt mục đích. Ông vui lòng cảm thông với chúng tôi.

- Tôi sẽ không dành ông đâu, ông MacKnon à. Tôi đoán chắc với ông rằng tôi xin rút lui, ông Barker cũng chỉ làm theo chỉ thị của tôi thôi.

Viên thanh tra cảnh sát có vẻ nhẹ nhõm.

- Ông quả là hào phóng, ông Holmes. Có lẽ lời khen hay chê đối với ông không quan

trọng. Nhưng đối với chúng tôi thì khác hẳn, khi mà báo chí bắt đầu tung tin ra.

- Đồng ý. Báo chí cũng sẽ phỏng vấn, ta nên chuẩn bị các lời đáp. Ông sẽ nói gì khi họ hỏi cái mẩu chốt nào khiến ông ngờ vực và cuối cùng ông đã đề ra được một giả thiết.

Viên thanh tra lúng túng:

- Hình như chúng ta chưa nắm chi tiết cụ thể, ông nói rằng trước mặt ba nhân chứng, tội phạm gần như đã thú nhận, qua việc mưu toan tự sát sau khi đã giết đôi gian phu dâm phụ.

- Ông có những sự kiện nào khác? Ông có dự trù một sự lục soát chưa?

- Ba cảnh sát viên đang trên đường đi tới hiện trường.

- Như vậy thì không bao lâu nữa, ông sẽ có mọi chứng cứ. Các xác chết có thể được chôn quanh quần đầu đó. Hãy lục dưới hầm rượu, ngoài vườn. Nhà này cổ lỗ quá, có thể được xây trước khi có nước máy. Thành ra xem đầu đó có cái giếng bỏ hoang. Hãy thử thời vận về các hướng đó!

- Nhưng làm sao ông đoán được cái cách mà tội ác đã được diễn ra?

- Trước hết, xin nói với ông về lão già Amberley này. Một kẻ quái đản đến nỗi tôi cho rằng nên cho lão vào nhà thương điên hơn là đưa đi chém. Lão là một tên hà tiện kinh khủng. Cái nhỏ nhen của lão đã biến vợ lão thành miếng mồi ngon cho bất kỳ một tên sở Khanh nào; và viên thầy thuốc mê cờ đến đúng lúc. Amberley đánh cờ có hạng, nên lão có một trí thông minh đủ sức nghĩ ra các mưu mô khủng khiếp. Giống như các lão già hà tiện khác, lão ghen dữ dội. Khi lão già ngờ có một mối tình bất chính, lão quyết định phục thù và lập một kế hoạch cực kỳ quỷ quyệt. Hãy đi theo tôi !Holmes đưa chúng tôi vào hành lang. Anh đi quen thuộc như người trong nhà rồi ngừng trước chiếc cửa mở toang của căn phòng kiên cố.

- Trời ơi! Mùi sơn khó chịu quá! - Viên thanh tra nói lớn.

- Ông vừa gặp cái nút đầu tiên! - Holmes nói - Ông có thể cảm ơn bác sĩ Watson là người đã để ý đến cái mùi này. Tại sao trong lúc gia đình rối ren mà hắt lại cho tôi cái mùi nồng nặc này? Dĩ nhiên là để khóa lấp một mùi khác, mùi tội lỗi, một mùi gợi sự ngờ vực. Rồi tôi suy nghĩ về căn phòng này. Một căn phòng không ai khác vào được. Tôi chỉ giải đáp sau khi thân hành khám nghiệm căn phòng. Sở dĩ tôi cho rằng vụ này rất nghiêm trọng vì tôi đã hỏi thăm rạp hát Haymarket và biết chắc chắn số 30 và 32 của dãy B thượng hạng không có ai ngồi đêm đó cả.

Như vậy Amberley đâu có đi xem hát. Lão đã ngu dại lộ cho anh bạn Watson biết số ghế của vé còn lại. Vấn đề là làm sao chui vào nhà của lão. Tôi đã sai một nhân viên khác đi thám hiểm. Tôi đã nhờ bác sĩ Watson dẫn ông ta đi xa qua đêm. Tên của ông

linh mục chánh xứ thì chỉ lục trong danh mục nhà thờ. Rõ ràng, minh bạch chưa nào?

- Tuyệt vời! - Viên thanh tra nói.

- Không ngại gì nữa, tôi phá cửa mà vào nhà. Tôi khoái cái màn đào ngạch lăm, nhưng thỉnh thoảng mới làm một lần. Hãy quan sát những gì tôi phát hiện được.

Ông thấy cái ống dẫn khí đốt chạy dọc theo nẹp gỗ, ống này chạy vào phòng, đến cái hoa hồng giữa trần nhà. Bất cứ lúc nào, mở khóa thì phòng bị ngập khí đốt vì đầu ống trên trần không đậy nắp. Cửa lớn, cửa nhỏ mà đóng kín lại thì chỉ cần hai phút là đủ giết bất cứ ai ở trong phòng này. Do quỷ kế nào mà đôi tình nhân bị dụ vào đó thì tôi không rõ.

Viên thanh tra lò dò khám nghiệm ống ga một cách thích thú.

- Một nhân viên của chúng tôi có ghi nhận mùi ga. - ông ta nói. - Nhưng lúc ấy cửa đã mở toang và việc quét sơn đã bắt đầu rồi. Theo lão già thì công việc bắt đầu từ hôm trước. Còn gì nữa, ông Holmes?

- Có một sự kiện bất ngờ. Rạng sáng, tôi chui cửa sổ nhà bếp ra thì bị một người chặn lại hỏi: "Này, anh chàng kia, anh tới đây làm gì?". Khi quay lại, tôi nhận ra đôi kính râm của Barker, người bạn đồng nghiệp của tôi. Chúng tôi cười sặc sụa. Tôi nghĩ rằng ông ta được gia đình bác sĩ Ray Ernest thuê và trong lúc dò la đã đi đến kết luận y hệt. Ông ta canh ngôi nhà này đã mấy ngày, làm tưởng bác sĩ Watson là tông phạm. Nghi ngờ, nhưng không có cơ để hỏi han; còn gặp tôi nhảy cửa sổ thì thộp ngay. Tôi thông báo các phát hiện của tôi và hai chúng tôi hợp tác để sớm hoàn tất nội vụ.

- Tại sao không hợp tác với chúng tôi?

- Tại vì tôi muốn làm cái thí nghiệm nhỏ nhoi. Quý vị đâu chịu đi "ngoài lề" như tôi!

Viên thanh tra cười mỉm.

- Chúng tôi đâu dám từ chối ông. Chúng tôi xin tất cả các kết quả. Và xin cảm ơn ông nhiều.

- Đương nhiên! Thói quen của tôi mà!

- Thưa ông Holmes, nội vụ cho ông trình bày là sáng tỏ rồi, chỉ còn phải tìm cho ra các xác chết.

- Tôi sẽ chỉ cho ông một chút bằng chứng - Holmes nói tiếp - Tôi chắc chắn rằng cả lão Amberley cũng chưa thấy. Ông thanh tra à, ông sẽ thu lượm được kết quả nếu ông "suy bụng ta, ra bụng người", ông sẽ làm gì nếu ông lọt vào tình huống tương tự như cặp nạn nhân kia? Ông chỉ còn hai phút để sống và để phục hận cái người đang chế

nhạo ông ở ngoài cửa? Ông sẽ làm gì?

- Viết một mẫu tin nhỏ.

- Đúng. Ông muốn rằng công chúng hay biết ông đã bị chết, ông hãy để ý những gì đã được viết trên tường. Nhìn kìa! “Chúng tôi đã...”. Chỉ bấy nhiêu thôi!

- Ông nghĩ gì về lời ghi này.

- Anh chàng đã nằm sóng soài, cách sàn nhà cả bộ, thoi thóp khi viết. Chưa hoàn tất thì đã tắt hơi!

- Anh ta muốn viết: “Chúng tôi đã bị ám sát”

- Tôi cũng hiểu như ông. Nếu mình tìm ra một cây viết chì đỏ ở các xác chết thì chúng ta càng rõ hơn.

- Ô, chúng tôi sẽ lục lạo cho tới kỳ cùng. Còn các chứng khoán? Đâu có bị mất cắp. Nhưng ông ta có chứng khoán đấy! Chúng tôi kiểm tra rồi.

- Tôi đoán chẵn với ông, lão già giấu chúng nơi an toàn rồi. Khi mọi sự rơi vào quên lãng, lão sẽ đột ngột tìm ra và nói láo rằng đôi gian phu dâm phụ vì ăn năn đã gửi trả.

- Ông có lời giải đáp cho mọi thắc mắc. - Viên thanh tra nói - Đương nhiên lão sẽ khai báo với chúng tôi. Nhưng, tôi thắc mắc tại sao lão lại nhờ đến ông?

- Vì tự kiêu vụn vặt! - Holmes đáp - Lão tự cho là mình khôn ngoan, không ai vượt được trí lão. Lão có thể khoác lác với hàng xóm rằng, lão đã ra tới cảnh sát thám tử đủ cả.

Viên thanh tra cười to tiếng.

- Quả thật ông là một kỳ tài!

Hai hôm sau, Holmes đưa cho tôi tờ báo North Surrey Observer . Những tít nóng bỏng, khởi đầu là “Sự kinh hoàng tại biệt thự “Haven” và kết thúc bằng “Một thành công rực rỡ của cảnh sát”. Một cột dài chữ lí nhí kể lại các sự kiện theo thứ tự thời gian. Và đoạn chốt: “Sự bén nhạy tuyệt vời giúp thanh tra phân biệt mùi nước sơn với một mùi khác, mùi khí thấp chẳng hạn. Sự bạo dạn suy đoán rằng cái phòng kiên cố cũng có thể là phòng tử thần. Cuộc điều tra sau đó đưa tới việc tìm ra xác chết trong một cái giếng bỏ hoang được che lấp dưới một cái nhà kho. Tất cả các điểm đó giúp minh họa trí thông minh tuyệt vời của các thám tử chuyên nghiệp”.

- Tốt, Tốt, MacKinnon là người bạn tốt, - Holmes nói với nụ cười khoan dung – Anh có thể sắp xếp vụ này vào nó trong những hồ sơ lưu trữ được rồi đấy, Watson à.

Hết